

18+

#1 NEW YORK TIMES BESTSELLER

GÃ HỀ MA QUÁI



IT

STEPHEN
KING

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

Thương tặng các con cuốn sách này.

Mẹ tôi và vợ tôi chỉ tôi cách làm người quân tử.

Còn các con chỉ tôi cách sống tự do.

NAOMI RACHEL KING mười bốn tuổi;

JOSEPH HILLSTROM KING mười hai tuổi;

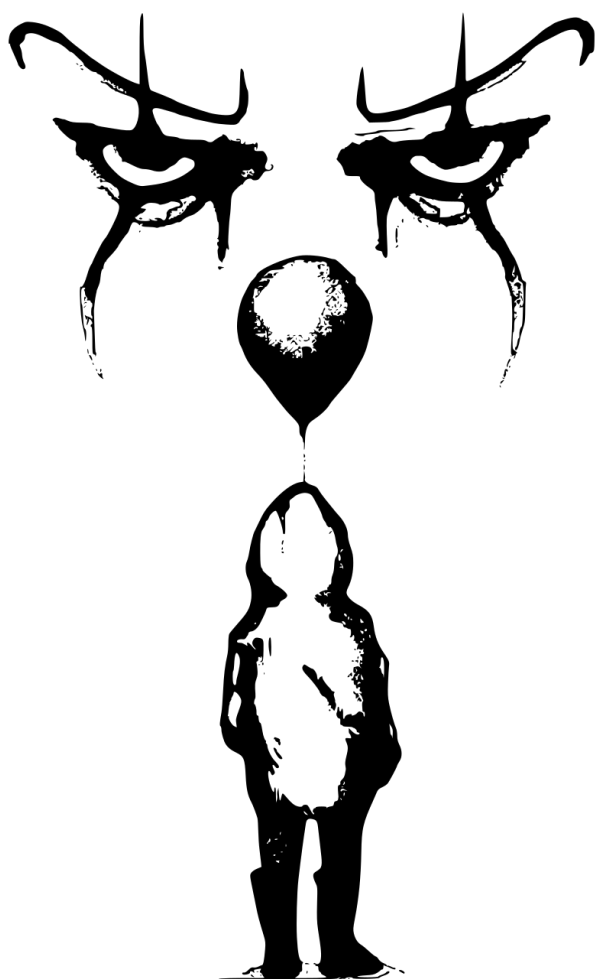
OWEN PHILIP KING bảy tuổi.

Các con, tiểu thuyết là sự thật ẩn trong đối trá, và sự thật của cuốn tiểu thuyết này chân phương đến vô cùng: *trên đời luôn có điều kỳ diệu.*

SK



BÓNG ĐEN NGÀY XUA





THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

CHƯƠNG 1

SAU CON LŨ (1957)

1

Theo những gì tôi biết và còn nhớ, nỗi sợ hãi dai dẳng suốt hai mươi tám năm ấy bắt đầu với một chiếc thuyền giấy bị cuốn trôi xuống rãnh nước ùng ục trong cơn mưa.

Con thuyền dập dềnh nghiêng ngả, đoạn cân bằng trở lại, trồi sụp đầy bản lĩnh lướt trên những xoáy nước hiểm ác, cứ thế trôi thẳng xuống đường Witcham về phía đèn giao thông đánh dấu ngã tư giao giữa đường Witcham và đường Jackson. Chiều hôm ấy, một ngày thu năm 1957, ba thấu kính thẳng đứng trên cột đèn giao thông đầu tắt ngúm, nhà cửa cũng tối thui. Mưa dầm dề hơn một tuần nay, và mới hai ngày trước còn xuất hiện cả gió lốc. Phần lớn thị trấn Derry rơi vào tình trạng mất điện, chưa biết khi nào mới có trở lại.

Đứa bé trai trùm áo mưa vàng và mang ủng đỏ háo hức chạy theo chiếc thuyền giấy. Mưa chưa ngừng hẳn nhưng cũng đã ngớt. Mưa rơi rả rích xuống chiếc mũ vàng của cậu bé, tựa hồ tiếng mưa lộp độp trên mái nhà... một âm thanh dễ chịu, gần như thân thuộc. Cậu bé ấy là George Denbrough, năm ấy lên sáu. Anh hai cậu là William, với biệt danh mà đứa trẻ nào ở trường Tiểu học Derry (và cả thầy cô, nhưng các vị này không bao giờ sẵn sàng gọi cậu như thế) cũng biết là Bill Cà Lắm, lúc đó đang ở nhà, bị trận cúm hành cho ra bã. Mùa thu năm 1957 ấy, tám tháng trước khi nỗi khiếp đảm trút xuống, hai mươi tám năm trước thử thách cuối cùng, Bill Cà Lắm tròn mười tuổi.

Bill là người gấp chiếc thuyền giấy mà George đang rượt theo. Cậu hí hoáy gấp lúc ng ồi trên giường, lưng tựa vào ch ồng gối, trong khi mẹ chơi bài *Für Elise* trên cây đàn piano ở phòng khách và mưa xối xả đập vào cửa sổ phòng ngủ.

Chừng ba phần tư quãng đường từ dãy nhà về phía ngã tư đèn giao thông tối thui, đường Witcham bị chặn bằng đèn đỏ dài cỡ lớn và bốn giá cửa màu cam để ngăn không cho xe cộ lưu thông. Mọi giá cửa đều được in dòng chữ Bộ phận công trình công cộng Derry. Phía sau, mưa ồng ộc trào ra khỏi rãnh nước bị tắc do cành cây, đá và những ụ lá khô ng ồi ng ọt. Ban đầu, nước chỉ phụt lên từ những lỗ con con trên mặt đường, nhưng sang ngày thứ ba của đợt mưa, nó khiến nhựa đường bật lên từng mảng. Đến trưa ngày thứ tư, những mảng lớn trôi ào ào xuống ngã tư đường Jackson và đường Witcham như những chiếc bè tí hon trong cơn nước trắng xóa. Lúc này, nhiều người dân Derry bắt đầu sốt ruột, dù ngoài miệng còn bông đùa khéo phải xây tàu ngăn trận đại hồng thủy như trong Kinh Thánh. Bộ phận công trình công cộng vẫn cho người dân qua lại lối đường Jackson, nhưng Witcham thì bị chặn đường vào trung tâm thị trấn bằng giá cửa.

Nhưng mọi người đều cho rằng đi đầu t ối tệ nhất đã qua. Nước sông Kenduskeag chỉ dâng lên mấp mé bờ Bãi Đất, cách mặt xi măng của Kênh Đào dẫn nước quanh co qua phố chừng chục phân. Lúc này đây, một toán thanh niên trai tráng, trong đó có Zack Denbrough, bố của George và Bill, đang hối hả dỡ những bao cát họ mới chất ngày hôm trước. Hôm qua, nước tràn đê cùng lũ quét qua nên tổn thất là đi ều không thể tránh khỏi. Mà thực là thế, tình trạng này từng xảy ra ở trận lũ năm 1931 là một thảm họa gây thiệt hại hàng triệu đô-la và cướp đi hơn hai mươi mạng người. Dù chuyện xảy ra đã lâu, nhưng nhiều người vẫn nhớ như in để kể lại làm ai

nấy đầu hải hùng. Một trong những nạn nhân bị trôi tận bốn mươi cây số lên phía Đông, về Bucksport. Người đàn ông rủi vận này bị cá rửa sạch hai mắt, ba ngón tay, dương vật và gần hết bàn chân trái. Cánh tay nham nhở của ông vẫn nắm chặt vô lăng chiếc xe Ford.

Tuy nhiên hiện giờ, nước sông đang rút, và khi đập Bangor Hydro đi vào hoạt động trên thượng nguồn, con sông sẽ không còn là mối đe dọa. Hoặc chí ít đó là những gì Zack Denbrough, nhân viên của Nhà máy Thủy điện Bangor, cho hay. Những thứ khác, chà, mấy cơn lũ trong tương lai là dăm ba chuyện vặt. Chỉ cần cẩn thận đi qua con trăng này, đợi có điện trở lại, rồi quên bằng nó đi. Dân Derry rất giỏi xóa bỏ bi kịch cũng như tai ương ra khỏi ký ức của mình, rồi chẳng bao lâu sau, Bill Denbrough cũng sẽ phát hiện khả năng ấy nơi bản thân thằng bé.

George dừng lại ngay bên kia giá cửa, sát rìa một khe nứt sâu trên lớp nhựa đường bị bể ở đường Witcham. Khe nứt bề ngoặt theo đường gấp khúc xuống dưới con dốc tí bên kia đường, cách chỗ thằng bé đang đứng hơn chục mét về phía bên phải. Cậu cười giòn giã – tiếng cười thích thú của cậu bé con chạy hồ hởi chơi một mình trong buổi chiều âm u ấy – khi khúc quanh của con nước ào ào chảy cuốn chiếc thuyền giấy của cậu vào ghềnh thác thu nhỏ hình thành do mặt đường nhựa bị bể. Dòng nước siết xói vào đất tạo thành rãnh dọc theo khe nứt khúc khuỷu, đưa chiếc thuyền chu du từ phía bên này đường Witcham sang phía bên kia, và nước chảy nhanh đến nỗi George phải ba chân bốn cẳng chạy theo mới kịp. Nước bắn tung tóe từ dưới ủng thằng bé tạo thành những vệt bùn. Nút cài ủng phát ra tiếng leng keng thật vui tai khi cậu chạy tung tăng về phía cái chết kỳ khôi của mình. Trong khoảnh khắc ấy, lòng cậu trào dâng cảm giác yêu thương chân phương dành cho Bill, anh trai mình... yêu thương kèm theo chút

nuối tiếc khi Bill không thể tận mắt chứng kiến khung cảnh này và hòa mình vào nó. Tất nhiên, cậu định sẽ kể lại cho anh hai nghe sau khi trở về nhà, nhưng cậu biết mình không giỏi dùng từ ngữ để giúp Bill chiêm ngưỡng cảnh tượng này bằng tưởng tượng, trong khi nếu đổi vị trí, Bill sẽ mô tả thật sống động để cậu em trai của mình có thể mường tượng trong đầu. Bill đọc, viết rất giỏi, nhưng ngay cả ở tuổi này, George cũng đủ khôn ngoan để biết rằng đó không phải lý do duy nhất lý giải tại sao Bill lúc nào cũng nhận được điểm A trong sở liên lạc, hoặc tại sao thầy cô lại thích văn anh viết đến thế. Kể chuyện chỉ là một phần, biệt tài của Bill là quan sát.

Con thuyền gần như rút lên, xé nước băng băng, dù nó chỉ là một trang báo trong mục rao vặt được xé ra từ tờ *Derry News*, nhưng trong mắt George lúc này, nó giống như con thuyền FT trong một bộ phim chiến tranh, như những chiến hạm mà thỉnh thoảng cậu nhìn thấy trong Rạp Derry cùng anh Bill vào những suất chiếu phim sáng thứ Bảy. Bộ phim chiến tranh trong đó John Wayne đánh nhau với quân Nhật. Mũi con thuyền giấy rẽ làn nước sang hai bên trong khi tiếp tục tiến lên, rồi trôi tới rãnh nước phía bên trái đường Witcham. Ở chỗ đó, một dòng nước con con chảy ào ào tràn qua phần nhựa đường bị vỡ, tạo thành một xoáy nước tương đối lớn, và thằng bé đoán khéo có khi chiếc thuyền sẽ bị nhấn chìm, lật úp mất. Nó nghiêng ngả đầy báo động, nhưng rồi George lại được dịp hò reo khi nó vững trở lại, uốn lượn và tiếp tục lao như bay xuống ngã tư. George co giò đuổi theo. Trên không trung, cơn gió dữ tháng Mười xé toạc cây cối, giờ trụ lại sau khi cơn bão kinh hoàng nhất năm cuốn phăng hết những chiếc lá rụng rõ sắc thu.

2

Bill nằm trên giường, hai má vẫn ửng đỏ vì sốt (được cái cơn sốt của

thằng bé cũng sớm hạ như nước sông Kenduskeag). Cậu đã gấp xong con thuyề, nhưng khi George đòi với lấy, Bill giơ lên cao tránh xa tầm với của em trai mình. “Đ-đi lấy cho anh s-s-sấp nển.”

“Nó là gì ạ? Để đâu hả anh?”

“Em đi x-xuống hần là thấy, nó ở trên k-k-kệ,” Bill hướng dẫn. “Trong cái hộp đêchữ V-v-vin... Vịn. Mang nó lên đây cho anh, kèm một con dao và một c-cái tô. Thêm cả một h-hộp d-d-diêm nữa.”

George ngoan ngoãn làm theo lời anh. Cậu có thể nghe thấy tiếng dương cầ của mẹ, lần này không phải *Für Elise* mà là một bản gì đấy cậu không khoái lắm – bởi bản nhạc này nghe vừa chói tai vừa kiêu cách; cậu có thể nghe thấy tiếng mưa lộp độp đập vào cửa sổ nhà bếp đầu đầu. Tiếng mưa dễ chịu làm sao, nhưng việc phải mò xuống hần không dễ chịu chút nào. Cậu không thích tầng hần, cũng chẳng ham hố gì bước chân xuống các bậc cầ thang, bởi cậu lúc nào cũng tưởng tượng trong bóng tối có thứ gì đó lớn vờn. Tất nhiên, đi đầu đó nghe thật ngớ ngẩn, cả bố, mẹ và nhất là anh Bill đầu nói vậy, biết là thế, song...

Cậu bé thậm chí còn không thích mở cửa để bật đèn, vì lúc nào cậu cũng mừng tượng ra một viễn cảnh - nghe thiếu muối khùng khiếp nên cậu chẳng dám hé răng với ai - rằng trong khi cậu rờ rẫm công tắc điện, một bộ móng vuốt đáng tởm sẽ êm ru chạm lên cổ tay... đoạn kéo cậu vào màn đêm ngai ngái mùi đất, rêu mốc và rau củ thối.

Vớ va vớ vẩn! Làm quái gì có sinh vật nào khắp người lông lá, móng vuốt nhọn hoắt, chực chờ giết người kia chứ. Thịnh thoảng vẫn có kẻ phát rờ và giết người hàng loạt – như phát thanh viên Chet Huntley hay thông báo trên bản tin buổi tối – nhưng trong tầng hần nhà họ thì không thể có con quái vật nào. Ấy thế mà tưởng tượng nọ vẫn cứ lớn vờn trong đầu cậu.

Trong những khoảnh khắc dài thiên thu khi cậu phải mò mẫm công tắc bằng tay phải (tay trái nắm lấy khung cửa không thể nào chặt hơn), mùi của tầng hầm dường như càng xộc lên, bao trùm khắp nơi. Mùi đất, mùi rêu mốc và rau củ thối hòa quyện thành thứ mùi hồ lổn không lẫn vào đâu được, thứ mùi xú uế của quái vật, chúa tể của mọi quái vật. Đó là mùi của thứ mà thằng bé chẳng biết gọi tên: mùi của Nó, lấp ló, ẩn hiện và sẵn sàng nhào đến. Thứ sinh vật ngẫu nhiên tất cả nhưng khoái khẩu nhất là thịt trẻ con.

Sáng hôm đó, cậu bé mở cánh cửa và mò mẫm mãi mà chẳng thấy công tắc đâu, cậu vịn chặt khung cửa trong tay, mắt nhắm nghiền, đầu lười hơi thè ra nơi khoe miệng như một nhành rẽ con kiết cùng đang tìm kiếm chút nước giữa khô hạn. Vui nhỉ? Chắc vui! Chuẩn rồi! *Xem này kìa, Georgie! Bóng tối mà cũng sợ! Đồ trẻ con!* Tiếng dương cầm réo rắt từ gian phòng mà bố gọi là phòng khách còn mẹ nhất nhất gọi là phòng chính. Điệu nhạc như vẳng lại từ một thế giới khác, thật xa xôi, tựa hồ một người rã rời vì bơi nay nghiêng ngả dưới cơn sóng dữ, thấy tiếng cười đùa trên bãi biển chập như nện vào mùa hè sao dường như hư như ảo.

Ngón tay của thằng bé sờ tới công tắc rồi! A! Đây rồi! Cậu bật đánh tách...

... Nhưng chẳng thấy sáng. Không đèn đuốc gì.

Ôi chết thật! Cúp điện!

George giật tay lại như thể vừa chạm vào một rễ nhung nhúc rần. Cậu bé lùi khỏi cánh cửa tầng hầm dường ngủ, tim đập điện cuồn cuộn trong lồng ngực. Tất nhiên là cúp điện, cậu quên bấm mất đi đâu đó. Ôi trời ơi! Làm sao đây? Quay lại và nói với anh Bill rằng cậu không lấy được hộp sấp nên vì cúp điện và cậu sợ sẽ có thứ gì đó vồ lấy mình lúc cậu đứng trên bậc thang của tầng hầm, thứ gì đó không phải một kẻ giết người hàng loạt mà

là một sinh vật hiểm ác hơn bội phần ư? Rằng thứ đó sẽ vươn một phần thịt thà thối rữa của mình, trườn lên cầu thang và tóm lấy mắt cá chân cậu? Nghe thế cũng khiếp nhỉ? Những người khác sẽ phá lên cười trước trí tưởng tượng bay xa của cậu, nhưng còn lâu anh Bill mới cười. Anh ấy sẽ nổi khùng và mắng cậu cho mà xem, “Bớt trẻ con đi, Georgie... Thế em có muốn chiếc thuyền này không?”

Tựa như suy nghĩ ấy cũng nhen nhóm sang Bill, cậu nói vọng xuống từ phòng ngủ của mình: “Em ng-ng-ngủm củ tỏi dưới đây rồi hả, G-Georgie?”

“Không, em đang lấy đây,” George mau miệng đáp lại. Cậu bé xoa xoa hai cánh tay cho bao nhiêu da gà da vịt lặn bớt và da mịn màng trở lại. “Em mới uống miếng nước.”

“Ừ, nh-nhanh lên!”

Thế là thằng bé bước bốn bậc cầu thang nữa xuống thêm hầm, tim như cây búa nóng nện thành thịch trong cổ họng, tóc gáy dựng đứng, mắt nóng rát, tay lạnh ngắt, lo ngay ngáy cửa hầm sẽ tự động bất cứ lúc nào, chặn đứng ánh sáng lọt qua cửa sổ nhà bếp, và rồi thằng bé sẽ nghe thấy Nó, một thứ hãi hùng hơn mọi kẻ sát nhân trên thế gian này, hơn cả Attila Rợ Hung, hơn những thứ xuất hiện trong hàng trăm bộ phim kinh dị. Nó gầm gừ trầm đục - cậu bé sẽ nghe thấy tiếng gầm gừ ấy trong những giây bất loạn phát rồ trước khi con quái đó vồ lấy cậu và xé toạc lục phủ ngũ tạng của cậu.

Cơn lũ khiến tầng hầm có mùi nồng nặc hơn mọi khi. Ngôi nhà của gia đình George nằm ở vị trí cao trên đường Witcham, gần đỉnh đồi, và nước tuy đã rút bớt nhưng dưới trũng vẫn có rất nhiều nước đọng, thấm qua các tầng đá cũ. Thứ mùi vừa nặng vừa khó chịu, khiến ta chỉ muốn thở nồng

thật nông.

George lần mò đồng tả pín lù trên kệ với vận tốc tên lửa: dăm ba hộp xi đánh giày hiệu Kiwi kèm miếng chùi giày, một ngọn đèn dầu đã bể, hai chai xịt kính hiệu Windex gần hết, một lon sáp đánh bóng xe hơi hiệu Turtle cũ. Chẳng biết ma xui quỷ khiến thế nào, thằng bé ngáy người nhìn chằm chằm hình con rùa trên nắp lon như bị thôi miên suốt gần ba mươi giây. Đoạn cậu ném nó lên kệ... và đây rồi, cuối cùng cũng tìm thấy, chiếc hộp vuông với chữ Vịnh bên trên.

George chớp lấy nó, đoạn phi như bay lên cầu thang, nhưng bỗng dừng cậu điếng người nhận ra mình không đóng thùng áo sơ-mi, và cậu dám chắc đuôi áo chính là điểm chí tử của mình: thứ trong hần sẽ để cậu gần thoát thân ra ngoài, đoạn chớp lấy đuôi áo và kéo vạt cậu lại và...

Lên đến nhà bếp, cậu sập cửa sau lưng. Cửa kêu rần một tiếng đinh tai nhức óc. Cậu tựa lưng lên cửa, mắt nhắm nghiền, mồ hôi trên tay và trán túa ra, hộp sáp nến được giữ rịt trong tay.

Tiếng dương cầm ngưng bật, giọng mẹ lạnh lót vọng xuống: “Georgie, lần sau con đóng cửa mạnh hơn một chút được không? Khéo có khi sẽ vỡ được mấy cái đĩa trong tủ chén đấy.”

“Con xin lỗi,” thằng bé hét lên đáp lại.

“Georgie, đừng lèm lề,” Bill từ phòng ngủ kêu lên. Cậu gằn giọng thật thấp để mẹ không nghe thấy.

George hừ mũi cười khúc khích. Nỗi sợ của cậu bé đã biến mất; nó trôi tuột đi dễ dàng như cơn ác mộng phai nhạt khi ta tỉnh giấc, lạnh người và thở hồng hộc, thoát khỏi nanh vuốt của mộng mị khi ta cảm nhận được cơ thể mình, ngó nghiêng không gian xung quanh để đảm bảo không có bất cứ điều gì đã xảy ra, và ngay sau đó ta bắt đầu quên bằng nó đi. Một nửa cơn

ác mộng đã bay biến lúc chân ta chạm xuống sàn; ba phần tư bốc hơi sau khi ta tắm xong và lau người, toàn bộ tàn dư mất hẳn khi ta ăn sáng. Tất tần tật... cho đến lần kế tiếp, khi nanh vuốt của cơn ác mộng vồ lấy ta, mọi sợ hãi lại ùa về.

Con rùa ấy, George vừa đi đến ngăn kéo để diêm vừa ngẫm nghĩ. Mình từng thấy con rùa như vậy ở đâu rồi nhỉ?

Tiếc là cậu chẳng tìm được câu trả lời nào, thành thử cậu dẹp câu hỏi ấy sang một bên.

Cậu lấy hộp diêm từ ngăn kéo, một con dao trên giá (cẩn thận chĩa mũi dao tránh xa người mình như bố dạy), một cái chén con trong tủ chạn ở phòng ăn. Sau đó cậu trở lại phòng Bill.

“C-Cái thằng ăn hại đ-đái khai này, G-Georgie,” Bill nói, nhưng giọng không quá gay gắt, sau đó dẹp vài món đồ linh tinh trên chiếc bàn đầu giường qua một bên: một cái ly rỗng, một bình đựng nước, khăn giấy Kleenex, sách, một chai dầu Vicks VapoRub – suốt đời mình, Bill luôn gắn mùi dầu này với hình ảnh lồng ngực nặng nề, khọt khẹt và mũi đặc nghẹt. Có cả đài ra-đi-ô Philco cũ, nhưng nó không du dương nhạc Chopin hay Bach mà xập xình nhạc Richard Nhỏ Bé... tuy nhiên, âm lượng nhỏ thật nhỏ, khiến chất giọng của Richard Nhỏ Bé mất đi sự trầm vang đầy nội lực. Mẹ của hai cậu bé từng học piano cổ điển ở trường nhạc Juilliard và ghét dòng nhạc rock and roll. Nhưng không thích là một nhẽ, đằng này bà ghét cay ghét đắng nó.

“Em không ăn hại đái khai,” George cãi, ngồi trên mép giường của anh hai và bày biện những thứ mình vừa lấy được lên mặt bàn.

“Không có mới lạ,” Bill nói. “Em là thằng nhóc ăn siêu hại đái siêu khai.”

George thử tưởng tượng một thằng bé ăn siêu hại đá siêu khai là như thế nào rồi bắt đầu cười khúc khích.

“Em ăn hại đá khai hơn cả thành phố [Augusta](#) cộng lại.” Bill nói, cũng bắt đầu rình rích cười.

Một thành phố thuộc quận ở tiểu bang Georgia, Mỹ.

“Anh ăn hại đá khai hơn cả bang luôn ấy,” George ăn miếng trả miếng. Nói đến đây, hai cậu bé phá lên cười nắc nẻ gần hai phút.

Sau đó, chúng thì thầm với nhau, nhỏ tới mức chỉ có những thằng nhóc bé tí mới nghe thủng: chê bai ai là kẻ ăn hại nhất, ai đá khai nhất, ai vô duyên nhất, và đủ thứ trên trời dưới đất. Đoạn Bill phát ngôn một trong những từ cấm kỵ: cậu bé bảo George là thằng nhóc cắt đá nhất, để rồi hai anh em được dịp cười lăn cười bò. Bill cười đến mức ho sù sụ. Đến lúc cơn ho bắt đầu thuyên giảm (lúc ấy, Bill mặt đỏ tía tai, George nhìn mà sốt hết cả ruột), tiếng đàn dương cầm lại ngừng lại. Hai anh em cùng nhìn về phía phòng chính, nghe tiếng ghế nơi chiếc đàn bị đẩy ra, nghe tiếng bước chân mất kiên nhẫn của mẹ. Bill vùi miệng vào khuỷu tay, vừa nén những tiếng ho cuối cùng vừa chỉ vào bình nước. George vội rót nước vào ly để anh hai nốc ừng ực.

Tiếng dương cầm lại vang lên, vẫn là bản *Für Elise*. Bill Cà Lăm không bao giờ quên bản nhạc ấy, và dẫu bao năm trôi qua, nó đều khiến tay và lưng anh nổi da gà; khiến lòng anh chùng xuống quay quắt: *Mẹ đã chơi bản nhạc ấy vào ngày George qua đời.*

“Anh còn ho không, anh Bill?”

“Không.”

Bill rút một tờ Kleenex từ hộp, chà lên ngực, khạc đờm ra giấy, vò nát rồi vứt nó vào thùng rác đầy ụ những cục giấy tương tự để cạnh giường.

Đoạn cậu mở hộp sáp nến rồi bốc một cục sáp cho vào lòng bàn tay. George chăm chú theo dõi, nhưng không nói hay hỏi han gì. Bill chúa ghét George tía lia lúc cậu làm việc, nhưng George nghiệm ra một điều rằng nếu cậu im thin thít, anh hai sẽ tự động giải thích cho cậu anh đang làm gì.

Bill dùng dao cắt một miếng nhỏ từ khối sáp nến vừa lấy. Cậu đặt nó vào tô, đánh một que diêm và đặt diêm lên trên sáp nến. Hai cậu bé chăm chú quan sát ngọn lửa tí hon màu vàng trong lúc cơn gió suy yếu đưa mưa đập vào cửa sổ từng đợt ngắt quãng.

“Phải làm cho thuyền không thấm nước, nếu không nó sẽ bị ướt và chìm mất,” Bill giải thích. Khi ở bên cạnh George, cậu bớt nói lấp lửng – lắm lúc cậu còn nói trôi chảy. Tuy nhiên, ở trường học, cậu nói lấp lửng đến độ trò chuyện gần như là một vấn đề nan giải. Giao tiếp bị đứt đoạn, bạn học sẽ tăng lơ nhìn sang chỗ khác trong khi cậu ghì chặt mép bàn, mặt thiếu đi điều đồ lạng như mái tóc, hai mắt nhắm nghiền như đường chỉ khi cậu cố gắng bóp nặn một vài từ trong cổ họng bướng bỉnh của mình. Thỉnh thoảng - nhiều lúc - từ ngữ sẽ bật ra. Nhưng lắm dịp nó nhất quyết không chịu xuất hiện. Năm lên ba, cậu bị xe tông văng vào tường của một tòa nhà và bất tỉnh suốt bảy tiếng. Mẹ bảo tai nạn ấy khiến cậu bị nói lấp. Nhiều khi George có cảm giác bố cậu bé – và cả bản thân anh Bill – cũng chẳng rõ nguyên nhân là gì.

Miếng sáp nến trong chén chảy gần hết.

Lửa bập bùng lách tách, chuyển sang màu xanh lam khi cháy xuống que diêm rồi tắt ngóm. Bill nhúng ngón tay vào dung dịch, đoạn rút tay lại và khẽ rít lên. Cậu mỉm cười ngại ngùng trước em trai. “Nóng” cậu nói. Sau vài giây, cậu nhúng ngón tay vào và bắt đầu trét lớp sáp nến bên ngoài chiếc thuyền, sáp nhanh chóng khô lại thành thứ màu đục đục.

“Em làm được không?” George xin.

“Được. Nhưng đừng làm dây ra chần, nếu không mẹ sẽ giết em đó.”

George nhúng ngón tay vào sáp nến, lúc này rất ấm chứ không còn nóng nữa, sau đó bôi lên mặt thuyền bên kia.

“Đừng bôi nhiều quá, đồ đái khai!” Bill mắng. “Em muốn nó vừa ra khơi đã chìm nghỉm à?”

“Em xin lỗi.”

“Không sao. Làm từ từ thôi.”

George bôi sáp nốt mặt còn lại rồi nâng niu chiếc thuyền trong tay. Nó nặng hơn một chút, nhưng không nhiều. “Số dách,” cậu bé trầm trồ. “Em mang thuyền ra khơi nhé.”

“Ừ, em đi đi,” Bill nói. Bỗng dưng cậu thấy mệt, mệt và vẫn ốm trong người.

“Ước gì anh đi được với em,” George xì mặt. Mà cậu thực lòng nghĩ vậy. Anh Bill tuy hay sai vặt cậu nhưng lúc nào cũng nảy ra những ý tưởng tuyệt cú mèo và không khi nào mất chất. “Nó là *thằng* thuyền của anh mà.”

“Con thuyền” Bill chỉnh. “C-Con thuyền mới đúng.”

“Vâng, con thuyền.”

“Anh cũng ước mình có thể đi với em.” Bill nói với vẻ buồn rầu.

“Chà...” George nhấp nhồm hết chân này đến chân kia với chiếc thuyền trong tay.

“Em mặc áo mưa vào rồi hãy đi nhé,” Bill ôn tồn. “Nếu không sẽ dính c-cảm giống anh đấy. Mà có khi em cũng bị l-lây từ anh rồi ấy chứ.”

“Cảm ơn anh Bill. Thuyền đẹp quá trời.” Và cậu bé làm một hành động mà đã từ rất lâu rồi cậu không làm, hành động mà cả đời Bill sẽ không

quên: cậu rướn người thơm lên má anh trai.

“Giờ thì chắc chắn em dính cảm rồi đó, đồ đái khai,” Bill ngoài miệng thì cần nắn nhưng trông vui ra mặt. Cậu mỉm cười với George. “Với cả cất hết mấy thứ này đi. Kẻo mẹ lại cảm r-ràm.”

“Dạ.” Cậu bé thu dọn đồ dùng cụ chống nước và bước ra phòng, chiếc thuyền chênh vênh trên hộp sấp, hộp sấp lại đặt lệch trong cái chén con.

“G-Ge-George?” George quay lại nhìn anh hai. “C-Cẩn thận đấy.”

“Vâng.” Cậu khẽ cau mày. Thường thì mẹ mới là người nói thế, chứ anh hai chẳng dạn dò như vậy bao giờ. Nó cũng lạ lùng chẳng khác nào việc cậu thơm anh Bill. “Em biết rồi.”

Cậu bé rời nhà. Và Bill không bao giờ được gặp lại em trai mình nữa.

3

Lúc này đây, cậu bé đang tíu tít đuổi theo con thuyền ở mạn trái đường Witcham. Cậu chạy như bay, thế mà nước vẫn chảy nhanh hơn, đưa con thuyền của cậu băng băng rẽ sóng. Cậu nghe thấy tiếng nước ùng ục và về phía dưới dưới chừng năm mươi mét, nước trong rãnh xối xả như thác vào một cống thoát nước toang hoác. Cống có hình bán nguyệt, vừa to vừa tối như mực, ăn vào khúc quanh, và rồi George nhìn thấy một cành cây, đen óng và lấp lánh tựa da hải cầu, lao thẳng vào miệng cống. Khúc cây chững lại một lát rồi chui tọt vào trong. Chiếc thuyền của cậu cũng đang cầm đầu hướng về phía đó.

“Ồi, chết tiệt!” George thảng thốt.

Cậu bé guồng chân chạy, và trong khoảnh khắc, cậu cứ tưởng mình đã chộp được chiếc thuyền. Nhưng rồi cậu trượt chân, ngã sòng soài, đầu gối

bị trầy khiến cậu ré lên đau đớn. Giờ đây, với tầm mắt ngang mặt đường, cậu nhìn chiếc thuyền xoay vòng hai lần, trong giây lát bị cuốn vào một xoáy nước khác rồi lặn mất tăm.

“Ôi thôi, chết tiệt!” Cậu lại la lên, tay đập thùm thụp xuống vỉa hè. Đau quá, cậu bắt đầu sụt sùi. Sao mình lại đánh mất chiếc thuyền một cách ngớ ngẩn như thế chứ!

Cậu bé gượng dậy, bước về phía cổng thoát nước. Cậu quỳ gối xuống và nhìn vào. Nước ráo riết kêu sùng sục cuộn vào màn đêm tối tăm. Âm thanh nghe thật rộn người. Nó gọi cậu bé nhớ đến...

“Hù!” Âm thanh bất chợt phai nhạt đi, cậu bé giật mình lùi lại.

Hiện lên trong cổng là một cặp mắt sáng quắc: cặp mắt mà trước giờ cậu vẫn thường tưởng tượng mỗi khi xuống tầng hầm nhưng chưa lần nào thực sự trông thấy. *Một con vật*, tâm trí cậu cuống lên, *chỉ có thể là thế, một con vật nào đó, có lẽ là một con mèo mắc kẹt bên trong...*

Nhưng dù là gì, cậu sẵn sàng co giò chạy, bay biến ngay trong tích tắc, khi giây cốt trong đầu cậu xử lý xong cơn sững sờ mà cặp mắt vàng sáng quắc kia đem lại. Cậu bé cảm nhận lớp đá dăm ram ráp dưới tay, làn nước lạnh ngắt len lõi xung quanh. Cậu vừa đứng lên lùi lại thì bất chợt, từ trong miệng cổng thoát nước, một giọng nói – thứ giọng hết sức dễ chịu và du dương - vang lên.

“Chào, Georgie,” nó nói.

George chớp mắt nhìn lại. Cậu không tài nào tin vào mắt mình; mọi thứ tựa hồ câu chuyện giả tưởng, hoặc bộ phim mà trong đó những con vật biết nói và nhảy múa. Nếu cậu bé lớn hơn mười tuổi, còn khuya cậu mới tin cảnh tượng mình đang nhìn thấy, và cậu cũng chẳng phải mười sáu. Cậu bé mới sáu tuổi thôi.

Có một chú hề trong cổng thoát nước. Miệng cổng tối mù, nhưng vẫn có đủ ánh sáng để George Denbrough chắc chắn cảnh tượng mình đang nhìn thấy. Trước mắt cậu là một chú hề, giống như trong rạp xiếc hoặc trên ti vi. Nói đúng hơn, chú hề này trông hao hao Bozo và Clarabell, chú hề (hay cô hề nhỉ? – George chịu, chẳng biết đó là nam hay nữ) nói chuyện bằng cách thổi còi trên chương trình *Howdy Doody* phát mỗi sáng thứ Bảy - chẳng ai hiểu Clarabell nói gì ngoài bác Buffalo Bob, và lần nào xem George cũng cười thiếu đi đâu sái quai hàm. Gương mặt chú hề trong cổng trắng toát, quanh chiếc đầu hói có vài túm tóc đỏ trông đến ngộ, miệng toe toét nụ cười đặc trưng của hề. Nếu George còn sống tới năm sau, hẳn cậu bé sẽ liên tưởng đến chú hề Ronald McDonald trước khi nghĩ đến Bozo hay Clarabell.

Chú hề cặm trên tay một chùm bóng bay sắc sỡ, trông như thế quả chín mọng ngon lành.

Tay kia, chú cặm chiếc thuyền giấy của George.

“Cháu muốn lấy lại chiếc thuyền không, Georgie?” Chú hề mỉm cười.

George cười đáp lại. Cậu bé không cưỡng lại được, đó là nụ cười mà ta chẳng thể nào chối từ. “Dạ có,” cậu đáp.

Chú hề phá lên cười. “Dạ có. Cháu ngoan quá! Rất ngoan! Cháu có thích bóng bay không?”

“Dạ... Dạ có!” Cậu bé vươn tay tới... đoạn e dè rút lại. “Cháu không được nhận đồ từ người lạ. Bố cháu dặn thế.”

“Bố cháu dạy đúng mà,” chú hề trong miệng cổng trả lời với nụ cười trên môi. *Sao ban nãy mình lại nghĩ mất chú hề hàng quán được nhỉ*, George thầm nhủ. Đôi mắt chú hề lấp lánh màu xanh, giống mắt của mẹ và anh Bill. “Rất đúng là đằng khác. Vậy để ta giới thiệu nhé. Georgie, ta là

Bob Gray, hay còn gọi là Pennywise Chú hề Nhảy múa. Pennywise, đây là George Denbrough. George, đây là Pennywise. Giờ thì mình biết nhau rồi. Ta không còn xa lạ với cháu, cháu cũng không còn xa lạ với ta nữa. Đúng chứ?”

George cười khúc khích. “Dạ, chắc vậy.” Cậu bé lại đưa tay về phía trước... rồi lại rút tay về “Nhưng sao chú lại ở dưới đó?”

“Cơn bão cuốn phăng ta đi,” Pennywise Chú hề Nhảy múa nói. “Thôi bay cả rạp xiếc. Cháu có ngửi thấy mùi rạp xiếc không, Georgie?”

George rướn người về phía trước. Đột nhiên cậu bé ngửi thấy mùi đậu phộng! Đậu phộng rang thơm lừng! Và mùi giấm! Loại giấm trắng xịt lên khoai tây chiên! Cậu còn ngửi thấy cả mùi kẹo bông gòn, bánh rán, chút mùi phân động vật hoang tuy thoảng qua nhưng vẫn điếc cả mũi. Có cả mùi đặc trưng của mùn cưa trên đường. Chưa hết...

Tuy nhiên, lẫn khuất bên dưới là mùi của cơn lũ, đám lá mục và cống thoát nước tối tăm. Thứ mùi ẩm ướt và hư thối. Giống mùi dưới tầng hầm.

Nhưng hương thơm kia át hẳn tất cả mùi hôi.

“Chú cũng biết cháu ngửi thấy mà,” cậu bé thở thè.

“Cháu muốn lấy lại thuyền không, Georgie?” Pennywise hỏi. “Ta phải hỏi lại vì xem ra, cháu không ham lắm thì phải.” Chú hề mỉm cười giờ chiếc thuyền lên. Chú ta mặc bộ đồ bằng lụa thùng thình, với hàng nút rõ to màu cam. Chiếc cà vạt xanh sáng rực rỡ lung lẳng ở phía trước, hai tay mang găng trắng, cùng loại mà chuột Mickey và Vịt Donald luôn đeo.

“Dạ có.” George đáp, mắt dán vào cống thoát nước.

“Còn bóng bay thì sao? Chú có màu đỏ, xanh lá cây, vàng và xanh dương...”

“Chúng có *lơ lửng* không ạ?”

“*Lơ lửng* sao?” Nụ cười trên miệng chú hề nở rộng. “Ồ, có chứ. Chúng *lơ lửng*! Có cả kẹo bông gòn nữa...”

George với tay tới. Chú hề chớp lấy tay cậu.

Và George ngơ ngàng trước sự biến đổi trên khuôn mặt của chú hề

Thứ phản chiếu trong mắt cậu kinh hoàng đến độ những đi đầu gớm guốc nhất cậu tưởng tượng về thứ dưới tầng hầm chẳng khác nào giấc mơ êm đềm; thứ cậu trông thấy khiến cậu hồn xiêu phách lạc trong tích tắc.

“*Chúng lơ lửng*” thứ dưới cổng ngân nga bằng chất giọng nghen nghẹt, khùng khục. Nó nhẩy nhựa nắm chặt tay George, kéo cậu bé về màn đêm tối như hũ nút, nơi nước ừng ục chảy, cuộn cuộn theo các từ cơn lũ về phía biển. George chới với rướn cổ ra xa khỏi thứ bóng tối nghẹt thở kia, vận hết sức bình sinh hét lên trong cơn mưa, cuống cuống hét thật to vào bầu trời trắng xóa sà xuống Derry vào cái ngày mùa thu định mệnh năm 1957. Tiếng hét của cậu bé rít ré, xé toạc không gian, và đây đó những người dân trên đường Witcham đổ xô ra xem – từ cửa sổ hay hiên nhà của họ.

“Chúng *lơ lửng*,” nó gằn gừ, “*lơ lửng*, Georgie, và khi cháu xuống đây với ta, cháu cũng sẽ *lơ lửng*...”

Vai của George đập vào thành xi măng của khúc quanh, và Dave Gardener, hôm ấy không đến cửa hàng Thuyền giày làm việc mà ở nhà vì cơn lũ, chỉ nhác thấy một cậu bé trong chiếc áo mưa vàng, la hét, quần quai dưới rãnh, bao nhiêu nước đất bùn choáng ngợp lên mặt, khiến tiếng thất thanh lục đục trong làn nước.

“Mọi thứ dưới đây đều *lơ lửng*” thứ giọng mục ruỗng, khoái trá ấy thì thầm, rồi bất chợt, một tiếng động chát chúa vang lên cùng cơn đau đến

cùng cực bủa vây, ý thức của George Denbrough tắt lịm.

Dave Gardener là người đầu tiên đến hiện trường, và dù lúc ông đến, chỉ mới bốn mươi lăm giây trôi qua từ sau tiếng thét đầu tiên, George Denbrough đã vùi nơi thiên cổ. Gardener nắm lấy phần sau chiếc áo mưa để kéo cậu bé lên đường... và ông hét lên bàng hoàng khi cơ thể George lật ngửa trên tay mình. Phía bên trái áo mưa của George nhuộm màu đỏ thẫm. Máu phun như vòi rồng từ miệng vết thương toang hoác, nơi từng là cánh tay trái. Một đoạn xương, trắng hếu đến rợn người, lòi ra qua lớp vải rách.

Đôi mắt đứa bé trai trợn trừng nhìn lên bầu trời trắng xóa, Dave thất thểu lùi về phía toán người đang chạy xuống đường, nhốn nháo trong cơn mưa.

4

Đâu đó phía dưới, trong cống thoát nước hiện đã chứa gần như tối đa lượng nước mưa (không thể nào có người dưới đó được, Cảnh sát trưởng Quận quát lên với tay phóng viên của tờ *Derry News* với vẻ bức dọc đến đốn đau, ngay cả Hercules còn bị cuốn đi dưới sức nước như vậy), chiếc thuyền gấp bằng báo của George phăm phăm băng qua những khoảng tối và hành lang bê tông dài hun hút với nước chảy ầm ỉ. Trong một lúc, nó chạy song song với xác một con gà lênh phênh chìa cặp chân vàng vọt của loài gia cầm lên thẳng trần đang tong tỏng nước; đoạn tại nơi giao nhau ở phía đông thị trấn, con gà bị cuốn phăng sang trái còn thuyền của George tiếp tục chạy về phía trước.

Một giờ sau, khi mẹ của George phải dùng đến thuốc an thần mới ổn lại trong Phòng cấp cứu của Bệnh viện Derry Home, khi Bill Cà Lăm im lặng bên thẫn, mặt trắng bệch ngổn trên giường, nghe tiếng bố gằn giọng khác

ngoài phòng khách, nơi mẹ chơi bản *Für Elise* khi George ra ngoài, chiếc thuyền trôi vào ra ngoài một lỗ xi măng như đạn rời nòng, phăm phăm xuống phía Kênh Đào và mất hút vào một con suối vô danh. Chừng hai mươi phút sau, khi con suối gia nhập vào sông Penobscot cuộn sóng, sắc xanh đầu tiên đã manh nha lấp ló trên bầu trời cao. Cơn bão đã qua.

Con thuyền sóng sánh, tròn trĩnh, thỉnh thoảng nước tràn vào nhưng không chìm; hai anh em đã chống nước cho nó rất tốt. Tôi không biết nó dừng lại ở đâu, mà có dừng hay không cũng chẳng rõ, khéo có khi nó ra đến biển khơi và cứ thế rẽ sóng tiến về phía trước như chiếc thuyền ma thuật trong truyện cổ tích. Tất cả những gì tôi biết là nó vẫn nổi và vẫn băng băng cưỡi dòng nước lũ chảy đến địa phận giao giữa hai thị trấn Derry và Maine, để rồi từ đây, nó mãi mãi bước ra khỏi câu chuyện này.

CHƯƠNG 2

SAU LỄ HỘI (1984)

1

Bạn trai của Adrian không tìm được nước mắt khi khai báo với cảnh sát. Anh cho hay Adrian đòi chiếc mũ ấy là vì anh đã giành được nó tại gian hàng Ném Vòng tại hội chợ công viên Bassey chỉ sáu ngày trước khi qua đời. Anh vô cùng hãnh diện vì đi đầu này.

“Anh ấy đòi nó vì *yêu quý* cái thị trấn chết tiệt nhỏ như lỗ mũi này!” Cậu bạn trai tên Don Hagarty gân cổ lên nói với cảnh sát.

“Nào, nào – không việc gì cậu phải dùng đến ngôn từ như thế,” cảnh sát Harold Gardener nhắc nhở Hagarty. Harold Gardener là một trong những người con trai của Dave Gardener. Vào ngày bố anh phát hiện ra cái xác vô hồn, mất một cánh tay của George Denbrough, Harold Gardener mới năm tuổi. Bây giờ, gần hai mươi bảy năm sau, anh đã là một người đàn ông ba mươi hai tuổi với mái tóc bắt đầu thưa dần. Harold Gardener cảm nhận được nỗi buồn và đau đớn mà Don Hagarty phải chịu, nhưng thật lòng, anh cứ thấy kì quái thế nào ấy. Anh chàng này – mà chẳng biết có thể gọi là anh chàng hay không - tô son lòe loẹt và mặc quần lụa sa tanh bó chẹt, đến độ người đối diện trông thấy cả vết hằn từ của quý của anh ta. Buồn hay không buồn, đau hay không đau, suy cho cùng, anh ta là một chàng bóng. Và anh bạn quá cố Adrian Mellon của anh này cũng vậy.

“Chúng tôi xin hỏi lại lần nữa,” Jeffrey Reeves, viên cảnh sát đi cùng Harold lên tiếng. “Hai anh rời khỏi Falcon rồi đi đến Kênh Đào. Sau đó thế nào?”

“Tôi phải nói đi nói lại với đám đần các anh bao lần nữa?” Hagarty tiếp tục rống lên. “Chúng nó giết anh ấy! Chúng ném người yêu tôi xuống cầu! Đám vai u thịt bắp ấy coi mạng người như cỏ rác!” Don Hagarty òa lên nước nở.

“Một lần nữa, Reeves kiên nhẫn lặp lại. “Hai anh rời khỏi Falcon. Rồi sao nữa?”

2

Trong phòng thẩm vấn ngay dưới hành lang, hai viên cảnh sát Derry đang lấy cung cậu thanh niên Steve Dubay, mười bảy tuổi; trong văn phòng Thư ký Chứng thực Di chúc trên lầu, thêm hai viên cảnh sát khác đang chất vấn cậu John “Webby” Garton, mười tám tuổi; và trong phòng cảnh sát trưởng ở lầu năm, Cảnh sát trưởng Andrew Rademacher và trợ lý luật sư quận Tom Boutillier đang thẩm vấn cậu bé Christopher Unwin, mười lăm tuổi. Mặc chiếc quần jean bạc phếch, áo thun loang vết dầu mỡ và mang đôi ủng hần hồ, Unwin khóc thút thít. Rademacher và Boutillier đảm nhận việc thẩm tra cậu này vì họ đánh giá tương đối chuẩn rằng cậu ta là mắc xích yếu nhất trong chuỗi.

“Ta cùng xác nhận lại nhé,” Boutillier ôn tồn lên tiếng, cùng lúc đó, dưới hai tầng lầu, Jeffrey Reeves nói câu y sì.

“Chúng cháu không cố tình giết anh ta,” Unwin phân bua qua làn nước mắt. “Là tại cái mũ. Chúng cháu không nghĩ anh ta vẫn đội cái mũ đó dù lần trước, anh Webby đã đe nẹt một lần. Chúng cháu chỉ định dọa anh ta thôi.”

“Vì lời cậu ta nói,” Cảnh sát trưởng Rademacher chen ngang.

“Vâng.”

“Vớ John Garton vào chiều ngày 17.”

“Phải, vớ anh Webby.” Unwin lại khóc như mưa. “Nhưng chúng cháu đã cố cứu anh ta khi thấy tình hình không ổn... chí ít là có cháu và anh Steve Dubay cứu... chúng cháu không cố tình *giết* người.”

“Thôi đi, Chris, đừng giởn mặt vớ bọn tôi,” Boutillier nói. “Các cậu đã ném cậu bóng xuống Kênh Đào đấy.”

“Dạ, nhưng...”

“Ba người các cậu đã đến đầu thú và thành khẩn khai nhận. Cảnh sát trưởng Rademacher và tôi rất trân trọng đi ầu này, anh Andy nhỉ?”

“Chứ còn gì nữa. Nam tử hán dám làm dám chịu, Chris ạ.”

“Vậy nên cậu đừng tự mua dây buộc mình mà bịa chuyện lúc này. Các cậu đã định ném cậu ta ngay khi nhác thấy hai cậu bóng ấy bước ra từ Falcon, phải không?”

“Không phải!” Chris Unwin kịch liệt phản đối.

Boutillier lấy một bao thuốc Marlboro từ túi áo sơ-mi của mình rồi đưa một điếu lên miệng. Ông đưa bao thuốc cho Unwin. “Thuốc lá không?”

Unwin lấy một điếu. Boutillier phải dùng bật lửa dò dẫm đầu thuốc mãi mới chậm được do môi của Unwin run lên bần bật.

“Nhưng khi thấy cậu ta đội chiếc mũ thì khác phải không?” Rademacher hỏi.

Unwin lại càng cúi gằm hơn, khiến mớ tóc bết đầu dẫm cả vào mắt, cậu ta phì phèo nhả khói từ cánh mũi phập phồng lăm tăm mун đầu đen.

“Vâng.” cậu ta đáp, lí nhí đến mức khó có thể nghe thấy.

Boutillier chúi người về phía trước, đôi mắt nâu sắc sảo. Khuôn mặt ông đánh thép nhưng giọng nói đầy vị tha. “Sao, Chris?”

“Cháu bảo có. Chắc vậy. Bọn cháu cố tình ném hấn ta nhưng không chỉ định giết.” Cậu ta ngược lên nhìn họ, gương mặt rung rờ, khở sở, vẫn chưa hiểu nổi cuộc đời mình vừa đi qua những biến chuyển long trời lở đất kể từ lúc rời nhà cùng hai người bạn cạ cứng để tham gia ngày cuối cùng của Lễ hội Ngày Kênh Đào Derry vào 7 giờ 30 phút tối hôm trước. “Bọn cháu không cố tình giết hấn!” Cậu ta lẩm bẩm. “Vớ lại, gã dưới cầ... Cháu vẫn không biết gã là ai.”

“Gã nào cơ?” Rademacher hỏi cho có lệ. Xưa giờ họ chẳng lạ gì những lời khai kiểu này, và không đời nào họ tin chẳng chóng thì chày, những kẻ bị buộc tội sát nhân lúc nào cũng lòi một nhân vật bí ẩn nào đó vào câu chuyện. Boutillier thậm chí còn đặt một cái tên cho người này: ông gọi hấn là “Hội chứng Người một tay”, cóp nhặt từ sê-ri phim truyền hình ngày xưa mang tên *Kẻ trốn chạy*.

“Hấn ta mặc quần áo chú hề, Chris Unwin thắng thốt và rùng mình. “Còn cầ theo cả bóng bay.”

3

Lễ hội Ngày Kênh Đào, được tổ chức từ ngày 15 tháng 7 đến ngày 21 tháng 7, là một sự kiện thành công vang dội, và hầu hết người dân Derry đều đồng tình như thế, bởi sự kiện ấy nâng cao tinh thần toàn dân, đánh bóng hình ảnh thị trấn... và tốt cho túi tiền. Lễ hội kéo dài một tuần, được tổ chức để đánh dấu cột mốc 100 năm khai thông Kênh Đào chạy ngang qua trung tâm thị trấn. Kênh Đào cho phép Derry toàn lực tiếp cận giao thương gỗ trong khoảng thời gian từ năm 1884 đến năm 1910, nói không ngoa, chính nhờ Kênh Đào mà thị trấn Derry lên như diều gặp gió.

Thị trấn được trùng tu từ đông sang tây, từ bắc xuống nam. Những ổ gà

mà cư dân thề sống thề chết rằng hơn chục năm nay chưa lần nào được lấp, nay được đổ lại rồi cào phẳng. Các tòa nhà trong thị trấn được trang hoàng bên trong, sơn lại bên ngoài. Những hình graffiti gồm guốc trong công viên Bassey – đa phần là những lời bôi nhọ người đồng tính một cách gay gắt như GIẾT HẾT ĐÁM BÓNG và AIDS LÀ HÌNH PHẠT CHÚA GỬI TỚI CHO ĐÁM BÊ ĐÊ CHẾT TOI! – đều được chà sạch khỏi những băng ghế dài và bức tường gỗ của cây cầu nhỏ băng qua Kênh Đào mà mọi người hay gọi là cầu Hôn Nhau.

Bảo tàng Ngày Kênh Đào được tận dụng mở tại chỗ của ba cửa hàng còn trống nằm ngoài mặt tiền trung tâm phố, trưng bày các món đồ triển lãm dưới sự sắp xếp của Michael Hanlon, một thủ thư địa phương và cũng là một nhà sử học nghiệp dư. Các gia đình lâu đời nhất của thị trấn cho mượn miễn phí những kho báu gần như vô giá của mình, và trong suốt tuần diễn ra lễ hội, gần 40.000 khách tham quan đã trả hai mươi lăm xu mỗi người để chiêm ngưỡng vô vàn món đồ nào thực đơn nhà hàng từ thập niên 1890, náo cộc, náo rìu và móc sắt của tiều phu từ thập niên 1880, đồ chơi con nít từ những năm 1920 và hơn hai nghìn bức ảnh và chín cuộn phim quay cảnh đời thường ở Derry trong suốt một trăm năm qua.

Bảo tàng được Đoàn thể Quý bà Derry tài trợ, nhưng tiếc một điều rằng họ lại phủ quyết việc trưng bày các món đồ mà Hanlon đề xuất (chẳng hạn như chiếc ghế lang thang để nhốt người hết sức tai tiếng từ thập niên 1930) và các bức ảnh (như ảnh chụp các thành viên Đảng Bradley sau vụ xả súng khét tiếng). Nhưng tất cả mọi người đều đồng ý rằng buổi triển lãm vẫn thành công vang dội, và đảng nào cũng chẳng có ai ham ngắm nghía những thứ bạo lực xưa cũ đó làm gì. Như lời bài hát ngày xưa ngân nga, tốt hơn hết nên tập trung vào những điều tốt đẹp và xóa bỏ những thứ

tiêu cực.

Có một gian lều kẻ sọc bán đồ uống và thức ăn vặt rộng thênh thang trong công viên Derry, mà tối nào các ban nhạc cũng biểu diễn ở đó. Ở công viên Bassey lại tổ chức lễ hội hóa trang với vòng đu quay Hoành tráng Smokey và các trò chơi do người dân thị trấn đứng tiệm. Có một chiếc xe điện đặc biệt chạy vòng quanh các khu tì ền lờ loẹt nhưng đáng mến này.

Và chính tại đây, Adrian Mellon đã chiến thắng trò chơi để r ấ thiết mạng sau khi giành được chiếc mũ giấy chóp cao đỉnh hoa kèm dải băng ghi dòng chữ TÔI ❤️ DERRY!

4

“Cháu mệt r ấ,” John “Webby” Garton ca thán. Dù không để ý nhưng cậu thanh niên này và hai người bạn của mình đều vô tình ăn vận theo phong cách Bruce Springsteen, dù nếu được hỏi thì thể nào hấn cũng chê bai Springsteen là đồ ngu ngốc, xăng pha nhót và sẽ mạnh mẽ tỏ lòng hâm mộ những nhóm heavy metal “số dách” như Def Leppard, Twisted Sister hay Judas Priest. Ống tay của chiếc áo thun xanh trơn của hấn bị rách, để lộ cơ bắp cu ền cuộn. Mái tóc nâu dày che hết một bên mắt, riêng điểm này thì giống John Cougar Mellencamp hơn là Springsteen. Trên tay hấn là hình xăm màu xanh vẽ những biểu tượng kỳ lạ, trông chẳng khác nào những vết mực được vẽ nguệch ngoạc bởi một đứa trẻ. “Cháu không muốn nói nữa.”

“Cậu chỉ cần kể cho bọn tôi nghe những gì đã xảy ra vào chiều thứ Ba sau hội chợ là được.” Paul Hughes ôn t ền. Hughes vừa mệt mỏi, vừa kinh ngạc lại vừa bàng hoàng trước vụ án mạng khủng khiếp này. Suy nghĩ cứ trở đi trở lại trong đầu ông, rằng dường như ai nấy ở Derry này đều ngấm ngầm biết Lễ hội Ngày Kênh Đào Derry sẽ khép lại bằng một sự kiện kinh

hoàng, chỉ là họ không đủ gan viết lên tờ Chương trình Sự kiện mà thôi. Nếu lên lịch thì chuỗi lịch trình sẽ trông như sau:

Thứ Bảy, 9:00 tối: Buổi diễn nhạc cuối cùng với sự góp mặt của Ban nhạc trường Trung học Derry và Tiệm cắt tóc nam Mello-Men.

Thứ Bảy, 10:00 tối: Chương trình pháo hoa hoành tráng.

Thứ Bảy, 10:35 tối: Nghi lễ hiến tế Adrian Mellon chính thức bế mạc Lễ hội Ngày Kênh Đào.

“Mẹ kiếp, lễ hội,” Webby đáp.

“VẬY NÓI TÔI NGHE CẬU ĐÃ NÓI GÌ VỚI MELLON VÀ NẠN NHÂN NÓI GÌ VỚI CẬU.”

“Ôi trời ời” Webby đảo mắt ngao ngán. “Nào, Webby,” cộng sự của Hughes mất kiên nhẫn. Webby Garton lại đảo mắt và kể lại từ đầu.

5

Garton trông thấy hai người bạn họ, Mellon và Hagarty, ông à ông ọ bước đi, ôm eo nhau tình tứ và rình rích cười như hai ả đàn bà. Ban đầu, hắn ta còn tưởng hai người này là nữ. Nhưng rồi hắn nhận ra Mellon, bởi ngày trước từng có đưa chỉ cho. Săm soi nhìn tiếp, hắn trông thấy Mellon quay sang Hagarty... rồi cả hai trao nhau một nụ hôn nhẹ nhàng.

“Ồi, khéo tao nôn mửa mất thôi!” Webby ré lên, tỏ vẻ kinh tởm.

Chris Unwin và Steve Dubay lúc đó cũng có mặt. Khi Webby chỉ tay về phía Mellon, Steve Dubay nói rằng hình như thằng bóng còn lại tên là Don gì đấy, bàn hươu tán vượn về chuyện tên này cho một thằng nhóc trường Trung học Derry đi nhờ rồi sau đó giờ máu ba lăm.

Mellon cùng Hagarty bắt đầu đi về hướng ba gã thanh niên kia, rời khỏi gian hàng chơi ném vòng và về phía lối ra hội chợ. Về sau, Webby Garton khai với hai viên cảnh sát Hughes và Conley rằng “lòng tự tôn công dân”

của hắn bị tổn thương khi chứng kiến thằng bê đê chó má đó đội mũ ghi dòng chữ TÔI ❤️ DERRY. Chiếc mũ trông thật ngu đần, chứ còn sao nữa: nó là một chiếc mũ giấy chóp cao, gắn bông hoa rõ to trên chóp, tung tẩy bốn phương tám hướng. Sự ngớ ngẩn của chiếc mũ khiến lòng tự tôn công dân của Webby càng thêm sứt mẻ.

Khi Mellon và Hagarty đi ngang qua, ôm eo nhau tình tứ, Webby Garton la lối: “Đề tao cho lũ chúng mày ăn luôn cái mũ đấy, đờbóng chúa!”

Mellon quay sang nhìn Garton, chớp mắt đơ đũa trả lời: “Cưng à, nếu cưng đói thì anh có thứ ngon lành hơn nhiều so với mũ của anh đấy.”

Nghe đến đây, Webby Garton quyết định cho cậu bóng biết thế nào là rằng môi lẫn lộn. Nếu khuôn mặt của Mellon là địa lý thì hắn sẽ cho núi dâng cao, lục địa trôi dạt. *Không kẻ nào được phép bóng gió hắn là đồ lại cái. Không một kẻ nào.*

Hắn bắt đầu tiến về phía Mellon. Hagarty, bạn của Mellon, thấy tình hình có vẻ căng thẳng bèn kéo Mellon đi, nhưng Mellon vẫn lì lợm đứng đó, miệng nhoen cười. Vì thế mà Garton khai với cảnh sát Hughes và Conley rằng hắn chắc cú Mellon hôm ấy không sợ trời mà cũng chẳng sợ đất gì sất. Về sau, lúc nghe hai cảnh sát Gardener và Reeves thuật lại thông tin này, Hagarty cũng đồng tình. Chuyện là hôm ấy, tâm trạng Mellon đang lâng lâng chín tầng mây vì được ăn những hai chiếc bánh rán phết mật ong ở hội chợ. Vì vậy, anh đã không nhận ra mối nguy hại khôn lường mà Webby Garton có thể đem đến.

“Nhưng Adrian là thế mà,” Don nói, sụt sùi lấy giấy lau nước mắt, làm loang lỗ đôi mắt được đánh phấn sặc sỡ. “Anh ấy có biết gì gọi là tránh voi chẳng xấu mặt nào đâu. Anh ấy thuộc típ người lúc nào cũng nghĩ ở hiên gặp lành.”

Cậu bóng ngày hôm ấy suýt chút nữa đã bị tấn một trận như tử, nhưng may sao, ai đó đập đùi cui lên tay Garton. Quay đầu lại, hắn trông thấy cảnh sát Frank Machen, một thành viên trong Đội Tinh nhuệ Derry.

“Nào, chuyện đâu còn có đó, mấy cậu” Machen nói với Garton. “Đường ai nấy đi và để hai cậu bóng này yên. Vui vẻ đi hăng.”

“Chú có nghe nó nhạo báng cháu thế nào không?” Garton hỏi. Lúc này, Unwin và Dubay cũng đánh hơi được rắc rối, hai đứa kéo Garton ra mép đường, nhưng Carton hung hăng gạt phăng đi, thậm chí sẵn sàng thương cẳng chân hạ cẳng tay nếu hai thằng bạn nhùng nhằng không yên. Đường đường là đấng mày râu mà lại bị xúc phạm như thế, thù này hắn phải trả. *Không kẻ nào được bóng gió hắn là đồ lại cái. Không một kẻ nào.*

“Chú có thấy anh ta nhạo báng gì cháu đâu?” Machen đáp. “Hơn nữa, cháu là người khơi chuyện trước. Nào, chấm dứt ở đây đi, chàng trai trẻ. Chú không muốn nhiều lời đâu.”

“Nó dám gọi cháu là đồ đờ đờ bóng!”

“Thế cháu lo mình bóng thật à?” Machen hỏi ngược lại, tỏ vẻ quan tâm sâu sắc, khiến mặt Garton đỏ như gấc.

Trong lúc hai người lời qua tiếng lại, Hagarty trầy trật cố kéo Adrian Mellon ra khỏi cảnh đôi co. Mellon rút cuộc cũng xuôi xị.

“Tạm biệt tình yêu!” Adrian ngúng nguẩy quay lưng chào. “Thôi đi, đồ quỷ,” Machen cắt ngang. “Đi khỏi đây mau.” Garton dợm nhào đến Mellon thì Machen kịp chớp lấy hắn.

“Chú có thể đưa cháu vào khám đấy, anh bạn,” Machen đánh thép, “với cách cư xử của cháu thì đó không phải là một ý kiến tồi đâu.”

“Lên gặp tới mày chết với tao!” Garton gằn ghè với cặp đôi đang bỏ

đi, khiến người đi đường phải quay đầu lại. “*Và nếu mày còn đội cái mũ đó, tao sẽ giết mày! Thị trấn này không cần đám bóng lộn chúng mày!*”

Không buồn quay đầu, Mellon ngoe nguẩy bàn tay trái – với bộ móng sơn màu đỏ hồng - và lại càng đánh mông hơn. Garton lờ lên.

“Thêm một lời hoặc một hành động nữa là cháu vào khám ngay đấy,” Machen nhẹ nhàng. “Cháu đừng nghĩ chú đùa, chú nói là làm.”

“Thôi nào, Webby,” Chris Unwin nơm nớp. “Hạ hỏa đi.”

“Không lẽ chú khoái mấy thằng như thế?” Webby hỏi Machen, lơ tịt Chris và Steve đi. “Chú nói xem?”

“Chú không thích cũng chẳng ghét giới tính thứ ba,” Machen thủng thẳng. “Nhưng chú ủng hộ giang sơn thái bình, và cháu đang phá bĩnh thứ chú thích, nhóc mặt mâm ọ. Thế giờ cháu muốn đi một vòng với chú hay gì?”

“Thôi, Webby,” Steve Dubay dè dặt. “Mình đi mua xúc xích ăn nào.”

Webby cuối cùng cũng chịu thôi lui, giật áo một cách kích động và lùa tóc ra khỏi mắt. Machen, một trong số những người cho lời khai vào buổi sáng sau hôm Adrian Mellon qua đời, cho hay: “Đi đâu cuối cùng tôi nghe thấy cậu ta và bè lũ nói khi bỏ đi là ‘*Lên sau mà gặp nó, tao sẽ cho nó thừa sống thiếu chết.*’”

6

“Cháu xin chú, cho cháu nói chuyện với mẹ,” Steve Dubay lặp lại câu này lần thứ ba. “Cháu phải nhờ mẹ khiến bố dượng xuôi xị, nếu không lúc về nhà cháu sẽ bị tấn cho lên bờ xuống ruộng mất.”

“Một lát nữa đi,” cảnh sát Charles Avarino nói. Cả Avarino và cộng sự Barney Morrison đều biết còn lâu Steve Dubay mới được về nhà đêm nay,

thậm chí là mấy đêm tới. Xem chừng cậu ta vẫn không ý thức được sự nghiêm trọng của vụ việc này, và về sau, khi nghe tin Dubai bỏ học năm mười sáu tuổi, Avarino chẳng lấy làm ngạc nhiên. Vào thời điểm xảy ra vụ án, cậu nhóc vẫn học trường cấp hai Water Street. Chỉ số IQ là 68, theo như bài kiểm tra Wechsler mà cậu ta từng thực hiện một trong ba lần đúp lớp Bảy.

“Kể tôi nghe chuyện gì đã xảy ra lúc các cậu bắt gặp Mellon rời khỏi Falcon,” Morrison mở lời.

“Không, chú ời, cháu không kể được.”

“Chà, sao lại không nhỉ?” Avarino hỏi.

“Cháu thấy mình bép xép hơi quá r ấ.”

“Cậu vào đây để nói mà,” Avarino nói. “Không phải sao?”

“Vâng... Đúng... Nhưng mà...”

“Nghe này,” Morrison trùu mến, đoạn ng ấ xuống cạnh Dubai và châm thuốc cho cậu. “Cậu nghĩ tôi và chú Chick khoái bọn bóng l ắm à?”

“Cháu chịu...”

“Thế nhìn bọn tôi có vẻ thích bóng không?”

“Dạ không, nhưng...”

“Bọn tôi chung hội chung thuyền với cậu, Steve-o,” Morrison nghiêm nghị nói. “Và tôi nói thật nhé, giờ là lúc cậu, Chris và Webby cần huy động tất cả hội bạn. Vì ngày mai những người dân ở thị trấn này thương tiếc cho cái chết sẽ đòi đưa các cậu về ch ầu ông bà.”

Mặt mày Steve Dubai trông xám ngoét. Avarino liếc qua là biết cái đầu gan thỏ đế của cậu nhóc hư thân này nghĩ gì, ông đoán cậu nhóc đang nghĩ tới người bố dượng của mình. Và dù Avarino chẳng ham hố gì cộng đ ồng

đồng tính nhỏ ở Derry - giống các viên cảnh sát khác trong lực lượng, ông chỉ mong một ngày nào đó Falcon đóng cửa đẹp tiệm mãi mãi – ông sẽ vui vẻ được hộ tống Dubay về nhà. Thậm chí, ông còn sẵn lòng giữ tay Dubay để ông bố dượng đập cậu con trời đánh của mình ra bã. Avarino không thích dân đồng tính, nhưng đi đâu đó không có nghĩa ông cho rằng họ đáng bị hành hạ và giết hại. Mellon cảm thương không thể tả nổi. Khi họ vớt được xác anh ta từ dưới cầu Kênh Đào lên, mắt anh mở to, trợn ngược đầy hãi hùng. Và ông tưởng ngàng đây không ý thức được mình đã tiếp tay cho đi đâu gì.

“Chúng cháu không cố tình làm hấn bị thương,” Steve lặp lại. Đây là lời khai mà cứ khi nào bố rồi cậu ta lại vin vào.

“Đó là lý do cậu muốn khai thật với bọn tôi,” Avarino chân tình thủ thỉ. “Nói hết sự thật với bọn tôi, và có khi chuyện này chỉ bé như lỗ mũi thôi. Đúng không, Barney?”

“Chứ còn gì nữa,” Morrison gật gù.

“Tôi hỏi thêm lần nữa, cậu đã nói gì?” Avarino dụ dỗ.

“Dạ...” Steve lừng khừng, đoạn chậm rãi kể lại mọi thứ.

7

Khi Falcon được mở cửa vào năm 1973, Elmer Curtie nghĩ rằng khách khứa đến đây đa phần sẽ là người đi xe buýt – trạm xe bên cạnh phục vụ ba tuyến khác nhau: Tuyến Xe lửa, Tuyến Greyhound và Tuyến Hạt Aroostook. Tiếc rằng ông không nhận ra rất nhiều hành khách đi xe buýt là phụ nữ hoặc gia đình dắt díu theo con nhỏ. Hơn nữa, có những người cất rượu bia trong túi nâu và thậm chí còn chẳng bước xuống xe. Những người xuống xe thường là binh lính, thủy thủ, họ chỉ muốn làm đôi ba ly cho tỉnh

táo – thời gian dừng chân chỉ mười phút, chẳng thể nào chén chú chén anh cho thoải mái.

Curtie bắt đầu lờ mờ ngợ ra hiện trạng vào năm 1977, nhưng lúc ấy đã quá trễ: ông nợ ngập đầu, hóa đơn chất như núi và giạt gấu vá vai mãi mà lỗ vẫn hoàn lỗ. Ông từng liều lĩnh nghĩ đến việc đốt nơi này để lấy tiền bảo hiểm, nhưng phải thuê dân chuyên phóng hỏa thực hiện giùm, chứ tự làm thì có mà vài thừa che mắt thánh... khổ nỗi ông cũng chẳng biết những kẻ chuyên đốt nhà đó tụ tập ở đâu.

Tháng Hai năm đó, ông quyết định sẽ cố đấm ăn xôi đến ngày 4 tháng 7; nếu tới lúc đó tình hình không khởi sắc, ông sẽ rời khỏi nơi đây, nhảy lên tuyến Greyhound và xuôi xuống Florida kiếm miếng cơm manh áo dưới đây.

Tuy nhiên, đời lắm bất ngờ, năm tháng sau, thiên thời địa lợi đến với quán rượu được sơn đen và vàng óng, bày biện chim nh ẫ bông này (anh trai của Elmer Curtie là một người nh ẫ bông chim nghiệp dư, khi ông này qua đời, có bao nhiêu Elmer thừa kế tất). Bình thường, tiệm chỉ bán được sáu mươi ly bia, pha chế đâu đấy chừng hai mươi ly đ ồ uống một đêm, thì đợt này, Elmer phục vụ được những tám mươi ly bia, rót hơn trăm ly đ ồ uống... trăm hai chục ly... thậm chí có đêm lên đến trăm sáu chục.

Khách khứa đến quán ông hầu hết là thanh niên trai tráng, lịch thiệp. Nhiều người ăn mặc chẳng giống ai, nhưng thời bấy giờ, ăn mặc lố lăng vẫn là đi đầu hết sức bình thường, và phải mãi đến năm 1981, Elmer Curtie mới phát hiện khách khứa đến tiệm mình đầu là người đ ồng tính. Nếu nghe ông kể đi đầu đó, dân Derry sẽ phá lên cười và trêu Elmer Curtie đừng tưởng họ ngu si mà lòn bịp - nhưng lời ông nói hoàn toàn là thật. Giống như một anh ch ồng bị vợ cho mọc sừng, ông là người cuối cùng biết chân

tướng sự thật... mà đến lúc ngộ ra, ông cũng mặc kệ. Dù gì quán rượu cũng đang hái ra tiền, chưa kể, dù ở Derry có bốn quán rượu khác cũng ăn nên làm ra nhưng chỉ có mỗi Falcon là khách khứa không thỉnh thoảng cao hứng đập phá tanh bành cửa tiệm. Thứ nhất, chẳng có bóng hồng nào để cánh mày râu tranh giành đến sứt đầu mẻ trán; thứ hai, những vị khách này, dù bóng hay không, xem chừng biết cách dĩ hòa vi quý hơn so với những gã đàn ông thích gái gú thông thường.

Khi ngộ ra xu hướng tình dục của các vị khách hay lui đến quán mình, ông nghe đầu làng cuối xóm bàn tán những đi đầu hết sức chói tai về Falcon – mấy chuyện này thật ra đã được rỉ tai bao năm, chỉ có đi đầu đến tận năm 1981, Curtie mới nghe thấy. Thậm chí ông còn để ý những kẻ hăng say đàm tiếu nhất là những người đàn ông có dùng pa lăng xích kéo cũng nhất quyết không vào Falcon, như thể sợ bấp tay sẽ rơi ra khỏi cẳng không bằng. Ấy thế mà họ lại siêng ng ồi lê đôi mách vậy đấy.

Người ta đàm tiếu với nhau rằng chỉ cần bén mảng vào đó vào bất cứ đêm nào, ta sẽ thấy cảnh đàn ông nhảy nhót sát rạt nhau, cạ của quý vào nhau ngay trên sàn nhảy, hôn nhau thắm thiết ở quầy, xúc lộ trong nhà vệ sinh. Thậm chí phía sau còn có một căn phòng dành cho khách khứa lui tới nếu muốn vui v ầy tí đỉnh ở Tháp Tráng kiệt – có một ông chú trung niên to cao mặc đồng phục Đức quốc xã, từ cánh tay lên tới vai bôi trơn đầy đủ, sẵn sàng phục vụ nếu khách có nhu cầu.

Tất cả chỉ là tin đồn, không đi đầu nào là thật. Khi hành khách từ trạm xe buýt với cái cổ họng khát khô bước vào quán để làm một ly bia hay một ly [highball](#), họ chẳng thấy Falcon có gì bất thường - đúng là có rất nhiều thanh niên trai tráng, nhưng nó không có gì khác so với hàng nghìn quán rượu cho tầng lớp lao động trên khắp đất nước này. Khách khứa là dân

đồng tính, nhưng đồng tính là một chuyện, biết suy nghĩ hay không lại là chuyện khác. Nếu thích chút lố lãng, họ có thể đến Portland. Nếu muốn thêm phần táo bạo – sự táo bạo theo kiểu quán Ramrod hoặc Peck's Big Boy - họ có thể đến New York hoặc Boston. Derry khá nhỏ, chỉ là một tỉnh lỵ, và cộng đồng người đồng tính ở Derry hiểu rõ cái bóng mà họ vẫn xoay xở nương vào để tồn tại.

Một thức uống có cồn thường được phục vụ gồm đá lạnh trong ly cao bằng thủy tinh hoặc ly Collins.

Don Hagarty lui tới Falcon được hai, ba năm thì một đêm tháng Ba năm 1984, anh được giới thiệu với Adrian Mellon. Trước đó, Hagarty là một người trắng hoa, lần nào xuất hiện cũng cặp kè với người mới. Nhưng đến cuối tháng Tư, ngay cả một người không tọc mạch như Elmer Curtie còn thấy rõ như ban ngày rằng giữa Hagarty và Mellon đã nảy nở thứ gì đó.

Hagarty làm nghề diễn họa kiến trúc cho một công ty kỹ thuật ở Bangor. Adrian Mellon làm nghề viết lách tự do, tìm cách đăng bài cho bất cứ trang nào khả dĩ – tạp chí hàng không, tạp chí mở lòng, tạp chí địa phương, thực phẩm chức năng Chủ nhật, tạp chí khiêu dâm. Anh đang mày mò sáng tác tiểu thuyết nhưng kiểu nửa vời – anh viết từ năm ba đại học, và đó là chuyện của mười hai năm về trước.

Anh đến Derry để viết một bài về Kênh Đào - anh được tờ *New England Byways* cử đi, một tờ báo hai tháng một kỳ, phát hành ở Concord. Adrian Mellon nhận nhiệm vụ này vì anh có thể bòn rút *Byways* ba tuần công tác phí, trong đó có một căn phòng xinh xẻo nhà nghỉ Derry, và thu thập dữ liệu mình cần cho bài viết trong khoảng năm ngày. Trong hai tuần sau, anh dư sức gom tài liệu cho bốn bài viết nữa về địa phương.

Nhưng suốt ba tuần đó, anh gặp Don Hagarty, và thay vì trở lại Portland

khi ba tuần tiền chùa kết thúc, anh kiếm một căn phòng trọ nhỏ ở đường Kossuth. Nhưng rốt cuộc anh chỉ sống ở đó sáu tuần, rồi chuyển về chung nhà với Don Hagarty.

8

Hagarty kể với Harold Gardener và Jeff Reeves rằng mùa hè năm đó là mùa hè đẹp nhất đời anh – anh tự trách lý ra mình phải thử sẵn thế phòng bị; lý ra anh phải biết Chúa chỉ kê tấm thảm dưới chân những kẻ như anh để dễ bề giết tung.

Anh nói, bóng đèn duy nhất là thái độ gấn bó thấy rõ của Adrian với Derry. Anh ấy có một chiếc áo thun đề dòng chữ *Maine không tệ nhưng Derry số dách!* Anh ấy có một chiếc áo khoác Những Chú hổ Derry. Và tất nhiên là cả cái mũ. Anh ấy hào hứng cho hay bầu không khí nơi đây tràn đầy sức sống và khơi gợi sự sáng tạo. Mà hình như là thế thật: lần đầu tiên trong cả năm trời, anh ấy lấy cuốn tiểu thuyết giậm chân tại chỗ của mình ra khỏi rương.

“Vậy cậu ấy có bắt tay vào viết lách không?” Gardenner hỏi Hagarty, thật ra chẳng quan tâm lắm, chỉ là giữ cho Hagarty tập trung vào câu chuyện.

“Có, anh ấy viết ngày viết đêm. Anh ấy còn nói có khi cuốn tiểu thuyết sẽ nhạt như nước ốc, nhưng thà nhạt chứ không dang dở. Anh ấy dự tính sẽ hoàn thành trước sinh nhật vào tháng Mười. Tất nhiên, anh ấy làm gì biết bộ mặt thật của Derry thế nào đâu. Anh ấy tưởng mình biết, nhưng anh ấy ở đây chưa lâu, sao mà hiểu thấu Derry được kia chứ. Tôi cố tìm cách nói cho anh ấy mà anh chỉ bỏ ngoài tai.”

“Thế Derry thật sự ra sao hả, Don?” Reeves thắc mắc.

“Giống xác một ả điếm nhưng nhúc giòi ngoe nguầy ở bím.” Don Hagarty chổng lỏn.

Hai viên cảnh sát trợn tròn mắt, người đờ ra như phỗng.

“Một nơi thật sự *tệ lậu*,” Hagarty nói. “Chẳng ra thể thống cống rãnh gì cả. Hai người không biết đi ầu đó à? Hai người ở đây cả đời mà không *thấy* đi ầu đó sao?”

Họ lặng thinh. Sau một lúc, Hagarty kể tiếp.

9

Trước khi Adrian Mellon bước vào đời mình, Don đã dự trù sẵn kế hoạch dứt áo ra đi khỏi Derry. Anh đã ở đây ba năm, phần nhiều lý do là bởi anh đồng ý thuê lâu dài căn phòng với cảnh nhìn ra sông tuyệt vời nhất thế giới, nhưng hợp đồng sắp sửa hết hạn và Don thì mừng như mở cờ trong bụng. Anh không cần đi đi về về cả quãng đường xa từ Bangor. Chấm dứt cả những nhộm nhoạm khó chịu – anh từng bảo với Adrian rằng ở Derry lúc nào cũng có cảm giác như 1 giờ chiều. Có thể với Adrian, Derry là một nơi hay ho, nhưng Don thì sợ phát khiếp. Vấn đề không chỉ nằm ở thái độ kỳ thị người đồng tính của thị trấn này, được những người thuyết pháp hoặc mấy bức tranh graffiti trong công viên Bassey thể hiện rõ như ban ngày, mà nằm ở một thứ anh mơ hồ cảm nhận được. Nghe thấy thế, Adrian phá lên cười.

“Don, thị trấn nào ở Mỹ mà chẳng có một nhóm người ghét dân hai-phai,” anh nói. “Đừng nói với anh rằng em không biết đi ầu đó nhé. Suy cho cùng, đây là thời của Lão khốn Ronnie và mẹ Phyllis Bại phái mà.”

“Ra công viên Bassey với em đi,” Don chốt hạ, sau khi thấy Adrian chân chất nghĩ trong lòng như thế – rằng Derry cũng giống như những thị

trần tằm trung khác ở những vùng hẻo lánh. “Em muốn cho anh thấy thứ này, người thương ời.”

Họ lái xe đến công viên Bassey – lúc này là giữa tháng Sáu, chừng một tháng trước khi Adrian bị giết, Hagarty khai với cảnh sát. Anh dẫn Adrian đi vào vùng tối tăm, có mùi ngai ngái của cầi Hôn Nhau, đoạn chỉ về phía một dòng chữ graffiti. Adrian phải đánh diêm, giữ nó dưới dòng chữ mới đọc được.

CHO TAO THẤY CH*M THẰNG BÓNG, VÀ TAO SẼ THIẾN HỘ MÀY.

“Em biết người ta kỳ thị dân đờng tính mà,” Don trầm tư nói. “Khi còn là một thiếu niên, em bị đập một trận ở ngay bến xe buýt thuộc Daylon; vài đũa ở Portland đã đốt giày của em bên ngoài cửa tiệm bánh mì kẹp, còn lão cảnh sát béo ị chỉ ngẫ trong xe tuầi tra và rinh rích cười. Em thấy nhiều rầi... nhưng chưa bao giờ em thấy thứ nào giống vậy. Bên này. Anh qua đây mà xem.”

Một que diêm khác chiếu sáng dòng chữ ĐÓNG ĐINH VÀO MẮT ĐÁM ĐỒNG BÓNG (VÌ CHÚA)!

“Kẻ nào viết nổi những lời lẽ này chắc chắn có vấn đề về thần kinh. Nếu chỉ có một người, một con sâu bệnh hoạn làm rầi nầi canh thì không nói, đầng này...” Don khẽ lướt tay dọc theo chiềi dài cầi Hôn Nhau. “Những lời như vậy nhiều lắm... và em không nghĩ chỉ do một người viết đâu. Đó là lý do em muốn rời Derry, Ade ạ. Trên đời này không thiếu những kẻ đầi óc điên loạn.”

“Hừm, vậy đợi đến khi anh viết xong cuốn tiểu thuyết được không? Anh xin em đấy? Anh hứa trễ nhất là tháng Mười. Ở đây không khí trong lành quá.”

“Nhưng anh ấy nào ngờ thứ mình phải đề chừng lại là nước,” Don Hagarty cay đắng nói.

10

Tom Boutillier và Cảnh sát trưởng Rademacher nghiêng người về phía trước, lặng thinh. Chris Unwin ngồi trên ghế, đầu cúi gằm, lăm bằm đầu đầu với sàn nhà. Đây chính là phần họ muốn nghe, là phần sẽ đưa ít nhất hai kẻ đầu gấu này vào nhà tù Thomaston.

“Hội chợ gì mà chán phèo,” Unwin nói. “Chưa gì họ đã đẹp mấy gian đua xe, như Đĩa bay Hắc ám và Đu quay vòng tròn. Họ gắn biển đóng cửa ở gian Xe đạp. Chẳng có trò gì mở ngoài mấy trò con nít. Vậy nên bọn cháu xuống khu trò chơi và anh Webby thấy trò ném vòng nên trả năm mươi xu để tham gia, ở đó có cái mũ giống mũ thằng bê dê đội, anh ấy cố ném cho bằng được nhưng lần nào cũng trượt, mà càng trượt thì anh ấy càng cúi nặng xì lên, chú hiểu không? Còn Steve - anh ấy lúc nào mà chẳng đi loanh quanh bảo người ta hạ hỏa cái này bớt giận cái kia, sao mà cứ lờng lên như đĩa phải vôi các kiểu, chú hiểu không? Nhưng vấn đề là hôm đó anh ấy đang nổi máu sau khi chơi thuốc, chú hiểu không? Cháu chẳng biết đó là thuốc gì, chỉ thấy nó màu đỏ. Chắc cũng hợp pháp. Nhưng anh ấy cứ nhằng nhẵng theo anh Webby đến độ cháu nghĩ anh Webby phải tương anh ấy vỡ đầu, chú hiểu không? Anh ấy đi luôn. Còn chẳng thắng nổi cái mũ của thằng bê dê đó. Chỉ có loại cùi bắp mới không thắng nổi cái mũ bê dê ấy. Rốt cuộc bà chủ thì luôn cho anh ấy giải thưởng dù chiếc vòng còn chưa lọt qua, cháu nghĩ chắc bà ấy muốn tổng khứ bọn cháu đi chỗ khác. Hên xui. Có khi không phải thế. Nhưng cháu ờ là vậy. Tại cái kèn tò tí te đó, chú biết không? Chú thôi, nó phồng lên, phụt ra, phát ra âm thanh như tiếng xì hơi, chú biết không? Ngày xưa cháu từng có một cái.

Cháu được tặng nhân dịp Halloween hay tốt nhất gì đó, cháu khoái nó lắm, tiếc là lại đánh mất. Hay có khi có đứa nào chĩa nó khỏi túi cháu trên sân trường ngu si nhỉ? Sau khi hội chợ đóng cửa, bọn cháu lững thững đi ra ngoài, Steve vẫn lải nhải đến điếc tai về việc Webby không giành nổi cái mũ bê dê đó, chú biết không, và Webby thì im như thóc, cháu thấy đi êm này không lành r ồi, nhưng lúc ấy cháu đang tê tê, chú biết không? Thế nên cháu biết mình phải đổi chủ đề, cơ mà cháu chẳng nặn ra được gì cả, chú biết không? Sau đó chúng cháu đến bãi đậu xe, Steve hỏi, Chúng mày muốn đi đâu? Về nhà hả? Thì Webby đáp, chạy đến Falcon xem thằng bê dê có mặt ở đó không.”

Boutillier và Rademacher liếc mắt nhìn nhau. Boutillier giơ một ngón tay lên gõ vào má mình: dù tên dốt đặc cán mai mang đôi ủng h ần hồ này không hay biết, nhưng hiện tại, hắn đang khai ra một vụ giết người cấp độ một.

“Vì vậy cháu bèn nói, Em phải về nhà, và Webby đáp, Mày sợ đến quán bar đ ồng bóng đấy à? Thế là cháu đáp, Mẹ kiếp! Đếch phải! Steve vẫn phê hay sao đó, vì anh ấy bảo, Đi làm gọi thằng bê dê đi! Đi làm gọi thằng bê dê đi! Đi làm gọi...”

11

Dòng đời nghiệt ngã đẩy đưa mọi chuyện chệch lối với tất cả mọi người. Lúc ấy, Adrian Mellon và Don Hagarty vừa rời khỏi Falcon sau hai ly bia, họ đi bộ ngang qua trạm xe buýt, quăn quýt tay trong tay. Họ chẳng mảy may nghĩ gì; nắm tay thì nắm tay thế thôi. Lúc đó đã là 10 giờ 20 phút tối. Họ đến khúc quanh và rẽ trái.

Đi ngược lên dòng sông chưa tới nửa dặm sẽ đến cầu Hôn Nhau; họ tính

băng qua cầu Phố Chính, nơi khung cảnh kém hữu tình hơn. Sông Kenduskeag đang ở mực nước thấp nhất trong hè, dòng nước sâu chưa tới một mét hai lững lờ xung quanh các trụ bê tông.

Khi chiếc Duster dần tiến về phía họ (Steve Dubay đã phát hiện hai người họ bước ra từ Falcon và vui mừng chỉ cho đám đồng bọn của mình), họ đang ở rìa nhịp cầu.

“Dừng xe! Dừng ngay!” Webby Garton rống lên. Cặp đôi vừa đi ngang qua cột điện và hần trông thấy họ đang nắm tay nhau. Cảnh tượng trước mắt thối bùng ngọn lửa trong hần... nhưng chính cái mũ kia mới khiến hần trào máu họng. Bông hoa giấy to tướng vất vẻo hết bên này đến bên kia. “Dừng lại, mẹ kiếp!”

Và Steve dừng thật.

Chris Unwin phủ nhận không trực tiếp nhúng tay vào những hành động sau đó, nhưng Don Hagarty lại khai một câu chuyện khác. Anh cho hay, Garton đã lao ra khỏi xe ngay khi xe còn chưa kịp dừng lại, hai tên kia nhanh nhẩu theo sau. Hai bên lời qua tiếng lại. Không mấy dễ nghe. Đêm ấy, Adrian không tỏ thái độ tự đắc hoặc ra vẻ trêu ghẹo nữa, anh nhận ra họ đang vướng phải một chuyện khủng khiếp.

“Đưa tao cái mũ đó,” Gartong âm gù. “Đưa tao ngay, thằng bóng.”

“Nếu tôi làm vậy thì cậu có để chúng tôi yên không?” Arian hỗn hển đầy hãi hùng, rơm rớm nước mắt, hết nhìn Unwin lại nhìn Dubay và Garton với đôi mắt kinh sợ.

“Đưa tao cái mũ chó đẻ đó!”

Adrian ngoan ngoãn đưa nó. Garton rút con dao gấp từ túi trước quần jean rồi cắt làm đôi. Hần chà hai miếng giấy vào đít quần, đoạn thả xuống đất và giậm chân thành thịch.

Don Hagarty lùi lại một chút trong lúc cả đám chăm chú để tâm vào Adrian và cái mũ – anh cho hay anh muốn tìm xem có cảnh sát nào gần đó không.

“Vậy bây giờ các cậu để chúng tôi...” Adrian Mellon chưa kịp nói hết câu thì Garton đã đâm thẳng vào mặt anh, khiến anh loạn choạng lùi về phần rào chắn cao ngang hông dành cho người đi bộ của cây cầu. Adrian hét lên, đưa tay lên miệng. Máu bê bết qua kẽ tay.

“*Ade!*” Hagarty ré lên, chạy ào tới trước. Dubay ngáng chân anh. Garton đá vào bụng khiến anh ngã khỏi vỉa hè, lao xuống đường. Một chiếc xe chạy ngang qua. Hagarty dựng dậy, thét gào cầu cứu. Nhưng chiếc xe không dừng lại. Anh kể với Gardener và Reeves rằng người lái xe thậm chí còn chẳng buồn nhìn xung quanh.

“Ngậm mồm lại, thằng bóng!” Dubay nói và đá vào mặt anh. Hagarty ngã rạp vào cống, nửa tỉnh nửa mê.

Chốc sau, anh nghe thấy giọng nói - của Chris Unwin - dọa anh biến ngay trước khi chịu trận như thằng bồ mình. Bản thân Unwin cũng khai mình đã dọa nạt như vậy.

Hagarty có thể nghe thấy những tiếng đập thùm thụp và tiếng người yêu của mình la hét. Anh kể với cảnh sát rằng Adrian rít lên như con thỏ dính bẫy. Hagarty bò về phía ngã tư, phía ánh đèn sáng choang của bến xe buýt, và khi đã bò được một đoạn, anh ngoái lại nhìn.

Adrian Mellon, cao một mét sáu lăm, nặng chừng sáu mươi ký, ướt như chuột lột, bị quăng quật từ Garton sang Dubay rồi đến Unwin như một trò chơi dành cho ba người. Người anh run rẩy, ngã nghiêng như con búp bê vải. Chúng nó đâm anh, thụi anh, xé đồ của anh. Hagarty cho hay mình còn chứng kiến Garton thụi vào bộ hạ của Adrian. Tóc anh xoa xươi xuống

mặt. Máu ộc ra từ miệng, nhuộm đỏ áo anh. Webby Garton đeo hai chiếc nhẫn to gồ trên tay phải: một chiếc của trường Trung học Derry, chiếc còn lại hằn tự làm trong lớp dạy nghề— chữ DB bằng đồng xoắn xít dài chừng bảy phân. DB là viết tắt của Dead Bugs, một nhóm nhạc metal mà hấn vô cùng hâm mộ. Hai chiếc nhẫn cửa đứt môi trên của Adrin và làm vỡ ba răng của hàm trên đến tận nướu.

“Cứu với!” Hagarty ré lên. *“Cứu mới! Cứu với! Chúng nó giết anh ấy mất! Cứu với!”*

Những tòa nhà trên Phố Chính tối đen đầy ma mị. Không một ai tới giúp họ – Hagarty thật không tài nào hiểu nổi: ở đằng kia, ngay hòn đảo ngập tràn ánh sáng, nơi ngự trị bến xe buýt, vẫn có người kia mà. Ban nãy, khi anh và Ade đi ngang qua, anh đã trông thấy họ. Chẳng lẽ không ai trong số họ đến cứu sao? Không một ai ư?

“CỨU VỚI! CỨU VỚI! CHÚNG NÓ GIẾT ANH ẤY MẤT, CỨU VỚI, TÔI XIN CÁC NGƯỜI, VÌ CHÚA!”

“Cứu à,” một giọng nói thì thầm khe khẽ vang lên bên trái Don Hagarty... và sau đó là một tiếng cười khúc khích.

“Làm gỏi!” Garton hét toáng lên... vừa la hét vừa phá lên cười. Hagarty nói với Gardener và Reeves rằng cả ba tên bọn chúng cười ha hả khi hành hung Adrian. *“Làm gỏi nó đi! Làm gỏi nó!”*

“Làm gỏi! Làm gỏi! Làm gỏi!” Dubay véo von, cười hăng hắc.

“Cứu à,” tiếng thì thầm ấy lại vang lên, và theo sau giọng nói đầy hắc ám ấy lại là tiếng cười giòn tan, the thé – như tiếng một đứa bé không nhin nổi mà bật cười.

Hagarty kể, khi nhìn xuống, anh trông thấy một gã hề— và kể từ lúc ấy, Gardener và Reeves bỏ ngoài tai mọi lời Hagarty nói, vì đối với họ, tất cả

chỉ là những lời chửi đổng của kẻ rồ dại. Tuy nhiên, về sau Harold Gardener đâm bản khoăn. Khi phát hiện cậu nhóc Unwin cũng trông thấy một gã hề – hoặc chí ít cậu ta khai như vậy - anh bắt đầu sinh nghi. Đồng nghiệp của anh không để tâm đến vấn đề này, hoặc có vẻ ngoài mặt là thế.

Hagarty nói gã hề trông giống Ronald McDonald và Bozo, chú hề trên chương trình ti vi ngày xưa – ấn tượng ban đầu của anh là thế, do hắn ta có những túm tóc xù lớn màu cam. Nhưng sau này, lúc ngẫm lại, anh lại thấy gã ta chẳng giống hai chú hề kia chút nào. Nụ cười được tô trên khuôn mặt trắng bệch có màu đỏ, chứ không phải màu cam, còn đôi mắt thì ánh lên sắc bạc góm ghiếc. Có lẽ hắn ta đeo kính áp tròng... nhưng phần nào đó trong anh lúc ấy và đến bây giờ vẫn cảm giác khéo có khi màu bạc ấy lại chính là màu mắt thật của hắn ta. Hắn mặc bộ đồ rộng thùng thình với những cái nút bằng bông màu cam; bàn tay hắn đeo găng trắng.

“Nếu anh cần giúp đỡ, Don à” gã hề lên tiếng, “thì tôi tặng anh bóng bay.”

Và rồi nó đưa anh chùm bóng mà nó đang cầm trên tay.

“Chúng lơ lửng” gã hề tiếp tục. “Dưới này cái gì cũng lơ lửng; và chẳng chóng thì chày, bạn anh cũng thế.”

12

“Gã hề ấy biết tên anh để gọi cơ à?” Jeff Reeves nói, giọng vô cảm. Hagarty cúi gằm, Reeves nhìn Harold Gardenner, một mắt nhú lại thành cái nháy mắt.

“Phải,” Hagarty đáp, không ngẩng đầu lên. “Tôi biết nghe rất kỳ cục.”

13

“Sau đó, các cậu ném cậu ta xuống” Boutillier nói. “Làm gỏi cậu ta.”

“Không phải cháu!” Unwin chối đây đây, ngẩng đầu lên. Hắn hất tóc để nó không lòa xòa xuống mắt và nhìn họ khấn thiết. “Khi thấy họ làm thật, cháu đã cố kéo Steve lại, vì cháu sợ nó sẽ phải bóc lịch... Chúng cháu cách mặt nước ba mét...”

Là bảy mét mới đúng. Một cảnh vệ của Cảnh sát trưởng Rademacher đã đo được con số này.

“Nhưng nó như phát rồ vậy. Hai chúng nó cứ hét toáng ‘Làm gỏi! Làm gỏi!’ rồi nhắc anh ta lên. Webby cấp nách, còn Steve kéo chân, và... và...”

14

Khi nhìn thấy đi đầu đám côn đồ đang làm, Hagarty chạy lại chỗ chúng, vận hết sức bình sinh hét lên “*Không! Không! Không!*”

Chris Unwin đẩy anh ra sau, khiến Hagarty ngã nhào lên vỉa hè, răng va vào nhau lập cập. “Mày có muốn xuống kia luôn không?” Hắn gầm gừ. “*Biến ngay, thằng oắt!*”

Từ trên cầu, chúng ném Adrian Mellon xuống nước. Hagarty nghe thấy tiếng tùm chát chúa.

“Téch khỏi đây thôi,” Steve Dubai nói. Hắn và Webby trở lại xe.

Chris Unwin đi đến thành cầu và nhìn xuống. Đầu tiên hắn trông thấy Hagarty, trượt xềnh xệch, bò toài xuống bờ sông đầy rác và um tùm cỏ dại. Rồi hắn trông thấy gã hề Ở đằng xa, gã hề đang kéo Adrian bằng một tay, tay kia cầm bóng bay. Adrian ướt như chuột lột, đuối nước và kêu van. Gã hề ngoẹo đầu, ngược lên cười với Chris. Chris khai hắn trông thấy đôi mắt lóe ánh bạc và hàm răng nhe ra – hắn bảo rằng nào răng nấy đều to tướng.

“Cứ như con sư tử trong rạp xiếc, trời ạ,” hắn cảm thán. “Cháu nói thật,

chúng to cỡ đấy.”

Sau đó, hắn khai hắn trông thấy gã hề nhấc một tay của Adrian Mellon lên qua đầu.

“Tiếp theo thì sao, Chris?” Boutillier hỏi, nhưng trong bụng thì rõ ngán ngẩm với phần này. Anh đã chán nghe truyện cổ tích từ lúc mới tám tuổi rồi.

“Cháu không biết,” Chris đáp. “Đúng lúc đó, Steve chộp lấy cháu và ném cháu vào xe. Nhưng... cháu nghĩ nó cắn vào nách anh ta.” Hắn ngược lên nhìn họ với vẻ bối rối. “Cháu cảm giác nó thực sự làm thế, nó đã cắn vào nách anh ta.

Như thế nó muốn ăn thịt anh ta, trời ạ. Như thế nó muốn ăn tươi nuốt sống trái tim anh ta.”

15

Không phải, Hagarty phản bác khi nghe kể lại lời khai của Chris Unwin dưới dạng câu hỏi. Gã hề không lôi Ade lên bờ bên kia, ít nhất đó không phải cảnh anh chứng kiến - và anh khai khi đó anh chỉ biết ngây ra thần thờ quan sát, bởi đầu óc anh gờn như trống rỗng.

Anh cho biết gã hề đứng gờn bờ bên kia, giữ rịt thân thể lỏng tỏng nước của Adrian. Tay phải của Ade kẹp cứng sau đầu gã hề, và đúng là mặt của gã hề nằm dưới nách phải của Ade, nhưng nó không cắn anh, chính xác hơn là nó đang cười. Hagarty có thể thấy nó ngược nhìn từ dưới cánh tay Ade và nhả nở cười.

Gã hề siết chặt tay, và Hagarty có thể nghe thấy tiếng xương sườn răng rắc.

Ade ré lên.

“Lơ lửng với chúng tôi nào, Don,” gã hề lên tiếng từ cái miệng đỏ au đang mỉm cười, đoạn đưa bàn tay đang đeo găng trắng của mình chỉ lên phía cầi.

Mặt dưới cây cầi đầy bóng bay – không phải dăm chục hay một trăm mà là hàng ngàn quả, xanh đỏ tím vàng đủ cả, tất cả đều in dòng chữ TÔI ❤️ DERRY!

16

“Chà, như thế có vẻ lắm bóng bay thật,” Reeves nhận xét và nháy mắt với Harold Gardener.

“Tôi biết chuyện đó rất dị thường,” Hagarty nhắc lại, giọng đầy ủ rũ.

“Anh đã thấy những quả bóng đó à?” Gardener xác nhận.

Don Hagarty chậm rãi đưa hai tay lên trước mặt. “Tôi thấy chúng rõ như đang thấy những ngón tay mình lúc này. Hàng ngàn quả bóng. Thậm chí tôi còn không thể trông thấy mặt dưới cây cầi do nó che kín cả rầi. Chúng khẽ đung đưa, dập dềnh lên xuống. Có một thứ âm thanh kin kít trầm đục phát ra. Đó chính là tiếng bóng bay cọ vào nhau. Chưa kể đây. Có cả rừng những sợi dây trắng buông xuống. Trông như tơ nhện. Gã hề kéo Ade xuống dưới đó. Tôi nhìn thấy bộ đồ hần mặc quệt qua chùm dây. Ade phát ra tiếng lục đục vì ngạt thở, nghe mà đau xót. Tôi chạy theo... và gã hề quay lại nhìn. Tôi thấy mắt của nó, và ngay lập tức tôi hiểu nó là ai.”

“Là ai vậy, Don?” Harold Gardener khẽ khàng hỏi.

“Là Derry,” Don Hagarty đáp. “Nó chính là thị trấn này.”

“Vậy lúc đó anh làm gì?” Reeves lên tiếng.

“Chạy chứ làm gì nữa, anh không có não à?” Hagarty nói, rầi òa khóc.

Harold Gardener im hơi lặng tiếng cho đến ngày 13 tháng 11, ngày trước khi John Garton và Steven Dubay hầu tòa ở Tòa án Quận Derry vì tội sát hại Adrian Mellon. Sau đó, anh đến gặp Tom Boutillier. Anh muốn bàn với ông về gã hề Boutillier thì không - nhưng ông đồng ý thảo luận khi thấy Gardener có thể có những động thái khó lường nếu không được bày cho đường đi nước bước.

“Không có tên hề nào cả, Harold. Những gã hề duy nhất đêm đó là ba thằng du côn ấy. Cả anh và tôi đều biết rõ đi đâu này mà.”

“Chúng ta có hai nhân chứng...”

“Ôi trời, dăm ba lời xàm ngôn. Unwin quyết định lôi thêm Người một tay để đỡ vấy tội lỗi theo kiểu ‘Chúng cháu không giết thằng đồng bóng đáng thương đó mà là người đàn ông một tay’ vì cậu ta nhận ra lần này, mình đã gây ra một vụ án tày đình. Hagarty thì phát điên rồi. Anh ta đứng gần đó và chứng kiến đám du thủ du thực kia giết hại người bạn tri kỷ của mình. Giả sử anh ta khai trình thấy đĩa bay chẳng nữa, tôi cũng chẳng lấy làm bất ngờ.”

Nhưng Boutillier biết gì đó. Gardener có thể nhìn thấy nó trong mắt ông, và việc Ủy viên công tố Quận cứ vòng vo tam quốc né tránh vấn đề khiến anh phát cáu.

“Thôi nào,” anh thốt lên. “Rõ ràng chúng ta có hai nhân chứng độc lập ở vụ này. Đừng cợt nhả với tôi nữa.”

“Chà, anh muốn tôi đùa cợt ? Thế hóa ra anh bảo tôi rằng anh tin có một gã hề ma cà rồng dưới cầu Đường Chính? Tôi lại thấy ý tưởng này nghe vô cùng cợt nhả đấy.”

“Không, không hẳn thế, nhưng...”

“Hay anh bảo tôi tin Hagarty trông thấy cả triệu quả bóng bay dưới cầi, quả nào quả nấy in đúng dòng chữ viết trên mũ người yêu của anh ta? Biết sao không, tôi cũng nghĩ ý tưởng này nghe vớ vẩn không thể tả.”

“Không, nhưng...”

“Vậy tại sao anh cứ đề tâm đến vấn đề này vậy?”

“Ông thôi trò hời hợt cùng tôi đi!” Gardener gằn lên. “Cả hai người đều mô tả như nhau, và họ không biết người kia khai gì!”

Từ này đến giờ, Boutillier ngồi ở bàn làm việc, xoay bút chì trong tay. Đoạn ông đặt nó xuống, đứng dậy, đi đến chỗ Harold Gardener, Boutillier thấp hơn chục phân, nhưng Gardener vẫn e dè lùi lại khi cảm nhận nộ khí của đối phương.

“Anh có muốn ta thua vụ này không, Harold?”

“Không. Tất nhiên là kh...”

“Anh có muốn những thằng phá làng phá xóm kia thoát tội không?”

“Không!”

“Được. Tốt lắm. Vì chúng ta đồng thuận về những điếu cơ bản, nên để tôi nói thật với anh suy nghĩ của mình. Phải, rất có khả năng có một gã đàn ông dưới cầi đêm hôm đó. Thậm chí có khi hẳn mặc bộ đồ của tên hề, dù theo kinh nghiệm làm việc với nhân chứng từ trước đến nay của tôi, chắc đó chỉ là một gã bợm nhậu hoặc một kẻ đầu đường xó chợ mặc mấy bộ đồ mà người ta đã bỏ đi mà thôi. Tôi đoán hẳn mò xuống đấy xem có xu lể nào bị rơi hoặc đồ ăn thừa - ví dụ như nửa cái bánh mì kẹp người ta ăn dở rồi vứt xuống, hoặc vụn bánh dưới đáy bịch bim bim Frito hay không. Còn lại đâu là do mắt của họ tự biên tự diễn, Harold. Anh thấy như vậy có khả

dĩ không?”

“Tôi không biết,” Harold thành thật. Anh rất muốn xuôi theo, nhưng sau khi nghe hai bản đối chiếu lời khai ăn khớp đến thế... không. Anh không thấy đi đâu đó khả dĩ.

“Thôi, chốt lại là thế này. Tôi không quan tâm đó là Thăng hề Kinko hoặc một gã vận độ Chú Sam đi cà kheo hay Bổng chúa Vui về Hubert. Nếu ta đưa nhân vật này vào vụ án, luật sư của bị cáo sẽ vin vào đó trước khi anh kịp ú ớ mô tê. Luật sư sẽ biện hộ cho hai con cừu ngây thơ bé nhỏ kia, với mái tóc mới cắt và bộ quần áo mới đo, chẳng làm gì ngoài việc ném anh chàng đồng tính Mellon xuống cầu cho vui. Anh ta sẽ chỉ ra rằng Mellon vẫn còn sống sau khi rơi xuống, bởi họ có lời khai của Hagarty và Unwin để chứng minh cho việc này.

Ồi trời đất ơi, té ra thân chủ của anh ta không phạm tội giết người! Thủ phạm là một tên điên mặc bộ đồ hề. Nếu ta đưa tình tiết này vào, mọi chuyện sẽ đi theo hướng đó, anh biết vậy mà.”

“Đằng nào thì Unwin cũng sẽ khai ra chi tiết này.”

“Nhưng Hagarty thì không,” Boutillier nói. “Vì anh ta hiểu tình thế. Nếu Hagarty không hé miệng thì ai tin Unwin?”

“Chà, có tôi và ông,” Harold Gardener nói chát chúa đến độ bản thân anh cũng bất ngờ. “Nhưng tôi nghĩ còn lâu chúng ta mới khai ra.”

“Ồi trời, tôi xin cậu!” Boutillier rống lên, tay khua loạn xạ. “Chúng giết người đấy! Cậu tưởng chúng nó chỉ quăng anh ta xuống à - Garton có con dao gấp. Mellon bị đâm bảy nhát, trong đó có một nhát vào phổi trái và hai nhát vào tinh hoàn. Vết thương hoàn toàn trùng khớp với con dao. Nạn nhân bị gãy bốn xương sườn – là do Dubay, hắn ta siết người Mellon lại. Đúng là anh ta còn bị cắn. Có vết cắn trên tay, trên má trái và cổ. Tôi đoán

là trò của Unwin và Garton, dù chỉ có một vết là khớp rõ ràng nhưng chắc không đủ để làm bằng chứng trước tòa. Và đúng thật, phần rách phải của nạn chân bị xẻo mất một miếng thịt rõ to, nhưng thế thì sao? Có khi một trong ba kẻ thủ ác có sở thích cắn phá. Khéo hấn còn dựng hết cột cờ lên lúc cắn ấy chứ. Tôi đoán đó là Garton, dù chẳng bao giờ ta chứng minh được đúng sai. Thêm nữa, Mellon cũng bị sút mất phần daí tai.”

Boutillier ngưng bật, nhìn chằm chằm vào Harold.

“Nếu ta đem chi tiết gã hề vào, còn lâu ta mới trường trị thích đáng được bọn chúng. Cậu có muốn vậy không?”

“Không, tôi nói rồi mà.”

“Nạn nhân là một anh chàng đờng bóng, nhưng anh ta nào hãm hại ai,” Boutillier nói. “Và thế là dung dăng dung dẻ, bỗng dưng ba thằng côn đồ mang bột hãn hĩ xuất hiện, kết liễu đời anh ta. Tôi sẽ cho chúng đi tù một công, bạn hiền à, và nếu tôi nghe tin chúng nó vào Thomaston và bị lôi ra thông lỗ hậu, tôi sẽ gửi thiệp với lời nhắn gửi rằng tôi mong thằng đề chúng ra thông dính AIDS.”

Gắt vậy, Gardener nghĩ thầm trong đầu. *Kết án như thế cũng sẽ đánh bóng lý lịch cho ông trong hai năm tới, khi ông chạy đua lên chức chức gì.*

Nhưng anh bỏ đi mà không nói gì thêm, vì anh cũng muốn đâm sọt nhân đó vào tù bóc lịch.

18

John Webber Garton bị kết tội ngộ sát cấp độ một và thụ án mười tới hai mươi năm tù ở nhà tù bang Thomaston.

Steven Bishoff Dubay bị kết tội ngộ sát cấp độ một, lãnh án mười lăm năm ở nhà tù bang Shawshank.

Christopher Philip Unwin được xét xử riêng bởi hắn chưa tới tuổi thành niên, bị kết tội ngộ sát cấp độ hai. Hắn chịu án sáu tháng tại Cơ sở Huấn luyện ở Nam Windham dành cho nam, hưởng án treo.

Vào thời điểm những lời này được chấp bút, cả ba bản án đầu đang bị kháng cáo; có lẽ chẳng mấy chốc, rồi người ta sẽ lại thấy Garton và Dubay lang thang ngắm gái hoặc chơi trò ném vòng ở công viên Bassey, cách không xa địa điểm phát hiện thi thể của Mellon nổi lênh phênh bên một trụ cầu Phố Chính.

Don Hagarty và Chris Unwin rời khỏi thị trấn.

Tại phiên tòa chính – của Garton và Dubay – không ai đề cập đến gã hề

CHƯƠNG 3

SÁU CUỘC GỌI (1985)

1

STANLEY URIS ĐI TẮM

Về sau, Patricia Uris nói với mẹ rằng lý ra cô phải để ý đến dấu hiệu bất thường ngay từ đầu. Cô nói đáng lẽ cô phải biết đi đâu đó vì Stanley *không bao giờ* đi tắm vào chập tối. Anh tắm vào mỗi buổi sáng sớm và thỉnh thoảng ngâm mình khá muộn (một tay cầm tạp chí, tay kia cầm lon bia lạnh), nhưng đi tắm lúc 7 giờ tối không phải thói quen của anh.

Chưa kể còn chuyện mấy cuốn sách. Bình thường, đáng lẽ anh sẽ rất vui mừng, song chẳng hiểu vì lý do kỳ quặc gì, chúng lại khiến anh buồn lòng và u uất. Chừng ba tháng trước cái đêm oan nghiệt ấy, Stanley đã phát hiện một người bạn thuở ấu thơ của anh sau này hành nghề viết lách – không phải báo chí mà là viết tiểu thuyết. Cái tên đề trên các tác phẩm là William Denbrough, nhưng thỉnh thoảng Stanley lại gọi người này là Bill Cà Lăm. Chồng cô đọc gần hết các đầu sách của tác giả này; và thật ra anh cũng đang đọc nốt cuốn cuối cùng vào cái đêm trong bồn tắm – đêm 28 tháng 5 năm 1985. Vì tò mò, Patty cũng chọn đại một cuốn để đọc thử. Song sau ba chương, cô từ bỏ việc đọc tiếp.

Hồi sau, cô kể với mẹ mình rằng chúng không phải những cuốn tiểu thuyết bình thường mà là tiểu thuyết kinh dị. Cô chỉ nói đơn giản như vậy, tựa hồ cô đang mô tả một cuốn sách khiêu dâm. Patty là một phụ nữ nhẹ nhàng và tốt bụng song vụng ăn nói – cô muốn kể với mẹ rằng cuốn sách đó khiến cô kinh sợ và bụng dạ khó chịu đến mức nào, nhưng bất lực. “Nó đầy quái vật,” cô tả. “Cả đồng quái vật săn đuổi trẻ con. Nội dung có cảnh giết chóc và... con không biết nữa... những cảm xúc rất tồi tệ và đau đớn. Nhìn chung là thế.”

Thật ra, cô còn thấy nó kinh khủng chẳng kém gì sách khiêu dâm; hai từ “khiêu dâm” nghe thật lạ lẫm, phần vì cả đời mình cô chưa bao giờ thốt ra từ này, dù cô hiểu rõ ý nghĩa của nó. “Nhưng Stan như tìm được bạn cũ sau nhiều năm xa cách... Anh ấy còn đề cập đến việc viết thư cho người này, nhưng con biết anh ấy chỉ nói thế thôi... Con biết anh ấy cảm thấy rất thật kinh khủng khi đọc những câu chuyện ấy, và... và...”

Và rồi Patty Uris òa lên nước nở.

Đêm ấy, chừng sáu tháng nữa là tròn hai mươi tám năm kể từ cái ngày năm 1957 khi cậu bé George Denbrough đối mặt với Gã hề Pennywise, Stanley và Patty ngồi trong phòng nghỉ của căn nhà nằm ở ngoại ô Atlanta. Ti vi đang mở. Patty ngồi trên chiếc sofa ngay trước màn hình, tay thì đan móc, mắt thì hướng về chương trình truyền hình ưa thích mang tên *Gia Đình Feud*. Cô ái mộ Richard Dawson và thấy dây đồng hồ quả quýt anh này hay mang quyền rũ khủng khiếp, dù có cạy răng cũng đừng hòng khiến cô thú nhận điếu này. Cô thích chương trình vì lúc nào cô cũng đoán ra câu trả lời được ưa chuộng nhất (thật ra không có câu trả lời đúng trong *Gia Đình Feud*; chỉ có câu trả lời được ưa chuộng nhất). Cô từng hỏi Stan tại sao những câu hỏi cô thấy dễ như trở bàn tay mà mấy gia đình tham gia chương trình lại vô đầu bứt tai đến thế. “Có lẽ khi đứng dưới ánh đèn sân khấu thì khó khăn hơn,” Stanley đáp, và cô cảm thấy mặt anh sa sầm lại. “Mọi thứ khó hơn rất nhiều khi thực sự lâm trận. Đến lúc đó, ai chẳng ngợp. Vào trận mới gian nan em ạ.”

Nghe có vẻ đúng phết, cô thầm nghĩ. Thịnh thoảng, Stanley có những góc nhìn rất sâu sắc về bản chất con người. Cô còn thấy góc nhìn ấy tinh tế hơn hẳn người bạn cũ William Denbrough của chồng mình, kẻ làm giàu bằng cách viết cả đồng sách kinh dị nhằm khơi gợi bản chất thiên về phần con chứ chẳng phải phần người.

Nhưng tính ra thì vợ chồng nhà Uris cũng có thua kém ai đâu! Vùng ngoại ô

họ sống là một nơi tuyệt vời, căn nhà họ mua với giá 87.000 đô-la vào năm 1979 hiện giờ dư sức bán với giá 165.000 đô-la - nói vậy không có nghĩa là cô muốn bán, cô chỉ nắm thông tin như vậy thôi. Nhiều lần, khi lái chiếc Volvo từ trung tâm thương mại Fox Run về nhà (Stanley lái Mercedes – cô suốt ngày trêu anh bằng cách gọi chiếc xe là Sedanley), cô trông thấy căn nhà của mình lấp ló đầy nhả nhả phía sau bờ giậu thủy tùng thấp và tự nhủ trong lòng: *Ai sống ở đó thế nhỉ? Sao, là tôi đấy! Là phu nhân của quý ông Stanley Uris đấy!* Thật ra, suy nghĩ này không chỉ khiến cô sung sướng, mà đan xen bên trong là niềm kiêu ngạo mãnh liệt đến độ lắm lúc cô thấy dợn trong người. Chuyện là thế này, ngày xưa ngày xưa, có một cô thiếu nữ mười tám tuổi cô đơn tên là Patricia Blum. Vào hôm tổ chức tiệc khiêu vũ, bạn bè không cho cô tham dự tăng hai ở câu lạc bộ sang trọng mạn trên thị trấn vùng ngoại ô Glointon, New York. Lý do mọi người tẩy chay cô là vì họ của cô vẫn với từ plum, quả mận. Vâng, cô của năm 1967 là thế, một quả mận Do Thái gầy trơ xương, và tất nhiên hành vi phân biệt đối xử ấy là vi phạm luật pháp, nhưng bây giờ cô không phải chịu cảnh như thế nữa. Song một phần trong cô vẫn day dứt *khôn nguôi* về chuyện xưa. Một phần trong cô mãi đau đáu nhớ đến cảnh cô cùng Michael Rosenblatt đi bộ về phía chiếc xe ô tô của bố anh với tiếng sỏi lạo xạo dưới đôi cao gót cô mang và đôi giày tây anh mượn. Michael đã mượn chiếc xe đó và dành nguyên buổi chiều kỳ công ngồi đánh bóng. Một phần trong cô sẽ mãi nhớ cảnh sánh bước cùng Michael trong bộ đồ dự tiệc màu trắng anh đi thuê – cô vẫn nhớ nó lấp lánh ánh lên trong đêm xuân tơ năm ấy! Cô khoác trên mình chiếc váy dài màu xanh nhạt mà mẹ nói rằng cô trông như một nàng tiên cá, và ý tưởng một nàng tiên cá Do Thái nghe buồn cười đấy chứ. Hai người bọn họ ngẩng cao đầu bước đi và cô nhất quyết không rơi lệ – lúc ấy thì không - nhưng tận trong thâm tâm, cô biết họ không *bước về*, không, thật ra chẳng phải thế; đi đâu họ đang làm là *thối lui, thối lui*, vì nó rõ là vẫn với *thúi hôi*. Cả đời họ chưa bao giờ cảm thấy mình là dân Do Thái đến vậy, họ thấy

mình như kẻ càn đồ, kẻ đánh xe bò, cảm thấy mình nhóp nhúa, với cái mũi dài ngoằng, làn da như chết trôi; thấy mình như đám Do Thái đáng tởm mọi rợ; muốn nổi điên lên nhưng lại chẳng tức giận được; cơn giận chỉ đến sau đó, khi sự đã rồi. Phút giây ấy, cảm xúc duy nhất trong lòng cô là nhục nhã, là đau đớn cùng cực. Và rồi có kẻ phá lên cười nhạo báng. Tiếng cười khanh khách, chói tai tựa hồ tiếng dương càn lướt vội, ngồi trong xe, cô mới dám òa lên khóc, thế đấy, nàng tiên cá Do Thái với cái tên vẫn với *quả mận* giữa nước mắt. Mike Rosenblatt vụng về đặt tay lên gáy an ủi cô, nhưng cô xoay người quay đi, cảm thấy bẽ bàng, nhớ nhuốc, cảm thấy thật Do Thái.

Căn nhà lọt thỏm duyên dáng phía sau bờ giậu thủy tùng khiến cô ngơ ngai... nhưng chỉ phần nào. Sự tổn thương, nỗi tủi hổ vẫn còn đó, và giờ đây, dù cô đã tìm được chỗ đứng cho mình nơi khu phố yên tĩnh, hào hoa phong nhã này, cảnh tượng cô bước về chiếc xe với tiếng sỏi lạo xạo dưới chân vẫn giày xé tâm can cô đến vô ngần. Ngay cả việc là thành viên của câu lạc bộ sang trọng này, nơi vị quản lý luôn kính cẩn nghiêng mình chào vợ chồng họ “Kính chào quý ông quý bà Uris”, cũng chẳng khiến cô ngơ ngai. Trên đường về nhà, yên vị trong chiếc xe Volvo 1984, hướng mắt nhìn về căn nhà nhả nhặn giữa bãi cỏ xanh rờn mênh mông, nhiều lúc, à mà không, rất nhiều lúc, cô lại nghĩ về tiếng cười khanh khách chói tai ấy. Và cô thầm trù ẻo con ả đã ré lên cười khi đó giờ đang sống trong căn nhà tập thể xập xệ, cưới một gã không phải dân Do Thái vũ phu, rằng con ả ấy có thai ba lần và sẩy cả ba, rằng chồng ả ta lang chạ với đám mèo mả gà đồng bệnh tật đầy mình, rằng ả bị treo đĩa khớp, bàn chân bết, bị u nang trên cái lười khanh khách đầy như bồn ả.

Cô hay giày vò bản thân vì những suy nghĩ này, những suy nghĩ ác nghiệt và tự hứa với lòng mình sẽ thay đổi – rằng cô sẽ thôi uống những ly cocktail chua chát đầy nghiệt ngã, cay đắng. Cô giữ tâm hồn mình không vọng động được vài tháng. Khi đó, cô tự nhủ: *Mình đã vượt qua những sự kiện ấy rồi. Mình không còn là con bé mười tám tuổi năm ấy nữa. Mình là một phụ nữ ba mươi*

sáu tuổi, cô gái lắng nghe tiếng sỏi lạo xạo bất tận trên đường lái xe, cô gái xoay người né khỏi tay Mike Rosenblatt lúc anh cố gắng an ủi vì đó là tay của người Do Thái, cô gái ấy đã cách mình nửa cuộc đời. Nàng tiên cá ngu xuẩn bé nhỏ năm nào giờ đây đã chết. Giờ mình có thể quên cô gái ấy đi và sống đúng với bản thân. Được rồi. Tốt lắm. Tuyệt vời. Nhưng rồi tình cờ cô đi đâu đó – ở siêu thị chẳng hạn và bất chợt nghe thấy tiếng cười khanh khách ở lối đi bên cạnh, lưng cô lại gai lên, ngực cô cứng nhói, tay cô siết chặt thanh nắm ngang của xe dừng hàng hoặc chỉ nắm rịt vào nhau, và suy nghĩ lại nảy lên trong cô: Có kẻ nào đó vừa gièm pha rằng mình là dân Do Thái, rằng mình chỉ là một ả Do Thái mũi to đáng ghét, rằng Stanley cũng chỉ là một thằng Do Thái mũi to đáng ghét, hẳn ta là kế toán do dân Do Thái giỏi số mà, chúng ta phải cho đám đầu tham gia vào câu lạc bộ là vì năm 1981, cái lão bác sĩ phụ khoa Do Thái mũi to kia thắng kiện, nhưng mà nhé, chúng ta cứ cười nhạo chúng đi, cười cho đã, cho hả hê, cho sặc sụa vào. Hoặc bỗng dưng, văng vẳng trong tai cô là tiếng sỏi lạo xạo và suy nghĩ Nàng tiên cá! Mỹ nhân ngư! lại khởi lên trong lòng.

Patricia đang nhắc tới bác sĩ Mel Mermelstein. Ông là một người Do Thái gốc Hungary và là người duy nhất sống sót trong gia đình sau cuộc thảm sát tại trại tập trung Auschwitz. Năm 1981, ông đã thắng kiện ở tòa án Mỹ, chứng minh được người Do Thái đã bị sát hại bằng khí ga ở Auschwitz.

Để rồi bao cay đắng, tủi nhục lại ùa về như cơn đau nửa đầu, và cô thấy tuyệt vọng, không chỉ cho bản thân mà cho cả nhân loại. Người sói. Cuốn sách của Denbrough – cuốn mà cô đọc được dăm ba chương rồi bỏ xuống - viết về Người sói. Người sói, khốn kiếp. Gã đàn ông ấy thì biết cái quái gì về Người sói chứ?

Tuy nhiên, phần lớn thời gian, tâm trạng cô tươi tỉnh hơn – cô thấy mình hơn thế. Cô yêu chồn, yêu tổ ấm và cũng biết cách yêu cuộc đời và yêu bản

thân. Mọi thứ êm đẹp mà. Ngày xưa mọi sự làm gì được như thế, tất nhiên – thậm chí có bao giờ “được” chưa nhỉ? Khi cô chấp nhận nhẫn đính hôn của Stanley, bố mẹ cô vừa giận vừa khó chịu. Cô gặp anh ở bữa tiệc của câu lạc bộ thời đại học. Là một sinh viên được nhận học bổng của Đại học Bang New York, anh qua trường cô dự tiệc. Một người bạn chung giới thiệu họ với nhau, và đến hết buổi tối, cô đồ rằng mình đã yêu anh. Đến dịp nghỉ giữa kỳ thì cô chắc chắn về việc đó. Khi nàng xuân gõ cửa, Stanley trao cho cô một chiếc nhẫn kim cương nhỏ với bông hoa cúc xuyên ngang, cô gật đầu.

Cuối cùng, dù không bằng lòng, bố mẹ cô đành ưng thuận. Họ không thể làm gì khác, dù rồi đây, Stanley Uris sẽ dẫn thân vào thị trường lao động đầy rẫy các kế toán viên trẻ tuổi – và khi bước vào khu rừng rậm đó, anh không có tài chính gia đình để chống lưng, đã vậy lại còn phải tính đường chăm lo cô con gái rệu của họ. Nhưng Patty lúc này đã hăm hai tuổi, cô đã là một phụ nữ, và chẳng mấy chốc, cô cũng sẽ tốt nghiệp với tấm bằng cử nhân.

“Tôi sẽ phải chu cấp cho thằng bốn mắt chết bầm chết bầm đó cả đời mất.” Một đêm nọ, Patty nghe thấy bố mình nói như vậy. Bố mẹ cô ra ngoài ăn tối, và bố cô hơi quá chén.

“Suýt, con bé nghe thấy bây giờ,” Ruth Blum nói với chồng.

Đêm đó, Patty nằm thao thức đến hơn nửa đêm, mắt cô khô khốc, hết nóng lại lạnh, căm hận bố mẹ mình. Suốt hai năm sau, cô chật vật lột bỏ cảm giác ghét cay ghét đắng ấy, trong cô đã có quá nhiều căm hận rồi. Thành thạo, khi nhìn vào gương, cô bắt gặp hậu quả mà nỗi niềm ấy để lại, chưa gì gương mặt cô đã xuất hiện những nếp nhăn rất mạnh mà cảm xúc ấy vẽ lên. Cô đã thắng trận chiến đó với sự giúp đỡ của Stanley.

Bố mẹ anh cũng lo lắng cho cuộc hôn nhân của con trai mình. Tất nhiên, họ không nghĩ cái số Stanley cả đời sẽ chịu cảnh đói rách cơ hàn, nhưng họ nghĩ “hai đứa trẻ có phần vội vã”. Nói người chẳng nghĩ đến thân, Donald Uris và

Andrea Bertoly cũng kết hôn từ thuở đôi mươi nhưng hình như họ quên mất đi đâu đó thì phải.

Stanley là người duy nhất tin vào bản thân, hữu chí về tương lai, chẳng hề lung lạc trước những thác ghềnh mà bố mẹ họ thấy đang trải ra trước mặt “hai đứa trẻ”. Và rốt cuộc, sự tự tin của anh đã được chứng thực chứ không phải trở thành nỗi lo của bố mẹ. Tháng Bảy năm 1972, khi tấm bằng còn chưa kịp ráo mực, Patty kiếm được một công việc dạy tốc ký và tiếng Anh thương mại ở Traynor, một thị trấn nhỏ cách Atlanta hơn sáu mươi cây số về phía nam. Khi nghĩ lại quá trình mình có được công việc này, lúc nào cô cũng thấy đôi chút – chắc, kỳ lạ. Cô soạn một danh sách chừng bốn mươi công việc khả dĩ từ các quảng cáo trên tạp chí giáo viên, sau đó viết bốn mươi lá thư trong vòng năm đêm – tám bức mỗi đêm - yêu cầu có thêm thông tin về công việc và đơn ứng tuyển. Cô nhận được hai mươi hai phản hồi cho hay vị trí đã có người đảm nhiệm. Một số quảng cáo khác, sau khi đọc bản mô tả chi tiết kỹ năng cần có, cô nhận thấy mình không đủ tầm; ứng tuyển chỉ tổ tốn thời gian của cô và họ. Cô hoàn thành đơn cho chừng chục vị trí. Cái nào nhìn cũng tỉ mỉ năng như cái nào. Stanley bước vào lúc cô đang rối như canh hẹ, tự hỏi liệu mình có thể xoay sở đi đến hết chục đơn xin làm giáo viên này mà không phát khùng hay không. Anh nhìn xấp giấy vương vãi trên bàn, đoạn chạm vào bức thư từ giám đốc trường Traynor, một bức thư chẳng nổi bật cũng chẳng mờ nhạt hơn những bức thư khác.

“Đây,” anh nói.

Cô ngược nhìn anh, giật mình trước giọng điệu chắc nịch đầy chân phương của chàng. “Anh biết gì về Georgia mà em không biết à?”

“Không. Anh chỉ biết đến nơi đó qua phim ảnh thôi.” Cô nhìn anh, nhướng mày.

“*Cuốn theo chiều gió* [cuon]. Vivien Leigh. Clark Gable. ‘Tôi sẽ nghĩ về

đi đầu đó vào ngày mai, vì ngày mai là một ngày khác.’ Nghe anh có giống dân miền Nam không, Patty?”

Tựa Việt của cuốn *Gone with the Wind*.

“Vâng. Nam Bronx. Nếu anh không biết gì về Georgia, cũng chưa từng tới đó, vậy tại sao...”

“Vì nó hợp.”

“Sao anh biết được đi đầu đó chứ, Stanley.”

“Có chứ,” anh nói ngắn gọn. “Anh *biết* mà.” Nhìn anh, cô nhận ra anh không đùa: anh nghiêm túc khi nói vậy. Cô cảm giác có chút bứt rứt lẫn tấn gọn sau lưng mình.

“Làm sao anh biết?”

Từ nãy đến giờ, anh vẫn khe khẽ mỉm cười. Nhưng nụ cười ấy chợt lung lay, và anh thoáng bối rối. Mắt anh tối sầm lại, như thể anh đang nhìn vào trong, viện hồi một công cụ đang tích tắc đầu đần, nhưng anh lại chẳng hiểu cách thức nó hoạt động, như người bình thường không hiểu cơ chế của chiếc đồng hồ đeo trên cổ tay mình.

“Con Rùa không giúp được ta,” đột nhiên anh thốt lên. Từng lời phát ra rành mạch. Cô nghe thấy rõ mồn một. Cái nhìn vào trong đó, đầy ngạc nhiên-vẫn nán lại trên mặt anh, và nó bắt đầu làm cô thấy sợ.

“Stanley? Anh nói gì vậy? *Stanley*?”

Anh giật bắn người. Cô đang ăn dở mấy quả đào trong lúc viết đơn, và tay anh hất phải đĩa. Chiếc đĩa rơi xuống sàn nhà vỡ toang. Đôi mắt anh như tỉnh trở lại.

“Ôi trời! Anh xin lỗi.”

“Không sao đâu. Stanley – nãy anh nói gì thế?”

“Anh quên rồi,” anh qua loa. “Nhưng anh nghĩ mình nên cân nhắc về

Georgia, em yêu ạ.”

“Nhưng...”

“Tin anh đi,” anh nói, và cô làm theo.

Cuộc phỏng vấn của cô diễn ra tốt đẹp ngoài mong đợi. Ngồi trên tàu về lại New York, cô biết mình sẽ nhận được công việc này. Trưởng khoa Kinh doanh có cảm tình với Patty ngay lập tức, và cô cũng thế, thậm chí cô còn nghe thấy tiếng khớp đánh cạch giữa hai người. Chừng một tuần sau, thư xác nhận đến. Trường công Hợp nhất Traynor đề nghị mức lương 9.200 đô-la và hợp đồng thử việc.

“Con tính chết đói sao?” Herbert Blum cần nhẫn khi nghe con gái nói mình dự định sẽ nhận việc. “Đã vậy lại còn vừa chịu nóng vừa chết đói nữa chứ.”

Cô đem lời bố nói kể với Stanley thì anh bảo, ["Vớ vẩn lẫn lộn, Scarlett à."](#) Trước đó, cô tức điên người, đến mức rơm rớm nước mắt, nhưng nghe anh nói xong, cô phì cười, và Stanley kéo cô vào lòng.

Câu gốc là “Fiddle-dee-dee”, lời thoại này là của nhân vật Scarlett Hara (do Vivien Leigh thủ vai) trong bộ phim *Gone with the Wind* của đạo diễn Victor Fleming (1939).

Về nóng thì rất đúng, nhưng chết đói thì không. Họ lên xe hoa vào ngày 19 tháng 8 năm 1972. Patty Uris động phòng hoa trức khi còn trinh nguyên. Cô cởi bỏ xiêm y giữa tấm trải giường mát lạnh ở một khách sạn nghỉ dưỡng tại Poconos, tâm trạng dậy sóng và bão giông - ham muốn như tia chớp lóe lên, nhục dục ngọt ngào, sợ hãi như mây đen. Khi Stanley nhẹ nhàng bước vào giường, nằm bên cạnh cô, cơ bắp lực lưỡng, dương vật của anh như dấu chấm than chói sáng từ lớp lông vàng nhạt, cô thì thầm: “Đừng làm em đau nhé, anh yêu.”

“Anh sẽ không bao giờ làm em đau,” anh nói khi ôm cô vào lòng, và đó là lời hứa anh chân thành giữ vững cho đến ngày 27 tháng 5 năm 1985 – cái đêm

trong bồn tắm.

Nghề giáo của cô rất suôn sẻ. Stanley kiếm được công việc lái xe tải bánh mì với mức lương 100 đô-la một tuần. Tháng Mười một năm đó, khi trung tâm thương mại Traynor Flats khai trương, anh nhận được một công việc ở văn phòng H&R Block ở đó, lương 150 đô-la một tuần. Thu nhập của cả hai vợ chồng lúc đó là 17.000 đô-la một năm – đối với họ, số tiền ấy như cả một gia tài, nhưng đó là những năm tháng xăng có giá 35 xu một thùng, một ổ bánh mì trắng chưa tới 5 xu. Vào tháng Ba năm 1973, không om sòm, chẳng ầm ĩ, Patty Uris bỏ thuốc tránh thai.

Năm 1975, Stanley nghỉ việc ở H&R Block và tự mở công ty riêng. Bố mẹ đôi bên đều đồng tình cho rằng đây là một nước cờ đại dột. Không phải Stanley không nên tự gây dựng cơ nghiệp riêng - ai chẳng mong anh lập công ty riêng kia chứ! Nhưng họ cho rằng hành động này là quá sớm, và nó tạo quá nhiều áp lực tài chính lên Patty. (“Thế nào khi thằng ăn hại đó làm con bé dính bầu,” Herbert Blum sừng sừ nói với anh trai của mình vào một đêm nhậu trong bếp, “em cũng phải cuu mang đám chúng nó.”) Các ông bố bà mẹ cho rằng đàn ông tốt nhất không nên *nghĩ* đến chuyện tự lập công ty riêng cho đến khi đã đủ trưởng thành và già đời hơn – bảy mươi tám tuổi chẳng hạn.

Một lần nữa, Stanley vẫn vững như kiềng ba chân. Anh còn trẻ, thân thiện, sáng sủa và khéo léo. Trong thời gian làm cho Block, anh mở rộng quan hệ với nhiều người. Những đi đầu đó chẳng khác nào lộc trời cho. Nhưng anh không hề biết Corridor Video, một công ty tiên phong trong mảng kinh doanh băng video còn non trẻ, sẽ xây dựng công ty trên một miếng đất căn cõi do cạnh tác quá độ cách căn nhà vợ chồng Uris chuyển đến năm 1979 chưa tới mười lăm cây số; anh cũng chẳng thể nào biết chừng một năm sau khi chuyển về Traynor, Corridor sẽ thực hiện một bản khảo sát thị trường độc lập. Mà dù có biết những thông tin này đi nữa, chắc hẳn còn khuya anh mới tin họ sẽ giao công việc ấy

cho một chàng trai Do Thái cận thị, tình cờ lại là dân miền Bắc - tay Do Thái lúc nào cũng cười xòa, đi hơi cà nhắc, thích mặc quần jean ống loe vào ngày nghỉ, trên mặt còn lấm tấm vết thâm mụn thời dậy thì. Thế mà họ lại tuyển anh. Thật là vậy. Như thế Stan đã biết tất cả từ trước.

Sau khi cộng tác với Corridor Video, anh được đề nghị trở thành nhân viên toàn thời gian với mức lương khởi điểm 30.000 đô-la một năm.

“Và đó thật ra mới chỉ là bắt đầu thôi,” đêm ấy, Stanley nói với Patty trên giường. “Tháng Tám này, họ sẽ phát triển như vũ bão, em ạ. Nếu không có công ty nào bùng nổ cả thế giới trong chừng mười năm nữa, họ sẽ lừng lững sánh ngang với các ông lớn như Kodak, Sony và RCA.”

“Vậy anh dự tính làm gì?” cô hỏi, dù đã biết câu trả lời.

“Anh sẽ nói với họ rằng được làm việc với họ quả là một vinh dự của anh,” anh đáp và phá lên cười, kéo cô lại gần, hôn thật sâu. Chốc sau, anh đã ở trên cô, họ lên đỉnh - một lần, hai lần, rồi ba lần, như pháo hoa sáng lóa trên bầu trời đêm... nhưng mãi chẳng có con.

Công việc với Corridor Video cho anh cơ hội tiếp xúc với một vài người tiền triệu bạc vạn và quyền uy nhất Atlanta – và hai vợ chồng rất bất ngờ khi thấy hầu hết bọn họ rất tốt tính. Ở tầng lớp đó, vợ chồng cô tìm được sự chấp nhận, tấm lòng rộng mở mà có tìm đồ mắt ở dân miền Bắc cũng không thấy. *Những người giàu nhất, kiệt xuất nhất nước Mỹ sống ở Atlanta, Georgia. Anh sẽ giúp một số người bọn họ giàu có hơn, họ cũng sẽ giúp anh giàu có hơn, và anh sẽ được thỏa sức vẫy vùng, anh không thuộc về ai, trừ người bạn đời Patricia, và vì nàng cũng thuộc về anh, nên anh thấy như vậy là ổn thỏa.*

Vào thời điểm họ rời Traynor, Stanley đã hợp thành công ty và tuyển dụng sáu nhân viên. Năm 1983, thu nhập của hai người tiến vào lãnh địa chưa từng khai phá – lãnh địa mà Patty chỉ lờ mờ nghe phập phồng đồn thổi. Ấy là vùng đất trong truyền thuyết của sáu chữ số. Tất cả những điều này xảy đến đơn

giản và dễ dàng như việc cô xỏ chân vào đôi giày thể thao mỗi sáng thứ Bảy. Mọi thứ suôn sẻ đến độ thỉnh thoảng cô hoảng sợ. Có lần cô đùa đây sống sượng về việc trao linh hồn cho quỷ dữ. Stanley cười lăn cười bò, tí thì sặc, nhưng cô chẳng thấy vui chút nào, bất kể là lúc ấy hay sau này.

Con Rùa không giúp được ta.

Thỉnh thoảng, chẳng vì lý do gì, cô tỉnh giấc với suy nghĩ ấy trong đầu, như mảnh vỡ cuối cùng của một giấc mơ bị lãng quên còn sót lại, và cô sẽ quay sang Stanley, chợt thấy cần chạm vào anh, cần khẳng định anh vẫn ở đó.

Đó là một cuộc hôn nhân tốt đẹp – họ không bù khú rượu chè, không lang chạ bên ngoài, không ma túy, không buồn chán, không lời qua tiếng lại. Chỉ có một bóng mây duy nhất. Và mẹ cô chính là người đầu tiên nhắc đến sự hiện diện của bóng mây này. Giờ ngẫm lại, việc mẹ cô là người đầu tiên làm vậy rõ là đi ền hung. Nó được viết thành câu hỏi trong thư Ruth Blum gửi con. Tuần nào bà cũng viết cho Patty một bức thư, và lá thư ấy đến vào chớm thu năm 1979. Nó được chuyển cho cô từ địa chỉ Traynor cũ, Patty ng ồi đọc nó trong phòng khách chất đầy những thùng rượu các tông, bên trong chứa ngập đồ đạc của họ, trông cô đơn côi, chênh vênh và bơ vơ.

Nhìn chung, nó cũng như bao bức thư mà Ruth Blum gửi từ nhà: bốn trang nghìn nghịt chữ mực xanh, mỗi trang đề *Lời nhắn nhủ của mẹ*. Chữ bà viết như gà bới, đến độ có lần Stanley cần nhắc rằng anh không tài nào đọc được một chữ của mẹ vợ. “Anh đọc làm gì?” Patty bật lại.

Bức thư này cũng tràn ngập tin tức thường ngày của mẹ cô, bởi nếu so sánh thì trí nhớ của Ruth Blum chẳng khác nào một đồng bằng rộng lớn, trải dài từ hiện tại đến hằng hà sa số mối quan hệ đan xen. Rất nhiều người mà mẹ nhắc đến trong thư đã bắt đầu phai nhạt trong ký ức của Patty tựa bức hình trong cuốn album cũ, nhưng đối với Ruth, tất cả bọn họ vẫn vô cùng rõ nét. Mẹ cô lúc nào cũng lo lắng về tình hình sức khỏe của hai vợ chồng, tò mò về những

thứ họ làm, và lần nào cũng như lần nào, bà tiên lượng bệnh tật cho họ hết sức hiểm nghèo. Bố cô vẫn hay bị đầy bụng. Ông dám chắc đó chỉ là chứng khó tiêu, còn bà viết trong thư rằng ông chẳng nghĩ đến khả năng mình bị viêm loét cho đến khi thực sự thổ huyết, mà có khi đến nước ấy ông cũng vẫn bình chân như vại. *Con biết bố con rồi đấy – ông ấy làm việc như trâu, lắm lúc cũng suy nghĩ như trâu, ôi phải phui cái mồm của mẹ. Randi Harlengen thất ống dẫn trứng rồi, người ta lấy từ buồng trứng bà ấy u nang to như quả bóng golf, tạ ơn Chúa là không có khối u nào ác tính cả, nhưng có cả thấy hai mươi bảy khối u trong buồng trứng, chưa chết là may đấy!* Mẹ cô khẳng định chắc nịch nguyên nhân là do nguồn nước của thành phố New York - đúng là không khí ở đó rất ô nhiễm, nhưng mẹ cô nghĩ nước mới là tác nhân ảnh hưởng nặng nề nhất qua thời gian. Nó tích tiểu thành đại trong cơ thể mỗi người. Bà còn nói không biết Patty có biết không, rằng bà đã bao lần cảm tạ Chúa vì “hai đứa bọn con” được sống nơi thôn dã, cả không khí và nguồn nước - quan trọng nhất là nguồn nước - đầu sạch sẽ hơn (với Ruth, khu vực phía Nam, trong đó có Atlanta và Birmingham, đầu là vùng quê). Dì Margaret lại đôi co với công ty điện. Stella Flanagan lại đi bước nữa, đúng là giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời. Richie Huber lại bị đuổi việc.

Và giữa tràng giang đại hải những lời tán dóc - nhiều khi ngỗ lêu đôi mách, giữa một đoạn văn, không mào đầu, chẳng dính dáng gì đến nội dung đáng kể, Ruth Blum băng quơ hỏi Câu hỏi Hành xác: “Thế khi nào con và Stan mới cho bố mẹ lên chức ông bà ngoại đây? Bố mẹ nên có cháu lắm rồi đấy (tra gái đầu được). Và trong trường hợp con không để ý, Patty à, bố mẹ cũng lớn tuổi rồi.” Sau đó, bà tiếp tục kể chuyện cô con gái nhà Bruckner sống dưới phố bị trường đưa về nhà vì tội không mặc áo ngực mà khoác chiếc áo thiếu đi đầu thấy hết bên trong.

Với tâm trạng hăm hiu, da diết nhớ căn nhà cũ ở Traynor, cảm thấy mệt lung và sợ hãi khi nghĩ về tương lai phía trước, Patty bước vào căn phòng sắp

sửa được dùng làm phòng ngủ, nằm xuống nệm (bục kê nệm vẫn để ngoài gara, còn tấm nệm nằm chổng chơ giữa sàn nhà rộng thênh thang không trải thảm, trông chẳng khác nào một món đồ trôi dạt vào bờ biển vàng kỳ cục). Cô gục đầu lên tay, khóc như mưa gần hai mươi phút. Cô đoán hẳn sẽ đến lúc mình trào nước mắt. Bức thư của mẹ chỉ khiến đi đầu đó xảy ra nhanh hơn, giống như bụi chui tọt vào mũi ta và trở ra qua một cái hắt hơi.

Stanley muốn có con. *Cô cũng thế*. Họ tâm đầu ý hợp về vấn đề này, như cách họ thường thức các bộ phim của Woody Allen, việc họ đến giáo đường Do Thái tương đối đều đặn, khuynh hướng chính trị, việc họ không thích cần sa và cả tỉ những đi đầu lớn nhỏ khác. Trong căn nhà ở Traynor có một phòng dư được họ chia đôi ngay giữa. Bên trái, anh kê một chiếc bàn làm việc và ghế để đọc sách; bên phải, cô đặt máy may và một chiếc bàn để chơi trò ráp hình. Hai người đồng thuận về căn phòng ấy đến độ chẳng mấy khi họ nhắc đến nó – chỉ đơn giản là căn phòng hiện diện ở đó, như mũi trên khuôn mặt hoặc chiếc nhẫn cưới trên tay trái. Một ngày nào đó, căn phòng ấy sẽ thuộc về Andy hoặc Jenny. Nhưng đứa trẻ ấy nơi nao? Máy may, giỏ đựng vải, bàn xếp hình, bàn làm việc và chiếc ghế hãng La-Z-Boy đầu lằm lũi ở đó, từ tháng này qua tháng nọ, củng cố vị thế của mình, ngày càng bén rễ trong phòng. Đó là suy nghĩ trong lòng cô, dù cô chưa bao giờ đào sâu suy nghĩ ấy; như cái từ *khiêu dâm*, ấy là khái niệm nhảy múa bên ngoài khả năng mừng tượng của cô. Nhưng cô vẫn nhớ, có lần nọ, khi đến chu kỳ kinh nguyệt, cô mở tủ dưới bồn tắm để lấy băng vệ sinh; cô nhìn chăm chăm vào hộp băng vệ sinh Stayfree và nghĩ cái hộp ấy trông thật láo toét, thiếu đi đầu như muốn nói: *Xin chào, Patty! Bọn con là con của mẹ đây. Bọn con là những đứa con duy nhất mà mẹ sẽ có, và bọn con đói rồi. Cho bọn con ăn đi. Cho bọn con ăn máu đi.*

Năm 1976, ba năm sau khi cô vứt bỏ vị thuốc Ovrall cuối cùng, họ đến gặp một vị bác sĩ mang tên Harkavay ở Atlanta. “Vợ chồng tôi muốn biết liệu có vấn đề gì không? Stanley nói, “và chúng tôi muốn biết liệu chúng tôi nên làm

gì nếu phát hiện ra vấn đề”

Họ tiến hành xét nghiệm. Kết quả cho thấy tinh trùng của Stanley rất khỏe, còn trứng của Patty rất dồi dào, các ống dẫn đều *khai thông* đúng chỗ.

Harkavay, vị bác sĩ không đeo nhẫn cưới, với khuôn mặt cởi mở, ôn hòa, hờ hững của một thạc sĩ vừa trở về sau khi trượt tuyết ở Colorado nhân dịp nghỉ giữa kỳ, giải thích với họ rằng có thể là do căng thẳng. Anh nói vấn đề như vậy rất phổ biến. Anh cho hay, về mặt tâm lý, những trường hợp này tương tự hiện tượng bất lực - càng muốn lại càng không làm được. Hai vợ chồng phải thoải mái. Nếu được, họ không nên nghĩ tới việc phải đậu thai khi quan hệ tình dục.

Stanley mặt nặng mày nhẹ trên đường về Patty hỏi anh làm sao.

“Anh *chẳng* bao giờ làm thế,” anh nói.

“Làm gì cơ?”

“Nghĩ đến chuyện đậu thai trong lúc quan hệ.”

Cô khúc khích cười, dù lúc ấy cảm giác cô độc và sợ hãi đã phần nào ùa vào lòng cô. Và đêm đó, khi cô trèo lên giường, cứ tưởng Stanley đã ngủ say thì anh làm cô hết hồn khi đột nhiên lên tiếng trong bóng đêm. Giọng anh đầu đầu, nhưng nghẹn ngào nước mắt. “Là anh,” anh nói. “Là tại anh.”

Cô xoay người về phía anh, ôm anh vào lòng.

“Đừng nói vớ vẩn như vậy,” cô trấn an anh. Nhưng tim cô đập thành thịch – đập quá nhanh. Anh không chỉ làm cô giật mình; dường như anh còn có thể nhìn vào tâm trí và đọc được suy nghĩ bí mật cô ghim trong đầu, nhưng đến tận phút giây ấy, cô không hề ý thức được. Không nhạc điệu, không lý do, cô cảm giác - cô biết - rằng anh đúng. Có điều gì đó không ổn, mà vấn đề không nằm ở cô. Là do anh. Có khuyết sót nơi anh.

“Anh đừng nói linh tinh như thế,” cô thì thầm giằng xé nơi vai anh. Anh hơi đỏ mặt, và cô chợt nhận ra anh đang sợ. Nỗi sợ túa ra từ anh thành những

đợt sóng lạnh lẽo, nằm khỏa thân bên cạnh anh bỗng chốc chẳng khác nào lờ trước tủ lạnh đang mở.

“Anh không linh tinh và cũng không nói vớ vẩn,” anh nói với cùng giọng điệu đó, vừa đầu đầu vừa vỡ òa cảm xúc, “Và em biết mà. Lý do là tại anh. Nhưng anh không biết tại sao.”

“Ai mà biết được những đi đầu đó chứ.” Giọng cô gay gắt, la rầy - giống như giọng của mẹ cô khi bà sợ hãi. Và thậm chí, khi gắt gỏng với anh, cô rùng mình, trở người quần quai. Stanley cảm nhận được đi đầu đó và đôi tay anh siết chặt lấy cô.

“Thi thoảng,” anh nói, “thi thoảng anh nghĩ mình biết lý do tại sao. Thi thoảng anh nằm mơ thấy ác mộng, anh tỉnh giấc và nghĩ, “Mình biết rồi. Mình biết sai lệch ở đâu rồi? Không chỉ với việc không có thai mà là tất cả. Tất cả những sai lệch trong đời anh.”

“Stanley, đời anh *không* có gì sai lệch hết!”

“Ý anh không phải là từ bên trong,” anh giải thích. “Bên trong thì ổn. Nhưng anh đang nói đến *bên ngoài* cơ. Thứ lý ra phải kết thúc mà vẫn còn đang dang dở. Anh tỉnh giấc sau cơn mơ và nghĩ, “Cả cuộc đời mưa thuận gió hòa của mình hóa ra chỉ là mắt của một cơn bão mà mình không tài nào lý giải nổi? Anh sợ lắm. Nhưng rồi nó... phai đi. Như những giấc mơ thường thế.”

Cô biết đôi khi anh nằm mơ thấy ác mộng. Năm sáu lần anh làm cô tỉnh giấc, tay chân quơ quàng, miệng rên rỉ. Có lẽ những lần khác, cô ngủ quá say, không hay biết những khoảng đen tối ấy nơi anh. Lần nào cô vươn tới hỏi, anh đầu đáp một câu y chang: *Anh không nhớ*. Và rồi anh với lấy bao thuốc, ngẩng dậy trên giường châm thuốc, chờ đợi dư âm còn sót lại của giấc mơ tủa ra lỗ chân lông như mồ hôi.

Không có con. Vào đêm ngày 28 tháng 5 năm 1985 - đêm trong bồn tắm - bố mẹ hai bên vẫn mong ngóng được lên chức ông bà. Căn phòng dư vẫn ở đó;

băng vệ sinh Stayfree ban đêm và ban ngày vẫn chiếm cứ vị trí thường thấy trong ngăn tủ dưới bồn rửa mặt, kỳ kinh vẫn đều đặn ghé thăm hằng tháng. Dù vẫn tất bật chuyện riêng nhưng mẹ cô phần nào ý thức được nỗi đau của con gái, bà thôi không hỏi han trong thư, giữ ý khi Stanley và Patty về New York chơi hai lần trong năm. Không ai lôi chuyện liệu đôi vợ chồng có uống vitamin E ra đùa nữa. Stanley cũng thôi không nhắc đến con cái, nhưng thỉnh thoảng, khi anh không biết vợ đang nhìn, cô bắt gặp bóng đen sa sầm trên gương mặt anh. Một bóng đen nào đó không rõ. Như thể anh đang tuyệt vọng tìm cách nhớ lại đi đâu rồi.

Ngoại trừ bóng mây ấy, cuộc sống hai vợ chồng vẫn đầm ấm cho đến đêm ngày 28 tháng 5, khi điện thoại đổ chuông trong lúc chương trình *Gia đình Feud* đang chiếu trên ti vi. Patty cầm cùi bên hai chiếc áo của Stan, hai chiếc áo khoác của cô, bộ đồ may vá và hộp đựng cúc kỳ quặc; Stanley cầm trên tay cuốn tiểu thuyết mới của William Denbrough, mới phát hành, thậm chí còn chưa có bản bìa mềm. Có một con quái vật đang nhe nanh vuốt ở mặt trước của cuốn sách. Mặt sau là hình một người đàn ông đầu hói đeo kính.

Stanley ngẩng gầ điện thoại hơn. Anh nhắc ống nghe lên và nói: “A lô, gia đình Uris xin nghe.”

Anh lắng nghe, cái chau mày hiện lên giữa hai lông mày. “Anh nói anh là *ai kia?*”

Patty liền cảm thấy hoảng sợ. Về sau, vì xấu hổ mà cô nói dối bố mẹ rằng cô đã linh cảm thấy có điềm hung từ khoảnh khắc điện thoại reo, song thực ra cô chỉ cảm thấy không yên trong lòng vào khoảnh khắc cô ngược lên nhìn chồng khi đang may vá. Nhưng có lẽ như vậy cũng không sao. Có lẽ từ trước cuộc gọi kia, cả hai vợ chồng cô đều đã nghi ngờ tai bay vạ gió sắp sửa ập tới, thứ tai vạ trập quẻ với ngôi nhà xinh xắn hài hòa phía sau bờ gậu thủy tùng thấp, thứ tai vạ hiển nhiên đến độ chẳng ai nhận ra... không cần nhiều, chỉ cần

khoảnh khắc sắc bén ấy là quá đủ, như dùi đục đá cắm một lỗ rỗ rút ra thật nhanh.

Mẹ em gọi à? Cô thốt lên hỏi anh ngay giây phút đó, trong đầu cứ ngỡ bố cô bị đau tim, bởi ông cụ dư mười cân và từ tuổi tứ tuần đã hay đau bụng.

Stan lắc đầu, đoạn khẽ mỉm cười với đi đâu người bên kia đầu dây nói. “Cậu... Là *cậu* à! Trời ơi, ai ngờ chứ! Mike! Làm sao mà cậu...”

Anh lại trầm ngâm lắng nghe. Khi nụ cười của anh nhạt dần, cô nhìn thấy – hoặc ngỡ là thấy – biểu hiện phân tích trên gương mặt anh, nét mặt anh trưng ra khi người khác trình bày vấn đề hoặc giải thích sự thay đổi đột ngột trong một tình huống đang diễn ra hay kể với anh đi đâu gì đó kỳ cục và thú vị. Cô đoán chắc là lý do cuối cùng. Khách hàng mới? Bạn cũ? Có lẽ thế. Cô chuyển sự chú ý của mình trở lại ti vi, trên màn hình là cảnh một phụ nữ quàng tay quanh người Richard Dawson và hôn lấy hôn để. Cô trộm nghĩ khéo có khi anh diễn viên này được hôn còn nhiều hơn [tặng đá Blarney](#). Cô nghĩ bản thân mình còn muốn hôn anh ta chứ nói gì ai.

Theo truyền thuyết, tặng đá Blarney tại lâu đài Blarney ở Ireland có khả năng cho người ta tài hùng biện. Vì vậy, du khách thường đến đây hôn ngược tặng đá để có được tài năng đó.

Lúc Patty bắt đầu tìm kiếm cái nút màu đen cho hợp với chiếc áo vải denim xanh của Stanley, cô mơ hồ cảm nhận được cuộc đối đáp đang dần trở nên trôi chảy hơn – Stanley đôi lúc cầu nhàu và có lần anh hỏi: “Cậu có chắc không, Mike?” Sau một khoảng dừng rất lâu, anh mới đáp, “Được rồi, tớ hiểu rồi. Ừ, tớ... Ừ. Ừ, mọi thứ. Tớ hình dung đại khái rồi. Tớ... Cái gì?... Không, tớ không *hứa* trước được đâu, nhưng tớ sẽ cân nhắc kỹ lưỡng. Cậu biết mà... Hả?... Cậu ấy đã làm thế?... Chà, chứ còn gì nữa! Tất nhiên là có. Ừ... chắc chắn rồi... Cảm ơn cậu... Ừ. Tạm biệt.” Đoạn anh cúp máy.

Patty liếc nhìn và thấy anh ngáy người nhìn vô định vào khoảng không phía

trên ti vi. Trong chương trình, khán giả đang vỗ tay tán thưởng gia đình Ryan vừa đạt được 280 điểm, cả nhà họ đều đoán khán giả sẽ trả lời “môn Toán” cho câu hỏi “Học sinh cấp hai ghét nhất môn học nào ở trường?” Cả nhà Ryan nhảy lên tán loạn và la hét vui mừng. Tuy nhiên, Stanley lại chau mày. Về sau, cô kể với bố mẹ mình rằng sắc mặt anh hơi xám, mà thật là thế, nhưng lúc đó cô không kể, cô gạt chuyện đó sang một bên, đổ cho chiếc đèn bàn có chụp bóng thủy tinh màu xanh nên mới khiến sắc mặt anh trông như vậy.

“Ai gọi vậy, Stan?”

“Hửm?” Anh nhìn cô. Cô nghĩ ánh nhìn trên mặt anh vương chút mơ hồ, đan xen phần nào khó chịu. Mãi đến sau này, khi lặp đi lặp lại khung cảnh ấy trong đầu, cô mới ngộ ra đó là biểu cảm của một người đang dần cắt đứt khỏi thực tế, từng dây, từng dây một. Khuôn mặt của một người vừa bước ra khỏi sắc xanh, bước vào đen tối.

“Ai gọi điện thoại vậy anh?”

“Không có ai đâu,” anh lấp liếm. “Không ai cả, thật đấy. Anh đi tắm đã.” Anh đứng dậy.

“Gì cơ, 7 giờ rồi mà?”

Anh không đáp mà rời khỏi phòng. Lý ra cô đã có thể tra vấn anh nếu có đi đâu gì đó không ổn, thậm chí có thể đi theo hỏi xem anh có đau bụng không - anh rất thoáng trong chuyện chăn gối, nhưng có những thứ anh rất giữ nguyên tắc và không dung anh bảo mình sẽ đi tắm lúc còn khối thứ khác để làm, thật đúng là mặt trời mọc đằng đông. Nhưng sắp sửa có một gia đình mới, nhà Piscapo, bước lên sân khấu, và Patty biết chắc thể nào Richard Dawson cũng nói gì đó vui vui để nhận xét về cái tên, thêm nữa, cô mò mẫm mãi mà vẫn chưa tìm được cái nút áo màu đen, trong hộp. Chúng trốn đi rồi, tất nhiên, đó là cách lý giải duy nhất...

Thế là cô để anh đi, chẳng may may nghĩ đến anh cho tới cuối chương

trình, khi họ chạy tên người sản xuất trên màn hình ti vi, cô mới ngược lên nhìn và nhận ra ghế anh trông trơn. Ban nãy cô nghe thấy tiếng xả nước trong bồn tắm trên lầu, được chừng năm, mười phút thì tắt... nhưng cô không nghe thấy tiếng của tủ lạnh đóng mở, tức là anh lên tắm mà không mang theo bia vào để nhâm nhi. Ai đó đã gọi điện đến rồi thả cho anh một vấn đề đau đầu, vậy mà cô có san sẻ với anh dù chỉ một lời an ủi không? Không. Cô có vặn hỏi để anh tâm sự một chút không? Không. Thậm chí cô có phát hiện đi đâu gì đó không ổn không? Lần thứ ba, không. Tất cả là vì chương trình truyền hình ngu ngốc ấy - cô thậm chí còn không thể giận cá chém thớt lên mấy cái nút áo, chúng chỉ là lời bao biện mà thôi.

Được rồi, vậy thì cô sẽ mang một lon bia Dixie lên cho anh, ngồi cạnh anh trên bộ bồn tắm, chà lưng cho anh, đóng vai một nàng Geisha, gọi đầu cho anh nếu anh muốn và hỏi anh xem có chuyện gì... hoặc *người vừa gọi đến* là ai.

Cô lấy một lon bia từ tủ lạnh và lên lầu. Lòng cô bắt đầu không yên khi thấy cánh cửa phòng tắm đóng kín. Không hé hé mà đóng kín. Stanley *không bao giờ* đóng cửa khi tắm. Họ xem hành động này mang dáng dấp của một trò đùa - cửa đóng kín nghĩa là anh ngoan ngoãn làm theo đi đâu ngày xưa mẹ anh từng dạy, còn cửa mở mang hàm ý anh sẵn sàng đi ngược lại những lời dạy mà mẹ anh dặn dò.

Patty dùng móng tay gõ lọc cọc vào cửa, đột nhiên cô nghe thấy rất vang, vang đến hải hùng, tiếng cách cách gai người trên mặt gỗ. Và việc gõ cửa phòng tắm như một vị khách là đi đâu cô chưa từng làm trong suốt bao nhiêu năm đầu gối tay ấp với chồng - cửa phòng tắm hay cánh cửa nào trong nhà cũng vậy.

Lòng cô chợt sôi lên cảm giác nhộn nhạo, và cô hồi tưởng lại hồ Carson, nơi cô hay đi bơi lúc còn bé. Vào đầu tháng Tám, nước dưới hồ ấm như nước trong bồn tắm bồn... nhưng lắm lúc ta sẽ vô tình chạm trán vùng nước lạnh

ngắt, đủ để ta rung mình kinh ngạc và thích thú. Phút trước đương ấm, ấy thế mà phút sau nhiệt độ như vừa giảm gần chục độ dưới hông. Đó là cảm giác của cô lúc này - ngạc nhiên thì có, nhưng thích thú thì không như thế cô vừa bước vào vùng nước lạnh. Có đi đâu nếu năm xưa, khi bơi trong hồ Carson, cô chỉ lạnh từ hông trở xuống, tê cóng đôi chân thon dài, thì hiện giờ lại khác.

Cơn lạnh đang bao trùm trái tim cô.

“Stanley? Stan?”

Lần này, cô không lấy móng tay gõ lên cửa nữa. Cô gõ cửa to hơn. Vẫn không thấy động tĩnh gì, cô đập cửa thùm thụp.

“Stanley?”

Tim cô. Tim cô không yên vị trong ngực nữa rồi. Nó trào lên họng, khiến cô ngạt thở.

Trong sự thỉnh lặng theo sau tiếng hét của cô (cô rợn người khi mình đang đứng la hét trên tầng, cách nơi cô ngã lưng say giấc nồng hằng đêm chưa tới chục mét), cô nghe thấy một âm thanh khiến phần tâm trí đang để dưới lầu của cô như phát hoảng. Tiếng động khê khọt vô cùng. Đó là tiếng nước nhỏ giọt. *Tách... dừng. Tách... dừng. Tách... dừng. Tách...*

Cô có thể hình dung trong đầu những giọt nước đang tụ lại ở đâu vòi nước, nặng dần, to dần, như có bầu và rồi rơi đánh tách.

Đó là âm thanh duy nhất vang lên. Và rồi cô sững sờ nhận ra chính Stanley, chứ không phải bố cô, mới là người bị lên cơn đau tim tối nay.

Cô rên lên, chộp lấy tay nắm bằng kính và vặn mở. Tuy nhiên, cánh cửa không nhúc nhích: nó đã bị khóa từ bên trong. Và đột nhiên, ba đi đâu *không bao giờ* dấn dập ủa vào đầu Patty Uris: Stanley không bao giờ tắm lúc chớm tối, Stanley không bao giờ đóng cửa trừ lúc dùng nhà vệ sinh và Stanley không bao giờ khóa cửa với cô.

Cô cuống cuồng tự hỏi, liệu một người có thể chuẩn bị cho cơn đau tim

không?

Patty đưa lưỡi liếm môi – hành động ấy tạo ra âm thanh như giấy nhám quẹt lên bảng – rồi gọi tên anh lần nữa. Không có lời đáp, chỉ có tiếng nước nhỏ giọt đều đều. Nhìn xuống, cô thấy một tay mình vẫn cầm lon bia Dixie. Cô ngây ngốc nhìn nó, trái tim như mắc cửi trong cổ họng; cô ngây ra như thế cả đời chưa từng nhìn thấy một lon bia nào. Mà hình như là thế thật, hay chỉ ít, cô chưa thấy lon bia nào biết biến hình như vậy, bởi khi cô chớp mắt, lon bia đã hóa thành điện thoại, đen đúa và đáng sợ như một con rắn.

“Tôi có thể giúp gì cho cô không, thưa quý cô? Có chuyện gì vậy?” Con rắn gắt lên với cô. Patty đập máy rồi lùi lại, chà xát bàn tay vừa cầm điện thoại của mình. Cô nhìn xung quanh và phát hiện mình đã trở lại phòng ti vi, cô nhận ra mình mù cả người, nỗi hoảng sợ xâm chiếm phần não trước của cô như tên trộm rón rén bước lên cầu thang. Giờ thì cô nhớ ra ban nãy mình đã thả lon bia ngoài cửa phòng tắm, mơ hồ nghĩ: *Chắc đây là nhâm lẫn gì đó, sau này nhớ lại, hai vợ chồng sẽ phá lên cười cho mà xem. Chắc sau khi xả nước vào bồn, anh chợt nhớ ra mình không có thuốc lá nên mới đi ra ngoài mua trước khi cởi quần áo...*

Đúng. Nhưng vấn đề là anh đã khóa trái cửa phòng tắm và vì mở cửa thì phiền phức quá, thành thử anh quyết định chui qua cửa sổ phía trên bồn tắm và men theo tường nhà bò xuống như một con ruồi. Phải, đúng rồi, chuẩn đấy...

Nỗi sợ hãi lại dấy lên trong tâm trí cô – như thứ cà phê đen đắng ngắt chực trào khỏi vành cốc. Cô nhắm mắt, cố kìm nén. Cô đứng đó, ngây ra như tượng, một bức tượng trắng bệch với mạch đập điên cuồng trong họng.

Giờ cô có thể nhớ lại mình đã chạy xuống nhà, chân loạng choạng trên cầu thang, chạy đến chỗ điện thoại, ồ phải, đúng rồi, nhưng cô định gọi cho ai?

Thật điên rồ song cô đã nghĩ: *Mình sẽ gọi con rùa, nhưng con rùa không giúp được ta.*

Mà cũng chẳng nghĩa lý gì nữa. Đầu óc cô trống rỗng, và dường như cô nói quàng xiên gì đó, bởi người trực tổng đài hỏi cô có vấn đề gì hay không. Ừ, cô có vấn đề, nhưng làm sao để nói với cái giọng vô nhân ảnh ấy rằng Stanley giam mình trong phòng tắm và không phản hồi với cô, làm sao nói tiếng nước nhỏ giọt đầu đầu xuống bồn xé nát trái tim cô? Cô cần *ai đó* giúp. Ai đó...

Đưa mu bàn tay lên miệng, cô cắn chặt. Cô chật vật suy nghĩ, chật vật *bất* mình suy nghĩ.

Chìa khóa dự phòng. Chìa khóa dự phòng trong chạn bếp.

Cô chồm dậy, một chân mang dép đá phải túi đựng nút đặt bên cạnh ghế. Vài cái nút rơi ra, lấp lánh như những đôi mắt mơ màng dưới ánh đèn. Cô thấy chừng năm, sáu cái nút đen.

Được gắn bên trong cánh cửa tủ phía trên bồn rửa là chiếc hộp lớn được đánh véc-ni có hình chìa khóa – một khách hàng của Stan đã tự tay làm món quà này trong xưởng và tặng anh nhân dịp Giáng sinh hai năm trước. Chiếc hộp hình chìa khóa chứa đầy móc nhỏ, treo tất cả những chiếc chìa khóa trong nhà, mỗi cái đều được Stan in dòng chữ nhỏ nhắn và gọn gàng: GA-RA, ÁP MÁI, NHÀ TẮM DƯỚI, NHÀ TẮM TRÊN, CỬA TRƯỚC, CỬA SAU. Lệnh sang một bên là chìa khóa xe ô tô ghi M-B và VOLVO.

Sau khi giật lấy chiếc chìa khóa NHÀ TẮM TRÊN, Patty chạy lên cầu thang rồi cố tình bước chậm lại. Chạy nhanh chỉ tổ khiến nỗi sợ hãi trào dâng, và nỗi sợ ấy đang rất sát bề mặt. Hơn nữa, nếu cô đi từ từ, có khi mọi chuyện sẽ ổn. Hoặc, nếu có biến gì đó, Chúa sẽ nhìn xuống và thấy cô đang bước đi rồi thàn nhủ: *Ồ, may quá – mình lỡ chori đại, nhưng thế này vẫn đủ thời gian để rút lại.*

Nhẹ nhàng từng bước như một cô gái thông thả đến buổi họp mặt của Cộng đồng Sách cho phái nữ, cô bước lên cầu thang và đi đến cánh cửa phòng tắm đang khóa chặt.

“Stanley?” cô vừa cất tiếng vừa thử mở cửa, sốt ruột hơn bao giờ hết, cô chẳng muốn dùng chìa khóa bởi viện đến chiếc chìa khóa này là bước đường cùng. Nếu Chúa chưa kịp rút lại sai lầm trước lúc cô tra chìa, thì xem như sự đã rồi. Điêu kỳ diệu chỉ còn là mơ mộng hão.

Cánh cửa vẫn khóa. Tiếng nước nhỏ giọt tách... đi kèm khoảng lặng là lời hồi đáp duy nhất dành cho cô.

Tay cô run rẩy, chiếc chìa khóa kêu cành cạch quanh tay nắm, cô mò mẫm mãi mới tìm được lỗ khóa và tra vào thành công. Cô xoay chìa, lắng nghe tiếng khóa đánh tách. Cô vụng về xoay nắm cửa bằng thủy tinh. Nó lại trượt khỏi tay cô – không phải vì cửa vẫn khóa mà là vì lòng bàn tay cô ướt đầm mồ hôi. Siết chặt tay, cô xoay cửa. Đoạn cô đẩy cửa mở.

“Stanley? Stanley? St...”

Cô nhìn vào bồn tắm với tấm rèm màu xanh dạt về đầu bên kia của thanh thép không gỉ, quên bằng cách gọi tên chính mình. Cô chỉ biết thần thờ nhìn chằm chằm vào bồn tắm, khuôn mặt đanh lại như đứa trẻ ngày đầu đến trường. Chốc nữa, cô sẽ bắt đầu hét lên, và cô hàng xóm Anita MacKenzie sống cạnh nhà sẽ nghe thấy, để rồi chính Anita MacKenzie là người gọi cảnh sát vì tưởng trộm đột nhập vào nhà Uris và manh động giết người.

Nhưng hiện giờ, vào giây phút này, Patty Uris chỉ lặng lẽ đứng đó, hai tay siết chặt chiếc váy vải cotton sẫm màu, gương mặt nghiêm nghị, hai mắt tròn. Và cái nhìn nghiêm nghị, gần như mộ đạo, bắt đầu biến tướng thành thứ khác. Mắt cô bắt đầu lờ ra. Miệng cô méo xệch thành một nụ cười dị dạng đầy khủng khiếp. Cô những muốn hét lên nhưng không thể. Tiếng hét kinh thiên động địa đến độ không thể phát ra.

Phòng tắm được thấp sáng bằng đèn huỳnh quang. Không gian sáng trưng. Không chút bóng tối. Ta thấy được tất tần tật, dù muốn hay không. Nước trong bồn ngả màu hồng tươi. Stanley nằm tựa lưng vào thành bồn. Đầu anh

ngửa hẳn ra sau cổ khiến mái tóc đen cắt ngắn chạm vào phần da giữa xương vai. Nếu đôi mắt trùng trùng của anh vẫn có thể nhìn thấy thì lúc này đây, cô đang nhìn ngược xuống anh. Miệng anh há hốc như cánh cửa mở tung. Biểu cảm của anh kinh hãi đến cứng người, cùng cực. Một hộp dao lam Gillette Platinum Plus nằm trên thành bồn tắm. Anh đã rạch phần cẳng tay của mình, từ cổ tay xuống khuỷu tay, sau đó ngay bên dưới vòng cầu may, anh rạch ngang những vết cắt tạo thành hai chữ T đâm máu. Vết cắt ánh sắc tím đỏ dưới ngọn đèn trắng đến nhức mắt. Cô thần nghĩ phần gân và dây chằng lòi ra trông như miếng thịt bò rẻ tiều.

Một giọt nước tụ lại trên đầu vòi nước mạ crôm sáng bóng. Nó to dần. *Như có bầu*, ta có thể nói thế. Sáng lấp lánh. Rơi. *Tách*.

Anh đã nhúng ngón trỏ của bàn tay phải vào máu và viết một chữ duy nhất trên nền gạch màu xanh lam phía trên bồn tắm, viết hai chữ thật to, gớm guốc. Dấu máu chảy thành đường zích zắc, từ ký tự thứ hai – vết này là do ngón tay anh tạo ra khi bàn tay rơi vào bồn tắm rồi nổi lên bình như hiện tại. Cô đoán Stanley đã tạo ra vết ấy – ảnh hưởng cuối cùng mà anh để lại thế giới – trước khi lịm đi, Nó như đang thét gào với cô.



Lại một giọt nước rơi xuống bồn.

Tách.

Giọt nước tràn ly. Patty Uris cuối cùng cũng tìm lại được giọng nói của mình. Nhìn chăm chăm vào đôi mắt tuy đã chết nhưng còn lấp lánh của chồng, cô bắt đầu hét lên.

RICHARD TOZIER LÊN ĐƯỜNG

Rich thấy mình giữ tinh thần tốt cho đến khi anh nôn thốc nôn tháo.

Anh đã lắng nghe tất cả những lời Mike Hanlon nói, những điếu hợp tình hợp lý, trả lời câu hỏi của Mike, thậm chí còn hỏi thêm dăm ba câu. Anh mơ hồ cảm thấy mình đang diễn một trong những Giọng nói của bản thân – không phải thứ giọng kỳ cục và lố lăng như thỉnh thoảng anh hay làm trên ra-đi-ô (Vali Lạc thú, Thư ký Khát tình là giọng anh thích nhất trong số những giọng anh sáng tác trước giờ, và phản ứng của thánh giả với Lạc thú rất tích cực, thậm chí ngang ngửa với Giọng Colonel Buford Kissdrivel vốn được mọi người ưa chuộng nhất), mà là một giọng nói ấm áp, động tình người và tự tin. Giọng nói Tôi-vẫn-ổn. Nghe thì hay, nhưng chỉ là dối trá. Giống như những Giọng nói khác, tất cả đều là dối trá.

“Cậu còn nhớ nữa không, Rich?” Mike hỏi.

“Ít lắm,” Rich đáp, đoạn dừng một chút. “Tớ nghĩ là vừa đủ.”

“Cậu có về không?”

“Tớ sẽ về,” Rich đáp, rồi sau đó cúp máy.

Anh ngồi trong phòng làm việc một lúc, ngả người lên chiếc ghế sau bàn làm việc, nhìn ra Thái Bình Dương. Phía bên trái, một nhóm trẻ con đang chơi đùa, nghịch ngợm trên ván nhưng không lướt sóng. Đẳng nào cũng không đủ sóng để lướt.

Đồng hồ trên bàn làm việc - một chiếc đồng hồ LED thạch anh mắc tiêng do đại diện đơn vị thu âm gửi tặng - cho biết lúc đó là 5 giờ 9 phút chiều ngày 28 tháng 5 năm 1985. Tất nhiên, nơi Mike gọi cho anh sớm hơn nơi này ba tiếng. Trời hẳn đã tối. Thoáng nổi da gà, anh bắt đầu đi lại, làm việc này việc kia. Đầu tiên, chắc chắn rồi, anh mở nhạc - không chủ đích mà anh chỉ lấy đại một đĩa trong số hàng ngàn đĩa được xếp trên kệ. Rock and roll gắn liền với cuộc

đời anh, thân thuộc như các Giọng nói, và anh khó mà làm được gì nếu không có nhạc làm nền – càng to càng tốt. Đĩa nhạc anh vừa lấy ra là nhạc Motown xưa. Marvin Gaye, một thành viên sau này của ban nhạc mà Rich thỉnh thoảng hay gọi là Ban nhạc Chết tất, cất giọng ca “Anh nghe vườn nho thì thề”.

“Oooh-hoo, chắc em đang tự nhủ làm thế nào anh biết phải không...”

“Không tệ,” Rich nhận xét. Thậm chí anh còn khẽ mỉm cười. Chuyện này thật tệ, và thành thật mà nói, nó khiến anh chệch khỏi đường ray, nhưng anh cảm thấy mình sắp xoay sở được rồi. Muối.

Anh chuẩn bị đồ đạc để lên đường về quê. Và một tiếng sau đó, anh có cảm giác rằng mình đã qua đời nhưng vẫn được cho phép lo liệu công chuyện trước khi nhắm mắt xuôi tay... kể cả chuyện tang lễ hậu sự. Và anh tự thấy mình làm tốt ra trò. Anh gọi điện cho cô nhân viên bên hãng du lịch, dù đoán giờ này chắc cô đang trên cao tốc về nhà, nhưng anh vẫn gọi, biết đâu đấy. Và đến anh cũng phải ngạc nhiên khi cô bắt máy. Anh trình bày với cô mong muốn của mình và cô xin anh mười lăm phút để sắp xếp.

“Anh nợ em lần này, Carol,” anh cảm kích. Trong ba năm qua, họ đã từ xưng hô Anh Tozier và cô Feeny sang gọi nhau là Rich và Carol – khá thân thiết, nhất là khi xét đến việc họ chưa gặp mặt trực tiếp lần nào.

“Được rồi, có vay có trả,” cô đáp lại. “Anh diễn giọng Va li Lạc thú cho em nghe nhé?”

Không chậm một giây - nếu phải tạm dừng để tìm Giọng nói thì vô nghĩa – Rich liếc cất tiếng: “Va li Lạc thú, Thư ký Khát tình đây. Hôm nọ, một người bạn của tôi đến tìm tôi và hỏi đi đâu gì là tệ nhất khi dính AIDS.” Tông giọng của anh hơi trầm xuống; đồng thời nhịp điệu cũng tăng nhanh và trở nên vui nhộn - rõ ràng vẫn là giọng Mỹ, thế mà chẳng hiểu sao nó vẫn gọi cho ta mừng tượng hình ảnh của một anh chàng thuộc địa Anh giàu có, vừa lịch lãm đến khó hiểu vừa bối rối. Rich thật ra chẳng biết Va li Lạc thú thế nào, nhưng

anh dám chắc tay này lúc nào cũng diện vest trắng, đọc [Esquire](#), uống rượu trong ly cao cổ và thoang thoảng mùi dầu gội hương dừa. “Tôi bèn đáp lời anh ta ngay tắp lự – đó là phải giải thích với mẹ rằng mình dính AIDS từ một em gái Haiti. Hẹn gặp lần sau, và xin nhắc lại, tôi là Va li Lạc thú, Thư ký Khát tình, trân trọng thông báo ‘Nếu không cứng nổi thì nhớ c cần danh thiếp của tôi.’“

Một tạp chí dành cho đàn ông của Mỹ.

Carol Feeny phá lên cười nắc nẻ. “Quá hay! Chuẩn không cần chỉnh. Bạn trai em không tin anh có thể giả các giọng nói như vậy, anh ấy cứ bảo ắt là anh phải dùng thiết bị lọc tiếng hay gì đó...”

“Là tài năng đấy,” Rich gọn lỏn. Va li Lạc thú đã biến mất. W.C. Fields, đội mũ chóp, mũi đỏ, lĩnh kính túi chơi golf, xuất hiện. “Người anh đầy tài năng, đầy đến độ anh phải bịt tất tần tật lỗ trên người mình lại để nó không tràn ra như... chà, nhìn chung là không tràn ra.”

Cô lại ré lên cười sảng sặc, và Rich nhắm mắt lại. Anh có thể cảm nhận cơn đau đầu đang d ãn đến.

“Vậy nhờ em sắp xếp giúp anh nhé?” Anh hỏi, vẫn giữ giọng W.C. Fields, đoạn cúp máy trong tràng cười rộn rã của cô.

Giờ anh phải trở lại là chính mình, mà đi đầu này khó quá – qua mỗi năm lại mỗi khó. Khi là một người khác, ta dễ hành xử can đảm hơn.

Trong lúc anh đang cố chọn một đôi giày lười dễ đi và cuối cùng quyết định mang giày thể thao thì chuông điện thoại reo. Đó là Carol Feeny, gọi lại với tốc độ kỷ lục. Bỗng dưng anh cảm thấy muốn giả giọng Buford Kissdrivel nhưng anh cố gạt đi. Cô đã xoay xở đặt cho anh ghế hạng thương gia trên chuyến bay của hãng American Airlines từ LA đến Boston. Anh sẽ rời LA lúc 9 giờ 30 phút tối và đến Logan t ần 5 giờ sáng hôm sau. Sau đó, từ Boston, anh lên Delta lúc 7 giờ 30 phút sáng và bay đến Bangor, Maine lúc 8 giờ 20 phút. Cô cũng đã

chuẩn bị cho anh một chiếc sedan cỡ lớn ở Avis, và quầy Avis ở Sân bay Quốc tế Bangor chỉ cách đường vào thị trấn Derry chừng bốn mươi ki-lô-mét.

Chỉ bốn mươi ki-lô-mét? Rich nghĩ. *Vậy thôi à, Carol? Chà, có lẽ là thế – tính bằng cây số. Nhưng em không biết để đến được Derry thật sự xa thế nào đâu, và thú thực, anh cũng thế. Nhưng lạ Chúa, lạ Chúa lòng lạnh, anh sắp biết rồi đây.*

“Em không tìm phòng vì anh không nói sẽ ở lại đó bao lâu,” cô nói. “Anh có...”

“Không...Việc đó cứ để anh tự lo,” Rich cắt ngang, và rồi giọng Buford Kissdrivel trỗi dậy. “Em ngọt ngào như trái đào vậy, em gái. Một quả đào Georgia, tất nhiên là thế rồi.”

Nói đoạn anh nhẹ nhàng cúp máy – cuộc gọi luôn kết thúc khi nụ cười của cô còn đọng trên môi – rồi bấm số 207-555-1212 để gọi Tổng đài Tiểu bang Maine. Anh muốn có số điện thoại của Nhà nghỉ Thị trấn Derry. Trời ơi, cái tên ấy từ ngày xưa ngày xưa. Đã bao lâu rồi anh không nghĩ về Nhà nghỉ Thị trấn Derry nhỉ? Mười năm? Hai mươi năm? Hay thậm chí hai mươi lăm năm? Nghe thật điên rồ, nhưng anh đoán ít nhất cũng đã hai mươi lăm năm, và nếu Mike không gọi, có lẽ cả đời anh cũng không bao giờ nghĩ đến nó nữa. Vậy mà từng có một thời anh đi ngang qua ụ gạch đỏ to tướng ấy mỗi ngày - và không chỉ một lần anh vất chân lên cỏ chạy ngang qua, cùng Henry Bowers, Huggins White và một thằng to con khác, Victor hay gì đó, đuổi sát rạt phía sau, cả ba đưa hét toáng những lời bông đùa hết sức dễ thương như *Bọn tao sẽ tóm cổ mày, thằng mắc dịch! Bọn tao sẽ tóm mày, thằng ăn hại! Bọn tao sẽ tóm mày, đồ bê đê!* Mà có lần nào chúng bắt được anh chưa nhỉ?

Trước khi Rich kịp nhớ ra, giọng tổng đài viên vang lên, hỏi anh tên thành phố.

“Derry, cô cho tôi hỏi...”

Derry! Chúa ơi! Đến cả tên của địa danh ấy cũng thật xa lạ, nhuộm màu thời gian trong miệng anh; thốt lên cái tên ấy tựa hồ hôn một món đồ cổ.

”... Cô có số của Nhà nghỉ Thị trấn Derry không?”

“Xin anh vui lòng đợi ít phút.”

Vớ vẫn. Chắc nó chẳng còn đâu. Bị phá hủy theo kế hoạch cải tạo cảnh quan đô thị. Sửa sang thành Sảnh nai Sừng tấm hoặc Trung tâm Bowling, hoặc Trung tâm trò chơi điện tử Dreamscape. Hoặc biết đâu nó bị thiêu rụi vào một đêm, khi xui rủi thế nào mà tay nhân viên bán giày xỉn quắc cần câu nằm trên giường hút thuốc. Biến mất rồi, Richie – như cặp kính Henry Bouveris ngày xưa bao lần trêu chọc anh. Bài hát của Springsteen như thế nào ấy nhỉ? Những ngày vinh quang... thoáng qua như cái chớp mắt của nàng thiếu nữ. Nàng thiếu nữ nào? Còn phải hỏi, tất nhiên là Bev... Bev...”

Nhà nghỉ Thị trấn hẳn đã thay đổi nhiều, nhưng xem ra nó vẫn còn đó, bởi trong chớp mắt, một giọng nói đầu đầu như rô-bốt vang lên ở đầu dây bên kia: “Số... điện thoại là... 9... 4... 1... 8... 2... 8... 2. Xin nhắc lại: số điện thoại là...”

Nhưng Rich đã nghe được số điện thoại ngay từ lần đầu tiên. Thật vui khi được gác máy trước giọng nói giả trân ấy – anh có thể tưởng tượng ra con quái vật Tổng đài hình cầu khổng lồ, ẩn nấp đâu đó dưới lòng đất, với những chiếc đinh tán là mồ hôi và hàng ngàn xúc tu bằng crôm đang nắm từng ấy chiếc điện thoại - phiên bản Điện thoại Tiến sĩ Bạch tuộc, kẻ thù truyền kiếp của Người nhện. Mỗi năm trôi qua, Rich cảm thấy thế giới anh sống càng lúc càng giống một căn nhà ma điện tử khổng lồ, trong đó những con ma công nghệ và con người sợ hãi cùng sinh sống đầy ngọt ngào.

Vẫn còn đó. Hay như cách Paul Simon nói, vẫn còn đó sau bao năm.

Anh bấm số gọi đến khách sạn mà lần cuối cùng anh trông thấy qua cặp kính của mình từ thuở còn bé. Gọi số điện thoại ấy, 1-2017 941-8282, thật dễ

như trở bàn tay. Anh đưa điện thoại lên tai, hướng mắt ra ngoài khung cửa sổ rất rộng trong phòng làm việc. Không còn ai lướt sóng nữa; một cặp đôi đang thư thái tản bộ cạnh bờ biển, tay trong tay, nơi mấy người bạn này còn lướt sóng. Hình ảnh cặp đôi này có thể được làm thành áp phích trưng trên tường công ty du lịch nơi Carol Feeny làm việc, đấy, họ quăn quýt nhau đến như vậy đấy. Trừ việc cả hai đều đang đeo kính.

Bọn tao sẽ tóm cổ mày, thằng mắc dịch! Bọn tao sẽ đập nát kính mày!

Criss, cái tên ấy bỗng lóe lên trong đầu anh. *Họ của cậu ta là Criss. Victor Criss.*

Ôi Chúa ơi, đó không phải là đi đâu mà anh muốn biết, không phải vào đêm muộn như thế này, giờ anh biết để làm gì kia chứ. Có gì đang xảy ra dưới căn hầm trong lòng anh, nơi Rich Tozier cất giữ những kỷ vật đáng giá ngàn vàng của riêng mình. Cửa hầm mở ra rồi.

Chỉ có điều, dưới đó không hề cất những bản thu nhạc, đúng không? Dưới đó, mày không còn là Rich Tozier “Chuyên gia thu âm”, chàng phát thanh niên thân sâu của KLAD, Người đàn ông nghìn giọng, đúng không? Và những thứ đang mở ra...không hẳn là cửa thì phải?

Anh cố gắng rũ bỏ những suy nghĩ ấy.

Điều phải nhớ là mày vẫn ổn. Mày vẫn ổn, mày không sao, Rich Tozier vẫn ổn. Có thể châm thuốc lá, thế là đủ rồi.

Anh đã bỏ thuốc bốn năm trước, nhưng lúc này anh cho phép mình hút một điếu, không sao.

Dưới hầm không cất trữ những bản thu mà toàn là xác chết. Mày đã chôn chúng thật sâu, nhưng bỗng dưng một trận động đất điên rồ xảy ra, mặt đất nứt toác làm chúng trồi lên. Dưới đó, mày không còn là Rich Tozier “Chuyên gia thu âm”; dưới đó, mày chỉ là thằng oắt con Richie Tozier “Bốn mắt”, mày đang ở cùng đám bạn và sợ đến độ có cảm giác hai hòn bi đang biến thành kẹo

đỏ nho Welch. Đó không phải cửa, và chúng cũng chẳng mở. Chúng là hầm mộ, Richie. Chúng đang nứt răng rắc và đám ma cà rồng mày tưởng đã chết giờ đang ào ào bay ra.

Một điều thuốc, chỉ một điều mà thôi. Điều Carlton cũng được, ôi lạy Chúa tôi.

Bọn tao sẽ tóm cổ mày, thằng bốn mắt! Bọn tao sẽ bắt màu ẮN cái cặp sách chết tiệt đó!

Nhà nghỉ Thị trấn, một giọng nam mang âm hưởng Bắc Mỹ cất lên; nó đã vượt muôn trùng xa, băng qua New England, miền Trung Tây, luồn lách giữa những casino ở Las Vegas để đến tai anh.

Anh hỏi giọng nói đó liệu anh có thể đặt một phòng cao cấp ở Nhà nghỉ Thị trấn bắt đầu từ ngày mai hay không. Giọng nói xác nhận rằng anh có thể và hỏi anh ở trong bao lâu.

“Tôi chưa biết. Tôi có...” Anh ngừng lại, rất nhanh, trong thoáng chốc.

Anh có cái gì mới được? Trong tâm trí anh lại hiện lên hình ảnh một thằng nhóc đeo ba lô kẻ sọc vùng chạy khỏi đám du côn, anh trông thấy thằng bé đeo kính, người gầy nhảnh, mặt trắng bệch, và theo một cách bí ẩn nào đó, dường như nó hét lên *Đánh tao đi! Xông vào đánh tao đi!* với tất tần tật những kẻ bắt nạt đi ngang qua. *Môi tao đây! Đập cho tao răng môi lẫn lộn đi! Mũi tao đây! Cho tao chảy máu mũi và có giời thì đập bể mũi tao luôn đi! Đấm cho tai tao sưng vù lên như bông lơ xem nào! Đánh cho tao rách lông mày đi! Đây, cầm tao đây, đấm cho tao bất tỉnh thử xem! Mắt tao đây, xanh biêng biếc và to cộ sau cặp kính nanh nọc, đáng ghét, cặp kính nhựa bị gãy mất một gọng, phải dán keo cố định. Đập vỡ kính tao đi! Cho một miếng kính chọc vào mắt tao mà để tao mù luôn đi! Tiên sư bố chúng mày!*

Anh nhắm mắt lại và tiếp lời: “Tôi có công việc ở Derry. Tôi không biết chuyện công tác kéo dài bao lâu. Hay anh đặt cho tôi ba ngày, để ngỏ khả năng

gia hạn.”

“Đề nghị khả năng gia hạn?” Người nhân viên trực bàn nghi ngờ hỏi, và Rich kiên nhẫn chờ cho đến khi anh ta hiểu ra. “À, tôi hiểu rồi! Thế thì tốt quá!”

” Xin cảm ơn, và tôi... à... hy vọng quý vị có thể bầu cho chúng tôi vào tháng Mười một,” John F. Kennedy nói. “Jackie muốn... à... sửa sang lại hết... Văn phòng Bầu dục, và tôi đã sắp xếp hết công việc cho... à... cậu em trai Bobby của tôi rồi.”

“Anh Tozier?”

“Vâng.”

“À, không sao... bạn này điện thoại bị nhiễu với cuộc gọi khác.”

Chỉ là một gã chính trị gia từ DDC mà thôi, Rich thầm nghĩ. DDC nghĩa là Đảng Đã Chết, nếu anh tò mò. Anh đừng quá bận tâm. Anh khẽ rùng mình, và anh lại phải trấn an bản thân, gần như thảng thốt: Mày ổn mà, Rich.

“Tôi cũng nghe thấy,” Rich đáp. “Chắc là đường điện thoại bị nhiễu. Vậy anh xem phòng cho tôi thế nào rồi?”

“Ồ, không có vấn đề gì,” người nhân viên đáp. “Ở Derry, chúng tôi làm ăn càn chừng chứ không quá sôi động.”

“Vậy sao?”

“Ồ, chuẩn ạ” người nhân viên đồng ý, và Rich lại rùng mình. Anh cũng đã quên mất điều đó – rằng cái từ mà người New England miền Bắc hay dùng thay thế từ vâng. *Ồ, chuẩn ạ.*

Bọn tao sẽ tóm cổ mày, thằng tửm lợm! Giọng nói ma mị của Henry Bowers rống lên, và anh cảm thấy lại có thêm hăm dọa vừa răng rắc mở ra trong lòng; thứ mùi hôi thối anh ngửi thấy không phải từ xác thối rữa mà là ký ức thối rữa, và thứ mùi ấy phần nào tồi tệ hơn.

Anh đọc cho nhân viên của Nhà nghỉ Thị trấn số [thẻ American Express](#) của mình rồi cúp máy. Đoạn anh gọi cho Steve Covall, đạo diễn chương trình KLAD.

Một loại thẻ thanh toán quốc tế.

“Có chuyện gì thế, Rich?” Steve hỏi. Bảng xếp hạng Arbitron gần nhất cho thấy KLAD đứng đầu thị trường nhạc rock trên sóng FM cá lớn nuốt cá bé ở Los Angeles, và từ lúc đó tâm trạng của Steve như ở trên chín tầng mây – đỡ quá, cảm ơn Chúa trời hết sức.

“Chà, có lẽ anh sẽ tiếc vì đã hỏi,” anh nói với Steve. “Tôi sắp phải lên đường.”

“Lên đường...” Anh có thể nghe thấy cái chau mày trong giọng nói của Steve. “Tôi không hiểu ý cậu, Rich.”

“Tôi phải xỏ đôi giày của mình. Và tôi sắp đi xa.”

“Ý cậu là gì, đi xa là sao? Theo lịch trình tôi đang để ngay trước mặt đây, cậu sẽ lên sóng vào ngày mai, từ 2 giờ chiều cho đến 6 giờ tối, như thường lệ. Thêm nữa, cậu sẽ phỏng vấn ông quý Clarence phòng thu lúc 4 giờ. Cậu biết Clarence Clemons chứ? Trong câu “Đến đây và thổi kèn, Người khổng lồ?”

“Clemons nói chuyện với Mike O’Hara hay với tôi đầu thế”.

“Clarence không *muốn* nói chuyện với Mike, Rich ạ. Clarence không muốn nói chuyện với Bobby Russell. Ông ta cũng không muốn nói chuyện với *tôi*. Clarence là fan bự của Buford Kissdrivel và Wyatt Cậu đóng đồ giết người. Ông ấy muốn nói chuyện với *cậu*, bạn hiên của tôi ời. Và tôi hoàn toàn không hứng thú với việc để một tay chơi kèn saxophone nặng hơn một tạ bực mình phát tiết trong phòng thu của tôi, nhất là khi ông này ngày trước suýt nữa còn được chọn vào một đội bóng bầu dục chuyên nghiệp.”

“Tôi thấy trước giờ ông ấy chẳng mấy khi phát tiết,” Rich đáp. “Chúng ta đang nói về Clarence Clemons chứ có phải Keith Moon đâu mà lo.”

Đầu dây bên kia im lặng. Rich kiên nhẫn chờ đợi.

“Cậu đang đùa phải không?” Cuối cùng, Steve hỏi. Ông có vẻ u ám: “Ý tôi là, trừ khi mẹ cậu vừa qua đời hay cậu bị u não hay gì đấy, còn không thì đây là hành động đem con bỏ chợ.”

“Tôi phải đi, Steve.”

“Mẹ cậu bị bệnh à? Phổi phui cái mồm tôi nhưng bà qua đời hay sao?”

“Mẹ tôi mất mười năm trước rồi.”

“Cậu bị u não hả?”

“Tôi còn chẳng bị polyp đại tràng ấy chứ.”

“Chuyện này không vui đâu, Rich.”

“Ừ, phải.”

“Cậu đang đánh trống bỏ dùi, và tôi không thích thế.”

“Tôi cũng không thích, nhưng tôi phải đi.”

“Đi đâu? Tại sao? Đi đâu này có nghĩa là gì? Nói tôi nghe đi, Rich!”

“Tôi nhận được một cuộc điện thoại. Từ một người quen xưa. Ở một nơi khác. Ngày ấy, đã có chuyện xảy ra. Tôi đã hứa. Chúng tôi hứa cả đám sẽ cùng quay lại nếu chuyện đó bắt đầu tái diễn. Và giờ hình như nó như thế thật.”

“Chuyện đó mà chúng ta đang nói là chuyện gì hả, Rich?”

“Tôi không nói được.” *Mà tôi có nói thì ông cũng nghĩ tôi điên mất: vì thật sự, tôi không nhớ.*

“Cậu thềnon hẹn biển lúc nào vậy?”

“Lâu lắm rồi. Mùa hè năm 1958.”

Đầu dây bên kia lại im lặng thật lâu, và anh biết Steve Covall đang cố phân tích xem Rich Tozier “Chuyên gia thu âm”, tức Buford Kissdrivel, tức Wyatt Cậu đóng đờ Giết người, vân vân và mây mây, giỡn mặt với ông hay đang suy sụp tinh thần.

“Ngày đó, cậu mới chỉ là một đứa trẻ,” Steve nói một cách vô cảm.

“Mười một. Sắp lên mười hai.”

Lại một hồi im lặng. Rich kiên nhẫn chờ đợi.

“Được rồi,” Steve thỏa hiệp. “Tôi sẽ đổi người – để Mike thế cậu. Tôi nghĩ chắc tôi có thể gọi cho Chuck Foster để tăng ca thêm một chút, nếu tôi tìm được nhà hàng Trung Hoa cậu ta đóng đô nằm ở đâu. Tôi làm vậy vì tôi với cậu là chỗ thâm giao lâu năm. Nhưng tôi sẽ không bao giờ quên cậu bùng kèo tôi đâu đấy, Rich”.

“Nào, đừng chuyện bé xé ra to như thế,” Rich nói, đầu càng lúc càng đau như búa bổ. Anh biết việc mình đang làm là gì, chẳng lẽ Steve nghĩ anh không biết sao? “Tôi cần một vài ngày nghỉ, chỉ thế thôi. Ông làm như thế tôi ném phân vào [FCC](#) không bằng.”

Federal Communications Commission: Ủy ban Truyền thông Liên bang là cơ quan quản lý các hình thức liên lạc giữa các tiểu bang và quốc tế bằng đài phát thanh, truyền hình, vệ tinh và cáp ở Mỹ.

“Vài ngày nghỉ làm gì? Để tái ngộ với nhóm bạn trong Câu lạc bộ Hướng đạo sinh của cậu ở thác Cút, Bắc Dakota, hay thành phố Dái ở Tây Virginia?”

“Thật ra tôi nghĩ thác Cút nằm ở Arkansas kìa,” Bufford Kissdrivel nói bằng chất giọng âm vang, nhưng Steve không dễ bị đánh trống lảng.

“Vì lời hứa hươu hứa vượn vào năm mười một tuổi ư? Con nít mười một tuổi hứa rồi để đó chứ nghiêm túc gì! Và vấn đề không chỉ thế, Rich, cậu biết rõ mà. Chúng ta không phải công ty bảo hiểm; cũng chẳng phải văn phòng luật. Chúng ta *trong làng giải trí*, dù quy mô còn khiêm tốn, và cậu hiểu rất rõ đi đâu này. Nếu cậu báo trước cho tôi một tuần, thì giờ tôi đã không phải giữ điện thoại bằng một tay, tay kia cầm lọ thuốc dạ dày Mylanta rồi. Cậu đang chọc vào tổ ong bầu, cậu thừa biết mà, nên đừng có giỡn mặt với tôi!”

Giờ thì Steve gần như hét ầm lên, Rich nhắm mắt lại. Ban nãy Steve bảo *Tôi*

sẽ không bao giờ quên, và Rich đoán có lẽ là thế thật. Nhưng ông nói con nít không nghiêm túc khi hứa hẹn năm mười một tuổi, đi đâu đó không chuẩn chút nào. Rich không nhớ lời hứa là gì - cũng chẳng rõ bản thân mình có *muốn* nhớ hay không - nhưng lời hứa ấy rất nghiêm túc.

“Steve, tôi phải làm đi đâu này.”

“Ừ. Tôi bảo tôi lo liệu được mà. Vậy nên cậu cứ làm đi. Cứ việc, đồ đánh trống bỏ dùi.”

“Steve, thật nực...”

Nhưng Steve cúp máy. Rich đặt điện thoại xuống. Anh chưa kịp rời đi thì điện thoại lại reo lần nữa, không cần nhắc máy anh cũng biết chắc chắn là Steve gọi, điên tiết hơn bao giờ hết. Nói chuyện thêm với ông lúc này chẳng được tích sự gì, chỉ tổ đổ thêm dầu vào lửa. Anh gạt công tắc bên mé điện thoại sang phải, cắt đứt cuộc gọi đang reo.

Anh lên lầu, lôi hai chiếc va li ra khỏi tủ, nhanh chóng lấp đầy chúng mà không cần nhìn-nào quần jean, áo, quần lót, vớ. Mãi sau đó, anh mới để ý mình lấy toàn đồ phong cách thanh thiếu niên. Đoạn anh mang hai chiếc va li xuống tầng dưới.

Trên bức tường trong phòng làm việc của anh treo bức ảnh Big Sur trắng đen của nhiếp ảnh gia Ansel Adams. Rich lật ngược nó bằng bản lề giấu phía sau, để lộ một kết sắt. Sau khi mở kết, anh lần mò qua đồng giấy tờ-giấy tờ căn nhà lọt thỏm giữa khu vực đường đứt gãy và khu vực hay xảy ra cháy rừng, hai mươi mẫu đất rừng lâm nghiệp ở Idaho và rất nhiều cổ phiếu. Anh mua những cổ phiếu này hết sức tùy hứng - khi tay môi giới thấy Rich xuất hiện, anh ta lập tức ôm đầu - thế mà cổ phiếu cứ tăng đều đều qua các năm. Thịnh vượng, anh ngạc nhiên trước ý nghĩ anh sắp sửa - không quá, nhưng sắp đạt đến mức - giàu sang. Tất cả là nhờ nhạc rock and roll... và tất nhiên là nhờ các Giọng nói.

Nhà, đất, cổ phiếu, hợp đồng bảo hiểm, thậm chí có cả bản sao di chúc cuối cùng của anh. *Đó là những sợi dây cột chặt ta vào bản đồ cuộc đời mình, anh thầm nhủ.*

Bỗng dưng anh nổi hứng muốn lôi chiếc bật lửa Zippo ra, đốt hết những thứ vớ va vớ vẩn “rằng thì là vì” này, nào “Văn bản thông báo cho mọi người được biết...” và “Người nắm giữ giấy tờ này có quyền...” Anh dư sức làm thế. Đột nhiên, giấy tờ trong két sắt chẳng còn ý nghĩa gì đối với anh nữa.

Đó là phút giây đầu tiên khi sợ hãi ập vào anh, và nỗi sợ ấy chẳng có gì ghê gớm. Đơn giản là anh nhận thấy muốn hủy hoại đời mình dễ dàng đến nhường nào. Điều đó thật đáng sợ. Anh có thể kéo quạt đến chỗ những thứ anh tốn bao năm trời mới góp dựng nên, bật chế độ thật to. Dễ như bỡn. Đốt hết, hoặc thổi bay hết, sau đó lên đường.

Mớ giấy tờ này chỉ là chị em xa của tiền tươi thóc thật, nằm đằng sau mới là hiện kim. Tiền mặt. Bốn mươi nghìn đô-la trong những tờ mười, hai mươi và năm mươi.

Anh lôi hết chúng ra, nhét vào túi quần jean, đoạn tự hỏi phải chăng ngày ấy anh cũng mơ hồ biết mục đích cất tiền vào đây là gì - có tháng anh nhét vào năm mươi đô, tháng sau trăm hai mươi, tháng sau nữa chỉ có mười đô. Tiền tha lâu đầy tổ. Tiền để anh lên đường đi xa.

“Trời ạ, đáng sợ thật,” anh vô thức thốt lên. Anh băng quơ nhìn bãi biển từ khung cửa sổ rộng lớn. Bãi biển giờ vắng tanh, không còn những người lướt sóng, cũng chẳng thấy cặp vợ chồng son (giả sử là vậy) kia đâu.

À, vâng, thưa bác sĩ – tôi nhớ lại hết rồi. Ví dụ như Stanley Iris chẳng hạn? Tôi dám chắc tôi còn nhớ... Nhớ ngày xưa mình hay dùng cách nói này và nghĩ rằng nó thật ngẫu? Đám du côn hay gọi cậu ấy là Stanley U Đút. “Ê, U Đút! Ê, thằng giết chúa Giê-su. Mà đi đâu đấy? Thằng bạn bê đê sắp thổi kèn cho mày hả?”

Anh đóng sập két sắt rồi xoay bức ảnh về vị trí cũ. Lần cuối cùng anh nghĩ đến Stan Uris là khi nào nhỉ? Năm năm trước? Mười năm? Hay hai mươi năm? Rich và cả gia đình rời Derry vào mùa xuân năm 1960, và chẳng mấy chốc, khuôn mặt của tất cả bọn họ đã nhạt phai, nhóm bạn của anh, một nhóm mặt những đứa cùi bắp với phòng sinh hoạt nho nhỏ ở Vùng Đất Cằn – cái tên rõ kỳ cục cho một khu đất lúc nào cũng um tùm rậm rạp. Cả đám vờ là những kẻ thám hiểm rừng thiêng, nhóm Ong Biển đang tạo đường băng hạ cánh trên rừng san hô vòng ở Thái Bình Dương trong lúc càn chân quân Nhật, vờ là những người xây đập, cao bồi, phi hành gia ở rừng xanh, vân vân và mây mây, nhưng dù là gì thì cũng đừng quên bản chất thực sự: chúng chỉ đang ẩn nấp. Ẩn nấp khỏi đám to con. Ẩn nấp khỏi Henry Bowers, Victor Criss và Huggins Ở Hoi cùng bè lũ bọn chúng. Cả đám bọn họ ngày ấy quả là cùi bắp – Stan Uris với cái mũi Do Thái rõ to, Bill Denbrough chẳng nói được gì ngoài câu “*Hỡi Ánh Bạc!*” mà không cà lăm đến mức bực mình, Beverly Marsh với những vết bầm tím và thuốc lá cuộn lại trong ống tay áo khoác, Ben Hanscom to con nhìn như thể phiên bản con người của [Moby Dick](#), Richie Tozier với cặp kính dày cộm, điểm số trung bình lúc nào cũng A, cái miệng liến láu, khuôn mặt gọi đòn. Có từ nào đo ni đóng giày cho bọn họ không nhỉ? À đúng rồi. Lúc nào chẳng có. *Le mot juste*. Trong trường hợp này, *le mot juste* có nghĩa là *dấm dớ*.

Cá nhà táng bạch tạng khổng lồ được hư cấu trong tiểu thuyết Moby Dick của Herman Melville.

Bỗng dưng mọi thứ ủa về, tất cả ủa về.. và giờ đây, anh đang đứng giữa phòng làm việc, run lập cập đến thảm hại, như gã vô gia cư mắc phải cơn giông, run rẩy vì anh không chỉ nhớ lại đám bạn đã chạy trốn cùng mình mà nhớ cả những thứ khác, những thứ bao năm qua anh chẳng buồn nghĩ đến, ngấm ngấm bên dưới bề mặt.

Những thứ dấm máu.

Bóng tối. Thứ bóng tối đen đặc.

Căn nhà trên đường Neibolt, cảnh Bill hét lên: *Mày giết em trai tao, độ kh-kh-khôn kiếp!*

Liệu anh còn nhớ? Anh nhớ đủ để không muốn nhớ thêm, và riêng đi đâu đó là chắc chắn.

Mùi rác, mùi phân, và thêm một mùi khác. Thứ mùi khủng khiếp hơn bất cứ thứ gì. Đó là thứ mùi hôi thối của quái vật, của Nó, lẫn khuất trong bóng tối của Derry, nơi máy móc đi đùng chạy. Anh nhớ George...

Nhưng đi đâu đó vượt qua ngưỡng chịu đựng của anh, anh vội lao về phía phòng tắm, trên đường tông phải chiếc ghế Eames và mém ngã lăn quay. Anh loạng choạng... may không sắp mặt. Anh trượt đầu gối trên những viên gạch men nhẵn bóng vào nhà vệ sinh như một tay vũ công break dance kỳ cục, chộp lấy bệ và nôn thốc nôn tháo mọi thứ trong bụng mình. Thế mà ký ức vẫn không ngừng hiện ra, bỗng dưng anh có thể thấy Georgie Denbrough như thể anh mới gặp ngày hôm qua, cậu bé Georgie khởi đầu cho tất cả mọi chuyện, cậu bé Georgie bị sát hại vào mùa thu năm 1957. Georgie đã chết ngay sau cơn lũ, một tay đứt lìa, và Rich đã chặn tất cả những đi đâu này ra khỏi ký ức. Nhưng thỉnh thoảng, chúng lại trỗi dậy, thật là thế, chúng trỗi dậy, thỉnh thoảng chúng lại hiện về.

Cơn co thắt qua đi và Rich mò mẫm giặt nước. Nước ào ào xả xuống. Cái đồng nóng hổi gớm guốc từng là bữa ăn xế của anh biến mất xuống cống.

Vào cống nước thải.

Vào thứ mùi thối hoảng và bóng tối dưới cống nước thải.

Anh đóng nắp bồn lại, tựa trán lên đó và nước mắt cứ thế tuôn rơi. Kể từ khi mẹ anh qua đời vào năm 1975, đây là lần đầu tiên anh rơi lệ. Chẳng buồn nghĩ xem mình đang làm gì, anh lấy hai tay ôm mắt, cặp kính áp tròng anh đeo rơi ra, nằm lấp lánh trong lòng bàn tay.

Chỉ bốn mươi phút sau, cảm thấy được gột bỏ và phần nào thanh lọc, anh thấy va li lên thùng chiếc MG và lái nó ra khỏi ga-ra. Bóng ngả chiều hôm. Anh nhìn căn nhà với những khóm cây mới trồng, anh nhìn bãi biển, nhìn làn nước giờ đang phản chiếu màu ngọc lục bảo nhạt, đan xen là dải màu vàng rất mạnh. Và bỗng một niềm tin mãnh liệt chiếm trọn đầu óc anh, rằng anh sẽ không bao giờ được chiêm ngưỡng khung cảnh này nữa, rằng chưa gì anh đã như kẻ tội đồ chờ lĩnh án tử.

“Về nhà thôi,” Rich Tozier thì thầm với chính mình. “Về nhà, Chúa làm ơn làm phúc, về nhà thôi.”

Anh khởi động xe, một lần nữa càng thấm thía cuộc đời vững chãi anh từng có và đêm đen chỉ cách nhau một lần ranh – chỉ cần đưa chân là anh đã bước qua màn đêm bên kia, dong buồm rời khỏi màu xanh và bước vào bóng tối đen như mực.

Ra khỏi màu xanh và bước vào bóng tối, phải, là thế đấy. Nơi anh không biết thứ gì đang chờ mình.

BEN HANSCOM UỐNG RƯỢU

Nếu vào đêm ngày 28 tháng 5 năm 1985, bạn muốn tìm người đàn ông mà tạp chí *Time* ca ngợi “có lẽ là kiến trúc sư tài năng nhất nước Mỹ” (“Bảo tồn Năng lượng Đô thị và Giới trẻ Thổ Nhĩ Kỳ”, *Time*, ngày 15 tháng 10 năm 1984), bạn sẽ phải lái xe về hướng Tây ra khỏi Omaha vào Xa lộ Liên Tiểu Bang 80. Bạn sẽ phải ra ở lối Swedholm, lên Xa lộ 81 vào trung tâm Swedholm (thật ra cũng khá đều hui). Ở đó, bạn rẽ vào Xa lộ 92 tại Bucky’s Hi-Hat Eat-Em-Up (“Bít tết Gà nướng là Đặc sản của Tiệm”) và sau khi đã chạy vào vùng quê, bạn rẽ phải vào Xa lộ 63, chạy thẳng tắp một đường băng qua thị trấn nhỏ và vắng như chùa bà đanh mang tên Gatlin, dẫn vào Hemingford Home. Trung tâm thị trấn Hemingford Home khiến trung tâm Swedholm chẳng thua gì thành phố New York; khu kinh doanh bao gồm tám tòa nhà, năm tòa bên này đường và ba tòa bên kia. Có một tiệm cắt tóc nam mang tên Kleen Kut (bên dưới cửa sổ trưng tấm biển màu vàng với dòng chữ viết tay vừa tròn mười lăm tuổi đề *Nếu quý vị là dân “hippy” thì vui lòng cắt tóc chỗ khác*), một rạp chiếu phim chiếu phim cũ và một tiệm bán đồ giá năm xu và mười xu. Có một chi nhánh của Ngân hàng Gia chủ Nebraska, trạm xăng 76, nhà thuốc Rexall cùng Trang trại Quốc gia & Cung cấp Dụng cụ – đây là trụ sở kinh doanh duy nhất trong thị trấn le lói chút tài năng.

Về cuối đường chính, cách các tòa nhà còn lại một đoạn không xa, sát rìa vùng đồng không mông quạnh này tọa lạc một quán rượu bình dân mang tên Bánh xe Đỏ. Nếu lặn lội đến đây, bạn sẽ thấy trong bãi giữ xe bụi mù đầy ắp một chiếc Cadillac mui trần 1968 dạn dày sương gió, với cặp ăng ten CB cắm phía sau. Bảng đăng ký xe phía trước chỉ ghi ngắn gọn:

Caddy của Ben. Và bên trong, khi bước đến quầy bar, bạn sẽ tìm thấy người đàn ông mà ta đang bàn tới – cao lêu nghêu, da rám nắng, vận chiếc áo sơ-mi [chất liệu chambray](#), quần jean bạc phéch và xỏ đôi bốt trầy xước. Có những nếp nhăn rất mảnh nơi khoé mắt, còn lại da mặt anh láng bóng. Nhìn anh trẻ hơn tuổi thật của mình – tức ba mươi tám tuổi – phải đến mười năm.

Được làm bằng cotton và nhuộm màu xanh chàm.

“Xin chào, anh Hanscom.” Ricky Lee lên tiếng, đặt khăn giấy lên quầy bar lúc Ben ngồi xuống. Ricky Lee tỏ ra chút ngạc nhiên, mà thật sự là thế. Anh chưa bao giờ thấy Hanscom đến Bánh xe Đỏ vào cuối tuần. Anh thường đến đây uống hai cốc bia vào mỗi tối thứ Sáu, và bốn hoặc năm cốc vào tối thứ Bảy; anh luôn thân tình hỏi thăm ba cậu con trai của Ricky Lee; anh luôn để lại năm đô-la tiền boa dưới cốc bia của mình khi ra về. Xét trên cả phương diện công việc và phương diện cá nhân, anh luôn là khách hàng ưa thích của Ricky Lee. Mười đô-la hằng tuần (và năm mươi đô-la để dưới đáy ly vào dịp Giáng sinh suốt năm năm qua) là quá tuyệt, song đáng quý hơn cả là có một người bằng hữu như anh. Bạn tốt hiếm có như đái cát tìm vàng, nhưng ở một quán rượu rẻ tiền, nơi lời nói chỉ là đầu môi chót lưỡi, bạn tốt còn hiếm hơn cả răng gà.

Hanscom xuất thân ở New England, học đại học ở California, nhưng con người anh lại đậm chất phong trần của dân Texas. Ricky Lee luôn trông chờ Ben Hanscom ghé qua vào tối thứ Sáu và thứ Bảy, vì qua bao năm, đi đâu đó đã trở thành thông lệ. Anh Hanscom có thể xây dựng một tòa nhà chọc trời ở New York (anh đã xây ba tòa nhà nổi danh nhất thành phố), một phòng triển lãm nghệ thuật mới ở bãi biển Redondo hoặc một tòa nhà kinh doanh ở thành phố Salt Lake, nhưng cứ đến tối thứ Sáu, khoảng 8 giờ

đến 9 giờ 30 phút, cánh cửa dẫn ra bãi đậu xe sẽ mở, rồi anh sẽ thông thả bước vào, như thể anh sống ngay phía bên kia thị trấn và quyết định tạt vào quán bar cho vui vì trên ti vi chẳng có gì thú vị. Anh có chiếc máy bay Learjet của riêng mình và một đường bay riêng trong trang trại của anh ở Junkins.

Hai năm trước anh sống ở London, đầu tiên là thiết kế, sau đó là giám sát xây dựng trung tâm truyền thông BBC mới – một tòa nhà mà đến tận bây giờ vẫn tồn biết bao giấy mực của báo giới Anh tranh luận về lợi và hại (tờ *Guardian*: “Có lẽ đây sẽ là tòa nhà mỹ lệ nhất được xây dựng ở London trong hơn 20 năm qua”, tờ *Mirror*: “Ngoài khuôn mặt mẹ vợ của tôi sau vài tầng ở quán rượu thì đây là thứ xấu nhất tôi từng thấy”). Khi anh Hanscom nhận dự án đó, Ricky Lee đã tự nhủ, *Chà, rồi mình sẽ sớm gặp lại anh ấy. Hoặc có khi anh ấy quên hết mọi người ở đây.* Và thật vậy, sau khi Ben Hanscom sang Anh, tối thứ Sáu đến rồi trôi qua mà không thấy bóng dáng anh xuất hiện, dù suốt từ 8 giờ đến 9 giờ 30, khi nào cửa mở, Ricky cũng ngẩng lên nhìn. *Chà, rồi mình sẽ sớm gặp lại anh ấy thôi. Có lẽ thế.* Hóa ra anh đã đúng, vì tối hôm sau, Hanscom xuất hiện. Cửa mở lúc 9 giờ 45 phút, người đàn ông ấy thông thả bước vào, mặc quần jean, áo thun đề chữ GO ‘BAMA và mang đôi giày cũ kỹ, như thể anh mới từ bên kia thị trấn về. Và khi Ricky Lee mừng rỡ la lên, “Ồ kìa, anh Hanscom! Trời ơi! Anh làm gì ở đây thế?” thì anh Hanscom ngạc nhiên ra mặt, như thể chẳng có điều gì bất thường về việc anh xuất hiện tại nơi này. Mà không phải chỉ một lần, tối thứ Bảy tuần nào anh cũng đến đây trong suốt hai năm tham gia sát sao vào dự án của đài BBC. Thấy Ricky Lee có vẻ quan tâm, anh kể mỗi sáng thứ Bảy, lúc 11 giờ, anh rời London trên chiếc máy bay Concorde và đến sân bay Kennedy ở New York lúc 10 giờ 15 phút

sáng - bốn mươi lăm phút trước thời điểm anh rời London, ít nhất theo giờ đồng hồ là thế (“Trời ơi, cứ như du hành vượt thời gian ấy nhỉ?” Ricky Lee mắt tròn mắt dẹt thốt lên). Một chiếc limousine đã đợi sẵn để đưa anh đến sân bay Teterboro ở New Jersey, một chuyến đi thường mất chưa tới một tiếng vào sáng thứ Bảy. Anh sẽ có mặt trong buồng lái của chiếc máy bay Lear của mình trước buổi trưa một cách dễ dàng và đáp xuống Junkins tầm 2 giờ 30 phút. Anh nói với Ricky rằng nếu chúng ta cứ đi về phía Tây với tốc độ đủ nhanh, ta sẽ có cảm giác ngày dài vô tận. Anh sẽ chọn mất hai tiếng, dành một tiếng với quản đốc và nửa tiếng với thư ký. Anh sẽ dùng bữa tối rồi đến Bánh xe Đỏ trong một hoặc một tiếng rưỡi. Lúc nào anh cũng đi một mình, ngồi ở quầy một mình rồi ra về một mình, dù có khối phụ nữ ở Nebraska này sẵn sàng trao thân cho anh. Về lại trang trại, anh sẽ ngủ sáu tiếng, và toàn bộ quá trình tiếp tục lặp đi lặp lại. Khách hàng nào nghe Ricky kể cũng hết sức ấn tượng. *Có thể anh ta đông tính*, một phụ nữ từng nhận xét như thế. Ricky Lee liếc nhìn cô, quan sát mái tóc tạo kiểu cầu kỳ, bộ quần áo may đo kỹ lưỡng mà hẳn do nhãn hiệu thiết kế, đôi bông tai kim cương, ánh nhìn trong mắt cô, và anh nhận ra hẳn cô là người miền Đông, có lẽ là từ New York, đến đây thăm họ hàng hoặc có khi thăm bạn cùng trường ngày xưa vì nghĩa vụ, cô đang sốt ruột chỉ muốn rời khỏi đây. *Không*, anh đáp. *Hanscom không ẻo lả như vậy*. Cô lấy từ trong túi ra một bao thuốc lá Doral, kẹp một điếu giữa đôi môi đỏ mọng cho đến khi anh châm thuốc cho cô. *Làm sao anh biết?* Cô hỏi, thoáng mỉm cười. *Biết thì biết thế thôi*, anh đáp. Mà thật là thế. Anh còn tính trả lời cô: Tôi nghĩ anh ấy là người cô đơn nhất tôi từng gặp trong đời. Nhưng anh lặng thinh, không tính nói đi đâu đó với người phụ nữ New York đang nhìn anh như thể anh sống cuộc đời kỳ khôi và thú vị.

Tối nay, anh Hanscom nhìn có vẻ nhợt nhạt và phân tâm.

“Chào anh, Ricky Lee,” dứt lời, anh ngẩng xuống và mân mê bàn tay mình.

Ricky Lee biết trong sáu đến tám tháng tiếp theo, anh sẽ đi đi về về Colorado Springs, giám sát khởi công Trung tâm Văn hóa các Tiểu bang Miền núi, một khu phức hợp gồm sáu tòa nhà rộng mênh mông, ăn sâu vào sườn núi. *Khi khu này hoàn thành, người ta sẽ nhận xét quang cảnh trông như có một đĩa trẻ khổng lồ vút đồ chơi lung tung trên cầu thang*, Ben đã nói với Ricky Lee như thế. *Sẽ có người nói vậy cho xem, và họ đúng một nửa. Nhưng tôi nghĩ nó sẽ thành công. Đây là công trình lớn nhất tôi từng xây nên tôi cũng lo lắm, nhưng tôi nghĩ nó sẽ thành công.*

Ricky Lee đoán chắc anh Hanscom căng thẳng do bị công chúng chú ý. Chẳng có gì bất ngờ, cũng không có gì sai. Khi trở nên nổi tiếng, ta sẽ trở thành tâm điểm cho thiên hạ bàn ra tán vào. Hoặc có khi ban nãy anh ấy vừa chạm phải cơn trùng độc. Quanh đây cơn trùng nhiều như nấm.

Ricky Lee lấy một cốc bia từ quầy sau và vặn vòi bia Olympia.

“Khỏi rót, Ricky Lee.”

Ricky Lee quay lại, đầy ngạc nhiên – và khi Ben Hanscom thôi nhìn chăm chăm bàn tay của mình mà ngẩng lên, anh chợt hoảng hốt. Vì trông anh Hanscom không có vẻ căng thẳng, cũng chẳng lo bị dính vi-rút từ cơn trùng. Nhìn anh như thể vừa lãnh một cú trời giáng và đang cố tìm hiểu xem thứ gì đã quật vào người mình.

Chắc nhà anh ấy vừa có người mất. Anh ấy chưa kết hôn, nhưng ai chẳng có gia đình, và hẳn là ai đó trong nhà anh ấy vừa qua đời. Hẳn là thế, chắc chắn như cục phân lăn xuống đôi từ nhà xí ngoài trời.

Một vị khách thả đồng hai mươi lăm xu vào máy chơi nhạc, và rồi

giọng của Barbara Mandrell cất lên, tỉ tê về một chàng trai xay xỉn và một cô gái cô đơn.

“Anh ổn chứ, anh Hanscom?”

Ben Hanscom nhìn Ricky Lee với đôi mắt đột nhiên già hơn những phần còn lại trên khuôn mặt những mười – à không, hai mươi – tuổi, và Ricky Lee bàng hoàng nhận ra tóc của Hanscom đã ngả màu muối tiêu. Thế mà trước giờ, anh chưa bao giờ để ý tóc anh ấy lấm tấm bạc như vậy.

Hanscom mỉm cười. Một nụ cười đáng sợ, gớm ghiếc. Giống như một xác chết đang mỉm cười.

“Tôi nghĩ là không. Không anh ạ. Tối nay thì không. Không ổn chút nào.”

Ricky Lee đặt ly xuống, đoạn bước lại nơi Hanscom đang ngồi. Quầy bar vắng tanh vắng ngắt, tựa một quán rượu vào tối thứ Hai ngoài mùa bóng bầu dục. Có chưa tới hai mươi khách hàng trong quán. Annie đang ngồi cạnh cửa dẫn vào nhà bếp, chơi bài Cribbage với người đầu bếp chuyên nấu những món nhanh gọn, dễ làm.

“Tin xấu sao, anh Hanscom?”

“Tin xấu, anh nói phải. Tin xấu từ quê tôi.” Anh nhìn Ricky Lee.

“Tôi rất tiếc khi nghe điếu đó, anh Hanscom.”

“Cảm ơn anh, Ricky Lee.”

Dứt lời, anh rơi vào trầm tư im lặng. Ricky Lee định bụng hỏi liệu mình có thể giúp gì không thì Hanscom lên tiếng:

“Whiskey của tiệm anh là loại gì, Ricky Lee?”

“Với người khác thì tôi phục vụ Four Roses,” Ricky Lee đáp. “Nhưng riêng anh thì tôi nghĩ tôi sẽ lấy Wild Turkey.”

Nghe thấy thế, Hanscom khẽ mỉm cười. “Anh nhiệt tình quá. Tôi thấy anh cứ lấy ly bia kia đi. Sau đó anh rót đầy Wild Turkey vào cho tôi.”

“Rót đầy sao?” Ricky Lee hỏi, ngạc nhiên ra mặt. “Lạy Chúa, tôi sẽ phải lăn anh ra khỏi đây mất!” *Hoặc gọi xe cấp cứu*, anh nghĩ thầm trong đầu.

“Không phải đêm nay,” Hanscom nói. “Tôi không nghĩ vậy.”

Ricky Lee cẩn trọng nhìn vào mắt Hanscom để đánh giá xem liệu anh có đang bông đùa không, và chưa tới một giây thì người chủ quán bar nhận ra vị khách này đang hết sức nghiêm túc. Vì vậy, anh lấy cốc bia từ sau quầy và chai rượu Wild Turkey từ kệ rượu bên dưới. Cỗ chai lạnh canh va vào thành cốc lúc anh bắt đầu rót. Anh nhìn rượu whiskey òng ọc tuôn ra, đến bản thân cũng bất ngờ. Ricky Lee tự nhủ xem chừng trong người anh Hanscom không chỉ có một chút máu của dân Texas: chắc chắn đây sẽ là shot rượu whiskey khủng nhất mà anh đã rót hoặc sẽ rót trong đời mình.

Gọi cấp cứu con khỉ. Anh ấy mà nốc hết chừng này thì mình gọi luôn Parker và Waters ở Suedholm để lo liệu hậu sự cũng nên.

Dẫu vậy, anh vẫn đem nó đến trước mặt Hanscom; bố của Ricky Lee từng nói với anh rằng nếu đầu óc của khách hàng không có gì bất thường, thì họ trả tiền thứ gì, ta phải phục vụ thứ đó, dù là nước tiểu hay thuốc độc. Ricky Lee không rõ liệu lời khuyên này tốt hay tởm, nhưng anh biết cần câu cơm của anh là pha chế, và tốt hơn hết anh không để lương tâm giày vò mình.

Hanscom tư lự nhìn ly rượu điên rồ, đoạn cất tiếng hỏi: “Tôi nợ anh bao nhiêu cho một shot thế này, Ricky Lee?”

Ricky Lee chậm rãi lắc đầu, mắt vẫn nhìn ly rượu whiskey đầy, không muốn ngước lên và bắt gặp đôi mắt trũng sâu của người đối diện. “Không,” anh nói. “Tôi mời anh ly này.”

Hanscom lại mỉm cười, lần này tự nhiên hơn. “Sao thế, cảm ơn anh, Ricky Lee. Vậy để tôi kể anh nghe một vài đi đầu tôi học được Peru vào năm 1978 nhé. Hồi ấy, tôi làm việc với một người tên là Frank Billings – hay nói đúng hơn, tôi học việc từ người này. Tôi nghĩ Frank Billings là kiến trúc sư có số phận hẩm hiu nhất thế giới. Ông ấy bị sốt và các bác sĩ tiêm cả tỷ loại kháng sinh khác nhau vào người nhưng vẫn không có tác dụng. Ông ấy sốt liên tục hai tuần rồi qua đời. Đi đầu tôi sắp sửa kể với anh là đi đầu tôi học từ người da đỏ cũng tham gia dự án. Loại rượu whiskey hạng rẻ ở đó rất mạnh. Anh uống một ngụm và cứ tưởng nó sẽ trôi tuột xuống bụng, thế mà đột nhiên, như thể có ai đó thấp đèn khò trong miệng anh và cắm nó xuống tận họng. Thế mà dân da đỏ uống thứ rượu ấy như uống Coca-Cola, và họa hoằn lắm tôi mới thấy họ xỉn, *chưa bao giờ* tôi thấy họ còn tê tê qua ngày hôm sau. Tôi nhất nên chưa thử bao giờ. Song tôi nghĩ, tối nay tôi sẽ thử đi đầu mới. Đưa tôi vài miếng chanh bên kia với.”

Ricky Lee mang đến bốn miếng, đặt ngay ngắn lên giấy ăn bên cạnh ly rượu whiskey. Hanscom cần lấy một miếng, đoạn ngừng đầu ra sau như người ta chuẩn bị nhỏ thuốc nhỏ mắt, sau đó, anh bắt đầu vắt nước cốt chanh vào lỗ mũi bên phải.

“Ôi Chúa ơi!” Ricky Lee ré lên kinh hãi.

Cổ họng của Hanscom giật giật. Khuôn mặt anh đỏ dầ... và rồi Ricky Lee nhìn thấy những giọt nước mắt tuôn trào, rơi xuống mặt, chảy xuống tai anh. Máy chơi nhạc đang phát bài của nhóm Spinners, hát về một chàng trai dây thun. “Chúa ơi, con thành thật không biết con phải chịu đựng đi đầu này đến đâu,” Spinners ngân nga.

Mồ mẫm trên quầy bar, Hanscom chộp thêm một miếng chanh và vắt nước cốt vào lỗ mũi còn lại của mình.

“Anh làm thế này không khác gì tự sát,” Ricky Lee thì thào.

Hanscom ném hai miếng chanh đã kiệt nước lên quầy. Mắt anh đỏ lù, anh hít vào thành nhịp giật cục và nhăn nhó. Anh quờ tay đến ly rượu, đưa lên miệng uống hết một phần ba. Ricky Lee chờ người nhìn quả khế của anh nhịp nhàng lên xuống.

Hanscom đặt ly rượu sang một bên, rùng mình hai cái rỗi gật đầu. Anh nhìn Ricky Lee và khẽ mỉm cười. Mắt anh không còn đỏ nữa.

“Nó có tác dụng y chang những gì người ta bảo. Ta quá chú tâm đến mũi nên không cảm nhận được thứ gì đang trôi xuống cổ họng.”

“Hanscom, anh điên rồ,” Ricky Lee vẫn còn ngỡ ngàng.

“Chuẩn không cần chỉnh,” Hanscom đáp. “Anh có nhớ câu đó không, Ricky Lee? Hồi còn bé, chúng ta hay nói “Chuẩn không cần chỉnh”. À mà tôi từng kể với anh ngày xưa tôi béo ú chưa nhỉ?”

“Chưa, anh chưa bao giờ kể,” Ricky Lee khẽ nói. Giờ thì anh dám chắc Hanscom đã nhận được thông tin gì đó hết sức khủng khiếp nên mới phát điên... hoặc tạm rời bỏ giác quan thông thường như thế này.

“Trước đây, tôi như cái lu. Tôi chẳng bao giờ chơi bóng chày hay bóng rổ, lúc nào cũng bị bắt đầu tiên nếu cả bọn chơi đuổi bắt, chẳng được tích sự gì. Tôi béo lắm, thật sự là thế đấy. Và có một số kẻ du côn ở thị trấn quê nhà suốt ngày lấy tôi ra làm trò đùa. Có một đứa tên là Reginald Huggins, mọi người hay gọi là Ợ Hơi. Một đứa tên Victor Criss. Và còn vài đứa nữa. Nhưng đầu não thật sự của đám ấy là một thằng tên Henry Bowers. Nếu hỏi tôi ai là đứa trẻ xấu xa nhất trên cõi đời này, Ricky Lee ạ, thì hẳn đó chính là Henry Bowers. Tôi không phải đứa con nít duy nhất bị cậu ta bắt nạt; vấn đề nằm ở chỗ, tôi chạy không nhanh bằng những người khác.”

Hanscom cởi nút áo và phanh ra. Cúi người về phía trước, Ricky Lee nhìn thấy một vết sẹo méo mó, lạ thường trên bụng anh, ngay trên rốn. Nhấn nhúm, trắng bệch và có vẻ đã lâu. Anh bảo đó là một chữ cái, Ai đó đã khắc chữ “H” lên bụng anh, có lẽ đã rất lâu trước khi Hanscom trở thành một người đàn ông.

“Thủ phạm là Henry Bowers đấy. Chuyện xảy ra cả nghìn năm về trước rồi. May là tôi không phải mang đầy đủ tên họ của cậu ta dưới bụng.”

Hanscom lại lấy thêm hai miếng chanh, mỗi tay cầm một miếng, ngẩng đầu về phía sau và vắt chanh như thể nó là thuốc nhỏ mũi. Anh run lên đau đớn, đoạn bỏ chúng qua một bên và nốc thêm hai ngụm rượu rõ to. Rùng mình, anh hợp thêm ngụm nữa rồi lần mò mép quầy bar với đôi mắt nhắm nghiền. Anh giữ rịt lấy nó như một người cố sống cố chết bám vào thanh chắn thuyền buồm trong cơn sóng dữ. Đoạn anh mở mắt và mỉm cười với Ricky Lee.

“Tôi có thể chinh phục con bò tót này cả đêm ấy chứ,” anh nói.

“Anh Hanscom, tôi thành thật mong anh đừng làm vậy nữa,” Ricky Lee lo lắng khuyên can.

Annie bước đến quầy phục vụ, cầm theo khay và gọi vài chai Millers. Ricky Lee lấy cho cô. Đôi chân anh bủn rủn.

“Anh Hanscom ổn chứ, anh Ricky Lee?” Annie hỏi. Cô nhìn qua Ricky Lee khiến anh bất giác quay đầu nhìn theo. Anh Hanscom đang nhòai người ở quầy bar, cẩn thận lựa những miếng chanh từ khay đựng đồ trang trí cho thức uống của Ricky Lee.

“Tôi không biết,” anh thành thật. “Tôi đoán là không.”

“Anh phải làm gì đi chứ.” Cũng như rất nhiều phụ nữ khác, Annie có cảm tình với Ben Hanscom.

“Tôi không biết nữa. Bố tôi luôn bảo nếu đầu óc của khách hàng không có gì bất thường...”

“Bố anh còn chẳng có bộ não mà Chúa ban cho loài chuột nữa kìa,” Annie chặn họng. “Đừng bận tâm đến bố anh nữa. Anh phải dừng chuyện này lại, Ricky Lee. Anh ấy sẽ đi đời nhà ma mất.”

Sau khi nhận lệnh, Ricky Lee quay trở lại chỗ Ben Hanscom ngồi. “Anh Hanscom à, tôi thật sự nghĩ anh...”

Hanscom lại nghiêng đầu về phía sau. Vặn vẹo. *Hít hà* nước chanh theo nghĩa đen, như thể đó là cô-ca-in. Anh nốc whiskey như nước. Anh nhìn Ricky Lee đầy nghiêm nghị. “Bính bong, tôi thấy cả đám người lon ton, nhảy trên thảm phòng khách nhà tôi,” anh ngân nga rồi cười khùng khục. Trong ly chỉ còn khoảng năm phân rượu.

“Vậy là đủ rồi,” Ricky Lee nói, đoạn với lấy ly rượu.

Hanscom nhẹ nhàng đẩy nó ra khỏi tầm tay anh. “Sự đã rồi, Ricky Lee,” anh nói. “Sự đã rồi, chàng trai ơi.”

“Tôi có chút quà cho bọn trẻ nhà anh đây, Ricky Lee. Suýt nữa thì quên mất!”

Anh thò tay vào túi chiếc áo khoác gi-lê jean đã bạc màu, Ricky Lee nghe thấy tiếng lanh canh khe khẽ.

“Bố tôi qua đời năm tôi lên bốn,” Hanscom kể. Giọng anh không chút lè nhè. “Để lại khoản nợ chồng chất và mấy đồng bạc này. Tôi tặng lại các con anh, Ricky Lee.” Anh để ba đồng bạc lên quầy khiến chúng lấp lánh dưới ánh sáng dịu dịu. Ricky Lee kinh ngạc.

“Anh Hanscom, thế thì quý hóa quá, nhưng tôi không...”

“Ngày trước tôi có bốn đồng, nhưng tôi tặng một đồng cho Bill Cà Lăm

và nhóm bạn. Tên thật của cậu ấy là Bill Denbrough. Còn Bill Cà Lăm là biệt danh bọn tôi hay gọi, như chúng ta hay quen miệng nói câu ‘Chuẩn không cần chỉnh’. Cậu ấy là một trong những người bạn tri kỉ của tôi – anh biết không, tôi cũng có dăm ba người bạn, dù lúc ấy tôi béo như con heo nhưng vẫn có. Hiện giờ, Bill Cà Lăm đang là một tiểu thuyết gia.”

Ricky Lee bỏ ngoài tai những lời đối phương nói. Anh nhìn vào mấy đồng tiền như bị hớp hồn. 1921, 1923 và 1924. Chỉ ông trời mới biết hiện tại chúng trị giá bao nhiêu, tính theo lượng bạc nguyên chất bên trong.

“Tôi không nhận đâu, anh lặp lại.

“Nhưng tôi thật lòng tặng anh mà,” Hanscom cần ly rượu nốc cạn. Đáng lý giờ anh ấy phải gục rã, thế mà đôi mắt của anh vẫn không rời Ricky Lee. Mắt anh ươn ướt và đỏ ngầu, nhưng Ricky Lee dám thề trên cả chong sách Kinh Thánh rằng đó là đôi mắt của một người đàn ông tỉnh táo.

“Anh làm tôi hơi sợ đấy, anh Hanscom,” Ricky Lee nói. Hai năm trước, Gresham Arnold, một tay bọm nhậu nước tiếng làng xóm, bước vào Bánh xe Đỏ với cọc tiền hai mươi lăm xu trên một tay và tờ hai mươi đô-la giắt vào quần mũ. Anh ta đưa số tiền ấy cho Annie, đoạn bảo cô nhét bốn đồng hai mươi lăm xu vào máy chơi nhạc. Anh ta đặt tờ hai mươi đô-la trên quầy và nói Ricky Lee chuẩn bị rượu cho cả quán. Tay bọm nhậu tên Gresham Arnold này ngày xưa từng là siêu sao bóng rổ chơi cho đội Hemingword Rams, đưa đội đến chức vô địch trung học đầu tiên (và có lẽ là cuối cùng). Chuyện xảy ra từ năm 1961. Tương lai xán lạn trải rộng trước mắt chàng trai trẻ. Nhưng rồi vào học kỳ đầu tiên ở trường Đại học Bang Louisiana, cậu bị đuổi học, vì rượu chè, ma túy và tiệc tùng thâu đêm suốt sáng. Cậu về nhà, tông nát con xe mui trần màu vàng mà bố mẹ tặng làm quà tốt nghiệp, an phận thủ thường với vị trí trưởng nhóm bán hàng ở đại lý ô tô

John Deene của bố. Năm năm trôi qua. Bố cậu không nỡ sa thải con, rốt cuộc ông bán đứt đại lý ô tô và lui về Arizona, dần vật và già khom trước tuổi vì sự xuống dốc không phanh đầy khó hiểu của cậu con trai. Trong khoảng thời gian ông bố còn làm chủ đại lý ô tô, Arnold giả vờ làm việc, cố gắng nói không với rượu chè, nhưng sau đó, nó khuất phục cậu hoàn toàn. Cậu ta lắm lúc rất xấu tính, nhưng vào cái đêm mang cốc tiênn và mở tiệc bù khú ở quán bar, cậu ta rất đáng yêu, ai nấy đều cảm ơn rồi rít, còn Annie cứ chơi liênn tù tù các bài hát của Moe Bandy vì Gresham Arnold thích ca sĩ này. Ricky Lee rợn người, giật mình nhận ra anh Hanscom đang ng ồi trên chính cái ghế mà cậu ta ng ồi năm xưa. Arnold cứ thế uống tù tù ba hay bốn ly bourbon pha bitter, ngân nga hát theo máy chơi nhạc, không quây phá, đến lúc Ricky Lee đóng cửa quán Bánh xe Đỏ thì cậu về nhà, để r ồi treo cổ tự sát bằng thắt lưng trong tủ quần áo ở tầng trên. Mất Gresham Arnold đêm đó hao hao mất Ben Hanscom lúc này.

“Hình như tôi làm anh sợ r ồi phải không?” Hanscom hỏi, đôi mắt vẫn chĩa thẳng vào Ricky Lee. Anh đẩy ly rượu ra xa, đoạn vòng tay ngay ngắn trước ba đồng bạc. “Có lẽ là thế. Nhưng anh không sợ hãi như tôi đâu, Ricky Lee. Và tôi cầnn Chúa anh sẽ không bao giờ rơi vào cảnh ngộ như tôi.”

“Chà, có chuyện gì vậy?” Ricky Lee hỏi. “Nếu được...” Anh liếm môi. “Nếu được thì tôi xin giúp anh.”

“Chuyện gì ư?” Ben Hanscom bật cười. “Sao thế, không có gì nhiênn nhận đâu. Tôi vừa nhận được một cuộc gọi từ người bạn cũ. Mike Hanlon. Tôi đã quên sạch sành sanh về cậu ấy, Ricky Lee ạ, nhưng chuyện đó chẳng làm tôi sợ lắm. Suy cho cùng, tôi chỉ là một đứa trẻ lúc tôi biết cậu ấy, mà con nít thì chóng quên, đúng không? Chúng có nhớ dai bao giờ.

Chuẩn quá còn gì. Đi đâu khiến tôi sợ là trên đường đến đây, tôi chợt nhận ra mình không chỉ quên mất Mike – tôi đã quên *tất cả* mọi kỷ ức thuở bé.”

Ricky Lee chỉ lặng thinh nhìn. Anh không hiểu Hanscom đang nói gì – nhưng người đàn ông ấy đang sợ hãi. Đó là đi đâu không có gì phải nghi ngờ. Ben Hanscom mà sợ thì quả là chuyện lạ.

“Ý tôi là tôi đã quên *tất tần tật*,” anh nói, khe khẽ gõ nhẹ các đốt ngón tay xuống quầy bar để nhấn mạnh. “Ricky Lee này, anh đã bao giờ nghe đến chuyện một người mắc chứng mất trí nhớ quá nặng, đến nỗi anh ta không biết mình bị mất trí nhớ chưa?”

Ricky Lee lắc đầu.

“Tôi chưa. Nhưng đêm nay, khi đánh con xe Caddy chạy lòng vòng, bỗng dưng suy nghĩ ấy ập đến với tôi. Tôi chợt nhớ ra Mike Hanlon, nhưng chỉ vì cậu ấy gọi điện thoại cho tôi mà thôi. Tôi nhớ cả Derry, nhưng chỉ vì cậu ấy gọi cho tôi từ nơi đó.”

“Derry?”

“Chỉ có thế. Tôi bàng hoàng ngộ ra thậm chí tôi chưa từng nghĩ về việc mình là một đứa trẻ kể từ khi... kể từ khi nào ấy nhỉ, tôi chẳng biết nữa. Và rồi, cứ như thế, mọi thứ bắt đầu ulla vào tâm trí tôi. Ví dụ như chúng tôi dùng đồng bạc thứ tư để làm gì.”

“Anh đã làm gì với nó, anh Hanscom?”

Hanscom nhìn đồng hồ, đoạn đột ngột trượt khỏi ghế. Anh thoáng loạng choạng - rất nhẹ. Và chỉ thế. “Không thể để phí thời gian được” anh nói. “Tối nay tôi bay.”

Ricky Lee sầm mặt nghi ngại, thấy thế, Hanscom phá lên cười.

“Tôi bay chứ tôi không lái máy bay. Lần này thì không. Tôi đã đặt vé

United Airlines, anh Ricky Lee.”

“Ồ.” Anh cho rằng sự nhẹ nhõm của mình hiện hết lên khuôn mặt, nhưng anh mặc kệ. “Thế anh đi đâu vậy?”

Áo sơ-mi của Hanscom vẫn còn mở. Anh trầ n ngâm nhìn xuống những đường trắng nhẵn nhúm của vết sẹo năm xưa r ồi bắt đầu cài cúc.

“Tôi tưởng tôi kể với anh r ồi chứ, Ricky Lee. Về quê. Tôi về quê anh ạ. Anh tặng đám trẻ mấy đồng bạc nhé.” Nói đoạn anh bắt đầu đi về phía cửa, và trong bước đi của anh, ngay cả cách anh lừng khừng cũng khiến Ricky Lee ghê người. Sao nó lại giống với Gresham Arnold quá cố, không ai thương xót kia đến thế, giống đến độ anh có cảm tưởng gần như đang nhìn thấy h ồn ma.

“Anh Hanscom!” Ricky Lee thắng thốt.

Hanscom quay đầu, khiến Ricky Lee vội vàng lùi lại. Mông anh đụng phải quầy bar phía sau khiến đám ly thủy tinh va lạnh canh còn những chai rượu gõ vào nhau lộc cộc. Anh lùi lại vì anh chợt hiểu Ben Hanscom đã chết. Phải, Ben Hanscom đã chết ở đâu đó, trong một rãnh nước hoặc tầng áp mái hoặc có thể là trong tủ quần áo với thắt lưng siết quanh cổ, mũi đôi bột cao b ả i trị giá bốn trăm đô-la đựng đưa cách mặt sàn chừng vài phân, còn kẻ đang đứng gần máy hát, quay lại nhìn anh, là một bóng ma. Trong một khắc - chỉ một khắc nhưng khoảnh khắc ấy đủ dài để phủ lớp băng mỏng lên trái tim hẫng vang nhịp đập của anh – anh dám chắc anh có thể nhìn xuyên qua người đàn ông kia mà trông thấy bàn ghế.

“Gì thế, Ricky Lee?”

“Kh-kh-không. Không có gì.”

Ben Hanscom nhìn Ricky Lee với đôi mắt đi kèm hai hình lưỡi liềm tím đen bên dưới. Má anh bừng bừng vì rượu; mũi đỏ và sưng.

“Không có gì,” Ricky Lee thì thầm một lần nữa, nhưng anh không tài nào rời mắt khỏi khuôn mặt ấy, khuôn mặt của một người chết trong tội lỗi, và giờ anh ta đang đứng sát cánh cửa nghi ngút khói của địa ngục.

“Ngày ấy tôi béo ú, nhà nghèo rớt,” Ben Hanscom kể. “Giờ thì tôi nhớ rồi. Tôi nhớ hình như cô bạn tên Beverly hoặc Bill Cà Lăm đã cứu tôi bằng đồng bạc. Tôi sợ đến phát điên trước những gì mình sẽ nhớ ra đêm nay, nhưng dù tôi sợ đến đâu cũng vậy cả, vì những ký ức ấy sẽ ùa về Tất cả ở đó, giống như một bong bóng khổng lồ phình lên trong đầu tôi. Nhưng tôi sẽ đi, vì tất cả những thành tựu tôi đạt được và tất cả những gì tôi đang có phần nào là nhờ những gì ngày xưa chúng tôi từng làm, và trong thế giới này, gieo gì thì gặt nấy. Có lẽ đó chính là lý do Chúa khiến chúng ta sinh ra là trẻ con trước và cho ta sống gần mặt đất, vì ngài biết ta sẽ phải ngã xuống nhiều lần, chảy máu nhiều lần mới học được bài học đơn giản. Ta trả cho thứ ta muốn có, ta sở hữu thứ ta đã trả... và sớm hay muộn, thứ gì thuộc quyền sở hữu của ta sẽ trở về với ta.”

“Nhưng cuối tuần này anh sẽ trở lại chứ?” Ricky Lee hỏi, đôi môi tê dại. Càng lúc càng hoảng hốt, anh chẳng biết nói gì ngoài bầu vuu vào câu hỏi ấy. “Anh sẽ quay lại vào cuối tuần như mọi lần, phải không?”

“Tôi chưa biết,” Hanscom trả lời và nở nụ cười méo mó. “Lần này tôi sẽ đi xa hơn nhiều so với London, Ricky Lee.”

“Anh tặng mấy đồng xu cho đám trẻ nhé,” anh lặp lại, đoạn bước vào màn đêm.

“Cái quái gì vậy?” Annie hỏi, nhưng Ricky Lee không thêm đề tâm. Anh lật vách ngăn quầy bar lên, đoạn chạy lại cửa sổ trông ra bãi gửi xe. Anh trông thấy đèn pha từ chiếc Caddy của Hanscom bật lên, nghe thấy tiếng động cơ tăng tốc. Xe rời khỏi bãi đất, để lại làn bụi mịn mù. Đèn xe xa dần

thành những chấm đỏ dưới Cao tốc 63, và cơn gió đêm của Nebraska thổi qua khiến màn bụi tan tác.

“Anh ấy uống như hũ chìm, vậy mà anh để anh ấy bước vào chiếc xe to đùng kia và lái đi,” Annie xách mé, “Anh được lắm, Ricky Lee.”

“Bỏ đi.”

“Coi chừng anh ấy toi đời thì khổ.”

Dù mới năm phút trước, đó chính là suy nghĩ lớn vồn trong đầu của Ricky Lee, nhưng khi đèn xe biến mất khỏi tầm mắt, anh quay lại nhìn cô, lắc đầu.

“Tôi không nghĩ vậy,” anh nói. “Nhưng trông bộ dạng anh ấy đêm nay thì có lẽ chết còn nhẹ nhõm hơn.”

“Anh ấy nói gì với anh?”

Anh lắc đầu. Tâm trí anh như mớ bòng bong, và tổng lại mọi thứ xem chừng thật vô nghĩa. “Không quan trọng. Nhưng có lẽ chúng ta sẽ chẳng còn dịp gặp lại anh ấy nữa.”

4

EDDIE KASPBRAK UỐNG THUỐC

Nếu muốn biết tất cả những gì cần biết về một người đàn ông hay một người phụ nữ Hoa Kỳ từng lớp trung lưu vào lúc cận kề của một thiên niên kỷ, ta chỉ cần nhìn vào tủ thuốc của họ – hoặc chí ít đó là những gì người ta hay nói. Nhưng Chúa lòng lành, Ngài hãy thử nhìn vào tủ thuốc này mà xem, khi Eddie Kaspbrak kéo mở tủ, nhân từ gạt qua một bên khuôn mặt trắng bệch và đôi mắt trợn trừng của anh ta.

Ngăn kệ trên cùng để cơ man nào là [Anacin](#), [Excedrin](#), [Excedrin PM](#), [Contac](#), [Gelusil](#), [Tylenol](#) và một lọ màu xanh lam rất to đựng Vicks, trông

như ánh chạng vạng tối tắm dưới lớp thủy tinh. Có một lọ [Vivarino](#), một lọ [Serutan](#) (Đó là chữ *Nature* – *Thiên nhiên viết ngược lại*, Lawrence Welk từng nói thế trong quảng cáo khi Eddie Kaspbrak còn là một cậu bé chưa tỏ sự đời), hai chai Phillips Milk of Magnesia – loại thường, có vị như phấn pha thành nước, và loại mới có vị bạc hà, uống như phấn pha nước vị bạc hà. Có một chai [Roloids](#) rất lớn, chen chúc cạnh lọ thuốc Turns to không kém. Lọ Turns lại đứng cạnh lọ Di-Gel vị cam. Ba lọ thuốc này trông chẳng khác nào bộ ba heo đực ti ền tiết kiệm, nhưng bên trong thay vì đực ti ền xu lại nhét đầy thuốc.

Tên các loại thuốc giảm đau, nhức đầu, hạ sốt.

Một loại thuốc giúp người dùng tỉnh táo khi buồn ngủ, mệt mỏi.

Thuốc đi ầu trị táo bón.

Thuốc đi ầu trị chứng khó tiêu, chua bao tử và ợ hơi.

Ngăn thứ hai ngụp lặn trong vitamin: nào là vitamin E, vitamin C, vitamin C kết hợp dầu t ần xuân. Có vitamin B, vitamin B hỗn hợp và vitamin B-12. Có cả thuốc L-Lysine nghe đâu có tác dụng chữa trị các vấn đề đáng xấu hổ về da, và lecithin với công dụng giải quyết đông cholesterol kinh khủng tích tụ bên trong và xung quanh Máy bơm To bự của cơ thể. Có cả sắt, can-xi và dầu gan cá. Có các loại vitamin tổng hợp uống một ngày một viên, vitamin tổng hợp Myadec, vitamin tổng hợp Centrum. Chưa dừng lại ở đây, trên nóc tủ là lọ [Geritol](#) khổng lồ.

Một sản phẩm vitamin tổng hợp và sắt.

Đọc theo ngăn kệ thứ ba của Eddie, ta sẽ thấy c ầu thủ sân trong của giới thuốc biệt dược. Ex-Lax. [Carter's Little Pills](#). Hai thứ này giúp Eddie Kaspbrak gửi niềm vui xuống đất trơn tru hơn. Chỗ kia, gần đó, là [Kaspectate](#), [Pepto-Bismol](#) và [PrepAuration H](#) trong trường hợp món quà

phọt ra quá nhanh hoặc quá đau. Ngoài ra, có miếng dán Tucks trong hộp vệ nắp đậy sau khi gửi niềm vui xong, mọi thứ được gọn gàng sạch sẽ, dù món quà đó là một hai tờ quảng cáo hay là một kiện hàng to đùng, cũ rích, yêu cầu giao đặc biệt. Anh có Formula 44 trị ho, Nyquil và Dristan trị cảm lạnh và một chai dầu thầu dầu cỡ lớn. Có một hộp Sucrets phòng trường hợp Eddie cảm lạnh, và có một lô các loại nước súc miệng: Chloraseptic, Cepacol, Cepestat dạng chai xịt, và tất nhiên là cả hãng Listerine lâu năm và uy tín, lắm hãng nhái theo nhưng đẳng cấp không đến. Visine và Murine để nhỏ mắt. Thuốc mỡ Cortaid và Neosporin để bôi da (hàng phòng thủ thứ hai nếu L-Lysine không được như kỳ vọng), một ống Oxy-5 và một chai nhựa Oxy-Wash (vì Eddie thà tốn tiền hơn một tí chứ không muốn bị mụn), cùng một vài viên [tetracycline](#).

Tên các loại thuốc nhuận tràng.

Tên các loại thuốc tiêu chảy, đau bụng.

Thuốc kháng sinh đi đầu trị một số bệnh do nhiễm trùng như mụn trứng cá, dịch tả, dịch hạch, sốt rét và giang mai.

Và ở một bên, tùm tùm như những kẻ mưu sâu kế hiểm là ba chai dầu gội đầu tinh chất than.

Ngăn kệ dưới cùng gần như trống không, nhưng thuốc gì để ở đây đều vô cùng có võ – bạn có thể làm chuyến du hành với chúng. Với thứ này, bạn sẽ bay cao hơn máy bay của Ben Hanscom, cầm đầu còn mạnh hơn máy bay của [Thurman Munson](#). Có [Valium](#), [Percodan](#), [Elavil](#) và [Darvon Complex](#). Có cả một hộp [Sucrets](#), nhưng bên trong không có viên kẹo ngậm nào mà cất sáu viên [Quaalude](#).

Thurman Munson là một cầu thủ bóng chày chuyên nghiệp, ông qua đời vì tai nạn máy bay.

Tên các loại thuốc chữa chứng lo âu, giảm đau, an thần.

Thuốc làm dịu tạm thời các cơn ho, đau hoặc khó chịu trong cổ họng.

Thuốc an thần.

Eddie Kaspbrak tin vào khẩu hiệu “Cẩn tắc vô ưu” của Hướng đạo sinh.

Anh bước vào phòng tắm, tay đang đưa túi vải màu xanh. Anh để nó lên bồn rửa mặt, kéo khóa, và với đôi tay run rẩy, anh bắt đầu dốc các lọ, chai, tuýp, chai bóp, chai xịt vào túi. Trong những trường hợp khác, anh sẽ lấy chúng theo nắm, từng nắm thật cẩn trọng, nhưng bây giờ không có thời gian để bày vẽ như thế. Eddie nhận thấy sự lựa chọn hết sức đơn giản nhưng cũng vô cùng nghiệt ngã: đi tiếp, không dừng lại hoặc đứng ngây ra đủ lâu để nghĩ linh tinh chuyện nọ xọ chuyện kia, rồi lăn đùng ra chết vì sợ hãi.

“Eddie?” Myra gọi từ tầng dưới. “Eddie, anh đang làm gì đấyyyyyyy?”

Eddie thả hộp Sucrets đựng Quaalude vào túi. Tủ thuốc giờ gần như trống hoác, chỉ còn lọ [Midol](#) của Myra và một tuýp [Blistex](#) nhỏ, đã xài gần hết. Khựng lại một chút, anh chộp lấy tuýp Blistex. Vừa kéo khóa túi vừa đấu tranh tư tưởng, anh bèn vứt luôn lọ Midol vào trong. Cô ấy muốn mua khi nào mà chẳng được.

Thuốc giảm đau bụng kinh.

Thuốc mỡ dưỡng môi

“Eddie?” Giờ thì giọng nói vang lên ngay giữa cầu thang.

Eddie kéo khóa rồi rời khỏi phòng tắm, vắt cặp một bên vai. Tưởng anh thấp bé, khuôn mặt bẽn lẽn, nhìn hao hao con thỏ. Anh đã rụng gần hết tóc; đầu chỉ còn trơ lại những mảng muối tiêu đáng chán. Sức nặng của chiếc túi kéo anh nghiêng hẳn về một bên.

Một người phụ nữ tướng tá hộ pháp từ từ bước lên tầng hai. Eddie có thể nghe thấy tiếng sàn nhà ken két chống lại nhịp chân cô.

“Anh đang làm gì thế HẢAAAAA?”

Không cần bác sĩ tâm lý lên tiếng xác nhận thì Eddie cũng biết theo nghĩa nào đó, anh đã cưới về nhà một gấu mẹ. Myra Kaspbrak mập ú. Năm năm trước, khi Eddie và cô kết hôn với nhau, cô chỉ đậm người, nhưng thỉnh thoảng anh tự nhủ khéo có khi tiềm thức của anh nhìn thấy được tiềm năng gấu mẹ vĩ đại nơi cô, thiên hạ đều biết mẹ anh là một phụ nữ vô cùng to lớn. Đến khi bước lên tầng hai, trông cô lừng lững hơn hẳn. Cô mặc váy ngủ màu trắng, to bè, ngấn mỡ như chả giò ở phần ngực và hông. Khuôn mặt mộc trắng nhợt, bóng nhẫy. Trông cô vô cùng sợ hãi.

“Anh phải đi xa một thời gian,” Eddie giải thích.

“Anh nói đi xa là sao? Là do cuộc gọi điện thoại ban nãy à?”

“Không có gì cả,” anh nói, đoạn ào xuống hành lang về phía phòng thay đồ. Anh đặt túi xuống, mở cánh cửa gấp của tủ quần áo, gạt sang bên gần chục bộ vest đen y như nhau treo trên giá, nổi bật như những đám mây giống giữa những bộ đồ màu sắc rực rỡ khác. Anh luôn mang vest đen khi làm việc. Anh cúi người vào tủ quần áo, mùi băng phiến và len xộc vào mũi, rồi lòi ra một chiếc va li để phía sau. Anh mở nó ra và bắt đầu ném quần áo vào trong.

Bóng cô phủ lên người anh.

“Chuyện này là sao, Eddie? Anh tính đi đâu? Nói em nghe!”

“Anh không thể nói với em.”

Cô đứng đó nhìn anh, suy tính xem mình nên nói gì hay làm gì tiếp theo. Trong đầu cô vụt lên suy nghĩ đẩy anh vào trong tủ rồi dùng lưng chặn cửa

cho đến khi anh qua cơn điên, nhưng cô không làm vậy được dù hẳn nhiên cô thừa sức; cô cao hơn Eddie cả bảy phân và nặng hơn anh nửa tạ. Cô chẳng nghĩ ra gì để nói hoặc làm, vì hành động lúc này chẳng giống anh chút nào. Giờ nếu bước vào phòng để ti vi và trông thấy chiếc ti vi màn hình lớn mới mua bay trong không khí thì có lẽ cô cũng chẳng bất ngờ hay sợ hãi nữa ấy chứ.

“Anh không được đi,” cô bất giác thốt lên. “Anh hứa sẽ xin chữ ký của [Al Pacino](#) cho em mà.” Nghe thật ngớ ngẩn – cô thừa biết đi đâu đó – nhưng lúc này đây, một đi đâu vớ vẫn còn hơn là không có gì.

Một diễn viên nổi tiếng của sân khấu và điện ảnh Mỹ, được biết đến rộng rãi với bộ phim The Godfather (Bố Già).

“Em vẫn sẽ có,” Eddie nói. “Nhưng giờ em phải tự lái xe chở ông ấy.”

Ồ, lại thêm một nỗi sợ hãi mới góp mặt vào bao lo âu đang xoay vần trong tâm trí hỗn độn của cô. Cô ú ớ khẽ hét lên. “Em không thể... em không bao giờ...”

“Em sẽ phải làm thế,” anh đáp. Giờ anh quay sang xem mấy đôi giày. “Còn ai khác nữa đâu.”

“Đồng phục của em không còn bộ nào vừa nữa rồi! Phần ngực chật ních!”

“Em bảo Delores nói ra cho,” anh bàng quan nói. Anh bỏ hai đôi giày ra sau, kiểm một hộp giày để không rồi nhét thêm đôi thứ ba vào trong. Ba đôi giày đen thuộc hàng tốt, dùng thả ga, nhưng bên ngoài nhìn hơi mòn nên không thể mang đi làm. Khi ta kiếm sống bằng cách chở dân nứt đố đổ vách vòng quanh New York, nhiều người trong số đó vừa giàu vừa nổi tiếng, mọi thứ phải chẵn chu từ đầu đến cuối. Mấy đôi giày này hết tươm tất rồi... nhưng anh nghĩ phải làm khi đến đó. Có lẽ Richie Tozier sẽ...

Nhưng rồi màn đêm đe dọa anh, khiến anh cảm thấy cô hòng mình như nghẹn lại. Nỗi sợ hãi ào ào nổi lên, Eddie chợt nhận ra anh gói ghém tất cả tủi nhục nhưng lại quên mang theo thứ quan trọng nhất: ống thở để trên nóc tủ ti vi.

Anh đóng va li rồi khóa lại. Anh quay sang nhìn Myra, cô đang đứng trong hành lang, tay ôm lấy cái cổ to bè ngắn ngủn như thể cô mới là kẻ mắc xoang. Cô nhìn anh chằm chằm, khuôn mặt bối rối và kinh hãi, lý ra anh cũng sẽ cảm thấy có lỗi với cô nếu lòng anh không ngập ngụa trong sợ hãi.

“Có chuyện gì vậy, Eddie? Người gọi điện thoại cho anh là ai thế? Anh gặp chuyện gì sao? Có chuyện phải không anh? Anh gặp chuyện gì thế?”

Anh tiến về phía cô, một tay cầm túi, tay kia xách va li, lúc này đây, anh đứng thẳng vì sức nặng được phân bổ đồng đều hơn. Cô bước đến trước mặt anh, chặn ngay cầu thang, và ban đầu anh cứ nghĩ cô sẽ không nhường đường. Nhưng rồi khi khuôn mặt anh sắp tông vào bầu ngực mềm mại đang chắn đường kia, cô lùi sang bên... đây hoảng hốt. Anh phăm phăm bước ngang qua khiến cô òa lên tức tưởi.

“Sao em chờ Al Pacino được!” cô khóc rống lên. “Em sẽ tông xù vào biển báo dừng hay gì đó mất, chắc chắn là thế! Eddie, em sợ lắmmmm!”

Anh nhìn chiếc đồng hồ Seth Thomas để trên bàn cạnh cầu thang. 9 giờ 20 phút. Nhân viên hãng hàng không Delta nói chuyện như cái máy cho hay anh đã lỡ mất chuyến bay cuối cùng lên phía Bắc với điểm đến ở Maine - chuyến bay đã rời La Guardia lúc 8 giờ 25 phút. Anh đã gọi cho Amtrak và được biết có một chuyến tàu đêm đến Boston từ nhà ga Perm lúc 11 giờ 30. Họ sẽ thả anh ở Nhà ga Miền Nam, ở đó anh có thể bắt tắc-xi đến văn phòng của Cape Cod Limousine trên đường Arlington. Cape Cod và công

ty Royal Crest của Eddie có quan hệ làm ăn hữu hảo, đôi bên cùng có lợi trong suốt nhiều năm qua. Chỉ cần gọi một cuộc cho Butch Carrington ở Boston, anh đã lo liệu xong phương tiện đi lại ở miền Bắc – Butch nói sẽ chuẩn bị một chiếc Cadillac đầy xăng và sẵn sàng cho anh. Thế là anh sẽ bánh tẻ lái chiếc xe, băng ghế sau không có vị khách nào làm mình làm mẩy, phì phèo đốt xì gà và hỏi liệu Eddie có biết chỗ nào chơi gái hoặc chơi vài gram cô-ca-in hoặc cả hai hay không.

Thích bánh tẻ à, được thôi, anh thêm nữa. Cách duy nhất mày có thể bánh tẻ hơn nữa là lên nằm trong xe tang cho người ta chở đi. Nhưng đừng lo, Eddie – có lẽ mày sẽ trở về bằng cách đó. Ấy là nếu người ta còn gom đủ xác mày lại.

“Eddie?”

9 giờ 20 phút. Còn khối thời gian để nói chuyện với cô, còn khối thời gian để cư xử mềm mỏng. À, nhưng phải chi đêm nay cô ra ngoài chơi bài thì tốt hơn biết bao nhiêu, anh sẽ êm thấm đánh bài chuồn, gắn mẫu giấy dưới cục nam châm trên cánh tủ lạnh (đó là nơi anh để lại tất cả các mẫu giấy nhắn cho Myra vì cô không bao giờ để sót vị trí này). Rồi đi theo cách ấy – như kẻ bỏ cửa chạy lấy người – thật chẳng hay hóm gì, nhưng như bây giờ, tình hình còn tệ hơn. Việc anh đang làm chẳng khác nào bỏ nhà ra đi một lần nữa, mà hành động ấy khó đến độ ngày xưa anh phải làm đi làm lại những ba lần.

Đôi khi nhà là nơi trái tim ta trú ngụ, Eddie băng quơ nghĩ. Mình tin là thế. Bobby Frost quá cố từng nói nhà là nơi khi bạn phải đến, người ta phải cho bạn nào. Tiếc thay, đó cũng là nơi một khi bạn đã an vị bên trong, người ta không bao giờ muốn cho bạn ra.

Anh đứng trên đầu cầu thang, bao sức lực tạm thời cạn sạch, lòng đầy

sợ hãi, hơi thở hỗn hển qua cổ họng bỗng bé như lỗ kim, ngay người nhìn vợ mình khóc.

“Xuống lầu với anh đi, anh sẽ nói với em những gì anh có thể,” anh lên tiếng.

Eddie đặt hai chiếc túi – một túi đựng quần áo, một túi đựng thuốc - cạnh cửa trên hành lang. Lúc ấy, anh chợt nhớ lại đi đâu gì đó... hay nói đúng hơn, hình bóng của người mẹ dù đã qua đời cách đây nhiều năm nhưng vẫn thường xuyên căn dặn trong đầu anh, nhớ về anh.

Con biết nếu chân con bị ướt thì thể nào con cũng bị cảm mà, Eddie – con không được như người ta, cơ thể con yếu như sên ấy, nên phải biết nhìn trước ngó sau. Vậy nên khi mưa, con phải luôn mang ủng.

Ở Derry mưa rất nhiều.

Eddie mở tủ trên hành lang, lấy một đôi ủng để gọn trong túi nhựa trên móc, bỏ vào va li đựng quần áo.

Thế mới là con ngoan của mẹ chứ, Eddie.

Trước lúc mọi chuyện ập đến thì anh và Myra đang xem ti vi. Eddie bước vào phòng để ti vi, ấn nút hạ màn hình chiếc ti vi MuralVision – màn hình to đến độ trông Freeman McNeil như một vị khách từ vùng đất người khổng lồ Brobdingnag vào các buổi chiều Chủ nhật. Anh nhắc điện thoại gọi tắc-xi. Điêu phối viên nói với anh sẽ mất khoảng mười lăm phút. Anh nói không thành vấn đề.

Anh cúp máy, chụp lấy ống thở để trên đỉnh máy chơi đĩa CD Sony đắt tiền của hai vợ chồng. *Mình đã chi một nghìn năm trăm đô-la cho hệ thống âm thanh tối tân này để Myra không bỏ lỡ một nốt nhạc vàng nào trong đĩa thu âm của Barry Manilow và các “Bài hát đỉnh cao” của cô, anh nghĩ và bất giác cảm thấy tội lỗi.* Anh thừa biết mình chỉ đang chống chế. Dù đĩa

thu cũ trầy xước hay đĩa laser tốc độ quay bốn mươi lăm vòng một phút mới coóng thì Myra đầu thích như nhau, giống như việc cô sẽ vui vẻ sống trong căn nhà nhỏ bốn phòng ở Queens cho đến khi họ đầu bạc răng long (và thành thật mà nói, chưa gì đã có chút tóc bạc trên đầu Eddie Kaspbrak). Lý do anh mua hệ thống âm thanh sang trọng cũng giống với lý do anh mua căn nhà xây bằng đá tảng nhỏ nhắn ở Long Island này, nơi cả hai người bọn họ lọt thỏm trong không gian thênh thang như hai viên đậu cuối cùng trong hộp: vì anh có tiền lực tài chính, và vì đó là cách để đi đầu đình với giọng nói nhẹ nhàng, sợ hãi, lẩm lức còn kinh ngạc, luôn lấn lướt của mẹ anh; đây là cách anh tuyên bố: *Con làm được rồi, mẹ ời! Mẹ nhìn đi! Con làm được rồi! Giờ mẹ thương tình tắt loa phóng thanh hộ con được chưa?*

Eddie nhét ống xịt mũi vào miệng, và như một kẻ chuẩn bị tự sát, anh kéo co. Một làn sương vị cam thảo rất kinh khủng xịt sâu xuống họng, Eddie hít hà. Anh có thể cảm nhận đường thở ban nãy suýt nghẹt giờ đã thông thoáng trở lại. Ngực anh bốt quặn thắt, và bất chợt, anh lại nghe thấy giọng nói ma mị trong đầu.

Thầy không nhận được thư tôi gửi à?

Tôi có nhận, thưa bà Kaspbrak, nhưng...

Chà, phòng trường hợp thầy mù chữ, thưa huấn luyện viên Black, để tôi nói luôn cho nó vuông. Thầy sẵn sàng chưa?

Thưa bà Kaspbrak...

Tốt. Đây, chính miệng tôi nói cho thầy nghe. Được chứ? Eddie nhà tôi không học thể dục được. Tôi nhắc lại: con tôi không thể học thể dục. Eddie rất mong manh, và nếu con tôi chạy... hoặc nhảy...

Bà Kaspbrak, tôi đã có kết quả kiểm tra sức khỏe lần trước của Eddie

trong căn phòng, đó là yêu cầu của bang. Kết quả cho hay Eddie chỉ hơi nhỏ con so với tuổi, còn đâu hoàn toàn bình thường. Thế nên tôi đã gọi bác sĩ riêng của gia đình bà để kiểm tra cho chắc, ông ấy cũng xác nhận...

Thầy đang nói tôi đặt điều à, huấn luyện viên Black? Thế cơ đấy? Đâu, con tôi đâu! Eddie đâu, nó đang đứng cạnh tôi đây này! Thầy có nghe thấy tiếng thở của nó không? Thầy CÓ NGHE không?

Mẹ ơi... thôi mà... con ổn mà...

Eddie, thái độ này là thế nào? Mẹ đã dạy con thế nào? Khi người lớn nói chuyện, con nít không được chen ngang.

Tôi có nghe, thưa bà Kaspbrak, nhưng...

Thầy nghe thấy chứ gì? Tốt! Tôi cứ tưởng thầy điếc rồi chứ! Nó thở như xe tải bò lên dốc để số thấp, thầy không thấy sao? Và nếu đó không phải là hen suyễn...

Mẹ ơi, con sẽ...

Im lặng đi, Eddie, không được ngắt lời mẹ nữa. Nếu đó không phải là hen suyễn, thì huấn luyện viên Black à, kéo tôi thành Nữ hoàng Elizabeth mất!

Thưa bà Kaspbrak, Eddie rất khỏe mạnh và vui vẻ khi tham gia tiết học thể dục. Cậu bé thích tham gia các trò chơi và chạy rất nhanh. Trong lúc trao đổi với bác sĩ Bagnes, chúng tôi có nói tới vấn đề “bệnh trong tâm”. Tôi không biết bà đã bao giờ cân nhắc khả năng rằng...

Rằng con trai tôi bị điên? Thầy đang bóng gió như vậy phải không?
THẦY ĐANG BẢO CON TRAI TÔI BỊ ĐIÊN À???

Không, nhưng...

Thằng bé rất yếu.

Bà Kaspbrak, bác sĩ Bagnes cho biết ông ấy không tìm ra nguyên nhân nào...

”... bất thường về mặt thể chất,” Eddie kết câu. Đêm nay, lần đầu tiên sau bao năm, ký ức về cuộc đối đầu đầy nhục nhã ấy lại hiện về, khi mẹ anh hét vào mặt huấn luyện viên Black trong nhà thể thao trường Tiểu học Derry, cậu bé là anh khi ấy há hốc và khúm núm đứng bên cạnh, còn những đứa trẻ khác túm tụm quanh một rổ banh dẻo dẻo hóng chuyện. Nhưng anh biết đó không phải ký ức duy nhất mà cuộc gọi từ Mike Hanlon sẽ khuấy động. Anh có thể cảm nhận rất nhiều ký ức khác, tệ hại tương đương hoặc hơn, lúc nhúc và chen chúc như những kẻ điên cuồng tranh nhau mua hàng khuyến mãi, kẹt ở thế thắt nút cổ chai ngay lối ra vào cửa trung tâm thương mại. Nhưng chẳng chóng thì chày, nút thắt sẽ vỡ và họ sẽ ồa lên. Anh dám chắc về điều đó. Họ sẽ tìm được gì đang hạ giá nhỉ? Là sự bình thường của anh? Có lẽ. Giảm nửa giá. Bị Ảnh hưởng bởi Khói thuốc và Nước. Thanh lý Toàn bộ.

“Không có gì bất thường về mặt thể chất,” anh lặp lại, hít một hơi sâu đến rùng mình và nhét ống thở vào túi.

“Eddie,” Myra nài nỉ. “*Xin anh* hãy cho em biết chuyện này là sao!”

Nước mắt giàn giụa trên khuôn mặt bầu bĩnh của cô. Đôi tay cô vịn vịn đầy kích động như hai con vật màu hồng trĩu trĩu đang đùa nghịch. Lần nọ, trước khi anh thật sự đề cập đến chuyện cưới hỏi, anh có một bức hình chụp Myra do cô tặng, anh bèn để nó cạnh hình người mẹ đã nhắm mắt xuôi tay do suy tim xung huyết ở tuổi 64 của mình. Lúc qua đời, mẹ của Eddie chạm ngưỡng gần hai tạ-chính xác là một-trăm-tám-mười-tư kí lô. Lúc ấy, bà chẳng khác nào gấu mẹ vĩ đại - cơ thể to bè ở ngực, hông và bụng, trên cùng là khuôn mặt bủng beo, lúc nào cũng nhăn nhó. Nhưng tấm

hình mà anh để bên cạnh hình Myra được chụp vào năm 1944, hai năm trước khi anh chào đời (*Con là một thằng bé hay đau bệnh lắm, bóng ma của mẹ đến giờ vẫn thì thào vào tai anh. Lúc chúng ta tưởng mất con rồi...*). Vào năm 1944, mẹ anh vẫn còn thon gọn, chừng tám mươi cân.

Eddie nghĩ cách so sánh như vậy là nỗ lực vớt vát cuối cùng để anh ngăn bản thân mình không loạn luân trong tư tưởng. Anh hết nhìn từ mẹ sang Myra rồi lại quay về nhìn mẹ.

Hai người này là chị em kế cũng hợp lý. Kể tám lạng, người nửa cân.

Eddie nhìn hai bức hình giống nhau và hứa với lòng mình sẽ không làm trò điên rồ ấy. Anh biết các anh chàng đồng nghiệp đã bêu riếu vợ chồng anh như ông lão Jack Sprat ốm nhất và bà vợ béo ú trong dân ca, nhưng họ chưa biết lấy nửa câu chuyện. Anh có thể bỏ qua những lời đùa cợt và nhận xét châm chích, nhưng anh có thật sự muốn trở thành tên hề trong rạp xiếc đậm chất Sigmund Freud như vậy không? Không. Anh không muốn. Anh sẽ chấm dứt với Myra. Anh sẽ khiến cô thất vọng thật nhẹ nhàng vì cô hết sức đáng yêu và có ít kinh nghiệm với đàn ông hơn cả kinh nghiệm của anh đối với phụ nữ. Và rồi, sau khi cô đã dong buồm băng qua đường chân trời cuộc đời anh, có thể anh sẽ theo học lớp dạy tennis mà anh đã cân nhắc bao lâu nay

(Eddie rất khỏe mạnh và vui vẻ khi tham gia tiết học thể dục.)

hoặc mua thẻ thành viên bơi lội ở hồ bơi của Khách sạn UN Plaza

(Cậu bé thích chơi các trò chơi.)

hay tham gia câu lạc bộ sức khỏe vừa mở trên Đường số 3 phía bên kia ga-ra chẳng hạn...

(Eddie chạy rất nhanh, rất nhanh khi bà không có mặt ở đây, chạy rất nhanh khi không có ai suốt ngày bảo thằng bé yếu ớt ra sao và thừa bà

Kaspbrak rằng qua vẻ mặt của thằng bé, tôi thấy dù mới chín tuổi nhưng thằng bé biết điều tốt đẹp nhất nó có thể ban cho bản thân là chạy thật nhanh theo bất cứ hướng nào dù bà tìm hãm nó. Bà Kaspbrak, hãy để thằng bé CHẠY ĐI!)

Nhưng rốt cuộc, anh vẫn cưới Myra. Rốt cuộc, giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời. Nhà là nơi khi bạn phải về, người ta phải trở gô bạn lại. Ồ, anh có thể đập bóng ma của mẹ anh một trận. Điều này khó đấy, song anh dám chắc mình làm được, nếu đó là điều cần làm. Myra chính là kẻ khiến cán cân bị lệch khỏi sự độc lập. Myra đã kết án anh bằng sự quan tâm, ghì anh lại với thái độ lo lắng, trói anh bằng cách cư xử ngọt ngào. Giống mẹ anh, Myra đã nhìn thấu con người anh ở mức độ cao nhất, cốt tử; Eddie lại càng yếu đuối vì thỉnh thoảng anh nghĩ mình chẳng yếu đuối chút nào, Eddie cần được bảo vệ khỏi những suy nghĩ mạnh mẽ về lòng can đảm trong anh.

Vào những hôm trời mưa, Myra đều lấy ủng của anh ra khỏi túi nhựa trong tủ và xếp chúng cạnh giá treo áo ở cửa. Bên cạnh đĩa bánh mì nướng không phết bơ mỗi sáng là một đĩa nhìn qua cứ tưởng ngũ cốc ăn liền rực rỡ sắc màu, chưa ngào đường của trẻ con, nhưng nhìn kỹ sẽ thấy cả đồng vitamin (đa phần đều nằm trong túi đựng thuốc của Eddie lúc này). Giống mẹ, Myra hiểu anh hết thuốc chữa rồi. Khi còn là một chàng thanh niên độc thân, anh đã ba lần rời bỏ mẹ và ba lần về thăm nhà. Và rồi, bốn năm sau, khi mẹ anh qua đời trong tiều tụy ở căn hộ ở Queens của bà, động tịnh mở đồ sộ kẹt cứng ở cửa trước, buộc các nhân viên Medcu (hàng xóm tầng dưới gọi báo khi họ nghe thấy tiếng kinh thiên động địa lúc bà Kaspbrak làm cú chót về thiên thu) phải phá cánh cửa khóa nối phòng bếp của căn hộ ra cầu thang dịch vụ, anh mới trở về nhà lần thứ tư và cũng là lần cuối

cùng. Hoặc chí ít anh cứ ngỡ đó là lần cuối – *lại về nhà, lại về nhà, ô là la, lại về nhà, lại về nhà, với heo ỉn Myra*. Cô ấy là một con heo, nhưng là một con heo hết sức dễ thương, và anh yêu cô, và anh hết thuốc chữa rồi. Cô đã kéo anh về phía mình với ánh mắt thấu hiểu chết người, đầy ma lực của loài rắn. Anh đã về nhà, về mãi mãi, lúc ấy anh đã thẫn thờ như vậy.

Nhưng có khi mình đã sai, anh nghĩ. Có khi đây không phải là nhà, chưa từng là nhà – biết đâu nhà là nơi đêm nay mình phải đến. Nhà là nơi khi bạn đến, bạn phải đối mặt với thứ trong bóng tối.

Anh không tìm được mà run lên, tựa hồ anh ra ngoài song không mang ủng rồi bị cảm nặng.

“Eddie, *em xin anh!*”

Cô lại giàn giụa nước mắt. Nước mắt là thành lũy cuối cùng của cô, giống với trước đây, mẹ anh cũng chuyên làm thế: vũ khí mềm mỏng nhưng có thể làm đối phương tê liệt, có thể biến sự tốt bụng và nhẹ nhàng thành điểm nứt chí tử trên bộ áo giáp.

Đằng nào anh cũng không mặc áo giáp nhiều lắm - mấy bộ giáp chẳng vừa với anh chút nào.

Ngày xưa, nước mắt không chỉ là công cụ phòng thủ của mẹ mà còn là vũ khí. Myra hiếm khi nào dùng nước mắt một cách đầy vị kỷ như thế... nhưng dù vị kỷ hay không, anh nhận thấy cô đang tìm cách tận dụng nó theo cách ấy... và cô đã thành công.

Anh không thể để cô làm thế. Thật dễ để mừng tượng sự cô độc sắp tới, khi anh ngồi trên tàu hỏa trong lúc nó phăm phăm rẽ qua màn đêm hướng lên phía Bắc, tiến về Boston, va li xếp trên đầu và túi đựng thuốc dưới chân, nỗi sợ hãi ngự trị trong lồng ngực như vị thuốc Vicks đã cũ. Thật dễ để Myra kéo anh lên lầu, quan hệ với anh cùng aspirin kèm dung

dịch rửa tay bằng cồn. Và đưa anh vào giường, ở đó họ có thể tiến sâu hơn, hoặc không.

Nhưng anh đã hứa với cô. *Anh đã hứa rồi.*

“Myra, nghe anh nói này,” anh lên tiếng, cố để giọng mình thật khô khốc và rạch ròi.

Cô nhìn anh với đôi mắt ướt, trăn trui và sợ hãi.

Anh thầm nghĩ mình sẽ giải thích cho cô – theo cách tốt nhất có thể, anh sẽ nói với cô rằng Mike Hanlon là người gọi tới và cho anh hay chuyện đã tái diễn, nên phải rồi, anh nghĩ cả đám sẽ trở về.

Nhưng những gì thốt ra từ miệng anh lại có tác dụng trấn tĩnh hơn rất nhiều.

“Ngay sáng ngày mai, em hãy xuống văn phòng và nói chuyện với Phil. Bảo anh ấy rằng anh bay đi có việc nên em sẽ lái Pacino...”

“Eddie, em *không làm được!*” Cô khóc ré lên. “Ông ấy là một nghệ sĩ lớn! Nếu em bị lạc, thế nào ông ấy cũng mắng em, mà em dám chắc thế nào ông ấy cũng chửi, mỗi khi tài xế bị lạc, họ đều làm thế mà... và... và em sẽ khóc mất... nhớ bị tai nạn thì sao... mà sẽ có tai nạn cho xem... Eddie... Eddie, anh phải ở nhà...”

“Vì Chúa! *Em thôi đi!*”

Cô rụt lại trước lời quát của anh, đầy tổn thương, Eddie nắm chặt ống thở nhưng không dùng. Vợ anh sẽ xem đây là điểm yếu và tận dụng nó. *Lạy Chúa, nếu Người có tồn tại, cầu xin Người hãy tin con khi con nói con không muốn làm tổn thương Myra. Con không muốn cô ấy chảy máu, cũng không muốn cô ấy bầm dập. Nhưng con đã hứa, bọn con đã hứa với nhau, cắt máu ăn thề, xin Người giúp con, thưa Chúa, vì con phải làm vậy...*

“Em không thích anh hét vào mặt và quát em như thế, Eddie,” cô thì thầm.

“Myra, anh ghét khi anh phải làm thế,” anh nói, và cô chau mày. *Được đấy, Eddie – mày lại làm tổn thương cô ấy rồi. Sao mày không đâm cô ấy cái phát ở đây luôn đi? Thế còn tốt đẹp hơn. Và nhanh hơn.*

Đột nhiên – có lẽ ý tưởng đâm người ở đây khiến hình ảnh ấy hiện lên – anh trông thấy khuôn mặt của Henry Bowers. Bao năm trôi qua, lần đầu tiên anh nghĩ đến Bowers, và nó chẳng được tích sự gì đối với sự bình an trong tâm trí anh. Không được gì.

Anh thoáng nhắm mắt rồi lại mở ra và nói: “Em sẽ không bị lạc, và ông ấy sẽ không hét vào mặt em. Ông Pacino rất tốt và thấu hiểu.” Anh chưa từng chở Pacino lần nào, nhưng anh tự nhận thấy chỉ ít xét theo trung bình thì lời nói dối này có lý – thiên hạ hay quan niệm rằng hầu hết những ngôi sao nổi tiếng đều nhìn người bằng nửa con mắt, nhưng Eddie đã chở rất nhiều và biết thường thì đi đâu đó không đúng.

Tất nhiên, vẫn có ngoại lệ - và những ngoại lệ ấy khủng khiếp vô cùng. Vì Myra, anh thành thật hy vọng Pacino không phải dạng người như thế.

“Thật sao?” cô rụt rè hỏi.

“Ừ. Thật.”

“Sao anh biết?”

“Demetrios đã lái xe cho ông ấy hai hay ba lần từ hồi còn làm ở Manhattan Limousine, Eddie nói đại. “Anh ấy kể với anh rằng ông Pacino luôn boa ít nhất năm mươi đô-la.”

“Ông ta có boa năm mươi xu em cũng chẳng quan tâm, chỉ cần ông ấy không mắng chửi em là được rồi.”

“Myra, chuyện này dễ như bỡn ấy mà. Một, em đến đón ông ấy Saint Regis lúc 7 giờ tối mai rồi đưa đến Tòa nhà ABC. Họ đang diễn lại màn cuối của vở kịch có sự tham gia của Pacino – *Trâu Mỹ*, anh nhớ tên vở kịch là thế. Hai, em đưa ông ta trở lại Saint Regis vào khoảng 11 giờ. Ba, em về ga-ra, gửi lại xe và ký vào biên bản màu xanh.”

“Thế thôi à?”

“Thế thôi. Em có thể vừa làm vừa trồng cây chuối cũng được nữa là, Marty.”

Cô thường cười khúc khích khi anh gọi cô bằng biệt danh như thế, nhưng lúc này, cô chỉ nhìn anh với sự nghiêm trang có phần ngây ngô và đau đớn.

“Nếu ông ấy muốn đi ăn tối chứ không muốn về khách sạn thì sao? Hoặc đi uống? Hoặc nhảy nhót gì đó?”

“Anh nghĩ ông ấy sẽ không đi đâu, nhưng nếu ông ấy muốn thì em cứ đưa đi. Nếu có vẻ ông ấy sẽ ăn nhậu cả đêm, thì sau nửa đêm em có thể dùng bộ đàm gọi Phil Thomas. Đến giờ đó, ông ấy sẽ sắp xếp một tài xế khác để em được về. Anh sẽ không bao giờ để em phải rơi vào trường hợp này ngay từ đầu nếu anh sắp được tài xế, nhưng hai người kia bị ốm, Demetrios thì đi du lịch, còn lại ai cũng kẹt lịch cả rồi. Trước 1 giờ sáng, em sẽ chăn ấm nệm êm trong giường, Marty ơi – mà 1 giờ sáng là trễ nhất rồi đấy. Anh thề với lòng hứa với dĩa là như thế.”

Cô cũng không bật cười trước câu đùa thề với lòng hứa với dĩa của anh.

Anh đằng hắng và cúi người tới trước, chống khuỷu tay lên đầu gối. Ngay lập tức, bóng ma của mẹ thì thào vào tai anh: *Đừng ngồi kiểu đấy, Eddie. Như thế không tốt cho tướng của con đâu, còn chèn vào phổi nữa.*

Mà phổi con yếu ớt lắm.

Anh ng ỡ thẳng dậy, g ần như không ý thức được hành động mình vừa làm.

“Tốt hơn hết, lần này là lần duy nhất em phải lái xe đấy,” cô r ền r ỉ. “Trong hai năm vừa qua, em biến tướng thành con ngựa, đ ồng phục em mặc lên nhìn g ớm lắm.”

“Đây là lần duy nhất, anh th ề”

“Ban nãy ai gọi anh vậy, Eddie?”

Dường như chỉ đợi đến đó, ánh sáng loang loáng chiếu lên tường, tiếng còi xe vang lên khi chiếc tắc-xi rẽ vào lối đi. Anh như trút được tảng đá trong lòng. Suốt mười lăm phút vừa r ồi họ chỉ nói về Pacino chứ không đ ể động đến Derry, Mike Hanlon và Henry Bowers, như thế thật chẳng còn gì bằng. Tốt cho Myra, đ ồng thời tốt cho cả anh nữa. Chừng nào chưa bắt buộc, chừng ấy anh không muốn bỏ thời gian ra suy nghĩ hoặc bàn luận về những chủ đề này.

Eddie đứng dậy. “Tắc-xi đến r ồi.”

Cô bật dậy quá nhanh, gi ẫm lên g ấu váy ngủ và ngã chúi về phía trước. Eddie chụp được cô, nhưng trong một khoảnh khắc, tình hình rất chi là tình hình: cô nặng hơn anh cả nửa tạ.

Và r ồi cô lại bắt đầu nức nở.

“Eddie, anh *phải* nói với em!”

“Anh không thể. Anh đang vội.”

“Trước giờ anh chưa lần nào giấu giếm em như thế này cả, Eddie,” cô nỉ non.

“Giờ cũng vậy. Không hẳn vậy. Anh không nhớ mọi chi tiết. Ít nhất là

chưa. Người gọi điện thoại từng là – giờ là – bạn cũ của anh. Cậu ấy...”

“Anh sẽ ốm mất,” cô tuyệt vọng nói, rảo bước đi theo lúc anh bước ra ti ền sảnh. “Em dám chắc là vậy. Để em đi với anh, Eddie, em xin anh, em sẽ chăm sóc anh, Pacino có thể đi tắc-xi hay gì đó, có chết được đâu, anh thấy sao, vậy được không?” Giọng nói của cô cao dần, càng lúc càng hồi hả, và Eddie kinh hãi nhận ra càng lúc cô càng giống mẹ mình, giống y hình ảnh bà những tháng cuối đời: vừa già vừa béo ú vừa điên loạn. “Mẹ sẽ xoa lưng cho con và xem con uống thuốc... Mẹ... Mẹ sẽ giúp con... Mẹ sẽ không nói nếu con không muốn mẹ nói nhưng con có thể kể hết với mẹ... *Eddie... Eddie, đừng đi mà con! Eddie, mẹ xin con! Mẹ xin connnnn!*”

Sải bước dọc theo hành lang, giờ anh đã ra đến cửa trước, cảm đầu đi, mặt cúi gằm, anh đi như một người đi ngược cơn gió dữ. Anh thở h ồng hộc. Khi xách túi lên, anh có cảm giác mỗi chiếc túi phải nặng đến nửa tạ. Anh có thể cảm nhận đôi tay màu h ồng tròn lẳn của cô chạm vào anh, khám phá anh, níu kéo anh bằng đề mê tuyệt vọng nhưng r ồi bất lực, cố tìm cách quyến rũ anh với những giọt lệ lo lắng ngọt ngào, cố tìm cách kéo anh ở lại.

Mình không chịu nổi mất! Anh tuyệt vọng nghĩ. Cơn hen chuyển xấu, xấu hơn hẳn từ lúc anh còn bé đến giờ. Anh vươn tay đến nắm cửa nhưng tưởng chừng nó đang trôi xa khỏi anh, lúi vào màn đêm tăm tối của không gian ngoài kia.

“Nếu anh ở lại, em sẽ làm bánh cà phê kem chua cho anh,” cô lắp bắp. “Mình sẽ ăn bỏng ngô... Em sẽ nấu món gà tây anh ưa thích cho bữa tối... Nếu anh muốn thì sáng mai em sẽ làm nó để mình ăn sáng luôn... Hay để em nấu từ bây giờ... và nấu cả canh lòng gà... *Eddie, em xin anh, em sợ lắm, anh làm em sợ lắm!*”

Cô chộp lấy cổ áo anh, kéo anh lại, như tay cảnh sát đô con gô cổ nghi phạm đang tìm cách tẩu thoát. Gom chút lực tàn trong nỗ lực cuối cùng, Eddie đi tiếp... và khi đã sức cùng lực tận, chẳng chống cự nổi, anh cảm thấy vòng tay của cô đang buông dãn.

Cô ré lên tiếng khóc cuối cùng.

Những ngón tay của anh ôm lấy nắm cửa – trời ơi, nó mát lạnh xiết bao! Anh kéo mở cửa và trông thấy chiếc tắc-xi Checker đang đậu bên ngoài, một đại sứ của vùng đất đầu óc bình thường. Không khí ban đêm trong lành. Trời đầy sao, rục rịch.

Anh quay lại nhìn Myra, khò khè. “Hãy hiểu cho anh, đây không phải điều anh muốn làm,” anh nói. “Nếu được lựa chọn – bất cứ lựa chọn nào – anh sẽ chọn không đi. Hãy hiểu cho anh, Marty. Anh đi rồi lại về”

Ôi, sao lời nói ấy gian trá đến vậy.

“Khi nào anh về? Có lâu không?”

“Một tuần. Hoặc có thể là mười ngày. Chắc chắn không lâu hơn thế.”

“Một tuần!” cô ré lên, ôm ngực như một ca sĩ diễn lố trong vở kịch. “Một tuần! Mười ngày! Em xin anh, Eddie! *Em xinnnnn...*”

“Marty, em thôi đi. Được chứ? Em thôi đi.”

Lạ chưa, cô làm theo lời anh nói: cô thôi khóc, đứng ngậy ra nhìn anh với đôi mắt bần ướn, không tức giận mà chỉ kinh hãi với anh cũng như kinh hãi với chính bản thân mình. Có lẽ lần đầu tiên trong bao năm quen cô, anh cảm thấy anh có thể yêu cô một cách an toàn. Hay đó là một phần của việc đi xa? Có lẽ là thế. Không... Bỏ từ *có lẽ* đi. Anh *biết* là thế. Bất chợt, anh cảm thấy mình như kẻ sống nhàn nhàn đầu kia của kính viễn vọng.

Nhưng có lẽ mọi thứ vẫn ổn. Phải chăng ý anh là thế? Phải chăng anh đã

tự nhủ yêu cô là đi đâu bình thường? Rằng cũng không sao dù cô nhìn y như mẹ anh lúc bà còn trẻ, dù cô vừa nằm trên giường ăn bánh brownie vừa xem *Hardcastle và McCormick* hoặc *Falcon Crest*, vụn bánh lúc nào cũng vãi về phía anh, dù cô không quá thông minh, dù cô hiểu và chấp nhận nủi thuốc trong tủ của anh vì chẳng nào cô cũng trữ đồ cho mình trong tủ lạnh?

Hoặc biết đâu...

Biết đâu...

Anh từng suy ngẫm đến những ý tưởng kia bằng cách này hay cách khác, lúc này hay lúc khác, trong cuộc đời rối rắm kỳ dị, khi anh vừa là đứa con, vừa là người tình, vừa là chồng, để rồi khoảnh khắc này, khi sắp bỏ nhà ra đi lần cuối, anh chợt ngộ ra một khả năng, và cảm giác bàng hoàng quét qua anh như cánh chim to lớn.

Biết đâu Myra còn sợ hãi hơn cả anh?

Biết đâu mẹ anh còn sợ hãi hơn cả anh?

Một ký ức về Derry lóe lên từ tiềm thức của anh, tựa hồ pháo hoa phụt lên đầy ghê gớm. Dưới đường Trung Tâm có một tiệm giày mang tên Thuý ên giày. Một ngày nọ, mẹ đã dắt anh đến đó - anh đoán hồi ấy mình chừng năm, sáu tuổi - rồi bảo anh ngồi yên, ngoan ngoãn đợi mẹ mua một đôi cao gót màu trắng để dự lễ cưới. Vì thế anh ngồi yên, ngoan ngoãn đợi mẹ nói chuyện với ông Gardener, một trong các nhân viên ở tiệm, nhưng ngày đó cậu bé Eddie mới năm tuổi (hoặc sáu), nên sau khi mẹ không ưng đôi giày cao gót thứ ba mà ông Gardener đưa, Eddie phát chán, bước đến góc phòng bên kia để nhìn thứ ban nãy lọt vào mắt mình. Ban đầu, cậu cứ ngỡ nó chỉ là một chiếc hộp đựng thẳng đứng. Nhưng khi tiến lại gần, cậu nhận ra nó là một cái bàn. Song cậu dám chắc đó là cái bàn kỳ cục nhất mình từng thấy! Nó hẹp kinh khủng! Bàn được làm bằng gỗ mài sáng

bóng, với những đường khảm cong cong và những họa tiết chạm khắc bên trên. Ngoài ra, có ba bậc thang con con dẫn lên trên, và cậu chưa bao giờ nhìn thấy bàn nào có bậc thang cả. Khi tiến đến gần sát, cậu trông thấy một cái rãnh ở dưới đáy của chiếc bàn, bên cạnh có nút và ở phía trên – lạ chưa kìa! – là một thứ trông giống hệt Kính không gian của [Captain Video](#).

Nhân vật trong loạt phim truyền hình khoa học viễn tưởng của Mỹ.

Eddie đi vòng sang phía bên kia và trông thấy một tấm biển. Chắc lúc ấy cậu sáu tuổi, bởi cậu đọc được dòng chữ và thì thầm từng từ thành lời:

GIÀY CỦA BẠN CÓ VỪA KHÍT KHÔNG? KIỂM TRA XEM!

Eddie vòng ngược lại, trèo ba bậc cầu thang lên cái bục be bé, đoạn thọc chân vào cái rãnh dưới đáy của máy kiểm tra giày. *Đôi giày của cậu có vừa vặn không nhỉ?* Eddie không rõ, nhưng cậu rất muốn *kiểm tra thử*. Cậu thò mặt vào tấm che mặt bằng cao su rồi ấn nút. Ánh đèn xanh khiến cậu lóa mắt. Eddie há hốc. Cậu có thể trông thấy bàn chân bên trong chiếc giày tràn ngập khói xanh. Cậu ngúc ngoắc mấy ngón chân, và những ngón chân cậu đang nhìn ngúc ngoắc đáp trả – hóa ra chúng là chân cậu, được lắm, đúng như những gì cậu nghi ngờ. Và rồi cậu nhận ra cậu không chỉ thấy ngón chân của mình mà còn thấy cả xương nữa! Xương của bàn chân cậu! Cậu quặp ngón chân cái lên ngón chân bên cạnh (như lén lút gạt bỏ hậu họa để lại khi nói dối) thì xương chân quan sát được trong kính cũng gập thành hình chữ X, không có màu trắng mà là màu xanh lè. Cậu còn thấy...

Đến lúc đó, mẹ cậu ré lên, một tiếng hét đầy hoảng sợ xé toạc tiệm giày yên tĩnh như lưỡi hái của Thần Chết, như chuông báo cháy, như tận thế phi ngựa đến. Ngơ ngác giật nảy mặt khỏi kính, Eddie trông thấy mẹ hốt hải bằng ngang tiệm, chạy tới chỗ cậu, chân chỉ mang vớ, chiếc váy bay phấp phật phía sau. Bà hất đổ một cái ghế và một dụng cụ đo giày hay khiến cậu

bị nhột bay vèo. Ngực mẹ phập phồng lo sợ. Miệng của bà mở to thành hình chữ O kinh hãi. Khuôn mặt cũng dần biến dạng theo hướng tương tự.

“*Eddie, xuống ngay!*” Bà ồm tỏi. “Đi xuống ngay! Cái máy đó gây ung thư đấy! Xuống ngay! Eddie! Eddieeeeeeee...”

Cậu bé lùi lại như thể chiếc máy đột nhiên trở nên nóng rẫy. Hoảng hốt, cậu quên mất sau lưng mình có vài bậc thang. Gót chân cậu bị hệt ở bậc thang cao nhất, và cậu đứng đó, từ từ ngã về phía sau, hai tay quay như chong chóng, hông cứ vót sự thăng bằng đang dần mất đi nhưng xem ra bất lực. Song chẳng phải lúc ấy, cậu đã nghĩ một cách mừng rỡ mà điên rồ rằng *Mình sắp ngã! Mình sắp biết cảm giác khi ngã và đập đầu rồi! Vui quá!* Chẳng phải cậu bé Eddie đã nghĩ như thế sao? Hay đó chỉ là suy nghĩ mà khi đã trưởng thành, anh áp đặt lên tâm trí mình lúc nhỏ, quay cuồng trong những phỏng đoán rối rắm và những hình ảnh mờ mịt (chúng đã nhòa hết cả do quá chói chang)?

Bất kể đó là gì, câu hỏi ấy đành bỏ ngỏ. Bởi cậu bé không bị ngã nhờ bà mẹ đã nhào tới đúng lúc. Bà đỡ được con trai mình. Cậu khóc òa nhưng không bị ngã.

Tất cả mọi người trong tiệm đều quay lại nhìn họ. Đến giờ anh còn vẫn nhớ đi ều đó. Anh nhớ ông Gardener nhặt nhanh đồ đo giày và kiểm tra dụng cụ có thanh trượt con con xem có hỏng hóc gì không, còn một nhân viên khác chỉnh lại cái ghế đỡ rồi vung tay ra vẻ khó chịu, trước khi lấy lại bộ mặt bình thản của dân buôn bán. Nhưng anh nhớ rõ nhất là gò má ướm và hơi thở nóng hổi, tanh chua của mẹ mình. Anh nhớ như in bà thì thầm hết lần này đến lần khác vào tai anh, “*Không bao giờ được làm thế nữa, mẹ cấm con không được làm thế nữa, mẹ cấm con.*” Đó là lời mẹ anh nhắc đi nhắc lại để xua tan đi ềm xui rủi. Một năm trước đó, mẹ cũng tụng niệm

câu này khi phát hiện cô trông trẻ đưa Eddie đến hồ bơi công cộng ở công viên Derry vào một ngày mùa hè nóng như chảo lửa – thời điểm ấy, bao lo ngại về dịch bại liệt đầu thập niên 50 mới chỉ bắt đầu lắng xuống. Bà kéo cậu con trai của mình ra khỏi bể bơi, dặn cậu *không bao giờ* được làm thế, *không bao giờ, không bao giờ*, toàn bộ những đứa con nít ở bể bơi cũng nhìn cậu như tất cả những nhân viên cùng khách hàng lúc này, hơi thở của bà cũng ngai ngái vị chua ấy.

Bà kéo cậu ra khỏi Thuyền giày, mắng như tát nước vào mặt nhân viên trong tiệm, rằng bà sẽ lôi họ ra tòa nếu con trai của mình gặp chuyện. Những giọt nước mắt sợ hãi của Eddie rơi lã chã suốt cả buổi sáng hôm ấy, cơn hen còn trở nên tệ hơn bình thường. Đêm đó, cậu trần trọc suốt mấy tiếng đồng hồ so với giờ hay đi ngủ, mông lung tự hỏi chính xác ung thư là gì, liệu nó có ghê gớm hơn bại liệt không, có chết người không, mà nếu chết thì bao lâu, và trước khi chết sẽ đau cỡ nào. Cậu thậm chí còn tự hỏi liệu mình có phải xuống địa ngục không.

Anh biết rằng với cậu bé ngày ấy, mối đe dọa hết sức nghiêm trọng.

Bởi mẹ vô cùng sợ hãi.

Sợ đến cùng cực.

“Marty,” anh nói qua làn nước mắt, “em có thể hôn anh không?”

Cô vừa hôn vừa ôm anh thật chặt, đến độ những đốt xương sống trên lưng anh muốn kêu răng rắc. *Nếu ở dưới nước*, anh thề thầm, *chắc cô ấy sẽ làm cho cả hai chết chìm mất.*

“Em đừng sợ,” anh thì thầm vào tai cô.

“Em không làm được!” cô tức tưởi.

“Anh biết,” anh nói, và chợt nhận ra, dù cô ôm anh chặt đến độ khéo

gãy cả xương sườn, cơn hen của anh đã dứt. Tiếng khò khè khi thở đã không còn. “Anh biết, Marty.”

Tài xế tắc-xi lại bấm còi.

“Anh sẽ gọi cho em chứ?” cô run rẩy hỏi.

“Nếu anh có thể.”

“Eddie, em xin anh, anh không thể nói em nghe có chuyện gì sao?”

Giả như anh nói thì sao? Anh nói ra thì cô an lòng được chừng nào?

Marty à, tối nay anh nhận được một cuộc điện thoại từ Mike Hanlon, bạn anh nói chuyện một thôi một hồi thì chung quy có hai vấn đề lớn. “Nó tái diễn rồi,” Mike nói, đoạn hỏi anh “Cậu về chứ?” Và giờ anh bị sốt rồi, Marty ơi, có điều là cơn sốt không thể thuyên giảm bằng aspirin, anh bị khò khè đường thở nhưng ống thở chẳng ăn thua, vì cơn khò khè ấy không nằm trong họng hay trong phổi anh – mà ở quanh trái tim anh. Anh sẽ về với em chừng nào anh có thể, Marty ạ, nhưng anh cảm thấy mình như kẻ đứng ngay miệng giếng than cũ sắp sụp, anh ngậy ra đứng đấy, tạ từ ánh sáng.

Phải –ôi trời ơi, phải rồi! Nói thế thì kiểu gì cô ấy chẳng bình tâm!

“Không” anh chột hạ. “Chắc anh không thể kể với em được.”

Và trước khi cô kịp nói gì thêm, trước khi cô bắt đầu bài ca của mình (*Eddie, ra khỏi chiếc tắc-xi đó đi! Coi chừng mắc ung thư bây giờ!*), anh đã rời khỏi cô, rảo bước thật nhanh. Vào lúc bước đến chiếc tắc-xi, anh gần như đang chạy.

Cô vẫn đứng sững ở hành lang khi chiếc tắc-xi lù ra đường, đứng như trời trồng khi họ bắt đầu chạy về phía thành phố – bóng người phụ nữ to lớn màu đen cắt ngang ánh đèn hắt ra từ trong nhà. Anh vẫy tay, và thàn

ngĩ hình như cô có vậy lại.

“Anh muốn đi đâu, bạn hữu?” Tài xế tắc-xi hỏi.

“Nhà ga Penn,” Eddie đáp, tay buông lỏng ống thở. Cơn hen đã lui đi để rình rập, chốc nữa tấn công vào phế quản của anh. Anh thấy... gần như khỏe khoắn.

Nhưng bốn tiếng sau đó, tỉnh giấc sau khi chớp mắt trong một cú giật nảy mình, anh cần ống thở hơn bao giờ hết, khiến vị hành khách tươm tất trong bộ áo vest ngẫng đối diện phải bỏ tờ báo của mình xuống, nhìn anh với ánh mắt đầy tò mò, thoáng chút thông cảm.

Tao trở lại rồi đây, Eddie! Cơn hen mừng rỡ rít lên. Tao về rồi đây, ồ, có khi lần này tao giết quách mày đi cho xong! Tại sao không nhỉ? Phải có lúc nào đấy chứ! Tao đâu rồi rồi mà giỡn mặt mày mãi!

Lòng ngực của Eddie đập phồng. Anh mò tìm ống thở, chìa nó vào cổ họng rồi kéo chốt. Đoạn anh tựa lưng vào ghế hăng tàu Amtrak, run bần bật, đợi cơn hen thuyên giảm, nghĩ ngợi về giấc mơ mình vừa thấy. Mơ ư? Chúa ơi, phải chi là thế. Anh sợ nó là ký ức chứ chẳng phải mơ. Trong đó có thứ ánh sáng xanh như ánh sáng bên trong máy chiếu tia X ở tiệm giày, và một gã hủi lở loét đuổi theo thằng nhóc Eddie Kaspbrak la hét toán loạn trong đường hầm dưới lòng đất. Anh cứ chạy mãi, chạy mãi (*thằng bé chạy khá nhanh, Huấn luyện viên Black nói với mẹ như thế, và giờ khi cái thứ lở loét kia đuổi sát sau lưng, cậu chạy còn nhanh hơn, ờ đúng rồi, thật là thế, chuẩn không cần chỉnh*) trong giấc mơ ấy, lúc anh mới mười một tuổi, và anh ngửi thấy mùi gì đó tựa thời gian đã chết, và ai đó quẹt diêm, anh nhìn xuống, trông thấy khuôn mặt thối rữa của Patrick Hockstetter, đưa trẻ mất tích vào tháng Bảy năm 1958, bao nhiêu giun dòi lúc nhúc trên má Patrick Hockstetter, thứ mùi nồng nặc, tanh ngòm bốc ra từ *bên trong* Patrick

Hockstetter, và trong giấc mơ mồn một như ký ức chứ chẳng còn là chiêm bao ấy, anh quay sang một bên và trông thấy hai cuốn sách giáo khoa ẩm ướt, mốc xanh: *Đường tới mọi ngả* và *Hiểu về nước Mỹ*. Chúng ở trong tình trạng như thế là bởi dưới cống, mọi thứ ẩm ướt khủng khiếp (“Cách tớ trải qua kì nghỉ hè của mình”, bài tập làm văn của Patrick Hockstetter – “Tớ nằm chết thảng cảng dưới đường cống ngấm. Rêu mốc mọc đầy trên sách của tớ, làm mấy cuốn sách phồng lên cỡ cuốn [catalog](#) hãng Sears!”). Eddie há hốc miệng chực hét, đúng lúc ấy, những ngón tay ghè lở của gã hải chộp quanh má anh, thọc vào miệng anh, để rồi đến đây anh giật nảy, bừng tỉnh, nhận ra mình không bị kẹt dưới cống ở Derry, Maine, mà ở trên một toa tàu của hãng Amtrak, nằm gần đầu tàu đang phăm phăm băng qua đảo Rhode dưới vầng trăng vắng vặc.

Một ấn phẩm quảng cáo.

Hành khách ngẩng dậy đối diện thoáng lưỡng lự, tính không hỏi nhưng rốt cuộc vẫn dè dặt. “Anh có sao không?”

“À, tôi ổn, Eddie đáp. “Tôi thiếp đi và mơ thấy ác mộng. Thế nên tôi bị lên cơn hen.”

“Ra vậy.” Tờ báo lại được dựng lên. Eddie thấy đó là tờ báo mà thỉnh thoảng mẹ anh hay gọi là *New York Times*.

Eddie ngấm nhìn khung cảnh tĩnh lặng tưới đẫm ánh trăng diệu huyền qua ô cửa sổ. Lác đác đây đó là nhà, hoặc vài cụm nhà, hầu hết tối đen, thảng hoặc lấp ló ánh đèn. Nhưng những ngọn đèn ấy sao leo lắt quá, giả tạo quá, nếu so với cái huyền hoặc ma mị của vầng trăng.

Hắn ta tưởng Mặt Trăng nói chuyện với mình, anh chợt nghĩ. *Henry Bowers. Trời ạ, tên đấy rõ thật điên rồ*. Anh tự hỏi Henry Bowers bây giờ thế nào. Chết rồi? Hay tù tội? Hay lang thang nơi đâu không mong

quạnh, đầu đó giữa chốn quê mùa như một con vi-rút vô phương cứu chữa, chĩa súng cướp cửa hàng Seven-Eleven giữa đêm hôm khuya khoắt, tầm 1 giờ cho đến 4 giờ sáng, hoặc khéo có khi đang cất tiết kẻ nào ngu ngơ cho hấn đi quá giang, đoạn moi hết tiền bạc của kẻ đó?

Có thể lắm, có thể lắm.

Hay hấn đang ở nhà thương điên? Ngược nhìn ánh trăng sắp đến độ trăng rằm? Nói chuyện với trăng, lắng nghe lời trăng rì rầm?

Eddie thấy tình huống này xem chừng khả dĩ hơn. Anh rùng mình. *Cuối cùng mình cũng đã nhớ ra tuổi thơ của mình, anh thầm nghĩ. Mình đã nhớ ra mình làm gì vào kỳ nghỉ hè năm 1958 u buồn và tang tóc ấy. Anh cảm nhận giờ đây, nếu muốn, anh có thể sửa bất cứ cảnh nào của mùa hè năm ấy, nhưng anh không muốn thế. Chúa ơi, phải chi con có thể quên đi tất cả.*

Anh tựa trán vào mặt kính cửa sổ dơ dáy, một tay hờ hững cầm ống thở như một món đồ linh thiêng, dõi theo màn đêm lướt qua con tàu.

Lên mạn Bắc, anh thầm nghĩ, nhưng đi đâu đó sai rồi.

Không phải lên mạn Bắc. Bởi đây không phải con tàu mà là cỗ máy thời gian. Nó không lên mạn Bắc mà đi ngược. Ngược dòng thời gian.

Anh nghĩ hình như mình vừa nghe Mặt Trăng rì rầm.

Eddie Kaspbrak giữ rịt ống thở, nhắm nghiền mắt trước cơn choáng váng vừa ập đến.

5

BEVERLY ROGAN ĂN ĐẬP

Lúc điện thoại reo, Tom đang lơ mơ. Gã lơ mọ dậy, rướn người về phía chiếc điện thoại, đoạn cảm nhận được ngực của Beverly áp vào vai mình

lúc cô vươn qua gã để nhấc ống nghe. Gã thả mình xuống gối, tự nhủ nửa đêm nửa hôm thế này ai lại có thể gọi vào số điện thoại vốn không được công khai của nhà gã. Gã nghe thấy Beverly nói xin chào, và rồi gã lại chìm vào giấc ngủ. Gã đã uống gần hai chục lon suốt trận bóng chày, và gã mệt lử.

Và rồi giọng nói chát chúa đầy tò mò của Beverly -“Cái gìiii?” – khoan vào tai gã như dùi đục đá, khiến gã mở bừng mắt. Gã cố ng ồi dậy, thế mà dây điện thoại chặn ngay cái cổ to bè của gã.

“Bỏ thứ chết tiệt kia ra khỏi người tôi mau, Beverly,” nghe thấy gã nói thế, cô bật dậy, bước quanh giường, hai tay chụm lại giữ sợi dây. Tóc cô hung đậm, gợn sóng, buông xõa xuống váy ngủ đến tận eo. Mái tóc của con điểm. Đôi mắt của cô không biết lần tới mắt gã để đọc được tâm trạng ở đó, và Tom Rogan cảm thấy khó chịu. Gã ng ồi dậy. Đầu gã bắt đầu đau. Mẹ kiếp, chắc nó đau từ nãy đến giờ, nhưng khi say ngủ, gã chẳng hề hay biết.

Gã vào nhà vệ sinh, đi tiểu lâu đến độ gã cảm giác phải kéo dài ba tiếng đồng hồ, đoạn quyết định nếu còn thức, gã nên nốc thêm lon bia cho bớt choáng sau cơn chè chén.

Đi ngang qua phòng ngủ cạnh cầu thang, gã đàn ông mặc quần đùi trắng phất phơ như cánh buồm bên dưới bụng bia to đùng, hai tay nùi nùi như cây giò (trông gã như kẻ bốc vác chứ chẳng giống chủ tịch kiêm tổng giám đốc công ty Beverly Fashions chút nào), gã nhìn qua vai và gất lên: “Nếu là con Lesley đồng bóng ấy gọi thì bảo nó đi kiếm mấy ả người mẫu hú hí và để chúng ta ngủ đi!”

Beverly thoáng nhìn lên, lắc đầu tỏ ý người gọi không phải là Lesley, đoạn nhìn xuống chiếc điện thoại. Tom cảm thấy phần cơ bắp sau gáy căng

lên. Dám trái lời gã. Phu nhân của gã dám trái lời gã. Phu-nhân-chết-giảm-của-gã. Chưa vắng chủ nhà mà đã dám vọc niêu tôm. Xem ra Beverly cần được dạy một bài học ngắn để biết thế nào là tôn ti trật tự. Chắc thế rồi. Thỉnh thoảng lại vậy. Cô ta dốt đặc cán mai mà.

Gã xuống lầu, đi dọc hành lang vào nhà bếp, lơ đãng đưa tay móc túi quần đùi, đoạn mở tủ lạnh. Gã lần mò tìm nhưng không thấy có thứ gì cóцен hơn cái đĩa Tupperware màu xanh đựng mỳ Romanoff còn dư. Hết sạch bia. Ngay cả lon bia gã cất sâu bên trong (như cách gã gấp tờ hai mươi đô-la nhét trong bằng lái phòng hồ) cũng không cánh mà bay. Trận bóng có mười bốn lượt đấu, thế mà xôi hỏng bỏng không. White Sox thua đứt. Năm nay toàn những thằng dở như hạc.

Mắt gã lướt đến mấy chai rượu mạnh để trong tủ kính trên quầy bếp, và trong vô thức, gã rót Beam vào một ly rượu kèm đá. Đoạn gã trở lại cầu thang, thừa biết làm vậy chỉ khiến đầu gã thêm nhức như búa bổ. Gã liếc nhìn đồng hồ quả lắc cổ dưới chân cầu thang và nhận ra giờ đã quá nửa đêm. Hành động thông minh ấy chẳng khiến tâm trạng vốn cấm cử ngay cả những lúc tốt nhất của gã tươi tỉnh thêm chút nào.

Gã leo lên cầu thang, cố tình đi thật chậm, ý thức - ý thức vô cùng - tìm gã đang đập mạnh ra sao. Thành thịch. Thành thịch. Thành thịch. Gã cảm thấy chộn rộn trong lòng khi nhận thấy mình có thể nghe tiếng tim đập rộn trong tai, trong cổ tay cũng như trong lồng ngực. Thỉnh thoảng, khi đi đầu đó xảy ra, gã tưởng tượng quả tim của gã chẳng phải một bộ phận co bóp nữa mà là một công tơ rõ to phía bên trái lồng ngực với cây kim đang nhích về báo động đỏ đầy đáng ngại. Gã không thích thú khốn này; gã cũng cóc cần thứ khốn này. Đi đâu gã cần là được đánh một giấc thật say.

Thế mà con đi vô cảm gã cưới về vẫn đang rù rì nói chuyện điện thoại.

“Tớ hiểu đi đâu đó, Mike... ừ... ừ, tớ *có mà*... Tớ biết... Nhưng...”

Một khoảng lặng kéo dài.

“*Bill Denbrough?*” Cô ta thốt lên, và cái dùi đục đá một lần nữa khoan vào tai gã.

Gã đứng bên ngoài cửa phòng ngủ cho đến khi lấy lại được nhịp thở. Giờ tim gã đập thành thịch, thành thịch: nhịp nện đinh tai nhức óc đã kết thúc. Gã thoáng mừng tượng cây kim rời khỏi vùng báo động đỏ, đoạn cố sức gạt hình ảnh ấy ra khỏi đầu. Gã là đại trưởng phu kia mà, Chúa ơi, một kẻ đầu đội trời chân đạp đất, chứ chẳng phải cái lò vớ rờ le rờm. Gã vai u thịt bắp, mình đổng da sắt thế này. Và nếu cô ta cần học lại đi đâu đó, gã sẽ vui vẻ dạy cho cô sáng mắt ra.

Gã tính bước vào, nhưng lại thôi, đứng đó thêm một lát, lắng nghe cô ta nói chuyện điện thoại, thật ra chẳng quan tâm cô ta nói với ai hay nói gì, chỉ lắng nghe tông giọng cô rít ré lên xuống. Và gã cảm thấy cơn giận gai người chực trào.

Gã gặp cô trong một quán bar ở trung tâm thành phố Chicago chừng bốn năm trước. Họ nói chuyện hợp rơ vì cả hai đều làm ở tòa Standard Brands và cùng quen vài người. Tom là nhân viên của King & Landry, bộ phận quan hệ công chúng, làm việc ở tầng 42. Beverly Marsh – đó là họ của cô thời con gái – là trợ tá thiết kế ở Delia Fashions, làm việc ở tầng 12. Delia – một hãng về sau cũng khá nổi tiếng ở vùng Trung Tây, đánh mạnh vào giới trẻ – váy, áo khoác, khăn choàng và quần của nhãn hiệu này đa phần được bán ở những cửa tiệm mà Delia Castleman gọi là “cửa hàng thanh xuân”, còn Tom gọi là “cửa hàng hút chích”. Tom Rogan gần như biết ngay hai đi đâu về Beverly Marsh: cô rất kêu gọi và rất dễ tổn thương. Trong vòng chưa tới một tháng, gã biết thêm một đi đâu nữa: cô rất tài năng.

Vô cùng tài năng. Gã nhìn thấy trong những bức vẽ váy và áo thường nhật của cô, chiếc máy in ti-ên ti-ên năng đến đáng sợ.

Nhưng không phải ở mấy cửa hàng dâm dór này, gã nghĩ, song không nói ra (chí ít là lúc đó). Chúng không đáng bị trưng bày trong ánh sáng từ mù như thế, giá rẻ mạt như thế, không đáng bị nhét bừa phứa phía sau cửa hàng, giữa những món đồ chơi thuốc và áo hình mấy ban nhạc rock. Những điều đó cứ để đám các kếp làm.

Gã tìm hiểu từng đường tơ kẽ tóc về cô trước khi cô biết gã hứng thú với mình, và Tom muốn thế. Cả đời mình, gã đã tìm kiếm một người như Beverly Marsh, và gã cura cảm cô với tốc độ sư tử tấn công con linh dương chậm chạp. Sự mong manh của cô không thể hiện ra bên ngoài – ai nhìn cũng chỉ thấy cô là một phụ nữ xinh đẹp, thanh mảnh nhưng đường nét đâu ra đó. Hồng cô không đẹp lắm, có lẽ thế, nhưng vòng ba thì tuyệt vời ông mặt trời và bộ ngực thì nõn nà nhất gã từng thấy. Tom Rogan là gã đàn ông chỉ mê đắm mỗi ngực, trước giờ là vậy, mà những con ả có chi-êu cao thì ngực lại thật đáng thất vọng. Chúng mặc váy rõ mỏng và nhũ hoa khiến cánh đàn ông trào máu mũi, nhưng khi lột váy ra mới biết chỉ được mỗi nhũ hoa, còn đâu chẳng được gì. Ngực của chúng nhìn chẳng khác nào cái núm trên ngăn kéo. “Vừa tay là được rồi,” thằng bạn cùng phòng đại học của gã hay nói như thế, nhưng như Tom đánh giá, tên đó cũng chỉ là hạng cận bả.

Ờ, nói chung cô cũng ưa nhìn, dễ thương, cơ thể nóng bỏng với mái tóc dài màu hung gợn sóng. Nhưng cô rất yếu đuối... yếu đuối theo cách mờ mờ nào đó. Tựa như cô đang phát ra tín hiệu ra-đi-ô mà chỉ gã nhận được. Có nhiều lý do chỉ ra điều đó – việc cô hút thuốc nhiều ra sao (nhưng gã đã giúp cô g-ần cai được rồi), cách đối mắt cô đảo liên tục, g-ần như chẳng bao

giờ dừng lại để nhìn thẳng vào mắt người đang nói chuyện với mình, năm thì mười họa mới chạm mắt rồi lại nhanh chóng chuyển ánh nhìn sang chỗ khác; thói quen khẽ chà xát khuỷu tay khi lo âu, hình dạng móng tay lúc nào cũng gọn gàng nhưng ngắn khùng khiếp. Tom để ý móng tay cô ngay lần đầu tiên gặp mặt. Cô nhắc ly rượu vang trắng của mình lên khiến gã nhìn thấy móng tay cô, ngay lúc ấy, gã nghĩ: *Cô ấy để móng tay ngắn như vậy vì cô cần móng tay.*

Sư tử có thể không tư duy, ít nhất là không tư duy như cách con người tư duy... nhưng chúng rất biết quan sát. Và khi linh dương bắt đầu rút khỏi hồ nước, cảnh giác trước thứ mùi bụi bặm của tử thần đang lừ lừ tiến đến, đại miêu có thể quan sát để biết con nào rơi lại phía sau bầy, có thể là vì chân nó bị tật, có thể là vì bẩm sinh nó vốn chậm hơn... hoặc có thể là vì nó đánh hơi nguy hiểm kém hơn đồng loại. Và thậm chí có thể vài con linh dương - và vài phụ nữ - muốn bị sư tử vồ lấy.

Bất chợt, gã nghe thấy một âm thanh thô bạo kéo gã khỏi những ký ức ấy – tiếng bật lửa của cô lách tách.

Cơn giận gai người lại trào dâng. Bụng gã sôi lên, nóng bừng nhưng không hẳn là khó chịu. Hút thuốc. Cô đang hút thuốc. Họ đã có vài buổi Hội thảo Đặc biệt của Tom Rogan về vấn đề này kia mà. Thế mà cô vẫn hút cơ đấy. Dốt cũng vừa phải thôi chứ, nhưng không sao, thầy giỏi phải có trò khó.

“Ừ.” cô nói vào điện thoại. “Vậy à. Được rồi. Ừ...” cô lắng nghe, đoạn nhả một tiếng cười lạ lùng, trầm đục mà gã chưa nghe bao giờ. “Vì cậu đã hỏi, nên có hai điếu – đặt một phòng cho tớ và đọc câu kinh cho tớ nghe đi. Ừ, được... Ừ hử... tớ cũng vậy. Ngủ ngon nhé.”

Lúc gã bước vào thì cô cúp máy. Gã định bụng rần rần bước vào, hét

lên bắt cô đập máy, đập máy *ngay lập tức*, *NGAY LẬP TỨC!*, song khi nhìn thấy cô, những lời đó như mắc nghẹn trong cổ họng gã. Trước đây, gã từng trông thấy cô như vậy, nhưng chỉ hai hoặc ba lần. Một lần trước buổi diễn lớn đầu tiên của họ, một lần trước buổi duyệt riêng đầu tiên cho khách mua quốc nội, thêm một lần khi họ đến New York dự lễ Giải thưởng Thiết kế Quốc tế.

Cô sai từng bước dài ngang qua phòng ngủ, chiếc váy ngủ đăng ten trắng ôm sát người, điều thuốc bập giữa răng cửa (trời ạ, gã chúa ghét cô ngậm thuốc lá trong miệng) để vương lại sau vai trái một dải nơ nhỏ màu trắng như khói từ đầu máy xe lửa.

Nhưng khuôn mặt cô mới chính là điểm khiến gã chứng lại, khiến bao câu cú chết lặng trong họng gã. Tim gã trật nhịp - thành thịch! – và gã nhăn mặt, cho bản thân biết thứ gã cảm thấy không phải sợ hãi mà chỉ là bất ngờ khi thấy cô tự tìm đường rẽ lối cho mình.

Cô là kiểu phụ nữ chỉ thực sự căng tràn nhựa sống khi nhịp điệu công việc dâng cao đến tột đỉnh. Và tất nhiên, mỗi dịp gã nhớ đầu liên quan đến công việc. Những lúc như thế, gã lại bắt gặp một người phụ nữ khác với người gã quen-một phụ nữ phá hỏng ra-đa dò sợ hãi rất chi nhạy của gã với những đợt tĩnh điện bùng nổ mạnh mẽ. Người phụ nữ ấy xuất hiện vào những lúc áp lực, mạnh mẽ nhưng khó chi ầu, gan dạ nhưng khôn lường.

Lúc này, má cô có đủ tông màu, gò má ửng hồng tự nhiên. Mắt cô mở to, lấp lánh, không vương chút ngái ngủ. Mái tóc cô mượt mà, óng ả. Và... ối chi ềng làng chi ềng chạ, thượng hạ tây đông! Nhìn mà xem, ối giờ ời! Chẳng phải cô ấy đang lôi một chiếc va li từ trong tủ ra sao? Va li? Ôi giờ ời, thật là thế!

Đặt một phòng cho tớ... và đọc câu kinh cho tớ nghe đi.

Chà, cô ta sẽ không cần phòng phịch gì trong khách sạn cả, chí ít là trong tương lai gần, bởi Beverly Rogan bé bỏng sẽ ở đây, trong căn nhà này, cảm ơn quý vị, và chịu phạt bằng cách đứng ăn trong ba, bốn ngày sắp tới.

Nhưng cô cũng sẽ cần một hai câu kinh trước khi gã xong chuyện với cô đấy.

Cô ném va li xuống chân giường rồi bước đến ngăn kéo của mình. Mở ngăn trên cùng, cô lấy hai chiếc quần jean và một quần nhung. Tổng chúng vào va li. Lại quay lại ngăn tủ, điều thuốc nhả khói qua vai. Cô lấy một chiếc áo len, vài chiếc áo thun, một áo cánh Ship'n Shore cô mặc trông rõ xấu nhưng lì lợm không chịu bỏ. Chắc hẳn người gọi điện thoại cho cô không phải tầng lớp giàu sang phú quý du lịch vô bờ bến. Đây hẳn là công việc nhàm chán, cuối tuần chỉ để bay lòng vòng lộ trình Jackie-Kennedy-Hyannisport.

Thật ra gã không quan tâm ai gọi cho cô hoặc cô tính đi đâu, bởi cô đừng hòng đi đâu cả. Những thứ đó chẳng phải chi tiết liên tục đục vào đầu gã, cái đầu đã mù mờ và nhức ong lên vì quá nhiều bia cũng như thiếu ngủ.

Mà là điều thuốc ấy.

Gã cứ ngỡ cô đã vút tất cả đi rồi. Hóa ra cô giấu gã – bằng chứng rành rành giữa hai hàm răng cô kia kìa. Và vì cô vẫn chưa để ý gã đang đứng ngay lối ra vào, gã cho phép mình tận hưởng cảm giác khoái trá khi nhớ lại hai đêm trấn an gã rằng gã hoàn toàn kiểm soát được cô.

Anh không muốn em hút thuốc quanh anh nữa, gã nói với cô lúc họ trở về nhà sau một bữa tiệc ở Lake Forest. Nếu gã không lằm thì độ ấy vào tháng Mười. Anh đã phải ngậm bồ hòn hút thứ chết dịch ấy ở bữa tiệc và ở văn phòng rồi, nhưng anh không muốn hút nó khi ở bên em. Em biết nó cảm

giác thế nào không? Để anh nói thật với em nhé – rất khó chịu, nhưng đó là sự thật. Cứ như phải ăn ciết mũi của kẻ khác vậy.

Gã cứ ngỡ đi đầu này sẽ khơi gợi chút phản kháng yếu ớt trong cô, thế mà cô chỉ nhìn gã với ánh mắt e dè, những muốn làm gã hài lòng. Giọng nói của cô trềnh thấp, nhu mì, ngoan ngoãn. *Được rồi, Tom.*

Vậy em rút nó đi.

Và cô làm theo lời gã. Tom được dịp bông đùa vui vẻ suốt buổi tối hôm đó.

Vài tuần sau, khi bước ra từ rạp chiếu, cô vô thức đốt một điếu thuốc ở sảnh đợi và phì phèo nhả khói khi họ bước qua bãi đậu đến xe của mình. Đêm ấy là một đêm tháng Mười một lạnh buốt, gió cắt như điên vào từng mảng da lộ ra trong cái rét. Tom nhớ gã đã ngửi thấy mùi từ hồ bốc lên, như thỉnh thoảng ta hay ngửi thấy vào những đêm trời lạnh lẽo - một thứ mùi bằng lặng vừa tanh vừa có gì đó trống trải. Gã để cô hút hết điếu đó. Gã thậm chí còn mở cửa cho cô khi họ vào xe. Gã ngẫ vào sau vô lăng, đóng cửa rồi lên tiếng: *Bev?*

Cô rút điếu thuốc khỏi miệng, quay sang nhìn gã, thắc mắc, và rồi gã xòe bàn tay to bè tát vào mặt cô thật mạnh, đến độ lòng bàn tay gã nhoi nhoi, mạnh đến độ đầu cô bật ngửa ra phần tựa đầu phía sau. Mắt cô tròn tròn với vẻ ngạc nhiên và đau đớn... và một điếu gì đó nữa. Cô đưa tay lên má để dò la cảm giác ấm nóng và tê dại nhoi nhoi. Cô ré lên, “Đau quá! Tom!”

Gã nhìn cô, mắt nheo lại, miệng vẫn nở nụ cười tự nhiên, rềnh rềnh sáng khoái, thích thú chờ đợi diễn biến tiếp theo, xem có phản ứng thế nào. Cậu bé của gã cứng lên dưới lớp quần, nhưng gã không để ý. Điếu đó để lát nữa. Còn hiện tại, đã đến giờ học rồi. Gã lặp đi lặp lại thứ vừa diễn ra.

Khuôn mặt của cô. Biểu cảm thứ ba, xuất hiện đúng một khoảnh khắc rồi biến mất là gì nhỉ? Một là ngạc nhiên. Hai là đau đớn. Và rồi...

(hoài niệm)

dáng vẻ của ký ức... của nhiều ký ức. Nó chỉ xuất hiện đúng một tích tắc. Gã nghĩ cô thậm chí còn chẳng biết mình có biểu hiện ấy, dù trên mặt hay trong tâm tưởng.

Hiện tại, hiện tại ư? Tất cả nằm ở đi đâu đâu tiên mà cô không nói. Gã biết nó rõ như lòng bàn tay.

Không phải *Anh là đồ khốn kiếp!*

Không phải *Đồ cũ phu, vĩnh biệt.*

Không phải *Chúng ta chấm dứt đi, Tom.*

Cô chỉ nhìn gã với đôi mắt hổ phách nâu ánh xanh đầy tổn thương, ầng ằng nước và nói: *Tại sao anh lại làm vậy?* Rồi cô lắp bắp định nói gì đó nhưng rồi òa lên khóc.

Vứt nó ra ngoài ngay.

Vứt gì? Anh bảo em vứt gì? Lốp trang điểm của cô nhoে nhoét xuống mặt thành những vết nhầy nhụa. Gã chẳng buồn quan tâm. Thậm chí gã còn thích trông thấy cô như vậy. Có chút bừa, nhưng cũng có chút gì đó rất quyến rũ. Rất điểm đàng. Phần nào gợi dục.

Thuốc lá. Vứt nó ra ngoài.

Giờ chân lý mới chiếu rọi. Đi kèm cả tội lỗi.

Em quên thôi mà! Cô khóc. Có vậy thôi!

Vứt ra ngoài ngay, Bev, chứ không tôi cho cô ăn thêm vài cái tát đấy.

Cô hạ cửa xuống rồi vứt điều thuốc ra ngoài. Đoạn cô quay sang nhìn gã, khuôn mặt trắng bệch, sợ sệt và có phần tôn nghiêm.

Anh không được... anh không được đánh em. Như thế... không... không... không tốt cho một mối quan hệ dài lâu. Cô cố gắng tìm tông giọng phù hợp, một giọng điệu người lớn, nhưng thất bại. Gã đã khiến cô tiến hóa lùi. Gã đang ở trong xe với một đứa con nít. Khêu gọi và gọi cảm không tả, nhưng chỉ là đứa con nít.

Không thể và không được là hai thứ khác nhau, bé ạ, gã nói. Gã giữ giọng mình bình thản nhưng bên trong gã đang run lên vì sung sướng. Và tôi là kẻ quyết định điều gì tạo nên một mối quan hệ bền lâu, điều gì không. Nếu cô sống được với nó thì tốt. Không thì cứ việc dứt áo ra đi. Tôi không cản. Tôi có thể đá đít cô một phát làm quà tiễn biệt, nhưng tôi không cản. Đất nước này tự do mà. Tôi còn nói được gì đây?

Có lẽ anh nói vậy là đủ rồi, cô thều thào, và gã lại tát cô, lần này mạnh hơn lần trước, vì không một con đàn bà nào được phép ra mặt với Tom Rogan. Nữ hoàng Anh mà dám tình tượng với gã, gã cũng đập cho vêu đầu.

Má cô đập vào bảng đi đầu khiến phủ nhựa mềm. Tay cô mò mẫm cửa nhưng rồi buông lơi. Cô chỉ co cụm một góc như con thỏ, một tay bưng miệng, mắt mở to, ầng ằng nước, sợ sệt. Thoáng nhìn cô, Tom bước ra ngoài, đi vòng về phía sau xe. Gã mở cửa. Gã ngửi thấy mùi thuốc lá trong khí trời tháng Mười một se sắt gió, và mùi của hồ sơ lên rất rõ.

Cô muốn ra ngoài hả, Bev? Tôi thấy cô mò tìm tay cầm cửa, nên tôi đoán cô muốn ra ngoài. Được thôi. Quá được chứ lì. Tôi đã đề nghị cô bỏ thuốc và cô hứa sẽ làm. Thế rồi cô nuốt lời. Giờ cô muốn ra ngoài chứ gì? Nào. Ra ngoài đi. Thế đểch nào lại không? Ra ngoài đi. Cô muốn ra ngoài chứ gì?

Không, cô thều thào.

Cái gì? Tôi không nghe rõ.

Không, em không muốn ra ngoài, cô nói to hơn một chút.

Cái gì – mấy điều thuốc lá đó làm phôi cô tắc nghẽn rồi hả? Nếu cô không nói được, mẹ kiếp, để tôi lấy cho cô cái loa. Cơ hội cuối cùng của cô đây, Beverly. Nói rõ lên cho tôi nghe xem nào: cô muốn bước ra khỏi xe hay cô muốn trở về với tôi?

Em muốn trở về với anh, cô đáp, hai tay giữ chặt váy như một đứa bé. Cô không dám nhìn anh. Nước mắt đã chảy rơi trên má.

Được rồi, gã nói. Tốt lắm. Nhưng đầu tiên, nói tôi nghe câu này, Bev. Nói, “Em quên không được hút thuốc trước mặt anh, Tom.”

Và giờ thì cô ngược nhìn gã, ánh mắt bắt đầu tổn thương, nài nỉ, bất định. Anh có thể bắt em làm thế, nhưng em xin anh, đừng như vậy, đôi mắt ấy lên tiếng. Đừng, em yêu anh mà, chúng ta không thể gác lại chuyện này sao?

Không - không thể. Vì đây chưa phải tận cùng ham muốn của cô, và cả hai kẻ bọn họ đều biết đi đâu đó.

Nói đi.

Em quên không được hút thuốc trước mặt anh, Tom.

Tốt. Giờ nói “Em xin lỗi” đi.

Em xin lỗi, cô máy móc lặp lại.

Điều thuốc cháy dở lăn lóc trên vỉa hè như mẫu ngài nở. Những người rời khỏi rạp hát liếc nhìn họ, một người đàn ông đứng cạnh cửa hành khách đang đỗ ngỏ của chiếc xe Vega nhạt nhòa mẫu cũ, người phụ nữ ngồi bên trong, nắm chặt tay trong lòng, cúi đầu, ngọn đèn phản chiếu sắc vàng lên mái tóc buông dài.

Gã dùng chân dậm điều thuốc, trảy nó trên mặt đường nhựa.

Bây giờ nói: “Em sẽ không tái phạm nếu không được anh cho phép.”

Em sẽ không...

Giọng cô bắt đầu run lên.

...không... b-b-b-

Nói đi, Bev.

...không bao giờ t-tái phạm. Nếu không được anh cho phép.

Đến đó, gã đóng sầm cửa rồi trở lại ghế lái. Gã ngồi sau vô lăng và lái xe đưa họ trở về căn hộ ở trung tâm thành phố. Không ai nói lời nào. Một nửa mỗi quan hệ diễn ra trong bãi giữ xe, nửa còn lại diễn ra bốn mươi phút sau đó, trên giường nhà Tom.

Cô nói cô không muốn quan hệ. Nhưng gã nhìn thấy đôi mắt và bộ điệu khệnh khạng của cô nói lên sự thật khác hẳn, và khi gã cởi áo cánh của cô, gã phát hiện nhũ hoa cô đã cương cứng. Cô rên rỉ khi gã vuốt ve, khẽ la lên khi gã mút một bên, rồi đến bên còn lại, vừa mút vừa bóp thật mạnh. Cô chớp lấy tay gã và nhét nó vào giữa hai chân mình.

Tôi tưởng cô không muốn kia mà, gã nói, nghe thấy thế, cô quay mặt đi... nhưng cô không buông tay gã ra, thậm chí còn lắc hông mạnh hơn.

Gã đẩy cô lên giường... và giờ gã thật nhẹ nhàng, không xé rách quần lót của cô mà cởi nó thật cẩn trọng, gần như nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa.

Đưa vào trong cô cứ như thể đưa vào trong một thứ dầu tuyệt hạng.

Gã chuyển động cùng cô, dùng cô nhưng cũng để cô dùng gã, và rồi cô lên đỉnh gần như ngay lập tức, hét to, móng tay bấm vào lưng gã. Sau đó họ chuyển động cùng nhau theo những nhịp dài, chậm, đầu đó trong quá trình ấy, gã đoán cô đã lên đỉnh lần nữa. Tom cũng gần lên đỉnh, nhưng rồi gã

nghe về tỷ lệ đánh bóng thành công của White Sox hoặc thắng đám phá giá để cướp khách hàng Chesley ở chỗ làm, thế là gã lại thấy bình thường. Đoạn cô bắt đầu tăng tốc, nhịp điệu của cô dần hòa thành một nhịp chống đẩy hết sức hưng phấn. Gã nhìn mặt cô, mascara chảy khiến mắt như con gấu mèo, son môi nhoe nhoét, và gã chợt thấy bản thân mình phóng điện cuồn cuộn tận cùng góc ngách trong cô.

Cô lắc hông ngày một dữ dội hơn – ngày ấy chưa có bụng bia ngăn cách hai người và bụng của bọn họ đập vào nhau càng lúc càng nhanh dần.

Về cuối, cô thét lên rồi cắn vào vai gã với hàm răng nhỏ và đầu tằm tắp.

Em lên đỉnh bao nhiêu lần? Gã hỏi cô sau khi cả hai tắm rửa xong.

Cô quay mặt đi, và khi cô đáp trả, giọng cô thấp trầm đến độ gã gần như chẳng nghe thấy gì. *Ai lại đi hỏi điều ấy bao giờ.*

Không à? Ai bảo em thế? Misterogers chắc?

Gã lấy tay giữ mặt cô, ngón cái bóp sâu vào một bên má, bốn ngón còn lại ép vào má kia, lòng bàn tay ôm trọn lấy cằm.

Tom hỏi là phải nói, gã ra lệnh. Nghe chưa, Bev? BỐ hỏi là phải nói.

Ba, cô dè dặt đáp.

Ngoan lắm, gã nói. Em được phép hút thuốc rồi đấy.

Cô nhìn gã bán tín bán nghi, mái tóc hung xõa trên gối, hoàn toàn lơ lửng trên chiếc quần con ôm sát hông. Chỉ cần ngắm cô thế này cũng đủ khiến động cơ của gã nóng máy. Gã gật đầu.

Được, gã cho phép. Em hút đi.

Ba tháng sau, hai người họ kết hôn với một lễ cưới đơn giản. Hai người bạn của gã đến tham gia; người bạn duy nhất của cô tham dự là Kay McCall mà Tom gọi là “con giặc cái suốt ngày đòi quyền phụ nữ”.

Tất cả những ký ức này xẹt ngang đầu Tom chỉ trong vòng vài giây, như một thước phim tua nhanh, trong lúc gã đứng ngay ngưỡng cửa nhìn cô. Cô đã lục đến ngăn cuối cùng của chiếc tủ mà cô hay gọi “tủ cuối tuần”, và giờ cô đang bỏ quần lót vào va li – không phải loại quần bằng vải satin trơn bóng hay lụa mềm mại mà gã thích; chỉ là loại bằng cotton, đơn giản, đa phần đều đã bạc màu, phần thun quanh eo có vài chỗ bị sờn rách. Một chiếc váy ngủ như thể bước ra từ bộ phim *Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên*. Cô mò mẫm đưa tay sâu vào ngăn tủ để biết có gì bên trong.

Trong khi đó, Tom Rogan bước qua tấm thảm lót sàn tiến đến tủ quần áo. Gã mang chân trần, bước đi im lặng như một cơn gió. Thuốc lá là thứ khiến gã bực mình nhất. Cũng khá lâu kể từ khi cô quên bài học đầu tiên rồi đấy nhỉ? Từ đó đến nay có nhiều bài học khác, rất nhiều và có những ngày nóng nực mà cô phải mặc áo dài tay, thậm chí áo len cardigan cài cúc đến tận cổ. Có những ngày trời xám xịt mà cô phải mang kính râm. Những bài học đầu tiên ấy quá đổi bất ngờ và căn cơ...

Gã đã quên bằng cú điện thoại làm gã tỉnh giấc. Là điều thuốc. Nếu bây giờ cô dám hút thuốc thì chẳng khác nào cô quên mất Tom Rogan. Tất nhiên là tạm thời, chỉ tạm thời thôi, nhưng ngay cả tạm thời thì cũng quá dài rồi đấy. Lý do khiến cô quên là gì chẳng quan trọng. Những chuyện này không được phép xảy ra trong nhà của gã dưới *bất cứ* lý do nào.

Bên trong cửa tủ có treo một dải thắt lưng da màu đen bản rộng. Thắt lưng không có phần cài khóa vì gã đã gỡ bỏ cách đây rất lâu. Ở phần cài khóa được chập đôi thành một vòng tròn mà Tom Rogan vừa thông tay vào.

Tom, mày là đồ mất dạy! Mẹ gã thỉnh thoảng nói – chà, “thỉnh thoảng” thì không đúng lắm, “rất thường xuyên” mới phải. *Qua đây, Tommy! Tao phải cho mày ăn đòn mày mới chịu.* Tuổi thơ của gã được nhấn nhá bởi

những trận đòn roi. Cuối cùng, gã trốn thoát đến trường Cao đẳng bang Wichita, nhưng chạy trời chẳng khỏi nắng, bởi gã vẫn còn nghe văng vẳng tiếng mẹ gã trong mơ: *Qua đây, Tommy, tao phải cho mày ăn đòn mày mới chịu. Ăn đòn...*

Gã là con cả trong gia đình có bốn anh em. Ba tháng sau khi đứa út được sinh ra, Ralph Rogan qua đời – chà, từ “qua đời” chưa chuẩn lắm; phải là “tự sát” mới phải, vì lão đổ một lượng kha khá nước tro tàu vào vại đựng rượu gin r ồi nốc ừng ực thứ hỗn hợp quỷ thần này trong lúc ng ồi trên b ần c ầu. Bà Rogan đành phải kiếm việc nhà máy Ford. Dù chỉ mới mười một tuổi, Tom trở thành người đàn ông của cả gia đình. Nếu nó phạm sai l ầm – nếu đứa em ị ra tã mà người trông trẻ đã về nhà và đóng cửa vẫn còn cho đến lúc mẹ về nhà... nếu nó quên đón Megan từ nhà trẻ, ngang qua góc đường Lớn mà bà Grant chuyên ng ồi lê đôi mách kia trông thấy... nếu nó ng ồi xem chương trình *Bực trình diễn Mỹ* trong khi Joey vào bếp phá phách... nếu bất cứ đi ều gì trong ti ểu những thứ này xảy ra... thì sau khi những đứa nhỏ đã đi ngủ, cây roi sẽ xuất ầu lộ diện và mẹ sẽ gọi nó: *Qua đây, Tommy. Tao phải cho mày ăn đòn mày mới chịu.*

Thà là kẻ đánh đòn còn hơn là kẻ chịu đánh.

Đó là một trong những đi ều tối quan trọng mà gã học được trên đường đời.

Vì thế, gã nẩy phần ầu còn lỏng của thắt lưng và thắt chặt ầu lỏng. Đoạn gã siết nắm tay quanh sợi dây. Đã quá. Nó khiến gã cảm thấy mình như người lớn. Sợi dây da buông thõng từ nắm tay gã như con rắn đen thui chết ngò. Cơn đau ầu bay biến tự lúc nào.

Cô tìm thấy thứ nhét sâu trong ngăn kéo: một cái áo ngực có hình viên đạn bằng cotton màu trắng đã cũ. Trong ầu gã chọt nổi lên rất nhanh suy

nghĩ biết đâu người gọi điện thoại sáng sớm kia là người tình của cô, nhưng ý tưởng ấy lặn mất. Một người phụ nữ đi gặp nhân tình nhân ngãi chẳng bao giờ đóng áo cánh Shipon Shore đã bạc màu và quần lót cotton K-Mart nhão thun cả. Hơn nữa, có cho vàng cô cũng chẳng dám.

“Beverly,” gã khê nói, và cô giật mình quay lại, mắt mở to, mái tóc dài đung đưa.

Thất lưng trên tay gã chần chừ... thoáng lơi. Gã nhìn cô chăm chăm, cảm thấy sự khó chịu mạnh mẽ trở lại. Phải, cô luôn bày ra vẻ mặt này trước các buổi diễn lớn, và khi ấy gã không cản đường cô, bởi gã hiểu cô đang căng tràn thứ cảm xúc pha trộn giữa sợ hãi và hưng hân đầy cạnh tranh, như thể đâu cô đang đầy khí phát sáng: chỉ cần một tia lửa, cô sẽ nổ tung. Cô không chỉ xem các buổi diễn như cơ hội để ly khai khỏi Delia Fashions, để kiếm tiền – hoặc thậm chí kiếm cả gia tài – bằng sức mình. Nhưng nếu thế thì chẳng có gì phải bàn. Nhưng nếu thế thì cô đã không sở hữu tài năng hơn người đến vậy. Cô xem những buổi diễn ấy như một dạng bài kiểm tra gắt gao, cô sẽ bị những vị giáo viên dữ dằn xét điểm. Thứ cô thấy vào những dịp này là một sinh vật vô diện. Nó không có mặt, nhưng có tên: *Quyền uy*.

Bao căng thẳng ấy hiện hết lên khuôn mặt cô lúc này. Nhưng không chỉ ở đó; nó còn bao quanh cô, tạo ra một thứ hào quang gầy như tượng hình, một thứ điện tích cao thế khiến cô bỗng dưng vừa quyến rũ vừa nguy hiểm hơn hẳn con người bấy lâu cô thể hiện với gã. Gã sợ vì cô ở đây, hiện diện rõ rệt ở đây, cái bản thể đậm chất cô hơn hẳn cái bản thể Tom Rogan muốn, cái bản thể gã nhào nặn mà thành.

Vẻ mặt của Beverly vừa chấn động vừa kinh hãi. Trông cô cũng có vẻ vui sướng gầy như phát điên. Đôi má cô ửng đỏ, nhưng phần mí dưới mắt

cô vẫn có những vết trắng nhợt, trông chẳng khác nào đôi mắt thứ hai. Trán cô cũng đồng bộ ánh lên màu kem.

Và điều thuốc vẫn thò ra từ miệng cô, giờ hơi hếch lên, cô ta tưởng mình là Franklin Delano Roosevelt đấy à. Điều thuốc! Chỉ nhìn nó thôi cũng khiến cơn thịnh nộ một lần nữa như cơn sóng xanh quét qua người gã. Xa xôi trong tâm trí, gã nhớ mang máng cô từng nói với gã trong bóng tối giữa đêm khuya, với giọng nói vô cảm, đều đều: *Có ngày anh sẽ giết chết em mất, Tom. Anh có biết không? Có ngày anh sẽ đi quá giới hạn và thế là hết. Anh sẽ mất tự chủ.*

Gã trả lời: *Em làm theo ý anh thì ngày ấy sẽ không bao giờ đến.*

Lúc này đây, trước khi cơn cuồng nộ làm lu mờ tất cả, gã tự hỏi liệu ngày ấy có đến không.

Điều thuốc. Bỏ qua cuộc điện thoại, chuyện cô xếp đồ, về mặt kỳ cục của cô. Họ sẽ giải quyết chuyện điều thuốc. Và rồi gã sẽ thịt cô. Sau đó, họ có thể bàn phần còn lại. Đến lúc đó, có khi vấn đề vẫn còn quan trọng ấy chứ.

“Tom,” cô nói, “Tom, em phải...”

“Em lại hút thuốc,” gã nói. Giọng gã như vọng lại từ xa, như thể vang lên từ một chiếc ra-đi-ô hàng xịn. “Hình như em quên rồi thì phải, em yêu. Em giấu chúng ở đâu?”

Nghe này, em sẽ bỏ nó đi,” cô nói rồi đi đến cửa nhà vệ sinh. Cô búng điều thuốc- đứng từ đây mà gã vẫn thấy vết răng hằn sâu trên đầu lọc - vào bồn cầu. Ào ào. Cô trở ra. “Tom, bạn cũ của em vừa gọi. Bạn từ ngày xưa. Em phải...”

“Câm mồm, cô câm ngay cho tôi!” Gã hét lên. “Im miệng!” Song nỗi sợ hãi mà gã muốn nhìn thấy – nỗi sợ hãi gã – không hiện lên trên mặt cô. Có

sợ hãi, nhưng nỗi sợ ấy xuất phát từ cuộc gọi, nhưng gã không cho phép nỗi sợ của Beverly phát ra từ hướng ấy. Dường như cô không thấy sợi thắt lưng, không thấy gã, và Tom cảm thấy khó chịu. Gã có mặt ở đây không vậy? Câu hỏi thật ngu độn, nhưng *có không?*

Câu hỏi tệ hại, cơ bản đến độ trong khoảnh khắc, gã thấy mình có nguy cơ tuột mất khỏi cội rễ của bản thân, bất định như cỏ lăn trong cơn gió thốc. Nhưng gã kịp định thần. Gã hiện diện ở đây, đúng lắm, và đêm nay mở xẻ tâm lý thế là đủ rồi đấy. Gã ở đây, gã là Tom Rogan, thằng Tom Rogan chính hiệu, và nếu con khốn đần độn này không biết thân phận mà chĩnh đốn ngay trong vòng ba mươi giây nữa, gã sẽ làm cho cô ta trông như thể vừa bị tay nhân viên đường sắt ác nghiệt tống khỏi toa tàu lao tựa tên bắn.

“Anh phải cho em ăn đòn em mới chịu” gã nói. “Anh xin lỗi, cưng ạ.”

Gã từng thấy cảm xúc sợ hãi và hung hãn ấy, phải. Và giờ là lần đầu tiên cảm xúc ấy chĩa thẳng vào gã.

“Bỏ thứ đó xuống đi,” cô lên tiếng. “Em phải đến O’Hare nhanh nhất có thể.”

Mày có mặt ở đây không vậy, Tom? Có không vậy?

Gã gạt suy nghĩ đó đi. Sợi thắt lưng chậm rãi đứng đưa trước mặt gã như con lắc. Mắt gã lấp lánh dao động nhưng nhanh chóng xoáy vào mặt cô.

“Nghe em nói đã, Tom. Ở quê em ngày xưa có xảy ra biến cố. Biến lớn. Em có một người bạn từ thời ấy. Chắc cũng có thể gọi là bạn trai đấy, nhưng khi đó bọn em còn bé quá, chưa đủ tuổi để tư tưởng những đi đâu này. Hồi đó anh ấy mới chỉ là cậu bé mười một tuổi, cà lăm không thể tả. Giờ đang là một tiểu thuyết gia. Em nghĩ hình như anh đọc một cuốn của anh ấy rồi thì phải... *Con nước đen?*

Cô tìm kiếm trên khuôn mặt gã nhưng không thấy tín hiệu nào. Chỉ có chiếc thắt lưng đung đưa qua lại, qua lại. Gã đứng đó, đầu hạ xuống, hai chân khẽ khuynh ra. Đoạn cô đưa tay lên bìn chìn vò tóc – tâm trí cô có vẻ rối bời – như thể cô có quá nhiều thứ quan trọng phải nghĩ và chẳng để ý thấy sợi thắt lưng, và cái câu hỏi ám ảnh, đáng ghét kia lại ngoi lên trong đầu gã: *Mày có mặt không vậy? Mày chắc chứ?*

“Cuốn sách đó ở đây cả mấy tuần trời mà em không phát hiện ra. Lý ra em đã biết, nhưng giờ bọn em đầu trưởng thành rồi, và đã rất, rất lâu em không nghĩ đến Derry. Nói chung, chuyện là Bill có một cậu em tên là George, và George bị giết trước khi em quen thân với Bill, Cậu bé bị sát hại. Rồi mùa hè sau đó...”

Nhưng Tom đã nghe đủ thứ điên rồ cả từ trong ra lẫn từ ngoài vào. Gã nhào tới cô thật nhanh, vung tay phải qua vai như kẻ sắp ném lao. Thắt lưng vun vút xé rách không khí. Beverly trông thấy và vội tránh, song vai phải của cô đập vào cửa nhà vệ sinh, để rồi một tiếng chát chúa vang lên khi thắt lưng đập vào cẳng tay trái của cô, để lại lần đò.

“Tôi phải cho cô ăn đòn,” Tom lặp lại. Giọng điệu của gã bình tĩnh, thậm chí có phần tiếc nuối, nhưng hàm răng gã nhovn thành nụ cười cứng đờ, trắng sáng. Gã muốn nhìn thấy vẻ mặt ấy trong mắt cô, sợ hãi, kinh hoàng và nhục nhã, vẻ mặt *Vâng, anh nói đúng, em đáng bị vậy, vẻ mặt Vâng, anh hiện diện ở đây mà, em cảm nhận được anh*. Và rồi tình thương lại dạt dào trở lại, quá chuẩn và quá tốt, vì gã thật lòng yêu cô. Nếu cô muốn, họ còn có thể thảo luận với nhau về việc ai gọi điện thoại và có vấn đề gì. Nhưng phải có trước có sau. Hiện tại, đã đến giờ học rồi. Lớp học vỡ lòng. Một là ăn đòn, hai là nện nhau.

“Xin lỗi, em yêu.”

“Tom, đừng làm...”

Gã vung thắt lưng sang bên và thấy nó liếm quanh hông cô. Âm thanh khi thắt lưng quất vào mông cô nghe mới đã tai làm sao. Và...

Và trời ơi, cô ta dám chộp lấy sợi dây! Cô ta dám chộp lấy thắt lưng!

Trong thoáng chốc, Tom Rogan quá sức bất ngờ trước hành động không phục tùng này, đến độ gã suýt để mất dụng cụ trừng phạt của mình, lý ra là mất rồi, may sao vẫn còn vòng chập mà tay gã đang nắm.

Gã giật nó lại.

“Tôi cấm cô không được lấy bất cứ thứ gì từ tay tôi,” gã gằn giọng. “Cô có nghe tôi nói không? Cô thử làm một lần nữa xem, tôi sẽ cho cô tiêu ra nước môm xoi cả tháng trời đấy.”

“Tom, anh thôi đi,” cô nói, chính tông giọng này khiến gã nổi cơn – cô như người quân sân chơi rắn đe dọa trẻ sáu tuổi đang làm mình làm mẩy. “Em phải đi. Chuyện này không đùa được. Có người chết rồi, và ngày xưa em đã hứa...”

Tất cả chỉ như nước đổ lá khoai. Tom gằn lên, đầu cúi gầm, lao tới cô, thắt lưng vung điên cuồng. Gã quất cô túi bụi, đuổi đánh cô từ cửa nhà dọc theo tường phòng ngủ. Gã vung roi, quất, vung roi, quất, vung roi, quất. Cuối buổi sáng hôm ấy, gã thậm chí còn không đủ sức đưa tay lên quá mắt mà phải uống ba viên thuốc giảm đau, nhưng giờ gã nào để ý trời trăng gì, chỉ biết cô dám *bất tuân* gã. Cô dám hút thuốc, *cô dám giật sợi thắt lưng khỏi tay gã*, ôi làng nước ơi, cô ta dám gieo gió, và gã xin làm chứng trước đấng Chúa trời tối cao rằng cô ta phải gặt bão cho bằng được.

Gã đuổi cô dọc theo tường nhà, vun vút sợi thắt lưng không thương tiếc. Cô đưa tay bưng mắt, nhưng gã dư sức nhắm vào những bộ phận còn lại. Thắt lưng phát ra những tiếng quất chát chúa trong căn phòng yên tĩnh.

Nhưng cô không la hét như thỉnh thoảng vẫn làm, cũng không van xin gã dừng lại. Tệ hại nhất là cô không khóc như mọi khi. Âm thanh duy nhất vang lên là tiếng thất lưng, tiếng thở của họ, gã thở hòng hộc, nặng nề, cô thở nhanh và nhẹ.

Cô vùng chạy về phía giường và bàn trang điểm bên cạnh. Vai cô đổ lù vì đòn roi. Mái tóc cô rục lửa. Gã lồm lủ theo sau, chậm rãi, nhưng to lớn, hết sức to lớn - gã chơi bóng quần cho đến tận lúc bị đứt gân gót chân vào hai năm trước, kể từ đó cân nặng của gã vượt quá tầm kiểm soát một chút (hoặc có khi “nhiều chút mới đúng), nhưng cơ bắp của gã vẫn còn đó, những bó thừng chắc nịch được bao bọc dưới lớp mỡ. Dầu vậy, gã cũng chột dạ khi thấy mình bị hụt hơi.

Thấy cô vươn đến bàn trang điểm, gã cứ ngỡ cô sẽ rúm ró ở đó, hoặc có khi còn tìm cách bò xuống dưới gầm bàn. Nhưng không, cô chớp lấy thứ gì đó... quay lại... và đột nhiên không gian bay vèo vèo đồ vật. Cô đang ném mỹ phẩm vào gã. Một chai Chantilly đập ngay giữa ngực gã, rơi xuống chân, tan tành. Gã chợt được bọc bởi hương thơm đến ngạt thở.

“Thôi ngay!” Gã rống lên. *“Thôi ngay, con khốn!”*

Nhưng không, tay cô khua hết mặt bàn kính, chớp lấy bất cứ thứ gì tìm được và ném lia lịa. Gã rờ rẫm quanh ngực, chỗ chai Chantilly vừa hạ cánh, không tài nào tin nổi cô dám quăng đồ vào người mình, trong khi đồ vật vẫn tán loạn xung quanh gã. Nút chai bằng thủy tinh cửa rách da gã. Vết cắt không đáng kể, chỉ xước một chút, nhưng có con đàn bà tóc đỏ nào sẽ phải ngấm bình minh lên từ giường bệnh viện không? Ồ, có, có đấy. Con đàn bà...

Một hũ kem đột ngột đập thẳng vào phía trên lông mày bên phải của gã. Gã nghe thấy tiếng bộp như thể vang lên *bên trong* đầu mình. Mắt phải nờ

đom đóm, buộc gã phải lùi lại một bước, miệng há hốc kinh ngạc. Đến lượt một tuýp kem Nivea đập vào bụng gã đánh thịch và cô – ơ kìa, có phải không? Có *thật* là thế không? - phải! Cô đang *rửa xả* vào mặt gã!

“Tôi sẽ đi đến sân bay, đồ khốn nhà anh! Anh có nghe tôi nói không? Tôi có công chuyện và tôi sẽ đi cho bằng được! Liệu mà tránh đường cho tôi vì TÔI BẢO ĐI LÀ ĐI!”

Máu chảy xuống mắt phải của gã, vừa nhức vừa nóng. Gã chùi đi.

Gã ngẩn ra đó một thoáng, nhìn cô chăm chăm như thể gã chưa từng gặp cô bao giờ. Mà nhìn theo phương diện nào đó thì đúng là thế. Ngực cô phập phồng lên xuống. Khuôn mặt ửng đỏ và trắng bệch của cô bùng bùng. Đôi môi cô kéo lại, nhe nanh. Tuy nhiên, cô đã quăng hết toàn bộ đồ trên bàn trang điểm. Hần tên lửa giờ trống rỗng. Gã vẫn có thể đọc được nỗi sợ hãi trong mắt cô... nhưng nỗi sợ ấy không phải vì gã.

“Cô cất đồng quần áo kia ngay đi,” gã nói, cố giữ cho hơi thở mình không hỗn hển. Nghe sẽ không tốt. Nghe sẽ rất yếu đuối. “Sau đó cất va li và vào giường ngủ. Nếu cô làm vậy, có thể tôi sẽ nương tay với cô. Có thể cô sẽ đủ sức ra khỏi nhà sau hai ngày nữa chứ không phải hai tuần.”

“Tom, anh nghe đây,” cô chậm rãi nói. Ánh nhìn của cô ráo hoảnh. “Nếu anh lại gần tôi thêm lần nữa, tôi sẽ giết anh. Anh hiểu không, con heo nái kia? Tôi sẽ giết anh.”

Và bất chợt – có lẽ do thái độ kinh tởm tột cùng trên mặt cô, sự khinh miệt, hoặc có lẽ vì cô gọi gã là heo nái, hoặc có khi vì ngực cô phập phồng lên xuống đầy nỗi loạn – nỗi sợ bóp nghẹt gã. Không phải một nụ, một đóa mà là cả một *khu vườn* chết tiệt của sợ hãi, thứ sợ hãi khủng khiếp rằng gã không hiện diện ở đây.

Tom Rogan lao đến vợ mình, lần này gã chẳng buồn đi từ từ nữa. Gã

như quả ngư lôi phóng vút đi trong nước. Gã định bụng có thể sẽ không chỉ đánh đập cô, khuất phục cô mà còn làm với cô đi đâu cô vừa la lối dọa nạt sẽ làm với gã.

Gã cứ ngỡ cô sẽ chạy. Có lẽ là chạy vào nhà vệ sinh. Hoặc cầu thang. Thế mà không cô hiên ngang đứng đấy. Hông cô đập vào tường khi cô vận hết sức bình sinh đẩy chiếc bàn trang điểm về phía gã, hai chiếc móng gãy xẻ sâu xuống tận thịt khi mồi hôi làm cô trượt tay.

Trong một thoáng chiếc bàn chao đảo nghiêng về một phía, và rồi cô lại đẩy người tới trước. Chiếc bàn trang điểm trượt trên một chân, tấm gương bắt sáng loáng thoáng phản chiếu bề cá lên trần nhà, đoạn nghiêng và đổ ập tới trước. Cạnh gương đâm thẳng vào đùi Tom, khiến gã ngã nhào. Tiếng chai lọ loảng xoảng vang lên. Trông thấy tấm gương đập xuống sàn bên trái, gã đưa tay lên che mắt, buông lời thất lạng. Thủy tinh vương vãi trên sàn nhà, đằng sau là gương bể. Gã cảm thấy mảnh gương đâm mình đến chảy máu.

Giờ thì cô đang khóc, hơi thở rời rạc thành từng tiếng thốn thức. Hết lần này đến lần khác, có hình dung mình rời bỏ gã, rời bỏ thói bạo ngược của Tom như cách cô rời bỏ bố mình, lén lút trong đêm, túi xách chất trong cốp chiếc Cutlass. Cô không phải kẻ ngu ngốc, ngay cả lúc này, khi đang đứng ngay rìa mớ bong bóng này, cô cũng không ngu đến mức có thể tự huyễn hoặc bản thân rằng cô chưa từng yêu Tom và không còn dành tình cảm cho gã. Nhưng đi đâu đó không thể ngăn cô sợ gã... căm ghét gã... khinh miệt bản thân vì đã chọn gã chỉ vì những lý do mờ mịt từ cái thời lý ra đã thành quá vãng. Lòng cô không tan nát, trái tim cô đang sôi lên trong lồng ngực, đang tan chảy. Cô sợ sức nóng từ trái tim mình chẳng mấy chốc sẽ thiêu cháy chút bình tĩnh trong cô.

Nhưng trên tất cả, oang oang như búa nện vào đầu cô từ nãy đến giờ là giọng nói khô khốc, đầu đầu của Mike Hanlon: *Nó trở lại rồi, Beverly... nó trở lại rồi... và cậu đã hứa...*

Bàn trang điểm hết nâng lên lại hạ xuống. Một lần. Hai lần. Ba lần. Nhìn nó như đang thở.

Cẩn trọng từng bước, miệng méo xệch, giật giật, cô men theo bàn trang điểm, nhón chân qua những miếng kính vỡ, tóm lấy dây thắt lưng lúc Tom đẩy bàn trang điểm qua một bên. Sau đó cô lùi lại, trượt tay vào thông lưng. Cô lắc tóc khỏi mặt và quan sát hành động tiếp theo của gã.

Tom đứng dậy. Vài mảnh gương vỡ đã cứa rách má gã. Trên chân mày gã có một vết cắt xéo mảnh như sợi chỉ. Gã nheo lại nhìn cô, từ từ đứng dậy, và cô trông thấy vài giọt máu trên quần gã.

“Đưa tôi thắt lưng,” gã hầm hè.

Thay vào đó, cô quấn thêm hai vòng quanh tay, nhìn gã đầy thách thức.

“Thôi đi, Bev. Đưa nó đây.”

“Nếu anh dám lao vào tôi, tôi sẽ quất cho anh tơi bời hoa lá.” Từ ngữ cứ thế bật ra khỏi miệng cô nhưng đến bản thân cô cũng không tin nổi mình là kẻ đang phát ngôn. Mà cái gã người tối cổ trong chiếc quần cộc máu me kia là ai? Chồng cô? Bố cô? Người yêu thời đại học, một đêm nọ đã đập vỡ mũi cô, đơn giản là vì nổi cơn bốc đồng? *Ôi Chúa ơi, giúp con với*, cô nghĩ. *Chúa ơi, giúp con với*. Ngoài miệng, cô vẫn nói cứng. “Tôi cũng có thể làm được đấy. Anh vừa mập vừa ù lì, Tom. Tôi sẽ đi, và chắc là sẽ một đi không trở lại. Chúng ta dừng lại ở đây thôi.”

“Gã tên Denbrough là ai?”

“Quên chuyện đó đi. Tôi chỉ...”

Lúc cô nhận ra câu hỏi chỉ để đánh lạc hướng thì gần như đã quá trễ. Gã lao đến trước khi từ cuối cùng kịp thốt ra từ miệng. Cô vung thắt lưng trong không khí thành đường vòng cung, và âm thanh vang lên khi nó đét ngang miệng gã giống tiếng nút bần cứng đầu bật khỏi chai rượu.

Gã rít lên, đưa tay bịt miệng, mắt trợn trừng, tổn thương và choáng váng. Máu bắt đầu túa ra từ kẽ tay, tràn xuống mu bàn tay của gã.

“Con khốn, cô đập vỡ miệng tôi!” Gã hét lên, bị bóp nghẹt. “Ôi Chúa ơi, cô đập vỡ *miệng* tôi!”

Gã lại lồm lên, tay vươn tới, miệng nhoe nhét máu tươi. Môi gã xem chừng đã rách làm đôi. Một trong hai răng cửa của gã đã bị soán ngôi. Cô thấy gã phun nó ra. Một phần trong cô những muốn bước ra khỏi quang cảnh này, phần ấy buồn nôn và rên rỉ, những muốn nhắm nghiền mắt. Nhưng vẫn còn một Beverly khác cảm thấy nỗi hân hoan của kẻ phải lên đoạn đầu đài được thả tự do nhờ cơn động đất lạ kỳ. Beverly ấy khoái chí trước tình hình hiện tại. *Giá mà anh nuốt nó luôn đi!* Bản thể ấy nghĩ. *Giá mà anh ghen chết luôn đi!*

Và chính Beverly ấy đã vung thắt lưng lần cuối – sợi thắt lưng mà gã đã quất lên mông, chân và ngực cô. Sợi thắt lưng gã đã dùng để đánh cô vô vàn lần trong suốt bốn năm qua. Số lần roi phụ thuộc vào việc cô sai trái nhiều mức nào. Tom về nhà mà bữa tối ngượng? Hai vết quất bằng thắt lưng. Bev làm việc trễ và quên gọi về nhà? Ba vết quất bằng thắt lưng. Ô kìa, nhìn xem – Beverly lại bị thẻ phạt xe. Một vết quất bằng thắt lưng... trên ngực. Gã rất tử tế, chẳng mấy khi làm cô bầm tím. Thật ra nó cũng không đau lắm. Nhưng bẽ bàng. Ấy chính là phần đau. Và đi đâu đau đớn hơn là cô biết đâu đó trong cô khao khát nỗi đau ấy, khao khát sự bẽ bàng ấy.

Cú chót trả giá cho tất cả, cô nghĩ, và tay cô vung thắt lưng.

Cô đưa thắt lưng xuống thấp, ở tầm cánh tay, vung ngang tinh hoàn của gã với tiếng anh nặng, âm thanh của một người phụ nữ đập vào tấm thảm. Chỉ có thể. Đến đây, bao l`ng lộn của Tom Rogan chấm dứt.

Gã cất lên tiếng ré mỏng, bất lực, r`ĩ ngã khuyu gối xuống như c`ầu nguyện. Hai tay gã bung lấy vùng hạ bộ. Đầu gã bật ngửa ra sau. C`ần cổ gã vằn vện gân. Miệng gã nhăn nhó đau đớn, bi kịch. Đầu gối trái của gã cắm thẳng lên mảnh vỡ nhọn hoắt của lọ nước hoa, gã im lặng ngã vật sang một bên như con cá voi. Một tay của gã rời khỏi vùng dưới để ôm lấy đầu gối đang tứa máu của mình.

Máu, cô nghĩ trong đầu. Trời ơi, anh ấy chảy nhiều máu quá.

Gã vẫn sẽ sống nhăn, bản thể Beverly mới – Beverly dường như vừa xuất hiện sau cuộc gọi của Mike Hanlon – trả lời lạnh tanh. Những kẻ như gã lúc nào chẳng sống. Rời khỏi đây ngay trước khi gã muốn nhảy đầm thêm vài bài. Hoặc trước khi gã lao xuống hầm và lấy khẩu Winchester.

Cô lùi lại, chân nhói lên khi đập phải một miếng kính bể từ bàn trang điểm. Cô cúi xuống nắm lấy tay nắm va li. Không rời mắt phía trước bằng cả hai tay, mỗi lần cô lùi lại là y như rằng va li đập vào mắt cá. Vết cắt trên chân khiến gót cô bê bết máu. Khi ra tới c`ầu thang, cô mới dám quay người, chạy thật nhanh, không để bản thân mình kịp nghĩ. Cô đoán mình cũng chẳng còn ý nghĩ nào ra h`ên trong đầu, chỉ ít là lúc này.

Cảm thấy một thứ khẽ mơn man chân mình, cô thét lên.

Nhìn xuống, cô phát hiện đó là đuôi dây thắt lưng. Nó vẫn quấn quanh tay cô. Dưới ánh đèn tù mù, trông nó càng giống con rắn chết hơn bao giờ hết. Cô vứt nó ra ngoài lan can, mặt nhăn lại kinh tởm, nhìn nó đập xuống thành hình chữ S trên tấm thảm hành lang tầng dưới.

Đứng dưới chân c`ầu thang, cô bắt chéo tay, nắm lấy rìa chiếc váy ngủ

đăng ten màu trắng rồi kéo qua đầu. Nó vương đầy máu, và dù trời có sập, cô cũng không chấp nhận mang thứ này thêm một giây nào nữa. Cô vút chiếc váy qua một bên, khiến nó vướng vào cây đa búp đỏ đặt trong hành lang dẫn vào phòng khách như chiếc dù lượn đăng ten. Cô cúi người xuống va li, lóa lờ Nhũ hoa cô lạnh ngắt, cứng như viên đạn.

“BEVERLY, MÀY BƯỚC LÊN LẦU NGAY CHO TAO!”

Cô há hốc, giật bắn mình, rồi tiếp tục cúi xuống va li. Nếu gã còn đủ sức để hét to như thế thì có nghĩa là cô còn ít thời gian hơn cô tưởng. Mở va li, cô mò mẫm tìm quần lót, áo và chiếc quần jean Levi's cũ. Vừa đứng ngay cửa, cô vừa hối hả mặc, mắt không rời khỏi cầu thang. Nhưng Tom không xuất hiện ở đó. Gã chỉ thét gào tên cô thêm hai lần, và lần nào cô cũng giật bắn, mắt đảo như rang lạc, môi nhếch lên nhe nanh trong vô thức.

Cô cài nút áo nhanh nhất có thể. Hai cái nút đầu tiên đã bung (thật mỉa mai khi chẳng mấy khi cô tự tay may vá) và cô nghĩ nhìn mình giống gái làng chơi đang cố gắng đi thêm một khách trước khi hết đêm –nhưng lúc này không nên đòi hỏi.

“TAO SẼ GIẾT MÀY, CON KHỐN! TIÊN SƯ CON KHỐN!”

Cô đóng sầm va li rồi khóa chốt lại. Tay một chiếc áo thò ra như cái lưỡi. Cô đưa mắt nhìn quanh một lượt, lòng thầm nghĩ mình sẽ không còn dịp nào trông thấy căn nhà này nữa.

Cảm thấy nhẹ lòng trước suy nghĩ ấy, cô mở cửa, lao ra ngoài.

Đi được ba khối nhà, bước đi mà chẳng rõ mình đang hướng về đâu, cô nhận ra mình vẫn đi chân trần. Chân bên trái bị cửa rách nhoi nhói đau. Cô phải kiềm thứ gì đó xỏ vào chân, nhưng hiện tại chưa tới 2 giờ sáng. Cô đã để ví tiền và thẻ tín dụng ở nhà. Rờ rẫm trong túi quần jean, cô chẳng tìm

được gì ngoài xơ vải. Cô không có lấy một xu dính túi, đến cả đồng lẻ nhất cũng không. Cô nhìn quanh khu dân cư mình sinh sống - những ngôi nhà nguy nga, bãi cỏ và cây cối cắt tĩa đẹp đẽ, khung cửa sổ tối đen.

Bất chợt, cô phá lên cười ha hả.

Beverly Rogan ng ẩ trên một bức tường đá thấp, va li kẹp giữa hai chân toàn đất, cười thật to. Trên trời lấp lánh hằng hà sa số tinh tú, và chúng mới sáng làm sao! Nghiêng đầu về phía sau, cô cười với trời sao, niềm hân hoan rực rỡ lại một lần nữa quét qua như cơn sóng, dâng lên, cuốn trôi, gội sạch, mạnh đến độ mọi suy nghĩ tinh tảo đều biến mất, chỉ có máu của cô tư duy và tiếng nói mạnh mẽ của nó nói với cô về một khao khát mơ hồ nào đấy, duy có đi đâu nó khao khát gì thì cô không biết mà cũng chẳng quan tâm. Cảm nhận được lòng mình nóng ấm là đủ rồi. *Khát khao*, cô thàn nhủ, và trong cô, cơn sóng hân hoan lấy đà tăng tốc, đẩy cô vỡ òa.

Cô cười với những vì sao, sợ hãi nhưng tự do, nỗi kinh hoàng trong cô nhói lên như vết thương và ngọt ngào như trái táo thối Muriel còn xanh, và khi phòng ngủ tầng trên của căn nhà nơi bờ tường cô đang ng ẩ bật đèn, cô nắm lấy tay c ần va li, bay biến vào màn đêm, miệng vẫn ha hả cười.

6

BILL DENBROUGH TẠM NGHỈ

“Đi?” Audra lặp lại. Cô nhìn anh, bối rối, có chút lo âu, đoạn co đôi chân tr ần lên sát người. Sàn nhà lạnh ngắt. Hay nói đúng hơn, toàn bộ căn nhà nghỉ này lạnh ngắt. Miền Nam nước Anh đón xuân trong một khí trời ẩm ương đến lạ thường, và không chỉ một lần, trong những cuộc dạo bộ thường lệ vào buổi sáng và buổi tối, Bill Denbrough lại vẫn mơ nghĩ về Maine... nghĩ về Derry, một thị trấn lúc nào cũng có gì đó mơ hồ.

Căn nhà hẳn phải có hệ thống sưởi trung tâm - quảng cáo ghi vậy kia mà, và chắc dưới tầng hầm nhỏ gọn gàng ngày xưa vốn là kho trữ than kia có lò sưởi – nhưng từ đầu quá trình quay phim, cả anh lẫn Andra đã phát hiện hóa ra quan niệm hệ thống sưởi trung tâm của Anh khác với Mỹ. Xem ra người Anh cho rằng hệ thống sưởi trung tâm chỉ cần chạy sao cho sáng ra, lúc ngủ dậy, ta không phải tè cho tan lớp băng trong bồn cầu là được. Bây giờ là 8 giờ 15 phút sáng. Bill vừa cúp điện thoại năm phút trước.

“Bill, anh không thể nào nói đi là đi được. Anh biết đi đâu đó mà.”

“Nhưng anh phải đi,” anh đáp. Ở góc phòng có một cái tủ. Anh bước đến, lấy một chai Glenfiddich từ kệ trên cùng rồi rót một ly. Rượu hơi sánh ra ngoài. “Chắc,” anh lầm bầm.

“Ai gọi điện thoại cho anh vậy? Anh sợ hãi đi đâu gì thế, Bill?”

“Anh không sợ.”

“Ồ? Hóa ra trước giờ lúc nào tay anh cũng run lấy bấy thế kia sao? Lúc nào anh cũng phải làm một ly trước khi ăn sáng à?”

Anh trở lại ghế, áo choàng ngủ lật phật quanh mắt cá, rồi ngã xuống. Anh cố mỉm cười, nhưng mãi chẳng nhếch nổi mép nên đành thôi.

Trên truyền hình, phát thanh viên của đài BBC đang tổng hợp hàng loạt tin xấu của buổi sáng trước khi điểm qua tỉ số bóng đá đêm qua. Khi đến ngôi làng ngoại ô nhỏ nhắn ở Fleet chừng một tháng trước lịch khởi quay, cả hai đều vô cùng ngạc nhiên trước chất lượng của tivi Anh quốc – hình ảnh của chiếc tivi tốt hãng Pye chân thật đến độ ta có thể trèo vào bên trong. *Chắc có nhiều đường dây hơn hay gì đấy*, Bill đoán. *Em chẳng biết lý do, nhưng thế này tuyệt quá*, Andra đáp. Nhưng niềm thích thú chỉ kéo dài cho đến khi họ phát hiện tivi chỉ quanh đi quẩn lại các chương trình Mỹ như *Dallas* và chương trình thể thao Anh quốc bất tận, trải rộng từ

những thể loại vừa dấm dớ vừa nhạt như nước ốc (vô địch ném phi tiêu, trong đó tất cả những người tham dự trông như lực sĩ sumo cao huyết áp) đến thể loại chán như con gián (bóng đá Anh dở ẹc; cricket còn tệ hơn).

“Gần đây anh nghĩ về quê anh khá nhiều,” Bill nói và nhấp một ngụm rượu.

“Quê anh?” cô hỏi lại, nét bối rối không thể giấu giếm trên khuôn mặt cô khiến anh phì cười.

“Audra ơi là Audra! Đầu gối tay ấp với một người gần mười một năm mà em không biết tí gì về đối phương à? Em có biết thế là sao không?” Anh lại phá lên cười rồi uống nốt chỗ rượu còn lại. Nụ cười của anh không khiến cô ái ngại bằng việc thấy anh với ly Scotch trên tay vào giờ này buổi sáng. Nụ cười nghe như tiếng gào thét đau đớn. “Không biết trên đời này còn đôi vợ chồng nào vừa nhận ra những gì họ biết về đối phương quá ít không nhỉ? Chắc là còn đấy.”

“Billy, em biết em yêu anh, cô nói. “Thế là đủ cho mười một năm rồi.”

“Anh biết.” Anh mỉm cười với cô – nụ cười ngọt ngào, mệt mỏi và sợ hãi.

“Em xin anh. Hãy nói em nghe có chuyện gì vậy.”

Cô nhìn anh với đôi mắt xám xinh xắn, ngồi trên chiếc ghế trong căn nhà nghỉ cũ họ thuê, hai chân co dưới vạt váy ngủ, người phụ nữ anh đã yêu, đã kết hôn và đến giờ vẫn yêu như thế. Anh cố nhìn qua đôi mắt cô, để xem cô biết đi đâu gì. Anh cố xem nó như một câu chuyện. Anh có thể làm thế, nhưng anh biết câu chuyện ấy chẳng ai thêm mua.

Có một chàng thanh niên nghèo khó đến từ bang Maine, vào trường đại học nhờ học bổng. Ước mơ cả đời là trở thành một nhà văn, nhưng khi tham gia các khóa viết lách, anh nhận ra mình mất phương hướng ở vùng

đất lạ lắm đầy đe dọa này. Có người muốn trở nên vĩ đại như [Updike](#). Người khác lại muốn trở thành [Faulkner](#) phiên bản New England – điểm đặc biệt là cậu ta muốn viết tiểu thuyết về những số phận cùng khổ hăm hiu bằng dạng thơ không vần điệu. Lại có một cô gái ngưỡng mộ Joyce Carol Oates nhưng cảm thấy Oates được nuôi nấng trong một xã hội phân biệt nam nữ nên bà “phóng xạ theo một cách rất văn thơ”. *Oates không thể sạch được*, cô gái này đánh giá. Cô sẽ là kẻ sạch hơn. Có một cậu sinh viên học lên thạc sĩ vừa lùn vừa mập chẳng biết không nói được hay không thích nói mà lúc nào cũng chỉ lẩm bầm. Anh này từng viết một vở kịch trong đó có chín nhân vật. Mỗi nhân vật chỉ nói một vài từ. Dần dà, người xem nhận ra khi gộp tất cả các từ này lại với nhau, họ sẽ có được câu “Chiến tranh là công cụ của kẻ buôn cái chết trọng nam khinh nữ”. Vở kịch của anh bạn này nhận được điểm A từ thầy hướng dẫn lớp Eh-141 (Khóa kỹ năng viết sáng tạo). Người thầy này đã xuất bản bốn tập thơ cùng luận văn thạc sĩ, tất cả đều qua đơn vị xuất bản của trường. Thầy hút cần và lúc nào cũng đeo biểu tượng hòa bình. Vở kịch của tay lẩm bầm béo ú này được dàn dựng bởi nhóm kịch du kích trong cuộc đình công đòi chấm dứt chiến tranh, khiến trường đại học phải đóng cửa vào tháng Năm năm 1970. Người thầy hướng dẫn đóng một vai trong đó.

John Hoyer Updike là một tiểu thuyết gia, một nhà thơ, nhà phê bình nghệ thuật và văn học người Mỹ. Ông là một trong ba tác giả đoạt giải Pulitzer dành cho tiểu thuyết nhiều hơn một lần.

William Cuthbert Faulkner là một trong những nhà văn quan trọng nhất thế kỷ XX. Ông đoạt giải Nobel Văn học năm 1954 và hai lần đoạt giải Pulitzer cho tác phẩm hư cấu năm 1955 và 1963.

Còn về phần mình, Bill Denbrough đã viết một truyện trinh thám trong

phòng kín, ba truyện khoa học viễn tưởng và vài truyện kinh dị với cảm hứng phần lớn đến từ [Edgar Allan Poe](#), [H.P. Lovecraft](#) và [Richard Matheson](#) – về sau, anh nói những câu chuyện ấy giống chiếc xe tang giữa những năm 1800 với động cơ siêu nạp, sơn đỏ chói.

Ba tượng đài lớn của thể loại trinh thám, kinh dị và khoa học viễn tưởng.

Một trong ba truyện khoa học viễn tưởng thu về điểm B.

“Truyện này khá hơn,” thầy hướng dẫn viết trên trang bìa. “Trong phần đánh trả của người ngoài hành tinh, ta có thể thấy vòng tròn oan nghiệt của bạo lực chỉ để ra bạo lực, cá nhân thầy rất thích hình ảnh tàu vũ trụ mũi kim, biểu tượng cho sự xâm lấn về tình dục trong xã hội. Thông điệp gửi gắm còn hơi rối nhưng câu chuyện rất thú vị.”

Tất cả những truyện còn lại chỉ vớt vát được điểm C.

Cuối cùng, một ngày nọ, trong một tiết học, anh đứng lên khi mọi người đang thảo luận được chừng bảy mươi phút về đoạn văn của một cô gái vàng vọt bụng beo tả cảnh một con bò sẫm soi khối động cơ nằm chỏng chơ giữa đồng không mông quạnh (bối cảnh có thể sau chiến tranh hạt nhân, hoặc không). Cô gái bụng beo ấy, người hút thuốc lá Winston chẳng khác nào ống khói và thỉnh một tuyên ngôn chính trị xã hội theo kiểu Orwell thời kỳ đầu. Phần lớn cả lớp – bao gồm cả thầy hướng dẫn – đều đồng ý, nhưng cuộc thảo luận vẫn đông dài kéo tiếp.

Cả lớp dồn mắt vào Bill lúc anh đứng dậy. Anh cao lớn và có phần nổi bật.

Lựa từng lời, không cà lăm (anh đã hết cà lăm hơn năm năm nay), anh phát biểu: “Em không hiểu đi đâu này chút nào. Em không hiểu bất cứ đi đâu nào trong những đi đâu này. Tại sao một câu chuyện cứ phải liên quan đến xã hội? Chính trị... văn hóa... lịch sử... đó chẳng phải những thành tố tự

nhien trong bất cứ câu chuyện nào được viết một cách xuất sắc sao? Ý em là...” Anh nhìn quanh, trông thấy những đôi mắt hình viên đạn chĩa thẳng vào mình và mơ hồ nhận ra họ xem hành động của anh mang tính gây hấn. Mà có khi đúng thế thật. Anh nhận ra họ nghĩ giữa bọn họ có một tay buôn cái chết trọng nam khinh nữ. “Ý em là... tại sao ta không để một câu chuyện đơn giản là *một câu chuyện*?”

Không ai đáp lại. Sự im lặng ngọt ngào. Anh đứng đó, nhìn hết cặp mắt lạnh lùng này sang cặp mắt lạnh nhạt khác. Cô gái vàng vọt phì phèo khói và dụi điều thuốc vào gạt tàn cô mang theo trong ba lô.

Cuối cùng, thầy hướng dẫn nhẹ nhàng lên tiếng như thể đang nói chuyện với một đứa trẻ bỗng dưng nổi cơn tam bành, “Em có nghĩ William Faulkner chỉ đang kể chuyện không? Em có nghĩ Shakespeare chỉ ham thích kiếm được dăm ba đồng không? Thôi nào, Bill. Nói cho cả lớp nghe em nghĩ gì.”

“Em nghĩ thế là gần sát sự thật rồi ạ,” Bill nói, sau một hồi nghiêm túc cân nhắc câu hỏi, và anh đọc được trong mắt họ mong muốn tổng tiền anh xuống địa ngục.

“Thầy thấy,” thầy giáo lên tiếng, đùa nghịch cây bút trong tay và nheo mắt mỉm cười với Bill, “em còn *nhều thứ* phải học đấy.”

Đâu đó từ cuối lớp vang lên tiếng vỗ tay.

Bill rời khỏi lớp học... nhưng tuấn kế đó, anh trở lại, quyết tâm bám trụ khóa học đến cùng. Trong khoảng thời gian ấy, anh viết câu chuyện mang tên “Bóng tối”, nội dung kể về một cậu bé phát hiện dưới tầng hầm nhà mình có một con quái vật. Cậu bé đối mặt chiến đấu với nó rồi cuối cùng giết chết nó. Anh cảm thấy lòng mình như bùng nổ trong quá trình viết câu chuyện này, thậm chí anh còn cảm thấy không phải anh đang *kể chuyện* mà

là đang cho phép câu chuyện *chảy qua* mình. Có đoạn anh đặt bút xuống, đưa bàn tay nóng bừng và nhức nhối của mình ra tiết trời tháng Mười hai âm 10 độ, tay anh gầy như bốc khói vì nhiệt độ thay đổi. Anh đi lòng vòng, đôi bốt lủng màu xanh kin kít trong tuyết như chiếc bản lề cửa chớp be bé cần tra dầu, câu chuyện khiến đầu anh *phình to*; cách câu chuyện muốn bước ra có phần đáng sợ. Anh cảm thấy nếu nó không thể thoát ra bằng bàn tay cuống cuồng thả chữ của anh, nó sẽ làm mất anh bắn ra ngoài vì hối hả thoát ly, hối hả thành hình. “Mình sẽ cày nó ra ngô ra khoai,” anh khẽ nói với đêm đông vù vù gió rít, rồi cười chút đỉnh – một nụ cười run run. Anh biết cuối cùng anh đã ngộ ra cách làm đi đầu đó...sau mười năm trầy vi tróc vảy, anh chợt tìm được nút ngu ồn của chiếc xe ủi đất chết máy to tổ chẳng, choán quá nhiều không gian trong đầu anh. Nó đã chạy lại rồi kìa. Nó rồi máy, rồi máy. Cỗ máy to lớn này chẳng có gì đẹp đẽ. Mục tiêu của nó không phải để đưa những cô nàng xinh đẹp đến vũ hội. Nó không phải biểu tượng đẳng cấp. Nó được việc. Chức năng của nó là phá hủy mọi thứ. Nếu anh không cẩn thận, nó sẽ phá luôn cả *anh*.

Anh vội vàng lao vào trong và hoàn thành “Bóng tối” bằng ngọn lửa nhiệt thành cháy bỏng, viết đến 4 giờ sáng rồi lăn ra ngủ cạnh xấp giấy. Nếu ai đó bảo anh rằng thật ra anh đang viết về George, em trai mình, hẳn anh sẽ vô cùng sửng sốt. Bao năm nay anh không nghĩ về cậu – hoặc chí ít là anh tưởng thế.

Câu chuyện được thầy hướng dẫn trả về với điểm F chình ình ngay trong tiêu đề Hai từ nguệch ngoạc bên dưới, viết hoa. GIẤY là từ thứ nhất. LỘN là từ còn lại.

Bill đem xấp bản thảo mười lăm trang đến lò củi rồi mở cửa. Chỉ còn vài phân là anh ném nó vào trong thì anh sực ngẩn ra trước hành động điên

rồi mình định làm. Ngồi thụp xuống ghế, anh nhìn tấm áp phích nhóm nhạc Grateful Dead và phá lên cười. Giấy lộn à? Rồi sao! Cứ cho nó là giấy lộn đi! Giấy lộn cũng làm từ cây trong rừng chứ!

“Cứ để mấy cái cây ấy ngã đi!” Bill thốt lên rồi ha hả cười đến lúc nước mắt trào ra, chảy xuống mặt.

Anh đánh lại trang tiêu đề, trang giấy bị thầy hướng dẫn phê, rồi gửi nó đến tạp chí cho nam giới mang tên *Cà vạt trắng* (dù thật ra theo Bill thấy, tạp chí này nên được đặt tên là *Mấy em gái khỏa thân trông như căn thuốc*. Được cái mục *Chợ nhà văn* cũ kỹ của tờ tạp chí này có đăng truyện kinh dị, và hai số anh mua ở một quầy tạp hóa địa phương có đăng bốn câu chuyện kinh dị giữa một dàn hình tươi mát cùng quảng cáo phim heo, thuốc tráng dương. Một trong số đó, câu chuyện của một tác giả tên Dennis Etchison hay ra phết.

Thật ra anh chỉ hú họa gửi “Bóng tối” chứ chẳng vọng cầu gì - trước đây anh đã gửi cả tá truyện đến các tạp chí khác nhau mà chẳng nhận được gì ngoài giấy từ chối - thế mà anh được dịp mắt chữ V mồm chữ A khi biên tập viên truyện hư cấu của *Cà vạt trắng* mua tác phẩm của anh với giá hai trăm đô, thanh toán lúc phát hành. Trợ lý biên tập còn thêm một ghi chú ngắn cho hay “câu chuyện kinh dị đáng sợ nhất kể từ ‘Cái hũ’ của Ray Bradbury”. Anh này ghi thêm “Tiếc là từ Bắc chí Nam chỉ có chừng bảy mươi người đọc,” nhưng Bill Denbrough chẳng quan tâm. Hai trăm đô-la đấy!

Anh đến gặp thầy hướng dẫn của mình với bản thảo cho lớp Eh-141. Thầy hướng dẫn của anh ký tên. Đoạn Bill Denbrough ghim bản thảo kèm theo tờ ghi chú lời khen của người trợ lý biên tập truyện hư cấu, dính cả hai lên bảng tin ngay cửa văn phòng thầy bộ môn viết sáng tạo. Ở góc bảng

tin, anh nhìn thấy một hình vẽ phản đối chiến tranh. Và bất chợt, như thể ma xui quỷ khiến, tay anh tự động rút cây bút khỏi túi áo trên ngực, đoạn viết đề lên bức hình: *Nếu một ngày nào đó, lỡ như truyện hư cấu và chính trị có thể thay thế lẫn nhau, thì thà rằng tôi tự sát còn hơn, vì tôi chẳng biết mình phải làm gì nữa. Chính trị thay đổi xoành xoạch. Truyện thì không.* Anh dừng lại, rồi dù cảm thấy mình hơi nhỏ mọn (nhưng anh không nhận lỗi), anh viết thêm: *Chắc quý vị còn nhiều thứ phải học.*

Ba ngày sau, bản thảo tìm đường về với anh trong hộp thư của trường. Thầy bộ môn đã ký tên. Trên khoảng trống đề Điểm lúc nghỉ, thầy không cho điểm Chưa hoàn thành hoặc C - như phổ điểm thông thường, thay vào đó, lại là một điểm F to tướng đầy tức giận. Bên dưới, thầy viết: *Cậu tưởng tiền thì chứng minh được gì à, Denbrough?*

“Vâng, thật ra là có đấy,” Bill Denbrough nói oang oang trong căn phòng trọ trống trải và lại bắt đầu phá lên cười như điên.

Vào năm cuối đại học, anh đánh liêu viết một cuốn tiểu thuyết vì chẳng biết mình đang dẫn thân vào thứ gì. Bước ra khỏi trải nghiệm ấy, anh xây xát và sợ hãi... nhưng vẫn giữ được mạng, kèm theo một bản thảo gần năm trăm trang. Anh gửi nó cho nhà xuất bản The Viking Press, trong lòng thừa biết nơi đây mới chỉ là điểm dừng chân đầu tiên trong số rất nhiều điểm dừng chân của cuốn sách về ma quỷ này... nhưng anh thích logo hình con thuyền của Viking, nội chi tiết này đã khiến nó trở thành một khởi đầu tuyệt vời. Thánh nhân đãi kẻ khù khờ, nơi đầu hóa ra lại là nơi cuối. Viking mua lại cuốn sách... và câu chuyện cổ tích của Bill Denbrough bắt đầu. Anh chàng ngày xưa nổi danh cả lăm nay lại thành công vang dội ở tuổi hai mươi ba. Ba năm sau và cách phía bắc New England gần năm nghìn cây số, anh bước chân vào giới người nổi tiếng khi kết hôn với một

nữ minh tinh màn bạc, hơn anh năm tuổi ở nhà thờ nơi rừng thông của Hollywood.

Lầu báo ng ỡ lê đôi mách chuyện này chừng bảy tháng. Họ cá với nhau hoặc mỗi duyên này sẽ kết thúc bằng ly dị hoặc hủy bỏ hôn nhân. Bạn (và thù) của cả hai phía cũng có cảm nhận tương tự. Chưa nói tới khác biệt tuổi tác, họ như đôi đũa lệch. Anh cao to, chưa gì đã hơi hói và đậm người. Anh nói chuyện chậm rãi, thỉnh thoảng chẳng ra đầu ra đũa. Ngược lại Audra có mái tóc màu nâu vàng, người dong dỏng cao và đẹp nghiêng nước nghiêng thành – vật thượng đẳng thần thánh nào đó.

Anh được thuê lên kịch bản phim cho cuốn tiểu thuyết thứ hai mang tên *Con nước đen* (phần nhiều là khi bán nguyên tác, anh yêu cầu mình phải được quyền thực hiện bản nháp đầu tiên cho kịch bản phim, dù người đại diện của anh suốt ngày căn nhắc nói anh quả là điên rồ) và bản nháp anh viết lại được đánh giá cao. Anh được mời đến Universal City để chỉnh sửa thêm và họp với ban sản xuất.

Người đại diện của anh là một phụ nữ nhỏ con tên là Susan Browne. Cô cao đúng mét rưỡi. Cô lúc nào cũng dư năng lượng và đã muốn là làm bằng được. “Đừng làm thế, Billy,” cô nói với anh. “Bỏ đi. Họ chỉ cả đồng tiền vào đây và họ sẽ kiếm người giỏi lo kịch bản. Khéo có khi là Goldman ấy chứ.”

“Ai kia?”

“William Goldman. Nhà văn duy nhất vừa biết viết lách vừa làm kịch bản.”

“Em đang nói gì vậy, Suze?”

“Anh ta tr ầy vi tróc vảy mới có chỗ đứng như thế chứ anh tưởng” cô nói. “Khả năng để làm được cả hai chẳng khác nào tỷ lệ đánh bại ung thư

phối – làm được, nhưng ai muốn kia chứ? Chỉ tổ đâm đầu vào sắc dục và rượu chè thôi. Hoặc đâm ba loại thuốc mới.” Đôi mắt nâu đẹp đến lạ lùng của Susan lấp lánh xoáy vào anh. “Nếu chẳng may tên vợ vãn nào đó nhận nhiệm vụ này chứ không phải người giỏi như Goldman thì cũng chẳng có vấn đề gì. Cuốn sách chêm chệ trên kệ rồi. Họ có đổi được chữ nào đâu.”

“Susan...”

“Nghe em này, Billy! Cần tiền và cao chạy xa bay đi. Anh còn trẻ, còn khỏe. Họ thích thế. Anh cứ lăn xả vào đấy đi, rồi trước tiên họ sẽ tách anh ra khỏi lòng tự trọng của anh, tiếp đến là khả năng viết thẳng hàng từ điểm A đến điểm B. Chưa hết, họ sẽ lấy tinh hoàn của anh cho mà xem. Anh viết như một kẻ trưởng thành, nhưng anh mới chỉ là thằng nhóc với cái trán rất cao mà thôi.”

“Anh phải đi.”

“Có ai vừa đánh rắm ở đây à?” cô nói tiếp. “Chắc vậy, vì có thứ gì thối quá.”

“Nhưng anh sẽ đi. Anh *phải* đi.”

“Chúa ơi!”

“Anh phải rời khỏi New England!” Anh sợ phải nói ra điều tiếp theo – vì chẳng khác nào cất thành tiếng lời nguyện rửa – nhưng anh phải chân thật với cô ấy. “Anh phải rời khỏi Maine.”

“Vì Chúa, *tại sao?*”

“Anh không biết. Nhưng anh phải đi.”

“Anh nói thật với em đấy hả, Billy, hay anh ra về nhà văn thôi?”

“Là thật.”

Họ vừa nằm trên giường vừa bàn bạc về chuyện này. Ngực cô nhỏ như

trái đào, ngọt cũng như đào. Anh yêu cô rất nhiều, dù cả hai đều biết theo cách không quá lý tưởng. Cô ngẩng dậy, kéo theo đồng chân mền bồng nhùng trong lòng rồi châm một điếu thuốc. Cô lặng lẽ khóc, nhưng anh chẳng rõ cô có biết là anh đã phát hiện ra không nhỉ. Chỉ đơn giản là mắt cô ánh lên. Có lẽ không đủ động đến thì hay hơn, vì vậy nên anh im lặng. Anh không yêu cô một cách đàng hoàng, nhưng anh hết sức quan tâm đến cô.

“Vậy đi đi,” cô nói với giọng khô khốc sắc mùi công việc khi quay sang anh. “Khi nào sẵn sàng thì gọi em, nếu lúc ấy anh còn sức. Em sẽ đến thu vén những mảnh vụn. Ấy là nếu còn sót lại.”

Phiên bản điện ảnh của *Con nước đen* mang tên *Hố quỷ đen*, và Audra Phillips là diễn viên chính. Tựa dở tệ, nhưng phim rất hay. Và thứ duy nhất anh đánh mất ở Hollywood chính là trái tim mình.

“Bill,” Audra lên tiếng, kéo anh ra khỏi bao ký ức. Anh thấy cô tắt ti vi. Đánh mắt ra ngoài cửa sổ, anh thấy sương mù giăng kín.

“Anh sẽ giải thích nhiều nhất có thể,” anh từ tốn. “Em xứng đáng được nghe. Nhưng trước hết, hãy làm cho anh hai đi đâu.”

“Được thôi.”

“Pha cho bản thân em thêm tách trà và nói anh nghe em biết gì về anh. Hoặc em nghĩ em biết gì về anh.”

Cô nhìn anh khó hiểu, đoạn bước đến tủ chạn.

“Em biết anh đến từ Maine,” cô nói và rót nước vào tách trà. Cô không phải người Anh, nhưng trong giọng cô phảng phất chút sắc bén của giọng Anh – tàn dư sót lại sau vai diễn trong bộ phim *Phòng áp mái* mà họ đến đây để làm. Đó là kịch bản gốc đầu tiên của Bill. Anh còn được đề nghị vào vị trí đạo diễn. Tạ ơn Chúa vì anh từ chối, nếu không, việc anh bỏ đi lúc này sẽ khuấy động tất cả. Anh biết toàn bộ đội ngũ sẽ bàn ra tán vào

điều gì. Cuối cùng cháy nhà cũng lòe mịt chuột. Bill Denbrough suy cho cùng chỉ là một thằng nhà văn coi trời bằng vung, điên khùng chẳng giống ai.

Mà hiện giờ hẳn anh cảm thấy điên rồ lắm.

“Em biết anh có một cậu em trai mà anh vô cùng thương yêu, nay đã mất,” Audra nói tiếp. “Em biết anh lớn lên ở một thị trấn mang tên Derry, hai năm sau khi em trai mất, nhà anh chuyển đến Bangor, và chuyển đến Portland năm anh mười bốn tuổi. Em biết bố anh qua đời do ung thư phổi năm anh mười bảy tuổi. Anh đã viết một cuốn sách bán chạy khi còn học đại học, anh tự trang trải chi phí bằng học bổng và việc làm thêm trong nhà máy vải. Hẳn anh thấy lạ lùng khi thu nhập của mình thay đổi chóng vánh đến vậy. Có lẽ thế.”

Cô tiến lại gần anh, và anh nhìn thấy trên khuôn mặt cô: cô nhận ra có những mảng trống lẩn khuất giữa họ.

“Em biết một năm sau đó anh viết *Con nước đen* rồi đến Hollywood. Và một tuần trước khi khởi quay bộ phim, anh gặp một người phụ nữ đầy vết thương lòng mang tên Audra Phillips, thế mà cô ấy chỉ biết chút ít về những gì anh đã trải qua - phiên bản đầy đủ và điên rồ— vì năm năm trước, cô chỉ là một ả Audrey Choir thuốc tẩm thường. Và người phụ nữ ấy đang chết chìm...”

“Audra, đừng thế.”

Đôi mắt cô nhìn anh rất lung. “Ô kìa, tại sao không? Ta hãy cứ huých toét tất cả, khiến quỷ sứ cũng phải chào thua. Ngày ấy, em đang chìm dần. Hai năm trước khi gặp anh, em biết đến thuốc popper, một năm sau, em phát hiện ra cô-ca-in, và nó còn tuyệt hơn nữa. Một viên popper vào buổi sáng, chơi cô-ca-in vào buổi chiều, rượu vào buổi tối, một viên valium lúc

đi ngủ. Vitamin của Audra đấy. Quá nhiều buổi phỏng vấn quan trọng, quá nhiều vai diễn hay. Em giống nhân vật trong tiểu thuyết của Jacqueline Susann đến nức cười. Anh có biết em nghĩ thế nào về khoảng thời gian ấy không, Bill?”

“Không.”

Cô nhấp một ngụm trà, mắt vẫn không rời anh, miệng nở nụ cười. “Em cảm giác mình như kẻ chạy trên lối đi bộ ở Sân bay Quốc tế LA. Anh hiểu ý em không?”

“Anh không hiểu lắm.”

“Lối đi ấy là băng chuyền chuyển động,” cô nói. “Dài chừng bốn trăm mét.”

“Anh biết lối đi bộ ấy,” anh trả lời, nhưng anh không hiểu ý em...”

“Anh chỉ cần đứng đó và băng chuyền sẽ đưa anh đến khu vực nhận hành lý. Nhưng nếu muốn, anh có thể không đứng yên. Anh có thể đi bộ, hoặc chạy. Và có cảm giác như thể anh chỉ đang đi bộ, đi dạo, chạy bộ, chạy nước rút hoặc bất cứ điều gì, như bình thường, vì cơ thể anh đã quên mất *thật ra* anh đang hưởng lợi từ tốc độ của lối đi bộ. Đó là lý do họ phải dựng bảng hiệu **CHẠM LẠI, DỐC NGHIÊNG** ở gần cuối. Khi gặp anh, em có cảm giác mình như vừa nhào ra khỏi lối đi bộ lên sàn nhà, mà sàn nhà không còn chuyển động. Và em ở đấy, cơ thể em đi trước chân em cả mười lăm cây số. Như thế thì sao giữ thăng bằng được. Sớm muộn gì cũng ngã sấp mặt. Thế mà em không ngã, vì anh đã chụp được em.”

Cô đặt tách trà xuống, châm thuốc, mắt vẫn không rời khỏi anh. Anh chỉ nhận ra tay cô run khi ngọn lửa cô bật khẽ rung động, ngọn lửa hết đảo sang phải điều thuốc rồi lại sang trái, mãi sau đó mới bắt được đầu điều thuốc.

Hít một hơi thật sâu, cô phả nhanh ra làn khói.

“Em biết gì về anh ư? Em biết anh luôn ra về giữ mọi thứ trong tầm kiểm soát. Em biết thế. Anh chẳng bao giờ vội vàng uống ly tiếp theo hoặc đến buổi họp kế tiếp, bữa tiệc kế tiếp. Anh luôn tỏ ra tự tin rằng mọi thứ sẽ đâu vào đấy... nếu anh muốn. Anh nói chuyện chậm rãi. Em đoán phần là vì giọng Maine vốn thế, nhưng phần lớn nguyên nhân xuất phát nơi anh. Anh là người đàn ông đầu tiên em gặp dám nói chuyện từ tốn. Em đã phải chậm lại để lắng nghe anh. Anh biết không, em nhìn anh và em trông thấy một người chẳng bao giờ chạy trên lối đi bộ, vì anh biết băng chuyền sẽ đưa anh đến nơi. Dường như bao rồi ren, bao hoảng loạn chẳng khi nào chạm vào được anh. Anh không thuê Rolls Royce để lái chiếc xe bánh tòn đó với biển số xe riêng chạy dọc theo đại lộ Rodeo Drive vào chiều thứ Bảy. Anh không có đại diện truyền thông để sắp xếp đăng bài trên *Variety* hoặc *The Hollywood Reporter*. Anh chẳng bao giờ xuất hiện trong chương trình của Carson.”

“Nhà văn không thể tham gia trừ khi họ cũng biết làm trò với thẻ bài hoặc bẻ muống,” anh nói, miệng mỉm cười. “Điều đó như là luật quốc gia rồi.”

Anh ngỡ cô sẽ cười, nào ngờ cô chẳng buồn nhếch mép. “Em biết anh ở đó khi em cần anh. Khi em lao như tên bắn ra khỏi lối đi bộ như O. J. Simpson trong quảng cáo Hertz ngày xưa. Có lẽ anh đã cứu em để em không uống nhầm thuốc sau khi nốc rượu như hũ chìm. Hoặc có lẽ em đã tự vượt qua giai đoạn khó khăn ấy và em chỉ đang làm to chuyện lên mà thôi. Nhưng... mọi chuyện không phải thế. Bên trong, nơi em đang ở, nó khác lắm.”

Cô dập thuốc sau khi hút hai hơi.

“Em biết anh luôn ở bên em kể từ ngày ấy. Ngược lại, em cũng luôn bên anh. Chúng mình hòa hợp chuyện chăn gối. Điều đó từng *rất* quan trọng với em. Nhưng ngoài chuyện ấy ra, chúng mình cũng là tri kỷ, và với em, nó thậm chí còn quan trọng hơn. Em cảm thấy em có thể cùng anh sống đến già mà vẫn giữ lòng can đảm. Em biết anh uống bia thì nhiều mà thể dục thì thiếu; em biết có nhiều đêm anh mơ thấy ác mộng...”

Anh giật mình. Giật mình đầy khó chịu. Gần như sợ hãi.

“Anh không nằm mơ.”

Cô mỉm cười. “Đó là câu trả lời của anh khi cánh phóng viên hỏi anh lấy ý tưởng từ đâu. Nhưng không phải vậy. Trừ những lần anh rên lên giữa đêm chỉ đơn giản là vì anh khó tiêu. Song em lại không nghĩ thế đâu, Billy ạ.”

“Anh có nói mơ không?” Anh tò mò hỏi. Anh chẳng bao giờ nhớ mình đã mơ gì. Bất cứ giấc mơ nào, dù đẹp hay xấu.

Audra gật đầu. “Thỉnh thoảng. Nhưng em không nghe ra anh nói gì. Và có vài lần, anh chảy cả nước mắt.”

Anh nhìn cô trống rỗng. Trong miệng anh đắng ngắt, cái vị đắng chạy dọc lưỡi, trôi xuống họng như vị aspirin tan chảy. *Thế là giờ mà biết sợ hãi có vị ra sao rồi*, anh nghĩ. *Đúng lúc nên biết, ai bảo mà suốt ngày viết về chủ đề ấy*. Anh tự nhủ anh sẽ phải làm quen với vị này. Nếu anh sống đủ lâu.

Ký ức chợt ủa về Tựa hồ cái túi đen trong đầu anh đang phình lên, đe dọa bung ra những hình ảnh trong mơ gói gọn từ tiền thức lên phạm vi quan sát của bộ óc đầy lý trí, tỉnh táo của anh – và nếu tất cả xảy ra ngay lập tức, anh sẽ phát điên mất. Anh cố ngăn cản chúng, may sao thành công, nhưng anh vẫn kịp nghe văng lại giọng nói như thể có người bị chôn sống

đang thét gào từ lòng đất. Là giọng của Eddie Kaspbrak.

Cậu đã cứu mạng tớ, Bill. Những thằng du côn kia hành tớ ra bã. Thỉnh thoảng tớ nghĩ chúng nó thật sự muốn kết liễu tớ...

“Tay anh kia,” Audra nói.

Bill nhìn xuống tay mình. Tay anh nổi da gà hết cả. Nhưng không chỉ là những nốt li ti mà nốt nào nốt nấy bự chảng, trắng hếu như trứng côn trùng. Cả hai nhìn chăm chăm mà không nói tiếng nào, như thể đang chiêm ngưỡng một vật phẩm thú vị trưng bày trong bảo tàng. Da gà dần dần tan đi.

Sau một hồi im lặng, Audra nói: “Và em biết thêm một điều. Sáng nay, có ai đó gọi anh từ Mỹ và nói anh phải rời xa em.”

Anh đứng dậy, thoáng đưa mắt nhìn mấy chai rượu rồi bước vào nhà bếp, quay lại với ly nước cam trên tay. Anh lên tiếng: “Em biết anh có một người em trai, em biết cậu ấy đã chết, nhưng em chưa biết em trai anh bị giết.”

Audra hoảng hốt hít vào một hơi thật nhanh.

“Bị giết ư! Trời ơi, Bill, sao anh chưa từng...”

“Kể em sao?” Anh cười, lại tiếng cười chua chát ấy. “Anh không biết.”

“Chuyện gì đã xảy ra?”

“Ngày ấy nhà anh sống ở Derry. Lúc đó vừa qua cơn lũ, George đang chán. Anh bị cảm nên nằm bẹp trên giường. Thằng bé muốn anh gấp cho nó một chiếc thuyền từ giấy báo. Một năm trước, anh đi cắm trại nên biết cách làm. George nói sẽ thả thuyền xuống đường mương ở đường Witcham và đường Jackson, vì chỗ đó vẫn đầy nước. Thế nên anh gấp cho em mình chiếc thuyền, George cảm ơn anh rồi ra ngoài chơi. Đó cũng là

lần cuối cùng anh thấy em trai mình còn sống. Nếu anh không bị cảm, biết đâu anh đã cứu được em ấy.”

Anh ngừng lại, lòng bàn tay phải chà vào má trái, như thể kiểm tra xem râu có nhám lên chưa. Đôi mắt to góc qua cặp kính trông thật tư lự... nhưng anh không nhìn cô.

“Chuyện xảy ra ngay trên đường Witcham, cách ngã giao với đường Jackson không xa. Kẻ sát hại em trai anh kéo đứt tay trái thẳng bé như một thẳng nhóc lớp Hai kéo đứt cánh con ruồi. Bác sĩ pháp y cho biết em trai anh chết vì chấn động hoặc mất máu. Nhưng anh thấy lý do gì cũng thế cả thôi.”

“Trời ơi, Bill!”

“Anh nghĩ có lẽ em sẽ thắc mắc tại sao anh chưa bao giờ kể ra. Sự thật là đến bản thân anh cũng tự hỏi như thế. Chúng mình đã cưới nhau mười một năm, vậy mà đến hôm nay em mới biết chuyện gì đã xảy ra với Georgie. Anh biết tất tần tật về gia đình em – kể cả cô dì chú bác. Anh biết ông em qua đời trong một ga-ra ở thành phố Iowa, tay vung vẩy máy cưa vì say xỉn. Anh biết những đi đầu đó, vì vợ chồng về một nhà, dù bận rộn cách mấy, sau một thời gian cũng biết từng đường tơ kẽ tóc của nhau. Và nếu họ ngán nhau tận cổ và chẳng buồn nghe thì họ vẫn sẽ biết chuyện – bởi mưa dầm thấm lâu. Hay anh sai nhỉ?”

“Không,” cô yếu ớt nói. “Anh không sai, Bill ạ.”

“Và chúng mình khi nào cũng có dịp để trò chuyện với nhau, đúng chứ? Ý anh là, chúng mình chưa bao giờ chán nhau, chưa bao giờ ngừng lắng nghe nhau, phải không?”

“Chà,” cô đáp, “cho tới hôm nay thì em luôn nghĩ thế.”

“Thôi nào, Audra. Em biết mọi thứ xảy ra trong đời anh suốt mười một

năm vừa rồi. Từng chuyện làm ăn, từng ý tưởng, từng cơn cảm cúm, từng người bạn, từng người hại anh hoặc âm mưu đè anh xuống. Em biết anh từng lên giường với Susan Browne. Em biết thỉnh thoảng, rượu vào, anh lại sinh ủy mị và bật nhạc thật to.”

“Nhất là nhạc của Grateful Dead,” cô nói, khiến anh phì cười. Lần này, cô cười đáp lại.

“Em cũng biết cả những điều quan trọng nhất – những điều anh mong mỏi.”

“Phải. Em đờ là thế. Nhưng chuyện này...” cô im lặng, lắc đầu và nghĩ ngợi ít lâu. “Cuộc điện thoại vừa rồi có liên quan gì đến em trai của anh hả Bill?”

“Để anh từ từ giải thích theo cách của anh. Đừng vội hối anh nói thẳng vào trọng tâm kéo em sẽ phải tổng anh vào nhà thương điên đấy. Mọi sự quá lớn... và quá... quá tệ hại đến lạ... thành ra anh đang cố từ từ tiếp cận. Em thấy đấy... anh chưa bao giờ nghĩ về việc kể với em chuyện của Georgie.”

Cô nhìn anh, cau mày, khẽ lắc đầu – *Em không hiểu.*

“Điều anh muốn nói với em, Audra ạ, là anh thậm chí còn không nghĩ đến George hơn hai mươi năm qua.”

“Nhưng anh từng kể với em anh có cậu em trai tên...”

“Anh chỉ lặp lại sự thật thôi,” anh nói. “Chỉ có thế. Tên cậu ấy chỉ là một từ. Nó không phủ bóng vào lòng anh.”

“Nhưng em thấy có lẽ nó phủ bóng vào giấc mơ của anh,” Audra nói. Giọng cô ôn tồn.

“Những lần anh rên rỉ và khóc ư?”

Cô gật đầu.

“Có lẽ em nói đúng,” anh đáp. “Thật ra, chắc em đúng rồi đấy. Nhưng nếu mình không nhớ thì giấc mơ ấy không tính, nhỉ?”

“Ý anh là anh không mấy may nghĩ về cậu bé ư?”

“Phải.”

Cô lắc đầu, không tin vào tai mình. “Ngay cả việc cậu bé chết thảm như thế?”

“Cho đến hôm nay thì không, Audra.”

Cô nhìn anh và lại lắc đầu.

“Trước khi mình kết hôn, em có hỏi anh rằng anh có anh chị em nào không, và anh chỉ trả lời rằng anh có một người em trai đã qua đời lúc anh còn bé. Em biết bố mẹ anh đầu đã mất, còn gia đình của em vốn đông nên em quan tâm tới họ đã đủ một rồi. Song tất cả không chỉ có thế.”

“Ý anh là gì?”

“George không phải người duy nhất lọt thỏm trong lỗ đen ấy. Anh chưa một lần nghĩ về thị trấn Derry suốt hai mươi năm qua. Cả những người bạn ngày xưa anh chơi cùng - Eddie Kaspbrak, Richie Tía Lia, Stan Uris, Bev Marsh...” Anh lùa tay vào tóc và run rẩy cười. “Như thể anh mất trí nhớ tệ đến nỗi không hay biết trí nhớ mình sút mẻ. Và khi Mike Hanlon gọi...”

“Mike Hanlon là ai?”

“Một người bạn mà bọn anh chơi chung - anh chơi chung sau khi Georgie mất. Tất nhiên giờ cậu ấy không còn là con nít nữa rồi. Bọn anh đầu đã lớn. Ban sáng là Mike gọi anh, xuyên Đại Tây Dương. Cậu ấy nói ‘Xin chào, tôi đang gọi đến nhà của Denbrough phải không ạ?’ và anh đáp

phải, cậu ấy bèn nói, ‘Bill phải không?’, anh nói phải thì cậu ấy tiếp, ‘Tớ đây, Mike Hanlon đây.’ Anh nghe mà dừng dừng, Audra ạ. Biết đâu chỉ là một tay bán bách khoa toàn thư hoặc bản thu của Burl Ives thì sao. Nhưng rồi cậu ấy nói, ‘Tớ gọi từ Derry.’ Và khi cậu ta thốt lên như thế, tựa hồ có cánh cửa mở ra trong anh, một thứ ánh sáng gợn ghiếc chói lòa, anh chợt nhớ ra cậu ấy là ai. Anh nhớ ra Georgie. Anh nhớ ra tất cả mọi người. Tất cả xảy ra...”

Bill búng tay.

“Chóng vánh như thế. Và anh biết cậu ấy sẽ đề nghị anh quay về”

“Quay về Derry.”

“Phải.” Anh gỡ kính, dụi mắt rồi nhìn cô. Suốt đời mình, cô chưa lần nào thấy một người đàn ông sợ hãi đến vậy. “Trở lại Derry. Cậu ấy nói vì bọn anh đã hứa với nhau, mà đúng là như thế. Bọn anh đã hứa. Tất cả bọn anh, lúc còn bé. Bọn anh đứng trong con suối chạy ngang Vùng Đất Cằn, nắm tay nhau thành vòng tròn, bọn anh còn lấy miếng kính cắt tay nhau, trông chẳng khác nào đám nhóc con chơi cắt máu ăn thề, duy có đi đâu tất cả đều nghiêm túc.”

Anh chìa lòng bàn tay về phía cô, và cô nhìn thấy giữa lòng bàn tay anh chỉ chút những đường màu trắng, hẳn là sẹo năm xưa. Cô từng nắm lấy tay anh - cả hai tay - vô số lần, thế mà chưa bao giờ cô để ý đến những vết sẹo ấy. Chúng rất nhạt, phải, nhưng cô dám chắc...

Đúng rồi, bữa tiệc! Bữa tiệc ấy!

Không phải là bữa tiệc lần họ gặp nhau, dù bữa tiệc thứ hai tiếp diễn trọn vẹn hơn bữa tiệc thứ nhất, vì mọi sự diễn ra ở bữa tiệc ăn mừng đóng máy bộ phim *Hố quỷ đen*. Bữa tiệc vừa ồn ào, vừa bết nhè, đúng kiểu đặc trưng của Topanga Canyon. Có lẽ nó ít chói lóa hơn một số bữa tiệc ở LA

mà cô từng tham dự, vì quá trình quay phim thuận buồm xuôi gió hơn họ kỳ vọng, và ai nấy đều vui như hội. Với Audra Phillips, mọi sự còn rạng ngời hơn, vì cô đã phải lòng William Denbrough.

Cái người xưng là biết đọc chỉ tay ngày ấy tên gì nhỉ? Giờ thì cô quên mất rồi, chỉ còn nhớ cô ấy là một trong hai trợ lý của người thợ trang điểm. Cô nhớ trong bữa tiệc đó, cô gái ấy cởi phăng áo cánh (khoe một chiếc áo ngực mỏng *tang* như giấy) rồi cột lên trên đầu như một chiếc khăn choàng. Phê thuốc và say quắc cần câu, cô ta đọc chỉ tay suốt cả đêm hôm đó... hoặc chí ít cho đến lúc bất tỉnh nhân sự.

Giờ nhìn lại, Audra chẳng nhớ những đi đâu cô gái ấy đọc tốt hay xấu, trúng hay trật: đêm đó, cô cũng đang phê. Nhưng cô vẫn nhớ như in rằng giữa buổi, cô này nắm lấy lòng bàn tay Bill và tay cô ta rồi bảo hai người bọn họ là một cặp tiên đồng ngọc nữ. Cô ta tuyên bố họ là một cặp trời sinh. Cô nhớ mình đã nhìn với ánh mắt thoáng ghen tức khi cô gái kia lần theo những đường chỉ tay với móng tay kiểu cách – rõ là ngớ ngẩn khi bói toán trong môi trường điện ảnh LA này, nơi đàn ông vô mộng phụ nữ nhiều như đàn ông New York hôn má phụ nữ! Nhưng cái việc mân mê chỉ tay có gì đó thật riêng tư và da diết.

Ngày ấy, trong lòng bàn tay Bill không có vết sẹo màu trắng nào.

Cô đã chăm chăm dõi theo màn kịch lố lăng ấy với ánh mắt ghen tuông của một kẻ say tình, và cô dám chắc trong ký ức ấy, tay anh không có sẹo. Đó là sự thật.

Cô kể lại với Bill chi tiết đó.

Anh gật đầu. “Em nói đúng. Ngày ấy sẹo chưa nổi lên. Bản thân anh không dám thề, nhưng anh nghĩ đêm qua lúc anh đến Plow & Barrow, vết sẹo cũng chưa có ở đó. Ralph và anh chơi vật tay uống bia, nếu có thì anh

đã phát hiện rồi.”

Anh nhoen cười với cô. Nụ cười khô khốc, không chút hài hước và đầy sợ hãi.

“Anh nghĩ chúng nổi lên khi Mike Hanlon gọi. Thật lòng anh nghĩ thế.”

“Bill à, đó là điều không thể.” Miệng nói vậy nhưng cô vẫn rút bao thuốc ra.

Bill nhìn vào tay mình. “Là Stan,” anh lên tiếng. “Cậu ấy lấy một mảnh lon Coca để rạch lòng bàn tay bọn anh. Giờ anh nhớ như in.” Anh ngẩng lên nhìn Audra, phía sau cặp kính, đôi mắt anh tổn thương và rối bời. “Anh vẫn nhớ mảnh thủy tinh đó đã lóe sáng dưới ánh nắng mặt trời. Từ chai Coca phiên bản mới. Trước đó, chai Coca có màu xanh lá cây, em nhớ không?” Cô lắc đầu nhưng anh không để ý. Anh vẫn chăm soi lòng bàn tay mình. “Anh còn nhớ đến cuối, Stan tự rạch tay mình, ra vẻ rạch thật mạnh vào cổ tay chứ không chỉ là cắt lòng bàn tay chút ít. Anh đoán cậu ấy chỉ làm màu thế thôi, nhưng suýt chút nữa anh đã tiến lên... cản cậu ấy lại rồi. Vì trong khoảng một đến hai giây, nhìn cậu ấy rất nghiêm túc.”

“Bill, đừng như thế,” cô ôn tồn nói. Lần này, cô phải giữ bật lửa trong tay phải bằng cách cầm chặt nó bằng tay trái, như cảnh sát đang giữ súng trong tầm ngắm. “Không có chuyện sọc tự dưng xuất hiện đâu. Chúng có sẵn hoặc không có mà thôi.”

“Vậy trước đây em từng thấy sọc trên tay anh à? Ý em muốn nói là vậy phải không?”

“Nhật lắm,” Audra nói, giọng dứt khoát hơn ý muốn.

“Cả đám bọn anh đều chảy máu,” anh kể. “Bọn anh đứng dưới nước, cách không xa vị trí nơi Eddie Kaspbrak, Ben Hanscom và anh xây đập lúc đó...”

“Người anh nói có phải tay kiến trúc sư đó không?”

“Có tay kiến trúc sư nào tên như vậy à?”

“Lạy Chúa, Bill ơi là Bill, anh ta là người thiết kế trung tâm truyền thông BBC đấy! Họ vẫn đang tranh cãi xem công trình ấy là một giấc mơ hay một cuộc phá thai!”

“Chà, anh không rõ có phải cùng một người hay không. Có lẽ có, mà cũng có lẽ không. Cậu bạn Ben ngày xưa anh quen rất giỏi xây dựng. Bọn anh đứng đó, tay phải anh nắm lấy Bev Marsh, tay trái nắm lấy Richie Tozier. Cả đám đứng dưới nước như thực hiện quy trình rửa tội kiểu miền Nam sau khi thờ hành trong lều, và anh nhớ mình có thể trông thấy Bể chứa nước Standpipe Derry xa xa phía chân trời. Áo choàng của tổng lãnh thiên thần trắng thế nào thì bề trắng như thế, và bọn anh đã hứa, đã thề với nhau rằng nếu nó không kết thúc, nếu nó tái diễn... bọn anh sẽ quay lại. Bọn anh sẽ ra tay lần nữa. Để ngăn chặn nó. Vĩnh viễn.”

“Ngăn chặn *cái gì*?” cô hét lên, đột nhiên đầy phần nộ với anh. “Ngăn chặn *cái gì* mới được? Anh đang nói về cái quái gì vậy?”

“Giá mà em không h-h-hỏi...” Bill đáp lại rồi bỗng dưng im bật. Cô nhìn thấy nét bàng hoàng hiện lên trên khuôn mặt anh như vết ố. “Cho anh một liều thuốc.”

Nhận bao thuốc từ cô, anh châm một điếu. Xưa giờ, cô chưa từng thấy anh hút thuốc.

“Ngày xưa anh nói lấp dũ dội.”

“Anh nói lấp sao?”

“Ừ. Thuở bé. Em nói anh là người duy nhất ở LA em quen có cái gan nói chuyện từ tốn. Thật ra anh không dám nói nhanh mới đúng. Không phải

anh suy nghĩ sâu xa hay cố tình, cũng không phải anh thông minh hơn người đâu. Ai từng nói lắp đầu nói chậm. Đó là một trong những mẹo bọn anh học được, như việc nghĩ về tên lót của mình ngay trước khi giới thiệu bản thân chẳng hạn, vì đám cà lăm bọn anh vụng về với danh từ hơn những từ khác, và cái từ khiến những ai nói lắp khổ sở nhất trên đời chính là tên của họ.”

“Nói lắp sao?” cô khẽ mỉm cười, tựa hồ anh vừa kể chuyện tiếu lâm nhưng cô không hiểu ý.

“Trước khi Georgie qua đời, anh chỉ nói lắp vừa phải,” Bill bộc bạch, chưa gì anh đã bắt đầu nghe thấy những từ ấy ngân vang trong đầu mình, tưởng chừng chúng bị xé thật nhỏ theo thời gian; câu từ được anh thốt lên trơn tru, chậm rãi, nhịp nhàng như bình thường, nhưng trong tâm trí, anh nghe thấy những từ như *Georgie* hay *vừa phải* trùng lặp lên nhau, trở thành *G-G-Georgie* và *v-vừa phải*. “Ý anh là, anh đã trải qua những phút giây hết sức khủng khiếp – như bị thầy cô gọi phát biểu, đặc biệt là khi anh biết câu trả lời và muốn nói ra – nhưng nhìn chung anh vẫn lay lắt qua được. Sau khi George mất, tật nói lắp của anh nặng hơn rất nhiều. Rồi đến năm anh mười bốn, mười lăm tuổi, tình hình bắt đầu sáng sủa hơn. Anh theo học trường trung học Chevrus ở Portland, ở đó có cô Thomas, một nhà trị liệu giọng nói vô cùng xuất sắc. Cô dạy anh vài mẹo rất hay. Ví dụ như nghĩ về tên lót của anh trước khi nói ‘Xin chào, tôi là Bill Denbrough’ thành lời. Lúc đó, anh học tiếng Pháp, cô chỉ anh chuyển sang nói tiếng Pháp nếu bị lắp mãi một từ nào đó. Nên giả dụ anh đứng ngây ra như trời tròng, nhục nhã không để đâu cho hết, nói lắp ‘c-c-cuốn s-s-s-s’ như đĩa nhạc hỏng, anh sẽ chuyển sang tiếng Pháp, để rồi từ ‘*ce livre*’ sẽ thốt ra thật trôi chảy từ lưỡi anh. Cách này lần nào cũng hiệu nghiệm. Một khi đã nói được bằng

tiếng Pháp, anh có thể trở lại nói tiếng Anh và nói từ ‘cuốn sách này’ mà không vấp vấp tí nào cả. Còn nếu phát âm không được những từ có chữ ‘s’ ở đầu như *sông suối* hay *ngôi sao*, anh sẽ nói ngọng sang âm th: *thông thuôi*, *ngôi thao*. Thành ra không nói lắp chút nào hết.

Tất cả những cách trên đều hiệu quả, nhưng có lẽ quan trọng nhất là do anh quên đi Derry và tất cả những gì đã xảy ra ở nơi đó. Vì khoảng thời gian ấy, ký ức bắt đầu nhạt nhòa trong anh. Khoảng thời gian nhà anh sống ở Portland, còn anh theo học ở Chevrus. Anh không quên bằng mọi thứ ngay lập tức, nhưng giờ nhìn lại, anh phải công nhận mọi thứ diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn đến đáng ngạc nhiên. Chắc chưa tới bốn tháng. Tất nói lắp và ký ức của anh phai dần. Tựa như ai đó xóa hết bảng đen, để bao công thức cũ đều bị chùi đi mất.”

Anh uống cạn cốc nước trái cây của mình. “Có lẽ hai mươi một năm rồi anh mới nói lắp chữ ‘hỏi’ như ban nãy.”

Anh nhìn cô.

“Trước là sẹo, sau lại là chuyện n-nói lắp. Em có ng-nghe thấy không?”

“Anh cố tình phải không?” cô nói, sợ hãi tột độ.

“Không. Anh đoán chắc chẳng có cách nào thuyết phục bất cứ ai tin, nhưng tất cả là sự thật. Nói lắp là đi đầu rõ bu ãn cười, Audra ạ. Nó rất khó chịu. Ở mức độ nào đó, em thậm chí còn chẳng ý thức mình đang cà lăm. Nhưng... em có thể nghe thấy nó trong tâm trí mình. Như thể một phần trong đầu em đang hoạt động nhanh hơn những phần còn lại một khắc. Hoặc như hệ thống vang âm đám thanh niên hay đặt trong mấy chiếc xe hơi cà tàng vào thập niên năm mươi, âm thanh từ loa sau sẽ phát ra sau âm thanh l-loa trước đúng m-một giây.”

Anh đứng dậy, b ãn ch ãn đi lại quanh phòng. Trông anh có vẻ mệt mỏi,

và cô nghĩ, lòng thoáng lẫn tẩn, về bao công sức anh dồn vào công việc suốt mười ba năm qua, tựa hồ anh có thể chứng minh tài năng của bản thân bằng cách làm việc điên cuồng, gần như không ngơi nghỉ. Cô nhận ra có một suy nghĩ rất khó chịu đang len lỏi trong đầu mình, nhưng khi cô tìm cách gạt đi, nó vẫn cứ lì lợm đó. Biết đâu người vừa gọi điện thoại cho Bill là Ralph Foster, cốt để mời anh đến Plow & Barrow chơi vật tay hoặc chơi [cờ tào cáo](#) với nhau một tiếng, hoặc có khi người gọi là Freddie Firestone, nhà sản xuất bộ phim *Phòng gác mái* để bàn về vấn đề gì đó chẳng hạn? Hoặc chỉ đơn giản là “gọi lộn số”, như cô vợ bác sĩ đặc sệt dân Anh sống dưới phố hay nói?

Đây là một trong những trò chơi cổ xưa nhất thế giới. Đây là trò chơi dành cho hai người chơi với lối chơi khá đơn giản. Mỗi người chơi có 15 quân cờ. Người chơi cần phải di chuyển các quân cờ xung quanh bàn để đưa về sân chơi của mình, sau đó lấy toàn bộ chúng ra khỏi bàn. Người chiến thắng sẽ là người đầu tiên thoát hết các quân cờ của mình.

Những suy nghĩ ấy dẫn đến đâu?

Tại sao cô cứ cảm thấy câu chuyện về Derry - Mike Hanlon này chẳng là gì ngoài ảo giác. Một ảo giác sinh ra khi cơn lo âu trở tới.

Nhưng Audra ơi, những vết sẹo thì sao? Mà giải thích thế nào về chúng? Anh ấy nói đúng. Trước chúng không ở đó... nhưng giờ thì có. Đó là sự thật, bản thân mày hiểu rõ mà.

“Kể nốt cho em đi,” cô nói. “Ai đã giết em trai anh? Anh và những cô cậu bé kia đã làm gì? Mọi người đã hứa gì với nhau?”

Anh bước đến bên cô, quỳ gối như anh chàng cầu hôn theo cách cổ điển, đoạn nắm tay cô.

“Anh nghĩ anh có thể tâm sự với em,” anh khẽ khàng nói. “Anh cho rằng

anh có thể nếu anh thật sự muốn. Hiện giờ, anh đã quên gần hết rồi, nhưng khi anh nói, mọi chi tiết sẽ trở về. Anh có thể cảm nhận những ký ức ấy... chúng đang đợi để ập xuống. Chúng như đám mây trôi nước. Chỉ là thứ nước này vô cùng bẩn thỉu. Cây cối tắm dưới cơn mưa như thế sẽ biến thành quái vật. Có lẽ anh có thể đối mặt với nó cùng những người khác...”

“Họ biết chuyện chưa?”

“Mike nói cậu ấy đã gọi cho cả nhóm rồi. Cậu ấy nói tất cả sẽ đến... có lẽ trừ Stan. Mike nói thái độ của Stan rất lạ.”

“Em thấy tất cả chuyện này nghe rất lạ. Anh đang làm em sợ, rất sợ, Bill.”

“Anh xin lỗi,” dứt lời, anh hôn cô. Cô cảm thấy như thể mình vừa nhận nụ hôn từ một người hoàn toàn xa lạ. Cô căm ghét người đàn ông mang tên Mike Hanlon này. “Lý ra anh phải giải thích nhiều nhất có thể, có lẽ như vậy hay hơn là âm thầm ra đi giữa đêm hôm khuya khoắt. Anh đoán một vài người trong số họ sẽ làm thế. Nhưng anh phải đi. Anh đoán Stan sẽ có mặt, dù thái độ cậu ấy lạ lùng ra sao. Hoặc đơn giản là vì anh không thể hình dung nếu mình không đi thì sẽ thế nào.”

“Vì em trai của anh sao?”

Bill chậm rãi lắc đầu. “Anh có thể nói thế với em, nhưng đó chỉ là lời nói dối. Anh thương em trai mình rất nhiều. Anh biết nói câu đó nghe rất kỳ cục, vì anh vừa nói với em rằng suốt hai mươi năm nay anh chưa một lần nghĩ về George, nhưng anh thương em trai anh vô cùng.” Anh khẽ mỉm cười. “Thằng bé lúc nào cũng bướng bỉnh, nhưng anh thương nó lắm. Em hiểu không?”

Vốn là một người chị có em gái, Audra gật đầu. “Em hiểu.”

“Nhưng lý do không phải ở George. Anh không thể giải thích nó là gì.

Anh...”

Anh nhìn sương sớm bên ngoài cửa sổ.

“Anh cảm thấy như con chim cảm nhận được thu về và biết.. bằng cách nào đó, nó biết mình phải bay về tổ. Đây là bản năng, em ạ... và anh thuộc típ người tin rằng bản năng chính là bộ xương sắt bên dưới bao suy tưởng về ý chí tự do của con người. Trừ khi ta sẵn lòng tự sát hoặc xơi kẹo đường hoặc cố bước hụt lúc đi trên bến cảng, có những đi đâu con người chúng ta không thể từ chối. Ta không thể từ chối lựa chọn vì ta chẳng có lựa chọn nào cả. Ấy là đi đâu chẳng dừng đứng, như chuyện ta đứng ở gôn nhà với cây gậy trên tay mà vẫn để một pha bóng nhanh đập vào người. Anh phải đi. Lời hứa ấy... nó bám trong đầu anh như m-móc câu.”

Cô đứng dậy, cẩn thận bước về phía anh, cô thấy mình thật mỏng manh, tựa hồ sẽ tan tành. Đặt một tay lên vai anh, cô xoay anh về phía mình.

“Vậy hãy đưa em theo cùng.”

Sự kinh hoàng hiện rõ lên trên khuôn mặt anh lúc đó – không phải kinh hãi *do* cô mà là kinh hãi *cho* cô – rõ nét đến độ cô bất giác lùi lại, lần đầu tiên cảm thấy e ngại thực sự.

“Không được,” anh đáp. “Em không được nghĩ đến chuyện đó, Audra. Em *tuyệt đối* không được nghĩ đến chuyện đó. Em không được đến gần Derry trong bán kính năm nghìn cây số. Anh nghĩ trong vài tuần tới Derry là một nơi không nên đến. Em phải ở lại đây, tiếp tục nhịp sống thường nhật của mình và viện đủ loại cớ cho anh nếu cần thiết. Hãy hứa với anh như thế!”

“Em có nên hứa không?” cô hỏi, đôi mắt dán chặt vào anh. “Em có nên hứa không, Bill?”

“Audra...”

“Em có nên hứa không? Anh thề non hẹn biển và anh xem nó kéo anh vào vụ gì. Kéo cả em nữa, vì em là vợ anh và em yêu anh.”

Đôi tay to lớn của anh siết chặt vai cô đến nhói đau. “Hứa với anh đi! Hứa đi em! H-Hur-Hur-hứa...”

Cô không đành lòng khi phải chứng kiến từ ngữ mắc kẹt trong miệng anh như con cá giấy giữa khi móc vào câu như vậy.

“Em hứa, được chưa? Em hứa!” cô òa lên nước mắt. “Anh hài lòng chưa? Chúa ơi! Anh điên rồ, mọi sự điên cả rồ, nhưng em hứa!”

Anh vòng tay ôm lấy cô rồ dắt cô đến sofa, đoạn mang cho cô một ly rượu. Cô uống một ngụm, từ từ bình tĩnh lại.

“Vậy khi nào anh đi?”

“Hôm nay,” anh đáp. “Hãng Concorde. Anh sẽ kịp giờ nếu lái xe thẳng đến Heathrow và không đi tàu hỏa. Freddie muốn anh đến trường quay. Em cứ đi thẳng đến đó lúc 9 giờ, và cứ nói em không hay biết chuyện gì cả, được chứ?”

Cô ngần ngại gật đầu.

“Anh sẽ có mặt ở New York trước khi có điếu gì đó đáng nghi. Sau đó, anh sẽ đến Derry trước hoàng hôn, cùng h-hội bạn của anh.”

“Vậy khi nào em được gặp lại anh?” cô nhẹ nhàng hỏi.

Anh quàng tay ôm cô thật chặt, song lặng thinh không đáp lời thắc mắc ấy.

DERRY

TAO ĐOẠN ĐẦU TIÊN

Bao nhiêu đôi mắt người phàm... từng nhắc thấy cấu trúc bí mật của chúng đang dang suốt bao năm?

Trích đoạn dưới đây và các Tao đoạn khác được trích dẫn từ cuốn “Derry: Góc khuất lịch sử thị trấn” của Michael Hanlon. Cuốn sách là tổng hợp các ghi chú chưa từng được xuất bản và các trích đoạn bản thảo đi kèm với nội dung viết theo hướng gần như nhật ký) được tìm thấy trong kho tàng Thư viện công cộng Derry. Tiêu đề lấy luôn từ tựa viết trên tập hồ sơ gắn đinh kẹp rời, vốn là nơi lưu trữ các ghi chú này trước khi tập hợp thành sách. Tuy nhiên, tác giả nhiều lần nhắc đến tác phẩm trong ghi chép riêng của bản thân là: “Derry: Góc nhìn từ sau cửa địa ngục.”?

Có lẽ nhiều người sẽ thấy ông Hanlon không đoái hoài đến chuyện xuất bản rộng rãi thành sách.

Ngày 02 tháng 01 năm 1985

Liệu cả một thành phố có thể bị ma ám hay không?

Ma ám theo cách những ngôi nhà có hồn ma bóng quế?

Nhưng không chỉ một tòa nhà trong thành phố ấy, hoặc một góc đường, hoặc một sân bóng rổ trong công viên nhỏ, với cái rổ chổng chờ chẳng có lưới, thò ra dưới ánh hoàng hôn như một công cụ tra tấn găm guốc, máu me, không chỉ một khu vực...

... mà là *mọi thứ*. Tất cả mọi công trình.

Liệu đi đâu đó có khả dĩ hay không?

Quý bạn nghe này:

Bị ma ám: “Thường có ma quỷ, âm hồn đến viếng thăm.” Định nghĩa của Nhà xuất bản Funk & Wagnalls.

Ám ảnh: “Liên tục xuất hiện trong tâm trí; khó quên.” Định nghĩa của Ditto Funk & Friend.

Ám: “Xuất hiện và tái diễn thường xuyên, đặc biệt là ma.” Nhưng... hãy cứ nghe tôi đã!

– “*Nơi thường bị viếng thăm*: nhà nghỉ, hang ổ, nơi vui chơi...” Tất nhiên những chữ in nghiêng là của tôi.

Và còn một nơi nữa. Nơi này, cũng giống như nơi vừa nhắc tới ban nãy, là định nghĩa của danh từ *ma ám*, và là nơi khiến tôi sợ nhất: “*Nơi cho thú ăn*.”

Như đám súc sinh đã đánh đập Adrian Mellon rồi ném xác anh ta xuống cầu?

Như con thú chực chờ ngay dưới cầu?

Nơi cho thú ăn.

Thứ gì đang ngấu nghiến ở Derry? Thứ gì đang ăn tươi nuốt sống Derry?

Quý bạn biết không, đời quả lắm đi đâu lạ – kể từ biến cố Adrian Mellon, tôi không ngờ một người sợ đến mất mật như tôi vẫn có thể sống sót, thậm chí hoạt động bình thường. Tựa hồ tôi vừa bước vào một câu chuyện, và ai nấy đều biết phải đến *kết* truyện bạn mới sợ hãi đến nhường này, khi con ma lẫn lút trong bóng đêm bỗng dưng nhảy bổ ra, ngấu nghiến... ăn thịt bạn, tất nhiên rồi.

Ăn thịt bạn.

Nhưng nếu đây là một câu chuyện, thì nó không giống những câu chuyện kinh dị cổ điển của Lovecraft, Bradbury hay Poe. Bạn thấy đấy, tôi không nắm hết mọi thứ nhưng tôi biết phần nào. Thật ra mọi thứ đã manh nha từ trước tháng Chín, trước cái hôm tôi giờ tờ *Derry News* đọc bản ghi chép phiên tòa sơ thẩm cậu thiếu niên Unwin ấy, nhận ra gã hề giết George Denbrough đã xuất hiện trở lại. Tôi bắt đầu canh cánh từ khoảng năm 1980 – tôi đờ rỗng phần nào đó bấy lâu nay ngủ say trong tôi đã thức giấc... và phần ấy biết rằng có thể đã đến lúc Nó hoành hành.

Bạn hỏi phần nào ư? Tôi đoán là phần người canh gác trong tôi.

Hoặc có thể đó là tiếng nói của con Rùa. Phải... Thôi thì cứ cho là thế. Tôi biết Bill Denbrough sẽ cho là như vậy.

Tôi tìm tin tức về những vụ việc đáng sợ ngày trước trong sách cũ; đọc về những vụ án tàn bạo trong những số báo xưa, chúng lấp ló trong tâm trí tôi, càng ngày càng đình tai nhức óc, tôi như nghe thấy tiếng u u từ vỏ sò của một thế lực nào đó đang tụ hội ngày một mạnh mẽ, tôi như ngửi thấy mùi ozone ngai ngái khi sét sắp đánh xuống. Tôi bắt tay vào viết ghi chú cho cuốn sách mà tôi dám chắc cả đời mình cũng chẳng biên xong. Cùng lúc, tôi cứ thế sống cuộc đời mình. Ở một phần tâm trí, tôi đã và đang sống chung với những điếu kinh hoàng nhất, rúng động nhất; ở phần tâm trí khác, tôi lại tiếp tục sống chuỗi ngày tẻ nhạt của một thủ thư trong thành phố nhỏ. Tôi xếp sách lên kệ, tôi làm thẻ thư viện cho khách mới; tôi tắt những đoạn vi phim mà thỉnh thoảng đọc giả bất cẩn quên tắt, tôi bông phèn với Carole Danner chuyện tôi muốn vui vẻ với cô ấy, rồi cô ấy cũng đùa lại rằng mình cũng muốn vui vẻ với tôi, và cả hai chúng tôi đều biết thật ra cô ấy chỉ đùa, còn tôi thì không, giống như chúng tôi thừa hiểu cô

ấy sẽ không nán lại một nơi tù túng như Derry này lâu, còn tôi sẽ sống ở đây đến chết, mãi miết dán những trang *Business Week* rách nát, hằng tháng ng ồi hợp với nhà xuất bản, một tay c ần tẩu thuốc, tay kia c ần ch ồng *Library Journals*... và nửa đêm, tôi sẽ tỉnh giấc, nắm tay ghì chặt vào miệng để kìm những tiếng la hét.

Những tác phẩm văn học Gothic sai cả r ồi. Tóc tôi không bạc trắng. Tôi không mộng du. Tôi không phát ngôn những câu kỳ quặc hoặc mang bàn c ầu cơ trong túi áo khoác. Tôi thấy mình cười nhi ều hơn một chút, nhưng chỉ có thể, ngoài ra, chắc lắm lúc nụ cười của tôi hơi chói tai hoặc kỳ cục, bởi thỉnh thoảng người ta nhìn tôi với ánh mắt kỳ lạ khi tôi phá lên cười.

Phần nào đó trong tôi -phần Bill gọi là tiếng nói của con Rùa – bảo đêm nay tôi phải gọi cho tất cả bọn họ. Nhưng ngay cả bây giờ, liệu tôi có hoàn toàn chắc chắn không? Tôi có *muốn* chắc không? Không - tất nhiên là không. Nhưng Chúa ơi, những gì đã xảy ra với Adrian Mellon quá giống những gì mà George, em trai của Bill Cà Lăm, phải gánh chịu vào mùa thu năm 1957.

Nếu nó *tái diễn*, tôi sẽ gọi họ. Tôi phải làm thế. Nhưng giờ chưa phải lúc. Đẳng nào cũng còn quá sớm. L ần trước, mọi chuyện bắt đầu chậm rãi, và phải đến mùa hè năm 1958, con tạo mới thực sự xoay v ần. Vậy nên... tôi đợi. Tôi lấp đ ầy quãng thời gian chờ đợi ấy bằng từ ngữ trong cuốn sổ này cùng những khoảng thời gian dài nhìn vào gương và giật mình nhận ra cậu bé năm nào đã trở thành kẻ quá đỗi xa lạ.

Khuôn mặt cậu bé có phần một sác, rụt rè; khuôn mặt người đàn ông giống khuôn mặt nhân viên ngân hàng trong bộ phim phương Tây, một vai chẳng có lời thoại, chỉ có mỗi nhiệm vụ là giơ tay lên đ ẩy sợ hãi khi đám cướp xộc vào. Và nếu kịch bản yêu c ầu có ai bị kẻ xấu bắn chết thì anh ta

sẽ lãnh nhiệm vụ ấy.

Vẫn là Mike quen thuộc. Vẫn ánh nhìn có phần chằm chằm, cái bắt vì ngủ gật quăng, nhưng phải quan sát kỹ mới phát hiện ra những khác biệt vị tế... quan sát kỹ như lúc người ta dí mặt vào nhau để hôn, mà đã lâu lắm rồi, tôi chưa gần gũi ai như thế. Nếu bạn nhìn lướt qua tôi, có lẽ bạn sẽ nghĩ *Anh này đọc nhiều sách quá rồi*, chỉ vậy thôi. Tôi đương có nằm mơ, bạn cũng chẳng thể nghĩ cái anh mang khuôn mặt nhạt nhòa của nhân viên ngân hàng này lại đang trầy trật chỉ để giữ yên tâm trí, sao cho không phát điên...

Nếu tôi gọi điện, có lẽ ai đó trong số họ sẽ tự kết liễu đời mình.

Đó là một trong những điều tôi buộc phải đối mặt suốt những đêm trường khi giấc ngủ mãi chẳng tới, những đêm tôi nằm trên giường trong bộ đồng ngủ màu xanh tẻ nhạt, cặp kính xếp gọn trên chiếc bàn đầu giường, cạnh ly nước tôi luôn để sẵn, phòng hờ nửa đêm tôi tỉnh dậy mà khát nước. Nằm giữa màn đêm, nhấp từng ngụm, tôi tự hỏi họ còn nhớ bao nhiêu - nhiều hay ít. Bằng cách nào đó, tôi dám chắc họ chẳng nhớ chút gì, bởi thật ra họ chẳng cần phải nhớ. Tôi là kẻ duy nhất ở lại Derry. Còn họ, họ tàn mát mỗi người mỗi ngả, họ chẳng thể nào biết cuộc đời họ đã đi theo những nếp giống nhau. Nếu tôi đưa họ trở lại, cho họ xem nếp sống ấy... phải, hành động ấy có thể cướp đi mạng sống của họ. Có khi là *tất cả* bọn họ.

Vì thế, tôi cứ mừng tượng đi mừng tượng lại trong đầu, tôi nghĩ đến ngẫm về họ, cố tưởng tượng họ ngày ấy và họ bây giờ, tìm cách nhận định ai là kẻ mong manh nhất. Thảng khi, tôi nghĩ ấy là Richie Tozier “Tía Lia” – cậu ấy là người mà đám Criss, Huggins và Bowers hay bắt được nhất, dù Ben mập hơn rất nhiều. Bowers là người Richie sợ nhất – hay nói đúng

hơn, người mà cả đám chúng tôi sợ nhất – nhưng những kẻ khác cũng từng gieo rắc nỗi sợ hãi vào cậu. Nếu tôi đột nhiên gọi điện đến California cho cậu ấy, liệu cậu có xem đây giống như bộ phim *Sự trở lại của đám du côn* tệ hại, hai tên từ dưới mồ, một tên từ nhà thương điên ở đồi Juniper, nơi hẳn lắm nhảm cho đến giờ? Thỉnh thoảng, tôi lại nghĩ Eddie là người yếu đuối nhất, bởi cậu ấy có một người mẹ độc đoán và mắc hen nặng. Hay Beverly nhỉ? Cô ấy luôn cố gắng tỏ ra thật mạnh mẽ, nhưng cô cũng sợ như bao thành viên khác trong nhóm mà thôi. Hay Bill Cà Lăm, bởi cậu ấy phải đối mặt với nỗi sợ hãi thường trực khi cậu phủ tấm vải che lên máy đánh chữ? Hay Stan Uris?

Lưỡi máy chém bén ngọt đang chờ cướp đi mạng sống của họ, nhưng càng nghĩ, tôi càng thấy họ không hề hay biết sự hiện diện của lưỡi dao. Tôi là kẻ để tay trên tay đòn. Tôi có thể kéo cánh tay đòn ấy chỉ bằng việc mở cuốn danh bạ điện thoại của mình và gọi cho họ, từng người từng người một.

Có lẽ tôi sẽ không cần phải làm thế. Tôi cố bám víu vào hy vọng mong manh rằng tôi chỉ nhầm những tiếng lải nhải của tâm trí nhút nhát này với giọng nói trầm hơn, thật hơn của con Rùa. Suy cho cùng, tôi có gì làm bằng chứng? Mellon chết vào tháng Bảy. Xác một đứa trẻ được tìm thấy ở đường Neibolt tháng Mười vừa rồi, thêm một đứa trẻ khác chết trong công viên Tưởng niệm đầu tháng Mười hai, trước cơn tuyết đầu mùa. Có lẽ thủ phạm là một kẻ du thủ du thực như báo chí đưa tin. Hoặc một gã điên loạn đã rời khỏi Derry sau khi thủ ác rồi tự sát vì dẫn vật hoặc ăn năn, như một số cuốn sách đưa ra giả thiết về những gì Jack Phan Thanh hành động.

Cũng có thể.

Nhưng xác bé gái nhà Albrecht được phát hiện ngay bên kia con đường,

đối diện căn nhà cũ nát trên đường Neibolt... chưa kể, cô bé còn bị sát hại đúng ngày George Denbrough bị giết vào hai mươi bảy năm trước. Còn xác cậu bé nhà Johnson được tìm thấy ở công viên Tưởng niệm, một bên chân từ đầu gối trở xuống đứt lìa. Tất nhiên, công viên Tưởng niệm là nơi đặt Bể chứa nước Derry Standpipe, và xác cậu bé nằm ngay bên dưới. Bể chứa nước nằm gần Vùng Đất Cằn; đồng thời cũng là nơi Stan Uris trông thấy những đứa trẻ ấy.

Những đứa trẻ đã chết ấy.

Nhưng có thể tất cả chỉ là khói, là hư ảnh. *Biết đâu đấy*. Hoặc tình cờ. Hoặc giao thoa của hai đi đầu này – thứ âm hưởng độc ác. Phải không nhỉ? Tôi cảm thấy thế. Ở Derry, đi đầu gì cũng có thể.

Tôi cho rằng thứ mà ngày trước từng ở đây, nay vẫn còn hiện diện - thứ xuất hiện vào năm 1957 và 1958; thứ ở đây vào năm 1929 và 1930, khi quán rượu Điểm Đen bị Binh đoàn Lễ nghi Da trắng ở Maine thiêu rụi; thứ đó đã ở đây vào năm 1904, 1905 và đầu năm 1906 – chí ít cho đến khi Xưởng đúc Kitchener nổ tung; thứ đó đã ở đây vào năm 1876 và 1877, cứ mỗi hai mươi bảy năm, nó lại tái xuất hiện. Thịnh thoảng nó đến sớm hơn một chút, đôi khi lại trễ hơn một chút... nhưng không khi nào nó không xuất hiện. Càng ngược về quá khứ, ta sẽ thấy càng khó tìm những người lần theo những ghi chú sai sót vì tài liệu càng lúc càng ít và lỗ hổng trong lịch sử vùng đất này càng lúc càng phình ra. Nhưng nếu biết phải tìm chỗ nào - và tìm khi nào - xem như ta đã tiến được bước dài để giải bài toán. Nói chung, nó luôn quay trở lại.

Nó.

Vậy nên, phải, tôi cho rằng tôi phải gọi cho họ thôi. Tôi nghĩ ngoài chúng tôi ra, chẳng còn ai gánh vác trọng trách ấy. Bằng cách nào đó, và

bằng lý do nào đó, chúng tôi là những kẻ được chọn để triệt tiêu Nó vĩnh viễn. Số trời đã định? Vận mệnh trêu ngươi? Hay lại là con Rùa chết tiệt ấy? Nó có ra lệnh hay nói chuyện không nhỉ? Tôi chẳng rõ. Mà tôi nghĩ khéo có khi đi đâu đó cũng chẳng quan trọng. Nhiều năm về trước, Bill đã nói *Con Rùa không thể giúp ta*, và nếu ngày đó lời cậu ấy nói từng đúng, thì bây giờ cũng đúng.

Tôi hồi tưởng cảnh chúng tôi đứng dưới nước, hai tay nắm chặt, thề nguyện sẽ quay trở lại nếu nó tái diễn - sừng sững đứng đó, tựa hồ những vị tu sĩ quây thành vòng tròn, cắt máu ăn thề, tay nắm chặt tay. Một nghi thức có lẽ từ thuở thiên thu, tiếp nhận ngu ồn sống từ cây đại thụ quyền năng - cái cây mọc ở ranh giới những gì ta biết và những gì ta ngờ vực.

Vì có quá nhiều điểm giống nhau...

Nhưng lúc này, tôi chẳng khác nào Bill Denbrough, trần trở hết lần này đến lần khác mỗi một chuyện, xem xét những chuyện đã xảy ra và rất nhiều giả thiết khó nghe (phần nào vô căn cứ), càng viết lại càng phát cuồng. Không tốt. Vô ích. Thậm chí là nguy hiểm. Nhưng tình thế này mà án binh bất động thì khó quá.

Mục đích ban đầu của tôi khi sử dụng cuốn sổ này là để vượt qua nỗi ám ảnh của mình bằng cách mở rộng những gì tôi quan tâm – suy cho cùng, câu chuyện này đâu phải chỉ xoay quanh sáu cậu trai và một cô gái, đứa nào đứa nấy đều bất hạnh, bị bạn bè xa lánh, vô tình vướng vào cơn ác mộng vào một đêm hè oi ả khi [Eisenhower](#) đương chức tổng thống. Hay nói cách khác, việc tôi đang làm cũng tương tự như việc kéo máy ảnh ra xa - để có thể lấy toàn cảnh thành phố, nơi gần 35.000 người làm việc, ăn, ngủ, mây mưa, mua sắm, lái xe lòng vòng, đi bộ, đến trường, vào tù, và thỉnh thoảng biến mất vào màn đêm.

Tổng thống Mỹ thứ 34 từ năm 1953 đến năm 1961.

Tôi nhiệt thành cho rằng để biết bản chất của một nơi ở hiện tại, ta phải hiểu bản chất của nó trong *quá khứ*. Và nếu phải nêu ra cái ngày bánh xe số phận bắt đầu lăn bánh với tôi, tôi sẽ nói ấy là một ngày đầu xuân năm 1980, lúc tôi đến gặp Albert Carson, ông cụ đã qua đời vào mùa xuân năm ngoái – hưởng dương chín mươi một tuổi, sống trọn vẹn đến tận cuối đời. Ông là thủ thư trưởng ở đây từ năm 1914 đến năm 1960, một quãng thời gian khó tin (mà thật ra, ông ấy cũng là người phi thường), và tôi cảm thấy Albert Carson là người nắm trong lòng bàn tay phần hay nhất lịch sử vùng đất này. Hai chúng tôi ngồi trên hiên nhà ông, tôi hỏi, ông trả lời, bằng giọng nói trầm đục – lúc đó, ông đang phải chống chọi với căn bệnh ung thư họng để rồi đành khuất phục dưới tay bệnh tật.

“Chẳng có chuyện gì đáng kể cả. Cậu thừa biết rồi mà.”

“Vậy cháu nên bắt đầu từ đâu?”

“Bắt đầu cái gì, vì Chúa?”

“Việc nghiên cứu lịch sử vùng đất này. Về thị trấn Derry.”

“Ồ. Thế cơ đấy. Vậy hãy bắt đầu từ vụ Fricke và Michaud đi. Ai cũng bảo đó là phần tuyệt vời nhất.”

“Và sau khi cháu đọc...”

“Đọc sao? Chúa ơi, dẹp ngay cho tôi! Vứt chúng vào sọt rác! Đó là bước đầu tiên. Sau đó đọc Buddinger. Branson Buddinger là một tay nghiên cứu dở tàn dở tệ, đã thế, khi chết, cột cờ còn dựng đứng, nếu một nửa những gì tôi nghe kể khi còn bé là đúng, nhưng nếu bàn tới Derry thì ông ấy đặt hết tâm hết sức vào đó. Những sự kiện ông ấy góp nhặt đầu sai bét, được cái ông ấy đậm tình, Hanlon ạ.”

Tôi bật cười chút đỉnh, và Carson nhướn miệng cười với đội môi xù xì thô ráp – một nét biểu cảm hài hước dù trông khá đáng sợ. Trong phút chốc, nhìn ông như một con kền kền sung sướng dõi theo cảnh con thú vừa bị giết, đợi nó phân hủy vừa phải để đánh chén.

“Sau khi đọc xong Buddinger thì chuyển qua đọc Ives. Ghi chú lại tất cả những người ông ấy từng nói chuyện. Sandy Ives hiện vẫn làm việc ở Đại học Maine. Chuyên nghiên cứu văn hóa dân gian. Sau khi đọc xong thì đến gặp ông ấy rồi mời ông ấy bữa tối. Tôi hay đưa ông ấy đến nhà hàng Orinoka, vì bữa tối ở đây dường như *chẳng bao giờ* kết thúc. Hỏi nhiều vào. Hí hoáy viết đầy tên và địa chỉ vào sổ. Nói chuyện với những vị bô lão ông từng trao đổi – những người chưa về với tổ tiên ấy, tính ra *chẳng* còn mấy người đâu, ha ha ha ha! – rồi lại tiếp tục xin các mối liên hệ từ những người này. Đến lúc đó, cậu sẽ tìm được chỗ đứng mà mình cần, nếu cậu sáng dạ được bằng một nửa những gì tôi đánh giá cậu. Nếu tìm được đủ người, cậu sẽ tìm được một số đi đâu không có trong lịch sử. Mà coi chừng nghe xong lại mất ngủ đấy.”

“Derry...”

“Derry sao kia?”

“Derry không bình thường phải không ạ?”

“Bình thường?” Ông hỏi, giọng thầu thào rền rĩ. “Thế nào là bình thường? Từ này nghĩa là gì? Những tấm hình đẹp chụp hoàng hôn Kendagskeag, ảnh Kodachrome do ai đó chụp, thông số [f-stop](#) thế này thế kia có được xem là ‘bình thường’ không? Nếu có thì Derry bình thường đấy, vì không thiếu gì danh lam thắng cảnh đẹp ở đây. Hay bình thường là hội những bà cô già chưa nếm mùi đàn ông đòi bảo t^{ên} Tòa nhà Chính quyền hoặc đòi đặt kỷ niệm chương ngay trước Standpipe? Nếu *thế* mà là

bình thường, thì Derry bình thường như mặt trời mọc đằng đông. Vì chúng ta có thừa mưa những bà già thích ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng. Hay bình thường là bức tượng [Paul Bunyan](#) bằng nhựa xấu xí ngay trước trung tâm thành phố?Ồ, nếu tôi thử sẵn một xe tải chứa bom napalm với chiếc bật lửa Zippo cũ, tôi sẽ chăm sóc cái thứ chết dịch ấy, tôi đảm bảo với cậu... nhưng nếu nghĩa của chữ bình thường bao gồm cả bức tượng nhựa ấy, thì Derry bình thường lắm. Vấn đề nằm ở chỗ, với cậu, bình thường có nghĩa là gì hả Hanlon? Hả? Hay để tôi hỏi thẳng, bình thường *không* bao gồm thứ gì?

F-stop là số mà máy ảnh (hoặc ống kính) hiển thị để cho biết kích thước của khẩu độ ống kính.

Paul Bunyan là nhân vật trong văn hóa dân gian của Mỹ và Canada, là một thợ rừng khổng lồ với sức lực siêu phàm, thường có người bạn đồng hành là chú bò màu xanh tên Babe. Nhiều bang ở Mỹ hay dựng tượng của nhân vật này.

Tôi chỉ biết lắc đầu. Một là ông ấy biết, hai là ông ấy không biết. Một là ông ấy kể với tôi, hai là ông ấy không kể.

“Ý cậu là những câu chuyện đáng sợ cậu nghe thấy hoặc đã biết? Khi nào mà chẳng có những câu chuyện đáng sợ như thế? Lịch sử một thị trấn có thể so sánh với một tòa nhà cũ rộng thênh thang đầy phòng lớn, phòng nhỏ, phòng giặt, phòng ủi, phòng áp mái và đủ loại phòng ẩn náu điên rồ... chưa kể thỉnh thoảng lại có một hai lối đi bí mật gì đấy. Nếu khám phá Căn nhà Derry, cậu sẽ thấy đủ đi đâu. Phải. Có thể về sau cậu sẽ hối hận, nhưng rồi cậu sẽ đi tìm chúng, và một khi đã tìm ra thì xem như sự đã rồi, cậu hiểu chứ? Một số phòng bị khóa, nhưng vẫn có chìa... khi nào cũng có chìa.”

Đôi mắt ông lóe lên nhìn tôi, chất chứa sự dạn dày.

“Có thể cậu nghĩ cậu đã thấy phần bí mật kinh hoàng nhất của Derry... nhưng vẫn còn đấy những bí mật đáng sợ hơn. Còn nhiều, còn nhiều lắm.”

“Ông có nghĩ...”

“Tôi nghĩ tôi phải xin kiếu cậu ở đây thôi. Hôm nay hòng tôi rất quá. Đến lúc tôi uống thuốc và đi nằm rồi.”

Nói cách khác, đây, tôi đưa cậu con dao, cái nĩa, hỡi bạn hiền; mày mò xem cắt được gì.

Tôi bèn bắt đầu với lịch sử của Fricke và lịch sử của Michaud.

Theo lời Carson, tôi ném chúng vào thùng rác, nhưng vẫn đọc trước. Công nhận là chúng dở y như lời ông nói. Tôi đọc lịch sử của Buddinger, sao lại các chú thích rồi truy tìm các thông tin liên quan. Thế này đây đủ hơn, nhưng quý bạn biết đấy, chú thích là thứ rõ kỳ khôi – chúng như đường mòn ngoằn ngoèo len lỏi qua vùng quê hoang dại và rối rắm. Chúng rẽ nhánh hết chỗ này đến chỗ khác; nhờ chẳng may nhàn lười, bạn sẽ nhanh chóng đâm đầu vào ngõ cụt tua tủa bụi gai hoặc đầm lầy. Ngày xưa, một giáo sư chuyên ngành Khoa học thư viện trong lớp tôi từng phát biểu: “Nếu thấy một chú thích, hãy đập lên đầu nó, kết liễu nó, trước khi nó kịp sinh sôi.”

Mà quả vậy, chúng sinh sôi rất ghê, thỉnh thoảng cái sự sinh sôi ấy là đi đầu tốt, nhưng bản thân tôi thấy đa phần thì không. Những chú thích trong cuốn *Lịch sử Derry xưa* (Orono: Nhà xuất bản Đại học Maine, 1950) viết theo lối rất khuôn sáo của Buddinger tham khảo nhiều tài liệu đã bị lãng quên và luận văn thạc sĩ đã phủ bụi suốt chiều dài một trăm năm qua trong lĩnh vực lịch sử và văn hóa dân gian, qua các bài báo trên những tạp chí giờ chỉ còn là dĩ vãng cùng hàng đồng ngất ngưỡng báo cáo cũng như sổ sách

về thị trấn.

Cuộc đối thoại của tôi với Sandy Ives còn thú vị hơn. Thằng hoặc, nguồn tư liệu của ông giống với Buddinger, nhưng chỉ trùng như thế chứ không hơn. Ives đã dành phần lớn đời mình ghi chép lại phần lịch sử truyền miệng - hay nói cách khác, những giai thoại đông dài – đúng từng từ từng chữ, hành động mà hẳn Branson Buddinger sẽ chê bai là đường quang không đi mà lại đâm quàng bụi rậm.

Ives viết loạt báo về Derry trong khoảng thời gian từ năm 1963 đến năm 1966. Những bô lão ông từng trò chuyện ngày ấy đều đã qua đời vào thời điểm tôi bắt đầu công cuộc khảo cứu của bản thân, nhưng họ có con, cháu, anh chị em họ. Và tất nhiên, một trong những điếu tuyệt vời về thế giới này là: cứ một vị bô lão nhắm mắt xuôi tay thì lại có một vị bô lão mới xuất hiện. Giai thoại trường tồn cùng thời gian, khi nào cũng được kể lại cho đời sau. Tôi đã ng ồi trên rất nhiều thềm và hiên sau, uống kha khá trà, bia Black Label, bia nhà làm, nước ngọt, nước vôi, nước suối. Tôi chăm chú lắng nghe, và guồng máy phát băng của tôi cứ thế quay.

Cả Buddinger và Ives đều nhất loạt đồng ý ở một điểm: nhóm người da trắng đầu tiên đến đây khai khẩn có khoảng 300 người. Họ là người Anh, cho thuê tàu thuyền với cái tên chính thức là công ty Derrie. Vùng đất họ được cấp cho chính là Derry ngày nay, phần nhiều ở Newport, thêm vài phần đất nhỏ của những thị trấn bên cạnh. Vào năm 1741, chẳng hiểu sao tất cả mọi người ở thị trấn Derry bỗng biến mất. Tính đến tháng Sáu năm ấy, họ vẫn ở đó – một cộng đồng khoảng 340 nhân mạng - thế mà đến tháng Mười lại chẳng còn một ai. Ngôi làng nhỏ rải rác mấy căn nhà gỗ vắng tanh vắng ngắt. Căn nhà gỗ ở vị trí ngã giao đường Witcham và Jackson ngày nay bị thiêu rụi. Tài liệu lịch sử của Michaud thẳng thừng

khẳng định tất cả dân làng bị người Anh điêng giết hại, nhưng không có cơ sở nào – trừ căn nhà bị thiêu rụi. Thà bảo rằng bếp lò nóng quá nên cả căn nhà nhuộm lửa nghe còn có lý hơn.

Thảm sát do dân da đỏ? Khó lắm. Bởi chẳng thấy xương hay xác gì. Lụi rồi? Năm đó thì không. Dịch bệnh? Các thị trấn xung quanh không có thông tin nào như thế.

Chỉ đơn giản là họ bốc hơi. Tất cả bọn họ, toàn bộ 340 người biến mất không để lại tăm tích gì.

Trong tâm kiến thức của tôi, trường hợp duy nhất tương quan từ ngày xưa ngày xưa là vụ biến mất của những người khai hoang trên đảo Roanoke, Virginia. Mọi học sinh trên đất nước này đều biết đến sự kiện đó, nhưng liệu có ai biết về vụ biến mất ở Derry? Rõ ràng là ngay đến những cư dân nơi đây còn ù ù cạc cạc. Tôi từng hỏi vài học sinh trung học đang theo học khóa học bắt buộc về lịch sử Maine mà cô cậu còn chẳng biết tí gì. Tôi bèn xem thử sách giáo khoa *Maine xưa và nay*. Có hơn bốn mươi mục viết về Derry, hầu hết tập trung vào những năm thịnh vượng của ngành lâm nghiệp. Không một lời nào viết về sự kiện nhóm khai hoang đầu tiên biến mất... nhưng cái sự, biết gọi là gì nhỉ, sự âm thầm này lại rất đúng điệu.

Có một tấm màn im lặng bọc quanh những gì đã xảy ra nơi đây... nói vậy nhưng người ta vẫn bàn ra tán vào. Tôi đoán chẳng có gì có thể ngăn cản con người rỉ rả với nhau. Nhưng muốn nghe thì phải lắng tai kỹ, mà kỹ năng này rất hiếm. Tôi tự thấy bản thân mình đã phát triển được nó trong suốt bốn năm qua. Nếu chưa thì có lẽ tôi không có tài làm công việc này, vì tôi đã kinh qua đủ rèn luyện. Một cụ già từng kể với tôi rằng vợ ông ấy nghe thấy có tiếng bắt chuyện vẳng lên từ lỗ thoát nước ở bồn rửa bát

trong ba tuần trước khi con gái họ chết – chuyện xảy ra vào đầu đông năm 1957-58. Cô bé này là một trong những nạn nhân đầu tiên của chuỗi án mạng bắt đầu từ George Denbrough, kéo dài đến tận mùa hè năm sau.

“Rất nhiều giọng nói, tất cả nhao lên huyền thuyên,” ông kể. Ông lão sở hữu trạm xăng Gulf trên đường Kansas, thỉnh thoảng có xe ghé vào, ông lại chậm chạp, cà nhắc bước ra đỡ xăng, kiểm tra dầu nhớt, lau kính chắn gió. “Bà nhà tôi bảo có một lần bà ấy đáp lại, dù bà ấy sợ chết khiếp. Bà ấy nghiêng người và cúi mình xuống bồn. ‘Các người là ai?’ Bà ấy nói to. ‘Tên các người là gì?’ Bà nhà tôi bảo tất cả những giọng nói ấy đáp lại - gầm gừ, lải nhải, rống rít, hú hét, cười cợt, đủ kiểu. Bà ấy tả chúng trả lời bà như kẻ bị quỷ ám nói với Chúa: [Bọn ta là Ác thần](#)’. Suốt hai năm, bà nhà tôi không dám bén mảng tới bồn rửa ấy. Thế là suốt hai năm, tôi quần quật đầu tắt mặt tối ở đây suốt mười hai tiếng, rồi về đến nhà lại phải bọc mặt rửa chén bát.”

Trong bản gốc, câu nói đầy đủ là “Our name is legion”. Legion là một binh đoàn quỷ, xuất phát từ câu chuyện trong Tân Ước về việc Chúa Giê-su thực hiện lễ trừ ma quỷ.

Ông nhăm nháp lon Pepsi mua từ chiếc máy bán tự động bên ngoài cửa văn phòng, cụ ông chừng bảy mươi hai hoặc bảy mươi ba tuổi, dáng vẻ mệt mỏi do lao động, nếp nhăn chi chít, thiếu điều chảy thành dòng ở khóe mắt và miệng.

“Chắc giờ cậu nghĩ đầu óc tôi bị chập mạch rồi chứ gì,” ông nói, “nhưng để tôi nói cậu nghe thêm đi đầu này, nếu cậu tắt cái máy ro ro đó đi.”

Tôi tắt máy ghi âm, và mỉm cười với ông. “Nếu xem xét một số đi đầu cháu được nghe suốt mấy năm qua, có lẽ phải đi bảy bảy bốn chín quãng đường mới thuyết phục được cháu rằng ông bị chập mạch,” tôi nói.

Ông mỉm cười đáp lại, nhưng nụ cười không chút hài hước. “Đêm đó, tôi đang rửa chén bát như thường lệ - chuyện xảy ra vào mùa thu năm 58, sau khi mọi thứ đã ổn định trở lại. Bà nhà tôi nằm ngủ trên lều. Betty là đứa bé duy nhất mà Chúa ban tặng cho chúng tôi, và sau khi con bé bị giết hại, bà nhà tôi ngủ rất nhiều. Chuyện là tôi đã nhắc nắp bồn rửa, thế là nước bắt đầu xả xuống lỗ thoát. Cậu biết âm thanh nước xả phòng phát ra khi chảy xuống lỗ chứ? Nó giống như tiếng hút vậy. Nước chảy phát ra âm thanh sùng sục, nhưng tôi không để ý gì nhiều, định bụng ra lán bỏ củi, và ngay khi tiếng động ấy phai dần, tôi nghe thấy tiếng con gái tôi phát ra dưới đó. Tôi nghe thấy giọng Betty dưới ống thoát nước chết tiệt ấy. Con bé đang cười. Nó ở đâu đó dưới màn đêm kia, rú lên cười. Nhưng nếu nghe kỹ thì lại giống như nó đang hét. Hoặc cả hai. Nó vừa hét vừa cười dưới ống cống. Đó là lần duy nhất tôi nghe thấy âm thanh như vậy. Có khi là do tôi tưởng tượng. Nhưng tôi lại không cho là thế.”

Ông nhìn tôi, và tôi cũng đưa mắt nhìn ông. Ánh sáng lọt qua khung cửa kính bẩn thỉu, đập lên mặt ông, khiến ông trông như Methuselah. Tôi vẫn nhớ, phút giây ấy, tôi lạnh cả người; lạnh buốt đến tận xương tủy.

“Cậu nghĩ tôi bịa chuyện à?” Ông cụ hỏi tôi, ông cụ mới chỉ tằm bốn mươi lăm tuổi vào năm 1957, ông cụ được Chúa ban cho một mụn con gái, Betty Ripsom. Betty được phát hiện trên đường Jackson Phía Ngoài ngay sau Giáng sinh năm ấy, chết cứng, xác bị xé toạc.

“Không” tôi đáp. “Cháu không nghĩ ông bịa chuyện, thưa ông Ripsom.”

“Tôi biết cậu nói thật,” ông nói đầy bất ngờ. “Tôi có thể thấy điều đó trên khuôn mặt cậu.”

Tôi đoán ông còn tính kể thêm cho tôi nghe, tiếc là lúc ấy, chuông phía sau chúng tôi đánh lên chói tai khi một chiếc xe chạy ngang ống cao su trên

mặt đường đá dăm và dừng lại ngay cây bươm xăng. Khi chuông reo, cả hai chúng tôi đều nhảy dựng, riêng tôi còn khẽ ré lên. Ripsom đứng dậy, cà nhắc bước ra chỗ chiếc xe, chùi tay vào nùi giẻ. Khi quay trở lại, ông nhìn tôi như thể tôi là kẻ lạ chướng mắt vừa mới lang thang bước vào. Tôi đành nói lời tạ từ rồi rời đi.

Buddinger và Ives còn đồng ý với nhau ở chỗ: mọi sự ở Derry có gì đó không bình thường, hay nói đúng hơn, chúng *chưa bao giờ* bình thường.

Tôi gặp Albert Carson lần cuối chừng một tháng trước khi ông về với tiên tổ. Họng ông đã trở nặng; cố lắm nhưng ông cũng chỉ thều thào. “Cậu vẫn tính chuyện viết về lịch sử Derry à, Hanlon?”

“Cháu vẫn đang cân nhắc ý tưởng ấy,” tôi đáp, dù tất nhiên tôi chưa bao giờ dự tính sẽ viết về lịch sử vùng đất này – không hẳn thế – và tôi nghĩ ông thừa biết.

“Cậu sẽ tổn đến hai mươi năm,” ông thì thầm, “mà cũng chẳng có ai thèm đọc đâu. Chẳng ai *buồn* đọc cả. Bỏ qua đi, Hanlon.”

Thoáng ngưng lại, đoạn ông nói thêm: “Cậu biết không, Buddinger tự sát đấy.”

Tất nhiên tôi biết đi đầu đó – nhưng chỉ vì người ta khi nào cũng bàn tán, còn tôi thì luyện được khả năng lắng nghe. Bài báo trên tờ *News* nói ông ấy bị ngã do tai nạn, mà đúng là Branson Buddinger bị ngã. Nhưng tờ *News* lại bỏ qua chi tiết ông ấy ngã từ ghế đầu trong tủ quần áo của mình với thông lọng quần quanh cổ.

“Cậu biết chuyện chu kỳ không?”

Tôi nhìn ông, giật mình.

“Ồ, phải,” Carson lẩm bẩm. “Tôi biết. Cứ mỗi hai mươi sáu hoặc hai

mười bảy năm. Buddinger cũng biết. Nhiều ông già bà lão cũng biết, chỉ là họ chẳng bao giờ đả động đến đi đâu này, ngay cả khi cậu chuốc họ say mèm. Bỏ qua đi, Hanlon.”

Ông cụ vươn bàn tay của mình tới trước như chân chim, đoạn nắm lấy cổ tay tôi, và tôi có thể cảm nhận được căn bệnh ung thư quái ác đang vằn vữa quằn quại trong người ông, gặm nhấm tất cả những gì còn sót lại còn gặm nhấm được – mà lúc ấy chắc cũng không còn bao nhiêu, tử chạn của Albert Carson gần như đã trống trơn.

“Michael, cậu không muốn dính líu vào đâu. Có những thứ ở Derry biết chỉ tổ thiệt thân. Bỏ qua đi. *Bỏ qua đi.*”

“Cháu không làm được.”

“Vậy hãy coi chừng,” ông nói. Bỗng dưng đôi mắt mở to đầy sợ hãi của một đứa trẻ lại xuất hiện trên khuôn mặt cằn cỗi của cụ ông gần đất xa trời ấy. “*Hãy coi chừng.*”

Derry.

Quê tôi. Thị trấn đặt theo một tỉnh cùng tên ở Ireland.

Derry.

Tôi chôn rau cắt rốn nơi đây, ở Bệnh viện Derry Home; theo học trường Tiểu học Derry; học lên cấp hai ở trường Trung học cơ sở Đường số 9; cấp ba ở trường Trung học phổ thông Derry. Tôi học Đại học Maine – “không phải ở Derry, nhưng cũng ngay dưới phố”, như các cụ già hay bảo – và rồi tôi lại về đây. Về Thư viện công cộng Derry. Tôi là anh chàng trấn nhỏ, sống cuộc đời ở trấn nhỏ, một trong những người chẳng ai nhớ mặt đặt tên.

Nhưng.

Nhưng:

Vào năm 1851, một nhóm thợ rừng phát hiện thi thể của nhóm thợ rừng trước đó lập trại trú đông ở thượng nguồn sông Kenduskeag - ngay rìa nơi bọn trẻ bây giờ vẫn gọi là Vùng Đất Cằn. Tổng cộng có chín người, xác ai nấy đều bị băm vằm. Đầu lìa khỏi cổ... chưa kể tay... chân... và dương vật của một người còn bị đóng đinh lên bức tường căn chòi gỗ.

Nhưng:

Năm 1851, John Markson đã đầu độc toàn bộ gia đình mình rồi ngã giữa vòng tròn xác chết mà hẩn tự xếp, nuốt nguyên cây nấm độc “Bạch Dạ”. Hẩn hẳn ta đã phải chịu đau đớn đến cùng cực trước khi chết. Viên cảnh sát thị trấn phát hiện anh ta đã viết trong báo cáo của mình rằng lúc đầu anh ta còn tưởng xác chết đang nhe nhớn cười; cụ thể anh ta viết “nụ cười trắng nhớn của Markson”. Nụ cười trắng nhớn trong khi miệng đầy thứ nấm chết người; Markson vẫn tiếp tục ăn nấm dù những cơn chuột rút và có cơ đau thấu trời hẳn đang quằn quại thảo cơ thể hẳn.

Nhưng:

Vào Chủ nhật Lễ Phục sinh năm 1906, chủ của xưởng đúc Kitchener, nằm đúng chỗ Trung tâm thương mại Derry hiện đang tọa lạc, tổ chức cuộc săn trứng Phục sinh cho “tất cả những đứa trẻ ngoan Derry”. Cuộc săn được tổ chức trong nhà xưởng rộng thênh thang. Tất cả những khu vực nguy hiểm đều được đóng lại, nhân viên tình nguyện dành thời gian canh gác để đảm bảo không có cô cậu nhóc hiếu động nào bày trò chui qua dải phân cách đi thám hiểm. Năm trăm quả trứng Phục sinh bằng sô-cô-la bọc trong giấy bóng sắc sỡ được giấu rải rác khắp xưởng. Đám trẻ vừa chạy vừa cười đùa, ồn ào, ầm ĩ trong xưởng đúc tĩnh lặng vào ngày Chủ nhật, náo nức tìm trứng dưới những chiếc xe tải khổng lồ, bên trong ngăn kéo

của đốc công, xếp ngay rãnh bánh răng khổng lồ hoen gỉ, bên trong khuôn trên tầng ba (trong những tấm hình cũ, những cái khuôn này trông như khuôn bánh của một nhà bếp khổng lồ). Nhà Kitchener đã có truyền thống ba đời dõi theo cuộc nổi loạn vui tươi ấy và trao giải khi cuộc đi săn kết thúc, tức vào 4 giờ chiều, dù bọn trẻ có tìm thấy hết trứng không. Chuyển đi săn năm đó dừng sớm bốn mươi lăm phút, vào lúc 3 giờ 15 phút. Đó là lúc xưởng đúc nổ tung. Xác chết của 72 người được kéo ra từ đồng đồ nát trước khi mặt trời xuống núi. Con số thương vong cuối cùng là 102. Trong số này có 88 trẻ em. Vào thứ Tư tuần tiếp theo, trong khi thành phố vẫn lặng thinh, chưa hết choáng váng trước bị kịch trên, một phụ nữ phát hiện đầu của cậu bé Robert Hay chín tuổi mắc trên cành táo sau nhà cô này. Có sô-cô-la dính trên răng Dohay và máu trên tóc cậu bé. Cậu là nạn nhân cuối cùng được tìm thấy. Tám đứa trẻ và một người lớn vẫn mất dạng. Đó là bị kịch khủng khiếp nhất trong lịch sử Derry, tệ hơn cả vụ cháy ở Điểm Đen vào năm 1930, và không ai tìm được nguyên nhân. Cả bốn lò nung của xưởng đúc đều bị đóng cửa. Không chỉ xếp xó; mà là đóng hẳn.

Nhưng:

Tỷ lệ án mạng ở Derry cao gấp sáu lần tỷ lệ án mạng ở bất cứ thị trấn nào với quy mô tương tự tại New England. Thấy kết luận mình đưa ra về vấn đề này quá khó tin, tôi bèn dẫn số liệu cho một cậu học sinh cấp ba rành máy tính, hề rảnh là lại ngẩng lên trước chiếc máy tính Commodore trong thư viện. Cậu tính toán thêm vài bước – đúng là tuổi trẻ tài cao – bằng cách thêm chục thành phố nhỏ để có “tập hợp số liệu” như cách cậu gọi và trình bày với tôi một biểu đồ cột tạo trên máy tính, trong đó cột Derry cao chót vót như cây nêu. “Người dân nơi này hẳn nóng tính lạ thường, chú Hanlon ạ,” cậu chỉ nhận xét như thế. Tôi không nói gì. Nếu nói, hẳn tôi sẽ bảo cậu

rằng *thứ gì đó* ở Derry nóng tính lạ thường.

Tại Derry, trẻ em mất tích không rõ nguyên nhân và không thấy tăm hơi rơi vào chừng 40 đến 60 em một năm. Phần lớn là trẻ vị thành niên. Người ta cho rằng chúng bỏ nhà ra đi. Tôi cho rằng chỉ một vài em trong số đó là vậy.

Và trong những năm mà Albert Carson gọi là khoảng thời gian của chu kỳ, tỷ lệ mất tích tăng cao chóng mặt. Ví dụ như năm 1930 – năm Điem Đen bị cháy - có hơn 170 trẻ em mất tích ở Derry - và quý bạn nên nhớ đây chỉ là con số mất tích được báo với cảnh sát và được lưu trữ lại. *Cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên*, cảnh sát trưởng hiện tại nói khi tôi cho ông ấy xem số liệu. *Cả nước đang trải qua Đại khủng hoảng. Chắc đám trẻ chán ngán canh khoai tây hoặc ở nhà chẳng mót được gì ăn nên lên lên tàu hỏa, đi tìm chỗ khác sáng sủa hơn.*

Năm 1958, 127 trẻ em, tuổi từ 3 đến 19, đã được báo cáo mất tích Derry. *Năm 1958 có Đại khủng hoảng à?* Tôi hỏi Cảnh sát trưởng Rademacher. *Không*, ông ấy đáp. *Nhưng người ta đi rày đây mai đó, Hanlon ạ. Nhất là con trẻ, chúng có chịu ngồi yên bao giờ. Lờn qua tiếng lại với bố mẹ vì hẹn hò về muộn và dùng một phút, chúng dứt áo ra đi.*

Tôi cho Cảnh sát trưởng Rademacher xem tấm hình chụp cậu bé Chad Lowe xuất hiện trên tờ *Derry News* vào tháng Tư năm 1958. Ông nghĩ đứa bé này bỏ nhà ra đi sau khi cãi nhau với bố mẹ vì hẹn hò về muộn sao, thưa Cảnh sát trưởng Rademacher? *Thằng bé mới ba tuổi rưỡi khi nó biến mất.*

Chăm chăm nhìn tôi với ánh mắt chua chát, Rademacher đuối khéo nói rằng nói chuyện với tôi rất vui, nhưng nếu không có chuyện gì khác thì thôi, ông ấy đương bận rộn. Vậy là tôi ra về

Bị ma ám, ám ảnh, ám.

Thường có ma quỷ, âm hồn đến viếng thăm, như ống nước bên dưới bồn rửa; xuất hiện và tái diễn thường xuyên, đầu đặn hai mươi lăm, hai mươi sáu hoặc hai mươi bảy năm một lần; nơi cho thú ăn, như trong trường hợp của George Denbrough, Adrian Mellon, Betty Ripsom, con gái nhà Albrecht, con trai nhà Johnson.

Nơi cho thú ăn. Phải, đó là chi tiết ám ảnh tôi nhất.

Nếu có đi đâu gì xảy ra – bất cứ đi đâu gì – tôi sẽ gọi điện thoại cho họ. Tôi phải làm thế. Tôi vẫn có những phỏng đoán của riêng mình, những cơn trần trọc, những ký ức - những ký ức quỷ tha ma bắt.Ồ, và còn một thứ nữa - chẳng phải tôi còn cuốn sổ này đây sao? Tôi rên rỉ với bức tường. Và tôi ng ồi đây, tay run lẩy bẩy, đến độ chữ tôi như gà bới, tôi ng ồi đây, trong thư viện vắng tanh vắng ngắt sau giờ đóng cửa, lắng nghe những âm thanh vi tế trong những ngăn kệ tối tăm, theo dõi những cái bóng phản chiếu dưới ngọn đèn vàng mờ mịt để đảm bảo chúng không chuyển động... không suy suyển.

Tôi ng ồi đây, cạnh chiếc điện thoại.

Tôi đặt một tay lên điện thoại... trượt xuống... chạm vào lỗ quay số giúp tôi liên lạc với tất cả bọn họ, những người bạn cũ của tôi.

Chúng tôi đã dần thân cùng nhau.

Chúng tôi đã bước vào màn đêm cùng nhau.

Liệu chúng tôi có thể bước ra khỏi đêm đen nếu chúng tôi bước vào lần nữa?

Tôi đ ờ là khó.

C ầu xin Chúa, đừng bắt con gọi họ.

C ầu xin Chúa.



THÁNG SÁU NĂM 1958



Tôi là tôi ngoài mặt
Còn đi đâu gì bên trong?
Rõ ràng, một tuổi trẻ
Chôn sâu ở trong lòng;
Đấy cũng là gốc rễ?
Ai chẳng có, phải không?

Thỉnh thoảng tôi tự hỏi, mình biết làm gì đây,
Hè chạm ngõ, buồn tênh, chẳng tài nào chữa được.

CHƯƠNG 4

BEN HANSCOM GỤC NGÃ

1

Khoảng 11 giờ 45 phút tối, một trong số những tiếp viên hàng không phục vụ khoang hạng nhất chuyển bay từ Omaha đến Chicago – chuyển bay số hiệu 41 của hãng United Airlines – được một dịp hôn bay phách tán. Trong vài khoảnh khắc, cô cứ ngỡ vị khách nam ở ghế 1-A đã chết.

Khi thấy anh này lên máy bay ở Omaha, cô đã tự nhủ: “Ôi trời, rắc rồi đây rồi. Anh ta xỉn quá cần cứu.” Mùi rượu whiskey nồng nặc quanh đầu anh ta gọi cô nhớ đến đám bụi lúc nào cũng lớn vờn quanh nhân vật cậu bé bắn thủ trong loạt truyện tranh Peanuts – tên cậu bé ấy là Pig Pen. Cô rất lo anh ta sẽ yêu cầu Dịch vụ Hạng nhất, hay nói cách khác, dịch vụ rượu. Cô dám chắc anh ta sẽ gọi đồ uống - có khi gọi ly đúp cũng nên, và cô sẽ phải quyết định xem có nên phục vụ anh ta hay không. Đã vậy họa vô đơn chí, sấm chớp đi đùng suốt chuyến bay tới nay, và cô đoán chắc thế nào cũng tới lúc anh khách này, một anh chàng cao lênh khênh mặc quần jean và áo chambray, ói mật xanh mật vàng.

Nhưng khi Dịch vụ Hạng nhất đi ngang, anh chàng cao kêu nọ không gọi gì ngoài ly nước khoáng có ga, lịch sự hết mức có thể. Sau đó, ánh đèn gọi dịch vụ chỗ anh cũng không lóe sáng, và cô tiếp viên hàng không chẳng mấy chốc đã quên bằng anh chàng này, vì cô bận tối mắt với chuyến bay hôm ấy. Thành thật mà nói, đây là chuyến bay cô muốn quên đi ngay khi nó hạ cánh, là một trong những chuyến bay mà người tiếp viên như cô sẽ tự hỏi – nếu mót được thời gian mà hỏi – liệu mình có bao nhiêu khả năng sống qua con trăng này.

Chuyến bay United 41 uyển chuyển giữa sấm sét và chớp sáng như vận động viên trượt băng lành nghề thoăn thoắt trượt xuống trên đồi. Trời rất giông. Hành khách cảm thán và đùa cho bớt lo về sấm chớp mỗi khi họ thấy ánh sáng lóe lên trong những đám mây dày cộm bọc quanh máy bay. “Mẹ ời, Chúa đang chụp hình các thiên thần hở mẹ?” Một cậu bé hỏi, và bà mẹ, lúc này mặt xanh như tàu lá, cười mà run rẩy. Hóa ra Dịch vụ Hạng nhất là dịch vụ duy nhất trên chuyến bay 41 đêm ấy. Tín hiệu đèn thắt dây an toàn được bật lên suốt hai mươi phút của chuyến bay và không lần nào tắt. Trong lúc đó, các tiếp viên đứng dọc lối đi, tất tả đáp lại nút yêu cầu dịch vụ của khách hàng, liên tục lóe sáng như pháo hoa của một xã hội văn minh.

“Tôi nay Ralph bạn,” tiếp viên trưởng nói với cô khi họ bước ngang qua nhau trên lối đi, chị ấy quay lại chỗ hành khách với xấp túi nôn mới trên tay. Lời chị vừa nói nửa là mật hiệu, nửa là câu đùa. Ralph khi nào cũng bận nếu chuyến bay gặp thời tiết xấu. Máy bay chao đảo khiến một hành khách khẽ ré lên, nữ tiếp viên hơi giật mình, cô đưa tay giữ thẳng bằng và vô tình nhìn thẳng vào đôi mắt vô hồn đang chăm chăm của vị hành khách nam ở ghế 1-A.

Trời ời, anh ta chết rồi, cô thầm nghĩ. Trước khi lên máy bay, anh ta uống nhiều quá... máy bay chòng chành... tìm anh ta... anh ta sợ quá nên chết rồi.

Đôi mắt của vị hành khách cao lêu đêu nọ chĩa vào cô nhưng không nhìn thấy cô. Chúng không động đậy. Chúng đờ đẫn. Chắc chắn đó là đôi mắt của người đã chết.

Nữ tiếp viên ngoảnh mặt quay đi khỏi ánh nhìn ghê sợ ấy, tìm muốn trào lên khỏi cổ họng với tốc độ tên lửa, lưỡng lự không biết nên làm gì, nên

hành động ra sao, và tạ ơn Chúa ít nhất người này không ngồi cạnh ai, chỉ ít sẽ không có ai hét lên hoặc hoảng loạn. Cô quyết định đầu tiên sẽ báo cho tiếp viên trưởng rồi phi hành đoàn nam ở trước. Có lẽ họ sẽ bọc chắn quanh người và khép mắt anh ta lại. Phi công sẽ giữ nguyên đèn thất dây an toàn dù họ đã ra khỏi cùng thời tiết xấu để không ai tiến tới nhà vệ sinh, và khi các hành khách khác đã bước xuống máy bay, họ sẽ nghĩ anh này còn say ngủ...

Những suy nghĩ này lướt vụt qua đầu cô, và cô quay đầu lại nhìn thêm lần nữa cho chắc. Ánh nhìn vô hồn, chết chóc vẫn dán vào cô... rồi xác chết nhấc ly nước lên nhấp một ngụm.

Đúng lúc ấy, máy bay rung lắc, và tiếng hét khe khẽ vì ngạc nhiên của cô tiếp viên bị lấn át bởi tiếng la to hơn, đây sợ hãi của những hành khách khác. Đôi mắt của vị khách nam chuyển động - không nhiều, nhưng đủ để cô hiểu anh ta còn sống và vẫn thấy cô. Đoạn cô nghĩ: Tại sao thế nhỉ, lúc anh ta lên máy bay, mình cứ ngỡ anh đã ở tuổi ngũ tuần, nhưng anh này không thể nào già đến mức ấy, dù mái tóc điểm bạc.

Cô bước đến chỗ anh, mặc dù cô có thể nghe thấy tiếng chuông gọi dịch vụ đang mất kiên nhẫn vang lên phía sau (Ralph thật sự bận bù đầu đêm nay: khoảng ba mươi phút nữa, khi họ đã hạ cánh an toàn ở O'Hare, phi hành đoàn sẽ phải dọn hơn 70 túi nôn).

“Thưa ông, mọi chuyện vẫn ổn chứ?” Cô hỏi, miệng nhoẻn cười. Nụ cười giả tạo, không thật lòng.

“Mọi chuyện vẫn ổn và tốt,” người khách lâu đều đáp lại. Cô nhìn cuống vé hạng nhất nhét vào lưng ghế và thấy tên anh là Hanscom. “Ổn và tốt, khổ nỗi chuyến bay này hơi rung lắc nhỉ? Tôi đoán chắc tối nay cô vất vả lắm. Nên cô đừng lo cho tôi. Tôi” – Anh nở nụ cười trống rỗng với cô,

nụ cười khiến cô nghĩ đến con bù nhìn lật phật giữa cánh đồng tháng Mười trơ trọi. “Tôi vẫn tốt, vẫn ổn.”

“Nhìn anh”

(như đã chết)

“có hơi mệt.”

“Tôi chỉ đang nghĩ về ngày xưa,” anh nói. “Chợt tôi nay, tôi nhận ra có những thứ thuộc về ngày xưa, chỉ ít là với tôi.”

Tiếng chuông gọi dịch vụ lại réo rất vang lên. “Cô tiếp viên ơ?” Một hành khách lo lắng gọi.

“Vâng, nếu anh thấy mình vẫn ổn...”

“Ban nãy tôi nghĩ về con đập ngày xưa mình xây với một vài người bạn,” Ben Hanscom kể. “Những người bạn đầu tiên tôi có, tôi đô là vậy. Họ xây đập trong lúc tôi...” Anh khựng lại, giật mình rồi ồ lên cười. Một nụ cười chân thật, gần như vô âu vô lo của một cậu bé, và nó thật chẳng ăn nhập gì với chiếc máy bay đang rung lên giật xuống này. “... khi tôi nhảy vào giữa bọn họ. Theo nghĩa đen đấy nhé. Nói chung, cả đám bọn tôi xây một con đập tanh bành. Đến giờ tôi vẫn nhớ.”

“Cô tiếp viên ơ?”

“Xin lỗi anh – Tôi phải làm nhiệm vụ của mình thôi.”

“Tất nhiên rồi, cô cứ đi đi.”

Cô vội vã rời đi, vui mừng vì thoát khỏi ánh nhìn ấy – ánh nhìn chết chóc, gần như thôi miên.

Ben Hanscom quay đầu nhìn ra cửa sổ. Chớp lóe lên trong đám mây giông to đùng cách cánh phải máy chùng mười lăm cây số. Giữa ánh chớp tắt chớp nháy kia, cụm mây trông như những bộ óc trong suốt khổng lồ

ngập tràn những suy nghĩ xấu xa.

Anh lặn mò trong túi áo vest nhưng đồng bạc đã không còn ở đó. Chúng chuyển từ túi áo của anh sang túi của Rick Lee. Anh chột ước giá mà mình giữ lại ít nhất một đồng. Biết đâu nó lại có ích. Tất nhiên, anh có thể ra bất cứ ngân hàng nào – à, ấy là khi anh đang không lớn vờn cách mặt đất khoảng tám ki-lô-mét – và đổi lấy cả nắm đồng bạc, nhưng anh chẳng thể làm nên trò trống gì với những chiếc bánh mì kẹp bằng đồng ăn hại mà ngày nay, Chính phủ vẫn nhất nhất bảo là xu thật ấy. Và để chống lại Người sói, ma cà rồng và tất cả những loại quái vật lộng hành khi đêm xuống, ta cần phải có bạc; bạc thật. Ta cần bạc để ngăn chặn quỷ dữ. Ta cần...

Anh nhắm mắt lại. Xung quanh anh ồn ào tiếng chuông. Máy bay lắc lư, trời sục, chòng chành, còn không gian réo rắt tiếng chuông. Chuông ư?

Không... tiếng keng.

Là tiếng keng, tiếng keng đặc biệt ấy, tiếng keng đặc biệt nhất trong mọi loại keng, tiếng keng đám học sinh đợi cả năm trời khi bao nô nước đi học đã hạ nhiệt, và điều này xảy ra khi tuần đầu tiên trôi qua. Tiếng keng, âm thanh báo hiệu tự do, đỉnh cao của mọi loại keng trường.

An vị trên chiếc ghế ở khoang hạng nhất, lưng lờ giữa giông tố ở độ cao hơn tám ki-lô-mét, Ben Hanscom quay mặt ra cửa sổ và chột anh cảm thấy bức tường thời gian đột nhiên mỏng lại; nhu động ruột tệ hại/ tuyệt vời bất đâu xảy ra. Anh thầm nhủ: Chúa ơi, mình đang bị quá khứ của bản thân tiêu hóa kìa.

Chớp lại đi đừng lóe lên trên mặt anh, và dù anh không để ý, ngày mới đã sang. Ngày 28 tháng 5 năm 1985 đã chuyển sang ngày 29 tháng 5 trong đêm tối bão bùng vốn là ở phía tây Illinois; dưới kia, bao nhà nông bán

mặt cho đất, bán lưng cho trời ngủ say như chết, mơ về cơ hội đòi lên hương, và ai mà biết liệu thứ gì sẽ đánh vào nông trại, tầng hầm hay đồng ruộng của họ khi chớp âm ỉ còn sấm ùng ùng ngoài kia? Chẳng ai biết những thứ này; họ chỉ biết điện chập chờn trong đêm, và không khí như tích điện với cơn bão giạt đi ùng.

Nhưng rồi tiếng keng vang lên giữa không trung, cách mặt đất chừng tám ki-lô-mét, khi máy bay lướt sang cùng thời tiết quang đãng, khi chuyển động đã nhịp nhàng trở lại tiếng keng lại vang lên, tiếng keng ngân vang khi Ben Hanscom chìm vào giấc ngủ; và lúc anh thiếp đi, bức tường giữa quá khứ và hiện tại xóa nhòa hoàn toàn, để anh rơi ngược trở về nhiều năm trước, tựa người rơi xuống giếng - có lẽ anh là Người Du hành thời gian qua giếng - với miếng sắt vỡ đeo trên tay, rơi mãi, rơi mãi xuống vùng đất của dị nhân Morlock, nơi những cỗ máy cứ thình thịch trong hầm tối. Anh trôi về năm 1981, 1977, 1969, và đột nhiên anh trở lại đây, trở lại tháng Sáu năm 1958; ánh nắng hạ chói chang tràn ngập mặt đất, và dưới hàng mi đang say giấc, mắt của Ben Hanscom nheo lại sau khi nhận lệnh từ bộ não mơ màng, nhưng thứ anh thấy lúc này không phải là màn đêm phủ khắp phía tây Illinois mà là ánh mặt trời rạng rỡ của một ngày tháng Sáu ở Derry, Maine, hai mươi bảy năm về trước.

Tiếng keng.

Tiếng keng ấy.

Trường học.

Trường học.

Trường học...

kết thúc rồi!

Tiếng keng vang lên khắp các sảnh trường Derry, một tòa nhà bằng gạch sừng sững trên đường Jackson, và ngay khoảnh khắc ấy, đám trẻ lớp Năm trong lớp của Ben Hanscom bật dậy reo hò – và cô Douglas, thường ngày vốn là giáo viên nghiêm khắc nhất, cũng không buồn la rầy bọn chúng. Có lẽ cô biết đó là đi đâu không tưởng.

“Các trò!” cô nói to khi tiếng reo hò đã chấm dứt. “Cả lớp có thể tập trung lần cuối cho cô không?”

Giờ trong lớp rần rì tiếng trò chuyện vui tươi cùng vài tiếng ca thán. Cô Douglas cầm sổ liên lạc của cả lớp trong tay.

“Mong là tốt đẹp!” Sally Mueller lãnh lút nói với Bev Marsh ngồi dãy bên cạnh. Sally là một cô học trò sáng sủa, xinh xắn và lanh lợi. Bev cũng xinh, nhưng dù chiều hôm ấy là ngày cuối cùng phải đi học, cô bé cũng chẳng tỏ ra lanh lợi chút nào. Cô ủ rũ cúi gằm nhìn xuống đôi giày lười của mình. Có một vết bầm màu vàng đã phai trên một bên má.

“Tốt chẳng quan tâm mình có đẹp hay không.” Bev cộc cằn.

Sally hừ mũi, ý nói các quý cô không nên nói năng kiêu ấy, đoạn quay sang Greta Bowie. Có lẽ chỉ vì quá hào hứng khi nghe tiếng keng báo hiệu kết thúc năm học nên Sally mới quên mất mà tút tát với Beverly, Ben nghĩ thầm trong bụng. Sally Mueller và Greta Bowie vốn là tiểu thư cành vàng lá ngọc, nhà ở Tây Broadway, trong khi Bev lại sống trong một căn hộ tập thể xập xệ ở đường Chính Phố Dưới. Đường Chính Phố Dưới và Tây Broadway chỉ cách nhau hai cây số rưỡi, nhưng đến một đứa trẻ như Ben cũng biết khoảng cách thật sự của hai khu này chẳng khác nào khoảng cách từ Trái Đất đến sao Diêm Vương. Chỉ cần nhìn chiếc áo len rẻ tiền của Beverly Marsh, cái váy quá khổ có lẽ rinh từ tiệm đồ cũ của Cứu Thế

Quân, đôi giày lười mòn vẹt của cô là đủ để biết hai nơi này cách xa vời vợi. Tuy nhiên, Ben vẫn thích Beverly hơn – thích hơn *rất nhiều* là đằng khác. Sally và Greta lúc nào cũng xúng xính váy áo, và cậu đoán chắc tháng nào hai cô bạn cũng được đi uốn tóc, tạo sóng hay gì đấy, nhưng với cậu, những đi đầu đó chẳng thay đổi được sự thật căn cơ. Dù hai cô bạn này có điệu đà uốn tóc *hằng ngày* đi nữa, bọn họ vẫn chỉ là hai đứa oắt con nhìn đời bằng nửa con mắt.

Cậu thấy Beverly tốt tính hơn và xinh hơn *rất nhiều*, nhưng dù có cho vàng, cậu cũng chẳng có gan để thổ lộ với cô đi đầu đó. Song thỉnh thoảng, khi mùa đông tràn về, khi ánh sáng bên ngoài vàng vọt khiến ta buồn ngủ như con mèo cuộn tròn trên ghế sofa, khi cô Douglas thao thao bất tuyệt về môn Toán (cách thực hiện phép chia dài, cách tìm mẫu số chung của hai phân số để làm tính cộng) hoặc đọc câu hỏi từ *Những câu phát sáng* hay bàn luận về trầm tích thiếc ở Paraguay, vào những ngày tưởng chừng buổi học sẽ kéo dài lê thê mãi, mà thật ra không kết thúc cũng chẳng sao, vì đằng nào thế giới ngoài kia cũng như nhóp nhép tuyệt tan... Vào những ngày ấy, Ben thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn khuôn mặt nghiêng nghiêng của Beverly, một cách lén lút vụng trộm, và trái tim cậu đau đến nhói lòng nhưng bằng cách nào đó cũng vì thế mà sáng bừng lên. Cậu đoán cậu phải lòng cô mất rồi, hoặc đã đem lòng thương cô, và đó chính là lý do tại sao cậu luôn nghĩ đến Beverly khi bài hát “Thiên thần Trái Đất” của Penguins vang lên trên trên ra-đi-ô – “người anh yêu thương hồi/ phút giây nào cũng yêu em...” Phải, nghe thật ngớ ngẩn, nhưng cũng chẳng sao, và sến đến chảy nước, nhưng cũng chẳng sao, vì đằng nào cậu cũng chẳng bao giờ thổ lộ. Cậu cho rằng những thằng phì nộn có lẽ chỉ được phép thầm thương trộm nhớ những cô bạn xinh xắn. Nếu cậu kể với bất cứ ai về tình cảm của

mình (mà thật ra cậu cũng chẳng có bạn bè gì để tâm sự), người đó hẳn sẽ cười lẫn cười bò đến khi truy cả tim cho mà xem. Và giả như cậu bày tỏ tình cảm của mình với Beverly, hẳn cô sẽ phá lên cười (tệ) hoặc nôn ọe vì kinh tởm (tệ hơn).

“Bây giờ cô gọi tên ai thì người đó bước lên nhé. Paul Andersen... Carla Bordeaux... Greta Bowie... Calvin Clark... Cissy Clark...”

Cô Douglas gọi đến đâu, các học sinh lớp Năm của cô lần lượt tiến về phía bảng (ngoại trừ cặp sinh đôi nhà Clark, hai anh em nhà này đi đâu cũng có nhau, tay trong tay, giống nhau như tạc, không thể phân biệt ngoại trừ độ dài mái tóc vàng óng ánh sắc trắng và bộ đồ cô em mang váy còn cậu anh mặc quần jean), nhận sổ liên lạc màu vàng sẫm với hình quốc kỳ và [Tuyên ngôn trung thành](#) ở mặt trước, [Kính Lạy Cha](#) ở mặt sau, đoạn khoan thai bước ra khỏi lớp... rồi sau đó chạy huỳnh huých xuống sảnh, nơi cánh cửa chính khổng lồ đã mở toang. Và chúng chạy ào vào mùa hạ, biến mất, đưa phóng xe đạp, đưa nhảy chân sáo, đưa làm bộ cưỡi ngựa, lấy tay đập vào hai bên đùi để giả tiếng vó, đưa lại quàng vai bá cổ nhau, ca vang “Mắt tôi đã có điểm phúc chứng kiến ngôi trường bị thiêu rụi” nhái theo giai điệu “Thánh chiến ca Cộng hòa”.

Tuyên ngôn trung thành (Pledge of Allegiance) được viết vào năm 1892 bởi bộ trưởng Francis Bellamy, là một biểu hiện của lòng trung thành đối với lá cờ của Mỹ và bản thân Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Bản gốc có đoạn như sau: “Tôi cam kết trung thành với Quốc kỳ của tôi và nước Cộng hòa, mà nó là đại diện cho một quốc gia không thể chia cắt, với quyền tự do và công lý cho tất cả mọi người.” Bằng cách không nêu rõ lá cờ nào hoặc lòng trung thành nào đang được cam kết, Bellamy gợi ý rằng lời cam kết của ông có thể được sử dụng bởi bất kỳ quốc gia nào, không chỉ riêng nước

Mỹ.

Kinh Lạy Cha (The Lord's Prayer) là một bài kinh và là lời cầu nguyện được biết đến nhiều nhất trong Ki-tô giáo.

“Marcia Fadden... Frank Frick... Ben Hancom...”

Cậu đứng dậy, liếc trộm Beverly Marsh lần cuối trước khi vào hè (cậu cứ tưởng thế), rồi đi thẳng đến bàn của cô Douglas, một cậu bé mười một tuổi với cái miệng to bè ngang ngửa kích thước của New Mexico – cặp miệng ấy ních vào chiếc quần jean xanh mới cứng, trông hết sức không thoải mái, những chiếc đinh tán bằng đồng ánh lên những tia sáng nhỏ tia sáng nhỏ, khi hai bắp đùi của cậu cọ vào nhau phát ra tiếng *sột sọt sọt sọt*. Hông của cậu lắc qua lắc lại như con gái. Bụng của cậu phò từ bên này đánh sang bên kia. Hôm nay thời tiết ấm áp nhưng cậu vẫn mặc áo nỉ rộng thùng thình. Mà thật ra, cậu mặc áo nỉ thùng thình h ầu như mọi lúc vì cậu vô cùng xấu hổ về bộ ngực, cậu cảm thấy như thế ngay từ ngày đầu tiên trở lại trường sau kỳ nghỉ Giáng sinh, khi cậu mặc một chiếc áo thun Ivy League mẹ tặng, và Huggins Ở Hơi, một thằng lớp Sáu, bèn rú lên: “Ê, chúng mày! Xem ông già Noel tặng thằng Ben Hanscom cái gì vào Giáng sinh kìa! Một cặp búi cực to!” Ở Hơi đã cười muốn nôn ruột trước sự nhanh nhẹn nhanh miệng của bản thân. Đám bạn xung quanh cũng cười rộ – trong đó có cả con gái. Nếu trước mặt cậu lúc ấy có nứt ra một lỗ nẻ dẫn xuống âm phủ, hẳn Ben sẽ nhảy xuống ngay tắp lự... hoặc thậm chí cậu còn l ần b ần nói lời biết ơn.

Kể từ hôm đó, ngày nào cậu cũng mặc áo nỉ. Cậu có tổng cộng bốn cái – màu nâu, màu xanh lá và hai cái màu xanh dương, cái nào cái nấy rộng thùng thình. Đây là một trong số ít những đi ều hiếm hoi cậu làm trái ý mẹ mình, một trong những l ần hiếm hoi cậu thấy mình phải vạch rõ ranh giới,

suốt thời ấu thơ gần như “mẹ đặt đầu con ngủ đấy” của cậu. Cậu tự nhủ nếu hôm ấy cậu trông thấy Beverly Marsh khúc khích cười nhạo mình, chắc cậu cũng có đủ lý do để chết mất.

“Cô rất vui khi được dạy em năm nay, Benjamin,” cô Douglas nói khi đưa cậu sở liên lạc.

“Em cảm ơn cô, thưa cô Douglas.”

Một giọng eo éo giả lả chế giễu vang lên từ cuối lớp nhái lại lời cậu: “Cảm ơn cô, cô Đu lát.”

Còn ai tròng khoai đất này ngoài Henry Bowers. Henry học chung lớp Năm với Ben chứ không học lớp Sáu cùng hội bạn Huggins Ở Hơi và Victor Criss vì hắn ta bị ở lại lớp. Ben nghĩ có khi Bowers lại đúp lần nữa cho mà xem. Từ nãy đến giờ, cô Douglas chưa gọi tên hắn để phát phiếu báo điểm, mà như thế nghĩa là chấm hết. Ben thấy nôn nao trong lòng, vì nếu Henry thực sự phải ở lại lớp, Ben cũng chịu một phần trách nhiệm... và Henry biết thừa đi đâu đó.

Một tuần trước kỳ kiểm tra cuối năm, cô Douglas sắp xếp lại chỗ ngồi ngẫu nhiên cho cả lớp bằng cách bốc thăm tên của các học sinh từ chiếc mũ để trên bàn. Trời xui đất khiến thế nào mà Ben lại ngồi kế Henry Bowers ở dãy cuối. Lúc làm bài thi, thói quen của Ben là cuộn tròn cánh tay quanh tờ giấy thi và cúi gằm người, cảm thấy có chút gì đó dễ chịu khi áp bụng vào bàn, thỉnh thoảng lại liếm chiếc bút chì Be-Bop để có thêm cảm hứng.

Hôm thứ Ba, lúc đang làm bài thi môn Toán, một tiếng thì thầm vang lên từ bàn bên. Tiếng thì thầm rất trầm, rất khẽ, rất chuyên nghiệp, như tiếng của một tay lừa lọc lão làng đang truyền tin trong sân tập thể dục của nhà tù: “Cho tao chép coi.”

Ben liếc sang trái và nhìn thẳng vào đôi mắt đen đầy thịnh nộ của Henry

Bowers. So với một thằng nhóc mười hai tuổi, Henry đồ con hơn hẳn. Tay chân của hắn vạm vỡ nhờ làm nông. Bố hắn, một người khét tiếng điên rồ, có một mảnh ruộng ở cuối đường Kansas, gần ranh giới thị trấn Newport, và Henry phải è cổ hơn ba mươi tiếng một tuần cày cuốc, nhổ cỏ, trồng cây, đào đất, bổ củi, gặt hái nếu có thứ để thu hoạch.

Tóc của Henry được xén bằng trên đỉnh đầu khiến hắn ta trông có vẻ cau có, ngắn đến độ lộ cả phần da đầu màu trắng. Hắn vuốt keo phần tóc phía trước bằng tuýp kem luôn nhét trong túi quần jean, vì thế phần tóc trước trán hắn lúc nào cũng lĩa chĩa như răng máy cắt cỏ. Quanh hắn luôn thum thum mùi mồ hôi và mùi kẹo cao su Juicy Fruit. Đi học, hắn mặc một chiếc áo khoác dành cho dân lái mô tô màu hồng có hình con chim ưng sau lưng. Lần nọ, một đứa nhóc lớp Bốn chuốc vạ vào thân khi cười nhạo cái áo ấy. Henry lao vào cậu nhóc thì Umber nhanh như cắt, đâm cho cậu nhóc hai cú bằng nắm tay còn lấm bẩn từ công việc đồng áng. Đứa nhóc mất ba chiếc răng ở đằng trước. Henry được nghỉ học hai tuần. Ben cầu trời với một niềm hy vọng cháy bỏng dù mỏng manh của kẻ thấp cổ bé họng chuyên bị đè đầu cưỡi cổ, rằng Henry sẽ bị đuổi học chứ không chỉ dừng lại ở việc đình chỉ. Tiếc là đời không như mơ. Hạnh phúc ngắn chẳng tày gang. Đình chỉ kết thúc, Henry lại khệnh khạng bước vào sân trường, hăm hè phô trương trong chiếc áo khoác màu hồng, mái tóc vuốt cả đông keo đến độ tóc như muốn nhảy ra khỏi hộp sọ. Hai mắt vẫn còn vết bầm tím và sưng vù do bị ông bố điên rồ của mình đập vì tội “đánh nhau trong sân trường”. Vết bầm rỗ cũng mờ đi, nhưng với những đứa trẻ phải cắn răng sống chung với Henry ở Derry, bài học vẫn còn đó. Theo những gì Ben thấy, kể từ ngày ấy, không ai dám hé răng nói nửa lời về chiếc áo khoác mô tô màu hồng với hình con chim ưng đằng sau của Henry.

Khi hần thì thần gằn gừ bắt Ben cho hần chép bài, có ba suy nghĩ đã phóng vút qua đầu cậu trong vài giây ngắn ngủi – cơ thể cậu phì lũ ra sao thì bù lại, những suy nghĩ ấy cũng thoăn thoắt và nhanh lẹ chừng ấy. Đầu tiên là nếu cô Douglas bắt quả tang Henry chép bài cậu, cả hai chắc chắn sẽ xori trứng ngỗng trong bài kiểm tra. Thứ hai là nếu không đề Henry chép, thế nào sau giờ học, hần cũng tóm cổ cậu và tặng cậu cú đấm đúp huyềnh thoai kia, có lẽ lúc đó Huggins sẽ giữ một tay cậu còn Criss giữ tay còn lại.

Đây là những suy nghĩ ngây ngô của một đứa trẻ, và chẳng có gì đáng ngạc nhiên vì suy cho cùng cậu vẫn còn bé. Tuy nhiên, suy nghĩ thứ ba, cũng là suy nghĩ cuối cùng, lại tinh tế hơn nhiều – chẳng khác gì người lớn.

Hần có thể tóm được mình, chắc chắn là thế. Nhưng vẫn còn khả năng mình né được hần trong tuần cuối cùng của năm học. Mình nghĩ nếu gắng hết sức thì mình sẽ làm được. Và mình đoán hết hè là hần lại quên ngay ấy mà. Phải rồi. Đầu óc thằng này bã đậu lắm. Nếu trượt bài kiểm tra, có thể hần sẽ lại đúp. Và nếu hần đúp, mình sẽ lên lớp trước. Mình sẽ không phải chết đi trong cùng một phòng với hần nữa... Mình sẽ lên cấp hai trước hần. Mình... mình sẽ không phải chịu khổ nữa.

“Cho tao chép mau,” Henry gằn gừ lần nữa. Đôi mắt đen của hần long lên như ra lệnh.

Ben lắc đầu, đoạn khum tay quanh tờ giấy của mình chặt hơn.

“Tao sẽ thít mày, thằng béo,” Henry lần bần, lần này to hơn một chút. Bài làm của hần đến giờ vẫn là một tờ giấy trắng, trừ chỗ ghi tên. Hần như ng ỗ trên đồng lửa. Nếu trượt kỳ thi và đúp một lần nữa, bố hần sẽ đập hần một trận rằng mỗi lần lộn. “Cho tao chép bài, nếu không tao sẽ cho mày biết thế nào là lẽ độ.”

Ben lại lắc đầu, hai má run lên bần bật. Cậu sợ hãi nhưng cũng rất quyết tâm. Cậu nhận ra lần đầu tiên trong đời cậu chủ động đi theo quyết định mình vạch ra trong đầu, đi đầu này cũng khiến cậu thất kinh, dù chẳng biết lý do cụ thể ra sao - phải bao nhiêu năm sau, cậu mới ngộ ra đi đầu khiến cậu sợ hơn cả nỗi sợ dành cho Henry chính là sự máu lạnh trong tính toán, cân nhắc thiệt hơn đầy cẩn trọng và thực dụng cùng những dấu hiệu của tính cách người lớn đang dần thành hình. Henry thì cậu còn có thể né. Nhưng không sớm thì muộn, cậu sẽ trở thành người lớn, và lúc ấy thì có khi cậu sẽ nghĩ như vậy gần như mọi lúc.

“Ai đó đang trao đổi phía sau lớp đúng không? Cô Douglas lên tiếng, đầy nghiêm khắc. “Nếu đúng là thế, cô muốn trò đó dừng *ngay lập tức*.”

Cả lớp im phăng phắc suốt mười phút sau, ai nấy cầm cúi, hí hoáy trên tờ bài thi có mùi mực in roneo tím, và rồi lời hăm dọa của Henry lại phát ra từ dãy bên kia, thật nhỏ, chỉ vừa đủ nghe, chắc nịch, lạnh người: “Mày chết với tao, thằng béo.”

3

Ben nhận sổ liên lạc và đánh bài chuồn, lòng khấp khởi biết ơn những vị thần linh đã phù hộ nhóc tí mười một tuổi béo ú như cậu, may sao nhờ thứ tự bảng chữ cái mà Henry Bowers không được phép ra khỏi lớp trước để động thủ với Ben bên ngoài.

Cậu không chạy xuống hàng lang như những đứa trẻ khác. Cậu *chạy được*, chạy rất nhanh so với những cậu bạn to béo ngang mình, nhưng cậu biết rõ lúc chạy nhìn mình buồn cười ra sao. Thế là cậu sải bước thật nhanh, bước ra từ gian sảnh phủ mùi sách mát lạnh vào ánh mặt trời tháng Sáu rực rỡ. Cậu dừng lại, ngẩng đầu tắm trong ánh nắng ấy trong chốc lát,

lâng lâng dưới sự ẩm áp của nó và sự tự do. Cả triệu năm nữa mới đến tháng Chín. Cuốn lịch có thể nói khác, nhưng thông tin trên lịch sai rồi. Mùa hè dài hơn hẳn tất cả những ngày trong kỳ nghỉ cộng lại, và mùa hè là của cậu. Cậu cảm thấy mình cao như bể chứa nước Standpipe và lớn bằng cả thị trấn.

Bỗng dưng có ai đó xô cậu – xô rất mạnh. Những suy nghĩ dễ chịu về mùa hè đang trải trước mắt bị gạt bay khỏi đầu óc Ben khi cậu loạng choạng giữ thăng bằng bên mé bậc đá. May sao cậu chộp được rào sắt, chứ không cậu đã ngã lăn quay rồi.

“Tránh ra cho tao đi, đồ bị thịt.” Hóa ra đó là Victor Criss, với mái tóc chải ngược về sau theo kiểu Elvis Presley, bóng nhờn nhờ Brylcreem. Hắn bước xuống bậc thang và đi về phía cổng chính, tay dứt túi quần jean, cổ áo dựng ngược lên, giày bột gắn đinh dưới đế kéo lê lộp cộp xuống đường.

Tim vẫn chưa thôi đập rộn vì sợ, Ben trông thấy bóng Huggins Ở Hời bên kia đường, phì phèo điều thuốc. Hắn đưa tay chào Victor rồi đưa cho cậu bạn của mình điều thuốc khi đến nơi. Victor hít một hơi, đoạn đưa lại cho Ở Hời, rồi chỉ về phía Ben, lúc này đang đứng giữa cầu thang. Hắn nói gì đó và cả hai thằng phá lên cười nắc nẻ. Mặt Ben đỏ lựng. Lúc nào chúng cũng ăn trên ngồi trốc thiên hạ. Sao định mệnh chỉ giỏi trêu người thế nhỉ.

“Cậu thích nơi này đến nỗi quyết định đứng đây cả ngày à?” Một tiếng nói vang lên bên cạnh.

Ben quay lại, khuôn mặt được dịp đỏ thêm. Beverly Marsh đang đứng đó, mái tóc nâu đỏ như đám mây nhẹ nhàng ôm lấy đầu cô và lững lờ trên vai, đôi mắt cô lấp lánh sắc xanh xám. Chiếc áo len cô đang mặc được xắn lên đến khuỷu tay, sờn quanh cổ và thùng thình chẳng kém áo nỉ của Ben. Vì thùng thình quá nên Ben không biết cô đã có ngực hay chưa, nhưng cậu

chẳng để tâm; khi ta đem lòng mến ai đó lúc ta chưa dậy thì, tình cảm ấy dạt dào và mạnh mẽ đến độ ta chẳng cưỡng nổi mệnh lệnh hết sức chân phương ấy, mà Ben cũng chẳng định làm thế cho nhọc công. Cậu để cảm xúc dẫn lối. Cậu vừa thấy ngu ngốc vừa thấy sung sướng, ngượng ngùng tái tê, cái ngượng mà cả đời chưa một lần cậu nếm trải... nhưng cậu vẫn thấy mình may mắn vô cùng. Bao cảm xúc cứ cuộn xoáy thành thứ tình cảm khó tả khiến cậu vừa chững chặc vừa hạnh phúc.

“Không” cậu khàn giọng. “Đâu có.” Cậu nở nụ cười rộng đến mang tai. Cậu biết mình hẳn trông đang ngớ ngẩn lắm, nhưng cậu không sao kìm được.

“Thế thì tốt. Vì hết năm học rồi. Cảm ơn Chúa.”

“Chúc...” Giọng cậu lại khàn đi. Cậu phải đằng hắng, và hai má càng thêm sắc đỏ. “Chúc cậu có một kỳ nghỉ hè thật vui, Beverly.”

“Cậu cũng thế nhé, Ben. Năm sau gặp.”

Cô rảo bước xuống bậc thang và Ben chiêm ngưỡng mọi chi tiết với đôi mắt của một kẻ tương tự: chiếc váy ca rô sáng màu, mái tóc đỏ tung tủy phía sau áo len, làn da trắng sứ, một vết cắt nhỏ đang lành phía sau bắp chân, và (chẳng rõ vì lý do gì mà chi tiết cuối cùng này khiến làn sóng cảm xúc cuốn phăng lấy cậu, làm cậu phải chộp lấy rào để đứng cho vững; cảm xúc ấy to lớn, khó tả, rất nhanh, có lẽ ấy là tín hiệu mạnh nha chút sắc dục mà cơ thể cậu, nơi tuyến nội tiết vẫn ngủ mà không mơ, chưa biết lý giải, nhưng chói lóa như chớp mùa hè) chiếc lắc ánh vàng cô đeo quanh cổ chân phải, ngay trên đôi giày lười, lấp lánh phản chiếu những tia nắng mặt trời.

Cậu thốt lên một âm thanh không rõ nghĩa. Run rẩy bước xuống cầu thang như ông già lụ khụ, cậu đứng lại, dõi theo bóng cô, đến tận lúc cô rẽ trái rồi biến mất phía bên kia bờ rào cao cao ngăn cách sân trường và vỉa

hề.

4

Cậu chỉ đứng đó một lát, và rồi, trong lúc bạn bè đồng trang lứa vẫn lũ lượt đi ngang qua, tùm nập tùm ba hò hét, chạy toán loạn, cậu sức nhớ đến Henry Bowers nên ba chân bốn cẳng vòng qua tòa nhà. Đi ngang qua sân chơi của đám con nít, cậu lướt ngón tay qua xích đu làm chúng đung đưa ken két và bước qua bập bênh. Cậu ra theo hướng cổng nhỏ dẫn vào đường Charter rồi đi thẳng về phía bên trái, không đánh mắt nhìn về phía đồng đá mà cứ cuối tuần cậu lại đến chơi đùa suốt chín tháng qua. Nhét sổ liên lạc vào túi sau, cậu bắt đầu huýt sáo. Dù chân mang một đôi Keds nhưng theo cậu cảm nhận, cậu đi qua tám lốc nhà mà như bay, chân không chạm vỉa hè tí nào.

Độ quá trưa thì tan trường, nhưng ít nhất phải đến 6 giờ tối thì mẹ cậu mới về nhà, vì vào thứ Sáu, sau giờ làm, bà sẽ đến thẳng Shop ‘n Save để mua đồ. Thế là cậu có cả ngày thỏa sức vầy vùng.

Cậu đến công viên McCarron và ngồi dưới tán cây một lúc, chẳng làm gì, chỉ thỉnh thoảng thì thầm thật khẽ “Mình yêu cậu, Beverly Marsh”, và mỗi lần nói là một lần cậu thấy đầu thêm lâng lâng, hồn thêm bay bổng. Lúc nọ, khi một nhóm cậu bé đi ngang qua công viên và chia đội để chơi bóng chày, cậu thì thầm cái tên “Beverly Hanscom” những hai lần, rồi sau đó vui mặt vào cò cho đến khi đôi má đỏ như gấc bết hằm hập.

Được một lúc, cậu đứng dậy, băng qua công viên đến Đại lộ Costello. Đi thêm năm dãy nhà nữa, cậu sẽ đến Thư viện công cộng, nơi cậu định vào cho xong. Sắp ra khỏi công viên thì một gã lớp Sáu tên là Peter Gordon trông thấy cậu và hét lớn: “Ê, thằng béo! Chơi không? Bọn tao đang cần

hậu vệ cánh phải!” Và rồi cả đám cười phá lên như được mùa. Ben lùi đi nhanh nhất có thể, cố thụt xuống cổ áo như con rùa rụt vào mai.

Nhưng suy đi tính lại, cậu vẫn thấy số mình còn phước chán; nếu là ngày bình thường, đám con trai đã hò nhau đuổi theo cậu, có khi chỉ để chửi rửa cậu, có khi để vật cậu xuống đất xem cậu có khóc không. Nhưng hôm nay, bọn chúng đang mải mê vào việc bắt đầu trận đấu, xem khi quảng gây đánh bóng thì nên dùng tay hay chơi thẻ bài để quyết định chọn cầu thủ trước, rồi sau đó xem đội nào giành được quyền đánh bóng, vân vân và mây mây. Ben vui vẻ để cả đám lại với những chộn rộn trước trận đấu bóng đầu tiên của mùa hè rồi tiếp tục đi thẳng.

Đi được ba dãy nhà về phía Costello, cậu nhác thấy một thứ thú vị, thậm chí có khi còn cho cậu chút tiền tiêu vặt, dưới hàng rào trước nhà ai đó. Ánh thủy tinh lóe qua chiếc túi giấy cũ bị rách. Ben dùng chân kéo túi ra vỉa hè. Xem ra cậu ở hiên gặp lành rồi. Bên trong có bốn chai bia và bốn chai sô-đa lớn. Mỗi chai sô-đa lớn bán được năm xu, chai bia Rheingold có giá hai xu. Hai mươi tám xu ngay dưới hàng rào, chực chờ một đứa nhóc đến mang đi. Đứa nhóc *số đỏ* nào đó.

“Mình chứ ai,” Ben vui vẻ reo lên, không hay biết điều gì đang đợi cậu lát nữa. Cậu bắt đầu cất bước, cẩn thận giữ đáy túi để nó không bọc ra. Cậu bước vào chợ Đại lộ Costello cách đó một dãy nhà. Cậu đổi chai lấy tiền và đổi gần hết tiền lấy kẹo.

Đứng ở quầy kẹo, cậu chỉ trở, thích mê tiếng cửa kéo xành xạch khi chủ tiệm mở cánh cửa dọc theo rãnh có gắn vòng bi. Cậu nhận được năm que kẹo cam thảo màu đỏ, mười viên kẹo cứng hình thùng nước ngọt (một xu đổi được hai viên), một bọc kẹo viên (mỗi hàng có năm viên, mỗi bọc có năm hàng, cứ bóc ra là ăn được), một túi Likem Ade, một túi kẹo Pez cho

súng bắn kẹo Pez-Gun ở nhà.

Ben bước ra ngoài với túi giấy nhỏ đựng kẹo trong tay, và bốn xu còn lại trong túi trước bên phải của chiếc quần jean mới. Đưa mắt nhìn túi giấy màu nâu ê hề kẹo ngọt, một suy nghĩ bất chợt hiện lên trong đầu cậu

(mày cứ tham ăn tục uống thế đi, đừng mơ lọt vào mắt Beverly Marsh)

nhưng suy nghĩ ấy thật đáng ghét nên cậu gạt nó ra. Chẳng nhọc công lắm; suy nghĩ ấy quen bị hất hủi rồi.

Nếu ai đó hỏi cậu, “Ben này, cậu có cô đơn không?”, hẳn cậu sẽ nhìn người đó với ánh mắt đầy ngạc nhiên. Cậu chưa bao giờ mảy may nghĩ đến điều đó. Cậu không có bạn, nhưng cậu có sách và có ước mơ, cậu có các mô hình Revell; cậu có một bộ đồ chơi gỗ Lincoln Logs khổng lồ và dùng chúng xây đủ thứ trên trời dưới biển. Nhiều lần, mẹ cậu đã phải thốt lên rằng những ngôi nhà mà Ben lắp ráp bằng Lincoln Logs trông còn đẹp hơn một số mẫu thiết kế sẵn. Cậu còn có một bộ lắp ráp Erector Set. Cậu đang mong được tặng một bộ Super Set vào dịp sinh nhật tháng Mười. Nếu có bộ đó, cậu sẽ lắp được một chiếc đồng hồ chạy được và xe ô tô với bộ truyền động bên trong hẳn hoi. Cô đơn ư? Có khi cậu sẽ vụng về hỏi lại. Hả? Là sao cơ?

Một đứa trẻ mù bẩm sinh không biết mình bị mù cho đến khi có ai đó cho nó biết sự thật. Nhưng đến tận lúc ấy, đứa bé chỉ biết khái niệm lý thuyết về mù lòa; chỉ có những ai nay mù từng sáng mắt mới thật sự thấm thía. Ben Hanscom chẳng bao giờ cảm thấy cô đơn vì xưa nay, cậu chưa từng vui vầy cùng bè bạn. Nếu tình trạng này mới diễn ra, hoặc cục bộ hơn thì cậu còn hiểu, đằng này, cô đơn bao trùm lấy cuộc đời cậu và phủ bóng lấy cậu. Nó cứ lừng lững ở đó, như ngón cái có khớp cực dẻo, hoặc phần răng cửa nhọn nhìn rất buồn cười của cậu, cứ khi nào căng thẳng cậu lại

đưa lưỡi đánh qua đánh lại phần răng nhọn ấy.

Beverly là giấc mộng ngọt ngào; còn kẹo là hiện thực ngọt ngào. Kẹo mới là bạn của cậu. Vì thế, cậu bảo suy nghĩ lạ lùng kia biến đi chỗ khác, và do vậy, nó lặng thầm biến mất, không phá bình gì nữa. Trên đoạn đường từ chợ Đại lộ Costello đến thư viện, cậu ngẫu nhiên hết sạch kẹo trong túi. Ban đầu, cậu thực sự định để dành kẹo Pez để xem ti vi vào buổi tối hôm đó – cậu rất thích nhét kẹo vào khẩu súng Pez-Gun bằng nhựa con con, từng viên một, thích nghe tiếng lò xo bên trong bật tanh tách, và thích nhất là bắn kẹo vào miệng, như một thằng nhóc tự kết liễu đời mình bằng đường. Tối nay có phim *Whirlbirds*, với Kenneth Tobey trong vai chàng phi công trực thăng can trường và *Dragnet*, với nội dung là các vụ án có thật nhưng nhân vật được đổi tên để bảo vệ người vô tội, và cả *Cảnh sát Cao tốc*, bộ phim truyền hình cảnh sát ưa thích nhất mọi thời đại của cậu, với sự góp mặt của Broderick Crawford trong vai cảnh sát cao tốc Dan Matthews. Broderick Crawford là anh hùng trong lòng Ben. Broderick Crawford nhanh như cắt, Broderick Crawford xấu tính, BroderickCrawford chẳng để ai trèo lên đầu mình... và đi đâu hay ho nhất là Broderick Crawford béo ú.

Cậu bước đến góc đường Costello và Kansas, đoạn băng qua Thư viện công cộng. Thư viện thật ra có hai tòa nhà - mặt trước là một tòa nhà bằng đá đã cũ, xây bằng tiền của một ông lớn trong ngành gỗ vào năm 1890, đằng sau là một tòa nhà bằng đá sa thạch mới xây, thấp hơn, được dùng làm thư viện trẻ em. Thư viện người lớn phía trước và thư viện trẻ em phía sau được nối với nhau bằng một hành lang bằng kính.

Gần trung tâm thị trấn, đường Kansas là đường một chiều, nên Ben chỉ nhìn về một hướng - phía bên phải – lúc băng qua đường. Nếu nhìn sang

bên trái, hần mặt cậu bé sẽ không còn một giọt máu. Bởi đứng dưới bóng cây s ồi cổ thụ to lớn trong khu vườn Nhà Cộng đồng Derry, cách đó một dãy nhà là Huggins Ở Hời, Victor Criss và Henry Bowers.

5

“Tóm nó thôi, Hank.” Victor háo hức muốn nghẹt thở.

Henry dõng theo thằng oắt con béo ú lạch bạch bước qua đường, bụng đùng đưa, phần đuôi tóc chia ra ở sau đầu lắc tới lắc lui như lò xo cầu v ồng chết tiệt, mông nó ngọ nguậy trong chiếc quần jean mới như đứa con gái. Hần ước tính khoảng cách giữa ba người bọn chúng ở khu vườn Nhà Cộng đồng Derry và Hanscom, giữa Hanscom với thư viện an toàn kia. Hần nghĩ bọn chúng có thể tóm cổ trước khi thằng nhãi vào trong, nhưng biết đâu Hanscom lại hét toáng lên thì sao. Ai chứ thằng oắt con ấy thì dám lắm. Nếu nó hô hoán, người lớn có thể can dự vào, mà Henry thì không muốn ai chõ mũi. Bà cô Douglas chết tiệt đã thông báo với Henry rằng hần trượt cả hai môn tiếng Anh và Toán. Bà giáo nói sẽ cho hần lên lớp, đổi lại, hần phải học bốn tuần lớp phụ đạo hè. Henry thà ở lại lớp còn hơn. Nếu hần ở lại lớp, bố sẽ đập hần một trận. Nếu Henry phải đi học bốn tiếng một ngày suốt bốn tuần trong mùa bận rộn nhất của nhà nông thể nào bố cũng sẽ đập hần cả chục lần, khéo còn nhiều hơn. Hần chỉ đành cắn răng chịu đựng viễn cảnh tối tăm này vì hần định bụng trút tất cả tức tối lên thằng bị thọt kia vào chiều nay.

Tính cả vốn lẫn lãi.

“Ờ, đi thôi,” Ở Hời đồng tình.

“Đợi đến lúc nó ra ngoài đã.”

Sau khi nhìn thấy Ben mở cánh cửa đôi to lớn, bước vào trong, bọn

chúng nó xuống phì phèo thuốc lá, kể chuyện cười về mấy ông bán dạo và đờn thẳng nhóc trở ra.

Henry biết chẳng chóng thì chày, nó sẽ thò mặt ra. Và khi nó xuất hiện, Henry sẽ cho nó thấy hối hận vì đã sinh ra đời.

6

Ben thích mê thư viện.

Cậu thích không gian lúc nào cũng mát lạnh ở nơi đây, ngay cả vào những ngày hè nóng như đồ lửa; cậu thích sự tĩnh lặng rì rầm, thỉnh thoảng vang lên tiếng thủ thủ, tiếng thủ thủ đóng dấu vào sách và thẻ, tiếng lật giấy lạo xạo trong Phòng Báo chí, nơi các cụ ông tụ tập đọc những tờ báo kết thành chuỗi dài. Cậu thích ánh sáng nơi đây, nghiêng nghiêng chiếu qua những khung cửa sổ vừa cao vừa hẹp khi chiều buông hoặc tỏa xuống ấm áp từ những ngọn đèn tròn treo bằng xích vào những đêm đông trong lúc gió rít bên ngoài. Cậu thích mùi sách – thứ mùi cay cay, có gì đó thật tuyệt diệu. Thỉnh thoảng, cậu lại bước qua kệ sách người lớn, chiêm ngưỡng hàng nghìn cuốn sách, thả hồn tưởng tượng một thế giới của bao kiếp người trong từng cuốn, thông thả như cách cậu tản bộ dọc con phố nhà mình dưới chạng vạng bằng lăng khói vào một buổi chiều cuối tháng Mười, mặt trời như dải cam nằm xa xa phía chân trời, tưởng tượng những mảnh đời phía sau khung cửa sổ – người cười đùa, người cãi vã, người cắm hoa, cho con bú, cho chó mèo ăn, hoặc vừa ăn vừa xem vô tuyến. Cậu thích cách hành lang bằng kính nối tòa nhà cũ với thư viện trẻ em lúc nào cũng nóng, ngay cả vào mùa đông, trừ khi có vài ngày âm u mây mù. Cô Starrett, thủ thư trưởng của thư viện trẻ em, nói với cậu nguyên nhân là do một hiện tượng có tên là hiệu ứng nhà kính. Ben thấy ý tưởng này thật hay

ho. Nhiều năm sau, cậu sẽ xây dựng trung tâm truyền thông BBC - một kiến trúc được bàn tán rôm rả ở London, và người ta có thể bàn ra tán vào suốt nghìn năm mà chẳng ai biết (ngoại trừ bản thân Ben) rằng trung tâm truyền thông ấy chẳng là gì ngoài hành lang bằng kính của Thư viện công cộng Derry được dựng thẳng đứng.

Cậu cũng thích thư viện trẻ em, mặc dù nó không sở hữu nét duyên dáng vô hình tượng mà cậu cảm nhận được ở thư viện cũ, với những bóng đèn tròn và cầu thang sắt uốn lượn, quá hẹp nên hai người không thể cùng đi mà một người phải lùi lại. Thư viện trẻ em sáng sủa và đầy nắng, hơi ồn ào dù khắp nơi để bảng CHÚNG TA HÃY CÙNG GIỮ YÊN LẶNG NHÉ!. Hầu hết tiếng ồn thường vang lên ở Khu Gấu Pooh, nơi đám con nít hay đến để xem sách tranh. Hôm nay, Ben bước vào đúng lúc giờ kể chuyện vừa bắt đầu. Cô Davies, thủ thư trẻ xinh đẹp, đang kể câu chuyện “Ba chú dê Gruff”.

“Kể nào bước đi kèn kẹt trên cầu của ta?”

Cô Davies kể với giọng gầm gừ trầm thấp, bắt chước giọng của con quỷ trong câu chuyện. Vài đứa trẻ che miệng khúc khích cười, nhưng đa số dõi theo cô với vẻ mặt nghiêm trang, hòa mình vào giọng con quỷ như chấp nhận tiếng nói trong giấc mơ của mình, và đôi mắt nghiêm túc của chúng lấp lánh sự tò mò mà những câu chuyện cổ tích khơi gợi liệu con quỷ có bị đánh bại... hay nó sẽ ăn thịt đàn dê?

Những tấm áp phích rực rỡ được dán khắp nơi. Chỗ này vẽ hình một cậu bé ngoan, chải răng cho đến khi miệng đầy bọt như mồm con chó điên; chỗ kia vẽ hình một cậu bé hư đang hút thuốc lá (bên dưới đề KHI LỚN, TÓ MUỐN BỊ BỆNH NẶNG NHƯ BỐ TÓ); chỗ khác lại là bức ảnh chụp hàng tỷ chấm sáng le lói trong màn đêm. Ở dưới đề

MỘT Ý TƯỞNG THẤP SÁNG HÀNG NGÀN CÂY NẾN.

- *Ralph Waldo Emerson*

Có thư mời THAM DỰ TRẢI NGHIỆM HUỐNG ĐẠO SINH. Có tấm áp phích nêu cao ý tưởng CÂU LẠC BỘ BẠN NỮ HÔM NAY XÂY DỰNG PHỤ NỮ NGÀY MAI. Có các tờ đơn đăng ký chơi bóng mềm và đơn đăng ký tham gia Đội kịch Thiếu nhi của Nhà Cộng đồng. Và tất nhiên, có một tờ áp phích mời các em THAM DỰ CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC SÁCH MÙA HÈ. Ben thích mê chương trình này. Mỗi người đăng ký đều được tặng một tấm bản đồ nước Mỹ. Và với mỗi cuốn sách đọc được và viết bản thu hoạch, ta sẽ được tặng hình dán của một bang, chỉ cần liếm là dán được lên bản đồ. Hình dán có thông tin như loài chim hoặc loài hoa biểu tượng của bang đó, năm được chấp nhận vào Hợp bang, và tổng thống nào xuất thân từ bang này, nếu có. Khi thu thập đủ 48 hình dán lên bản đồ, ta sẽ được tặng một cuốn sách. Ngon lành cảnh đào quá chừng. Và Ben định thực hiện đúng đi đâu mà tấm áp phích kêu gọi: “Đừng lãng phí thì giờ, hãy đăng ký ngay hôm nay.”

Nổi bật giữa biết bao màu sắc rực rỡ, vui nhộn là một tấm áp phích đơn giản, vào thẳng trọng tâm được dán chỗ bàn trả sách – không tranh vẽ hay hình chụp cầu kỳ, chỉ đơn giản là một dòng chữ đen in trên nền trắng:

__HÃY GHI NHỚ GIỜ GIỚI NGHIỆM!

7 GIỜ TỐI SỞ CẢNH SÁT DERRY__

Chỉ cần nhìn tấm áp phích thôi cũng đã đủ khiến Ben rùng mình. Trong nỗi hân hoan được nhận sổ liên lạc, lo lắng về Henry Bowers, trò chuyện với Beverly và bước vào kỳ nghỉ hè, cậu đã quên băng mắt giờ giới nghiêm và những vụ án mạng.

Dân tình xôn xao bàn tán số vụ giết người đã xảy ra, nhưng ai nấy đều nhất trí rằng đã có ít nhất bốn vụ kể từ mùa đông năm ngoái – năm nếu tính cả George Denbrough (nhiều người cho rằng cái chết của cậu bé con nhà Denbrough là một tai nạn vô tiền khoáng hậu). Vụ án đầu tiên mà mọi người dám chắc là Betty Ripsom, xác cô bé được phát hiện ngay sau dịp lễ Giáng sinh trong khu vực xây dựng đường cao tốc ở đường Jackson Phía Ngoài. Thân thể cô bé mười ba tuổi được tìm thấy bị cắt rời và đông cứng trong lớp đất bùn. Chi tiết này không được đăng báo, cũng không có người lớn nào kể cho Ben nghe. Cậu nghe phong thanh từ những lời to nhỏ đầu làng cuối xóm.

Chừng ba tháng rưỡi sau đó, khi mùa đánh bắt cá hồi bắt đầu chưa lâu, một ngư dân buông cần ở bờ sông cách Derry chừng ba mươi cây số về phía đông thì cần câu móc phải thứ gì đó, ban đầu ông cứ tưởng là nhành cây. Hóa ra đó là bàn tay, cổ tay và chừng chục phân cánh tay bé gái. Cần câu của ông móc phải chiến lợi phẩm khủng khiếp này ở phần thịt giữa ngón cái và ngón trỏ.

Cảnh sát đang tìm được phần thi thể còn lại của Cheryl Lamonica hạ nguồn, cách đó chừng sáu mươi mét, vướng vào một cái cây đổ xuống sông vào mùa đông năm ngoái. May mắn thế nào mà cái xác không trôi xuống sông Penobscot rồi đổ thẳng ra biển do dòng nước từ tuyết tan mùa xuân.

Cô thiếu nữ nhà Lamonica mới mười sáu tuổi. Cô xuất thân từ Derry nhưng đã bỏ học; ba năm trước, cô hạ sinh cô con gái Andrea. Hai mẹ con sống ở nhà bố mẹ đẻ của Cheryl. “Cheryl thỉnh thoảng hơi bốc đồng nhưng con bé tốt tính lắm,” bố cô vừa khóc vừa khai với cảnh sát. “Andi cứ hỏi ‘Mẹ đâu?, tôi biết phải trả lời cháu gái thế nào đây.’”

Năm tuần trước khi tìm thấy cái xác, gia đình cô đã trình báo cảnh sát con gái mình mất tích. Cảnh sát bắt tay vào điều tra cái chết của Cheryl Lamonica với giả định ban đầu tương đối hợp lý: cô bị một trong những người bạn trai giết hại. Bởi người yêu của cô thì vô số. Nhiều anh là binh sĩ trong căn cứ không quân tít trên Bangor. “Mấy cậu ấy đa số đều rất tốt tính,” mẹ của Cheryl cho hay. Một trong những câu “tốt tính” kể trên là một thượng tá Lực lượng Không quân bốn mươi tuổi, đã có một vợ và ba con ở New Mexico. Một người nữa hiện đang bóc lịch ở Shawshank vì tội cướp có vũ trang.

Cảnh sát nghi ngờ thủ phạm có thể là người bạn trai, hoặc có khi chỉ là một kẻ qua đường, chung chạ giường chiếu với cô.

Nếu đây là bạn mây mưa với nạn nhân, hẳn hẳn ta còn hứng thú với các bé trai. Bởi vào cuối tháng Tư, một giáo viên cấp hai đưa các em học sinh lớp Tám đi tản bộ thì trông thấy một đôi giày màu đỏ và quần yếm màu xanh thò ra từ miệng cống trên đường Merit. Mà đoạn đường Merit ấy đã được chặn lại bằng giá cửa. Mặt đường đã được ủi phẳng vào mùa thu năm ngoái. Đường cao tốc nối dài sẽ băng qua khu vực này rồi chạy thẳng theo hướng bắc lên Bangor.

Thi thể là của cậu bé Matthew Clements, ba tuổi, mà mới một ngày trước đó, bố mẹ cậu trình báo con trai mình mất tích (tấm hình cậu bé xuất hiện trên trang nhất tờ *Derry News*: đứa bé trai tóc đen, cười thật tươi trước ống kính với mũ lưỡi trai Red Sox trên đầu). Gia đình Clements sống trên đường Kansas, tít bên kia thị trấn. Mẹ cậu bé, chịu đả kích mất mát quá lớn, đi ầm tĩn đến đáng sợ, tựa một quả bóng thủy tinh chực vỡ, khai báo với cảnh sát rằng lúc đó Matty đang lái xe đạp ba bánh lên xuống vỉa hè cạnh nhà, nằm ở góc giao của đường Kansas và ngõ Kossuth. Vừa

bước vào nhà, bỏ quần áo giặt xong vào máy sấy, người mẹ nhìn ra ngoài cửa sổ để kiểm tra con trai thì phát hiện Matty đã biến mất. Chỉ còn chiếc xe đạp của cậu bé chổng chơ ngay mép vỉa hè và lòng đường. Bánh sau vẫn còn quay chậm. Lúc người mẹ nhìn qua, bánh xe mới dừng hẳn.

Với Cảnh sát trưởng Borton, thế là quá đủ. Ngay đêm hôm sau, tại một phiên họp đặc biệt của Hội đồng thị trấn, ông đề ra giờ giới nghiêm là 7 giờ tối; mọi người đều tán thành và đề xuất có hiệu lực ngay ngày hôm sau. Trẻ nhỏ phải được “người lớn đủ thẩm quyền” trông coi mọc lúc mọi nơi, theo như bài báo viết về giờ giới nghiêm trên tờ *News*. Trường học của Ben tháng trước mới tổ chức cuộc họp đặc biệt. Cảnh sát trưởng bước lên khán đài, thọc ngón cái vào thắt lưng dắt súng và trấn an đám trẻ rằng chúng không có gì phải lo lắng miễn là chúng tuân thủ một số quy định đơn giản không nói chuyện với người lạ, không để người khác chở, trừ người thân thích, luôn ghi nhớ Cảnh Sát Là Bạn Của Dân... và tuân theo lệnh giới nghiêm.

Hai tuần trước, một cậu bạn mà Ben chỉ quen biết sơ sơ (cậu này học chung khối Năm nhưng khác lớp ở trường Tiểu học Derry) đã thò đầu nhìn vào một cống nước mưa trên đường Neibolt và trông thấy rất nhiều tóc lênh phềnh ở trong đó. Cậu bé này tên là Frankie hay Freddy Ross gì đó (hoặc Roth thì phải), chuyên lặn mò vật này vật nọ bằng một dụng cụ tự phát minh mà cậu đặt tên là QUE DÍNH KẸO CAO SU SỖ DÁCH. Nghe cậu ta ba hoa về nó mà xem, ai cũng sẽ thấy trong lòng cậu ta, phát minh đó hoành tráng như cái tên, viết hoa (và thậm chí còn có màu phản quang mới chịu). QUE DÍNH KẸO CAO SU SỖ DÁCH là một nhánh cây gắn đồng kẹo cao su ở đâu. Vào thời gian rảnh, Freddy (hay Frankie gì đấy) lại xách que đi khắp Derry, nhìn vào cống rãnh. Thỉnh thoảng, cậu trông thấy

tiền – hầu hết là mấy xu lẻ, nhưng đôi lúc cũng vớ bẫm được đồng mười xu hoặc thậm chí là hai mươi lăm xu (vì lý do mà chỉ đương sự mới hiểu, cậu gọi đồng hai mươi lăm xu là “quái vật vịnh”). Khi nhấc thấy đồng xu, Frankie-hay-Freddy-gì-đấy cùng QUE DÍNH KẸO CAO SU SỐ DÁCH sẽ ra tay ngay. Chỉ cần thọc que xuống tấm lưới sắt là đồng xu đã nằm gọn trong túi cậu.

Ben đã nghe tiếng của Frankie-hay-Freddy-gì-đấy và que kẹo cao su của cậu này từ lâu trước khi cậu ta trở thành tâm điểm chú ý của bàn dân thiên hạ nhờ vào việc phát hiện xác của Veronica Grogan. “Thằng đó tởm lảm,” ngày nọ, cậu bạn mang tên Richie Tozier nói với Ben trong giờ sinh hoạt lớp. Tozier là một thằng nhóc gầy như cò hương với cặp đít chai trên mặt. Ben nghĩ nếu không có cặp kính, khéo thị lực của Tozier chỉ cỡ [ông Magoo](#) là cùng, đôi mắt được phóng đại của cậu ta sau cặp đít chai dày cộp lúc nào cũng mang vẻ ngạc nhiên thường trực. Chưa kể, răng của cậu ta to kèn, chẳng trách ai nấy đều gọi cậu là Hải ly Bucky. Cậu này học chung lớp Năm với Freddy-hay-Frankie-gì-đấy. “Cả ngày cậu ta chọc que kẹo cao su ấy xuống cống rãnh, rồi tối đến cậu ta lại lôi kẹo cao su từ que đó ra gặm.” Nhân vật hoạt hình cận thị nặng.

“Ôi trời, gớm quá!” Ben thốt lên.

“Chuẩn rồi đấy, thả đê” nói đoạn Tozier bỏ đi.

Frankie-hay-Freddy-gì-đấy đưa QUE DÍNH KẸO CAO SU SỐ DÁCH tới lui lưới sắt chỗ cống nước mưa, cứ định nhìn mình với được bộ tóc giả. Cậu ta tưởng mình có thể hong khô nó và tặng mẹ làm quà sinh nhật hay gì đó. Sau vài phút khều tới khều lui, đúng lúc cậu tính bỏ cuộc thì một khuôn mặt bất thành hình nổi lên khỏi mặt nước bắn thui trong miệng cống bị bít, khuôn mặt dính đầy lá rụng trên hai gò má trắng hếu và đất cát trong đôi

mắt tròn trũng.

Freddy-hay-Frankie-gì-đấy vừa hét vừa ba chân bốn cẳng chạy về nhà.

Veronica Grogan học lớp Bốn trường dòng đường Neibolt, được đi đầu hàng bởi nhóm người mà mẹ Ben hay gọi là “đám Công giáo”. Cô bé được chôn cất vào ngày cô tròn mười tuổi.

Sau vụ án kinh hoàng ấy, một buổi tối nọ, Arlene Hanscom gọi Ben vào phòng khách rồi ngồi cạnh cậu con trai của mình trên ghế sofa. Người mẹ cần tay và chăm chú nhìn con. Ben cũng nhìn mẹ, cảm thấy có chút ngột ngạt.

“Ben này,” bà lên tiếng, “con có ngu ngốc không?”

“Dạ không, thưa mẹ,” Ben đáp, càng lúc càng khó chịu. Cậu chẳng hiểu đầu của tai nheo ra sao. Chưa bao giờ cậu thấy mẹ mặt nặng mày nhẹ đến thế.

“Ừ,” bà đồng tình. “Mẹ nghĩ con không ngốc.”

Bà lặng thinh hồi lâu, không nhìn Ben mà trầm ngâm nhìn ra ngoài khung cửa sổ. Trong thoáng chốc, Ben lo khéo có khi mẹ đã quên bản thân mình. Mẹ cậu vẫn là một phụ nữ trẻ - bà mới chỉ ba mươi hai – nhưng những vất vả của việc đơn thân nuôi con đã in hằn lên khuôn mặt ấy. Bà làm việc bốn mươi tiếng một tuần trong phòng quần và cuộn len tại Nhà máy Stark’s ở Newport, và nếu hôm nào làm việc mà hít phải bụi và xơ vải quá nhiều, mẹ cậu lại ho khù khụ khiến Ben sốt hết cả ruột. Có những đêm, cậu trần trọc thật lâu, đưa mắt nhìn ra màn đêm bên ngoài khung cửa sổ cạnh giường, tự hỏi mình sẽ xoay xử ra sao nếu mẹ qua đời. Cậu đoán mình sẽ trở thành trẻ mồ côi. Có khi cậu sẽ trở thành Đứa Trẻ Bang (cậu cứ tưởng đi đầu này có nghĩa là cậu sẽ phải đến sống với các nông dân bắt cậu nai lưng làm việc từ sáng sớm đến tối mịt), hoặc biết đâu cậu sẽ bị gửi vào

Trại cô nhi Bangor. Cậu tìm cách trấn an bản thân rằng lo nghĩ về những điều này thì rõ thật ngu ngốc, nhưng vô ích. Cậu không chỉ lo cho bản thân, mà còn lo cho mẹ. Mẹ cậu rất khó tính, nghiêm khắc, nếu muốn điều gì bà sẽ làm cho bằng được, nhưng bà là một người mẹ tốt. Cậu thương mẹ rất nhiều.

“Con nghe về những vụ án mạng rồi đấy,” mẹ nói, cuối cùng cũng quay sang nhìn cậu.

Cậu bé gật đầu.

“Ban đầu, người ta cứ tưởng là...” Bà ngậm ngừ buông dở câu nói của mình, bởi bà chưa bao giờ nói thẳng từ này trước mặt con, nhưng tình hình hiện tại bất thường đến độ bà phải ép bản thân lên tiếng.... những vụ án tình dục. Có thể đúng mà cũng có thể sai. Có thể chúng đã kết thúc, mà cũng có thể chưa. Chẳng ai dám khẳng định chắc chắn điều gì nữa rồi, ngoại trừ việc có một kẻ điên đang rình rập con nít ngoài kia. Con hiểu lời mẹ không, Ben?”

Cậu gật đầu.

“Và con có hiểu ý mẹ là gì khi mẹ nói đó có thể là vụ án tình dục không?”

Cậu không hiểu lắm – chí ít là không hiểu chính xác – nhưng vẫn gật đầu. Nếu mẹ cậu tự dưng cảm thấy bà phải trao đổi với cậu chuyện bạn trai bạn gái cũng như các vấn đề liên quan thì chắc cậu chết vì ngượng mất.

“Mẹ rất lo cho con, Ben ạ. Mẹ lo mình chăm sóc con chưa đủ.”

Ben ngơ ngậy và chẳng nói gì. “Con phải vò vó một mình nhiều. Mẹ nghĩ là quá nhiều. Con...”

“Mẹ...”

“Im lặng nghe mẹ nói hết đã,” bà nói, và Ben im bắt. “Con phải cẩn thận, Benny. Sắp tới mùa hè rồi, mẹ không muốn con mất vui trong kỳ nghỉ hè của mình, nhưng con phải cẩn trọng. Mẹ muốn hằng ngày con về nhà trước giờ cơm tối. Nhà mình mấy giờ ăn tối?”

“Dạ, 6 giờ.”

“Chuẩn không cần chỉnh! Vậy nên nghe mẹ nói đây: nếu mẹ dọn bàn, rót sữa ra cho con mà chưa thấy Ben của mẹ rửa tay trong bồn, mẹ sẽ bước ngay đến điện thoại và gọi báo cảnh sát rằng con mất tích. Con hiểu không?”

“Dạ hiểu.”

“Và con hiểu mẹ nghiêm túc thế nào khi nói vậy chứ?”

“Dạ vâng.”

“Nếu chẳng may mẹ phải làm như vậy, rất có thể chỉ là chuyện bé xé ra to. Mẹ phần nào hiểu con trai các con hay lêu lổng. Mẹ hiểu các con hay mãi chơi đùa hay làm náo nhào trong kỳ nghỉ hè – theo dõi đường ong bay về tổ, chơi đá banh hoặc đá lon, trốn tìm hay gì đó. Nói chung là mẹ hiểu con và các bạn có rất nhiều trò để chơi.”

Ben đi đến tỉnh gật đầu, thầm nghĩ nếu ngay cả việc cậu không có bạn bè mẹ còn chẳng biết thì có khi bà không hiểu về cuộc sống của cậu nhiều như bà tưởng. Nhưng còn khuya cậu mới dám mở miệng nói với mẹ như thế, có nằm mơ cả chục nghìn năm cũng không.

Bà lấy thứ gì đó từ trong túi váy mặc ở nhà rồi đưa cho cậu con trai. Một chiếc hộp nhỏ bằng nhựa. Ben mở ra, miệng há hốc khi nhìn thấy thứ đựng bên trong. “*Trời ơi!*” Cậu reo lên, không giấu nổi vẻ sung sướng. “*Con cảm ơn mẹ!*”

Đó là một chiếc đồng hồ Timex với các số be bé bằng bạc và dây đeo giả da. Mẹ còn chỉnh sẵn giờ và lên dây cót cho cậu; bởi cậu có thể nghe thấy tiếng đồng hồ tích tắc.

“Trời ơi, tuyệt nhất quả đất!” Cậu ôm chầm lấy mẹ đầy hào hứng và hôn thật kêu lên má của bà.

Mẹ cậu mỉm cười gật đầu, hài lòng khi thấy con mình vui vẻ. Sau đó, mặt bà nghiêm lại. “Đeo nó đi, luôn giữ trên tay, nhớ lên dây cót, để ý đến nó, và đừng để mất, con nhé.”

“Dạ vâng.”

“Giờ có đồng hồ rồi, con không có lý do gì để về nhà trễ đâu đấy. Hãy nhớ lời mẹ: nếu con không về đúng giờ, mẹ sẽ nhờ cảnh sát tìm con. Ít nhất cho đến khi họ bắt được kẻ sát hại trẻ em trong vùng, mẹ cấm con không được về trễ dù chỉ một phút, nếu không, mẹ sẽ gọi cảnh sát ngay lập tức.”

“Dạ.”

“Còn một đi đầu nữa: mẹ không muốn con lang thang ở ngoài một mình. Con đủ khôn để không nhận kẹo hay quá giang người lạ - mẹ con mình đâu biết con không ngu ngốc - và dù tướng con to cao so với tuổi của mình, nhưng người lớn, nhất là những kẻ điên loạn, dư sức áp đảo trẻ con nếu hấn muốn. Khi vào công viên hay thư viện, hãy đi với một người bạn nhé.”

“Dạ vâng.”

Bà lại đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ và trút tiếng thở dài đầy muộn phiền. “Mọi thứ ngày càng xuống dốc nên chuyện như thế này mới có thể hoành hành. Mà xưa nay, mẹ luôn cảm thấy thị trấn này hàm chứa đi đầu gì đó bất tường.” Bà nhìn cậu, chau mày. “Con là hay la cà lăm đấy Ben nhé. Có khi con nắm hết đường ngang ngõ tắt ở Derry phải không? Chí ít là khu

vực thị trấn.”

Ben không cho rằng mình biết hết phố xá nơi đây, được cái cậu cũng rành kha khá. Nhưng tối hôm ấy, cậu quá sung sướng với món quà đồng hồ Timex bất ngờ mẹ tặng, nên ngay cả khi mẹ bảo John Wayne nên đóng vai Adolf Hitler trong vở nhạc hài kịch về Thế chiến thứ hai, cậu cũng nhất trí. Cậu bèn gật đầu.

“Con từng thấy gì chưa?” Bà hỏi. “Bất cứ thứ gì hay ai đó... chà, đáng ngờ? Bất thường? Thứ gì đó làm con sợ chẳng hạn?”

Trong niềm vui sướng vì có đồng hồ, trong tình thương dạt dào dành cho mẹ cũng như sự sung sướng của một cậu bé con được mẹ quan tâm (dù sự quan tâm ấy có hơi đáng sợ, bởi nó quá bạo liệt, quá rõ ràng và chẳng nao núng), suýt chút nữa cậu đã kể với mẹ chuyện xảy ra vào tháng Một vừa rồi.

Cậu mở miệng, nhưng chưa kịp nói thì một thứ gì đó – một linh tính mạnh mẽ nào đó – đã chặn họng cậu.

Mà thứ đó thật ra là gì? Có lẽ là linh tính. Không hơn... mà cũng chẳng kém. Ngay cả trẻ con cũng hiểu đôi khi tình thương đi kèm với những trách nhiệm phức tạp hơn, và trong một số trường hợp, tốt hơn hết là nên giữ im lặng. Đó là một phần lý do Ben im bặt. Nhưng còn một thứ khác, thứ này chẳng cao thượng gì cho cam. Mẹ cậu lắm lúc rất nghiêm khắc. Mẹ có phần gia trưởng. Mẹ không bao giờ bảo cậu “mập” mà chỉ nói cậu “to con” (thỉnh thoảng còn nhấn mạnh “to con so với tuổi”), và khi còn dư thức ăn từ bữa tối, mẹ thường đem đến chỗ cậu lúc cậu đang xem ti vi hoặc làm bài tập, và thế nào cậu cũng ăn bằng hết, dù một phần mờ nhạt trong cậu chứa ghét bản thân khi làm thế (nhưng cậu không ghét mẹ vì để đồ ăn trước mặt mình – Ben Hanscom chẳng bao giờ dám ghét đấng sinh thành, chắc chắn

Chúa sẽ cho cậu tắc tử nếu cậu dám có cảm xúc vô ơn và bất hiếu ấy dù chỉ một khắc). Và có lẽ một phần nào đó còn mờ nhạt hơn trong cậu – vùng Tây Tạng xa xôi lưu giữ những suy nghĩ sâu thẳm của Ben - nghi ngờ động cơ của mẹ khi liên tục cho cậu ăn. Chỉ đơn giản là tình thương? Hay có lý do gì khác? Hẳn là không. Nhưng... cậu lừng khừng. Nói trắng ra, mẹ còn không biết cậu chẳng có bạn bè. Việc đó khiến cậu mất lòng tin nơi mẹ, khiến cậu không dám chắc liệu mẹ sẽ phản ứng ra sao khi nghe cậu kể về sự vụ cậu gặp phải vào tháng Một. Ấy là nếu có điều gì đó xảy ra. Về nhà lúc sáu giờ và không ra ngoài cũng chẳng hề hấn gì, có lẽ thế. Cậu có thể đọc sách, xem ti vi,

(ăn)

lắp ghép các thứ bằng thanh gỗ và bộ Erector Set. Nhưng phải chôn chân cả ngày trong nhà thì chán mớ đời... và nếu cậu kể với mẹ thứ mình đã thấy – hoặc nghĩ rằng mình đã thấy – vào tháng Một, khéo có khi mẹ sẽ bắt cậu ở lì trong nhà cho mà xem.

Do vậy, vì tí tở lý do, Ben quyết định sẽ không làm thế.

“Dạ không, mẹ ạ,” cậu đáp. “Con chỉ thấy ông McKibbon lục thùng rác nhà người ta thôi.”

Nghe thế, mẹ phá lên cười – mẹ cậu không ưa ông McKibbon, vừa là một người theo Đảng Cộng hòa, vừa là “dân Công giáo” – và nụ cười của mẹ kết thúc cuộc nói chuyện. Đêm đó, Ben nằm thao thức đến khuya, nhưng cậu không muợn phiến với những suy nghĩ về việc không nơi nương tựa, côi cút một mình giữa trần đời nghiệt ngã. Nằm trên giường, ngắm nhìn ánh trăng chiếu qua khung cửa sổ, rót lên giường và tràn xuống sàn, cậu cảm thấy mình được nâng niu và bảo bọc. Cậu hết đưa đờng hồ lên tai để lắng nghe tiếng tích tắc, lại dí sát nó vào mắt để chiêm ngưỡng

mặt đồng hồ phát quang đầy ma mị.

Mãi sau cậu mới thiếp đi và mơ thấy mình đang chơi bóng chày với các bạn trong một khu đất trống phía sau Trạm Xe tải của Anh em Tracker. Cậu vừa thực hiện một cú *home run* chiếm hết mọi chốt gôn, vung mạnh đến độ đầu gối khuỵu xuống đất, gây đập chuẩn từng ly quả bóng, các đồng đội reo hò ầm ĩ, bu lại quanh cậu ở gôn nhà. Mọi người huých cậu và vỗ lên lưng cậu. Họ công kênh cậu lên vai và đưa cậu đến chỗ dụng cụ nằm rải rác. Trong mơ, cậu gần như vỡ òa vì tự hào và hạnh phúc... và sau đó cậu đưa mắt nhìn về hướng giữa sân, nơi chằng xích sắt để đánh dấu ranh giới giữa khoảng đất đầy xỉ than và phần đất rậm rì thoải thoải dẫn xuống Vùng Đất Cằn. Cậu trông thấy một bóng hình lấp ló giữa cỏ dại um tùm và những bụi cây thấp bé, gần như bị khuất hẳn. Nó cần một chùm rất nhiều bóng bay- đỏ, vàng, xanh dương, xanh lá – trên tay đeo găng trắng. Tay còn lại vẫy vẫy. Tuy không thấy mặt của người đó nhưng cậu có thể thấy bộ đồ rộng thùng thình với những nút to tướng màu cam ở phía trước và chiếc nơ bướm màu vàng lòng thòng.

Là một chú hề

Chuẩn rồi đấy, thở để, một giọng nói ma mị vang lên.

Sáng hôm sau, khi Ben tỉnh giấc, cậu quên hẳn giấc mơ, nhưng sờ vào gối, cậu thấy nó ướt đầm... tựa hồ đêm qua, cậu đã khóc.

7

Cậu đi thẳng đến bàn chính trong thư viện trẻ em, gạt đi dòng suy nghĩ về việc giờ giới nghiêm đã bắt đầu dễ dàng như chú chó lắc mình cho khô sau khi bơi.

“Chào cháu, Benny,” cô Starrett lên tiếng. Giống cô giáo Douglas, cô

thủ thư cũng thật lòng quý Ben. Nhìn chung những người lớn, nhất là những người thuộc nhóm ngành nghề thảnh thơi phải răn đe trẻ em, rất thích cậu, vì cậu lễ phép, nói năng nhỏ nhẹ, biết trước biết sau, nhiều khi còn hài hước một cách lặng thầm. Đây cũng là những lý do hầu hết đám con nít ghét cay ghét đắng cậu. “Cháu đã thấy chán kỳ nghỉ hè chưa?”

Ben mỉm cười. Tính cô Starrett lúc nào cũng thích bông đùa. “Dạ chưa,” cậu đáp, “vì kỳ nghỉ hè mới chỉ diễn ra” – cậu nhìn đồng hồ – “một tiếng mười bảy phút thôi ạ. Chắc phải một tiếng nữa cháu mới chán.”

Cô Starrett phá lên cười, lấy tay che miệng để tiếng cười không trở nên quá to. Khi nghe cô hỏi liệu Ben có muốn đăng ký chương trình đọc sách mùa hè hay không, cậu bèn đồng ý. Cô đưa cho cậu tám bản đồ Hoa Kỳ, thế là cậu cảm ơn rồi rút.

Cậu lưỡng lự bước đến kệ sách, lấy một cuốn sách chỗ này hay chỗ kia, đọc lướt qua rồi cất trở lại vị trí cũ. Chọn sách là một công việc rất nghiêm túc. Ta phải hết sức cẩn thận. Người lớn thích bao nhiêu có thể mượn bấy nhiêu, nhưng trẻ con chỉ có thể mượn về ba cuốn một lần. Nếu chọn phải cuốn nhạt nhẽo thì chẳng khác nào mua dây buộc mình.

Loay hoay mãi, cuối cùng cậu cũng chọn được ba cuốn – *Xe Úi, Ngựa đua The Black* và một cuốn nhắm mắt lựa đại mang tên *Xế độ* của tác giả Henry Gregor Felsen.

“Cháu có thể không thích cuốn này đâu,” cô Starrett nhận xét trong lúc đóng dấu. “Nội dung cực kỳ máu me. Cô hay khuyến khích cuốn này cho thanh thiếu niên, nhất là những người vừa mới có bằng lái, vì cuốn sách này chứa nhiều điểu khiến họ suy nghĩ. Cô thấy nó khiến nhiều đứa chạy chậm lại cả tuần kia.”

“Chà, vậy để cháu đọc thử ạ,” Ben nói rồi mang sách đến bàn cách xa

Góc Gấu Pooh, lúc này, chú dê lớn nhất đang tặng cho con quỳ dưới cầu một trận tưới bởi hoa lá.

Cậu đọc cuốn *Xế độ* một lúc mà thấy nó không quá đáng sợ. Thật ra chẳng đáng sợ chút nào. Nội dung viết về một cậu bé lái xe rất giỏi, nhưng lúc nào cũng có một tay cảnh sát phá đám tìm cách bắt cậu chạy chậm lại. Ben phát hiện hóa ra ở Iowa, bối cảnh của câu chuyện, không có giới hạn tốc độ. Nghe có vẻ hay ho.

Cậu ngẩng lên sau khi đọc một mạch ba chương và mắt cậu bị thu hút bởi cách bài trí mới ở nơi đây. Tấm áp phích trên cùng (xem ra thư viện là một người hâm mộ cuồng nhiệt các tấm áp phích) có hình bác đưa thư vui vẻ gửi thư đến cho một đứa trẻ cũng đang hớn hờ hết sức. **THƯ VIỆN CÒN LÀ NƠI ĐỂ VIẾT**, tấm áp phích ghi như vậy. **EM HÃY VIẾT THƯ CHO BẠN NHÉ! HẸN LÀ SẼ TRÀN NGẬP NỤ CƯỜI!**

Bên dưới tấm áp phích là các khe nhét đầy những tấm bưu thiếp đã được đóng dấu sẵn, phong thư cũng được dán sẵn tem và giấy viết thư với hình vẽ Thư viện công cộng Derry bên trên bằng mực xanh. Phong thư dán sẵn tem có giá năm xu, bưu thiếp giá ba xu. Giấy viết thư có giá một xu hai tờ.

Ben lần mò túi mình. Bên trong vẫn còn bốn xu dư từ tiền bán chai. Cậu đánh dấu trang cuốn *Xế độ* rồi quay trở lại bàn. “Cháu có thể mua một tấm bưu thiếp được không ạ?”

“Tất nhiên rồi, Ben.” Như mọi khi, cô Starrett rất ưng ý trước thái độ lễ phép như ông cụ non của cậu và chút buồn lòng trước tương tá của Ben. Nếu còn sống, mẹ của cô sẽ bảo cậu bé đang tự đào mồ chôn mình bằng dao và nĩa. Bà sẽ đưa cho cậu bé tấm bưu thiếp rồi nhìn cậu đi về chỗ ngủ của mình. Bạn có sáu ghế nhưng chỉ có Ben ngồi thu lu một mình. Bà chưa

bao giờ thấy Ben đi với cậu bạn nào cả. Thế này thật đáng tiếc, bởi bà tin rằng Ben Hanscom tì ầm ản ngọc quý bên trong. Cậu sẽ bộc lộ kho báu ấy với một người t ầm ngọc kiên nhẫn và tốt bụng... ấy là nếu như người đó xuất hiện.

8

Ben lấy cây bút bi của mình ra, ấn đầu bút xuống rồi viết lên tấm bưu thiếp dòng chữ đơn giản: *Gửi bạn Beverly Marsh, đường Chính Phố Dưới, Derry, Maine, Khu 2*. Cậu không biết địa chỉ chính xác của căn chung cư nơi cô ở, nhưng mẹ nói hầu hết các bác giao thư đầu nắm trong lòng bàn tay các khách hàng của mình sau khi làm việc một thời gian. Nếu bác giao thư ở khu đường Chính Phố Dưới giao được tấm bưu thiếp này thì tốt. Còn không, nó sẽ được trả về văn phòng thư không người nhận và cậu tốn mất ba xu. Tất nhiên, tấm bưu thiếp sẽ không đời nào quay về với cậu, vì cậu không định đề tên và địa chỉ của mình lên đó.

Cần tấm bưu thiếp với phần địa chỉ úp vào trong (cẩn tắc vô áy náy, dù xung quanh cậu toàn là người lạ), cậu lấy vài mẫu giấy vuông từ hộp gỗ để cạnh hộp đựng danh thiếp. Dem về chỗ ng ẩ, cậu bắt đầu hí hoáy, gạch tới gạch lui, rồi lại tiếp tục hí hoáy.

Trong tuần học cuối cùng trước kỳ thi, bọn trẻ đã đọc và tập làm thơ haiku trong lớp tiếng Anh. Haiku là một loại thơ của Nhật Bản, ngắn gọn và súc tích. Cô Douglas giảng một bài thơ haiku chỉ đúng mười bảy âm tiết – không hơn, không kém. Nội dung thơ thường xoáy vào một hình ảnh rõ ràng, liên quan đến một cảm xúc cụ thể: buồn, vui, hoài niệm, hạnh phúc... tình yêu.

Ben hoàn toàn mê mẩn khái niệm thơ này. Cậu rất thích giờ học tiếng

Anh, dù tất cả chỉ dừng lại ở ưa thích. Cậu dư sức hoàn thành bài tập, nhưng thành thật mà nói, chẳng có gì khiến cậu hứng thú cả. Nhưng ở thơ haiku ẩn chứa đi đâu đó khiến mạch tưởng tượng của cậu tuôn trào. Loại thơ ấy khiến cậu cảm thấy vui, giống như cách cô Starrett giải thích về hiện tượng nhà kính làm cậu reo vui trong lòng. Ben cảm thấy haiku là dòng thơ tuyệt phẩm vì nó có *niêm luật* rõ ràng. Nó không có luật ngấm. Chỉ mười bảy âm tiết, một hình ảnh ẩn dụ cảm xúc, thế là đủ. Chấm hết. Rõ ràng, rành mạch, tinh gọn và đi theo luật riêng. Cậu thích cả cái tên của dòng thơ này, một dòng khí bị vỡ ra như đi dọc theo đường kẻ chấm bởi âm “k” phát ra từ cuối cổ họng: *haiku*.

Tóc cậu ấy, cậu ngẫm nghĩ và mừng tượng cảnh cô bước xuống bậc thang ở trường với mái tóc nhún nhảy trên vai. Mặt trời không phản chiếu nhiều trên mái tóc cô mà dường như ánh nắng đang tỏa ra từ đó.

Vắt óc suốt hai mươi phút (với một quãng nghỉ để đi lấy thêm giấy), gạch bỏ những từ quá dài, sửa và bôi xóa, Ben cho ra đời tác phẩm:

*Tóc nàng như ngọn lửa mùa đông,
Than hồng đỏ rực tháng Giêng
Tìm tôi bừng nơi đó.*

Cậu không quá cu ờng nhưng cậu đã trút hết sức để làm r ấ. Cậu sợ nếu cứ sửa tới sửa lui quá nhiều, bôi bèo ra bọ, cậu sẽ đâm ra lo lắng và chữa lợn lành thành lợn què. Hoặc có khi chẳng viết được chữ nào. Mà cậu lại không muốn đi đâu đó xảy ra. Phút giây cô bắt chuyện với cậu là một khoảnh khắc trời giáng với Ben. Cậu muốn khắc sâu nó trong tâm tưởng. Biết đâu Beverly đã tương tự một anh khối trên – lớp Sáu chẳng hạn – hoặc thậm chí là lớp Bảy, và cô sẽ cho rằng tác giả của bài thơ haiku này là anh ta. Đi đâu đó sẽ khiến cô hạnh phúc, vì thế, ngày nhận được bức thư này sẽ in

hắn trong ký ức cô. Dù cô sẽ không bao giờ biết Ben Hanscom sáng tác bài thơ ấy vì cô, cũng chẳng sao; *bản thân* cậu biết là đủ.

Cậu chép bài thơ hoàn chỉnh lên mặt sau của tấm bưu thiếp (viết hoa rời rạc, như thể viết thư tổng tiền chứ chẳng giống thơ tình chút nào), kẹp bút vào túi rồi nhét tấm bưu thiếp vào sau cuốn *Xế độ*.

Cậu đứng dậy, chào tạm biệt cô Starrett lúc bước ra.

“Tạm biệt, Ben,” cô Starrett nói. “Tận hưởng kỳ nghỉ hè, nhưng đừng quên giờ giới nghiêm đấy.”

“Dạ, vâng ạ.”

Cậu băng qua hành lang bằng kính nối giữa hai tòa nhà, tận hưởng không khí ấm áp bên trong (hiệu ứng nhà kính, cậu hào hứng nghĩ và tiếp đó là sự mát lạnh ở thư viện dành cho người lớn. Một cụ ông đang đọc tờ *News* trên chiếc ghế xưa, được bọc đệm đầy thoải mái trong góc Phòng Đọc. Dòng tiêu đề ngay bên dưới tên tờ báo ghi: DULLES HỨA QUÂN ĐỘI MỸ SẼ GIÚP LEBANON NẾU CẦN! Trên mặt báo còn đăng hình Ike bắt tay một người Ả Rập trong Vườn Hờng. Mẹ của Ben nói vào năm 1960, khi đất nước bầu tổng thống Hubert Humphrey, có thể mọi chuyện sẽ biến chuyển. Ben lơ mơ biết dạo ấy kinh tế đang trải qua một thời kỳ mang tên suy thoái, và mẹ cậu lo lắng bà sẽ bị đuổi việc.

Một dòng tit nhỏ hơn ở nửa dưới trang nhất đề CẢNH SÁT TIẾP TỤC SĂN TÌM KÊ ĐIÊN.

Ben đẩy cánh cửa chính to dùng của thư viện rồi bước ra ngoài.

Có một thùng thư dưới chân bậc thang. Ben lấy tấm bưu thiếp ra khỏi cuốn sách rồi để nó vào thùng. Cậu thấy tim mình rộn ràng hơn khi tấm bưu thiếp trượt khỏi tay. *Nhỡ cô ấy biết đó là mình thì sao?*

Nằm mơ giữa ban ngày hử, cậu đập ngay, hơi giật mình khi thấy ý tưởng ấy khiến mình hào hứng đến thế.

Cậu rảo bước lên đường Kansas, chẳng để ý mình đang đi đâu, mà thật tình cũng chẳng để tâm cho lắm. Cậu bắt đầu thả hồn cho tâm trí bay bổng. Trong tưởng tượng ấy, Beverly Marsh tiến về phía cậu, đôi mắt xanh xám mở to, mái tóc màu hung được cột lại phía sau thành đuôi ngựa. *Tớ muốn hỏi cậu một câu, Ben, cô bạn cậu tự biên tự diễn trong đầu lên tiếng, và cậu phải thề sẽ nói thật với tớ.* Cô cầm tấm bưu thiếp trên tay. *Cậu là người viết phải không?*

Tưởng tượng gì tệ lậu quá. Tưởng tượng gì tuyệt vời quá. Cậu nửa muốn nó dừng lại, nửa muốn nó cứ kéo dài mãi. Mắt cậu lại bắt đầu đỏ bừng.

Ben vừa đi vừa mơ mộng, vung vẩy cuốn sách mượn ở thư viện từ tay này sang tay kia và huýt sáo. *Có lẽ cậu nghĩ tớ là kẻ tồi tệ, Beverly thủ thỉ, nhưng tớ nghĩ là tớ muốn trao cậu nụ hôn.* Đôi môi cô khế hé mở.

Còn môi của Ben chột khô khốc, khiến cậu không huýt sáo nổi.

“Tớ nghĩ tớ muốn cậu làm thế,” cậu thì thầm, nở nụ cười ngây ngô, say sưa và tuyệt đẹp.

Nếu lúc đó nhìn xuống vỉa hè, Ben sẽ thấy ba bóng người đã quây quanh bóng cậu; nếu lúc đó cậu chịu khó lắng nghe, cậu sẽ nghe thấy tiếng đế giày của Victor cạ xuống đường khi hắn, O’ Hoi và Henry tiến lại. Nhưng cậu không nghe, cũng chẳng thấy gì. Bởi lúc ấy, hồn Ben đang tít tặn trên mây, cảm nhận đôi môi của Beverly nhẹ nhàng áp vào cậu, cậu đưa đôi tay ngượng ngùng chạm vào mái tóc rực lửa Ireland của cô.

Giống như nhiều thị trấn lớn nhỏ khác, Derry không được hoạch định mà cứ thế sinh sôi nảy nở như cỏ dại. Còn khuya các nhà quy hoạch đô thị mới sắp xếp cho thị trấn tọa lạc ở vị trí hiện tại. Trung tâm thị trấn Derry lọt thỏm trong thung lũng được hình thành bởi suối Kenduskeag chạy ngang qua trung tâm kinh doanh và thương mại theo đường chéo từ hướng tây nam sang đông bắc. Phần còn lại của thị trấn men theo triền các ngọn đồi xung quanh.

Thung lũng nơi những người đầu tiên khai thiên lập địa đặt chân đến ngày xưa lầy lội và rậm rạp vô cùng. Sông Kenduskeag và sông Penobscot – nơi con sông Kenduskeag đổ vào – tạo thuận lợi cho thương buôn, nhưng lại gây nhức đầu cho những người gieo trồng hoặc xây nhà quá gần lưu vực - đặc biệt là sông Kenduskeag, bởi cứ ba đến bốn năm, lũ lụt lại xảy ra một lần. Suốt năm mươi năm qua, bao nhiêu tiền của đã đổ vào nhằm kiểm soát vấn đề này nhưng vô tác dụng, thành phố vẫn đối diện với nguy cơ ngập lụt. Nếu nguyên nhân lũ lụt chỉ nằm ở con sông thì hệ thống đê đập đã đủ để giải quyết. Nhưng còn nhiều yếu tố khác. Thứ nhất, bờ sông Kenduskeag quá thấp. Thứ hai, hệ thống thoát nước toàn khu vực quá tệ. Từ lúc bước sang thế kỷ mới, Derry đã phải hứng chịu rất nhiều cơn lũ nghiêm trọng và một cơn lũ đã để lại hậu quả thảm khốc vào năm 1931. Họa vô đơn chí, Derry nằm trên những ngọn đồi với hệ thống sông ngòi chằng chịt - trong đó có sông Torrault, nơi phát hiện thi thể Cheryl Lamonica. Vào thời gian mưa nhiều, nước sông rất dễ tràn bờ. “Nếu mưa kéo dài hai tuần, khéo cả thị trấn này viêm xoang mất,” bố của Bill Cà Lăm từng nhận xét.

Đoạn sông Kenduskeag chảy qua trung tâm thị trấn được bao bọc bởi bờ kênh bê tông dài hơn ba ki-lô-mét. Con kênh này luôn bên dưới đường

Chính ở ngã tư đường Chính giao với Kênh Đào, khiến con sông chạy ngầm dưới lòng đất khoảng tám trăm mét trước khi lộ dạng ở công viên Bassey. Đường Kênh Đào, nơi hầu hết các quán bar của Derry rông rảnh cạnh nhau như tội phạm xếp hàng trình diện, chạy dọc theo hai bên con kênh ra đến ngoài thị trấn, và cứ vài tuần một tuần, cảnh sát lại phải trục vớt xe của một tay bơm nhậu nào đó từ dưới làn nước ô nhiễm đến độ không tả nổi do nước thải và rác từ nhà máy. Thỉnh thoảng, người dân cũng câu được cá từ Kênh Đào nhưng chúng đều đột biến, không ăn được.

Ở mạn Đông Bắc của thị trấn – tức phía Kênh Đào - con sông đã được đưa vào khai thác phần nào. Thương mại nở rộ dù thỉnh thoảng vẫn xảy ra lũ lụt. Mọi người tản bộ dọc theo Kênh Đào, thỉnh thoảng nắm tay tình tứ (ấy là nếu thuận hướng gió; chứ nếu ngược hướng gió, bao nhiêu mùi hôi thối bốc lên khiến những cuộc dạo bộ chẳng còn tí lãng mạn nào), và ở công viên Bassey, nằm đối diện trường trung học phía bên kia Kênh Đào, thỉnh thoảng đội Hướng đạo sinh lại cắm trại hoặc Ấu sinh Hướng đạo tổ chức tiệc ngoài trời. Vào năm 1969, dân cư sẽ được dịp thất kinh và phát ốm khi phát hiện đám hippy (một tên còn khâu cả cờ Mỹ dưới móng quần ấy chưa kịp ra rả tên ông Gene McCarthy thì đã bị gô cổ lại) đang hút hít và mua bán thuốc ở đó. Đến năm 1969, công viên Bassey trở thành một tiệm thuốc ngoài trời nườm nượp khách. *Cứ đội mà xem*, người dân rỉ tai nhau. *Thế nào cũng có người chết trước khi họ kịp ngăn chặn chỗ này*. Và lời nói ấy quả không sai – một cậu thanh niên mười bảy tuổi được phát hiện đã chết cạnh Kênh Đào, huyết quản đầy hê-rô-in gần như tinh khiết – mà đám choai choai hay gọi là đường bột trắng chặt. Sau đó, đám hút chích tản mát khỏi công viên Bassey và người ta thậm chí còn truyền tai nhau chuyện âm hồn cậu thanh niên kia vẫn ám khu vực này. Tất nhiên câu chuyện rõ vớ

vẫn, nhưng nếu nó ngăn đám hút chích và gạt gù phê thuốc đến đây, thì chí ít nó là một câu chuyện ngu ngốc mà được việc.

Ở phía tây nam thị trấn, con sông lại nảy sinh lắm chuyện hơn. Một sông băng rất lớn cắt xuyên qua ngọn đồi, chưa kể, nước từ sông Kenduskeng và hệ thống lưu vực chằng chịt như mạng nhện nơi đây gây xói mòn liên tục, tầng đá nhiều chỗ còn lộ cả ra, trông chẳng khác nào xương khủng long chưa được khai quật hết. Sau đợt băng giá đầu tiên hội mùa thu, các nhân viên kỳ cựu ở Bộ phận công trình công cộng Derry đầu biết thế nào cũng sắp phải sửa chữa kha khá vỉa hè ở phía tây nam thị trấn. Bê tông sẽ co lại và trở nên giòn hơn, để rồi đột nhiên tầng đá lại xuyên thẳng lên trên, như thể Trái Đất sắp nứt để thứ gì đó chui ra.

Những loài cây phát triển tốt nhất trong tầng đất cát nông còn sót lại là cây có hệ rễ ngắn và chống chịu được thời tiết khắc nghiệt: những cây xù xì, bụi thấp và mọc dày, cùng thường xuân độc cũng như cây sơn độc mọc tràn lan ở bất cứ nơi nào chúng có thể bầu vịu được. Vùng đất phía tây nam đồ dốc xuống khu vực mà người dân Derry gọi là Vùng Đất Cằn – tên một đảng, đất lại một nẻo – một khoảng đất rộng chừng hai ki-lô-mét rưỡi và dài chừng tám ki-lô mét. Một mặt của nó tiếp giáp với đường Kansas, mặt còn lại giáp Mũi Đất Cũ. Mũi Đất Cũ là một khu nhà ở cho người thu nhập thấp, và hệ thống thoát nước ở đó tệ đến độ có lắm giai thoại về bồn cầu hay ống nước thải bị nổ tung.

Sông Kenduskeag chạy ngang qua trung tâm Vùng Đất Cằn. Ngày trước, thị trấn mở rộng về phía Đông Bắc, bọc lấy hai phía khu vực này, nhưng vết tích duy nhất của thị trấn ở đó là Trạm Nước thải Derry #3 (trạm bơm nước thải của thị trấn) và Bãi rác Thành phố. Nhìn từ trên không, Vùng Đất Cằn trông y như con dao găm chĩa thẳng về trung tâm

thành phố.

Đâu đó trong đầu, Ben lơ mơ biết yếu tố địa lý kết hợp địa chất này có nghĩa là bên phải cậu hiện không còn nhà cửa, đất nghiêng nghiêng xuống dốc. Dọc theo vỉa hè có hàng rào chắn quét vôi tì tì cao ngang hông nhằm bảo vệ nhưng chỉ mang tính hình thức. Cậu nghe thấy tiếng nước chảy rào rào vắng lại, tựa hồ nhạc nền cho tưởng tượng của cậu.

Cậu dừng chân, đưa mắt nhìn Vùng Đất Cằn, trong đầu vẫn hình dung đôi mắt và mùi hương trên mái tóc Beverly.

Đứng từ đây, sông Kenduskeag chỉ là những ánh sáng lấp lánh ló dạng qua tán lá rậm rì. Nhiều đứa nói rằng mùa này trong năm, muỗi ở đó to như chim sẻ; đứa khác lại bảo gần sông có cát lún. Ben chẳng tin lời đồn về muỗi, nhưng cát lún nghe sợ thật.

Xéo xéo bên trái, cậu nhìn thấy một bãi hải âu chao lượn: bãi rác. Tiếng kêu của chúng vang đến tai cậu. Xa xa, cậu trông thấy Derry Heights và những mái nhà thấp lè tè ở khu Mũi Đất Cũ gần sát Vùng Đất Cằn. Bên phải Mũi Đất Cũ, chìa thẳng lên trời như ngón tay trắng hếu vừa to vừa mập, là Derry Standpipe. Ngay dưới chân cậu là cống ngầm thò ra khỏi mặt đất, thải thứ nước xỉ màu xuống đẽo theo dòng suối con con le lói phản chiếu, biến mất trong cây cối và bụi cỏ um tùm.

Tưởng tượng tươi đẹp của Ben về Beverly chợt bị phá bĩnh bởi một suy nghĩ rừng rợn hơn: lỡ như ngay lúc này, lúc cậu đang mãi nhìn, có một bàn tay người chết thò ra từ cống ngầm thì sao? Và giả sử cậu chạy đi tìm điện thoại gọi cảnh sát, gã hề đứng đó thì biết làm thế nào? Một gã hề nhìn buồn cười với bộ đồ thùng thình, dính những chiếc cúc to tướng màu cam? Giả như...

Một bàn tay chạm vào vai Ben khiến cậu thất thanh.

Tiếng cười ha hả vang lên. Cậu quay ngoắt lại, người áp vào hàng rào trắng chia cách vỉa hè an toàn, bình yên của đường Kansas với Vùng Đất Cằn rùng thiêng nước độc (rào chắn cốt kết thấy rõ) và trông thấy Henry Bowers, Huggins Ở Hời cùng Victor Criss đứng trước mặt mình.

“Chào, thằng béo,” Henry nói.

“Mấy người muốn gì?” Ben hỏi, tỏ ra cứng rắn.

“Tao muốn đập mày,” Henry chổng lỏn. Xem ra hấn cân nhắc ý kiến này một cách đàng hoàng, thậm chí rất nghiêm túc là đàng khác. Nhưng ô kìa, đôi mắt đen của hấn sáng lên. “Tao phải dạy cho mày một bài học, thằng béo. Chắc mày hóng lắm nhỉ? Mày khoái học thứ mới mà.”

Thấy hấn nhào tới, Ben bèn né đi.

“Chúng mày, giữ nó lại.”

Ở Hời và Victor chộp lấy tay cậu. Ben ré lên. Tiếng hét nghe thật nhát gan, thỏ đế và yếu ớt, nhưng cậu biết làm sao bây giờ. *Chúa ơi, đừng để bọn nó hành con phải khóc và đừng để bọn nó làm bể đồng hồ của con*, Ben hoảng loạn nghĩ. Cậu không biết liệu chúng có phá nát đồng hồ của cậu hay không, nhưng làm cậu khóc thì có đấy. Cậu dám chắc chúng sẽ hành cậu khóc như mưa mới chịu thôi.

“Này chúng mày, nó chẳng khác gì con heo nái nhỉ.” Victor nhạo báng. Hấn vịn cổ tay Ben. “Chúng mày có thấy tiếng nó giống heo không?”

“Chứ còn gì nữa,” Ở Hời cười ha hả.

Ben vùng chạy theo hướng này rồi đến hướng khác. Ở Hời và Victor bám theo dễ như bỡn, để cậu lao lên rồi kéo cậu lại.

Henry chộp lấy cổ áo Ben rồi kéo lên khiến bụng cậu lộ ra. Chiếc áo căng lên, lửng lơ phía trên thắt lưng cậu.

“Xem cái bụng nó kìa!” Ben hét lên đầy khinh bỉ. “Ồi làng nước ơi!”

Victor và Ợ Hơi lại ré lên cười ha hả. Ben hốt hoảng nhìn quanh cầu cứu nhưng chẳng thấy ma nào. Phía sau cậu, dưới Vùng Đất Cằn, dế kêu rúc rúc và hải âu kêu vang.

“Mấy người dừng lại đi!” Ben hét lên. Tuy chưa khóc bù lu bù loa nhưng cậu cũng sắp sửa lưng tròn. “Dừng lại đi!”

“Không thì sao?” Henry hỏi như thể tò mò thực sự muốn biết. “Không thì sao hả thằng béo? Không thì sao, hả?”

Chẳng hiểu sao Ben lại nghĩ về Broderick Crawford, diễn viên đóng vai Dan Matthews trong bộ phim *Cảnh sát Cao tốc* – anh vừa cứng cỏi, vừa xấu tính, anh chẳng để ai trèo lên đầu – rồi cậu òa khóc. Dan Matthews chắc chắn sẽ ném đám du côn này qua hàng rào xuống bờ sông và cắm đầu vào bụi cây. Anh ấy sẽ dùng bụng hất văng chúng nó.

“Ồi trời, xem thằng oắt con này kìa!” Victor cười hăng hắc. Ợ Hơi phụ họa cười theo. Henry chỉ khẽ nhếch mép nhưng khuôn mặt hắn vẫn hầm hầm và trăn trăn – vẻ mặt có gì đó buồn bã. Ben hoảng sợ. Điêu đó có nghĩa là hắn không chỉ muốn hành hung cậu mà còn nhiều hơn thế.

Như muốn chứng thực cho lo lắng của Ben, Henry thò tay vào túi và lấy ra một con dao găm.

Nỗi kinh hãi trong Ben bùng nổ. Cậu cuống cuống vùng vẫy hết bên này đến bên kia, rồi đột nhiên cậu nhào thẳng tới trước. Có một khắc cậu tưởng mình thoát được. Mồ hôi mẹ, mồ hôi con thi nhau túa ra, và tay nắm côn đồ giữ cậu chắc hắn trơn tuột rồi. Ợ Hơi chật vật lồm mới níu được tay phải của cậu. Cậu giằng hoàn toàn khỏi Victor. Một cú lao tới nữa...

Nhưng trước khi cậu kịp thực hiện, Henry đã bước tới trước và xô cậu. Ben bay ngược về phía sau. Hàng rào ken kết thật to, và cậu cảm thấy nó

oắn lại dưới sức nặng của mình. Ở Hori và Victor lại chộp lấy tay cậu.

“Giờ chúng mày giữ nó.” Henry gần gừ. “Nghe chưa?”

“Rồi, Henry,” Ở Hori đáp, giọng thoáng chột dạ. “Nó không thoát được đâu. Đừng lo.”

Henry tiếp tục sấn tới cho đến khi cái bụng phẳng lì của hắn suýt nữa chạm vào bụng Ben. Cậu chăm chăm nhìn hắn, nước mắt thi nhau tuôn rơi từ đôi mắt mở to. *Tóm rồi! Mình bị tóm rồi*, một phần trong tâm trí cậu nhao lên. Cậu tìm cách chặn đứng nó – tiếng lèo nhèo này khiến cậu không tập trung nghĩ được gì – nhưng bất lực. *Tóm rồi! Tóm rồi! Tóm rồi!*

Henry bật mở lưỡi dao vừa dài vừa rộng, trên đó còn khắc cả tên hắn. Mũi dao sáng lên trong ánh tà dương.

“Để tao kiểm tra mày nhé,” Henry nói bằng cái giọng trăn trăn ấy. “Đến giờ thi rồi, thằng béo, liệu hồn chuẩn bị lên thót đi.”

Ben khóc như mưa. Tim cậu đập điên cuồng trong lồng ngực. Nước mũi chảy nhoe nhoét, đọng lại ở môi trên. Những cuốn sách mượn từ thư viện vương vãi dưới chân cậu. Henry đập lên cuốn *Xe ủi*, đoạn cúi xuống và dùng mẹ giày bột đen hất thẳng nó xuống cống.

“Câu hỏi đầu tiên cho bài thi đây, thằng béo. Khi có người bảo ‘Cho tao chép bài’ lúc thi cuối kỳ thì mày đáp thế nào?”

“Được!” Ben lập tức hét lên. “Tôi sẽ bảo được! Tôi cho! Được! Thích chép gì thì chép!”

Mũi dao cắt qua không khí khoảng năm phân và dí vào bụng Ben. Nó lạnh như khay đựng đá vừa lôi ra từ tủ lạnh Frigidaire. Ben hóp bụng lại để né con dao. Trong một khắc, thế giới bỗng trở nên tối sầm. Miệng Henry đang chuyển động nhưng Ben không hiểu hắn ta đang nói gì. Henry như

chiếc ti vi tắt tiếng, còn thế gian xung quanh cậu như đang chìm trong nước... trong nước...

Không được ngất! Giọng nói hoảng sợ trong cậu rít lên. Nếu mày ngất, nó sẽ nổi điên cho mày châu trời bây giờ!

Thế giới dần rõ nét hơn trong mắt cậu. Cậu thấy Ợ Hơi và Victor đã thôi cười. Nhìn chúng lo lắng... gần như sợ hãi. Cảnh tượng ấy tát một cú trời giáng khai thông hần đầu óc của Ben. *Trắng mắt ra chưa, chúng còn không biết hần sẽ làm gì hay mạnh động đến đâu. Mày đừng ngây thơ mà lâm, giờ thì mọi chuyện bung bét rồi đấy... và khéo có khi chưa dừng lại đâu. Nghĩ đi. Nếu chưa động não lên nào thì giờ nghĩ đi. Vì đôi mắt của hần nói rằng lo lắng không thừa đâu. Mắt hần bảo hần dám chơi tới cùng đấy.*

“Câu trả lời sai rồi, thằng béo,” Henry nói. “Nếu có ai đó bảo mày ‘Cho tao chép bài’ thì mày làm gì cũng đểch phải việc của tao. Hiểu không?”

“Hiểu” Ben đáp, bụng phập phồng theo từng tiếng nấc. “Hiểu, tôi hiểu rồi.”

“Ờ, tốt. Một câu sai, nhưng mấy câu tới mới quan trọng. Mày sẵn sàng cho câu ăn điểm chưa?”

“Có... Tôi có.”

Một chiếc xe chầm chậm tiến lại chỗ chúng. Chiếc xe Ford ‘51 cũ bụi bặm với một người đàn ông và một phụ nữ luống tuổi ngồi ở ghế trước, trông chẳng khác nào ma nơ canh bị xếp xó khá lâu trong trung tâm thương mại. Ben nhìn thấy người đàn ông chậm rãi quay đầu nhìn về phía cậu. Henry tiến đến gần Ben nhằm giấu con dao. Cậu có thể cảm nhận mũi dao chạm vào da thịt mình, ngay phía trên rốn. Nó vẫn lạnh ngắt. Cậu không hiểu tại sao lại thế, nhưng sự thật là vậy.

“Nào, giỏi thì hét đi,” Henry thách thức. “Tao sẽ cho mày nhặt ruột của mình dưới chân luôn.” Khoảng cách giữa cậu và hắn sát nhau đến nỗi chẳng khác nào hai người đang hôn nhau. Ben có thể ngửi thấy mùi kẹo cao su Juicy Gum ngọt trong hơi thở của Henry.

Chiếc xe chạy ngang qua, xuôi theo hướng đường Kansas, khoan thai và thành kính như chiếc xe trong Lễ hội Diễu hành Hoa hồng.

“Được rồi, béo, câu hỏi thứ hai đây. Nếu *tao* bảo ‘Cho tao chép bài’ lúc thi cuối kỳ thì mày đáp thế nào?”

“Được. Tôi sẽ nói được. Ngay lập tức.”

Henry mỉm cười. “Tốt lắm. Mày trả lời đúng rồi đó. Giờ câu hỏi thứ ba là ‘Thế làm sao tao biết chắc mày sẽ giữ lời?’”

“Tôi... tôi chịu,” Ben thì thào.

Henry mỉm cười. Mặt hắn ta sáng lên, trong một khoảnh khắc, hắn trông cũng ưa nhìn. “Tao biết đấy!” Hắn nói, như thể vừa tìm ra thứ chân lý gì chói lọi lắm. “Tao thì biết đấy, thằng béo! Tao sẽ khắc tên tao lên cái bụng ục ịch của mày!”

Victor và Ợ Hơi chột phá lên cười ha hả. Trong một khoảnh khắc, Ben cảm thấy như trút được gánh nặng, cậu định ninh bọn côn đồ chỉ dọa dẫm mình – ba đứa bọn chúng chỉ đang diễn trò để dọa cậu mất mặt. Nhưng Henry Bowers chẳng buồn nhếch mép, Ben chột hiểu Victor và Ợ Hơi cười là vì chúng thấy nhẹ nhõm. Rõ ràng chúng nghĩ Henry không nghiêm túc. Song hắn ta không hề đùa giỡn.

Con dao trượt một đường lên trên, ngọt như cắt bơ. Máu tứa ra thành dòng đỏ tươi trên làn da xanh như tàu lá của Ben.

“Này!” Victor hét lên. Tiếng của hắn rền rĩ khi há hốc giật mình.

“Giữ lấy nó!” Henry bật lại. “Tao bảo mày giữ, nghe không?” Giờ chẳng còn vẻ nghiêm túc hay trầm tư trên khuôn mặt của Henry nữa, mà biến thành khuôn mặt rùng rợn của quỷ dữ.

“Lạy Chúa, Henry, máy tính rạch nó thật à?” O’Hori la lên, giọng the thé như con gái.

Mọi thứ xảy ra quá nhanh, nhưng với Ben Hanscom, sự việc diễn ra chậm thật chậm; tựa hồ một chuỗi những bức ảnh chụp hành động liên tiếp trên tờ *Life*. Nổi hoảng loạn trong cậu đã biến mất. Đột nhiên, cậu phát hiện ra thứ gì đó bên trong mình, và bởi nó không có ích lợi gì cho nỗi hoảng sợ của cậu bây giờ nên đã bị xori tái.

Trong khung hình đầu tiên, Henry kéo áo cậu lên đến ngang ngực. Máu vẫn tứa ra từ vết cắt nông thẳng đứng phía trên rốn.

Trong khung hình thứ hai, Henry rạch con dao xuống, như một tay bác sĩ quân y cuống cuồng phẫu thuật dưới mưa bom bão đạn. Máu tươi tuôn trào.

Lùi lại, Ben bình tĩnh tự nhủ khi máu chảy xuống, tụ lại giữa lưng quần jean và da cậu. Phải lùi lại. Đó là hướng duy nhất mình có thể trốn thoát. O’Hori và Victor không giữ tay cậu nữa. Mặc Henry ra lệnh, chúng đã lùi lại. Chúng lùi lại trong hãi hùng. Nhưng nếu cậu chạy, Bowers sẽ chớp lấy cậu ngay.

Trong khung hình thứ ba, Henry nối hai đường rạch thẳng đứng bằng một đường rạch ngắn nằm ngang. Ben có thể cảm thấy máu chảy vào quần lót, và vết dinh dính ấy đang len xuống đùi trái.

Henry hơi ngửa ra sau trong chốc lát, chau mày như một họa sĩ đang dồn hết tâm trí vẽ phong cảnh. Sau chữ H là chữ E, nghĩ đến đây, Ben quyết định phải hành động. Cậu nhào tới trước một chút thì bị Henry đẩy

ngược trở lại. Ben lấy thế trên hai chân, kết hợp với sức lực của mình để chống lại Henry. Cậu đụng vào hàng rào quét vôi ngăn cách đường Kansas và khu vực của Vùng Đất Cằn. Tận dụng lúc này, cậu giơ chân phải đập vào bụng Henry. Hành động này không mang tính trả đũa; Ben chỉ muốn mình bật ra sau mạnh hơn. Nhưng khi trông thấy vẻ mặt thộn ra vì ngạc nhiên của Henry, cậu không khỏi cảm thấy hả hê - cảm giác ấy bạo liệt đến độ trong một khắc, cậu còn ngỡ đầu mình suýt nổ tung.

Sau đó có tiếng hàng rào răng rắc rồi gãy tan tành. Ben trông thấy Victor với Ợ Hơi chụp lấy Henry trước khi hắn ngã đập mông xuống cống, bên cạnh cuốn *Xe ủi* nát bươm, rồi Ben chới với ngã nhào ra sau. Cậu hét lên, nửa hét nửa cười khoái trá.

Lưng Ben đập lên triền đê rồi, còn mông đập xuống ngay bên dưới cống vòm mà cậu trông thấy ban nãy. May mà cậu rơi xuống dưới; rủi mà rơi lên cống, hẳn lưng cậu đã gãy rồi. Trong cái rủi có cái may, cậu đáp đúng bãi cỏ dại và dương xỉ diều hâu um tùm, không bị chấn thương gì. Cậu lộn ngược ra sau, chân căng chống lên đê. Cậu lấy lại tư thế ngẩng rồi trượt xuống triền đê như đứa trẻ trượt trên chiếc máng xanh rờn to, áo cậu lật lên đến tận cổ, tay quơ quàng tìm chỗ bám nhưng chẳng tóm được gì ngoài nhũn vài cụm dương xỉ hay cỏ dại.

Cậu nhìn thấy bờ sông (thật không thể tin nổi mới ban nãy cậu đứng đó) ngày càng xa với tốc độ trượt chóng hết mặt. Cậu nhìn thấy Victor và Ợ Hơi mất chữ O, mồm chữ A, trân trân ngó theo cậu. Cậu còn kịp dành chút thời gian xốt mấy cuốn sách của thư viện. Và rồi cậu va phải thứ gì đó đau điếng người, suýt chút nữa cần đứt lưỡi mình.

Hóa ra đó là một cái cây bị đổ, và nó chặn đà rơi của Ben bằng cách suýt chút nữa làm gãy chân trái của cậu. Cậu lồm cồm bò lên dốc, vừa rên rỉ

vừa kéo chân mình ra. Cậu rơi được nửa trền đ ối thì cái cây cản lại. Cây cối dưới kia rậm rạp hơn. Nước chảy từ cống vòm lu ền qua tay cậu thành những dòng suối be bé.

Có tiếng rít vẳng lại từ bên trên. Ben ngẩng lên và một lần nữa trông thấy Henry Bowers nhảy qua hàng rào, con dao siết chặt giữa hai hàm răng. Hai chân hắn đáp xuống đất, người ngửa ra sau để tránh mất thăng bằng. Hắn trượt xuống, để lại vết to tướng r ồi cầm đầu chạy xuống bờ sông, nhảy lên nhảy xuống như con chuột túi.

“*Tao siết sết mày, tăng éo!*” Henry g ầm gừ với con dao giữa miệng, và Ben chẳng cần thông dịch viên của Liên hợp quốc cũng biết Henry đang nói *Tao giết chết mày, thằng béo.*

“*Mẹ khiết, tao siết sết mày!*”

Giờ đây, với cái nhìn của một vị tướng đi ền tĩnh mà cậu khai mở trên vỉa hè ban nãy, Ben thấu tỏ nước đi tiếp theo của mình. Cậu gom sức đứng dậy trước khi Henry nhào đến nơi, con dao nắm trong tay và giờ ngay trước mặt hắn như lưỡi lê. Ben lờ mờ cảm nhận ống quần jean bên trái của cậu đã bị rách, và chân cậu đang chảy máu nhiều hơn bụng... song nó vẫn đứng vững, tức chân chưa gãy. Chỉ ít cậu *mong* là vậy.

Ben hơi cúi người để giữ thăng bằng, và khi Henry dùng một tay chộp lấy cậu, tay kia vung con dao thành một đường cong dài, Ben né qua một bên. Cậu mất thăng bằng, nhưng khi ngã xuống, cậu vụt chân trái ra. Mất cá chân của Henry đập vào chân cậu, hai chân hắn lảo nh ẫn tr ợt cú đập mạnh bạo. Trong khoảnh khắc, Ben há hốc, nổi khiếp sợ bị lấn át bởi tr ần tr ồ xen lẫn ngưỡng mộ. Henry Bowers bay như siêu nhân qua cái cây bị đổ nơi Ben ngừng trượt. Hai tay hắn duỗi thẳng ra trước mặt, y như cách George Reeves đưa tay lên trên chương trình truyền hình. Lúc nào George Reeves

cũng bay như thể bay là hành động rất bình thường như đi tắm hoặc ăn trưa sau hiên nhà. Còn Henry trông như bị dí que còi lửa nóng rẫy vào mông. Miệng hắn hết mở lại đóng. Nước bọt văng ra nơi khoe miệng, và Ben thấy nó dây ra vành tai của Henry.

Sau đó Henry ngã đánh ṛần xuống đất. Con dao bay ra khỏi tay hắn. Hắn lăn qua một bên, lưng tiếp đất ṛồi trượt vào bụi cây, hai chân dạng thành hình chữ V. Ṛồi có tiếng la. Và thịch một cái. Sau đó, tất cả im lìm.

Ben ng̣õn thẩn thờ, nhìn vào bụi cây um tùm nơi Henry vừa trình diễn màn biến mất của mình. Đột nhiên sỏi đá văng vào người cậu. Ngẩng lên, cậu trông thấy Victor và Ợ Hơi đang lao xuống bờ sông. Chúng đi dò chừng hơn Henry nên chậm hơn, tuy nhiên, nếu cậu cứ ở đó ngây ra như phỗng, chúng sẽ tóm cổ được cậu trong chưa tới ba mươi giây nữa. Cậu ṛần rĩ trong họng. Chẳng lẽ thứ điên ṛồ này không chịu kết thúc sao?

Cẩn trọng để mắt bọn côn đ̣ồ, cậu trèo qua cái cây bị đổ ṛồi bắt đầu trườn xuống bờ sông, thở ḥồng hộc. Cậu xóc hết cả hông. Lưỡi đau như quở. Bụi cây chỗ này cao ngang ngực Ben. Mùi ngai ngái của cây cỏ mọc um tùm xộc vào mũi cậu. Cậu có thể nghe thấy tiếng nước chảy ở đâu đó gần đấy, róc rách, ầm ì len lỏi qua những tảng đá.

Ben trượt chân và lại xoay vòng vòng, mu bàn tay đập vào tảng đá nhô ra, đâm thẳng qua bụi gai móc rách miếng vải màu xanh xám từ áo của cậu, cứa rách thịt từ tay và má cậu.

Va đập một ḥồi, cậu mới dừng lại trong tư thế ng̣õn, hai chân nhúng xuống nước. Có một dòng suối nhỏ quanh co róc rách chảy vào cụm rừng thứ sinh phía bên phải cậu, trông nó tối đen như có hang động bên trong. Nhìn sang trái, cậu trông thấy Henry Bowers đang nằm ngửa ngay giữa dòng suối. Đôi mắt kḥẽ mở chỉ trơ toàn lòng trắng. Máu rỉ ra từ một tai và

chạy về phía Ben thành những đường mảnh.

Ôi Chúa ơi! Mình giết hắn rồi! Ôi Chúa ơi, mình là kẻ sát nhân! Ôi Chúa ơi!

Quên bằng mất Ợ Hơi và Victor đang ở phía sau (hoặc có lẽ cậu suy đoán bọn chúng sẽ không buồn hành hung cậu lên bờ xuống ruộng khi phát hiện Đại ca Ngông của chúng đã mất mạng), Ben lội chứng sáu mét đi ngược lên chỗ Henry nằm, áo sơ-mi của hắn rách tươm, quần jean sũng nước hóa đen và chỉ còn một chiếc giày chân. Ben lờ mờ nhận ra bộ quần áo trên người mình cũng rách như tổ đĩa, và cả người cậu bã hết cả, vừa đau vừa nhức. Đau nhất phải kể đến mắt cá bên trái, nó sưng vù trong chiếc giày ướt sũng, cậu tránh dưng sức bên chân trái hết mức có thể, đến độ cậu chẳng đi nữa mà cà nhấc như viên thủy thủ sau chuyển đi biển dài dằng dặc, mới được bước lên đất liền.

Cậu cúi xuống Henry Bowers. Mắt Henry bỗng trừng lên. Hắn nắm lấy chân của Ben bằng một tay vừa trầy trụa vừa bê bết máu. Miệng hắn mấp máy, và dù chẳng nghe thấy gì ngoài chuỗi hơi rít trong họng, Ben vẫn có thể hiểu đi đâu hắn đang nói: *Tao giết chết mày, thằng béo.*

Henry tìm cách dựng người dậy, dùng chân của Ben làm trụ. Ben hoảng hồn giật người về phía sau. Tay của Henry trượt xuống và buông khỏi cậu. Ben nhảy ra sau, quơ quàng, lập kỷ lục đập bàn tọa xuống nước lần thứ ba trong vòng bốn phút. Cậu cần phải lười một lần nữa. Nước bắn tung tóe quanh cậu. Chẳng hiểu sao cầu vồng nháy lên trước mắt Ben trong một khắc. Ben chẳng quan tâm đến cầu vồng hay gì cả. Cậu cũng chẳng quan tâm có tìm được chum đựng vàng dưới chân cầu vồng hay không. Cậu sống đời thằng béo thảm hại là đủ rồi.

Henry lật người, tìm cách đứng dậy. Lại ngã. Trầy trật chống tay và đầu

gối. Phải mất một lúc lâu hắn mới loạng choạng đứng được. Hắn nhìn Ben chăm chăm với đôi mắt đục ngầu. Phần tóc mái trước trán hết lắc bên này ngã bên kia, trông như vỏ ngô sau một cơn gió lốc.

Bỗng dưng, Ben giận khủng khiếp. Không - còn hơn cả giận. *Cậu nổi cơn thịnh nộ rồi*. Cậu chỉ đi bộ với mấy cuốn sách mượn từ thư viện trên tay, mộng mơ một chút về việc trao Beverly Marsh nụ hôn, chứ có gây phiền hà gì ai? Thế mà nhìn đây. Nhìn mà xem. Quần thì rách. Đầu gối bên trái không gãy thì cũng bong gân. Chân xây xát, lười cũng tanh bành; tên viết tắt của thằng Henry Bowers chết tiệt chình ình trên bụng. Thế này đã đủ gay cấn chưa, hỡi những người đam mê thể thao ời? Nhưng có lẽ suy nghĩ về những cuốn sách của thư viện mà mình phải chịu trách nhiệm là nguyên nhân cậu lao vào sống chết với Henry Bowers: Mất sách và ánh mắt quả trách của cô Starrett khi cậu khai với cô. Mà dù lý do là gì – người ngọm xây xát, bong gân, sách thư viện hay thậm chí là suy nghĩ về cuốn sổ liên lạc nhuộm nhoét nước và chắc chẳng còn đọc nổi trong túi sau - giọt nước đã tràn ly. Loạng choạng bước tới, đôi Keds sưng nước lạch bạch trong con suối nông, cậu đưa chân đá thẳng vào bộ hạ của Henry.

Henry hét lên như bị chọc tiết, khiến đám chim đậu trên cành cây cuống cuống bay lên. Hắn đứng giăng háng một lúc, tay ôm bộ hạ, trợn mắt nhìn Ben như thể không tin nổi vào mắt mình. “Ặc.” hắn khê kêu lên.

“Chuẩn,” Ben lên tiếng.

“Ặc” Henry lại nói, lần này nhỏ hơn.

“Chuẩn rồi đấy.” Ben tiếp tục nói.

Henry từ từ khuyu gối, không hẳn ngã mà chỉ là gập người xuống. Hắn vẫn nhìn Ben với đôi mắt đen đày thất kinh.

“Ặc.”

“Chuẩn *quá*,” Ben nói.

Henry phủ phục xuống đất, tay vẫn giữ chặt lấy háng, chậm rãi lăn lộn từ bên này sang bên kia.

“Ặc!” Henry rên rỉ. “Bi của tao.Ặc! Mày dám đập bi tao!Ặc ặc!” Hắn bắt đầu gom được chút sức lực, và Ben từ từ lùi lại, từng bước một. Cậu thấy kinh tởm trước hành động mình vừa làm; nhưng đồng thời, cảm giác khoái trá chính đáng, choáng ngợp dâng lên trong từng thớ thịt. “Ặc! Hai hòn của tao!Ặc, ặc! Trời ơi, BI của tao!”

Có lẽ Ben sẽ đứng ở đó lâu thật lâu – thậm chí đến lúc Henry hồi phục trở lại để đuổi theo cậu – nhưng ngay lúc ấy, một viên đá bắn vào tai phải khiến cậu đau điếng người, tới độ nếu không thấy dòng máu nóng chảy ra, Ben cứ tưởng mình vừa bị ong bắp cày đốt.

Quay mặt lại, cậu trông thấy hai kẻ du côn kia đang bước ngang suối đến chỗ mình. Mỗi người bọn chúng nắm một vốc sỏi đá được nước mài nhẵn. Victor ném một viên, Ben nghe thấy tiếng nó xé gió ngang qua tại mình. Cậu cúi người né, lại thấy một viên khác văng vào đầu gối phải, khiến cậu la lên vì đau. Viên thứ ba bắn vào xương gò má phải, làm mất cậu ãng ạng nước.

Cậu lọ mọ đi về phía bờ bên kia rồi leo lên nhanh nhất có thể, chộp lấy những rễ cây lộ thiên hoặc nắm lấy bụi cỏ trong tầm tay. Sau khi leo lên trên cùng bờ sông (viên đá cuối cùng bắn vào mông khi cậu rướn lên trên), cậu nhanh mắt nhìn ra sau vai.

Ợ Hơi đang quỳ gối xuống cạnh Henry, còn Victor cách đó chừng hai mét để ném đá, một hòn đá to như bóng chày vọt qua bụi rậm cao ngang người bên cạnh Ben. Cậu đã thấy đủ rồi, hay nói đúng hơn là quá xá đủ rồi. Điều tệ nhất là Henry Bowers sắp gượng dậy rồi. Như chiếc đồng hồ

Timex của Ben, Henry cũng "chịu bầm chịu dập mà vẫn tích tắc đều đặn". Ben quay lại, tiếp tục mò mẫm vào bụi rậm, ì ạch tiến theo hướng mà cậu mong là hướng tây. Nếu có thể băng qua Vùng Đất Cằn mà đến được Mũi Đất Cũ, cậu có thể xin ai đó mười xu để bắt xe buýt về nhà. Và khi về đến nhà, cậu sẽ khóa ngay cửa sau lưng, chôn hết đồng quần áo rách nát be bét máu này vào thùng rác, để giấc mộng điên rồ này có thể chấm dứt. Ben mừng rỡ tượng cảnh mình an vị trên chiếc ghế trong phòng khách, tắm táp sạch sẽ, khoác bộ đồ tắm bông xù màu đỏ, xem phim hoạt hình Vịt Daffy trên *The Mighty Ninety*, nhấm nháp sữa từ ống hút Flav-R-Straw vị dâu. *Khoan nằm mơ đi đã*, cậu u s ầu tự nhủ và tiếp tục mò mẫm.

Câu slogan quảng cáo của hãng đồng hồ Timex.

Bụi cây đâm thẳng vào mặt cậu. Ben gạt chúng sang một bên. Gai sượt qua, cứa rách da cậu. Cậu cố lờ đi. Lọ mọ h ồi lâu, cậu đến một khoảng đất bằng phẳng vừa đen đúa vừa bần thủ. Loài cây trông như tre trúc chen chúc mọc dày, mùi xú uế bốc lên từ đất. Một suy nghĩ đáng ngại như bóng đèn sượt qua mặt trước tâm trí cậu

(cát lún)

lúc cậu nhìn vào mặt nước phẳng lặng loang loáng sâu trong lùm cây. Cậu không muốn tiến vào đó. Ngay cả khi đó không phải cát lún, thì bùn lầy sẽ khiến đôi giày của cậu mắc kẹt mất. Cậu bèn quay sang phải, chạy dọc theo bụi tre, h ồi sau thì đến bìa rừng thật sự.

Cây cối đa phần là linh sam, mọc dày đặc bốn phương tám hướng, giành giệt nhau để có chút không gian và ánh nắng, được cái mặt đất có ít cây cỏ nên cậu đi nhanh hơn. Giờ cậu chẳng dám chắc mình đang đi hướng nào, nhưng suy đi tính lại thì cậu vẫn nghĩ mình đang đi trước đám côn đồ kia một nước. Ba mặt của Vùng Đất Cằn được bao bọc bởi Derry, mặt còn

lại giao với đường cao tốc mở rộng còn đang dang dở. Chẳng sớm thì muộn, cậu sẽ tìm được đường ra ở đâu đó.

Bụng đau dữ dội, cậu lật chiếc áo nỉ rách của mình lên để kiểm tra. Cậu nhú mào, rất thành tiếng qua kẽ răng. Bụng cậu trông như quả bóng trang trí trên cây thông Giáng sinh gổm guốc, máu đỏ đống thành vảy, nhoe nhoét thêm màu xanh lá từ cú trượt xuống bờ sông ban nầy. Cậu kéo áo xuống. Càng nhìn, cậu chỉ càng cảm thấy bu ồm nôm.

Cậu nghe thấy tiếng rì rầm vang lên trên đầu – chỉ nhỉnh hơn một nốt so với tần số tối thiểu có thể nghe được. Một người lớn nếu chỉ chăm chăm tìm đường ra khỏi đây (đám muỗi đã phát hiện ra Ben rồi, và mặc dù không to như chim sẻ nhưng chúng cũng lớn ra phết) hẳn sẽ chẳng để tâm, hoặc đơn giản là không nghe thấy. Nhưng Ben còn nhỏ, và cậu cũng dấn vượt qua nỗi sợ của mình. Bất chợt, cậu rẽ sang trái và gạt những bụi nguyệt quế thấp bé. Bên kia bụi cây, sừng sững giữa đất là một cây cột xi măng cao chừng một mét và rộng mét hai. Cột được đẩy bằng một nắp cống có lỗ thông hơi. Trên nắp là dòng chữ Bộ phận Nước thải Derry. Âm thanh khi đến gần nghe không còn giống tiếng rì rầm mà giống tiếng ro ro, phát ra từ bên trong cây cột.

Ben ghé mắt vào lỗ thông hơi nhưng chẳng thấy gì. Cậu có thể nghe thấy tiếng ro ro, biết nước đang chảy bên dưới, nhưng cũng chỉ có thể. Cậu hít một hơi, ngửi thấy mùi chua vừa ẩm vừa thối khiến cậu nhăn mặt rụt lại. Cũng đúng thôi, cống thoát nước mà. Hoặc có thể đây vừa là cống thoát nước vừa là hầm nước thải – dạng này nhiều vô số kể ở một thị trấn không dư gì ngoài lũ lụt như Derry. Chẳng có gì ghê gớm. Nhưng nó khiến cậu lạnh hết cả sống lưng. Phần là vì trông thấy công trình của con người giữa nơi rừng thiêng nước độc, nhưng cậu nghĩ phần là vì hình dáng của nó

– một trụ cột bê tông thò lên giữa mặt đất. Năm trước, Ben từng đọc cuốn *Cỗ máy thời gian* của H.G. Wells, đầu tiên là phiên bản truyện tranh cổ điển, sau đó đọc phiên bản truyện chữ đầy đủ. Hình trụ với nắp sắt có lỗ thông hơi này khiến cậu nhớ đến những cái giếng thông xuống vương quốc của đám [quỷ Morlock](#) lưng gù ghê tởm.

Nhân vật trong tiểu thuyết *The Time Machine*, là loài vật tiến hóa từ con người, những người sống sót sau trận đại thiên tai năm 2037. Từ lúc Mặt Trăng va vào Trái Đất thì loài người tiến hóa thành hai loài là loài Eloi trên mặt đất và loài Morlock sống ở dưới đất.

Cậu vội lùi lại và cố lần theo hướng tây một lần nữa. Đến một vùng đất trống nằm giáp ranh, cậu rẽ cho đến lúc bóng của mình nằm thẳng sau lưng. Đoạn cậu cứ thế đi theo đường thẳng.

Chừng năm phút sau, cậu nghe thấy tiếng nước chảy to hơn ở phía trước và tiếng người. Tiếng í ới của trẻ con.

Cậu dừng chân lắng nghe, và đó cũng là lúc cậu nghe thấy tiếng cành cây gãy cùng nhiều giọng nói khác phát ra từ phía sau. Cậu chẳng còn lạ gì những âm thanh này nữa: chúng là của Victor,Ợ Hơi và kẻ độc nhất vô nhị Henry Bowers.

Xem chừng ác mộng chưa có hồi kết.

Ben nhìn quanh để tìm đường về lại địa cầu.

10

Khoảng hai giờ sau đó, cậu bước ra khỏi chỗ nấp, người ngợp dờ như hải nhưng có chút sáng khoái. Đến bản thân cậu cũng không thể tin nổi mình vừa ngủ thiếp đi.

Khi nghe thấy tiếng động của ba kẻ du côn vẫn lì lợm rượt đuổi ngay

phía sau, suýt chút nữa Ben đơ như con thú, sững lại trước đèn pha của chiếc xe tải đang trờ tới, mà thế chẳng khác nào nộp mạng cho chúng. Cơn choáng váng bắt đầu choán lấy cậu. Trong đầu cậu thậm chí còn manh nha suy nghĩ: hay cứ nằm ra đây, cuồn người như con nhím và mặc xác chúng làm gì thì làm. Rõ là một ý tưởng điên rồ, song đồng thời, nó cũng có vẻ đúng đắn một cách kỳ lạ.

Nhưng không, Ben tiếp tục di chuyển về phía tiếng nước chảy và tiếng của đám trẻ kia. Cậu căng tai nghe giọng của chúng và cố hiểu xem chúng đang nói gì – bất cứ thứ gì để rũ bỏ cơn tê liệt đáng sợ đang chế ngự cậu. Dự định gì đó. Chúng đang bàn về dự định gì đó. Thậm chí một hoặc hai trong số các giọng nói còn có phần thân thuộc. Có tiếng hắt nước, theo sau là tiếng cười khanh khách. Tiếng cười giòn tan khơi trong lòng Ben nỗi nhớ da diết, và càng khiến cậu thấm thía việc cậu chưa bao giờ rơi vào tình thế ngàn cân treo sợi tóc như thế này.

Nếu cậu sắp sửa bị bắt thì không nên để đám trẻ kia bị vạ lây. Ben tiếp tục rẽ phải. Người mập có cái hay là đi rất êm, và cậu cũng thế. Cậu tiến gần đến đám côn đồ tới mức cậu trông thấy bóng bọn chúng di chuyển tới lui giữa cậu và làn nước lấp lánh, nhưng chúng không nghe cũng không thấy cậu. Một hồi, giọng của chúng chỉ còn rì rầm ở đằng sau.

Cậu gặp một con đường mòn nhỏ hẹp. Suy tính một lát, Ben khẽ lắc đầu. Cậu băng qua con đường rồi đi thẳng vào bụi cây. Lần này cậu đi chậm rãi hơn, gạt các bụi cây sang một bên để đi chứ không lộ liễu đạp thẳng lên chúng như trước. Tính ra cậu vẫn đang đi song song với con suối mà đám du côn kia lảng vảng ban nãy. Dù cây cối và bụi rậm cản tầm mắt, nhưng cậu vẫn có thể trông thấy con suối này rộng hơn con suối mà cậu và Henry ngã xuống ban nãy.

Ở đây lại có thêm một ống bê tông, bề mặt bị cây dâu tằm leo kín mít, khe khẽ kêu ro ro. Phía đằng xa, bờ hồ dốc thẳng xuống con suối, với một cây du già sần sùi oằn mình cong queo trên mặt nước. Bộ rễ cây lộ thiên do bờ sông bị xói mòn, trông chẳng khác nào nắm tóc bần.

Một mặt, Ben cầu mong không gặp chuột bọ hay rắn rết, nhưng đồng thời cậu mệt đến mức đầu óc mụ mị nên chẳng buồn quan tâm, cậu mò mẫm giữa bộ rễ và chui vào cái hang nông phía dưới. Cậu ngửa ra sau. Nhanh rẽ đâm vào cậu như một ngón tay giận dữ. Cậu cựa mình một chút, thế là bộ rễ nâng người cậu vừa vặn.

Henry, Ợ Hơi và Victor tiến lại. Cậu cứ tưởng bọn chúng sẽ mắc lõm mà đi theo đường mòn, ai ngờ đời không như là mơ. Trong một lúc, chúng đứng gần cậu - chỉ cần gần thêm chút nữa thôi là cậu dư sức đưa tay ra chạm vào chúng từ chỗ nấp.

“Hắn mấy thằng oắt con vừa nãy đã trông thấy nó,” Ợ Hơi lên tiếng.

“Ừ, để coi sao,” Henry đáp, rồi bộ ba đi ngược lại con đường mà ban nãy chúng vừa tới. Lát sau, Ben nghe thấy hắn rống lên: “Lũ chúng mày mò vào đây làm quái gì?”

Có tiếng trả lời, nhưng Ben chỉ nghe tiếng được tiếng mất: đám trẻ ở khoảng cách quá xa, chưa kể ở cự ly này, tiếng nước chảy dưới sông - tất nhiên đây là sông Kenduskeag - quá ồn ào. Nhưng cậu đoán hẳn đám trẻ sợ lắm. Cùng chung hoàn cảnh nên Ben hiểu.

Đoạn Victor Criss hét lên một câu mà Ben chẳng hiểu mô tê gì cả: “Con đập khốn kiếp!”

Con đập? Hay là ăn đập? Hoặc có thể Victor dọa nạt đám con nít nhưng Ben nghe nhầm.

“Phá vỡ nó đi!” Ợ Hơi khơi mào.

Có tiếng la ó phản đối, theo sau là tiếng thét đầy đau đớn. Có tiếng khóc thút thít. Ừ thì, Ben có thể thông cảm. Bọn chúng chưa tóm cổ được cậu (chỉ ít tới lúc này là thôi), nhưng giờ chúng lại vớ được cả một đám trẻ con để giận cá chém thớt.

“Được, phá nó đi,” Henry chốt hạ.

Tiếng nước bắn tung tóe. Tiếng la hét. Điều cười khả ố, man rợ của O’Hoi và Victor. Tiếng một đứa trẻ thất thanh đầy đau đớn.

“Đừng có lý do lý trấu với tao, thằng oắt con cà lăm,” Henry Bowers đe nẹt. “Hôm nay, tao đếch muốn đứa nào giống mặt với tao nữa đâu đấy.”

Có tiếng răng rắc vang lên. Tiếng nước chảy ở hạ nguồn chột to hơn, ồn ào trong một thoáng trước khi trở lại nhịp điệu róc rách êm ả trước đây. Ben chột ngộ ra tất cả. Phải, lời mà Victor nhắc đến là con đập. Đám trẻ kia – lúc đi ngang qua, cậu áng chừng có khoảng hai ba đứa – đang xây một con đập. Henry và bè lũ côn đồ vừa đập bể nó. Ben còn đoán mình biết một người trong đám trẻ đó. “Thằng oắt con cà lăm” duy nhất mà cậu biết ở trường Derry là Bill Denbrough, học cùng khối Năm nhưng khác lớp cậu.

“Cậu vừa vừa phải phải thôi!” Một giọng nói mỏng manh, sợ sệt hét lên. Ben nhận ra giọng nói này, nhưng chưa mừng tượng được ngay khuôn mặt của người nói. “Mắc mớ gì cậu làm vậy?”

“Vì tao thấy *thích*, được không dám chết dịch kia?” Henry gằn lên. Một tiếng nện đánh thịch vang lên, và sau đó là tiếng thét và khóc thút thít.

“Câm đi,” Victor gằn giọng. “Khóc lóc cái gì, đồ oắt con, tao véo tai mày xuống rãnh cột dưới cầm bây giờ.”

Tiếng khóc chuyển thành một chuỗi khụt khịt nghẹn trong họng.

“Bọn tao sẽ đi,” Henry nói, nhưng trước khi đi, tao hỏi chúng mày một

câu. Chừng mười phút trước, chúng mày có thấy thằng béo nào không? Một thằng to béo xây xát và đầy máu me?”

Câu trả lời gọn lỏn, hẳn chỉ có thể là từ “không”.

“Mày chắc không?” Ợ Hơi hỏi. “Không chắc thì coi chừng tao, thằng cà lăm.”

“T-t-tôi ch-ch-chắc.” Bill Denbrough trả lời.

“Đi thôi bọn mày,” Henry lên tiếng. “Chắc ban nãy nó lộ hướng kia.”

“Tạm biệt nha,” Victor Criss bông lơn. “Con đập này nhỏ tí ấy mà, tao nói thật. Thà chúng mày không có còn hơn.”

Tiếng nước bì bõm. Giọng của Ợ Hơi lại vang lên, nhưng lần này xa hơn. Ben không nghe được tròn vành rõ chữ. Mà thú thật, cậu cũng chẳng ham nghe ra chúng nó âm mưu gì. Gần đó, cậu bé ban nãy mít ướt lại tiếp tục nước mắt ngắn nước mắt dài. Có tiếng an ủi từ một cậu khác. Ben suy đoán chỉ có hai người, Bill Cà Lăm và cậu trai đang khóc.

Cậu nhấp nhømm nửa ng ỡ, nửa nằm tại chỗ, lắng tai nghe hai cậu con trai ở con sông và giọng nói của Henry cùng bè lũ ác nghiệt phăm phăm tiến về phía xa của Vùng Đất Cằn. Ánh nắng thả mình vào mắt cậu, lấp lánh rơi thành hoa nắng trên bộ rễ đan xen tua tủa trên đầu và xung quanh. Ở đây dơ dáy bẩn thỉu, nhưng cũng ấm áp... và an toàn. Tiếng nước róc rách làm lòng cậu dịu lại. Đến cả tiếng nỉ non của cậu bé cũng dễ chịu làm sao. Bao đau đớn của cậu giờ chỉ còn âm ỉ, còn tiếng ồn ả của đám lòng lang dạ thú kia cũng đã tắt hẳn. Cẩn tắc vô áy náy, cậu sẽ đợi thêm một h ời để chắc chắn chúng đã đi hẳn rồi mới đi tiếp.

Ben có thể nghe thấy tiếng ù ù của nhà máy nước thải văng vẳng lan qua đất – thậm chí cậu còn cảm nhận được nó rung động đều đều, tr ầm tr ầm, vang lên từ lòng đất đến rễ cây cậu đang tựa vào rồi truyền đến lưng.

Cậu lại mừng tượng đến đám Morlock, đến da thịt lỏa lồ của chúng; cậu hình dung nó có mùi tanh tươi và xú uế xộc lên từ lỗ thông hơi của nắp sắt. Cậu nghĩ đến những cái giếng đâm sâu vào Trái Đất gắn sẵn những bậc thang gỉ sét. Cậu mơ màng tiếp đi, bao suy nghĩ nhạt nhòa thành cơn mơ.

11

Thứ cậu nằm mơ thấy không phải là đám quỷ Morlock. Cậu mơ thấy đi đâu đã xảy đến với mình vào tháng Một, sự việc cậu không dám mở miệng kể với mẹ.

Khi ấy là ngày đầu tiên đi học trở lại sau kỳ nghỉ Giáng sinh dài lê thê. Cô Douglas hỏi cả lớp có ai xung phong ở lại phụ cô kiểm những cuốn sách mà mọi người đã trả trước kỳ nghỉ hay không và Ben đã giơ tay.

“Cảm ơn em, Ben,” cô Douglas nói, tặng cậu nụ cười rạng rỡ đến độ cả người cậu, từ đầu đến chân, như được sưởi ấm.

“Đúng là đôninh bọ,” Henry Bowers lăm b lăm nanh nọc.

Hôm đó là một ngày mùa đông điển hình của Maine, vừa đẹp nhất mà cũng vừa khủng khiếp nhất: trong vắt không một gợn mây, chói đến lóa mắt, nhưng lạnh đến tê người. Tưởng chừng âm mười độ là chưa đủ, gió vùn vù khiến trời lạnh cắt da cắt thịt.

Ben đếm sách rồi hô số lượng cho cô Douglas ghi chép (cậu xin tự hào nhấn mạnh rằng cô ấy thậm chí còn không tự mình kiểm tra lại cho chắc, dù chỉ là kiểm ngẫu nhiên), sau đó cả hai cô trò sẽ bùng sách xuống phòng chứa nằm bên kia sảnh, nơi lò sưởi kêu lanh canh khe khẽ. Nếu là bình thường, trường học ồn ã tiếng ồn: tiếng tủ đựng đồ đóng sập, tiếng cô Thomas gõ máy đánh chữ lách cách, tiếng hợp xướng có phần lệch tông của ca đoàn ở tầng trên, tiếng bóng rổ đập xuống sàn bộp bộp đầy huyền

náo trong phòng thể thao cũng như tiếng giày kin kít, bình bịch khi các cầu thủ chạy tới rồ hoặc đột ngột rẽ ngang trên sàn gỗ bóng loáng.

Dần dà, bao ồn ã lắng dần, cho đến khi chõng sách cuối cùng được đếm xong (thiếu một cuốn nhưng không sao, cô Douglas thở dài – cả hai cô trò cũng chỉ mong đến thế), âm thanh cuối cùng còn sót lại là tiếng lò sủi và tiếng chổi loẹt quẹt khe khẽ của ông Fazio khi dọn mặt gỗ trên sàn đại sảnh cùng tiếng gió rít ngoài kia.

Đưa mắt nhìn ra ngoài khung cửa sổ nhỏ hẹp của phòng sách, Ben trông thấy bóng dần ngả chiều hôm. Mới 4 giờ chiều mà trời đã bắt đầu nhập nhoạng. Những bông tuyết băng khuâng bay quanh khung leo trèo băng giá và lững lờ lượn quanh bập bênh đông cứng ngắc xuống nền đất. Chỉ có tiết trời ấm áp khi tháng Tư về mới có thể phá vỡ bao băng giá lạnh lẽo ấy. Cậu thấy ngoài đường Jackson chẳng có ai. Đắm chiêu nhìn lâu hơn, cậu thẫn mòng có chiếc xe chạy ngang ngã tư đường Jackson-Witcham nhưng cũng chẳng có ma nào. Chỉ ít từ điểm nhìn của cậu lúc này thì ngoại trừ cậu và cô Douglas, có lẽ mọi người ở Derry đã chết hoặc cao chạy xa bay cả rồi.

Chuyển ánh nhìn sang cô giáo, cậu thoáng sợ hãi khi trông thấy cô cũng đang cảm nhận đi đâu giống y như cậu. Ánh nhìn trong mắt cô cho cậu biết đi đâu đó. Chúng sâu thẳm, đầy ưu tư và xa xăm, không phải ánh nhìn của một giáo viên tuổi tứ tuần mà là ánh nhìn của một đứa trẻ. Đôi tay cô ấp dưới ngực tựa như cầu nguyện

Mình sợ quá, Ben thẫn nghĩ, và cô Douglas cũng vậy. Nhưng rốt cuộc thì cô trò mình sợ cái gì?

Cậu chẳng rõ. Đoạn cô nhìn sang cậu và phá lên cười, pha chút ngại ngùng. “Cô giữ em lại trẻ quá,” cô lên tiếng. “Cô xin lỗi nhé, Ben.”

“Dạ không sao ạ.” Cậu cúi đầu nhìn xuống đôi giày của mình. Cậu cũng thương cô phần nào – dù không phải tình cảm mạnh dạn và mù quáng mà cậu dành cho cho cô Thibodeau, giáo viên lớp Một... nhưng thương thì vẫn là thương.

“Nếu cô mà biết lái xe thì cô sẽ chở em về nhà,” cô tiếc nuối. “Tiếc là không. Chú nhà sẽ đến đón cô vào khoảng 5 giờ 15. Nếu em đợi được thì cô trò mình...”

“Dạ thôi ạ,” Ben từ chối. “Em phải về nhà trước lúc đó.” Thật ra không phải thế, nhưng chẳng hiểu sao cậu không thấy vui vẻ gì lắm trước ý tưởng gặp chồng của cô Douglas.

“Hay em nói mẹ đến...”

“Mẹ em cũng không lái xe,” Ben giải thích. “Không sao đâu ạ. Nhà em chỉ cách trường một cây rưỡi thôi mà cô.”

“Thời tiết đẹp thì chừng ấy không là gì, nhưng trời đông thế này thì xa xôi lắm đấy. Nếu lạnh quá thì em phải tấp vào đâu đó, được không Ben?”

“Dạ vâng. Em sẽ ghé vào chợ Costello rồi đứng sưởi ở lò cho ấm hoặc gì đó. Bác Gedreau chắc sẽ không phiền đâu. Em mang quần đi tuyết, còn choàng cả khăn quàng mới được tặng dịp Giáng sinh nữa.”

Cô Douglas nhìn an tâm hơn một chút... đoạn cô lại liếc nhìn về phía cửa sổ. “Bên ngoài nhìn rét quá,” cô nói. “Thật... thật hiên oán.”

Cậu không hiểu từ này nghĩa là gì nhưng cậu biết chính xác ý cô nói. *Có thứ vừa chuyển biến – nhưng là thứ gì?*

Cậu nhìn cô và cậu chợt nhận ra phần người của cô chứ không chỉ dưới góc độ giáo viên nữa. Đó là đi đầu vừa xảy ra. Bất chợt, cậu nhìn khuôn mặt cô bằng cách khác hẳn, và vì thế, trong mắt cậu, cô như mang

một diện mạo mới – gương mặt của một thi sĩ mệt mỏi. Cậu có thể mường tượng cảnh cô về nhà với chồng, ngồi cạnh trong xe, tay chấp lái, bộ sườn chạy ro ro, chồng cô kể lại cho vợ mình một ngày vừa qua diễn ra như thế nào. Cậu có thể hình dung cảnh cô nấu bữa tối. Một suy nghĩ kỳ cục nảy nở trong đầu cậu, và một câu hỏi người ta hay tán phét với nhau trong buổi tiệc rượu mấp máy nơi đầu môi: *Cô có con chưa?*

“Cứ đến thời điểm này trong năm, cô lại tự nhủ có lẽ con người không nên sống xa về phía bắc xích đạo như vậy,” cô nói. “Chí ít là không phải vĩ độ này.” Đoạn cô cười, và nét kỳ lạ ấy dường như biến mất khỏi khuôn mặt cô hoặc mắt cậu - giờ cậu đã có thể nhìn cô như con người bấy lâu nay, ít nhất là phần nào. *Nhưng mày sẽ không bao giờ thấy cô như thế kia một cách toàn vẹn nữa, cậu thầm nhủ, lòng nào nê*

“Chừng nào xuân chưa đến, chừng ấy cô còn thấy mình già, nhưng rồi cô sẽ thấy căng tràn nhựa sống trở lại. Năm nào cũng thế. Em có chắc là em tự về được không, Ben?”

“Em đi được ạ.”

“Ừ, cô cũng nghĩ là thế. Em là một cậu bé ngoan.”

Cậu lại nhìn xuống ngón chân mình, mặt ửng đỏ, lòng trào dâng cảm xúc yêu thương dành cho cô giáo của mình.

Từ hành lang, ông Fazio lên tiếng: “Coi chừng bị bỏng lạnh nhé cậu bé,” mắt không rời mặt cửa đỏ đang quét.

“Dạ vâng ạ.”

Cậu đến tủ đựng đồ của mình và mở ra lấy quần đi tuyết trong vào. Cậu khó chịu ra mặt khi mùa đông này mẹ bắt cậu mặc chúng vào những ngày trời rét căm, vì với cậu trông nó chẳng khác nào đồ trẻ con, nhưng riêng chiều nay, cậu thấy mừng là mình đã mang theo. Cậu chậm rãi bước đến

cửa, kéo áo khoác lên, cột mũ lại thật chặt và đeo bao tay. Ra ngoài, cậu khựng lại ở bậc thang đầy tuyết trên cùng một lúc, lắng nghe cửa khép đánh cách – rồi khóa lại – sau lưng.

Trường Derry trần mặc dưới bầu trời thâm xì. Gió không ngừng rít. Đầu móc trên dây treo cột cờ đập vào cột sắt, phát ra âm thanh leng keng cô tịch. Cơn gió tấp thẳng vào da thịt nóng ẩm và chưa hề phòng bị trên mặt khiến má cậu tê đi.

Coi chừng bị bỏng lạnh nhé cậu bé.

Cậu vội vàng kéo khăn quàng cổ lên, đến độ trông cậu chẳng khác nào phiên bản biếm họa nhỏ bé, mập lùn của Red Ryder. Bầu trời ngả bóng mang vẻ đẹp khiến ta trầm trồ, nhưng Ben không có thời gian dừng lại chiêm ngưỡng, trời rét căm căm độ này cơ mà. Phải đi tiếp thôi.

Ban đầu, gió thốc từ sau lưng và tình hình không đến nỗi nào; tính ra cậu còn có thể nương vào ngọn gió. Tuy nhiên, đến đường Kênh Đào, cậu phải rẽ phải nên gần như ngược hẳn hướng gió. Giờ đây ngọn gió như đang cản lối cậu... như thể nó muốn ngáng đường cậu vậy. May mà cậu có quàng khăn, nhưng như thế vẫn chưa đủ. Mắt cậu nhoi nhoi, và nước trong mũi đông thành lớp mỏng. Chân cậu tê dại. Nhiều lần, cậu phải rúc đôi tay đã đeo găng của mình vào nách cho ấm. Gió gào rít, thét gầm, lắm lúc chẳng khác nào con người.

Ben vừa sợ vừa hưng phấn. Sợ vì lúc này cậu đã thấm thía những câu chuyện mình từng đọc, tỉ dụ như *Nhóm lửa* của Jack London, trong đó có nhân vật chết vì lạnh cóng. Một đêm như thế này, một đêm khi nhiệt độ rơi xuống âm 25 độ C.

Còn lý do cậu hưng phấn thì lại hơi khó tả. Cảm giác ấy rất cô đơn - phần nào đó u sầu. Cậu đang ở ngoài trời, cậu lướt như bay cùng ngọn gió,

và chẳng người nào bên kia khung cửa sổ sáng đèn trông thấy cậu. Họ đang ở trong nhà, nơi ấm áp và rạng rỡ. Họ không biết cậu đi ngang qua, cậu là người duy nhất biết. Hành tung của cậu thoát ẩn thoát hiện.

Không khí lướt qua nhói như kim châm nhưng mát lành. Khói trắng tỏa ra từ mũi cậu thành làn hơi bé bé.

Ngày tàn, ánh tà dương nhuộm không gian bằng sắc cam ngả vàng lạnh lẽo lững thững phía chân trời đằng Tây, những vì tinh tú đầu tiên ló dạng như những mảnh kim cương lấp lánh trên bầu trời, ấy cũng là lúc cậu đến Kênh Đào. Chỉ còn ba dãy nhà nữa là cậu về đến nhà mình, cậu nôn nao muốn cảm nhận mặt và chân mình ấm nóng, máu lưu thông trở lại, tạo cảm giác râm ran.

Nhưng... cậu chợt dừng chân.

Kênh Đào đóng băng ở ngay miệng cống bê tông như dòng sông sữa hoa hồng đông cứng, bề mặt lỏm chổm, nứt gãy và đùng đục. Con kênh tĩnh nhưng lại động vô cùng trong ánh sáng mùa đông đầy thanh khiết, nó mang vẻ đẹp kiêu kỳ, độc nhất vô nhị.

Ben rẽ sang hướng khác - tây nam. Đi về phía Vùng Đất Cằn. Khi đi theo hướng này, gió thổi cùng chiều cậu. Nó làm quăn đi tuyết của cậu thổi phần phật. Kênh Đào chạy thẳng giữa hai bờ bê tông khoảng tám trăm mét, sau đó con sông ngoằn ngoèo đổ vào Vùng Đất Cằn, một thế giới xương xẩu đầy bụi gai băng giá và cành cây khẳng khiu trụi lá.

Một bóng người đang đứng trên băng dưới kia.

Ben nhìn chằm chằm, lòng đầy thắc mắc: *Có thể có một người ở bên dưới đó, nhưng liệu anh ta có thể mặc bộ đồ mà anh ta đang mặc kia không? Điều đó là không thể, đúng chứ?*

Hình như bóng người mặc bộ đồ chú hề màu bạc trắng. Nó phần phật

quanh cơ thể hắn trong cơn gió lạnh như ở vùng cực. Hắn đi đôi giày màu cam quá khổ, tiếp màu với hàng nút to bản trên bộ đồ. Một tay hắn cầm chùm dây nối với đồng bóng bay rực rỡ màu sắc, và khi Ben nhìn chùm bóng bay nhấp nhô về hướng mình, cậu cảm thấy mình ngày càng xa rời thực tế hơn. Cậu hết nhắm mắt, dụi mắt rồi lại mở ra. Nhưng quả bóng vẫn ở đấy, dường như đang lơ lửng về phía cậu.

Cậu nghe thấy giọng nói của ông Fazio vang lên trong đầu mình. *Coi chừng bị bỏng lạnh nhé cậu bé.*

Chắc hẳn đây là ảo giác hoặc ảo ảnh dưới tác động kỳ lạ nào đó của khí hậu. Có thể có người đứng trên băng, thậm chí cậu nghĩ có khi người này thật sự đang mặc bộ đồ chú hề. Nhưng đồng bóng bay kia không thể nào trôi về phía Ben, *trôi vào* cơn gió được. Thế mà nhìn kia, bóng bay đang trôi kia.

Ben! Gã hề trên băng cất tiếng. Ben những tưởng tiếng nói chỉ vang lên trong tâm trí, nhưng hình như cậu nghe thấy bằng tai thì phải. *Muốn một quả bóng bay không?*

Giọng nói ấy có gì đó thật ma quái, gớm guốc, đến độ Ben chỉ muốn co giò bỏ chạy nhanh nhất có thể, song chân cậu như dính cứng xuống vỉa hè, giống bập bênh trong sân trường đóng băng xuống đất.

Chúng lơ lửng đấy, Ben! Chúng lơ lửng! Thử mà xem!

Gã hề bắt đầu bước đi trên băng, dọc về phía cầu Kênh Đào nơi Ben đang đứng. Ben quan sát hắn ta lại gần, người đồ ra như khúc gỗ; cậu như con chim chỉ biết nhìn con rắn đang lừ lừ bò lại. Dưới cái lạnh cắt da cắt thịt này, lý ra bóng bay phải vỡ tung mới phải, thế mà chúng còn nguyên, chúng lơ lửng trên đầu gã hề trong khi lý ra phải lật phật bay đằng sau hắn, về phía Vùng Đất Cằn... theo suy đoán của Ben, đó là nơi sinh vật này

xuất phát.

Và rồi Ben để ý thêm một chi tiết.

Mặc dù tia sáng cuối cùng của ban ngày đổ xuống mặt băng của Kênh Đào sắc hồng óng ánh, nhưng gã hề không hề có bóng. Không có chút nào.

Xuống đây vui lắm, Ben, gã nói. Bây giờ nó đủ gần Ben đến độ cậu có thể nghe thấy những tiếng thụp thụp mà đôi giày ngộ nghĩnh của nó phát ra khi bước trên mặt băng gồ ghề. Xuống đây vui lắm, ta hứa đấy, tất cả những cô cậu bé mà ta gặp đều thích mê nơi này, vì nó giống Đảo Niêm vui trong Pinocchio và Vùng đất Thần tiên trong Peter Pan; chúng không bao giờ phải lớn lên, và đó là điều mà tụi con nít ai cũng mê tí thò lò! Nào, đến đâu! Ngắm cảnh, chơi với bóng bay, cho voi ăn, đi tàu lượn! Cháu sẽ thích mê cho mà xem, ôi, Ben, cháu sẽ lơ lửng...

Và dù rất sợ, Ben nhận ra đâu đó trong lòng mình, cậu thật sự muốn một quả bóng bay. Trên đời này, liệu có ai được sở hữu quả bóng bay lơ lửng mặc gió táp kia chứ? Liệu có ai từng nghe về thứ như vậy kia chứ? Đúng thế... cậu muốn có một quả bóng bay, và cậu muốn nhìn mặt gã hề kia, bởi hẳn cứ cúi gầm xuống mặt băng, tựa hồ như tránh cơn gió buốt.

Ben không biết liệu đi đâu gì sẽ xảy ra nếu đúng lúc đó, tiếng chuông báo năm giờ không vang lên trên đỉnh Tòa nhà Thị trấn Derry... hay nói đúng hơn, cậu không muốn biết. Quan trọng là chuông đã reo lên, tiếng chuông chói tai xuyên vào cái lạnh cắt da cắt thịt mùa đông. Gã hề ngược lên, dường như giật mình, và nhờ thế mà Ben trông thấy mặt hắn!

Xác ướp! Ôi Chúa ơi, hẳn là xác ướp! Suy nghĩ đầu tiên vang lên trong đầu cậu, kinh hãi đến choáng váng, cậu vội vàng chộp tay vào thanh chắn cầu để không ngã xỉu. Tất nhiên nó không phải xác ướp, nó không thể nào là xác ướp. Ồ, tất nhiên cậu biết ở Ai Cập có xác ướp, rất nhiều là đằng

khác, nhưng thứ cậu nghĩ ngay đến là xác ướp ấy – con quái vật gớm guốc do Boris Karloff đóng trong bộ phim ngày xưa mà tháng trước cậu thức xem trên chương trình *Rạp Hết hồn*.

Không, không thể là xác ướp ấy được, không thể, vì quái vật trên phim ảnh không hề có thật, ai mà chẳng biết đi đâu đó chứ, ngay cả đứa trẻ vắt mũi chưa sạch. Nhưng...

Nguyên nhân không phải vì gã hề trang điểm. Cũng không phải do nó băng bó hết lớp này đến lớp khác. Đúng là nó có băng bó, chủ yếu quanh cổ và trên tay, bay ngược ra sau trong gió, nhưng Ben có thể thấy rõ mặt gã hề. Mặt nó chẳng chít, da là một mảng đầy nếp nhăn, hai má nát bươm, thịt khô đét. Phần da trên trán toác ra nhưng không chảy máu. Đôi môi thâm sì cười toe toét trên cái miệng với hàm răng tua tủa như bìa mộ. Nướu của nó lở rỏ và đen đúa. Ben không thấy cặp mắt nào, nhưng *có thứ gì đó* ánh lên sâu trong hai cái hốc nhãn nhúm, mịt mù như hòn than, tựa hồ viên đá quý lạnh lẽo trong mắt những món trang sức hình bọ hung của người Ai Cập. Và dù ngược gió, nhưng dường như cậu vẫn ngửi thấy mùi quế, hương liệu, vải liệm thối rữa được xử lý bằng những thứ thuốc kỳ cục, cát, máu từ ngày xưa ngày xưa đến độ khô thành vảy và màu gỉ sét...

“Chúng ta đều lơ lửng ở dưới này,” gã hề xác ướp khàn khàn lên tiếng, và Ben kinh hoàng giật mình khi bằng cách nào đó, nó đã mò đến cây cầu, nó đang đứng ngay bên dưới cậu, giơ một bàn tay khô đét và méo mó từ bó da lạch phạch như cò nheo, bàn tay lộ cả phần xương màu ngà.

Một ngón tay không có chút thịt nào chạm vào mũi giày của cậu. Cơn tê dại của Ben vỡ tung. Cậu vùng chạy qua cây cầu với tiếng còi báo hiệu năm giờ vẫn rít lên bên tai; đến tận lúc cậu sang phía bên kia thì tiếng chuông mới dứt. Đó phải là ảo ảnh, *chắc hẳn* là ảo ảnh. Trong mười tới

mười lăm giây tiếng chuông báo giờ vang lên, gã hề ấy không thể di chuyển nhanh như thế được.

Nhưng nỗi sợ hãi trong cậu không phải là ảo ảnh, những giọt nước mắt nóng hổi trào ra từ mắt cậu để rồi đông cứng trên má cậu một giây sau khi rơi. Cậu chạy như bay, giày nện thành thịch xuống vỉa hè, và phía sau, cậu có thể nghe thấy xác ướp trong bộ đồ hề đang leo lên Kênh Đào, móng tay cứng ngắc cổ xưa cào kin kít vào sắt, gân đã bao năm kêu ken két như bản lề khô dầu. Cậu có thể nghe thấy tiếng khó khè khô khốc phát ra khi nó thở ra thở vào qua lỗ mũi không chút hơi ẩm, tựa hồ những đường hầm dưới Đại kim tự tháp. Thứ mùi hương liệu như cát bụi xộc vào mũi cậu, và cậu biết trong chớp mắt thôi, bàn tay trơ xương không chút thịt, khằng khiu chẳng khác nào mô hình hình học cậu dựng bằng bộ Erector Set, sẽ rờ tới gáy cậu. Đôi tay ấy sẽ bẻ người cậu ra sau, bắt cậu nhìn vào khuôn mặt nhăn nheo và đang nở nụ cười khả ố của nó. Hơi thở như con sông chết sẽ phả vào cậu. Hốc mắt đen kịt, sâu thẳm bên trong quắc lên ánh sáng sẽ xoáy vào cậu. Cái miệng không răng sẽ há to, và cậu sẽ có quả bóng bay cho mình. Ở đúng rồi. Muốn bao nhiêu có bấy nhiêu.

Nhưng khi cậu chạy đến góc đường nhà mình, nước mắt tuôn như mưa, nấc lên từng tiếng, tim đập loạn trong lồng ngực, nện những tiếng thình thịch vào tai, khi cậu len lén nhìn ra sau lưng, con đường lại trơ trọi không bóng người. Cây cầu cong cong với hai bờ bê tông thấp cùng mặt cầu lát đá cuội theo kiểu xưa cũng trống không. Kênh Đào đã khuất khỏi tầm mắt, nhưng cậu cảm giác dù có trông thấy, cậu cũng chẳng thấy gì ở phía dưới. Không, nếu xác ướp không phải ảo giác hoặc ảo ảnh, nếu nó là thật, hẳn nó sẽ rình rập dưới cây cầu - như con quỷ trong câu chuyện ngụ ngôn *Ba chú dê*.

Bên dưới. ần nấp bên dưới.

Ben ba chân bốn cẳng về nhà, cứ vài bước lại ngó về phía sau cho đến khi cánh cửa đã đóng sập lại và khóa kỹ lưỡng sau lưng. Mẹ cậu mệt lử sau một ngày đầu tắt mặt tối ở nhà máy đến độ bà chẳng còn bói đâu ra sức để nhớ thương con. Cậu bảo mẹ rằng cậu đã ở lại giúp cô Douglas đếm sách. Đoạn cậu ngồi xuống ăn mì và gà tây dư từ hôm Chủ nhật. Cậu nhồm nhoàm ăn đến ba đĩa, và càng ăn, xác ướp lại càng trở nên xa xôi, hư hư ảo ảo. Nó không có thật, những thứ như thế không thể có thật được, chúng chỉ xuất hiện trong chương trình quảng cáo cho phim truyền hình đêm khuya hoặc chương trình chiếu phim sáng thứ Bảy, trong đó nếu may mắn, ta có thể mua hai con quái vật với giá hai mươi lăm xu – và nếu có thêm hai mươi lăm xu nữa, ta có thể mua bắp rang bơ thỏa thích.

Không, chúng không có thật. Quái vật trên ti vi, quái vật trên phim ảnh và quái vật trong truyện tranh không có thật. Không có thật, cho đến khi ta vào giường mà cứ thao thức; cho đến khi bốn viên kẹo cuối cùng, bọc kỹ trong giấy, để dưới gối để phòng ma quỷ trong đêm sẽ ngẫu nhiên cho bằng hết; cho đến khi chiếc giường biến thành hồ nước trong mơ đầy mùi ôi, còn bên ngoài, gió gào rít nhưng ta chẳng dám nhìn ra bên ngoài cửa sổ vì biết đâu sẽ có một *khuôn mặt* ở đấy, một *khuôn mặt* cổ xưa nhe nhẻ cười, không thối rữa mà khô đét lại như lá khô, đôi mắt như kim cương nằm sâu trong hai hốc đen thui; cho đến khi ta nhìn thấy móng vuốt rách nát như bàn tay cằn chùm bóng bay: *Ngắm cảnh, chơi với bóng bay, cho voi ăn, đi tàu lượn! Cháu sẽ thích mê cho mà xem, ôi, Ben, cháu sẽ lơ lửng...*

Ben tỉnh dậy, thở hòng hộc, giấc mơ về xác ướp vẫn bám riết lấy cậu, hoảng sợ bởi bóng đêm dãn bao phủ, đây rúng động xung quanh. Cậu giật nảy, khiến rễ cây không nâng người cậu nữa mà chọc vào lưng cậu như thể đang cứa tiết.

Nhìn thấy ánh sáng, cậu mò mẫm trườn lên. Cậu bò ra ngoài, hòa vào ánh mặt trời chói hòm và tiếng suối róc rách, và rồi chột mọi thứ như trở về vị trí cũ. Hiện tại đang là mùa hè, chứ không phải mùa đông. Xác ướp không bắt cậu đến một hần mộ xa xôi nơi sa mạc; Ben chỉ đang trốn khỏi đám du côn đô con kia trong một hồ đầy đất cát bên dưới cái cây với bộ rễ lộ thiên. Cậu đang ở trong Vùng Đất Cằn. Henry và tay chân của hắn hành đám nhóc chơi dưới suối một dịp lên bờ xuống ruộng vì chúng không tìm thấy Ben để tấn cậu một trận thừa sống thiếu chết. *Tạm biệt nha đám kia. Con đập nhỏ tí ấy mà, tao nói thật. Thà chúng mày không có còn hơn.*

Ben ủ dột nhìn xuống bộ quần áo tả tơi của mình. Mẹ sẽ cho cậu nếm trải thế nào là mười sáu tầng địa ngục.

Cậu ngủ đủ lâu khiến cả người cứng lên. Trượt xuống bờ sông, cậu bắt đầu đi dọc theo dòng nước, mỗi bước đi là một lần nhăn mặt. Cả người cậu đau ê ẩm; tựa hồ Spike Jones đang chơi một điệu nhạc réo rắt trên thủy tinh vỡ trong cơ bắp của cậu. Dường như phần da nào lộ ra cũng dính máu khô hoặc đang khô. Mấy đứa trẻ xây đập hắn đã đi mất dạng rồi, cậu an ủi bản thân. Cậu không biết mình đã ngủ bao lâu, nhưng ngay cả khi cậu chỉ ngủ có nửa tiếng thì cậu cũng dám chắc cuộc đụng độ giữa Henry và bè lũ của hắn đã khiến Denbrough cùng người bạn của cậu ấy thấm thía rằng thà lưu lạc ở nơi khác – như Timbuktu chẳng hạn - còn lành hơn nơi đây.

Ben nặng nề bước, thừa biết nếu đám côn đồ kia trở lại, một chút cơ hội trốn thoát cậu cũng sẽ chẳng có. Mà cậu cũng chẳng buồn quan tâm.

Cậu rẽ một góc quanh theo con suối và đứng yên quan sát một lúc. Nhóm xây đập vẫn ở đó. Quả thật, một trong hai người bọn họ là Bill Cà Lăm. Cậu ta đang quỳ gối cạnh một cậu nhóc chống tay lên bờ sông trong khi vẫn ở trong tư thế ng ưỡ. Đầu cậu kia ngẩng hết cỡ ra sau, đến độ yết hầu thò ra như cái nút hình tam giác. Máu me bê bết dính quanh mũi, trên cằm và dọc theo cổ của cậu thành vài đường chảy. Một tay của cậu ta nắm hờ thứ gì đó màu trắng.

Bill Cà Lăm nhanh nhạy nhìn quanh và trông thấy Ben đứng đó. Ben hoảng hốt nhận ra tình hình cậu con trai chống tay lên bờ sông rất chi là không ổn, rõ ràng là Denbrough đang sợ phát khiếp. Cậu chua chát nghĩ: *Ngày hôm nay không chịu hết sao?*

“C-c-cậu có thể gi-gi-giúp tớ không.” Bill Denbrough lắp bắp. “Ồ-ổng th-th-th-thở của cậu ấy hết rồi. Tớ lo cậu ấy c-có thể bị...”

Mặt cậu ta sừng lại và đỏ au. Cậu ta chôn chân với từ mình muốn nói, lắp ba lắp bắp như súng máy. Nước bọt văng ra từ môi cậu ta, và sau ba mươi giây lắng nghe cậu ấy lẩm bẩm “ch-ch-ch-ch” trước khi Ben ngộ ra đi đầu Denbrough đang muốn nói là cậu bé kia có thể bị chết.

CHƯƠNG 5

BILL DENBROUGH ĐÁNH BẠI QUỶ DỮ – I

1

Mình gần như du hành không gian rồi, *Bill Denbrough* nghĩ. Có khi mình ngã trong phát đạn bắn ra cũng được ấy chứ.

Mặc dù suy nghĩ này hoàn toàn chính xác, nhưng anh chẳng cảm thấy thoải mái cho cam. Thật ra, trong suốt một tiếng đồng hồ kể từ lúc máy bay *Concorde* cất cánh (hoặc cách mô tả đúng đắn hơn là rời mặt đất) từ *Heathrow*, anh đã cảm thấy bức bối vì chứng sợ không gian hẹp của mình. Máy bay rất chật – chật đến nhợn người. Bữa ăn khá cầu kỳ, nhưng các tiếp viên hàng không phục vụ món ăn phải vặn vẹo, oằn người, khom lưng mới trao hết phần cơm cho khách; trông họ chẳng khác nào một đội vận động viên thể dục dụng cụ. Nhìn họ cực nhọc phục vụ thế kia khiến *Bill* mất hẳn hứng thú ăn uống, trong khi vị khách ngồi bên cạnh anh dường như chẳng buồn quan tâm.

Người ngồi kế bên cũng là một yếu tố cản trở lớn. Anh chàng này vừa mập vừa không giữ gìn vệ sinh, có thể lớp trên cùng của da anh ta xịt nước hoa *Ted Lapidus*, nhưng bên dưới, *Bill* vẫn nghĩ thấy thứ mùi của ghét bẩn và mồ hôi. Anh ta cũng không biết nhìn trước ngó sau với cùi chỏ tay trái của mình; cứ thỉnh thoảng, cùi chỏ ấy lại huých thẳng vào anh.

Hết lần này đến lần khác, anh hướng mắt về màn hình hiện số ở phía trước khoang máy bay. Nó cho anh thấy viên đạn nước Anh này đang bay với vận tốc bao nhiêu. Hiện tại, khi đạt đến tốc độ hành trình, *Concorde* giữ ở mức [*mach* 2](#). *Bill* lôi từ túi quân của mình ra một cây bút rồi dùng đầu bút chạm vào nút trên đồng hồ điện tử mà *Audra* tặng anh vào dịp Giáng sinh vừa rồi. Nếu tốc kế thể hiện đúng số – mà *Bill* thấy chẳng có lý do gì để nó thể hiện sai – thì họ đang đi với vận tốc 29 ki-lô-mét một phút. *Bill* nghĩ thông tin này cũng không

phải điều anh thực sự muốn biết.

Số Mach (Mach number, nombre de Mach) là tỉ lệ giữa tốc độ một vật đang bay trong không khí với tốc độ của âm thanh. Mach 2 nghĩa là gấp hai lần vận tốc âm thanh.

Bên ngoài cửa sổ, vốn vừa nhỏ vừa dày như cửa sổ trên con tàu vũ trụ Mercury ngày xưa, anh có thể trông thấy bầu trời không mang sắc xanh mà mang sắc tím chạng vạng, mặc dù bây giờ đang là giữa ban ngày. Ở nơi đại dương và bầu trời không giao nhau, anh có thể nhìn thấy đường chân trời cong cong, Mình đang ng ẫ đây, Bill nghĩ, với ly Bloody Mary trên tay, bắp tay bị khuỷu tay ông mập ở bên cạnh chọc vào liên tục, gương mắt quan sát b ề mặt cong của Trái Đất.

Anh khẽ mỉm cười, thầm nhủ người đủ sức chống chọi một thứ như thế này thì chẳng thứ gì có thể làm anh sợ hãi. Thế mà anh vẫn sợ, không chỉ sợ vì mình đang bay với tốc độ 29 ki-lô-mét một phút trong cái vỏ chật hẹp mỏng manh này. Anh như cảm thấy Derry đang sà xuống anh. Và đó chính là câu miêu tả đắt giá nhất. Bất kể có đang di chuyển với tốc độ 29 ki-lô-mét một phút hay không, anh có cảm giác mình đang ngã ra như tượng khi Derry sà xuống anh như một con thú to lớn đã âm thầm rình rập suốt thời gian dài mới nhào ra khỏi chỗ nấp. Derry, ôi, Derry! Ta có nên viết bài thơ ca tụng Derry không nhỉ? Ngợi ca thứ mùi hôi thối của nhà máy, của con sông? Ngợi ca sự tĩnh mịch trang nghiêm của những con đường rợp bóng cây? Ngợi ca thư viện? Standpipe? Công viên Basses? trường Tiểu học Derry?

Ngợi ca Vùng Đất Cằn?

Ánh sáng chợt rực rỡ chói sáng trong đầu anh, những ánh đèn hồ quang cực mạnh. Tựa hồ anh đã ngồi trong một sân khấu tối tăm suốt hai mươi bảy năm, chờ đợi sự kiện gì đó xảy ra, và cuối cùng, nó đã bắt đầu rồi đây. Khung cảnh đang dần dần lộ ra từng chút một, qua từng ngọn đèn, tuy nhiên, nó

không phải một bộ phim hài vô hại như Thạch tín và đấng ten cũ; với Bill Denbrough, nó có nhiều nét giống bộ phim kinh dị Phòng của bác sĩ Caligari hơn.

Trong tất cả các câu chuyện mình viết, anh miên man nghĩ, lòng vor vẫn hứng thú. Tất cả các tiểu thuyết. Derry là nơi chúng khởi nguyên; Derry là tuổi ấu ơ của chúng. Tất cả xuất phát từ những gì xảy ra vào mùa hạ năm ấy, và từ biến cố ập đến với George mùa thu trước đó. Trong bao cuộc phỏng vấn, người ta hỏi mình CÂU HỎI ẤY... thế mà mình đầu cho họ câu trả lời sai.

Khuỷu tay người đàn ông béo ú bên cạnh lại huých vào khiến đồ uống của anh sánh ra. Suýt chút nữa Bill lên tiếng, nhưng rồi lại thôi.

CÂU HỎI ẤY, tất nhiên là “Anh lấy ý tưởng từ đâu?” Đó là câu hỏi mà Bill đoán tất cả những người viết truyện giả tưởng đều phải trả lời – hoặc ra vẻ trả lời – ít nhất là hai lần một tuần, nhưng người như anh, kiếm miếng cơm manh áo bằng cách viết nên những điều không tồn tại và không thể tồn tại, phải trả lời – hoặc ra vẻ trả lời – nhiều lần hơn rất nhiều.

“Mọi nhà văn đều có một đường ống dẫn xuống tiềm thức,” anh nói với bọn họ, lược bỏ chi tiết mỗi năm trôi qua, anh lại càng thêm nghi ngờ liệu tiềm thức có tồn tại hay không. “Nhưng riêng nhà văn viết truyện kinh dị lại có một ống dẫn đi sâu hơn, có lẽ... xuống tận phần tiềm thức của tiềm thức, nếu các vị chấp nhận.”

Câu trả lời nghe thì văn vẻ, nhưng thực chất anh nói mà lòng chẳng tin. Tiềm thức ư? Phải, đúng là có thứ gì đó dưới tầng tâm trí, nhưng Bill nghĩ người ta đã quá đề cao khái niệm ấy rồi; suy cho cùng, có khi chức năng của nó cũng tương đương việc ta chảy nước mắt khi bụi bay vào mắt hoặc xì hơi tâm một tiếng sau khi ăn thùng uống vại. Ấn dụ thứ hai nghe có vẻ hay ho hơn, nhưng ngẫm đi ngẫm lại thì cũng khó coi khi trả lời phỏng vấn rằng những điều như giấc mơ, cảm giác da diết mơ hồ và déjà vu chẳng có gì ghê gớm mà

chỉ là tiếng xì hơi trong tâm trí. Nhưng những người phỏng vấn ấy, sốt sắng cầm theo sổ tay cùng máy thu âm Nhật đường như cần nghe câu trả lời, mà Bill cũng mong mình giúp ích nhiều nhất có thể. Anh biết cái nghiệp viết lách rất cực, cực kinh khủng. Tốt nhất không cần hành họ cực nhọc hơn mà hãy nói, “Hồi bạn hiền, thôi thà anh hỏi tôi ‘Kẻ nào vừa xì hơi?’ cho rồi.”

Lúc này anh đang nghĩ: Thật ra từ trước khi Mike gọi, anh đã luôn biết họ hỏi sai; giờ anh còn biết thêm câu hỏi đúng là gì. Không phải anh lấy ý tưởng từ đâu mà là tại sao anh có những ý tưởng ấy. Ừ thì đúng là có một ống dẫn, nhưng ống dẫn ấy chẳng xuất phát từ tiềm thức mà Sigmund Freud hay Carl Jung định nghĩa, trong tâm trí chẳng có hệ thống nước thải bên trong, cũng chẳng có hang động dưới lòng đất đầy quỷ Morlock nào ngấp nghé. Phía bên kia ống dẫn chẳng có gì ngoài Derry. Chỉ có Derry mà thôi. Và..

... Và kẻ nào đấy, kẻ nào bước đi kèn kẹt trên cầu của ta?

Anh đột ngột ngời thẳng dậy và lần này đến lượt khuỷu tay của anh đi sai chỗ; trong một thoáng, nó chọc hẫng vào sườn vị khách béo ú bên cạnh.

“Này, anh để mắt ở đâu thế,” người đàn ông đó phàn nàn. “Nước sông không phạm nước giếng nhé.”

“Anh thôi chọc tay vào người tôi thì tôi cũng sẽ thôi ch-chọc tay vào a-anh.” Ông mập nhìn anh với ánh mắt cau có và trợn trừng như muốn nói anh-lải-nhải-cái-quái-gì-thế. Bill chăm chăm chĩa ánh nhìn vào đôi phương cho đến khi ông ta quay đi, miệng lẩm bầm.

Kẻ nào đấy?

Kẻ nào bước đi kèn kẹt trên cầu của ta?

Nhìn ra ngoài cửa sổ, anh thâm nhủ: Chúng ta đang đánh bại quỷ dữ.

Tay và gáy của anh tê tê. Anh nốc hết phần đồ uống còn lại chỉ trong một hơi. Một ánh sáng chói lòa lại lóe lên.

Ánh Bạc. Ngày bé, anh đặt tên chiếc xe đạp của mình theo tên chú ngựa của

bộ phim Viễn Tây Kỳ sĩ cô độc. Một chiếc xe đạp hiệu Schwinn cao chừng bảy mươi phân. “Coi chừng ngã cắm đầu đấy nghe chưa, Billy,” bố anh từng căn dặn như thế, nhưng ông chỉ dặn cho có mà thôi. Kể từ ngày George qua đời, ông chẳng màng sự đời nữa. Trước đây, bố vốn là một người vững như bàn thạch. Công bằng mà vững vàng. Kể từ ngày ấy, cậu bé Bill vẫn có thể loanh quanh bên ông. Ông vẫn có những cử chỉ, những hành động của người bố, nhưng ấy chỉ dừng lại ở mức cử chỉ và hành động, không hơn. Đường như ông vẫn luôn lắng tai nghe, chờ đợi George trở về...

Bill đã trông thấy chiếc xe đạp đằng sau ô cửa sổ của cửa tiệm Xe đạp dưới đường Trung Tâm. Nó lâm lũi dựng trên chân chống, to hơn bất cứ chiếc xe đạp nào được trưng bày, mờ xỉn chỗ cần sáng bóng, thắng đơ những chỗ xe khác uốn cong, cong queo những chỗ xe khác thẳng thớm. Trên bánh trước treo bảng:

HÀNG CŨ

Trả giá để mua

Chuyện xảy ra là Bill đã bước vào trong, chủ tiệm ra giá và Bill đồng ý – cậu chẳng biết nên trả giá với chủ tiệm xe đạp ra sao khi một lòng muốn có chiếc xe ấy, chưa kể, cậu thấy cái giá hai mươi tư đô-la ông đề nghị không có gì phải chê, thậm chí còn rất hời. Cậu trả cho Ánh Bạc số tiền cậu bỏ ống suốt bảy, tám tháng vừa qua – nào là tiền sinh nhật, tiền Giáng sinh, tiền cắt cỏ. Cậu để mắt tới chiếc xe đạp trưng bên trong cửa sổ ấy từ dạo Lễ Tạ ơn. Thời điểm cậu trả tiền rồi đạp xe về nhà cũng là lúc tuyết dần tan. Thật lạ, bởi mới năm ngoái, cậu chẳng nghĩ ngợi gì về việc sắm một chiếc xe đạp. Ý tưởng ấy chợt nảy nở trong tâm trí cậu, có lẽ nào một trong những ngày tưởng chừng dài bất tận sau ngày George qua đời. Hay nói đúng hơn là bị giết chết.

Lúc mới lái, quả thật suýt chút nữa Bill đã ngã cắm đầu. Lăn đạp đầu tiên trên chiếc xe mới kết thúc bằng việc cậu phải nhảy khỏi xe để không tông thẳng

vào hàng rào gỗ ở cuối ngõ Kosshuth (cậu không sợ đâm vào hàng rào bằng việc bay qua hàng rào và lao hai mươi mét xuống Vùng Đất Cằn). Chiến tích cậu thu được là một vết rách dài hơn chục phân từ cổ tay đến khuỷu tay trái. Chưa đến một tuần sau, do không phanh kịp thời, cậu lao qua ngã tư đường Witcham và Jackson với tốc độ chắc phải đến 55 ki-lô-mét một giờ, kết quả là cậu bé nhỏ nhắn đo đất trên chiếc xe đồ sộ như con voi xám đầy bụi đường (Ánh Bạc chỉ có màu bạc khi ta để cho trí tưởng tượng chạy rong hết cỡ), những quân bài gắn vào khung xe lạch phạch kêu lên khi nan hoa bánh trước cùng bánh sau quay vù vù, và may mà không có chiếc ô tô nào chạy qua, nếu không thì cậu đã đi đời nhà ma. Giống như Georgie.

Bước vào mùa xuân, cậu lái Ánh Bạc dần dà thành thục hơn. Suốt khoảng thời gian ấy, bố mẹ cậu không hề hay biết con trai mình đang đùa với Thần Chết khi lái xe. Cậu thấy sau vài hôm đầu, chiếc xe đạp chẳng lọt vào tầm mắt của bố mẹ cậu nữa rồi – với họ, nó chỉ là một đồng sắt vụn với lớp sơn bong tróc dựng cạnh tường ga-ra vào những ngày mưa.

Nhưng Ánh Bạc còn khuya mới là một đồng sắt vụn cũ gỉ. Chớ xem mặt mà bắt hình dong, bởi nó phi như gió. Bạn của Bill – người bạn thực sự và cũng là duy nhất – một cậu bé tên Eddie Kaspbrak, và Eddie rất có khiếu với đồ máy móc. Cậu chỉ Bill cách bảo quản Ánh Bạc sao cho luôn mới – con ốc nào nên siết và kiểm tra thường xuyên, châm dầu chỗ nào trên đĩa xích, làm cách nào để tăng sên, làm cách nào để vá xe khi bị xẹp lốp.

“Cậu nên sơn lại xe cho đẹp,” cậu nhớ Eddie từng khuyên mình như vậy, nhưng Bill không muốn sơn phết gì lên Ánh Bạc hết. Xuất phát từ những lý do mà cậu còn chẳng giải thích được với chính bản thân, nhưng cậu muốn chiếc xe hiệu Schwinn này theo nguyên bản vốn có của nó. Trông nó chẳng khác nào đồng đồng nát, như cái xe bị cậu chủ tắc trách thường xuyên vứt ngoài bãi cỏ dưới mưa nắng, như cái xe sẽ kèn kẹt, răng rắc và lọc cà lọc cọc. Đúng là nó

như đồng đông nát, nhưng nó phi như gió. Nó sẽ...

“Nó sẽ đánh bại quỷ dữ,” anh nói to rồi phá lên cười. Vị khách mập ú bên cạnh quắc mắt nhìn anh, tiếng cười như tiếng tru khiến Audra thất kinh như vừa nãy.

Phải, trông chiếc xe rõ là cà tàng với lớp sơn cũ xỉn mà giỏ đựng đồ lồi một đặt trên bánh sau, chiếc còi to toe xưa như Trái Đất cùng bóng chuôi cao su đen – còi được cố định vĩnh viễn vào tay lái bằng một con ốc gỉ sét to bằng nắm tay trẻ con. Trông thật cà tàng.

Nhưng Ánh Bạc có chạy được không? Có được không nhỉ? Lạy Chúa!

Và may sao, nhờ Ánh Bạc chạy ngon lành mà chiếc xe đã cứu Bill Denbrough từ tay Thân Chết vào tuần cuối cùng của tháng Sáu năm 1958 – một tuần sau khi anh gặp Ben Hanscom lần đầu tiên, một tuần sau khi anh cùng Ben và Eddie xây đập, một tuần sau khi Ben và Richie Tozier “Tía Lia” cùng Beverly Marsh đến Vùng Đất Cằn sau xuất chiếu phim sáng thứ Bảy. Hôm Ánh Bạc cứu mạng Bill, Richie đang ngồi ngay sau lưng anh, trên giá đựng đồ của Ánh Bạc... nên anh thấy Ánh Bạc còn cứu cả mạng sống của Richie nữa. Và anh vẫn nhớ căn nhà nơi bọn họ trốn thoát. Anh vẫn nhớ như in. Căn nhà chết dịch trên đường Neibolt ấy.

Hôm ấy, anh đã guồng chân lái điên cuồng để đánh bại quỷ dữ, ừ phải, thật là thế, chuyện rành rành ra đấy. Con quỷ với đôi mắt sáng quắc như đồng xu cũ. Con quỷ già nua lông lá với miệng đầu nanh, bê bết máu. Nhưng đó là chuyện xảy ra về sau. Nếu hôm ấy Ánh Bạc cứu mạng Richie và anh, thì có lẽ chiếc xe cũng đã cứu mạng Eddie Kaspbrak vào hôm Bill và Eddie gặp Ben ở chỗ cái đập bị đá tan tành trong Vùng Đất Cằn. Henry Bowers – người ngợm hấn ta trông như thể vừa bị ném vào bãi rác tái chế – đã đập vỡ mũi Eddie khiến cậu ấy lên cơn hen suyễn nặng, mà không may ông thở lại hết đúng lúc đó. Tính ra, tất cả là nhờ có Ánh Bạc, chính Ánh Bạc đã giải cứu họ khỏi tình

thế thập tử nhất sinh.

Đã mười bảy năm không lái xe đạp lấy một lần, Bill Denbrough nhìn ra ngoài cửa sổ máy bay, một phát minh mà chẳng ai vào năm 1958 có thể tin nổi – thậm chí tưởng tượng nổi có thật trên đời chứ không phải chỉ trong tạp chí khoa học viễn tưởng. Hồi Ánh Bạc, PHI THÔI! Anh thâm nhủ và buộc phải nhắm mắt bởi khóe mắt đã cay cay vì lệ.

Chuyện gì đã xảy ra với Ánh Bạc nhỉ? Anh chẳng tài nào nhớ nổi. Phần bối cảnh ấy vẫn còn tối; đèn chưa được bật lên. Có thể như vậy lại hay. Có thể như vậy lại là may mắn.

Hồi Ánh Bạc.

Hồi Ánh Bạc.

2

“PHI THÔI!” Cậu hét vang. Gió tạt những lời cậu nói ra phía sau như dải giấy màu trang trí phất phơ trong gió. Giọng của cậu vang thật to, thật mạnh mẽ, như tiếng g ãn rỗng oai hùng. Chẳng lời nào cậu nói âm vang đến thế.

Cậu đạp xe xuôi theo đường Kansas, tiến vào thị trấn, từ từ tăng tốc. Vòng bánh xe quay đều theo gu ồng chân cậu, nhưng đạp cho xe chạy cũng có cái thú của nó. Nhìn chiếc xe màu xám tăng tốc có chút gì đó hao hao một chiếc máy bay khổng lồ chạy trên đường băng. Ban đầu, ta chẳng tài nào tin nổi một thiết bị cỡ khổng hết ngả lại nghiêng thế kia lại đủ sức cất cánh khỏi mặt đất - nghe rõ là bất khả thi. Nhưng rồi ta thấy bóng máy bay đổ xuống dưới, và trước khi ta có thời gian tự hỏi liệu đây là thực hay mơ thì cái bóng ấy kéo dài phía sau, còn máy bay thì đã cất cánh xé gió, nhẹ nhàng và thanh nhã như giấc mơ vẽ trong tâm trí.

Ánh Bạc đẹp như vậy đấy.

Bill chạy xuống đ ãi một đoạn rồi đạp xe nhanh hơn, chân hết nâng lên lại

hạ xuống khi cậu nhồm người trên phuộc xe. Được cái cậu vốn học nhanh – sau khi bị phuộc xe đập cho vài lần ở chỗ không nên bị đập nhất - từ đó cậu luôn kéo quần đùi lên cao hết cỡ trước khi cưỡi Ánh Bạc. Cuối mùa hè năm ấy, sau một hồi quan sát từ đầu đến cuối, Richie nhận xét, *Bill làm thế vì mai một cậu ấy muốn có người nôi dãi đây mà. Thật tình, tớ thấy ý tưởng ấy phải suy nghĩ lại đây, nhưng ai mà biết được, có khi con sinh ra lại giống mẹ thì sao?*

Cậu và Eddie hạ yên xe xuống hết cỡ, vì thế nó hết đưng lại cạ vào xương cụt của cậu khi cậu đạp xe. Một phụ nữ đang nhổ cỏ trong vườn hoa lấy tay che mắt cho đỡ chói để nhìn cậu chạy ngang. Nụ cười khẻ hiện trên môi bà. Cậu bé lái chiếc xe quá khổ ấy khiến bà nhớ đến chú khỉ lái xe đạp một bánh mà bà từng xem trong Rạp xiếc Barnum & Bailey. *Nhưng thế nào cũng có ngày thằng bé ngã cấn đâu cho mà xem*, bà nhủ thầm và quay lại tiếp tục nhổ cỏ. *Chiếc xe rõ là quá khổ so với người thằng bé*. Mà đằng nào cũng chẳng can dự gì đến bà.

3

Tránh voi chẳng xấu mặt nào, Bill không đại gì mà dây vào đám côn đồ khi chúng lao ra khỏi bụi cây, mặt mũi như đám thợ săn cáu tiết đang săn con thú vừa tấn công một kẻ trong đám bọn chúng. Nhưng Eddie lại để cái miệng hại cái thân, bảo sao Henry Bowers đã trút giận lên cậu ấy.

Bill còn lạ gì bọn chúng; Henry, Ợ Hoi và Victor là ba kẻ côn đồ nhất trường Derry. Nhiều lần chúng từng đánh hội đồng Richie Tozier, cậu bạn mà thỉnh thoảng Bill chơi cùng. Bill nhận thấy Richie toàn tự mình chuốc lấy; đâu phải không dưng mà cậu ta có biệt danh Tía Lia.

Một ngày tháng Tư nọ, Richie bình phẩm gì đó về cổ áo của chúng khi ba tên này đi ngang qua trong sân trường. Số là chúng dựng ngược cổ áo lên như Vie Morrow trong phim *Rừng rậm bản đen*. Lúc đó, Bill đang ng ỡ cạnh tòa

nhà gần đó và băng quơ chơi bắn bi, thành thử cậu không nghe kỹ. Henry và bè lũ bọn chúng cũng thế... nhưng chúng nghe thủng phần nào nên mới quay sang hướng Richie. Bill đoán Richie lúc nào cũng cố tình nói thật trềnh. Nhưng vẫn đầnnằm ở chỗ, giọng Richie có khi nào trềnh đâu.

“Mày nói gì hả, thằng bốn mắt kia?” Victor Criss hỏi.

“Tôi không nói gì cả.” Richie đáp, và lý ra lời đáp ấy – cùng khuôn mặt xanh như tàu lá và hoảng như gặp ma của cậu – đã khiến mọi thứ êm xuôi khép lại. Tiếc thay, miệng của Richie lại như con ngựa bất kham, đang yên đang lành cứ thế lờng lên. Và con ngựa chêm thêm: “Cậu nên ngoáy bớt ráy tai đi, đại ca. Cần tí thuốc nổ khai thông đường ngoáy không?”

Chúng đứng đó, sượng trềnh nhìn cậu suốt một lúc lâu rồi lao vào rượt. Đứng bên hông tòa nhà, Bill Cà Lăm nhìn cuộc đua không cân sức này từ đầuchỉ cuối. Cậu chẳng đại gì mà đâm đầuvào, ba tên đầu óc ngu si, tứ chi phát triển ấy thể nào chẳng vui khi được tấn hai thằng chứ không chỉ một.

Richie chạy xéo qua sân chơi của đám trẻ con, hết bước qua bậpbên lại lách qua xích đu, mãi lúc sau cậu mới nhận ra mình đã chạy vào đường cụt khi tông vào hàng rào lưới B40 chắn giữa sân chơi và công viên nằm cạnh sân trường. Túng quá, cậu bèn trềnh lên, tay chân cuống cuống bấu lấy mắt lưới và mò mẫm tìm chỗ vấu, tiếc là leo được khoảng hai phần ba thì Henry và Victor Criss kéo cậu xuống, Henry túm vạt áo khoác còn Victor giật đũng quần jean. Richie hét cuống cuống khi bị lôi khỏi hàng rào. Lưng cậu đập xuống mặt đường nhựa. Kính bay một nẻo. Cậu quờ quạng tìm thì Huggins Ở Hơi đá chúng ra xa, và đây cũng là lý do mùa hè năm ấy, một trong hai gọng kính được quấn băng keo.

Bill nhảnh mặt, đi vòng ra tiềnh sảnh tòa nhà. Cậu trông thấy cô Moran, giáo viên lớp Bốn, đang vội vàng đến can ngăn, nhưng cậu biết Richie sẽ bị tấn cho rằng môi lẫn lộn trước lúc cô kịp đến nơi và Richie sẽ khóc bù lu bù loa cho

xem. Đờ-mít-ướt, mít-ướt, xem-cái đờ-mít-ướt-kìa.

Bill chỉ có chút ít khúc mắc với đám du côn ấy. Tất nhiên là chúng lôi tạt nói lấp của cậu ra làm trò cười. Thỉnh thoảng, chúng lại hứng chí giở thói côn đồ và đùa ác; một ngày mưa nọ, khi đám học sinh bước vào nhà thể chất để ăn trưa thì Huggins Ợ Hơi giật túi đờ ăn ra khỏi tay Bill, đập lên nó bằng đôi giày của hắn khiến mọi thứ bên trong nát bầy.

“Ồi, tr-tr-trời ơi!” Ợ Hơi ra vẻ kinh hãi hét lên, hai tay giơ lên vẫy vẫy trước mặt. “T-t-tao xin lỗi vì làm hỏng đờ ăn của mày, th-th-thằng ch-chó!” Dứt lời, hắn khệnh khạng bước qua sảnh, tiến về chỗ Victor Criss, lúc này đang tựa người vào vòi uống nước bên ngoài nhà vệ sinh nam, cười đến độ thiếu đi đầu thoát vị. Tuy nhiên, Bill cũng xoay sở được: cậu xin Eddie Kaspbrak một nửa chiếc bánh mì kẹp phết bơ đậu phộng và mút trái cây, chưa hết, Richie còn vui vẻ cho cậu phần trứng nhồi của mình, món mà cậu tuyên bố cứ cách ngày mẹ lại nhét vào hộp cơm của cậu, khiến cậu chỉ muốn mửa.

Nói chung, tốt nhất cứ tránh đường chúng, còn nếu không thể làm thế, phải cố mà im hơi lặng tiếng.

Eddie quên mất nguyên tắc ấy, bảo sao chúng không cho cậu lên đĩa.

Khi đám côn đồ xuôi hạ lưu sông rồi băng sang bên kia, tình hình Eddie không quá tệ mặc dù máu mũi vẫn chảy ra như suối. Thấy khăn tay của Eddie ướt đẫm, Bill đưa cho cậu bạn khăn của mình, để tay cậu ra sau gáy rồi ngửa đầu cậu ra sau. Bill nhớ mẹ hay bắt Georgie làm vậy vì thỉnh thoảng thằng bé cũng hay chảy máu mũi...

Ồi, cứ nghĩ về George là lòng cậu lại đau như cắt.

Lúc tiếng đi như trâu của đám lưu manh ở Vùng Đất Cằn xa dần rồi tắt hẳn, Eddie ngừng chảy máu mũi nhưng cơn hen của cậu cũng trở nặng. Cậu bắt đầu hóp lấy hóp để không khí, tay hết mở ra lại nắm vào như những cái bẫy sài, nhịp thở trở thành những tiếng huýt sáo khò khè trong họng.

“Chết tiệt!” Eddie thở h ồng hộc. “Tớ suyễn r ồi! Tiên sư!”

Cậu mò mẫm tìm ống thở của mình, mãi mới lôi được nó ra từ trong túi. Trông nó giống chai rửa kính hiệu Windex, loại có đầu xịt trên đỉnh. Đoạn cậu nhét nó vào miệng r ồi kéo c ần.

“Cậu thấy đỡ hơn chưa?” Bill lo lắng hỏi.

“Chưa. Hết thuốc r ồi.” Eddie nhìn Bill với đôi mắt hoảng sợ như muốn nói *Xong đời rồi, Bill ơi! Chết tớ rồi!*

Ống thở hết thuốc lặn khỏi tay cậu. Con suốt tiếp tục róc rách, chẳng mấy may quan tâm Eddie Kaspbrak gần như không thở được. Bill băng quơ nghĩ thầm: đám du côn nói đúng về một đi ều: con đập ấy nhỏ như cái lỗ mũi. Nhưng hai người bọn họ rất vui trong quá trình xây, khốn kiếp, bỗng dưng cậu cảm thấy cơn giận trào lên trong họng khi mọi chuyện ra nông nỗi này.

“C-C-Cố chịu đựng nhé, E-Eddie,” cậu trấn an.

Suốt khoảng bốn mươi phút sau, Bill ng ồi cạnh bạn mình, nhưng ước mong cho Cơn hen của Eddie sớm thuyên giảm dường như càng lúc càng xa vời. Và đến lúc Ben Hanscom xuất hiện thì nỗi lo đã biến thành nỗi sợ thật sự. Tình trạng không những không bớt mà còn trầm trọng hơn. Đã thế, Tiệm thuốc đường Trung Tâm nơi Eddie thay thuốc lại cách đây những g ần năm cây số. Nhớ cậu đi lấy thuốc cho Eddie, lúc trở lại thấy Eddie bất tỉnh nhân sự thì sao? Bất tỉnh hay khéo...

(trời ơi, đừng nghĩ đi ều gở)

hoặc chết bất đắc kỳ tử r ồi, tâm trí cậu lì lợm lên tiếng.

(như Georgie, chết ngắc như Georgie)

Đừng nói linh tinh! Cậu ấy còn lâu mới chết!

Không, không thế nào. Nhưng nếu cậu quay lại và thấy Eddie bị *hôn bê* thì sao? Bill cũng rành bê với bò lắm chứ đùa, thậm chí cậu còn đoán tình trạng

này được lấy tên từ việc hôn những con bê to đùng, mà đi đâu đó cũng có lý ra phết – suy cho cùng, người ta hoảng vì phải hôn mấy con bê ấy, bảo sao nào không lăn đùng ra ngất? Trên những bộ phim về ngành y như *Ben Casey*, bệnh nhân lúc nào cũng bị *hôn bê*, và lắm lúc họ cứ bất tỉnh nhân sự mãi, mặc Ben Casey tức tối la ó.

Thế là dù biết mình phải đi, nhưng cậu cứ ng ã ngây ra đó, dù chần chừ ở đây chẳng giúp ích được gì cho Eddie, song cậu không muốn để cậu bạn lại một mình. Đầu đó trong lòng, cái phần mê tín và phi lý trí của cậu, đoán chắc chỉ cần cậu quay lưng đi, Eddie sẽ *hôn bê* ngay. Đoạn cậu nhìn lên thượng ngu ồn và trông thấy Ben Hanscom đứng đó. Tất nhiên, cậu thừa biết Ben là ai, kẻ mập nhất trường nổi (tai) tiếng theo kiểu riêng. Ben học cùng khối nhưng khác lớp với cậu. Thỉnh thoảng, vào giờ ra chơi, Bill thấy cậu ta lúi thủi một mình – thường là trong góc – đọc sách hoặc ăn trưa trong túi đựng thức ăn to bằng túi đựng đồ giặt.

Nhìn Ben bây giờ, Bill thầm nhủ trông cậu ta còn tả tơi hơn cả Henry Bowers. Thật khó tin, nhưng thực tình là thế. Bill không thể tưởng tượng nổi hai người bọn họ đã qu ân thảo một mất một còn thế nào. Tóc Ben dựng ngược, lĩa chĩa đầy đất cát. Áo len hay áo nỉ cậu ta mặc - chẳng biết ban đầu chiếc áo ra sao, mà thật ra, chuyện ấy cũng không quan trọng lắm – trông như đóng giẻ rách, bê bết một hỗn hợp trộn giữa máu và cỏ. Qu ân cậu ấy rách tươm nơi đầu gối.

Thấy Bill nhìn thấy mình, Ben khẽ rụt người, mắt đầy cảnh giác.

“Đ-Đ-Đ-Đừng đ-đ-đi!” Bill hét lên. Cậu đưa hai bàn tay của mình lên không trung, lòng bàn tay hướng ra ngoài, ý thể hiện cậu vô hại. “B-B-Bọn tớ cần gi-gi-giúp đỡ.”

Ben tiến lại gần, mắt vẫn dè chừng. Tướng đi của cậu như thể một hoặc cả hai chân của cậu đều đang đau thấu trời. “Chúng đi chưa? Bowers và bè lũ của

hắn?”

“R-R ồi” Bill đáp. “Tớ bảo này, c-cậu c-c-có thể ở lại với bạn tớ trong lúc tớ đi lấy th-thuốc không? Cậu ấy b-b-b-bị...”

“Hen suyễn?”

Bill gật đầu.

Di chuyển xuống con đập vỡ nát, Ben đau đớn ngã xuống cạnh Eddie, lúc ấy đang nằm ngửa, hai mắt gờn như nhắm nghiền, lồng ngực co thắt.

“Kẻ nào đã đánh cậu ấy thế?” Mãi lúc sau, Ben mới lên tiếng hỏi. Đoạn cậu ngẩng lên, và Bill trông thấy trên khuôn mặt người bạn to mập này cũng là cơn thịnh nộ giống như cậu cảm nhận được. “Có phải Henry Bowers không?”

Bill gật đầu. “Nhìn là biết. Ừ, cậu đi đi. Tớ ở lại cho.”

“C-C-Cảm ơn cậu.”

“Trời, có gì đâu mà khách sáo,” Ben nói. “Tại tớ nên bọn chúng mới trút lên đầu các cậu. Đi đi. Nhanh lên. Tớ còn phải về nhà ăn tối nữa.”

Bill lảng lạng đi mà không nói gì thêm. Đáng lý ra cậu có thể nói Ben đừng tự trách bản thân mình – chuyện xảy ra chẳng phải lỗi của Ben, có trách thì trách Eddie đại miệng chọc vào ổ kiến lửa. Đám côn đồ như Henry và bè lũ của chúng giống tai nạn chực chờ chúng ta, nó là phiên bản bão lụt, vòi rồng hay sỏi mật. Nói được như vậy thì còn gì bằng, khổ nỗi thân kinh cậu đang cũng như dây đàn nên nếu có nói chắc cũng tốn cả hai mươi phút, mà đến lúc ấy khéo Eddie đã rơi vào cơn *hôn bê r ồi* (đó cũng là một đi ầu Bill học được từ bác sĩ Casey và bác sĩ Kildare; ta không đi vào hôn bê mà ta *rơi* vào hôn bê).

Đang lồm bồm đi xuống hạ ngu ền thì cậu quay lại liếc ra sau. Cậu trông thấy Ben Hanscom nặng nề thu nhặt đá quanh mép nước. Ban đầu, Bill không hiểu cậu ta làm vậy với mục đích gì, nhưng rồi cậu ngộ ra ngay. Cậu ta đang tích trữ đạn dược, phòng hờ đám côn đồ trở lại.

4

Bill thuộc nằm lòng đường đi lối lại ở Vùng Đất Cằn. Mùa xuân vừa rồi cậu chơi ở đây miết, thỉnh thoảng cậu đi với Richie, thường xuyên hơn với Eddie, lắm lúc cậu chỉ đi một mình. Dĩ nhiên cậu chưa khám phá toàn bộ khu vực, nhưng cậu có thể tìm lối dẫn ra đường Kansas từ sông Kenduskeag mà chẳng gặp khó khăn gì, và đúng là thế. Cậu bước ngay ra cây cầu gỗ ở vị trí đường Kansas băng qua một con suối nhỏ không tên chảy từ hệ thống nước thải Derry vào sông Kenduskeag bên dưới. Ánh Bạc được giấu bên dưới cầu, tay lái được cột vào trụ cầu bằng dây thừng để bánh xe không chìm xuống nước.

Bill tháo dây, nhét nó vào áo rồi hì hụi vận hết sức lực kéo Ánh Bạc lên vỉa hè, thở hồng hộc, mồ hôi ròng ròng, mấy lần mất thăng bằng mà ngã dúi dụi.

Nhưng cuối cùng, cậu cũng lôi được nó lên thành công. Bill vắt chân qua phuộc xe cao ngất.

Và như mọi lần, một khi đã trên lưng ngựa, cậu như hóa thân thành người khác.

5

“Hỡi Ánh Bạc, PHI NÀO!”

Tiếng hô vang lên trầm hơn chất giọng bình thường của cậu nó chẳng khác nào giọng hình tượng cậu muốn trở thành. Ánh Bạc từ từ tăng tốc, tiếng lách cách nhanh dần của những thẻ bài Bicycle kẹp vào nan hoa báo hiệu tốc độ tăng lên. Trông cậu như người đang cố nâng một thanh tạ nặng không tưởng. Cổ cậu nổi gân. Mạch máu thành thịch trong thái dương. Miệng cậu nhếch xuống, run run, bởi cậu đang tung hết sức lực trong cuộc chiến quen thuộc chống lại trọng lượng và quán tính, cố sống cố chết để Ánh Bạc hoạt động.

Và như mọi lần, cố gắng luôn được đền đáp.

Ánh Bạc lăn bánh mượt mà hơn. Những ngôi nhà lướt qua nhẹ nhàng thay

vì nhảy cóc lên xuống. Phía bên trái cậu, chỗ đường Kansas giao với đường Jackson, con sông Kenduskeag như chim xõ lông trở thành Kênh Đào. Đi hết ngã tư, đường Kansas xuôi xuống dốc, dẫn vào đường Trung Tâm và đường Chính, khu thương mại của Derry.

Các con phố ở đây giao với rất nhiều đường, được cái chúng đâu có biển báo dừng chờ cho Bill chạy, và chưa bao giờ Bill mảy may nghĩ tới khả năng ngày nọ, một bác tài nào đấy sẽ vượt biển báo và cán cậu bẹp ruột trên đường. Mà nếu có nghĩ chẳng nữa, có khi cậu cũng chẳng thay đổi cách chạy xe của mình. Nếu ở một thời điểm khác trong đời, trước đó hoặc về sau chẳng hạn, cậu sẽ đổi cách chạy xe, nhưng mùa xuân và đầu hạ năm ấy là khoảng thời gian kỳ lạ đầy giống tổ với cậu. Nếu ai đó hỏi Ben rằng cậu có cô đơn không hẳn cậu sẽ kinh ngạc lắm; tương tự, nếu ai đó hỏi Bill cậu có đem mạng mình ra đùa không hẳn cậu cũng sẽ kinh ngạc lắm. *Tất nh-nh-nhiên là kh-không!* Cậu sẽ trả lời ngay lập tức (và đầy cấm cử), nhưng đi đâu đó chẳng thay đổi thực tế rằng tiết trời ngày một ấm lên, cậu phi xuống đường Kansas càng lúc càng nhanh, giống những người lính Nhật lao vào quyết tử với những cuộc tấn công *vạn tuế*.

Phần đường Kansas này được biết đến với cái tên đường Dặm Trên. Bill chạy hết tốc độ, người cúi rạp trên tay lái của Ánh Bạc để hạn chế lực cản của gió, một tay giữ hờ trên bóng cao su của chiếc còi toe toe để mọi người còn biết mà né, mái tóc đỏ rực phất phơ bay ngược về phía sau đầu. Tiếng thẻ bài quẹt vào nan hoa vang lên đầu đầu. Khuôn miệng hì hụi cố gắng ban nãy đã biến thành nụ cười ngớ ngẩn kéo dài tận mang tai. Khu dân cư đã nhường chỗ cho các tòa nhà phục vụ kinh tế (đa số là nhà kho và nhà máy đóng thớt), tất cả mờ đi một cách đáng sợ nhưng đầy thỏa mãn. Phía bên trái, Kênh Đào như ánh lửa bập bùng nơi khóe mắt.

“*HỒI ÁNH BẠC, PHI NÀO!*” Cậu oai hùng hét vang.

Ánh Bạc phóng qua vỉa hè đầu tiên, cứ ở vị trí này là lần nào cậu cũng làm thế, chân cậu rời khỏi bàn đạp. Cậu cứ thế thả dốc, hoàn toàn phó mặc số phận vào tay vị thần nào đấy có nhiệm vụ bảo vệ trẻ con. Cậu rẽ vào đường, chạy với tốc độ 25 ki-lô-mét một giờ so với tốc độ quy định là 40.

Bây giờ, tất cả đều ở lại sau lưng cậu: tất cả nỗi sợ của cậu, đôi mắt trống rỗng đầy tổn thương của bố khi ông luẩn quẩn trong ga-ra, lớp bụi dày đến nao lòng phủ trên khăn che của chiếc đàn dương cầm đóng kín trên lầu - phủ bụi vì mẹ cậu không bao giờ chơi nó nữa. Lần cuối cùng bà đánh đàn là vào đám tang của George, ba bài thánh ca Giám Lý. George ra đường lúc mưa còn rào rào, mặc áo mưa vàng, mang theo con thuyền giấy bọc sáp; hai mươi phút sau, ông Gardener đến đó, bế thi thể em trai cậu bọc trong tấm chăn vậy máu, tiếng hét thất thanh của mẹ. Cậu để lại tất cả phía sau. Cậu là Kỹ sĩ cô độc, cậu là John Wayne, cậu là Bo Diddley, cậu có thể là bất cứ người nào cậu muốn, cậu không còn là thằng bé khóc lóc, sợ sệt đòi m-m-mẹ nữa.

Ánh Bạc phi như bay và Bill Cà Lăm bay cùng chiếc xe, cái bóng xương xẩu như khung cầu trải dài phía sau. Cậu cưỡi Ánh Bạc xuống đồi Dặm Trên; thẻ bài vang lên đầu đàn. Chân Bill đặt lên bàn đạp trở lại, cậu bắt đầu guồng chân, bởi cậu muốn chạy nhanh hơn nữa, muốn chạm đến ngưỡng tốc độ không tưởng - không phải tốc độ âm thanh mà là tốc độ ký ức - để rồi tông thẳng qua rào chắn của đau thương.

Cậu đạp, đạp mãi, oằn người trên chiếc xe; cậu đạp để đánh bại quỷ dữ.

Chẳng mấy chốc sau, nút giao Kansas, đường Trung Tâm và đường Chính xuất hiện. Nút giao này là tổ hợp khủng khiếp của đường một chiều, biển báo râu ông nọ cắm cằm bà kia, đèn tín hiệu lý ra phải ăn khớp, nào ngờ lại không. Như một bài báo trên tờ *Derry News* năm ngoái từng cảm thán, kết quả là một bùng binh giao thông sinh ra từ địa ngục.

Như mọi khi, mắt Bill liếc trái phải, quan sát dòng xe cộ, tìm lỗ hổng để

lũn lách. Nếu đánh giá sai lầm – hoặc ta có thể nói là nếu cậu nói lắp - cậu có thể bị thương nặng hoặc toi đời.

Cậu lao như tên bắn vào dòng xe cộ nối đuôi nhau nhích từng bước quanh bùng binh, vượt một đèn đỏ và lấn sang phải để tránh một chiếc Buick gần cửa gió chạy như rùa bò. Cậu liếc thật nhanh về sau lưng để kiểm tra xem làn giữa có trống hay không. Quay mặt tới trước, cậu nhận ra trong chưa tới năm giây nữa, cậu sẽ tông vào đuôi một chiếc xe bán tải đột ngột dừng ngay chính giữa bùng binh khi bác tài típ người như [Chú Ike](#) nghiền cổ đọc tất tần tật các biển chỉ đường để đảm bảo mình không rẽ nhầm và đông xe thẳng đến bãi biển Miami.

Ý nói tổng thống Dwight D. Eisenhower.

Làn đường bên tay phải của Bill đầy xe buýt liên thành phố tuyến Derry-Bangor. Cậu đánh xe vào hướng đó và len vào khoảng trống giữa chiếc xe bán tải vừa dừng và xe buýt vẫn chạy với tốc độ 65 ki-lô-mét một giờ. Ở giây cuối cùng, cậu ngoẹo đầu hẳn sang một bên, như người lính làm động tác nhìn sang phải một cách mạnh bạo thái quá, nhằm tránh chiếc gương phía bên ghế hành khách của chiếc xe bán tải táng cho cậu một cú răng môi lẫn lộn. Khói xe nóng nực do xe buýt nhả ra thất lấy cổ họng, khiến cậu choáng váng như uống phải rượu nặng. Cậu nghe thấy tiếng thất thanh khe khẽ khi tay lái của cậu rạch một đường trên bề mặt bằng nhôm của chiếc xe buýt. Cậu liếc nhìn tài xế thì thấy mặt ông ta cắt không còn giọt máu dưới chiếc mũ công ty Xe buýt Hudson. Bác tài dứ dứ nắm đấm về phía Bill và la hét gì đó. Bill đoán chắc hôm nay không phải sinh nhật ông ấy rồi.

Một nhóm ba cụ bà đang băng ngang đường Chính từ phía ngân hàng New England sang phía tiệm Thủy cầm giày. Nghe thấy tiếng thẻ bài lạch cạch vào nan hoa, họ bèn ngược nhìn. Họ chỉ còn biết há hốc khi một cậu bé ngẫ trên chiếc xe đạp cỡ khổng lướt qua như ảo ảnh, cách họ chưa tới nửa bước chân.

Phần ghê gớm nhất – đồng thời là phần tuyệt nhất - của chuyến du hí đã ở lại phía sau. Cậu đã chứng kiến mình có thể chết bất đắc kỳ tử hết lần này đến lần khác, thế mà cậu vẫn đầu xuôi đuôi lọt vượt qua. Xe buýt không cán bẹp cậu, cậu không làm tàn đời mình cùng ba cụ bà xách theo túi Freese's và thẻ An sinh xã hội; cậu cũng không nằm xả lai trên cốp sau chiếc bán tải Dodge cũ của Chú Ike. Giờ cậu đạp xe lên đống, tốc độ tiêu biến dần. Và thứ gì đó – ồ gọi là khát khao đi, màn vừa rồi cũng mãn nhãn mà? – cũng đang tiêu biến theo. Bao suy tư và ký ức lại đuổi kịp - Bill ơi là Bill, ban này suýt tí nữa bọn ta mất dấu cậu đấy, nhưng chúng ta theo kịp rồi đây - lại hòa vào cậu, lần theo áo cậu, nhảy vào tai, lướt vào tâm trí cậu như đám trẻ nhỏ chơi cầu trượt. Cậu dường như cảm thấy chúng an vị ở nơi quen thuộc, thân thể hôi hổi của chúng chen lấn nhau. Trời ơi! Kinh chưa! Chúng ta lại ở trong đầu Bill rồi! Nghĩ về George thôi nào! Được! Ai muốn mở màn trước?

Mày nghĩ nhiều quá, Bill ạ.

Không, vấn đề không phải thế. Vấn đề là, cậu tưởng tượng quá nhiều.

Cậu rẽ vào đường Richard rồi chốc sau ra đường Chính, đạp từ tốn, cảm nhận mồ hôi rịn trên lưng và trên tóc. Bước xuống xe trước Nhà thuốc đường Trung Tâm, cậu tiến vào trong.

6

Trước thời điểm George qua đời, Bill có thể truyền tải những điểm chính yếu cho ông Keene qua lời nói. Vị dược sĩ ấy chẳng dễ chịu cho lắm – hoặc chí ít cảm nhận của Bill là thế – được cái ông rất kiên nhẫn, và ông không trêu chọc hay nhạo báng cậu. Nhưng giờ, tất nói lắp của Bill tệ hơn rất nhiều, và cậu thực sự rất sợ nếu cậu không nhanh nhẹn, chẳng may Eddie sẽ gặp chuyện gì đó.

Vì thế, khi ông Keene cất tiếng, “Chào Billy Denbrough, ta có thể giúp gì cho cháu?”, Bill lấy một xấp giấy quảng cáo vitamin, lật mặt sau và viết:

Eddie Kaspbrak và cháu đang chơi ở Vùng Đất Cằn thì cậu ấy bị lên cơn hen suyễn, cháu thấy cậu ấy thở phì phò lắm. Bác có thể cho cháu thuốc đỡ vào [ống thở](#) cho cậu ấy không?

Bill viết sai chính tả.

Cậu đẩy tờ giấy qua mặt kính quỳ thuốc cho ông Keene. Đọc xong, ông nhìn đôi mắt màu xanh lo lắng của Bill rồi đáp, “Tất nhiên rồi. Cháu đợi ở đây nhé, và đừng táy máy thứ gì đấy.”

Trong lúc ông Keene lục đục ở quỳ đằng sau, Bill sốt ruột hết chuyển chân này sang chân kia. Ông vào trong chưa tới năm phút mà Bill thấy dài như cả thế kỷ, đoạn quay lại với một ống bơm nhựa của Eddie. Ông đưa cho Bill và mỉm cười, “Có thứ này là xong ngay.”

“C-C-C-Cảm ơn bác,” Bill lắp bắp. “Cháu không m-mang th theo t-t-t-tiền...”

“Không sao đâu. Bà Kaspbrak có đăng ký ở đây. Ta chỉ cần ghi lại hóa đơn là xong. Ta chắc chắn bà ấy sẽ cảm ơn cháu rồi rít ấy chứ.”

Như trút được tảng đá, Bill cảm ơn ông Keene rồi vội vã lên đường. Ông Keene vòng ra sau quỳ để nhìn theo cậu bé. Ông thấy Bill bỏ ống thở vào giỏ xe đạp rồi vụng về leo lên. *Thằng bé lái được chiếc xe to tướng ấy sao?* Ông tự hỏi. *Ta thấy khó đây. Ta thấy khó lắm.* Nhưng cậu bé nhà Denbrough vẫn làm cho chiếc xe lăn bánh mà không ngã dập đầu rồi từ từ đạp đi. Trong mắt ông Keene, chiếc xe đạp trông chẳng khác nào trò treu người, nó nghiêng ngả dữ dội từ bên này sang bên kia. Ống thở lăn vòng vòng trong giỏ xe.

Ông Keene khẽ mỉm cười. Nếu tận mắt trông thấy nụ cười ấy, hẳn Bill lại càng thêm chắc chắn rằng ông Keene không nằm trong tốp những người tốt bụng nhất thế giới. Nụ cười của ông sao mà chua chát, ấy là nụ cười của một người có quá nhiều chuyện canh cánh trong lòng nhưng lại chẳng có chút hoan hỉ gì để trái tim được phép reo vui. Phải – ông sẽ thêm thuốc hen suyễn của

Eddie vào đơn tính tiền cho Sonia Kaspbrak, và như thường lệ, bà sẽ tỏ ra kinh ngạc – kèm thái độ nghi ngờ chứ chẳng hàm ơn – rằng sao thuốc thang gì mà rẻ thế. *Những loại thuốc kia tốn nhiều thế kia mà*, bà nói. Ông Keene biết bà Kaspbrak thuộc típ người tin rằng của rẻ là của ôi. Ông có thể thét giá trên trời cho nước xịt Hydrox của cậu con trai bà, và có nhiều lần ông đã có cảm dỗ ấy... nhưng hà cớ gì ông lại phải dưng phần vào màn ấu trĩ của người đàn bà này? Ông cũng có chết đói đâu.

Rẻ à? Ồ, vâng, đúng rồi. Nước xịt Hydrox (Sử dụng theo nhu cầu được đánh ngay ngắn trên mẫu giấy dán trên từng lọ thuốc xịt) rẻ một cách diệu kỳ, nhưng ngay cả bà Kaspbrak còn phải công nhận nó rẻ mà có võ, vì nó kiểm soát cơn hen của con trai bà rất tốt. Giá thành rẻ bởi nó chỉ đơn thuần là hợp chất của Hydro và Oxy, thêm chút long não để nước xịt có vị thuốc men.

Hay nói cách khác, liều thuốc chữa hen suyễn cho Eddie là nước máy.

7

Vòng ngược lại tốn nhiều thời gian hơn vì Bill phải chạy lên đồi. Có nhiều chỗ, cậu còn phải xuống xe và đẩy Ánh Bạc đi. Dốc thoải thoải thì còn cần răng đạp được, chứ cậu chẳng còn sức đạp lên dốc cao.

Cậu giấu chiếc xe và trở lại con suối lúc 4 giờ 10. Bao nhiêu viễn cảnh tối tăm hiện lên trong đầu cậu. Nào là cậu nhóc Hanscom đã bỏ đi, mặc Eddie hấp hối. Nào là đám côn đồ đã lần ngược trở lại và đập hai người như tử. Hoặc... tệ nhất là... tên giết trẻ con đã kết liễu một hoặc cả hai người. Giống cách mà hắn đã giết George.

Cậu biết thiên hạ bàn ra tán vào và xì xầm to nhỏ rất nhiều về chuyện đó. Bill cà lăm thật, chứ không điếc - dù thẳng hoặc hình như mọi người nhầm tưởng cậu điếc thật, vì cậu chỉ mở miệng khi nào thật sự cần thiết. Nhiều người cho rằng vụ sát hại em cậu không liên quan đến những vụ giết hại Betty Ripsom, Cheryl Lamonica, Matthew Clements và Veronica Grogan. Lại có

người đánh giá George, Ripsom và Lamonica bị cùng một kẻ xuống tay, còn hai vụ kia là tác phẩm bắt chước của một kẻ khác. Luồng ý kiến thứ ba theo hướng kẻ giết các cậu bé lại khác với kẻ sát hại các cô bé.

Bản thân Bill nghĩ rằng họ bị giết bởi cùng một người... nếu kẻ xuống tay là *con người*. Thịnh thoảng, cậu lại miên man nghĩ ngợi về chuyện đó. Như nhiều lúc cậu tự hỏi cảm nhận của mình về Derry vào mùa hè năm nay. Phải chăng là do vết thương lòng từ cái chết của George vẫn rớm máu, do bố mẹ chẳng để ý đến cậu nữa rồi, nỗi đau mất đứa con út vẫn dần vạt họ, đến độ họ đã quên bằng mất Bill vẫn còn sống sờ sờ ra đấy, và nhờ may cậu làm gì tổn hại bản thân thì sao? Do những thứ đó kết hợp với các vụ án mạng khác? Do những tiếng nói đôi lúc vang lên trong đầu cậu, thì thầm với cậu (chắc chắn đó không phải là tiếng nói của bản thân cậu, vì những tiếng nói này không bị cằn lăm – chúng rất nhẹ nhàng nhưng chắc chắn), khuyên nhủ cậu làm đi đâu này đi đâu khác? Phải chăng đó là những thứ khiến Derry khác đi? Khiến thị trấn mạnh nha đe dọa, với nhiều con đường lạ lẫm chẳng chút mời gọi mà chỉ phủ bóng sự im lìm báo hiệu đầy đi ảm gở. Nhiều con đường khiến một số người ngại ngần và sợ hãi?

Cậu chẳng rõ, nhưng cậu cho rằng - giống như việc cậu cho rằng tất cả những án mạng kia đều do cùng một thế lực gây ra – Derry thực sự biến đổi, và rằng cái chết của em trai cậu báo hiệu khởi đầu của biến đổi ấy. Những viễn cảnh tối tăm xuất hiện là vì một suy nghĩ cứ mãi lớn vồn trong đầu cậu: Ở Derry lúc này, đi đâu gì cũng có thể xảy ra. *Bất cứ điều gì*.

Nhưng khi cậu vòng qua ngã rẽ cuối cùng, tình hình không đến nỗi nào. Ben Hanscom vẫn ở đó, ngồi cạnh Eddie. Eddie đã có thể dựng người dậy, tay buông thõng trong lòng, gục đầu khò khè thở. Trời chiều đang dần xuống, để lại những vệt xanh dài dạt trên sông.

“Trời, cậu tốc hành thế” Ben đứng dậy. “Tớ cứ tưởng phải nửa tiếng nữa

cậu mới về”

“X-Xe tốt nh-nh-nhanh lắm,” Bill nói, giọng pha chút tự hào. Trong chốc lát, hai đứa nhìn nhau với ánh mắt cẩn trọng và mệt mỏi. Đoạn Ben dè dặt mỉm cười, thấy thế, Bill cười đáp lại. Cậu này béo nhưng có vẻ chơi được. Cậu ấy không bỏ của chạy lấy người. Hẳn cậu ta cũng có chút chí khí nam nhi, nhất là khi Henry và đám phá làng phá xóm kia vẫn có thể lảng vảng đâu đó quanh đây.

Bill nháy mắt lại với Eddie khi thấy ánh mắt đầy biết ơn của cậu bạn. “Th-Thuốc của c-cậu đây, E-E-E-Eddie.” Dứt lời, cậu ném ống thở cho bạn mình. Eddie bèn nhét ống thở vào miệng, bật chốt và hít lấy hít để. Đoạn cậu ngả ra sau, mắt nhắm nghiền. Ben quan sát mà lòng ngập ngụa lo lắng.

“Chúa ơi! Cậu ấy bị nặng lắm đúng không?”

Bill gật đầu.

“Ban nãy tốt cứ lo sốt vó,” Ben thì thầm nói. “Tốt sợ ngộ nhớ cậu ấy bị co giật thì tốt biết phải làm sao. Tốt cố nặn óc nhớ lại những gì thầy cô giảng cho mình ở hội Chữ thập đỏ tổ chức hồi tháng Tư. Nhưng tốt chỉ nhớ được mình phải nhét que vào trong miệng để cậu ấy không cắn đứt lưỡi thôi.”

“Cái đó là cho đ-đ-động kinh mà.”

“Ừa? Vậy à, ờ, chắc là thế.”

“Mà cậu ấy sẽ kh-không bị c-co giật đâu.” Bill trấn an. “Có thuốc vào là cậu ấy kh-khỏe ngay. Nh-nhìn kia.”

Tiếng thở nặng nhọc của Eddie đã thuyên giảm. Cậu mở mắt nhìn họ.

“Cảm ơn, Bill, cậu lên tiếng. “Đúng là tai bay vạ gió.”

“Chắc cậu lên cơn lúc đám chúng nó đấm mũi cậu phải không?” Ben hỏi.

Eddie nở nụ cười buồn, đứng dậy rồi nhét ống thở vào túi sau. “Tốt còn chẳng nghĩ tới mũi của mình nữa cơ. Tốt nghĩ tới mẹ tốt thôi.”

“Hả? Thật à?” Ben có vẻ ngạc nhiên, nhưng tay cậu cũng đưa lên sờ chiếc áo rách bươm trên người mình rồi rờ rẫm đầy lo âu.

“Mẹ mà nhìn thấy máu vương trên áo tớt, thế nào mẹ cũng xách tớt tới Phòng Cấp Cứu của bệnh viện Derry trong một nốt nhạc cho xem.”

“Chi vậy?” Ben hỏi. “Máu cằn rồi mà. Trời, cậu nhắc làm tớt nhớ tới một thằng nhóc học chung mẫu giáo với tớt tên là Scooter Morgan, nó bị chảy máu mũi khi ngã từ khung leo trèo. Thầy cô phải đưa nó đi cấp cứu vì mãi không cằn được máu.”

“Thế hả?” Bill hỏi, giọng tò mò. “Thế nó có ch-ch-chết không?”

“Không, nhưng nó phải nghỉ học một tuần.”

“Cằn được máu hay không cũng thế cả thôi,” Eddie ủ rũ nói. “Mẹ tớt vẫn sẽ đưa tớt đi cấp cứu cho bằng được. Thế nào mẹ tớt cũng nghĩ mũi tớt bị gãy và có mảnh xương cắm vào não tớt hay gì đó.”

“XX-Xương có thể vắng vào n-n-não sao?” Bill hỏi. Mấy tuần rồi cậu mới có cơ hội trao đổi về chủ đề hay ho thế này.

“Tớt chịu. Nhưng cậu mà nghe mẹ tớt nói, cậu có thể mắc đủ thứ hần bà lằng.” Eddie quay sang Ben. “Tháng nào mẹ tớt cũng đưa tớt đi cấp cứu một, hai lần. Tớt ghét phòng đó lắm. Có lần, một ông hộ lý còn nói với mẹ tớt lý ra họ phải bắt bà trả tiền thuê phòng nữa kìa. Đợt đấy, mẹ tớt nổi sùng luôn.”

“Chà,” Ben cảm thán. Cậu thầm nghĩ mẹ của Eddie hẳn quái dị lắm. Từ lúc nào, hai tay cậu đã mân mê chiếc áo rách như tổ đĩa của mình mà cậu không hay. “Thì cậu không chịu là được mà? Cậu thử nói với mẹ, ‘Mẹ ời, con thấy khỏe rồi mà, mẹ cho con ở nhà xem *Săn Biển* đi.’ Hao hao vậy đó.”

“Èo,” Eddie khó chịu gợn lông.

“Cậu là Ben H-H-H-Hanscom ph-phải không?” Bill hỏi.

“Ừ. Còn cậu là Bill Denbrough nhỉ?”

“U-Ừ. Còn đây là E-E-E-E-E-E...”

“Eddie Kaspbrak,” Eddie giới thiệu. “Tớ chả thích cậu nói lắp tên tớ tí nào đâu Bill. Nghe cứ như Elmer Fudd ấy.”

“X-xin lỗi.”

“Chà, tớ rất vui được gặp hai cậu,” Ben lịch sự, thế mà chẳng hiểu sao lời nói nghe có vẻ kiêu cách và tẻ nhạt. Cả ba rơi vào im lặng. Được cái, sự im lặng ấy không hề ngượng nghịu. Bởi hiện giờ, cả ba cậu bé đã đánh bạn với nhau.

“Sao bọn chúng truy lùng cậu thế?” Mãi sau, Eddie hỏi.

“Đám đấy kh-khi nào cũng r-rượt ng-người kh-khác mà,” Bill nói. “Tớ gh-ghét đám chết dịch ấy.”

Trong một khắc, Ben lặng thinh – cậu không khỏi ngỡ ngàng mộ khi thấy Bill sử dụng những từ mà thỉnh thoảng mẹ Ben hay liệt vào Những từ hư hỏng. Từ lúc sinh ra tới giờ, Ben chưa bao giờ nói ra miệng Những từ hư hỏng ấy, dù Halloween hai năm trước, cậu có viết từ chửi tục lên cột điện thoại (những chữ cực nhỏ).

“Bowers ng ẫ cạnh tớ vào kỳ thi,” Ben kể. “Hắn muốn chép bài của tớ nhưng tớ không cho.”

“Trời, cậu muốn sớm lên bàn thờ hả,” Eddie nói đầy thán phục.

Bill Cà Lăm phá lên cười. Ben quắc mắt nhìn đối phương, r ẫ nhận ra cậu ta không cười nhạo mình (khó mà giải thích lý do, cậu chỉ biết thế thôi), cậu li ền nhoeen cười.

“Chắc vậy nhỉ,” cậu đùa theo. “Hắn phải học hè, do đó, hắn ta và hai tên du côn kia mai phục tớ, mọi chuyện là thế.”

“Tr-Trông cậu tã như thể ch-chúng muốn gi-giết cậu vậy,” Bill nhận xét.

“Tớ ngã từ đường Kansas xuống đây. Lăn từ trên triền đ ẫ.” Cậu nhìn

Eddie. “Tính ra có khi tớ sẽ gặp cậu trong Phòng Cấp cứu ấy chứ. Mẹ tớ mà nhìn thấy quần áo của tớ, thế nào cũng gọi cấp cứu.”

Bill và Eddie cùng phá lên cười nắc nẻ, thấy thế, Ben cười ò theo. Cậu cười đau cả bụng nhưng mặc kệ, cậu cứ thế cười giòn giã và hào hứng. Rốt cuộc cậu phải ngã xuống bờ hồ, mông bệt xuống đất đánh phịch, âm thanh ấy lại khiến cậu cười lăn cười bò. Cậu thích tiếng cười của mình hòa với tiếng của hai cậu bạn này. Ấy là âm thanh trước giờ cậu chưa từng được nghe: không phải tiếng cười cho bốt lạc lõng - kiểu đấy cậu nghe nhiều rồi – mà là tiếng cười trong đó có âm vang nụ cười của cậu.

Cậu ngược nhìn Bill Denbrough, bốn mắt vừa giao nhau, cả hai lại cười như được mùa.

Bill kéo quần, dựng cổ áo lên rồi khệnh khạng hăm hè bước đi với vẻ dăm dăm khó ở. Cậu gằn giọng nói, “Tao thật mày, thằng oắt. Đừng giỡn mặt với tao. Đầu óc tao ngu si nhưng tư chi rất phát triển. Tao dùng trán đập vỡ được vỏ óc chó đấy nhé. Tao còn đá ra giấm và ị ra xi măng đấy. Tên tao là Hèn Hạ Bowers, tao là đại ca ngời gốc cây đa ở khúc Derry này.”

Eddie bò lăn bò càng trên bờ sông, ôm bụng cười rũ rượi. Ben quần quai, đầu gập giữa hai gối, nước mắt tèm lem, nước mũi phọt ra từ lỗ mũi thành dải trắng, cười như điên như dại.

Bill ngã xuống với hai cậu bạn, và rồi cả đám im dề.

“Nói vậy chứ có một điếu tuyệt vời ông mặt trời đấy,” Eddie phân tích. “Nếu Bowers phải đi học hè, chúng mình sẽ không đụng mặt hắn ở đây.”

“Các cậu hay chơi ở Vùng Đất Cằn lăm à?” Ben tò mò, có nghìn năm trôi qua, cậu cũng chẳng bao giờ dám nghĩ đến điếu đó – Vùng Đất Cằn khét tiếng thế kia cơ mà – nhưng giờ, khi đã đến đây, cậu thấy nó không đến nỗi nào. Thành thật mà nói, phần rìa bờ sông ở dưới thắp này cũng phong cảnh hữu tình dưới ánh tà dương đang dần buông ra phết.

“Ch-Ch-Chuẩn. Nó v-vừa sạch. L-Lại kh-không a-a-ai đ-đến làm ph-phần bọn t-tớ. Ch-chơi th-thoải mái. B-B-Bowers và đám c-côn đ-đồ kia cũng không x-xuống đ-đây đ-đ-đâu.”

“Cậu và Eddie thôi à?”

“R-R-R ...” Bill lắc đầu. Ben để ý mặt cậu ấy nhăn lại như nùi giẻ ướt khi cà lăm, và bất chợt một suy nghĩ kỳ cục lướt qua đầu cậu: Bill không hề cà lăm khi giả vờ bắt chước cách nói của Henry Bowers. “*Richie nữa!*” Bill hét lên, dừng lại một chút rồi mới nói tiếp. “Richie T-Tozier cũng h-hay đến đây. Nhưng giờ c-cậu ấy và b-bố đang chuẩn bị lau dọn t-à-à-à...”

“Áp mái,” Eddie dịch và ném một viên đá xuống nước. Tôm.

“À, tớ có biết cậu ấy,” Ben nói. “Thế ra các cậu hay đến đây hả?” Cậu thấy ý tưởng này thật thú vị thậm chí cậu còn khao khát muốn được đi cùng nữa kìa.

“C-C-Cũng nhi-ầu,” Bill nói. “H-Hay ng-ngày mai c-cậu c-c-cũng quay lại đ-đây đi? T-tớ và E-E-Eddie đang c-cố xây một con đ-đ-đập đấy.”

Ben á khẩu. Cậu quá đỗi bất ngờ trước lời mời cũng như trước thái độ chân phương và hết sức tự nhiên của lời mời ấy.

“Chắc mình phải tính đường khác,” Eddie trầm ngâm. “Con đập không ăn thua cho lắm.”

Ben đứng dậy đi về phía con suối, phải đất cát bám trên phần đùi to mập của mình. Vẫn còn cành cây chắt thành đống ở hai bên bờ suối, còn lại đầu bị nước cuốn trôi hết.

“Các cậu kiếm thêm mấy tấm ván đi,” Ben nói. “Xếp mấy tấm ván thành hàng... mặt đối mặt... như lớp bánh mì ấy.”

Bill và Eddie nhìn nhau bối rối. Ben khuyu gối xuống. “Là vậy,” cậu giải thích. “Các cậu xếp ván ở đây và ở đây. Lèn vào lòng sông sao cho ván đối diện nhau. Được chứ? Sau đó, tranh thủ lúc nước chưa cuốn trôi, các cậu xếp đất đá vào khoảng trống ở giữa...”

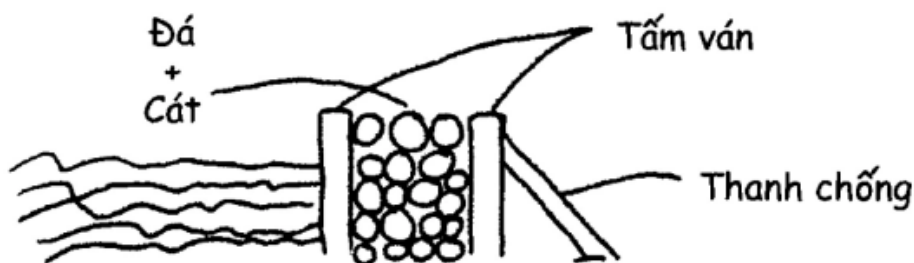
“T-T-Tụi mình,” Bill nói.

“Hả?”

“T-tụi mình *cùng* làm.”

“Ồ” Ben đáp, cảm thấy mình (và vẻ mặt mình) đần thối kinh khủng. Nhưng cậu mặc kệ nhìn cậu ngõ cụt nào, bởi bỗng dưng cậu thấy lòng mình dâng tràn hạnh phúc. Cậu thậm chí chẳng nhớ nổi lần cuối cùng mình cảm thấy sung sướng thế này là khi nào. “Ừ. Tụi mình. Nói chung là, nếu các cậu – *nếu tụi mình* – xếp đất đá vào khoảng trống ở giữa thì con đập sẽ không bị trôi. Tấm ván phần thượng nguồn sẽ tựa vào đồng đất đá nếu nước dâng lên. Tớ nghĩ tấm ván thứ hai sẽ bị nghiêng rồi bị cuốn đi, nhưng nếu mình dựng thêm tấm ván thứ ba... như thế này này.”

Cậu lấy que vẽ lên mặt đất. Bill và Eddie Kaspbrak chụm đầu lại nghiên cứu bức tranh cậu vừa nguệch ngoạc một cách đầy hứng thú:



“Cậu từng *xây* đập rồi à?” Eddie hỏi. Giọng cậu đầy nể phục, gần như kính trọng.

“Chưa.”

“Vậy l-l-làm thế nào mà cậu biết nó sẽ h-h-hoạt động?”

Ben nhìn Bill bối rối. “Chắc chắn là nó sẽ hoạt động mà,” cậu nói. “Tại sao lại không chứ?”

“Nhưng l-làm sao cậu b-b-biết?” Bill hỏi. Ben nhận ra câu hỏi không hàm

chứa ý tứ mỉa mai mà là quan tâm thật sự. “L-Làm thế nào mà c-cậu dám chắc vậy?”

“Biết thì biết thôi,” Ben thật thà. Cậu lại nhìn xuống hình vẽ trên đất để xác định lại cho chắc. Chưa nhìn thấy đề quay lần nào trong đời, dù là bằng biểu đồ hay thực tế, hẳn cậu không hay biết mình vừa vẽ một mô hình miêu tả gần sát dạng đề này.

“Đ-Được.” Bill nói và vỗ vào lưng Ben. “H-Hẹn gặp c-cậu ng-ngày mai.”

“Mấy giờ?”

“T-Tớ và E-Eddie sẽ đ-đến đây t-ần t-tám giờ b-ba m-mười...”

“Tớ sẽ đến nếu lúc ấy mẹ con tớ không còn ngủ ã ã ở Phòng Cấp cứu,” Eddie ngao ngán thở dài.

“Tớ sẽ mang theo mấy tấm ván,” Ben đề nghị. “Một cụ ông sống đây gần nhà tớ có nhì ã ván lăm. Để tớ thó vài tấm.”

“Mang theo cả đồ tiếp tế nhé,” Eddie dặn. “Đồ ăn ấy mà. Ví dụ như bánh mì kẹp, bánh Ring-Ding chẳng hạn.”

“Được.”

“Cậu c-c-có khẩu s-s-súng nào không?”

“Tớ có khẩu súng hơi hãng Daisy,” Ben nói. “Mẹ tặng nó cho tớ hồi Giáng sinh, nhưng tớ mà bắn trong nhà thì thể nào mẹ cũng nổi điên.”

“V-Vậy mang n-nó đ-đ-đến nhé,” Bill chốt hạ. “Có gì mình ch-chơi bắn s-súng.”

“Được đó,” Ben vui vẻ. “Mà này, tớ phải về nhà rồi.”

“B-Bọn tớ cũng thế.” Bill nói.

Ba cậu bé cùng nhau rời khỏi Vùng Đất Cằn. Ben giúp Bill đẩy Ánh Bạc lên bờ sông. Eddie lết thết đi phía sau, hơi thở khò khè và xụ mặt do áo dính máu.

Tạm biệt bạn bè, Bill đạp xe đi và hô vang “Hỡi Ánh Bạc, PHI NÀOOO!”

“Con xe *khủng* quá nhỉ.” Ben nhận xét.

“Chuẩn chẳng cần chỉnh,” Eddie đồng tình. Cậu vừa hít thêm một ngụm từ ống thở nên nhịp thở đã trở lại bình thường. “Thỉnh thoảng cậu ấy cho tớ ng ỡ đằng sau. Cậu ấy phi như điên, làm tớ sợ rụng cả tim. Nhưng Bill ấy mà, cậu ấy tốt lắm.” Cậu nói câu cuối với vẻ đầy bất cần, nhưng ánh mắt cho ta biết nhiều hơn thế. Đôi mắt cậu ẩn chứa sự kính trọng. “Cậu có biết chuyện xảy ra với em trai cậu ấy không?”

“Không. Em trai cậu ấy gặp chuyện gì à?”

“Cậu bé bị giết vào mùa thu năm ngoái. Bị sát hại. Tên sát nhân xé đứt một cánh tay như giật cánh con ru ồi vậy.”

“Lạy Chúa!”

“Ngày xưa, Bill chỉ cà lăm một chút thôi. Nhưng giờ cậu ấy cà lăm nặng hơn. Cậu có để ý thấy cậu ấy nói lắp không?”

“Ờ... có chút chút.”

“Nhưng *trí não* cậu ấy không cà lăm đâu – cậu hiểu ý tớ chứ?”

“Ừm.”

“Nói tóm lại, tớ kể với cậu là vì nếu cậu muốn Bill làm bạn, tốt nhất cậu nên tránh nhắc tới em trai cậu ấy. Đừng hỏi han hay gì cả. Cậu ấy vẫn còn canh cánh chuyện đó.”

“Trời, nếu là tớ thì tớ cũng thế,” Ben nói. Giờ thì cậu mang máng nhớ hình như có một bé trai bị sát hại vào mùa thu năm trước. Cậu tự hỏi không biết mẹ có nghĩ về George Denbrough khi tặng cậu chiếc đồng hồ trên tay cậu lúc này không, hay mẹ chỉ nhớ về những vụ án mạng xảy ra gần đây. “Vụ việc xảy ra ngay sau cơn lũ lớn phải không?”

“Ừ.”

Đi đến góc đường Kansas và Jackson thì mỗi người rẽ một hướng. Đám con

nít chạy nhảy đây đó, chơi đuổi bắt và ném bóng chày. Một cậu bé kỳ cục mặc quần đùi màu xanh to tướng bước đi bệ vệ ngang qua Ben và Eddie, trên đầu là chiếc mũ gấu mèo kiểu của Davy Crockett đội ngược, tức đuôi gấu mèo lại lòng thòng giữa hai mắt. Cậu bé lăn theo một vòng lắc, miệng hét lên “Mọi người ơi, chơi đuổi bắt bằng vòng không! Chơi không?”

Hai cậu bé lớn hơn nhìn theo hứng thú, và rồi Eddie nói: “Chà, tớ phải đi đây.”

“Ấy, hượm đã,” Ben lên tiếng. “Tớ vừa nghĩ ra ý này để giúp cậu không phải đến Phòng Cấp cứu.”

“Thật à?” Eddie nhìn Ben nghi ngờ nhưng không khỏi nhen nhóm hy vọng.

“Cậu có năm xu không?”

“Tớ có đồng mười xu đây. Sao thế?”

Ben nhìn những vết nâu đỏ đã khô trên áo Eddie. “Cậu ghé qua tiệm mua sữa sô-cô-la đi. Sau đó đổ nửa hộp sữa lên áo. Khi về nhà, cậu chỉ cần khai với mẹ mình bị đánh đổ sữa là xong.”

Mất Eddie sáng lên. Bốn năm kể từ ngày bố qua đời, thị lực của mẹ cậu giảm hẳn. Vì lý do liên quan đến lòng tự tôn (và vì mẹ cậu không biết lái xe), bà không chịu đi khám nhãn khoa và đeo kính. Vết máu đã khô hay vết sữa sô-cô-la đã khô nhìn cũng na ná nhau. Biết đâu...

“Có khi lại hay,” cậu nói.

“Nhỡ bị phát hiện, đừng khai tớ đầu têu là được.”

“Ai lại làm thế chứ,” Eddie nói. “Gặp sau nhé, cá sấu mõm ngắn.”

“Ừ.”

“Sai rồi,” Eddie kiên nhẫn. “Khi tớ nói thế thì cậu phải đáp, ‘Hẹn gặp sau nhé, cá sấu.’”

“Ồ. Vậy hẹn gặp sau nhé, cá sấu.”

“Cậu học nhanh đó,” Eddie mỉm cười.

“Cậu biết gì không?” Ben hỏi. “Tớ thấy các cậu ngầu ghê.”

Nghe thấy vậy, Eddie ngượng chín mặt; thậm chí trông cậu còn có vẻ lo âu. “Có mình Bill ngầu thôi,” dứt lời, cậu bước đi.

Ben nhìn theo cậu bạn đi xuống đường Jackson rồi rẽ về nhà. Đi hết ba dãy nhà, cậu trông thấy ba hình bóng quá-đổi-quen-thuộc đang đứng ở trạm xe buýt góc đường Jackson và đường Chính. Thánh thần phù hộ thế nào mà chúng quay lưng lại phía Ben. Cậu núp xuống hàng rào, tim đập rộn. Chừng năm phút sau, xe buýt liên thành phố tuyến Derry-Newport-Haven đỗ xích lại. Henry cùng bè lũ bước xuống đường rồi nhảy lên xe.

Ben đợi cho đến khi xe buýt chạy khuất tầm mắt mới vội vã rảo bước về nhà.

8

Đêm đó, một biến cố tệ hại đã xảy đến với Bill Denbrough. Và lần này là lần thứ hai.

Bố mẹ cậu đang ở dưới lầu xem ti vi, chẳng ai nói một lời nào, ngồi ở hai đầu ghế như đồ chặn sách. Ngày xưa, từng có lúc phòng để ti vi thông vào nhà bếp đầy tiếng nói cười, lắm lúc rộn ràng đến độ không nghe nổi tiếng ti vi. “Im đi, Georgie!” Bill rống lên. “Anh đừng giành hết bắp rang với em nữa thì em mới im,” George đáp trả. “Mẫu hậu, bảo anh Bill cho con bắp rang với.”

“Bill, chia bắp rang cho em đi. Còn George, đừng gọi mẹ là mẫu hậu. Thời nay ai còn gọi thế nữa hả.” Hoặc bố cậu sẽ kể chuyện hài, làm cả nhà cười bò, và cả mẹ nữa. Nhiều lúc George không hiểu câu chuyện hài ở đâu nhưng vẫn cười theo vì mọi người đều cười.

Những ngày xưa ấy, bố mẹ cũng là hai đầu của đồ chặn sách, nhưng có cậu và George đóng vai cuốn sách. Từ ngày George qua đời, Bill cố làm cuốn sách

ở giữa bố mẹ lúc hai người xem ti vi nhưng nó chẳng khác nào công cuộc làm tan băng. Hơi lạnh tỏa ra từ cả hai phía, mà hệ thống khử băng của cậu không đủ công suất. Cậu đành thất thểu bỏ cuộc, hơi lạnh ấy lúc nào cũng khiến má cậu đóng băng và mắt cậu nhòe lệ.

Mấy tháng trước, cậu từng thử: “Bố mẹ m-muốn ngh-nghe chuyện hài hôm nay con nghe trên tr-tr-trường không?”

Bố mẹ cậu chẳng nói chẳng rằng. Trên truyền hình, một tên tội phạm đang cầu xin em trai hắn, vốn là mục sư, cho hắn trốn nhờ.

Bố của Bill ngược lên khỏi tờ tạp chí *True* rồi liếc sang Bill với ánh mắt thoáng ngạc nhiên. Đoạn ông quay lại tờ tạp chí. Có bức hình một tay thợ săn nằm ngửa trên đồng tuyết, mắt nhìn chăm chăm một con gấu trắng khổng lồ đang nhe nanh. Tiêu đề bài báo là “Sát thủ vùng tuyết trắng vô người”. Bill thẫn thờ trong bụng, *Mình biết chỗ phủ tuyết trắng - ngay giữa bố mẹ mình trên chiếc ghế này chứ đâu.*

Mẹ của cậu còn chẳng buồn ngẩng đầu.

“Câu chuyện là về số người Ph-Ph-Pháp cần có để lắp một bóng đèn,” Bill nói luôn. Cậu cảm thấy trán mình lấm tấm mồ hôi, như nhiều lần trong lớp, cậu biết giáo viên đã tránh cậu nhiều nhất có thể nhưng vẫn phải gọi cậu trả lời. Giọng của cậu oang oang nhưng cậu không hạ tông xuống được. Lời cậu nói vang vọng trong đầu như tiếng chuông, ầm ỉ, đinh tai nhức óc.

“B-B-Bố mẹ có biết bbb-bao nh-nh-nhiều không?”

“Một người giữ bóng đèn và bốn người xoay căn nhà,” Zack Denbrough lơ đãng đáp, tay lật tạp chí.

“Con vừa nói gì à con yêu?” Mẹ cậu lên tiếng, và trên chương trình *Rap hát bốn sao*, cậu em trai mục sư bảo người anh tội phạm của mình ra đầu thú, xin pháp luật khoan hồng.

Bill ngẩng đầu, mồ hôi túa ra mà lạnh cả người – lạnh như băng. Lạnh bởi vì

thật ra cậu không phải cuốn sách duy nhất giữa hai đầu chặn; Georgie vẫn ở đó, chỉ có đi đâu cậu không thể nhìn thấy em mình, và Georgie này cũng không đòi bắt rang hoặc ré lên mách khi bị Bill nhéo. Phiên bản George mới này chẳng bao giờ mở miệng than van. Georgie này chỉ có một tay, người trắng bệch, trầm tư im lặng trong ánh sáng trắng xanh mờ ảo của chiếc ti vi Motorola, và có lẽ cơn lạnh buốt xương này không tỏa ra từ bố mẹ cậu mà là từ George; có lẽ George mới là sát thủ từ vùng băng tuyết. Rốt cuộc, Bill trốn chạy khỏi người em vô hình, lạnh lẽo ấy về phòng, cậu vùi mặt xuống giường và lặng lẽ khóc ướt gối.

Phòng của George vẫn được giữ nguyên hiện trạng từ ngày cậu qua đời. Một ngày nọ, chừng hai tuần sau khi con trai được chôn cất, Zack dọn đồ chơi của George vào thùng giấy, Bill đoán là để quyên góp cho tổ chức Goodwill hoặc Cứu Thế Quân hay gì đấy. Trông thấy chồng mình bước ra với thùng giấy trên tay, Sharon Denbrough cuống cuống đưa hai tay ôm đầu như hai con chim trắng giật mình rồi thọc sâu bút tóc. Nhìn cảnh này, Bill ngả ra sau tường, bao nhiêu sức lực chột rút khỏi hai chân. Mẹ cậu trông chẳng khác nào bà điên Elsa Lanchester trong bộ phim *Cô dâu của Frankenstein* cả.

“Ai cho anh mang đồ của con đi!” Bà rít lên.

Zack bối rối đem thùng đồ chơi trở lại phòng của George mà không nói một lời nào. Thậm chí, ông còn xếp lại mọi thứ theo đúng vị trí ban đầu. Bill bước vào và trông thấy bố mình đang quỳ cạnh giường George (mẹ vẫn thay ga trải giường, nhưng chỉ một lần một tuần thay vì hai lần), đầu gục vào cánh tay lông lá lực lưỡng. Bill chứng kiến cảnh bố rơi lệ, và đi đâu này càng khiến cậu kinh hoàng. Một dự cảm đáng sợ chột hiện lên trong đầu cậu: có thể nhiều lúc tai vạ không chỉ tới một lần rồi thôi, có thể nhiều lúc họa vô đơn chí, cho đến lúc mọi thứ đầu bung bét.

“B-B-Bố...”

“Đi đi, Bill,” bố cậu lên tiếng. Giọng ông nghèn nghẹt và run rẩy. Lưng ông phập phồng lên xuống. Bill nhúng muốn chạm vào lưng ông, để xem liệu tay cậu có thể giúp người bố bớt nhấp nhô hay không. Nhưng cậu không dám. “Đi đi, đi chỗ khác đi con.”

Cậu rời khỏi phòng, rón rén đi dọc hành lang trên tầng, tiếng mẹ cậu khóc dưới bếp văng vẳng. Tiếng khóc bất lực, xót xa. Bill chợt tự hỏi, *Tại sao bố mẹ khóc xa nhau đến vậy?* nhưng rồi cậu cố gạt suy nghĩ ấy đi.

9

Vào đêm đầu tiên của kỳ nghỉ hè, Bill bước vào phòng Georgie. Tim cậu nặng nề đập trong lồng ngực, chân cậu lóng ngóng và đơ ra do căng thẳng. Cậu rất hay đến phòng của George, song không có nghĩa là cậu thích vào đó. Căn phòng tràn ngập sự hiện diện của George đến độ cậu có cảm giác nó như bị ám. Khi bước vào phòng, cậu không khỏi nơm nớp lo sợ cửa tủ quần áo sẽ có kết mở ra bất cứ lúc nào, và rồi Georgie sẽ xuất hiện giữa những bộ quần áo được treo gọn bên trong, một Georgie mặc áo mưa dính đầy máu, áo mưa với một cánh tay vàng vọt lủng lảng. Mắt của George trông rỗng và đáng sợ như mắt của thầy ma trong phim kinh dị. Khi bước ra từ tủ quần áo tiến đến chỗ Bill, đôi ủng của cậu em trai sẽ phát ra tiếng lép nhép trong khi Bill ngẩng trên giường, đơ ra vì sợ hãi...

Giả sử vào ban đêm, bỗng dưng cúp điện đúng lúc cậu đang ngẩng trên giường George, mắt nhìn ảnh của George trên tường hoặc mô hình trên tủ của George, cậu dám chắc trong vòng chưa tới mười giây, thế nào cậu cũng truy tìm, kéo về chầu ông bà. Nhưng cậu vẫn bước vào đó. Vật lộn với nỗi sợ hồn-ma-George là một nhu cầu nhức nhối và câm lặng - một cơn đói - để từ đó, cậu có thể vượt qua cái chết của George và tìm cách sống tiếp. Không phải để quên George mà để tìm cách khiến em trai cậu không *khủng khiếp* như thế. Cậu thừa hiểu bố mẹ không làm được điều này, và nếu muốn bản thân vượt

qua mất mát ấy, cậu sẽ phải tự thân vận động.

Cậu làm đi đâu này không chỉ vì chính mình mà còn vì Georgie. Cậu thương George rất nhiều, hai anh em nhìn chung rất thuận hòa. Tất nhiên rồi, có những lúc hai đứa chành chọc – Bill từng vịn tay George đến tấy đỏ, George từng mách lẻo lần Bill lên xuống lầu sau khi nhà đã tắt đèn và ăn nốt phần kem chanh trên bánh – nhưng ngoại trừ những lúc đó, hai anh em cậu rất thân nhau. Nghiệt ngã làm sao, George qua đời. Song để cậu biến George thành một con quái vật kinh dị... đi đâu đó còn nghiệt ngã hơn.

Cậu rất nhớ đứa em trai nhỏ của mình, thật lòng là thế. Cậu nhớ tiếng nói, tiếng cười của em – nhớ cách đôi mắt của George thỉnh thoảng lại ngược nhìn cậu đầy tự tin, chắc chắn rằng Bill nắm câu trả lời trong lòng bàn tay. Và một đi đâu hết sức kỳ cục là: cậu cảm thấy thương George nhiều nhất khi cậu sợ hãi, vì ngay cả khi sợ – ngay cả khi cứ ngay ngáy một George thây ma đang nấp trong tủ quần áo hoặc dưới giường – cậu có thể nhớ lại cảm giác mình yêu thương George nhiều hơn, và George cũng thương cậu. Trong quá trình chắt vớt dung hòa hai cảm giác ấy – tình yêu và nỗi sợ hãi – Bill cảm thấy mình tiến sát đến nơi có sự chấp nhận cuối cùng.

Đây không phải những đi đâu cậu có thể nói ra, trong tâm trí cậu, những suy nghĩ ấy chỉ là mớ bong bóng. Nhưng trái tim ấm nóng và khát khao của cậu hiểu rõ tất cả, và thế là đủ rồi.

Thỉnh thoảng, cậu lại lật vài trang sách của George, lướt qua đồ chơi của em.

Từ tháng Mười hai năm ngoái, cậu không nhìn album ảnh của George nữa.

Lúc này đây, vào buổi tối hôm gặp Ben Hanscom, Bill mở cửa tủ quần áo của George ra (luôn chuẩn bị sẵn tinh thần trông thấy cảnh Georgie mặc bộ áo mưa máu me giữa những bộ đồ treo trong tủ, phòng hờ một bàn tay nhợt nhạt như cá lao ra từ bóng tối, chộp lấy tay cậu) rồi lấy cuốn album từ kệ trên cùng.

HÌNH CHỤP CỦA TỐ, những chữ nhũ vàng trên bìa ghi. Bên dưới là dòng chữ in hết sức cẩn thận đề GEORGE ELMER DENBROUGH, 6 TUỔI dán bằng băng keo trong (băng keo đã hơi ngả vàng và bong tróc). Bill đem nó ra giường Georgie từng ngủ, tim đập nặng nề hơn bất cứ lúc nào. Cậu chẳng biết đi đâu gì đã khiến cậu lôi cuốn album xuống một lần nữa. Sau những gì xảy ra vào tháng Mười hai...

Nhìn lại lần hai, thế thôi. Để thuyết phục bản thân rằng lần đầu tiên không phải là thật. Rằng lần đầu tiên, chỉ là đầu óc mình chấp cheng.

Chà, ý định của cậu là thế.

Có thể cảnh tượng ấy là thật. Nhưng Bill nghĩ vấn đề không nằm hoàn toàn ở cuốn album. Cậu cảm thấy không khỏi tò mò về đi đâu cậu đã thấy, hoặc cậu nghĩ rằng cậu đã thấy...

Cậu mở cuốn album ra. Bên trong là những tấm hình George xin từ bố, mẹ, cô, dì, chú, bác. George chẳng quan tâm mình có biết những người và cảnh được chụp trong hình hay không, nhiếp ảnh là thứ khơi gợi trong lòng cậu bé sự hứng thú. Khi không nấn nỉ ỉ ôi được ai cho mình hình mới để nhét vào album, cậu bé sẽ ngẫ bắt chéo chân trên giường, ngay chỗ Bill đang ngẫ, và xem hình cũ, cẩn thận lật từng trang say mê ngắm nhìn những tấm hình Kodak trắng đen. Tấm này chụp mẹ lúc còn trẻ, ngày ấy mẹ sở hữu vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành, tấm này chụp bố tằm mười tám tuổi, một trong ba người thanh niên trẻ nhõn miệng cười, tay vác súng, đứng trước xác một con nai còn mở mắt; chú Hoyt đứng trên tảng đá, tay giơ một con cá chó đen. Cô Fortuna, ở Hội chợ Nông nghiệp Derry, tự hào quỳ bên cạnh một sọt cà chua cô trồng; một chiếc ô tô Buick; nhà thờ, nhà dân; con đường dẫn từ nơi này đến nơi khác. Tất cả những bức hình này được ai đó chụp vì những lý do đã rơi vào quên lãng, chúng nằm yên trong album của một cậu bé nay không còn trên cõi đời.

Tấm hình này chụp Bill lúc cậu lên ba tuổi, ng ồi trên giường bệnh với băng quấn kín tóc. Băng quấn xuống má và vòng qua cái cằm bị gãy. Năm ấy, cậu bị một chiếc ô tô đâm phải trong bãi giữ xe của A&P trên đường Trung Tâm. Cậu chẳng còn nhớ nhiều chi tiết về lần nằm viện ấy, chỉ nhớ bác sĩ cho cậu uống sữa lắc kem kèm ống hút và đầu của cậu đau như búa bổ suốt ba ngày trời.

Hình này chụp cả gia đình trên bãi cỏ trước nhà, Bill đứng cạnh mẹ và nắm tay bà, còn George, lúc ấy mới chỉ là một em bé đỏ hỏn, đang ngủ trong vòng tay bố. Còn tấm này...

Cuốn album chưa hết, nhưng trang cuối cùng mới là quan trọng nhất, bởi phần còn lại đều trống trơn. Tấm hình cuối cùng là hình George chụp ở trường vào tháng Mười năm ngoái, chưa tới mười ngày trước khi George qua đời. Trong tấm hình, George mặc áo cổ tròn. Mái tóc bù xù đã được vuốt xẹp bằng nước. Cậu bé đang mỉm cười, để lộ hai khe trống mà sẽ chẳng bao giờ có răng mọc - *trừ khi răng vẫn mọc sau khi ta chết*, Bill nghĩ mà rùng mình.

Cậu ng ẩng ra nhìn chằm chằm bức hình, đang định đóng gấp cuốn album lại thì những gì xảy ra vào tháng Mười hai một lần nữa tái diễn.

Đôi mắt của George trong tấm hình đảo qua đảo lại. Đoạn chúng ngược nhìn thẳng vào Bill. Nụ cười có phần ngượng nghịu của George xéch lên đây góm guốc. Mắt phải khép lại thành cái nháy mắt: *Hẹn sớm gặp lại anh. Trong tử quần áo của em, đêm nay chẳng hạn.*

Bill ném cuốn album sang bên kia phòng. Cậu đưa tay bưng miệng.

Cuốn album đập vào tường và rơi phịch xuống sàn, mở toang. Các trang loạt soạt lật dù chẳng có gió. Cuốn album tự lật đến bức hình góm ghiếc ấy, bức hình đêdòng chữ KỶ YẾU 1957-58 bên dưới.

Máu bắt đầu trào ra từ tấm hình.

Bill ng ẩng ra như phỗng, lưỡi chặn ngang họng, da như kiến bò, tóc dựng đứng. Những muốn hét toáng nhưng cậu chẳng thốt được gì ngoài những

tiếng rên rỉ khe khẽ.

Máu chảy xuống trang giấy rồi tràn lên sàn.

Bill lao ra khỏi phòng, đóng sập cửa lại sau lưng.

CHƯƠNG 6

MỘT TRONG NHỮNG ĐỨA TRẺ MẤT TÍCH: CÂU CHUYỆN MÙA HẠ NĂM 1958

1

Không phải đứa trẻ nào cũng được tìm thấy. Không hề có những đứa trẻ vẫn mất tích. Và lắm lúc, người ta lại phỏng đoán sai.

2

Trích từ *Derry News*, ngày 21 tháng 6 năm 1958 (trang nhất):

CẬU BÉ MẤT TÍCH LÀM DẤY LÊN LO SỢ MỚI

Edward L. Corcoran, ở số 73 đường Charter, Derry, được mẹ Monica Macklin và bố dượng, Richard P. Macklin, báo cáo là đã mất tích vào đêm qua. Corcoran năm nay mười tuổi. Sự biến mất của cậu bé dấy lên nỗi lo sợ về việc thanh thiếu niên của Derry đang bị một kẻ sát nhân để mắt đến.

Bà Macklin cho hay, cậu bé mất tích từ ngày 19 tháng 6, cũng là ngày đi học cuối cùng trước khi bắt đầu kỳ nghỉ hè, song cậu lại không về nhà.

Khi được hỏi tại sao cậu bé mất tích hơn 24 giờ gia đình mới trình báo, ông bà Macklin từ chối bình luận. Cảnh sát trưởng Richard Borton cũng không đưa ra ý kiến, nhưng một nguồn tin từ Sở Cảnh sát cho tờ *News* biết rằng mối quan hệ của cậu bé Corcoran với bố dượng không quá hòa thuận, và trước đó, có nhiều đêm cậu bé không ngủ ở nhà. Nguồn tin nghi vấn điểm số cuối năm của cậu bé có thể là một phần lý do cậu không về. Quản lý trường Derry Harold Metcalf từ chối bình luận về điểm số của cậu bé Cornocan với lý do đây là thông tin riêng tư.

“Tôi rất mong việc cậu bé mất tích sẽ không gây ra những nỗi lo không

đáng có.” Cảnh sát trưởng Borton cho biết vào tối qua. “Cộng đồng hẳn sẽ xáo động là đi đầu dễ hiểu, nhưng tôi muốn nhấn mạnh rằng hằng năm, chúng tôi ghi nhận từ 30 tới 50 báo cáo về người mất tích là trẻ vị thành niên. Đa số các em xuất hiện trở lại chừng một tuần sau báo cáo ban đầu trong tình trạng khỏe mạnh. Và nếu trời thương, trường hợp cậu bé Edward Corcoran cũng thế.”

Borton cũng nhắc lại quan điểm của ông rằng các vụ sát hại George Denbrough, Betty Ripsom, Cheryl Lamonica, Matthew Clements và Veronica Grogan không phải do cùng một thủ phạm gây ra. “Mỗi vụ án lại có một điểm khác biệt căn bản,” Borton nói nhưng từ chối đi vào chi tiết. Ông cho hay cảnh sát địa phương vẫn đang phối hợp chặt chẽ với văn phòng Tổng Chương lý bang Maine lần theo nhiều đầu mối chính. Khi được hỏi trong một buổi phỏng vấn trên truyền hình về chất lượng các manh mối trên, Cảnh sát trưởng Borton đáp: “Rất tốt.” Song khi được hỏi liệu có chuẩn bị vây bắt kẻ thủ ác nào trong các án mạng trên, ông từ chối trả lời.

Trích từ *Derry News*, ngày 22 tháng 6 năm 1958 (trang nhất):

TÒA ÁN BẤT NGỜ YÊU CẦU KHAI QUẬT MỘ

Cuối ngày hôm qua, trong một diễn biến mới đầy lạ lùng liên quan tới vụ mất tích của Edward Corcoran, thẩm phán Erhardt K. Moulton của Tòa án Derry đã yêu cầu khai quật mộ con trai út của nhà Corcoran tên Dorsey. Lệnh của tòa án xuất phát từ yêu cầu của công tố viên Hặt và Giám định Y khoa Hặt.

Dorsey Corcoran sống với mẹ và bố dượng tại số 73 đường Charter, qua đời do tai nạn vào tháng Năm năm 1957. Cậu bé được đưa tới Bệnh viện Derry Home trong tình trạng gãy xương nhiều chỗ, chấn thương sọ

não. Richard P. Macklin, bố dượng cậu bé, là người đưa cậu bé vào viện. Ông cho hay Dorsey Corcoran đang chơi leo thang trong ga-ra thì bị ngã từ trên cao. Sau ba ngày bất tỉnh, cậu bé qua đời.

Edward Corcoran, mười tuổi, được trình báo mất tích vào cuối ngày thứ Tư vừa rồi. Khi được hỏi liệu ông bà Macklin có ở trong diện tình nghi về cái chết của cậu con trai út và sự mất tích của cậu con trai lớn hay không, Cảnh sát trưởng Richard Borton từ chối bình luận.

Trích từ *Derry News*, ngày 24 tháng 6 năm 1958 (trang nhất):

HACKLIN BỊ BẮT DO HÀNH HUNG NGƯỜI ĐẾN CHIẾT

Nghi ngờ có liên quan đến vụ án mất tích đang dang dở

Ngày hôm qua, Cảnh sát trưởng Richard Borton đã tổ chức một cuộc họp báo để thông báo Richard P. Macklin, ngụ ở số 73 đường Charter, đã bị bắt và bị buộc tội giết hại con riêng của vợ là Dorsey Corcoran. Cậu bé Corcoran đã qua đời trong Bệnh viện Derry Home vào ngày 31 tháng 5 năm ngoái do “tai nạn”. Ông Borton cho biết: “Báo cáo giám định y khoa cho thấy cậu bé bị đánh đập nghiêm trọng.” Macklin khai cậu bé bị ngã thang trong lúc chơi ở ga-ra, nhưng cảnh sát trưởng cho biết báo cáo của Giám định Y khoa Hát cho thấy Dorsey Corcoran đã bị đánh đập nghiêm trọng bằng một vật cùn. Khi được hỏi về hung khí, Cảnh sát trưởng Borton nhận xét: “Có thể là búa. Hiện tại, điều quan trọng là kết luận của giám định y khoa cho biết cậu bé bị đánh liên tục bằng một vật cứng đến độ gãy xương. Các vết thương nhất là vết thương ở hộp sọ, hoàn toàn không tương thích với vết thương gây ra do té ngã. Dorsey Corcoran bị hành hung, sau đó được đưa tới Phòng Cấp cứu của bệnh viện để chết.”

Khi được hỏi có phải các bác sĩ chữa cho Corcoran đã tặc trách trong công việc khi không báo cáo về tình trạng ngược đãi trẻ em hoặc nguyên

nhân tử vong thực sự, cảnh sát trưởng trả lời, “Họ sẽ phải trả lời câu hỏi khi Macklin ra hầu tòa.”

Còn về diễn biến mới thu được từ vụ biến mất của Edward, anh trai Dorsey Cormoran, được ông Richard và bà Monica Macklin trình báo mất tích bốn ngày trước, Cảnh sát trưởng Borton trả lời: “Tôi đánh giá nó nghiêm trọng hơn nhiều so với những gì chúng tôi nhận xét ban đầu, các vị có nghĩ vậy không?”

Trích từ *Derry News*, ngày 25 tháng 6 năm 1958 (trang 2):

GIÁO VIÊN CHO HAY EDWARD CORCORAN “THƯỜNG XUYỀN BẦM TÍM”

Henrietta Dumont, giáo viên lớp Năm trường Tiểu học Derry nằm trên đường Jackson, cho hay Edward Corcoran, tính đến nay đã mất tích gần một tuần, thường đến trường “với nhiều vết bầm tím”. Đảm trách một trong hai lớp Năm của trường Derry kể từ lúc Thế chiến thứ hai kết thúc, cô Dumont nói rằng chừng ba tuần trước khi biến mất, cậu bé Corcoran đến trường trong tình trạng “mắt sưng húp mở không ra. Khi tôi hỏi có chuyện gì, cậu bé kể bị bố dạy cho bài học vì không chịu ăn tối.”

Khi được hỏi tại sao không trình báo trường hợp đánh đập nghiêm trọng như vậy, cô Dumont trả lời, “Trong sự nghiệp nghề giáo của mình, đây không phải lần đầu tiên tôi chứng kiến cảnh này. Mới đầu, khi thấy có bậc phụ huynh dùng phương pháp đánh đập để răn đe con cái, tôi cũng tìm cách can thiệp. Nhưng cô Gwendolyn Rayburn, phó hiệu trưởng thời đó, nhắc nhở tôi đừng vác tù và hàng tổng. Cô cho biết khi nhân viên nhà trường vướng vào những vụ nghi ngờ liên quan đến ngược đãi trẻ em, lúc nào nhà trường cũng bị ảnh hưởng vào thời điểm phân bổ ngân sách thuế. Tôi đến gặp hiệu trưởng thì thầy ấy bảo tôi quên nó đi, nếu không tôi sẽ bị khiển

trách. Tôi hỏi liệu khiến trách về vấn đề này có lưu lại trên lý lịch hay không thì nhận được câu trả lời là khiến trách không nhất thiết phải xuất hiện trên lý lịch giáo viên. Tôi nghe đến đó là hiểu ý th ấy ấy.”

Khi phóng viên hỏi thái độ trong hệ thống trường học Derry vẫn như vậy hay có thay đổi, cô Dumont cho hay, “Chà, thái độ ra sao sau tình hình hiện tại ư? Tôi xin nói thêm nếu không phải tôi vừa nghỉ hưu vào cuối năm học này, tôi sẽ không trả lời phỏng vấn của quý báo.”

Cô Dumont bộc bạch, “Từ lúc có tin, đêm nào tôi cũng quỳ gối cầu nguyện em Eddie Corcoran chỉ vì một mối với người bố dượng bạo lực nên mới bỏ nhà ra đi. Tôi mong sao khi đọc báo hoặc nghe đài về chuyện Macklin đã bị tổng giam, em sẽ trở về”

Trong cuộc phỏng vấn nhanh qua điện thoại, bà Monica Macklin kịch liệt phản đối lời chỉ trích của cô Dumont. Bà cho hay, “Rich không đánh đập Dorsey và cũng không đánh đập Eddie. Tôi nói cho các vị biết là như thế và khi tôi chết, tôi sẽ đứng ở Ngôi Phán Quyết, nhìn thẳng vào Chúa, và nói với Ngài đi đâu y chang như vậy.”

Trích từ *Derry News*, ngày 28 tháng 6 năm 1958 (trang 2):

“BỐ PHẢI DẠY CON VÌ CON HU, CẬU BÉ KỂ VỚI GIÁO VIÊN NHÀ TRẺ TRƯỚC KHI BỊ ĐÁNH CHẾT

Hôm qua, một giáo viên mần non trong vùng từ chối tiết lộ danh tính cho phóng viên tờ *News* biết rằng gần một tuần trước khi cái chết do vụ tai nạn trong ga-ra có chủ đích xảy ra, cậu bé Dorsey Corcoran đến nhà trẻ (một tuần hai buổi) trong tình trạng ngón trỏ và ba ngón tay của bàn tay phải bị bong gân nặng.

Giáo viên kể: “Cậu bé đau đến độ không thể tô màu bức tranh tuyên truyền *Đi đâu Nên Làm* của mình. Tay cậu bé sưng to như cái xúc xích. Khi

tôi hỏi có chuyện gì, Dorsey nói rằng bố cậu (bố dượng Richard P. Macklin) bẻ tay cậu ra sau vì cậu bé bước lên sàn nhà mà mẹ vừa lau chùi. Cậu bé nói “Bố phải dạy con vì con hư”. Nhìn những ngón tay bé xúu tội nghiệp ấy, tôi chỉ muốn khóc. Cậu bé rất muốn tô màu tranh như bạn bè, vậy nên tôi cho bé uống thuốc giảm đau dành cho trẻ em và để cậu bé tô màu vào giờ Kể Chuyện. Cậu bé mê một việc tô màu tranh Điêu Nền Làm nên tôi rất vui khi có thể đem đến chút niềm vui cho Dorsey vào ngày hôm ấy.

Khi nghe tin cậu bé qua đời, tôi hoàn toàn không nghĩ đó là tại nạn. Ban đầu, tôi đoán cậu bé bị té vì tay như vậy khiến sức nắm yếu đi. Giờ nghĩ lại, tôi không tài nào tin nổi người lớn lại có thể làm chuyện đó với con nít. Khó tin nhưng là thật. Ước gì tôi không phải biết đi ầu nghiệt ngã ấy.”

Anh trai của Dorsey Corcodan, Edward, mười tuổi, hiện vẫn đang mất tích. Trong trại giam Hạt Derry, Richard Macklin tiếp tục phủ nhận liên quan đến cái chết của cậu con trai út hoặc việc con trai lớn mất tích.

Trích từ *Derry News*, ngày 30 tháng 6 năm 1958 (trang 5):

MACKLIN BỊ NGHI NGỜ SÁT HẠI GROGAN VÀ CLEMENTS

Nguồn tin khẳng định có chứng cứ ngoại phạm chắc chắn

Trích từ *Derry News*, ngày 06 tháng 7 năm 1958 (trang nhất):

CẢNH SÁT TRƯỞNG TUYÊN BỐ MACKLIN CHỈ BỊ BUỘC TỘI GIẾT HẠI CON THỨ DURSEY

Edward Corcoran vẫn mất tích

Trích từ *Derry News*, ngày 24 tháng 7 năm 1958 (trang nhất):

BỐ DƯỢNG VỪA KHÓC VỪA THÚ NHẬN TỘI GIẾT CON BẰNG BÚA

Phiên xét xử Richard Macklin bị tình nghi về tội giết Dorsey Corcoran, con riêng của vợ tại Tòa án Quận, đã ghi nhận diễn tiến bất ngờ. Không chịu nổi sự đối chất đầy gắt gao của công tố viên hạt Bradley Whitsun, Macklin thừa nhận mình đã dùng búa không giật đánh cậu bé bốn tuổi đến chết, sau đó chôn hung khí ở góc vườn rau của vợ rồi đưa cậu bé đến phòng cấp cứu của Bệnh viện Derry Home.

Trước đó, Macklin đã khai nhận mình thỉnh thoảng đánh con để răn dạy chúng, hắn vừa khóc vừa kể lại câu chuyện khiến cả phòng xử án chấn động và lặng người.

“Tôi không biết ma xui quỷ khiến thế nào. Thấy thằng bé lại táy máy trèo lên cầu thang, tôi liền chộp lấy cây búa để trên băng ghế và đập nó túi bụi. Tôi không cố ý giết nó. Có Chúa chứng giám, tôi không có ý giết con.”

“Cậu bé có nói gì với anh trước khi bất tỉnh không?” Whitsun hỏi.

“Nó bảo, ‘Bố ơi, dừng lại đi. Con xin lỗi, con thương bố lắm.’” Macklin đáp.

“Vậy anh có dừng lại không?”

“Cuối cùng tôi cũng dừng lại,” Macklin đáp. Dứt lời, hắn khóc điên cuồng, thẩm phán Erhardt Moulton buộc phải tạm dừng phiên tòa.

Trích từ *Derry News*, ngày 18 tháng 9 năm 1958 (trang 16):

EDWARD CORCORAN Ở ĐÂU?

Bố dượng của cậu bé, bị kết án từ hai đến mười năm tù trong nhà tù bang Shawshank vì tội giết hại Dorsey bốn tuổi, tiếp tục tuyên bố mình không biết Edward Corcoran hiện đang ở đâu. Mẹ cậu bé, hiện đang làm thủ tục ly hôn Richard P. Macklin, cho biết bà nghĩ hắn ta nói dối.

Liệu có phải vậy không?

“Tôi không nghĩ thế,” Cha Ashley Brian, người làm việc với các tù nhân Công giáo trong nhà tù Shawshank nói. Vào tù được ít lâu, Macklin nghe theo lời dạy của đạo Công giáo và Cha O’Brian đã dành rất nhiều thời gian bên hắn. “Anh ta thành tâm hối lỗi vì tội ác của mình.” Cha O’Brian kể ban đầu, khi bố hỏi tại sao Macklin muốn theo Thiên Chúa, hắn đáp, “Con nghe nói đạo Công giáo có kinh sám hối, con cần tụng thật nhiều vì con không muốn xuống địa ngục khi chết.”

“Anh ta biết tội lỗi mình đã gây ra với cậu con út,” Cha O’Brian tiếp tục. “Nếu ra tay với đứa con lớn thì lý ra anh ta phải dằn vặt, đằng này anh ta lại chẳng nhớ gì. Anh ta một mực nói tay anh ta không nhúng chàm trong vụ Edward.”

Tay của Macklin có nhúng chàm trong vụ việc liên quan đến cậu con trai lớn Edward hay không là câu hỏi tiếp tục đau đầu trong lòng cư dân Derry, nhưng hắn ta đã được chứng minh không dính líu đến các vụ giết hại trẻ em khác xảy ra ở nơi đây. Hắn đã cung cấp chứng cứ ngoại phạm chắc như bọc sắt cho ba vụ đầu tiên, ngoài ra, hắn đang ở tù khi bảy vụ tiếp theo xảy ra vào cuối tháng Sáu, tháng Bảy và tháng Tám.

Mười vụ án mạng vẫn còn bỏ ngỏ.

Trong một cuộc phỏng vấn riêng với tờ *News* vào tuần trước, Macklin một lần nữa khẳng định mình không biết Edward Corcoran đang lưu lạc ở đâu. “Tôi đánh đập cả hai đứa,” hắn bọc bạch đầy đau thương, thỉnh thoảng lại ngắt quãng vì những đợt nước mắt. “Tôi thương cả hai đứa, thế mà tôi lại đánh đập chúng. Tôi không biết lý do tại sao, giống như cách tôi không biết tại sao Monica để tôi đánh đập chúng, hoặc tại sao cô ta lại bao che cho tôi sau khi Dorsey qua đời. Có lẽ bản thân tôi cũng đủ sức để kết liễu Eddie để dằn như với Dorsey, nhưng tôi thì trước Thượng đế, Chúa Giê-su và mọi

thánh thần trên thiên đàng rằng tôi không biết. Tôi biết các vị cảm thấy khó tin, nhưng thủ phạm không phải là tôi. Tôi nghĩ thằng bé bỏ nhà đi. Nếu vậy, tôi lại có thêm điều để tạ ơn Chúa.”

Khi được hỏi liệu ký ức có bị đứt đoạn hay không – liệu có khả năng hắn giết Edward rồi chặn hành vi ấy ra khỏi đầu hay không - Macklin trả lời: “Tôi không biết về bất cứ đứt đoạn nào. Tôi biết rõ từng điều tôi làm. Tôi nguyện trao thân này cho Chúa, và tôi sẽ dùng phần đời còn lại để sám hối.”

Trích từ *Derry News*, ngày 27 tháng 01 năm 1960 (trang nhất):

CẢNH SÁT TRƯỞNG KHẲNG ĐỊNH THI THỂ KHÔNG PHẢI LÀ CỦA CẬU BÉ CORCORAN

Sớm ngày hôm nay, Cảnh sát trưởng Richard Borton cho phía báo giới biết thi thể đã phân hủy từ lâu của một bé trai tầm tuổi Edward Corcoran không phải là của cậu bé. Corcoran mất tích khỏi nhà ở Derry vào tháng Sáu năm 1958. Thi thể được phát hiện ở Aynesford, Massachusetts, chôn trong một bãi khai thác đá dăm. Ban đầu, cảnh sát hai bang Maine và Massachusetts đưa ra giả thiết cái xác là của cậu bé nhà Corcoran, cậu bị một kẻ quấy rối trẻ em dụ dỗ sau khi bỏ nhà ra đi. Trước đó, chính tại căn nhà trên phố Charter, em trai cậu đã bị bố dượng đánh đến chết.

Kết quả từ các biểu đồ nha khoa cho thấy thi thể phát hiện ở Aynesford không phải là của cậu bé Corcoran. Tính đến nay, cậu bé đã mất tích được 19 tháng.

Trích từ *Portland Press-Herald*, ngày 19 tháng 7 năm 1967 (trang 3):

SÁT NHÂN TỪNG BỊ KẾT ÁN TỰ TỬ Ở FALMOUTH

Chiều tối ngày hôm qua, Richard P. Macklin, thủ phạm từng bị kết án giết hại cậu con trai bốn tuổi vốn là con riêng của vợ vào chín năm trước,

được phát hiện đã chết trong căn chung cư nhỏ trên tầng ba ở Falmouth. Sau khi được ra tù từ nhà tù bang Shawshank vào năm 1964, anh ta đã sống và làm việc thầm lặng ở Falmouth, tình hình cho thấy đây là một vụ tự sát.

“Bức thư để lại cho thấy tình trạng tinh thần người này vô cùng bất ổn, Brandon K. Roche, trợ lý cảnh sát trưởng Falmouth nhận định. Ông từ chối đi sâu vào nội dung bức thư, nhưng một nguồn tin từ Sở Cảnh sát cho hay nó chỉ vồn vện hai câu: “Đêm qua tôi gặp Eddie. Thằng bé chết rồi.”

“Eddie” được nhắc đến ở đây có thể là con trai riêng của vợ Macklin, anh trai của cậu bé mà Macklin bị kết tội sát hại vào năm 1958. Edward Corcoran mất tích đã dẫn đến việc Macklin bị kết án vì tội đánh đập Dorsey, em trai của Edward, đến chết. Tuy nhiên, cậu anh đã mất tích chín năm. Trong một phiên xét xử nhanh tổ chức vào năm 1966, mẹ cậu bé yêu cầu con trai được tuyên bố chết theo pháp lý để người này có thể hưởng quyền sở hữu tài khoản tiết kiệm của Edward Corcoran. Tổng số tiền trong tài khoản là 16 đô-la.

3

Phải, Edward Corcoran không còn trên cõi đời này.

Cậu bé trút hơi thở cuối cùng vào đêm ngày 19 tháng 6, ông bố dượng không liên quan gì đến vụ việc. Cậu chết trong lúc Ben Hanscom đang ngủ ở nhà xem ti vi cùng mẹ, lúc mẹ của Eddie Kaspbrak lo lắng rằng trán của Eddie có dấu hiệu bị “sốt bóng ma” – căn bệnh ưa thích của bà, lúc bố dượng của Beverly Marsh – một người đàn ông cá mè một lứa, chí ít về tính khí, với bố dượng của Eddie và Dorsey Corcoran – tung một cú đá vào bàn tọa cô bé và sai cô bé “Đi ra rửa mấy cái đĩa chết bầm theo lời mẹ mày nói đi”, lúc Mike Hanlon bị một đám nam sinh trung học chửi bới (vài năm

sau, một trong số đó sẽ trở thành bố của John “Webby” Garton, cậu thiếu niên kỳ thị giới tính thứ ba như hủi) khi chúng lái chiếc Dodge cũ chạy ngang qua trong lúc Mike nhỡ cở đại ở khu vườn cạnh căn nhà nhỏ của gia đình Hanlon trên đường Witcham, cách không xa nông trại ông bố điên khùng của Henry Bowers là bao, lúc Richie Tozier đang lén lút ngắm nhìn hình của một cô gái ăn mặc nửa kín nửa hở trong tờ tạp chí *Gem* mà cậu tìm thấy dưới đáy ngăn đựng tất với quần lót của bố và cột cờ dựng thẳng đứng, lúc Bill Denbrough ném album ảnh của cậu em trai đã chết trong sự bàng hoàng đến hãi hùng.

Tất cả mọi đứa trẻ đều ngược mặt lên vào đúng khoảnh khắc Eddie Corcoran lìa đời... tựa hồ như nghe thấy tiếng rên khóc vắng lại từ đằng xa, dù không ai trong số chúng nhớ mình đã hành động như thế.

Tờ *News* đã đúng một đi đầu: điểm trong sổ liên lạc của Eddie rất tệ, do vậy cậu bé rất sợ việc về nhà và đối mặt với bố dượng. Chưa kể, tháng này, mẹ cậu và lão cãi nhau như cơm bữa. Đúng là chỉ đồ thêm dầu vào lửa. Khi to tiếng cãi nhau, mẹ cậu la lối những lời chỉ trích chẳng đâu vào đâu. Đáp lại những lời mắng chửi này, đầu tiên, ông bố dượng lậm bậm, sau đó quát bà im đi, và rồi gầm rống lên như con lợn lòi bị gai nhím thọc vào mõm. Dầu vậy, Eddie chưa lần nào chứng kiến lão thượng cẳng tay, hạ cẳng chân với mẹ. Eddie nghĩ lão không dám làm thế. Vậy nên lão ta để dành năm đầm cho Eddie và Dorsey, nhưng giờ Dorsey không còn nữa, Eddie lãnh đủ cả phần mình lẫn phần của em trai.

Những trận khẩu chiến này đến và đi theo chu kỳ. Tần suất của chúng dày đặc nhất vào cuối tháng, khi hóa đơn được gửi tới nhà. Thỉnh thoảng, đôi lần, khi mọi chuyện lên đến đỉnh điểm, hàng xóm phải gọi cảnh sát đến để yêu cầu họ ngừng chửi bới. Thường thì cãi vã đến đây là chấm dứt. Mẹ

cậu sẽ giơ ngón tay thối trước mặt cảnh sát và thách thức ông ta gõ cổ mình, nhưng người bố dượng hiếm khi tỏ thái độ bất kham.

Bố dượng rất sợ dính đến cảnh sát, Eddie thận trọng.

Những lúc căng thẳng như thế, cậu bé chỉ biết ngậm bồ hòn làm ngọt. Cái gì cũng phải liệu cơm gắp mắm. Cứ nhìn gương của Dorsey mà xem. Eddie không rõ chi tiết cụ thể, đúng hơn là không muốn biết, nhưng cậu cũng lờ mờ hiểu được phần nào. Cậu nghĩ Dorsey có mặt không đúng chỗ mà cũng chẳng đúng lúc: ai đòi lại mò xuống ga-ra vào ngày cuối tháng. Bố mẹ nói với Eddie rằng Dorsey ngã khỏi thang trong ga-ra – “Có phải tôi mới dẫn nó đừng leo trèo một lần đâu, tôi nói cả sáu chục lần rồi,” bố dượng của cậu nói – nhưng mẹ cậu chẳng bao giờ nhìn thẳng vào mắt cậu, trừ khi vô tình... và khi bốn mắt giao nhau, Eddie bắt gặp tia sáng yếu ớt, cáu bẳn, đầy sợ hãi trong mắt bà, mà cậu không thích đi đâu đó chút nào. Còn lão ta chỉ lặng thinh ngồi ở bàn ăn với chai bia Rheingold trong tay, đôi mắt dưới hàng lông mày rậm rạp cau có nhìn vào vô định. Eddie không dám xó rớ lại gần. Khi bố cậu rống lên, thông thường - không phải mọi lúc mà là thông thường - cậu vẫn toàn mạng. Khi lão im lặng, cậu càng phải cẩn trọng.

Hai đêm trước, lão đã ném một chiếc ghế vào người Eddie khi cậu bé chuyển kênh xem còn chương trình gì khác hay không - lão nhấc chiếc ghế bằng nhôm hình ống, lẳng nó qua đầu rồi thả tay. Chiếc ghế đập vào mông Eddie và làm cậu ngã nhào. Dù mông đau nhưng cậu bé biết như thế còn đỡ: chí ít nó không văng vào đầu.

Sau đó, một đêm nọ, chẳng hiểu hà có gì mà lão tỉnh dậy rồi trét một nắm khoai tây nghiền lên tóc Eddie. Tháng Chín vừa rồi, Eddie đi học về và nhớ tay sập cửa đánh rầm lúc bố dượng đang ngủ. Macklin bước ra từ

phòng ngủ, mặc độc chiếc quần đùi lòng thông, tóc tai dựng ngược, mặt lún phún râu hai ngày cuối tuần chưa cạo, hơi thở phả mùi bia nốc trong hai ngày vừa rồi. “Đứng đấy, Eddie,” lão nói. “Đề tao dạy mày cái tội dám đóng sập cánh cửa chết giẫm ấy.” Trong từ điển của Rich Macklin, “dạy” là uyển ngữ cho “đánh lên bờ xuống ruộng”. Và đó là điều lão làm với Eddie. Lúc lão ném cậu bé ra sảnh trước, Eddie không còn ý thức được gì. Trước đó, mẹ cậu đã gắn hai móc treo dưới thấp để cậu và Dorsey có thể treo áo khoác. Mũi thép cứng của móc treo chọc thẳng vào lưng Eddie, khiến cậu bất tỉnh. Chừng mười phút sau, cậu tỉnh lại và nghe thấy tiếng mẹ la hét bảo sẽ đưa Eddie đến bệnh viện và lão dừng hòng ngăn cản bà.

“Sau những gì xảy ra với Dorsey sao?” Bố dượng của cậu đối lại. “Cô muốn vào tù bóc lịch à?”

Thế là bà thôi nhắc đến bệnh viện. Bà dìu Eddie vào phòng, cậu nằm trên giường, run cầm cập, trán rịn mồ hôi mẹ mồ hôi con. Cậu rít trong phòng suốt ba ngày tiếp theo, chỉ ra khỏi phòng lúc hai người lớn vắng nhà. Cậu tập tễnh lết vào nhà bếp, miệng rên ư ử rồi lấy chai whiskey bố dượng cất dưới bồn. Cậu hóp vài ngum để làm dịu cơn đau. Sang ngày thứ năm, cơn đau gần như hết hẳn, nhưng cậu đi tiểu ra máu gần hai tuần liền.

Thêm một chuyện, cây búa không còn trong ga-ra nữa.

Mà *thế* thì sao? *Thế* thì sao nào, bà con cô bác ời?

À, chiếc búa hiệu Craftsman – tức chiếc búa bình thường - vẫn còn đó. Còn cây búa không giật hiệu Scotti mới mất tăm mất tích. Đó là cây búa đặc biệt của bố dượng mà cậu và Dorsey không được phép động vào. Vào hôm mua búa, lão đã dọa hai con: “Nếu một trong hai đứa chúng mày rớ vào nó, tao sẽ cho chúng mày lấy ruột làm mũ len bịt tai.” Dorsey rụt rè hỏi chiếc búa đắt lắm phải không. Lão bảo thằng bé nói chuẩn không cần

chỉnh. Lão giải thích trong búa chứa các vòng bi, dù nện búa mạnh cỡ nào, búa cũng không giật lên.

Nhưng giờ nó mất rồi.

Từ ngày mẹ tái hôn, điểm số của Eddie ngày càng sa sút vì cậu nghỉ học rất nhiều, nhưng cậu bé không hề ngu ngốc. Trong thâm tâm, cậu biết đi đâu gì đã xảy ra với chiếc búa không giật hiệu Scotti ấy. Tận đáy lòng mình, cậu đoán bố dượng đã dùng nó để giết Dorsey rồi chôn nó trong vườn hoặc vứt xuống Kênh Đào. Trong những cuốn truyện kinh dị Eddie hay đọc và cất ở ngăn trên cùng của tủ quần áo, tình tiết kiểu này xảy ra như cơm bữa.

Cậu tiến về phía Kênh Đào, nước lặn tấp hai bờ bê tông như lụa loang loáng dầu. Mảnh trăng lấp lánh trên mặt nước tối đen thành hình lưỡi liềm. Cậu ngẩng xuống, khe khẽ dùng đưa chân vào bờ kênh thành những tiếng lộp cộp. Sáu tuần vừa rồi, thời tiết khá khô, nước chảy cách để giày mòn vẹt của cậu chừng ba mét. Nhưng nếu nhìn kỹ đôi bờ Kênh Đào, ta có thể thấy các mức mà thỉnh thoảng nước dâng lên. Bờ kênh chuyển màu nâu đen ngay trên mức nước hiện tại. Phần màu nâu này từ từ phai thành màu vàng, sau đó, ở độ cao mà gót giày Eddie chạm vào khi vung chân, nó biến thành màu trắng trắng.

Dòng nước êm đềm, lặng lẽ chảy ra khỏi vòm bê tông được lát sỏi bên trong, ngang qua chỗ Eddie ngẩng rồi chảy xuống phần chân cầu bằng gỗ chằng chịt chữ giữa công viên Bassey và trường Trung học Derry. Hai bên cầu và phần trụ cầu – ngay cả thanh dầm bên dưới – đều được khắc lỗ nhỏ các chữ viết tắt, số điện thoại và đủ thể loại câu chữ. Cậu bọc bạch tinh yêu, cậu tuyên bố ai đó chỉ giỏi “bú” hoặc “thối”; cậu dọa dẫm kẻ nào bị phát hiện làm trò bú hoặc thối sẽ mất bao quy đầu hoặc bị nhét nhựa đường vào lỗ hậu, thỉnh thoảng lại có vài câu vớ vẩn chẳng hiểu đầu cua tai nheo

ra sao. Một câu khiến Eddie vò đầu bứt tai suốt mùa xuân vừa rồi ghi CỨU DÂN DO THÁI NGÀ! THU THẬP GIẢI THƯỞNG GIÁ TRỊ!

Câu này có nghĩa là gì? Hay nó vô nghĩa? Và nó có quan trọng không?

Tối ấy, Eddie không đi lên cầu Hôn Nhau; cậu chẳng ham bước sang phía trường học. Cậu nghĩ có lẽ mình sẽ qua đêm trong công viên, trên đồng lá khô dưới nhà chòi, còn giờ cứ ngồi ở đây cũng hay. Cậu thích công viên và rất hay đến vào những lúc phải suy tư. Thỉnh thoảng có vài người hôn hít, sờ soạng nhau trong lùm cây rải rác ở công viên, nhưng Eddie mặc kệ họ, và ngược lại, nước sông không phạm nước giếng. Cậu từng nghe mọi người rỉ tai nhau trên sân trường những câu chuyện khủng khiếp về đám đồng bóng mò vào công viên Bassey gạ gẫm khi chiều xuống, cậu nghe thế chứ chẳng thắc mắc gì thêm, vì cậu chưa lần nào bị quấy nhiễu. Công viên rất yên bình, và cá nhân cậu thấy địa điểm tuyệt nhất là ở chính vị trí cậu đang ngồi. Cậu thích đến đây vào giữa hè, khi đó, mực nước thấp đến độ nước róc rách len lỏi qua các hòn đá rồi tách thành những nhánh nhỏ ngoằn ngoèo uốn lượn, rồi thỉnh thoảng lại nhập vào nhau. Cậu thích công viên vào cuối tháng Ba hoặc đầu tháng Tư, khi tuyết vừa tan, thỉnh thoảng cậu có thể đứng cạnh Kênh Đào (không ngồi được vì quá lạnh; mông sẽ đông thành đá mất) cả tiếng đồng hồ hoặc hơn, kéo mũ chiếc áo khoác chặt chội do mặc đã hơn hai năm lên cao, đút tay vào túi, chẳng để tâm cơ thể gầy gò của cậu đang run lẩy bẩy. Chừng một hoặc hai tuần sau khi băng tan, Kênh Đào sở hữu một sức mạnh rồi tệ khó cưỡng. Cậu rất lấy làm thích thú trước cảnh nước tung trắng xóa từ vòm kênh lát sỏi, ào ào chạy ngang qua cậu, mang theo nhánh cây, cành cây và đủ thể loại rác rến của con người. Rất nhiều lần, cậu đã tưởng tượng cảnh mình bước đi bên cạnh Kênh Đào vào tháng Ba cùng bố dựng rồi đẩy lão khốn

khiếp ấy thật mạnh. Lão sẽ hét vang và ngã xuống, hai tay cuống cuống chới với tìm thăng bằng, Eddie sẽ đứng trên ụ bê tông nhìn lão bị cuốn trôi theo dòng nước, đầu như khối đen lúc chìm lúc nổi giữa dòng nước trắng xóa hung hãn. Cậu sẽ đứng đó, phải, cậu sẽ khum tay quanh miệng và hét lớn: TÔI TRẢ ĐŨA CHO DORSEY ĐẤY, ĐỒ SÚC SINH! KHI XUỐNG ĐỊA NGỤC, HÃY NÓI VỚI QUỶ DŨ RẰNG LỜI CUỐI CÙNG ÔNG NGHE LÀ TÔI NÓI ÔNG CÓ GIỎI THÌ ĐÁNH NHAU VỚI KẼ NGANG MÌNH ĐI! Tất nhiên, đi đâu này sẽ chẳng bao giờ xảy ra, nhưng chỉ tưởng tượng thôi cũng đã thấy hoành tráng. Cậu cứ thả hồn vào giấc mơ ấy, một giấc mơ tuyệt...

Bỗng dưng, có một cánh tay chộp lấy chân của Eddie.

Cậu đang đưa mắt nhìn qua Kênh Đào hướng về ngôi trường, nở nụ cười mơ màng và tươi tắn khi tưởng tượng cảnh lão bố dượng bị dòng nước lũ mùa xuân cuốn phăng, một đi không trở lại cuộc đời cậu. Bàn tay nắm lấy chân cậu tuy nhẹ nhưng khiến cậu giật mình, suýt chút nữa mất thăng bằng mà ngã nhào xuống Kênh Đào.

Là một tên đông bóng mà mấy anh lớp trên hay kẻ u, cậu chợt dạ nhìn xuống. Miệng cậu há hốc. Nước tiểu nóng ầm sồn xuống hai chân, biến chiếc quần jean của cậu ngả đen trong ánh trắng. Không có tên đồng bóng nào cả.

Mà là Dorsey.

Là Dorsey trong bộ dạng như lúc được chôn cất, Dorsey mặc áo âu phục xanh và quần xám, chỉ có đi đầu chiếc áo lúc này tả tơi và lấm lem bùn đất, áo của em ấy như mớ giẻ rách vàng ố, quần ướt sũng, dính vào đôi chân khẳng khiu như que củi. Và đầu của Dorsey méo mó dị dạng, như thể nó lồm sồm ở đằng sau nên bị lẫ ra ở đằng trước.

Dorsey đang nhõn miệng cười.

“Eddieeee,” đứa em trai đã qua đời của cậu rên rỉ như người chết đuối m ò sống dậy trong truyện kinh dị. Nụ cười của Dorsey nở rộng. Hàm răng vàng ố lóe sáng, và ẩn sâu trong bóng tối ấy, có thứ gì đó lúc nhúc.

“Eddieeee... Em đến gặp anh đây, Eddieeeee...”

Eddie những muốn hét lên những cơn hoảng loạn như đợt sóng d ãn đập ập vào cậu, và cậu có cảm giác thật lạ, tựa hồ cậu đang trôi b ãng b ãnh. Nhưng đây không phải là một giấc mơ, cậu đang thức. Bàn tay nắm chiếc giày của cậu trắng hếu như bụng cá h ãi. Bằng cách nào đó, chân của em trai cậu bám vào bờ tường bê tông. Một bên gót chân Dorsey bị thứ gì đó cắn mất.

“Xuống đây nào, Eddieeeee...”

Eddie không tài nào thét lên nổi. Phổi cậu không chứa đủ “Á” để cậu thét thành tiếng. Cậu chỉ ré lên khe khẽ chứ chẳng có sức hét to. Nhưng đành thế thôi. Trong vòng chưa tới vài giây, tâm trí cậu sẽ tắt phụt, để r ãi sau đó, mọi thứ sẽ chẳng còn nghĩa lý gì. Tay của Dorsey nhỏ nhưng chắc như đá. Mông Eddie d ãn trượt khỏi bờ bê tông xuống rìa Kênh Đào.

Miệng vẫn chưa thôi ré lên, cậu quờ quàng ra sau, níu lấy bờ bê tông và giật người lại. Cậu cảm thấy bàn tay trượt đi trong chốc lát r ãi nghe thấy tiếng rít lên đầy tức giận. Lúc ấy, cậu kịp có thời gian để suy nghĩ: *Dorsey. Mình không biết nó là gì nhưng không phải là Dorsey.* Đoạn adrenaline ngập tràn trong cơ thể, cậu cuống cu ãng bò đi, cố chạy ngay cả khi chưa kịp đứng dậy, thở h ãng học đứt đoạn.

Đôi tay trắng hếu hiện lên trên bờ bê tông của Kênh Đào. Tiếp đến là lồm bồm tiếng nước. Nước bắn lên lấp lánh dưới ánh trăng từ làn da bọt bọt của người chết. Mặt của Dorsey lộ ra từ bờ rìa. Ánh đỏ lấp lóe trong

đôi mắt trũng sâu. Mái tóc ướt bết vào đầu. Đất bùn nhoe nhoét trên mặt như màu vẽ.

Rốt cuộc, lòng ngực của Eddie bật tung. Cậu hít thật sâu rồi cất tiếng hét hãi hùng. Cậu vội vàng đứng lên, co giò chạy. Vừa chạy, cậu vừa ngoái lại đằng sau để xem Dorsey có bén gót theo không, vì thế, cậu đâm sầm vào một cây du lớn.

Cảm giác như có ai đó – ví dụ như lão bố dượng chẳng hạn - vừa kích hoạt thuốc nổ ở vai trái của cậu. Cậu nổ đom đóm, ngã vật xuống gốc cây như thể vừa bị rìu quật vào người, máu rỉ ra từ thái dương bên trái. Trong khoảng chín mươi giây, cậu chới với trong vầng vất. Rồi cậu gắng sức đứng dậy trở lại. Cậu không nhịn nổi mà rên lên khi cố nâng cánh tay trái. Nó không cử động, tê liệt và xa xôi. Thấy vậy, cậu giơ tay phải lên chà xát điên cuồng vào quả đầu đau như búa bổ của mình.

Đoạn cậu chợt nhớ ra lý do tại sao mình lại cầm đầu tông thẳng vào cây du, bèn đưa mắt nhìn quanh.

Rìa Kênh Đào ở đằng kia, trắng hếu như xương và thẳng như dây đàn dưới ánh trăng. Không thấy thứ bò lên từ Kênh Đào đâu... nếu thứ đó có thật. Cậu tiếp tục xoay người, chậm chạp nhìn đủ mọi góc độ. Công viên Bassey im ắng và tĩnh lặng như một bức ảnh đen trắng. Hàng liễu rủ đung đưa những nhánh cây tối tăm, chỗ nấp lý tưởng cho bất cứ thứ điên rồ, khoằm lưng nào bên trong.

Eddie lê bước, cố gắng giữ tầm mắt mình thật rộng. Bên vai bị trật nhói đau theo nhịp tim thành thịch của cậu.

Eddieeeee, tiếng gió khê rên rỉ qua hàng cây, *anh không muốn gặp em saoooo, Eddieeeee?* Cậu cảm thấy những ngón tay nhẽo nhoét của xác chết vuốt qua cổ mình. Cậu quáng quàng vung tay rối rít. Chân cậu loạng

choạng khiến cậu ngã chổng vó, và khi ấy, cậu nhận ra hóa ra chỉ là lá liễu xào xạc theo cơn gió.

Cậu lại đứng dậy. Cậu muốn chạy nhưng vừa dợm chạy đi thì một đợt thuốc nổ lại nổ tung ở vai nên cậu buộc phải dừng lại. Cậu dặn lòng giờ này thì còn sợ gì nữa, tự mắng mình đúng là to đầu mà dại, không dừng lại hoảng hốt vì ảo giác hoặc vì ngủ quên rồi gặp ác mộng. Nhưng muốn là một chuyện, làm được hay không lại là chuyện khác. Tim cậu đập nhanh đến độ cậu không còn phân biệt rõ những tiếng thành thị nữa, và cậu dám chắc không sớm thì muộn, tim cậu sẽ nổ tung vì sợ. Tuy không thể chạy, cậu vẫn có thể cà nhắc lê chân khi bước ra khỏi rặng liễu.

Cậu nhìn chăm chăm vào ngọn đèn đường ở ngay cổng chính của công viên. Cậu hướng thẳng đến đó, rảo bước nhanh hơn một chút, thẩn nhẩn trong đầu: *Mình sắp bước ra ánh sáng, mọi chuyện êm đẹp rồi. Mình sắp bước ra ánh sáng, mọi chuyện êm đẹp rồi. Ánh sáng rực rỡ, không còn sợ hãi, ánh đèn sáng choang cả đêm tối, khung cảnh sao tuyệt vời...*

Có thứ gì đó đang bám theo cậu.

Eddie nghe thấy nó tìm đường qua hàng liễu. Nếu quay lại, cậu sẽ trông thấy nó mất. Nó đang tăng tốc. Cậu nghe thấy tiếng chân của nó, bước đi sột soạt, lép nhép, nhưng cậu không dám ngoái lại, không được, cậu phải nhìn về phía ánh sáng, rồi mọi chuyện sẽ êm đẹp, cậu chỉ cần cao chạy xa bay vào thứ ánh sáng kia, cậu gần đến đích rồi, gần rồi...

Nhưng thứ mùi xộc lên khiến cậu phải ngoái lại. Thứ mùi choáng ngợp, tanh tưởi như đồng cá để ươn dưới nắng hè, bày nhầy và nặng nề. Đó là thứ mùi của biển chết.

Thứ đuổi theo cậu không phải là Dorsey nữa mà là Sinh vật từ Đầm phá Hắc ám. Mồm của nó vừa dài vừa nhăn nhéo. Trên má nó ứa ra thứ dịch

xanh từ những vết cắt đen đúa như cái miệng dựng thẳng đứng. Mắt nó trắng dã, nhầy nhầy. Tay nó có màng, đầu ngón tay là móng vuốt sắc như dao cạo. Hơi thở của nó phì phò, như tiếng thở của người thợ lặn vớ phải bình dưỡng khí không tốt. Khi thấy Eddie nhìn mình, cái môi xanh đen của nó nhếch lên nhăn nhúm, tạo thành một nụ cười chết chóc, trống rỗng, để lộ những chiếc răng nanh to gồ.

Nó lết về phía cậu, vừa đi vừa chảy dịch, và Eddie chợt ngộ ra: nó muốn bắt cậu xuống Kênh Đào, nó muốn đưa cậu vào màn đêm tăm tối ẩm ướt trong đường hầm dưới đất của con kênh. Để ăn tươi nuốt sống cậu ở trong đó.

Eddie vùng chạy. Đèn hồ quang ở cổng càng lúc càng gần thêm. Cậu có thể thấy bọ và bướm đêm bay quanh bóng đèn. Chiếc xe tải vụt qua, hướng về phía Đường số 2, người tài xế từ từ tăng tốc, và trong tâm trí hãi hùng, tuyệt vọng của Eddie vụt qua suy nghĩ người lái xe ấy có thể đang uống cà phê đựng trong cốc giấy, lắng nghe một bài ca của Buddy Holly trên đài, không hề hay biết cách đó chừng hai trăm mét, một cậu bé sắp mất mạng trong chưa tới hai mươi giây nữa.

Thứ mùi tanh tươi. Thứ mùi tanh tươi càng lúc càng nồng nặc. Nó bao phủ xung quanh cậu.

Cậu vấp phải băng ghế trong công viên. Trước đó, vài đứa nhóc đã hát đồ nó, hối hả chạy về nhà cho kịp giờ giới nghiêm. Mặt ghế thò ra khỏi cả vài phân, cả hai lại đồng màu xanh, nhập nhoạng trong công viên huyền hoặc ánh trăng. Mép ghế đập vào cổ chân Eddie khiến cậu đau thấu xương. Chân cậu trượt ra sau, cả người ngã ập xuống bãi cỏ.

Cậu nhìn ra sau thì trông thấy Sinh vật kia cúi người xuống, đôi mắt trắng dã như trứng ánh lên, vảy của nó chảy thứ chất nhờn màu xanh rong

biển, mang phập phồng lên xuống trên cái cổ lồi và hai bên má hết mở ra lại đóng vào.

“Ặc!” Eddie nhen lên. Cậu chẳng nói được gì ngoài những tiếng lấp bắp ấy. “Ặc! Ặc! Ặc! Ặc!”

Cậu bò toài, tay vọc sâu vào cổ. Lưỡi cậu thè ra.

Khoảnh khắc bàn tay chai cứng hôi tanh của sinh vật ấy vòng quanh họng của Eddie, một suy nghĩ dường như tự huyền lướt qua đầu cậu bé: *Đây chỉ là giấc mơ, chắc chắn là vậy. Sinh vật Đâm phá Hắc ám làm gì có thật kia chứ, Đâm phá Hắc ám làm gì tồn tại trên đời, nếu có chẳng nữa, ở Nam Mỹ hay đầm lầy Everglades tại Florida hoặc những nơi tương tự thì may ra. Đây chỉ là một giấc mơ, và mình sẽ tỉnh dậy trên giường hoặc trên đồng lá dưới chòi, rồi mình sẽ...*

Hai bàn tay có màng siết quanh cổ khiến tiếng hét khô khốc của Eddie bị chặn lại. Sinh vật ấy lật người cậu lại, những cái gai sần sùi mọc trên tay cào vào cổ cậu chảy máu thành những đường ngang dọc. Cậu nhìn thẳng vào đôi mắt trắng dã đang ánh lên của nó. Cậu cảm nhận lớp màng giữa những ngón tay của nó đang siết vào cổ cậu như đồng tảo biển đang xoắn lại. Thị lực như được mài giũa bởi sợ hãi, cậu nhìn rõ mồn một vảy của nó, vừa hao hao mào gà vừa hao hao vảy độc trên lưng cá đuối bò nâu, dựng ngược trên cái đầu bò sát đang khòm khòm. Khi đôi tay nó siết chặt, chặn đứng không khí luồn vào phổi cậu, cậu vẫn nhắc thấy ánh sáng trắng của đèn hồ quang chuyển sang màu xanh ám muội khi xuyên qua lớp vảy màng trên đầu nó.

“Mày... không... có thật,” Eddie ngạt thở, nhưng những đám mây tối tăm đang bủa vây tâm trí, để rồi cậu mơ hồ nhận ra thứ Sinh vật này đang sờ sờ trên đời. Bởi ngay lúc này, nó đang giết cậu.

Nhưng trong đầu cậu vẫn sót lại chút lý trí, đến tận phút cuối cùng: lúc Sinh vật ấy quặp móng vuốt vào phần thịt mềm trên cổ của cậu, lúc động mạch cảnh của cậu tứa ra dòng máu ấm và chẳng hề đau đớn, phụt bắn lên lớp vỏ bò sát của con quái vật kia. Eddie đưa tay mò mẫm phía sau lưng Sinh vật ấy nhằm tìm khóa kéo. Cánh tay cậu chỉ buông thõng khi Sinh vật nọ xé toạc đầu cậu khỏi vai, miệng gặm gù đầy thích thú.

Và khi hình ảnh của Nó trong mắt Eddie bắt đầu phai dần, Nó liền biến hình thành thứ khác.

4

Trần trọc không ngủ được, lại bị cơn ác mộng hành hạ, cậu bé tên Michael Hanlon tỉnh dậy ngay khi tia sáng đầu tiên vừa le lói vào ngày đầu tiên của kỳ nghỉ hè. Tia sáng mờ nhạt trong sương, báo hiệu khởi đầu của một ngày hè hoàn hảo. Màn sương dày đặc là là dưới thấp đến 8 giờ sáng sẽ tản đi hết.

Nhưng đó là lát nữa. Còn hiện tại, vạn vật chìm trong sắc xám pha hồng, tĩnh không tiếng động, tựa chú mèo lướt đi trên thảm.

Trong chiếc quần nhung kẻ, áo thun, chân mang đôi giày Keds màu đen cao cổ, Mike bước xuống lầu, ăn tô ngũ cốc Wheaties (thật ra cậu chẳng khoái Wheaties cho lắm nhưng cậu ham hố quà khuyến mãi trong hộp - Nhẫn giải mã ma thuật của Đội trưởng Nửa đêm), sau đó nhảy lên xe đạp, hướng về phía trung tâm thành phố, cẩn thận lách chiếc xe trên vỉa hè do sương mù cản tầm nhìn. Sương mù khoác tấm màn mới cho vạn vật, biến thứ bình thường nhất như vòi cứu hỏa hay biển báo dừng lại trở nên bí ẩn - vừa kỳ dị vừa có chút gì đó ma mị. Ta có thể nghe thấy tiếng xe nhưng không trông thấy chúng, màn sương dường như bóp méo âm thanh, khiến

ta chẳng biết xe đang ở gần hay xa cho đến khi thấy chúng lao ra từ trong sương với ánh đèn pha bao quanh bởi quầng hơi ẩm ma quái.

Cậu rẽ phải ở đường Jackson, băng qua trung tâm thị trấn đến đường Chính qua ngõ Palmer – và trong lúc chạy dọc theo dãy nhà trên đoạn đường hai chiều này, cậu đi ngang qua căn nhà nơi cậu sẽ an cư khi trưởng thành. Nhưng cậu chẳng hề nhìn vào; bởi dù gì nó cũng chỉ là một căn nhà hai tầng nhỏ với ga-ra và bãi cỏ con con. Nó chẳng tỏa ra khí chất đặc biệt thu hút cậu bé đi ngang qua đây, dù sau này lớn lên, cậu sẽ sống một thân một mình ở đó gần hết quãng đời.

Ở đường Chính, cậu rẽ phải và đi đến công viên Bassey, băng quơ đập xe lòng vòng, tận hưởng ngày mới tinh khôi. Chạy qua cổng chính, cậu xuống xe, gạt chân chống rồi đi bộ đến Kênh Đào. Cậu ý thức mình đến đây chỉ vì nổi hứng bất chợt chứ chẳng có nguyên nhân gì sâu xa. Hẳn nhiên, cậu không hề nghĩ những giấc mơ đêm qua ảnh hưởng đến lộ trình của cậu, thậm chí cậu còn chẳng nhớ mình chiêm bao thấy gì – chỉ biết giấc mơ cứ dồn dập ập đến cho tới khi cậu tỉnh giấc lúc 5 giờ sáng, run càn cập dù người mướt mẫm mồ hôi, với một suy nghĩ neo trong đầu: cậu phải ăn sáng cho mau để đập xe vào thị trấn.

Lẩn trong sương mù ở công viên Bassey thoang thoảng thứ mùi cậu không thích: mùi của biển, mặn và cũ. Tất nhiên cậu từng ngửi thấy mùi này rồi. Thỉnh thoảng, ta có thể ngửi thấy mùi biển giữa làn sương sớm ở Derry, dù biển cách đó hơn sáu mươi ki-lô-mét.

Nhưng buổi sáng hôm nay, thứ mùi ấy dày đặc hơn, sống động hơn. Gần như nguy hiểm.

Có gì đó lọt vào tầm mắt cậu. Cúi xuống, cậu nhặt lên một con dao bỏ túi hai lưỡi rẻ tiền. Ai đó đã khắc hai chữ cái EC lên con dao. Mike chăm

chú nhìn nó một lúc rồi bỏ vào túi. Người ta bảo vô tay quan là của quan mà.

Cậu nhìn xung quanh. Gần chỗ cậu tìm thấy con dao có một băng ghế nằm chổng chơ. Cậu dựng nó lại ngay ngắn, đẩy chân sắt vào vị trí lỗ mà chiếc ghế vô tình hình thành sau ròng rã tháng năm. Đằng sau băng ghế là một bụi cỏ bị dập nát... và cách đó không xa, trên mặt đất hẳn hai rãnh dài. Cỏ đã vươn mình trở lại, nhưng hai rãnh vẫn còn rõ nét. Chúng hướng về phía Kênh Đào. Và ô kìa, có vết máu.

(con chim nhớ lại con chim nhớ lại con)

Nhưng cậu không muốn nhớ lại con chim, vì thế, cậu gạt suy nghĩ ấy đi. *Hai con chó vằn nhau, thế thôi. Một trong hai con hẳn đã bị thương nặng.* Giả thuyết nghe thì có vẻ thuyết phục, nhưng cậu chẳng tin chút nào. Những suy nghĩ về con chim cứ mấp mé trong đầu - con chim cậu thấy bên ngoài Xưởng đúc Kitchener, loài mà Stan Uris sẽ chẳng bao giờ tìm được trong cuốn sách về chim của mình.

Nhưng cậu không quay trở ra mà lần theo vết rãnh. Vừa đi, cậu vừa tưởng tượng một câu chuyện trong đầu. Chuyện về vụ án mạng. Có đứa trẻ nào đấy lang thang bên ngoài khi đã quá giờ giới nghiêm. Tên sát nhân đã xuống tay với cậu ta. Và hẳn thủ tiêu cái xác ở đâu? Hẳn kéo xác đến Kênh Đào rồi vứt xuống dưới, tất nhiên rồi! Như một bộ phim mà *Alfred Hitchcock* hân hạnh giới thiệu!

Cậu suy đoán dấu vết mình lần theo có thể là của một đôi giày bị kéo lê.

Rùng mình, Mike đưa mắt rụt rè nhìn xung quanh. Sao câu chuyện thật quá!

Và giả sử kẻ sát nhân không phải con người mà là quái vật thì sao. Như quái vật trong truyện kinh dị hoặc sách kinh dị hoặc phim kinh dị hoặc

(một cơn ác mộng)

một câu chuyện cổ tích hay gì đó.

Cậu tự nhủ mình không thích câu chuyện ấy. Rõ là nhảm nhí. Cậu cố gắng gạt nó ra khỏi đầu, thế mà nó cứ ở lì tại đó. À, maybe thích ở lại sao? Cứ việc. Rõ là ngu ngốc. Rõ là ngớ ngẩn mới đạp xe vào thị trấn từ sáng tinh mơ thế này. Rõ là đần độn mới lần theo hai rãnh lằn trên cỏ ấy. Hôm nay, bố cậu có cả núi việc nhà cho cậu giải quyết. Cậu phải mau mau về nhà và bắt tay vào làm, kéo buổi chiều, lúc trời nóng như thiêu như đốt, cậu sẽ phải oằn lưng trên gác xếp trang trại mà cào rơm mất. Ừ, cậu phải về thôi. Cậu sẽ làm thế ngay bây giờ.

Chắc chắn rồi, cậu nghĩ. Cá không?

Nhưng thay vì quay trở lại chiếc xe đạp, nhảy phốc lên xe về nhà làm việc, cậu lại bước theo rãnh hằn trên cỏ. Đây đó vương vãi máu khô. Song không nhiều lắm. Không nhiều như ở chỗ bãi cỏ bị dẫm nát gần băng ghế mà cậu dựng lên ngay ngắn.

Mike có thể nghe thấy tiếng rì rầm của Kênh Đào. Lát sau, cậu nhìn thấy bờ đê bằng bê tông hiện ra trong sương mù.

Có thứ gì đó trong bụi cỏ. *Trời ơi, hôm nay là ngày gì mà tìm được lắm thứ thế*, tâm trí cậu pha trò, bỗng dưng một con mòng biển kêu lên khiến Mike chùn bước, bởi cậu nhớ lại con chim mà cậu thấy vào mùa xuân vừa rồi.

Dù trong bụi cỏ có thứ gì cũng mặc kệ, mình không muốn thấy. Ôi quả thật là thế, nhưng cậu nghĩ một đằng, tay chân lại làm một nẻo, chưa gì cậu đã cúi người, tay tựa vào đầu gối để nhìn cho rõ.

Cậu trông thấy mảnh vải rách dây máu.

Chim mòng biển lại rít lên. Mike chăm chăm nhìn miếng vải dính máu và nhớ lại chuyện xảy ra với mình vào mùa xuân năm ấy.

5

Hằng năm, vào tháng Tư và tháng Năm, nông trại nhà Hanlon như tỉnh dậy từ giấc ngủ đông.

Với Mike, mùa xuân về không báo hiệu bằng những bông hoa nghệ tây bên bệ cửa sổ trong căn bếp của mẹ, bằng việc đám trẻ con bắt đầu mang những hòn bi ve thủy tinh và bi ve sứ đến trường, cũng chẳng phải việc đội Washington Senators bắt đầu mùa giải bóng chày (thường thì càng vào trong, đội càng thất bại thảm hại). Mike biết mùa xuân đã đến khi bố gọi cậu xuống phụ ông đẩy xe tải tạp nham ra khỏi nông trại. Đầu xe là chiếc Ford Model-A cũ, đuôi xe là bán tải với cốp sau trưng dụng cánh cửa chuồng gà cũ. Nếu mùa đông không quá lạnh, hai bố con có thể “nô” xe bằng cách đẩy nó xuống đường. Đầu xe không có cửa, cũng chẳng có chắn gió. Ghế ng ả là nửa chiếc sofa cũ mà Will Hanlon sục sạo được từ bãi rác Derry. Cần số cũng biến tấu từ tay nắm cửa bằng thủy tinh.

Hai bố con sẽ đẩy xe xuống đường, mỗi người một bên, và khi xe đã chạy r ả, Will nhảy lên xe, bật công tắc, nổ máy, đạp côn, kéo cần lên số một bằng bàn tay to bè giữ chặt nắm cửa. Rồi ông la to: “Vượt qua đoạn xương nhất nào!” Ông sẽ nhả côn, khiến động cơ Ford cũ kỹ khục khặc, khèn khẹt và bình bịch, nổ lộp bộp... và thỉnh thoảng nó sẽ lăn bánh, ban đầu hơi khó khăn, sau đó mượt d ần. Will sẽ chạy xuống con đường dẫn đến nông trại Rhulin, vòng lại đường nhà mình (nếu ông đi sang hướng kia, khéo có khi Butch - ông bố điên khùng của Henry Bowers - sẽ vác súng sẵn ra bắn nổ đầu ông), rồi lái về nhà, động cơ bình bịch kêu to như

bô làng trong khi Mike nhảy cẫng lên hú hét vì thích thú, còn mẹ cậu đứng ở cửa căn bếp, chùi tay lên khăn lau chén, ngoài mặt giả vờ ra vẻ khó chịu.

Còn vào những lần đấy mà chiếc xe không chịu khởi động, Mike sẽ phải đợi bố cuộc bộ trở lại nông trại, lấy cần quay tay, lăm bằm gì đó trong miệng. Mike dám chắc một số câu bố thốt ra là rửa xả gì đó, những lúc như vậy, cậu lại cảm thấy hơi sợ bố mình. (Mãi về sau, trong chuỗi ngày vô tận ra vào phòng bệnh nơi Will Hanlon hấp hối, một ngày nọ, Mike mới biết thì ra bố anh lăm bằm là vì ông sợ cái cần quay tay ấy: có lần nó bật tung ra sau, bay ra khỏi lỗ và rạch toác mép miệng của ông.)

“Lùi lại, Mikey,” ông lên tiếng, đẩy cần quay tay vào lỗ dưới bộ tản nhiệt. Và khi chiếc Model-A chịu khởi động, ông cần nhấn bảo năm sau sẽ đổi sang đầu Chevrolet, nhưng ông chỉ nói thế chứ chẳng bao giờ làm. Chiếc Ford Model-A nửa này nửa nọ ấy vẫn nằm sau nhà, Cỏ dại mọc cao ngang trục xe và cửa sau vốn là cửa chuồng gà.

Khi xe chạy, Mike ngồi trên ghế hành khách, ngửi mùi xăng nồng và mùi khí thải xanh dương, sung sướng tận hưởng cơn gió mát luồn qua cái lỗ trống hoác từng là kính chắn gió, lòng thẩn reo vui: Và tận trong tâm khảm, cậu sẽ âm thầm reo hò, rộn ràng đến độ căn phòng vui tươi nhất cũng phải rung động. Cậu cảm thấy yêu thương đang đầy nhân gian, bởi khi ấy bố cậu sẽ nở nụ cười thật tươi và hét lớn: “Bám chặt vào, Mikey! Bố con mình tăng tốc đây! Chuẩn bị làm lũ chim hết hèn hết vía nào!”

Đoạn bố cậu băng băng trên con đường, bánh sau của chiếc A-Ford bắn phụt đất đen và những vệt bùn xám ra sau, còn hai bố con nảy lên nảy xuống trên chiếc ghế sofa bên trong đầu xe trống hoác, cười ha hả như đám cỏ hơi bầm sinh. Và rồi Will lái chiếc A-Ford qua đám cỏ cao ở cánh đồng phía sau nhà, vốn được dùng để trữ cỏ khô, chạy về cánh đồng phía

nam (trồng khoai tây), cánh đồng phía tây (trồng bắp và đậu) và cánh đồng phía đông (trồng đậu, bí đao, bí ngô). Bố con cậu đi đến đâu, chim chóc chộn rộn vụt ra từ lùm cỏ phía trước xe đến đấy, quác quác như chợ vỡ. Có lần một con gà gô bay lên, thân vừa to vừa nâu như cây sồi cuối thu, tiếng đập cánh lạch phạch to đến độ dù tiếng động cơ ồn ỉ như thế mà vẫn không bị át.

Những lần được bố chở là cánh cửa mở vào mùa xuân đối với Mike Hanlon.

Công việc đồng áng bắt đầu bằng việc thu gom đá. Trong một tuần liền, hằng ngày, hai bố con phải lấy chiếc A-Ford và chất những tảng đá cứng đủ sức làm gãy lưỡi cày khi đến thời điểm xới đất. Thỉnh thoảng, chiếc xe còn mắc kẹt trong vũng bùn và ông Will sẽ lần bầm bực bội... Mike đoán hầu hết là những câu chửi tục. Một số câu từ bố nói cậu có biết, nhưng nhiều cụm từ như “đĩ mẹ” lại khiến cậu bần khoản. Cậu từng đọc thấy từ này trong Kinh Thánh, và theo như cậu hiểu, dĩ là người phụ nữ đến từ nơi mang tên Babylon. Có lần cậu tính hỏi bố, nhưng chiếc A-Ford mắc kẹt trong bùn lầy đến lò xo cuộn, và dưới hàng lông mày của bố đã tụ đầy giông chớp rồi, cậu bèn đợi một lúc nào đó thích hợp hơn. Rốt cuộc, cuối năm đó, cậu đem thắc mắc ấy hỏi Richie Tozier thì Richie đáp rằng bố cậu ấy giải thích dĩ là người phụ nữ được trả tiền để mây mưa với đàn ông. “Mây mưa là cái gì?” Mike hỏi, nhưng Richie chỉ bỏ đi, tay ôm đầu.

Dạo nọ, Mike hỏi bố tại sao tháng Tư năm nào họ cũng phải thu gom đá, thế mà tháng Tư năm sau vẫn có nhiều đá như thế.

Hôm ấy là ngày cuối của đợt thu gom đá, hai bố con đang đứng ở bãi đổ đá lúc hoàng hôn buông xuống. Lối mòn bằng đất, không đủ thơm tất để gọi là một con đường đàng hoàng dẫn từ dưới cánh đồng phía tây lên

phần rãnh nước gần bờ sông Kenduskeag. Rãnh nước này là một bãi đá lớn nhón tích tụ trong đất nhà Will qua các năm.

Đưa mắt nhìn mảnh đất chó ăn đá, gà ăn sỏi mà ban đầu chỉ có mình ông cày bừa, mãi sau mới có thêm cậu con trai lẫn vào giúp (ông biết đâu đó dưới lớp đất đá kia là những gốc cây còn sót lại, đang mọc ruỗng dần, mà ngày xưa chính tay ông phải nhổ từng gốc thì mới mong canh tác được lên ruộng), Will châm một điếu thuốc lá và nói: “Ông nội thường bảo với bố rằng Chúa yêu đất đá, ru ồi nhặng, cỏ dại và người nghèo hơn tất cả mọi tạo vật của Ngài, và đó chính là lý do ta có nhiều đá như thế đấy.”

“Nhưng cứ như thế năm nào chúng cũng quay trở lại vậy.”

“Ừ, bố cũng nghĩ chúng quay trở lại,” Will đồng tình. “Chứ bố cũng chẳng biết giải thích thế nào.”

Một con chim lặn cất tiếng hót từ xa xa bên kia sông Kenduskeag, trong ánh chiều chạng vạng vừa nhuộm mặt nước thành màu đỏ cam đậm. Tiếng kêu nghe thật cô liêu, thê lương đến độ đôi tay mệt mỏi của Mike nổi hết cả da gà mà cứng lại.

“Bố ơi, con thương bố lắm,” cậu thốt lên, cảm thấy tình thương trào dâng mãnh liệt đến độ sống mũi mình cay cay.

“Sao thế, bố cũng thương con lắm, Mikey,” bố đáp và vòng tay ôm cậu thật chặt. Mike cảm thấy lớp vải thô sần của chiếc áo bố mặc cọ vào má cậu. “Giờ bố con mình về thôi nhỉ? Mình còn phải tắm táp cho sạch sẽ trước khi người phụ nữ đảm đang của nhà ta nấu xong bữa tối.”

“Tuân chỉ bố, Mike nói.

“Tuân chỉ con,” Will Hanlon nói, và cả hai bố con phá lên cười, người mệt bã nhưng sáng khoái, tay chân được dịp lao động nhưng không quá sức, cánh tay cứng lại do bưng đá nhưng không quá đau.

Mùa xuân về rồi, tối hôm ấy Mike thẫn thờ, thiu thiu ngủ trong phòng, còn bố mẹ xem chương trình Vợ chồng son trong một căn phòng khác. Cậu xoay người ngủ, cả người buông thõng mỗi một, lắng nghe tiếng gà gô gáy vang, vùng đất lầy cỏ của nó xa xôi, nửa thực nửa hư hòa vào giấc chiêm bao của cậu. Mùa xuân là mùa bận rộn nhưng tràn đầy niềm vui.

Sau khi hoàn tất thu nhặt đá, Will sẽ đậu chiếc A-Ford vào bụi cỏ cao phía sau nhà và lái máy kéo ra khỏi nông trại. Tiếp đến là quá trình cày bừa, bố cậu sẽ lái máy kéo, Mike lái theo phía sau, tay nắm chặt ghế sắt hoặc đi bên cạnh, nhặt những hòn đá còn sót lại và vớt qua một bên. Sau đó đến gieo hạt, gieo hạt xong là phần việc của mùa hè: xới đất... xới đất... xới đất. Mẹ cậu sẽ tân trang lại ba chú bù nhìn Larry, Moe và Curly, còn Mike sẽ phụ bố gắn coi nai sừng lên đầu bù nhìn rơm. Coi nai sừng là một cái lon được cắt ở hai đầu. Sau đó, ta cột thật chặt một đoạn dây đã bôi thật nhiều sáp ong và nhựa thông giữa cái lon, khi gió thổi qua, nó sẽ tạo ra một âm thanh vô cùng kỳ dị - giống tiếng ộp ộp rền rĩ. Sau một thời gian, Larry, Moe và Curly không ăn thua với đám chim ăn cây tròng sớm, nhưng coi nai sừng khi nào cũng dọa được chúng bay đi.

Qua đầu tháng Bảy, cậu vừa phải thu hoạch vừa phải xới đất – đầu tiên là đậu và củ cải, sau đó là xà lách, cà chua tròng trong thùng, tháng Tám có bắp và đậu, tháng Chín tiếp tục có thêm bắp và đậu, tiếp đến là bí đỏ và bí đao. Trong khoảng thời gian nói trên, khoai tây sẽ đến thời điểm thu hoạch, và khi ngày ngắn lại, không khí khô hanh hơn, bố con cậu sẽ cất coi nai sừng đi (lắm lúc giữa đông, mấy cái coi lại không cánh mà bay; cứ sang xuân là hai bố con lại phải làm cái mới). Sang hôm sau, Will gọi cho Norman Sadler (đầu óc ông này cũng không sáng lạng hơn cậu con trai Moose bao nhiêu, nhưng được cái ông tốt bụng hơn vạn lần) và Normie sẽ

mang máy đào khoai tây của mình qua.

Suốt ba tuần tiếp theo, tất cả bọn họ tập trung đào khoai tây. Ngoài huy động lực lượng trong gia đình, Will thuê thêm ba hay bốn cậu học sinh trung học giúp họ đào khoai, trả hai mươi lăm xu cho một thùng. Chiếc A-Ford sẽ từ từ chạy lên chạy xuống các luống khoai ở cánh đồng phía nam – đây cũng là cánh đồng lớn nhất – để số thấp, cửa cốp sau hạ xuống, cốp xếp đầy thùng, mỗi thùng ghi tên người đào khoai, và đến cuối ngày, Will sẽ mở chiếc bóp nhả nhúm cũ mèm của mình và trả tiền tươi thóc thật cho những ai đã đào. Mike được trả đàng hoàng, mẹ cậu cũng thế, số tiền ấy là của riêng họ, và Will Hanlon chẳng bao giờ hỏi hai mẹ con tiêu tiền vào việc gì. Mike được cho năm phần trăm lợi nhuận của nông trại vào lúc lên năm – Will bảo con trai, tuổi này đủ lớn để cặm cuốc và biết cách phân biệt cỏ kê với cây đậu rở. Mỗi năm, cậu lại được cho thêm một phần trăm, và hằng năm, sau ngày Lễ Tạ ơn, Will sẽ tính toán lợi nhuận của nông trại rồi trừ phần của Mike... nhưng Mike chưa bao giờ nhìn thấy *xu* nào trong đồng tiền ấy. Chúng đi thẳng vào khoản tiết kiệm đại học của cậu chứ tuyệt đối không được đụng vào bất kể trời long đất lở.

Cuối cùng cũng sẽ đến ngày Normie Sadler lái chiếc máy đào khoai tây của mình về nhà, thời điểm ấy, tiết trời đã chuyển xám xịt, lạnh lẽo, sương giá đã đọng trên đồng bí đỏ xếp cạnh tường nông trại. Mike sẽ đứng trên sân nhà, mũi ửng đỏ, tay đầy đất cát, thọc vào túi quần jean, mắt nhìn theo bố lái máy kéo và chiếc A-Ford về lại nông trại. Cậu sẽ nhủ thầm trong bụng: *Chúng ta lại sắp sửa say giấc rồi. Xuân... tàn. Hạ... phai. Mùa thu hoạch... kết thúc.* Giờ đất trời chỉ còn tàn dư mùa thu: những cành cây trụi lá, mặt đất đóng băng, bờ sông Kenduskeag phủ lớp băng mỏng. Trên đồng, thỉnh thoảng quạ lại đậu lên vai Moe, Larry và Curly cho đến khi nào

chán chê thì thôi. Đám bù nhìn không phát ra âm thanh nào xua đuổi lũ chim nữa.

Nhưng Mike không lấy làm bàng khuâng cho lắm khi một năm nữa lại dần qua - ở tuổi lên chín, lên mười, cậu còn quá bé để suy ngẫm về cái vô thường của nhân gian -vì có quá nhiều thứ để cậu mong chờ: dùng xe trượt tuyết ở công viên McCarron (hoặc trên đấ Rhulin ở thị trấn Derry nếu ta đủ gan dạ, đa phần toàn những cậu lớn tham gia), trượt băng ném bóng tuyết, xây lâu đài tuyết. Cậu có thời gian để nghĩ đến việc đi bộ trong tuyết tìm cây thông Giáng sinh cùng bố, có thời gian để mơ về dụng cụ trượt tuyết đồ đeo của hãng Nordica mà cậu có thể được tặng vào dịp Giáng sinh, hoặc không. Mùa đông cũng có cái hay... nhưng nhìn bố lái chiếc Ford-A vào lại nông trại

(xuân tàn hạ phai mùa thu hoạch kết thúc)

lúc nào cũng khiến lòng cậu nao nao, như những đàn chim di cư xuống phía nam khi đông về khiến cậu man mác buồn, hoặc như tia nắng xiên xiên thỉnh thoảng lại làm cậu rung rung dù chẳng có lý do gì. *Chúng ta lại sắp sửa say giấc rồi...*

Không thể lúc nào cũng để con suốt ngày đầu tắt mặt tối với trường học và đồng áng như thế. Nhiều lần, Will Hanlon đã bảo vợ rằng cậu con trai cần có thời gian đi câu cá, dù cậu câu chẳng được bao nhiêu. Đi học về, đầu tiên, Mike xếp sách lên nóc ti vi trong phòng khách, sau đó làm món ăn vặt gì đấy cho bản thân (món khoái khẩu của cậu là bánh mì phết bơ đậu phộng kẹp hành tây, một hương vị khiến mẹ cậu chỉ biết giơ hai tay đầu hàng đầy khiếp đảm), tiếp theo cậu nghiên cứu ghi chú mà bố để lại cho mình, như việc bố đang ở đâu và nhiệm vụ của cậu bé là gì – nhổ cỏ hay thu hoạch ở luống nào, bê thùng rau củ nào, luân canh cây trồng nào, quét

dọn nông trại nào, vân vân. Nhưng một tuần, có ít nhất một ngày đi học – hoặc thỉnh thoảng là hai ngày – bố không để lại ghi chú. Vào những ngày như thế, Mike sẽ đi câu cá dù thật ra cậu chẳng bao nhiêu. Những ngày như thế rất tuyệt... vì những hôm ấy, cậu chẳng phải đi đâu, cũng chẳng phải vội vàng làm gì.

Thỉnh thoảng, bố cậu lại viết những tờ ghi chú kiểu khác: có lúc là “Không có việc phải làm”. Có lúc lại là: “Đến Mũi Đất Cũ quan sát đường ray xe goòng”. Thế là Mike sẽ đi đến khu Mũi Đất Cũ, tìm những con đường con đường ray, ngắm soi thật kỹ, trầm trồ trước việc ngày xưa lại có xe lửa chạy giữa đường. Đêm hôm ấy, hai bố con sẽ thảo luận về đề tài này, và bố sẽ cho cậu xem những bức hình trong album Derry chụp xe goòng thời còn hoạt động: một cái cột kỳ khôi nối từ nóc xe goòng lên dây điện, bên hông xe goòng dán quảng cáo thuốc lá. Lần khác, bố lại bảo Mike đến công viên Tưởng niệm, chỗ Bể chứa nước Standpipe tọa lạc, để ngắm đài nước cho chim, và có lần hai bố con đã cùng đến tòa án để nhìn tận mắt một cái máy khủng khiếp mà Cảnh sát trưởng Borton tìm thấy trên gác mái. Công cụ này được gọi là ghế lang thang. Ghế được làm bằng gang, có gắn cùm để khóa tay chân lại. Sau lưng và ở chỗ ngồi có gắn những núm hình tròn. Nó gọi Mike nhớ lại một bức hình cậu từng nhìn thấy trong sách – hình chụp ghế điện ở trại cải tạo Sing Sing. Cảnh sát trưởng còn cho phép Mike ngồi vào ghế lang thang và khóa cùm lại.

Sau khi cảm giác ám muội do phải đeo cùm phai đi, Mike băn khoăn nhìn bố và Cảnh sát trưởng Borton, chẳng hiểu tại sao đây lại là một hình phạt đáng sợ cho “đám du thủ du thực” (cảnh sát trưởng dùng từ này) dạt vào thị trấn những năm 20 và 30. Quả thật, núm tròn khiến chiếc ghế phần nào khó chịu và gông cùm trên cổ tay cũng như trên cổ chân khiến cậu

không thể cựa quậy để có thể ng ẩ thoải mái hơn, nhưng mà...

“Chà, tại cháu còn bé đấy,” Cảnh sát trưởng Borton cười. “Cháu nặng bao nhiêu? Chắc t ầm ba mươi, ba lăm cân nhĩ? H ầu hết những kẻ du thủ du thực mà Cảnh sát trưởng Sully bắt ng ẩ vào ghế này thời xưa nặng gấp đôi cháu. Ng ẩ một tiếng thì hơi khó chịu, ng ẩ chừng hai, ba tiếng sẽ rất khó chịu, ng ẩ bốn, năm tiếng là thấy t ệ hại vô cùng. Sau bảy, tám tiếng, chúng sẽ bắt đầu hét ầm lên, và sau mười sáu, mười bảy tiếng, đa số đều khóc lóc thảm thương. Và đến khi hành trình hai mươi tư tiếng kết thúc, chúng sẵn sàng th ề trước Chúa rằng l ần tới nếu có đi l ậu tàu lên New England, chúng sẽ biết đi đâu mà tránh xa khỏi Derry. Theo ta biết thì đa số chúng đều giữ lời. Hai mươi tư tiếng hành xác trên ghế lang thang đủ khiến chúng trắng mắt ra r ẩ.”

Bất chợt, cậu cảm thấy chiếc ghế như có nhiều núm tròn hơn, chúng đâm sâu vào mông, sống lưng, xương cụt và thậm chí cả gáy cậu. “Cháu ra được chưa ạ?” Cậu lễ phép xin, nghe thấy thế, Cảnh sát trưởng Borton phá lên cười. Trong một khắc, một khoảnh khắc hoảng loạn, Mike nghĩ cảnh sát trưởng sẽ treo lủng lẳng chiếc chìa khóa lên cùm ngay trước mắt cậu và nói *Ừ, ta sẽ thả cháu ra... khi nào hết hai giờ.*

“Sao bố lại đưa con đến đó ạ?” Cậu hỏi bố trên đường về nhà.

“Khi nào lớn, con sẽ hiểu,” Will đáp.

“Bố không thích Cảnh sát trưởng Borton phải không ạ?”

“Không,” bố trả lời bằng giọng cộc đến độ Mike nín thin, không dám hỏi gì thêm.

Nhưng hầu hết các địa điểm ở Derry mà bố bảo cậu đi hay đưa cậu đến, Mike đều thích cả, và đến lúc Mike lên mười, Will đã chuyển tải thành công lòng hứng thú đối với các giai đoạn lịch sử của Derry đến cậu con

traí. Thỉnh thoảng, khi đưa tay lên theo mặt sỏi sần sần của bức dựng dài nước cho chìm trong công viên Tưởng niệm, hoặc khi ngẩng xồm để ngắm nhìn thật kỹ đường ray xe goòng cắt qua đường Mont ở Mũi Đất Cũ, Mike lại cảm nhận được thời gian rõ nét vô cùng... lúc ấy, thời gian như tượng hình, thành một thứ có trọng lượng, chỉ là ta không thấy, như cách ánh nắng có trọng lượng (nhiều đứa nhóc trên trường đã phá lên cười khi cô Greenguss phát biểu như vậy, còn Mike thì quá đỗi ngạc nhiên khi nghe thấy đi đâu đó nên chẳng cười; suy nghĩ đầu tiên của cậu là sức nặng kinh quá!)... Lúc ấy, thời gian trở thành thứ rất cuộc sẽ chôn vùi cậu.

Lời nhắn đầu tiên bố để lại cho cậu là vào mùa xuân năm 1958, nguyệt ngọc ở mặt sau bì thư, được chặn cho khỏi bay bằng hộp muối. Không khí ấm áp sắc xuân, ngọt ngào hương mới, tất cả cửa sổ đã được mẹ mở toang. Ông ghi: *Không có việc cần làm. Nếu muốn, con hãy đạp xe xuống đường Pasture. Con sẽ thấy rất nhiều tường gạch đã vỡ và máy móc cũ để bên ngoài khoảng đất phía bên tay trái. Con hãy nhìn ngắm xung quanh và nhặt thứ gì đó về làm kỷ niệm. Đừng lại gần cửa hầm nhé! Và nhớ về trước khi trời tối. Lý do thì con biết rồi đấy.*

Tất nhiên Mike biết lý do là gì.

Cậu nói với mẹ nơi mình sắp sửa đi thì bà chau mày. “Hay con rủ Randy Robinson đi chung cho vui?”

“Dạ vâng. Để con ghé qua rủ xem,” Mike đáp.

Cậu ghé qua nhưng Randy đã lên Bangor cùng bố để mua hạt giống khoai tây. Vì thế, Mike đạp xe đến đường Pasture một mình. Chuyến đi cũng vui – dài chừng sau cây số rưỡi. Mike đoán lúc cậu dựng xe đạp vào hàng rào gỗ đã cũ phía bên trái đường Pasture và trèo vào trong khoảng đất đã là 3 giờ. Cậu có tẩn một giờ để khám phá, sau đó phải đạp xe về nhà

ngay. Bình thường, mẹ cậu không nổi cơn tam bành miễn là cậu về nhà trước 6 giờ tối, tức là lúc mẹ dọn bữa tối lên bàn ăn, nhưng một giai thoại khó quên đã dạy cho cậu biết năm nay thì khác. Lần nọ, cậu về trễ giờ cơm, thế mà mẹ gằn như phát hoảng. Mẹ lấy khăn lau đĩa quất cậu tới tấp, trong lúc cậu đứng há hốc miệng ngay lối vào nhà bếp, giỏ gai đựng con cá hời vờn để dưới chân.

“Mẹ *cấm* con không được làm mẹ sợ như thế!” Bà hét lên. “Mẹ *cấm* con! Mẹ *cấm* con! Tuyệt đối, tuyệt đối không được!”

Mỗi chữ *cấm* lại được nhận bằng một cú quất khăn. Mike cứ tưởng bố sẽ can ngăn để chấm dứt chuyện này, nào ngờ ông chẳng làm vậy... Có lẽ ông ngại nếu mình làm thế, bà sẽ chuyển cơn thịnh nộ sang đầu ông. Một trận đòn bằng khăn lau đĩa là đủ để Mike học được bài học. Về nhà trước khi trời tối. Vâng thưa mẹ, con sẽ tuân lệnh.

Cậu băng qua khoảng đất đến đông đồ nát ở giữa. Tất nhiên, đây là tàn tích của Xưởng đúc Kitchener – cậu từng chạy xe ngang qua nhưng chưa bao giờ mảy may nghĩ đến việc thám hiểm nó, ngoài ra, cậu cũng chưa nghe bạn bè cùng lứa khoe từng làm như vậy. Giờ đây, khi khom người để thăm soi phần gạch ngổn ngang chắt lại thành ụ lớn, cậu nghĩ cậu có thể hiểu tại sao. Khoảng đất chói chang lạ lùng, tràn ngập ánh mặt trời mùa xuân (thỉnh thoảng một đám mây che mất vầng dương khiến bóng râm khổng lồ chập rizzle lướt qua khoảng đất), nhưng đồng thời, vùng đất này có gì đó thật ám muội – tĩnh lặng đến rợn gáy, thỉnh thoảng mới có gió vi vu. Cậu cảm thấy mình như nhà thám hiểm vừa phát hiện tàn tích của một thành phố tuyệt vời bị mất tích.

Trên đầu, phía bên phải, cậu trông thấy bề mặt tròn của trụ ngói khổng lồ vươn lên từ bãi cỏ mọc cao. Cậu chạy lại. Đây là ống khói chính của

Xưởng đúc. Cậu nhìn vào trong và thấy lạnh hết cả sống lưng. Ống khói lớn đến độ cậu có thể bước vào trong nếu muốn. Nhưng ai mà ham kia chứ; có Chúa mới biết thứ gì bám vào những phần ngói bên trong, đen thui vì khói, nhớ đâu bọ hay loài vật kinh khủng nào đấy làm tổ thì sao? Gió vù vù thổi qua. Khi gió thổi qua miệng ống khói ngồn ngang kia, một âm thanh kỳ dị, giống như tiếng gió làm rung động dây bôi sáp mà bố con cậu gắn vào còi nai sừng mỗi độ xuân về. Cậu dè dặt lùi lại, trong tâm trí chợt hiện lên bộ phim mà hai bố con mới xem đêm qua trên chương trình *Phim Buổi Sớm*. Bộ phim mang tên *Rodan*, xem rất vui, bố cậu vừa cười ha hả vừa la lên “Bắn con chim ấy đi, Mikey!” vào những lúc Rodan xuất hiện, thế là Mike sẽ lấy tay giả làm súng bắn cho đến khi mẹ lộ đầu vào và cần nắn bảo hai bố con nhỏ tiếng lại trước khi tiếng ồn làm bà nhức hết cả đầu.

Nhưng bây giờ, cậu chẳng thấy vui chút nào. Trong phim, Rodan được một nhóm thợ mỏ người Nhật Bản đào đường hầm dài nhất thế giới thả ra từ lòng đất. Và khi nhìn vào bên trong đường ống khói đen ngòm này, cậu lại mừng rỡ đến cảnh con chim ấy nấp ở tít đâu đó bên trong, đôi cánh như cánh dơi gập sau lưng, nhìn chằm chằm vào khuôn mặt tròn, nhỏ của cậu bé đang lộ đầu nhìn vào bóng tối, dán đôi mắt sáng quắc quàng vàng vào cậu..

Mike rút người lại, rùng mình.

Cậu lùi ra xa khỏi ống khói đã lún xuống đất phân nửa đường tròn. Mặt đất hơi nhô lên, và chợt cậu nổi hứng bò lên trên ống khói. Nhìn bên ngoài, chiếc ống đỡ đáng sợ hơn rất nhiều, mặt ngói của nó được ánh nắng sưởi ấm. Đứng dậy, cậu bước dọc trên ống, hai tay giơ ngang giữ thăng bằng (dù bề mặt ống rất rộng, chẳng phải lo lắng đến chuyện bị ngã, nhưng cậu

đang giả vờ mình là người đi trên dây trong rạp xiếc), thích thú trước cơn gió mơn man qua tóc mình.

Đi hết đường, cậu nhảy xuống và bắt đầu mày mò thêm: nào gạch, nào những chiếc khuôn méo mó, khoan gỗ và những cỗ máy gỉ sét. Trong lời nhắn cho cậu, bố ghi *Nhật thứ gì đó về làm kỷ niệm* và cậu muốn kiểm thử gì đó thật oách.

Cậu lang thang lại gần cửa hầm lộ thiên của nhà máy, nhìn đông đảo nát, cẩn thận để không đạp phải kính bể. Mặt đất đầy mảnh kính.

Không phải Mike không biết tiếng của cửa hầm này, cậu cũng nhớ cả lời bố dặn không được lại gần; cậu còn biết đã có rất nhiều người đã mất mạng ở ngay chỗ này hơn năm mươi năm trước. Cậu nghĩ nếu ở Derry có nơi nào bị ma ám thì hẳn phải là nơi này. Nhưng chẳng rõ cậu chưa thấy quan tài chưa đổ lệ hay vì ăn gan hùm mà cậu vẫn quyết tâm ở lại cho đến khi tìm được thứ thật hay ho để mang về khoe với bố.

Cậu tiến thật chậm rãi và cẩn trọng đến cửa hầm, men sát theo bờ tường sần sùi, một giọng nói văng vẳng vang lên trong đầu, cảnh báo cậu đã tiến lại quá gần, rằng bờ tường bị xói mòn do những trận mưa xuân có thể sạt lở dưới chân cậu, kéo cậu xuống cái hố ấy, mà chỉ có Chúa mới biết bên trong có bao nhiêu sắt thép nhọn hoắt chực chờ để xuyên qua người cậu như xiên bọ khiến cậu co giật mà chết.

Cậu nhặt một khung cửa sổ lên rồi vút sang một bên. Cậu trông thấy một cái vá to như của người khổng lồ, tay cầm lượn sóng và cong queo do sức nóng khó tin nào đó. Còn kia là pít-tông, to đến độ cậu không xê xích nổi chứ đừng nói là nhấc lên. Cậu bước qua nó. Cậu bước qua, trong đầu chợt nảy lên suy nghĩ:

Biết đâu mình tìm thấy một cái đầu lâu thì sao? Đầu lâu của một trong

những đứa trẻ thiệt mạng tại đây khi tìm trứng sô-cô-la Phục sinh vào năm một nghìn chín trăm bao nhiêu ấy?

Cậu nhìn quanh mảnh đất trơ trọi, bạc màu dưới nắng gió, choáng váng trước suy tưởng ấy. Gió thổi rì rầm qua tai cậu như tiếng vỏ ốc, và bóng râm lại lặng lẽ bay ngang khoảng đất, tựa bóng một con dơi khổng lồ... hoặc một con chim. Bất giác, cậu một lần nữa nhận ra nơi này tĩnh lặng đến mức nào, nhìn lạ lùng đến nhường nào với đồng đất đá ngổn ngang và những khối sắt chĩa tứ phương tám hướng kia. Tựa hồ xa xưa, nơi đây từng xảy ra một trận chiến khủng khiếp.

Đừng ngó ngẩn như thế, cậu khó chịu nói với bản thân. Năm mươi năm trước, sau khi biến cố ấy xảy ra, thứ gì có người ta đều tìm thấy cả rồi. Và dù nếu chưa chẳng nữa, về sau, hẳn đứa trẻ nào đó - hoặc người lớn nào đó - đã tìm thấy... những gì còn sót lại. Chứ mà ý tưởng này là kẻ duy nhất đến đây tìm đồ lưu niệm à?

Không... không, mình không nghĩ thế. Nhưng mà...

Nhưng gì? Giọng nói lý tính kia gặng hỏi, và Mike nghĩ giọng nói ấy có hơi to tiếng và hơi nhanh. Dù còn thứ để tìm, nó cũng đã mục nát từ đời tám hoánh nào rồi. Vậy thì sao?

Mike tìm thấy một ngăn kéo vỡ nát trong đám cỏ. Cậu nhìn sơ qua rồi bỏ nó sang một bên, tiến đến cửa hầm, chỗ có nhiều thứ nhất. Chắc chắn cậu sẽ tìm thấy thứ gì đó cho xem.

Nhưng nhớ có ma thì sao? Thế còn đồ. Nhớ đâu mình trông thấy bàn tay lôm côm bò lên cửa hầm thì sao, và nhớ đâu đó là đám trẻ đã chết năm nào, trên người là bộ quần áo từ Chủ nhật Phục sinh nọ, tất cả đều tả tơi, rách nát, dãi dầu bùn xuân, mưa thu và cả tuyết đóng mùa đông? Những đứa trẻ không đâu (cậu nghe mọi người ở trường kể sau vụ nổ, có người

phụ nữ phát hiện đầu của một trong các nạn nhân vướng trên cái cây sau nhà), *không chân, da lột như cá tuyết, những đứa trẻ có khác gì mình, đến đây chơi... xuống chỗ tôi tắm kia... dưới dầm sắt cong vẹo và bánh răng cũ gỉ to đùng kia...*

Vì Chúa, thôi ngay đi!

Lưng run bắn lên, cậu quyết định vớ thứ gì đó rồi cuốn gói rời khỏi chỗ này. Cậu cúi xuống nhặt đại một bánh răng khía có đường kính khoảng mười lăm xen-ti-mét. Cậu lấy bút chì cắt trong túi mà hồi hả cạy đất ra khỏi bánh răng. Đoạn cậu thả món quà kỷ niệm vào túi. Đi thôi. Giờ cậu sẽ rời khỏi đây...

Nhưng chẳng hiểu sao chân cậu lại chậm rãi tiến theo hướng ngược lại, về phía cửa hầm, và cậu hãi hùng nhận ra mình cần phải nhìn xuống dưới. Cậu phải *thấy tận mắt*.

Giữ chặt thanh xà hỗ trợ sần sùi nhô lên từ mặt đất, cậu đẩy người về phía trước, cố nhìn xuống dưới. Tiếc là không được. Cậu tiến lại cách miệng hầm chừng năm mét, nhưng khoảng cách ấy vẫn còn hơi xa để cậu nhìn thấy đáy của khu hầm.

Ai mà thèm quan tâm mình có thấy đáy hầm không kia chứ. Giờ mình sẽ về. Mình kiếm được vật làm kỷ niệm rồi, cần gì phải nhìn xuống cái hố từ thời xa xưa ấy. Bố cũng đã dặn mình tránh xa nơi này cơ mà.

Nhưng trí tò mò cấm cản, như con ngựa bất kham, một khi đã nắm thóp cậu thì nhất quyết không chịu buông. Cậu vánh vất bước từng bước vào cửa hầm, biết rất rõ khi đi xuống hết thanh xà gỗ sẽ không còn chỗ để nắm, cũng ý thức được đất ở đây mềm hơn và dễ sụt lún hơn. Dọc theo miệng hầm, cậu trông thấy một số hố lõm trông như mộ bị sụp xuống, và cậu biết chúng là những phần đất bị lún.

Tim đập thành thịch trong lồng ngực như tiếng giày nện xuống đất của bộ đội hành quân, cậu đến sát miệng hầm và nhìn xuống.

Có một con chim rúc dưới hầm, ngẩng đầu nhìn lên.

Mới đầu, Mike không rõ mình đang nhìn thấy thứ gì. Mọi dây thần kinh và mạng lưới trong cơ thể cậu như đông cứng lại, kể cả những dây thần kinh tạo ra suy nghĩ. Cậu choáng váng không chỉ vì nhìn thấy một con chim quái vật, với phần ức vàng chói như chim két, lông vũ màu xám xù lên như lông chim sẻ; cậu choáng váng vì điểu này hoàn toàn nằm ngoài dự tưởng. Cậu cứ nghĩ mình sẽ thấy những cỗ máy lún trong ao tù hoặc bùn đen; thế mà cậu lại phát hiện một tổ chim khổng lồ chiếm cứ toàn bộ khu hầm, không chừa một góc ngách. Tổ chim được làm từ rất nhiều cỏ đuôi mèo, đủ để quây thành chực ụ cỏ khô là ít, nhưng phần lá này xám xịt và cũ lắm rồi. Con chim ngẩng ngay chính giữa, vàng mắt sáng quắc với con người đen kịt như nhựa đường mới coóng còn ấm, và trong tích tắc điên rồ khi cả người cậu vẫn đơ ra như phỗng, Mike thấy hình ảnh mình phản chiếu trong mắt con quái vật.

Bỗng dưng mặt đất rung chuyển rồi sụp đổ dưới chân cậu. Cậu nghe thấy tiếng rễ cây bị gãy toạc và nhận ra mình đang bị trượt xuống.

Miệng ị ới la lên, cậu ngã ra sau, tay chới với tìm thăng bằng. Cậu rơi đánh phịch xuống nền đất toàn rác rưởi. Một khối kim loại cứng và cùn đập vào lưng, khiến hình ảnh chiếc ghế lang thang vụt qua đầu cậu trước khi cậu nghe thấy tiếng đập cánh vù vù vang lên thật to của con chim.

Lồm cồm bò dậy, nhìn qua vai, cậu trông thấy con chim bay lên từ dưới hầm. Móng vuốt có vảy của nó có màu cam mờ tối. Mỗi cánh dài hơn ba mét phần phật thối đông cỏ đuôi mèo khằng khiu bay tán loạn, mạnh chẳng kém gì gió từ cánh quạt trực thăng. Nó thét lên tiếng kêu ù ù rít rít. Một vài

chiếc lông vũ rời khỏi cánh, bay xuống dưới h ầm.

Mike gu ồng chân chạy.

Cậu cứ cầm đầu cầm cổ chạy qua cánh đ ồng, không dám nhìn ra sau vì quá sợ. Con chim nhìn không giống Rodan, nhưng cậu cảm thấy nó mang *dáng dấp* của Rodan, nhào lên từ khu h ầm của Xưởng đúc Kitchener như món đồ chơi có hình nộm nảy lên h ư người. Bị vấp khụy gối nhưng cậu nhanh chóng bật dậy chạy tiếp.

Tiếng rít lên ù ù kỳ lạ v ẳng lại. Một bóng râm phủ xuống cậu, và khi ngược lên, cậu trông thấy con quái vật kia bay qua đầu mình chưa tới một mét rưỡi. Cái mỏ vàng khè dơ dáy của nó hết mở lại đóng, để lộ lớp màu h ồng phía trong. Nó vòng ngược trở lại chỗ Mike. Gió do nó tạo ra quất vào mặt cậu, mang theo thứ mùi khô khốc khó chịu: bụi bẩn trên gác xép, đồ cũ và nệm thối.

Liếc sang trái, cậu trông thấy ống khói nằm ngang trên đất ban nãy. Cậu chạy thục mạng về phía đó, hai tay thúc liên h ồi vào mạng sườn. Con chim rít lên, cậu nghe thấy tiếng đập cánh ph ần phật, nghe như tiếng bu ồm trong gió. Có thứ gì đó đập vào sau đầu cậu. Cậu thấy gáy mình nóng ran khi máu bắt đầu rỉ xuống cổ áo phía sau.

Con chim không l ờ một l ần nữa bay vòng lại để quặp móng vào người r ồi mang cậu đi như con chim ưng bắt chuột đ ồng. Nó đang tìm cách mang cậu về tổ để ăn tươi nuốt sống.

Con quái vật bay về phía cậu, sà xuống, đôi mắt đen thăm thăm dán vào cậu không rời. Mike đột ngột ngoặt sang phải. Con chim sượt qua cậu. Thứ mùi bụi bặm của cánh chim n ồng nặc xộc lên mũi.

Hiện tại, cậu đang chạy song song với ống khói, các lớp ngói của nó vun vút lướt qua. Cậu có thể trông thấy điểm cuối. Nếu chạy tới đó và rẽ sang

bên trái rồi chui vào ống khói, cậu có thể an toàn. Cậu nghĩ con chim có kích thước quá lớn nên không thể chui vào trong. Suýt chút nữa thì cậu không thành công. Con chim lại nhào tới cậu, lúc tiến sát nó bay cao dần, cánh đập phập phật khiến không khí cuộn thành cuộn phong, móng vuốt hướng thẳng vào cậu, nó sà xuống. Con quái vật rít lên, và lần này Mike tưởng chừng mình nghe thấy âm hưởng đặc trưng trong giọng của nó.

Cậu cúi đầu, giơ tay lên và nhào thẳng tới trước. Móng vuốt quặp xuống và trong một khoảnh khắc, con chim chộp được cánh tay cậu. Cú kẹp của nó tựa hồ những ngón tay cực kỳ khỏe với bộ móng cứng cáp. Nó như hàm răng ngoạm vào tay cậu. Tiếng cánh vỗ ầm ầm như tiếng sấm; cậu mơ hồ cảm nhận lông vũ rơi lả tả xung quanh, một số còn khẽ lướt qua mặt cậu. Con chim bay lên, và trong một khắc Mike cảm thấy mình đang bị kéo lên, cả người cậu dựng đứng, rồi đứng trên đầu ngón chân... tiếp đến, trong tích tắc, cậu cảm nhận chân trong đôi Keds của mình không còn chạm đất nữa.

“Thả tao ra!” Cậu thét lên và vặn vẹo cánh tay mình. Ban đầu, móng vuốt vẫn không chịu buông lời, nhưng rồi cánh tay áo của cậu bị rách toạc. Cậu ngã xuống. Con chim gầm rít. Mike tiếp tục chạy, nhào qua phần lông đuôi của con quái vật, ngạt thở trước thứ mùi khô khốc đó. Cậu có cảm giác như đang chạy qua một tấm rèm làm bằng lông vũ.

Cậu ho sặc sụa, mắt cay xè do nước mắt và thứ bụi bẩn găm ghê tởm đóng trên lông con chim, loạng choạng chạy vào ống khói nằm ngang. Giờ cậu chẳng buồn nghĩ có thứ gì nấp bên trong nữa. Cậu chạy vào bóng tối, tiếng nấc của cậu âm vang khắp không gian. Đi được khoảng sáu mét, cậu quay người nhìn về phía hình tròn sáng trưng đằng xa. Lồng ngực cậu phập

phồng lên xuống. Bất chợt cậu nhận ra: nếu cậu nhận định sai về kích thước của con chim khổng lồ kia hoặc kích thước của miệng ống khói thì chẳng khác gì tự sát bằng cách dí khẩu súng sẵn của bố lên đầu và bóp cò. Chỗ này không có lối ra. Đây không phải ống thông mà là ngõ cụt. Đầu còn lại của ống khói đã bị chôn xuống lòng đất.

Con chim lại ré lên, và bỗng dừng ánh sáng ở cuối ống khói bị chặn lại khi con chim chấn bên ngoài. Cậu có thể thấy đôi chân vẩy vàng, mỗi cái móng dày như bắp chân người. Và rồi nó cúi đầu nhìn vào bên trong. Mike nhận ra mình lại chằm chằm nhìn vào đôi mắt đen kịt gồm guốc như nhựa đường với tròng mắt như chiếc nhẫn vàng ấy. Mỏ nó hết mở lại đóng liên tục, và mỗi lần mở nó đóng lại, cậu có thể nghe thấy tiếng cạch vang lên, như tiếng ta nghe thấy trong tai khi răng bập mạnh vào nhau. Cậu nhủ thầm trong đầu: *Sắc quá. Mỏ nó sắc vô cùng. Mình biết mỏ chim rất sắc, nhưng xưa nay mình chưa bao giờ để ý.*

Nó rít quang quác. Âm thanh vang lên trong ống khói lát ngói to đến độ Mike phải bịt tai lại.

Con chim loay hoay tìm cách lọt người vào miệng ống khói. “Không!” Mike khóc toáng lên. “Không, mày không được làm thế!”

Ánh sáng mờ đi khi thân hình con chim luồn dần vào ống khói. (*Ôi Chúa ơi, sao mình không nhớ người nó chủ yếu là lông vũ kia chứ? Sao mình không nhớ nó có thể chui rúc vào trong?*) Ánh sáng mờ dần... mờ dần... rồi tắt hẳn. Giờ chỉ còn màn đêm như mực, thứ mùi ngạt thở như gác xép từ con chim và tiếng lông nó lạo xạo.

Mike quỳ xuống và bắt đầu mò mẫm bề mặt cong cong của ống khói, tay vươn rộng sờ soạng. Cậu tìm thấy một miếng ngói bể, các cạnh dường như đã bọc một lớp rêu. Cậu rút tay lại rồi ném. Cậu nghe thấy tiếng bộp.

Con chim ré lên tiếng ù ù rít rít.

“Biến khỏi đây mau!” Mike thét lớn.

Không gian im lặng... đoạn tiếng sột soạt, răng rắc một lần nữa vang lên khi con chim tiếp tục đẩy người vào ống. Mike lần mò trên mặt đất, tìm thêm ngói và ném hết mảnh này đến mảnh khác. Chúng rơi bồm bộp lên người con chim và lanh canh rớt xuống mặt ống.

Chúa ơi, con xin Người, Mike rồi bởi nghĩ. Chúa ơi, con xin Người. Con xin Người. Con xin Người...

Cậu nảy ra ý tưởng tiến sâu vào ống khói. Cậu chạy vào từ đáy ống khói, nên có khả năng nếu cậu càng đi thêm, kích thước của ống sẽ càng hẹp dần. Cậu có thể vừa lùi lại vừa lắng nghe tiếng loạt soạt tung bụi mù mịt khi con chim đuổi theo cậu. Cậu có thể đi sâu vào trong, và nếu may mắn, cậu sẽ đến được nơi con chim không tài nào rúc thêm vào.

Nhưng nhớ con chim bị kẹt thì sao?

Nếu chuyện đó xảy ra, cậu và con chim sẽ cùng chết trong ống khói. Cậu và con quái vật ấy sẽ chết, mục rữa tại nơi này, trong bóng tối mịt mùng.

“*Chúa ơi, con xin Người!*” Cậu la lên, hoàn toàn không nhận ra mình vừa thét lên thành lời. Cậu ném một mảnh ngói nữa, và lần này, lực ném của cậu mạnh bạo hơn – như vèo sau, cậu kể lại, cậu cảm thấy như thể lúc ấy *có ai đó* đứng đằng sau mình, và *người đó* đã truyền một nguồn lực mạnh mẽ vào tay cậu. Lần này, mảnh gạch không chỉ đập bộp vào lông vũ của con chim mà có một tiếng động đánh phập phất ra, như tiếng tay đưa con nít đập xuống mặt tô thạch Jell-O đã gần đông cứng. Lần này, con chim ré lên đầy đau đớn chứ không chỉ bực bội nữa. Tiếng đập cánh vù vù vang vọng trong ống khói, không khí thổi um ào ào vụt qua người Mike

như cơn lốc, khiến quần áo của cậu bay phấp phất, còn cậu ho sù sụ, ngạt thở lùi lại khi bụi và rêu bay tứ tung.

Ánh sáng xuất hiện trở lại, ban đầu xám xịt và yếu ớt, rồi sáng dần, dịch chuyển dần khi con chim rút mình ra khỏi ống khói. Mike òa khóc nức nở, khụy gối, nhặt lấy nhặt để thật nhiều ngói. Chẳng kịp nghĩ ngợi thấu đáo, cậu chạy thẳng tới, hai tay ôm cả ống ngói (nhờ ánh sáng mà cậu mới nhìn thấy những mảnh ngói này lấm tấm rêu xanh xám và địa y, như bề mặt của bia mộ), cho đến khi cậu gần tới miệng ống khói. Nếu có thể, cậu sẽ liều mình chặn không cho con chim quay lại vào trong.

Nó cúi xuống, nghiêng đầu sang bên như một con chim được huấn luyện đứng nghiêng đầu trong lồng, và Mike nhận ra cú ném cuối cùng của cậu đập vào đầu. Mắt phải của con chim không còn nữa. Nếu ban nãy, nó là bóng nhựa đường đen kịt sáng quắc thì giờ, nó chỉ còn là một cái lỗ đầy máu. Chất nhầy xám trắng rỉ ra từ khe hốc mắt và chảy xuống mỏ con chim. Trong chất dịch nhúc nhúc những con côn trùng be bé.

Trông thấy cậu, nó bèn lao tới. Mike chọi lia lịa từng nắm ngói vào người nó. Ngói đập vào đầu và mỏ con chim. Nó lùi lại trong chốc lát rồi lại nhào tới, mỏ há rộng, để lộ đường màu hồng và một thứ khiến Mike đứng hình trong một khoảnh khắc, miệng há hốc bất ngờ. Lưỡi con chim là bạc, bề mặt nứt nẻ như đất núi lửa nguội đi sau khi được nung nóng.

Và trên cái lưỡi có rất nhiều cục bông màu cam, trông chẳng khác nào những bụi cỏ lăn kỳ cục bám rễ ở đó.

Còn bao nhiêu ngói, Mike ném thẳng vào cái mỏ đang há rộng của nó khiến con chim rút lại, rít lên đầy tức tối, thịnh nộ và đau đớn. Trong thoáng chốc, Mike có thể thấy móng vuốt của nó... Nó đập cánh làm xáo động không khí rồi bay mất.

Chốc sau, cậu ngẩng mặt – khuôn mặt chuyển màu nâu xám do bụi, đất và chút rêu bám vào khi đôi cánh không thua gì quạt gió của con chim phàn phật thổi – nhìn lên tiếng móng vuốt của nó lạnh canh đi trên ngói. Chỗ duy nhất còn sạch trên mặt Mike là nhờ nước mắt rửa trôi.

Con chim đi đi lại lại trên đầu cậu: *Canh cách. Canh cách.*

Mike lùi lại một chút, gom thêm ngói rồi chắt thành đồng ở gần cửa ống khói nhất có thể. Nếu con quái vật ấy quay lại, cậu muốn mình sẵn sàng nã ngói thẳng vào người nó. Bên ngoài trời vẫn sáng - hiện tại là tháng Năm nên còn khối thời gian trời mới tối – nhưng nếu con chim quyết định chờ cậu thì sao?

Mike nuốt nước bọt, thành cổ họng khô khốc chà vào nhau.

Trên đầu cậu vẫn là tiếng *canh cách, canh cách.*

Cậu tích được một lượng đạn dược kha khá. Dưới ánh sáng mờ mờ, mặt trời chiếu xiên đổ bóng râm trải dài vào bên trong, đồng ngói nhìn như chén bát vỡ được bà nội trợ vun lại một chỗ. Mike chùi lòng bàn tay bẩn thỉu vào hai bên quần rồi chờ đợi diễn biến tiếp theo.

Mãi lúc lâu sau mới thấy có động tĩnh – cậu chẳng rõ là năm phút hay hai mươi lăm phút. Toàn bộ tâm trí của cậu dồn vào con chim đi đi lại lại trên đầu như kẻ mất ngủ lòng vòng trong phòng lúc 3 giờ sáng.

Rồi nó lại đập cánh phàn phật. Nó đậu phía trước lối vào ống khói. Quỳ gối phía sau đồng ngói, Mike bắt đầu phóng tên lửa vào con chim khi nó còn chưa kịp cúi đầu xuống. Một mảnh gạch cửa vào cẳng cái chân vàng của nó khiến máu rỉ rả chảy ra, thứ máu tối đen chẳng kém cạnh đôi mắt của nó chút nào. Mike rút lên chiến thắng, nhưng tiếng của cậu mỏng và gần như lọt thỏm giữa tiếng rít đầy giận giữ của con chim.

“*Biến khỏi đây đi!*” Mike hét lên. “*Tao sẽ ném cho tới chừng nào mày*

biến khỏi đây thì thôi, tao thề với Chúa!”

Con chim bay lên nóc ống khói rồi tiếp tục đi đi lại lại.

Mike nhẩn nại chờ đợi.

Cuối cùng, nó sột soạt cất cánh bay. Mike chờ đợi, định nhấc cặp chân vàng như chân gà sẽ xuất hiện trở lại. Nhưng không. Cậu đợi thêm, đoán chắc nó đang bày mưu tính kế gì đấy, nhưng mãi lúc sau, cậu mới nhận ra mình đợi không phải vì lý do ấy. Cậu chôn chân ở đây là vì cậu sợ ra ngoài, sợ phải rời khỏi vòng vây an toàn của chốn ẩn náu này.

Mặc kệ! Mặc kệ nó đi! Mình không phải thỏ đê!

Cậu ôm nhiều ngôi nhà nhất có thể, rồi nhét thêm vào trong áo. Bước ra ngoài ống khói, cậu căng mắt nhìn xung quanh và ước mình có thêm một mắt nữa ở sau lưng. Cậu chỉ nhìn thấy mảnh đất trải rộng trước mắt và xung quanh đầy những tàn tích gỉ sét của Xưởng đúc Kitchener sau vụ nổ. Cậu xoay người, dám chắc mình sẽ trông thấy con chim không lồ đậu trên thành ống như kèn kèn, hay chính xác hơn là kèn kèn độc nhãn, chực chờ để cậu trông thấy trước khi nó tấn công cậu lần cuối, dùng cặp mỏ nhọn hoắt mổ và rửa lấy cậu.

Nhưng con chim không có ở đó.

Nó đã biến mất.

Dây thần kinh của cậu đánh tách.

Hét lên thất thanh vì sợ, cậu chạy đến hàng rào bạc màu do sương gió ngăn cách giữa khu đất và con đường, vút hết ngói trên tay xuống. Bao nhiêu ngói còn lại cũng rơi ra khi cậu kéo áo ra khỏi thắt lưng. Cậu trèo qua cổng bằng một tay như Roy Rogers lấy le với Dale Evans trên đường rời khỏi nông trại cùng Pat Brady và những gã cao bồi khác. Cậu chộp lấy tay

nắm xe đạp, chạy cạnh xe chừng hơn chục mét rồi nhảy lên. Đoạn cậu guồng chân đạp điện cuồng, không dám ngoái lại phía sau, không dám chạy chậm lại, cho đến khi cậu đến ngã tư đường Pasture và đường Chính Khu Ngoài, nơi tập nập xe cộ qua lại.

Mike về đến nhà lúc bố đang thay dây máy kéo. Will trông thấy người ngòm cậu con trai lấm lem và dơ như hủi. Mike thoáng lưỡng lự rồi kể với bố trên đường về mình bị ngã xe đạp nên phải đánh văng để không rơi vào ổ gà.

“Con có bị gãy chân hay gì không, Mikey?” Will hỏi, chăm chú nhìn con.

“Dạ không ạ.”

“Có bong gân ở đâu không?”

“Dạ không.”

“Chắc chứ?”

Mike gật đầu.

“Con có mang về món quà kỷ niệm nào không?”

Mike thò tay vào túi và tìm thấy bánh răng. Cậu đưa cho bố mình. Ông nhìn lướt qua nó rồi gỡ vụn ngói dính trên vết thương hở ngay dưới ngón cái của Mike. Ông tỏ ra quan tâm đến nó hơn.

“Từ ống khói cũ à?” Will hỏi.

Mike gật đầu.

“Con đi vào trong hả?”

Mike gật đầu tiếp.

“Có thấy gì không?” Will hỏi, và rồi tựa như muốn câu hỏi chỉ mang tính bông đùa (dù nghe chẳng hài chút nào), ông nói thêm: “Kho báu bị

chôn vùi chẳng hạn?”

Mike khẽ mỉm cười, lắc đầu.

“Chà, đừng nói với mẹ con mò ra đấy nhé,” Will căn dặn. “Mẹ sẽ bắt bỏ theo thứ tự bố trước con sau cho mà xem.” Ông nhìn thật lung vào cậu con trai. “Mikey, con có ổn *thật* không đấy?”

“Dạ?”

“Nhìn mắt con uể oải quá.”

“Chắc con hơi mệt ạ,” Mike đáp. “Bố đừng quên là con đạp xe cả đi cả về tổng cộng mười ba đến mười sáu cây số. Bố cần con phụ gì với máy kéo không ạ?”

“Thôi. Tuần này chính vậy là xong rồi. Con vào trong rửa ráy đi.” Mike dậm bước thì bố gọi cậu một lần nữa. Mike quay đầu lại.

“Bố không muốn con lảng vảng đến nơi đó nữa,” ông nói, “ít nhất là cho đến khi vấn đề hiện tại được giải quyết và người ta bắt được kẻ thủ ác... Con không gặp ai ở đó chứ? Có kẻ nào đuổi theo con hay giữ con lại không?”

“Con không thấy ai hết,” Mike trả lời.

Will gật đầu và châm thuốc. “Có lẽ bố đã sai khi bảo con đến đấy. Những nơi xưa cũ như vậy... lắm lúc cũng nguy hiểm.”

Hai bố con đưa mắt nhìn nhau trong thoáng chốc.

“Dạ vâng.” Mike nói. “Con cũng không muốn quay lại đó. Nó hơi ghê một chút.”

Will gật đầu thêm lần nữa. “Thôi được rồi, nói ít hiểu nhiều. Con đi rửa ráy ngay đi. Bảo mẹ làm thêm ba, bốn cây xúc xích nhé.”

Mike ngoan ngoãn nghe theo.

6

Mặc kệ nó đi, Mike Hanlon tự nhủ, mắt nhìn theo rãnh hằn dẫn thẳng đến bờ bê tông của Kênh Đào thì mất dấu. Mặc kệ nó đi, chắc lại là một giấc mơ thôi, và...

Có những vệt máu khô trên bờ Kênh Đào.

Mike nhìn chúng rồi nhìn xuống Kênh Đào. Dòng nước đen ngòm lặng lẽ chảy qua. Hai bên bờ bám đầy bọt vàng bắn thiu, thỉnh thoảng chúng lại hòa vào nước, lững lờ trôi xuôi theo dòng. Trong một khắc - chỉ một khắc ngắn ngủi - hai nhúm bọt nhập vào nhau, tựa hồ tạo thành hình khuôn mặt, khuôn mặt của một đứa trẻ, hai mắt đang trợn trừng đầy hãi hùng và đau đớn.

Mike nín thở, tựa hồ gai đâm.

Bọt vàng lại vỡ ra, vô tri trôi dạt, đúng lúc ấy, có tiếng nước tóe lên rất to phía bên phải. Mike lập tức quay đầu nhìn quanh, thoáng rụt người, và trong tích tắc, cậu nghĩ mình đã trông thấy thứ gì đó trong đường hầm xả nước, chỗ Kênh Đào lộ thiên sau khi chạy dưới lòng thị trấn.

Rồi thứ đó cũng mất hút.

Lạnh run người, cậu thò tay vào túi lôi con dao vừa nhặt được trong cỏ và ném xuống Kênh Đào. Một tiếng tồm khe khẽ vang lên, vụn nước hình tròn bắt đầu lan ra rồi bị dòng nước xô thành hình đầu mũi tên... và sau đó biến mất.

Chẳng còn gì ngoài nỗi sợ bất chợt ủa tới khiến cậu nghệt thở cùng cảm giác đinh ninh rợn người rằng có thứ gì đó đang ở gần, rình rập cậu, chờ lúc chín muồi, canh từng phút từng giây.

Cậu xoay người, toan bước trở lại xe đạp của mình - chạy thì chẳng

khác nào cúi rạp trước nỗi sợ và bồi tro trát trấu lên mặt rất nhiều. Tự tôn gì tằm này nữa. Cậu đột ngột co giò chạy nhanh nhất có thể, lao như tên bắn đến cổng và đến chiếc xe của mình, lấy gối gạt chân chống, đạp hết tốc lực xuống đường. Thứ mùi biển tanh tươi lại xộc lên... xộc lên *nồng nặc*. Nó ở khắp mọi nơi. Và tiếng nước nhỏ xuống từ cành cây ướt chột trở nên ầm ĩ.

Có thứ gì đó đang đến. Cậu nghe thấy tiếng chân kéo lê, xào xạc trong cỏ.

Cậu đứng thẳng lên bàn đạp, dồn hết sức phi thẳng vào đường Chính mà không ngoái nhìn lại. Cậu chạy về nhà thật nhanh, bắn khoản tự hỏi mình ăn trúng bùa mê thuốc lú gì mà lại mò đến nơi ấy... tự hỏi mình bị thứ gì lôi kéo.

Và rồi cậu cố nghĩ đến việc đờng áng, tất tẩn tất mọi việc, gạt mọi thứ khỏi đầu, chỉ nghĩ về công việc. Sau một hồi, cậu thành công.

Ngày hôm sau, khi trông thấy dòng tít trên trang nhất tờ báo (CẬU BÉ MẤT TÍCH LÀM DÂY LÊN LO SỢ MỚI), cậu nghĩ đến con dao bỏ túi mà mình ném xuống Kênh Đào – con dao bỏ túi khắc tên viết tắt bên hông. Cậu nghĩ đến đồng máu mình thấy trên cỏ.

Và cậu nghĩ đến những rãnh hằn đứt ở rìa Kênh Đào.

CHƯƠNG 7 CON ĐẠP Ở VÙNG ĐẤT CẦN

1

Nhìn từ cao tốc lúc 5 giờ kém 15 phút sáng, Boston tựa hồ một thành phố chết không ngừng day dứt về bi kịch từng xảy ra trong quá khứ – có thể là một bệnh dịch hay lời nguyền nào đó. Mùi muối nặng nề và mặn chát thổi vào từ biển. Màn sương mù buổi sớm băng lạnh khiến mọi thứ thoát ẩn thoát hiện.

Bon bon trên đại lộ Storrow xuôi lên phía Bắc, ngồi sau tay lái chiếc Cadillac (84 màu đen thuê từ Butch Carrington của Cape Cod Limousine, Eddie Kaspbrak dường như cảm thấy cái dải dẫu năm tháng của thành phố này; và có lẽ đây là nơi duy nhất trên đất Mỹ cho anh cảm được dòng chảy thời gian ấy. Boston chỉ là một cậu nhóc nhỏ thó nếu so với London, một đứa bé nếu so với Rome, nhưng với tiêu chuẩn của Mỹ thì thành phố này đã già, già lắm rồi. Thành phố này đã tọa lạc trên những ngọn đồi thấp kia ba trăm năm về trước, khi chưa ai nghĩ đến Thuế trà, Thuế tem, khi Paul Revere và Patrick Henry còn chưa có mặt trên đời.

Tuổi đời của thành phố, sự tĩnh lặng và mùi biển mặn lẩn trong sương - tất cả khiến Eddie căng thẳng. Mà mỗi khi căng thẳng, Eddie lại cầm ống thở lên. Anh nhét nó vào miệng, xịt một làn hơi sáng khoái xuống cổ họng.

Chỉ có lác đác vài người trên những con phố anh chạy xe qua, trên vỉa hè cầu bắc ngang cũng chỉ có một, hai người đi bộ – họ phá vỡ trí tưởng tượng của anh về việc anh đã lạc bước vào câu chuyện của nhà văn Lovecraft với những thành phố đã diệt vong, với ma quỷ từ thời xưa cùng

quái vật mang những cái tên chẳng biết phát âm ra sao. Anh thấy quanh trạm xe buýt để biển TRUNG TÂM THÀNH PHỐ QUẢNG TRƯỜNG KENMORE lối nhờ nhân viên phục vụ, y tá, dân làm công ăn lương trong thành phố, mặt mộc và sưng lên sau giấc ngủ.

Đúng rồi, Eddie thêm nghĩ, chạy qua bên dưới tấm biển để CẦU TOBIN. Đúng rồi, cứ đi xe buýt cho lành. Đi tàu điện ngầm làm gì. Tàu điện ngầm rõ là một ý dở tệ, tôi mà là quý vị, còn khuya tôi mới đi xuống đây. Không đời nào tôi đi xuống lòng đất. Hay vào đường hầm.

Không dừng lại có suy nghĩ tôi tệ này, nếu không gạt nó ra khỏi đầu, sớm muộn anh sẽ phải dùng ống thở nữa cho mà xem. Anh mừng là trên tàu Tobin, lưu lượng xe cộ đông đúc hơn. Anh đi ngang một công trình đài kỷ niệm. Trên mặt gạch sơn dòng nhắc nhở có phần khiến anh không yên:

CHẬM LẠI! CHÚNG TA ĐỢI ĐƯỢC!

Có một biển báo phản xạ màu xanh lá cây ghi HƯỚNG ĐI 95 MAINE, N. H., BẮC NEW ENGLAND. Nhìn nó, bất giác một cơn run rẩy tận xương đòn đập vào người anh. Trong thoáng chốc, tay anh bấu chặt lấy bánh lái chiếc Cadillac. Anh những muốn tin đây là dấu hiệu sơ khởi của một căn bệnh gì đó, vi-rút hoặc có lẽ là “sốt bóng ma” mà ngày xưa mẹ anh hay nói, nhưng trong thâm tâm, anh biết rõ. Nguyên nhân xuất phát từ thành phố sau lưng anh, im lìm trên đường rìa giữa ngày và đêm, cùng những điều mà tấm biển này báo hiệu đang chờ đợi anh phía trước. Anh bị ốm, điều đó chẳng có gì phải nghi ngờ, nhưng không phải vì vi-rút hay sốt bóng ma. Anh xây xẩm trước dòng ký ức của bản thân.

Mình sợ, Eddie nghĩ thêm. Sâu trong tâm khảm là thế. Chỉ có sợ hãi. Nỗi sợ hãi bao trùm. Nhưng cuối cùng, hình như cả đám vẫn xoay chuyển được tình thế. Chúng mình đã dùng nó. Nhưng bằng cách nào nhỉ?

Anh chẳng tài nào nhớ ra. Anh tự hỏi liệu còn ai trong số bọn họ nhớ được điều này. Để cả nhóm toàn mạng, anh mong là họ nhớ.

Một chiếc xe tải từ từ lướt ngang phía bên trái anh. Nãy giờ vẫn bật đèn pha, Eddie cũng bật đèn pha trong chốc lát khi chiếc xe tải an toàn vượt lên trước. Anh làm mà chẳng cần nghĩ. Hành động này như đã trở thành chức năng tự động của một người lái xe kiếm sống như anh. Người tài xế không rõ mặt ngồi trong xe tải nháy đèn chạy hai lần thật nhanh đáp lại, ý nói cảm ơn Eddie đã lịch sự nhường đường. Giá mà mọi thứ có thể đơn giản và rõ ràng đến thế, anh thầm nghĩ. Anh đi theo biển chỉ đường dẫn đến Xa lộ liên tiểu bang 95. Lướt xe cộ chạy lên phía Bắc khá thừa thớt, dù anh trông thấy làn đường dẫn xuống phía Nam tiến vào thành phố bất đầu đông dân, trong khi trời còn sớm tinh mơ. Eddie nhẹ nhàng lái chiếc xe to lớn, đoán trước mọi biển chỉ đường và chuyển làn từ sớm, thậm chí từ trước khi phải làm thế. Ngày xưa, có những lúc anh đoán sai và bị lỡ mất lối rẽ mình muốn, nhưng đã nhiều năm nay anh chưa rơi vào tình trạng ấy lần nào. Anh chọn làn chạy xe theo bản năng như cách anh nháy đèn báo hiệu “đông ý cho lướt” với người tài xế xe tải, theo bản năng như cách anh từng mò mẫm tìm đường trong những lối mòn rồi như canh hệ của Vùng Đất Cằn Derry. Anh chẳng mấy quan tâm đến việc từ trước đến nay, anh chưa từng lái xe ra khỏi trung tâm Boston, một trong những thành phố với hệ thống đường sá rối rắm nhất cho cánh lái xe.

Vài mảnh ký ức về mùa hè năm ấy chợt ùa về trong anh, tỉ dụ như có lần Bill nói: “C-Cậu c-có l-l-la bàn trong đâu đấy, E-E-Eddie ạ.”

Trời ơi, lúc ấy anh nghe mà sung sướng làm sao! Và đến giờ, cảm xúc ấy cũng chẳng vơi, lòng anh rộn ràng, chiếc Dorado 84 phóng vút trở lại vào đường cao tốc có lệ phí. Anh đẩy tốc độ chiếc limo lên mức 92 ki-lô-

mét một giờ để đảm bảo không bị cảnh sát tuýt còi và tìm chút nhạc nhẹ nhàng trên ra-đi-ô. Anh nghĩ có lẽ ngày ấy, nếu cần, anh sẵn sàng hy sinh thân mình cho Bill; giả sử Bill yêu cầu anh làm vậy, Eddie sẽ đơn giản đáp lại: “Chắc chắn rồi, Bill To Bự... Cậu có tính khi nào chưa?”

Eddie nghĩ lại mà nở nụ cười – không phát ra thành tiếng, chỉ là phì cười một cái, nhưng âm thanh ấy khiến anh giật mình và cười ha hả. Thời gian gần đây, chẳng mấy khi anh cười, và anh cũng chẳng mong mình sẽ kiếm được mấy tràng hay ho (đây là từ do Richie nghĩ ra, nghĩa là tràng cười, ví dụ như “Nay cậu kiếm được tràng nào hay ho không, Eds?”) trong chuyến hành hương tâm tột này. Nhưng anh thầm nghĩ, nếu Chúa keo kiệt bủn xỉn đến độ nguyên rủa không cho phép kẻ ngoan đạo thứ mình khao khát nhất trong đời, thì chỉ ít người cũng quá liều đủ để thỉnh thoảng cho ta một, hai tràng hay ho.

“Đạo này có tràng nào hay ho không, Eds?” Anh cất thành lời và phá lên cười lần nữa. Ôi trời, ngày ấy anh chúa ghét Richie gọi anh là Eds... nhưng tính ra anh cũng khoai khoái. Anh nghĩ cảm xúc này giống như Ben Hanscom sau một hồi cũng khoái Richie gọi mình là Haystack. Nói sao nhỉ... nó như một tên gọi bí mật. Một danh tính bí mật. Một cách để có thể trở thành kẻ không bị trói buộc bởi gông xiềng sợ hãi, hy vọng, mong mỏi liên tu bất tận của bậc sinh thành. Richie thực hiện các Giọng nói ưa thích của mình dở tệ, nhưng có lẽ cậu ấy biết với đám dị hợm bọn họ, thỉnh thoảng được trở thành kẻ khác quan trọng đến nhường nào.

Eddie liếc nhìn đồng tiền lẻ được xếp gọn trên bảng đồng hồ của chiếc Dorado – trăm hay không bằng tay quen, sắp sẵn tiền lẻ cũng thế. Khi đến gần bất thu phí, chẳng ai muốn phải lục tìm xu lẻ, và cũng chẳng ai muốn chạy bào lãn thu phí tự động nhưng lại chuẩn bị nhầm tiền.

Trong đồng tiền xu có hai hoặc ba đồng bạc in hình [Susan B. Anthony](#). Anh nghĩ thời nay, ta chỉ có thể tìm thấy những đồng xu này trong túi các tài xế xe con hoặc tài xế tắc-xi đến từ khu vực New York, giống như việc nơi duy nhất ta thấy rất nhiều tờ hai đô-la là tại cửa cá cược trong trường đua ngựa. Anh luôn giữ vài tờ trong túi vì máy thu phí tự động ở cầu George Washington và cầu Triboro nhận tiền mệnh giá này.

Một nhà cải cách xã hội Mỹ và nhà hoạt động vì quyền bầu cử phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong phong trào bầu cử của phụ nữ.

Một trong những tia sáng ngày ấy lại lóe lên trong đầu anh: đồng bạc. Không phải xu bằng đồng mà là xu bằng bạc thật, khắc hình Nữ thần Tự do trong chiếc váy thướt tha. Đồng bạc của Ben Hanscom. Phải, nhưng hình như chính Bill mới là người từng dùng một trong những đồng bạc ấy để cứu cả đám thì phải? Anh bán tín bán nghi, nói đúng hơn, anh chẳng dám chắc về bất cứ điều gì... hay chỉ là anh không muốn nhớ lại?

Ở đó tối thui, anh chợt nghĩ. Mình chỉ nhớ chừng đấy. Bốn bề tối tăm mù mịt

ở nơi đó.

Boston giờ đã cách anh một đoạn xa, sương mù bắt đầu tan dần. Phía trước là MAINE, N. H., BẮC NEW ENGLAND. Derry nằm ở phía trước, và một thế lực đáng lý đã chết suốt hai mươi bảy năm qua tại Derry chẳng rõ vì lẽ gì vẫn còn sống. Thứ đó có muôn vàn khuôn mặt, chẳng kém gì [Lon Chaney](#). Nhưng thực chất nó là gì mới được? Chẳng phải cuối cùng, họ đã trông thấy bản thể thật của nó, với bao mặt nạ đều bị lột bỏ ư?

Diễn viên sân khấu điện ảnh, nghệ sĩ trang điểm, đạo diễn và nhà biên kịch người Mỹ. Ông được xem là một trong những diễn viên đa tài và giỏi giang nhất trong làng điện ảnh.

Ôi, anh chỉ nhớ được chừng ấy... nhưng như thế chưa đủ.

Anh nhớ ngày xưa, anh quý Bill Denbrough biết nhường nào, anh nhớ điều đó như in. Bill chẳng bao giờ lôi chuyện hen suyễn của anh ra làm trò đùa. Bill chẳng bao giờ gọi anh là đồ bóng lộn nhất cáy. Anh quý Bill như cách anh quý một người anh... hoặc một người bố. Bill biết đủ trò để chơi, đủ nơi để thăm thú, đủ thứ để ngắm nghía. Bill chẳng bao giờ nao núng. Nếu đi cùng Bill, anh đi để đánh bại quỷ dữ và đi để cười thật to... nhưng chẳng bao giờ anh bị hụt hơi. Và không hụt hơi là điều tuyệt vời, tuyệt miễn chê. Đó là điều Eddie muốn tuyên bố với thế giới. Khi anh đi cùng Bill To Bự, hôm nào anh cũng có những tràng hay ho.

“Hắn rồi, bạn hiền, hôm nào cũng có,” anh bắt chước giọng của Richie Tozier và lại phá lên cười ha hả.

Người nảy ra ý tưởng xây đập trong Vùng Đất Cằn là Bill, và nhìn theo một cách nào đó, chính con đập đã đưa cả đám đến với nhau. Ben Hanscom là người chỉ cho họ cách xây đập – họ xây con đập thành công đến độ vướng vào cả đồng rắc rối với ông Nell, bị cảnh sát đi tuần lúc ấy – nhưng chung quy lại, ấy là ý tưởng của Bill. Và dù tất cả bọn họ, trừ Richie, đều nhìn thấy những thứ dị thường - những thứ vô cùng đáng sợ - ở Derry từ đầu năm đó, Bill là người đầu tiên đủ dũng khí để nói thành lời.

Con đập ấy.

Con đập chết tiệt ấy.

Anh nhớ lời Victor Cris nói: “Tạm biệt nha đám kia. Con đập nhỏ tí ấỵ mà, tao nói thật. Thà chúng mày không có còn hơn.”

Hôm sau, Ben Hanscom toe toét cười với họ và nói rằng:

“Ta có thể

“Ta có thể cho ngáp

“Ta có thể cho ngáp tất tần tật

2

Vùng Đất Cằn nếu ta muốn.”

Bill với Eddie nhìn Ben nghi ngờ, rồi hai đứa lại chuyển ánh mắt sang những vật liệu Ben mang theo: vài tấm ván (thó từ sân sau của ông McKibbon, nhưng thế cũng chẳng thành vấn đề gì, vì chẳng nào ông ấy cũng nhặt nhạnh từ nhà người khác), búa tạ và xẻng.

“Tớ chịu đấy,” Eddie nói, liếc qua Bill. “Hôm qua bọn tớ thử nhưng thấy không ăn thua cho lắm. Dòng nước cuốn trôi cành cây chúng tớ dựng ngay lập tức.”

“Cái này sẽ được,” Ben khẳng định. Cậu ngược nhìn Bill để đợi lời chốt hạ.

“Ừ, vậy m-mình thử x-x-xem,” Bill nói. “S-Sáng nay, tớ c-có gọi cho R-R-Richie Tozier. Cậu ấy b-bảo s-sẽ đến nh-nhà Mater. Có thể cậu ấy và Sta-Stanley sẽ qu-quá giúp.”

“Stanley nào vậy?” Ben hỏi.

“Uris đó,” Eddie đáp. Cậu vẫn nhìn Bill với ánh mắt cẩn trọng, bởi hôm nay Bill có vẻ hơi lạ – ít nói hơn, ít hứng thú với con đập hơn. Chưa kể, nhìn cậu ấy có vẻ xanh xao. Xa cách.

“Stanley Uris à? Chắc tớ không biết cậu ấy. Cậu ta có học trường Tiểu học Derry không?”

“Cậu ấy bằng tuổi bọn mình nhưng mới học xong lớp Bốn thôi.” Eddie kể. “Cậu ấy đi học trễ một năm vì thuở bé, cậu ấy bệnh suốt. Nếu cậu nghĩ hôm qua cậu bị đánh như vậy là khủng khiếp thì cậu nên thấy mừng là cậu

không phải Stan đi. Hôm nào Stan cũng bị tấn cho lên bờ xuống ruộng.”

“Cậu ấy là ng-người D-D-Do Th-Thái,” Bill giải thích. “Nh Nhì ầu đ-đưa không th-thích cậu ấy vì c-cậu ấy là người Do Thái.”

“Ồ vậy hả?” Ben hỏi, ấn tượng ra mặt. “Người Do Thái hả?” Cậu im lặng rồi thận trọng nói: “Như thế giống người Thổ Nhĩ Kỳ à, hay giống người Ai Cập hơn?”

“Tớ đ- đoán giống người Th-Thổ Nh-Nhĩ Kỳ hơn,” Bill đáp. Cậu nhắc một tấm ván Ben mang đến lên ngắm nghía. Nó dài một mét tám và rộng sáu mươi xen-ti. “B-B-Bố tớ bảo h ầu hết ng-người Do Thái có m-mũi rõ to và lắ t-t-tiền, nhưng St-St-stan...”

“Nhưng Stan có cái mũi bình thường và nghèo rớt m ồng toi,” Eddie nói nốt.

“Ừ.” Bill đồng tình và nhoẻn nụ cười đầu tiên trong ngày. Thấy thế, Ben cười.

Eddie cũng cười theo.

Bill vút tấm ván sang một bên, đứng dậy phủi bụi trên mông quần jean. Cậu đi đến bờ suối, hai cậu bạn lục tục đi theo. Nhét tay vào túi quần sau, Bill thở dài đánh thượt. Eddie dám chắc Bill sắp phát biểu gì đó nghiêm túc. Cậu hết nhìn Eddie đến Ben, rồi lại chuyển ánh nhìn trở lại Eddie, nụ cười đã tắt. Chợt Eddie thấy sợ.

Nhưng rồi tất cả những gì Bill nói là, “Cậu có mang th-theo ống th-th-thở không, E-Eddie?”

Eddie vỗ vào túi. “Đạn được đầy đủ.”

“Này, vụ sữa sô-cô-la hôm nọ hiệu quả không?” Ben hỏi.

Eddie cười nắc nẻ. “Sở dĩ luôn!” Cậu kể. Cậu và Ben phá lên cười

trong khi Bill ngẩn ra nhìn, miệng cũng mỉm cười nhưng nét mặt bối rối. Eddie giải thích xong, Bill mới gật gù, nụ cười rộng đến tận mang tai.

“M-Mẹ của E-E-Eddie lo c-cậu ấy b-bị s-suyễn trở lại và b-bác ấy sẽ kh-không được h-hoàn t-t-tiền thì có.”

Eddie phì cười và làm ra vẻ xô cậu bạn xuống suối.

“Coi chừng, đồ chết dịch,” Bill nói, bắt chước y như giọng của Henry Bowers. “Tao sẽ bẻ cổ mày đến mức mày có thể nhìn được cảnh mày chui mông đấy.”

Lần này thì Ben bò lăn bò càng, cười như được mùa. Bill liếc bạn mình, nhoen cười, tay vẫn thọc vào túi quần sau, miệng cười, phải, nhưng cậu lại có gì đó thật xa cách, thật mơ hồ. Cậu nhìn Eddie rồi nghiêng đầu sang Ben.

“Đúng là qu-qu-quá đáng,” cậu nói.

“Phải,” Eddie đồng ý. Nhưng chẳng hiểu sao, cậu cảm thấy họ chỉ đang vui vẻ ra mặt mà thôi. Bill đang bận tâm đến một thứ gì đó. Cậu đoán Bill sẽ kể khi thấy sẵn sàng, nhưng câu hỏi đặt ra ở đây là liệu Eddie có muốn nghe hay không? “Đúng là đầu óc bã đậu.”

“Chậm lụt nữa,” Ben nói, chưa dứt tràng cười.

“Th-Thế c-cậu có đ-đ-định ch-chỉ bọn tớ cách x-xây đập không, h-hay cậu t-t-tính ng-ng-õ ch-chơi x-xơi n-nước cả b-buổi đây hả?”

Ben đứng dậy. Đầu tiên, cậu quan sát dòng suối đang róc rách chảy ngang với tốc độ vừa phải. Ở đoạn chảy ngang Vùng Đất Cằn, sông Kenduskeag không quá rộng, nhưng hôm qua nó đã đánh bại đám trẻ một lần. Eddie và Bill đều không tìm ra cách cố định được vị trí trong dòng nước. Tuy vậy, Ben vẫn giữ nụ cười trên môi, nụ cười của kẻ đang ấp ủ ý

tưởng sáng tạo... ý tưởng thú vị nhưng sẽ không quá khó. Eddie thầnh nhủ:
Cậu này biết cách – Mình thật sự nghĩ vậy.

“Được,” cậu nói. “Các cậu cởi giày ra đi, vì tí nữa mình sẽ ướn chân đó.”

Ngay lập tức, tiếng nói của mẹ vang lên trong đầu Eddie, giọng bà đánh thép và ra lệnh chẳng khác nào giọng của một tay cảnh sát giao thông: *Mẹ cấm con đấy, Eddie! Mẹ cấm con! Để chân ướn là một nguyên nhân – trong vô vàn nguyên nhân – khiến con bị cảm, mà cảm thì sẽ dẫn đến viêm phổi, nên con không được làm thế!*

Bill cùng Ben ng ồi ở bờ sông, cởi giày và tất. Ben xắn quần thật cẩn thận. Bill ngược nhìn Eddie. Ánh mắt cậu trong veo và ấm áp, đầy thông cảm. Bất giác, Eddie dám chắc Bill To Bự đi guốc trong bụng cậu, đi đâu đó khiến cậu cảm thấy xấu hổ.

“C-Cậu th-tham gia không?”

“Ừ, có chứ,” Eddie đáp. Đoạn cậu ng ồi xuống bờ sông, cởi giày giữa bao tiếng xa xả của mẹ trong đầu... nhưng may thay, cậu nhận thấy dần dà giọng của mẹ trở nên xa xôi, vang vọng hơn, như thể ai đó móc vào lưng áo của bà chiếc móc câu hạng nặng và thu c ần, kéo bà trên một hành lang dài dang dặc ra xa khỏi cậu.

3

Hôm ấy là một ngày mùa hạ hoàn hảo mà ta luôn lưu giữ trong lòng trong một thế giới nơi mọi thứ đều mưa thuận gió hòa. Cơn gió hiu hiu thổi qua giúp ru ồi muỗi không bu lại. Tầng không cao vời vợi sắc xanh ngát mắt. Tiết trời mát mẻ ở mức 20 độ C. Chim hót véo von, riu rít chuy ền cành trong bụi cỏ và trên rừng cây thứ sinh. Eddie chỉ phải dùng ống thở một

lần, rồi ngực cậu nhẹ bẫng và kỳ diệu chưa, họng cậu như mở to chẳng kém gì xa lộ. Suốt buổi sáng hôm đó, cậu thậm chí quên bẵng ống thở nhét trong túi sau.

Mới hôm trước, trông Ben Hanscom còn có vẻ rụt rè và ngần ngại, thế mà hôm nay, cậu ấy đã thoát xác thành một vị tướng tài ba, dốc hết tâm sức vào công cuộc xây dựng đập. Thỉnh thoảng, cậu lại trèo lên bờ, hai tay đầy bùn chống nạnh, sừng sững đứng quan sát công trình, lăm bằm gì đó. Nhiều khi cậu lại vò đầu bứt tóc, và đến 11 giờ trưa, mái tóc của cậu đã dựng lĩa chĩa, bù xù y như tổ quạ.

Ban đầu, Eddie thấy phân vân, nhưng rồi cậu thấy vui, để rồi một cảm giác hoàn toàn mới mẻ tràn vào lòng cậu – một cảm giác vừa kỳ lạ, vừa choáng ngợp và thích thú. Cảm giác ấy quá đổi lạ lùng so với tâm trạng bình thường của cậu, đến độ cậu loay hoay mãi mà chẳng biết gọi tên cảm xúc ấy là gì, và phải tới tối, khi nằm trên giường, mắt nhìn trần nhà, trong đầu hiện lên những gì xảy ra thì cậu mới hiểu: đó là Quyên năng. Cảm giác ấy là Quyên năng. Nhờ Chúa, cái đập sẽ hoạt động, và nó sẽ hoạt động tốt hơn những gì cậu với Bill – thậm chí ngay đến Ben - có thể tưởng tượng.

Cậu thấy Bill cũng dành tâm sức cho công trình – ban đầu chỉ một chút, bởi lúc ấy cậu còn bận tâm suy nghĩ chuyện gì đó, nhưng rồi dần dần, cậu toàn tâm toàn ý xây đập. Có một hoặc hai lần, cậu lại vồ lên phần vai mập mạp của Ben và cảm thán Ben quả là xuất chúng. Lần nào cũng vậy, mặt Ben lại chuyển sang màu mận chín vì sung sướng.

Ben chỉ Eddie và Bill đặt một tấm ván ở giữa suối rồi giữ nó để cậu dùng búa tạ đóng ván xuống lòng suối. “Đấy – nó xuống rồi kìa, nhưng cậu phải giữ chặt vào, kéo dòng nước sẽ khiến nó bị lỏng,” cậu bảo Eddie, thế là Eddie đứng giữa suối, tay giữ tấm ván, mặc dòng nước chảy tràn qua

ván và róc rách quanh tay cậu thành hình sao biển đung đưa.

Ben và Bill dựng tấm ván thứ hai cách đó chừng sáu mươi phân, xuôi xuống hạ nguồn. Một lần nữa, Ben dùng búa để đóng ván xuống lòng suối, Bill lãnh nhiệm vụ giữ ván trong khi Ben đổ đất cát lấy trên bờ suối xuống khoảng trống giữa hai tấm ván. Mới đầu, đất cát cứ thế trôi thành từng mảng theo cạnh ván, Eddie ái ngại có khi nó chẳng ăn thua, nhưng khi Ben bắt đầu chắt thêm đá và bùn từ bờ sông thì lượng đất cát bị trôi giảm hẳn. Trong chưa tới hai mươi phút, cậu đã chắt xong một Kênh Đào màu nâu làm từ đất đá giữa hai tấm ván ở ngay chính giữa dòng suối. Trong mắt Eddie, công trình này chẳng khác nào một ảo giác.

“Nếu chúng mình có xi măng thật... chứ không phải chỉ... bùn và đá, giữa tuần sau, người ta sẽ phải di chuyển toàn bộ thị trấn... sang phía Mũi Đất Cũ đấy,” Ben nói, để xẻng qua một bên rồi ngồi trên bờ suối cho đến khi hơi thở bình thường trở lại. Bill và Eddie phá lên cười, Ben cũng toét miệng cười theo. Khi cậu cười, bóng hình một người đàn ông khôi ngô tuấn tú ẩn hiện giữa những đường nét trên khuôn mặt. Lúc này, nước đã bắt đầu dồn ứ đằng sau tấm ván hướng về phía thượng nguồn.

Eddie hỏi cả đám phải làm thế nào với phần nước chảy hai bên.

“Cứ để nó chảy thôi. Không sao đâu.”

“Không sao hả?”

“Ừ.”

“Tại sao thế?”

“Tớ cũng không biết giải thích thế nào. Nói chung là phải để nước chảy bớt.”

“Sao cậu biết hay thế?”

Ben nhún vai như muốn nói *Tớ biết vậy thôi*. Eddie đành nín thinh.

Khi đã lấy lại sức, Ben cầm tấm ván thứ ba - tấm dày nhất trong bốn, năm tấm ván cậu hì hụi mang đến tận Vùng Đất Cằn – và cẩn thận đặt nó chống vào tấm ván hướng xuống hạ nguồn, chèn thật chặt một đầu xuống lòng suối, kê đầu còn lại vào tấm ván Bill đang giữ, tạo nên thanh giằng mà hôm trước cậu vẽ trong hình.

“Được rồi, cậu nói và lùi lại. Nụ cười nở rộng trên môi. “Các cậu thả ra được rồi đấy. Phần bùn giữa hai tấm ván sẽ chịu phần lớn áp lực nước. Còn lại thanh giằng này sẽ gánh.”

“Nước không khiến nó bị trôi à?” Eddie hỏi.

“Không. Nước chỉ đẩy nó xuống sâu hơn thôi.”

“Và nếu cậu s-s-sai, bọn tớ s-sẽ k-k-kết l-liều c-cậu đấy nhé.” Bill nói.

“Nghe kinh nhỉ,” Ben vui vẻ hòa theo.

Bill và Eddie lùi lại. Hai tấm ván tạo hình cho con đập ken kết một chút, nghiêng ngả một chút... nhưng chỉ có vậy.

“Ôi thiên địa ơi!” Eddie hét lên thích thú. “T-T-Tuyệt quá,” Bill nhận xét và toét miệng cười. “Ừ.” Ben nói. “Bọn mình ăn thôi.”

4

Cả bọn ngồi trên bờ sông dùng bữa, không trò chuyện gì nhiều, mắt dõi theo nước dầm ứ đằng sau con đập và luồn lách chảy qua hai đầu ván. Eddie thấy cả đám vừa tác động đến địa lý của bờ suối: có thể thấy rõ dòng nước bị chệch hướng ăn vào bờ thành những chỗ lõm như vỏ sò. Chốc sau, dòng chảy mới của con suối xói vào phía bên kia bờ khiến đất lở ra chút ít.

Phía thượng nguồn của con đập hình thành một hồ nước tròn, có chỗ

nước còn tràn bờ. Những dòng nước lấp lánh chảy vào cỏ và vào bụi cây. Eddie dần vỡ lẽ đi đâu Ben đã biết ngay từ đâu: con đập đã được hình thành. Khoảng trống giữa hai tấm ván và bờ suối chính là cửa thoát nước. Ben không rõ nên giải thích với Eddie đi đâu này ra sao vì cậu thiếu từ ngữ để mô tả. Phía trên tấm ván, nước sông Kenduskea bị dãn ứ lại. Tiếng róc rách của con nước nông chảy qua đá sỏi giờ không còn nữa, thay vào đó, tất cả đá sỏi phía thượng nguồn con đập giờ đều chìm trong nước. Thỉnh thoảng vài mảng cỏ và đất cát bị suối xói mòn, lồm bồm rơi xuống nước.

Phía hạ nguồn con đập, dòng nước gợn như tiêu biến, chỉ còn chút nước rỉ rỉ chảy xuống. Những hòn đá bấy lâu nay chịu cảnh chôn thân dưới nước giờ đã phơi mình dưới nắng. Eddie nhìn chúng không dãn mà lòng đầy thán phục... và đầy cảm giác lạ kỳ kia. Cả đám đã xây dựng thứ này. Chính họ. Cậu nhìn thấy một con ếch nhảy qua và thậm chí có lẽ bác ếch già đang tự hỏi chẳng biết nước đi đâu cả rồi. Eddie phá lên cười.

Ben xếp gọn ghẽ bọc đựng vào túi đồ ăn mà cậu mang theo. Eddie và Bill ngần ngại trước bữa ăn hoành tráng mà Ben xếp ra một cách thuần thực: hai phần bánh mì kẹp phết bơ đậu phộng và mứt trái cây, một phần bánh mì kẹp kẹp xúc xích hun khói, một quả trứng luộc (còn đi kèm dấm muối cất trong miếng giấy sáp), hai bánh nhân mứt sung, ba chiếc bánh quy sô-cô-la cỡ lớn và hai bánh Ring-Ding.

“Mẹ cậu có nói gì lúc trông thấy bộ dạng thê thảm của cậu không?” Eddie hỏi.

“Hả?” Đang nhìn hồ nước to dãn phía sau đập, Ben ngược lên, che tay lên miệng khẽ ợ một cái. “À! Ờ, tớ biết chiều hôm qua mẹ tớ sẽ đi mua thực phẩm nên tớ tranh thủ về nhà trước mẹ. Tớ tắm tã rồi gọi đầu luôn. Sau đó tớ vứt quần jean và chiếc áo nỉ tớ đang mặc đi. Tớ không biết mẹ

tớ có phát hiện bộ đồ ấy mất tích hay không nữa. Có lẽ mẹ tớ không để ý chiếc áo đâu, vì tớ có nhiều áo nỉ lắm, nhưng tớ nghĩ tớ phải đi mua quần jean mới trước khi mẹ kiểm tra đồ đạc trong ngăn tủ của tớ.”

Nghĩ đến việc phải phung phí tiền bạc vào một món đồ không thiết yếu như vậy, mặt Ben sầm lại trong thoáng chốc.

“C-C-Còn m-mấy v-vết b-bầm thì sao?”

“Tớ nói với mẹ vì được nghỉ học nên tớ vui quá, vui đến độ đâm sầm vào cửa, ngã xuống bậc thang,” Ben kể, nét mặt vừa ngạc nhiên vừa có chút tổn thương khi Eddie và Bill phá lên cười nắc nẻ. Đang ăn dở miếng bánh sô-cô-la đắng mẹ làm, Bill phụt ra phần bánh nâu và ho sặc sụa. Vẫn đang cười ha hả, Eddie vỗ bộp bộp lên lưng cậu bạn.

“Thật mà, suýt chút nữa tớ ngã đập mặt xuống bậc thang đấy,” Ben kể. “Nhưng lý do là vì Victor Criss đẩy tớ chứ không phải vì tớ chạy.”

“Mặc a-áo nỉ như vậy chắc tớ n-ngột không k-kém gì b-bánh ngô hấp trong n-ồi,” Bill nói và ăn nốt miếng bánh.

Ben tần ngần. Cứ tưởng cậu sẽ im lặng thì một lúc sau, cậu lên tiếng. “Mặc như vậy tốt hơn nếu cậu mập. Ý tớ là mặc áo nỉ ấy.”

“Vì bụng bự hả?” Eddie hỏi.

Bill phì cười. “Vì bộ ng-ng-ngư-...”

“Ừ, vì ngực của tớ. R-ừ sao?”

“À thì,” Bill khẽ nói. “R-R-ừ sao đâu?”

Có một khoảng im lặng kỳ cục, nhưng rồi Eddie lên tiếng. “Xem chỗ nước chảy qua thành đập đen thui kia.”

“Thôi chết!” Ben bật dậy. “Dòng nước đang xói mòn phần đất đá! Trời ơi, ước gì mình có xi măng!”

Cả nhóm nhanh chóng sửa sang phần bị trôi, nhưng ngay đến Eddie cũng có thể thấy đi đâu gì xảy ra nếu không có người liên tục dùng xẻng bổ sung thêm đất: sau một thời gian, xói mòn sẽ làm tấm ván thượng ngu ồn đập vào tấm ván hạ ngu ồn, và con đập sẽ vỡ.

“Vậy mình b ả đắp hai bên thành đập đi.” Ben đề nghị. “Tuy không ngăn được xói mòn hoàn toàn nhưng sẽ làm quá trình chậm lại.”

“Nếu mình dùng cát và bùn thì nó vẫn bị trôi mà?” Eddie hỏi.

“Mình sẽ đắp thật nhiều bùn.”

Bill gật gù, mỉm cười r ả vòng ngón cái và ngón trỏ tay phải thành hình chữ O. “Làm th-th-thôi. Tớ s-sẽ đào, còn c-cậu ch-chỉ tớ chỗ đ-đắp b-bùn nhé, Ben To Bự.”

Bỗng dừng từ đằng sau, một giọng nói the thé reo lên: “Ôi lạy Chúa tôi, ai lại xây cái hồ trong Vùng Đất Cằn thế này, đâu ra mà lấp đất cát vậy!”

Eddie quay lại, để ý thấy Ben cứng người trước giọng nói lạ, môi cậu mím thành đường chỉ. Đứng phía trên bọn họ, về phía thượng ngu ồn, trên đoạn đường hôm qua Ben đi ngang là Richie Tozier và Stanley Uris.

Richie nhanh nhẩu bước xuống suối, liếc Ben với vẻ tò mò r ả nhéo má Eddie.

“Thôi ngay trò đấy đi! Tớ ghét khi cậu làm thế lắm, Richie.”

“Á à, thích mà ra vẻ, Eds nhỉ.” Richie nói và toét miệng cười. “Sao? Nay cậu có tràng nào hay ho không?”

5

Nhóm năm người bọn họ ngời tay vào khoảng 4 giờ. Cả đám ng ả trên phần bờ cao - nơi Bill, Ben và Eddie ăn trưa ban nãy đã chìm xuống nước - và nhìn xuống công trình của mình. Đến cả Ben còn thấy phần nào khó tin

vào mắt mình. Tuy rõ ràng nhưng cậu cảm thấy mãi nguyên và có chút sợ hãi không yên khi hoàn thành con đập. Cậu thợ thần nghĩ về bộ phim hoạt hình Fantasia, và về việc chú Chuột Mickey biết cách để khiến cây chổi cử động... nhưng lại chẳng biết cách làm chúng dừng lại.

“Tuyệt vời ông mặt trời,” Richie Tozier khe khẽ cảm thán, tay đẩy kính lên mũi.

Eddie liếc về phía cậu nhưng lần này Richie không xỏ xiên gì, khuôn mặt cậu trầm tư, hết sức nghiêm trang.

Phía bên kia con suối, nơi đất vừa nhô lên rồi thoải thoải xuôi theo triền dốc, cả đám đã tạo ra một đăm lầy mới. Dương xỉ và cây bụi ngập trong nước chừng một bàn chân. Vừa ngẩng, cả đám vừa trông thấy đăm lầy đầy bùn lan xuống phía tây. Sông Kenduskeag sáng nay nông và vô hại là thế, vậy mà giờ đây, đằng sau con đập, dòng sông đã tụ thành hồ nước phẳng lặng.

Đến 2 giờ, hồ nước phía sau đập càng lúc càng rộng, ăn vào bờ sông nhiều đến độ lối thoát ra cho nước thừa rộng gần bằng kích thước con suối. Ngoại trừ Ben, ai nấy đều vội vã đến bãi rác để tìm thêm vật liệu. Ben ở lại tìm cách bit phần nước rỉ một cách tuần tự. Sau một hồi sục sạo, họ quay lại mang theo ván và bốn lốp xe nhả thín, một cánh cửa gỗ sét của chiếc ô tô Hudson Hornet 1949 và một tấm tôn lượn sóng lớn. Dưới sự chỉ huy của Ben, họ dựng thêm hai cánh vào con đập ban đầu, chặn hết phần nước rò rỉ quanh mép ván- và nhờ hai cánh dựng theo góc cản dòng nước, con đập còn hoạt động tốt hơn trước.

“Hết bị xói mòn ngay và luôn,” Richie nhận xét. “Cậu đúng là thiên tài.”

Ben mỉm cười. “Có gì nhiều nhận đâu.”

“Tớ có mang vài điều Winston,” Richie nói. “Ai hút không?”

Nói đoạn, cậu lôi một túi màu đỏ và trắng nhàu nhĩ từ túi quần ra và chuyển cho cả đám. Thần nghĩ hút thuốc chỉ tổ khiến cơn suyễn nặng thêm, Eddie từ chối. Stan cũng không hút. Bill lấy một điếu, và Ben sau chốc lát nghĩ ngợi cũng rút một điếu. Richie lấy bao diêm với dòng chữ ROI-TAN bên ngoài rồi châm thuốc cho Ben, sau đó đến Bill. Cậu đang định châm điếu của mình thì Bill thổi tắt diêm.

“Cảm ơn nhiều nha, Denbrough, tên chết tiệt,” Richie nói.

Bill mỉm cười hồi lỗi. “B-B-Ba người châm m-m-một đ-điếu.” cậu giải thích. Như thế x-xui l-lắm.”

“Từ khi cậu sinh ra là đã thấy xui rồi,” Richie nói và châm thuốc bằng một que diêm mới. Cậu nằm xuống và gác hai tay ra sau đầu. Điếu thuốc dựng thẳng giữa hàm răng. “Winston ngon nhỉ, chuẩn thuốc lá đấy.” Cậu khẽ quay đầu và nháy mắt với Eddie. “Đúng không, Eds?”

Eddie thấy Ben nhìn Richie với ánh mắt vừa khâm phục vừa có phần e ngại. Eddie có thể hiểu điều đó. Quen Richie Tozier bốn năm, thế mà đến giờ cậu vẫn chưa thật sự hiểu con người của Richie. Cậu biết Richie luôn được điểm A và B trong các môn học ở trường, nhưng cậu cũng biết rõ Richie hay lãnh điểm C và D ở điểm hạnh kiểm. Bố cậu thét ra lửa về việc này, còn mẹ cậu thì khóc lên khóc xuống mỗi lần Richie báo điểm rèn luyện kém, Richie thề thốt sẽ cố gắng hơn, và có thể cậu sẽ có được... trong một, hai quý. Tiếc là giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời, Richie không thể ngồi yên quá một phút và chẳng bao giờ biết giữ mồm giữ miệng. Ở Vùng Đất Cằn, cậu chẳng chuốc lấy quá nhiều rắc rối, nhưng Vùng Đất Cằn không phải Vùng đất Thần tiên, mà họ cũng chẳng thể làm các Cậu bé Hoang dã quá vài tiếng một lần (ý tưởng Cậu bé Hoang dã với ống thở trong túi sau khiến Eddie phì cười). Vấn đề với Vùng Đất Cằn là

ta đến rồi lại phải đi. Còn ở thế giới rộng lớn ngoài kia, cái mồm của Richie luôn hại cái thân - với người lớn đã to chuyện, với những kẻ như Henry Bowers lại còn bung bét hơn.

Màn xuất hiện hôm nay của cậu là một ví dụ hoàn hảo. Ben Hanscom vừa bắt đầu nói thì Richie đã quỳ gối xuống ngay chân Ben. Đoạn cậu cúi lạy hết sức hoành tráng, hai tay duỗi thẳng, đập lép bép xuống bờ suối đầy bùn mỗi lần rạp người. Vừa lạy, cậu vừa sử dụng một trong các Giọng nói của mình.

Richie có hơn chục Giọng nói khác nhau. Vào một chiều mưa khi hai đứa ở trong căn phòng nhỏ dưới ga-ra nhà Kaspbrak đọc truyện tranh *Lulu bé nhỏ*, cậu kể với Eddie rằng ước mơ của cậu là trở thành người nói tiếng bụng tài ba nhất thế giới. Cậu bảo cậu sẽ xuất chúng hơn cả [Edgar Bergen](#), và tuần nào cậu cũng sẽ xuất hiện trên *Chương trình Ed Sullivan*. Eddie ngưỡng mộ giấc mơ ấy, nhưng cậu cũng thấy những vấn đề có thể phát sinh. Một, tất cả các Giọng nói của Richie đều nghe khá giống giọng của Richie Tozier. Đó là chưa kể nhiều lúc, Richie nói chuyện kém duyên; dù đôi khi cậu cũng rất hài hước. Richie dùng chung một thuật ngữ khi nhắc đến chơi chữ và đánh rắm thành tiếng: cậu ấy gọi nó là Làm Phát Ngon Lành, mà cậu ấy làm rất nhiều phát ngon lành ở cả hai lĩnh vực... nhưng thường không đúng lúc, và cũng chẳng đúng chỗ. Thứ hai, khi nói tiếng bụng, môi của Richie mấp máy. Không chỉ ở những âm “p” hay “b” mà cậu mấp máy rất nhiều âm, nói trắng ra là không chừa âm nào. Thứ ba, khi Richie nói mình sẽ nói thật vang, nhưng giọng của cậu đi không xa. Mà các bạn của cậu đa số đều tốt bụng - hoặc hứng thú trước sự thu hút thỉnh thoảng có duyên, nhiều lúc vô duyên của Richie - nên chẳng nhắc đến những thiếu sót ấy bao giờ.

Một diễn viên, diễn viên hài, nghệ sĩ kịch nói, nổi tiếng với khả năng nói tiếng bụng thành thạo.

Quỳ rạp lia lịa trước Ben Hanscom đang giật mình bối rối, Richie nói bằng giọng mà cậu đặt tên là Giọng Nhóc Da đen.

“Lạy Chúa lòng lành, là Haystack Calhoun kìa!” Richie hét lên. “Thưa ngài Haystack, khẩn cầu khẩn cầu xin Ngài đừng thương chân lên con! Ngài mà làm thế chắc con bẹp ruột mất! Lạy Chúa lòng lành, lạy Chúa lòng lành! Trăm tư ký thịt phục phịch, vòng ngực hơn hai trăm xen-ti, Haystack sắc mùi con xe xúc hạng nặng! Con xin đưa Ngài lên sàn đấu, thưa Ngài Haystack! Con xin cung kính nghiêng mình đưa ngài đi! Chỉ xin Ngài đừng ngã vật lên tên mọi đen này!”

“C-Cứ k-kệ cậu ta,” Bill nói. “R-R-Richie là th-thế đấy. Cậu ta đ-diên lắm.”

Richie bật dậy. “Tớ nghe thấy r ồi nha, Denbrough. Để tớ yên nếu không tớ bảo Haystack làm gỏi cậu bây giờ.”

“C-Cái gì t-tuyệt nhất ở cậu tr-trôi xuống ch-ch-chân b-b-bố cậu r ồi,” Bill nói.

“Đúng” Richie đáp, “nhưng vẫn ngon lành lành đào đấy chứ. Cậu thế nào, Haystack? Tên tớ là Richie Tozier, sở trường của tớ là nhái Giọng nói.” Cậu chìa tay ra. Bối rối ra mặt nhưng Ben cũng giờ tay bắt lại. Richie bèn rút tay lại. Ben ngẩn tò te, Richie thôi đùa và bắt tay.

“Tên tớ là Ben Hanscom, trong trường hợp cậu quan tâm,” Ben nói.

“Tớ có thấy cậu ở trường,” Richie nói. Cậu vung tay về phía hồ nước đang lan rộng. “Đấy là ý tưởng của cậu phải không? Mấy tên ăn hại này còn chẳng châm được ngòi nổ với khẩu súng phun lửa ấy chứ.”

“Hơi bị sai rồi nhé, Richie,” Eddie chen ngang.

“Ừa, té ra đây là ý tưởng của cậu hả, Eds? Chúa ơi, tớ xin lỗi.” Cậu bèn quỳ mọi trước mặt Eddie và bắt đầu màn đập đầu cúi lạy.

“Đứng lên, thôi đi ông tướng, cậu hát hết bần lên người tớ rồi kìa!” Eddie ré lên.

Richie một lần nữa đứng bật dậy và véo má Eddie. “Cưng chưa, cưng chưa, cưng chưa!” Richie cảm thán.

“Thôi ngay đi, tớ ghét như vậy lắm!”

“Khai thật đi, Eds, ai xây đập thế?”

“B-B-Bench-chỉ bọn tớ,” Bill nói.

“Tuyệt cú mèo.” Richie quay lại và phát hiện Stanley Uris đứng ngay sau lưng mình, tay thọc túi quần, im lặng nhìn Richie pha trò. “Đây là Stan Uris Quân Tử, Richie giới thiệu. “Stan là dân Do Thái. Cậu ấy cũng là kẻ giết Chúa Giê-su đấy nhé. Chỉ ít đó là đi đâu một ngày nọ, Victor Criss nói với tớ. Kể từ đấy, tớ bám Stan như sam. Tớ suy luận nếu cậu ấy già cỡ đó, cậu ấy có thể đủ tiền mua cho bọn mình vài chầu bia. Đúng không, Stan?”

“Tớ đoán người giết chắc là bố tớ,” Stan nói, giọng trầm và âm dịu, câu nói khiến cả bọn phá lên cười, kể cả Ben. Eddie cười đến độ thở phì phò, chảy cả nước mắt.

“Phát ngon lành nhỉ!” Richie ré lên, rảo bước đi lại với hai tay giơ thẳng qua đầu như trọng tài môn bóng bầu dục ra hiệu được thêm điểm phụ. “Stan Quân Tử Làm Phát Ngon Lành! Khoảnh khắc Lịch sử! Hoan hô, hoan hô, hoan hô!”

“Chào cậu,” Stan chào Ben, chẳng buồn để tâm đến Richie.

“Xin chào,” Ben đáp. “Bọn mình có học chung lớp Hai. Cậu là cậu

nhóc...”

”... lúc nào cũng im thin thít,” Stan nói và khẽ mỉm cười.

“*Đúng rồi.*”

“Stan sẽ không nói gì nếu miệng đang đầy,” Richie chen vào. “Mà cậu ấy thì suốt ngày đầy miệng... Hoan hô, hoan hô, hoan...”

“I-I-Im đi, Richie,” Bill can ngăn.

“Được rồi, nhưng trước hết, tớ phải nói thêm với các cậu một đi đầu dù ruột đau như cắt. Tớ nghĩ các cậu sắp mất con đập rồi đó. Thung lũng sắp ngập rồi, các chiến hữu. Đưa đàn bà và trẻ em đi sơ tán trước đi.”

Vừa dứt lời, chẳng buồn xắn quần hoặc thậm chí là cởi giày, Richie nhảy xuống nước và bắt đầu đập bần vào phần mé đập, ở chỗ dòng nước lì lợm cuốn trôi bần đất thành dòng. Một bên gọng kính được quấn bằng băng keo Chữ thập đỏ, phần keo bị bong lệt quệt quệt vào má trong quá trình cậu làm. Vô tình bắt gặp ánh mắt của Eddie, Bill khẽ mỉm cười và nhún vai. Con người Richie là thế. Cậu ấy có thể làm mọi người phát khùng... nhưng có cậu ấy ở bên thật vui.

Cả đám cùng sửa sang con đập thêm khoảng một tiếng nữa. Richie răm rắp làm theo yêu cầu của Ben – lời cậu nói có phần rụt rè hơn vì có thêm hai người trong nhóm – không chút thắc mắc và hoàn thành với tốc độ tên lửa. Xong nhiệm vụ nào, cậu lại báo cáo với Ben để nhận thêm lệnh mới, mỗi lần như thế, cậu ngửa lòng bàn tay chào kiểu quân sĩ Anh và giậm hai gót giày sũng nước với nhau. Thỉnh thoảng, cậu lại ra lệnh cho những cậu bạn bằng các Giọng nói như: Sĩ quan Chỉ huy Đức, Quản gia Anh Toodles, Thượng nghị sĩ miền Nam (có giọng hao hao Foghorn Leghorn và về sau, dần dà thêm thất để trở thành nhân vật mang tên Buford Kissdrivel), Phát thanh viên thời sự MovieTone.

Công việc không chỉ tiến lên mà là *phi nước đại*. Hiện tại còn chưa tới 5 giờ, cả đám ng ồi nghỉ trên bờ hồ và ng ắm lại thấy Richie nói rất đúng: họ đã ngăn chặn việc xói mòn ngay và luôn. Cửa xe, tấm tôn lượn sóng và bánh xe cũ trở thành ch ặng hai của con đập, chúng được chặn bằng một đồng đất đá thoai thoải đổ xuống. Bill, Ben và Richie hút thuốc, còn Stan nằm thẳng cẳng. Người ngoài nhìn vào ắt sẽ tưởng cậu chỉ đang nhìn trời, nhưng Eddie biết không phải thế. Stan đang nhìn vào hàng cây phía bên kia suối, quan sát một, hai con chim để tối đến có thể viết lại vào sổ tay các loài chim. Eddie ng ồi xếp bằng, cảm thấy mệt mỏi nhưng dễ chịu. Lúc ấy, trong mắt cậu, nhóm bạn này như hội những người tuyệt nhất quả đất để đàn đúm mà con trai mong ước. Họ hòa hợp với nhau, họ bổ khuyết cho nhau. Cậu cũng chẳng biết giải thích cho bản thân thế nào, mà thật ra đi đâu này cũng chẳng cần giải thích nhiều lời, cứ để cho mọi chuyện diễn ra thật tự nhiên.

Cậu liếc mắt nhìn Ben, lúc này đang vụng về ần điều thuốc hút dở và khạc nhổ hết bãi này đến bãi khác, xem chừng cậu ấy không thích vị của thuốc lá cho lắm. Eddie nhìn đến lúc Ben dập điều thuốc và hất đất cát lên lấp đầu thuốc mới thôi.

Ben ngẩng lên thì trông thấy Eddie đang quan sát mình, cậu ngượng ngùng quay đi.

Liếc sang Bill, Eddie nhận thấy nét mặt Bill có gì đó khiến cậu bất an. Bill nhìn phía bên kia con suối, xa xa trong rừng cây và bụi cỏ, đôi mắt xám xịt và trĩu nặng ưu tư. Vẻ trầm ngâm ấy lại xuất hiện trên khuôn mặt cậu. Eddie có cảm giác trông Bill chẳng khác nào vừa gặp ma.

Như đọc được suy nghĩ của bạn, Bill quay lại nhìn cậu. Eddie mỉm cười song Bill không cười lại. Cậu dập điều thuốc và đưa mắt nhìn mọi người.

Đến cả Richie cũng im lặng chìm trong suy nghĩ riêng, một đi đầu hiếm có khó tìm chẳng kém gì hiện tượng nguyệt thực.

Eddie biết chỉ khi nào thật yên tĩnh, Bill mới cất tiếng nói, vì cậu ấy phải chậ vật lắ mới nói được thành lời. Và bất chợt, cậu ước cậu nảy ra ý tưởng gì đó để nói, hoặc Richie sẽ pha trò bằng giọng nói của mình. Bỗng dưng, cậu có cảm giác Bill sắp sửa mở miệng thốt lên một đi đầu gì đó t ối tệ, một đi đầu gì đó sẽ khiến mọi thứ thay đổi. Trong vô thức, Eddie đưa tay chạm vào ống thở, lôi nó ra khỏi túi sau và cầm trong tay. Cậu thậm chí còn không biết mình đã làm như thế.

“T-Tớ có thể nói với c-các c-c-cậu ch-chuyện này không?” Bill hỏi.

Tất cả quay sang nhìn cậu. *Pha trò gì đi, Richie! Eddie thầm van. Pha trò hoặc nói gì đó thật lố lăng, làm cậu ấy ngượng, sao cũng được, bịt miệng cậu ấy đi. Dù điều Bill muốn nói là gì, tớ cũng không muốn nghe, tớ không muốn mọi thứ thay đổi, tớ không muốn sống trong sợ hãi.*

Bỗng một giọng nói khàn khàn u tối thầu thào trong đầu cậu: *Tao chỉ tính mười xu thôi.*

Eddie run rẩy, cố gắng gạt giọng nói ấy ra khỏi đầu, và bất thầ, một hình ảnh hiện lên trong tâm trí cậu: căn nhà trên đường Neibolt, khoảng sân phía trước đầy cỏ dại, những bông hoa hướng dương to nghiêng ngả trong khu vườn không người chăm sóc.

“Được chứ, Bill To Bự,” Richie đáp. “Sao thế?”

Bill mở miệng (căng thẳng dâng cao trong Eddie), r ồi lại đóng lại (Eddie thở phào nhẹ nhõm), nhưng lại mở miệng l ần nữa (căng thẳng được dịp trào lên).

“N-N-Nếu các c-cậu c-c-cười, t-tớ sẽ không bao giờ ch-chơi với các cậu nữa,” Bill mào đầu. “Chuyện này rất đ-đ-điên rồ, nhưng tớ thầ tớ

không b-bịa đặt. Nó th-th-thực sự đã xảy ra.”

“Bọn tớ không cười đâu,” Ben trấn an. Cậu nhìn những người còn lại. “Nhỉ?”

Stan lắc đầu. Richie cũng thế.

Eddie những muốn thét lên, *Ừ bọn tớ sẽ cười đấy, Billy, bọn tớ sẽ cười thúii mũi cậu và chửii cậu là đồ mít đặc ngu si, thế nên cậu ngậm miệng lại cho tớ nhờ đi?* Nhưng tất nhiên không đời nào cậu nói thế. Suy cho cùng, đây là Bill To Bự mà. Cậu lắc đầu một cách khốn khổ. Không, cậu sẽ không cười. Cả đời cậu chưa bao giờ cảm thấy khó nhếch mép cười đến thế này.

Cả đám ng ẩi đó, phía trên con đập Ben chỉ cả đám cách xây, hết nhìn khuôn mặt Bill lại nhìn hồ nước và đầm lầy đằng xa, rồi lại nhìn khuôn mặt Bill, im lặng lắng nghe cậu kể chuyện xảy ra khi cậu mở cuốn album ảnh của George – chuyện bức ảnh chụp Georgie quay đầu nháy mắt với cậu, chuyện máu me bê bết chảy từ cuốn sách khi cậu ném nó vào tường. Lời cậu kể vừa dài vừa đau lòng. Và đến lúc nói xong, mặt Bill đỏ lựng và đổ mồ hôi như tắm. Eddie chưa bao giờ thấy cậu nói lấp dũ dối đến thế.

Nhưng cuối cùng thì câu chuyện cũng đã được kể xong. Bill đưa mắt nhìn mọi người, vừa ngang ngạnh vừa sợ hãi. Eddie thấy khuôn mặt Ben, Richie và Stan có chung một nét biểu cảm. Ai nấy đều nghiêm mặt và kinh hãi, không vắn chút nghi ngờ. Trong cậu nổi lên một thôi thúc muốn bật dậy và hét toáng lên: *Câu chuyện điên rồ gì thế hả! Cậu có tin câu chuyện thần kinh đó không mà kể? Nếu có đi chẳng nữa, cậu nghĩ bọn tớ sẽ tin à? Thế quái nào mà bức ảnh chụp nháy mắt được chứ! Sách cũng không chảy máu được đâu! Cậu bị điên rồi, Bill To Bự!*

Song cậu không thể làm thế, bởi nói đâu xa, gương mặt cậu cũng đang

đánh lại vì sợ hãi. Tuy không thấy nhưng cậu cảm nhận được đi ầu đó.

Quay lại đây đi, nhóc, giọng nói khàn khàn ấy thì ào. Ta sẽ thôi miễn phí. Quay lại đây đi!

Không, Eddie nên lên. Xin hãy đi đi, tôi không muốn nghĩ về chuyện đó.

Quay lại đây đi, nhóc.

Và r ấ Eddie thấy một đi ầu khác - nét biểu cảm ấy không xuất hiện trên mặt Richie, chỉ ít cậu cảm thấy thế, mà xuất hiện trên khuôn mặt của Stan và Ben. Cậu biết đi ầu đó là gì, cậu biết vì nét biểu cảm ấy cũng đang hiện lên trên mặt cậu.

Đó là sự công nhận.

Ta thôi miễn phí cho.

Căn nhà số 29 đường Neibolt nằm ngay bên ngoài sân ga Derry. Căn nhà cũ kỹ, cửa đóng ván gỗ kín mít, hiên nhà g ần lún xuống mặt đất, vườn tược um tùm. Trong lùm cỏ cao có một chiếc xe ba bánh cũ, gỉ sét nằm chổng chơ, một bánh chĩa lên xeo xéo.

Nhưng phía bên trái hiên nhà có một khoảng vườn trống trơn rất rộng ta có thể thấy cửa sổ t ầng h ầm dơ bẩn ở phần móng gạch đổ nát của căn nhà. Một trong những khung cửa sổ ấy là nơi Eddie Kaspbrak nhìn thấy khuôn mặt của gã hủi kia lần đầu tiên vào sáu tuần trước.

6

Vào những ngày thứ Bảy, khi không có ai chơi cùng, Eddie hay đến sân ga. Chẳng có lý do gì cho cam; cậu thích thì đi, thế thôi.

Cậu thường đạp xe đến đường Witcham r ấ r ẽ theo hướng Tây Bắc, đi dọc theo Tuyến số 2 ở nút giao với đường Witcham. Trường Nhà thờ đường Neibolt nằm ở góc Tuyến số 2 và đường Neibolt cách đó chừng một

cây rưỡi. Ngôi trường là một tòa nhà khung gỗ, tuy cũ nhưng rất tươi tắn với cây thánh giá to lớn phía trên và dòng chữ HÃY ĐỂ CON TRẺ ĐẾN CÙNG TA viết trên cửa chính bằng chữ mạ vàng cao chừng sáu mươi phân. Thỉnh thoảng, vào những ngày thứ Bảy, Eddie nghe thấy tiếng nhạc và tiếng hát ca vang lên từ bên trong. Họ đang hát nhạc Phúc Âm, nhưng người chơi đàn piano tài ba chẳng kém gì [Jerry Lee Lewis](#) chứ không chỉ là một nhạc công nhà thờ bình thường. Eddie cảm nhận lời ca tiếng hát cũng không mang nặng tính tôn giáo, dù có rất nhiều nội dung sùng đạo trong “Zion tươi đẹp” và “huyết chiến con bơi sạch lòng” và “Giê-su Chúa ta là bạn thật”. Theo như Eddie thấy, những người cất tiếng ca dường như đang vui vẻ nên chẳng thấy họ sùng kính hát cho lắm. Nhưng cậu thích tiếng hát này - giống như cậu thích nghe Jerry Lee Lewis hát vang bài *Lắc hết mình*. Thỉnh thoảng, cậu lại dừng một lúc phía bên kia đường, dựng xe vào cây và giả vờ ngẩng đầu đọc sách trên cổ, nhưng thật ra cậu đang lắc lư theo điệu nhạc. Một nghệ sĩ piano vô cùng nổi tiếng và tài năng.

Những ngày thứ Bảy còn lại, trường Nhà thờ đóng cửa và tĩnh lặng, cậu chạy xe đến sân ga mà chẳng buồn dừng chân, cậu đi đến cuối đường Neibolt, vốn là một bãi gửi xe với cỏ dại mọc qua những vết nứt trên mặt đường nhựa. Đến nơi, cậu dựng xe vào hàng rào gỗ rồi ngắm xe lửa đi qua. Có rất nhiều xe lửa chạy ngang vào thứ Bảy. Mẹ cậu từng nói ngày trước, ta có thể bắt gặp chuyến tàu chở khách của hãng tàu Tây Nam Độ Nhất ở nhà ga đường Neibolt, nhưng những chuyến tàu chở khách dừng hoạt động vào lúc trận chiến Triều Tiên nổ ra. “Nếu lên tàu đi về hướng Bắc, ta sẽ đến nhà ga Brownsville,” mẹ kể, “rồi từ Brownsville, ta có thể bắt tàu đến hản Canada nếu muốn, đến hản bờ Thái Bình Dương. Còn con tàu xuôi về phương Nam sẽ đưa ta đến Portland và rồi xuống Boston, từ Ga Miền

Nam, ta có thể chu du khắp đất nước. Nhưng hình như bây giờ tàu chở khách chạy theo đường xe goòng. Chẳng còn ai muốn đi xe lửa vì như thế rách việc lắm, khi họ có thể nhảy lên một chiếc Ford và cứ thế vi vu. Có khi con sẽ không còn cơ hội đi xe lửa ấy chứ.”

Nhưng những chuyến tàu chở hàng cực dài vẫn đi qua Derry. Tàu hướng về phía Nam, chở đầy gỗ sản xuất giấy, giấy và khoai tây, còn tàu lên phía Bắc mang theo mặt hàng sản xuất cho các thị trấn mà người ở Maine hay gọi là Đại Miền Bắc - bao gồm Bangor, Millinocket, Machias, Presque Isle và Houlton. Bản thân Eddie rất thích quan sát các con tàu hướng lên phía Bắc, chở những chiếc xe Ford và Chevrolet láng bóng. *Một ngày nào đó, mình sẽ có một chiếc xe như thế, cậu tự nhủ với lòng. Như vậy hoặc còn ngẫu hơn vậy. Có khi là một chiếc Cadillac ấy chứ!*

Có tổng cộng sáu đường ray, đổ vào sân ga như những sợi tơ trong mạng nhện hội tụ về trung tâm: tuyến Bangor và Phía Bắc Độ Nhất từ phía bắc, Phía Nam Độ Nhất và Phía Tây Maine từ phía tây, tuyến Boston và Maine từ phía nam, tuyến Duyên hải Miền Nam từ phía đông.

Hai năm trước, một ngày nọ, khi Eddie đứng gần đường ray cuối và nhìn xe lửa chạy ngang, một nhân viên say xỉn trên tàu đã ném vào cậu một cái thùng từ toa tàu chở hàng đang chạy với tốc độ chậm rãi. Eddie cúi đầu và rụt người lại, dù thùng hàng văng vào đóng xỉ than cách đó chừng ba mét. Bên trong có thứ gì đó, nhúc nhích và tanh tách. “Chuyến cuối rồi đấy nhóc!” Lão nhân viên say mèm nọ hét lên. Ông lổm chài rượu màu nâu dẹt từ túi áo khoác denim, đưa lên tu r ỉ lảng nó vào đóng xỉ than làm chai bể tan tành. Lão nhân viên trên tàu chỉ vào cái thùng. “Đem về nhà cho mẹ đi! Lời hỏi thăm của tuyến Phúc Lợi chạy hướng Duyên hải Miền Nam chết tiệt nhé!” Ông loạng choạng nhoài tới trước để hét nốt những từ cuối cùng

bởi con tàu đang dần xa và từ từ tăng tốc, trong một phút hoảng hốt, Eddie cứ tưởng ông ấy sẽ nhào đầu ra ngoài.

Khi con tàu đã mất hút, Eddie bước đến chỗ thùng hàng và dè chừng cúi xuống xem. Lại gần quá thì cậu cũng sợ. Những thứ bên trong vừa lúc nhúc vừa lạo xạo. Nếu lão nhân viên trên tàu hét lên thùng này dành cho Eddie thì cậu còn khuya mới dám đụng vào. Nhưng ông ấy bảo cậu đem về cho mẹ, và giống như Ben, cứ nghe ai nhắc đến mẹ là Eddie lại nhảy dựng lên.

Cậu sục sạo kiểm được đoạn dây thừng từ một trong những nhà kho bằng tôn bỏ trống rồi cột thùng vào giá đỡ hàng của xe đạp. Mẹ cậu nhìn thùng với ánh mắt còn ngại ngùng hơn cả Eddie, và rồi bà thét lên – nhưng không phải vì sợ hãi mà là thích thú. Trong thùng có bốn con tôm hùm, con nào con nấy nặng cả kí lô, càng được cột gọn. Bà nấu tôm hùm cho bữa tối, nhưng thấy Eddie không chịu ăn dù chỉ một miếng, bà khó chịu nhăn nhó.

“Con nghĩ nhà [Rockefeller](#) ăn gì vào tối nay ở dinh thự của họ tại Bar Harbor hả?” Bà cất mồm hỏi. “Con nghĩ những kẻ giàu nứt đố đổ vách đến ăn tại Twenty-One và Sardios ở thành phố New York sao? Con tưởng họ ăn bánh mì kẹp phết bơ đậu phộng và mút trái cây chắc? Họ ăn tôm hùm đấy, Eddie ơi, như mẹ con mình bây giờ! Nào, ăn thử đi con.”

Một trong những gia tộc tài phiệt của Mỹ.

Nhưng Eddie không chịu – mẹ nói thế chứ ai mà biết được. Có thể lời mẹ nói là đúng, nhưng sâu thẳm trong lòng, Eddie cảm thấy cậu không thể ăn chứ không phải không muốn ăn. Cậu không tài nào gạt được cảnh chúng bò lúc nhúc trong thùng và tiếng lách cách từ còng của chúng. Mẹ khen lấy khen để tôm hùm ngon ngọt ra sao, trách cứ sơn hào hải vị thế này mà cậu

chê, đến độ cậu lên cơn khó thở và phải sử dụng ống thở. Đến đây thì mẹ mới chịu thôi.

Eddie về phòng ngủ đọc sách. Mẹ cậu gọi điện cho cô bạn Eleanor Dunton của bà. Eleanor ghé qua nhà, hai người cùng đọc số cũ của tạp chí *Photoplay* và *Screen Secrets*, vừa cười rinh rích ở cột tin ng ồi lê đôi mách, vừa ăn món salad tôm hùm đã nguội. Sáng hôm sau, khi Eddie dậy đi học, mẹ cậu vẫn còn ngủ, ngáy o o, thỉnh thoảng đánh rắm thành những tiếng nghe như tiếng kèn dài và êm (Richie thế nào cũng nhận xét bà có được vài tràng hay ho cho xem). Trong tủ đựng salad tôm hùm hôm qua trông trơn, chẳng còn gì ngoài vài vết mayonnaise.

Đó là chuyến tàu tuyến Duyên hải Miền Nam cuối cùng mà Eddie từng thấy, về sau, khi gặp ông Braddock, Trưởng tàu Derry, cậu dè dặt hỏi đã có biến cố gì xảy ra. “Công ty tạch r ồi,” ông Braddock đáp. “Thế thôi chứ gì nữa. Cháu không đọc báo à? Cả nước vỡ trận r ồi. Giờ thì đi ra ngay. Đây không phải là nơi dành cho trẻ con.”

Sau đó, Eddie thỉnh thoảng đi bộ dọc theo đường ray số 4, tức đường ray tuyến Duyên hải Miền Nam ngày trước, lắng nghe trong đầu mình âm vang tiếng trưởng tàu hô tên địa danh bằng một giọng đầu đầu, vô cảm nhưng rất có duyên, những cái tên kỳ diệu ấy: Camden, Rockland, Bar Harbor (phát âm nghe như Baa Haabaa), Wiscasset, Bath, Portland, Ogunquit, Berwicks, cậu sẽ đi dọc theo đường ray số 4 về phía đông cho đến khi hai chân mỏi nhừ, nhìn cỏ dại mọc giữa các thanh tà vẹt mà chạnh lòng. Lần nọ, cậu nhìn lên trời và trông thấy những con mòng biển (chúng có thể chỉ là đám mòng biển ở bãi rác vừa già vừa béo, chẳng quan tâm liệu có được ngấm biển hay không, nhưng lúc ấy, cậu không nghĩ đến đi ầu đó) bay mòng mòng và hót vang trên đi ầu, tiếng kêu của chúng khiến mắt cậu

nhòe lẹ.

Ngày trước, ở trước sân ga từng có một cánh cổng, nhưng nó đã bị cơn bão thổi bay và chẳng ai buồn thay thế. Vậy nên khi nào thích, Eddie cứ mặc sức đến và đi, dù thế nào ông Braddock cũng đuổi cô cậu ra ngoài nếu trông thấy cậu (hoặc bất cứ đứa trẻ nào khác). Lắm lúc cậu cũng bị tài xế xe tải rượt theo (nhưng không quá xa) vì họ tưởng cậu lảng vảng ở đó để chôm chìa – mà tính ra đám trẻ con hay làm thế thật.

Nhìn chung, phần lớn thời gian thì nơi này rất yên tĩnh. Có một chốt an ninh nhưng trống không, cửa kính bị ném đá bể tan tành. Dịch vụ bảo vệ toàn thời gian bị bỏ từ khoảng năm 1950. Buổi sáng, ông Braddock đuổi đám trẻ con, còn đến tối, một người gác đêm ghé qua khoảng bốn, năm lần trên chiếc xe Studebaker cũ gắn đèn pha bên ngoài cửa kính ô tô, nhưng chỉ có thế.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng lại có những kẻ lang thang và vô gia cư dạt đến đây. Nếu sân ga này có gì khiến Eddie hãi nhất thì câu trả lời là những người đàn ông râu ria xồm xoàm, da dẻ nứt nẻ, tay đầy vết phồng rộp và môi lở loét. Những kẻ này đi lậu tàu chở hàng rồi mò xuống đây, ở lại Derry một thời gian, sau đó lại mò lên một con tàu khác và dạt đến nơi mới. Nhiều người không đủ mười ngón tay. Một số kẻ say xỉn lè nhè và còn hỏi xin thuốc lá.

Ngày nọ, một trong những gã lang thang này bò ra từ dưới thềm căn nhà số 29 đường Neibolt và mời gọi “thối kèn” cho Eddie với giá hai mươi lăm xu. Eddie lùi lại, da cậu lạnh như băng, miệng khô khốc như xơ vải vo thành cục. Một lỗ mũi của gã lang thang này đã bị hoại tử. Cậu có thể nhìn vào phần hốc mũi vừa đỏ vừa bẩn thỉu của hắn.

“Tôi không có hai mươi lăm xu,” Eddie nói và lùi dần về phía xe đạp

của mình.

“VẬY tao lấy mày mười xu,” gã lang thang nói bằng giọng khàn khàn và tiến đến chỗ cậu. Hắn mặc một chiếc quần nỉ mỏng màu xanh cũ xì. Trên bụng hắn nhoe nhoét bãi nôn màu vàng khô queo. Hắn kéo phéc mơ tuya xuống và mò tay vào bên trong. Hắn còn làm bộ nhoẻn cười. Cái mũi đỏ lè của hắn trông thật gớm guộc.

“Tôi... tôi cũng không có mười xu,” Eddie nói và hoảng hốt nghĩ: *Chúa ơi, hắn ta bị phong! Nếu hắn mà chạm vào mình, mình sẽ bị lây mất!* Cậu vận hết sức bình sinh và co giò chạy. Ở phía sau, cậu nghe thấy tiếng chân gã lang thang ấy lê bước đuổi theo mình, đôi giày cũ mềm cọt dây của hắn lạch bạch băng qua bãi cỏ um tùm của căn nhà gỗ bỏ hoang.

“Quay lại đây đi nhóc! Tao thôi cho mày miễn phí. Quay lại đây đi!”

Eddie nhảy phốc lên xe, thở hắt một hơi, cảm thấy họng mình thít lại bé như lỗ kim. Ngực cậu nặng như chì. Cậu đạp pê-đan và dợm tăng tốc thì tay của gã lang thang kia đập vào giá đỡ hàng. Chiếc xe lắc lư. Eddie nhìn qua vai thì phát hiện gã lang thang đang chạy sát bánh sau (!!NHANH DẦN!), môi hắn nhếch lên, để lộ hàm răng đen đúa, nét mặt chẳng rõ đang nổi điên hay đang cố dấm ăn xôi.

Bất chấp ngực như có đá tảng đè lên, Eddie guồng chân đạp nhanh hơn, lo sợ bàn tay đầy vảy của hắn sẽ chộp lên cánh tay cậu bất cứ lúc nào, kéo cậu ngã khỏi chiếc Raleigh, hất cậu xuống mương và chỉ có Chúa mới biết cậu sẽ gặp tai ương gì. Cậu không dám nhìn quanh cho đến khi chạy ngang qua Trường học Nhà thờ và băng qua giao lộ Tuyến số 2. Gã lang thang đã mất dạng.

Eddie giữ trong lòng trải nghiệm khủng khiếp này suốt gần một tuần, đến hôm trước, cậu mới tâm sự với Richie Tozier và Bill Denbrough khi cả

bọn đang đọc truyện tranh ở ga-ra.

“Hắn ta không bị phong đầu, ngốc ạ,” Richie nói. “Hắn bị giang mai.”

Eddie nhìn qua Bill để xem có phải Richie đang trêu mình hay không - cậu chưa bao giờ nghe đến căn bệnh nào mang tên “hoa mai” cả. *Có khi Richie bịa ra cũng nên.*

“Có căn bệnh gọi là ‘hoa mai’ hở Bill?”

Bill nghiêm nghị gật đầu. “Có, nhưng là gi-gi-giang mai chứ không phải hoa mai.”

“Là thế nào?”

“Đó là một căn bệnh lây qua đường tình dục,” Richie giải thích. “Cậu biết tình dục là gì rồi đúng không, Eds?”

“Biết chứ,” Eddie trả lời. Cậu hy vọng mặt mình không chuyển sang màu mận chín. Cậu biết khi lớn thêm một chút, “cậu bé” của cậu sẽ phóng ra thứ gì đó khi nó cương lên. Hôm trước, ở trường, cậu được Vincent Taliendo “Gỉ Mũi” chỉ cho nốt phần còn lại. Theo như những gì Gỉ Mũi nói, khi quan hệ tình dục, con trai sẽ cọ cái ấy của mình vào bụng của con gái cho đến khi nó giương cột cờ (“nó” ở đây là cái ấy chứ không phải bụng của con gái). Sau đó, con trai sẽ tiếp tục cọ cho đến khi “phê”. Khi Eddie hỏi phê có nghĩa là gì, Gỉ Mũi chỉ lắc đầu đầy bí ẩn. Cậu ta bảo cảm giác ấy không thể tả thành lời, nhưng khi cảm nhận là ta sẽ biết ngay. Cậu ta còn chỉ cậu làm thử bằng cách nằm trong bồn tắm và cọ sát của quý của mình bằng xà bông Ivory (Eddie thử rồi nhưng chẳng cảm thấy gì ngoài buồn tiêu). Gỉ Mũi kể tiếp, sau khi cảm thấy “phê”, “cậu bé” sẽ bắn ra dung dịch gì đó. Cậu ta bảo đám con nít hay gọi đi đâu này là “phóng”, nhưng anh trai cậu bảo từ chuyên ngành khoa học phải là “bắn”. Và khi “phê”, ta phải nắm lấy “cậu bé” rồi ngay lập tức đưa nó bắn lên lỗ rốn của

con gái. Sau đó, chất này sẽ chảy vào bụng rồi tạo thành trẻ con.

Con gái có thích chuyện đó không? Eddie hỏi Taliendo Gỉ Mũi. Cậu ta cũng có vẻ bối rối.

Chắc là có chứ, Gỉ Mũi trả lời, khuôn mặt xem chừng bồn chồn.

“Giờ thì nghe này, Eds,” Richie nói tiếp, “vì thế nào sau này cậu cũng sẽ thắc mắc. Nhiều phụ nữ bị bệnh này. Nhiều nam giới cũng bị, nhưng hầu hết là phụ nữ. Đàn ông có thể bị lây từ phụ nữ...”

“Hoặc t-t-từ một người đ-đàn ông khác nếu họ đ-đ-đồng tính.” Bill bổ sung.

“Phải. Tóm lại là mình sẽ dính giang mai khi lên giường với một kẻ đã mắc căn bệnh này.”

“Mà bị bệnh thì sao?” Eddie hỏi.

“Người cậu sẽ loét hết,” Richie gọn lỏn đáp.

Eddie nhìn bạn đầy kinh hãi.

“Tớ biết, nghe gớm nhỉ, nhưng là sự thật đấy, Richie nói. “Đầu tiên là mũi. Nhiều gã khi mắc bệnh giang mai còn bị rụng lông. Sau đó là cậu bé của hân.”

“X-x-xin cậu,” Bill cần nhẫn. “Tớ m-m-mới ăn xong.”

“Ở hay, cái này là khoa học mà,” Richie cự.

“Vậy sự khác biệt giữa bệnh phong và giang mai là gì?” Eddie hỏi tiếp.

“Bệnh phong không lây qua đường tình dục,” Richie nhanh nhẹn đáp rồi phá lên cười nắc nẻ, khiến Bill và Eddie chẳng hiểu đầu của tai nghe gì.

7

Kể từ ngày hôm ấy, căn nhà ở số 29 đường Neibolt dường như ngự một vị

trí lớn lao hơn trong trí tưởng tượng của Eddie. Khi ngẩng nhìn khoảnh sân đầy cỏ dại, hiên nhà sứt lún cùng những tấm ván đóng chần cửa sổ, cậu lại thấy khởi lên trong lòng mình một cảm giác thích thú đầy sai trái. Kết cục là sáu tuần trước, cậu dựng xe đạp ở rìa đường trải sỏi (vía hè chỉ trải đến trước đó bốn căn nhà) rồi băng qua bãi cỏ về phía hiên căn nhà ấy.

Tim đập mạnh trong lồng ngực, miệng lại khô khốc như hôm trước – khi lắng nghe Bill kể câu chuyện về bức hình đáng sợ nọ, cậu biết cảm giác của mình khi đến gần căn nhà kia cũng giống như Bill lúc bước vào phòng George. Cậu cảm thấy cậu không còn kiểm soát được bản thân mình nữa mà bị thế lực nào đó đẩy đưa.

Dường như chân cậu không chuyển động mà chính căn nhà u ám và tĩnh lặng kia đang lừ lừ tiến lại chỗ cậu đứng.

Cậu mơ hồ nghe thấy tiếng động cơ diesel trong sân ga – kèm theo tiếng khớp nối toa xe lửa bằng kim loại lỏng dập vào nhau. Họ đang chuyển một số toa sang đường tàu tránh và nối các toa khác để tạo thành một con tàu.

Tay cậu nắm chặt ống thở, nhưng kỳ lạ thay, cơn hen không xuất hiện như hôm cậu chạy trốn khỏi gã lang thang loét mũi kia. Thực lòng, cậu chỉ muốn đứng im và nhìn căn nhà âm thầm trở tới như trượt trên một đường ray bí mật.

Eddie nhìn vào dưới mái hiên. Không có ai ở đó cả. Điều này cũng chẳng có gì lạ. Giờ đang là mùa hè, những kẻ lang thang xuất hiện nhiều nhất ở Derry từ cuối tháng Chín đến đầu tháng Mười một. Trong chừng sáu tuần ấy, nếu bộ dạng tươm tất một chút, họ có thể kiếm được công việc thời vụ hằng ngày ở nông trại nằm ngoài rìa. Lúc đó có rất nhiều việc nào đào khoai tây, hái táo, dựng rào chống tuyết, lợp lại nông trại và mái bị

dột trước khi tháng Mười hai đến, mang theo mùa đông bí bùng.

Không thấy kẻ lang thang nào dưới hiên nhưng có rất nhiều dấu vết cho thấy họ từng ở đó. Vỏ lon bia, chai bia rỗng, chai rượu rỗng la liệt. Có một cái chần đóng cả lớp đất vất trên nền gạch như xác một con chó. Có những trang báo nhàu nát, một chiếc giày cũ và thứ mùi hôi như rác. Bên dưới có đầy lá khô.

Chẳng hiểu sao, dù không hề muốn nhưng Eddie không tài nào cưỡng nổi mà chui xuống dưới hiên nhà. Cậu có thể cảm nhận nhịp tim mình nên thành thích trong đầu khiến cậu muốn nổ đom đóm mắt.

Bên dưới mùi còn nồng nặc hơn - nào là mùi rượu, mùi mồ hôi, mùi lá cây mục nâu hoắm tối tăm. Lá cây thậm chí còn không loạt soạt dưới tay và đầu gối cậu. Đóng lá và báo cũ chỉ thở dài.

Mình là một kẻ lang thang, Eddie mụ mị nghĩ. Mình là một kẻ lang thang nhảy tàu rày đây mai đó. Mình chỉ có thể. Mình không một xu dính túi, không nhà không cửa, nhưng mình có chai rượu, có một đồng và có nơi để ngủ. Tuần này mình hái táo, tuần sau đào khoai tây và khi băng giá phủ mặt đất như tiên tích trong kết sắt nhà băng, mình sẽ nhảy lên một toa của tuyến Phía Nam Độ Nhất và Phía Tây Maine đây mùi củ cải đường, mình sẽ ngồi một góc, lấy rơm đắp lên người và uống chút rượu, nhai chút đồ nhắm, chẳng chóng thì chày, mình sẽ đến Portland hoặc Beantown, mà nếu không bị mấy tay an ninh đường sắt thộp cổ, mình sẽ nhảy qua một chuyến tàu Bama Star rồi đi xuống phía nam, khi đến nơi, mình sẽ hái chanh hay cam gì đấy. Và nếu bị thộp cổ mình sẽ làm đường cho khách du lịch đi. Chắc, chẳng nào ngày trước mình cũng từng làm rồi mà? Mình chỉ là một gã lang thang già nua cô độc, không nhà cửa, không tiền bạc, nhưng mình có một thứ, mình có căn bệnh đang ăn mòn cơ thể. Da mình nứt toác

cả ra, rã rụn, và còn gì nữa nhỉ? Mình có thể cảm thấy mình đang biến thành trái táo sắp mềm nhũn, mình có thể cảm thấy nó đang xảy ra, đang ăn mòn mình từ bên trong, xori tái, ngẫu nhiên, đánh chén mình.

Eddie lôi tấm chắn cứng quèo sang một bên, dùng ngón cái và ngón trỏ nhón lấy nó, nhìn mặt trước mớ hồ lớn ấy. Ngay sau tấm chắn là cửa sổ tầng hầm, một tấm kính bị bể, phần kính còn lại mờ bấn vì bụi. Cậu cúi tới trước, cảm giác như bị thôi miên. Cậu rướn người lại gần cửa sổ, lại gần bóng đêm bí bùng của tầng hầm, hít vào lồng ngực thứ mùi của cần cỏi, mục ruỗng, gần hơn, gần hơn nữa vào bóng tối, và chắc hẳn, tên hủi kia đã bắt được cậu nếu cơn suyễn không canh đúng ngay phút giây ấy để khởi phát. Nó siết chặt phổi cậu bằng sức nặng tuy không đau nhưng sợ hãi tột cùng, hơi thở của cậu biến thành tiếng rít khò khè quen thuộc mà đáng ghét.

Cậu lùi lại, và chính lúc ấy khuôn mặt hiện ra. Nó xuất hiện quá đột ngột, quá giật mình (nhưng cùng lúc, dường như là chuyện chẳng đáng dừng) đến độ Eddie sững người, không hét lên nổi, ngay cả khi cậu không bị lên cơn suyễn. Mắt cậu tròn tròn. Miệng cậu há hốc. Không phải gã lang thang với cái mũi loét kia, nhưng chúng hao hao giống nhau. Giống nhau đến rợn người. Tuy nhiên... thứ này không thể nào là người. Không ai có thể lở loét đến thế này mà vẫn còn sống được.

Da trên trán của thứ đó lở toang hoác. Xương trắng hếu phủ một lớp màng chất nhầy màu vàng, nhìn xuyên qua như thấu kính của chiếc kính đèn pha mờ mịt. Mũi chẳng khác nào cái còi hở sụn trên hai ống mũi đỏ hoe đỏ nhoét. Một mắt ánh lên sắc xanh rùng động. Hốc mắt còn lại chỉ thấy phần mô thịt nâu đen lổ rổ. Môi dưới của gã hủi xệ xuống như miếng gan. Thứ đó không còn môi trên; răng xòe cả ra ngoài thành cái nhếch mép.

Nó vụt một tay qua khung cửa đã bể kính. Tay còn lại, nó thọc qua phần kính dơ dáy bên trái, khiến kính vỡ tan tành. Hai tay của nó mò mẫm, ngo nguậy, chẳng chịt đồ tấy. Đám bọt lớn nhõn bò ra bò vào.

Eddie rên rĩ khóc, thở hỗn hển, khom lưng lùi về phía sau. Cậu không tài nào thở được. Tim cậu như cổ máy đang lờng lên trong lồng ngực. Gã hủi khoác trên mình bộ đồ rách rưới mà trên thân có thể là một bộ vest màu bạc kỳ lạ. Có thứ gì đó lúc nhúc bò trong mơ tóc nâu bụi nhùi.

“Muốn thôi kèn không, hả Eddie?” Tên quỷ ấy rên rĩ, nở nụ cười với phần miệng lở loét. Nó mềm mỏng, “Bobby tính giá mười xu, lúc nào cũng được, thêm giờ thì mười lăm xu.” Nó nháy mắt. “Tên tao đây, Eddie. Tao là Bob Gray. Và giờ mình chẳng còn lạ gì nhau nữa rồi thì.” Một tay của nó vỗ lên vai phải của Eddie. Cậu thét lên khe khẽ.

“Không sao đâu,” gã hủi nói, và Eddie như không tin nổi vào mắt mình khi thấy nó bò ra khỏi cửa sổ. Phần xương xẩu sau cái trán loét đập gãy nẹp gỗ mỏng giữa hai khung cửa sổ. Tay nó mò qua phần đất đầy mùn và lá. Phần vai màu bạc của bộ vest... bộ đồ... hoặc bất cứ thứ gì... ngo nguậy lách qua khe hở. Con mắt xanh lóc sáng nhìn Eddie không dứt.

“Tao đến đây, Eddie, không sao đâu,” nó nói bằng giọng khàn khàn. “Xuống đây với chúng tao, rồi trông mày sẽ y như thế. Có vài người bạn của mày dưới này đây.”

Tay nó lại vươn tới cậu, và trong một góc tâm trí đang thét gào, điên cuồng vì sợ hãi của cậu, Eddie đột nhiên dám chắc nếu thứ đó chạm trực tiếp vào da cậu, cậu sẽ lở loét như nó. Suy nghĩ ấy khiến cơn tê liệt vỡ tan. Hối hả bò lùi lại trên tay và đầu gối, cậu quay người, nhào ra phía bên kia hiên nhà. Ánh mặt trời lọt qua kẽ hở của ván đóng hiên, chiếu thành những tia hẹp đầy bụi, hết xẻ ngang lại xẻ dọc trên khuôn mặt cậu. Đầu cậu lao

qua mạng nhện bụi mù khiến chúng dính cả lên tóc. Nhìn ra sau lưng, cậu trông thấy gã hủi đã chui ra được nửa đường.

“Có chạy cũng vô ích thôi, Eddie,” nó ré lên.

Eddie đã chạy ra đến đầu bên kia của hiên nhà. Ở đó có một tấm lưới mắt cáo. Ánh mặt trời chiếu qua, để lại những vệt sáng hình thoi trên má và trán cậu. Cậu cúi đầu, không ngần ngại húc thẳng vào tấm lưới làm những cây đinh gỉ sét bật ra. Bên ngoài có một bụi hồng, Eddie lao qua nó, cuống cuống đứng dậy, mặc kệ gai cửa vào tay, má và cổ mình.

Cậu quay lại, loạng choạng lùi về sau, lôi ống thở ra khỏi túi và bật ống. Chắc chuyện vừa rồi không xảy ra đâu nhỉ? Cậu đang vẫn mơ nghĩ về gã lang thang kia, và đầu óc cậu... chà, chỉ đơn giản là

(cho cậu ăn cú lừa)

cho cậu xem bộ phim, một bộ phim kinh dị, giống bộ phim trên chương trình sáng thứ Bảy, với nào là Frankenstein, nào là Người sói mà thỉnh thoảng người ta chiếu ở Bijou, Gem hay Aladdin. Phải, có thể thôi chứ gì. Chỉ giỏi tự hù bản thân! Rõ là đồ thàn kinh!

Thậm chí cậu còn đang định run run phá lên cười trước trí tưởng tượng chân thật đến từng chi tiết của mình thì trông thấy bàn tay thối rửa mò ra từ dưới hiên, cuống cuống đại chop lấy bụi hoa hồng, mạnh bạo nhổ chúng, bứt chun, để lại trên chúng những vết máu be bé.

Eddie thất thanh ré lên.

Gã hủi đang bò ra ngoài. Giờ thì cậu thấy nó mặc bộ đồ hề - với hàng nút màu cam to tướng chạy dọc phía trước. Nó nhìn Eddie và nhả nhử cười. Cái miệng lở loét há to, lưỡi thè ra. Eddie lại hét lên, nhưng chẳng ai có thể nghe thấy tiếng la hét của một cậu bé giữa âm thanh ồn ào của động cơ diesel trong sân ga. Lưới của gã hủi không chỉ thè lè khỏi miệng,

nó phải dài ít nhất chín mươi xen-ti và ngoặt ngoẹo buông thông. Đầu lưỡi nhọn hoắt như mũi tên, loẹt quẹt xuống đất cát. Nước bọt nhớp nháp màu vàng nhoe nhoét. Bộ lúc nhúc bò bên trên.

Bụi hoa hồng ban nãy lúc Eddie bò qua còn nhú lộc xuân, giờ đã chuyển thành một màu đen chết chóc và cần cỗi.

“Thối kèn nào,” gã hủi thì thầm và lão đảo bước về phía trước.

Eddie chạy lại chỗ xe đạp của mình. Vẫn là cuộc chạy đua như lần trước, có đi đâu lần này, nó khủng khiếp chẳng khác nào cơn ác mộng, trong đó ta chỉ có thể di chuyển với vận tốc rùa bò khủng khiếp dù ta cật lực đi nhanh đến mức nào... và trong những giấc mơ ấy, không phải lúc nào ta cũng nghe hoặc cảm thấy thứ gì đó tiến sát ta hay sao? Chẳng phải lúc nào ta cũng ngửi thấy hơi thở nồng nặc của Nó, như Eddie đang ngửi thấy hay sao?

Trong một khoảnh khắc, cậu ôm hy vọng hão huyền: có lẽ đây chỉ là một cơn ác mộng. Có lẽ cậu sẽ tỉnh dậy trên giường của mình, người đầm đìa mồ hôi, run lẩy bẩy, khéo có khi khóc thút thít... nhưng cậu còn sống. *An toàn*. Rồi cậu gạt phăng suy nghĩ ấy đi. Suy nghĩ ấy hấp dẫn và xoa dịu đến chết người.

Cậu không trèo lên xe đạp ngay mà chạy song song với chiếc xe, đầu cúi gằm, đẩy tay lái. Cậu cảm thấy mình như đang chìm dần, không phải trong nước mà là trong lòng ngực của chính cậu.

“Thối kèn nào” gã hủi lại thì thầm. “Quay lại đây bất cứ khi nào nhé, Eddie. Mang theo cả bạn bè nữa.”

Dường như những ngón tay thối rửa của nó đã chạm vào gáy cậu, nhưng có lẽ đó chỉ là phần tơ nhện vướng vào tóc lúc cậu ở dưới hiên nhà, phát phơ lên da thịt đang rúm ró của cậu. Eddie nhảy lên xe rồi guồng chân đạp

mà không ngoái đầu lại, mặc kệ họng mình đang thắt chặt, chẳng buồn quan tâm cơn hen đang hành hạ bản thân ra sao. Cậu không nhìn lại phía sau cho đến khi gần về tới nhà, và tất nhiên, khi cậu quay lại, phía sau chẳng có ai ngoài hai đứa trẻ đang đi đến công viên để chơi bóng.

Đêm đó, nằm thẳng đơ trên giường, một tay nắm chặt ống thở, mắt thao láo nhìn vào bóng đêm, cậu nghe thấy gã hủi thều thào: *Có chạy cũng có ích thôi, Eddie ạ.*

8

“Wow,” Richie kính cẩn lên tiếng. Đó là lời đầu tiên được thốt lên khi Bill Denbrough kể xong câu chuyện của mình cho nhóm bạn.

“C-Cậu c-c-còn th-thuốc l-l-lá không, R-R-Richie?”

Richie đưa cho Bill điều thuốc cuối cùng trong bao thuốc gần hết mà cậu thó được từ ngăn kéo bàn làm việc của bố mình. Thậm chí cậu còn châm nó cho Bill.

“Cậu không nằm mơ đấy chứ, Bill?” Stan chột hỏi.

Bill lắc đầu. “Kh-Kh-Không h-hề”

“Là thật đấy.” Eddie trầm giọng lên tiếng.

Bill nhìn cậu với ánh mắt sắc lẹm. “C-C-Cái gì cơ?”

“Tớ nói là thật.” Eddie nhìn cậu uất ức. “Chuyện đó có xảy ra. Là thật đấy.” Và trước khi cậu kịp ngăn bản thân – thậm chí trước khi cậu ý thức được hành động của mình – Eddie kể cho mọi người chuyện gã hủi bò ra từ tầng hầm căn nhà số 29 đường Neibolt. Kể được một nửa, cậu bắt đầu thở gấp nên phải lấy ống thở ra dùng. Đến cuối câu chuyện, cậu oà lên khóc nức nở, cơ thể gầy gò run lên bần bật.

Cả bọn nhìn cậu bối rối, đoạn Stan đặt một tay lên vai cậu. Bill ngượng

nghe ôm cậu vào lòng, những người còn lại quay đi ngại ngùng.

“Kh-không sao đâu, E-Eddie. Kh-không sao.”

“Thật ra tớ cũng thấy,” Ben Hanscom đột ngột lên tiếng. Giọng cậu bằng phẳng, khàn khàn và sợ hãi.

Eddie ngược lên, mặt còn nhòe lệ, mắt đỏ au và rối bời. “Sao kia?”

“Tớ đã gặp gã hề ấy,” Ben nói. “Có đi đâu hán không giống cậu mô tả - chỉ ít là lúc tớ trông thấy hán. Hán không lở loét. Mà hán... người hán không rang.” Nói đoạn, cậu cúi đầu nhìn đôi tay trắng bệch đang đặt trên bắp đùi mập mạp của mình. “Tớ nghĩ hán là xác ướp.”

“Như trong phim ấy hả?” Eddie hỏi.

“Giống vậy nhưng có phần khác” Ben chậm rãi phân bua. “Trong phim, xác ướp nhìn rất giả. Trông chúng đáng sợ nhưng mình đều biết họ chỉ hóa trang thế thôi, các cậu hiểu chứ? Băng quần quanh người nhìn cứ gợn gợn kiểu gì ấy. Còn thứ tớ gặp... trông hán như một xác ướp thật sự. Tớ thấy thế. Ý tớ là nếu mình thật sự tìm thấy một xác ướp trong lăng mộ bên dưới kim tự tháp. Chỉ trừ bộ đồ thôi.”

“B-B-B-Bộ đồ g-gì?”

Ben nhìn Eddie. “Bộ đồ màu bạc với hàng nút màu cam rất to từ trên xuống.”

Eddie há hốc miệng. Sau đó cậu ngậm lại và nói, “Nếu cậu chỉ đang nói đùa thì cho tớ hay. Tớ vẫn... tớ vẫn nằm mơ thấy gã dưới hiên nhà đấy.”

“Tớ không đùa,” Ben nghiêm túc, và bắt đầu kể lại câu chuyện. Cậu kể thật từ tốn, bắt đầu từ việc cậu xung phong giúp cô Douglas đếm và cất sách, cho đến khi kết thúc với cơn ác mộng của mình. Cậu nói chậm chạp, không nhìn vào mắt bất cứ ai. Cậu kể như thể xấu hổ đến cùng cực vì cách

cư xử của mình. Cho đến lúc kết thúc câu chuyện, cậu mới dám ngẩng lên.

“Chắc cậu nằm mơ thôi,” Richie lên tiếng. Nhìn thấy Ben nhả mặt, cậu vội nói thêm: “Tớ không nói cậu đâu, Ben To Bự, nhưng cậu phải công nhận là bóng bay không thể bay ngược gió được...”

“Hình chụp cũng không nháy mắt được,” Ben nói.

Richie hết nhìn Ben rồi lại nhìn Bill, mặt rối bời. Bảo Ben nằm mơ giữa ban ngày là một chuyện, nhưng nói Bill nằm mơ lại là chuyện khác. Bill là đầu tàu của nhóm, là người mà cả bọn đều tôn trọng. Đó là điều ai cũng công nhận dù chẳng nói ra ngoài miệng. Bill là người sáng tạo, cậu có thể nảy ra trò để làm vào một ngày buồn chán, cậu có thể nhớ những trò chơi mà người khác đã quên. Theo một cách kỳ quặc nào đấy, cả bọn cảm nhận ở Bill có nét gì đó rất trưởng thành, rất an tâm – có thể đó là cảm giác đáng tin cậy, rằng Bill sẽ là người dám đứng mũi chịu sào khi cần có người lãnh trách nhiệm. Thật ra, Richie tin câu chuyện Bill kể, dù nó điên rồ đến đâu. Và có lẽ cậu không muốn tin chuyện của Ben... hay Eddie.

“Cậu không gặp chuyện gì như vậy à?” Eddie hỏi Richie.

Richie khựng lại, toan nói gì đó nhưng lại lắc đầu, ngắc ngư thêm lần nữa rồi cậu lên tiếng: “Thứ đáng sợ nhất tớ bắt gặp gần đây là Mark Prenderlist đá bại trong công viên McCarron. Gớm đến hết hồn.”

“Còn cậu thì sao, Stan?” Ben hỏi.

“Không” Stan vội vàng đáp rồi ngoảnh chỗ khác. Khuôn mặt nhỏ bé của cậu bọt bọt, môi mím chặt đến độ trắng bệch.

“C-c-Có ch-chuyện gì à, S-St-Stan?” Bill hỏi.

“Tớ đã bảo là không mà!” Stan đứng bật dậy rồi đi thẳng đến bờ suối, hai tay đút túi quần. Cậu đứng nhìn dòng nước trên con đập và ứ lại phía

sau cổng nước thứ hai.

“Thôi nào, nói đi, Stanley!” Richie léo nhéo ré lên. Đây cũng là một giọng nói của cậu - Ông già Cẩu kỉnh. Khi nói Giọng Ông già Cẩu kỉnh, Richie còn làm bộ khập khiễng đi loanh quanh, nắm tay đưa ra sau xương cụt và cười khà khà. Tuy nhiên, cậu vẫn đậm chất Richie Tozier hơn bất cứ ai.

“Bớt xoắn đi, Stanley, kể cho ông nghe gã hề t ấ t ể r ấ ông cho bánh quy sô-cô-la nào. Chỉ cần kể...”

“*Im miệng đi!*” Đột nhiên Stan hét lên, nhào đến Richie khiến cậu ngã ra sau một hai bước, thất kinh. “*Cậu im miệng ngay cho tót!*”

“Tuân lệnh, thưa sếp,” dứt lời, Richie ng ẫ xuống. Cậu nhìn Stan Uris với vẻ ngạc nhiên. Má của Stan ửng đỏ, nhưng trông cậu có vẻ sợ hãi chứ không phải tức giận.

“Không sao đâu,” Eddie khẽ nói. “Bình tĩnh lại nào, Stan.”

“Nó không phải gã hề,” Stanley nói. Mặt cậu hết nhìn người này lại chuyển sang người kia. Cậu chật vật không nói thành lời.

“C-C-Cậu nói đ-được.” Bill lên tiếng khẽ khàng. “N-Như b-b bọn tót.”

“Nó không phải gã hề mà là...”

Đúng lúc ấy, giọng nói âm vang, khàn khàn bởi whiskey của ông Nell chen ngang, khiến cả đám nhảy dựng lên như thể vừa bị bắt. “Lạy Chúa, thế này thì Người nhảy dựng trên nạng do ngựa kéo ấy chứ! Đóng hồ lớn gì thế này! Ôi lạy Chúa tôi!”

CHƯƠNG 8

PHÒNG CỦA GEORGIE VÀ CĂN NHÀ TRÊN ĐƯỜNG NEIBOLT

1

Richard Tozier tắt ra-đi-ô từ nãy đến giờ đang xập xình bài hát Như gái tân của Madonna trên WZON (một đài phát thanh tuyên bố mình là “Phát thanh AM nhạc chất chơi!” với tần suất rõ là cuồng loạn), tấp vào lề đường, tắt máy chiếc Mustang mà nhân viên của Aois cho anh thuê ở sân bay Quốc tế Bangor rồi bước ra ngoài. Anh nghe thấy tiếng mình hít vào thở ra trong tai. Sốt là anh vừa nhìn thấy một tấm biển khiến lưng anh đột ngột nổi hết cả da gà.

Anh bước đến đầu xe, đặt một tay lên mui. Anh lắng nghe tiếng động cơ khẽ lách cách trong quá trình nguội dần. Anh nghe thấy tiếng một chú chim giẻ cùi hót vang rồi im bặt. Có tiếng dế kêu róc róc. Chừng nào chúng còn kêu thì cứ để chúng kêu.

Sau khi nhìn thấy tấm biển, anh chạy ngang qua nó, và rồi đột nhiên anh lại có mặt ở Derry. Sau hai mươi lăm năm rông rã, Richie Tozier “Tía Lia” đã về lại quê cũ. Anh đã...

Nỗi đau đón như thiêu đốt mắt anh, khiến bao suy nghĩ chợt vỡ òa. Anh nghẹn ngào thét lên khe khẽ, hai tay bưng mắt. Lần duy nhất anh thấy đau đón chỉ bằng một góc cơn đau như lửa đốt này là khi sợi lông mi mắc kẹt dưới kính áp tròng hồi đại học – mà đó chỉ là một bên mắt. Còn lần này, cả hai mắt anh đau buốt khủng khiếp.

Trước khi anh kịp đưa tay lên bưng mắt, cơn đau đã biến mất.

Anh lại chậm chậm buông tay, ưu tư nhìn xuống Tuyến số 7. Anh bỏ qua đường cao tốc thu phí tại lối ra Etna-Haven, bởi một vài lý do mà bản thân anh cũng chẳng rõ, anh không muốn đi vào bằng lối cao tốc ấy, cái đường cao tốc vẫn còn đang thi công ở khu vực Derry vào lúc anh và nhóm bạn giữ bỏ khỏi gót chân mọi bụi đất của thị trấn bé nhỏ ám muội này rồi bốn ba đến miền Trung Đông. Không - cao tốc thu phí ấy nhanh hơn thật, nhưng như thế không chuẩn.

Vậy là anh lái dọc theo Tuyến số 9, ngang qua khu nhà đang say giấc mang tên làng Haven rồi rẽ vào Tuyến số 7. Ngày rạng dân theo con đường anh đi.

Và rồi tấm biển ấy. Nó cũng như bao tấm biển khác đánh dấu địa phận của hơn sáu trăm thị trấn ở Maine, nhưng riêng tấm biển ấy lại bóp nghẹt trái tim anh!

Penobscot

Quận

D

E

R

R

Y

Maine

Đằng sau là biển hiệu của Elks; biển hiệu của Câu lạc bộ Rotary; và góp mặt cho đủ bộ là một tấm biển hô vang tinh thần SU' TỬ DERRY MỘT LÒNG VÌ QUỸ LIÊN HỢP! Đi qua hết những tấm biển báo này vẫn là đường Tuyến số 7, chạy dài tăm tắp giữa hai hàng thông và vân sam. Dưới

ánh sáng tĩnh lặng khi ngày mới dần lên, hàng cây trông hư hư thực thực, tựa hồ những điều thuốc lá đặt trong bầu không khí tù đọng của căn phòng kín như bưng.

Derry, anh thăm nhủ. Derry, lạy Chúa giúp con. Derry. Tiên sư.

Và giờ thì anh ở đây, trên Tuyến số 7. Đi thêm tám cây số nữa, nếu thời gian hay bão lốc chưa cuốn nó đi sau ngần ấy năm, anh sẽ gặp Nông trại Rhulin, nơi mẹ anh đã mua hết trứng và gần hết rau củ của họ. Đi tiếp ba ki-lô-mét trên Tuyến số 7, anh sẽ đến phố Witcham, và tất nhiên phố Witcham rồi cuộc cũng trở thành đường Witcham, xin Người ban cho con phước lành đời đời chẳng cùng a-men. Và trên đoạn đường từ Nông trại Rhulin đến thị trấn, anh sẽ lái ngang qua nông trại nhà Bowers và nông trại nhà Hanlon. Đi chừng một cây số rưỡi từ nhà Hanlon, anh sẽ trông thấy con sông Kenduskeag lấp lánh ló dạng và bụi thừng xuân độc đầu tiên. Vùng đất trũng um tùm cây cỏ chẳng biết vì lý do gì lại mang tên Vùng Đất Cằn.

Còn khuya mình mới đủ sức để đối mặt với tất cả những nơi ấy, Richie nghĩ. Thì có sao nói vậy thôi, bạn hiên ời. Có lẽ mình không kham nổi.

Cả đêm hôm trước trôi qua như một giấc mơ đối với anh. Chừng nào anh còn lái, còn băng băng chạy xe, còn tăng thêm ki-lô-mét, chừng ấy giấc mơ sẽ tiếp tục. Nhưng giờ, anh đã dừng lại – hay nói đúng hơn, tâm biến dừng anh lại – anh tỉnh giấc, đối diện với sự thật kỳ dị: giấc mơ là thực. Derry là thực.

Anh không tài nào ngăn mình thôi nhớ lại chuyện xưa, thậm chí anh còn nghĩ dòng thác lũ kỷ ớc này sẽ khiến anh phát cuồng, anh cắn môi, áp hai lòng bàn tay vào nhau, chặt thật chặt, như giữ cho bản thân mình không tứ tán. Nhưng anh cảm thấy rồi mình cũng sẽ tan tác thôi, chẳng bao lâu nữa.

Đúng là trong anh vẫn có phần điên rồ nào đấy mong đợi những điều sắp sửa xảy đến, nhưng đa phần tâm trí anh chỉ tự hỏi làm thế nào để anh sống qua những ngày tiếp theo. Anh...

Đấy, suy nghĩ của anh lại đứt đoạn nữa rồi.

Một con nai bước ngang qua đường. Anh có thể nghe thấy tiếng móng guốc mát hương xuân của nó lốc cốc trên mặt đường nhựa.

Đang thở ra thì Richie nín lại, đoạn anh từ từ thở phào. Anh ngần ngại nhìn nó, trong đầu tự nhủ anh chưa từng thấy thứ gì như vậy xuất hiện trên đại lộ Rodeo. Không – anh cần phải về cố hương để được chiêm ngưỡng những thứ thế này.

Một nàng nai (“Nàng nai, tức nai, một con nai cái,” Giọng nói réo rất vang lên trong đầu anh). Bước ra khỏi khu rừng phía bên phải con đường, nàng nai dừng chân ngay giữa Tuyến số 7, hai chân trước phía bên kia vạch vôi đứt gãy, hai chân sau phía bên này. Đôi mắt đen của nó mơ màng nhìn Rich Tozier. Anh nhìn thấy chút kỳ thú không vương sợ hãi ánh lên trong mắt nai.

Anh quan sát nàng nai ấy, ngỗ ngang, tự nhủ có lẽ nó là một dấu hiệu, một điềm báo hoặc chỉ điểm như của bà đồng Azonka. Và bất chợt, một ký ức liên quan đến ông Nell ủa về. Ngày hôm ấy, ông hù cả bọn mất mật như thét ra lửa ngay sau khi Bill, Ben và Eddie kể câu chuyện của mình! Nhờ ông, cả đám được dịp hồn xiêu phách tán.

Vẫn ngẩn nhìn con nai, Rich hút vào một hơi thật sâu, bất giác thốt lên bằng một giọng nói của mình... nhưng đây là lần đầu tiên trong hơn hai mươi lăm năm qua, anh nói giọng của Tay cóm Ireland, giọng nói mà anh đã cập nhật vào kho lưu trữ sau ngày khó quên ấy. Tiếng nói bật lên giữa buổi sáng im ắng như một quả bóng bowling lớn ngất ngưỡng - giọng âm

vang và to hơn hẳn Richie tưởng.

“Lạy Chúa tôi, thế này thì Người nhảy dựng trên nạng do ngựa kéo ấy chứ! Đám trẻ con các cháu lang thang ngoài chốn hoang sơ này làm gì thế hả? Lạy Chúa tôi! Đi về nhà ngay, kể ta mách với Cha O’Staggers bây giờ!”

Trước khi tiếng nói hết oang vọng, trước khi chú chim giẻ cùi đầu tiên thất kinh ré lên nhức móc anh vì tội báng bổ thánh thần, nàng nai hất đuôi về phía anh như phất cờ rồi biến mất vào hàng linh sam ám màu khói bên trái con đường, chỉ để lại một bãi nóng hổi con con phía sau như muốn nói, dù ở tuổi ba mươi bảy, thỉnh thoảng Richie Tozier vẫn có thể có được một tràng hay ho.

Richie bắt đầu phá lên cười. Ban đầu, anh chỉ khúc khích, sau đó sự lố lăng của bản thân khiến anh vỡ òa – đứng trên đường, trong buổi sớm mai ở Maine, cách nhà gần 5.500 ki-lô-mét, hét toáng lên với một nàng nai bằng giọng Tay cóm Ireland. Tiếng khúc khích biến thành chuỗi nắc nẻ, nắc nẻ chuyển sang ha ha, ha ha chuyển sang cười lăn cười bò, và sau một hồi, anh phải vịn vào xe, cười chảy cả nước mắt, lòng mơ hồ tự nhủ khéo có khi mình cười đến sồn ra quần cũng nên. Cứ lần nào cơn cười sắp được kiểm soát, ánh mắt anh lại hướng đến bãi con con kia, thế là y như rằng anh lại cười như điên như dại.

Vẫn phì cười phùng phụt, anh lăn mò trở lại ghế lái và khởi động chiếc Mustang. Một chiếc xe tải chở phân bón hóa học Orinco âm âm chạy ngang qua như một cơn gió. Xe ngang qua rồi, Rich mới đánh xe mình ra, tiếp tục hướng về Derry. Anh cảm thấy tốt hơn, lấy lại kiểm soát... hoặc chỉ đơn giản là vì anh đang di chuyển, đang cộng thêm ki-lô-mét nên giấc mơ kia lại tiếp tục diễn ra.

Anh băng quơ nghĩ về ông Nell – ông cảnh sát và ngày hôm đó ở con đập năm xưa. Ông Nell hỏi cả bọn ai là kẻ đầu têu. Anh nhớ năm đứa đã ái ngại nhìn nhau, nhớ Ben rút cuộc đã tiến lên phía trước, hai má không còn giọt máu, mắt nhìn xuống đất, mặt run bần bật khi cố không òa lên khóc. Giờ nghĩ lại, Rich đoán có lẽ lúc ấy, cậu nhóc tội nghiệp tưởng mình sẽ phải bóc lịch trong Shacoshank từ năm đến mười năm vì cái tội tích nước gây ngập kênh rạch đường Witcham, nhưng cậu vẫn dũng cảm đứng ra nhận tội. Và vì thế, cậu buộc cả đám còn lại tiến lên bên vực cho cậu. Nếu không làm vậy, chẳng khác nào chúng tự nhận mình là người xấu. Đồ hèn nhát. Đi ngược lại những anh hùng chúng vẫn thấy trên ti vi. Điều đó đã khiến tình bạn của cả đám keo sơn gắn bó, dù điều gì xảy ra. Dễ thấy, điều đó đã kết nối bọn họ suốt hai mươi bảy năm qua. Đôi lúc, các sự kiện như những quân cờ domino. Quân cờ đầu làm đổ quân cờ thứ hai, quân cờ thứ hai làm đổ quân cờ thứ ba, và cứ thế.

Richie tự hỏi từ khi nào anh không còn có thể quay đầu lại? Từ lúc anh và Stan xuất hiện, góp một tay cùng mọi người xây đập? Lúc Bill kể chuyện bức hình chụp em trai cậu ấy quay đầu lại và nháy mắt? Có thể lắm... nhưng với Rich Tozier, dường như thời khắc những quân cờ domino thật sự bắt đầu ngã đổ là khi Ben Hanscom bước tới trước và nói “Là cháu chỉ

2

mọi người cách làm. Đây là lỗi của cháu.”

Ông Nell đứng yên nhìn cậu, môi mím chặt, tay đặt lên thắt lưng da màu đen. Nhìn Ben một hồi, ông lại quay sang nhìn hồ nước đang phình to phía sau con đập rồi lại đưa mắt nhìn Ben, khuôn mặt ông bàng hoàng như thể không tin nổi vào mắt mình. Ông Nell là người Ireland to cao, mái tóc chưa

gì đã ngã bạc, chải chuốt gọn gàng bên dưới chiếc mũ cảnh sát màu xanh. Đôi mắt ông màu xanh rực rỡ, mũi cũng đỏ rực không chịu kém cạnh. Trên má ông hằn những vết mạch máu đã vỡ be bé. Ông cao chỉ tầm thước, nhưng trong mắt năm cậu bé xếp hàng trước mắt ông, trông ông phải cao đến hai mét rưỡi.

Ông Nell mở miệng toan nói gì đó, nhưng ông chưa kịp phát biểu thì Bill Denbrough đã tiến tới cạnh Ben.

“L-L-L-Là y-y-y-y t-t-t-tưởng c-c-của ch-cháu,” mãi cậu mới nói thành lời. Cậu thở một hơi thật sâu và mạnh trước mặt ông Nell đang im lìm quan sát với ánh mắt trời phản chiếu đầy uy nghi trên phù hiệu, chật vật lấp ba lấp bấp nói nốt những điếu muốn nói: đó không phải lỗi của Ben; Ben chỉ tình cờ đi ngang qua và chỉ cho cả đám cách làm hay hơn vì chúng cháu làm chẳng ra thể thống cống rãnh gì.

“Cháu cũng thế,” Eddie chột lên tiếng, bước đến cạnh Ben.

“Cái gì mà cháu cũng thế?” Ông Nell hỏi. “Tên hay địa chỉ của cháu đấy à, cao b ối con?”

Mặt Eddie đỏ như gấc - màu đỏ lan lên cả chân tóc. “Cháu có mặt với Bill từ trước khi Ben tới cơ ạ,” cậu nói. “Ý cháu là thế.”

Richie tiến tới cạnh Eddie. Ban đầu, cậu còn nảy ra ý tưởng nếu cậu pha trò bằng một, hai Giọng nói của mình, khéo mặt ông Nell sẽ bớt khó khăn và nghĩ theo chiều hướng vui tươi hơn. Nhưng suy xét sâu hơn (một điếu cực kỳ hiếm hoi, không khác gì mặt trời mọc đằng Tây với Richie), có khi Giọng nói của cậu chỉ tổ đổ thêm dầu vào lửa. Trông ông Nell không có vẻ mang tâm trạng mà Richie hay gọi là muốn được mua vui. Hay nói đúng hơn, khuôn mặt ông như muốn nói nụ cười là thứ cuối cùng ông nghĩ đến trong đầu. Nên cậu chỉ khe khẽ nói “Cháu cũng tham gia ạ” rồi ngậm

miệng lại ngay lập tức.

“Cháu nữa,” Stan nói, tiến tới cạnh Bill.

Giờ thì cả năm đứa đứng thành một hàng trước mặt ông Nell. Ben hết nhìn bên này lại quay sang bên kia, hơn cả choáng váng - cậu gầy như sừng sốt khi mọi người sát cánh bên mình. Trong một khoảnh khắc, Richie còn tưởng Haystack sẽ òa lên khóc vì cảm kích.

“Chúa ơi,” ông Nell lại lên tiếng, và dù giọng ông hết sức cáu giận, nhưng khuôn mặt ông giãn ra như thể ông sắp phì cười. “Ta chưa từng gặp đám nhóc nào tội nghiệp như mấy đứa. Nếu các cháu biết thân biết phận thì tự hiểu tối nay sẽ nát mộng đi nhé. Ta dám cá chẳng còn đường nào khác đâu.”

Không tài nào nhìn nổi nữa, miệng Richie ngửa ngáy tuôn ra một tràng như vỡ đê, chuyện thường ngày ở huyện của cậu.

“Tình hình ở quê nhà thế nào rồi ông Nell?” Miệng cậu rít rít giả giọng Ireland. “Ôi, ông quả là tuổi ngũ tuần tuổi mát đôi mắt héo, thế có Chúa, ông quả là người đáng mến, giúp rạng danh...”

“Ta sẽ giúp rạng mộng cháu trong vòng ba giây đấy, cậu bạn bé nhỏ,” ông Nell lạnh lùng.

Bill quay sang Richie và gắt lên: “Vì Ch-Ch-Chúa, R-R-Richie, i-i-im gi-giùm đi!”

“Lời khuyên đúng đắn đấy, cậu William Denbrough,” ông Nell nói. “Ta đoán bố Zack không biết cháu lang thang xuống Vùng Đất Cằn nghịch dại thế này phải không?”

Bill cúi mặt lắc đầu. Hai má cậu bồng bồng hồng dại.

Ông Nell nhìn Ben. “Cháu tên gì nhỉ, ta không nhớ.”

“Dạ, cháu là Ben Hanscom,” Bell lầm bầm.

Ông Nell gật đầu rồi quay sang nhìn con đập. “Đây là ý tưởng của cháu à?”

“Vâng, cách xây là ý của cháu” Ben nói lí nhí trong họng.

“Chà, cháu có tiền năng làm kỹ sư lắm đấy, cậu bé to con, nhưng cháu không biết gì về Vùng Đất Cằn hay hệ thống thoát nước của Derry phải không nào?”

Ben lắc đầu.

Ông Nell bèn ôn tồn giải thích. “Hệ thống có hai phần. Một phần thải chất thải rắn của chúng ta – tức là phân đấy, ta nói thẳng, mong các cháu không phật ý. Phần còn lại mang theo nước xám - tức nước xả từ bồn cầu hoặc chảy xuống kênh rạch từ bồn rửa chén, máy giặt và vòi sen; đó cũng là nước chảy xuống rãnh và trôi ra cống thị trấn.

Chà, các cháu không gây ra vấn đề gì với phần xử lý chất thải rắn, tạ ơn Chúa – bởi tất cả được thải xuống sông Kenduskeng cách đây khá xa. Có thể cách đó chừng tám trăm mét sẽ có những đồng phân khối queo dưới ánh mặt trời do hành động của các cháu, nhưng các cháu cứ an tâm rằng không có phân dính vào nóc nhà ai cả.

Tuy nhiên, phần thoát nước xám... chà, chúng ta không có máy bơm cho nước thải xám. Nước thải chảy xuống đĩ theo hệ thống mà kỹ sư gọi là hệ thống tiêu nước trọng lực. Và ta đoán cháu biết hệ thống tiêu nước trọng lực này nằm ở đâu, phải không cậu bé to con?”

“Ở trên kia ạ,” Ben trả lời. Cậu chỉ lên khu vực đằng sau con đập, chỗ bị cỏ đám nhấn chìm nguyên một khoảng rộng. Cậu không dám ngẩng lên. Những giọt nước mắt to tròn thi nhau lăn xuống hai gò má cậu. Ông Nell giả vờ không để ý.

“Đúng vậy, cậu bạn non nớt to lớn của ta. Hệ thống tiêu nước trọng lực chảy vào các con suối, sau đó các con suối này chảy vào phía trên Vùng Đất Cằn. Thật ra, rất nhiều suối nhỏ chảy xuống đây chỉ là nước thải xám chứ chẳng có gì khác, chúng chảy từ những con kênh mà các cháu thậm chí còn không thể thấy vì chúng chôn sâu dưới tầng cây thấp. Phân đi một hướng, còn lại đi hướng khác. Khá khen cho tài trí của con người, mà các cháu có nhận ra mình đã lợi cả ngày trời trong nước tiểu, nước rửa ráy của Derry không vậy?”

Eddie bỗng khò khè và phải lấy ống thở ra dùng.

“Điều các cháu làm khiến nước dồn lại ở sáu trong tám bể thu nước thải phục vụ đường Witcham, Jackson và Kansas, cũng như bốn, năm con ngõ nhỏ chạy giữa các đường này,” ông Nell liếc nhìn Bill Denbrough một cách nghiêm nghị. “Một trong những bể thu ấy cũng phục vụ nhà cháu đấy, cậu Denbrough con. Thế là chúng ta phải chịu cảnh bồn rửa không trôi, máy giặt không trôi, khi ống nước quá tải, nước sẽ tràn vào tầng hầm...”

Ben rưng rức khóc rống lên. Nhóm bạn quay sang nhìn cậu rồi lại đánh mặt đi. Ông Nell đặt bàn tay to lớn lên vai cậu. Tay ông chai sần và cứng rắn, nhưng lúc ấy nó cũng dịu dàng vô cùng.

“Nào, nào. Không việc gì phải khóc, cậu bé to con. Có thể tình hình chưa tệ đến thế, chỉ ít hiện tại thì chưa; có thể ta đã nói quá một chút để các cháu thấm thía được điều ta muốn truyền đạt. Bên trên cửa ta xuống kiểm tra xem có phải cây đổ ngang qua suối hay không. Thỉnh thoảng điều đó cũng xảy ra. Ta và năm người các cháu cùng giữ bí mật, không cho ai biết chuyện là được. Hiện giờ, thị trấn chúng ta có nhiều vấn đề quan trọng phải lo nghĩ hơn chút nước bị nghẽn lại này. Ta sẽ viết vào báo cáo là ta đã xác định được vị trí cây đổ và một nhóm các cậu bé đã đến giúp ta khiêng

cây ra khỏi suối. Ta sẽ không nhắc đến tên các cháu. Mấy đứa sẽ không bị dính tội xây đập trong Vùng Đất Cẩn đâu.”

Ông nhìn năm đứa trẻ dò xét. Ben liên tục lấy khăn mùi xoa chùi nước mắt, Bill ưu phiền nhìn con đập; Eddie nắm chặt ống thở trong tay Stan đứng sát Richie, để hờ tay trên cánh tay của cậu bạn, canh lúc cần là siết – siết thật chặt – nếu Richie có vẻ sẽ mồm mép tép nhảy nói câu gì khác ngoài lời cảm ơn.

“Trẻ con các cháu đến một nơi dơ dáy như này làm gì,” ông Nell nói tiếp. “Ở đây có sáu chục căn bệnh sinh sôi là ít.” Ông phát âm từ *sinh sôi* nghe như *xinh xoi*. “Con suối chỉ toàn nước tiểu và nước thải xám, rác rến và nước rửa ráy, giòi bọ, sinh lầy... nơi dơ bẩn thế này, các cháu không nên đến thì hơn. Ở thị trấn mình có bốn công viên sạch sẽ cho các cháu chơi bóng cả ngày, thế mà ta lại bắt gặp các cháu ở đây là sao? Lạy Chúa tôi!”

“Ch-Ch-Chúng ch-cháu th-th-th-thích đ-đ-đến đ-đây ạ,” Bill chột ngang ngạnh đáp lời. “Kh-Khi b-b-bọn ch-cháu đ-đến đây, kh-kh-không ai l-la m-m-mắng b-b-bọn ch-ch-cháu.”

“Bạn cháu nói gì thế?” Ông Nell hỏi Eddie.

“Cậu ấy bảo khi bọn cháu đến đây, không ai la mắng bọn cháu.” Eddie giải thích. Giọng cậu mỏng tang và hụt hơi nhưng cũng rất chắc chắn. “Cậu ấy nói đúng đấy ạ. Đám bọn cháu mà đến công viên và muốn chơi bóng chày thì những bạn khác chỉ bảo, được thôi, thế các cậu muốn làm chột gôn hai hay chột gôn ba?”

Richie ré lên cười. “Eddie có được tràng hay ho phết nhỉ! Thật... *chuẩn không cần chỉnh!*”

Ông Nell quay đầu quắc mắt nhìn cậu.

Richie nhún vai. “Cháu xin lỗi. Nhưng cậu ấy nói phải. Bill cũng vậy. Chúng cháu thích đến đây chơi hơn.”

Richie thẫn nhủ có lẽ ông Nell sẽ lại nổi giận khi nghe cậu nói thế, nhưng vị cảnh sát tóc bạc khiến cậu - và cả đám – bất ngờ với nụ cười hiện trên môi. “Ày chà,” ông nói. “Thuở còn bé, ta cũng thích đến đây lắm. Và ta cũng sẽ không cấm các cháu. Nhưng các cháu phải nhớ lời ta dặn.” Ông chĩa một ngón tay vào đám trẻ, khiến cả bọn nghiêm trang nhìn ông. “Nếu các cháu xuống đây chơi thì phải đi cả nhóm như thế này. Đi cùng nhau. Các cháu hiểu lời ta chứ?”

Đám trẻ gật đầu.

“Nghĩa là các cháu phải đi cùng nhau mọi lúc. Không được chơi trốn tìm r ồi mỗi đứa nấp một nơi. Các cháu biết thị trấn mình đang có chuyện gì đúng không. Nói trắng ra thì ta không cấm các cháu đến đây, bởi ta có cấm thì đằng nào các cháu cũng chẳng nghe. Nhưng để bảo vệ bản thân, dù có đến đây hay đi bất cứ đâu cũng phải đi theo hội.” Ông nhìn Bill. “Cháu có bất đồng với ta không, cậu Bill Denbrough?”

“D-D-Dạ không ạ” Bill nói. “Ch-Chúng ch-cháu s-sẽ đ-đ-đi c-c-c...”

“Thế là được r ồi,” ông Nell nói. “Cháu đưa tay đây.” Nói đoạn, ông Nell bắt tay Bill.

Richie hất tay Stan r ồi bước tới trước.

“Thề với Chúa, ông quả là đáng chí tôn, thưa ông Nell! Ông quả là đại trượng phu! Một bậc đại trượng phu chí tôn!” Cậu chìa tay ra, nắm lấy bàn tay to lớn của vị cảnh sát người Ireland, lắc lắc lắc để miệng cười ngoác rộng đến mang tai. Trong đôi mắt sừng sốt của ông Nell, cậu bé trông như phiên bản nhạo báng xấu xí của Franklin D. Roosevelt.

“Cảm ơn cậu bé,” ông Nell nói và thu tay lại. “Cháu phải cố gắng luyện

giọng thêm đi. Chứ giọng cháu bây giờ nghe giống Groucho Marx nói giọng Ireland ấy.”

Bốn cậu bé còn lại phá lên cười, đa phần là nụ cười nhẹ nhõm. Miệng cười nhưng Stan vẫn ném cho Richie một ánh mắt cáu giận: *Lớn giùm đi, Richie!*

Ông Nell bắt tay cả đám, Ben là người sau cùng.

“Cháu không có gì phải xấu hổ vì mình đánh giá thiếu sót cả, cậu bé to con ạ. Còn công trình kia... cháu thấy cách làm trong sách à?”

Ben lắc đầu.

“Cháu tự nghĩ ra sao?”

“Dạ phải.”

“Trời, đúng là tài không đợi tuổi! Ta dám chắc sau này, cháu sẽ làm được những đi ầu lớn lao lắm. Nhưng Vùng Đất Cằn không phải nơi để cháu làm những đi ầu đó.” Ông tr ầ n tư nhìn quanh. “Ở nơi này chẳng có gì hay hóm cả. Chốn rừng thiêng nước độc.” Ông thở dài. “Dĩ công trình kia đi, các cháu. Dĩ ngay cho ta. Có lẽ ta sẽ ng ẫ i trong bóng râm ở bụi cây đằng kia, ở lại xem các cháu làm.” Ông mĩa mai nhìn Richie khi nói câu cuối, như thể muốn khơi thêm một màn xướng ngôn hùng diên khác.

“Dạ vâng,” Richie khẽ khọt nói, và chỉ dừng tại đó. Ông Nell gật đầu hài lòng, và đám trẻ trở lại làm việc, một lần nữa, chúng quay sang nhìn Ben – lần này là để cậu chỉ cách dĩ công trình mà cậu vừa chỉ cả đám dựng lên sao cho nhanh nhất. Trong lúc đó, ông Nell lôi một cái chai màu nâu từ bộ quân phục ra và uống một ngụm. Ông húng hắng ho r ẫ i thở dài thườn thượt, quan sát nhóm các cậu bé bằng đôi mắt nhân từ, ươn ướt.

“Cho cháu hỏi thứ trong chai là gì vậy ạ?” Đứng ngấp đầu gối trong

nước, Richie hỏi với lên.

“Richie, cậu không nói thì có ai bảo cậu cầm à?” Eddie rút lên.

“Đây à?” Ông Nell quan sát Richie với vẻ thoáng ngạc nhiên rồi lại nhìn cái chai. Cái chai chẳng có nhãn hiệu gì. “Đây là thuốc ho của thần linh đấy, cậu bé. Giờ thì để ta xem tay chân của cháu có được nhanh nhẹn như mồm mép cháu không nhé.”

3

Sau đó, Bill và Richie cùng cuộc bộ leo con dốc đường Witcham. Bill đẩy Ánh Bạc, bởi sau quá trình hết xây lại phá đập, cậu chẳng bói đâu ra sức lực để guồng chân đập nữa. Người ngợm cả hai cậu bé vừa bắn thủ, vừa lôi thôi và kiệt sức.

Ban nãy, Stan đã hỏi cả bọn có muốn đến nhà cậu chơi Monopoly, Parcheesi hay trò gì không, nhưng chẳng ai muốn. Ngày đã gần qua. Ben, mệt mỏi và ủ rũ như đưa đám, nói mình phải về nhà xem có ai trả mấy cuốn sách thư viện cho cậu không. Cậu vẫn nuôi hy vọng, bởi thư viện Derry bắt người mượn phải ghi địa chỉ cũng như họ tên trên thẻ của từng cuốn sách. Eddie nói cậu dự tính xem *Chương trình nhạc Rock* trên ti vi vì lần này sẽ có Neil Sedaka xuất hiện và cậu muốn xác nhận xem liệu Neil Sedaka có phải dân da đen hay không. Stan bảo Eddie đừng nói vớ va vớ vẩn, bởi Neil Sedaka vốn là người da trắng, nghe nhạc của anh ấy là biết. Eddie bất bình, cho hay không phải cứ nghe là biết, tỉ dụ như đến năm ngoái, cậu vẫn đinh ninh Chuck Berry là người da trắng, nhưng khi thấy anh xuất hiện trong *Bức trình diễn*, cậu mới biết hóa ra anh ấy là người da đen.

“Mẹ tớ vẫn nghĩ anh ấy là người da trắng, nên chẳng sao cả,” Eddie nói.

“Nếu mẹ phát hiện anh ấy là người da đen, còn khuya mẹ mới cho tớ nghe nhạc anh ấy sáng tác.”

Stan cá với Eddie bốn cuốn truyện tranh rằng Neil Sedaka là người da trắng, thế là cả hai cùng đến nhà Eddie để phân định thắng thua.

Rốt cuộc, sau một hồi đi theo hướng dẫn về nhà Bill, Bill và Richie chẳng mở miệng nói gì. Richie mãi nghĩ đến chuyện Bill kể về việc bức hình quay đầu lại nháy mắt. Và dù mệt lử, một ý nghĩ hiện ra trong đầu cậu. Suy nghĩ ấy rõ là điên rồ... nhưng đồng thời lại có gì đó thu hút.

“Billy bạn hiên,” cậu lên tiếng. “Mình dừng lại nghỉ đi. Năm phút thôi cũng được. Tớ ngủm đến nơi rồi.”

“M-Mơ đi,” Bill nói nhưng dừng chân, cẩn thận đặt Ánh Bạc lên rìa bãi cỏ Chung viện Thần học xanh mượt, và rồi hai cậu bé ngẩng lên những bậc đá rộng rãi dẫn lên công trình kiến trúc phong cách Victoria đồ sộ màu đỏ.

“Ngày hôm n-n-nay dài thật,” Bill rầu rĩ nói. Mắt cậu thâm quầng. Khuôn mặt trắng nhợt và thâm trầm. “Khi về đến nhà tớ, cậu nhớ gọi ch-cho nhà cậu đấy. Kẻo b-bố mẹ cậu l-lại lo lắng.”

“Ừ. Chắc chắn rồi. Bill này, tớ bảo...”

Richie ngưng bật, nhớ lại câu chuyện xác ướp Ben nói, gã hủi Eddie gặp, và câu chuyện mà suýt chút nữa Stan đã kể với cả bọn. Trong thoáng chốc, có điều gì đó mạnh mẽ hiện lên trong đầu cậu, liên quan đến bức tượng Paul Bunyan ở trung tâm thị trấn. Nhưng vì Chúa, đó chỉ là một giấc mơ mà thôi.

Cậu gật suy nghĩ lạc quẻ ấy đi và lên tiếng.

“Tụi mình về nhà cậu nhé, cậu thấy sao? Vào phòng Georgie xem thế nào. Tớ muốn nhìn tấm hình ấy.”

Bill trở mắt nhìn Richie. Cậu muốn nói gì đó nhưng sốc đến độ không thốt nên lời, chỉ biết lắc đầu nguầy nguậy.

“Cậu nghe chuyện của Eddie rồi. Của Ben nữa. Cậu có tin lời bọn họ không?” Richie tiếp tục.

“Tớ kh-kh-không biết. Tớ ng-nghĩ chắc họ đ-đ-đã th-thấy gì đ-đó.”

“Ừ, tớ cũng vậy. Cả những đứa trẻ bị giết ở đây nữa, tớ nghĩ tất cả đều gặp những chuyện riêng. Điểm khác biệt duy nhất giữa Ben và Eddie với lũ trẻ kia là Ben và Eddie không bị bắt đi.”

Bill nhướn mày song không có vẻ gì là ngạc nhiên. Richie đoán hẳn Bill cũng suy luận được đi đâu đó. Cậu ấy nói năng không trôi chảy nhưng đầu óc không hề ngu si.

“Cậu thử ngẫm mà xem, Bill To Bự,” Richie phân tích tiếp. “Có thể có một gã mặc trang phục hề đi giết trẻ con. Tớ không biết tại sao hắn lại muốn làm thế, nhưng ai mà biết trong đầu đám điên ấy nghĩ gì, cậu công nhận không?”

“Đ-Đ-Đúng...”

“Đúng thế. Không khác gì Joker trong truyện tranh Người dơi.” Nội việc nghe thấy ý tưởng của mình vang thành tiếng đã khiến Richie hào hứng hẳn lên. Cậu còn băng quơ tự hỏi thật ra cậu đang cố chứng minh luận điểm đưa ra hay chỉ nói quàng nói xiên cốt để được nhìn thấy căn phòng và bức hình ấy. Mà thôi, chuyện đó chẳng mấy quan trọng. Rốt cuộc, thấy ánh mắt Bill lấp lánh hào hứng là đủ rồi.

“Nh-Nh-Những bức h-hình ấy thì l-liên quan gì?”

“Cậu nghĩ sao, Billy?”

Không nhìn thẳng vào Richie, Bill trầm giọng nói mình cho rằng nó

không liên quan đến những vụ án mạng. “Tớ nghĩ nó là h-hồn ma của G-G-Georgie.”

“Hồn ma trong tám hình sao?” Bill gật đầu.

Richie nghĩ thật lung. Ý tưởng về ma quỷ chẳng làm khó được đầu óc của cậu bé ấy. Cậu dám chắc trên đời có những thứ như vậy. Bố mẹ của cậu là tín hữu Giám lý, Richie đi nhà thờ vào mỗi Chủ nhật và dự các cuộc họp Hội Thanh niên Giám lý vào tối thứ Năm. Cậu cũng nắm trong tay khá nhiều kiến thức trong Kinh Thánh, và cậu biết Kinh Thánh tin đủ thứ kỳ cục. Theo như Kinh Thánh, một trong ba phần của Thiên Chúa là Thánh linh, mà đây mới chỉ là khởi đầu thôi nhé. Cậu thấy Kinh Thánh tin vào ma quỷ, vì Chúa Giê-su đuổi cả đồng ma quỷ ra khỏi một người. Chuyện này rõ là buồn cười. Khi Chúa Giê-su hỏi người này tên gì, ma quỷ trả lời và bảo Chúa gia nhập vào Binh đoàn. Hay đi đâu gì đó tương tự. Kinh Thánh cũng tin rằng trên đời có phù thủy, nếu không, sao trong đó lại có câu “Người không được để cho một phù thủy được sống sót”? Một vài đi đâu trong Kinh Thánh còn ghê hơn cả truyện tranh kinh dị. Người bị nhin trong vạc dầu hoặc treo cổ như [Judas Iscariot](#); câu chuyện về vua Ahaz rơi xuống tòa tháp, đàn chó bèn tiến lại liếm sạch máu của ông ta; hoặc những vụ giết hại trẻ sơ sinh khi Moses và Chúa Giê-su ra đời, những kẻ đội mồ sống dậy hoặc bay trong không trung, những binh lính đồng thanh hô cho tường sụp đổ, nhà tiên tri thấy trước tương lai và chiến đấu với quái vật. Tất cả đều có trong Kinh Thánh và từng từ từng chữ đều là sự thật – Đức Cha Craig đã nói như vậy, bố mẹ của Richie và Richie cũng cho là như vậy. Cậu hoàn toàn sẵn lòng tin tưởng lời Bill giải thích, chỉ là cậu thấy tiền hậu có phần bất nhất.

Một trong mười hai tông đồ đầu tiên của chúa Giê-su. Có rất nhiều câu

chuyện khác nhau về cái chết của Jadas nhưng phiên bản truyền thống cho rằng ông đã treo cổ tự tử sau khi phản bội chúa Giê-su.

“Nhưng cậu bảo cậu sợ lắm phải không? Sao hồn ma của George lại muốn hù cậu sợ chứ, Bill?”

Bill đưa tay lên chùi miệng. Tay cậu khẽ run rẩy. “C-Có lẽ em ấy gi-gi-giận tở. Vì t-tại tở mà e-em ấy bị gi-giết. Là l-l-lỗi của tở. Tại tở ch-cho thằng b-bé ra ngoài với cái th-th-th...” Không tài nào nói nổi thành lời, cậu đành vung vẩy tay trong không khí. Richie gật đầu ra hiệu mình hiểu ý Bill... nhưng cái gật đầu ấy không mang nghĩa tán thành.

”Tở không cho là vậy,” cậu nói. “Nếu cậu đâm sau lưng hoặc bắn thằng bé thì lại là chuyện khác. Hoặc thậm chí, giả dụ như cậu đưa em trai cậu khẩu súng đã lên đạn của bố cậu để em ấy nghịch, và rồi em ấy tự bắn mình. Nhưng đó không phải khẩu súng mà chỉ là một con thuy-ên. Cậu không muốn làm em trai cậu bị thương, hay nói đúng hơn,” Richie giơ ngón tay và ve vẩy trước mặt Bill như vị luật sư thứ thiệt – “cậu chỉ muốn em cậu vui vẻ một chút, đúng chứ?”

Bill nghĩ lại – vất óc ngẫm nghĩ. Lần đầu tiên sau nhiều tháng, lời Richie vừa nói giúp cậu bớt cảm thấy nặng nề khi nhắc đến cái chết của George, nhưng đâu đó trong con người cậu lại có một phần âm ỉ định ninh rằng cậu không được phép thấy nhẹ lòng. Cái phần ấy day nghiêng: tất nhiên, đó là lỗi của cậu; có thể không phải hoàn toàn nhưng chí ít là phần nào.

Nếu không, tại sao lại có khoảng trống lạnh lẽo giữa bố mẹ mày trên ghế sofa? Nếu không, tại sao chẳng ai trò chuyện lúc ng ồi vào bàn ăn nữa? Giờ chỉ còn tiếng dao nĩa lạnh canh, lạnh canh mãi cho đến lúc này không chịu nổi mà xin ch-ch-ch-cho con về phòng.

Tựa hồ chính cậu mới là bóng ma, cậu hiện diện đấy, cậu trò chuyện và cử động đấy, nhưng không ai nghe, cũng chẳng ai thấy, một thứ mơ hồ nhưng không được chấp nhận là thật.

Cậu không thích ý nghĩ mình là kẻ đáng trách, nhưng cậu chỉ có thể nghĩ ra thêm một kịch bản để giải thích cho cách bố mẹ cư xử, mà nguyên nhân ấy tệ hơn rất nhiều: rằng ngày trước, bố mẹ yêu thương và quan tâm đến cậu chỉ vì George hiện diện, giờ đây, khi George lìa đời, chẳng còn gì dành cho cậu... tất cả những đi đầu đó xảy ra ngẫu nhiên, không vì lý do gì. Và nếu áp tai vào cánh cửa ấy, ta có thể nghe thấy tiếng gió cuồn cuộn loạn thổi ngoài kia.

Vì thế, cậu hồi tưởng lại hành động, cảm xúc và lời nói của mình vào cái ngày Georgie chết, đâu đó trong lòng, cậu hy vọng Richie nói đúng, nhưng một phần khác trong cậu lại cầu mong đi đầu ngược lại. Cậu không ra dáng một người anh cả đối với George, đó là đi đầu chắc chắn. Hai anh em chành chạc nhau rất nhiều. Hôm ấy có lần nào không nhỉ?

Không. Không có. Hôm ấy Bill cũng đang cảm thấy lộn xộn trong người nên chẳng có tâm trạng nào mà cãi cọ với George. Trước đó, cậu ngủ và nằm mơ thấy một thứ gì đó,

(một con rùa)

một con vật nhỏ bé, cậu không nhớ rõ là con gì, rồi cậu tỉnh giấc dưới tiếng mưa rả rích ngoài kia và George lồm bồm bực bội trong phòng ăn. Cậu hỏi George gặp vấn đề gì. George bước vào, than vãn mình đang cố gấp thuyền giấy theo hướng dẫn trong cuốn *Những hoạt động thú vị nhất* nhưng gấp mãi không được. Bill nói George cần cuốn sách đến cho mình xem. Lúc này đây, khi ngẩng cạnh Richie trên bậc thang dẫn đến chủng viện, cậu nhớ như in đôi mắt George bừng sáng khi chiếc thuyền giấy thành

hình, và ánh mắt ấy khiến cậu vui sướng vô cùng, tựa hồ Georgie nghĩ Bill là một kẻ anh hào, một kẻ đầu đội trời chân đạp đất, kẻ làm bằng được mới thôi. Nói tóm lại, ánh mắt ấy khiến cậu cảm thấy mình là một người anh lớn thật sự.

Con thuyền ấy khiến George chết, nhưng Richie nói đúng - nó không giống với việc đưa cho George nghịch một khẩu súng đã lên nòng. Bill không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Đó là đi ầu chắc chắn.

Cậu hít một hơi thật sâu, run rẩy, cảm nhận tảng đá mà cậu còn không biết bấy lâu đè nặng như được nhấc ra khỏi lồng ngực. Bỗng dưng cậu cảm thấy nhẹ nhõm hơn, nhẹ nhõm về mọi chuyện.

Toan mở miệng nói với Richie đi ầu đó, thế mà cậu lại òa lên nước nỏ.

Hoảng hồn, Richie vòng một tay qua vai Bill (sau khi liếc quanh để phòng hờ có người trông nh ằm hai cậu là một cặp xăng pha nhót).

“Không sao,” cậu an ủi. “Không sao đâu, Billy ời. Thôi nào. Khóa van nước cho tớ nhò.”

“Tớ không m-m-muốn e-em tớ b-bị gi-gi-giết đ-đâu!” Bill khóc nức lên.
“T-TỚ KH-KH-KH-KHÔNG BAO GIỜ NGH-NGHĨ Đ-Đ-Đ-ĐẾN ĐIỀU Đ-ĐÓ!”

“Chúa ời, Billy, tớ biết mà,” Richie trấn an. “Nếu cậu muốn hại em cậu, cậu đã đẩy em ấy ngã c ầu thang hay gì đó r ồi.” Richie vụng về vỗ vai Bill và ôm cậu thật chặt r ồi mới buông tay. “Nào nào, đừng mít ứt nữa, được chứ? Cậu cứ như con nít ấy.”

Dần dà, Bill ngừng khóc. Cậu vẫn đau, nhưng nỗi đau ấy dường như rõ ràng hơn, tựa hồ cậu rạch mở bản thân mình và lấy ra thứ đang mục ruỗng bên trong. Cảm giác nhẹ nhõm vẫn còn đó.

“T-Tớ không m-muốn em tớ b-bị gi-gi-giết,” Bill lặp lại, và n-nếu c-c-cậu k-kể với ai chuyện tớ kh-kh-khóc, tớ s-s-sẽ đâm v-vỡ m-m-mũi cậu.”

“Tớ sẽ giữ bí mật,” Richie nói. “Đừng lo. Đó là em trai cậu mà, vì Chúa. Nếu em tớ mà bị giết, tớ cũng khóc lên khóc xuống cho mà xem.”

“C-C-Cậu l-làm gì có e-em.”

“Ừ, ý là nếu tớ có.”

“C-Cậu s-s-sẽ khóc à?”

“Còn phải hỏi.” Richie ngừng nói, nhìn Bill với ánh mắt dè chừng, cố thăm dò xem Bill đã bình tĩnh lại chưa. Cậu vẫn lau đôi mắt đỏ ngầu bằng khăn mùi xoa, nhưng Richie nghĩ có lẽ bạn mình đã lấy lại tinh thần rồi. “Ý tớ muốn nói là tớ không hiểu tại sao George lại muốn ám cậu. Nên có khi bức hình lại liên quan đến... ừ, yếu tố khác. Như gã hềkia chẳng hạn.”

“C-C-Có thể G-G-George kh-kh-không b-b-biết. Có thể n-nó ngh-nghĩ...”

Richie hiểu đi đâu Bill muốn nói nhưng cậu gạt đi. “Sau khi ngủm củ tỏi, mình biết mọi đi đâu người khác nghĩ về mình, Bill To Bự à.” Cậu nói với phong thái của một ông giáo tuyệt vời rộng lượng đang sửa chữa những suy nghĩ dấm dớ của một kẻ đầu đất. “Trong Kinh Thánh có nói đấy. Kinh Thánh bảo dù hiện tại, ta không thấy nhiều thứ trong gương, nhưng sau khi chết, ta sẽ nhìn xuyên qua nó như một tấm gương. Trong Tê-sa-lô-ni-ca Một hoặc Babylon Hai gì đấy, tớ quên mất rồi. Nó có nghĩa là...”

“Tớ h-h-hiểu nó c-có ngh-ngh-nghĩa gì?” Bill ngắt lời.

“Thế cậu thấy sao?”

“Hả?”

“Mình lên phòng em trai cậu xem thử nhé. Có khi mình lại tìm được

manh mối về kẻ giết hại những đứa trẻ cũng nên.”

“Tớ s-s-sợ lắm.”

“Tớ cũng vậy,” Richie nói cốt để hòa theo, để Bill chịu cục cựa, và rồi bụng cậu chột nặng như chì, và cậu phát hiện thật sự là thế: mặt cậu ấy xanh như tàu lá vì sợ hãi.

4

Hai cậu bé âm thầm bước vào nhà Denbrough như hai bóng ma.

Bố của Bill đang đi làm. Sharon Denbrough ngồi trong bàn bếp đọc sách. Mùi của bữa tối – món cá tuyết – bay ra tận phòng khách phía trước. Richie dùng điện thoại nhà Bill gọi về để mẹ cậu biết con trai bà vẫn còn sống nhăn răng.

“Ai đó?” Bà Denbrough gọi với lên khi Richie gác điện thoại. Hai cậu bé cứng người, nhìn nhau với vẻ tội lỗi. Và rồi Bill lên tiếng: “C-Con đây mẹ. Và R-R-R-R-R...”

“Cháu, Richie Tozier đây ạ,” Richie đáp.

“Chào cháu, Richie,” bà Denbrough nói, giọng bà xa xôi, tưởng chừng như không có mặt ở đó. “Cháu có muốn ở lại dùng bữa tối không?”

“Cháu cảm ơn cô, nhưng chừng nửa tiếng nữa mẹ cháu sẽ đến đón ạ.”

“Cho cô gửi lời chào mẹ cháu nhé.”

“Vâng, cháu sẽ chuyển lời ạ.”

“N-Nào,” Bill thì thầm. “Ch-Chào hỏi thế đủ rồi.”

Hai cậu bé lên lầu và đi dọc hành lang đến phòng của Bill. Phòng gọn gàng kiểu con trai, có nghĩa là mẹ của cậu bé chỉ hơi hơi nhúc nhích đầu khi nhìn vào căn phòng này. Kệ sách chất đầy truyện. Trên bàn la liệt truyện tranh,

các mô hình, đồ chơi và một chồng đĩa than. Ngoài ra còn có một chiếc máy đánh chữ văn phòng hiệu Underwood. Hai năm trước, bố mẹ tặng cho cậu vào dịp Giáng sinh, và thỉnh thoảng Bill vẫn hay dùng nó để sáng tác truyện. Kể từ khi George qua đời, cậu viết lách nhiều hơn. Dường như bịa chuyện giúp tâm trí cậu khuây khỏa.

Có một chiếc máy hát để trên sàn, đối diện chiếc giường với đồng quần áo đã gấp đặt trên nóc. Bill cất quần áo vào ngăn tủ rồi lấy chồng đĩa than trên bàn. Cậu xem qua một lượt rồi lựa khoảng năm, sáu cái. Cậu đặt lên trục quay của máy hát rồi bật nhạc. Nhóm nhạc The Fleetwoods ngân nga bài *Dịu dàng đến bên em*.

Richie bịt mũi.

Bill nhoẻn miệng cười dù trống ngực đập thành thịch. “B-Bố mẹ tớ không th-th-thích nhạc rock and r-roll,” cậu giải thích. “Bố mẹ t-tặng tớ đĩa này vào s-s-sinh nhật của tớ. Ngoài ra c-còn hai đĩa P-Pat B-B-Boone và T-T-Tommy Sands. Tớ để dành R-Richard Nh-Nhỏ Bé và J- Jay Hawkins G-Gào Thét khi nào bố mẹ đi v-vắng. Nhưng nếu mẹ tớ nghe thấy tiếng nh-nhạc, mẹ sẽ t-tưởng mình ở tr-trong ph-phòng. Đ-Đ-Đi th-thôi.”

Phòng của George ở bên kia hành lang. Cửa đóng kín. Richie nhìn cánh cửa và liếm môi.

“Bố mẹ cậu có khóa cửa không?” Cậu thì thầm hỏi Bill. Bất chợt, cậu thì thầm mong căn phòng bị khóa. Bất chợt cậu thấy khó lòng tin nổi mình là kẻ nẩy ra ý tưởng này.

Mặt tái mét, Bill lắc đầu và xoay tay nắm cửa. Cậu bước vào rồi quay lại nhìn Richie. Sau phút lưỡng lự, Richie theo sau. Bill đóng cửa lại, khiến giọng hát của The Fleetwoods bị át đi. Richie thoáng nhảy dựng khi then

cửa đóng cách.

Cậu nhìn quanh, vừa sợ hãi vừa hết sức hiếu kỳ. Đi đầu đầu tiên cậu để ý là mùi khô mốc của không khí – *Lâu rồi chưa ai mở cửa sổ căn phòng này, cậu thầm nghĩ. Chết tiệt, lâu rồi chưa ai hít thở ở đây. Nơi này tạo cảm giác như vậy.* Cậu khẽ rùng mình trước suy nghĩ ấy rồi liếm môi.

Ánh mắt cậu dừng lại ở giường George, trong đầu thầm nhủ hiện giờ George đang yên nghỉ dưới đất mẹ trong nghĩa trang Mount Hope. Đang thối rữa ở đó. Tay em ấy không chấp lên nhau vì nếu muốn làm động tác này thì phải có hai tay, trong khi đó George chỉ được chôn với một cánh tay mà thôi.

Tiếng rên khe khẽ phát ra từ họng Richie. Bill quay đầu lại, nhìn cậu thắc mắc.

“Cậu nói đúng,” Richie khàn khàn nói. “Ở đây u ám quá. Tớ không hiểu nổi sao cậu có thể vào căn phòng này một mình.”

“Đ-Đó là em tr-traí tớ,” Bill thật thà đáp. “Thỉnh thoảng tớ m-m-muốn vào, thế th-thôi.”

Trên tường dán vài tấm áp phích của trẻ con. Một bức là hình Tom Tuyệt đỉnh, một nhân vật hoạt hình trong chương trình Đội trưởng Kangaroo. Tom đang nhào qua đầu và đôi tay nắm chặt của Crabby Appleton, nhân vật Thối nát Tận Gốc rễ. Một tấm áp phích có hình ba chú vịt cháu của Vịt Donald, bao gồm Huey, Louie và Dewie đang bước vào miền hoang dã, đầu đội mũ gấu mèo của đội hướng đạo Junior Woodchucks. Tấm áp phích thứ ba, do chính tay George tô màu, là hình bức tranh Ông Điêu Hay đang đi đầu khiên phương tiện giao thông để một đám nhóc băng qua đường đến trường. Bên dưới đề ÔNG ĐIÊU HAY DẶN PHẢI ĐỘI NGƯỜI LỚN DẮT QUA!

*Cậu nhóc này tô lem quá, Richie thẫn nghĩ mà rùng mình. Cậu bé ấy chẳng bao giờ còn cơ hội học cách tô sao cho khéo nữa rồi. Richie nhìn chiếc bàn cạnh cửa sổ. Bà Denbrough đã dựng tất cả các cuốn sổ liên lạc của George lên đó, hé mở. Nhìn sổ liên lạc, biết rõ sau này sẽ không có thêm cuốn sổ nào mới, biết rõ George đã lìa đời trước khi biết cách tô màu không lem, biết rõ cuộc đời cậu bé đã khép lại vĩnh viễn, mãi mãi chỉ còn sót lại một vài cuốn sổ liên lạc và phiếu bé ngoan, lần đầu tiên, Richie thấm thía thế nào là chết chóc. Tựa hồ một cái kết sắt thật to đã rơi vào não cậu và mắc kẹt ở đó. *Mình có thể mất mạng! Tâm trí cậu lật mặt, hét toáng lên đầy sợ hãi. Ai cũng có thể mất mạng! Bất cứ ai!**

“Ôi trời ơi,” cậu nói, giọng run rẩy. Cậu không trụ được nữa rồi.

“Ừ.” Bill thầu thào. Cậu ng ồi xuống giường George. “Nhìn kìa.”

Richie nhìn theo ngón tay Bill đang chỉ và trông thấy cuốn album ảnh đóng lại trên sàn. HÌNH CHỤP CỦA TỚ. Richie đọc. GEORGE ELMER DENBROUGH, 6 TUỔI.

Sáu tuổi! Tâm trí cậu rít lên, vẫ bằng cái giọng lật lọng ấy. Mãi mãi tuổi lên sáu! Ai cũng có thể mất mạng! Khốn kiếp! Chết tiệt!

“Hôm b-bữa nó vẫ m-m-mở,” Bill nói.

“Giờ nó đóng rồi,” Richie bứt rứt nói. Cậu ng ồi xuống cạnh Bill và nhìn cuốn album. “Nhiều cuốn sách tự đóng lại mà.”

“Tr-Trang giấy thì có thể, nhưng b-b-bìa sách thì kh-không. Nó t-tự đóng đấy.” Cậu nghiêm mặt nhìn Richie, đôi mắt đen tương phản với khuôn mặt trắng nhợt, mệt mỏi. “Nh-Nhưng nó m-m muốn m-mình mở r-ra một lần nữa. Tớ ngh-nghĩ thế.”

Richie đứng dậy, chậm rãi tiến đến gần cuốn album. Nó nằm ngay bên dưới bệ cửa sổ với lớp rèm mỏng. Nhìn ra ngoài, cậu có thể trông thấy cây

táo ở sân sau nhà Denbrough. Xích đu đung đưa từ một cành cây đen đúa, cong quẹo.

Cậu lại hướng mắt xuống cuốn album của George.

Một vết ố màu nâu sậm đã khô vương ở ngay giữa sách. Có thể đó chỉ là vết xốt cà chua. Đúng rồi, biết đâu lúc ấy George vừa xem album vừa ăn bánh mì kẹp xúc xích hoặc một chiếc bánh hamburger to nhỡ đủ thứ nhân; cậu bé cắn một miếng thật to khiến xốt cà chua rớt xuống cuốn album. Trẻ con lúc nào cũng làm những trò ngớ ngẩn như vậy. Chỉ là xốt cà chua thôi. Nhưng trong thâm tâm mình, Richie biết là không phải.

Cậu chạm tay lướt qua cuốn album rồi rút lại. Nó lạnh ngắt. Tuy nằm ở vị trí ánh mặt trời chói chang của mùa hạ chiếu xuống cả ngày, chỉ bị tấm rèm mỏng chặn lại chút đỉnh, thế mà nó lạnh như băng.

Thôi, cứ để nó ở sân đấy cho rồi, Richie thầm nghĩ. Mình cũng chẳng ham hồ xem cuốn album ảnh ngớ ngẩn của cậu nhóc làm gì, toàn ảnh của người lạ. Chắc mình sẽ bảo Bill rằng mình đổi ý rồi, và bọn mình có thể trở lại phòng cậu ấy, ngồi đọc truyện tranh một lát, sau đó mình sẽ về nhà ăn tối rồi đi ngủ sớm vì mình mệt đứ đừ, sáng hôm sau, khi tỉnh dậy, chắc hẳn mình sẽ nghĩ vết bẩn đó là xốt cà chua. Ừ, làm vậy đi. Thế là ngon.

Nhưng rồi cậu lại mở cuốn album bằng đôi tay tưởng chừng cách xa cậu cả nghìn cây số, và ở cuối cánh tay dài ngoằng bằng nhựa, cậu nhìn những khuôn mặt, địa điểm trong cuốn album của George, cô dì, chú bác, trẻ con, nhà cửa, xe Ford và Studebaker cũ mèm, đường dây điện thoại, hòm thư, hàng rào bằng cọc, rãnh xe chạy đọng đầy nước bùn, vòng đu quay ở Hội chợ Hạt Etsy, Standpipe, tàn tích của Xưởng đúc Kitchener...

Cậu lật nhanh dần, nhanh dần và các trang giấy đột nhiên trống trơn. Cậu lật ngược trở lại, tuy không muốn nhưng chẳng tài nào tìm được.

Tám hình cuối cùng chụp trung tâm thị trấn Derry, đường Chính và đường Kênh Đào khoảng năm 1930, ngoài ra không còn tấm nào khác.

“Làm gì có hình chụp George ở đây đâu,” Richie lên tiếng. Cậu nhìn Bill với vẻ mặt vừa nhẹ nhõm vừa cáu kỉnh. “Cậu lừa tớ đấy hả, Bill To Bự?”

“C-C-Cái gì cơ?”

“Bức hình chụp trung tâm thị trấn ngày xưa là bức cuối trong cuốn album này rồi. Còn lại đều trống không.”

Bill rời khỏi giường, đến chỗ Richie. Cậu nhìn bức hình chụp trung tâm thị trấn Derry phải gần ba mươi năm trước là ít, xe ô tô và xe tải cũ, đèn đường kiểu cũ với chụp đèn như những quả nho trắng khổng lồ, dọc Kênh Đào là khách bộ hành đang rảo bước. Cậu lật trang giấy và nhận ra đúng như lời Richie nói, chẳng có gì phía sau.

À, không phải – không phải không có gì. Vẫn có một góc kẹt hình để ta lồng ảnh.

“Nó o-o-ở đây này, cậu nói và gõ vào góc kẹt. “Cậu nhìn x-xem.”

“Ôi trời! Cậu nghĩ có chuyện gì xảy ra với nó?”

“Tớ kh-không b-b-biết.”

Bill lấy cuốn album từ Richie rồi đặt vào lòng. Cậu lật ngược trở lại, tìm kiếm bức hình chụp George. Được chừng một phút thì cậu dừng lại, nhưng kìa, các trang vẫn tự lật. Chúng tự chuyển động, chậm rãi lật từng tờ, cố tình tạo ra tiếng loạt soạt thật vang. Bill và Richie tròn tròn mắt nhìn nhau rồi cùng nhìn xuống.

Trang ảnh lật đến bức hình cuối cùng rồi ngừng lại. Trong tám hình đen trắng chụp trung tâm thị trấn Derry, khung cảnh từ thời trước khi Bill hay

Richie sinh ra đời.

“Trời!” Richie chột ré lên và giật cuốn album từ tay Bill. Giọng của cậu không còn sợ hãi nữa, và khuôn mặt cậu bỗng sáng bừng lên hào hứng. “Chết tiệt!”

“C-Cái gì? Cái g-g-gì vậy?”

“Bọn mình kìa! Đây này! Chết tiệt, cậu nhìn kìa!”

Bill cầm một bên của cuốn album. Chúi đầu vào đó, hai người bọn họ trông chẳng khác nào các cậu bé đang tập hát trong ca đoàn. Bill hít vào một hơi thật sâu, và Richie biết bạn mình cũng trông thấy.

Bên dưới bề mặt sáng bóng của bức hình trắng đen cũ kỹ là hai cậu bé đang bước dọc theo đường Chính về phía ngã giao giữa đường Chính và đường Trung Tâm, ở vị trí này, Kênh Đào đi ngầm vào lòng đất khoảng hai cây rươi. Hai cậu bé xuất hiện rõ ràng phía bên kia bức tường bê tông thấp tũn ở rìa Kênh Đào. Một trong hai cậu mặc quần ngắn ngang đầu gối. Người còn lại mặc một bộ đồ trông như thủy thủ. Đầu đội chiếc mũ bằng vải tuyết. Trong hình, hai người nghiêng mặt góc ba phần tư về phía ống kính, đưa mắt nhìn thứ gì đó xa xa phía bên kia đường. Không còn nghi ngờ gì nữa, cậu bé mặc quần ngang đầu gối là Richie Tozier. Và người mặc bộ đồ thủy thủ và đội mũ vải tuyết chính là Bill Cà Lăm.

Như bị thôi miên, cả hai nhìn chăm chăm vào bản thân trong bức hình với tuổi đời gần gấp ba lần tuổi hai người bọn họ. Trong miệng Richie chột khô khốc như bụi và trơn tuột như thủy tinh. Cách hai cậu bé vài bước chân là một người đàn ông cầm chiếc mũ phớt, áo khoác ngoài lật phật bay ra sau dưới cơn gió đột ngột thổi qua. Trên đường có vài chiếc xe Model-T, một chiếc Pierce-Arrow và dăm ba chiếc Chevrolet gắn sẵn bậc lên xuống.

“T-T-T-Tớ kh-không t-t-tin...” Bill nói, đúng lúc ấy bức hình bắt đầu

chuyển động.

Chiếc Model-T lý ra phải vĩnh viễn nằm giữa ngã tư (hoặc chí ít đến lúc các chất hóa học trong bức hình cũ này phân hủy hoàn toàn) lúc này đang băng qua đường, để lại làn khói phụt ra từ ống pô. Nó chạy tới đầ Dặm Trên. Một cánh tay nhỏ màu trắng thò ra từ cửa tài xế, ra hiệu rẽ trái. Chiếc xe rẽ lên đường Tòa Án, chạy ra ngoài đường viền trắng của bức hình nên biến mất.

Chiếc Pierce-Arrow cùng mấy chiếc Chevrolet, Packard bắt đầu lăn bánh, chạy ngược chạy xuôi qua ngã tư. Sau khoảng hai mươi tám năm, đuôi áo khoác của người đàn ông trong hình hoàn thành vòng bay phấp phới. Ông kéo mũ chặt hơn rồi bước tiếp.

Hai cậu bé vòng lại, xoay mặt hẳn về phía ống kính, và liền sau đó, Richie biết hai người trong tấm hình đang quan sát thứ gì, bởi một con chó ghẻ lở lê bước băng qua đường Trung Tâm. Cậu bé mặc đồ thủy thủ – Bill – đưa hai ngón tay lên khoe miệng và huýt sáo. Sững sờ đến độ không tài nào cử động hay suy nghĩ nổi, Richie nhận ra cậu có thể *nghe thấy* tiếng huýt sáo, có thể *nghe thấy* tiếng động cơ xe ồn ã. Âm thanh bập bùng như thể nghe qua lớp kính dày, nhưng vẫn đê là chúng thực sự vang lên.

Con chó liếc nhìn về phía hai cậu bé rồi đi tiếp. Hai cậu nhìn nhau, phá lên cười rinh rích. Họ tiếp tục bước đi, đoạn Richie trong chiếc quần ngang gối chộp lấy tay Bill và chỉ về phía Kênh Đào. Họ rẽ sang hướng đó.

Đừng, Richie thầ nghĩ, đừng làm thế, đừng...

Hai người đi đến bờ tường bê tông thì bất thành linh, một gã hề bật lên từ bờ đê như món đồ chơi khảm gốm ghiếc, gã hề với khuôn mặt của Georgie Denbrough, tóc vuốt ngược ra sau, miệng nhả nụ cười tàn độc, máu me nhoe nhoét, hai hốc mắt là hai lỗ đen đúa. Một tay hẳn cần

dây cột một chùm ba quả bóng bay. Hắn thò tay kia về phía cậu bé mặc đồ thủy thủ và chớp lấy cổ cậu.

“*Kh-Kh-KHÔNG!*” Bill ré lên, đưa tay về phía bức hình.

Cậu đưa tay vào *trong* bức hình ấy!

“*Ngừng lại, Bill!*” Richie hét lên và chớp lấy bạn mình.

Suýt chút nữa thì đã quá muộn. Cậu trông thấy đầu ngón tay của Bill đi qua bề mặt tấm hình và bước vào thế giới bên trong. Cậu trông thấy đầu ngón tay biến từ màu hồng hào của da thịt sang màu đục xám như xác ướp trong những bức hình cũ. Cùng lúc, chúng trở nên nhỏ và xa xôi, tựa hồ ảo ảnh thị giác ta trông thấy khi thọc một tay vào tô thủy tinh đựng nước: phần tay dưới nước trông như đang trôi lênh phênh, chia tách và cách xa phần tay ở ngoài mặt nước vài phân.

Một loạt vết cắt chi chít rạch lên phần đầu ngón tay Bill ở vị trí giao với tấm hình; tựa hồ cậu vừa dứt tay vào cánh quạt chứ không phải vào trong một bức ảnh.

Richie chớp lấy tay cậu và kéo thật mạnh. Cả hai ngã vật ra sau. Cuốn album của George văng xuống sàn và đóng sập lại khô khốc. Bill dứt tay vào miệng. Mắt cậu nhòe lệ vì đau. Richie có thể thấy máu rỉ thành đường chảy từ lòng bàn tay xuống khuỷu tay Bill.

“Để tớ xem nào,” cậu nói.

“Đ-Dau quá,” Bill lắp bắp. Cậu ngửa lòng bàn tay, chìa ra cho Richie xem. Ngón trỏ, ngón giữa và ngón áp út của cậu bị rạch những đường song song như bậc thang. Ngón út chưa chạm vào bề mặt bức hình (ấy là giả như nó có bề mặt), và dù ngón út chưa bị cửa vào, lúc sau, Bill kể với Richie móng tay của cậu bị xén gọn như cắt bằng kéo bấm móng chuyên dụng.

“Lạy Chúa, Bill,” Richie nói. Băng cá nhân. Cậu chỉ nghĩ được chừng đó. Chúa ơi, cũng may số hai người bọn họ còn đồ – nếu cậu không kéo tay Bill ra, có khi ngón tay cậu ấy đã đứt lìa chứ không chỉ bị cắt thế này. “Mình phải băng bó lại. Mẹ cậu có thể...”

“Đ-Đ-Đừng l-lôi m-mẹ t-tớ vào.” Bill nói. Đoạn cậu cậ̀n cuốn album lên, khiến máu nhỏ giọt xuống nện nhà.

“Đừng mở nó ra nữa!” Richie ré lên, cuống cụng chop lấy vai Bill. “Lạy Chúa tôi, Billy, suýt chút nữa cậu cụt tay rồi đó!”

Bill đẩy tay bạn mình ra. Đoạn cậu lật cuốn album với vẻ mặt đầy kiên định khiến Richie lạnh gáy. Đôi mắt Bill như phát cụng. Những ngón tay bị thương khiến album của George nhoẻn nhoét máu – hiện giờ, trông nó chưa giống xốt cà chua cho lắm, nhưng qua thời gian, khi khô lại, nó cũng sẽ giống y như vậy mà thôi. Chắc chắn là thế.

Và khung cảnh trung tâm thị trấn lại hiện ra trước mặt cậu.

Chiếc Model-T vẫn đứng giữa ngã giao. Những chiếc xe khác vẫn yên vị ở chỗ vốn có. Người đàn ông tiến về ngã tư giữ vành chiếc mũ phớt của mình, áo khoác của ông ta bay phất lên.

Hai cậu bé kia đã biến mất. Trong tấm hình không còn đứa trẻ nào. Nhưng...

“Nhìn này,” Richie thì thầm và đưa tay chỉ. Cậu cẩn trọng giữ cho đầu ngón tay cách bức ảnh một khoảng xa. Có gì đó cong cong lấp ló bên kia bờ tường bê tông ở rìa Kênh Đào - trông như định của một vật hình tròn.

Như quả bóng bay chẳng hạn.

5

Hai đứa trẻ bước ra khỏi phòng George vừa kịp lúc. Giọng của mẹ Bill

vang lên ở cuối bậc cầu thang, bóng bà in hằn trên tường.

“Hai đứa vật lộn đấy à?” Bà nghiêm giọng hỏi. “Mẹ nghe thấy có tiếng r ãn r ãn.”

“Dạ m-m-một chút thôi m-mẹ.” Bill lừ mắt nhìn Richie, ý nói *Đừng bép xép*.

“Ừ, thôi ngay cho mẹ. Mẹ còn tưởng tr ãn nhà sắp sập lên đầu mẹ đến nơi r ãi.”

“D-D-Dạ vâng.”

Họ nghe thấy tiếng bà quay trở lại phòng khách. Bill quấn khăn mùi xoa xung quanh bàn tay đang chảy máu của mình, khăn nhuộm đỏ r ãi tong tong rỉ máu. Hai cậu bé bước xuống nhà vệ sinh, Bill đưa tay vào dưới vòi nước cho đến khi c ãn máu. Sau khi rửa sạch, vết cắt nhìn mảnh nhưng sâu hoắm. Nhìn miệng vết thương màu trắng và phần thịt đỏ bên trong khiến Richie cảm thấy bụng cậu quặn lên. Cậu hồi hã dán băng cá nhân vào vết thương cho Bill.

“Đ-Đ-Đau như quỷ,” Bill nói.

“Chán cậu thật đấy, cậu nghĩ gì mà tự dừng lại đưa tay vào đó thế hả?”

Bill nhìn những vòng băng cá nhân quấn quanh ngón tay mình, mặt đanh lại, đoạn cậu ngược nhìn Richie. “Ch-Ch-Chính là g-g-gã h ã” cậu nói. “H-Hắn đã gi-giả dạng G-G-George.”

“Cậu nói đúng,” Richie đồng tình. “Cũng chính gã h ã đã giả dạng xác ướp mà Ben trông thấy. Và chính hắn đã giả dạng gã mắc bệnh mà Eddie gặp.”

“Gã h-h-hủi.”

“Phải.”

“Nhưng c-có th-th-thật hần chỉ l-là gã h-h-hề thôi kh-không?”

“Đó là một con quái vật,” Richie thẳng thừng. “Một con quái vật trú ngụ ngay tại Derry và giết hại trẻ em.”

6

Một ngày thứ Bảy nọ, không lâu sau sự kiện con đập ở Vùng Đất Cằn với ông Nell, bức hình biết cử động, Richie, Ben và Beverly Marsh chạm trán với quái vật – nhưng không chỉ một mà tận hai con, chưa hết, họ phải trả ti tiền để làm đi ầu đó. Hay nói đúng hơn là Richie trả. Những con quái vật này chỉ đáng sợ chứ không nguy hiểm; chúng rình rập nạn nhân của mình trên màn hình trong Rạp chiếu phim Aladdin trong khi Richie, Ben và Bev đứng trên ban công nhìn xuống.

Một trong hai con quái vật là Người sói do Michael Landon thủ vai, nhìn vẫn ngầu vì ngay cả khi là Người sói, anh để kiểu tóc trông như bông vịt. Tên quái vật còn lại là một tay chết vì lái xe độ, do Gary Conway thủ vai. Hần ta được h ồi sinh bởi hậu duệ của Victor Frankenstein, tay này cất trữ các bộ phận cơ thể người, phần nào không cần lại ném cho cá sấu hần nuôi trong t ầng hầm. Chương trình còn chiếu: Thời sự MovieTone trình diễn những mẫu thời trang mới nhất của Paris và vụ nổ tên lửa Vanguard mới nhất ở Mũi Canaveral (vì một số lý do, chiếc mũ Chilly Willy đội lúc nào cũng khiến Richie cười nắc nẻ), và GIỚI THIỆU PHIM HẤP DẪN SẮP TỚI. Richie ngay lập tức xếp hai bộ phim này vào danh sách phải xem sắp tới của mình: *Tôi cưới quái vật ngoài hành tinh* và *Quái vật Blob*.

Ben im như thóc trong suốt buổi chi ều. Ban nãy, suýt chút nữa cậu bạn Haystack đã bị Henry, O ơ Hơi và Victor phát hiện, nên Richie tưởng mặt mày cậu ủ dột là vì thế. Tuy nhiên, Ben đã quên bằng đám côn đ ồ kia (bọn

chúng ng ỡ gần màn hình phía dưới, ném bắp rang bơ vào nhau và hú hét ồm tỏi). Beverly là lý do cậu im thin thít. Ở gần cô thế này khiến cậu choáng ngợp đến độ xây xẩm mặt mày. Cả người cậu nổi hết da gà, và chỉ cần có cựa quậy trong chỗ ng ỡ, da của cậu lại nóng bừng lên như thể phát sốt xuất huyết. Khi tay cô với đến hộp bắp rang bơ và quệt phải tay cậu, cậu run rẩy như vút lên chín tầng mây. Về sau, cậu nghĩ lại ba giờ ng ỡ trong bóng tối cạnh Beverly là khoảng thời gian vừa dài nhất và cũng vừa ngắn nhất của cậu.

Không hay biết Ben đang ngụp lặn gần chết đuối trong bể tình, Richie tỉnh rụi. Trong từ điển của cậu, thứ duy nhất hay ho hơn bộ phim *Francis*, *chú la biết nói* là những bộ phim kinh dị trong rạp chiếu phim đầy trẻ con, tất cả cùng la hét ồm tỏi ở những khúc ghê sợ. Tất nhiên, cậu không liên hệ những chi tiết xảy ra trong hai bộ phim kinh phí thấp của hãng American-International Pictures mà họ đang xem với những gì diễn ra trong thị trấn... chí ít là lúc ấy thì chưa.

Sáng thứ Sáu, nhìn thấy quảng cáo chương trình *Sinh đôi Chấn động* chiếu sáng thứ Bảy trên tờ *News*, cậu ngay lập tức quên băng đêm trước mình trần trọc mất ngủ ra sao - rốt cuộc cậu đã phải dậy bật đèn trong nhà vệ sinh, hành động ấy quả là con nít, nhưng cậu không chộp mắt được chút nào cho đến khi làm vậy. Thế mà qua sáng hôm sau, mọi thứ dường như bình thường trở lại... chà, gần gần như thế. Cậu nghĩ có khi cậu và Bill gặp chung một ảo giác. Tất nhiên những vết cắt trên ngón tay Bill không phải ảo giác, nhưng có khi chỉ là do một số tờ giấy trong album hình của Georgie sắc quá nên cứa vào tay. Tính ra giấy khá dày nên biết đâu đấy, có thể lắm. Hơn nữa, có luật lệ nào bắt cậu phải nghi ngờ ngấm về việc đó trong mười năm tới không? Làm gì có.

Vì thế, sau một trải nghiệm đủ để người lớn tìm đến bác sĩ tâm thần gần nhất, Richie Tozier thức giấc, ních đầy một bụng bánh nướng vào bữa sáng, trông thấy quảng cáo của hai bộ phim kinh dị trên mục Thông tin Giải trí của tờ báo, kiểm tra ti tiền tiêu vặt, nhận ra mình có hơi ít (hay nói đúng hơn là gần như “không xu dính túi”), đoạn nài nỉ bố cậu cho mình làm việc nhà.

Ngồi ở bàn, khoác áo nha sĩ màu trắng, bố cậu đặt tờ Thể thao xuống và rót cho mình ly cà phê thứ hai. Ông có vẻ ngoài ưa nhìn với khuôn mặt khá ốm. Ông đeo cặp kính gọng sắt, hơi hói phía sau đầu và sẽ qua đời vì ung thư thanh quản vào năm 1973. Ông nhìn vào mẫu quảng cáo mà Richie chỉ.

“Phim kinh dị à?” Wentworth Tozier hỏi.

“Dạ,” Richie đáp, miệng cười rộng đến mang tai.

“Chắc con muốn đi chứ gì?” Wentworth Tozier tiếp tục.

“Dạ phải!”

“Chắc con sẽ thất vọng đến độ co giật mà chết nếu không được xem hai bộ phim nhảm nhí ấy đúng không?”

“Vâng ạ, đúng rồi, con sẽ thất vọng chết mất! Con dám cá luôn!Ặc Ặc!” Richie ngã khỏi ghế, rơi xuống sàn nhà, tay bấu chặt họng, lưỡi thè ra. Cách làm chẳng giống ai, nhưng phải công nhận Richie có nét rất duyên.

“*Ôi Chúa ơi, Richie, con thôi giùm mẹ được không?*” Mẹ cậu nói vọng ra từ bếp lò, bà đang chiên cho cậu hai quả trứng để ăn kèm với bánh nướng.

“Chậc, Rich này,” bố cậu lên tiếng sau khi Richie ngồi lại ngay ngắn. “Chắc bố quên cho con ti tiền tiêu vặt vào thứ Hai phải không. Chứ bố không nghĩ ra lý do nào khác giải thích cho việc con cần thêm ti tiền vào thứ Sáu

như vậy.”

“Thì...”

“Hết rồi à?”

“Thì...”

“Chủ đề này quá sức thâm sâu với một cậu nhóc ăn xổi ở thì nhỉ,” Wentworth Tozier tiếp tục. Ông chống khuỷu tay lên bàn và lấy hai lòng bàn tay ôm cằm, nhìn cậu con trai duy nhất với vẻ đầy hứng thú. “Tiền đâu hết rồi?”

Richie ngay lập tức đổi qua giọng nói của Toodles – quản gia người Anh. “Sao? Tôi dùng đấy, thì có làm sao thừa nhà nước? Chúng ta chia là đôi ngả từ đây! Kẻ hèn này chỉ góp cho cuộc chiến sức mạn thôi mà. Toàn dân phải góp sức đánh bại lũ phát xít Đức, chẳng phải sao? Vận nước lâm nguy đấy thôi? Nước mất nhà tan? Ta chỉ có nước...”

“Cạp đất mà ăn,” Went vui vẻ tiếp lời và với lấy lọ mứt dâu.

“Cho em xin, mới sáng sớm mà hai bố con đã nói linh tinh là thế nào,” Maggie Tozier nói với chồng trong lúc mang trứng chiên ra bàn cho Richie. Bà quay sang nói với cậu con trai: “Mẹ chẳng hiểu tại sao con lại muốn nhét vào đầu ba cái thứ nhảm nhí ấy.”

“Trời, mẹ kỳ quá,” Richie than van. Ngoài mặt, cậu làm ra vẻ tổn thương nhưng trong lòng như mở cờ. Cậu đọc vanh vách bố mẹ cậu như đọc sách những cuốn sách cậu trân quý hết mực và đọc đi đọc lại cả trăm lần - và cậu dám chắc cậu sẽ có được thứ cậu muốn: bố mẹ sẽ giao việc rồi cho phép cậu đi xem phim vào chiều thứ Bảy.

Went cúi người về phía Richie và nhoẻn miệng cười. “Bố vừa nghĩ ra một việc đo ni đóng giày cho con đây,” ông lên tiếng.

“VẬY HẢ BỐ?” Richie hỏi và cười đáp lại... với chút dè chừng.

“Ừ, phải. Con biết bãi cỏ nhà mình chứ, Richie? Con đâu lạ gì, đúng không?”

“Chính xác, thừa nhà nước,” Richie nói, tiếp tục đóng giả Toodles. “Hơi um tùm phải không ạ?”

“Chuẩn, chuẩn,” Went hòa theo. “Và con, Richie, con sẽ ra tay cứu chữa tình trạng ấy.”

“Con ấy ạ?”

“Chứ còn ai trông khoai đất này. Cắt cỏ nhé, Richie.”

“Dạ được, con sẽ làm.” Richie nói, nhưng nghi ngờ chột nổi lên trong đầu cậu. Có khi bố cậu không chỉ nói tới bãi cỏ trước nhà.

Wentworth Tozier nghe rằng nở nụ cười như con cá mập săn mồi. “Tất tần tật nhé, tiểu tử ngốc nhà ta. Sân trước. Sân sau. Hai bên hông nhà. Khi nào con làm xong thì ta sẽ trả công cho con bằng hai tờ màu xanh, một mặt có hình George Washington, mặt kia có hình kim tự tháp con mắt nhìn thấu tất cả.”

“Bố nói gì con không hiểu,” Richie nói, không muốn tin vào điều mình vừa nghe thấy.

“Hai đô-la.”

“Hai đô la để cắt hết *toàn bộ bãi cỏ* sao?” Richie ré lên, hết sức phật ý. “Bãi cỏ nhà mình to nhất khu này đó! Bố thật là quá đáng mà!”

Went thở dài và cầm tờ báo lên xem. Richie đọc được dòng tít trên trang nhất: CẬU BÉ MẮT TÍCH LÀM DẤY LÊN LO SỢ MỚI. Cậu thoáng nghĩ đến cuốn album hình kỳ lạ của George Denbrough nhưng hẳn đó chỉ là ảo giác mà thôi... nếu không phải đi chẳng nữa, đó là chuyện ngày hôm qua,

còn hôm nay là ngày mới r ồi.

“Vậy chắc con không thích xem mấy bộ phim đó nhiều như con tưởng r ồi,” Went cất tiếng từ sau tờ báo. Phút sau, ông nhướng mắt khỏi báo và nhìn Richie thăm dò. Về mặt ông có đôi phần tự mãn. Về mặt như kẻ cần Tứ Quý trong tay đang âm thầm liếc mắt thăm dò đối thủ.

“Khi hai anh em sinh đôi nhà Clark cắt cỏ cho nhà mình, bố cũng cho mỗi đứa hai đô-la mà!”

“Đúng r ồi,” Went không phản đối. “Nhưng theo như những gì bố biết, hai đứa nó không muốn đi xem phim vào ngày mai. Hoặc nếu có, hai cậu bé đã để dành một khoản vừa đủ r ồi, vì gần đây chúng không lảng vảng đến xem tình hình vườn tược nhà mình. Còn con thì khác, con muốn đi xem phim nhưng lại không có đủ chi phí. Con đang thấy áp lực quặn lên trong bụng phải không, là vì năm cái bánh nướng và hai quả trứng con vừa ăn sáng thôi, Richie, hay là tại bố đẩy con vào tình thế tiến thoái lưỡng nan nhỉ? Sao nào?” Đôi mắt của Went lại biến mất đằng sau tờ báo.

“Bố chơi xấu con kìa mẹ,” Richie mách mẹ, lúc này bà đang ăn miếng bánh mì nướng không bởi bà lại lên kế hoạch giảm cân. “Thế này là chơi xấu, con mong mẹ biết đi ầu đó.”

“Ừ, r ồi, mẹ biết r ồi,” mẹ cậu qua loa. “Trứng dính trên cằm con kìa.”

Richie chùi miếng trứng trên cằm. “Ba đô-la nếu con làm xong xuôi trước khi bố về nhà vào tối nay thì sao ạ?” Cậu hỏi tờ báo.

Đôi mắt bố cậu lại ló lên. “Hai đô rưỡi.”

“Trời ơi,” Richie rên. “Bố tính bắt chước Jack Benny diễn hài hay sao không biết.”

“Thần tượng của bố đấy,” Went nói từ đằng sau tờ báo. “Quyết định

nhanh đi, Richie. Để bố còn đọc nốt bảng tỉ số.”

“Con làm,” Richie nói và thở dài. Khi bố mẹ đi guốc trong bụng ta, họ thừa sức quay ta như chong chóng. Được cái nghĩ lại, cậu thấy cũng vui. Cậu có thể vừa cắt cỏ vừa liên thâu tập nói các Giọng của mình.

7

Đến 3 giờ chiều thứ Sáu, cậu cắt xong bãi cỏ trước, sau và hai bên hông nhà, thế là qua thứ Bảy, cậu dắt túi quần jean hai đô-la và năm mươi xu. Gần cả kho tài r ồi còn gì. Cậu gọi Bill nhưng Bill ủ rũ nói mình phải lên Bangor để kiểm tra âm ngữ trị liệu.

Hết sức cảm thông với bạn mình, Richie cố hết sức nhái giống Giọng Bill Cà Lăm: “V-V-Vùng lên đ-đ-đi chứ, B-Bill T-T-To bự.”

“T-Tớ ch-cho cậu ă-ăn đ-đập bây giờ, T-T-Tozier,” dứt lời, Bill cúp máy.

Tiếp đến, cậu gọi cho Eddie Kaspbrak nhưng Eddie có vẻ còn âu s ầu ủ ê hơn cả Bill – số là mẹ cậu vừa mua vé xe buýt nguyên ngày, và hai mẹ con sẽ đến thăm dì của Eddie ở Haven và Bangor và cả Hampden. Cả ba người bọn họ đều có thân hình phì nhiêu như bà Kaspbrak và còn vườn không nhà trống.

“Thế nào các dì cũng béo má tớ và bảo tớ lớn nhanh thế này thế kia cho mà xem,” Eddie than.

“Đó là bởi các dì thấy cậu dễ thương chứ sao, Eds -giống tớ vậy. Lần đầu tiên gặp cậu, tớ thấy cậu đáng yêu khủng khiếp.”

“Cậu có biết nhiều lúc cậu hâm lắm không hả Richie?”

“Gió t ăng nào gặp mây t ăng đó đấy, Eds, đừng có mà tỉnh t ướng. Thế t ư ần sau cậu có đến Vùng Đất Cằn không?”

“Chắc có, nếu các cậu đi thì tớ đi. Muốn chơi súng không?”

“Cũng được. Nhưng... tớ nghĩ tớ và Bill To Bự có chuyện muốn kể với các cậu.”

“Chuyện gì thế?”

“Nói cho đúng thì thật ra đó là chuyện của Bill. Gặp cậu sau nhé. Chơi với dì vui về.”

“Vui quá cơ.”

Cuộc gọi thứ ba của cậu là cho Stan Quân Tử, nhưng bố mẹ đang hét ra lửa với cậu ta vì cái tội làm bể cửa sổ đón ánh sáng. Số là cậu này lấy đĩa bánh ra để chơi trò ném đĩa, chẳng may nó lảng vào cửa kính đánh choang. Rốt cuộc, cậu bị phạt làm công việc nhà suốt cuối tuần này, và có lẽ cả cuối tuần sau. Richie hết sức thương xót cho Stan và hỏi sang tuần tới liệu cậu có xuống Vùng Đất Cằn không. Stan bảo hên xui, tùy thuộc vào việc phụ thân đại nhân có cấm túc cậu hay không.

“Ôi trời, Stan ời, có mỗi cái cửa sổ thôi mà,” Richie nói.

“Ừ, cửa sổ thôi, nhưng nó bự lắm,” Stan đáp rồi cúp máy.

Chuẩn bị rời khỏi phòng khách thì Richie nghĩ đến Ben Hanscom. Cậu lục tìm trong cuốn sổ danh bạ điện thoại và tìm thấy một người mang tên Arlene Hanscom. Đây là người phụ nữ duy nhất mang tên Hanscom trong danh sách bốn số, Richie đoán hẳn đó là số điện thoại nhà Ben và quay số.

“Tớ cũng muốn đi lắm, nhưng tớ hết tiền tiêu vặt rồi,” Ben kể. Cậu có vẻ rầu rĩ và ngưng ngừng khi thú nhận chuyện đó – bởi thật ra cậu đã vung sạch tiền để mua kẹo, sô-đa, bìm bìm và bò khô.

Không có gì ngoài đi đầu kiện (và không muốn đi xem phim một mình), Richie bèn rủ: “Tớ đang rùng rình. Để tớ cho cậu mượn rồi trả tớ sau cũng được.”

“Hả? Thật à? Cậu cho tớ mượn sao?”

“Chứ còn gì nữa,” Richie bối rối hỏi lại. “Có gì đâu mà không được.”

“Được quá!” Ben reo mừng. “Được quá trời được! Hai bộ phim kinh dị luôn! Cậu bảo một trong hai phim là về Người sói phải không?”

“Ừ.”

“Trời đất ơi, tớ mê phim Người sói nhất trần đời!”

“R ồi r ồi, Haystack, bình tĩnh kéo dài ra qu ần bây giờ.”

Ben phá lên cười. “Gặp cậu trước rạp Aladdin nhé?”

“Ừ, được đó.”

Richie cúp máy r ồi tr ần ngâm nhìn điện thoại. Chợt cậu nhận ra trước giờ Ben Hanscom lúc nào cũng chỉ thui thủi một mình. Và đi đâu đó khiến cậu cảm thấy mình thật oai hùng. Vừa véo von huyết sáo, cậu vừa chạy lên lầu lấy mấy cuốn truyện để đọc trước giờ chiếu.

8

Hôm ấy là một ngày ngập nắng, gió hiu hiu mát mẻ. Richie nhảy chân sáo dọc theo con đường Trung Tâm dẫn đến rạp Aladdin, ngón tay búng tanh tách, miệng thì th ần ngâm nga bài *Rockin' Robin*. Tâm trạng cậu phơi phới. Đi xem phim lúc nào cũng khiến cậu như mở cờ trong bụng - cậu thích mê thế giới diệu kỳ, nơi ấp ủ những giấc mơ diệu kỳ ấy. Cậu thấy xót thương làm sao những mảnh đời phải dậm sập dậm ngửa thực hiện những công chuyện tẻ ngắt vào một ngày như thế này - Bill đi kiểm tra âm ngữ trị liệu, Eddie đi thăm dì, còn Stan Quân Tử tội nghiệp phải cọ bạc th ền trước nhà, quét dọn ga-ra suốt buổi chiều vì cái đĩa bánh oái oăm cậu ta ném lại lia sang phải trong khi khở chủ muốn nó lia sang trái.

Richie lấy yo-yo cất trong túi sau và tìm cách thả yo-yo sao cho nó quay

vòng vòng ở cuối dây. Đây là ngón nghề mà Richie khao khát học được nhưng có công mài sắt mà chưa thấy ngày nên kim. Thứ chết bầm chết bầm này nhất định không tuân theo ý cậu. Cậu thả xuống nó lại bật lên ngay, còn nếu không bật lên thì nó lại nằm im dưới đầu dây.

Leo lên giữa chừng ngọn đồi đường Trung Tâm, cậu trông thấy một cô gái mặc váy xếp ly màu be và áo cánh sát nách màu trắng đang ngồi trên băng ghế bên ngoài tiệm thuốc Shock's. Có vẻ cô bạn ấy đang ăn kem ốc quế hồ trần. Mái tóc màu nâu đỏ rực rỡ với những lọn ánh bạc hoặc ngả vàng hoe buông xuống vai cô. Richie biết duy nhất một cô gái với mái tóc đặc biệt như vậy: không ai khác ngoài Beverly Marsh.

Richie rất thích Bev. À, cậu thích cô ấy nhưng không phải theo nghĩa đó. Cậu ngưỡng mộ dung mạo của cô (và biết không chỉ mình cậu như thế...những cô nàng như Sally Mueller và Greta Bowie ghét cay ghét đắng Beverly, dù họ còn quá non nớt nên chưa lý giải nổi tại sao thứ gì mình cũng dễ dàng có trong tay... nhưng vẫn tị nạnh nhan sắc với một con bé sống trong khu chung cư xập xệ ở đường Chính Phố Dưới), nhưng nhìn chung, cậu thích cô vì cô mạnh mẽ và rất có khiếu hài hước. Chưa kể, thỉnh thoảng cô còn hút thuốc. Tóm lại, cậu thích cô bởi cô là một đứa chơi được. Dẫu vậy, đôi lần, cậu vẫn băn khoăn nghĩ không biết cô mang quần chip màu gì dưới mấy chiếc váy khá sồn kia, mà đó không phải đi đâu ta tò mò về những người bạn của mình, đúng chứ?

Nói gì thì nói, Richie phải công nhận vẻ ngoài của Bev rất ưa nhìn.

Tiến lại gần băng ghế chỗ cô bạn đang ngồi ăn kem, Richie cột lại thắt lưng của chiếc áo khoác vô hình mình đang mặc, kéo chiếc mũ phớt cũng vô hình trên đầu xuống và giả vờ mình là Humphrey Bogart. Và khi nhái đúng Giọng, cậu trở thành vị tài tử ấy - chí ít là cậu tự nhận thấy thế. Còn

trong mắt người khác, cậu vẫn là thằng nhóc Richie Tozier, mỗi tội hơi ồm ồm thôi.

“Xin chào, bóng hồng” cậu nói, lảo lắt bước đến băng ghế nơi Bev đang ngồi và đưa mắt mờ màng nhìn xe cô. “Nàng ngồi đợi xe buýt làm gì cho phí hoài. Bọn phát xít đã chặn đường lui của ta. Chuyến bay cuối cùng sẽ cất cánh lúc nửa đêm. Nàng hãy đáp chuyến ấy. Anh ta cần nàng, hỡi bóng hồng. Ta cũng vậy... nhưng ta rồi sẽ đâu vào đấy.”

Richie đang nhái lại lời thoại của nhân vật Rick do tài tử Humphrey Bogart thủ vai trong bộ phim Casablanca (1942). Trong phân đoạn này, nhân vật Rick đang thúc giục nữ chính Ilsa lên chiếc máy bay đến Lisbon cùng Laszlo.

“Xin chào, Richie,” Bev cất tiếng, và khi cô quay sang, cậu trông thấy vết bầm tím đen trên má phải, tím như cánh con quạ phủ bóng lên đó. Khoảnh khắc ấy, cậu bàng hoàng trước dung mạo xinh đẹp của cô... phải đến lúc ấy cậu mới nhận ra nhan sắc của cô tuyệt trần đến nhường nào. Trước giờ, cậu chưa từng nghĩ không phải chỉ trên phim ảnh mà ngoài đời vẫn có những cô gái đẹp, hoặc cậu cũng quen một người đẹp đến thế. Có lẽ chính vết bầm đã cho cậu trông thấy tiềm ẩn dưới kia là vẻ đẹp của cô – một thứ vốn tương phản, khiếm khuyết ban đầu lôi kéo sự chú ý của ta lại làm bật lên tất cả: đôi mắt xanh xám, bờ môi đỏ mọng, làn da màu kem không chút tì vết. Điểm xuyết trên mũi là vài đốm tàn nhang li ti.

“Cậu có thấy thứ gì đó non và xanh không?” cô hỏi, thô bạo hất đầu.

“Có nàng đấy, bóng hồng ời,” Richie đáp. “Nàng non và xanh như miếng phô mai limberger vậy. Nhưng khi chúng ta đưa nàng ra khỏi Casablanca, nàng sẽ được chữa trị trong bệnh viện sang chảnh nhất có thể. Ta sẽ khiến nàng trắng trở lại, ta thề với danh dự là thế.”

“Cậu bớt dở người đi, Richie. Nghe chẳng giống Humphrey Bogart chút nào.” Ngoài miệng thì nói vậy, nhưng cô khẽ mỉm cười.

Richie ng ồi xuống cạnh Bev. “Cậu đi xem phim không?”

“Tớ không có xu nào hết,” cô đáp. “Cho tớ mượn yo-yo của cậu được không?”

Cậu đưa cho cô. “Nhưng tí nữa đưa lại tớ nhé,” cậu nói. “Tớ muốn làm nó quay vòng vòng ở cuối dây lúc thả xuống mà không được. Rõ là chán mớ đời.”

Bev móc ngón tay vào vòng dây, Richie bèn đẩy kính lên sát mũi để quan sát hành động của cô rõ hơn. Cô lật ngửa tay, chiếc yo-yo Duncan nằm gọn trong lòng bàn tay khum khum. Đoạn cô đẩy yo-yo lăn theo ngón trỏ của mình. Nó rơi xuống, nằm yên ở cuối dây. Cô nhúc nhích ngón tay theo động tác ngoắc người khác, chiếc yo-yo bèn bật dây và leo ngược lại lòng bàn tay cô.

“Ôi thiên thần thổ địa ời nhìn kìa ” Richie cảm thán.

“Trò trẻ con thôi mà,” Bev nói. “Nhìn đây này.” cô bung chiếc yo-yo xuống dưới. Sau khi để cho yo-yo xoay vòng vòng dưới cuối dây, cô làm nó chuyển động như thể đang dắt chó đi dạo, chán chê, cô lại giật nó ngược trở lại tay.

“Ôi giỏi, thôi đi,” Richie l ần b ần. “Tớ ghét khoe mẽ lắm.”

“Thế này thì sao?” Bev hỏi và mỉm cười đầy đáng yêu. Cô vung yo-yo từ trước ra sau, khiến chiếc yo-yo Duncan bằng gỗ màu đỏ như trò chơi bóng bật bo-lo mà Richie từng có. Cô còn làm thêm hai lần tuyệt chiêu Vòng quanh Thế giới (suýt chút nữa thì trúng một cụ bà đi ngang qua và bị bà ném cho ánh mắt hình viên đạn). Yo-yo an vị trong tay cô, sợi dây quấn gọn quanh lõi. Sau khi đưa nó lại cho Richie, Bev ng ồi xuống băng ghế.

Richie ng ồi cạnh cô, mắt chữ O m ồm chữ A đ ầy thán phục. Bev nhìn cậu, khúc khích cười.

“Ngậm miệng lại đi kẻo ngáp phải ru ồi bây giờ.”

Richie ngậm miệng ngay lập tức.

“Vớ cả phần cuối ban nãy là hay không bằng hên đấy. Lần đầu tiên trong đời tớ làm được hai lượt Vòng quanh Thế giới mà yo-yo không bị xù đi.”

Lúc ấy, đám trẻ đang đi ngang qua họ để đến buổi chiếu phim. Peter Gordon tím tím cùng Marcia Fadden. Có vẻ cả hai đưa đi cùng nhau, nhưng Richie đoán đơn giản là vì nhà chúng nó cạnh nhau trên Tây Broadway và cả hai chỉ giỏi đề đầu cưới cổ người khác nên mới kéo bè kéo cánh. Hiện tại, tuy chỉ mới mười hai tuổi mà Peter Gordon đã lên cả dề mụn dày. Thỉnh thoảng, hắn ta có đi chung với hội của Bowers, Criss và Hugging, nhưng hắn không có gan phách lối một mình.

Liếc thấy Richie và Bev ng ồi cùng nhau trên băng ghế, hắn í ới hát, “Richie và Beverly, đội rể lên đầu! Đi qua đầu c ầu! Đánh rơi nải chuối! Beverly ng ồi khóc...”

”... Richie ng ồi cười!” Marcia đề lời và phá lên cười hăng hắc.

“Biến đi, con điên,” Bev nói và chữa ngón tay giữa lên với hai người bọn họ. Marcia quay mặt đi, chau mày, tựa như không tin nổi trên đời lại có kẻ hư thân mất nết đến thế. Gordon vòng tay ôm cô nàng r ồi quay đầu ra sau nói với Richie, “Gặp mày sau, đ ồ bốn mắt.”

“Đi mà gặp qu ần sịp của u mày ấy,” Richie nhanh nhẩu (và hơi đoảng) bật lại. Beverly phá lên cười nắc nẻ. Cô dựa vào vai Richie trong một thoáng, đủ lâu để Richie cảm nhận được cái đụng chạm ấy, cái cảm giác nhẹ tựa lông hồng của cô, thật không khó chịu chút nào. Đoạn cô ng ồi

ngay lại.

“Đúng là hai đứa vô duyên,” cô nói.

“Ừ, tớ cá Marcia Fadden tè ra nước hoa hồng.” Richie hòa theo, Beverly lại được dịp cười vỡ bụng.

“Chanel số 5,” cô nói, giọng nghèn nghẹt vì tay đang mãi che miệng.

“Chuẩn,” Richie đáp, dù chẳng hay biết Chanel số 5 là gì. “Bev này?”

“Cậu chỉ tớ cách làm yo-yo quay ở cuối dây được không?”

“Hên xui. Tớ chưa bao giờ chỉ ai hết.”

“Chứ sao cậu biết làm? Ai chỉ cậu vậy?”

Cô khó chịu nhìn cậu. “Chẳng ai chỉ hết. Tớ tự biết làm thôi. Như xoay gậy nghệ thuật vậy đó. Chắc tớ có khiếu...”

“Điều võ dương oai quá đi,” Richie nói và đảo mắt.

“Ừ, tớ cũng tự thấy thế,” cô nàng đáp. “Nhưng tớ không đến lớp học hay gì hết.”

“Cậu biết xoay gậy nghệ thuật thật sao?”

“Thật mà.”

“Chắc lên cấp hai cậu sẽ thành đội trưởng đội cổ vũ quá.”

Cô mỉm cười, nụ cười mà Richie chưa từng nhìn thấy. Nụ cười ấy vừa sắc sảo vừa đa đoan lại vừa chắt chử. Cậu thoáng rụt người trước sức mạnh lạ lùng ấy, giống như lúc cậu rụt người trước bức ảnh chụp trung tâm thị trấn trong cuốn album của George khi nó bắt đầu chuyển động.

“Đó là dành cho những đứa con gái như Marcia Fadden,” cô nói. “Cậu ta, Sally Mueiler và Greta Bowie. Đám con gái tè ra nước hoa hồng. Bố bọn họ góp tiền mua dụng cụ thể thao và đồng phục nên bọn họ được tham gia ngay. Còn tớ có nằm mơ cũng chẳng được vào đội cổ vũ đâu.”

“Trời, Bev, sao cậu nhìn đời u ám thế...”

“Thật đấy, sự thật là thế mà.” cô nhún vai. “Mà kệ đi. Ai thèm nhào lộn và để lộ quần chip ra cho cả triệu người xem kia chứ? Nhìn này, Richie. Quan sát kỹ nhé.”

Trong mười phút tiếp đó, cô chỉ cho Richie cách thả yo-yo để nó quay vòng vòng ở cuối dây. Gần mười phút trôi qua cũng là lúc Richie nắm được sơ lược kỹ thuật, dù cậu chỉ có thể làm cho yo-yo bật lên được nửa đoạn dây sau khi quay.

“Cậu chưa giật ngón tay đủ mạnh, thế thôi,” cô nhận xét.

Richie nhìn đồng hồ trên Quỹ Merrill phía bên kia đường và nhảy dựng lên, đoạn nhanh lẹ nhét yo-yo vào túi sau. “Chết rồi, tớ phải đi đã, Bev. Tớ có hẹn với Haystack. Khéo cậu ấy lại tưởng tớ đổi ý thì xong chuyện.”

“Haystack là ai?”

“À, Ben Hanscom đấy. Nhưng tớ gọi cậu ấy là Haystack. Haystack trong Haystack Calhoun, vận động viên đô vật đó.”

Bev chau mày, “Cậu quá đáng thế. Tớ quý Ben lắm.”

“Đừng đánh con, thưa bà!” Richie ré lên bằng giọng Nhóc Da đen, mắt đảo liên tục và tay vung vẩy. “Đừng đánh con, con sẽ ngoan, thưa bà, con sẽ...”

“Richie,” Bev nghiêm giọng.

Richie thôi đùa giỡn. “Tớ cũng quý cậu ấy mà,” cậu kể. “Vài ngày trước, bọn tớ cùng xây đập ở Vùng Đất Cằn và...”

“Các cậu đến đó hả? Cậu và Ben la cà ở đó sao?”

“Ừ. Bọn tớ đi cả nhóm. Khu đó vui lắm.” Richie lại liếc nhìn đồng hồ. “Tớ thật sự phải xéo đây. Chắc Ben đang đợi rồi.”

“Ừ.”

Cậu khựng lại, ngẫm nghĩ rồi lên tiếng, “Nếu không có việc gì, hay cậu đi chung cho vui.”

“Tớ bảo cậu rồi. Tớ không có tiền.”

“Thì để tớ trả cho. Tớ có mấy đồng đây.”

Cô ném que kem ốc quế ăn dở vào thùng rác gần đó. Đôi mắt cô long lanh ánh xám bạc, ngược lên nhìn cậu. Chúng lấp lánh hào hứng. Cô ra vẻ vén tóc và hỏi, “Ôi chà, có phải có người mời tớ hẹn hò không nhỉ?”

Trong thoáng chốc, Richie dao động, chẳng giống cậu bình thường chút nào. Thậm chí, cậu còn cảm nhận được khuôn mặt mình đang chuyển dần sang màu mặt chín. Cậu cất lời đề nghị ấy một cách hoàn toàn bình thường, như cách cậu rủ Ben đi chơi bạn nãy... trừ việc hình như cậu nói mình sẽ cho Ben mượn tiền thì phải? Đúng vậy. Nhưng cậu chưa dă động gì đến việc vay mượn với Beverly.

Richie chợt cảm thấy kỳ cục. Cậu cúi mặt, tránh ánh nhìn kỳ thú của cô, và phát hiện váy cô hơi kéo lên một chút khi cô rướn người tới trước để thả kem ốc quế vào thùng rác, nên cậu đã trông thấy đầu gối của cô. Cậu nhướn mắt lên nhưng vô ích, giờ thì đập vào mắt cậu lại là vòng một đang nhú của cô.

Mỗi khi bối rối, Richie thường giở trò lơ lửng để đánh lạc hướng, và lần này cũng không phải ngoại lệ.

“Phải! Hẹn hò đó!” Cậu hét lên, quỳ mọc trước cô và chấp tay. “Xin nàng hãy đi cùng ta! Nếu nàng từ chối, ta nguyện hy sinh tấm thân này! Nàng thấy sao?”

“Trời ạ, Richie, cậu hâm quá,” Bev nói và lại khúc khích cười... nhưng

ô kìa, chẳng phải gò má cô nàng cũng ửng hồng đó sao? Chút ửng hồng ấy khiến cô xinh đẹp hơn bao giờ hết. “Đứng lên đi kéo người ta gò cổ cậu bây giờ.”

Cậu đứng dậy và ngã xuống cạnh cô, cảm thấy bản thân đã cân bằng trở lại. Cậu tin rằng khi bị bỏ bùa mê, giả khùng giả điên lúc nào cũng có hiệu quả. “Cậu muốn đi không?”

“Có, đi chứ,” cô đáp. “Cảm ơn cậu nhiều nhé. Nghĩ mà xem! Buổi hẹn hò đầu tiên đấy. Tối nay tớ phải viết vào nhật ký mới được.” Cô vỗ tay trước khuôn ngực đang nhú của mình, chớp mắt lia lịa rồi cười ha ha.

“Thôi, cho tớ hai chữ bình yên,” Richie nói.

Cô thở dài. “Cậu không có tí lãng mạn nào hết vậy.”

“Không có tí xú nào luôn.”

Nhưng đâu đó, cậu cảm thấy lòng mình như reo vui. Thế giới xung quanh chợt thật rõ nét, thật gần gũi. Thỉnh thoảng, cậu bắt gặp mình lén lút liếc nhìn cô. Cô đang ngẩng nhìn bên trong cửa sổ các cửa hàng - nào những bộ váy và váy ngủ của Cornell-Hopley, nào khăn và tô chén ở Nông trang Giảm giá, cậu lén ngẩng mái tóc và quai hàm của cô. Cậu nhìn cánh tay cô lộ ra từ chiếc áo sát nách. Cậu nhìn viền dây áo. Tất cả khiến cậu cảm thấy thật thích thú. Cậu không biết giải thích thế nào, nhưng ngay khoảnh khắc ấy, những gì xảy ra trong phòng ngủ của George Denbrough trở nên thật xa xôi. Đã đến lúc đi, đến lúc gặp Ben, nhưng cậu thầm ước ao giá như mình có thể ngã đây thêm một lát trong lúc đôi mắt cô lơ đãng ngắm nhìn phố xá, vì ngắm cô và được ở bên cô thật vui làm sao.

9

Đám trẻ con lần lượt trả tiền ở cửa soát vé của rạp chiếu Aladdin rồi bước

vào sảnh đợi. Nhìn qua dãy cửa kính, Richie có thể trông thấy một đám đông đang bầu xung quanh quầy kẹo. Máy làm bắp rang bơ đang chạy hết công suất, liên tục nhả ra món ăn vặt ấy, nắp được gắn bản lờ rung lên bật. Cậu chẳng thấy Ben đâu. Cậu hỏi Beverly có trông thấy bóng dáng bạn mình không nhưng cô cũng lắc đầu.

“Hay cậu ấy vào trong r ấ?”

“Cậu ấy bảo cậu ấy không có tiền mà. Con gái Frankenstein đằng kia còn lâu mới cho cậu ấy vào mà không có vé.” Richie chỉ ngón cái về phía bà Cole, vốn có thâm niên soát vé ở Aladdin từ cái thời chỉ có phim câm. Mái tóc nhuộm màu đỏ chói của bà mỏng đến độ ta có thể trông thấy da đầu lộ ra. Đôi môi của bà to tướng, tô màu đỏ mận. Hai má đánh cả mảng phấn hồng. Hàng lông mày kẻ bằng chì đen, Bà là một người theo đảng Dân chủ từ đầu đến chân. Trẻ con nào bà cũng ghét.

“Trời ơi, tớ không muốn đi vào mà không có cậu ấy, nhưng chương trình gần chiếu mất r ấ.” Richie cần nhằn. “Cậu ấy đâu r ấ nhỉ?”

“Hay cậu mua sẵn vé cho cậu ấy r ấ gửi ở phòng vé,” Bev đề nghị. “Khi cậu ấy đến...”

Nhưng ngay lúc ấy, Ben xuất hiện ở góc đường Trung Tâm và đường Macklin. Cậu thở hồng hộc, bụng lắc lên lắc xuống dưới chiếc áo nỉ. Trông thấy Richie, cậu giơ một tay lên vẫy. Và r ấ khi thấy Bev, tay cậu khựng lại giữa không trung. Trong thoáng chốc, mắt cậu mở to. Vẫy tay xong, cậu chậm rãi tiến lại chỗ hai người bạn đang đứng, bên dưới mái vòm rạp chiếu Aladdin.

“Chào cậu, Richie,” cậu nói r ấ liếc nhìn Bev thật nhanh. Như thể cậu sợ nhìn lâu quá, má mình sẽ chuyển sang màu đỏ ửng. “Chào cậu, Bev.”

“Chào Ben,” cô nói, và cả hai lặng thinh bối rối – không hẳn là ngượng

ngập, mà theo Richie cảm thấy, sự im lặng ấy thật ý nghĩa. Cậu còn thoáng cảm thấy ganh tị, bởi giữa hai người bọn họ hẳn đã có gì thứ gì đó xảy ra, và bất kể nó là gì, cậu lại không được dự phần.

“Chao xin, Haystack!” Cậu lên tiếng. “Tưởng cậu cho tớ leo cây chứ. Máy bộ phim này sẽ khiến cậu sợ mà sút mất năm cân không chừng đấy. Ủi chà, уй chà, coi chừng sợ bạc cả tóc nhé. Khi bước chân ra khỏi rạp, cậu sẽ phải kiếm người đẩy cậu đi vì cậu sẽ run bần bật cho mà xem.”

Richie dậm bước đến phòng vé thì Ben chạm vào tay cậu. Ben toan lên tiếng, nhưng khi liếc nhìn thấy Bev đang nở nụ cười với mình, cậu lại lắp bắp nói lại từ đầu. “Tớ đến từ này,” cậu nói, “nhưng tớ phải trốn lên đường và vòng qua khúc quanh khi đám kia xuất hiện.”

“Đám nào kia?” Richie hỏi, dù trong lòng đã lờ mờ biết câu trả lời.

“Henry Bowers. Victor Criss. Huggins Ở Hời. Và vài kẻ khác nữa.”

Richie huýt sáo. “Chắc bọn chúng vào trong rạp chiếu phim rồi. Tớ không thấy chúng đứng mua kẹo.”

“Ừ. Tớ đoán là vậy.”

“Nếu tớ là bọn nó, tớ chẳng bỏ tiền đi mua vé xem phim kinh dị làm gì,” Richie nói. “Tớ chỉ cần ở nhà và nhìn vào gương là đủ. Thế là tiết kiệm được khối tiền.”

Bev cười khanh khách trước câu nói đùa của Richie, còn Ben chỉ khẽ mỉm cười. Tuần trước, Henry Bowers chỉ muốn đập cho cậu một trận, nhưng càng về sau, hắn càng lộ rõ ý muốn kết liễu cậu. Ben dám chắc về điều đó.

“Hay thế này,” Richie lên tiếng. “Chúng mình lên ban công này. Chắc bọn chúng đang khệnh khạng gác chân lên ghế ở dãy hai, dãy ba rồi.”

“Cậu chắc chứ?” Ben hỏi. Cậu không nghĩ Richie hiểu đám côn đồ ấy

khủng khiếp đến mức nào... và tất nhiên, trong số đó, Henry là ác nghiệt nhất.

Nhưng thật ra, ba tháng trước, Richie cũng đã thoát khỏi cảnh bị Henry và bè lũ tay chân của hắn tấn công cho một trận thừa sống thiếu chết trong gang tấc (cậu trốn bọn chúng thành công trong gian hàng đồ chơi ở trung tâm thương mại Freese's) nên cậu hiểu về Henry và đám côn đồ kia hơn Ben tưởng.

“Nếu không chắc chắn thì còn lâu tớ mới vào,” cậu khẳng định. “Đúng là tớ muốn xem mấy bộ phim kia, Haystack ạ, nhưng tớ không muốn phơi thây vì thế đâu.”

“Hơn nữa, nếu bọn chúng dám làm gì tụi mình, chỉ cần báo với ông Foxy để ông ấy tổng cổ chúng ra,” Bev nói. Foxy ở đây là ông Foxworth, một người đàn ông gầy gò, vàng vọt, lúc nào nhìn cũng sần đờ, quản lý rạp Aladdin. Lúc này, ông đang bán kẹo và bắp rang bơ, miệng véo von điệp khúc “Đợi tới lượt nào, đợi tới lượt nào, đợi tới lượt nào”. Trong chiếc áo khoác xơ xác và áo thun vàng ố, trông ông chẳng khác nào một người hộ tang đã chịu nhiều gian truân trong cuộc sống. Bev nghi ngại hết nhìn Bev rồi Foxy và Richie.

“Cậu không thể để đám chúng nó đi đâu khiến cuộc đời cậu được,” Richie nhẹ nhàng nói. “Cậu không hiểu sao?”

“Tớ hiểu,” Ben đáp và thở dài. Thật ra, cậu chẳng hiểu chút nào... nhưng việc Beverly hiện diện ở đây khiến phương trình lệch lạc hết cả. Nếu cô không có mặt, cậu sẽ thử thuyết phục Richie đi xem phim vào một ngày khác. Và nếu Richie khẳng khái, có khi Ben sẽ rút lui. Nhưng Bev đang có mặt ở đây. Cậu không muốn mình trở thành một tên có lá gan thỏ đế trong mắt cô. Chưa kể, việc được ở cạnh cô, trên ban công, trong bóng

tối (dù khả năng cao là Richie sẽ ng ẫ giữa hai người bọn họ) có sức hấp dẫn không tưởng.

“Vậy mình đợi đến khi chương trình bắt đầu chiếu r ẫ mới vào,” Richie đề nghị. Cậu ngoác miệng cười và nắm tay Ben. “Chán cậu, Haystack, cậu tính sống muôn đời hả?”

Lông mày Ben nhíu lại, và r ẫ cậu phì cười. Richie cũng cười theo. Nhìn thấy cảnh ấy, Beverly cũng không khỏi nhoen miệng.

Richie tiến đến phòng vé. Bà Cole Môi Lá Gan nhìn cậu nhăn nhó.

“Xin chào, phu nhân thân mến,” Richie cố hết sức giả Giọng Baron Chết toi. “Tôi đang khao khát có được ba tấm vé để vào xem mấy bộ phim Mỹ thân thương của bà.”

“Thôi làm trò và c ần gì thì nói mau, nhóc con!” Bà Môi Lá Gan quát lên qua lỗ kính tròn, hàng lông mày tô đậm giật lên giật xuống khiến Richie khó chịu đến độ cậu chỉ đẩy tờ đô-la nhàu nhĩ qua ô cửa và l ầm b ầm.

“Cho cháu ba vé ạ.”

Ba tấm vé được đẩy qua khung cửa. Richie c ần lấy. Bà Môi Lá Gan thối cậu hai mươi lăm xu. “Cấm quậy, cấm ném hộp bắp rang, cấm la ó, cấm chạy trong sảnh và hành lang.”

“Vâng ạ,” Richie đáp r ẫ quay trở lại chỗ Ben và Bev đang đứng. “Khi nào thấy một bà già như thế thích con nít, tớ lại thấy ấm lòng.”

Cả ba đứng ở bên ngoài thêm một lát, đợi đến khi chương trình bắt đầu. Ng ẫ trong l ồng kính, Môi Lá Gan lờm lờm nhìn ba đứa với ánh mắt đa nghi. Richie khoe với Bev câu chuyện xây đập ở Vùng Đất Cằn, nhí nhố thuật lại lời ông Nell bằng giọng Tay cóm Ireland mà cậu mới sáng tạo. Ban đầu, Beverly chỉ khúc khích cười, h ẫ sau, cô cười lăn cười bò. Ngay

cả Ben cũng nhoẻn miệng cười, dù đôi mắt cậu vẫn đảo như rang lạc, hết nhìn cửa kính của rạp Aladdin lại chuyển sang nhìn mặt Beverly.

10

Ngồi trên ban công khá ổn. Trong lượt chiếu đầu tiên của bộ phim *Tôi là Frankenstein thiếu niên*, Richie định vị được Henry Bowers và bè lũ côn đồ. Bọn chúng ngồi ở dãy thứ hai, đúng như cậu đoán. Cả nhóm chúng có năm hay sáu người, học khối lớp Năm, lớp Sáu, lớp Bảy, tất cả đều gác đôi mắt hăm hở của mình lên hàng ghế phía trước. Ông Foxy xuống tận nơi, bắt bọn chúng bỏ chân xuống sàn. Chúng làm theo, nhưng ông ấy vừa đi khỏi thì lại ngựa quen đường cũ. Chừng năm đến mười phút sau, ông Foxy lại quay lại và màn diễn như vậy lại bắt đầu. Ông Foxy không dám đuổi thẳng cổ chúng ra ngoài, và bọn chúng thừa biết điều đó.

Bộ phim rất hay. Frankenstein Thiếu niên trông gớm kinh khủng. Nhưng Người sói Thiếu niên lại có phần đáng sợ hơn... có lẽ phần vì trông hắn ta hết sức u sầu. Những gì xảy ra không phải lỗi của hắn. Trong phim, tay tiến sĩ thôi miên đã khiến hắn ra nông nổi này, song tay tiến sĩ thành công là bởi cậu thiếu niên bị biến thành Người sói kìm nén quá nhiều giận dữ và cảm xúc xấu. Henry Bowers cũng là một kẻ đầy cảm xúc xấu, nhưng hắn nhiên, hắn chẳng buồn giấu giếm chúng.

Beverly ngồi giữa hai cậu bạn, nhón bắp rang bơ trong hộp, hét ầm lên, lấy tay che mắt, thỉnh thoảng lại phá lên cười. Khi nhân vật Người sói lén lút bám theo cô gái tập thể dục trong phòng thể thao sau giờ học, cô áp khuôn mặt của mình vào tay Ben, và Richie có thể nghe thấy tiếng Ben há hốc vì ngạc nhiên dù hơn hai trăm đứa trẻ bên dưới đang la hét ồm ồm.

Cuối cùng, Người sói bị giết. Trong phân cảnh cuối, một viên cảnh sát

ng nghiêm trang nói với đồng nghiệp của mình rằng đây là bài học răn dạy chúng ta không nên nhúng tay vào những thứ thuộc quyền hành của Chúa. Rèm khép xuống và đèn bật lên. Khán giả vỗ tay. Richie cảm thấy hết sức hài lòng, thậm chí có chút nhức đầu. Chắc cậu phải đi khám mắt sớm và thay kính. Cậu âu sầu nghĩ, khéo có khi lên tới cấp ba, cậu sẽ đeo cặp đít chai dày như chai nước ngọt mất thôi.

Ben kéo tay áo cậu. “Bọn chúng thấy mình rồi, Richie,” Ben khô khốc cất giọng.

“Hả?”

“Bowers và Criss. Lúc ra về, bọn chúng ngược lên đây. Chúng thấy tớ rồi!”

“Rồi, rồi,” Richie nói. “Bình tĩnh đã, Haystack. Bình tĩnh đã. Bọn mình sẽ ra theo lối cửa phụ. Cậu không có gì phải lo lắng hết.”

Cả ba đi xuống cầu thang, Richie đi đầu, Beverly ở giữa, Ben sau cùng, cứ hai bước lại lăm lết quay đầu kiểm tra một lần.

“Đám đó gây khó dễ cho cậu đến mức đó à, Ben?” Beverly hỏi.

“Ừ, tớ thấy thế,” Ben đáp. “Tớ gây với Henry Bowers vào ngày cuối của học kỳ.”

“Hắn có đập cậu không?”

“Chưa được như mức hắn muốn,” Ben đáp. “Tớ đoán đó là lý do hắn vẫn ghim tớ.”

“Tên Hank Xe Tăng ấy cũng trầy trật vì cậu mà,” Richie lẩm bẩm. “Tớ nghe nói vậy. Chắc hắn ta không vui về vụ đó đâu.” Cậu đẩy cửa thoát hiểm, đưa cả ba người bọn họ bước ra con hẻm nằm giữa rạp Aladdin và nhà hàng Nan. Thấy động, con mèo đang lục thùng rác rít lên rồi vụt ngang

qua họ dọc theo con hẻm cụt chặn bởi hàng rào gỗ. Con mèo trèo qua. Tiếng nắp thùng rác vang lên lanh canh. Bev nhảy dựng lên, chớp lấy tay Richie, đoạn cười mà giọng đầy lo âu. “Chắc tớ vẫn còn sợ sau khi xem phim,” cô phân bua.

“Cậu không...” Richie toan nói.

“Xin chào, thằng chết băm chết vằm,” Henry Bowers lên tiếng từ phía sau.

Giật mình, cả ba bọn họ xoay người lại. Henry, Victor và Ợ Hơi đang đứng ở đầu hẻm. Có thêm hai kẻ đứng hậu thuẫn ở phía sau.

“Thôi xong, biết ngay là thế nào cũng thế này mà,” Ben rầu rĩ.

Richie vội vàng quay ngược trở lại rap chiếu bóng Aladdin, nhưng cửa thoát hiểm đã đóng sập sau lưng cậu và không có cách nào mở cửa từ bên ngoài.

“Nói lời vĩnh biệt đi, thằng chết tiệt,” Henry nói rồi chột nhảy bổ tới Ben.

Lúc đó và cả về sau, đối với Richie, những gì diễn ra tiếp theo gay cấn chẳng khác nào tình tiết trong phim - đơn giản là ngoài đời thực, khó lòng xảy ra những chuyện như thế. Ngoài đời thực, những đứa nhóc bị đánh cho tơi bời hoa lá, nhặt răng rụng rôi lết xác về nhà.

Nhưng lần này thì khác.

Beverly bước tới trước rôi dịch sang một bên, như thể định mặt đối mặt với Henry, khéo là để tay bắt mặt mừng với hắn. Richie có thể nghe thấy tiếng đế giày của hắn nện xuống đất. Victor và Ợ Hơi chạy theo sau, hai kẻ còn lại đứng ở đầu hẻm canh chừng.

“Đề cậu ấy yên!” Beverly hét lên. “Có giỏi thì chọn kẻ to bằng mình mà

đánh!”

“Thằng oắt này to có kém gì xe tải Mack đâu, con khốn,” Henry cục súc gằn lên. “Giờ thì mày tránh ra cho tao...”

Richie giờ chân ra. Cậu làm mà không kịp nghĩ ngợi. Chân cậu tự tiện đưa lên giống như thỉnh thoảng những câu đùa khiến cậu tổn thọ lại không mời mà phát ra từ miệng cậu. Henry vấp phải chân cậu và ngã nhào tới trước. Mặt hèm lát gạch trơn trượt do rác rến tràn ra từ thùng rác đầy ụ của nhà hàng. Henry trượt như xe mất phanh.

Hắn lồm cồm đứng dậy, áo lấm tẩm bột cà phê, đất bùn và vụn xà lách. “*Chúng mày chết với tao!*” Hắn hét lớn.

Từ nãy đến giờ, Ben sợ hãi tới độ. Nhưng lúc này, chợt có thứ gì đánh tách trong đầu cậu. Cậu thét lên tiếng gào rú và chộp lấy một cái thùng rác. Trong khoảnh khắc, quả thật trông cậu rất giống Haystack Calhoun khi nhấc thùng rác lên, khiến rác vung vãi khắp nơi. Khuôn mặt cậu trắng nhợt và đầy thịnh nộ. Cậu ném thùng rác vào gáy tên côn đồ khiến hắn nằm bất tỉnh nhân sự.

“Biến khỏi đây thôi!” Richie hét lên.

Cả bọn lao đến đầu hèm. Victor Criss nhảy ra trước mặt bọn họ. Ben rống lên, cúi đầu húc vào bụng Victor. “Hừ!” Victor rên lên và ngã phịch xuống đất.

Ợ Hơi chộp lấy đuôi gà của Beverly rồi quất cô vào bức tường gạch của rạp Aladdin. Beverly bật ngược trở lại, vừa chạy dọc theo con hèm, vừa xoa tay. Richie chạy đằng sau, giữa đường, cậu chộp lấy nắp thùng rác. Huggins Ợ Hơi vung nắm đấm to cỡ tảng thịt nguội Daisy vào cậu. Richie liền chìa nắp sắt mạ kẽm ra khiến nắm tay Ợ Hơi đập boong một tiếng rõ to, to đến độ nghe rất mượt. Richie cảm nhận được chấn động chạy dọc

theo tay cậu lên vai. Ở Hơi hét văng, nhảy lên nhảy xuống như con chơi chơi, nắm lấy bàn tay đang sưng phồng của hắn.

“Xa xa đằng kia là lều của phụ thân ta,” Richie đồng dục nói, bắt chước khá giống Giọng Tony Curtis rồi bay biến chạy theo Ben và Beverly.

Một trong hai đứa còn đứng ở đầu hẻm bắt được Beverly. Ben lao vào quần thảo với hắn. Kẻ còn lại bắt đầu thụi túi bụi vào gáy Ben. Richie vùng chân mức thẳng vào mông kẻ đang thụi gáy Ben. Hắn ré lên vì đau. Richie chộp lấy tay Beverly, tay kia nắm lấy tay Ben.

“Chạy mau!” Cậu hét lên.

Kẻ Ben quần thảo này giờ buông Beverly ra và lao vào đấm Richie. Tai cậu đau đến nổ đom đóm trong chốc lát, rồi nó tê dại và ấm nóng hơn. Một tiếng rít bắt đầu văng lên trong đầu cậu. Âm thanh giống như tiếng ta phải nghe ra khi cô y tá trong trường áp tai nghe để kiểm tra thính lực.

Cả ba chạy thẳng xuống đường Trung Tâm. Mọi người trên phố quay lại nhìn theo. Phần bụng to như trống của Ben lắc lư lên xuống. Tóc đuôi gà của Beverly đung đưa. Richie buông tay Ben và dùng ngón cái tay trái giữ kính trên trán để kính không rơi mất. Đầu cậu vẫn ong ong, cậu dám chắc thể nào tai mình cũng sưng vù lên, nhưng cậu thấy sáng khoái vô cùng. Cậu phá lên cười vang. Beverly cười theo. Chốc sau, Ben cũng cười giòn tan.

Họ học tốc chạy đến đường Tòa Án và khuyu xuống băng ghế phía trước đèn cảnh sát: lúc ấy, dường như cả Derry chỉ có mỗi địa điểm này là an toàn cho cả ba người bọn họ. Beverly vòng tay quanh cổ Ben và Richie, cô ôm hai cậu bạn thật chặt.

“Tuyệt quá đi mất!” Đôi mắt cô sáng lấp lánh. “Các cậu có thấy bọn chúng không? Các cậu có thấy không?”

“Tớ có thấy, thấy rất rõ,” Ben thở hừng hực. “Và tớ mong không bao

giờ phải gặp đám bọn chúng nữa.”

Câu nói ấy khiến cả đám phá lên cười lẫn cười bò. Richie e ngại đám du côn do Henry cần đầu sẽ vòng lên đường Tòa Án và tấn bọn họ một trận, bất chấp đây có phải đồn cảnh sát hay không. Nhưng cậu cũng không nhìn được cười. Beverly nói đúng. Mần vừa rồi quả tuyệt cú mèo.

“Đám Cùi Bắp có được một tràng hay ho quá!” Richie cao hứng hét lên. “Ha ha ha ha ha ha!” Cậu khum khum tay quanh miệng và giả Giọng Ben Bernie: *“Hoan hô! Hoan Hô! Hoan hô! Các bạn nhỏ!”*

Một cảnh sát lộ đầu ra khỏi khung cửa sổ để ngỏ trên tầng hai và hét lên: “Đề nghị mấy đứa rời khỏi đây ngay! Ngay lập tức! Đi mau cho chú!”

Richie mở miệng toan nói gì đó hay ho – khéo có khi cậu sẽ vận dụng giọng Tay Cảnh sát Ireland mà mình mới sáng tạo – thì bị Ben đá vào chân. “Thôi ngay, Richie,” cậu nói, gần như không tin nổi mình vừa phát ngôn như thế.

“Phải đó, Richie,” Bev nói và hiên hậu nhìn cậu. “Bíp bíp.”

“Rồi rồi,” Richie nhượng bộ. “Thế giờ các cậu muốn làm gì? Muốn đi tìm Henry Bowers và đề nghị phân giải bằng cách chơi Monopoly à?”

“Cái miệng ăn mắm ăn muối,” Bev nói.

“Hả? Cậu đó nghĩa là gì?”

“Bỏ qua đi,” Bev nói. “Con trai nhiều kẻ đúng là chưa thấy quan tài chưa đổ lệ.”

Ngập ngừng, mặt đỏ như gấc, Ben cất tiếng hỏi: “Kẻ ban nãy có làm tóc cậu đau không, Beverly?”

Cô dịu dàng mỉm cười với cậu, và khoảnh khắc ấy, cô bỗng thấy chắc như đinh đóng cột đi đầu mà cô chỉ bán tín bán nghi trước đó – rằng Ben

Hanscom chính là người gửi cho cô tấm bưu thiếp với bài thơ haiku ngắn đong đầy tình cảm. “Không, không đau lắm đâu.” cô đáp.

“Chúng mình đến Vùng Đất Cằn đi,” Richie đề nghị.

Thế là cả bọn đi đến đó... hay nói cách khác, trốn đến đó. Về sau, Richie nghĩ hành động ấy đã trở thành thói quen cho cả mùa hè. Vùng Đất Cằn trở thành nơi dành cho riêng họ. Giống với Ben vào ngày chạm trán với lũ côn đồ, Beverly chưa bao giờ bước chân vào khu vực này. Cả ba rùng rợn đi dọc theo con đường, với Beverly đi giữa Richie và Ben. Váy cô rung rinh thật đáng yêu, đưa mắt nhìn cô, Ben ý thức được những đợt sóng cảm xúc mạnh mẽ cuộn cuộn, chẳng thua kém gì những lần bụng cậu quặn đau. Cô đeo một chiếc lắc chân, lấp lánh phản chiếu ánh trời chiều.

Họ băng qua nhánh sông Kenduskeng nơi hôm trước dựng đập (Con sông chia nhánh ở thượng nguồn, cách đó hơn sáu mươi mét và nhập lại làm một ở khoảng cách một trăm tám mươi mét xuôi về phía thị trấn) bằng cách đi trên những tảng đá ở hạ lưu chỗ ngày trước xây đập, tìm được đường mòn, rồi cuộc cả bọn lần qua được nhánh sông nằm bên phía Đông, rộng hơn nhánh còn lại rất nhiều. Làn nước lỏng lẻo phản chiếu ánh chiều. Phía bên trái, Ben có thể trông thấy hai trụ bê tông bịt nắp phía trên. Phía dưới là những ống bê tông lớn nhô lên khỏi mặt nước. Nước tràn từ miệng ống thành dòng rồi chảy vào sông Kenduskeag. *Người ta đại tiện trong thị trấn và chất thải chảy đến đây*, Ben nghĩ, nhớ lại cách ông Nell giải thích về hệ thống nước thải của Derry. Bất chợt, cậu cảm thấy cơn giận trào lên trong lòng nhưng lực bất tòng tâm. Ngày trước, hẳn cá từng bơi lội trong con sông này. Nhưng giờ thì có nằm mơ cũng chẳng bắt được cá hời ở đây. Có khi xác suất câu được giấy vệ sinh dùng rồi còn cao hơn.

“Ở đây đẹp quá,” Bev thở dài.

“Ừ, không tệ,” Richie đồng tình. “Ruồi đi hết rồi, có gió nên muỗi cũng không lảng vảng.” Cậu nhìn cô với ánh mắt kỳ vọng. “Cậu có mang theo thuốc lá không?”

“Không,” cô nói. “Tớ có vài điếu nhưng hút hết hôm qua rồi.”

“Chán thế,” Richie ngao ngán.

Bỗng tiếng còi hơi vang lên, cả ba nhìn theo một con tàu chở hàng rầm rập chạy qua bờ sông nằm ở tít bên kia Vùng Đất Cằn, về phía sân ga. *Chắc, nếu đây là tàu chở khách thì cả đám đã có thể chiêm ngưỡng khung cảnh nên thơ*, Richie thầm nghĩ. Đầu tiên, tàu chạy ngang qua khu nhà dành cho dân nghèo của Mũi Đất Cũ, sau đó qua khu rừng tre phía bên kia sông Kenduskeag rồi cuối cùng, trước khi rời khỏi Vùng Đất Cằn, nó sẽ băng qua bãi đá dăm âm ỉ cháy vốn là bãi rác của thị trấn.

Trong chốc lát, cậu chợt nhớ lại câu chuyện mà Eddie kể về gã hải nam dưới căn nhà hoang trên đường Neibolt. Cậu gạt nó ra khỏi đầu rồi quay sang Ben.

“Thế phần cậu thích nhất là gì, Haystack?”

“Hả?” Ben quay sang nhìn cậu đầy tội lỗi. Hóa ra trong lúc Bev đưa mắt nhìn về phía sông Kenduskeag, trầm tư suy nghĩ, cậu đã say sưa ngắm nhìn cô... và quan sát vết bầm trên gò má cô.

“Về bộ phim ấy, ngốc ời là ngốc. Cậu thích nhất phần nào?”

“Tớ thích đoạn Tiến sĩ Frankenstein ném xác xuống cho đám cá sấu dưới nhà,” Ben đáp. “Đó là phần tớ thích nhất.”

“Đoạn đó gớm quá trời,” Beverly rùng mình cảm thán. “Tớ chúa ghét những con vật như cá sấu, cá piranha và cá mập.”

“Vậy sao? Mà cá piranha là cá gì thế?” Richie hỏi, giọng đầy hào hứng.

“Là một loài cá nhỏ,” Beverly giải thích. “Chúng có những cái răng bé tí nhưng sắc vô cùng. Nếu lỡ sa chân xuống con sông có loài cá này, mình sẽ bị chúng rửa tặn xương đấy.”

“Trời!”

“Lần nọ, tớ xem một bộ phim, trong đó những người thổ dân muốn băng qua sông nhưng cầu bị gãy,” cô kể. “Họ bèn cột con bò xuống nước và đi qua sông lúc đám cá piranha rửa con bò. Khi họ kéo nó lên, con bò chỉ còn mỗi bộ xương. Báo hại tớ gặp ác mộng suốt cả tuần liền.”

“Chà chà, ước gì tớ có vài con cá như vậy,” Richie vui vẻ nói. “Tớ sẽ thả chúng vào bồn tắm của Henry Bowers cho xem.”

Ben khúc khích cười. “Hắn mà tắm mới lạ.”

“Tớ không biết hắn có tắm hay không, nhưng tớ biết rõ mình phải cẩn thận với đám côn đồ ấy,” Beverly nói. Tay cô chạm vào vết bầm trên má. “Hai hôm trước, bố tớ thượng cẳng chân, hạ cẳng tay với tớ vì làm bể chõng đĩa. Một tuần một lần là quá đủ rồi.”

Một khoảng lặng trôi qua, suýt chút nữa, không khí đã trở nên nặng nề nhưng Richie cứu nguy bằng cách kể phần cậu thấy thích nhất là đoạn Người sói Thiếu niên bắt được nhà thơ miên độc ác. Suốt hơn một tiếng đồng tiếp theo, cả ba bàn về bộ phim và những phim kinh dị khác họ từng xem, cả những bộ *Alfred Hitchcock* *hân hạnh giới thiệu!* trên tivi. Trông thấy hoa cúc mọc ven bờ sông, Bev hái lấy một bông. Cô lần lượt chìa nó xuống dưới cằm Richie và cằm của Ben để bối xem hai cậu bạn [có thích bờ hay không](#). Cô kết luận cả hai đều thích. Khi cô để bông hoa dưới cằm họ, cả hai đều cảm nhận được tay cô khẽ chạm vào vai mình và mùi tóc cô thoang thoang. Trong khoảnh khắc, khuôn mặt cô gần sát mặt Ben, nhưng chừng đó đã đủ để đêm về, cậu nằm mơ thấy đôi mắt cô trong phút giây

thời gian tưởng chừng ngưng đọng ấy.

Một trò chơi của trẻ em, thường sử dụng hoa mao lương vàng (buttercup). Đưa hoa xuống dưới cằm, nếu màu hoa phản chiếu lên cằm thì có nghĩa người đó thích bạn.

Câu chuyện hạ nhiệt khi cả ba nghe thấy tiếng người tiến lại trên con đường. Họ hốt hoảng quay về phía tiếng động, và Richie chợt nhận ra phía sau lưng họ là con sông. Họ không có nơi nào để chạy.

Giọng nói càng lúc càng gần. Cả ba đứng dậy, trong vô thức, Richie và Ben nhích lên trước một chút để chắn cho Beverly.

Bụi cây ở cuối đường mơn rung lên - và bỗng nhiên Bill Denbrough lộ diện. Có một người đi theo, và Richie biết sơ cậu này. Tên cậu ta là Bradley gì đó, và cậu này ngọng lú ngọng lồ. Richie đoán chắc cậu ta lên Bangor cùng Bill để thực hiện âm mưu trị liệu.

“Bill To Bự!” Cậu nói, chuyển sang giọng Toodles: “Chúng tôi rất mừng khi gặp ngài, thưa ngài Denbrough.”

Bill nhìn họ và nhoen miệng cười – và Richie bỗng dưng có một linh cảm kỳ lạ nhưng vô cùng chắc chắn khi Bill lần lượt nhìn cậu, Ben, Beverly rồi quay sang nhìn Bradley gì-đó. Rằng Beverly là một phần của họ. Đôi mắt Bill nói lên điều đó. Bradley gì-đó thì không. Cậu ta có thể vui chơi ở đây vào hôm nay, thậm chí cậu ta có thể trở lại Vùng Đất Cằn – dù không ai từ chối thẳng thừng rằng xin lỗi đằng ấy, Hội Cùi Bắp đã nhận đủ hội viên rồi, chúng tớ đã có một thành viên gặp khó khăn về ăn nói – nhưng cậu ta không phải người trong nhóm. Cậu ta không phải một phần của *bọn họ*.

Và rồi suy nghĩ ấy dẫn đến một nỗi sợ hãi bất chợt, đầy phi lý. Phút chốc, cậu có cảm giác như lúc ta bỗng nhận ra ta đã bơi quá xa, nước đã

ngập quá đầu. Bỗng trực giác lóe lên trong đầu cậu: *Chúng mình đang bị kéo vào một thứ gì đó. Chúng mình là những kẻ được chọn lựa ra. Không có gì là ngẫu nhiên cả. Chúng mình đã tệ tận đủ chưa?*

Và rồi giác quan thứ sáu ấy lẫn vào mớ suy nghĩ vô nghĩa – như đồng kính bể trên sàn đá. Hơn thế nữa, chuyện đó cũng chẳng thành vấn đề. Có Bill ở đây, cậu ấy sẽ lo; Bill sẽ không để mọi thứ vượt tầm kiểm soát. Cậu ấy là người cao nhất trong cả bọn, và chắc hẳn cũng là người khôi ngô tuấn tú nhất. Richie chỉ cần liếc nhìn đôi mắt của Bev – lúc này đang đắm chiêu nhìn Bill – rồi liếc sang mắt Ben trầm buồn, tự biết thân biết phận – để hiểu Bill đồng thời là người mạnh mẽ nhất, không chỉ xét trên phương diện cơ bắp. Ở Bill ẩn chứa nhiều hơn thế, tiếc là lúc ấy Richie chưa biết từ *mị lực* hay hiểu ý nghĩa đầy đủ của từ *sức hút*, cậu chỉ cảm thấy sức mạnh của Bill rất sâu sắc và thể hiện theo rất nhiều cách, thậm chí nhiều khi không ai ngờ tới. Và Richie đỡ ràng nếu Beverly có cảm tình với Bill, hay “cảm thấy rung rinh” hoặc bất cứ trạng thái nào như thiên hạ đặt tên, Ben cũng sẽ chẳng ghen tị (*như trong trường hợp cô ấy có cảm tình với mình*, Richie nghĩ); mà cậu ấy sẽ chấp nhận như thể đó là đi đầu hết sức tự nhiên. Ngoài ra còn một đi đầu: Bill rất *tốt bụng*. Suy nghĩ ấy quả là ngớ ngẩn (đó không hẳn là suy nghĩ của cậu mà là *cảm nhận* mới đúng), nhưng thật sự là thế. Từ Bill như tỏa ra tấm lòng cao thượng và mạnh mẽ. Cậu ấy tựa vị hiệp sĩ trong bộ phim từ ngày xưa, bộ phim cổ lỗ sĩ nhưng vẫn đủ sức khiến ta khóc, reo hò và vỗ tay khi kết phim. Cậu ấy vừa rắn rỏi vừa tốt bụng. Và năm năm sau, khi những ký ức về những đi đầu xảy ra ở Derry vào trước và giữa mùa hè năm ấy bắt đầu phai mờ, khi Richie Tozier chừng mười lăm, mười sáu tuổi, cậu chợt nhận ra John Kennedy gọi cho cậu nhớ đến Bill Cà Lăm.

Ai vậy? Tâm trí câu hỏi ngược lại.

Cậu sẽ bắn khoản, thoáng bối rối, rồi lắc đầu. *Một người mình từng quen, cậu thẫn thờ và xua tan chút khó chịu mờ mờ bằng cách đẩy kính lên mũi, tập trung vào bài tập về nhà. Một người mình quen từ ngày xưa.*

Bill Denbrough chống hai tay lên hông, mỉm cười vui vẻ và nói: “Ch-Chà, gi-giờ c-cả bọn t-tụ t-tập ở đây rồi... thế chúng m-m m-mình làm g-g-gì nhỉ?”

“Cậu có mang thuốc lá không?” Richie hỏi đầy hy vọng.

11

Năm ngày sau, khi tháng Sáu gần kết thúc, Bill nói với Richie mình đang có ý định đến đường Neibolt để đi đầu tra hiên nhà nơi Eddie gặp gã hủi kia.

Lúc đó hai người bọn họ vừa về nhà Richie, và Bill đang dắt bộ Ánh Bạc. Cậu chở Richie trên xe suốt đoạn đường, một chuyến đi tốc độ cao rong ruổi khắp Derry, nhưng cậu cẩn thận để Richie xuống khi chỉ còn một dặm nữa là về đến nhà. Nếu mẹ của Richie bắt gặp Bill chở Richie, bà hẳn sẽ tá hỏa tam tinh lên cho mà xem.

Trong chiếc giỏ xe đạp đựng đầy súng lục đồ chơi, hai khẩu của Bill và ba khẩu của Richie. Suốt buổi chiều hôm ấy, chúng tụ tập ở Vùng Đất Cằn chơi bắn súng. Beverly Marsh đến vào khoảng 3 giờ chiều, mang quần jean bạc théch và cấp theo một khẩu súng hơi hãng Daisy đã mất gần hết đạn – khi kéo cò quẩn băng keo, khẩu súng phát ra âm thanh như ai đó ngẩng lên Đệm Whoopee cũ kỹ hơn là tiếng súng trường. Sở trường của cô là bắn tỉa kiểu Nhật. Cô rất giỏi leo cây rồi bắn những kẻ bất cẩn phía dưới. Vết bầm trên má cô đã phai thành màu vàng nhạt.

“Cậu nói gì kia?” Richie hỏi. Cậu thất kinh... nhưng cũng có chút hứng

thú.

“Tớ m-m-muốn nhìn thử d-d-dưới hiên,” Bill trả lời. Giọng ngang bướng nhưng cậu không nhìn thẳng vào Richie. Hai má cậu đỏ bừng. Họ đã về tới trước nhà Richie. Maggie Tozier đang ở trước hiên, đọc sách. Bà vẫy tay chào và gọi to, “Chào các con! Muốn uống trà đá không?”

“Bọn con đến ngay đây,” Richie đáp rồi quay sang bảo Bill: “Chắc chẳng có gì ở đó đâu. Khéo cậu ấy trông thấy một gã lang thang và sợ mất mặt ấy mà. Cậu còn lạ gì Eddie nữa.”

“U-Ừ. Tớ h-hiểu E-E-Eddie, Nh-Nhưng cậu nh-nh-nhớ b-b-bức hình trong cuốn a-album chứ?”

Richie nhấp nhồm trên chân, cảm thấy không thoải mái. Bill giơ tay phải lên. Cậu đã tháo hết băng cá nhân, nhưng Richie vẫn thấy vấy đóng quanh ba ngón đầu tiên của Bill.

“Ừ, nhưng...”

“Ng-Ng-Nghe t-tớ này,” Bill nói. Cậu nói thật chậm, nhìn vào mắt Richie không rời. Một lần nữa, cậu nêu ra những điểm tương đồng giữa chuyện Ben và Eddie kể... rồi liên kết những chi tiết này với thứ họ nhìn thấy trong bức hình chuyển động. Cậu nêu giả thuyết gã hề đã giết hại các cô cậu bé ở Derry từ tháng Mười hai năm ngoái. “V-Và c-c-c-có khi không chỉ v-vậy,” Bill nói tiếp. “C-Còn nh-nh-những đứa tr-trẻ bị m-mất tích thì sao? Nh-Như E-E Eddie C-C-Corcoran chẳng hạn?”

“Trời, lão bố dượng dọa cậu ấy bỏ nhà đi mà,” Richie nói. “Cậu không đọc báo sao?”

“C-Chắc, c-có thể là th-thế, hoặc c-có thể kh-kh không phải,” Bill nói. “Tớ có quen s-s-sơ sơ cậu ấy, và tớ b-b-biết b-bố đ-đ-đánh đập cậu ấy. Tớ c-còn b-biết nh-nhiều khi cậu ấy ph-ph-phải ở ngoài cả đ-đ-đêm để tr-

tránh m-mặt ông t-t-ta.”

“Vậy có thể gã hề đã bắt được cậu ấy lúc cậu ấy tránh mặt ông ta,” Richie tư lự. “Ý cậu là thế phải không?”

Bill gật đầu.

“Thế tóm lại, cậu muốn gì? Xin chữ ký hấn chắc?”

“Nếu g-g-g-gã hề giết đám tr-tr-trẻ có nghĩa l-là h-hấn gi-gi-giết G-Georgie,” Bill nói. Mắt cậu nhìn thẳng vào Richie. Ánh mắt ấy như đá phiến – rắn rỏi, không khoan nhượng, không tha thứ. “Tớ m-muốn gi-gi-giết nó.”

“Chúa ơi” Richie hoảng sợ thốt lên. “Cậu tính làm đi-đau đó bằng cách nào?”

“B-Bố t-tớ có kh-khẩu s-s-súng lục,” Bill nói. Cậu nói mà phun cả nước bọt, nhưng Richie chẳng buồn để ý. “B-Bố không b-biết tớ biết. Nó nằm ở k-kệ trên cùng trong t-t-tủ quần áo của bố.”

“Sẽ xử lý được nếu đó là người,” Richie nói, và nếu mình có thể thấy hấn đang ng ã trên đồng xương trẻ con...”

“Mẹ pha trà r ồi đây, các con!” Mẹ của Richie reo lên. “Xuống uống đi!”

“Con đến ngay đây mẹ ơi!” Richie hô vang đáp lại, nở nụ cười rõ tươi và giả tạo. Nụ cười ấy tắt ngúm khi cậu quay sang Bill. “Vì tớ không thể tự tiện c ầm súng bắn một người chỉ vì người đó mặc đ ồ hề được, Billy. Cậu là bạn chí cốt của tớ, nhưng tớ sẽ không làm thế và tớ sẽ không để cậu làm thế nếu tớ cản được cậu.”

“N-Nếu th-thật s-sự có m-một đ-đống x-x-xương thì sao?”

Richie liếm môi lặng thinh. Đoạn cậu hỏi Bill, “Nếu nó không phải con người thì cậu tính làm gì, Billy? Nếu thật ra nó là quái vật thì sao? Nếu

quái vật có tồn tại thì sao? Ben Hanscom bảo nó là xác ướp, bóng bay nó cần dù ngược gió vẫn lơ lửng mà không bị tạt về phía sau, chưa kể nó còn không có bóng. Bức hình trong album ảnh của Georgie... hoặc chúng mình tưởng tượng ra, hoặc đó là ma thuật, mà tớ nói với cậu nhé, tớ không nghĩ chúng mình tưởng tượng ra đâu. Hả mấy ngón tay của cậu đâu thể tưởng tượng, đúng không?”

Bill lắc đầu.

“Vậy chúng mình biết làm gì nếu nó không phải con người hả Billy?”

“Th-Thì ch-ch-chúng ta sẽ phải t-tìm c-cách kh-khác thôi.”

“Ờ chuẩn,” Richie nói. “Tớ có thể hình dung ra được. Sau khi bắn nó chừng bốn, năm phát mà thấy nó vẫn lao vào tấn công chúng ta như Người sói Thiếu niên trong bộ phim tớ, Ben và Bev vừa xem, cậu có thể nhắm ná cao su Hồng Tâm vào nó. Còn nếu Hồng Tâm không có tác dụng, để tớ ném bột hắt xì hơi xem có ăn thua không. Nhưng nếu làm thế mà nó vẫn chạy theo mình, chúng ta sẽ đình chiến và bảo, ‘Ấy, giờ thì khoan đã. Không ăn thua rồi, ông Quái vật ơi. Tôi bảo này, để bọn tôi tra cứu thêm trong thư viện. Có gì bọn tôi quay lại sau. Xin tạm biệt.’ Đấy, chúng mình lên kịch bản nói vậy hả, Bill To Bự?”

Cậu nhìn cậu bạn của mình, đầu ông lên dử dội. Một phần trong cậu muốn Bill khẳng khẳng giữ ý kiến kiểm tra dưới thềm căn nhà hoang, nhưng một phần khác lại muốn – muốn đến cùng cực – rằng Bill sẽ từ bỏ ý định ấy. Nhìn theo cách nào đó, tất cả sự vụ này chẳng khác nào bước vào rạp Aladdin xem mấy bộ phim kinh dị chiếu chiếu chiều thứ Bảy, nhưng từ góc độ khác – một góc độ hết sức quan trọng – nó lại chẳng giống chút nào. Vì sự vụ này không an toàn như một bộ phim, trong phim, ta biết mọi thứ rồi sẽ ổn, mà dù nếu không ổn thì ta cũng chẳng sút mẻ miếng da nào. Còn

bức hình trong phòng Georgie lại không giống như thế. Cậu tưởng mình quên mất đi đầu đó, nhưng thật ra cậu chỉ đang lừa phỉnh bản thân mà thôi, bởi giờ đây cậu có thể nhìn thấy những vết cắt lồ lồ trên tay Bill. Nếu hôm ấy, cậu không kịp kéo tay Bill lại thì...

Lạ chưa kìa, Bill đang nhoẻn cười. Thật sự nở nụ cười. “H-Hôm trước, c-c-cậu m-muốn t-tớ cho c-cậu x-x-xem b-bức hình,” cậu nói. “Gi-Giờ đến l-lướt tớ m-muốn cùng c-cậu đi x-xem căn nh-nhà ấy. Có qua có l-lại.”

“Nhưng không toại lòng nhau gì hết,” Richie nói và cả hai cùng phá lên cười.

“S-Sáng m-m-mai nhé,” Bill nói, như thể mọi thứ đã được chốt hạ.

“Thế nếu nó là quái vật thì sao?” Richie hỏi, mắt vẫn xoáy vào Bill. “Nếu khẩu súng của bố cậu không ngăn được nó thì sao, Bill To Bự? Nếu nó vẫn tiếp tục tấn công mình thì sao?”

“Th-Th- thì mình s-s-sẽ k-k-kiếm c-cách khác,” Bill tiếp tục. “Mình ph-ph-phải làm bằng được.” Cậu ngửa đầu ra sau và cười khùng khục. Phút sau, Richie cũng ngả ngón cười theo. Làm thế nào mà không cười được kia chứ.

Cả hai cùng bước dọc con đường lát đá dẫn tới hiên nhà Richie. Bà Maggie đã dọn sẵn ly cối đựng trà đá với lá bạc hà và đĩa bánh xốp vị va ni.

“C-Cậu m-m-muốn vậy kh-kh-không?”

“Chà, không đâu” Richie đáp. “Nhưng tớ sẽ làm.”

Bill vỗ lưng cậu bồm bộp, và dường như hành động ấy tiếp thêm cho cậu sức mạnh chịu đựng nỗi sợ hãi – dù Richie dám chắc (và đoán rất chuẩn) rằng tối đó, cậu sẽ trần trọc mãi mãi ngủ được.

“Nhìn hai đứa như đang thảo luận chuyện gì nghiêm túc lắm ấy nhỉ,” bà Tozier nói, đoạn ng ồi xuống, một tay c ầm sách, một tay c ầm ly trà đá. Bà nhìn hai cậu bé với ánh mắt mong đợi.

“À, Denbrough có một quan điểm điên r ồ là đội Red Sox sẽ nằm trong top những đội thắng mùa giải l ần này mẹ ạ,” Richie kể.

“Ch-Cháu và b-b-b-b-bố cháu ngh-nghĩ h-họ có thể gi-giành hạng b-ba,” Bill nói và nhấp một ngụm trà. “Tr-Trà ng-ngon qu-qu-quá, c-cô Tozier ời.”

“Cảm ơn cháu.”

“Năm nào Red Sox nằm trong tốp thì năm đó cậu sẽ hết nói lắp, cà lăm ạ” Richie trêu.

“*Richie!*” Bà Tozier hét lên choáng váng. Suýt chút nữa bà đã đánh đổ ly trà. Nhưng cả Richie và Bill Denbrough đều phá lên cười nắc nẻ, cười lăn cười bò. Bà hết nhìn cậu con trai của mình r ồi lại nhìn Bill, sau đó lại nhìn con mình, vừa cảm động vừa bất ngờ, chủ yếu là bà bối rối, nhưng vẫn có một nỗi sợ rất mỏng, rất sắc, đâm sâu bén rễ trong lòng bà, rung lên như âm thoa làm bằng băng.

Mình không hiểu nổi hai đứa trẻ này, bà th ần nghĩ. Chúng đi đâu, làm gì, muốn gì... hay lớn lên, chúng sẽ trở thành người thế nào. Thỉnh thoảng, ôi thỉnh thoảng, ánh mắt chúng thật hoang dại, l ắm lúc, mình thấy sợ cho chúng và cũng có lúc, mình sợ chúng...

Và trong vvô thức, bà lại vẫn vơ nghĩ, không phải l ần đầu tiên, rằng sẽ tốt biết mấy nếu hai vợ chồng bà có một cô con gái, một bé gái xinh xắn tóc vàng, để vào các ngày Chủ nhật, bà có thể cho con mình mặc váy, thắt nơ và mang giày da màu đen bóng loáng. Một cô con gái xinh xắn bé bỏng đòi nướng bánh sau khi đi học về và đòi chơi búp bê thay vì sách về thuật nói tiếng bụng hay những mô hình xe Revell chạy như bay.

Một cô con gái mà bà đủ sức lý giải.

12

“Cậu có c ầm theo không?” Richie sốt ruột hỏi.

10 giờ sáng hôm sau, cả hai đẩy xe đạp lên đường Kansas, con đường nằm cạnh Vùng Đất Cằn. Bầu trời xám xịt một màu. Buổi chiều dự báo có mưa. Tới tận nửa đêm hôm qua, Richie thao thức mãi mà ngủ không được, và theo cậu thấy, Denbrough có vẻ cũng trải qua một đêm mất ngủ, bởi trông Bill To Bự như đang đeo hai cái túi Samsonite dưới mắt.

“Tớ c-có mang,” Bill nói. Cậu vỗ vào chiếc áo khoác vải thô màu xanh lá với hàng khuy móc đang mặc.

“Cho tớ xem với,” Richie nói đầy tò mò.

“Chưa phải lúc,” Bill nói rồi nhoẻn miệng cười. “Lỡ c-c-có ai thấy thì sao. Nhưng t-t-tớ còn m-mang theo thứ khác nữa.” Cậu đưa tay ra sau, luồn vào áo khoác lấy ná cao su H ồng Tâm ra khỏi túi.

“Úi chà, thế này thì toi.” Richie nói và phá lên cười. Bill giả vờ phật ý. “Đ-Đ-Đó là ý t-tưởng của cậu mà, T-T-Tozier.”

Vào dịp sinh nhật năm ngoái, Bill được tặng ná cao su chạc nhôm. Bill đòi khẩu súng bắn đạn 22 nhưng mẹ cậu nhất quyết phản đối chuyện để con nít ở tuổi Bill sở hữu súng c ầm tay, thành ra Zack đành phải dĩ hòa vi quý như thế. Cuốn sổ hướng dẫn sử dụng cho biết ná cao su có thể trở thành một vũ khí hiệu quả khi sẵn bắn nếu ta sử dụng thuần thục. “Nếu biết sử dụng, ná cao su H ồng Tâm lợi hại và hiệu quả không thua kém gì cũng bằng gỗ t ần bì hoặc khẩu súng c ầm tay hỏa lực cao,” cuốn sổ tung hô. Sau khi tâng bốc không ngớt lời ưu điểm của sản phẩm, hướng dẫn sử dụng cũng cảnh báo người dùng ná cao su có thể gây nguy hiểm, người dùng

không nên ngắm bất cứ viên bi nào trong số hai mươi viên bi sắt vào người khác vì nó chẳng khác nào chĩa súng đã lên nòng.

Bill chưa bắn giỏi ná cao su (và cậu thậm chí đoán có khi mình chẳng bao giờ giỏi nổi), nhưng cậu đánh giá cảnh báo của cuốn sách hướng dẫn hoàn toàn có giá trị - phần dây cao su dày của ná rất chắc, nếu bắn vào lon thiếc thì lon thiếc sẽ lủng một lỗ to.

“Cậu bắn giỏi hơn tí nào chưa, Bill To Bự?” Richie hỏi.

“Có ch-ch-chút chút,” Bill đáp những câu trả lời ấy chỉ đúng một phần. Sau khi nghiền ngẫm những bức tranh minh họa trong cuốn sổ (được đánh dấu là H., viết tắt của chữ Hình, ví dụ như H. 1, H. 2, vân vân) và luyện tập trong công viên Derry hằng say đến độ tay xụi lơ hết cả, cậu đã nâng cao tay nghề đến mức cứ mười lần bắn thử thì có tầm ba lần cậu có thể bắn trúng mục tiêu giấy đi kèm với ná cao su. Có một lần duy nhất, cậu bắn được vào hòng tâm. Gần trúng.

Richie kéo dây cao su về phía sau, búng dây đánh tách rồi trả lại cho bạn. Tuy không nói gì nhưng cậu thậm chí ngại món đồ này không lợi hại như khẩu súng của Zack Denbrough trong công cuộc giết quái vật.

“Thế à?” Cậu nói. “Cậu mang theo ná cao su, quá ngon lành. Nhưng chưa là gì so với thứ tớ mang theo đâu, Denbrough.” Richie lôi ra từ túi áo khoác một cái bọc có hình vẽ ông hói đang hô Hắt xì! với hai má phồng lên như Dizzy Gillespie. Trên bọc đề BỘT HẮT XÌ CỦA TIẾN SĨ WACKY. CƯỜI BỂ BỤNG!

Hai cậu bé chăm chăm nhìn nhau suốt một lúc lâu rồi vừa phá lên cười sặc sụa vừa đâm thành thịch vào lưng nhau.

“Ch-Ch-Chúng ta ch-chuẩn bị t-từ đầu đến r-r-răng,” mãi lúc sau, Bill mới lên tiếng dù vẫn cười khúc khích, đến độ phải lấy tay áo chùi mắt.

“Quỷ tha ma bắt cậu đi, Bill Cà Lăm,” Richie nói.

“Tớ t-t-tưởng ph-phải b-b-bắt c-cậu mới đ-đúng chứ,” Bill đối lại. “Nghe này. Ch-Chúng ta s-sẽ gi-gi-giấu x-xe c-cậu dưới V-Vùng Đất Cằn. Ch-Chỗ tớ hay c-cất Ánh Bạc lúc tụi mình chơi ấy. T-Tớ chở c-cậu sau l-lưng, để ph-phòng trường hợp m-mình phải ch-chạy trốn g-g-gấp.”

Richie gật đầu, thấy không có gì phải tranh luận. Chiếc xe đạp Raleigh cao năm mươi lăm phân (khi nào đạp nhanh, thỉnh thoảng cậu lại đạp xương đầu gối vào tay lái trông chẳng khác nào nắm lùn khi đứng cạnh một công trình hoành tráng, góc cạnh như chiếc Ánh Bạc kia. Cậu thừa biết Bill khỏe hơn cậu, còn Ánh Bạc thì nhanh hơn.

Khi cả hai đến cây cầu nhỏ, Bill giúp Richie giấu chiếc xe của cậu bên dưới cầu. Đoạn hai cậu bé ng ồi xuống, với tiếng xe thỉnh thoảng ầm ì chạy qua phía trên đầu, Bill tháo nút áo khoác và lấy ra khẩu súng lục của bố mình.

“C-Cậu c-cần cho c-c-cẩn thận.” Bill nói và chìa khẩu súng sau khi Richie huýt sáo với vẻ ngưỡng mộ ra mặt. “Kh-Khẩu súng kiểu này kh-không c-có kh-kh-khóa an toàn đâu.”

“Nó đã được nạp đạn chưa?” Richie hỏi, mặt sáng ngời. Khẩu súng lục SSPK-Walther được Zack Denbrough sở hữu trong thời kỳ Chiếm đóng nặng đến không ngờ.

“C-Chưa đ-đâu,” dứt lời, Bill vỗ tay lên túi. “Tớ c-c-cất vài v-v v-viên đạn ở đ-đây. Nhưng b-b-bố tớ b-bảo th-thỉnh thoảng n-nếu khẩu s-s-s-súng ngh-nghĩ m-mình không c-c-cẩn thận, nó t-tự l-lên đạn và b-bắn vào m-mình luôn.” Khuôn mặt cậu vẽ nên một nụ cười thể hiện mặc dù cậu chẳng tin những đi ều ngớ ngẩn nhưng cậu tin đi ều này sái cổ.

Richie hiểu ý bạn mình. Khẩu súng này giam hãm sự nguy hiểm chết

người mà cậu không thấy có ở khẩu 22, .30-.30 của bố mình, hay thậm chí ở cả súng săn (dù súng săn cũng vô cùng đáng gờm, chẳng phải sao? – chỉ cần nhìn cách nó được tra dầu nhớt, âm thầm tựa vào góc tủ ga-ra là ta có thể cảm nhận, giả sử nó biết nói, có khi nó sẽ cất tiếng *Tao mà thích thì đừng trách tao ác; đại gian đại ác là đằng khác*). Nhưng khẩu súng lục này, khẩu Walther này... nó như thể được tạo ra để phục vụ độc mục tiêu bắn chết người khác. Richie rùng mình thấm thía đó chính là lý do mà người ta sản xuất ra nó. Chứ chúng ta còn dùng súng lục làm gì khác? Để châm thuốc lá chắc?

Cậu chìa họng súng về phía mình, cẩn thận không để tay sát vào cò súng. Chỉ cần nhìn vào con mắt đen tuyền của Walther, cậu chợt hiểu nụ cười kỳ lạ của Bill ban nãy. Cậu nhớ lại lời bố cậu từng nói, *Nếu con luôn biết cẩn trọng dù súng đã lên đạn hay chưa, cả đời con sẽ không gặp phải chuyện gì với súng ống, Richie ạ*. Cậu trả khẩu súng lại cho Bill, cảm thấy mừng vì không phải giữ nó nữa.

Bill cất khẩu súng vào túi áo khoác. Bất chợt, căn nhà ở đường Neibolt bớt đáng sợ hơn trong mắt Richie... nhưng giờ, cậu lại lo ngại đến viễn cảnh đổ máu có thể xảy ra, và khả năng viễn cảnh ấy xảy ra là rất lớn.

Cậu nhìn Bill, toan hỏi lại về ý tưởng họ đờra, nhưng khi thấy nét mặt Bill, đọc biểu cảm của bạn, cậu chỉ gọn lỏn, “Sẵn sàng chưa?”

13

Lần nào cũng như lần nào, khi Bill đưa hết cả hai chân rời khỏi mặt đất là y như rằng Richie định ninh cả hai sẽ tông đánh rầm, sọ nứt làm đôi trên bề mặt xi măng cứng như đá. Chiếc xe đạp cỡ khủng rung lắc điên cuồng từ bên này sang bên kia. Thẻ bài kẹp ở thanh chắn bùn không lạch phạch quẹt

từng tiếng riêng lẻ nữa mà bắt đầu bắn liên thanh. Chiếc xe không đánh võng như người say mà vững chãi hơn. Richie nhắm mắt và đợi đi đâu quen thuộc.

Và rồi Bill hét lên, “*Hỡi Ánh Bạc, PHI NÀOO!*”

Chiếc xe đạp dần dần tăng tốc và cuối cùng, không chao đảo bên này bên kia nữa. Ôm chặt bụng của Bill từ nãy đến giờ, Richie buông tay và chuyển sang giữ khung chở hàng ở bánh sau. Bill nghiêng người lái qua đường Kansas rồi phi xuống đường phụ với tốc độ càng lúc càng nhanh, hướng về phía Witcham như thể đang phi xuống những bậc thang địa lý. Cả hai phi như tên bắn ra khỏi đường Strapham và chạy lên đường Witcham với vận tốc không tưởng. Bill nghiêng hẳn Ánh Bạc sang một bên và lại hét lên “*Hỡi Ánh Bạc!*”

“Lên đi, Bill To Bự ời!” Richie hét lớn, vừa sợ đến độ thiếu đi đầu bĩnh ra quăn vừa cười ha hả. “Đứng hẳn lên cho máu!”

Bill liền làm theo, cậu đứng dậy, nhào người qua tay lái và guồng chân đạp pê-đan như điên như dại. Ngắm nhìn tấm lưng của Bill, tấm lưng rộng đến đáng ngạc nhiên so với một cậu bé mười một tuổi, sắp sửa tròn mười hai, quan sát nó cử động bên dưới lớp áo khoác, vai lúc nghiêng bên này lại ngả sang bên kia khi cậu chuyển trọng tâm ở mỗi bên, Richie chợt cảm thấy chắc như đinh đóng cột rằng họ vô địch thiên hạ... hai người bọn họ sẽ trường tồn cùng năm tháng. Chà... *hai người bọn họ* thì hơi khó, nhưng Bill thì chắc chắn có. Bản thân Bill không biết cậu mạnh mẽ đến mức nào, cậu vững chãi và hoàn hảo nhường nào.

Họ đạp dọc theo đường Witcham một hồi thì nhà cửa thưa dần, số đường cắt ngang cũng ít hơn.

“*Hỡi Ánh Bạc!*” Bill hét lên, Richie cũng ré lên bằng giọng Nhóc da đen

the thé và cao chót vót, “Hỡi Ánh Bạc, hỡi ông chủ ơi, hay quá! Ngài lái chiếc xế hộp này hoành tráng quá! Lay Chúa lòng lành! Hỡi Ánh Bạc, PHI THÔI!”

Chúng chạy ngang qua những cánh đồng xanh tươi, trông bằng phẳng và thăm thẳm dưới bầu trời xám xịt. Xa xa phía trước, Richie có thể trông thấy sân ga bằng gạch cũ. Bên phải là dãy nhà kho lợp mái tôn xếp thẳng hàng. Ánh Bạc hết nẩy qua đường ray này lại đến đường ray khác.

Và rồi đường Neibolt hiện ra, cắt ngang về phía tay phải. Tấm biển màu xanh vừa gỉ sét vừa xô lệch dưới biển đèn đường ghi SÂN GA DERRY. Ngay bên dưới là một tấm biển lớn hơn màu vàng ghi chữ đen, đề ĐƯỜNG CỤT. Hai chữ súc tích ấy chẳng khác nào lời bình phẩm về chính sân ga này.

Bill rẽ vào đường Neibolt, tấp vào vỉa hè và chống chân xuống đất. “Mình đi bộ từ đây đi.”

Richie tuột xuống, tâm trạng lẫn lộn giữa nhẹ nhõm pha tiếc nuối. “Ừ.”

Cả hai đi dọc theo vỉa hè nứt nẻ, lởm chởm cỏ dại. Phía trước, trong sân ga là một động cơ diesel chầm chậm rầm rì, đoạn im dề, cứ thế lặp đi lặp lại quá trình ấy. Họ nghe thấy tiếng móc toa xe lửa lạnh canh đập vào nhau chát chúa.

“Cậu sợ không?” Richie hỏi Bill.

Tay nắm ghi đông để dắt Ánh Bạc, Bill thoáng nhìn Richie rồi gật đầu, “C-Có. Còn cậu?”

“Chắc chắn có rồi,” Richie đáp.

Bill kể với Richie rằng tối hôm trước, cậu đã hỏi bố về đường Neibolt. Bố cậu bảo có rất nhiều nhân viên xe lửa đã sống ở đây đến tận cuối Thế

chiến thứ hai - kỹ sư, trưởng tàu, người đánh tín hiệu, công nhân nhà ga, người xách hành lý. Con đường này xuống dốc với sân ga, Bill và Richie càng tiến vào sâu thì nhà cửa lại càng rải rác hơn, bẩn thỉu và dơ dáy hơn. Ba, bốn căn nhà cuối cùng ở hai bên đường đầu bị bỏ hoang, cửa đóng ván gỗ kín mít, sân vườn um tùm cỏ dại. Tầm biến NHÀ BÁN phát phơ hiu quanh trên hiên một căn nhà. Richie cảm tưởng tầm biến ấy dễ phải đến ngàn năm tuổi. Vừa hè ngừng ở đó nên hai cậu bé đi dọc theo một con đường đất cỏ mọc rậm rì.

Bill dừng chân và chỉ tay, “K-Kia r-r-rồi,” cậu khẽ nói.

Căn nhà số 29 đường Neibolt được xây theo lối kiến trúc Cape Cod, từng có lớp sơn đỏ rực đẹp mắt. Richie thẫn nghĩ, có thể ngày xưa, một kỹ sư đã sống ở đây, độc thân vui tính, không có quần tây, chỉ mặc độc quần jean, có rất nhiều găng tay cỡ vừa cứng vừa to cùng bốn, năm mũ vải bố kẻ sọc – một người đàn ông một tháng mới về nhà một, hai lần để nghỉ ngơi khoảng ba, bốn ngày, vừa nghe ra-đi-ô vừa chăm sóc vườn tược, một anh chàng suốt ngày chỉ biết ăn đồ nướng (không ăn rau dù anh này có trồng chúng cho bạn bè của mình) và vào những đêm heo hút gió, anh sẽ nghĩ về Bóng hồng mình chia xa.

Còn hiện giờ, lớp sơn đỏ đã phai thành màu hồng bạc phếch bạc phơ, bong tróc thành từng mảng xấu xí trông chẳng khác nào vết lở loét. Cửa sổ như những đôi mắt mù, đóng gỗ kín mít. Mái lợp gầ như mất hết. Cỏ dại mọc um hai bên ngôi nhà, bãi cỏ thì ngập tràn bồ công anh đang vào mùa nở rộ. Phía bên trái là hàng rào gỗ cao, nghiêng ngả lấp ló trong bụi cây tầm tối, chắc ngày trước mang màu trắng tinh tươm, nhưng giờ phai thành màu xám hăm hiu, ăn khớp với bầu trời đang sà xuống thấp. Từ giữa hàng rào trở về sau, Richie trông thấy một bụi hoa hướng dương khổng lồ –

cành cao nhất phải đến một mét rưỡi hoặc hơn. Về ngoài xù xì và góm ghiếc của chúng khiến cậu chẳng thích chút nào. Cơn gió lướt qua làm bụi hướng dương như gật đầu rì rầm: *Hai đứa nhóc đến kìa, tuyệt quá còn gì? Có thêm trẻ con cho chúng ta rồi.* Nghĩ đến đây, Richie rùng mình.

Trong lúc Bill cẩn thận dựng Ánh Bạc dựa vào thân cây du, Richie quan sát căn nhà. Trông thấy một bánh xe thò ra từ bãi cỏ dày gần hiên nhà, cậu chỉ cho Bill. Bill gật đầu, đó chính là chiếc xe ba bánh bị lật ngược mà Eddie nhắc tới.

Hai đứa trẻ nhìn trước nhìn sau đường Neibolt. Tiếng động cơ diesel liên hồi rầm rì lúc to lúc nhỏ. Âm thanh ấy như lửng lơ dưới bầu trời mây giăng như bùa mê. Con đường vắng tanh vắng ngắt. Richie có thể nghe thấy tiếng xe ô tô thì thoảng chạy qua Tuyến số 2 nhưng không trông thấy xe.

Động cơ diesel hết kêu lại tắt, cứ thế lặp đi lặp lại.

Những bông hoa hướng dương gật gù với nhau. *Con nít vừa tươi vừa ngon cho chúng ta kìa.*

“C-C-Cậu s-sẵn sàng ch-chưa?” Câu hỏi của Bill làm Richie khẽ nháy dựng.

“Cậu biết không, tớ vừa chợt nhớ ra hình như chúng sách hôm nọ tớ mượn ở thư viện đến hôm nay là hạn phải trả rồi,” Richie nói. “Có lẽ tớ phải...”

“B-B-Bớt x-xàm đi, R-R-Richie. C-Cậu s-sẵn sàng hay kh-kh-không?”

“Ừ, chắc là có,” Richie thốt lên, mặc dù cậu biết mình không hề sẵn sàng - cậu sẽ *chẳng* đời nào sẵn sàng cho tình cảnh này.

Cả hai băng qua bãi cỏ rậm rì dẫn đến hiên nhà.

“Nh-Nhìn k-k-kìa.” Bill nói.

Đằng xa, phía bên trái, giàn lưới mắt cáo bọc dưới hiên nằm vướng vào bụi cây. Cả hai đều thấy rõ những cái đinh gỉ bật tung. Bụi h ồng đại này đã lâu năm, trong khi bụi h ồng bên phải và bên trái lưới mắt cáo bung bị bung ra mọc lổm chổm thì bụi h ồng xung quanh và ngay phía trước lưới khẳng khiu chết khô.

Bill và Richie đưa mắt nhìn nhau đầy u ám. Mọi điều Eddie nói đều đúng, bảy tuần sau, bằng chứng vẫn còn sờ sờ ra đấy.

“Cậu không muốn chui xuống dưới đó chứ?” Richie hỏi, gần như van xin.

“Kh-Kh-Không” Bill đáp, “nh-nhưng tớ s-sẽ làm.”

Lòng nặng như chì, Richie nhận ra bạn mình thật sự định làm thế. Sắc xám ấy đã trở lại trong mắt Billy, ánh lên sự cương nghị. Trong từng đường nét của khuôn mặt cậu là sự hăm hở đầy sắt đá khiến cậu trông già hẳn. Richie th ần nhủ, *Nếu thứ đó còn ở đây, có khi cậu ấy sẽ tìm cách giết nó thật cho mà xem. Kết liễu nó, khéo còn cắt đầu, mang thủ cấp về cho bố cậu ấy và bảo, “Bố ời, xem này, đây là thứ đã giết Georgie, giờ thì bố có thể nói chuyện lại với con vào buổi tối rồi chứ? Đơn giản thôi cũng được, chỉ cần kể với con ngày hôm nay của bố thế nào, hay ai là người thua cuộc khi bố và đồng nghiệp bung xu để phân định người trả tiền châu cà phê sáng?”*

“Bill...” Cậu nói nhưng Bill đã đi mất. Cậu ấy đi thẳng về cuối hiên nhà phía bên phải, nơi Eddie đã bò xuống. Thế là Richie đành ba chân bốn cẳng chạy theo, suýt chút nữa vấp phải chiếc xe ba bánh trong bãi cỏ đang d ần d ả cũ gỉ vào đất.

Cậu bắt kịp lúc Bill ng ẩ xồm nhìn xuống dưới hiên. Phần bên này

không có lưới mắt cáo, có người – chắc một gã lang thang nào đấy - đã tháo nó ra để có thể chui xuống dưới tìm chỗ trú vào thán một băng giá, thán Mười một mưa rét thấu xương hoặc những cơn mưa mùa hè với sấm chớp.

Richie ng ồi xuống cạnh Bill, trống ngực đập liên h ồi. Bên dưới hiên nhà chẳng có gì ngoài đống lá mục nát, giấy báo ố vàng và bóng tối. Dày đặc bóng tối.

“Bill,” cậu lặp lại.

“C-C-Cái gì?” Bill lôi khẩu súng Walther của bố ra. Cậu cẩn thận kéo ổ đạn ra khỏi báng súng, đoạn lấy bốn viên đạn trong túi qu ần. Cậu nhét từng viên vào ổ. Richie chăm chú theo dõi đầy hào hứng r ồi hướng mắt nhìn xuống dưới hiên. Lần này cậu nhìn thấy kính bể, những mảnh kính li ti khế ánh lên. Bụng cậu quặn thắt. Cậu không ngu ngốc và cậu hiểu đi ều này lại càng xác nhận câu chuyện mà Eddie đã kể. Những mảnh kính bể sót lại trên đống đá mục nát phía dưới hiên nhà có nghĩa là cửa sổ bị đập vỡ từ bên trong. Từ trong t ầng h ầm.

“Gi-Gì thế?” Bill lặp lại câu hỏi và ngược nhìn Richie. Mặt cậu u ám và trắng bệch. Nhìn thấy nét mặt ấy của bạn, Richie đành chào thua, đến đâu hay đến đó.

“Không có gì” cậu nói.

“Cậu đ-đ-đi chứ?”

“Ừ.”

Hai cậu bé bò xuống dưới hiên.

Thường thì Richie khá thích mùi lá cây mục nát, nhưng thứ mùi dưới này chẳng thơm tho chút nào. Lớp lá tơi xộp dưới tay và đầu gối khiến cậu

cứ có cảm tưởng không khéo cậu sẽ lún xuống sáu mươi hay chín mươi phân. Chợt cậu tự hỏi mình sẽ làm gì nếu bỗng dưng có một bàn tay hoặc móng vuốt bật ra từ đồng lá kia rồi chộp lấy cậu.

Bill quan sát cửa sổ bị vỡ. Kính bể văng tứ phía. Thanh gỗ từng chắn giữa hai ô cửa sổ gãy thành hai mảnh dưới bậc thềm. Phần trên cùng của khung cửa sổ thò ra như đoạn xương gãy.

“Có gì đó đã đập rất mạnh vào thứ này,” Richie thở gấp. Nhìn vào trong – hay nói đúng hơn là cố căng mắt nhìn, Bill gật đầu.

Richie huých bạn mình ra một chút để nhìn ké. Tầng hầm tối tăm, lổn nhổn thùng gỗ và thùng giấy. Sàn nhà là nền đất, và giống như đồng lá mục, nó bốc lên thứ mùi ẩm thấp. Góc trái lù lù lò sưởi với dàn ống tròn chọc thẳng lên trần nhà thấp. Đằng sau, cuối nhà kho, Richie có thể trông thấy một cái chuồng lớn quay bằng gỗ. Ban đầu cậu nghĩ đó là chuồng ngựa, nhưng ai đời lại nhốt ngựa trong tầng hầm gổm guốc thế này kia chứ? Rồi cậu chợt nhận ra trong căn nhà cũ như vậy, lò sưởi hẳn dùng củi chứ không dùng dầu. Người ta không buồn nâng cấp lò sưởi vì chẳng ai muốn sống trong căn nhà này. Thứ quay bằng gỗ kia là thùng chứa than. Đằng xa, phía bên tay phải, Richie lơ mơ trông thấy cầu thang dẫn lên tầng trệt.

Bill bỗng ngã xuống... chúi người tới trước... và trước khi Richie kịp lý giải hành động của bạn mình, đôi chân Bill đã biến mất vào cửa sổ.

“Bill!” Cậu rít lên. “Chúa ơi, cậu làm trò gì vậy hả? Ra ngoài mau!”

Bill không đáp lời. Cậu lách qua, phần gáy áo khoác chà sát, suýt chút nữa bị một mảnh kính cửa phải. Giây sau, Richie nghe thấy tiếng giày của cậu nên đánh bộp xuống nền đất cứng bên trong.

“Vừa vừa phải phải thôi chứ.” Richie hoảng hốt lồm bồm, cậu nhìn vào

cái lỗ vuông tối tăm nơi bạn mình vừa chui vào. “Bill, cậu uống phải thuốc lú à?”

Giọng Bill văng lên. “C-Cậu c-c-cứ ở tr-trên đó nếu m-muốn, R-R-Richie. C-Canh g-g-gác giùm tớ.”

Nhưng không, cậu lộn người lại, đẩy chân qua khung cửa sổ tầng hầm trước khi thần kinh kịp bàn lùi, lòng thần hy vọng tay và bụng không bị kính bể cửa phải.

Bỗng thứ gì đó chộp lấy chân cậu. Richie hét thất thanh.

“L-L-Là t-tớ,” Bill ré lên, và chốc sau, Richie đang đứng cạnh bạn mình trong tầng hầm, kéo áo thun với áo khoác xuống. “Ch Chứ c-cậu tưởng l-là ai?”

“Ông ba bị” Richie đáp và run run cười.

“C-Cậu đ-đi ph-phía k-kia, còn t-tớ đ-đ-đi...”

“Đẹp đi.” Richie nói. Cậu có thể nghe thấy tiếng tim đập loạn trong lồng mình thốt lên, khiến giọng của cậu vừa lắp bắp vừa the thé, hết lên lại xuống. “Cậu đi đâu tớ theo đó, Bill To Bự.”

Đầu tiên, hai đứa trẻ tiến đến thùng chứa than, Bill đi trước một chút, khẩu súng nắm chặt trong tay, Richie đi ngay phía sau, cố gắng nhìn bao quát mọi nơi. Bill đứng sững bên cạnh thùng chứa than với miếng ván gỗ thò ra trong giây lát rồi vòng lại, hai tay chĩa thẳng súng. Richie nhắm nghiền mắt, chuẩn bị tinh thần nghe tiếng súng nổ đinh tai nhưng không thấy. Cậu thận trọng mở mắt.

“Ch-Chẳng c-có gì ngoài th-th-than.” Bill cười, cốt xua tan lo lắng.

Richie bước đến cạnh Bill để quan sát. Ở cuối chuồng quây vẫn còn một đồng than cũ, chất cao gần đến trần nhà, tràn thành một hai đụn nhỏ

dưới chân bọn họ. Than đen thui đen thui như cánh quạ.

“Mình...” Richie vừa lên tiếng thì cánh cửa trên cùng cầu thang tầng hầm bật tung, bay vào tường đánh rầm, khiến ánh sáng ban ngày thừa thớt lọt xuống cầu thang.

Hai cậu bé hét lên thất thanh.

Richie nghe thấy tiếng gầm gừ rất to – tựa hồ tiếng của một loài dã thú nhốt trong lồng. Cậu trông thấy đôi chân mang giày đang bước xuống cầu thang. Thân dưới mặc quần jean và hai tay đang đưa...

Nhưng không, đó không phải tay mà là móng vuốt. Móng vuốt dị dạng to tướng.

“Tr-Tr-Trèo lên đ-đống th-than mau!” Bill la lên song Richie như hóa đá khi nhận ra thứ đang tấn công bọn họ, thứ đó đang muốn giết chết họ trong tầng hầm tối hoẵng mùi đất ẩm và mùi rượu rở tiền đổ trong góc. Cậu nhận ra nó nhưng cậu cần thấy bằng chính mắt mình. *“Trên đ-đỉnh đống th-than có c-c-cửa sổ!”*

Tay nó rậm rì lông màu nâu, xoắn tít như dây điện; đầu ngón tay lỏm chồm móng vuốt. Giờ Richie trông thấy một chiếc áo khoác lụa màu đen sọc cam – màu đại diện của trường Trung học Derry.

“Nh-Nh-Nhanh!” Bill hét lên và đẩy Richie thật mạnh. Richie tông vào đống than. Mảnh than nhọn đâm vào người đau điếng khiến cậu như bưng tỉnh. Than rơi xuống tay cậu. Tiếng gầm điên dại vẫn tiếp tục vang lên.

Nỗi hoảng loạn choáng ngợp đầu óc Richie.

Chẳng kịp nghĩ ngợi gì, cậu vội vàng bò lên núi than, lên được một chút lại tụt xuống, nhưng cậu bất chấp nhào tới, vừa cuống cuống vừa la hét. Cửa trên đỉnh đống than ám đen do bụi than, gầm như không cho chút ánh

sáng nào lọt qua. Nó bị chốt cứng. Richie nắm lấy chốt và vận hết sức bình sinh để vận nhưng không xi nhê gì. Tiếng gầm gừ càng lúc càng gầm hơn.

Đoàng, tiếng súng vang lên phía dưới, chát chúa đến điếc tai trong căn phòng đóng kín. Mùi thuốc súng nồng nặc và cay sè xộc vào mũi Richie. Thần kinh cậu căng lên như dây đàn, và cậu chợt nhận ra từ nãy đến giờ, mình xoay chốt ngược hướng. Cậu liền vận sức xoay theo chiều ngược lại, khiến chốt ken két rít lên. Bụi than lả tả rơi xuống tay cậu như rắc tiêu.

Súng lại nổ thêm phát nữa cùng tiếng nổ chát chúa thứ hai. Bill Denbrough thét lớn, “MÀY DÁM GIẾT EM TAO, ĐỒ KHỐN KIẾP!”

Trong một khoảnh khắc, thứ sinh vật vừa bước xuống cầu thang kia dường như đã phá lên cười và nói- tựa hồ một con chó hung dữ bỗng dừng của thành tiếng, và trong thoáng chốc, Richie tưởng như nghe thấy con quái vật khoác áo trung học kia vừa gầm lên đáp lại, *Tao sẽ thịt cả mày nữa.*

“Richie!” Bill thét to, và Richie nghe thấy tiếng than lộp cộp rơi xuống khi Bill trèo lên. Tiếng gầm rú vẫn tiếp tục vang lên. Gõ răng rắc. Có cả tiếng gào và tiếng hú trộn lẫn – âm thanh chẳng khác nào cơn ác mộng kinh hoàng.

Richie đẩy thật mạnh cửa sổ, chẳng buồn quan tâm liệu kính có bể và cắt nát tay cậu hay không. Chuyện đó tính sau. Cửa không bể mà bật ra ngoài do bản lề sắt đã gỉ sét đẩy bụi bám. Bụi than rơi như mưa lên mặt Richie. Cậu trườn lên sàn như con lươn, hít thứ không khí trong lành vào buồng phổi, cảm nhận cọng cỏ dài lất phất vào mặt. Cậu chẳng mảy may để ý trời đang mưa. Cậu trông thấy bụi hướng dương to tướng, xù xì màu xanh.

Khẩu Walther nhả đạn lần thứ ba, con quái vật trong tầng hầm hét vang,

thứ âm thanh man rợ đầy phần nộ. Và rồi Bill thét lên: “*Nó b-bắt tớ rồi, Richie! Cứu! Nó b-bắt được tớ rồi!*”

Richie lồm cồm xoay người lại thì trông thấy khuôn mặt bạn mình trợn ngược đầy kinh hãi trong khung cửa sổ cỡ lớn được dùng để dẫn than trữ cho mùa đông khi đến tháng Mười.

Bill nằm thẳng cẳng trên đồng than. Tay cậu qua quàng và chơi với tìm cách chộp lấy khung cửa sổ nằm ngoài tầm với. Áo thun và áo khoác bị kéo lên sát đến ngực. Cậu đang trượt xuống... không, cậu đang bị kéo xuống bởi một thứ mà Richie không thấy rõ. Cậu chỉ thấy một bóng đen to lớn đang chuyển động phía sau Bill. Bóng đen ấy gằn rú, gằn giọng chẳng khác nào con người.

Richie chẳng cần nhìn rõ cũng biết nó là thứ gì, bởi cậu đã có dịp nhìn thấy nó vào thứ Bảy tuần trước, trên màn ảnh rạp chiếu phim Aladdin. Điên rồ, thật vô cùng điên rồ, nhưng dẫu thế, Richie không hề nghi ngờ đầu óc hay kết luận của mình.

Gã Người sói Thiếu niên đã bắt được Bill Denbrough. Chỉ có đi đâu, nó không phải chàng diễn viên Michael Landon với mặt bôi trét cả lớp hóa trang và gắn lông giả. Con quái vật này là *thật*.

Như để chứng minh đi đâu đó, Bill lại hét lên.

Richie nhào người vào trong, chộp lấy hai tay Bill. Một tay Bill đang nắm khẩu súng Walther, và đây là lần thứ hai trong ngày, Richie nhìn thẳng vào nòng súng đen thẳm... chỉ khác là lần này, đạn đã lên nòng.

Hai bên vật lộn giành giật Bill – Richie kéo tay Bill, gã Người sói kéo cổ chân cậu.

“R-R-Ra khỏi đ-đây thôi, Richie!” Bill la lên. “R-Ra...”

Bất thành linh, khuôn mặt của gã Người sói lộ ra khỏi bóng tối. Trán của nó vừa ngắn vừa dô, lơ thơ vào sợi lông. Hai má nó trũng sâu, rậm rì. Đôi mắt nó nâu sậm, tinh anh và ranh mãnh đến đáng sợ. Miệng há to, nó bắt đầu gặm rú. Môi dày cui, sùi bọt mép trắng, chảy thành hai hàng, rỉ rỉ xuống cằm. Mái tóc trên đầu nó vuốt ngược ra sau thành phiên bản dị hợm so với tóc của một thanh niên. Nó ngửa đầu và gào rú, ánh mắt chòng chọc xoáy vào Richie.

Bill lồm cồm bò lên đồng than. Richie nắm lấy cẳng tay cậu, kéo mạnh. Trong thoáng chốc, cậu cứ tưởng mình sẽ thắng. Nào ngờ Người sói lại chop lấy chân Bill rồi kéo cậu trở lại bóng tối. Nó khỏe hơn cậu. Và một khi đã tóm lấy Bill, nó muốn giành cho bằng được.

Và rồi, chẳng rõ cậu đang làm gì hay tại sao cậu hành động như thế, Richie bỗng nghe thấy giọng Tay Cảnh sát Ireland, giọng của ông Nell, phát ra từ miệng mình. Nhưng lần này không phải một màn giả giọng dở tệ của Richie Tozier; cũng không hẳn là giọng ông Nell. Đó là Giọng của viên cảnh sát tuần tra người Ireland từng sống, từng gô cổ phurong giang hồ bất hảo tìm cách cạy khóa những cửa hàng đóng cửa sau nửa đêm.

“Buông thằng bé ra, đồ khốn, không thì tao bửa đầu mày ra làm đôi! Tao thề có Chúa! Bỏ thằng bé ra ngay, kẻo tao cho mày về châu ông bà bây giờ!”

Sinh vật trong tầng hầm thét lên một tiếng gầm giận giữ đến điếc tai... nhưng Richie nghe trong tiếng thét ấy dường như ẩn chứa một âm điệu khác. Có thể là sợ hãi. Hoặc đau đớn.

Cậu kéo thật mạnh, đưa Bill bay ra khỏi cửa sổ, đáp xuống bãi cỏ. Cậu bạn ngược nhìn Richie với đôi mắt hãi hùng sa sầm. Mặt áo khoác dính đầy bụi than đen thui.

“M-M-Mau lên!” Bill hòng hộc, gần như rên lên. Cậu túm lấy áo Richie. “Ch-Ch-Chúng ta ph-ph-phải...”

Richie lại nghe thấy tiếng than bị xới tung lên và đổ ập xuống. Ngay sau đó, khuôn mặt của Người sói lộ ra khỏi cửa sổ tầng hầm. Nó nhe răng với họ. Móng vuốt của nó chộp lấy mặt cỏ.

Bill vẫn cầm khẩu Walther trong tay – suốt từ nãy đến giờ, cậu cố sống cố chết giữ rịt lấy nó. Cậu bèn giơ nó lên bằng cả hai tay, đôi mắt nhắm nghiền như sợi chỉ rồi kéo cò. Lại một tiếng nổ đinh tai nhức óc vang lên. Richie trông thấy một phần sọ của Người sói bể toạc, máu xối xả tuôn xuống mặt con quái vật, khiến lớp lông bật lại và cổ áo khoác ướt sũng.

Con quái vật gần lên rồi bắt đầu trèo ra khỏi cửa sổ.

Chậm chậm cử động, tựa như mộng du, Richie lần tay xuống dưới áo khoác, vào túi sau. Cậu lôi bọc có hình người đàn ông hất xì ra. Cậu xe bọc trong lúc sinh vật máu me bê bết đang gào rú nọ tìm cách bò ra từ cửa sổ, chạt vật trèo ra, móng vuốt bấu chặt vào nền đất. Richie xé toạc rồi bóp nó trong tay. “*Trở lại chỗ của mày đi, đồ khốn!*” Cậu ra lệnh bằng giọng Tay Cảnh sát Ireland. Một đám bụi màu trắng phủ vào mặt Người sói. Tiếng gần của nó chợt im bật. Nó nhìn chằm chằm Richie với vẻ mặt kinh ngạc đến buồn cười rồi khò khè thở không nổi. Mắt nó đỏ ngầu, lơ mơ, hướng về phía Richie, dường như muốn ghim hình ảnh cậu đời đời kiếp kiếp.

Đoạn nó bắt đầu hất xì.

Nó hất xì liên tục mấy phát. Nước dãi văng tứ tung từ cái miệng của nó. Nước mũi xanh đen phọt ra từ lỗ mũi. Một giọt bắn vào da Richie rồi xèo xèo cháy như a-xít. Cậu vừa chùi vừa hét lên vì đau đớn và kinh tởm.

Khuôn mặt con quái thú vẫn đầy thịnh nộ, nhưng giờ có cả đau đớn – đó là điều không thể nhần lẫn. Có thể Bill đã sát thương nó bằng khẩu súng

lục của bố cậu, song Richie khiến nó nểm đòn đau hơn nhiều... đầu tiên là giọng Tay Cảnh sát Ireland, sau đó lại thêm bột hất xì.

Chúa ơi, nếu mình mang theo bột giữa và lò xo chích tay, có khi mình kết liễu được nó ấy chứ, Richie nghĩ, bỗng lúc ấy, Bill nắm lấy cổ áo rồi kéo cậu ra sau.

Hành động không thể nào kịp thời hơn thế. Bởi Người sói bất ngờ ngưng hất xì rồi nhào vào tấn công Richie. Nó nhanh như chớp - nhanh đến không tưởng.

Nếu Bill không kịp lôi cậu đứng dậy, hẳn Richie đã ngã ra ngất đó với bọc bột hất xì của Tiến sĩ Wacky trong tay, ngất dại nhìn Người sói, thần cảm thán sao mà lông nó nâu đến thế, máu nó đỏ đến thế, trên đời chẳng có gì là rõ ràng trắng đen, hẳn cậu đã ngã đấy cho đến lúc vuốt của nó quặp vào cổ cậu, móng của nó xé toạc họng cậu.

Richie loạng choạng theo sau bạn mình. Họ chạy vòng ra trước nhà, Richie nghĩ, *Nó sẽ không dám đuổi theo chúng mình đâu, giờ bọn mình ra ngoài đường rồi, nó sẽ không dám đuổi theo, không dám, không dám...*

Nào ngờ nó vẫn đang bám theo. Cậu có thể nghe thấy tiếng nó ngay phía sau, lẩm bẩm, gầm gừ, dãi chảy nhoe nhoét.

Và kìa, Ánh Bạc kia rồi, nó vẫn tựa vào thân cây. Bill nhảy phốc lên yên và ném khẩu súng lục của bố vào giỏ đựng đồ mà họ để những khẩu súng đồ chơi. Richie liếc ra sau lúc nhào lên giá đỡ hàng thì trông thấy Người sói đang băng qua bãi cỏ và tiến đến chỗ họ, cách chưa tới sáu mét. Máu me và dãi nhớt trộn vào nhau trên áo khoác của nó. Xương trắng nhô ra từ phần da ngay thái dương bên phải. Hai bên cánh mũi dính những vệt bột hất xì trắng trắng. Và Richie trông thấy hai điểm khiến kinh hoàng càng thêm khủng khiếp. Trên áo khoác thứ sinh vật kia đang mặc không có khóa

kéo mà là một dây nút màu cam to tướng. Chi tiết còn lại càng đáng kinh hãi hơn. Nó khiến cậu có cảm giác khéo cậu sắp lăn đùng ra ngất, hoặc đầu hàng chịu giết. Trên áo của nó thêu một cái tên màu vàng, dạng thêu mà ta có thể đến tiệm may Machen's để nhờ làm với giá một đồng.

Cái tên thêu bên ngực trái áo khoác của gã Người sói tuy bị dây máu nhưng vẫn đọc được: RICHIE TOZIER.

Nó nhào đến tấn công họ.

“Đi mau, Bill!” Richie hét lên.

Ánh Bạc bắt đầu lăn bánh một cách chậm chạp - quá sức chậm chạp. Bill mất quá nhiều thời gian để khiến xe chạy...

Người sói băng qua con đường gồ ghề ngay lúc Bill đạp xe đến giữa đường Neibolt. Máu dính lên quần jean bạc théch của nó, và khi nhìn ra sau vai với nỗi tò mò gần như bị thôi miên, đáng ghét nhưng không tài nào gạt đi được, Richie trông thấy đường may của quần jean con quái vật đang mặc nhiều chỗ bục hết cả, những túm lông màu nâu thô ráp bung cả ra ngoài.

Ánh Bạc nghiêng ngả dữ dội. Bill đứng hẳn dậy, nắm lấy ghi đông xe đạp từ bên dưới, đầu ngửa thẳng lên bầu trời đầy mây, dây gân nổi rõ trên cổ. Thế mà thế bài mới chỉ lách cách từng tiếng rời rạc.

Móng vuốt của quái vật mò đến Richie. Cậu la hét thảm thương rồi nhào người né. Người sói gặm gù và nhe nhớn cười. Nó gần đến nỗi Richie có thể trông thấy phần giác mạc vàng đục cùng mùi thịt thối tỏa ra từ hơi thở của nó. Răng nó lồm chồm, nhọt hoắt.

Richie lại hét lên khi nó vụt móng vuốt về phía cậu. Cậu dám chắc nó sắp lấy thủ cấp của cậu – may sao móng vuốt vụt qua ngay trước mặt cậu, chỉ cách vài ba phân. Cú vô ý mạnh đến độ mái tóc ướt đầm mồ hôi của

Richie bị thổi tung lên trời.

“*Hỡi Ánh Bạc, PHI THÔI!*” Bill hét lên, giọng sang sảng.

Cậu đạp đến đỉnh quả đồi thấp và nông. Không nhiều, nhưng đủ để Ánh Bạc bắt đầu lăn bánh. Những thẻ bài dần tăng tốc và khua liên hồi thành những tiếng lách cách, Bill điên cuồng đạp pê-đan. Ánh Bạc không loạng choạng lạng lách nữa mà chạy thành đường thẳng xuống đường Neibolt vào Tuyến số 2.

Tạ ơn Chúa, tạ ơn Chúa, tạ ơn Chúa, Richie hoảng loạn cầu khẩn trong đầu. Tạ...

Người sói tiếp tục rống lên - *ôi Chúa ơi, nghe như nó đang ở NGAY BÊN CẠNH MÌNH* vậy - và hơi thở của Richie nghẹn lại khi áo thun và áo khoác của cậu bị kéo siết lên khí quản. Cậu ngạt thở, ằng ặc kêu lên và kịp ôm lấy bụng Bill trước khi bị kéo khỏi xe đạp. Bill hơi ngã ra sau nhưng vẫn giữ được tay lái của Ánh Bạc. Trong một thoáng, Richie còn tưởng chiếc xe to lớn sẽ nhấc hẳn một bánh lên, khiến hai đứa ngã nhào. Và rồi chiếc áo sòn nát đến độ sắp đủ chuẩn xếp xó tuột khỏi lưng cậu với một tiếng rách toạc ầm ĩ, thật kỳ cục là nghe lại giống tiếng đánh rầm rồ to. Mãi Richie mới có thể thở trở lại.

Cậu ngó xung quanh và nhìn thẳng vào đôi mắt đùng đục, đầy sát ý của con quái vật.

“Bill!” Cậu tìm cách hét lên những lời cậu nói yếu ớt chẳng ra hơi.

Nhưng dường như Bill vẫn nghe thấy. Cậu guồng chân đạp thật mạnh, mạnh hơn bất cứ lúc nào trong đời. Ruột gan phèo phổi của cậu như đang trào lên, không còn ở đúng chỗ. Cậu có thể cảm nhận vị tanh nồng của máu trong họng. Mắt cậu trợn lên như muốn lồi ra khỏi hốc mắt. Miệng cậu há to, hít lấy hít để không khí. Một cảm giác hưng phấn điên rồ khó cưỡng

ngập tràn tâm trí cậu –một cảm giác tự do tự tại, thỏa chí tung hoành. Cậu đứng thẳng lên bàn đạp; vừa vồ về, vừa đạp lấy đạp để.

Ánh Bạc tiếp tục tăng tốc. Cậu dần cảm nhận được con đường và bắt đầu tung cánh. Bill biết mình đang phi thật nhanh.

“Hỡi Ánh Bạc!” Cậu lại hét lên. *“Hỡi Ánh Bạc, PHI NÀO!”*

Richie có thể nghe thấy tiếng giày hời hả nện thành thịch xuống con đường đá dăm. Cậu quay lại. Móng vuốt của Người sói quệt ngay trên mắt cậu mạnh đến không tưởng, và trong phút chốc, Richie cứ tưởng đỉnh đầu mình đã đứt lìa. Mọi thứ bỗng trở nên thật mờ mịt và chông chênh. Âm thanh lúc to lúc nhỏ. Thế giới như bị gột đi mọi màu sắc. Cậu xoay người, điên cuồng bám chặt vào người Bill. Dòng máu nóng hời rỉ xuống mắt phải của cậu nhoi nhoi.

Người sói lại vung móng, lần này quệt vào thanh chắn bên phía sau. Richie cảm thấy chiếc xe rung lắc dữ dội, suýt chút nữa đổ nhào, may sao nó cân bằng lại được. Bill thét lên *Hỡi Ánh Bạc, PHI NÀO!*, nhưng sao tiếng hô của cậu xa xôi quá, tựa hồ âm thanh vọng lại trước khi tắt hẳn.

Richie nhắm mắt, ôm chầm lấy Bill và chờ hời kết thúc.

14

Bản thân Bill cũng nghe thấy tiếng bước chân, cậu hiểu gã hề chưa chịu từ bỏ, nhưng cậu không dám quay đầu lại nhìn. Nếu nó bắt kịp và khiến cả hai ngã thẳng cảng thì cậu sẽ biết ngay. Mà chỉ cần biết điều đó, chứ còn gì nữa đâu.

Cố lên nào, Ánh Bạc ơi, cậu thêm van nài. Xuất hết chiêu đi nào! Mọi tuyệt chiêu mình có! Cố lên, Ánh Bạc ơi! CỐ LÊN!

Và một lần nữa, Bill Denbrough lại vô tình rơi vào hoàn cảnh phải chạy

đua để đánh bại quỷ dữ, chỉ có đi đầu quỷ dữ lần này là một gã hề góm ghiếc, khuôn mặt nhẽ nhại lớp phấn trắng, miệng nhếch lên thành nụ cười đỏ loe đỏ loét đầy dã tâm, hai mắt như hai đồng xu bạc sáng rỡ. Vì lý do điên rồ nào đấy, gã hề này mặc áo khoác trường Trung học Derry bên ngoài bộ đồ hề màu bạc loe ngoe cổ áo màu cam với hàng nút to tướng cũng màu cam nốt.

Cố lên nào – Ánh Bạc ơi, sức mạnh của mày đâu rồi?

Con đường Neibolt cứ thế vùn vụt lướt qua cậu. Ánh Bạc cất tiếng lách cách đầu đẵn từ những tấm thẻ bài được gắn ở nan hoa. Tiếng chân chạy đã lùi lại phía sau chưa nhỉ? Cậu vẫn chưa dám quay lại nhìn. Richie ôm cậu chặt cứng, cản trở luồng khí tràn vào phổi cậu, Bill những muốn bảo Richie thả lỏng tay một chút, nhưng đồng thời, cậu cũng không dám phỉ hời thở để làm chuyện đó...

Và rồi, hiện ra ngay trước mặt cậu, tựa hồ giấc mơ tuyệt đẹp chính là biển báo dừng chờ đánh dấu ngã tư giao giữa đường Neibolt và Tuyến số 2. Xe ô tô đang phi qua lại trên đường Witcham. Trong tâm trạng hoảng loạn đến kiệt sức, cảnh tượng ấy chẳng khác nào một đi đầu kỳ diệu trong mắt Bill.

Vì phải phanh lại trong chốc lát (hoặc làm một đi đầu hết sức sáng tạo), cậu đánh liêu nhìn ra sau lưng.

Cảnh tượng trông thấy làm cậu bất thành linh xoay ngược bàn đạp của Ánh Bạc. Chiếc xe trượt và rê bánh sau xuống mặt đường, làm đầu của Richie đập mạnh vào chỗ hõm ở bả vai phải của Bill.

Con đường vắng tanh vắng ngắt.

Nhưng cách bọn họ khoảng hai mươi lăm mét, ở căn nhà đầu tiên của dãy nhà bỏ hoang, trông như đoàn viếng đám ma dẫn đến sân ga, có một

ánh sáng màu cam lóe lên gần cổng thoát nước mưa sát lề đường.

“Ừ...”

Lúc Bill nhận ra Richie đang trượt khỏi Ánh Bạc thì đã quá trễ. Mắt Richie trợn ngược, đến độ Bill chỉ có thể trông thấy viền dưới của tròng đen bên dưới mí trên. Gọng kính chấp dán của cậu méo xệch. Còn máu thì đang rỉ rỉ chảy ra trên trán.

Bill chộp lấy tay bạn, cả hai nghiêng sang phải làm Ánh Bạc mất thăng bằng. Cả hai tông xuống đường, tay chân quỳnh quáng. Bill đập mạnh xương khuỷu tay và thét lên đầy đau đớn. Mắt Richie giật nháy trước tiếng la.

“Tôi sẽ dẫn ngài đến chỗ kho báu, nhưng gã Dobbs ấy rất nguy hiểm,” Richie khò khè nói. Cậu đang giả giọng Pancho Vanilla, nhưng chất giọng mơ màng, có gì đó xa xôi khiến lòng Bill như lửa đốt. Cậu nhìn thấy vài cọng lông cứng màu nâu dính trên vết thương khá nông trên trán Richie. Chúng hơi quăn. Đã sợ lại càng sợ hơn, cậu đấm một phát thật mạnh lên đầu Richie.

“*Ui da!*” Richie ré lên. Hai mắt cậu nhấp nháy rồi mở to. “Sao cậu lại đánh tớ, Bill To Bự? Cậu làm bể kính tới bây giờ. Trong trường hợp cậu không để ý, thì xin thưa kính tớ đã nát lắm rồi đấy.”

“Tớ t-t-tưởng cậu s-s-sắp ch-ch-chết hay sao đ-đ-đó,” Bill lắp bắp.

Richie từ từ ngẩng dậy trên đường và đưa tay lên đầu. Cậu nhen lên. “Có chuyện...” Nói nửa chừng thì cậu chợt nhớ ra tất cả. Mắt cậu trợn trừng cuống cuống, kinh hãi và cậu vội loạng quạng trên đầu gối, thở không ra hơi.

“Đ-Đ-Đừng lo,” Bill nói. “N-N-Nó đ-đ-đi rồi, R-R-Richie. Nó đi rồi.”

Richie quan sát con đường vắng tanh, nơi mọi thứ im lìm rồi òa lên nước nở. Bill đưa mắt nhìn rồi vòng tay quanh Richie, ôm chầm lấy bạn mình. Richie giữ chặt lấy cổ Bill, ghì lấy cậu. Cậu muốn nói gì đó hay ho, tỉ dụ như việc lý ra Bill phải thử bắn ná cao su Hồng Tâm vào Người sói, nhưng ngôn từ như nghẹn trong cổ họng. Cậu chẳng nói được gì ngoài khóc.

“Đ-Đừng lo, R-Richie” Bill nói, “đ-đ-đừng...” Đoạn cậu cũng bật khóc theo, hai cậu bé chẳng làm được gì ngoài quỳ gối trên đường, ôm nhau thật chặt, những dòng nước mắt giàn giụa chảy làm bụi than đen thui trôi khỏi gò má.

CHƯƠNG 9: DỌN DẸP

1

Buổi chiều ngày 29 tháng 5 năm 1985, khi đang bay trên bầu trời New York, Beverly Rogan lại bắt đầu phá lên cười nắc nẻ. Cô lấy tay bịt miệng, sợ người ta nghĩ đâu óc mình chập cheng, nhưng vô ích, cô chẳng tài nào nhịn được.

Ngày ấy bọn mình cười nhiều lắm, cô chột nghĩ. Đấy, lại thêm một ngọn đèn lóe lên trong đêm tối. Cả bọn lúc nào cũng sợ, nhưng cứ cười mãi không thôi, hơn cả mình lúc này.

Chàng thanh niên ngồi cạnh cô trong dãy ghế còn khá trẻ, tóc dài và khô ngô. Anh ta đã lén liếc nhìn cô vài lần với ánh mắt đầy ý nhị kể từ lúc máy bay cất cánh ở Milwaukee lúc 2 giờ 30 phút (cách đây gần hai tiếng rưỡi, với một lần dừng ở Cleveland và một lần dừng khác ở Philly) nhưng giữ kẽ vì thấy cô rõ ràng không muốn nói chuyện phiếm; sau vài câu xã giao mà cô chỉ trả lời ngắn gọn vì phép lịch sự, anh này bèn mở túi vải và lấy ra cuốn tiểu thuyết của Robert Ludlum.

Bây giờ, anh ta đóng sách lại, tay giữ ghế và hỏi han với vẻ lo lắng: “Cô ổn chứ?”

Cô gật đầu, cố làm vẻ mặt nghiêm túc nhưng lại tiếp tục phì cười. Anh khẽ mỉm cười, bối rối và thắc mắc.

“Không có gì đâu,” cô nói, một lần nữa cố gắng tỏ ra nghiêm nghị nhưng bất khả; càng tìm cách tỏ ra chính tề thì khuôn mặt cô lại càng muốn phụt cười. Cứ như ngày xưa ấy. “Chỉ là tự dưng tôi nhận ra tôi thậm chí còn không biết mình đang lên máy bay hãng nào. Tôi chỉ nhớ có

hình một con v-v-vịt cỡ bự ở b-b-bên hông...” Suy nghĩ ấy lại khiến cơn cười trào dâng như vỡ đê, cô phá lên cười ha hả. Hành khách hướng mắt nhìn cô, một số người chau mày.

“Republic,” anh ta trả lời.

“Gì kia?”

“Cô đang vùn vụt lướt qua tầng không với tốc độ 750 ki-lô-mét trên giờ nhờ dịch vụ của hãng hàng không Republic Airlines. Biểu tượng ấy nằm trên tập tài liệu LBT trong túi đựng gắn sau ghế đây.”

“LBT?”

Anh ta rút tập tài liệu (quả thật, nó có logo của hãng Republic trên bìa) ra khỏi túi. Tập tài liệu trình bày vị trí các cửa thoát hiểm, áo phao, cách dùng mặt nạ dưỡng khí, cách định vị trí hạ cánh khẩn cấp. “Đây là tập tài liệu Lên Bàn Thờ,” anh nói, và lần này cả hai cùng cười ngặt nghẽo.

Phải công nhận anh ta khôi ngô thật, cô chợt nghĩ – suy nghĩ ấy mới mẻ, có gì đó thật sáng tươi, suy nghĩ mà ta có thể có khi vừa thức dậy, lúc đầu óc chưa bộn bề lo âu. Anh mặc áo len chui đầu và quần jean bạc màu. Mái tóc vàng ngả tối của anh được cột ra sau bằng mẫu dây thừng, và chi tiết ấy gợi cho cô nhớ lại ngày còn bé, lúc nào cô cũng cột tóc đuôi gà. Cô thêm nghĩ: Mình cá cậu bé của anh ta giống của một sinh viên gia giáo ngon lành đây. Đủ dài để đùa nghịch nhưng không đủ to để vênh váo.

Cô lại cười nắc nẻ, không tài nào nhịn nổi. Cô nhận ra cô còn chẳng có khăn mùi xoa để lau nước mắt đang chảy, và điều này càng làm cô cười tợn.

“Tốt nhất cô nên kiềm chế bản thân lại nếu không tiếp viên hàng không tổng cô khởi máy bay bây giờ,” anh nghiêm túc nói, cô chỉ biết lắc đầu, miệng vẫn cười ngặt nghẽo: hông và bang của cô quặn đau.

Anh đưa cho cô một chiếc khăn mùi xoa trắng sạch. Một phần nhờ vậy mà cuối cùng, cô đã kiểm soát được cơn cười của mình. Dù thế, cô không ngưng cười được ngay. Chúng chỉ thuyên giảm thành những tràng cười khúc khích và thở hổn hển. Thỉnh thoảng, hình ảnh con vịt to tướng bên hông máy bay lại hiện lên trong đầu khiến cô rình rích cười.

Hồi sau, cô đưa lại khăn mùi xoa cho anh thanh niên. “Cảm ơn anh.”

“Chúa ơi, tay cô bị gì vậy?” Anh cầm lấy tay cô, giọng e ngại.

Nhìn xuống, cô trông thấy móng tay mình bị gãy do cô trượt tay lúc vội vàng đẩy tủ lên người Tom. Ký ức về hành động ấy còn đau đớn hơn nhiều so với vết thương trên móng tay, nó khiến tràng cười của cô ngưng bật. Cô rút tay về, nhưng không bất nhã mà nhẹ nhàng.

“Tôi kẹt tay vào cửa ô tô lúc đến sân bay,” cô bịa, trong đầu thầm ngẫm về bao lần mình đã nói dối về những lần Tom thương cẳng chân hạ cẳng tay với cô, về bao lần cô đã nói dối về những vết bầm mà bố để lại trên người cô. Liệu đây có phải lần cuối và là lời dối trá cuối cùng không? Nếu thế thì tuyệt vời biết bao... tuyệt đến độ không tưởng. Cô mừng rỡ đến cảnh vị bác sĩ bước vào gặp một bệnh nhân mắc ung thư giai đoạn cuối và nói, Hình chụp X-quang cho thấy khối u đang nhỏ lại. Chúng tôi không rõ lý do tại sao, chỉ biết tình hình như vậy mà thôi.

“Chắc đau lắm phải không,” anh hỏi thăm.

“Tôi uống thuốc giảm đau rồi.” Cô lại mở cuốn tạp chí trên máy bay ra, dù có lẽ chắc anh cũng thừa biết cô đã đọc đi đọc lại nó hai lần.

“Cô bay đến đâu thế?”

Đóng tờ tạp chí lại, cô nhìn anh và mỉm cười. “Anh rất tốt bụng,” cô nói, “nhưng tôi không muốn nói chuyện. Được chứ?”

“Được thôi,” anh ta đáp với nụ cười. “Nhưng nếu cô muốn uống một ly vì chú vịt to bự bên hông máy bay khi ta đến Boston thì để tôi mời cô nhé.”

“Cảm ơn anh, nhưng tôi còn phải bắt chuyến khác.”

“Trời ạ, tử vi của tôi sáng nay nói sai bét hay sao thế nhỉ,” anh ta lầm bầm mà lại mở cuốn tiểu thuyết của mình. “Nhưng khi cười, cô rất thu hút. Đàn ông hẳn sẽ bị hấp hồn cho mà xem.”

Cô lại mở tạp chí, nhưng chẳng tài nào chú tâm vào bài báo về thú vui ở New Orleans mà chỉ chăm chăm nhìn những móng tay nham nhở của mình. Trong đó có hai móng bị rộp màu tím ngắt. Cô như nghe thấy tiếng Tom hét vọng xuống cầu thang: “Tao sẽ giết mày, con khốn! Tiên sư con khốn!” cô rùng mình, lạnh người. Một con khốn trong mắt Tom, một con khốn trong mắt các thợ may hề đến trước những buổi trình diễn quan trọng là lại sai sót và khiến Beverly Rogan thét ra lửa, một con khốn trong mắt bố cô từ ngày xưa ngày xưa, trước khi Tom hay những thợ may bất hạnh kia trở thành một phần cuộc sống của họ.

Một con khốn.

Con khốn.

Con khốn chết tiệt.

Cô nhắm mắt lại trong chốc lát.

Bị những mảnh thủy tinh của chai nước hoa cửa vào lúc chạy ra khỏi phòng, hai chân cô đau còn hơn cả tay. Kay chuẩn bị cho cô băng cá nhân, một đôi giày và một tấm séc trị giá một nghìn đô-la, được Beverly chuyển thành tiền mặt vào lúc 9 giờ tại ngân hàng First Bank ở Chicago, tọa lạc ngay Quảng Trường Watertower.

Dù Kay phản đối, Beverly vẫn tự viết một tờ séc trị giá một nghìn đô lên tờ giấy trắng. “Tớ từng đọc bất kể viết trên vật liệu gì, séc vẫn được chấp nhận,” cô nói với Kay. Giọng cô như mang từ một nơi nào đó khác. Như chiếc ra-đi-ô ở phòng bên kia chẳng hạn. “Có người từng đi rút tiền mặt bằng tấm séc viết trên vỏ pháo đẩy. Nếu tớ nhớ không lầm thì tớ đọc được trong Cuốn sách Liệt kê như vậy.” Đoạn cô im lặng, gượng cười. Kay nhìn cô thật lung, ánh mắt gần như nghiêm nghị. “Nhưng tớ sẽ đi rút sớm trước khi Tom nghĩ tới chuyện đóng băng tài khoản.”

Mặc dù không thấy mệt (tuy vậy, cô ý thức rõ mình có được đến lúc này là nhờ ý chí tinh thần và cà phê đen Kay pha cho), cô vẫn có cảm tưởng đêm qua tựa hồ một giấc mơ.

Cô vẫn nhớ có ba cậu thiếu niên bám theo đằng sau, chòng ghẹo và huýt sáo nhưng không dám bén mảng lại gần cô. Cô vẫn nhớ lòng mình như trút được đá tảng khi trông thấy ánh đèn huỳnh quang màu trắng từ cửa hàng Seven-Eleven hắt ra vỉa hè chỗ bùng binh. Cô bước vào trong, để cậu nhân viên trực quầy mặt chi chít mụn nhìn xuống chiếc áo cánh cũ của cô và năn nỉ cậu cho cô mượn bốn mươi xu để gọi nhờ điện thoại. Với bộ dạng như thế thì thật ra chẳng có gì khó khăn.

Cô lục tìm số điện thoại trong trí nhớ và gọi cho Kay McCall đầu tiên. Điện thoại reng cả chục lần, cô bắt đầu sợ Kay đang ở New York. Ngay lúc Beverly đang tính dập máy thì giọng nói ngái ngủ của Kay vang lên, “Gọi giờ này thì nên là chuyện quan trọng đấy nhé.”

“Bev đây, Kay,” cô nói, ngập ngừng rồi vào thẳng vấn đề “Tớ cần cậu giúp.”

Có một khoảng lặng, và rồi Kay lên tiếng, giọng hoàn toàn tỉnh táo. “Cậu đang ở đâu? Có chuyện gì xảy ra vậy?”

“Tớ đang ở cửa hàng Seven-Eleven tại góc phố Streyland giao với đường gì đó. Tớ... Kay, tớ bỏ Tom rồi.”

Nhanh như cắt, Kay reo lên như bắt được vàng: “Tốt quá! Cuối cùng cũng dứt! Hoan hô! Để tớ đến đón cậu! Thằng khốn đấy! Rõ là thứ rác rưởi! Để đấy, tớ sẽ lái con xe Mercedes đến rước cậu! Tớ sẽ thuê một dàn nhạc kìa chiêng gõ trống! Tớ sẽ...”

“Tớ đi tắc-xi được rồi,” Bev nói, cầm hai xu mười đồng trong lòng bàn tay ướt đầm mồ hôi. Qua tấm gương tròn ở cuối cửa hàng, cô có thể trông thấy cậu nhân viên mặt mụn cứ nhìn chằm chằm vào móng mình đầy móng. “Nhưng khi tớ đến nơi, cậu trả tiền giùm tớ nhé. Tớ không còn đồng nào trong người. Một xu cũng không.”

“Tớ còn bo thêm cho ông tài xế năm đô ấy chứ.” Kay ré lên. “Đây là tin tuyệt nhất quả đất từ lúc Nixon từ chức? Cậu lê thân đến đây ngay và luôn cho tớ xem nào. Vả lại...” Cô lặng im, và khi cất tiếng trở lại, giọng nói cô nghiêm túc và đầy dịu dàng, yêu thương đến độ Beverly thấy sống mũi mình cay cay. “Cảm ơn Chúa vì cuối cùng cậu cũng dứt áo ra đi, Bev ạ. Tớ nói thật đấy. Tạ ơn Chúa.”

Kay McCall ngày trước là một nhà thiết kế, đã kết hôn với một người giàu có, ly hôn xong còn giàu hơn, bắt đầu bước chân vào con đường chính trị theo chủ nghĩa nữ quyền vào năm 1972, khoảng ba năm trước khi Beverly gặp cô lần đầu tiên. Vào thời điểm nổi tiếng cũng như tai tiếng nhất, dư luận quy kết cô đi theo hướng nữ quyền sau khi lòi những bộ luật cực đoan, cô lỗ sĩ để lấy từng đồng xu các bậc từ ông chồng vốn làm bên mảng sản xuất của mình mà luật pháp cho phép.

“Vớ vẩn!” Kay từng bất bình nói với Beverly. “Đám người phát ngôn thế này chưa bao giờ phải lên giường với Sam Chacowicz. Quệt quệt hai

ba cái đã xong chuyện, đó là châm ngôn của Sammy đấy. Lần duy nhất hẳn ta giữ được trên bảy mươi giây là lúc xóc lọ trong phòng tắm. Tớ không lừa dối hẳn; xả thân chiến đấu chừng nào, tớ lấy đúng chừng đó tiền.”

Cô viết ba cuốn sách – một cuốn về nữ quyền và phụ nữ lao động, một cuốn về nữ quyền và gia đình, cuốn còn lại về nữ quyền và phát triển tinh thần. Hai cuốn đầu tiên khá nổi tiếng. Nhưng ba năm sau cuốn sách cuối, dư luận ít sẵn đón cô hơn, và Beverly nghĩ Kay lấy thể làm mừng. Các khoản đầu tư của cô rất thành công (cô từng nói với Bev, “May mà nữ quyền và tư sản không phải hai thứ loại trừ lẫn nhau”) và hiện tại, cô là một phụ nữ giàu có, sở hữu nhà phố, đi ăn trang ở quê, có tiền hai, ba người tình đủ sung sức để mây mưa với cô nhưng không sung sức đến độ đánh bại cô trong bộ môn quần vợt. “Gã nào chơi giỏi đến mức đấy là tớ đá ngay lập tức,” cô nói, và dù Kay chỉ nghĩ đây là lời nói đùa vô thưởng vô phạt, Beverly lại tự nhủ khéo có khi là thế.

Beverly gọi tắc-xi, khi xe đến, cô chắt va li lên cốp sau, mừng vì không bị ánh mắt của cậu nhân viên sắm soi nữa, đoạn cho người tài xế địa chỉ nhà Kay.

Kay đứng đợi cô ở đầu đường chạy vào nhà, mặc áo khoác lông chồn bên ngoài váy ngủ vải flannel. Cô mang giày hở gót với phần mũi bít phủ lớp lông và gắn hai cục bông to. Cũng may đó không phải cục bông cam, tạ ơn Chúa – cảnh tượng ấy sẽ khiến Beverly hét thất thanh mất. Cuộc tắc-xi đến nhà Kay thật kỳ cục: những chuyện ngày xưa chợt ùa về trong tâm trí cô, bao ký ức dồn dập ập đến, nhanh và rõ mồn một đến đáng sợ. Cô có cảm giác như ai đó đã cho chiếc xe ủi chạy vào đầu cô rồi bắt đầu khai quật ngôi mộ trong tâm trí mà ngay bản thân cô còn không biết đến sự hiện diện của nó. Chỉ có đi ầu, thứ được đào bới lên không phải tử thi mà là

những cái tên mà đã bao năm nay cô chẳng hề nghĩ đến: Ben Hanscom, Richie Tozier, Greta Bowie, Henry Bowers, Eddie Kaspbrak... Bill Denbrough. Cô nhớ nhất là Bill – Bill Cà Lăm, như cách đám trẻ ngày ấy hay gọi cậu với sự vô tư thảnh thơi xuất phát từ tính ngây ngô, thảnh thơi lại hàm chứa nanh nọc. Trong mắt cô ngày ấy, cậu cao to và hoàn hảo vô cùng (cho đến khi cậu mở miệng ra nói).

Những cái tên... những địa điểm... những chuyện đã xảy ra.

Hết nóng lại lạnh, cô nhớ lại những giọng nói vang lên bên dưới lỗ thoát nước. Cô đã hét toáng lên và bị bố cho ăn đập. Bố cô – ông Tom...

Nước mắt cô chực rơi... và rồi Kay trả tiền cho tài xế tắc-xi, bo cho ông nhiều đến độ ông phải kinh ngạc reo lên, “Cảm ơn quý cô! Ôi trời ơi!”

Kay đưa cô vào nhà, bắt cô vào phòng tắm, đưa áo choàng tắm lúc cô ra ngoài, pha cà phê, xem xét vết thương, bôi thuốc đỏ lên vết cắt trên chân cô rồi dán băng cá nhân lên, cô đổ kha khá rượu brandy vào ly cà phê thứ hai của Bev rồi hồi bạn mình uống cho bằng hết. Đoạn cô nấu nướng cho cả hai, mỗi người một miếng bít tết tái và xào chút nấm tươi ăn kèm.

“Được rồi,” cô lên tiếng. “Giờ thì kể tớ nghe có chuyện gì xem nào. Mình cần phải báo cảnh sát hay chỉ cần chuyển hộ khẩu của cậu đến [Reno](#) là đủ rồi?”

Reno, Nevada nổi tiếng là nơi thủ tục ly hôn rất dễ thực hiện.

“Tớ không thể kể quá nhiều,” Beverly thành thật. “Vì nghe nó rất điên rồ. Nhưng đa phần là lỗi của tớ...”

Kay động tay xuống bàn, tạo nên một âm thanh nghe như tiếng đạn bắn từ súng lục cỡ nhỏ trên mặt bàn gỗ dãi ngựa bóng loáng. Bev giật nảy mình.

“Tớ cấm cậu nói như vậy,” Kay nghiêm giọng. Má cô đỏ lên vì giận giữ, đôi mắt nâu như tóe lửa. “Chúng mình là bạn của nhau bao năm rồi? Chín hay mười năm? Nếu tớ nghe cậu nhận đó là lỗi của cậu thêm lần nữa, tớ sẽ mửa mất. Cậu nghe không? Tớ sẽ mửa mật xanh mật vàng cho cậu xem. Lần này, hay lần trước, hay lần trước nữa, hay bất kỳ lần nào, tất cả đều không phải lỗi của cậu. Cậu không biết sao? Bạn bè cậu đều lo ngại chẳng chóng thì chày, tên vũ phu ấy sẽ cho cậu bó bột từ đầu đến chân hoặc có khi còn tiến cậu về chầu ông bà luôn đấy.”

Beverly trợn mắt nhìn cô.

“Và nếu đi đâu đó xảy ra, đúng thật, phần nào ấy là lỗi của cậu vì đã cam chịu ở lại để mọi chuyện xảy ra. Nhưng giờ cậu đã dứt áo ra đi rồi. Cảm ơn Chúa vì sự tiến triển này. Tuy nhiên, tớ cấm cậu không được ngẩng đầu với bộ móng tay gần như gãy mẻ hết cả, chân cứa chi chút, vai chẳng chịt vết thất lưng mà bảo với tớ đấy là lỗi của cậu.”

“Anh ấy không dùng thất lưng quật tớ,” Bev bao biện. Cô máy móc đối trả theo thói quen... và như bao lần, cảm giác nhục nhã đến bẽ bàng lại khiến hai má cô ửng đỏ một cách thảm thương.

“Nếu cậu đã chấm dứt với Tom, thì cậu cũng thôi nói dối đi là vừa,” Kay chưa xót nói, cô nhìn Bev thật lâu, ánh mắt đong đầy yêu thương đến mức Bev không chịu nổi mà phải cúi mặt xuống. Cô có thể cảm thấy vị nước mắt mặn chát dâng lên trong họng mình. “Cậu nghĩ cậu lừa được ai vậy?” Kay hỏi, giọng dịu dàng. Cô với tay qua bàn và nắm lấy tay Bev. “Nào là kính đen, áo cao cổ và tay dài... cậu có thể lừa một, hai khách hàng. Nhưng cậu không thể lừa bạn bè đâu, Bev ạ. Cậu không thể lừa những người yêu quý cậu.”

Và rồi Beverly òa lên khóc thật to, nước mắt cứ thế tuôn rơi trong vòng

tay Kay, lát sau, trước khi đi ngủ, cô kể với Kay những gì mình có thể nói: Một người bạn cũ ở Derry, Maine, nơi cô sinh ra và lớn lên, gọi điện thoại nhắc cô về một lời hứa từ ngày xưa. Người bạn ấy bảo đã đến lúc hoàn thành lời hứa ấy và hỏi liệu cô có trở về không. Cô trả lời là có. Và rồi, vẫn ở với Tom bắt đầu phát sinh.

“Lời hứa ấy là gì?” Kay hỏi.

Beverly chần chừ lắc đầu. “Tớ không thể nói ra được, Kay à. Dù tớ rất muốn.”

Kay ngẫm nghĩ rồi gật đầu. “Được rồi. Vậy cũng không sao. Cậu dự tính giải quyết với Tom thế nào sau khi trở về từ Maine?”

Mặc dù dự cảm rằng mình sẽ không có ngày trở về từ Derry càng lúc càng lớn lên trong lòng Bev, cô chỉ đáp: “Tớ sẽ đến chỗ cậu trước, sau đó chúng mình cùng bàn. Có được không?”

“Quá được ấy chứ.” Kay nói. “Đó cũng là lời hứa chứ nhỉ?”

“Ngay khi tớ quay về,” Bev ôn hòa, “cứ an tâm, tớ sẽ giữ lời.” Và cô ôm Kay thật chặt.

Sau khi rút tiền từ tờ séc Kay viết, chân mang đôi giày của Kay, cô bắt chuyến xe khách Greyhound lên phía bắc, hướng về Milwaukee, bởi cô sợ Tom đã đến sân bay O’Hare để lòng sục cô. Kay đến ngân hàng và nhà chờ xe khách với cô, liên tục thuyết phục cô lựa chọn phương tiện khác.

“Ở sân bay O’Hare có đầy nhân viên an ninh mà,” cô nói. “Cậu chẳng cần lo lắng đến hấn ta đâu. Nếu hấn dám lại gần, cậu chỉ cần vận hết sức bình sinh hét thật to là được.”

Beverly lắc đầu. “Tớ muốn tránh mặt anh ta tuyệt đối. Chỉ có cách này thôi.”

Kay nhìn cô với ánh mắt sắc bén. “Cậu sợ anh ta nói ra nói vào làm cậu thôi không đi nữa à?”

Beverly nhớ lại cảnh bảy người bọn họ đứng dưới con suối, nhớ đến hình ảnh Stanley cùng mảnh chai Coca-Cola bị bể lấp loáng sắc xanh dưới ánh mặt trời; cô nhớ lại cảm giác nhói đau khi cậu khẽ cửa dọc lòng bàn tay cô, cô nhớ lại lúc họ đứng thành vòng tròn rồi siết chặt tay, hứa với nhau sẽ trở về nếu nó tái diễn... trở về và kết liễu nó mãi mãi.

“Không,” cô nói. “Anh ta không thuyết phục được tớ đâu. Nhưng anh ta có thể làm tớ bị thương, dù có nhân viên an ninh hay không. Đó là do cậu không thấy anh ta đêm qua như thế nào thôi, Kay ạ.”

“Tớ đã thấy anh ta vào những lần khác rồi.” Kay nói, mày nhíu lại. “Thế loại cặn bã không đáng mặt đàn ông.”

“Anh ta phát điên rồi,” Bev kể. “Nhân viên an ninh không cản được anh ta đâu. Thế này tốt hơn. Hãy tin lời tớ.”

“Thôi được.” Kay lưỡng lự nói, và Bev vẫn lơ đãng nghĩ có khi Kay đang thất vọng vì sẽ không có cảnh ba mặt một lời hay trận đụng độ kinh thiên động địa nào.

“Cậu rút tiền từ séc sớm nhé,” Beverly lại nhắc bạn mình, trước khi anh ta kịp nghĩ đến chuyện đóng băng tài khoản. Ngủ như anh ta sẽ làm thế cho mà xem.”

“Rồi rồi,” Kay nói. “Nếu hán ta làm vậy, tớ sẽ xách roi đến gặp mặt tên khốn ấy và lấy cả vốn lẫn lời.”

“Cậu tránh xa anh ta ra cho tớ,” Beverly nghiêm nghị. “Hán nguy hiểm lắm, Kay ạ. Hãy tin lời tớ. Hán chẳng khác nào...” Suýt chút nữa cô đã run rẩy thốt lên *chẳng khác nào bố tớ*. Nhưng không, cô chỉ nói, “Hán chẳng khác nào một gã thàn kinh.”

“Được.” Kay đáp. “Cậu cố duy trì tinh thần cho thoải mái. Cứ đi thực hiện lời hứa. Rồi ngẫm nghĩ về chuyện sau này.”

“Tớ sẽ làm thế,” Bev nói, nhưng ấy chỉ là lời nói dối. Cô có quá nhiều thứ để nghĩ: ví dụ như những gì đã xảy ra vào mùa hè năm cô mười một tuổi chẳng hạn. Ví dụ như chỉ Richie Tozier cách thả yo yo sao cho nó quay vòng vòng ở cuối dây. Ví dụ như những giọng nói vang lên từ lỗ thoát nước. Hay cảnh tượng mà cô từng chứng kiến, cảnh tượng kinh hoàng đến độ ngay cả lúc cô ôm Kay lần cuối trước chiếc xe khách Greyhound dài màu bạc, tâm trí cô vẫn chưa chịu để cô nhìn thấy.

Và lúc này, khi chiếc máy bay với hình con vịt bên hông bắt đầu hạ xuống khu vực Boston, tâm trí cô lại quay quắt những hình ảnh ấy... về Stan Uris... về bài thơ không rõ người sáng tác trên tấm bưu thiếp... về những tiếng nói... về những phút giây ngắn ngủi cô tận mắt chứng kiến thứ tưởng chừng như vô tận.

Cô hướng mắt ra cửa sổ và nhìn xuống, chợt nghĩ Tom dù có ác độc đến mức nào cũng chỉ là vụn vặt so với thứ ma quỷ đang chờ cô ở Derry. Điều bù lại duy nhất là Bill Denbrough cũng sẽ ở đó... Ngày xưa, có một khoảng thời gian cô bé mười một tuổi mang tên Beverly Marsh đã đem lòng yêu Bill Denbrough. Cô nhớ tấm bưu thiếp với bài thơ đáng yêu viết ở mặt sau, nhớ ngày ấy cô biết ai là người viết. Tuy nhiên, giờ cô quên mất rồi, cũng chẳng nhớ rõ nội dung bài thơ thế nào... nhưng cô nghĩ có khi Bill là tác giả cũng nên. Ừ, đúng vậy, có thể Bill Cà Lăm chính là tác giả.

Cô chợt nhớ lại chuyện xảy ra lúc mình chuẩn bị đi ngủ vào buổi tối hôm Richie và Ben đưa cô đi xem hai bộ phim kinh dị. Buổi hẹn hò đầu tiên của cô. Cô đã lôi chuyện này ra đùa giỡn với Richie – ngày ấy, đó là

cách cô phòng thủ khi bước ra thế giới bên ngoài – nhưng đâu đó trong lòng cô đã rung động, phấn khích và có chút sợ hãi. Quả thật, đó là buổi hẹn hò đầu tiên của cô, dù có đến hai cậu bạn chứ không chỉ một. Richie trả cho cô từ đầu đến cuối, như khi hẹn hò thật sự. Sau đó, một đám côn đồ rượt đuổi họ... và họ dành cả buổi chiều vui chơi ở Vùng Đất Cằn... rồi Bill Denbrough đến cùng một cậu bạn nữa, cô không nhớ đó rõ là ai, nhưng cô nhớ ánh mắt của Bill đã neo lại nơi cô trong chốc lát, nhớ cảm giác lúc ấy người cô như có điện chạy qua... sự bất ngờ như điện giật và bao cảm xúc dâng trào khiến cả người cô nóng bừng.

Cô nhớ mình đã nghĩ đến những đi đầu này lúc mặc váy ngủ và đi vào nhà vệ sinh đánh răng rửa mặt. Cô nhớ lúc ấy, mình đã nghĩ chắc đêm nay sẽ thao thức mãi mới ngủ được, vì có quá nhiều thứ để ngẫm... và ngẫm theo hướng tốt, vì bọn họ có vẻ là người tốt, là những cậu bạn mà cô có thể đùa giỡn, thậm chí tin cậy phần nào. Thế thì hạnh phúc quá. Thế thì... ừ, chẳng khác nào thiên đường.

Vừa vẫn vơ nghĩ, cô vừa lấy khăn mặt, cúi người tới bồn rửa để vò khăn thì bỗng dưng, một tiếng nói

2

thì thềm vang lên từ lỗ thoát nước.

“Cứu...”

Beverly lùi lại, giật mình đánh rơi khăn mặt xuống sàn. Cô khẽ lắc đầu như để đầu óc mình minh mẫn hơn, đoạn cô cúi tới bồn rửa mặt và hiếu kỳ nhìn vào lỗ thoát nước. Nhà vệ sinh nằm ở cuối căn nhà bốn phòng mà gia đình cô đang ở. Cô có thể nghe thấy tiếng chương trình châu Âu nào đó đang phát trên ti vi vọng lại. Khi chương trình kết thúc, chắc bố cô sẽ

chuyển kênh để xem bóng chày hoặc đấu vật rồi lăn ra ngủ trên ghế bành.

Giấy dán tường trong nhà tắm gồm ghêc vô cùng với những con ếch ngồi trên lá súng, vừa phồng vừa nhả do bề mặt thạch cao bên dưới không bằng phẳng. Nhiều chỗ thấm nước, có chỗ còn tróc hẳn ra. Bồn tắm lỗ chỗ gỉ sét, bệ xí thì nứt. Một bóng đèn tròn bốn mươi watt thò ra từ ổ cắm bằng sứ phía trên bồn rửa mặt. Beverly nhớ mang máng ngày trước từng có chụp đèn, nhưng từ lúc bị bể vài năm trước, chẳng bao giờ có cái mới để thay. Sàn nhà được lót một lớp vải dầu đã bạc hết họa tiết, trừ một khoảng nhỏ ngay dưới bồn rửa.

Căn phòng không mấy thơm mát, nhưng bấy lâu nay Beverly đã dùng quen nên cô chẳng buồn để tâm căn phòng trông ra sao.

Bồn rửa mặt cũng ố theo thời gian. Lỗ thoát nước cũng chỉ là một hình tròn chặn bằng lưới, đường kính khoảng năm xen-ti. Ngày trước từng có một miếng phủ bằng crôm, nhưng giờ không còn nữa. Nút chặn cao su nổi vào sợi xích được vòng qua loa quanh vòi nước đánh dấu chữ C. Lỗ thoát nước đen thui, và khi chú người sẫm soi, lần đầu tiên cô để ý có một thứ mùi hôi thoang thoảng - mùi hơi tanh – bốc lên từ lỗ thoát. Cô khẽ nhăn mũi vì khó chịu.

“Cứu với...”

Cô nín thở. Có tiếng nói. Cô cứ tưởng có tiếng lạo xạo trong ống... hoặc có khi chỉ là cô tự tưởng tượng ra.. chút dư âm còn sót lại từ hai bộ phim...

“Cứu với, Beverly...”

Người cô run lên vì những đợt nóng lạnh dồn dập ập đến. Ban nãy cô đã tháo dây thun buộc tóc, nên hiện giờ suối tóc sáng màu của cô buông rũ xuống vai. Cô có thể cảm nhận thấy chân tóc mình như muốn dựng đứng.

Trong lúc đầu óc chưa kịp nghĩ ngợi gì, cô cúi người đến bồn rửa và thì thầm, “Xin chào? Có ai không?” Tiếng nói phát ra từ lỗ thoát nước là của một đứa bé có lẽ chỉ vừa mới học nói. Mặc dù da gà nổi rần rật trên cánh tay, đầu óc cô vẫn cố gắng tìm cách lý giải. Khu nhà này là chung cư. Gia đình cô sống ở căn hộ phía sau, dưới tầng trệt. Ngoài ra còn bốn căn khác. Có lẽ đứa nhóc nào đó trong tòa chung cư đang nghịch bằng cách nói vọng vào lỗ thoát nước. Chắc là có mẹ gì đó...

“Có ai ở đó không?” cô hỏi lỗ thoát nước trên bồn rửa mặt, lần này giọng to hơn. Nói xong, cô mới chợt nghĩ lỡ may bố cô bước vào đúng lúc này, hẳn là ta sẽ nghĩ cô bị điên.

Không có lời đáp từ lỗ thoát nước, song thứ mùi hôi hám kia dường như nồng hơn. Nó gợi cô nhớ đến rặng tre ở Vùng Đất Cằn cùng bãi rác phía sau; nó khiến cô hình dung cảnh tượng khói cay sè, bảng lảng và bùn đen muốn kéo tuột cả giày của ta.

Mẫu chốt nằm ở chỗ trong tòa chung cư này không có trẻ con. Nhà Tremont ngày trước có một bé trai năm tuổi, hai bé gái lần lượt ba tuổi và sáu tháng, nhưng ông Tremont mất việc ở cửa hàng bán giày trên Đại lộ Tracker, họ trẻ tiều nhà suốt một thời gian, và trước khi kết thúc năm học ít lâu, cả gia đình lặn không sủi tăm trong chiếc Buick Power-Flite cũ mèm của Tremont. Căn hộ mặt trước tầng hai có Skipper Bolton, nhưng Skipper đã mười bốn tuổi rồi.

“Bọn em đều muốn gặp chị, Beverly...”

Cô đưa tay lên bụm miệng, hai mắt trợn trừng kinh hãi. Trong một khắc... chỉ trong một khắc ngắn ngủi... dường như cô đã thấy thứ gì đó *nhúc nhích* bên dưới. Bỗng có sức nhớ tóc mình đang buông xõa trên vai thành hai nửa dày, và tóc đang đung đưa gần sát – sát rạt – lỗ thoát nước.

Theo bản năng, cô vội vàng đứng thẳng người để mái tóc không dính vào đó.

Cô nhìn quanh. Cửa nhà vệ sinh đang đóng kín. Cô có thể nghe tiếng ti vi văng vẳng, Cheyenne Bodie đang thuyết phục kẻ xấu bỏ súng xuống trước khi có người bị thương. Cô đang ở một mình. Tất nhiên đó là chưa kể đến giọng nói ấy.

“Ai vậy?” cô khẽ khọt nói vọng xuống bồn rửa.

“Matthew Clements,” giọng nói thì thầm. “Gã hề đưa em xuống cống, em chết rồi, và chẳng mấy chốc, gã hề sẽ đến bắt chị, Beverly, và cả Ben Hanscom, cả Bill Denbrough và Eddie...”

Tay cô giờ lên bầu chặt lấy hai má. Mắt cô không ngừng mở to. Cô thấy cả người lạnh toát. Giờ tiếng nói lại chuyển thành một giọng nghèn nghẹt và xưa cũ... nhưng vẫn khiến cô rùng mình với vẻ hoan hỉ đầy bệnh hoạn.

“Rồi mày sẽ lơ lửng dưới đây với chúng bạn, Beverly, dưới này chúng ta đều lơ lửng, nhớ với Bill là Georgie gửi lời chào nhé, nhớ luôn cho Bill là Georgie nhớ anh trai lắm nhưng hai anh em sắp được đoàn tụ rồi, nhớ nó là một đêm nào đó, Georgie sẽ nấp sẵn trong tủ quần áo, thủ sẵn dây đàn piano để đâm lủng mắt nó, nhớ...”

Âm thanh vỡ thành chuỗi nấc cụt liền tù tù, và bỗng dừng một bong bóng màu đỏ tươi nổi lên từ lỗ thoát nước rồi nổ tung, khiến máu phọt lên mặt sứ xỉn màu của bồn rửa.

Giọng nói nghèn nghẹt chợt hơi hả hơn, và mỗi lần cất lên là một lần thay đổi: giờ là giọng của một đứa trẻ cô mới nghe lần đầu, rồi giọng một thiếu nữ, rồi kinh khủng hơn, nó chuyển sang giọng nói của một người mà Beverly biết... Veronica Grogan. Nhưng Veronica không còn sống, người

ta đã tìm thấy thi thể cô trong cống thoát nước thải...

Matthew đây... Betty đây... Veronica đây.... bọn ta ở dưới này... ở dưới này cùng gã hề... cùng con quái vật.... cùng xác ướp... cùng Người sói... cùng mày nữa, Beverly... bọn ta ở dưới này với mày, và cả bọn cùng lơ lửng, biến dạng...”

Bất thành linh, máu phọt lên từ lỗ thoát nước, bắn tung tóe lên bồn rửa, tấm gương và giấy dán tường có hình ếch ng ồi trên lá súng. Beverly hét lên, hoảng h ốt và thất thanh. Cô lùi khỏi bồn rửa, tông vào cửa, vội lùi lại, xoay vặn mở bằng được, ba chân bốn cẳng chạy lên phòng khách đúng lúc bố cô vừa đứng dậy.

“Mày ăn phải bả à?” Lão hỏi, hàng lông mày nhíu lại. Tối đó, chỉ có hai bố con ở nhà. Mẹ của Bev đang làm việc theo ca từ 3 giờ chiều đến 10 giờ tối ở Nông trại Xanh, nhà hàng ngon nhất Derry.

“Nhà vệ sinh!” cô hãi hùng la lên. “Nhà vệ sinh, bố ời, trong nhà vệ sinh...”

“Có ai nhìn lên mày sao, Beverly?” Lão vươn tay ra, nắm chặt lấy tay cô, siết chặt. Trên khuôn mặt lão thể hiện sự quan tâm, nhưng đó là vẻ quan tâm của kẻ săn m ồi, chẳng những không khiến cô an lòng mà còn làm cô kinh sợ hơn.

“Không ạ... bồn rửa... trong bồn rửa... có... có...” Cô hoảng loạn bật khóc trước khi kịp lắp bắp hết câu. Trống ngực cô đập d ần dập trong lồng ngực đến độ cô còn tưởng nó sẽ khiến mình ngạt thở mà chết.

Al Marsh gạt cô sang một bên với nét mặt “L ần này lại là cái giống gì đây” rồi bước thẳng vào nhà vệ sinh. Lão ở trong lâu đến độ Beverly đâm lo.

Đoạn lão hét to: “*Beverly! Mày xuống đây cho tao!*”

Lão đã nói thì không có chuyện cự cãi gì ở đây. Giả sử hai người bọn họ đứng ở mép vực sâu và lão bảo cô nhảy xuống - ngay lập tức – thì bản năng phục tùng của cô chắc chắn sẽ đưa cô sa chân xuống vực trước khi lý trí kịp lên tiếng.

Cửa nhà vệ sinh đang mở. Bố cô đứng đó, tướng người to lớn với mái tóc đỏ mà Beverly thừa hưởng đang thừa thốt dãi. Vẫn mặc quần lính màu xám và áo thun xám trên người (lão làm lao công trong Bệnh viện Derry), lão nhìn chòng chọc Beverly. Lão không uống rượu, không hút thuốc và cũng chẳng chạy theo đàn bà. *Ở nhà có đủ đàn bà tao cần rồi, lần nọ, lão đã tuyên bố như thế, lúc ấy, lão nói với một nụ cười úp úp mở mở nhếch trên môi – nụ cười chẳng khiến gương mặt lão sáng hơn mà còn khiến nó thêm phần ám muội. Nhìn nụ cười ấy chẳng khác nào nhìn bóng mây bay qua khoảng đất lờm chờm đất đá. Bọn nó chăm sóc tao, khi nào chúng cần, tao lại chăm bọn chúng.*

“Mày nói tao nghe tấn trò hề vừa rồi là sao?” Lão hỏi khi cô bước vào.

Beverly có cảm giác họng mình như bị nhét đầy đá phiến. Tim cô như chạy đua trong lồng ngực. Khéo cô nôn thốc nôn tháo ra mất. Máu trên gương nhoe nhoét chảy xuống thành vệt dài. Máu bắn lưả thừa lên cả bóng đèn phía trên bồn rửa, cô có thể ngửi thấy mùi máu khét lẹt trên ngọn đèn bốn mươi watt. Máu chảy xuống thành bồn cầu sứ và lộp độp rơi xuống sàn nhà.

“Bố...” cô khẽ rên lên.

Lão quay lại, khó chịu ra mặt với cô (khi nào chẳng thế) rồi bình thản rửa tay trong bồn rửa máu me lênh láng.”Tao xin mày, con với chả cái. Có miệng để làm gì? Mày làm thằng bố mày hết cả hồn. Giải thích cho tao nghe mau.”

Lão đứng rửa tay trong bồn và cô có thể trông thấy máu chảy vào bồn ở vị trí quần cọ vào mép bồn, và nếu trán lão đụng vào gương (nó đang ở gần sát), máu sẽ dính lên người lão. Cô khẽ khọt khẹt vì ghen trong họng.

Lão tắt vòi nước, lấy chiếc khăn dính hai vết máu bắn từ lỗ thoát nước để lau khô tay. Cô nhìn mà thiếu đi đầu lẫn ra bất tỉnh khi lão trét máu lên những khớp ngón tay to bè và đường chỉ tay của mình. Cô có thể thấy máu dính bên dưới móng tay lão như dấu vết cho thấy lão vừa phạm tội.

“Sao? Tao đang đợi đây.” Lão ném chiếc khăn máu me lên thanh treo.

Máu rất nhiều... tung tóe khắp nơi... *vậy mà bố cô không nhìn thấy.*

“Bố...” cô chưa biết nói tiếp đi đầu gì, nhưng bố cô đã chặn họng.

“Mày làm tao lo đấy,” Al Marsh nói. “Tao nghĩ cứ cái đà này, mày sẽ chẳng trưởng thành nổi con ạ. Mày suốt ngày chơi bời lêu lổng bên ngoài, chẳng bao giờ lo việc nhà, nấu ăn cũng không biết, may vá cũng không. Nếu không mơ mộng hão huyền, chúi mũi vào cuốn sách thì bản mặt mày lại u ám như đũa đám. Mày bảo sao tao không lo.”

Tay lão chọt vung lên và đập thật đau vào mông cô. Cô hét lên, mắt dán chặt vào lão. Có chút máu li ti dính trên hàng lông mày rậm rạp phía bên phải của lão. *Nếu mình cứ nhìn vào đó thật lâu, mình sẽ phát điên và những thứ thế này sẽ chẳng thành vấn đề nữa,* cô thoáng nghĩ.

“Bảo sao tao không lo *nhieu* thế này,” lão nói và lại đánh mạnh hơn, lần này là vào phần thịt trên khuỷu tay. Cẳng tay cô nhói lên rồi như lịm đi. Sang ngày hôm sau, phần bị đánh bầm lại tím vàng.

“Rõ là *nhieu*,” lão chưa thôi, tiếp tục thui vào bụng cô. Giây cuối, may sao lão không dồn lực vào cú đấm, Beverly suýt chút tí nữa ngạt thở. Cô quặp người, thở hổn hển, nước mắt bắt đầu ứa ra. Ông bố lẳng lặng nhìn cô. Lão thọc đôi tay máu me vào túi quần.

“Liệu mà trưởng thành đi, Beverly,” lão nói, lúc này giọng lão hiền từ và bao dung. “Bố nói đúng chứ?”

Cô gạt đầu. Đầu cô ong lên. Cô khóc không thành tiếng. Nếu cô khóc to hơn – hay theo như cách bố cô gọi “lại làm mình làm mẩy như con nít” – khéo lão ta sẽ tiếp tục tấn cho cô một trận lên bờ xuống ruộng. Al Marsh sống cả đời ở Derry, nếu ai hỏi (hoặc thỉnh thoảng không hỏi) thì lão cũng bảo lão muốn được lìa đời ở đây - hy vọng là ở tuổi trăm mười. “Chẳng có lý do gì tôi không bách niên giai lão,” nhiều lúc lão bảo với Roger Aurlette, chỗ lão cắt tóc hằng tháng như vậy. “Tôi bất khả chiến bại mà.”

“Giờ thì giải thích đi,” lão nói, “và liệu hồn nhanh lên.”

“Có...” cô nuốt nước bọt, đau nhói vì họng quá khô khốc. “Có một con nhện. Con nhện rất to mà đen thui. Nó... nó bò từ lỗ thoát nước... nhưng con nghĩ nó bò xuống trở lại rãnh.”

“Ồ,” Lão khẽ mỉm cười với cô, tựa như hài lòng với lời giải thích đó. “Ra là thế. Chết tiệt! Nếu con bảo với bố thì bố đã không đập con rãnh. Con gái đứa nào chẳng sợ nhện nhỉ. Khốn thật! Sao con không nói bố biết?”

Lão cúi xuống lỗ thoát nước, cô phải cắn môi để ngăn mình bật lên lời cảnh báo... sâu bên trong cô vang lên một tiếng nói, một tiếng nói kinh khiếp mà cô dám chắc không thể nào thuộc về bản thân mình mà là của quỷ dữ: *Cứ để nó bắt lão ta đi nếu nó muốn. Để nó kéo lão ta xuống đi. Cái thứ đầu trâu mặt ngựa.*

Cô gạt tiếng nói ấy đi trong kinh hãi. Nếu để suy nghĩ ấy nán lại trong đầu dù chỉ một khắc, cô sẽ bị tống xuống địa ngục mất.

Lão nhìn vào lỗ thoát nước. Tay lão lép nhép tì vào đồng máu trên thành bồn rửa. Beverly chặt vật để không nôn ọe những thứ cô đã nuốt vào trong bụng. Vị trí bụng bị bố đâm quặn đau.

“Bố không thấy gì cả,” lão nói. “Mấy tòa nhà này cũ quá rồi, Beverly. Ống thoát nước to cỡ xa lộ ấy chứ, con biết không? Thời bố làm lao công ở trường trung học cũ, thỉnh thoảng trong bồn cầu lại có mấy con chuột chết đuối. Lũ con gái cứ gọi là hèn xiêu phách tán.” Lão cười thích thú khi nghĩ đến sự hoảng hốt của đám đàn bà. “Đa phần là khi nước sông Kenduskeag lên cao. Nhưng từ khi người ta lắp đặt hệ thống thoát nước mới, trong ống ít sinh vật sống hơn hẳn.”

Lão vòng một tay ôm cô.

“Thôi. Con vào giường ngủ đi, đừng nghĩ về nó nữa. Được chứ?”

Cô cảm nhận được tình thương mình dành cho bố. *Bố không bao giờ đánh khi con không xứng ăn đòn, Beverly ạ*, có một lần, lão đã nói với cô bé như vậy khi cô khóc thét rằng nhiều khi bố trừng phạt cô vô cớ. Và chắc hẳn đi đâu đó đúng, vì bố vẫn dành tình thương cho cô. Thỉnh thoảng, bố sẽ ở bên cô cả ngày trời, chỉ cho cô làm hết thứ này đến thứ khác, kể chuyện trên trời dưới biển hoặc đi lòng vòng quanh thị trấn với cô, và mỗi lần bố hiên từ như thế, cô lại nghĩ trái tim cô sẽ đông đầy hạnh phúc đến chết mới thôi. Thương bố, cô tìm cách thấu hiểu bố phải thường xuyên uốn nắn cô vì đó là thiên chức được Chúa giao cho bố (bố nói thế). Al Marsh nói *con gái cần được uốn nắn nhiều hơn con trai*. Lão không có con trai, và cô mơ hồ cảm giác phần nào, đó cũng là lỗi của mình.

“Dạ,” cô đáp. “Con sẽ không nghĩ về nó nữa.”

Hai bố con bước vào phòng ngủ bé của cô. Tay phải của cô đau dữ dội sau cú đánh ban nãy. Cô nhìn ra sau vai và trông thấy bồn tắm, gương, tường và sàn nhà bê bết máu. Đến cả khăn tắm bố dùng và vắt trên thanh treo cũng nhoe nhoét máu. Cô thẫn thờ hỏi: *Làm thế nào mà mình dám vào trong đó tắm rửa bây giờ? Chúa ơi, con xin lỗi vì đã nghĩ xấu cho bố*,

Người có thể trừng phạt con nếu Người muốn, con đáng bị trừng phạt, Người cứ cho con vấp ngã, đau nhức hay cho con bị cúm như mùa đông năm ngoái khi con ho dữ đến độ ối mửa, nhưng con xin Người hãy làm cho đông máu ấy biến mất vào sáng mai, con xin Người. Con xin Người.

Như mọi hôm, bố đưa cô vào giường ngủ rồi đặt lên trán cô một nụ hôn. Đoạn lão đứng đó một lát trong tư thế vô cùng đặc trưng mà cô nghĩ đó là cách đứng của “riêng bơ”, thậm chí là cách tồn tại của lão: hơi cúi người tới trước, hai tay thọc sâu quá cổ tay – vào túi, đôi mắt xanh ngời trên khuôn mặt chảy dài như giồng chó săn chân ngắn đầy sần nảo cái nhìn cô từ trên cao. Và những năm sau đó, dù chẳng bao giờ nghĩ về Derry nữa, khi vô tình nhìn thấy người đàn ông ngồi trên xe buýt hoặc đứng nơi góc đường với cà mềng trên tay, cô lại thấy nhân hình, ôi nhân hình của đàn ông, thỉnh thoảng khi ngày tàn, thỉnh thoảng bên kia Quảng trường Watertown vào buổi trưa một ngày thu trong veo lộng gió, nhân hình của đàn ông, quy tắc của đàn ông, hoài bão của đàn ông: hoặc nơi Tom, sao mà anh ta giống bố cô đến thế, nhất là khi gã cởi áo và khẽ khom lưng đứng trước gương nhà vệ sinh để cạo râu. Nhân hình của đấng làm trai.

“Thỉnh thoảng bố lo cho con lắm, Bev ạ” lão nói, nhưng trong giọng của lão lúc này không còn hiềm khích hay tức giận. Lão nhẹ nhàng chạm vào tóc cô, vuốt ve dọc trán.

Nhà vệ sinh đây máu, bố ơi! Suýt chút nữa, cô đã hét lên. Bố không thấy à? Máu vương khắp nơi! Nó dây lên cả bóng đèn phía trên bồn rửa! Bố MÙ hay sao mà không thấy?

Nhưng cô chỉ ngậm bồ hòn khi lão bước ra ngoài và đóng cửa, để căn phòng cô chìm trong bóng tối. Cô vẫn thức, thao láo nhìn vào màn đêm, khi mẹ cô về nhà lúc 11 giờ 30 và rồi ti vi tắt ngúm. Cô nghe thấy tiếng bố mẹ

vào phòng, nghe thấy tiếng giường kêu cọt két đầu đặn khi bố mẹ cô làm chuyện người lớn. Beverly từng tình cờ nghe Greta Bowie kể với Sally Mueller rằng “chuyện người lớn” này đau như cắt và con gái ngoan chẳng ai muốn làm vậy cả (“Và đến lúc cuối, tên con trai sẽ tè hết lên người mình,” Greta nói khiến Sally ré lên: “Eo ôi, tớ sẽ không để thằng con trai nào làm thế với mình đâu!”). Nếu việc này đau như Greta mô tả thì có lẽ mẹ của Bev chỉ im lặng giữ đau đớn ấy trong lòng. Cô từng nghe thấy mẹ khẽ hét lên một hai lần nhưng chẳng giống tiếng hét vì đau chút nào.

Tiếng cọt két chậm chạp bỗng tăng tốc lên nhịp độ gần như chóng mặt, sau đó ngưng hẳn. Có một khoảng im lặng, rồi tiếng nói chuyện rì rầm, theo sau là tiếng chân mẹ bước vào nhà vệ sinh. Beverly nín thở, đợi xem mẹ có hét lên hay không.

Nhưng chẳng có tiếng hét nào – chỉ có tiếng nước chảy ở bồn rửa mặt, tiếp đến là tiếng hắt nước. Sau đó, nước rút khỏi bồn tạo nên tiếng ùng ục quen thuộc. Mẹ cô đang đánh răng. Vài phút sau, chiếc giường trong phòng bố mẹ lại cọt két khi bà chui vào trong nệm.

Chỉ năm phút sau, bố cô bắt đầu ngáy khò khò.

Một nỗi sợ hãi tối đen choáng ngợp trái tim cô và bóp nghẹt họng cô. Cô không dám quay người sang phải – tư thế nằm ưa thích của cô – vì cô sợ nhớ may thấy thứ gì đó đang lom lom nhìn mình từ cửa sổ. Vậy nên cô chỉ nằm thẳng, người dờ ra như khúc gỗ nhìn trần nhà ép thiếc. Mãi lúc sau – vài phút hoặc vài giờ, cô cũng chẳng rõ – cô mới chìm vào giấc ngủ không sâu, đầy mộng mị.

3

Beverly luôn tỉnh giấc trước khi chuông báo thức trong phòng ngủ của bố

mẹ vang lên. Phải nhanh chân nhanh tay, vì báo thức vừa kêu thì đã bị bố cô tắt ngóm. Cô nhanh lẹ thay đồ trong lúc bố dùng nhà vệ sinh. Cô dừng lại (hiện trở thành thói quen gần như hằng ngày) để nhìn ngực mình trong gương, xem đêm qua nó có nhú thêm chút nào không. Cô bắt đầu có ngực từ năm ngoái. Ban đầu nó hơi đau, nhưng giờ thì không còn đau nữa. Ngực cô vẫn rất nhỏ – chẳng to hơn quả táo mùa xuân là bao, thật là thế – nhưng có còn hơn không. Ngực phát triển rồi, cô sẽ hết là con nít mà sẽ trở thành thiếu nữ.

Cô mỉm cười với hình ảnh phản chiếu của mình rồi đưa tay ra sau tóc, đẩy tóc lên và uốn ngực về phía trước. Cô khúc khích nụ cười ngây thơ của một bé gái... nhưng rồi chợt nhớ đến cảnh máu phọt ra từ lỗ thoát nước trong nhà vệ sinh tối qua. Tiếng cười của cô tắt ngóm.

Nhìn cánh tay mình, cô trông thấy vết bầm đã nổi lên trong đêm qua - vết ố xấu xí giữa vai và khuỷu tay, vết ố hình những ngón tay biến màu.

Trong nhà vệ sinh vang lên tiếng bộp và tiếng xả nước.

Cô thoăn thoắt chuẩn bị, không muốn mới sáng sớm mà bố đã nổi xung với mình (thậm chí không muốn bố để ý đến sự hiện diện của mình). Beverly lấy quần jean và áo nỉ trường Trung học Derry ra mặc. Sau đó, không thể chần chừ được nữa, cô ra khỏi phòng để vào nhà vệ sinh. Trong phòng khách, bố cô đi ngang qua lúc quay lại phòng riêng để thay đồ. Bộ đồ ngủ màu xanh nhạt phạch quanh người lão. Lão lẩm bầm câu gì đó với cô nhưng cô nghe không ra.

“Dạ vâng,” cô vẫn đáp.

Cô đứng trước nhà vệ sinh lúc này đang đóng cửa, cố gắng lên dây cót tinh thần để bình tĩnh trước cảnh tượng có thể trông thấy bên trong. *Chỉ ít giờ cũng là ban ngày*, cô tự trấn an, và điều đó khiến cô dễ chịu phần nào.

Không nhiều nhưng cũng được chút ít. Cô chộp lấy tay nắm cửa, xoay nó và bước vào trong.

4

Sáng hôm ấy là một buổi sáng bận rộn đối với Beverly. Cô chuẩn bị bữa sáng cho bố – nước cam, trứng bác, bánh mì nướng theo kiểu ưa thích của Al Marsh (bánh mì nóng nhưng không nướng tới). Lão ng ồi ở bàn, dựng thành lũy sau tờ *News* và ăn sạch.

“Thịt xông khói đâu?”

“Hết rồi bố ạ. Nhà mình vừa ăn hết hôm qua.”

“Làm cho bố một cái hamburger đi.”

“Chỉ còn một ít thịt, c...”

Tờ báo sột soạt rồi hạ xuống. Ánh nhìn chòng chọc từ đôi mắt xanh nặng như chì.

“Con nói gì cơ?” Lão nhẹ nhàng hỏi.

“Con nói là con làm ngay, thưa bố.”

Lão nhìn cô thêm một lúc. Đoạn tờ báo lại dựng lên, Beverly vội vàng chạy đến tủ lạnh để lấy thịt.

Cô làm cho bố mình một cái hamburger, cố dàn chút thịt băm còn sót lại trong hộp đông sao cho miếng thịt nhìn to hơn. Vừa ăn, lão vừa đọc chuyên mục Thể thao, còn Beverly chuẩn bị bữa trưa cho lão- vài miếng bánh mì bánh mì kẹp phết bơ đậu phộng và mút trái cây, miếng bánh to mà đêm qua mẹ đem về từ nhà hàng Nông trại Xanh, bình giữ nhiệt đựng cà phê nóng với rất nhiều đường.

“Nhấn với mẹ là bố bảo hôm nay dọn dẹp sạch sẽ nơi này đi,” lão nói và

xách cà mềng lên. “Nhà cửa gì mà dơ dáy bẩn thỉu không thua gì chuồng lợn. Tiên sư! Bố mày đã dành cả ngày lau dọn bệnh viện rồi. Bố không muốn về mà thấy nhà dơ. Nhớ lời bố dặn đấy, Beverly.”

“Dạ vâng. Con sẽ nói với mẹ.”

Lão hôn lên má cô, ôm tạm biệt cô rồi đi làm. Lần nào cũng thế, Beverly lại bước đến cửa sổ phòng mình và nhìn bố bước xuống đường. Và lần nào cũng thế, cô âm thầm cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm hơn khi lão rẽ ở khúc quanh... thứ cảm xúc khiến cô dần vật không nguôi.

Rửa chén xong, cô mang cuốn sách mình đang đọc dở ra cầu thang sau nhà một lúc. Lars Theramenius, cậu bé với mái tóc vàng lấp lánh đầy xinh xắn chập chững bước qua từ tòa chung cư bên cạnh để khoe với Beverly chiếc xe tải Tonka mới và những vết trầy xước mới trên đầu gối của cậu. Beverly trầm trồ trước cả hai. Đoạn cô nghe thấy tiếng mẹ gọi mình.

Hai mẹ con cùng thay ga trải giường, lau nhà và chà bóng sàn bếp. Mẹ cô chà luôn cả sàn nhà vệ sinh, khiến Beverly thấy biết ơn vô hạn. Elfrida Marsh là một phụ nữ nhỏ con với mái tóc muối tiêu và vẻ mặt âu sầu. Những nếp nhăn trên gương mặt bà như muốn nói với thế gian rằng bà đã đi qua nhiều năm tháng và dự là sẽ đi tiếp một khoảng thời gian dài... Nó cũng là thông điệp cho biết bà đã trải qua nhiều đắng cay khổ sở, và bà chẳng định thay đổi tình hình mọi sự trong thời gian tới.

“Con lau cửa sổ phòng khách cho mẹ nhé, Bevvie?” Bà hỏi khi bước ra từ nhà bếp. Bà đã thay bộ đồ phục hồi bàn. “Mẹ phải lên Saint Joe’s ở Bangor để thăm cô Cheryl Tarrent. Đêm qua, cô ấy bị gãy chân.”

“Dạ, mẹ cứ để con,” Beverly nói. “Cô Tarrent gặp chuyện gì ạ? Cô ấy bị ngã hả mẹ?” Cheryl Tarrent là đồng nghiệp cùng chỗ làm với Elfrida.

“Cô ấy và lão chồn trời đánh thánh vật kia bị tông xe,” mẹ của Beverly

rầu rĩ kể. “Hắn ta uống rượu say. Con liệu mà cảm tạ Chúa hằng đêm vì may mà bố con không uống rượu bia đấy, Bevvie ạ.”

“Dạ vâng,” Beverly đáp. Và cô bé làm thế thật.

“Kiểu này chắc cô ấy mất việc quá, còn hắn ta cứ lông ba lông bông. Giờ thì giọng của Elfrida thấp thoáng nổi kinh hãi đầy đáng sợ. “Mẹ đoán chắc hai vợ chồng phải nhận trợ cấp của hạt rồi đây.”

Đó là viễn cảnh khủng khiếp nhất Elfrida Masih có thể nghĩ đến. Mất con hay phát hiện mình bị ung thư chẳng là đỉnh gỏi gì so với đi đầu này. Con người có thể nghèo; có thể cả đời chỉ mòn mỏi “nhặt nhanh từng đống” – như cách bà hay nói. Nhưng tận cùng dưới đáy mọi thứ, thậm chí còn mạt hạng hơn cả cống rãnh, là lúc ta phải nhận trợ cấp của hạt và đứng đỉnh bòn rút mồ hôi nước mắt của người khác. Bà biết rồi đây, Cheryl Tarrent sẽ phải đối mặt với viễn cảnh này.

“Sau khi lau cửa sổ và đổ rác, con cứ đi chơi một lát nếu muốn. Tối nay bố con đi chơi bowling nên con không cần chuẩn bị bữa tối, nhưng mẹ muốn con về nhà trước khi trời tối nhé. Con biết lý do rồi đấy.”

“Dạ vâng.”

“Chúa ơi, con lớn nhanh quá,” Elfrida cảm thán. Bà nhìn phần nhú lên trên chiếc áo nỉ mà Beverly mặc. Ánh mắt bà yêu thương nhưng gay gắt. “Mẹ chẳng biết rồi đây mẹ sẽ làm gì ở nơi này khi con cưới chồng và có một nơi ở của riêng mình.”

“Con còn ở đây lâu lắm mẹ ơi,” Beverly nói và mỉm cười. Mẹ khẽ ôm cô, hôn lên khóe môi cô với đôi môi ấm nhưng khô.

“Mẹ thấy khó đây,” bà đáp. “Nhưng mẹ thương con rất nhiều, Bevvie!”

“Con cũng rất thương mẹ.”

“Con nhớ kiểm tra xem còn vết bẩn nào sót lại trên cửa kính sau khi làm xong không nhé,” bà dặn, cậ̀m ví tiến đến cửa. “Nếu còn dơ, coi chừng bố con lại nổi trận lôi đình đấy.”

“Con sẽ cẩn thận ạ.” Khi mẹ mở cửa bước ra ngoài, Beverly cố ra vẻ bình thản hỏi. “Mẹ có thấy gì lạ trong nhà vệ sinh không?”

Elfrida quay lại nhìn cô, khẽ chau mày. “Lạ?”

“Dạ... Đêm qua con thấy nhện trong đó. Nó bò ra từ lỗ thoát nước. Bố không kể với mẹ ạ?”

“Đêm qua con lại làm bố con nổi cáu đấy à, Bevvie?”

“Dạ đâu có! Không hề! Con kể với bố có con nhện bò ra từ lỗ thoát nước làm con sợ, bố kể thỉnh thoảng người ta còn phát hiện chuột chết trong nhà vệ sinh trường trung học cũ. Nguyên nhân là do hệ thống thoát nước. Bố không kể với mẹ là con nhìn thấy nhện ạ?”

“Không.”

“Ồ. Thế thôi ạ. Con muốn hỏi mẹ có thấy không ấy mà.”

“Mẹ không thấy con nhện nào hết. Phải chi nhà mình có ti ền để trải tấm lót mới cho sàn nhà vệ sinh.” Bà ngược nhìn bầu trời trong xanh, không một gợn mây. “Người ta nói nếu mình mà giết nhện, trời sẽ mưa đấy. Con không giết nó chứ hả?”

“Không ạ” Beverly đáp. “Con không giết.”

Mẹ lại nhìn cô, môi mím chặt đến độ gần như biến mất. “Có thật là đêm qua bố không nổi giận với con không?”

“Bevvie, bố có bao giờ đụng chạm vào con không?”

“Dạ?” Beverly nhìn mẹ, hoang mang cực độ. Chúa ơi, hôm nào bố chẳng đụng vào người cô. “Con không hiểu ý mẹ...”

“Thôi, bỏ qua đi,” Elfrida gọn lỏn.”Đừng quên đồ rác nhé. Và nếu cửa sổ lem nhem, con sẽ không cần bố con nổi cơn tam bành đâu.”

“Con sẽ

(bố có đụng chạm vào con không)

nhớ ạ.”

“Nhớ về nhà trước khi trời tối đấy.”

“Dạ vâng.”

(bố có)

(lo lắng nhiều không)

Elfrida rời nhà. Beverly lại bước vào phòng mình, nhìn theo mẹ rẽ ở khúc cua và biến mất khỏi tầm mắt như bố ban nãy. Khi đã chắc chắn mẹ đang trên đường đến trạm xe buýt, Beverly lấy xô nước, nước rửa kính Windex và giẻ lau từ dưới bồn rửa chén. Cô bước vào phòng khách và bắt đầu lau chùi cửa sổ. Dãy nhà im ắng quá. Mỗi lần sàn nhà có cát kết hay cửa đóng rầm, cô lại giật mình nhảy dựng lên. Khi nhà Bolton xả nước bồn cầu ở tầng trên, cô ré lên, to chẳng khác nào tiếng hét.

Cứ chốc chốc, cô lại nhìn về phía cửa nhà vệ sinh đang đóng.

Cuối cùng, cô bước xuống, mở cửa và nhìn vào trong. Sáng nay, mẹ cô đã lau dọn nhà vệ sinh, và hầu hết máu me đóng thành vũng dưới bồn rửa đã trôi hết. Máu trên thành bồn cũng vậy. Nhưng vẫn còn những vết màu nâu sẫm khô lại trong bồn, lấm tẩm vết bẩn trên gương và giấy dán tường.

Beverly nhìn vào hình ảnh phản chiếu xanh xao của mình trong gương và chợt hãi hùng nhận ra máu dính trên gương khiến khuôn mặt cô trông như đang chảy máu. Cô lại tự hỏi: *Mình biết làm gì đây? Mình phát điên rồi sao? Lẽ nào tất cả là do mình tưởng tượng?*

Bất thành linh, lỗ thoát nước phát ra tiếng khục khục khác.

Beverly thét lên, đóng sập cửa, và đến năm phút sau, tay cô vẫn run lẩy bẩy đến độ suýt chút nữa đánh rơi chai Windex lúc lau cửa sổ phòng khách.

5

Khoảng 3 giờ chiều ngày hôm ấy, sau khi khóa cửa chung cư và cất chìa khóa phụ cẩn thận trong túi quần jean, Beverly Marsh rẽ vào hẻm Richard, con hẻm nhỏ nối đường Chính và đường Trung Tâm, thì tình cờ gặp Ben Hanscom, Eddie Kaspbrak và một cậu con trai tên Bradley Donovan đang chơi trò ném xu.

“Chào Bev!” Eddie lên tiếng. “Hôm qua xem phim xong, cậu có gặp ác mộng không?”

“Không,” Beverly đáp rồi ngẩng xuống xem mọi người chơi. “Sao cậu biết chuyện đó?”

“Haystack kể tớ nghe,” Eddie đáp và bật ngón cái về phía Ben, Beverly chẳng hiểu vì nguyên nhân gì mà mặt cậu bạn đỏ bừng bừng.

“Phin dì tề?” Bradley hỏi, và giờ thì Beverly đã nhận ra cậu bạn này: đây là người xuống Vùng Đất Cằn cùng Bill Denbrough một tuần trước. Hai người có lớp trị liệu âm ngữ ở Bangor. Beverly đã loại hình ảnh cậu này ra khỏi tâm trí. Nếu được hỏi lý do thì có lẽ cô sẽ nói dường như cậu ta không quan trọng như Ben và Eddie – cậu ít *thuộc về nơi ấy*.

“Hai bộ phim về quái vật ấy mà,” cô trả lời rồi nhích người tới trước để ngẩng giữa Ben và Eddie. “Tới lượt cậu ném hả?”

“Ừ.” Ben nói. Cậu quay sang nhìn cô thật nhanh rồi lại quay mặt đi.

“Ai đang thắng vậy?”

“Eddie,” Ben đáp. “Eddie chơi hay lắm.”

Cô nhìn Eddie chà chà móng tay hết sức nghiêm túc vào áo thun rồi khúc khích cười.

“Tớ chơi với được không?”

“Được chứ.” Eddie thản nhiên. “Cậu có đồng một xu không?” cô mò trong túi và lấy ra ba đồng một xu.

“Trời ơi, sao cậu dám ra đường mà thủ trong người có ba xu lẻ vậy?” Eddie hỏi. “Là tớ thì chắc tớ sợ chết khiếp.”

Ben và Bradley Donovan cười.

“Thì con gái gan dạ mà,” Beverly trang nghiêm nói, và phút chốc, cả đám cùng phá lên cười.

Bradley ném xu trước, sau đó lần lượt đến phiên Ben và Beverly. Eddie đang thắng nên sẽ đi lượt sau cùng. Cả bọn ném xu vào bức tường phía sau Nhà thuốc đường Trung Tâm. Thỉnh thoảng xu rơi thẳng xuống, thỉnh thoảng xu đập vào tường và bật ngược. Cuối mỗi lượt chơi, người nào ném xu gần tường nhất sẽ thu về bốn xu. Năm phút sau, Beverly gom được hai mươi tư xu. Cô chỉ thua đúng một lượt.

“Ló ăn dan!” Bradley tức tối nói rồi đứng dậy bỏ đi. Sự hài hước của cậu đã bay đi đâu mất, cậu bé nhìn Beverly với vẻ mặt vừa cáu tiết vừa nhục nhã. “Con gái không được phép...”

Ben đứng bật dậy. Nhìn cảnh Ben Hanscom đứng bật lên quả là mãn nhãn. “Rút lại câu đó ngay!”

Bradley trân trối nhìn Ben, miệng há mở. “Cái gì?”

“Rút lại ngay! Cậu ấy không ăn gian!”

Bradley hết nhìn Ben lại chuyển sang nhìn Eddie và Beverly, lúc này vẫn còn ngõ ngõ dưới đất. Đoạn cậu lại quay sang nhìn Ben. “Mày muốn môi mày

xương dù như người mày hông, đờ khốn?”

“Làm thử coi,” Ben đáp, và một nụ cười chột nhếch lên trên mặt cậu. Nụ cười ấy ẩn chứa đi đâu gì đó khiến Bradley ngạc nhiên, dè chừng lùi lại. Sau khi vướng vào mớ bong bóng với Henry Bowers và thắng lợi trở về không chỉ một mà hai lần, Ben Hanscom còn lâu mới thối chí trước cậu nhóc Bradley Donovan gầy nhẳng (với hai tay đầy mụn cóc và cái tật ngóng lúu ngọng ló). Có lẽ đó là thứ cậu này trông thấy trong nụ cười ấy.

“Được nhắm, mấy người ỷ đông hiệp íu” Bradley nói và tiếp tục lùi lại. Giọng cậu ta run rẩy và mắt ầng ậng nước. “Cái nữ ăn dan!”

“Cậu rút lại ngay lời cậu nói về Beverly,” Ben yêu cầu.

“Thôi kệ đi, Ben,” Beverly nói. Cô chia đồng xu về phía Bradley. Cậu lấy lại phần mình đi. Tớ chơi không phải để gom xu đâu.”

Những giọt nước mắt bẽ bàng đã chảy khỏi hàng mi Bradley. Cậu hất tung mấy đồng xu khỏi tay Beverly rồi chạy hết con hẻm Richard về phía đường Trung Tâm. Cả đám đứng gần ra nhìn cậu, miệng há hốc. Khi đã cách một quãng đủ xa, Bradley quay người lại hét to: “Mày chỉ nà con khốn mà bày đặc! Đờ ăn dan! Đờ ăn dan! Mẹ mày nà đờ gà móng đờ!”

Beverly hít vào một hơi bâng hoàng. Ben vùng lên, đuổi theo Bradley nhưng bất thành, cậu vấp phải cái thùng rỗng rồi ngã vật ra đường. Bradley đã cao chạy xa bay, và Ben biết có cố đâm ăn xôi đuổi theo cũng chẳng ích gì. Thay vào đó, cậu quay về phía Beverly xem tình hình cô ra sao. Từ ngữ cậu ta phát ngôn đã kích cậu nhiều như đã kích cô.

Cô nhìn thấy sự quan tâm hiện lên trên mặt cậu. Cô mở miệng toan nói mình ổn, mọi người đừng lo, dăm ba lời rửa xả quàng xiên chẳng ăn thua gì... và rồi chột câu hỏi kỳ cục của mẹ hiện lên trong đầu cô

(bố có đụng chạm vào con không)

Câu hỏi thật kỳ cục – đơn giản nhưng chẳng có lý chút nào, ẩn chứa hàm ý ám muội, tăm tối như cà phê cũ. Nhưng cô chẳng thốt lên được câu lời rửa xả quàng xiên chẳng ăn thua mà òa lên khóc nức nở.

Eddie nhìn cô bối rối, đoạn lòi ống thở từ trong túi quần ra và đặt vào miệng. Đoạn cậu cúi xuống, nhặt nhanh những đồng xu vương vãi. Trong quá trình ấy, nét mặt cậu hết sức cẩn trọng và chăm chú.

Theo bản năng, Ben tiến lại gần cô, cậu toan ôm cô an ủi song khựng lại. Cô đáng yêu quá. Đứng trước vẻ đẹp ấy, cậu thấy mình bất lực.

“Vui lên nào,” cậu cất tiếng, dấu thừa biết lời mình nói thật sáo rỗng, cậu chẳng nghĩ ra được câu nào hữu ích. Cậu khẽ chạm vào vai cô (cô đang đưa hai tay bưng mặt để che đôi mắt đầm lệ và hai má đỏ bừng) đoạn rút tay lại như thể người cô nóng rẫy. Cậu ngượng chín mặt, đến độ cậu tự thấy có lỗi. “Vui lên nào, Beverly.”

Cô hạ tay xuống và rút lên giận giữ: “Mẹ tớ không phải gà móng đỏ! Mẹ tớ... mẹ tớ làm *phục vụ bàn*.”

Theo sau câu nói của cô là sự im lặng. Ben nhìn cô chằm chằm, miệng há hốc. Eddie ngược lên nhìn cô từ con hẻm trái sồi, hai tay đầy xu. Và cả ba bỗng phá lên cười nắc nẻ.

“*Phục vụ bàn!*” Eddie khúc khích. Cậu chỉ biết sơ sơ ý nghĩa của từ gà móng đỏ, nhưng cậu chợt thấy cái cách so sánh của cô mới khôi hài làm sao. “Té ra mẹ cậu làm nghề này!”

“Phải! Mẹ tớ làm nghề này!” Beverly thở không ra hơi, vừa khóc vừa cười.

Ben cười nghiêng ngả đến độ đứng không vững. Cậu ngẫ phịch lên thùng rác. Thân người quá khổ khiến nắp thùng rác lún xuống cậu mất đà, loạng choạng ngã xuống con hẻm. Eddie chỉ trở vào cậu, rú lên cười ha hả.

Beverly dựng cậu dậy.

Cánh cửa sổ phía trên ba đứa trẻ bật mở và một người phụ nữ hét lên, “Mấy đứa bay biến chỗ khác cho tao nhờ! Có người phải làm ca tối đây, chúng bay có biết không hả! Đi mau!

Chẳng nghĩ ngợi gì, cả ba nắm tay nhau, Beverly ở giữa, chạy về phía đường Trung Tâm. Nụ cười vẫn nở rộng trên môi đám trẻ.

6

Gom tiền lại, họ phát hiện mình có bốn mươi xu, đủ để mua hai phần kem đá xay trong tiệm thuốc. Ông Keene già rất khó tính, nhất quyết không để con nít dưới mười hai tuổi đứng ăn ở máy bán nước ngọt (ông cho rằng máy chơi bắn bi ở phòng sau có thể làm hư bọn chúng), cả ba mang hai phần kem đá xay không lờ đựng trong hộp giấy đến công viên Bassey và ngồi trên cỏ uống với nhau. Ben chọn vị cà phê, còn Eddie chọn vị dâu. Beverly ngồi giữa hai cậu bạn với cái ống hút trên tay, lần lượt thử từng vị như chú ong nếm mật hoa. Kể từ đêm qua, lúc lỗ thoát nước ừng ực phụt máu, đến tận lúc này cô mới cảm thấy lòng mình bình lại – tuy mệt mỏi và kiệt quệ cảm xúc, cô thấy mình ổn, và bình yên. Chỉ ít là tại thời điểm này.

“Tớ chẳng hiểu Bradley ăn trúng thứ gì nữa,” Eddie lên tiếng - trong giọng nói của cậu vụng về hàm ý xin lỗi. “Trước giờ, cậu ấy chưa lần nào xử sự như thế.”

“Cậu đã đứng về phía tớ,” Beverly nói, và đột ngột trao cho Ben một nụ hôn lên má. “Cảm ơn cậu.”

Ben lại đỏ mặt tía tai. “Cậu dâu có ăn gian,” cậu lần bầm, bất thình lút hết một nửa phần đá xay cà phê trong ba lần nuốt ừng ực.

Đoạn cậu ợ một tiếng to như tiếng súng sấm nã đạn.

“Còn cú nào không, bạn hiền?” Eddie hỏi, và Beverly ôm bụng cười ngặt nghẽo.

“Thôi nhé,” cô khúc khích. “Tớ cười đau cả bụng rồi. Xin cậu, thôi nhé.”

Ben mỉm cười. Tối đấy, trước khi chìm vào giấc ngủ, cậu cứ tua đi tua lại trong đầu khoảnh khắc cô trao cho cậu một nụ hôn lên má.

“Cậu có ổn thật không đấy?” Ben hỏi.

Cô gạt đầu. “Không phải tại cậu ta đâu. Thậm chí còn không phải tại lời cậu ta nói. Mà nguyên nhân là chuyện xảy ra tối qua.” cô ngập ngừng, hết nhìn Ben đến Eddie rồi lại nhìn Ben. “Tớ... tớ phải kể với ai đó. Hoặc chỉ ra cho họ. Hoặc kiếm cách khác. Có lẽ ban nãy tớ khóc là vì tớ sợ tớ đang phát hâm mất.”

“Các cậu đang nói gì thế, mấy cậu hâm?” Một giọng nói vang lên.

Stanley Uris xuất hiện. Như mọi khi, trông cậu nhỏ thó, mảnh khảnh và gọn gàng đến khó tin - gọn gàng thái quá so với một đứa nhóc mới mười một tuổi. Áo thun trắng đóng thùng nghiêm chỉnh vào quần jean sạch sẽ, mái tóc chải gọn, mũi đôi giày Keds cao cổ sạch không tì vết, trông cậu như người trưởng thành nhỏ con nhất thế giới. Đoạn cậu nhoẻn cười, khiến ảo giác ấy vỡ vụn.

Chắc Bev sẽ không kể chuyện ban nãy định nói nữa, Eddie thầm nhủ, vì lúc Bradley dùng từ khiếm nhã với mẹ cô ấy, Stanley không có mặt ở đây.

Nhưng sau một thoáng ngập ngừng, rốt cuộc Beverly vẫn kể. Vì bằng cách nào đó, Stanley khác với Bradley. Ở cậu toát lên sự thân thuộc, còn Bradley thì không.

Stanley cũng ở trong nhóm bọn mình, Beverly nghĩ và tự hỏi tại sao suy

nghĩ ấy khiến cánh tay cô nổi da gà. *Dẫu mình kể ra, cũng chẳng được tích sự gì cho mọi người, cô nghĩ. Không giúp gì được họ, mà cũng chẳng giúp gì được cho mình.*

Song đã quá trễ. Cô bắt đầu kể chuyện. Stan ngồi xuống với cả bọn, khuôn mặt bình lặng và nghiêm trang. Eddie mời cậu uống nốt phần kem đá xay vị dâu còn lại nhưng Stan chỉ lắc đầu, mắt nhìn khuôn mặt Beverly không rời. Cả ba cậu bé đều lặng thinh.

Cô kể với mọi người về những giọng nói mình nghe thấy. Về việc nhận ra giọng của Ronnie Grogan. Cô biết Ronnie đã chết, nhưng đó chính xác là giọng của cô bé. Cô kể cả bọn chuyển máu bắn tứ tung nhưng bố cô không thấy, cũng không hề hay biết, và sáng nay mẹ cô cũng không nhìn thấy.

Nói xong, cô lần lượt quan sát nét mặt của mọi người, lo sợ ánh mắt nghi ngờ hiện lên... nhưng không, cô không thấy chút hồ nghi nào. Mọi người kinh sợ, nhưng không hề nghi cô.

Lúc sau, Ben lên tiếng, “Đi xem thôi.”

7

Cả bọn đi vào bằng cửa sau, không phải chỉ vì chìa khóa của Bev chỉ mở được ổ khóa sau nhà mà còn vì cô giải thích bố cô sẽ cho cô về chiều trời nếu bà Bolton trông thấy cô vào nhà với ba cậu con trai trong khi bố mẹ đi vắng.

“Tại sao vậy?” Eddie ngây ngô hỏi.

“Ngốc như cậu còn lâu mới hiểu,” Stan nói. “Im đi cho mọi người nhờ.”

Eddie toan đốp chát lại, nhưng khi nhìn khuôn mặt trắng bệch, căng thẳng của Stan, cậu quyết định im lặng.

Cửa dẫn vào gian bếp tràn đầy nắng chiều và tĩnh lặng của mùa hè.

Chén đĩa từ bữa sáng lấp lánh trên giá. Bốn người bọn họ đứng cạnh bàn bếp, nép vào nhau. Cửa đóng sầm ở căn hộ tầng trên khiến cả bọn nhảy dựng rồi cười để xua tan lo lắng.

“Nhà vệ sinh ở đâu?” Ben hỏi. Cậu chỉ thì thầm.

Trống ngực đập dồn, Beverly dẫn cả đám men theo hành lang hẹp, một bên là phòng của bố mẹ, ở cuối là cánh cửa nhà vệ sinh đóng kín. Cô mở cửa, nhanh chân bước vào trong rồi đẩy nút chặn bên rửa mặt lại. Đoạn cô lùi lại giữa Ben và Eddie. Máu khô thành những vệt nâu trên gương, bên rửa và giấy dán tường. Cô đưa mắt nhìn vết máu, bởi bỗng dưng, cô thấy nhìn máu còn dễ hơn nhìn bọn họ.

Bằng một giọng thờ thễ đến độ bản thân cô còn không nhận ra, cô cất tiếng hỏi: “Các cậu có thấy không? Có bất cứ ai thấy không?”

Ben bước tới, và cô lại một lần nữa bất ngờ trước cử chỉ thanh thoát của cậu bạn to mập ấy. Cậu chạm lên một vết máu; rồi một vết nữa, rồi đưa tay đung vào vết máu chảy dài trên gương. “Đây. Đây. Đây.” Giọng cậu bằng lặng và chắc nịch.

“Trời ơi! Nhìn như ai đó mổ heo trong này vậy, Stan thốt lên, có đôi chút kinh ngạc.

“Tất cả bắn ra từ lỗ thoát nước à?” Eddie hỏi. Cảnh tượng máu me này khiến người cậu nhộn nhào. Hơi thở cậu nông hẫng. Cậu nắm chặt ống thở.

Beverly chật vật kìm không cho nước mắt tuôn rơi. Cô không muốn như thế, cô sợ nếu cô bật khóc, mọi người sẽ thấy cô đúng là đồ con gái mít ướt. Nhưng cô phải nắm chặt lấy tay nắm cửa bởi cảm xúc nhẹ nhõm như ngọn sóng đầy mạnh mẽ quét qua người cô. Phải đến tận phút giây ấy, cô mới nhận ra cô cứ đinh ninh mình đã phát rồ và nhìn thấy ảo giác hay sao đó.

“Thế mà bố mẹ cậu không thấy sao,” Ben kinh ngạc. Vừa chạm vào vết máu khô trên bồn rửa mặt thì cậu rút tay lại, chùi vội vào vạt áo. “Kinh quá đi mất.”

“Kiểu này còn khuya tớ mới dám bén mảng vào đây,” Beverly nói. “Khỏi đánh răng rửa mặt hay... chuyện ai cũng biết là gì”.

“Chà, hay bọn mình cùng dọn sạch chỗ này đi?” Stanley chột đề nghị.

Beverly nhìn cậu. “Dọn sạch ư?”

“Ừ. Chắc bọn mình không chà được vết máu trên giấy dán tường - nhìn chúng, nói sao nhỉ, tã lấm r ỉ, nhưng phần còn lại chắc là được. Cậu có giẻ không?”

“Nhà tớ để dưới bồn rửa chén,” Beverly nói. “Nhưng nếu bọn mình dùng, mẹ tớ sẽ nghi ngờ tại sao giẻ không cánh mà bay mất.”

“Tớ có năm mươi xu này,” Stan ôn t ần. Mắt cậu không rời vết máu bắn tung tóe trên nền nhà quanh bồn rửa mặt. “Bọn mình sẽ lau dọn sạch hết cỡ, sau đó đem giẻ xuống tiệm giặt ủi trả bằng xu trên đường đến đây. Bọn mình sẽ giặt, hong khô, và chúng sẽ trở về dưới bồn rửa nhà cậu trước khi bố mẹ cậu quay về”

“Mẹ tớ nói không thể giặt sạch máu trên vải đâu,” Eddie phản đối. “Cô ấy sẽ phát hiện máu dính vào giỏ hay gì đó.”

Ben khúc khích cười khoái chí. “Giặt sạch máu hay không không thành vấn đề” cậu nói. “*Họ* có nhìn ra đâu mà lo.”

Không ai hỏi cậu “họ” ở đây là ai.

“Được r ỉ,” Beverly nói. “Vậy mình thử xem.”

Suốt nửa tiếng đồng hồ sau đó, cả bốn người hì hụi chà rửa như những chú yêu tinh chăm chỉ, và khi máu biến mất khỏi tường, gương và bồn rửa mặt, Beverly thấy lòng mình dần nhẹ bẫng. Ben và Eddie lau chùi bồn rửa, gương soi trong khi cô chà sàn nhà. Stan cẩn trọng lau giấy dán tường bằng một miếng giẻ gần như khô rang. Sau bao công sức, họ chà được gần hết. Ben kết thúc bằng cách tháo bóng đèn phía trên bồn rửa mặt rồi thay bằng một bóng mới lấy từ hộp trong tủ. Nhà cô có rất nhiều bóng đèn: mùa thu năm ngoái, bà Elfrida Marsh mua đủ số lượng bóng đèn dùng trong hai năm ở Derry Lions nhân dịp cửa hàng khuyến mãi hằng năm.

Họ lấy xô, nước tẩy Ajax của Elfrida và dùng thật nhiều nước nóng. Cả bọn phải thay nước thường xuyên vì không ai muốn nhúng tay vào nước khi nó đã chuyển sang màu hồng.

Cuối cùng, Stanley lùi lại, nhìn nhà vệ sinh với con mắt xét nét của một cậu bé gọn gàng, ngăn nắp vốn sẵn tính trời. Đoạn cậu nhận xét: “Tớ nghĩ tụi mình làm thế này là tốt nhất có thể rồi đấy.”

Vẫn còn vài vết máu mờ trên giấy dán tường phía bên trái bồn rửa, phần giấy quá mỏng và rách nên Stanley không dám chà mạnh mà chỉ thấm nhẹ. Dẫu vậy, ngay cả ở đó, vết máu đã bị tước đi sức mạnh găm ghieếc; nó giờ chỉ còn là vết ố nhỏ nhoi mà thôi.

“Cảm ơn các cậu,” Beverly nói với nhóm bạn. Đã lâu lắm rồi, cô mới cảm ơn một cách chân thành như thế. “Cảm ơn tất cả mọi người.”

“Đừng khách sáo,” Ben lầm bầm. Tất nhiên, một cậu lại ửng đỏ.

“Có gì đâu,” Eddie gật gù.

“Giờ đi lo đóng giẻ nào,” Stanley nói. Khuôn mặt cậu nghiêm nghị, gần như đanh lại. Về sau, Beverly mới chợt hiểu có lẽ Stan là người duy nhất nhận ra tất cả bọn họ đã tiến thêm một bước đến với cuộc chạm trán không

tường.

9

Họ đo một nắp nước giặt Tide của bà Marsh rồi đổ vào lọ mayonnaise rỗng. Bev tìm được một túi giấy để bỏ giẻ vào, sau đó cả bốn người cùng đến tiệm giặt ủi Kleen-Kloze ở góc đường Chính và đường Cony. Đi thêm hai dãy nhà nữa, họ có thể thấy Kênh Đào lấp lánh xanh trong dưới ánh mặt trời buổi chiều.

Tiệm Kleen-Kloze vắng hoe, chỉ có một phụ nữ mặc đồng phục y tá đang ngồi đợi quần áo của mình sấy xong. Bà liếc nhìn bốn đứa trẻ với ánh mắt nghi hoặc rồi cúi xuống tiếp tục đọc cuốn sách *Peyton Place* của mình.

“Dùng nước lạnh,” Ben khẽ nói. “Mẹ tớ bảo để giặt sạch máu thì phải dùng nước lạnh.”

Cả bọn tổng cộng giẻ vào máy giặt trong lúc Stan đổi hai đồng hai mươi lăm xu thành bốn đồng mười xu và hai đồng năm xu. Cậu trở lại, nhìn Bev đổ nước giặt Tide lên giẻ rồi đóng nắp máy giặt. Đoạn cậu nhét hai đồng mười xu vào lỗ và vặn nút khởi động.

Beverly đã góp gần hết xu mà mình thắng trong trò chơi để mua kem đá xay, may sao cô mất được bốn xu còn sót lại trong túi quần jean bên trái. Cô lấy ra, đưa cho Stan, nhưng cậu cau mày đáp, “Ôi trời, tớ đưa một cô nàng đến tiệm giặt là để hẹn hò, thế mà chưa gì cô ấy đã muốn tiền ai người này trả.”

Beverly khẽ cười. “Cậu chắc chưa?”

“Chắc chứ sao không,” Stan khô khan nói. “Thật ra bỏ bốn đồng tớ cũng đau từng khúc ruột đấy, Beverly, nhưng tớ chắc mà.”

Bốn người bọn họ đi đến ng ồi ở hàng ghế nhựa xếp cạnh tường gạch của tiệm giặt là những l ặng thinh, không nói gì. Chiếc máy giặt hiệu Maytag bình bịch, ùng ục với đồng gi ẻ bên trong. Bọt xà phòng dính lên mặt kính dày của khung cửa tròn. Ban đ ầu, bọt xà phòng nhuộm đỏ. Chỉ nhìn thôi đã đủ khiến Bev cảm thấy ghê người, nhưng chẳng hiểu sao cô thấy thật khó quay mặt đi. Những bọt xà phòng đỏ ng ầu ấy khơi gợi một sự hứng thú đáng kinh sợ. Người phụ nữ mặc đ ồng phục y tá liên tục ngược mắt từ cuốn sách đề li ếc nhìn bốn đứa trẻ. Ban n ầy, bà lo sợ chúng sẽ òn ào náo động; nhưng giờ sự im l ặng của cả đám khiến bà cảm thấy thật b ần ch ần. Máy sấy ngừng, bà li ền lấy quần áo ra, gấp gọn, cất vào túi giặt bằng nhựa màu xanh r ử ra về. Trước lúc ra khỏi cửa, bà không quên nhìn bốn đứa l ần cuối với ánh mắt bối rối.

Bà vừa đi khỏi thì Ben bắt th ần lên tiếng, g ần như cộc cằn: “Không chỉ có cậu đâu.”

“Hả?” Beverly hỏi.

“Không chỉ có cậu đâu” Ben lặp lại. “Số là...”

Cậu bỏ l ửng câu nói r ử nhìn Eddie và nhận đ ược cái gật đ ầu. Cậu nhìn Stan, mặt cau có... nhưng r ử cậu ấy nhún vai và cũng gật đ ầu.

“Cậu đang nói về đi ều gì vậy?” Beverly hỏi. Cô quá mệt mỏi khi hôm nay mọi người liên tục nói những đi ều khó hiểu với cô. Cô chộp lấy tay Ben. “Nếu cậu biết gì thì hãy nói với tớ!”

“Cậu có muốn đứng ra nói không?” Ben hỏi Eddie.

Eddie lắc đ ầu. Cậu lấy ống thở ra khỏi túi và hít một hơi thật sâu.

Nói thật chậm, cẩn trọng lựa chọn ngôn từ, Ben kể với Beverly chuyện cậu tình cờ gặp Bill Denbrough và Eddie Kaspbrak trong Vùng Đất Cằn vào hôm kết thúc học kỳ – tức g ần một tuần trước, dù nghe có vẻ thật khó

tin. Cậu kể với cô chuyện cả bọn xây đập trong Vùng Đất Cằn vào ngày hôm sau ra sao. Cậu kể chuyện bức hình chụp cậu em trai quá cố của Bill xoay đầu nháy mắt. Cậu kể chuyện chính cậu gặp xác ướp bước đi trên Kênh Đào đóng băng giữa mùa đông lạnh giá với đồng bóng bay dù ngược gió vẫn lơ lửng. Beverly lắng nghe, càng lúc càng há hốc. Cô có thể cảm nhận mắt mình đang trợn lên, tay chân lạnh ngắt.

Ben im lặng rồi quay sang nhìn Eddie. Eddie hít thêm một hơi từ ống thở và kể chuyện gặp gã hủi, nhưng trong khi Ben kể chậm rãi chừng nào thì Eddie mau miệng chừng ấy, câu từ cậu thốt lên vấp vào nhau, hơi hả ra khỏi cửa miệng cho xong. Cậu kể đến cuối thì khẽ hít vào hốt hển, nhưng lần này, cậu không khóc.

“Cậu thì sao?” cô hỏi, mắt nhìn Stan Uris.

“Tớ...”

Chợt mọi người lặng thinh, như thể sắp sửa có một cơn bùng nổ bất thành linh xảy ra.

“Quần áo giặt xong rồi kìa,” Stan nói.

Cả bọn nhìn cậu đứng dậy – tương người nhỏ thó, nhanh nhẹn và chần chu – mở nắp máy giặt. Cậu lôi đồng giẻ dính vào thành chum ra xem.

“Vẫn còn ố một chút,” cậu nhận xét, “nhưng không quá tệ. Có thể liên tưởng đến tốt nam việt quất.”

Cậu cho cả bọn xem, ai nấy đều nghiêm nghị gật gù, tựa hồ chúng là những tài liệu quan trọng. Beverly cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm như lúc nhà vệ sinh sạch sẽ trở lại. Cô có thể chịu đựng vết máu đã phai phôi nào trên tờ giấy dán tường bong tróc, cô cũng có thể chịu đựng vết ố đo đỏ trên đồng giẻ lau của mẹ. Điều quan trọng là bọn họ đã xoay sở xử lý nó. Có thể mọi chuyện không trơn tru từ đầu chí cuối, nhưng cô nhận ra như thế

đã quá đủ để lòng cô bình yên, và trời ời, Beverly – cô con gái của Al Marsh– chẳng đòi hỏi gì hơn thế.

Stan ném đồng giẻ vào máy sấy hình trụ và nhét vào hai ống năm xu. Máy sấy bắt đầu quay, Stan quay lại chỗ ngồi giữa Eddie và Ben.

Trong một thoáng, cả bốn người im lặng ng ồi đó, nhìn đồng giẻ quay tròn r ồi rơi xuống, quay tròn r ồi lại rơi xuống. Tiếng máy sấy chạy bằng ga ầm ì dễ chịu, g ầm như bu ồm ngủ. Một người phụ nữ bước qua cánh cửa để ngỏ, đẩy xe chở hàng bách hóa. Bà liếc nhìn bọn trẻ r ồi đi tiếp.

“Tớ có trông thấy,” Stan chột lên tiếng. “Tớ không muốn nói về nó vì tớ muốn nghĩ đó chỉ là giấc mơ. Hoặc có khi đó chỉ là lên cơn, như Stavier gặp phải ấy. Các cậu có biết cậu ấy không?”

Ben và Bev lắc đầu. Eddie giải thích, “Cậu ấy bị động kinh.”

“Ừ, phải. Nó tệ đến mức đó đấy. Thà tớ nghĩ mình bị lên cơn còn hơn tận mắt trông thấy thứ như thế...”

“Cậu thấy gì vậy?” Bev hỏi, nhưng cô không chắc mình có thật lòng muốn biết hay không. Chuyện này khác một trời một vực với việc nghe chuyện ma lúc đốt lửa trại và nhấm nháp bánh mì kẹp xúc xích nướng cùng kẹo dẻo hơ lửa cho đến lúc đen thui và rúm ró. Lúc này đây, họ ng ồi trong cửa tiệm giặt ủi ngọt ngào, cô có thể nhìn thấy bụi đóng thành tầng dày dưới máy giặt (bố cô gọi chúng là phân ma), cô có thể trông thấy bụi nhảy múa trong ánh nắng lọt qua từ khung kính cửa sổ dơ bẩn của cửa tiệm, cô có thể trông thấy đồng tạp chí cũ rách bìa. Tất cả đều là những thứ hết sức bình thường. Những thứ bình thường, đáng yêu và tẻ nhạt. Song cô thấy sợ. Sợ hãi vô cùng. Vì cô cảm nhận những lời họ kể và những con quái vật kia không phải là bịa đặt. Xác ướp Ben gặp, gã hủi Eddie đụng độ... một trong hai bọn chúng, hoặc cả hai sẽ xuất hiện khi mặt trời khuất bóng.

Hoặc em trai của Bill Denbrough, trong bộ dạng cụt một tay và hung hãn sẽ đi lòng vòng dưới cống thoát nước đen ngòm của thị trấn với đôi mắt là hai đồng xu bạc.

Thấy Stan không trả lời ngay, cô hỏi lại lần nữa: “Cậu thấy gì?”

Stan ngần ngừ lên tiếng: “Lúc ấy tớ đang ở trong công viên chỗ Bể chứa nước Standpipe...”

“Ôi Chúa ơi, tớ không thích chỗ đó,” Eddie rên rỉ nói. “Ở Derry mà có nhà ma thì đích thị là nơi ấy.”

“Sao?” Stan lừ giọng. “Cậu nói gì?”

“Cậu không biết nơi đó hả?” Eddie hỏi. “Từ trước lúc những đứa trẻ bị giết, mẹ tớ đã không cho tớ bén mảng đến đó nữa. Mẹ tớ... mẹ tớ hay lo xa lắm.” Cậu ngượng nghịu và siết chặt ống thở trong lòng. “Thì các cậu thấy đó, có vài đứa trẻ bị chết đuối ở đó mà. Ba hay bốn gì đấy. Chúng... Stan? Stan, cậu sao vậy?”

Mặt Stan Uris sa sầm xám ngoét. Miệng cậu mấp máy không thành lời. Mắt cậu trợn ngược đến độ cả đám chỉ trông thấy rìa dưới của mống mắt. Tay cậu yếu ớt đưa lên cao rồi rơi xuống đùi.

Eddie làm đi đầu duy nhất cậu có thể nghĩ tới. Cậu nhào người tới trước, vòng cánh tay nhỏ bé của mình quanh đôi vai xụi lơ của Stan, nhét ống thở vào miệng cậu bạn rồi ấn một hơi thật mạnh.

Stan ho khục khặc, sắc và nôn ọe. Cậu ngẩng thẳng lưng, đôi mắt có thần sắc trở lại. Cậu bụm miệng ho húng hắng. Mãi sau, cậu thở ra một hơi thật dài rồi tựa vào ghế.

“Ban nãy là gì thế?” Cậu khó nhọc hỏi.

“Thuốc hen suyễn của tớ,” Eddie ngại ngùng nói.

“Chúa ơi, nó có vị như phân chó ấy.”

Cả bọn cùng phá lên cười, nhưng nụ cười phảng phất nỗi âu lo. Mọi người nhìn Stan đầy lo lắng. Giờ đôi má cậu đã hơi ửng hồng.

“Tớ tự biết vị nó kinh r ồi,” Eddie tự hào nói.

“Ừ, nhưng nó chuẩn chỉnh nhĩ?” Stan nói, và cả bọn lại cười, dù không ai trong số họ (kể cả Stan) biết nghĩa của từ “chuẩn chỉnh” là gì.

Nụ cười tắt trên môi Stan, cậu nhìn Eddie trầm ngâm. “Cậu biết gì về Standpipe thì kể tớ nghe với,” cậu lên tiếng.

Eddie bắt đầu kể, nhưng cả Ben và Beverly cũng góp phần. Bể chứa nước Derry Standpipe tọa lạc trên đường Kansas, cách trung tâm thị trấn chừng hai cây số rưỡi về phía tây, gần rìa phía nam của Vùng Đất Cằn. Cuối thế kỷ trước, nó từng cung cấp nước cho toàn bộ Derry, chứa 6.600 mét khối nước. Vọng các hình tròn ngoài trời bên dưới mái Standpipe cho ta quan sát toàn cảnh thị trấn và vùng quê xung quanh, vậy nên nơi này thu hút rất nhiều khách tham quan cho đến năm 1930. Cứ mỗi sáng thứ Bảy hoặc Chủ nhật đẹp trời, các gia đình hay đến công viên Tưởng niệm, trèo 160 bậc thang trong Standpipe để đến vọng các chiêm ngưỡng cảnh quan. Thường thì họ sẽ ăn trưa trong lúc ngắm cảnh.

Cầu thang nằm giữa lớp ngoài được ốp ván trắng đến chói mắt của Standpipe, và ống bên trong, vốn là một ống trụ bằng thép không gỉ khổng lồ cao ba mươi hai mét. Cầu thang đi theo đường xoắn ốc dẫn lên trên cùng.

Ngay bên dưới vọng gác là một cánh cửa gỗ dày nằm ở góc trong Standpipe dẫn vào bể đứng phía trên mặt nước - một bể nước tối đen, được chiếu sáng bằng đèn sợi đốt gắn trên chuỗi thiếc phản chiếu. Nước sâu đúng ba mươi mét khi ngu ồn cung đầy.

“Ngủ quên nước từ đâu vậy?” Ben hỏi.

Bev, Eddie và Stan đưa mắt nhìn nhau. Không ai biết câu trả lời.

“Chà, thế chuyện những đứa trẻ bị chết đuối thì sao?”

Riêng chuyện này thì họ rành hơn một chút. Ngày ấy (Ben trang trọng dùng từ “ngày xưa ngày xưa” khi cậu dành phần kể câu chuyện), cánh cửa dẫn vào bể đứng phía trên mặt nước lúc nào cũng để ngỏ. Một ngày nọ, một đám trẻ... hoặc có thể chỉ một đứa trẻ... hoặc ba đứa... phát hiện cửa ở dưới mặt đất không khóa. Chúng thách nhau lên trên. Tuy nhiên, chúng lại đi nhầm lên bể đứng phía bể nước chứ không phải lối dẫn lên vọng gác. Trong bóng tối, chúng hụt chân rơi xuống trước khi biết mình đang ở đâu.

“Tớ nghe Vic Crumly kể, cậu ấy bảo bố cậu ấy kể như vậy,” Beverly nói, “nên chắc là chuyện có thật đó. Vic nói bố cậu ấy bảo một khi rơi xuống nước là cần chắc sẽ chết vì không có gì để níu cả. Bể đứng quá xa tầm với. Cậu ấy nói bọn trẻ cứ vùng vẫy trong nước, la hét kêu cứu cả đêm. Nhưng không một ai nghe thấy, và chúng mệt dần, mệt dần cho đến khi...”

Cô buông lỏng câu nói, để câu chuyện kinh dị từ từ ngấm dần. Cô có thể thấy trong đầu cảnh những cậu bé quẫy đạp xung quanh như những chú cún trong nước. Chúng hết chìm xuống lại ngoi lên, sặc sụa. Chúng vùng vẫy, hoảng loạn bơi không nổi. Giày lồm bồm nước. Tay quơ quàng trong tuyệt vọng, tìm bất cứ thứ gì để bám víu trên mặt tường bằng sắt trơn láng. Cô có thể cảm nhận trong miệng vị nước mà chúng đã nuốt vào bụng. Cô có thể nghe tiếng la hét của chúng vang vọng. Bao lâu nhỉ? Mười lăm phút? Nửa tiếng? Bao lâu thì những tiếng hét ấy tắt hẳn, bọn trẻ nổi lênh phênh, mặt úp xuống như những con cá kỳ lạ mà nhân viên sẽ phát hiện vào sáng hôm sau?

“Chúa ơi,” Stan khô khốc thốt lên.

“Tớ nghe nói còn có một phụ nữ mất con nữa kìa,” Eddie chọt lên tiếng. “Đó là lúc họ đóng cửa nơi ấy mãi mãi. Chỉ ít thì đó là những gì tớ nghe kể. Theo như tớ biết, ngày xưa họ cho phép mọi người đi lên trên bệ đứng. Nhưng một lần nọ, có một phụ nữ dắt theo con. Tớ không biết đứa trẻ ấy bao nhiêu tuổi. Ngay bên dưới bệ đứng là nước. Người phụ nữ đi đến chỗ rào chắn, cô ấy bế đứa con của mình, nhưng không rõ cô ấy đánh rơi con hay đứa trẻ ngộ nguậy. Tớ nghe kể có một người đàn ông đã tìm cách cứu đứa bé. Ai cũng có máu anh hùng mà. Anh này nhảy xuống nước nhưng đứa trẻ đã chìm rồi. Có thể đứa trẻ mặc áo khoác hay gì đó. Quần áo mà ướt thì chúng kéo mình xuống ghê lắm.”

Bỗng Eddie thọc tay vào túi và lấy ra một lọ thủy tinh màu nâu be bé. Cậu lấy hai viên thuốc màu trắng rồi cho thẳng vào miệng, nuốt khan.

“Thuốc gì thế?” Beverly hỏi.

“Aspirin. Tớ bị đau đầu.” Cậu nhìn cô với ánh mắt phòng thủ nhưng Beverly lặng thinh không nói gì.

Ben kể nốt câu chuyện. Sau tai nạn xảy ra với đứa bé (cậu bảo cậu nghe kể đứa bé ấy là một bé gái chừng ba tuổi), Hội đồng thị trấn bỏ phiếu khóa bể chứa nước lại, cả lối đi lên lẫn lối đi xuống, dừng cho tham quan, ăn uống ở vọng gác. Kể từ đó, nó bị khóa cho đến tận bây giờ.Ồ, nhân viên trực đến và đi, đội bảo dưỡng thỉnh thoảng cũng tới bảo trì, và họa hoằn lắm cũng có các chuyến tham quan hướng dẫn theo mùa. Những ai hứng thú có thể đi cùng cô nhân viên ở tổ chức Bảo tồn Lịch sử lên bậc thang xoắn ốc dẫn tới vọng gác trên cùng, rồi đứng đó nhìn ra tầm nhìn trước khung cảnh mãn nhãn, chụp vài kiểu ảnh khoe với bạn bè. Nhưng cánh cửa dẫn vào bể nước bên trong luôn được khóa kín.

“Nó vẫn chứa nước à?” Stan hỏi.

“Tớ đoán vậy,” Ben đáp. “Tớ từng thấy xe cứu hỏa lấy nước ở đó trong mùa cháy rừng. Họ cắm vòi vào ống ở dưới đấy.”

Stanley lại đưa mắt nhìn máy sấy, quan sát động giẻ đang quay tròn. Động giẻ đã tơi ra, một số bay như dù lượn.

“Cậu đã thấy gì ở đó?” Bev dịu dàng hỏi.

Suốt một lúc, mọi người tưởng cậu sẽ không trả lời. Đoạn cậu hít thật sâu, run rẩy cất tiếng nói về một điếu mà mới đầu cả đám thấy chẳng liên quan gì đến câu hỏi. “Người ta đặt tên công viên là Tưởng niệm nhân sự kiện Maine trở thành tiểu bang thứ 23 gia nhập Liên bang Mỹ sau nội chiến. Ngày trước chúng được gọi là Derry Blues. Ngày trước từng có một bức tượng, nhưng nó bị đổ sập trong trận bão vào thập niên 40. Họ không có đủ tiền sửa chữa tượng nên họ thay thế nó bằng một đài nước cho chim. Một đài nước thật lớn bằng đá cho chim.”

Cả bọn quay sang nhìn cậu. Stan nuốt nước bọt đánh ực trong họng.

“Thì các cậu biết đó, tớ hay quan sát chim mà. Tớ có một cuốn sách hình các loại chim, một ống nhòm Zeiss-Ikon và đủ thứ.” Cậu nhìn Eddie. “Cậu còn aspirin không?”

Eddie đưa cho bạn lọ thuốc của mình. Stan lấy ra hai viên, đoạn ngửa ngửa lấy thêm viên nữa. Cậu trả hộp thuốc lại rồi lần lượt uống từng viên, mặt nhăn lại. Đoạn cậu bắt đầu kể câu chuyện của mình.

10

Cuộc đụng độ của Stan xảy ra vào một đêm mưa gió tháng Tư, tức khoảng hai tháng trước. Cậu mặc áo mưa, cất cuốn sách về chim và ống nhòm vào túi chống nước có dây rút rồi đi đến công viên Tưởng niệm. Cậu và bố hay

đến đó cùng nhau, nhưng tối hôm ấy bố cậu phải “làm thêm giờ” và còn gọi điện vào giờ ăn tối để nói chuyện với Stan.

Ông kể với Stan một vị khách hàng ở công ty ông làm việc, vốn cũng là người quan sát chim, đã trông thấy một con chim mà ông cho rằng chính là chim giáo chủ đực – *Fringillidae Richmondia* - uống ở đài nước trong công viên Tưởng niệm. Chúng thích ăn, uống và tắm ngay khoảng thời gian hoàng hôn. Ở những vùng cách xa Massachusetts về phía bắc thế này, họa hoàn lắm mới gặp được chim giáo chủ. Bố hỏi liệu Stan có muốn đến công viên xem thu thập được hay không. Thời tiết hơi xấu nhưng...

Stan bèn đồng ý. Mẹ bắt cậu hứa phải trùm mũ áo mưa đằng hoàng, nhưng Stan còn lâu mới thế. Cậu rất kén cá chọn canh. Có hét ra lửa cũng không thể bắt cậu mang ủng hoặc mang quần chuyên dụng vào mùa đông.

Cậu đi bộ hai cây số rưỡi đến công viên Tưởng niệm dưới cơn mưa bụi đến độ còn không lất phất mà giống màn sương giăng. Không khí vừa tĩnh lặng vừa có gì đó thật kỳ thú. Dù dưới những lùm cây và bụi cỏ vẫn có những đống tuyết đang tan dần (trong mắt Stan, trông chúng chẳng khác nào vỏ gối bẩn bị lộ ra), trong không khí vẫn có mùi của sự sống mới. Nhìn những cành cây du và cây phong dưới bầu trời trắng đục, Stan có cảm tưởng bóng cây dày đến lạ kỳ. Trong một, hai tuần tới, cây sẽ tung bừng đâm chồi nảy lộc, cho ta thấy những lá non mơn mớn xanh trong.

Tôi nay, không khí như thoảng màu xanh biếc, cậu nghĩ và khẽ mỉm cười.

Cậu rảo bước thật nhanh vì chỉ chưa tới một tiếng nữa, ánh sáng sẽ tắt hẳn. Cậu khó tính về việc quan sát chim không kém gì khó tính về thói quen ăn mặc, học tập, và trừ khi có đủ ánh sáng để cậu hoàn toàn chắc chắn, cậu sẽ không cho phép bản thân mình thu thập con chim giáo chủ

ngay cả khi trong thâm tâm, cậu biết cậu đã tận mắt trông thấy nó.

Cậu băng ngang qua công viên Tưởng niệm. Bể chứa nước Standpipe màu trắng sừng sững nằm bên trái. Stan gần như chẳng buồn liếc nhìn nó. Cậu không quan tâm Standpipe có cái gì bên trong.

Công viên Tưởng niệm có hình chữ nhật, thoải thoải dốc xuống triền đồi. Vào thời điểm hiện tại, cỏ đang trắng xóa và chết hết, nhưng vào mùa hè, cỏ được cắt tỉa gọn gàng và có những vòng tròn tròn trĩnh đầy hoa. Tiếc một điểm là nơi này không có thiết bị vui chơi. Địa điểm này được xem là công viên của người lớn.

Ở phía xa xa, không gian trải rộng trước khi đổ xuống đường Kansas và khu Vùng Đất Cằn phía xa hơn. Đài nước cho chim mà bố cậu nhắc đến nằm ở khu đất bằng phẳng này. Có một đĩa bằng đá nông gắn trên bệ đá quá khổ so với chức năng khiêm nhường mà nó đảm nhận. Bố của Stan từng kể với cậu, trước khi hết tiền, người ta dự tính một lần nữa đặt bức tượng người lính lên trên.

“Con thích đài nước cho chim hơn, bố ạ,” Stan nhận xét.

Ông Uris xoa đầu. “Bố cũng vậy,” ông nói. “Phương châm của bố là tầm nhìều hơn, đạn ít lại con ạ.”

Ở trên cùng của bệ đá khắc một câu mà Stanley đọc không hiểu nghĩa; những chữ La-tinh duy nhất cậu hiểu là phân loại các loài chim trong sách. Dòng chữ ghi:

Apparebat eidolon senex

- Pliny

Stan ngồi xuống một băng ghế dài, lấy cuốn sách về các loài chim ra khỏi bọc, lật đến hình chim giáo chủ thêm lần nữa, đọc lại và cố nhớ các

chi tiết dễ nhận diện. Rất khó nhầm lẫn chim giáo chủ với loài khác – bởi nó đỏ như xe cứu hỏa, không quá to – nhưng Stan là một người quy củ và theo thói quen, cái gì quen thuộc sẽ khiến cậu thấy thoải mái, củng cố cảm giác bình an và vị thế của cậu trên đời. Vì thế cậu chăm soi nhìn thật kỹ bức hình suốt ba phút mới chịu gấp sách lại (chưa gì độ ẩm trong không khí đã khiến mép trang giấy quăn hết cả) rồi cất vào trong bọc. Cậu lấy ống nhòm đưa lên mắt. Không cần phải chỉnh tiêu cự, vì lần trước sử dụng ống nhòm, cậu cũng ngồi ngay tại băng ghế này và quan sát đài nước cho chim kia.

Cậu được cái tỉ mỉ và kiên nhẫn không ai bằng. Cậu không ngọ nguậy. Cậu không đứng dậy, đi tới đi lui hoặc quay ống nhòm hết bên này đến bên kia để xem còn thứ gì chiêm ngưỡng hay không. Cậu ngồi im như tượng, ống nhòm chĩa đến đài nước, mặc sương mù đọng thành giọt trên áo mưa vàng.

Cậu không thấy chán. Cậu đang quan sát một khu vực tập trung rất nhiều chim chóc. Bốn chú chim sẻ nâu đậu xuống cùng một lúc, nhấp mỏ vào nước, rảy nước lên vai và lên lưng. Đoạn một chú chim giẻ cùi lam sà xuống như viên cảnh sát giải tán đám lông bông đang tụ tập. Quan sát bằng ống nhòm của Stan, chú giẻ cùi lam to đùng, khiến tiếng kêu chiếch chiếp của chú ta không cân xứng chút nào (sau khi nhìn qua ống nhòm một hồi, dần dà ta sẽ thấy những con chim phóng to không còn kỳ cục nữa mà trở nên hoàn toàn ăn khớp). Đàn chim sẻ bay đi. Chú chim giẻ cùi lam chỉ còn một mình, đi đi lại lại, tấm táp chán chê rồi cũng bay mất. Đàn chim sẻ quay trở lại nhưng rồi cũng bay đi khi một đôi chim cổ đỏ sà xuống tấm táp và (có lẽ) luận đàm về những vấn đề quan trọng trong mắt hai sinh vật với bộ xương rừng này. Lúc Stan ngập ngừng nêu ý kiến về việc chim có

thể trò chuyện, bố cậu đã phá lên cười, cậu nghĩ chắc bố cậu nói đúng khi bảo chim không đủ thông minh để nói chuyện – hộp sọ của chúng quá bé - nhưng lạ Chúa, trông chúng chẳng khác nào đang nói chuyện cả. Thêm một chú chim nhập cuộc. Nó có màu đỏ. Stan vội chỉnh tiêu cự ống nhòm. Liệu có phải...? Không. Nó là một chú sơn ca màu đỏ, con chim rất đẹp nhưng không phải chim giáo chủ mà cậu đang tìm kiếm. Lại thêm một chú chim gõ kiến xuất hiện, vốn là khách quen ở đài nước của công viên Tưởng niệm. Stan nhận ra nó do cánh bên phải tả tơi. Như mọi lần, cậu thử ngấm xem các kịch bản có thể xảy ra là gì – nguyên nhân khả dĩ nhất là chú ta đã có cú chạm trán với con mèo nào đó. Những chú chim khác đến r ã đi. Stan trông thấy một chú chim sáo đá, vụng về và xấu xí như toa tàu chở hàng biết bay, một chú sơn ca và thêm một chú chim gõ kiến. Và kìa, cậu được chiêm ngưỡng một chú chim mới – không phải chim giáo chủ nhưng là con chim chìa vôi to lớn và có vẻ ngốc nghếch dưới ống kính. Cậu thả ống nhòm xuống ngực r ã lấy cuốn sách chim ra khỏi bọc, hy vọng con chim chìa vôi sẽ không bay mất trước khi cậu xác nhận chính xác. Chỉ ít cậu cũng kiếm được *thứ gì đó* để về khoe với bố. Chưa kể đã đến lúc phải về r ã. Ánh sáng đang dần tắt. Cậu cảm thấy vừa lạnh vừa ẩm ướt. Cậu kiểm tra cuốn sách và nhìn qua ống nhòm. Chú chim vẫn ở đó, không tấp tểp mà chỉ ngẩn ra đậu bên thành đài nước. Cậu gần như chắc chắn đây là một chú chìa vôi. Dù không thấy đặc điểm gì rõ rệt - ở khoảng cách này, cậu không phân biệt được - và trong lúc ánh sáng nhập nhoạng, cậu khó lòng khẳng định một trăm phần trăm, nhưng cậu có thể có đủ thời gian và ánh sáng để kiểm tra thêm lần nữa. Cậu lại nhìn bức hình trong sách, tập trung phân tích mà trán nhăn tít lại, đoạn cậu nhấc ống nhòm lên. Cậu vừa mới xoay ống nhòm đến đài nước thì một tiếng *râm* khô khốc vang lên khiến chú chim chìa vôi – trong trường hợp nó đúng là chim chìa vôi – vỗ

cánh bay. Stan cố gắng dõi theo, biết mình khó có dịp bắt gặp nó lần nữa. Để mất dấu chú chim, cậu rít lên qua kẽ răng. Chắc, nếu nó đã bay đến một lần, nó cũng có thể sẽ quay trở lại. Với cả, nó chỉ là một chú chìa vôi thôi

(chắc là chìa vôi)

chứ có phải chim ưng vàng hay chim sơn ca lớn đâu mà tiếc.

Stan đẩy ống nhòm lại và cất quyển sách hình các loài chim đi. Đoạn cậu đứng dậy, nhìn quanh để xem mình có thể xác định nguồn cơn của tiếng động bất thành linh ban nãy là gì không. Nó không giống tiếng súng hay tiếng xe, mà giống tiếng cửa bật tung trong những bộ phim đáng sợ về lâu đài và hãn ngục hơn... kèm theo hiệu ứng tiếng vọng nghe rõ là giả tạo.

Nhưng cậu không thấy gì.

Cậu đứng dậy và đi về phía con dốc thoải thoải dẫn xuống đường Kansas. Lúc này, bể chứa nước Standpipe nằm phía bên tay phải, một cây cột sừng sững màu trắng, mờ mờ ảo ảo trong sương và trong bóng tối đang dần buông. Dường như... nó đang lơ lửng trong không trung.

Suy nghĩ ấy thật kỳ quặc. Cậu đoán chắc suy nghĩ ấy hiện ra trong đầu cậu – thì suy cho cùng, suy nghĩ còn có thể đến từ đâu kia chứ? –nhưng dường như nó chẳng phải suy nghĩ của cậu chút nào.

Stan nhìn Standpipe kỹ hơn, rồi trong vô thức, cậu rẽ về hướng bể chứa. Cửa sổ rải rác quanh tòa nhà theo đường xoắn ốc, gợi cho Stan nhớ đến cột trắng đỏ theo đường xoắn ốc trước tiệm cắt tóc của ông Aurlette nơi cậu và bố hay cắt tóc. Mái lợp trắng nhón thò ra từ những khung cửa tối thui trông như lông mày. *Làm thế nào mà họ dựng được chúng nhỉ*, Stan thầm nhủ – tuy không đem lòng hứng thú nhiều như Ben Hanscom mà chỉ có đôi chút tò mò – đúng lúc ấy, cậu trông thấy một khoảng tối đen ở

ngay chân Standpipe – một hình chữ nhật dưới tòa nhà hình tròn.

Cậu dừng chân, chau mày, thẩn nghĩ cửa sổ mà ở vị trí này thì quá kỳ cục: hoàn toàn bất đối xứng với những cửa sổ còn lại. Đoạn cậu nhận ra đó không phải cửa sổ. Mà là một cánh cửa ra vào.

Âm thanh mình nghe thấy là tiếng cánh cửa kia bật mở, cậu ngộ ra.

Cậu nhìn quanh. Trời chiều đang dần buông. Bầu trời trắng nhờ ban nãy đang chuyển sang màu tím mờ, sương mù dần dày đặc hơn, lát nữa sẽ biến thành cơn mưa rào rích suốt cả tối. Chạng vạng, sương mù, không chút gió.

Vậy... nếu cửa không bị gió thổi thì ai đó đã mở nó sao? Tại sao họ làm thế? Chưa kể, cánh cửa trông có vẻ rất nặng nề, khó lòng mở đánh rần như vậy. Cậu nghĩ hẳn phải là một người rất to lớn... có thể lắm...

Ốc hiệu kỳ nổi lên, Stan bước đến để nhìn rõ hơn.

Cánh cửa to hơn cậu tưởng - chừng cao một mét tám và dày sáu tấc, được tạo nên từ các tấm ván xếp lại bằng đồng thau. Stan khép hờ cửa. Cánh cửa to lớn là thế nhưng di chuyển trơn tru, dễ dàng trên bản lề. Nó không tạo ra tiếng động - dù chỉ một tiếng cọt két nhỏ. Cậu khép cửa để xem lớp ván ốp có bị ảnh hưởng gì khi cánh cửa mở toang như thế hay không. Hóa ra ván không bị sứt mẻ, dù chỉ là một vết xước. Ngôi làng ma quái, Richie mà ở đây thế nào cũng nhận xét như thế.

Chà, nói chung tiếng động mình nghe thấy không phải của cánh cửa này, cậu thẩn nghĩ. Có thể một chiếc máy bay phản lực từ Loring bay ngang qua Derry hay gì đó. Có lẽ cánh cửa đã mở sẵn...

Chân cậu chạm phải thứ gì đó. Nhìn xuống, Stan trông thấy một ổ khóa... không, nói đúng hơn là phần còn lại của ổ khóa. Ổ khóa này đã tanh bành, như thể có ai đó đã nhét đầy thuốc súng vào lỗ khóa rồi đốt diêm. Những mảnh kim loại sắc từ ổ khóa như dao tõe ra, chĩa tứ tung. Stan

có thể nhìn thấy các lớp sắt bên trong.

Bản lề móc khóa dày cui xô vẹo trên bu lông đã bị kéo ba phần tư ra khỏi tấm gỗ. Ba bu lông còn lại của bản lề nằm chổng chơ trên cỏ ướt. Chúng biến dạng như bánh quy xoắn.

Stan nhú mày, đẩy tung cánh cửa và nhìn vào bên trong.

Bậc thang hẹp dẫn lên phía trên theo đường xoắn ốc xa khuất tầm mắt. Phần tường ngoài của cầu thang là gỗ được nâng bởi các xà ngang gắn vào nhau chứ không phải đóng đinh. Stan thấy nhiều ốc vặn trông còn to hơn cả bắp tay cậu. Tường trong làm bằng sắt với đinh tán thò lên như mụn nhọt.

“Có ai ở đây không? Stan cất tiếng.

Song không có tiếng đáp lại.

Cậu lưỡng lự, đoạn bước vào trong để nhìn cầu thang hun hút kia rõ hơn. Không thấy gì. Trong này cứ như thành phố ma quỷ. Thế nào Richie cũng nói thế cho mà xem. Cậu quay người toan bỏ đi... thì nghe thấy tiếng nhạc.

Tiếng nhạc rất khẽ, song cậu nhận ra ngay lập tức.

Đó là tiếng đàn calliope.

Cậu nghiêng đầu lắng nghe, cái chau mày cũng giãn ra đôi chút. Tiếng đàn calliope là âm nhạc của hội hè và chợ phiên. Nó khiến cậu nhớ lại những mảnh ký ức vui thú chỉ tồn tại trong thoáng chốc: bắp rang bơ, kẹo bông gòn, bánh bao chiên lèo xèo trong dầu nóng, những chuyến tàu lượn lanh canh từ bộ truyện động xích như Wild Mouse, Whip, Koaster-Kups.

Giờ thì cái chau mày của cậu đã nhường chỗ cho nụ cười thấp thoáng. Stan bước lên một bậc, rồi hai bậc nữa, đầu vẫn nghiêng nghiêng. Cậu

dừng chân. Tựa hồ chỉ cần nghĩ đến lễ hội mà cậu đã có thể hiện thực hóa nó; giờ thì cậu thực sự ngửi thấy mùi bắp rang bơ, kẹo bông gòn, bánh bao chiên... và còn bao nhiêu là thứ khác! Nào là mùi tiêu, bánh mì kẹp xúc xích sốt cay, khói thuốc và mùng cưa. Có thứ mùi hăng hắc của giấm trắng, loại ta có thể rắc lên khoai tây chiên qua cái lỗ trên nắp thiếc. Cậu có thể ngửi thấy mùi mù tạt, vàng chói và cay xé lưỡi, loại ta dùng muối gỗ phết lên xúc xích.

Tuyệt vời... thật không tin nổi... thật khó cưỡng.

Cậu bước thêm một bậc thang nữa thì nghe thấy tiếng chân bình bịch từ phía trên đang hồi hả, vội vàng bước xuống dưới. Cậu lại nghiêng đầu. Bỗng dưng tiếng đàn calliope to hơn, như thể muốn khóa lấp tiếng bước chân. Lúc này, cậu đã nhận ra giai điệu bài hát - đó là bài *Đường đua Camptown*.

Cậu nghe thấy tiếng bước chân nhưng nó không phải tiếng *bình bịch* thường thấy mà nghe có vẻ... *lẹp nhép* thì phải? Tựa như tiếng chân đi trong đôi ủng sũng nước.

Các cô nàng Campton hát vang bài ca, đu đu đu đu

(Lẹp nhẹp – lẹp nhẹp)

Đường đua Camptown dài mười bốn cây, đu đu đu đu

(Lẹp nhẹp – lẹp nhẹp – càng lúc càng gần)

Đua cả đêm

Đua cả ngày...

Từ đâu bỗng dưng xuất hiện những bóng đen nhấp nhô ở bức tường phía trên cậu.

Ngay lập tức, nỗi sợ hãi khiến họng Stan nghẹn lại – tựa hồ cậu nuốt

phải thứ gì đó vừa nóng vừa kinh khủng, chẳng khác nào thứ thuốc đắng ghê tởm khiến ta như giật điện. Nguyên nhân là do những bóng đèn kia.

Cậu thấy chúng trong một khắc. Cậu chỉ có chút thời gian ít ỏi để nhận ra hai bóng đèn cả thấy, chúng gù gù, trông chẳng bình thường chút nào. Cậu chỉ thấy trong chớp mắt, bởi ánh sáng ở nơi này tối đi quá nhanh, và khi cậu xoay người, cánh cửa của bể chứa Standpipe nặng nề đóng lại sau lưng.

Stanley chạy xuống cầu thang (thế nào mà cậu leo hơn chục bậc, trong khi cậu nhớ mình mới bước hai, ba bậc là cùng), càng lúc càng sợ hãi. Nơi này quá tối nên cậu chỉ thấy lơ mơ. Cậu có thể nghe thấy hơi thở của mình, nghe thấy tiếng đàn calliope văng vẳng đâu đó bên trên cậu

(thế nào lại có cây đàn calliope ở trên kia trong bóng tối kia chứ? Ai đang chơi nó nhỉ?)

ngoài ra, cậu còn nghe thấy tiếng bước chân lẹp nhẹp. Chúng đang tiến lại gần cậu. Càng lúc càng gần.

Cậu tông vào cánh cửa với hai tay duỗi về phía trước, đập mạnh đến độ cơ thể cậu nhói lên vì đau đến tận khuỷu tay. Ban nãy cánh cửa mở trơn tru đến thế... vậy mà giờ đây, nó nhất quyết không chịu nhúc nhích.

Không phải... nói thế chưa chuẩn. Ban đầu nó chịu nhích nhẹ, đủ để cậu trông thấy một tia sáng màu xám như trên người bên trái cửa. Nhưng rồi ánh sáng mất hẳn, tựa hồ ai đó đứng bên ngoài đang níu không cho cửa mở.

Hồi học thở, đầu óc hoảng loạn, Stan vận hết sức bình sinh đẩy cửa. Cậu có thể cảm nhận những miếng nẹp bằng đồng thau đè vào tay mình. Thế mà cánh cửa không chịu suy chuyển.

Cậu xoay người lại, đè lưng và tay lên cửa. Cậu cảm thấy mồ hôi nhớp

nhúá, nóng hổi chảy rịn trên trán mình. Tiếng đàn calliope ngày càng to. Nó vắng vắng, âm vang xuống cầu thang xoắn ốc. Nhưng giờ, tiếng đàn chẳng vui vẻ chút nào mà đã thay đổi hoàn toàn. Nó rền rĩ như nhạc đám ma. Nó gào rít như gió và nước, Stan có thể hình dung trong đầu khung cảnh một chợ phiên vào cuối thu, gió và mưa ào ào đổ xuống con đường vắng tanh vắng ngắt, cò đuôi nheo phấp phới, lều phấp phồng, bị quật nhào, bay đi như con dơi bằng vải dù. Cậu trông thấy những đoàn tàu lượn trống không, lơ lửng giữa trời như giàn giáo, nơi gió u u rít ré qua những thanh sắt cong vẹo méo mó. Chợt cậu bàng hoàng nhận ra tử thần đang có mặt ở nơi đây, hấn sấp sửa tấn công cậu từ trong bóng tối và cậu không có đường thoát thân.

Bỗng một dòng nước chảy xuống cầu thang. Giờ thứ cậu nghĩ thấy không phải bắp rang bơ, bánh bao chiên hay kẹo bông gòn nữa mà là thứ mùi tanh hôi, mùi thịt heo thối rửa, nhưng nhúc nhếch ở một nơi ánh mặt trời không chiếu tới.

“Ai ở đó?” Cậu hét lên với giọng cao và run rẩy.

Đáp lại câu hỏi của cậu là một thứ giọng trầm đục, nghe như nghẹn trong bùn và ao tù nước đọng.

“Những kẻ đã chết, Stanley ạ. Chúng ta là những kẻ đã chết. Bọn ta chìm nhưng giờ bọn ta lơ lửng... và rồi mây cũng sẽ lơ lửng theo bọn ta.”

Cậu có thể cảm nhận nước dâng lên quanh chân mình. Cậu rùng mình nép vào cánh cửa, nỗi sợ hãi bủa vây lấy cậu. Chúng đang ở rất gần. Cậu cảm nhận được đi đâu đó. Cậu có thể nghĩ thấy chúng. Có thứ gì đó chọc vào hông cậu khi cậu cuống cuống liên tục đập vào cánh cửa để trốn thoát dù vô ích.

“Bọn ta đã chết, nhưng thỉnh thoảng bọn ta lảng vảng chơi cho vui,

Stanley. Thỉnh thoảng bọn ta...”

Là cuốn sách về các loài chim của cậu.

Không kịp nghĩ ngợi, Stan chớp lấy cuốn sách. Nó mắc kẹt trong túi áo mưa không chịu ra. Một trong hai bóng đèn đã xuống tới nơi; cậu có thể nghe thấy nó loạt soạt ở lối đi nhỏ lát đá ban nãy cậu bước vào. Nó sắp sửa bắt được cậu rồi, chưa gì cậu đã cảm nhận được da thịt lạnh buốt của thứ đó.

Cậu giật thật mạnh, và giờ cuốn sách về các loài chim đã nằm trong tay cậu. Cậu giữ nó trước mặt như cái khiên nhỏ, không kịp nghĩ xem mình đang làm gì, chỉ là trực giác bảo cậu hành động này là đúng.

“Chim cổ đỏ!” Cậu hét lên trong bóng tối, và trong một khắc, thứ đang tiến về phía cậu (giờ nó cách cậu chưa đến năm bước chân) chợt khựng lại – cậu dám chắc như thế. Và ô kìa, hình như cậu vừa cảm thấy cánh cửa cậu đè vào nhẹ hơn đôi chút thì phải?

Nhưng giờ, cậu không rúm ró nữa. Cậu đứng thẳng, hiên ngang trong bóng tối. Nó xảy ra lúc nào ấy nhỉ? Đang nước sôi lửa bỏng thế này, nghĩ làm gì nữa. Liếm nhanh đôi môi khô khốc của mình, cậu bắt đầu oang oang cất tiếng: “Chim cổ đỏ! Diệc bạch xám! Chim lợn! Sơn ca đỏ! Sáo đá! Gõ kiến đầu búa! Gõ kiến đầu đỏ! Chim sẻ núi! Chim hồng tước! Bò...”

Cánh cửa bật mở với tiếng thét gào phản đối, Stan sải chân bước lùi ra làn sương mù. Cậu ngã nhào lên cỏ. Cậu bẻ gấp cuốn sách làm đôi, và tối đó cậu sẽ thấy dấu ngón tay của mình in hằn lên bìa sách như thể nó làm bằng đất sét Play-Doh chứ không phải là bìa cứng.

Nhưng cậu không tài nào đứng dậy nổi ngay mà gót chân chỉ cào vào đất, mông lên trên lớp cỏ trơn. Môi cậu bạnh ra méo xệch, để lộ hàm răng.

Bên trong lối vào tranh tối tranh sáng kia, cậu có thể trông thấy đôi chân lấp ló đằng sau cánh cửa đang hé mở. Đập vào mắt cậu là hai ống quần jean mục nát, đã chuyển sang màu tím đen. Những sợi chỉ cam loe ra ở đường may, nước nhỏ tong tỏng từ cổ tay, đọng lại thành vũng dưới đôi giày gầy gầy như đã mục nát hoàn toàn, để lộ những ngón chân sưng vù, tím ngắt bên trong.

Tay của bọn chúng buông thõng hai bên, vừa dài vừa trắng nhờn. Lũng lảng trên mỗi ngón tay là một bông màu cam nho nhỏ.

Nắm chặt cuốn sách về các loại chim gấp làm đôi trong tay, mặt nhoe nhoét mưa phùn, mồ hôi và nước mắt, Stan khàn khàn thì thầm, giọng đều đều: “Chim ưng đuôi lửa... Chim sẻ mỏ to... Chim ruồi... Hải âu mào đen... Chim kiwi...”

Một bàn tay trong số bọn chúng ngửa ra, cho thấy lòng bàn tay đã bị nước bào mòn sạch sẽ đường chỉ tay, giờ nhăn nhúm chẳng khác nào tay của người nộm trong trung tâm thương mại.

Nó duỗi một ngón tay... rồi co lại. Bông màu cam nảy lên nảy xuống, nảy lên nảy xuống.

Nó đang ngoắc cậu lại.

Hai mươi bảy năm sau, Stan Uris sẽ chết trong bồn tắm với những đường rạch chi chít trên cổ tay, còn giờ đây, cậu vội vã gồng gối, gồng chân đứng dậy, chạy thực mạng. Cậu chạy băng qua đường Kansas mà không buồn nhìn đường, phải đến lúc sang vỉa hè bên kia, cậu mới dừng chân, thở hòng hộc nhìn lại.

Từ góc độ này, cậu không thể thấy cánh cửa dưới chân bể chứa nước Standpipe mà chỉ thấy bể chứa ấy, to lớn và có gì đó thật uy nghi, sừng sững trong bóng tối. “Chúng là người chết,” Stan khẽ thì thầm, kinh hãi tột

độ. Cậu guồng chân chạy thẳng về nhà.

11

Máy sấy đã dừng. Stan cũng thế.

Ba người còn lại chỉ biết ngẩn ra nhìn cậu thật lâu. Làn da của cậu xám ngoét như buổi tối tháng Tư trong câu chuyện cậu vừa kể.

“Trời ơi,” sau rốt Ben lên tiếng. Cậu thở hắt ra, bối rối.

“Những gì tớ kể là thật,” Stan khẽ nói. “Tớ thề có Chúa.”

“Tớ tin cậu,” Beverly khẳng định. “Sau chuyện xảy ra ở nhà tớ, cái gì tớ cũng tin.”

Bỗng cô đứng bật dậy, suýt chút nữa hất đồ ghế và đi đến máy sấy. Cô lôi từng tấm giẻ ra gấp gọn. Lưng cô quay về phía bọn họ, nhưng Ben đoán cô đang khóc. Cậu những muốn tiến đến bên cô song không đủ can đảm.

“Bọn mình phải kể chuyện này với Bill,” Eddie đề nghị. “Bill sẽ nghĩ ra hướng giải quyết.”

“Giải quyết?” Stan nói, quay sang nhìn bạn. “Giải quyết là sao?”

Eddi nhìn cậu, ngắc ngứ. “Ừ thì...”

“Tớ không muốn *giải quyết* gì hết,” Stan nói. Cậu trừng trừng nhìn với ánh mắt dữ dội và gay gắt khiến Eddie nhấp nhồm trên ghế. “Tớ muốn quên hết chuyện này. Tớ chỉ muốn *giải quyết* như thế thôi.”

“Không dễ vậy đâu,” Beverly trầm ngâm nói, đoạn quay đầu lại. Ben không nhầm: ánh mặt trời nóng nực xuyên qua khung cửa sổ bắn thiu của tiệm giặt ủi phản chiếu hàng nước mắt trên má cô. “Không phải chỉ bọn mình đâu. Tớ nghe thấy tiếng của Ronnie Grogan. Còn giọng đứa bé trai tớ nghe đầu tiên... chắc là của cậu bé nhà Clements, cậu bé biến mất lúc đang

đi xe ba bánh ấy.”

“Thì sao?” Stan cự lại.

“Nếu nó giết nhiều hơn thì sao?” cô hỏi. “Nếu nó xuống tay với nhiều trẻ con hơn thì sao?”

Đôi mắt nâu rực của cậu nhìn thẳng vào đôi mắt xanh của cô, trả lời câu hỏi trong im lặng: *Nó giết thì sao?*

Nhưng Beverly không nhìn xuống, cũng không quay đi, để rồi cuộc Stan phải hướng mắt xuống đất... có lẽ phần vì cô vẫn đang khóc, nhưng một phần khác là do nỗi lo kia khiến cô can trường hơn.

“Eddie nói đúng” cô tiếp tục. “Bọn mình phải nói chuyện với Bill. Sau đó có thể trình bày với cảnh sát trưởng...”

“Có lý quá,” Stan nói. Nếu cậu đang cố ra vẻ nanh học thì nỗ lực ấy hoàn toàn thất bại. Trong giọng nói của cậu chỉ chứa đầy nỗi sợ hãi. “Bể chứa nước Standpipe có những đứa trẻ bị chết, nhưng chỉ con nít thấy, còn người lớn thì không. Gã hề bước đi trên Kênh Đào. Bóng bay ngược gió. Xác ướp. Gã hủi dưới hiên nhà. Thế nào Cảnh sát trưởng Borton cũng được dịp cười vỡ bụng... rồi tổng chúng ta vào nhà thương điên.”

“Nếu cả đám bọn mình đến gặp ông ấy,” Ben lên tiếng, đờm bắn khoả. “Nếu cả đám chúng mình cùng đi...”

“Hay quá,” Stan tiếp tục. “Hay ghê cơ. Kể thêm đi, Haystack. Viết luôn sách cho ng ầu.” Đứng dậy, cậu bước đến cửa sổ, hai tay thọc túi, nét mặt tức giận, buồn bã và sợ hãi. Cậu nhìn ra ngoài một lúc lâu, hai vai cứng lại, nhô lên dưới chiếc áo chỉnh tề Không ngoảnh mặt lại, cậu gằn giọng, “Viết luôn sách đi cho ng ầu!”

“Không đâu,” Ben khe khẽ. “Bill mới là người sau này sẽ viết sách.”

Stan quay người lại, kinh ngạc, cả đám hướng ánh nhìn về phía cậu. Trên gương mặt của Ben Hanscom đầy vẻ bất ngờ, tựa hồ cậu vừa bất thành linh giờ tay tát chính mình.

Bev gấp xong miếng giẻ cuối cùng.

“Những loài chim,” Eddie chợt nói.

“Cái gì?” Bev và Ben đồng thanh thốt lên.

Eddie nhìn Stan. “Cậu thoát ra ngoài nhờ hết tên của những loài chim với chúng đúng không?”

“Chắc thế,” Stan ngần ngừ. “Hoặc có thể cửa bị kẹt nhưng cuối cùng cũng bật ra.”

“Trong khi cậu không tựa lên à?” Bev hỏi.

Stan chỉ nhún vai. Cái nhún vai không phải vì bất cần, chỉ đơn giản là cậu không biết.

“Tớ nghĩ là nhờ cậu hết tên những loài chim đấy,” Eddie nhận xét. “Nhưng tại sao nhỉ? Trong phim, mình sẽ cần thập giá...”

”... hoặc đọc Kinh Lạy Cha...” Ben đề thêm.

”... hoặc Thánh Vịnh 23,” Beverly bổ sung.

“Tớ biết Thánh Vịnh 23,” Stan bực bội lên tiếng, “nhưng làm sao tớ sử dụng thập giá được. Tớ là người Do Thái mà, nhớ không?”

Mọi người quay mặt đi ngượng ngùng, vì cậu sinh ra như thế, hoặc có thể vì cả bọn lại quên mất.

“Tên những loài chim,” Eddie lặp lại. “Chúa ơi!” Dứt lời, cậu liếc nhìn Stan với ánh mắt tội lỗi, nhưng Stan chỉ đang tâm trạng nhìn văn phòng Bangor Hydro phía bên kia đường.

“Bill sẽ biết nên làm gì,” Ben chợt lên tiếng, như thể rốt cuộc thì cậu

cũng đồng ý với Bev và Eddie. “Tớ cá đấy. Bao nhiêu tiền tớ cũng cá.”

“Tớ bảo này,” Stan nói, chân thành nhìn mọi người. “Vây cũng được. Nếu các cậu muốn thì mình có thể kể với Bill. Nhưng với tớ, chỉ đến thế thôi. Các cậu cứ việc bảo tớ nhất gan, thỏ đế cũng được, tớ chẳng quan tâm đâu. Tớ thấy bản thân tớ không phải đồ nhất cáy. Chỉ là những thứ trong bể chứa nước Standpipe...”

“Chỉ có kẻ điên mới không sợ những thứ như thế, Stan,” Beverly ôn tồn nói.

“Ừ, đúng là tớ rất sợ, nhưng vấn đề không nằm ở đó,” Stan gay gắt nói. “Đi đâu tớ muốn nói không phải thế. Cậu không thấy ư...”

Mọi người nhìn cậu chờ đợi, ánh mắt bối rối và thấp thoáng hy vọng, nhưng Stan chẳng biết làm thế nào để diễn giải cảm xúc của mình. Bao ngôn từ đều tắc tị. Tảng đá cảm xúc đè nặng bên trong, khiến cậu như ngạt thở, song cậu lại chẳng thể tống khứ nó ra khỏi họng mình. Cậu gợn gàng, làm gì cũng đâu ra đấy, nhưng suy cho cùng, cậu chỉ là một đứa nhóc mới mười một tuổi, vừa học xong lớp Bốn.

Cậu những muốn nói với chúng bạn rằng có những thứ kinh khủng hơn sợ hãi. Ta có thể sợ những chuyện như suýt nữa bị ô tô đâm khi đang đạp xe hoặc trước khi có vắc-xin Salk, sợ mắc bệnh bại liệt. Ta có thể sợ lão điên Khrushchev hoặc sợ mình sẽ chết chìm nếu nước cao quá đầu. Ta có thể sợ tất tần tật những điều trên mà vẫn sống bình thường.

Nhưng những thứ trong Standpipe...

Cậu muốn nói với họ những đứa trẻ đã chết, lão đảo, lê lết bước xuống cầu thang xoắn ốc kia, làm một thứ còn khủng khiếp hơn dọa cậu sợ: chúng *đảo lộn* cậu.

Phải, *đảo lộn* cậu. Đó là từ duy nhất cậu có thể nghĩ ra, và nếu cậu dùng

từ này, thế nào bọn họ cũng phá lên cười – họ quý cậu, cậu biết đi đâu đó, họ xem cậu như một phần trong nhóm, nhưng họ vẫn sẽ cười. Suy cho cùng, trên đời này có những thứ không được phép *hiện hữu*. Chúng đảo lộn cảm thức về trật tự của một người bình thường, chúng đảo lộn ý tưởng cốt lõi rằng chính Chúa đã đẩy Trái Đất nghiêng khỏi trục của nó, để hoàng hôn chỉ kéo dài vồn vện mười hai phút ở xích đạo và dài lê thê đến hơn một tiếng đồng hồ nơi người Eskimo xây những ngôi nhà bằng băng, và sau khi làm vậy, Người tuyên bố: “Đấy, nếu con có thể hiểu độ nghiêng ấy, con có thể hiểu bất cứ thứ gì con chọn. Vì đến cả ánh sáng còn có khối lượng, khi tiếng còi tàu chột nhỏ lại, đó chính là [hiệu ứng Doppler](#), còn khi máy bay phá vỡ bức tường âm thanh, tiếng nổ chói tai ấy chẳng phải tiếng thiên thần vỗ tay hay tiếng ma quỷ xì hơi mà chỉ là không khí xung quanh bị nén lại. Ta làm Trái Đất nghiêng một chút, rồi ta ngồi ở giữa khán phòng để chiêm ngưỡng chương trình. Ta chẳng còn gì để nói, ngoại trừ những điếu như hai thêm hai là bốn, ánh sáng lấp lánh trên trời là những vì tinh tú, nếu có máu thì người lớn cũng phải thấy chứ chẳng riêng gì trẻ con, và kẻ nào đã chết thì không thể sống lại.” Ta có thể sống với sợ hãi, tò mò, nghĩ thế, Stan sẽ nói như vậy nếu cậu nói được thành lời. Có thể không phải mãi mãi, nhưng ta có thể xoay sở suốt một thời gian dài thật dài. Nhưng ta không thể sống với *sự đảo lộn*, bởi nó tạo ra vết rạn nứt trong suy nghĩ, để khi ta ghé mắt nhìn xuống, ta có thể thấy bên dưới có những sinh vật sống với con mắt li ti màu vàng không chớp, ngửi thấy thứ mùi hôi thối trong bóng tối dưới kia, và rồi sau, ta sẽ cho rằng có cả một vũ trụ dưới đó, một vũ trụ nơi Mặt Trăng hình vuông xuất hiện trên bầu trời, nơi những vì sao cười hăng hắc, nơi nhiều tam giác có bốn, năm cạnh, thậm chí một số còn có năm lỗ thừa mũ năm cạnh. Trong vũ trụ ấy, nhiều khi hoa hồng ta trồng biết hát. Thứ này lại dẫn đến thứ kia, nếu có thể diễn tả

thành lời, cậu đã nói với họ như thế. Cứ việc đến nhà thờ và lắng nghe câu chuyện về việc Chúa bước đi trên nước, nhưng nếu tớ thấy một người làm được như thế, tớ sẽ hét toáng, hét ban cuống họng. Vì với tớ, nó chẳng phải điều kỳ diệu gì hết. Nó chỉ là một sự *đảo lộn* mà thôi.

Hiệu ứng Doppler là sự thay đổi tần số sóng mà máy thu ghi nhận được khi có sự chuyển động tương đối giữa máy thu và nguồn phát.

Vì không có ngôn từ để nói được những lời ấy, cậu chỉ lặp lại: “Sợ hãi không phải vấn đề. Tớ chỉ không muốn dính vào vụ việc khiến tớ bị tống vào bệnh viện tâm thần.”

“Vậy chỉ ít cậu cũng đi cùng bọn tớ đến nói chuyện với cậu ấy được không?” Bev hỏi. “Nghe xem cậu ấy nói gì thôi?”

“Được.” Stan đồng ý, đoạn phá lên cười. “Có lẽ tớ nên mang theo cuốn sách về các loài chim của mình.”

Cả đám cùng cười theo, không khí giãn ra đôi chút.

12

Beverly chia tay các bạn bên ngoài Kleen-Kloze và mang đồng giẻ về nhà. Bố mẹ cô chưa ai về cả. Cất giẻ dưới bồn rửa chén xong, cô đóng cửa tủ lại. Đoạn cô đứng dậy, nhìn về phía nhà vệ sinh.

Mình sẽ không hoà vào đó, cô thầm nghĩ. Mình sẽ xem chương trình Bức ảnh diễn trên ti vi. Xem mình có học cách lây được không.

Thế là cô vào phòng khách, bật ti vi lên được năm phút thì tắt, ngay đoạn Dick Clark đang ba hoa *chỉ một miếng Stri-dex có thể thấm bao nhiêu dầu trên mặt một cô cậu thiếu niên* (“Nếu bạn nghĩ bạn có thể rửa sạch mặt chỉ với xà bông và nước,” Dick nói rồi giơ miếng lau bắn thủ lên ống kính máy quay để mọi thanh thiếu niên trên đất Mỹ đều thấy rõ từng đường nét,

“thì đây, bạn hãy nhìn cho rõ đi.”).

Cô quay lại tủ bếp phía trên bồn rửa, nơi bố cô để dụng cụ. Trong đó để cuộn thước dây với lưỡi thước màu vàng rất dài. Cô cần lấy nó và mang xuống nhà vệ sinh.

Nhà vệ sinh sạch bong và yên tĩnh. Cô có thể nghe thấy xa xa vẳng lại tiếng bà Doyon gọi cậu con trai tên Jim vào nhà ngay lập tức.

Cô đến chỗ bồn rửa mặt và nhìn xuống con mắt đen ngòm của lỗ xả nước.

Cô đứng đó một lúc, hai chân lạnh như đá dưới lớp quần jean, ngực căng cứng, đủ bén để cắt giấy, môi khô khốc. Cô đợi cho những giọng nói kia vang lên.

Nhưng không có âm thanh gì phát ra.

Khẽ run rẩy thở dài, cô bắt đầu thả lưỡi thép mỏng vào lỗ thoát nước. Nó trơn tru tuột xuống - giống như thanh kiếm đi rất ngọt vào thực quản của người trình diễn xiếc ở hội chợ. Mười lăm phân, rồi hai mươi, hai lăm. Đoạn thước dừng lại mà theo Beverly đoán là bị chặn lại bởi phần ống uốn cong dưới bồn rửa. Cô vừa xoay nó tới lui vừa đẩy nhẹ, lúc sau, lưỡi thép dây tiếp tục chui xuống ống nước thải. Bốn mươi, sáu mươi, rồi chín mươi phân.

Cô nhìn lưỡi thép màu vàng chạy ra từ vỏ thước bằng thép mạ crôm, hai bên đã ngả màu đen do bàn tay to bè của bố. Trong đầu, cô có thể hình dung thước luồn qua lỗ ống nước đen đúa, dính chút rác rết và cào tróc vài mảng bụi. Cô tự nhủ dưới đó là nơi ánh nắng không bao giờ chiếu đến, còn màn đêm không bao giờ kết thúc.

Cô tưởng tượng lõi thép, với đầu lưỡi bằng sắt dẹt không to hơn móng tay là mấy, trượt càng lúc càng sâu vào bóng tối, và đầu đó trong đầu, tâm

trí cô thét lên *Mày đang làm trò gì vậy?* Cô không lơ tiếng nói ấy đi... nhưng cô không tài nào không chú ý đến nó. Giờ thì lưỡi thép đã xuống hết cỡ, chắc phải xuống đến tận tầng hầm. Cô thấy nó đập vào ống xả nước thái... lúc đó, thước dây bật lên lần nữa.

Cô lại xoay xoay, và lưỡi thước mỏng mềm dẻo phát ra tiếng cọt kẹt khe khẽ, khiến cô nhớ lại tiếng lưỡi cưa khi ta kéo tới kéo lui nó ngang qua chân.

Cô có thể tưởng tượng đầu thước ngo ngoáy vào đáy ống với bề mặt làm bằng gốm nung. Cô hình dung nó uốn cong... và rồi cô đã đẩy nó xuống thành công.

Thước kéo một mét tám. Rồi hai mét một, hai mét bảy.

Bỗng dưng lưỡi thước tự chuyển động trên tay cô, như thể có thứ gì dưới đó đang kéo đầu thước bên kia. Không chỉ kéo: mà là chạy cùng nó. Cô nhìn chăm chăm vào cuộn thước dây tự kéo xuống, hai mắt mở to, miệng há hốc thành chữ O vì sợ hãi - phải, cô sợ nhưng không thấy ngạc nhiên. Chẳng phải cô đã *biết* trước rồi sao? Chẳng phải cô đã *dự trù* chuyện như vậy sẽ xảy ra sao?

Hồi sau, thước dây dừng lại. Năm trăm năm mươi xen-ti-mét; tròn năm mét rưỡi.

Một tiếng cười khùng khục khẽ vang lên từ lỗ thoát nước, theo sau là tiếng thì thầm gằn gừ bức tức: "*Beverly, Beverly, Beverly... mày không chống lại bọn tao được đâu... thử xem rồi mất mạng đấy... thử xem rồi mất mạng... thử xem rồi mất mạng... Beverly... Beverly... Beverly... ly-ly-ly...*"

Đột nhiên có tiếng đánh tách vang lên trong ổ thước khiến lưỡi thước chạy ngược trở lại, những con số và vạch kẻ vùn vụt lao. Đến gần cuối - chừng một mét rưỡi, hai mét cuối cùng - lưỡi thước màu vàng bỗng

chuyển thành màu đỏ đen, nhớt nhúa, làm cô thét lên, đánh rơi cuộn thước dây xuống sàn như thể nó vừa biến thành một con rắn sống nhả.

Máu tươi chảy dài trên lớp sứ trắng sạch của bồn rửa rồi chảy xuống con mắt mở to của lỗ thoát nước. Cô gập người, nước mắt giàn giụa, nỗi sợ hãi đông thành cục tạ trong bụng, sau đó nhấc cuộn thước lên. Rón rén cầm bằng ngón cái và ngón trỏ tay phải, cô giờ ra trước mặt rồi mang vào nhà bếp. Cô đi đến đâu, máu từ cuộn thước nhỏ xuống sàn hành lang và gian bếp đến đấy.

Cô giữ cho tinh thần của mình không bị lung lay bằng cách nghĩ đến những lời mắng nhiếc của bố – những hành động của lão – nếu lão phát hiện cô làm cuộn thước dây của lão bê bết máu. Tất nhiên, bố không nhìn thấy máu, nhưng cô dặn lòng như vậy mới có tác dụng.

Cô lấy một miếng giẻ sạch – vẫn còn ấm như bánh mì tươi lôi ra từ máy sấy - và quay trở lại nhà vệ sinh. Trước khi bắt tay vào dọn dẹp, cô nhét nút cao su vào lỗ thoát nước để bịt nó lại. Máu vẫn còn tươi nên chùi rửa dễ dàng. Cô đi dọc theo vết máu, chùi những giọt máu to như đồng xu trên sàn, đoạn xả giẻ, vắt khô và đem cất đi.

Cô lấy miếng giẻ mới để lau cuộn thước dây của bố. Máu đặc, sền sệt. Có hai chỗ dính thứ gì đó màu đen, bùi nhùi.

Dù máu chỉ dính chừng một, hai mét cuối nhưng cô vẫn lau hết đoạn thước, làm sạch mọi vết bẩn từ ống nước. Lau xong đầu vào đấy, cô cất nó vào tủ bếp phía trên bồn rửa chén rồi mang hai miếng giẻ xỉn màu ra phía sau chung cư. Bà Doyon lại đang mắng cậu con trai. Giọng bà lạnh lạnh, nghe như tiếng chuông vào chiều hè khi cái nóng chưa tàn.

Sân sau chẳng có gì ngoài đất cát, cỏ dại, dây phơi đồ và một lò đốt rác. Beverly ném hai miếng giẻ vào trong, đoạn ngẩng trên bậc tam cấp. Nước

mắt cô bỗng trào ra giàn giụa, và lần này, cô chẳng buồn kìm lại.

Cô vòng tay ôm đầu gối, đầu gục vào hai tay, lặng lẽ khóc trong lúc bà Doyon la Jim vì cái tội đứng giữa đường, xa xả hỏi cậu con trai muốn xe tông chết hay sao.

DERRY

TAO ĐOẠN THỨ HAI

Mắt tôi trông thấy bao niềm khiếp đảm, trong đó tôi là kẻ dự phần.

Khôn h ần đừng giỡn mặt với thứ vô biên.

Ngày 14 tháng 2 năm 1985

Lễ tình nhân

Tu ần trước, ngay lúc tôi bắt đầu nói lỏng cảnh giác thì lại có thêm hai vụ mất tích – nạn nhân đầu là trẻ em. Một người là cậu thiếu niên mười sáu tuổi tên là Dennis Torrio, người còn lại là bé gái vừa mới lên năm, lúc ấy đang chơi trượt tuyết sau nhà ở Tây Broadway. Bà mẹ hoảng loạn hơ hoán khi chỉ thấy máng trượt bằng nhựa màu xanh hình cái đĩa nhưng không thấy con mình đâu. Đêm hôm trước, tuyết mới rơi chừng mười phân. Khi tôi gọi thì Cảnh sát trưởng Rademacher cho hay không thấy dấu vết của ai ngoại trừ cô bé. Tôi đoán càng lúc ông ấy càng thấy tôi phi ền nhiễu. Song chuyện đấy còn lâu mới đủ để khiến tôi mất ngủ, bởi chẳng phải tôi có nhi ều thứ kinh khủng hơn phải lo đó sao?

Tôi hỏi xin xem những bức hình cảnh sát chụp nhưng ông từ chối.

Tôi hỏi liệu dấu vết của cô bé có dẫn đến đường cống hay cống thoát nước nào không. Đáp lại tôi là một khoảng lặng rất lâu. Đoạn Rademacher lên tiếng, “Tôi bắt đầu tự nhủ có lẽ anh nên đi khám r ồi đấy, Hanlon ạ. Khám bác sĩ nào v ề th ần kinh ấy. Đứa trẻ bị bố nó bắt cóc. Anh không đọc

báo à?”

“Thế cậu bé Torrio cũng bị ông bố bắt cóc sao?” Tôi vặn lại. Thêm một khoảng lặng dài dằng dặc.

“Buông tha giùm tôi đi, Hanlon,” ông nói. “Anh buông tha cho cả tôi nữa.”

Đoạn ông dập máy.

Tất nhiên là tôi đã đọc báo - ngoài tôi ra thì còn ai khác xếp báo ra Phòng Đọc của Thư viện công cộng mỗi sáng kia chứ? Quyên nuôi cô bé Laurie Ann Winterbarger thuộc về người mẹ sau cuộc ly hôn hết sức đi đầu tiếng vào mùa xuân năm 1982. Cảnh sát đang đi theo giả thuyết Horst Winterbarger, hiện đang làm thợ bảo trì máy móc ở Florida, đã lái xe đến Maine và bắt con gái đi. Họ tiếp tục đi sâu vào kịch bản rằng hẳn ta đã đậu xe cạnh nhà, gọi con gái của mình – đó là lý do không có dấu vết của ai khác ngoài dấu vết của đứa trẻ. Nhưng họ lại không nhận xét gì về việc cô bé chưa từng gặp bố từ thuở lên hai. Vụ ly hôn của hai vợ chồng nhà Winterbarger vô cùng gay gắt, phần là vì bà vợ tố cáo đã có ít nhất hai lần, Horst Winterbarger quấy rối tình dục con gái mình. Bà đề nghị tòa án cấm Winterbarger mọi quyền thăm hỏi và được tòa đồng ý mặc dù ông chồng hết sức phản đối. Rademacher suy luận có thể chính quyết định của tòa khi buộc Winterbarger phải cắt đứt mọi liên hệ với đứa con duy nhất đã khiến nghi phạm túng quá làm liều mà bắt cóc con gái. Nghe thì cũng xuôi tại đây, nhưng thử hỏi bản thân mà xem: Liệu cô bé Laurie Ann có nhận ra bố mình sau ba năm xa cách để rồi chạy đến chỗ hẳn ta khi được gọi hay không? Rademacher bảo rằng hoàn toàn có thể, dù cô bé chỉ mới hai tuổi lúc gặp cha lần cuối. Song tôi lại không cho là thế. Chưa kể, người mẹ còn cho biết Laurie Ann được dạy dỗ rất kỹ càng về việc không được lại gần

hoặc nói chuyện với người lạ, bài học mà hầu hết những đứa trẻ ở Derry đều được trang bị từ sớm. Rademacher tuyên bố ông đã yêu cầu cảnh sát bang Florida truy nã Winterbarger và trách nhiệm của ông đến đó là hết.

“Tranh chấp quyền nuôi con là địa hạt của luật sư chứ không phải của cảnh sát,” câu mà gã béo trương béo nứt, chỉ giỏi thùng rỗng kêu to này phát biểu được đăng lại trong tờ *Derry News* số ra ngày thứ Sáu.

Nhưng cậu con trai nhà Torrio... trường hợp này hoàn toàn khác. Gia đình cậu bé hết sức hòa thuận. Cậu là cầu thủ bóng bầu dục của đội Những Chú hổ Derry. Học sinh có tên trên bảng vàng. Từng học qua khóa Trường học Sinh tồn Outward Bound vào mùa hè năm 1984 và đậu với kết quả xuất sắc. Không có tiền án dùng chất kích thích. Có một cô bạn gái mà cậu cứng như cứng trứng, hững như hững hoa. Đường tương lai vô cùng xán lạn. Cậu như có tất cả ở Derry chỉ ít là trong vài năm tới.

Vậy mà đột nhiên, cậu lại biến mất.

Cậu đã gặp phải chuyện gì? Bỗng dưng nổi máu phiêu bạt giang hồ ư? Hay một tay tài xế say xỉn nào đó đã tông chết cậu rồi chôn xác phi tang? Hay lẽ nào cậu vẫn ở Derry, lẽ nào cậu lấp ló trong bóng tối của nơi này, bên cạnh những đứa trẻ như Betty Ripsom, Patrick Hockstetter, Eddie Corcoran và còn biết bao cô cậu bé khác? Phải chăng là thế?

(sau đó)

Tôi lại thế nữa rồi. Lại ngựa quen đường cũ, chẳng làm được tích sự gì, chỉ đẩy bản thân muốn hét lên cho thỏa cõi lòng. Tôi giật nảy khi cầu thang sắt dẫn lên kệ sách kêu cọt két. Tôi giật nảy khi nhìn thấy bóng đen. Đã bao lần, tôi vô tình tự hỏi mình sẽ phản ứng ra sao nếu tôi đang xếp sách lên kệ, đẩy xe đẩy bánh cao su tới trước thì một cánh tay bất chợt thò ra từ hai hàng sách đang tựa vào nhau, chụp lấy tôi...

Chiều nay, trong lòng tôi bùng cháy mong muốn khôn nguôi nhấc máy lên gọi cho bọn họ. Thậm chí, có lúc tôi đã bấm số 404, mã vùng Atlanta với số điện thoại của Stanley Uris ngay trước mặt. Nhưng rồi tôi chỉ áp điện thoại lên tai, tự hỏi liệu tôi muốn gọi cho họ vì tôi hoàn toàn chắc chắn – chắc chắn tuyệt đối – hay đơn giản chỉ là tôi đang quá sợ hãi, thành thử tôi không tài nào chịu nổi cảnh một thân một mình chống chọi; thành thử tôi phải trò chuyện với người biết (hoặc sẽ biết) tôi đang sợ thứ gì.

Trong một khoảnh khắc, tôi như nghe thấy Richie nói *Phù hiệu?*

PHÙ HIỆU U? Cần quái gì dăm ba cái phù hiệu thôi, bố ngài! bằng Giọng nói Pancho Vanilla, rõ tựa hồ cậu đang đứng ngay bên cạnh tôi... và rồi tôi đập máy. Vì khi ta muốn gặp một người nhiều như tôi muốn gặp Richie – hoặc bất cứ ai trong số họ – vào phút giây ấy, ta không thể tin vào thôi thúc của chính mình. Những lời nói dối trôi chảy nhất là những lời ta bịa với bản thân ta. Mà sự thật là tôi vẫn chưa dám chắc chắn một trăm phần trăm. Nếu xuất hiện thêm một nạn nhân, tôi sẽ gọi... nhưng giờ, tôi sẽ xem một kẻ ba hoa chích chòe như Rademacher có thể đứng. Biết đâu cô bé ấy vẫn còn nhớ mặt bố mình thì sao, ví dụ như cô bé có hình ông ta chẳng hạn. Và tôi đoán một người lớn biết nói ngon nói ngọt rất có thể sẽ dụ được một đứa trẻ bước vào xe với mình, bất kể đứa bé đã được dạy bảo đi đâu gì.

Câu thoại nổi tiếng trong bộ phim *The Treasure of the Sierra Madre* năm 1948.

Còn một nỗi sợ khác đang ám ảnh tôi. Rademacher bảo tôi đang phát điên. Tôi không cho là thế, nhưng nếu bây giờ, tôi gọi, có khi họ sẽ cho rằng tôi bị điên. Tệ hơn nữa, biết đâu họ không nhớ tôi là ai thì sao? *Mike Hanlon* ư? *Ai thế? Tôi không quen ai tên Mike Hanlon cả. Tôi không nhớ*

anh là ai. Lời hứa nào kia?

Tôi cảm giác sẽ đến một thời điểm tôi phải gọi cho họ... và khi thời điểm chín muồi, tôi sẽ tự động biết. Mạch của họ sẽ cùng lúc mở ra. Tựa hồ có hai bánh xe khổng lồ đang từ từ ăn khớp vào nhau, tôi và phần còn lại của Derry trên một bánh, những người bạn thuở bé của tôi nằm trên bánh còn lại.

Khi thời điểm chín muồi, họ sẽ nghe thấy tiếng nói của Con Rùa.

Thế nên tôi đợi, chẳng chóng thì chầy, mọi chuyện rồi sẽ ngã ngũ. Tôi nghĩ tôi không cần băn khoăn gọi hay không gọi cho họ nữa.

Chỉ còn băn khoăn *thời điểm* mà thôi.

Ngày 20 tháng 02 năm 1985

Vụ cháy ở vũ trường Đêm Đen

“Một ví dụ hoàn hảo về cách Phòng Thương mại viết lại lịch sử đấy, Mike ạ,” ông Albert Carson thế nào cũng nói vậy, với điệu cười khúc khích. “Họ sẽ tìm cách cho mà xem, và nhiều lúc họ suýt thành công... nhưng người già nhớ sự việc thật sự xảy ra thế nào. Luôn luôn nhớ. Và thỉnh thoảng họ sẽ kể cho cậu nghe, nếu cậu biết hỏi đúng cách.”

Có những người sống ở Derry hai mươi năm trời mà không biết ngày trước từng có một doanh trại “đặc biệt” dành cho hạ sĩ quan ở Căn cứ Không lực Lục quân Derry, cách phần còn lại của căn cứ khoảng tám trăm mét – và vào giữa tháng Hai, khi nhiệt độ âm gần 20 độ C, gió lồng lộng gào rít qua đường băng bằng phẳng với vận tốc hơn 60 ki-lô-mét trên giờ, đưa chỉ số phong hàn xuống mức không tưởng, tám trăm mét ấy biến thành thứ có thể khiến ta tê cóng hoặc phát cước, thậm chí mất mạng.

Bây doanh trại còn lại có lò sưởi bằng dầu, cửa sổ chống bão và cách

nhật. Không gian ẩm cúng và quây quần. Còn doanh trại “đặc biệt” kia, dành cho hai mươi bảy thành viên của Đại đội E, chỉ có một lò gỗ cũ kỹ để sưởi. Họ phải tự xoay xở kiếm ngu ần cung gỗ cho lò. Vật liệu cách nhiệt duy nhất là đồng gỗ thông và vân sam mà họ chất đầy bên ngoài. Ngày nọ, một thành viên đã hoàn thành bộ cửa sổ chống bão cho doanh trại này, nhưng cùng ngày hôm ấy, hai mươi bảy thành viên của doanh trại “đặc biệt” nọ được đi ầu động lên Bangor để phụ giúp công việc tại căn cứ, và tối đó, khi họ trở về, vừa mệt mỏi vừa rét cón, toàn bộ cửa sổ ầu bị đập vỡ. Không sót một cái nào.

Sự việc xảy ra vào năm 1930, khi một nửa lực lượng không quân của Mỹ vẫn sử dụng máy bay hai tầng cánh. Ở Washington, Billy Mitchell đã bị đưa ra xử ở tòa án quân sự và giáng cấp xuống lo việc văn phòng vì dai dẳng tìm cách xây dựng một lực lượng không quân hiện đại hơn, không may lại khiến các vị chóp bu phía trên xem như cái gai trong mắt mà hạ bệ. Không lâu sau đó, ông từ chức.

Vì thế, năm thì mười họa mới có diễn tập bay ở căn cứ Derry dù có những ba đường băng (một trong số đó được lát bằng hoàng). Các hoạt động tập huấn quân sự được tổ chức ở đây chỉ là cưỡi ngựa xem hoa.

Một trong những thành viên của Đại đội E trở về Derry sau khi thời gian phục vụ kết thúc vào năm 1937 là bố tôi. Ông kể cho tôi câu chuyện như sau:

“Một ngày mùa xuân năm 1930 – chừng sáu tháng trước khi xảy ra vụ cháy ở Điểm Đen – bố trở về cùng bốn ồng đội sau ba ngày rời khỏi đơn vị để đến Boston.

Lúc bọn bố đi qua cổng thì gặp một gã tướng người vạm vỡ, to cao, đứng ngay bên trong trạm kiểm soát, tựa vào xẻng, đang chỉnh lại đũa

quần nhà binh màu nâu. Một tay trung úy gốc đầu đỏ dưới miền Nam. Mái tóc đỏ ngả màu cà rốt. Răng lởm chởm. Mụn nổi thành đề. Chẳng khác nào một con tinh tinh không lông, nếu con hiểu ý bố là gì. Vào giai đoạn Đại khủng hoảng ấy, có rất nhiều gã như thế trong quân ngũ.

Đấy, lúc đó, bốn cậu thanh niên bọn bố vừa trở về, ai nấy đều cảm thấy bình thường, và qua ánh mắt của gã, bọn bố biết rằng gã đang tìm lý do lý trấu gì đó để gây khó dễ cho nhóm bố. Vì vậy, bọn bố giờ tay chào như thế gã là [Đại thống tướng Black Jack Pershing](#). Bố nghĩ như thế là đủ, nhưng đó là một ngày cuối tháng Tư đẹp trời, với những tia nắng như rót mật, và bố lại bất chợt để cái miệng hại cái thân. ‘Chúc trung úy buổi chiều vui vẻ, thưa trung úy Wilson,’ bố vừa lên tiếng thì gã lao vào xối xả như tát nước. Một sĩ quan cao cấp của Lục quân Hoa Kỳ. Chức vụ nổi tiếng nhất của ông là khi ông làm chỉ huy lực lượng viễn chinh Mỹ trên mặt trận phía Tây trong Thế chiến thứ nhất.

‘Tao đã cho phép mày phát biểu với tao chưa?’ Gã hỏi.

‘Thưa, chưa,’ bố đáp.

Gã nhìn ba người còn lại – Trevor Dawson, Carl Boone và Henry Whitsun, riêng cậu này mất mạng trong vụ cháy mùa thu năm ấy - rồi nói với họ, “Thằng mọi đen khôn ranh này ở lại với tao. Nếu đám mọi đen bọn mày không muốn cùng nó oằn lưng ra làm việc suốt buổi chiều thì trở về doanh trại, sắp xếp đồ quân dụng và đi trực ngay. Rõ chưa?

Bọn họ toan đi tiếp thì Wilson gằn lên, ‘Hành quân nhanh lên, lũ ăn hại! Cho tao thấy gót giày chúng mày xem nào?’

Thế là bọn họ nhanh chân bước đi, còn Wilson đưa bố đến lán trại để trang thiết bị rồi đưa cho bố cái thưởng. Đoạn gã đưa bố ra khoảng đất rộng mênh mông mà ngày nay tọa lạc nhà ga của Northeast Airlines Airbus.

Gã nhìn bố, khinh khỉnh nhếch mép cười, chỉ xuống đất và bảo, ‘Mày thấy cái hố ở đó không, thằng mọi đen?’

Chẳng có cái hố nào ở đó cả, nhưng bố đoán tốt nhất hẳn ta bảo gì thì cứ hùa theo, nên bố nhìn xuống khoảng đất gã chỉ và bảo có thấy. Thế rồi hẳn đâm vào mũi bố một phát, khiến bố ngã lăn quay ra đất, máu mũi chảy xuống chiếc áo sạch sẽ cuối cùng mà bố có.

‘Mày không thể nhìn thấy cái hố vì thằng bảm chết vằm nào đó đã lấp nó rồi, con trai ạ!’ Gã hét vào mặt bố, trên má nổi lên hai mảng đỏ thật to. Nhưng gã đang toét miệng cười, chứng tỏ rõ ràng gã đang rất khoái chí. ‘Vậy nên việc của mày, cái thằng Chúc Trung Úy Buồi Chiều Vui Vẻ kia, là đào cái hố cho tao. Nhanh chân lên!’

Vì thế, bố hì hụi đào suốt hai tiếng liền, và chẳng mấy chốc, cái hố cao đến cằm của bố. Chừng nửa mét cuối cùng là đất sét, và đến lúc đào xong, nước ngập đến cổ chân và giày bố ướt sũng.

‘Ra khỏi đó đi, Hanlon, trung úy Wilson ra lệnh. Gã chằm chằm ngó trên bãi cỏ hút thuốc. Gã chẳng buồn đỡ bố một tay. Người bố dơ dáy, bắn thiu từ đầu đến chân, chưa kể vết máu đang khô lại trên chiếc áo màu cát. Gã đứng dậy tiến lại rồi chỉ vào cái hố.

‘Mày thấy cái gì ở đó, thằng mọi đen?’ Gã hỏi bố.

‘Thấy hố của ngài, thưa trung úy Wilson,’ bố đáp.

‘Ờ, chuẩn, tao mới quyết định là tao không cần nó nữa,’ lão tỉnh bơ. ‘Tao không muốn cái hố do một thằng mọi đen đào. Lấp đất lại cho tao, binh bét Hanlon.’

Vậy là bố phải lấp đất trở lại, và đến lúc bố làm xong, mặt trời đã xuống núi, không khí trở lạnh. Khi bố đập thuổng xuống phần đất cuối cùng, lão lại bước đến nhìn.

‘Giờ thì mày thấy gì ở đó, mọi đen?’ Lão hỏi.

‘Một đồng đất, thừa trung úy,’ bố đáp và sau đó lão lại thụi bố. Chúa ơi, Mikey, suýt chút nữa bố đã nhảy bật lên và dùng cán thuổng đập bể đầu gã. Song nếu bố làm vậy, bố sẽ chỉ được nhìn bầu trời này qua song sắt mà thôi. Thế nhưng có những giây phút bố thấy làm vậy cũng đáng. Bố phải chật vật lắm mới giữ được bình tĩnh đấy.

‘Đó không phải là đồng đất, thằng đen như quạ ngu si kia!’ Gã hét lên với bố, nước bọt bắn tứ tung. ‘Đó là CÁI HỔ CỦA TAO, và mày liệu thần hồn đào ra ngay lập tức! Nhanh lên!’

Rốt cuộc, bố hết đào đất ra khỏi cái hố của gã rồi lại lấp đất, xong đâu đấy, gã hỏi bố tại sao bố mò đến đây lấp hố ngay lúc gã chuẩn bị đi nặng ở đó. Thế là bố lại đào lên, gã tụt quằn xuống rồi chồm hồm hai cái mông trắng trên hai cái chân như cẳng gà qua hố, vừa đại tiện vừa ngược nhìn bố, nhe nhớn cười nói, ‘Mày khỏe chứ, Hanlon?’

‘Tôi vẫn khỏe, thừa trung úy,’ bố đáp lại ngay, vì bố đã tự nhủ sẽ không từ bỏ cho đến khi lão ngã ra bất tỉnh hoặc chết thì thôi. Máu nóng của bố xộc lên não rồi.

‘Thế để tao chỉnh cho,’ gã nói. ‘Trước nhất, mày lo lấp cái hố cho tao, binh bét Hanlon. Mà làm thì làm hăng hái lên. Tao thấy mày hơi rù rờ rồi đấy.’

Bố lại tiếp tục lấp đất, và nhìn nụ cười khả ố trên mặt gã, bố biết gã chỉ khởi động mà thôi. May sao lúc ấy, một người bạn của gã cầm cây đèn măng-sông đi ngang qua khoảng đất và nói với gã rằng ban này có kiểm tra đột xuất, và Wilson dính phốt vì đã bỏ lỡ. Nhờ bạn của bố bao che nên bố mới thoát được, nhưng bạn của Wilson – bạn thì ít mà bè thì nhiều – lại chẳng thêm quan tâm gã.

Gã để bố đi, và bố mong chờ thấy tên của gã xuất hiện trên bảng Chịu phạt ngày hôm sau nhưng chẳng thấy đâu. Bố đoán gã đã trình với cấp trên rằng gã bỏ lỡ buổi kiểm tra vì bận dạy cho một thằng mọi đen c̣ần đèn chạy trước ô tô về việc ai là kẻ sở hữu mọi cái hố ở căn cứ quân sự Derry – tất cả những cái đã được đào và chưa được đào. Có lẽ họ còn tặng cho gã huân chương chứ không bắt gã gọt khoai cũng nên. Đấy, ở Derry, Đại đội E phải chịu những điều như thế.”

Bố kể với tôi câu chuyện này vào khoảng năm 1958, nếu tôi nhớ không lầm, lúc ấy bố sắp bước sang tuổi ngũ tuần, dù mẹ tôi mới chỉ bốn mươi hay ṭầm đó. Tôi hỏi tại sao ông vẫn trở về khi Derry là một nơi như thế?

“Chà, năm nhập ngũ, bố mới chỉ mười sáu tuổi thôi, Mikey ạ,” ông giải thích. “Bố khai gian tuổi để tòng quân. Cũng chẳng phải do bố nghĩ ra đâu. Bà nội bảo bố làm thế. Bố đoán lý do lời nói dối không bị phanh phui là vị tướng bố to con. Bố sinh ra và lớn lên ở Burgaw, Bắc Carolina, và khoảng thời gian duy nhất nhà ông bà nội được nhìn thấy thịt là ngay sau khi vào mùa thuốc lá, hoặc thỉnh thoảng vào mùa đông nếu ông nội bắn được gấu mèo hay chồn tui. Điều tốt đẹp duy nhất về Burgaw mà bố nhớ là bánh phô mai sô-cô-la với bánh bột ngô trải xung quanh, nhìn bắt mắt không thể tả.

Ông nội con mất do gặp tai nạn với máy móc nông trại, bà nội bảo bà sẽ đưa Philly Loubird đến Corinth, bởi bà có người giúp đỡ đó. Philly Loubird là con út trong nhà mà.”

“Bố đang nói tới chú Phil phải không ạ?” Tôi hỏi, mỉm cười trước việc chú mình được gọi với cái tên Philly Loubird. Chú làm luật sư ở Tucson, Arizona, và từng tham gia Hội đồng thành phố suốt sáu năm trời. Thuở bé, tôi luôn nghĩ chú Phil rất giàu có. Giờ nhìn lại, tôi thấy đúng là so với mặt

bằng chung của dân da đen năm 1958, chú sung túc hơn nhiều. Chú kiếm được những hai mươi ngàn đô-la một năm.

“Ừ, đúng rồi đấy,” bố tôi ôn tồn. “Nhưng ngày ấy, chú của con mới chỉ là một cậu bé mười hai tuổi đội mũ thủy thủ chóp nhọn, mặc quần yếm và chẳng chít và chẳng có giày để mang. Chú ấy là con út, bố thì kế út. Không tính các anh chị trên – hai người đã chết, hai người đã có gia đình riêng, một người đi tù. Đó là Howard. Bác ấy suốt ngày gây chuyện.

‘Mày nên nhập ngũ đi,’ bà nội Shirley của con bảo bố như thế. ‘Mẹ không biết họ có trả tiền cho mày ngay hay không, nhưng khi nào họ cho, hãy gửi về trợ cấp cho mẹ. Mẹ chẳng vui vẻ gì khi phải để mày bôn ba, con ơi, song nếu mày không đỡ đần mẹ và Philly, mẹ chẳng biết nhà mình làm thế nào để sống cả.’ Bà đưa cho bố giấy khai sinh để trình cho người tuyển binh, và bố thấy bà đã sửa năm để đơn tuổi của bố lên mười tám.

Và rồi bố đến tòa án, chỗ nhân viên tuyển binh đang có mặt để xin đi lính. Ông ấy cho bố xem giấy tờ và chỉ cho bố chỗ đánh dấu. ‘Tôi biết viết tên mình,’ bố nói và ông ấy cười như thể không tin lời bố.

‘Thế thì cậu cứ viết tên mình vào đi, cậu nhóc da đen,’ ông đáp.

‘Họm đã,’ bố lên tiếng. ‘Tôi xin được hỏi ông vài câu.’

‘Hỏi đi,’ ông ta đồng ý. ‘Tôi sẽ trả lời tất.’

‘Ở trong quân đội, họ cho ăn thịt một tuần hai lần phải không?’ Bố thành thật. ‘Mẹ tôi bảo vậy nhưng có khi mẹ tôi chỉ nói thế để tôi có chí tòng quân.’

‘Không, người ta không cho ăn thịt một tuần hai lần đâu,’ ông nói.

‘Chà, tôi cũng nghĩ vậy,’ bố đáp, thầm nghĩ trong đầu rằng ông này trông như phường ất ơ nhưng chỉ ít ông ấy là phường ất ơ *chân thật*.

Đoạn ông ta nói tiếp, ‘Mà là hằng đêm,’ làm bố tự hỏi thế nào mà bố lại có thể nghĩ ông ta chân thật cho được.

‘Chắc ông xem tôi là thằng ngốc có phải không?’ Bố nói.

‘Nói chuẩn đấy, cậu mọi đen,’ ông ta đáp.

‘Chà, nếu tôi nhập ngũ, tôi sẽ có thể làm gì đó cho mẹ tôi cũng như em trai Philly Loubird của tôi,’ bố lên tiếng. ‘Mẹ tôi bảo sẽ có tiền trợ cấp.’

‘Đây này,’ ông ấy đáp và gõ vào tờ đơn trợ cấp. ‘Giờ cậu còn lăn tăn gì trong đầu nữa không?’

‘Chà,’ bố nói, ‘còn huấn luyện để trở thành sĩ quan thì sao ạ?’

Nghe bố nói thế, ông ta ngửa đầu ra sau cười khùng khục cho đến tận lúc bố nghĩ khéo ông ta sẽ sặc nước bọt cho mà xem. Đoạn ông nói tiếp, ‘Con trai, ngày mà trong quân đội có một sĩ quan da đen sẽ là ngày cậu được chiêm ngưỡng Chúa Giê-su xoạc chân nhảy đầm ở Birdland. Giờ thì một là cậu ký, hai là không ký. Tôi mất kiên nhẫn rồi đấy. Với cả cậu khiến nơi này hôi rình cả lên.’

Vì thế, bố ký tên, nhìn ông ta ghim tờ đơn trợ cấp vào tờ đăng ký đi lính, đoạn ông ta tuyên thệ và rồi bố cứ thế mà trở thành lính. Bố đoán họ sẽ cử bố lên New Jersey, nơi quân đội xây cầu vì không có chiến tranh để xung trận. Nhưng không, họ cho bố đến Derry, Maine, ở Đại đội E.”

Bố tôi thở dài và chuyển mình trên ghế, một người đàn ông to lớn với mái tóc bạc trắng xoắn sát đầu. Thời điểm đó, nhà ông bà nội tôi có một trong những nông trại lớn nhất Derry, và có lẽ là sạ rau củ nông sản bên vệ đường hoành tráng nhất phía nam Bangor. Ông bà và bố làm lưng quần quật, ông nội còn phải thuê thêm người khi mùa gặt đến, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời.

“Bố quay về vì bố đã bôn ba từ Bắc xuống Nam, và ở nơi nào người ta cũng kỳ thị dân da màu cả,” bố tôi kể tiếp. “Trung úy Wilson không phải kẻ khiến bố thấm thía đi đâu đó. Gã chỉ là một tay da trắng người Georgia, và đi đâu, gã cũng thể hiện đúng chất dân miền Nam của mình. Gã chẳng cần sống ở phía nam tuyến Mason Dixon thì mới ghét người da đen. Sự căm ghét ấy nằm trong bản chất của hắn rồi. Không, thứ khiến bố thấm thía sự phân biệt ấy chính là trận cháy ở Điểm Đen. Con biết không, Mikey, bằng một cách nào đó...”

Bố tôi liếc nhìn mẹ, lúc ấy bà đang đan móc. Bà không ngừng lên, nhưng tôi biết bà đang lắng tai nghe, và tôi đoán bố tôi cũng biết đi đâu đó.

“Bằng một cách nào đó, trận cháy ấy đã khiến bố lột xác trở thành một người đàn ông. Đám cháy cướp đi sinh mạng của 60 người, trong đó có 18 người thuộc Đại đội E. Khi đám cháy được dập tắt, bố gần như mất hết đồng đội. Henry Whitsun... Stork Anson... Alan Snopes... Everett McCaslin... Horton Sartoris... tất cả bằng hữu của bố đều chết trong đám cháy đó. Kẻ gây ra đám cháy ấy không phải gã Trung úy Wilson và hội bạn bè miền Nam bố bà của gã. Mà thủ phạm chính là Binh đoàn Lễ nghi Da trắng nhánh Derry. Con trai à, bố của một vài đứa trẻ học cùng trường với con đã đánh diêm thiêu rụi Điểm Đen. Và bố không chỉ nói về đám trẻ con nhà nghèo đâu.”

“Tại sao hả bố? Tại sao họ lại làm vậy ạ?”

“Chà, một phần là vì bản chất của Derry là như thế,” bố tôi nói, chau mày. Ông chậm rãi châm tẩu thuốc và đánh diêm. “Bố không biết tại sao nó lại xảy ra ở đây; bố không giải thích được, nhưng đồng thời, bố cũng chẳng lấy làm ngạc nhiên cho lắm.”

“Binh đoàn Lễ nghi Da trắng là phiên bản miền Bắc của [Ku Klux Klan](#)

con ạ. Bọn họ cũng mặc đồ trắng, cũng đốt thánh giá, cũng viết những lời miệt thị người da đen mà họ đánh giá là không biết thân biết phận hoặc giành những công việc đáng lý phải thuộc về dân da trắng. Thỉnh thoảng, họ đặt thuốc nổ ở những nhà thờ thuyết giảng về bình đẳng cho người da đen. Hầu hết các sách lịch sử viết về Ku Klux Klan nhiều hơn về Binh đoàn Lễ nghi Da trắng, thậm chí không ít người còn chẳng biết đến sự hiện diện của tổ chức này. Bởi nghĩ có khi tác giả của hầu hết các đầu sách lịch sử là người miền Bắc và họ tự thấy hổ thẹn.

Ku Klux Klan thường được gọi là KKK hoặc Klan, là một nhóm thù ghét của những người Mỹ da trắng, có mục tiêu chính là người Mỹ gốc Phi. Ku Klux Klan đã tồn tại ba thời kỳ khác nhau tại các thời điểm khác nhau trong lịch sử Mỹ.

Tổ chức hoạt động phổ biến nhất ở các thành phố lớn và các khu vực sản xuất. New York, New Jersey, Detroit, Baltimore, Boston, Portsmouth – tất cả đều có chi hội riêng. Họ cũng tìm cách lập hội ở Maine nhưng Derry là nơi duy nhất ghi nhận thành công. Ồ, suốt một khoảng thời gian, chi hội ở Lewiston cũng hoạt động sôi nổi lắm – cùng thời điểm với vụ cháy ở Điểm Đen – nhưng họ không lo về việc dân da đen cưỡng bức phụ nữ da trắng hoặc chiếm công việc lý ra phải thuộc về người da trắng, vì ở đó chẳng có dân da đen nào sinh sống. Ở Lewiston, người ta lo ngại về những kẻ lang thang, đầu đường xó chợ. Binh đoàn Lễ nghi Da trắng cử những người này ra vào thị trấn, đi đi về về như con thoi. Thỉnh thoảng, chúng nhét thuốc xuân độc sau quần. Thỉnh thoảng, chúng lại tự đốt áo.

Chà, Binh đoàn đã tan đàn xẻ nghé sau vụ cháy ở Điểm Đen. Con thấy đấy, mọi thứ vượt ngoài tầm kiểm soát. Thì ở thị trấn này, lắm lúc sự tình lại thế mà.”

Bố tôi dừng lại, rút thuốc.

“ Binh đoàn Lẽ nghi Da trắng chỉ là một hạt giống, Mikey ạ, nó tìm được nguồn đất dinh dưỡng để sinh sôi tại đây. Mà trên đời, kẻ có tiền một tay che trời. Sau vụ cháy, cả đám bọn chúng chỉ việc gói ghém cất áo đi, đổi trá và ém nhẹm mọi đi ầu.” Trong giọng nói của ông lúc này hẳn học sự khinh miệt đến độ mẹ tôi phải ngược lên, chau mày. “ Suy cho cùng, ai bị giết? Chỉ là 18 tay lính mọi đen, 14 hay 15 thị dân mọi đen, 4 thành viên của một ban nhạc jazz mọi đen... và một đám ủng hộ mọi đen. Có gì to tát kia chứ?”

“ Will,” mẹ tôi nhẹ nhàng lên tiếng. “ Thế đủ r ồi.”

“ Không,” tôi nói. “ Con muốn nghe!”

“ Sắp đến giờ ngủ r ồi, Mikey,” bố nói r ồi xoa đầu tôi bằng bàn tay to bè và sần sùi của mình. “ Bố chỉ muốn nói với con thêm đi ầu này, dù bố không biết con có hiểu hay không, vì bố không dám chắc bản thân bố hiểu nổi. Thảm kịch xảy ra ở Điểm Đen đêm hôm ấy thật sự rất khiếp đảm... nhưng bố không nghĩ nó xảy ra vì ta là người da đen. Thậm chí không phải vì Điểm Đen nằm ngay đằng sau Tây Broadway, nơi giới nhà giàu da trắng của Derry sống từ bao đời nay. Bố không nghĩ Binh đoàn Lẽ nghi Da trắng hoạt động sôi nổi ở chốn này là vì người dân sống ở Derry ghét người da đen và người lang thang hơn ở Portland, Lewiston hay Brunswick. Nguyên nhân là vì thổ nhưỡng nơi đây. Dường như những gì tệ hại, xấu xa đã ăn sâu bám rễ vào đất của thị trấn này. Bố đã suy nghĩ như vậy bao nhiêu năm qua. Bố không biết lý do tại sao... nhưng nó là thế.”

Tất nhiên, nơi đây vẫn còn những người tốt, ngày xưa như thế, và bây giờ cũng vậy. Sau trận hoả hoạn, khi tang lễ được tổ chức, hàng nghìn người đã đến phúng viếng, tiếc thương cho những người da đen và cả

những người da trắng. Hàng quán đóng cửa cả tuần trời. Bệnh viện chữa trị miễn phí cho người bệnh. Người ta gửi những giỏ trái cây và thư chia buồn từ tận đáy lòng mình. Người ta làm những nghĩa cử lá lành đùm lá rách. Bố gặp cậu bạn Dewey Conroy trong khoảng thời gian ấy, và con hẳn biết chú ấy trắng chẳng kém gì kem va ni, nhưng bố có cảm giác chú ấy như huynh đệ của bố. Bố sẵn sàng xả thân vì Dewey nếu chú ấy yêu cầu, và tuy người ta bảo lòng người khó đoán nông sâu, bố vẫn tin chú ấy cũng sẵn sàng hy sinh vì bố.

Nói tóm lại, sau đám cháy ấy, quân đội đi đầu động những người còn sống sót bọn bố đến nơi khác, tựa hồ họ thấy nhục nhã... và bố đoán thật sự là thế. Bố được chuyển đến Fort Hood, đóng quân ở đó sáu năm. Bố gặp mẹ con ở đó và nên duyên vợ chồng ở Galveston, tại nhà ông bà ngoại. Nhưng đằng đằng suốt bao năm, bố vẫn không tài nào dứt nỗi Derry ra khỏi tâm trí mình. Sau khi chiến tranh kết thúc, bố đưa mẹ trở về đây. Rồi bố mẹ sinh ra con. Và giờ chúng ta ở đây, cách nơi Điểm Đen từng tọa lạc vào năm 1930 chưa tới năm cây số. Mà thôi, đến giờ con đi ngủ rồi đây, chàng trai của bố.”

“Con muốn nghe thêm về trận cháy!” Tôi la làng. “Bố kể con nghe đi!”

Và bố nhìn tôi, với đôi mày chau lại mà lần nào cũng khiến tôi nín im thín thít... có lẽ vì rất hiếm hoi, bố mới mang vẻ mặt ấy. Bình thường, bố vốn là một người hay cười. “Chuyện đó không kể cho con nít được,” bố tôi bảo. “Để lúc khác nhé, Mikey. Khi bố con mình trải qua thêm vài năm cuộc đời đã.”

Thời gian thấm thoát thoi đưa, bố con tôi trải thêm bốn năm thì tôi được nghe về chuyện xảy ra ở Điểm Đen vào buổi tối oan nghiệt ấy, và đến lúc đó, bố tôi đã gần đất xa trời. Ông kể cho tôi khi đang nằm trên giường

bệnh, người tiêm đủ thứ thuốc, đầu óc lẫn thần khi căn bệnh ung thư phá hủy ruột, ăn tươi nuốt sống ông.

Ngày 26 tháng 02 năm 1985

Đọc lại những dòng cuối cùng mình viết trong cuốn sổ này, tôi không khỏi ngạc nhiên khi bỗng dưng nhòa lệ vì nhớ bố, dù ông đã yên nghỉ từ cách đây hai mươi ba năm. Tôi nhớ mình đã thương xót bố suốt gần hai năm trời. Và r ồi năm 1965, khi tôi tốt nghiệp trung học, mẹ nhìn tôi và nói, “Bố con mà còn sống, hẳn ông ấy sẽ tự hào lắm!”, và hai mẹ con tôi ôm nhau, ba khóc, tôi th ăm nhủ cái kết là đây, mẹ con tôi đã chôn cất bố xong xuôi bằng những giọt nước mắt sau cuối ấy. Nhưng nào ai biết nỗi buồn đau có thể đeo đẳng bao lâu? Khi ta mất đi con cái, anh chị em, thì dù ba mươi hay bốn mươi năm trôi qua chẳng nữa, biết đâu ta vẫn thao thức nghĩ về người ấy với nỗi trống vắng trong tim, nỗi cô đơn không bao giờ lấp đầy... ngay cả khi chết?

Bố tôi rời quân ngũ vào năm 1937 với trợ cấp thương binh. Năm ấy, quân đội càng lúc càng nhiều nhưng, có l ần, bố từng nói với tôi rằng một người chỉ có nửa con mắt cũng thừa sức nhìn ra chẳng chóng thì ch ầy, tất cả súng đạn sẽ được lôi ra khỏi kho chứa. Trong khoảng thời gian ấy, ông lên bậc trung úy, và ông mất g ần hết bàn chân trái vào l ần nọ, khi một cậu lính mới giật lựu đạn mà run như c ầy sảy, r ồi thay vì ném đi, người này lại lóng ngóng đánh rơi. Quả lựu đạn đã lăn đến chỗ bố tôi và nổ tung với một âm thanh mà theo như lời bố tôi nói, y như tiếng ho giữa đêm.

Ngày xưa, binh sĩ phải tập luyện với rất nhiều đạn dược hoặc là hồng hóc hoặc là bị bỏ xó quá lâu trong kho nên chẳng sử dụng được nữa. Đạn của họ bắn mãi chẳng ra, thỉnh thoảng, nếu đạn bắn được thì súng trường nổ tung trong tay. Hải quân phải sử dụng những quả ngư lôi nhắm bắn một

đăng, đi một nẻo, họa hoằn đi đúng hướng thì lại chẳng nổ. Lục quân Hoa Kỳ và Hải quân, Không quân có những chiếc máy bay rụng cả cánh trong trường hợp tiếp đất mạnh, tôi nghe nói vào năm 1939, ở Pensacola, sĩ quan hậu cần phát hiện một dây xe tải Chính phủ không chạy được vì gián đã gặm hết ống cao su và dây cu roa.

Vì thế mà bố tôi giữ được mạng (tất nhiên phải kể đến phần trở thành bề tôi trung thành Michael Hanlon) nhờ sự hòa trộn giữa nền chính trị rồ rịch quan liêu nhố nhăng và trang thiết bị kém. Lựu đạn chỉ nổ một nửa, thành thử bố tôi chỉ mất một phần bàn chân chứ không phải toàn bộ từ xương ức trở xuống.

Cũng nhờ khoản tiền trợ cấp thương binh mà bố có điều kiện kết hôn với mẹ sớm hơn một năm so với dự định. Hai ông bà không về Derry ngay mà chuyển đến Houston làm công nhân sản xuất đạn dược cho đến tận năm 1945. Bố làm đốc công trong nhà máy chế tạo vỏ bom. Mẹ thì chuẩn như hình tượng [Rosie cô thợ tán đinh](#). Nhưng như bố nói với tôi vào một đêm năm tôi mười một tuổi, suy nghĩ về Derry cứ “trở đi trở lại trong đầu bố”. Và giờ, tôi tự hỏi phải chăng khi đó, chính thế lực âm thầm ấy đã giật dây đằng sau – lôi kéo bố trở lại để tôi có thể dự phần vào vòng tròn ở Vùng Đất Cằn vào buổi tối tháng Tám ấy. Nếu vòng quay của tạo hóa cân bằng thì cái thiện luôn bù trừ cho cái ác - nhưng cái thiện vẫn có thể đầy nghiệt ngã.

Biểu tượng văn hóa của Mỹ trong Thế chiến thứ hai, đại diện cho những người phụ nữ làm việc trong nhà máy và xưởng đóng tàu hoặc các công việc thay thế cho những công nhân nam nhập ngũ.

Bố tôi đặt mua dài hạn tờ *Derry News*. Ông để mắt đến những quảng cáo bán đất vì bố mẹ cũng tích góp được chút của để dành. Cuối cùng, ông

tìm được một nông trại rao bán trông rất khả thi... chỉ ít trên báo thì là thế. Bố mẹ tôi lặn lội từ Texas, bắt xe buýt Trailways đến tận nơi xem rồi mua luôn trong ngày hôm ấy. Ngân hàng First Merchants Hạt Penobscot cho bố tôi vay thế chấp mười năm, và rồi bố mẹ tôi cầm dùi nơi ấy.

“Ban đầu cũng chật vật,” lần nọ bố tôi kể. “Một vài hàng xóm không muốn có dân da đen sinh sống trong khu. Bố mẹ biết trước tình hình sẽ như vậy – làm sao bố có thể quên chuyện về Điểm Đen kia chứ – nên cứ cắn răng chờ sóng gió qua đi. Đám con nít đi ngang qua suốt ngày ném đá và lon bia. Năm đầu tiên, chắc bố phải thay đến hai chục cửa sổ. Mà thủ phạm nhiều khi chẳng phải con nít nữa kìa. Một ngày nọ, sáng ra, bố mẹ phát hiện tường chuồng gà sơn [chữ Van](#), còn đàn gà đã chết thẳng cẳng. Có kẻ đã bỏ thuốc độc vào cám gà. Đó là những con gà cuối cùng mà bố gắng nuôi.

Ý chỉ chữ trên cờ Phát xít.

Những Cảnh sát trưởng cấp Hạt – ngày ấy không có Trưởng Cơ quan cảnh sát, Derry chưa đạt đến quy mô ấy – vẫn bắt tay vào vụ này và ông ấy làm rất có tâm. Đó là ý bố khi bố nói cái tốt và cái xấu tồn tại xen kẽ trên đời, Mikey ạ. Dù da bố màu nâu, tóc bố cứng quèo như rễ tre, nhưng với ông Sullivan, như thế cũng chẳng có gì khác biệt. Ông đích thân xuống cả năm, sáu lần, nói chuyện với mọi người và cuối cùng cũng truy ra thủ phạm. Và con nghĩ ai là kẻ gây ra trò ấy? Bố cho con đoán ba lần, hai lần đầu không tính!”

“Con chịu thôi,” tôi đáp lời ông.

Bố tôi phá ra cười đến chảy nước mắt. Ông lôi chiếc khăn mùi xoa màu trắng rất to ra khỏi túi để lau. “Trời ơi, còn ai ngoài Butch Bowers trờng khoai đất này! Bố của đứa trẻ mà con bảo bự con nhất và hay hiếp đáp bạn

bè ở trường đấy. Đúng là bố nào con nấy.”

“Có nhiều đứa ở trường bảo bố của Henry bị điên,” tôi kể cho ông. Nếu tôi nhớ không lầm, lúc ấy tôi học lớp Bốn – ở tuổi đấy, tôi đã bị Henry Bowers đá đít không biết bao nhiêu lần... và giờ nghĩ lại, tính ra hầu hết những lời lẽ xúc phạm như “mọi đen” hay “da đen” tôi nghe từ năm lớp Một đến tận năm lớp Bốn đều xuất phát từ miệng của Henry Bowers.

“Chà, để bố nói con nghe,” bố tôi nói, “người ta bảo Butch Bowers bị điên cũng không ngoa đâu. Người ta nói sau khi trở về từ Thái Bình Dương, hắn ta đã không bình thường rồi. Ngày xưa, hắn là lính thủy đánh bộ ở đấy. Tóm lại, khi bị cảnh sát trưởng bắt giam, Butch gào rống sự vụ này là gấp lửa bỏ tay người và tất cả chỉ là một đám yêu mọi đen.Ồ, hắn dọa kiện tất tần tật mọi người. Bố đoán hắn phải có một danh sách dài từ đây cho đến đường Witcham. Bố đồ rằng hắn còn chẳng có cái quần cộc nào lành lặn, nhưng hắn vẫn sẽ kiện bố, kiện Cảnh sát trưởng Sullivan, kiện cả thị trấn Derry, cả Hạt Penobscot và có Chúa mới biết còn tí tí người nào khác nữa.

Còn về những đi đâu xảy ra tiếp theo... chà, bố không chắc nó có tam sao thất bản hay không, nhưng bố nghe Dewey Conroy kể thế này. Dewey nói cảnh sát trưởng vào nhà tù bang Bangor gặp Butch. Cảnh sát trưởng Sullivan nói, ‘Đến nước này thì anh liệu thần hồn ngâm miệng lắng nghe đi, Butch. Cậu da đen kia không muốn khởi tố anh. Cậu ta không muốn tố anh vào Shawshank mà chỉ muốn bẫ thường thiệt hại cho đàn gà. Cậu ta nói chỉ cần hai trăm đô-la là đủ.’

Đáp lại lời của cảnh sát trưởng, Butch liền nói đừng mơ gã nhả ra hai trăm đô-la, nghe thấy thế, Cảnh sát trưởng Sullivan bèn nói với Butch: ‘Ở Shank có một mỏ voi tôi, Butch ạ, người ta kể với tôi làm việc ở đấy tần

hai năm, lưỡi ai cũng xanh lè xanh loét như kem chanh. Giờ thì cậu chọn đi. Hai năm đào vôi hay hai trăm đô-la. Cậu thấy thế nào?’

Butch bèn đáp, ‘Còn lâu hội thẩm đoàn mới kết tội tôi chỉ vì giết dăm ba con gà của thằng mọi đen.’

‘Tôi biết đi đâu đó,’ Sullivan trả lời.

‘Vậy chúng ta gân cổ lên cãi cái gì chứ?’ Butch hỏi.

‘Cậu liệu mà tỉnh táo đi, Butch. Họ không tổng giam cậu vì đàn gà, nhưng họ sẽ tổng giam cậu vì hình chữ Vạn cậu vẽ lên cửa chuồng sau khi giết gà.’

Chà, Dewey nói Butch lúc ấy chỉ biết há hốc mồm, còn Sullivan bỏ đi để hắn ta có thời gian suy nghĩ. Khoảng ba ngày sau, Butch nói em trai của hắn, cái người mà vài năm sau đó chết cồng khi đi săn lúc có hơi men trong người, bán chiếc xe Mercury mới cóng yêu quý mà hắn mua bằng tiền nhà nước trợ cấp cho binh lính trở về sau Thế chiến thứ hai. Thế là bố được hai trăm đô-la, và Butch thề sẽ thiêu sống bố. Hắn nói với bạn bè mình như vậy. Một chiều nọ, bố đụng mặt hắn. Hắn mua một chiếc Ford tiền chiến cũ để thay thế chiếc Mercury, còn bố thì lái xe bán tải. Bố chặn hắn trên đường Witcham, ngay sân ga rồi vác theo khẩu súng trường Winchester.

‘Mày còn quấy phá nhà tao nữa thì đừng trách một thằng da đen xấu tính cho mày ăn kẹo đường, đại ca,’ bố lừ giọng.

‘Tao cấm mày không được phát ngôn kiêu căng với tao, thằng mọi đen,’ hắn đáp, và trông mặt hắn như sắp bùng nổ đến nơi, nửa tức điên, nửa sợ hãi. ‘Tao cấm mày nói với người da trắng như vậy, một thằng mọi rợ như mày.’

Con biết không, Mikey, con giun xéo lắm cũng quắn. Và bố biết nếu lúc

ấy bố không dọa hấn mất mật, bố sẽ không đời nào có thể rũ bỏ được hấn. Khi đó, xung quanh chẳng có ai. Bố vươn tay vào trong chiếc Ford và nắm tóc hấn. Đoạn bố gác báng súng lên khóa thắt lưng và chìa nòng súng ngay dưới cằm hấn. Bố đe dọa, ‘Lần tới mày mà dám gọi tao là mọi đen này kia, nào mày sẽ chảy ròng ròng từ đèn xe xuống đấy. Tao nói được làm được, Butch ạ. Mày mà quấy phá nhà tao thì tao sẽ cho mày xơi kẹo đường. Có khi tao còn cho cả vợ con mày và thằng em ăn hại của mày xơi kẹo luôn thể ấy chứ. Tao tức nước thì vỡ bờ thôi.’

Nào ngờ, hấn òa lên khóc thật, và cả đời bố chưa bao giờ trông thấy cảnh tượng nào gớm ghiếc đến thế. ‘Trời ơi là trời, tại sao lại ra nông nổi này, giữa thanh thiên bạch nhật mà một thằng mọi... một thằng da... một kẻ lưu manh có thể dí súng vào đầu một người làm ăn lương thiện ngay bên vệ đường.’

‘Phải, thế gian này chắc sắp sửa trở thành địa ngục rồi nên việc như vậy mới xảy ra,’ bố đồng ý. ‘Nhưng đi đâu đó không quan trọng. Đi đâu quan trọng hiện tại là, chúng ta đã hiểu nhau chưa? Hay mày muốn kiểm tra xem mày có thể học cách hít thở qua trán không?’

Hấn đồng ý hai bên đã hiểu nhau, và rằng kể từ đây, nước sông không phạm nước giếng, có lẽ chỉ trừ lúc chú chó Mr Chips của con qua đời, nhưng bố không có bằng chứng liệu đó có phải là hành vi của Bowers hay không. Có khi Chippy ăn phải bả hay gì đấy.

Kể từ ngày hôm ấy, nhà mình được sống trong bình yên, và khi bố nhìn lại, bố không thấy hối hận con ạ. Nhà mình sống êm đềm, hạnh phúc nơi này, và đúng là thỉnh thoảng có những đêm bố vẫn nằm mơ thấy đám cháy ấy, nhưng suy cho cùng, chẳng ai sống trên đời này mà không mơ thấy đám ba cơn ác mộng cả.”

Ngày 28 tháng 02 năm 1985

Đã nhiều ngày trôi qua kể từ lúc tôi ng ỡ viết câu chuyện về trận cháy ở Điểm Đen theo lời kể của bố, và mấy hôm nay tôi chưa viết tiếp. Nếu tôi nhớ không lầm, một nhân vật trong *Chúa tể của những chiếc nhẫn* từng nói, “đường này lại dẫn tới ngã khác”; và rằng ta có thể bắt đầu ở một nơi khiêm nhường như bậc thềm trước nhà dẫn xuống vĩa hè, và từ đó ta có thể đi... chà, đến bất cứ nơi nào. Các câu chuyện cũng thế. Câu chuyện này lại dẫn tới câu chuyện khác, rồi câu chuyện khác nữa, khác nữa, chúng có thể đi theo hướng ta muốn, hoặc không. Và rồi cuối cùng, có lẽ giọng kể những câu chuyện ấy là thứ quan trọng còn hơn cả bản thân câu chuyện.

Hẳn nhiên, tôi nhớ như in giọng của bố: ông có một chất giọng trầm và chậm rãi, thỉnh thoảng ông lại cười khúc khích hoặc phá lên ha hả. Những khoảng nghỉ trong lúc ông châm tẩu hoặc xì mũi hay đứng lên lấy lon bia Narragansett (bố tôi hay gọi là Nhãn răng Gansett) từ thùng đá. Chất giọng ấy, chẳng hiểu sao đối với tôi lại là giọng của mọi giọng, giọng của bao tháng năm, giọng của vùng đất này – thứ giọng nói chưa bao giờ xuất hiện trong các bài phỏng vấn của Ives hay trong lịch sử nghèo nàn của thị trấn... hay trên bất cứ cuộn băng nào của tôi.

Giọng của bố.

Lúc này đã là 10 giờ tối, thư viện đã đóng cửa một tiếng trước, đâu đó ngoài kia, tay bọm già đang bắt đầu chơi thuốc. Tôi có thể nghe thấy tiếng những mảnh băng tuyết li ti đập vào cửa sổ ở đây và trong hành lang bằng kính nối với thư viện trẻ em. Tôi cũng có thể nghe thấy những âm thanh khác - tiếng cọt kẹt, cục cựa vụng trộm bên ngoài vòng ánh sáng mà tôi đang ng ỡ, viết lên tập giấy vàng kẻ sẵn. Tòa nhà này cũ rồi nên thế, tôi tự trấn an bản thân mình... nhưng rồi tôi không khỏi băn khoăn. Như tôi băn

khoản liệu đêm nay, đầu đó trong cơn bão ngoài kia, có một gã hề bán bóng bay không.

Thôi... bỏ qua đi. Tôi thấy tôi đã chuẩn bị xong tinh thần chấp bút ghi lại câu chuyện cuối cùng mà bố tôi kể rồi thì phải. Tôi được ông kể cho nghe khi ông nằm trên giường bệnh tám sáu tuần trước khi nhắm mắt xuôi tay.

Chiều nào cũng vậy, sau khi đi học về tôi lại cùng mẹ vào thăm bố, tối đến thì tôi đi một mình. Mẹ tôi phải ở nhà dọn dẹp, nhưng bà một mực bảo tôi vào với ông. Tôi tự đạp xe đi. Mẹ không để tôi đi nhờ xe ai, ngay cả khi đã bốn năm trôi qua kể từ lúc những vụ án mạng chấm dứt.

Sáu tuần ấy là khoảng thời gian nhọc nhằn cho một cậu bé chỉ mới lên mười lăm tuổi như tôi. Tôi rất thương bố, nhưng dần dà, tôi đâm ghét những chuyến thăm bệnh vào buổi tối – khi tôi phải chứng kiến ông rúm ró, run lẩy bẩy, phải nhìn những nếp nhăn in hằn trên khuôn mặt ông vì đau đớn. Nhiều lúc ông rơi nước mắt dù đã cố gắng kìm lại. Và khi tôi về nhà thì trời đã nhá nhem tối, tôi lại nghĩ về mùa hè năm 58, nó làm tôi sợ không dám nhìn lại đằng sau vì biết đâu gã hề có thể hiện ra... hoặc Người sói... hoặc xác ướp mà Ben trông thấy... hoặc con chim mà tôi quan sát được. Nhưng dù Nó mang hình dáng gì chẳng nữa, điều khiến tôi sợ nhất là Nó sẽ mang khuôn mặt cần cỗi vì ung thư của bố tôi. Thế là tôi guồng chân điên cuồng đạp xe, mặc kệ tim đập rộn trong lồng ngực, về đến nhà thì mặt đỏ bừng, tóc ướt mềm, thở hồng hộc, và thế nào mẹ tôi cũng hỏi, “Con làm gì mà phóng nhanh thế, Mikey? Con làm vậy cơ thể nào chịu nổi.” Và rồi tôi sẽ đáp, “Con muốn về kịp giờ để phụ mẹ làm việc nhà,” nghe thấy thế, mẹ sẽ ôm hôn tôi rồi khen tôi ngoan.

Thời gian càng trôi qua, càng lúc tôi càng không nghĩ ra được gì để trò

chuyện với bố. Trên đường đạp xe vào thị trấn, tôi sẽ nặn óc nghĩ sẵn chủ đề cho cuộc nói chuyện, nơm nớp lo sợ khoảnh khắc hai chúng tôi sẽ không còn gì để nói với nhau. Chứng kiến bố chết dần chết mòn, tôi vừa sợ vừa phẫn nộ, nhưng tôi còn xấu hổ nữa; ngày ấy, và đến tận bây giờ, tôi cho rằng khi một người đàn ông hay một người đàn bà từ già cỗi đời, việc ấy nên gấp rút cho xong. Căn bệnh ung thư không chỉ từ từ giết chết bố, nó còn bào mòn và hạ thấp ông.

Chúng tôi chẳng bao giờ nói về căn bệnh ung thư, nhưng trong một vài khoảng im lặng, tôi cảm thấy chúng tôi *buộc phải* nhắc đến nó, rằng sẽ chẳng còn gì để nói và hai bố con tôi sẽ mắc kẹt với nó như những đứa trẻ lâm vào thế không tìm được chỗ để ngồi trong trò chơi chiếc ghế âm nhạc lúc tiếng đàn piano dừng lại, những lúc ấy, tôi gần như hoảng loạn, cố nghĩ ra cho bằng được – bất cứ đi đâu gì! – để nói, bởi như vậy, chúng tôi không phải chấp nhận sự hiện diện của thứ đang phá hủy bố tôi, vị quân tử từng nắm tóc Butch Bowers và dí súng vào cằm đối phương, yêu cầu Butch để ông được yên. Chúng tôi sẽ buộc phải nói về nó, mà thế nào tôi cũng khóc lúc bàn đến chủ đề ấy. Tôi sẽ không tìm được. Ở cái tuổi mười lăm, tôi cảm thấy việc rơi lệ trước mặt bố thật đáng sợ và áp lực nhất trần đời.

Chính trong những khoảng ngừng đan xen ghê sợ ấy, tôi lại hỏi bố về trận cháy ở Điểm Đen. Đêm ấy, người ta tiêm cho ông rất nhiều thuốc giảm đau vì cơn đau của ông quằn quại quá, đầu óc ông lúc mê lúc tỉnh, thỉnh thoảng ông nói tròn vành rõ chữ, thỉnh thoảng ông ú ớ thứ tiếng lạ lùng mà tôi đặt tên là Bùn mộng. Nhiều khi, tôi biết bố đang nói chuyện với tôi, nhưng lắm lúc dường như ông nhàn tôi với chú Phil. Không phải tôi có lý do đặc biệt nên mới hỏi ông về Điểm Đen; chỉ đơn giản là nó nhảy vào đầu tôi và tôi chớp lấy nó.

Với đôi mắt sắc sảo, ông khẽ cười, “Con nhất quyết không chịu quên chuyện này thì phải, Mikey nhỉ?”

“Dạ vâng,” tôi đáp và mặc dù chừng ba năm có lẽ, tôi chưa lần nào nghĩ về nó, tôi để thêm câu mà bố tôi đôi lúc hay nói: “Con không tài nào gạt nó ra khỏi tâm trí mình được.”

“Chà, vậy thì bây giờ, bố sẽ kể cho con,” ông nói. “Bố đoán mười lăm là độ tuổi đủ lớn rồi, và mẹ con không có ở đây để ngăn cản bố. Hơn nữa, đây là chuyện mà con nên biết. Bố nghĩ chuyện như vậy chỉ có thể xảy ra ở Derry mà thôi, và con cũng cần phải biết điều đó. Biết để còn phòng thân. Nơi này dường như luôn hội tụ đủ thiên thời địa lợi cho những tai ương như thế. Con phải cẩn trọng, được chứ, Mikey?”

“Dạ, vâng,” tôi đáp.

“Tốt lắm,” bố tôi nói, đầu ông yên vị trở lại trên gối. “Thế là tốt lắm.” Tôi tưởng bố tôi sắp sửa trôi vào cơn mê lần nữa – đôi mắt ông đã nhắm lại – nhưng không, ông bắt đầu kể.

“Lúc bố hoạt động trong căn cứ quân sự ở nơi này vào năm 29 và 30, có một quán tên NCO Club ở trên đường, ngay chỗ Cao đẳng Cộng đồng Derry tọa lạc bây giờ. Nó nằm ngay sau Trạm bán hàng Quân đội, nơi ngày trước ta có thể mua một cây thuốc lá Lucky Strike xanh với giá bảy xu. NCO Club chỉ là một gian nhà rất rộng, cũ kỹ dựng bằng tôn tháo lắp được, nhưng người ta tu sửa nội thất bên trong tươm tất – sàn trải thảm, bàn kê dọc tường và một máy hát tự động - và đến cuối tuần, khách khứa sẽ được phục vụ nước ngọt... *nếu như* họ là người da trắng. Tối thứ Bảy có ban nhạc biểu diễn, thành thử nơi này là một điểm đến miễn chê. Quầy chỉ phục vụ nước ngọt có ga do Luật cấm rượu, nhưng bố nghe bảo ta có thể gọi đồ uống nặng hơn nếu muốn... và nếu có ngôi sao xanh nho nhỏ trên

thẻ quân đội. Nôm na đó là dấu hiệu bí mật mà họ ngầm hiểu với nhau. Hầu hết là bia nhà ủ, nhưng vào dịp cuối tuần, khách đến có thể thưởng thức những thức uống nặng đô hơn. Nếu họ là người da trắng.

Tất nhiên, Đại đội E bọn bố không được phép bén mảng đến gần đó. Vì vậy, khi nào được nghỉ vào buổi tối, bọn bố lại mò xuống thị trấn. Ngày ấy, Derry vẫn còn là một thị trấn phát triển nhất mảng khai thác gỗ, có khoảng tám hay mười quán bar, hầu hết quy tụ ở khu vực được gọi với cái tên Nửa mẩu Địa ngục. Các quán bar này không phải dạng quán sang chảnh nơi khách khứa đi nhẹ nói khẽ để mua rượu trái phép; còn lâu mới được như vậy. Ở đó, người ta ồn ào như chợ vỡ. Nó là dạng quán bar mà dân tình gọi là “lợn túy lúy”, mà đi đâu đó cũng chuẩn, bởi hầu hết khách khứa đến đây cư xử như những con lợn khi ở trong quán và túy lúy sau khi bước ra. Cảnh sát trưởng và các cảnh sát thừa biết đi đâu đó, nhưng những nơi này vẫn ồn ã cả đêm, giống như cái thời hoàng kim của hoạt động khai thác gỗ vào thập niên 1990. Bố đoán chắc cũng có đút lót gì đấy, nhưng có lẽ không nhiều như con nghĩ đâu; ở Derry, người ta biết cách ngó lơ chỗ khác. Nhiều chỗ phục vụ đồ uống nặng đô và bia, theo như những lời nhận xét mà bố từng nghe, đồ uống con có thể mua trong thị trấn ngon gấp mười lần thứ rượu whiskey bào dậ dày và thứ rượu nhăng nhố kém chất lượng phục vụ ở NCO vào tối thứ Sáu, thứ Bảy. Rượu trong thị trấn được vận chuyển bằng xe chở gỗ qua biên giới từ Canada, hầu hết trên nhãn ghi gì thì bên trong chứa thứ đó. Rượu ngon rất đắt tiền, nhưng đồng thời có rất nhiều thứ dầi đốt lò, uống vào sẽ khiến ta choáng váng dù không chết, và nếu ta *túy lúy* thì cũng không quá lâu. Đêm nào cũng vậy, ta phải chú ý cúi đầu khi chai lọ bay tứ tung. Ở Nan's, Thiên Đường, Wallys Spa, Đồng Đô-la Bạc hay quán bar Powderhorn, thỉnh thoảng ta có thể kiếm được gái

điểm.Ồ, thật ra ta có thể vô đại một phụ nữ nào đấy ở các quán lợn túy lúy, dễ như trở bàn tay không ít cô gái muốn thử xem lát bánh mì lúa mạch đen có gì khác biệt hay không nhưng đối với những cậu thanh niên như bố, Trevor Dawson và Carl Roone, hai bằng hữu của bố ngày ấy, việc ăn bánh trả tiền- với một cô điểm da trắng - là điều ta phải nghĩ xuống và suy xét.”

Như tôi có nói, đêm ấy bố tôi phải dùng rất nhiều thuốc giảm đau. Bởi nếu không nhờ thuốc, tôi không nghĩ ông sẽ nói những chuyện thế này với cậu con trai mới mười lăm tuổi của mình.

“Chà, chẳng bao lâu sau, đại diện từ Hội đồng thị trấn xuất hiện, muốn gặp Thiếu tá Fuller. Người đại diện cho hay ông muốn bàn về ‘một số vấn đề giữa dân cư thị trấn và binh lính’ và ‘lo ngại của cử tri’ cũng như ‘nghĩ ngờ về sự đúng mực’, nhưng đi đầu mà ông ta muốn Fuller biết thì rõ như ban ngày. Họ không muốn có bất cứ tay lính da đen nào bước vào quán lợn làm phiền các phụ nữ da trắng và uống rượu trái phép – ở nơi mà chỉ người da trắng mới được quyền nhả nha nhấm nháp rượu trái phép.

Rõ là một tấn hề Những bóng hồng trắng e ấp mà họ lo ngại hầu hết chỉ là những cô xấu ma chê quỷ hờn, còn chuyện làm khách khứa chướng mắt...! Chà, tất cả những gì bố có thể nói là bố chưa lần nào thấy một thành viên của Hội đồng thị trấn Derry xuất hiện ở Đồng Đô-la bạc hay Powderhorn. Phần đông khách khứa ở quán xá dạng này là thợ xẻ gỗ, khoác trên mình những chiếc áo khoác ca-rô đen đỏ to đùng, tay chì chì sọc mới sọc cũ, nhiều người chột mắt này, cụt ngón tay kia, tất cả đều rụng gân hết răng, ám mùi gỗ, mùi mùn cưa và nhựa cây. Họ mang quần ống loe xanh, mang ủng cao su cũng xanh, tuyết dưới chân nhoe nhoét ra sàn nhà cho đến khi chuyển thành màu đen thui. Mùi cơ thể họ sục nức, Mikey ạ, họ ăn to nói lớn. Tướng người như hộ pháp. Có đêm nọ, bố đến Wally’s

Spa thì trông thấy một gã làm tay áo rách toạc khi chơi vật tay với một gã khác. Chắc con nghĩ ý bố là chiếc áo chỉ bị bụi ra chứ gì, nhưng không phải thế. Cánh tay áo của gã này thiếu đi đầu nổ tung - nó bay tả tơi thành mảnh từ tay hắn ta con ạ. Mọi người hò reo, hoan hô, và ai đó vỗ lên lưng bố và nói, ‘Cái này gọi là đánh rắm của dân vật tay đấy, cậu da đen.’

Đi đâu bố muốn nói với con là những người đàn ông kia đã ra khỏi rừng, đến lợn tủy lủy vào những tối thứ Sáu và thứ Bảy để uống whiskey và mây mưa với đàn bà thay vì sóc lợn với những cái lỗ trên thân gỗ trét đầy mỡ heo, nếu họ không muốn bọn bố có mặt ở đấy, họ dư sức ném bọn bố ra ngoài. Nhưng con biết không, Mikey, họ chẳng buồn để tâm.

Đêm nọ, có một gã kéo bố ra góc - gã ấy phải cao đến mét tám, mà ngày ấy như thế là to cao lắm, xỉn quắc cần câu, người nằng nặc như gió đào để cả tháng trời. Nếu anh ta chui ra khỏi bộ đồ, khéo bộ đồ còn cứng quèo tự đứng được ấy chứ. Anh ta nhìn bố và hỏi, ‘Thưa quý anh, tớ xin hỏi anh một thứ. Anh có phải một người da đen không?’

‘À phải,’ bố đáp.

['Commen' ça va!'](#) Anh này nói với bố bằng tiếng Pháp, giọng vùng Thung lũng Saint John, nghe y như người Cajun, đoạn nở nụ cười rộng đến độ bố trông thấy đủ cả bốn cái răng. ‘Tôi biết ngay mà! Ủi chà! Tôi từng nhìn thấy trong sách rỗi! Có cái...’ Không biết làm thế nào để diễn tả ý mình, gã với tay đến vỗ vào miệng bố.

Tương đương với câu “How are you!” trong tiếng Anh.

‘Cặp môi dày,’ bố nói.

‘Chuẩn, chuẩn!’ Anh ta nói và cười như trẻ con. ‘Cặp môi dày! *Épais lèvres!* Cặp môi dày! Để tôi mời anh cốc bia!’

‘Anh cứ tự nhiên,’ bố đáp, không muốn làm phật ý đối phương.

Anh ta phá lên cười rồi vỗ vào lưng bố – suýt chút nữa làm cho bố ngã đập mặt – và lách người đến quầy rượu bằng gỗ có chừng bảy chục người đàn ông và khoảng mười lăm người phụ nữ đang tụ tập. ‘Cho tôi hai cốc bia kéo tôi cho chỗ này tanh bành bây giờ!’ Anh ta hét lên với nhân viên pha chế, một người to cao lực lưỡng với cái mũi gãy có tên là Romeo Dupree. Một cốc cho tôi và một cốc *[pour l'homme avec les épais lèvres!](#)*’ Nghe thấy thế, tất cả cùng phá lên cười nắc nẻ, nhưng nụ cười không mang chút gì là mỉa mai, Mikey ạ.

Một cốc cho tôi và một cốc cho anh môi dày.

Anh ta lấy bia, đưa cho bố một cốc và nói, ‘Quý anh tên gì nhỉ? Tôi không muốn gọi quý anh là Môi Dày đâu. Nghe kỳ cục lắm.’

‘Tôi tên William Hanlon,’ bố đáp.

‘Chà, nâng cốc vì anh nào, anh William Hanlon,’ anh ta nói.

‘Không, nâng cốc vì anh mới phải,’ bố sửa lại. ‘Anh là người da trắng đầu tiên mua nước cho tôi.’ Mà thật là thế.

Thế rồi bọn bố uống cạn hai cốc bia đó, gọi thêm hai cốc nữa, sau đó anh ta lên tiếng ‘Anh có chắc anh là dân da đen không đấy? Ngoại trừ cặp môi *épais* kia, tôi thấy anh trông y như một người da trắng nhưng có da nâu thôi.’

Kể đến đây, bố tôi phá lên cười, và tôi cũng thế. Ông cười nhiều đến độ bụng đau quặn lên, buộc ông phải ôm bụng, nhăn nhó, mắt trợn ngược, răng trên cắn vào môi dưới.

“Bố muốn con bấm chuông gọi y tá không?” Tôi sốt ruột hỏi.

“Không... không sao. Bố khỏe ngay ấy mà. Điều t ấ tệ nhất khi bệnh tật thế này, Mikey ạ, là không thể thoải mái cười dù có muốn đi chẳng nữa.

Mà năm thì mười họa bố mới muốn cười.”

Bố tôi lặng thinh hồi lâu, và tôi nhận ra đó là lần duy nhất hai bố con tôi đã động đến thứ đang giết chết bố. Có lẽ nếu hai bố con trao đổi nhiều hơn về nó, mọi thứ đã tốt hơn – tốt hơn cho cả hai bố con.

Bố tôi nhấp một ngụm nước rồi nói tiếp.

“Nói chung, kẻ muốn tống khứ bọn bố ra khỏi đó không phải một vài phụ nữ đến đó, hay những người làm nghề dọn gỗ, vốn là thành phần khách hàng chủ chốt. Kẻ muốn làm việc đó là năm lão già ở Hội đồng thị trấn cảm thấy chướng tai gai mắt, họ cùng chục lão phía sau – dàn cán bộ già của Derry, con biết rồi đấy. Không ai trong số họ từng bước một bước vào Thiên Đường hay Wallys Spa, họ rượu chè ở những địa điểm mà ta phải là thành viên mới được uống, những quán ngày ấy tọa lạc ở Derry Heights, nhưng họ muốn các cô gái cũng như các anh làm nghề gỗ kia không bị đám binh sĩ da đen của Đại đội E làm cho ô tạp.

Vậy nên, Thiếu tá Fuller nói, ‘Ngay từ đầu, tôi đã không muốn họ có mặt ở đây. Tôi luôn nghĩ có sai sót gì đó và chẳng mấy chốc họ sẽ bị đi đâu trở lại xuống miền Nam hoặc đến New Jersey.’

‘Đó không phải việc của tôi,’ tay này đáp. Nếu bố nhớ không lầm thì tên hắn là Mueller...”

“Bố của Sally Mueller phải không ạ?” Tôi giật mình hỏi. Sally Mueller học chung lớp với tôi.

Bố tôi khẽ nhếch mép cười chua chát. “Không, đó chắc là bác của cô bé. Thời điểm đó, bố Sally Mueller đang rời thị trấn để học đại học. Nhưng nếu ông ta có mặt ở Derry lúc ấy, bố đoán chắc ông ta cũng sẽ đến đó chung với anh trai mình. Và trong trường hợp con tự hỏi đoạn này của câu chuyện thật bao nhiêu phần thì bố chỉ có thể nói đoạn hội thoại được

Trevor Dawson kể lại cho bố, lúc ấy cậu ta đang lau dọn sàn trong văn phòng sĩ quan thì nghe thấy.

‘Chính phủ đi đầu động nhóm lính da đen đi đâu là vấn đề của anh, không phải tôi,’ Mueller trả lời Thiếu tá Fuller. ‘Vấn đề của tôi là anh để họ đi đâu vào tối thứ Sáu và thứ Bảy. Nếu họ cứ tiếp tục xuống phố làm loạn lên thế này, thế nào cũng có vấn đề xảy ra. Anh biết ở thị trấn này có Binh đoàn hoạt động mà.’

‘Chắc, nhưng tôi đang lâm vào thế kẹt, ông Mueller,’ thiếu tá đáp. ‘Tôi không thể để họ uống ở NCO Club. Nó không chỉ trái quy định về việc lính da đen không được uống với lính da trắng, mà họ còn không được phép làm thế. Quán này dành cho các hạ sĩ quan, ông không thấy sao? Còn các cậu lính da đen kia đều thuộc hàng binh bét.’

‘Đó cũng chẳng phải việc của tôi. Tôi chỉ mong anh sớm giải quyết vấn đề này. Trách nhiệm đi kèm với cấp bậc đấy.’ Đoạn ông ta bỏ đi.

“Thế là Fuller giải quyết vấn đề Ngày ấy, Căn cứ Quân đội Derry bao la đất, dù bên trên chẳng có gì nhiều. Tính tổng phải đến hơn bốn mươi héc-ta. Phía bắc của mảnh đất trải dài đến ngay phía sau Tây Broadway, nơi người ta trồng một vành đai xanh. Vị trí của công viên Tưởng niệm hiện giờ chính là nơi ngày xưa Điểm Đen từng tọa lạc.

Khi sự vụ này diễn ra, chỗ đó là một nhà kho cũ được trưng thu vào đầu năm 1930, nhưng Thiếu tá Fuller tập hợp toàn bộ Đại đội E và bảo bọn bố rằng nó sẽ trở thành quán ‘riêng’ của bọn bố. Ông ấy hành xử như thể mình là [Cha Warbucks](#) hay gì đấy, hoặc có khi ông ấy cảm thấy như thế thật khi ban cho đám binh bét da đen bọn bố một chốn riêng dù nó chỉ là một cái kho chứ chẳng có gì ghê gớm. Đoạn ông tỉnh bơ để thêm rằng bọn bố không được bén mảng đến các quán dưới phố.

Một nhân vật hư cấu trong bộ truyện tranh Lille Orphan Annie.

Bọn bố nghe mà ghen hòng, nhưng có thể làm gì kia chứ? Suy cho cùng, bọn bố chỉ là con đen. Thế rồi một cậu binh nhất trẻ tuổi tên là Dick Hallorann, phụ trách nhà ăn quân đội, gợi ý nếu bỏ công sức ra, bọn bố có thể sửa sang nó tươm tất.

Thế là mọi người bắt tay vào làm. Dốc toàn tâm toàn ý. Và nhìn tổng thể thì kết quả thu được rất mỹ mãn. Lần đầu tiên cả đám bước vào nhà kho để xem xét tình hình, ai nấy đều xuống tinh thần. Nó vừa tối, vừa hôi, đầy đồ đạc cũ, la liệt thùng đựng hồ sơ mốc meo. Chỉ có hai cửa sổ bé như mắt muỗi và thậm chí còn chẳng có điện. Sàn nhà thì là sàn đất. Bố còn nhớ Carl Roone cười cay đắng nói: ‘Thiếu tá cứ như hoàng tử tốt bụng ấy nhỉ? Cho chúng ta quán riêng cơ đấy. *Chuẩn thật!*’

Còn George Brannock, thành viên cũng thiệt mạng trong trận cháy mùa thu năm ấy, nhận xét: ‘Ờ, đúng chuẩn điếm đen rồi.’ Và cái tên ấy gắn liền từ đấy.

Sau một thời gian, các thành viên còn lại đều góp sức. Bị cấm không được lui tới các quán ở Derry, bọn bố cũng chẳng còn cách nào khác. Cả đám gõ búa, đóng đinh, dọn dẹp. Trev Dawson là một tay thợ mộc nghiệp dư khá khảm, cậu ấy chỉ bọn bố cách cắt thêm cửa sổ dọc tường, và cũng may có Alan Snopes nghĩ ra ý tưởng lắp các tấm kính khác màu – trông vừa lai thủy tinh màu vừa lai loại kính ta hay thấy trên cửa sổ nhà thờ.

‘Anh lấy đâu ra thế?’ Bố tò mò hỏi. Alan lớn tuổi nhất trong nhóm, gần bốn mươi, đủ già dặn để cả bọn đặt cho cái tên Tía Snopes.

Anh ấy đặt điếu Camel vào miệng và nháy mắt với bố. ‘Trung thu Nửa đêm,’ anh đáp gọn lỏn và không nói gì thêm.

“Kết cục là quán được chỉnh trang đẹp hẳn lên, và đến giữa mùa hè thì

đi vào hoạt động. Trev Dawson cùng một số tay lính ngăn gian phía sau của quán r ỗ dựng một nhà bếp nhỏ ở đó, cũng chỉ đơn giản với bàn nướng, vài bếp chiên ngập dầu để ai muốn thì có thể chuẩn bị thịt và chút khoai tây chiên. Có quầy bar dọc tường nhưng chỉ phục vụ sô-đa và các món nước như Virgin Mary - chắc, bọn bố biết thân biết phận mà. Chẳng phải bọn bố đã được dạy cho đấy sao? Nếu muốn bù khú thì phải bù khú trong bóng tối.

Sàn nhà vẫn là sàn đất, nhưng bọn bố đổ dầu xuống để ngăn bụi. Trev và Tía Snopes bắt đường điện – bố đoán chắc lại Trung thu Nửa đêm ở đâu đó. Đến tháng Bảy, mọi người có thể đến đó vào các tối thứ Bảy, ng ời nhâm nhi cô-ca và ăn hamburger – hoặc bánh mì kẹp xúc xích và xà lách. Không gian khá được. Tuy nó chưa được hoàn thiện trọn vẹn – bọn bố vẫn tiếp tục nâng cấp cho đến thời điểm bị trận cháy thiêu rụi. Nó trở thành thú tiêu khiển... hoặc cách mà bọn bố thể hiện thái độ khinh khi đám người Fuller, Mueller và Hội đồng thị trấn. Nhưng bố đoán bọn bố biết nơi đây thuộc về cả đám vào tối thứ Sáu khi Ev McCanslin và bố treo tấm biển ĐỀ ĐIỂM ĐEN và ĐẠI ĐỘI E CÙNG QUAN KHÁCH ngay bên dưới. Như thế bọn bố vô cùng đặc biệt, con hiểu không!

Trông Điểm Đen khang trang đến độ các cậu lính da trắng cũng bắt đầu bàn ra tán vào, và đi đầu tiếp theo là NCO của nhóm da trắng bắt đầu được tân trang hơn hẳn ngày trước. Họ thêm một phòng lounge đặc biệt và một gian cà phê nhỏ. Như thế họ muốn chạy đua cho bằng được vậy. Nhưng bọn bố không ham đắm đầu vào cuộc đua ấy.”

Bố mỉm cười với tôi từ giường bệnh.

“Ngày ấy, bọn bố còn trẻ người, trừ Snopesy, song bọn bố không non dạ. Bọn bố biết khi nhóm lính da trắng để con chạy đua với họ, nhưng nếu

con có vẻ chiếm thế thượng phong thì bỗng bất thành linh, ai đó sẽ bẻ gãy chân con để con không chạy nhanh được nữa. Bọn bố có thứ mình muốn, vậy là đủ rồi. Nhưng rồi... có chuyện xảy ra.” Bố tôi lặng thinh, đôi mày chau lại.

“Là chuyện gì vậy bố?”

“Bọn bố phát hiện trong nhóm có một ban nhạc jazz rất đỉnh,” ông chậm rãi nói. “Martin Devereaux, vốn là hạ sĩ, chơi trống. Ace Stevenson chơi kèn cornet. Tía Snopes chơi piano kiểu ứng tấu ở mức tương đối. Anh ấy không chơi quá giỏi, nhưng cũng không quá tệ. Có thêm một cậu thổi clarinet, George Brannock thổi kèn saxophone. Ngoài ra thỉnh thoảng trong cả bọn lại có người tham gia chơi ghi-ta hay harmonica hay đàn hạc miệng hoặc có khi chỉ là lược quấn giấy sấp.

Chắc con cũng hiểu không phải ngày một ngày hai mà mọi thứ xong xuôi, nhưng đến cuối tháng Tám, Điểm Đen đã có một ban nhạc Dixieland nhỏ nhưng có võ chuyên chơi nhạc vào tối thứ Sáu và thứ Bảy. Qua mùa thu, ban nhạc chơi càng lúc càng hay, và dù họ không chơi hay tuyệt – bố không muốn con hiểu lầm – cách họ biểu diễn vô cùng khác biệt... rất thu hút... nói sao nhỉ...” Bố tôi vẩy bàn tay tro xương trên tấm khăn trải giường.

“Họ chơi bùng cháy,” tôi ướm lời với nụ cười rộng mở.

“Chính xác!” Bố tôi cảm thán và cười đáp lại. “Con nói quá chuẩn! Họ chơi Dixieland rất bùng cháy. Và đi đầu tiếp theo xảy ra là người dân ở thị trấn bắt đầu đến quán của bọn bố. Thậm chí một số lính da trắng từ căn cứ cũng xuất hiện. Cứ đến cuối tuần là quán lại đông như mắc cửi. Nhưng đi đầu đó cũng không xảy ra ngay lập tức. Mới đầu, những gương mặt da trắng trông chẳng khác nào muối rắc trong lọ tiêu, rồi dần dà, thời gian trôi

qua, càng nhiều người kéo đến.

Khi khách da trắng đến cũng là lúc bọn bố nói lỏng cảnh giác. Họ mang theo rượu riêng đựng trong túi nâu, hầu hết thuộc loại thượng hạng nhất có thể – khiến những món con có thể uống ở quán lợn tủy lúy dưới phố chẳng khác nào nước ngọt có ga. Ý bố ở đây là rượu của những nơi sang trọng đấy, Mikey ạ. Rượu của dân giàu sang. Chivas. Glenfiddich. Loại sâm panh họ phục vụ cho hành khách của toa hạng nhất trên những con tàu hàng hải. ‘Champer’, nhiều người trong số họ gọi như thế, giống cách ta hay gọi những con la cứng đầu cứng cổ ở nhà. Đáng lý ra bọn bố phải tìm cách ngăn chặn, nhưng bọn bố không biết làm sao. Họ là cả thị trấn! Trời ơi, họ là *dân da trắng*!

Và như bố nói, ngày ấy bọn bố còn là thanh niên và bọn bố vô cùng tự hào trước thành tựu ấy. Bọn bố đã đánh giá thấp thế nào là họa vô đơn chí. Cả đám đều biết Mueller và bè lũ hắn ta hẳn nắm rõ tình hình đang xảy ra, nhưng bố nghĩ không ai trong bọn bố nhận ra bọn họ đang điên tiết – và bố nói theo nghĩa đen đấy: lũ chúng như *phát điên*. Họ ở trong những căn nhà xây theo kiểu Victoria bề thế ở Tây Broadway, cách chỗ *bọn bố* chưa tới bốn trăm mét, nghe những bài hát như ‘Điệu Blue của dì Hagar’ hay ‘Tôi đi đào khoai’ vang lên bên tai. Như thế đã đủ tệ rồi. Nhưng biết đám thanh niên dân mình cũng dự phần ở đấy, tụ tập bù khú bên đám dân da đen còn tệ hơn bội phần. Bởi đến cuối tháng Chín, đầu tháng Mười, không chỉ thợ đốn gỗ và gà móng đỏ đến quán. Cả thị trấn râm ran về nơi đây. Nam thanh nữ tú đến uống và nhảy nhót trên nền điệu nhạc của ban nhạc jazz vô danh tới tận 1 giờ sáng, lúc quán phải đóng cửa. Khách khứa không chỉ đến từ Derry, mà từ cả Bangor, Newport, Haven, Cleaves Mills, Old Town cùng tí ti thị trấn dọc theo những nơi này. Con có thể bắt gặp những cậu sinh

viên từ Đại học Maine ở Orono rộn ràng nhảy nhót với các cô bạn gái của mình, và khi ban nhạc học được cách chơi ‘Bài ca Maine Stein’ theo phong cách *ragtime*, các cô cậu ấy nhảy muồn banh nóc. Tất nhiên, đây vẫn là địa điểm dành cho dân nhà binh – chí ít trên danh nghĩa là thế – và những công dân không có vé mời sẽ không được lui tới. Nhưng thực tế là bọn bố mở cửa từ 7 giờ tối đến 1 giờ sáng. Đến giữa tháng Mười, quán đông đúc đến mức nếu con bước ra sàn nhảy, con sẽ đứng hông kê sát hông với sáu người khác. Chẳng có chỗ mà nhảy nữa, nên khách khứa chỉ còn cách đứng đó mà đung đưa... chẳng biết có ai khó chịu hay không, chứ bố chưa nghe ai phàn nàn cả. Đến nửa đêm, cả quán chẳng khác nào toa tàu chở hàng rỗng không lắc lư, chao đảo trên tuyến tàu tốc hành.”

Bố tôi ngừng nói, uống ngụm nước và tiếp tục kể. Lúc này, mắt ông sáng bừng.

“Chà chà. Rồi chẳng sớm thì muộn cũng đến thời điểm Fuller đặt dấu chấm hết cho việc này. Nếu sớm hơn thì đã ít người phải mất mạng. Tất cả những gì họ phải làm là đi đầu quân cảnh đến đây tịch thu toàn bộ chai rượu mà khách khứa tự mang đến. Thế là quá đủ – hay nói đúng hơn là tất cả những gì hần ta muốn. Đi đầu đó thừa sức khiến bọn bố dẹp tiệm ngay và luôn. Có lẽ bọn bố sẽ phải ra tòa án quân sự, vài người sẽ bóc lịch ở Rye, còn lại bị đi đầu đi nơi khác. Nhưng Fuller lại lèm ề quá. Bố đoán ông ta sợ đi đầu mà một vài người bọn bố cũng sợ – rằng sẽ có nhiều người dân trong thị trấn nổi điên. Mueller chưa quay lại gặp ông ta, và bố nghĩ Thiếu tá Fueller cũng sợ xuống thị trấn và đụng mặt Mueller. Fuller được cái thiên hô bát sát nhưng sống lưng hần ta chẳng khác gì sống lưng con sứa.

Do vậy, họ chẳng dàn dựng được màn kịch nào để chấm dứt sự vụ này, từ đó cứu mạng những người chết cháy đêm ấy, thay vào đó, Binh đoàn Lễ

nghe là kẻ ra tay. Đầu tháng Mười một năm ấy, bọn chúng xuất hiện với những tấm áo trắng và tự tổ chức bữa tiệc thịt nướng cho mình.”

Dứt lời, bố tôi lại lặng thinh, lần này ông không nhấp ngụm nước nào mà chỉ trằn mắt nhìn về phía góc phòng, trong lúc tiếng chuông bên ngoài khe khẽ vang lên, một y tá bước ngang qua cửa, gót chân kim kít nghiến trên sàn nhà. Tôi nghe thấy tiếng ti vi và tiếng ra-đi-ô từ đâu đó vẳng lại. Tôi còn nhớ tôi nghe thấy cả gió rít ngoài kia, hun hút thổi qua tòa nhà. Và dù lúc ấy đã là tháng Tám, chẳng hiểu sao tiếng gió nghe lạnh lẽo đến thế. Nó chẳng buồn để tâm *100 giang hồ của Cain* đang chiếu trên ti vi hay Four Seasons đang réo rắt bài “Bước chân quân tử” trên ra-đi-ô.

“Trong đám bọn chúng, một số kẻ bước qua vành đai xanh giữa căn cứ và Tây Broadway,” cuối cùng, ông lên tiếng. “Hắn chúng đã tập hợp ở nhà một kẻ nào đó, có lẽ là dưới tầng hầm để choàng áo và chuẩn bị đuốc.

Bố nghe kể bọn chúng đi thẳng đến căn cứ giáp đường Ridgeline, tức cổng chính dẫn vào căn cứ ngày ấy. Bố nghe nói - dù bố sẽ không nói bố đã nghe từ ai - chúng đến trong một chiếc Packard mới tinh, mặc đồ trắng với mũ yêu tinh cũng màu trắng nốt xếp trong lòng và đuốc để trên sàn. Đuốc là gậy bóng chày Louisville Slugger với những vòng vải bố to quấn quanh thân gậy bằng miếng đệm bằng cao su đỏ, loại mà các bà các mẹ hay dùng khi làm mút trái cây ấy. Có một chốt canh chỗ đường Ridgeline cắt với đường Witcham và dẫn vào căn cứ, và lính gác cho chiếc xe Packard đi qua ngay.

Hôm ấy là tối thứ Bảy, quán đông như mắc cửi, người ra người vào tấp nập. Chắc phải có 200 đến 300 người ở đó cũng nên. Và rồi những người da trắng ấy xuất hiện, chừng sáu hoặc tám người trên chiếc xe Packard màu lục vỏ chai, ngoài ra còn một toán khác băng qua rừng cây ngăn cách

giữa căn cứ và những ngôi nhà xinh xắn ở Tây Broadway. Bọn chúng đều đã luống tuổi, và thỉnh thoảng bố tự hỏi không biết ngày hôm sau, bao nhiêu kẻ trong số bọn chúng bị đau thắt ngực và loét chảy máu. Bố chỉ mong chúng bị nhồi vào. Lũ khốn khiếp lén lút giết người không gớm tay ấy.

Chiếc Packard đậu trên vỉa hè và nháy đèn hai lần. Chừng bốn kẻ bước ra, tập hợp với toán người còn lại. Một vài kẻ xách thùng xăng bảy lít mà ngày ấy ta có thể mua ở trạm xăng. Tất cả bọn chúng đều cần theo đuốc. Một kẻ ngồi sau bánh lái chiếc Packard. Mà con biết không, Mueller có xe Packard. Phải, lão ta có một chiếc màu xanh.

Bọn chúng tập trung ở phía sau Điểm Đen và tầm xăng vào đuốc. Có lẽ chúng chỉ định bụng hù bọn bố sợ thôi. Bố nghe ý kiến trái chiều nhưng cũng nghe ý kiến như thế. Thà bố nghĩ theo hướng ấy còn hơn, vì bố không đủ sức nghĩ theo hướng xấu nhất.

Có thể xăng đã chảy xuống tay cầm của một số ngọn đuốc, thành thử khi châm đuốc, những kẻ cần đuốc phát hoảng ném bừa nó đi. Dù sao đi nữa, buổi tối tháng Mười một năm ấy bỗng rực sáng với những ngọn đuốc. Vài kẻ giơ đuốc lên cao, vung tứ tung, những mảnh vải bạt bị cháy, rơi xuống lả tả. Trong đám bọn chúng có kẻ khùng khục cười. Nhưng như bố nói, một số kẻ ném đuốc qua cửa sổ đằng sau, vào gian bếp của quán. Trong vùn vụt một phút rưỡi, cả nơi ấy cháy như hỏa ngục.

Đám người đứng bên ngoài lúc ấy đều đội mũ nhọn màu trắng. Một vài kẻ ngân nga tru tréo ‘Ra đây đi, lũ mọi đen! Ra đây đi, lũ mọi đen! Ra đây đi, lũ mọi đen!’ Có lẽ chúng ngân nga như vậy để dọa bọn bố, nhưng bố thà nghĩ theo hướng chúng làm vậy để cảnh báo bọn bố – giống như cách bố muốn tin do tai nạn nên những ngọn đuốc ấy mới bay vào nhà bếp.

Nhưng dù sự thật ra sao cũng chẳng còn nhiều ý nghĩa nữa. Ban nhạc chơi rất to, ồn hơn cả còi nhà máy. Mọi người say sưa nhảy múa và vui chơi tới bến. Chẳng một ai bên trong nhận ra tai họa đang giáng xuống cho đến khi Gerry McCrew, phụ bếp đêm đó, mở cánh cửa dẫn vào nhà bếp và suýt chút nữa bị lửa tấp vào người. Lửa bùng lên ba mét, đốt cháy bộ lễ phục của cậu này ngay lập tức. Và đốt trụi cả lông, tóc cậu ta nữa.

Lúc đó, bố đang ngồi ở giữa bức tường phía đông với Trev Dawson và Dick Hallorann, ban đầu, bố cứ tưởng lò ga bị nổ. Bố quỳnh quáng đứng dậy thì bị những người nháo nhào chạy ra cửa xô ngã. Hơn hai chục người đạp thẳng lên lưng bố, và bố đoán đó là lần duy nhất bố sợ hãi đến vậy. Bố nghe thấy tiếng người la ó, bảo nhau phải thoát ra ngoài vì nơi này bị cháy rồi. Nhưng lần nào bố cố đứng dậy thì lại có người đạp bố xuống. Có người thượng chân ngay sau ót khiến bố nổ đom đóm. Mũi đập lên sàn nhà đồ dàu, bố hít phải bụi, vừa ho vừa hắt xì. Lại có người đạp lên lưng dưới của bố. Bố cảm nhận được gót giày của phụ nữ đâm thẳng vào khe mông, và con trai, không đời nào bố muốn chịu cảnh bị thụt lỗ hậu như thế nữa. Nếu đứng quên ka ki của bố mà toạc ra thì chắc đến tận bây giờ phần hạ bộ của bố vẫn chảy máu mất.

Giờ kể lại thì có vẻ buồn cười, nhưng suýt chút nữa bố đã mất mạng trong cơn giẫm đạp ấy. Người ta đạp, húc, giẫm chân, bước lên và đá bố túi bụi, đến độ qua ngày hôm sau bố không đi thẳng nổi. Bố hét lên thất thanh nhưng chẳng ai nghe thấy hay mấy may quan tâm.

May sao, Trev đã cứu mạng bố. Thấy bàn tay màu nâu to lớn chìa ra trước mặt, bố liền chộp lấy như người chết đuối được cọc. Bố nắm lấy tay cậu ấy, thế là cậu ấy kéo bố đứng lên. Ai đó đạp chân vào cổ của bố, ngay chỗ này...”

Ông xoa xoa quai hàm nơi tiếp giáp với tai, tôi gật đầu.

”... Nó đau đến độ bố đoán bố lịm đi trong một phút. Nhưng bố nhất quyết không buông tay Trev ra, cậu ấy cũng thế. Cuối cùng, bố đứng dậy được, đúng lúc ấy, bức tường bên bố ngăn giữa nhà bếp và phòng lớn bị đổ. Một tiếng *phùng* vang lên, giống âm thanh khi con châm lửa một vùng xăng. Bố nhìn thấy nó đổ sập xuống trong biển lửa, trông thấy bao người chạy tán loạn để không bị nó rơi trúng. Có người chạy kịp nhưng có người thì không. Một trong số đồng đội của bố – bố đoán chắc là Hort Sartoris – bị chôn vùi bên dưới, và trong một khắc, bố trông thấy tay cậu ấy dưới đồng than cháy phùng phùng kia, vươn ra rồi xụi lơ. Có một cô gái da trắng chắc chỉ tầm đôi mươi bị bén lửa ở phần sau váy. Cô ấy đi cùng một cậu bạn đại học, bố nghe thấy cô ta la hét, khẩn cầu cậu bạn cứu mình. Cậu ta đập được hai lượt thì tháo chạy cùng những người khác. Cô gái ấy đứng đó, la hét trong lúc ngọn lửa lan ra khắp váy.

Nhà bếp lúc đó chẳng khác nào địa ngục. Lửa sáng đến độ ta không thể nhìn vào nó. Nhiệt độ nóng như thiêu như đốt, Mikey ạ. Con có thể cảm nhận da con sáng bóng lên, lông mũi giòn hảnh.

‘Ta phải thoát khỏi đây!’ Trev hét lên và dìu bố dọc theo bức tường. ‘Đi nào!’

Ngay khi ấy, Dick Hallorann chộp lấy Trev. Cậu ấy là một thanh niên mười chín tuổi, mắt to như quả bóng bi da, nhưng cậu ấy giữ được đầu óc sáng suốt hơn bọn bố nhiều. Nhờ cậu ấy mà bọn bố mới giữ được mạng. ‘Không phải lối đó!’ Dick la lớn. ‘Lối này!’ Cậu chỉ về bức biểu diễn... tức về phía ngọn lửa.

‘Cậu điên à!’ Trevor gằn lên. Giọng cậu ất rất to và vang, thế mà nó như chìm ngấm dưới ngọn lửa hùng hục và tiếng người la hét. ‘Muốn

chết thì cứ việc, nhưng tôi và Willy sẽ thoát ra!’

Trev vẫn nắm tay bố, tiếp tục kéo bố ra phía cửa, dù lúc ấy người ta bu đen bu đỏ quanh đó, đến độ chẳng thấy cửa đâu. Bố chỉ biết ngây ngây dại dại đi theo bạn mình. Bố quá đỗi bàng hoàng, chẳng nghĩ được gì nữa. Bố chỉ biết mình không muốn bị nướng như con gà tây. Thế rồi Dick nắm tóc Trev thật mạnh, và khi Trev quay lại, Dick tát cậu ta một phát. Bố vẫn nhớ cảnh đầu của Trev đập vào tường, lúc ấy, bố đã thẩn thẫn Dick phát điên rồi. Đoạn cậu hét vào mặt Trev, ‘Đi đường đấy để mà chết à! Họ chen chặt cứng cánh cửa rồi, thằng mọi đen này!’

‘Mày thì biết cái thá gì!’ Trev gân cổ hét lại, bỗng một tiếng BANG văng trời vang lên, hóa ra sức nóng đã làm trống cái của Marty Devereaux nổ tung. Lửa cháy dọc theo xà nhà phía trên và dầm trên sàn đã bắt lửa.

‘Tao biết!’ Dick gầm lên. ‘Tao biết!’

Cậu ta chộp lấy tay còn lại của bố, và trong một phút, bố cảm thấy không khác gì sợi dây kéo co. Đoạn Treo quan sát thật kỹ cánh cửa rồi đi theo Dick. Dick dẫn cả bọn tới một ô cửa sổ, dùng ghế toan đập bể nó, nhưng trước khi cậu vung ghế thì sức nóng đã làm cửa bung ra. Đoạn cậu kéo quần Trev Dawson và đẩy cậu ấy lên. ‘Trèo lên!’ Cậu hét. ‘*Trèo lên đi, thằng khốn!*’ Và thế là Trev trèo qua bệ cửa.

Tiếp theo, cậu ấy đẩy bố lên. Bố nắm lấy thành cửa và rướn người lên. Qua hôm sau, hai tay bố phồng rộp: khung gỗ ở cửa chưa gì đã bốc khói. Bố chui đầu ra trước, và nếu Trev không chụp thì chắc bố đã gãy cổ rồi.

Bọn bộ quay lưng lại, để rồi hiện ra trước mắt là khung cảnh từ Cơn ác mộng kinh hoàng nhất, Mikey ạ. Ô cửa sổ chỉ còn là một khung hình vuông màu vàng, cháy bùng bùng. Ngọn lửa phụt qua nhiều chỗ trên mái. Bố có thể nghe thấy tiếng người hét gào bên trong.

“Bố nhìn thấy hai bàn tay màu nâu vấy trước ngọn lửa – là tay của Dick. Trev Dawson chạm tay để bố đứng lên, bố vươn qua cửa sổ, chớp lấy Dick. Dưới sức nặng của cậu ấy, bụng bố tì vào thành tường, và cảm giác lúc ấy chẳng khác nào áp bụng vào cái lò đang nóng rẫy. Mặt của Dick ló lên và trong vài giây, bố đã sợ bố không thể cứu cậu ấy kịp. Cậu hít phải quá nhiều khói và sắp sửa ngất đến nơi. Miệng cậu hé mở. Ve áo sau âm ỉ cháy.

Suýt chút nữa bố đã buông tay vì nghĩ thấy mùi người đang bị thiêu sống bên trong. Bố từng nghe có người nói thứ mùi ấy giống mùi sườn heo nướng lên, nhưng không phải. Nó giống những gì thỉnh thoảng xảy ra sau khi người ta thiến ngựa. Họ dựng một đồng lửa thật lớn rồi vút thứ đó vào, và khi lửa bùng lên, ta có thể nghe thấy tiếng dái ngựa nổ lách tách như hạt dẻ, và khi người ta chết cháy, họ có mùi giống như vậy. Khi thứ mùi ấy xộc vào mũi, bố biết mình chịu không nổi nên bố vận hết sức bình sinh kéo Dick ra ngoài. Cậu ấy chỉ bị mất một chiếc giày.

Bố loạng choạng trên tay Trev và ngã xuống đất. Dick ngã đè lên người bố, và bố nói thật với con, chẳng biết thằng da đen ấy ăn gì mà đầu nó cứng như đá. Bố hụt hơi và nằm thẳng cẳng trên đất vài giây, lăn lộn ôm bụng.

Hồi sau, bố từ từ dựng dậy. Và rồi bố trông thấy bóng người chạy về phía vành đai xanh. Ban đầu bố cứ tưởng là ma, nhưng bố thấy chúng mang giày. Lúc đó, xung quanh Điểm Đen sáng chẳng khác nào ban ngày. Thấy những kẻ chân mang giày kia, bố biết chúng là những kẻ khoác áo choàng. Một kẻ hơi chậm lại ở phía sau, và bố trông thấy...”

Ông ngáp ngừng, liếm môi.

“Bố thấy gì ạ?” Tôi hỏi.

“Bỏ qua đi,” ông đáp. “Lấy cho bố ly nước, Mikey.”

Tôi làm theo. Ông uống gần hết và húng hắng ho. Một y tá đi ngang qua ló đầu vào hỏi: “Ông có cần gì không, ông Hanlon?”

“Cần bộ lông mới,” bố tôi đáp. “Cô có bộ nào không, Rhoda?”

Cô y tá nở nụ cười bối rối, ngờ vực rồi đi tiếp. Bố đưa tôi ly nước để tôi cất lên bàn. “Kể ra còn dài hơn nhớ lại,” bố tôi chép miệng. “Trước khi về, con nhớ đổ nước đầy ly giùm bố nhé?”

“Dạ vâng.”

“Câu chuyện này có làm con gặp ác mộng không, Mikey?”

Tôi mở miệng, toan nói dối, nhưng rồi lại thôi. Giờ ngẫm lại, nếu lúc ấy tôi nói dối, có lẽ bố tôi sẽ không nói tiếp. Bố tôi đã rệu rã, song đầu óc ông vẫn còn minh mẫn lắm.

“Chắc là có ạ,” tôi thành thật.

“Đi đâu đó cũng không tệ lắm đâu,” bố nói với tôi. “Trong cơn ác mộng, ta có thể nghĩ đến những đi đâu kinh khủng nhất. Bố nghĩ đó là mục đích của chúng.”

Bố vươn tay, tôi bèn nắm lấy, và hai bố con tôi nắm tay nhau cho đến lúc ông kể xong.

“Bố nhìn quanh thì trông thấy Trev và Dick đi vòng ra phía trước tòa nhà, bố vội đuổi theo, cố gắng hiểu đầu cua tai nheo ra sao. Có khoảng 40 hay 50 người bên ngoài, người khóc, người nôn, người la hét, người làm cả ba hành động đó cùng một lúc. Có người lại nằm vật ra cỏ, ngất xỉu vì khói. Cửa đóng kín, và bọn bố nghe thấy người ta la hét phía bên kia, hét gào muốn thoát ra, thoát ra bởi lạ Chúa lòng lành, họ đang bị thiêu sống.

Đó là cánh cửa duy nhất, ngoại trừ cánh cửa thông từ nhà bếp đến thùng

rác, nhưng tình hình thì, con thấy đấy. Để đi vào, ta phải đẩy cửa mở. Còn để đi ra, ta phải kéo cửa.

“Một vài người đã thoát ra thành công, và rồi người ta bắt đầu ùn ùn tới cửa và đẩy mạnh. Cửa đóng kín lại. Người đứng sau cứ thế lao tới trước để tránh xa ngọn lửa, khiến mọi người kẹt cứng. Người đứng hàng đầu bị đè dẹp lép. Chẳng có cách nào họ có thể kéo mở cửa dưới sức nặng của bao người đằng sau. Rốt cuộc, người ta bị mắc kẹt, và ngọn lửa cứ phùng phùng thịnh nộ.

Nhờ Trev Dawson mà chỉ có khoảng 80 người thiệt mạng thay vì con số 100 hoặc có khi là 200, thế mà thứ cậu ta nhận được khi vào sinh ra tử như thế không phải huân chương mà là hai năm chịu gông cùm ở Rye. Và con biết không, ngay lúc đó, một chiếc xe tải đồ sộ đã cũ đổ xích lại, và kẻ ngồi phía sau tay lái chính là bằng hữu cũ Trung úy Wilson, kẻ sở hữu mọi cái hố ở căn cứ.

Hắn ta bước ra, nạt nộ những mệnh lệnh rõ là vô lý, mà cũng chẳng ai nghe thùng. Trev chộp lấy tay bố, bọn bố chạy về phía hắn. Lúc đó, bố mất dấu Dick Hallorann và qua tận ngày hôm sau mới gặp lại cậu ấy.

‘Trung tá, tôi xin phép dùng xe tải của ngài!’ Trev hét lên với hắn.

‘Tránh ra cho tao đi, thằng mọi đen,’ Wilson cục cằn đẩy cậu xuống. Đoạn hắn lại ông ổng hô hoán những lời khó hiểu. Không ai thèm để tâm đến hắn, mà hắn cũng chẳng ba hoa chích chòe được lâu, bởi Trevor Dawson bật lên như lò xò và cho hắn ăn một cú đấm.

Trev đấm một cú thật mạnh, nếu là người bình thường hắn đã lăn đùng ra đất, nhưng gã khốn kia có quả đầu cũng như đá. Hắn đứng dậy, máu chảy ra từ mũi và miệng, đoạn hắn hăm dọa, ‘Tao sẽ giết mày trả thù.’ Chà, Trev dồn hết sức bình sinh thui vào bụng hắn, và khi hắn gập người, bố

lồng hai tay vào nhau và táng vào gáy hấn mạnh nhất có thể. Đập kẻ khác sau lưng như vậy chẳng đáng mặt quân tử gì cho cam, nhưng túng quá thì phải làm càn con ạ. Và con biết không, Mikey, nếu bố bảo đập thẳng khốn ăn mắm ăn muối ấy không khiến bố hả dạ thì bố đang nói dối.

Hấn ngã đánh rầm như con trâu bị rìu bổ vào người. Trev chạy đến chiếc xe, nổ máy và vòng nó ra phía trước Điểm Đen, về phía bên trái cánh cửa. Cậu rồ ga, nắm lấy tay côn rồ băng băng tiến tới!

‘Mọi người chú ý! Bố hét lên với đoàn người lơ nhố đứng xung quanh. ‘Cẩn thận xe tải!’

Họ nháo nhào tản đi như chim cú, và thật kỳ diệu khi Trev không tông phải bất cứ ai. Cậu ấy húc vào tường gian nhà với vận tốc gần năm mươi, đập mặt một cú ra trò vào bánh lái. Bố thấy máu mũi bắn tứ tung khi cậu ấy lắc đầu nguầy nguậy để mình miễn trở lại. Cậu đi đầu khiến xe lùi lại chừng bốn mươi lăm mét rồ tiếp tục húc vào tường. RẦM! Điểm Đen suy cho cùng cũng chỉ dựng bằng tôn mà thôi, và cú tông thứ hai đã khuất phục nó hoàn toàn. Bức tường của lò lửa ấy ngã đổ, ngọn lửa bùng lan ra ngoài. Bố chẳng hiểu làm thế nào mà người ta có thể toàn mạng bên trong đó, nhưng vẫn có người sống sót. Con người kiên cường hơn chúng ta tưởng nhiều, Mikey ạ, và nếu con không tin thì nhìn bố đây, nhìn bố dùng móng tay cao rách da thế gian này. Nơi ấy chẳng khác nào lò luyện quặng, nó hừng hực lửa, ngùn ngụt khói, nhưng người ta vẫn lũ lượt chạy ra. Có quá nhiều người đến độ Trev không dám lùi xe lại vì sợ tông phải người khác. Vì thế, cậu ấy nhảy xuống xe và chạy về phía bố, để mặc chiếc xe ở đó.

Bọn bố đứng đó nhìn vụ cháy đi đến hồi kết. Sự vụ chưa đến năm phút nhưng chẳng hiểu sao bố có cảm giác như thiên thu. Chừng chục người cuối cùng thoát ra khỏi đám cháy bị bén lửa hết cả. Người ta chộp lấy họ,

lăn họ trên đất để dập lửa. Nhìn vào bên trong, bọn bố trông thấy những người khác đang tìm cách thoát ra nhưng ai nấy đều đau lòng biết họ sẽ không bao giờ trở ra được.

Trev nắm lấy tay bố, bố cũng siết lại chặt gấp đôi. Hai người bọn bố đứng đấy, tay nắm chặt nhau như bố con mình đang làm lúc này, Mikey ạ, cậu ấy bị dập mũi, mặt bê bết máu, mắt sưng vù, sụp xuống, bọn bố quan sát mọi người. Đêm đó, họ là những bóng ma bằng xương bằng thịt, họ chẳng là gì ngoài những nhân ảnh đàn ông phụ nữ mờ ảo trong trận cháy, bước đến lối ra mà Trev húc đổ bằng chiếc xe tải của Trung úy Wilson. Nhiều người giơ tay tới trước như cầu mong ai đó sẽ cứu mình. Một số người loạng choạng bước nhưng vô định. Quần áo của họ cháy phừng phực. Mặt họ biến dạng. Và hết người này đến người khác ngã xuống để rồi ta chẳng còn trông thấy họ nữa.

Người bước ra cuối cùng là một phụ nữ. Váy của cô ta đã cháy rụi, chỉ còn lại bộ đồ lót. Cả người cô cháy như cây đèn cầy. Phút cuối, dường như cô nhìn thẳng vào mắt bố, và bố có thể thấy mí mắt cô đang cháy.

Cô gái ngã xuống cũng là lúc mọi thứ chấm dứt. Toàn bộ nơi ấy bùng bùng cột lửa. Đến khi xe cứu hỏa của căn cứ và hai xe cứu hỏa do trạm cứu hỏa đường Chính đi đầu động tới nơi thì nơi đây đã cháy rụi hoàn toàn. Đầu đuôi trận cháy ở Điểm Đen là thế, Mikey.”

Tôi hôn lên má bố, đoạn bước ra sảnh lấy nước. Khi tôi quay lại, ông đã thiu thiu ngủ, mắt ông nhòe đi và trầm tư. Lúc tôi đặt ly lên bàn đầu giường, bố tôi thều thào nói lời cảm ơn mà tôi nghe lờ mờ. Tôi liếc nhìn đồng hồ Westclox trên bàn thì thấy đã gần 8 giờ. Đến lúc phải về nhà rồi.

Tôi cúi người tới, toan hôn tạm biệt ông... nhưng rồi chẳng hiểu sao, tôi lại thì thầm hỏi, “Bố đã trông thấy gì vậy ạ?”

Đôi mắt ông lúc ấy đã khép lại, ông chẳng buồn quay về phía giọng nói của tôi. Có lẽ ông biết đó là tôi, hoặc có lẽ ông nghĩ mình đang nghe thấy suy nghĩ của chính bản thân mình. “Hả?”

“Thứ bố trông thấy,” tôi khẽ khọt. Tôi không muốn nghe nhưng tôi phải nghe. Tôi vừa nóng vừa lạnh, mắt tôi cay sè, tay tôi cứng lại. Nhưng tôi phải nghe cho bằng được. Như người vợ của Lot phải quay lại và chứng kiến cảnh tượng [Sodom](#) lụi tàn.

Một đô thành tội lỗi được nhắc tới trong kinh Cựu ước, kinh Tân ước và kinh Qur'an.

“Bố trông thấy một con chim,” ông đáp. “Ngay trên đầu những người cuối cùng tháo chạy. Có lẽ là một con chim ưng. Loài mà người ta gọi là chim cắt. Nhưng nó to lắm. Bố chưa kể với ai bao giờ. Kể ra chắc người ta tổng giam bố mất. Con chim ấy chắc phải dài đến mười tám mét kể từ đầu cánh này sang đầu cánh kia. Phải cỡ máy bay tiêm kích Zero của Nhật. Nhưng bố trông thấy... thấy mắt của nó... và hình như... nó cũng thấy bố...”

Đầu ông nghiêng sang một bên, về phía cửa sổ, nơi bóng tối đang buông dền.

“Nó sà xuống và chụp lấy người đàn ông cuối cùng. Nó chụp lấy áo choàng của hắn ta, thật sự là thế... bố còn nghe thấy tiếng đập cánh của nó... Âm thanh ấy như lửa cháy... còn con chim ấy cứ trôi đi... bố nghĩ thềm trong bụng. Thế quái nào mà một con chim có thể bay như trôi kia chứ... nhưng con chim này thì thế, vì, vì...”

Bố tôi lặng thinh.

“Vì sao hả bố?” Tôi thì thầm. “Tại sao nó trôi ạ?”

“Nó không trôi,” bố tôi sửa lại.

Tôi ng ỡ đó, không nói gì, lòng thần đoán có lẽ lần này bố tôi đã ngủ thiếp đi. Cả đời mình, tôi chưa bao giờ cảm thấy sợ hãi đến thế... vì bốn năm trước, chính tôi đã trông thấy con chim ấy. Bằng một cách khó lòng tưởng nổi, tôi gần như đã quên cơn ác mộng ấy. Và giờ đây, bố tôi khơi gợi nó trở lại.

“Nó không trôi,” ông lên tiếng. “Nó lơ lửng. Lơ lửng. Trên cánh của nó treo hàng hà sa số bóng bay, và nó cứ thế lơ lửng.”

Đoạn bố tôi chìm vào giấc ngủ.

Ngày 01 tháng 3 năm 1985

Nó đã quay trở lại. Giờ thì tôi biết r ồi. Tôi vẫn sẽ đợi, nhưng thâm tâm tôi đã rõ. Tôi không chắc sức mình có thể chịu nổi hay không. Ngày còn bé, tôi đã gắng gượng vượt qua, nhưng với trẻ con thì khác. Bằng một cách căn cơ nào đấy thì khác.

Đêm qua, tôi cuống cu ồng viết tất t ần t ật những lời trên – dù thật ra tôi cũng chẳng thể v ề nhà được. Derry bị che phủ bởi lớp băng dày, và dù sáng nay mặt trời có ló rạng đi nữa, mọi thứ dường như vẫn bất động.

Tôi điên cu ồng viết đến hơn 3 giờ sáng, hối hả ngoáy bút lia lịa, cố đưa tất cả ra ngoài. Tôi từng quên mất chuyện mình đã chạm trán với con chim khổng lồ ấy năm tôi mười một tuổi. Câu chuyện bố kể khiến mọi ký ức trở về.. và từ đó, tôi chưa lần nào quên. Không quên bất cứ chi tiết nào. Tôi nghĩ nhìn theo một góc độ nào đó, ấy là món quà cuối cùng mà bố dành tặng tôi. H ẳn sẽ có người cho rằng món quà ấy quả là tệ hại, nhưng tự thân nó lại rất tuyệt vời.

Tôi ngủ quên ngay trên bàn, đầu tựa vào tay, vở và bút để trước mặt. Sáng ra, tôi tỉnh dậy với bàn tọa tê r ần và lưng đau nhói, nhưng tôi thấy mình như thoát khỏi gông cùm... như được gột rửa khỏi câu chuyện xưa

cũ.

Và rồi tôi nhận ra đêm qua, tôi đã có bạn đồng hành trong lúc ngủ.

Dấu bùn khô mờ kéo dài từ cửa chính của thư viện (tôi đã khóa kỹ, tôi không bao giờ để ngỏ) đến tận bàn nơi tôi ngủ.

Không có dấu vết đi ngược trở ra.

Bất kể thứ đó là gì, nó đã tiến đến phía tôi trong đêm tối, để lại thứ bùa ngải của nó... rồi biến mất vào thinh không.

Có một quả bóng bay cột vào đèn đọc sách của tôi. Nó được bơm căng khí heli, lơ lửng trong ánh mặt trời buổi sáng tinh mơ nghiêng nghiêng xiên qua ô cửa sổ trên cao.

Trên đó là hình ảnh khuôn mặt tôi, mắt bị móc ra, máu me chảy xuống từ hai hốc mắt rách nát, miệng méo mó thét gào trên lớp cao su mỏng tang và căng phồng.

Tôi nhìn nó và thét lên thất thanh. Tiếng la vang khắp thư viện rồi vọng ngược trở lại, rung động cầu thang xoắn bằng sắt dẫn đến kệ sách.

Quả bóng nổ đánh bụp.



NGƯỜI LỚN



Khi nhìn vào tâm khảm
Lúc tuyệt vọng vô vàn
Làm việc - không thành quả
Mang bao sự bất an;
Ta sẽ chợt nhận thấy
Đi đâu trái ngược hoàn toàn
Những đi đâu mình chẳng thể
Không phải là dở dang
Thứ mình không đạt được
Mình không thể yêu thương
Mình đặt bao kì vọng
Cũng là một lẽ thường;
Mình có thêm cơ hội
Chiêm nghiệm thật kĩ càng
Đến cuối cùng vô tận
Không thể nào vỡ tan.

Em đã từng tha thiết
Được bước đi về nhà?
Em đã từng khao khát
Quay về từ chốn xa?
Cả một thời lang bạt
Ai cũng mệt, em ơi,

Kể cả con của Chúa

Đôi lúc cũng buông lời;

Vậy lòng em có muốn

Quay về nhà nghỉ ngơi?

CHƯƠNG 10

TÁI NGỘ

1

BILL DENBROUGH GỌI XE

Điện thoại đổ chuông, khiến anh tỉnh dậy từ giấc ngủ sâu không chút mộng mị. Anh mò lấy điện thoại mà chẳng buồn mở mắt, lơ mơ nửa tỉnh nửa mơ. Nếu điện thoại ngừng reo ngay lúc ấy, có lẽ anh đã ngủ lại mà không chút khúc mắc gì, anh dư sức chìm vào giấc ngủ dễ dàng và đơn giản như xưa, anh từng trượt xuống triền dốc phủ tuyết trong công viên McCarron trên máng trượt Flexible Flyer. Ta chạy song song với máng trượt rồi nhảy lên máng và phi thẳng xuống - với tốc độ ngang ngửa tốc độ âm thanh. Khi đã lớn, ta chẳng thể làm như thế nữa, bởi nó khiến ta rụng rời tay chân.

Tay anh lướt qua một số của điện thoại, buông lời rồi lại đặt lên. Anh lơ mơ linh cảm người gọi là Mike Hanlon, Mike Hanlon gọi từ Derry để nói anh phải quay về, nhắc anh phải nhớ lại chuyện xưa, rằng họ từng hứa với nhau, Stan Uris từng cửa lòng bàn tay cả bọn bằng một mảnh chai cô-ca và họ đã hẹn thề cùng nhau...

Bất chấp những gì đã xảy ra trước đó.

Anh đến nơi vào xế chiều hôm qua - cụ thể là trước 6 giờ tối. Anh suy luận nếu mình là người cuối cùng trong danh sách mà Mike liên lạc thì những người còn lại hẳn đã lần lượt trở về, có khi còn ở đây cả ngày rồi cũng nên. Bản thân anh chưa gặp lại ai trong số họ, mà anh cũng chẳng gấp gáp tái ngộ họ làm gì. Anh chỉ đơn giản là nhận phòng, lên phòng, gọi dịch vụ phòng đặt một bữa ăn, nhưng đến lúc thức ăn được bày ra trước mặt thì anh lại nhận ra mình chẳng có bụng dạ nào mà ăn, bèn nằm lăn ra giường ngủ say như chết đến tận bây giờ.

Bill hé mở một mắt và mò mẫm nhấc ống nghe. Nó rớt xuống bàn, anh chop lấy rồi mở nốt mắt còn lại. Anh cảm thấy đầu óc mình hoàn toàn trống rỗng, chẳng cảm ỗ điện nữa mà chỉ chạy cầnh chừng bằng pin.

Sau một hồi chậtvật, anh cũng nhấc được ống nghe. Chõng một tay dựng người dậy, anh đặt ống nghe lên tai. “A lô?”

“Bill?” Quả đúng là giọng của Mike Hanlon – chí ít anh đoán trúng điềunày. Tuầntruớc, anh còn chẳng nhớ chút gì vềMike, thế mà giờ đây, chỉ một câu ngắn ngủi đã đủ để anh nhận ra bạn mình. Thật kỳ diệu hết sức... nhưng kỳ diệu một cách đáng ngại.

“Ừ, tớ đây, Mike.”

“Tớ đánh thức cậu à?”

“Ừ. Nhưng không sao đâu.” Khoảng tường phía trên ti vi treo một bức tranh xấu tàn tệ vẽ các ngư dân mặc áo mưa vàng và trùm mũ đi mưa đang kéo lưới bắt tôm hùm. Nhìn bức tranh, Bill nhớ lại mình đang ở Nhà nghỉ Thị trấn Derry trên đường Chính Phố Trên. Phía bên kia đường đi lên khoảng tám trăm mét là công viên Bassey... cầHôn Nhau... Kênh Đào. “Mấy giờ rồi Mike?”

“10 giờ kém 15 phút.”

“Ngày bao nhiêu ấy nhỉ?”

“Ngày ba mươi rồi.” Giọng Mike xen lẫn chút thích thú.

“Ừ. Được rồi.”

“Tớ đã sắp xếp một cuộc đoàn tụ nhỏ,” Mike nói. Tông giọng anh nghe khác hẳn.

“Thế ư?” Bill vung chân ra khỏi giường. “Mọi người đến đông đủ chứ?”

“Tất cả trừ Stan Uris,” Mike đáp. Giờ trong giọng nói của cậu ấy lại chấthứa một điềugì đó mà Bill không đọc được. “Bev đến cuối cùng. Cô ấy đến khuya hôm qua.”

“Sao cậu lại nói cô ấy là người cuối cùng chứ? Biết đâu hôm nay Stan xuất hiện thì sao?”

“Bill, Stan chết rồi.”

“Hả? Cái gì kia? Máy bay của cậu ấy...”

“Không” Mike ngắt lời. “Nghe này, nếu cậu không phiền thì tớ nghĩ mình nên đợi cho đến lúc cả bọn gặp nhau. Nếu tớ có thể kể với tất cả các cậu cùng lúc thì sẽ tốt hơn.”

“Nó có liên quan đến việc này à?”

“Ừ, tớ nghĩ vậy,” Mike thoáng ngập ngừng. “Tớ dám chắc là như thế.”

Một lần nữa, Bill cảm thấy lòng mình trĩu nặng cảm giác sợ hãi quen thuộc – anh có thể quen với cảm xúc ấy nhanh đến vậy sao? Hay thật ra, bấy lâu nay, anh luôn mang theo mình nỗi sợ hãi ấy, chỉ đơn giản là anh không cảm nhận được nó, không may mắn nghĩ đến nó, tương tự như việc chẳng bao giờ anh nghĩ đến chuyện rồi một ngày anh sẽ trở về cát bụi?

Anh vờ tay lấy thuốc lá, châm một điếu và thổi tắt diêm sau lần quẹt đầu tiên.

“Hôm qua có ai trong số mọi người gặp nhau không?”

“Không, tớ nghĩ là không.”

“Cậu cũng chưa gặp ai trong số bọn tớ à?”

“Chưa. Tớ mới chỉ nói chuyện điện thoại thôi.”

“Được rồi,” anh đáp. “Thế mình hẹn nhau ở đâu?”

“Cậu nhớ Xưởng đúc ngày xưa không?”

“Có chứ, ở đường Pasture.”

“Cậu đi sau thời đại rồi kìa, bạn hiền. Giờ nó đổi tên thành đường Trung Tâm Thương Mại rồi. Người ta xây trung tâm mua sắm lớn thứ ba trên cả bang ở ngay đó. Bốn mươi tám cửa hàng hội tụ dưới một mái nhà để thuận tiện cho

quý khách mua sắm.

“Nghe đúng chất M-M-Mỹ nhỉ?”

“Bill?”

“Sao?”

“Cậu ổn chứ?”

“Ừ.” Nhưng trông ngực anh đang đập thành thịch, đầu điều thuốc của anh khẽ rung lên. Anh vừa nói lắp và Mike đã nghe thấy.

Có một khoảng lặng, và rồi Mike lên tiếng, “Vừa đi qua trung tâm mua sắm sẽ có một nhà hàng tên là Jade Phương Đông. Họ có phòng riêng cho khách theo nhóm. Hôm qua, tớ đã sắp xếp một phòng rồi. Chúng ta có thể sử dụng thoải mái nguyên buổi chiều nếu ta muốn.”

“Cậu nghĩ nó sẽ mất nhiều thời gian thế à?”

“Tớ cũng chịu.”

“Tài xế tắc-xi biết đường đến đó chứ?”

“Tất nhiên.”

“Được rồi,” Bill nói. Anh viết tên nhà hàng xuống tập giấy để cạnh điện thoại. “Sao cậu lại chọn chỗ đó?”

“Có lẽ là vì nó mới,” Mike chậm rãi trình bày. “Có cảm giác... tớ không biết nữa...”

“Vị thế trung lập?” Bill gợi ý.

“Ừ, chắc thế.”

“Đồ ăn ngon không?”

“Tớ chịu” Mike thành thật. “Khẩu vị cậu thế nào?”

Bill nhả khói và nửa cười nửa ho. “Cũng không tốt lắm, bạn hiên.”

“Ừ.” Mike đáp. “Nghe thấy rồi.”

“Trưa à?”

“Tầm 1 giờ đi cho thông thả. Để Beverly ngủ thêm một chút.”

Bill rút thuốc. “Cậu ấy cười rồi phải không?”

Mike lại ngáp ngừng. “Mai cả đám cập nhật tình hình nhau luôn,” cậu đáp.

“Cứ như mình quay về dự buổi họp lớp cấp ba sau mười năm ấy nhỉ?” Bill nhận xét. “Mình có thể xem ai mập, ai hói, ai có c-con.”

“Tớ ước giá mà được như thế.” Mike băng quơ.

“Ừ, tớ cũng thế, Mikey ạ. Tớ cũng thế.”

Anh đập máy, đi tắm thật lâu và sau đó lại gọi dịch vụ phòng để đặt một bữa sáng dù anh chỉ ăn qua loa cho có thứ bỏ bụng. Không, anh chẳng có lòng dạ nào mà ăn.

Bill gọi điện cho công ty tắc-xi Big Yellow và hẹn tài xế đến đón lúc 12 giờ 45 phút, áng chừng mười lăm phút là dư sức để đến đường Pasture (anh không tài nào tin nổi giờ con đường ấy đã đổi tên thành đường Trung Tâm Thương Mại, dù anh đã tận mắt nhìn thấy khu mua sắm ấy), nhưng anh đã không lường trước giao thông vào giờ ăn trưa... và tốc độ phát triển của Derry.

Vào năm 1958, nơi đây chỉ là một thị trấn rộng lớn, không hơn. Dân cư ghi nhận khoảng 30.000 người trong nội thành Derry và khoảng 7.000 người ở các khu vực phụ cận.

Ngoảnh đi ngoảnh lại, nó đã lột xác thành một thành phố – tuy chỉ là một thành phố bé tí xíu nếu lấy London hoặc New York làm chuẩn, nhưng so với chuẩn mực của Maine thì nó được ra phết, bởi Portland, thành phố lớn nhất của bang, cũng chỉ có khoảng 300.000 người.

Tắc-xi thông thả chạy xuống đường Chính (*chúng ta đang đi qua Kênh Đào*, Bill thầm nhủ, *tuy không thấy nhưng nó vẫn ở dưới kia, ào ào trong bóng tối*) rồi rẽ lên đường Trung Tâm, suy nghĩ đầu tiên trong đầu anh khá dễ đoán: cảnh

vật thay đổi ra sao. Nhưng suy nghĩ ấy còn kéo theo một cảm giác chên vên đến tột cùng mà anh không ngờ sẽ ập đến. Anh nhớ thời thơ ấu của mình là chuỗi ngày sợ hãi và ngập tràn âu lo... không phải chỉ vì mùa hè năm 58, khi nhóm bảy người bọn họ phải đối mặt với nỗi kinh hoàng kia, mà còn vì sự ra đi của George, vì cơn mộng mị mà bố mẹ anh đã rơi vào sau khi cậu con trai út của mình qua đời, vì người ta suốt ngày cười nhạo tật nói lắp của anh, vì bè lũ Bowers, Huggins và Criss suốt ngày kiếm chuyện với họ sau trận chiến nảy lửa ở Vùng Đất Cằn

(Bowers, Huggins và Criss, trời ơi! Bowers, Huggins và Criss, trời ơi!)

ngoài ra, còn vì trong lòng, anh cảm thấy Derry sao mà lạnh lẽo đến thế, cay nghiệt đến thế, rằng Derry chẳng bận tâm họ sống hay chết, cũng chẳng màng liệu họ có thắng được gã hề Pennywise hay không. Người dân Derry đã bao đời nay sống với Pennywise dưới tất cả những vỏ bọc của hắn... và có lẽ, theo một cách điên rồ nào đó, họ còn thấu hiểu được hắn. Thích hắn, cần hắn. Thậm chí *thương yêu* hắn? Dám lắm. Phải, dám lắm.

Vậy tại sao anh lại có cảm giác chên vên này?

Có lẽ là vì nơi này đã thay đổi đến chóng mặt. Hoặc có thể là vì trong lòng anh, dường như Derry đã mất đi cốt cách vốn có.

Rạp Bijou đã biến mất, nhường chỗ cho một bãi đậu xe (tấm biển trên dốc đề dòng chữ CHO PHÉP MỚI ĐƯỢC ĐẬU; XE VI PHẠM SẼ BỊ KÉO ĐI). Tiệm Thuần giày và Bữa trưa Của Bailley, hai gian hàng đứng cạnh nhau, cũng không còn nữa. Chúng đã bị thay thế bởi chi nhánh Ngân hàng Quốc gia phía Bắc. Một bảng số điện tử thò ra ở mặt tiền tòa nhà xây bằng gạch tẻ nhạt, hiển thị thời gian và nhiệt độ – bằng cả độ F và độ C. Nhà thuốc đường Trung Tâm, hang ổ của ông Keene, nơi Bill đến mua thuốc say cho Eddie vào ngày hôm ấy, cũng đã biến mất. Ngõ nhà Richard cũng biến thành một cửa hàng râu ông nọ cắm cằm bà kia với cái tên “Trung tâm mua sắm mini”. Tranh thủ nhìn

vào trong lúc tắc-xi dừng đèn đỏ, Bill có thể trông thấy một cửa hàng băng đĩa, một cửa hàng bán thực phẩm thiên nhiên, một cửa hàng bán đồ chơi đang chạy chương trình khuyến mãi thanh lý SẢN PHẨM TRÒ CHƠI RỒNG VÀ NGỤC TỐI.

Chiếc tắc-xi chạy giật tới trước. “Chắc mất thời gian đây,” bác tài lên tiếng. “Phải chi mấy ngân hàng chết dịch này phân chia nhau nghỉ trưa thì tốt biết mấy. Tôi nói hơi lỗ hổng, nếu anh là dân mộ đạo thì mong anh thông cảm.”

“Không hề gì” Bill nói. Bên ngoài, trời sầm sì mây đen, và giờ thì mưa đã rơi lâm thâm lên kính chắn gió của xe tắc-xi. Ra-đi-ô lú lú báo tin một bệnh nhân tâm thần trốn viện có vẻ nguy hiểm, và lát sau lại lú lú thông tin về đội Red Sox vô hại. Cơn mưa thoáng qua, rồi tạnh dần. Khi Barry Manilow bắt đầu cất tiếng ca về Mandy, cô gái một lòng cho đi mà chẳng mong nhận lại, người tài xế tắt đài. Bill hỏi, “Chúng mọc lên từ khi nào thế?”

“Cái gì kia? Ý anh là ngân hàng?”

“Vâng.”

“Ồ, cuối thập niên 60, đầu thập niên 70, đa số là thế,” bác tài đáp. Tưởng người ông to lớn với cái cổ bẻ. Ông khoác chiếc áo ca rô đen đỏ. Trên đầu ông đội chiếc mũ lưới trai màu cam dẹt quang dây một chút dầu nhớt. “Họ có một khoản ngân sách cải tạo đô thị tên là Phân phối Thu nhập. Họ phân phối bằng cách dỡ bỏ mọi thứ, sau đó ngân hàng nhảy vào. Tôi đoán chỉ ngân hàng mới có đủ nguồn vốn để làm điều đó. Bất ngờ phải không, anh bạn? Họ bảo đấy là cải tạo đô thị. Tôi bảo đấy là chặn miếng cơm manh áo. Xin lỗi anh nếu tôi nói chuyện lỗ hổng quá. Thời điểm ấy, họ tranh cãi về phương án vực dậy khu trung tâm thị trấn nhiều lắm. Ở đấy, họ vực dậy nó tài tình quá mà. Dỡ bỏ gần hết những cửa hàng cũ rồi xây dựng cả dãy ngân hàng và bãi đậu xe. Đấy, làm cho lắm mà người dân cũng chẳng tìm nổi một chỗ đậu xe chết tiệt nào cho mình. Hội đồng thị trấn đáng bị cột dái hết cả lũ. Trừ cái bà gốc Ba Lan ở trong Ủy

ban ấy ra, phải cột hai quả mướp của bà ta lên. Nhưng nói đi cũng phải nói lại, bà ta làm gì có mướp mà cột. Trước sau như một ấy. Nếu anh là dân mộ đạo thì thứ lỗi cho tôi nếu tôi bỏ bả quá.”

“Vâng, tôi đúng dân mộ đạo đây,” Bill nói và mỉm cười.

“Thế thì mời anh xuống xe phấn đến nhà thờ ngay và luôn,” bác tài nói rồi cả hai cùng phá lên cười nắc nẻ.

“Anh sống ở đây lâu chưa?” Bill hỏi.

“Tôi chôn rau cắt rốn ở đây. Sinh ra tại Bệnh viện Derry, và họ cũng sẽ chôn tôi ở nghĩa trang Mount Hope.”

“Hay đấy,” Bill nhận xét.

“Ừ, phải,” tài xế đáp. Anh khạc trong cổ họng hạ kính xe xuống rồi nhổ một bãi đờm xanh vàng to tướng vào bầu không khí ướt mưa. Thái độ của anh ta dù mâu thuẫn nhưng vẫn có điểm gì đó rất thu hút – thậm chí rất duyên là đáng khác – cho thấy anh độc miệng độc miệng song vui tính. “Ai dính đồng đấy thì chẳng cần mua kẹo cao su trong suốt cả tuần ấy chứ. Thứ lỗi cho tôi nếu tôi bỏ bả quá.”

“Mọi thứ chưa thay đổi hoàn toàn,” Bill nhận xét. Khung cảnh ngân hàng và bãi đậu xe rỗng rảnh nối đuôi nhau chán ngán dần trôi ra sau khi họ chạy lên đường Trung Tâm. Đi hết ngọn đồi, băng qua ngân hàng First National, chiếc tắc-xi dần tăng tốc. “Rạp Aladdin vẫn còn đây.”

“Đúng vậy,” bác tài công nhận. “Nhưng được ngày nào hay ngày đó thôi. Đám chết toi kia đang tìm cách dỡ bỏ nó.”

“Để xây ngân hàng tiếp à?” Bill hỏi, một phần trong anh ngạc nhiên khi thấy một phần khác trong mình bàng hoàng trước ý tưởng ấy. Anh không tài nào tưởng nổi kẻ nào đầu óc bình thường lại muốn dỡ bỏ tòa nhà mái vòm nguy nga với dàn đèn chùm bằng thủy tinh lấp lánh ấy, với cầu thang uốn lượn hai bên trái phải, chạy theo đường xoắn ốc lên tới ban công, cùng bức

màn hết sức hoành tráng, khi buổi diễn bắt đầu, rèm không kéo sang một bên mà nâng lên theo những nếp gấp duyên dáng, sau đó xô vào nhau, kéo lại, mờ mờ ảo ảo dưới những ánh đèn tuyệt vời màu đỏ, xanh dương, vàng, xanh lá trong lúc các máy kéo dằng sau sân khấu lóc cóc xoay chuyển. *Ngay cả rạp Aladdin mà không tha sao, phần bị chấn động trong anh thét gào. Sao họ có thể nghĩ đến chuyện phá bỏ rạp Aladdin để xây một NGÂN HÀNG kia chứ?*

“Ờ, phải, ngân hàng” bác tài nói. “Tiên sư chứ, thứ lỗi cho tôi nói chuyện bỏ bả. Chính ngân hàng First Merchants hạt Penobscot đề mắt đến rạp Aladdin chứ ai. Chúng muốn dỡ bỏ rạp để xây một công trình mà chúng hô hào là ‘trung tâm ngân hàng toàn diện’. Bọn chúng xin giấy tờ từ Hội đồng thị trấn rồi, thế là rạp Aladdin bị tuyên bố quá xuống cấp. Sau đó, một nhóm cư dân lập ra ủy ban - những người dân sống lâu năm ở đây - và họ làm đơn kiến nghị, tổ chức diễu hành, la ó, trời không phụ lòng người, Hội đồng thị trấn đồng ý công khai tổ chức một buổi họp về vấn đề này, và Hanlon đã hất cẳng cái lũ chết dịch ấy.” Người tài xế thỏa mãn ra mặt.

“Hanlon?” Bill giật mình hỏi. “Ý anh là Mike Hanlon?”

“Chính xác,” bác tài gật gù. Anh ta thoáng quay lại để nhìn Bill, để lộ khuôn mặt tròn nứt nẻ, đeo cặp kính gọng sừng với những chấm sơn trắng đã cũ trên gọng. “Anh thử thử da đen đấy. Anh biết anh ta à?”

“Phải,” Bill trả lời, nhớ lại cơ duyên đưa đẩy mình quen Mike vào tháng Bảy năm 1958. Tất nhiên, ngoài bè lũ bọn Bowers, Huggins và Criss thì còn ai tròng khoai đất này... Bowers, Huggins và Criss

(ôi trời)

hết lần này đến lần khác chỉ giới đề đầu cưới cổ kẻ khác, nhưng vô hình trung lại là những gọng kìm đưa bảy người họ lại gần nhau hơn – thật chặt, kề vai sát cánh, không thể tách rời. “Thuở bé chúng tôi có chơi với nhau. Trước khi tôi chuyển đi nơi khác.”

“Chắc, thế đấy anh ạ,” bác tài nói. “Trái Đất này tròn vãi, thứ lỗi cho...”

“... tôi nếu tôi bổ bã quá,” Bill thay anh tài xế nói nốt.

“Thế đấy anh ạ,” bác tài thư thái lặp lại, và chiếc xe bon bon chạy trong im lặng được một lúc thì tiếp tục lên tiếng. “Derry đã thay đổi chóng mặt, nhưng ừ, rất nhiều thứ vẫn còn vẹn nguyên. Ví dụ như Tòa nhà thị trấn, nơi tôi đón anh. Standpipe trong công viên Tưởng niệm. Anh còn nhớ nơi ấy không? Ngày chúng tôi còn bé, bọn tôi từng nghĩ nơi đó bị ma ám.”

“Tôi nhớ chứ,” Bill trả lời.

“Anh xem, bệnh viện kia. Anh có nhận ra nó không?”

Lúc ấy, họ đang chạy ngang qua Bệnh viện Derry Home phía bên tay phải. Đằng sau, con sông Penobscot róc rách chảy về nơi giao với sông Kenduskeag. Dưới bầu trời mưa xuân, dòng sông mang một màu xám xịt. Bệnh viện vẫn giống như trong ký ức của Bill – một tòa nhà khung gỗ màu trắng, có hai cánh, cao ba tầng - nhưng giờ nó được bao quanh, hay nói đúng hơn là lọt thỏm, giữa một khu phức hợp có khi phải đến chục tòa nhà khác nhau. Anh có thể thấy bãi đậu xe phía bên trái, áng chừng có đến hơn 500 chiếc đậu ở đó.

“Chúa ơi, thế này mà là bệnh viện gì, là cả một trường đại học chết tiệt thì có!” Bill không khỏi ngạc nhiên.

Người tài xế khúc khích cười. “Người gì chẳng ngoan đạo, tôi sẽ thứ lỗi cho anh. Anh nói phải, nó tám lạng nửa cân so với bệnh viện Maine miền Đông trên Bangor rồi đấy. Họ có cả phòng xạ trị, trung tâm trị liệu, 600 phòng bệnh, khu giặt giũ riêng và có Chúa mới biết ngoài ra còn có gì. Bệnh viện cũ vẫn ở đó, nhưng giờ chỉ dành cho công việc hành chính thôi.”

Bill cảm thấy đầu óc mình nhập nhằng đến lạ, giống cảm giác mà anh có được vào lần đầu tiên xem phim 3D. Ta phải cố đưa hai hình ảnh không đồng nhất khớp vào nhau. Anh nhớ ta có thể phỉnh phờ mắt và não của mình làm điếu đó, nhưng thế nào đầu ta cũng nhức ong lên... và anh có thể cảm nhận

mình sắp sửa đau đầu đâu đến nơi. Derry mới, cũng được thôi. Nhưng Derry cũ vẫn ở đó, như tòa nhà Bệnh viện Derry bằng gỗ kia. Derry cũ hầu như đã bị chôn vùi dưới bao công trình mới... nhưng bất chấp đi đâu đó, mắt ta vẫn sẽ bị lôi kéo để nhìn bóng hình cũ... để tìm kiếm nó.

“Sân ga chắc không còn nữa nhỉ?” Bill hỏi.

Bác tài phá lên cười thích thú. “Với một người chuyên đi từ thuở bé thì anh có trí nhớ tốt đấy.” Bill thầm nghĩ trong đầu: *Anh mà gặp tôi tuần trước thì anh sẽ thấy khác đấy, anh bạn bố bà của tôi ơi.* “Nó vẫn còn đó, nhưng chẳng còn gì ngoài một đồng hồ nát và đường ray gỉ sét. Thậm chí các toa tàu chở hàng chẳng buồn dừng lại nữa rồi. Có một ông muốn mua lại miếng đất để xây dựng trung tâm giải trí hoành tráng ven đường - mấy trò như pitch ‘n putt, sân đập bóng, các đường chạy xe, sân gôn mini, đua xe, trò chơi điện tử, vân vân và mây mây - nhưng người ta tranh cãi nảy lửa về chủ sở hữu đất. Tôi đoán rằng nào ông ấy cũng giành được miếng đất ấy thôi - ông ấy nổi tiếng bần chí mà - nhưng giờ vẫn còn trên tòa.”

“Còn Kênh Đào,” Bill thì thầm khi họ rẽ khỏi đường Ngoại Vi Trung Tâm vào đường Pasture - đúng như Mike nói, có một tấm biển màu xanh đề **ĐƯỜNG TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI**. “Kênh Đào vẫn còn đó.”

“Chuẩn rồi,” bác tài đồng tình. “Tôi nghĩ chắc nó sẽ luôn còn đó.”

Và rồi trung tâm thương mại Derry hiện lên phía bên tay trái của Bill, trong lúc họ chạy ngang qua, anh lại cảm thấy đầu mình nhập nhằng. Ngày họ còn bé, nơi đây chỉ là một cánh đồng mênh mông, um tùm cỏ dại cùng những hàng hướng dương khổng lồ gập gù trong gió, đánh dấu rìa phía đông bắc của Vùng Đất Cằn. Đằng sau, về phía tây, là khu nhà dành cho người thu nhập thấp mang tên Mũi Đất Cũ. Anh còn nhớ năm xưa, họ từng thám hiểm cánh đồng này, cẩn thận để không rơi vào miệng hầm toang hoác của Xưởng đúc Kitchener bị nổ vào Chủ nhật lễ Tạ ơn năm 1906. Cánh đồng đầy những mảnh

đồ nát, và bọn họ đã khai quật chúng với lòng đam mê không thua kém gì các nhà sử học thám hiểm tàn tích Ai Cập: nào gạch, nào muôi, nào những mảnh sắt gắn bu-lông gỉ sét, khung kính, chai lọ đựng đầy chất nhầy chẳng rõ nhãn mác, hôi thối không khác gì thứ thuốc độc ghê gớm nhất thế giới. Ở đây cũng từng xảy ra biến cố gì đó khủng khiếp, trong bãi đá dăm găm bãi rác, nhưng anh chưa thể nhớ ra ngay. Anh chỉ nhớ một cái tên, Patrick Humboldt, và nhớ nó có liên quan gì đó đến tử lạnh. Và một con chim từng đánh đuổi Mike Hanlon. Gì cơ...?

Anh lắc đầu. Những mảnh vỡ. Những cơn rơm trong gió. Chỉ có thế mà thôi.

Khu đất cũng như tàn tích của Xưởng đúc nay đã không còn nữa. Bỗng dưng, hình ảnh của ống khói khổng lồ ở Xưởng đúc hiện về trong tâm trí Bill. Lộp bộp ngói, ba mét cuối cùng được nung đen với bô hóng, ống khói yên vị giữa đám cỏ cao như một cái ống khổng lồ. Bọn họ đã loay hoay trèo lên và bước dọc theo ống, hai tay dang ngang như người đi trên dây, miệng cười nắc nẻ... Anh lắc đầu, như cố gạt đi ảo ảnh của trung tâm thương mại, một tổ hợp các tòa nhà xấu xí với những tấm biển đề SEARS, J.C. PENNEY, WOOLWORTH's, CVS, NHÀ HÀNG BÍT TẾT YORK, WALDENBOOKS và chục gian hàng khác. Đường ngoằn ngoèo dẫn vào ra các bãi đậu xe. Nhưng hình ảnh trung tâm thương mại nhất quyết không biến đi, vì nó không phải ảo ảnh. Chỉ có Xưởng đúc Kitchener biến mất, cánh đồng um tùm cây cỏ mọc xung quanh đồng đồ nát ấy cũng không còn. Trung tâm thương mại ấy là thật, chứ không phải ký ức.

Nhưng chẳng hiểu sao, anh không tài nào tin nổi.

“Ta đến nơi rồi đây,” bác tài nói. Anh ta chạy vào bãi đậu xe của tòa nhà trông như ngôi chùa khổng lồ bằng nhựa. “Hơi trễ một chút, nhưng trễ còn hơn không, anh nhỉ?”

“Quá chính xác,” Bill đáp. Anh đưa cho tài xế tờ năm đô. “Anh cứ giữ tiền thôi.”

“Ngon ăn thế không biết!” Người tài xế cảm thán. “Nếu anh cần ai chở thì cứ gọi đến Big Yellow và bảo họ cử Dave nhé. Anh cứ gọi tôi bằng tên.”

“Tôi sẽ bảo họ cử một anh chàng mộ đạo,” Bill nói, nhe răng cười. “Cái anh chàng đã lựa sẵn huyết cho mình ở Mount Hope.”

“Anh nhanh nhạy thật đấy,” Dave phá lên cười. “Chúc anh ngày mới tốt lành.”

“Anh cũng vậy nhé, Dave.”

Anh đứng dưới làn mưa lâm thâm một lúc, nhìn chiếc tắc-xi rời đi. Anh nhận ra anh định hỏi người tài xế thêm một câu nhưng quên băng mắt – mà cũng có thể là anh cố tình quên.

Anh toan hỏi liệu Dave có *thích* sống ở Derry không.

Bất thành linh, Bill Denbrough quay lưng bước vào nhà hàng Jade Phương Đông. Mike Hanlon đang ở trong sảnh, yên vị trên một chiếc ghế mây với phần lưng ghế loe rộng. Anh đứng dậy, và một cảm giác phi thực tế đến cùng cực tràn lên trong anh - tràn qua cơ thể anh. Cảm giác nhập nhằng kia cũng trở lại, nhưng tệ hại, tệ hại hơn rất nhiều.

Trong đầu anh vẫn còn hình ảnh một cậu bé cao khoảng một mét sáu, gọn gàng và nhanh nhẹn. Trước mặt anh là một người đàn ông cao một mét bảy. Anh ốm nhom, bộ quần áo như treo trên người. Và những nếp nhăn trên mặt như ngầm bảo anh rằng anh ấy phải ở cuối tuổi tứ tuần thay vì ba mươi tám.

Xem chừng sự kinh ngạc đã lộ hết trên khuôn mặt Bill, bởi Mike đã khê khàng lên tiếng: “Tớ biết bên ngoài tớ trông thế nào.”

Ngượng ngùng, Bill khóa lấp, “Không tệ đến thế đâu, Mike, đơn giản là do tớ chỉ nhớ hình ảnh cậu ngày bé. Thế thôi.”

“Vậy sao?”

“Nhìn cậu có vẻ mệt mỏi.”

“Thật sự thì tớ hơi mệt,” Mike nói, “nhưng tớ vẫn gắng gượng được. Chắc thế.” Đoạn anh nhoẻn cười, khiến cả khuôn mặt bừng sáng. Bill nhìn thấy cậu bé mà anh từng biết hai mươi bảy năm trước. Nếu tòa nhà bằng gỗ xưa cũ của Bệnh viện Derry Home bị choáng ngợp trước những tòa nhà xây bằng gạch không nung cùng kính hiện tại thì cậu bé ngày xưa Bill từng quen cũng dạn dày trước những phong ba bão táp không thể tránh khỏi của tuổi trưởng thành. Trên trán Mike đầy nếp nhăn, từ khóe miệng xuống cầm chi chút những đường hằn sâu và phần tóc phía trên tai đã ngả màu muối tiêu. Nhưng giống như bệnh viện cũ kỹ ấy, dù bị choáng ngợp vẫn đứng đó, vẫn hiện diện, thì cậu bé mà Bill từng biết cũng vậy.

Mike chia tay ra và nói, “Chào mừng cậu trở lại Derry, Bill To Bự.”

Bill mặc kệ bàn tay ấy mà ôm chầm lấy Mike. Mike cũng đáp lại bằng cái ôm thật chặt, Bill có thể cảm nhận mái tóc cứng thẳng đơ của bạn cạ vào vai và cổ mình.

“Nếu có gì không ổn thì bọn mình sẽ lo hết, Mike,” Bill lên tiếng. Anh nghe thấy họng mình nghẹn ngào nhưng anh chẳng quan tâm. “Chúng ta đã đánh bại nó một lần, và chúng ta đủ sức đ-đánh bại nó l-l-lần nữa.”

Mike buông tay ra, đứng cách anh một sải tay; và mặc dù khuôn miệng vẫn vương nụ cười, đôi mắt anh lấp lánh ánh lệ. Anh rút khăn mùi xoa ra lau. “Hẳn rồi, Bill nhỉ,” anh nói. “Chuẩn không cần chỉnh.”

“Quý khách có cần tôi đưa lên phòng không ạ?” cô phục vụ cất tiếng hỏi. Cô là một phụ nữ phương Đông với nụ cười ý nhị, mặc bộ kimono màu hồng tinh xảo có hình con rồng uốn lượn đuôi mạ vàng. Mái tóc đen của cô được búi cao sau đầu, kẹp lại bằng trâm cài bằng ngà voi.

“Tôi biết đường rồi, Rose,” Mike đáp.

“Tốt quá, thưa anh Hanlon.” cô mỉm cười với hai người bạn họ. “Tình bạn của các anh hẳn keo sơn gắn bó lắm.”

“Có lẽ là thế” Mike đáp. “Lối này, Bill.”

Mike dẫn anh đi dọc một hành lang mờ tối, băng qua phòng ăn chính đến một cánh cửa buông rèm hạt.

“Mọi người đến hết chưa?” Bill bắt chuyện.

“Họ đến hết rồi,” Mike trả lời. “Ai đến được đầu có mặt cả rồi.”

Đứng ngoài cửa, Bill thoáng lưỡng lự, lòng vấp vật sợ hãi. Thứ khiến anh sợ không phải là thực thể kỳ lạ, hay thể lực siêu nhiên; thứ khiến anh sợ là sự thật giản đơn rằng anh đã cao thêm gần bốn mươi phân so với bản thân mình vào năm 1958 và ít tóc hơn hẳn. Chợt anh thấy bất rút - gần như hoảng sợ – khi nghĩ đến chuyện gặp lại tất cả mọi người, chứng kiến những khuôn mặt trẻ thơ của họ phai mờ, khóa lấp dưới bao đổi thay như bệnh viện cũ kia bị chôn vùi. Ngân hàng đã mọc lên trong đầu họ, nơi ngày trước vốn tọa lạc những rạp chiếu phim thần tiên.

Bọn mình lớn cả rồi, anh thầm nghĩ. Lúc xưa, chẳng ai nghĩ nó sẽ xảy ra với bọn mình. Thế mà nó vẫn xảy ra đấy thôi, và nếu mình bước vào trong, điều đó sẽ biến thành sự thật: rằng cả bọn đều đã trưởng thành cả rồi.

Anh nhìn Mike, bất giác bối rối và rụt rè. “Mọi người trông thế nào?” Anh nghe thấy giọng mình run run cất lên. “Mike... Mọi người trông thế nào?”

“Cậu vào trong rồi biết,” Mike hiên từ đáp rồi dẫn Bill vào một gian phòng riêng.

2

BILL DENBROUGH TẬN MỤC SỞ THỊ

Có lẽ chỉ là do căn phòng tranh tối tranh sáng gây ra ảo ảnh, dù chỉ kéo dài trong tích tắc, nhưng về sau, nó cũng khiến Bill tự hỏi liệu đó có phải thông

điệp gửi gắm đến riêng anh: rằng vận mệnh vẫn có cái từ bí.

Trong khoảnh khắc thoáng qua ấy, anh có cảm tưởng không ai trong số họ đã lớn lên, rằng bằng cách nào đó, nhóm bạn của anh giống với Peter Pan, vẫn mãi là những đứa trẻ.

Richie Tozier đang nghiêng ghế ra sau, dựa lên tường, tán hươu tán vượn gì đó với Beverly Marsh, khiến cô đưa tay che miệng, khúc khích cười, Richie nghe răng cười rộng đến mang tai, một nụ cười sao thân thuộc đến thế. Còn phía bên trái Beverly là Eddie Kaspbrak, ngay trước mặt cậu, cạnh ly nước trên bàn là bình xịt bằng nhựa với tay nắm dạng cò súng cong cong từ chớp. Những phần râu ria nhìn có vẻ hiện đại hơn xưa, nhưng mục đích rõ ràng vẫn thế: nó là ống thở. Ngồi ở cuối bàn, quan sát ba người bạn của mình với nét mặt trộn lẫn giữa lo âu, thích thú và tập trung, là Ben Hanscom.

Bill chợt nhận ra trong vô giác, anh muốn đưa tay lên đầu, để r ỡ khoái chí, dù có phần ngậm ngùi trong giây phút suýt chút nữa anh đã xoa đầu để xem tóc anh có vi diệu mọc lại hay không - mái tóc màu hung xinh xắn mà anh cứ dần mất đi ngay từ lúc còn học năm hai đại học.

Hành động ấy chợt vỡ bong bóng. Thấy Richie không còn đeo kính, anh thầm nhủ: *Chắc giờ cậu ấy đeo kính áp tròng rồi. Hẳn thế. Ngày xưa cậu ấy chúa ghét cặp kính của mình.* Áo thun và quần nhưng kẻ mà cậu hay mặc trước đây đã bị thay thế bằng bộ vest hẳn không phải hàng được treo trên mắc áo – Bill đoán trước mặt anh là một bộ vest được may đo vô cùng kỹ lưỡng trị giá khoảng chín trăm đô-la.

Beverly Marsh (nếu cô ấy vẫn còn mang họ Marsh) đã trở thành một phụ nữ đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Thay vì đuôi ngựa bình thường năm xưa, mái tóc của cô - gần như y như màu tóc anh trước kia -buông dài xuống vai chiếc áo cánh trắng giản dị của hãng Ship ‘n Shore, mượt mà sắc tối. Dưới ngọn đèn mù mờ, mái tóc cô óng ánh như than hồng âm ỉ lửa cháy. Anh thấy mình tự

nhủ cảm giác sẽ ra sao nếu luồn tay vào tóc cô. Câu chuyện xưa như Trái Đất, anh nghĩ đây mãi mãi. [Anh yêu vợ anh nhưng ôi, tình nhân ơi.](#)

Bill đang nhắc tới bài hát I Love, I Love, I Love My Wife – But Oh! You Kid! viết vào năm 1909 với nội dung về ngoại tình.

Eddie trưởng thành mang nét hao hao tài tử Anthony Perkins, dù đi đâu này có vẻ kỳ cục nhưng thật sự là thế. Gương mặt anh mang nhiều nếp nhăn hơn so với tuổi thật (dù cử chỉ của anh xem chừng nhanh nhẹn hơn Richie hay Ben), và lại càng đứng tuổi vì cặp kính không gọng anh đang đeo – kiểu kính ta có thể tưởng tượng một vị luật sư người Anh sẽ mang khi tiến đến băng ghế hoặc xem qua hồ sơ pháp lý. Tóc anh ngắn, cắt theo một kiểu khá lỗi mốt có tên là Ivy League, thịnh hành vào cuối những năm 50, đầu những năm 60. Anh mặc chiếc áo khoác ca rô lờ lờ trông như vừa lòi xuống từ kệ Hàng thanh lý trong một cửa hàng quần áo nam sắp sửa dẹp tiệm đến nơi... nhưng đồng hồ đeo trên tay lại là của hãng Patek Philippe, và nhẫn đeo trên ngón út tay phải lại là nhẫn hồng ngọc. Viên ngọc to đến găm guốc và phô trương đến độ chắc hẳn nó là đồ thật.

Ben là nhân vật thay đổi đến choáng váng, và khi nhìn cậu bạn lần nữa, Bill thấy cảm giác vô thực đang ò ạt đập vào mình. Khuôn mặt Ben vẫn thế, mái tóc anh, dù đã chớm bạc và dài hơn, vẫn được chải ngôi phải một cách kỳ cục. Nhưng người Ben ốm hẳn. Anh ngẩng thoải mái trên ghế, áo khoác da giản dị, để lộ áo sơ-mi vải chambray màu xanh. Anh mặc quần jean Levi's ống suông, mang boots cao bồi, thắt lưng bản rộng với khóa dập bằng bạc. Bộ quần áo ôm dễ dàng tưởng người gọn gàng và có eo. Một tay anh đeo vòng mắt xích nặng nề – không phải bằng vàng mà bằng đồng. *Cậu ấy ốm đi nhiều quá*, Bill thầm nghĩ. *Cậu ấy chỉ còn là cái bóng của con người ngày xưa... Ben năm nào giờ đã thay da đổi thịt. Đời đúng là lắm chữ ngờ.*

Có một khoảnh khắc im lặng khó tả giữa sáu người bọn họ. Ấy là một trong

những phút giây lạ lùng nhất mà Bill Denbrough từng trải qua trong đời. Stan không có mặt, nhưng thành tố thứ bảy cũng đã tới đây. Trong gian phòng riêng ở nhà hàng này, Bill cảm nhận rõ mồn một sự hiện diện ấy đến mức nó gần như hiện thành hình người – nhưng không phải hình ảnh một ông già mặc chiếc áo choàng trắng, vác lưỡi hái trên vai. Nó là chấm trắng trên bản đồ trải dài từ năm 1958 đến năm 1985, một khu vực mà nhà thám hiểm có thể đặt tên Vùng đại Bí ẩn. Bill tự hỏi rốt cuộc ở nơi ấy có thứ gì. Liệu có cô Beverly Marsh nào mặc váy ngắn cũn cỡn khoe gần hết đôi chân dài, gương mặt của mình, có cô Beverly Marsh mang bất trắng, mái tóc rẽ ngôi ngay giữa và đuôi thẳng? Liệu có cậu Richie Tozier giờ tắm bằng một mặt đèn DỪNG CUỘC CHIẾN, còn mặt sau đèn ĐƯA [ROTC](#) RA KHỎI TRƯỜNG hay không? Liệu có cậu Ben Hanscom đội chiếc mũ bảo hộ lao động màu vàng dán hình quốc kỳ phía trước, lái chiếc xe ủi với tấm bạt căng trên đầu, cời trăn, để lộ cái bụng càng lúc càng ít thò ra ngoài cặp quần hay không? Sinh vật thứ bảy kia có phải là một người da đen không? Người đàn ông này không can hệ gì đến H. Rap Brown hay Grandmaster Flash, anh ta mặc áo trắng trơn, mang quần J. C. Penney nhạt nhòa, anh nghĩ một góc thư viện ở Đại học Maine, viết luận về nguồn gốc chú thích và tác dụng khả dĩ của số [ISBN](#) trong việc phân loại sách trong lúc đoàn người biểu tình ngoài kia, trong lúc Phil Ochs ca vang “Richard Nixon, hãy tìm một đất nước khác mà dung thân”, trong lúc bao người ngã xuống, ngũ tạng nát bấy vì những ngôi làng họ còn chẳng biết đọc tên, anh ta nghĩ đó, cắm cúi vào đóng sách vở (Bill *trông thấy* anh ta) xeo xéo dưới ánh trời mùa đông trắng xóa, khuôn mặt chăm chú, dăm chiêu, biết rõ để trở thành thủ thư chẳng khác nào việc con người tiến gần nhất có thể để ngự trị trên chiếc ghế cao nhất của động cơ vĩnh hằng. Liệu anh ta có phải người thứ bảy? Hay đó chính là chàng thanh niên trẻ đứng trước gương, nhìn cái trán ngày càng cao của mình, nhìn mái tóc đỏ bị rụng khi chải, nhìn hình ảnh phản chiếu trong gương của chàng vở trên trường đại học để trên bàn, những cuốn vở

chứa bản thảo đầu tiên đầy đủ, còn rối rắm của cuốn tiểu thuyết tên Joanna sắp sửa được xuất bản trong năm tới?

ROTC là viết tắt của Reserve Officers' Training Corps, là các chương trình đào tạo sĩ quan cấp cao đẳng và đại học để đào tạo sĩ quan cho lực lượng vũ trang Mỹ.

Mã số hiệu chuẩn quốc tế có tính chất thương mại duy nhất để xác định một cuốn sách.

Vài đi đâu trong số đó, tất cả trong số đó, hoặc chẳng có gì trong số đó.

Mà thật ra nó cũng chẳng quan trọng. Người thứ bảy hiện diện đây, trong khoảnh khắc ấy, tất cả bọn họ đều cảm nhận được nó... và có lẽ họ thấm thía sức mạnh ghê gớm của thứ kéo họ lại với nhau. Nó còn sống, Bill nghĩ, lạnh người dưới lằn áo. *Mắt sa giông, đuôi rồng, Bàn tay xác ướp... bất kể Nó là gì, Nó đã xuất hiện trở lại, ở Derry này. Chính Nó.*

Rồi anh chợt cảm thấy Nó chính là nhân vật thứ bảy; rằng Nó và thời gian là hai đại lượng có thể thay thế nhau, rằng Nó mang khuôn mặt của tất cả bọn họ cũng như của bao nạn nhân khác mà Nó đã đe dọa và giết hại... và chẳng hiểu sao, ý tưởng cho rằng Nó có thể là bọn họ lại là điều đáng kinh sợ nhất. *Bao nhiêu phần trong chúng ta đã bị bỏ lại phía sau? Anh nghĩ, lòng chợt dâng sợ hãi. Bao nhiêu phần trong chúng ta vẫn mắc kẹt trong cống rãnh và cống thoát nước nơi Nó trú ngụ... nơi Nó ăn tươi nuốt sống? Liệu đó có phải lý do chúng ta đã quên? Vì một phần trong mỗi chúng ta chẳng có tương lai, chẳng lớn lên, cũng chẳng rời khỏi Derry này? Lẽ nào là thế?*

Anh không thấy câu trả lời trên khuôn mặt họ... chỉ có câu hỏi anh đặt ra phản chiếu lại nơi anh.

Ý nghĩ đến và đi trong vồn vện vài giây, hoặc mi-li-giây, tự tạo khung thời gian của riêng mình, và tất cả những suy tưởng trên vụt qua đầu Bill Denbrough trong chưa tới năm giây.

Đoạn Richie Tozier, lúc ấy đang tựa vào tường, nhoẻn cười và nói: “Ôi trời, nhìn kìa – Bill Denbrough chuyển sang một đầu mái vòm kim loại. Cậu lấy sáp Turtle chà bóng quả đầu của mình đấy hả, Bill To Bự?”

Nghe đến đấy, chưa kịp định thần, Bill đã mở miệng và nghe bản thân mình thốt lên: “Tiên sư cái ngữ miệng ăn mắm ăn muối nhà cậu, Tía Lia.”

Trong một khắc, cả bọn đều im lặng - rồi căn phòng ầm ĩ tiếng cười giòn tan. Bill bước đến, bắt tay mọi người, và dù trong lòng vẫn nhen nhóm một cảm giác tệ hại, anh cũng cảm thấy mình được xoa dịu đôi phần: cảm giác rằng anh đã trở về nhà mãi mãi.

3

BEN HANSCOM ỒM ĐI

Mike Hanlon gọi đầu ống, và như để bù đắp cho khoảng im lặng trước đó, mọi người cùng rôm rả chuyện trò. Hóa ra Beverly Marsh giờ đã là Beverly Rogan. Cô kể đã kết hôn với một đáng phu quân tuyệt vời ở Chicago, nhờ anh mà cuộc đời cô một bước lên tiên, bằng phép thần thông quảng đại nào đó, anh đã biến tài khâu vá của vợ mình thành cơ ngơi kinh doanh váy áo phát đạt. Eddie Kaspbrak hiện sở hữu một công ty xe limousine ở New York. “Tớ đoán có khi vợ tớ đang mây mưa với Al Pacino lúc này ấy chứ,” anh nói, khẽ mỉm cười, và mọi người cười nắc nẻ.

Cả hội đều biết Bill và Ben công thành danh toại ra sao, nhưng Bill vẫn không tránh khỏi cảm thấy kỳ khôi khi phải đến gần đây, rất gần là chẳng khác, mới phát sinh những mối liên hệ cá nhân giữa tên tuổi của họ - Ben là kiến trúc sư, anh là nhà văn - với những người mà họ đã biết từ thuở bé. Beverly mang theo cuốn *Joanna và con nước đen* trong túi xách, còn đề nghị anh ký tặng. Bill đồng ý, và trong lúc ký, anh để ý cả hai cuốn sách đều còn mới coóng - như thể cô vừa mua chúng trên kệ sách ở sân bay khi bước xuống máy bay vậy.

Bằng cung cách tương tự, Richie ca tụng với Ben rằng cậu ngưỡng mộ

trung tâm truyền thông BBC ở London ra sao... nhưng trong mắt anh lấp lửng một đốm sáng đầy bối rối, như thể anh không tài nào liên kết được tòa nhà ấy với người đàn ông này... hoặc với cậu bé mập ú chân thành từng chỉ cho họ cách làm phân nửa Vùng Đất Cằn bị ngập bằng những tấm ván chôn chĩa và một cánh cửa gỉ sét.

Richie làm phát thanh viên ra-đi-ô ở California. Anh kể với nhóm bạn mình nổi danh là Người đàn ông Nghìn giọng, nghe thấy thế, Bill cảm râm, “Chúa ơi, Richie, Giọng nói của cậu nghe kinh chết đi được.”

“Thưa quý ông, nịnh bợ không được tích sự gì đâu.”

Khi Beverly hỏi có phải anh đã chuyển sang đeo kính áp tròng hay không, Richie trề môi thì thầm, “Xích lại gần đây, người yêu ơi. Nhìn vào mắt anh đi.” Beverly làm theo, rồi khe khẽ reo lên khi Richie nghiêng đầu để cô trông thấy rìa dưới kính áp tròng loại mềm của Hydromist mà anh đang đeo.

“Thư viện vẫn thế à?” Ben hỏi Mike Hanlon.

Mike lấy ví và rút ra từ đó một bức hình chụp thư viện từ trên xuống. Trông anh tự hào như một người bố đang khoe hình con của mình khi người ta hỏi thăm về gia đình. “Một cậu lái máy bay trọng lượng nhỏ đã chụp bức hình này,” anh giải thích trong lúc mọi người chụm tay nhau. “Bấy lâu nay tớ đang tìm cách thuyết phục Hội đồng thị trấn hoặc mạnh thường quân nào đó tài trợ vốn để phóng to bức hình này thành một bức bích họa cho thư viện trẻ em nhưng vẫn xôi hỏng bỏng không. Nhìn nó đẹp đấy chứ?”

Mọi người đều gật gù đồng ý. Ben cầm lâu nhất, đắm chiêu ngắm nghía bức ảnh. Cuối cùng, anh gõ vào hành lang nối giữa hai tòa nhà. “Cậu có nhắc thấy nó ở chỗ nào khác không, Mike?”

Mike mỉm cười. “Ở trung tâm truyền thông cậu thiết kế chứ đâu,” anh nói và cả bọn phá lên cười.

Đồ uống được đem ra. Họ ngồi vào bàn.

Sự im lặng bất ngờ, ngọt ngào và khó chịu một lần nữa bao trùm. Họ đưa mắt nhìn nhau.

“Sao nào?” Beverly cất giọng nói ngọt ngào, có phần khàn đục của cô. “Chúng mình nâng ly vì gì bây giờ?”

“Vì chúng ta,” Richie chột lên tiếng. Khuôn mặt anh không nheo nụ cười. Anh nhìn thẳng vào mắt Bill, và với một ngu ần lực mãnh liệt đến khó cưỡng, Bill nhớ lại hình ảnh anh và Richie đứng giữa đường Neibolt, sau khi thứ sinh vật chẳng rõ là một gã hề hay một gã Người sói kia biến mất, ôm nhau thật chặt, nước mắt giàn giụa. Khi nhấc ly lên, tay anh run lẩy bẩy, khiến đồ uống vương vãi ra khăn trải bàn.

Richie chần chạp đứng dậy, mọi người lần lượt làm theo: đầu tiên là Bill, sau đó là Ben và Eddie, Beverly rồi cuối cùng là Mike Hanlon. “Vì chúng ta,” Richie khai màn, và giống như tay Bill, giọng anh run run. “Nâng ly vì Hội Cùi Bắp năm 1958.”

“Vì Hội Cùi Bắp,” Beverly nói với vẻ thích thú.

“Vì Hội Cùi Bắp,” Eddie cất giọng. Mặt anh nhợt nhạt và già nua sau cặp kính không gọng.

“Vì Hội Cùi Bắp,” Ben đồng tình. Một nụ cười mỉm chi, đau xót thoáng qua trên khóe môi anh.

“Vì Hội Cùi Bắp,” Mike Hanlon khẽ nói.

“Vì Hội Cùi Bắp,” Bill kết thúc.

Tất cả cụng li với nhau rồi uống.

Im lặng lại choán lấy không gian, nhưng lần này, Richie không phá vỡ nó nữa. Lần này, sự im lặng là cần thiết.

Cả bọn ng ồi xuống, Bill lên tiếng, “Nào, bắt mí đi, Mike. Nói cho bọn tớ biết dạo này có chuyện gì xảy ra và chúng ta có thể làm gì.”

“Ăn đã,” Mike nói. “Rồi bọn mình bàn chuyện.”

Đoạn họ dùng bữa... họ ăn thoải mái và thật lâu. Bill nghĩ đến câu chuyện cười ngày xưa về người tù bị kết án, nhưng đã lâu lắm rồi, anh mới cảm thấy ngon miệng thế này... từ lúc anh còn bé đến giờ, anh chột nghĩ. Món ăn không quá xuất sắc nhưng cũng không tệ, phần ăn lại rất nhiều. Sáu người bọn họ bắt đầu san sẻ cho nhau - sườn heo, gà nấm sốt dầu hào, cánh gà om kỹ, trứng cuộn, củ năng bọc thịt heo hun khói, xiên thịt bò.

Họ khởi đầu bằng khay các món khai vị *pu-pu*, gồm nhiều loại thịt nhỏ và hải sản. Richie nghịch ngợm làm trò trẻ con khi lấy mỗi thứ một ít, nướng trên ngọn lửa ở giữa khay mà anh và Beverly dùng chung - trong đó có nửa miếng trứng cuộn và vài hạt đậu đỏ. “*Flambé* ngay tại bàn, quá xá ngầu,” anh nói với Ben. “Tớ sẵn sàng ăn cắt trên ván nếu được *flambé* ngay tại bàn cho tớ.”

Flambé là kỹ thuật đốt rượu trong nấu ăn chuyên nghiệp, thường áp dụng trong chế biến các món Âu.

[^anc] Shit on the Shingle, đây là tiếng lóng của quân đội Hoa Kỳ chỉ món thịt bò băm sốt kem phết trên bánh mì nướng.

“Chắc cậu từng ăn rồi chứ gì,” Bill chọc. Beverly cười lăn cười bò, đến độ suýt chút nữa thì phun hết đồ ăn trong miệng lên khăn ăn.

“Ôi Chúa ơi, tớ sắp ói mất thôi,” Richie bắt chước giọng y giọng của Don Pardo, Beverly được thể lại càng cười nắc nẻ, đỏ mặt tía tai.

“Thôi đi, Richie,” cô nói. “Tớ cảnh cáo cậu đấy.”

“Lời cảnh cáo được chấp nhận,” Richie đáp. “Ăn mạnh vào, bạn hiền.”

Đích thân Rose mang tráng miệng đến cho bọn họ - một chiếc bánh kem lạnh nướng Alasaka, đoạn cô đứng ở đầu bàn, chỗ Mike ngồi, sau đó châm lửa.

“Lại có thêm *flambé* ở bàn tớ kìa,” Richie mãn nguyện nói bằng giọng của một người đã chết và thăng lên thiên đường. “Chắc đây là bữa ăn tuyệt nhất mà tớ được thưởng thức trong đời.”

“Anh cứ nói quá,” Rose ngượng ngùng nói.

“Nếu tôi thổi tắt lửa thì đi đâu tôi ước có trở thành sự thật không?” Richie hỏi.

“Ở Jade Phương Đông, mọi đi đâu ước đâu biến thành hiện thực.”

Nụ cười của Richie chợt tắt. “Tôi quý tấm thịnh tình của cô nhưng thú thực, tôi có phần e ngại độ xác đáng.”

Họ đánh chén rất nhiệt tình món bánh tráng miệng. Khi ngã ra sau ghế, với cái bụng ních vào cặp quỳ, Bill vô tình để ý đến chiếc ly bày trên bàn. Chẳng hiểu sao anh trông thấy cả trăm cái ly một bữa ăn và có Chúa mới biết anh đã uống bao nhiêu chai bia Kirin. Mọi người cũng đã ngà ngà say. Trong tình trạng này, có cho họ ăn con ki bowling chiền lên thì khéo có khi họ cũng khen ngon. Vậy mà anh chẳng cảm thấy say chút nào.

“Từ lúc còn bé tới giờ, tớ mới ăn nhiều như vậy đấy,” Ben thốt lên. Mọi người quay sang nhìn anh, khiến đôi má anh ửng đỏ. “Tớ nói thật. Đây có lẽ là bữa ăn hoành tráng nhất tớ từng ăn từ lúc lên lớp Mười.”

“Cậu ăn kiêng à?” Eddie hỏi.

“Ừ” Ben trả lời. “Tớ theo chế độ ăn kiêng Tự do Ben Hanscom.”

“Sao cậu lại ăn kiêng thế?” Richie tò mò.

“Cậu không muốn nghe câu chuyện xưa như diêm ấy đâu...” Ben cự người bối rối.

“Tớ không biết các cậu ấy nghĩ thế nào,” Bill lên tiếng, “nhưng tớ thì muốn đấy. Kể đi, Ben. Cơ duyên nào đã khiến Haystack Calhoun thành người mẫu tạp chí trước mắt chúng ta thế này?”

Richie phì cười. “Haystack, đúng thật. Tí nữa thì tớ quên cái tên này.”

“Cũng không có gì nhiều nhận,” Ben nói. “Đúng hơn là chẳng có chuyện gì là đáng khác. Sau mùa hè năm ấy – sau năm 1958 – nhà tớ ở Derry thêm hai

năm. Sau đó mẹ tớ mất việc, nên mẹ con tớ phải chuyển đến Nebraska, vì mẹ tớ có một người em gái ở đó đồng ý cứu mang hai mẹ con cho đến khi mẹ tớ lo được công ăn việc làm. Chẳng tuyệt vời gì đâu. Em gái của mẹ tớ, dì Jean, là một người ki bo bủn xỉn, suốt ngày rao giảng về vị trí của mỗi người chúng ta trong nhân gian, rằng mẹ con tớ may mắn ra sao khi mẹ tớ có một người em sẵn sàng giang tay cứu giúp, mẹ con tớ hạnh phúc ra sao khi không phải sống nhờ trợ cấp, vân vân và mây mây. Tớ béo ú khiến dì khó chịu ra mặt. Dì ấy nhất quyết không nhắm mắt làm ngơ. ‘Ben, cháu lo tập thể dục nhiều hơn đi. Ben, cháu sẽ bị đau tim trước tuổi bốn mươi nếu cháu không giảm cân. Ben, trên thế giới có bao trẻ em đang chết đói, cháu phải biết xấu hổ vì bản thân chứ.’” Anh thoáng dừng lại, uống ngụm nước.

“Vấn đề là dì *cũng* lôi chuyện trẻ em chết đói ra ca thán nếu tớ không rửa chén.”

Richie gật gù và phá lên cười.

“Tóm lại, đất nước mới vừa thoát khỏi suy thoái, mẹ tớ mất gần cả năm rông mới tìm được công việc ổn định. Đến lúc hai mẹ con tớ chuyển khỏi nhà dì Jean ở La Vista và đến sống ở Omaha, tớ nặng thêm bốn mươi kí lô so với lúc các cậu biết tớ. Tớ đoán tớ lên cân như vậy chỉ để chọc giận bà dì.”

Eddie huýt sáo. “Thế tức là cậu tằm...”

“Tằm chín lắm kí lô,” Ben sa sầm nói. “Tớ học trường Trung học Miền Đông ở Omaha, và tiết thể dục thì... chắc, tệ hại lắm. Đám bạn trên lớp gọi tớ là Vếu. Đủ để các cậu hình dung rồi đấy.”

“Cái trò trêu chọc ấy kéo dài suốt bảy tháng trời, rồi một ngày, lúc thay đồ trong phòng sau khi tiết học kết thúc, hai ba đứa bạn cùng lớp giở trò... vỗ bụng tớ. Bọn chúng gọi việc đó là ‘đập mỡ’. Hai ba đứa khác bèn hòa theo. Rồi lại thêm bốn, năm đứa. Chốc sau, cả bọn xúm xít đuổi tớ khắp phòng, lên sảnh, hết vỗ bụng lại vỗ hông, lưng và chân tớ. Sợ quá, tớ bắt đầu la hét thì

bọn chúng cười như điên như dại.

“Các cậu biết không,” Ben tiếp tục, mắt nhìn xuống, tay cẩn trọng sắp xếp lại dao nĩa, “đó là lần cuối cùng tớ nghĩ đến Henry Bowers, cho đến lúc Mike gọi cho tớ hai hôm trước. Đứa đầu tiên là một cậu con nhà nông với bàn tay xù xì to bè, và khi chúng đuổi theo, tớ nhớ tớ đã tự nhủ trong đầu Henry đã trở lại. Tớ nghĩ – à không, chính xác hơn là tớ *biết* – đó là lúc tớ phát hoảng.

Bọn chúng rượt đuổi tớ lên hành lang, ngang qua ngăn tủ nơi những thành viên chơi thể thao cất đồ. Tớ không mảnh vải che thân và người đỏ như con tôm hùm. Tớ đoán có thể nói tớ đã đánh mất tự tôn và đánh mất chính mình. Không ý thức được mình đang ở đâu, tớ cứ thế hét lên cầu cứu. Rồi bọn chúng rượt tới phía sau, hét lên ‘*Đập mõ! Đập mõ! Đập mõ!*’ Có một băng ghế...”

“Ben ơi, cậu không cần gắng gượng kể như vậy đâu,” Beverly chột lên tiếng. Mặt cô trắng bệch. Cô nghịch ly nước của mình, suýt chút nữa đánh đổ ra ngoài.

“Cứ để cậu ấy nói nốt,” Bill ôn tồn.

Ben đưa mắt nhìn anh một chốc rồi gạt đầu. “Có một băng ghế cuối hành lang. Tớ vấp phải nó và đập đầu. Bọn chúng bao vây tớ khoảng một hai phút gì đó thì một giọng nói cất lên, ‘Thôi. Đủ rồi đấy. Các trò đi thay đồ mau.’

Hóa ra huấn luyện viên đang đứng ngay hành lang, thầy mặc quần thể thao màu xanh có sọc trắng dọc hai bên và áo thun trắng. Chẳng rõ thầy đứng đó tự lúc nào. Cả bọn nhìn thấy, đứa thì cười, đứa thì hối lỗi, đứa thì cứ nghệt mặt ra. Bọn chúng tản đi. Còn tớ òa lên khóc.

Huấn luyện viên cứ đứng ở hành lang dẫn đến phòng tập, nhìn tớ, nhìn thằng bé béo ú không mảnh vải trên người, da đỏ tấy vì bị vỗ mạnh, nhìn thằng bé béo ú ấy bù lu bù loa trên sàn.

Cuối cùng, thầy ấy lên tiếng, ‘Benny, tiên sư nhà em, em thôi đi được chưa?’

Tớ vô cùng kinh ngạc khi nghe thầy nói như thế. Tớ bèn ngược nhìn thầy, thầy tiến tới, ngẩng lên băng ghế tớ bị vấp ban nãy. Thầy chúi người về phía tớ, cái còi trên cổ thầy dùng đưa đập vào trán tớ. Trong một khắc, tớ cứ tưởng thầy định hôn tớ hay làm gì đó nên tớ rụt người lại, nhưng hóa ra đi đầu thầy làm là chộp lấy ngực tớ và bóp chặt. Đoạn thầy ấy bỏ ra, chúi lên quăn như thế vừa chạm vào thứ gì đó dơ bẩn lắm.

‘Em nghĩ là tôi sẽ an ủi em à?’ Thầy hỏi. ‘Đừng có mà mơ. Em như cái gai trong mắt chúng nó và cả trong mắt tôi nữa. Bọn tôi có lý do khác nhau, nhưng đó là vì chúng là trẻ con, còn tôi là người lớn. Chúng nó không biết tại sao em khiến chúng nó gai mắt, còn tôi thì biết. Là vì tôi thấy em chôn vùi thân thể đẹp đẽ mà Chúa ban tặng trong đồng mỡ gớm ghiếc ấy. Em chỉ biết ăn thũng uống vại cho sướng miệng, đi đầu đó làm tôi muốn mửa. Giờ thì nghe tôi đây, Benny, vì đây là lần duy nhất tôi nói thẳng với em. Tôi làm huấn luyện viên cho đội bóng đá, bóng rổ và điên kinh, thỉnh thoảng tôi còn phải lo cho đội bơi. Nên tôi chỉ nói một lần thôi. Em béo ở đây này.’ Đoạn thầy ấy gõ vào trán tớ, ngay chỗ còi đập vào ban nãy. ‘Em hãy bắt cái đầu của mình ăn kiêng đi, rồi em sẽ giảm được cân. Nhưng những đứa như em còn lâu mới làm được đi đầu đó.’“

“Lão khốn này!” Beverly cảm phẫn nói.

“Ừ.” Ben nói, miệng nhoen cười. “Song thầy ấy không nghĩ mình là một gã tởm, thầy ấy ngu ngốc đến thế kia mà. Có lẽ thầy ấy xem Jack Webb trong phim D.I. cả sáu chục lần rồi, nên thầy ấy cứ tưởng thầy ấy đang cứu giúp tớ. Hóa ra đúng là thế thật. Vì lúc ấy, tớ chợt nghĩ đến một đi đầu. Tớ nghĩ...”

Anh quay đi, mày chau lại-và Bill cảm nhận được một cảm giác lạ lùng rằng anh biết Ben sắp sửa nói gì.

“Tớ vừa nói lần cuối cùng tớ nghĩ đến Henry Bowers là lúc đám bạn rượt theo, vỗ vào người tớ phải không. Chắc, khoảnh khắc huấn luyện viên đứng

dậy bỏ đi là lần cuối cùng tỏ thực sự nghĩ về những gì chúng ta đã làm vào mùa hè năm 58. Tớ đã nghĩ...”

Anh lừng khừng, đưa mắt nhìn từng người bạn, tựa hồ thăm dò nét mặt của họ. Đoạn anh cẩn thận lựa chọn câu chữ.

“Tớ nghĩ việc chúng ta đã đồng hành bên nhau *tuyệt vời* biết mấy. Tớ nghĩ về những đi đâu chúng ta đã làm, phương thức chúng ta làm, và tớ chợt nhận ra nếu huấn luyện viên phải đối mặt với tai ương như thế, chắc hẳn tóc thầy ấy sẽ bạc trắng và trái tim thầy ấy sẽ ngừng đập trong lồng ngực như chiếc đồng hồ không được lên giây cót. Tất nhiên như thế chẳng hay hóm gì, nhưng cách thầy ấy cư xử với tớ cũng chẳng đáng hoàng gì cho cam. Nói toạc móng heo thì...”

“Cậu nổi sùng lên,” Bill nói.

Ben mỉm cười. “Ừ, chính xác là thế,” anh kể tiếp. “Tớ gọi ‘Huấn luyện viên!’

Thầy bèn quay lại nhìn tớ. ‘Thầy bảo thầy làm huấn luyện viên cho đội đi ền kinh phải không ạ?’ Tớ hỏi.

‘Đúng rồi,’ thầy đáp. ‘Có liên quan gì tới em đâu.’

‘Thầy nghe em nói đây, ông thầy đầu óc ngu si tứ chi phát triển kia,’ tớ nói, và thầy ấy mắt chữ O mồm chữ A. ‘Em sẽ tham gia vào đội đi ền kinh từ tháng Ba. Thầy nghĩ thế nào ạ?’

‘Thầy nghĩ em nên ngậm miệng lại trước khi rước họa vào thân,’ thầy ấy dọa.

‘Em sẽ chạy nhanh hơn bất cứ thành viên nào do thầy huấn luyện,’ tớ tuyên bố chắc nịch như thế. ‘Em sẽ chạy nhanh hơn át chủ bài trong đội của thầy. Sau đó, em muốn thấy phải xin lỗi em.’

Thầy ấy nắm hai tay lại thật chặt, và trong phút chốc, tớ cứ tưởng thầy ấy sẽ quay lại, cho tớ biết thế nào là lễ độ. Nhưng rồi thầy ấy buông tay. ‘Cứ ở

đẩy mà đấu võ mồm đi, thẳng nhóc béo ú,’ thầy nói. ‘Mồm em hay cái bô làng thế hả. Nhưng ngày mà em chạy nhanh hơn át chủ bài của thầy sẽ là ngày thầy nghỉ việc ở đây và ra hái ngô trên đường chạy.’ Đoạn thầy bỏ đi.”

“Sau đó cậu giảm cân à?” Richie hỏi.

“Ừ.” Ben đáp. “Nhưng huấn luyện viên sai ở một điểm. Chướng ngại vật không nằm trong đầu tót mà từ mẹ tót. Tối đó, tót về nhà, nói với mẹ rằng tót muốn giảm cân. Rốt cuộc, hai mẹ con cãi nhau nảy lửa, ai cũng bù lu bù loa lên. Mẹ tót lại bắt đầu điệp khúc quen thuộc: tót không *mập*, chỉ là *xương* tót to thôi, và cậu nhóc to con mai này trưởng thành cũng sẽ to cao, do vậy phải ăn nhiều cho có sức. Tót nghĩ... đi đầu đó khiến mẹ tót cảm thấy an tâm. Một thân một mình nuôi con là đi đầu rất đáng sợ với mẹ tót. Mẹ tót không có kiến thức, cũng chẳng có kỹ năng, bà chỉ biết chăm chỉ làm lụng thôi. Và khi bà có thể cho tót ăn thêm phần nữa... hoặc khi bà nhìn qua bàn ăn, thấy tót cứng cáp...”

“Bà ấy cảm thấy mình như đang giành thắng lợi trong cuộc chiến,” Mike nói.

“Đúng thế,” Ben uống hết cốc bia, lấy mu bàn tay chùi lớp bọt vương thành ria mép ở môi trên. “Tóm lại, trận chiến lớn nhất không nằm trong đầu tót mà là với mẹ tót. Mẹ tót phản đối suốt mấy tháng liền. Mẹ không khâu lại quần áo của tót, cũng không chịu mua đồ mới cho tót. Lúc ấy, tót đã bắt đầu chạy, tót chạy khắp nơi, thỉnh thoảng trông ngực tót đập dồn đến độ tót tưởng mình sắp ngất đến nơi. Lần đầu tiên hoàn thành chạy cự ly trung bình, tót nôn thốc nôn tháo rồi lăn đùng ra ngất. Suốt một thời gian sau, tót cứ ói lên ói xuống. Về sau, tót phải vừa xách quần vừa chạy.

Sáng tót chạy đi giao báo, túi treo quanh cổ cứ nảy tới nảy lui đập vào ngực, còn hai tay tót thì giữ quần. Áo thun tót mặc phần phật chẳng khác nào cánh buồm. Đêm đến, khi về nhà, tót chỉ ăn nửa phần thức ăn trên đĩa, và y như rằng mẹ tót sẽ khóc lóc ồm tỏi, bảo rằng tót đang tự bỏ đói bản thân, đang tự sát,

mắng tở không thương yêu mẹ nữa, không biết quý trọng công sức mẹ một nắng hai sương vì tở.”

“Lạy Chúa,” Richie lẩm bẩm và châm thuốc. “Sao cậu đối mặt với chuyện đó được vậy Ben.”

“Thì tở cứ mừng tượng đến khuôn mặt của lão huấn luyện viên thôi,” Ben đáp. “Tở tái hiện đi tái hiện lại trong đầu hình ảnh của thầy ấy sau khi bóp ngực tở trên hành lang dẫn tới phòng thay đồ của nam sinh hôm ấy. Đó là động lực của tở. Tở tự mua quần áo mới bằng tiền giao báo, nhờ ông cụ ở chung cư tặng một dùng dùi đục thêm lỗ trên thắt lưng - tở nhớ phải đến năm lỗ là ít. Tở nghĩ có lẽ lúc ấy, tở cũng nhớ ngày xưa có lần tở phải tự đi mua quần jean mới – hôm Henry đẩy tở vào Vùng Đất Cằn và thiếu đi đầu tở một trận nên thân.”

“Ừ, Eddie nói và nhoẻn miệng cười. “Cậu là người bày tở đồ sữa sô-cô-la chứ ai. Cậu còn nhớ không?”

Ben gật đầu nói tiếp. “Nếu tở có nhớ ra thì cũng chỉ trong một khắc thôi – sau đó ký ức biến mất. Tần khoảng thời gian ấy, tở bắt đầu học lớp Sức khỏe và Dinh dưỡng ở trường, và tở nhận ra ta có thể ăn rau sống thoải mái mà không sợ tăng cân. Thế là một tội nọ, mẹ tở làm salad với rau xà lách và rau bó xôi sống, xắt thêm táo với chút thịt heo muối còn dư. Trước giờ tở không ăn rau sống rau rầu như thỏ vậy đâu, thế mà tở ăn đến ba đĩa và không tiếc lời tán tụng với mẹ món salad tuyệt cú mèo ra sao.

Nhờ thế mà gạo xay ra cám đấy. Mẹ tở không quan tâm tở ăn cái gì mà chỉ cần tở ăn nhiều là được. Mẹ tở thiếu đi đầu cho tở ngập mặt trong salad luôn mà. Tở ăn suốt ba năm liên tục. Thành thạo có những lúc tở phải tự nhìn vào gương để kiểm tra xem mũi mình có rung như mũi thỏ hay không.”

“Thế ông huấn luyện viên ấy về sau ra sao?” Eddie hỏi. “Cậu có tham gia chạy điền kinh không? Anh chạm vào ống thở, như thế nghĩ đến chuyện chạy đã khiến anh phải dừng đến đó.

“À có, tớ có tham gia,” Ben đáp. “Tớ tham gia cự ly 200 mét và 400 mét. Lúc đó, tớ đã giảm hơn ba mươi kí, nhờ giò cao thêm năm phân nên phần thịt thừa còn lại được phân bố hợp lý hơn. Vào hôm thi vòng loại đầu tiên, tớ thắng sáu vòng cự ly 200 mét và thắng tám vòng cự ly 400 mét. Đoạn tớ bước đến chỗ huấn luyện viên, bộ mặt lão hần hần thiếu đi đầu nộ khí xung thiên, tớ lên tiếng: ‘Có vẻ đã đến lúc thầy bước ra khỏi đường chạy để hái ngô rồi đấy. Khi nào thầy đi Kansas thế ạ?’

Ban đầu thầy ấy lặng thinh – chỉ vung tay cho tớ cú trời giáng khiến tớ ngã lăn quay ra đất. Đoạn ông ấy bảo tớ biến khỏi sân chạy, rằng ông ấy không muốn một thằng coi trời bằng vung như tớ trong đội điền kinh.

‘Dù Tổng thống Kennedy có bổ nhiệm em vào, em cũng chẳng ham,’ tớ nói, tay chùi máu nơi khoe miệng. ‘Và vì chính thầy là người khiến em bắt đầu nên em sẽ không buộc thầy giữ lời hứa... nhưng lần sau, khi thấy ngỗng ăn một đĩa bắp luộc to tướng thì hãy nhớ đến em.’

Thầy ấy bèn dọa nếu tớ không cút xéo ngay lập tức thì thầy ấy sẽ tấn cho tớ một trận thừa sống thiếu chết.” Ben khẽ mỉm cười... nhưng nụ cười ấy chẳng vui vẻ gì cho cam, và hẳn nhiên không có chút hoài niệm nào. “Đó là nguyên văn những gì thầy ấy nói với tớ. Ánh mắt của mọi người đổ dồn vào hai người bọn tớ, kể cả những đứa tớ đánh bại ban này. Nhìn chúng có vẻ ngượng ngùng. Tớ bèn đáp, ‘Thưa huấn luyện viên, em nói thấy đi đầu này nhé. Thầy được đăng chân thì em còn chấp nhận, vì thầy là một kẻ giá áo túi cơm nhưng quá già để tiếp thu cái mới. Nhưng thầy lên đăng đầu mà xem, em sẽ tìm cách để khiến thầy mất việc. Em không biết em có làm được hay không, nhưng em cá em sẽ đánh liều đấy. Sau khi giảm cân, em đã có được chút tự tôn và chút bình yên. Đó là những đi đầu đáng để em phấn đấu.’”

“Nghe tuyệt vời quá, Ben ạ,” Bill nhận xét. “Nhưng nhà văn trong tớ tự hỏi liệu có đứa trẻ nào dám nói năng kiêu đấy không.”

Ben gật đầu, vẫn giữ nụ cười kỳ lạ ấy. “Tớ cũng nghĩ đứa trẻ nào chưa từng trải qua những đi đầu xảy đến với chúng ta sẽ không làm được đâu,” anh nói. “Nhưng tớ đã nói... và tớ không nói suông đâu.”

Ngẫm nghĩ một lát, Bill gật đầu. “Ừ ừ ừ.”

“Huấn luyện viên lùi lại, hai tay chống hông,” Ben kể tiếp. “Mồm ông ấy há hốc ừ ừ ngậm lại. Không ai hé răng nửa lời. Tớ bỏ đi, và đó là lần cuối cùng tớ dính líu đến huấn luyện viên Woodleigh. Khi giáo viên chủ nhiệm đưa cho tớ tờ đăng ký khóa học năm lớp Mười một, có người đã đánh hai chữ *được miễn* bên cạnh môn Thể dục, còn huấn luyện viên đã ký tên ở đó.”

“Cậu đánh bại lão ừ ừ!” Richie reo lên, nắm tay vung vẩy trên đầu. “Quá chất, Ben ơi!”

Ben nhún vai. “Tớ nghĩ người mà tớ đánh bại là bản thân mình. Tớ đoán huấn luyện viên cho tớ cái cốc khởi đầu... nhưng nhờ nghĩ về các cậu mà tớ mới có niềm tin mình làm được. Và tớ đã thành công.”

Ben lại nhún vai lịch lãm, nhưng Bill dám chắc anh trông thấy những giọt mồ hôi li ti rịn trên tóc bạn mình. “Màn tự thuật đến đây là hết. Có đi đầu cho tớ xin thêm cốc bia. Nói nhiều quá, tớ khát khô cả cổ.”

Mike ra hiệu cho nhân viên phục vụ.

Rốt cuộc, cả sáu người bọn họ cùng gọi thêm đồ uống, và họ chỉ tán gẫu dăm ba câu chuyện phiếm trong lúc chờ bia ra. Bill nhìn cốc bia, quan sát bọt khí nổi lên trên thành ly. Anh thấy kỳ khôi và bất ngờ khi nhận ra bản thân mình đang đợi ai đó trong số các bạn kể về những năm xa cách ấy – có thể là Beverly, cô sẽ khoe về đăng phu quân tuyệt vời mà cô kết hôn (dù anh ta tẻ ngắt, như đa số đàn ông tuyệt vời đầu thế), hoặc Richie Tozier, anh sẽ kể về Những Tai nạn Buồn cười trên chương trình phát thanh, hoặc Eddie Kaspbrak, anh sẽ bật mí cho họ Teddy Kennedy ngoài đời ra sao, Robert Redford bo có sộp không... hoặc có khi anh sẽ cho họ vài góc nhìn về lý do Ben có thể giảm

cân còn anh vẫn phải bầu vú lấy ống thở của mình.

Bill nghĩ thầm trong bụng. *Tình hình là Mike có thể lên tiếng bất cứ lúc nào, nhưng mình chưa chắc mình đã sẵn sàng tinh thần để nghe điều cậu ấy phải nói. Tình hình là tim mình đang đập hơi nhanh trong lồng ngực và tay mình đang lạnh ngắt. Tình hình là đã hơn hai mươi lăm năm mà mình vẫn sợ hãi như ở đây. Cả bọn đều thế. Nên ai đó hãy nói gì đi. Hãy nói về sự nghiệp, về bạn đời, về cảm tưởng khi nhìn các bạn cũ của mình và nhận ra mình vừa bị thời gian tương cho bài cú đâm thẳng vào mũi. Hãy bàn về chuyện chăn gối, bóng chày, giá xăng, tương lai của các nước trong Khối Vác-sa-va. Nói gì cũng được, ngoài chủ đề chúng ta vốn đến đây để bàn. Nói gì đi, mọi người ơi.*

Câu được ước thấy, Eddie Kaspbrak là người lên tiếng. Nhưng anh không kể về việc ngoài đời Teddy Kennedy là người ra sao hoặc Redford có hào phóng chi tiền bao nhiêu hay không, cũng chẳng nhắc tới lý do tại sao ngày xưa lúc nào anh cũng phải khư khư thứ mà Richie thỉnh thoảng gọi với cái tên “máy hút phổi của Eddie”. Anh hỏi Mike về thời điểm Stan Uris qua đời.

“Đêm hôm kia, khi tớ gọi điện thoại cho các cậu.”

“Nó có liên quan đến... đến lý do chúng ta ở đây không?”

“Tớ có thể đặt ra câu hỏi ấy và trả lời như vậy, vì cậu ấy không để lại di thư nên không ai biết được chính xác, Mike đáp, “nhưng vì nó xảy ra ngay sau khi tớ gọi điện nên ta có thể suy đoán theo chiều hướng ấy.”

“Cậu ấy tự sát phải không?” Beverly thán người. “Ôi Chúa ơi. Tội cho Stan quá.”

Cả nhóm quay sang nhìn Mike, anh uống nốt cốc bia và nói: “Một điều rõ ràng là cậu ấy đã tự sát. Tớ gọi điện thoại được một lát thì cậu ấy lên phòng tắm, xả nước vào bồn, ngâm người và cắt cổ tay.”

Bill nhìn xuống bàn, bỗng chốc cảm thấy mặt bàn chẳng chít những khuôn mặt trắng bệch, thất kinh – không có thân người, chỉ có những khuôn mặt trông

như những vòng tròn màu trắng. Như những quả bóng bay màu trắng, tròn xoe, bị trói buộc ở đây bởi một lời hứa lý ra chẳng còn hiệu lực.

“Làm thế nào mà cậu biết?” Richie hỏi. “Trong báo có nhắc tới thông tin ấy à?”

“Không. Xưa nay tớ vẫn theo dõi các tờ báo địa phương gần chỗ các cậu nhất. Tớ vẫn lặng lẽ quan sát suốt bao năm qua.”

“Điệp viên cơ đấy,” Richie cau mặt. “Cảm ơn nhé Mike.”

“Đó là công việc của tớ,” Mike đáp gọn lỏn.

“Tội cho Stan quá,” Beverly lặp lại. Cô có vẻ kinh ngạc và choáng váng trước thông tin ấy. “Nhưng ngày xưa, cậu ấy can đảm lắm mà... Rất quyết tâm là đằng khác.”

“Ai rồi cũng đổi khác,” Eddie tư lự.

“Thật thế sao?” Bill hỏi. “Stan là...” Anh loay hoay tay trên tấm khăn trải bàn, cố lựa chọn câu chữ. “Cậu ấy là người chẵn chu. Típ người lúc nào cũng phải chia sách trên kệ thành hư cấu và phi hư cấu... rồi xếp chúng theo thứ tự bảng chữ cái mới chịu. Tớ vẫn nhớ những lời cậu ấy từng nói – tớ không nhớ lúc ấy tụi mình đang ở đâu hay đang làm gì, chỉ ít lúc này thì chưa, nhưng tớ nghĩ lúc ấy mọi thứ sắp tàn cuộc. Cậu ấy bảo cậu ấy có thể chịu đựng sợ hãi, nhưng cậu ấy chúa ghét dơ dáy. Câu nói ấy hàm chứa toàn bộ con người Stan. Có thể khi Mike gọi, cậu ấy cảm thấy quá choáng ngợp. Cậu ấy cho rằng mình chỉ có hai lựa chọn: một là sống và dơ dáy, hai là được chết sạch sẽ. Có thể thật ra con người không thay đổi nhiều như ta nghĩ. Có thể chỉ là... có thể chỉ là họ cứng nhắc hơn mà thôi.”

Mọi người lặng thinh, đoạn Richie lên tiếng, “Được rồi, Mike. Ở Derry đang xảy ra chuyện gì? Kể với bọn tớ đi.”

“Tớ có thể kể với các cậu một phần,” Mike nói. “Ví dụ như về những gì đang diễn ra - ngoài ra tớ cũng có thể kể vài chuyện về các cậu. Nhưng tớ

không thể kể từ đầu chí cuối những chuyện xảy ra vào mùa hè năm 1958, mà tớ nghĩ tớ cũng không cần kể. Rồi các cậu sẽ tự nhớ ra thôi. Và tớ nghĩ nếu tớ kể quá nhiều trong khi tâm trí các cậu chưa sẵn sàng nhớ lại, chuyện xảy ra với Stan...”

“Có thể sẽ xảy ra với bọn tớ?” Ben khẽ hỏi.

Mike gật đầu. “Ừ. Đó chính là đi đầu tớ sợ.”

“Vậy cậu kể được với bọn tớ đi đầu gì thì cứ kể, Mike,” Bill nói.

“Được rồi,” anh đáp. “Tớ sẽ làm thế.”

4

HỘI CÙI BẮP BIẾT TỔ TƯỜNG

“Những vụ án mạng tái diễn rồi,” Mike thở dài. Anh hết nhìn lên lại nhìn xuống bàn, đoạn dán mắt chặt vào Bill.

“Mở màn chuỗi ‘tân án mạng’ - tớ mạn phép đặt cho nó cái tên rùng rợn ấy – là vụ án bắt đầu trên cầu Đường Chính, kết thúc bên dưới cầu. Nạn nhân là một người đồng tính, tính tình khá trẻ con tên là Adrian Mellon. Cậu này bị hen suyễn nặng.”

Eddie vươn tay chạm vào ống thở.

“Chuyện xảy ra vào ngày 21 tháng 7 mùa hè năm ngoái, ngày cuối cùng của Lễ hội Ngày Kênh Đào, đây là một chương trình lễ hội, một... ờ...”

“Một nghi lễ đặc trưng của Derry,” Bill trầm ngâm nói. Những ngón tay dài của anh chậm rãi miết hai thái dương, và không khó để biết anh đang nghĩ về George, em trai anh... George, cậu bé gần như đánh dấu màn dạo đầu của tai ương lần trước.

“Một nghi lễ,” Mike khẽ nói. “Phải.”

Anh kể cho mọi người vắn tắt đầu đuôi sự việc xảy đến với Adrian Mellon, với khuôn mặt tư lự anh thấy ai nấy đều tròn mắt thất kinh. Anh kể cho họ

những thông tin trên tờ *News* đăng tải cũng như những thông tin không được đăng... trong đó có lời khai của Don Hagarty và Christopher Unwin về một gã hề đứng dưới cầu như con quỷ trong câu chuyện ngụ ngôn xưa, gã hề giống Ronald McDonald và Bozo gộp lại, theo như nhận xét của Hagarty.

“Là hần.” Ben nói, giọng khàn đục đầy khinh miệt. “Là Pennywise khốn kiếp.”

“Còn một chi tiết nữa,” Mike nói, đưa mắt nhìn Bill. “Một trong Adrian Mellon ra khỏi Kênh Đào - chính là Harold Gardener.”

“Ồi Chúa ơi,” Bill thảng thốt, giọng vỡ vụn.

“Bill?” Beverly nhìn anh, đoạn áp tay lên cánh tay anh. Giọng cô giật mình lo âu. “Bill, sao vậy?”

“Ngày đó Harold tằm năm tuổi,” Bill nói. Đôi mắt bàng hoàng của anh tìm kiếm sự khẳng định trên mặt Mike.

“Phải.”

“Là sao vậy, Bill?” Richie hỏi.

“H-H-Harold Gardener là con tr-trai của Dave Gardener,” Bill giải thích. “Trước đây, chú Dave sống ngay đường dưới nhà tớ, nơi George bị gi-giết. Chú ấy chính là người đầu tiên chạy đến chỗ G-G... chạy đến chỗ em trai và đưa em tớ về nhà, bọc trong tấm ga trải giường.

Cả nhóm ngẩng lặng thinh, không ai nói gì. Beverly khẽ đưa tay lên mắt.

“Mọi thứ rất ăn khớp, phải không?” Cuối cùng, Mike chốt hạ.

“Phải,” Bill trầm ngâm nói. “Đúng là rất ăn khớp.”

“Những năm qua, tớ vẫn dõi theo sáu người các cậu,” Mike tiếp tục. “Song phải đến lúc ấy tớ mới dần dần ngộ ra lý do tại sao tớ lại làm thế, thật ra hành động ấy có mục đích rõ ràng và thống nhất. Nhưng tớ vẫn im hơi lặng tiếng, đợi xem tình hình ra sao. Các cậu thấy đấy, tớ cảm thấy tớ phải hoàn toàn chắc

chấn r ồi mới... gây xáo trộn cuộc sống của mọi người. Không phải chắc chắn chín mươi phần trăm, thậm chí chín mươi chín phần trăm cũng chưa đủ. Chừng nào chắc chắn một trăm phần trăm, chừng ấy tớ mới hành động.

Tháng Mười hai năm ngoái, thi thể một cậu bé tám tuổi tên là Steven Johnson được phát hiện trong công viên Tưởng niệm. Giống Adrian Mellon, cậu bé bị đánh đập không thương xót ngay trước và sau khi chết, nhưng trông cậu bé kinh hãi chẳng khác nào chết vì sợ.”

“Cậu bé có bị xâm hại tình dục không? Eddie hỏi.

“Không. Chỉ bị đánh đập thôi.”

“Tổng cộng bao nhiêu r ồi?” Eddie hỏi nhưng nhìn anh chẳng có vẻ gì muốn biết.

“Tệ lắm,” Mike nói.

“Tệ là bao nhiêu?” Bill lặp lại.

“Chín vụ cả thảy.”

“Không thể nào!” Beverly hét lên. “Lý ra tớ phải thấy tin này đăng lên báo... hoặc trên truyền hình chứ! Khi tên cảnh sát điên khùng ra tay giết bao nhiêu phụ nữ ở Castle Rock, Maine... và những đứa trẻ bị sát hại ở Atlanta...”

“Ừ, đúng vậy,” Mike nói. “Tớ cũng đã nghĩ rất nhiều về việc đó. Những vụ án ấy cũng tám lạng nửa cân so với những gì đang xảy ra ở đây, và Bev nói đúng: tin tức này đáng ra phải lan ra cả vùng. Xét theo nhiều khía cạnh, khi so với vụ việc xảy ra ở Atlanta, tớ cảm thấy kinh hoàng nhất. Chuỗi án mạng giết chín đứa trẻ... đáng ra chúng ta phải có phát thanh viên truyền hình đến đưa tin, những bà đồng ông đồng dỏm, phóng viên từ *The Atlantic Monthly* và *Rolling Stone*... tóm lại là đáng ra phương tiện truyền thông phải làm rùm beng chuyện này lên mới phải.”

“Nhưng đi ầu đó lại không xảy ra,” Bill tư lự.

“Đúng vậy,” Mike đáp, “điều đó không xảy ra. À, cũng có chút góc phụ trương Chủ nhật đăng tin này trên tờ *Telegram* Chủ nhật của Portland, và một tin khác trên tờ *Globe* của Boston sau khi hai vụ gần nhất xảy ra. Vào tháng Hai, một chương trình truyền hình có trụ sở ở Boston mang tên *Ngày tốt lành!* đã thực hiện một chuyên mục về các vụ án chưa có lời giải, và một trong các chuyên gia có nhắc đến án mạng ở Derry, nhưng chỉ thoáng qua thôi... và rõ ràng ông ấy không có vẻ gì là biết vào năm 1957-1958 và năm 1929-1930 cũng từng xảy ra chuỗi án mạng tương tự.

Tất nhiên có những lý do bên ngoài. Atlanta, New York, Chicago, Detroit... đây là những khu vực có truyền thông lớn mạnh, và ở những nơi như thế, khi biến cố xảy ra, chắc chắn sẽ ồn ào hơn. Trong khi đó, ở Derry còn không có nổi một đài truyền hình hay đài phát thanh, trừ khi ta tính cả đài FM be bé mà Phòng ban Tiếng Anh và Phát biểu hoạt động ở trường trung học. Bangor đã nướng miếng bánh thị phần truyền thông rồi.”

“Còn mỗi tờ *Derry News*,” Eddie nói, và cả bọn phá lên cười.

“Nhưng tất cả chúng ta đều biết như vậy không ăn khớp tình hình thế giới hiện tại. Mạng lưới thông tin liên lạc rành rành ra đây, và đáng ra vụ việc này phải ghi nhận sự chú ý của cả nước mới phải. Song lại không như thế. Và tôi nghĩ lý do chỉ đơn giản là: Nó không muốn thế.”

“Nó,” Bill lẩm bẩm đầy tự lự.

“Phải, chính là Nó,” Mike gật gù. “Nếu giờ phải đặt cho Nó một cái tên, thôi thì ta dùng cách mà ngày xưa ta hay gọi cho nó. Các cậu biết không, gần đây tôi mạnh mẽ suy nghĩ bất kể Nó thực sự là gì, Nó đã tồn tại ở đây rất lâu... rằng Nó đã trở thành một phần của Derry, một phần của thị trấn này, như Standpipe, hoặc như Kênh Đào, hoặc công viên Bassey, hoặc thư viện. Chỉ có điều, như các cậu thấy đấy, Nó không phải cảnh quan địa lý bên ngoài, mà giờ Nó là... nội tại. Bằng cách nào đó, Nó đã lọt vào bên trong. Đó là cách duy

nhất tớ biết để lý giải tất cả những tai họa khủng khiếp xảy ra ở nơi này - những gì có thể giải thích trên danh nghĩa cũng như những gì hoàn toàn không thể giải thích! Vào năm 1930, có một vụ cháy ở quán bar cho người da đen có tên là Điểm Đen. Một năm trước đó, vào thời kỳ Đại khủng hoảng, một nhóm du thủ du thực đã bị xả súng trên đường Kênh Đào vào giữa buổi chiều.”

“Băng đảng Bradley,” Bill nói. “FBI bắn họ phải không?”

“Lịch sử nói thế, nhưng thực ra không phải như vậy. Theo như ngu ồn tin tớ tìm hiểu -và thật lòng, tớ không muốn tin vào đi ầu đó chút nào, vì tớ rất yêu thị trấn này - Băng đảng Bradley, có cả thầy bầy người, bị những người dân hiền lành ở Derry xả súng giết chết. Để dịp khác, tớ sẽ kể cụ thể cho các cậu nghe.

Năm 1906, có một vụ nổ ở Xưởng đúc Kitchener trong sự kiện động vật rất tàn bạo, mãi mới truy ra được thủ phạm là Andrew Rhulin, ông chủ của chủ trang trại Rhulin hiện giờ. Thủ phạm bị ba cảnh sát hành hung bằng dùi cui đến chết, trong khi lý ra họ phải áp giải người này. Cả ba cảnh sát ầu không bị đưa ra tòa.”

Mike Hanlon lấy từ trong túi áo cuốn sổ nhỏ, chúi mũi vừa lật vừa trình bày. “Vào năm 1977, có bốn vụ tử hình xảy ra trong địa phận hợp nhất của thị trấn. Một trong những người bị treo cổ là Giám lý, thủ phạm đã dìm chết bốn đứa con của mình trong bồn tắm như thể dìm chết mèo con rồi bắn vào đầu vợ mình. Hắn đã đặt khẩu súng vào tay vợ để dàn dựng một vụ tự sát, nhưng vải thừa không che được mắt thánh. Một năm trước đó, thi thể của bốn thợ đốn gỗ được phát hiện trong căn l ầu dưới hạ ngu ồn sông Kenduskeng trong tình trạng bị xé toạc. Trích đoạn nhật ký của nhiều người thời xưa cũng ghi lại các vụ mất tích của nhiều trẻ em và nhiều gia đình... song không tài liệu chính thức nào ghi nhận chuyện này. Đó là một vài ví dụ điển hình, nhưng có lẽ các cậu nắm bắt được vấn đề rồi đấy.”

“Tớ hiểu rồi,” Ben nói. “Có sóng ngầm ở đây, nhưng chỉ ngầm mà thôi.”

Mike đóng sổ, cất lại vào túi trong rồi nghiêm trang nhìn cả nhóm.

“Nếu tớ làm ngành bảo hiểm chứ không phải là một thủ thư, có khi tớ sẽ vẽ đồ thị cho các cậu xem. Nó sẽ thể hiện tỷ lệ cao bất thường của mọi loại hình bạo lực mà ta biết, bao gồm cưỡng hiếp, loạn luân, đột nhập cướp cửa, cướp ô tô, lạm dụng trẻ em, bạo dâm, tấn công người vô tội.

Tại một thành phố tị nạn trung nọ ở Texas có tỷ lệ tội phạm thấp hơn rất nhiều so với số liệu thường ghi nhận ở thành phố có quy mô tương đương cùng dân số đa chủng tộc như vậy. Người ta phát hiện nguyên nhân khiến cư dân nơi đây trăn trối là nhờ ngu ồn nước... Nó như một loại thuốc an thần tự nhiên. Còn nơi này lại vốn đã phải chứng kiến nhiều bạo lực. Nhưng cứ hai mươi bảy năm một lần – dù chu kỳ này không chính xác từng đường tơ kẽ tóc - tình trạng bạo lực ấy lại leo thang đến đỉnh điểm... và *chưa lần nào* tình hình được truyền thông nước nhà quan tâm.”

“Ý cậu ví nó như căn bệnh ung thư găm nhấm nơi này à?” Beverly lên tiếng.

“Không hề. Người mắc ung thư mà không được chữa chỉ có nước chết. Nhưng Derry không chết, thậm chí ngược lại, nó còn được thể phát triển... tất nhiên là theo một cách không có gì đáng chú ý, chẳng có gì để đưa tin. Nơi này chỉ là một thị trấn nhỏ, tương đối phát đạt trong một bang không quá đông dân, nơi tai ương diễn ra quá thường xuyên... nơi những đi đầu tàn bạo cứ khoảng một phần tư thế kỷ lại xảy ra một lần.”

“Trước nay vẫn như vậy sao?” Ben hỏi.

Mike gật đầu. “Trước nay vẫn vậy. Những năm 1715-1716, 1740 cho đến khoảng năm 1743 – dài như vậy hẳn rất khủng khiếp - 1769-1770, vân vân. Kéo dài đến tận bây giờ. Tớ có cảm giác tình hình càng lúc càng chuyển biến xấu đi, có khi là vì vào cuối chu kỳ lại có thêm nhiều người ở Derry, hoặc có

khi là vì lý do gì đó khác. Và vào năm 1958, chu kỳ dường như kết thúc sớm hơn bình thường. Chúng ta chịu trách nhiệm cho việc đó.”

Bill Denbrough cúi người tới trước, hai mắt chột bùng lên. “Cậu có chắc về điều đó không? Cậu *chắc* chứ?”

“Tớ chắc,” Mike khẳng định. “Tất cả các chu kỳ khác đạt đỉnh vào khoảng tháng Chín rồi kết thúc một cách cao trào. Cuộc sống thường trở lại nhịp điệu bình thường vào Giáng sinh... hoặc trễ nhất là lễ Phục sinh. Nói cách khác, cứ mỗi hai mươi bảy năm lại có những khoảng thời gian ‘tệ hại’ kéo dài chừng mười bốn đến hai mươi tháng. Những năm tồi tệ khởi đầu bằng việc em trai cậu bị giết vào tháng Mười năm 1957 lại kết thúc khá đột ngột vào tháng Tám năm 1958.”

“Tại sao?” Eddie sốt ruột hỏi. Hơi thở của anh phì phò; Bill nhớ đến âm thanh rít lên khi Eddie hít vào, và biết một chốc nữa thôi, anh sẽ hít lấy hít để ống thở cũ kia. “Bọn mình đã *làm* gì?”

Câu hỏi cứ thế bị bỏ lửng. Mike có vẻ cân nhắc tìm lời đáp... nhưng cuối cùng, anh chỉ lắc đầu. “Các cậu sẽ nhớ ra thôi,” anh nói. “Khi nào đến lúc, các cậu sẽ tự nhớ ra thôi.”

“Nếu không thì sao?” Ben hỏi.

“Thì cầu Chúa cứu giúp chúng ta.”

“Năm nay chưa gì đã có chín đứa trẻ mất mạng,” Rich nói. “Chúa ơi.”

“Lisa Albrecht và Steven Johnson bị chết vào cuối năm 1984,” Mike nói. “Vào tháng Hai, một cậu bé tên là Dennis Torrio đã mất tích. Cậu bé ấy đang học trung học. Thi thể cậu được phát hiện giữa tháng Ba, trong Vùng Đất Cằn. Bị đánh đập tàn tệ. Bức hình này được tìm thấy gần đó.”

Mike lấy ra tấm hình từ túi áo bên trong mà ban nãy anh vừa cất cuốn sổ. Mọi người chuyển quanh bàn cho nhau xem. Beverly và Eddie nhìn với vẻ mặt bối rối, còn Richie Tozier phản ứng vô cùng dữ dội. Anh thả nó xuống như thể

phải bồng. “Chúa ơi! Chúa ơi, Mike!” Anh ngược lên, đôi mắt trợn trừng vì kinh hãi. Lát sau, anh đưa bức hình cho Bill.

Vừa nhìn vào nó, Bill liền có cảm giác thế gian quanh mình như chìm vào sắc xám. Trong một khắc, anh cứ tưởng mình sẽ lăn đùng ra ngất. Anh nghe thấy tiếng rên và nhận ra nó xuất phát từ miệng mình. Anh đánh rơi bức hình.

“Sao vậy?” Anh nghe thấy giọng của Beverly. “Sao thế Bill?”

“Đây là bức hình kỷ yếu của em trai tớ,” cuối cùng Bill mới thốt lên. “Là G-Georgie. Bức hình này nằm trong cuốn album của em tớ. Là bức hình cử động và nháy mắt.”

Họ lại chụm tay nhau thêm một lần nữa, trong lúc Bill ngẩn ngơ như tượng ở đầu bàn, thần thờ nhìn vào vô định. Bức hình này chụp một bức hình khác. Trong hình là bức ảnh kỷ yếu tả tơi trên nền trắng - cậu bé trong hình đang nhoẻn miệng cười, để lộ hai khoảng trống vì răng chưa kịp mọc (*trừ khi răng vẫn mọc dưới mõ*, Bill nghĩ mà run bần bật). Ngay bên dưới bức hình của George là dòng chữ KỶ YẾU 1957-1958.

“Bức hình được tìm thấy *năm nay* à?” Beverly hỏi lại. Thấy Mike gật đầu, cô quay sang Bill. “Cậu thấy nó lần cuối khi nào vậy Bill?”

Anh liếm môi, toan lên tiếng nhưng chẳng thốt lên được gì. Anh cố gắng nói, lần này, anh nghe thấy tiếng nói vang vọng trong đầu mình, ý thức tật nói lấp đang quay trở lại, anh chống chọi nó, cũng như chống chọi với nỗi khiếp sợ.

“Tớ đã không thấy bức hình này từ năm 1958 rồi. Mùa xuân sau năm George qua đời. Lúc tớ định cho Richie xem thì nó đã b-biến mất.”

Một tiếng hít vào thật to vang lên khiến họ quay lại nhìn. Eddie để ống thở lên bàn, mặt anh thoáng ngượng ngập.

“Eddie Kaspbrak quây rồi!” Richie ré lên vui vẻ, và bất chợt, kỳ cục làm sao, Giọng vói của Phát thanh viên thời sự MovieTone cất lên từ miệng Rich:

“Hôm nay ở Derry, cả thị trấn đến dự chương trình Hen suyễn Trầy hội, và ngôi sao của chương trình là Ed ụt ịt luôn khụt khịt, nức tiếng vùng New England với cái danh...”

Bỗng anh im bật, một tay đưa lên mặt như thể che mắt, thấy cảnh ấy, Bill bất chợt nghĩ trong đầu: *Không - không phải vậy. Cậu ấy không đưa tay lên che mắt mà là đẩy gọng kính lên mũi. Đây gọng kính mà hiện giờ cậu ấy không còn đeo nữa. Ôi lạy Chúa tôi, chuyện gì đang xảy ra thế này?*

“Eddie, tớ xin lỗi.” Rich lên tiếng. “Tớ độc ác quá. Tớ chẳng biết tớ đang nghĩ cái quái gì trong đầu nữa.” Anh nhìn mọi người, thẳng thốt.

Mike Hanlon phá vỡ sự im lặng.

“Sau khi thi thể của cậu bé Steven Johnson được tìm thấy, tớ đã tự hứa với bản thân nếu có thêm bất cứ điều gì xảy ra - nếu có thêm một vụ khác rành rành như thế - tớ sẽ nhắc máy lên và thực hiện những cuộc gọi mà rốt cuộc tớ đã khất lần khất lượt hai tháng. Như thế tớ bị thôi miên bởi chuyện đang xảy ra, bởi ý thức của nó - sự toan tính của nó. Tấm hình của George được phát hiện bên cạnh một cái cây bị đổ cách thi thể của cậu bé Torrio chưa đầy ba mét. Nó không bị giấu giếm; mà ngược lại mới đúng. Như thế kẻ sát nhân muốn ta tìm ra bức hình. Tớ dám chắc là như thế.”

“Làm thế nào mà cậu lấy được bức hình này vậy Mike?” Ben hỏi. “Nó do cảnh sát chụp đúng không?”

“Phải, nó vốn được chụp bởi cảnh sát. Có một người ở Sở cảnh sát không phản đối chuyện kiểm thêm dăm ba đống. Tớ trả anh ta ngu ồn tin của tớ.

Bốn ngày sau vụ của cậu bé Torrio, xác của một cậu bé mười ba tuổi tên là Dawn Roy được phát hiện ở công viên McCarton. Một cái xác mất đầu.

Ngày 23 tháng 4 năm nay là Adam Terrault. Mười sáu tuổi. Gia đình báo mất tích khi cậu bé đi tập cùng ban nhạc mà không thấy về. Ngày hôm sau, thi thể được tìm thấy ở con đường cắt qua vành đai xanh đằng sau Tây Broadway.

Xác cũng bị chặt.

Mùng 6 tháng 5. Frederick Cowan. Hai tuổi rưỡi. Thi thể được phát hiện trong nhà vệ sinh trên tầng, bị dìm trong bồn cầu cho đến chết.”

“Ôi trời, Mike!” Beverly thảng thốt.

“Ừ, kinh khủng lắm,” anh nói, giọng có phần tức giận. “Cậu tưởng tớ không biết sao?”

“Cảnh sát có chắc chắn đây không phải là – ừm, một tai nạn không?” Bev hỏi.

Mike lắc đầu. “Lúc ấy, mẹ cậu bé đang phơi đồ trong sân sau. Cô ấy nghe thấy tiếng quấy đạp - nghe thấy con trai mình hét lên. Người mẹ học tốc chạy vào. Cô cho biết lúc lên cầu thang, cô nghe thấy tiếng bồn cầu dội nước liên tục - và tiếng cười. Người mẹ nói tiếng cười nghe không giống tiếng người chút nào.”

“Và cô ấy có chứng kiến gì không?” Eddie hỏi.

“Chỉ nhìn thấy con trai mình,” Mike gọn lỏn. “Lưng cậu bé bị gãy, hộp sọ bị nứt. Cửa kính ở gian tắm bị bể. Máu vương vãi khắp nơi. Hiện tại người mẹ đang nằm trong Bệnh viện Tâm thần Bangor. Ngủ... ngủ tin trong Sở cảnh sát của tớ cho hay cô ấy phát điên rồi.”

“Không điên mới lạ,” Richie khô khốc nói. “Có ai có thuốc lá không?”

Beverly chuyển cho anh một điếu. Richie châm lửa mà tay run bần bật.

“Cảnh sát kết luận kẻ sát nhân vào nhà từ cửa chính trong lúc mẹ của cậu bé Cowan đang phơi đồ ở sân sau. Và khi người mẹ chạy lên cầu thang sau nhà, hẳn ta nhảy qua cửa sổ phòng tắm vào khoảng sân mà cô này vừa rời đi rồi trốn thoát. Nhưng kích thước của cửa sổ rất nhỏ; một đứa trẻ bảy tuổi còn phải trầy trật lắm mới chui qua được. Và khoảng cách từ đó xuống đất là hai mươi lăm mét, bên dưới là khoảng sân được lát đá. Rademacher không muốn đề cập tới những chi tiết này, và không ai trong cánh báo chí – nhất là không người

nào của tờ *News* – căn vặn vấn đề này.”

Mike uống một ngụm nước rồi chuyển cho mọi người thêm một bức hình nữa. Lần này không phải hình cảnh sát chụp mà là một tấm hình kỷ yếu khác. Trong hình là một cậu bé chừng mười ba tuổi đang cười thật tươi. Cậu bé ăn diện rất bảnh để chụp hình, hai tay sạch sẽ, xếp gọn trong lòng... nhưng có chút tình quái ánh lên trong đôi mắt. Cậu bé là người da đen.

“Jeffrey Holly,” Mike tiếp tục. “Ngày 13 tháng 5. Một tuần sau khi cậu bé Cowan bị giết. Xác bị xé toạc, tìm thấy ở công viên Bassey, cạnh Kênh Đào.

Chín ngày sau, ngày 22 tháng 5, thi thể cậu bé John Feury lớp Năm được phát hiện ở đường Neibolt...”

Eddie run rẩy ré lên. Anh chớp lấy ống thở nhưng lại vô tình hất nó rớt xuống bàn. Nó lăn đến chỗ Bill, anh nhặt nó lên. Mặt Eddie chuyển xanh như tàu lá. Hơi thở anh khò khè rít lên trong họng.

“Lấy cho cậu ấy đều đặn đi!” Ben la lên. “Ai đó lấy...”

Nhưng Eddie lắc đầu. Anh xịt ống thở vào họng. Ngực anh phập phồng khi anh hít vào một hơi thật sâu. Anh xịt thêm lần nữa rồi ngả người ra sau, mắt lim dim, hơi thở hừng hực.

“Tớ sẽ ổn thôi,” anh hỗn hển. “Cho tớ một phút, tớ theo được.”

“Eddie, cậu chắc chứ?” Beverly hỏi. “Hay cậu nằm xuống...”

“Tớ sẽ ổn mà,” anh cúi kính lạy lại. “Chỉ là tớ... chịu cú đả kích quá. Cậu biết đấy. Đả kích lớn quá. Tớ đã quên sạch chuyện ở đường Neibolt.”

Không ai lên tiếng đáp lời, không ai phải làm điều đó. Bill thầm nghĩ: *Khi ta tưởng ta đã chạm tới giới hạn của bản thân, thì Mike lại kể thêm một cái tên, rồi một cái tên nữa, như nhà ảo thuật hắc ám có đầy bí thuật quỷ quyết khiến ta không tài nào chống đỡ nổi.*

Quả thật quá sức khi một lúc đối mặt với chừng này thứ, đối mặt với thác lũ

bạo lực vô phương lý giải, nhắm trực tiếp vào sáu người bọn họ - chí ít đó là những gì bức hình của George thể hiện.

“Cả hai chân của John Feury đều bị chặt đứt,” Mike khẽ tiếp tục, “nhưng nhân viên pháp y cho biết đi đầu đó xảy ra sau khi cậu bé đã chết. Tim cậu ngừng đập. Có vẻ cậu bé chết vì quá sợ hãi theo nghĩa đen. Nhân viên đưa thư phát hiện xác cậu bé, khi ông thấy một bàn tay thò ra từ dưới hiên...”

Địa chỉ số 29 phải không?” Rich hỏi, và Bill liếc nhìn bạn thật nhanh. Rich cũng nhìn anh, khẽ gật đầu rồi lại quay sang nhìn Mike. “Căn nhà số 29 đường Neibolt?”

“Ừ, đúng rồi,” Mike vẫn giữ giọng nói bình thản ấy. “Là căn nhà số 29.” Anh uống thêm nước. “Cậu thật sự ổn chứ, Eddie?”

Eddie gật đầu. Hơi thở của anh đã ổn định trở lại.

“Rademacher ra lệnh bắt giữ một ngày sau ngày tìm thấy thi thể Feury,” Mike nói. “Tình cớ thế nào mà cùng ngày hôm ấy, tờ *News* đăng một bài trên trang nhất yêu cầu ông ta từ chức.”

“Sau tám vụ án mạng à?” Ben nhận xét. “Bọn họ quyết liệt ra phết nhỉ.”

Beverly hỏi ai là người bị bắt giữ.

“Một người đàn ông sống trong căn chòi nhỏ trên Đường số 7, gần như nằm ngoài địa hạt thị trấn và thuộc địa phận Newport,” Mike nói. “Ông này sống khá ẩn dật. Ông ta dùng ván cũ đốt lò, lợp chòi bằng những tấm ngói và mâm xe lượm lặt được. Tên ông ta là Harold Earl. Có khi cả năm ông này cũng chẳng có nổi hai trăm đô-la tiền mặt. Có một nhân chứng chạy xe ngang qua, trông thấy ông ta đứng trong sân, ngẩng đầu nhìn trời vào ngày phát hiện thi thể của John Feury. Quần áo của ông ta bê bết máu.”

“Vậy có thể...” Rich gợi mở đầy hy vọng.

“Ông ta chặt ba con nai trong chòi,” Mike giải thích, “Ông ta đi săn ở Haven. Máu trên quần áo của ông ta là máu nai. Rademacher hỏi ông ta có giết

John Feury không thì Earl đáp như sau: ‘Ồ có chứ, tôi giết khối người. Thời chiến, tôi bắn người ta chết như rạ.’ Ông ta còn khai thêm đến ông ta thấy trong rừng xuất hiện những thứ kỳ lạ. Thịnh thoảng là những ngọn đèn xanh, nổi cách mặt đất chừng chục phân. Ông ta gọi nó là Ánh ma trôi. Và Chân to.

“Người ta đưa ông này vào Bệnh viện Tâm thần Bangor. Theo báo cáo y tế, gan của ông này gần như không còn. Lâu nay, ông ta uống dung môi pha sơn...”

“Ôi Chúa ơi,” Beverly thảng thốt.

“... và có chỉ đầu hướng ảo giác. Cảnh sát tiếp tục đi đầu tra ông ta, và cho đến ba ngày trước, Rademacher vẫn giữ quan điểm Earl là nghi phạm khả nghi nhất. Ông ta đi đầu tám người đến đào quanh chòi của Earl, và có Chúa mới biết họ sục sạo thứ gì, thủ cấp hay chụp đèn làm từ da người chẳng hạn.”

Mike dừng lại, đầu cúi xuống, rồi tiếp tục. Giọng anh khàn hơn một chút. “Tớ đã trì hoãn hết lần này đến lần khác. Nhưng khi chứng kiến vụ án này, tớ đã gọi điện cho các cậu. Tớ ước giá mà tớ gọi sớm hơn.”

“Ta cùng xem nào,” Ben chột lên tiếng.

“Nạn nhân cũng là một cậu bé lớp Năm,” Mike nói. “Bạn học của cậu bé Feury. Thi thể cậu bé này được phát hiện trên đường Kansas, gần chỗ Bill hay giấu xe đạp khi chúng ta đến Vùng Đất Cằn. Tên cậu bé là Jerry Bellwood. Xác cậu bé tanh bành. Phần... phần thi thể còn lại được tìm thấy ở chân tường chắn bằng xi măng được xây dựng dọc theo gần hết đường Kansas hai mươi năm trước để ngăn xói mòn đất. Cảnh sát có chụp một tấm hình ở khoảng tường phát hiện xác Bellwood chừng nửa tiếng sau khi di dời thi thể. Bức hình ấy đây.”

Anh đưa bức hình cho Rich Tozier, xem xong, Rich chuyển cho Beverly. Cô liếc nhìn nó thật nhanh, nhắm mắt, rồi chuyển cho Eddie. Anh nhìn nó thật lâu và chăm chú rồi đưa Ben. Ben nhìn sơ rồi đưa qua Bill.

Những con chữ nguệch ngoạc trên bức tường xi măng ghi:

COME HOME COME HOME COME HOME

(VỀ NHÀ VỀ NHÀ VỀ NHÀ)

Bill ngược nhìn Mike, mặt tối sầm. Ban nãy, anh bối rối và kinh hãi, nhưng giờ, anh cảm thấy phần nộ âm ỉ cuộn dâng trong lòng mình. Anh thấy mừng. Phần nộ chẳng phải cảm giác vui thú gì cho cam, nhưng chí ít nó vẫn tốt hơn so với cảm giác bàng hoàng, vẫn tốt chán so với sự sợ hãi đến cùng cực. “Có phải nó được viết bằng thứ mà tớ đang nghĩ tới không?”

“Phải,” Mike đáp. “Bằng máu của Jerry Bellwood.”

5

RICHIE BỊ TUÝT CÒI

Mike lấy lại các bức hình. Anh đã nghĩ đến khả năng Bill xin tấm hình chụp bức ảnh của George, nhưng hóa ra Bill không nói gì cả. Anh cất chúng vào túi bên trong áo khoác, và khi chúng đã khuất mắt trông coi, tất cả bọn họ – kể cả Mike - cảm thấy như trút được tảng đá.

“Chín đứa trẻ,” Beverly khẽ khàng. “Thật không thể tin nổi. Ý tớ là... tớ có thể tin, nhưng tớ không tài nào tưởng nổi. Chín đứa trẻ mất mạng mà chẳng có hành động gì ư? Không có gì sất?”

“Không hẳn là vậy,” Mike nói: “Mọi người tức giận và sợ hãi... chí ít bên ngoài là thế. Chẳng thể nào biết ai thật sự cảm thấy như vậy và ai đang giả vờ.”

“Giả vờ ư?”

“Beverly, cậu có nhớ lúc bọn mình còn bé, có một người đàn ông chỉ bằng quan gấp báo lại rồi đi vào nhà lúc cậu kêu cứu không?”

Trong một khoảnh khắc, dường như có thứ gì đó nhảy vào mắt cô, trông cô vừa sợ hãi vừa cảnh giác. Nhưng rồi cô bối rối. “Không... Chuyện đó xảy ra khi nào vậy Mike?”

“Thôi, bỏ qua đi. Khi thời điểm chín muồi, cậu sẽ nhớ lại. Tớ chỉ có thể nói mọi thứ ở Derry vẫn diễn ra theo đúng cách của Derry. Đối mặt với chuỗi án mạng kinh hoàng này, người dân đang nỗ lực làm những điều nên làm, đa phần cũng giống như ngày trước, khi trẻ em liên tục biến mất và bị sát hại vào năm 1958. Hội đồng Cứu lấy Con em Chúng ta tổ chức họp bàn trở lại, có điều lần này là ở trường Tiểu học Derry chứ không phải trường Trung học Derry. Có mười sáu thanh tra từ văn phòng Tổng chương lý bang trong thị trấn, một đội đặc vụ FBI – tớ không biết có bao nhiêu người, và dù Rademacher được mỗi cái to mồm, tớ cũng nghĩ ông ta không biết. Giờ giới nghiêm được áp dụng trở lại...”

“Ừ đúng rồi. Giờ giới nghiêm.” Ben chậm rãi, khoan thai xoa gáy. “Năm 1958, nó có tác dụng như thần. Tớ vẫn nhớ điều đó.”

“... Và có cả Hội Các mẹ Đi bộ để đảm bảo mọi đứa trẻ, từ mẫu giáo đến lớp Tám, đến trường đều được đưa về nhà an toàn. Trong vòng ba tuần vừa rồi, tờ *News* nhận được hơn hai nghìn lá thư yêu cầu giải pháp được đưa ra. Và tất nhiên, làn sóng di cư lại bắt đầu. Thỉnh thoảng tớ nghĩ đó là cách duy nhất để thực sự phân biệt ai thật lòng mong muốn tai ương này chấm dứt và ai không. Người nào thực sự lo, người đó sẽ sợ hãi và tự bỏ đi.”

“Mọi người đang rời khỏi đây sao?” Richie hỏi.

“Điều đó xảy ra vào thời điểm chu kỳ mạnh lên. Khó mà kiểm định được bao nhiêu người bỏ đi, vì từ năm 1850 trở đi, chu kỳ không nằm trọn trong năm thống kê. Nhưng con số khá lớn. Người ta bỏ cửa chạy lấy người, như trẻ con phát hiện ngôi nhà thật sự bị ma ám.”

“Về nhà, về nhà, về nhà,” Beverly khẽ nói. Khi cô thôi nhìn bàn tay mình

mà ngược lên, cô quay sang Bill chứ không phải Mike. “Nó muốn chúng ta trở lại. Tại sao vậy?”

“Có thể nó muốn tất cả chúng ta trở lại,” Mike lấp lửng. “Đúng vậy. Có thể nó muốn vậy. Có thể nó muốn trả thù. Suy cho cùng, chúng ta đã ngăn chặn được Nó một lần.”

“Trả thù... hoặc chỉ là đưa mọi thứ trở lại trật tự,” Bill nói.

Mike gật đầu. “Cuộc đời các cậu cũng vì nó mà xáo trộn mà. Không ai trong các cậu rời khỏi Derry mà toàn vẹn cả... Nó đã in hằn dấu vết lên các cậu. Tất cả các cậu đã quên mất những chuyện xảy ra ở đây, ký ức của mọi người về mùa hè năm ấy cũng chỉ rời rạc. Ngoài ra, còn có một đi đầu khá thú vị là tất cả các cậu đều rất khá giả.”

“Trời, thôi nào!” Richie cất tiếng. “Có gì mà...”

“Từ từ nào, cứ từ từ,” Mike nói, giơ tay lên, khẽ mỉm cười. “Tớ không trách móc các cậu, chỉ là có gì nói đó thôi. Các cậu giàu sang so với tiêu chuẩn của một anh thủ thư trong thị trấn nhỏ, một năm làm được chưa tới mười một nghìn đô-la sau thuế, các cậu hiểu chứ?”

Richie khó chịu nhún vai trong bộ áo vest mắc tiề. Ben có vẻ say sưa xé giấy ăn thành những dải nhỏ. Chẳng ai nhìn trực diện vào Mike, ngoại trừ Bill.

“Đúng là không có ai trong số các cậu thuộc tầng lớp nứt đổ vỡ vách như [HL. Hunt](#), Mike nói, “nhưng các cậu vẫn rất sung túc so với tiêu chuẩn tầng lớp trung lưu phía trên của nước Mỹ. Bọn mình là bạn bè nên mọi người đừng giấu giếm làm gì nếu năm 1984, có ai trong số các cậu kê khai ít hơn 90.000 đô-la trên tờ khai thuế thì giơ tay lên cho tớ xem.”

Ông trùm dầu mỏ người Mỹ.

Họ đưa mắt liếc nhìn nhau, gầ như lén lút, ngại ngầ trước cuộc sống công thành danh toại mình đạt được, như hành động thường trực của dân Mỹ – tựa hồ tiề là những quả trứng luộc, còn vinh hoa phú quý như những cú đánh rắ

không thể tránh khỏi nếu xori quá nhiều trứng. Bill cảm thấy máu dồn lên má nóng bừng nhưng anh bất lực, không tài nào ngăn được. Anh được trả nhiều hơn 10.000 đô-la so với tổng số tiền Mike vừa đề cập chỉ để viết bản nháp đầu tiên cho phim *Phòng áp mái*. Người ta hứa sẽ chi thêm 20.000 đô-la cho mỗi lần chỉnh sửa nếu cần. Rồi tiền nhuận bút... và khoản ứng trước hào phóng cho hợp đồng hai cuốn sách mà anh vừa ký... Anh đã kê khai bao nhiêu tiền trên tờ khai thuế năm 84 ư? Hình như khoảng 800.000 đô-la thì phải? Đủ lớn để khoản thu nhập chưa tới 11.000 đô-la mà Mike Hanlon vừa kể chẳng khác nào muối bỏ bể.

Hóa ra người ta chỉ trả cậu chừng đó để giữ ngọn hải đăng ư, Mike bạn tôi ơi, Bill nghĩ thầm. Chúa ơi, đáng nhẽ cậu phải đề nghị người ta tăng lương từ lâu rồi mới phải chứ!

“Bill Denbrough, một tiểu thuyết gia thành công trong một xã hội nơi tiểu thuyết gia đã ít, mà tiểu thuyết gia đủ may mắn để kiếm sống từ nghiệp cầm bút còn ít hơn nữa,” Bill tiếp tục. “Beverly Rogan, người phụ nữ làm việc trong ngành thời trang, một lĩnh vực người theo thì nhiều nhưng người được chọn thì ít. Hiện tại, cô là nhà thiết kế được săn đón nhất vùng Trung Mỹ.”

“Ôi, chẳng phải tở đâu” Beverly gạt đi. Cô khẽ cất tiếng cười căng thẳng và châm thêm điếu thuốc mới từ đầu mẫu cũ đang cháy âm ỉ. “Là Tom đấy. Tom mới là người gây dựng cơ nghiệp. Không có anh ấy, chắc tở còn đang ng ẫ thay vải lót váy và may viền áo quần. Tở không biết tí gì về kinh doanh hết, đến cả Tom còn phải thốt lên như vậy mà. Tất cả là nhờ... các cậu biết đấy, nhờ Tom cả. Và nhờ thời vận thôi.” Cô rút một hơi thật sâu rồi dập điếu thuốc.

“Ta thấy quý bà rõ là ba hoa một tấc đến trời,” Richie láu cá lên tiếng.

Câu thoại nổi tiếng trong vở kịch Hamlet của William Shakespeare.

Cô quay ngoắt lại, nhìn chằm chằm vào anh, mặt đỏ như gấc. “Cậu nói vậy là có ý gì, Richie Tozier?”

“Đừng đánh con, thưa quý cô Xi-cô-lét!” Richie ré lên bằng Giọng nói Nhóc Da đen - và trong khoảnh khắc ấy, Bill có thể nhìn thấy, rõ đến dị thường, cậu bé mà anh từng quen; không phải bóng hình dĩ vãng, lấp ló dưới vỏ bọc trưởng thành của Rich Tozier mà là một nhân vật còn thật hơn chính người đàn ông trước mặt anh đây. “Đừng đánh con! Để con mang cho quý cô thêm một ly [Chu-líp bạc hà](#) nữa, quý cô Xi-cô-lét ơi! Quý cô uống ngoài hiên cho mát mẻ! Cô đừng đánh con mà tội nghiệp!”

Cocktail Mint Julep, ở đây Giọng Nhóc Da đen phát âm không chuẩn tiếng Anh.

“Thật hết nói nổi cậu, Richie,” Beverly lạnh tanh. “Cậu không chịu lớn à?”

Richie đưa mắt nhìn cô, nụ cười từ từ chuyển thành bối rối. “Tớ cứ tưởng tớ đã chín chắn, cho đến lúc tớ trở về đây.”

“Rich, có thể nói cậu là phát thanh viên ra-đi-ô thành công bậc nhất đất Mỹ đây,” Mike nói. “Cậu nắm LA như trong lòng bàn tay. Nhưng chưa hết, cậu có hai chương trình phát thanh, một trong hai chương trình nằm trong топ 40, chương trình còn lại mang tên *40 quý quái...*”

“Lũ mông muội các người liệu h ần,” Richie g ầm gừ bằng giọng [Mr.T](#) nhưng mặt anh đỏ ửng. “Ta sẽ đảo mông ra trước đảo ngực ra sau. Ta sẽ dùng nắm tay phẫu thuật não các người. Ta sẽ...”

Một diễn viên người Mỹ, nhân vật truyền hình và là một vận động viên, vệ sĩ và đô vật chuyên nghiệp đã nghỉ hưu.

“Eddie,” Mike nói tiếp, mặc kệ Richie, “cậu quản lý công ty cung cấp dịch vụ lái xe limousine phát đạt ở một thành phố mà ta phải luồn lách giữa những chiếc xe màu đen dài ngoằng mới có thể băng qua đường. Hai công ty limo một tu ần khuynh đảo cả [Trái Táo Lớn](#), cậu thành công ra phết.

Biệt danh của thành phố New York.

Còn Ben, có lẽ cậu là kiến trúc sư trẻ thành công nhất thế giới.”

Ben mở miệng toan phản đối nhưng rồi chột ngậm miệng lại.

Mike mỉm cười với mọi người và chìa tay ra. “Tớ không muốn bất cứ ai ngại ngùng, nhưng tớ muốn bọn mình lật bài ngửa với nhau. Có người thành công từ trẻ, có người thành công trong những ngành nghề chuyên môn cao – nếu không có những người vượt lên số phận như vậy, có lẽ ai nấy đều từ bỏ cả rồi. Nếu trong các cậu chỉ có một hay hai người, ta có thể xem như ấy là chuyện ngẫu nhiên. Nhưng không chỉ một hay hai người mà là tất cả các cậu, trong đó có cả Stan Uris, kế toán viên trẻ thành công nhất Atlanta... tức toàn bộ miền Nam. Kết luận tớ rút ra là thành công của các cậu xuất phát từ những gì xảy ra ở đây hai mươi bảy năm về trước. Nếu thời điểm ấy, tất cả các cậu tiếp xúc với a-mi-ăng và giờ mắc ung thư phổi, mối tương quan sẽ rõ ràng và thuyết phục chẳng kém. Các cậu có đi đâu gì bàn cãi không?”

Anh nhìn mọi người nhưng chẳng ai nói gì.

“Cả nhóm, chỉ trừ có cậu,” Bill lên tiếng. “Chuyện gì đã xảy ra với cậu vậy, Mikey?”

“Nó rõ như ban ngày mà?” Anh nhoen cười. “Vì tớ ở lại đây.”

“Cậu là người canh giữ ngọn hải đăng,” Ben nói. Bill giật nảy, quay về phía bạn, nhưng Ben đang nhìn Mike chăm chăm nên không hay. “Nghe vậy tớ chẳng vui nổi, Mike. Thành thật mà nói, tớ thấy mình như cục cút vậy.”

“Lạy Chúa,” Beverly nói.

Mike kiên nhẫn lắc đầu. “Các cậu không việc gì phải cảm thấy tội lỗi cả. Các cậu nghĩ tớ tự do chọn việc ở lại nơi này, giống như các cậu được tự do chọn việc dứt áo ra đi sao? Làm gì có, ngày ấy chúng ta chỉ là trẻ con. Vì lý do này hay lý do khác, bố mẹ các cậu chuyển đi, và các cậu là một phần hành lý họ mang theo. Còn bố mẹ tớ ở lại. Và suy cho cùng, nếu hỏi đó có phải là quyết định của bố mẹ tớ hay không thì tớ nghĩ là không. Thứ gì đã quyết định ai là người đi, ai là người ở lại? Là may mắn? Là định mệnh? Là Nó? Hay là

một thế lực nào khác? Tớ không biết. Nhưng các cậu không phải người quyết định. Vậy nên thôi, mình bỏ qua đi.”

“Cậu không... không thấy cay đắng sao?” Eddie ng ần ngại hỏi.

“Bạn như thế này thì tớ cũng chẳng có thời gian thấy cay đắng,” Mike trả lời. “Bao lâu nay, tớ đã theo dõi, chờ đợi... Tớ nghĩ tớ đã quan sát và chờ đợi từ trước khi tớ ý thức được đi ầu đó, nhưng khoảng năm năm đổ lại đây, tớ luôn trong tình trạng mà ta có thể gọi là báo động đỏ. Từ lúc bước qua năm mới, tớ có viết nhật ký. Khi một người đặt bút viết, anh ta nghĩ sâu hơn... hoặc có khi chỉ là cụ thể hơn. Và một trong những đi ầu tớ dành nhiều thời gian viết và nghĩ nhất là bản chất của Nó. Nó thiên biến vạn hóa; chúng ta ầu biết như thế. Tớ nghĩ Nó còn có thể thao túng và để lại dấu vết của mình trên người khác, bởi đó là bản chất của Nó - giống như việc nếu một con ch ần hôi tiết ra mùi quá gần ta, ta vẫn có thể ngửi thấy mùi của nó sau khi đã tắm táp thật kỹ. Giống như việc châu chấu sẽ xị ra tay ta dịch hôi nếu ta bắt nó lên tay.”

Mike chậm rãi tháo nút áo sơ-mi. Cả nhóm trông thấy những vết sẹo màu hồng trên phần ngực màu bánh mật mịn màng của cậu, ngay giữa hai đầu ti.

“Giống như việc móng vuốt để lại sẹo” cậu nói.

“Người sói,” Richie gần như r ần r ỉ. “Ôi Chúa ơi, Bill To Bự, Người sói! Cái lần bọn mình trở lại đường Neibolt!”

“Sao kia?” Bill hỏi. Về mặt anh như thể một người vừa bị gọi giật ra khỏi cơn mơ. “Sao cơ, Richie?”

“Cậu không nhớ ư?”

“Không... cậu có nhớ à?”

“Tớ... Tớ nhớ mang máng r ồi...” Richie bình tĩnh hơn dù khuôn mặt vừa bối rối vừa sợ hãi.

“Cậu nói thế này không phải ma quỷ sao?” Eddie chột lên tiếng hỏi Mike.

Anh nhìn chăm chăm những vết sẹo như thể bị thôi miên. “Rằng nó chỉ là một phần của... của trật tự vốn có sao?”

“Nó không phải một phần của trật tự mà ta hiểu hay chấp nhận,” Mike vừa nói vừa cài lại nút áo, “và tớ thấy ta chỉ cần hành động theo hệ quy chiếu mà ta hiểu là đủ rồi: Nó giết người, giết trẻ em, và đi đầu đó là sai trái. Bill là người hiểu đi đầu đó hơn ai hết. Cậu có nhớ không, Bill?”

“Tớ nhớ tớ rất muốn giết Nó,” Bill nói, và lần đầu tiên (cũng là lần ấn tượng nhất) anh nghe thấy đại từ ấy âm hưởng sắc thái riêng trong giọng nói của chính mình. Nhưng ngày ấy, tớ chưa có thể giới quan về chuyện này, các cậu hiểu ý tớ chứ - chỉ đơn giản là tớ muốn giết Nó vì Nó đã giết George.”

“Giờ cậu còn muốn làm đi đầu đó không?”

Bill suy nghĩ thật lung. Anh nhìn xuống đôi tay đang dang rộng của mình trên bàn rồi nhớ đến hình ảnh George mặc áo mưa vàng, mũ kéo lên đầu, một tay cầm chiếc thuyền giấy phết lớp sáp nến mỏng. Anh ngược lên nhìn Mike.

“H-H-Hơn bao giờ hết,” anh khẳng định.

Mike gật đầu như thể đó chính là những đi đầu anh kỳ vọng mình sẽ nghe thấy. “Nó để lại vết tích của mình lên chúng ta. Nó đưa ý chí của bản thân Nó vào chúng ta, giống như cách Nó áp ý chí của Nó lên cả thị trấn này, ròng rã bao năm tháng, kể cả những khoảng thời gian dài dằng dặc khi Nó say ngủ hoặc ngủ đông hay gì đó, xen giữa những giai đoạn Nó... Nó tác oai tác quái.”

Mike đưa một ngón tay lên.

“Nhưng nếu Nó từng áp ý chí của Nó lên chúng ta, thì sẽ có thời điểm, bằng một cách nào đó, ta áp ý chí của mình lên Nó. Chúng ta từng cản được Nó, buộc Nó phải dừng bước – tớ biết là như thế. Chúng ta có khiến Nó yếu đi không? Ta có làm Nó bị thương không? Có phải suýt chút nữa, ta đã giết được Nó? Tớ nghĩ là có. Tớ nghĩ chúng ta suýt chút nữa đã kết liễu được Nó nên chúng ta mới ra đi mà đỉnh ninh trong lòng mình đã giết nó thành công.”

“Nhưng cậu cũng không nhớ phần ký ức ấy phải không?” Ben hỏi.

“Không. Tôi có thể nhớ như in mọi chi tiết cho đến ngày 15 tháng 8 năm 1958. Nhưng trong khoảng thời gian sau đó cho tới ngày mừng 4 tháng 9, khi nhập học trở lại, ký ức của tôi như tờ giấy trắng. Nó không mờ mờ hay ảo ảo, mà hoàn toàn biến mất. Chỉ trừ một ngoại lệ: tôi nhớ chi tiết Bill đã thét lên về một thứ gì đó có tên là tử quang.”

Tay của Bill co giật, hất phải một chai bia đã uống cạn làm cái chai rơi xuống sàn đánh choang, vỡ tan tành.

“Cậu có bị đứt tay không?” Beverly hỏi. Cô dợm đứng lên.

“Không,” anh đáp. Giọng anh khô khốc. Hai cánh tay anh nổi da gà. Dường như hộp sọ anh vừa phình lên; anh có thể cảm thấy

(tử quang)

nó đè vào lớp da mặt đang căng lên của anh theo những cú đập đầu đầu tê dại.

“Để tôi nhớ...”

“Không cần đâu, cậu cứ nghĩ đi.” Anh muốn nhìn cô nhưng không thể. Anh không tài nào rời mắt khỏi Mike.

“Cậu có nhớ tử quang không, Bill?” Mike nhẹ nhàng hỏi.

“Không,” anh đáp. Miệng anh như thể vừa bị nha sĩ tiêm quá nhiều thuốc tê.

“Rồi cậu sẽ nhớ ra thôi.”

“Cậu Chúa tôi không nhớ ra.”

“Rồi cậu sẽ nhớ,” Mike đáp. “Nhưng còn giờ... thì chưa. Tôi cũng chưa. Có ai trong số các cậu nhớ không?”

Mọi người lần lượt lắc đầu.

“Song chúng ta đã làm đi đâu gì đó,” Mike ôn tồn nói. “Ở một thời điểm, chúng ta đã đồng tâm hiệp lực với nhau. Ở một thời điểm, chúng ta đã ngộ ra

chân lý đặc biệt nào đó, dù là có ý thức hay vô thức.” Anh nhấp nhồm sốt ruột. “Chúa ơi, phải chỉ có Stan ở đây. Tớ có cảm giác một người tư duy lớp lang như Stan sẽ rút ra được ý tưởng gì đó.”

“Có thể là thế,” Beverly lên tiếng. “Có lẽ đó chính là lý do cậu ấy tự tử. Có lẽ cậu ấy hiểu ngay cả khi ma thuật tồn tại chẳng nữa, nó cũng không có tác dụng với người lớn.”

“Tớ lại nghĩ là có, Mike phản đối. “Vì sáu người chúng ta còn một điểm chung nữa. Các cậu có nhận ra đó là gì không?”

Đến lượt Bill mấp má môi nhưng rồi lại im bật.

“Cậu nói đi,” Mike nói. “Cậu biết đó là gì mà. Nó hiện rành rành trên mặt cậu rồi kìa.”

“Tớ không chắc tớ có biết hay không.” Bill đáp, “nhưng tớ nghĩ ch-chúng ta đều không có con. Có phải v-vậy không?”

Một khoảng lặng thình đầy choáng váng. “Ừ.” Mike nói. “Điểm chung ấy đấy.”

“Lạy Chúa toàn năng!” Eddie phẫn nộ thốt lên. “Đi đâu đó thì liên quan quái gì đến giá đậu ở Peru? Hà có gì cậu lại tư tưởng ai sống trên đời cũng phải có con vậy? Rõ là điên khùng!”

“Thế cậu và vợ cậu có con không?” Mike hỏi. “Nếu cậu đã nắm thông tin của vợ chồng tớ như cậu bảo thì nghĩa gì cả.”

“Hai vợ chồng cậu từng thử có con chưa?”

“Bọn tớ không dùng biện pháp tránh thai, nếu ý cậu muốn hỏi đi đâu đó.” Eddie nói với vẻ đường hoàng đến ngộ nghĩnh dù hai má anh đỏ ửng. “Chỉ tình cờ thế nào mà vợ tớ hơi... Ôi khốn thật. Cô ấy thừa cân rất nhiều. Bọn tớ đến bác sĩ thì ông ấy cảnh báo rằng vợ tớ có khả năng không bao giờ có con nếu không giảm cân. Đi đâu đó biến bọn tớ thành tội phạm à?”

“Nào nào, hạ hỏa đi, Eds,” Richie xoa dịu bạn và chúì người về phía anh.

“Đừng gọi tớ là Eds và cấm cậu bẹo má tớ!” Anh ré lên, sừng cồ với Richie. “Cậu thừa biết tớ chúa ghét như vậy! Trước giờ tớ đã ghét r ồi mà!”

Richie rút lại, mắt chớp lia lịa. “Beverly?” Mike hỏi. “Còn cậu và Tom thì thế nào?”

“Bọn tớ không có con,” cô đáp. “Cũng không dùng biện pháp tránh thai. Tom muốn có con... và tất nhiên là tớ cũng thế,” cô vội vàng để thêm, đưa mắt liếc nhìn mọi người. Bill chợt cảm thấy mắt cô sáng quá, chẳng khác nào mắt một nữ diễn viên đang có màn trình diễn xuất sắc. “Chỉ là chưa đến lúc thôi.”

“Cậu đã đi kiểm tra chưa?” Ben hỏi cô.

“Tất nhiên r ồi chứ,” cô nói, khẽ cất tiếng cười khanh khách. Và bằng tài đi guốc trong bụng người khác mà thỉnh thoảng những người với óc tò mò và cái nhìn thấu đáo hay được trời ban, Bill chợt ngộ ra rất nhiều điều về Beverly cùng người chồng tên Tom, tức Đấng Phu Quân Tuyệt Nhất Tr ần Đời. Beverly là người đi xét nghiệm vô sinh. Anh suy đoán Đấng Phu Quân Tuyệt Nhất Tr ần Đời còn khuya mới chấp nhận ý tưởng tình trùng được sản xuất từ Túi Th ần của mình lại có vấn đề gì đó.

“Còn cậu và vợ cậu thì sao, Bill To Bự?” Rich hỏi. “Hai người có thử không?” Tất cả quay sang nhìn anh với vẻ tò mò... vì vợ anh là nhân vật mà mọi người đều biết. Dù Audra không phải nữ diễn viên nổi tiếng nhất hay được ái mộ nhất thế giới, nhưng hẳn nhiên, cô là một phần của hệ thống ti ền tệ đo bằng sự nổi tiếng, bằng cách nào đó đã đem tài năng ra làm phương tiện trao đổi trong nửa sau của thế kỷ 20, có bức hình chụp cô trên tạp chí People, khi đó cô cắt tóc ngắn, và trong khoảng thời gian tẻ ngắt ở New York (vở kịch cô dự định tham gia theo dạng Off Broadway không trình diễn), cô dành thời gian suốt một tuần tham gia chương trình Hollywood Squares dù phía đại diện kịch liệt phản đối. Cô là một gương mặt khả ái, tuy lạ mà lại quen với mọi nhà.

Anh có cảm tưởng Beverly nhìn anh với đôi mắt tò mò hơn hết thấy.

“Bọn tớ cũng thử tới thử lui suốt sáu năm vừa rồi,” Bill nói. “Tám tháng vừa qua thì bọn tớ tạm ngưng vì đang làm một bộ phim có tên là *Phòng áp mái*.”

“Cậu biết không, bọn tớ có một chương trình phát thanh giải trí nhỏ từ 5 giờ 15 phút chiều đến 5 giờ 30 hằng ngày,” Richie kể. “Chương trình mang tên *Ngắm sao*. Mới tuần trước, họ giới thiệu về bộ phim ấy với chủ đề Thuận vợ Thuận chồng Chung tay Làm phim. Họ nhắc tới tên của cả hai vợ chồng cậu mà tớ lại không may may kết nối được trong đầu. Điêu đó thật buồn cười nhỉ?”

“Buồn cười thật,” Bill nói. “Nói chung là Audra cũng bảo rủi may cô ấy mang bầu đúng lúc bọn tớ trong giai đoạn tiền sản xuất và cô ấy phải trải qua mười tuần diễn xuất vất vả mà còn nghén lên nghén xuống thì khổ. Nhưng đúng là bọn tớ muốn có con. Và vợ chồng tớ đã thử rất nhiều.”

“Các cậu có xét nghiệm vô sinh không?” Ben hỏi.

“Có. Bốn năm trước, ở New York, Bác sĩ đã phát hiện một khối u lành tính rất nhỏ trong tử cung của Audra, và họ bảo điều này là may mắn vì mặc dù nó không cản trở cô ấy có thai nhưng có thể gây mang thai ở vòi tử cung. Còn thì vợ chồng tớ đều có khả năng sinh sản.”

Eddie bướng bỉnh lặp lại, “Điều đó chẳng chứng minh được gì cả.”

“Cũng nói lên nhiều điều đấy,” Ben thì thầm.

“Còn cậu thì sao, Ben? Có gây tai nạn nho nhỏ nào không?” Bill hỏi. Anh bất ngờ và lấy làm thích thú khi suýt chút nữa miệng anh đã bật ra cái tên Ben Haystack.

“Tớ chưa kết hôn, tớ vốn luôn cẩn thận, cũng chưa thấy vụ kiện huyết thống nào,” Ben nói. “Ngoài nó ra thì tớ nghĩ chẳng có cách nào để xác định.”

“Các cậu muốn nghe chuyện cười không?” Richie hỏi. Anh mỉm cười

nhưng đôi mắt không hề cười.

“Được thôi,” Bill nói. “Cậu lúc nào cũng giỏi tấu hài mà, Richie.”

“Mặt cậu, mông tớ, úi chà chà,” Richie nói bằng giọng Tay Cảnh sát Ireland. Lần này, anh giả giọng Tay Cảnh sát Ireland rất xuất sắc. *Cậu đã tiên bộ vượt bậc rồi, Richie ạ*, Bill thầm nghĩ. *Ngày còn bé, dù có nghĩ nát óc, cậu cũng không tài nào giả được giọng này. Chỉ trừ một lần... hoặc hai lần... khi*

(tử quang)

khi nào ấy nhỉ?

“Mặt cậu, mông tớ, cậu hãy nhớ cách so sánh ấy nhé, bạn hiên của tớ.”

Ben Hanscom chợt bóp mũi và the thé hét lên: “Bíp bíp, Richie! Bíp bíp! Bíp bíp!”

Sau một hồi, Eddie vừa cười vừa bóp mũi góp vui. Beverly bắt chước theo.

“Được rồi! Được rồi!” Richie ré lên, cười sang sảng. “Được rồi, tớ chịu thua! Chúa ơi!”

“Ôi trời,” Eddie nói. Anh ngả ra sau ghế, ôm bụng cười đến chảy nước mắt. “Bọn tớ chơi được cậu lần này nhé, Tía Lia. Cậu nhanh thật, Ben ạ.”

Ben mỉm cười, dù khuôn mặt có phần bối rối.

“Bíp bíp,” Bev nói, khúc khích cười. “Sao mà tớ lại quên được chuyện ấy nhỉ. Ngày xưa mọi người bíp bíp cảnh cáo cậu hoài, Richie nhỉ?”

“Các cậu không biết thưởng thức tài năng thật sự thì có,” Richie bông lơn lên tiếng. Cũng giống như ngày xưa, người ta có thể tương cho anh một cú ngã ngựa, nhưng anh bật dậy gần như ngay lập tức, chẳng thua kém gì những con búp bê Joe Palooka được bơm phồng chứa đầy cát bên dưới. “Đó là một trong những đóng góp nho nhỏ của cậu dành cho Hội Cùi Bắp phải không, Haystack?”

“Ừ, chắc vậy quá.”

“Quả là hảo hán!” Richie cảm thán bằng một giọng nói run rẩy, đầy kính cẩn, đoạn anh đập đầu lia lịa xuống bàn, thiếu đi đầu đưa mũi vào ly trà mỗi lần cúi xuống. “Quả là hảo hán! Ôi trời ơi, quả là hảo hán!”

“Bíp bíp, Richie,” Ben nghiêm trang nói rồi phá lên cười bằng một chất giọng nam trung sang sảng, chẳng giống giọng nói run rẩy ngày bé lúc nào. “Còn cậu vẫn là con gà lôi năm nào.”

“Thế các cậu có muốn nghe câu chuyện hay không đây?” Richie hỏi. “Thật ra các cậu muốn nghe hay không cũng không thành vấn đề. Nếu muốn thì các cậu cứ tếch đi chỗ khác. Tớ có thể chấp nhận hành vi phỉ báng này. Gì thì gì, các cậu cũng đang nhìn một người đàn ông từng phỏng vấn Ozzy Osbourne chứ đùa.”

“Kể đi,” Bill nói. Anh liếc qua Mike và thấy Mike trông vui vẻ hơn – hoặc bớt căng thẳng hơn – so với lúc bữa tiệc bắt đầu. Phải chăng là vì anh trông thấy trong vô thức, họ đang nối lại tình thâm, họ đang dần trở về với những vai trò quen thuộc năm xưa, đi đâu gần như chẳng bao giờ xảy ra khi bạn cũ gặp lại nhau? Bill ngẫm nghĩ trong đầu. Đoạn anh thẩn nhẩn, *Nếu để sử dụng ma thuật, ta cần phải thỏa mãn một số điều kiện tiên quyết, thì có lẽ những điều kiện ấy sẽ tự hội tụ.* Suy nghĩ ấy chẳng khiến anh an lòng chút nào. Nó khiến anh cảm thấy mình như bị cột vào chóp tên lửa.

Thật là bíp bíp.

“Chà,” Richie lên tiếng. “Tớ có thể kể một câu chuyện lê thê bi đát hoặc tớ có thể kể cho các cậu phiên bản truyện tranh Tóc vàng hoe và Dagwood, nhưng tớ sẽ chọn cái ở giữa. Một năm sau khi tớ rời khỏi California, tớ gặp một cô gái, chúng tớ yêu nhau nồng thắm rồi chuyển vào sống chung với nhau. Ban đầu cô ấy uống thuốc tránh thai, có đi đâu uống vào, lúc nào cô ấy cũng cảm thấy mệt mỏi. Cô ấy bàn với tớ về việc đặt vòng tránh thai, nhưng tớ không ủng hộ cho lắm – báo chí khi đó bắt đầu đưa tin về việc nó không an toàn tuyệt

đối.

Bọn tớ thảo luận rất nhiều về chuyện con cái rồi đi đến kết luận rằng bọn tớ không muốn có con, ngay cả khi bọn tớ quyết định hợp pháp hóa mối quan hệ này. Thật vô trách nhiệm khi đưa con nít vào thế giới tệ lậu, nguy hiểm, dật chạt người đông thế này... vân vân và mây mây, thôi thà ta ra ngoài, đặt bom trong nhà vệ sinh Ngân hàng Hoa Kỳ rồi trở lại nhà trọ, hút chút cần sa và bàn về điểm khác biệt giữa tư tưởng Mao Trạch Đông và chủ nghĩa Trotsky, các cậu hiểu ý tớ không?

Hoặc có khi tớ khất khe với cả hai người bọn tớ quá. Khốn kiếp, ngày ấy, bọn tớ trẻ người non dạ và mơ mộng hão huyền. Kết quả là tớ cắt ống dẫn tinh, như đám Beverly Hills hay chơi chữ tục tĩu. Cuộc phẫu thuật diễn ra không có vấn đề gì và tớ không phải chịu hậu quả gì nghiêm trọng. Vì thật ra là vẫn có khả năng biến chứng. Tớ có một người bạn mà tinh hoàn cậu ta sưng to cỡ bánh xe chiếc Cadillac 1959. Tớ định tặng cậu ta cặp dây kéo quần và vài cái thùng gỗ nhân dịp sinh nhật – khung giữ được thiết kế đẳng hoàng - nhưng chưa kịp thì chúng rơi xuống mất rồi.”

“Công nhận cậu tế nhị và lịch thiệp chẳng ai bằng,” Bill nhận xét, nghe đến đây, Beverly lại phá lên cười.

Richie nở nụ cười thật tươi và chân thành. “Cảm ơn vì những lời động viên ấy nhé, Bill. Trong cuốn sách trước của cậu, chữ mẹ kiếp được dùng 206 lần đấy. Tớ đếm đẳng hoàng.”

“Bíp bíp, Tía Lia,” Bill nghiêm mặt nói, rồi cả bọn phá lên cười. Bill gần như không tài nào tin nổi khi mới cách đây chừng mười phút, cả đám còn bàn về những đứa trẻ bị sát hại.

“Kể nốt cho nó vuông, Richie,” Ben nói. “Thời gian không đứng đợi.”

“Sandy và tớ sống cùng nhau trong hai năm rưỡi,” Richie kể tiếp. “Có hai lần bọn tớ suýt chút nữa thì kết hôn. Nhưng xem ra bọn tớ đã tránh cho nhau

cả đồng nhức đầu và phân chia tài sản này kia bằng cách cứ đơn giản mà làm. Cô ấy được một công ty luật doanh nghiệp ở Washington mời về làm vào khoảng thời gian tớ được mời về phụ trách cuối tuần cho đài KLAD - không nhiều, nhưng chí ít chen được một chân vào cửa. Cô ấy bảo tớ đây là cơ hội lớn đối với cô ấy, nếu tớ ăm ớ hội tề thì tớ chẳng khác nào một con lợn trọng nam khinh nữ vô cảm nhất đất Mỹ này, và chưa kể, cô ấy ngán California đến tận cổ r ấ. Tớ bèn nói với cô ấy rằng tớ cũng đang đứng trước một cơ hội lớn. Thế là bọn tớ đóng cửa bảo nhau, r ấ tranh cãi như mổ bò, kết cục của quá trình chan tương đồ mỡ ấy là Sandy dứt áo ra đi.

Chừng một năm sau, tớ quyết định thử phẫu thuật phục h ấ ống dẫn tinh. Chẳng có lý do gì cả đâu, và từ những tài liệu đã đọc, tớ biết khả năng là năm ăn năm thua, nhưng tớ nghĩ thích thì nhích thôi.”

“Lúc ấy cậu đang quen ai à?” Bill hỏi.

“Không, thế mới hài chứ ị,” Richie nói, chau mày. “Một ngày nọ, tớ tự dưng thức dậy và bất chợt... mặt trời chân lý chói qua tim, tớ muốn phục h ấ ống dẫn tinh thôi.”

“Đầu óc cậu có vấn đề à?” Eddie nói. “Phải gây mê toàn diện thay vì cục bộ đúng không? Phẫu thuật? Có khi phải nằm viện cả tuần sau đó?”

“Ừ, bác sĩ cũng cảnh báo tớ tất t ần tất những điều đó mà,” Richie đáp.”Tớ bèn nói tớ vẫn muốn làm. Chẳng hiểu sao nữa. Ông ấy hỏi liệu tớ có ý thức được hậu phẫu rất đau đớn dù kết quả hên xui như tung đồng xu hay không. Tớ bảo có. Thế là ông ta đáp thế thì được, tớ hỏi khi nào thực hiện - quan điểm của tớ là càng sớm càng tốt. Ông ấy bảo dục tốc bất đạt, cậu trai, từ từ thì khoai mới nừ, bước đầu tiên là lấy mẫu tinh trùng để kiểm tra xem có cần phải phẫu thuật phục h ấ ống dẫn tinh hay không. Thế là tớ bèn nói, “Thôi nào, tôi đã kiểm tra sau khi thất ống dẫn tinh r ấ. Nó thành công mà. Ông ấy giải thích thỉnh thoảng ống dẫn tinh tự nối lại. Ối giời đất ơi!” Nghe thấy thế tớ

nhảy đồng lên. Chẳng ai nói với tôi đi đâu đấy là thế nào. Bác sĩ nói khả năng đó rất thấp – nói đúng hơn là như hái sao trên trời – nhưng vì cuộc phẫu thuật rất nghiêm trọng nên vẫn phải kiểm tra cho chắc. Thế là tớ xách catalog nội y của hãng Fredericks of Hollywood vào nhà vệ sinh nam rồi bắt sóc bỏ vào cốc giấy...”

“Bíp bíp, Richie,” Beverly lên tiếng.

“Được thôi, cậu đúng rồi đấy,” Richie đáp. “Chi tiết về cuốn catalog hãng Fredericks là xạo – có tìm đồ mắt cũng chẳng thấy được thứ gì hay ho như thế trong phòng khám bác sĩ. Trở lại câu chuyện, ba ngày sau, bác sĩ gọi cho tớ và hỏi tớ muốn nghe tin nào trước, tin tốt hay tin xấu.

‘Cho tôi nghe tin tốt trước đi bác sĩ,’ tớ đáp.

‘Tin tốt là cậu không cần phải phẫu thuật,’ ông ấy nói. ‘Tin xấu là bất cứ cô nào mà cậu từng mây mưa trong hai hoặc ba năm qua có thể tùy nghi kiện cậu ra tòa đòi quyền cho con.’

‘Bác sĩ có đang nói đi đâu tôi đang nghĩ không đấy?’ Tớ hỏi.

‘Ý của tôi là cậu hiện tại vẫn xuất ra tinh trùng và bấy lâu nay cũng thế,’ ông đáp. ‘Trong mẫu tinh trùng của cậu nhưng nhúc cả triệu chiến binh đây này. Tạm thời, chuỗi ngày tình tang tính tình mà chẳng cần mang bao của cậu đã kết thúc rồi, Richard.’

Thế rồi tớ cảm ơn bác sĩ rồi cúp máy. Sau đó tớ gọi cho Sandy ở Washington.

‘Rich!’ Cô ấy reo lên,” giọng của Richie đột nhiên trở thành giọng của cô nàng mang tên Sandy mà không ai trong số cả bọn từng gặp mặt. Không hẳn là bắt chước, thậm chí cũng chẳng giống hoàn toàn; giọng nói ấy tựa như bức tranh thính giác hơn. ‘Thấy anh gọi em vui quá! Em đã lên xe bông rồi đấy!’

‘Ồ tuyệt vời,’ tớ đáp. ‘Thế mà không báo anh một câu. Để anh gửi em máy xay sinh tố làm quà nhé!’

Cô ấy bèn nói, ‘Anh vẫn như xưa, cả một cây hài.’

Thế là tớ bảo, ‘Ừ, anh vẫn là Richie ngày xưa, cả một cây hài mà. Nhân tiện, Sandy này, em có tình cờ mang thai hay gì đó sau khi rời LA không? Hay đột nhiên có phải nong nạo gì đấy không?’

‘Đùa hết vui rồi nhé, Rich, cô ấy đáp, và sóng não báo hiệu với tớ cô ấy sắp sửa đập máy, tớ bèn nhanh miệng kể cho cô ấy những gì đã xảy ra. Cô ấy phá lên cười, lần này, cô ấy cười như được mùa – cười ha hả như ngày xưa tớ hay cười với các cậu ấy, tựa hồ ai đó vừa kể cho cô ấy nghe câu chuyện cười đau bụng nhất trần đời. Mãi lúc sau, khi tràng cười hạ bớt, tớ mới hỏi cô ấy có cái quái gì vui mà cười dữ vậy. ‘Thì nghe tuyệt quá chứ sao,’ cô ấy đáp. ‘Lần này thì anh làm trò cười rồi nhé. Sau bao năm, cuối cùng Chuyên gia thu âm Tozier cũng làm trò cười rồi đây. Thế từ lúc em lên miền Đông, anh cho bao nhiêu tiểu quỷ chào đời rồi hả?’

‘Anh tự hiểu thế này có nghĩa là em vẫn chưa kinh qua niềm vui được làm mẹ nhỉ?’ Tớ hỏi.

‘Tháng Bảy này em sinh,’ cô ấy đáp. ‘Còn thắc mắc gì không?’

‘À không,’ tớ hỏi. ‘Từ khi nào mà em không còn nghĩ đưa con trẻ đến thế giới tệ lậu này là hành vi vô đạo đức thế?’

‘Khi cuối cùng em cũng gặp được một người đàn ông không tệ lậu,’ cô ấy đáp rồi đập máy.”

Bill bắt đầu phá lên cười. Anh cười đến độ nước mắt chảy xuống má. “Ừ.” Richie tiếp tục. “Tớ đoán cô ấy cúp máy nhanh như vậy là để tớ không có cơ hội nào bật lại, nhưng thực ra cô ấy có giữ máy cả ngày cũng chẳng sao. Tớ biết khi nào tớ á khẩu mà. Một tuần sau, tớ quay lại chỗ bác sĩ và nhờ ông ấy giải thích rõ ràng thêm về khả năng ống dẫn tinh tự nhiên nối lại như vậy. Bác sĩ đáp ông ấy đã bàn với một vài đồng nghiệp về vấn đề này. Hóa ra trong khoảng thời gian ba năm từ 1980 đến 1982, Hiệp hội Y tế Hoa Kỳ chi nhánh

California ghi nhận 23 trường hợp ống dẫn tinh tự nhiên nổi lại. Sáu trường hợp hóa ra là phẫu thuật ảo tưởng. Sáu trường hợp khác là lừa đảo – mấy kẻ muốn ăn bớt tài khoản ngân hàng bác sĩ. Tức là... chỉ có 11 trường hợp trong ba năm.”

“11 trên tổng số bao nhiêu?” Beverly hỏi.

“28.618 ca,” Richie bình thản nói.

Cả bàn im lặng.

“Nói cách khác, tỷ lệ trúng số Irish Sweepstakes còn phải chào thua tở,” Richie giằng giãi. “Thế mà vẫn không thấy đứa trẻ nào xuất hiện. Được tròng hay ho nào không, Eds?”

Eddie bướng bỉnh: “Việc này vẫn không chứng minh...”

“Không” Bill nói, “nó chẳng chứng minh được gì. Nhưng nó gợi cho ta mối liên kết. Câu hỏi là bây giờ chúng ta sẽ hành động thế nào. Cậu đã suy nghĩ về đi đâu đó chưa, Mike?”

“Đương nhiên là tở đã suy nghĩ rồi,” Mike đáp. “Nhưng cho đến lúc tất cả mọi người tề tựu đông đủ để thảo luận, như các cậu vừa làm, thì có quyết gì cũng vô ích. Tở không thể dự đoán được cuộc hội ngộ của chúng ta sẽ ra sao cho đến khi nó thực sự xảy ra.”

Anh dừng lại một lúc lâu và nhìn họ đầy ưu tư.

“Tở có ý này,” anh nói, “nhưng trước khi tở trình bày, tở nghĩ chúng ta phải đồng thuận về việc chung tay góp sức ở đây hay không. Chúng ta có muốn thử lại lần nữa những gì chúng ta từng thử ngày xưa không? Chúng ta có muốn tìm cách giết nó lần nữa không? Hay chúng mình lại tan đàn xẻ nghé và trở lại cuộc sống cũ?”

“Có vẻ...” Beverly lên tiếng nhưng Mike nhìn cô lắc đầu. Anh chưa nói xong.

“Các cậu phải hiểu một điều: ta hoàn toàn không thể dự đoán khả năng chiến thắng của bọn mình. Tớ biết khả năng ấy không cao, giống như tớ hiểu khả năng ấy sẽ cải thiện chút đỉnh nếu Stan có mặt ở đây. Không cao nhưng chỉ ít vớt vát được phần nào. Vắng Stan, vòng tròn chúng mình tạo lập ngày ấy đã vỡ. Thật lòng, tớ không nghĩ với vòng tròn đã vỡ, chúng ta có thể hủy diệt được Nó hay buộc Nó phải lảng đi trong ít lâu như ngày xưa. Tớ nghĩ Nó sẽ giết chết chúng ta, từng người, từng người một, có thể bằng những cách khủng khiếp đến tàn tệ. Ngày còn bé, chúng ta đã hình thành một vòng tròn hoàn chỉnh bằng phương thức mà đến giờ tớ vẫn chưa hiểu nổi. Tớ nghĩ nếu bọn mình đồng thuận tiến lên, chúng ta có thể tìm cách hình thành một vòng tròn nhỏ hơn. Tớ không biết điều đó có khả dĩ hay không. Tớ cho rằng ta có thể nghĩ mình đã thành công, chỉ để nhận ra – khi mọi thứ đã quá trễ – rằng... đã quá trễ.”

Mike nhìn mọi người lần nữa, đôi mắt anh trũng sâu, mệt mỏi trên gương mặt làn da bánh mật. “Vậy nên tớ nghĩ chúng ta phải bỏ phiếu. Ở lại và thử lại, hoặc về nhà. Đó là hai lựa chọn. Tớ đưa mọi người tụ hội nơi đây nhờ sức mạnh của lời hứa năm xưa, dù tớ còn không chắc các cậu còn nhớ, nhưng tớ không thể mượn sức mạnh của lời hứa ấy mà giữ chân mọi người được. Làm thế chỉ tổ xôi hỏng bỏng không mà thôi.”

Nói đoạn Mike nhìn Bill, khoảnh khắc ấy, Bill chợt hiểu họ sẽ phải đối mặt với thứ gì. Anh sợ nó, nhưng chẳng thể nào ngăn được, và với cái cảm giác nhẹ nhõm mà anh tưởng tượng người tự sát sẽ cảm thấy lúc thả tay khỏi bánh lái trong chiếc xe đang lao vun vút, đưa tay lên che mắt, anh đành chấp nhận. Mike đã đưa họ về đây, Mike đã trình bày rành mạch cho họ hiểu... và giờ anh đang cởi bỏ tấm áo choàng của người thủ lĩnh. Anh định sẽ trao lại tấm áo ấy cho người từng khoác nó vào năm 1958.

“Cậu thấy sao, Bill To Bự? Biểu quyết thôi.”

“Trước khi tớ làm thế,” Bill nói, “m-mọi người đã hiểu câu hỏi chưa? Ban này cậu tính nói gì à, Bev?”

Cô lắc đầu.

“Được rồi, tớ đoán câu hỏi là liệu chúng ta ở lại chiến đấu hay quên tất tần tật mọi chuyện? Ai muốn ở lại?”

Trong khoảng năm giây, không một ai ngẩng ở bàn nhúc nhích, nó khiến Bill nhớ lại những buổi đấu giá anh từng tham gia, lúc đó, giá cho món đồ bỗng dựng thẳng lên tầng bình lưu và những vị khách không muốn ra giá cao hơn đầu ngẩng im như tượng, họ không dám gãi hoặc phẩy con ruồi đậu nơi đầu mũi vì sợ người đi đầu khiến cuộc đấu giá sẽ nhàn tưởng họ vừa nâng giá cao hơn 5.000 hay 25.000 đô-la.

Bill nghĩ về Georgie, Georgie chẳng bao giờ muốn hại ai, chỉ muốn ra ngoài chơi sau một tuần chôn chân trong nhà vì cơn bão, Georgie với tâm trạng sung sướng như tiên, một tay cầm thuyền giấy, một tay cài khóa chiếc áo mưa vàng, Georgie cảm ơn anh... và cúi xuống, và hôn lên gò má nóng bừng vì sốt của Bill: *Cảm ơn anh Bill. Thuyền đẹp quá trời.*

Anh cảm thấy cơn phẫn nộ năm xưa trào dâng trong lòng, nhưng giờ anh đã trưởng thành hơn, góc nhìn cũng rộng mở hơn. Lúc này, không chỉ có mỗi Georgie. Một chuỗi những cái tên khủng khiếp lướt qua đầu anh: Betty Ripsom, chết cồng trong lòng đất; Cheryl Lamonica, xác vớt từ dưới sông Kenduskeag; Matthew Clements, mất tích khi đang đạp xe ba bánh; Veronica Grogan, cô bé chín tuổi được tìm thấy dưới cống; Steven Johnson, Lisa Albrecht, và có Chúa mới biết còn bao nhiêu cô cậu bé khác mất tích.

Anh chậm rãi giơ tay lên và nói. “Hãy giết Nó. Lần này, ta hãy giết Nó cho bằng được.”

Tay anh cứ thế lẻ loi giơ lên trong không trung suốt một khoảng lặng, như bàn tay của cậu học trò duy nhất biết đáp án đúng trong lớp, cậu học trò bị cả

lớp ganh ghét. Rồi Richie thở dài và giơ tay, lên tiếng: “Bố tiên sư. Tệ không kém gì phỏng vấn Ozzy Osbourne.”

Người tiếp theo giơ tay là Beverly. Mặt cô đỏ bừng trở lại, thành những vết phồng phồng dọc theo gò má. Trông cô vừa hào hứng kinh khủng vừa sợ đến mất mặt.

Mike giơ tay.

Kế đến là Ben.

Eddie Kaspbrak tựa lưng lên ghế, nhìn anh như thể anh muốn mình có thể tan chảy vào ghế rồi biến mất không còn tăm tích. Khuôn mặt anh thon gọn và mong manh, sợ hãi đến cùng cực, hết nhìn sang phải lại quay sang trái rồi lại nhìn qua Bill. Trong một khắc, Bill dám chắc Eddie sẽ đẩy ghế ra sau, đứng dậy, lao ra khỏi căn phòng mà không quay đầu nhìn lại. Thế mà Eddie đưa một tay lên không trung, tay kia nắm chặt ống thở.

“Được lắm, Eds,” anh nói. “Lần này bọn mình sẽ kiếm được vài tràng hay ho lắm cho xem, tớ cá với cậu.”

“Bíp bíp, Richie,” Eddie run run phản pháo.

6

HỘI CÙI BẮP ĂN TRÁNG MIỆNG

“Thế ý tưởng của cậu là gì vậy, Mike?” Bill hỏi. Bà không khí bị phá vỡ bởi Rose, nữ nhân viên phục vụ, bước vào với một đĩa bánh quy may mắn. Cô đưa mắt nhìn sáu người bọn họ giơ tay với vẻ dè chừng, lịch thiệp không chút tọc mạch. Họ vội rút tay xuống và không ai nói gì cho đến lúc Rose đi khỏi.

“Ý tưởng khá đơn giản,” Mike nói, “nhưng cũng có thể rất nguy hiểm.”

“Bật mí đi,” Richie thúc.

“Tớ nghĩ phần thời gian còn lại của ngày hôm nay, chúng ta nên chia ra. Mỗi người nên trở về địa điểm ở Derry mà mình nhớ nhất... chú ý là ngoài

Vùng Đất Cằn. Tớ nghĩ bọn mình khoan hãy đến đấy - chí ít là chưa. Nếu được, các cậu hãy xem như mình lòng vòng thăm thú đây đó.”

“Mục đích là gì, Mike?” Ben hỏi.

“Tớ cũng không chắc. Tớ mong cậu hiểu tớ cũng chỉ đang làm theo những gì trực giác tớ mách bảo thôi...”

“Nhưng giai điệu có vẻ hay đấy, nhạc đến đâu nhún nhảy đến đấy thôi,” Richie nói.

Mọi người mỉm cười. Chỉ trừ Mike, anh lặng lẽ gật đầu. “Cậu nghĩ như vậy cũng hay. Hành động theo trực giác cũng giống như hòa theo điệu nhạc và nhún nhảy. Với người lớn, vận dụng trực giác là một việc rất khó, nhưng đó chính là lý do tớ nghĩ chúng ta nên làm như vậy. Suy cho cùng, trẻ con nghe theo trực giác tám mươi phần trăm thời gian, ít nhất là cho đến lúc mười bốn tuổi.”

“Ý cậu muốn ta học cách hòa mình vào sự tình đúng không?” Eddie nói.

“Có lẽ là thế. Đó là ý kiến của tớ. Nếu các cậu không nghĩ ra được địa điểm nào cụ thể thì cứ để đôi chân dẫn dắt xem đến đâu. Tối nay, bọn mình sẽ gặp nhau ở thư viện và bàn về những chuyện đã xảy ra.”

“Ấy là nếu có chuyện xảy ra” Ben nói.

“Ồ, tớ nghĩ là thế nào cũng có chuyện.”

“Chuyện gì mới được chứ?” Bill hỏi.

Mike lắc đầu. “Tớ chịu. Tớ chỉ đoán chuyện xảy ra sẽ chẳng dễ chịu gì cho cam. Tớ nghĩ thậm chí có khi tối nay, một người trong số chúng ta sẽ không xuất hiện ở thư viện nữa kìa. Không có lý do gì cho suy nghĩ ấy cả... chỉ là trực giác của tớ mách bảo như vậy mà thôi.”

Im lặng bủa vây lấy họ.

“Tại sao lại đi một mình?” Mãi lúc sau, Beverly lên tiếng. “Nếu ta dự tính đồng tâm hiệp lực làm, tại sao cậu lại muốn bọn tớ khởi sự một mình vậy hả

Mike? Nhất là khi rủi ro thực sự cao như cậu cảnh báo?”

“Tớ nghĩ tớ có câu trả lời đây,” Bill cất lời.

“VẬY cậu nói đi Bill,” Mike đáp.

“VÌ nó bắt đầu riêng rẽ đối với mỗi người chúng ta,” Bill nói với Beverly. “Tớ không nhớ hết mọi chuyện – hay đúng hơn là bây giờ tớ chưa nhớ – nhưng tớ nhớ rõ là như thế. Bức hình chuyển động trong phòng George. Xác ướp mà Ben gặp. Gã hủ Eddie trông thấy dưới hiên nhà đường Neibolt. Mike trông thấy máu vương trên bãi cỏ gần Kênh Đào trong công viên Bassey. Và con chim... có chi tiết gì đó liên quan đến con chim phải không, Mike?”

Mike gật đầu u ám.

“Một con chim khổng lồ.”

“Ừ, nhưng không được thân thiện như con chim trên chương trình [Phố Vòng vui nhộn](#) đúng không?”

Chương trình truyền hình Mỹ rất nổi tiếng dành cho trẻ em, trong đó có một nhân vật là chú chim khổng lồ Big Bird màu vàng.

Richie phá lên cười nắc nẻ. “[James Brown](#) có một tràng quá hay ho, Derry xin đáp lời! Ôi các em, ta sung sướng làm sao, sung sướng làm sao!”

James Brown (1933-2006) là một ca sĩ nổi tiếng dòng nhạc soul và là một trong những nhân vật có ảnh hưởng nhất âm nhạc thế kỷ 20. Phiên bản hoạt hình của ông cũng xuất hiện trong chương trình Phố Vòng.

“Bíp bíp, Richie,” Mike nói, và lúc ấy Richie mới chịu nhượng bộ.

“VỚI cậu là tiếng nói trong ống nước và máu bắt lên từ lỗ thoát nước,” Bill nói với Beverly. “Còn với Richie...” Anh bỏ ngang câu nói, bối rối.

“CHẮC HẸN TỚ LÀ NGOẠI LỆ CHO QUY LUẬT NÀY RỒI, BILL TO BỰ,” Richie đáp. “Lần đầu tiên tớ chạm trán với hiện tượng kỳ lạ mùa hè năm ấy - kỳ lạ theo kiểu dễ sợ – là trong phòng George với cậu. Hôm ấy, khi hai chúng ta về nhà cậu xem

bức hình trong cuốn album. Bức hình chụp đường Trung Tâm gần Kênh Đào bỗng dừng chuyển động. Cậu còn nhớ không?”

“Có,” Bill đáp. “Nhưng cậu chắc trước đó không có gì xảy ra không, Richie? Hoàn toàn không có gì ư?”

“Tớ...” Bỗng một thứ gì đó lóe lên trong mắt Richie. Anh từ tốn đáp, “Chà, một hôm, Henry và bè lũ cậu ta rượt đuổi tớ – chuyện xảy ra ngay trước khi kỳ học kết thúc, tớ trốn bọn chúng trong khu đồ chơi ở trung tâm thương mại Freese’s. Tớ đi vào trung tâm thị trấn, ngã xuống một băng ghế công viên một lúc và tớ cứ ngỡ tớ nhìn thấy... nhưng chỉ là tớ nằm mơ mà thôi.”

“Thấy gì mới được?” Beverly hỏi.

“Không có gì,” Richie đáp, giọng hơi cộc. “Chỉ là giấc mơ thôi.” Anh nhìn Mike. “Nhưng tớ không ngại đi bộ một vòng. Giết thời gian buổi chiều. Ngắm nhìn cổ hương.”

“Thế mình chốt vậy nhé?” Bill hỏi.

Mọi người gật đầu.

“Vậy chúng ta sẽ gặp nhau ở thư viện tối nay, lúc... Cậu nghĩ giờ nào thì được, Mike?”

“7 giờ. Nếu đến trễ thì nhớ báo một tiếng nhé. Thư viện đóng cửa vào 7 giờ tối các ngày trong tuần, cho đến khi trẻ em nghỉ hè.”

“Thông nhất là 7 giờ nhé,” Bill nói và đưa mắt nhìn mọi người với vẻ nghiêm trang. “Các cậu nhớ phải cẩn thận. Các cậu hãy nhớ không ai trong số chúng ta thực sự biết mình đang 1-1-làm gì. Hãy xem đây như hành động thăm dò thôi. Nếu thấy gì bất thường, đừng chống cự mà hãy bỏ chạy.”

"Tớ giàu tình yêu chứ chẳng biết tranh đấu đâu," Richie mơ màng nói bằng giọng Michael Jackson.

Lời bài hát The Girl is Mine của Michael Jackson.

“Nào, nếu làm thì chúng ta tranh thủ làm cho kịp,” Ben nói. Nụ cười mảnh khẽ nhếch lên nơi khóe miệng anh. Nhưng ẩn trong đó, thích thú thì ít, cay đắng thì nhiều. “Dù ngay lúc này mà bắt tớ nói tớ biết mình sẽ đi đâu ngoài Vùng Đất Cằn thì tớ á khẩu. Khoảng thời gian ấy là đẹp nhất – cùng các cậu đến đó vui chơi.” Đôi mắt anh nhìn sang Beverly, neo ở cô trong thoáng chốc rồi quay đi. “Tớ chẳng nghĩ ra được nơi nào đóng đây ý nghĩa trong lòng tớ đến thế. Có lẽ tớ sẽ đi lòng vòng vài tiếng đồng hồ, ngắm nhìn phố xá và tập cho quen với tình hình.”

“Rồi cậu sẽ tìm được nơi để đi thôi, Haystack,” Richie lên tiếng. “Ghé qua mấy hàng ăn năm xưa và ních cho đầy bụng đi.”

Ben phá lên cười. “Sức ăn của tớ đã giảm hẳn từ năm mười một tuổi rồi. Tớ no đến độ chắc phải nhờ mọi người lăn tớ ra ngoài mất.”

“Chà, tớ cũng no rồi đây,” Eddie lên tiếng.

“Hượm đã!” Beverly reo lên khi cả nhóm lục tục đẩy ghế ra sau. “Bánh quy may mắn! Mọi người đừng quên chúng!”

“Ừ đây,” Richie nói. “Tớ đọc được lời tiên đoán cho tớ rồi. BẠN SẼ BỊ MỘT CON QUÁI VẬT KHÔNG LỖ ĂN THỊT. CHÚC BẠN MỘT NGÀY TỐT LÀNH.”

Cả bọn phá lên cười, Mike chuy^{ên} đĩa nhỏ đựng bánh quy may mắn cho Richie, anh nhón lấy một cái rồi quay bàn xoay để mọi người đều có thể lấy. Bill để ý không ai bẻ bánh của mình ra cho đến khi mọi người đều đã có bánh trên tay; họ yên vị với chiếc bánh hình nón con con trước mặt hoặc cầm trong tay, và ngay khi Beverly, vẫn nở nụ cười trên môi, nhón lấy bánh, Bill cảm thấy hòng mình chực gào thét: *Đừng! Đừng mở ra, đây là một phần của Nó đấy, cất lại đi, đừng mở ra!*

Nhưng đã quá trễ. Beverly bẻ bánh của cô ra, Ben cũng làm theo, Eddie dùng cạnh nĩa khía vào bánh, và ngay trước khi khuôn mặt tươi cười của

Beverly trở nên rúm ró vì kinh hãi, Bill kịp nghĩ: *Chúng ta đều biết, trong vô thức, chúng ta biết, vì không ai dám đưa thẳng bánh lên miệng mà cắn. Theo lẽ thường thì ta sẽ làm thế, nhưng không ai trong chúng ta làm vậy. Phần nào đó trong chúng ta vẫn nhớ... nhớ tất cả.*

Và anh nhận ra chính sự ngằm hiểu khắc nghiệt ấy mới là hiện thân khủng khiếp nhất trong tất cả; sự ngằm hiểu ấy truyền tải súc tích hơn hẳn những lời Mike vừa trình bày về việc Nó từng ăn sâu bén rễ nơi mỗi người bọn họ thế nào... và giờ Nó vẫn ảnh hưởng ra sao.

Máu ào ào phọt ra từ bánh quy may mắn của Beverly như động mạch bị cửa đứt. Nó bắn lên tay cô rồi vấy lên khăn ăn màu trắng đang phủ trên bàn, nhuộm tím khăn thành một màu đỏ tươi rồi lan ra thành những dấu tay màu hồng.

Eddie Kaspbrak hét lên, đột ngột đẩy ghế ra xa bàn ăn, tay chân lóng ngóng khiến suýt chút nữa thì ghế đổ nhào. Một con bọ rất to với lớp vỏ màu nâu vàng góm guốc đang ngoi ra khỏi chiếc bánh như thể phá kén. Đôi mắt đen láy của nó nhìn vào vô định. Khi nó nhảy lên đĩa bánh mì của Eddie, vụn bánh lả tả rơi xuống từ lưng nó, Bill nghe rõ mồn một tiếng rào rào, âm thanh ấy trở về ám ảnh anh trong giấc mơ khi anh ngã lưng trong chốc lát vào buổi chiều hôm ấy. Sau khi thoát ra, nó đưa hai chân trước cọ vào nhau, phát ra tiếng lạo xạo khô khốc, Bill nhận ra nó là một con dế đột biến góm ghiếc. Nó loạng choạng bò đến thành đĩa và ngã vật xuống tấm khăn trải bàn.

“Ôi Chúa ơi!” Richie nghẹn lời. “Ôi Chúa ơi, Bill To Bự, là một con mắt, lạy Chúa tôi, là một con mắt, khốn kiếp, một con mắt...”

Bill vội vàng quay đầu lại, trông thấy Richie đang nhìn chăm chăm chiếc bánh quy may mắn của mình, môi anh méo xệch đầy kinh hãi. Một mẫu bánh phết đường rơi xuống khăn trải bàn, để lộ cái lỗ trong đó con người loang loáng trợn trừng. Vụn bánh dính trên móng mắt nâu trống rỗng của nó và

vương vãi trên màng mắt.

Ben Hanscom thắng tay vút bánh – không phải hành vi có chủ đích mà là phản ứng bất thành linh của một người hoảng hốt trước thứ gì đó quá đổi ghê tởm. Khi chiếc bánh may mắn của Ben lăn ra bàn, Bill trông thấy hai cái răng bên trong, chân răng đen đúa tụ đầy máu. Chúng va vào nhau càn cạch như hạt trong quả bầu rỗng.

Anh quay sang nhìn Beverly thì thấy cô đang hít một hơi thật sâu để thét lên. Mắt cô dán vào thứ vừa bò ra khỏi chiếc bánh của Eddie, thứ sinh vật hiện đang lật ngửa trên bàn, lơ lơ loe ngoe chân.

Bill bước tới. Anh không kịp nghĩ gì cả mà chỉ làm theo bản năng. Trục giác, anh điên cuồng nghĩ trong lúc bật dậy khỏi ghế và kịp thời đưa tay bịt miệng Beverly ngay trước khi cô thét lên. *Mình đang hành động theo trực giác. Hẳn Mike sẽ tự hào lắm đây.*

Âm thanh phát ra từ miệng Beverly không phải tiếng thét mà là tiếng “Ừm!” bị bịt lại.

Eddie phì phò hít thở, âm thanh mà Bill còn nhớ rõ như in. Chẳng thành vấn đề, hít một hơi từ cái ống thở cũ kia sẽ khiến Eddie bình thường trở lại. *Bình thường như cân đòng*, Freddie Firestone thể nào cũng nói như vậy, và Bill tự hỏi – không phải lần đầu – tại sao vào lúc nước sôi lửa bỏng thế này, con người ta lại có những suy nghĩ rõ kỳ khôi như thế.

Anh vội vã liếc nhìn mọi người, và lời anh thốt lên cũng lại là một điếu từ mùa hè năm ấy, một điếu vừa xưa cũ đến không tưởng vừa đúng boong: “Phốt tỉnh lên! Tất cả các cậu! Không được phát ra tiếng! Phốt tỉnh lên đi!”

Rich đưa tay lên bịt miệng. Nét mặt Mike xám ngoét, nhưng anh gật đầu với Bill. Mọi người lùi khỏi bàn. Bill chưa bẻ chiếc bánh quy may mắn của mình, nhưng anh có thể thấy thành miếng bánh phập phồng chuyển động - phình lên, xẹp xuống, phình lên rồi lại xẹp xuống, phình lên rồi lại xẹp xuống

- khi món quà góp vui của anh đang tìm cách thoát ra.

“Ủm ừm!” Beverly rít lên dưới tay anh, hơi thở của cô khiến lòng bàn tay anh nhồn nhột.

“Phốt tỉnh lên, Bev,” anh nói và buông tay ra.

Hai mắt cô trợn trừng. Miệng cô giật giật. “Bill... Bill, cậu có thấy...” Mắt cô rồi ren quay lại nhìn con dế r ồi trên trần dán vào nó. Con dế dường như đang hấp hối. Đôi mắt nhắm nheo của nó chĩa vào cô, khiến Beverly rên lên.

“Th-Th-Thôi ngay,” anh dứt khoát. “Cậu trở lại bàn đi.”

“Tớ không thể, Billy, tớ không thể lại g ần thứ...”

“Cậu làm được! Cậu ph-phải làm cho bằng được!” Anh nghe thấy tiếng chân vội vã rảo bước lên hành lang hẹp phía bên kia của bức rèm đính hạt. Anh nhìn mọi người. “Tất cả các cậu! Trở lại bàn mau! Nói chuyện đi! Ra vẻ bình thường!”

Beverly nhìn anh với ánh mắt van nài, nhưng Bill lắc đầu. Anh ng ồi xuống, kéo ghế vào, cố gắng không liếc nhìn chiếc bánh quy may mắn trên đĩa của mình. Nó phình to như cái nhọt mưng đầy mủ. Nó vẫn phập ph ồng ch ần ch ậm. Ban nãy suýt chút nữa mình đã cắn nó, anh thoáng nghĩ.

Eddie xịt ống thở vào họng một l ần nữa, hơi sương tràn vào phổi anh trong tiếng rít lên khe khẽ.

“Thế cậu nghĩ ai sẽ là đội chiến thắng?” Bill hỏi Mike, cố rặn ra một nụ cười giả tạo. Ngay lúc ấy, Rose bước qua tấm rèm, khuôn mặt cô lo lắng một cách nhã nhặn. Từ khóe mắt, Bill trông thấy Bev đã ng ồi lại vào bàn. *Giỏi lắm*, anh thầm nghĩ.

“Tớ thấy đội Chicago Bears có tiềm năng đấy,” Mike trả lời.

“Mọi thứ ổn cả chứ quý khách?” Rose hỏi.

“Ổ-Ổn cả” Bill đáp. Anh chĩa ngón tay cái về phía Eddie. “Cậu bạn của bọn

tôi lên cơn hen ấy mà. Cậu ấy dùng thuốc nên khỏe hơn rồi.”

Rose nhìn Eddie với vẻ lo ngại. “Tôi khỏe rồi,” Eddie hít hà.

“Các vị có muốn tôi dọn bàn không?”

“Một lát nữa nhé,” Mike đáp, nở nụ cười thật tươi nhưng cứng đờ.

“Món ăn ngon chứ?” cô đưa mắt nhìn khắp bàn, chút nghi ngờ len lỏi trong vẻ ngoài bình thản. Cô không thấy con dế, con người, hai cái răng hoặc chiếc bánh đang phập phồng thở của Bill. Tương tự, ánh mắt cô lướt qua vết máu bắn lên tấm khăn trải bàn mà chẳng buồn đoái hoài.

“Mọi thứ ngon quá sức là đằng khác,” Beverly nói rồi nhoen cười – nụ cười tự nhiên hơn hẳn Bill và Mike. Cử chỉ ấy như xoa dịu tâm trí Rose, thuyết phục cô nếu có thứ gì không ổn ở đây, chắc chắn nguyên nhân không phải do cung cách phục vụ của Rose hay nhà bếp. *Phụ nữ đúng là thứ dữ*, Bill thầm nhủ.

“Lời tiên tri tất cả chứ?” Rose hỏi han.

“Chà,” Richie đáp. “Tôi không biết những người khác ra sao chứ tôi được dịp mở mang tầm mắt lắm.”

Bill nghe thấy tiếng răng rắc khe khẽ. Anh nhìn xuống đĩa, trông thấy cẳng chân thò ra từ chiếc bánh. Nó cào lên lòng đĩa.

Suýt chút nữa mình đã cắn vào thứ đó, suy nghĩ ấy lại hiện ra, nhưng anh vẫn giữ nguyên nụ cười của mình. “Rất tốt,” anh đáp.

Richie đưa mắt quan sát đĩa của Bill. Một con ruồi to tướng màu đen xám từ từ trồi ra khỏi vỏ bánh vỡ vụn. Nó khẽ đập cánh vo ve. Mủ vàng trào ra khỏi chiếc bánh, tụ trên khăn trải bàn. Xộc lên một thứ mùi xú uế, hôi thối của vết thương nhiễm trùng.

“Chà, vậy nếu tôi không giúp được gì cho các vị...”

“Hiện tại thì chưa,” Ben đáp. “Bữa ăn quá tuyệt vời. Rất... rất kỳ dị.”

“Mọi người cứ thông thả ng ỡ chơi,” cô nói và cúi đầu bước qua tấm rèm kết bằng hạt. Hạt cườm vẫn còn rung rinh và lanh canh đập vào nhau khi tất cả bọn họ đẩy ghế lùi xa khỏi bàn.

“Cái gì vậy?” Ben khàn khàn hỏi, mắt nhìn vào thứ trên đĩa của Bill.

“Một con ru ồi,” Bill đáp. “Ru ồi đột biến. Tớ đoán nó sinh ra từ tác phẩm của nhà văn George Langlahan. Ông ấy viết một truyện ngắn có tên là *Con ru ồi*. Tác phẩm từng được chuyển thể thành phim, dù không quá xuất sắc. Những câu chuyện ấy làm tớ sợ mất mật. Nó lại vận đến những chiêu trò cũ rích. Gần đây hình ảnh con ru ồi này thường xuyên xuất hiện trong tâm trí tớ, vì tớ đang lên kế hoạch viết tiểu thuyết, dự tính đặt tên là *Bọ đờng*. Tớ biết nghe tựa đề kh-khá dở hơi, nhưng các cậu thấy đấy...”

“Cho tớ xin lỗi,” Beverly lạnh nhạt nói. “Tớ nghĩ tớ phải nôn đã.”

Cô rời đi trước khi cánh mày râu kịp đứng dậy.

Bill rút khăn ăn của mình và ném xuống con ru ồi với kích thước bằng con chim sẻ non. Một thứ to như vậy không thể nào bay ra từ một vật nhỏ như bánh quy may mắn của Trung Hoa được... nhưng sự thật là thế. Con ru ồi vo ve hai lần dưới khăn ăn rồi im bặt.

“Chúa ơi,” Eddie run rẩy.

“Mình biến khỏi đây thôi,” Mike lên tiếng. “Ta có thể gặp Bev ngoài sảnh.”

Beverly bước ra khỏi nhà vệ sinh cùng lúc mọi người tụ tập ở quầy thanh toán. Trông cô xanh xao nhưng vẫn bình tĩnh. Mike trả tiền, hôn lên má Rose, rồi cả nhóm cùng bước ra bầu trời chỉ đâu bắt phát mưa bay.

“Việc vừa rồi có khiến ai thay đổi suy nghĩ không?” Mike hỏi.

“Tớ thì không” Ben đáp.

“Không” Eddie lên tiếng.

“Suy nghĩ gì kia?” Richie nói.

Bill lắc đầu rồi nhìn qua Beverly.

“Tớ sẽ ở lại,” cô nói. “Bill này, ban nãy cậu bảo Nó lại vận đến những chiêu trò cũ rích nghĩa là sao?”

“Dạo này tớ đang nghĩ đến việc viết một câu chuyện về bộ rệp,” anh giải thích. “Câu chuyện của Langlahan vô tình in sâu trong tâm trí tớ. Thế nên tớ mới nhìn thấy con ruồi. Còn cậu thấy máu nhĩ, Beverly. Tại sao cậu lại nghĩ đến máu?”

“Tớ đoán chắc là máu từ lỗ thoát nước,” Beverly liền nói. “Máu xối xả tuôn từ lỗ thoát nước trong phòng tắm ngày xưa, lúc tớ mười một tuổi.” Nhưng có thật là thế không? Cô nói vậy mà không nghĩ vậy. Vì cảnh tượng vụt qua đầu cô khi máu bắn lên tay cô thành dòng âm ỉm là hình ảnh dấu tay máu me cô để lại sau khi đập lên mảnh chai nước hoa vỡ. Tom. Và

(Bevvie đôi khi bối lo quá)

bố cô.

“Bánh của cậu cũng là một con bọ,” Bill nói với Eddie. “Tại sao vậy?”

“Không chỉ là một con bọ,” Eddie đáp. “Mà là một con dế. Trong tầng hầm nhà tớ có nhiều dế kinh khủng. Bỏ ra 200.000 đô-la cho căn nhà, thế mà không loại trừ được đám dế ấy. Buổi tối, chúng róc rác khiến bọn tớ điên cả đầu. Vài đêm trước, lúc Mike gọi, tớ mơ thấy cơn ác mộng vô cùng khủng khiếp. Tớ nằm mơ thấy tớ tỉnh dậy và giường tớ đầy dế, tớ tìm cách dùng ống thở bắn chúng nhưng khi tớ bóp cò, ống thở chỉ kêu lên reng róc, tớ mới nhận ra cả ống thở cũng đầy dế, đến lúc ấy thì tớ tỉnh lại.”

“Người phục vụ không nhìn thấy cảnh này,” Ben trầm ngâm. Anh nhìn Beverly. “Giống ngày trước bố mẹ cậu không trông thấy máu chảy ra từ lỗ thoát nước, dù máu bê bết khắp nơi.”

“Ừ,” cô đồng tình.

Họ đứng đó nhìn nhau trong cơn mưa xuân lác rác.

Mike liếc nhìn đồng hồ. “Thêm hai mươi phút nữa sẽ có xe buýt,” anh nói, “hoặc để tớ chở bốn người các cậu trong xe tớ, chịu khó chen chúc một chút. Không thì tớ sẽ gọi tắc-xi. Tùy các cậu muốn thế nào.”

“Tớ nghĩ tớ sẽ đi bộ từ đây,” Bill lên tiếng. “Tớ không biết mình sẽ đi đâu, nhưng hít thở chút khí trời cho khoan khoái cũng hay.”

“Tớ sẽ gọi tắc-xi,” Ben nói.

“Vậy tớ đi chung với Ben, cho tớ xuống trung tâm thị trấn là được,” Richie đề nghị.

“Ừ được. Mà cậu tính đi chỗ nào?”

Richie nhún vai. “Chưa biết nữa.”

Những người còn lại quyết định chờ xe buýt.

“7 giờ tối nay nhé,” Mike nhắc lại. “Và nhớ bảo trọng đấy.” Họ gật gù đồng ý sẽ bảo trọng, dù Bill chẳng biết làm thế nào ta có thể thật lòng hứa hẹn như thế khi thứ mà ta phải đối mặt là một chuỗi những ân số ghê gớm.

Anh toan cất tiếng, nhưng khi nhìn nét mặt mọi người, anh nhận ra ai nấy cũng đều biết rõ đi đâu đó.

Anh bèn cất bước, khẽ giơ một tay chào tạm biệt. Không khí mờ sương mát rượi phả vào mặt anh. Đi bộ trở lại thị trấn sẽ xa lắm đây, nhưng không sao. Anh có nhiều điều cần suy ngẫm. Anh mừng vì buổi tụ hội đã kết thúc và đã đến lúc bắt tay vào việc rồi.

CHƯƠNG 11 ĐI ĐÂY ĐI ĐÓ

1

BEN HANSCOM MUỐN SÁCH

Richie Tozier bước ra khỏi tắc-xi ở ngã giao giữa ba con đường: đường Kansas, đường Trung Tâm và đường Chính; còn Ben xuống xe ở đỉnh đồi Dặm Trên. Tài xế chính là “anh bạn mộ đạo” của Bill, nhưng cả Richie và Ben đều không biết lần này, Dave trầm tư trong sự im lặng ngọt ngào. Ben thầm nghĩ mình có thể xuống chung với Richie, nhưng chẳng hiểu sao anh lại cảm thấy họ tự đi riêng một mình là hay nhất.

Anh đứng ở góc đường Kansas và Daltrey Close, nhìn chiếc tắc-xi hòa mình vào dòng xe cộ tấp nập, hai tay đút sâu vào túi quần, cố xua đi cái kết hải hùng của bữa trưa ra khỏi đầu. Song anh bất lực, hình ảnh con ruồi xám đen bò ra từ chiếc bánh quy may mắn trên đĩa của Bill, cặp cánh với đường vân quạt ra sau cứ trở đi trở lại trong suy nghĩ của anh. Anh cố sức đánh lạc hướng tâm trí mình khỏi hình ảnh gớm ghiếc ấy, nhưng anh cứ tưởng mình đã thành công thì năm phút sau lại phát hiện ra tâm trí anh vẫn nghĩ về nó.

Đường như mình đang cố chứng minh nó, anh thầm nhủ, nhưng không phải chứng minh theo góc nhìn đúng sai mà là chứng minh theo toán học. Nhà cửa được xây dựng bằng cách tuân theo một số quy luật tự nhiên; quy luật tự nhiên có thể được trình bày bằng phương trình; mà phương trình thì phải được chứng minh. Vậy biết chứng minh thế nào những điếu vừa mới xảy ra chưa đầy ba mươi phút trước đây?

Mặc kệ nó đi, anh tự nhủ, chẳng biết anh đã nhắc nhở bản thân mặc kệ nó lần thứ bao nhiêu nữa. *Mày không chứng minh được đâu, nên kệ nó đi*.

Lời khuyên chí lý đấy; vấn đề là anh không thể chấp nhận nó. Anh nhớ một

ngày sau khi anh trông thấy xác ướp trên Kênh Đào đóng băng, cuộc sống của anh vẫn trôi đi như thường lệ. Lúc ấy, cậu bé Ben hiểu rõ bất kể nó là gì, suýt chút nữa nó đã bắt được cậu, thế nhưng nhịp sống của cậu không dừng lại: cậu vẫn đi học, vẫn làm bài kiểm tra số học, vẫn đến thư viện sau giờ học và vẫn ăn lấy ăn để như bình thường. Chỉ đơn giản là cậu đưa thứ mình trông thấy trên Kênh Đào trở thành một phần cuộc sống của mình, và ngay cả khi suýt chút nữa nó đã kết liễu cậu... thì đành chịu thôi, con nít mất mạng suốt mà. Chúng bỏ nhào qua đường mà không thèm nhìn, chúng đùa giỡn trên hồ rỗ nhận ra mình đã chèo thuyền cao su đi quá xa nên cuống cù chèo ngược lại, chúng đu lên xà rỗ ngã dập mông hoặc treo cây rỗ ngã cắm đầu.

Lúc này đây, đứng trong cơn mưa lâm thâm trước Cửa hàng Phần cứng Đáng tin cậy mà vào năm 1958 nơi đây là tiệm cầ đồ (Ben nhớ nó có tên là Anh em nhà Frati, cửa sổ đôi lúc nào cũng trưng đầy súng lục, súng trường, dao cạo lưỡi rời và đàn ghi-ta dựng thẳng đứng như những sinh vật kỳ thú), anh chợt ngộ ra trẻ con dễ chết hơn người lớn, mà trẻ con cũng giỏi hợp nhất những điếu vô phương lý giải vào cuộc sống của mình. Tuy không nói ra, chúng tin rằng có tồn tại một thế giới vô hình. Ở phải rỗ, tất nhiên chúng cũng tin cả những điếu kỳ diệu, dù trong sáng hay ngoài tối, nhưng những điếu đó không bao giờ khiến thế giới ngừng quay. Một vẻ đẹp trời long đất lở hay nổi kinh hoàng bất chợt xuất hiện lúc 10 giờ chẳng thể nào cản trở cậu ăn thêm một, hai chiếc bánh kẹp xúc xích phô mai vào bữa trưa.

Song, khi ta lớn lên, mọi thứ chợt đổi khác. Ta không còn trần trọc nằm trên giường, nơm nớp lo sợ có thứ gì đó đang nấp trong tủ quần áo hoặc cào vào cửa sổ... nhưng khi thứ đó thật sự xảy đến, một thứ nằm ngoài cách lý giải thông thường, mạch thần kinh của ta trở nên quá tải. Sợi trục và sợi nhánh thần kinh nóng lên. Ta bắt đầu nhấp nhồm như ngẫ trên đồng lửa, ta bắt đầu như đĩa phải vôi, trí tưởng tượng của ta bắt đầu như lên đồng và nhảy chẳng khác nào con gà trong đầu. Ta không thể gắn kết điếu vừa xảy ra với cuộc sống

của mình. Ta không tiêu hóa nổi. Tâm trí ta cứ trở đi trở lại hình ảnh ấy, mân mê như chú mèo con nghịch cuộn len tròn... cho đến khi cuối cùng, ta phát điên hoặc bị đẩy đến bước đường cùng khiến ta không hoạt động bình thường được nữa.

Nếu điều đó xảy ra, Ben thầm nghĩ, thì Nó bắt được mình rồi. Tất cả bọn mình. Không chút thương xót.

Anh bắt đầu bước lên đường Kansas, vô định chưa biết đi đâu. Và bất chợt, một suy nghĩ hiện lên trong đầu anh: *Cả đám đã làm gì với đồng bạc vậy nhỉ?*

Anh vẫn chưa nhớ ra.

Đồng bạc, Ben... Beverly đã cứu mạng mình bằng đồng bạc ấy. Mạng mình... hoặc có khi là mạng của tất cả mọi người... đặc biệt là Bill. Suýt chút nữa Nó đã moi ruột mình ra trước khi Beverly kịp... gì nhỉ? Cô ấy đã làm gì? Và nó hoạt động ra sao? Cô ấy đẩy lùi nó với sự hiệp lực của bọn mình. Nhưng bằng cách nào nhỉ?

Bỗng dưng một từ ngữ hiện lên trong đầu anh, một từ vô nghĩa nhưng khiến da thịt anh bủn rủn hết cả: *Chiüd*.

Cúi nhìn vỉa hè, trong khoảnh khắc, anh trông thấy hình con rùa vẽ bằng phấn, và thế gian như trôi tuột trước mắt anh. Anh nhắm nghiền mắt, rồi khi mở ra, anh thấy nó không phải con rùa mà chỉ là ô lò cò nhòe đi dưới cơn mưa phùn.

Chiüd

Nó có nghĩa là gì nhỉ?

“Chịu thôi,” anh nói to, và khi vội vàng nhìn quanh để xem có ai bắt gặp cảnh tượng anh đang nói chuyện một mình không, anh nhận thấy mình vừa rời khỏi đường Kansas và rẽ vào Đại lộ Costello. H ăi trưa, anh nói với mọi người rằng Vùng Đất Cằn là nơi duy nhất mang lại cho anh niềm vui thuở bé... nhưng nói như vậy chưa chuẩn lắm thì phải? Còn một nơi nữa. Và chẳng biết

vô tình hay hữu ý, anh đã rảo bước đến nơi ấy: Thư viện công cộng Derry.

Anh đứng trước cửa chừng một hai phút, tay vẫn đút túi quần. Thư viện bao năm vẫn thế, giờ đây, tuy đã trưởng thành, anh vẫn ngưỡng mộ những đường nét của công trình ấy như xưa. Như rất nhiều công trình kiến trúc xây bằng đá được thiết kế xuất sắc, nó khiến bất cứ con mắt nào chiêm ngưỡng cũng phải bối rối với những điểm tương phản: sự vững chãi của đá được cân bằng bởi đường nét thanh thoát của mái vòm và cột nhỏ; tòa kiến trúc trông vừa chắc chắn như ngân khố lại vừa gọn vừa tươi tắn (chà, công trình trong đô thị thì gọn là đúng rồi, đặc biệt là những công trình được xây dựng vào thời điểm chuyển giao thế kỷ, cửa sổ bo tròn với những thanh sắt mỏng bất chéo rất duyên dáng). Những điểm tương phản ấy khiến tòa nhà không hề thô kệch, và anh chẳng lấy làm ngạc nhiên khi trong lòng anh dâng lên tình yêu thương đối với nơi này.

Đại lộ Costello vẫn chẳng thay đổi là mấy. Nhìn dọc theo đại lộ, anh có thể thấy Nhà Cộng đồng Derry, lòng bất giác tự hỏi liệu Chợ Đại lộ Costello còn nằm ở chỗ đại lộ hình bán nguyệt, giao với đường Kansas hay không.

Anh bước qua bãi cỏ của thư viện, chẳng buồn để tâm đôi bốt của mình đang bị ướt, để ngắm nhìn hành lang bằng kính nối giữa thư viện người lớn và thư viện trẻ em. Nơi đây vẫn như xưa, và từ vị trí hiện tại, ngay bên ngoài những nhánh cây liễu rủ, anh có thể trông thấy mọi người rảo bước qua lại. Lòng anh bừng lên niềm vui thích xưa cũ, và lần đầu tiên, anh gần như quên hẳn chuyện vừa xảy ra vào cuối bữa ăn trưa ban nãy. Anh nhớ như in ngày bé, cứ mỗi độ đông về, anh lại đến đúng chỗ này, lội qua đồng tuyết cao gần đến hông rồi đứng lặng, lăm lăm đến cả mười lăm phút. Anh nhớ mình sẽ đến đây lúc hoàng hôn buông xuống, những điểm tương phản như hút hồn cậu bé Ben và giữ cậu ở đó, mặc kệ đôi ngón tay tê cóng, mặc kệ tuyết tan chảy trong đôi bốt cao su màu xanh. Bên ngoài, nơi cậu đứng, trời nhập nhoạng tối, cả thế

gian d'ân nhuộm màu tím, từ mù mùa đông, đặng đông, bầu trời xám xịt màu tro, ngả màu đỏ cam ở phía tây. Nơi cậu đứng lạnh cóng, âm đến 10 độ, thậm chí còn rét hơn nếu có gió thổi vào từ Vùng Đất Cằn bằng giá, vốn là một đi'ầu khá thường trực.

Nhưng đặng kia, cách nơi cậu đứng chưa tới ba mươi lăm mét, người ta đi đi lại lại, chỉ mặc áo sơ-mi ngắn tay. Đặng kia, cách nơi cậu đứng chưa tới ba mươi lăm mét, là một con đường ánh sáng rực rỡ nhờ những ngọn đèn huỳnh quang trên đ'ầu. Đám trẻ nhỏ vui đùa cười khúc khích, các cặp thiếu niên nắm tay nhau tình tứ (nếu thủ thư trông thấy, thế nào bà cũng bắt chúng buông tay nhau cho mà xem). Trong mắt cậu bé, khung cảnh này thật kỳ diệu xiết bao, và may thay, ngày ấy, trí óc non nớt của cậu không tìm cách giải thích đi'ầu kỳ diệu này bằng những đi'ầu hết sức tẻ nhạt như điện hay d'ầu đốt nóng. Kỳ diệu nằm ở hành lang hình trụ sáng trưng của ánh sáng, của sự sống, kết nối hai tòa nhà tối đen như huyết mạch; kỳ diệu là khi cậu đứng ngoài tuyết, đưa mắt ngẩng nhìn mọi người qua lại trong hành lang ấy, chẳng mảy may bị ảnh hưởng bởi màn đêm và cái lạnh. Nó khiến họ đáng yêu và th'ần thánh quá đỗi.

Sau h'ồi lâu, cậu bé Ben sẽ quay đi (như anh lúc này) và bước vòng đến cửa chính (như anh lúc này), nhưng r'ồi y như rằng, cậu sẽ dừng chân, ngoái lại nhìn l'ần nữa (như anh lúc này) trước khi bức tường đá to bè của thư viện dành cho người lớn chắn t'ần nhìn đến cái rốn thanh nhã ấy.

Hoài niệm quay quắt trong lòng khiến tâm trạng bu'ồn vui lẫn lộn, Ben bước lên bậc thang dẫn đến thư viện dành cho người lớn, khẽ dừng chân trên hàng hiên hẹp bên trong các cột trụ, lúc nào cũng cao và mát mẻ, bất kể thời tiết nóng nực ra sao. Đoạn anh kéo mở cánh cửa bọc sắt gắn lỗ th'ả sách r'ồi bước vào không gian tĩnh mịch.

Khi đặt chân vào ánh sáng dịu nhẹ của những ngọn đèn thủy tinh hình c'ầu treo lơ lửng trên trần nhà, ký ức như thác lũ ùa v'ề khiến anh ch'énh choáng

trong thoáng chốc. Thác lũ ấy không phải về mặt vật lý - như phát súng vào hàm hay một cái tát. Nó giống cảm giác kỳ lạ khi thời gian chợt lặp lại mà người ta đặt cho cái tên hay hóm là *déjà vu*. Ben từng trải qua cảm giác này, nhưng chưa lần nào nó bạo liệt đến mức choáng váng như thế, bước vào cửa một lúc rồi mà anh tưởng chừng lạc trong dòng thời gian, chẳng rõ mình bao nhiêu tuổi. Anh ba mươi tám hay mười một tuổi nhỉ?

Vẫn là sự tĩnh lặng rì rầm ngày xưa, thỉnh thoảng bị phá vỡ bởi giọng ai đó thì thầm, tiếng thủ thư xếp sách hoặc giấy báo quá hạn mượn sách, tiếng sách báo lật giở lạo xạo. Ngày xưa anh rất thích ánh sáng nơi đây, và bây giờ vẫn thế. Nó chiếu xuyên qua khung cửa sổ trên cao, xám xịt như cánh chim bồ câu trong chiều mưa, thứ ánh sáng đượm màu ảm đạm và chán chường.

Anh bước qua căn phòng rộng lót vải dầu họa tiết đen đỏ gần như đã bạc thếp, và như hồi còn bé, anh cố gắng để bước chân mình không phát ra tiếng động - thư viện người lớn có mái vòm ở chính giữa, thành thử mọi âm thanh đều bị khuếch đại lên.

Anh nhận thấy các cầu thang xoắn bằng thép dẫn lên kệ sách vẫn còn, ở mỗi đầu bàn chính hình móng ngựa lại có một cái, nhưng anh cũng phát hiện có một thang máy nhỏ đã được lắp thêm vào lúc nào đó trong hai mươi lăm năm kể từ ngày anh và mẹ chuyển đi. Nó giúp anh nhẹ nhõm phần nào – bởi nó thọc mũi dao vào cảm giác *déjà vu* bức bối tâm can.

Anh cảm thấy mình như kẻ không mời đang bước qua căn phòng rộng, như một điệp viên từ đất nước khác. Anh thầm mong thủ thư ngồi ở bàn ngăn đầu lên, chăm chú nhìn anh rồi thách thức anh bằng giọng nói chói tai, gần từng tiếng, khiến mọi ánh mắt ở đây đều phải đổ dồn về phía anh: *Anh kia! Phải, là anh đấy! Anh làm gì ở đây? Anh không có nghĩa vụ gì ở đâu cả! Anh là kẻ Bên Ngoài! Anh là kẻ Ngày Xưa! Anh ở đâu thì trở về đấy đi! Đi ngay lập tức, kéo tôi gọi cảnh sát bây giờ!*

Và quả thật, thủ thư có ngẩng đầu lên, ấy là một cô gái trẻ xinh xắn, và trong một khoảnh khắc điên rồ, Ben tưởng chừng tưởng tượng của mình sắp trở thành hiện thực, tim anh suýt chút nữa thì chặn ngang họng khi đôi mắt xanh nhạt của cô nhìn thẳng vào mắt anh. Rồi bốn mắt lãnh đạm lướt qua nhau, Ben lấy lại sức để bước tiếp. Giả như anh là điệp viên thì anh vẫn chưa bị phát hiện.

Trên đường đến hành lang nối qua thư viện trẻ em, đi dưới một trong những cầu thang thép rèn hẹp và dốc đứng, anh không khỏi thích thú nhận ra (sau khi sự đã rồi) rằng anh vừa vô thức hành động y như xưa. Anh vừa ngẩng đầu ngược lên trên, cầu mong như cậu bé Ben năm nào từng mong, sẽ thấy một cô bé mặc váy bước xuống cầu thang. Anh còn nhớ (lúc này, ký ức đã trở về lần nọ, hồi anh tám hay chín tuổi gì đó, anh tình cờ ngược mắt lên thì nhìn thấy ngay trước mắt mình là chiếc váy ka ki của một nữ sinh trung học xinh xắn và nhìn được cả chiếc quần con màu hồng sạch sẽ bên trong. Nếu ánh mắt trời bất ngờ lấp lánh trên lác chân của Beverly Marsh đã bắn vào tim cậu mũi tên của một thứ cảm xúc chân phương hơn tình yêu và si mê vào ngày cuối học kỳ năm 1958 thì hình ảnh chiếc quần con của nữ sinh trung học cũng có sức ảnh hưởng tương đương; anh vẫn nhớ lúc ấy, anh đã ngẩn ngây ra ở bàn trong Thư viện Trẻ em, ngẫm nghĩ về cảnh tượng bất ngờ kia suốt hai mươi phút, hai má và trán nóng bừng, cuốn sách về lịch sử tàu hỏa mở ra trước mặt nhưng chẳng vào đâu chữ nào, cậu bé chìa thẳng như nhánh cây trong quần, cắm rễ sâu lên títt bụng của Ben. Cậu thả hồn mơ mộng đến viễn cảnh hai người bọn họ kết hôn, sống trong một căn nhà nhỏ ở ngoại ô thị trấn, đắm chìm trong khoái lạc mà cậu chưa đủ sức hiểu hết.

Cảm giác ấy đến rồi đi đột ngột như cơn gió, nhưng kể từ đó, Ben không bao giờ bước qua bên dưới cầu thang mà không ngẩng đầu nhìn. Dù chưa một lần bắt gặp cảnh tượng nào thú vị hoặc cảm xúc (lần nọ, có một bà mập lặc lè bước xuống cầu thang, nhưng cậu vội vàng quay mặt đi khỏi cảnh tượng ấy,

cảm thấy xấu hổ như thể mình là kẻ phá rối), song thói quen ấy chẳng bỏ được - và giờ đây, tuy đã là một người đàn ông trưởng thành, anh lại bất giác hành động giống như xưa.

Anh chậm rãi bước qua hành lang bằng kính, để ý một số đổi thay: đèn can màu vàng với dòng chữ OPEC RẤT VUI KHI BẠN PHUNG PHÍ NĂNG LƯỢNG, NÊN HÃY TIẾT KIỆM TỪNG OÁT! được dán trên bảng công tắc điện. Khi anh bước vào thế giới thu nhỏ, nơi những bộ bàn ghế bằng gỗ sắc vàng đều có kích thước nhỏ hơn, nơi vòi uống nước chỉ cao một mét hai, bức hình đóng khung trên tường đằng xa không phải hình của Dwight Eisenhower và Richard Nixon mà là hình của Ronald Reagan cùng George Bush - nếu Ben không lờ thì năm anh tốt nghiệp lớp Năm, Reagan vẫn còn dẫn chương trình *Rạp hát GE*, còn George Bush chưa đến ba mươi tuổi.

Nhưng...

Cảm giác déjà vu lại ập đến. Anh chỉ biết bất lực trước nó, và lần này, anh cảm thấy nỗi hoảng sợ đến tê dại của một người ngỡ ngàng nhận ra sau nửa tiếng đồng hồ chơi với trong nước, rằng bờ biển sao quá xa xôi, còn mình thì sắp chết đuối.

Lúc này đang là giờ kể chuyện, và ở góc phòng, một nhóm khoảng mười cô cậu bé chinh tề ngôi thành vòng bán nguyệt trên những chiếc ghế con chăm chú lắng nghe. “Ai đang bước qua cầu của ta đây?” Thủ thư trầm giọng gằn gừ, giả làm con quỷ trong câu chuyện, và Ben nghĩ thầm nghĩ: *Khi cô ấy ngẩng đầu lên, mình sẽ nhận ra ấy là cô Davies, phải, cô Davies, và trông cô ấy sẽ chẳng già đi chút nào...*

Nhưng khi nữ thủ thư ấy ngẩng đầu lên, người anh trông thấy là một phụ nữ trẻ hơn cả cô Davies năm xưa.

Vài đứa trẻ che miệng, khúc khích cười, nhưng những đứa trẻ còn lại chỉ chăm chú nhìn cô, ánh mắt lấp lánh về câu chuyện cổ tích kỳ thú, trường tìn

cùng năm tháng: Liệu con quỷ có bị đánh bại... hay nó sẽ ăn thịt đàn dê?

“Là ta, Dê Billy Gruff đang đi trên cầu của người đây,” nữ thủ thư tiếp tục kể, và Ben bước ngang qua, mặt tái mét.

Làm thế nào mà vẫn là câu chuyện năm xưa kia chứ? Đúng y câu chuyện năm ấy? Mình có thể tin đây chỉ là ngẫu nhiên không? Vì khốn thật... mình không nghĩ là vậy, mình không tài nào nghĩ vậy!

Anh cúi người xuống vòi uống nước, cúi khoằm người đến độ anh cảm thấy mình giống như Richie lúc làm hành động quỳ rạp lạy lục.

Mình phải trao đổi với ai đó, anh hoảng sợ nghĩ. Mike... hoặc Bill... hay ai cũng được. Phải chăng có thứ đang đập quá khư và hiện tại vào nhau, hay mình chỉ đang tưởng tượng thôi? Vì nếu đây không phải là tưởng tượng thì mình không chắc sức mình kham nổi. Mình...

Anh ngược nhìn bàn kiểm kê sách, và dường như trong khoảnh khắc, tim anh ngừng đập một nhịp rồi đập thành thịch với tốc độ gấp đôi. Tâm áp phích đơn giản, rõ ràng... và quá đỗi quen thuộc ghi vồn vẹn:

HÃY GHI NHỚ GIỜ GIỚI NGHIÊM

7 GIỜ TỐI

SỞ CẢNH SÁT DERRY

Trong phút chốc, anh chợt thấm thía – tựa như ánh sáng lóe lên trong đầu, anh nhận ra việc họ bỏ phiếu chẳng phải một trò đùa. Quay đầu không còn là bờ, hay đúng hơn, ngay từ đầu đã chẳng có bờ. Họ đang đi trên lối đi đã được định sẵn, giống lối mòn của ký ức đã khiến anh bất giác ngược lên khi đi bên dưới cầu thang dẫn lên kệ sách. Ở Derry này có một tiếng vọng, thứ tiếng vọng chết người, và tất cả những gì họ có thể hy vọng là tiếng vọng ấy sẽ thay đổi theo hướng thuận lợi để họ toàn mạng trốn thoát.

“Chúa ơi,” anh lần bầu, đưa một tay lên chà xát má.

“Cháu có thể giúp gì cho chú không?” Một giọng nói cất lên phía sau cánh tay anh khiến anh giật nảy mình. Một thiếu nữ áng chừng mười bảy tuổi, mái tóc vàng sậm được kẹp ra sau, nổi bật khuôn mặt xinh xắn. Trợ lý thư viện, tất nhiên rồi, hồi năm 1958 cũng có, những nữ sinh, nam sinh trung học xếp sách, chỉ cho trẻ em cách sử dụng thẻ ghi thông tin sách, thảo luận về các bài báo cáo sách và bài tập trên trường, chuẩn bị ghi chú và thư mục phụ giúp các học giả rỗi trí. Tiền lương chẳng đáng là bao, nhưng luôn có những đứa trẻ sẵn sàng thực hiện. Bởi công việc này tương đối dễ chịu.

Thời điểm ấy, quan sát kỹ hơn về mặt ôn hòa nhưng có phần thắc mắc của cô gái, anh nhận ra mình không còn thuộc về nơi này - anh như người không ở trong vùng đất người tí hon. Kẻ không mời mà đến. Trong thư viện người lớn, anh cảm thấy khó chịu trước việc có thể bị thăm soi, bị bắt chuyện, nhưng ở đây, nó cho anh chút nhẹ nhõm. Chỉ ít, nó minh chứng rằng anh vẫn là người lớn, và việc rõ ràng cô gái kia không mặc áo ngực bên dưới lớp áo mỏng theo phong cách phương Tây cũng khiến anh nhẹ nhõm nhiều hơn là bị kích thích: nếu cần bằng chứng chứng minh đây là năm 1985 chứ không phải 1958 thì hai nhũ hoa nhô lên bên dưới làn áo sợi bông của cô chính là bằng chứng rõ ràng nhất.

“Không đâu, cảm ơn cháu,” anh đáp, và rồi vì lý do nào đó mà ngay bản thân còn chẳng hiểu nổi, anh bất giác để thêm: “Chú đang đi tìm con trai chú.”

“Ô? Cậu bé tên là gì ạ? Biết đâu cháu có thấy em ấy.” Cô mỉm cười. “Cháu biết hầu hết các bạn nhỏ ở đây.”

“Tên con chú là Ben Hanscom,” anh nói. “Nhưng chú không thấy nó ở đây.”

“Chú tả cháu nghe về ngoài của con trai chú đi, nếu chú cần nhắc gì thì cháu sẽ chuyển lời.”

“Chà,” Ben nói, cảm thấy hơi không thoải mái, lòng thầm ước ao giá như mình không khơi ra chuyện này, “con chú hơi mũm mĩm một chút, trông hao

hao chú. Nhưng không sao đâu. Nếu thấy thằng bé, cháu nhắn giùm chú là bố sẽ ghé qua trên đường về nhà nhé.”

“Dạ vâng,” cô nói và mỉm cười, nhưng nụ cười không hiện lên trong mắt cô, để rồi Ben chợt nhận ra cô không cất công đến tận nơi bắt chuyện với anh vì phép lịch sự đơn thuần và nhiệt tình giúp đỡ. Cô là trợ lý thủ thư của thư viện trẻ em ở một thị trấn đã có chín đứa trẻ bị sát hại trong vòng tám tháng. Trông thấy một người đàn ông lạ mặt trong thế giới thu nhỏ này, nơi người lớn hóa hoàn toàn mới xuất hiện trừ những lúc đón đưa con trẻ, bảo sao cô không nhìn anh với ánh mắt nghi ngờ.

“Cảm ơn cháu,” anh nói, nở nụ cười mà anh mong sẽ trấn an cô phần nào rồi rút khỏi đó ngay lập tức.

Anh bước qua hành lang dẫn đến thư viện người lớn, đi đến bàn trong cơn bốc đồng không thể lý giải... nhưng thắc mắc làm chi, chẳng phải chỉ vài nay họ phải làm theo những gì lòng mình thôi thúc sao? Cứ đi theo thôi thúc trong lòng xem nó dẫn đến đâu.

Bảng tên trên bàn đổi trả sách cho anh biết cô thủ thư xinh xắn trẻ trung tên là Carole Banner. Đằng sau cô, Ben có thể trông thấy một cánh cửa bọc kính mờ, bên trên đề dòng chữ MICHAEL HANLON THỦ THƯ TRƯỞNG.

“Tôi có thể giúp gì cho anh không?” cô Banner hỏi.

“Vâng, có.” Ben đáp. “Tôi mong là có. Tôi muốn làm thẻ thư viện.”

“Hay quá,” cô nói và rút ra một tờ đơn. “Anh có phải cư dân của Derry không?”

“Hiện thời thì không.”

“Vậy cho tôi xin địa chỉ nhà.”

“Rural Star Đường số 2, Hemingford Home, Nebraska.” Anh thoáng dừng lại, có phần vui thích khi cô nhìn anh chăm chăm, đoạn nói nốt mã bưu điện: “59341.”

“Anh đang đùa tôi đấy à, thưa anh Hanscom?”

“Không hề”

“Vậy anh dự tính chuyển đến Derry sao?”

“Không, tôi không có dự tính như vậy.”

“Đi mượn sách mà anh phải cất công lặn lội xa đến vậy ư? Chẳng lẽ họ không có thư viện ở Nebraska sao?”

“Tôi làm thế xuất phát từ lý do tình cảm,” Ben đáp. Tưởng đâu kể chuyện này với một người lạ thì muối mặt quá, nhưng hóa ra anh không cảm thấy thế. “Tôi lớn lên ở Derry. Đây là lần đầu tiên tôi trở về thăm cố hương từ lúc tôi chuyển đi hồi còn bé. Từ nãy đến giờ, tôi dạo lòng vòng, xem thứ gì đổi thay, thứ gì nguyên vẹn. Và bất chợt, tôi bỗng nhận ra dù tôi sống ở đây suốt mười năm đời mình, từ năm ba tuổi đến mười ba tuổi, thế mà tôi chẳng có bất cứ đi đâu gì để nhớ về những năm tháng dĩ vãng đó. Đến cả một tấm bưu thiếp cũng không. Tôi có mấy đồng bạc, nhưng tôi đánh mất một đồng, còn bao nhiêu tôi lại đem cho những người bạn của mình hết. Có lẽ thứ tôi muốn là kỷ niệm về tuổi ấu thơ. Giờ đã trễ, nhưng chẳng phải người ta bảo trễ còn hơn không đấy sao?”

Carole Banner mỉm cười, và nụ cười khiến dung mạo xinh xắn của cô trở nên rực rỡ vô cùng. “Tôi thấy như vậy rất lãng mạn,” cô đáp. “Mời anh thông thả xem sách trong vòng mười, mười lăm phút, tôi sẽ chuẩn bị xong thẻ thư viện cho anh lúc anh quay trở lại bàn.”

Ben khẽ mỉm cười. “Chắc sẽ mất phí phải không,” anh hỏi. “Tôi không phải dân của thị trấn này mà.”

“Chắc anh có thẻ thư viện lúc anh còn bé?”

“Có chứ.” Ben mỉm cười. “Ngoài bạn bè, tôi nghĩ thẻ thư viện là thứ quan trọng nhất...”

“Ben ơi, lên đây được không?” Bỗng dựng một giọng nói ré lên, xé ngang

qua thư viện như con dao mổ.

Anh quay lại, giật mình đầy tội lỗi, giống người ta hay làm lúc ai đó la hét trong thư viện. Anh không thấy ai quen... và một khắc sau, anh chợt nhận ra không có người nào ngược lên hay tỏ vẻ ngạc nhiên hoặc bức bối. Những cụ ông vẫn chăm chú đọc tờ *Derry News*, *Boston Global*, *National Geographic*, *Time*, *Newsweek*, *U.S News & World Report*. Tại bàn trong Phòng Tham khảo, hai cô nữ sinh vẫn đang chụm đầu bên chõng báo cáo và xấp tài liệu. Một vài khách tha thẩn xem những cuốn sách trên dãy kệ đề VĂN HỌC HIỆN TẠI - MUỘN TRONG 7 NGÀY. Một cụ ông đội chiếc mũ phớt trông đến là buồn cười, trên miệng ngâm điệu tửu lạnh lẽo, chăm chú lật qua những bức tranh của Luis de Vargas.

Anh quay lại nhìn cô gái trẻ đang quan sát anh bằng ánh mắt bối rối.

“Có chuyện gì sao?”

“Không,” Ben nói, miệng mỉm cười. “Tôi tưởng mình nghe thấy tiếng gì đó. Chắc đi đường xa, tôi mệt hơn mình nghĩ. Ban nãy cô nói gì vậy?”

“À, thật ra nãy giờ anh mới là người nói. Nhưng tôi định nói thêm nếu anh có thẻ thư viện khi còn là cư dân ở đây, tên của anh vẫn sẽ lưu trong hồ sơ,” cô giải thích. “Hiện giờ, chúng tôi lưu giữ mọi giấy tờ bằng vi phiếu. Tôi đoán đây là chút thay đổi so với lúc anh còn là con nít nhỉ?”

“Phải,” anh đáp. “Derry đổi thay nhiều quá... nhưng cũng có rất nhiều thứ vẹn nguyên như thuở ban đầu.”

“Vậy để tôi tìm tên anh và làm mới thẻ cho anh là được. Như vậy không mất phí.”

“Tuyệt quá,” Ben nói, và trước khi anh kịp nói lời cảm ơn, giọng nói ban nãy lại cắt qua không gian tĩnh mịch đầy tôn nghiêm của thư viện, có đi đâu lần này nó to hơn, vui vẻ đầy ám muội: “Lên đây nào, Ben ơi! Lên đây, thẳng mập chớ để! Cuộc sống của người đây, Ben Hanscom!”

Ben đằng hắng. “Tôi rất trân trọng đi đầu đó,” anh nói.

“Anh đừng khách khí.” cô nghiêng đầu nhìn anh. “Ngoài trời ấm lên rồi à?”

“Một chút,” anh đáp. “Sao cô hỏi vậy?”

“Vì anh...”

“Ben Hanscom là thủ phạm!” Giọng nói rít lên. Nó vang lên bên trên – từ dãy kệ sách. “Ben Hanscom là kẻ giết đám trẻ! Bắt hắn đi! Gõ cổ hắn lại!”

“... chảy mồ hôi,” cô nói.

“Thế sao? Anh ngu ngơ hỏi lại.

“Để tôi làm thử ngay,” cô nhanh nhẩu.

“Cảm ơn cô.”

Cô bước đến góc bàn nơi đặt máy đánh chữ Royal đã cũ.

Ben chậm rãi quay lưng đi, trống ngực đập thành thịch trong lồng ngực. Phải, anh đang đổ mồ hôi, anh có thể cảm thấy mồ hôi chảy xuống trán, xuống nách, làm lông trên ngực anh bết lại. Anh ngước lên, và anh trông thấy gã hề Pennywise đang đứng trên cùng cầu thang bên tay trái nhìn xuống anh. Mặt hắn bôi phấn trắng bệch. Miệng hắn thoa son thành nụ cười của kẻ sát nhân. Chỗ lý ra phải có hai con mắt lại là hai hốc trống hoác. Một tay, hắn cầm chùm bóng bay, tay còn lại cầm cuốn sách.

Không phải là người, Ben thầm nghĩ, mà là Nó. Mình đang đứng giữa Thư viện công cộng Derry vào một chiều cuối xuân năm 1985, mình đã là người trưởng thành, và mình đang mặt đối mặt với cơn ác mộng khủng khiếp nhất thuở bé. Mình đang mặt đối mặt với Nó.

“Lên đây đi, Ben,” Pennywise nói vọng xuống. “Ta không làm hại người đâu. Ta có sách cho người đây! Sách... và bóng bay! Lên đây nào!”

Ben mở miệng, toan đáp lại. *Nếu mày nghĩ là tao sẽ lên trên đấy thì mày điên rồi*, nhưng rồi anh chợt nhận ra nếu anh làm thế, mọi người đây sẽ chĩa

ánh mắt về phía anh và nghĩ, *Gã điên này là ai vậy?*

“Ồi chà, ta biết người không thể trả lời mà,” Pennywise lạnh lút, cười khúc khích. “Suýt chút nữa thì ta cho người ăn cú lừa nhỉ? ['Xin lỗi, bác có Hoàng tử Albert đóng trong hộp không ạ? ... Có à? ... Bác thả ông ta đi kéo tội nghiệp'](#) ‘Xin chào, cô ời, tủ lạnh của cô có chạy không ạ? ... Có à? ...’ Ờ thế cô không đuổi theo nó sao?”

Đây là một trò đùa của trẻ con ngày xưa, xuất phát từ tên của dòng thuốc lá Hoàng tử Albert (Prince Albert). Sản phẩm được bán trong hộp thiếc đỏ. Trẻ con thường gọi đến cửa tiệm và hỏi mua “Hoàng tử Albert đóng trong hộp”, nếu người bán nói có thì trẻ con sẽ đáp bằng câu đùa “Hãy thả ông ta ra đi”.

Gã hễ đứng trên cầu thang giữa cỗ ra sau, ré lên cười ha hả. Tiếng cười vang vọng khắp mái vòm thư viện như một đám dơi đen đúa, Ben phải vận hết sức bình sinh mới có thể không đưa tay lên bịt tai.

“Lên đây đi, Ben” Pennywise nói vọng xuống. “Rồi từ từ ta nói chuyện. Cho ra ngô ra khoai. Người thấy sao?”

Còn lâu ta mới lên trên đó, Ben nghĩ. Khi ta đến chỗ người, ta nghĩ người sẽ không muốn gặp ta đâu. Bọn ta sẽ kết liễu người.

Gã hễ lại tiếp tục ré lên cười. “Kết liễu ta? Kết liễu ta ấy à?” Và bất thành linh, kinh khủng làm sao, giọng của gã biến thành giọng của Richie Tozier, nói chính xác thì không phải là giọng của cậu ấy nhưng là giọng của Richie Tozier khi anh giả Giọng Nhóc Da đen. “Đừng giết con, ông ời, con sẽ ngoan mà, đừng giết cậu bé da đen tội nghiệp, ông Haystack ời!” Rồi nó lại sang sang cười rít lên.

Run như cây sậy, mặt trắng bệch, Ben bước qua trung tâm gian phòng vang vọng của thư viện người lớn. Anh cảm thấy mình như sắp nôn ra đến nơi. Đứng trước kệ sách, anh giơ bàn tay run lẩy bẩy của mình lên lấy đại một cuốn. Những ngón tay lạnh ngắt lướt qua trang sách.

“Cờ hội ngàn năm có một cho người đấy, Haystack!” Giọng nói vang lên đằng sau và trên đầu anh. “Rời khỏi thị trấn này đi. Rời khỏi đây đêm nay, trước khi trời tối. Tối nay ta sẽ tới rình người... người và cả đám bạn kia của người. Già như người còn khuya mới cần được ta, Ben ạ. Đám các người già cả rồi. Già như thế thì làm được trò trống gì, chỉ có nước chết thôi. Biến đi, Ben. Hay tối nay người muốn chứng kiến cảnh đó?”

Anh từ từ quay người lại, đôi tay lạnh như băng vẫn cầm cuốn sách. Anh không muốn nhìn, nhưng tựa hồ có bàn tay vô hình dưới cằm, kéo mặt anh ngược lên.

Gã hề đã biến mất. Thay vào đó là Dracula đứng trên đỉnh cầu thang phía bên tay trái, nhưng Dracula này không phải nhân vật trong phim, không phải Bela Lugosi hay Christopher Lee hay Frank Langella hay Francis Lederer hay Reggie Nalder thủ vai. Đứng đó là một nhân hình cổ xưa với diện mạo như rễ cây cong vẹo. Khuôn mặt nó mang màu trắng chết chóc, mắt nó đỏ tím, thứ màu của máu tụ. Miệng nó há to, để lộ hàm răng là những lưỡi dao lam Gillette xiên xẹo cắm vào nướu; chẳng khác nào nhìn vào mê cung dao lam chết người mà chỉ cần chệch một nước, ta sẽ bị xắt làm đôi.

“KÉC KÉC!” Nó hét lên rồi ngậm hàm lại. Máu tứa ra từ miệng nó thành dòng màu đen đỏ. Môi nó bị cửa đứt, rơi thành từng mảnh xuống chiếc áo sơ mi trắng bằng lụa sáng rồi trượt xuống, để lại những vết máu như sên bò.

“Stan Uris đã thấy gì trước khi chết?” Ma cà rồng đứng trên đầu cầu thang thét xuống với anh, cất tiếng cười ha hả từ cái miệng trũng máu.”Trông thấy Hoàng tử Albert trong hộp à? Hay thấy [Davy Crockett](#), [Chúa tể Biển giới Hoang dã](#)? Hắn ta thấy gì hả Ben? Người muốn thấy luôn không? Hắn ta thấy gì? Hắn ta thấy gì?” Và rồi tiếng cười kia lại rít lên, Ben biết mình sắp sửa thét lên đến nơi, phải, không có cách nào ngừng tiếng thét ấy, đó là chuyện chẳng đáng dừng. Máu lộp độp chảy từ trên cầu thang thành dòng gợn guốc. Một

giọt máu rơi lên bàn tay sưng do viêm khớp của cụ già đang đọc tờ Wall Street. Nó chảy xuống giữa những đốt tay của ông, nhưng dường như ông không hề nhìn thấy hay cảm nhận.

Nhân vật chính trong sê-ri phim phiêu lưu cùng tên của Mỹ.

Ben thở hắt ra, anh dám chắc mình sắp sửa thét gào, một điếu không tưởng nổi trong bầu không khí tĩnh lặng vào buổi chiều lác đác mưa xuân này, một điếu kinh thiên động địa chẳng khác nào nhát dao chém xuống... hoặc một cái miệng đầy lưỡi dao.

Nhưng không, thay vì tiếng thét, lời phát ra run rẩy, to nhỏ thất thường, lờ mờ như lời cầu nguyện là đây: “Tất nhiên, bọn ta đã dùng nó để làm ra viên đạn. Bọn ta dùng xu bạc tạo ra đạn bạc.”

Người đàn ông đội mũ phớt này giờ chăm chú nhìn những bức họa của de Vargas ngược nhìn anh với ánh mắt sắc lẹm. “Vớ vẩn,” ông ta nói. Và giờ thì mọi người bắt đầu ngẩng lên; ai đó khó chịu ra hiệu “Suyt!” cho ông cụ.

“Tôi xin lỗi.” Ben nói, giọng run rẩy, trầm thấp. Anh mơ hồ ý thức mờ mờ đang nhể nhại trên mặt mình, và áo anh đang bết vào người. “Tôi nghĩ mà phát ra tiếng...”

“Vớ vẩn,” ông cụ lại lên tiếng, lần này giọng to hơn. “Không thể tạo ra viên đạn bạc đúng chuẩn bằng xu bạc được đâu. Ai cũng nhận thức sai. Tiểu thuyết ba xu. Vấn đề ở chỗ với trọng lực nhất định...”

Chợt một phụ nữ xuất hiện, là cô Danner. “Ông Brookhill, xin ông im lặng giùm cháu,” cô hiên hậu. “Mọi người đang đọc...”

“Anh ta ốm rồi,” ông Brookhill đột ngột cắt ngang rồi nhìn xuống cuốn sách của mình. “Cô cho anh ta viên aspirin đi, Carole.”

Carole Danner nhìn Ben, mặt tỏ rõ vẻ lo âu. “Anh bị ốm sao, anh Hanscom? Tôi biết nói vậy thì quả bất nhã, nhưng trông anh kinh khủng quá.”

“Tôi... Tôi mới ăn đồ Trung Hoa lúc trưa. Chắc nó không hợp với tôi rồi,”

Ben đáp.

“Nếu anh muốn nằm nghỉ thì trong văn phòng của anh Hanlon có giường xếp đấy. Anh có thể...”

“Thôi. Cảm ơn cô, không cần đâu.” Điều anh muốn làm bây giờ không phải nằm xuống mà là cao chạy xa bay khỏi Thư viện công cộng Derry. Anh ngược nhìn đầu cầu thang. Gã hề đã biến mất. Ma cà rồng cũng mất tăm mất dạng. Nhưng cột bên dưới bóng thép rèn của tay vịn bọc quanh đầu cầu thang là một quả bóng bay. Bên trên bề mặt căng phồng là dòng chữ: NGÀY MỚI TỐT LÀNH! TỐI NAY NGƯỜI SẼ CHẾT!

“Tôi làm xong thẻ thư viện cho anh rồi,” cô nói, ngập ngừng chạm lên cánh tay anh. “Anh còn muốn lấy không?”

“Vâng, cảm ơn cô,” Ben đáp. Anh hít một hơi thật sâu, run rẩy. “Tôi rất lấy làm xin lỗi.”

“Tôi chỉ mong anh không bị ngộ độc,” cô nói.

“Vô hiệu thôi,” ông Brookhill lên tiếng mà chẳng buồn ngẩng đầu khỏi cuốn sách de Vargas hay bỏ tẩu thuốc đã tắt khỏi khóm miệng.”Tiểu thuyết ba xu mới viết thế. Viên đạn sẽ chệch cho xem.”

Và bất giác, không hề định thân mình lại lên tiếng trả lời, Ben đáp: “Viên đạn bi chứ không phải viên đạn đúng nghĩa. Khi đó, chúng cháu nhận ra mình không thể tạo ra viên đạn đúng chuẩn. Lúc ấy chúng cháu mới chỉ là con nít. Nên cháu đã đề ra ý tưởng...”

“Suýt!” Ai đó lại lên tiếng.

Ông Brookhill nhìn Ben với ánh mắt thoáng giật mình, dường như tính nói gì đó nhưng ông lại chúi đầu vào sách.

Ở bàn đổi trả sách, Carole Danner đưa cho anh một tấm thẻ nhỏ màu cam dập nổi THƯ VIỆN CÔNG CỘNG DERRY bên trên. Ben bối rối, nhận ra đây là thẻ thư viện dành cho người lớn đầu tiên anh có từ trước đến giờ. Thẻ của

anh lúc bé có màu vàng của chim hoàng yến.

“Anh có chắc anh không muốn nằm nghỉ không, anh Hanscom?”

“Tôi thấy khỏe hơn rồi, cảm ơn cô.”

“Anh chắc chứ?”

Anh cố nặn nụ cười. “Ừ, tôi chắc mà.”

“Trông anh có vẻ khỏe hơn rồi đấy,” cô nói, nhưng giọng đầy nghi ngờ, tựa hồ đây là điếu nên nói chứ cô chẳng tin cho lắm.

Và rồi cô đưa cuốn sách xuống dưới máy quét vi phim hiện nay người ta dùng để lưu trữ thông tin mượn sách, và Ben cảm thấy thấy gần như hoảng hốt. *Là cuốn sách mình lấy đại trên kệ lúc gã hề nhái Giọng Nhóc da đen, anh thầm nghĩ. Cô ấy tưởng mình muốn mượn. Mình vừa mượn cuốn sách đầu tiên từ Thư viện công cộng Derry sau hai mươi lăm năm trở lại mà thậm chí còn chẳng biết cuốn sách viết về nội dung gì. Mà kệ đi. Cho mình ra khỏi nơi này là đủ. Thế là quá đủ rồi.*

“Cảm ơn cô,” anh nói, kẹp cuốn sách dưới nách.

“Không có gì, anh Hanscom. Anh có chắc anh không muốn uống một viên aspirin chứ?”

“Tôi chắc mà,” anh đáp, đoạn ngẩn ngừ. “Cô có tình cờ biết tình hình của bà Starrett không? Bà Barbara Starrett? Ngày xưa, bà ấy là thủ thư trưởng của thư viện trẻ em.”

“Bà ấy mất rồi.” Carole Danner nói. “Ba năm trước anh ạ. Theo tôi biết thì bà ấy bị đột quỵ. Quả là đáng tiếc. Bà ra đi lúc chưa già... tôi đoán chừng năm tám, năm chín là cùng. Vào ngày bà ấy mất, anh Hanlon đóng cửa thư viện một hôm.”

“Ồ,” Ben nói, cảm thấy trong lòng trống rỗng. Đó là điếu xảy ra khi ta trở về với bản thân ta năm xưa, như lời bài hát nào đó. Lốp đường phủ trên chiếc

bánh thì ngọt, nhưng phần bánh bên dưới lại đắng ngắt. Người ta quên anh, hoặc ra đi trước anh, hoặc rụng tóc, rụng răng. Nhiều trường hợp, anh ngỡ ngàng nhận ra người ta phát rồ. Ôi, sống trên đời thật tuyệt làm sao. Ôi chu choa.

“Tôi rất tiếc,” cô nói. “Chắc ngày xưa anh quý bà ấy lắm phải không?”

“Đám con nít ai cũng quý cô Starrett cả,” Ben trầm ngâm, hoảng hốt nhận ra nước mắt sắp lưng tròng.

“Anh có...”

Nếu cô ấy hỏi mình có ổn không thêm một lần nữa, chắc chắn mình sẽ rơi nước mắt mất. Hoặc sẽ thét lên. Hoặc làm gì đó.

Anh liếc nhìn đồng hồ rồi nói, “Tôi phải đi rồi. Cảm ơn cô, cô nhiệt tình quá.”

“Chúc anh một ngày tốt lành, anh Hanscom.”

Hắn rồi. Vì tối nay tôi sẽ chết.

Anh khẽ vẫy ngón tay về phía cô rồi bước qua gian phòng. Ông Brockhill ngược lên nhìn anh, ánh mắt sắc lẹm, ngờ vực.

Anh nhìn lên phía trên cùng cầu thang bên trái. Quả bóng bay vẫn còn đó, cột bằng dây vào bông thép rèn uốn cong. Nhưng dòng chữ trên quả bóng đã thay đổi:

TA ĐÃ GIẾT CHẾT BARBARA STARRETT!

- CHÚ HỀ PENNYWISE

Anh quay đi, cảm thấy mạch đập thành thịch trong cổ họng mình. Bước ra ngoài, anh giật mình trước ánh mặt trời - đám mây trên đầu đã tản đi, vầng dương cuối tháng Năm ấm áp tỏa xuống, khiến bãi cỏ nhìn xanh và mơn mơn hơn. Ben cảm thấy như có thứ gì đó trút khỏi cõi lòng mình. Dường như anh vừa để lại một gánh nặng vô phương chịu đựng trong thư viện ấy... và khi nhìn

xuống cuốn sách vô tình mượn, hàm răng anh chọt mạnh bạo nghiền vào nhau đau nhói. Là cuốn *Xe ửi* của Stephen W. Meader, một trong ba cuốn sách anh mượn trong thư viện vào cái ngày anh trốn vào Vùng Đất Cằn để thoát khỏi vòng vây của Henry Bowers và bè lũ.

Vết giày của Henry vẫn còn in trên bìa cuốn sách.

Tay anh run bần bật, vụng về lật trang sách rồi giờ đằng sau ra. Anh thấy thư viện đã chuyển sang chế độ lưu trên vi phiếu khi mượn sách. Nhưng vẫn còn một túi nhỏ gắn phía sau sách với tấm thẻ kẹp bên trong. Mỗi dòng trên tấm thẻ lại ghi một cái tên và được thủ thư đóng dấu ngày tháng trả sách. Ben thấy thẻ ghi như sau:

TÊN NGƯỜI MƯỢN	NGÀY TRẢ SÁCH
Charles N. Brown	Ngày 14 tháng 5 năm 1958
David Hartwell	Ngày 01 tháng 6 năm 1958
Joseph Brennan	Ngày 17 tháng 6 năm 1958

Và, dòng cuối cùng trên tấm thẻ chính là chữ của anh ngày bé, với nét bút chì đậm rõ:

Benjamin Hanscom Ngày 8 tháng 6 năm 1958

Đóng dấu trên tấm thẻ, dọc trên trang đầu tiên của cuốn sách, trên bề dày các trang, đóng ngang đóng dọc bằng thứ mực đỏ nhoè nhoét như máu là chữ HỦY BỎ.

“Ôi, lạy Chúa tôi,” Ben thều thào. Anh không biết nói gì hơn; chỉ một lời ấy đã đủ để gói gọn toàn bộ tình hình. “Ôi lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi.”

Tần ngần đứng dưới ánh nắng, anh chọt tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với những người khác.

EDDIE KASPBRAK CHỤP BÓNG

Eddie xuống xe buýt ở góc đường Kansas giao với ngõ Kossuth. Kossuth là một con đường chạy xuống đồi, kéo dài khoảng bốn trăm mét trước khi đột ngột dừng lại ở phần đất đổ nát xuôi theo triền dốc chạy vào Vùng Đất Cằn. Anh hoàn toàn không rõ lý do tại sao mình lại chọn xuống xe ở đây; ngõ Kossuth không có ý nghĩa gì với anh, mà anh cũng chẳng quen ai sống ở khu này của đường Kansas. Song dường như đây là nơi anh phải đến. Anh chỉ biết có vậy, nhưng lúc này, như thế là đủ rồi. Beverly khẽ loạng choạng bước xuống xe buýt ở một trạm dừng trên đường Chính Phố Dưới. Còn Mike thì lái xe trở về thư viện.

Lúc này đây, nhìn chiếc xe buýt Mercedes nhỏ bé và có phần kỳ cục xa dần, anh tự hỏi rốt cuộc thì mình đang làm gì nơi đây, đứng ở góc đường ám muội trong một thị trấn ám muội, cách Myra, người phụ nữ hằn đang khóc lên khóc xuống vì lo cho anh, gần tám trăm ki-lô-mét. Trong khoảnh khắc, cảm thấy choáng đến đau đớn, anh đưa tay chạm vào túi áo và nhớ ra mình đã để [Dramamine](#) cùng bao thuốc thang ở Nhà nghỉ Thị trấn. Nhưng anh còn aspirin. Anh không bao giờ ra ngoài mà thiếu aspirin, giống như việc anh không bao giờ ra ngoài mà không mặc quần vậy. Anh nuốt khan hai viên rồi sải bước dọc theo đường Kansas, mơ màng nghĩ có khi mình sẽ đến Thư viện công cộng Derry hoặc băng qua Đại lộ Costello. Trời đã sáng sủa hơn, và anh nghĩ khéo có khi anh sẽ đi bộ đến Tây Broadway, chiêm ngưỡng những căn nhà cổ xây theo lối Victoria dọc hai dãy dân cư bắt mắt duy nhất ở Derry. Hồi còn bé, thỉnh thoảng anh lại làm thế – tản bộ dọc theo Tây Broadway, thông dong như thể đang trên đường đến đâu đó. Gần góc đường Witcham và Tây Broadway là nhà của gia đình Mueller, một căn nhà đỏ với ngọn tháp hai bên cùng bờ giậu phía trước. Nhà Mueller có một người thợ làm vườn lúc nào cũng nhìn Eddie với cặp mắt dò xét cho đến tận lúc cậu đi ngang qua.

Thuốc trị buồn nôn, chóng mặt.

Tiếp đến là nhà Bowie, cách nhà Mueller bốn căn trên cùng phía, anh đoán đó là một trong những lý do Greta Bowie và Sally Mueller chơi thân với nhau từ thời tiểu học. Căn nhà lợp ngói xanh và cũng có ngọn tháp... nhưng nếu tháp nhà Mueller vuông vắn thì tháp nhà Bowie lại có chóp nhọn thấp lùn nhìn rõ là buồn cười, và trong mắt Eddie, chúng giống như mũ giấy hình nón mà học sinh hư phải đội. Vào mùa hè, họ luôn bày biện trên bãi cỏ bên rìa nhà chiếc bàn với cây dù vàng che nắng loè loẹt, ghế liễu gai, võng dây thừng cột vào hai cái cây. Đằng sau nhà luôn bày sẵn trò croquet. Eddie biết đi đâu đó dù chưa bao giờ được mời đến nhà Greta chơi bóng. Khi đứng đỉnh bước ngang qua (như thể đang trên đường đi đến đâu đó), thỉnh thoảng Eddie lại nghe thấy tiếng bóng lịch kịch, tiếng cười đùa, tiếng cằn nhằn khi bóng bị “văng đi”. Lần nọ, cậu trông thấy Greta một tay cầm cốc nước chanh, một tay cầm gậy chơi bóng, tướng mạo thon thả và xinh xắn mà không thi sĩ nào đủ lời tán tụng (ngay cả bờ vai chầy nắng của cô cũng như ngọc như ngà trong mắt cậu bé Eddie Kaspbrak chín tuổi ngày ấy), chạy theo quả bóng bị “văng đi”; nó đập vào một cái cây rồi nảy lại, đưa Greta vào tầm nhìn của Eddie.

Ngày hôm ấy, cậu cảm thấy lòng mình khẽ rung rinh trước cô – mái tóc vàng óng ả buông xuống đôi vai trong chiếc quần giả váy ống rộng màu xanh dương mát mắt. Cô gái nhìn quanh và trong một khắc, cậu tưởng cô nhìn thấy mình, nhưng hóa ra không phải, bởi khi cậu khẽ khọt đưa tay chào, cô không giơ tay chào đáp lại mà chỉ đập bóng về lại khu vườn bên hông và chạy theo quả bóng. Cậu tiếp tục bước đi, chẳng chút cay cú vì mình chào mà không được đáp lại (cậu thật lòng cho rằng cô không nhìn thấy) hay vì chẳng bao giờ được rủ đến nhà cô tham gia bất kỳ trận croquet nào vào chiều thứ Bảy: đời nào một mỹ nhân như Greta Bowie lại muốn mời thằng nhóc như cậu kia chứ? Cậu vừa ồm ồm, hen suyễn, mặt lại trông như chuột chết chìm.

Phải rồi, anh thầ n nghĩ, chân bước vô định trở ngược lại đường Kansas, lý ra mình nên đến Tây Broadway và ngắm nhìn những ngôi nhà năm xưa... nhà Mueller, nhà Bowie, nhà bác sĩ Hole, Trạm Xe tải của...

Suy nghĩ của anh đột nhiên dừng lại trước cái tên ấy, vì sao mà thiêng quá, vừa nhắc thì anh đã đến ngay trước Trạm Xe tải của Anh em Tracker rồi đây.

“Vẫn ở đây,” Eddie nói to rồi phá lên cười. “Đánh chết vẫn còn!”

Căn nhà ở Tây Broadway thuộc về Phil và Tony Tracker, hai anh em nhà này ở vậy cả đời, có lẽ là căn nhà xinh xắn nhất trong số những căn nhà nguy nga bề thế trên con đường ấy, căn nhà trắng thanh thoát, xây theo lối kiến trúc giữa thời Victoria với bãi cỏ xanh cùng những luống hoa lớn luôn khoe sắc (tất nhiên là một cách trật tự, đẹp mắt) suốt mùa xuân và mùa hạ. Năm nào cũng vậy, vào mùa thu, đường dẫn vào nhà họ lại được trải nhựa mới để giữ cho bề mặt luôn đen bóng như gương, ngói bằng đá phiến xếp trên mái nhà nghiêng nghiêng lúc nào cũng tươi mát một màu xanh bạc hà hoàn hảo, gần như tiếp màu với khu vườn, và thỉnh thoảng, người ta lại dừng chân để chụp hình những song cửa sổ cổ xưa, đầy ấn tượng.

“Đàn ông đàn ông giữ cho nhà đẹp như thế thì chỉ có đám đờng bóng,” mẹ của Eddie từng lầu bầu như thế nhưng lúc ấy cậu không dám hỏi thêm cho rõ.

Trạm Xe tải ở Tây Broadway lại một trời một vực so với căn nhà của anh em Tracker. Trạm xây bằng gạch khá thấp, nhiều chỗ gạch cũ nên vỡ cả ra, thứ màu cam dơ dáy chuyển sang màu bồ hóng đen đúa ở chân tòa nhà. Dãy cửa sổ cái nào cái nấy đều bẩn tèm tẽ, trừ một khung cửa sổ tầng thấp ở khu văn phòng nhân viên đi đầu độ được lau thành vòng tròn sạch sẽ. Khung cửa này được giữ sạch bong bởi những đứa trẻ trước thời Eddie và các bạn, vì tay nhân viên đi đầu độ treo bộ lịch *Playboy* sau bàn. Những cậu nhóc đến chơi bóng chày ở khu đất đằng sau cũng sẽ dừng lại, lấy găng bóng chày chùi lên kính để xem tháng này là hình cô nàng nóng bỏng nào.

Bao quanh ba mặt của trạm xe tải là bãi đá sỏi. Tất cả những chiếc xe tải đường dài – hãng Jimmy-Pete, Kenworth, Rio – đều được sơn dòng chữ ANHEM TRACKER, DERRY NEWTON PROVIDENCE HARTFORD NEW YORK, lăm lăm để bừa bãi vô trật tự. Thành thạo, xe được lắp ráp nguyên vẹn nhưng có khi chỉ có đầu xe hoặc thân xe im lìm đứng trên bánh sau và thanh chống.

Hai anh em nhà này chắt xe tải ngoài khu đất đằng sau tòa nhà nhiều nhất có thể, vì cả hai hâm mộ bóng chày cuồng nhiệt và rất thích đám trẻ đến chơi. Phil Tracker trực tiếp lái xe chở hàng nên các cậu bé chẳng mấy khi gặp ông, còn Tony Tracker, một người đàn ông vai u thịt bắp, đảm nhận nhiệm vụ sổ sách kế toán, và Eddie (cậu chẳng bao giờ chơi bóng chày - mẹ cậu sẽ cắt tiết cậu nếu biết cậu xớ rớ chơi, chạy lòng vòng rồi hít bụi vào buồng phổi mỏng manh của mình, rủi may gãy chân, chấn động, và có Chúa mới biết còn tí tí nguy cơ gì) không lạ gì gương mặt ông. Ông như một phần bất biến của mùa hè, với Richie, ngày ấy, giọng ông là một phần của trận bóng, giống như sau này, nhắc tới chương trình thể thao là nhắc tới giọng phát thanh của Mel Allen: Tony Tracker, to lớn nhưng có gì đó ma mị, chiếc áo thun trắng ánh lên khi tà dương mùa hạ buông xuống và đom đóm bắt đầu lập lòe trong không trung, giọng vang vang: *“Chú xuống dưới cả bóng rồi hăng chụp, Tóc Đỏ! ... Sao lại rời mắt khỏi cả bóng hả, Nửa Panh! Không nhìn thì đánh bóng bằng niềm tin à! ... Trượt đi, Chân Ngựa! Đạp thẳng gót đôi Keds vào mặt chốt gôn hai đi, có vậy nó mới không loại cậu được!”*

Eddie nhớ ông chẳng bao giờ gọi đám trẻ bằng tên mà suốt ngày ê Tóc Đỏ, ê Tóc Vàng, ê Bốn Mắt, ê Nửa Panh. Ông không gọi quả bóng mà phát âm cả bóng. Ông không gọi gây đánh bóng mà đặt cái tên cán tần bì, ví dụ “Cán tần bì cao lên thì mới đập được cả banh ấy, Chân Ngựa”.

Miệng nhớn cười, Eddie tiến lại... nhưng rồi nụ cười tắt ngúm. Trước đây,

tòa nhà bằng gạch dài này là nơi đơn hàng được giải quyết, xe tải được sửa chữa, hàng hóa được lưu trữ tạm thời, song hiện tại, nó im lìm và tối tăm. Cỏ dại len lỏi qua mặt sỏi, và ở hai bên sân không có chiếc xe tải nào... chỉ có một thùng xe gỉ sét và xỉn màu.

Bước lại gần hơn, anh trông thấy tấm biển BÁN NHÀ của công ty nhà đất trên cửa sổ.

Nhà Tracker đẹp tiệt rồi, anh thận nghĩ, bất ngờ trước nỗi buồn ập đến cùng suy nghĩ kia... tựa hồ ai đó vừa ra đi. Giờ anh mới thấy mừng là mình đã không đi bộ đến Tây Broadway. Nếu Anh em Tracker mà còn sa cơ lỡ vận – Anh em Tracker, những người tưởng chừng sẽ trường tồn cùng năm tháng – vậy điều gì sẽ xảy ra với con phố ngày xưa anh từng thích dạo bộ? Anh khó chịu nhận ra mình chẳng muốn biết điều đó chút nào. Anh không muốn nhìn thấy tóc Greta Bowie lấm tấm bạc, hông và chân cô to bè do ngã nhiều, ăn nhiều, uống nhiều, khuôn mặt trông coi thì tốt hơn – an toàn hơn.

Đó là điều lý ra chúng ta nên làm, lý ra ta phải tránh xa. Ta chẳng có việc gì ở đây. Trở về nơi ta lớn lên chẳng khác nào làm một động tác yoga điên rồ, nhét chân vào miệng của mình rồi tự nuốt bản thân cho đến khi chẳng còn gì sót lại, đó là điều bất khả, và bất cứ người nào đâu óc bình thường nên lấy làm vui mừng vì nó bất khả... nhưng suy cho cùng, chẳng biết chuyện gì đã xảy ra với Tony và Phil Tracker?

Khéo có khi Tony bị truy tìm; ngày xưa người ông phải dôi ba mươi lăm kí lô là ít. Ta phải chú ý xem tim phổi thế nào. Thi sĩ có thể dạt dào những áng thơ về trái tim tan vỡ, Barry Manilow có thể ngân vang về chủ đề ấy, và Eddie chẳng có gì phàn nàn (anh và Myra có tất cả mọi album Barry Manilow thu âm), nhưng bản thân anh mong muốn điện tâm đồ hàng năm của mình giữ ở mức ổn định. Hẳn trái tim của Tony cố quá, để rồi kết cục là quá cố. Còn Phil thì sao nhỉ? Có khi ông gặp vận hạn trên đường cao tốc cũng nên. Eddie cũng

lái xe kiếm sống (hay nói đúng hơn ngày xưa là thế, hiện thời, anh chỉ đưa đón người nổi tiếng, còn bao nhiêu thời gian thì lèo lái bàn giấy) nên anh hiểu thế nào là xui rủi trên đường đi. Có khi xe tải mà ông Phil già lái bị trượt khiến rơ moóc bung ra đâu đó ở New Hampshire hoặc ở rừng Hainesville phía Bắc Maine, nơi đường đóng băng, hoặc có khi ông mất phanh khi đang đi lên một ngọn đồi dài phía Nam Derry, chạy về hướng Haven trong cơn mưa xuân. Có thể là thế, hoặc có thể nguyên nhân là những đi đầu ta nghe trong mấy bài hát đồng quê nhằm nhí về tài xế xe tải đội mũ Stetson và nghĩ tới việc ăn chả ăn nem trong đầu. Lắm lúc đi đầu hành bàn giấy là một công việc cô đơn, nhưng bản thân Eddie đã ngẫm sau tay lái nhiều lần, ống thở đồng hành cùng anh trên bảng đồng hồ xe, cò ống phản chiếu mờ ảo trên kính chắn gió (và một xô thuốc trong ngăn đựng găng tay), anh biết cô đơn thực sự mang màu nhoe nhoét đỏ: màu đèn kính hậu chiếc xe phía trước phản chiếu trên mặt đường nhựa ướt mưa.

“Ôi khốn thật, thời gian chẳng thừa một ai,” Eddie Kaspbrak thở dài thì thầm, anh thậm chí còn chẳng để ý mình vừa thốt nên lời.

Lòng vừa lặng sóng lại vừa không vui – một cảm giác quá đỗi quen thuộc đến độ anh còn thấy khó tin – Eddie đi vòng qua tòa nhà, đôi giày hiệu Gucci lạo xạo trên mặt sỏi, để nhìn khu đất hay tổ chức chơi bóng chày thời anh còn bé – thời mà dường như chín mươi phần trăm dân số thế giới đều là trẻ con.

Khu đất chẳng thay đổi là bao, nhưng dáng vẻ của nó đủ để anh biết chẳng còn ai chơi bóng chày ở đây nữa – truyền thống ấy đơn giản là đã mai một theo dòng thời gian vì lý do này hay lý do khác.

Năm 1958, hình dạng kim cương của sân cỏ không được vẽ bằng các đường vôi mà in hằn dấu chân bọn trẻ chạy. Những cậu bé chơi bóng chày ở đây (tất cả đều lớn tuổi hơn Hội Cùi Bắp, dù Eddie nhớ ngày đó thỉnh thoảng Stan Uris cũng nhập hội; cậu đập bóng ở mức bình thường nhưng ở sân ngoài, cậu chạy

nhANH như bay và phản xạ nhảy như cắt) cũng chẳng có chốt gôn thật, chỉ có bốn miếng bạt dơ dáy lúc nào cũng nhét dưới khu nhập hàng hóa đằng sau tòa nhà dài, khi nào con nít tụ tập ở khu đất phía sau để chơi bóng đủ đông, chúng lại được trình trọng lôi ra, rồi được trình trọng cất đi khi màn đêm buông xuống dày đến nỗi bọn trẻ không thể tiếp tục trò chơi được nữa.

Đứng đây lúc này, Eddie không còn thấy dấu vết nào của sân bóng. Cỏ dại lác đác mọc thành cụm qua bãi đất trải sỏi. Vỏ chai sô-đa và chai bia vỡ rải rác đây đó; ngày xưa, những mảnh chai bể như vậy được đám trẻ bọn chúng dẹp đi vô cùng cẩn thận. Thứ duy nhất còn nguyên như trước là hàng rào bằng lưới ở cuối khu đất, cao ba mét rưỡi và gỉ sét như máu khô. Chúng lờng bờ trời vào những cái khung hình kim cương.

Kia là khu vực home-run, Eddie thẳm nghĩ, bối rối đưa hai tay thọc vào túi quần, ngăn người đứng ở vị trí từng là gôn nhà cách đây hai mươi bảy năm. Bên kia hàng rào, đi xuống một chút là Vùng Đất Cằn. Trước đây, họ hay gọi nó là Tự động. Anh phá lên cười ha hả rồi lo ngại nhìn xung quanh, như thể người vừa cất tiếng cười là ma chứ không phải một người đàn ông mang chiếc quần trị giá sáu mươi đô-la, một người vững như... chà, vững như... như...

Bớt mơ tưởng đi, giọng của Richie như thì thẳm. Cậu mà vững chãi cái gì, và suốt mấy năm vừa rồi cậu chẳng mấy khi kiếm được tràng hay ho nào phải không?

“Ừ phải,” Eddie nói giọng trầm trầm, đưa chân đá dăm ba viên đá lạch cạch.

Ngẩng lại, anh mới chỉ nhìn thấy quả bóng bay qua hàng rào của mảnh đất phía sau Trạm Xe tải của Anh em Tracker đúng hai lần, cả hai lần đều là sản phẩm của một người: Huggins Ợ Hơi. Tướng Ợ Hơi to lớn đến là buồn cười, mới mười hai tuổi mà cậu ta đã cao một mét tám, nặng hơn bảy mươi lăm kí lô. Cậu ta có biệt danh Ợ Hơi vì cậu này có khả năng tạo ra những cú ợ dài và to đến lạ kỳ - ở đỉnh cao, tiếng ợ của cậu ta như lai giữa tiếng ẽnh ương và

tiếng ve s ầu. Thỉnh thoảng, cậu ta sẽ vội đưa tay bịt miệng lúc ợ, tạo ra một âm thanh như tiếng g ầm khàn đục của người da đỏ.

Theo như Eddie nhớ, Ợ Hơi to con nhưng không quá mập, song dường như Chúa không bao giờ có chủ đích cho một cậu bé mười hai tuổi đạt mức cao lớn như vậy, nếu mùa hè năm ấy, cậu ta không mất mạng thì khéo cậu ta phải nhô giò cao hai mét hoặc hơn, có khi d ần dà, cậu ta sẽ học được cách xoay xở cơ thể quá cỡ của mình trong một thế giới ai cũng nhỏ nhắn. Eddie th ần nghĩ khéo cậu ta còn biết cách ôn hòa hơn. Tuy nhiên, ở cái tuổi mười hai của mình, cậu ta vừa hậu đậu, vừa quá quắt, tuy không thiếu năng nhưng nhìn chẳng khác nào kẻ chậm trí, vì mọi hành động của cậu ta đều có vẻ vô duyên và gai mắt đến lạ lùng. Ợ Hơi không có nét nhịp nhàng, dẻo dai như Stanley, cảm tưởng như cơ thể cậu ta không giao tiếp với não mà t ồn tại trong một vũ trụ riêng, nơi sấm sét chậm chạp đi đùng. Eddie còn nhớ cái đêm một quả bóng vàng theo đường dài và chậm, bay thẳng đến vị trí của Ợ Hơi ở sân ngoài – cậu ta còn chẳng kịp nhúc nhích. Cậu ta ngẩn người ra ngược nhìn, giò g ăng lên như một cú đấm vô nghĩa, nhưng thay vì rơi vào g ăng quả bóng lại đập thẳng lên đỉnh đầu cậu ta đánh *cộp!* rõ to. Như thế quả bóng vừa rơi từ tòa nhà ba tầng xuống nóc một chiếc xe sedan Ford. Nó nảy cao một mét hai rồi đáp gọn vào g ăng tay của Ợ Hơi. Một đứa nhóc số xui tên là Owen Phillips phá lên cười khi nghe thấy tiếng cộp ấy. Ợ Hơi bèn đi thẳng đến chỗ cậu ta và đá thật mạnh vào bàn tọa khiến Phillips gào thét chạy về nhà với lỗ thủng trên đ ũng quần. Còn lại, không ai cười... chí ít ngoài mặt là thế. Eddie đoán nếu Richie Tozier có mặt ở đó, thế nào cậu ta cũng để cái miệng chạy trước cho mà xem, và không khéo Ợ Hơi sẽ cho cậu ta vào viện luôn ấy chứ. Đứng ở gôn, Ợ Hơi cũng như rùa bò. Loại cậu ta là chuyện dễ ợt, và nếu cậu ta đập bóng rồi chạy về gôn thì ngay cả cầu thủ sân trong vùng v ềnh nhất cũng có thể loại cậu ta ngay. Nhưng khi thiên thời địa lợi nhân hòa thì quả bóng đi ngút chỉ. Hai quả bóng mà Eddie thấy Ợ Hơi đánh bay qua hàng rào đầu vô cùng mỹ mãn. Quả bóng thứ nhất

không tìm lại được, dù hơn mười cậu nhóc đã lùng sục lên lùng sục xuống trên dốc dẫn thẳng vào Vùng Đất Cằn mà vẫn không thấy.

Còn quả bóng thứ hai thì tìm lại được. Chủ nhân của quả bóng là một cậu học lớp Sáu (Eddie không nhớ tên thật của cậu ta là gì, chỉ nhớ đám trẻ gọi cậu ta là Sụt sịt vì cậu này suốt ngày bị cảm), quả bóng đã được sử dụng từ cuối xuân đến đầu mùa hè năm 1958. Do vậy, chẳng có gì lạ khi nó không còn giữ được hình cầu tròn trịa làm từ da ngựa trắng và khâu chỉ đỏ như lúc mới khai từ trong hộp; thay vào đó, nó vừa mòn vừa đầy vết cỏ, trầy nhiều chỗ sau hàng trăm hành trình này lên nảy xuống mặt đất trải sỏi ở sân ngoài. Trên quả bóng đã có chỗ bắt đầu bọc chỉ, và đến một cậu nhóc thỉnh thoảng lại đi nhặt bóng lỗi khi cơn hen không quá tệ (và tận hưởng câu *Cảm ơn nha nhóc!* khi cậu ném bóng vào sân chơi) như Eddie còn biết chẳng chóng thì chầy, ai đó sẽ dùng cuộn băng keo Mèo Đen quấn nó để cố tận dụng thêm một tuần nữa.

Nhưng ngày hôm đó chưa kịp đến thì ngày nọ, cậu học sinh lớp Bảy với cái tên chẳng giống ai là Stringer Dedham ném một đường bóng “thay đổi tốc độ” (theo lời đương sự) về phía Huggins Ở Hoi. Ở Hoi canh thật chuẩn (nói ra thì có chút quá đáng nhưng thực sự, tốc độ của cậu ta chỉ bắt được những quả bóng chậm) rồi đập mạnh quả bóng cũ nát hiệu Spalding của Sụt sịt, đến độ lớp vỏ bị rơi ra và lật phất như một con bướm ma màu trắng, rơi xuống cách chốt gôn hai chừng một mét. Bản thân quả bóng tiếp tục bay lên bầu trời hoàng hôn rực rỡ, càng bay cao, chỉ càng bọc, đám trẻ ngẩn ngơ nhìn theo đường bóng với vẻ khâm phục; quả bóng vượt qua hàng rào, rồi tiếp tục lao lên, Eddie nhớ Stringer Dedham đã khe khẽ cảm thán “Ồi bố tiên sư!” khi quả bóng vẽ thành một đường trên bầu trời, tất cả đều trông thấy chỉ trong lõi banh tung ra, và trước khi quả bóng đập xuống đất, sáu cậu nhóc đã kịp leo lên hàng rào. Eddie còn nhớ Tony Tracker đã phá lên cười như điên như dại rồi ré lên: “Quả đấy xứng tầm sân vận động Yankee chứ đùa! Mấy đứa nghe không? Quả đấy xứng tầm sân vận động Yankee kìa, mẹ kiếp!”

Peter Gordon là người tìm ra quả bóng, ở vị trí cách không xa dòng suối mà chưa đầy ba tuấn sau, Hội Cùi Bắp xây đập. Quả banh teo tóp còn chưa tới bảy xen-ti-mét đường kính; thần kỳ thế nào mà lõi chưa bị bể.

Không nói nhưng ai nấy đều đồng thuận mang quả banh của Sút Sịt về cho Tony Tracker, ông chẳng nói chẳng rằng sấm soi thật kỹ, đám nhóc vây quanh cũng nhất tề im lặng. Nhìn từ đằng xa, cảnh tượng các cậu bé quây quần quanh một người đàn ông to cao với cái bụng bia có gì đó gần như tôn nghiêm – họ kính cẩn trước thánh vật linh thiêng. Huggins Ở Hoi thậm chí còn chưa chạy quanh các chốt gôn. Cậu ta chỉ ngây ra đứng đó cùng mọi người, như cậu nhóc chẳng hay biết mình đang ở đâu. Thứ Tony Tracker trao lại cho cậu hôm ấy còn bé hơn quả bóng tennis.

Đắm chìm trong ký ức, Eddie bước đến chỗ từng là gôn nhà, ngang qua bụi ném (có đi đâu nó còn chẳng thơm tất như cái bụi, vị trí này lõm xuống do sỏi đã được đẩy ra hết) rồi tiến lại khu vực của cầu thủ trung tâm. Anh thoáng dừng lại, lặng người trước không gian im phăng phắc, đoạn rào bước đến hàng rào lưới. Hàng rào cũ gỉ hơn hẳn năm xưa, tua tủa một thứ dây leo xấu xí, nhưng chỉ ít nó còn đó. Nhìn qua rào, anh có thể trông thấy đất xuôi xuống dốc và rậm rì màu xanh.

Vùng Đất Cằn càng lúc càng sum suê như rừng cây, và lần đầu tiên, anh bất giác tự hỏi tại sao một vùng đất um tùm cây lá như vậy lại có cái tên Vùng Đất Cằn: vùng đất này mà cằn cỗi mới lạ. Tại sao họ không gọi nó là Vùng hoang dã hay Rừng sâu nhĩ?

Vùng Đất Cằn.

Cái tên nghe thật ám muội, gần như hiểm ác, nhưng hình ảnh nó gợi lên trong đầu ta không phải những bụi cây và tán lá dày đặc đến độ phải tranh nhau ánh sáng mặt trời mà là những đụn cát không ngừng di chuyển, hoặc những tầng đất cát hoặc sa mạc xám xịt lộ thiên. Cằn cỗi. Ban nãy Mike có nói, tất cả

bọn họ đầu như Vùng Đất Cằn, và có lẽ quả đúng như thế. Nhóm bảy người bọn họ chẳng ai có nổi một mụn con. Ngay cả vào thời đại lên kế hoạch sinh con kỹ càng như hiện giờ, đi đầu đó vẫn quá đổi khó tưởng.

Anh nhìn qua mắt lưới hình kim cương gỉ sét, lắng nghe tiếng xe trên đường Kansas vọng lại, tiếng nước róc rách đằng xa và ào ào chảy qua bên dưới. Anh có thể thấy làn nước lấp lánh trong ánh mặt trời mùa xuân, tựa hồ thủy tinh lỏng lẻo. Bụi tre vẫn còn dưới kia, trắng đến lạ kỳ, trông chẳng khác nào nấm mọc giữa màu xanh cây cối. Đằng xa, trong những nẻo đất lầy lội quanh con sông Kenduskeag nghe đâu có cả bùn lún.

Mình đã trải qua những tháng năm tuổi thơ đẹp nhất dưới vùng đất hoang tàn ấy, anh nghĩ mà rung mình.

Anh toan quay đi thì nhác thấy thứ gì đó: một trụ xi măng với nắp bằng thép phía trên. Hố Morlock. Ngày xưa Ben gọi chúng như vậy, miệng anh nhoẻn cười nhưng mắt thì không. Nếu đến gần trụ, ta sẽ thấy trụ cao ngang hông (nếu là con nít) và dòng chữ BỘ PHẬN DỊCH VỤ CÔNG CỘNG DERRY được dập nổi theo hình bán nguyệt. Ta có thể nghe thấy tiếng ù ù phát ra từ sâu bên trong, tựa hồ máy móc gì đó.

Hố Morlock.

Bọn mình đã đi đến đó vào tháng Tám. Lúc cuối cùng. Bọn mình đã chui vào hố Morlock của Ben, bước vào cổng thoát nước, nhưng sau một hồi, chúng không còn là cổng rãnh nữa mà biến thành... biến thành gì nhỉ?

Patrick Hockstetter có mặt dưới đó. Trước khi Nó bắt cậu ta, Beverly đã trông thấy cậu ta làm trò gì đó rất khủng khiếp. Cảnh tượng ấy khiến cô phá lên cười nhưng bản thân cô biết nó rất tệ hại. Hành động ấy có dính tới cả Henry Bowers thì phải? Hình như là thế. Và...

Anh chợt quay người lại rồi dợm bước về trạm xe bị bỏ hoang, bởi anh không thích nhìn xuống Vùng Đất Cằn nữa, cũng không thích những suy tư

nơi ấy khởi lên trong lòng mình. Anh muốn về nhà với Myra. Anh không muốn ở đây. Anh....

“Bắt lấy, nhóc!”

Quay về phía giọng nói vừa phát ra, anh trông thấy một thứ h ồ như quả bóng bay ngang qua hàng rào về phía mình. Nó đập xuống đất r ồi nảy lên. Eddie chìa tay ra bắt. Tuy chỉ hành động theo phản xạ, cú bắt của anh rất gọn, g ần như thanh thoát.

Anh nhìn xuống thứ nằm trong tay mình thì cơ thể chợt lạnh đi, bủn rủn. Nó từng là quả bóng chày, nhưng giờ chỉ còn là một lõi quăn dây, vì lớp da bọc bên ngoài đã bị đánh bật. Anh có thể thấy sợi dây x ỏ ra. Dây vướng qua bên kia hàng rào như mạng nhện và biến mất vào Vùng Đất Cằn.

Ôi Chúa ơi, anh nghĩ. Ôi Chúa ơi, Nó đến rồi, Nó đến chỗ mình LÚC NÀY rồi...

“Xuống đây chơi nào, Eddie,” giọng nói phía bên kia hàng rào cất lên, và Eddie hãi hùng thiếu đi đầu ngất xỉu nhận ra đó là giọng của Huggins Ợ Hơi, cậu thiếu niên bị giết trong đường hầm dưới lòng đất Derry vào tháng Tám năm 1958. Và giờ, Ợ Hơi đang có mặt đây, chật vật trèo lên bờ sông phía bên kia hàng rào.

Cậu ta mặc đ ồng phục bóng chày đội New York Yankees sọc mảnh, vương mấy mẩu lá úa và dây màu cỏ xanh. Cậu ta vừa là Ợ Hơi vừa là gã hủi, thứ sinh vật gớm guốc đội m ồ ướt át sống dậy sau bao năm thối. Da thịt trên khuôn mặt nặng nề của hắn thối rữa thành từng thớ, từng sợi. Một hốc mắt trống hoác. Trong mớ tóc nhung nhúc thứ gì đó. Một tay hắn đeo găng bóng chày nhót nhúa rêu. Hắn chọc những ngón tay phải rữa nát qua lỗ hàng rào lưới, và khi hắn gập tay lại, Eddie nghe thấy âm thanh *lẹp nhẹp* rộn gáy khiến anh tưởng chừng phát r ồ.

“Quả đây xứng t ần sân vận động Yankee chứ đùa,” Ợ Hơi nói r ồi toác

miệng cười. Một con cóc trắng đầy độc tố ngoe nguẩy bò ra, nhảy khỏi miệng hắn rồi vọt xuống đất. “Mày nghe thấy tao nói không? Quả đây xứng tầm *sân vận động Yankee* kìa, mẹ kiếp! Và nhân tiện, Eddie ơi, mày muốn tao sóc lộ cho mày không? Tao chỉ tính mười xu thôi. Mẹ kiếp, thôi tao làm miễn phí cho nhé.”

Khuôn mặt của Ợ Hơi biến dạng. Phần đầu mũi bèo nhèo sụp xuống, để lộ hai lỗ mũi đỏ tươi mà Eddie từng nằm mơ thấy. Tóc hắn cứng quèo, vượt ra sau thái dương, trắng như tơ nhện. Lớp da thối rữa trên trán hắn toác ra, toang hoác phần xương trắng nhón bọc một lớp chất nhầy như kính mờ của đèn rọi. Ợ Hơi đã biến mất; thứ xuất hiện dưới hiên căn nhà số 29 đường Neibolt đang đàn.

“Bobby thối kèn cho tao với giá mười xu,” nó ngân nga và bắt đầu bò qua hàng rào. Những mẫu thịt bé tí vướng trên mắt lưới hình kim cương do dây thép quấn lại mà thành. Hàng rào xung xoảng, lạch xạch dưới sức nặng. Dây leo bị thứ sinh vật này chạm vào đầu ứa đen. “Nó làm bất kể thời gian. Thêm giờ thì mười lăm xu.”

Eddie cố gắng thét lên nhưng chẳng phát ra âm thanh gì ngoài tiếng ré thều thào khô khốc. Có cảm giác phổi anh như hai cây kèn ocarina cổ nhất thế giới. Anh nhìn xuống quả bóng trong tay thì bỗng dưng máu me bắt đầu rỉ ra từ cuộn dây. Nó lộp độp rơi xuống sỏi và bắn lên đôi giày anh đang mang.

Anh hốt hoảng vút nó đi, đoạn loạn choạng lùi lại hai bước, đôi mắt trợn trừng lồi ra khỏi mặt, chà lấy chà để tay lên áo thun. Gã hủi đã leo lên đỉnh hàng rào. Đầu nó lắc lư mờ mờ ảo ảo trên nền trời, chẳng khác nào ác mộng hiện hình, như đèn lồng bí đỏ Halloween trưng phờng. Lưới nó thè lè dài cả một mét hai, có khi đến mét tám, ngoe nguẩy từ cái miệng toe toét cười của gã hủi, trườn xuống hàng rào như con rắn.

Giây trước nó mới ở đó... vậy mà giây sau, nó đã biến mất.

Nó không từ từ mờ đi như ma quỷ trong phim mà mất dạng trong nháy mắt. Nhưng Eddie nghe thấy tiếng động xác nhận sự hữu hình của thứ sinh vật ấy: tiếng *póc!* như nút chai sâm panh bật ra. Đó là âm thanh không khí tràn đến lấp đầy không gian mà bạn nãy gã hủi vừa hiện diện.

Anh quay lưng, co giò chạy, nhưng chạy chưa được ba mét thì bốn hình dạng thô cứng chọt bay ra từ bóng tối bên dưới khu nhập hàng hóa của trạm xe tải bỏ hoang. Ban đầu, anh tưởng chúng là dơi, bèn thét lên và lấy tay che đầu... Nhưng rồi anh nhận ra chúng là những miếng vải bạt vuông vức – những miếng vải từng được trưng dụng làm chốt gôn khi đám trẻ lớn tuổi hơn chơi bóng.

Chúng bay lượn, chao nghiêng trong không trung tĩnh lặng, anh phải chú ý người xuống để né một miếng. Chúng đồng loạt đáp xuống vị trí năm xưa, khiến bụi đất tung lên: gôn nhà, gôn một, gôn hai, gôn ba.

Hồng hộc hóp lấy hóp để không khí, Eddie chạy qua gôn nhà, môi méo xệch, mặt trắng như miếng phô mai tươi.

BỐP! Tiếng gậy đập vào một quả bóng ma. Và rồi...

Eddie khựng lại, chân bủn rủn như cọng bún, tiếng rên vang lên từ môi anh. Mặt đất bỗng phồng lên thành một đường thẳng nối từ gôn nhà đến gôn một, như thể một con chuột chũi khổng lồ đang đào hang với tốc độ chóng mặt bên dưới lòng đất. Cát sỏi dạt sang hai bên. Thứ bên dưới mặt đất chạy đến gôn, khiến miếng vải bạt tung lên không trung. Nó bay phụt lên, mạnh và nhanh đến độ kêu đánh *póc* - giống âm thanh cậu bé đánh giày tạo ra bằng giẻ khi tâm trạng vui. Mặt đất bắt đầu trỗi lên thành đường từ gôn một đến gôn hai, càng lúc càng nhanh. Gôn hai bật lên không trung với tiếng *póc* tương tự ban nãy, và khi nó chưa kịp rơi xuống đất thì thứ dưới mặt đất đã chạm đến gôn ba và lao đến gôn nhà.

Gôn nhà cũng bay lên, nhưng trước khi nó đáp xuống, thứ bên dưới trỗi lên

khỏi mặt đất như một món quà gói ghém, lộ diện hình hài của Tony Tracker, với khuôn mặt chỉ còn là hộp sọ dính vài miếng thịt đen xỉn, áo sơ-mi trắng chỉ còn là mớ vải rách nát. Hắn ta ngoi lên ở ngay gôn nhà, từ phần hông trở lên, lắc qua lắc lại như con giun đáng tởm.

“Mày có cần tới cần lui cái cán tần bì ấy cũng vô ích thôi,” Tony Tracker gằn giọng, khô khốc nói. Hàm răng phô ra dưới nụ cười tỏ vẻ thân thiện một cách rồ dại. “Vô ích thôi, Khò Khè. Bọn tao sẽ bắt được mày. Mày và đám bạn mày. Bọn tao sẽ đoạt được CẢ BANH!”

Eddie ré lên và loạng choạng chạy đi. Một bàn tay chụp lấy vai anh nhưng anh vội rút lại. Bàn tay siết lấy anh trong chốc lát rồi buông lơi. Anh quay lại. Là Greta Bowie. Cô ta đã chết. Một nửa gương mặt của cô ta đã biến mất; khối thịt đỏ bầy hầy còn sót lại nhưng nhúc giời bọ. Một tay cô ta cần quả bóng bay màu xanh.

“Tông xe,” phần miệng chưa biến dạng lên tiếng và toét cười. Nụ cười khiến da thịt toạc ra thành một âm thanh khôn tả, Eddie có thể nhìn thấy gân giật giật như những sợi dai gói guốc. “Năm ấy tôi mười tám tuổi, Eddie ạ. Xỉn quắc cần câu, nốc quá nhiều [quỷ đỏ](#). Bạn cậu đến rồi kìa, Eddie.”

Secobarbital sodium, tên thương hiệu là Seconal, là một loại thuốc an thần hay bị lạm dụng và gây nghiện. Tiếng lóng gọi là “quỷ đỏ” hoặc “đỏ” do thuốc chứa trong viên nhộng màu đỏ.

Eddie giật lùi, hai tay đưa lên che mặt. Cô ta tiến đến chỗ anh. Máu chảy xuống thành dòng trên cẳng chân cô ta rồi khô lại. Cô mang đôi giày lười trên chân.

Và rồi, đằng sau cô ta, anh trông thấy nỗi kinh hoàng chấn động nhất: Patrick Hockstetter lê bước về phía anh ở sân ngoài. Hắn ta cũng đang mặc đồng phục của đội New York Yankees.

Eddie vùng chạy. Greta chụp lấy anh, xé rách áo và bắt thứ dịch nhầy nhụa

lên phía sau cổ áo anh. Tony Tracker đang ngo ngoáy phần thân dưới ra khỏi cái lỗ chuột chũi hần vừa đào. Patrick Hockstetter loạng choạng, nghiêng ngã. Eddie cảm đầu chạy, chẳng biết mình lấy đâu ra hơi thở mà chạy nhưng bằng cách nào đó, anh vẫn khua chân. Vừa chạy, anh vừa trông thấy dòng chữ bay trước mặt, dòng chữ ban nãy được in trên quả bóng xanh mà Greta Bowie cầm trên tay:

THUỐC HEN SUYỄN GÂY UNG THƯ PHỔI!

LỜI TÁN DƯƠNG CỦA NHÀ THUỐC ĐƯỜNG TRUNG TÂM

Eddie cứ thế cảm đầu cảm cổ chạy. Anh chạy mãi chạy mãi cho đến khi ngã khụy gối bất tỉnh ở gần công viên McCarron để rồi một đám trẻ trông thấy anh nhưng vội né xa vì nhìn anh như kẻ say túy lúy mắc bệnh gì đó hoặc không chừng anh lại là kẻ sát nhân và chúng bàn đến chuyện báo cảnh sát song lại thôi.

3

BEV ROGAN GỌI CỬA

Beverly rảo bước xuôi theo đường Chính như người mộng du sau khi rời khỏi Nhà nghỉ Thị trấn Derry, cô vừa về để thay quần jean xanh và áo cánh xếp nhún màu vàng tươi. Cô không nghĩ về việc mình sẽ đi đâu, thay vào đó cô nghĩ:

Tóc nàng như ngọn lửa mùa đông

Than hồng đỏ rực tháng Giêng

Tim tôi bùng nơi đó.

Hồi còn bé, cô đã giấu tấm bưu thiếp đó trong ngăn kéo dưới cùng, bên dưới lớp quần con. Có thể mẹ đã trông thấy, nhưng không sao. Quan trọng là ngăn kéo ấy không bao giờ bị bố cô lục lọi. Nếu trông thấy, thế nào lão ta cũng chìa vào cô ánh mắt sáng quắc, gần như thân thiện nhưng thừa sức khiến cô

cứng đờ, và hỏi bằng cái giọng gần như thân thiện: “Con lại làm chuyện không nên làm rồi hả, Bev? Con qua lại với một thằng nhóc nào đó sao?” Và dù cô nói có hay không thì một cú tát giáng trời sẽ vụt xuống, nhanh và mạnh đến độ ban đầu nó chẳng đau tí nào - phải mấy giây sau chân không mới tản đi, cơn đau mới thấm vào chỗ chân không hiện diện ban nãy. Rồi giọng lão ta lại vang lên, gần như thân thiện: “Bố lo cho con lắm, Beverly. Bố lo đến mất ăn mất ngủ. Con phải lớn lên đi chứ?”

Có khi bố cô vẫn còn sống ở Derry. Lần cuối cô nghe tin lão thì tình hình là thế, nhưng chuyện đó là từ... bao giờ ấy nhỉ? Mười năm trước ư? Nói chung là trước khi cô cưới Tom một khoảng thời gian dài. Cô từng nhận được một tấm bưu thiếp của lão, không phải tấm bưu thiếp giản dị như tấm ghi bài thơ mà là tấm chụp bức tượng Paul Bunyan bằng nhựa xấu ma chê quỷ hờn trước trung tâm thị trấn. Bức tượng được xây dựng đâu đó trong thập niên 50, từng là một trong những địa điểm gợi nhớ tuổi thơ cô, nhưng tấm bưu thiếp bố gửi không khơi lên trong lòng cô bất cứ hoài niệm hay ký ức nào; trong mắt cô, nó cũng chẳng khác gì tấm bưu thiếp chụp Gateway Arch ở Saint Louis hoặc cầu Cổng Vàng ở San Francisco.

“Mong con sống vui và khỏe mạnh,” tấm thiệp ghi. “Mong con gửi cho bố một ít nếu có thể, vì bố chẳng còn là bao. Thương con, Bevvie. Bố.”

Đúng là ngày trước ông *từng* thương cô, và bằng cách này hay cách khác, cô đoán nó là nguyên nhân chính của việc cô trao trọn tình cảm của mình cho Bill Denbrough vào mùa hạ dài đằng đẳng năm 1958 – vì trong số các cậu trai, Bill là người duy nhất tỏa ra cảm giác uy quyền khiến cô nghĩ đến bố mình... nhưng uy quyền của cậu lại là một dạng rất khác – thứ uy quyền ấy biết lắng nghe. Từ ánh mắt cũng như hành động của cậu, cô biết cậu không cho rằng lý do duy nhất uy quyền uy tòn tại là vì *lo lắng* như bố cô... như thế người ta là thú cưng, vừa phải được nuông chiều vừa phải rèn vào khuôn phép.

Bất kể lý do là gì, đến cuối buổi họp đầu tiên mà cả nhóm tề tựu đông đủ vào tháng Bảy năm ấy, buổi họp mà Bill lèo lái hoàn toàn và điều luyện, cô đã si mê cậu như điều đồ. Bảo tình cảm ấy chỉ là chút cảm nắng của cô nữ sinh chẳng khác nào nói xe Rolls-Royce chỉ là một chiếc xe bốn bánh, chẳng khác gì xe chở rơm. Cô không khúc khích cười như điên và đỏ bừng mặt khi nhìn thấy cậu, cũng không lấy phấn nguếch ngoạc tên cậu lên cây hoặc viết lên tường cây cầu Hôn Nhau. Đơn giản là từng phút từng giây cô sống luôn ấp ủ bóng hình cậu trong tim, nỗi đau ấy tuy nhức nhối nhưng ngọt ngào. Cô sẵn sàng bỏ mạng vì cậu.

Vậy nên, cũng là lẽ dĩ nhiên khi cô ước ao Bill là người gửi bài thơ tình... dù cô không mù quáng đến độ tự huyễn hoặc bản thân như thế. Không hề, cô biết ai là người viết nó. Về sau – một thời điểm nào đó – chẳng phải tác giả đã thú nhận đấy sao? Phải, Ben đã nói với cô (dù hiện giờ, dẫu có vắt óc cô cũng chẳng nhớ nổi cậu đã nói thành lời khi nào hay trong trường hợp nào), và dù tình cảm cậu dành cho cô cũng được giữ kín như bưng, ngang ngửa mối tình cô dành cho Bill

(nhưng mà đã tỏ tình với cậu ấy Bevvie đúng vậy mà đã bảo mà yêu)

ai tình ý một chút (và tốt bụng) đâu sẽ phát hiện ra – nó thể hiện trong cách cậu luôn cẩn thận giữ khoảng cách giữa hai đứa, trong cách cậu nín thở lúc cô chạm vào tay cậu, trong cách cậu chỉnh trang quần áo khi cậu biết sẽ gặp cô. Cậu Ben mập mạp chân chất, đáng yêu.

Mối quan hệ tay ba đầy trần trụi của tuổi mới lớn ấy rồi cũng kết thúc, nhưng nó kết thúc *như thế nào* thì cô chịu, mãi mà chẳng nhớ ra. Cô tưởng Ben đã thú nhận với cô rằng cậu chính là tác giả của bức thư tình. Cô tưởng cô đã nói với Bill rằng cô yêu cậu, rằng cô sẽ yêu cậu trọn đời. Và bằng cách nào đó, hai lời thú nhận ấy đã góp phần cứu mạng tất cả bọn họ... có đúng không nhỉ? Cô không tài nào nhớ được. Những ký ức ấy (hoặc ký ức của ký ức: nói

như thế gần với bản chất của chúng hơn) tựa hồ những hòn đảo hóa ra không phải đảo mà chỉ là những chòm san hô vô tình lộ lên khỏi mặt nước, không riêng rẽ mà là một rặng duy nhất. Nhưng khi cô tìm cách lặn xuống để nhìn thấy phần còn lại, một hình ảnh điên người lại thọc gậy bánh xe: đàn chim sáo đá cứ mỗi độ xuân đến lại quay về New England, chen chúc đậu trên đường dây điện thoại, cây cối, nóc nhà, xô đẩy nhau giành chỗ và khóa lấp không gian tuyết tan cuối tháng Ba bằng tiếng hót khàn đục. Hình ảnh ấy cứ hiện lên hết lần này đến lần khác, lạ lẫm, xáo động, như chùm tia ra-đi-ô có năng lượng lớn chắn mất tín hiệu ta muốn bắt được.

Chợt cô bàng hoàng nhận ra mình đang đứng bên ngoài tiệm giặt ủi Kleen-Kloze, nơi cô, Stan Uris, Ben và Eddie mang giẻ đến giặt vào ngày cuối cùng của tháng Sáu – những miếng giẻ dính đầy máu mà chỉ bọn họ mới thấy. Cửa sổ mờ đục do bụi xà phòng, trên cửa dán tấm biển viết tay BÁN NHÀ CHÍNH CHỦ. Nhìn qua lớp bọt xà phòng, cô trông thấy gian phòng trống không với những khoang chữ nhật nhạt màu trên nền tường vàng vọt dơ dáy nơi ngày trước từng để máy giặt.

Mình đang trên đường về nhà, cô u sầu nghĩ nhưng chân vẫn không dừng bước.

Khu dân cư chẳng thay da đổi thịt là bao. Nhiều cây đã mất đi, có thể đó là những cây du bị đốn do bệnh tật. Nhà cửa nhìn xập xệ hơn; cửa sổ vỡ kính có vẻ phổ biến hơn so với lúc cô còn bé. Vài khung cửa vỡ được che chắn bằng thùng giấy, còn nhiều chỗ cứ để tênh hênh.

Và rồi cô đứng trước căn chung cư số 127 đường Chính Phố Dưới. Nó vẫn còn đây. Phơi gió sương qua bao năm tháng, lớp tường màu trắng bong tróc trong ký ức của cô đã biến thành lớp tường màu nâu bong tróc, nhưng không nhàn lẩn đi đâu được. Đằng kia là cửa sổ soi vào nhà bếp của họ, đằng đó là cửa sổ phòng ngủ của cô.

(Jim Dogon, bước ra khỏi đường ngay cho mẹ! Bước lên đây ngay, con muốn xe tông chết hay sao?)

Cô rùng mình, bắt chéo tay ngang ngực, lòng bàn tay ôm lấy khuỷu tay.

Có khi bố cô vẫn sống ở đây; ồ, có thể lắm. Trừ khi bắt buộc, không thì ông ấy sẽ chẳng chuyển đi đâu. Bước lên đây xem, Beverly. Nhìn vào hộp thư là biết mà. Ba hộp thư cho ba nhà, như ngày xưa thôi. Và nếu có hộp thư đề tên MARSH, mày cứ bấm chuông, và chốc sau sẽ có tiếng dép loẹt quẹt bước xuống hành lang, cánh cửa sẽ mở ra, rồi mà sẽ thấy ông ta, người đã phóng ra tinh trùng khiến tóc mày màu đỏ, khiến mày thuận tay trái và cho mày khiêu vẽ vòi... mày có nhớ ngày xưa bố mày cũng hay vẽ không? Ông ấy thừa sức vẽ bất cứ thứ gì mình muốn. Tất nhiên phải khi nào có hứng ông ta mới vẽ. Mà thường thì ông chẳng có hứng. Chắc ông có quá nhiều thứ phải lo. Nhưng khi nào ông nổi hứng, mày sẽ có thể ngồi hàng giờ ngắm ông vẽ chó, mèo, ngựa, bò với tiếng ỤM BÒ trong bong bóng phát ra từ miệng chúng. Mày cười vang, bố cũng cười vang, và rồi ông bảo Đến lượt con đây, Bevvie, và khi mày nhắc bút, ông ấy sẽ cầm tay chỉ cho mày, rồi mày sẽ thấy con bò, con mèo, hay một người dân thành hình dưới những ngón tay của mày, mũi mày hít hà mùi nước cân bằng da Mennen, tay mày cảm nhận làn da ấm áp của ông. Bước lên đi, Beverly. Bấm chuông đi. Bố sẽ bước ra, bộ dạng già nua, những nếp nhăn in hằn trên mặt, hàm răng rụng gần hết, chỉ còn dăm ba cái răng vàng khè, ông sẽ nhìn mày rồi nói Ôi chào, Bevvie đây mà, Bevvie đã về thăm ông bố già, nào Bevvie, vào nhà đi con, gặp con bố vui quá, bố vui vì bố lo cho con nhiều lắm, Bevvie, bố lo LẮM.

Cô chậm rãi bước lên lối đi, cò dại mọc giữa những khe nứt trên mặt bê tông loẹt quẹt vào gấu quần jean của cô. Cô quan sát cửa sổ tầng một nhưng rèm buông kín mít. Cô đưa mắt nhìn hộp thư. Tầng ba, STARK-WEATHER. Tầng hai, BURKE. Tầng một – cô nín thở – MARSH.

Nhưng mình sẽ không bấm chuông. Mình không muốn gặp ông ấy. Mình sẽ không bấm chuông.

Cô kiên quyết trong lòng như thế! Quyết định ấy sẽ là cánh cổng mở ra một cuộc đời đầy những quyết định chắc chắn và hữu dụng! Cô quay ngược xuống lối đi! Trở về trung tâm thị trấn! Quay lại Nhà nghỉ Thị trấn Derry! Đóng cửa! Gọi tắc-xi! Lên máy bay! Bảo Tom cuốn xéo! Sống thật thành công! Ra đi thật hạnh phúc!

Song cô bấm chuông.

Cô nghe thấy tiếng chuông thân thuộc vang lên trong phòng khách – lúc nào cô cũng thấy tiếng chuông nghe như tên người Trung Quốc: *Chinh Chong!* Im lặng. Không ai đáp lại. Cô nhấp nhồm hai chân trên bậc thềm, chợt cảm thấy buồn đi vệ sinh.

Không có ai ở nhà, cô nghĩ, nhẹ nhõm như trút được tảng đá khỏi mình. Mình có thể đi rồi.

Nhưng rồi cô lại bấm chuông: *Chinh Chong!* Vẫn không có ai hồi đáp. Cô nghĩ về bài thơ ngắn đáng yêu của Ben, cố nhớ lại chính xác cậu thú nhận với cô rằng cậu là tác giả vào lúc nào, ra sao, và trong một khoảnh khắc thoáng qua, chẳng rõ vì lý do gì mà nó lại gọi lên trong cô mối dây liên kết với lần kinh nguyệt đầu tiên của cô. Cô bắt đầu có kinh từ năm mười một tuổi ư? Không thể nào, dù ngược cô bắt đầu nhoi nhói nhú lên từ giữa mùa đông. Vậy thì vì lẽ gì...? Đoạn tâm trí cô bị chen ngang bởi hình ảnh hàng ngàn con chim sáo đá đậu trên đường dây điện thoại và mái nhà, riu rít dưới bầu trời xuân trắng trong.

Về thôi. Mình đã bấm chuông hai lần, thế là đủ rồi.

Nhưng cô lại bấm chuông lần nữa.

Chinh Chong!

Và giờ thì cô nghe thấy có ai đó bước lại, thứ tiếng động đúng như cô vừa

tưởng tượng: tiếng dép mòn vệt loẹt quẹt đầy mệt mỏi. Cô vội vàng nhìn quanh, suýt chút nữa, chỉ còn một chút nữa thôi, cô đã co giò chạy. Liệu cô có thể kịp lao xuống lối đi bằng xi măng, vòng qua khúc quanh, để bố cô tưởng chỉ là đám trẻ ranh bấm chuông phá phách không? *Bác ơi, bác có Hoàng tử Albert trong hộp không...?*

Cô chợt thở hắt ra thật mạnh và phải gồng hòng lên, vì thứ muốn vang lên từ miệng cô là tiếng cười nhẹ nhõm. Người bước ra không phải là bố cô. Đứng trong hành lang và ngó ra nhìn cô là một bà cụ dong dỏng cao ở độ tuổi thất thập. Bà có mái tóc dài rất đẹp, bạc trắng, điểm xuyết vài lọn tóc vàng óng. Đằng sau cặp kính không gọng của bà là đôi mắt xanh biếc như nước trong vịnh hẹp mà có thể tổ tiên bà ngày xưa từng đi lấy nước. Bà bận chiếc váy màu tím làm bằng lụa vân. Bộ váy đã cũ nhưng thơm tất. Khuôn mặt nhăn nheo của bà rất hiên từ.

“Có chuyện gì thế cô gái?”

“Cháu xin lỗi,” Beverly nói. Cơn cười đã biến mất nhanh như khi nó gợn lên. Cô để ý bà cụ đeo một món đồ trang sức chạm khắc quanh cổ. Món trang sức làm bằng ngà voi thật mịn lớp vàng mảnh đến độ gần như vô hình. “Chắc cháu bấm chuông nhầm nhà.” *Hoặc cố tình bấm nhầm chuông*, tâm trí cô thì thầm. “Cháu định bấm chuông nhà ông Marsh.”

“Marsh à?” Trán bà cụ khẽ nhăn lại.

“Vâng, bà thấy đấy...”

“Ở đây không có ai tên là Marsh cả,” bà cụ nói. “Nhưng...”

“Trừ khi... cháu đang tìm ông *Alvin* Marsh à?”

“Vâng!” Beverly reo lên. “Ông ấy là bố cháu!”

Bà cụ đưa tay chạm vào món đồ trang sức trên cổ mình. Bà quan sát Beverly kỹ hơn, khiến cô cảm thấy mình như trẻ lại, như thể trong tay cô lý ra phải mang theo hộp bánh quy của Đội Hướng đạo nữ hoặc những tấm thẻ in hình

ủng hộ đội Những Chú hổ Trung học Derry. Đoạn bà cụ mỉm cười... nụ cười hiền từ nhưng thật sâu thương.

“Cháu bên ba ở đâu mà lại mất liên lạc thế, cháu gái. Ta không muốn một người lạ như ta lại là người báo tin cho cháu, nhưng bố cháu đã qua đời năm năm rồi.”

“Nhưng... trên chuông cửa...” cô nhìn lại và khẽ ứa nước mắt ngạc nhiên, chẳng giống tiếng cười chút nào. Trong cơn bối rối, tâm trí cô cứ chắc nịch như đinh đóng cột rằng ông bố già của cô vẫn còn ở đây, cô đã đọc nhầm KERSH thành MARSH.

“Bà là bà Kersh ạ?” Cô hỏi. Cô kinh ngạc trước tin bố mất, nhưng cô cũng thấy mình thật ngu ngốc khi nhầm lẫn thế này – bà cụ đây hẳn sẽ nghĩ cô là hạng đầu óc bần đầu.

“Ừ, ta là bà Kersh,” bà đáp.

“Bà... Bà có biết bố cháu không ạ?”

“Ta biết ít lắm,” bà Kersh kể. Giọng bà nghe hao hao giọng Yoda trong *Đế chế Phản công*, khiến Beverly lại cảm thấy buồn cười. Từ khi nào mà cảm xúc của cô lại lên xuống thất thường thế này? Sự thật là cô chẳng nhớ gì về năm xưa... nhưng cô buồn rầu bởi chẳng chóng thì chầy, cô sẽ nhớ ra tất cả. “Ông ấy thuê chung cư dưới tầng trệt trước ta. Hai ta có gặp nhau sơ sơ trong vài ngày, ta đến, ông ấy rời đi. Ông ấy chuyển xuống ngõ Roward. Cháu có biết chỗ đó không?”

“Dạ có,” Beverly đáp. Ngõ Roward tách ra từ đường Chính Phố Dưới cách đây bốn dãy nhà, chung cư ở đó còn chật hẹp và tàn tạ hơn nơi đây.

“Thỉnh thoảng ta bắt gặp ông ấy ở chợ Đại lộ Costello,” bà Kersh kể, “ở cả tiệm giặt ủi, trước khi họ dẹp tiệm. Đôi lúc chúng ta chào nhau dăm ba câu. Chúng ta... cháu ơi, mặt cháu trắng bệch kìa. Ta xin lỗi. Cháu vào nhà đi, ta sẽ pha cho cháu chút trà.”

“Dạ thôi, không cần đâu ạ,” Beverly yếu ớt đáp lời, nhưng thật sự cô thấy mình bợt bạt, như thủy tinh mờ ta có thể nhìn xuyên thấu. Cô muốn uống chút trà, ngồi xuống ghế.

“Được mà, cháu cứ vào đây,” bà Kersh trù mến. “Chỉ ít ta có thể làm thế sau khi báo hung tin như vậy cho cháu.”

Trước khi kịp từ chối thì Beverly đã được bà cụ dẫn lên hành lang tối tăm, bước vào căn chung cư năm nào, nhưng giờ cô thấy nó nhỏ hơn nhiều, nhưng được cái an toàn hơn – cô đoán nó an toàn là vì mọi thứ đều khác xưa. Bàn Formica màu hồng với ba cái ghế được thay thế bằng chiếc bàn tròn con con, không to hơn bàn đầu giường là bao với bình cắm hoa kết bằng lụa. Tủ lạnh Kelvinator cũ với cái trống tròn trên cùng (bố cô suốt ngày sửa tới sửa lui để nó duy trì hoạt động) được thay thế bởi tủ lạnh Frigidaire màu đồng. Lò nướng nhỏ nhưng nhìn rất tiện lợi. Bên trên là lò vi sóng hiệu Amana Radar Range. Rèm màu xanh dương sáng sửa buông trên cửa sổ, và cô có thể trông thấy chậu hoa đặt bên ngoài. Ngày cô còn bé, sàn nhà bọc vải sơn dầu thì bây giờ, sàn nguyên vẹn lớp gỗ. Do được lau chùi bằng dầu nên mặt sàn sáng loáng.

Bà Kersh nhìn quanh, bắt đầu từ cái lò, chỗ bà đang để ấm trà. “Cháu lớn lên ở đây sao?”

“Vâng ạ,” Beverly đáp. “Nhưng căn nhà bây giờ khác quá... vừa gọn gàng lại ngăn nắp... thật tuyệt vời!”

“Cháu tốt bụng quá,” bà Kersh nói, nụ cười khiến bà trẻ hơn. Nụ cười như tỏa nắng. “Cháu thấy đấy, ta cũng chẳng dư dả gì. Không nhiều, nhưng với khoản trợ cấp xã hội, ta cũng đủ sống. Ngày xưa, ta sinh ra ở Thụy Điển. Ta đến đất nước này vào năm 1920, một cô bé mười bốn tuổi không xu dính túi – nhưng đó là cách tốt nhất để học về giá trị đồng tiền, cháu có đồng ý không?”

“Vâng” Bev đáp.

“Ở bệnh viện nơi ta làm việc,” bà Kersh nói. “Rất nhiều năm – ta làm ở đó

từ năm 1925. Ta lên đến chức tổng quản. Ta giữ mọi loại chìa khóa. Chồng ta đầu tư tiền khá tốt. Giờ ta cập vào bến cảng nhỏ này đây. Cháu cứ thoải mái tham quan trong lúc chờ nước sôi nhé!”

“Không, cháu không thể...”

“Có gì đâu... ta vẫn thấy ngại ngùng. Cháu cứ xem đi, đừng ngại!”

Thế là cô đi thăm thú. Phòng ngủ của bố mẹ cô giờ là phòng ngủ của bà Kersh, và chúng khác nhau một trời một vực. Căn phòng hiện giờ sáng sủa hơn, thông thoáng hơn. Tủ tuyết tùng lớn khảm hai chữ viết tắt RG, phả hương thơm dịu nhẹ vào không gian. Một tấm chăn khổng lồ với nhiều bức hình xinh xắn được trải trên giường. Cô có thể thấy hình những phụ nữ lấy nước, các cậu bé lừa gia súc, đàn ông đóng rơm khô thành từng đống. Một chiếc chăn đẹp tuyệt vời.

Phòng ngủ của cô trước đây giờ trở thành phòng may. Máy may Singer màu đen đặt trên chiếc bàn sắt rèn dưới hai cây đèn Tensor sáng trưng. Trên hai bức tường treo hình chúa Giê-su và hình của John F. Kennedy. Một chiếc tủ xinh xắn đặt bên dưới bức hình của J.F.K- tủ chứa đầy sách chứ không đựng đồ sành sứ, nhưng không vì thế mà bớt phần trang nhã.

Cuối cùng, cô bước vào nhà vệ sinh.

Phòng đã được sơn sửa lại màu hồng sắc trầm ưa mắt nên không hề lòe loẹt. Tất cả các vật dụng đều mới, nhưng khi cô tiến đến bồn rửa mặt, cơn ác mộng năm nào lại một lần nữa siết chặt lấy cô, cô sẽ nhìn xuống con mắt đen ngòm, không nắp đây ấy, tiếng thì thầm sẽ vang lên, và rồi máu sẽ...

Cô cúi người trên bồn rửa mặt, thoáng trông thấy khuôn mặt bọt bọt và hai mắt thâm quầng của mình phản chiếu trong tấm gương treo trên bồn rửa, và rồi cô nhìn vào con mắt ấy, chờ đợi tiếng nói, tiếng cười, tiếng than rên vang lên, máu tứa ra.

Cô chẳng rõ cô đã sống người đứng bao lâu ở bồn rửa mặt, chờ đợi cảnh

tượng và âm thanh hai mươi bảy năm về trước tái hiện; phải đến khi giọng bà Kersh vang lên, cô mới chợt thức tỉnh: “Trà được rồi, cô gái!”

Cô giật mình, phá vỡ cơn mê rồi rời khỏi nhà vệ sinh. Nếu bên dưới lỗ thoát nước ấy là thuật ma quỷ, thì giờ đây nó đã biến mất... hoặc chỉ ít đang say ngủ.

“Ôi, bà không cần làm thế đâu ạ!”

Bà Kersh ngược lên nhìn cô, mắt sáng bừng, khẽ nhướn cười. “Ôi cô gái ơi, nếu cháu biết ta chẳng mấy khi có ai bầu bạn thì cháu sẽ không nói vậy đâu. Chừng này có là gì, có lần cậu nhân viên Bangor Hydro đến đọc đồng hồ, ta còn làm nhiều hơn nữa kia! Ta vỗ béo cho cậu ấy!”

Bộ chén đĩa tinh xảo được bày trên bàn tròn trắng phau với viền màu xanh lam. Có một đĩa đựng bánh nhỏ và bánh quy. Bên cạnh là ấm trà bằng thiếc phủ hơi nước và mùi thơm dễ chịu. Ngạc nhiên, Bev nghĩ thứ duy nhất còn thiếu là những chiếc bánh bánh mì kẹp nhỏ xíu đã cắt bỏ phần rìa bánh: cô đặt cho chúng cái tên bánh-mì-kẹp-của-dì, một cụm từ như thế. Có ba loại bánh-mì-kẹp-của-dì – phô mai kem và ô liu, cải xoong, và salad trứng.

“Ngồi đi,” bà Kersh nói. “Ngồi đi, cô gái, để ta rót trà.”

“Cháu hết còn là con gái rồi ạ,” Beverly nói và giơ tay trái lên để lộ chiếc nhẫn trên ngón áp út.

Bà Kersh mỉm cười, phẩy tay trong không trung đánh *phù!*. “Ta gọi mọi cô gái trẻ xinh xắn như vậy,” bà nói. “Thói quen ấy mà. Cháu đừng thấy khó chịu nhé.”

“Không ạ,” Beverly nói. “Không hề” Nhưng vì lý do nào đó, lòng cô manh nha cảm giác khó chịu nhẹ như tơ: nụ cười của cụ bà này có gì đó... sao nhỉ? Kỳ dị? Giả tạo? Đi guốc trong bụng mình? Nhưng đi đâu đó chẳng phải thật nực cười sao?

“Cháu rất thích cách bà trang trí căn nhà.”

“Thế à?” Bà Kersh nói và rót trà. Nước trà đen đúa, đục ngầu. Beverly lừng khừng không muốn uống... và bỗng dưng cô còn không chắc mình muốn có mặt ở nơi này.

Rõ ràng tấm biển bên dưới chuông cửa để tên Marsh mà, tâm trí cô đột nhiên thì thầm khiến cô phát hoảng.

Bà Kersh đưa cô tách trà.

“Cảm ơn bà,” Beverly đáp. Nước trà có vẻ đục nhưng mùi thơm thì vẫn ngọt ngào. Cô nếm thử. Trà khá ngon. *Đừng thần hồn nát thần tính nữa*, cô tự nhủ. “Đặc biệt là tử tuyết tùng, trông rất nhã nhặn ạ.”

“Đồ cổ đấy cháu ạ!” Bà Kersh nói và ré lên cười. Beverly để ý vẻ đẹp của bà cụ chỉ có một khiếm khuyết, nhưng đi đâu đó cũng rất phổ biến ở vùng phương Bắc này. Răng bà lồm chồm – trông chắc chắn nhưng rất xấu xí.

Hàm răng vàng khè, hai chiếc răng cửa xô lệch vào nhau. Răng khênh rất dài, trông chẳng khác nào răng nanh.

Ban nãy chúng màu trắng... khi bà ấy tiến ra cửa và mỉm cười, mày đã tự nhủ rằng bà sao trắng sáng thế kia mà.

Chợt cô không chỉ *hơi* sợ nữa. Chợt cô muốn - hay nói đúng hơn, cô cần phải thoát khỏi nơi đây.

“Cổ lắm rồi kìa!” Bà Kersh cảm thán, uống cạn ly trà trong một ngụm duy nhất, phát ra tiếng ực đầy choáng ngợp và bất ngờ. Bà mỉm cười với Beverly – hay nói đúng hơn là toét miệng cười – và Beverly phát hiện mắt bà cũng đã biến dạng. Giác mạc giờ vàng khè, cổ xưa, lấm tấm những tia đỏ. Mái tóc bà thưa hơn, xơ xác, không còn màu bạc với những lọn vàng tươi mà chỉ còn là một màu xám xịt.

“Cổ lắm rồi,” bà Kersh trầm ngâm ngấm nhìn chiếc tách rỗng của mình, ngược nhìn Beverly với đôi mắt vàng khè ma mãnh. Hàm răng lồm chồm lộ ra dưới nụ cười đáng sợ, gằn như lăm le. “Ta mang nó từ nhà đến đây. Cháu có

để ý hai chữ RG được khảm vào không?”

“Vâng.” Giọng cô nghe thật xa xăm, và một phần tâm trí cô lải nhải: *Nếu bà ta không biết mày vừa nhìn thấy sự thay đổi, có khi mày sẽ không sao đâu, nếu bà ta không biết, không thấy...*

“Bố của ta,” bà lên tiếng, phát âm nghe có phần méo mó, và Beverly phát hiện váy của bà cũng đã thay đổi. Nó ngả màu đen thui, sần sùi, bong tróc. Món đồ trang sức là một cái sọ, hàm há hốc đầy bệnh hoạn. “Tên ông ấy là Robert Gray, người ta hay gọi là Bob Gray, hoặc Pennywise Chú hề Nhảy múa. Mặc dù đó cũng chẳng phải tên của ông. Nhưng bố ta ấy mà, ông thích chọc cười lắm.”

Bà cụ lại phá lên cười. Vài cái răng đã biến thành màu đen đúa như bộ váy. Nếp nhăn trên da bà ta hằn sâu hơn. Làn da màu hồng sữa của bà giờ hóa vàng vọt. Những ngón tay của bà ta là móng vuốt. Bà nhe răng cười với Beverly. “Ăn gì đi cháu.” Giọng bà nâng lên nửa quãng tám, nhưng quãng tám này lại the thé vang lên trong quãng âm, và giọng bà ta chẳng khác nào âm thanh của cánh cửa hân mộ đu đưa qua lại trên bản lèkẹt đầy đất đen đúa.

“Thôi ạ, cảm ơn bà,” Beverly nghe thấy miệng mình đang cất giọng cao vút như con nít lúc viện có ôi-cháu-phải-đi-đây. Dường như từ ngữ không xuất phát từ não của cô mà đi ra từ miệng cô rồi trở ngược vào tai, lúc ấy cô mới ý thức được mình vừa nói gì.

“Không ư?” Mụ phù thủy nói và nhe răng cười. Móng vuốt của mụ quơ quàng trên đĩa, mụ lấy cả hai tay vợ lấy vợ để những chiếc bánh mật đường mỏng và những miếng bánh phủ kem cầu kỳ. Hàm răng khủng khiếp của mụ cạp lấy cạp để móng tay của mụ vừa dài vừa bắn thủ bầu vào bánh; vụn bánh vương vãi rơi xuống cái cằm xương xẩu. Hơi thở của mụ nồng nặc như mùi xác chết lâu ngày, vỡ toác do ủ khí thối rữa. Nụ cười của mụ nghe rất rẻ trong tai. Tóc mụ mỏng tang. Da đầu bong tróc thành từng mảng.

“Ôi, bố của ta rất thích kể chuyện cười, bố ta ấy mà! Nếu cháu thích thì để ta kể cho nghe chuyện cười ấy: bố ta để ra ta chứ không phải mẹ ta! Ông ấy tọt ta ra từ lỗ đít! He! He! He!”

“Cháu phải đi đây,” Beverly nghe thấy mình cất tiếng, giọng cao vút, đầy tổn thương - giọng của một cô bé vừa bị người khác làm cho bẽ mặt ở bữa tiệc đầu tiên tham dự. Nhưng chân cô bủn rủn không chút sức lực. Cô mơ hồ nhận ra thứ trong tách của cô không phải trà mà là phân, phân lỏng, món quà bất ngờ từ rãnh thoát nước dưới lòng thị trấn. Cô đã *uống* một chút, không nhiều, chỉ một ngụm mà thôi, *ôi Chúa ơi, ôi Chúa ơi, ôi lạy Chúa tôi, làm ơn, làm ơn...*

Bà cụ dần rúm ró nhỏ lại trước mắt cô, héo hon; giờ bà ta là một bà già với khuôn mặt quắt lại như quả táo khô cong, ngẩng đối diện cô, khúc khích ré lên cười với giọng the thé, lắc lư từ trước ra sau.

“Ồ, bố ta và ta là một đấy,” mẹ ta lên tiếng, “tuy hai mà một, và cháu ơi, nếu cháu khôn ngoan thì liệu thân hồn mà chạy đi, chạy về nơi cháu đến, chạy cho nhanh vào, vì nếu ở lại thì chỉ có nước chết thôi. Mà ở Derry, chết không có nghĩa nhắm mắt xuôi tay đâu. Ngày xưa, cháu biết rõ đi đâu này; giờ thì tin đi.”

Một cách chậm chạp, Beverly dấn sức vào hai chân mình. Tựa hồ cô đang nhìn từ bên ngoài và trông thấy bản thân mình đứng dậy, lùi khỏi bàn, lùi khỏi mũ phù thủy, đau đớn vì sợ hãi và bàng hoàng, bàng hoàng vì đến lúc này cô mới nhận ra chiếc bàn ăn nhỏ bé gọn gàng kia không phải bằng gỗ sồi đen mà là kẹo mền. Trước ánh nhìn của cô, mũ phù thủy cười hắc hắc, ranh ma liếc đôi mắt vàng vọt vào góc phòng, bẻ một góc bàn rồi vội nhét vào cái bẫy đen đúa mà chẳng là gì khác ngoài miệng của mẹ.

Cô trông thấy tách trà là vỏ cây màu trắng được tô một lớp kem màu xanh. Bức hình chúa Giê-su và John Kennedy được làm bằng kẹo bông gòn gần như trong suốt, và khi cô nhìn bức hình, cô thấy chúa Giê-su thè lưỡi ra, còn

Kennedy nháy mắt đến rợn người.

“Bọn ta đang chờ người đây!” Mụ phù thủy thét lên, móng tay cào lên bề mặt chiếc bàn bằng kem, để lại những vết hằn sâu hoắm trên mặt bàn bóng loáng. “Ồ phải!Ồ phải!”

Ngon đèn phía trên là những quả cầu làm bằng kẹo cứng. Ván ốp tường làm bằng kẹo bơ caramel. Nhìn xuống đất, cô phát hiện giày của mình để lại vết trên mặt sàn, bởi mặt sàn không lát ván mà là những miếng sô-cô-la. Mùi kẹo ngọt đến ngây người.

Ôi Chúa ơi, là Hansel và Gretel, mụ phù thủy mà mình sợ nhất vì mụ ta ăn thịt con nít...

“Mày và bạn của mày!” Mụ phù thủy hét lên và cười the thé. “Mày và bạn của mày! Ta nhốt trong cũi! Nhốt trong cũi cho đến khi lò nóng lên!” Mụ ta ré lên cười, bay vòng vòng trên đầu mụ là một đàn dơi. Beverly thét lên. Hành lang sực nức mùi đường, mùi kẹo, mùi kẹo bơ cứng, mùi dâu bằng đường hóa học ngọt ngấy. Tay nắm cửa ban nãy giả pha lê thì giờ đây lại là một viên kim cương khổng lồ làm bằng đường.

“Bố lo cho con quá, Bevvie... Bố lo LẮM!”

Cô quay lại, những lọn tóc đỏ lòa xòa trên khuôn mặt, trông thấy bố loạng choạng bước dọc hành lang về phía cô, trên người là bộ váy đen đúa của mụ phù thủy và đầu lâu đen quanh cổ; mặt ông vừa nát, thịt chảy xệ, hai mắt ông đen thẫm như đá, tay hết nắm vào lại buông ra, miệng nở nụ cười đầy quyến rũ.

Cô thét lên, nắm lấy tay nắm cửa dinh dính rồi lao ra hiên nhà trang trí bằng kẹo hạt dẻ và lót một lớp kem. Xa xa, mờ mờ ảo ảo trong tầm mắt cô là bóng những chiếc xe ngang dọc qua lại, một người phụ nữ đang đẩy xe chở đầy nhu yếu phẩm từ chợ Đại lộ Costello.

Mình phải ra khỏi đây, cô nghĩ, đầu óc mụ đi. Ngoài kia là thực tế, mình chỉ

cần ra đến vỉa hè...

“Có chạy cũng vô ích thôi, Bevvie,” bố cô

(bố của ta)

nói và cười ha hả. “Bọn ta đã đợi thời khắc này bao lâu rồi. Sẽ vui lắm đây. Sẽ NGON QUÁ XÁ trong BỤNG tao cho xem.”

Nhìn lại lần nữa, cô trông thấy người bố đã chết của mình không còn mặc chiếc váy đen đúa của mẹ phù thủy nữa mà là trang phục gã hề với hàng nút màu cam rất to. Trên đầu nó đội mũ gấu mèo phong cách năm 1958, kiểu mũ nổi tiếng nhờ diễn viên Fess Parker trong bộ phim Disney về Davy Crockett. Một tay nó cầm chùm bóng bay. Tay kia cầm căng một quả trẻ như cái đuôi gà. Trên mỗi quả bóng là dòng chữ NÓ ĐẾN TỪ NGOÀI KHÔNG GIAN.

“Nói với đám bạn của người rằng ta là kẻ cuối cùng của giống loài diệt vong,” nó nói, vừa nở nụ cười khả ố vừa loạng choạng bước xuống bậc thềm đằng sau cô. “Kẻ duy nhất sống sót của một hành tinh chết. Ta đến để cướp hết đám đàn bà... hiếp hết đám đàn ông... và học điệu nhảy Peppermint Twist!”

Nó bắt đầu điên cuồng nhảy múa, một tay cầm bóng bay, tay kia cầm căng chân máu me đẫm đũa. Trang phục hề của nó uốn éo, lật phật nhưng Beverly cảm thấy chẳng có chút gió nào. Hai chân cô quỳnh quáng vào nhau, cô nhào ra vỉa hè, duỗi tay để đỡ lấy chấn động, khiến cả hai vai cô rung lên. Người phụ nữ đẩy xe dừng lại, e ngại nhìn cô rồi vội vã bước tiếp.

Gã hề tiếp tục tiến về phía cô, lê cái chân gãy theo cùng. Nó đập lên bãi cỏ với một tiếng *thịch* không ngôn từ nào diễn tả nổi. Beverly chỉ nằm sõng soài trên vỉa hè trong thoáng chốc, đầu đó trong thâm tâm, cô tự nhủ mình phải tỉnh đây, đây không thể nào là thật, đây chỉ là cơn mơ...

Cô nhận ra suy nghĩ ấy sai bét trước lúc những ngón tay cong queo, nanh vuốt của gã hề chạm vào cô. Nó là thật, nó có thể giết cô. Như cách nó đã giết những quả trẻ.

“Đàn sáo đã biết tên thật của người!” Bất thành linh, cô thét lên với nó. Nó rụt lại, và trong một khắc, dường như nụ cười trên đôi môi sơn nhoe nhoét lẫn ra cả mặt, đỏ lòe loẹt, biến thành cái nhăn mặt vì căm ghét và đau đớn... thậm chí cả sợ hãi. Có khi đó chỉ là tưởng tượng của cô, và cô cũng không biết tại sao mình lại thốt lên câu nói quái dị kia, nhưng chí ít, đi đâu này câu cho cô thêm chút thời gian.

Cô bật dậy, co giò chạy. Chợt tiếng phanh xe kin kít vang lên, và một giọng nói khàn đục, vừa tức giận vừa giật mình, la lên: “Đi mà không biết nhìn đường à, đồ ngu!” cô lơ mơ nhận ra suýt chút nữa chiếc xe bán bánh ngọt đã tông vào người cô lúc cô lao ra đường như đứa trẻ đuổi theo quả bóng cao su, và rồi cô đứng trên vỉa hè bên kia đường, thở hắt ra, bên trái người cô nói lên. Chiếc xe bán bánh tiếp tục chạy xuống đường Chính Phố Dưới.

Gã hề đã biến mất. Cái chân cũng đã biến mất. Căn nhà vẫn còn đó, nhưng giờ cô trông thấy nó xập xệ, hoang tàn, cửa sổ chắn bằng ván, những bậc thang dẫn lên hiên nứt vỡ.

Mình thật sự bước vào đây, hay chỉ là mình nằm mơ thôi?

Nhưng quần jean của cô bẩn thỉu, còn chiếc áo cánh màu vàng dính đầy bụi.

Và trên ngón tay cô dính sô-cô-la.

Cô chùi tay vào ống quần rồi bước đi thật nhanh, mặt nóng bừng, lưng lạnh như băng, mắt giật lấy giật để theo nhịp trống ngực.

Chúng ta không thể đánh bại Nó đâu. Dù Nó có là gì đi nữa, ta cũng không thể đánh bại Nó. Thậm chí Nó còn muốn chúng ta thử – đơn giản là gì Nó muốn tính số chuyện cũ. Có lẽ Nó không chấp nhận chuyện hòa. Bọn mình phải ra khỏi đây... phải rời đi thôi.

Có thứ gì đó cọ vào chân cô, nhẹ bằng như con mèo làm nũng.

Cô giật mình, khẽ hét lên và lùi lại. Nhìn xuống, cô rùng mình, một tay đưa lên che miệng.

Trước mắt cô là quả bóng bay, màu vàng y như chiếc áo cô đang mặc. Trên bề mặt quả bóng là một dòng chữ được viết bằng mực xanh đến chói mắt CHUẨN RỒI, THỎ CON OI.

Và rồi cô đưa mắt nhìn theo quả bóng khê nảy trên mặt đường dưới cơn gió dịu dịu cuối xuân.

4

RICHIE TOZIER CHẠY ĐI

Chà, cái ngày Henry và bè lũ cậu ta đuổi theo mình – trước khi kết thúc năm học, đó là...

Richie rảo bước dọc theo đường Kênh Đào Phố Ngoài, ngang qua công viên Bassey. Chợt anh dừng chân, hai tay dứt túi quần, mắt hướng về cầu Hôn Nhau nhưng chỉ nhìn băng qua.

Mình thoát khỏi bọn chúng trong khu đô chơi của Freese's...

Sau khi bữa trưa hội ngộ kết thúc đầy điên rồ, anh cứ thế bước đi trong vô định, cố gắng chấp nhận những thứ khủng khiếp bên trong bánh may mắn... hay có thể nói, những thứ dường như ở bên trong bánh. Anh nghĩ khả năng cao nhất là thật ra chẳng có gì bò ra khỏi mấy cái bánh hết. Cả bọn gặp ảo giác bởi trước đó họ thảo luận về những chủ đề rợn rợn mà thôi. Bằng chứng rõ ràng nhất cho giả thuyết này nằm ở chỗ Rose không thấy bất cứ thứ gì. Tất nhiên, bố mẹ Beverly cũng không thấy máu me bắn ra từ lỗ thoát nước trong nhà vệ sinh nhưng hai chuyện này không giống nhau.

Không ư? Tại sao?

“Vì bây giờ bọn mình là người lớn cả rồi,” anh lầm bầm, và chợt nhận ra suy nghĩ ấy hoàn toàn chẳng có sức mạnh hay logic nào cả, chẳng khác nào câu hát vô nghĩa trong một bài ca mà đám trẻ hát khi nhảy dây.

Anh tiếp tục cất bước.

Mình đi đến trung tâm thị trấn, ngồi một lát trên băng ghế trong công viên và hình như mình thấy...

Anh lại dừng chân, nhíu mày.

Thấy gì ấy nhỉ?

...nhưng đó chỉ là mình nằm mơ thấy thôi.

Liệu có phải thế không? Thật sự có phải thế không?

Nhìn sang trái, anh trông thấy tòa nhà bê tông cốt thép rất to với dàn cửa kính trông rất hiện đại vào cuối thập kỷ 50 nhưng giờ đây thật cũ kỹ và rẻ tiền.

Đấy, mình lại đến đây rồi, anh thầm nghĩ. Về lại trung tâm thị trấn chết tiệt. Khung cảnh của ảo giác ấy. Hoặc giấc mơ ấy. Hoặc bất kể nó là gì.

Mọi người xem anh như Tên hề của lớp, hoặc Mua vui của lớp, và giờ anh lại một lần nữa đo ni đóng giày cho cái vai ấy. *Ôi, tất cả chúng ta đều trở về với vai trò năm xưa, mày không để ý sao?* Nhưng thế thì có gì bất thường đâu kia chứ? Anh nghĩ dù là buổi họp lớp cấp ba sau mười hay hai mươi năm nữa cũng thế mà thôi, mọi thứ vẫn y như cũ - cây hài của lớp dù tìm được niềm đam mê làm linh mục vào thời đại học, sau hai chai, anh ta sẽ tự động quay lại làm anh chàng ăn to nói lớn năm xưa; Biệt tuốt Văn học dù sau này làm nghề buôn bán xe tải GM cũng sẽ tròng giang đại hải ba hoa về [John Irving](#) hoặc [John Cheever](#); cậu chàng ngày xưa từng biểu diễn với ban nhạc rock Moondogs vào những đêm thứ Bảy nhưng dòng đời đưa đẩy thành giáo sư Toán ở Cornell sẽ xuất hiện trên sân khấu cùng một ban nhạc, chiếc đàn ghi-ta Fender quàng qua vai, hét gào bài hát *Gloria* hoặc *Surfin' Bird* với giọng ca lè nhè nhưng mãnh liệt. Springteen từng có câu gì ấy nhỉ? *Không nao núng, em ơi, không đâu hàng...* nhưng sau khi chén chú chén anh một hũ hoặc sau khi hút vài điếu cần Panama Đỏ, ta dễ tin vào những bài hát ngày xưa trên máy phát hơn.

Các nhà văn Mỹ nổi tiếng

Nhưng Richie tin rằng chính việc trở về với vai trò cũ mới là ảo giác chứ

không phải cuộc sống hiện tại. Có thể đứa trẻ là bố của một người đàn ông, nhưng bố con thường có những sở thích khác nhau và chỉ giống nhau chút xíu. Họ...

Nhưng mày nói người lớn, mà cái từ ấy nghe thật ngớ ngẩn xiết bao; chẳng khác nào nói nhảm. Tại sao vậy, Richie? Tại sao vậy?

Vì Derry là một nơi kỳ dị, trước giờ vẫn thế. Sao chúng ta không mặc kệ cho nhẹ người?

Lý do là vì mọi chuyện không đơn giản như thế.

Thuở bé, anh từng là một cậu nhóc hay làm trò, thỉnh thoảng nói chuyện tục tĩu, đôi khi lại có những câu chuyện cười hay ho, vì đó là cách duy nhất để anh sống qua ngày đoạn tháng mà không bị những đứa như Henry Bowers cho đo đất hoặc nổi khùng vì quá chán và cô đơn. Giờ đây, anh nhận ra rất nhiều vấn đề anh chuốc lấy đều xuất phát từ tâm trí của anh, cái tâm trí thường hoạt động với tốc độ gấp mười hoặc hai mươi lần so với các bạn cùng lớp. Chứng kiến những trò bát nháo chi khờn của anh, người ta thấy anh kỳ lạ, quái dị, hoặc thậm chí liều mạng, nhưng có thể đó chỉ đơn giản là do não anh quá tải mà thôi – mà não anh thì khi nào cũng quá tải.

Nói tóm lại, sau một thời gian, anh tìm được cách kiểm soát nó – một là anh kiểm soát nó, hai là anh tìm nơi để giải tỏa nó, qua những vai như Va li Lạc thú hay Buford Kissdrivel chẳng hạn. Richie phát hiện ra đi đầu này trong những tháng sau cái ngày nổi hứng lang thang vào đài phát thanh trường đại học, ngay từ tuần đầu tiên, anh tìm được mọi thứ mình muốn đằng sau chiếc micrô. Ban đầu, anh chẳng giỏi lắm, anh *hăng máu* quá nên nói dở tệ. Nhưng anh nhận ra tiềm năng của mình không chỉ dừng lại ở mức giỏi công việc này mà còn có thể đạt đến mức xuất sắc, và nội đi đầu ấy thôi cũng đủ để anh sung sướng như trên chín tầng mây, lên cả cung trăng. Cùng lúc, anh bắt đầu hiểu ra nguyên lý to lớn làm chủ vũ trụ này, chỉ ít phần vũ trụ xoay quanh đường công danh hoạn

lộ: ta tìm cho ra kẻ điên rồ chạy lòng vòng bên trong ta, chọc ngoáy cuộc đời ta. Ta dấn hẳn vào chân tường rồi bắt lấy hẳn. Nhưng ta không giết hẳn. Ồ không. Giết thì quá dễ dàng cho cái ngữ như hẳn. Ta vòng dây cương qua đầu hẳn rồi bắt hẳn cày bừa. Một khi ta ép được gã vào guồng rồi, gã điên ấy sẽ làm hùng hục như trâu. Và thỉnh thoảng, gã cho ta vài tràng cười. Chỉ có thể mà thôi. Và thế là đủ.

Anh vốn hài hước, đúng rồi, một phút một tràng cười, nhưng cuối cùng, anh đã thoát khỏi những cơn ác mộng ở mặt tối của những tràng cười ấy. Hoặc anh tưởng là thế. Ấy là cho đến ngày hôm nay, khi anh nghe mà chẳng hiểu cái từ người lớn có nghĩa là gì. Và giờ lại có thứ để anh vật lộn, hoặc chí ít là suy ngẫm; đằng kia, trước trung tâm thị trấn là bức tượng Paul Bunyan khổng lồ, ngó ngán hết chỗ nói.

Hắn tó là trường hợp cá biệt đi ngược dòng, Bill To Bự ạ.

Cậu có chắc là chẳng có gì không, Richie? Hoàn toàn không có gì sao?

Ở trung tâm thị trấn... hình như tó trông thấy...

Lần thứ hai trong ngày, bỗng dưng mắt anh nhói lên như có kim châm, anh đưa tay lên giữ rịt lấy mắt, giật mình rên rỉ. Và rồi cơn đau lại biến mất, chớp nhoáng như lúc nó xuất hiện. Song hình như anh ngửi thấy mùi gì đó thì phải? Mùi một thứ không hiện diện ở đây, nhưng từng ở đây, nó gọi cho anh nhớ đến

(tó ở ngay đây với cậu Richie nắm lấy tay tó cậu với được không nắm đi)

Mike Hanlon. Thứ khiến mắt anh cay sè và chảy nước mắt là khói. Hai mươi bảy năm trước, họ đã hít vào thứ khói ấy, cuối cùng, chỉ còn Mike và anh ở lại, để rồi họ trông thấy...

Nhưng rồi nó biến mất.

Anh tiến một bước đến bức tượng Paul Bunyan bằng nhựa, nếu ngày bé anh từng choáng ngợp trước bức tượng to lớn ấy thì giờ đây, anh hết sức lấy làm thú vị trước sự thô kệch của nó. Bức tượng Paul trong truyện cổ tích cao sáu

mét, đôn thêm một mét tám nhờ cái bọc. Anh sừng sững đứng ở rìa khu vườn của trung tâm thị trấn, mỉm cười với xe cộ xuôi ngược và dòng người đi bộ bên dưới, trên đường Kênh Đào Phố Ngoài. Trung tâm thị trấn vốn được xây dựng vào năm 1954 đến năm 1955 cho đội bóng rổ thi đấu các giải đấu địa phương, song đội tuyển này chỉ dừng lại trên giấy. Một năm sau, vào năm 1956, Hội đồng thị trấn Derry bỏ phiếu chi tiền xây dựng bức tượng. Chuyện này trở thành chủ đề bàn tán sôi nổi trong các buổi họp dân của hội đồng và trong mục Ý kiến bạn đọc trên tờ *Derry News*. Một bên cho rằng bức tượng ấy sẽ vô cùng *đẹp mắt*, chắc chắn sẽ trở thành danh lam thắng cảnh nổi bật. Song không ít người đánh giá bức tượng Paul Bunyan bằng nhựa rõ là một ý tưởng tệ hại, lờ lợt và xấu ma chê quỷ hờn. Richie nhớ giáo viên môn Mỹ thuật của trường Trung học Derry đã viết một lá thư cho tờ *News* tuyên bố nếu công trình thảm họa ấy được xây lên ở Derry, bà sẽ làm nó nổ tung. Richie vừa cười vừa tự hỏi không biết cô giáo ăn to nói lớn nọ có được gia hạn họp đồng hay không.

Cuộc tranh cãi - giờ nhìn lại, Richie thấy nó đúng là trường hợp “chuyện bé xé ra to” điển hình của một thị-trấn-to/ thành-phố-nhỏ - kéo dài suốt sáu tháng, và tất nhiên, có lời qua tiếng lại cũng chẳng được tích sự gì, suy cho cùng, tượng thì đã mua rồi, và giả sử nếu Hội đồng thị trấn đánh trống bỏ dùi (nhất là với dân New England), quyết định không sử dụng thứ mà mình đã vung tiền mua, thì câu hỏi đặt ra là: phải cất của nợ ấy ở đâu? Vậy nên bức tượng thậm chí còn chẳng được điêu khắc mà chỉ đúc từ khuôn trong một nhà máy nhựa ở Ohio ấy rồi cuộc cũng được dựng lên, vẫn phủ lớp bạt to tướng dư sức làm cánh thuyền buồm. Bạt được hạ xuống vào ngày 13 tháng 5 năm 1957, ngày kỷ niệm 150 năm thành lập và phát triển của thị trấn. Đến hẹn lại lên, một phe được dịp phỉ báng không thương tiếc, phe còn lại cũng chẳng kém cạnh, tán tụng đến tận mây xanh.

Khi Paul lộ diện, chàng ta khoác trên mình quần yếm và áo sơ-mi ca rô đỏ

trắng. Bộ râu quai nón của chàng đen thui, rậm rì, đúng chuẩn chàng thợ đốn gỗ. Trên vai anh là cái rìu nhựa to đến độ thuộc hàng đại ca của rìu nhựa chứ chẳng chơi, môi anh nở nụ cười bẽn lẽn hướng về trời Bắc, và tình cờ thế nào mà vào ngày hạ bat, trời xanh vẫn vắt như màu da người bạn nổi tiếng của Paul (chú bò Babe không xuất hiện lúc khai trương, chi phí ước tính nếu muốn thêm chú bò xanh dương này vào hoạt cảnh cao đến chóng mặt).

Đám trẻ tham dự buổi lễ (phải đến hàng trăm đứa là ít, và cậu bé Richie Tozier mười tuổi cũng tham gia với sự đồng hành của bố) hết sức hào hứng trước bức tượng bằng nhựa khổng lồ kia. Bố mẹ công kênh con cái lên bục vuông chỗ Paul đứng, chụp hình, rồi quan sát – vừa lo lắng vừa hứng thú – các con mình leo trèo, bò toài, cười khanh khách, trên đôi ủng khổng lồ màu đen của Paul (đính chính: đôi ủng bằng nhựa khổng lồ màu đen).

Tháng Ba một năm sau đó, vừa kiệt sức vừa hờn xiêu phách tán, Richie ngẫ trên băng ghế trước bức tượng khi thoát khỏi các quý ông Bowers, Criss và Huggins trong gang tấc sau cuộc rượt đuổi từ trường Tiểu học Derry qua gần hết khu vực trung tâm. Mãi cậu mới cắt đuôi được bọn chúng trong khu đồ chơi của Trung tâm thương mại Freese's.

Chi nhánh Freese's ở Derry chẳng là cái đỉnh gì so với trung tâm thương mại hoành tráng ở ngay giữa Bangor, nhưng Richie chẳng còn bụng dạ để quan tâm đến những đi đâu đó – lúc ấy cậu như người chết đuối, vớ được cọc nào hay cọc nấy. Henry Bowers đang đuổi theo sát nút, còn Richie đã sức cùng lực kiệt lắm rồi. Túng quá làm càn, cậu nhào vào cửa xoay của trung tâm thương mại. Henry không hay biết cơ chế của cánh cửa này nên suýt chút nữa thì bị đứt mấy đầu ngón tay lúc tìm cách bắt bằng được Richie khi cậu vòng qua cửa vào trong trung tâm thương mại.

Vắt chân lên cổ chạy xuống tầng, áo bay lật phật về sau, Richie nghe thấy tiếng cửa xoay bíp bíp lên tiếng cảnh báo to như tiếng súng trên ti vi và nhận ra

[Larry](#), [Moe](#) cùng [Curly](#) vẫn đang ở phía sau. Vừa chạy xuống cầu thang tầng hầm, cậu vừa cười ha hả nhưng đó chỉ là co giật vì lo lắng mà thôi, cậu vẫn đang sợ hãi chẳng kém gì chú thỏ bị vướng vào thòng lọng. Lần này chúng sẽ cho cậu một trận toi bời hoa lá (cậu không hề hay biết trong mười tuần tới, cậu sẽ nhận ra ba người bọn chúng, nhất là Henry, là thể loại người sẵn sàng giết chết kẻ khác, và hẳn mặt cậu sẽ không còn giọt máu vì bàng hoàng nếu cậu biết đến trận chiến ném đá một mất một còn vào tháng Bảy, dù sự kiện cuối cùng ấy rồi cũng biến mất khỏi tâm trí cậu). Mọi chuyện bắt đầu bằng lý do củ chuối không tả nổi.

Bộ ba danh hài của Mỹ. Ở đây ý chỉ hội Bowers.

Lúc ấy, Richie và vài đứa bạn cùng lớp Năm đang di chuyển theo hàng vào phòng thể chất. Lớp Sáu bước ra, với Henry khệnh khạng giữa trông như con bò cày giữa đàn bò sữa. Dù vẫn còn học lớp Năm, Henry đã tập chung phòng thể chất với các anh lớn hơn. Ống nước trên đầu lại tong tỏng nhỏ nước, song ông Fazio chưa kịp dựng tấm biển CẢN THẬN! SÀN ƯỚT! lên cái khung con con. Hậu quả là Henry trượt chân ở ngay vũng nước và hạ cánh bằng đường hông.

Trước khi Richie kịp chặn lại thì cái mỏ của cậu đã oang oang như bố làng: “Đáng đời chưa, cái đồ trượt vỏ chuối!”

Một tràng cười rộ lên từ lớp của Henry và lớp của Richie, nhưng không có chút vui cười nào trên khuôn mặt Henry khi hắn ta tự đứng dậy - chỉ có một màu đỏ lựng của gạch mới nung.

“Mày nhớ mặt tao, thằng bốn mắt,” hắn ta nói rồi bước tiếp.

Tiếng cười tắt ngóm. Đám con trai trên hành lang nhìn Richie như thể cậu đã lên đoạn đầu đài. Henry không buồn dừng lại để xem phản ứng của đối phương mà đi thẳng, đầu cúi gằm, khuỷu tay đỏ tấy do đập xuống đất lúc ngã, đũng quần ướt sũng một vùng rõ to. Nhìn cái đũng quần ướt ấy, Richie cảm

thấy cái mồm chỉ biết hại cái thân của mình lại mở ra... nhưng lần này, cậu bắt nó im bật, nhanh đến độ suýt chút nữa cậu đã cắn đứt đầu lưỡi bằng hàm răng khép xuống như cổng đóng.

Chắc, rồi hẳn sẽ quên thôi, cậu lo lắng tự trấn an bản thân trong lúc thay đồ để vào phòng thể chất. Chắc chắn là thế. Hank già chẳng có mấy dây thần kinh ký ức trong đầu đâu. Mỗi lần đi nặng, chắc hẳn ta phải nhìn theo hướng dẫn trong sổ tay mới đi được, ha ha.

Ha ha.

“Chết cậu rồi, Tía Lia,” Vince Taliendo “Gỉ Mũi” nói với cậu, đưa tay kéo quần lên của quý có hình dạng và kích cỡ như hạt đậu phộng xanh xao. Cậu ta còn bày đặt bi thương mà nói: “Đừng lo. Tớ sẽ mang hoa cúng đến.”

“Cắt tai cậu rồi mang bông súp lơ đến đi,” Richie bật lại đầy thông minh, mọi người cười ồ, ngay cả Taliendo “Gỉ Mũi” cũng cười, vì với họ cười có mất mát gì đâu. Sao, việc gì tớ phải lo chứ? Những cậu bạn này sẽ ngồi nhà xem Jimmy Dodd và Chuột Lính Ngự Lâm trên chương trình *Câu lạc bộ Chuột Mickey* hoặc nghe Frankie Lymon hát “Tôi không phải trẻ vị thành niên phạm tội” trên *Bục trình diễn Mỹ* trong lúc Richie ba chân bốn cẳng lao qua khu nội y phụ nữ và đồ gia dụng trên đường đến khu đồ chơi, mồ hôi chảy đầm đìa xuống khe mũi, hai hòn bi vì sợ hãi mà dựng đứng thiếu đi đầu cao ngang lỗ rốn. Phải rồi, họ cứ việc cười thôi.

Hóa ra Henry vẫn ghim trong bụng. Richie đã thận trọng ra bằng cửa sau của tòa nhà, ở phía cuối trường mầm non, nhưng Henry cũng thận trọng cài Huggins Ở Hơi ở đó.

Richie trông thấy Ở Hơi trước và lý ra màn chạy đua đã không xảy ra. Lúc ấy, Ở Hơi đang nhìn về phía công viên Derry, một tay cầm điều thuốc chưa châm, tay còn lại mở màng bút chì trên đống quần. Trống ngực đập thành thịch, Richie rón rén bước qua sân chơi xuống gần hết đường Charter thì bất thành

lình, Ở Hời quay đầu lại và trông thấy cậu. Hắn ta bèn hô hoán gọi Henry và Victor, báo hiệu mở màn cho cuộc rượt đuổi.

Khi Richie đến khu đồ chơi, cậu phát hiện nó vắng tanh vắng ngắt. Thậm chí chẳng có nhân viên bán hàng nào trực xung quanh – không có lấy một người lớn đứng canh để kịp chặn đứng những trò nghịch phá trước khi chuyện vượt ngoài tầm kiểm soát. Cậu có thể nghe thấy tiếng ba con khủng long đem đến diệt vong ấy ở phía sau. Nhưng đơn giản là cậu không chạy nổi nữa. Từng hơi thở khiến thân trên trái của cậu đau nhói.

Mất cậu dán vào cánh cửa đề **CHỈ DÀNH CHO THOÁT HIỂM! CHUÔNG BÁO ĐỘNG SẼ KÊU!** Hy vọng nhen nhóm trong lòng cậu.

Richie chạy xuống dãy hàng đầy những chiếc hộp bật ra Vịt Donald, xe tăng Quân đội Hoa Kỳ sản xuất ở Nhật Bản, súng đồ chơi Kỵ sĩ cô độc, rô-bốt vặn dây cót. Cậu chạy đến cửa rồi tông thật mạnh vào thanh đẩy. Cánh cửa bật mở, bầu không khí mát mẻ giữa tháng Ba ùa vào. Chuông báo động kêu lên đinh tai nhức óc. Ngay lập tức, Richie lùi lại, quỳ mọp xuống, bò bằng đầu gối và hai tay đến dãy hàng bên cạnh. Cậu kịp thụp xuống trước khi cánh cửa đóng lại.

Henry, Ở Hời và Victor rầm rập ùa xuống khu đồ chơi đúng lúc cánh cửa vừa khép lại, chuông báo động tắt ngóm. Chúng chạy đến cửa, Henry đi đầu, khuôn mặt đánh thép.

Rốt cuộc, một nhân viên bán hàng hối hả xuống hiện trường. Anh ta mặc áo choàng bằng vải nylon màu xanh dương bên ngoài áo vest kẻ ô xấu ma chê quỷ hờn. Gọng kính của anh ta có màu hồng như mắt thỏ trắng. Richie thầm nghĩ nhìn anh này giống Wally Cox khi đóng vai [Ông Peepers](#), và cậu phải vùi cái miệng phản chủ của mình vào cẳng tay để không phá lên cười nắc nẻ.

Nhân vật trong bộ phim hài cùng tên của Mỹ.

“Mấy cậu kia!” Ông Peepers la lớn. “Không được đi ra bằng đường đó! Đó là lối thoát hiểm! Mấy cậu kia! Đây! *Mấy cậu kia!*”

Victor liếc nhìn anh ta với vẻ lo lắng, nhưng Henry và Ợ Hơi vẫn phăm phăm chạy nên Victor cũng chạy theo. Tiếng chuông đình tai lại vang lên, lần này lâu hơn trong lúc cả ba đưa đi ra ngõ. Trước khi cửa đóng lại, Richie đứng dậy và cà nhắc bước đến quầy nội y nữ.

“Các cậu sẽ bị cấm không cho vào tiệm!” Tay nhân viên la lên ở phía sau.

Liếc nhìn qua vai, Richie ré lên bằng giọng Bà ngoại Cáo bản, “Có ai từng nói với anh là anh trông giống y Ông Peepers chưa, chàng trai?”

Cậu đã trốn thoát như thế đấy. Đoạn cậu chạy khỏi Freese’s chừng một cây rưỡi, đứng trước trung tâm thị trấn, thành tâm mong cầu mình sẽ không gặp nguy nan nữa. Chỉ ít hiện tại là thế. Một bã người, cậu ng ỡ xuống băng ghế phía bên trái bức tượng Paul Bunyan tìm chút bình yên để lấy lại tinh thần. Lát nữa cậu sẽ đứng dậy đi về nhà, nhưng lúc này đây, ng ỡ dưới ánh mặt trời buổi chiều quả rất dễ chịu. Khởi đầu hôm ấy vừa âm u mưa phùn vừa lạnh lẽo, nhưng giờ đây, ta có thể tin mùa xuân đang chạm ngõ.

Xa xa trên bãi cỏ, cậu thấy rạp bằng vải của trung tâm thị trấn, bên trên là dòng chữ màu xanh trong suốt rất to:

CÁC EM ƠI!

HÃY ĐẾN VÀO NGÀY 28 THÁNG 3!

__BUỔI BIỂU DIỄN ROCK & ROLL CỦA ARNIE “WOO-WOO”

GINSBERG!_

JERRY LEE LEWIS

NHÓM THE PENGUINS

FRANKIE LYMON VÀ NHÓM THE TEENAGERS

GENE VINCENT VÀ NHÓM THE BLUE CAPS

FREDDY "BOOM-BOOM" CANNON

MỘT BUỔI TỐI GIẢI TRÍ TỪ ĐẦU CHÍ CUỐI!!

Tất cả là các ca sĩ và nhóm nhạc rock & roll.

Richie thật sự rất mong được tham dự buổi trình diễn này, nhưng cậu biết có nằm mơ cũng chẳng được. Trong mắt mẹ cậu, giải trí từ đầu chí cuối không bao gồm việc Jerry Lee Lewis bảo thanh thiếu niên Mỹ rằng chúng ta có gà trong nông trại, nông trại nhà ai, nông trại gì, nông trại nhà tôi. Hoặc cũng không có Freddy Cannon, với em gái Tallahassee có chiếc xe kéo rất gọi tình. Mẹ cậu kể cái thời còn là thiếu nữ cu ồng âm nhạc, bà cũng la hét hết mình vì Frank Sinatra (giờ bà gọi ông ấy là Frankie Bảnh Chọc), nhưng cũng giống như mẹ của Bill Denbrough, bà phản đối kịch liệt nhạc rock and roll. Chuck Berry làm bà kinh hãi, bà còn nói Richard Penniman, được bầu đoàn các thanh thiếu niên hâm mộ đặt biệt danh là Richard Nhỏ Bé, khiến bà muốn “nôn như con gà”.

Lời bài hát nổi tiếng Whole Lotta Shakin' Goin' On do ca sĩ này trình bày.

Bài hát Tallahassee Lassie do Freddy Cannon sáng tác.

Richie không bao giờ yêu cầu mẹ dịch nghĩa cụm từ trên.

Bố cậu giữ góc nhìn trung lập với chủ đề rock and roll, thậm chí có khi ông còn dễ bị lung lay nữa kìa, song Richie biết trong chủ đề này, tiếng nói của mẹ cậu mới là thiết quân luật – chí ít là cho đến khi cậu mười sáu, mười bảy tuổi – và đến lúc ấy, mẹ cậu dám chắc cơn cu ồng nhạc rock and roll của đất nước này sẽ qua đi.

Richie nghĩ nhóm nhạc Danny and the Juniors có nhận định đúng đắn hơn mẹ cậu về chủ đề này – rock & roll sẽ không bao giờ chết. Cậu yêu dòng nhạc này, mặc dù ngu ần tiếp cận của cậu chỉ giới hạn trong hai chương trình – *Bục trình diễn Mỹ* trên Kênh 7 vào buổi chiều, đài phát thanh WMEX từ Boston vào ban đêm, khi không khí loãng hơn và chất giọng khàn khàn đầy đam mê của Arnie Ginsberg văng vẳng như tiếng ma vang lên trong buổi gọi h ần. Giai điệu không chỉ khiến cậu cảm thấy vui vẻ, mà còn làm cho cậu thấy mình to lớn

hơn, mạnh mẽ hơn và *hiện diện* hơn. Khi Frankie Ford hát “Chuyến biển” hoặc Eddie Cochran hát “Điều Blue mùa hè”, lòng của Richie đong đầy vui sướng. Trong âm nhạc ấy có năng lượng, thứ năng lượng dành tặng tất cả những đứa trẻ ốm o, béo tròn, xấu xí, nhút nhát – hay nói cách khác, những đứa trẻ cùi bắp của xã hội. Nghe nó, cậu cảm nhận được một điện áp điên rồ, buồn cười, thừa sức giết chết ta, nâng đỡ ta trong cuộc đời này. Cậu thần tượng Domino Béo (so với anh, Ben Hanscom còn gọn gàng chán), Buddy Holly - anh này cũng mang kính giống Richie, Jay Hawkins Gào Thét – anh này có cái trò bật dậy từ quan tài trong buổi diễn của mình (Richie nghe kể như thế) cùng nhóm Dovells, nhảy mượt y như các anh da đen.

Chắc, tám lạng nửa cân.

Rồi một ngày nào đó, cậu sẽ được thoải mái nghe rock & roll nếu muốn - cậu dám chắc dòng nhạc ấy vẫn còn tồn tại khi mẹ cậu chịu thua và cho cậu làm theo ý mình – nhưng đi đâu đó chưa xảy ra vào ngày 28 tháng 3 năm 1958... hoặc năm 1959... hoặc...

Cậu rời mắt khỏi rap vãi và rồi... chà... chắc hẳn cậu đã thiếp đi. Đó là lời giải thích duy nhất có nghĩa lý. Bởi những gì xảy ra sau đó chỉ có thể là nằm mơ.

Trở về hiện tại, anh lại là một Richie Tozier muốn bao nhiêu nhạc rock & roll trên đời này cũng được... và anh vui sướng nhận ra rằng như thế vẫn chưa đủ. Mắt anh liếc lại rap vãi phía trước trung tâm thị trấn và trông thấy, một cách tình cờ đầy ma quái, dòng chữ màu xanh năm nào:

NGÀY 14 THÁNG 6

HỘI NHỮNG AI CUỒNG HEAVY METAL!

JUDAS PRIEST

IRON MAIDEN

MUA VÉ Ở ĐÂY HOẶC TRÊN BẤT CỨ HỆ THỐNG TICKETRON

NÀO

Sao họ lại bỏ mất dòng về giải trí từ đâu chí cuối rồi, Richie thẫn thờ, nhưng mình thấy đó là khác biệt duy nhất.

Và rồi anh nghe thấy giọng hát của Danny and the Juniors, mờ ảo, xa xăm, như phát ra từ chiếc ra-đi-ô rẻ tiền ở cuối hành lang: *Rock & roll sẽ trường tồn, tôi sẽ theo nó đến cuối cùng... Nó sẽ đi vào lịch sử, cứ nhìn mà xem, bạn tôi ơi...*

Richie quay lại nhìn Paul Bunyan, vị thánh bảo trợ của Derry – Derry, theo như những câu chuyện xưa, thị trấn được sinh ra vì đây là nơi gỗ được trục vớt sau khi trôi xuống hạ ngu ồn. Ngày xưa, từng có lúc vào mùa xuân, toàn bộ hai con sông Penobscot và Kenduskeag đều đầy tràn những khúc gỗ từ bờ bên này sang bờ bên kia, thân gỗ đen kịt chắn hết mặt sông lấp lánh dưới vầng dương mùa xuân. Một anh chàng nhanh chân có thể đi từ Wallys Spa ở Nửa mẫu Địa ngục đến Ramper's ở Brewster (Ramper's là một quán rượu nổi tiếng dở tệ, đến độ người dân toàn gọi nó là Xô máu) mà không bị ướt quá ba nấc dây giày bằng da thắt trên đôi boots. Hoặc chí ít đó là những gì người ta hay kể thời Richie còn bé, và anh đoán trong những câu chuyện ấy có chút ít thành tố hư cấu như chuyện về Paul Bunyan.

Paul già rồi, anh nghĩ thẫn thờ trong bụng, ngược mắt nhìn bức tượng bằng nhựa. Từ lúc tôi rời đi, anh đã làm những gì? Anh có đào thêm được lòng sông nào không, có về nhà một lần, kéo lê chiếc riu sau lưng không? Anh có đào thêm cái hồ nào mới vì anh muốn một bồn tắm thật to để ngâm mình trong làn nước ngập đến cổ không? Anh có họ được thêm đĩa nhóc nào như ngày xưa anh hù tôi phát khiếp không?

Ôi, bao kỷ ức chợt ùa về với anh, giống như cách ta thỉnh thoảng chợt nhớ một từ mà nặn óc nghĩ mãi không ra.

Ngày ấy, khi cậu bé Richie đang ngủ dưới ánh mặt trời tháng Ba dịu ngọt,

mơ màng ngủ, nghĩ tới việc về nhà và vớt vát được ba mươi phút cuối chương trình *Bực trình diễn*, thì bỗng dưng có một làn hơi ấm nóng phả vào mặt. Nó thổi ngược tóc mái của cậu ra sau. Cậu ngược lên thì trông thấy khuôn mặt khổng lồ bằng nhựa của Paul Bunyan ở ngay trước mặt, to hơn cả khuôn mặt trên màn ảnh, choán hết cả không gian. Không khí chuyển động là do Paul cúi xuống... dù trông hắn ta chẳng còn giống Paul chút nào. Trán dô ra, những túm lông như sợi dây thò ra từ lỗ mũi đỏ lòm như mũi của những kẻ say rượu lâu năm; mắt hắt đỏ quạch, một bên còn bị lác nhẹ.

Chiếc rìu không còn nằm trên vai hắn nữa. Paul đang tựa vào cán rìu, phần đầu còn của lưỡi rìu làm toác một rãnh sâu trên mặt bê tông của vỉa hè. Thứ đó vẫn đang cười, nhưng nụ cười chẳng có gì vui tươi. Từ hàm răng vàng khè to tướng của nó tỏa ra thứ mùi hôi thối như động vật nhỏ thối rửa giữa cây tằm thấp nóng nực.

“Tao sẽ ăn tươi nuốt sống mày,” gã khổng lồ nói, giọng ồm ồm, tựa hồ tiếng những tảng đá cọ vào nhau trong trận động đất. “Trừ khi mày trả lại cho tao con gà mái, đàn hạc và túi vàng, còn không đừng trách tao ăn thịt mày ngay và luôn!”

Từng lời nó nói ra khiến áo của Richie bay phấp phật như cánh bướm trong cơn lốc. Cậu rúm ró trên băng ghế, mắt lồi ra, tóc tai dựng đứng như lông nhím, bao bọc xung quanh là thứ mùi xú uế tựa xác chết thối.

Gã khổng lồ bắt đầu phá lên cười. Nó đặt hai tay lên cán rìu giống như Ted Williams đặt tay lên chiếc gậy bóng chày ưa thích (hoặc nếu muốn thì ta gọi nó là cán tằm bì), đoạn kéo nó khỏi cái hố do rìu tạo thành trên vỉa hè. Chiếc rìu vung lên không trung, tạo ra tiếng vùn vụt trầm thấp chết người. Richie chột ngộ ra gã khổng lồ này muốn chặt mình làm đôi.

Nhưng cậu cảm thấy người mình cứng đờ như tượng, cảm giác thờ ơ, hồ hững bao trùm lấy cậu. Chuyện này có nghĩa lý gì đâu? Cậu chỉ đang ngủ và

nằm mơ thôi. Chốc nữa thôi, một tay tài xế sẽ bóp còi inh ỏi vì có đứa trẻ chạy ngang qua đường, khi ấy, cậu sẽ tỉnh giấc ngay ấy mà.

“Phải rồi,” gã khổng lồ rống lên, “mày sẽ tỉnh dậy ở địa ngục!” Khoảnh khắc cuối cùng, khi chiếc rìu khựng lại lúc giờ lên đỉnh rồi cân bằng ở đấy, Richie nhận ra đây không phải là mơ... mà nếu có là giấc mơ thật đi chẳng nữa thì giấc mơ này có thể giết chết cậu.

Cố hét lên nhưng không bật ra được tiếng nào, cậu lăn từ băng ghế xuống khoảng đất trải sỏi bị cày lên xung quanh chỗ bức tượng đứng trước đó, giờ chỉ còn chổng chơ cái bực với hai bu lông bằng thép khổng lồ thò lên chỗ hai cẳng chân. Âm thanh chiếc rìu vụt xuống choán ngập không gian bằng tiếng thì thầm vun vút, nụ cười của gã khổng lồ biến thành bản mặt sát nhân cau có. Môi của nó kéo xệch lên, để lộ răng lẫn phần nướu nhưa đỏ rực, đỏ đến dị hợm, lấp lánh.

Lưỡi rìu chém xuống băng ghế, ngay chỗ Richie vừa ngã ngay trước đó. Lưỡi rìu bén đến độ không phát ra tiếng động nào, nhưng băng ghế bị chặt làm đôi ngay lập tức. Hai nửa băng ghế nghiêng sang hai bên, phần gỗ bên trong lớp sơn xanh sáng và trắng đến rợn người.

Richie nằm trên đất. Vẫn cố hét lên mà bất lực, cậu tìm cách đứng dậy. Sỏi rơi xuống cổ áo và đũng quần cậu. Và rồi Paul lù lù ở đó, sừng sững bên trên, nhìn xuống cậu bằng hai con mắt to tướng như nắp cống, Paul khổng lồ đang nhìn xuống cậu bé nhỏ nhất có rúm trên nền sỏi.

Gã khổng lồ tiến một bước về phía cậu. Richie cảm thấy mặt đất rung lên khi chiếc ủng màu đen động xuống. Bụi tung mù mịt từ mặt đất trải sỏi.

Richie lăn người, áp bụng xuống đất và loạng choạng đứng dậy. Chân cậu lú lú chạy trước khi cơ thể thăng bằng, kết cục là cậu lại đo đất một lần nữa. Cậu nghe thấy tiếng gió phụt ra khỏi phổi. Tóc lòa xòa vào mắt. Cậu có thể thấy tiếng xe cộ qua lại trên đường Kênh Đào và đường Chính như thường

nhật, tựa hồ chẳng có gì bất thường đang xảy ra, tựa hồ không một ai trong những chiếc xe kia trông thấy hoặc quan tâm Paul Bunyan vừa sống dậy, bước khỏi bụi để giết người bằng cây rìu to cỡ nhà xe di động hạng cao cấp.

Mặt trời bị chắn. Richie nằm trong bóng râm có hình người.

Cậu lúnh quýnh bò dậy, suýt chút nữa thì ngã vật ra, nhưng rồi cậu đứng lên được và chạy bán sống bán chết – cậu chạy mà đầu gối nâng lên gần đến ngực, tay đánh liên tục. Đằng sau, cậu có thể nghe thấy tiếng rìu vung lên, một âm thanh tưởng chừng chẳng phải âm thanh mà là sức ép lên da cũng như màng nhĩ: *Vut!*...

Mặt đất rung chuyển. Hai hàm răng của Richie va vào nhau càn cạch như đĩa sứ trong cơn động đất. Không cần nhìn cậu cũng biết chiếc rìu của Paul đã cắm phập sâu quá nửa vào vỉa hè, chỉ cách chân cậu chừng chục phân.

Quay cuồn, cậu nghe thấy vắng vắng trong tâm trí mình bài hát của Dovells: *Ôi đám trẻ ở Bristol sắc sảo như súng pistol khi chúng nhảy gõ chân kiểu Bristol...*

Vượt khỏi bóng của gã khổng lồ ra ngoài ánh nắng, cậu lại phá lên cười – cũng nụ cười mệt mỏi như khi cậu lao xuống cầu thang trong trung tâm thương mại Freese's. Hơi thở hồng hộc, hông nhói đau, mãi cậu mới gom đủ can đảm liếc ra sau lưng.

Và kìa, bức tượng của Paul Bunyan lại sừng sững trên cái bệ quen thuộc, rìu vác trên vai, đầu ngược nhìn bầu trời trên cao, người anh hùng cổ tích nở nụ cười bừng bừng lạc quan. Còn băng ghế bị xẻ làm đôi ấy à, nó nguyên vẹn, không chút sứt mẻ, xin chân thành cảm ơn. Mặt đất trải sỏi nơi anh Paul Cao To ([*Anh là tất cả của tôi*](#), Annette Funicello gàoร้อง trong đầu Richie) từng giậm đôi giày cỡ khổng phảng phiu và y nguyên, trừ phần sỏi bị xé xịch chỗ Richie ngã lúc cậu còn đang

“Anh là tất cả của tôi” là một câu hát trong bài Tall Paul của nữ ca sĩ Annette

Funicello.

(cố thoát khỏi tay không lồ)

nằm mơ. Không có dấu chân, cũng chẳng có vết rìu trên mặt bê tông. Không có bất cứ thứ gì ở đây ngoài một thằng nhóc bị đám côn đồ cạy lớn hiếp nhỏ rượt đuổi, và vì thế cậu nằm mơ thấy một giấc mơ nho nhỏ (nhưng thật đến từng chi tiết) về gã khổng lồ giết người... hay ta có thể gọi ấy là Henry Bowers Cỡ Bự.

“Khốn thật,” Richie khe khẽ nói, giọng run run, rồi gượng cười.

Cậu đứng đó thêm hồi lâu, đợi xem bức tượng có chuyển động lần nữa hay không-biết đâu đấy nó lại nháy mắt, đảo rìu từ vai này sang vai kia, nhảy xuống và đuổi theo cậu thì sao. Nhưng tất nhiên là không có gì xảy ra.

Đó là chuyện dĩ nhiên.

Gì, tôi mà lo sao? Ha ha ha ha ha.

Gà gât. Nằm mơ. Chỉ thế mà thôi.

Nhưng, như Abraham Lincoln hoặc Socrates hay người nào đó từng chiêm nghiệm, đủ là đủ. Đã đến lúc về nhà thư giãn, ra về như Kookie trong chương trình *77 Sunset Strip* và nằm ườn ra.

Và dù nếu băng ngang qua khu đất của trung tâm thị trấn sẽ nhanh hơn, nhưng cậu quyết định không đi như vậy. Cậu không muốn lại gần bức tượng lần nữa. Vì thế, cậu đi đường vòng, để rồi đến tối hôm ấy, cậu gần như đã quên băng sự việc.

Cho đến lúc này.

Một người đàn ông đang ngồi đây, anh thầm nghĩ, một người đàn ông khoác chiếc áo màu xanh rêu mua ở một trong những cửa hàng xịn nhất đại lộ Rodeo Drive; một người đàn ông mang giày Bass Weejuns và dùng quần lót Calvin Klein để che mông, một người đàn ông đeo loại kính áp tròng mềm, để

dàng đưa vào mắt; một người đàn ông nhớ lại giấc mơ của cậu bé năm xưa, cái cậu bé cho rằng áo sơ-mi Ivy League với vòng vải sau lưng và đôi giày Snap Jack là đỉnh cao của thời trang, một người đàn ông đã trưởng thành đưa mắt nhìn bức tượng ngày trước, và này, Paul ơi, anh Paul Cao To ơi, tôi đến để nói với anh rằng bao năm qua anh vẫn thế, anh không già đi lấy một ngày.

Trong đầu anh vẫn tâm niệm cách giải thích cũ: ấy chỉ là một giấc mơ.

Anh là người nếu cần sẽ sẵn lòng tin quái vật tồn tại, quái vật chỉ là chuyện nhỏ, chẳng có gì to tát. Chẳng phải lần này đến lần khác, anh đã ngồi trong phòng thu đọc tin tức về những kẻ như Idi Amin Dada, Jim Jones hay thủ phạm đã đánh bom giết sạch người trong một cửa hàng Mc Donald's ở dưới phố đấy sao? Bất ngờ chưa hỡi đồng bào ơi, quái vật chỉ là chíp hôi mà thôi! Ai thèm bỏ năm đồng ra mua vé xem phim trong khi ta có thể đọc về lũ giết người không gớm tay ấy trên báo chí chỉ với ba mươi lăm xu hoặc nghe tin trên ra-đi-ô miễn phí? Và anh thấy nếu anh tin trên đời này có một giống loài như Jim Jones thì trong ít lâu, anh có thể tin vào câu chuyện Mike Hanlon kể; Nó thậm chí còn có gì đó hay ho, bởi Nó đến từ *bên ngoài* và chẳng có ai phải chịu trách nhiệm cho Nó. Anh có thể tin tưởng trên đời này tồn tại một con quái vật nhều mặt chẳng kém gì số mặt nạ cao su trong cửa hàng bán đồ lưu niệm (anh thấy đã bỏ công ra mua thì mua một cái làm gì, mua luôn một túi cho rảnh, cả tá sẽ rẻ hơn mà, đúng không quý vị?), chí ít nếu cuộc tranh luận ấy cần... nhưng chuyện bức tượng bằng nhựa cao chín mét bước xuống bậc rảnh tìm cách lấy rìu chém ta làm đôi? Nghe không tài nào tin nổi. Như Abraham Lincoln hoặc Socrates hay ai đó cũng từng nói, tôi ăn cá và tôi ăn thịt, nhưng có những thứ cứ đái đùng hòng mong tôi ăn. Đơn giản là...

Mắt lại đau nhói như thế có kim đâm, anh buột miệng rên lên bàng hoàng. Nhưng chưa dừng lại ở đó, cơn đau càng nhói hơn, càng dài hơn, khiến anh sợ mất mật. Anh lấy tay vỗ vào mắt, rảnh theo phản xạ, anh lấy ngón trở lên mò

đến mí mắt dưới để tháo kính áp tròng. *Chắc mình bị nhiễm trùng gì đấy rồi, anh lờ mờ suy đoán. Nhưng Chúa ơi, đau quá!*

Anh kéo mí mắt xuống, chuẩn bị nháy mắt một cái để kính áp tròng rơi ra (sau đó sẽ tốn mười lăm phút mò mẫm, dò dẫm tìm kính dưới mặt đất trái sỏi bao quanh bằng ghế nhưng lạ Chúa tôi, ai mà quan tâm kia chứ, giờ anh có cảm giác như có *đinh* trong mắt đây này), thì bỗng dưng, cơn đau biến mất. Nó không nguôi ngoai mà đơn giản là biến mất hoàn toàn. Phút trước còn đó mà phút sau đã mất dạng. Mắt anh hoen lệ một chút rồi ngưng hẳn.

Anh từ từ hạ tay xuống, tim đập thình thịch trong lồng ngực, sẵn sàng nháy mắt cho kính rơi ra ngay khi cơn đau tái phát. Nhưng không có cơn đau nào xuất hiện thêm nữa. Và chợt trong đầu anh xuất hiện hình ảnh bộ phim kinh dị duy nhất từng làm anh sợ mất mật hồi còn bé, có thể là vì ngày ấy, anh quá đề tâm đến cặp kính và suốt ngày nghĩ đến hai cửa sổ tâm hồn của mình. Bộ phim mang tên *Con mắt Biết bò* với sự tham gia của Forrest Tucker. Không hay lắm. Những đứa trẻ khác cười như được mùa, nhưng Richie cười không nổi. Bởi lúc đó, Richie cóng hết cả người, mặt mũi xanh như tàu lá và nghẹt hẳn ra, ấy là lần hiếm hoi cậu không rặn được Giọng nói nào để chiếm lại thế thượng phong khi con mắt bày bày đầy xúc tu bước ra từ làn sương nhân tạo trong bộ phim Anh Quốc, ngúc ngoắc những xúc tu đầy thớ. Hình ảnh con mắt ấy thật quá đối khủng khiếp, nó như hiện thân của hàng trăm nỗi sợ hãi cũng như bất an mà cậu bé Richie không nhận ra. Không lâu sau đó, vào một đêm nọ, cậu nằm mơ thấy cậu nhìn vào bóng của mình trong gương, cậu lấy một cái đinh ghim thật to rồi từ từ đâm vào tròng đen của mắt và nhận thấy cảm giác đàn hồi tê tê, mọng nước khi đáy mắt ngập trong máu. Anh nhớ - giờ thì anh đã nhớ ra rồi - đêm đó, cậu bé con năm xưa tỉnh giấc và phát hiện mình tè dầm. Chỉ báo tốt nhất cho biết giấc mơ khủng khiếp nhường nào là cảm xúc đầu tiên của cậu lúc tỉnh dậy: không phải là nỗi xấu hổ trước sự hờ hênh vào ban đêm của bản thân, mà là sự nhẹ nhõm, mừng rỡ khi thấy người mình ấm

và ướt nhẹp, biết ơn khi mắt mình vẫn còn nhìn thấy.

“Khốn kiếp,” Richie Tozier thẫn thờ, giọng run run, đoạn đứng dậy.

Anh sẽ quay lại Nhà nghỉ Thị trấn Derry và chớp mắt một lúc. Nếu đây là Làn đường Ký ức thì anh thà lao ào ào trên Xa lộ L.A. vào giờ cao điểm còn hơn. Cơn đau trong mắt anh có lẽ chỉ là tín hiệu cho biết anh mệt mỏi và kiệt sức sau chuyến đi dài, cộng thêm áp lực từ việc dấn dáp đối mặt với quá khứ trong một buổi chiều. Choáng váng thế là đủ; khám phá thế là đủ. Anh không thích tâm trí anh cứ nháo nhào từ chủ đề này sang chủ đề khác. Giai điệu của Peter Gabriel là bài gì ấy nhỉ? “Cho Khỉ sốc chơi.” Chắc, con khỉ này sốc đủ rồi đây. Đã đến lúc ngủ nghỉ một chút để đầu óc mình慢慢 trở lại.

Khi đứng dậy, mắt anh vô tình liếc sang rạp vải dựng phía trước trung tâm thị trấn. Bất thành linh, chân anh không còn chút sức lực, anh lại ngã thụp xuống. Đánh phịch.

**RICHIE TOZIER NGƯỜI ĐÀN ÔNG NGHÌN GIỌNG
TRỞ LẠI DERRY, VÙNG ĐẤT NGHÌN ĐIỀU NHẢY
ĐỂ TỎ LÒNG TRÂN TRỌNG TÍA LIA TRỞ VỀ, TRUNG TÂM THỊ
TRẤN
XIN GIỚI THIỆU BUỔI BIỂU DIỄN NHẠC ROCK RICHIE TOZIER
“CHẾT SẠCH SÀNH SANH”
BUDDY HOLLY
RICHIE VALENS
THE BIGBOPPER
FRANKIE LYMON
GENE VINCENT
MARVIN GAYE
BAN NHẠC**

JIMI HENDRIX - GHI-TA CHÍNH

JOHN LENNON - GHI-TA ĐỆM

PHIL LINOTT - GHI-TA BASS

KEITH MOON - TRỐNG

KHÁCH MỜI ĐẶC BIỆT - JIM MORRISON

Trong danh sách này là tên của rất nhiều nghệ sĩ quá cố (vào thời điểm năm 1985).

CHÀO MỪNG TRỞ VỀ NHÀ, RICHIE!

RỒI MÀY CŨNG CHẾT THÔI!

Anh có cảm giác như thể ai đó vừa rút hết hơi thở ra khỏi người mình... và rồi anh lại nghe thấy âm thanh ấy, nửa tiếng động nửa sức ép lên da và màng nhĩ, âm thanh rất khê đầy chết chóc - *Vụt!* Anh lăn từ băng ghế xuống đất, trong đầu thẩn nhủ *À hóa ra déjà vu là thế này đây, giờ thì biết rồi nhé, không cần phải hỏi ai nữa...*

Vai đập vào nền sỏi, anh lăn người và ngược nhìn bức tượng Paul Bunyan – chỉ có điều nó không còn là Paul Bunyan nữa. Sừng sững đứng đó là gã hề sắc sảo và rõ mồn một, chói lóa trong chất liệu nhựa, sáu mét rực rỡ màu da quang Day-Glo, khuôn mặt sơn phát hiện ra bên trên lớp cổ áo xếp nếp lố bịch cỡ khủng. Những nút bông xù màu cam đúc bằng nhựa, cục nào cục nấy to như quả bóng chuyền, chạy dọc phía trước bộ đồ màu bạc. Thay vì vác rìu, nó cầm một chùm bóng bay nhựa khổng lồ. Khắc trên mỗi quả là hai dòng chữ: ROCK & ROLL VẮN CHẤT NHẤT QUẢ ĐẤT và BUỔI BIỂU DIỄN ROCK “CHẾT SẠCH SÀNH SANH” CỦA RICHIE TOZIER.

Anh lồm cồm dùng đầu gối và lòng bàn tay bò về phía sau. Sỏi rơi xuống đũng quần anh. Anh nghe thấy tiếng đường may bọc ra dưới nách chiếc áo mà anh mua ở Rodeo Drive. Anh lăn người, đứng lên, loạng choạng nhìn về phía sau. Gã hề nhìn xuống anh. Mắt nó đảo lia lịa trong hốc mắt.

“Ta có làm cho người hết h ần không, bạn hi ần?” Nó g ầm gừ.

Richie nghe thấy miệng mình tự cất tiếng nói, độc lập với bộ não đang đông cứng: “[Chơi tê tê sau lưng con xe thôi](#), Bozo ời. Dăm ba chuyện muối.”

Câu gốc là “Cheap thrills in the back of my car”, đây là một câu hát trong bài Cheap Thrills của Frank Zappa.

Gã h ề mỉm cười và gật đầu như thể nó chẳng kỳ vọng gì hơn. Đôi môi son đỏ hoe nhoét của nó há ra, để lộ hàm răng nhọn hoắt, cái nào cái nấy bén ngọt như dao cạo. “Ta có thể bắt nhà người ngay bây giờ nếu ta muốn” nó nói. “Nhưng thế này sẽ vui hơn nhi ều.”

“Ta cũng thấy vui,” Richie nghe miệng mình ba hoa. “Vui nhất là lúc bọn ta chặt phăng thủ cấp người đấy, cục cưng.”

Nụ cười của gã h ề càng lúc càng mở rộng. Nó đưa một tay đeo găng trắng lên, và Richie cảm nhận được gió ph ần phật hất ngược tóc mái anh về sau, y như cái ngày hai mươi bảy năm về trước. Ngón trỏ của gã h ề chĩa thẳng vào anh, to chẳng kém gì xà nhà.

To như cái xà..., Richie nghĩ, và r ồi cơn đau lại ập đến. Nó thọc những cây cọc gỉ sét vào ph ần mắt m ềm như thạch. Anh hét lên và ôm lấy mặt mình.

["Trước khi lấy rác ra khỏi mắt người hàng xóm láng gi ềng của mình, người phải lo cho cây đà trong mắt mình đi đã,"](#) gã h ề ngân nga, lời nó phát ra tr ầm đục, âm vang, và Richie lại một l ần nữa được bao bọc trong thứ mùi ngai ngái của xác động vật chết.

Pennywise đang nhái câu trong Kinh Thánh: “Hỡi kẻ giả hình! Trước hết phải lấy cây đà khỏi mắt mình đi, r ồi mới thấy rõ mà lấy cái rác ra khỏi mắt anh em mình được.” (Matthew 7:5)

Anh ngược lên, vội lùi lại chừng năm, sáu bước. Gã h ề cúi xuống, hai tay đeo găng đặt lên đầu gối mang qu ần sắc sỡ.

“Muốn chơi thêm không, Richie? Hay để ta chĩa ngón tay vào cửa quý nhà

người và cho người ung thư tì ền liệt tuyến nhĩ? Hay ta chỉ tay lên đầu người và cho người u não luôn - dù ta chắc nhĩ ầu người sẽ nói cục u ấy chỉ là đóng góp thêm cho thứ đã có mà thôi. Ta có thể chỉ vào m ồm người và cái lưỡi bép xép tép nhảy nhả người sẽ biến thành đồng mủ chảy nhoe nhoét. Ta làm được đấy, Richie. Muốn thấy không?”

Mắt nó trợn lên, to thật to, và trong con người đen kịt to như quả bóng m ồm ấy, Richie trông thấy thứ bóng tối điên khùng hằn chỉ t ền tại ở ngoài rìa vũ trụ; anh trông thấy cảm giác sung sướng khôn kiếp, đủ sức khiến anh phát điên. Trong khoảnh khắc ấy, anh chợt hiểu Nó có thể làm những đi ầu trên và thậm chí còn hơn cả thế.

Nhưng rồi anh lại nghe thấy miệng mình cất tiếng, có đi ầu lần này không phải giọng anh hay bất cứ Giọng nói nào anh từng sáng tạo, cả trong quá khứ lẫn hiện tại, mà là một giọng nói anh chưa nghe thấy bao giờ. Về sau, anh t ền ng ần kể lại với nhóm bạn rằng đó là giọng Ông da đen Ham vui, âm vang đầy tự hào, vừa làm lở vừa the the. “Để tao yên xem nào, tiên sư bố cái thằng hề da trắng to con kia! Đừng có giỡn mặt với tao, nghe chưa! Tao lão làng rồi, tao biết gân lên mà cãi lý! Tao có thừa thời gian, muốn gì được nấy, tao là dạng người đâu ra đấy, và đồng tai lên mà nghe đây này, nếu mày không biến đi thì tao sẽ cho mày biết tay! Mày nghe thùng chưa, thằng lỗ hẩu mặt trắng kia?”

Richie có cảm tưởng rằng gã hề đã rút lại, nhưng anh không nán lại lâu để xác nhận đi ầu này. Anh co giò chạy, khuỷu tay gấp tới gấp lui, áo bay ph ần phật ra sau, chẳng thèm quan tâm một ông bố vừa dừng chân để đưa con nhỏ được chiêm ngưỡng bức tượng Paul vừa chĩa ánh nhìn ái ngại về phía anh, như thể anh vừa phát điên. *Mà đúng là thế thật, thừa bà con cô bác*, Richie th ần nghĩ, *tôi thấy tôi phát điên rồi đây. Ôi Chúa, hay là như vậy nhĩ? Và hằn đó là cú bất chước* [*Grandmaster Flash*](#) *chơi lợi nhất trong lịch sử, nhưng chỉ ít nó vẫn có tác dụng, run rủi thế nào đấy...*

DJ và rapper nổi tiếng người Mỹ.

Và rồi giọng nói của gã hề rống lên phía sau anh. Mặc dù bố cậu bé không nghe thấy, song khuôn mặt đứa trẻ bỗng dừng cau lại xanh xám, rồi nó la lên khóc òn ỉ. Ông bố bế đứa con mình lên, bối rối ôm vào lòng. Dù hải hùng nhưng Richie vẫn thấy rõ cảnh ấy. Giọng của gã hề véo von vui tươi xen lẫn tức tối, hoặc có khi chỉ tức tối: *“Bọn ta có một con mắt dưới này đây, Richie... người nghe không? Con mắt Biết bò. Nếu người không muốn bay, người không muốn nói lời tạm biệt, người xuống dưới lòng đất thị trấn này và chào một tiếng thật to với con mắt khổng lồ đi nào! Xuống đây mà xem, khi nào cũng được. Bất cứ lúc nào người muốn. Nghe thấy không, Richie? Đem cả yo-yo xuống đây. Bắt Beverly mặc cái váy thật to cùng bốn, năm lớp ván lót phía dưới. Bắt cô ta đeo nhẫn của chồng quanh cổ đi! Bắt Eddie mang đôi giày da chắp ấy đi! Chúng ta sẽ chơi chút nhạc, Richie! Chúng ta sẽ chơi TẤT TẦN TẬT NHỮNG BÀI NỔI NHẤT!”*

Ra đến vỉa hè, Richie đánh li ều quay đầu lại nhìn qua vai, và cảnh tượng anh trông thấy chẳng dễ chịu chút nào. Paul Bunyan không có ở đó, tên hề cũng đã biến mất. Chỗ bọn chúng đứng ban nãy được thế bởi bức tượng Buddy Holly bằng nhựa cao sáu mét. Bức tượng khoác một chiếc áo kẻ ô, trên ve áo có nút đề dòng chữ: BUỔI BIỂU DIỄN NHẠC ROCK “CHẾT SẠCH SÀNH SANH” CỦA RICHIE TOZIER.

Một bên gọng kính mà Buddy đeo được quấn băng keo.

Cậu bé kia vẫn hoảng loạn khóc ré lên; ông bố vội vã bước về phía trung tâm với cậu con bù lu bù loa trên tay. Anh ta né Richie như tránh tà.

Richie rảo bước

(chân ơi đừng làm ta thất vọng)

cố gắng không nghĩ đến

(chúng ta sẽ chơi TẤT TẦN TẬT NHỮNG BÀI NỔI NHẤT!)

những đi đầu vừa xảy ra. Tất cả những gì anh muốn nghĩ đến là một ly Scotch thật mạnh mà chốc nữa anh sẽ uống ở quầy bar Nhà nghỉ Thị trấn Derry trước khi lên phòng đánh một giấc.

Nghĩ đến ly rượu – chỉ là thứ đồ uống hết sức bình thường - khiến anh cảm thấy khá hơn đôi chút. Nhìn qua vai lần nữa, trông thấy Paul Bunyan trở lại, nở nụ cười với bầu trời, riu nhựa vác trên vai, anh cảm thấy khá hơn một chút. Richie bắt đầu bước nhanh hơn, hồi hải đi càng xa bức tượng ấy càng tốt. Anh vừa mạnh nha nghĩ về khả năng mình bị ảo giác thì cơn đau lại nhói lên trong mắt anh, buốt và quặn quại, khiến anh phải rên lên khô khốc. Một cô gái trẻ xinh xắn đi phía trước, mơ màng nhìn mây bay, quay đầu nhìn anh, lưng khùng rờ rỗi vội tiến lại.

“Chú gì ơi, chú có sao không?”

“Kính của tôi,” anh nói, giọng lạc đi. “Kính áp tròng chết tiệt... *Chúa ơi, đau quá!*”

Lần này, anh đưa ngón trỏ lên nhanh đến độ suýt chút nữa chọc thẳng vào mắt mình. Anh kéo mí dưới xuống, nghĩ thầm trong đầu, *Mình nháy mắt mà nó rơi ra mới lạ, thế nào cũng như vậy cho mà xem, mình sẽ không thể nháy mắt cho nó ra, và nó sẽ cứ đau như hoạn, đau điếng người, đau cùng cực cho đến khi mình mù mắt mù mắt mù m...* Nhưng chỉ cần chớp một cái, kính đã rơi ra như bao lần vẫn thế. Thế giới sắc nét, sống động từng chi tiết, nơi màu sắc gọn đanh, nơi những khuôn mặt rõ mồn một, chợt biến mất. Thay vào đó là những dải mờ mịt. Mặc dù anh và cô bé nữ sinh trung học nhiệt tình hay lo mò mẫm trên vỉa hè gần mười lăm phút, họ vẫn không tìm ra được chiếc kính áp tròng nào.

Đằng sau, dường như Richie nghe thấy tiếng gã hề cười ré lên.

Chiều hôm ấy, Bill không chạm trán với Pennywise nhưng anh *thấy* ma. Một con ma thực sự. Bill tin là thế, và không có sự kiện nào sau đó có thể khiến anh thay đổi suy nghĩ này.

Anh bước lên đường Witcham và dừng lại một lúc ở cống thoát nước nơi George từ già cõi đời vào một ngày mưa tháng Mười năm 1957. Anh ngẩng xồm, nhìn xuống cái cống cất thẳng vào lề đường lát đá. Tim đập rộn trong lồng ngực nhưng anh vẫn nhìn.

“Ra đi, người ra đây đi,” anh nói, giọng trầm trầm, và chẳng hiểu sao, anh có một ý tưởng không-điên-lắm rằng tiếng nói của anh đang trôi dọc theo đường cống đen đúa, ướt át, không dần mất đi mà cứ tiếp tục vang vọng, vang vọng, tự âm vang rồi tự đập bõ, cứ thế bật lên những bức tường đá phủ rêu và máy móc chết từ lâu. Anh cảm thấy nó trôi trên dòng nước tĩnh lặng, tù đọng, khe khẽ chảy từ hàng trăm cái cống khác nhau từ nhiều vùng trong thị trấn cùng lúc.

“Ra khỏi đó đi, nếu không bọn ta sẽ vào trong và l-lôi người ra.”

Anh căng thẳng đợi lời đáp, ngẩng xồm với hai cánh tay kẹp giữa đùi như cầu thủ bắt bóng đợi đến hiệp ném. Chẳng có lời nào đáp lại.

Anh đang dợm đứng lên thì một bóng người đổ lên anh.

Bill ngược nhìn, thần kinh căng lên, tập trung hết sức, lên tinh thần cho mọi sự... nhưng hóa ra đó chỉ là một đứa trẻ, chừng mười, mười một tuổi. Cậu bé mặc quần lửng của Hướng đạo sinh, để lộ hai đầu gối xây xát. Một tay cậu nhóc cầm kem ống, tay kia vác theo ván trượt Fiberglass nhìn cũng tả tơi chẳng thua kém gì đầu gối cậu. Kem ống có màu cam dạ quang. Còn ván trượt có màu xanh lá cây dạ quang.

“Lúc nào chú cũng nói chuyện vào cống nước thải ạ?” Cậu bé lên tiếng.

“Chỉ ở Derry mà thôi,” Bill đáp.

Họ nghiêm nghị nhìn nhau trong một thoáng rồi cùng nhau phá lên cười.

“Chú muốn hỏi cháu một c-câu hỏi ngớ ngẩn” Bill nói.

“Dạ” cậu bé đồng ý.

“Cháu có bao giờ ngh-nghe thấy tiếng gì dưới cống chưa?”

Cậu bé nhìn Bill như thể anh là đồ dở hơi.

“Đ-Được rồi,” Bill gạt đi. “Cứ quên câu chú vừa h-hỏi đi nhé.”

Anh vừa quay lưng đi, bước được khoảng chừng hơn chục bước chân – hướng lên đồi, mơ hồ nghĩ có khi mình sẽ thăm lại căn nhà năm xưa – thì cậu bé cất tiếng gọi, “Chú ơi?”

Bill quay lại. Anh móc chiếc áo vest vào ngón tay, choàng qua vai. Cổ áo đã được cởi nút, cà vạt nói lỏng. Cậu bé quan sát anh với vẻ dè chừng, như thể chưa gì mà cậu đã hối hận khi đánh liều nói nhiều hơn. Đoạn cậu nhún vai như muốn nói *Ôi kệ phứt cho rồi*.

“Dạ có.”

“Có ư?”

“Dạ phải.”

“Nó nói gì?”

“Cháu không biết. Nó nói thứ tiếng lạ lắm. Cháu nghe thấy tiếng động phát ra từ một trạm bơm dưới Vùng Đất Cằn. Một trong những trạm bơm trông như ống nước vươn ra từ lòng đất...”

“Chú hiểu ý cháu rồi. Cháu nghe thấy giọng trẻ con à?”

“Ban đầu là giọng trẻ con, nhưng rồi nghe như giọng người lớn.” Cậu bé dừng lại. “Cháu sợ lắm. Cháu chạy về nhà, kể với bố. Bố cháu bảo đó có thể là tiếng vọng hay gì đó thôi, vắng lại từ đường ống nhà dân.”

“Cháu có tin là thế không?”

Cậu bé cười duyên dáng. “Cháu đọc trong cuốn sách *Chuyện khó tin của Ripley* về một người phát nhạc từ hàm răng kia mà. Nhạc ra-đi-ô ấy ạ. Bên

trong người này như thể chứa đầy những chiếc ra-đi-ô nhỏ. Cháu nghĩ cháu tin được chuyện đó thì chuyện gì cháu cũng có thể tin.”

“À-À há” Bill nói. “Nhưng cháu có tin không?” Cậu bé lưỡng lự lắc đầu.

“Cháu có nghe thấy những tiếng nói đó thêm lần nào nữa không?”

“Có một lần lúc cháu đang tắm,” cậu bé kể. “Tiếng của một bạn gái, chỉ khóc chứ không nói gì. Lúc tắm xong, cháu sợ không dám giật nút xả nước vì cháu nghĩ, chú biết đấy, nhớ đâu cháu làm bạn ấy chết đuối.”

Bill lại gật đầu.

Cậu bé nhìn Bill cười mở hơn, ánh mắt lấp lánh đầy hứng thú. “Chú biết về những giọng nói ấy ạ?”

“Chú từng nghe thấy rồi,” Bill đáp. “Cách đây rất, rất lâu rồi. Cháu có quen đ-đứa trẻ nào từng bị giết ở đây không, cậu bé?”

Ánh sáng lấp lánh trong mắt cậu bé tắt ngúm, thay vào đó là sự dè chừng và âu lo. “Bố cháu dặn không được nói chuyện với người lạ. Bố cháu nói kẻ sát nhân có thể là bất cứ ai.” Cậu bé lùi lại thêm một bước, bước vào trong bóng râm lấm tấm hoa nắng của cây du mà hai mươi bảy năm về trước, Bill từng tông thẳng xe đạp vào. Cậu ngã chống vó, còn tay nắm thì cong queo.

“Không phải chú đâu, cậu bé,” anh ôn tồn. “Chú ở Anh suốt bốn tháng vừa rồi. Chú mới về lại Derry hôm qua thôi.”

“Dù thế, cháu vẫn không việc gì phải nói chuyện với chú,” cậu bé đáp.

“Đúng vậy,” Bill đồng tình. “Đất nước này t-t-tự do mà.”

Cậu bé tần ngần rồi nói tiếp, “Cháu từng chơi với Johnny Feury. Cậu ấy tốt lắm. Cháu khóc quá trời,” cậu bé kể một cách ngắn gọn rồi liếm nốt cây kem ống của mình. Ngẫm nghĩ một lát, cậu bé thè chiếc lưỡi đang tạm hóa thành màu cam tươi của mình ra rồi liếm lên tay.

“Đừng lại gần cống rãnh và cống thoát nước,” Bill nhẹ nhàng nói. “Đừng

lại gần những nơi trống trải hay bị bỏ hoang. Cũng né xa sân ga ra cháu nhé. Nhưng trên tất cả, quan trọng nhất là đừng lại gần cống rãnh và cống thoát nước.”

Tia sáng lại lấp lánh trong mắt cậu bé, suốt một lúc lâu, cậu chẳng nói lời nào. Đoạn: “Chú ơi, chú muốn nghe một câu chuyện buồn cười không ạ?”

“Ừ, cháu kể chú nghe xem nào.”

“Chú có biết bộ phim mà có con cá mập ăn thịt tất cả mọi người không ạ?”

“Có chứ, phim đó ai cũng biết cả. Là phim [H-H-Hàm cá mập](#).”

Tên tiếng Việt của bộ phim kinh dị Mỹ Jaws.

“Chà, chú biết không, cháu có một người bạn. Tên cậu ấy là Tommy Vicananza, cậu ấy không sáng dạ cho lắm. [Cậu ấy tích đồ chơi trên tầng áp mái đấy](#), chú hiểu ý cháu không?”

Ý nói cậu bé Tommy hơi khùng, không bình thường.

“Ừ.”

“Cậu ấy nghĩ cậu ấy trông thấy cá mập trong Kênh Đào chú ạ. Vài tuần trước, cậu ấy đến công viên Bassey một mình vào buổi tối và cậu ấy kể mình trông thấy vây cá mập. Cậu ấy nói nó cao đến hai mét rưỡi, ba mét. Vây cá thôi mà đã cao đến mức đó rồi, chú thấy kinh khủng không? Cậu ấy nói, ‘Đó là thứ đã giết chết Johnny và những đứa trẻ khác. Thủ phạm là Hàm cá mập, tớ biết vì tớ đã thấy tận mắt mà.’ Thế là cháu bèn đáp, ‘Kênh Đào ấy ô nhiễm đến độ chẳng có gì sống nổi trong đó đâu, cả cá tuế cũng thế. Vậy mà cậu nói cậu thấy Hàm cá mập trong đó. Cậu là loại tích đồ chơi trên tầng áp mái, Tommy.’ Tommy nói nó nhào lên khỏi mặt nước như khúc cuối phim rồi cố đỡ lấy cậu ấy, may sao cậu ấy lúi lại kịp. Chú thấy có buồn cười không?”

“Buồn cười thật,” Bill gật gù.

“Đúng là loại tích đồ chơi trên tầng áp mái, chú nhỉ?”

Bill ngẩn ngừ. “Cháu hãy tránh xa Kênh Đào ra nhé. Cháu có nghe không?”

“Ý chú là chú *tin* chuyện này ạ?”

Bill lừng khừng. Anh toan nhún vai nhưng lại gật đầu.

Cậu bé trút ra một hơi thở khe khẽ, phì phì. Cậu cúi đầu như lấy làm xấu hổ. “Vâng. Thỉnh thoảng cháu cứ nghĩ chắc cháu cũng là loại tích đồ chơi trên tầng áp mái.”

“Chú hiểu ý của cháu.” Bill bước đến chỗ đưa trẻ, cậu bé ngược nhìn anh với ánh mắt nghiêm nghị, nhưng lần này cậu không lùi ra xa. “Cháu trượt ván thế nào mà đầu gối trầy trụa cả rồi kia.”

Cậu bé liếc nhìn đầu gối xây xước của mình rồi toét miệng cười. “Dạ, cháu cũng thấy thế. Thỉnh thoảng cháu lại vồếch.”

“Chú thử được không?” Bill chợt hỏi.

Cậu bé nhìn anh, đầu tiên, miệng cậu há hốc, đoạn cậu cười toe. “Chắc sẽ vui lắm,” cậu nói. “Cháu chưa thấy người lớn nào trượt ván cả.”

“Chú sẽ cho cháu hai mươi lăm xu,” Bill nói.

“Bố cháu dặn...”

“Không bao giờ nhận tiền hay k-kẹo của người lạ. Lời khuyên đúng đắn đấy. Nhưng chú vẫn sẽ cho cháu hai mươi lăm xu. Cháu thấy sao? Đến góc đường J-Jackson thôi.”

“Bỏ qua hai mươi lăm xu đi ạ,” cậu bé nói. Cậu lại phá lên cười – tiếng cười giòn giã, chân phương. Một âm thanh thật trong trẻo. “Cháu không cần hai mươi lăm xu của chú đâu. Cháu có hai đồng rồi. Tính ra cháu cũng giàu chứ bộ. Nhưng cháu phải nhìn cảnh này. Có đi đâu, nếu chú gây cái gì cũng không được đổ cho cháu đâu đấy.”

“Đừng lo,” Bill nói. “Chú có bảo hiểm rồi.”

Anh lấy tay quay quay một bánh xe trầy xước, ứng ý trước độ tròn tru của

nó – bánh xe phát ra tiếng như thể có cả triệu vòng bi bên trong. Âm thanh rất chắc. Nó gọi trong lòng Bill cảm giác thật xưa cũ. Một sự hào hứng ấm áp như ước ao, dễ thương như tình yêu. Anh mỉm cười.

“Chú thấy thế nào ạ?” Cậu bé hỏi.

“Chú nghĩ chắc chú v-về chầu ông bà mất,” Bill nói, và cậu bé cười ha hả.

Bill đặt ván trượt lên vỉa hè và đặt một chân lên. Anh thử đẩy nó tới lui. Cậu bé say sưa nhìn. Trong tâm trí, Bill thấy mình đang trượt ván xuống đường Witcham, thẳng vào đường Jackson trên cái ván trượt màu xanh bơ, ve áo anh căng phồng như bóng bay ra sau, cái đầu hói chói chang dưới vầng dương, đầu gối gập xuống một cách rủi ro như những cô gái gập đầu gối vào ngày đầu tiên trượt tuyết trên sườn đồi. Chỉ nhìn cái tướng ấy thôi là đủ biết trong đầu, chưa gì họ đã mừng tượng cảnh mình bị ngã. Anh dám cá cậu bé kia không trượt ván theo kiểu đó. Anh dám cá cậu bé trượt ván

(để đánh bại quỷ dữ)

như thể chẳng có ngày mai.

Cảm giác phoi phới lụi tàn trong lồng ngực anh. Anh hình dung, rõ từng chi tiết, tấm ván trượt khỏi chân anh, lao như tên bắn dọc theo con đường, một thứ màu xanh dạ quang tưởng chừng vô thực, một thứ màu mà chỉ trẻ con mới thích mê đến thế. Anh trông thấy mình sẽ ngã dập mông xuống đất, hoặc có khi đập nguyên cả bản lưng. Cảnh tượng ấy mờ dần và chuyển sang cảnh phòng riêng Bệnh viện Derry, như căn phòng ngày xưa họ từng đến thăm Eddie sau khi cậu bị gãy tay. Bill Denbrough sẽ bó bột từ đầu đến chân, một chân được treo lên bằng ròng rọc và dây. Bác sĩ bước vào, nhìn biểu đồ, nhìn anh, rồi phát biểu: “Anh gây ra hai lỗi chính, anh Denbrough. Một là không sử dụng ván trượt đúng cách. Hai là anh quên mất mình sắp chạm đến tuổi tứ tuần.”

Anh cúi xuống, nhặt ván trượt lên và đưa nó lại cho cậu bé. “Thôi, chắc chú không trượt nữa,” anh nói.

“Chú gà quá,” cậu bé nói vô tư lự.

Bill kẹp ngón cái vào nách rồi đập khuỷu tay. “Ồ ó o o,” anh nói.

Cậu bé cười. “Chú ơi, cháu phải về nhà đây.”

“Trượt ván cẩn thận đấy nhé,” Bill dặn.

“Trượt ván sao mà cẩn thận được ạ,” cậu bé đáp, nhìn Bill như thể anh là loại người tích đồ chơi trên tầng áp mái.

“Cũng đúng” Bill nói. “Được rồi. Trong ngành điện ảnh, bọn chú hay nói tôi nghe anh rồi. Nhưng nhớ tránh xa cống rãnh thoát nước đấy. Và luôn đi cùng bạn bè cháu nhé.”

Cậu bé gật đầu. “Cháu chơi ngay sát nhà ấy mà.”

Em trai chú cũng thế, Bill thầm nghĩ.

“Dù gì mọi chuyện cũng sẽ sớm qua,” Bill bảo cậu bé.

“Vậy hả chú?” Cậu hỏi.

“Chú nghĩ thế.” Bill gọn lỏn.

“Dạ. Gặp chú sau nhé... chú gà!”

Cậu bé đặt một chân lên ván trượt rồi dùng chân còn lại đẩy người đi. Khi đã có đà, cậu bé đặt nốt chân còn lại lên tấm ván rồi lao như tên bắn xuống con đường với tốc độ mà Bill thấy chẳng khác nào tự sát. Nhưng cậu bé lướt đi đúng như những gì Bill mừng tượng: vừa thông dong, lại có chút gì đó bất cần. Bill thấy dây trong lòng mình tình thương dành cho cậu bé, và hồ hởi, và khát khao được là cậu bé ấy, cùng nỗi sợ hãi gần như ngạt thở. Cậu bé trượt ván như thể trên đời này chẳng có chết chóc, cũng chẳng có già đi. Cậu bé tựa hồ một hình hài vĩnh hằng, bất khả chiến bại trong chiếc quần lửng Hướng đạo sinh bằng ka ki và đôi giày xước xát, chân không mang vớ, lấm bẩn, mái tóc bay ngược ra sau.

Cẩn thận, nhóc ơi, coi chừng tông ở khúc quanh kia bây giờ! Bill nghĩ

trong đầu, hơi hoảng hốt, nhưng cậu bé nhún hông sang phải như một nghệ sĩ biểu diễn break dance, chân xoay trên tấm ván trượt Fiberclass, vòng qua con dốc một cách dễ dàng rồi chạy thẳng vào đường Jackson, tựa như cậu đỉnh ninh chẳng có ai bất ngờ cắt ngang đường của cậu. *Nhóc à, Bill thầnnhủ, không phải khi nào cũng như vậy được đâu.*

Anh bước đến căn nhà cũ của gia đình mình năm xưa nhưng không dừng lại, anh chỉ hạ tốc độ xuống như một người đang đứng đỉnh tản bộ. Trong sân đang có người – một bà mẹ ngồi trên chiếc ghế xếp, tay bồng đứa con đang say ngủ, mắt dõi theo hai con lớn, đứa mười tuổi và đứa tám tuổi, chơi đánh cầu trong bãi cỏ vẫn còn ướt do trận mưa ban nãy. Đứa nhỏ hơn, một bé trai, đánh cầu bay vào qua lưới và được mẹ khen: “Đánh hay lắm, Sean!”

Căn nhà vẫn giữ nguyên màu sơn xanh lá cây đậm như năm xưa, vẫn có khung cửa sổ hình bán nguyệt phía trên cửa ra vào, nhưng những luống hoa của mẹ anh đã không còn nữa. Từ những gì anh thấy, giàn leo trèo mà bố anh dựng từ những cái ống gom góp được ở sân sau cũng đã thuộc về thời quá vãng. Anh nhớ cái ngày Georgie rơi từ trên đỉnh giàn leo xuống, mẻ cả răng. Lúc ấy, em trai anh đã la hét điếc cả lỗ tai!

Nhìn khung cảnh ấy (thứ còn, thứ mất), anh chợt nảy ra ý tưởng bước đến chỗ người phụ nữ đang bế đứa trẻ trong tay. Anh nghĩ đến chuyện lên tiếng *Chào cô, tên của tôi là Bill Denbrough. Ngày xưa tôi sống ở đây.* Và người phụ nữ sẽ đáp, *Thế thì hay quá.* Còn gì nữa không nhỉ? Hay anh hỏi cô liệu khuôn mặt anh từng tì mãinkhắc lên thanh đà ở tầng áp mái – khuôn mặt mà nhiều khi anh và Georgie lại lấy làm đích để phóng phi tiêu – có còn hay không? Hay anh hỏi cô liệu thỉnh thoảng những đứa con của cô có ra hiên sau mà ngủ vào những đêm hè oi bức khó chịu, thì thầnnh trò chuyện với nhau trong lúc ngắm nhìn sét nhiệt nhảy múa ở chân trời hay không? Anh đoán anh có thể hỏi một số câu như thế, nhưng anh cũng có cảm giác anh sẽ lắp ba lắp bắp nếu mình cố

tỏ ra lịch lãm... mà thật sự, anh có ham hố muốn biết câu trả lời cho những câu hỏi ấy không? Sau khi Georgie chết, căn nhà đó đã hóa thành chốn lạnh lẽo, và dù anh có trở về Derry thì đây cũng không phải lý do.

Vì thế, anh đi đến góc đường và rẽ phải mà không buồn nhìn lại.

Chốc sau, anh ra đến đường Kansas, hướng trở lại trung tâm thị trấn. Anh dừng chân một lát ở hàng rào bao quanh vỉa hè, nhìn thẳng xuống Vùng Đất Cằn. Hàng rào vẫn như năm xưa, dựng bằng gỗ xập xệ, lớp vôi trắng bạc màu, Vùng Đất Cằn cũng thế... có chăng thì chỉ là trông nó rậm rì hơn mà thôi. Khác biệt duy nhất mà anh trông thấy là phần khói bụi bắn thủi đánh dấu vị trí bãi rác thị trấn đã không còn (bãi rác được thay thế bằng một nhà máy xử lý rác thải hiện đại) và một cây cầu vượt rất dài băng qua khu vực um tùm cây cỏ - phần xa lộ nổi dài. Những thứ khác quá đổi quen thuộc, tựa hồ lần cuối anh trông thấy mới là mùa hè năm ngoái thôi: vẫn là cỏ dại và cây bụi men theo triền dốc chạy thẳng xuống vùng bùn lầy bằng phẳng phía bên trái, còn bên phải là những bụi cây khô cằn. Anh có thể thấy những rặng cây mà bọn họ từng gọi là khóm tre, thân cây trắng bạc, cao ba mét rưỡi đến bốn mét. Anh nhớ có lần Richie còn thử hít loài cây này, cậu bảo nó giống thứ các nghệ sĩ nhạc jazz hay hít, hít vào sẽ rất phê. Nhưng phê đâu chẳng thấy, chỉ thấy Richie đổ bệnh.

Bill có thể nghe thấy tiếng nước róc rách trong những con suối nhỏ, nhìn thấy mặt trời loang loáng trên phần sông Kenduskeag rộng rãi. Thứ mùi vẫn như xưa, dù bãi rác không còn. Mùi hương nồng của vạn vật sinh sôi nảy nở vào giữa độ xuân cũng không thể át đi mùi rác rến và xú uế của con người. Tuy nhạt nhưng không thể nhầm đi đâu được. Đó là thứ mùi thối rửa, thứ mùi xộc lên từ đáy.

Đó là nơi ngày trước mọi chuyện từng kết thúc, và lần này, đó cũng sẽ là nơi mọi thứ đi đến hồi kết, Bill rùng mình nghĩ. Ở kia... bên dưới thị trấn.

Anh nghĩ người hời lâu, dám chắc mình sẽ trông thấy thứ gì đó – sự hiện

hình – của ma quỷ mà anh quay về Derry để chiến đấu. Nhưng chẳng có gì cả. Anh nghe thấy tiếng nước chảy, một âm thanh thấm đượm mùa xuân và sức sống, gọi cho anh nhớ lại con đập ngày xưa họ từng xây. Anh có thể hình dung cảnh cây cỏ xào xạc trong cơn gió mơn man. Không có gì khác. Không một tín hiệu. Anh bước tiếp, vừa đi vừa phúi lớp vôi bám vào tay.

Anh tiếp tục đi xuống phố, nửa nhớ về chuyện xưa nửa mơ màng, và trông thấy một đứa trẻ – lần này là một cô bé chừng mười tuổi mặc quần nhung kẻ cạp cao và áo cánh màu đỏ bạc màu. Cô bé một tay đập quả bóng lên xuống, tay kia nắm mái tóc vàng của con búp bê.

“Chào cháu!” Bill lên tiếng.

Cô bé ngược lên. “Sao ạ?”

“Cửa tiệm nào hay nhất ở Derry nhỉ?”

Cô bé ngẫm nghĩ. “Vớ cháu hay vớ mọi người ạ?”

“Vớ cháu,” Bill nói.

“Hoa hồng Si, Quần áo Si,” cô bé nói không chút lưỡng lự.

“Cháu vui lòng nhắc lại được không?” Bill hỏi.

“Vui lòng là sao ạ?”

“Ý chú hỏi, đó là tên của cửa tiệm sao?”

“Dạ phải,” cô bé đáp, nhìn Bill như thể anh là một kẻ ngớ ngẩn, “*Hoa hồng Si, Quần áo Si*. Mẹ cháu nói nó như tiệm bán rác rến nhưng cháu rất thích. Họ bán những món đồ cũ. Ví dụ như những đĩa hát lạ hoắc lạ huơ. Hay bưu thiếp chẳng hạn. Tiệm có mùi như tầng áp mái. Mà cháu phải về nhà đây. Chào chú.”

Cô bé đi tiếp, không buồn nhìn lại, nảy nảy quả bóng và nắm tóc con búp bê.

“Này!” Anh gọi vớ theo cô bé.

Cô bé quay lại đây khó chịu. “Chú vui lòng nói đi ạ?”

“Cửa tiệm! Nó ở đâu thế?”

Cô bé nhìn qua vai và đáp, “Chú đi đúng hướng rồi đấy. Nó ở cuối đường Dặm Trên.”

Bill cảm thấy quá khứ như đang vồ vập, ồ ạt ồ ạt vào anh. Anh không chủ định hỏi cô bé bất cứ điều gì, câu hỏi cứ thế tự bật ra từ miệng anh như nút bật từ chai sâm panh.

Anh đi xuống đồi Dặm Trên, về phía trung tâm thị trấn. Kho hàng và nhà máy đóng gói từng nằm trong ký ức anh thuở bé – những tòa nhà bằng gạch u ám với khung cửa sổ bẩn thỉu phả ra mùi thịt tươi nồng nặc - đã mất gần hết, dù nhà máy Armour và nhà máy Star Beef vẫn còn đó. Nhà máy Hemphill không còn, thế chỗ nhà máy Eagle Beef và Kosher Meats là một ngân hàng cùng một tiệm bánh. Và kia, nơi ngày trước Xưởng phụ của Anh em Tracker từng tọa lạc là một tấm biển sơn theo kiểu cổ đề HOA HỒNG SI, QUẦN ÁO SI, đúng như cô bé cằn búp bê kia vừa nói. Gạch đỏ đã được sơn lại màu vàng, có thể mười hay mười hai năm trước từng rất sặc sỡ, nhưng giờ đã xỉn màu – một thứ màu mà Audra hay gọi là màu vàng nước tiểu.

Bill chậm rãi tiến đến cửa tiệm, cảm nhận cảm giác *déjà vu* ập đến. Về sau, anh kể với mọi người rằng anh đã linh cảm mình sẽ thấy ma trước khi tận mắt trông thấy.

Cửa kính trưng bày của Hoa hồng Si, Quần áo Si không chỉ xỉn màu mà còn dơ dáy. Chẳng hề thơm tất như một cửa tiệm đồ cổ vùng Đông Bắc này, với giường cổ, tủ Hoosier và những bộ muống đĩa thủy tinh thời Đại khủng hoảng ánh lên dưới ngọn đèn âm tường, đây là một cửa tiệm mà mẹ anh khinh bỉ ra mặt đặt cho cái tên “tiệm cằn đồ Yankee”. Các món đồ đồ lộn xộn, ngổn ngang, mỗi góc một thứ, bừa bộn khắp nơi. Váy vóc chùng chất trên móc. Đàn ghi-ta treo như tội phạm bị hành quyết. Có một chiếc hộp đựng đĩa bốn mươi lăm vòng một phút – tấm biển đề 10 XU MỘT ĐĨA. 12 ĐĨA MỘT ĐÔ,

ANDREWS SISTERS, PERRY COMO, JIMMY ROGERS, VÂN VÂN. Quần áo trẻ em và những đôi giày trông phát gớm được bày bán với tấm bìa các-tông phía trước để HÀNG SI NHƯNG KHÔNG TÊ! 1 ĐÔ MỘT BỘ. Có hai chiếc ti vi tắt ngúm. Chiếc ti vi thứ ba chiếu những hình ảnh mờ cảm của chương trình *Bữa xế nhà Brady* ra ngoài đường. Một hộp đựng sách cũ, đã phần đã long hết bìa (2 CUỐN 25 XU, 10 CUỐN GIÁ 1 ĐÔ, BÊN TRONG VẪN CÒN, NHIỀU CUỐN RẤT “HOT”) đặt trên chiếc ra-đi-ô lớn với lớp vỏ nhựa trắng bẩn thỉu và núm xoay to như đồng hồ báo thức. Một đồng hoa giả bằng nhựa cắm trong những bình bông dơ dáy trên chiếc bàn ăn gỉ sét, sứt mẻ, lổ chỗ.

Tất cả những món đồ tả pín lù kia như làm nên cho thứ mà hai mắt Bill ngay lập tức dán chặt vào. Anh đứng ngây ra nhìn chằm chằm, trợn trừng, không thể tin vào mắt mình. Da gà da vịt nổi lên khắp người anh. Trán anh nóng bừng, tay anh lạnh ngắt, và trong một khắc, tưởng chừng mọi cánh cửa bên trong anh sẽ bật mở, để rồi anh sẽ nhớ lại tất cả.

Ánh Bạc ở ngay cửa sổ bên phải.

Nó vẫn mất chân chống như xưa, thanh chắn trước và sau đã gỉ sét, nhưng cái còi toe toe vẫn gắn trên tay nắm, bóng chuỗi cao su đã nứt nẻ và xuống cấp. Cái còi ngày xưa Bill lúc nào cũng chà sáng bóng giờ đây xỉn màu và trầy xước. Giá chỗ hàng thẳng thớm mà Richie hay ngửi vẫn còn đó, nhưng giờ nó cong vẹo, chỉ còn được giữ bằng một cái bu lông. Ai đó đã bọc yên xe với họa tiết da hổ, nhưng giờ lớp bọc đã mòn và sòn đến độ vẫn vẹn gần như nhát nhòa hết cả.

Ánh Bạc.

Bill đưa tay lên gạt đi những giọt lệ chần chập chảy xuống hai má. Sau khi lấy khăn mùi xoa lau cho sạch, anh bước vào trong.

Không gian cửa tiệm Hoa hồng Si, Quần áo Si âm thấp thứ mùi năm tháng.

Giống cô bé nói ban nãy, đây là mùi của tầng áp mái - nhưng thứ mùi ấy không dễ chịu như một số nơi hay có. Nó không có mùi dầu lạnh chà lên mặt bàn cũ hay mùi nhang xông ngày xưa. Ở đây phảng phất thứ mùi giấy sách mục nát, nệm vải nylon dơ dáy, bạc màu dưới ánh nắng hè nóng như thiêu, mùi bụi và phân chuột.

Từ chiếc ti vi trưng bày ở cửa sổ, chương trình *Bữa xế nhà Brady* phát ra tiếng cười nói rộn ràng. Không chịu lép vế, đầu đó phía sau vang lên tiếng ra-đi-ô của một phát thanh viên tự giới thiệu mình là “anh bạn Bobby Russell chỉ cốt của bạn” hứa hẹn sẽ tặng album mới của Prince cho thính giả có thể nói đúng tên diễn viên đóng vai Wally trong bộ phim *Cứ để Beaver lo*. Bill biết câu trả lời – là một diễn viên nhí mang tên Tony Dow – nhưng anh chẳng ham album mới của Prince. Chiếc ra-đi-ô được đặt trên kệ cao giữa những bức chân dung từ thế kỷ 19. Ngay bên dưới kệ là chủ tiệm, một người đàn ông trạc tứ tuần mặc quần jean thiết kế và áo lưới. Tóc vuốt ngược ra sau, thân thể anh ta ốm o gầy mòn như con cò ma. Chân anh này gác lên chiếc bàn chõng chất sơn và bành trướng bởi một máy tính tiền dạng cuộn xưa như Trái Đất. Anh ta đang đọc một cuốn tiểu thuyết mà Bill đoán hẳn chưa bao giờ được đề cử giải Pulitzer có tên là *Khung công trường xây dựng*. Trên sàn, trước bàn là một cây cột ba màu của tiệm cắt tóc, các sọc xoay đều, xoay đều tới vô hạn. Dây điện sờn rách ngoằn ngoèo trên sàn, nối đến ổ cắm trên tường như con rắn mồi mồi. Phía trước trưng tấm bảng đề HIẾM CÓ KHÓ TÌM! \$250.

Khi chuông treo trên cửa rung lên, người chủ ngẩng đầu sau bàn gấp bìa đánh dấu vào sách rồi ngược lên. “Anh cần gì?”

“Vâng,” Bill nói, mở miệng toan hỏi về chiếc xe đạp bày trong cửa sổ. Nhưng trước khi anh kịp lên tiếng, bỗng dừng tâm trí anh tràn ngập một câu văn ám ảnh, với những ngôn từ gạt đi mọi suy nghĩ khác:

Anh đâm tay vào cột nhà, la oai oái rằng mình gặp ma.

Nhân danh Chúa, cái gì đây ta?

(thích)

“Anh có gì muốn tìm không?” Người chủ hỏi lại. Giọng tuy lịch thiệp nhưng anh ta nhìn Bill chằm chằm.

Anh ta đang nhìn mình, Bill nghĩ, lấy làm hứng thú dù hết sức căng thẳng, như thể anh ta biết mình đã hút một chút thứ khiến các nghệ sĩ nhạc jazz phê.

“Phải, tôi đang qu-qu-quan tâm đến...”

(đấm tay vào cột nhà)

”... đến c-cái h-h-h...”

“Ý anh là cột tiệm cắt tóc?” Đôi mắt của người chủ xuất hiện thứ mà ngay cả trong tình trạng rối bời hiện tại, Bill vẫn nhớ và vẫn ghét từ lúc còn bé: sự sốt ruột của một người, bất kể nam hay nữ, khi phải lắng nghe người cà lăm lấp bắp, sự nôn nóng muốn nhảy vào nói nốt suy nghĩ của đối phương và cho cái tên đáng tội nghiệp kia im ờm. *Nhưng tôi không có cà lăm! Tôi đã đánh bại được nó! TÔI KHÔNG CÀ LÀM! TÔI...*

(la oai oái)

Những câu chữ rõ mồn một trong đầu anh, tưởng chừng có ai đang nói chuyện trong đó, tưởng chừng anh như gã đàn ông bị quỷ ám từ thời Kinh Thánh - một kẻ bị thế lực Bên ngoài chiếm mất linh hồn. Nhưng anh vẫn nhận ra giọng nói ấy và biết đó là giọng của bản thân mình. Anh cảm thấy mồ hôi nóng hổi rịn trên mặt.

“Tôi có thể bán rẻ

(mình gặp ma)

cái cột ấy cho anh,” người chủ lên tiếng. “Nói thật với anh nhé, đề 250 đô chẳng ai mua. Tôi sẽ bán cho anh với giá 175, anh thấy sao? Đó là món đồ có chất lượng nhất ở đây đây.”

(*cột nhà*)

“*CÁI CỘT*,” Bill nói, gần như hét lên, làm ông chủ tiệm khẽ rúm lại. “Thứ tôi quan tâm không phải là *cái cột*.”

“Anh ổn không?” Anh ta hỏi. Giọng nói đầy quan tâm của anh này che giấu sự mệt mỏi trong mắt, và Bill trông thấy tay trái của đối phương rút khỏi bàn. Không phải linh tính mách bảo mà là chút lạnh lợi trong suy đoán cho anh biết khuất dưới tầm nhìn của anh là một ngăn kéo đang mở, và người chủ tiệm hẳn đã đặt tay lên khẩu súng. Có lẽ anh ta lo về trộm cướp, hoặc đơn giản, chỉ là lo mà thôi. Suy cho cùng, rõ ràng anh ta là dân đồng tính, mà đây lại là thị trấn với đám du côn từng cho Adrian Mellon lần tắm cuối cùng trước khi chết.

(*anh dấm tay vào cột nhà, la oai oái rằng mình gặp ma*)

Nó gạt đi mọi suy nghĩ, anh có cảm giác mình như phát điên. Nó đến từ đâu vậy nhỉ?

(*anh dấm tay*)

Nó lặp đi lặp lại không dứt.

Bất thành lĩnh dờn hết sức bình sinh, Bill chống lại nó. Anh làm đi đâu này bằng cách buộc đầu óc mình phải chuyển cái câu ngoại lai kia qua tiếng Pháp. Đó cũng là cách anh từng sử dụng để trị cái tật nói lắp lúc ở tuổi thiếu niên. Khi những con chữ kia diễu hành qua suy nghĩ, anh khoác cho chúng tấm áo mới... và bất ngờ, anh cảm thấy gọng kìm của tật nói lắp đã nới lỏng.

Anh nhận ra từ nãy đến giờ, chủ tiệm có nói gì đó.

“A-A-Anh nói gì cơ?”

“Tôi bảo nếu anh lên cơn thì ra ngoài đường mà làm. Tôi không muốn chuốc nợ vào thân ở đây.”

Bill hít một hơi thật sâu.

“Ta bắt đầu lại nhé,” anh đề nghị. “Hãy giả vờ tôi m-mới vào.”

“Được thôi,” anh ta đáp, xuôi xị. “Anh mới bước vào. Rồi giờ sao?”

“Chiếc x-xe đạp ở cửa,” Bill nói. “Anh muốn lấy giá bao nhiêu?”

“Tôi lấy 29 đô.” Trông anh ta có vẻ dễ chịu hơn, nhưng tay trái anh ta vẫn chưa trở lại tằm nhìn. “Tôi nghĩ ngày trước nó là xe của hãng Schwinn, nhưng giờ nó thành hàng tạp chủng rồi.” Ánh mắt anh thăm dò Bill. “Xe rất to. Cỡ anh vẫn đi được.”

Nghĩ tới ván trượt xanh của cậu bé ban nãy, Bill nói, “Tôi nghĩ mình qu-qu-qu-a cái thời đạp xe rồi.”

Ông chủ tiệm nhún vai. Tay trái của anh ta cuối cùng cũng giờ lên. “Anh có con trai à?”

“V-Vâng.”

“Cậu bé bao nhiêu tuổi?”

“M-M-Mười một tuổi.”

“Chiếc này hơi to so với tuổi mười một đấy.”

“Anh có nhận séc du lịch không?”

“Chỉ cần không quá mười đô trên phần hàng mua là được.”

“Tôi có thể đưa anh hai mươi đô,” Bill nói. “Anh có phiền tôi gọi điện thoại không?”

“Nếu gọi trong vùng thì được.”

“Vâng.”

“Thế thì cứ tự nhiên.”

Bill gọi đến thư viện công cộng. Mike đang ở đó. “Cậu đang ở đâu vậy Bill?” Anh hỏi, đoạn lập tức hỏi thêm. “Cậu có ổn không?”

“Tốt ổn. Cậu gặp mọi người chưa?”

“Chưa. Chúng ta sẽ gặp nhau tối nay.” Đầu dây bên kia ngưng một lúc. “Đó là điều tớ mong. Tớ có thể giúp gì cho cậu, Bill To Bự?”

“Tớ đang mua một chiếc xe đạp,” Bill bình tĩnh nói. “Liệu tớ có thể đạp xe đến gửi nhà cậu không nhỉ? Cậu có ga-ra hay không gian để tớ gửi nhờ không?”

Đáp lại anh là im lặng. “Mike? Cậu có...”

“Tớ đây,” Mike lên tiếng. “Là Ánh Bạc phải không?”

Bill liếc nhìn người chủ tiệm. Anh ta đang tiếp tục đọc sách... hoặc ra vẻ chúm mũi vào sách nhưng vẫn vênh tai lên nghe từng câu từng chữ anh nói.

“Ừ,” anh nói. “Cậu đang ở đâu vậy?”

“Tớ đang ở tiệm Hoa hồng Si, Quần áo Si.”

“Được rồi,” Mike nói. “Địa chỉ nhà tớ là 61 ngõ Palmer. Cậu cứ đi thẳng lên đường Chính...”

“Tớ tìm được.”

“Được rồi, vậy tớ gặp cậu ở nhà. Cậu muốn ăn lót dạ không?”

“Thế thì tốt quá. Cậu rời chỗ làm được không?”

“Không thành vấn đề Carole sẽ trực thay tớ.” Mike lại ngần ngừ. “Cô ấy kể trước khi tớ vệt ầm một tiếng, có một người đàn ông bước vào. Sau đó anh ta đi ra mà mặt tái mét như vừa gặp ma. Tớ bảo cô ấy mô tả người đó, hóa ra là Ben”

“Cậu chắc chứ?”

“Ừ. Còn chiếc xe, nó là một phần luôn, phải không?”

“Tớ cũng nghĩ vậy,” Bill nói, mắt liếc người chủ tiệm vẫn đang ra vẻ say sưa đọc sách.

“Gặp cậu ở nhà tớ nhé,” Mike nói. “Số nhà 61. Đừng quên đấy.”

“Tớ nhớ rồi. Cảm ơn cậu nhé, Mike.”

“Chúa phù hộ cho cậu, Bill To Bự.”

Bill cúp máy. Chủ tiệm bèn gập cuốn sách lại. “Anh có chỗ chứa không, anh

bạn?”

“Có.” Bill lấy séc du lịch ra ký hai mươi đô-la. Đối phương sẫm soi kiểm tra hai chữ ký đến độ nếu trong những tình cảnh tâm lý ít bị phân tán hơn, thế nào Bill cũng thấy hành động ấy khá lỗ mãng.

Rốt cuộc, người chủ tiệm cũng nguệch ngoạc hóa đơn bán hàng và thả tấm séc du lịch vào khay đựng tiền cũ. Anh ta đứng dậy, đặt hai tay ra sau xương cụt rồi vươn vai, đoạn bước đến trước cửa tiệm. Anh ta thoăn thoắt len lỏi giữa đồng hồ nát và những món đồ sắp sửa thành đồng nát với một sự khoan thai mà Bill không khỏi ngưỡng mộ.

Anh ta nâng chiếc xe đạp, xoay xe rồi dắt nó ra ngoài không gian trưng bày. Bill giữ tay nắm để giúp anh ta, lúc ấy, bỗng dừng một cơn rùng mình quật qua người anh. Ánh Bạc. Lại tương phùng rồi. Ánh Bạc đang nằm trong tay anh và
(anh dấm tay vào cột nhà, la oai oái rằng mình gặp ma)

anh phải gạt suy nghĩ kia đi vì nó khiến anh cảm thấy nhẹ bẫng, kỳ cục.

“Bánh sau hơi mềm,” chủ tiệm nói (thành thật mà nói, nó phẳng lì như cái bánh dẹt). Bánh trước vẫn còn căng hơi, nhưng nó mòn đến độ nhiều chỗ lộ cả dây bên trong.

“Không vấn đề gì” Bill đáp.

“Giờ anh tự lo được chứ?”

(Ngày xưa, tôi lại nó rất lựa, nhưng giờ thì tôi không biết)

“Chắc vậy,” Bill nói. “Cảm ơn anh nhé.”

“Có gì đâu. Nếu anh muốn bàn về cây cột tiệm cắt tóc kia thì cứ quay lại đây.”

Chủ tiệm giữ cửa cho anh. Bill dắt chiếc xe ra ngoài, rẽ trái, đoạn bắt đầu đi lên đường Chính. Người qua đường trở mắt nhìn anh với vẻ tò mò và thích thú trước cảnh tượng một người đàn ông hói đầu đẩy chiếc xe quá khổ với bánh

sau xếp lếp, chiếc kèn toe toe thò ra trên giỏ xe gỉ sét, nhưng Bill chẳng buồn quan tâm. Anh đang ngạc nhiên trước việc đôi tay khi đã trưởng thành của anh vẫn nắm vừa vặn tay nắm cao su, hồi tưởng lại ngày còn bé, anh cứ dự tính cột những dải dây bằng nhựa đủ màu vào phần lõm của tay cần để chúng phất phơ trong gió. Nhưng chưa lần nào anh hiện thực hóa mong ước ấy.

Anh dừng ở góc đường Trung Tâm và đường Chính, bên ngoài tiệm Ông Bì Mềm. Anh dựng xe dọc bức tường để cởi áo khoác. Đây chiếc xe xếp lốp khoai lăm chứ chẳng chơi, đã vậy, chiều nay lại oi bức. Anh ném áo vào giỏ xe rồi tiếp tục đi.

Dây xích gỉ sét quá, anh nghĩ. Người nào ngày trước dùng xe mà chẳng biết giữ

(cậu nhóc này)

nó gì cả.

Anh khựng lại, cố nặn óc nhớ đi đâu đã xảy ra với Ánh Bạc. Anh đã bán nó ư? Hay cho ai đó? Hoặc đánh mất chẳng hạn? Song anh chẳng nhớ ra. Thay vào đó, câu văn ngu ngốc

(anh đâm tay vào cột nhà, la oai oái rằng mình gặp ma)

lại nổi lên, lạ kỳ, lạc quẻ như một chiếc ghế tựa trong chiến trường, một máy chơi nhạc trong lò sưởi, một hàng bút chì chọc lên từ vỉa hè xi măng.

Bill lắc đầu. Câu văn kia vỡ ra rồi tan mát như khói sương. Anh đẩy Ánh Bạc đến nhà của Mike.

6

MIKE HANLON LIÊN KẾT

Nhưng trước hết, anh chuẩn bị bữa tối – anh làm bánh mì kẹp thịt với nấm xào hành và salad rau cải bó xôi. Trước đó, hai người hì hụi sửa chữa Ánh Bạc và giờ họ đói ngấu.

Căn nhà nhỏ gọn gàng được xây theo lối kiến trúc Cape Cod, sơn trắng với viền xanh. Lúc Bill đẩy Ánh Bạc tới ngõ Palmer thì Mike cũng mới về nhà. Anh ngẩng sau bánh lái chiếc Ford cũ với thanh ba-bô lê gỉ sét và cửa sổ sau bị nứt, để rồi Bill chợt nhớ đi đâu mà Mike âm thầm chỉ ra: sáu thành viên của Hội Cù Bắp rời khỏi Derry không còn là những kẻ cù bắp nữa. Mike ở lại, và rút lại đằng sau.

Bill đẩy Ánh Bạc vào ga-ra nhà Mike, một không gian sàn đất đỏ dàu, chỗ nào chỗ nấy gọn gàng, ngăn nắp như phong thái căn nhà. Dụng cụ treo trên móc, đèn bọc bằng chụp thiếc trông như những ngọn đèn treo trên bàn bi-da. Bill dựng xe đạp cạnh tường. Hai người bọn họ đút tay vào túi, lặng nhìn chiếc xe mà chẳng nói gì.

“Là Ánh Bạc, đúng rồi,” mãi lúc sau Mike mới lên tiếng. “Tớ cứ tưởng cậu nhầm. Nhưng đúng là chiếc xe ngày xưa rồi. Cậu định làm gì với nó?”

“Tớ mà biết thì tớ đâm đầu xuống đất. Cậu có bơm xe đạp không?”

“Có. Hình như tớ có cả bộ vá xe nữa kìa. Đây là lớp không xăm à?”

“Trước là vậy.” Bill cúi xuống nhìn chiếc lốp xẹp lép. “Ừ. Lốp không xăm.”

“Cậu chuẩn bị cưỡi nó trở lại à?”

“Tất nhiên là không.” Bill dứt khoát. “Đơn giản là tớ không thích nhìn nó d-d-dựng ở đây mà xẹp lốp thế này.”

“Cậu nói gì cũng được, Bill To Bự. Cậu là trưởng nhóm mà.”

Bill đánh mặt quay lại nhìn, nhưng Mike đã đi ra bức tường phía sau ga-ra để lấy bơm xe. Anh lấy từ trong tủ một bộ vá xe bằng thiếc rồi đưa cho Bill trước ánh nhìn hăm hở của cậu bạn. Bộ vá xe vẫn giống y như ký ức anh thuở bé: hộp thiếc nhỏ với kích thước và hình dáng giống với chiếc hộp mà những người tự quân thuốc lá hay thủ bên mình, ngoại trừ phần đầu sáng màu và sần sùi – ta dùng phần này để mài lốp cao su quanh chỗ thủng trước khi đặt miếng vá lên. Hộp nhìn mới tinh, bên trên dán mác giá Woolco đề 7,23 đô. Nếu anh

nhớ không lầm, hồi anh còn bé, một bộ vá xe có giá chừng một đô hai mươi lăm xu.

“Không phải cậu có sẵn bộ đồ nghề này ở nhà nhỉ,” Bill nói, nhưng đó không phải câu hỏi.

“Đúng rồi,” Mike đồng tình. “Tớ mới mua tuần trước. Tớ đến cửa hàng mua ấy mà.”

“Cậu có xe đạp ư?”

“Không” Mike đáp, nhìn thẳng vào mắt anh.

“Cậu tình cờ muốn mua bộ vá xe này à?”

“Tự dưng tớ nổi hứng lên,” Mike gật gù, mắt anh vẫn dán vào mắt Bill. “Tớ thức giấc và nghĩ có khi nó lại cần thiết. Suy nghĩ ấy bám theo tớ cả ngày trời. Thế là... tớ mua thôi. Và giờ thì cậu sử dụng nó.”

“Và giờ thì tớ ở đây sử dụng nó,” Bill đồng tình. “Nhưng như người ta nói trong mấy bộ phim, tất cả có nghĩa là gì, hỡi cậu?”

“Hỏi mọi người xem sao,” Mike đáp. “Tối nay nhé.”

“Không biết tất cả có mặt không nhỉ, cậu nghĩ sao?”

“Tớ chịu, Bill To Bự.” Anh tư lự rồi nói thêm: “Tớ nghĩ vẫn có khả năng chúng ta sẽ không đến đông đủ. Có thể một hay hai người bọn họ quyết định rời khỏi thị trấn. Hoặc là...” Anh nhún vai.

“Nếu như vậy thì chúng ta làm sao?”

“Tớ không biết.” Mike chỉ vào bộ đồ nghề vá xe. “Tớ chỉ bày đồ để mua đấy. Thế cậu có tính bắt tay vào dùng không hay chỉ đứng nhìn cho vui?”

Bill lấy áo khoác ra khỏi giỏ xe và cẩn thận treo nó lên đỉnh móc còn trống. Đoạn anh lật ngược Ánh Bạc để có thể ngồi tại chỗ và cẩn thận quay quay bánh sau. Anh không thích tiếng ken két trục xe phát ra do gỉ sét, và anh nhớ lại vòng bi của chiếc ván trượt mà cậu bé kia sở hữu chuyển động trơn tru gần

như không phát ra tiếng động. *Tra chút đầu ba trong một là gạo xay ra cám ngay, anh nghĩ.*

Chắc cũng phải tra đầu vào dây xích. Nó gỉ sét quá... Cả mấy tấm thẻ nữa. Phải gắn mấy tấm thẻ lên nan hoa. Mike thế nào cũng có cho mà xem, những tấm thẻ loại tốt. Những tấm thẻ xe đạp, với lớp bọc celluloid làm chúng cứng cáp và trơn đến độ lăn đầu tiên xào bài là y như rằng chúng sẽ vung vãi đây sà. Thẻ bài, đúng rồi, cả kẹp để cố định nữa...

Anh khựng lại, lạnh người.

Nhân danh Chúa, mày đang nghĩ cái quái gì vậy?

“Có chuyện gì à, Bill?” Mike nhẹ nhàng hỏi.

“Không có gì.” Những ngón tay của anh chạm vào một vật nhỏ, tròn và cứng. Anh dùng móng tay cạy bên dưới và giật ra. Đinh mũ nhỏ được lôi ra khỏi lớp. “Th-Th-Thủ phạm là đây,” anh nói, và câu văn kia lại không mời mà ngoi lên trong đầu anh, kỳ lạ, đầy sức mạnh: *Anh đâm tay vào cột nhà, la oai oái rằng mình gặp ma.* Nhưng lần này, giọng nói ấy, giọng của chính anh, lại được tiếp nối bằng giọng của mẹ anh: *Thử lại xem, Billy. Lần đó, suýt chút nữa con làm được mà.* Và Andy Devine trong vai Jingles bạn tri kỷ của Guy Madison, *Này, Bill Hoang Đại ời, đợi tôi với!*

Anh rùng mình.

(cột nhà)

Anh lắc đầu. Giờ thì mình thậm chí không thể nói đi đâu đó mà không lấp ba lấp bấp, anh thầm nghĩ, và trong một khắc, anh cảm thấy mình sắp sửa hiểu ra tất cả.

Và rồi nó lại biến mất.

Anh mở hộp đồng hồ và bắt tay vào công việc. Mắt kha khá thời gian mới làm được đầu ra đấy. Mike dựa người vào tường trong ánh tà dương, tay áo xắn lên, cựa vạt kéo thấp, khe khẽ huýt sáo giai điệu mà phải nghe một lúc Bill

mới nhận ra đó là bài *Nàng đem hóa học ra lòe tôi*.

Trong lúc đợi miếng xi măng dán lớp khô lại, Bill tra dầu vào xích, nhông sên và trục xe của Ánh Bạc - anh tự nhủ mình chỉ làm cho đỡ buồn tay chân. Thế mà chiếc xe đạp trông cũng chẳng thơm tất hơn chút nào, nhưng khi quay bánh xe, anh thấy tiếng ken két đã biến mất, và như thế đã đủ khiến anh hài lòng. Suy cho cùng, Ánh Bạc cũng chẳng có cửa thắng cuộc thi sắc đẹp nào. Ưu điểm duy nhất của nó là có thể phi nhanh như chớp.

Đến lúc ấy, tức 5 giờ 30 phút chiều, anh gần như quên bằng Mike có mặt ở đó mà toàn tâm toàn ý tập trung vào công cuộc bảo dưỡng tuy vụn vặt nhưng khiến bản thân hết sức mãn nguyện. Anh vặn đầu bơm vào van bánh sau và nhìn lốp xe phình lên, tự ái mức áp suất phù hợp. Anh hài lòng khi nhìn thấy miếng vá rất chắc chắn.

Khi đoán đã bơm đủ, anh tháo ống bơm, toan lật Ánh Bạc lại thì nghe thấy tiếng thẻ bài lạch phạch vang lên sau lưng. Anh xoay người, suýt chút nữa hất đổ chiếc xe.

Mike đang đứng đó với một bộ bài Bicycle có mặt sau màu xanh trên tay. “Cậu cần không?”

Bill trút một tiếng thở dài, run rẩy. “Chắc cậu có cả kệp phải không?”

Mike lấy từ túi áo khoác bốn cái kệp rồi chìa ra cho Bill thấy.

“Ch-Chắc cậu cũng tình cờ có kệp ở đây à?”

“Ừ, đại loại là thế,” Mike đáp.

Bill nhận những tấm thẻ bài và tìm cách xóc chúng lên. Tay anh lầy bầy, khiến thẻ bài văng khỏi tay, vương vãi khắp nơi... nhưng chỉ có hai tấm lật ngửa. Bill nhìn chúng rồi lại nhìn sang Mike. Ánh nhìn của Mike đông cứng dán chặt vào hai tấm thẻ trên sàn. Môi anh méo xệch.

Hai tấm thẻ lật ngửa là hai quân át bích.

“Đó là đi đâu không thể” Mike nói. “Tớ vừa mới mở bộ bài ra mà. Cậu nhìn xem.” Anh chỉ vào thùng rác bên trong cửa ga-ra, từ đó Bill trông thấy vỏ giấy bóng kính. “Làm thế nào mà một bộ bài lại có hai quân át bích được?”

Bill cúi xuống nhặt chúng lên. “Làm thế nào mà cậu đánh rơi bộ bài xuống sàn nhưng chỉ có hai lá lật ngửa được?” Anh nói. “Câu hỏi ấy còn...”

Anh lật hai quân át bích lên nhìn rồi đưa cho Mike xem. Một lá có mặt sau màu xanh, một lá màu đỏ.

“Lạy Chúa lòng lành, Mikey, cậu kéo cả bọn vào mớ gì vậy?”

“Cậu tính làm gì với chúng?” Mike hỏi, giọng tê dại.

“Thì gắn lên xe chứ sao,” Bill đáp rồi bỗng dừng phá lên cười. “Đó là đi đâu mà tớ phải làm, chẳng phải thế sao? Nếu có những đi đâu kiện tiên quyết để dùng ma thuật thì những đi đâu kiện tiên quyết ấy sẽ tự sắp xếp sao cho ăn khớp. Đúng không?”

Mike không đáp lời. Anh nhìn Bill đi đến bánh sau của Ánh Bạc và gắn thẻ bài lên đó. Tay vẫn run lẩy bẩy nên mất một lúc tỉ mỉ anh mới làm xong. Hít một hơi thật sâu, anh nín thở và xoay bánh. Những chiếc thẻ bài quất vào nan hoa, lạch phạch kêu to trong không gian ga-ra tĩnh mịch.

“Đi nào,” Mike nhẹ nhàng nói. “Lên nhà đi, Bill To Bự. Tớ sẽ làm cho bọn mình chút gì đó bỏ bụng.”

Hai người ngẫu nhiên chiếc bánh mì kẹp thịt rồi sau đó ngồi hút thuốc, ngấm nhìn hoàng hôn buông xuống đằng sau sân nhà Mike. Bill lấy ví ra, nhìn thấy danh thiếp của ai đó, anh bèn viết lên đó câu văn đã bám theo anh kể từ lúc anh nhìn thấy Ánh Bạc trưng bày trong cửa sổ của tiệm Hoa hồng Si, Quần áo Si. Anh đưa cho Mike xem, và Mike chăm chú đọc, môi mím chặt.

“Nó có gọi cho cậu đi đâu gì không?” Bill hỏi.

“Anh đâm tay vào cột nhà, la oai oái rằng mình gặp ma” anh gật đầu. “Có, tớ biết nó là gì.”

“VẬY hăy nói cho tớ đi. Hay cậu lại định chơi tr-tr-trò để tớ tự tìm hiểu đấY hả?”

“Không đâu,” Mike nói. “Trong trường hợp này, tớ nghĩ tớ có nói với cậu cũng chẳng sao. Câu văn từ thời đại Anh, là một câu lắt léo được dùng làm bài tập cho những người mắc chứng nói ngọng hoặc nói lắp. Hè năm đó, mẹ cậu bắt cậu nói câu này liên tục. Mùa hè năm 1958 ấy. Đi đâu cậu cũng lẩm bẩm câu này mà.”

“VẬY sao?” Bill nói, và rồi anh chậm rãi trả lời câu hỏi của chính mình. “Đúng vậy thật.”

“Hẳn lúc đó, cậu rất muốn làm mẹ cậu vui.”

Chợt cảm thấy sống mũi cay cay, Bill lặng thinh gật đầu. Anh không nghĩ mình đủ bình tĩnh để lên tiếng.

“Nhưng cậu không thành công” Mike kể. “Tớ vẫn nhớ. Cậu cố hết sức nhưng lưỡi của cậu cứ riu vào nhau.”

“Tớ nói được mà,” Bill phản đối. “Ít nhất là một lần.”

“Khi nào vậy?”

Bill dấm nắm tay xuống chiếc bàn đầu giường. “*Tớ không nhớ!*” Anh hét lên. Và anh bần thần lặp lại, “Chỉ là là tớ không nhớ thôi.”

CHƯƠNG 12

BA VỊ KHÁCH KHÔNG MỜI

1

Một ngày sau khi Mike Hanlon gọi điện thoại, Henry Bowers bắt đầu nghe thấy tiếng nói. Các tiếng nói cứ rử rử rừ rừ nói chuyện với hắn cả ngày. Suốt một thời gian, Henry định ninh những tiếng nói ấy đến từ Mặt Trăng. Vào chiều muộn, đứng cuốc đất trong vườn và ngược nhìn bầu trời, hắn có thể trông thấy Mặt Trăng giữa bầu trời xanh, nhạt nhòa nhỏ xíu. Mặt Trăng tựa bóng ma.

Đó chính là lý do tại sao hắn chắc cú rằng thứ nói chuyện với hắn là Mặt Trăng. Chỉ Mặt Trăng mới rừ rừ bằng giọng nói ma quỷ ấy - giọng của những người bạn cũ và giọng của những đứa trẻ từng chơi ở Vùng Đất Cằn năm xưa. Ngoài những giọng nói ấy ra, còn một giọng khác nữa... mà hắn không dám gọi tên.

Victor Criss là kẻ đầu tiên bắt chuyện với hắn từ Mặt Trăng. *Chúng đang quay lại, Henry. Tất cả bọn chúng mà ời. Chúng đang quay lại Derry.*

Và rồi đến lượt Huggins Ợ Hời nói từ cung trăng, có lẽ từ bề tối của Mặt Trăng. *Mày là kẻ duy nhất còn sót lại, Henry ạ. Kẻ duy nhất trong cả đám chúng mình còn sót lại. Mày phải hạ chúng nó vì tao và Vic. Không đứa oắt con nào có thể chơi chúng ta một võ như thế. Chứ còn sao nữa, tao là kẻ đã đánh quả bóng xuất sắc trong sân nhà Tracker, Tony Tracker còn bảo quả đấy xứng tâm sân vận động Yankee kia mà.*

Hắn cuốc đất, đầu ngẩng lên nhìn Mặt Trăng ma mị trên bầu trời, h ồi

sau, Fogarty bước đến, quất cho hấn một cú vào gáy khiến hấn ngã bổ nhào xuống đất.

“Mày xới cả đậu với cỏ dại lên rồi kìa, đồ đần độn.”

Henry đứng dậy, phúi đất dính trên mặt và trên tóc. Fogarty sừng sững đứng trước mặt hấn, một người đàn ông cao to mặc áo khoác trắng và quần trắng, bụng bệu ra trước. Bảo vệ (ở đây Juniper, họ được gọi với cái tên “cố vấn”) mang theo dùi cui là một hành vi phạm pháp, do vậy, rất nhiều tay bảo vệ mang theo những cọc gôm bốn mươi đồng hai mươi lăm xu nhét vào ống thay cho vũ khí, trong số đó, Fogarty, Adler và Koontz là những kẻ tàn bạo nhất. Lúc nào cũng vậy, chúng luôn dùng cọc xu nặng trĩu kia phang vào sau gáy bệnh nhân. Luật lệ không cấm mang theo xu. Đồng hai mươi lăm xu không bị xem là thứ vũ khí chết người ở đây Juniper, một cơ sở cho bệnh nhân tâm thần tọa lạc ở vùng ngoại ô Augusta, nằm gần địa giới thị trấn Sidney.

“Tôi xin lỗi, thưa ông Fogarty,” Henry nói và toét miệng nở nụ cười khoe hết hàm răng vàng khè lởm chởm. Chúng trông như cột hàng rào của căn nhà ma. Từ năm mười bốn tuổi, Henry đã bắt đầu rụng răng.

“Ừ, biết đi đâu là tốt,” Fogarty hăm hè. “Nhưng nếu tao bắt gặp mày làm như thế một lần nữa thì cứ liệu thân hèn.”

“Vâng, thưa ông Fogarty.”

Fogarty bỏ đi, đôi giày màu đen của hấn để lại những dấu giày màu nâu trên đất của vườn Tây. Thấy Fogarty quay lưng đi, Henry len lén đưa mắt nhìn quanh. Tất cả các bệnh nhân ở khu Xanh dương được lừa ra ngoài ngay khi trời quang mây tạnh, đây là nơi họ giữ các bệnh nhân có tiền sử vô cùng nguy hiểm nhưng hiện tại được đánh giá nguy hiểm ở mức độ vừa phải. Thật ra, mọi bệnh nhân ở đây Juniper đều được xếp vào loại nguy

hiểm ở mức độ vừa phải, bởi đây là cơ sở giam những tên tội phạm bị tâm thần. Henry Bowers được đưa vào vì hắn bị kết tội giết bố mình vào cuối thu năm 1958 - quả thật, năm ấy nổi bật với xét xử án mạng; nhắc tới xét xử các vụ án mạng thì 1958 chẳng khác nào điễm đen.

Nhưng tất nhiên, họ không cho rằng *bố* hắn là nạn nhân duy nhất chết dưới tay hắn, nếu chỉ có mình ông ta, Henry sẽ không phải bóc lịch trong Bệnh viện Tâm thần Bang Augusta suốt hai chục năm trời, phần lớn thời gian dưới sự kìm hãm thể xác và hóa chất. Không, không phải chỉ có *bố* hắn; nhà chức trách đánh giá hắn đã hạ sát tất cả, hoặc chí ít là phần lớn các nạn nhân.

Sau khi tòa tuyên án, tờ *News* đăng một bài trên trang nhất với tựa đề “Hồi kết cho đêm trường của Derry”. Trong đó, họ tóm tắt những điễm chính yếu như sau: thất lựng trong tủ com-mốt của Henry vốn là của cậu bé Patrick Hockstetter mất tích; tủ quần áo của Henry để cả đồng sách giáo khoa, trong đó vài cuốn đề tên Huggins O’ Hoi và vài cuốn đề tên Victor Criss, cả hai đều mất tích và được biết, đây là bạn thân của Bowers; khủng khiếp nhất là chi tiết qua xác định mác giất ủi, người ta phát hiện những chiếc quần con nhét giữa khe nệm của Henry vốn thuộc về cô bé Veronica Grogan đã chết.

Tờ *News* thẳng thừng kết luận Henry Bowers là con quái vật đã khiến Derry mất ăn mất ngủ suốt mùa xuân và mùa hè năm 1958.

Nhưng rồi tờ báo tuyên bố trên trang nhất ấn bản ngày mùng 6 tháng 12 rằng đêm trường dằng dặc của Derry đã đến hồi kết thúc, nhưng ngay cả một kẻ đần độn như Henry cũng thừa biết đêm trường ở Derry *chẳng bao giờ* chấm dứt.

Họ tra hỏi hắn dầm dập, vây quanh hắn thành vòng tròn, chìa tay vào

hắn. Cảnh sát trưởng tát hắn hai lần, và một viên thanh tra tên Lottman có lần đã thúi vào bụng hắn, bắt hắn phải mau chóng khai báo.

“Người dân ngoài kia sắp nổi sùng lên rồi, Henry,” gã Lottman này nói. “Bấy lâu nay, ở Derry luôn xét xử rồi mới hành quyết, nhưng cứ thế này thì có khi mày sẽ lên đoạn đầu đài sớm thôi.”

Hắn đoán họ sẽ tiếp tục quá trình đi đầu tra ròng rã suốt thời gian dài, không phải vì họ cho rằng những người dân thường hiền lành của Derry sẽ mạnh động đến độ tràn vào đồn cảnh sát, bắt Henry rồi treo cổ hắn lên cây táo xanh, mà là vì họ chỉ muốn sớm khép lại mùa hè máu me và kinh hoàng năm ấy, lý ra, họ sẽ tiếp tục đi đầu tra, nhưng Henry không để họ làm thế. Sau một hồi, hắn ngộ ra họ muốn hắn thú nhận tất cả. Thú nhận thì thú nhận, Henry chẳng màng. Sau biến cố kinh hoàng trong cổng thoát nước, sau những gì xảy ra với Ợ Hoi và Victor, hắn chẳng màng gì nữa. Phải, hắn thừa nhận hắn giết bố mình. Điều này đúng. Phải, hắn giết cả Victor Criss và Huggins Ợ Hoi. Điều này cũng đúng nốt, chí ít là bởi chính hắn dẫn hai người bọn họ vào đường cống khiến họ phải bỏ mạng. Phải, hắn giết Patrick. Phải, cả Veronica nữa. Phải, tất tần tật. Điều này không đúng, nhưng chẳng quan trọng. Tội phải đổ lên đầu ai đó. Có lẽ đó là lý do hắn toàn mạng. Và nếu hắn từ chối...

Hắn biết thất lưng của Patrick ở đâu mà ra. Một ngày tháng Tư, hắn đánh bài thắng Patrick nên lấy được chiếc thất lưng ấy, nhưng rồi hắn phát hiện nó chẳng vừa với mình nên vứt luôn vào tủ. Hắn biết đồng sách ở đâu ra – mẹ kiếp, ba đứa bọn hắn lêu lổng với nhau, bình thường, sách giáo khoa chúng còn chẳng buồn quan tâm chứ nói gì đến sách học hè, giống như chuột chũi không thèm biết nhảy nhót là cái quái gì. Có thể trong tủ của hai cậu bạn cũng có đầy sách của hắn, và có thể cảnh sát cũng thừa biết

đi đầu đó.

Song những chiếc quần con thì khác... hắn không biết làm thế nào mà quần con của Veronica Grogan lại xuất hiện bên dưới nệm của hắn.

Nhưng hắn nghĩ hắn biết ai – hay cái gì – là kẻ đứng đằng sau.

Tốt nhất không nên xớ rớ nhắc đến những chuyện này.

Tốt nhất cứ giả ngu.

Vì thế, họ đưa hắn đến Augusta, rưỡi năm 1979, họ chuyển hắn đến đầu Juniper, và ở đây, hắn chỉ gây chuyện đúng một lần, lý do là bởi ban đầu, mọi người chưa biết tính hắn. Một kẻ đã tìm cách tắt đèn ngủ của Henry. Đèn ngủ có hình Vịt Donald đang ngả mũ thủy thủ con con. Cửa khóa và lưới thép còn lâu mới cản được chúng. Chúng đến như sương như khói. *Những thứ đó*. Chúng nói, cười... thỉnh thoảng chúng siết. Những *thứ* lông lá, những *thứ* trơn nhẵn, những *thứ* có mắt. Đó chính là *thứ* đã giết chết Vic và O'Hara vào cái ngày mà ba người bọn chúng đuổi đám trẻ kia vào cống ngầm bên dưới Derry hỡi tháng Tám năm 1958.

Nhìn xung quanh, hắn thấy những thành viên khác trong khu Xanh dương. Có George Deville, kẻ đã sát hại vợ và bốn đứa con của mình vào một đêm đông năm 1962. Đầu của hắn ngoẹo xuống vắn vẹo, mái tóc bạc trắng phất phơ trong gió, mũi dài chảy lòng thòng, cây thập giá bằng gỗ to vật nẩy tới nẩy lui theo từng nhịp cày xới. Có Jimmy Donlin, tất cả những gì báo chí đăng tải về Jimmy là hắn đã giết mẹ mình ở Portland vào mùa hè năm 1965, nhưng họ không nhắc tới việc Jimmy thử phương thức phi tang xác chết mới mẻ: lúc cảnh sát đến, Jimmy đã ăn hơn một nửa thân thể của bà, kể cả não. “Ăn xong tao thông minh hơn gấp đôi,” Jimmy tin tưởng kể cho Henry vào một đêm khuya nọ.

Ở luống phía bên kia Jimmy, vừa xới điên cuồng vừa hát đi hát lại một

câu hát (chuyện thường ngày ở huyện) là gã người Pháp nhỏ con có tên là Benny Beaulieu. Benny phạm tội đốt nhà, hắn là kẻ cuồng phóng hỏa. Đứng xới đất mà hắn lại nhải đúng một câu trong bài hát của The Doors: “Khiến cả đêm phùng phùng lửa, khiến cả đêm phùng phùng lửa, khiến cả đêm phùng phùng lửa, khiến cả...”

Nghe đi nghe lại mãi một câu hát mà không nổi sùng mới lạ.

Từ Benny nhìn qua là Franklin D’Cruz, thủ phạm đã hãm hiếp hơn năm mươi phụ nữ trước khi bị bắt trong lúc đang thủ ác ở công viên Terrace tại Bangor. Tuổi của nạn nhân dao động từ ba đến tám mươi một. Frank D’Cruz không làm hành động gì dị hợm. Cách hắn một khoảng khá xa là Arlen Weston, xới đất thì ít mà ngây người ra ngắm cuộc thì nhiều. Fogarty, Adler và John Koontz từng dùng cọc xu phang vào Weston để cố ép hắn nhanh tay nhanh chân hơn, và ngày nọ, có lẽ Koontz đánh hơi mạnh vì máu không chỉ chảy ra từ mũi của Arlen Weston mà còn rỉ ra từ tai, kết cục là tối hôm ấy, hắn ta bị co giật. Không quá nặng; chỉ hơi hơi mà thôi. Nhưng kể từ đó, Arlen chìm sâu hơn vào màn đêm tăm tối bên trong bản thân hắn, và giờ hắn hết thuốc chữa rồi, sống mà hoàn toàn chẳng còn kết nối gì với thế giới. Cách Arlen một đoạn là...

“Mày có muốn nhắc cuộc lên không, hay để tao giúp mày hả Henry?” Fogarty ầm ĩ mắng chửi, Henry bèn xới tiếp. Hắn không muốn bị co giật. Hắn không muốn đời hắn tạch như Arlen Weston.

Và rồi chốc sau, những tiếng nói lại vang lên. Nhưng lần này là giọng của kẻ khác, giọng của những đứa đã đẩy hắn sa chân vào chốn này, những giọng nói ấy thì thẫn từ Mặt Trăng ma.

Đến một thằng béo mà mày còn chẳng bắt được, Bowers, một giọng nói thì thẫn. Giờ tao giàu rồi, còn mày thì đi xới đậu. Để tao cười vào mặt

mày, đồ khốn!

B-B-Bowers, mày đ-đúng là c-c-cái đồ ăn h-h-hại! Từ lúc v-vào đ-đó có đ-đọc đ-đ-được c-c-cuốn s-s-sách nào chưa? Tao v-v-viết cả m-mớ rồi đây! Tao gi-gi-giàu rồi, còn m-mày thì ch-chết dí trong đôi J-J-Juniper! Đáng đời mày chưa, đồ vừa khốn vừa ngu!

“Im đi,” Henry thì thầm với những giọng nói ma mị ấy, hấn cuốc nhanh hơn, với cả những cây đậu mới trồng đi chung với cỏ dại. Mồ hôi chảy ròng ròng xuống trán hấn như nước mắt. “Suýt chút nữa bọn tao đã thịt được chúng mày. *Suýt chút nữa.*”

Bọn tao đã làm mày mắc kẹt, đồ khốn, một giọng nói khác cười ha hả. Mày đuổi tao nhưng có bắt được đâu, giờ tao giàu rồi! Đúng là đồ kém cỏi, đồ trượt vỏ chuối!

“Im đi,” Henry l`ân b`ân, cuống cu`ng xói. “Chúng mày im đi!”

Mày có muốn lên giường với tao không, Henry? Một giọng nói khác đùa bỡn. Tiếc ghê cơ! Tao đã trao thân cho cả đám này rồi, tao chẳng là gì ngoài một con điếm, nhưng giờ tao giàu có, và bọn tao đã tụ họp lại rồi đây, mà bọn tao sắp làm tiếp đây, nhưng ngay cả khi tao đồng ý trao thân cho mày thì ngử như mày còn lâu mới làm nổi, vì mày có cứng được đâu, nên là để tao cười vào mặt mày, Henry, để tao cười ha hả vào mày...

Hấn điên cu`ng cày xói, nào cỏ dại, nào đất cát, nào cây đậu cứ thế bay lên rào rào; những giọng nói ma mị từ Mặt Trăng ma oang oang, vang vọng, quay cu`ng trong đầu hấn, và Fogarty vừa g`âm rống vừa chạy đến chỗ hấn, song Henry chẳng nghe thấy. Vì những giọng nói choán hết cả r`õ.

Đến một thằng mọi đen mà mày cũng không thộp cổ nổi hả? Một giọng nói ma mị nhạo báng gã. Bọn tao đã giết chúng mày trong trận đánh nhau

ấy! Bọn tao đã kết liễu chúng mày! Ha ha, đồ khốn! Ha ha, đáng đời mày!

Và rồi tất cả bọn chúng léo nha léo nhéo, cười cợt hần, gọi hần là đồ trượt vỏ chuối, hỏi hần có thích những liệu pháp sốc mà họ thực hiện khi hần chuyển đến đây và được đưa tới khu Đỏ hay không, hỏi hần có thích sống ở đồi J-J-Juniper hay không, vừa hỏi, chúng vừa ré lên cười, vừa ré lên cười, chúng vừa hỏi, và rồi Henry vút cuốc, ngược mặt nhìn Mặt Trăng ma trên bầu trời xanh rồi thét lên chửi bới, ban đầu hần điên tiết hét ầm lên, nhưng rồi Mặt Trăng biến dạng thành khuôn mặt của một gã hề, khuôn mặt ấy trắng hếu, thối rửa, lỗ chỗ, hai mắt là hai hố đen ngòm, nụ cười đỏ như máu nhòe lên ngây thơ vô số tội, gớm guốc đến khôn tả, khiến Henry hét lên vì kinh hoàng, và rồi giọng của gã hề vang vọng từ Mặt Trăng ma, ra lệnh *Mày phải trở về, Henry. Mày phải trở về và hoàn thành nhiệm vụ. Mày phải trở về Derry và giết sạch chúng nó. Vì Tao. Vì...*

Từ này đến giờ, Fogarty đứng bên cạnh và thét vào mặt Henry gần hai phút nhưng không ăn thua (trong lúc những tên bạn tù khác đứng ở luống của mình, nắm chặt cuốc trong tay, nét mặt không hần là quan tâm mà gần như, phải, gần như là *trầm tư*, tựa hồ bọn chúng hiểu đây là một phần bí ẩn đưa đẩy chúng vào đây, rằng hành động đột nhiên lên cơn hoảng loạn mà la hét ầm ĩ của Henry Bowers ở vườn Tây là một hành vi thú vị không chỉ ở mặt kỹ thuật), chán la hét, gã phang cộc xu nặng trĩch thật mạnh vào Henry khiến hần đổ rạp xuống, giọng nói của gã hề theo hần vào vực xoáy đen hun hút ấy, eo ẻo lải nhải: *Giết hết chúng đi, Henry, giết hết chúng đi, giết hết chúng, giết hết đi.*

2

Henry Bowers mở mắt thao láo.

Mặt Trăng đã lặn và hắn cảm thấy biết ơn vì đi đầu đó. Đêm xuống, Mặt Trăng bớt vẻ ma mị, nó thật hơn, và hắn thẫn thờ nếu một lần nữa hắn trông thấy gương mặt góm ghềnh của gã hề trên bầu trời, vắng vặc qua ngọn đồi, qua cánh đồng, qua rừng cây, chắc hắn sẽ chết vì hãi hùng.

Hắn nằm nghiêng người, nhìn chằm chằm vào đèn ngủ. Sau khi Vịt Donald cháy, hắn được đổi đèn Chuột Mickey và Minnie nhảy điệu polka; chiếc đèn này lại được đổi bằng cây đèn với khuôn mặt màu xanh của Oscar Cẩu kinh trong chương trình *Phố Vòng*, và cuối năm ngoái, Oscar đã được thay thế bởi khuôn mặt của Gấu Fozzie. Henry đếm số năm mình bóc lịch bằng số đèn ngủ bị cháy thay vì muống cà phê.

Vào đúng 2 giờ 4 phút sáng ngày 30 tháng 5, đèn ngủ của hắn bị cháy. Hắn khe khẽ rên lên – nhưng chỉ một chút. Đêm nay, Koontz là người trực ngoài cửa khu Xanh dương - hắn là kẻ đáng sợ nhất. Hắn còn kinh khủng hơn Fogarty, kẻ mà vào buổi chiều đã phang vào đầu hắn mạnh đến độ Henry không thể xoay đầu.

Say giấc nồng xung quanh hắn là các bạn tù khác trong khu Xanh dương. Benny Beaulieu ngủ và bị cố định bằng dây cao su. Sau khi xới đất xong, hắn được cho phép xem chương trình *Cấp cứu* chiếu lại trên ti vi, đến khoảng 6 giờ, hắn bắt đầu thủ dâm liên tục và la hét như điên câu “Khiến cả đêm phùng phùng *lửa*! Khiến cả đêm phùng phùng *lửa*! Khiến cả đêm phùng phùng *lửa*!” Hắn được cho dùng thuốc an thần, và tình hình ổn thỏa chừng bốn tiếng thì đến 11 giờ, khi thuốc Elavil hết tác dụng, hắn lại tiếp tục trò điên của mình, hắn vừa giật của quý của mình mạnh đến độ máu chảy qua kẽ tay, vừa rít ré “Khiến cả đêm phùng phùng *lửa*!” Và họ một lần nữa cho hắn uống thuốc an thần rồi trói gô hắn lại. Giờ thì hắn đã ngủ, khuôn mặt nhỏ thó của hắn trang nghiêm dưới ánh đèn mờ như mặt

của Aristotle.

Xung quanh giường mình, Henry có thể nghe thấy tiếng ngáy to có, nhỏ có, tiếng l ần b ần, thỉnh thoảng còn có cả tiếng đánh rầm. Hắn có thể nghe thấy tiếng Jimmy Donlin thở; tiếng thở không nhằm vào đâu được dù Jimmy ngủ cách hắn năm giường. Tiếng thở như tiếng huyết sáo khe khẽ và nhanh, vì lý do nào đó, âm thanh ấy luôn gọi cho Henry nhớ đến tiếng máy may. Từ bên kia cánh cửa dẫn ra sảnh, hắn lờ mờ nghe thấy tiếng ti vi của Koontz. Hắn biết Koontz đang xem những bộ phim chiếu khuya trên Kênh 38, uống Texas Driver và dùng bữa. Koontz thích ăn bánh mì kẹp phết đầy bơ đậu phộng kẹp hành tây Bermuda. Khi nghe kể đi đâu này, Henry rùng mình thầm nghĩ: *Thế mà người ta bảo kẻ nào điên đều bị tổng giam.*

Và rồi lần này, giọng nói không phát ra từ Mặt Trăng.

Mà phát ra ngay dưới giường của hắn.

Henry nhận ra giọng nói này ngay lập tức. Là giọng của Victor Criss, hai mươi bảy năm về trước, đầu cậu ta đứt lìa dưới lòng đất Derry. Thủ phạm giết phăng đầu cậu ta là con quái vật Frankenstein. Henry đã tận mắt chứng kiến đi đâu này xảy ra, sau đó, hắn trông thấy con quái vật đưa mắt đi chỗ khác và cảm nhận được ánh nhìn vàng vọt ướt nước của nó đang chĩa thẳng vào mình. Phải, con quái vật Frankenstein ấy đã kết liễu Victor, rồi tiếp đến là Ợ Hơi, nhưng giờ Vic lại có mặt ở đây, như chương trình chiếu lại các bộ phim trắng đen ma mị từ Nifty Fifties, khi tổng thống còn hói và xe Buick còn gắn cửa gió.

Nhưng giờ đây, khi việc này xảy ra, khi giọng nói vang lên, Henry thấy bản thân mình bình tĩnh, không chút sợ hãi. Thậm chí, hắn có phần nhẹ nhõm.

“Henry,” Victor nói.

“Vic!” Henry hét lên. “Mày làm gì dưới đó vậy?”

Benny Beaulieu khịt khịt nói mơ. Nhịp hít vào thở ra đều như vắt tranh từ cái máy may qua đường mũi của Jimmy dừng lại trong thoáng chốc. Ngoài sảnh, âm lượng trên chiếc ti vi Sony nhỏ của Koontz được hạ xuống, và Henry Bowers có thể cảm thấy gã ta đang nghiêng đầu sang một bên, một tay đặt trên nút âm lượng ti vi, tay kia chạm vào thỏi hình trụ phình lên trong túi áo trắng bên phải của mình – thỏi đựng xu nặng trĩu ấy.

“Mày đừng bô bô cái mồm như thế, Henry,” Vic nói. “Mày chỉ cần nghĩ trong đầu là tao nghe được rồi. Những kẻ khác không nghe thấy tao đâu.”

“Mày muốn gì hả Vic?” Henry hỏi.

Suốt một lúc lâu không có lời nào đáp lại. Henry tưởng Vic đã biến mất. Ngoài cửa, âm lượng ti vi của Koontz đã to trở lại. Có một tiếng cào vang lên bên dưới giường, lò xo khê cọt kẹt khi một bóng đen thò ra từ bên dưới. Vic ngược nhìn hần và nhe răng cười. Henry cười lại dù hơi khó chịu. Sao bây giờ Vic lại hao hao con quái vật Frankenstein thế nhỉ? Quanh cổ hần là một vết sẹo trông chẳng khác nào hình xăm thông lọng. Henry nghĩ có lẽ đó là vết đầu của thằng bạn mình được khâu lại. Mắt nó mang thứ màu xanh xám kỳ cục, giác mạc dường như lờ mờ phờ phạc trong một hợp chất lầy nhầy.

Vic vẫn ở tuổi mười hai.

“Tao cũng muốn đi đâu mà mày muốn,” Vic lên tiếng. “Tao muốn trả thù bọn chúng.”

“Trả thù bọn chúng,” Henry Bowers mơ màng lặp lại.

“Nhưng để làm được đi đâu đó, mày phải ra khỏi đây đã,” Vic nói. “Mày phải trở về Derry. Tao cần mày, Henry. Bọn tao cần mày.”

“Chúng nó không làm hại được Mày,” Henry nói, hần hiểu hần không

chỉ đang trò chuyện với Vic.

“Bọn chúng không làm hại được tao nếu chúng chỉ tin nửa vời,” Vic nói. “Nhưng đã có vài dấu hiệu đáng lo, Henry ạ. Ngày ấy, bọn mình cũng không nghĩ chúng có thể đánh bại bọn mình. Nhưng thằng béo đã thoát khỏi tay mày cái đợt ở Vùng Đất Cằn. Thằng béo, thằng ba hoa và con khốn đã trốn khỏi chúng ta cái ngày xem phim xong. Còn trận chơi đá, chúng nó đã cứu được thằng mọi đen...”

Đừng nhắc tới chuyện đó nữa! Henry hét vào mặt Vic, trong phút chốc, bao nhiêu sự hống hách và ác nghiệt một thời khi hắn làm thủ lĩnh cả nhóm quay trở lại trong giọng hắn. Đoạn hắn rút người, sợ Vic sẽ làm hại hắn – chắc chắn Vic thừa sức làm bất cứ thứ gì nó muốn, vì nó là một con ma – song Vic chỉ toét miệng cười.

“Tao có thể xử chúng nếu chúng tin nửa mùa,” nó nói, “nhưng mày vẫn còn sống, Henry. Mày có thể xử bọn nó, bất kể bọn nó tin hoàn toàn, tin nửa mùa hay chẳng tin chút nào. Mày có thể xử từng đứa một hoặc xử tất cả bọn chúng một lúc. Mày có thể trả thù bọn chúng.”

Trả thù bọn chúng, Henry lặp lại. Đoạn hắn ngò vực nhìn Vic. Nhưng tao không thể thoát khỏi đây, Vic ạ. Cửa sổ chẳng dây rồi, và tối nay, Koontz trực cửa. Koontz là kẻ hung bạo nhất. Có thể tối mai...

“Koontz thì mày khỏi lo,” Vic nói, đoạn đứng dậy. Henry thấy nó vẫn mặc chiếc quần jean như cái hôm định mệnh ấy, ống quần vẫn dính bùn nước thải đã khô. “Để tao lo Koontz cho.” Vic chìa tay ra.

Sau chút lưỡng lự, Henry nắm lấy tay nó. Hắn cùng Vic bước về phía cánh cửa của Khu Xanh dương và phía phát ra âm thanh ti vi. Bọn chúng gần tới nơi thì Jimmy Donlin, thủ phạm ăn não của mẹ mình, thức giấc. Hắn trợn mắt khi trông thấy vị khách đến thăm Henry giữa đêm hôm khuya

khoắt. Là mẹ của hắn. Váy lót của bà lộ ra chừng năm, sáu li, y như xưa. Phần đỉnh đầu đã biến mất. Đôi mắt đỏ ngầu của bà quay sang nhìn hắn, và khi bà cười, Jimmy trông thấy son môi dính trên hàm răng vàng khè như răng ngựa, y như xưa. Jimmy bắt đầu ré lên. *“Đừng, mẹ ơi! Đừng mà mẹ! Đừng mà mẹ!”*

Âm thanh ti vi lập tức im bật, và trước khi những người khác lục đục trở dậy, Koontz mở phăng cánh cửa và nói, “Lũ khốn chúng mày, chuẩn bị nhặt quả đầu lúc nó bật lên sau khi đập xuống đất đi. Tao nhìn đủ rồi đấy.”

“Đừng, mẹ ơi! Đừng mà mẹ! Mẹ, con xin mẹ! Đừng mà mẹ!”

Koontz lao vào phòng. Đầu tiên hắn trông thấy Bowers, đứng sừng sững, bụng phệ ra, nhìn rõ là buồn cười trong bộ đồ bệnh nhân, da thịt bệu rệu bủng beo dưới ánh đèn hắt vào từ hành lang. Đoạn hắn nhìn sang trái và vận hết dung tích phổi la lên hai tiếng thất thanh thiếu đi đầu làm bể cá thủy tinh. Đứng cạnh Bowers là một thứ vận bộ đồ hề. Nó phải cao đến hai mét rưỡi. Bộ quần áo nó mặc có màu bạc với những nút bông màu cam to tướng chạy dọc phía trước. Nó mang đôi giày quá cỡ trông rõ nực cười. Nhưng đầu nó không phải đầu người hay đầu hề mà là đầu của một con chó Doberman, giống loài duy nhất trên hành tinh xanh mà John Koontz thấy sợ. Mắt nó đỏ ngầu. Cái mõm màu đen trơn bóng của nó nhả lại, khoe ra hàm răng không lồ.

Thối đưng xu rơi khỏi những ngón tay bủn rủn của Koontz, lăn long lóc vào góc nhà. Chiều tối hôm ấy, Benny Beaulieu, nhân vật ngủ không biết trời trăng gì, tìm thấy thối xu và giấu nhem chúng vào tủ cuối giường của mình. Hắn dùng xu mua thuốc lá – thuốc lá làm tay đàn ông hoàng - suốt cả tháng trời.

Koontz hít vào, toan thét lên lần nữa thì tên hề lao tới gã.

“Đến giờ diễn xiếc rồi!” Gã hễ gằm lên, và đôi tay mang găng trắng của nó bóp lấy vai Koontz.

Có đi đâu, bên trong đôi găng là móng vuốt.

3

Lần thứ ba trong ngày hôm ấy – một ngày dài, dài đến vô tận – Kay McCall đi đến nơi để điện thoại.

Lần này, cô đi xa hơn hai lần trước, bởi lần này, cô đợi cho đến khi đầu dây bên kia có người nhắc máy, cô nghe thấy giọng nói hào sảng của một cảnh sát người Ireland “Đồn Cảnh sát đường số 6, trung úy O’Bannon xin nghe, tôi có thể giúp gì?” rồi mới cúp.

Mày làm thế là tốt rồi. Chúa ơi, tốt mà. Gọi lần thứ tám, thứ chín là mày sẽ đôn đủ can đảm để xưng tên với cảnh sát.

Cô bước vào bếp, pha một ly Scotch với sô-đa nhẹ đô, và dù cô biết có lẽ đây không phải ý hay sau khi nốc thuốc Darvon. Cô nhớ lại một đoạn trong bài nhạc đồng quê mà mấy quán cà phê đại học ngày cô còn trẻ hay mở – *Nốc đây đâu whiskey, đây bụng gin/ Bác sĩ bảo uống coi chừng chết nhưng chẳng bảo khi nào* – rồi phá lên cười khô khốc. Phía trên quầy rượu có một tấm gương. Trông thấy hình ảnh phản chiếu của mình, nụ cười của cô tắt ngúm.

Người phụ nữ này là ai?

Một bên mắt của cô sưng vù đến híp lại.

Người phụ nữ tả tơi này là ai?

Mũi cô như mũi kỵ sĩ say xỉn hơn ba mươi năm chiến đấu với cối xay, nhưng không phải cối xay gió mà là cối xay rượu gin, cái mũi sưng vù đến khủng khiếp.

Người phụ nữ tử tử này là ai? Người trông giống những bóng hình phải lê bước đến hội nương tựa cho phụ nữ sau khi đã quá sợ hãi, đủ can đảm, hoặc đơn giản là quá tức giận nên mới dứt áo ra đi khỏi gã đàn ông hành hạ họ, đánh đập họ tuần này qua tuần nọ, tháng này qua tháng nọ và năm này qua năm nọ?

Một bên má cô rách thành đường.

Cô ta là ai, Kay-Bird?

Một tay cô phải nẹp cố định.

Cô ta là ai? Có phải là mày không? Có thể nào là mày không?

“Đây rồi... Hoa hậu Hoa Kỳ,” cô hát, thầm mong giọng mình vang lên cứng cỏi và giễu cợt. Phần mở đầu của nó được như cô kỳ vọng, nhưng nó run rẩy ở âm tiết thứ bảy, vỡ vụn ở âm thứ tám. Giọng cô chẳng mạnh mẽ chút nào mà đầy sợ hãi. Cô biết điều đó, bởi ngày trước, cô từng sợ hãi và luôn biết cách để vượt qua. Nhưng cô đoán cô phải cần một khoảng thời gian dài mới có thể vượt qua sự việc lần này.

Vị bác sĩ băng bó cho cô trong gian phòng con con ở Phòng Tiếp nhận Cấp cứu Bệnh viện Bà Phước cách nhà cô khoảng tám trăm mét còn trẻ, dung mạo không quá tệ. Nếu là trường hợp khác, cô đã có thể nhả nha (hoặc không nhả nha cho lắm) nghĩ tới chuyện kéo anh ta về nhà làm một chuyến du lịch mây mưa khắp thế gian. Nhưng hiện giờ, cô không có nhã hứng lên giường. Đau đớn không tạo điều kiện cho ham muốn dâng cao. Sợ hãi cũng vậy.

Vị bác sĩ có tên là Geffin, và cô mặc kệ cách anh ta nhìn chăm chăm vào mình. Anh lấy một chiếc cốc giấy trắng nhỏ đến bồn nước trong phòng, rót nửa ly, lấy gói thuốc lá từ trong ngăn kéo bàn và đưa cho cô.

Cô lấy một điếu, anh châm lửa cho cô. Anh phải cắn que diêm vào đầu

thuốc mất một, hai giây vì tay cô run bần bật. Anh thả que diêm vào ly giấy. Xèoooo.

“Thói quen tuyệt vời,” anh nói. “Nhỉ?”

“Không có gì trên miệng là bút rút,” Kay đáp.

Anh gật đầu, và hai người chìm vào im lặng. Anh chỉ trân trân nhìn cô. Cô có cảm giác anh nghĩ cô sắp khóc, và đi đầu đó làm cô tức điên vì cô thấy mình sắp nhòe lệ tới nơi. Cô ghét khi người ta đoán được trước cảm xúc của mình, đặc biệt khi đối phương là nam giới.

“Bạn trai à?” Mãi lúc sau thì anh lên tiếng.

“Tôi không muốn bàn về việc này.”

”Ừ hử.” Anh hút thuốc và nhìn cô.

“Mẹ anh không dạy anh rằng việc nhìn chằm chằm vào người khác là rất bất nhã sao?”

Cô muốn giọng mình nghe thật góc cạnh, nhưng lời cô phát ra tựa hồ van xin: *Đừng nhìn tôi nữa, tôi biết mình trông thế nào, tôi thấy rồi.* Theo sau suy nghĩ ấy là một suy nghĩ mà cô đoán người bạn Beverly của cô hẳn đã nhiều lần có trong đầu, rằng phần tồi tệ nhất của đánh đập xảy ra bên trong, nơi ta phải chịu đựng tình trạng mang tên chảy máu tâm hồn. Cô biết bộ dạng cô trông ra sao, phải. Tệ hơn nữa, cô biết cô cảm thấy thế nào. Cô thấy vàng vọt, và cảm giác ấy thật sự rất u tối.

“Tôi sẽ chỉ nói một lần,” Geffin nói. Giọng anh trầm thấp và dễ chịu. “Khi tôi làm việc ở phòng cấp cứu – cô có thể nói tôi tự đưa đầu vào rọ – hằng tuần, tôi thấy hơn hai mươi phụ nữ bị đánh đập. Các thực tập sinh phải chữa trị cho hơn hai mươi người nữa. Nên nhìn trên bàn đằng kia kìa – có điện thoại đấy. Cuộc gọi tôi lo. Cô gọi đến Đồn Cảnh sát đường số 6,

cho họ tên và địa chỉ, kể với họ chuyện gì đã xảy ra, danh tính kẻ hành hung. Sau đó cô cúp máy, còn tôi sẽ đi lấy chai bourbon cất trong tủ đựng hồ sơ - cô hiểu nó chỉ dành cho mục đích y học chứ nhỉ – và ta sẽ nhâm nhi một chút. Vì tôi nghĩ thế này, chỉ là quan điểm cá nhân của tôi thôi nhé, rằng trên đời chỉ có một thứ mặt hạng hơn hạng đàn ông vũ phu, đó là con chuột mắc giang mai.”

Kay mỉm cười đầy mệt mỏi. “Tôi rất trân trọng lời đề nghị của anh,” cô nói, “nhưng tạm thời tôi xin kiếu.”

“Ừ hử,” anh đáp. “Nhưng khi cô về đến nhà, hãy nhìn thật kỹ bản thân mình trong gương, cô McCall. Bất kể là ai, hẳn đã thương cảng chân hạ cảng tay với cô không chút thương tiếc”

Và rồi mắt cô ầng ậng nước, cô không ngăn nổi.

Một ngày sau ngày cô tiễn Beverly lên đường bình an, Tom Rogan gọi điện cho cô vào buổi trưa, hỏi liệu Kay có liên lạc gì với vợ hắn không. Hắn ra vẻ bình tĩnh, lý trí, không chút bức mình. Kay đáp gần hai tuần nay cô không gặp gỡ Beverly rồi. Tom cảm ơn cô rồi cúp máy.

Đến khoảng 1 giờ, lúc cô đang viết lách trong phòng làm việc thì chuông cửa reo lên. Cô bước ra cửa.

“Ai đấy?”

“Tôi là nhân viên của Tiệm hoa Cragin’s,” một giọng nói the thé vang lên, cô tự trách mình ngu xuẩn khi không nhận ra Tom eo éo giả giọng, cô tự trách mình đần độn khi nghĩ Tom lại từ bỏ dễ dàng đến thế, cô tự trách mình ấu trĩ khi tháo dây xích trước khi mở cửa.

Hắn lao vào nhà, và cô chỉ vừa kịp nói “Anh bước ra kh...” thì nắm đấm của Tom đã bất thành linh vụt tới, lao thẳng vào bên mắt phải của cô, khiến mắt cô phải nhắm tịt lại và đầu cô đau đớn đến bàng hoàng. Cô loạng

choạng lùi lại hành lang, vừa đi vừa bấu víu vào đồ vật để giữ thăng bằng: bình hoa tao nhã cắm một bông hồng bẽ vụn trên sàn gạch, cây treo áo bị đổ. Cô ngã dúi dúi lúc Tom đóng cánh cửa chính sau lưng hắn và bước về phía cô.

“Biến khỏi đây ngay!” cô thét lên với hắn.

“Mày nói cho tao biết nó ở đâu thì tao đi,” Tom hăm hè, tiến lại hành lang về phía cô. Cô lơ mờ nhận ra Tom nhìn có vẻ không ổn lắm – chà, *thấy phát gớm* có khi chính xác hơn – và cô nhận thấy một niềm vui lấp ló nhưng bạo liệt trào dâng trong cô. Bất kể Tom đã làm gì Bev, xem ra Bev đã trả lại, cả vốn lẫn lãi. Gì thì gì, Bev đã cần chân được hắn những một ngày kia mà – và trong bộ dạng hắn đáng ra phải vào viện chứ không phải ở đây.

Nhưng mặt khác, trông hắn rất độc ác và giận dữ.

Kay lão đảo đứng dậy và lùi lại, mắt nhìn chăm chăm vào hắn như cách ta nhìn thú hoang mới sống chuồng.

“Tôi đã nói tôi không gặp Bev và đó là sự thật,” cô nói. “Giờ thì mời anh bước ra khỏi đây trước khi tôi báo cảnh sát.”

“Mày đã gặp nó,” Tom gằn gừ. Đôi môi sưng vù dường như mỉm cười. Cô thấy hàm răng của hắn lờm chớm đến lạ lùng. Mấy chiếc răng ở phía trước còn bị mẻ. “Lúc tao gọi điện hỏi mày không biết Bev ở đâu, mày nói hai tuần nay mày chưa gặp nó. Không một câu hỏi. Không một lời rửa xả, dù tao thừa biết mày ghét tao đến tận xương tủy. Vậy con khốn ấy đâu rồi, con chết tiệt kia? Khai mau.”

Cô quay người, chạy đến cuối hành lang, định bụng trốn vào phòng nghỉ, đẩy sập cánh cửa kéo màu gỗ trên thanh ray rồi xoay chốt. Cô đến cửa trước hắn ta – hắn đi tập tễnh – song cô chưa kịp kéo cửa đóng lại thì

hắn đã lách người vào giữa. Hắn giật mạnh người và nhào vào trong. Cô cuống cuồng chạy, nhưng hắn chop được váy và kéo cô mạnh đến độ phần lưng váy toạc thủng xuống eo. *Vợ mày may cái váy này cho tao đấy, thằng thôi tha*, cô nhập nhằng nghĩ, và rồi người cô bị lật lại.

“*Nó ở đâu?*”

Kay giờ tay tát một cú trời giáng khiến đầu hắn ngã ra sau và khiến vết cắt bên trái mặt gã rỉ máu trở lại. Hắn chop lấy tóc, kéo đầu cô thẳng vào nắm đấm của gã. Trong khoảnh khắc, cô có cảm giác mũi mình nổ tung. Cô hét lên, hóp lấy không khí để hết lần nữa nhưng máu chảy làm cô sặc sụa. Cô sợ hãi đến cùng cực. Cô chưa từng hay biết trên vòm trời rộng lớn này lại có thể tồn tại nhiều kinh hoàng đến thế. Tên khốn kiếp điên khùng này sắp giết cô tới nơi.

Cô không ngừng la hét, nắm đấm của hắn thui vào bụng cô, đẩy không khí ra khỏi phổi, khiến cô chỉ biết thở dốc. Vừa ho vừa thở dốc, trong phút giây hoảng loạn, cô còn tưởng mình sắp chết ngạt đến nơi.

“*Nó ở đâu?*”

Kay lắc đầu. “Tôi chưa... gặp,” cô thở dốc. “Cảnh sát... anh sẽ vào tù... đồ khốn...”

Hắn đẩy cô ngã xuống, và rồi cô cảm nhận vai mình bủn rủn. Nó đau, đau đến lả người. Hắn lật người cô lại, vẫn giữ lấy tay cô, đoạn bẻ cẳng tay cô ra sau lưng, và cô phải cắn môi, hứa với bản thân rằng mình sẽ không hét lên nữa.

“*Nó ở đâu?*”

Kay lắc đầu.

Hắn lại kéo tay cô lên, mạnh đến độ cô nghe thấy tiếng hắn gầm gừ.

Hơi thở nóng hổi của hắn phả vào tai cô. Cô cảm thấy bàn tay phải đang nắm chặt của mình đập vào vai trái, cô không nhin nổi mà thét lên vì vai cô quá nhức.

“*Nó ở đâu?*”

”... biết...”

“Cái gì?”

“*Tôi không BIẾT!*”

Hắn buông cô ra và đẩy cô thật mạnh. Cô ngã rạp xuống sàn, nước mắt giàn giụa, nước mũi và máu chảy ra từ mũi. Có một tiếng vỡ vui tai vang lên, và khi nhìn quanh, cô nhận ra Tom đang cúi người trên cô. Hắn đã đập bể phần đầu lọ hoa bằng pha lê Waterford. Hắn cầm bình hoa, phần cổ sắc nhọn cách mặt cô chỉ vài phân. Cô ngẩn người nhìn chằm chằm vào chiếc bình.

“Để tao nói mày đi đâu này,” hắn nói, ngôn từ phá thành những làn hơi ấm nóng, “liệu thần hồn mà nói cho tao biết nó đã đi đâu, còn không thì chuẩn bị lượm lặt khuôn mặt mình dưới đất đi. Mày có ba giây, có khi chưa tới ba giây đâu. Khi tao nổi điên, thời gian trôi nhanh lắm.”

Mặt mình, cô nghĩ, và đó là nguyên do cô đầu hàng... hoặc nhượng bộ, nếu nói thể lợt lỏ tai hơn: con quái vật này dọa rách mặt cô bằng bình hoa Waterford lả chả.

“Cô ấy về quê rồi,” Kay khóc. “Về quê cũ. Derry. Là một thị trấn mang tên Derry ở Maine.”

“Nó đi bằng gì?”

“Cô ấy đi x-x-xe khách đến Milwaukee rồi bắt chuyến bay từ đó.”

“Con *tiện nhân* khốn kiếp!” Tom gầm lên, đứng bật dậy. Hắn vòng tới

vòng lui một cách vô định, hai tay vò đầu làm mớ tóc bù xù chìa lên tua tủa. “Con đàn bà *đĩ thõa*, con *chó cái*, con đàn bà *ăn hại*!” Hấn nhắc bức tượng điêu khắc bằng gỗ tinh xảo một người đàn ông và một người phụ nữ đang âu yếm nhau – cô có bức tượng này từ năm hai mươi hai tuổi – rồi ném thẳng vào lò sưởi khiến tượng vỡ tan tành. Hấn nhìn chăm chăm bóng mình phản chiếu trong gương một lúc, mắt trợn trừng, như thể đang gặp ma. Đoạn hấn vòng lại chỗ cô. Hấn lôi một thứ từ trong túi áo khoác hấn đang mặc, cô nhìn theo, ngây ngô cảm thán hóa ra là một cuốn tiểu thuyết bìa mềm. Bìa cuốn sách gầy như đen thui, chỉ có những con chữ dát đỏ ghi tựa sách và hình vẽ vài thanh niên đứng trên bờ sông. *Con nước đen*.

“Thằng khốn này là ai?”

“Hả? Cái gì?”

“Denbrough. Denbrough.” Hấn mất bình tĩnh lắc tới lắc lui cuốn sách trước mặt cô, đoạn dùng nó tát cô. Má cô lại bưng bưng vì đau, rồi nó cứ thế nhói lên như than trong lò. “Hấn ta là ai?”

Cô dần hiểu ra.

“Họ là bạn của nhau. Từ thuở bé. Cả hai cùng lớn lên ở Derry.” Hấn lại tiếp tục lấy sách quất cô, lần này là ở má bên kia.

“Tôi xin anh,” cô khóc. “Tôi xin anh, Tom.”

Hấn lôi chiếc ghế phong cách Mỹ thuộc địa với chân ghế mảnh mai và dài đến trước mặt cô, xoay nó lại rồi ngã xuống. Khuôn mặt như quả bí Halloween của hấn nhìn xuống cô qua lưng ghế.

“Mày nghe đây,” hấn lên tiếng. “Mày nghe ông chủ Tommy của mày nói đây. Mày làm được không, con chó cái bô bô quyên phụ nữ kia?”

Cô gạt đầu. Cô có thể cảm nhận vị máu, nóng rẫy và tanh nồng trong cổ

họng mình. Vai cô bồng bồng như lửa đốt. Cô cầu mong nó chỉ bị trật khớp chứ không bị gãy. Nhưng đó chưa phải điều tồi tệ nhất. *Mặt mình, hẳn ta sắp rách mặt mình đến nơi...*

“Nếu mày gọi cảnh sát và tố cáo tao đến đây, tao sẽ chối bay chối biến. Mày đếch có bằng chứng gì đâu. Hôm nay giúp việc nhà tao nghỉ và bọn tao chỉ có hai người. Tất nhiên, chúng nó có thể gõ cửa tao lại, chuyện gì chẳng có thể xảy ra, phải không?”

Cô gạt đầu trong vô thức, tựa hồ đầu cô đang bị giật dây.

“Hắn rồi. Và việc tao sẽ làm là nộp tiền bảo lãnh rồi quay lại đây ngay lập tức. Người ta sẽ tìm thấy vếu mày trên bàn bếp và mất mày trong bình nuôi cá. Mày hiểu ý tao chưa? Mày hiểu ý ông chú Tommy của mày chưa?”

Kay lại òa lên khóc. Sợi dây cột vào đầu vẫn hoạt động, đầu cô giật lên giật xuống.

“Lý do là gì?”

“Cái gì? Tôi... Tôi không biết.”

“Tỉnh táo lên đi, vì Chúa! Tại sao nó lại về quê?”

“Tôi không biết!” Kay gần như hét lên. Hẳn kẻ bình hoa bị bể vào mặt cô.

“Tôi không biết,” cô hạ giọng. “Tôi xin anh. Cô ấy không kể với tôi. Xin anh đừng làm hại tôi.”

Vứt bình hoa vào thùng rác, hắn đứng dậy.

Hắn bỏ đi mà không buồn quay lại, đầu cúi gằm, lưng lững, lăm le như con gấu.

Cô vội vàng chạy sau hắn rồi khóa cửa lại. Cô chạy vào bếp, khóa luôn cửa sau. Khựng lại một hồi, cô tập tễnh lên tầng (bụng đau nên cô ráng

được chừng nào hay chừng đó) và khóa luôn cánh cửa dẫn ra hàng hiên – biết đâu hấn nổi hứng đu cột trèo lên đây và mò vào nhà cô theo lối này thì sao. Hấn ta bị thương, nhưng hấn vẫn là một tên điên.

Cô lần đến điện thoại, chưa kịp chạm tay lên ống nghe thì những lời hấn nói hiện lên trong đầu.

Việc tao sẽ làm là nộp tiền bảo lãnh rồi quay lại đây ngay lập tức... vẩy mỳ trên bàn bếp và mắt mỳ trong bình nuôi cá.

Cô rút tay khỏi chiếc điện thoại.

Lúc sau, cô bước vào nhà vệ sinh, nhìn chiếc mũi to như quả cà chua đang rỉ máu và đôi mắt đen sì của mình. Cô không khóc, nổi nhục nhã và sợ hãi chĩa vào lòng cô đến độ chẳng còn chỗ cho nước mắt. *Ôi Bev ơi, tớ đã cố hết sức rồi, bạn ơi, cô thầnn nhủ. Nhưng mặt tớ... hấn dọa sẽ rạch mặt tớ...*

Trong tủ thuốc của cô có Darvon và Valium. Cô cân nhắc giữa hai loại rồi rốt cuộc nuốt mỗi thứ một viên. Đoạn cô đến Bệnh viện Bà Phước để chữa trị và gặp bác sĩ nổi tiếng Geffin, hiện tại là người đàn ông duy nhất trên trần đời cô sẽ không thấy vui nếu anh bị cuốn phăng khỏi quả đất.

Và rồi sau đó cô lại dung dăng dung dẻ về nhà.

Bước đến cửa sổ phòng ngủ, cô nhìn ra ngoài. Tà dương ngả bóng trên đường chân trời. Bờ Đông hấn đã chuyển sang chang vạng - ở Maine sắp sửa 7 giờ tối.

Mày có thể quyết định sau này báo cảnh sát hay không. Điều quan trọng hiện tại là phải cảnh báo Beverly.

Beverly yêu quý của tớ, giá mà cậu nói với tớ nơi cậu sẽ ở thì dễ hơn biết mấy, Kay thầnn nhủ, nhưng có lẽ lúc đó, bản thân cậu cũng chưa biết

phải không.

Dù đã bỏ thuốc lá hai năm trước, cô vẫn giữ một gói Pall Mall trong ngăn kéo bàn làm việc phòng trường hợp khẩn cấp. Rút một điếu thuốc, cô nhả mặt. Lần cuối cùng cô hút gói thuốc này là tháng Mười hai năm 1982, và nó còn cũ rích hơn cả vụ tranh cãi về Bản sửa đổi Quyền bình đẳng ERA ở Thượng nghị viện bang Illinois. Thế nhưng cô vẫn hút, một mắt khép hờ trong làn khói, một mắt khép hờ nhờ công của Tom Rogan.

Chật vật dùng tay trái – tên khốn kiếp kia đã làm trật tay thuận của cô – cô gọi đến tổng đài Maine hỏi xin tên cùng số điện thoại của tất cả khách sạn, nhà nghỉ ở Derry.

“Điều này sẽ tốn kha khá thời gian ạ,” nhân viên trực tổng đài ngần ngừ.

“Sẽ tốn nhiều thời gian hơn thế nữa, em gái,” Kay nói. “Tôi sẽ phải viết bằng tay không thuận. Tay thuận của tôi đi du lịch rồi.”

“Ít khi mọi người...”

“Nghe tôi nói này,” Kay từ tốn cắt ngang. “Tôi đang gọi cho cô từ Chicago, và tôi đang tìm cách liên lạc với một người bạn vừa dứt áo ra đi khỏi chông rỗi trở lại Derry, nơi cô ấy lớn lên. Ông chông biết cô ấy đi đâu. Hắn ta đập tôi thừa sống thiếu chết để lấy bằng được thông tin. Hắn ta điên rồi. Cô ấy cần phải biết hắn ta đang mò đến.”

Có một khoảng lặng dài, đoạn cô tổng đài viên lên tiếng, giọng cảm thông hẳn, “Tôi nghĩ số điện thoại chị thật sự cần lúc này là số của Sở Cảnh sát Derry.”

“Được. Cho tôi cả số ấy nữa. Nhưng tôi phải cảnh báo bạn mình,” Kay nói. “Và...” cô nghĩ đến hai má chằng chịt vết cắt, cục u trên trán, trên thái dương, dáng đi tập tễnh, đôi môi sưng và phát gôm của Tom. “Và cô ấy chỉ

cần biết hắn đang mò đến là đủ rồi.”

Lại một khoảng im lặng kéo dài. “Cô còn ở đó không, em gái?” Kay hỏi.

“Nhà nghỉ Arlington,” cô tổng đài viên đọc, “643-8146. Nhà nghỉ công viên Bassey, 648-4083. Nhà nghỉ Bunyan...”

“Chậm lại một chút nhé?” cô nói, tay hí hoáy viết. Cô tìm gạt tàn nhưng chẳng thấy, bèn đập điếu Pall Mall lên miếng lót bàn. “Rồi, cô đọc tiếp đi.”

“Nhà nghỉ Clarendon...”

4

Gọi cuộc thứ năm thì nửa vận may mỉm cười với cô. Tên của Beverly Rogan có ở Nhà nghỉ Thị trấn Derry. Cô chỉ may mắn một nửa vì Beverly đang ra ngoài. Cô để lại tên, số điện thoại cùng lời nhắn Beverly gọi lại cho cô ngay lập tức khi về đến nơi, dù trễ đến mức nào.

Tổng đài viên lặp lại lời nhắn. Kay lên lầu, uống thêm một viên Valium. Cô nằm xuống và đợi giấc ngủ ập tới mà chẳng thấy nó viếng thăm. *Tớ xin lỗi, Bev, cô thẫn ngất, mắt nhìn vào bóng tối, đầu óc mơ màng do ngấm thuốc. Tớ không thể chịu nổi lời hắn đe dọa sẽ làm với khuôn mặt của tớ... Gọi cho tớ sớm nhé Bev. Xin cậu, hãy mau gọi cho tớ. Và coi chừng thằng khốn kiếp thần kinh mà cậu cưới làm chồng.*

5

Thằng khốn kiếp thần kinh mà Bev cưới làm chồng chuyển tiếp tốt hơn Beverly hôm trước vì hắn khởi hành từ O'Hare, trung tâm các hãng hàng không thương mại ở Hoa Kỳ lục địa. Trong suốt chuyến bay, hắn đọc đi đọc lại thông tin sơ lược về tác giả in ở cuối cuốn tiểu thuyết *Con nước đen*. Nó ghi William Denbrough sinh ra New England và là tác giả của ba

cuốn tiểu thuyết khác (phần ghi chú còn nhiệt tình cho hay các tác phẩm này đều có phiên bản bìa mềm Signet). Anh ta sống cùng vợ, nữ diễn viên Audra Phillips ở California. Hiện tại, anh ta đang sáng tác tác phẩm mới. Đề ý cuốn *Con nước đen* này được phát hành năm 1976, Tom đoán hẳn gã này đã sáng tác thêm vài cuốn tiểu thuyết mới.

Audra Phillips... nếu không làm thì hẳn từng xem phim có cô ta đóng thì phải? Hẳn chẳng mấy khi đề ý diễn viên nữ – dạng phim mà Tom đánh giá cao là phim phá án, rượt đuổi hoặc phim quái vật – nhưng có khi cô ả này chính xác là người hiện lên trong đầu gã, bởi gã từng rất đề ý đến cô ta vì dung mạo cô này nhìn y hệt Beverly: mái tóc dài đỏ rực, mắt xanh lá, bầu ngực tròn trịa.

Hắn sửa tư thế ng ồi ngay ngắn hơn, gõ gõ cuốn sách vào chân, cố lò đi cơn đau nhói trên đầu và miệng. Phải, hẳn dám chắc như đinh đóng cột rằng Audra Phillips là cô ả tóc đỏ với vòng một đầy đà. Hẳn từng thấy cô trong bộ phim của Clint Eastwood và một năm sau trong bộ phim kinh dị mang tên *Mặt Trăng ngoài mộ*. Hẳn đã đi xem bộ phim này cùng Beverly, và khi ra khỏi rạp chiếu, hẳn nhắc đến việc mình thấy nữ diễn viên trông rất giống cô. “Em lại không thấy thế,” Bev nói. “Em cao hơn, với lại cô ấy xinh hơn mà. Tóc cô ấy cũng đỏ đậm hơn em.” Họ chỉ nói có thế. Hẳn chẳng nghĩ gì thêm, cho đến bây giờ.

Anh ta sống cùng vợ, nữ diễn viên Audra Phillips...

Tom có chút hiểu biết lợm lặt về tâm lý học; hẳn từng vận đến nó để thao túng vợ mình trong suốt khoảng thời gian kết hôn. Và hiện giờ, một cảm giác khó chịu dai dẳng cứ thế chọc ngoáy tâm trí hắn, nhưng nó phần nhiều là cảm giác chứ không phải suy nghĩ. Nó xoay quanh chuyện Bev và gã Denbrough kia từng chơi đùa với nhau lúc còn bé, về sau, gã Denbrough

ấy lại kết hôn với một phụ nữ nhìn giống vợ của Tom Rogan như lột, dù Beverly không thấy thế.

Rốt cuộc Denbrough và Beverly chơi trò gì với nhau lúc bé nhỉ? Trò gõ cửa hôn nhau à? Hay trò xoay chai trúng người nào thì hôn người ấy?

Hay còn trò gì khác?

Tom ng ồi trên ghế, gõ cuốn sách vào chân và cảm thấy hai bên thái dương giật thành thịch.

Khi hấn đến Sân bay Quốc tế Bangor r ồi ra qu ầy thuê xe ô tô, mấy cô nhân viên – người mặc áo vàng, người mặc áo đỏ, lại có người mặc áo xanh màu cờ Ireland – nhìn khuôn mặt b ần dập nguy hiểm của gã với vẻ đầy lo lắng và nói (bằng giọng còn lo lắng hơn) họ không còn xe cho thuê nên rất xin lỗi.

Tom ra qu ầy báo, mua một tờ báo Bangor. Hấn lật đến mục quảng cáo, mặc kệ ánh nhìn từ những người đi ngang qua r ồi lọc ra ba mẫu tin đáng chú ý. Chó ngáp phải ru ồi, hấn gặp may ngay cuộc gọi thứ hai.

“Trên báo đăng anh có chiếc wagon TLD ‘76. Một nghìn bốn trăm đô-la.”

“Đúng r ồi.”

“Tôi đề nghị thế này,” Tom nói, đưa tay sờ vào chiếc ví cất trong túi. Nó chứa đầy ti ền mặt- sáu nghìn đô-la. “Anh lái nó đến sân bay và chúng ta chốt ngay tại chỗ. Anh đưa tôi chiếc xe, hóa đơn và giấy tờ. Tôi sẽ đưa anh ti ền mặt.”

Người rao bán chiếc LTD khựng lại một chút r ồi nói, “Tôi sẽ gỡ biển số xe xuống.”

“Được.”

“Vậy tôi nhận diện anh thế nào, thưa anh...?”

“Cứ gọi tôi là Barr,” Tom đáp. Lúc ấy, hắn đang nhìn tấm biển treo ở sảnh ga hàng không đề BAR HARBOUR AIRLINES TẶNG BẠN NEW ENGLAND – VÀ CẢ THẾ GIỚI! “Tôi sẽ đứng ở cánh cửa xa nhất. Anh sẽ nhận ra tôi vì mặt mũi tôi nhìn không sáng sủa cho lắm. Hôm qua, tôi và vợ đi trượt patin, và tôi bị ngã đập mặt. Tôi nghĩ số mình còn may mắn. Tôi không gãy gì ngoài bầm mặt.”

“Chắc, tôi rất lấy làm tiếc, anh Barr.”

“Tôi sẽ sớm khởi ấy mà. Nhờ anh đem xe đến đây nhé, bạn hiền.”

Hắn cúp máy, qua cửa, bước vào trời đêm tháng Năm ẩm áp nồng nàn.

Chỉ mười phút sau, chủ chiếc xe LTD xuất hiện dưới bầu trời hoàng hôn cuối xuân. Hóa ra cậu ta trẻ măng. Tiền trao cháo múc xong cậu nhóc hí hoáy ghi hóa đơn cho Tom, hắn hờ hững nhét vào túi áo khoác. Hắn đứng đó, nhìn cậu nhóc tháo biển số Maine của chiếc LTD.

“Anh gửi thêm ba đô, chú cho anh cái tua vít nhé,” Tom nói sau khi cậu nhóc tháo biển xong.

Cậu nhóc tư lự nhìn hắn một lúc rồi nhún vai, đưa hắn tua vít, nhận ba đô-la mà Tom chìa ra. Động tác nhún vai ấy như muốn nói *Dù sao cũng chẳng phải việc của tôi* và Tom thầm nghĩ: *Đúng đấy quá, cậu bạn bé nhỏ*. Tom nhìn cậu ta bước lên tắc-xi rồi mới ngẩng vào phía sau tay lái chiếc Ford.

Chiếc xe như đông đờng nát: bộ truyền động kêu ken két, cả chiếc xe cộc cạch, loảng xoảng, thẳng không ăn. Nhưng cũng chẳng thành vấn đề. Hắn đánh xe vào bãi đậu xe dài hạn, lấy thẻ rồi lái vào trong. Hắn đậu cạnh một chiếc Subaru trông có vẻ đã ở đây suốt thời gian dài. Hắn dùng tua vít của cậu nhóc ban nãy để tháo biển số xe của chiếc Subaru rồi gắn lên chiếc

LTD. Vừa làm, hắn vừa ngân nga trong miệng.

Đến 10 giờ đêm, hắn đã bon bon trên Tuyến số 2 lái lên phía đông, bản đồ Maine trải trên ghế bên cạnh. Hắn phát hiện ra-đi-ô của xe không hoạt động nên hắn lại trong im lặng. Như vậy cũng chẳng sao. Hắn có khối thứ cần phải nghĩ. Tỉ dụ như tất tần tật những đi-âu tuyệt vời ông mặt trời mà hắn sẽ làm với Beverly sau khi tóm cổ được cô ả chẳng hạn.

Trong lòng, hắn dám chắc chắn, tương đối chắc chắn, rằng Beverly cách hắn chẳng xa.

Và hắn cô đang hút thuốc.

Ôi em yêu ời, em giống mặt với Tom Rogan là em chọc vào ổ kiến lửa rồi. Và câu hỏi đặt ra là – chúng ta sẽ xử em thế nào đây nhỉ?

Chiếc Ford băng băng chạy trong đêm, đuổi theo ánh đèn pha của mình, và khi Tom đến Newport, hắn đã biết câu trả lời. Hắn tìm thấy một tiệm bán thuốc và hàng tạp hóa vẫn còn mở cửa trên con phố chính. Hắn bước vào, mua một cây thuốc Camel. Chủ tiệm chúc hắn buổi tối tốt lành và hắn chúc lại câu tương tự.

Thấy cây thuốc lên ghế bên cạnh, hắn tiếp tục lên đường. Hắn chạy từ từ lên Tuyến số 7, chăm chăm tìm chỗ rẽ. Kia rồi – Tuyến số 3, với biển báo ðỀHAVEN 21 DERRY 15.

Rẽ vào Tuyến số 3, hắn đạp ga cho chiếc Ford tăng tốc. Liếc nhìn cây thuốc lá, hắn khẽ mỉm cười. Dưới ánh đèn xanh lá của bảng đi-âu khiển, khuôn mặt xước xát và sưng vù của hắn trông kỳ dị như ma quỷ.

Anh mua thuốc lá cho em đây, Bevvie, Tom thầnh nhủ khi chiếc xe lăn bánh giữa hai hàng cây thông và vân sam, hướng thẳng đến Derry với tốc độ hơn chín mươi cây số một giờ. Ừ, đúng rồi. Hắn một cây luôn đấy nhé. Dành tặng riêng cho em đấy. Khi gặp em, anh sẽ bắt em ăn từng điếu một.

Và nếu gã Denbrough kia cần được dạy dỗ thì để anh cho hắn một bài học. Chuyện nhỏ như con thỏ, Bevvie ạ. Nhỏ như con thỏ ấy mà.

Lần đầu tiên kể từ khi bị con đàn bà khốn kiếp tấn công bất ngờ rồi bỏ của chạy lấy người, Tom mới cảm thấy vui được chút ít.

6

Audra Denbrough đáp chuyến bay hạng thương gia của hãng hàng không British Airways trên máy bay DC-10. Cô rời Heathrow lúc 6 giờ 10 tối hôm ấy và đuổi theo mặt trời từ lúc đó đến giờ. Mặt trời vẫn đang thẳng - nói đúng hơn là đã thẳng - nhưng chuyện đó chẳng mấy quan trọng. Đúng là thánh nhân đãi kẻ khù khờ, cô phát hiện chuyến bay 23 của hãng British Airways, từ London đến Los Angeles, có dừng lại để tiếp nhiên liệu... ở Sân bay Quốc tế Bangor.

Ngày hôm ấy thật sự là một cơn ác mộng. Freddie Firestone, nhà sản xuất bộ phim *Phòng áp mái*, tất nhiên muốn gặp Bill bàn rõ ngọn ngành. Phát sinh trục trặc với cô diễn viên đóng thế vốn dĩ sẽ đóng cảnh ngã xuống cầu thang thay Audra. Hóa ra diễn viên đóng thế cũng có hiệp đoàn, và nữ diễn viên kia đã hoàn thành hạn mức đóng thế trong tuần hay thứ ngớ ngẩn gì đó. Hiệp đoàn yêu cầu Freddie phải ký một bản tăng lương hoặc thuê nữ diễn viên khác đóng thay. Vấn đề nằm ở chỗ không có nữ diễn viên nào khác sở hữu thân hình sát với tạng người của Audra. Freddie hỏi ông chủ hiệp đoàn rằng thế thì họ sẽ phải thuê một nam diễn viên đóng thế sao? Cảnh bị ngã cũng không cần phải thực hiện trong bộ dạng khoe hông khoe ngực. Họ có bộ tóc giả màu nâu đỏ, nhân viên hóa trang có thể chữa cháy cho nam diễn viên bằng cách độn ngực và hông. Cả độn hông nếu cần.

Đó là đi đầu bất khả thi, anh bạn ơi, ông chủ hiệp đoàn đáp thế. Để một người đàn ông làm việc thay cho phụ nữ đi ngược lại thể chế của hiệp đoàn. Đó là phân biệt giới tính.

Trong giới làm phim, ai cũng biết Freddie nổi tiếng nóng tính như lửa, và đến lúc này thì ông đã tức nước vỡ bờ. Ông rửa xả ông chủ hiệp đoàn, một lão béo với thứ mùi cơ thể thối điếc cả mũi, là đồ chết toi. Ông chủ hiệp đoàn nói Freddie liệu mà giữ mồm giữ miệng kẻo không có màn đóng thế nào trong bộ phim *Phòng áp mái*. Đoạn hấn ta xoa ngón cái và ngón trỏ vào nhau làm động tác xin đều, lúc này, Freddie tức lờn lộn. Lão chủ hiệp đoàn to lớn nhưng người dặt dẹo; còn Freddie vẫn đá bóng khi nào có dịp và ngày trước từng ghi được trăm điểm trong trận cricket, thành thử ông vừa cao to vừa lực lưỡng.

Ông quăng lão chủ ra ngoài, quay lại văn phòng để thiếp tĩnh tâm, rồi chừng hai mươi phút sau, ông bước ra và hét ầm ĩ đòi gặp Bill. Ông muốn viết lại toàn bộ phân cảnh này để xóa cú ngã kia đi. Audra đành phải thú thật với Freddie rằng Bill không còn ở Anh nữa.

“*Cái gì?*” Freddie hét lên, miệng há hốc. Ông nhìn Audra như thể ông nghĩ cô bị thần kinh. “Cô bảo cái gì kia?”

“Anh ấy bị gọi về Mỹ - đó là đi đầu em đang nói với anh.”

Trông Freddie thiếu đi điều muốn tóm cổ cô, Audra rút lại, có chút sợ hãi. Ông nhìn xuống hai tay, đoạn đút tay vào túi và chỉ chăm chăm nhìn cô.

“Em xin lỗi, Freddie,” cô lí nhí. “Em thành thật xin lỗi.”

Cô đứng dậy, rót một tách cà phê từ bình Silex trên bếp của Freddie thì phát hiện tay mình đang run rẩy. Khi ngẩng xuống ghế, cô nghe thấy giọng của Freddie oang oang trên loa, bảo mọi người tềch về nhà hay té đi quán rượu hết đi vì buổi quay hôm nay bị hủy. Audra nhẩn mặt. Chỉ ít mườ

ngành băng Anh đã đổ sông đổ biển.

Freddie tắt hệ thống truyền thông nội bộ, đứng dậy rót cho mình một tách cà phê. Đoạn ông ngả xuống và đưa cô gói thuốc Silk Cut của mình.

Audra lắc đầu.

Freddie rút một điếu, châm thuốc rồi nheo mắt nhìn cô qua làn khói. “Có chuyện nghiêm trọng phải không?”

“Phải,” Audra đáp, cố giữ nét mặt điềm tĩnh hết mức có thể. “Xảy ra chuyện gì vậy?”

Và vì cô thật lòng quý mến cũng như tin tưởng Freddie, cô đem hết mọi chuyện ra kể. Freddie lắng nghe như nuốt từng lời từng chữ. Không tốn quá nhiều thời gian để kể hết; khi cô kể xong, cửa vẫn đóng kín và xe trong bãi đỗ bên ngoài bắt đầu nổ máy.

Freddie lặng thinh hồi lâu, ngược nhìn khung cảnh ngoài cửa sổ. Đoạn ông quay sang nhìn cô. “Cậu ấy bị suy nhược thần kinh rồi.”

Audra lắc đầu. “Không. Chuyện không phải thế. Anh ấy không như thế.” Cô nuốt nước bọt và nói tiếp, “Có lẽ anh phải ở đó thì mới hiểu được.”

Freddie cười nhếch mép. “Hắn cô phải biết đàn ông trưởng thành chẳng mấy khi giữ những lời hứa mình hứa hẹn từ thuở còn thơ. Và cô đã đọc tác phẩm Bill viết rồi, cô biết đa phần nội dung là về những tháng ngày thơ ấu, và quả thật, nội dung rất hay. Rất chuẩn là đằng khác. Vậy nên việc cậu ấy quên hết những gì đã xảy ra với mình ngày xưa rất kỳ lạ.”

“Những vết sẹo trên tay anh ấy,” Audra nói. “Trước giờ làm gì có. Đến sáng nay tự dưng chúng hiện lên.”

“Vớ vẩn! Chỉ là đến tận sáng nay cô mới để ý đến nó thôi.”

Cô nhún vai bất lực. “Sao em lại không để ý được kia chứ.”

Cô có thể thấy ông ấy không hề tin lời cô nói.

“Thế giờ mình làm gì đây?” Freddie hỏi mà cô chỉ biết lắc đầu. Freddie châm thêm điếu thuốc từ mẩu thuốc còn âm ỉ. “Anh có thể dàn xếp đâu vào đó với tay sếp bên hiệp đoàn,” ông nói. “Nhưng chắc anh không thể thân chinh đi được; giờ hắn ta còn khuya mới chấp nhận sắp cho anh một diễn viên đóng thế. Để anh cử Teddy Rowland qua văn phòng của hắn. Teddy tuy xăng pha nhót nhưng có cái lưỡi dẻo quẹo, gọi chim thì chim còn tự sà xuống từ trên cây. Nhưng sau đó thì sao? Chúng ta còn bốn tuần để quay, mà đức ông chồng của em lại ở tít tận Massachusetts...”

“Maine mới đúng...”

Ông phẩy tay. “Đâu chả được. Rồi không có anh ta, em tính xoay xở thế nào?”

“Em...”

Ông cúi người tới trước. “Anh rất quý em, Audra. Anh thật sự rất quý. Anh cũng quý Bill – bất chấp mớ bong bóng này. Nhưng thôi, khéo co thì ấm. Nếu kịch bản cần sửa đổi thì anh sẽ sửa đổi. Có Chúa biết, anh đã nhiều lần đập bên này, vá bên kia rồi chứ chẳng lạ gì nữa... Nếu anh ta không thích thành quả cuối cùng thì anh ta tự đi mà trách cứ bản thân. Anh có thể làm mà không có Bill, nhưng anh không thể hoàn thành mà không có em. Anh không thể để em chạy theo đấng phu quân của em về Mỹ, và anh muốn em toàn tâm toàn ý vào bộ phim. Em có làm được không?”

“Em không biết.”

“Anh cũng chẳng biết. Song anh muốn em cân nhắc. Ta có thể bùng bít chuyện này trong một thời gian, có thể suốt quãng thời gian còn lại của đợt quay, nếu em đủ sức đứng mũi chịu sào và làm tốt công việc của mình.

Nhưng nếu em bay qua Mỹ thì cây kim trong bọc không lòi ra mới lạ. Anh có thể khó tính, nhưng bản chất anh không phải hàng hẹp hòi và anh sẽ không nói những câu như nếu bay đi Mỹ thì em đừng hòng quay lại làng diên. Tuy nhiên, em nên biết nếu em mang tiếng xấu vì làm việc tùy hứng như vậy, có khi em chẳng tiến xa được đâu. Anh nghĩ cho em nên mới trút ruột gan như vậy. Em có thấy giận không?”

“Không,” cô bàng quan đáp. Thực tế, cô chẳng còn tâm trí nào để quan tâm. Trong đầu cô lúc này chỉ có hình ảnh của Bill. Freddie là một người tử tế, song ông không hiểu, theo như những gì ông vừa phân tích, dù ông đang hoang hay không, đi đâu duy nhất ông nghĩ đến là liệu bộ phim sẽ bị ảnh hưởng như thế nào. Ông ấy chưa thấy ánh mắt của Bill... hay nghe anh lấp bắp không nên lời.

“Tốt,” ông đứng dậy. “Đến Hare & Hounds với anh. Mình làm một ly cho khuây khỏa.”

Cô lắc đầu. “Em không có tâm trạng uống lúc này. Em sẽ về nhà suy nghĩ.”

“Vậy để anh gọi xe cho em,” ông nói.

“Thôi. Em sẽ đi tàu.”

Ông nhìn cô chăm chăm, một tay đặt lên điện thoại. “Anh đoán em định đuổi theo cậu ta phải không,” Freddie nói, “và anh nói này, anh thấy đi đâu này là sai lầm nghiêm trọng đấy. Cậu ta có chuyện phải lo, nhưng về bản chất, cậu ta đủ vững vàng. Rồi cậu ta sẽ vượt qua nó và trở về thôi. Nếu muốn em đi cùng, hẳn cậu ấy đã nói rồi.”

“Em chưa quyết định gì cả,” cô đáp, dù trong lòng cô biết mình đã quyết định xong cả rồi, cô đã đưa ra quyết định từ trước khi xe đến đón cô sáng nay.

“Liệu mà giữ mình đấy,” Freddie căn dặn. “Đừng làm những điều khiến sau này em phải hối tiếc.” cô cảm thấy áp lực từ con người ông đè nặng lên cô, bắt cô phải quy hàng, bắt cô phải hứa hẹn, phải làm việc, phải bị động chờ Bill quay về... hoặc lại biến mất vào cái hố sâu hoắm của quá khứ mà anh từng bước ra.

Cô đến bên Freddie và khẽ hôn lên má ông. “Gặp lại anh sau nhé, Freddie.” Cô về nhà, gọi cho British Airways. Cô nói với nhân viên cô muốn đến một thị trấn nhỏ ở Maine mang tên Derry càng sớm càng tốt. Có một khoảng lặng trong lúc cô nhân viên kiểm tra máy tính... và rồi tin cô nhận được như tín hiệu từ thiên đường, rằng chuyến BA #23 có dừng ở Bangor, cách nơi cô muốn đến chưa tới tám mươi ki-lô-mét.

“Tôi đặt vé cho quý khách nhé?”

Audra nhắm mắt, mừng tượng lại khuôn mặt góc cạnh, nhưng hiên lành, vô cùng chân thành của Freddie, vắng vắng trong đầu lời ông nói: *Liệu mà giữ mình đấy. Đừng làm những điều khiến sau này em phải hối tiếc.*

Freddie không muốn cô đi; Bill không muốn cô đi, vậy tại sao trái tim cô lại thét gào bắt mình đi cho bằng được? Cô nhắm mắt, *Chúa ơi, con thật hết thuốc chữa...*

“A lô? Quý khách còn ở đó không ạ?”

“Cô đặt đi,” Audra nói rồi ngấn ngừ. *Liệu mà giữ mình đấy...* Hay cô cứ thư thư, ngăn cách mình và sự điên loạn này một chút nhĩ. Cô lục trong ví tìm thẻ American Express. “Chuyến bay ngày mai. Nếu có thì đặt hạng thương gia cho tôi, còn không có cũng không sao.” *Nếu mình đổi ý, mình có thể hủy chuyến bay mà. Chắc là mình sẽ đổi ý thôi. Mình sẽ tỉnh dậy với đầu óc tỉnh táo và mọi chuyện sẽ rõ ràng hơn.*

Nhưng sáng hôm nay, chẳng có gì rõ ràng, trái tim cô vẫn không ngừng gào thét thúc giục. Giấc ngủ của cô như vô vàn ác mộng đan xen. Rồi cô gọi Freddie, không phải vì cô muốn mà là vì cô thấy cô nợ ông đi đầu đó. Cô chưa kịp làm gì – cô đang vụng về tìm cách giải thích cô cảm thấy Bill đang rất cần cô – thì nghe thấy một tiếng đập máy khe khẽ bên đầu dây của Freddie. Ông đập máy mà chẳng buồn nói gì ngoài câu chào.

Nhưng theo một cách nào đó, Audra lại thấy cái đập máy khe khẽ ấy nói cho cô biết mọi đi đầu cần phải nói.

7

Máy bay đáp xuống Bangor lúc 7 giờ 9 phút theo múi giờ miền Đông. Audra là hành khách duy nhất rời khỏi máy bay, những người khác nhìn cô đầy tò mò, có lẽ họ đang tự hỏi tại sao lại có người xuống ở chốn khi ho cò gáy này. Audra nghĩ đến chuyện nói với họ, *Tôi đang đi tìm chồng mình, lý do là thế đấy. Anh ấy quay về một thị trấn nhỏ nằm gần đây vì người bạn thời thơ ấu của anh ấy gọi điện thoại tới và nhắc lại lời hứa năm xưa mà đến chồng tôi còn chẳng nhớ. Cuộc gọi còn khiến anh ấy nhớ ra hơn hai mươi năm qua, anh ấy chưa một lần nghĩ về người em trai đã chết của mình.Ồ phải: nó còn khiến anh ấy nói lắp trở lại... và có thêm những vết sẹo trắng trên lòng bàn tay.*

Cô đoán cô mà nói thế, nhân viên hải quan đứng trực ở cầu hàng không sẽ tuýt còi gọi nhân viên an ninh mặc áo trắng.

Cô lấy túi hành lý duy nhất của mình – trông nó thật cô đơn trên băng chuyền hành lý - và đi thẳng đến quầy cho thuê xe ô tô giống như Tom Rogan một tiếng sau đó. Nhưng được cái cô may mắn hơn; Đơn vị Thuê xe Quốc gia cho cô thuê chiếc Datsun.

Cô nhân viên đi đến quầy tờ cho Audra ký.

“Em cũng ngờ ngợ là chị,” cô gái nói, đoạn thở thẽ. “Em có thể xin chữ ký của chị không?”

Audra ký tặng, đoạn vừa viết tên cô đăng sau mẫu đơn vừa nghĩ thầm: *Cứ tận hưởng nó chừng nào còn có thể đi, cô bé. Nếu Freddie Firestone nói đúng, năm năm nữa, nó sẽ chẳng đáng giá một xu.*

Cô lấy làm thú vị khi nhận ra chỉ mới quay lại đất Mỹ mười lăm phút mà cô đã bắt đầu tư duy như người Mỹ.

Cô lấy một tấm bản đồ đường, và cô nhân viên, mừng vui đến độ á khẩu khi gặp diễn viên, chỉ cho cô tuyến đường đến Derry tiện nhất.

Mười phút sau, Audra đã băng băng trên đường, ở mỗi nút giao, cô lại phải dựa vào bản thân nếu cô quên mất mà lái bên trái thì người ta sẽ phải cạo cô từ mặt đường nhựa.

Và càng lái, cô càng nhận ra cả đời mình, chưa khi nào cô sợ hãi như hiện tại.

8

Chẳng biết số mệnh run rủi thế nào (mà ở Derry, số mệnh hay run rủi lắm), Tom thuê phòng ở Nhà nghỉ Koala trên đường Jackson Phía Ngoài, còn Audra thuê phòng ở Nhà nghỉ Holiday; hai nhà nghỉ này nằm cạnh nhau, bãi đậu xe được phân cách bằng vỉa hè xi măng xây cao. Và đã tình cờ thì tình cờ cho trót, chiếc Datsun mà Audra thuê và chiếc xe LTD Tom mua đậu đối diện nhau, chỉ cách nhau lối đi bộ. Cả hai đang say giấc nồng, Audra nằm nghiêng ngủ yên, còn Tom Rogan nằm thẳng lưng, ngáy ầm ỉ đến độ bờ môi sưng phồng lạch phà lạch phạch.

9

Henry trốn chui trốn nhủi cả ngày hôm ấy – hẩn nấp dưới cổng rãnh cạnh Tuyến số 9. Thỉnh thoảng hẩn chớp mắt. Thỉnh thoảng hẩn nằm im quan sát cảnh sát đi ngang qua như chó săn. Trong lúc Hội Cùi Bắp ăn trưa, Henry nghe những giọng nói phát ra từ Mặt Trăng.

Đêm đến, hẩn bước đến bên vệ đường và chìa ngón tay cái lên.

Một h ồi sau, có kẻ ngốc đánh xe đến, cho hẩn quá giang.

DERRY

TAO ĐOẠN THỨ BA

Chú chim sà xuống bên đường

Chẳng hề hay biết tôi giương mắt nhìn

Và rồi hơi thở lặng thinh

Căn đôi, nuốt sống thân mình chú giun.

Ngày 17 tháng 3 năm 1985

Trận cháy ở Điểm Đen xảy ra vào cuối thu năm 1930. Theo như những gì tôi có thể xác minh, vụ cháy ấy – vụ cháy khiến bố tôi đứng giữa làn ranh sinh tử – kết thúc chuỗi án mạng và mất tích xảy ra trong năm 1929-1930, tương tự như vụ nổ ở Xưởng đúc đặt dấu chấm hết cho chu kỳ của hai mươi lăm năm trước đó. Dường như cần phải có một sự hy sinh khiếp đảm ở cuối chu kỳ để xoa dịu thế lực kinh hoàng đang hoành hành nơi đây... để đưa Nó chìm vào giấc ngủ trong một phần tư thế kỷ nữa.

Nhưng nếu cần phải có hy sinh để kết thúc mỗi chu kỳ, thì cần phải có một sự kiện tương đương để chu kỳ ấy bắt đầu.

Suy luận này đưa tôi đến vụ Băng đảng Bradley.

Vụ hành hình xảy ra ở giao lộ ba con đường: đường Kênh Đào, đường Chính và đường Kansas – cách không xa địa điểm trong bức ảnh chuyển động mà Bill cùng Richie trông thấy vào tháng Sáu năm 1958 – khoảng mười ba tháng trước trận cháy ở Điểm Đen, vào tháng Mười năm 1929... trước khi thị trường chứng khoán cắm đầu không lâu.

Bàn về vụ cháy ở Điểm Đen, rất nhiều người dân Derry xem chừng không nhớ chuyện gì đã xảy ra vào cái ngày định mệnh đó. Họ không có ở thị trấn hoặc đi thăm bà con. Hoặc chiều hôm ấy, họ đang ngủ và không hay biết biến cố ập tới cho đến khi nghe tin trên đài vào buổi tối. Hoặc họ đơn giản là trang trí nhìn thẳng vào mặt anh và nói dối trắng trợn.

Lịch trực của cảnh sát hôm ấy cho thấy Cảnh sát trưởng Sullivan không có mặt ở thị trấn (*Tôi nhớ như in mà, ông Alaysius Nell kể với tôi trên ghế từ hiên sưởi nắng trong Viện dưỡng lão Paulson ở Bangor. Năm ấy là năm đầu tiên tôi gia nhập lực lượng, nên tôi nhớ kỹ lắm. Ông ấy đi săn chim ở miền tây Maine. Lúc ông ấy trở về, các nạn nhân đã được quăn lại và mang đi. Jim Sullivan nổi cơn tam bành*), nhưng bức hình trong cuốn sách tham khảo về các băng đảng mang tên *Huyết thư* và *Ác nhân* chụp một người đàn ông đang nở nụ cười đến tận mang tai bên cạnh thi thể xơi ڤầy kẹo ڤờng của Al Bradley trong nhà xác, và nếu người đó không phải Cảnh sát trưởng Sullivan thì hẳn ấy phải là em trai sinh đôi của ông ta.

Nhờ ông Keene mà cuối cùng, tôi mới hay phiên bản thực sự của câu chuyện - ông Norbert Keene, chủ tiệm thuốc ڤường Trung Tâm từ năm 1925 đến tận năm 1975. Ông không ngại trò chuyện với tôi, nhưng giống như bố của Betty Ripsom, ông yêu cầu tôi phải tắt máy thu âm rồi mới ڤềng ý khơi mở câu chuyện - mà thế cũng không thành vấn ڤề, tôi vẫn nghe thấy giọng nói mỏng tang của ông - một giọng hát *capella* trong ca ڤoàn bị nguyền rủa vốn là thị trấn này.

“Chẳng có lý do gì ڤề ta không kể với cháu,” ông nói. “Chẳng có người nào chịu tin ڤâu, mà giả như có chẳng nữa, cũng chẳng ai tin.” Ông ڤưa cho tôi một hộp ڤựng thuốc kiều cồ. “Ăn que kẹo cam thảo không? Ta nhớ ngày xưa, cháu thích những que kẹo màu ڤỏ này lắm mà, phải không

Mikey?”

Tôi nhón lấy một que. “Cảnh sát trưởng Sullivan có mặt hôm ấy không ạ?”

Ông Keene phá lên cười rồi lấy một que kẹo cam thảo cho mình. “Cháu thắc mắc chuyện này à?”

“Dạ phải,” tôi thành thật, miệng nhai kẹo cam thảo màu đỏ. Đã lâu lắm rồi, từ ngày còn bé đến giờ, những ngày còn đưa đồng xu lẻ cho một ông Keene trẻ trung hơn, tràn đầy nhựa sống hơn, tôi mới ăn lại loại kẹo này. Nó vẫn ngon như xưa.

“Ngày Bobby Thomson đánh cú *home run* cho đội Giants trong trận tranh suất vào vòng trong năm 1951, cháu còn quá bé nên có lẽ không nhớ,” ông Keene kể. “Lúc ấy cháu mới bốn tuổi đầu chứ nhiều. Chà! Vài năm sau, người ta đăng báo về trận đấu và một triệu con người ở New York tuyên bố họ đã ở sân bóng vào ngày hôm ấy.” Ông Keene ngậm kẹo cam thảo, nước bọt màu tối nhều ra từ khóe miệng. Ông lấy khăn mùi xoa chùi thật tỉ mỉ. Khi ấy, chúng tôi đang ngồi trong văn phòng đằng sau tiệm thuốc, dù ông Norbert Keene đã tám mươi lăm tuổi và đã nghỉ hưu mười năm, ông vẫn lo sổ sách cho cháu trai.

“Vụ Băng đảng Bradley thì ngược lại trăm tám mươi độ!” Keene cảm thán. Ông mỉm cười, nhưng nụ cười chẳng có vẻ gì là thoải mái – nụ cười ấy đa đoan, hơi tưởng một cách lạnh lùng. “Ngày ấy, có khoảng 20.000 người sống ở trung tâm thị trấn Derry. Đường Chính và đường Kênh Đào đã được lát đá bốn năm nhưng đường Kansas vẫn còn là đường đất. Mùa hè thì bụi tung mù mịt, tháng Tám và tháng Mười thì sinh lầy. Qua tháng Sáu, người ta tráng dãi lên mặt đường dải Dặm Trên, và cứ đến ngày 4 tháng 7, thị trưởng lại ba hoa về việc lát đường Kansas, dù rốt cuộc đi đâu

đó chẳng xảy ra cho đến tận năm 1942. Nó... ôi ban này ta đang nói gì nhỉ?”

“Khoảng 20.000 người sống ở trung tâm thị trấn Derry ạ,” tôi nhắc.

“À ừ. Chà, trong số 20.000 cư dân, có khoảng một nửa đã qua đời, hoặc có khi còn nhiều hơn – năm mươi năm là một quãng thời gian dài. Và ở Derry, chẳng hiểu nguyên cớ gì mà người ta chết trẻ nhiều lắm. Có lẽ là do không khí. Nhưng trong số những người còn sống, ta không nghĩ cháu sẽ tìm được hơn chục người bảo họ có mặt trong thị trấn vào cái ngày Băng đảng Bradley đến Tophet. Ta đoán ông Butch Rowden ở hàng thịt sẽ là một trong những người dám kể – ông ấy treo trên tường quầy thịt của mình tấm ảnh chụp một trong những chiếc xe. Nhìn bức hình, còn khuya mới biết được ấy là chiếc xe. Charlotte Littlefield có thể kể một đôi đi ầu, nếu cháu biết cách lấy lòng bà ấy; bà ấy dạy ở trường trung học, và dù ta nhớ khi đó bà ấy chưa đến mười, mười hai tuổi, nhưng ta dám cá bà ấy nhớ rất nhiều. Carl Snow... Aubrey Stacey... Eben Stampnell... cả lão già chuyên vẽ những bức tranh kỳ cục và nốc rượu như hũ chìm suốt đêm ở Wally's – nếu ta nhớ không lầm, lão ấy tên là Pickman thì phải – họ đều nhớ. Họ đều có mặt ở đấy mà...”

Giọng ông tắt dần, ông đưa mắt nhìn vào que kẹo cam thảo trong tay. Tôi toan chọt vào người ông nhưng lại thôi.

Mãi lúc sau, ông nói tiếp, “Đa phần mọi người sẽ nói dối, giống như cách người ta bịa đặt mình đã có mặt chứng kiến Bobby Thomson đánh cú home run, ý ta là thế. Nhưng người ta bịa chuyện họ có mặt ở trận bóng ấy vì họ ước ao mình thật sự có mặt. Còn những người nói dối với cháu rằng họ không ở Derry vào ngày hôm ấy vì họ ước họ không có mặt. Cháu có hiểu ý ta không, con trai?”

Tôi gật đầu.

“Cháu có chắc mình muốn nghe nốt câu chuyện không?” Ông Keene hỏi tôi. “Nhìn cháu xanh xao quá, Mikey.”

“Cháu không muốn nghe,” tôi đáp, “nhưng cháu nghĩ mình nên nghe cho hết.”

“Được,” ông Keene nhẹ nhàng nói. Hôm ấy như một ngày hoài niệm, khi được ông đưa cho hũ đựng kẹo cam thảo, tôi chợt nhớ đến chương trình phát thanh mà bố mẹ tôi hay nghe khi tôi còn là một cậu bé: *Ông Keene truy tìm người mất tích*.

“Hôm ấy, cảnh sát trưởng cũng có mặt. Lý ra, ông ta đi bắn chim, nhưng ông ấy đổi ý nhanh như chớp khi Lal Machen xuất hiện và báo ông này rằng Al Bradley sẽ đến vào buổi chiều hôm ấy.”

“Làm sao Machen biết đi đâu đó?” Tôi hỏi.

“Chà, giấy chẳng gói được lửa đâu cháu ạ” ông Keene nói, và nụ cười đa đoan ấy lại khiến nếp nhăn xô lại trên khuôn mặt ông. “Bradley không phải Kẻ thù số một Quốc gia trên danh sách xếp hạng của FBI, nhưng họ vẫn muốn thòp cổ được hắn – từ năm 1928 thì phải. Ta đoán chắc là để minh chứng họ có tiếng và cũng có miếng. Al Bradley và người em trai George của hắn đã cướp sáu, bảy ngân hàng khắp vùng Trung Đông, bắt cóc một nhân viên ngân hàng đòi tiền chuộc. Họ trả tiền chuộc – 30.000 đô-la, số tiền đó vào ngày ấy rất lớn – nhưng rồi cuộc, chúng vẫn giết chết con tin.

Lúc ấy, vùng Trung Đông bắt đầu sôi sục trước đám cơn đò, băng đảng hoành hành ở đó, nên Al và George cùng bè lũ chuột nhắt bọn chúng chạy lên Đông Bắc, về phía vùng này. Chúng thuê một nông trại rộng lớn ở ngoài rìa địa phận Newport, cách Nông trại Rhulin ngày nay không xa.

Chuyện xảy ra vào những ngày tháng oi ả của mùa hè năm 29, có thể là vào tháng Bảy, tháng Tám hoặc thậm chí là đầu tháng Chín... ta không dám chắc chắn về thời điểm cho lắm. Bọn chúng có tám tên cả thầy - Al Bradley, George Bradley, Joe Conklin và em trai Cal, một gã Ireland mang tên Arthur Malloy có biệt danh là 'Jesus Malloy Lén Lút' vì hắn cận thị nhưng không bao giờ đeo kính trừ trường hợp bất khả kháng, Patrick Caudy, một gã thanh niên từ Chicago với lời đồn là một kẻ cuồng sát nhưng hào hoa phong nhã như [Adonis](#). Ngoài ra còn có hai phụ nữ trong băng đảng của chúng: Kitty Donahue, người vợ hợp pháp của George Bradley, và Marie Hauser, vốn là nữ nhân của Caudy nhưng thỉnh thoảng lại được chuyển tay hết kẻ này đến kẻ khác, theo như những câu chuyện chúng ta nghe kể sau này.

Trong thần thoại Hy Lạp, Adonis là một chàng trai vô cùng tuấn tú, chiếm trọn trái tim của hai nữ thần Aphrodite và Persephone.

Chúng đã nhận định sai lầm khi đến đây, con trai ạ - chúng lầm tưởng chúng cách xa Indiana nên an toàn.

Chúng im hơi lặng tiếng một thời gian, nhưng ngựa quen đường cũ, chúng quyết định đi săn. Chúng nắm giữ lượng lớn hỏa lực nhưng hơi thiếu đạn dược. Vì thế, vào ngày mùng 7 tháng 10, cả bọn tiến vào Derry bằng hai chiếc ô tô. Patrick Gaudy đưa hai người phụ nữ lòng vòng mua sắm trong lúc những tay khác vào Dụng cụ Thể thao Machen. Kitty Donahue mua một chiếc váy ở Freeses, và hai ngày sau, ả cũng bỏ mạng tại đó.

Lal Machen thân chinh mai phục băng đảng này. Ông ấy qua đời năm 1959 do béo phì. Ông ấy phệ lắm. Nhưng mắt ông ấy sáng như cú vọ, và ông ấy nói ông biết đối phương là Al Bradley ngay phút giây hắn ta bước

vào. Ông ấy cũng nhận ra một vài kẻ khác, nhưng ông hơi ngờ ngợ về Malloy cho đến khi hắn đeo kính để nhìn bộ dao trưng bày trong tủ kính cho rõ.

Al Bradley bước đến chỗ ông và nói, ‘Chúng tôi muốn mua súng đạn.’

‘Chà,’ Lal Machen đáp, ‘các vị đến đúng chỗ rồi.’

Bradley đưa cho ông một tờ giấy, Lal bèn đọc qua. Theo những gì ta biết, tờ giấy đã mất rồi, nhưng theo lời Lal kể, nội dung ghi bên trên đủ khiến ta lạnh người. Chúng muốn mua 500 viên đạn .38 ly, 800 viên đạn cỡ 45, 60 viên đạn cỡ 50, loại này giờ không sản xuất nữa, đạn súng hoa cải bắn thú lớn và bắn vịt, 1.000 viên đạn cỡ .22 cho súng trường ngắn và súng trường dài. Ngoài ra - chú nghe nhé – 16.000 viên đạn súng máy cỡ 45.’

“Trời ơi là trời!” Tôi bàng hoàng.

Ông Keene lại nở nụ cười chua cay và đưa tôi hũ kẹo. Tôi lắc đầu nhưng hồi sau cũng nhón lấy một cây.

‘Danh sách mua sắm hoành tráng quá các chàng trai nhỉ,’ Lal nhận xét.

‘Đi thôi, Al,’ Jesus Malloy Lén Lút nói. ‘Tao đã bảo mày rằng còn khuya mình mới gom được ở cái thị trấn khỉ ho cò gáy này mà. Lên Bangor đi. Ở đó chắc cũng chẳng có đâu, nhưng tao có thể bắt xe.’

‘Việc gì phải vội thế,’ Lal nói với vẻ phớt tỉnh. ‘Đơn hàng ngon lành thế này, sao tôi có thể để sống vào tay tên Do Thái sống trên Bangor kia chứ. Tôi có thể giao cho các anh đạn .22 liền lúc này, toàn bộ đạn bắn chim và nửa lượng đạn bắn thú lớn. Ngoài ra, tôi có thể giao 100 viên cỡ 38 và cỡ .45. Tôi có thể thu xếp phần còn lại cho các anh.’... Lal nhắm hờ mắt và gõ lên cằm như thể đang tính toán. ‘... trước ngày mốt. Các anh thấy sao?’

Bradley cười thiếu đi đầu toét cả hàm và bảo như thế thì tuyệt vời ông

mặt trời. Cal Conklin nói hắn vẫn sẽ lên Bangor nhưng không ai thuận theo. ‘Nếu ông thấy sức mình kham không nổi đơn hàng này thì ông liệu mà nói trước luôn đi,’ Al Bradley nói với Lal, ‘vì tôi là một gã tốt bụng ra phết, nhưng tôi mà đã nổi điên lên thì trời long đất lở đấy. Ông hiểu ý tôi chứ?’

‘Tôi hiểu,’ Lal nói, ‘và tôi sẽ chuẩn bị lượng vũ khí như các vị muốn, thưa...?’

‘Rader,’ Brady đáp. ‘Richard D. Rader, xin hân hạnh phục vụ.’

“Hắn chìa tay ra, Lal bắt lấy, nụ cười nhõm trên môi. Rất hân hạnh, thưa anh Rader.”

Đoạn Bradley hỏi mấy giờ hắn cùng đồng đảng qua lấy hàng được, Lal Machen bèn hỏi họ thấy 2 giờ chiều có được không. Cả bọn đồng ý rồi ra về Lal nhìn theo bọn chúng. Ở vỉa hè bên ngoài, chúng nhập bọn với hai phụ nữ và Gaudy. Lal cũng nhận ra cả Gaudy.”

“VẬY,” ông Keene nhìn tôi, mắt sáng quắc, “cháu nghĩ Lal đã làm gì? Báo cảnh sát à?”

“Cháu đoán ông ấy không gọi,” tôi nói, “dựa trên những gì đã xảy ra. Còn cháu chắc sẽ quỳnh quáng té gãy chân lúc mò đến điện thoại mất.”

“Chà, có thể có, mà cũng có thể không” ông Keene nói, vẫn nụ cười ngạo nghễ ấy, vẫn đôi mắt sáng quắc ấy, và tôi rùng mình, vì tôi hiểu ý ông là gì... còn ông, ông biết tôi thừa hiểu. Một khi khối cầu nặng trịch bắt đầu lăn thì chẳng có gì ngăn cản nổi; nó sẽ lăn tiếp cho đến khi tới một mặt phẳng đủ dài để tiêu biến bớt động năng. Anh có thể đứng ngay đằng trước khối cầu ấy và bị cán bẹp... nhưng đi đâu đó cũng chẳng ngăn cản được nó.

“Chà, có thể có, mà cũng có thể không,” ông Keene lặp lại câu nói vừa rồi của mình. “Nhưng ta có thể kể cho cháu nghe việc Lal Machen đã làm. Ngày hôm đó và nguyên ngày hôm sau, khi có người quen bước vào tiệm

mà là cánh mày râu, ông ấy sẽ kể mình biết thủ phạm lẫn khuất trong khu rừng quanh đường ranh giới Newport – Derry, dùng 'chó lửa' săn bắn nai, gà rừng và có khi cả những trò cầnn thú khác. Thủ phạm chính là Băng đảng Bradley. Ông chắc như đinh đóng cột vì ông nhận ra cả bọn. Ông kể Bradley và bè lũ của hắn sẽ quay lại vào khoảng 2 giờ chiều hôm sau để lấy nốt phần đơn hàng còn lại. Ông bảo với họ ông đã hứa sẽ giao cho Bradley tất cả lượng đạn được hắn muốn, và ông dự định sẽ giữ đúng lời hứa.”

Trong bản gốc dùng cụm “Kansas City typewriters” là tiếng lóng chỉ súng đạn. Ở bản tiếng Việt dùng từ lóng “chó lửa” để quen thuộc với người đọc.

“Bao nhiêu người ạ?” Tôi hỏi. Tôi như đờ ra trước con mắt lấp lánh của ông. Bất chợt, thứ mùi khô khốc trong gian phòng phía sau – mùi thuốc và thuốc bột kê đơn, mùi dầu Musteroles, Vicks VapoRub và xi-rô ho Robitussin - chợt tất cả những thứ mùi ấy khiến tôi như ngạt thở... nhưng tôi thà chết vì nín thở còn hơn là rời khỏi đây.

“Ý cháu là ông Lal nói chuyện này với bao nhiêu người ấy hả?” Ông Keene hỏi.

Tôi gật đầu.

“Ta không biết chính xác,” ông đáp. “Ta không có mặt ở ngay đó mà làm nhiệm vụ canh gác. Nhưng ta đoán ông ấy tiết lộ với tất cả những người ông ấy thấy tin cậy được.”

“Những người ông ấy tin cậy được,” tôi trầm tư. Giọng tôi hơi khàn.

“Phải rồi,” ông Keene nói. “Cháu biết dân Derry mà. Đâu phải ai cũng trồng rau nuôi bò.” Ông phá lên cười trước câu đùa của mình rồi nói tiếp. “Sau cái ngày Băng đảng Bradley viếng thăm chỗ Lal, ta đến vào khoảng 10 giờ. Ông ấy kể cho ta nghe đầu đuôi câu chuyện rồi hỏi ta muốn làm

dịch vụ gì. Ta chỉ đến để kiểm tra xem cuộn phim cuối cùng của ta đã rửa xong chưa – thời điểm ấy, cửa tiệm ông Machen lo liệu tất tần tật phim ảnh và máy hình Kodak - nhưng sau khi lấy hình xong, ta cũng bảo ta muốn mua ít đạn dược cho khẩu súng trường Winchester.

‘Cậu chuẩn bị đi săn bắn cho vui hả Norb?’ Lal hỏi và đưa cho ta số đạn mình muốn.

‘Chắc tôi sẽ đi làm thịt vài con vật gây hại,’ ta nói, và hai ta cùng khúc khích cười.” Ông Keeng cười ha hả rồi đập chạn chát vào cẳng chân khẳng khiu như thế trước giờ, đây là câu chuyện cười ông tâm đắc nhất. Chúi người tới trước, ông gõ vào đầu gối tôi. “Con trai, ý ta là thế đấy, một đần mười, mười đần trăm. Thị trấn này bé như lỗ mũi ấy mà. Nếu cháu biết kẻ đúng người, thông điệp cháu cần chuyển tải sẽ *được* chuyển tải... cháu thấy đi đâu ta muốn nói chưa? Muốn ăn thêm một que cam thảo không?”

Tôi lấy thêm một que bằng những ngón tay tê rần của mình.

“Ăn béo đấy,” ông Keene nói và hăng hắc cười. Lúc ấy, trông ông thật già nua... già khom, với cặp kính trượt xuống sống mũi hốc hác, da trên hai má căng sát và mỏng tang nên chẳng có nổi vết nhăn.

“Ngày hôm sau, ta mang khẩu súng trường của ta đến tiệm, còn Bob Tanner, cậu trợ lý hay lam hay làm nhất mà ta từng có từ xưa đến nay, mang theo khẩu súng săn của cụ khốt cậu ta. Khoảng 11 giờ hôm ấy, Gregory Cole đến mua bột baking sô-đa và ta thề, nếu ông ta không giắt theo khẩu súng lục Colt .45 trong thắt lưng thì ta đâm đầu xuống đất.

‘Coi chừng bắn bể mấy hòn bi của mình đấy nhé, Greg,’ ta đùa.

‘Tôi băng rừng vượt suối từ Milford đến đây, và tôi vẫn còn đang chênh choáng sau bữa nhậu hôm qua đây,’ Greg đáp. ‘Chắc tôi sẽ bắn bể bi của *kẻ* nào đó trước khi mặt trời xuống núi đấy.’

Khoảng 1 giờ 30, ta đặt tấm biển con con đề TIỆM QUAY LẠI NGAY, XIN HÃY KIÊN NHẪN trên cửa, lấy súng trường rĩa vòng ra con ngõ Richard. Ta hỏi Bob Tanner có muốn đi cùng không thì cậu ta bảo phải kê đơn cho bà Emerson nên sẽ gặp ta sau. ‘Để lại cho tôi một tên còn sống nhé,’ cậu ta nói nhưng ta chỉ đáp ta không hứa hẹn được gì.

Đường Kênh Đào gần như chẳng có người qua kẻ lại, bất kể đi bộ hay đi xe. Thỉnh thoảng có một chiếc xe chở hàng chạy qua, ngoài ra không còn ai khác. Ta trông thấy Jake Pinnette đi ngang, mỗi tay một khẩu súng trường. Ông gặp Andy Criss, thế rĩa hai người bèn đi đến một băng ghế tọa lạc ở Đài Tưởng niệm Chiến tranh - chỗ Kênh Đào đi vào lòng đất đấy.

Petie Vanness, Al Nell và Jimmy Gordon ng ưỡ ở bậc thềm tòa án, ăn bánh mì kẹp và trái cây để trong giỏ đồ ăn, trao đổi với nhau món họ thấy ngon lành giống con nít hay làm trong sân trường. Ai cũng trang bị vũ khí cả. Jimmy Gordon mang theo một khẩu súng trường Springfield Thế chiến thứ nhất trông còn đồ sộ hơn cả người ông ta.

Ta thấy một cậu bé đi bộ lên đường đ ầy Dặm Trên – hình như là Zack Denbrough, bố cậu bạn cũ của cháu thì phải, cái cậu mà sau này theo nghiệp văn chương ấy - Kenny Borton bèn nói vọng ra từ một khung cửa sổ trong Phòng đọc Khoa học Cơ đốc, ‘Cháu ơi, rời khỏi đây đi; chút nữa sẽ có bắn nhau đấy.’ Zack liếc nhìn mặt ông ta rĩa co giò chạy thục mạng.

Khắp nơi đâu có người, ai nấy đều cầm theo súng, họ đứng ở cửa, ng ưỡ trên bậc thềm và nhìn ra ngoài từ cửa sổ. Greg Cole ng ưỡ lối cửa ra vào dưới đường với khẩu súng cỡ .45 trong lòng và khoảng hai tá đạn xếp bên cạnh chẳng khác nào lính đồ chơi. Bruce Jagermeyer và cậu người Thụy Điển, Olaf Theramenius, đứng dưới rạp Bijou trong bóng râm.”

Ông Keene nhìn tôi nhưng không thấy tôi. Mắt ông giờ không còn sắc

sảo nữa mà mơ màng chìm trong kỷ niệm, ṃềm mại như mắt người đàn ông nhớ lại một trong những khoảnh khắc tuyệt vời nhất cuộc đời mình – tỉ dụ như cú *home run* đầu tiên đánh được, hoặc con cá ḥũ đầu tiên câu được to ở mức đáng giữ lại, hoặc lần đầu tiên lên giường mây mưa với phụ nữ.

“Ta nhớ ta nghe thấy tiếng gió, con trai ạ,” ông mơ màng kể. “Ta nhớ ta nghe thấy tiếng gió, tiếng đ̣ồng hồ tòa án điểm 2 giờ. Bob Tanner bước đến sau lưng ta, và tḥần kinh ta căng thẳng đến độ suýt chút nữa ta bắn cậu ta ḅể đ̣ầu.

Thời gian tích tắc trôi, đến 2 giờ 10 phút mà không có chuyện gì xảy ra, rồi 2 giờ 15, 2 giờ 20, chắc cháu nghĩ người ta sẽ lục tục kéo nhau về phải không? Nhưng không hề có chuyện đó. Mọi người chỉ án binh bất động. Vì...”

“Vì mọi người biết bọn chúng sẽ đến phải không ạ? Tôi hỏi. “Trúng phóc.”

Ông nhìn tôi như người thấy hài lòng với phần trả bài của cậu học trò.

“Chính xác!” Ông nói. “Bọn ta biết. Không ai nói thành lời, không ai chép miệng bảo ‘Chà, vậy giờ chúng ta đợi qua 2 giờ 20 phút, và nếu bọn chúng không đến thì tôi xin kiêu về làm việc.’ Mọi thứ chỉ im lặng, và khoảng 2 giờ 25 phút chiều hôm ấy, hai chiếc ô tô, một đỏ, một xanh dương đậm, chạy xuống đ̣ường Dặm Trên, bon bon tiến về phía giao lộ. Một chiếc là xe Chevrolet và chiếc kia là La Salle. Anh em nhà Conklin, Patrick Caudy và Marie Hauser lái Chevrolet. Anh em Bradley, Malloy và Kitty Donahue ở trong La Salle.

Bọn chúng chạy xuống giao lộ, đoạn Al Bradley bất thành linh đạp thắng chiếc La Salle khiến Caudy suýt chút nữa tông vào gã. Con đường yên tĩnh đến lạ lùng khiến Bradley lấy làm lạ. Hẳn là một con thú, nhưng chỉ cần

chút bất thường cũng đủ khiến con thú nâng cao cảnh giác, nhất là khi nó đã trốn chui trốn nhủi như con chồn trong ruộng ngô suốt bốn năm.

Hắn mở cửa xe La Salle, đứng ở bậc xe trong chốc lát. Hắn nhìn quanh, đoạn đưa tay ra hiệu quay về với Caudy. Caudy hỏi lại ‘Sao thế đại ca?’. Ta nghe thấy rành rọt từng từ, đó là thứ duy nhất ta nghe thấy chúng nói ngày hôm ấy. Ta nhớ ánh mặt trời nháy lên, phản chiếu từ chiếc gương cầ tay. Ả Hauser đang dậm phấn mũi.

Ngay lúc ấy, Lal Machen và người giúp việc Biff Marlow lao ra từ cửa hàng nhà Machen. ‘Giơ tay lên, Bradley, chúng mày đã bị bao vây!’ Lal hét lên, và Bradley chỉ vừa mới quay đầu, chưa kịp làm gì thì Lal đã bắt đầu nã đạn. Ban đầu, ông bắn tứ tung, nhưng rồi một viên đạn găm vào vai Bradley. Thứ rượu vang đỏ liền ào ạt tửa ra từ lỗ đạn. Vớ được tay nắm cửa của chiếc xe, Bradley nhào vào trong. Hắn gạt cầ số và đó là lúc mọi người bắt đầu nã đạn.

Vụ xả súng kéo dài trong khoảng bốn, năm phút liền, nhưng suốt quá trình diễn ra, thời gian như dài hơn. Petie, Al và Jimmy Gordon ng ẫ ngay trên bậc thềm tòa án, bắn liên tù tì vào đuôi chiếc xe Chevrolet. Ta trông thấy Bob Tanner khụy gối, nã đạn và kéo thoi nạp đạn của khẩu súng trường cũ kỹ ấy như một tên điên. Jagermeyer và Theramenius bắn vào bên phải chiếc xe La Salle từ rạp chiếu phim, còn Greg Cole đứng trong máng nước, hai tay cầ khẩu súng tự động 45, vận hết sức bình sinh kéo cò lia lịa.

“Chắc phải có khoảng năm, sáu mươi người cùng nã đạn. Khi mọi chuyện kết thúc, Lal Machen đào được 36 viên đạn từ bức tường gạch của tiệm mình. Mà đó là ba ngày sau, khi những cư dân nào của thị trấn này muốn có vật kỷ niệm đã tự l ần mò đến tiệm, lấy dao bở túi đào một viên

đem về Chử nguyên trạng bãi chiến trường ấy chẳng khác nào Trận đánh trên sông Marne. Mọi cửa sổ quanh tiệm của Machen đều bể nát trong tiếng súng trường.

Bradley quanh chiếc La Salle được nửa vòng, hấn rất mau lẹ, nhưng đến lúc hấn quay xe xong thì bốn bánh đã xẹp lép. Hai bên đèn pha đều bị bể, kính chắn gió nát vụn. Jesus Malloy Lén Lút và George Bradley ng ồi ở cửa sổ băng ghế sau, lấy súng lục bắn trả. Ta thấy một viên đạn cắm phập vào cổ Malloy và làm nó bể toác ra. Hấn bắn thêm hai phát nữa rồi gục xuống cửa sổ, hai tay buông thõng.

Gaudy tìm cách quay xe Chevrolet nhưng rồi cuộc lại đâm sầm vào đuôi xe La Salle của Bradley. Đấy chính là hồi chuông báo tử của chúng, con trai ạ. Thanh hãm xung trước của chiếc Chevrolet vướng vào đuôi chiếc La Salle và mọi cơ hội tẩu thoát của chúng đã tan thành mây khói.

Joe Conklin bước ra khỏi băng ghế sau, đứng ngay giữa giao lộ, cầm khẩu súng lục trên tay, hấn bắt đầu xả đạn. Hấn bắn Jake Pinnette và Andy Criss, khiến hai người bọn họ ngã khỏi băng ghế đang ng ồi từ nãy đến giờ rồi ngã lên Cỏ. Andy Criss ông ổng la lên ‘Chết tôi rồi! Chết tôi rồi!’ dù thật ra ông ta chẳng xây xát tí nào, hay nói đúng hơn, cả hai người bọn họ đều bình an vô sự.

Joe Conklin có đủ thời gian bắn sạch hai khẩu súng trong tay mình trước khi viên đạn bay lạc vào người hấn. Áo của hấn phật ra đằng sau, quần dùm lại như thể có phụ nữ vô hình nào đó đang mài khâu vá cái quần. Hấn đội chiếc mũ rơm, và khi nó bay khỏi đầu, ta thấy hấn rẽ tóc ngôi giữa. Cắp nách một khẩu súng, hấn đang loay hoay nạp đạn thì ăn kẹo đường của ai đó rồi đổ rạp xuống. Về sau, Kenny Borton bảo mình chính là kẻ bắn hạ nhưng thật sự chẳng có cách nào xác nhận. Có thể là bất cứ ai trong số họ.

Cal, em trai của Conklin, bước ra sau khi Joe ngã xuống, và rồi hắn cũng ngã đánh rã như đồng gạch với một cái lỗ trên đầu.

Marie Hauser bước ra ngoài. Có thể cô ta đang tìm cách đầu hàng, ta chịu. Trên tay phải, cô ta vẫn mang chiếc gương cầm tay dùng để dạm phẫn mũi. Ta thấy hình như cô ta có la hét ầm ĩ, nhưng lúc đó rất khó nghe. Đạn đang bay vèo vèo xung quanh chúng. Chiếc gương cầm tay bị bắn bật ra khỏi tay ả. Cô ả tìm cách chui lại vào trong xe nhưng một viên đạn cắm vào hông. Cô ta trút chút sức tàn chui vào trong xe thành công.

Al Bradley đẩy La Salle lên tốc độ cao nhất có thể và tìm cách cho nó chạy trở lại. Hắn kéo chiếc Chevrolet thêm được khoảng ba mét thì thanh hãm xung rơi ra.

Nhóm thanh niên thi nhau nã kẹo đồng. Cửa sổ vỡ tung. Một thanh chắn bùn nằm trên đường. Malloy chết tức tưởi ở cửa sổ, nhưng cả hai anh em nhà Bradley vẫn còn sống nhăn. George bắn trả từ băng ghế sau. Bóng hòng của hắn nằm chết ngay bên cạnh, một con mắt bị bắn phọt ra ngoài.

Al Bradley lái xe đến giao lộ lớn, nhưng chiếc xe tới khúc quanh thì khựng lại. Hắn lao ra khỏi ghế lái và ba chân bốn cẳng chạy lên đường Kênh Đào. Kết cục là người hắn thủng lỗ chỗ.

Patrick Gaudy ra khỏi chiếc xe Chevrolet, trong thoáng chốc, cứ tưởng hắn xin đầu hàng thì hắn lại chớp lấy khẩu súng 38 từ bao đeo súng dưới nách. Hắn bắn được đầu đó ba lần, chỉ bắn tứ tung mà thôi, thì áo của hắn bay phàn phật ra sau, ngực tóe lửa bùng bùng. Người hắn trượt xuống thành chiếc xe Chevy cho đến khi đỡ rạp lên bực lên xuống. Hắn bắn thêm một phát, và theo như những gì ta biết, đó là phát đạn duy nhất bắn trúng người phe ta; viên đạn bắn vào đầu đó rồi bật lên, vượt qua mu bàn tay của Greg Cole. Vết thương để lại sẹo, khi nào say xỉn, ông ấy cũng lợi chiến

tích ấy ra khoe, cho đến ngày nọ, ai đó – hình như là Al Nell thì phải – kéo ông ấy qua một bên và bảo ông ấy liệu mà giữ kín miệng chuyện xảy ra với Băng đảng Bradley.

À Hauser bước ra, và lần này, không còn nghi ngờ gì nữa, cô ta đang cố đầu hàng vì hai tay cô ta giờ cao. Có lẽ không ai muốn giết cô ta, nhưng lúc ấy đang có một trận xả súng mà cô ta lại đi vào ngay tâm chấn.

George Bradley chạy đến chỗ băng ghế gần Đài Tưởng niệm Chiến tranh thì ai đó nã khẩu súng săn khiến gáy của hắn nát như tương. Hắn ngã xuống, chết ngay tại chỗ, sồn hết cả ra quần...”

Gần như không ý thức được hành động của mình, tôi nhón lấy một que kẹo cam thảo trong hũ.

“Họ tiếp tục nã đạn vào hai chiếc xe thêm t^hăm một phút thì mới ngưng d^àn,” ông Keene tiếp tục kể. “Khi đàn ông đã hăng máu thì dễ gì mà họ xuôi xị được ngay. Lúc ấy, ta nhìn quanh và trông thấy Cảnh sát trưởng Sullivan đứng đằng sau Nell và những người khác trên bậc thềm tòa án, nã đạn vào con xe Chevy chết máy bằng khẩu súng trường Remington. Đừng nghe bất cứ ai bảo cậu ông ta không có mặt; Norbert Keene ng^ũĩ trước mặt cháu và dám khẳng định ông ta có dự ph^ần.

Đến lúc trận xả súng dừng lại, trong hai chiếc xe ấy chẳng còn giống xe ô tô chút nào, mà chỉ là đồng sắt vụn với mảnh kính bể vụn xung quanh. Người ta bắt đầu tiến đến xem. Không ai nói gì. Tất cả những âm thanh ta có thể nghe thấy là tiếng gió cùng tiếng chân nghiêng trên kính vỡ. Đó cũng là lúc màn chụp hình bắt đầu. Và cháu nên biết đi^{ều} này, con trai: khi bắt đầu vào ph^ần chụp hình thì câu chuyện xem như kết thúc.”

Ông Keene ng^ả ra ghế, đôi dép kh^ế rơi xuống sàn, ông đưa mắt nhìn tôi.

“Trên tờ *Derry News* chẳng đưa tin nào như thế,” đó là tất cả những lời

tôi có thể thốt lên. Tít báo ngày hôm ấy là CẢNH SÁT BANG, FBI BẮN HẠ BĂNG ĐẢNG BRADLEY TRONG TRẬN CHIẾN. Dòng tít phụ bên dưới ghi “Với sự hỗ trợ của Cảnh sát địa phương”.

“Đời nào mà có,” ông Keene nói và cười phà phà. “Ta thấy ông biên tập Mack Laughlin tự tay tương hai viên đạn vào Mack Laughlin mà.”

“Chúa ơi,” tôi lẩm bầm.

“Ăn đủ kẹo cam thảo chưa, con trai?”

“Dạ, đủ rồi ạ,” tôi đáp và liếm lưỡi. “Ông Keene, làm thế nào mà một việc... khủng khiếp nhường ấy... lại có thể được bùng bít như vậy ạ?”

“Không phải bùng bít,” ông nói, mặt lộ vẻ ngạc nhiên. “Chỉ là không ai bàn về nó mà thôi. Với lại, ai buồn quan tâm kia chứ? Có phải Tổng thống và Phu nhân Hoover hạ cố giá lâm hôm ấy đâu. Nó giống như bắn chết mấy con chó điên có thể cắn ta về chầu ông bà nếu ta hớ hênh ấy.”

“Nhưng mấy phụ nữ thì sao?”

“Toàn lũ điên,” ông điềm nhiên đáp lời. “Hơn nữa, việc này xảy ra ở Derry chứ không phải New York hay Chicago. Để dân tình rầm rộ, địa thế cũng quan trọng không kém chuyện xảy ra ở địa điểm đó, con trai. Đó là lý do khi trận động đất giết chết mười hai người ở Los Angeles, người ta đề tít bự hơn việc một kẻ giết ba nghìn sinh mạng ở đất nước ngoại đạo Trung Đông.”

Hơn nữa, việc này xảy ra ở Derry.

Tôi từng nghe câu này, và tôi đoán nếu tôi tiếp tục theo đuổi vụ việc, tôi sẽ nghe thêm nhiều lần nữa... hết lần này đến lần khác... Họ nói như thể đang kiên trì giảng giải cho một kẻ thui chột về trí óc. Cách họ nói giống như cách họ bảo *Là vì có trọng lực* nếu ta hỏi họ làm cách nào để ta có thể

bám vào mặt đất khi bước đi. Họ nói như thế ấy là một quy luật tự nhiên mà bất cứ người bình thường nào cũng hiểu. Và tất nhiên, kinh khủng ở chỗ, bản thân tôi cũng hiểu rõ.

Tôi còn một câu hỏi nữa dành cho ông Norbert Keene.

“Vào ngày hôm đó, ông có bắt gặp kẻ nào mà ông không quen mặt lúc vụ xả súng bắt đầu không ạ?”

Câu trả lời ngay lập tức của ông Keene khiến thân nhiệt của tôi như giảm cả chục độ – hoặc chí ít tôi cảm thấy thế. “Ý cháu là gã hề à? Sao cháu biết về hắn ta vậy, con trai?”

“À, cháu nghe ở đâu đó thôi,” tôi đáp.

“Ta chỉ loáng thoáng nhìn thấy hắn thôi. Khi chuyện bắt đầu vào lúc nước sôi lửa bỏng, ta tập trung vào chuyện của mình. Ta đưa mắt nhìn quanh một lần thì trông thấy hắn ta trên đường, đằng sau mấy người Thụy Điển chỗ rạp Bijou,” ông kể. “Hắn không mặc quần áo hề hay gì hết. Hắn mặc quần yếm nông dân, bên dưới là áo thun. Nhưng khuôn mặt hắn vẫn phết thứ phấn trắng mà hề hay dùng, vẫn vẽ nụ cười lớn đỏ choe đỏ choét của mấy tên hề. Hắn còn gắn cả nhúm tóc giả màu cam, trông ngộ nghĩnh lắm.

Lal Machen không bắt gặp hắn ta lần nào, nhưng Biff thì có. Nhưng ta đoán Biff nhầm lẫn vì ông ấy bảo trông thấy hắn trong ô cửa sổ của một căn chung cư phía bên tay trái, và khi ta hỏi Jimmy Gordon - ông này hy sinh trong trận Trân Châu Cảng, chết chìm với con tàu của mình, nếu ta không lầm thì tàu mang tên *California* thì phải – ông ấy nói mình bắt gặp gã hề đằng sau Đài Tưởng niệm Chiến tranh.”

Ông Keene lắc đầu, miệng khẽ nhoen cười.

“Cách người ta thay đổi tính nết lúc đụng chuyện như thế thật lạ, và sau

khi mọi thứ kết thúc, ký ức họ nhớ về biến cố ấy còn lại lòng hơn. Cháu sẽ nghe thấy mười sáu câu chuyện khác nhau mà chẳng ai kể giống ai. Ví dụ như chi tiết khẩu súng gã hề cấn trong tay chẳng hạn...”

“Súng ư?” Tôi hỏi. “Hắn ta cũng xả súng à?”

“Ừ phải,” ông Keene nói. “Lúc ta liếc thấy hắn ta, có vẻ hắn ta đang cầm khẩu Winchester khóa nòng trượt, và ít lâu sau, ta phát hiện ta định ninh như vậy là vì ta cũng cầm khẩu súng ấy. Biff Marlow tưởng hắn ta cầm khẩu Remington vì ông ấy vác theo khẩu súng này. Rồi khi ta hỏi Jimmy, thì ông ấy lại bảo hắn ta bắn khẩu SP.”

“Lạ thật à,” tôi chật vật. “Ông Keene này... mọi người có thắc mắc tại sao một tên hề, nhất là một tên hề mặc bộ quần yếm nông dân, lại làm gì ở đó không à?”

“Có chứ,” ông Keene đáp. “Chuyện ấy không có gì to tát, song tất nhiên là chúng ta rất thắc mắc. Đa phần mọi người đoán chắc đó là một người muốn dự tiệc nhưng không muốn lộ danh tính. Ví dụ như một thành viên trong Hội đồng thị trấn. Hay Horst Mueller, hoặc thậm chí là Trace Naugler, thị trưởng đương thời. Hoặc có thể đó là một người quyền cao chức trọng nào đó không muốn bị nhận ra. Bác sĩ hay luật sư chẳng hạn. Bố của ta mà hóa trang kiểu đấy, khéo ta cũng chẳng nhận ra ấy chứ.”

Ông khẽ phá lên cười, tôi bèn hỏi có gì vui.

“Cũng có khả năng đó là một gã hề thật sự,” ông nói. “Vào những năm 1920, 1930, hội chợ Hạt ở Etsy được tổ chức sớm hơn bây giờ nhiều, và vào cái tuần Băng đảng Bradley về châu ông bà, người ta đang dựng hội, hoạt động rầm rộ. Ở hội chợ có mấy tên hề tham dự mà. Có thể một trong số đó nghe tin chúng ta sắp tự tổ chức lễ hội hóa trang nên mới xuống xem vì hắn ta muốn tham gia chẳng hạn.”

Ông cười với tôi, nụ cười lạnh tanh.

“Ta nói sắp xong rồi đấy,” ông tiếp tục, “nhưng ta sẽ nói thêm một điếu, vì cháu có vẻ rất quan tâm và cháu biết cách lắng nghe kỹ càng. Đó là điếu Biff Marlow nói mười sáu năm sau, khi bọn ta đang uống bia ở Pilot’s trên Bangor. Bất thành linh, ông ấy nhắc lại chuyện xưa. Ông kể gã hề thò gần hết người ra khỏi cửa sổ, đến độ Biff cứ tưởng hắn ta sắp sửa rơi ra ngoài. Không chỉ đầu, vai hay tay của hắn nhòai ra, Biff bảo hắn nhòai người đến tận đầu gối, lơ lửng giữa không trung, nã đạn xuống hai chiếc ô tô mà Đảng đảng Bradley lái, với nụ cười đỏ loét to tướng trên mặt. Biff nói “Hắn ta trông như lồng đèn bí đỏ hù chết người khác.”

“Như thế hắn đang lơ lửng,” tôi nói.

“Phải đấy,” ông Keene đồng tình. “Và Biff kể không hiểu sao ông vẫn cứ lẩn cẩn, vẫn có chi tiết gì đó khiến ông bận tâm suốt mấy tuần sau. Giống như một điếu nằm ngay trên đầu lưỡi nhưng ta mãi chẳng thể nhớ ra, một điếu khiến da ta châm chích như muỗi cắn hay côn trùng đốt. Ông ấy bảo cuối cùng, vào đêm nọ, lúc dậy đi vệ sinh, ông ấy cũng nhận ra. Ông đứng đó, tiêu xì xì vào bồn cầu, nghĩ băng quơ, và chợt ông nhớ vụ xả súng bắt đầu vào lúc 2 giờ 25 phút chiều, mặt trời ngay trên đầu, thế mà gã hề ấy không đổ bóng. Không đổ bóng một chút nào.”

IV

THÁNG BẢY NĂM 1958



Người dành lòng phục vụ, trong mỗi mệc vô vàn.
Người đợi chờ ngọn lửa, bậc bùng mấi không tan;
Tôi dành lòng tận tụy, trước vẻ đẹp của người,
trước vẻ đẹp mười mười
Tôi toàn tâm run rẩy,
Bàng hoàng.

Ngày tôi sinh ra người trần trụi
Đôi tay bác sĩ phát vào mông
Ông bảo, “Bảo bối à, biết không
Mai này con vô cùng đặc biệt.”

CHƯƠNG 13

TRẬN NÉM ĐÁ ĐỊNH MỆNH

1

*Bill đến đầu tiên. Anh ngồi trên chiếc ghế bành ngay bên trong cửa Phòng Đọc nhìn Mike giải quyết những vị khách cuối cùng của thư viện buổi tối hôm ấy – một cụ bà cầm theo chồng sách văn học Gothic, một người đàn ông cầm cuốn sách khổng lồ về Lịch sử Nội chiến cùng một cậu con trai gầy gò xếp hàng đợi mượn cuốn tiểu thuyết có dán mác cho mượn bảy ngày bên góc trên cùng của bìa nhựa. Bill nhìn mà chẳng có chút ngạc nhiên hay thần kỳ nào khi nhận ra đó chính là cuốn tiểu thuyết mới nhất của mình. Anh cảm thấy bất ngờ nằm ngoài tâm vó*ri* của anh, còn thần kỳ là một thực tế mà ta tự huyền hoặc để rồi nhận ra nó chỉ là giấc mộng.*

Một cô gái xinh xắn, mặc váy ca rô giữ cố định bằng một kim băng vàng rất to (Chúa ơi, mấy năm rồi mình mới thấy kim băng, Bill thầm nghĩ, chúng thành xu hướng trở lại rồi sao?) đang bỏ giấy vào máy in Xerox và sao lại phiên bản bổ sung của cuốn sách, mắt dẫn theo dõi nhất cử nhất động của chiếc đồng hồ quả lắc đồ sộ đằng sau quầy mượn trả sách. Tiếng động nhẹ nhàng, dễ chịu diễn hình của thư viện: tiếng gót giày, tiếng giày cao gót khẽ lóc cóc trên sàn nhà lót vải đầu họa tiết đen đỏ; tiếng đồng hồ đều đặn tích tắc điểm từng phút từng giây, tiếng máy in nghe như tiếng mèo gầm gừ.

Cậu thiếu niên cầm cuốn tiểu thuyết của William Denbrough đến chỗ cô gái đứng ở máy phô-tô lúc cô vừa làm xong và bắt đầu sắp xếp các trang giấy sao cho vuông vức.

“Cháu cứ để bản in bổ sung trên bàn nhé, Mary,” Mike nói. “Để chú cất cho.”

Cô gái nở nụ cười biết ơn. “Cảm ơn chú Hanlon.”

“Chúc cháu ngủ ngon. Cháu cũng ngủ ngon nhé, Billy. Hai đứa về nhà ngay đi.”

“Kẻo ông ba bị bắt cóc bây giờ... liệu... hôn!” Billy, cậu nhóc gầy gò ngân nga, đoạn vòng tay qua cái eo con kiến của cô bé.

“Chà, chú đoán ông ấy chẳng cần cặp đôi thấy mà ghê như hai đứa đâu,” Mike đùa, “nhưng cẩn tắc vô áy náy.”

“Bọn cháu sẽ về ngay, chú Hanlon,” Mary nghiêm nghị đáp, đoạn cô dấm yêu lên vai cậu bạn trai của mình. “Đi nào, thấy mà ghê,” cô nói rồi cười khúc khích. Khi cô bé làm thế, cô biến từ một cô nữ sinh trung học xinh xắn, với vài anh chàng trông cậy si thành cô bé Beverly Marsh mười một tuổi tràn đầy năng lượng, có chút vụng về ngày xưa... và khi hai đứa trẻ đi ngang qua, Bill thoáng rung mình trước vẻ đẹp của cô bé... đồng thời, anh thấy sợ hãi; anh những muốn đến chỗ cậu thiếu niên chân thành kia khuyên cậu phải đi về nhà bằng con đường đèn đuốc sáng trưng, dù có ai bắt chuyện cũng không được ngó quanh quất.

Trượt ván sao mà cẩn thận được ạ, giọng nói ma mị vang lên trong đầu anh, để rồi Bill nở nụ cười của một người lớn phiên muộn.

Anh nhìn cậu mở cửa cho người yêu. Hai đứa trẻ cùng bước ra tiên sảnh, nhích lại gần nhau hơn, và Bill dám đem phí bản quyền của cuốn sách mà cậu nhóc tên Bill ấy đang cắp dưới nách rằng cậu vừa lên hôn cô bé trước khi mở cửa cho cô. Nếu không làm được thì cháu là đồ vứt đi, Billy ạ, anh thầm nhủ. Giờ thì đưa cô bé về nhà an toàn. Vì Chúa, hãy đưa bạn của mình về nhà an toàn cháu nhé!

Mike gọi anh, “Tớ vào với cậu ngay đây, Bill To Bự! Đợi tớ xếp xong hồ sơ đã nhé.” Bill gạt đầu và bắt chéo chân. Túi giấy trong lòng anh khẽ loạt soạt. Bên trong đế chai bourbon, và anh nhận ra cả đời anh chưa bao giờ muốn nhấp một ly như hiện tại. Mike có thể cho anh thêm chút nước, đá thì càng tốt – và theo như những gì anh cảm nhận hiện tại, châm một chút nước là đủ rồi.

Anh nghĩ về Ánh Bạc, chiếc xe đang tựa vào tường ga-ra của Mike ở ngõ Palmer. Từ đó, dòng suy nghĩ của anh trôi miên man về cái ngày họ gặp nhau ở Vùng Đất Cằn – chỉ thiếu mỗi Mike – mỗi người lại kể về câu chuyện mà mình gặp phải: gã hủi dưới hiên nhà; xác ướp bước trên băng, máu phọt ra từ lỗ thoát nước, những cậu bé chết trong Standpipe; bức hình chuyển động và Người sói đuổi theo bọn họ xuống con đường vắng.

Giờ thì anh đã nhớ ra, ngày hôm ấy, trước ngày 4 tháng 7 một ngày, họ đã đi sâu hơn vào Vùng Đất Cằn. Trong thị trấn rất oi bức, nhưng trong những bóng râm um tùm bên bờ phía Đông của con sông Kenduskeag thì vô cùng mát mẻ. Anh nhớ cách đó không xa là ống trụ bê tông, âm ì kêu như chiếc máy Xerox lúc cô bé kia thao tác. Bill đã nhớ ra rồi, nhớ cả chi tiết sau khi mọi người kể hết mọi chuyện, họ quay sang nhìn anh ra sao.

Mọi người muốn anh nói cho họ biết họ nên làm gì tiếp theo, họ nên hành xử thế nào, nhưng anh nào có hay. Vì không biết mà lòng anh cảm thấy rối như tơ vò.

Nhìn bóng của Mike đổ xuống, to lớn trên bức tường kẻ ô tối màu trong phòng tham khảo, bất chợt một cảm giác chắc chắn ập đến: ngày ấy anh không biết là vì khi đối mặt với buổi chiều ngày 3 tháng 7, họ vẫn chưa hoàn thiện. Phải đến sau đó, sự hoàn thiện mới gõ cửa, ở bãi đá dăm bị bỏ hoang phía bên kia bãi rác, nơi ta có thể dễ dàng trèo ra khỏi Vùng Đất

Căn từ hai hướng: hướng đường Kansas hoặc đường Merit. Hiện tại, nó chính là vị trí của cầu vượt Liên tiểu bang. Bãi đá dăm không có tên; nó đã cũ lắm rồi, rìa bãi đá vụn bờ, lác đác cỏ dại và bụi cây. Được cái, ở đó có thừa đạn dược - dư sức cho trận ném đá một mất một còn.

Nhưng trước đó, trên bờ sông Kenduskeag, cậu bé Bill chẳng biết nói gì – chúng bạn muốn cậu nói gì mới được? Còn bản thân cậu muốn nói gì? Anh nhớ mình đã đưa mắt nhìn từng khuôn mặt: Ben; Bev, Eddie; Stan; Richie. Và anh nhớ một bản nhạc. Richard Nhỏ Bé. “Whomp-bomp-a-lomp-bomp...” Âm nhạc. Ì ầm. Những tia sáng lóe lên trong mắt. Anh nhớ những tia sáng ấy là vì...

2

Richie treo đài xách tay lên cành thấp nhất của cái cây mà cậu đang tựa vào. Cả bọn đang ng ỡ trong bóng râm, nhưng mặt trời vẫn phản chiếu từ mặt sông Kenduskeag vào lớp vỏ crôm bọc đài, hay hấy vào mắt Bill.

“B-Bỏ cái th-thứ đó x-x-xuống đi, R-R-Richie,” Bill nói. “Kéo tớ m-mù b-b-bây giờ.”

“Được thôi, Bill To Bự,” Richie li ền đáp, không láu táu chen thêm bất cứ lời nào và tháo đài khỏi cành cây. Cậu cũng tắt nó đi, nhưng Bill ước gì bạn mình không làm thế, bởi nó khiến sự tĩnh mịch, chỉ bị gián đoạn bởi tiếng nước róc rách và tiếng máy bơm nước thải ầm ì khe khẽ, trở nên thật to. Bọn họ đưa mắt dõi theo cậu, và cậu những muốn bảo họ nhìn qua chỗ khác, họ nghĩ cậu là gì, *đồ quái dị chắc?*

Song tất nhiên, cậu không thể làm thế, bởi tất cả những gì nhóm bạn đang làm là đợi cậu nói cho họ biết hành động nên làm lúc này là gì. Họ đã phát hiện ra những điều khủng khiếp, và họ cần cậu cho họ định hướng.

Tại sao lại là tớ? Cậu chỉ muốn hét vào mặt cả bọn, nhưng tất nhiên, cậu thừa hiểu lý do. Là vì dù thích hay không thích, cậu vẫn là người được lựa chọn cho vị trí ấy. Vì cậu là người đưa ra ý tưởng, vì cậu là người mất em trai mình vào tay thứ đó, nhưng phần nhiều là bởi cậu đã trở thành Bill To Bự, bằng những cách kỳ lạ mà bản thân cậu cũng chẳng tài nào hiểu hết.

Liếc nhìn Beverly, cậu vội quay đi trước sự tin cẩn đầy an tâm trong đôi mắt cô. Chẳng hiểu sao, cứ nhìn Beverly là cậu cảm thấy bụng mình chộn rộn, rung rinh không yên.

“Chúng ta kh-không thể đến gặp c-c-cảnh sát,” cuối cùng, cậu lên tiếng. Bản thân cậu nghe mà còn thấy giọng mình đánh lại, quá vang vọng. “Chúng ta cũng kh-kh-không thể nh-nhờ b-b-bố mẹ. Ngoại trừ...” Cậu nhìn Richie với nét mặt đầy hy vọng. “Còn b-b-bố m-mẹ cậu th-thì sao, bốn mắt? Hai bác c-có vẻ kh-khá b-b-bình thường.”

“Thưa quý thân hữu,” Richie bắt chước giọng Quản gia Toodles, “rõ ràng anh không hiểu gì về hai đấng phụ mẫu của tôi. Họ...”

“Nói tiếng Mỹ đi, Richie,” Eddie lên tiếng từ chỗ ngồi bên cạnh Ben. Cậu ngồi cạnh Ben đơn giản là vì Ben tạo bóng râm đủ lớn cho Eddie hưởng sái. Mặt cậu trông thoải mái, quắt lại đầy âu lo - gương mặt của một ông già. Tay phải của cậu nắm chặt ống thở.

“Bố mẹ tớ sẽ đưa tớ vào Đồi Juniper thì có,” Richie nói. Hôm nay, cậu đeo cặp kính cũ. Hôm trước, một thằng bạn của Henry Bowers mang tên Card Jagermeyer đã rình Richie lúc cậu vừa rời khỏi Quầy kem Derry với que kem ốc quế vị hồ trăn trên tay. “Bắt được mày rồi nhé!” Jagermeyer, đô con hơn Richie gần hai mươi cân, hét toáng lên, hai tay khuỳnh lại, tông đánh rầm vào lưng Richie. Cậu bay thẳng xuống mương, đi tong cặp kính và que kem ốc quế. Tròng kính bên trái bể vụn khiến mẹ cậu nổi trận lôi

đình, chẳng buồn đếm xỉa đến lời giải thích của Richie.

“Con đùa giỡn quá trốn r ấi đấy,” bà nghiêm giọng. “Đến bó tay với con, Richie ạ, con tưởng kính mọc trên cây, hễ khi nào con làm bẽ thì mình chỉ việc tới đấy hái cặp kính mới hả?”

“Nhưng mẹ ời, tại cậu ta đẩy con mà, nó rình sau lưng con, đã vậy còn to con nữa...” Đến lúc này, nước mắt Richie đã lưng tròng. Không giải thích cho mẹ hiểu được còn tổn thương hơn việc bị Card Jagermeyer, cái thằng đầu óc ngu si đến độ nhà trường chẳng buồn bắt nó học hè, xô xuống cống gập vạ lần.

“Mẹ không muốn nghe con lý do lý trầu nữa,” bà Maggie Tozier thẳng thừng. “Nhưng lần tới, khi con thấy bố về, một nhòai sau ba đêm liên tục làm khuya, con hãy biết nghĩ một chút đi, Richie. Liệu mà biết nghĩ.”

“Nhưng mẹ..”

“Thôi ngay. Mẹ nói r ấi mà.” Giọng bà cộc lốc, và còn tệ hơn nữa, bà chực khóc. Đoạn mẹ cậu rời khỏi phòng, tiếng ti vi oang oang điếc cả tai. Richie bị bỏ lại một mình, bơ vơ ng ấi ở bàn bếp.

Ký ức ấy khiến Richie lắc đầu ngu ầy ngu ầy. “Bố mẹ tốt bình thường, nhưng còn khuya họ mới tin những chuyện như vậy.”

“C-Còn nh-những người khác th-thì sao?”

Nhiều năm sau, Bill nhớ lại cảnh cả đám nhìn quanh như thể tìm một người vắng mặt lúc ấy.

“Ai kia?” Stan nghi ngờ hỏi. “Tớ chẳng nghĩ ra ai mình có thể tin cả.”

“Tớ c-c-cũng vậy...” Bill nói đầy tr ầi tư, và sự im lặng bao trùm cả bọn trong lúc Bill nghĩ xem nên nói gì tiếp theo.

Nếu được hỏi, Ben Hanscom sẽ nói Henry Bowers ghét cậu hơn bất cứ thành viên nào trong Hội Cùi Bắp vì chuyện xảy ra vào cái ngày cậu và Henry chơi trò trượt máng xuống thẳng Vùng Đất Cằn từ đường Kansas, vì chuyện xảy ra vào cái ngày cậu, Richie và Beverly trốn khỏi tay bọn chúng ở rạp Aladdin, nhưng lý do lớn nhất là vì cậu không chịu để Henry quay cóp bài khiến hắn ta bị bắt đi học phụ đạo hè và chịu trận lôi đình của ông bố Butch Bowers nổi tiếng điên khùng.

Nếu được hỏi, Richie Tozier sẽ đáp Henry ghét cậu hơn bất cứ ai trong nhóm, nguyên nhân là vì cái ngày cậu lừa Henry cùng hai thằng lính ngự lâm kia ở Freese's.

Stan Uris sẽ nói Henry ghét *cậu* nhất trong số mọi người vì cậu là người Do Thái (khi Stan học lớp Ba và Henry học lớp Năm, có lần Henry từng lấy tuyết chà lên mặt Stan cho đến khi chảy máu, cậu hoảng loạn la hét vì đau và sợ hãi).

Bill Denbrough lại cho rằng Henry ghét cậu nhất vì cậu ốm nhom, vì cậu nói lắp và vì lúc nào cậu cũng ăn mặc chỉnh tề (“Nh-Nh-Nhìn c-c-cái th-thằng đ-đ-ờng bóng ch-chết t-t-t-toi kìa!” Vào tháng Tư, trường Derry tổ chức Ngày việc làm, Henry đã ré lên như thế khi thấy Bill đeo cà vạt tham gia; ngày hôm ấy chưa kết thúc thì cà vạt đã bị giật khỏi cổ cậu và treo lủng lẳng trên cái cây lưng chừng đường Charter).

Đúng là hắn ta ghét cả bốn người bọn họ, nhưng đối tượng số một trong danh sách căm ghét của Henry ở Derry chưa tham gia Hội Cùi Bắp vào ngày mừng 3 tháng 7, đó chính là cậu bé da đen tên là Michael Hanlon, sống cách nông trại nhà Bowers khoảng bốn trăm mét.

Bố của Henry, điên rồ đúng như bàn dân thiên hạ đời đại, tên đầy đủ là Oscar “Butch” Bowers. Butch Bowers quy sự xuống dốc về mặt tài chính,

sức khỏe và tinh thần của mình cho nhà Hanlon nói chung và cho bố của Mike nói riêng. Hắn suốt ngày rên rỉ với nhóm bằng hữu ít ỏi và cậu con trai của mình rằng Will Hanlon đã khiến hắn bị tống vào nhà tù hạt khi đàn gà của nhà Hanlon chết. “Để nó ăn được tiền bảo hiểm chứ gì nữa,” Butch nói, đưa mắt nhìn cử tọa của mình với ánh nhìn gây hấn đầy nanh nọc thử-nhảy-vào-mồm-tao-xem của Thuyền trưởng Billy Jones trong *Đô đốc Benbow*. “Nó có vài người bạn hòa vào bịa chuyện, đó là lý do tao phải bán con xe Mercury.”

“Ai đã bịa chuyện vậy bố?” Henry hỏi câu này lúc lên tám tuổi, lòng sôi sùng sục trước sự bất công mà bố mình phải chịu đựng. Hắn tự nhủ khi nào lớn lên, hắn sẽ tìm cho ra những kẻ bịa chuyện, phết mặt ong đầy người bọn chúng rồi trói bọn chúng trên đũa kiến như trong mấy bộ phim phương Tây người ta chiếu ở rạp Bijou vào chiều thứ Bảy.

Có thằng con trai lắng nghe như nuốt từng lời vàng ý ngọc (dù nếu được hỏi, Butch sẽ cho rằng đó là điều dĩ nhiên), Bowers bố rút đầy tai con mình những tràng cảm ghét và xui rủi. Hắn giải thích với con rằng dân mọi đen rất một lũ ngu si, nhiều kẻ còn ranh mãnh như cáo – trong thâm tâm, bọn chúng cảm ghét dân da trắng và chỉ muốn cày nát đám đàn bà da trắng. Butch bảo có khi không chỉ dừng lại ở tiền bảo hiểm, có khi Hanlon quyết định đổ vấy việc đàn gà chết ngoéo vào đầu hắn vì Butch sắp sửa thu hoạch nông sản đem bán ở sạp hàng dưới đường. Mà dù gì thì thằng mọi đen cũng đã chơi Butch một ván, đó là điều chắc chắn như cút bám trên chân. Hắn gấp lửa bỏ tay người, bắt một đám mọi da trắng rút gan rút ruột phản trắc thị trấn này, hòa theo hắn bịa chuyện và đe dọa tống Butch vào nhà tù bang nếu hắn không chịu xì tiền cho thằng mọi đen. “Mà tại sao không?” Butch hỏi thằng con cố đầy ghét và đang tròn xoe mắt nhìn mình. “Tại sao

không? Tao chỉ là một gã chống Nhật cho đất nước này. Có khối người như bố mày, nhưng *hắn* là gã da đen duy nhất trong hạt.”

Họa vô đơn chí, sau vụ gà què lại đến chuỗi tai nạn xui xẻo khác – chiếc xe tải Deere của hắn bị gãy thanh trụ; cái bừa xịn của gã bị hỏng ở cánh đằng phía Bắc, bản thân hắn bị nhọt ngay cổ, nó bị nhiễm trùng nên phải chọc vỡ, rồi lại bị nhiễm trùng lần nữa và lần này phải phẫu thuật để lấy ra; thằng mọi đen bắt đầu dùng số tiền ăn chặn từ hắn để bán phá giá so với giá của Butch, báo hại hắn mất khách.

Ra rả vào tai Henry là những tràng rửa xả: thằng mọi đen, thằng mọi đen, thằng mọi đen. Tất cả là lỗi của thằng mọi đen. Thằng mọi đen có căn nhà sơn trắng xinh xắn, một lều, có cả lò sưởi bằng dầu trong khi vợ chồng Butch cùng con trai phải sống trong một nơi xập xệ chẳng khác gì lều tranh vách đất. Khi Butch không kiếm đủ tiền từ công việc làm nông và phải vào rừng làm việc suốt thời gian dài, đó là lỗi của thằng mọi đen. Năm 1956, giếng nhà hắn cạn khô, ấy cũng là lỗi của thằng mọi đen.

Cuối năm đó, Henry, khi ấy mười tuổi, bắt đầu cho Mr Chips của Mike xí quách và khoai tây chiên. Dần dà, Mr Chips sẽ vẫy đuôi chạy đến mỗi khi Henry gọi. Thấy con chó đã quen với mình và đồ ăn mình cho, một ngày nọ, Henry cho chú chó ăn nửa ký thịt xay trộn thuốc diệt côn trùng. Hắn tìm được lọ thuốc diệt côn trùng trong nhà kho sau nhà; còn thịt xay được hắn mua ở Costello's bằng tiền tiết kiệm ba tuần của hắn.

Mr Chips ăn được một nửa phần thịt tẩm độc thì ngưng. “Tiếp đi, ăn nốt đi nào, Chó mọi đen” Henry nói. Mr Chips vẫy đuôi. Ngay từ ban đầu, Henry gọi chú chó với cái tên này và cứ đinh ninh ấy là tên của nó. Khi chú chó bắt đầu quẩn quại, Henry lấy dây phơi quần áo cột nó vào cây cáng lò để chú chó không thể chạy về nhà. Đoạn hắn ngẩng lên tảng đá bằng phẳng,

ấm áp do được mặt trời sưởi nắng, chống cầm lên hai lòng bàn tay và nhìn chú chó ngắc ngoải. Mất một khoảng thời gian rất lâu nhưng Henry thấy khoảng thời gian ấy vô cùng đáng giá. Cuối cùng, Mr Chips bắt đầu co giật và bọt màu xanh sùi ra từ giữa hai hàm răng của nó.

“Mày thấy sao, Chó mọii đen?” Henry hỏi chú chó, nó ngược đôi mắt đang thoi thóp về phía giọng nói của hắn và cố gắng vẫy đuôi. “Mày có thích bữa trưa của mày không, con chó chết giẫm kia?”

Khi chú chó đã chết, Henry tháo dây, về nhà rồi kể với bố đi đâu mình vừa làm. Lúc ấy, Oscar Bowers đã hoàn toàn phát điên; một năm sau, vợ hắn bỏ của chạy lấy người sau khi bị hắn đánh cho thừa sống thiếu chết. Henry cũng sợ bố một phép, thỉnh thoảng còn ghét ông ta tận xương tủy, nhưng đồng thời, hắn cũng thương bố mình. Và chiều hôm ấy, sau khi kể lại chiến tích, hắn cảm thấy cuối cùng mình đã tìm ra chìa khóa dẫn vào tình thương của bố, vì bố đã vỗ rất mạnh vào lưng hắn (mạnh đến độ Henry suýt chút nữa ngã lảo), đưa hắn vào phòng khách uống bia. Đó là chai bia đầu tiên Henry uống trong đời, và kể từ đó, hắn gắn liền hương vị ấy với cảm xúc tích cực: chiến thắng và yêu thương.

“Chúc mừng chiến tích quá sức tuyệt vời, ông bố điên khùng của Henry nói. Bọn chúng cụng hai chai bia nâu rồi tu ừng ực. Theo như Henry biết, nhà mọii đen không tìm ra thủ phạm giết con chó, nhưng hắn đoán chúng có nghi ngờ trong đầu. Hắn mong chúng nghi ngờ cho bố ghét.

Các thành viên khác trong Hội Cùi Bắp đầu đã biết mặt Mike - trong thị trấn có mỗi mình cậu là người da đen thì không biết mới lạ - nhưng chỉ có thế, vì Mike không đi học ở trường Tiểu học Derry. Mẹ cậu là tín hữu Baptist mộ đạo nên Mike được gửi vào trường Nhà thờ đường Neibolt. Đan xen với các môn Địa lý, Ngữ văn và số học có các giờ học về Kinh

Thánh, bài học về các chủ đề như Ý nghĩa của Mười điều răn trong Thế giới Vô thần, thảo luận nhóm về cách hành xử trước các vấn đề đạo đức hằng ngày (ví dụ, nếu thấy bạn ăn cắp vặt hay nghe thấy giáo viên báng bổ Chúa).

Mike thấy trường Nhà thờ cũng ổn. Thịnh thoảng, cậu ngờ ngợ không biết mình có đang bỏ lỡ mất thứ gì hay không - tỉ dụ như giao lưu với những bạn bè đồng trang lứa chẳng hạn – nhưng cậu sẵn lòng đợi lên trung học cho những điều này xảy ra. Viễn cảnh tương lai khiến cậu hơi lo vì cậu có làn da nâu, nhưng Mike cảm thấy cả bố lẫn mẹ mình đều được người trong thị trấn đối xử rất tốt, thành thử cậu tin mình cũng sẽ được đối xử tốt nếu sống tốt với mọi người.

Tất nhiên, ngoại lệ của quy tắc này chính là Henry Bowers.

Dù cố gắng khóa lắp được chùng nào hay chùng đó, Mike vẫn rất sợ Henry. Vào năm 1958, Mike có tướng người mảnh khảnh và cao ráo, cao hơn Stan Uris nhưng không cao bằng Bill Denbrough. Nhờ nhanh nhẹn và lanh lợi mà không ít lần, cậu thoát khỏi tay của Henry. Chưa kể, cậu học khác trường. Vì điều này và vì khoảng cách tuổi tác, con đường của hai người ít khi chạm nhau. Mike trầy vì tróc vảy mới giữ được tình thế ấy. Tóm lại, trớ trêu ở chỗ dù Henry ghét Mike Hanlon hơn bất cứ đứa trẻ nào ở Derry, Mike lại là người ít bị tấn nhất.

Ồ, nhưng cậu cũng từng lên bờ xuống ruộng. Mùa xuân sau khi giết chú chó nhà Mike, một ngày nọ, Henry nhào ra từ bụi cây khi Mike đang trên đường đến thư viện. Lúc ấy đang là cuối tháng Ba, tiết trời đủ ấm để đạp xe, nhưng vào thời điểm ấy, đường Witcham từ đoạn nhà Bowers mới chỉ là đường đất, vô cùng sinh lầy nên đạp xe không ăn thua.

“Xin chào, mọi đen,” Henry nói, lù lù hiện ra từ bụi rậm với nụ cười

trên môi.

Mike lùi lại, mắt lia lia đảo trái đảo phải để tìm cơ hội tẩu thoát. Cậu biết nếu vòng qua người Henry thành công, cậu có thể trốn khỏi hắn. Henry to con và mạnh bạo nhưng chậm chạp.

“Tao phải làm một bù nhìn bằng hắc ín mới được.” Henry nói và lăm lăm tiến lại cậu bé nhỏ con. “Tao thấy mày chưa đen lắm, để tao sửa cho.”

Mike đánh mắt sang trái, xoay người về hướng ấy. Henry mắc bẫy và vùng chạy về phía này - quá nhanh và quá trớn nên không kéo lại kịp. Đảo chiều rất ngọt và nhanh như cắt, Mike chạy về phía bên phải (lên trung học được hai năm, cậu tham gia đội bóng đại diện trường ở vị trí hậu vệ, và suýt chút nữa đã phá vỡ kỷ lục ghi điểm của trường, tiếc là vào mùa giải năm lớp Mười hai, cậu bị gãy chân). Nếu không trượt chân khi chạy qua vũng bùn thì cậu đã dễ dàng vượt qua Henry. Bùn trơn làm Mike vấp ngã. Trước khi cậu kịp đứng dậy thì Henry đã trờ tới.

“*Mọi đen mọi đen mọi đen!*” Henry ré lên một cách sung sướng lúc lật người Mike lại. Bùn dính từ lưng áo Mike xuống đũng quần. Cậu có thể cảm thấy bùn nhoe nhoét trong giày. Nhưng cậu cố kìm nước mắt cho đến khi Henry bôi bùn lên mặt và bít kín lỗ mũi cậu.

“Giờ thì mày đen rồi đây này!” Henry vừa hí hửng hét vừa trét bùn lên tóc Mike. “Giờ mày đen ời là đen rồi!” Hắn xé áo khoác và áo thun Mike mặc bên dưới rồi ném một nắm bùn to tướng vào lỗ rốn cậu. “Giờ mày đen *như nửa đêm* trong *GIẾNG MỎ* nhé!” Henry thét lên thắng lợi, sau đó nhét bùn vào tai Mike. Đoạn hắn lùi lại, bàn tay nhoe nhoét bùn móc vào thắt lưng, ông ổng: Tao đã giết con chó của mày đó, thằng mọi đen! Nhưng Mike không nghe thấy đi đâu này vì bùn kẹt trong tai và vì tiếng khóc sợ hãi của chính cậu át đi.

Henry đá thêm một đồng bần nhầy nhựa lên người Mike rồi quay lưng cất bước về nhà, không thèm nhìn lại. Lát sau, Mike cũng đứng dậy đi về, khóc thút thít.

Tất nhiên, mẹ của cậu vô cùng bất bình; bà muốn Will Hanlon gọi cho Cảnh sát trưởng Borton và yêu cầu ông ta đến nói chuyện với nhà Bowers trước khi mặt trời xé bóng.”Trước nó đã đuổi đánh Mikey nhiều lần rồi,” Mike nghe mẹ nói. Cậu đang ngủ trong bồn tắm, còn bố mẹ ở nhà bếp. Đây là lượt nước thứ hai của cậu, lượt nước đầu tiên đen ngòm ngay khi cậu vừa bước vào bồn và ngủ xuống. Trong cơn giận dữ, mẹ cậu tuôn ra một tràng tiếng Texas đặc nghệt mà Mike chẳng hiểu chút nào. “Anh phải cho chúng biết luật pháp chứ, Will Hanlon! Hết con chó rồi tới con trai! Anh đem luật ra với chúng đi, anh nghe em nói không?”

Will nghe thấy lời vợ mình nói nhưng không làm như bà yêu cầu. Cuối cùng, khi bà đã nguôi ngoai (lúc ấy là tối khuya và Mike đã ngủ từ hai tiếng trước), ông nhắc cho vợ nhớ sự đời lắm lúc treó ngoe. Cảnh sát trưởng Borton không như Cảnh sát trưởng Sullivan. Nếu Borton là cảnh sát trưởng lúc vụ đàn gà bị đầu độc xảy ra, Will còn lâu mới nhận được hai trăm đô-la và sẽ phải ngâm bồ hòn làm ngọt. Trên đời có những người sẽ kề vai sát cánh với ta, có người lại không: Borton là loại thứ hai. Nói đúng hơn, ông ta là loại gan sứa.

“Đúng là Mike từng gặp rắc rối với thằng bé ấy,” ông nói với Jessica. “Nhưng con nhà mình vẫn chưa bị nặng vì nó rất cẩn thận tránh mặt Henry Bowers. Sau vụ này, nó sẽ biết đường cẩn thận hơn.”

“Ý anh là anh sẽ bỏ qua à?”

“Anh đoán Bowers đã kể với cậu con trai của hắn những lần đụng độ với anh,” Will nói, “và thằng bé ghét ba người chúng ta vì những xích mích

ấy, và vì bố nó còn chỉ dạy cho nó đàn ông là phải ghét người da đen. Chuyện chỉ có thế thôi. Anh không thể thay đổi việc con trai mình là người da đen, giống như anh không thể ng ẩ đầu và bảo em Henry Bowers sẽ là người cuối cùng giở trò với con trai mình vì da nó màu nâu. Con mình sẽ phải chiến đấu với đi ều này cả đời, giống như anh và em. Ngay cả trong ngôi trường Thiên Chúa mà em bắt con mình theo học, tại sao giáo viên lại dạy học sinh rằng dân da đen không tốt bằng dân da trắng, vì Ham, con trai của Noah, đã nhìn thấy bố mình say xỉn và l ừa l ợ, còn hai người con trai kia đánh mất đi để không thấy cảnh tượng ấy. Cô giáo bảo đó là lý do [con trai của Ham đời đời làm kiếp đ ốn củi kéo nước](#). Và Mikey nói cô giáo cứ nhìn thẳng bé trong lúc kể câu chuyện này cho cả lớp.”

Lời nguyền của Ham là một câu chuyện trong Sáng Thế ký, có người cho rằng câu chuyện này được dùng để biện minh cho chế độ nô lệ.

Jessica nhìn ch ờn, cảm lạnh và khổ sở. Hai dòng lệ tuôn dài trên khuôn mặt bà. “Chẳng lẽ không còn cách nào để thoát khỏi chuyện này sao?”

Câu trả lời của ông hi ền từ nhưng dứt khoát; thời ấy, vợ r ăm r ắp theo lời ch ờn và Jessica chẳng có lý do gì nghi ngờ Will.

“Không. Chẳng có cách nào để thoát khỏi hai từ da đen đâu, hiện giờ thì không, trong thế giới vợ ch ờn mình hiện sống thì không. Những ai là mọi đen từ Maine thì vẫn là mọi đen. Nhi ều lần anh đã nghĩ, anh trở về Derry là bởi không nơi nào tốt hơn nơi này để anh ghi nhớ đi ều đó. Nhưng anh sẽ nói chuyện với con.”

Ngày hôm sau, ông gọi Mike ra nông trại. Will ng ẩ trên ách bừa và vỗ vào vị trí bên cạnh để gọi Mike ng ẩ xuống.

“Con hãy tìm cách tránh mặt thẳng bé Henry Bowers đó,” ông dặn dò.

Mike gật đầu.

“Bố nó bị điên.”

Mike tiếp tục gật đầu. Cậu nghe cả thị trấn này rỉ tai nhau như thế. Vài lần trông thấy ông này càng củng cố lời đồn ấy.

“Không phải chỉ có chút điên rồ đâu,” Will nói thêm, thấp điệu thuốc lá Bugler tự cuộn và đưa mắt nhìn con. “Ông ta chỉ thiếu đi đầu bị tống vào nhà thương điên thôi. Sau khi trở về từ chiến trường, ông ta đã vậy rồi.”

“Con thấy Henry cũng bị điên,” Mike nói. Giọng cậu trầm thấp nhưng chắc nịch, đi đâu đó càng khiến cõi lòng Will vững vàng hơn... dù đã trải qua lắm cuộc bể dâu, trong đó suýt có lần bị thiêu cháy trong quán rượu cây nhà lá vườn mang tên Điểm Đen, ông vẫn không thể nào tin nổi một cậu bé như Henry lại bị điên.

“Chà, cậu bé ấy nghe bố mình nhiều quá, nhưng đó là lẽ tự nhiên thôi.” Will nói. Song lần này, con trai ông được tận mục sở thị. Chẳng rõ vì liên tục tiếp nhận tư tưởng từ bố mình hay vì lý do gì— lý do nội tại gì— mà Henry Bowers đang dần trở nên điên loạn.

“Bố không muốn con trốn chui trốn nhủi cả đời,” bố cậu nói, “nhưng vì con là một người da đen, không ít lần, con sẽ phải chịu thiệt. Con có hiểu ý bố không?”

“Dạ có,” Mike đáp, trong đầu cậu nghĩ về cậu bạn Bob Gautier trường, cậu này cố gắng giải thích với Mike rằng từ *mọi* *đen* không phải là từ xấu, vì bố cậu ta dùng suốt ngày. Thậm chí, Bob còn chân thành bảo Mike rằng từ này mang nghĩa tích cực. Khi một võ sĩ trên chương trình *Đấm bốc tối thứ Sáu* lãnh đòn bần dập nhưng vẫn kiên cường trụ lại, bố cậu ta bảo “Đầu hấn cứng như đầu mọi đen ấy nhỉ?”, khi ai đó hoàn thành công việc một cách xuất sắc (với ông bố Gautier thì đó là Thịt bò thượng hạng), bố cậu nhận xét: “Hấn ta làm như mọi đen ấy nhỉ?”. “Mà bố tớ cũng là dân

Thiên chúa giáo giống bố cậu đấy,” Bob chốt hạ. Mike vẫn nhớ khi ấy, cậu đã nhìn thẳng vào khuôn mặt trắng nhợt, thật thà, trằm chiếc mũ lông xơ xác của Bob Gautier, cậu không giận mà thấy buồn tủi đến phát khóc. Cậu nhìn thấy sự chân thành và nhã ý hiện lên trên khuôn mặt của Bob, nhưng cậu chỉ cảm thấy cô đơn, xa cách và nhận thức rõ mồn một khoảng trống heo hút giữa cậu với cậu bé ấy.

“Bố thấy con hiểu ý bố rồi,” Will nói và xoa đầu con trai. “Vấn đề quan trọng nhất là phải biết khi nào cương, khi nào nhu. Con phải hỏi bản thân con xem liệu Henry Bowers có đáng để con vướng vào không. Có không nào?”

“Dạ không” Mike đáp. “Không hề ạ.” Một thời gian sau, cậu mới thay đổi suy nghĩ, cụ thể là vào ngày 3 tháng 7 năm 1958.

4

Trong lúc Henry Bowers, Victor Criss, Huggins Ở Hời, Peter Gordon và một cậu nhóc trung học tương đối trì độn mang tên Steve Sadler (biệt danh là Moose, lấy từ tên nhân vật trong truyện tranh Archie) đuổi theo cậu bé Mike Hanlon đang thở hồng hộc qua sân ga về phía Vùng Đất Cằn cách đó chừng tám trăm mét, Bill cùng mọi người trong Hội Cùi Bắp vẫn đang ngẩn trên bờ sông Kenduskeag, trằn ngâm nghĩ về cơn ác mộng mình gặp.

“Tớ nghĩ tớ b-biết n-n-nó ở đâu,” cuối cùng, Bill lên tiếng, phá vỡ sự im lặng.

“Cổng thoát nước,” Stan nói, và cả bọn giật mình trước một tiếng rột rột bất thành linh vang lên. Eddie mỉm cười ngại ngùng, bỏ ống thở vào lòng.

Bill gật đầu. “M-Mấy đ-đ-đêm trước, tớ c-c-có h-hỏi b-bố tớ về c-cổng thoát n-nước.”

”Vốn dĩ toàn bộ khu vực này là đầm lầy,” Zack trả lời cậu con trai, “và những cư dân đầu tiên đã tìm cách xây dựng trung tâm thị trấn ở phần tĩ tệ nhất. Đoạn Kênh Đào chạy bên dưới đường Trung Tâm và đường Chính rồi đi ra ở công viên Bassey chẳng là gì ngoài cống thoát để giữ sống Kenduskeag. Phần lớn thời gian trong năm, cống ở trong tình trạng khô cạn, nhưng chúng đóng vai trò quan trọng khi lũ mùa xuân chảy xuống hay ngập lụt xảy ra...” Nói đến đây, ông dừng lại, có lẽ ông nghĩ về trận lụt mùa thu năm ngoái, ông đã mất đứa con út. “...nhờ máy bơm” ông nói nốt.

“Máy b-b-bơm ạ?” Bill hỏi, khẽ nghiêng đầu trong vô thức. Khi cậu nói lấp ở những âm bật thế này, nước bọt bắn ra từ môi.

“Máy bơm nước thải,” bố cậu giải thích. “Chúng nằm ở Vùng Đất Cản, là những ống bê tông cao chừng một mét từ mặt đất...”

“B-B-Ben H-H-H-Hanscom gọi chúng là h-hố M-Morlock bố ạ,” Bill nói và toét miệng cười.

Zack cũng cười đáp lại... nhưng đó chỉ là cái bóng của nụ cười ngày xưa. Lúc đó, hai bố con ở trong xưởng của Zack, ông đang hồ hững vắn chốt ghế. “Chúng chỉ là máy bơm nước thải thôi, con ạ,” ông nói. “Chúng nằm trong những trụ sâu chừng ba mét, bơm nước thải và nước lũ khi triền đất thoải xuống hay dốc lên. Máy móc cũ kỹ rồi, và lý ra thị trấn nên lắp máy bơm mới, nhưng Hội đồng lúc nào cũng than nghèo kể khổ khi thiết bị này xuất hiện trong danh mục vào các buổi họp ngân sách. Giá mà bố được hai mươi lăm xu cho mỗi lần phải lội xuống dưới đó, rác rến ngập đến đầu gối, nổi lại mấy cái mô tơ thì... nhưng thôi, con nghe mấy chuyện này làm gì, Bill. Sao con không đi xem ti vi đi? Hình như tối nay trên ti vi chiếu *Sugarfoot* thì phải.”

“Con m-m-muốn ngh-nghe mà,” Bill nói, và lý do không phải chỉ vì cậu

đã rút ra kết luận dưới lòng Derry có một đi đâu gì đó khủng khiếp.

“Tại sao con lại muốn nghe về mấy cái máy bơm nước thải kia chứ?”
Zack thắc mắc.

“B-Báo cáo tr-trên tru-tru-trường ạ,” Bill nói đại.

“Hết học kỳ rồi mà.”

“N-N-Năm s-sau ạ.”

“Chà, chủ đề chán phết nhỉ,” Zack nói. “Khéo thầy lại cho con điểm F vì ru ngủ thầy ấy chứ. Con nhìn nhé, đây là sông Kenduskeag” – ông kẻ một đường thẳng trên mặt bàn phủ lớp mùn cửa mỏng, chỗ ông gấn cửa tay – “còn đây là Vùng Đất Cằn. Vì trung tâm thị trấn thấp hơn khu vực dân cư – như đường Kansas hay Mũi Đất Cũ hoặc Tây Broadway chẳng hạn – phần lớn lượng nước thải của trung tâm thị trấn phải được bơm ra sông. Còn nước thải từ các hộ gia đình tự chảy xuống Vùng Đất Cằn. Con hiểu không?”

“D-D-Dạ,” Bill đáp, cậu nhích lại gần bố hơn một chút để nhìn rõ đường kẻ, đủ gần để vai cậu đụng vào tay ông.

“Rồi một ngày nào đó, họ sẽ không bơm nước thải thô trực tiếp vào sông và cái ngành này xem như chấm hết. Nhưng hiện tại, chúng ta có máy bơm ở trong... cậu bạn con gọi chúng là gì nhỉ?”

“Hố Morlock ạ,” Bill trả lời, không chút lấp bắp, tiếc là cả cậu và bố cậu đều không để ý.

“Ừ. Đó là vai trò của các máy bơm trong hố Morlock hiện tại, nhìn chung chúng hoạt động khá hiệu quả, trừ khi có quá nhiều mưa và sông suối bị tràn. Vì mặc dù cống tiêu nước trọng lực và cống thoát nước dùng bơm vốn là các hệ thống tách biệt, thật ra chúng đan xen ở rất nhiều nơi.

Con thấy không?” Ông vẽ một chuỗi chữ X tỏa ra từ đường kẻ đại diện cho con sông Kenduskeag, Bill gật đầu. “Chà, đi đầu duy nhất con cần biết về hệ thống thoát nước là nơi nào chảy được, nó sẽ chảy. Khi nước dâng cao, nó sẽ tràn vào cống thoát nước cũng như cống nước thải. Khi nước trong cống dâng cao đến máy bơm, máy bơm bị chập mạch. Rất phiền cho bố, vì bố phải sửa chúng.”

“Bố ơi, c-cống thoát nước và cống nước thải to c-cỡ nào ạ?”

“Ý con là kích thước ấy à?”

Bill gật đầu.

“Đường kính cống thoát nước chính chừng một mét tám. Các cống phụ từ khu vực dân cư theo bố ước lượng tầm một mét đến một mét hai. Một số cống có thể to hơn chút đỉnh. Nhưng hãy nghe lời bố dặn đây, Billy, và con có thể nói cho cả bạn bè của mình: đừng bao giờ bước chân vào ống cống, dù là chơi đùa hay thách đố nhau hay vì bất cứ lý do gì.”

“Sao vậy ạ?”

“Hơn chục đời chính quyền thị trấn đã thay nhau phát triển công trình này từ năm 1885, hết đời này đến đời khác. Trong quãng thời gian Đại khủng hoảng, Đội Quản lý Dự án công trình xây dựng một hệ thống thoát nước thứ hai và một hệ thống nước thải thứ ba, ngày xưa, ngân sách rót vào dự án công rất đậm. Nhưng người chủ quản lý các dự án này thiệt mạng trong Thế chiến thứ hai, và khoảng năm năm sau đó, Cục Nước phát hiện bản thiết kế hệ thống cống hầu hết đã bị thất lạc. Nói chính xác hơn, khoảng bốn căn hồ sơ thiết kế hệ thống cống đã biến mất trong khoảng thời gian 1937 và 1950. Đi đâu bố muốn nói là không ai biết mấy cái ống cống ấy dẫn đi đâu và cơ chế ra sao cả.

Khi chúng hoạt động thì không ai quan tâm. Khi chúng trục trặc thì lại

có ba bốn tên từ Cục Nước Derry phải giờ đầu chịu báng mà đi kiểm tra xem máy bơm nào bị lỗi hoặc chỗ nào bị tắc nghẽn. Và khi nào xuống dưới đó, họ cũng phải mang theo đồ ăn trưa. Bên dưới vừa tối tăm vừa hôi thối, lại đầy chuột. Chừng đó là đủ lý do để không mò xuống rồi, nhưng lý do lớn nhất là ta có thể bị lạc. Chuyện đó từng xảy ra trước đây.”

Bị lạc dưới lòng Derry. Bị lạc trong cống thoát nước. Bị lạc trong đêm tối. Viễn cảnh ấy kinh khủng và u ám đến độ Bill á khẩu trong chốc lát. Đoạn cậu lên tiếng, “Nhưng chẳng phải họ có cử người x-x xuống để làm bản đồ...”

“Bố phải sửa nốt mấy cái chốt đã,” Zack chột cắt ngang, quay lưng và lùi khỏi cậu. “Con vào nhà xem ti vi đi.”

“Nh-Nh-Nhưng b-b-bố...”

“Vào nhà đi Bill,” Zack nói, và Bill lại cảm nhận được thái độ lạnh nhạt của ông. Cái lạnh nhạt ấy khiến bữa tối chẳng khác nào tra tấn, khi bố cậu chăm chăm lật tờ tạp chí ngành điện (ông đang mong được thăng chức trong năm sau), còn mẹ cậu cúi mũi đọc một trong số vô vàn cuốn tiểu thuyết bí ẩn của Anh: Marsh, Sayers, Innes, Allingham. Trệu trạo ăn trong khung cảnh lạnh lẽo ấy khiến thức ăn nhạt thêch trong miệng, tựa hồ cậu đang nhai những món đông lạnh mà chưa được hâm lại bằng lò vi sóng. Thỉnh thoảng sau bữa ăn, cậu đi lên phòng, nằm trên giường, ôm bụng đang quặn lên và thầm nhủ câu văn: *Anh dấm tay vào cột nhà, la oai oái rằng mình gặp ma*. Từ lúc Georgie qua đời, cậu rất hay thầm nhủ trong đầu câu nói ấy, dù mẹ chỉ cho cậu câu này từ hai năm trước. Trong tâm trí cậu, câu nói ấy như một lời chú: rồi một ngày, cậu có thể bước đến chỗ mẹ, nói trôi chảy nguyên câu mà không vấp, không nói lắp, vừa nói vừa nhìn thẳng vào mắt mẹ, bao lạnh nhạt rồi sẽ tan biến, đôi mắt bà sẽ sáng bừng lên, bà sẽ

ôm cậu và khen, “Tuyệt vời, Billy! Con của mẹ giỏi quá! Con của mẹ giỏi quá!”

Tất nhiên, cậu chưa bao giờ kể với ai ước mong thần kín này. Dù voi già ngựa xé cũng đừng hòng cậu từ bỏ vọng tưởng ấy, dù có bị ngũ mã phanh thây, cậu cũng sẽ khư khư giữ lấy mong ước bí mật ấy, niềm mong mỏi nằm sâu trong con tim cậu. Nếu cậu có thể nói trôi chảy câu văn mà mẹ đã dạy cậu vào một buổi sáng thứ Bảy khi cậu và Georgie ng ồi xem Guy Madison cùng Andy Devine trong bộ phim *Những cuộc phiêu lưu của Bill Hickok hoang dại*, nó sẽ như nụ hôn đánh thức Nàng công chúa ngủ trong rừng khỏi giấc mơ lạnh lẽo, đưa nàng trở lại với thế giới ấm áp, nơi có tình yêu của chàng hoàng tử cổ tích.

Anh nắm tay vào cột nhà, la oai oái rằng mình gặp ma.

Vào ngày mùng 3 tháng 7 định mệnh ấy, cậu cũng không kể với bạn bè mình, nhưng cậu kể những gì bố nói với cậu về hệ thống cống thoát nước và cống nước thải của Derry. Cậu vẫn còn là một cậu bé với trí tưởng tượng phong phú (nhiều khi còn dễ hơn nói sự thật), và khung cảnh cậu vẽ ra cho các bạn tương đối khác so với khung cảnh thật sự mà hai bố con trao đổi: cậu và bố cùng ng ồi xem ti vi, nhâm nhi tách cà phê.

“Bố cậu cho cậu uống cà phê à?” Eddie hỏi.

“C-C-Có chứ.” Bill đáp.

“Ôi,” Eddie thốt lên. “Mẹ tớ còn khuya mới cho tớ uống cà phê. Mẹ tớ bảo cà-phê-in trong cà phê nguy hiểm.” Cậu ngưng lại. “Thế mà mẹ tớ uống nhiều lắm.”

“Bố tớ cho tớ uống cà phê nếu tớ muốn.” Beverly kể, “nhưng ông sẽ cho tớ đi đời nếu biết tớ hút thuốc.”

“Sao cậu lại chắc chắn nó nằm trong cống thoát nước vậy?” Richie hỏi,

hết nhìn từ Bill sang Stan Uris rồi lại nhìn Bill.

“M-M-Mọi thứ đ-đầu b-bắt ng-nguồn t-từ đ-đ-đó,” Bill nói. “Gi Giọng nói B-B-Beverly nghe thấy v-vang lên t-từ d-dưới c-c-cổng. Cả m-máu nữa. Khi g-g-gã h-đ-đuổi theo bọn m-mình, những cái n-n-nút c-cam ở g-g-ghần c-cổng. Và G-G-George...”

“Nó không phải h-ê, Bill To Bự ời,” Richie cắt ngang. “Tớ đã bảo cậu r-ồi mà. Tớ biết nghe rất điên r-ồ, nhưng nó là Người sói.” Cậu nhìn mọi người trong nhóm với ánh mắt phòng thủ. “Tớ th-ề với Chúa, tớ trông thấy mà.”

Bill ôn t-ôn: “V-ớ c-c-cậu thì nó là Người sói.”

“Hả?”

Bill bèn giải thích, “C-Cậu kh-không th-th-thấy à? V-ớ c-c-cậu thì nó là Người sói vì c-cậu xem b-bộ phim ng-ngớ ngẩn ấy ở A-A-A Aladdin.”

“Tớ không hiểu.”

“Hình như tớ hiểu r-ồi.” Ben tr-ần ngâm.

“Tớ đã đ-đ-đến th-th-thư viện và tr-trac-c-cứu r-ồi,” Bill nói. “Tớ nghĩ Nó là g-g” – cậu ngừng lại, ghen h-ọng và nói bật ra – “là *glamour*.”

“Gà-la-mò?” Eddie ngờ vực.

“G-G-Glamour,” Bill nói và đánh v-ần cho mọi người. Cậu kể cho cả bọn về đoạn văn liên quan tới chủ đề này trong bách khoa toàn thư cùng chương cậu đọc trong cuốn sách mang tên *Sự thật đêm khuya*. Cậu giải thích Glamour là tên trong tiếng Gaelic chỉ thứ sinh vật đang ám Derry; tùy từng thời điểm, các chủng tộc khác nhau và các n-ền văn hóa khác nhau lại có những cái tên riêng cho nó, nhưng tất cả đều mang cùng một nghĩa. Thổ dân da đỏ gọi nó là *manitou*, thỉnh thoảng nó mang hình dạng sư tử núi

“Hả?” Stan hỏi.

Bill gật đầu, mặt cậu như mặt một thông tấn viên muốn ta biết cậu không phải người tạo ra tin mà chỉ truyền đạt nó – dù không nói thẳng ra miệng như vậy. “Th-Thật. Đ-Đầu tiên quái vật *t-taelus* sẽ kể m-m-một chuyện, sau đó tới lượt m-m-mình k-kể, c-cứ thế th-th-thay phiên nh-nhau...”

Beverly ngẩng dậy, đầu gối áp vào ngực, tay ôm quanh cổ chân. “Tớ chưa hiểu làm thế nào ta có thể nói chuyện trong khi lưỡi đang đánh vào nhau như thế.”

Richie liếc thè lưỡi ra, lấy tay chụp lưỡi rồi í éo: “Bố tớ làm việc ở bãi phân!” Cả bọn phá lên cười một lúc dù câu chuyện cười này rõ là trẻ con.

“C-Có thể nó l-là thần gi-giao c-cách cảm gì đó,” Bill nói. “T-Tóm lại, n-nếu c-c-con người cười tr-tr-trước dù đ-đang bị đ-đ-đ...”

“Đau?” Stan hỏi.

Bill gật đầu. “...thì *taelus* s-sẽ gi-gi-giết và ăn th-th-th-thịt con người. Tớ nghĩ là linh hồn người đó. Nh-Nhưng n-nếu con ng-người c-c-có thể khiến *t-taelus* c-cười tr-tr-trước, nó phải bỏ đi trong m-m-một trăm n-năm.”

“Cuốn sách có giải thích thứ đó khởi nguồn từ đâu không?” Ben hỏi.

Bill lắc đầu.

“Cậu có tin vào mấy đi đâu đó không?” Stan hỏi, như thể cậu muốn mỉa mai nhưng chẳng bối đâu ra sức mạnh tinh thần hay đạo đức để làm thế.

Bill nhún vai đáp, “Tớ g-g-gần t-tin rồi.” Cậu toan nói gì đó nhưng chỉ im lặng lắc đầu.

“Nó giải thích rất nhiều thứ, Eddie chậm rãi. “Gã hề, gã hủi, Người sói...” Cậu nhìn qua Stan. “Xác mấy cậu bé kia nữa.”

“Xem ra Richard Tozier có đất dụng võ rồi đây,” Richie lên tiếng bằng giọng Phát thanh viên Thời sự MovieTone. “Người đàn ông một nghìn truyện cười, sáu nghìn câu đố.”

“Nếu bọn tớ cử cậu đi chắc cả lũ bị giết mất,” Ben thủng thỉnh. “Từ từ. Đầy đau đớn.” Mọi người lại phá lên cười.

“Vậy chúng ta biết làm gì đây?” Stan hỏi, một lần nữa, Bill chỉ biết lắc đầu... và mơ hồ cảm giác hình như cậu sắp sửa biết. Stan đứng dậy. “Mình đi chỗ khác đi,” cậu nói. “Tớ ê hết cả mộng rồi.”

“Tớ thấy ng ời đây hay mà.” Beverly lên tiếng. “Vừa có bóng râm vừa dễ chịu.” Cô liếc nhìn Stan. “Hay cậu muốn làm mấy trò *trẻ con* như đi xuống bãi rác rồi dùng đá đập bể chai.”

“Tớ *thích* lấy đá đập bể chai đấy,” Richie nói và đứng cạnh Stan. “Chất chơi j.d. trong người tớ đó nha.” Cậu dựng cổ áo lên và bắt chước điệu bộ đi lòng vòng của James Dean trong *Nỗi loạn vô cớ*. “Chúng làm tớ tổn thương,” cậu nói với vẻ mặt tâm trạng, tay cào ngực. “Cậu biết đấy, đời nhiều nhượng quá. Nào bố mẹ. Trường học. Xã hội. Mọi người. Áp lực lắm, bạn ời. Nó...”

“Nó rõ cúت đái,” Beverly nói và thở dài.

“Tớ có pháo đây,” Stan nói, và cả bọn quên hết những đi ầu về *glamour*, *manitou* cùng phiên bản nhái James Dean dở tệ của Richie khi Stan lôi từ trong túi bọc pháo Black Cat. Đến Bill còn mắt tròn mắt dẹt.

“Ch-Chúa ời, S-S-Stan, c-cậu k-k-kiếm đ-được ở đ-đâu thế?”

“Từ thằng nhóc mập tớ hay đi giáo đường chung,” Stan nói. “Tớ đổi một ch ồng truyện tranh Siêu nhân và Lulu Bé nhỏ để lấy nó đấy.”

“Bắn pháo thôi anh em!” Richie la to, hăng tiết vì vui sướng. “Đi bắn

thôi mọi người ơi, Stanny, tớ thề tớ hứa tớ đảm bảo rằng sẽ không nói cậu và bố cậu giết Chúa nữa, cậu thấy sao? Tớ sẽ bảo mũi cậu *nhỏ xí*, nhé Stanny! Tớ sẽ bảo cậu không cắt bao quy đầu!”

Nghe đến đây, Beverly ré lên cười nắc nẻ, bò lăn bò càng, hai tay đưa lên che mặt. Bill cũng cười, Eddie cười theo, và ngay sau đó, Stan cũng cười ha hả. Tiếng cười của cả bọn vang vọng qua lòng sông Kenduskeag rộng mà nông vào cái ngày trước ngày mừng 4 tháng 7 năm ấy, tiếng cười của mùa hạ, sáng bừng như những tia nắng phản chiếu trên mặt nước, và không ai trong số đám trẻ trông thấy đôi mắt màu cam đang chầm chầm dán vào cả bọn từ một bụi gai và bụi mâm xôi cần cỗi phía bên trái. Khóm cây tua tua chạy dọc bờ sông cả chục mét, ở giữa là hồ Morlock của Ben. Ở đây mọc lên ống bê tông, từ trong đó, hai con mắt cách nhau sáu mươi xen-ti lom lom nhìn.

5

Lý do Mike đụng độ với Henry Bowers và bè lũ không mấy vui tươi của hắn vào cùng hôm đó là bởi ngày hôm sau là Mừng Bốn Vinh Quang. Trường Nhà thờ có một ban nhạc trong đó Mike chơi kèm trombone. Vào ngày mừng 4, ban nhạc sẽ tham gia diễu hành mừng lễ hàng năm, chơi “Bài Thánh chiến ca Cộng hoà”, “Tinh binh Giê-su tiến lên”, “Nước Mỹ tươi đẹp”. Mike đã mong đợi dịp này suốt hơn một tháng nay. Cậu phải đi bộ đến buổi tổng duyệt cuối cùng vì xe đạp bị hỏng xích. Buổi tổng duyệt được xếp lịch vào lúc 2 giờ 30 phút, nhưng cậu đi từ 1 giờ vì cậu muốn đánh bóng kèn trombone, vốn được cất trong phòng nhạc của trường, cho đến khi nó sáng bóng mới thôi. Mặc dù kỹ năng chơi kèn trombone của cậu cũng chẳng khá khẩm hơn Giọng nói của Richie là mấy, nhưng cậu rất thích nhạc cụ này và cứ khi nào tâm trạng chùng xuống, chỉ cần nửa tiếng

đắm chìm trong những bài ca điệu hành Sousa hùng tráng, thánh ca hay những lời ca ái quốc đã đủ khiến cậu phấn chấn hơn. Cậu nhét một chai đánh bóng đồng thau hãng Saddler vào trong túi áo ka ki và hai, ba miếng giẻ vào trong túi quần jean. Trong đầu cậu chẳng mảy may nghĩ đến Henry Bowers. Chỉ cần liếc ra đằng sau khi tiến lại đường Neibolt và trường Nhà thờ, cậu sẽ thay đổi suy nghĩ trong chớp mắt vì Henry, Victor,Ợ Hơi, Peter Gordon và Moose Sadler đang dàn hàng ngang trên con đường đằng sau cậu. Nếu bọn chúng rời khỏi nhà Bowers trễ hơn năm phút thì có lẽ Mike đã khuất mắt bọn chúng ở tít đỉnh ngọn đồi bên kia; trận ném đá định mệnh và bao hệ quả sau đó sẽ xảy ra theo hướng khác, hoặc có khi là không xảy ra.

Nhưng nhiều năm sau, chính Mike là người khơi gợi ý kiến cho rằng không ai trong số họ hoàn toàn chiếm thế chủ động trong những sự kiện mùa hè năm ấy; rằng nếu vận may và ý chí tự do vẫn dự phần thì hẳn vai trò của chúng chẳng mấy đáng kể. Trong bữa ăn trưa hội ngộ, anh sẽ chỉ ra rất nhiều sự tình cờ hết sức hữu ý xảy ra với mọi người, nhưng có ít nhất một điều anh không hề hay biết. Buổi họp ở Vùng Đất Cằn ngày hôm ấy dừng lại khi Stan Uris lấy ra bọc pháo Black Cat và cả Hội Cùi Bắp chạy đến bãi rác để bắn pháo. Victor,Ợ Hơi và đám còn lại đến nông trại nhà Bowers vì Henry có pháo, pháo hình còi và M-80 (vài năm sau đó, sở hữu những thứ này trở thành tội nặng). Đám du côn to lớn toàn đi xuống mỏ than sân ga để khiến kho tàng của Henry phát nổ.

Bình thường, có cho vàng bọn chúng cũng chẳng mò xuống nông trại nhà Bowers, ngay cảỢ Hơi – nguyên nhân chủ yếu là ông bố điên khùng của Henry nhưng còn vì lúc nào cả bọn cũng phải lặn vào phụ giúp Henry công việc đồng áng: nào là nhổ cỏ dại, thu nhặt đá, đốn củi, lấy nước, gom

rom, thu hoạch bất cứ thứ gì tới mùa vụ – lê, dưa leo, cà chua, khoai tây. Không hẳn là mấy thằng bé ấy ghét làm việc, nhưng ở nhà mình, chúng đã có đủ thứ phải ề cở ra làm r ấ, chứ nói gì đến việc đồ m ồ hôi sôi nước mắt cho ông bố dị thường của Henry, cái lão cứ thượng cẳng chân, hạ cẳng tay bất chấp là ai (lão từng chọi một thanh gỗ nhóm lò vào Victor Criss khi cậu này đánh rơi rổ cà chua trên đường mang ra sạp bán ngoài đường). Bị thanh gỗ chọi vào người tưởng chừng đã đủ tệt hại r ấ, nào ngờ còn tệt hơn khi Butch Bowers lải nhải “Tao sẽ giết tất bọn Nhựt Bồn! Tao sẽ giết tất bọn Nhựt Bồn chết toi!”

Dù đầu to mà óc như trái nho, Huggins Ợ Hơi đã xuất khẩu một câu chí lý: “Tao không giỡn mặt với mấy kẻ điên,” hấn nói với Victor câu này hai năm trước. Victor phá lên cười, gật gù ờng ý.

Nhưng những thối pháo tựa như tiếng hát du dương của người cá, bọn chúng như đám thủy thủ không cưỡng lại được sức mạnh ấy.

“Tao bảo này, Henry,” Victor nói khi Henry gọi hấn vào lúc 9 giờ sáng hôm ấy và rủ đi chơi. “Bọn mình gặp nhau ở mỏ than t ầm 1 giờ, mày thấy sao?”

“Ờ, vậy mày đến mỏ than lúc khoảng 1 giờ đi, tao không có mặt đó đâu,” Henry đáp. “Tao có nhiều việc lắm. Nếu mày đến mỏ than t ầm 3 giờ thì được, tao sẽ ở đó. Và cây pháo M-80 đầu tiên sẽ cắm thẳng vào cửa hậu của mày đấy nhé, Vic.”

Vic ng ần ngủ r ấ ờng ý qua phụ Henry việc ờng áng.

Những đứa khác cũng tới, tổng cộng là năm cậu con trai, ai nấy đầu to cao lực lưỡng, hùng hục làm việc ở nhà Bowers, và đến chiều thì mọi công việc đã được hoàn thành. Khi Henry hỏi bố liệu hấn đi chơi được chưa, ông Bowers già chỉ chậm chạp phẩy tay với cậu con trai. Butch khoan

khoái tận hưởng buổi chiều hôm ấy trên hiên sau nhà cùng chai sữa một lít đựng rượu táo loại cực mạnh, đài cậ̀n tay Philco trên thành hiên (chốc sau buổi chiều hôm ấy, đội Red Sox sẽ đấu với đội Washington Senators, trận đấu với viễn cảnh đủ để một kẻ không điên nổi cả da gà). Đặt trong lòng Butch là thanh kiếm Nhật đã rút khỏi bao, quà kỷ niệm chiến tranh mà theo như lời Butch khoác lác là hặ́n rút từ xác một thằng Nhự̣t Bồn trên hòn đảo Tarawa (thật ra hặ́n phải đổi sáu chai Budweiser và ba cậ̀n điếu khiến máy bay mới lấy được thanh kiếm đó ở Honolulu). Gần đây, cứ khi nào uống rượu là Butch lại lôi thanh kiếm ra. Và đám trẻ, kể cả Henry, đều đinh ninh trong lòng rằng chẳng chóng thì chày, lão sẽ xiên ai đó, nên tránh voi chẳng xấu mặt nào, tốt nhất không nên xớ rớ khi thanh kiếm xuất hiện trong lòng Butch.

Đám bọn chúng vừa bước ra đường thì Henry nhìn thấy Mike Hanlon đi ở phía trước. “Thằng mọi đen kìa!” Hặ́n reo lên, mắt sáng bừng như mắt đứa trẻ nhỏ mừng tưng về cảnh ông già Noel sắp tới vào Đêm Giáng sinh.

“Thằng mọi đen?” Huggins Ở Hơi có vẻ bối rối – hặ́n rất hiếm khi đụng mặt gia đình nhà Hanlon - và rặ́i đôi mắt dò dẫm của hặ́n sáng lên. “Ồ chuẩn! Thằng mọi đen! Tóm cổ nó đi, Henry!”

Ở Hơi ba chân bốn cặ́ng rậ̀n rập lao đi. Đám còn lại chạy theo sau khi Henry chộp cổ Ở Hơi và kéo tên đậ̀ng đảng lại. Henry có nhiệ̀u kinh nghiệm rượt đuổi Mike Hanlon hơn những đứa còn lại, và hặ́n biết bắt thằng mọi đen này tưởng dễ nhưng rất khó. Thằng da đen đó nhanh như cắt.

“Nó không thấy bọn mình. Mình cứ đi thật nhanh cho đến khi nó thấy. Rút ngắn khoảng cách.”

Chúng đồng tình. Một người qua đường quan sát hẳn sẽ lấy làm kỳ thú khi năm người bọn chúng hùng hục như thể đang cố gắng tham dự cuộc đấu đi bộ của giải Olympic. Cái bụng rõ phệ của Moose Sadler nảy lên nảy xuống dưới lớp áo thun trường Trung học Derry. Mồ hôi nhễ nhại trên khuôn mặt càng lúc càng đỏ bừng của O' Hori. Nhưng khoảng cách giữa chúng và Mike đã ngắn lại – một trăm tám mươi mét, rồi một trăm bốn mươi, rồi chín mươi – và đến tận lúc ấy, Thằng oắt Da đen vẫn chưa hề quay đầu lại. Bọn chúng có thể nghe thấy tiếng cậu ta huýt sáo.

“Mày tính làm gì với nó hả Henry?” Victor Criss thì thầm hỏi. Trông hẳn có vẻ hứng thú, nhưng thật ra hẳn đang rất lo lắng. Gần đây, Henry bắt đầu khiến hẳn như ngỗng trên đồng lửa. Nếu Henry chỉ muốn cả bọn hội đồng thẳng nhóc Hanlon, có khi xé rách áo và quăng quần dài cũng như quần lót lên cây thì chẳng nói làm gì, nhưng hẳn không chắc Henry chỉ muốn dừng lại ở đó. Năm ấy, bọn hẳn đã có nhiều cuộc đụng độ không mấy dễ chịu với đám trẻ trường Tiểu học Derry mà Henry hay gọi là “đám oắt chó đẻ”. Trước đây, Henry đã quen với việc thống trị và hù đám cắt chó đẻ ấy mất mặt, thế mà từ tháng Ba đến giờ, bọn chúng làm càn hết lần này đến lần khác. Henry cùng bè lũ đã đuổi đánh một thằng trong số đó, thằng nhóc Tozier bốn mắt trong Freese's và mất đấu đúng lúc tưởng sắp hợp cõ được nó. Chưa hết, vào ngày cuối của học kỳ, thằng Hanscom...

Nhưng Victor không thích nghĩ về chuyện đó.

Điều khiến hẳn lo lắng đơn giản là: Henry có thể đi QUÁ XA. Chính cái yếu tố QUÁ XA ấy là thứ Victor luôn né tránh không nghĩ tới... nhưng sự chộn rộn trong lòng hẳn đẩy lên câu hỏi.

“Mình sẽ thộp cổ nó và lôi nó xuống mồ than kia,” Henry đầu têu. “Tao nghĩ mình sẽ nhét pháo vào giày nó xem nó nhảy nhót thế nào.”

“Nhưng không phải viên M-80 đúng không Henry?”

Nếu Henry định làm những trò như thế thì Victor xin kiêu. Nhét M-80 vào giày thì chắc chắn chân thằng mọi đen sẽ đi đời nhà ma, và như thế là QUÁ XA.

“Tao chỉ có bốn viên đó thôi.” Henry nói, mắt vẫn không rời khỏi bóng lưng của Mike Hanlon. Chúng đã thu hẹp khoảng cách chỉ còn gần bảy mươi mét nên hắn vẫn thì thầm nói. “Mày nghĩ tao sẽ phí hai viên vào thằng đen như quạ chết toi ấy à?”

“Không, Henry. Tất nhiên là không rồi.”

“Bọn mình chỉ bỏ vài viên pháo Black Cat vào giày nó thôi.” Henry nói, “sau đó lột trần nó và ném đờ nó xuống Vùng Đất Cằn. Có khi nó sẽ quệt phải thường xuân độc lúc đi nhặt đờ ấy chứ.”

“Mình phải lặn nó vào than nữa,” Ợ Hơi nói, đôi mắt lơ lơ sáng bừng lên. “Thấy sao, Henry? Nghe ngầu không?”

“Ngầu như trái bầu,” Henry nói một cách bổ bã mà Victor thấy rõ ngứa tai. “Bọn mình sẽ lặn nó vào than, như lần trước tao lặn nó trong bùn. Với cả...” Henry toe toét cười, để lộ hàm răng chưa gì đã bắt đầu hồng ở độ tuổi mười hai. “Với cả tao có đi đâu phải nói với nó. Tao nghĩ lần trước tao nói nó chưa nghe.”

“Đi đâu gì thế, Henry?” Peter hỏi. Peter Gordon chỉ cảm thấy tò mò và lấy làm thích thú. Hắn xuất thân từ những “gia đình khá giả” của Derry, thằng bé sống ở Tây Broadway và hai năm tới, hắn sẽ được gửi đi học ở trường dự bị đại học trên Groton – hoặc chí ít vào ngày mừng 3 tháng 7 năm ấy, hắn nghĩ như vậy. Hắn sáng sủa hơn Vic Criss, nhưng hắn chưa tham gia hội này đủ lâu để hiểu nhân cách của Henry mục ruỗng đến mức nào.

“Rồi mày sẽ biết thôi,” Henry nói. “Giờ thì cần hết đi. Mình tới gần nó rồi đấy.”

Chúng chỉ còn cách Mike một khoảng hơn hai mươi mét, ngay lúc Henry chuẩn bị mở miệng ra hiệu lệnh thì Moose Sadler bắn quả pháo đầu tiên. Đêm hôm trước, Moose ăn ba đĩa đậu hãn và cú đánh rắm của hắn to chẳng khác nào phát súng nổ.

Mike nhìn quanh. Henry trông thấy mắt cậu mở to. “Bắt lấy nó!” Henry rống lên.

Mike cứng người trong giây lát, đoạn cậu co giò chạy bán sống bán chết.

6

Hội Cùi Bắp mò mẫm đi qua khu rừng tre trong Vùng Đất Cằn theo thứ tự như sau: Bill; Richie; Beverly đằng sau Richie, mảnh mai và xinh xẻo trong chiếc quần jean xanh cùng áo cộc tay màu trắng, chân mang dép rơm; tiếp theo là Ben, cố gắng không thở hừng hực (dù thời tiết hôm ấy là 27 độ C và cậu đang mặc áo nỉ có túi); Stan; Eddie đi cuối hàng, vùi ống thở thò ra khỏi túi quần trước bên phải. Bill thả hồn tưởng tượng mình đang phiêu lưu trong chốn rừng thiêng nước độc, trò chơi mà cậu hay thực hiện lúc đi qua khu vực này của Vùng Đất Cằn. Rừng tre vừa cao vừa trắng, khiến cả bọn khó nhìn được con đường mà họ đã đến tận đây. Mặt đất đen đúa, lầy lội, với nhiều vũng sinh phải tránh hoặc nhảy qua nếu không muốn dính bùn vào giày. Những vũng nước đọng óng ánh màu cầu vồng thật kỳ dị. Không khí có thứ mùi hôi hám nửa như mùi bãi rác, nửa như mùi rau củ thối.

Bill khựng lại ở sông Kenduskeag và quay lại nhìn Richie. “Có h-h-hồ

phía trước, T-T-Tozier.”

Richie gật đầu và quay lại Beverly. “Có hồ,” cậu thở hắt ra.

“Có hồ,” cô nói Ben.

“Hồ ăn thịt người à?” Ben hỏi, nín thở để không hít lên hàng học.

“Cả người nó be bét máu,” Beverly nói.

“Hồ ăn thịt người,” Ben thì thầm với Stan và cậu lại truyền tin cho Eddie, khiến khuôn mặt gầy gò của cậu sáng bừng vì thích thú.

Cả bọn lùi vào rừng tre, bỏ lại con đường đất đen đúa vòng vèo qua rừng. Con hồ đi qua trước mặt cả bọn và gần như ai cũng thấy nó: nặng đến gần hai tạ, từng thớ thịt chuyển động thật uyển chuyển và đầy uy lực bên dưới lớp lông vằn vện. Đám trẻ gần như thấy đôi mắt xanh lá cây, những vết máu lấm tẩm quanh mõm của nó từ miếng thịt cuối cùng của chiến binh bé nhỏ đã bị nó ăn tươi nuốt sống.

Rừng tre xào xạc khe khẽ, thứ âm thanh vừa du dương vừa ma mị, và rồi lại tĩnh lặng. Có thể ấy chỉ là cơn gió mùa hè thoáng qua... hoặc có thể đó chính là con hồ châu Phi đang trên đường tiến về khu vực ven Mũi Đất Cũ của Vùng Đất Cằn.

“Nó đi rồi,” Bill nói. Cậu thở phào đầy nhẹ nhõm rồi trở lại lối đi. Mọi người theo sau.

Richie là thành viên duy nhất trang bị vũ khí: cậu lôi khẩu súng đồ chơi với phần tay cầm được dán băng keo đen của mình ra. “Nếu cậu né ra là tớ đã cho nó vào tận gầm được rồi, Bill To Bự” cậu nói lạnh tanh. Đoạn cậu lấy họng súng đẩy cặp kính đã cũ lên mũi.

“Quanh đ-đ-đây có bò W-W-Watusi đấy,” Bill nói, “Bắn s-s súng nguy hiểm l-l-lắm. C-Cậu m-muốn chúng l-l-lao đến b-bọn mình không?”

“Ờ ha,” Richie gật gù.

Bill lấy tay ra hiệu cho mọi người đi tiếp và cả bọn trở lại lối đi đang dần thất cổ chai ở cuối rừng tre. Mọi người bước ra bờ sông Kenduskeag, nơi có một dàn đá dẫn qua sông. Ben đã chỉ nhóm bạn cách xếp đá sao cho chuẩn. Đầu tiên ta quăng một tảng đá lớn xuống nước, đoạn đặt chân lên tảng đá thứ nhất và quăng xuống nước tảng đá thứ hai, tiếp tục bước qua tảng đá thứ hai và quăng tảng đá thứ ba xuống nước, cứ thế cho đến khi ta đi qua hết sông (vào thời điểm này trong năm, mực nước ở đây chỉ chưa tới ba mươi phân và lộ ra cả bãi cạn màu nâu) mà chân vẫn khô cong. Cách thức ấy đơn giản đến độ nó chẳng khác gì trò con nít, nhưng không ai trong số họ nghĩ tới cho đến khi Ben chỉ cho cả đám. Cậu vốn có khiếu ở lĩnh vực này, nhưng hay ở chỗ, khi chỉ dẫn cho người khác, cậu không khiến họ cảm thấy mình là kẻ ngu đần.

Cả bọn đi thành hàng xuống bờ sông và bước qua các tảng đá được sắp xếp từ trước.

“Bill!” Beverly vội thét lên.

Cậu lập tức khựng lại, hai tay chìa ra. Nước róc rách, chảy không ngừng quanh cậu. “Gì thế?”

“Dưới sông có cá piranha! Hai ngày trước tớ đã thấy chúng ăn thịt một con bò đấy. Mới phút trước con bò rơi xuống, phút sau nó đã bị rĩa đến tận xương. Coi chừng ngã nhé!”

“Được,” Bill nói. “Mọi người cẩn trọng.”

Cả bọn rón rén đi qua những phiến đá. Bất chợt, một con tàu chở hàng vùn vụt lao qua ở đường đẽ cho xe lửa lúc Eddie Kaspbrak gần qua đến giữa sông, tiếng còi hú bất ngờ khiến cậu loạng choạng trên mép đá do mất thăng bằng. Cậu nhìn thẳng xuống mặt nước óng ánh và trong một

khắc, khi những tia nắng loang loáng phản chiếu vào mắt, cậu thực sự *trông thấy* những con cá piranha đang bơi lội. Chúng không còn là sản phẩm của trò tưởng tượng rừng thiêng nước độc mà Bill bày ra nữa, cậu dám chắc như thế. Những con cá cậu trông thấy như cá vàng khổng lồ với hàm răng góm ghiếc to tướng của cá da trơn và cá mú. Hàm răng lồm chồm như răng cưa thò ra từ cái miệng dày cui và có màu cam như cá vàng. Ấy là màu cam của những núp bông thỉnh thoảng ta lại thấy trên trang phục của chú hề ở rạp xiếc.

Vừa bơi lòng vòng trong làn nước nông, chúng vừa nghiêng răng.

Hai tay của Eddie chới với. *Mình ngã mất*, cậu thầm nghĩ. *Mình ngã mất, chúng nó sẽ rửa thịt mình cho xem...*

Ngay lúc ấy, Stanley Uris chụp lấy cổ tay cậu và kéo cậu trở lại vị thế cân bằng.

“Suýt chết nhé,” Stan nói. “Cậu mà ngã vào đấy, mẹ cậu thế nào cũng nổi trận lôi đình cho mà xem.”

Lần đầu tiên trong đời, tâm trí Eddie không mảy may suy nghĩ về mẹ. Lúc này, các thành viên khác trong nhóm đi đến bờ bên kia và đang đếm số toa của tàu chở hàng. Eddie ngây người nhìn chằm chằm vào mắt Stan, đoạn cậu lại nhìn vào nước. Cậu trông thấy một túi khoai tây chiên lãng đãng trôi qua, nhưng chỉ có thế. Cậu ngược nhìn Stan.

“Stan, tớ thấy...”

“Thấy gì?”

Eddie lắc đầu. “Chắc không có gì,” cậu nói. “Tớ chỉ hơi...”

(nhưng chúng có ở đó mà chắc chắn là có và suýt chút nữa chúng đã ăn thịt mình)

”... hết h ần thôi. Chắc do con hổ. Mình đi tiếp nào.”

Bờ phía tây của con sông Kenduskeag - bên phía Mũi Đất Cũ – là một đầm lầy đầy bùn vào mùa mưa và mùa lũ đầu xuân, nhưng hơn hai tuần gần đây, Derry không có trận mưa lớn nào, bờ sông khô rang nứt nẻ như ở hành tinh khác, tua tủa mọc lên những cọc trụ xi măng đỡ bóng đầy u ám. Đi xuống chừng hai mươi mét là cống xi măng thò ra trên sông Kenduskeag, ri rỉ xả dòng nước màu nâu gớm ghiếc xuống sông.

Ben khẽ lên tiếng, “Ở đây đáng sợ quá,” và cả bọn gật đầu.

Bill dẫn mọi người bước lên bờ sông khô ráo, tiến vào bụi cây um tùm, nơi côn trùng kêu râm ran và reng róc không ngừng. Thỉnh thoảng lại có tiếng đập cánh vù vù khi chim bay lên. Bất chợt, một con sóc chạy ngang qua đường họ đang đi, và chừng năm phút sau, khi cả bọn đang tiến đến rãnh đất lô nhô bọc phía sau bãi rác thị trấn, con chuột to tướng với giấy bóng kính vướng trên râu ị ạch bước qua trước mặt Bill, tiết lộ cho mọi người đường chạy bí mật qua miền hoang dại thu nhỏ của nó.

Giờ thì mùi của bãi rác càng lúc càng nồng nặc hơn; cột khói đen ngòm hướng thẳng lên bầu trời. Trừ lối mòn nhỏ hẹp mà cả bọn men theo, mặt đất um tùm cỏ dại, lác đác rác rến. Bill gọi vui đây là “gàu của bãi rác”, cụm từ mà Richie khoái vô cùng, cậu đã cười đến độ chảy cả nước mắt. “Cậu phải ghi lại cụm từ này nhé, Bill To Bự,” cậu nói. “Nghe chuẩn không cần chỉnh.”

Giấy rác vướng trên cành cây ph ần phật đưng đưa như cò đuôi neho quảng cáo hàng hạ giá, đằng này óng ánh sắc bạc khi tia nắng phản chiếu vào đồng vỏ lon thiếc nằm bên dưới hồ màu xanh um tùm, đằng kia, nắng lại chói lòa hơn khi phả xuống chai bia bể. Beverly nhác thấy một con búp bê với lớp da nhựa hồng rực chẳng khác nào tôm luộc. Cô nhặt nó lên

nhưng ngay lập tức thả xuống và hét lên khe khẽ khi trông thấy những con bọ màu xám trắng nhúc nhúc bò từ cái váy mốc meo xuống đôi chân mục ruỗng của nó. Đoạn cô chà tay mình lên quần jean.

Cả nhóm trèo lên đỉnh đồi và nhìn xuống bãi rác.

“Ôi thôi xong,” Bill thốt lên và dứt tay vào túi quần khi các bạn túm tụm lại quanh cậu.

Hôm nay là ngày đốt rác ở góc phía bắc của bãi rác, nhưng ở đầu này, nhân viên trông coi bãi rác (là Armando Fazio, hay còn được bạn bè gọi với cái tên Mandy, và là ông anh ở vậy của ông bảo vệ trường Tiểu học Derry) đang mày mò sửa chiếc xe ủi D-9 Thế chiến thứ hai mà ông hay dùng để gom rác thành động mới đốt. Ông cởi trần, đang ngồi trong xe ủi, dưới mái che bằng vải dù để cái đài cầm tay rất to đang phát chương trình ăn mừng trước trận đấu giữa đội Red Sox và Senators.

“Không xuống dưới đó được,” Ben đồng tình. Mandy Fazio không phải người xấu, nhưng khi trông thấy con nít lang thang trong bãi rác là y như rằng ông đuổi – vì dưới này đầy chuột, vì ông thường xuyên rải thuốc độc để không cho lũ chuột sinh sôi nảy nở, vì chúng có thể đứt chân đứt tay, ngã, phỏng... nhưng chủ yếu là vì ông cho rằng bãi rác tuyệt đối không phải nơi cho trẻ con mò đến. “Chúng mày mất dạy hay sao?” Ông hay hét lên với những đứa trẻ mà ông phát hiện mò đến bãi rác với khẩu súng cỡ 22 trên tay để bắn bùm bụp vào chai lọ (hoặc chuột, hoặc mòng biển) hoặc đến vì ham thích “bới rác”: biết đâu rủi may, chúng lại nhặt được một món đồ chơi còn hoạt động, một cái ghế có thể sửa để trưng dụng trong hội, hoặc tivi đang nát mà đèn hình còn nguyên vẹn – nếu ném đá vào tivi, ta sẽ thu được tiếng nổ rất kêu. “Chúng mày mất dạy hay sao hả?” Mandy gầm lên (ông gầm lên không phải vì ông tức giận mà là vì ông bị

điếc nhưng không mang máy trợ thính). “Bố mẹ chúng mày không dạy con à? Trẻ ngoan không ai chơi ở bãi rác cả! Đi ra công viên ngay! Ra thư viện ngay! Xuống Nhà Cộng đồng chơi khúc côn cầu trong hộp đi! Liệu mà cư xử đi!”

“Không được r ấi,” Richie nói. “Chắc bỏ bãi rác đi thôi.”

Cả bọn ng ấ xuống một lát, nhìn Mandy sửa chữa chiếc xe ủi, hy vọng ông bỏ cuộc và đi mất nhưng xem chừng hy vọng ấy khá mong manh: chiếc đài đặt ở kia cho thấy Mandy dự tính sẽ ở đây cả buổi chiều. Lâu đến độ thánh hi ền còn sốt hết cả ruột, Bill nghĩ. Chẳng có nơi nào phù hợp chơi đốt pháo hơn bãi rác. Ta có thể nhét chúng bên dưới hộp thiếc r ấi nhìn hộp bay lên không trung khi pháo phóng vút lên, hoặc ta có thể đốt cầu chì, thả chúng vào chai và co giò chạy biến. Không phải lúc nào chai cũng bị bể, nhưng hầu như là thế.

“Phải chi mình có mấy viên M-80 nhỉ?” Richie thở dài, không hề hay biết chỉ chốc lát nữa thôi, cậu sẽ bị quăng vào đ ầu một viên.

“Mẹ tớ bảo làm người phải biết thế nào là bằng lòng với thứ mình có,” Eddie nghiêm nghị nói, làm cả bọn cười vang.

Khi tiếng cười vãn bớt, cả nhóm lại quay sang nhìn Bill.

Bill ng ẩm nghĩ r ấi nói, “Tớ b-biết một n-nơi. Có b-b-bãi đá dăm cũ ở cuối V-Vùng Đất C-Cần, g ần s-s-sân ga...”

“Đúng r ấi!” Stan reo lên và đứng bật dậy. “Tớ biết chỗ đó! Cậu đúng là thiên tài, Bill ạ!”

“Ở đó tiếng động vang lắm nha,” Beverly đ ồng ý. “Được, mình đi thôi,” Richie nói.

Sáu người bọn họ, thiếu mất một đơn vị để tạo thành con số ma thuật,

men theo đỉnh đồi bao quanh bãi rác. Mandy Fazio có ngược lên một lần và trông thấy bọn trẻ in bóng trên nền trời xanh trong, tựa hồ những người da đỏ đang lên đường tấn công kẻ thù. Ông toan hét lên mắng chúng - Vùng Đất Cằn không phải nơi cho trẻ con – nhưng rồi ông lại tiếp tục công việc của mình. Chí ít chúng không xó rớ xuống bãi rác của ông.

7

Mike Hanlon chạy một mạch ngang qua trường Nhà thờ mà không dám dừng lại, cắm đầu thực mạng lên đường Neibolt về phía sân ga Derry. Ở trường Nhà thờ đường Neibolt có một ông bảo vệ tên là Gendron, nhưng ông còn già và điếc đặc hơn cả ông Mandy Fazio. Ngoài ra, vào những ngày hè, ông hay mơ màng ngủ dưới tầng hầm cạnh lò hơi im lìm, thông thả nằm ườn trên chiếc ghế thư giãn cũ mềm tả tơi với tờ *Derry News* trong lòng. Có khi trong lúc Mike còn đứng ngoài đập cửa thỉnh thịch, hét ồm to để ông bảo vệ cho vào thì Henry Bowers đã đến đằng sau và xé xác cậu.

Thế nên Mike chạy tiếp.

Nhưng cậu không chạy một cách vô thức mà cố giữ tốc độ ổn định, có kiểm soát hơi thở chứ chưa tung hết sức. Henry,Ợ Hơi và Moose Sadler không phải vấn đề đáng lo, mới chạy chưa được bao lâu mà chúng đã hỗn hển như đàn trâu bị thương. Tuy nhiên, Victor Criss và Peter Gordon lại nhanh chân hơn nhiều. Lúc Mike chạy ngang qua căn nhà mà Bill và Richie từng trông thấy gã hề – hoặc Người sói – cậu liếc nhìn đằng sau thì hốt hoảng trông thấy Peter Gordon đã thu hẹp khoảng cách kha khá. Peter đang toét miệng cười đầy vui sướng - nụ cười toe toét của gã vận động viên chạy vượt rào, nụ cười của một tay chơi polo, nụ cười đần thối của đám

trường giả học làm sang, và rồi Mike nghĩ: *Nếu nó biết chuyện gì sẽ xảy ra khi bọn chúng bắt được mình, liệu nó có cười như thế không... Hay nó nghĩ bọn chúng sẽ chỉ hô lên ‘Đến lượt cậu bị nhé’ rồi chạy đi nhỉ?*

Khi cổng sân ga hiện ra với tấm biển đề ĐẤT TƯ NHÂN CẤM VÀO VI PHẠM SẼ BỊ TRUY TỐ, Mike buộc phải guồng chân chạy hết tốc lực. Cậu chưa cảm thấy đau – hơi thở cậu nhanh hơn nhưng vẫn trong tầm kiểm soát – song cậu biết nếu duy trì tốc độ này quá lâu, chẳng mấy chốc cơn đau sẽ xuất hiện. Cổng đang hé mở. Cậu liếc thật nhanh ra phía sau và trông thấy cậu đã bỏ Peter một khoảng khá xa. Victor tuột sau Peter khoảng chục bước chân, và đám còn lại cách đó chừng ba mươi, bốn mươi mét. Dù chỉ nhìn thoáng qua, Mike cũng có thể trông thấy mặt Henry tối sầm vì tức giận.

Vọt qua cổng, cậu xoay người, đóng sầm cánh cổng lại. Cậu nghe thấy tiếng chốt cổng đánh cách. Giây sau, Peter Gordon tông sầm vào rào chắn, sau đó Victor Criss chạy đến. Nụ cười tắt ngúm trên mặt Peter; thay vào đó là một vẻ mặt sưng sứa, cau có. Hắn chop lấy chốt cổng, nhưng tất nhiên chẳng chop được gì: chốt nằm phía trong.

Với vẻ mặt kinh ngạc, hắn lên tiếng: “Thôi nào, nhóc, mở cổng đi mày. Ăn gian quá.”

“Thế là nào ăn gian?” Mike hỏi, thở phà phà. “Năm đánh một hả?”

“Đồ ăn gian,” Peter lặp lại, như thể hắn không nghe thấy lời Mike vừa nói.

Mike nhìn Victor và trông thấy mặt hắn ánh lên bối rối. Hắn toan nói gì đó, nhưng lúc ấy, những kẻ còn lại đã chạy đến cổng.

“Mở cổng ra, thằng mọi đen!” Henry lờng lộn. Hắn lắc lấy lắc để hàng rào lưới, mạnh bạo đến độ Peter ngậy ra nhìn, bàng hoàng. “Mở cổng ra!

Mở ra ngay lập tức!”

“Tao không mở,” Mike khẽ nói.

“Mở ra!” Ợ Hơi la lên. “Mở ra ngay, thằng da đen chết toi!”

Mike lùi lại khỏi cổng, trống ngực nện thành thịch trong lồng ngực. Cậu không nhớ có lần nào mình đã từng sợ hãi, từng cảm tức đến thế này chưa. Chúng dàn hàng ngay trước cổng, mắng chửi cậu bằng những từ chỉ người da đen mà cậu nghe lòng bùng nổ tai-nào là đen như quạ, mọi cà răng cạy tai, mọi rọ, râu đen, thỏ rừng và ti tỉ cái tên khác. Cậu không để ý Henry đang lấy thứ gì đó ra từ trong túi, lấy ngón trỏ quẹt que diêm - và rồi một thứ tròn tròn đỏ đỏ bay qua rào. Khi quả pháo hình cầu phát nổ phía bên trái làm bụi tung mù mịt, cậu lùi lại theo phản xạ.

Tiếng nổ khiến mọi thứ im lặng trong phút chốc – Mike bàng hoàng nhìn bè lũ bọn chúng phía bên kia hàng rào, bọn chúng cũng trừng mắt nhìn lại. Về mặt Peter Gordon đầy sững sờ, ngay cả Ợ Hơi cũng choáng váng.

Bọn chúng phát sợ hấn rồi, Mike chột nghĩ, và chột một giọng nói mới vang lên trong đầu cậu, lần đầu tiên xuất hiện, một giọng nói trải đời đến rùng rợn. Chúng phát sợ nhưng không vì thế mà chúng dừng tay đâu. Mà phải chạy đi, Mikey, không thì to chuyện đấy. Có lẽ không phải ai trong bọn chúng cũng muốn gây chuyện – ví dụ như Victor và Peter Gordon – nhưng rồi nó sẽ xảy ra vì Henry sẽ khiến nó xảy ra. Nên hãy đi đi. Mau đi đi.

Cậu lùi lại thêm hai ba bước thì Henry Bowers cất tiếng: “Tao là người giết con chó của mày đó, thằng mọi đen.”

Mike sững người, cảm thấy như có một quả bóng bowling vừa thụi vào bụng mình. Cậu nhìn chằm chằm vào mắt Henry Bowers và hiểu Henry đang nói sự thật: hấn là thủ phạm giết Mr Chips.

Với Mike, khoảnh khắc nhận ra điếu đó dài tựa thiên thu – nhìn thẳng

vào đôi mắt điên cuồng hoen mờ hời và khuôn mặt tím bầm vì tức tối của hắn, chợt cậu vỡ lẽ rất nhiều điều, và việc Henry điên rồ hơn hẳn Mike tưởng chỉ là sự thật còn con trong số đó. Cậu đau đớn trước tin sét đánh kia, nhưng trên tất cả, cậu nhận ra thế giới này không hề nhân từ, cái khắc nghiệt ấy khiến cậu thét lên: “Thằng cầm thú hèn hạ!”

Henry lờn lộn lao vào hàng rào, bò lên với nguồn sức mạnh khủng khiếp. Mike dừng lại một chút, đợi xem giọng nói trưởng thành vang lên trong đầu mình ban nãy có nói đúng hay không, và phải, giọng nói ấy đã đúng: chẳng chút chần chừ, đám còn lại bắt đầu leo lên hàng rào.

Mike quay đầu chạy, băng qua sân ga, bóng đổ dưới chân. Tàu chở hàng mà Hội Cùi Bắp trông thấy ở Vùng Đất Cằn ban nãy đã đi xa, và chẳng có âm thanh nào ngoài tiếng thở của Mike vang lên trong tai cùng tiếng loảng xoảng của hàng rào khi Henry cùng lũ du côn trèo qua.

Mike chạy ngang qua ba đường ray, đôi giày thể thao đá tung xỉ than. Cậu bị vấp lúc băng qua đường ray thứ hai, cảm thấy đau nhói ở mắt cá chân của mình. Rồi cậu lại bật dậy chạy tiếp. Cậu nghe thấy tiếng thạch vang lên khi Henry nhảy xuống từ hàng rào sau lưng. *“Tao đến tóm cổ mày đây, thằng mọi đen!”* Henry gầm lên.

Bao nhiêu lý trí trong đầu cậu đi đến quyết định Vùng Đất Cằn là cơ hội duy nhất để cậu thoát thân. Nếu chạy xuống đó, cậu có thể nấp trong những bụi cây um tùm, trong rừng tre... hoặc nếu tình hình quá cấp bách, cậu sẽ chui vào trong ống cống và án binh bất động.

Đúng là cậu có thể làm thế... nhưng trong lòng ngực cậu bùng bùng lửa giận, một sự căm phẫn tách biệt hoàn toàn với lý trí. Cậu có thể hiểu lý do Henry đuổi đánh cậu bất cứ khi nào kiếm được cơ hội, nhưng Mr Chips ư? ... Giết Mr Chips ư? *CHÚ CHÓ của tao có phải mọi đen đâu, đồ cầm thú*

khốn kiếp kia, vừa chạy, Mike vừa nghĩ, và phần nộ trong lòng cậu lại càng như ngọn lửa bùng lên.

Và rồi cậu nghe thấy một tiếng nói khác, lần này là giọng của bố cậu, bố không muốn con trốn chui trốn nhủi cả đời... và vấn đề quan trọng nhất là phải biết khi nào cương, khi nào nhu. Con phải hỏi bản thân con liệu Henry Bowers có đáng để con vướng vào không.

Nãy giờ, Mike đang chạy như tên bắn, phi thẳng qua sân ga đến nhà kho mái tôn. Đằng sau là hàng rào lưới ngăn cách sân ga và Vùng Đất Cằn. Cậu đã tính đến chuyện trèo rào và nhảy qua phía bên kia. Tuy nhiên, cậu lại rẽ phải, chạy về phía bãi đá dăm.

Bãi đá dăm này được sử dụng để khai thác than đến khoảng năm 1935 - nó từng là điểm tiếp nhiên liệu của những con tàu chạy ngang qua sân ga Derry. Nhưng rồi diesel bước vào cuộc chơi, tiếp theo là điện. Suốt nhiều năm sau khi than đã bị khai thác hết (hầu hết phần còn lại bị những người sử dụng lò sưởi than chôn chĩa), một nhà thầu địa phương đã tiến hành đào đá dăm, nhưng ông ta tán gia bại sản vào năm 1955 và kể từ đó, bãi đá bị bỏ hoang. Vẫn còn một đường tàu phụ quanh co chạy về phía bãi đá rồi vòng ngược xuống sân ga, nhưng đường ray ở đây đã gỉ sét hết cả, cỏ dại mọc tua tủa giữa những thanh tà vẹt mục. Trong bãi đá cũng có loại cỏ dại này, tranh không gian với cúc hoàng anh và hướng dương gật gù. Chen chúc giữa cây cỏ vẫn còn rất nhiều xỉ than – thứ mà người ta từng gọi là “đá bọt”.

Khi Mike chạy đến địa điểm này, cậu cởi áo ra. Đến cuối đường, cậu quay đầu nhìn lại. Henry đang băng qua đường ray, bè lũ của hắn bu xung quanh. Thế này chắc ổn.

Di chuyển nhanh nhất có thể, Mike dùng áo của mình làm tay nải gom

hơn chục vốc xỉ than cứng. Đoạn cậu chạy về phía hàng rào, quàng tay nải qua vai. Thay vì trèo qua rào, cậu quay lưng lại, tìm người vào rào. Cậu đổ than ra khỏi áo, khom chân nhặt vài cục.

Henry không trông thấy than mà chỉ thấy mình đã dõn dặt được thẳng mọi đen vào đường cùng. Vừa chạy về phía cậu, hắn vừa gào rống.

“Đây là phần trả thù cho chú chó nhà tao, thằng khốn!” Mike thét lên, không hề hay biết nước mắt mình đã nghẹn ngào. Cậu quăng một vốc xỉ than. Nó bay theo đường thẳng tắp, đập thẳng vào trán của Henry, vang lên tiếng *cốp!* rõ to rồi bật lại vào không trung. Henry loạng choạng khụy gối. Hắn bưng tay ôm đầu. Ngay lập tức, máu rỉ qua kẽ ngón tay như màn hô biến của ảo thuật gia.

Những đứa khác dừng phắt lại, mặt kẻ nào kẻ nấy ngáy ra thất kinh. Henry thét gào đầy đau đớn rồi đứng dậy, tay vẫn ôm đầu. Mike ném thêm xỉ than nhưng Henry né được. Hắn bắt đầu bước đến chỗ Mike và khi Mike ném vốc xỉ than thứ ba, Henry bỏ một tay khỏi vùng trán be bét máu và nhẹ nhàng đánh bật vốc than sang bên. Hắn nở nụ cười.

“Ồi chà, để tao cho mày biết thế nào là bất ngờ nhé,” hắn hầm hè. *“Bất ngờ... ÔI CHÚA ƠI!”* Henry toan nói tiếp nhưng phát ra từ miệng hắn chỉ có những tiếng ăng ặc vô nghĩa.

Mike đã ném thêm một vốc than, nó đập thẳng vào họng Henry. Hắn lại khụy xuống lần nữa. Peter Gordon há hốc. Moose Sadler chau mày, như thể đang phải giải một bài toán khó.

“Tụi mày đợi cái gì nữa?” Henry khó nhọc nói. Máu tứa qua kẽ ngón tay hắn. Giọng hắn khàn đục và kỳ cục. *“Bắt nó cho tao! Bắt thằng chết tiệt đó cho tao!”*

Mike không đợi xem chúng có làm theo hắn hay không. Cậu thả tay nải

xuống rồi nhảy phắt lên hàng rào. Cậu thoăn thoắt vút người trèo lên, đoạn cậu cảm thấy những bàn tay thô ráp chộp lấy chân mình. Nhìn xuống, cậu trông thấy khuôn mặt biến dạng của Henry Bowers, nhoe nhoét máu và than. Mike giăng chân lên. Chiếc giày của cậu tuột ra, rơi vào tay Henry. Cậu đạp thẳng bàn chân không vào mặt Henry và nghe thấy tiếng rắc vang lên. Henry thét lên inh ỏi và lao đảo lùi lại, bưng mũi đang chảy máu ồạt.

Một bàn tay khác- lần này là của Huggins Ở Hoi – kéo gấu quần jean của Mike, nhưng cậu vẫn giật ra được. Vừa lảng một chân qua hàng rào thì có thứ gì đó đập mạnh vào mặt cậu. Chát lỏng nóng ấm rỉ xuống má. Lại có thứ gì đó đập vào hông, vào cẳng tay, vào đùi cậu. Chúng đang ném đồng xỉ than cậu gom vào người Mike.

Cậu giữ tay được một chút thì buông thông, lộn nhào hai vòng. Mặt đất phủ cây cỏ, thoải thoải đồ dốc, và có lẽ nhờ vậy mà cứu được thị giác của Mike Hanlon hoặc thậm chí mạng sống của cậu; Henry tiến đến hàng rào, quăng một trong bốn viên M-80 qua rào. Quả pháo nổ ĐÙNG! vang vọng và thổi bay một vạt cỏ.

Tai ong lên, Mike lặn vòng vòng và lao đảo đứng dậy. Cậu đang ở phần rìa của Vùng Đất Cằn, với cỏ mọc cao lô nhô. Quệt tay xuống má phải, cậu nhìn thấy tay mình bê bết máu. Nhưng thật ra cậu cũng chẳng lấy làm lo lắng khi thấy máu chảy, cậu không nghĩ mình có thể thoát khỏi tình thế này mà không xây xát miếng nào.

Henry ném một quả pháo cầu, song Mike trông thấy nên đã tránh đi dễ dàng.

“Bắt lấy nó!” Henry rống lên và bắt đầu trèo lên rào.

“Trời ơi, Henry, tao không biết nữa...” Với Peter Gordon, một kẻ chưa bao giờ rơi vào tình hình bung bét đến nhường này, mọi chuyện đã đi quá

xa. Chơi thì chơi, vui thì vui, nhưng tốt nhất không nên có cảnh máu chảy - chí ít là với những thành viên trong phe mình.

“Mày liệu mà biết đi,” Henry gằn gừ, liếc mắt nhìn xuống Peter từ giữa hàng rào. Hắn treo người lơ lửng như một con nhện trương phình đầy nọc độc mang hình người. Đôi mắt sòng sọc đe dọa trần trần chĩa vào Peter; máu vẫn vện ở khóe mắt. Cú đập của Mike đã làm gãy mũi hắn, dù lúc này Henry chưa ý thức được đi đâu đó. “Mày liệu mà biết đi, không thì coi chừng tao làm gỏi mày đấy, đờkhôn kiếp.”

Nghe đến đây, bọn chúng bèn vội vàng trèo lên, Peter và Victor có phần lưỡng lự, Ở Hoi và Moose vẫn hăng hái một cách ngờ ngẩn như ban đầu.

Mike không đợi thêm nữa. Cậu quay người, cầm đầu chạy vào bụi cây. Henry lồm lên phía sau: “*Tao sẽ tìm ra mày, thằng mọi đen! Tao sẽ tìm cho bằng được!*”

8

Hội Cùi Bắp đi đến cuối bãi đá dăm, giờ chỉ còn là một vết rỗ khổng lồ đầy cỏ dại trên mặt đất, ba năm sau khi lô đá dăm cuối cùng được vận chuyển ra khỏi bãi. Cả nhóm đang tụ tập xung quanh Stan, háo hức nhìn bọc pháo Black Cat của cậu khi tiếng nổ đầu tiên vang lên. Eddie nhảy dựng - cậu vẫn chưa hết thần thờ sau vụ cá piranha cậu tưởng nhầm rằng mình đã trông thấy cậu không chắc cá piranha *thực sự* trông ra sao, nhưng cậu khá chắc nhìn chúng không giống cá vàng ngoại cỡ có răng).

“Bình tĩnh nào, Eddie huynh,” Richie nói bằng giọng Anh Cu li Trung Hoa. “Mấy đứa trẻ khác bắn pháo thôi ấy mà.”

“D-D-Dở trời s-s-sợ luôn đó, R-R-Richie,” Bill nhận xét. Cả đám phá lên cười.

“Em vẫn đang cố đây, Bill To Bự,” Richie nói. “Em có cảm giác nếu em đủ giỏi, em sẽ chiếm được tình yêu của chàng.” Cậu làm điệu bộ hôn gió thật kêu. Bill đưa tay ngấm bắn cậu. Ben và Eddie đứng cạnh nhau cười ngặt nghẽo.

“Ôi, em quá trẻ còn chàng quá già,” Stan Uris chột cất tiếng, bắt chước gần như giống hệt giọng Paul Anka, “người yêu hời, họ bảo em như thế...”

“Nghe ngài ấy nói kìa!” Richie ré lên bằng Giọng Nhóc da đen. “Lạy Chúa lòng lành, cậu công tử đây nói hay chưa kìa!” Và rồi, cậu chuyển qua giọng nói của Phát thanh viên thời sự MovieTone: “Tôi muốn cậu ký vào đây, trên đường kẻ chấm này.” Richie quàng tay quanh vai Stan và nở nụ cười rộng đến mang tai. “Chúng ta sẽ nuôi cho tóc cậu dài, cho cậu cây đàn ghi-ta. Và rồi...”

Bill búng vào tay Richie hai lần, nhanh và nhẹ. Ai nấy đều háo hức trước việc bắn pháo.

“Mở ra đi, Stan,” Beverly nói. “Tớ có diêm này.”

Cả bọn quây quần xung quanh trong lúc Stan cẩn trọng mở túi pháo. Trên nhãn hiệu màu đen để những chữ tiếng Trung xa lạ, ngoài ra có một câu bằng tiếng Anh khiến Richie khúc khích cười. “Không nắm trong tay sau khi châm ngòi nổ,” dòng cảnh báo ghi.

“May mà họ nhắc tớ,” Richie nói. “Lúc nào tớ cũng cầm nó sau khi châm lửa hết. Tớ cứ tưởng đó là cách để hết bị xước mắng rô chứ.”

Chậm rãi, gần như hết sức nghiêm trang, Stan gỡ lớp bóng kính màu đỏ và xếp những ống giấy xanh đỏ ra lòng bàn tay mình. Ngòi nổ được tết đuôi sam vào nhau.

“Tớ sẽ tháo...” Stan vừa cất tiếng thì một tiếng nổ to hơn hẳn văng lên.

Tiếng vọng đi đúng vang khắp Vùng Đất Cằn. Một đám mòng biển cất cánh bay lên từ phía đông bãi rác, thất thanh cất tiếng kêu. Cả nhóm nhảy dựng. Stan đánh rơi pháo và phải cúi xuống nhặt.

“Là thuốc nổ đúng không?” Beverly lo lắng hỏi. Cô nhìn Bill, lúc này đang ngẩng đầu nghe ngóng, mắt mở to. Cô thẫn thờ sao trông cậu lại khôi ngô tuấn tú đến thế – nhưng có gì đó rất cảnh giác và căng thẳng trong dáng điệu nghiêng đầu ấy. Nhìn cậu như con nai đánh hơi mùi lửa trong không khí.

“Tớ đoán đó là pháo M-80,” Ben dè dặt. “Mùng 4 tháng 7 năm ngoái, tớ chơi trong công viên và trông thấy mấy người cấp ba có hai viên pháo trong tay. Bọn chúng để một viên trong thùng rác bằng sắt, nó phát ra tiếng động y như vậy.”

“Nó có làm lủng thùng rác không, Haystack?” Richie hỏi.

“Không, nhưng nó làm cái thùng phình to. Trông như thể có người tí hon bên trong vừa đâm nó một phát vậy. Sau đó bọn chúng chạy đi.”

“Tiếng to ở gần chúng ta hơn,” Eddie nói, cậu cũng đưa mắt nhìn Bill.

“Thế giờ các cậu có muốn bắn pháo hay không đây?” Stan hỏi. Cậu đã gỡ được khoảng chục quả pháo và xếp gọn những quả còn lại trên lớp giấy bồi sếp để lát nữa dùng.

“Có chứ,” Richie nói.

“C-C-Cất chúng đ-đ-đi.”

Cả bọn nhìn Bill đầy thắc mắc, có chút sợ hãi – do tông giọng cộc lốc của cậu chứ không phải lời cậu nói.

“C-C-C-Cất chúng đ-đ-đi mau,” Bill lặp lại, mặt méo xệch vì chật vật mãi mới nói thành lời. Nước bọt bắn ra từ môi cậu. “S-S Sắp x-x-xảy ra ch-

ch-chuyện rồi.”

Eddie liếm môi, Richie dùng ngón cái nâng gọng kính lên trên sống mũi rịn mồ hôi, Ben dịch lại gần Beverly hơn trong vô thức.

Stan mở miệng toan nói gì đó nhưng có một tiếng nổ nhỏ hơn vang lên, là pháo hình cầu.

“Đ-Đá,” Bill lắp bắp.

“Cái gì hả Bill?” Stan hỏi.

“Đ-Đ-Đá. *G-G-Gom đ-đạn* mau,” Bill bắt đầu nhặt nhanh đá và nhét chúng vào túi cho đến khi túi phình lên. Mọi người nhìn cậu chằm chằm như thể cậu đã phát khùng... và rồi Eddie nhận thấy mồ hôi rịn ra trên trán. Chợt cậu hiểu thế nào là lên cơn sốt rét. Đây là cảm giác mà cậu có vào cái ngày cậu và Bill gặp Ben (như mọi người, Eddie dần dà quen với biệt danh Haystack dành cho Ben), cũng như cái ngày Henry Bowers đập cậu chảy máu mũi – nhưng lần này linh tính mách bảo cậu tệ hơn nhiều. Cậu có cảm giác vùng Đất Cằn sắp sửa tanh bành như Hiroshima.

Ben bắt tay vào gom đá, tiếp đến là Richie, thoăn thoắt, không nói tiếng nào. Kính của cậu trượt xuống và rơi đánh cạch xuống mặt đá dăm. Cậu mơ hồ gập kính, cất vào trong túi áo.

“Cậu làm thế chi vậy, Richie?” Beverly hỏi. Giọng cô mỏng tang, căng như dây đàn.

“Tớ chịu,” Richie nói và tiếp tục nhặt đá.

“Beverly, có khi cậu nên, ừm, tạm lánh về phía bãi rác đi,” Ben đề nghị. Tay cậu gom đầy đá.

“Vớ va vớ vẩn,” cô nói. “Cậu liên thiên cái gì thế hả, Ben Hanscom?” Đoạn cô cúi xuống, bắt tay vào nhặt đá.

Stan trầ n ngầ m nhìn mọi người trong lúc cả bọn nhấ t nhậ n đá như nhữ ng nông dân thầ n kinh. Đoạ n cậu cũ ng cúi nhấ t đá, môi mím chấ t thành đườ ng chỉ.

Eddie cảm thấ y cảm giác nghiền nghẹt quen thuộ c khi hợ ng mình thấ t lại như lỗ kim.

Không phải lúc này, khốn kiếp, cậu chộ t nghĩ. Lúc này bạn bè đầ ng cần mình. Bev nói chườ n, vớ va vớ vẩn.

Và rấ i cậu cũ ng lia lịa nhấ t đá.

9

Henry Bowers vốn quá to lớn và nhanh nhắ u, thành thữ trong nhữ ng trường hợ p thông thường, hắ n khó có thể linh hoặ t hoặ c lạ i làng, nhưng trường hợ p hiệ n tại không có chấ t gì là thông thường cả. Hắ n đầ u như hoặ n, cuồ ng nộ, và nhữ ng cảm xúc ấy biế n hắ n trở thành thiên tài thể chấ t bộc phá t hành độn g theo bản năng. Bao suy nghĩ lý trí đã biế n mất, đầ u óc hắ n như ngọn lửa bùng bùng trên bãi cỏ cuố i hè khi hoặ ng hôn buồ ng xuố ng, đổ rự c và xám khói. Hắ n đườ i theo Mike Hanlon như con bò đườ i theo lá cờ màu đỏ. Mike đầ ng chạy dọc con đườ ng rậ m rậ p men theo bãi đá rộ ng, con đườ ng này dẫn tới bãi rác, nhưng trong tình trạ ng hiệ n giờ, Henry chắ ng buồ n quan tâm đườ ng sá ra sao; hắ n chạy xuyên qua cây cỏ, bụi gai theo đườ ng thắ ng, không cảm thấ y gai của nhữ ng vết cắ t li ti cũ ng như cầ n thông quấ t vào mặt, vào cổ và tay. Điề u quan trọng duy nhất hiệ n tại là cái đầ u của thắ ng mọi đen chết bằ m chết vằ m ấy đầ ng gầ n lại. Tay phải Henry cầ m một viên phá o M-80, tay trái cầ m que điệ m. Khi thộ p cổ đượ c thắ ng mọi đen, hắ n sẽ đánh lửa, chầ m ngò i nổ và nhế t cái thứ chết toi này vào quầ n nó.

Mike biết Henry đang tăng tốc và những kẻ còn lại bám sát phía sau. Cậu cố thúc bản thân chạy nhanh hơn. Sợ hãi tột độ, cậu phải gồng hết sức mới có thể giữ cho mình không hoảng loạn. Lúc băng qua đường ray, cậu làm trật mắt cá chân nặng hơn cậu tưởng và giờ chỉ còn sức chạy cà nhắc. Cây cối rắc rác trên đường Henry chạy, cách hấn bất chấp tất cả như thể khơi gợi trong lòng cậu những hình ảnh chẳng mấy dễ chịu rằng cậu đang bị một con chó điên hoặc một con gấu hung dữ đuổi theo.

Con đường mở rộng phía trước, và Mike nhào vào bãi đá dăm. Cậu lăn xuống đáy, đứng dậy, băng qua bãi đá được nửa đường thì nhận ra có một nhóm trẻ ở đó, tổng cộng là sáu người. Họ dàn thành một hàng, nét mặt có gì đó thật buồn cười. Mãi về sau, khi có cơ hội thông thả ngẫm nghĩ lại mọi chuyện, cậu mới ngộ ra lý do cậu thấy nét mặt của họ lạ thường: tựa hồ họ đã sẵn sàng tâm thế đợi cậu đến.

“Cứu với.” Mike thốt lên khi tập tễnh tiến lại phía họ. Theo bản năng, cậu nói chuyện với cậu con trai cao ráo có mái tóc màu đỏ. “Đám du côn... Đám du côn to lớn ấy...”

Đúng lúc đó, Henry lao vào bãi đá dăm. Trông thấy sáu người bọn họ, hấn phanh kít lại. Trong thoáng chốc, khuôn mặt của hấn lộ vẻ băn khoăn, và hấn nhìn ra sau lưng. Hấn thấy binh đoàn của mình, và khi nhìn lại các thành viên Hội Cùi Bắp (lúc này, Mike đang đứng bên cạnh và lùi về sau Bill Denbrough một chút, thở hòng hộc), Henry nở nụ cười.

“Tao biết mày, thằng kia,” hấn nói với Bill. Đoạn hấn liếc nhìn Richie: “Tao biết cả mày nữa. Kính mày đầu r ưỡi, thằng bốn mắt?” Richie chưa kịp trả lời thì Henry đã nhìn thấy Ben. “Ồi chà, thằng khốn kiếp! Cả thằng Do Thái và thằng béo cũng có mặt ở đây à? Con ghê mày đó hả béo?”

Ben khẽ nhảy dựng lên như vừa bị ai bóp mũi.

Henry vừa dứt lời thì Peter Gordon chạy đến bên Henry. Victor cũng đã đến nơi và đứng sang phía Henry. Ở Hori và Moose Sadler đến cuối cùng, rồi hai nhóm đối lập xếp thành hai hàng, gần như mặt đối mặt hết sức thẳng thớm.

Vừa thở hòng học như một con bò đội lốt người, Henry vừa lên tiếng. “Tao còn nhiều ân oán chưa giải quyết với bọn mày lắm, nhưng hôm nay, tao sẽ cho qua. Tao muốn thẳng mọi đen kia. Nên chúng mày lặn đi cho nước trong.”

“Chuẩn,” Ở Hori ra vẻ thông thái.

“Hắn đã giết chó của tớ,” Mike thốt lên, giọng run rẩy và vỡ vụn. “Chính miệng hắn nói!”

“Mày mò qua đây ngay cho tao,” Henry găm gù, “có khi tao sẽ nể tình không cho mày về chầu trời.”

Mike run bần bật song cổ thủ, không nhúc nhích.

Nhẹ nhàng nhưng rõ ràng, Bill cất tiếng: “V-Vùng Đất Cẩn là của bọn tao. Ch-Ch-Chúng mày biến kh-khỏi đây mau.”

Henry trợn mắt như thể vừa lãnh cú tát trời giáng.

“Đưa nào bắt tao đi?” Hắn hỏi. “Mày ấy hả, thẳng ngựa?”

“B-B-Bọn tao,” Bill nói. “Bọn tao nh-nh-nhịn mày hết nổi rồi, B-B-Bowers. Biến đ-đ-đi.”

“Thằng cà lăm chết tiệt,” Henry chửi rửa. Hắn cúi đầu nhào tới.

Bill nắm một đồng đá trong tay, nói chính xác hơn, tất cả mọi người đều cần một đồng đá trên tay, chỉ trừ Mike và Beverly mỗi người cần một cục. Bill bắt đầu ném vào Henry, ném từ từ, dồn lực mạnh và canh tương đối chuẩn xác. Hòn đá đầu tiên trật mục tiêu: nhưng hòn thứ hai trúng vào

vai Henry. Nếu hòn đá thứ ba bị trật, có lẽ Henry đã kịp nhào tới Bill và vật cậu xuống đất, nhưng nó trúng đích: hòn đá đập vào đầu Henry.

Henry thét lên đau đớn, kinh ngạc, đoạn hấn nhìn lên... và ăn tiếp bốn hòn đá nữa vào người: một cục *billet-doux* từ Richie Tozier vào ngực, một cục từ Eddie bật vào vai, một cục do Stan Uris quăng trúng cằm và một cục Beverly chọi thẳng vào bụng.

Thư tình (tiếng Pháp).

Hấn trăn trối nhìn bọn họ với vẻ ngạc nhiên, và bỗng dưng, một loạt hỏa tiễn phòng vùn vụt qua không trung. Henry ngã ra sau, vẻ mặt vẫn còn nguyên nét biểu cảm kinh ngạc và đau đớn ấy. “*Nào, tụi mày!*” Hấn hét lên. “*Cứu tao coi!*”

“N-N-Ném chúng” Bill thấp giọng nói, và không đợi để thấy họ có xông lên hay không, cậu chạy tới trước.

Mọi người lao lên cùng cậu, không chỉ ném đá vào Henry mà vào tất cả bọn chúng. Đám côn đồ mờ mẫm dưới đất nhặt nhanh đá làm vũ khí nhưng chúng chưa kịp gom bao nhiêu thì đã ăn đạn tơi bời. Peter Gordon hét lên khi một hòn đá do Ben ném vượt qua má làm hấn chảy máu. Hấn lùi vài bước, đứng khựng lại, ném hú họa một hai viên... rồi co giò chạy. Với hấn, thế này đã là giọt nước tràn ly rồi; ở Tây Broadway, hấn không phải đối mặt với những tình huống như vậy.

Henry hồi hải quơ quang vào một nắm đá. May mắn thay cho Hội Cùi Bắp, đa số đá hấn nhặt được chỉ là sỏi. Hấn chọn viên kích thước tương đối lớn ném vào Beverly và cửa rách tay cô. Cô thét lên.

Ben gằn lên, lao về phía Henry Bowers, hấn chỉ kịp ngược nhìn thấy cậu nhào đến chứ không kịp tránh. Henry mất thăng bằng, cũng phải thôi, Ben nặng bảy mươi ký, có khi còn hơn; nên kết quả chẳng có gì ngạc

nhiên. Henry không chỉ ngã dúì dúì mà còn bay thẳng ra sau. Hấn đập lưng xuống đất và trượt một đoạn. Ben chạy đến chỗ hấn, chỉ lơ mờ để ý một bên tại mình đang nóng ran, lưng bùng vì đau do Huggins Ở Hời ném hòn đá to cỡ quả bóng gôn vào cậu.

Henry còn đang lảo đảo khuyu gối thì Ben đã đến nơi và cho hấn một cước thật mạnh, chân cậu thúc thẳng vào hông trái của Henry. Hấn để đánh r ầm xuống đất, hai mắt long lên sòng sọc nhìn Ben.

“Mày là thể loại khốn khiếp gì mà đi ném đá vào con gái hả?” Ben hét lên. Cả đời mình, chưa lần nào cậu cảm thấy phần nộ đến thế. “Ai cho phép mày...”

Đoạn cậu trông thấy ánh lửa bùng lên trong tay Henry khi hấn đánh diêm. Hấn đưa đầu diêm vào ngòi nổ dày cui của viên pháo M-80 rồi quăng thẳng vào mặt Ben. Không kịp nghĩ ngợi gì, Ben dùng lòng bàn tay đập vào thỏi pháo, lẳng nó như cách người ta lấy vợt đỡ cầu lông. Viên M-80 lại lao xuống đất. Trông thấy nó nhào đến mình, mắt Henry trợn tròn và hấn vội lẩn đi, hét gào ầm ỉ. Trong chớp mắt, thỏi pháo nổ tung, khiến lưng áo Henry đen ngòm và rách lỗ chỗ.

Giây sau, Ben bị Moose Sadler tấn công và khuyu xuống. Răng cậu bập vào lưỡi chảy máu. Cậu chớp mắt nhìn quanh, choáng váng. Moose chạy về phía cậu, nhưng hấn chưa kịp đến chỗ Ben đang quỳ gối thì Bill đã nhào lên từ đằng sau và ném đá lia lịa vào gã to con. Moose xoay người, la ồm tỏi.

“Mày ném đá sau lưng tao, đ ồnhát cây!” Moose hét. “Đ ồchơi bản!”

Hấn toan l ồng lên nhưng Richie đã tham gia cùng Bill ném đá vào Moose. Richie chẳng lấy làm ấn tượng trước lối nói vừa ăn cắp vừa la làng của Moose về định nghĩa nhất cây, cậu từng chứng kiến cảnh năm người

bọn chúng đuổi đánh một đứa trẻ sợ mất mặt, và cậu nghĩ chúng không đủ tư cách để xem mình ngang hàng với Vua Arthur hay Kỵ sĩ Bàn tròn. Hỏa tiễn do Richie bắn cửa rách phần da bên trên lông mày trái của Moose làm hấn gào lên.

Eddie và Stan Uris tiến tới tham gia cùng Bill và Richie. Beverly bước cùng các bạn, tay cô chảy máu nhưng mắt cô sáng rực. Đá bay tới tấp. Huggins Ợ Hơi hét lên khi một hòn đá đập vào xương khuỷu tay của hấn. Hấn nhảy lên như con chơi chơi, xoa khuỷu tay mình tới tấp. Henry lão đảo đứng dậy, lưng áo rách như tổ đĩa, lớp da bên dưới may sao còn lành lặn. Trước khi hấn xoay người, Ben Hanscom đã ném đá vào gáy khiến hấn lại khuỷu xuống.

Victor Criss là kẻ khiến Hội Cùi Bắp chật vật nhất ngày hôm ấy, phần vì hấn là một kẻ phát bóng tương đối khá, nhưng nguyên nhân chủ yếu – dù có vẻ nghịch lý – là bởi hấn chẳng thiết tha gì chuyện này. Càng lúc, hấn càng không muốn có mặt ở đây. Chơi đá kiêu này có thể dẫn tới khả năng bị thương rất nặng; một đứa trẻ có thể bị nứt sọ, gãy hết răng, thậm chí chột mắt ấy chứ. Nhưng vì hấn đã lỡ đam lao nên đành phải theo lao thôi. Hấn chẳng đại gì mà vớ vào rắc rối.

Sự bình thản ấy cho hấn có thêm ba mươi giây lượm lật đá với kích cỡ tương đối. Hấn ném một hòn vào Eddie lúc Hội Cùi Bắp chỉnh đốn lại hàng ngũ, và Eddie lãnh trọn vào cằm. Cậu ngã xuống, la oai oái, máu bắt đầu túa ra. Ben quay sang bạn nhưng Eddie đã gượng dậy, máu đỏ thẫm trên làn da nhợt nhạt, mắt nheo lại.

Victor ném Richie và hòn đá đập vào ngực cậu. Richie ném trả, song Victor né được dễ dàng và nhắm vào Bill Denbrough. Bill ngã đầu ra sau, nhưng không kịp; hòn đá cửa toác má của cậu.

Bill quay sang nhìn Victor. Bốn mắt nhìn nhau, và Victor thấy trong tia nhìn của thằng nhóc cà lăm kia ẩn chứa thứ gì đó khiến hắn sợ đến mất hồn mất vía. Thật lố bịch nhưng môi hắn run run chực nói *Tao xin rút lại!*... song vẫn đề ở chỗ, đó là câu tối kỵ nói với đứa khác. Trừ khi mày muốn đám bạn của mày coi mày không bằng con chó.

Đoạn Bill cất bước tiến lại chỗ Victor, Victor cũng đi đến chỗ Bill. Cùng lúc, tựa hồ thần giao cách cảm, cả hai bắt đầu lấy đá chọi nhau, và vẫn tiếp tục giảm khoảng cách. Trận chiến xung quanh họ tạm lắng bởi mọi người đều quay sang nhìn; đến cả Henry còn quay đầu nhìn.

Victor hết né lại tránh, nhưng Bill chẳng buồn làm thế. Đá Victor ném đập vào ngực, vào vai và bụng cậu. Một viên trượt qua tai, Nhưng tất cả không khiến Bill lung lạc, cậu ném hết viên này đến viên khác với sức mạnh chết người. Hòn đá thứ ba đập vào đầu gối Victor vang lên tiếng cộp khô khốc khiến hắn rên lên nghèn nghẹn. Hắn đã hết đạn trong khi Bill vẫn còn sót lại một viên. Viên đá nhẵn nhụi màu trắng, lấp lánh thạch anh, có hình dáng và kích cỡ bằng quả trứng vịt. Victor Ciss thấy nó có vẻ cứng. Bill cách hắn chưa tới một mét rưỡi.

“M-M-Mày b-biến ngay kh-khỏi đ-đ-đây,” cậu nói, “không thì tao s-sẽ n-ném b-b-bê đ-đ-đầu mày. Tao kh-không đ-đ-đùa đâu.”

Nhìn thẳng vào mắt đối phương, Victor biết cậu nói thật. Không nói thêm lời nào, hắn quay lưng và bỏ về hướng mà Peter Gordon đã rút lui.

Ợ Hơi và Moose Sadler nhìn quanh với vẻ đắn đo. Máu chảy từ khoe miệng của Sadler và cũng đang tứa ra từ vết thương trên mặt Ợ Hơi.

Miệng Henry mấp máy nhưng chẳng thốt ra được lời nào. Bill quay sang Henry. “B-B-Biến đi” cậu nói.

“Tao không biến thì sao?” Henry ra vẻ nói cứng nhưng Bill trông thấy

ánh mắt đối thủ đã đổi khác. Hắn đang sợ và rồi hắn sẽ đi mà thôi. Đáng lý ra Bill phải cảm thấy sung sướng - thậm chí là đắc chí – song cậu chỉ cảm thấy mệt mỏi.

“N-Nếu mày kh-không đi,” Bill nói, “b-b-bọn tao s-sẽ t-tấn c-c công m-mày. Tao thấy s-s-sáu ng-người bọn t-tao có thể ch-cho mày vào v-v-viện đấy.”

“Bảy người,” Mike Hanlon lên tiếng và đứng vào hàng ngũ. Mỗi tay cậu cầm hòn đá to cỡ quả bóng mềm. “Mày thách tao, Bowers. Tao sẽ cho mày thấy.”

“*Thằng MỌI ĐEN khốn kiếp!*” Giọng Henry vỡ ra, run rẩy chực trào nước mắt. Giọng nói ấy rút cạn bao ý chí chiến đấu nơi Ợ Hơi và Moose; chúng lùi lại, thả hết đá khỏi tay. Ợ Hơi nhìn quanh như thể tự hỏi rốt cuộc mình đang ở đâu.

“Biến khỏi chỗ của bọn tao,” Beverly lên tiếng.

“Im đi, con khốn,” Henry nói. “Đồ...” Bốn hòn đá bay cùng một lúc, đập vào bốn bộ phận trên người Henry. Hắn thét lên và loạng choạng lùi lại trên mặt đất đầy cỏ dại, áo rách tả tơi lật phật quanh người. Hắn nhìn những khuôn mặt sa sầm, không sợ trời, không sợ đất của đối thủ rồi đưa mắt nhìn khuôn mặt hoảng hốt của Ợ Hơi và Moose. Bất lực rồi, bất lực thật rồi. Moose quay mặt đi, xấu hổ.

Henry đứng dậy, khóc sục sịt qua cái mũi gãy. “Tao sẽ giết hết bọn mày,” hắn nói và co giò chạy biến. Phút sau, hắn đã khuất dạng.

“Đ-Đ-Đi ngay,” Bill nói với Ợ Hơi. “Biến đ-đi. Và đ-đ-đừng x-x xuống đ-đây nữa. V-V-Vùng Đất Cằn là c-c-của bọn tao.”

“Mày sẽ hối hận khi chọc giận Henry đấy, thằng oắt con,” Ợ Hơi dọa. “Đi thôi, Moose.”

Chúng lục tục bỏ đi, đầu cúi gằm, không buồn nhìn lại.

Bảy người bọn họ đứng rải rác thành hình bán nguyệt, ai cũng chảy máu. Trận chơi đá định mệnh ấy kéo dài chưa tới bốn phút, vậy mà Bill có cảm giác cậu đã trải qua cả hai phần bộ phim về Thế chiến thứ hai mà không có lấy một khoảng nghỉ.

Không gian yên tĩnh bị phá vỡ bởi những tiếng hít thở khó nhọc, hóp lấy hóp để không khí. Ben tiến lại chỗ bạn, cảm nhận ba cái bánh Twinkie và bốn cái bánh Ding-Dong cậu ăn trên đường đến Vùng Đất Cằn bắt đầu làm giặc trong bụng, cậu đành chạy ngang qua Eddie về phía bụi rậm, nơi cậu bòn chè cho đất một cách riêng tư và nhỏ nhẹ nhất có thể.

Richie và Bev tiến lại chỗ Eddie. Beverly vòng một tay qua eo cậu bạn gầy nhom của mình trong lúc Richie rút ống thở từ trong túi ra. “Ngậm vào đi, Eddie,” cậu nói và Eddie hờn học hít lúc Richie bóp cò.

“Cảm ơn cậu,” mãi lúc sau Eddie mới khó nhọc lên tiếng.

Ben bước ra khỏi bụi cây, mặt bừng bừng, đưa tay chùi miệng. Beverly bước đến chỗ cậu rồi khấn khoản đưa hai tay cần hai tay cậu.

“Cảm ơn cậu đã đứng lên vì tớ,” cậu nói.

Ben gật đầu, mắt nhìn xuống đôi giày bẩn trên chân của mình. “Bất cứ lúc nào, bạn hiền,” cậu nói.

Lần lượt, mỗi người bọn họ quay sang nhìn Mike, cậu bé với làn da sạm màu. Cả nhóm quan sát cậu một cách cẩn trọng, e dè, trầm tư. Trước đây, Mike cũng từng cảm nhận ánh nhìn tò mò ấy – hay nói đúng hơn, đó là chuyện thường ngày ở huyện với cậu – và cậu cương nghị nhìn mọi người.

Bill nhìn từ Mike sang Richie. Richie quay sang, bốn mắt nhìn nhau. Và Bill có cảm tưởng dường như cậu nghe thấy tiếng cạch - bộ phận cuối

cùng đã khớp một cách hoàn hảo vào cỗ máy chẳng rõ phục vụ mục đích gì. Cậu thấy lưng mình như bị ướp đá lạnh. *Chúng ta đã tề tựu đông đủ*, cậu nghĩ, ý tưởng ấy quá đổi mạnh mẽ, quá đổi đúng đắn, đến độ trong thoáng chốc, suýt chút nữa cậu đã thốt lên thành lời. Nhưng tất nhiên, cậu không cần nói ra miệng; cậu có thể thấy điếu đó trong mắt Richie, Ben, Eddie, Beverly và Stan.

Chúng ta đã tề tựu đông đủ, cậu lại nghĩ. *Ôi, cầu Chúa cứu giúp. Giờ mọi thứ thực sự bắt đầu rồi. Cầu Chúa giúp chúng con.*

“Tên cậu là gì?” Beverly hỏi.

“Tớ là Mike Hanlon.”

“Cậu muốn bắn vài quả pháo không?” Stan hỏi, và nụ cười của Mike đã thay cho câu trả lời.

CHƯƠNG 14

CUỐN ALBUM

1

Hóa ra, Bill không phải người duy nhất đem rượu đến ai nấy cũng đều làm vậy.

Bill nang bourbon, Beverly mang vodka và hộp nước cam, Richie mang một lốc bia, Ben Hanscom mang một chai Wild Turkey. Mike để sẵn lốc sáu lon bia trong tủ lạnh dưới phòng nghỉ cho nhân viên.

Eddie Kaspbrak đến sau cùng, trên tay cầm chiếc túi nhỏ màu nâu.

“Bạn mang theo gì thế, Eddie?” Richie hỏi. “Za-Rex hay Kool-Aid?”

Mỉm cười đầy căng thẳng, Eddie lấy ra rượu gin và chai nước mặn.

Trong sự im lặng ngọt ngào bao phủ không gian sau đó, Richie khẽ lên tiếng: “Ai đó gọi mấy tay mặc áo blouse trắng hộ cái. Eddie Kaspbrak quyết chơi banh nóc chuyển này rồi đây.”

“Rượu gin pha nước mặn thật ra rất tốt cho sức khỏe đấy,” Eddie cự lại... và rồi tất cả mọi người cười rộ lên, tiếng cười giòn giã vang vọng trong thư viện tĩnh lặng, truyền qua cả hành lang bằng kính nối giữa thư viện người lớn và thư viện trẻ em.

“Bạn cứ tự nhiên,” Ben nói, đưa tay chùi nước mắt sau tròng cười.

“Bạn cứ tự nhiên nhé, Eddie. Tôi đoán nó cũng giúp nhuận tràng lắm.”

Vừa cười, Eddie vừa đổ nước mặn đây ba phần tư ly giấy rồi từ tốn đổ thêm hai nắp rượu gin.

“Ôi, Eddie, tôi thương cậu quá,” Beverly nói, và Eddie ngược lên, có phần bất ngờ nhưng vẫn giữ nụ cười trên môi. Cô hết nhìn lên lại nhìn

xuống bàn. “Tớ thương tất cả các cậu”.

Bill nói, “B-Bọn tớ cũng rất thương cậu, B-Bev ạ.”

“Phải,” Ben nói. “Cả bọn đều thương cậu.” Mắt anh mở to thêm một chút, và rồi anh phá lên cười. “Tớ nghĩ chúng ta vẫn rất thương nhau đấy... Các cậu có biết điều này hiếm hoi lắm không?”

Mọi người rơi vào một khoảng lặng, và rồi Mike không lấy làm ngạc nhiên cho lắm khi thấy Richie đang đeo kính.

“Kính áp tròng của tớ đeo vào rất quá nên tớ phải tháo ra,” Richie giải thích sơ khi Mike hỏi. “Bọn mình vào thẳng vấn đề thôi nhĩ?”

Cả bọn quay sang nhìn Bill như năm xưa, lúc ở bãi đá dăm, và Mike thêm nữa: Mọi người nhìn Bill khi cần một người đứng mũi chịu sào, nhìn Eddie khi cần định hướng. Cái gì mà vào thẳng vấn đề kia chứ, mình dùng từ kiểu quái gì vậy. Chẳng lẽ mình bảo họ thi thể của những đứa trẻ được phát hiện trước giờ không hề có dấu hiệu bị xâm phạm tình dục, thậm chí cũng không bị cắt xẻo mà là bị ăn thịt một phần? Chẳng lẽ mình bảo họ rằng mình đã chuẩn bị sẵn bảy cái mũ bảo hiểm của thợ mỏ, loại có gắn đèn công suất mạnh ở phía trước, cất đằng sau nhà, một cái cho cậu bạn mang tên Stan Uris không dám chơi lớn, như ngày trước cả bọn hay nói? Hay mình chỉ cần bảo họ về nhà, ngủ thật ngon là đủ rồi, vì đến mai hoặc tối mai, mọi thứ sẽ đến hồi kết – cho Nó hoặc cho chúng ta?

Có lẽ chẳng cần phải nói câu nào, và lý do không cần nói nhiều đã được trình bày rõ họ vẫn thương yêu nhau. Hai mươi bảy năm qua, nhân gian vật đổi sao dời, nhưng kỳ diệu làm sao, tình cảm ấy vẫn không hề thay đổi. Theo Mike nghĩ, đó là hy vọng duy nhất của họ.

Việc duy nhất còn lại là phải giải quyết cho xong, hoàn thành công đoạn hỏi thăm nắm bắt thông tin, kết nối quá khứ vào hiện tại sao cho những

đoạn trải nghiệm đứt quãng hình thành một guồng bánh nửa mùa nào đó. Phải, Mike nghĩ, đúng vậy. Tối nay, nhiệm vụ của chúng ta là tạo ra guồng quay, ngày mai, chúng ta sẽ nhìn nó chuyển động... như nó từng chuyển động lúc chúng ta đuổi đám du côn kia ra khỏi bãi đá dăm và ra khỏi Vùng Đất Cằn.

“Cậu nhớ ra những chuyện còn lại chưa?” Mike hỏi Richie.

Richie ừm ực vài ngụm bia và lắc đầu. “Tớ nhớ cậu có nói với cả nhóm về con chim... và về ống khói.” Nụ cười vỡ ra trên gương mặt Richie. “Tối nay, trên đường đến đây cùng Bevvie và Ben, tớ nhớ ra được chừng đó. Khốn kiếp, chẳng thua gì phim kinh dị ấy nhỉ...”

“Bíp bíp, Richie,” Beverly nói, nhoẻn cười.

“Chà, cậu biết đấy,” anh nói, vẫn giữ nụ cười trên môi và đẩy kính lên trên mũi bằng cử chỉ giống cậu bé Richie ngày xưa đến rợn người. Anh nháy mắt với Mike. “Tớ với cậu. Mikey nhỉ?”

Mike phì cười, gật đầu.

“Quý cô Xì-cô-lét! Quý cô Xì-cô-lét ời!” Richie ré lên bằng giọng Nhóc da đen. “Trong nhà xông khói ấm lên rồi kìa, thưa quý cô Xì-cô-lét!”

Cười giòn giã, Bill lên tiếng, “Lại một thành tựu về kỹ thuật và kiến trúc của Ben Hanscom.”

Beverly gật đầu. “Cả bọn đang đào bới phòng sinh hoạt nhóm thì cậu đem cuốn album của bố cậu đến Vùng Đất Cằn, Mike nhỉ?”

“Ôi Chúa ời!” Bill nói, chột ngời bật dậy. “Và những bức hình...”

Richie nghiêm nghị gật đầu. “Vẫn màn cũ như trong phòng của Georgie. Chỉ có điều, lần này tất cả chúng ta đều thấy.”

“Tớ nhớ chuyện xảy ra với đồng bạc còn lại rồi,” Ben nói.

Mọi người quay sang nhìn anh.

“Tớ đã tặng ba đồng bạc cho một người bạn trước khi đến đây,” Ben khẽ nói. “Cho con của anh ấy. Tớ nhớ còn một đồng bạc thứ tư nữa, nhưng lúc trước, tớ không tài nào nhớ nổi nó lưu lạc ở đâu. Giờ thì tớ biết rồi.” Anh nhìn qua Bill. “Chúng ta đã chế viên đạn bạc từ đồng xu ấy, phải không? Cậu, tớ và Richie. Ban đầu chúng mình định làm một viên đạn bạc tinh xảo hơn...”

“Đầu tiên, cậu rất tự tin mình có thể làm được,” Richie gật gù. “Nhưng rồi cuộc...”

“Bọn mình lại c-co v-vòi,” Bill chậm rãi gật đầu. Ký ức dần dà ăn khớp vào đúng vị trí, và lúc ấy, anh nghe thấy tiếng cạch! trầm thấp nhưng không lẫn vào đâu được vang lên. Chúng ta càng lúc càng gần hơn rồi, anh thầm nghĩ.

“Chúng ta đã quay trở lại đường Neibolt,” Richie nói. “Tất cả mọi người.”

“Cậu đã cứu mạng tớ, Bill To Bự,” Ben chột bời hồi nhưng Bill lắc đầu.

“Có đấy,” Ben khẳng khẳng, và lần này, Bill không lắc đầu nữa. Anh ngờ ngợ có khi anh đã làm thế thật, dù hiện tại, anh chưa nhớ ra mình làm bằng cách nào... mà có phải anh là người cứu Ben không nhỉ? Anh nghĩ có khi lại là Beverly ấy chứ... nhưng ký ức chưa trở về. Chỉ là chưa mà thôi.

“Cho tớ xin phép một lát nhé,” Mike lên tiếng. “Tớ có để lốc bia trong tủ lạnh đằng sau.”

“Có một lốc của tớ nữa đấy,” Richie nói.

“Mồ không uống bia của dân da trắng,” Mike đáp. “Nhất là của vị

huynh đài đó, Tía Lia.”

“Bíp bíp, Mikey,” Richie nghiêm mặt đáp, và Mike đi lấy bia trong tràng cười ấm áp của cả nhóm.

Anh bật đèn trong phòng nghỉ, một căn phòng nhỏ tồi tàn với hàng ghế xếp xệ, một máy pha cà phê Silex cáu bẩn, một bảng tin dính toàn những mẫu tin cũ mềm, thông tin lương và giờ giấc, vài tập truyện tranh New Yorker đã vàng ố và quăn góc. Mở tủ lạnh, anh cảm nhận cơn choáng váng thấm đẫm trong người, thấu đến tận xương, trắng xóa như băng, tựa hồ cái lạnh buốt giá táp vào người khi bước sang tháng Hai, tưởng chừng tháng Tư sẽ không bao giờ đến. Những quả bóng bay màu xanh và cam ồ ạt bay ra, hàng chục quả, như chùm bóng bay ăn mừng vào đêm giao thừa, và giữa nỗi sợ hãi đang trào dâng, anh mù mẫm nghĩ, Chúng ta chỉ cần Guy Lombardo thổi toe toe bài “Auld Lang Syne” là đủ bộ. Chúng lướt qua mặt anh, là là bay lên trần phòng nghỉ. Anh cố hét lên nhưng không thể, bởi anh trông thấy thứ đằng sau những quả bóng, thứ mà Nó đã để vào tủ lạnh, cạnh lốc bia của anh, như món đồ nhắm khuya dành cho anh, sau khi lũ bạn vô dụng của anh đã kể xong những câu chuyện vô dụng của họ và về lại giường trong căn phòng họ thuê ở thị trấn nơi không còn là quê hương này.

Mike lùi lại một bước, đưa tay lên mặt, che đi tâm nhìn. Anh vấp phải ghế, suýt chút nữa thì ngã nên phải hạ tay xuống. Nó vẫn ở đó; thủ cấp bị chặt rời của Stan uris vẫn nằm cạnh lốc sáu lon bia Bud Light của Mike, nhưng không phải đầu của một người trưởng thành mà là của cậu bé mười một tuổi. Miệng cậu há to thành một tiếng thét vô thanh, song Mike không thể thấy rằng hay lười vì miệng bị nhét đầy lông vũ. Lông vũ có màu nâu nhạt và kích thước rất to. Anh thừa biết đây là lông vũ của con chim

nào. Ồ phải. Ồ, phải rồi. Anh đã từng thấy con chim ấy vào tháng Năm năm 1958, cả nhóm đã thấy nó vào đầu tháng Tám năm 1958 và nhiều năm sau, khi thăm người bố gần đất xa trời của mình, anh phát hiện ông Will Hanlon cũng từng trông thấy nó sau khi thoát khỏi trận cháy ở Điểm Đen. Máu chảy ra từ cái cổ nát bầy của Stan nhỏ xuống thành vũng đặc trên kệ dưới cùng tủ lạnh. Nó ánh lên màu đỏ đậm dưới ngọn đèn vô tình chiếu sáng trong tủ.

“Ư... ư... ư...” Mike chật vật nhưng chẳng rặn được thêm lời nào. Đoạn cái đầu mở mắt, và hai con ngươi là đôi mắt lóe lên màu bạc của Gã hề Pennywise. Đôi mắt đảo về phía anh, hàng môi của thủ cấp nhộm nhoạm quanh cái mồm đầy lông. Nó đang tìm cách nói gì đó, có lẽ toan đưa ra lời tiên đoán như nhà tiên tri trong vở kịch Hy Lạp.

Tao vừa nảy ra ý tưởng, để tao tham gia cùng bọn mày, Mike ạ, vì không có tao, bọn mày còn lâu mới thắng được. Không có tao, bọn mày không thể thắng, mày thừa biết vậy mà, phải không? Nếu tao xuất hiện toàn thân thì bọn mày còn có cửa, nhưng tao không thể chịu được áp lực đè nặng lên bộ óc chuẩn Mỹ của tao, mày hiểu ý tao không, kẹo dẻo. Những gì sáu đứa chúng mày có thể làm là ôn lại kỷ niệm xưa rồi mất mạng. Vậy nên tao nghĩ thôi thì để tao ngáng đường chúng mày ngay từ đầu cho xong. Ngáng đường đấy, mày hiểu không, Mikey? Hiểu không, bằng hữu? Hiểu không hả, thằng mọi đen mặt hạng khốn kiếp?

Người không có thật! Anh thét lên nhưng chẳng có âm thanh nào phát ra; anh như chiếc ti vi đã bị tắt tiếng.

Một cách đây bất ngờ và gớm guốc, cái đầu nháy mắt với anh.

Tao có thật đấy. Thật như từng giọt mưa. Và mày hiểu tao đang nói gì mà, Mikey. Thứ mà sáu đứa bọn mày tính làm chẳng khác nào cất cánh trên

một chiếc máy bay không có thiết bị hạ cánh. Bay lên làm gì nếu mày không thể bay xuống? Cũng chẳng có nghĩa lý gì khi đi xuống nếu không thể đi lên. Bọn mày sẽ không bao giờ nghĩ ra những câu đố và chuyện cười phù hợp đâu. Mày sẽ không bao giờ làm tao cười được, Mikey ạ. Bọn mày đã quên làm thế nào để thét gào trào máu họng rồi nhỉ? Bíp bip, Mikey, mày có gì phát ngôn không? Mày còn nhớ con chim chứ? Nó chỉ là con chim sẻ thôi, nhưng ối chà chà! To gì mà khiếp thế nhỉ? To phải cỡ cái kho thóc, to như những con quái vật trong mấy bộ phim Nhật ngu ngốc khiến mày sợ xanh mặt lúc bé đấy. Cái thời mày biết cách đuổi con chim đi khỏi cửa đã trôi vào dĩ vãng rồi. Tao bảo này, Mikey. Nếu mày biết vận dụng cái đầu của mình, mày sẽ biến khỏi đây, khỏi Derry này, ngay và luôn. Nếu mày có đầu mà không biết dùng, rồi mày sẽ như thứ nằm trong tủ. Biển báo trên con đường đời hôm nay là xài trước khi mất, bạn tao ạ.

Cái đầu lộn xuống mặt (lông vũ nhét trong miệng vang lên tiếng lạo xạo góm ghiếc) rồi rơi ra khỏi tủ lạnh. Nó rớt bịch xuống sàn và lăn đến chỗ anh như quả bóng bowling ma quái, mái tóc bết máu cùng khuôn mặt đang cười thay phiên nhau xoay lên; nó lăn tới anh, để lại vệt máu dính dính và những mảnh lông vũ đằng sau, mồm nó chuyển động quanh đồng lông vũ.

Bíp bip, Mikey! Nó thét lên khi Mike điên cuồng lùi lại, hai tay quơ quàng gạt đi. Bíp bip bip bip, mẹ kiếp, bip bip!

Và rồi bất thành linh, một tiếng póc rất to vang lên – như âm thanh phát ra từ nút bần bằng nhựa của chai sâm panh rẻ tiền. Cái đầu biến mất (Nó là thật, Mike nôn nao nghĩ; tiếng póc ấy chẳng có gì siêu nhiên cả; nó là tiếng không khí tràn vào không gian bất chợt bị trống... nó là thật, ôi Chúa ơi, là thật). Một tấm mạng mảnh những giọt máu li ti lơ lửng trong không trung rồi rào rào trút xuống. Nhưng cũng chẳng cần lau dọn phòng nghĩ

làm gì, ngày mai, có bước vào, Carole cũng chẳng thấy, ngay cả khi cô ấy phải lội qua đồng bóng bay để đến chỗ bếp hâm mà pha ly cà phê đầu tiên trong ngày. Tiện quá là tiện. Anh khúc khích cười rộ lên.

Anh ngẩng đầu lên, phải, bóng bay vẫn ở đó. Những quả bóng màu xanh ghi: *MỌI ĐEN DERRY BẮT CON CHIM*. Bóng cam ghi: *Hội Cùi Bắp VẮN CÙI BẮP, NHƯNG STANLEY URIS ĐÃ VƯỢT LÊN TRÊN*.

Bay lên làm gì nếu mây không thể bay xuống, cũng chẳng có nghĩa lý gì khi đi xuống nếu không thể đi lên. Cái đầu biết nói ấy đã bảo anh như thế. Vế thứ hai khiến anh lại nghĩ đến những cái mũ bảo hộ của thợ mỏ để sẵn trong nhà. Liệu nó có đúng không? Chợt anh nghĩ đến ngày đầu tiên anh đi xuống Vùng Đất Cằn sau trận ném đá. Hôm ấy là ngày mừng 6 tháng 7, hai ngày sau khi anh tham gia cuộc diễu hành Mừng Bốn Tháng Bảy... hai ngày sau khi anh tận mắt trông thấy gã hề Pennywise lân đầu tiên. Sau cái ngày ở Vùng Đất Cằn. Sau khi lắng nghe mọi người kể chuyện và sau khi tâm sự một cách lưỡng lự chuyện của mình, cậu bé Mike là anh năm ấy đã về nhà và hỏi bố liệu cậu có thể xem cuốn album của ông được hay không.

Chính xác thì tại sao anh lại đi xuống Vùng Đất Cằn vào ngày mừng 6 tháng 7 đó nhỉ? Liệu anh có biết mình sẽ gặp họ ở đó không? Dường như là thế – và anh không chỉ biết họ sẽ có mặt ở đó, mà còn biết cả địa điểm họ tụ tập. Anh nhớ họ có nhắc đến phòng sinh hoạt nhóm, nhưng anh cảm thấy ngoài miệng, họ bàn tán về chủ đề này dù trong lòng bận tâm về chuyện khác, một vấn đề mà họ không biết mô tả thành lời.

Mike ngược lên nhìn đồng bóng bay, nhưng hình ảnh chúng không lọt vào mắt anh, mà thay vào đó, anh cố lục lại tâm trí mình để nhớ lại chính xác ngày hôm ấy, cái ngày đầy oi bức ấy. Bất chợt, anh thấy mình cần phải nhớ lại chuyện đã xảy ra, mọi chi tiết, mọi thay đổi trong đầu anh.

Bởi đó là lúc mọi thứ sắp sửa xảy ra. Trước đó, mọi người có bàn đến chuyện kết liễu Nó, nhưng không có các bước hành động hay kế hoạch nào cụ thể. Thời điểm Mike đến cũng là lúc vòng tròn đóng lại và bánh xe bắt đầu lăn. Chiều tà cùng ngày hôm ấy, Bill, Richie và Ben đến thư viện, nghiêm túc bắt tay vào nghiên cứu ý tưởng mà Bill đề ra một ngày, một tuần hay một tháng trước đó. Tất cả đã bắt đầu...

“Mike?” Richie gọi anh từ Phòng Tham khảo, nơi mọi người đang tập trung. “Cậu chết ở trong đây phỏng?”

Gần chết rồi đây, Mike nghĩ, mắt liếc nhìn đồng bóng bay, máu me và lông vũ bên trong tủ lạnh.

Anh gọi với lên: “Các cậu xuống đây một lát đi.”

Anh nghe thấy tiếng ghế đầu kèn kẹt, tiếng họ khẽ trao đổi, anh nghe thấy tiếng Richie cầu nhàu “Ôi Chúa ơi, gì nữa đây?” ở một bên tai, còn tai kia, anh nghe vẳng lại từ trong ký ức của mình tiếng Richie nói câu gì đó khác, và anh chợt nhớ ra điều mình mãi miết đi tìm; thậm chí, anh còn hiểu tại sao nó lại gần ngay trước mặt mà xa tận chân trời đến thế. Phản ứng của cả nhóm khi anh bước vào khoảng đất ở nơi tối tăm nhất, sâu nhất và um tùm nhất của Vùng Đất Cằn vào ngày hôm ấy là... bình chân như vại. Không chút bất ngờ, không chút thắc mắc làm thế nào anh tìm ra họ, không lấy làm lạ. Anh nhớ lúc ấy Ben đang ăn bánh Twinkie, còn Beverly và Richie đang hút thuốc, Bill nằm ườn trên cỏ, hai tay kê sau đầu, mắt nhìn trời, Eddie và Stan nghi ngờ nhìn những sợi dây được cột xuống đất tạo thành hình vuông rộng chừng một mét rưỡi.

Không chút bất ngờ, không chút thắc mắc, không lấy làm lạ. Anh xuất hiện và được chấp nhận, đơn giản thế thôi. Tựa hồ họ đã đợi anh, dù bản thân họ không hề hay biết điều đó. Và bên tai thứ ba, tai của ký ức, anh

nghe thấy Richie cất lên Giọng Nhóc da đen giống như tối nay: “Lawdy, quý cô Clawdy, anh chàng

2

da đen kia tái xuất giang hồ rồi kìa! Lạy Chúa lòng lành, chẳng biết rồi đây Vùng Đất Cằn sẽ đi đâu về đâu! Nhìn quả đầu xoắn tít thò lò ấy mà xem, Bill To Bự!” Bill chẳng quay đầu lại nhìn; cậu tiếp tục mở mắt nhìn những đám mây to lớn mùa hè lững lờ bay qua bầu trời. Cậu đang dồn tâm trí cho câu hỏi vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, Richie không thấy thế mà phật ý. Cậu nói tiếp, “Nhìn quả đầu xoắn tít thò lò ấy thôi cũng đủ khiến con muốn uống thêm một ly Chu-líp bạc hà! Con sẽ ra ngoài hiên uống, ở ngoài đó được cái mát mẻ...”

“Bíp bíp, Richie,” Ben vừa nói vừa nhồm nhoàm Twinkie, Beverly thấy vậy phá lên cười.

“Chào các cậu,” Mike rụt rè nói. Tim cậu khẽ đập thành thịch, nhưng cậu quyết tâm đã làm là phải làm cho trót. Cậu còn nợ họ lời cảm ơn, mà bố cậu đã dạy luôn phải trả thứ mình nợ - và phải trả nhanh nhất có thể, trước khi lão mẹ đẻ lôi con.

Stan nhìn quanh. “Chào cậu,” cậu nói rồi nhìn xuống bốn sợi dây chẳng thành hình vuông ở giữa. “Ben này, cậu có chắc nó ăn thua không vậy?”

“Có chứ sao không,” Ben khẳng định. “Chào Mike.”

“Hút thuốc không Mike?” Beverly hỏi. “Tớ còn hai điếu.”

“Thôi, cảm ơn cậu,” Mike hít một hơi thật sâu và nói. “Tớ muốn một lần nữa gửi lời cảm ơn đến tất cả các cậu vì hôm nọ đã cứu tớ. Đám côn đồ ấy đã tìm cách hại tớ. Tớ xin lỗi đã khiến các cậu bị thương.”

Bill phẩy tay xua đi. “Đ-Đ-Đừng c-c-câu nệ ch-ch-chuyện đó. B-Bọn

chúng ý m-mạnh h-h-hiếp yếu bọn tớ suốt c-c-cả năm r ồi.” Cậu ng ồi dậy và ngược nhìn Mike với đôi mắt lấp lánh sáng bừng. “T-Tớ c-c-có thể hỏi cậu ch-ch-chút không?”

“Tất nhiên r ồi,” Mike đáp. Cậu dè chừng ng ồi xuống. Cậu chẳng lạ gì lời mào đầu kiểu này. Thế nào cậu bạn nhà Denbrough cũng sẽ hỏi cậu là một người da đen có cảm giác thế nào.

Nhưng thay vào đó, Bill lại hỏi: “Hai năm trước, L-L-Larsen không mắc l-l-lỗi x-xử lý bóng nào trong trận S-Series Thế giới, c-cậu có nghĩ đó chỉ là m-may mắn không?”

Richie rít thuốc thật sâu và húng hắng ho. Beverly dịu dàng vỗ lên lưng bạn. “Cậu còn xanh và non lắm, Richie ạ, cứ từ từ r ồi sẽ học được.”

“Tớ nghĩ khéo có khi nó sắp đấy, Ben ời,” Eddie lo lắng nói, mắt nhìn hình vuông chẳng dây. “Tớ không thấy khoái ý tưởng bị chôn sống đâu nhé.”

“Thế nào mà bị chôn sống được chứ,” Ben đáp. “Mà nếu có thì cậu chỉ cần ngâm ống thở thân thương cho đến khi có người kéo cậu ra thôi.”

Stanley Uris thấy câu nói ấy bu ồm cười đến nôn ruột. Cậu ngả người tựa vào khuỷu tay, đầu ngẩng lên trời, cười như được mùa cho đến khi Eddie đá vào mắt cá chân và bảo cậu thôi đi giùm.

“May mắn, rốt cuộc Mike lên tiếng. “Tớ nghĩ việc không mắc lỗi xử lý bóng nào là hay không bằng hên.”

“T-T-Tớ c-cũng thấy thế,” Bill nói. Mike đợi xem còn câu hỏi nào khác không, nhưng Bill có vẻ khá hài lòng. Cậu lại nằm xuống, hai tay đan đàng sau đầu và tiếp tục ngắm mây bay.

“Các cậu đang làm gì thế?” Mike hỏi, nhìn những sợi dây ngang dọc

chăng trên đất.

“À, đây là ý tưởng lớn trong tuần của Haystack đó,” Richie giải thích. “Lần trước, cậu ấy làm Vùng Đất Cằn ngập lụt, hơi bị ngầu nhé, nhưng lần này mới là đất xắt ra miếng đây. Tháng này bọn tớ tổ chức Tháng Tự Đào Phòng Sinh Hoạt Nhóm. Tháng sau...”

“C-Cậu việc gì ph-ph-phải trừ dập B-B-B-Ben nh-nh-như thế.” Bill nói, mắt vẫn nhìn trời. “Nó s-sẽ t-t-tuyệt lắm đó.”

“Chúa ơi, Bill, tớ đang đùa mà.”

“Đ-Đùa cũng phải c-c-có mức độ thôi, R-Richie.”

Richie im lặng chấp nhận lời quở trách.

“Tớ vẫn chưa hiểu,” Mike nói.

“À, đơn giản lắm,” Ben giải thích. “Mọi người muốn xây một cái nhà trên cây, và cả bọn có thể làm được, nhưng ngã từ trên cây xuống thì thể nào cũng gãy xương...”

["Kookie... Kookie... cho em mượn xương của anh,"](#) Stan nói và phá lên cười ngặt nghẽo trong khi cả đám ngẩn ra nhìn cậu. Stan không phải cây hài, và chút máu hài trong người cậu lại có phần chẳng giống ai.

Stan đang nhái lời bài hát Kookie, Kookie (Lend Me Your Comb).

“Thưa ngài, hình như ngài bị khìn khìn thì phải,” Richie véo von. “Chắc do trong sàn nhảy nóng nực quá.”

“Nói tóm lại,” Ben tiếp tục, “điều bọn tớ định làm là đào xuống khoảng một mét rưỡi trong hình vuông mà tớ đánh dấu ở đây. Tớ nghĩ bọn mình không thể đào sâu hơn nữa vì sẽ đụng phải mạch nước ngầm. Nó nằm khá sát mặt đất. Sau đó cả bọn sẽ đắp các mặt xung quanh để nó không sập xuống.” Cậu nhìn chằm chằm vào Eddie nhưng Eddie vẫn lo ra mặt.

“R ồi sao nữa?” Mike thích thú hỏi.

“Mình sẽ dựng nóc.”

“Hả?”

“Lấy các tấm gỗ che lên miệng hồ là được. Mình có thể lắp cửa sập hay gì đó để đi ra đi vào, thậm chí cả cửa sổ nếu muốn...”

“Mình sẽ cần vài b-b-bản l ề,” Bill nói, mắt vẫn mơ màng nhìn mây trôi.

“Chúng ta có thể mua chúng ở Cửa hàng Đồ dùng Reynolds,” Ben nói.

“C-Các c-c-cậu có t-t-tiền tiêu vặt nhỉ?” Bill nói.

“Tớ có năm đô,” Beverly lên tiếng. “Tớ tiết kiệm từ việc trông trẻ đó.”

Richie li ền l ồm c ồm bò lại chỗ cô. “Tớ yêu cậu, Bevvie,” cậu nói và ngược nhìn cô với đôi mắt long lanh như cú con. “Cậu sẽ cưới tớ chứ? Chúng mình sẽ sống trong căn nhà chòi dựng bằng gỗ thông...”

“Căn gì cơ?” Beverly hỏi, còn Ben giương mắt nhìn hai người bọn họ với vẻ mặt lo lắng xen lẫn thích thú và tập trung.

“Một căn nhà chòi dựng bằng thối gỗ,” Richie nói. “Năm đ ồng là đủ r ồi, tình yêu ời, một túp l ều thông, hai trái tim vàng...”

Beverly cười ngật nghẻo, má hây hây đỏ và né khỏi cậu bạn.

“Cả bọn c-cùng chia s-sẻ chi ph-phí,” Bill nói. “Đó là lý do mình lập hội mà.”

“Sau khi lấy các tấm gỗ che miệng hồ,” Ben tiếp tục, “mình sẽ bôi keo công nghiệp này - keo Tangle-Track - r ồi lắp cỏ lên trên. Rắc thêm lá thông nữa này. Bọn mình có thể chui xuống phòng và người khác - những kẻ như Henry Bowers chẳng hạn - đi trên đầu chúng ta mà không hề hay biết.”

“Cậu tự nghĩ ra đấy à?” Mike tr ần tr ồ “Trời ời, sao cậu ghê gớm vậy!”

Ben mỉm cười. Đến lượt cậu đỏ mặt.

Chợt Bill ngẩng dậy và nhìn Mike. “Cậu c-c-có muốn gì-giúp không?”

“À... hẳn rồi,” Mike đáp. “Nghe có vẻ vui.”

Những thành viên còn lại đưa mắt nhìn – Mike cảm thấy và nhìn thấy nó rõ ràng rành rành. *Bảy người bọn mình đã tề tựu ở đâu rồi*, Mike nghĩ, và chẳng hiểu vì lý do gì mà cậu rùng mình.

“Khi nào các cậu động thổ?”

“S-S-Sớm th-thôi,” Bill nói và Mike biết – tận trong thâm tâm – đi đâu Bill đang nhắc tới không chỉ dừng lại ở phòng sinh hoạt nhóm dưới đất của Ben. Ben cũng biết đi đâu đó. Cả Richie, Beverly và Eddie đều hiểu. Stan Uris đã thôi cười. “B-Bọn mình s-s-sẽ bắt đầu d-d-dự án này sớm th-th-thôi.”

Có một khoảng lặng, và rồi Mike chợt nhận ra hai đi đâu: họ muốn nói gì đó, muốn bảo cậu gì đó... và cậu không chắc mình muốn nghe. Ben nhặt một cây gậy và nguệch ngoạc linh tinh lên đất, tóc lòa xòa che mặt. Richie gặm móng tay vốn đã nham nhở. Chỉ có Bill nhìn trực diện vào Mike.

“Có chuyện gì à?” Mike lo lắng hỏi.

Thật chậm rãi, Bill cất tiếng: “B-B-Bọn mình là m-một h-hội. C-Cậu có thể tham gia nếu cậu m-m-muốn, chỉ cần gì-giữ k-kín b-b bí mật của cả bọn.”

“Ý cậu là phòng sinh hoạt nhóm?” Mike hỏi, giờ còn cảm thấy ngọt ngào hơn. “Ừ, hẳn rồi...”

“Bọn tớ còn một bí mật lớn nữa, bạn hiền,” Richie nói, vẫn không nhìn thẳng vào Mike. “Và Bill To Bự bảo mùa hè này, bọn tớ có nhiệm vụ quan trọng hơn nhiều so với việc đào đất xây phòng sinh hoạt nhóm.”

“Cậu ấy nói phải đấy,” Ben chêm vào.

Chợt tiếng thở hòng học vang lên. Mike nhảy dựng. Hóa ra là Eddie vừa hít vào. Eddie nhìn Mike với vẻ hối lỗi, nhún vai rồi gật đầu.

“Chà,” rốt cuộc Mike thốt lên, “đừng làm tớ hối hộp nữa. Nói đi nào.”

Bill nhìn cả nhóm. “C-Có a-a-ai kh-không muốn cậu ấy th-tham gia hội không?”

Không ai nói gì hay giơ tay.

“C-Có ai muốn n-nói gì không?” Bill hỏi.

Tiếp tục có một sự im lặng dài, và lần này, Bill không lên tiếng phá vỡ. Cuối cùng, Beverly thở dài và nhìn Mike.

“Những đứa trẻ bị giết chết,” cô nói. “Bọn tớ biết thủ phạm là ai, và đó không phải con người”

3

Bọn họ lần lượt kể với câu chuyện gã hề trên băng, gã hủi dưới hiên nhà, máu và giọng nói từ lỗ thoát nước, xác các cậu bé ở Standpipe. Richie kể chuyện xảy ra lần cậu và Bill quay lại đường Neibolt, còn Bill là người lên tiếng cuối cùng, kể về bức hình chụp chân dung chuyển động cũng như tấm hình mà cậu thò tay vào. Cậu kết luận bằng cách giải thích thứ đó đã giết chết Georgie - em trai cậu, và Hội Cùi Bắp đã quyết tâm giết chết con quái vật ấy... bất kể chân tướng của nó là gì.

Tối hôm ấy, lúc về nhà, Mike thẫn thờ nghĩ rằng cậu phải lắng nghe với vẻ mặt bán tín bán nghi rồi chuyển dần sang kinh hoàng, sau đó co giò bỏ của chạy lấy người, không một lần quay đầu nhìn lại, đinh ninh trong lòng cậu đang bị một đám con nít da trắng không ưa gì dân da đen chơi khăm hoặc cậu đụng trúng sáu đứa đầu óc chập cheng, cái sự chập cheng ấy lây

hết cả hội, giống như cái cách những ai học chung lớp lại bị lây cùng một loại vi-rút cảm cúm.

Nhưng không, cậu không chạy, vì dù hải hùng, cậu cảm thấy thoải mái đến lạ. Thoải mái và còn một cảm giác khác, một cảm giác căn cơ hơn: cảm giác cậu đã tìm được chốn dung thân. *Bảy người bọn mình đã tề tựu nơi đây*, cậu thầm nghĩ khi Bill nói xong.

Cậu mở miệng toan nói gì đó nhưng không chắc mình sẽ nói gì.

“Tớ đã từng thấy gã hể” cậu kể.

“Cái gì cơ?” Richie và Stan đồng thanh kêu lên, Beverly quay phắt lại, đến độ mái tóc đuôi ngựa của cô quật từ vai trái sang vai phải.

“Tớ thấy hấn vào mừng Bốn,” Mike chậm rãi kể, chủ yếu là nói cho Bill nghe. Đôi mắt sắc bén và tập trung hết sức của Bill đổ dồn vào cậu, yêu cầu cậu kể tiếp. “Phải, vào ngày mừng 4 tháng 7...” Cậu thoáng lưỡng lự, lòng thầm nghĩ: *Nhưng tớ biết hấn. Tớ biết hấn vì đó không phải lần đầu tiên tớ trông thấy hấn. Và đó cũng không phải lần đầu tiên tớ bắt gặp thứ gì đó... thứ gì đó sai trái.*

Lúc ấy, cậu nghĩ về con chim, lần đầu tiên kể từ tháng Năm, cậu thực sự cho phép bản thân mình nghĩ về nó – ngoại trừ những lúc nằm mơ thấy ác mộng. Cậu cứ tưởng mình sắp phát điên đến nơi. Giờ đây, khi biết mình không điên, cậu cảm thấy nhẹ nhõm... nhưng cái cảm giác ấy vẫn thật đáng sợ. Cậu liếm môi.

“Kể tiếp đi.” Bev sốt ruột nói. “Nhanh nào.”

“Chà, vấn đề là lúc ấy tớ đang tham gia điều hành. Tớ...”

“Tớ có thấy cậu.” Eddie nói. “Cậu là người chơi kèn saxophone nè.”

“À, thật ra đó là kèn trombone,” Mike nói. “Tớ chơi với Ban nhạc

Trường Nhà thờ đường Neibolt. Nói chung, tớ đã trông thấy gã hề Hấn phát bóng bay cho trẻ con ở ngã giao trung tâm thị trấn. Hấn trông giống như Ben và Bill mô tả. Hấn mặc bộ đồ màu bạc, hàng nút cam, mặt trang điểm trắng bệch và nụ cười màu đỏ rất to. Tớ không rõ nó là son hay trang điểm, nhưng trông chẳng khác gì máu.”

Cả nhóm gật gù hào hứng hơn, nhưng Bill chỉ tiếp tục dán mắt quan sát Mike. “Hấn có chồm t-t-tóc c-c-cam nào không?” Cậu hỏi Mike, vô thức mô tả chúng bằng cách đưa ngón tay lên đầu.

Mike gật đầu.

“Trông thấy hấn... tớ phát hoảng. Và lúc tớ đang nhìn chăm chăm vào hấn, hấn quay lại vẫy tay với tớ, như thể hấn đọc được tâm trí tớ, hoặc cảm xúc của tớ, hoặc bất cứ thứ gì tương tự vậy. Và đi đầu đó... còn khiến tớ hoảng sợ hơn. Lúc ấy, tớ chưa hiểu lý do tại sao, nhưng hấn khiến tớ sợ hãi đến độ trong vài giây tớ không chơi được kèn trombone luôn. Miệng tớ khô khốc và tớ thấy...”

Cậu liếc nhìn Beverly. Giờ đây, cậu nhớ rõ mồn một từng chi tiết, nhớ rõ khi ấy, mặt trời bỗng dừng đổ xuống chói chang đến khôn tả, loang loáng trên chiếc kèn đồng và lớp vỏ crôm của xe cộ, nhớ rõ tiếng nhạc đinh tai nhức óc, nhớ rõ trời xanh rợn ngợp. Gã hề giờ một tay mang găng trắng tay kia cầm chùm bóng bay), chậm rãi vẫy tới vẫy lui, nụ cười máu me quá đỏ, quá rộng, tựa hồ tiếng hét bị lật ngược. Cậu nhớ như in vùng hạ bộ của mình râm ran như có kiến bò, bụng chột quặn lên, như thể cậu sắp bĩnh ra quần đến nơi. Nhưng cậu không thể nói những lời này trước mặt Beverly. Ai lại vô duyên đến mức nói những câu bất nhã như vậy với phái nữ kia chứ, dù trước mặt cô gái ấy, ta có thể thoải mái nói “đồ khốn” hay “tiên sư”...

“Tớ thấy sợ” cậu nói, cảm thấy mình đúng là đồ yếu đuối, nhưng chẳng biết phải diễn tả thành lời những rối ren còn lại trong lòng ra sao. Nhưng mọi người đều gật gù đầy thấu hiểu, và cậu cảm thấy nhẹ nhõm dào dạt trong lòng. Cảnh tượng gã hề nhìn cậu, nở nụ cười đỏ như máu, bàn tay mang găng trắng chậm rãi lắc qua lắc lại... hình ảnh ấy còn gớm ghiếc hơn việc Henry Bowers và bè lũ rượt đuổi cậu. Thậm chí còn tệ hại hơn.

“Sau đó bọn tớ đi ngang qua,” Mike kể tiếp. “Chúng tớ điểu hành lên đũa Đường Chính. Một lần nữa, tớ lại trông thấy hắt phát bóng bay cho trẻ con. Chỉ có điểu nhều em nhỏ không muốn nhận. Một số đứa còn khóc ré lên. Tớ không tài nào hiểu nổi làm thế nào mà hắt có thể đến đây nhanh như vậy. Tớ thề nhủ chắc có hai người, các cậu biết đấy, hai người ăn mặc giống hệt nhau chẳng hạn. Chúng là một đội với nhau. Nhưng rồi hắt lại xoay người và vẫy tay với tớ, và lúc ấy, tớ dám chắc đó là hắt. Đó là cùng một người.”

“Hắt không phải người đâu,” Richie nói, Beverly rung mình. Bill vòng một tay ôm lấy vai cô, và cô nhìn cậu với ánh mắt biết ơn.

“Hắt vẫy tay với tớ... và rồi hắt nháy mắt. Như thế bọn tớ có bí mật gì đó. Hoặc như thế... như thế hắt biết tớ đã nhận ra hắt.”

Bill thả tay khỏi vai Beverly. “*Cậu nh-nh-nh-nhận ra hắt ư?*”

“Tớ nghĩ vậy,” Mike nói. “Trước khi khẳng định chắc chắn, tớ phải kiểm tra lại một số thứ. Bố tớ có vài bức hình... Ngày trước ông sưu tầm... Tớ bảo này, các cậu hay xuống đây chơi phải không?”

“Đúng rồi,” Ben nói. “Đó là lý do bọn tớ xây dựng phòng sinh hoạt nhóm.”

Mike gật đầu. “Vậy để tớ kiểm tra xem tớ có đúng không đã. Nếu đúng,

tớ sẽ mang mấy bức hình tớ.”

“H-Hình c-c-cũ à?” Bill hỏi.

“Ừ.”

“C-C-Còn gì nữa kh-không?” Bill hỏi.

Mike dợm nói gì đó nhưng lại thôi. Cậu ngấn ngại nhìn quanh rồi nói, “Các cậu sẽ nghĩ tớ bị khủng mất. Bị khủng hoặc nói dối.”

“C-Cậu c-c-có ngh-nghĩ bọn tớ kh-kh-khùng không?”

Mike lắc đầu.

“Bọn tớ không khủng đâu.” Eddie nói. “Tớ biết tớ có lắm đi đâu khác người, nhưng tớ không dở khủng dở điên.”

“Không,” Mike đáp. “Tớ không nghĩ các cậu bị điên.”

”Chà, b-bọn tớ cũng kh-không ngh-nghĩ cậu b-bị đ-đi... khủng đ-đ-đâu,” Bill nói.

Mike nhìn các bạn một lượt, đặng hắng và nói: “Tớ từng trông thấy một con chim. Tồn hai, ba tháng trước. Tớ đã thấy một con chim.”

Stan Uris nhìn Mike. “Chim gì thế?”

Ban này ngấn ngữ một thì bây giờ ngấn ngữ gấp mười, Mike rụt rè: “Trông nó vừa như chim sẻ vừa giống chim cổ đỏ. Ngực nó lại có màu cam.”

“Hừm, con chim ấy có gì đặc biệt à?” Ben hỏi. “Ở Derry có nhiều chim lắm.” Nhưng cậu thấy hơi ngột ngạt, và khi nhìn Stan, cậu dám chắc Stan đang nhớ lại chuyện xảy ra trong Standpipe cũng như việc cậu ấy đã thoát khỏi cảnh ngàn cân treo sợi tóc bằng cách hét lên tên các loài chim. Song cậu quên bằng tất tần tật khi nghe câu tiếp theo Mike thốt lên.

“Con chim ấy còn to hơn cả căn nhà di động,” cậu nói.

Cậu nhìn những khuôn mặt thẳng thốt đầy kinh ngạc của các bạn. Cậu đợi họ phá lên cười song chẳng một ai nắc nẻ. Về mặt Stan như thể vừa bị chọi gạch vào đầu. Mặt cậu trắng nhợt đến độ trông như ánh mặt trời nhạt nhòa tháng Mười Một.

“Tớ thể đó là sự thật,” Mike nói. “Con chim ấy không lờ lẫm, như những con chim trong phim quái vật thời tiền sử vậy.”

“Phải, như trong phim *Móng vuốt khổng lồ*,” Richie nói. Lúc mới xem, cậu còn thấy con chim trong bộ phim trông thật giả tạo, nhưng đến phần con chim bay đến New York, cậu hào hứng tới độ hát tung bắp rang bơ khắp thanh chắn ban công của rạp Aladdin. Nếu là bình thường, Foxy Foxworth sẽ tổng cổ cậu ra ngoài rồi, may sao lúc ấy bộ phim cũng vừa kết thúc. Thỉnh thoảng ta bị ăn hành, nhưng như Bill To Bự từng nói, thỉnh thoảng ta lại được trời thương.

“Nhưng nó không giống động vật thời tiền sử,” Mike nói. “Và nó cũng không giống loài chim gì đó xuất hiện trong thần thoại của người Hy Lạp và La Mã...”

“Qu-quái đ-diều R-R-Roc?” Bill nhắc.

“Phải, hình như là vậy. Nó cũng không giống quái điều thần thoại ấy. Nó như lại giữa chim cổ đỏ và chim sẻ. Hai loài chim mà chúng ta hay gặp nhất.” Cậu khẽ cười vág lên.

“C-Ch-Chỗ nào...” Bill lắp bắp.

“Kể bọn tớ nghe đi,” Beverly gọn lỏn, và sau một thoáng sắp xếp suy nghĩ trong đầu, Mike kể đầu đuôi ngọn ngành. Vừa kể vừa quan sát khuôn mặt mọi người dần trở nên lo lắng và sợ hãi, song không chút nghi ngờ cũng chẳng cười cợt, cậu cảm thấy ngực mình như trút được đá tảng. Như Ben với chuyện xác ướp, Eddie với gã hủi và Stan với xác những cậu bé

chết đuối, cậu đã bắt gặp thứ dư sức khiến một người lớn phát điên, không phải chỉ vì quá kinh hãi, mà còn vì phải đối diện với một thứ phi hiện thực, không tài nào giải thích nổi, cũng chẳng thể phân tách bằng lý trí, thà nhắm mắt làm ngơ cho xong. Mike từng đọc được ở đâu đó rằng khuôn mặt của Elijah đã bị đốt đen thui bởi ánh sáng từ tình thương của Chúa; nhưng lúc sự việc này xảy ra, Elijah đã già lắm rồi, và có thể máu chốt nằm ở đây. Ngược lại, chẳng phải một chàng trai trẻ trong Kinh Thánh đã vật lộn với thiên sứ và kết cục là cân tài cân sức đó sao?

Cậu đã trông thấy cảnh tượng ấy và vẫn sống tiếp cuộc đời mình; cậu đưa ký ức ấy vào thế giới quan. Cậu vẫn còn trẻ người non dạ nên góc nhìn của cậu rộng lớn vô cùng. Tuy nhiên, đi đâu xảy ra hôm đó vẫn ám ảnh những góc khuất trong tâm trí cậu, và thỉnh thoảng, trong cơn mơ, cậu thấy mình chạy trốn khỏi con chim gó ghê ghê ấy khi nó rợp bóng ở trên đầu. Một số giấc mơ cậu nhớ, cũng có một số giấc mơ cậu quên bẵng, nhưng chúng vẫn ở đấy, tựa hồ bóng đen biết cử động.

Thì ra cậu vẫn nhớ rõ mồn một, thì ra cậu ám ảnh vô cùng (dù cậu vẫn sống qua ngày hết sức bình thường: phụ đỡ bố, đến trường, đạp xe, giúp mẹ việc vặt, đợi các ban nhạc da đen xuất hiện trên chương trình *Bục trình diễn* sau giờ học). Nhờ một thứ mà cậu ngộ ra đi đâu đó: cảm giác nhẹ nhõm trong lòng khi cậu chia sẻ với các bạn. Vừa kể, cậu vừa nhận ra đó là lần đầu tiên cậu cho phép bản thân nghĩ về những thứ mình trải qua kể từ buổi sáng sớm ở Kênh Đào, lúc cậu trông thấy những rãnh hằn kỳ lạ... và vết máu.

4

Mike đã kể với cả nhóm câu chuyện cậu đụng độ với con chim ở Xưởng

đúc và chạy vào đường ống để trốn. Buổi chiều hôm ấy, ba thành viên trong Hội Cùi Bắp - Ben, Richie, Bill – bước về phía Thư viện công cộng Derry. Ben và Richie cẩn trọng canh chừng bóng dáng Bowers cùng bè lũ, song Bill chỉ cúi đầu chăm chăm nhìn vỉa hè, hai mày chau lại, trầm tư suy nghĩ. Khoảng một tiếng sau khi kể cho mọi người nghe chuyện mình gặp phải, Mike phải cáo từ với lý do bố cậu muốn cậu về nhà trước 4 giờ chiều để hái đậu. Beverly bảo cô phải đi chợ và nấu bữa tối cho bố. Eddie và Stan cũng có việc phải làm. Nhưng trước khi giải tán, họ bắt tay vào đào căn phòng sinh hoạt nhóm tương lai, theo như lời Ben nói. Với Bill (và cậu nghĩ với tất cả mọi người trong nhóm), việc động thổ gần như mang tính chất biểu trưng. Bắt đầu rồi. Bất kể đi đâu họ phải chung tay làm dưới tư cách một hội, một *tập thể*, là gì, thì nó đã bắt đầu rồi.

Ben hỏi liệu Bill có tin câu chuyện mà Hanlon kể hay không. Lúc ấy, cả bọn vừa băng qua Nhà Cộng đồng Derry và thư viện đã hiện ra ngay trước mặt, một tòa nhà bằng đá hình chữ nhật được vổ về dưới bóng râm của hàng du dương đã trăm năm tuổi nhưng chưa bị nấm tàn phá và héo mòn.

“Có,” Bill đáp. “Tớ ngh-nghĩ cậu ấy nói th-thật. Đ-Đ-Điên rồi nhưng là thật. Còn cậu thì sao, R-R-Richie?”

Richie gật đầu. “Ừ. Tớ không muốn tin chút nào, cậu hiểu ý tớ không, nhưng trong thâm tâm, tớ tin đấy. Các cậu có nhớ chi tiết cậu ấy mô tả cái lưõi màu cam của nó không?”

Bill và Ben gật đầu. Trên lưõi có những cục bông màu cam.

“Đó là điểm nhấn,” Richie giải thích. “Như nhân vật phản diện trong truyện tranh đấy. Lex Luthor hay Joker chẳng hạn. Nó luôn để lại dấu ấn riêng của mình.”

Bill gật đầu trầm tư. Quả thật nó như nhân vật phản diện trong truyện

tranh. Là vì góc nhìn của trẻ con như vậy ư? Vì họ mặc định nó như thế? Phải, có lẽ vậy. Điều này nghe thật trẻ con, nhưng dường như thứ sinh vật ấy sinh sôi nảy nở trên những thứ liên quan đến con nít.

Cả ba băng qua đường để đến thư viện.

“Tớ đã h-h-hỏi St-St-Stan xem liệu c-c-cậu ấy t-từng ngh-ngh nghe về con ch-chim nào nh-như vậy chưa, Bill nói. “Kh-Kh-Không c-c-ần ph-phải là một c-c-con chim l-l-lớn, ch-chỉ c-c-c-ần...”

“Nó có thật là được?” Richie nói.

Bill gật đầu. “C-Cậu ấy b-bảo c-có thể c-có loài ch-chim như vậy ở N-Nam Mỹ hoặc châu Ph-Ph-Ph-Phi, nhưng ở đ-đ-đây thì kh-không th-th-thể có.”

“Vậy nghĩa là cậu ấy không tin sao?” Ben hỏi.

“C-C-Cậu ấy t-tin ch-ch-chứ,” Bill đáp. Đoạn Bill kể cho các bạn nghe đi đầu mà Stan nhắc tới lúc hai người cùng đi bộ đến nơi Stan để xe đạp. Stan cho rằng chưa một ai từng trông thấy con chim ấy trước khi Mike kể câu chuyện kia. Mọi người có thể nhìn thấy thứ khác, nhưng không phải con chim này, bởi con chim là quái vật của riêng Mike Hanlon. Nhưng giờ... giờ thì con chim ấy đã trở thành một thứ mà tất cả mọi thành viên trong Hội Cùi Bắp chia sẻ cùng nhau, chẳng phải sao? Giờ thì bất cứ ai trong số họ cũng có thể thấy con chim. Có thể hiện thân của nó sẽ không giống nhau hoàn toàn, ví dụ như Bill nhìn thấy con quạ, Richie thấy chim ưng, Beverly thấy đại bàng vàng, nhưng Stan cho rằng giờ đây, Nó có thể biến thành chim khi đụng độ với bọn họ. Bill đáp, nếu quả thật là vậy, thì không loại trừ khả năng họ sẽ thấy gã hủi, xác ướp hoặc xác những cậu bé đã chết.

“Điều đó có nghĩa là nếu định hành động thì chúng ta phải hành động

càng sớm càng tốt,” Stan kết luận. “Nó biết...”

“B-Biết gì? Bill dè chừng. “M-Mọi đi đâu ta b-biết sao?”

“Chắc, nếu Nó mà biết thì chúng ta toi đời,” Stan trả lời. “Nhưng tớ dám cá Nó biết việc *chúng ta* biết sự hiện diện của Nó, nên tớ đoán Nó sẽ tìm cách triệt hạ chúng ta. Cậu vẫn nghĩ về đi đâu bọn mình bàn hôm qua à?”

“Ừ.”

“Giá mà tớ có thể đi với cậu.”

“C-C-Có B-B-Ben và R-Richie mà. Ben th-th-thông minh lắm, cả R-R-Richie cũng vậy, nếu c-cậu ấy kh-không b-bông lơn.”

Đứng bên ngoài thư viện, Richie hỏi Bill đang suy tính gì trong đầu. Bill giải thích, chậm rãi hết sức có thể để không nói lắp. Ý tưởng ấy đã lớn vồn trong đầu cậu hai tuần qua, nhưng nhờ câu chuyện của Mike mà nó mới kết tinh thành hình tượng.

Ta làm gì khi muốn đuổi một con chim?

Chà, bắn nó một phát là xong.

Ta làm gì khi muốn hạ gục một con quái vật?

Chà, phim ảnh bảo ta gắn viên đạn bạc vào nó là xong.

Ben và Richie chăm chú dòng tai nghe. Đoạn Richie hỏi, “Mình kiếm đâu ra viên đạn bạc hử Bill To Bự? Viết thư xin à?”

“H-H-Hài hước quá cơ. Bọn mình s-s-sẽ phải t-t-tự làm.”

“Bằng cách nào?”

“Tớ đoán đó là lý do bọn mình đến thư viện để tìm hiểu,” Ben lên tiếng. Richie gật đầu và đẩy kính lên mũi. Đôi mắt đằng sau tròng kính sắc bén, trầm tư... nhưng có phần bán tín bán nghi, Bill thàn nhủ. Đến bản thân cậu còn thấy khó tin cơ mà. Chỉ ít thì trong mắt Richie không ánh lên vẻ

cột nhà, và nội địa đó đã là bước tiến theo hướng đi đúng rồi.

“Cậu đang nghĩ về khẩu súng Walther của bố cậu à?” Richie hỏi. “Khẩu súng mà bọn mình mang đến đường Neibolt ấy?”

“Ừ.” Bill đáp.

“Giả sử bọn mình có khả năng chế ra được viên đạn bạc đi chăng nữa,” Richie thắc mắc, “thì bọn mình kiếm đâu ra bạc bây giờ?”

“Để tớ suy nghĩ xem sao,” Ben trăn trở nói.

“Chà... được thôi,” Richie nói. “Vậy để Haystack lo vụ đó. Tiếp theo mình làm gì nhỉ? Lại đến đường Neibolt tiếp ư?”

Bill gật đầu. “L-L-Lại đến đường N-N-Neibolt. Và rồi bọn mình sẽ bắt bắt bắt đầu nó.”

Cả ba đứng đó thêm một lúc, nhìn nhau đăm đăm rồi bước vào thư viện.

5

“Thì có Chúa, lại ông da đen ấy nữa kìa!” Richie the thé giọng Tay Cảnh sát Ireland.

Một tuần đã trôi qua; tháng Bảy trôi qua một nửa và phòng sinh hoạt nhóm dưới lòng đất đã gần hoàn thành.

“Buổi sáng oách xà lách nhé, thưa ông O’Hanlon! Và hứa hẹn một ngày tuyệt vời ông mặt trời, tuyệt vời như khoai tây đang mọc, như u tối ngày trước từng...”

“Theo tớ biết thì đến trưa là hết buổi sáng rồi đấy, Richie,” Ben nói, lộ đầu lên từ cái hố, “và trưa là hai tiếng đồng hồ trước rồi.” Cậu và Richie đang đắp thành xung quanh hố. Ben đã cởi áo nỉ vì hôm nay nóng nực mà công việc còn nặng nhọc. Áo thun của cậu xám xịt vì mồ hôi, bết vào ngực

và phệ ra ở bụng. Xem chừng cậu chẳng lấy làm ái ngại gì trước vẻ ngoài của mình, nhưng Mike đoán nếu Ben nghe thấy Beverly sắp sửa đến đây, cậu sẽ khoác ngay cái áo nỉ thùng thùng trước khi ta kịp trêu tình tính tang là tang tính tình.

“Đừng cậu nệ quá thế chứ – cậu nói y như Stan Quân Tử ấy,” Richie nói. Cậu chui ra khỏi hố chừng năm phút trước vì, theo như lời cậu bảo Ben, đã đến lúc phải nghỉ để làm điều thuốc.

“Tớ tưởng cậu bảo cậu không hút thuốc,” Ben thắc mắc.

“Thì tớ có hút đâu.” Richie đáp, “nhưng nguyên tắc là nguyên tắc”

Mike cấp cuốn album của bố mình dưới nách. “Mọi người đâu rồi?” Cậu hỏi. Cậu biết Bill ở đâu đó quanh đây vì cậu nhìn thấy Ánh Bạc dưới gầm cầu lúc cất chiếc xe đạp của mình.

“Bill và Richie xuống bãi rác chừng nửa tiếng trước để giải phóng vài tấm gỗ rồi,” Richie nói. “Stanny và Bev thì đi đến Cửa hàng Đồ dùng Reynolds để mua bản lề. Tớ không biết Haystack làm trò gì dưới đó – làm gì dưới đó, ha ha, cậu hiểu không? – nhưng chắc chẳng có gì hay ho đâu. Con trai lúc nào cũng cần ai đó để mất, cậu biết đấy. Nhân tiện, cậu nợ bọn tớ hai mươi ba xu nếu cậu vẫn muốn tham gia vào hội. Phần mua bản lề ấy mà.”

Mike chuyển cuốn album từ tay phải sang tay trái và mò mẫm túi quần của mình. Cậu đếm hai mươi ba xu (kho bạc cá nhân của cậu còn lại đúng một đồng mười xu) rồi đưa cho Richie. Đoạn cậu bước đến cái hố rồi nhìn vào trong.

Nhưng nó không còn là một cái hố đơn thuần nữa. Bề mặt đã được san phẳng rất gọn gàng. Mỗi mặt đều được dựng lên. Các tấm gỗ tạp nham đủ loại, nhưng Ben, Bill và Stan đã căn chỉnh chúng lại bằng dụng cụ lấy trong

tiệm của ông Zack Denbrough (Bill phải vất vả lắm mới đảm bảo mọi món dụng cụ đều được trả lại chỗ cũ hằng đêm, trong đúng tình trạng như khi được lấy đi). Ben và Beverly đã đóng các thanh ngang giữa các thanh gỗ hỗ trợ. Ở trong hố vẫn khiến Eddie hơi lo lắng nhưng tính Eddie vốn thế. Dồn thành đồng bên cạnh là những mảng cỏ chốc nữa sẽ được dán lên trên nóc.

“Tớ thấy các cậu làm thành thực ghê,” Mike trầm trồ khen ngợi.

“Chuẩn rồi,” Ben nói và chỉ vào cuốn album. “Cậu mang gì đến thế?”

“Cuốn album chụp Derry của bố tớ,” Mike đáp. “Bố tớ thu thập các bức hình cũ và các bài báo về thị trấn. Bố tớ có sở thích như vậy. Cách đây mấy ngày, tớ có xem qua - tớ từng bảo các cậu tớ nghĩ tớ từng thấy gã hề ấy rồi. Và thật là thế. Trong đây này. Nên tớ mang cuốn album đến.” Cậu ngưỡng không kể chi tiết cậu không dám xin bố khi làm điếu này. Sợ bố hỏi sâu về lý do nên cậu lén lút rình nó khỏi nhà như một tên trộm trong lúc bố đang trồng khoai tây ở cánh đồng phía tây, còn mẹ đang phơi đồ trong sân sau. “Tớ nghĩ các cậu cũng cần nhìn qua.”

“Ừ, vậy để xem sao,” Richie nói.

“Tớ muốn đợi cho đến khi tất cả mọi người có mặt. Như thế tốt hơn.”

“Được.” Thật ra Richie chẳng ham hố chiêm ngưỡng thêm hình Derry chút nào, dù là cuốn album này hay bất kỳ cuốn album nào khác. Nhất là sau những gì xảy ra trong phòng của Georgie. “Cậu muốn giúp tớ với Ben dựng gỗ chống không?”

“Thế cũng hỏi.” Mike cẩn thận đặt cuốn album của bố xuống, cách xa cái hố một khoảng để đất đá không văng vào, rồi cần xẻng của Ben lên.

“Cậu đào ở đó nhé,” Ben nói, chỉ cho Mike địa điểm. “Sâu xuống khoảng ba mươi xen-ti-mét là được rồi. Sau đó, tớ sẽ cắm một thanh gỗ

xuống và đề nó lên thành hố trong lúc cậu xúc đất vào lại chỗ cũ.”

“Kế hoạch chuẩn đấy, vị huynh đài,” Richie thâm trầm nói, cậu ngẩng lên trên thành hố, giày vung vẩy dưới chân.

“Cậu bị sao thế?” Mike hỏi.

“À, tớ đang bận ngẫm nghĩ,” Richie thản nhiên đáp.

“Kế hoạch các cậu làm với Bill sao rồi?” Mike dừng lại để cởi áo rồi bắt đầu đào. Dù ở trong Vùng Đất Cằn chẳng nữa thì dưới hố vẫn rất nóng. Dế kêu râm ran như đồng hồ mùa hạ tích tắc trong bụi cây.

“Chà... không tệ,” Richie nói và Mike thoáng thấy hình như cậu bạn khẽ quắc mắt nhìn Ben cảnh báo. “Tớ thấy vậy.”

“Cậu bắt đài lên cho vui đi, Richie?” Ben hỏi. Cậu nhét thanh gỗ vào hố Mike vừa đào rồi giữ chặt. Cái đài của Richie được cột bằng dây ở vị trí quen thuộc, trên cành cây to của một cây bụi gần đó.

“Pin chai hết rồi,” Richie nói. “Cậu bắt tớ giao nộp hai mươi ba xu cuối cùng để mua bản lẻ rồi còn gì, nhớ không? Thật nghiệt ngã, Haystack, nghiệt ngã hết sức. Sau bao đi đầu tớ hy sinh thân mình vì cậu. Ngoài ra, ở đây tớ chỉ bắt được WABI mà họ chỉ chơi mỗi cái thứ rock xàm xí.”

“Hả?” Mike hỏi.

“Haystack nghĩ Tommy Sands và Pat Boone hát rock & roll,” Richie giải thích, “nhưng cậu ấy bị hâm hấp nên mới nghĩ vậy. *Elvis* mới hát rock & roll. Ernie K. Doe mới hát rock & roll. Carl Perkins mới hát rock & roll. Bobby Darin. Buddy Holly. ‘Á ố Peggy ơi... Peggy Suuuu...’”

“Thôi giùm, Richie,” Ben khẽ kêu lên.

“Ngoài ra,” Mike nói, tựa người vào xẻng, còn có Fats Domino, Chuck Berry, Richard Nhỏ Bé, Shep & the Limelites, La Verne Baker, Frankie

Lymon và Nhóm Các Thanh Thiếu Niên, Hank Ballard và Những Kẻ Nửa Đêm, the Coasters, the Isley Brothers, the Crests, the Chords, Stick McGhee...”

Hai cậu bạn tròn xoe mắt nhìn làm Mike phì cười.

“Nghe đến Richard Nhỏ Bé là tớ ù ù cạc cạc rồi,” Richie thành thật. Cậu thích Richard Nhỏ Bé, nhưng nếu nói đến thần tượng rock & roll cậu ấp ủ trong lòng mùa hè năm ấy thì đó chính là Jerry Lee Lewis. Mẹ cậu tình cờ bước vào phòng khách lúc Jerry Lee đang biểu diễn trên chương trình *Bức trình diễn Mỹ*, đúng ngay đoạn Jerry Lee trèo lên chiếc đàn piano và nằm ngược ra chơi đàn, tóc phủ kín xuống mặt. Anh đang hát “Bí mật trường Trung học”. Trong một khắc, Richie nghĩ khéo mẹ cậu sắp lăn đùng ra ngất. Bà không ngất, nhưng bà quá hoảng hốt trước cảnh tượng mình trông thấy đến độ vào bữa tối hôm đó, bà đề cập đến việc gửi Richie tham gia các trại hè quân đội cho thời gian còn lại của kỳ nghỉ hè. Lúc này, Richie rũ tóc xuống lò xo mắt rồi bắt đầu ông ổng hát: “Đến đây nào người yêu dấu ơi đám mèo đang quấy ở trường kia...”

Ben loạng choạng đi quanh hồ, ôm cái bụng phì lũ của mình và làm ra vẻ sắp nôn đến nơi. Mike bụm mũi, nhưng cậu cười lăn cười bò đến độ chảy cả nước mắt.

“Gì thế?” Richie hỏi. “Các cậu bị bệnh à? Hay như vậy kia mà! Tớ nói thật, hay ời là hay luôn ấy!”

“Ôi trời,” Mike nói, cười nắc nẻ đến độ nói không ra hơi. “Đúng là có một không hai. Thật, có một không hai luôn đấy.”

“Mấy cậu da đen đúng là chẳng có gu gì,” Richie nói. “Chắc ở trong Kinh Thánh có viết như vậy quá.”

“Này bà cô,” Mike nói, và còn cười nắc nẻ hơn nữa. Richie thộn mặt hỏi

câu đó có nghĩa là gì, nghe đến đây, Mike ngẫ thụp xuống đất, lăn lộn từ trước đến sau, vừa hú hét vừa ôm bụng.

“Chắc cậu nghĩ tớ ghen tị chứ gì” Richie nói. “Chắc cậu nghĩ tớ *muốn* trở thành dân da đen phải không?”

Giờ thì đến lượt Ben ngã vật xuống, cười như điên như dại. Cả người cậu rung lắc bần bật một cách đáng ngại. Mắt cậu trợn tròn. “Thôi nhé, Richie,” cậu hõn hển. “Chắc tớ bĩnh ra quần mất. Nếu cậu mà không d-dừng thì tớ ng-ng-ngỏm mất...”

“Tớ *không* muốn làm dân da đen đâu nha,” Richie nói. “Ai mà thềm mang quần hờng, sống ở Boston và mua pizza lẻ từng miếng kia chứ? Tớ muốn làm dân Do Thái như Stan kia. Tớ muốn có một tiệm cầnn đồ, bán dao bấm, những bãi nôn bằng nhựa và ghi-ta cũ.”

Giờ thì Ben và Mike không nhin nổi mà hét ầm lên cười. Tiếng cười của họ vang vọng qua khu rừng rậm rạp với cái tên Vùng Đất Cằn không ăn nhập gì, khiến chim cất cánh bay và đám sóc sững lại trên ngọn cây. Tiếng cười của họ trẻ trung, âm vang, sống động, tràn đầy nhựa sống, chân phương và đầy tự do. Gần như mọi sinh vật trong phạm vi âm thanh ấy đều phản ứng theo cách nào đó, nhưng thứ vẫng ra từ cống thoát nước bê tông rộng vào thượng nguồn con sông Kenduskeag không phải sinh vật sống. Buổi chiều hôm trước, bỗng dưng có một cơn dông vầnvũ (phòng sinh hoạt nhóm không bị ảnh hưởng quá nhiều – vì từ lúc bắt tay vào công cuộc đào đất, đêm nào Ben cũng che chắn cái hố rất cẩn thận bằng một tấm vải bạt rách nát mà Eddie lục lọi được đằng sau tiệm Wally’s Spa; nó ám đầy mùi sơn nhưng được việc), và cống thoát lữ dưới lòng Derry cuộn, ùng ục nước suốt hai, ba tiếng đồng hồ liền. Chính cơn nước lữ ấy đã đẩy cái túi gỏm ghiếc này ra ánh mắt trời, thu hút đám ruồibâu lại.

Đó là túi đựng thi thể của cậu bé chín tuổi mang tên Jimmy Cullum. Có đi đâu mặt mũi cậu đã biến mất. Thay vào đó là một đồng bầy nhầy nhầy không rõ hình dạng. Phần thịt lấm tấm những nốt màu đen sâu hoắm mà có lẽ chỉ Stan Uris mới nhận ra đó là những vết mổ. Vết mổ chim không lõm xuống.

Nước chảy qua chiếc quần ka ki của cậu bé Jimmy Culum. Bàn tay trắng bệch của cậu nổi lênh phênh như cá chết. Tay cậu bé cũng bị mổ, chỉ là không nặng như phần mặt. Chiếc áo họa tiết hình hoa phình lên rồi lại ẹp xuống hết lần này đến lần khác như bong bóng.

Bill và Eddie vác những thanh gỗ kiếm được từ bãi rác, băng qua những hòn đá xếp ngang nhánh sông Kenduskeag, cách thi thể chưa tới bốn mươi mét. Nghe thấy Richie, Ben và Mike cười giòn tan, hai cậu bé cũng nhoẻn miệng cười, hồi hải rảo bước ngang qua phần thi thể cậu bé Jimmy Cullum nát bấy bị khuất tầm mắt để xem có gì vui đến thế.

6

Cả bọn vẫn chưa thôi nắc nẻ khi Bill và Eddie bước vào khoảng đất, mồ hôi mẹ mồ hôi con thi nhau nhễ nhại dưới đồng gỗ vác trên lưng. Ngay cả mặt của Eddie, bình thường vốn nhợt nhạt như tàu lá, cũng ửng ửng đỏ. Hai cậu bé thả những thanh gỗ mới xuống đồng gỗ đã hao hụt gần hết. Ben bò ra khỏi hố để xem xét.

“Ngon lành!” Cậu reo lên. “Trời ơi! Tuyệt quá!”

Bill đổ vật xuống đất. “Tớ c-có thể l-lên cơn đ-đau t-t-im chưa hay phải đ-đ-đợi l-lát nữa?”

“Đợi lát nữa đi.” Ben thủng thẳng nói. Cậu có mang theo dụng cụ riêng xuống Vùng Đất Cằn nên hiện giờ, cậu cẩn thận kiểm tra các thanh gỗ, rút

đỉnh và tháo ốc vít ra. Cậu ném một thanh gỗ sang bên do nó bị bể nát. Gỗ lên một thanh khác, cậu nghe thấy tiếng cộc cộc trống rỗng ở ít nhất ba chỗ nên cũng vứt thanh gỗ này qua một bên. Eddie ng ồi trên ụ đất, giương mắt nhìn. Cậu hít một hơi từ ống thở khi Ben dùng đầu sừng dê của búa để rút cây đinh gỉ sét khỏi thanh gỗ. Cây đinh kêu ken két như con vật thấp cổ bé họng đang khó chịu vì bị đạp lên.

“Cây đinh gỉ sét ấy mà cắt vào tay thì cậu coi chừng bị bệnh uốn ván bây giờ,” Eddie cảnh báo Ben.

“Hả?” Richie thắc mắc. “Uốn éo gì cơ? Nghe như bệnh của phụ nữ ấy nhỉ?”

“Cậu hâm à,” Eddie nói. “Bệnh uốn ván, chứ không phải uốn éo, nó có nghĩa là bệnh cứng hàm đó. Có một loại vi khuẩn sinh sôi trong gỉ sét, và nếu cậu bị cửa rách da, loại vi khuẩn này có thể chui vào cơ thể cậu, r ồi, ờ, r ồi phá banh th ần kinh của cậu.” Mặt Eddie còn đỏ b ầm hơn nữa, khiến cậu phải rít thêm hơi từ ống thở.

“Cứng làm sao, Chúa ơi,” Richie nói, mắt chữ O m ồm chữ A. “Nghe có vẻ ghê.”

“Chứ còn gì nữa. Triệu chứng đầu tiên là hàm của cậu cứng lại đến độ cậu không thể mở miệng nổi, thậm chí không ăn được gì. Người ta phải khoét lỗ qua má r ồi cho cậu ăn uống thông qua ống.”

“Ôi trời ơi” Mike thốt lên, ngây ra đứng dưới hố. Cậu trợn tròn mắt, giác mạc trắng toát trên khuôn mặt nâu đ ồng. “Thật không vậy?”

“Mẹ tớ bảo thế,” Eddie nói. “Sau đó họng cậu cứng lại, cậu không ăn được nữa và chết vì đói.”

Cả bọn choáng váng kinh hoàng trong im lặng.

“Mà lại không có cách chữa trị,” Eddie nhấn mạnh.

Sự im lặng lại càng ngột ngạt.

“Thế nên,” Eddie nhanh nhẩu, “tớ luôn cẩn thận trước đỉnh gỉ và những thứ tương tự như vậy. Tớ từng tiêm ngừa uốn ván r ồi, đau thấu trời.”

“Vậy tại sao cậu lại đến bãi rác cùng Bill và khiêng đồng gỗ này về đây?” Richie thắc mắc.

Eddie thoáng liếc nhìn Bill trong lúc cậu bạn đang mải quan sát căn phòng sinh hoạt nhóm, và bao yêu thương, bao tôn sùng một người anh hùng ẩn trong ánh mắt ấy đã đủ để trả lời câu hỏi, song Eddie nhẹ nhàng nói, “Có những điều ta phải làm ngay cả khi đối mặt với rủi ro. Đó là điều quan trọng đầu tiên tớ không học từ mẹ tớ đấy.”

Lại thêm một khoảng lặng dài, không hẳn là ngột ngạt. Đoạn Ben tiếp tục rút các mẫu đỉnh gỉ sét, r ồi sau đó một lúc, Mike Hanlon cũng bắt tay vào phụ.

Chiếc đài của Richie, im như thóc (chỉ ít là cho đến khi ti ền tiêu vặt của Richie vào cuộc hoặc cậu kiếm được kéo cắt cỏ nào đấy), lũng lảng trên cành trong cơn gió thoảng. Bill trầm ngâm suy nghĩ về mọi chuyện, thật kỳ quặc làm sao, thật kỳ quặc và hoàn mỹ làm sao, khi tất cả bọn họ đều có mặt ở đây vào mùa hè năm ấy. Cậu biết có những đứa trẻ đi thăm họ hàng. Những đứa trẻ đi du lịch Disneyland ở California hoặc Cape Cod hoặc, như trường hợp cậu bạn nọ, du hí ở một chốn nghe thật xa xôi cách trở với cái tên hết sức lạ kỳ nhưng khơi gợi là Gstaad. Có những đứa trẻ tham gia trại hè nhà thờ, trại hè hướng đạo, hoặc tham gia những trại hè cho con nhà giàu, nơi chúng được học bơi, chơi golf, những trại hè nơi bọn trẻ học cách nói “Này, chơi hay đấy!” thay vì “Tiên sư!” khi đối thủ trong trận qu ần vợt giao một cú sát thủ, tóm lại là những đứa trẻ được bố mẹ đưa đi khỏi đây.

Bill có thể hiểu đi đầu đó. Cậu biết một số đứa chỉ muốn đi thật xa, bởi chúng phát sợ với ông ba bị rình rập Derry mùa hè năm nay, nhưng cậu đồ rằng có rất nhiều bậc làm bố làm mẹ lo lắng trước nhân vật ấy. Những người ban đầu định nghỉ ngơi tại nhà đột nhiên lại quyết định đi XA.

(Gstaad? Nơi đó ở Thụy Điển? Argentina? hay Tây Ban Nha nhỉ?)

Nó có điểm gì đó hao hao nỗi sợ bệnh đậu mùa năm 1956, khi bốn đứa trẻ đi bơi ở hồ bơi Tưởng niệm O'Brian mắc phải căn bệnh này. Tương tự như hiện tại, người lớn – trong đầu Bill, từ này đồng nghĩa với các ông bố bà mẹ – lúc ấy quyết định đi XA sẽ tốt hơn. Ai có thể đi đầu đi cả. Bill hiểu đi XA là thế nào, và cậu thậm chí có thể thả hồn suy tưởng về Gstaad, cái từ kỳ diệu đến lạ, nhưng kỳ diệu chẳng bõ bèn gì so với đam mê; Gstaad là chốn XA; còn Derry là chốn đam mê.

Và không ai trong số bọn mình đi XA, cậu thầm nghĩ trong lúc nhìn Ben với Mike rút những cây đinh cũ ra khỏi thanh gỗ, trong lúc Eddie đi vào bụi rậm để thoát nước (cậu bạn từng bảo Bill nếu có thể thì phải đi càng sớm càng tốt để tránh đặt áp lực lên bàng quang, nhưng cũng phải cẩn thận thường xuyên độc vì chẳng ai muốn cậu nhỏ bị dính thứ đó cả). Chúng mình đều ở lại Derry. Không trại hè, không họ hàng, không du lịch, không đi XA. Tất cả tề tựu nơi đây. Không nao núng, đứng mũi chịu sào.

“Có một cánh cửa ở dưới kia,” Eddie nói, vừa quay lại vừa kéo quần.

“Cậu nhớ lắc nó nha Eds,” Richie búng nhắng. “Mẹ tớ bảo nếu hành sự xong mà không lắc, cậu sẽ bị ung thư đó.”

Eddie có vẻ bàng hoàng, thoáng lo lắng, nhưng rồi cậu trông thấy nụ cười toe toét của Richie. Cậu ném về phía bạn mình (hoặc cố gắng nhìn) với ánh mắt đồ trẻ-ranh rồi bảo, “Nó to quá nên bọn tớ không khiêng nổi. Nhưng Bill bảo nếu cả bọn cùng khiêng thì có thể mang lên đây.”

“Tất nhiên rồi, làm sao cậu có thể lắc sạch sành sanh được.” Richie liền thoáng. “Cậu muốn biết một hiên triết từng bảo tớ cái gì không, Eds?”

“Không” Eddie nói, “và tớ không muốn cậu gọi tớ là Eds nữa, Richie. Tớ nghiêm túc đấy. Tớ không gọi cậu là Chim, như người ta hay bảo ‘Chim ơi, Chim có thủ theo kẹo cao su không?’ nên tớ chẳng hiểu tại sao...”

“Vị hiên triết ấy,” Richie cắt ngang, “bảo tớ thế này: ‘Dù lắc hay nhảy tới nhảy lui thế nào thì hai giọt cuối cùng cũng sẽ rơi vào trong quần’. Và đó là lý do tại sao trên thế giới lại có nhiều người bị ung thư đến vậy, Eddie yêu quý.”

“Lý do trên thế giới lại có nhiều người bị ung thư đến vậy là vì những đứa lập dị như cậu và Beverly Marsh hút thuốc lá thì có.” Eddie nói.

“Beverly không phải đứa lập dị,” Ben gằn giọng. “Cậu nói chuyện cho đàng hoàng nhé, Tía Lia.”

“Bíp bíp, kìa m-mọi người,” Bill băng quơ nói. “Và B-B-Beverly kh-kh-khỏe lắm đó. Cậu ấy có thể gi-gi-giúp mình khiêng c-cửa.”

Ben hỏi đó là loại cửa gì.

“G-G-Gỗ dái ngựa, tớ đ-đoán vậy.”

“Có người vứt bỏ một cánh cửa làm bằng gỗ dái ngựa sao?” Ben hỏi, ngạc nhiên nhưng không tỏ ý nghi ngờ.

“Cái gì người ta chẳng vứt,” Mike nói. “Chắc, mỗi lần xuống bãi rác ấy là tớ lại sướng điên người. Thật, sướng *điên người* ấy.”

“Phải,” Ben gật gù. “Bao nhiêu thứ nhaoáng một cái là sửa được. Trong khi có những người ở Trung Quốc và Nam Mỹ chẳng có gì để dùng. Mẹ tớ hay nói thế.”

“Ở ngay tại Maine cũng có những người chẳng có gì đây này, thừa công tử,” Richie nghiêm nghị nói.

“C-C-Cái gì th-thê?” Bill hỏi, mắt nhìn cuốn album hình mà Mike mang theo. Mike giải thích lý do và bảo cậu sẽ cho mọi người xem bức hình gã hề khi Stan với Beverly mang bản lờ quay lại.

Bill và Richie đưa mắt nhìn nhau.

“Sao thê?” Mike hỏi. “Cậu nghĩ tới chuyện xảy ra trong phòng em trai cậu phải không Bill?”

“Ph-Phải,” Bill chỉ nói vậy rồi im bặt.

Cả bọn thay nhau xây đắp hồ cho đến khi Stan và Beverly quay lại, mỗi người mang theo một túi giấy màu nâu đựng bản lờ. Trong lúc Mike nói, Ben ngẩng xếp bằng, dùng hai thanh gỗ dài làm loại cửa sổ lật có thể bật mở và đóng lại. Có lẽ Bill là người duy nhất để ý những ngón tay của cậu chuyển động nhanh lẹ, thành thục đến mức nào, những ngón tay ấy lão luyện và biết từng đường tơ kẽ tóc, chẳng thua kém gì tay của bác sĩ phẫu thuật. Bill nhìn mà phục sát đất.

“Bố tớ nói có một số tấm hình từ cách đây cả trăm năm,” Mike kể, cầm cuốn album trong lòng. “Bố tớ sưu tầm chúng từ những dịp mọi người bán đồ cũ trong sân nhà và ở các tiệm đồ cũ. thỉnh thoảng, bố tớ mua hoặc trao qua đổi lại với những người sưu tầm khác. Một số tấm là hình nổi tạo hiệu ứng lập thể – có hai bức hình giống nhau trên một tấm thẻ dài, và khi dùng loại kính soi đặc biệt, ta có thể thấy bức hình tạo hiệu ứng lập thể 3-D. Như *Căn nhà sắp* hoặc *Sinh vật từ đám phá đen*.”

“Tại sao bố cậu lại thích những thứ này vậy?” Beverly hỏi. Cô mặc quần Levi’s giản dị nhưng đã cách tân lại gấu quần cho đáng yêu hơn bằng cách khâu phần vải hoa sáng màu ở mười phân cuối cùng, tạo nên một chiếc

quần ống loe hết sức cá tính.

“Ừ.” Eddie đồng tình. “Derry chán òm chứ có gì vui đâu.”

“Chà, tớ cũng chẳng rõ, nhưng tớ nghĩ lý do là vì bố tớ không sinh ra ở đây,” Mike ngẩn ngờ nói. “Nói sao nhỉ – tớ không biết nữa như thế tất cả đầu mới mẻ với ông, hoặc nếu như mình đến vào giữa bộ phim...”

“Đ-Đ-Đúng rồi, mình sẽ muốn xem phần m-mở đầu,” Bill nói.

“Phải,” Mike nói. “Derry hẳn chứa bề dày lịch sử. Tớ thấy thú vị ra phết. Và tớ nghĩ nó có liên quan gì đó đến thứ kia – thứ mà các cậu hay gọi là Nó đấy.”

Cậu nhìn Bill và Bill gật đầu, đôi mắt trầm tư.

“Vậy nên sau buổi diễu hành Mừng Bốn Tháng Bảy, tớ lật cuốn album này ra xem lại vì tớ dám chắc tớ đã từng trông thấy gã hèn này rồi. Tớ dám chắc như thế. Các cậu nhìn mà xem.”

Cậu mở cuốn album, lật lướt qua rồi đưa cho Ben, lúc ấy đang ngồi ngay bên phải.

“Đ-Đ-Đừng đ-đ-đụng vào trang s-s-sách!” Bill kêu lên, và giọng nói của cậu khẩn thiết đến độ cả bọn giật mình nhảy lên. Richie trông thấy bạn mình nắm bàn tay bị cứa lúc đưa vào cuốn album của Georgie thành hình nắm đấm. Cậu nắm thật chặt, đầy phòng thủ.

“Bill nói đúng đó,” Richie đồng tình, và giọng nói nhỏ nhẹ, chẳng giống Richie chút nào là đi đầu thuyết phục nhất. “Mọi người cẩn thận. Giống như Stan nói, nếu bọn tớ thấy nó xảy ra, thì các cậu cũng có thể thấy.”

“M-Mọi người th-thử *cảm nhận* đi,” Bill nói đầy u ám.

Cuốn album được chuyển từ tay này sang tay khác, mỗi người rón rén cầm rìa cuốn sách như thể nó là một quả bom cũ đang rịn ra những giọt gâ

nổ nitroglycerine.

Cuốn sách quay trở lại tay Mike. Cậu mở mấy trang đầu tiên ra.

“Bố tớ bảo không rõ bức hình này từ thời gian nào, nhưng áng chừng khoảng đầu đến giữa thế kỷ 18,” Mike nói. “Bố tớ sửa cửa tay cho một người, đổi lại thùng sách cùng những tấm hình cũ. Bức hình này nằm trong số đó. Bố tớ nói nó có thể có giá trị khoảng bốn mươi đô-la hoặc hơn.”

Bức hình được khắc gỗ, có kích thước to bằng tấm bưu thiếp khổ lớn. Khi đến lượt Bill quay sang nhìn, cậu thở phào nhẹ nhõm khi thấy bố của Mike đã nhét các bức hình dưới một lớp giấy bóng kính bảo vệ. Cậu nhìn với vẻ ngạc nhiên, rồi thẫn thờ: *Kia rồi. Mình đang thấy hấn – hoặc Nó. Thấy tận mắt. Đó chính là khuôn mặt của kẻ thù.*

Bức hình khắc gỗ hề đang tung hứng những ki bowling quá cỡ giữa con đường lầy lội. Hai bên đường lát đá vài căn nhà cũng như dăm ba căn chòi mà Bill đoán là cửa tiệm hoặc điểm mua bán, hoặc bất cứ cách gọi nào mà người xưa từng gọi. Ngoại trừ Kênh Đào thì khung cảnh trông chẳng giống Derry chút nào. Kênh Đào ở đó, hai bên bờ được trải sỏi gọn gàng. Ở cảnh nền đằng sau, Bill có thể trông thấy đàn la đang đi men theo bờ cùng nhau kéo chiếc xuồng.

Đám trẻ, chừng năm, sáu đứa vây quanh một gã đàn ông. Một đứa đội mũ rơm của mục đồng. Một đứa khác cầm theo cái vòng và que để lăn vòng. Nó không phải cây gậy đi kèm với vòng mà ngày nay ta có thể mua ở Woolworth's; nó chỉ là một cành cây. Bill có thể nhìn thấy những phần lồi nho nhỏ, chỗ các nhánh cây con đã bị chặt đi bằng dao hoặc rìu. *Cây gậy ấy không phải sản phẩm được sản xuất ở Đài Loan hay Hàn Quốc, cậu thẫn nghĩ đầy thích thú, bởi nếu sinh ra trước bốn, năm thế hệ, có khi Bill chính là cậu bé ấy.*

Gã đàn ông có nụ cười rất rộng trên mặt. Hắn không trát phấn (nhưng trong mắt Bill, cả *khuôn mặt* hắn trông chẳng khác nào lớp trang điểm), đầu hói, chỉ có hai túm tóc chĩa lên như sừng ở trên tai, và Bill nhận ra ngay đó chính là gã hề mà bọn họ đối đầu. *Hai trăm năm trước hoặc hơn*, cậu nghĩ, và trong lòng cậu ào ạt bùng lên cảm giác kinh hoàng, phấn nộ và hào hứng. Hai mươi bảy năm sau, ngồi trong Thư viện công cộng Derry, nhớ lại lần đầu tiên mình nhìn album của bố Mike, anh nhận ra cảm xúc khi ấy chính là cảm xúc của tay thợ săn khi lần được dấu vết đầu tiên của con hổ dữ. *Hai trăm năm trước... đã từ ngày xưa ngày xưa, và có Chúa mới biết khéo có khi còn lâu hơn*. Điều này khiến cậu tự hỏi vậy rốt cuộc, linh hồn của Pennywise đã ám Derry bao lâu - nhưng rồi cậu cảm thấy đó không phải suy nghĩ cậu muốn đào sâu.

“Đưa tớ xem nào, Bill!” Richie la oai oái, nhưng Bill cứ thế ngăn ra cầm cuốn album, nhìn chằm chằm vào bức hình khắc gỗ, định ninh rồi nó sẽ chuyển động: những ki bowling (chẳng rõ có phải ki hay không) mà gã đàn ông đang tung hứng sẽ bay lên rơi xuống đầu đạn, đám trẻ sẽ cười và vỗ tay (có đi đâu khéo không phải ai cũng cười và vỗ tay; một vài đứa sẽ hét lên và chạy mất dép cũng nên), đàn la kéo xuống sẽ di chuyển ra ngoài rìa bức hình.

Song đi đâu đó không xảy ra, và cậu đưa cuốn album cho Richie.

Khi cuốn album được chuyển trở lại tay Mike, cậu lật tìm một bức hình khác. “Đây,” cậu nói. “Bức này từ năm 1856, bốn năm trước khi Lincoln được bầu làm Tổng thống.”

Cuốn album lại được chuyển tay. Bức hình lần này là tranh màu – một dạng hình vẽ hoạt họa - vẽ đám người say xỉn tụ tập trước một hội trường trong lúc tay chính trị gia béo tốt với bộ râu hình sườn cừu đang hô hào

trên tấm ván kê giữa hai cái thùng. Một tay lão ta cầm chai bia đầy bọt. Tấm ván lão ta đang đứng oằn xuống dưới thân hình nặng nề của lão. Cách đó không xa, nhóm phụ nữ đội mũ bonnet nhìn khung cảnh kịch côm và lố lăng này với vẻ mặt ghê tởm. Câu ghi chú bên dưới bức tranh đề THƯỢNG NGHỊ SĨ GARNER CHO HAY, LÀM CHÍNH TRỊ KHÁT LẮM!

“Bố tớ bảo trong khoảng hai mươi năm trước cuộc Nội chiến, những bức tranh kiểu này rất phổ biến,” Mike nói. “Người ta gọi nó là bưu thiếp ngớ ngẩn, và họ hay gửi cho nhau cho vui. Tớ thấy nó giống mấy bức hình hài hài trong tạp chí *Mad* ấy.”

“B-B-Biếm họa,” Bill nói.

“Thế à,” Mike đáp. “Nhưng các cậu nhìn góc hình này mà xem.”

Bức hình có nét hao hao các bức vẽ đăng trên tạp chí *Mad* – rất chi tiết, đi kèm những mẫu chuyện cười nho nhỏ như những bức tranh biếm họa phim do [Mort Drucker](#) vẽ cho cuốn tạp chí này. Một ông mập đang toét miệng cười, đổ ly bia xuống họng chú chó đốm. Một người phụ nữ ngã dập mông trên một vũng bùn. Hai đứa nhóc đầu đường xó chợ đang lén lút cầm những que diêm đầu bọc lưu huỳnh vào gót giày của một ông thương nhân trông có vẻ giàu sang phú quý. Một cô gái đang treo ngược trên cành cây du, lộ cả quần con. Dù bức hình khắc gỗ nhiều chi tiết như thế nhưng không ai trong số họ cần Mike chỉ ra gã hề ở đâu. Mặc trên mình bộ vest ca rô lờ lợt, hần đóng vai con buôn chơi trò đoán vỏ giấu quả hạch ăn tiền với đám thợ đốn gỗ say xỉn. Hần nháy mắt với người thợ đốn gỗ đang há hốc miệng với vẻ đầy ngạc nhiên, có thể là do đã chọn sai vỏ. Tay con buôn - gã hề kia lấy một đồng xu từ anh ta.

Nghệ sĩ vẽ tranh biếm họa và truyện tranh, cống hiến hơn năm thập kỷ cho

tạp chí Mad.

“Lại là hắc,” Ben nói. “Chắc phải đến... một trăm năm trước?”

“Tầm đó,” Mike đáp. “Và bài báo này từ năm 1891.”

Đó là mẫu báo trên trang nhất tờ *Derry News*. Tựa đề bài báo hô hào đầy hứng khởi: HU-RA! XUỐNG ĐÚC MỞ CỬA! Ngay bên dưới là “*Thị trấn đến buổi vui chơi kỳ thú*”⁰. Bức hình khắc gỗ cảnh lễ cất băng ở xưởng đúc Kitchener; phong cách của bức hình khiến cậu nhớ đến những bức tranh của nhà in Currier and Ives mà mẹ cậu hay trưng trong phòng ăn, dù bức hình này không được bóng loáng như thế. Một người đàn ông diện áo đuôi tôm và đội mũ chóp cao cầm cái kéo lớn phía trên dây ruy băng trong lúc đám đông chừng năm trăm người đang quan sát. Phía bên trái là một gã hề - gã hề của bọn họ – biểu diễn nhào lộn trước mặt đám trẻ. Người nghệ sĩ bắt được thời điểm hắc ta đang lộn ngược, biến nụ cười thành tiếng hét.

Cậu nhanh nhẹn chuyển cuốn sách cho Richie.

Tấm hình tiếp theo là một bức ảnh mà ông Will Hanlon ghi chú bên dưới: 1933: *Bãi bỏ luật ở Derry*. Mặc dù không ai trong số các cậu bé biết về [Đạo luật Volstead](#) hay việc bãi bỏ đạo luật này, nhưng bức hình đã nói lên tất cả. Bức ảnh chụp Wally’s Spa ở Nửa mẫu Địa ngục. Quán rượu đông nghịt đến nóc với những người đàn ông mặc áo sơ-mi trắng phanh cúc, mũ rơm, áo của dân đồn gỗ, áo thun, đóng bộ vest của dân ngân hàng. Tất cả đều cầm ly và chai của mình đầy thắng lợi. Có hai tấm biển to trên cửa sổ. Một tấm biển đề CHÀO MỪNG TRỞ LẠI, [JOHN BARLEYCORN!](#) Tấm còn lại ghi TỐI NAY MIỄN PHÍ BIA. Gã hề ăn diện bánh bao hết sức có thể (giày trắng, ghệt mắt cá, quần thụng), chân đặt trên bậc lên của xe ô tô Reo và uống rượu sâm panh ừng ực từ chiếc giày

cao gót của phụ nữ.

Đạo luật Volstead được ban hành vào năm 1919, cấm sản xuất và bán đồ uống có cồn.

John Barleycorn là hình tượng nhân hóa của lúa mạch và đồ uống có cồn được làm từ lúa mạch như bia hay whisky.

“1945,” Mike nói.

Lại là mẫu báo trên tờ *Derry News*. Tiêu đề ghi NHẬT BẢN ĐẦU HÀNG! CHIẾN TRANH QUA RỒI! CẢM ƠN CHÚA, KẾT THÚC RỒI! Đoàn diễu hành đang rùng rần lên mây đi qua đường Chính lên đồi Dặm Trên. Hòa trong khung cảnh là gã hề mặc bộ quần áo màu bạc với hàng nút cam, đông cứng trong ma trận những chấm li ti hình thành bức ảnh mờ cảm in trên báo, dường như muốn nói mọi chuyện chưa hề kết thúc, chưa có kẻ nào đầu hàng, chẳng thắng được gì, tất cả chỉ là con số không tròn trĩnh (chỉ ít Bill cảm thấy thế), dường như muốn nhấn nhủ họ vẫn thua, thua đứt đuôi con nòng nọc.

Bill thấy lạnh người, miệng khô khốc và sợ hãi.

Chợt những chấm li ti trên bức hình biến mất và bức hình bắt đầu chuyển động.

“Đó là...” Mike lên tiếng.

“Nh-Nh-Nhìn này,” Bill nói. Ngôn từ rơi ra khỏi miệng cậu như viên đá đã chảy một phần. “*M-M-Mọi người nh-nhìn mà xem!*”

Cả bọn châu đầu lại.

“Ôi Chúa ơi,” Beverly thì thầm đầy trầm trồ.

“*Là NÓ đấy!*” Richie thiếu đi đầu la lên oai oái, đập tay thùm thụp lên lưng Bill với vẻ kích động. Cậu nhìn quanh và trông thấy khuôn mặt trắng

bạch, bàng hoàng của Eddie và khuôn mặt cứng đờ của Stan Uris. “Đó chính là thứ bọn tớ trông thấy trong phòng George! *Đó chính là thứ bọn tớ...*”

“Suyt,” Ben nói. “Nghe kìa.” Cậu gầ như ré lên. “Mình nghe được họ nói – Chúa ơi, bọn mình có thể nghe thấy tiếng họ nói kìa.”

Và trong sự yên tĩnh chỉ bị phá bình bởi tiếng gió mùa hè xào xạc, cả bọn nhận ra họ có thể nghe thấy âm thanh phát ra từ tấm ảnh. Ban nhạc đang chơi một khúc quân hành, tiếng nhạc nghe vắng vắng tiếng được tiếng mất do cách quá xa... hoặc khoảng cách thời gian... hoặc vì nguyên nhân gì đó. Tiếng đám đông hò reo nghèn nghẹt như âm thanh phát ra từ một cái đài chỉnh dở. Có tiếng tanh tách khe kẽ, nghe như tiếng búng tay.

“Là tiếng pháo,” Beverly thì thầm, run rẩy đưa tay lên dụi mắt. “Đó là tiếng pháo phải không nhỉ?”

Không ai trả lời. Mọi người trợn mắt, chăm chú nhìn bức hình.

Đoàn diễu hành rờng rần tiến gầ đến chỗ họ, nhưng trước khi họ tới sát rạt – lúc này, trong họ như sắp sửa diễu hành ra khỏi bức hình và bước vào thế giới của mười ba năm sau – thì đoàn diễu hành bỗng dừng khuất dạng, như thể có một đường dốc vô hình. Đầu tiên là những người lính tham gia Thế chiến thứ nhất, khuôn mặt già nua đến lạ dưới mũ cối, với tấm biển đề CỰU BINH CHIẾN TRANH DERRY CHÀO ĐÓN NHỮNG NGƯỜI CON KIẾN TRUNG TRỞ VỀ, theo sau là Đội Nam Hướng đạo sinh, tổ chức tình nguyện Kiwanis, Đội Điêu dưỡng Tại gia, Đoàn Diễu hành Cơ đốc Derry và các cựu binh Thế chiến thứ hai của Derry cùng một đoàn học sinh trung học. Đám đông rục rịch dịch chuyển theo. Hoa giấy rục rở sắc màu được tung từ ô cửa sổ tầng hai và tầng ba của những tòa nhà văn phòng hai bên đường. Gã hề nhảy nhót dọc theo vỉa hè, hết xoay

chân lại nhào lộn, làm động tác của lính bắn tỉa, rồi lại chuyển sang làm động tác nghiêm chào. Và lần đầu tiên, Bill để ý người ta đang lúi dúi khỏi hẳn – không phải vì họ *trông thấy* hẳn mà nói đúng hơn là vì họ cảm thấy lạnh sống lưng hoặc ngửi thấy mùi gì đó hơi thối.

Chỉ có trẻ con trông thấy hẳn, và chúng tránh hẳn như tránh tà.

Ben vươn tay tới bức hình như Bill từng làm trong phòng của George.

“Đ-Đ-Đ-ĐỪNG!” Bill ré lên.

“Tớ nghĩ không sao đâu, Bill, Ben trấn an bạn mình. “Cậu nhìn này.” Nói đoạn, cậu đặt tay lên lớp bóng kính bảo vệ bức hình rồi rút tay lại. “Nhưng nếu cậu gỡ lớp bọc...”

Đột nhiên, Beverly thét lên. Lúc Ben rút tay lại, gã hề đã thôi diễn trò. Nó chạy tới chỗ bọn họ, cái miệng sơn đỏ màu máu liên thoảng nói và cười ha hả. Bill rút người lại nhưng vẫn giữ rịt lấy cuốn album, bởi cậu cứ nghĩ nó cũng sẽ biến mất khỏi tầm mắt họ như đoàn diễu hành ban nãy, như Đội Nam Hướng đạo sinh hay chiếc Cadillac chở Hoa hậu Derry năm 1945.

Nhưng không, gã hề không biến mất theo đường dốc phân chia ranh giới của những hình hài quá khứ ấy. Thay vào đó, trong nháy mắt, nó nhảy phốc lên cột điện ở góc trên cùng bên trái của bức hình. Nó lắc lư qua lại như con khỉ đu đưa trên cây - và bất thành linh, khuôn mặt của nó dí sát vào lớp bóng kính cứng mà Will Hanlon đã bọc trên từng trang sách. Beverly lại một lần nữa hét lên và lần này có thêm tiếng thét của Eddie, mặc dù tiếng cậu hét nhỏ hơn, hỗn hển hơn. Lớp nhựa phình lên – sau đó, cả bọn đều xác nhận mình có thấy cảnh tượng ấy. Bill trông thấy phần chòm mũi màu đỏ của gã hề bẹt lại, như mũi ta bẹt khi dí sát vào cửa kính.

“*Tao sẽ giết hết lũ chúng mày!*” Gã hề ré lên cười và la lối ầm ĩ. “*Cứ thử bắt tao dừng xem, tao sẽ giết sạch lũ chúng mày! Tao sẽ làm chúng mày*

phát điên rồi giết bằng hết! Đừng hòng ngăn cản tao! Tao là Người bánh gừng! Tao là Người sói!”

Và trong một khắc, Nó biến thành Người sói, khuôn mặt bằng bạc ánh trắng chói thẳng về phía họ trên cổ áo màu bạc, hàm răng nhe lên.

“Đừng hòng ngăn cản tao, tao là gã hủi!”

Giờ thì khuôn mặt của gã hủi hiện ra, ám ảnh và bong tróc, thối rữa đầy lở loét, chằm chằm nhìn họ với đôi mắt của thầy ma.

“Đừng hòng ngăn cản tao, tao là xác ướp!”

Gương mặt của gã hủi già đi và vẫn vẹn những vết nứt khô nứt. Những lớp băng từ thuở xa xưa vòng tới vòng lui che phủ lớp da của nó và bần chặt ở đó, Ben quay đi, mặt xanh như tàu lá, một tay che cổ và tai.

“Đừng hòng ngăn cản tao, tao là những đĩa trẻ chết trôi!”

“Không!” Stan Uris thét lên. Hai mắt cậu trợn trừng trên mảng da hình bán nguyệt trông như bị bầm – bầm đi vì sốc, Bill băng quơ nghĩ, và đó là cụm từ mà mười hai năm sau, anh sử dụng trong tiểu thuyết của mình, dù chẳng rõ nguồn gốc của từ này ở đâu nhưng anh cứ thế áp dụng, như cách các nhà văn hay nảy ra đúng từ lúc cần, tựa món quà gián dị từ bên ngoài không gian

(không gian khác)

nơi những câu chữ hay ho thỉnh thoảng thường xuất hiện.

Stan giật cuốn album từ tay bạn mình và đóng sập nó lại. Cậu giữ nó thật chặt bằng cả hai tay, đường gân nổi lên dọc mặt trong khuỷu tay và cánh tay cậu. Cậu nhìn mọi người với đôi mắt gằn như phát điên. “Không” cậu lắp bắp. “Không, không, không.”

Và bất chợt, Bill nhận ra cậu thấy việc Stan nhiều lần không dám đối

diện với nỗi sợ còn đáng e ngại hơn chính bản thân gã hề này, và cậu hiểu đây chính là phản ứng mà gã hề mong khơi gợi trong lòng mọi người, vì...

Vì có lẽ đây là lần đầu tiên Nó hù dọa được chúng ta... thật sự hù dọa được chúng ta trong quăng đời đàng đẵng của Nó.

Cậu chop lấy người Stan, giữ rịt vai, lắc thật mạnh cậu bạn hai lần. Răng của Stan lạch cạch va vào nhau, tay cậu đánh rơi cuốn album. Mike nhặt lên, vội vàng đi qua một bên, không dám đụng vào nhiều sau cảnh tượng vừa trông thấy. Nhưng cuốn album này vẫn là của bố, và bản năng nhắc nhở cậu rằng bố cậu sẽ không bao giờ nhìn thấy đi đâu mà cậu vừa tận mục sở thị.

“Không,” Stan khẽ rên rỉ.

“Có,” Bill khẳng định.

“Không” Stan lại nói.

“Có. Ch-Ch-Chúng ta...”

“Không.”

”...đ-đều th-thấy mà, Stan,” Bill nói. Cậu đưa mắt nhìn mọi người.

“Đúng vậy,” Ben lên tiếng.

“Đúng vậy,” Richie khẳng định.

“Đúng r ồi,” Mike nói. “Ồi Chúa ơi, đúng vậy.”

“Phải,” Bev đồng tình.

“Phải,” Eddie chật vật thốt lên, cố nói trong lúc cổ họng đang thít lại.

Bill nhìn Stan, ánh mắt như muốn yêu cầu Stan nhìn thẳng vào mắt cậu. “Đ-Đừng để nó kh-kh-khuất phục c-cậu,” Bill nói. “C-Cậu c-c-cũng th-thấy mà.”

“*Tớ có muốn thấy đâu!*” Stan la lên. Mồ hôi d ầu rịn trên lông mày cậu.

“Nhưng c-c-cậu đã *th-th-thấy*.”

Stan nhìn những người bạn của mình, từng người một. Cậu đưa tay và mái tóc ngắn ngùn và trút một tiếng thở dài, run rẩy. Đôi mắt cậu đã tản bót sự điên cu ồng quẩn trí khiến Bill lo lắng ban nãy.

“Ừ thì có,” cậu nói. “Phải. Ừ. Đúng r ồi. Đó là đi ều cậu muốn phải không? Ừ thì có.”

Bill th ần nghĩ: *Bọn mình vẫn sát cánh bên nhau. Nó không thể cản bọn mình. Chúng mình có thể giết chết Nó. Chúng mình có thể kết liễu Nó... nếu chúng mình đủ can đảm.*

Bill nhìn những người khác trong nhóm và thấy trong mắt mọi người ít nhi ều ánh lên sự hoảng loạn như Stan. Không đến mức như vậy, nhưng vẫn có.

“U-U-Ừ!” cậu nói và mỉm cười với Stan. Chốc sau, Stan cũng đáp lại bằng một nụ cười và vẻ mặt cậu đã vơi bớt sự kinh hãi. “Đó là đi ều tớ m-m-muốn đó, đ ồng-nh-nhát chết.”

“Bíp bíp, ngực xít,” Stan nói và cả bọn phá lên cười. Tiếng cười rít ré có phần hoảng hốt, nhưng thôi, chí ít có cười còn hơn không, Bill th ần nhủ.

“N-N-Nào,” cậu nói, vì phải có ai đó đứng ra khởi xướng. “Bọn mình l-l-làm cho xong căn phòng thôi. Các cậu thấy s-s-sao?”

Cậu trông thấy cảm kích hiện lên trong mắt các bạn và cảm thấy mừng cho mọi người... nhưng ánh nhìn cảm kích ấy chẳng giúp cậu bớt kinh sợ là bao. Thậm chí, trong sự cảm kích ấy hàm chứa thứ gì đó khiến cậu chỉ muốn căm ghét bọn họ. Chẳng lẽ cậu sẽ không bao giờ có cơ hội thể hiện nỗi sợ hãi của chính mình, để giữ cho mối dây mỏng manh kết nối họ làm một không đứt tung?

Mà xem chừng suy nghĩ này cũng không công bằng lắm thì phải? Vì xét theo khía cạnh nào đấy, cậu đang lợi dụng mọi người – lợi dụng những người bạn của mình, đem mạng sống của họ ra đánh liều – để trả thù cho người em trai đã mất. Mà đó có phải là sự thật sau cùng hay chưa nhỉ? Hình như chưa, bởi đằng nào George cũng chết rồi, và nếu buộc phải trả thù, thì Bill đồ rằng hành động ấy là vì người sống, những người còn ở lại. Và đi đâu đó đã biến cậu thành gì? Phải chăng là thành một thằng anh hùng rơm ích kỷ hươ hươ thanh kiếm bằng thiếc, ra vẻ oai hùng như vua Arthur?

Ôi Chúa ơi, cậu thầm rên rỉ, nếu đây là những điều người lớn phải nghĩ đến thì mình chẳng muốn lớn lên chút nào.

Ý chí của cậu vẫn không hề nao núng, song ý chí ấy nhân nhẩn chút đắng cay.

Chua chát.

CHƯƠNG 15

LỖ KHÓI

1

Richie Tozier đẩy kính lên mũi (chưa gì mà anh đã cảm thấy cử chỉ này hết sức quen thuộc, dù anh đeo kính áp tròng suốt hai mươi năm nay) và thoáng ngạc nhiên thềm nhủ bầu không khí trong căn phòng đã thay đổi khi Mike kể lại câu chuyện xảy ra với con chim khổng lồ ở Xưởng đúc cũng như nhắc đến cuốn album của bố anh và bức ảnh biết cử động.

Richie cảm nhận được nguồn năng lượng bạo liệt, hào hứng ngấm lan tỏa trong gian phòng. Mấy năm gần đây, anh có sử dụng cô-ca-in chừng chín, mười lần gì đấy - chủ yếu vào lúc tham gia tiệc tùng, cô-ca-in không phải thứ người ta muốn để lung tung trong nhà, đặc biệt trong trường hợp họ là một phát thanh viên ra-đi-ô đang nổi như cồn – và anh thấy cảm giác có phần tương tự nhưng không giống hoàn toàn. Cảm giác này trong trẻo hơn, phê hơn lúc tiêm vào gien chính. Anh nghĩ thuở bé, mình từng trải qua cảm giác này rồi, nhưng cậu bé là anh năm xưa hào hứng như vậy hằng ngày và xem đó là điều hết sức đương nhiên. Anh thềm nhủ ngày bé, nếu có bất cứ lúc nào anh nghĩ đến mạch ngấm năng lượng ấy (anh không nhớ có lần nào như vậy), hẳn anh sẽ chỉ gạt suy nghĩ ấy đi, xem nó như điều hiển nhiên, như một thứ sẽ luôn ở đó, giống màu mắt hay những ngón chân khoằm xuống xấu xí của anh.

Nhưng hóa ra sự đời không phải vậy. Nguồn năng lượng ta sử dụng một cách phung phí lúc còn bé, nguồn năng lượng tưởng chừng vô tận – sẽ hao hụt dần trong khoảng thời gian ta mười tám đến hai mươi tư tuổi, để rồi bị thay thế bởi một thứ tế nhạt hơn, một thứ giả tạo như cơn phê thuốc:

đó có thể là mục đích, mục tiêu nào đó, hoặc bất cứ ngôn từ bóng bẩy nào mà Phòng Thương mại hay hô hào. Nó không có gì to tát; nó không ồ ạt, ào ào một lúc, ùng ùng râm rộ. Và Richie nghĩ có lẽ đó chính là phần đáng sợ của nó. Rằng không phải ùng một cái, chúng ta hết là trẻ con, ở thời điểm phát lên tiếng nổ ùng to thật to như cái trò gã hề thực hiện với mấy quả bóng bay cùng câu khẩu hiệu của Burma-Shave ở góc đường. Không, đứa trẻ trong ta cứ thế rò rỉ như hơi xì khỏi bánh xe. Và rồi, một ngày nọ, ta nhìn trong gương và thấy một người lớn đang giương mắt nhìn ta. Ta có thể tiếp tục mặc quần jean xanh, tiếp tục đến dự buổi diễn nhạc của Springteen và Seger, nhuộm tóc xanh đỏ, nhưng khuôn mặt của người lớn trong gương vẫn sẽ không thay đổi. Có thể mọi thứ âm thầm xảy ra khi ta đang say giấc nồng, như những lần Nàng tiên Răng lên đến thăm ta.

Không, anh thẫn nghĩ. Không phải Nàng tiên Răng mà là Nàng tiên Lão hóa.

Anh cười phá lên thành tiếng trước hình ảnh lố lăng đến nực cười này, và khi Beverly nhìn anh đầy thắc mắc, anh phẩy tay. “Không có gì đâu, bạn yêu,” anh nói. “Tớ nghĩ linh tinh vài thứ ấy mà.”

Song giờ đây, nguồn năng lượng ấy đã quay trở lại. Không, nó chưa quay lại hoàn toàn – chỉ là chưa thôi – nhưng nó đã hiện diện rồi đây. Và không chỉ ở anh, anh còn cảm thấy nó lan tỏa khắp căn phòng. Lần đầu tiên, Richie thấy nét mặt Mike có vẻ thư giãn kể từ lúc bọn họ tụ hội ở trung tâm thương mại để ăn bữa trưa quý quái ấy. Khi Richie bước vào sảnh và trông thấy Mike ngồi với Ben cùng Eddie, anh đã bàng hoàng nghĩ: Người đàn ông này đang dần phát điên và sẵn sàng tự kết liễu cuộc đời mình. Nhưng vẻ mặt ấy hiện đã không còn nữa. Không phải vội bốt mà là biến mất hẳn. Richie ngồi ngay đó, nhìn những vết tích cuối cùng trượt

khỏi mặt Mike trong khi bạn anh kể lại câu chuyện về con chim và cuốn album. Anh thấy năng lượng chảy trong cơ thể mình. Và tất cả mọi người đều cảm thấy như vậy. Điều đó thể hiện qua gương mặt, giọng nói và cử chỉ của họ.

Eddie rót thêm cho mình một ly rượu gin pha nước mặn. Bill uống chút bourbon và Mike khai thêm lon bia. Beverly ngược nhìn những quả bóng bay mà Bill cột vào máy ghi vi phim trên bàn chính và vội uống nốt ly codka pha nước cam thứ ba của mình. Bọn họ đã uống kha khá, nhưng không ai chệnh choáng say. Richie không biết nguồn năng lượng anh đang cảm nhận xuất phát từ đâu, song anh dám chắc nó không sinh ra từ rượu.

MỌI ĐEN DERRY BẮT CON CHIM: Xanh dương

Hội Cùi Bắp VẪN CÙI BẮP, NHƯNG STANLEY URIS ĐÃ VƯỢT LÊN TRÊN: Da cam

Richie vừa khai lon bia mới vừa nghĩ, cũng không tệ lắm. Nó có thể biến thành bất cứ con quái vật nào mà Nó muốn, và cũng không quá tệ khi Nó có thể tận dụng nỗi sợ hãi của họ. Khéo có khi nó còn biến thân thành [Rodney Dangerfield giả gái](#) ấy chứ.

Diễn viên hài người Mỹ này thỉnh thoảng giả gái trong một số phim ông tham gia.

Eddie là người phá vỡ sự im lặng. “Mọi người nghĩ Nó biết điều chúng ta định làm đến mức nào?” Anh hỏi.

“Nó đã mò đến tận đây phải không?” Ben hỏi.

“Tớ không nghĩ việc đó có nghĩa lý gì đâu,” Eddie đáp.

Bill gật đầu. “Chúng chỉ là những hình ảnh mà thôi,” anh nói. “Tớ không rõ liệu Nó có nhìn thấy chúng ta hay biết ta đang mưu tính gì không.

Giống như việc ta có thể trông thấy anh phát thanh niên trên ti vi, nhưng anh ta không thể thấy mình.”

“Những quả bóng ấy không chỉ là hình ảnh,” Beverly nói và chĩa ngón cái qua vai về phía chùm bóng. “Chúng là thật.”

Bất thành linh, một thứ gì đó vừa khớp vào vị trí: nó ăn khớp mạnh bạo đến độ anh phải đưa hai tay lên bịt tai. Mắt anh trợn tròn sau cặp kính.

“Ôi Chúa ơi!” Anh đột nhiên la lên. Anh lân mò đến bàn, khom khom người rồi ngã phịch xuống ghế như động vật không xương. Hắt đồ lon bia lúc vươn tay lấy, anh nhắc lên uống phần còn sót lại. Anh nhìn Mike trong khi mọi người nhìn anh với vẻ giật mình và lo lắng.

“Nó đau như thiêu như đốt ấy!” Anh gằn như thét lên. “Mắt tớ rất quá! Mike ơi! Mắt tớ rất quá...”

Mike gật đầu, khẽ mỉm cười...

“R-Richie?” Bill hỏi. “Là s-sao vậy?”

Nhưng Richie không còn nghe thấy nữa gì nữa. Ký ức vồ vập quét qua người anh như cơn sóng, khiến anh hết nóng bừng lại lạnh toát, và anh chợt hiểu tại sao những ký ức ấy từ từ quay trở về. Nếu anh nhớ lại mọi thứ cùng một lúc, sức mạnh ấy sẽ chẳng khác nào phát súng tâm lý nã vào thái dương anh, chỉ cách vòn vẹn hai phân. Nó sẽ khiến đỉnh đầu anh nổ tung mất.

“Chúng ta đã thấy Nó đến!” Anh nói với Mike. “Chúng ta đã cùng thấy Nó đến phải không? Cậu và tớ... hay chỉ có tớ?” Anh chộp lấy tay Mike, lúc ấy đang đặt trên bàn. “Lúc đó cậu có thấy không Mike? Hay chỉ có tớ thấy? Cậu có thấy không? Đám cháy rừng? Cái hồ?”

“Tớ có thấy,” Mike khẽ khàng đáp và siết chặt tay Richie. Nhắm mắt

một lúc, Richie thăm nhủ cả đời mình, chưa lần nào anh cảm nhận sự nhẹ nhõm ấm áp và mạnh mẽ đến nhường này, ngay cả lần chiếc máy bay PSA anh bay từ LA đến San Francisco trượt trên đường băng rồi dừng lại – không ai chết, cũng chẳng ai bị thương. Một số hành lý rơi khỏi khoang trên đầu, nhưng chỉ có thế. Anh đã nhảy lên máng trượt cứu hộ khẩn cấp màu vàng và giúp một phụ nữ rời máy bay. Cô bị trật chân khi mất cá vớ vướng vào mô đất bị khuất do cỏ mọc cao. Cô cười ha hả và nói, “Thật không thể tin được là tôi chưa chết, thật không thể tin được, thật không tài nào tin nổi.” Thế là Richie, lúc ấy một tay bế người phụ nữ và một tay vẫy lính cứu hỏa đang hồi hả ra hiệu kêu gọi các hành khách rời máy bay trượt xuống, bèn lên tiếng: “Ừ, vậy cô đã chết nhé, cô đã chết rồi, cô thấy vui hơn chưa?” và cả hai cùng cười điên đảo. Đó là nụ cười nhẹ nhõm... nhưng niềm nhẹ nhõm hiện giờ còn lớn hơn.

“Các cậu đang nói gì thế?” Eddie hỏi, nhìn hai người bạn họ.

Richie nhìn Mike, nhưng Mike lắc đầu. “Cậu nói đi Richie. Tớ đã nói đủ phần mình tối nay rồi.”

“Các cậu có thể không biết hoặc không nhớ vì lúc ấy các cậu đã đi ra,” Richie kể. “Còn tớ và Mike là hai người da đỏ cuối cùng trong lỗ khói ấy.”

“Lỗ khói,” Bill trầm tư. Mắt anh xa xăm, xanh vờn vờn.

“Cảm giác buốt rát trong mắt tớ,” Richie nói, “dưới kính áp tròng. Lần đầu tiên tớ cảm thấy là ngay sau khi Mike gọi điện thoại cho tớ ở California. Lúc ấy tớ không biết nó là gì, nhưng giờ tớ biết rồi. Đó là khói. Thứ khói hai mươi bảy năm tuổi.” Anh nhìn Mike. “Là hiệu ứng tâm lý hay sao nhỉ? Do căng thẳng thần kinh? Hay xuất phát từ tiềm thức của tớ?”

“Tớ không cho là vậy,” Mike khẽ khàng đáp. “Tớ cho rằng cơn đau cậu cảm nhận cũng thực như những quả bóng bay kia, hoặc cái đầu tớ thấy

trong tủ lạnh, hoặc xác chết của Tony Tracker mà Eddie bắt gặp. Cậu kể với mọi người đi, Richie.”

Vậy là Richie kể. “Chuyện xảy ra khoảng tám bốn hay năm ngày sau khi Mike mang cuốn album của bố cậu ấy xuống Vùng Đất Cằn. Nếu tớ nhớ không lầm thì là vào khoảng sau giữa tháng Bảy. Phòng sinh hoạt nhóm đã hoàn thành. Nhưng... Haystack, lúc đó cậu ấy nảy ra ý tưởng về lỗ khói. Cậu rút ra ý tưởng này từ một cuốn sách mà cậu ấy đọc được.”

Khẽ mỉm cười, Ben gật đầu.

Richie nghĩ: Hôm ấy trời âm u. Tĩnh không chút gió. Sấm nổ đi đùng trong không khí. Giống y cái ngày chừng một tháng sau đó, khi cả bọn đứng dưới con suối thành hình vòng tròn, Stan cắt tay chúng ta bằng mảnh chai Coca-Cola. Không khí đứng yên như thể chờ biến xuất hiện, và về sau, Bill lý giải tại sao tình hình lại trở nên tệ hại nhanh đến thế, đó là vì không có bản nháp nào.

Ngày 17 tháng 7. Phải, đúng là nó rồi, đó là ngày xảy ra chuyện lỗ khói. Ngày 17 tháng 7 năm 1958, gần một tháng sau khi kỳ nghỉ hè bắt đầu và hạt nhân của Hội Cùi Bắp – Bill, Eddie cùng Ben – đã được hình thành dưới Vùng Đất Cằn. Để tớ tra xem dự báo thời tiết của ngày hôm ấy, gần hai mươi bảy năm trước ra sao nhé, Richie thầm nghĩ, rồi tớ sẽ nói cho mọi người dự báo thời tiết nói gì trước cả khi đọc: Richard Tozier, tức Thầy Đờng Đại tài. “Nóng ẩm, có thể có mưa giông. Và cẩn thận ảo ảnh xuất hiện khi xuống lỗ khói...”

Ngày hôm ấy là hai ngày sau khi thi thể của cậu bé Jimmy Cullum được phát hiện, một ngày sau khi ông Nell xuống Vùng Đất Cằn và tình cờ ngồi ngay trên phòng sinh hoạt nhóm mà không hề hay biết sự hiện diện của căn phòng, vì lúc ấy, họ đã lợp nóc xong, Ben đã trực tiếp giám sát quá trình

xếp đặt các mảng cỏ. Trừ khi có người quỳ mọp xuống và mò mẫm xung quanh, còn không chẳng ai biết có gì ở đó. Phòng sinh hoạt nhóm của Ben thành công vang dội giống con đập hôm trước, có điều lần này, ông Nell không hay biết gì.

Ông hỏi chuyện cả đám thật thận trọng, cẩn chu, ghi chú lại câu trả lời của nhóm vào một cuốn sổ màu đen, nhưng họ chẳng có nhiều thông tin để kể cho ông - chỉ ít là về Jimmy Cullum – và rồi ông Nell bỏ đi, sau khi nhắc nhở cả bọn thêm một lần nữa rằng họ không nên tha thẩn ở Vùng Đất Cằn một mình... dù chỉ một lần. Richie đoán ông Nell sẽ bắt cả nhóm rời khỏi đây nếu có bất cứ thanh tra nào trong Sở Cảnh sát Derry đánh giá cậu bé Cullum (hoặc bất cứ nạn nhân nào khác) thực ra đã bị sát hại ở Vùng Đất Cằn. Nhưng họ biết không phải thế, đơn giản vì hệ thống cống nước thải và cống thoát nước lũ là nơi những phần thi thể còn sót lại có khả năng sẽ trôi tới.

Ông Nell đến vào ngày 16, phải, hôm ấy cũng là một ngày nóng ẩm, nhưng có nắng. Còn ngày 17, bầu trời giăng đầy mây.

“Cậu có tính kể với bọn tớ không đâu, Richie?” Bev hỏi. Cô khẽ mỉm cười, bờ môi đầy đặn màu hồng nhung nhạt, đôi mắt long lanh.

“Tớ đang nghĩ xem nên bắt đầu từ đâu,” Richie đáp. Anh tháo kính, lấy áo lau tròng và chợt biết mình nên bắt đầu từ đâu: lúc mặt đất nứt toác dưới chân anh và Bill. Tất nhiên anh biết về phòng sinh hoạt nhóm – Bill và mọi người đều biết cả mà, nhưng nó vẫn khiến cậu bé là anh khi ấy được phen hết hồn khi trông thấy mặt đất bất thành hình mở hé ra.

Anh nhớ hôm ấy, Bill chở anh trên yên sau chiếc Ánh Bạc đến địa điểm quen thuộc ở đường Kansas rồi cất chiếc xe đạp dưới cây cầu nhỏ. Anh nhớ hai người bọn anh đã đi dọc theo con đường dẫn tới khoảng đất trống,

thình thoảng phải rẽ bên này, chệch bên kia vì bụi cây quá um tùm - giờ đã là giữa hè, và sự sum suê của Vùng Đất Cằn đang ở thời điểm cực thịnh. Anh nhớ mình đã đập lấy đập để đám muối vo ve như chợ vỡ quanh tai; anh thậm chí còn nhớ Bill đã nói (ôi, ký ức ủa về rõ đến từng đường nét, như thể không phải nó mới xảy ra ngày hôm qua mà là đang xảy ra ngay lúc này), “Đ-Đ Đứng yên đó m-m-m-...”

2

”... một chút, R-Richie. Có con m-m-muối to đùng phía s-sau c-cổ cậu đây này.”

“Ôi Chúa ời,” Richie nói. Cậu chúa ghét muối. Ngẫm kỹ thì chúng chẳng khác nào đám ma cà rồng nhỏ xíu biết bay. “Giết nó đi, Bill To Bự.”

Bill đập đánh bốn phía sau gáy của Richie.

“Ui da!”

“Đ-Đ-Đây.”

Bill chìa tay ra trước mặt Richie. Con muối nát bấy giữa vết máu hình dạng méo mó. *Máu tao đó*, Richie thầm nghĩ, *máu tao đã đổ xuống vì mày và đồng loại của mày*. “Khiếp” cậu nói.

“Đ-Đừng l-lo,” Bill trấn an. “Con q-quỷ chết t-toi này hết cơ hội g-g-gáy được r-ồi.”

Bọn họ đi tiếp, vừa đi vừa đập muối vừa phẩy tay xua đám côn trùng bị thu hút bởi thứ gì đó trong mùi mồ hôi của họ - nhiều năm sau, người ta xác định chất này là pheromone. Mà pheromone hay gì cũng chẳng quan trọng.

“Bill, khi nào cậu mới nói với mọi người về viên đạn bạc?” Richie hỏi khi họ đến gần khoảng đất. Trong trường hợp này, mọi người” bao gồm

Bev, Eddie, Mike và Stan - dù Richie đoán Stan cũng đã là mồi đoán được họ nghiên cứu gì ở Thư viện công cộng. Nhiều lúc, Richie thấy đầu óc Stan rất sắc bén - quá sắc bén là đằng khác. Hôm Mike cầm theo cuốn album của bố cậu ấy xuống Vùng Đất Cằn, Stan gần như mất hết bình tĩnh. Thật ra, trong lòng, Richie khá chắc chắn cả bọn sẽ không bao giờ thấy Stan lần nữa và Hội Cùi Bắp sẽ trở thành hội lực tấu (Richie rất thích từ này, và khi nào cậu cũng nhấn mạnh từ đầu tiên). Nhưng hôm sau, Stan vẫn quay trở lại, và Richie thậm chí phục bạn mình nhiều hơn vì hành động ấy. “Cậu có tính nói hôm nay không?”

“Kh-Không phải h-hôm nay,” Bill đáp.

“Cậu không cho rằng mọi chuyện sẽ ổn phải không?”

Bill nhún vai, và Richie, có thể xem là người hiểu Bill Denbrough hơn bất cứ ai trên đời cho đến khi Audra Phillips đăng đàn, đoán được tất cả những đi đầu Bill sẽ nói ra nếu không bị cản trở bởi chướng ngại trong giao tiếp: rằng việc một đám con nít chế tạo viên đạn bạc là chi tiết xuất hiện trong sách dành cho con trai, trong truyện tranh... Hay nói cách khác, nó là thứ vớ vẩn, vô căn cứ. Vớ va vớ vẩn nhưng lại rất nguy hiểm. Ừ thì đúng là họ có thể mày mò làm thử. Thậm chí dưới bàn tay của Ben Hanscom, nó có thể thành công. Trong phim, có khi nó lại hiệu quả đấy chứ. Nhưng...

“Vậy tính sao?”

“Tớ có y-y-y-ý này,” Bill nói. “Đơn giản hơn. Nhưng chỉ khi nào B-B-Beverly...”

“Chỉ khi nào Beverly làm sao?”

“Th-Thôi, bỏ qua đi.”

Và Bill không đả động thêm lời nào đến chủ đề này nữa.

Hai người bọn họ bước vào khoảng đất. Nếu nhìn kỹ, hẳn người ta sẽ thấy lớp cỏ ở đây có gì đó rối rắm – trông kỳ kỳ. Thậm chí có khi người ta còn nghĩ trông như có bàn tay con người nhúng vào - gầy như sắp đặt – đặc biệt là ở điểm lá và thông rải rác trên những bụi cỏ. Bill nhặt vỏ bánh Ring-Ding - gầy như trăm phần trăm là của Ben – và nhét vào túi.

Hai cậu bé đi đến giữa khu đất... thì bất thành linh, một miếng đất dài khoảng hai mươi lăm phân và rộng khoảng tám phân bật mở với phần bản lề dơ dáy, để lộ mí mắt đen thui. Đôi mắt nhìn lom lom từ trong bóng tối khiến Richie thoáng rùng mình. Nhưng hóa ra là mắt của Eddie Kaspbrak (một tuần sau, cậu sẽ có dịp vào bệnh viện thăm Eddie). Eddie eo éo nói: “Kẻ nào bước đi kèn kẹt trên cùi của ta?”

Có tiếng cười khúc khích vang lên bên dưới và ánh đèn pin lóe lên.

“Chúng tôi là sen đăm đây, thưa ngài,” Richie nói, đoạn ngẩng xồm xuống, vôn vê lớp ria mép vô hình và í ới bằng giọng Pancho Vanilla.

Trong bản gốc, Richie dùng từ “rurales”, tức lực lượng cảnh sát thời xưa của Mexico. Bản dịch Việt hóa thành từ “sen đăm”, xuất phát từ Gens d’armes (tiếng Pháp) chỉ lực lượng cảnh sát vũ trang.

“Thế cơ đấy?” Beverly nói vọng lên. “Cho chúng tôi xem phù hiệu của anh.”

“Phù hiệu ư? Cần quái gì dăm ba cái phù hiệu thôi đó, bố ngài!”

“Biến gấp giùm, Pancho,” Eddie đáp rồi đóng sập mí mắt không lờ. Từ bên dưới vẳng lên tiếng cười rôm rả.

“Bước ra ngoài và giơ tay lên!” Bill ra lệnh bằng giọng người lớn trầm khàn. Cậu bắt đầu bước qua bước lại trên nắp hần phủ cỏ của phòng sinh hoạt nhóm. Cậu có thể cảm nhận mặt đất rung rinh theo mỗi bước chân, nhưng chỉ một chút chứ không đáng kể, họ đã xây dựng rất kiên cố. “Các

người đừng hòng trốn thoát!” Cậu thét lên, tưởng tượng mình hóa thân thành Joe Friday không sợ trời, không sợ đất của Sở Cảnh sát Los Angeles. “Bước ra ngoài ngay, lũ tội phạm kia! Nếu không chúng tôi sẽ xông vào NỔ SÚNG đây!”

Cậu hết nhảy lên lại nhảy xuống để chứng minh mình không nói suông. Tiếng hét và tiếng khúc khích vang lên từ bên dưới. Bill mỉm cười, không hề hay biết Richie đang nhìn mình với ánh mắt sắc bén – trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, đó không phải cách một đứa trẻ nhìn bạn của mình mà là cách một người lớn nhìn một đứa trẻ.

Cậu ấy không biết không phải khi nào cậu ấy cũng nói lắp, Richie thầm nghĩ.

“Cho bọn họ vào đi, Ben, chứ không họ làm sập mái bây giờ,” Bev nói. Giây sau, nắp hầm lật mở như nắp tàu ngầm. Ben nhìn ra ngoài. Mặt cậu ửng đỏ. Richie đoán ra ngay lập tức rằng Ben đang ng ỡ cạnh Beverly.

Sau khi Bill và Richie tuột xuống nắp hầm, Ben đóng cửa lại. Và r ồi cả bọn đều có mặt bên dưới, co chân ng ỡ tựa vào tường kê ván gỗ, khuôn mặt mờ ảo hiện ra dưới ánh đèn pin của Ben.

“Th-Th-Thế c-các c-cậu đ-đang l-làm gì?” Bill hỏi.

“Cũng không có gì,” Ben đáp. Đúng thật, cậu đang ng ỡ cạnh Beverly, và khuôn mặt cậu vừa sửng rợn vừa đỏ như gấc. “Bọn tớ chỉ đang...”

“Kể đi, Ben,” Eddie cắt ngang. “Kể cho các cậu ấy nghe chuyện đó xem họ nghĩ gì.”

“Không tốt cho cơn hen của cậu đâu nhé,” Stan cảnh báo Eddie với tông giọng phải-có-người-suy-nghĩ-thực-tế-ở-đây-chứ.

Richie ng ỡ giữa Mike và Ben, vòng tay ôm lấy đầu gối. Ở dưới này,

không khí mát lạnh vô cùng dễ chịu, và còn riêng tư nữa chứ. Nhìn theo ánh đèn pin di chuyển từ mặt người này sang mặt người kia, cậu tạm thời quên đi đi đâu vừa khiến cậu hết hồn chỉ một phút trước. “Các cậu đang nói về gì thế?”

“À, ban nãy Ben kể cho bọn tớ nghe một nghi thức của người da đỏ,” Bev đáp. “Nhưng Stan nói đúng đó, nó không tốt cho cơn hen của cậu đâu, Eddie.”

“Không sao,” Eddie nói, và Richie thấy quả đúng là đáng khen vì cậu bạn chỉ khó chịu đôi chút. “Thường thì tớ chỉ lên cơn hen khi cậu giận mà thôi. Mà tớ cũng muốn thử xem sao.”

“Thử c-c-cái gì?” Bill hỏi.

“Nghi thức Lễ khói,” Eddie đáp.

“Đ-Đ-Đó là g-gì?”

Ánh đèn pin của Ben lướt lên trên và Richie đưa mắt dõi theo. Nó lướt qua lướt lại vô định trên nóc phòng sinh hoạt nhóm bằng gỗ lúc Ben quay tay giải thích. Nó băng qua những thanh gỗ cắt xén và xẻ nhỏ của cánh cửa mái ngựa mà bảy người bọn họ cùng nhau khiêng về từ bãi rác ba ngày trước - trước ngày phát hiện thi thể của cậu bé Jimmy Cullum một hôm. Có một đi đâu mà Richie ấn tượng về Jimmy Cullum, cậu bé nhỏ nhắn, ít nói, tình cờ cũng bốn mắt, là cậu này thích chơi Scrabble vào những ngày mưa. *Giờ thì cậu ấy không thể chơi Scrabble được nữa rồi*, Richie nghĩ, thoáng rùng mình. Trong ánh sáng tù mù, không ai thấy cậu run lên, nhưng Mike Hanlon, khi ấy đang ngồi bên cạnh, vai sát vào vai cậu, liếc nhìn cậu với vẻ tò mò.

“À, tuần trước tớ tìm được một cuốn sách ở thư viện,” Ben kể. “Tên nó là *Hồn ma của Đồng bằng Bao la*, nội dung nói về các bộ lạc da đỏ từng

sống ở miền Tây khoảng 150 năm về trước. Bộ tộc Paiute, Pawnee, Kiowa, Otoe và Comanche. Cuốn sách hay lắm. Mong rằng một ngày nào đó, tớ sẽ được đặt chân đến nơi họ từng sinh sống. Iowa, Nebraska, Colorado, Utah...”

“Thôi nào, vào thẳng chủ đề về Nghi thức Lỗ khói đi,” Beverly nói và huých khuỷu tay vào cậu bạn.

“Ừ, cậu nói. “Được thôi.” Và Richie dám chắc nếu Beverly thúc khuỷu tay và bảo “Cậu uống thuốc độc này đi Ben” thì câu trả lời của Ben cũng y như vậy.

“Thì đây, vốn dĩ đa phần người da đỏ đầu có một nghi thức đặc biệt, và phòng sinh hoạt nhóm của bọn mình gọi cho tớ nghĩ đến đi đầu đó. Bất cứ khi nào cần đưa ra quyết định quan trọng - ví dụ như di chuyển theo đàn trâu, đi tìm nguồn nước mới hoặc có chiến đấu với kẻ thù hay không chẳng hạn – họ sẽ đào một cái hố dưới đất, lấy cành cây phủ lên trên, chỉ để một lỗ nhỏ thông hơi ở nóc.”

“Hố kh-kh-khói,” Bill nói.

“Cậu không bao giờ làm tớ thôi bất ngờ vì sự nhanh nhạy của mình đó, Bill To Bự,” Richie kính cẩn thốt lên. “Cậu phải tham gia chương trình [*Hai mươi một đi*](#). Tớ dám cá cậu sẽ đánh bại cả Charlie Van Doren cho xem.”

Twenty-One, chương trình truyền hình trong đó người chơi giải các câu hỏi về kiến thức chung.

Bill làm bộ đánh Richie khiến cậu rụt người lại, đập đầu rõ đau vào miếng ván lót.

“Đ-Đáng đời,” Bill nói.

“Ta giết người, tên Mỹ chết toi,” Richie nói. “Chúng ta cần quái gì dăm

ba cái...”

“Các cậu thôi ngay đi được không?” Beverly hỏi. “Đang phần *hay* mà.” Đoạn cô nhìn Ben với ánh mắt đầy trù mến, đến độ Richie tưởng chừng trong đám ba phút nữa, khói sẽ bốc ra từ hai tai Haystack.

“Được thôi, B-B-Ben,” Bill nói. “Kể đ-đ-đi.”

“Ừ.” Ben đáp lời. Giọng khàn khàn nên cậu phải đằng hắng rồi mới tiếp tục kể. “Sau khi hoàn thành lỗ khói, họ sẽ nhóm lửa bên dưới. Họ dùng gỗ tươi để khói hun lên thật nhiều. Rồi những ai can đảm sẽ bước xuống dưới và ngồi quanh đống lửa. Cả không gian sẽ dày đặc khói. Cuốn sách bảo nghi thức này mang tính tôn giáo nhưng đồng thời cũng là một cuộc thi, các cậu hiểu không? Sau khoảng nửa ngày, hầu hết những ai tham gia sẽ chui ra ngoài vì không tài nào chịu nổi khói nữa, chỉ còn lại tầm hai hay ba người. Và những người này sẽ thấy ảo giác.”

“Ừ, nếu hít khói trong chừng năm hay sáu tiếng thì không thấy ảo giác mới lạ,” Mike nhận xét và cả bọn cười vang.

“Người ta cho rằng ảo giác này sẽ cho bộ lạc biết họ phải làm gì,” Ben tiếp tục. “Và tớ không biết phần này có đúng không, nhưng cuốn sách bảo phần lớn thời gian, các ảo giác đều đúng.”

Im lặng bao trùm không gian, Richie đưa mắt nhìn Bill. Cậu biết cả đám đều đang nhìn Bill, và một lần nữa, cậu lại có cảm giác câu chuyện của Ben về lỗ khói không chỉ là thứ ta đọc được trong sách rồi mà làm thử, như thí nghiệm hóa học hay trò ảo thuật. Cậu biết đi đầu đó, mọi người trong nhóm cũng biết đi đầu đó. Có lẽ Ben hiểu rất rõ. Đây là đi đầu họ buộc phải thực hiện.

Những người này sẽ thấy ảo giác... Phần lớn thời gian, các ảo giác đều đúng...

Richie thầm nghĩ, *Mình cá nếu mọi người hỏi thì Haystack sẽ bảo cậu tìm thấy cuốn sách một cách hết sức tình cờ. Như thế có thể lực nào đó muốn cậu ấy đọc đúng cuốn sách này và rồi đem chi tiết nghi thức lộ khỏi kể lại với cả nhóm. Vì bọn mình có thể xem là một bộ lạc chứ còn gì nữa? Ừ. Đúng rồi, bọn mình có khác gì bộ lạc đâu. Và phải, bọn mình cần phải biết điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.*

Và rồi suy nghĩ này lại dẫn tới suy nghĩ khác: *Liệu điều này có được định sẵn không? Kể từ lúc Ben nảy ra ý tưởng xây dựng phòng sinh hoạt nhóm dưới đất thay vì dựng nhà trên cây, liệu điều này có được sắp đặt để xảy ra không? Có bao nhiêu phần là do bọn mình tự nảy ra, bao nhiêu phần là được định đoạt sẵn?*

Theo một cách nào đó, cậu cảm thấy ý tưởng này khiến cậu nhẹ nhõm đôi phần. Cậu thấy vui khi tưởng tượng đến thế lực to lớn hơn bọn họ, *thông minh* hơn bọn họ, đang vạch ra đường đi nước bước cho cả nhóm, giống như người lớn hay nấu nướng cho ta ăn, mua quần áo và sắp xếp thời gian cho chúng ta – và Richie dám chắc thế lực đem họ lại với nhau, thế lực đã mượn Ben làm sứ giả gửi gắm đến họ ý tưởng về lộ khỏi – thế lực ấy không cùng một giuộc với thế lực ma quỷ cướp đi mạng sống của trẻ em. Thế lực này giống như kẻ thù không đội trời chung với thứ... với

(thôi nói thì nói phát ra đi)

Nó. Nhưng cùng lúc, cậu cũng không thích cảm giác mình không được làm chủ hành động của mình mà lại bị điểu khiển, bị *giật dây*.

Cả đám đưa mắt nhìn Bill, họ đều đợi xem Bill sẽ nói gì.

“N-Nói s-s-sao nhỉ,” cậu lên tiếng, “tớ thấy nghe đ-đ-được r-ra phết.”

Beverly thở phào một tiếng, còn Stan cựa quậy với vẻ không thoải mái... nhưng chỉ có vậy.

“Đ-Đ-Được r-ra phết,” Bill lặp lại, đưa mắt nhìn xuống tay và có lẽ là do ánh đèn pin trong tay Ben hoặc do cậu thần hồn nát thần tính, song Richie có cảm tưởng Bill trông hơi nhột nhột và vô cùng sợ hãi, mặc dù cậu ấy đang mỉm cười. “Biết đâu t-ta có thể d-dùng ảo gi-giác để biết mình n-nên giải qu-quyết v-v-vấn đề th-thế nào.”

Nếu có người thấy ảo giác thì hẳn đó sẽ là Bill, Richie thầm nghĩ, song đáng tiếc, lần này cậu đã lầ.

“Chà,” Ben nói, “có khi nó chỉ có tác dụng với người da đỏ thôi, nhưng thử cũng không mất mát gì.”

“Ừ, có mất mát gì đâu, chỉ sợ lẫn đùng ra bất tỉnh nhân sự do hít khói và ngòm củ tỏi ở đây luôn thôi,” Stan u ám nói. “Chẳng mất gì, mất mỗi mạng.”

“Cậu không muốn làm hả Stan?” Eddie hỏi.

“Ừ thì cũng muốn,” Stan nói r ễ thở dài. “Tớ nghĩ các cậu làm tớ phát khùng r ễ, các cậu hiểu không hả?” Đoạn cậu nhìn Bill. “Khi nào đấy?”

Bill bèn đáp, “Ch-Chà, kh-không có l-lúc nào đẹp như l-lúc này, đ-đúng không?”

Bầu không khí im lặng đầ trầm mặc và thảng thốt bao trùm. Đoạn Richie đứng dậy, vươn tay đẩy cửa mở, để ánh mặt trời dịu dịu của ngày hè lạng gió lọt vào căn phòng.

“Tớ có rùi đây,” Ben nói và theo bạn bước ra ngoài. “Có ai muốn phụ tớ chặt gỗ tươi không?”

Rốt cuộc, ai cũng lẫn xả vào phụ.

3

Cả bọn mất tầm một tiếng đầng hồ để chuẩn bị. Họ chặt bốn, năm bó cành

cây tươi, rồi Ben tuốt hết lá và ngọn. “Nhìn là biết sẽ nhiều khói lắm đây,” cậu nói. “Tớ còn chẳng biết liệu bọn mình có thể nhóm lửa hay không.”

Beverly và Richie đi xuống bờ sông Kenduskeag gom một đồng đá có kích thước vừa phải, tận dụng áo khoác của Eddie làm tay nải (mẹ Eddie khi nào cũng bắt cậu mặc áo khoác, bất kể hôm ấy thời tiết 27 độ C - *nhỡ mưa thì sao*, bà Kaspbrak nói, *nếu con mặc áo khoác thì chỉ ít con cũng không bị ướt*). Trong lúc khiêng đá về lại phòng sinh hoạt nhóm, Richie nói: “Cậu không làm được trò này đâu, Bev. Cậu là con gái mà. Ben bảo chỉ những ai gan dạ mới chui xuống lỗ khói, còn bánh bèo thì miễn.”

Beverly khựng lại, nhìn Richie với ánh mắt vừa hứng khởi vừa bức mình. Một lọn tóc rời khỏi đuôi gà của cô, cô chề môi và thổi nó ngược lên trán.

“Tớ có thể vật cậu đo đất đấy nhé, Richie. Chưa thấy quan tài chưa đổ lệ à?”

“Thía nào cũng được, quý cô Xi-cô-lét ời!” Richie nói, mặt lố ra. “Cô vẫn là phụ nữ, muôn đời là phụ nữ! Cô đâu thể nào là dân da đỏ can trường được!”

“Thế thì tớ là quý cô can trường,” Beverly thủng thỉnh. “Thế giờ cậu có tính đem đá quay trở lại phòng sinh hoạt nhóm không hay để tớ chơi vài hòn vào cái đầu thối tha của cậu luôn đây?”

“Lạy Chúa lòng lành, quý cô Xi-cô-lét ời, đầu tôi có thối chút nào đâu!” Richie ré lên, và Beverly cười ha hả đến độ đánh rơi áo khoác của Eddie làm bao nhiêu đá rơi hết ra ngoài. Cô cảm rằm Richie suốt quãng thời gian họ nhặt lại đá, còn Richie vừa đùa vừa ré lên bằng đủ thứ Giọng nói, lòng thẩn nhủ cô bạn của mình mới xinh xắn làm sao.

Mặc dù Richie chỉ nửa đùa nửa thật về việc không để cô tham gia vào

nghi thức lỗ khói xét đến yếu tố giới tính, Bill Denbrough lại có vẻ rất kiên quyết về việc này.

Cô đứng mặt đối mặt với cậu, tay chống nạnh, má bùng bùng giận dữ. “Dẹp ngay lý lẽ củ chuối ấy đi nhé, Bill Cà Lăm! Tớ cũng tham gia vụ này, hay cậu cho rằng tớ không còn là thành viên của cái hội chết tiệt này nữa?”

Bill kiên nhẫn trả lời: “Kh-Không ph-phải như vậy, B-B-Bev ạ, và c-cậu h-hiểu lý do mà. Ph-Phải có người ở tr-trên canh chừng chứ.”

“*Tại sao?*”

Bill cố nói nhưng chướng ngại mãi không vượt được. Cậu nhìn Eddie cầu cứu.

“Là đi đầu mà Stan nói đấy,” Eddie khẽ giải thích với cô. “Về đám khói. Ý Bill là rủi may bọn mình ngất xỉu bên dưới thì chết cả lũ. Bill bảo đó là đi đầu xảy ra khi người ta mắc kẹt trong các vụ cháy nhà. Họ không chết vì bị lửa đốt mà chết vì ngạt khói. Họ...”

Cô quay phắt sang Eddie. “Ờ r ồi. Cậu ấy muốn có người ở trên này canh chừng xảy ra chuyện phải không?”

Eddie khổ sở gật đầu.

“Thế cậu thì sao? Cậu bị hen suyễn còn gì.”

Eddie lặng thinh. Cô quay sang nhìn Bill. Mọi người đứng xung quanh, tay đút túi, mắt cúi gầm nhìn đôi giày.

“Vì tớ là con gái đúng không? Lý do thực sự là vậy, phải không?”

“B-B-B-Bev...”

“Cậu không cần phải nói gì nữa,” cô gạt phắt. “Chỉ cần gật hay lắc là đủ r ồi. Đầu cậu đâu có nói lắp, đúng không? Vì tớ là con gái phải không?”

Bill lưỡng lự gật đầu.

Cô chăm chăm nhìn cậu, môi run lên, Richie cứ tưởng cô sẽ bật khóc. Nào ngờ cô tuôn ra một tràng xối xả.

“Thế cơ đấy, tiên sư cậu!” Cô xoay một vòng nhìn tất cả mọi người, và cả đám rụt lại trước ánh nhìn của cô, ánh nhìn nóng rẫy, gằn như phát xạ. “Tiên sư tất cả các cậu nếu các cậu có suy nghĩ như thế!” Cô quay lại nhìn Bill và ra rả: “Đây đâu phải đám ba trò chơi con nít vớ va vớ vẫn như bịt mắt bắt dê hay trốn tìm đâu, *cậu hiểu rõ điều này mà*, Bill. Bọn mình *có trách nhiệm phải* thực hiện chuyện này. Đây là một phần trong quá trình. Và cậu không thể cho tở ra rìa chỉ vì tở là con gái. Cậu có hiểu không? Cậu không hiểu thì tở rời khỏi đây ngay và luôn. Mà nếu tở đi là một đi không trở lại đấy. Đừng hòng thấy mặt tở lần nữa. Cậu hiểu không?”

Cô ngừng lại. Bill nhìn cô bạn của mình. Xem ra cậu đã lấy lại vẻ bình tĩnh, nhưng Richie cảm thấy đôi phần sợ hãi. Linh tính mách bảo cậu cơ hội họ giành chiến thắng, cơ hội họ tìm được cách để đối đầu với thứ đã giết chết Georgie Denbrough và những đứa trẻ khác, nắm thóp được Nó và kết liễu Nó, đang ở tình thế ngàn cân treo sợi tóc này. *Bảy người*, Richie thầm nghĩ. *Đó là con số ma thuật. Phải có bảy người bọn họ. Phải như thế mới được.*

Đâu đó, một chú chim cất tiếng véo von; r ẫ lại ngưng, r ẫ lại véo von.

“Đ-Được r-r ẫ,” Bill đành thỏa hiệp, và Richie thở phào. “Nhưng vẫn ph-phải có ng-người ở tr-tr-trên canh ch-chờng. Ai m-m-muốn l-làm thế?”

Richie định nhìn Eddie hoặc Stan sẽ xung phong thực hiện nhiệm vụ này, nhưng Eddie không nói gì. Mặt xanh như tàu lá, Stan đứng tr ầm ngâm, lặng thinh. Mike nhét ngón cái vào thắt lưng như Steve McQueen trong bộ phim *Truy nã: Còn sống hay đã chết*, đứng yên như phỗng, chỉ có đôi mắt sáng bừng.

“Th-Th-Thôi n-nào,” Bill nói, và Richie nhận ra mọi người đã chuẩn bị tinh thần cả rồi, không chút giả tạo; những lời tận tâm can của Bev và nét mặt trăn trủ già hơn hẳn so với tuổi của Bill đã nói lên điều đó. Đây là một phần trong hành trình mà họ phải trải qua, có lẽ nguy hiểm chẳng kém cuộc phiêu lưu mà cậu và Bill từng có ở căn nhà số 29 đường Neibolt. Cả bọn biết điều đó... nhưng không ai trong số họ nao núng. Bỗng dưng, cậu cảm thấy thật tự hào về các bạn, tự hào khi mình được ở bên cạnh nhóm bạn này. Sau bao năm bị xem như người thừa, thì nay, cậu đã tìm được nơi dành cho mình. Nơi cậu thật sự thuộc về. Cậu không rõ họ có còn cù bấp hay không, nhưng cậu biết mọi người luôn kề vai sát cánh bên nhau. Họ là bạn bè. Những người bạn chí cốt. Richie cười kính, dùng vạt áo lau thật mạnh hai tròng.

“Tớ nghĩ ra cách rồi,” Bev nói rồi lấy xấp diêm từ trong túi. Trên lớp vỏ nhỏ xíu đến độ phải dùng kính lúp mới nhìn rõ chi tiết là hình của những ứng cử viên tranh danh hiệu Hoa hậu Rheingold. Beverly quẹt một que diêm rồi thổi tắt. Cô xé thêm sáu que diêm rồi bỏ chung que diêm đã đốt. Cô quay lưng với cả bọn, và khi cô xoay lại, phần đầu trắng của bảy que diêm chìa ra khỏi nắm tay. “Chọn đi,” cô nói, chìa nắm diêm về phía Bill. “Ai bốc phải que diêm bị đốt sẽ phải ở trên này và kéo mọi người ra nếu có người bị xủ.”

Bill trăn trủ ngẫm nhìn cô. “C-Cậu m-muốn làm th-th-thế này s-sao?”

Cô mỉm cười với cậu, nụ cười khiến khuôn mặt cô bừng sáng. “Ừ, đồ ngốc này, tớ muốn thế đấy. Còn cậu thì sao?”

“Tớ rất th-th-thương cậu, B-B-Bev ạ,” cậu nói, và má cô ửng hồng như có lửa bập bùng.

Bill có vẻ không để ý điều đó. Cậu nhìn đuôi những que diêm chìa ra từ

nắm tay cô h ấi lâu r ấi chọn một que. Đầu diêm trắng và chưa bị đốt. Cô chuyển sang Ben, chìa sáu que diêm còn lại.

“Tớ cũng thương cậu lắm,” Ben nói, giọng khàn đặc. Mặt cậu chuyển sang màu mận chín, trông cậu như sắp lên cơn đột quỵ đến nơi. Nhưng không một ai phá lên cười. Đâu đó sâu trong Vùng Đất Cằn, con chim lại cất tiếng hót véo von. *Chắc Stan biết đó là chim gì*, Richie bâng quơ nghĩ.

“Cảm ơn cậu,” cô nói với nụ cười trên môi. Ben chọn một que và đầu que diêm cũng còn nguyên vẹn.

Cô tiếp tục chuyển sang Eddie. Eddie mỉm cười bên lên, nụ cười đáng yêu đến khó tưởng và mong manh đến đau lòng. “Tớ nghĩ mình cũng rất thương cậu, Bev ạ,” cậu nói r ấi chọn đại một que. Đầu diêm cũng có màu xanh.

Beverly chìa bốn đầu diêm còn lại cho Richie.

“Tui yêu cô, thừa quý cô Xi-cô-lét!” Richie thét ầm lên và chu môi thành nụ hôn thật kêu. Beverly chỉ nhìn cậu, khẽ mỉm cười làm Richie cảm thấy xấu hổ. “Tớ cũng thương cậu lắm, Bev ạ” cậu nói và chạm vào tóc cô. “Cậu ng ầi lắm đó.”

“Cảm ơn cậu,” cô đáp.

Cậu chọn một que diêm và nhìn nó, ngờ rằng mình bốc trúng que bị đốt nhưng hóa ra không phải.

Cô đưa tay ra trước Stan.

“Tớ thương cậu lắm,” Stan nói r ấi rút một que ra khỏi tay cô. Vẫn không bị đốt.

“Còn cậu với tớ thôi, Mike,” cô nói và đưa cho bạn mình chọn một trong hai que còn lại.

Cậu bước lên. “Tớ không biết cậu đủ nhiều để thương cậu,” cậu nói, nhưng tớ vẫn thương đấy nhé. Tớ đoán cậu có thể chỉ mẹ tớ cách xa xa khiến người ta tắt đài luôn.”

Cả bọn phá lên cười, và rồi Mike rút diêm. Đầu diêm cũng không bị đốt.

“Vây ch-ch-chắc là cậu rồi, Bev,” Bill nói.

Cậu có ra mặt – rốt cuộc cô làm ấm lên mà chỉ đã trảng xe cát – Beverly mở lòng bàn tay mình ra.

Nào ngờ, đầu que diêm còn lại cũng có màu xanh và chưa bị đốt.

“C-C-Cậu tr-tr-tráo đổi à,” Bill chỉ trích.

“Không hề” Giọng cô không gắt gỏng phản bác – như thế lại càng đáng nghi – mà là vô cùng sững sốt. “Tớ thề trước Chúa, tớ không tráo đổi.”

Đoạn cô cho họ xem lòng bàn tay. Tất cả mọi người đều thấy vết muội mờ mờ từ đầu diêm bị đốt.

“Bill, tớ dám lấy danh dự ra thề đấy!”

Bill nhìn cô một lúc rồi gật đầu. Không ai nói gì nhưng cả bọn đều nhất trí đưa diêm cho Bill. Bảy que diêm, đầu diêm còn nguyên vẹn. Stan và Eddie mò mẫm trên đất nhưng không tìm thấy bóng dáng que diêm nào bị đốt.

“Tớ *không* có tráo mà,” Beverly nhắc lại, nói phong long.

“Thế bọn mình làm gì bây giờ?” Richie hỏi.

“Cả đ-đám cùng xuống,” Bill nói. “Vì đó là đ-đi đâu chúng t-t-ta *ph-phải* làm.”

“Và nếu cả bọn đều bất tỉnh thì sao?” Eddie hỏi.

Bill lại nhìn Beverly. “N-Nếu B-Bev n-nói th-thật, mà s-sự thật là th-thế,

thì chúng t-ta không b-bất tỉnh đâu.”

“Sao cậu *biết*?” Stan hỏi.

“Th-Thì b-biết thế th-thôi.”

Con chim lại cất tiếng hót.

4

Ben và Richie xuống trước, các thành viên còn lại trong nhóm lần lượt chuyển đá xuống. Richie đưa đá cho Ben để cậu bạn xếp thành hình vòng tròn nhỏ ở giữa sàn đất của căn phòng sinh hoạt nhóm. “Được r ồi,” cậu nói. “Thế là đủ.”

Mọi người bước xuống, mỗi người cầm theo một nắm cành cây tươi mà họ dùng rìu của Ben để chặt. Bill là người xuống cuối cùng. Cậu đóng cửa lại và mở hé ô cửa sổ chật hẹp. “Đ-Đ-Đây,” cậu nói, “thế là có l-l-lỗ khói r ồi này. Bọn mình c-có gì nh-nhóm l-lửa không?”

“Cậu có thể dùng thứ này nếu muốn,” Mike nói và lấy ra một quyển truyện tranh Archie tả tơi từ trong túi bên hông. “Tớ đọc xong r ồi.”

Bill xé từng trang truyện, thật cẩn trọng và chậm rãi. Mọi người ng ẩng quanh các bức tường, đầu gối và vai tựa sát nhau, chăm chăm nhìn mà chẳng nói năng gì. Sự căng thẳng đặc quánh và tù đọng.

Bill để những que củi nhỏ và cành cây lên giấy r ồi nhìn Beverly. “C-C-Cậu c-có diêm đúng không?” Cậu hỏi.

Cô quẹt một que diêm, ánh lửa vàng nhỏ xíu bùng lên trong bóng tối. “Coi chừng lửa chẳng bén nổi đâu,” cô nói, giọng không đầu, tay đưa que diêm vào những chỗ khác nhau trên tờ giấy. Khi que diêm cháy sát đến ngón tay, cô ném nó vào giữa.

Ánh lửa loé lên màu vàng, bập bùng, lập lòe trên khuôn mặt họ, và trong

khoảnh khắc ấy, Richie bỗng thấy nhập tâm câu chuyện người da đỏ mà Ben kể, cậu thầm nghĩ đây hẳn là cuộc sống của những người da đỏ vốn rong ruổi theo những đàn bò khổng lồ đến độ trải rộng tận chân trời, to lớn đến độ mỗi lần chúng rầm rập đi ngang qua là rung chuyển như có động đất, khi chuyện về người da trắng chỉ là độn đại hoặc hoang đường. Trong khoảnh khắc ấy, Richie có thể tưởng tượng cảnh những người da đỏ, Kiowa hoặc Pawnee hay những bộ lạc khác xuống dưới lỗ khói, gối kê gối, vai kề vai, nhìn ngọn lửa bập bùng liếm vào gỗ tươi như vết loét nóng bừng, lắng nghe tiếng nhựa cây xèo xèo ứa ra khỏi gỗ ẩm, đợi ảo giác giáng thế.

Phải. Ngồi nơi đây, cậu thấy mình một lòng tin vào chuyện đó... và khi nhìn khuôn mặt đăm chiêu của các bạn mình hướng mắt về ngọn lửa và những trang truyện Archie đang cháy thành than của Mike, cậu biết mọi người cũng không nghi ngờ gì cả.

Cành cây đã bắt được lửa. Khói bắt đầu lan khắp phòng sinh hoạt nhóm. Một phần khói trắng như tín hiệu khói bằng bông trong bộ phim chiếu vào sáng thứ Bảy với sự góp mặt của Randolph Scott hay Audie Murphy gì đó thoát ra từ lỗ khói. Nhưng do bên ngoài không có không khí chuyển động để tạo gió, phần lớn khói vẫn tụ lại ở phía dưới. Khói cay sẽ khiến mắt đau nhói và họng khô khốc. Richie nghe thấy Eddie ho đến hai lần – tiếng ho húm hắng như tiếng hai tấm ván khô đập vào nhau – rồi im lặng. *Lý ra cậu ấy không nên ở dưới đây*, cậu thầm nghĩ... nhưng trong lòng vẫn còn một cảm giác gì đó thật khác.

Bill ném nắm cành cây tươi vào ngọn lửa đang âm ỉ rồi hỏi bằng giọng mỏng tang, chẳng giống giọng nói bình thường chút nào: “Có ai thấy ảo gi-gi-giác chưa?”

“Thấy ảo giác được ra khỏi đây,” Stan Uris nói. Beverly phá lên cười nhưng tiếng cười chẳng mấy chốc biến thành tràng ho khù khụ.

Richie ngả đầu ra sau, tựa vào tường và nhìn lên trên lỗ khói - một hình chữ nhật nhỏ với ánh sáng trắng trắng. Cậu nghĩ về bức tượng Paul Bunyan ngày tháng Ba vừa rồi... nhưng đó chỉ là một ảo ảnh, một (ảo giác) “Khói giết chết tớ mất thôi,” Ben nói. “Ồi trời!”

“Thế thì ra đi.” Richie thẫn thờ, không rời mắt khỏi lỗ khói. Cậu cảm thấy mình đã nắm được bí quyết rồi. Cậu có cảm giác mình như sụt mất bốn ki-lô. Và cậu dám thề hứa đảm bảo rằng phòng sinh hoạt nhóm như rộng ra. Về điếu này thì cậu đoán chuẩn thì phải. Ban nãy, cậu ngửi mà căng chân phải mấp ú của Ben Hanscom cọ sát vào chân bên trái của cậu, còn bờ vai trái xương sườn của Bill Denbrough thọc vào tay phải của cậu. Nhưng giờ cậu chẳng chạm vào ai cả. Cậu lười biếng liếc nhìn sang phải và sang trái để xem điếu mình nhận thấy có đúng không, và đúng là vậy thật. Ben cách bên trái cậu chừng ba mươi xen-ti-mét. Còn bên phải cậu, Bill đang dạt ra thậm chí còn xa hơn.

“Nơi này đang to ra, thưa quý bạn, quý bà con chòm xóm,” cậu nói. Cậu hít một hơi sâu hơn và ho khù khụ. Đau quá, ngực cậu đau rất, đau như lúc ta bị ho khi cảm cúm. Trong một thoáng, cậu cứ tưởng cơn ho sẽ kéo dài mãi mãi, cậu sẽ ho cho đến khi mọi người kéo cậu ra. *Nếu họ còn sức*, cậu nghĩ, nhưng suy nghĩ ấy mờ mịt đến độ cậu chẳng còn thấy sợ.

Đoạn Bill đập lên lưng cậu, khiến cơn ho ngưng hẳn.

“Cậu không biết không phải khi nào cậu cũng như vậy,” Richie nói. Cậu lại đưa mắt nhìn lỗ khói thay vì nhìn Bill. Ôi sao mà chói chang đến thế! Khi nhắm mắt, cậu vẫn có thể thấy hình chữ nhật kia, trôi nổi trong bóng tối nhưng lại chói sắc xanh thay vì chói lóa màu trắng.

“Y-Y-Ý cậu l-là gì?” Bill hỏi.

“Nói lắp ấy,” cậu ngưng lại, nghe thấy ai đó đang ho nhưng không rõ là ai. “Cậu mới là người nên giả mấy Giọng nói chứ không phải tớ, Bill To Bự ạ. Cậu...”

Tiếng ho to hơn. Chợt phòng sinh hoạt nhóm tràn ngập ánh sáng ban ngày, bất ngờ và chói lóa đến độ Richie không khỏi nheo mắt. Cậu nhìn thấy Stan Uris lồm cồm bò ra.

“Xin lỗi,” Stan ho sù sụ. “Xin lỗi, tớ không tài nào...”

“Không sao đâu,” Richie nghe thấy mình lên tiếng. “Cần quái gì dăm ba cái phù hiệu thôi.” Giọng cậu nghe như phát ra từ một cơ thể khác.

Chốc sau, cánh cửa đóng kín nhưng vẫn đủ để không khí trong lành lọt vào, giúp đầu óc cậu minh mẫn đôi chút. Trước khi Ben dịch qua để lấp vào chỗ Stan vừa rời đi, Richie ý thức được chân của Ben đè vào mình. Sao cậu lại nghĩ phòng sinh hoạt nhóm to ra nhỉ?

Mike Hanlon ném thêm cành cây vào ngọn lửa vẫn đang bốc nghi ngút khói. Richie hết những hơi thật nồng và nhìn lên lỗ khói. Cậu không biết thời gian trôi qua bao lâu, nhưng cậu lơ mơ ý thức được không chỉ dày đặc khói, phòng sinh hoạt nhóm càng lúc càng nóng.

Cậu nhìn quanh, nhìn bàn bè mình. Khuôn mặt họ khó nhìn quá, che khuất trong màn khói và ánh mặt trời trắng trắng. Đầu của Bev vẫn ngả vào bờ tường, tay ôm gối, mắt nhắm nghiền, nước mắt chảy xuống má về phía mái tai. Bill ngẫ bắt chéo chân, cầm tựa vào ngực. Ben thì...

Bỗng dưng Ben đứng dậy, đẩy cửa mở.

“Ben đi rồi,” Mike nói. Cậu ngẫ theo kiểu người da đỏ đối diện Richie, mắt đỏ như mắt chồn.

Bầu không khí mát mẻ hơn một chút, trong lành hơn khi khói bốc qua cửa sập. Ben ho sù sụ và nôn khan. Cậu rướn người ra với sự trợ giúp của Stan, và trước khi họ kịp đóng cửa, Eddie loạng choạng đứng dậy, mặt nhợt nhạt như sắp chết, trừ những vết trông như bầm tím dưới mắt, kéo xuống tận gò má. Lồng ngực gầy gò của cậu phồng lên xẹp xuống theo những nhịp nhanh và nông. Cậu loạng choạng mò tìm rìa cửa sập, suýt chút nữa thì ngã, may sao Ben và Stan chộp lấy tay giữ lại.

“Tớ xin lỗi,” Eddie khẽ thì thầm rồi được hai bạn kéo lên. Cửa sập đập xuống.

Có một khoảng im lặng kéo dài. Khói tụ lại thành lớp sương mù dày đặc trong phòng. *Tôi thấy nó chẳng khác nào sương mù cả, anh Watson ạ*, Richie thần nghĩ, và trong một khắc, cậu tưởng tượng mình là Sherlock Holmes (thám tử Holmes với vẻ ngoài trông giống Basil Rathbone và vô cùng rạch ròi trắng đen), lượn đi lượn lại đây dựng ý dọc theo đường Baker. Moriarty đâu đó gần đây, xe ngựa đang đợi và trò chơi đã bắt đầu.

Suy nghĩ ấy rõ ràng đến kỳ diệu, *chắc chắn* đến kỳ diệu. Đến độ nó có sức nặng riêng, giống những mơ mộng mà cậu suốt ngày nghĩ tới (cầu thủ đánh bóng ở vị trí thứ tư của đội Bosox, thế cục liệu có thay đổi không, loại gôn, và kìa, bóng đi rồi, quả bóng đang bay lên... **NÓ BAY MẮT RỒI!** *Home run, Tozier... cú đánh này đã phá vỡ kỷ lục của [Babe](#)!*), nhưng có gì đó rất thật.

Ý chí Babe Ruth, cầu thủ bóng chày nổi tiếng của Mỹ.

Trong đầu cậu vẫn đủ tỉnh táo để bông lơn nghĩ khéo có khi sau vụ này, cậu chỉ thấy ảo ảnh của nam diễn viên Basil Rathbone trong vai Sherlock Holmes, như thế thì ảo giác chẳng ghê gớm cho lắm.

Nhưng tất nhiên, kẻ ẩn nấp ngoài kia không phải Moriarty. Mà là Nó –

một thế lực nào đó – và Nó có thật. Nó...

Cửa sập lại bật mở, Beverly lồm cồm bò ra ngoài, ho khan, một tay che miệng. Ben chớp lấy tay cô, Stan xốc nách cô. Vừa được kéo, vừa dùng sức bò ra, cô trèo lên cửa hần và biến mất.

“N-N-Nó r-r-rộng hơn r-ồi,” Bill nói.

Richie nhìn quanh. Cậu thấy các hòn đá xếp thành hình vòng tròn với ngọn lửa bập bùng phì ra cơ man nào là khói. Phía bên kia, cậu trông thấy Mike bắt treo chân như vật tổ chạm khắc từ gỗ dái ngựa, nhìn cậu chăm chăm qua ngọn lửa với đôi mắt đỏ ngầu vì khói. Mike dường như cách cậu đến gần hai mươi mét, nhưng chưa hề hấn gì so với Bill, bởi Bill còn xa hơn, dù ở ngay bên phải cậu. Căn phòng sinh hoạt nhóm dưới đất này giờ rộng như phòng khiêu vũ.

“Mặc kệ đi.” Mike nói. “Nó sắp đến r-ồi. *Thứ gì đó* sắp đến r-ồi.”

“U-U-Ừ.” Bill đồng tình. “Nhưng t-t-tớ...”

Cậu lên cơn ho. Cậu cố nén nhưng chỉ khiến cơn ho tệ hơn, cậu ho sù sụ. Mờ mờ ảo ảo, Richie thấy Bill loạng choạng đứng dậy, nhào đến cửa sập và đẩy mở cửa.

“Ch-Ch-Chúc m-m-may...”

Và r-ồi cậu ra khỏi căn phòng, được những người khác kéo lên.

“Xem ra chỉ còn cậu và tớ, Mikey bạn hiên ạ,” Richie nói và bắt đầu ho. “Tớ cứ tưởng sẽ là Bill chứ...”

Cơn ho càng lúc càng tệ. Cậu gập người, ho khan, không tài nào thở nổi. Đầu cậu đau như búa bổ – nó nện thành thịch – như củ cải ngâm đầy máu. Mắt cậu nhòe lệ phía sau kính.

Từ đằng xa, cậu nghe thấy Mike nói, “Nếu cần thì lên đi, Richie. Đừng

ngất xỉu. Coi chừng mất mạng bây giờ.”

Cậu giơ tay về phía Mike và phẩy tay

(dắm ba cái thứ phù hiệu thôi)

ra dấu không đồng ý. Dần dà, từng chút một, cậu kiểm soát cơn ho trở lại. Mike nói đúng, có điều gì đó sắp xảy ra, sắp rồi. Cậu muốn mình có mặt ở đây vào lúc đó.

Cậu nghiêng đầu ra sau và lại nhìn lên lỗ khói. Cơn ho khiến cảm quan của cậu nhẹ bẫng, và giờ cậu cảm tưởng như đang bồng bênh trôi trên một chiếc nệm không khí. Cảm giác dễ chịu quá. Cậu thở những hơi thật nông và thầm nghĩ: *Rồi một ngày mình sẽ trở thành ngôi sao rock and roll. Phải, chắc chắn là thế. Mình sẽ nổi tiếng. Mình sẽ ra các bản thu âm, album và phim ảnh. Mình sẽ có áo khoác thể thao màu đen, giày trắng và chiếc Cadillac vàng. Và khi mình trở về Derry, mọi người sẽ ghen tị đến nỗi đom đóm mắt, cả thằng Bowers nữa. Mình đeo kính nhưng rồi sao? Buddy Holly cũng bốn mắt đấy thôi? Mình sẽ nhún nhảy đến khi chán thì thôi, mình sẽ hòa vào điệu nhạc đến khi mệt nhoài. Mình sẽ là ngôi sao rock and roll đầu tiên đến từ Maine. Mình sẽ...*

Suy nghĩ của cậu trôi dạt dần. Mà thế cũng chẳng sao. Cậu nhận ra hiện giờ, cậu không cần phải thở những hơi thật nông nữa. Phổi của cậu quen rồi. Muốn hút khói bao nhiêu, cậu có thể hút bấy nhiêu. Khéo có khi cậu là người sao Kim ấy chứ.

Mike ném thêm vài cành cây vào ngọn lửa. Không chịu thua kém, Richie cũng ném một nắm.

“Cậu thấy thế nào rồi, Rich?” Mike hỏi.

Richie mỉm cười. “Tốt hơn rồi. Khá tốt là đằng khác. Cậu thì sao?”

Mike gật đầu và mỉm cười đáp lại. “Tớ thấy ổn. Cậu có suy nghĩ nào lạ lùng không?”

“Có. Ban nãy tớ vừa nghĩ tớ là Sherlock Holmes. Rồi tớ nghĩ tớ có thể nhảy như the Dovells. Mắt cậu đỏ lắm, cậu không tưởng tượng nổi đâu.”

“Cậu cũng thế chứ hơn gì. Bọn mình như hai con chồn bị nhốt trong lồng ấy nhỉ?”

“Thế à?”

“Ừ.”

“Cậu muốn nói ổn cả không?”

“Ổn cả. Cậu muốn nói mình đã tìm ra từ rồi không?”

“Tớ tìm ra rồi đây, Mikey.”

“Ừ, được lắm.”

Cả hai nhún cười với nhau và rồi Richie tựa đầu ra sau tường, ngược lên nhìn lỗ khói. Chẳng mấy chốc, cậu lại thấy ý thức mình xa dần. Không. Không phải xa dần mà là BAY LÊN. Cậu đang là bay lên. Như

(dưới đây bọn ta đều lơ lửng)

một quả bóng bay.

“C-C-Các c-c-cậu ổn ch-chứ?”

Giọng của Bill vọng xuống từ lỗ khói, tựa hồ vang từ sao Kim. Giọng đờm ầu ầu. Richie cảm thấy mình trở về bên trong cơ thể.

“Ổn cả,” cậu nghe thấy giọng mình vang lên đáp lại, xa xôi và bức bối. “Ổn cả, bọn tớ bảo ổn cả, giữ trật tự đi Bill, để bọn tớ tìm được từ cần nói, để bọn tớ tìm được

(cả thế gian)

từ cần nói.”

Căn phòng sinh hoạt nhóm giờ rộng thênh thang, một vài chỗ được ốp gỗ sáng bóng. Khói dày đặc như sương mù và khó mà nhìn được ngọn lửa. Cái nê nhà gì thế này! Lạy Chúa giáng thế! Nó to chẳng kém gì sàn nhảy trong chương trình đại nhạc hội MGM. Mike nhìn sang bên kia, nhưng chỉ thấy bóng dáng bạn mình khóa lấp trong khói.

Cậu có đang ở đó không, Mikey bạn hiền?

Tớ ở ngay bên cậu đây, Richie.

Cậu vẫn nói mình ổn cả chứ?

Ừ... nhưng cậu nắm tay tớ nhé... cậu nắm được không?

Chắc được.

Richie chìa tay ra, và mặc dù Mike ở tít bên kia căn phòng mênh mông này, cậu vẫn cảm thấy những ngón tay da nâu cứng cỏi của bạn nắm lấy cổ tay mình. Ôi, cảm giác ấy mới tuyệt vời làm sao, cái nắm tay ấy mới kỳ diệu làm sao – thật tuyệt khi cậu tìm được đề mê trong vố vồ, tìm được vố vồ trong đề mê, tìm được vật chất trong khói và khói trong vật chất...

Nghiêng đầu ra sau, cậu nhìn lỗ khói, trắng gì mà trắng như bông. Giờ nó lại xa thêm một chút. Xa thêm cả vài dặm. Ôi bầu trời sao Kim.

Và rồi đi đâu đó đã xảy ra. Cậu bắt đầu trôi trong không trung. Đến thì đến đi, cậu thẫn nghĩ rồi bắt đầu bay cao dần qua màn khói, màn sương mù, hay bất cứ thứ màn gì đấy.

5

Họ không còn ở bên trong phòng sinh hoạt nhóm nữa.

Hai người bọn họ đứng cùng nhau ở giữa Vùng Đất Cằn, lúc ấy bóng đã ngả chiều hôm.

Cậu biết đây là Vùng Đất Cằn, nhưng mọi thứ thật khác lạ. Cây cối dường như um tùm hơn, rậm rạp hơn và ngát hương hơn. Đây là những loài cây cậu chưa từng nhìn thấy, và Richie nhận ra một vài thứ cậu tưởng là cây nhưng hóa ra là những cành dương xỉ khổng lồ. Có tiếng nước chảy, nhưng to hơn bình thường rất nhiều – nước này không giống tiếng nước chảy róc rách của sông Kenduskeag mà giống tiếng nước ào ào của dòng sông Colorado cắt qua Grand Canyon trong trí tưởng tượng của cậu.

Thời tiết cũng rất nóng nực. Không phải mùa hè của Maine không nóng, thỉnh thoảng tiết trời còn ẩm nồm khiến ban đêm nằm trên giường, người cứ cảm thấy nhón rít, nhưng cái nóng này và độ ẩm này kinh khủng hơn bất cứ lúc nào cậu từng trải qua trong đời. Một làn sương thâm thấp, mờ đục như khói nhưng dày đặc, bao phủ thung lũng và quẩn quanh chân hai người bọn họ. Nó có mùi cay cay như mùi gỗ tươi cháy.

Cậu và Mike bắt đầu cất bước tiến về phía có tiếng nước chảy mà không nói gì, chỉ lặng thầm vạch qua những tán lá kỳ lạ. Những dây leo to lớn lủng lẳng trên cây như mạng nhện, và có một lần Richie nghe thấy tiếng răng rắc vang lên trong bụi cây. Nó có vẻ to hơn một con nai.

Cậu dừng lại đủ lâu để nhìn xung quanh, xoay đúng một vòng, quan sát đường chân trời. Cậu biết nơi dựng ống trụ màu trắng rất to của Standpipe nhưng lại không thấy nó ở đó. Cũng không có cầu đường ray chạy thẳng đến sân ga ở cuối đường Neibolt hay khu dân cư Mũi Đất Cũ – nơi đáng lý tọa lạc Mũi Đất Cũ giờ chỉ có bờ đá thấp và những khối sa thạch đỏ nhô lên từ bụi dương xỉ khổng lồ cùng bụi thông.

Có tiếng vỗ cánh vang lên trên đầu. Hai cậu bé rụt người xuống khi một đàn dơi bay vụt qua. Đây là những con dơi có kích thước lớn nhất mà Richie từng tận mục sở thị, và trong khoảnh khắc, cậu cảm thấy sợ hơn cả

lúc Bill cố gắng đập cho Ánh Bạc chạy còn cậu thì nghe thấy tiếng Người sói rượt đuổi sau lưng. Sự trầm lắng và xa lạ của vùng đất này thật đáng sợ, nhưng sự *quen thuộc* của nó lại càng hãi hùng hơn.

Không việc gì phải sợ, cậu tự trấn an bản thân. Hãy nhớ rằng đây chỉ là giấc mơ, hoặc ảo giác hoặc bất cứ khái niệm nào mình muốn. Mình và cậu bạn Mikey thật ra đang ở trong phòng sinh hoạt nhóm, mơ mơ màng màng trong làn khói mà thôi. Chẳng mấy chốc sau, Bill To Bự sẽ cảm thấy xoắn hết cả lên vì không nghe thấy động tĩnh gì từ hai người bạn mình, rồi cậu ấy và Ben sẽ chui xuống, kéo bọn mình ra ngoài. Giống như Conway Twitty hay nói – chỉ là giả vờ mà thôi.

Nhưng cậu có thể thấy cánh của một con dơi tơi tả đến độ ánh mặt trời mờ mịt chiếu thẳng qua cánh, và khi họ đi qua bên dưới khóm dương xỉ khổng lồ, cậu trông thấy con sâu bướm màu vàng to đùng lặn qua cái lá màu xanh to bản, phủ bóng xuống đằng sau. Có những con bọ đen thui bé xíu nhảy tóe nhảy lui và rúc rúc trên thân sâu bướm. Nếu đây là một giấc mơ thì nó là giấc mơ rõ nét nhất mà cậu từng thấy.

Họ tiếp tục tiến về phía tiếng nước chảy, và giữa làn sương mù dày đặc cao đến đầu gối, Richie chẳng tài nào biết chân cậu có đang chạm đất hay không. Đi tiếp, bọn họ tới chỗ không còn sương mù và mặt đất nữa. Richie nhìn quanh, không tài nào tin nổi vào mắt mình. Nơi đây vừa không phải con sông Kenduskeag mà vừa là con sông. Dòng sông tung bọt trắng xóa, đục ngầu chảy qua phần đá vụn nát - phóng tầm mắt nhìn ra xa, cậu có thể trông thấy bao thác nước in hằn vào tầng đá dày, với những lớp sỏi cam xen kẽ. Ta không thể băng qua con sông trên những tảng đá, cần phải có cầu dây thừng, và nếu ngã xuống là chắc chắn kết cục bị cuốn phăng. Tiếng nước chảy nghe như tiếng gầm rú đầy phẫn nộ và cay đắng. Đưa mắt nhìn,

Richie há hốc mồm vì bất ngờ khi thấy con cá màu bạc ánh hờng nhảy lên thành đường cong cao đến không tưởng, chớp lấy những con bọt dạt thành từng đám trên mặt nước. Nó rơi đánh tùm xuống nước, cho Richie có đủ thời gian thẩm thấu sự hiện diện của nó, để cậu nhận ra cả đời cậu chưa từng thấy con cá nào giống như thế này bao giờ, kể cả trong sách.

Chim bay thành đàn trên bầu trời, đập cánh vù vù. Không chỉ có mười hay hai mươi con mà hằng hà vô số; trong thoáng chốc, bầu trời nghìn nghịt chim, đến độ ánh dương bị chắn hết. Có thứ gì đó răng rắc trong bụi cây, càng lúc càng nhiều. Richie guồng chân, trống ngực đập đến nhói đau trong lồng ngực, trông thấy con vật hao hao linh dương vụt qua, chạy thẳng về phía đông nam.

Sắp có biến xảy ra rồi. Và chúng biết điều đó.

Đàn chim bay qua, có lẽ chúng đang di tản về phương Nam. Thêm một con vật lao qua bọn họ... rồi một con nữa. Và rồi cả không gian tĩnh lặng, chỉ còn tiếng sông Kenduskeag ầm ì. Sự im lặng như đang chờ đợi gì đó, đang ngẫm nói gì đó và Richie không hề thích cảm giác bứt rứt này chút nào. Cậu cảm thấy tóc gáy mình dựng ngược sau gáy và phải mò mẫm nắm lấy tay Mike.

Cậu có biết bọn mình đang ở đâu không? Cậu hét lên với Mike. Cậu có tìm ra từ mô tả không? Chúa ơi, có chứ! Mike la lên đáp lại. Tớ có nghe! Đây là thời xa xưa, Richie ạ! Cách đây lâu rồi!

Richie gật đầu. Xa xưa, cách đây rất lâu rồi, cách đây cả quãng thời gian dài, khi con người ăn lông ở lỗ và tản mác. Họ đang có mặt Vùng Đất Cằn, vào thời điểm mà chỉ có Chúa mới biết cách đây bao nhiêu nghìn năm. Họ đang ở trong một quá khứ xa đến không tưởng, trước cả kỷ băng hà, khi New England còn là một vùng đất nhiệt đới giống như Nam Mỹ

hiện tại... ấy là nếu như vẫn còn khái niệm hiện tại. Cậu lại đưa mắt nhìn quanh, lo lắng, nơm nớp lo sợ mình sẽ trông thấy một con khủng long *brontosaurus* ngẩng cái cổ dài của mình lên trời và chăm chăm nhìn bọn họ, mồm ngậm đầy bùn, ngoạm cây cối bị nhổ bật rễ, hoặc một con hổ răng kiếm đang rình mò trong bụi cây.

Nhưng cả không gian chỉ chìm trong sự tĩnh mịch, chừng năm, mười phút sau, sấm rền vang, mây tím đen giăng kín bầu trời, ánh sáng biến thành thứ màu vàng tím bầm, không khí tĩnh không chút gió và nòng nặc thứ mùi như mùi ắc quy xe ô tô sặc quá tải.

Bọn mình đang ở thời xa xưa, cách đây cả triệu năm hoặc có khi là mười triệu, tám mươi triệu năm chẳng chừng, nhưng không còn nhằm lẫn gì nữa, bọn mình đang có mặt ở đây, và sắp sửa xảy ra biến gì đó, mình không biết đó là gì nhưng mình sợ quá chỉ mong nó sớm kết thúc mình muốn về lại Bill ơi tớ xin cậu kéo bọn tớ ra khỏi đây đi có cảm giác như bọn tớ đã rơi vào một bức tranh vậy xin cậu cứu bọn tớ với cứu với...

Mike siết chặt lấy tay cậu, và cậu nhận ra sự tĩnh mịch đã bị phá vỡ. Không gian rung động đầu đầu – cậu cảm nhận chứ không nghe thấy sự rung động ấy, nó nện vào màng nhĩ, dẫn truyền qua chuỗi xương con ốc tạo ra âm thanh. Rung động cứ thế vang đầu. Nó không tạo ra âm thanh mà chỉ

(ngôi lời ban đầu có ngôi lời ngôi lời ở cùng)

là một âm thanh chói tai, vô hồn. Cậu mò mẫm cái cây mà hai người đang đứng gần, và khi chạm tay vào, ôm theo thân cây, cậu có thể cảm nhận sự rung động bên trong. Cùng lúc, cậu cảm nhận được sự rung động trong chân mình, cảm giác nhồn nhột chạy lên mắt cá, bắp chân rồi lên đầu gối, khiến dây chằng của cậu chẳng khác nào âm thoa.

Nó càng lúc càng mạnh.

Nó giáng xuống từ trời cao. Không muốn nhìn nhưng không tài nào cản được, Richie ngẩng đầu lên. Mặt trời như đồng xu nấu chảy trên bầu trời mây giăng thấp, bao phủ bởi lớp hơi nước. Dưới mặt đất, lát cắt sum suê xanh rờn vốn là Vùng Đất Cằn tĩnh lặng không chút tiếng động. Richie chợt nghĩ có khi cậu hiểu ảo giác này là gì: họ sắp chứng kiến sự xuất hiện của Nó.

Rung động phát thành tiếng - một tiếng gầm trầm vang, to dần, đạt đến đỉnh điểm, chát chúa. Cậu đưa tay lên bịt tai, la to nhưng còn chẳng nghe thấy tiếng hét của bản thân. Bên cạnh cậu, Mike Hanlon cũng đang làm điểu tương tự, và Richie thấy mũi của Mike rớm máu.

Đám mây phía tây sáng lên quầng lửa đỏ. Quầng sáng lao về phía bọn họ, ban đầu chỉ là dải mảnh, rồi to dần thành con suối, dần dà thành con sông mang thứ màu đỏ đáng sợ. Nó nóng như thiêu như đốt, bốc đầy khói khiến bọn họ nghẹt thở. Thứ trên bầu trời khổng lồ, tựa hồ đầu diêm cháy bùng bùng, sáng đến lóa mắt. Nó tóe ra những tia lửa điện, quất vùn vụt những nhát roi xanh và phát ra sấm chớp ùng đoàng.

Một con tàu vũ trụ! Richie thét lên, ngã khuỵu xuống gồng rỗ bụng tay che mắt. *Ôi Chúa ơi, là một con tàu vũ trụ!* Nhưng cậu dám chắc - và sau đó cậu tìm cách giải thích thật rõ cho mọi người hiểu được - rằng nó không phải tàu vũ trụ, mặc dù khả năng cao nó vượt muôn trùng không gian để đến đây. Bất kể thứ giáng xuống vào cái ngày xa xưa ấy là gì, nó đến từ nơi vô cùng xa xôi chứ không phải chỉ là ngôi sao hay thiên hà khác, và cậu nghĩ ngay đến *tàu vũ trụ* là bởi tâm trí cậu chẳng lý giải nổi thứ mình đang trông thấy là gì.

Sau đó, một tiếng nổ vang lên – ầm ầm đến xé tai, theo sau là chuỗi rung chuyển ùng ùng khiến cả hai ngã vật xuống. Lần này, Mike là

người quơ quàng mò lấy tay Richie. Lại một tiếng nổ khác vang lên. Richie hé mắt và nhìn thấy ánh lửa lóe lên, màn khói dày đặc phụt lên bầu trời.

Là Nó! Cậu hét lên với Mike, hoảng loạn đến mù mịt - không một lần nào trong đời, bất kể là trước đó hay sau này, cậu thấy trào dâng trong lòng thứ cảm xúc rộn ngợp đến thế, choáng ngợp đến thế. *Là Nó! Là Nó! Là Nó!*

Mike kéo cậu đứng dậy và chạy dọc theo bờ sông dừng đứng, tiều tụy thân con sông Kenduskeag, chẳng buồn để tâm họ đang ở sát bờ vực như thế nào. Có lúc Mike loạng choạng và khuỵu gối. Và rồi đến lượt Richie ngã xuống, trầy hết ống khuỷu và rách bươm quần. Gió lại nổi lên vù vù, đẩy mùi rừng cháy khét lẹt về phía họ. Khói càng lúc càng dày đặc, Richie mơ hồ nhận thấy cậu và Mike không bỏ chạy một mình. Các loài vật cũng cuống cuồng tháo chạy, trốn khỏi màn khói, ngọn lửa cùng sự chết chóc trong ngọn lửa ấy. Có lẽ chúng chạy trốn khỏi Nó, khỏi vị khách mới xuất hiện trong thế giới của chúng.

Richie bắt đầu họ khù khụ. Cậu có thể nghe thấy Mike ở ngay bên cạnh, ho sặc sụa cùng mình. Khói ngày một dày lên, khóa lấp sắc xanh của cây cối và ánh xám đỏ của mặt trời hôm ấy. Mike lại vấp ngã và Richie vuột mất tay bạn. Cậu vội vàng quơ quàng xung quanh nhưng chẳng thấy.

Mike ơi! Cậu vừa hoảng sợ la hét vừa ho. *Mike, cậu ở đâu? Mike ơi!*
MIKE!

Nhưng Mike đã biến mất, cậu ấy không còn có mặt ở đây.

richie! richie! richie!

(!!ĐỒ HÂM!!)

richie! richie! richie, cậu có

ồn không?”

Mắt chớp lia lịa, mở ra, cậu trông thấy Beverly quỳ gối bên cạnh, lấy khăn tay chùi miệng mình. Các thành viên còn lại – Bill, Eddie, Stan và Ben – đứng đằng sau cô, khuôn mặt sốt vó sợ hãi. Một bên mặt của Richie đau như hoạn. Cậu cố lên tiếng nói chuyện với Beverly nhưng chỉ khục khặc trong họng. Cậu đằng hắng, suýt chút nữa thì nôn. Cậu cảm giác họng và phổi mình ngập ngựa trong khói.

Mãi cậu mới có thể lên tiếng nổi, “Cậu tát tớ hả Beverly?”

“Tớ chẳng biết làm gì ngoài thế,” cô nói.

“Đồ hâm,” Richie lầm bầm.

“Tớ cứ tưởng cậu xảy ra chuyện, thế thôi,” Bev nói rồi chợt òa khóc.

Richie vụng về vỗ vai cô, còn Bill đặt tay lên gáy cô. Cô bèn chạm vào tay cậu và siết thật chặt.

Richie gượng dậy. Thế giới chao đảo như đang đập dềnh theo sóng. Khi mọi thứ cân bằng trở lại, cậu thấy Mike đang tựa vào cái cây gần đó, mặt mơ màng và nhợt nhạt như tro.

“Tớ ới hả?” Richie hỏi Bev.

Cô gạt đầu, mắt vẫn ầng ậng nước.

Léo nhéo nhái Giọng Tay cảnh sát Ireland khàn khàn, cậu hỏi, “Có dính vào người cô không, cô nương?”

Bev phá lên cười trong làn nước mắt và lắc đầu. “Tớ lật người cậu lại. Tớ sợ... s-s-sợ cậu sẽ ng-ngạt thở.” Cô lại òa lên nức nở.

“B-B-Bất c-c-công quá.” Bill lên tiếng, vẫn nắm tay cô. “T-T-Tớ mới là người n-n-nói lắp ở đ-đ-đây mà.”

“Lên trình rồi ha, Bill To Bự,” Richie nói. Cậu cố đứng dậy song đành ngửa phịch xuống. Thế giới vẫn chao đảo xung quanh. Cậu lên cơn ho và phải quay đầu đi, nhanh trí nhận ra mình sắp nôn ọe ngay trước khi nôn thốc nôn tháo, Cậu òng ọc tuôn ra một bãi mật xanh mật vàng trộn lẫn nước bọt. Nhắm chặt mắt, cậu khàn khàn lên tiếng, “Ai muốn ăn vặt không?”

“Ồi vãi cứt!” Ben ré lên, thấy gớm ra mặt nhưng đồng thời vẫn không nhìn được cười.

“Bãi ối chứ cứt cái gì,” Richie nói, dù thực ra cậu vẫn nhắm nghiền mắt. “Cứt vốn đi ra bằng đường khác kia, chỉ ít với tở là vậy. Còn cậu ra sao thì tở không biết, Haystack ạ.” Mãi lúc sau, cậu mới mở mắt ra thì trông thấy phòng sinh hoạt nhóm cách đó chừng hai mươi mét. Cả cửa sổ và cửa sập to đều được mở toang. Khói phả ra từ hai cánh cửa, dù bây giờ chỉ còn tàn mát.

Lần này, Richie đủ sức gượng dậy. Trong thoáng chốc, cậu thấy khéo mình lại sắp nôn ọe đến nơi, hoặc lẫn đùng ra xỉu, hoặc cả hai. “Đồ hâm,” cậu lại lẩm bẩm, nhìn đất trời rung rinh, đập dềnh trước mắt. Khi cảm giác ấy qua đi, cậu loạng choạng bước đến chỗ Mike. Mắt của Mike vẫn đỏ như mắt chồn và nhìn vết ướm trên gấu quần của bạn, Richie đoán có khi ông bạn Mikey cũng đã làm một chuyến thang máy đường bụng cũng nên.

“Một cậu nhóc da trắng mà như vậy là quá giỏi,” Mike khàn khàn lên tiếng và khẽ thụi Richie một cú lên vai.

Richie ngần ngợ không biết đáp lại thế nào - một điếu hiểm hoi như mặt trời mọc đằng tây.

Bill tiến lại. Mọi người đi cùng cậu.

“Cậu kéo bọn tở ra à?” Richie hỏi.

“T-Tở và B-Ben. Các c-cậu l-la h-h-hét quá trời. C-Cả h-h-hai cậu. Nh-

Nh-Nhưng...” Cậu nhìn qua Ben.

Ben lên tiếng: “Chắc hẳn là do khói dày quá thôi, Bill ạ.” Phát biểu như vậy nhưng trong lời nói của cậu chẳng có chút nào chắc chắn.

Richie xô toẹt: “Cậu đang ám chỉ đi đâu mà tớ nghĩ cậu ám chỉ phải không?”

Bill nhún vai. “L-L-Là s-sao, R-Richie?”

Mike đáp: “Ban đầu bọn tớ đã biến mất, phải không? Cậu xuống vì nghe thấy bọn tớ hét, nhưng ban đầu, bọn tớ không có ở đó.”

“Dưới đó dày đặc khói,” Ben nói. “Nghe thấy bọn cậu hét ầm lên đã đủ sợ rồi. Nhưng tiếng hét... nghe có vẻ... ờ...”

“Ngh-Nghe c-c-có vẻ rất x-x-x-xa x-xôi,” Bill nói. Vừa lấp ba lấp bấp, cậu vừa kể lại khi cậu và Ben xuống dưới căn hầm, họ chẳng thể nào thấy Richie hay Mike ở đâu cả. Họ hốt ha hốt hải tìm khắp phòng sinh hoạt nhóm, hoảng hốt, lo lắng nếu họ không nhanh tay, hai người bạn của mình có thể chết vì ngộ độc khói. Cuối cùng, Bill chớp được bàn tay: tay của Richie. Cậu “k-kéo một ph-ph-phát th ần s-s ầu” và Richie bay ra từ bóng tối, mười phần thì chỉ còn tỉnh táo được hai phần. Khi Bill quay đầu nhìn quanh, cậu trông thấy Ben đang ôm lấy Mike, hai người ho sặc sụa. Ben ném Mike lên trên rồi chui ra cửa sập.

Vừa nghe, Ben vừa gật đầu.

“Tớ cứ chớp lấy chớp để, cậu biết không? Tớ chẳng biết làm gì, chỉ biết chìa tay ra như muốn bắt tay ấy. May sau cậu chớp lấy tay tớ, Mike ạ. Lúc cậu chớp lấy tay tớ, tớ mừng như lên tiến vậy. Tớ cứ tưởng cậu tiêu rồi chứ.”

“Nghe các cậu nói, tớ có cảm tưởng phòng sinh hoạt nhóm to lắm vậy,”

Richie nói. “Nào là mò mẫm, tìm khắp nơi, vân vân. Mỗi bức tường dài mét rưỡi chứ nhiều.”

Có một khoảnh khắc im lặng, tất cả nhìn chằm chằm vào Bill trong lúc cậu chau mày trầm tư.

“Nó t-to hơn r-r-rất nhi-ầu,” cuối cùng, cậu lên tiếng. “Đ-Đ-Đúng không, Ben?”

Ben nhún vai. “Lúc đó là vậy. Hoặc là do khói làm mình nh-ần tởng.”

“Không phải do khói đâu,” Richie nói. “Trước khi chuyện xảy ra – trước khi bọn tớ ra ngoài – tớ nhớ mình đã th-ần nhủ căn phòng to như phòng khiêu vũ trong phim vậy. Như trong mấy vở nhạc kịch ấy, như trong phim *Bảy cô vợ cho bảy anh em*, đại loại như vậy. Tớ còn chẳng thể nhìn thấy Mike tựa vào bức tường bên kia...”

“Trước khi các cậu ra ngoài?” Beverly hỏi.

“Ờ... ý tớ là... nói sao nh-ỉ...”

Cô chớp lấy tay Richie. “Xảy ra r-ồi, phải không? Thật sự xảy ra r-ồi! Cậu đã trông thấy ảo giác, như trong cuốn sách của Ben nói!” Mặt cô sáng bừng. “Ảo giác xảy ra r-ồi phải không?”

Richie hướng mắt xuống chân r-ồi quay sang nhìn Mike. Một bên qu-ần chỗ đầu gối của Mike đã toạc cả ra, và hai bên gối cậu cũng rách tả tơi. Cậu có thể nhìn qua hai cái lỗ và thấy chân mình xước chảy máu.

“Nếu nó là ảo giác thì tớ không bao giờ muốn trông thấy thêm lần nào nữa,” cậu nói. “Tớ không biết ông tướng kia thì sao, nhưng khi tớ xuống dưới đó, qu-ần tớ không bị thủng lỗ nào. Qu-ần còn mới coóng đ-àng hoàng. Mẹ tớ sẽ thét ra lửa với tớ mất.”

“Chuyện gì đã xảy ra?” Ben và Eddie đ-ồng thanh.

Richie và Mike đưa mắt liếc nhìn nhau, rồi Richie nói, “Bevvie, cậu có thuốc không?”

Cô mang theo hai điều thuốc quấn trong mảnh giấy ăn. Richie lấy một điều đưa lên miệng và khi cô châm thuốc, hơi rít đầu tiên khiến cậu ho sặc sụa đến độ phải trả lại cho cô. “Tớ chịu” cậu nói. “Xin lỗi nhé.”

“Bọn tớ về quá khứ,” Mike nói.

“Vớ vẩn quá,” Richie chỉnh lại. “Không phải chỉ là quá khứ mà là từ xa xưa.”

“Ừ, đúng rồi. Bọn tớ có mặt ở Vùng Đất Cằn, nhưng sông Kenduskeng chảy siết lắm, chắc với tốc độ 1,5 ki-lô-mét trên phút ấy chứ. Sông rất sâu. *Hoang đại* khủng khiếp. Xin lỗi Bevvie, từ ngữ hơi khó nghe nhưng thực sự là thế. Dưới sông có cá, tớ đoán chắc là cá hời.”

“B-B-Bố t-tớ b-bảo b-bấy l-l-lâu nay, s-sông K-Kendusk-k-keag không có n-nhữ m-m-một c-con cá. V-Vì n-nước thải.”

“Cảnh tượng này từ thời xa xưa rồi kìa,” Richie chỉnh lại. Cậu đưa mắt nhìn các bạn với vẻ bất định. “Tớ đoán chắc phải cả triệu năm trước là ít.”

Đáp lại lời nói của cậu là sự im lặng bàng hoàng như có sét đánh ngang tai. Cuối cùng, Beverly là người lên tiếng. “Nhưng chuyện gì đã xảy ra?”

Richie cảm nhận được ngôn từ dồn ứ trong cổ họng mình nhưng chật vật mãi, cậu mới có thể đem chúng ra ngoài. Cậu có cảm giác như mình đang nôn mửa thêm lần nữa. “Bọn tớ chứng kiến cảnh Nó xuất hiện,” cậu lúng túng. “Tớ nghĩ là thế.”

“Chúa ơi,” Stan lẩm bẩm. “Ôi Chúa ơi.”

Có tiếng hít rột roẹt vang lên khi Eddie dùng ống thở.

“Nó xuất hiện giữa thanh thiên bạch nhật,” Mike nói tiếp. “Cả đời này,

có cho vàng tở cũng chẳng muốn nhìn thấy cảnh tượng tương tự như vậy. Nó nóng đến độ ta không thể nhìn trực tiếp. Nó phóng điện và tạo ra sấm chớp. Âm thanh ấy...” Cậu lắc đầu và nhìn Richie. “Cứ như thể sắp tận thế đến nơi vậy. Khi va chạm xuống đất, nó gây ra cháy rừng. Đến đây thì hết.”

“Nó là tàu vũ trụ à?” Ben hỏi.

“Ừ.” Richie đáp.

“Không phải,” Mike phản bác.

Hai người đưa mắt nhìn nhau.

“Chắc, ừ thì cũng có thể,” Mike nói, và cùng lúc, Richie cũng lên tiếng: “Không phải, nó không hẳn là một con tàu vũ trụ, các cậu biết đấy, nhưng...”

Hai người bọn họ khựng lại trong lúc các thành viên trong nhóm nhìn họ với vẻ bối rối.

“Cậu nói đi,” Richie nói với Mike. “Tớ thấy bọn mình đang bàn về cùng một vấn đề, nhưng kiểu này mọi người không hiểu đâu.”

Mike ho sù sụ vào tay rồi ngược nhìn mọi người với vẻ có lỗi. “Tớ chẳng biết phải giải thích thế nào với các cậu,” cậu nói.

“Th-Th-Thử xem,” Bill thúc giục.

“Nó bất ngờ xuất hiện từ trên bầu trời,” Mike lặp lại, nhưng nó không hẳn là tàu vũ trụ. Cũng không phải sao băng. Nó giống như... ờ.. như Hòm bia Giao ước trong Kinh Thánh, bên trong chứa Thánh Linh Chúa... có đi đâu, đó không phải Chúa. Chỉ cần cảm nhận và chứng kiến cảnh Nó xuất hiện là đủ để chúng ta biết Nó là một thế lực kinh khủng và tệt hại ra sao.”

Cậu nhìn mọi người.

Richie gật đầu. “Nó đến từ... *bên ngoài*. Tớ có cảm giác vậy. Nó đến từ *bên ngoài*.”

“Bên ngoài nào vậy Richie?” Eddie hỏi.

“Bên ngoài tất cả,” Richie đáp. “Và khi Nó giáng xuống... Nó tạo ra một cái lỗ khổng lồ mà có khi cả đời ta chẳng bao giờ thấy được. Nó biến cả quả đất rộng lớn này trở thành một cái bánh vòng. Nó đáp xuống ngay vị trí trung tâm thị trấn Derry hiện tại.”

Cậu đưa mắt nhìn cả nhóm. “Các cậu hiểu chưa?”

Beverly đánh rơi điều thuốc hút dở và lấy chân dụi tắt.

“Thật ra Nó luôn luôn hiện diện ở đó,” Mike nói, “từ điểm khởi thủy của thời gian... từ trước khi con người xuất hiện trên quả đất này, có chăng chỉ rải rác vài người ở châu Phi, đu từ cây này sang cây kia, sống ăn lông ở lỗ mà thôi. Hiện giờ, cái hố không còn nữa, và có lẽ kỷ băng hà đã khoét cho thung lũng này sâu hơn, thay đổi một số cảnh quan cũng như lấp đầy hố... nhưng từ ngày ấy, Nó đã có mặt ở đây rồi, ngủ say, đợi băng tan chảy và đợi đến khi con người đăng đàn.”

“Đó là lý do Nó sử dụng hệ thống cống thoát nước và nước thải,” Richie nói thêm. “Chắc hẳn đây là con đường mà Nó thỏa sức vẫy vùng”

“Các cậu không thấy hình dạng của Nó ra sao à?” Stan Uris đột ngột cất tiếng hỏi, giọng khô khốc.

Họ lắc đầu.

“Liệu chúng ta có thể đánh bại Nó không?” Eddie lên tiếng phá tan sự im lặng. “Một thứ sinh vật như thế?” Song không ai lên tiếng trả lời.

CHƯƠNG 16

EDDIE KÉM MAY

1

Richie nói xong, ai nấy đều gật gù. Eddie cũng gật theo, nhớ lại theo mọi người, đúng lúc ấy, bỗng dưng một cơn đau chạy dọc lên tay trái của anh. Chạy dọc lên ư? Không phải. Nó xoèn xoẹt qua tay anh: như thể có ai đó đang mài lưỡi cưa gỉ sét vào khúc xương bên trong. Nhấn mặt, anh đưa tay vào túi áo khoác, rờ rẫm đủ loại chai lọ bên trong và lấy ra [Excedrin](#). Anh nuốt hai viên bằng một ngụm rượu gin pha nước mặn. Tay anh đau thành từng cơn cả ngày hôm nay. Ban đầu, anh không mấy quan tâm vì cứ tưởng cái nhói đau này chỉ là do viêm bao hoạt dịch mà thỉnh thoảng cứ trái gió trở trời là anh lại bị. Nhưng nghe đến giữa câu chuyện của Richie, một ký ức mới lóe lên trong đầu, và anh nhận ra bản chất của cơn đau. Chúng ta không còn nhân nha dạo chơi trên Làn đường Ký ức nữa rồi, anh thêm nghĩ, càng lúc tốc độ càng chẳng thua kém gì cao tốc Long Island. Một loại thuốc giảm đau.

Năm năm trước, trong một buổi kiểm tra sức khỏe định kỳ (Eddie kiểm tra sức khỏe sáu tuần một lần), bác sĩ bảo anh: “Tay của anh có vết gãy cũ ở đây, Ed ạ... Ngày bé anh từng trèo cây rồi bị ngã à?”

“Nôm na là vậy,” Eddie hùa theo, chẳng buồn nói với bác sĩ Robbins rằng mẹ anh chắc chắn sẽ lăn đùng ra chết vì xuất huyết não nếu bà trông thấy hoặc nghe thấy Eddie của bà trèo lên cây. Sự thật là anh chẳng tài nào nhớ nổi chính xác lý do tại sao mình lại gãy tay. Đẳng nào lúc ấy, điều đó cũng chẳng quan trọng lắm (nhưng giờ nghĩ lại, Eddie thấy thật kỳ cục khi

anh thân nhiên đến thế – anh là kẻ xem cái hắt xì hoặc chút đổi màu khi đi nặng là chuyện kinh thiên động địa kia mà). Nó chỉ là vết gãy cũ, chút khó chịu cón con, biến cố xảy ra cách đây đã lâu, từ cái thời thơ ấu mà anh chẳng còn nhớ tí gì, cũng không buồn nhớ lại cho rách việc. Nó chỉ đau âm ỉ vào những hôm trời mưa mà anh phải lái xe đường dài. Một vài viên aspirin là đau lại vào đó ngay. Không thành vấn đề.

Nhưng giờ đây, nó không còn là chút khó chịu cón con nữa, tựa hồ một kẻ điên đang mài lưỡi cưa gỉ sét, chơi điệu nhạc trên xương cốt anh, và anh chợt nhớ đó chính là cảm giác của anh ở bệnh viện, nhất là lúc nửa đêm, vào ba hay bốn ngày đầu tiên sau khi chuyện xảy ra. Nằm trên giường, mồ hôi ròng ròng trong cái nóng mùa hè, đợi y tá mang thuốc cho mình, nước mắt lặng lẽ chảy xuống má vào hôm tai, cậu bé là anh năm xưa đã tự nhủ Như thế có một thằng điên đang mài lưỡi cưa bên trong.

Nếu ký ức đang trên đường ừa về, Eddie nghĩ, thì mình thì dùng chất để tẩy sạch não còn hơn: làm một cú tẩy sạch tâm trí.

Anh cất tiếng trong vô thức: “Henry Bowers là kẻ đã làm gãy tay tớ. Các cậu có nhớ không?”

Mike gật đầu. “Chuyện xảy ra ngay trước khi Patrick Hockstetter mất tích. Tớ chỉ không nhớ ngày nào thôi.”

“Tớ nhớ đấy,” Eddie nói. “Ngày 20 tháng 7. Hockstetter được thông báo mất tích vào ngày... ờ.... ngày 23 thì phải?”¹

“Ngày 22,” Beverly Rogan nói, dù cô không kể với các bạn lý do tại sao cô lại nhớ như in ngày tháng chuyện này đến thế: nguyên nhân là bởi cô đã chứng kiến Nó bắt Hockstetter. Cô cũng không kể với mọi người rằng cả ngày ấy lẫn bây giờ, cô đều tin rằng Patrick Hockstetter là một kẻ tâm thần, thậm chí còn điên loạn hơn cả Henry Bowers. Cô sẽ kể với các bạn,

nhưng giờ đang là lượt của Eddie. Tiếp theo sẽ đến lượt cô phát biểu, và sau đó, cô đoán Ben sẽ kể lại cao trào những sự kiện trong tháng Bảy ấy... viên đạn bạc mà ban đầu họ ngăn ngừa không dám chế tác. Cô thấy đây quả là một hành trình ác mộng – những niềm hân hoan điên rồ ấy vẫn không vơi bớt trong lòng cô. Lần cuối cùng cô thấy mình tràn đầy nhựa sống như vậy là bao giờ nhỉ? Cô thậm chí chẳng ngồi yên nổi.

“Ngày 20 tháng 7 à,” Eddie hào hứng, lăn lăn chuyển ống thở trên bàn từ tay này sang tay kia. “Ba hoặc bốn ngày sau sự kiện lỗ khói. Báo hại tớ bị bó bột cả mùa hè, các cậu nhớ không?”

Richie vỗ trán, một cử chỉ mà mọi người vốn chẳng xa lạ gì ngày trước, và rồi Bill chợt nghĩ, vừa thích thú vừa khó chịu, trong khoảnh khắc ấy, Richie trông giống y như Beaver Cleaver. “Có chứ sao không? Lúc bọn mình đến căn nhà trên đường Neibolt, cậu vẫn phải bó bột đúng không? Và sau đó... trong bóng tối...” Nhưng rồi Richie đành khẽ lắc đầu bối rối.

“Sao thế, R-Richie?” Bill hỏi.

“Tớ chưa thể nhớ ra phần ấy,” Richie thú nhận. “Cậu thì sao?” Bill cũng chậm rãi lắc đầu.

“Hôm đó, Hockstetter đi chung với bọn chúng,” Eddie kể. “Đó là lần cuối cùng tớ thấy cậu ta lúc còn sống. Có lẽ cậu ta thế chỗ cho Peter Gordon. Tớ nghĩ Bowers không muốn Peter trong hội sau khi thấy cậu này bỏ của chạy lấy người vào trận ném đá.”

“Bọn họ đều bỏ mạng cả rồi nhỉ?” Beverly khẽ hỏi. “Sau Jimmy Cullum, những nạn nhân thiệt mạng đều là bạn bè của Henry Bowers... hoặc từng giao du với cậu ta.”

“Tất cả đều chết, trừ Bowers,” Mike đồng tình, liếc mắt nhìn về phía chùm bóng bay đang được cột vào máy quét vi phim. “Mà bây giờ, hẳn ta

ở đôi Juniper rồi. Đó là một nhà thương điên tư nhân ở Augusta.”

“Th-Th-Thế lúc bọn chúng làm cậu gãy tay thì sao, E-E-Eddie?” Bill hỏi tiếp.

“Cậu càng lúc càng nói lắp rồi kìa, Bill To Bự,” Eddie trầm ngâm nói rồi nốc cạn đồ uống của mình trong một ngụm.

“Cứ kệ đi,” Bill đáp. “K-Kể bọn tớ nghe với.”

“Kể bọn tớ với,” Beverly lặp lại rồi khẽ đặt tay lên cánh tay anh. Con đau nhói lên ở đó.

“Được thôi,” Eddie nói. Anh rót thêm rượu, nhìn chằm chằm vào ly rồi nói, “Tớ xuất viện được vài ngày thì các cậu ghé qua nhà và cho tớ xem mấy viên bi bằng bạc. Cậu còn nhớ không Bill?”

Bill gật đầu.

Eddie quay sang nhìn Beverly. “Bill hỏi nếu có biến thì liệu cậu có sẵn sàng bắn hay không... vì cậu ngắm bắn rất chuẩn. Tớ nhớ hình như cậu bảo cậu không... vì cậu sẽ sợ đến độ không làm được gì. Và cậu bảo bọn tớ điều gì nữa kìa, nhưng tớ chưa nhớ ra. Hình như là...” Eddie thè lưỡi, chạm vào đầu lưỡi như thể đánh gì đó. Richie và Ben nhe răng cười. “Về Hockstetter phải không nhỉ?”

“Ừ.” Beverly đáp. “Tớ sẽ kể khi cậu nói xong. Cậu cứ kể tiếp đi.”

“Sau khi các cậu ra về, mẹ tớ vào phòng và hai mẹ con tớ đã cãi nhau một trận nảy lửa. Bà không muốn tớ giao du với các cậu thêm nữa. Suýt chút nữa thì mẹ đã nài ép tớ thành công - mẹ tớ rất biết cách thuyết phục người khác mà, các cậu biết đấy...”

Bill lại gật đầu. Anh nhớ bà Kaspbrak là một phụ nữ to con với khuôn mặt kỳ lạ như mớ hồ lớn biểu cảm, khuôn mặt có thể tỏ vẻ lạnh lùng, giận

giữ, khôn khổ và sợ hãi cùng một lúc.

“Ừ, suýt chút nữa thì tớ đã xuôi theo,” Eddie nói. “Nhưng lại có một sự kiện khác xảy ra vào cái ngày Bowers làm gãy tay tớ. Một sự việc khiến tớ tỉnh mộng.”

Anh khẽ cười và thăm nhủ trong đầu: Cái gì mà làm tớ tỉnh mộng kia chứ... Mày chỉ biết nói như vậy thôi sao? Nói chuyện liệu được tích sự gì khi mày chẳng bao giờ có thể nói thật với mọi người cảm nhận thật sự của mày? Nếu là trong sách hay trong phim, đi đâu mình phát hiện ra trước khi bị Bowers làm gãy tay sẽ thay đổi hoàn toàn đời mình, khiến mọi thứ không còn như xưa... nếu là trong sách hay trong phim, nó sẽ cho mình tự do. Trong sách hay trong phim, mình sẽ không trừ cả một va li thuốc trong phòng khách sạn, mình sẽ không cưới Myra, mình sẽ không cần cần theo cái ống thở chết toi này. Ấy là trong sách hay trong phim. Vì...

Bỗng dưng, trong lúc họ đang nhìn thì ống thở của Eddie tự động lặn trên mặt bàn. Vừa lặn, nó vừa phát ra tiếng lạo xạo khô khốc, nghe hao hao tiếng gõ maracas và tiếng xương... đồng thời phảng phất tiếng cười. Khi chạy đến đầu bàn bên kia, giữa Richie và Ben, nó rơi xuống đất. Richie giật mình toan chộp lấy xong Bill ré lên, “Đừng ch-ch-chạm vào!”

“Chùm bóng bay kìa!” Ben hét lên, cả nhóm quay đầu lại.

Cả hai quả bóng cột vào máy quét vi phim ghi THUỐC HEN SUYỄN GÂY UNG THƯ! Bên dưới câu khẩu hiệu là hình đầu lâu đang cười toe toét.

Cả hai quả nổ ù ù.

Nhìn cảnh đó, miệng Eddie khô khốc, anh cảm thấy lông ngực mình sắp nghẹt thở như bu lông siết vào chốt.

Bill nhìn qua anh. “Ai b-bảo cậu như vậy và h-h-họ bảo gì với cậu?”

Eddie liếm môi, chỉ muốn đuổi theo ống thở của mình nhưng lại không dám. Biết ở bên trong nó có gì kia chứ?

Anh nghĩ về ngày hôm ấy, ngày 20, về cái nóng hầm hập, về việc mẹ cho anh một tờ séc, tất cả thông tin đều đã điền ngoại trừ phần tiền, cùng một đô-la tiền mặt – đây là khoản tiêu vặt của anh.

“Ông Keene,” anh nói, và giọng anh văng lại nghe thật xa xôi và bất lực trong chính tai anh. “Ông Keene chính là người nói vậy.”

“Tính ra ở Derry này, ông ấy cũng thuộc dạng khó tính,” Mike nói nhưng Eddie chẳng nghe thấy bởi anh đang chìm trong suy nghĩ.

Phải, hôm ấy trời nóng nhưng bên trong Tiệm thuốc đường Trung Tâm lại rất mát mẻ, quạt gỗ quay nhẹ dưới trần nhà ộp thiếc, có một thứ mùi dễ chịu của đủ các loại bột và thuốc thang. Đây vốn là nơi họ bán sức khỏe – ấy là niềm tin thâm căn cố đế tuy bất thành văn nhưng rõ ràng như ban ngày của mẹ anh, và khi đồng hồ cơ thể năm ấy mới chỉ 11 giờ 30 phút, Eddie chẳng mảy may nghi ngờ mẹ mình sai lầm.

Chà, ông Keene chính là người dập tắt sự tin tưởng ấy của mình, anh thâm nhủ, dư vị của tức giận vương lại ngọt ngào.

Anh nhớ mình đã đứng ở giá truyện tranh suốt một lúc lâu, khẽ xoay nó xem có tập Người dơi, Cậu bé Siêu phàm, hoặc Người Co giã – bộ truyện ưa thích của cậu – nào mới hay không. Eddie đã đưa danh sách thuốc thang mẹ soạn (mẹ bảo cậu đến tiệm thuốc giống như mẹ của những cậu con trai khác bảo con mình đến tiệm tạp hóa ở góc đường) và tờ séc mẹ viết cho ông Keene; ông sẽ chuẩn bị đơn hàng rồi viết số tiền vào tờ séc, đưa lại cho Eddie hóa đơn để bà có thể tự trừ phần tiền từ số dư séc. Tất cả là Quy trình Thao tác Chuẩn cho Eddie. Có ba đơn thuốc khác nhau cho mẹ cậu, thêm một lọ Geritol vì, mẹ nói một cách rất ư bí ẩn, “Nó chứa rất

nhieu sắt, Eddie ạ, mà phụ nữ thì cần nhiều sắt hơn nam giới.” Ngoài ra còn có các loại vitamin cho cậu, một lọ xi rô Dr. Swett cho trẻ em... và tất nhiên, thuốc hen suyễn cho cậu.

Lần nào cũng y như lần nào. Sau đó, cậu sẽ ghé qua Chợ Đại lộ Costello với tờ đô la trong túi để mua hai phong kẹo cùng một lon Pepsi. Cậu sẽ ăn kẹo, uống nước ngọt và rung leng keng những đồng xu lẻ được thối lại trong túi. Nhưng ngày hôm ấy lại khác, nó sẽ kết lại bằng việc cậu phải vào bệnh viện, điều này thì khác một trời một vực so với bình thường rồi, song mọi thứ bắt đầu chệch khỏi quỹ đạo khi ông Keene gọi cậu vào trong. Thay vì đưa cho cậu cái túi màu trắng rất to đựng thuốc và hóa đơn, dặn dò cậu cất hóa đơn vào túi kẻ mắt, ông Keene lại trầm tư nhìn cậu rồi bảo, “Ra

2

sau văn phòng với ta một chút, Eddie. Ta có chuyện muốn nói với cháu.” Eddie chỉ nhìn ông một thoáng, chớp mắt với chút sợ hãi. Trong đầu cậu vụt qua suy nghĩ có khi ông Keene tưởng cậu chồm chìa gì đó ở cửa hàng chẳng. Ngoài cửa để một tấm biển mà khi nào bước vào Tiệm thuốc đường Trung Tâm, cậu cũng đọc. Nội dung được đề bằng những chữ cái màu đen đầy đe dọa, kích thích lớn đến độ cậu cá ngay cả Richie Tozier còn có thể đọc mà không cần mang kính: ĂN CẤP VẶT KHÔNG HAY HO”, “NGẤU” HOẶC “CHẤT CHOT”! ĂN CẤP VẶT LÀ PHẠM TỘI VÀ SẼ BỊ TRUY TỐ!

Eddie chưa lần nào ăn cấp vặt, nhưng tấm biển ấy luôn khiến cậu cảm thấy tội lỗi – khiến cậu có cảm giác như thể ông Keene biết chuyện gì đó về cậu mà ngay đến bản thân cậu còn chẳng hay.

Rồi ông Keene càng khiến cậu rối rắm hơn khi hỏi, “Cháu ăn sô-đa kem không?”

“Dạ...”

“Ồ, để ta mời. Tầm giờ này trong ngày, ta lúc nào cũng uống một phần trong văn phòng. Phủ phê năng lượng, trừ những ai cần phải kiểm soát cân nặng, mà ta thấy hai ta đều không thuộc dạng đó. Vợ ta bảo ta tong teo hơn mỗi cọng dây. Cậu bạn của cháu, cậu bé Hanscom ấy, mới là người cần phải lo lắng về chuyện thừa cân. Cháu thích vị gì, Eddie?”

“Dạ thôi ạ, mẹ cháu dặn phải về nhà ngay khi...”

“Ta đoán cháu thích vị sô-cô-la đấy nhỉ? Cháu thấy sô-cô-la được không?” Mắt của ông Keene ánh lên, nhưng cái lấp lánh ấy có gì đó thật khô khốc, như thể ánh mặt trời phản chiếu vào tấm nhựa trong trên sa mạc. Đó là cảm nghĩ trong đầu Eddie, vốn hâm mộ những tác giả phương Tây như Max Brand và Archie Joceylen.

“Dạ vâng.” Eddie cung kính không bằng tuân mệnh. Cách ông Keene đẩy kính gọng vàng lên mũi có nét gì đó khiến cậu sốt ruột. Ở ông Keene toát lên vẻ vừa căng thẳng vừa âm thầm hài lòng. Cậu chẳng muốn vào văn phòng với ông chút nào. Mọi thứ không đơn giản chỉ là ly sô-đa. Không phải. Bất kể vấn đề là gì, Eddie mơ hồ cảm nhận nó không phải tin tốt lành gì cho cam.

Khéo có khi ông ấy sẽ bảo mình mắc ung thư hay gì đó, Eddie sốt vó. Ung thư mà con nít hay bị ấy. Máu trắng thì phải. Chúa ơi!

Ôi trời, đừng ngó ngẩn như thế chứ, cậu trấn an bản thân, cố ra vẻ như Bill Cà Lăm trong tâm trí. Bill Cà Lăm đã thay thế Jock Mahoney đóng vai Range Rider trong chương trình ti vi sáng thứ Bảy để trở thành anh hùng trong cuộc đời Eddie. Mặc dù không thể nói tròn vành rõ chữ, Bill To Bự

lúc nào cũng cứng rắn đứng đầu sóng ngọn gió. Ông này là được sĩ chứ có phải bác sĩ đâu, vì Chúa. Nhưng Eddie lo thì vẫn cứ lo.

Ông Keene nâng cửa quầy lên và ngoắc ngoắc ngón tay xương xẩu gọi Eddie vào. Eddie làm theo nhưng cứ lừng khừng mãi.

Ruby, cô nhân viên trong quầy, đang ng ồi cạnh quầy thanh toán đọc tạp chí *Silver Screen*. “Cô làm hộ tôi hai ly sô-đa kem với nhé, Ruby?” Ông Keene gọi với ra. “Một sô-cô-la, một cà phê nhé?”

“Vâng.” Ruby đáp, đánh dấu trang tạp chí bằng lớp giấy bạc của kẹo cao su rồi đứng dậy.

“Mang vào văn phòng hộ tôi nhé.”

“Vâng.”

“Đi nào. Ta có cần đâu mà cháu sợ.” Và lạ chưa, ông Keene còn nháy mắt nửa kia, khiến Eddie choáng váng không để đâu cho hết.

Chưa l ần nào được bước ra sau quầy, cậu đưa mắt nhìn cơ man nào là chai lọ, thuốc thang và hộp đựng với vẻ đầy thích thú. Cậu sẽ nán lại lâu hơn nếu ở đây một mình, xem xét thật kỹ bộ chày đi kèm cối của ông Keene, cân và tạ, tô thủy tinh đựng đầy thuốc con nhộng. Nhưng ông Keene hối thúc cậu vào văn phòng rồi đóng sập cánh cửa sau lưng cậu. Khi cửa đóng cách, Eddie cảm thấy ngực mình thắt lại một cách đáng ngại, cậu ra sức g ồng. Trong số thuốc mới mua có một ống thở, và khi nào ra khỏi đây, cậu sẽ hít một hơi thật dài, thật sáng khoái.

Ở góc bàn của ông Keene có một hộp đựng que cam thảo. Ông mời Eddie.

“Dạ thôi, cháu cảm ơn ạ” Eddie lễ phép.

Ông Keene ng ồi xuống chiếc ghế xoay phía sau bàn và nhón lấy một

que. Đoạn ông mở ngăn kéo lấy thứ gì đó. Ông đặt nó bên cạnh hộp kẹo cam thảo cao kầu, đến lúc này thì Eddie cảm thấy toàn thân như báo động đỏ. Là ống thở. Ông Keene ngả ra ghế cho đến khi đầu ông gần như chạm vào lịch treo tường đằng sau. Bức hình trên lịch chi chít đầy thuốc, ghi chữ SQUIBB. Và...

Tên một công ty dược phẩm.

... và trong một khoảnh khắc tựa hồ ác mộng, khi ông Keene mở miệng toàn nói gì đó, Eddie chợt nhớ lại chuyện xảy ra ở tiệm giày lúc cậu còn bé, khi mẹ hét toáng lên mắng cậu cái tội thò chân vào máy chụp X-quang. Trong một khoảnh khắc tựa hồ ác mộng ấy, Eddie cứ tưởng ông sẽ nói: “Eddie này, cứ mười bác sĩ thì có chín người cho rằng thuốc hen suyễn sẽ khiến ta bị ung thư, giống máy chụp X-quang mà người ta dùng trong tiệm giày đấy. Có khi cháu cũng mắc ung thư rồi. Ta nghĩ cháu nên biết đi đâu đó.”

Nhưng không, đi đâu mà ông Keene nói trong thực tế lại vô cùng kỳ lạ, đến độ Eddie chẳng biết đáp thế nào, cậu chỉ biết ngửi mùi hương trên băng ghế gỗ đối diện bàn ông như đồng gốc.

“Chuyện này kéo dài như thế là đủ rồi.”

Eddie mở miệng rồi lại khép.

“Cháu bao nhiêu tuổi rồi, Eddie? Mười một đúng không nhỉ?”

“Dạ phải, Eddie khế khọt. Hơi thở của cậu càng lúc càng nồng. Cậu chưa rút lên như ấm đun trà (mà Richie hay bảo: *Có ai tắt Eddie hộ tót mới! Cậu ấy sôi sùng sục rồi kìa!*) nhưng nó có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Cậu nhìn đau đầu vào ống thở trên bàn ông Keene, và vì dường như phải nói gì đó, cậu lên tiếng: “Tháng Mười một này cháu tròn mười hai tuổi.”

Ông Keene gật đầu, đoạn cúi người tới trước như dược sĩ trong quầy

cáo trên ti vi và khum hai tay lại. Mắt kính của ông lấp lánh dưới ánh đèn huỳnh quang sáng choang phả xuống. “Cháu có biết giả được là gì không, Eddie?”

Eddie căng thẳng, vận dụng mọi suy đoán của mình: “Đó là một bộ phận trên con bò mà sữa chảy ra từ đó phải không ạ?”

Ông Keene phá lên cười rồi ngả người ra sau ghế. “Không phải.” ông đáp và Eddie ngượng chín mặt, đỏ bừng đến tận chân tóc. Giờ cậu có thể nghe thấy tiếng thở của mình dần rít lên. “Giả được là...”

Lời ông nói bị chen ngang bởi tiếng gõ cửa đanh gọn. Không đợi ông lên tiếng, Ruby bước vào với hai ly sô-đa kem kiêu xua trên tay. “Của cháu chắc là sô-cô-la nhỉ,” cô nói với Eddie và nhoẻn miệng cười. Cậu cố gắng cười đáp lại, song cả đời mình, đó là lần đầu tiên sự quan tâm của cậu dành cho sô-đa kem lại chạm đáy đến thế. Cậu thấy sợ một cách vừa mơ hồ vừa cụ thể, giống như cảm giác sợ khi ngồi trên bàn khám của bác sĩ Handor, độc mỗi qu ân con, nôm nớp đợi bác sĩ bước vào, biết rõ mẹ mình đang ở ngoài phòng chờ, bành trướng gần hết ghế với cuốn sách (thường là cuốn *Sức mạnh của Tư duy Tích cực* của Norman Vincent Peale hoặc *Bài thuốc Dân gian Vermont* của bác sĩ Jarvis) đưa lên sát mắt như sách thánh ca. Bị lột trần, bất lực, cậu cảm thấy mắc kẹt giữa hai người.

Cậu hớp vài ngụm sô-đa sau khi Ruby đi ra ngoài nhưng thấy nhạt thếch.

Ông Keene đợi đến lúc cửa đóng lại, đoạn nở nụ cười mặt-trời-chiếu-lên-nhựa khô khốc ấy. “Thả lỏng đi nào, Eddie. Ta có cần cháu hay làm hại cháu đâu mà cháu sợ.”

Eddie gật đầu, vì ông Keene là người lớn, mà con nít thì phải nghe theo người lớn bằng mọi giá (mẹ cậu dạy như thế), song trong đầu, cậu thầm

nghĩ: *Ôi cháu xin, cháu nghe mấy câu vớ vẩn ấy nhiều rồi.* Đó cũng là lời bác sĩ nói khi mở máy khử trùng, thứ mùi c òn găt đến đáng sợ bay ra khiến mũi cậu cay cay. Đó là mùi của thuốc tiêm, mùi bịa đặt và cả hai đều cùng một giuộc: khi họ bảo không sao đâu, chỉ như kiến cắn thôi, chẳng đau đớn gì đâu, thì có nghĩa là nó sẽ *đau như hoạn*.

Cậu hút thêm một hớp sô-đa nhưng chẳng được tích sự gì, cậu c ãn thêm không gian trong cổ họng đang thít lại để hít không khí. Cậu nhìn ống thở đặt giữa xấp giấy của ông Keene, muốn xin nhưng lại không có gan. Suy nghĩ kỳ cục lướt qua đầu cậu: có khi ông biết cậu muốn ống thở mà không dám xin, rằng có khi ông đang

(hành hạ)

trêu cậu. Song ý tưởng này nghe rõ là ngu xuẩn nhỉ? Ai đòi một người lớn - nhất là một người lớn *phân phối sức khỏe* – lại đi trêu một đứa nhóc kia chứ? Chắc hẳn là không r ấ. Thậm chí ý tưởng đó chẳng đáng để ta suy xét tới, bởi suy xét một đi ều như vậy sẽ bắt Eddie đánh giá lại thế giới mà bấy lâu nay cậu tưởng mình hiểu, và đó là đi ều hết sức đáng sợ.

Nhưng ống thở ở kia, gần ngay trước mặt mà xa tựa chân trời, tựa hồ nguồn nước nằm ở ngoài t ần với của người đàn ông đang chết khát trên sa mạc. Nó ở kia, ngay trên bàn, dưới đôi mắt nở nụ cười khô khốc như nắng chiếu lên nhựa của ông Keene.

Trên tất cả, Eddie ước giá mà lúc này, cậu đang ở Vùng Đất Cằn chơi đùa với nhóm bạn. Cứ nghĩ tới việc có một con quái vật, một con quái vật vô song, đang lẫn lút trong thành phố nơi cậu chôn rau cắt rốn và lớn lên, sử dụng hệ thống cống thoát nước cùng cống nước thải để mò từ nơi này đến nơi khác, khiến cậu kinh hãi, nghĩ tới việc phải *chiến đấu* chống lại thứ sinh vật ấy, phải *đánh bại* nó, thậm chí còn đáng sợ hơn... nhưng bằng

một cách nào đó, tình huống hiện tại tệ hại hơn nhiều. Làm sao ta có thể chống lại một người lớn khi người đó bảo ta sẽ không chịu đau đớn gì dù ta biết nó sẽ rất đau? Làm sao ta có thể chống lại một người lớn khi người đó hỏi ta những câu kỳ cục và nói những điều hết sức ám muội như *Chuyện này kéo dài thế là đủ rồi?* Và rồi như suy nghĩ âm thầm trỗi lên trong đầu, Eddie khám phá một trong những chân lý lớn lao của tuổi thơ mình: *Người lớn là những con quái vật thật sự*. Suy nghĩ ấy không phải như mặt trời chói qua tim, nó không sáng bừng trong cậu, cũng không vang lên với loa kèn rầm rộ. Suy nghĩ ấy đến rồi đi, gần như bị chôn vùi dưới một suy nghĩ mạnh hơn, áp đảo hơn: *mình muốn lấy ống thở và biến khỏi đây*.

“Cháu thả lỏng đi,” ông Keene lại nói. “Phần lớn những vấn đề cháu gặp phải đều đến từ việc lúc nào cháu cũng quá cứng nhắc và căng thẳng đấy, Eddie. Ví dụ như cơn hen của cháu chẳng hạn. Cháu nhìn đây.”

Ông Keene mở ngăn kéo bàn, lục lọi bên trong rồi lấy ra một quả bóng bay. Hít thật sâu làm lồng ngực căng phồng (cà vạt của ông phập phồng như con thuyền nhỏ cưỡi ngọn sóng lành), ông phà hơi thổi quả bóng. Quả bóng ghi NHÀ THUỐC ĐƯỜNG TRUNG TÂM, THUỐC KÊ ĐƠN, TẠP HÓA VÀ DỤNG CỤ HẬU MÔN NHÂN TẠO. Ông thắt nút rồi đưa quả bóng ra trước mặt cậu. “Giờ hãy tưởng tượng đây là buồng phổi,” ông nói. “Phổi của cháu. Tất nhiên, ta có thể thổi luôn hai quả nhưng ta chỉ còn đúng một quả thừa lại từ dịp khuyến mãi chạy sau Giáng sinh...”

“Ông Keene, cháu có thể lấy ống thở được không ạ?” Đầu Eddie bắt đầu ong lên. Cậu cảm thấy khí quản mình nghẹt lại. Nhịp tim của cậu tăng nhanh, mồ hôi rịn ra trên trán. Món sô-đa kem sô-cô-la đặt trên góc bàn của ông Keene, quả cherry đặt trên cùng từ từ chìm xuống phần kem tươi.

“Chốc nữa thôi,” ông nói. “Chú ý đi, Eddie. Ta muốn giúp cháu. Đến

lúc phải có người lên tiếng rồi. Nếu Russ Handor không đủ dũng khí làm điều đó, ta sẽ làm. Phổi của cháu giống như quả bóng này vậy, chỉ khác ở chỗ bao bọc xung quanh nó là các lớp cơ; các lớp cơ giống như tay của một người đang làm động tác thổi ống bễ, cháu hiểu không? Ở một người khỏe mạnh, các thớ cơ này giúp phổi căng lên và xẹp xuống dễ dàng. Nhưng nếu chủ nhân của hai buồng phổi khỏe mạnh lúc nào cũng căng thẳng và cứng nhắc, các thớ cơ sẽ gây khó khăn cho buồng phổi thay vì hoạt động hài hòa. Cháu nhìn đây!”

Ông Keene bọc bàn tay xương xẩu, nhăn nheo và đầy nốt đồi mồi của mình quanh quả bóng rồi siết lại. Quả bóng phình lên dưới nắm tay của ông, Eddie nhắm mắt, chuẩn bị tinh thần nghe một tiếng nổ bụp. Đồng thời, cậu cảm thấy hơi thở của mình đã dừng lại hoàn toàn. Cậu rướn người về phía bàn, chop lấy ống thở để trên xấp giấy. Vai cậu đập vào ly đựng sô-đa kem làm ly đổ lên bàn, rơi đánh choang xuống sàn nhà như quả bom.

Eddie chỉ lơ mơ nghe thấy tiếng vỡ. Cậu vội vàng xé ống thở rồi đút vào miệng mình và xịt một hơi. Cậu hít thở thật mạnh, suy nghĩ như mớ bông bong vì hoảng sợ giống như bao lần: *Mẹ ơi con ngạt thở mất con không THỞ được ôi Chúa ơi lạy Chúa lòng lành con không THỞ được con không muốn chết đi con xin Người...*

Đoạn khí từ ống thở tụ lại trong cuống họng sưng vù, giờ thì cậu hít thở lại được rồi.

“Cháu xin lỗi,” cậu nói, suýt khóc. “Cháu xin lỗi vì đã làm bể ly... Cháu sẽ lau dọn và đền cho ông... nhưng ông đừng bảo với mẹ cháu được không ạ? Cháu xin lỗi, ông Keene, nhưng cháu không *thở* được...”

Lại có tiếng gõ cửa cộc cộc và Ruby ló đầu vào trong. “Mọi chuyện có...”

“Mọi chuyện vẫn ổn,” ông Keene nghiêm giọng đáp. “Để bọn tôi nói chuyện.”

“Chắc, tôi xin lỗi!” Ruby nói, đảo mắt rồi đóng cửa.

Hơi thở của Eddie lại bắt đầu rít lên trong cổ họng. Cậu hít thêm một hơi từ ống thở rồi lúng túng xin lỗi. Cậu chỉ dừng lại khi thấy ông Keene mỉm cười với mình – vẫn nụ cười khô khốc kỳ lạ ấy. Tay ông đan vào nhau và đặt trên bụng. Quả bóng bay nằm trên bàn. Một suy nghĩ lướt qua đầu Eddie; cậu cố kìm nó lại nhưng bất thành. Trông ông Keene như thể ông thấy cảnh tượng Eddie vừa lên cơn hen còn ngon lành hơn ly sô-đa cà phê đã vori nửa của ông.

“Cháu đừng lo,” ông nói. “Chút nữa Ruby sẽ lau dọn, và nếu cháu muốn biết sự thật thì ta rất vui khi cháu làm bê ly. Vì ta hứa sẽ không nói với mẹ cháu chuyện cháu làm bê ly nếu *cháu* hứa không kể với bà ấy việc hai chúng ta đã nói chuyện với nhau thế này.”

“Dạ, cháu hứa,” Eddie nhanh nhẩu.

“Tốt lắm,” ông Keene nói. “Chúng ta hiểu nhau rồi đấy. Và giờ cháu thấy khỏe hơn nhiều rồi đúng không?”

Eddie gật đầu.

“Tại sao?”

“Tại sao ạ? Dạ... vì cháu đã dùng thuốc.” Cậu nhìn ông Keene như cách cậu nhìn cô Casey ở trường khi cậu đưa ra câu trả lời mà không dám chắc.

“Nhưng cháu không hề dùng thuốc gì cả,” ông nói. “Cháu đã dùng *giả dược*. Eddie ạ, giả dược là thứ *trông* giống thuốc và *có vị* giống thuốc nhưng lại không phải là thuốc. Giả dược không phải là thuốc vì nó không có thành phần biệt dược. Hoặc nếu là thuốc thì nó là loại thuốc vô cùng

đặc biệt. Thuốc trong tâm tưởng.” Ông Keene mỉm cười. “Cháu hiểu ra chưa, Eddie? Là *thuốc trong tâm tưởng*.”

Ừ thì Eddie hiểu, ông Keene đang bảo cậu bị điên. Nhưng lúng búng trên hàng môi trên, cậu đáp, “Dạ không, cháu không hiểu.”

“Để ta kể cháu nghe mẩu chuyện thế này,” ông nói. “Vào năm 1954, Đại học DePaul đã tổ chức chuỗi xét nghiệm y khoa trên bệnh nhân ung nhọt. 100 bệnh nhân được chỉ định uống thuốc. Bác sĩ nói với họ thuốc sẽ giúp chữa lành ung nhọt, nhưng thực ra, 50 bệnh nhân được cho uống giả dược... Chúng chỉ là những viên kẹo M&M được phủ màu hồng mà thôi.” Ông Keene cười khúc khích đầy kỳ cục – như thể ông đang kể chuyện người ta chơi khăm chứ không phải thí nghiệm. “Trong số 100 bệnh nhân ấy, 93 người cho biết họ cảm thấy ung nhọt cải thiện ở mức độ nhất định, và 81 người thực sự có cải thiện tình trạng bệnh. Nào, cháu nghĩ sao? Cháu rút ra được kết luận gì từ thí nghiệm này, Eddie?”

“Cháu không biết,” Eddie khẽ khàng.

Ông Keene nghiêm mặt gõ tay lên trán. “Hầu hết bệnh tật đều xuất phát từ đây, đó là điều ta tâm niệm. Ta đã làm việc trong ngành này suốt một khoảng thời gian dài, và ta biết về giả dược cách đây nhiều năm rồi, trước cả khi các bác sĩ ở trường Đại học DePaul thực hiện nghiên cứu. Thường thì chỉ có những người lớn tuổi mới sử dụng giả dược thôi. Người già hay đến bác sĩ, một mực cho rằng họ bị bệnh tim, bị ung thư, tiểu đường hay mắc bệnh gì đó. Tuy nhiên, trong rất nhiều trường hợp lại chẳng phải như vậy. Họ thấy không khỏe đơn giản là bởi họ đã già. Nhưng bác sĩ phải làm gì? Bảo rằng họ giống như những chiếc đồng hồ bị mòn dây cót à? Ái chà! Khó lắm. Vì bác sĩ thu được phí điều trị nên tội gì phải nói như thế.” Và giờ thì khuôn mặt của ông hòa trộn giữa nụ cười và sự khinh khi.

Eddie chỉ nghĩ đó, đợi cho mọi chuyện đi đến hồi kết, đến hồi kết, đến hồi kết. *Cháu không hề dùng thuốc gì cả*: những lời ấy lạnh lạnh trong tâm trí cậu.

“Bác sĩ không nói với họ như thế, và ta cũng chẳng buồn nói. Nói ra làm gì cho rách việc? Đôi khi lại có ông cụ bà cụ bước vào với đơn thuốc chẳng kê gì ngoài huých toẹt: *Giả được* hoặc *25 viên thiên thanh*, đây là cách ông bác sĩ già Pearson hay nói.”

Ông Keene khẽ cười rồi hớp một ngụm sô-đa cà phê.

“Vậy nó có gì sai trái không?” Ông hỏi Eddie, và thấy Eddie chỉ thẩn người nghĩ đó, ông tự trả lời câu hỏi của mình. “Chà, chẳng có gì sai trái cả! Chẳng sai chút nào!”

“Thường là thế... Giả được là một điều tốt lành đối với người già. Và có những trường hợp khác, như những bệnh nhân ung thư, mắc bệnh tim hoặc mắc các căn bệnh hiểm nghèo mà nền y học chưa hiểu hết, thậm chí một số còn rất bé, chỉ tầm tuổi của cháu, Eddie ạ! Với những trường hợp như vậy, nếu giả được khiến bệnh nhân cảm thấy khỏe hơn thì có tác hại gì đâu? Cháu có thấy tác hại gì không, Eddie?”

“Dạ không ạ.” Eddie đáp và cúi mặt xuống nhìn đồng kem sô-cô-la, nước sô-đa, kem tươi và ly vỡ bầy hầy trên sàn nhà. Ngay chính giữa đồng hồ lớn này là một quả cherry ngâm đường, nổi bật chẳng khác nào vết máu ở hiện trường tội ác. Nhìn cảnh tung tóe này chỉ càng khiến ngực cậu thắt lại.

“Thế thì chúng ta tư tưởng lớn gặp nhau rồi đấy! Năm năm trước, khi Vernon Maitland mắc ung thư thực quản – một dạng ung thư vô cùng, vô cùng đau đớn – các bác sĩ không còn loại thuốc nào hữu hiệu để khiến cơn đau thuyên giảm. Ta bèn đến phòng bệnh của ông ấy với một lọ đường,

dạng viên ấy. Cháu biết không, ông ấy là một người bạn đặc biệt của ta. Và ta nói, ‘Vern này, đây là một loại thuốc giảm đau đặc biệt đang được thử nghiệm. Bác sĩ không biết tôi mang đến cho ông, nên vì Chúa, ông hãy dùng cho cẩn thận và đừng bép xép kể với ai. Có thể thuốc sẽ không có tác dụng, nhưng tôi nghĩ là có. Đừng uống nhiều hơn một viên mỗi ngày, và chỉ uống khi nào cơn đau vượt ngưỡng chịu đựng của ông.’ Ông ấy cảm ơn ta mà mắt rơm rớm. Ông ấy rơi lệ đấy, Eddie ạ! Và chúng có tác dụng! *Thật đấy!* Chúng chỉ là những viên đường thôi, nhưng chúng khiến cơn đau của ông ấy gần như mất hẳn... vì đau đớn sinh ra từ đây.”

Ông Keene lại nghiêm trang gõ lên đầu mình.

“Thuốc của cháu có tác dụng đối với cháu mà,” Eddie nói.

“Ta biết nó có tác dụng,” ông đáp và nở nụ cười của một người lớn cao ngạo đầy tự mãn. “Nó có tác dụng với ngực cháu vì nó có tác dụng tới tâm trí cháu. Eddie ơi, Hydrox thật ra chỉ là nước bỏ thêm chút long não để có vị như thuốc mà thôi.”

“Không,” Eddie phản bác. Hơi thở của cậu lại rít lên khe khẽ.

Ông Keene uống thêm chút sô-đa, múc vài muỗng kem chảy rã lấy khăn mùi xoa lau cằm thật kiêu cách trong lúc Eddie dùng ống thở thêm lần nữa.

“Cháu muốn về,” Eddie nói.

“Hãy để ta nói xong đã.”

“Không! Cháu muốn về, ông thu tiền của cháu rồi thì để cháu về chứ!”

“Để ta nói xong đã,” ông Keene nghiêm giọng khiến Eddie ngẩn yên trên ghế không dám cục cựa. Người lớn thật đáng ghét khi ỷ lớn hiếp nhỏ. Thật đáng ghét.

“Một phần vấn đề nằm ở chỗ bác sĩ của cháu, Russ Handor, quá sức yếu hèn. Và một phần vấn đề nằm ở chỗ mẹ cháu nhất nhất cho rằng cháu bị bệnh. Rốt cuộc, cháu bị mắc kẹt ở giữa.”

“Cháu không bị điên, Eddie thì thầnn, giọng nói khàn khàn vang lên.

Ghế của ông Keene ken két như con dế khổng lồ “Gì kia?”

“Cháu bảo cháu không bị điên!” Eddie thét lên. Và rồi ngay lập tức, mặt cậu đỏ bừng như gấc.

“Những gì ta muốn nói ở đây là cháu không bị bệnh gì về mặt thể chất. *Phổi* của cháu không bị hen suyễn mà là *tâm trí* của cháu.”

“Ý bác là cháu bị điên.”

Ông Keene cúi tới trước, nhìn cậu đắm chiêu qua hai bàn tay đang lồng vào nhau của mình.

“Ta không biết, ông nhẹ nhàng nói. “Thế cháu có điên không?”

“Tất cả là dối trá!” Eddie ré lên, tự thấy ngạc nhiên khi ngôn từ bật ra từ khuôn ngực đang thắt chặt của mình mạnh mẽ đến thế. Cậu nghĩ tới Bill và nghĩ tới cách Bill sẽ phản ứng trước những lời nói choáng váng đến vậy. Bill sẽ biết phải nói gì, dù cậu ấy có nói lắp hay không. Bill biết làm thế nào để can đảm. “Tất cả đều là dối trá! Cháu bị hen suyễn mà, cháu có bị!”

“Phải,” ông Keene đáp, nụ cười khô khốc biến thành cái nhoeo cười như bộ xương khô. “Nhưng ai đưa nó cho cháu, Eddie?”

Đầu óc của Eddie nhộn nhạo quay cuồng. Ôi, cậu thấy mệt quá, thật sự rất mệt.

“Bốn năm trước, vào năm 1954 – thật trùng hợp là cũng vào năm các thí nghiệm ở trường DePaul được thực hiện – bác sĩ Handor bắt đầu kê đơn Hydrox cho cháu. Nó là chữ viết tắt của hydro và oxy, hai nguyên tử cấu

thành nước. Kể từ đó, ta đã tiếp tay cho trò lừa bịp này, nhưng ta sẽ không nhắm mắt làm ngơ nữa. Thuốc chữa hen suyễn của cháu có tác dụng với tâm trí cháu chứ không phải cơ thể cháu. Căn bệnh hen của cháu sinh ra do cơ hoành thít lại vì căng thẳng, dưới mệnh lệnh của tâm trí... hoặc của mẹ cháu.

“Cháu không bị bệnh gì cả.”

Theo sau là sự im lặng khủng khiếp.

Eddie ngồi trên ghế, đầu óc bùng bùng. Trong thoáng chốc, cậu cân nhắc khả năng có thể ông Keene đang nói thật, nhưng nếu thế sẽ nảy sinh những hệ quả mà cậu không đủ sức đối mặt. Tuy nhiên, ông Keene nói dối làm gì, nhất là về một chuyện nghiêm trọng thế này?! Ông chỉ ngồi đó, nở nụ cười vô hồn khô khốc như sa mạc.

Mình bị hen suyễn thật mà. Cái ngày Henry Bowers đâm vào mũi mình, cái ngày Bill và mình cố gắng xây con đập ở Vùng Đất Cằn, mình suýt nữa chết còn gì. Lẽ nào mình phải quy tất cả là do... tâm trí mình bịa ra ư?”

Nhưng ông ấy nói dối làm gì? (Phải nhiều năm sau, khi ở thư viện, Eddie mới hỏi bản thân mình câu hỏi còn khủng khiếp hơn: Tại sao ông ấy lại nói sự thật?)

Cậu nghe thấy giọng ông Keene vắng vắng: “Ta đã để mắt đến cháu, Eddie ạ. Ta nói ra với cháu tất cả những đi đầu này vì cháu đã đủ lớn để hiểu rồi, nhưng cũng vì ta thấy cháu đã có bạn bè. Đám trẻ ấy là những người bạn tốt lắm, đúng không?”

“Dạ,” Eddie đáp.

Ông Keene nghiêng ghế ra sau (nó lại tạo ra tiếng động kèn kẹt như dế kêu) và nhắm một mắt như thể nháy mắt – hoặc không.” Và ta đoán chắc mẹ cháu không ưa các bạn cho lắm, đúng không?”

“Mẹ cháu quý các bạn ấy ạ,” Eddie nói và nghĩ về những đi đầu chất chúa mà mẹ cậu nói về Richie Tozier (*Thằng bé ấy hay nói bậy lắm... mẹ nghĩ thấy hơi thở nó rồi, Eddie... mẹ đoán nó hút thuốc*), lời nhận xét khinh miệt khi mẹ dẫn cậu không được cho Stan Uris mượn đồng nào vì cậu ấy là dân Do Thái, thái độ ghét ra mặt của mẹ với Bill Denbrough và “thằng béo ú kia”.

Cậu lặp lại với ông Keene: “Mẹ cháu *rất* quý họ.”

“Thế à?” Ông nói, miệng vẫn mỉm cười. “Chà, có thể mẹ cháu đúng mà cũng có thể mẹ cháu sai, nhưng chí ít, giờ cháu đã có bạn bè. Cháu nên trao đổi với các bạn về vương mắc này. Sự... sự yếu đuối tâm lý này. Xem các bạn cháu nói gì.”

Eddie không đáp. Tốt nhất không nên nói gì với ông Keene; như thế an toàn hơn. Và cậu sợ nếu không ra khỏi đây sớm, chắc cậu khóc mất thôi.

“Chà!” Ông thốt lên rồi đứng dậy. “Ta nghĩ chúng ta nói đến đây là đủ rồi, Eddie. Nếu ta khiến cháu buồn lòng thì ta xin lỗi. Theo như ta thấy, ta chỉ đang làm bổn phận của mình thôi. Ta...”

Nhưng trước khi ông kịp nói thêm, Eddie chớp lấy ống thở cùng túi thuốc màu trắng và co giò chạy biến. Một chân của cậu trượt lên đồng kem trên nền nhà, suýt ngã. Cậu phi ra khỏi Tiệm thuốc đường Trung Tâm, mặc kệ hơi thở hồng hộc rít lên. Ruby há hốc, tròn mắt nhìn cậu từ cuốn tạp chí phim ảnh.

Cậu có thể cảm nhận ông Keene đang đứng ở cửa văn phòng sau lưng cậu và nhìn cậu cao chạy xa bay từ quầy thuốc, dong dỏng, gọng gàng, trăn trư với nụ cười sa mạc khô khốc.

Cậu dừng ở góc giao của ba con đường: đường Kansas, đường Chính và đường Trung Tâm. Ngồi trên bức tường đá thấp cạnh trạm xe buýt, cậu hít

thêm một hơi thật sâu từ ống thở – họng cậu giờ đã trở nên trơn tru với vị thuốc vẫn còn đọng lại

(thật ra chỉ là nước bỏ thêm chút long não)

pvà cậu nghĩ nếu hôm nay phải dùng ống thở thêm lần nữa, khéo cậu nôn hết lòng mềra ngoài mất.

Thả nó vào túi, cậu cẩn thận quan sát xe cộ ngược xuôi rồi hướng lên đường Chính, đi xuống đồi Dặm Trên. Cậu cố gắng không nghĩ ngợi gì. Mặt trời chói chang trên đầu, hừng hực cái nóng. Mỗi chiếc xe chạy ngang qua lại phản chiếu những tia sáng chói chang vào mắt khiến hai bên thái dương của cậu ong ong. Cậu không tìm ra cách nào để tức giận với ông Keene, nhưng cậu cảm thấy tội nghiệp thay cho cái thằng Eddie Kaspbrak. Cậu thấy thương hại Eddie Kaspbrak khủng khiếp. Cậu đoán chắc Bill Denbrough chẳng bao giờ phạm thời gian ngồi thương thân bao giờ, nhưng Eddie không tài nào gạt đi cảm xúc ấy.

Trên tất cả, cậu muốn làm điều mà ông Keene đã gợi ý: đến Vùng Đất Cằn và kể với nhóm bạn tất cả mọi chuyện, xem họ nói gì và thu thập những ý kiến họ đóng góp. Nhưng giờ, cậu không thể làm như vậy. Mẹ đang đợi cậu đem thuốc về nhà càng sớm càng tốt

(tâm trí của cháu... hoặc mẹ cháu)

và nếu cậu không về

(mẹ cháu một mực cho rằng cháu bị bệnh)

là thế nào cũng sinh chuyện. Mẹ sẽ cho rằng cậu đàn đúm với Bill hoặc Richie hoặc “thằng nhóc Do Thái”, cách bà gọi Stan (dù bà bảo bà không có định kiến gì khi gọi như vậy, đó chỉ đơn giản là “nói toạc móng heo” – cụm từ bà hay dùng khi nói ra sự thật trong những tình huống khó khăn). Và giờ đây, đứng ở góc đường, cố gắng sắp xếp những suy nghĩ quay cuồng trong

đầu một cách vô vọng, Eddie biết mẹ sẽ xa xa đi đâu gì nếu biết cậu đánh bạn với một người da đen và một cô bạn gái – một cô bạn đã đến tuổi nhú ngực.

Cậu chậm rãi bước lên đồi Dặm Trên, cắn răng leo dốc dưới cái nóng hằm hập. Trời nóng đến độ đủ để chiên trứng trên vỉa hè chứ chẳng chơi. Lần đầu tiên trong đời, cậu thầm ước ao được đi học lại, có lớp mới, giáo viên mới để làm quen. Giá mà mùa hè tệ hại này sớm kết thúc.

Leo được nửa đường, không xa vị trí mà hai mươi bảy năm sau Bill Denbrough tái ngộ với Ánh Bạc là bao, cậu lại lúi ổng thở ra khỏi túi. Trên nhãn đề *Sương HydrOx. Sử dụng khi cần*.

Có gì đó lóe lên trong đầu cậu. *Sử dụng khi cần*. Cậu vẫn là con nít, miệng còn hôi sữa (mẹ cậu thỉnh thoảng nói như thế khi “nói toạc móng heo”), nhưng ngay cả đứa nhóc mười một tuổi biết ta không đưa thứ thuốc thật sự cho người khác và ghi lên nhãn hiệu cụm từ *Sử dụng khi cần*. Nếu đây thật sự là thuốc, rủi may ta ỷ y và sử dụng quá liều thì mất mạng chứ chẳng chơi. Cậu đoán uống aspirin quá nhiều có khi cũng toi đời ấy chứ.

Cậu nhìn chăm chăm vào ống thở, không hề để ý bà cụ liếc nhìn mình đầy tò mò lúc đi xuống ngọn đồi về phía đường Chính với túi thực phẩm trên tay. Cậu cảm thấy bị phản bội. Và trong một khắc, suýt chút nữa cậu đã ném ống nhựa xuống cống - hay tốt hơn nữa, ném nó qua nắp cống thừa đẳng kia. Đúng rồi! Sao lại không kia chứ? Tặng ống thở ấy cho Nó dùng dưới đường hầm và ống cống nhỏ nước tong tong kia. Dùng giả được đi, đồ quái dị trăm mặt kia! Cậu phá lên cười ha hả và thêm một bước nữa thôi là cậu đã vứt đi thật. Nhưng cuối cùng, giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời. Cậu lại nhét ống thở vào túi quần bên phải rồi bước tiếp, chẳng để tâm tiếng còi chóc chóc réo lên và tiếng động cơ của chiếc xe buýt công viên

Bassey khi nó đi ngang qua. Đồng thời, cậu cũng chưa biết mình sắp sửa khám phá ra thế nào là bị thương - bị thương thật sự.

3

Hai mươi lăm phút sau, bước ra khỏi Chợ Đại lộ Costello, một tay cầm lon Pepsi, tay kia cầm hai phong kẹo Payday, Eddie bất ngờ thấy khó chịu khi trông thấy Henry Bowers, Victor Criss, Moose Sadler và Patrick Hockstetter đang quỳ gối trên mặt đường trải sỏi phía bên trái cửa hàng nhỏ. Trong một thoáng, Eddie cứ tưởng chúng đang chém gió chém bão với nhau, nhưng rồi cậu trông thấy chúng đang gom tiền trên áo bóng chày của Victor. Sách giáo khoa phụ đạo hè bị chúng vứt lăn lóc thành đồng lộn xộn bên cạnh.

Nếu là một ngày bình thường, Eddie sẽ chỉ lặng lẽ lui vào trong tiệm và hỏi ông Gedreau liệu cậu có thể về bằng lối cửa sau được hay không, nhưng hôm ấy không phải ngày bình thường. Eddie đờ ra như tượng, một tay vẫn giữ cánh cửa có tấm biển quảng cáo thuốc lá bằng thiếc (WINSTON RẤT NGON, ĐÚNG CHUẨN THUỐC LÁ, 21 ĐIỀU THUỐC PHẢN 20 HƠI TUYỆT VỜI, hình cầu nhóc hét lên HÃY NHỚ ĐẾN [PHILIP MORRIS](#)), tay kia cầm túi tạt hóa màu nâu và túi đựng thuốc màu trắng.

Hình ảnh quảng cáo của thuốc lá Philip Morris.

1

Victor Criss trông thấy cậu và huých cùi chỏ vào Henry. Henry ngược nhìn; cả Patrick Hockstetter cũng thế. Moose đầu óc chậm tiêu hơn hội bạn, tiếp tục đếm xu thêm năm giây nữa mới nhận ra không khí im lặng hẳn rồi ngược nhìn.

Henry đứng dậy, phủ đất cát bám trên đầu gối quần yếm mình đang mặc. Hai bên mũi còn băng bó gấn thanh nẹp, giọng hần ôm ồm trong mũi như còi báo tàu đi trong sương mù. “Chà, tao xuống địa ngục mất thôi. Chiến sĩ ném đá đây mà. Bạn mày đâu rồi, thằng khốn? Chúng nó ở trong à?”

Eddie lặng lẽ lắc đầu trước khi kịp nhận ra mình vừa đi một nước cờ sai lầm.

Nụ cười của Henry nở rộng. “Ồ, cũng không sao,” hần nói.” Tao không ngại tương nát từng đũa chúng mày đâu. Xuống đây coi, đồ khốn.”

Victor đứng bên cạnh Henry; Patrick Hockstetter đi theo sau, nở nụ cười trì hoãn mà Eddie vốn chẳng lạ gì ở trường. Moose vẫn đang dợm đứng lên.

“Đến đây nào, thằng khốn,” Henry nói. “Mình còn bàn về ném đá nữa chứ. Bàn về ném đá cho vui, mày muốn vậy không?”

Eddie quyết định quay trở lại cửa tiệm sẽ là hành động khôn ngoan hơn cả, song lúc ấy đã quá muộn. Trong tiệm có người lớn. Nhưng khi cậu lùi lại, Henry đã nhào tới và chộp lấy cậu. Hần kéo tay Eddie, lôi thật mạnh, nụ cười biến thành cái nhìn nanh nọc. Tay của Eddie bị giật ra khỏi cửa. Cậu bị kéo xuống bậc tam cấp và suýt chút nữa đập đầu lên mặt sỏi nếu Victor không chộp nách cậu lại. Victor hất cậu. Eddie loạng choạng mãi mới đứng được, cậu xoay vòng vòng hai vòng. Bốn kẻ du côn sừng sững đứng trước mặt cậu, cách chừng ba mét, Henry đứng gần hơn những kẻ khác một chút, miệng mỉm cười. Tóc vuốt ngược ra sau.

Đứng đằng sau Henry về phía bên trái là Patrick Hockstetter, một kẻ quái dị vô đối. Hôm nay là lần đầu tiên Eddie trông thấy hần đi với kẻ khác. Hần ta mập ú, bụng hơi phệ ra chỗ thắt lưng gấn khóa Red Ryder. Mặt hần tròn như cái mâm, lúc nào cũng bọt bọt như kem. Giờ cậu mới

thấy làn da của hắn có chút cháy nắng. Phần mũi bị cháy nắng nhiều nhất, da tróc hết cả, lan ra hai bên má như đôi cánh. Ở trường, Patrick thích giết ruồi với cây thước nhựa SkoolTime màu xanh của mình rồi cất trong hộp bút chì. Thỉnh thoảng, hắn ta lại khoe bộ sưu tập ruồi của mình với vài đứa bạn mới trên sân chơi vào giờ giải lao, đôi môi dày cui nhoẻn cười, hai mắt màu xanh xám nghiêm trang và trầm mặc. Hắn chẳng nói chẳng rằng khi khoe những con ruồi chết, bất kể đối phương nói gì. Nét biểu cảm đó đang chinh phục trên khuôn mặt hắn lúc này.

“Mày sao rồi, Thanh niên Ném đá?” Henry hỏi, tiến lại gần cậu. “Có bị hòn đá nào ném trúng không?”

“Để tôi yên,” Eddie nói, giọng run cầm cập.

“Để tôi yên,” Henry nhại lại, giả vờ qua quàng tay đầy sợ hãi. Victor phá lên cười. “Tao không để yên thì mày làm được gì, Thanh niên Ném đá? Hả?” Hắn vung tay nhanh như cắt, dấm vào má Eddie một cú to như tiếng súng sấm. Đầu Eddie bật ngược ra sau. Nước mắt ứa ra từ mắt trái của cậu.

“Bạn tôi đang ở trong đấy,” Eddie nói.

“Bạn tôi đang ở trong đấy,” Patrick Hockstetter ré lên. “Ồ!Ồ!Ồ!” Hắn bắt đầu vòng qua bên phải Eddie.

Không được khóc, cậu nghĩ, mày mà khóc là đúng ý bọn nó đấy, nên không được khóc, Eddie, Bill còn lâu mới mít ướt, Bill còn lâu mới khóc, tao cấm mày khóc, dù...

Victor bước tới và lấy tay xô Eddie ngay giữa ngực. Eddie loạng choạng lùi lại nửa bước rồi ngã nhào lên Patrick, lúc này đang ngời chồm hồm ngay phía sau chân cậu. Cậu đập người xuống mặt sỏi, trầy hết cả tay. Có một tiếng *phụt!* khi lồng ngực cậu co thắt đột ngột.

Trong chớp mắt, Henry Bowers đã leo lên người cậu, hai đầu gối đè lên

tay, mông thượng lên bụng cậu.

“Có thủ đá đấy không, Thanh niên Ném đá?” Henry xa xả gào lên, và Eddie sợ hãi trước ánh nhìn cu ờng nộ ánh lên trong mắt Henry hơn là cơn đau ở tay hay cơn khó thở của mình. Henry phát điên r ồ. Patrick đứng gần đó phá lên cười nắc nẻ.

“Mày muốn ném đá không? Hả? Để tao cho mày đá! Đây này! Đá đây này!”

Henry vơ một nắm sỏi r ồ đập vào mặt Eddie. Hắn chà sỏi lên da mặt cậu, cửa rách má, mí mắt và môi cậu. Eddie há miệng hét lên.

“Muốn ăn đá à? Đây để tao cho mày! Đá đây, Thanh niên Ném đá! Mày muốn đá chứ gì? Được thôi! Được thôi!”

Sỏi bị tống vào miệng, rạch vào nướu cậu, lạo xạo và vào răng cậu. Cậu cảm thấy phần răng trám của mình như muốn tóe lửa. Cậu lại thét lên và phun sỏi ra.

“Muốn ăn đá à? Được thôi! Muốn ăn nữa không? Hay để...”

“Thôi ngay! Đây, đây! Thôi ngay! Cậu kia! Buông cậu bé ra! Ngay lập tức! Cậu có nghe không hả? Buông ra ngay!”

Qua đôi mắt mở hờ, nhòe đi vì lệ, Eddie trông thấy một bàn tay to lớn chộp lấy cổ áo Henry và dây quần yếm bên phải của hắn. Bàn tay thô bạo giật lại, khiến Henry bị kéo lên. Hắn đập mông xuống mặt sỏi r ồ đứng dậy. Eddie từ từ gượng dậy. Cậu cố gắng l ồm c ồm đứng lên nhưng không bói đâu ra sức. Thở h ồng hộc, cậu phun những hòn sỏi đầy máu ra khỏi miệng mình.

Hóa ra là ông Gedreau, khoác trên mình chiếc tạp dề dài màu trắng, khuôn mặt đầy giận dữ. Trên mặt ông không có vẻ gì sợ hãi, dù Henry cao

hơn ông đến bảy phân và xem chừng nặng hơn ông hơn hai mươi kí-lô. Trên mặt ông không có vẻ gì sợ hãi, vì ông là người lớn còn Henry chỉ là đứa con nít. Nhưng lần này có khi đi đầu đó chẳng có ý nghĩa gì, Eddie thầm nghĩ. Ông Gedreau không hề hay biết Henry là một kẻ mất trí.

“Các cậu biến ngay khỏi đây cho ta,” ông Gedreau nói, lồm lổ tiến đến chỗ Henry cho đến khi ông mặt đối mặt với kẻ còn đồ đồ con với khuôn mặt sưng sứa. “Biến đi và đừng có bén mảng lại đây nữa. Ta không chấp nhận bắt nạt, cũng không chấp nhận bốn đánh một. Mẹ các cậu sẽ nghĩ gì hả?”

Ông quét đôi mắt phùng phùng lửa giận nhìn những kẻ còn lại. Moose và Victor cúi gằm mặt nhìn xuống chân. Patrick chỉ dãn mắt ra nhìn ông Gedreau với ánh mắt xanh xám vô định ấy. Ông Gedreau nhìn lại Henry và mới chỉ kịp nói “Các cậu lấy xe đạp và...” thì Henry đẩy ông một cú thật mạnh.

Nét biểu cảm đầy ngạc nhiên - trong những trường hợp bình thường, nét mặt ấy sẽ rất chi là buồn cười - hiện lên trên khuôn mặt ông Gedreau khi ông bật ra sau, đế giày hất văng vài viên sỏi. Ông đập vào bậc tam cấp dẫn đến cửa chính và ngã thịch xuống đất.

“Tại sao cậu...” Ông lên tiếng.

Bóng của Henry đổ xuống người ông. “Đi vào mau lên,” hắn nói như ra lệnh.

“Cậu...” Ông Gedreau toan nói gì đó nhưng im bật. Eddie nhận ra cuối cùng, ông cũng đã trông thấy thứ đó - ánh nhìn phát ra từ mắt Henry. Ông vội vàng đứng dậy, tạp dề phấp phới. Ông hốt hải bước lên bậc tam cấp thật nhanh, lảo đảo vấp ở bậc thứ hai từ trên xuống và khuỵu một gối. Song ông loạng choạng đứng dậy ngay, nhưng chính cử chỉ loạng choạng

ấy, dù nhanh đến đâu, dường như đã trút bỏ hết uy quyền người lớn nơi ông.

Đứng trên cùng bậc tam cấp, ông quay người hét lên: “Ta sẽ báo cảnh sát!”

Henry ra về nhào đến khiến ông rút người lại. Thế là hết, Eddie thẫn thờ. Dù khó tin và khó tưởng tượng chẳng nữa, cậu chẳng còn thành lũy nào bảo vệ nữa rồi. Đến lúc phải biến thôi.

Nhân lúc Henry đứng ở dưới bậc tam cấp lờ mắt nhìn lên ông Gedreau, những kẻ còn lại đứng đó, ngây ra như phỗng (và đầy kinh sợ, trừ Patrick Hockstetter) trước sự chống đối người lớn thành công này, Eddie chớp lấy thời cơ. Cậu xoay người, đứng dậy và co giò chạy.

Cậu chạy được một nửa dãy nhà thì Henry quay đầu lại, mắt long lên sòng sọc. “*Bắt lấy nó!*” Hấn gằn lên.

Mặc kệ có mắc hen suyễn hay không, hôm ấy, Eddie đã cho bọn chúng biết thế nào là hít khói. Có những đoạn dài đến mười lăm mét, cậu còn chẳng nhớ gót đôi giày P.F. Flyers của mình có chạm xuống vỉa hè hay không. Nhiều lúc, cậu thậm chí còn nghĩ đến viễn cảnh choáng váng: biết đâu cậu có thể cắt đuôi được bọn chúng thì sao.

Song trước khi cậu kịp chạy đến đường Kansas để thoát khỏi vùng nguy hiểm thì một đứa bé chạy xe ba bánh lao ra và tông thẳng vào đường Eddie đang chạy. Eddie cố đổi hướng, nhưng đang chạy hết tốc lực nên cậu đoán mình có thể nhảy qua người đứa bé (tên cậu bé này là Richard Cowan, sau này lớn lên, cậu kết hôn và sinh ra một bé trai đặt tên là Frederick Cowan, con của cậu bị chết đuối trong bồn cầu và bị ăn thịt bởi một thứ trào lên từ bồn cầu như khói đen, biến tướng thành hình dạng ngoài sức tưởng tượng) hoặc liều mình làm thử.

Một chân của Eddie vướng vào yên sau chiếc xe, chỗ thẳng oắt con ham phiêu lưu mạo hiểm này có thể đứng và đẩy chiếc xe như xe trượt. Richard Cowan, cậu bé mà hai mươi bảy năm sau sẽ phải chịu cảnh mất con dưới tay Nó, gần như chẳng nghiêng ngả tí nào trên xe. Tuy nhiên, Eddie thì mất đà văng đi. Cậu đập vai vào vỉa hè, nảy lên rồi lại đập người xuống và trượt thêm ba mét nữa, khiến phần da trên khuỷu tay và đầu gối cậu chà sát xuống đất. Cậu đang lồm cồm bò dậy thì Henry Bowers choảng cậu một cú chẳng khác nào đại bác bắn khỏi nòng làm cậu đo ván. Mũi Eddie đập thẳng xuống mặt bê tông. Máu chảy lênh láng.

Henry lăn một vòng như lính nhảy dù rồi đứng dậy. Hắn chop lấy cổ và tay phải của Eddie. Hơi thở phì phò từ hai lỗ mũi sừng vù và được nẹp lại của hắn nóng ẩm.

“Muốn ăn đá không, Thanh niên Ném đá? Có chứ gì! Tiên sư mày!” Hắn kéo cổ tay Eddie lên quá nửa lưng cậu. Eddie thét lên. “Ném đá thì phải có đá chứ nhỉ, Thanh niên Ném đá?” Hắn kéo tay Eddie lên cao hơn nữa. Eddie gào khản cổ. Đằng sau, cậu có thể nghe thấy những kẻ khác đang tiến lại và đưa nhóc trên xe ba bánh ré lên khóc bù lu bù loa. Vô hội luôn đi, nhóc, cậu nghĩ, và dù đau đến mù mắt, dù nhòa nước mắt và sợ hãi, cậu phá lên cười hỉ hả như con lừa.

“Mày thấy *buồn cười* à?” Henry hỏi, giọng hắn nghe có vẻ ngạc nhiên hơn là giận giữ. “Mày thấy *buồn cười* à?” Hình như giọng của Henry còn có vẻ sợ hãi thì phải? Nhiều năm sau, Eddie mới nghĩ lại và nhận ra *Phải, sợ hãi, giọng hắn ta có vẻ sợ hãi.*

Eddie vặn cổ tay dưới cái siết của Henry. Người cậu nhóp mồ hôi, suýt chút nữa cậu đã thoát được. Có lẽ đó chính là lý do lần này, Henry kéo cổ tay của Eddie mạnh hơn. Eddie nghe thấy tiếng rắc trong cẳng tay mình,

chẳng khác nào tiếng cành cây trong mùa đông khuất phục trước đóng tuyết dày. Cơn đau phát ra từ cẳng tay bị gãy của cậu xám xịt và không lờ. Cậu ré lên nhưng âm thanh ấy sao mà xa xôi quá. Màu sắc trôi tuột khỏi thế gian, và khi Henry buông tay rồi đẩy cậu, cậu như trôi lênh bênh đến vĩa hè. Mãi một lúc lâu, cậu mới có thể ngối xuống vĩa hè lâu năm ấy. Vừa ngối xuống, cậu vừa nhìn thật kỹ từng vết nứt. Cậu còn có cơ hội chiêm ngưỡng ánh mặt trời tháng Bảy phản chiếu lên những mảnh nhựa trên vĩa hè cũ. Cậu đủ thời gian để ý trên mặt vĩa hè còn sót lại lơ mờ những ô lõ lõ được vẽ bằng phấn hồng. Và rồi, trong khoảnh khắc, những đường nét ấy rung rinh, biến thành hình như con rùa.

Cậu sắp sửa lăn ra bất tỉnh thì đụng phải cái tay mới gãy, và cơn đau mới mẻ ấy gay gắt, chói lòa, nóng bừng và thật tệ hại. Cậu cảm thấy những phần đầu xương bị gãy nát cọ vào nhau. Cậu cắn môi, khiến máu nóng rỉ ra. Nằm lăn ra, cậu trông thấy Henry, Victor, Moose và Patrick sừng sững đứng xung quanh. Trong bọn chúng cao đến không tưởng, cao và to quá, như những kẻ hộ tang đang nhìn xuống huyết.

“Mày hài lòng chưa, Thanh niên Ném đá?” Henry hỏi, giọng hằn vẳng xuống từ một chốn xa xôi, bằng lảng trôi qua những tầng mây đau đớn. “Mày thích như ban này không? Thích giỡn mặt à?”

Patrick Hockstetter khúc khích cười.

“Bố mày là thằng điên,” Eddie nghe thấy giọng mình vang lên, “mày cũng thế.”

Nụ cười của Henry tắt ngúm như thể bị tát văng khỏi mặt hắn. Hắn có chân toan đá cậu... thì tiếng còi hú vang lên dưới bầu trời chì dầu oi nóng. Henry khựng lại. Victor và Moose nhìn quanh sốt vó.

“Henry, tao nghĩ mình tếch thôi mày,” Moose lên tiếng.

“Còn tao thì tao xin kiếu trước đây,” Victor nhanh nhẩu. Giọng nói của bọn chúng sao mà xa xôi đến thế! Chúng đập dềnh, lơ lửng như bóng bay của gã hề Victor cao chạy xa bay về phía thư viện, băng qua công viên để chạy xuống đường.

Henry lưỡng lự hồi lâu, dường như hy vọng chiếc xe cảnh sát đang trên đường thực hiện nhiệm vụ khác và hẳn có thể tiếp tục trò vui của mình. Nhưng tiếng còi hụ lại vang lên, càng lúc càng gần. “Số mày may đấy, thằng khốn,” hắn nói. Hắn và Moose chạy theo sau Victor.

Patrick Hockstetter đợi thêm một lúc. “Tao tặng thêm quà cho mày đây,” hắn thì thầm bằng giọng trầm khàn. Đoạn hắn hít vào, khạc bãi đờm xanh lè lên khuôn mặt bê bết máu me và sưng vù của Eddie. *Phệt!* “Cứ ăn từ từ kéo nhen,” Patrick nói với nụ cười góm ghieếc đầy dị hợm. “Nếu thích thì để dành dùng dần nhé.”

Đoạn hắn xoay người đi thẳng.

Eddie cố chùi bãi đờm bằng cái tay còn lành lặn của mình, nhưng chỉ cựa quậy một chút cũng đủ để cơn đau nhói lên.

Khi mới ra khỏi nhà đến hiệu thuốc, chắc mày chẳng bao giờ nghĩ mày sẽ nằm lăn lóc trên vỉa hè Đại lộ Costello với một cánh tay bị gãy và cục đờm của Patrick Hockstetter chảy xuống mặt phải không? Mày thậm chí còn chẳng uống được lon Pepsi. Đờn đúng là lắm chữ ngờ nhỉ?

Lạ chưa, cậu lại phá lên cười. Tiếng cười ấy yếu ớt, cậu cười mà cánh tay gãy của cậu đau điếng, nhưng cảm giác này thật sự rất sáng khoái. Và còn một đi đầu nữa: cậu không lên cơn hen suyễn nào. Nhịp thở của cậu bình thường, chỉ ít là hiện tại. Đó cũng là đi đầu tốt. Còn lâu cậu mới có thể lấy được ống thở của mình. Cả nghìn năm còn chẳng có cửa.

Tiếng còi hụ lúc này đã rất gần, ò í e ò í e. Eddie nhắm mắt và trông

thấy màu đỏ loang loáng dưới mí mắt mình. Và rồi màu đỏ chuyển sang màu đen khi bóng người chắn trước mặt cậu. Là đứa nhóc chạy xe ba bánh.

“Anh ổn chứ?” Cậu nhóc hỏi.

“Nhìn anh có ổn không?” Eddie hỏi ngược lại.

“Không, nhìn anh *kinh lắm*,” cậu bé thành thật trả lời rồi vừa đạp xe đi vừa ông ổng hát “Người nông dân trong thung lũng”.

Eddie bắt đầu khúc khích cười. Xe cảnh sát đến rồi kìa, cậu có thể nghe thấy tiếng phanh của nó. Trong vô thức, cậu thầm hy vọng ông Nell sẽ ngồi trong xe, dù cậu biết ông Nell là cảnh sát đi bộ tuần tra.

Nhân danh Chúa, mày cười cái gì vậy?

Cậu chẳng biết lý do, giống như cậu không hiểu tại sao mình lại cảm thấy như thể trút được tảng đá đè đầu đến mục mị. Hay ấy là vì cậu vẫn giữ được mạng, rằng đi đâu tở tệ nhất mà cậu phải chịu chỉ dừng ở cánh tay gãy, và chỉ ít vẫn còn vớt vát được chút bình an? Cậu bằng lòng với kết luận ấy, nhưng nhiều năm sau, khi ngồi trong Thư viện Derry với một ly rượu gin pha nước mặn để trước mặt và ống thở để sát bên, anh tâm sự với mọi người rằng anh nghĩ còn một lý do lớn lao hơn; ngày ấy anh đã đủ lớn để cảm nhận đi đâu đó, nhưng chưa đủ tở để hiểu hay định nghĩa được nó.

Tớ nghĩ đó thực sự là nỗi đau đầu tiên mà tớ cảm nhận được, anh nói với các bạn. Hóa ra nó không như tớ tưởng tượng. Nó không đặt dấu chấm hết cho nhân dạng của tớ. Tớ nghĩ... nó cho tớ cơ sở để so sánh, cho tớ biết ta vẫn có thể tồn tại bên trong nỗi đau, dù bị cơn đau hành hạ.

Eddie yếu ớt quay đầu sang phải và trông thấy những lốp xe Firestone, nắp bánh xe bằng crôm lóa mắt cùng ánh đèn xanh nháy liên tục. Đoạn cậu lại nghe thấy giọng của ông Nell, đặc sệt giọng Ireland, đến độ chẳng khác nào Giọng Tay cảnh sát Ireland mà Richie nheo nhéo chứ chẳng phải giọng

thật của ông Nell... nhưng có lẽ nguyên nhân là vì khoảng cách:

“Ôi lạy Chúa tôi, là cậu bé nhà Kaspbrak đây mà!”

Đến lúc này thì Eddie như trôi dạt thật xa.

4

Và cậu cứ thế lịm đi suốt lúc lâu, chỉ trừ một đoạn.

Có khoảng thời gian ngắn ngủi cậu duy trì được ý thức của mình lúc ở trong xe cứu thương. Cậu trông thấy ông Nell ngồi bên cạnh, nhấp một ngụm từ cái chai nhỏ màu nâu ông mang theo và đọc cuốn sách tên *Hội thảo đoàn*. Cô gái trên bìa có vòng một khuôn mặt mà Eddie từng thấy. Mắt cậu chuyển từ ông Nell sang người tài xế ở phía trước. Người tài xế nhìn Eddie với nụ cười toe toét đỏ lòe đỏ loét, với làn da loang lỗ phấn mờ và phấn rôm, mắt sáng quắc như những đèn xu mới. Là Pennywise.

“Ông Nell,” Eddie kêu lên.

Ông Nell ngược mặt, mỉm cười. “Cháu thấy trong người thế nào rồi?”

”...tài xế... tài xế...”

“Phải, chúng ta sẽ đến nơi ngay thôi,” ông Nell trấn an và đưa cậu chai màu nâu của mình. “Cháu uống một chút đi. Sẽ thấy khỏe hơn đấy.”

Eddie uống thứ chất lỏng nóng bừng như lửa ấy. Cậu ho khục khặc làm tay nhói lên. Cậu nhìn tới trước và lại trông thấy tài xế, nhưng giờ chỉ là một anh chàng với mái tóc húi cua. Không có tên hề nào cả.

Cậu lại thiếp đi.

Rất lâu sau đó, cậu thấy mình trong Phòng Cấp cứu, y tá đang dùng khăn ướt lau máu, đất cát, bã đờm và sỏi khỏi mặt cậu. Vết thương đau râm ran nhưng đồng thời, cảm giác lại thật tuyệt vời. Cậu nghe thấy tiếng

mẹ mình oang oang bù lu bù loa bên ngoài, và cậu cố gắng nói y tá đừng cho bà vào nhưng chẳng thốt được lời nào dù cậu đã cố hết sức.

”... nếu con tôi sắp chết thì tôi muốn được biết!” Mẹ cậu lờ lên. “Các người có nghe thấy không? Tôi có quyền được biết, và tôi có quyền được gặp con tôi! Tôi sẽ kiện các người cho mà xem! Tôi quen nhiều luật sư lắm! Bạn thân của tôi có khối người làm luật sư đấy!”

“Đừng nói gì kéo mệt,” y tá dặn Eddie. Cô còn rất trẻ, và cậu có thể cảm nhận được ngực của cô áp lên tay mình. Trong một thoáng, cậu có ý nghĩ điên rồ rằng cô y tá này là Beverly Marsh, và rồi cậu lại lịm đi.

Khi cậu tỉnh lại, mẹ cậu *đang* ở trong phòng nói chuyện với bác sĩ Handor với tốc độ như bắn súng liên thanh. Sonia Kaspbrak là một người phụ nữ phốp pháp. Chân bà mang vớ chống suy giãn tĩnh mạch, to như cái cột nhà nhưng mịn màng đến không ngờ. Mặt bà hiện tại trắng bệch và loang những vết đỏ bưng.

“Mẹ,” Eddie gắng gượng, “...con ổn... con ổn mà...”

“Ổn cái gì mà ổn, không ổn chút nào,” bà Kaspbrak rên rỉ. Bà bẻ tay. Eddie nghe thấy khớp tay của mẹ kêu răng rắc. Càng lúc, cậu càng thấy hơi thở mình ngắn dần khi nhìn mẹ, trông thấy hiện trạng của bà lúc này, biết màn liều mạng của mình khiến bà tổn thương ra sao. Cậu muốn nói mẹ bình tĩnh kéo lên cơn đau tim thì khổ, nhưng cậu chẳng nói được lời nào. Giọng cậu khô khốc. “Con không ổn chút nào, con gặp tai nạn kia mà, tai nạn thập tử nhất sinh đấy con ạ, nhưng con sẽ ổn thôi, mẹ đảm bảo với con như thế, Eddie, con sẽ không sao đâu, dù mẹ có phải nhờ tới tất cả những chuyên gia trong sách đi chẳng nữa, ôi Eddie... Eddie ơi... cánh tay của con...”

Bà khóc rống lên. Eddie thấy cô y tá vừa lau mặt cho cậu nhìn bà với

ánh mắt chẳng chút thương cảm nào.

Chứng kiến màn độc diễn này, bác sĩ Handor chỉ biết lúng búng như gà mắc tóc, “Sonia... xin chị, Sonia... Sonia...?” Bác sĩ là một người đàn ông gầy gò, ủ rũ, với bộ ria mép nhỏ mọc lưa thưa và không được cắt tỉa gọn gàng, bên trái dài hơn bên phải. Trông ông có vẻ lo lắng. Nhớ lại đi đâu ông Keene nói ban sáng, Eddie cảm thấy có phần buồn thảm cho bác sĩ Handor.

Sau một hồi chật vật góp nhặt can đảm, bác sĩ Russ Handor mới có thể thốt lên: “Nếu chị không giữ được bình tĩnh, chị buộc phải rời khỏi đây đây, Sonia.”

Bà quay ngoắt nhìn khiến ông lùi lại. “Ông đừng có mà nằm mơ! Ông liệu hồn mà nói kiêu đấy với tôi! Con trai tôi đang nằm đó thống khổ kìa! *Con trai tôi đang nằm liệt trên giường vì đau đớn kìa kìa!*”

Eddie khiến ai nấy đều kinh ngạc khi lên tiếng. “Mẹ rời khỏi đây giúp con. Con nghĩ lát nữa, các y bác sĩ sẽ làm gì đó khiến con hét lên, nên mẹ đi đi để đỡ phải trông thấy cảnh ấy.”

Bà quay sang cậu, hết sức ngạc nhiên... và có vẻ tổn thương. Nhìn thấy nét tổn thương trên mặt mẹ, cậu cảm thấy ngực mình như thắt lại một cách mạnh bạo. “Sao mẹ làm vậy được!” Bà ré lên. “Sao con lại nói với mẹ câu tuyệt tình đến thế, Eddie! Con không hiểu mình vừa nói gì đâu, mẹ chỉ có thể giải thích như vậy thôi!”

“Tôi không biết chị giải thích thế nào, mà tôi cũng chẳng quan tâm,” y tá chen ngang. “Tôi chỉ biết chúng ta đứng đực ra đây chẳng làm được gì, trong khi lý ra chúng tôi nên cố định lại tay cho con trai chị.”

“Cô đang bảo...” Sonia lại bắt đầu, giọng bà càng lúc càng rít lên nốt cao hơn, như những lần bà thấy điên tiết nhất.

“Tôi xin chị, Sonia,” bác sĩ Handor nói. “Đừng tranh cãi ở đây. Chúng ta

lo chữa cho Eddie đã.”

Sonia lùi lại, nhưng ánh mắt tóe lửa của bà – ánh mắt của gấu mẹ khi thấy gấu con bị đe dọa – cho cô y tá biết lát nữa sẽ có núi lửa phun trào. Hoặc một vụ kiện tụng. Và rồi mắt bà nhòe lệ, dập tắt sự giận dữ hoặc chí ít giấu giếm được nó. Bà nắm lấy bên tay không bị gãy của Eddie rồi siết đau đến độ cậu nhắm mắt.

“Mọi chuyện t ối tệ quá, nhưng con sẽ sớm khỏe lại thôi,” bà nói. “Con sẽ sớm khỏe lại, mẹ hứa với con.”

“Dạ mẹ,” Eddie thở phì phò, “Mẹ lấy ống thở hộ con với?”

“Tất nhiên rồi,” bà nói. Sonia Kaspbrak nhìn nữ y tá với vẻ đắc thắng, như thể vừa được minh oan khỏi một tội trạng vớ vẩn nào đấy. “Con tôi bị hen suyễn,” bà kể. “Bệnh tình nặng lắm nhưng nó vẫn rất kiên cường.”

“Tốt,” cô y tá bàng quan.

Mẹ lấy ống thở cho Eddie. Phút sau, bác sĩ Handor sờ nắn cánh tay bị gãy của Eddie. Ông làm thật nhẹ nhàng nhưng cơn đau vẫn như chết đi sống lại. Eddie muốn hét lên nhưng cắn răng chịu đựng. Cậu sợ nếu cậu hét lên thể nào mẹ cậu cũng hét theo. M ồ hôi đua nhau rịn ra trên trán cậu.

“Các người làm con tôi đau kia kìa,” bà Kaspbrak nói. “Tôi biết ngay mà! Thôi chẳng cần nữa! Các người thôi đi! Các người đừng làm con tôi đau nữa! Con tôi mỏng manh yếu ớt như vậy, làm sao nó chịu được đau đón nhường này!”

Eddie trông thấy nữ y tá xoáy ánh mắt tức giận vào đôi mắt lo lắng đầy mệt mỏi của bác sĩ Handor. Cậu nhìn thấy đoạn hội thoại không lời giữa hai người bọn họ: *Đưa con mụ ấy ra khỏi đây đi, bác sĩ.* Và ngay lập tức, đôi mắt ông đáp lại: *Tôi chịu. Tôi không có gan đó.*

Trong cơn đau ấy hiển hiện một sự rõ ràng lớn lao (dù thật lòng mà nói, Eddie chẳng ham trải nghiệm cảm giác rõ ràng ấy thường xuyên: cái giá phải trả quá đắt), và trong đoạn đối thoại không lời ấy, Eddie chấp nhận tất cả những điều ông Keene nói với cậu. Ống thở HydrOx của cậu chỉ đổ đầy nước có thêm vị long não. Căn bệnh hen suyễn không nằm trong họng, trong ngực hay trong phổi của cậu mà nằm trong đầu. Và rồi đây, cậu sẽ phải đối diện với sự thật ấy.

Cậu nhìn mẹ, nhìn rõ từng đường nét của bà trong cơn đau: từng bông hoa trên chiếc váy Lane Bryant, mồ hôi dưới nách nơi dán miếng hút đã ướt sũng, vết xước trên giày. Cậu trông thấy mắt bà ti hí trong hốc mắt, và rồi một suy nghĩ tởm tưởi lướt qua đầu cậu: đôi mắt ấy trông như của kẻ săn mồi, như đôi mắt của gã hủi bò ra từ dưới tầng hầm căn nhà số 29 đường Neibolt. *Tao đến đây, không sao đâu... Có chạy cũng vô ích thôi, Eddie ạ...*

Bác sĩ Handor nhẹ nhàng chạm vào cánh tay bị gãy của Eddie và siết chặt. Cơn đau nổ tung.

Eddie lịm đi.

5

Họ cho cậu chút nước uống trong lúc bác sĩ Handor cố định chỗ gãy. Cậu nghe thấy bác sĩ nói với mẹ cậu rằng đây là gãy xương cành xanh, không nặng hơn những trường hợp gãy xương khi còn bé là bao: “Trẻ con ngã từ trên cây cũng bị gãy xương dạng này,” ông giải thích, và Eddie nghe thấy mẹ cậu giận dữ đáp lại: “Eddie nhà tôi không có trèo cây! Tôi muốn nghe sự thật! Thằng bé bị nặng cỡ nào?”

Và rồi y tá cho cậu uống thuốc. Cậu lại cảm nhận ngực cô chạm vào vai mình và vui vui trước sức ép dễ chịu của đôi gò bồng đảo ấy. Dù đầu óc

còn mơ màng, cậu có thể thấy y tá đang hết sức bức mình, và cậu nghĩ mình đã nói, *Mẹ em không phải già hủi đâu, chị đừng nghĩ vậy, mẹ em chẳng nhẽ như đĩa phải vôi vì thương em mà thôi*, nhưng hình như chẳng có lời nào thốt lên vì gương mặt bức bối của y tá chẳng hề thay đổi.

Cậu nhớ mang máng mình được đẩy ra ngoài hành lang bằng xe lăn, giọng nói của mẹ cậu xa dần ở phía sau: “Anh bảo giờ giấc thăm bệnh là cái gì? Đừng có bảo tôi thăm giờ nào, nó là con trai tôi cơ mà!”

Nhòa dần. Cậu thấy mừng vì mẹ cậu đang nhòa dần, thấy mừng vì cậu cũng đang nhòa dần. Cơn đau đã biến mất, đi cùng với sự tỏ tường. Cậu chẳng muốn nghĩ gì nữa cả, chỉ muốn trôi dạt. Cậu ý thức được cánh tay phải của mình rất nặng nề. Cậu tự hỏi không biết bác sĩ đã bó bột cho cậu chưa nhỉ. Chẳng hiểu sao cậu không thể biết họ làm hay chưa. Cậu mơ hồ nghe thấy âm thanh đài ra-đi-ô phát lên từ các căn phòng, nhìn thấy những bệnh nhân trông như bóng ma mặc đồ bệnh viện đi tới đi lui dọc sảnh lớn, và cảm nhận được hôm ấy trời nóng... nóng hằm hập. Khi được đẩy vào trong phòng, cậu có thể trông thấy mặt trời đang dần buông, tạo thành quầng cam như máu ngàn ngút, đầy giận dữ, và rồi cậu mơ hồ tự nhủ: *Như cái nút của gã hề khổng lồ*.

“Nào, Eddie, cậu đi được mà,” một giọng nói vang lên, và cậu nhận ra mình có thể. Cậu trơn tuột giữa tấm trải giường mát lạnh. Giọng nói ấy nói đêm đến, cậu có thể bị đau, nhưng đừng gọi xin thuốc giảm đau trừ khi đau không chịu nổi. Eddie hỏi xin nước. Nước được bùng ra với ống hút xoắn ở giữa để ta có thể bẻ cong. Nước vừa mát vừa dễ chịu. Cậu uống hết sạch.

Tối đến, cậu lên cơn đau, rất đau là đằng khác. Cậu nằm thao thức trên giường, giữ nút bấm gọi y tá bằng tay trái nhưng không nhấn. Ngoài kia đang vẫn vũ cơn giông, và khi chớp lóe lên sáng trắng, cậu quay đầu khỏi

cửa sổ, sợ mình sẽ nhìn thấy mặt một con quái vật đang nhe răng cười giữa bầu trời vẫn vện những tia lửa điện.

Mãi cậu mới có thể thiếp đi, li bì ngủ, cậu nằm mơ. Trong giấc mơ, cậu thấy Bill, Ben, Richie, Stan, Mike và Bev – những người bạn của cậu – đạp xe đến bệnh viện (Bill chở Richie trên Ánh Bạc). Cậu ngạc nhiên khi thấy Beverly mặc váy – một chiếc váy màu xanh lá cây rất đáng yêu, thứ màu của vùng Caribe trên địa tầng Địa lý Quốc gia. Cậu nhớ mình chưa lần nào nhìn thấy cô trong chiếc váy ấy, cậu nhớ cô lúc nào cũng mặc quần jean hoặc quần lửng, hay những bộ “đồng phục trường” như đám con gái hay gọi: váy và áo cánh, áo cánh thường có màu trắng, cổ tròn, váy màu nâu, xếp li dài đến giữa cẳng chân, để những vết đóng vảy trên đầu gối của cô không bị lộ ra.

Trong giấc mơ, cậu thấy các bạn đến thăm mình vào khoảng thời gian thăm bệnh lúc 2 giờ chiều, mẹ cậu kiên nhẫn ngồi đợi từ 11 giờ nên khi thấy họ, bà hét lên đến độ ai nấy đều quay qua nhìn.

Nếu cô cậu nghĩ tôi cho cô cậu vào phòng bệnh thì cô cậu nằm mơ giữa ban ngày rồi đấy! Mẹ của Eddie gào lên, và gã hề ngỗ trong phòng chờ (nhưng hấn rúc sâu trong góc phòng, giờ cuốn tạp chí *Look* lên ngang mặt từ nãy đến giờ) nhảy ra, làm động tác vỗ tay mà không phát ra tiếng động, hấn cứ thế vỗ hai tay mang găng trắng vào nhau thật nhanh. Hấn hết lò cò lại nhảy cẫng lên, làm trò nhào lộn, rồi lật người ra sau trong lúc bà Kaspbrak xa xả mắng chửi các bạn trong nhóm Hội Cùi Bắp của Eddie, còn bọn họ chỉ biết rúm ró từng người một sau lưng Bill, bởi cậu là người duy nhất còn hiên ngang đứng đó, mặt tái mét nhưng vẫn giữ được vẻ bình thản, hai tay thọc sâu vào túi quần jean (có lẽ cậu làm vậy để không ai, ngay cả bản thân Bill, thấy tay cậu có đang run bần bật hay không). Không

ai trông thấy gã hề trừ Eddie... mặc dù một đứa bé đang bình yên ngủ trong vòng tay mẹ bỗng tỉnh giấc và khóc thét lên.

Các cô cậu gây chuyện thế là đủ lắm rồi! Mẹ của Eddie gào rống. Tôi biết đám du côn đó là ai! Chúng gây chuyện ở trên trường chưa đủ, còn đánh lú tới cả cảnh sát nữa! Và chỉ vì cái đám trời đánh thánh vật ấy xích mích với các cô cậu, không có nghĩa chúng nó phải thù hằn sang con trai tôi. Tôi đã bảo con tôi như vậy mà thằng bé cũng đồng tình rồi. Thằng bé muốn tôi đuổi các cô các cậu về giùm, nó không muốn dây dưa với các cậu và cũng không muốn trông thấy bản mặt các cô các cậu nữa. Con tôi cũng chẳng thêm cái thứ tình bạn giả rách của các cô cậu đâu! Bất cứ ai trong các cô cậu! Tôi biết ngay thế nào cũng sinh chuyện mà, giờ thì nhìn đi! Eddie con tôi nằm viện rồi đây! Một thằng bé mỏng manh như nó mà phải...

Gã hề hết lò cò lại nhảy căng lên, xoay chân và đứng bằng một tay. Nụ cười của hắn thật đến từng chi tiết, và trong giấc mơ, Eddie nhận ra, phải rồi, đây là điếu mà gã hề mong muốn nhất, thọc gậy bánh xe phá bĩnh cả đám họ chừng nào hay chừng nấy, khiến họ bị chia rẽ, phá hủy cơ hội đồng lòng góp sức của họ. Sung sướng trước tình cảnh ấy, gã hề xoay hai vòng rồi trao một nụ hôn thật kêu và lố lửng lên má của mẹ cậu.

Nh-Nh-Những k-k-kẻ g-gây ra ch-chuyện... Bill lấp bắp.

Ai cho cậu mở miệng ra cãi lại tôi hả! Bà Kaspbrak rít lên. Ai cho cậu lớn lối cãi lại tôi hả! Con tôi không dính dáng gì đến cô cậu nữa, tôi bảo rồi! Hết là hết!

Đoạn một bác sĩ thực tập chạy vào phòng chờ và nhắc nhở mẹ của Eddie rằng bà phải giữ trật tự nếu không hãy rời khỏi bệnh viện. Gã hề bắt đầu mờ đi, phai dần để biến thành một nhân hình khác. Eddie trông thấy gã hề,

xác ướp, con chim; cậu trông thấy Người sói và ma cà rồng với hàm răng là những lưỡi dao lam Gillette Blue-Blade sắc lẹm cắm nhiều góc cạnh như gương trong mê cung ở lễ hội; cậu trông thấy Frankenstein, thứ sinh vật gì đó vừa nhoe nhoét thịt vừa có vỏ, mở ra đóng lại như cái miệng; cậu trông thấy thêm chục lần biến dạng gớm guộc nữa, thậm chí cả trăm lần. Nhưng trước khi gã hề phai đi hoàn toàn, cậu trông thấy cảnh tượng khủng khiếp nhất: khuôn mặt của mẹ cậu.

Không! Cậu cố gắng thét lên. Không! Không! Đừng biến thành bà ấy! Đừng biến thành mẹ tôi!

Nhưng không ai quay đầu lại, cũng chẳng ai nghe thấy. Và trong khoảnh khắc giấc mơ phai nhạt dần, cậu rợn người, kinh hãi nhận ra chẳng ai nghe thấy cậu. Cậu chết rồi. Nó đã giết cậu và cậu đã chết. Cậu chỉ còn là hồn ma.

6

Cảm giác hả hê vừa ngọt vừa chua mà Sonia Kaspbrak nếm trải khi đuổi đám bạn nhố nhăng của Eddie biến mất ngay khi bà bước vào phòng bệnh riêng của con trai vào chiều hôm sau, ngày 21 tháng 7. Bà không tài nào lý giải tại sao cảm giác sung sướng ấy phai nhạt đi, hoặc tại sao nó lại bị thay thế bởi nỗi sợ mơ hồ, bởi lạ chưa, khuôn mặt tái nhợt của con trai bà không nhạt nhòa bởi đau đớn hay lo lắng mà lại có một nét biểu cảm bà chưa thấy bao giờ. Nét biểu cảm có gì đó rất sắc bén. Sắc bén, cảnh giác và quyết tâm.

Màn đùng độ nảy lửa giữa nhóm bạn của Eddie và mẹ cậu không diễn ra trong phòng chờ như những gì Eddie mơ thấy, bởi bà biết chúng nó – cái đám “bạn bè” của Eddie, cái đám chẳng được tích sự gì mà chắc chắn chỉ

dạy hư con bà bằng những trò như hút thuốc dù con bà bị suyễn, cái đám tiêm nhiễm vào đầu con bà, đến độ về nhà vào buổi tối, thằng bé chỉ huyên thuyên về bọn chúng, cái đám “bạn bè” khiến con bà bị gãy tay. Bà đã đem hết mọi chuyện kể cho bà hàng xóm Van Prett sống cạnh nhà mình. Bà dứt khoát tuyên bố, “Đã đến lúc phải nói toạc móng heo với bọn chúng rồi”. Bà Van Prett là một phụ nữ da dẻ trông rõ là phát gớm, thông thường lúc nào cũng rậm rạp đến tội nghiệp hòa theo mọi đi đâu Sonia Kaspbrak phát ngôn, thế mà lần này, chẳng biết bà ta ăn gan hùm ở đâu mà dám phản đối.

Em nghĩ chị nên vui vì thằng bé có thêm bạn bè chứ, bà Van Prett bình luận khi hai bà cùng phơi phóng quần áo trong tiết trời mát mẻ của buổi ban mai trước khi đi làm – bây giờ đang là tuần đầu tiên của tháng Bảy. Và nếu thằng bé đi chung với bạn bè, nó sẽ an toàn hơn chứ chị Kaspbrak, chị không nghĩ vậy sao? Hiện tại, thị trấn đang nhiều như thế này, bao đứa trẻ tội nghiệp đã bị giết hại kia mà?

Bà Kaspbrak chẳng đáp lại mà chỉ hừ mũi đầy tức giận (thật ra, lúc ấy, bà không biết phải trả lời ra sao cho phù hợp, dù bà đã nghĩ ra cả chục phương án trong đầu – nhưng một số câu vô cùng méch lòng, cái đó để sau), và tối hôm ấy, khi bà hàng xóm Van Prett gọi điện thoại cho bà, giọng khá sốt ruột, hỏi liệu bà Kaspbrak có đi chung đến Beano ở Saint Mary’s như bình thường hay không, bà bèn lạnh lùng đáp tối đó bà sẽ chỉ ở nhà thư giãn chứ chẳng đi đâu cả.

Chà, bà mong giờ thì bà Van Prett hài lòng rồi. Bà mong bà Van Prett nhận ra mối nguy hại duy nhất ở Derry mùa hè này không phải kẻ điên tấn công tình dục và giết hại trẻ con. Con bà đang nằm kia, đau đớn trên giường bệnh ở Bệnh viện Derry, rất có thể thằng bé sẽ không bao giờ có thể sử dụng tay phải của mình được nữa, bà đã nghe nhiều trường hợp như

vậy rồi, hoặc lay Chúa lòng lành, có khi những mẫu xương gãy có thể đi theo đường máu đến tim và đâm thủng tim, giết chết con trai bà ấy chứ, ôi, tất nhiên Chúa sẽ không để việc ấy xảy ra, nhưng bà từng *nghe* trên đời này có những trường hợp như thế, đôi khi đó có nghĩa là Chúa vẫn để những chuyện như vậy xảy ra. Trong một số trường hợp nhất định.

Vì thế, bà cứ dùng dằng mãi ở hàng hiên dài có bóng râm trước cửa bệnh viện, bởi bà biết đám bọn chúng rồi sẽ xuất hiện, bà tự hứa với lòng mình rằng bà sẽ đặt dấu chấm hết cho cái thứ “tình bạn” giẻ rách này, cái thứ tình bằng hữu chẳng được tích sự gì mà chỉ khiến con trai bà gãy tay, đau đớn vạ vật trên giường này.

Cuối cùng, bọn chúng cũng xuất hiện, đúng như ước đoán của bà, và bà kinh hãi nhận ra trong đám bọn chúng có một thằng mọi đen. Chẳng phải bà phân biệt đối xử hay gì với dân mọi đen đâu, bà nghĩ bọn họ có quyền được ngồi chỗ mình muốn trên xe buýt ở miền Nam, và ăn trưa tại quầy của dân da trắng, cũng không nên bị ép buộc phải ngồi ở khu vực dành riêng cho dân mọi đen trong rạp chiếu phim trừ khi họ làm phiền

(phụ nữ)

người da trắng, nhưng đồng thời, bà nhất mực tin tưởng vào lý tưởng mà bà gọi là Thuyết Loài chim: Chim đen bay với chim đen, chứ không được học đòi với chim cổ đỏ. Sáo đá đậu tổ với sáo đá; chúng không chung đụng với chim sơn ca hay dạ oanh. Quan điểm của bà là gió tầng nào, mây tầng ấy, và trông thấy Mike Hanlon đạp xe cùng cả nhóm như thế chúng bằng vai phải lứa với nhau khiến quyết tâm cũng như phần nộ, bức bối của bà được dịp tức nước vỡ bờ. Bà nghĩ thầm trong đầu đầy trách móc, như thể Eddie đang có mặt ở đây và nghe được lời bà nói: *Con chưa bao giờ kể với mẹ đám “bạn” của con có mọi đen.*

Và rồi hai mươi phút sau, bà bước vào phòng bệnh nơi con trai mình đang nằm với cánh tay bó bột to tướng, cột vòng qua ngực (nhìn cảnh này mà ngực bà đau như cắt) sau khi đã đuổi thẳng cẳng đám ấy, một đi không trở lại... bà không có ý chời chử ở đây đâu nhé. Cả bọn chẳng có đứa nào dám ho he phản bác lại bà, ngoại trừ thằng con nhà Denbrough, mà thằng này cà lăm khủng khiếp. Bà chẳng biết đứa con gái là ai, nhưng nó dám giương đôi mắt đầy điểm dàng nhìn Sonia – bà đánh giá ngay, *hắn con bé này xuất thân ở đường Chính Khu Dưới hoặc nơi gì mạt hạng hơn thế* – nhưng con oắt khôn ngoan ngậm miệng chứ không hó hé gì. Nếu nó dám lên tiếng kêu ca, Sonia sẽ cho nó biết thế nào là giáo huấn và nói cho nó biết thể loại con gái gì mà đàn đúm cùng một đám con trai. Người ta có rất nhiều tên dành cho những kẻ như vậy, và bà ta không muốn con trai mình giao du với loại con gái có cái tên như thế, bất kể là hiện giờ hay mãi mãi.

Những đứa trẻ còn lại chỉ biết cúi gằm nhìn đôi chân nhấp nhੌm như ng ẫ trên đồng lửa của chúng. Đúng như những gì bà mong muốn. Sau khi bà tuôn một bài xối xả như tát nước, chúng cun cút đánh xe đi. Thằng bé nhà Denbrough đeo thằng con nhà Tozier trên chiếc xe đạp to tướng, trông rõ là không an toàn, và bà Kaspbrak rùng mình tự nhủ không biết đã bao lần, Eddie được chở trên chiếc xe đạp nguy hiểm ấy, đem tay, chân, cổ và tính mạng của mình ra làm trò đùa.

Mẹ làm điều này vì con, Eddie ạ, bà vừa nghĩ vừa ngẩng cao đầu quay trở lại bệnh viện. Mẹ biết mới đâu, con sẽ thấy có phần thất vọng, đó là điều hết sức tự nhiên. Nhưng bậc làm bố làm mẹ biết cái gì tốt cho con cái mình, lý do Chúa tạo ra bố mẹ trước con cái là để bố mẹ hướng dẫn, chỉ bảo... và bảo vệ con. Sau thất vọng ban đầu, thằng bé sẽ hiểu cho bà. Và lý do lòng bà cảm thấy nhẹ nhੌm như hiện tại tất nhiên là vì Eddie chứ không

phải vì bản thân mình. Cứu được con mình khỏi đám lông bông đầu đường xó chợ ấy thì cảm thấy nhẹ nhõm cũng đúng thôi.

Chỉ có đi đâu, lúc này đây, khi nhìn khuôn mặt của Eddie, sự nhẹ nhõm ấy lại bị vấy bẩn bởi cảm giác khó chịu. Bà cứ tưởng con mình đang ngủ mà hóa ra không phải. Giấc ngủ li bì do thuốc không khiến thằng bé tỉnh dậy với vẻ mất phương hướng, trì trệ và yếu đuối về mặt tinh thần, mà thay vào đó, trên khuôn mặt nó là ánh nhìn sắc bén, thận trọng, khác hẳn so với ánh nhìn ngập ngừng, dè dặt thường ngày của Eddie. Giống như Ben Hanscom (dù Sonia không biết đi đâu này), Eddie là một cậu bé thường liếc nhìn rất nhanh mặt người khác để đoán xem sóng ngầm cảm xúc nào đang âm ỉ ở đó rồi ngoảnh đi. Nhưng lúc này đây, thằng bé nhìn bà vô cùng chăm chú (*có lẽ là do ảnh hưởng của thuốc, bà tự nhủ, chứ còn gì nữa đâu; chút nữa mình phải tư vấn với bác sĩ Handor về thuốc cho thằng bé mới được*), và ánh nhìn ấy khiến bà phải ngoảnh mặt đi chỗ khác. *Trông thằng bé như đang mong mình quay lại vậy*, bà nghĩ trong đầu, và suy nghĩ ấy khiến lòng bà nở hoa – cậu con trai đời mẹ về hẳn là một trong những đi đâu tuyệt vời nhất do bàn tay Chúa tạo ra...

“Mẹ đuổi bạn bè con.” Những lời ấy được thốt lên bình thản, không nghi ngờ cũng chẳng thắc mắc.

Bà rút người, gằn như chột dạ, và suy nghĩ đầu tiên lướt qua đầu bà đầy tội lỗi – *Sao con mình lại biết nhỉ? Thằng bé không thể nào biết được!* – và ngay lập tức, bà giận bản thân mình (và giận con) khi có cảm xúc như vậy. Bà bèn mỉm cười với cậu con trai.

“Hôm nay chúng ta thấy thế nào rồi, Eddie?”

Trả lời như thế là chuẩn xác. Chắc hẳn có kẻ nào đó – một ả đi đâu dưỡng ngu độn hoặc một y tá vô năng ghen ăn tức ở ngày hôm trước - đã đem đặt

chuyện này. Hẳn là có kẻ nào đó.

“Chúng ta thấy thế nào rồi?” Bà hỏi lại khi không thấy con mình trả lời. Bà nghĩ thằng bé không nghe thấy câu hỏi. Bà chưa bao giờ đọc tài liệu y khoa nào cho biết gãy xương có khả năng ảnh hưởng đến thính lực, nhưng bà đoán trên đời này có gì là không thể kia chứ, tất cả đều có thể xảy ra.

Eddie vẫn không trả lời bà.

Bà bước vào phòng, cảm ghét cảm giác ngấn ngừ, gấn gấn như rón rén đâm chĩa trong lòng mình, bà gạt nó đi vì trước nay bà chưa từng cảm thấy ngấn ngừ hay rón rén xung quanh Eddie. Bà còn thấy bức cả mình, mặc dù cảm giác ấy mới chỉ manh nha thôi. Thằng bé có quyền gì mà lại khiến bà cảm thấy như vậy kia chứ, sau bao điếu bà tất tả cho con trai mình, sau bao hy sinh tảo tần bà dành cho con?

“Mẹ đã bàn với bác sĩ Handor rồi, bác sĩ khẳng định con sẽ hoàn toàn bình phục,” Sonia lãnh lút rồi ngoảnh xuống chiếc ghế gỗ thẳng lưng ở cạnh giường. “Tất nhiên nếu có vấn đề gì dù là nhỏ nhất, mẹ con mình sẽ đi gặp chuyên gia ở Portland. Thậm chí lên tận Boston nếu cần.” Bà mỉm cười như thể mình đang phớt độ chúng sinh. Eddie không buồn mỉm cười đáp lại. Và cậu cũng không trả lời bà.

“Eddie, con có nghe mẹ nói không?”

“Mẹ đuổi bạn bè con,” cậu lặp lại.

“Phải,” bà đáp gọn lỏn, chẳng buồn giả lả cười đùa nữa rồi im lặng. Đừng tưởng được đằng chân lân đằng đầu. Bà giương mắt nhìn con trai.

Nhưng một điếu kỳ lạ xảy ra, nói đúng hơn là một điếu hết sức tệ hại. Bỗng dưng đôi mắt Eddie có vẻ gì đó... thật trưởng thành. Những chấm xám trong mắt dường như đang chuyển động tựa quầng mây giông ầm ầm. Bà chợt nhận ra không phải con trai mình đang “dẫn dối”, hay “làm mình

làm mây” hoặc trái tính trái nết gì cả. Thằng bé đang nổi giận với bà... và bỗng Sonia thấy sợ, vì bà mơ hồ cảm thấy trong căn phòng này không còn là con trai bà nữa mà là một thứ gì đó lớn lao hơn. Bà cúi mặt lục lọi trong ví, tìm giấy Kleenex.

“Phải, mẹ đã đuổi bọn chúng đi rồi,” bà lên tiếng, nhận ra giọng nói của mình đủ uy lực và vững vàng... nếu không nhìn thẳng vào mắt con thì bà còn trụ được. “Con bị thương rất nặng đấy, Eddie. Hiện tại, con không cần ai đến thăm bệnh trừ mẹ, và con cũng chẳng cần nurse như chúng đến thăm. Nếu không tại chúng thì giờ này, lý ra con đang ở nhà xem ti vi hoặc lắp ráp xe đua thủ công trong ga-ra rồi.”

Ngày ấy, ước mơ của Eddie là lắp ráp xe đua rồi mang đến Bangor trình làng. Nếu thắng cuộc ở đó, cậu sẽ được bao mọi chi phí cho chuyến du lịch ở Akron, Ohio để dự Giải Đua xe Không động cơ Quốc gia. Sonia cho con trai mình được thỏa sức mơ tưởng đến giấc mơ này miễn là bà thấy khả năng hoàn thành chiếc xe đua – với thân làm bằng hộp đựng cam và bánh trưng đựng từ xe kéo ChooChoo Flyer - chỉ là mơ mộng hão huyền. Tất nhiên, không đời nào bà chịu để cho Eddie đánh liều mạng sống trong cỗ máy nguy hiểm ấy, bất kể đó là ở Derry, Bangor hay Akron, mà (theo lời Eddie giải thích) thằng bé sẽ ngồi trên máy bay, cầm đầu lao xuống ngọn đồi cực dốc trong thùng đựng cam gắn bánh xe và không có thắng. Song như mẹ bà hay bảo, ngu si hưởng thái bình (mẹ bà cũng hay nói “*Ăn ngay nói thật mọi tội mọi lành*”), nhưng giống với mọi người, khi ghi lòng tạc dạ câu gì đó, Sonia rất kén cá chọn canh).

“Các bạn của con không làm con gãy tay,” Eddie thách thừng. “Đêm qua, con đã nói với bác sĩ Handor và báo với ông Nell khi ông đến vào ban sáng. Henry Bowers mới là người bẻ gãy tay con. Một đám du côn đi

chung với hắn nhưng Henry chính là thủ phạm. Nếu con đi cùng các bạn thì còn lâu chuyện này mới xảy ra. Con gặp nạn là vì lúc ấy con thân cô thế cô.”

Lời thằng bé nói khiến Sonia nghĩ đến lời nhận xét của bà hàng xóm Van Prett, rằng có bạn bè lại an toàn hơn, đi đâu này khiến bao cơn thịnh nộ của bà bùng bùng quay lại như hổ gặm. Bà ngừng phất lên. “Chuyện đó chẳng có ý nghĩa lý gì hết, con thừa hiểu mà! Con nghĩ cái gì vậy hả, Eddie? Con nghĩ mẹ bạc đầu còn dại sao? Mẹ thừa biết tại sao thằng con nhà Bowers làm gãy tay con. Ông cảnh sát người Ireland có ghé qua nhà mình. Thằng du côn kia bẻ gãy tay con vì con và đám bạn bè của con gây chuyện với nó. Giờ con thử nghĩ mà xem, ngay từ đầu, nếu con nghe lời mẹ và tránh xa cái đám ấy thì có ra nông nổi này không?”

“Dạ không, con nghĩ sẽ còn xảy ra chuyện nghiêm trọng hơn vậy nữa,” Eddie đáp.

“Eddie, con ăn nói kiểu gì vậy hả?”

“Con nói thật,” cậu đáp, và bà cảm nhận sức mạnh tỏa ra từ con mình, phát lộ từ cậu như những cơn sóng. “Bill và các bạn của con sẽ quay trở lại, mẹ ạ. Con biết chắc chắn là như thế. Và khi họ quay lại, mẹ đừng cản mọi người nữa. Cũng đừng nói lời nào với các cậu ấy. Họ là bạn của con, và mẹ đừng cướp đi họ chỉ vì mẹ sợ chỉ còn một mình.”

Bà tròn mắt nhìn cậu, kinh ngạc và hãi hùng. Mắt bà nhòe lệ, nước mắt trào như mưa xuống hai bên má làm lớp phấn nhòe nước. “Con ăn nói với mẹ con như thế đấy,” bà oà lên nức nở. “Có lẽ đây là cách mà đám bạn của con ăn nói với bố mẹ của chúng. Con học từ chúng nó có đúng không?”

Bà cảm thấy an toàn hơn trong làn nước mắt. Bình thường, khi bà khóc, Eddie cũng khóc theo. Nhiều người có thể cho rằng đây là một vũ khí hèn

hạ, nhưng bảo vệ con trai thì có vũ khí nào hèn kém sao? Bà không nghĩ thế.

Bà ngẩng đầu lên, nước mắt chan hòa trên mặt, cảm thấy buồn bã, mất mát, bị phản bội đến khó tả... và trong lòng, bà chắc như đinh đóng cột rằng Eddie còn lâu mới chịu được những giọt nước mắt cũng như cảnh bà sầu não. Cái nhìn lạnh lùng sắc như dao ấy sẽ biến mất khỏi mặt con trai bà. Có lẽ thằng bé sẽ học khó thở một chút, nhưng đó sẽ là tín hiệu, trước giờ đầu vậy, rằng cuộc tranh cãi đã đến hồi kết và bà đã giành chiến thắng... tất nhiên, chiến thắng ấy là vì cậu chứ vì ai. Lúc nào bà chẳng vì con mình.

Nhưng không, bà bàng hoàng khi thấy mặt con trai mình vẫn giữ nguyên nét biểu cảm ấy – thậm chí còn sâu hơn – khiến tiếng nức nở của bà đứt đoạn. Khuôn mặt cậu ẩn chứa nét muộn phiền, nhưng ngay cả nét mặt này cũng khiến bà lo lắng, bởi chẳng hiểu sao, bà thấy nét muộn phiền ấy có vẻ gì đó thật *ngươi lớn*, và nghĩ đến cảnh Eddie trưởng thành dù bằng bất cứ cách nào luôn khiến con chim hoảng loạn bay tứ tung trong tâm trí bà. Đó là cảm giác của bà vào những lúc tự hỏi đi đâu gì sẽ xảy ra với bà nếu Eddie không muốn theo học ở trường Cao đẳng Kinh doanh Derry hay Đại học Maine ở Orono hoặc Đại học Husson ở Bangor để có thể về nhà sau khi học xong, đi đâu gì sẽ xảy ra nếu cậu gặp một cô gái, đem lòng yêu cô ta và muốn kết duyên vợ chồng. *Mẹ ở đâu trong những sự kiện ấy? Con chim sợ hãi sẽ rít lên khi những suy nghĩ lạ lùng, khủng khiếp tựa ác mộng xuất hiện. Mẹ sẽ ở đâu trong cuộc đời ấy? Mẹ thương con lắm, Eddie ơi! Mẹ thương con lắm! Mẹ chăm sóc con từng ly từng tí, dành trọn tình thương cho con! Con làm gì biết nấu nướng, thay khăn trải giường hay giặt đồ lót của mình đâu kia chứ! Mà con biết để làm gì? Mẹ biết những*

điều đó thay con rồi đây! Mẹ biết vì mẹ thương con!

“Mẹ, con rất thương mẹ,” Eddie lên tiếng. “Nhưng con cũng quý các bạn nữa. Con thấy... Con thấy mẹ đang cố tình rơi nước mắt.”

“Eddie, con làm mẹ tổn thương quá,” bà thì thầm, và dòng nước mắt nhạt nhòa khiến khuôn mặt nhợt nhạt của cậu nhún nhún, nhún nhún. Nếu vài phút trước, những giọt lệ là do bà tính toán thì lúc này lại không phải vậy. Bằng sức mình, bà đã bao lần vượt qua phong ba bão táp cuộc đời – bà đã chứng kiến cảnh chồng mình về với đất mẹ mà không quy ngã, bà đã kiếm được công việc giữa lúc kinh tế khó khăn, việc làm nhỏ giọt, bà đã một tay nuôi con, và khi cần thiết, bà đã xả thân chiến đấu vì thằng bé. Đây là những giọt nước mắt đầu tiên bà rơi không toan tính, không chút giả tạo. Có lẽ lần cuối bà thật lòng khóc là lúc Eddie mắc viêm phế quản khi lên năm, bà cứ tưởng con mình sẽ chết trên giường bệnh trong đau đớn, sốt bồng bồng, ho sù sụ, thở hỗn hển. Nhưng lúc này đây, bà đang giàn giụa nước mắt vì biểu cảm sao mà *người lớn* đến thế, sao mà *xa lạ* đến thế xuất hiện trên khuôn mặt của cậu con trai mình. Bà lo cho con, song dưới góc độ nào đó, bà còn cảm thấy sợ thằng bé, sợ cái khí chất dường như đang bao bọc cậu... cái khí chất như đang yêu cầu đi đâu gì đó ở bà.

“Mẹ ơi, đừng bắt con phải lựa chọn giữa mẹ và bạn bè con,” Eddie nói. Giọng cậu không đều, chật vật nhưng vẫn cứng rắn. “Vì như thế là không công bằng mẹ ạ.”

“Chúng là bạn *xấu*, Eddie ơi!” Bà thét lên, gần như hoảng loạn. “Mẹ biết ngay mà, ngay từ đầu mẹ đã biết chúng nó chẳng cho con thứ gì ngoài đau buồn và tổn thương!” Và khủng khiếp nhất là bà *cảm nhận* được điều đó, một phần con người bà cảm nhận được trong mắt thằng bé nhà Denbrough, thằng bé đã đứng trước bà với hai tay thọc vào túi quần, với

mái tóc đỏ ánh lên trong nắng hè. Đôi mắt nó sao mà can đảm đến thế, sao mà lạ lùng và xa cách đến thế... giống như mắt của Eddie lúc này.

Và chẳng phải khí chất tỏa ra từ thằng bé ấy cũng giống khí chất xung quanh Eddie lúc này sao? Tương tự nhau, thậm chí mạnh hơn? Bà nghĩ, ừ, đúng là thế.

“Mẹ ời...”

Bất thành linh, bà đứng bật dậy, suýt chút nữa thì hất đồ ghế. “Tối nay, mẹ lại đến,” bà nói. “Con nói chuyện kiểu này là do con còn sốc, do tai nạn, do đau đớn đúng không. Mẹ hiểu mà. Con... Con...” Bà lắp bắp và chộp được những lời mình toan nói quay cuồn trong tâm trí rồi như mớ bong bong. “Con vừa gặp tai nạn kinh khủng, nhưng con sẽ ổn thôi. Và con sẽ thấy rằng mẹ nói đúng, Eddie ạ. Chúng là bạn *xấu*. Chúng không như mình, con ời. Gần mực thì đen con ạ. Con cứ suy nghĩ và hỏi bản thân xem có bao giờ mẹ nói sai chưa. Con cứ suy nghĩ và... và...”

Mình đang chạy trốn kia! Bà nghĩ, lòng nặng như chì, choáng váng và tổn thương. Mình đang chạy trốn chính con trai mình! Ôi Chúa ời, xin Người đừng để chuyện này xảy ra!

“Mẹ.”

Trong khoảnh khắc, suýt chút nữa bà đã cao chạy xa bay, bởi sao mà bà sợ con mình quá, ôi phải rồi, thằng bé ấy to lớn hơn Eddie nhiều, bà cảm nhận nơi cậu còn hình bóng những người khác, đám “bạn” của con bà và thứ gì đó nữa, thứ lớn lao vô cùng, và bà sợ nó sẽ chói sáng sang cả bà. Tựa hồ con bà đang nằm dưới gong kìm của một thế lực, một cơn sốt tệ hại như ngày xưa, lúc lên năm, cậu từng bị căn bệnh viêm phế quản hành hạ suýt mất mạng.

Bà dừng chân, tay đặt trên nắm cửa, lòng chẳng muốn nghe những lời

cậu sắp sửa thốt lên chút nào... và khi cậu cất tiếng, câu nói của cậu chẳng khác nào sấm động trời quang, đến độ trong thoáng chốc, bà chẳng hiểu đầu của tai nheo gì. Đến rồi khi nhận thức vồ vập đổ ập xuống tựa khối xi măng lỏng, bà còn tưởng mình sắp lăn đùng ra bất tỉnh đến nơi.

“Ông Keene nói thuốc hen suyễn của con chỉ là nước,” Eddie lên tiếng.

“Cái gì? Cái gì kia?” Bà trừng trừng nhìn con mình.

“Chỉ là nước, bỏ thêm chút hương liệu để nó có vị thuốc. Ông ấy bảo nó là giả dược.”

“Dối trá! Đó là lời nói dối trắng trợn! Tại sao ông Keene lại nói dối con như thế? Thôi, ở Derry không thiếu tiệm thuốc, mẹ sẽ... mẹ sẽ...”

“Con đã nghĩ đi nghĩ lại về chuyện này,” Eddie nói, nhẹ nhàng mà cương nghị, đôi mắt cậu không rời mẹ, “và con nghĩ ông ấy nói thật.”

“Eddie, mẹ nói con nghe, ông ta nói dối!” Nỗi sợ hãi lại tái xuất, tán loạn trong tâm trí.

“Con nghĩ đó chính là sự thật, nếu không thì trên ống thở phải ghi cảnh báo gì đó chứ, ví dụ như nếu dùng quá nhiều có thể gây tử vong hoặc bị ốm chẳng hạn. Thậm chí...”

“Eddie, mẹ không muốn *nghe* chuyện này nữa!” Bà ré lên và đưa hai tay lên bịt tai. “Con... con... *con chẳng giống con bình thường chút nào, chỉ thế thôi!*”

“Ngay cả những thuốc bán đại trà mà không cần kê đơn cũng được dán nhãn mác hướng dẫn đặc biệt,” cậu nói tiếp, chẳng hề lên giọng. Đôi mắt xám của cậu dán chặt vào mẹ, và bà không tài nào cúi xuống hay thậm chí đánh mất đi được. “Như xi rô ho Vicks... hoặc vitamin Geritol mẹ uống.”

Cậu dừng lại. Bà buông tay khỏi tai; bởi sao giờ việc giờ tay lên lại mệt

mỗi đến thế. Tay bà bỗng chẳng khác nào quả tạ.

“Và hình như... mẹ thừa biết đi đâu đó rồi, phải không mẹ.”

“Eddie!” Bà thiếu đi đầu rớt lên.

“Bởi vì, cậu nói tiếp, tựa hồ này giờ bà vẫn im bật – hàng lông mày của cậu chau lại, tập trung vào vấn đề, “bởi vì người lớn như mẹ thừa biết về thuốc thang. Chứ còn gì nữa, ngày nào con cũng dùng ống thở năm, sáu lần. Nếu mẹ lo nó có thể nói sao nhĩ, gây hại cho con, mẹ sẽ không cho con làm vậy đâu. Vì nhiệm vụ của mẹ là bảo vệ con. Con biết đi đâu đó vì lúc nào mẹ cũng nhắc đi nhắc lại như thế. Tức là... mẹ biết rồi, phải không? Mẹ thừa biết nó chỉ là nước lã phải không?”

Bà không nói gì. Môi bà run lên bần bật. Có cảm giác như thể cả khuôn mặt bà đang run rẩy. Nước mắt đã ngừng rơi từ lúc nào. Bởi bà sợ quá, chẳng khóc nổi.

“Vì nếu mẹ *biết*,” Eddie nói, chau mày, “nếu mẹ có biết, thì con muốn nghe lý do. Con có thể tìm hiểu chuyện này hay chuyện kia, nhưng con không hiểu tại sao người mẹ sinh thành ra con lại muốn con nghĩ nước lã là thuốc... hay con bị hen suyễn ở đây,” cậu chỉ lên ngực, trong khi ông Keene bảo con chỉ bị bệnh *trên này* mà thôi.” cậu chỉ lên đầu.

Bà những tưởng lúc ấy mình sẽ giải thích tất cả. Bà sẽ giải thích nhẹ nhàng, đầu đuôi. Rằng bà cứ đinh ninh cậu sẽ qua đời vào cái lần bạo bệnh khi lên năm, rằng đi đâu đó sẽ khiến bà phát điên, bởi mới hai năm trước đó, bà đã mất ông Frank. Rằng bà nhận ra bậc làm bố làm mẹ chỉ có thể bảo bọc cho con cái bằng sự quan sát và tình yêu của mình, và ta phải chăm chút cho con mình như chăm sóc vườn cây, bón phân, nhổ cỏ, và phải, thỉnh thoảng phải tỉa cành, xén lá, dù nó sẽ rất đau đớn. Bà sẽ bảo với con rằng nhiều lúc, thà trẻ em - nhất là một đứa trẻ mỏng manh yếu ớt như

Eddie – *ngĩ* mình bệnh còn hơn là thật sự đỡ bệnh. Và bà sẽ chốt hạ bằng cách kể cho cậu nghe về sự ngu ngốc chết người của bác sĩ và sức mạnh diệu kỳ của tình yêu thương, bà sẽ bảo với cậu rằng bà biết cậu bị hen suyễn, và bác sĩ nghĩ gì hay cho cậu thuốc gì cũng chẳng thành vấn đề. Bà sẽ bảo với cậu rằng không phải chỉ dùng chày với cối của lão dược sĩ ng ỏi lê đôi mách, lòng lang dạ thú kia mới làm ra thuốc. *Eddie con ơi*, bà nói, *nó là thuốc vì tình thương của mẹ biến nó thành thuốc, và bằng cách đó, mẹ sẽ làm chừng nào con còn muốn và còn để mẹ làm thế. Đó là sức mạnh mà Chúa ban cho những người mẹ với tấm lòng bao la như biển cả. Mẹ xin con, Eddie, mẹ xin con, tình yêu duy nhất của mẹ, con phải tin mẹ.*

Song rốt cuộc, bà chỉ lặng thinh. Nỗi sợ hãi trong lòng bà quá lớn.

“Nhưng thôi, mình chẳng cần phải nói cho ra ngô ra khoai chuyện này làm gì,” Eddie tiếp tục. “Có khi ông Keene chỉ đùa với con mà thôi. Thỉnh thoảng người lớn... mẹ biết đấy, họ đem con nít ra làm trò đùa. Vì có nói gì con nít cũng tin răm rắp. Trêu đùa trẻ con như thế rõ là quá đáng, nhưng nhiều lúc người lớn hay làm vậy mà.”

“Ừ.” Sonia Kaspbrak vội vàng hòa theo. “Họ thích trêu đùa mà nhiều khi họ lại ngu ngốc... quá đáng... và... và...”

“Vậy nên con sẽ canh đợi Bill và các bạn của con đến,” Eddie nói, “và sử dụng thuốc hen suyễn đi đâu đó. Như thế tiện cả đôi đường, mẹ có nghĩ vậy không?”

Đến tận lúc ấy, khi mọi chuyện đã quá trễ, bà mới nhận ra mình đã rơi vào tròng của con trai một cách lạ lùng - một cách quá đổi ác nghiệt. Hành động của thằng bé chẳng khác nào đe dọa bà, nhưng bà còn lựa chọn nào khác kia chứ? Bà chỉ muốn hỏi tại sao con mình có thể toan tính đến thế, có thể thao túng người khác đến thế. Bà mở miệng toan cất tiếng... nhưng

lại thôi. Với tâm trạng lúc này, khả năng cao là cậu sẽ trả lời cho xem.

Tuy nhiên, bà biết một điếu. Phải. Biết chắc như đinh đóng cột một điếu: có chết bà cũng không bao giờ không bao giờ *không bao giờ* đặt chân vào tiệm thuốc của lão Keene ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng ấy nữa.

Giọng nói chợt trở nên dè dặt của cậu phá ngang dòng suy nghĩ. “Mẹ?”

Ngẩng đầu lên, bà trông thấy Eddie của bà đã trở lại, cậu con trai Eddie *thường ngày*, và bà mừng rỡ bước đến chỗ con.

“Con ôm mẹ một cái được không?”

Bà ôm cậu, nhưng thật cẩn thận để không làm đau cánh tay bị gãy hoặc đẩy mạnh xương dăm chạy theo đường máu cắm vào tim cậu – thể loại mẹ nào lại giết chết con mình do thương quá kia chứ?), và Eddie ôm đáp lại.

7

Eddie như trút được đá tảng khi mẹ cậu rời khỏi phòng đúng lúc. Suốt cuộc đối mặt khủng khiếp này, cậu đã cảm thấy hơi thở mình chắt chùng, chắt chùng dâng lên trong phổi và trong họng, bằng lặng, không nổi một gợn sóng, tù đọng, mẫn mẫn, chực chờ nhiễm độc cậu.

Cậu ráng gồng cho đến khi cánh cửa đóng kịch lại sau lưng bà, lúc ấy cậu mới thở hòng hộc, hỗn hà hỗn hển. Làn hơi chua lè trong cổ họng thít lại của cậu hết thọc lên lại thọc xuống như que cời còn ấm. Cậu quờ quạng tìm ống thở, cánh tay nhói lên nhưng cậu mặc kệ. Cậu xịt một hơi thật dài xuống họng. Hít thật sâu hơi thở đầy vị cam thảo, cậu thầm nghĩ: *Có là giả được cũng chẳng sao, lời nói không quan trọng, miễn có hiệu quả là được.*

Ngả người ra gối, cậu nhắm mắt lại, đây là lần đầu tiên cậu được hít thở thoải mái từ lúc mẹ cậu bước vào phòng. Cậu sợ, sợ đến cùng cực. Những lời cậu nói với mẹ, cách cậu cư xử – nó vừa là cậu, vừa chẳng giống cậu

chút nào. Có thứ gì đó khuấy động trong người cậu, thao túng cậu, một thế lực nào đó... và mẹ cậu cũng cảm nhận được điếu này. Cậu thấy nó trong mắt và trên đôi môi run rẩy của bà. Cậu không cho rằng thế lực ấy xấu xa, nhưng sức mạnh to lớn của nó khiến cậu phát sợ. Tựa hồ cậu ngẩng lên tàu lượn siêu tốc vô cùng nguy hiểm ở công viên giải trí và nhận ra cho đến khi chuyến tàu kết thúc, mình sẽ không thể xuống dù có bất cứ điếu gì xảy ra.

Quay đầu chẳng còn là bờ nữa rồi, Eddie thẫn thờ, cảm nhận độ nặng, sự châm chích râm ran của bó bột đang bọc lấy cánh tay gãy của mình. Không ai được về nhà cho tới khi ta đến đích. Nhưng Chúa ơi, con sợ quá, con sợ quá. Và cậu biết lý do thật sự đằng sau việc cậu yêu cầu mẹ không chia tách cậu khỏi bạn bè là điếu cậu không thể nào nói ra: Con không thể một mình đối diện chuyện này.

Cậu khóc một chút rồi tiếp đi đẩy mộng mị. Cậu nằm mơ thấy giữa bóng tối mịt mù, một chiếc máy – máy bơm – cứ thế ầm ầm chạy.

8

Tối hôm ấy, khi Bill và các thành viên trong Hội Cùi Bắp quay trở lại bệnh viện, trời mưa đì đùng giông chớp. Eddie không hề ngạc nhiên khi thấy các bạn xuất hiện, bởi trong lòng mình, cậu biết rõ họ sẽ trở lại.

Cả ngày nay, trời nóng như thiêu như đốt – ai nấy đều đang tình tứ ăn thứ ba của tháng Bảy là tuần đỉnh điểm trong mùa hè nóng như đổ lửa này – và tầm 4 giờ chiều hôm ấy, những đám mây giông vần vũ trên bầu trời, đen tím, khổng lồ, trĩu nước, loang loáng chớp. Ai nấy đều tất tả lo toan công chuyện, vừa đi vừa lo lắng ngược nhìn bầu trời. Mọi người định ninh đến giờ ăn tối, thế nào mưa cũng trút xuống thổi đất thổi cát, gột rửa cái

ấm nằng nề trong không khí: công viên và sân chơi của Derry, vắng tanh vắng ngắt suốt mùa hè ấy, mới 6 giờ chiều đã không còn bóng người. Mưa vẫn chưa rơi, xích đu đứng yên, không đổ bóng dưới ánh đèn vàng vọt. Sấm giật đùng đùng - tiếng sấm, tiếng chó sủa và tiếng xe cộ trầm đục trên đường Chính Khu Ngoài là những âm thanh ngang qua cửa sổ Eddie cho đến lúc Hội Cùi Bắp tới bệnh viện.

Bill vào trước, tiếp đến là Richie. Beverly và Stan theo sau, Mike với Ben là hai người cuối cùng. Trông cậu nhấp nhồm như đĩa phải vôi trong chiếc áo len cổ lọ màu trắng.

Mọi người đến giường của cậu với vẻ mặt l'âm lì. Đến cả Richie cũng không cười.

Khuôn mặt mọi người, Eddie trầm trồ nghĩ, ôi Chúa ơi, khuôn mặt của mọi người kìa!

Cậu nhìn thấy ở họ nét biểu cảm mà mẹ trông thấy nơi cậu buổi chiều hôm ấy: sự kết hợp kỳ lạ giữa sức mạnh và bất lực. Ánh chớp vàng từ cơn bão hắt lên da, khiến khuôn mặt của tất cả mọi người ma mị, xa xăm và mờ ảo.

Bọn mình đang ở bước chuyển giao, Eddie thầm nghĩ. Chuyển giao sang trang mới – bọn mình đang ở ngay ranh giới rồi. Nhưng bên kia ranh giới là gì? Bọn mình rồi sẽ về đâu? Về đâu đây?

“Ch-Ch-Chào cậu, E-E-Eddie,” Bill lên tiếng. “Cậu s-s-sao rồi?”

“Tớ ổn, Bill To Bự,” Edd nói và cố gắng mỉm cười.

“Hôm qua đúng là khiếp nhỉ,” Mike nói. Sấm động đi đùng sau tiếng nói của cậu. Trong phòng bệnh của Eddie lúc này không bật đèn trần cũng như đèn đầu giường, thành thử tất cả bọn họ lúc mờ lúc tỏ giữa ánh chớp. Eddie mừng tượng đến việc ánh sáng ấy tỏa khắp Derry lúc này, quét

thành đường dọc công viên McCarron, lọt qua những cái lỗ trên nóc cầu Hôn Nhau thành những dải biếng nhác, khiến con sông Kenduskeag trông như lớp kính mờ khi ánh chớp cắt ngang qua Vùng Đất Cằn; cậu hình dung những chiếc bập bênh nép mình đằng sau trường Tiểu học Derry trong khi mây giông ngày một dày thêm, cậu nghĩ đến ánh chớp vàng lóe sáng cùng sự tĩnh lặng, như thể cả thị trấn này đã chìm vào giấc ngủ... hoặc cái chết.

“Phải,” cậu đáp. “Đúng là một ngày lắm sự kiện.”

“Tối ng-ng-ngày k-kia, b-bố mẹ tớ s-sẽ đi x-x-xem phim,” Bill nói. “Khi họ chiếu ph-phim mới. Lúc ấy, b-bọn mình tranh thủ làm nh-nh-những v-v-viên...”

“Viên bi bạc,” Richie tiếp lời.

“Tớ cứ tưởng...”

“Như vậy tốt hơn,” Ben trềnh ngăm. “Tớ vẫn nghĩ bọn mình có thể chế tạo đạn, nhưng nghĩ thôi chưa đủ. Nếu bọn mình là người lớn...”

“Ở đúng rồi, nếu bọn mình là người lớn, búng tay là xong nhỉ,” Beverly nói. “Người lớn có thể tạo ra bất cứ thứ gì họ thích, đúng không? Người lớn có thể làm bất cứ điều gì họ muốn, và cái gì cũng chuẩn không cần chỉnh.” Cô cười, tiếng cười ngập ngừng đầy lo âu. “Bill muốn tớ là người bắn Nó đấy. Cậu có tưởng tượng nổi không, Eddie? Từ giờ cậu hãy gọi tớ là Beverly [Oakley](#) nhé.”

Beverly đang nhắc tới Annie Oakley (1860-1926), một nữ thiện xạ nổi tiếng người Mỹ.

“Tớ chẳng hiểu các cậu đang nói gì cả,” Eddie thốt lên, song cậu nghĩ mình hiểu – cậu có thể lờ mờ đoán được tình hình.

Ben bèn giải thích kế hoạch của cả nhóm là nấu chảy một đồng bạc của

cậu và làm thành hai viên bi bạc, kích thước nhỏ hơn bi trong ổ trục một chút. Sau đó, nếu căn nhà số 29 đường Neibolt thật sự có Người sói trú ngụ, Beverly sẽ bắn thẳng viên bi bạc này vào đầu Nó bằng ná cao su H ồng Tâm của Bill. Vĩnh biệt Người sói. Và nếu bọn họ phân tích đúng về sinh vật nghìn mặt kia thì vĩnh biệt cả Nó nữa.

Hắn nét biểu cảm trên mặt Eddie phải kỳ khôi lắm, bởi Richie phá lên cười nắc nẻ và gật gù.

“Tớ hiểu cảm giác của cậu, bạn hi ền. Lúc Bill trình bày ý tưởng dùng ná cao su thay vì khẩu súng của bố cậu ấy, tớ còn tưởng đầu cậu ấy rơi rớt mấy con ốc còn sót lại r ồi ấy chứ. Nhưng chiều nay...” Cậu ngưng lại và đằng hắng. *Chiều nay, sau khi mẹ cậu chửi như tát nước vào mặt bọn tớ*, đó là câu cậu toan thốt lên, nhưng ăn nói như thế thì dở quá. “Chiều nay, bọn tớ xuống bãi rác. Bill mang theo cả ná cao su H ồng Tâm. Cậu nhìn này.” Richie lôi từ túi quần sau lon thiếc bẹp dúm vốn đựng thơm đóng hộp của hãng Del Monte. Có một cái lỗ lổm chổm đường kính chừng năm phân xuyên qua ngay giữa. “Sản phẩm của Beverly từ khoảng cách sáu mét đấy. Trông chẳng khác nào đạn bắn từ khẩu súng 38 cả. Tía Lia huynh đài chỉ còn biết ngả mũ chào. Và một khi Tía Lia huynh đài đã bái phục thì không còn gì để nói.”

“Bắn trúng mấy lon thiếc ăn thua gì,” Beverly nói. “Nếu mục tiêu là thứ khác... một thứ sinh vật sống... thì Bill, cậu là người bắn mới phải. Thật đấy.”

“Kh-Không,” Bill phản đối. “Cả đám đ-đ-đã th-thay nhau bắn. Cậu th-th-thấy k-k-kết quả ra s-sao r ồi.”

“Thế kết quả ra sao?” Eddie hỏi.

Bill bèn giải thích một cách chậm rãi, ngập ngừng, còn Beverly ngoảnh

mặt nhìn ra cửa sổ, môi bặm chặt đến độ trắng bệch. Vì những lý do mà đến bản thân cô còn chẳng lý giải nổi, cô thấy mình hơn cả sợ hãi: cô cảm thấy ngượng không để đâu cho hết với những gì xảy ra hôm nay. Tối hôm ấy, trên đường đến đây, một lần nữa cô lại tranh cãi quyết liệt rằng mọi người nên tìm cách chế ra đạn hãm hoi... không phải vì cô dám chắc hơn Bill hay Richie rằng chúng sẽ có tác dụng khi lâm trận, mà là vì— nếu thật sự xảy ra biến ở căn nhà ấy - vũ khí sẽ nằm trong tay của

(Bill)

một thành viên khác chứ không phải cô.

Nhưng sự thật là sự thật. Mỗi người bọn họ đã nhặt mười viên đá và bắn nã cao su vào mười lon thiếc để cách đó sáu mét. Richie bắn trúng một phát trên mười lần (thật ra phát trúng cũng chỉ sượt qua), Ben trúng hai phát, Bill bốn phát, Mike năm phát.

Trong khi đó, Beverly bắn với vẻ hết sức tùy nghi, chẳng buồn ngắm mục tiêu, thế mà chín trên mười phát lại trúng ngay giữa lon. Lon thứ mười rơi xuống khi viên đá cô bắn bật vào thành lon.

“Nhưng trước hết m-m-m-mình ph-phải làm đ-đ-đạn đã.”

“Tối ngày kia nhỉ? Đến lúc đó, tớ cũng được ra khỏi đây rồi.” Eddie nói. Mẹ cậu sẽ phản đối... nhưng cậu không nghĩ bà sẽ phản đối bằng mọi giá. Sau buổi chiều hôm nay thì không.

“Tay cậu có đau không?” Beverly hỏi. Cô mặc váy hồng (không phải chiếc váy cậu thấy trong giấc mơ, có lẽ cô mặc nó vào buổi chiều, lúc mẹ đuổi mọi người đi), bên trên thêu vài bông hoa nhỏ. Cô mang tất lụa hay vải nylon gì đấy, trông cô thật trưởng thành nhưng cũng có vẻ gì đó rất trẻ con, như một cô bé đang bày đặt ăn diện. Nét mặt cô mơ màng và xa xăm. *Chắc ấy là vẻ mặt cô ấy lúc ngủ*, Eddie thầm nghĩ.

“Không đau lắm,” cậu đáp.

Họ nói chuyện thêm một lát, giọng nói bị ngắt quãng bởi tiếng sấm. Eddie không hỏi các bạn mình về những chuyện đã xảy ra lúc họ đến bệnh viện lần trước, mà cũng không ai dả động đến. Richie lấy yo-yo ra, thả nó xoay vòng vòng ở cuối dây một, hai lần rồi thu lại.

Cuộc nói chuyện chững lại, và trong những khoảng lặng ấy vang lên tiếng lách tách rất gọn khiến Eddie nhìn xung quanh. Bill cầm gì đó trong tay, và trong một khắc, Eddie cảm thấy tim mình đập rộn lên vì hoảng. Trong khoảnh khắc ấy, cậu cứ tưởng đó là một con dao. Nhưng rồi Stan bật đèn trần lên, xóa tan tăm tối, và cậu nhận ra nó chỉ là cây bút bi. Dưới ánh sáng, bọn họ nhìn tự nhiên trở lại, nhìn *thật* trở lại, là những người bạn của cậu chứ chẳng phải ai xa lạ.

“Tớ nghĩ bọn mình phải ký tên lên bột của cậu mới được.” Bill nói. Cậu nhìn thẳng vào mắt Eddie.

Mọi chuyện đều đơn giản thế, Eddie thầm nghĩ, tâm trí chột rõ nét. Đây là bản hợp đồng. Đây là bản hợp đồng đấy, Bill To Bự a, hoặc là thứ gần với hợp đồng nhất mà chúng ta đạt tới. Cậu thấy sợ... và rồi cậu xấu hổ cũng như tức giận với bản thân. Nếu cậu gãy tay trước mùa hè này thì ai sẽ là người ký lên bột? Liệu còn ai ngoài mẹ cậu và bác sĩ Handor kia chứ? Hay các dì ở Haven?

Họ là những người *bạn* của cậu, và mẹ cậu đã sai rồi: họ không phải bạn xấu. Cậu nghĩ, *có khi chẳng có bạn xấu hay bạn tốt – bạn bè là bạn bè, là những người đứng cạnh ta khi ta tổn thương và giúp ta không cảm thấy cô đơn. Có lẽ nếu cậu thấy sợ hãi cho họ, hy vọng hay sống vì họ thì cũng đáng thôi. Thậm chí đáng để cậu hy sinh thân mình. Chẳng có bạn tốt. Cũng chẳng có bạn xấu. Chỉ có những người mà ta muốn, ta cần bên,*

những người chiếm vị trí trong trái tim ta.

“Được thôi,” Eddie đáp, giọng hơi khàn. “Được chứ, nghe hay ho ra phết, Bill To Bự.”

Thế là Bill nghiêm trang cúi người qua giường rồi viết tên lên mặt thạch cao nhấp nhô bọc quanh cánh tay bị gãy của Eddie, chữ cậu to và tròn. Richie ký nét bay bướm. Ben to bao nhiêu thì chữ viết lại lí nhí bấy nhiêu, hơi nghiêng về phía sau. Trông như thể chỉ đẩy nhẹ một cái cũng đủ để chúng đổ nhào. Nét chữ của Mike Hanlon to, vụng về vì cậu vốn thuận tay trái và góc độ này khá khó viết. Cậu ký trên khuỷu tay của Eddie và khoanh tròn tên mình lại. Khi Beverly cúi người xuống, Eddie có thể ngửi thấy mùi nước hoa thoang thoảng từ người cô. Cô ký thành vòng tròn bằng phương pháp Palmer. Stan là người cuối cùng, cậu viết tên mình chen chúc trên cổ tay Eddie.

Và rồi cả bọn lùi lại, như thể họ ý thức được đi đâu mình vừa làm. Bên ngoài, sấm chớp lại ầm ầm nổi lên. Chớp xóa đi khung cảnh bằng gỗ bên ngoài bệnh viện trong ánh đèn chớp tắt chớp nháy.

“Thế là hết à?” Eddie hỏi.

Bill gật đầu, “Ng-Ngày kia, S-s-sau giờ ăn t-tối, nếu đ-đ-được thì đ-đ-đến nh-nh-nhà t-tớ nhé?”

Eddie gật đầu, và chủ đề này dừng lại ở đó.

Cuộc nói chuyện lại trở nên lan man, vô thưởng vô phạt. Trong đó, họ bàn về chủ đề chính ở Derry vào tháng Bảy năm ấy - phiên tòa xử Richard Macklin vì tội giết Dorsey, con riêng của vợ bằng búa và sự mất tích của Eddie Corcoran, anh trai của Dorsey. Hai ngày sau, Macklin không chịu nổi và khóc lóc nhận tội ở bức nhân chứng, nhưng cả Hội Cùi Bắp đầu cho rằng khả năng cao Macklin chẳng liên quan gì đến việc Eddie mất tích. Cậu

bé đã bỏ nhà đi... hoặc Nó đã bắt cậu ấy.

Tầm 7 giờ 15 phút thì cả bọn rời bệnh viện, lúc ấy trời vẫn chưa đổ mưa. Trời cứ ầm ầm muốn mưa mãi cho đến tận sau khi mẹ của Eddie đến thăm cậu và trở về nhà (bà kinh hãi trước những chữ ký trên bột của Eddie, và thậm chí còn kinh hãi hơn khi cậu một mực muốn rời bệnh viện vào ngày hôm sau – bà đã hình dung con mình bệnh viện một tuần hoặc hơn trong yên tĩnh, để đầu vết gãy có thể “định hình trở lại”, trích nguyên văn lời bà).

Cuối cùng, mây giông tản đi. Cả Derry chẳng rơi lấy nổi một giọt mưa. Tối hôm ấy, không khí vẫn ngọt ngào ẩm, và người ta nằm ngủ trên hiên nhà, trên bãi cỏ hoặc trong túi ngủ ở cánh đồng sau nhà.

Hôm sau trời mới đổ mưa, sau khi Beverly chứng kiến cảnh tượng khủng khiếp xảy đến với Patrick Hockstetter.

CHƯƠNG 17

THÊM MỘT NẠN NHÂN MẤT TÍCH: CÁI CHẾT CỦA PATRICK HOCKSTETTER

1

Nói xong, Eddie tự rót cho mình một ly, tay vẫn không khỏi run rẩy. Anh quay sang nhìn Beverly mà nói, “Cậu cũng đã thấy Nó phải không? Sau hôm các cậu ký lên bột của tớ, cậu đã trông thấy Nó bắt Patrick Hockstetter đúng không?”

Mọi người trong nhóm chúi người tới trước.

Beverly hất mái tóc đỏ bồng bênh của mình ra sau. Bên dưới mái tóc, khuôn mặt cô nhợt nhạt không chút sinh khí. Cô vụng về lôi một điều thuốc ra khỏi bao - điều cuối cùng - rồi bật hộp quẹt Bic. Song cô chẳng tài nào đưa được ngọn lửa đến đầu thuốc. Chốc sau, Bill khẽ nắm lấy cổ tay cô, nhẹ nhàng đưa ngọn lửa đến vị trí cần châm. Beverly nhìn anh với ánh mắt đầy biết ơn và nhả ra làn khói xám nhuốm xanh.

“Ừ,” cô lên tiếng. “Tớ đã tận mắt chứng kiến chuyện xảy ra.”

Cô rùng mình.

“Hắn ta như kẻ đờ-đờ-diên,” Bill nhận xét và thầm nghĩ: Nội chuyện Henry lêu lổng đầu đường xó chợ với một kẻ quái dị như Patrick Hockstetter trong mùa hè năm ấy... đã nói lên tất cả rồi còn gì? Hoặc Henry đang mất đi phong độ, với bớt sức hút, hoặc độ điên rồ của Henry đã tăng tiến đến mức hắn thấy kẻ như Hockstetter là dạng người dung nạp được. Cả hai đi đầu này dẫn tới cùng một kết quả – Henry càng lúc càng... gì nhỉ? Thoái triển ư? Từ này có đúng không nhỉ? Phải, xét tới những chuyện đã xảy ra với hắn ta, nơi hắn đưa bị đưa vào thì có lẽ là thế.

Vẫn còn một vài chi tiết khác củng cố cho luận điểm này, Bill nghĩ, nhưng hiện giờ anh chỉ nhớ mang máng. Ngày ấy, anh, Richie và Beverly đã đến Trạm

Xe tải Cửa Anh em Tracker – nếu anh nhớ không lầm là đầu tháng Tám, lớp phụ đạo hè đã cầm chân Henry không để hắn quấy phá bọn họ gần hết mùa hè năm ấy sắp sửa kết thúc – và hình như Victor Criss tiếp cận bọn họ thì phải? Lúc ấy, trông Victor Criss sợ đến mất mật nhỉ? Đúng rồi, chuyện xảy ra là thế. Khi ấy, mọi chuyện đang dần dần đến hồi kết, và Bill nghĩ mọi đứa trẻ ở Derry đều cảm nhận được điều đó – cảm nhận rõ rệt nhất phải kể đến Hội Cùi Bắp và bè lũ của Henry. Nhưng chuyện đó hồi sau mới tới.

“Ừ phải, cậu nói chính xác,” Beverly thản nhiên. “Patrick Hockstetter là một kẻ điên. Ở trường chẳng có đứa con gái nào dám ngồi trước mặt hắn. Nếu ngồi đấy, trong lúc làm Toán hay Tập làm văn, bất thành linh cậu sẽ cảm thấy bàn tay... gần như nhẹ tựa lông hồng, nhưng ấm nóng và nhớp nhúa mồ hôi. Bè bè.” Cô nuốt nước bọt và hòng khẽ kêu đánh tách. Ngồi quanh bàn, mọi người nghiêm mặt nhìn cô. “Cậu sẽ cảm thấy bàn tay ấy chạm vào hông, hoặc có khi là ngực của mình. Ngày ấy, mấy đứa con gái bọn tớ làm gì đã nhú ngực. Nhưng Patrick chẳng hề để tâm đến chuyện đó.

Cậu sẽ cảm nhận được... cái đụng chạm ấy, và rồi khi cậu giật bắn lên, quay người lại, cậu sẽ thấy Patrick nhe răng cười với cặp môi dày cui như miếng cao su. Hắn có một hộp bút chì...”

“Đựng đầy ruồi,” Richie chọt lên tiếng. “Đúng rồi. Hắn ta dùng cây thước xanh của mình giết ruồi rồi bỏ vào hộp bút chì. Tớ thậm chí còn nhớ hình dạng của nó – nó màu đỏ với nắp đậy bằng nhựa trắng gọn sóng, trượt ra trượt vào để đóng mở.”

Eddie gật đầu.

“Khi cậu giật ra, hắn toe toét cười, rồi mở hộp bút để cậu trông thấy đồng ruồi chết bên trong,” Beverly nói. “Và điều kinh khủng nhất – hay nói đúng hơn, tởm lợm nhất – chính là việc hắn ta chỉ cười mà chẳng nói chẳng rằng. Cô Douglas thừa biết. Greta Bowie đã mách với cô, và nếu tớ nhớ không lầm,

hình như cả Sally Mueller cũng có lần phàn nàn này kia. Nhưng... tớ nghĩ đến cô Douglas còn thấy sợ một kẻ như hấn."

Ben ngả người, nghiêng hai chân ghế ra sau, tay đan sau gáy. Đến tận lúc này, cô vẫn chưa tài nào tin nổi người anh gọn gàng đến thế. "Tớ khá chắc chắn những điều cậu nói là đúng," anh thốt lên.

"Ch-Chuyện gì đ-đ-đã x-x-xảy ra với h-hấn, Beverly?" Bill hỏi.

Cô lại nuốt nước bọt, cố trụ vững trước sức áp đảo của cơn ác mộng mà cô chứng kiến vào ngày hôm ấy tại Vùng Đất Cằn, khi hai chiếc giày trượt patin được cô cột gọn vắt vẻo qua vai, khi một bên đầu gối của cô nhói lên sau cú ngã từ ngõ Saint Crispin, một con đường cắt ngắn với hai hàng cây, dừng ở ngay khu đất đổ thẳng xuống Vùng Đất Cằn (đến giờ vẫn thế). Cô còn nhớ (ôi, những ký ức này một khi trở về thì sống động từng đường nét và mạnh mẽ biết bao) cô mặc quần đùi bằng vải denim – quần đùi cực ngắn, đến độ chỉ che vừa đủ gấu quần lót. Một năm đổ lại, cô ý thức về thân thể mình nhiều hơn – hay nói đúng hơn là sáu tháng gần đây, khi những đường cong đã dần rõ nét, trông cô dần ra dáng phụ nữ hơn. Cô chú ý đến điều đó một phần là nhờ tấm gương, tất nhiên rồi, nhưng ấy chưa phải lý do chính; lý do chính là vì gần đây, bố cô càng lúc càng nóng tính, lão không ngại thượng cẳng tay hạ cẳng chân với cô, tát chưa đủ, có khi còn vịn cả nắm đấm. Lão có vẻ sốt ruột, như con thú bị cầm tù, và lúc nào có lão bên cạnh, cô lại thấy căng thẳng, lại thấy nơm nớp bồn chồn. Tựa hồ giữa bố con cô có thứ mùi ngăn cách, thứ mùi sẽ biến mất vào những lúc cô ở nhà một mình, thứ mùi trước nay chưa từng hiện hữu khi hai người bọn họ ở cùng một chỗ – nhưng mùa hè này lại khác. Và kể từ khi mẹ cô ra đi, tình hình ngày càng xuống cấp. Nếu có một thứ mùi, một thứ mùi đặc trưng đến vậy tỏa ra, thì hẳn nhiên bố cô cũng biết, bởi khi cái nóng dần trở nên khắc nghiệt, Bev càng lúc càng ít đụng mặt bố mình, phần vì giải bowling mùa hè, phần vì lão đang phụ người bạn của mình mang tên Joe Tammerly sửa

xe hơi... song cô đồ rằng nguyên nhân một phần nằm ở thứ mùi ấy, thứ mùi họ dựng lên quanh mình, không hữu ý nhưng vẫn cố tình tạo ra, có muốn cũng chẳng dập được, như ta chẳng thể nào ngừng ra mồ hôi vào tháng Bảy.

Hình ảnh hàng trăm hàng nghìn con chim sà xuống đậu trên mái nhà, trên đường dây điện, trên ăng ten ti vi, lại ngăn cản ký ức của cô.

“Còn thường xuyên độc nữa,” cô nói thật to.

“C-C-Cái gì?” Bill hỏi.

“Có gì đó liên quan đến thường xuyên độc,” cô chậm rãi nói, đưa mắt nhìn anh. “Nhưng không trực tiếp liên quan mà hình như chỉ giống thường xuyên độc mà thôi. Mike...?”

“Đừng để tâm,” Mike nói. “Ký ức sẽ quay lại thôi. Cậu nhớ được gì thì cứ kể, Bev ạ.”

Tớ nhớ về chiếc quần đùi màu xanh, cô thâm nhủ trong đầu, về cái quần dãn trở nên bạc thếp; về việc nó bó quanh hông và mông của tớ. Một túi tớ nhét nửa gói thuốc Lucky Strike, túi còn lại nhét ná Hồng Tâm...

“Cậu còn nhớ ná Hồng Tâm không?” Cô hỏi Richie nhưng cả nhóm cùng gật đầu.

“Là Bill đưa cho tớ,” cô tiếp tục. “Tớ không muốn nhận đâu, nhưng nó... cậu ấy...” Cô mỉm cười với Bill, nét mặt hơi hốc hác. “Làm gì có ai có thể từ chối Bill To Bự kia chứ, đơn giản là thế. Nên tớ nhận và đó là lý do tớ xuống đây một mình. Để luyện tập. Tớ vẫn không nghĩ tớ có đủ gan làm vậy vào giây phút quyết định. Trừ việc... Hôm ấy tớ đã dùng nó. Tớ phải làm vậy. Tớ đã kết liễu một trong số bọn chúng... một trong những phân thân của Nó. Khủng khiếp lắm. Đến giờ nghĩ lại, tớ vẫn còn thấy choáng nữa là. Và một trong số phân thân đã tấn công tớ. Xem này.”

Cô giơ tay lên, lật lại để mọi người có thể nhìn vết sẹo nhăn nheo trên phần da dãn nhất của cẳng tay. Trông như thể một vật hình tròn nóng rẫy với

đường kính cỡ điều xì gà Havana đã áp lên da cô. Vết sọc hơi lõm vào, chỉ nhìn nó thôi đã đủ khiến Mike Hanlon rung mình. Giống như cuộc nói chuyện chẳng dừng vọc vào tận thâm can của Eddie, đây là một trong những phân câu chuyện mà anh đã ngờ đến nhưng chưa bao giờ được nghe tận tai.

“Cậu nói đúng một chuyện, Richie ạ,” cô nói tiếp. “Cái ná Hồng Tâm ấy đúng là sát thủ. Tớ sợ nó, nhưng đông thời lại thích nó.”

Richie phá lên cười rồi vỗ lưng cô. “Trời đất, tớ biết từ ngày xưa rồi, cô ngốc ạ.”

“Cậu biết à? Thật sao?”

“Ừ, thật đấy,” anh nói. “Đôi mắt cậu nói lên điều đó mà, Bevvie.”

“Ý tớ là, trông nó như món đồ chơi, nhưng nó vô cùng được việc. Bị nó bắn mà không thủng lỗ mới lạ.”

“Và hôm ấy, cậu đã dùng ná bắn thủng lỗ thứ gì phải không?” Ben trầm tư. Cô gật đầu.

“Có phải cậu bắn vào Patrick...”

“Không, Chúa ơi, làm gì có!” Beverly phản đối. “Là thứ khác... đờn đã.” Cô dụi tắt điều thuốc, nhấp rượu và lấy lại điềm tĩnh. Cuối cùng, cô cũng bình tâm trở lại. À... thật ra là chưa. Nhưng cô có cảm giác tối nay, mình chỉ có thể đạt đến mức này là cùng. “Lúc đó, tớ đang trượt patin, thế rồi tớ bị ngã và trầy xước tùm lum. Rồi tớ quyết định xuống Vùng Đất Cằn để luyện tập. Đầu tiên, tớ đến phòng sinh hoạt nhóm để xem các cậu có ở đó không. Nhưng chẳng thấy ai. Chỉ có mùi khói vương lại. Các cậu nhớ suốt một thời gian dài, nơi ấy vẫn ám mùi khói không?”

Mọi người gật đầu với nụ cười trên môi.

“Bọn mình thử đủ cách mà chẳng tài nào khử được mùi nhỉ?” Ben nói.

“Thế là sau đó, tớ đến bãi rác,” cô kể “vì đó là địa điểm bọn mình tô

chức... tổ chức bắn tập, tớ đoán có thể gọi như thế, mà tớ biết ở đó có nhiều thứ để bắn. Thậm chí có thể bắn thử cả chuột.” Cô dừng lại. Trán cô lấm tấm mồ hôi. “Thật ra, đó là thứ tớ muốn bắn thử nhất,” rốt cuộc, cô bộc bạch. “Một sinh vật sống. Mòng biển thì không được – tớ biết mình không đủ sức – nhưng chuột thì... Tớ muốn xem thử mình có thể bắn được hay không.

Cũng may là tớ đi từ phía đường Kansas chứ không phải từ phía Mũi Đất Cũ, vì bên đường tàu không rậm rạp um tùm. Thử nào bọn chúng cũng trông thấy tớ, và có Chúa mới biết chuyện gì sẽ xảy ra.”

“Ai s-s-sẽ thấy c-cậu?”

“Bọn chúng,” Beverly nói. “Henry Bowers, Victor Criss, Huggins Ở Hơi và Patrick Hockstetter. Chúng ở dưới bãi rác và...”

Bỗng dưng, trước sự ngạc nhiên của mọi người, cô phá lên cười khúc khích như đứa trẻ, má chuyển sang màu mận chín. Cô cười đến độ chảy nước mắt.

“Bev ời là Bev,” Richie nói. “Chuyện cười thì phải kể với anh em chứ.”

“Ừ, là chuyện cười thôi,” cô nói. “Buồn cười lắm, nhưng nếu bọn chúng mà biết tớ chứng kiến, chắc bọn chúng giết người diệt khẩu luôn quá.”

“Tớ nhớ ra rồi!” Ben la lên, và đến anh cũng cười nắc nẻ. “Tớ nhớ cậu đã kể với bọn tớ!”

Vừa cười lăn cười bò, Beverly vừa nói, “Bọn chúng tụt quần xuống và đánh rắm ra lửa.”

Trong một khắc, không gian im lặng như tờ, đoạn tất cả mọi người phá lên cười – tiếng cười âm vang cả thư viện.

Sau một hồi ngẫm nghĩ xem nên trình bày thế nào với mọi người về cái chết của Patrick Hockstetter, cô bèn bắt đầu bằng cách kể lại chuyện đi đến bãi rác thị trấn từ phía đường Kansas chẳng khác nào tiến vào một vành đai tiểu hành tinh dị hợm. Có con đường đất lồi lõm (thật ra nó vẫn được xem là đường của

thị trấn; thậm chí còn có tên đường hoàng: đường Old Lyme) chạy từ đường Kansas đến bãi rác, đây là con đường duy nhất dẫn vào Vùng Đất Cằn – ngày trước, xe rác của thị trấn dùng con đường này. Beverly chỉ đi gần đường Old Lyme chứ không nghênh ngang đi thẳng trên đường - cẩn tắc vô áy náy - cô đoán không chỉ cô mà tất cả mọi người trong nhóm đều vậy – kể từ sau vụ Eddie bị bẻ gãy tay. Nhất là lúc này, cô đang đơn thương độc mã.

Cô vạch bụi cây rậm rạp để đi, vòng qua khóm thường xuân độc với lá bóng nhẫy màu đỏ, ngửi mùi ung thối của bãi rác, nghe tiếng mòng biển réo rắt vọng lại. Phía bên trái, qua những kẽ lá, thỉnh thoảng cô lại trông thấy đường Old Lyme.

Mọi người trong nhóm nhìn cô chờ đợi. Cô kiểm tra gói thuốc và thấy nó trống không. Richie chẳng nói chẳng rằng ném cho cô gói thuốc của mình.

Cô bật lửa, đưa mắt nhìn mọi người một lượt rồi cất tiếng: “Đi đến bãi rác từ phía đường Kansas có phần nào giống

2

tiến vào một vành đai tiểu hành tinh dị hợm. Vành đai tiểu rác rến. Ban đầu, chẳng có gì ngoài những bụi cây mọc trên mặt đất xộp, sau đó, ta sẽ trông thấy tiểu rác rến đầu tiên: một cái lon gỉ sét từng đựng Xốt Mì Ý Prince, chắc vậy, hoặc một chai sô-đa S’OK nhưng nhúc bọ bị thu hút bởi chút sô-đa kem hoặc nước ngọt sáng lò dinh dính lợ lợ. Và rồi ta sẽ thấy ánh mặt trời loang loáng phản chiếu lên mảnh giấy bạc vương trên cây. Ta còn bắt gặp lò xo giường (hoặc vấp phải nó, nếu đi mà không để ý dưới chân) hoặc khúc xương mà chú chó nào đó đã gặm và vứt lại.

Bản thân bãi rác không đến nỗi nào – thậm chí, nó còn có điểm thú vị là đàng khác. Theo quan điểm của Beverly là thế. Điểm gớm ghiếc (và có phần đáng sợ) là cách bãi rác dần dà mở rộng, dần dà hình thành vành đai tiểu rác rến này.

Cô tiến lại gần hơn; cây cối to dần, đa phần là cây linh sam, và các bụi cây thưa hẳn. Mòng biển í ới gọi nhau, rít ré bằng những tiếng quang quác chói tai, bầu không khí vương mùi khét do đốt rác.

Bên tay phải của Beverly, tựa vào gốc cây vân sam là chiếc tủ lạnh Amana gỉ sét. Liếc nhìn nó, Beverly mơ hồ nghĩ đến viên cảnh sát từng đến thăm lớp vào năm cô học lớp Ba. Ông dặn cả lớp những món đồ như tủ lạnh bị vứt đi tiềm tàng nhiều nguy hiểm – ví dụ, trẻ con có thể trèo vào trong lúc chơi trốn tìm và có thể bị ngạt đến chết. Nhưng nói đi cũng phải nói lại, ai mà thêm chui vào cái tủ lạnh vừa bẩn vừa...

Cô nghe thấy tiếng hét, gần đến độ cô thiếu đi vài giây nãy, theo sau là tràng cười. Beverly nhoen cười. Hóa ra mọi người đều *có mặt* đây. Họ không ở phòng sinh hoạt nhóm vì mùi khói nên xuống chỗ này. Chắc họ đang ném đá vỡ chai hoặc bới rác tìm đồ.

Cô sai chân vội vã hơn, quên băng vết trầy do cú té ngã ban nãy, mở cò trong bụng khi được gặp mọi người... được gặp *cậu ấy*, cậu con trai với mái tóc hung đỏ giống cô, được thấy cậu nở nụ cười nhếch mép lạ lùng theo cách rất riêng với mình. Cô biết mình còn quá nhỏ để yêu một chàng trai, ở cái tuổi này, cô chỉ đang “cảm nắng” mà thôi, nhưng thế thì sao kia chứ, cô vẫn yêu Bill đấy. Và rồi cô bước nhanh hơn, đôi giày patin vung vẩy nặng trĩu trên vai, sợi dây của ná Hồng Tâm khẽ đập vào hông bên trái của cô.

Suýt chút nữa cô đã bước một mạch đến đó trước khi nhận ra ấy không phải hội bạn của mình mà là của Bowers.

Cô ra khỏi bụi cây, cách đó gần bảy mươi mét là mặt dốc nhất của bãi rác, với rác rến lóng lánh, ngồn ngộn như tuyết lở dọc theo triền dốc tức của bãi đá dăm. Xe ủi của ông Mandy Fazio im lìm phía bên trái. Nằm gần hơn trước mắt cô là đống xác xe ô tô ngổn ngang. Cuối tháng, đồng phế liệu này bị nghiền nát và vận chuyển đến Portland để tái chế, nhưng hiện giờ có hơn chục xác ô

tô, có chiếc chỉ còn mỗi vành xe, có chiếc nghiêng sang bên, có dăm ba chiếc nằm ngửa như chó chết. Chúng được xếp thành hai hàng, Beverly đi giữa lối đi đầy rác rến và lổm chổm như cô dâu nổi loạn trong tương lai, thần hồn không biết cô có đủ sức bắn vỡ kính chắn gió bằng ná H ồng Tâm hay không. Một bên túi quần đùi màu xanh đựng đầy những viên bi nhỏ được cô trưng dụng làm đạn tập.

Giọng nói và tiếng cười đùa vang lên từ bên kia bãi xác ô tô, chếch về bên trái, ở rìa bãi rác. Beverly đi men theo xác xe cuối cùng, một chiếc Studebaker mất phần đầu xe. Tiếng chào của cô im bật ngay trên môi. Cánh tay cô toan giơ lên vẫy không buông thông xuống và bủn rủn xụi lơ.

Suy nghĩ ngượng ngùng đầy phần nộ của cô là: *Ôi lạy Chúa tôi, tại sao bọn họ lại trần truồng thế kia?*

Ngay sau đó, cô hoảng hồn nhận ra đối phương là ai. Cô đứng như trời tr ờng trước chiếc Studebaker chỉ còn một nửa, bóng đổ xuống gót của đôi giày cổ thấp. Trong khoảnh khắc ấy, cô hoàn toàn nằm trong tầm mắt của bọn chúng, chỉ cần một trong bốn đứa du côn đang ng ẫ thành vòng tròn kia ngừng đầu lên, thế nào hẳn cũng trông thấy cô, cô gái chỉ nhỉnh hơn chiều cao trung bình một chút, đôi giày patin vắt vẻo trên vai, một bên gối của đôi chân dài lòng ngóng còn rớm máu, m ồm há hốc, má đỏ lựng.

Trước khi nhào ra sau chiếc Studebaker, cô nhận ra bọn chúng không trần truồng từ trên xuống dưới, chúng vẫn mặc áo, chỉ có quần dài và quần lót được kéo xuống chân, như thể phải đi c ầu (trong cơn sốc, đầu óc của Beverly tự động tìm đến uyển ngữ mà cô được dạy lúc bé) – nhưng làm gì có chuyện bốn đứa con trai cùng đi c ầu một lúc kia chứ?

Sau khi khuất khỏi bọn chúng, suy nghĩ đầu tiên của cô là rời khỏi đó – rời khỏi đó thật nhanh. Tim cô nện thành thịch trong lồng ngực, các thớ cơ căng lên vì adrenaline. Cô nhìn quanh, trông thấy những gì ban nãy cô không để ý

lúc bước đến đây, tưởng nhàn tiếng nói mình nghe thấy là tiếng cười đùa của bạn bè mình. Dây xác xe ô tô phía bên tay trái khá thưa – chúng không chen chúc xếp cạnh nhau như khoảng thời gian chừng một tuần trước khi máy nghiền biến chúng thành các khối kim loại lóng lánh. Trong lúc bước đến vị trí hiện tại, cô đã phô ra bản thân mình với đám côn đồ ấy; nếu cô lùi lại thì cô sẽ để lộ thêm lần nữa và khả năng cao lần này cô sẽ bị phát hiện.

Ngoài ra, cô còn cảm thấy một sự tò mò đáng xấu hổ: rốt cuộc bọn chúng đang làm trò gì vậy kia?

Cô cẩn trọng nhìn qua chiếc Studebaker.

Henry và Victor Criss đang đứng quay mặt về phía cô. Patrick Hockstetter đứng bên trái Henry. Huggins Ở Hơi quay lưng về phía cô. Cô phát hiện Ở Hơi có móng *to* khủng khiếp và *lông lá* khủng khiếp, suýt chút nữa tiếng cười nắc nẻ đã dâng lên trong họng cô như thể cô vừa nốc một ly nước ngọt gừng. Cô phải bưng hai tay bịt miệng và rút ra sau chiếc Studebaker, cố gắng không phá lên cười.

Phải thoát khỏi đây thôi, Beverly. Nếu chúng bắt được thì...

Cô nhìn con đường giữa dây xác xe, hai tay vẫn chưa buông khỏi miệng. Lối đi rộng chừng ba mét, bừa bãi lon thiếc, lấp lánh những mảnh thủy tinh Saf-T-Glas, lờm chờm đầy cỏ dại. Chẳng may cô phát ra tiếng động thì thể nào bọn chúng cũng nghe thấy... nhất là khi sự tập trung của chúng vào việc kỳ quặc chúng đang làm bị lung lay. Cứ nghĩ đến cảnh mình đã gây thơ vô số tội mà bước thẳng đến đây là cô lại lạnh người. Với lại...

Rốt cuộc, bọn chúng đang làm trò gì vậy nhỉ?

Cô lén nhìn, lần này quan sát kỹ càng hơn. Gần đó là đồng sách vở hồ lớn - sách giáo khoa đầy mà. Bọn chúng vừa trở về từ lớp phụ đạo hè, mà ngày ấy, đa phần trẻ con hay gọi là Trường Ngu hoặc Trường Bịa Đặt. Henry và Victor đang quay mặt về phía cô nên cô có thể thấy *cậu bé* của bọn chúng. Đó là

những *cậu bé* đầu tiên mà cô được tận mục sở thị, chứ không phải bức hình trong cuốn sổ nhỏ cáu bẩn mà năm ngoái cô từng được Brenda Arrowsmith cho xem, chưa kể mấy bức hình ấy mờ cảm đến độ chẳng thấy được gì. Bev quan sát thấy *cậu bé* của bọn chúng trông như cái ống con con treo lủng lẳng giữa hai chân. Cậu bé của Henry vừa nhỏ vừa trụi lủi, trong khi của Victor tương đối lớn, phủ một lớp lông đen cứng bên trên.

Bill cũng có một cậu bé như vậy, cô nghĩ, bỗng dưng cả cơ thể của cô như đổ lựng lên - sức nóng ập vào người cô như cơn sóng, khiến cô choáng váng, muốn xỉu và quặn cả bụng. Trong khoảnh khắc ấy, cảm giác của cô cũng giống cảm giác của Ben Hanscom vào ngày cuối cùng học kỳ, khi cậu nhìn xuống chiếc lắc chân cô đeo và nhìn nó phản chiếu lấp lánh dưới nắng... nhưng cậu không cảm thấy sự sợ hãi đan xen như cô lúc này.

Cô nhìn ra sau lưng thêm một lần nữa. Giờ thì con đường giữa hai hàng xe dẫn đến chỗ nấp ở Vùng Đất Cằn dường như càng xa xôi hơn. Cô sợ không dám cựa quậy. Nếu chúng phát hiện cô đã trông thấy *cậu bé* của chúng, chắc chúng cho cô một trận mất. Và không chỉ là một trận bình thường mà có khi còn là thừa sống thiếu chết.

Huggins Ợ Hoi chột gằm lên, khiến cô nhảy dựng, và Henry gào rống: “Chín mươi xen-ti-mét! Ối tiên sư mày, Ợ Hoi! Chín mươi xen-ti-mét đó! Đúng không Vic?”

Vic gật gù đồng tình và bọn chúng cười ha hả.

Beverly bèn len lén nhìn thêm một lần ra sau xác chiếc xe Studebaker.

Patrick Hockstetter xoay người chồm hồm khiến bàn tọa của hắn gần như nằm ngay trước mặt Henry. Trong tay Henry là một thứ lấp lánh màu bạc. Sau một hồi căng mắt ra nhìn, cô nhận ra đó là bật lửa.

“Tao tưởng mày cảm thấy sắp đánh được phát nữa kia mà,” Henry nói.

“Ừ, có mà,” Patrick đáp. “Đến lúc đó tao sẽ nói với mày. Chuẩn bị đi! ...

Chuẩn bị đi, sắp đến rồi! Chuẩn... *đến rồi đây!*”

Henry bật lửa lên. Cùng lúc, tiếng đánh rầm xé toạc không gian vang lên. Chắc chắn là tiếng đánh rầm, không còn nghi ngờ gì nữa, bởi Beverly đã nghe tiếng động ấy rất nhiều lần trong nhà, thường là vào tối thứ Bảy, sau khi cả nhà ăn món xúc xích và đậu đóng hộp. Bố cô có niềm đam mê to lớn với món đậu. Khi Patrick đánh rầm còn Henry bật lửa, cô trông thấy cảnh tượng khiến cô há hốc mồm kinh ngạc. Một ngọn lửa màu xanh sáng phụt thẳng từ lỗ hậu của Patrick. Bev thấy nó trông giống ngọn lửa màu xanh trên bếp ga.

Đám con trai lại phá lên cười khùng khục, còn Beverly lảng lạng lùi ra sau chiếc xe mình đang nấp, cười nắc nẻ như được mùa. Ừ thì cô cười song không phải vì cô thấy vui thú gì cho cam. Từ góc độ quái dị nào đó thì hành động ấy vui thật, nhưng chủ yếu cô cười là bởi cô cảm nhận được sự ghê tởm đến cùng cực, đi cùng nỗi sợ hãi. Cô cười vì cô chẳng biết cách nào khác để đối chọi với cảnh tượng mình vừa trông thấy. Đúng là nó có liên quan đến việc trông thấy *cậu bé* của đám con trai ấy, nhưng đó hoàn toàn không phải nguyên nhân chính yếu cho cảm xúc của cô lúc này. Suy cho cùng, cô thừa biết con trai phải có *thứ đó*, giống như cô hiểu con gái lại có *những thứ khác*; đây chỉ là cảnh tượng xác nhận mà thôi. Nhưng hành động còn lại của chúng thật kỳ khôi, thật ngu ngốc và đồng thời ăn lông ở lỗ đến phát sợ, tới mức cô nhận ra dù mình đang cười như điên như dại, cô phải chật vật lắm mới giữ được bình tĩnh.

Thôi đi, cô nghĩ, như thể ấy là câu trả lời, *thôi đi, chúng nghe thấy mày bây giờ, mày thôi ngay đi, Bevvie!*

Nhưng đó là điều bất khả. Cô chỉ biết cố hết sức để cười mà không dưng vào dây thanh đới, như vậy âm thanh phát ra từ họng cô chỉ là một chuỗi những tiếng khục khặc gần như vô âm, tay đè chặt lên miệng, mặt đỏ như gấc và mắt ầng àng lệ.

“Tiên sư, đau bỏ mẹ!” Victor rống.

“Ba mét sáu!” Henry âm ỉ gào lên. “Tao thề với Chúa, Vic ơi, ba mét sáu! Tao lấy danh dự tao ra thề đấy!”

“Có là sáu mét tao cũng cóc quan tâm, mày đốt mông tao rồi đây này!” Victor giãy nảy như đĩa phải tội, và bọn chúng càng được đà ha hả cười. Vẫn cố gắng nén tiếng cười đằng sau chiếc xe, Beverly nghĩ đến bộ phim cô xem trên ti vi. Nội dung phim nói về bộ tộc họ sống trong rừng có một nghi thức bí mật, và nếu chứng kiến thì ta sẽ bị hiến tế cho vị thần mà họ thờ, trong phim là bức tượng to tướng. Nghĩ đến đây, tràng cười của cô không tắt ngúm mà còn có phần gấp gáp hơn. Càng lúc, chúng càng biến tướng thành những tiếng hét trong câm lặng. Bụng cô quặn đau và nước mắt giàn giụa chảy xuống má.

3

Vào buổi chiều tháng Bảy nóng nực ấy, Henry, Victor,Ợ Hoi và Patrick Hockstetter mò xuống bãi rác chôn lửa thấp những cú đánh rắm là nhờ công của Rena Davenport.

Henry thừa biết ăn một đồng đậu hằm sẽ dẫn tới hệ quả gì. Có lẽ hệ quả ấy được miêu tả cô đọng và súc tích nhất trong bài hát bố truyền con nối lúc hắn còn ở cái tuổi miêng còn hôi sữa: *Đậu ơi đậu à, ăn nào vui tai! Càng ăn càng bủm! Càng bủm càng phê! Bủm xong ăn tiếp!*

Rena Davenport và bố của hắn đã qua lại với nhau gần tám năm nay. Bà ta ở tuổi tứ tuần, ứ na ứ nần và dơ dáy bản thủ, Henry đoán hắn bà Rena này và bố hắn thỉnh thoảng mây mưa với nhau, nhưng hắn chẳng tài nào tưởng tượng nổi có kẻ đủ sức lách người xuống tạ thịch của Rena Davenport.

Rena hết sức tự hào về đậu mình trờng. Cứ đến tối thứ Bảy, bà ta lại ngâm chúng qua đêm và hằm liu riu trên lửa suốt ngày Chủ nhật. Henry nghĩ chúng cũng tạm – suy cho cùng đấy chỉ là thứ tống vào mồm và nuốt thôi mà – nhưng ăn suốt tám năm thì đến sơn hào hải vị cũng nhạt toẹt.

Vấn đề là Rena không chỉ làm ít đậu cho vui; bà ta đã nấu là nấu tới bến. Tối Chủ nhật, khi bà ta qua nhà hấn trong con xe De Soto cũ màu xanh (gương chiếu hậu trong xe treo một con búp bê cao su trăn trườn, trông chẳng khác nào nạn nhân trẻ nhất thế giới bị dân tình xử tử), trên ghế cạnh ghế lái là một xô sắt mạ kẽm dung tích 45 lít đựng đậu đang nghi ngút khói cho nhà Bowers. Và rồi tối đó, ba người bọn họ sẽ ăn đậu với nhau (Rena nói tràng giang đại hải về tài nấu nướng của mình, lão Butch Bowers điên khùng cào nhàu quét miếng bánh mì Sonny Boy vào nước xốt đậu hoặc cục súc bảo bà ta im mồm nếu trên đài đang phát trận banh, Henry chỉ lẳng lặng ăn, mắt chăm chăm nhìn ra ngoài cửa sổ, mãi mê đuổi theo suy nghĩ riêng của mình: chính nhờ đĩa đậu vào tối Chủ nhật mà hấn nảy ra ý tưởng đầu độc chú chó Mr Chips của Mike Hanlon), và tối hôm sau, Butch lại hâm nóng mớ hồ lớn ấy để ăn tiếp. Vào thứ Ba và thứ Tư, Henry sẽ xách theo một hộp Tupperware đựng đầy đậu đến trường. Đến thứ Năm và thứ Sáu, cả Henry cùng bố hấn đầu đã ngán đến tận cổ. Hai phòng ngủ trong nhà thum thum toàn mùi đánh rắm dù đã mở mọi cửa sổ cho thoáng. Butch sẽ đem đông đậu còn lại trộn với những thứ thừa thãi khác cho hai con heo Bíp và Bóp mà nhà Bowers nuôi. Và có lẽ phải đến Chủ nhật kế tới, Rena mới xuất hiện cùng cái xô nghi ngút khói, để rồi chu kỳ lại bắt đầu.

Sáng hôm ấy, Henry đã khăn gói xách theo đông đậu thừa để bốn đứa trong hội ăn trưa dưới bóng cây du sum suê giữa sân chơi. Chúng hùng hục ăn đến độ thiếu đi đâu võ bụng.

Patrick là kẻ gợi ý cả đám đi đến bãi rác, một nơi tương đối yên tĩnh giữa buổi chiều mùa hạ mà người lớn đầu đi làm. Lúc cả bọn đến nơi, đông đậu đã phát huy hiệu quả tương đối tốt.

4

Dần dà, Beverly bình tĩnh trở lại. Cô biết mình phải rời khỏi đây: suy cho

cùng, tránh voi chẳng xấu mặt nào, lảng vảng ở đây nguy hiểm hơn. Dù sao chẳng nữa, chúng đang mải mê vào thứ mình đang làm, và nếu tình hình bung bét, chí ít cô vẫn có lợi thế khi khởi đầu trước bọn chúng (và đâu đó trong đầu mình, cô cũng đã chuẩn bị tinh thần bất lăm, cô sẽ dùng ná Hồng Tâm bắn vài phút để làm chúng chùn bước).

Cô sắp sửa lén lút bỏ đi thì Victor lên tiếng, “Tao phải đi đây, Henry. Chiều nay ông già tao bắt tao về phụ hái bắp.”

“Ôi trời,” Henry gạt đi. “Không có mày, ông ấy không chết đâu.”

“Thôi đi, ông già đang điên tiết với tao. Vì chuyện xảy ra hôm nọ đấy.”

“Tiên sư ông bỏ mày, có thể mà cũng đẻ bụng.”

Beverly lắng tai nghe, cô đoán chúng đang nói về vụ ẩu đả khiến Eddie gãy tay hôm trước.

“Thôi, tao phải về đây.”

“Chắc nó thốn bàn tọa,” Patrick nói.

“Mày coi chừng cái mồm đó, thằng khốn.” Victor gầm gừ. “Tao cho mày thốn thật bây giờ.”

“Tao cũng phải về đây,” Ợ Hơi nói.

“Ông già mày cũng sai mày hái bắp à?” Henry bực mình. Trong đầu, có lẽ Henry xem đây là một câu đùa, bởi bố của Ợ Hơi đã qua đời.

“Không. Tao phải đi giao *Tuần san Mua sắm*. Tối nay tao có lịch.”

“*Tuần san Mua sắm* là giống ôn dịch gì?” Henry hỏi, vừa cau có vừa tức tối.

“Là công việc,” Ợ Hơi kiên nhẫn giả thích. “Tao phải *kiếm tiền* mà.”

Henry hừ mũi đầy trịch thượng, Beverly lén lút nhìn ra sau xe. Victor và Ợ Hơi đang đứng còi thất lạng. Henry và Patrick vẫn ngẩn ngơ, quần tụt xuống. Bật lửa lấp lánh trong tay Henry.

“Mày không kiếm có lãi về chứ hả, thằng kia?” Henry hỏi Patrick.

“Không,” Patrick chống lờn.

“Mày không phải đi hái bắp hay làm dăm ba cái công việc vớ vẩn à?”

“Không,” Patrick lại đáp.

“Thôi,” Ợ Hơi ng ần ngữ nói, “gặp mày sau nhé, Henry.”

“Ừ r ấ,” Henry lạnh nhạt, khạc nước bọt g ần chiếc giày lao động đầy bùn đất của Ợ Hơi.

Vic và Ợ Hơi cùng đi v ề phía hai hàng xe ô tô ðồng nát... v ề phía chiếc xe Studebaker mà Beverly ðang trốn ðằng sau. ðầu tiên, cô chỉ biết co rúm, sững người lại vì sợ. Đoạn cô vòng qua phía bên trái chiếc Studebaker và ng ấ thụp xuống khoảng trống giữa nó cùng các chiếc Ford cũ nát, không có cửa. Cô khựng lại trong giây lát, ðảo mắt nhìn hai phía, lắng nghe chúng tiến lại. Cô lưỡng lự, miệng khô khốc, lưng ngứa ngáy vì mồ hôi; một phần tâm trí ngây ngô tự hỏi không biết trông cô sẽ ra sao khi bó bột như Eddie, chi chút chữ ký của các thành viên trong Hội Cùi bắp. Đoạn cô nhào vào ghế hành khách của chiếc xe Ford. Cô cuộn tròn người trên tấm trải dơ dáy, rúm ró hết mức có thể. Trong chiếc Ford ðồng nát nóng như vạc ðầu, ðầy mùi bụi bặm, mùi ghế da mục nát, mùi cứt chuột lâu ngày khiến cô phải chật vật lắm mới không hắt xì hay ho sặc sụa. Cô nghe thấy tiếng Ợ Hơi và Victor đi ngang qua, rì r ần nói chuyện. R ấ chúng đi mất dạng.

Đưa tay lên bụm miệng, cô hắt xì ba lần, khẽ khọt và vội vàng.

Cô ðoán nếu cẩn thận thì mình có thể rời khỏi ðây. Cách tốt nhất là dịch sang bên ghế lái của chiếc xe Ford, lén lút lỉnh vào lối đi ban nãy r ấ cao chạy xa bay. Cô ðoán mình có thể xoay sở, song ður chấn từ việc suýt chút nữa bị phát hiện khiến cô nao núng, chí ít tạm thời là vậy. Cô cảm thấy an toàn hơn trong chiếc xe Ford. Và có lẽ vì Victor và Ợ Hơi ðã rời khỏi ðây, có lẽ hai kẻ còn lại cũng sớm ra v ề. Khi ðó, cô sẽ có thể quay lại phòng sinh hoạt nhóm. Cô chẳng còn hứng thú tập bắn nữa.

Thêm nữa, cô đang bu ãn đi vệ sinh.

Nào, cô nghĩ th ãn. Nào nào, mau rời khỏi đây đi, rời khỏi đây đi, XIN BỌN MÀY!

Chốc sau, cô nghe thấy tiếng Patrick ré lên vừa cười ha hả vừa la oai oái vì đau.

“Một mét tám!” Henry la òm tõi. “Chẳng thua gì đèn hàn! Tao th ã với Chúa!”

Tiếp theo là một sự im lặng. M ò hôi chảy rờng rờng trên lưng cô. Mặt trời h ãn hập chiếu xuống gáy cô qua tấm kính chắn gió vỡ vụn của chiếc xe Ford. Bàng quang cô nặng như chì.

Henry hét thất thanh khiến Beverly, lúc này đang lơ mơ ngủ dù người rất khó chịu, suýt chút nữa kêu lên. “Mả bố mày, Hockstetter! Mày đốt bàn tọa tao r ã! Mày làm cái trò gì với bật lửa vậy hả?”

“Ba mét,” Patrick cười khúc khích (nội tiếng cười của h ãn đã khiến Bev lạnh gáy và ghê tởm, như thể cô vừa trông thấy con giun quần quéo bò ra khỏi đĩa rau trộn). “Ba mét chuẩn từng ly từng tí nhé, Henry. Lửa bùng bùng xanh luôn. Ba mét chuẩn từng ly. Tao th ã với Chúa!”

“Đưa tao coi,” Henry g ãn gừ.

Trời ời, trời ời, lũ chết bằm chết vằm kia, đi đi, đi khỏi đây mau!

Khi Patrick cất tiếng l ãn nữa, giọng h ãn trầm thấp đến độ Bev mãi mới nghe ra. Nếu buổi chiều nóng như thiêu ấ y mà có chút gió, chắc cô đã không nghe được lời chúng nói.

“Để tao cho mày xem thứ này,” Patrick lên tiếng.

“Gì?” Henry hỏi.

“Thứ này,” Patrick dừng lại. “Đã lắm.”

“Cái gì?” Henry hỏi lại l ãn nữa. Và r ã không gian rơi vào im lặng.

Mình không muốn nhìn, mình không muốn nhìn điều bọn chúng đang làm, hơn thế nữa, lỡ bọn chúng thấy mình thì chết, mà khả năng cao chúng sẽ thấy mình cho xem, vì may đã dùng hết may mắn hôm nay rồi, cô gái ơi. Nên cứ ở yên đấy đi. Đừng nhìn lên...

Nhưng cơn tò mò đã lấn át mọi lý trí. Trong bầu không khí lạnh như tờ ấy có gì đó thật lạ, thật đáng sợ. Cô chậm rãi vươn đầu lên cho đến khi có thể quan sát qua kính chắn gió đóng bụi và vỡ nát của chiếc Ford. Thật ra cô không cần phải lo bị phát hiện: hai tên du côn kia đang dồn hết tâm trí vào thứ Patrick đang làm. Lúc ấy, cô chưa hiểu cảnh tượng mình trông thấy, song cô hiểu hành động ấy rất gớm guốc... chứ cô mong đợi được gì ở một kẻ người chẳng ra người, ngợm chẳng ra ngợm như Patrick kia chứ.

Hắn để một tay giữa đùi Henry, tay còn lại giữa đùi mình. Một tay Patrick nhẹ nhàng vuốt ve *cậu bé* của Henry, và hắn dùng tay còn lại để chà xát *cậu bé* của mình. Nhưng không hẳn là chà xát – nói sao nhỉ, trông hắn như đang... *bóp* nó, kéo nó lên rồi ẽo uột thả nó xuống.

Hắn ta làm gì vậy kia? Beverly bắn khoản tự hỏi.

Cô không biết chắc câu trả lời, nhưng nó khiến cô sợ. Cô nghĩ lần cuối cùng cô cảm thấy sợ hãi đến nhường này là lúc máu phọt lên từ lỗ thoát nước trong bồn rửa mặt và bắn tung tóe khắp nhà vệ sinh. Đâu đó trong tâm khảm cô gào thét: nếu bọn chúng phát hiện cô trông thấy cảnh tượng này, bất kể hành động ấy là gì, chúng sẽ không chỉ đánh đập cô mà có khi còn tiễn cô lên chầu trời. Nhưng cô vẫn không tài nào rời mắt.

Cô trông thấy *thứ đó* của Patrick dài hơn một chút nhưng không nhiều; nó vẫn lủng lẳng giữa hai chân hắn ta như con rắn không xương. Còn *thứ* của Henry lại to hẳn ra, dựng đứng cứng ngắc, thiếu đi ầu đưng đến lỗ rốn. Patrick đưa tay lên xuống liên tục, có lúc dừng lại để bóp, lúc khác lại cù vào phần da kỳ cục trĩ xuống dưới *thứ đó* của Henry.

Ấy, là bi của hần, Beverly thẫn nghĩ. Con trai phải mang thứ đó trên người mọi lúc mọi nơi sao? Chúa ơi, mình phát điên mất! Một phần khác trong tâm trí cô thì thẫn: Bill cũng có chúng đấy. Cô chưa cho phép thì tâm trí đã tự tiện mừng rỡ đến cảnh cô nắm lấy chúng, ấp trong lòng bàn tay, cảm nhận lớp da... và cảm giác nóng bừng lại vụt qua người, khiến mặt cô đỏ bừng.

Henry nhìn chăm chăm vào tay của Patrick như kẻ bị thôi miên. Bật lửa của hần nằm chơ chơ trên mặt đá bên cạnh, loang loáng dưới ánh mặt trời chói chang.

“Mày có muốn tao cho vào miệng không?” Patrick hỏi. Cặp môi to tướng như hai miếng gan của hần nở nụ cười sung sướng.

“Hả?” Henry hỏi, như thể vừa giật mình tỉnh mộng.

“Tao sẽ cho nó vào miệng nếu mày muốn. Tao không thấy...”

Tay của Henry vung thẳng, nắm hờ, nhưng không thành nắm đấm. Patrick bị hất ngã bật ra đất. Đầu hần đập xuống mặt sỏi. Beverly vội thụp xuống, trông ngực nện thành thịch, hai hàm răng cắn chặt để ngăn tiếng rên hốt hoảng vang lên. Sau khi đẩy ngã Patrick, Henry quay người và trong một khắc, trước khi cô kịp thụp xuống, co rúm người trên sàn ghế hành khách, dường như mắt cô và mắt Henry giao nhau.

Chúa ơi, con xin Người cho mặt trời chiếu vào mắt hần, cô cầu nguyện. Chúa ơi, con xin lỗi vì đã nhìn trộm. Chúa ơi, con xin Người.

Một khoảng lặng chảnh khác nào địa ngục trôi qua. Chiếc áo trắng của cô bết vào người vì mồ hôi. Mồ hôi đọng thành giọt trên cánh tay râm nắng. Bàn quang cô quặn đau. Cô cảm thấy mình sắp đá ra quần đến nơi. Cô chờ đợi khuôn mặt nộ khí xung thiên của Henry xuất hiện ở khoảng trống ngày trước từng là cánh cửa hành khách của chiếc xe Ford, chắc hẳn đi đâu đó sẽ xảy ra - hần không thấy cô mới lạ. Thế nào hần cũng kéo cô ra ngoài và cho cô một trận. Hần sẽ...

Một suy nghĩ mới và còn khủng khiếp hơn hiện lên trong đầu cô, để rồi cô phải trầy trật, đau đớn nín nhịn để không bình ra quần. Nhớ đâu hẳn dùng *thứ đó* làm gì cô thì sao? Nhớ đâu hẳn muốn đưa *thứ đó* vào người cô thì sao? Cô biết *thứ đó* được nhét vào đâu, cô biết chứ, dường như kiến thức ấy chợt nhảy vào đầu cô. Chỉ cần nghĩ đến chuyện Henry đưa *thứ đó* vào thân thể mình là cô lại thấy đầu óc mình như muốn phát điên.

Chúa ơi, con xin Người, đừng để hắn thấy con, con xin Người mà?

Đoạn Henry cất tiếng, và trong tâm trí càng lúc càng hoảng sợ của cô, giọng hắn vang lên sần sật. “Tao không chơi trò đờng bóng.”

Xa hơn một chút là giọng Patrick: “Mày thích mà.”

“Tao không có thích!” Henry hét lên. “Và nếu mày bép xép với ai, tao sẽ giết mày, thằng khốn chết toi!”

“Mày cương rồi kìa,” Patrick nói. Dường như hắn đang mỉm cười. Dù rất sợ Henry Bowers nhưng không hiểu sao Beverly không thấy bất ngờ trước nụ cười của Patrick. Bởi hắn là một thằng điên, có khi còn điên hơn cả Henry, và kẻ điên *cỡ đó* thì chẳng sợ gì sất. “Tao thấy mà.”

Tiếng bước chân sần sật đi trên sỏi – càng lúc càng gần hơn. Beverly ngược lên, mắt lờ ra. Qua cửa kính chắn gió cũ của chiếc Ford, cô có thể trông thấy gáy của Henry. Hắn đang nhìn về phía Patrick, nhưng chỉ cần hắn quay đầu...

“Nếu mày kẻ với bất cứ ai, tao sẽ nói mày là thằng bú cu,” Henry dọa dẫm. “Rồi tao sẽ giết mày cho xem.”

“Mày tưởng tao sợ mày à, Henry,” Patrick nói và cười khúc khích. “Nhưng tao sẽ giữ kín nếu mày cho tao một đô.”

Henry nhấp nhồm khó chịu. Hắn khẽ quay người; giờ thì Beverly có thể thấy phần tư khuôn mặt hắn chứ không chỉ phần gáy. *Chúa ơi, con xin Người, con xin Người*, cô cuống cuống cầu xin, bâng quang càng lúc càng giạt mạnh.

“Nếu mày dám kẻ ra,” Henry nói, giọng trầm gằn từng tiếng, “tao sẽ mách

chuyện mà làm với đám mèo, đám chó nữa. Tao sẽ kể với mọi người về tủ lạnh của mà. Mà biết hậu quả sẽ ra sao chứ hả, Hockstetter? Người ta sẽ đến và đưa mà vào nhà thương điên cho xem.”

Patrick im lặng.

Henry gõ ngón tay lên nắp chiếc Ford mà Beverly đang trốn. “Mà có nghe tao nói gì không?”

“Tao nghe rồi,” Patrick có vẻ rầu rĩ. Rầu rĩ và sợ hãi. Hắn tuôn ra một tràng: “Mà thích mà! Mà cương lên còn gì! Tao chưa thấy ai cương kinh thế!”

“Ờ, chắc mà thấy nhiều rồi chứ gì, thằng bê đê chết bầm chết vằm nhà mà. Mà liệu hồn mà nhớ những gì tao nói về cái tủ lạnh đấy. Cái tủ lạnh của mà. Và nếu tao thấy mà lảng vảng, đừng trách tao tương cho mà sống dở chết dở.”

Patrick lại tiếp tục im lặng.

Henry bỏ đi. Beverly quay đầu và nhìn thấy hắn đi ngang qua phía ghế lái của chiếc Ford. Hắn chỉ cần liếc sang bên trái một chút thôi, thế nào cũng trông thấy cô. Nhưng may sao hắn không nhìn. Chốc sau, cô nghe thấy hắn bỏ đi theo hướng Victor vàỢ Hơi ban nãy.

Và giờ chỉ còn Patrick.

Beverly chờ đợi nhưng không có chuyện gì xảy ra. Năm phút nữa lững lờ trôi qua. Cô buồn đi vệ sinh không chịu được. Chắc cô chỉ nhịn được thêm hai hoặc ba phút, không hơn. Và cô cảm thấy sốt ruột khi không biết Patrick đang ở đâu.

Cô lén nhìn qua kính chắn gió và trông thấy hắn ngồi đó. Henry bỏ quên bật lửa. Patrick đã xếp đồng sách giáo khoa vào chiếc túi vải nhỏ rồi vòng nó qua cổ như mấy cậu bé giao báo, nhưng quần dài và quần lót của hắn vẫn tụt xuống mắt cá chân. Hắn ngồi vọc bật lửa. Hắn gạt bánh răng, tạo ra ngọn lửa gần như vô hình trong ánh sáng ban ngày, đoạn lại tắt bật lửa rồi lặp đi lặp lại hết lần

này đến lần khác. Hắn say sưa như bị thôi miên. Một vết máu chảy từ khoeo miêng xuống cằm, môi phải của hắn sưng vù. Có vẻ hắn chẳng buồn quan tâm, và một lần nữa, Beverly lại cảm thấy chộn rộn đến buồn nôn. Patrick đúng là kẻ điên khùng; từ lúc bố sinh mẹ đẻ đến giờ, cô chưa từng muốn né xa người nào đến thế.

Di chuyển thật cẩn thận, cô bò qua sàn chiếc Ford và lách xuống dưới vô lăng. Cô đặt chân lên mặt đất và lén lút ra sau chiếc Ford. Đoạn cô co giò chạy thật nhanh ngược lại hướng mình đến. Khi đã vào rặng thông liền kề bãi xe, cô quay đầu nhìn sau lưng. Không có ai ở đó. Bãi rác im lìm dưới ánh mặt trời. Cô cảm thấy nhẹ nhõm hơn, ngực và bụng bớt căng như dây đàn, và giờ cô chỉ muốn giải quyết nỗi buồn cho xong, nỗi buồn lớn đến nỗi cô thấy muốn đổ bệnh rồi đây.

Cô vội vàng men theo con đường thêm một đoạn rồi lách sang phải. Vừa vào bụi rậm là cô mở khóa quần. Cô liếc nhìn xung quanh để chắc chắn không có thường xuân độc; đoạn cô ngối thụp xuống, tay gá lên thân cây xù xì để giữ thăng bằng.

Đang kéo quần lên thì cô nghe thấy tiếng bước chân tiến lại từ bãi rác. Qua bụi cây, cô chỉ trông thấy thấp thoáng màu xanh của chiếc quần jean và áo ca rô đồng phục trường đã bạc thối. Là Patrick. Cô cúi xuống, đợi hắn đi ngang qua, tiến về phía đường Kansas. Cô thấy vững tâm hơn về vị trí hiện tại của mình. Bụi cây che chắn khá tốt, cô cũng không buồn đi vệ sinh nữa, và Patrick thì đang thả hồn trong thế giới chẳng giống ai. Khi hắn đi rồi, cô sẽ quay ngược lại về phía phòng sinh hoạt nhóm.

Nhưng Patrick không bỏ đi. Hắn dừng lại, gần như đối diện cô và đứng nhìn chiếc tủ lạnh Amana cũ kĩ.

Beverly có thể quan sát Patrick trong bụi cây um tùm mà không lo bị phát hiện. Khi đã nhẹ nhõm trở lại, máu tò mò một lần nữa dâng lên trong cô – và

rủi may bị Patrick trông thấy, cô dám chắc mình có thể chạy nhanh hơn hắn. Hắn không mập như Ben nhưng cũng khá phệ. Tuy nhiên, cô vẫn lúi sủi ná Hồng Tâm ra khỏi túi sau và nhét chừng năm, sáu viên bi sắt vào túi áo Ship'n Shore trên ngực. Bị bắn thẳng vào đầu gối thì dù điên hay không điên, thể loại như Patrick Hockstetter cũng sẽ nao núng trong một nốt nhạc.

Cô nhớ chiếc tủ lạnh này rồi. Trong bãi rác có rất nhiều tủ lạnh bị vứt đi, nhưng cô chợt nhận ra đây là chiếc tủ lạnh duy nhất cô từng thấy mà không bị ông Mandy Fazio tháo dỡ bằng cách dùng kim bẻ chốt hoặc đơn giản là gỡ hẳn cửa tủ.

Patrick bắt đầu ngân nga và ngả nghiêng trước chiếc tủ lạnh gỉ sét, trông thấy thế, Beverly lại cảm thấy cả người mình lạnh ngắt. Hắn ta giống nhân vật trong phim kinh dị, kẻ tìm cách triệu hồi người chết đội mồ sống dậy.

Hắn ta làm gì vậy kia?

Nhưng nếu biết câu trả lời, hoặc biết điều sắp sửa xảy ra khi Patrick hoàn thành nghi thức tự biên tự diễn kia rồi mở cánh cửa tủ lạnh Amana gỉ sét ra, hẳn cô sẽ bỏ cửa chạy lấy người ngay lập tức.

5

Không một ai – kể cả Mike Hanlon – lơ mơ biết được Patrick Hockstetter thật ra điên rồi đến mức nào. Hắn mười hai tuổi, con trai một người bán sơn. Mẹ hắn là tín đồ Công giáo mộ đạo, qua đời vì ung thư vú năm 1962, bốn năm sau khi Patrick thiệt mạng dưới tay thế lực đen tối tởn tại bên trong và ẩn tàng bên dưới Derry. Mặc dù bài kiểm tra IQ cho kết quả bình thường thấp, Patrick đã học đúp đến hai lần: lớp Một và lớp Ba. Năm nay, hắn phải học phụ đạo hè để không phải ở lại lớp Năm. Giáo viên nhận xét hắn thờ ơ với việc học (đây là điều nhiều giáo viên đã phê vào sáu dòng trên sổ liên lạc trường Tiểu học Derry ở phần NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN) và là một học sinh tương đối phức tạp (không ai phê điều này - cảm giác của các thầy cô quá mơ hồ, quá

rối ren, viết sáu mươi dòng còn chưa đủ chứ nói gì đến sáu dòng). Nếu sinh ra trễ hơn mười năm, cô vẫn hướng dẫn có thể đã hướng hấn đến gặp nhà tâm lý học cho trẻ em để người này có thể (hoặc không, vì Patrick tinh ranh hơn chỉ số IQ kém cỏi mà hấn kiểm tra rất nhiều) sớm nhận ra những chi ều kích đáng e ngại đằng sau khuôn mặt tròn lẳn chậm chạp và bọt bọt kia.

Hấn căm ghét xã hội, và có lẽ đến tháng Bảy nóng nực năm 1958, hấn đã hoàn toàn biến thành một kẻ thần kinh. Hấn nhớ mình chưa từng một lần tin rằng người khác – hay nói đúng hơn là bất cứ sinh vật sống nào khác – thật sự “t ồn tại” trên đời. Hấn cho rằng bản thân hấn mới là sinh vật thật sự, có lẽ là sinh vật thật sự duy nhất trên vũ trụ này, nhưng cái “thật sự” ấy không khiến hấn tin mình “t ồn tại”. Chính xác thì hấn hờ hững với bạo lực, cũng chẳng cảm thấy đau đớn khi bị hành hung (điển hình là lúc hấn không phản ứng khi bị Henry đấm vào m ồm ở bãi rác). Nhưng dù thấy thực tại là một khái niệm hoàn toàn vô nghĩa, hấn hoàn toàn thấu triệt khái niệm “luật lệ”. Và dù tất cả giáo viên đều thấy hấn kỳ dị (cả cô Douglas, giáo viên lớp Năm, và cô Weems, giáo viên lớp Ba, đều biết về hộp bút đựng toàn ru ồi chết của Patrick, nhưng dù ý thức được nguy cơ tiềm tàng, mỗi cô giáo đã xoay như chong chóng khi phải quản từ hai mươi đến hai mươi tám học sinh, mỗi đứa trẻ lại có vấn đề riêng), không ai có vấn đề nghiêm trọng về mặt kỷ luật với hấn. Đúng là nhiều khi hấn nộp bài kiểm tra trống trơn – hoặc trống trơn và tô điểm bởi dấu hỏi to tướng - và cô Douglas rút ra được rằng tốt nhất không cho hấn lại gần các học sinh nữ để tránh hấn táy máy sờ soạng, nhưng hấn lúc nào cũng im như thóc, im đến độ lắm lúc hấn chẳng khác nào đồng đất sét to tướng được nặn sơ sài mang hình dáng con người. Rất dễ để là một kẻ xuống cấp trong im lặng như Patrick khi giáo viên còn phải đối mặt với những nam sinh như Henry Bowers hay Victor Criss, những thành phần gây chuyện và xấc láo, những kẻ sẵn sàng trộm ti ền sữa hoặc vui sướng phá hoại trường lớp nếu có cơ hội, và những nữ sinh không may như Elizabeth Taylor, cô bé bị động kinh với dăm ba tế bào

não họa hoàn lắm mới hoạt động, một cô bé phải dặn dò can ngăn mãi mới không kéo váy lên trong sân trường để khoe quần chíp mới. Nói cách khác, trường Tiểu học Derry là một vũ đoàn giáo dục lắm cảnh nhiễu nhương hết sức điển hình, một gánh xiếc với nhiều khán đài biểu diễn mà một kẻ như Pennywise còn chẳng lo quá nổi bật. Chắc hẳn không một ai trong số các giáo viên của Patrick (hay thậm chí là bố mẹ hắn) ngờ được rằng lúc lên năm tuổi, Patrick chính là kẻ giết chết đứa em Avery mới sinh của mình.

Patrick không lấy làm vui thích khi mẹ nó đưa Avery từ bệnh viện về nhà. Nó chẳng buồn quan tâm (hoặc chỉ ít, ban đầu nó tự nhủ với bản thân như thế, liệu bố mẹ nó có hai con, năm con hay năm mươi con, miễn là đám con nít ấy không làm xáo trộn thời gian biểu của nó. Nhưng Avery lại phá bĩnh nó. Bữa ăn trễ hơn. Tối đến, đứa trẻ khóc ré lên làm nó thức giấc. Bố mẹ nó cứ bám rịt lấy cái cũi, và khi nào nó tìm cách thu hút sự chú ý của bố mẹ là y như rằng đều thất bại. Đó là một trong những lần ít ỏi Patrick cảm thấy sợ hãi. Nó chột suy luận nếu bố mẹ đưa cái thằng Patrick nó từ bệnh viện về, và nếu nó thật sự tồn tại, thì Avery cũng thật sự tồn tại. Và rồi khi Avery lớn lên, biết đi, biết nói, có đủ khả năng mang tờ *Derry News* từ thềm nhà vào cho bố và đủ sức lấy tô cho mẹ khi bà nướng bánh, khéo bố mẹ sẽ quyết định tổng khứ Patrick đi cũng nên. Vấn đề không phải nó sợ bố mẹ thương Avery hơn (dù theo Patrick cảm nhận, rõ ràng bố mẹ thương đứa trẻ ấy hơn nó rất nhiều, và trong trường hợp này, đánh giá của nó có lẽ là đúng). Điềm nó quan tâm là (1) luật lệ đang bị phá vỡ và lộn tung phèo kẻ từ lúc Avery xuất hiện, (2) có khả năng Avery thực sự tồn tại và (3) có thể bố mẹ sẽ vứt bỏ nó để thay bằng Avery.

Thế rồi chừng 2 giờ 30 phút một chiều nọ, Patrick bước vào phòng của Avery, khi xe buýt đưa rước của trường thả nó xuống sau buổi học trên trường mầm non. Lúc ấy đang là tháng Một. Bên ngoài, tuyết bắt đầu rơi. Cơn gió mạnh hun hút thổi qua công viên McCarron, khiến cửa sổ phủ sương giá lạch cạch va đập ở tầng trên. Mẹ của nó đang chợp mắt trong phòng bà; Avery la

khóc ồm tỏi cả tỏi hôm qua. Bó nó đang đi làm. Avery nằm sấp, say sưa ngủ, đầu ngoẹo sang một bên.

Với khuôn mặt tròn quay vô hồn, Patrick xoay đầu Avery sao cho mặt đứa trẻ ép thẳng xuống gối. Avery khụt khịt kêu lên rồi quay đầu sang bên. Nhìn cảnh này, Patrick đứng ngây ra ngẫm nghĩ một lát trong lúc tuyết tan dưới đôi boot vàng và đọng thành vũng dưới sàn. Có lẽ khoảng năm phút trôi qua (đầu óc nhanh nhạy không phải đặc điểm của Patrick), đoạn nó xoay mặt Avery vào gối lần nữa và giữ chặt một lúc. Avery quấy đạp dưới tay nó, vùng vẫy. Nhưng đứa bé vùng vẫy yếu ớt. Patrick buông tay. Avery lại ngoẹo đầu sang bên, khọt khẹt khóc khe khẽ rồi thiếp đi. Gió gào thét ngoài kia, cửa sổ không ngừng lạch cạch. Patrick đợi xem tiếng khóc ban này có khiến mẹ tỉnh giấc hay không. Nhưng bà vẫn say ngủ.

Giờ đây, nó cảm thấy một niềm hứng thú to lớn dâng trào trong người mình. Lần đầu tiên trong đời, nó thấy thế giới này rõ nét trước mắt mình đến thế. Cơ quan cảm xúc vô cùng khiếm khuyết, và trong phút giây ngắn ngủi ấy, cảm giác của nó giống cảm giác của một người mù màu được chích một mũi tiêm cho anh ta khả năng cảm thụ màu sắc trong khoảng thời gian ngắn... hoặc giống kẻ nghiện vừa lên cơn phê khi ma túy đưa não của hắn phóng vào quỹ đạo. Trải nghiệm này mới mẻ quá. Nó còn không hay có thứ như vậy trên cõi đời.

Nhẹ nhàng hết cỡ, nó lại quay mặt của Avery vào gối. Lần này, khi Avery quấy đạp, Patrick không buông tay, thậm chí còn đè mặt đứa trẻ xuống gối mạnh hơn. Đứa bé khóc lên những tiếng ngạt thở, và Patrick biết Avery đã thức giấc. Nó mơ hồ nghĩ nếu nó dừng lại, đứa trẻ này sẽ mách với mẹ. Nó bèn giữ thật chặt. Đứa trẻ vùng vẫy nhưng Patrick nhất quyết không buông. Đứa trẻ đánh rầm bùm một tiếng rồi bốt quấy đạp dãn. Patrick vẫn đè đầu nó xuống. Cuối cùng, nó im ắng hoàn toàn. Patrick giữ đầu đứa trẻ thêm năm phút

nữa, cảm thấy cơn hào hứng ấy dâng cao rồi bắt đầu rút dần: liều thuốc đã mất đi tác dụng, biến thế giới trở lại một màu xám xịt, cơn phê xuôi xi thành trạng thái mơ màng quen thuộc.

Patrick xuống lầu, lấy cho mình một đĩa bánh quy và rót một cốc sữa. Chừng nửa tiếng sau, mẹ nó bước xuống và bảo bà thậm chí còn không nghe thấy tiếng nó về, bởi bà mệt đến cả người (*mẹ sẽ không mệt như vậy nữa đâu*, Patrick thầm nghĩ, *mẹ đừng lo, con đã lo liệu xong cả rồi.*) Rồi xuống với nó, bà ăn một cái bánh quy và hỏi han chuyện trường học. Patrick bảo mọi thứ ổn rồi khoe với mẹ bức tranh nó vẽ ngôi nhà và cái cây. Tờ giấy chỉ chút đây những dòng nguệch ngoạc bằng bút sáp đen và nâu. Mẹ nó khen bức tranh đẹp lắm. Ngày nào cũng vậy, Patrick đầu đem về nhà những bức hình chẳng chịt màu nâu đen như thế. Lúc thì nó bảo đó là con gà tây, lúc thì bảo là cây thông Noel, lúc thì là một đứa trẻ. Mẹ nó luôn khen nó vẽ rất đẹp... dù thỉnh thoảng, sâu thẳm trong đáy lòng, sâu đến độ bà không hay, bà cảm thấy lo lắng. Có gì đó thật đáng ngại ở những vòng tròn màu nâu đen to tướng cầu thả ấy.

Phải đến 5 giờ chiều, bà mới tá hỏa phát hiện Avery đã chết; cho tới lúc đó, bà cứ nghĩ đơn giản rằng con bà ngủ say quá. Khi ấy, Patrick đang xem *Chú thỏ Thập tự* trên tivi bảy inch, và nó cứ thế xem tiếp trong suốt khoảng thời gian ăm ỉ sau đó. Trên tivi chiếu bộ phim *Whirlybirds* lúc bà Henley từ nhà bên cạnh chạy qua (mẹ nó vừa la hét thất thanh vừa ôm xác đứa bé đứng ở cửa căn bếp mở toang, cuống đại cho rằng không khí lạnh có thể khiến đứa con mình cái tử hoàn đồng; thấy lạnh, Patrick bèn đi lấy áo len từ trong tủ quần áo dưới lầu). Lúc ông chồng Hockstetter đi làm về thì trên tivi đang chiếu *Cảnh sát Cao tốc*, bộ phim ưa thích của Ben Hanscom. Khi bác sĩ tới nhà, *Rạp phim Khoa học viễn tưởng* với Truman Bradley dẫn chương trình vừa mới bắt đầu. “Ai mà biết vũ trụ này có bao nhiêu kỳ lạ kia chứ?” Truman Bradley chiêm nghiệm trong lúc mẹ của Patrick thét gào và vùng vẫy trong tay chồng dưới nhà bếp. Thấy Patrick chỉ bình thản giương mắt nhìn chằm chằm,

vị bác sĩ tưởng nó bị sốc. Ông bèn cho Patrick một viên thuốc, và nó chẳng phiền lòng uống.

Đứa trẻ được chẩn đoán đột tử ở trẻ sơ sinh. Nếu xảy ra nhiều năm sau, có lẽ người ta còn đặt nghi vấn về cái chết không may này, bởi nó có quá nhiều điểm khác biệt so với triệu chứng dẫn tới cái chết của trẻ sơ sinh quan sát được. Nhưng vào thời điểm này, cái chết chỉ được ghi nhận và đứa trẻ được chôn cất. Patrick lấy làm hài lòng khi mọi thứ lắng xuống, bữa ăn của nó trở lại đúng giờ như xưa.

Trong chuỗi điên cuồng vào buổi chiều và tối hôm ấy - người ta hối hả ra vào nhà như con thoi, ánh đèn xe cấp cứu của bệnh viện loang loáng chiếu lên tường, bà Hockstetter gào thét, khóc than và không chịu bình tĩnh - chỉ có bố của Patrick là tiến gần đến sự thật, cách chỉ một bước chân. Khoảng hai mươi phút sau khi thi thể của Avery được mang đi, ông thẫn người đứng trước cái cũi trống không của con trai mình, ngây ra như phỗng, không tài nào tưởng tượng nổi chuyện vừa xảy ra. Lúc nhìn xuống, ông trông thấy hai vết giày trên sàn nhà lát gỗ. Dấu vết này để lại do tuyết tan từ đôi ủng cao su màu vàng của Patrick. Nhìn chung, một suy nghĩ khủng khiếp khẽ dâng lên trong đầu ông như thể khí độc phụt lên từ giếng mỏ sâu hoắm. Tay ông chậm rãi đưa lên miệng còn mắt thì tròn tròn. Một hình ảnh dần xuất hiện trong tâm trí ông. Trước khi nó kịp thành hình, ông rời khỏi căn phòng, đóng sập cửa lại sau lưng, mạnh đến độ khung cửa trên cùng bể vỡ tả tơi.

Ông không hỏi Patrick bất kỳ câu nào.

Kể từ đó, Patrick chưa lần nào làm điểu tương tự, mặc dù hắn sẵn sàng ra tay nếu cơ hội xuất hiện. Hắn chẳng cảm thấy tội lỗi, cũng chẳng nằm mơ thấy ác mộng gì. Nhưng thời gian trôi qua, càng lúc hắn càng ý thức được chuyện có thể xảy ra nếu hắn bị phát giác. Trên đời có luật lệ. Điểu không dễ chịu gì cho cam sẽ xảy ra nếu ta không tuân theo... hoặc nếu ta bị bắt quả tang phá

luật. Ta có thể bị tổng giam hoặc cho lên ghế điện ấy chứ.

Nhưng cảm giác hào hứng ấy mãi in đậm trong lòng hắn – cảm giác rực rỡ sắc màu và mê mẩn giác quan ấy – quá mạnh mẽ, quá tuyệt vời nên hắn không tài nào từ bỏ hoàn toàn. Thế là hắn giết ruồi. Ban đầu, hắn chỉ lấy vĩ đập ruồi của mẹ để giết chúng, nhưng về sau, hắn nhận ra nếu dùng thước nhựa thì giết chúng hiệu quả hơn nhiều. Hắn cũng phát hiện niềm vui từ giấy bầy ruồi. Chỉ tốn hai xu, hắn đã có thể mua một que dài phết chất dính bán ở Chợ Đại lộ Costello, và thỉnh thoảng, Patrick đứng hai tiếng đồng hồ trong ga-ra, nhìn ruồi đậu lên miếng dính và vùng vẫy trốn thoát, miệng hắn mở to, đôi mắt mờ đục sáng bừng đầy hứng khởi, mồ hôi chảy ròng ròng xuống khuôn mặt tròn quay và thân người cục mịch. Patrick giết cả bọ cánh cứng, nhưng nếu được thì hắn bắt chúng trước. Thỉnh thoảng, hắn trộm một cây kim dài từ gói cắm kim của mẹ, xuyên qua con bọ cánh cứng rồi ngổ xếp bằng trong sân nhìn nó chết. Biểu cảm của hắn những lúc ấy là biểu cảm của một đứa trẻ đang đọc cuốn sách vô cùng thú vị. Lần nọ, hắn phát hiện con mèo bị xe cán đang thoi thóp trong cống rãnh trên đường Chính Phố Dưới, thế là hắn ngổ nhìn cho đến khi một bà cụ trông thấy hắn dùng chân đẩy con vật bị cán bẹp ruột từ chỗ này đến chỗ khác. Bà ta lấy cây chổi đang dùng để quét đường đập vào người hắn. *Về nhà ngay!* Bà ta thét vào mặt hắn. *Mày bị điên rồi à?* Patrick bèn đi về nhà. Hắn chẳng thấy bức mình với bà cụ. Hắn bị bắt quả tang khi đang phá luật, thế thôi.

Và rồi, năm ngoái (có lẽ đến lúc này, Mike Hanlon hay bất kỳ ai trong nhóm sẽ chẳng lấy làm bất ngờ khi biết chuyện xảy ra vào đúng cái ngày George Denbrough bị giết hại), Patrick phát hiện chiếc tủ lạnh Amana gỉ sét – một trong những thiên thể rác rến to nhất trong vành đai bao quanh đồng rác.

Giống như Bev, hắn cũng đã nghe rất nhiều lời căn dặn về những món đồ bị vứt bỏ này, về việc hằng năm có rất nhiều đứa trẻ xấu số đã bất cẩn chết

ngất bên trong. Patrick đứng nhìn tủ lạnh suốt lúc lâu, tay mân mê cậu bé của mình. Cảm giác hào hứng ấy lại trở về, mạnh mẽ hơn bao giờ hết, chỉ là không bằng cái lần hấn trừng phạt Avery. Cảm giác hào hứng ấy đã quay trở lại, vì trong thứ chất thải lạnh lẽo và ám khói mang tên đầu óc hấn, Patrick Hockstetter vừa nảy ra một ý tưởng.

Một tuần sau, gia đình nhà Luce, sống cách nhà Hockstetter ba căn, bị mất chú mèo Bobby. Mấy đứa trẻ nhà Luce, vốn khăng khít với Bobby từ thuở bé đến giờ, lùng sục cả khu vực suốt mấy tiếng đồng hồ để tìm chú mèo cưng. Chúng thậm chí còn gom góp tiền để đăng tin tìm mèo lên cột báo *Tìm đồ mất tích* trên tờ Derry News. Song chẳng có tin gì. Và nếu bất kỳ ai trong số chúng trông thấy Patrick ngày hôm ấy, kèn còi trong chiếc áo khoác mùa đông đầy mùi băng phiến (mùa thu năm 1957, sau khi lũ rút, tiết trời liền trở rét), khệ nệ bưng thùng giấy, có lẽ chúng cũng không mảy may nghi ngờ gì.

Mười ngày trước lễ Tạ Ơn, nhà Engstrom, cách một dãy nhà và nằm ngay phía sau nhà Hockstetter, mất một chú cún giống Cocker. Trong sáu đến tám tháng sau, hết nhà này đến nhà kia không mất chó cũng mất mèo, và tất nhiên, Patrick chính là kẻ ra tay, đó là chưa kể đến chục con thú hoang không ai để ý trong khu Nửa mẫu Địa ngục của Derry.

Hấn nhét từng con một vào tủ lạnh Amana gỉ sét gần bãi rác. Lần nào mang một con thú đến đây, trống ngực hấn đầu đập thành thịch, mắt bông rớt, sung sướng đến rớm lệ, hấn luôn chuẩn bị tinh thần phát hiện Mandy Fazio đã phá then cửa tủ lạnh hoặc dùng búa tạ đập gãy bản lề. Nhưng Mandy chưa một lần nào đụng vào chiếc tủ lạnh ấy. Có lẽ ông không nhận ra sự hiện diện của nó, có lẽ sức mạnh ý chí của Patrick đã ngăn trở ông đến đấy... hoặc một thế lực nào đó.

Con chó nhà Engstrom sống dai dẳng nhất. Mặc thời tiết lạnh thấu xương, nó vẫn sống sót khi Patrick quay trở lại vào lần thứ ba sau nhiều ngày, dù nó

chẳng còn vẻ năng động ban đầu nữa (nó cuống cuồng vẫy đuôi và liếm tay hần lúc hần lòi nó ra khỏi hộp và tống nó vào tủ lạnh). Một ngày sau khi nhốt chú chó, hần quay lại thì suýt chút nữa nó đã chạy thoát. Patrick phải rượt nó đến tận bãi rác mới có thể nhào lên chộp một chân sau. Con chó cắn những cái răng nhỏ xíu sắc bén vào Patrick nhưng hần chẳng quan tâm. Ngoài dăm ba vết cắn, hần đem con chó quay lại tủ lạnh rồi nhét nó vào bên trong. Vừa làm, hần vừa cương lên, một điếu xảy ra như cơm bữa.

Sang ngày thứ hai, con chó cố gắng thoát ra thêm lần nữa, nhưng nó di chuyển chậm chạp hơn hần. Patrick lại tống nó vào trong, đóng sập cánh cửa cũ gỉ của tủ lạnh Amana rồi tựa người lên cửa. Hần có thể nghe thấy tiếng con chó cào vào cửa và nghe thấy tiếng nó rên rỉ. “Ngoan lắm,” Patrick Hockstetter nói. Hần nhắm mắt, hơi thở dần dập. “Chó ngoan.” Sang ngày thứ ba, chú chó chỉ còn đủ sức liếc mắt nhìn khuôn mặt của Patrick khi cửa mở. Hai bên hông của nó phập phồng khe khẽ và dần dập. Hôm sau, khi Patrick quay trở lại, chú chó đã chết, bọt mép sùi quanh mõm đông cứng lại. Cảnh tượng ấy khiến Patrick mừng rỡ đến que kem dừa, và hần vừa cười khùng khục vừa lòi xác chú chó đông cứng ra khỏi cái thùng giết chó của mình rồi lẳng vào bụi cây.

Mùa hè năm nay, nguồn cung chó mèo xấu số (khi nghĩ về bọn chúng, Patrick xem chúng như “động vật thí nghiệm”) khá ít. Không xét tới những rắc rối về thực tại, bản năng bảo toàn mạng sống của hần phát triển hơn người, trực giác xuất thần. Hần ngờ rằng mình đang bị nghi ngờ. Ai nghi ngờ thì hần không dám chắc: Ông Engstrom? Có thể. Một ngày mùa xuân nọ, trong cửa tiệm A&P, ông Engstrom đã quay đầu nhìn Patrick với vẻ dò xét suốt một lúc lâu. Khi đó, ông ta mua thuốc lá còn Patrick được sai đi mua bánh mì. Bà Josephs? Có thể. Thỉnh thoảng, bà ta lại ngồi ở cửa sổ phòng khách với kính viễn vọng và theo như bà Hockstetter nhận xét, bà ta là chuyên gia “ngồi lê đôi mách”. Hay ông Jacubois, một người dán logo của Hiệp hội Phòng chống Tàn

ác Đối với Động vật trên thanh cản sau xe? Ông Nell? Hay người nào khác? Patrick không dám chắc, nhưng trực giác mách bảo rằng hắn đang bị nghi ngờ, mà hắn chẳng bao giờ tranh cãi với trực giác của mình. Hắn bắt vài con thú lang thang trong những khu nhà mục nát ở Nửa mẫu, và chỉ chọn những con nhìn ốm yếu hoặc bệnh tật, nhưng chỉ thế thôi.

Tuy nhiên, dần dà hắn nhận ra cái tủ lạnh gần bãi rác ám ảnh hắn mãnh liệt đến lạ kỳ. Ở trường, cứ khi nào chán là hắn vẽ chiếc tủ lạnh ấy. Thỉnh thoảng, về đêm, hắn còn chiêm bao thấy nó, và trong giấc mơ, chiếc tủ lạnh Amana cao phải đến hai mươi mét, trông chẳng khác nào ngôi mộ trắng hếu, sừng sững dưới ánh trăng lạnh như băng. Trong giấc mơ, một cánh cửa khổng lồ sẽ mở tung, từ đó hắn trông thấy những đôi mắt to tướng trừng trừng nhìn mình. Và rồi hắn sẽ tỉnh giấc, mồ hôi lạnh và khắp người, nhưng hắn nhận ra mình không tài nào từ bỏ niềm hân hoan mà chiếc tủ lạnh ấy mang lại.

Hôm nay, cuối cùng hắn cũng đã phát hiện ra kẻ nghi ngờ hắn là ai. Là Bowers. Khi biết Bowers chính là kẻ nắm giữ trong tay bí mật về cái thùng giết chóc của hắn, Patrick tiem cận đến cảm giác hoảng sợ, gần nhất từ trước đến giờ. Thật ra, tiem cận ấy còn khuya mới có thể xem là hoảng sợ, nhưng hắn vẫn cảm thấy thứ cảm xúc ấy – không hẳn là sợ hãi, chỉ là không yên lòng - thật ngọt ngào và khó chịu. Henry biết rồi. Biết thỉnh thoảng Patrick lại phá luật.

Gần đây nhất, con vật xấu số là một chú chim bồ câu mà hắn phát hiện ở đường Jackson hai ngày trước. Con chim bị xe tông nên không bay được. Patrick về nhà, lấy thùng trong ga-ra rồi đặt con chim bồ câu vào trong. Con chim mổ mu bàn tay của Patrick vài lần, để lại những vết khoét nông rướm máu. Patrick chẳng buồn quan tâm. Ngày hôm sau, khi hắn kiểm tra chiếc tủ lạnh thì con chim đã hấp hối, nhưng Patrick chưa vớt cái xác đi. Song hiện giờ, đối mặt với lời đe dọa của Henry, Patrick quyết định phải phi tang xác con

chim ngay lập tức. Có khi hắn còn phải kiểm xô nước và vài miếng giẻ để kỳ cọ bên trong tủ lạnh. Tủ lạnh thối hoảng. Nếu Henry mách lẻo và ông Nell xuống đây kiểm tra, khéo ông ta sẽ suy đoán có thứ gì đó – hay nói đúng hơn là nhiều thứ – đã chết trong này.

Nếu hắn ta mách lẻo, Patrick nghĩ khi đứng trong rừng thông nhìn chiếc tủ lạnh Amana gỉ sét, mình sẽ bảo hắn chính là kẻ đã bẻ gãy tay Eddie Kaspbrak. Tất nhiên ai nấy đều biết đi đâu đó, nhưng họ không có bằng chứng vì tất cả bọn chúng đều khai hôm ấy, chúng chơi ở nhà Henry và lão già điên khùng để ra Henry đã che đậy cho chúng. Nhưng nếu hắn khai, mình cũng khai. Ăn miếng trả miếng.

Giờ thì tạm gác chuyện đó qua một bên. Việc hắn phải làm lúc này là phi tang con chim. Hắn sẽ để mở cửa tủ lạnh và mang nước với giẻ xuống đây lau chùi. Thế là ngon.

Mở cửa tủ lạnh, Patrick cũng mở cửa tử cho bản thân mình.

Ban đầu, hắn chỉ cảm thấy bối rối, bởi hắn chẳng tài nào lý giải nổi thứ mình đang nhìn thấy. Nó chẳng có nghĩa lý gì với hắn. Nó cũng không có bối cảnh gì. Patrick ngậy người nhìn chăm chăm, đầu ngoẹo sang một bên, mắt tròn.

Con chim b ồ câu chỉ còn bộ xương với đồng lông vũ lả tả xung quanh. Trên xác của nó không vương lại dù chỉ một mảnh thịt. Và xung quanh nó, dính trên thành tủ lạnh, lủng lẳng dưới ngăn đông, ngúc ngoắc dưới ngăn kéo là hàng chục, hàng chục những vật thể màu thịt trông như những mẫu nui to tướng. Patrick thấy chúng khẽ rung đưa, rung động như thể có gió. Nhưng hiện tại, trời tịnh không chút gió. Hắn chau mày.

Bất chợt, một trong những thứ đó bật mở đôi cánh côn trùng. Trước khi Patrick kịp ghi nhận cảnh tượng ấy, thứ sinh vật kia bay từ tủ lạnh đậu lên tay trái của Patrick. Nó đập lên tay hắn đánh bốp. Ngay lập tức, tay hắn nóng bừng

như lửa đốt. Cảm giác ấy phai đi và tay của Patrick bình thường trở lại... nhưng lớp da thịt bợt bạt của thứ sinh vật kia chuyển sang màu hồng, và rồi đột ngột đến choáng váng, chuyển sang màu đỏ như máu.

Patrick gần như chẳng sợ bất cứ thứ gì theo nghĩa thường được hiểu (khó mà sợ những thứ không thực sự “tồn tại”), nhưng có ít nhất một thứ khiến hắn kinh hãi đến cùng cực. Năm hắn bảy tuổi, vào một ngày tháng Tám ấm áp, hắn ra khỏi hồ Brewster thì phát hiện bốn, năm con đĩa bám vào bụng và chân của mình. Hắn la hét thất thanh cho đến khi bố hắn lôi chúng ra khỏi người hắn.

Và giờ, khi bao suy nghĩ dồn dập bùng nổ trong đầu, hắn nhận ra thứ sinh vật này là một loại đĩa biết bay. Chúng đã sinh sôi trong tủ lạnh.

Vừa la hét, Patrick vừa đập bộp bộp vào thứ sinh vật trên tay mình. Nó đã phình to gần bằng quả bóng tennis. Hắn đập lần thứ ba thì con đĩa vỡ tung đánh *phụt* nghe rợn cả người. Máu – máu của nó – bắn tung tóe lên tay hắn, từ khuỷu tay xuống cánh tay, nhưng cái đĩa không có mắt nhóp nhúa như thạch của thứ sinh vật kia vẫn cắm vào tay hắn. Xét theo cách nào đó, trông nó như đầu chim, thuôn dài thành mỏ, nhưng cái mỏ ấy không bằng phẳng hay nhọn; nó có hình ống và cùn đùn, giống vòi chích của muỗi. Cái vòi ấy chôn sâu vào tay Patrick.

Vẫn không ngừng gào thét, hắn dùng ngón tay bầu lấy thứ sinh vật đã bể kia và kéo nó ra. Cái vòi bị lôi ra trơn tru, máu trộn lẫn thứ dịch nhầy màu trắng vàng như mỡ phọt ra. Nó để lại một cái lỗ to bằng đồng xu không đau đớn trên tay hắn.

Và dù đã bị vỡ tung, thứ sinh vật ấy vẫn quẩn quéo, ngo ngoe và ngoe ngoắt giữa những ngón tay của hắn.

Patrick vứt nó đi, quay đầu lại... thì thấy rất nhiều đĩa bay ra khỏi tủ lạnh, đáp lên hắn trong lúc hắn quờ quàng tìm tay nắm cửa tủ lạnh. Chúng đậu lên bàn tay, cánh tay và cổ của hắn. Một con bấu vào ngay giữa trán. Khi Patrick

giơ tay lên để kéo nó ra, hắn phát hiện trên tay mình có bốn con đang khê đung đưa, chuyển sang màu hồng rồi màu đỏ.

Hắn không cảm thấy đau... nhưng hắn cảm nhận được lực hút đến góm ghiếc. Vừa hét, hắn vừa quơ quàng, đập bôm bốp vào đầu và cổ với hai bàn tay nhưng nhúc nhích. Tâm trí của Patrick Hockstetter rên lên: *Đây không phải sự thật, chỉ là ác mộng thôi, đừng lo, đây không phải sự thật, chẳng có gì là thật cả...*

Nhưng máu chảy ra từ những con đĩa bị đập bể lại thật quá đổi, tiếng cánh của chúng vo ve lại thật quá đổi... cả nỗi kinh hoàng của hắn nữa, thật quá.

Một con đĩa rơi vào trong áo và bám vào ngực hắn. Trong lúc hắn hoảng loạn đập nó và nhìn máu loang khắp chỗ nóấu lên thì một con khác lao vào mắt phải của hắn. Patrick nhắm mắt lại nhưng vô dụng, hắn cảm thấy mắt mình như có lửa đốt khi vòi của thứ sinh vật ấy chọc xuyên qua mí mắt và bắt đầu hút dịch ra khỏi nhãn cầu. Cảm nhận được mắt mình teo tóp bên trong hốc mắt, Patrick lại gào lên thất thanh. Đúng lúc ấy, một con đĩa bay vào miệng hắn và cắm vào lưỡi hắn.

Tất cả gần như chẳng đau đớn chút nào.

Patrick loạng choạng, vung vẩy tay chân đi về phía những chiếc xe đồng nát. Đám ký sinh trùng lũng lẳng bám vào người hắn. Nhiều con hút hết công suất rồi vỡ tung như bóng bay căng hơi; khi những con đĩa to trong đám bị vỡ, chúng đã hút của Patrick gần 200cc máu nóng hôi hổi. Cảm nhận con đĩa trong miệng mình phình to, hắn bèn há miệng ra, vì trong đầu hắn chỉ còn sót lại duy nhất một suy nghĩ mạch lạc, rằng nó không được vỡ trong miệng hắn, nhất định, nhất định không được.

Nào ngờ nó vỡ thật. Patrick nôn thốc nôn tháo máu trộn lẫn xác ký sinh trùng. Hắn ngã xuống mặt sỏi, lăn lộn qua lại, không ngừng la hét ồm ồm. Dần dà, hắn thấy tiếng hét của mình trở nên xa xăm, yếu ớt.

Trước khi bất tỉnh, hắn trông thấy một bóng người bước ra từ xác chiếc ô tô cuối đường. Ban đầu, Patrick tưởng đó là một người đàn ông, có thể là Mandy Fazio chẳng hạn, và hắn sẽ được cứu thoát. Nhưng khi bóng hình ấy tiến lại, hắn thấy khuôn mặt kẻ này chảy xệ như sáp. Thỉnh thoảng nó cứng lại và thành hình gì đó – dung mạo ai đó – rồi lại tiếp tục chảy xệ, như thể nó không thể quyết định mình phải biến thành kẻ nào hay vật nào.

“Xin chào và vĩnh biệt,” một giọng nói lục đục vang lên từ bên trong lớp diện mạo nhẽo nhọt không rõ hình tướng, và Patrick cố thét lên lần nữa. Hắn không muốn chết, là kẻ duy nhất thực sự tồn tại, hắn *không thể* nào chết được. Nếu hắn chết, cả thế gian này sẽ chết chung với hắn.

Nhân hình kia chộp lấy hai cánh tay bám đầy đĩa của hắn rồi kéo hắn về phía Vùng Đất Cằn. Túi đựng sách dính máu của hắn hết nảy lên lại đập vào hông, dây túi vẫn trong quanh cổ. Patrick loay hoay tìm cách thét lên rồi bất tỉnh.

Hắn chỉ tỉnh dậy đúng một lần: trong địa ngục tối tăm, hôi hám và tong tong nước, nơi không có lấy một tia sáng, lúc Nó bắt đầu ăn thịt.

6

Mới đầu, Beverly không dám chắc mình đang chứng kiến thứ gì hay đi đâu gì xảy ra... chỉ thấy Patrick Hockstetter bắt đầu quấy đạp, nhảy loạn xạ và thét gào. Cô bối rối đứng dậy, một tay cầm ná cao su, tay kia cầm hai viên bi sắt. Cô có thể nghe thấy tiếng Patrick ngã nhào ở cuối đường, vẫn la hét như điên như dại. Trong khoảnh khắc ấy, Beverly như phát lộ toàn bộ nét đẹp chín muồi của người con gái mà sau này cô sẽ trở thành, và giả như Ben Hanscom có mặt đây để chứng kiến cô lúc này, có lẽ trái tim cậu sẽ không tài nào chịu nổi.

Cô đứng thẳng người, đầu nghiêng sang trái, đôi mắt mở to, mái tóc tết đuôi sam thắt bằng hai chiếc nơ đỏ nhưng con con cô mua ở tiệm Dahlie's với giá mười xu. Tưởng người cô lúc này biểu lộ mọi sự chú ý và tập trung, sắc sảo

như mèo, chăm chú như linh miêu. Cô dịch chuyển về phía trước bằng chân trái, toan quay người đuổi theo Patrick, chiếc quần đùi bạc màu đã kéo lên, chỉ để lộ mép quần lót bằng vải bông màu vàng. Bên dưới quần là đôi chân thon dài, chắc nịch, xinh đẹp bất kể các vết sẹo, bầm tím và bùn đất.

Hắn lừa đấy. Hắn trông thấy mày và biết nếu rượt đuổi thì còn lâu mới bắt được mày nên mới tương kế tựu kế dụ mày ra. Đứng ra, Bevvie.

Nhưng một phần khác trong cô lại nghĩ tiếng hét ấy chất chứa quá nhiều đau đớn và sợ hãi. Cô ước giá mà mình nhìn thấy điều gì, bất cứ điều gì, đã xảy ra với Patrick rõ ràng hơn. Cô quay quắt ước phải chi mình đến Vùng Đất Cằn theo cách khác và không phải trải qua chuỗi sự kiện điên đảo này.

Tiếng hét của Patrick ngưng bật. Ngay sau đó, Beverly nghe thấy một giọng nói vang lên – nhưng cô biết đó hẳn là tưởng tượng của mình. Bởi cô nghe thấy bố cô nói “Xin chào và vĩnh biệt”. Hôm ấy, bố cô thậm chí còn không có mặt ở Derry: lão ta đã đi đến Brunswick từ 8 giờ sáng. Lão ta và Joe Tammerly dự định đi lấy chiếc xe tải Chevy ở đó. Cô lắc đầu như thể gạt đi. Giọng nói ấy không phát ra nữa. Rõ ràng, cô đang thần hồn nát thần tính.

Cô bước ra khỏi bụi cây vào lối đi, lên tinh thần sẵn sàng co giò chạy nếu thấy Patrick nhào tới tấn công mình, phản ứng của cô tinh vi chẳng kém gì rìa mèo. Cô nhìn xuống lối mòn, hai mắt tròn tròn. Xung quanh toàn là máu. Rất nhiều máu.

Máu giả thôi, tâm trí cô trấn an. Mày có thể mua một thùng máu giả Dahlie's với giá bốn mươi chín xu mà. Cẩn thận đấy. Bevvie!

Quỳ xuống, cô nhanh nhẹn chạm ngón tay vào máu. Cô nhìn thật lung. Đây không phải máu giả.

Bỗngưng tay trái của cô nhói lên nóng bừng, ngay dưới khuỷu tay. Cô nhìn xuống và trông thấy một thứ mà mới đầu cô cứ tưởng là quả gai. Nhưng không, đó không phải quả gai. Quả gai không ngúc ngoắc và đung đưa như thế.

Thứ này là vật sống. Liền sau đó, cô nhận ra nó *đang cắn* mình. Cô dùng mu bàn tay phải đập thật mạnh khiến nó vỡ tung, xịt đầy máu. Cô lùi lại một bước, toan hét lên khi mọi thứ đã xong xuôi... nhưng rồi cô nhận ra nó vẫn chưa hề kết thúc. Cái đầu nhần nhảnh của thí sinh vật ấy vẫn cắm vào cánh tay, đầu vòi chôn vào thịt cô.

Ré lên đầy kinh tởm và sợ hãi, cô kéo nó ra và trông thấy vòi của nó rút khỏi tay như con dao nhỏ, tong tỏng máu. Giờ thì cô đã hiểu tại sao trên đường lại có vết máu, ra là vậy, nghĩ đến đây, mắt cô bèn liếc về phía tủ lạnh.

Cửa tủ lạnh đã đóng sập lại, nhưng rất nhiều con vật ký sinh kia vẫn còn bên ngoài và chậm chạp lúc nhúc bò trên mặt cửa bằng sứ màu trắng gỉ sét. Khi Beverly quay lại nhìn, một trong số chúng giương đôi cánh có màng như cánh ruồi và vo ve bay về phía cô.

Không kịp suy nghĩ gì, cô đưa một viên bi sắt lên ná Hồng Tâm rồi kéo dây cao su ra sau. Khi cơ tay trái co lại, cô trông thấy máu phọt ra từ cái lỗ mà thứ sinh vật kia để lại trên tay ban nãy. Cô buông tay, để viên bi lao vút đi trong vô thức.

Khốn thật! Trượt rồi! Cô nghĩ khi ná bật đánh tách và viên bi bay đi, một khối sáng lấp lánh dưới mặt trời mờ ảo. Về sau, cô kể với các thành viên trong Hội Cùi Bắp rằng lúc ấy, cô biết mình đã bắn trượt, giống như người ném quả bóng bowling biết anh ta không thể đánh đổ hết hàng ki ngay lúc quả bóng rời khỏi tay. Nhưng rồi cô trông thấy viên bi *bay cong* lên. Mọi chuyện chỉ xảy ra trong tích tắc, song ấn tượng ấy vô cùng rõ nét: nó đã *bay theo đường cong*. Viên bi đập vào thứ sinh vật nọ và đập nó nát bấy. Những giọt chất nhầy màu vang lộp bộp văng xuống đường.

Beverly chậm rãi lùi lại, mắt cô tròn tròn, môi run lẩy bẩy, mặt xám ngoét vì sốc. Ánh nhìn của cô dán vào trước cửa tủ lạnh bị vứt bỏ, chờ xem thứ sinh vật nọ có ngửi thấy hay ý thức được sự hiện diện của cô hay không. Nhưng đám

ký sinh trùng ấy chỉ từ từ bò tới bò lui, như những con ruồi lờ mờ vì cái lạnh.

Cuối cùng, cô quay đầu và vùng chạy.

Hoảng loạn lẫn át suy nghĩ nhưng cô không chịu nhân nhượng. Cô cần chặt Hồng Tâm trong tay trái, thỉnh thoảng ngoái lại phía sau. Máu vẫn lổm đổm trên đường và trên bụi cây xung quanh, như thể Patrick đã vung vẩy tay hết bên này sang bên kia lúc chạy.

Beverly phi đến khu vực để xác xe ô tô. Phía trước cô là bãi máu đang bắt đầu thấm xuống mặt sỏi. Mặt đất trông có vẻ bị quăn thảo, những vệt đất đen ngang dọc trên mặt đất trắng bụi bặm. Tựa hồ đã có xô xát xảy ra tại đây. Từ vị trí này hẳn hai rãnh cách nhau chừng bảy mươi xen-ti-mét.

Beverly đứng lại, thở hồng hộc. Nhìn xuống tay mình, cô thấy nhẹ nhõm phần nào khi thấy máu đã chảy chậm lại dù cánh tay và lòng bàn tay cô nhom nhóp dính máu. Cơn đau bắt đầu nhói lên, nhức nhối âm ỉ. Cảm giác ê ẩm như miệng cô khoảng một tiếng sau khi đi đến nha sĩ, lúc thuốc giảm đau đã hết tác dụng.

Cô lại nhìn ra sau, không thấy gì, đoạn cô nhìn vào hai rãnh hẳn kéo dài từ bãi xe phế liệu, rời khỏi bãi rác và dẫn sâu vào Vùng Đất Cằn.

Những thứ đó ở trong tủ lạnh. Chúng đã bám lên người hẳn ta – chắc hẳn là thế, nhìn đống máu này mà xem. Hẳn ta chạy đến đây, và rồi

(xin chào và vĩnh biệt)

có chuyện gì đó đã xảy ra. Nhưng là chuyện gì mới được chứ?

Cô sợ đến rợn người vì cô biết đó là gì. Những con đĩa kia là một phần của Nó, chính chúng đã đẩy Patrick vào một phần khác của Nó, giống như con bò phát điên vì sợ bị lừa vào chuồng và đẩy xuống lò mổ.

Rời khỏi đây mau! Đi mau, Bevvie!

Nhưng thay vào đó, cô lại lần theo rãnh đất, nắm chặt ná Hồng Tâm trong

bàn tay mướt mồ hôi.

Chí ít hãy gọi mọi người đã!

Biết rồi... tí nữa mình sẽ làm thế.

Cô đi tiếp, men theo hai rãnh hằn, mặt đất dần dốc xuống và trở nên mềm hơn. Cô bước vào bụi rậm um tùm. Đâu đó vang lên tiếng ve râm rân rồi im bật. Muỗi vo ve quanh cánh tay dính máu của cô. Cô xua chúng đi. Răng cô cắn chặt môi dưới.

Có thứ gì đó nằm trên đất ngay phía trước. Cô nhặt lên quan sát. Là một cái ví thủ công, loại sản phẩm trẻ con hay làm trong dự án đồ thủ công ở Nhà Cộng đồng. Nhưng Bev nhận thấy rõ ràng đứa trẻ chế tác thứ này không khéo tay cho lắm; phần chỉ khâu đã bắt đầu bung ra, ngăn đựng tiền toang hoác há miệng. Cô thấy đồng hai mươi lăm xu trong ngăn đựng tiền lẻ. Thứ duy nhất còn lại trong ví là thẻ thư viện đề tên Patrick Hockstetter. Cô ném ví tiền, thẻ thư viện và mọi thứ sang bên rồi chùi tay vào quần đùi.

Đi thêm chừng mười lăm mét, cô thấy một chiếc giày. Bụi cây quá um tùm nên cô khó lòng dò theo vết hằn trên đất, nhưng chẳng cần phải thần thông quảng đại cũng có thể đi theo những vết máu bắn trên bụi cây.

Vết máu ngoằn ngoèo chạy thẳng xuống dốc tức. Bev sa chân một lần, trượt xuống và bị gai cứa vào chân. Những đường máu tươi rướm trên đùi cô. Cô thở hổn hển, tóc mướt mồ hôi, bết vào đầu. Vết máu dẫn ra con đường nhỏ xuyên Vùng Đất Cằn. Sông Kenduskeag cách đó không xa.

Chiếc giày còn lại của Patrick, dây giày bê bết máu, nằm chổng cho trên đường.

Cô tiến lại con sông với ná cao su kéo sẵn. Rãnh đất lại một lần nữa xuất hiện trên đất. Giờ thì vết hằn nông hơn – *lý do là bởi hấn đã tuột giày*, cô thầm nghĩ.

Vòng theo khúc quanh, cô ra đến con sông. Rãnh đất chạy xuống bờ sông

và kéo thẳng tới một trụ bê tông - trụ của trạm bơm. Chúng dừng ở đó. Nắp sắt đây nóc trụ khép hờ.

Cô đứng bên trên nhìn xuống thì một tiếng cười đặc quánh, ma mị chọt vang lên bên dưới.

Thế này là quá đủ rồi. Nỗi hoảng sợ lăm le cô từ nãy đến giờ đổ ập xuống. Beverly quay người phi thẳng đến khu đất, chỗ phòng sinh hoạt nhóm, tay trái đầy máu giơ lên che chắn để cây không túi bụi quất vào mặt.

Thỉnh thoảng con cũng lo lắm bố ạ, cô điên cu ờng nghĩ. Thỉnh thoảng con lo lắng rất nhiều.

Bốn tiếng sau, tất cả mọi thành viên của Hội Cùi Bắp, trừ Eddie, tụ họp quanh bụi cây gần chỗ Beverly nấp và chứng kiến cảnh Patrick Hockstetter đến mở cửa tủ lạnh. Bầu trời giăng kín mây đen, không khí sức mùi mưa. Bill đang cần một đầu dây chằng quần áo trong tay. Sáu thành viên góp tiền túi để mua sợi dây và bộ sơ cứu của Johnson cho Beverly. Bill cẩn thận áp miếng gạc lên miệng vết thương đầy máu trên tay cô.

“B-Bảo b-b-bố mẹ cậu là c-cậu b-bị x-xây xát lúc tr-tr-trượt p-patin nhé,” Bill dặn.

“Đôi giày patin của tớ!” Beverly thẳng thốt hét lên. Cô đã quên bằng mất chuyện đôi giày.

“Đằng kia kìa,” Ben đưa tay chỉ. Chúng nằm chỗ ụ đất cách đó không xa, và cô nhanh chân đi nhặt trước khi Ben hoặc Bill hoặc bất cứ ai trong bọn họ toan giúp đỡ. Giờ cô mới nhớ cô đã để chúng sang một bên trước khi đi vệ sinh. Cô không muốn bất cứ ai trong số họ xớ rớ đến đó.

Bill tự tay cột một đầu dây phơi quần áo vào tay nắm cửa tủ lạnh Amana dù cả bọn cẩn thận cùng nhau tiến tới đó, sẵn sàng co giò chạy nếu thấy bất cứ động tĩnh nào. Bev đề nghị đưa ná H ồng Tâm lại cho Bill nhưng cậu nhất quyết cô nên giữ nó. May sao không có thứ gì động đây.

Mặc dù khoảng đất trên đường mòn phía trước tủ lạnh vẫn tung tóe máu, không thấy bóng dáng đám ký sinh trùng đâu. Có thể chúng đã bay đi.

“Có gọi Cảnh sát trưởng Borton và ông Nell cùng cả trăm cảnh sát đến đây cũng chẳng giải quyết được gì,” Stan Uris cay đắng thốt lên.

“Phải. Họ sẽ chẳng trông thấy gì,” Richie tán thành. “Tay cậu thế nào rồi hả Bev?”

“Đau lắm,” cô nói, hết nhìn Bill lại nhìn Richie rồi quay sang nhìn Bill. “Liệu bố mẹ tớ có trông thấy cái lỗ thứ sinh vật kia đục trên tay tớ không nhỉ?”

“Tớ ngh-nghĩ l-l-là kh-kh-không” Bill nhận xét. “Ch-Chuẩn bị ch-ch-chạy nhé. Tớ s-s-sắp c-cột r-rồi đ-đây.”

Cậu quấn đầu dây phơi quần áo quanh tay nắm bằng crôm gỉ sét của tủ lạnh, cẩn thận từng ly từng tí như người phá bom. Thắt nút đầu bở xong, cậu lùi lại rồi buông dây.

Cậu nở nụ cười có phần run rẩy với các bạn khi họ lùi ra một chút. “Phù,” cậu nói. “M-May mà x-xong.”

Và rồi, khi đã đứng cách tủ lạnh một khoảng (mà họ hy vọng là) an toàn, Bill bảo các bạn lên tinh thần sẵn sàng chạy. Sấm chớp trực tiếp đi đùng trên đầu khiến cả bọn nhảy dựng. Những hạt mưa đầu tiên lác đác rơi xuống.

Bill kéo sợi dây phơi quần áo thật mạnh. Nút thắt cậu cột bị tuột khỏi tay cầm sau khi đã giật cho cánh cửa tủ lạnh mở tung. Một đồng quả bông màu cam rơi ra như thác đổ, Stan Uris hãi hùng rên lên. Các thành viên chỉ biết trở mắt nhìn, miệng há hốc.

Mưa bắt đầu nặng hạt. Sấm đùng đoàng trên không khiến cả bọn Co rúm, và những tia chớp màu xanh tím lóe lên khi cửa tủ lạnh bật tung. Richie là người đầu tiên nhìn thấy, cậu hét thất thanh, hoảng loạn. Bill ré lên tức giận, sợ hãi. Những người khác chỉ biết im lặng.

Trên thành trong tủ lạnh là một dòng chữ nguệch ngoạc bằng máu đã khô:

STOP NOW BEFORE I KILL YOU YELL
A WORD TO THE WIFE FROM YOUR FRIEND
PENNYWISE

DỪNG NGAY TRƯỚC KHI TAO GIẾT CHẾT TẤT CẢ CHÚNG MÀY
NÓI ÍT HIỂU NHIỀU, CHỖ BẠN BÈ PENNYWISE

Mưa đá trút xuống. Cánh cửa tủ lạnh đập ra đập vào trong cơn gió, dòng chữ bắt đầu nhoe nhoét chảy, trông khiếp đảm chẳng khác nào áp phích phim kinh dị.

Bev không hề hay biết Bill đã đứng dậy cho đến khi cô trông thấy cậu băng qua đường, tiến đến tủ lạnh. Cậu nắm chặt tay, run lên. Nước mưa chảy xuống mặt cậu, khiến áo cậu bết vào lưng.

“B-Bọn tao s-s-sẽ giết mày!” Bill hét lên. Sấm đi đùng, ầm ầm vang lên. Chớp lóe sáng chói chang, cô người thấy mùi khét, và cách đó không xa có âm thanh cây vỡ nát, đổ ập xuống.

“Bill, quay lại đây!” Richie gào lên. “Quay lại đây đã!” Cậu toan đứng dậy thì Ben kéo cậu lại.

“Mày đã giết George em trai tao! Đồ khốn kiếp! Quân súc sinh! Đồ thất tha! Mày ra đây cho tao xem! Ra đây cho tao!”

Mưa xối xả như thác lũ, châm chích vào người họ dù cả bọn đang nấp trong lùm cây. Beverly phải đưa tay che mặt. Cô có thể thấy những vết hằn đỏ trên má Ben.

“Bill, quay lại đây!” Cô tuyệt vọng hét lên, nhưng một tiếng sấm đánh xuống át tiếng cô, nó đi đùng khắp Vùng Đất Cằn dưới đám mây đen trĩu nước.

“Mày ra đây cho tao xem, quân khốn kiếp!”

Bill điên cuồng đá vào đồng quả bóng bay ra từ tủ lạnh. Đoạn cậu quay người, bước trở lại về phía chỗ các bạn, đầu cúi gằm. Dường như cậu chẳng cảm thấy cơn mưa đá rét buốt, dù hiện giờ chúng phủ đầy mặt đất như tuyết.

Cậu loạng choạng lúi vào bụi cây, và Stan phải chộp lấy tay bạn để cậu không ngã nhào lên bụi gai. Cậu đang khóc.

“Không sao đâu, Bill,” Ben an ủi và vụng về choàng tay quanh bạn mình.

”Ừ.” Richie nói, “Đừng lo. Bọn mình sẽ không hèn nhát rút lui đâu.” Cậu đưa mắt nhìn cả nhóm, đôi mắt ánh lên sắc bén trên khuôn mặt ướt mềm. “Có ai ở đây muốn rút lui không?”

Cả bọn lắc đầu nguầy nguậy.

Bill ngược lên, lấy tay chùi mắt. Mọi người ai nấy đầu ướt như chuột lột, trông họ chẳng khác nào đàn cún con vừa bơi qua sông. “N-Nó s-s-sợ ch-chúng ta, các c-cậu thấy kh-không” cậu nói. “Tớ c-có thể c-cảm thấy như thế. Tớ thề với Ch-Chúa tớ c-cảm thấy thế.”

Bev nghiêm nghị gật đầu. “Tớ nghĩ cậu nói đúng.”

“Gi-Gi-Giúp t-t-tớ với,” Bill cầu xin. “X-X-Xi-Xin các c-cậu. H-Hãy gi-giúp t-t-tớ.”

“Bọn tớ sẽ giúp cậu, Beverly khẳng khái. Cô vòng tay ôm chầm lấy Bill. Bấy lâu nay cô không hề hay biết tay cô có thể ôm trọn cậu dễ dàng đến thế, rằng cậu gầy gò đến thế. Cô cảm nhận được tim cậu đập rộn dưới áo; cảm nhận nó gần sát tim cô. Cô thẫn thờ chưa có cái đụng chạm nào ngọt ngào và mạnh mẽ đến vậy.

Richie vòng tay ôm hai người bạn họ rồi ngả đầu lên vai Beverly. Ben làm tương tự ở phía đối diện. Stan Uris vòng tay ôm Richie và Ben. Mike ngấn ngực rồi vòng một tay quanh eo Beverly và tay kia choàng qua đôi vai run rẩy của Bill. Cả bọn đứng đó, ôm nhau thật chặt, cơn mưa đá giờ chuyển sang mưa như trút nước, nặng hạt đến độ có cảm giác họ đang ở một bầu khí quyển mới.

Chớp không ngừng lóe lên và sấm giạt ùng ùng. Không ai nói gì. Beverly nhắm chặt mắt. Họ đứng túm tụm dưới cơn mưa, ôm nhau, lắng nghe mưa ào ào quất vào bụi cây. Đó là khoảnh khắc cô nhớ như in: tiếng mưa rơi và sự tĩnh lặng mà họ san sẻ cùng nỗi buồn man mác khi Eddie không có mặt ở đó cùng cả nhóm. Những chi tiết ấy in hằn trong tâm trí cô.

Cô nhớ mình đã cảm thấy trẻ trung vô cùng, bất khả chiến bại.

18: NÁ HỒNG TÂM

1

“Được rồi, Haystack,” Richie lên tiếng. “Đến lượt cậu. Nàng Tóc đỏ đã đốt hết sạch thuốc lá của nàng và gần hết của tớ rồi. Đêm hôm khuya khoắt rồi đấy.”

Ben liếc nhìn đồng hồ. Phải, trời đã khuya: chưa gì đã gần nửa đêm. Vừa đẹp cho một câu chuyện nữa, anh thầm nghĩ. Một câu chuyện nữa trước 12 giờ. Để giữ cho cả bọn được ấm áp. Nên kể gì đây nhỉ? Nhưng tất nhiên đó chỉ là một câu chuyện đùa, dù đùa cũng chẳng vui lắm, chỉ còn một câu chuyện mà thôi, chỉ ít trong ký ức anh là thế, và đó là câu chuyện về những viên đạn bạc – về quá trình họ làm ra chúng trong xưởng của ông Zack Denbrough vào đêm ngày 23 tháng 7 và cách họ sử dụng vào ngày 25.

“Trên người tớ có vết sẹo,” anh nói. “Các cậu còn nhớ không?”

Beverly và Eddie lắc đầu; còn Bill và Richie gật gù. Mike chỉ ngồi im, đôi mắt chăm chú trên khuôn mặt mỗi mặt.

Ben đứng dậy và cởi nút chiếc áo đang mặc rồi phanh ra. Trên bụng anh có một vết sẹo cũ hình chữ H. Đường nét của vết sẹo đã mờ – lúc có vết sẹo, bụng anh to hơn hiện tại rất nhiều – nhưng nhìn vào vẫn nhận ra hình thù.

Vết sẹo sâu hoắm kéo từ nét ngang của chữ H rõ hơn rất nhiều. Trông nó như sợi dây thừng trắng đã cắt mất đầu thông lọng.

Beverly đưa tay lên che miệng. “Người sói! Ở căn nhà đó! Ôi Chúa ơi!” Đoạn cô quay ngoắt ra nhìn cửa sổ như thể kiểm tra xem nó có lẩn trốn trong bóng tối ngoài kia hay không.

“Phải,” Ben đáp. “Và các cậu muốn biết điều buồn cười là gì không? Vết sẹo không có ở đâu cho đến hai ngày trước. Vết sẹo ghi dấu Henry thì có, tớ biết điều đó, vì tớ từng cho một người bạn xem, anh bạn làm chủ quán bar tên Ricky Lee ở Hemingford Home. Nhưng vết sẹo này thì...” Anh phá lên cười khô khốc và bắt đầu cài lại nút áo. “Nó tự quay trở lại.”

“Giống vết sẹo trên tay chúng ta.”

“Phải,” Mike lên tiếng trong lúc Ben cài nút áo. “Người sói. Lần đó, tất cả chúng ta đều thấy Nó trong bộ dạng Người sói.”

“Vì ngày trước R-R-Richie từng thấy N-Nó trong bộ dạng ấy,” Bill lẩm bẩm. “Lý do là vậy phải không?”

“Ừ.” Mike đáp.

“Bọn mình càng lúc càng gần thì phải?” Beverly nói. Giọng cô thoáng trầm trồ. “Gần đến mức đủ để biết đôi phương nghĩ gì trong đầu.”

“Quý ông Đại lông Đại lá ấy suýt chút nữa đã ăn tươi nuốt sống cậu đấy, Ben,” Richie nói, nhưng miệng không hề nở nụ cười. Anh đẩy đôi kính chắn vá của mình lên mũi, phía sau cặp kính, khuôn mặt anh trông bột bột, hốc hác và phờ phạc.

“Bill đã cứu cậu một bàn thua trông thấy, Eddie chọt lên tiếng. “Ý tớ là, Bev đã cứu cả bọn, nhưng nếu không có cậu, Bill...”

“Phải, Ben gật gù. “Cậu đã cứu mạng tớ, Bill To Bự ạ. Lúc ấy, tớ như lạc trong nhà cười.”

Bill đưa tay chỉ về phía chiếc ghế trống. “Tớ được Stan Iris giúp. Và cậu ấy đã phải trả giá vì điều đó. Có khi là trả cả mạng sống.”

Ben Hanscom lắc đầu. “Đừng nói vậy, Bill.”

“Nhưng th-thật sự là thế. Và nếu đó là l-lỗi của c-cậu thì đó cũng là lỗi của tớ và của t-tất cả mọi người ở đây, vì chúng ta đã dần thân đi tiếp. Ngay cả sau vụ việc xảy ra với Patrick và lời đe dọa ghi trên t-tủ lạnh, chúng ta vẫn không từ bỏ. Nhưng tớ nghĩ đ-đa phần là lỗi của tớ, vì tớ là kẻ m-m-muốn cả bọn cùng tiếp tục. Vì G-George. Và thậm chí là gì tớ nghĩ nếu tớ giết được thứ đã s-sát hại em trai tớ, b-bố mẹ tớ sẽ lại một lần th-th-thương...”

“Thương yêu cậu?” Beverly nhẹ nhàng hỏi.

“Ừ. Đúng rồi. Nhưng tớ kh-kh-không nghĩ đó là l-lỗi của ai c-c-cả, Ben ạ. Chỉ đơn giản là c-c-con người Stan như thế mà thôi.”

“Cậu ấy không đủ sức đôi mắt,” Eddie trầm ngâm. Anh nghĩ về lần ông Keene tiết lộ sự thật về thuốc hen suyễn anh dùng năm xưa, và về việc anh vẫn không tài nào từ bỏ được nó. Anh nghĩ có lẽ ngày xưa, anh đủ sức để từ bỏ thói quen ốm đau của mình, nhưng cái anh không bỏ được chính là thói quen tin rằng mình ốm yếu. Nhưng hóa ra đời lắm cái khó ngờ, có khi chính thói quen ấy đã cứu sống anh.

“Ngày hôm đó, cậu ấy tuyệt lắm,” Ben nói. “Stan và đàn chim.”

Tiếng cười khúc khích vang lên trong nhóm, và họ quay sang nhìn chiếc ghế mà lý ra Stan sẽ ngồi nếu đây là một thế giới bình thường, không đảo điên, nơi người tốt luôn bách chiến bách thắng. Mình nhớ cậu ấy quá, Ben thầm nghĩ. Chúa ơi, mình nhớ quá! “Richie này,” anh lên tiếng, “cậu có nhớ một hôm, cậu bảo với cậu ấy rằng cậu nghe người ta nói Stan là kẻ giết Chúa Giê-su, cà Stan thốt lên với khuôn mặt hờ hững: ‘Tớ nghĩ người giết là bố tớ’ không?”

“Tớ nhớ chứ,” Richie đáp, giọng thấp đến độ gần như chẳng nghe nổi. Anh lấy khăn tay từ túi sau, gỡ kính, lau mắt rồi lại đeo nó lên. Sau khi cất khăn mùi xoa đi, anh cứ cúi gằm nhìn hai bàn tay và nói, “Sao cậu không kể ra luôn, Ben nhỉ?”

“Đau đớn lăm phải không?”

“Ừ.” Richie nói, giọng anh khản đặc tới mức không hiểu anh nói gì. “Sao chứ, phải rồi. Đau đớn lăm.”

Ben đưa mắt nhìn mọi người rồi gật đầu. “Được rồi. Mình sẽ kể thêm một câu chuyện trước 12 giờ để giữ ấm cho cả bọn nhé. Bill và Richie là người nảy ra ý tưởng làm các viên đạn...”

“Không phải đâu,” Richie phản đối. “Bill nghĩ ra suy nghĩ này đầu tiên và là người đầu tiên cảm thấy lo lắng.”

“Lúc ấy, tớ l-l-lo là...”

“Tớ nghĩ chuyện đó cũng chẳng quan trọng,” Ben nói. “Ba người bọn tớ đã dành rất nhiều thời gian nghiên cứu ở thư viện vào tháng Bảy năm ấy. Bọn tớ cố gắng tìm phương thức chế tác viên đạn bạc. Tớ có nguyên liệu bạc từ bốn đồng tiền bạc của bố. Và rồi Bill lo lắng khi nghĩ tới viễn cảnh chúng mình rơi vào nếu đạn bắn bất thành trong khi con quái vật đang muốn xé xác chúng ta. Và kết quả là khi trông thấy Beverly bắn ná bách phát bánh trứng, cả nhóm đã quyết định dùng đồng bạc để làm đạn bi. Sau khi chuẩn bị đầy đủ nhân lực và cật lực, chúng ta đã đến nhà của Bill. Eddie, cậu cũng có mặt...”

“Tớ nói với mẹ bọn mình chơi Monopoly,” Eddie giải thích. “Tay tớ vẫn còn đau, thế mà tớ phải đi bộ. Mẹ cáu tiết với tớ đến mức đấy. Và khi nào tớ nghe thấy có tiếng người phía sau, tớ lại giật mình quay phắt lại vì tưởng đó là Bowers. Chẳng giúp ích gì cho cơn đau cả.”

Bill nhoẻn miệng cười. “Và bọn mình không được tích sự gì mà chỉ đứng quanh nhìn Ben chế tạo viên đạn bi. Tớ thấy s-sức Ben còn đủ làm cả viên đạn bạc hẳn hoi kìa.”

“Ôi trời, tớ không dám chắc đâu,” Ben nói, dù thật ra trong lòng, anh vẫn khá tự tin. Anh nhớ lúc ấy, hoàng hôn đang dần buông (ông Denbrough đã hứa sẽ đưa cả bọn về tận nhà), dế kêu râm ran trong cỏ, những ánh chớp đầu tiên

lấp lóe bên ngoài cửa sổ. Bill kỹ lưỡng bày sẵn bảng trò chơi Monopoly trong phòng ăn, làm ra vẻ cả bọn đã chơi hơn một tiếng đồng hồ.

Anh còn nhớ chi tiết ấy, và nhớ cả ánh đèn vàng sắc nét chiếu xuống bàn làm việc của ông Zack. Anh nhớ Bill đã nói, “Bọn mình phải c-c

2

cẩn thận. Tớ không muốn để lại bãi ch-ch-chiến trường. Bố tớ sẽ...”

Cậu phì phì một loạt âm “p” rồi mới chật vật nói nốt “phát cáu”.

Richie làm động tác chùi má một cách lố lằng. “Cậu có phục vụ khăn sau màn phun mưa không, Bill Cà Lắm?”

Bill giơ tay làm bộ đấm bạn, Richie bèn rút người, ré lên bằng Giọng Nhóc da đen.

Ben chẳng buồn quan tâm đến trò bắg nhắg của hai bạn. Cậu nhìn Bill lấy từng món đồ và dụng cụ xếp dưới ngọn đèn. Một phần tâm trí cậu thầm ước một ngày nào đó, cậu cũng có cái bàn làm việc xịn như thế. Còn đa phần tâm trí cậu đang dồn hết tâm sức vào công việc trước mắt. Dù không khó như chế tác viên đạn bạc hẫ hoi nhưng cậu sẽ cẩn trọng hết sức có thể. Không được phép làm qua loa ẩu tả. Đây không phải đi đâu cậu được dạy hay được nhắc, chỉ đơn giản là bản thân cậu biết vậy mà thôi.

Bill đề nghị Ben chế tác đạn dạng viên bi, cũng quyết liệt như cách cậu nắn nỉ Beverly là người giữ ná Hồng Tâm. Những vấn đề này được đem ra bàn bạc thảo luận rất nhiều, nhưng phải đến hai mươi bảy năm sau, Ben mới nhận ra không ai trong số họ may mắn nghi ngờ viên đạn bi bằng bạc có thể không ngăn được con quái vật ấy – họ có sức nặng của cả nghìn bộ phim kinh dị làm hậu phương.

“Được rồi đây,” Ben lên tiếng. Cậu bẻ tay răng rắc rồi nhìn Bill. “Cậu có khuôn không?”

“Ồi!” Bill khẽ nhảy dựng. “Đ-Đ-Đây.” Đưa tay vào túi quần, cậu lấy khăn mùi xoa bỏ lên bàn rồi mở ra. Bên trong là hai viên bi sắt, mỗi viên có một cái lỗ nhỏ. Đây là khuôn vòng bi.

Sau khi quyết định mình sẽ làm đạn bi thay vì viên đạn như ban đầu, Bill và Richie trở lại thư viện tìm hiểu xem vòng bi được làm ra sao. “Mấy đứa bận rộn nhỉ,” cô Starrett thốt lên. “Tuần trước là đạn, tuần này xem vòng bi! Chưa kể đang kỳ nghỉ hè nữa chứ!”

“Chúng cháu muốn giữ cho đầu óc nhanh nhạy,” Richie nói. “Đúng không Bill?”

“Đ-Đ-Đúng.”

Hóa ra, chế tạo vòng bi là chuyện dễ như ăn bánh, chỉ cần có khuôn là xong ngay. Câu hỏi duy nhất là làm thế nào để kiếm được khuôn. Vài câu hỏi dương đông kích tây với ông Zack Denbrough đã giải quyết vấn đề này... và các thành viên Hội Cùi Bắp không quá bất ngờ khi biết rằng cửa hàng kim khí duy nhất ở Derry cung cấp dạng khuôn này là công cụ Chính xác & Khuôn Kitchener. Hai anh em ngày trước sở hữu Xưởng đúc Kitchener là ký họ của ông Kitchener chủ tiệm hiện tại.

Bill và Richie cùng nhau đến cửa tiệm với toàn bộ số tiền mà Hội Cùi Bắp gom góp được trong thời gian gấp rút như vậy –mười đô-la và năm mươi chín xu – nhét trong túi Bill. Khi Bill hỏi giá của một cặp khuôn đúc vòng bi loại năm phân, Carl Kitchener – một người đàn ông với vẻ ngoài trông như kẻ nát rượu lâu năm và có mùi như tấm choàng cho ngựa cũ rách – hỏi hai đứa nhóc muốn khuôn đúc vòng bi làm gì. Richie để Bill nói, bởi cậu biết như thế có khi mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn – đám trẻ con lôi tạt nói lắp của Bill ra làm trò đùa; còn người lớn cảm thấy ngại. Thỉnh thoảng, cách này hiệu quả đến đáng ngạc nhiên.

Bill giải thích được một nửa lý do mà cậu và Richie soạn sẵn trên đường

đến đây - về mô hình cối xay gió cho dự án khoa học năm tới – thì ông Kitchener phẩy tay ra hiệu cậu im miệng rồi báo cho họ cái giá rẻ đến choáng váng: năm mươi xu một khuôn.

Trong lòng chưa kịp tin nổi vận mình đỏ đến mức nào, Bill đưa cho ông tờ một đô.

“Đừng kỳ vọng ta cho mấy đũa túi đựng,” Carl Kitchener nói, nhìn hai cậu bé với đôi mắt đỏ ngầu khinh khi của một người đàn ông cho rằng mình đã chứng kiến tất cả mọi thứ trên trần đời, không chỉ một lần mà có khi những hai lần. “Phải mua trên năm đồng mới có túi.”

“Dạ, kh-kh-không s-sao ạ,” Bill lắp bắp.

“Và đừng lảng vảng ngoài cửa,” ông Kicherner nói. “Hai đũa bay đi cắt tóc là vừa rồi đấy.”

Khi ra đến bên ngoài, Bill nhận xét: “C-C-Cậu có b-bao giờ để ý kh-không, R-Richie, ng-ng-người lớn ch-chỉ bán cho b-bọn mình k-kẹo, tr-tr-truyện tranh hoặc v-v-vé x-xem phim, còn th-thì trước khi b-bán, họ đầu h-hỏi mình m-mua để làm gì nhỉ?”

“Đúng,” Richie đồng tình.

“T-Tại s-sao nhỉ?”

“Vì họ nghĩ bọn mình nguy hiểm.”

“Th-Thế à? Cậu ngh-ngh-nghĩ v-vậy hả?”

“Ừ.” Richie nói rồi khúc khích cười. “Hay bọn mình lảng vảng trước cửa tiệm đi? Bọn mình sẽ dựng cỗ áo lên cho ngầu, lườm nguýt mọi người và để tóc dài lượt thướt nữa.”

“Tổ s-sư cậu,” Bill nói.

3

“Được rồi,” Ben nói, quan sát khuôn mặt cẩn thận rồi đặt xuống. “Tốt lắm.

Giờ...”

Né ra cho cậu thêm không gian, cả bọn nhìn cậu đầy kỳ vọng, giống như một người gà mờ về xe ô tô nay bị hỏng động cơ nhìn anh thợ máy. Ben không để ý nét biểu cảm của các bạn. Cậu đang dồn toàn tâm toàn ý vào công việc.

“Đưa tớ vỏ đạn” cậu nói, “và đèn hàn.”

Bill đưa mảnh vỏ đạn cối cho bạn mình. Đây vốn là kỷ niệm chiến tranh của bố cậu. Ông Zack nhặt nó năm ngày sau khi ông và binh đoàn của tướng Patton băng sông tiến vào nước Đức. Ngày xưa, cái thời Bill còn thơ ấu và George còn ẵm ngửa, ông hay dùng nó làm gạt tàn. Về sau, ông bỏ thuốc, và mảnh vỏ đạn cối biến mất. Mới tuấn trước, Bill tìm thấy nó đằng sau ga-ra.

Ben đặt vỏ đạn cối vào mỏ cặp của ông Zack, siết lại rồi lấy đèn hàn mà Beverly đưa cho. Thọc tay vào túi, cậu lấy đồng bạc thả vào nồi nấu kim loại tự chế của mình. Nó phát ra một âm thanh trầm đục.

“Bố cậu tặng nó cho cậu phải không?” Beverly hỏi.

“Ừ.” Ben nói, “nhưng tớ không còn nhiều ký ức về bố cho lắm.”

“Cậu có chắc mình muốn làm điếu này không?”

Cậu nhìn cô và mỉm cười. “Có chứ,” cậu đáp.

Cô mỉm cười đáp lại. Thế này là quá đủ với Ben rồi. Nếu cô mỉm cười với cậu thêm lần nữa, cậu sẽ vui vẻ chế tạo đủ đạn bi bạc để bắn cả một trung đội Người sói ấy chứ. Cậu vội quay đi. “Được rồi. Giờ mình làm nhé. Không thành vấn đề. Dễ như ăn bánh ấy mà, nhỉ?”

Mọi người ngẩn ngơ gật đầu.

Nhiều năm sau, khi nhớ lại tất cả những chuyện này, Ben thầm nghĩ: *Thời nay, một đứa trẻ chỉ cần ra đường mua đèn khò... hoặc bố cậu nhóc sẽ có sẵn một chiếc trong xưởng.*

Tuy nhiên, năm 1958 không có những thứ như thế, Zack Denbrough từng

làm việc với xe tăng, và đi đầu này khiến Beverly lo lắng. Ben có thể thấy cô đang lo, cậu muốn trấn an cô nhưng sợ rằng giọng cậu sẽ run rẩy.

“Đừng lo,” cậu nói với Stan, lúc này đang đứng cạnh cô.

“Hả?” Stan hỏi, ngẩn ra nhìn cậu.

“Đừng lo.”

“Thì tớ có lo đâu.”

“Ồ. Tớ cứ tưởng cậu lo. Tớ chỉ muốn cậu biết đi đầu này rất an toàn. Nếu cậu đang thấy lo lắng. Ý tớ là vậy.”

“Cậu có ổn không đấy, Ben?”

“Tớ ổn mà” Ben lẩm bẩm. “Đưa diêm cho tớ, Richie.”

Richie đưa cho bạn xấp diêm. Ben vắn van và đánh diêm dưới miệng đèn hàn. Có một tiếng phụt và ngọn lửa màu cam xanh lóe lên. Ben đi đầu chỉnh ngọn lửa thành màu xanh và bắt đầu nung đáy vỏ đạn.

“Cậu có mang theo phễu chứ?” Cậu hỏi Bill.

“C-C-Có đây,” Bill đưa cái phễu tự chế mà Ben đã làm trước đó. Cái lỗ bé xíu dưới đáy phễu nhét gờn như vừa khít lỗ trên khuôn vòng bi. Ben chế ra cái phễu mà không đo đạc dù chỉ một lần. Bill không khỏi ngạc nhiên – thiếu đi đầu đập đầu thán phục – nhưng chẳng biết làm thế nào để nói mà không khiến Ben ngại ngùng.

Hoàn toàn tập trung vào đi đầu mình đang làm, Ben quay sang Beverly - cậu nói với giọng điệu chính xác, lý tính của bác sĩ truyền lệnh cho y tá.

“Bev, tay cậu vững nhất. Cậu cầm phễu vào lỗ giữm tớ. Dùng găng tay để không bị bỏng nhé.”

Bill đưa cho cô găng tay lao động của bố mình. Beverly đưa phễu thiếc vào khuôn. Không ai nói một lời nào. Tiếng đèn hàn xì xì vang lên thật to. Mọi người quan sát, mắt nheo lại gờn như nhắm tịt.

“Đ-Đ-Đợi đã,” Bill chột lên tiếng rồi hối hả chạy vào nhà. Phút sau, cậu quay lại với một cặp kính râm bọc sát hiệu Turtle rẻ tíên để trong ngăn kéo nhà bếp suốt hơn một năm nay. “Cậu đeo kính vào đi, H-H-Haystack.”

Ben đón lấy, nhoen cười và đeo lên.

“Úi chà, trông như Fabian ấy nhỉ!” Richie thốt lên. “Hoặc Frankie Avalon, hay mấy tay người Ý trong *Bực Trình Diễn*.”

“Tiên sư cậu, Tía Lia,” dù ngoài miệng nói thế nhưng Ben cũng khúc khích cười. Tưởng tượng bản thân mình là Fabian hay danh ca nào đấy tương tự thật quá đổi kỳ cục. Nhưng khi thấy ngọn lửa dao động, cậu ngưng cười; sự tập trung của cậu dồn hết vào một điểm.

Hai phút sau, cậu đưa đèn hàn cho Eddie và Eddie cầm thật cẩn trọng bằng tay thuận. “Sẵn sàng rồi đây,” cậu nói với Bill. “Đưa tở cái găng còn lại. Nhanh! Nhanh!”

Bill đưa găng cho bạn. Ben mang vào rồi cầm vỏ đạn cối bằng tay đeo găng trong lúc chỉnh ngàm kẹp bằng tay còn lại.

“Cầm chắc nhé, Bev.”

“Tở sẵn sàng rồi, không cần đợi đâu,” cô bật lại.

Ben nghiêng vỏ đạn về phía chiếc phễu. Cả nhóm chăm chú nhìn bạc lỏng chảy thành dòng giữa hai vật chứa. Ben đỡ rất chính xác, không giọt nào bị nhểu ra. Và trong một khắc, cậu có cảm giác lâng lâng. Cậu như nhìn thấy mọi thứ phóng đại qua thứ ánh sáng rực rỡ trắng lóa. Trong khoảnh khắc ấy, cậu thấy mình chẳng còn là cậu nhóc Ben Hanscom béo ú thường ngày, lúc nào cũng mặc áo nỉ để giấu bụng và ngực nữa, cậu thấy mình như vị thần Thor, một tay khuấy đảo sấm chớp ở lò rèn của các vị thần.

Và rồi cảm giác ấy biến mất.

“Được rồi,” cậu nói. “Tở sẽ phải nung bạc lần nữa. Ai đó nhét đinh hoặc gì đó vào ống phễu trước khi bạc đông cứng bên trong đi.”

Stan là người thực hiện.

Ben một lần nữa kẹp vỏ đạn cối vào mỏ cặp và lấy đèn hàn từ tay Eddie.

“R ồi,” cậu nói, “số hai.”

Và quay lại làm việc.

4

Mười phút sau, công việc xong xuôi.

“Giờ thì sao?”

“Giờ thì bọn mình chơi Monopoly chừng một tiếng,” Ben nói, “trong lúc đợi bạc đông cứng trong khuôn. Sau đó, tớ sẽ đục bể khuôn theo đường khía là xong”

Richie lo lắng nhìn mặt đồng hồ Timex bị nứt của mình, chiếc đồng hồ đã dạn dày sương gió nhưng vẫn chiến đấu tốt. “Khi nào bố mẹ cậu về nhà vậy Bill?”

“Ch-Ch-Chắc phải m-mười giờ hoặc m-mười r-r-rưỡi, Bill nói. “Đang có ch-chương trình một vé hai s-s-s-suất phim ở A-A-A...”

“Aladdin,” Stan nói.

“Ừ. Và sau đó, bố mẹ tớ sẽ ghé vào ăn p-p-pizza nữa. Kh-Khi nào cũng vậy.”

“Vậy thì bọn mình còn khối thời gian,” Ben nói.

Bill gật đầu.

“Thế vào trong nhà đi,” Bev nói. “Tớ phải gọi về nhà. Tớ đã hứa với bố r ồi. Và các cậu đừng nói gì đấy. Bố tớ nghĩ tớ đang ở Nhà Cộng đồng và tớ sẽ được chở về nhà từ đó.”

“Nếu bố cậu muốn đến tận nơi và đón cậu sớm thì sao?” Mike hỏi.

“Thì tớ chết chắc chứ sao,” Beverly đáp.

Ben thầm nghĩ: *Tớ sẽ bảo vệ cậu, Beverly ạ.* Trong tâm trí cậu mở ra một viễn cảnh hão huyền với kết thúc ngọt ngào đến mức cậu rung mình. Bố của Bev bắt đầu xa xả mắng mỗ cô (dù trong mơ mộng, cậu cũng không tưởng tượng nổi Al Marsh có thể tệ hại đến mức nào). Ben lao ra chắn cho cô và bảo Marsh dừng tay.

Thằng béo kia, nếu mày muốn rước họa vào thân thì cứ làm trò anh hùng rom ấy đi.

Thường ngày ít nói nhưng Hanscom có thể trở thành con hổ xông chuồng khi đụng trúng chỗ ngứa. Cậu tuyên bố với Al Marsh, *Nếu ông muốn đụng vào cô ấy thì hãy bước qua xác tôi đã.*

Marsh dần tới... nhưng rồi ánh nhìn rắn như thép trong mắt Hanscom khiến lão dừng chân.

Rồi mày sẽ hối tiếc cho mà xem, lão lảm bảm, song rõ ràng rằng bao ý chí chiến đấu đã trôi tuột khỏi người lão – suy cho cùng, lão chỉ là kẻ miệng hùm gan sứa mà thôi.

Thế cơ đấy, Hanscom nói với nụ cười ngạo nghễ của Gary Cooper trên môi, và bố của Beverly cun cút bỏ đi.

Cậu làm sao thế Ben? Bev la lên nhưng mắt cô long lanh và rục rĩ đầy sao. *Trông cậu thiếu điều giết chết ông ấy vậy!*

Giết chết ông ấy sao? Hanscom nói, nụ cười Gary Cooper vẫn lưu lại trên môi. *Không thể nào, người thương ời. Dù ông ấy có là kẻ khốn nạn chẳng nữa thì ông ấy vẫn là bố em. Anh chỉ dọa ông ấy chút xíu thôi, nhưng đó là vì khi có người to tiếng với em, anh nóng máu lắm. Em hiểu không?*

Cô quàng hai tay quanh người cậu và hôn cậu (lên môi! Lên MÔI đang hoàng!). *Em yêu anh, Ben!* Cô nức nở. Cậu có thể cảm nhận bộ ngực mới nhú của cô đè lên ngực mình rồi...

Cậu khẽ rung mình, cố gắng gạt khung cảnh rõ ràng đến kinh ngạc kia đi.

Phải đến lúc Richie dừng ở cửa, hỏi cậu có vào không thì Ben mới nhận ra cậu chỉ còn một mình trong xưởng.

“Có chứ,” cậu đáp, thoáng giật mình. “Tớ vào đây.”

“Cậu sắp bị hâm hấp rồi, Haystack ạ” Richie nói khi Ben bước qua cửa, nhưng cậu vẫn vỗ vai Ben. Ben nhướn cười, quặp tay qua cổ Richie.

5

Không có vấn đề gì với bố của Beverly. Mẹ của Bev nói với cô qua điện thoại rằng ông đi làm về trễ, ngủ quên trước tivi và tỉnh giấc đủ để lết xác vào giường.

“Có ai chờ con về không, Bevvie?”

“Dạ có. Bố của Bill Denbrough sẽ chờ tất cả bọn con về”

Bà Marsh chợt phát hoảng. “Đừng bảo mẹ con đang hẹn hò đấy nhé, Bevvie?”

“Không ạ, làm gì có,” Bev đáp, đưa mắt nhìn qua cánh cửa hình vòm giữa hành lang tối nơi cô đang đứng và phòng ăn nơi mọi người đang ngồi quanh bảng Monopoly. *Dù ước gì con được như thế.*

“Đám con trai thấy mà ghê. Nhưng ở đây có phiếu đăng ký, và tối đến, các ông bố bà mẹ sẽ thay phiên nhau đưa trẻ con về nhà.” Chỉ ít đó là sự thật. Phần còn lại là nói dối trắng trợn đến độ cô còn tự thấy mặt mình đang đỏ bừng trong bóng tối.

“Thế thì tốt,” mẹ cô nói. “Mẹ chỉ muốn chắc chắn ấy mà. Vì nếu bố phát hiện ở tuổi con mà hẹn hò thì bố sẽ giận lắm.” Như thế chợt nghĩ ra, bà bèn đề thêm: “Mẹ cũng vậy.”

“Dạ, con biết rồi,” Bev nói, mắt vẫn nhìn vào phòng ăn. Cô biết; thế mà cô vẫn ở đây với sáu cậu con trai chứ không chỉ một, trong căn nhà không có bóng dáng bố mẹ. Cô thấy Ben nhìn cô lo âu, và cô khẽ mỉm cười, giờ tay chào cậu.

Cậu đỏ mặt nhưng cũng giơ tay chào đáp lại.

“Các cô bạn của con có ở đó không?”

Cô bạn nào kia mẹ?

“Dạ, có Patty O’Hara và Ellie Geiger nữa. Bạn ấy đang chơi bi lắc dưới lầu.” Lời nói dối thốt ra từ môi trơn tru đến mức cô lấy làm xấu hổ. Cô ước gì mình đang nói chuyện với bố; dù sợ hơn nhưng chí ít cô sẽ bớt xấu hổ hơn. Cô đoán có lẽ mình không phải một đứa trẻ ngoan cho lắm.

“Con thương mẹ,” cô nói.

“Mẹ cũng thế, Bev.” Mẹ cô ngập ngừng rồi nói tiếp: “Con cẩn thận nhé. Trên báo vừa nói có thể có thêm một nạn nhân, là một cậu bé tên Patrick Hockstetter. Cậu bé ấy hiện đang mất tích. Con có biết cậu ấy không, Bevvie?”

Cô thoáng nhắm mắt. “Không ạ.”

“Ừ... vậy thôi, chào con.”

“Chào mẹ.”

Cô quay lại bàn cùng mọi người và cả bọn chơi Monopoly suốt cả tiếng đồng hồ Stan thắng đậm.

“Dân Do Thái giỏi kiếm tiền lắm nhé,” Stan nói, đặt một khách sạn lên Đại Lộ Atlantic và thêm hai nhà kính ở Đại lộ Ventnor. “Ai cũng biết đi đâu đó.”

“Chúa ơi, biến con thành người Do Thái đi,” Ben liến nói và ai nấy đều phá lên cười. Ben lúc nào cũng không xu dính túi.

Thỉnh thoảng, Beverly lại liếc qua bàn về phía Bill, để ý đến hai bàn tay sạch sẽ, đôi mắt xanh và mái tóc đỏ gọn gàng của cậu. Khi cậu di chuyển chiếc giày bạc tí hon dùng để làm vật đánh dấu quanh bảng, cô thầm nghĩ, *Nếu cậu ấy nắm tay mình, chắc mình vui đến chết mất.* Một luồng ánh sáng ấm áp nảy nở trong lòng khiến cô cúi đầu, mỉm cười nhìn xuống hai tay.

Màn kết của buổi tối hôm ấy không có chút gì gay cấn. Ben lấy đục của ông Zack từ trên kệ và dùng búa đập vào khuôn theo đường khía. Họ tách khuôn ra hết sức dễ dàng. Hai viên đạn bi rơi ra ngoài. Ở một viên, họ thấy mờ mờ năm còn sót lại: 925. Viên thứ hai có vết uốn lượn mà Beverly đoán là những lọn tóc của Nữ thần Tự do. Họ nhìn nhau mà không nói lời nào, đoạn Stan cầm một viên lên.

“Nhỏ quá nhỉ,” cậu nhận xét.

“Giống như hòn đá trong tay nải của David khi chiến đấu chống lại Goliath,” Mike nói. “Tớ thấy chúng đầy quyền năng.”

Ben gật gù. Trong mắt cậu cũng thế.

“Bọn mình x-x-xong rồi nhỉ?” Bill hỏi.

“Xong rồi.” Ben đáp. “Đây.” Cậu ném viên đạn bi thứ hai cho Bill, cậu bạn bất ngờ đến độ suýt nữa thì đánh rơi.

Viên đạn được mọi người chuyền tay nhau. Mỗi người nhìn thật lung hai viên đạn, trầm trồ trước sự tròn trịa, sức nặng và độ thực tế của chúng. Khi hai viên đạn được đưa trở lại tay Ben, cậu cầm chúng trong tay rồi nhìn Bill. “Giờ bọn mình làm gì với chúng?”

“Đ-Đ-Đưa chúng cho B-Beverly.”

“Không được!”

Cô nhìn cậu. Nét mặt cậu dịu dàng nhưng cương nghị. “B-B Bev, bọn mình đã bàn bạc x-x-xong xuôi, và...”

“Tớ sẽ làm,” cô nói. “Tớ sẽ bắn thứ chết toi ấy khi đến thời điểm. Nếu đến thời điểm. Khéo có khi tớ sẽ khiến cả đám bọn mình đi đời, nhưng tớ sẽ bắn. Tuy nhiên, tớ không muốn đem chúng về nhà. Chẳng may

(bố tớ)

bố mẹ tớ phát hiện thì sao? Lúc ấy chắc tớ chết mất.”

“Cậu không có chỗ giấu bí mật à?” Richie hỏi. “Trời đất, tớ có đến bốn, năm chỗ.”

“Tớ có một chỗ,” Beverly nói. Có một khe hở ở đáy giường, thỉnh thoảng cô lại nhét thuốc lá, truyện tranh, và gần đây là tạp chí phim ảnh, thời trang. “Nhưng không có chỗ nào để cất thứ như vậy cả. Cậu giữ đi Bill. Cậu cứ giữ cho đến lúc hành động nhé.”

“Được rồi,” Bill nhẹ nhàng trả lời, và ngay lúc đó, đèn chiếu lên lối vào. “Ôi tr-trời, bố mẹ tớ về-s-sớm quá. R-Ra khỏi đ-đây thôi.”

Cả bọn vừa ng ồi xuống quanh bảng Monopoly thì bà Sharon Denbrough mở cửa nhà bếp.

Richie đảo mắt và giả vờ làm động tác lau mồ hôi trên trán, mọi người phá lên cười nắc nẻ. Richie đã có một tràng hay ho.

Phút sau, bà bước vào. “Bố con đang đợi các bạn trong xe đấy, Bill.”

“D-D-Dạ, m-mẹ,” Bill nói. “B-Bọn con ch-chơi c-c-cũng x-x xong rồi.”

“Ai thắng vậy mấy đứa?” Sharon hỏi, mỉm cười, đôi mắt bà sáng bừng nhìn những người bạn nhỏ của Bill. *Cô bé này lớn lên sẽ xinh lắm đây*, bà thầm nghĩ. Bà đoán trong một hai năm tới, có lẽ đám trẻ vẫn phải được đưa rước nếu trong nhóm có bạn nữ tham gia chứ không chỉ có hội con trai với nhau. Nhưng chắc hẳn vẫn còn quá sớm để lo về chuyện m ầm mống tình dục dâm ch ối giữa bọn trẻ.

“St-Stan th-th-thắng ạ” Bill nói. “Dân D-D-Do Thái gi-gi-giỏi k-kiếm ti ền lắm.”

“*Bill!*” Bà thét lên, hoảng hốt và đỏ mặt... nhưng rồi khi nhìn đám trẻ, bà không khỏi ngạc nhiên khi thấy chúng cười rộ lên, kể cả Stan. Sự ngạc nhiên của bà biến thành nỗi ni ềm gần giống như sợ hãi (dù lúc sau, khi vào giường, bà không kể lại với chồng). Trong không khí lơ lửng cảm giác gì đó, giống như tĩnh điện, chỉ là nó mạnh mẽ hơn rất nhiều, đáng sợ hơn rất nhiều. Bà

cảm thấy như thể nếu bà chạm vào ai trong số chúng, bà sẽ bị giạt cho mà xem. *Có chuyện gì đã xảy ra với đám trẻ vậy kìa?* Bà tự hỏi, bối rối, thậm chí còn toan mở miệng nói đi đâu gì đó tương tự. Rồi Bill lên tiếng xin lỗi (nhưng ánh nhìn tinh quái ấy vẫn còn lấp lánh trong mắt thẳng bé), Stan đáp lại không sao cả, rằng mọi người đều đùa cậu như vậy suốt, chứng kiến cảnh này, bà thấy mình rồi tỉnh rồi mù, chẳng biết nên ứ ớ gì.

Nhưng bà cảm thấy nhẹ nhõm khi đám trẻ đã về nhà, còn cậu con trai cà lăm, khó hiểu của bà trở lại phòng và tắt đèn.

7

Ngày mà Hội Cùi Bắp đối mặt với Nó trong trận chiến giáp lá cà, ngày mà Nó suýt chút nữa ăn tươi nuốt sống Ben Hanscom là ngày 25 tháng 7 năm 1958. Hôm ấy, trời nóng nực, oi bức và lặng gió. Ben nhớ khá rõ thời tiết hôm ấy vì đó là ngày cuối cùng trời nóng như vậy. Sang ngày hôm sau, trời chuyển mát mẻ và đầy mây.

Cả nhóm có mặt ở số 29 đường Neibolt chừng 10 giờ sáng, Bill chở Richie trên Ánh bạc, Ben đạp chiếc Raleigh với bộ móng vĩ đại phòi ra hai bên cái yên cong vẹo. Beverly đi đến đường Neibolt trên chiếc Schwinn dành cho con gái, mái tóc đỏ được giữ bằng băng đô xanh để không rơi xuống trán. Suối tóc phấp phới phía sau cô. Mike tự đi, và chừng năm phút sau, Stan và Eddie cũng đi bộ tới nơi.

“T-T-Tay cậu s-s-sao rồi, E-E-Eddie?”

“Ồi, không tệ lắm đâu. Chỉ đau khi tở lật người lúc ngủ thôi. Cậu có mang đờ theo không?”

Có một đồng bùng nhùng quần vải bố trong giỏ xe Ánh Bạc. Bill lấy ra, tháo lớp bọc rồi đưa ná cho Beverly. Cô nhận lấy, khẽ nhăn mặt nhưng không nói gì. Trong lớp bọc còn có một hộp thiếc Sucrets. Bill mở hộp và cho mọi

người xem hai viên bi bạc. Họ lặng thinh ngắm nhìn, xúm xít đứng gần nhau trên bãi cỏ trụi lủi của căn nhà số 29 đường Neibolt – bãi cỏ chắc chỉ có cỏ dại sinh sôi nổi. Bill, Richie và Eddie từng trông thấy căn nhà này, còn các thành viên khác thì chưa nên họ nhìn với ánh mắt đầy tò mò.

Cửa sổ trông như những con mắt vậy, Stan nghĩ thầm, tay cậu bất giác chạm vào cuốn sách nhét trong túi sau. Cậu chạm vào nó để lấy may. Gần như đi đâu, cậu cũng mang theo cuốn sách này - Sơ lược về các loài chim Bắc Mỹ của M. K. Handey. Trông chúng như những con mắt mù lòa bắn thủ vậy. Hồi quá, Beverly nghĩ. Mình có thể nghĩ thấy mùi thối – nhưng lạ một điều là không phải bằng mũi.

Giống lần ở Xưởng đúc quá, Mike thầm nghĩ. Cảm giác này cũng tương tự... như thể nó đang mời gọi bọn mình bước vào.

Đây là một trong những nơi của Nó, Ben nghĩ. Một nơi như hố Morlock, chôn để Nó chui ra chui vào. Và Nó biết bọn mình đang ở ngoài này. Nó đang đợi bọn mình vào trong.

“C-C-Các cậu vẫn muốn làm chứ?” Bill hỏi.

Mọi người quay sang nhìn cậu, nhợt nhạt và nghiêm trang. Không ai nao núng. Eddie vụng về lấy ống thở ra khỏi túi và hít một hơi thật dài.

“Cho tớ dùng ké với.” Richie nói.

Eddie trở mắt nhìn đầy ngạc nhiên, đợi cậu bạn chốt hạ câu gây cười.

Richie chìa tay ra. “Tớ có đùa đâu mà nhây. Tớ dùng ké được không?”

Eddie nhún bên vai của tay thuận – một cử chỉ trông lạc quẻ đến lạ – rồi chìa ống thở ra. Richie xịt ống thở và hít thật sâu. “Đúng lúc tớ cần,” cậu nói rồi trả lại. Cậu húng hắng ho nhưng mắt sáng rõ.

“Tớ cũng cần,” Stan nói. “Có được không?”

Và rồi mọi người thay phiên nhau dùng ống thở của Eddie. Khi ống thở trở

về tay chủ, Eddie nhét nó vào túi, đầu vòi thò ra. Cả bọn lại quay sang nhìn căn nhà.

“Có ai sống trên con đường này không nhỉ?” Beverly thẫn thờ hỏi.

“Ở đầu này thì không,” Mike đáp. “Hiện giờ là vậy. Chắc thỉnh thoảng vẫn có vài kẻ lang thang. Những kẻ đi tàu chở hàng đến đây ấy.”

”Những người đó không thấy gì,” Stan nói. “Họ sẽ an toàn thôi. Chỉ ít đa số là vậy.” Cậu nhìn qua Bill. “Cậu nghĩ có người lớn nào trông thấy Nó không, Bill?”

“Tớ kh-không biết, Bill nói. “Chắc có v-v-vài người.”

“Ước gì bọn mình được gặp một người như vậy,” Richie lẩm nhẩm nói. “Thật ra đây đâu phải nhiệm vụ cho trẻ con, các cậu hiểu ý tớ không?”

Bill hiểu. Bất cứ khi nào Anh em Hardy gặp chuyện, Fenton Hardy cũng cứu cả bọn bàn thua trông thấy. Giống như bố của Rick Brant trong những chuyến phiêu lưu Khoa học Rick Brant. Khốn thật, ngay cả Nancy Drew cũng có một ông bố xuất hiện ngay phút chót khi đám người xấu trời và tổng cổ cô xuống khu mỏ bỏ hoang.

“Phải có một người lớn đi theo,” Richie nói, mắt vẫn nhìn căn nhà đóng kín với lớp sơn bong tróc, cửa sổ bẩn thỉu và hiên nhà tối tăm. Cậu thở dài mệt mỏi. Trong thoáng chốc, Ben cảm nhận được ý chí của cả đám đang lung lay.

Đoạn Bill lên tiếng, “Đ-Đ-Đi v-v-v-vòng qua đ-đây. Xem n-này.”

Mọi người vòng qua bên trái hiên nhà, chỗ tường rào bị xé rách.

Bụi hồng gai tua tủa vẫn còn đó... và những cành nào bị Nó đụng trúng lúc trèo ra vẫn đen đúa chết chóc.

“Nó chỉ chạm vào chúng thôi mà đã vậy rồi sao?” Beverly bàng hoàng hỏi.

Bill gật đầu. “Các c-c-cậu có ch-ch-chắc chắn không?”

Trong một khắc, không một ai trả lời. Mọi người không dám chắc; dù nhìn

mặt Bill, tất cả bọn họ đều biết cậu sẽ tiếp tục dấn bước dù không có bọn họ, song họ không dám chắc. Trên mặt Bill còn có nét gì đó xấu hổ. Như cậu đã nói với mọi người trước đó, suy cho cùng, George không phải em trai của họ.

Nhưng những đứa trẻ khác, Ben thầm nghĩ. Betty Ripsom, Cheryl Lamonica, đứa nhóc nhà Clements, Eddie Corcoran (có thể), Ronnie Grogan... ngay cả Patrick Hockstetter. Nó giết trẻ con, mẹ kiếp, đến trẻ con mà Nó còn ra tay!

“Tớ sẽ đi, Bill To Bự,” cậu nói.

“Khốn thật, tớ cũng vậy,” Beverly lên tiếng.

“Đi chứ sao không,” Richie nói. “Cậu nghĩ bọn tớ sẽ để cậu vui hết phần à, lú lỏ?”

Bill nhìn cả bọn hòng chuyển động và rồi cậu gật đầu. Cậu đưa hộp thiếc cho Beverly.

“Cậu có chắc không, Bill?”

“Ch-Ch-Chắc chứ.”

Cô gật đầu, ngay lập tức, cô run sợ trước trách nhiệm và lằng lằng trước sự tin tưởng của cậu. Cô mở hộp, lấy hai viên đạn bi ra, thả một viên vào túi quần jean phía trước bên phải. Viên còn lại cô lắp vào cốc cao su của ná Hồng Tâm, và cô cần chắc cái cốc này thay vì cần cả cái ná. Cô có thể cảm nhận viên đạn bị siết chặt trong lòng bàn tay mình, ban đầu còn lạnh, về sau ấm dần.

“Đi thôi,” cô lên tiếng, giọng không vững lắm. “Đi thôi trước khi tớ bàn lùi.”

Bill gật đầu, rồi quay sang nhìn Eddie với ánh mắt sắc bén. “C-Cậu c-có kh-kh-kham được không, E-E-Eddie?”

Eddie gật đầu. “Chắc chắn là có. Lần trước tớ chỉ có một mình. Lần này tớ có đồng đội nữa cơ mà. Đúng không?” Cậu nhìn các bạn và nhoen cười. Nét

biểu cảm của cậu ngại ngùng, mong manh và có gì đó thật đẹp đẽ.

Richie vỗ lưng cậu. “Chuẩn quá thưa ngài. Phờng vô lại nào tìm cách trộm ống thở của ngài, chúng thần sẽ xử tử hết. Xử thật *từ tốn*.”

“Dở quá, Richie ơi,” Bev nói và khúc khích cười.

“X-X-Xuống dưới h-hiên,” Bill nói. “M-Mọi người đi s-s-sau tớ. Sau đó, mình vào h-h-hiền.”

“Nếu cậu đi trước và thứ đó vồ lấy cậu thì tớ biết làm sao?” Beverly hỏi. “Bắn xuyên qua cậu à?”

“Nếu b-buộc phải thế,” Bill nói. “Nhưng tớ đ-đ-đề nghị c-c-cậu đi m-một v-v-vòng xem s-sao đã nhé.”

Richie phá lên cười ha hả.

“Bọn mình s-s-sẽ đi một vòng qu-qu-quanh đây nếu c-c-ần.” Cậu nhún vai. “Có khi bọn mình sẽ chẳng th-th-thấy gì đâu.”

“Cậu có tin vậy không?” Mike hỏi.

“Không,” Bill nói nhanh. “Nó đang ở đ-đ-đây.”

Ben nghĩ bạn mình nói đúng. Căn nhà số 29 đường Neibolt như được bao bọc trong một bầu không khí tanh độc. Ta không thể thấy nó... nhưng ta có thể cảm nhận. Cậu liếm môi.

“Các cậu s-s-sẵn sàng chưa?” Bill hỏi mọi người.

Tất cả quay sang nhìn cậu. “Sẵn sàng, Bill,” Richie nói.

“V-Vậy thì đi thôi,” Bill nói. “Đi s-sát sau lưng tớ nhé, B-Beverly.” Cậu quỳ gối, bò qua bụi hồng gai tàn và chui xuống dưới hiên.

8

Họ đi theo thứ tự: Bill, Beverly, Ben, Eddie, Richie, Stan, Mike. Lá dưới hiên kêu răng rắc, phả lên thứ mùi chua cũ. Ben nhăn mũi. Cậu đã ngửi thấy mùi lá

rụng như thế này bao giờ chưa nhỉ? Cậu nghĩ là chưa. Và rồi một ý tưởng đáng ghét ủa vào tâm trí cậu. Chúng có mùi giống với thứ mùi cậu hình dung xác ướp sẽ phả ra, sau khi kẻ phát hiện hân mộ đã cạy mở nắp quan tài: mùi đất bụi và mùi axit tannic cổ xưa đáng ngất.

Bill bò đến cửa sổ hân bị bể và nhìn vào bên trong. Beverly trườn đến bên cạnh. “Cậu có thấy gì không?”

Bill lắc đầu. “Nhưng đi đâu đó không c-có ngh-ngh-nghĩa là kh không có gì dưới đó. Nh-Nhìn kia, kia là đ-đống than mà tớ và R-R Richie dùng để trốn r-ra.”

Tranh thủ tẩn nhìn ở giữa hai bạn, Ben trông thấy thứ Bill chỉ. Trong lòng cậu hào hứng xen lẫn sợ hãi, cậu chào đón cảm giác hào hứng ấy, bản năng cậu nhận ra nó có thể là công cụ đắc lực cho mình.

Nhìn thấy đống than cũng hao hao với việc trông thấy một danh lam thắng cảnh mà trước nay mình chỉ đọc hoặc nghe từ người khác.

Bill xoay người lại và uyển chuyển trườn qua cửa sổ. Beverly đưa cho Ben ná Hờng Tâm, vòng tay cậu quanh cổ cao su và viên đạn bi nhét bên trong. “Đưa cho tớ ngay khi tớ vừa xuống,” cô dặn. “Ngay lập tức nhé.”

“Cậu cứ yên tâm.”

Cô trượt xuống dễ dàng và mượt mà chẳng kém gì Bill trước đó. Có một khoảnh khắc tim lồi nhịp – chỉ ít là với Ben – khi chiếc áo của cô tuột ra khỏi cặp quần, cậu trông thấy phần bụng trắng phảng lì của cô. Tiếp đó là cảm giác hời hợt rần rần khi tay cô chạm vào cậu lúc cậu chui lên ná xuống.

“Rồi, tớ lấy được rồi. Cậu xuống đi.”

Ben xoay người và bắt đầu cựa người ních qua cửa sổ. Đáng lý ra cậu phải hình dung trước chuyện gì sẽ xảy ra; bởi rõ ràng đây là điều không thể tránh được. Cậu mắc kẹt. Mông cậu đề vào khung cửa sổ hình chữ nhật và cậu không thể nào tụt xuống thêm nữa. Cậu tìm cách nhích người lên nhưng kinh hoàng

nhận ra nếu làm thế, khéo có khi cậu sẽ kéo tụt quần dài – thậm chí cả quần lót – xuống tận đầu gối. Và rồi cậu sẽ trưng bàn tọa vĩ đại của mình ra trước mắt người cậu thương thầm.

“Nhanh lên!” Eddie hối.

Ben cật lực đẩy bằng hai tay. Mãi mà cậu vẫn không thể nhúc nhích, nhưng rồi hông của cậu lọt qua lỗ cửa sổ. Quần jean thít lên tận háng, ép vào hai hòn bi của cậu đau điếng. Cạnh trên của cửa sổ kéo áo cậu lên tới xương vai. Giờ đến lượt bụng cậu bị kẹt.

“Hóp vào đi, Haystack,” Richie vừa nói vừa cười như được mùa. “Cậu mà không hóp vào, khéo bọn mình phải nhờ Mike về nhà mượn ròng rọc của bố cậu ấy để kéo cậu ra mất.”

“Bíp bíp, Richie,” Ben nói qua hai hàm răng nghiến chặt. Cậu cố hóp bụng hết mức có thể. Phải đến khoảnh khắc nhúc nhích nữa không để đâu cho hết này, cậu mới thật sự ý thức bụng của mình bị đến mức nào. Nhích được một chút, cậu lại kẹt.

Cậu cố ngoái đầu hết mức có thể cưỡng lại cảm giác hoảng sợ và bí bách do chật hẹp. Mặt cậu đỏ bừng, túa mồ hôi. Mùi lá cây chua lè xộc đầy mũi. “Bill! Các cậu kéo tớ được không?”

Cậu cảm nhận được Bill nắm lấy một bên mắt cá cậu, còn Beverly thì nắm chân bên kia. Cậu dồn sức bình sinh hóp bụng vào. Giây sau, cậu rơi qua cửa sổ. Bill chộp lấy cậu. Cả hai suýt chút nữa ngã nhào. Ben không dám nhìn qua Bev. Cả đời cậu chưa lần nào ngượng ngùng đến mức này.

“C-C-Cậu có s-s-sao không?”

“Tớ ổn.”

Bill cười, giọng run run. Beverly cười theo, và rồi Ben cũng cười một chút, dù phải rất nhiều năm sau, cậu mới có thể cảm nhận được chi tiết vui nhộn trong chuyện đã xảy ra.

“Này!” Richie gọi với xuống. “Eddie cần giúp, được không?”

“Đ-Đ-Được chứ.” Bill và Ben lấy thế bên dưới cửa sổ. Eddie tựa lưng treo qua. Bill đỡ lấy chân bạn ngay phía trên đầu gối.

“Cậu làm gì thế,” Eddie càu nhàu đầy lo lắng. “Tớ có máu buồn đấy.”

“Ramon có nhiều máu buồn lắm, thưa ngài,” giọng của Richie vọng xuống.

Ben đỡ quanh eo Eddie, cố giữ khoảng cách với bó bột và dây đeo của bạn. Hai người công kênh Eddie qua cửa sổ hầm như khiêng xác chết. Eddie chỉ ré lên một lần rồi thôi.

“E-E-Eddie?”

“Ừ.” Eddie nói, “Ồn mà. Không sao hết.” Nhưng những giọt mồ hôi to tướng đã rịn trên trán cậu, hơi thở hỗn hển nhanh dần. Mắt cậu đảo quanh hầm.

Bill lùi lại. Beverly đứng gần cậu, cầm thân ná Hòng Tâm và cốc đựng viên bi, sẵn sàng bắn nếu cần. Mắt cô liên tục quét qua căn hầm. Richie là người tiếp theo chui qua, theo sau là Stan và Mike. Hai cậu bạn chuyển động nhanh như sóc khiến Ben thẩn ganh tị. Và rồi cả nhóm đã có mặt ở dưới tầng hầm nơi Bill với Richie nhìn thấy Nó vào tháng trước.

Căn phòng lờ mờ nhưng không tối hẳn. Ánh sáng mờ xỉn chiếu qua khung cửa sổ, hắt lên mặt sàn dơ dáy. Ben cảm thấy căn hầm thật rộng lớn, *quá* lớn, như thể cậu đang nhìn thấy ảo ảnh thị giác. Xà nhà đóng bụi đan xen trên đầu. Ống lò sưởi gỉ sét hết cả. Phũ trên ống nước là lớp vải trắng bẩn thỉu. Thứ mùi kia phả xuống tận đây. Một thứ mùi vàng ệch dơ dáy. *Nó ở đây, đúng vậy. Ở chuẩn rồi.*

Bill tiến về phía cầu thang. Mọi người kéo theo sau. Cậu dừng ở chân cầu thang và nhìn xuống dưới. Thò chân xuống bậc thang, cậu móc ra một vật gì đó. Cả bọn trở mắt nhìn mà á khẩu. Là một chiếc găng tay hề màu trắng dính đầy bụi bẩn.

“Tr-Tr-Trên lầu,” cậu nói.

Họ lên cầu thang và bước vào căn bếp bẩn thỉu. Chiếc ghế tựa nằm lơ lửng giữa gian phòng phủ vải dầu chỗ phồng chỗ xẹp. Ngoài ra không có bàn cũng chẳng thấy chiếc ghế nào khác. Trong góc có mấy chai rượu rỗng không. Ben có thể nhìn thấy vỏ chai trên chạn. Cậu ngửi thấy mùi đồ uống có cồn – đa phần là rượu – và thuốc lá cũ. Những thứ mùi ấy áp đảo nhưng vẫn có thứ mùi kia. Nó càng lúc càng nồng hơn.

Beverly đi đến tủ chén và mở cánh cửa tủ. Cô ré lên thất thanh khi một con chuột nâu đen suýt chút nữa lao vào mặt mình. Nó tông vào quầy bếp đánh thịch rầm lù đôi mắt đen nhìn họ. Vẫn hét ồm ồm, Beverly giơ ná Hềng Tâm lên, kéo về phía sau.

“KHÔNG!” Bill rống lên.

Cô quay gương mặt trắng bệch về phía cậu, hồn xiêu phách tán. Đoạn cô gật đầu và buông tay, viên bi bạc vẫn chưa bắn đi – nhưng Ben nghĩ chỉ một chút nữa thôi, cô đã bắn rồi. Từ từ lùi lại, cô chạy về phía Ben rồi nhảy dựng lên. Cậu vòng một tay quanh cô, thật chặt.

Con chuột chạy dọc quầy bếp, đoạn nhảy xuống sàn, lao vào kệ chén và mất dạng.

“Nó muốn tó bắn nó,” Beverly nói khẽ. “Tiêu mất một nửa đạn dược của chúng ta cho nó.”

“Phải,” Bill đáp. “Theo c-c-cách nào đó, nó t-t-tương tự như kh-khóa huấn luyện FBI ở Qu-Qu-Quantico ấy. Họ ch-cho c-cậu đi vào con đ-đ-đường giả với những m-mục tiêu b-bất ngờ x-xuất hiện. Nếu cậu b-bắn phải dù chỉ một người dân thường thay vì tội phạm thì cậu m-mất đ-điểm.”

“Tớ không làm được đâu, Bill,” cô nói. “Tớ sẽ phá hỏng mọi thứ mất. Đây. Cậu cần đi.” Cô chìa ná Hềng Tâm ra nhưng Bill lắc đầu.

“Cậu *ph-ph-phải* làm, B-Beverly.”

Có tiếng chút chút trong một tủ chén khác.

Richie tiến lại đó.

“Đừng lại gần quá!” Stan la lên. “Kẻo...”

Nhưng Richie đã kịp nhìn vào trong, mặt cậu nhăn lại đầy ghê tởm. Cậu đóng cửa chặn đánh rầm, tiếng động vang khắp căn nhà trống.

“Một đàn chuột.” Richie như muốn ồm. “Đàn chuột to nhất tớ từng thấy... hay có lẽ là *bất cứ ai* từng thấy.” Cậu chà mu bàn tay lên miệng. “Có *cả trăm* con lúc nhúc trong đó.” Cậu nhìn bọn họ, một bên miệng giật giật. “Đuôi của chúng... bị cột vào nhau, Bill. Cột hết vào nhau.” Cậu nhăn mặt. “Như đàn rắn vậy.”

Mọi người nhìn cửa chặn. Tiếng chút chút bị át đi nhưng vẫn rầm rì vang lên. *Chuột*, Ben thầm nghĩ khi nhìn khuôn mặt trắng bệch của Bill và khuôn mặt xám xịt của Mike bên kia vai Bill. *Mọi người đều sợ chuột. Nó thừa biết điều đó.*

“Đ-Đ-Đi thôi,” Bill nói. “Tr-Trên đường N-N-Neibolt này kh-không thiếu tr-tr-trò vui đâu.”

Cả nhóm đi đến hành lang trước. Ở đây có mùi trộn lẫn giữa mùi thạch cao mục với nước tiểu lâu ngày. Họ có thể nhìn ra đường qua khung cửa sổ bẩn thỉu và thấy xe đạp của mình. Xe của Bev và của Ben được gặt chân chống. Xe của Bill tựa vào cây phong khẳng khiu. Ben cảm thấy mấy chiếc xe đạp dường như cách xa cậu vạn dặm, như những thứ ta nhìn qua ống nhòm ngược. Con đường vắng vẻ với lớp nhựa đường chằng chịt, bầu trời nhạt nhòa âm ẩm, tiếng đầu máy hơi nước đầu đầu kêu *dìng-dìng-dìng* ở đường ray phụ... mọi thứ như mơ, như ảo giác với cậu. Thứ có thật duy nhất lúc này là hành lang dơ dáy, hôi hám và đầy góc tối.

Trong góc có mảnh chai màu nâu - hẳn là từ vỏ chai bia Rheingold.

Ở chỗ khác lại là một cuốn tạp chí tươi mát khổ nhỏ ướt, phồng rộp. Người phụ nữ trên trang bìa uốn ẹo qua ghế, váy kéo ra sau lưng để lộ lớp tất lưới và

quần lót đen. Bức hình trông chẳng hề quyến rũ trong mắt Ben, cậu cũng không thấy ngượng khi Beverly liếc nhìn cuốn tạp chí. Hơi ẩm khiến làn da của người phụ nữ vàng khè và làm bìa sần lên tạo thành những nếp nhăn trên mặt. Cái chớp mắt đưa tình của cô này biến thành cái gằn gù của một mục điểm đã chết.

(Nhiều năm sau, khi Ben kể lại câu chuyện này, Bev chột reo lên khiến cả nhóm giật mình – họ không chỉ nghe mà đang sống lại câu chuyện ấy. “Là bà ta!” Bev hét lên. “Bà Kersh! Là bà ta!”).

Ben đang quan sát thì người phụ nữ chẳng biết trẻ hay già trên bìa cuốn tạp chí tươi mát nháy mắt với cậu. Mục ta ngoáy móng tục tĩu mời gọi.

Cả người lạnh toát dù vã mồ hôi, Ben ngoảnh mặt đi.

Bill đẩy cửa bên trái và mọi người theo cậu bước vào một căn phòng mái vòm có vẻ từng là phòng khách. Một cái quần xanh lá mục nát vắt vẻo trên chiếc đèn chùm. Giống căn hầm, Ben cảm thấy gian phòng này quá đồi rộng lớn, dài chẳng kém gì toa xe chở hàng.

Quá dài so với căn nhà nhìn bên ngoài nhỏ như lỗ mũi...

Ôi, nhưng đó là bên ngoài mà, một tiếng nói mới toanh vang lên trong đầu cậu. Giọng nói ấy bông đùa, rít ré, và Ben chờ đợi nhận ra mình đang nghe thấy giọng nói của chính Pennywise; Pennywise đang nói chuyện với cậu qua một cái đài phát thanh điện rờn rợn nào đó trong tâm trí. Bên ngoài, mọi thứ lúc nào nhìn cũng nhỏ hơn thực tế, đúng không Ben?

“Biến đi,” cậu thì thào.

Riche quay sang nhìn cậu, mặt vẫn căng thẳng và nhợt nhạt. “Cậu bảo gì kia?”

Ben lắc đầu. Tiếng nói biến mất. Đó mới là điều quan trọng, là điều tốt. Nhưng

(bên ngoài)

cậu hiểu. Căn nhà này là một nơi đặc biệt, một dạng trạm dừng, một trong những nơi ở Derry, hay có lẽ là một trong rất nhiều nơi Nó có thể tìm đường vào thế giới bên kia. Mọi thứ trong căn nhà mục nát thối hoảng này có gì đó *dị thường*. Không chỉ là nó có vẻ quá lớn, các *góc độ* cũng không chuẩn, phối cảnh điên rồ. Ben đang đứng ngay bên trong cánh cửa ngăn cách phòng khách và hành lang, thế mà mọi người đã đi trước cậu một khoảng to như công viên Bassey... nhưng dù đi xa, họ lại có vẻ *to lớn* hơn chứ không nhỏ đi. Sàn nhà như đang thoải xuống, và...

Mike quay đầu lại. “Ben!” Cậu kêu lên, Ben trông thấy vẻ lo lắng trên mặt bạn. “Mau lên! Bọn tớ đi trước bây giờ!” Cậu chẳng nghe được từ cuối. Nó xa xăm như thể mọi người đang ở trên một con tàu vun vút lao đi.

Sợ hãi trào dâng, cậu lao đầu chạy. Cánh cửa sau lưng cậu đóng sầm lại. Cậu thét lên... có thứ gì đó đã vượt qua không khí ngay sau lưng, sột soạt lên áo cậu. Nhìn ra sau nhưng cậu chẳng thấy gì. Song đi đầu đó không khiến cậu thay đổi suy nghĩ, chắc chắn ban nãy vừa có gì đó.

Cậu bắt kịp mọi người. Hông học thở không ra hơi, cậu dám thề mình đã chạy ít nhất tám trăm mét... nhưng khi nhìn lại, cậu thấy bức tường đằng xa của phòng khách cách chưa đến ba mét.

Mike chộp lấy vai cậu chặt đến phát đau.

“Cậu làm tớ hết hồn đấy,” cậu nói. Richie, Stan và Eddie nhìn Mike khó hiểu. “Trông cậu ấy *nhỏ* lắm,” Mike giải thích. “Như thể cách cả cây số vậy.”

“Bill!”

Bill quay lại.

“Bọn mình phải đảm bảo mọi người đi sát nhau, Ben hỗn hển nói. “Nơi này... giống nhà cưỡi trong lễ hội vậy. Bọn mình sẽ bị lạc mất. Tớ nghĩ Nó muốn bọn mình đi lạc, tan đàn xẻ nghé.”

Bill nhìn cậu một lúc, môi mím chặt. “Được rồi,” cậu nói. “C-Cả bọn đi s-s-

sát nhau nhé. Không ai t-t-tụt lại.”

Mọi người gật đầu đáp lại, sợ hãi, túm tụm đứng ngoài cửa hành lang. Tay của Stan mân mê cuốn sách về các loài chim nhét trong túi sau. Eddie nắm ống thở trong tay, hết siết chặt rồi lại thả ra như một gã bún thiêu bốn trăm ki-lô cô tập lên cơ bằng quả bóng tennis.

Bill mở cửa, một hành lang hẹp hơn lại xuất hiện. Giấy dán hình hoa hồng và yêu tinh đội mũ xanh bong tróc thành từng dải ẩm ướt trên bức tường vừa xộp. Vết nước vàng khè loang thành vòng trên trần. Ánh sáng mờ đục xuyên qua ô cửa sổ cầu thang ở cuối hành lang.

Bất thành hình, hành lang chột dài ra. Trần nhà cao lên và càng lúc càng xa như một thứ hỏa tiễn kỳ dị. Cánh cửa giãn ra cùng trần nhà, vùn vụt kéo dài như kẹo. Gương mặt của những yêu tinh dài ra, trở nên dị dạng như người ngoài hành tinh, đôi mắt như hai lỗ đen chảy máu.

Stan ré lên và đưa tay bưng mắt.

“*N-N-Nó không c-c-có th-th-thật!*” Bill thét lên.

“Có!” Stan gào lên, cậu nắm chặt tay che mắt. “Nó có thật, cậu thừa biết đi đâu đó mà, Chúa ơi, tớ điên mất, chuyện này thật điên rồ, thật điên rồ hết sức...”

“Nh-Nh-Nhìn đây!” Bill gào lên với Stan, với tất cả mọi người, và Ben, lúc này đầu óc vẫn quay cuồng, nhìn Bill khom người, lấy thế rồi chột nhảy vọt lên. Tay trái siết thành nắm đấm của cậu chẳng đụng vào thứ gì, nhưng lại có một tiếng *crắc!* rất lớn vang lên. Bụi thạch cao lả tả phụt ra từ một nơi trước đó chẳng có trần nhà... nhưng giờ lại có. Hành lang chột trở lại như cũ, hẹp, trần thấp và bẩn thỉu. Nhưng bức tường không dâng cao đến vô tận nữa. Chỉ có Bill đứng đó, nhìn mọi người, xoa xoa bàn tay đang chảy máu, trắng trắng bột thạch cao. Phía trên còn vương lại rất rõ dấu vết nắm đấm của cậu để lại trên mặt thạch cao mềm của trần nhà.

“Kh-Kh-Không có th-th-thật,” cậu nói với Stan cũng như với tất cả mọi người. “Chỉ là c-c-cảnh giả mà thôi. Giống m-m-mặt n-n-nạ H-H-H-Halloween ấy.”

“*Với cậu thì thế.*” Stan thần thờ. Trong khuôn mặt cậu sốc và kinh hãi tột độ. Cậu nhìn quanh quất như thể không dám chắc mình đang ở đâu. Mới ban nãy còn mừng như bắt được vàng trước thành công của Bill, thì lúc này, khi nhìn Stan, ngửi thứ mùi chua lè phả ra từ lỗ chân lông, Ben lại cảm thấy sợ hãi xâm chiếm mình. Stan sắp sửa đến hạn chịu đựng rồi. Chẳng mấy chốc sau, cậu ấy sẽ phát điên và có khi sẽ la hét ồm ồm ấy chứ, rồi đi đâu gì sẽ xảy ra?

“*Với cậu thôi,*” Stan lặp lại. “Nhưng nếu tớ thử, sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Vì... cậu còn có em trai, Bill ạ, chứ tớ chẳng có gì.” Cậu nhìn quanh - đầu tiên nhìn về phía phòng khách mang bầu không khí nâu u ám, dày đặc và mịt mù đến độ họ chẳng tài nào nhìn thấy bên kia cánh cửa mà ban nãy họ vừa đi qua để bước vào hành lang này, sáng sủa nhưng lại có gì đó tối tăm, bẩn thỉu và điên rồ đến cùng cực. Yêu tinh nhảy múa trên giấy dán tường bong tróc dưới những đường hoa hồng. Ánh mặt trời chiếu xuống khung cửa sổ ở cuối hành lang, và Ben biết nếu họ đi đến đó, họ sẽ trông thấy ruồi chết... thấy kính vỡ... và thấy gì nữa nhỉ? Thấy sàn nhà tách ra khiến họ rơi vào bóng tối chết chóc, nơi những ngón tay đang vươn lên chờ chụp lấy? Stan nói đúng, Chúa ơi, tại sao họ lại đưa đầu vào hang ổ của Nó mà chẳng trang bị gì ngoài hai viên bi bạc ngu ngốc và cái ná cao su chết toi?

Cậu trông thấy cơn hoảng sợ của Stan truyền từ người này sang người khác - như ngọn lửa phừng phừng lan ra trong cơn gió nóng nực, nó khiến mắt của Eddie trợn trừng, mồm của Bev há hốc, khiến Richie đưa cả hai tay đẩy kính và chăm chăm nhìn quanh như thể có hồn ma bóng quế theo sát sau lưng.

Cả bọn run lẩy bẩy, chực co giò chạy, quên băng lời Bill cảnh báo lúc nào cũng phải ở cạnh nhau. Họ đang nghe thấy tiếng gió của hoảng loạn phần phật

quất giữa hai tai. Tựa như giấc mơ, Ben nghe thấy tiếng cô Davies, trợ lý thủ thư đang đọc truyện cho đám trẻ nhỏ: *Kẻ nào bước đi kèn kẹt trên cầu của ta?* Và cậu thấy những đứa trẻ bé xiu rướn người tới trước, khuôn mặt nín thở, nghiêm trang, đôi mắt ánh lên sự thích thú muôn thuở mà truyện cổ tích đem lại: liệu con quái vật có bị đánh bại... hay Nó sẽ ăn thịt đàn dê?

“Tớ chẳng có gì cả!” Stan Uris gào lên, trông cậu nhỏ bé làm sao, nhỏ đến độ cậu có thể lách qua khe hở trên mặt sàn gỗ như một bức thư hình người. “Cậu còn có em trai, chứ tớ *chẳng* có gì.”

“Cậu c-c-c-có!” Bill hét lên đáp trả. Cậu chớp lấy Stan và Ben dám chắc cậu ấy sẽ đâm Stan. Suy nghĩ của cậu bấn loạn trong đầu, *Đừng, Bill, tớ xin cậu, Henry mới làm trò đó, nếu cậu làm vậy, Nó sẽ giết chúng ta ngay tức khắc!*

Nhưng Bill không đâm Stan. Cậu thô bạo xoay người bạn mình lại rồi giật cuốn sách từ túi sau quần của Stan.

“Đưa nó cho tớ!” Stan hét lên và bắt đầu rơi nước mắt. Mọi người đứng ngây ra, né tránh Bill, né tránh cậu bạn với đôi mắt lúc này bùng bùng như lửa đốt. Trán cậu sáng lóa như ngọn đèn, và cậu đưa cuốn sách cho Stan như vị mục sư chìa cây thánh giá để đuổi ma cà rồng.

“*Cậu c-c-có những loài ch-ch-ch-ch...*”

Cậu ngẩng đầu lên, gân cổ nổi rần rần, quả khế như mũi tên nện trong họng. Ben thấy mà vừa sợ vừa thương hại người bạn Bill Denbrough của mình, nhưng ngoài ra, trong lòng cậu còn trào dâng một cảm xúc nhẹ nhõm tuyệt vời. Cậu đã bao giờ nghi ngờ Bill chưa nhỉ? Có bất cứ ai trong số họ nghi ngờ chưa? *Ôi, Bill ơi, cậu nói đi, tớ xin cậu, cậu không thể nói sao?*

Và bằng cách nào đó, Bill đã cất được thành lời. “*Cậu có những LOÀI CH-CH-CH-CHIM! Có những CON CH-CH-CHIM kia!*”

Cậu dí cuốn sách vào Stan. Stan cằm lấy, ngây ngô nhìn Bill. Những giọt lệ lấp lánh trên hai má cậu. Cậu giữ cuốn sách chặt đến độ những ngón tay trắng

bệch. Bill nhìn bạn rồi nhìn mọi người.

“Đ-Đ-Đi thôi,” cậu nói lần nữa.

“Liệu những con chim có tác dụng không?” Stan hỏi. Giọng cậu trầm đục.

“Chúng đã có tác dụng lúc ở Standpipe đúng không?” Bev hỏi. Stan nhìn cô băn khoăn.

Richie vỗ vai bạn. “Đi thôi, nhóc Stan,” cậu nói. “Cậu là nam nhi đại trượng phu hay con chuột nhất?”

“Tớ phải là nam nhi,” Stan run rẩy nói, dùng mu bàn tay trái quạt nước mắt trên mặt. “Theo như tớ biết, chuột không bình ra quẩn.”

Mọi người phá ra cười, và Ben dám thề cậu cảm thấy căn nhà dạt khỏi bọn cậu, khỏi tiếng cười ấy. Mike quay đầu. “Căn phòng thênh thang mà bọn mình vừa đi qua ban nãy. Nhìn kìa!”

Cả nhóm nhìn theo. Phòng khách hiện giờ gần như tối đen. Không phải do khói hay bất cứ dạng khí gì, chỉ có một màn đêm thăm thẳm, một màn đêm đặc quánh. Không khí đã bị cướp đi ánh sáng. Khi họ đưa mắt nhìn, bóng đêm dường như cuộn trào, vẩn vù, đặc lại thành những khuôn mặt.

“Đ-Đ-Đi thôi.”

Họ quay lưng với màn đêm và bước dọc hành lang. Hành lang có ba cánh cửa, hai cánh có tay nắm bằng sứ trắng cầu bản, cánh cửa thứ ba chỉ có một cái lỗ ngày trước từng gắn tay nắm. Bill xoay tay nắm thứ nhất rồi đẩy cửa mở. Bev chen lên đứng cạnh cậu, giờ ná Hòng Tâm lên.

Ben lùi lại, cậu biết mọi người cũng hành động tương tự, nấp sau lưng Bill như những chú chim sợ hãi. Cửa dẫn vào căn phòng ngủ, trống trơn, chỉ có tấm nệm nhem nhuốc. Lò xo gỉ sét của chiếc giường in hằn vào lớp nệm vàng khè. Bên ngoài ô cửa sổ duy nhất của căn phòng, hoa hướng dương đang rung rinh gật gù.

“Chẳng có gì...” Bill lên tiếng, đúng lúc ấy, tấm nệm bắt đầu phập phồng lên xuống theo nhịp điệu. Bất thành linh, nó toạc ra ngay chính giữa. Một thứ dịch dính dính đen đúa bắt đầu trào ra, nhuộm đen tấm nệm rồi chảy xuống sàn về phía cánh cửa. Nó chảy thành những sợi dài tua tủa.

“Đóng cửa lại, Bill!” Richie hét lên. “Đóng cửa lại mau!”

Bill đóng sập cửa lại, nhìn mọi người rồi gật đầu. “Đi thôi.” Cậu còn chưa chạm vào tay nắm của cánh cửa thứ hai – cánh cửa này nằm bên tường đối diện của hành lang hẹp – khi tiếng thét u u vang lên đằng sau cánh cửa rề rề.

9

Đến cả Bill cũng phải rụt lại trước tiếng rít ré không phải của con người ấy. Ben cảm thấy âm thanh này sẽ khiến cậu phát điên mất; tâm trí cậu tưởng tượng hình ảnh một con dế khổng lồ đằng sau cánh cửa, như trong bộ phim với bối cảnh phóng xạ khiến những con bọ trở nên to tướng- *Khởi đầu của Kết thúc* hay *Bọ cạp Đen* chẳng hạn, hoặc bộ phim về đàn kiến trong cống thoát nước Los Angeles. Cậu còn lâu mới chạy nổi nếu nổi kinh hoàng kêu u u ấy đập nát cánh cửa và bắt đầu vuốt ve cậu bằng những cái chân to tướng đầy lông lá. Cậu lơ mơ nhận ra đứng bên cạnh mình, Eddie đang thở hổn hển nặng nề.

Tiếng thét cứ rít lên điếc cả tai, u u, rúc rúc như tiếng côn trùng. Bill lùi ra sau một bước, mặt cắt không còn một giọt máu, mắt tròn tròn, môi chỉ còn là đường màu tím bên dưới mũi.

“Bắn nó đi, Beverly!” Ben bất giác gào lên. “Bắn nó xuyên qua cửa, bắn đi trước khi nó nhào ra về chúng ta!” Ánh mặt trời chiếu rọi qua khung cửa sổ cái bản cuối hành lang, phủ xuống hơi nóng nặng nề.

Beverly giờ ná Hềng Tâm như một cô gái trong giấc chiêm bao giữa tiếng thét cứ mỗi lúc một to...

Nhưng trước khi cô kịp kéo nó ra sau, Mike la lên: “Đừng! Đừng! Bev! Ôi Chúa ơi! Tưởng gì!” Và lạ chưa, Mike đang phá ra cười. Cậu tiến tới trước, xoay tay nắm mở cửa ra. Cửa kêu cọt két do thanh rìu bị cong rìu bật mở. “Là còi nai sừng! Chỉ là còi nai sừng thôi, để đuổi lũ quạ đi ấy mà!”

Căn phòng trống trơn. Trên sàn là lon Sterno bị cất ở cả hai đầu. Ở giữa có một đoạn dây bôi sáp ong được cột chặt và thắt nút bên ngoài những cái lỗ đục quanh thân lon. Dù trong phòng không có gió – cửa sổ duy nhất đóng kín và che chắn bằng các thanh gỗ, chỉ cho những tia sáng mỏng manh hắt qua – nhưng không nghi ngờ gì nữa, tiếng u u vang lên từ cái lon.

Mike bước thẳng đến chỗ lon và đá nó thật dứt khoát. Tiếng u u ngưng bật khi cái lon văng vào góc phòng.

“Còi nai sừng tấm ấy mà,” cậu giải thích với mọi người như thể đang xin lỗi. “Nhà tớ hay treo nó lên bù nhìn rơm. Chẳng có gì đâu. Dăm ba cái trò vặt. Nhưng bọn mình có phải quạ đâu mà dọa.” Cậu nhìn Bill, tuy không cười thành tiếng nữa, song nụ cười vẫn vương trên môi cậu. “Tớ vẫn sợ Nó - tớ đoán bọn mình đều vậy – nhưng Nó cũng sợ bọn mình. Nói thật với cậu, tớ nghĩ Nó sợ bọn mình ra phết.”

Bill gật đầu. “T-Tớ cũng nghĩ vậy,” cậu đồng tình.

Cả nhóm đi về phía cánh cửa ở cuối hành lang, và khi nhìn Bill móc ngón tay qua cái lỗ là vị trí của tay nắm cửa, Ben hiểu mọi chuyện chỉ dừng lại ở đây; đằng sau cánh cửa ấy sẽ không có trò gì nữa. Thứ mùi kia càng lúc càng nồng nặc, và cảm giác bần chần trong dạ dày khi hai thế lực không đội trời chung đang xoay vần quanh họ càng lúc càng mạnh lên. Cậu liếc nhìn Eddie một tay bó bột, tay thuận nắm chặt ống thở. Cậu nhìn Bev đứng cạnh mình, mặt trắng bệch, nắm ná cao su như người ta nắm xương đòn của chim để cài may. Cậu thầm nghĩ: *Nếu chúng ta phải chạy, tớ sẽ tìm cách bảo vệ cậu, Beverly ạ. Tớ sẽ làm bằng mọi cách.*

Đường như cô nghe thấy suy nghĩ của cậu, bởi cô quay sang nhìn cậu và nở nụ cười căng thẳng. Ben cười đáp lại.

Bill kéo mở cửa. Bản lề cửa kẹt kẹt rồi im lặng. Căn phòng này là phòng tắm... nhưng có gì đó thật dị thường. *Ai đó đã đập đồ trong này là suy nghĩ đầu tiên xuất hiện trong đầu Ben. Đây không phải vỏ chai bia... mà là gì nhỉ?*

Những mảnh vỡ trắng lấp lánh đến rợn người rải rác khắp phòng. Và rồi cậu chợt vỡ lẽ. Đúng là đỉnh cao của dở hơi. Cậu phá lên cười. Richie cũng cười theo.

“Chắc có người đã đánh bom hạng nặng ở đây,” Eddie nói, và Mike khúc khích cười, gật gù. Stan cũng khẽ mỉm cười. Chỉ có Bill và Beverly là nghiêm mặt.

Hóa ra những mảnh vỡ trắng vương vãi khắp phòng là mảnh sứ. Bồn cầu đã nổ tung. Két nước nghiêng ngả trong vũng nước, không rơi úp chụp nhờ bồn cầu được lắp ở một góc phòng và két nước chỉ bị chệch đi.

Cả bọn túm tụm phía sau Bill và Beverly, chân nghiêng răng rắc trên những mảnh sứ. *Không biết là gì nhưng có thứ đã khiến bồn cầu này vỡ tan thành nghìn mảnh*, Ben thầm nghĩ. Cậu mừng tượng cảnh Henry Bowers thả hai hay ba viên pháo M-80 vào bồn cầu, đóng nắp bồn lại rồi hối hả chạy ra ngoài. Còn không thì cậu chẳng tài nào hình dung nổi thứ gì có sức công phá ghê gớm đến vậy ngoại trừ thuốc nổ. Có dăm ba mảnh vỡ lớn nhưng rất ít: hầu hết là những mảnh vụn đến rợn người như phi tiêu phóng ra từ ống xì đờng. Giấy dán tường quanh phòng (cũng có họa tiết hình hoa hồng và yêu tinh đang nhảy múa dọc hành lang) thùng như tổ đĩa. Trông nó như bị xori kẹo đờng, nhưng Ben biết nguyên nhân là vì những mảnh sứ găm vào tường dưới lực công phá của vụ nổ.

Trong phòng có một bồn tắm đứng trên chân chống uốn éo với tầng tầng lớp lớp cấu ghét đóng giữa những thanh chống cùn lùn. Ben nhìn vào trong và

trông thấy lớp cặn đóng dưới đáy. Vòi sen gỉ sét tro tro cắm bên trên. Có bồn rửa mặt và bên trên là học đựng thuốc để ngỏ, cho thấy những ngăn kệ trống hoác bên trong. Có những vòng gỉ nho nhỏ trên kệ, chỗ từng đặt chai lọ.

“Đừng đại gì mà đến gần, Bill To Bự!” Nghe thấy Richie lên tiếng cảnh báo, Ben nhìn quanh.

Bill đang bước đến miệng cống thoát nước trên sàn, vị trí của bồn cầu ngày trước. Cậu nhào người về phía cống... đoạn quay lại nói với các bạn.

“Tớ có thể nghe-nghe-nghe thấy tiếng m-m-máy b-bơm... giống như ở V-V-Vùng Đất Cằn!”

Bev tiến lại gần Bill. Ben bước theo cô và phải, cậu cũng có thể nghe thấy, âm thanh thành thịch đều đặn. Có đi đâu, khi âm vang qua ống, tiếng động này không phải của máy móc mà là của một sinh vật sống.

“Nó đi-đi-đến từ-ch-chỗ n-n-này,” Bill nói. Mặt cậu vẫn trắng bệch như chết, nhưng mắt cậu ánh lên niềm thích thú. “Ng-Ng Ngày hôm ấy, Nó đã xuất hiện từ ch-chỗ này, và đây là nơi nó l-l-luôn x-x-xuất hiện! Từ những c-c-cái c-cống!”

Richie gật gù. “Lúc ấy bọn mình ở trong hầm, nhưng Nó không có mặt ở đó sẵn mà đi xuống cầu thang. Vì đây là nơi Nó chui ra.”

“Và Nó là kẻ gây ra *cảnh tượng* này?” Beverly hỏi.

“Tớ đoán ch-chắc N-Nó đang v-v-vội,” Bill trầm ngâm nói.

Ben nhìn vào trong ống cống. Đường kính của nó chưa tới một mét và tối đen như hũ nút. Mặt sứ bên trong của ống bám một lớp mà cậu không muốn biết là gì. Tiếng động thành thịch ấy cứ vẳng lên như thôi miên... và bất thành linh, cậu trông thấy thứ gì đó. Ban đầu, cậu không thấy bằng đôi mắt bình thường của mình mà bằng một nhãn quang sâu trong tâm trí.

Nó đang lao về phía họ, chuyển động vùn vụt như tàu tốc hành, ào ào dâng lên trong miệng cống tối tăm này; Nó đang ở hình dạng riêng của Nó, dù cậu

không rõ hình dạng ấy là gì, nhưng rồi khi chui ra tại đây, Nó sẽ lấy vẻ ngoài là một thứ gì đó trong tâm trí bọn họ. Nó đang đến rồi, vun vút chạy trong những đường ống dẫn thủy và những hang động tối đen dưới lòng đất, mắt Nó ánh lên thứ màu xanh càng cuồng dại, càng lúc, càng lúc càng gần; Nó đang đến rồi kìa.

Rồi cậu trông thấy mắt của Nó từ trong bóng tối, ban đầu chỉ là những ánh sáng lóe lên. Chúng cô đọng thành hình – rực lửa và hiểm ác. Lọt giữa những tiếng thành thịch đầu đầu như tiếng máy, Bạn có thể nghe thấy một âm thanh mới – Uuuuuuuuu... Thứ mùi hôi thối xộc lên từ miệng cống lờm chờm khiến cậu bật ngửa ra sau, ho sù sụ và nôn ọe.

“Nó đang đến!” Cậu thét lên. “Bill ơi, tớ thấy nó rồi, Nó đang đến!”

Beverly đưa ná Hờng Tâm lên cao. “Tốt,” cô nói.

Thứ gì đó vương tung tóe ra ngoài ống cống. Sau này, khi có hình dung lại lần đối mặt đầu tiên với Nó, Ben chỉ nhớ một hình dạng màu cam ánh bạc xuất hiện. Nó không nửa thực nửa hư; hình dạng ấy rất chắc chắn, và cậu cảm nhận được đằng sau có một hình dạng khác, thứ hình dạng thực sự, tối thượng... nhưng khi đó, đôi mắt phàm trần của cậu chưa thể nắm bắt chính xác cảnh tượng mình đang thấy.

Richie loạng choạng lùi lại phía sau, mặt đầy khiếp đảm, cậu rống lên kinh hãi: “Là Người sói, Bill! Nó là Người sói! Người sói Thiếu niên!” Bất thành linh, hình dạng ấy cô đặc thành nhân hình dưới mắt Ben và dưới mắt tất cả mọi người. Phiên bản Nó mà Richie trông thấy đã biến thành Nó mà họ trông thấy.

Người sói gằn gù đứng ngay ống cống, một bàn chân lông lá đạp lên vị trí từng là bồn cầu. Đôi mắt xanh rực giữa khuôn mặt quái vật của Nó long lên nhìn mọi người. Mồm Nó nhả lại, thứ bọt màu trắng vàng chảy ra từ giữa hai hàm răng. Nó gằn lên một tiếng kinh thiên động địa. Tay nó vươn ra, nhào đến

chỗ Beverly, cô tay chiếc áo khoác đồng phục trường kéo lên, để lộ cánh tay phủ đầy lông. Nó phả ra thứ mùi nồng rục, gớm ghiếc và sặc sụa sát khí.

Beverly thét lên. Ben chớp lấy vật sau chiếc áo cánh của cô, giật mạnh đến độ đường may dưới tay toạc ra. Móng vuốt vọt qua khoảng không mới một khắc trước đó có sự hiện diện của cô. Beverly lao đảo lùi về phía bức tường. Viên bi bạc văng khỏi cốc đựng của ná Hồng Tâm. Nó lấp lánh ánh lên trong không gian. Nhanh như cắt, Mike chớp lấy viên đạn và đưa lại nó cho cô.

“Bắn nó đi, bạn thân yêu,” cậu nói. Giọng cậu bình tĩnh đến vô ngần; lặng như mặt nước. “Cậu bắn nó ngay đi!”

Người sói gào lên chát chúa khiến ai nấy đầu cứng đờ, mồm của Nó hướng lên trần nhà.

Tiếng tru chuyển thành tiếng cười. Nó nhào đến chỗ Bill lúc Bill quay sang nhìn Beverly. Ben kịp đẩy cậu sang một bên làm Bill ngã lăn xuống đất.

“*Bắn Nó đi, Bev!*” Richie thét lên. “*Vì Chúa, bắn Nó đi!*”

Người sói lao như điên về phía trước, cả ngày ấy và sau này, trong tâm trí, Ben hiểu Nó biết chính xác ai là kẻ đứng đầu trong nhóm. Nó chỉ nhắm vào Bill. Beverly kéo ná bắn đạn. Viên đạn bạc bay trong không trung, trượt mục tiêu nhưng lần này nó không bay vòng lại theo đường cong để cứu mạng cả đám. Nó chệch những ba mươi phân, đâm thủng một lỗ giấy dán tường phía trên bồn tắm. Hai tay dính đầy sứt vỡ và chảy máu phải đến chục chỗ, Bill thét lên chửi rủa.

Người Sói lừ lừ quay đầu nhìn quanh; đôi mắt xanh của nó long lên sòng sọc xoáy vào Beverly. Không kịp nghĩ ngợi gì, Ben bước ra chắn trước mặt cô lúc cô mò mẫm trong túi tìm viên đạn bạc còn lại. Quần jean cô mặc bó quá. Cô mặc mà chẳng nghĩ ngợi gì nhiều, nó cũng giống quần đùi cô mặc vào cái ngày xảy ra vụ Patrick Hockstetter và cái tủ lạnh, quần áo của cô đều là mẫu của năm ngoái. Ngón tay cô chạm vào viên đạn nhưng nó lại vượt qua tay. Mò

mắm mãi cô mới chộp được. Lộn túi ngược ra ngoài để lấy viên đạn, cô làm rớt mười bốn xu, hai cuống vé phim Aladdin và vụn vải đóng trong túi lên sàn.

Người sói nhào về phía Ben khi ấy đang đứng ngay phía trước bảo vệ Beverly... nhưng chần mất tầm bắn của cô. Đầu Nó khể nghiêng một góc đặc trưng của con thú săn mồi, hai hàm răng canh cách phập vào nhau. Ben nhắm mắt nhắm mũi lao về phía Nó. Lúc này trong hành động của cậu không có chỗ cho hoảng sợ – thay vào đó, cậu cảm nhận được cơn phẫn nộ khiến cậu sáng suốt đến lạ thường, pha trộn sự ngạc nhiên và một cảm giác bằng cách nào đó, thời gian đã ngưng đọng lại. Cậu thọc tay vào lớp lông xù xì cứng quèo của nó – *lớp da đây rồi*, cậu nghĩ, *mình đã nắm được da Nó* – và cậu có thể cảm nhận phần xương sọ vững chắc bên dưới. Cậu dồn toàn bộ sức bình sinh thụi vào cái đầu sói của Nó, nhưng dù cậu to con và mập mạp đến thế, cú đánh của cậu cũng như châu chấu đá xe. May sao, cậu loạng choạng bật ra sau, đập vào tường, nếu không, thứ quái vật kia đã ngoạm răng cắn nát cổ họng cậu.

Nó đuổi theo cậu, đôi mắt vàng xanh lóe lên. Nó gặm gù theo từng nhịp thở. Người Nó nùng nặc mùi cống rãnh và một thứ mùi nữa, man di mọi rợ, khó ngửi như mùi quả phỉ ung. Thấy Nó giơ cánh tay lực lưỡng lên, Ben vội vàng trượt sang bên cạnh nhanh nhất có thể. Bàn tay với những móng vuốt khổng lồ cào thành những vết rạch nát bầy trên giấy dán tường và cắm sâu đến tận lớp thạch cao bở toẹt bên dưới. Cậu lơ mơ nghe thấy Richie gào lên, Eddie hối thúc Beverly bắn Nó đi, bắn Nó mau đi. Song Beverly chưa bắn. Đây là cơ hội duy nhất còn sót lại dành cho cô. Nhưng không thành vấn đề, cô sẽ biến cơ hội này thành cơ hội duy nhất cô cần. Một cảm giác lạnh toát, thông suốt cô chưa từng chứng kiến trong đời bao phủ tầm nhìn. Trước mắt cô, mọi thứ nổi bật và rõ đến từng chi tiết, đó là lần duy nhất cô được mục kích thực tại ba chiều sắc sảo đến thế. Cô bao quát trong tầm mắt từng màu sắc, từng góc độ, từng khoảng cách. Sự hãi tan biến. Cô cảm nhận sự sôi trong lòng mình nổi khao khát đến thời khắc chín muồi và toàn mỹ đang dần thành hình. Mạch của

cô chậm lại. Nếu ban nãy, cô hoảng sợ, lấy bấy cầm rịt lấy ná H ồng Tâm thì giờ đây, cô thả lỏng, r ỗ siết chặt tay, hài hòa. Cô hít một hơi thật sâu. Có cảm tưởng phổi mình sẽ không bao giờ căng đ ầy. Cô lờ mờ nghe thấy tiếng lục bụi vang lên. Bất kể tiếng động ấy là gì cũng chẳng quan trọng. Cô quay sang trái, kiên nhẫn đợi cái đ ầu không tưởng của Người sói hoàn toàn lọt vào tầm ngắm chạc ba, ngay giữa chữ V tạo ra từ dây cao su kéo ngược v ềsau.

Móng vuốt của Người sói lại bổ xuống. Ben rút người tìm cách né tránh... nhưng trong nháy mắt, cậu đã nằm gọn trong tầm tay của Nó. Nó lẳng cậu tới trước như thể cậu chỉ là con búp bê giẻ rách. Hàm răng của Nó há to.

“Đồ khốn...”

Cậu thọc ngón tay cái vào một bên mắt của Nó. Nó g ầm lên vì đau, móng vuốt táp xuống, cào rách áo cậu. Ben hóp bụng hết cỡ, nhưng móng vuốt của con quái vật đã kịp cào một đường đau đến lịm người dọc ngực và bụng cậu. Máu chảy xối xả, tuôn xuống quầ, xuống giày và xuống mặt đất. Người sói ném cậu vào b ền tắm. Đ ầu cậu đập xuống, đau nổ đom đóm mắt, chặt vật dựng người dậy và nhận ra bụng mình là bể máu.

Người sói xoay người lại. Ben quan sát, rõ đến điên rồ rằng Nó đang mặc quầ jean Levi Strauss bạc màu. Đường chỉ đã bụi hết cả. Một cái khăn rằn màu đỏ đ ầy cáu ghét, loại khăn nhân viên tàu hỏa hay mang, nhét ở túi sau. Lưng áo khoác đ ồng phục màu bạc và cam mà Nó đang mặc ghi dòng chữ HỘI GIẾT CHÓC TRƯỜNG Trung học Derry. Bên dưới ghi cái tên PENNYWISE và ở giữa là con số 13.

Nó tiếp tục nhắm vào Bill mà lao tới. Lúc này, cậu đã đứng dậy, lưng tựa vào tường, nhìn Nó không rời mắt.

“Bắn nó đi, Beverly!” Richie lại gào lên.

“Bíp bíp, Richie,” cô nghe thấy lời đáp của mình thốt lên từ cách đó cả vạn dặm. Ngay khoảnh khắc ấy, thủ cấp của Người sói rơi vào đúng ngay chạc ba.

Cô kéo cốc chứa viên đạn che khuất một bên mắt xanh của Nó rồi buông tay. Tay không chút run rẩy, cô bắn mướt mà và tự nhiên như lúc cô bắn lon ở bãi rác vào cái ngày họ thay phiên nhau xem ai là xạ thủ bách phát bách trúng nhất.

Trong một giây, Ben đã thầm nghĩ, *Ôi Beverly ơi, nếu lần này cậu mà trượt thì cả đám đi đòi nhà ma, mà tớ không muốn chết trong cái bồn tắm bẩn thỉu này đâu, nhưng tớ không thoát ra được.* Tuy nhiên, cô bắn trúng đích. Bất chợt một con mắt tròn xoe – không phải màu xanh mà là màu đen chết chóc – xuất hiện ngay gần giữa mõm Nó: cô nhắm đến mắt phải của Nó và chệch chỉ một phân.

Tiếng gào thét đầy bất ngờ, đau đớn, sợ hãi và phẫn nộ, giống y con người vang lên chát chúa. Tai của Ben lùng búng trước âm thanh ấy. Và rồi cái lỗ tròn xoe trên mõm Nó bị che khuất bởi máu trào ra. Máu tươi không chảy từ từ mà ồng ộc phun ra dưới áp suất cao. Máu bắn như mưa lên mặt Bill và tóc cậu. *Cũng không sao, Ben hoảng loạn nghĩ thầm. Đừng lo, Bill ơi. Khi bọn mình thoát khỏi đây, đằng nào cũng chẳng có ai thấy máu me trên người cậu đâu. Ấy là nếu mình thoát được.*

Bill và Beverly tiến về phía Người sói, đằng sau họ, Richie kích động gào lên: “Bắn Nó nữa đi, Beverly! Giết chết Nó đi!”

“Giết Nó đi!” Mike hét to.

“Phải, giết chết Nó đi!” Eddie phụ họa.

“*Kết liễu Nó!*” Bill gào lên, miệng cậu nhếch xuống, đầu cúi run rẩy. Trên tóc cậu dính những vết bụi thạch cao vàng trắng. “*Giết Nó đi, Beverly, đừng để Nó thoát!*”

Còn đạn đâu mà bắn, Ben lơ mơ nghĩ trong đầu, *bọn mình bắn hết rồi. Các cậu đang nói gì vậy, sao mà giết Nó được?* Nhưng khi nhìn Beverly, cậu chợt vỡ lẽ. Nếu trước phút giây ấy, trái tim cậu chưa bao giờ hòa cùng nhịp đập với cô, thì lúc này đây, hai trái tim như đồng điệu. Cô lại kéo ná cao su ra sau.

Những ngón tay của cô khum quanh cốc, giấu đi việc nó rỗng không.

“Giết Nó đi!” Ben thét lên, vụng về bước qua thành bồn tắm. Quần jean và cả quần lót của cậu sưng máu, bết vào da. Cậu không rõ mình có bị thương nặng hay không. Sau khoảnh khắc rât bỗng ban nãy, cậu không cảm thấy quá đau, chỉ biết máu tuôn ra rất nhiều.

Đôi mắt xanh của Người sói đảo như rang lạc quanh cả nhóm, lúc này ánh nhìn của Nó bắn khoăn và đau đớn. Máu ào ào tuôn thành dòng xuống mặt trước áo khoác mà Nó đang mặc.

Bill Denbrough mỉm cười. Một nụ cười nhẹ nhàng, khôi ngô... nhưng mắt cậu không mấy may cười. “Có trách thì trách bản thân mày dám đụng vào em trai tao,” cậu nói. “Tổng tiền thứ khốn kiếp này xuống địa ngục đi, Beverly.”

Bắn khoăn vụt tắt khỏi mắt con quái vật – Nó tin là thật. Thoăn thoắt như một con rắn, Nó quay người chui tọt xuống cống. Nó biến dạng theo từng bước chân. Chiếc áo khoác trường Trung học Derry mà nó mặc chảy xệ lên da, màu sắc cũng phai dần. Hộp sọ của Nó kéo dài ra như thể làm từ sáp, và lúc này, sáp đang mềm dần, nhão nhoét. Nó biến tướng. Trong một khắc, Ben cảm thấy cậu suýt chút nữa đã nhìn thấy hình dạng thật sự của Nó, tim cậu đông cứng trong lồng ngực còn mềm chỉ biết há hốc.

“*Tao sẽ giết sạch chúng mày!*” Giọng nói gằn lên bên trong ống cống. Giọng nói trầm đặc, man rợ, chẳng giống tiếng người chút nào. “*Giết sạch chúng mày... giết sạch... giết sạch...*” Tiếng nói âm vang rồi nhạt nhòa dần, tan biến, càng lúc càng xa xăm... và cuối cùng, nó hòa vào tiếng máy bơm trầm lắng vắng vắng qua cống.

Căn nhà như trở lại vẻ bình thường sau một tiếng thịch nặng nề, với trần số dưới mức nghe được. Nhưng Ben nhận ra căn nhà không chỉ yên ắng trở lại, mà bằng cách kỳ lạ nào đó, nó đang *co rúm* lại, trở về với kích thước vốn có. Bất kể Nó dùng bùa phép gì để khiến căn nhà số 29 đường Neibolt to hơn, lúc

này đây, ma thuật ấy đã biến mất. Căn nhà vụt trở lại trạng thái bình thường như sợi dây thun. Nó chỉ còn là ngôi nhà đầy mùi ẩm mốc, thoảng mùi thối rữa, trống trải, nơi những kẻ nát rượu, lang thang thỉnh thoảng tạt vào bù khú, nói chuyện và tá túc qua cơn mưa.

Nó đã rút lui.

Sau màn đăng đàn của Nó, tĩnh lặng sao thật âm vang.

10

“B-B-Bọn mình ph-phải r-r-ra kh-kh-khỏi ch-chỗ này thôi,” Bill lên tiếng. Bước đến chỗ Ben đang gượng đứng dậy, cậu chộp lấy hai tay bạn mình đang chìa ra. Lúc ấy, Beverly đứng gần cống thoát nước. Cô nhìn xuống mình, sự lạnh lẽo đó loáng cái đã nhạt phai khiến da cô ấm áp trở lại. Hẳn cô đã thở một hơi rất sâu. Hóa ra tiếng lục đục ban nãy là tiếng nút áo của cô. Chúng bị bung hết cả. Áo cô phanh ra, để lộ khoảng ngực mới nhú. Cô vội vàng kéo áo lại.

“R-R-Richie ơi,” Bill nói. “Qua phụ tớ đỡ B-B-Ben với. C-C Cậu ấy...”

Richie bước đến, Stan và Mike cũng theo sau. Bốn người bọn họ đỡ Ben đứng dậy. Eddie đến bên cạnh Beverly, vụng về vòng cánh tay lạnh lặn qua vai cô. “Cậu tuyệt lắm,” nghe câu nói vậy, Beverly òa lên nước mắt.

Loạng choạng sai được hai bước về phía bức tường, Ben kịp tựa người trước khi đổ sập xuống. Đầu cậu nhẹ bẫng. Thế giới trước mắt cậu hết nhạt nhòa lại rực rỡ sắc màu. Cậu thấy mình sắp nôn thốc nôn tháo đến nơi.

Và rồi cánh tay Bill vòng qua cậu, mạnh mẽ, dễ chịu. “C-c-Có b-b-bị nặng lắm không, H-H-Haystack?”

Ben ép bản thân nhìn xuống dưới bụng. Cậu nhận ra nội việc thực hiện hai hành động đơn giản - cúi đầu xuống và vạch vết rách trên áo – còn tốn nhiều can đảm hơn lúc cậu bước vào căn nhà này. Cậu chuẩn bị tinh thần nhìn thấy nửa phần lục phủ ngũ tạng của mình thòi lòi phía trước như vú bò. Nhưng

không, cậu thấy máu đã chảy chậm lại, giờ chỉ còn rỉ rỉ. Người sói đã rạch một đường dài và sâu, song rõ ràng vết thương ấy không chí tử.

Richie tiến đến chỗ Ben. Sau khi quan sát vết cắt chạy dọc từ ngực xuống đến tận phần bụng trên của bạn mình, cậu nghiêm trang nhìn thẳng vào mặt Ben. “Suýt chút nữa nó đã lấy được bộ lòng của cậu làm dây nịt rồi đó, Haystack. Cậu hiểu không?”

“Chuẩn không cần chỉnh,” Ben đáp.

Cậu và Richie nhìn chăm chăm nhau thêm một lúc, sau đó cả hai cùng lúc phá lên cười nắc nẻ, bắn cả nước bọt vào mặt đối phương. Richie ôm chầm lấy Ben và vỗ lưng bạn. “Bọn mình đánh bại Nó rồi, Haystack! Bọn mình đánh bại Nó rồi!”

“B-B-Bọn mình kh-kh-kh-không đánh bại được Nó,” Bill u ám nói. “Số mình h-h-hên thôi. R-Rời khỏi đây tr-tr-trước khi N-Nó b-bất thành linh qu-qu-quay trở l-lại nào.”

“Đi đâu bây giờ?” Mike hỏi.

“V-V-Vùng Đất Cằn,” Bill đáp.

Beverly đi đến chỗ bọn họ, hai tay vẫn giữ vạt áo. Mặt cô đỏ như gấc. “Đến phòng sinh hoạt nhóm à?”

Bill gật đầu.

“Ai cho tớ mượn áo được không?” Beverly hỏi, lúc này mặt cô chẳng khác nào con tôm luộc. Bill lia mắt nhìn xuống cô bạn, mặt cậu cũng nhanh chóng đỏ ửng. Cậu vội vàng đánh mắt đi, nhưng Ben chợt thấy vỡ lẽ và thoáng chốc cảm giác ghen tị. Trong giây phút ngắn ngủi ấy, Bill nhìn cô với ánh mắt trước giờ chỉ có Ben trao gửi.

Mọi người cũng nhìn rồi hốt hoảng quay đi. Richie húng hắng ho vào mu bàn tay của mình. Stan đỏ mặt. Còn Mike Hanlon lùi một hai bước như thể phát hoảng trước phần ngực nồn nà, nhỏ bé e ấp dưới tay cô bạn.

Beverly ngẩng phắt lên, lắc mái tóc rối bù phía sau. Cô vẫn chưa hết đỏ mặt, nhưng trông cô đáng yêu vô cùng.

“Tớ là con gái mà, phải chịu thôi,” cô nói, “tớ cũng đâu quản được việc phần trên của tớ phồng phao lên... nhưng giờ, tóm lại có ai cho tớ mượn áo không?”

“C-C-Có chứ,” Bill nói. Cậu kéo chiếc áo thun trắng qua đầu, để lộ phần ngực mảnh khảnh, xương sườn lộ rõ cùng hai vai lấm tấm tàn nhang bị cháy nắng. “Đ-Đ-Đây.”

“Cảm ơn Bill,” cô nói, và trong một khoảnh khắc cháy bỏng, đầy cảm xúc, bốn mắt họ xoáy thẳng vào nhau. Lần này, Bill không quay đi. Ánh nhìn của cậu vững vàng, đậm chất đàn ông.

“Kh-Kh-Không có gì” cậu đáp.

Chúc may mắn, Bill To Bự, Ben thần nhủ trong đầu rồi ngoảnh mặt đi. Cảnh tượng ấy khiến cậu nhói đau, đau tận đáy lòng, ở một nơi không có bất cứ Ma cà rồng hay Người sói nào có thể chạm tới. Song cùng lúc, cậu hiểu thế nào là đúng mực. Cậu không biết từ này, nhưng cậu hiểu rất rõ khái niệm ấy. Chầm chậm nhìn hai người bọn họ lúc họ nhìn nhau như thế cũng sai trái chẳng kém gì việc nhìn ngực cô khi cô buông vạt áo trước để kéo áo thun Bill đưa cho qua đầu. Chuyện đã vậy thì đành chịu. Nhưng cậu sẽ không bao giờ có thể yêu thương cô ấy như tớ đâu. Không bao giờ.

Áo thun của Bill dài đến tận đầu gối của cô. Nếu quần jean không thò ra bên dưới, trông cô chẳng khác nào đang mặc áo choàng.

“Đ-Đ-Đi th-th-thôi,” Bill lặp lại. “Tớ kh-không b-biết các c-cậu thế nào, chứ v-với tớ, h-h-hôm nay th-thế l-là qu-qu-quá đ-đủ r-ừ.”

Hóa ra cả nhóm đều thế.

Một tiếng đồng hồ sau, cả nhóm đã có mặt đông đủ ở phòng sinh hoạt nhóm, cửa sổ, cửa sập đều mở toang. Bên trong vô cùng mát mẻ, và may mắn làm sao, hôm ấy, Vùng Đất Cằn hết sức yên tĩnh. Bọn họ ngồi bên nhau, không trao đổi gì nhiều, mỗi người chìm vào dòng suy nghĩ riêng của mình. Richie và Bev đưa qua đưa lại gói Marlboro. Eddie hút một hơi từ ống thở. Mike hắt xì vài lần rồi xin lỗi. Cậu bảo chắc mình bị trúng gió.

“Để gió đập trúng cũng không dễ đâu nhé, thưa ngài.” Richie nói một cách thân thiện, nhưng cũng chỉ dừng lại ở đó.

Ben những mong chuỗi sự kiện điên rồ trong căn nhà trên đường Neibolt sẽ dần phai nhạt như giấc chiêm bao. *Nó sẽ rút xuống như thủy triều rồi tan biến, cậu nghĩ, giống như ác mộng hay tiêu tan. Ta tỉnh dậy, thở hồng hộc, mồ hôi túa ra như tắm, nhưng mười lăm phút sau, ta thậm chí còn chẳng nhớ mình đã nằm mơ thấy gì.*

Nhưng không, đi đâu đó không xảy ra. Tất cả mọi sự kiện, từ lúc cậu phải hì hụi mãi mới chui được qua cửa sổ tầng hầm đến lúc Bill dùng ghế trong nhà bếp đập vỡ cửa sổ để cả nhóm có thể thoát ra, từng chi tiết rõ ràng và đậm nét trong ký ức của cậu. Đây không phải là giấc mơ. Vết thương đang đông lại trên ngực và bụng cậu không phải giấc mơ, bất kể mẹ cậu có trông thấy hay không.

Cuối cùng, Beverly đứng dậy. “Tớ phải về nhà rồi,” cô nói. “Tớ muốn thay đồ trước khi mẹ tớ về. Nếu thấy tớ mặc áo con trai, chắc mẹ cắt tiết tớ mất.”

“Cắt tiết nàng” Richie đồng ý, “nhưng cắt tiết nàng thật chậm.”

“Bíp bíp, Richie.”

Bill nhìn cô trang nghiêm.

“Tớ sẽ trả áo cho cậu, Bill.”

Cậu gật đầu, phẩy tay ý nói đi đâu đó không quan trọng. “Về nhà mà không mặc áo thì cậu có gặp rắc rối gì không?”

“Kh-Không sao. Tớ l-lẳng vẳng x-x-xung quanh hay kh-không, b-bố mẹ tớ còn ch-ch-chẳng để ý nữa là.”

Cô thiếu nữ xinh xắn, dong dỏng cao so với tuổi mười một, gật đầu và khẽ cắn môi.

“Tiếp theo thế nào, Bill?”

“Tớ ch-chưa b-b-biết.”

“Mọi thứ chưa kết thúc phải không?”

Bill lắc đầu.

“Lúc này, Nó còn thèm khát chúng ta hơn bao giờ hết ấy chứ.” Ben lên tiếng.

“Làm thêm đạn bạc à?” cô hỏi cậu. Cậu nhận ra mình thậm chí không đủ sức đáp lại ánh mắt của cô. *Tớ thương cậu, Beverly ạ... Hãy cho tớ cái quyền được dành tình cảm cho cậu. Cậu có thể có Bill, có cả thế gian này hoặc bất cứ điều gì cậu cần. Nhưng hãy cho tớ cái quyền được yêu thương cậu, cho tớ được tiếp tục gìn giữ tình cảm này, với tớ, có lẽ vậy là đủ rồi.*

“Tớ không biết,” Ben đáp. “Bọn mình có thể làm, nhưng mà...” Cậu buông lỏng câu nói rồi nhún vai. Cậu không thể nói thành lời cảm nhận của mình, cũng không biết mô tả thế nào cho phải – rằng họ như đang ở trong bộ phim quái vật, nhưng không phải. Lúc trước, Xác ướp cũng có những nét khác biệt... những điểm khác biệt ấy chính là minh chứng cho thấy nó thật sự tồn tại. Với Người sói cũng thế – cậu có thể khẳng định như vậy, bởi cậu đã thấy Nó mồm một trước mắt, gần sát đến độ không một bộ phim nào, thậm chí cả phim 3D, có thể sánh bằng, cậu đã vọc tay mình vào lớp lông rậm rì rồi bù của Nó, cậu đã thấy đốm lửa nhỏ màu cam ma quỷ (như nút bông!) trong một bên mắt của Nó. Những chi tiết ấy... nói sao nhỉ... chẳng khác nào ác mộng biến thành hiện thực. Và một khi ác mộng biến thành hiện thực, chúng thoát khỏi quyên kiểm soát của kẻ nằm chiêm bao, biến thành thứ nguy hiểm chết người,

tác oai tác quái. Khi đó, đạn bạc có tác dụng là bởi bảy người bọn họ đã một lòng tin tưởng vào năng lực của chúng. Nhưng chúng không kết liễu được Nó. Và lần tới, Nó sẽ tấn công họ trong một hình dạng khác, một hình dạng mà những viên đạn bạc sẽ chẳng có quyền năng gì.

Quyền năng, quyền năng, Ben thầm nghĩ và nhìn qua Beverly. Giờ thì ổn rồi, mắt cô lại hướng về phía Bill, họ nhìn nhau như thể đắm chìm trong không gian riêng. Nó chỉ kéo dài trong một khắc nhưng Ben tưởng chừng như dài vô tận.

Suy cho cùng, tất cả đều quy về quyền năng. Mình dành tình cảm cho Beverly Marsh, cô ấy có quyền năng ảnh hưởng đến mình. Cô ấy dành tình cảm cho Bill Denbrough, và vì thế, cậu ấy có quyền năng ảnh hưởng đến cô ấy. Nhưng mình nghĩ rồi cậu ấy cũng sẽ đáp lại tình yêu của cô ấy thôi. Có thể là vì khuôn mặt cô ấy lúc bảo mình là con gái nên đành chịu. Có thể là vì ban nãy, cậu ấy đã nhác thấy ngực Bev. Có thể lý do nằm ở vẻ ngoài cô ấy lúc bắt sáng, hoặc đôi mắt ấy. Mà suy cho cùng, lý do lý trấu chẳng quan trọng. Nếu cậu ấy phải lòng cô, cô sẽ có quyền năng ảnh hưởng đến cậu ấy. Siêu nhân có năng lực siêu nhiên, trừ khi bị áp chế bởi Kryptonite. Người dơi cũng có quyền năng, dù không biết bay hay nhìn xuyên tường. Mẹ có quyền năng ảnh hưởng đến mình, mà ông chủ ở nhà máy có quyền năng ảnh hưởng đến mẹ. Ai cũng có quyền năng nhất định... có lẽ chỉ trừ trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ.

Đoạn cậu nghĩ lại, ngay cả trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ cũng có quyền năng, bởi chúng có thể khóc ré cho đến khi người lớn làm gì đó để chúng im miệng.

“Ben?” Beverly hỏi và quay sang nhìn cậu. “Mèo ăn mất lưỡi cậu rồi hả?”

“Hả? Không. Tớ đang nghĩ về quyền năng. Quyền năng của những viên đạn bạc.”

Bill nhìn cậu thật lung.

“Tớ tự hỏi sức mạnh của chúng đến từ đâu ấy mà.” Ben giải thích.

“N-N-Nó...” Bill lên tiếng nhưng rồi lại thôi. Nét biểu cảm tự lự, mơ hồ lướt qua khuôn mặt cậu.

“Thôi, tớ phải về đây,” Beverly nói. “Gặp các cậu sau nhì?”

“Ừ, mai quay lại nhé,” Stan nói. “Bọn mình làm gãy nốt cánh tay còn lại của Eddie luôn.”

Cả bọn phá lên cười. Eddie giả vờ ném ống thở về phía Stan.

“Thôi chào nhé,” Beverly nói rồi nhòe người bước ra ngoài.

Ben nhìn Bill và trông thấy cậu không cười cùng mọi người. Về trầm tư vẫn còn vương trên khuôn mặt cậu, Ben biết phải gọi tên bạn mình hai, ba lần thì cậu ấy mới trả lời. Cậu biết Bill đang nghĩ gì, và trong những ngày sắp tới, bản thân cậu cũng miên man nghĩ mãi về vấn đề này. Không phải lúc nào cũng nghĩ. Sẽ có quần áo để phơi và mang vào cho mẹ, có những lúc chơi cút bắt trong Vùng Đất Cằn, và trong khoảng bốn ngày đầu tiên khi mùa mưa đến, bảy người bọn họ sẽ rộn ràng chơi trò Parcheesi ở nhà Richie Tozier, xây dựng phong tỏa, dàn phòng ngự đẩy lùi đối phương, nghiên ngẫm xem nên phân tách lượt quăng xúc xắc ra sao trong lúc mưa rào rích bên ngoài. Mẹ sẽ bảo với cậu rằng bà nghĩ Pat Nixon là phụ nữ xinh đẹp nhất nước Mỹ, và bà sẽ được phen thất kinh khi Ben chọn Marilyn Monroe (cậu thấy Bev trông rất giống Marilyn Monroe, chỉ trừ màu tóc). Cậu sẽ có thể ăn thả cửa bánh Twinkie, Ring-Dings và Devil Dogs, thông thả thời gian ng ỉ ở hiên sau đọc *Lucky Starr* và *các Mặt Trăng sao Thủy*. Sẽ có thời gian cho tất cả những đi ầu trên, trong lúc vết thương trên ngực và bụng cậu đóng vảy, bắt ầu ngứa ngáy, bởi con tạo vẫn tiếp tục xoay vần, và ở tuổi mười một, dù thông minh và nhanh nhạy, cậu vẫn chưa xây dựng nhân sinh quan thực sự cho bản thân mình. Cậu vẫn có thể dung hòa những gì xảy ra trong căn nhà ở đường Neibolt để sống tiếp. Suy cho cùng, thế gian này đầy rẫy những đi ầu kỳ lạ mà.

Nhưng cũng có những thời điểm lạ lùng, cậu l ời câu hỏi ra nghi ền ngẫm:

Quyền năng của bạc, quyền năng của những viên đạn – chúng đến từ đâu? Hay nói đúng hơn, quyền năng vốn dĩ xuất phát từ đâu? Làm thế nào để có? Làm thế nào để sử dụng?

Cậu có cảm giác cả nhóm sống chết ra sao phụ thuộc vào những câu hỏi ấy. Một đêm nọ, khi đang dần chìm vào giấc ngủ, khi tiếng mưa lộp độp xối xuống mái nhà và đập vào cửa sổ, một câu hỏi nữa, có lẽ là câu hỏi *duy nhất*, xuất hiện trong đầu cậu. Nó có hình dạng thật sự; cậu gần như đã trông thấy điếu đó. Nhìn thấy hình dạng ấy cũng là nhìn thấy bí mật. Liệu đó có phải quyền năng không nhỉ? Có lẽ là có. Vì chẳng phải quyền năng cũng là một thứ muôn hình vạn trạng như Nó sao? Quyền năng là đứa trẻ khóc ré lên trong đêm, là bom nguyên tử, là viên đạn bạc, là ánh mắt Beverly nhìn Bill và cách Bill đáp lại ánh nhìn ấy.

Chính xác thì quyền năng là gì nhỉ?

12

Hai tuần tiếp theo, sóng yên biển lặng.

DERRY

TAO ĐOẠN THỨ TƯ

R ấ cũng sẽ có lúc

Thất bại đến với em

Vì cuộc đời đâu phải

Lúc nào cũng ấm êm;

R ấ cũng sẽ có lúc

Thua cuộc tìm đến em

Đâu lúc nào cũng thắng

Anh nói r ấ, em xem?

Anh biết mà, em ạ

Anh thấy hết cả thôi

Kể cả những rắc rối

Chúng đang lấp ló r ấ.

Ngày 06 tháng 4 năm 1985

Hồi bạn bè gần xa, nói mà nghe – tối nay tôi say r ấ. Xỉn quắc c ần câu. Nốc whiskey lúa mạch đen dữ quá. Đến Wally's cốc trước, sau đó đến cửa hàng rượu của bang trên đường Trung Tâm chừng nửa tiếng trước giờ đóng cửa và mua [một fifth](#) rượu whiskey lúa mạch đen. Tôi biết mình toàn làm trò gì. Nốc rượu rẻ tiền tối nay, mai tha hồ mà trả giá. Vậy nên hẳn ng ấ đây, thằng da đen say xỉn trong thư viện công cộng sau giờ đóng cửa,

với cuốn sách mở trước mặt và chai Old Kentucky bên trái. “Nói thật và khiến quỷ dữ cũng phải hổ thẹn,” mẹ tôi hay bảo thế, nhưng bà quên bảo tôi rằng thỉnh thoảng ta không thể khiến [Ông Móng.guốc Chẻ](#) hổ thẹn đến mức tỉnh rượu. Dân Ireland hẳn là rành rọt đi đầu này, nhưng tất nhiên họ là dân mọi da trắng của Chúa, ai biết được, có khi họ đi trước thiên hạ một bước.

Tương đương 750ml.

Nguyên văn là Mr. Splitfoot, đây là từ dùng để mô tả ma quỷ. Stephen King là một trong các tác giả hiện đại sử dụng thuật ngữ này trong nhiều tiểu thuyết. Thời Trung cổ, hình tượng ma quỷ thường được miêu tả có móng guốc.

Muốn viết về rượu chè và ma quỷ quá. Anh còn nhớ *Đảo giấu vàng* không? Lão giặc biển già đời ở Quán trọ Đô đốc Benbow. Lão ta bảo “Ta sẽ làm lần nữa, Jacky!” Tôi dám cá lão già hom hem cay đắng ấy tưởng thế thật. Bụng toàn rượu rum – hoặc rượu lúa mạch đen – thì cái gì cũng tin ấy chứ.

Rượu chè và ma quỷ. Bộ đôi chuẩn phết.

Thỉnh thoảng nghĩ mà buồn cười, chẳng biết tôi sẽ trụ được bao lâu nếu dám xuất bản một số bài viết mà tôi soạn giữa đêm khuya thanh vắng. Nếu tôi dám bóc móc một số chuyện mà Derry ém nhem bao lâu nay. Ban giám đốc của thư viện này gồm mười một người cả thầy. Trong đó có một lão nhà văn bảy mươi tuổi, bị đột quỵ hai năm trước, hiện giờ lúc nào cũng phải có người giúp ông ấy lặn theo vị trí trên bản tài liệu in ra vào mỗi buổi họp (thỉnh thoảng người ta lại thấy ông ta móc những cục gỉ mũi rõ to đã khô từ lỗ mũi lông lá rồi cẩn thận nhét vào tay như thể cất vào két sắt). Ngoài ra, có một ả được voi đòi tiên từ New York chuyển đến với ông

chàng bác sĩ, có cái tài nói tràng giang đại hải, ca thán Derry tỉnh lẻ, rằng người dân nơi đây chẳng ai hiểu TRÁI NGHIỆM DO THÁI là thứ gì, và cô ta phải lặn lội lên tận Boston mới sắm được cái váy muốn trưng diện cho thiên hạ ngắm chơi. Lần gần đây nhất mà cô ả ốm như cò ma này nói chuyện với tôi không qua bên thứ ba trung gian là cách đây một năm rưỡi, trong bữa tiệc Giáng sinh mà Ban giám đốc tổ chức. Sau khi đã nốc khá khá rượu gin, cô ta hỏi tôi ở Derry có ai hiểu thế nào là TRÁI NGHIỆM DA ĐEN không. Lúc ấy, bản thân cũng đã uống cả b ồ rượu gin, tôi bèn đáp: “Thưa cô Gladry, dân Do Thái có thể là bí ẩn lớn lao, chứ dân mọi đen thì ai nấy sống trên đời đâu biết cả r ồi.” Cô ta sắc rượu, đột ngột quay phắt đi đến độ trong một thoáng, quần con của cô ta lộ ra dưới lớp váy xòe (cảnh tượng chẳng mãi nhãn gì cho cam; thà của Carol Danner thì may ra!), và cuộc nói chuyện phiếm cuối cùng giữa tôi và cô Ruth Gladry chấm dứt ở đó. Không mất mát gì lắm.

Các thành viên khác trong Ban giám đốc là con cháu của những ông trùm buôn gỗ năm xưa. Ủng hộ thư viện là cách họ ăn năn hối lỗi qua các thế hệ, cưỡng bách thỏa thuê bao vạt rừng, giờ họ quan tâm đến sách vở như cách một tay hoang dâm vô độ đến tuổi xế chiều bỗng quyết định sẽ chăm sóc cho hậu quả của những cuộc mây mưa sa đọa lúc trẻ. Chính ông nội ông ngoại, ông cố của những người này là những kẻ trực tiếp vạch chân biết bao cánh rừng phía Bắc Derry và Bangor r ồi dùng rìu, dùng cưa triệt hạ vô vàn cây cối. Họ cưa, họ chặt, họ xẻ phách, ăn ốc xong đâu đấy, họ đổ vỏ. Họ xé toác thân xác của những cánh rừng đại ngàn khi Grover Cleveland lên làm tổng thống, và [đến lúc Woodrow Wilson lên cơn đột quỵ thì họ đã ra tay xong xuôi](#). Những kẻ khoác trên mình gấm vóc lụa là nhưng man rợ như c ần thú này đã giày xéo rừng xanh, khiến những cánh rừng bị xẻ thịt

nham nhỏ, chặt phá điều tàn, biến Derry từ một thị trấn nhỏ heo hút chuyên đóng tàu thành chốn chè chén thâu ngày thâu đêm, nơi những quán rượu không bao giờ đóng cửa và phường buôn phấn bán hương nhộn nhịp cả đêm. Ông cụ chín mươi ba tuổi tên là Egbert Thoroughgood kể với tôi rằng ông từng qua đêm với một cô gái làng chơi ồm đến độ gió thổi bay trong một nhà nghỉ trên đường Baker (con đường này giờ không còn nữa; con phố Baker hội hè náo động năm xưa đã được thay thế bằng những căn chung cư cho tầng lớp trung lưu lấm lì).

Khoảng từ năm 1885 đến năm 1919.

“Sau khi xuất vào bên trong cô ta, ta mới nhận ra cô này đang nằm ngập trong bãi tình dịch sâu phải đến hai, ba phân. Chúng mới chỉ bắt đầu đông lại thôi. Ta bèn bảo, ‘Này, cô không lo cho bản thân mình à?’ Cô ta nhìn xuống và đáp, ‘Nếu ông muốn làm nháy nữa thì để em thay tấm trải giường mới. Em nghĩ trong tủ dưới sảnh còn hai tấm chưa dùng. Em vẫn còn ý thức được em nằm trên cái gì đến khoảng 9, 10 giờ, nhưng đến nửa đêm thì hàng họ của em tê rần, đến độ em chẳng biết nó còn ở đây hay đã tếch đến tí Ellsworth rồi.’”

Tình hình Derry khoảng hai chục năm đầu thế kỷ 20 là thế: rượu chè bê tha, ăn chơi trác táng. Sông Penobscot và sông Kenduskeag trôi nổi đầy những thanh gỗ từ lúc băng tan tháng Tư đến lúc băng đóng tháng Mười một. Ngành gỗ chạm thời cực thịnh vào thập niên 20, bởi chẳng còn Thế chiến thứ nhất hay gỗ cứng để phát triển nữa, sau đó, ngành dần lụi tàn vào [thời kỳ Đại khủng hoảng](#). Các ông trùm buôn gỗ bơm tiền vào những ngân hàng ở New York hay Boston sống sót qua Đại sụp đổ của thị trường chứng khoán, mặc kệ nền kinh tế Derry tự sinh tự diệt. Họ rửa tay gác kiếm ở những dinh thự thênh thang trên phố Tây Broadway, cho con cái đi học

trường tư tại New Hampshire, Massachusetts và New York. Sống sung túc nhờ tiền lãi và các mối quan hệ chính trị ô dù cỡ bự.

Thập niên 1930.

Khoảng bảy mươi năm trôi qua kể từ ngày ông Egbert Thoroughgood ăn bánh trả tiền với ả gái điếm trên chiếc giường nhầy nhựa tinh dịch trên đường Baker, dấu hiệu còn lại của cái thời bùng nổ ấy là những khu rừng hoang hóa xác xơ ở quận Penobscot và Aroostook cùng những căn nhà xây theo kiểu Victoria tráng lệ dài hai dãy nhà dọc Tây Broadway... tất nhiên, cả thư viện của tôi nữa. Có đi đâu, những con người tốt đời đẹp đạo ở Tây Broadway này sẽ trở mặt lấy “thư viện của tôi” khỏi tay tôi nhanh như đốn gỗ (tôi cố tình chơi chữ đấy) nếu tôi dám xuất bản bất cứ thông tin gì về Binh đoàn Lễ nghi, trận cháy ở Điểm Đen, vụ hành quyết Băng đảng Bradley... hoặc vụ án liên quan đến Claude Heroux và quán bia Đồng Bạc.

Vào tháng Chín năm 1905, quán bia này chính là nơi xảy ra án mạng có thể xem là vụ thảm sát kỳ dị nhất lịch sử xứ cờ hoa. Vẫn còn một số người thế hệ trước tuyên bố mình nhớ sự kiện này, nhưng tôi thật sự chỉ tin tưởng lời kể của ông Thoroughgood. Khi vụ án xảy ra, ông còn là một chàng trai mười tám tuổi.

Hiện tại, ông cụ sống ở viện dưỡng lão Paulson. Ông đã rụng hết răng, và chất giọng Hạ Đông đặc sệt tiếng Pháp đặc trưng của dân thung lũng St John khó nghe đến độ có lẽ chỉ người già cùng thế hệ ở Maine mới hiểu ông đang nói gì nếu lời của ông được viết lại theo ngữ âm. Sandy Ives, nhà nghiên cứu văn hóa dân gian ở Đại học Maine, người mà tôi có nhắc đến trong những trang giấy điên rồ phía trước, đã giúp tôi phiên dịch những đoạn băng tôi thu lại.

Theo lời ông Thoroughgood, Claude Heroux là một “thằng xúc xinh gốc

Canada, ngó kẻ khác vười con người léo liên y người ngựa cái dưới ánh treng”.

(Dịch: Một thằng súc sinh gốc Canada, nhìn kẻ khác vười con mắt lão liên như mắt ngựa cái dưới ánh trăng.)

Thoroughgood cho hay ông và bất cứ ai từng làm việc với Heroux đều đánh giá hắn là kẻ ranh ma như loại cầu trộm gà... và đi đầu này càng khiến hành động xách riu chém người trong quán bia Đồng Bạc đáng giết mình hơn. Đơn giản, nó không phải tính cách của hắn ta. Trước cái ngày định mệnh ấy, thợ đồn gỗ ở Derry cho rằng ngữ như Heroux cùng lắm chỉ lén lút đốt rừng là cùng.

Mùa xuân năm ‘05 vừa dài vừa nóng nực, chưa kể đã xảy ra rất nhiều trận cháy rừng. Trận cháy lớn nhất xảy ra trong khu rừng Da đỏ ở Haven, về sau Heroux khai nhận hắn là kẻ để đèn cầy đang cháy giữa đồng dăm gỗ và củ nhóm lửa. Trận cháy thiêu rụi 20.000 mẫu gỗ cứng đã được chặt tĩa, và ta có thể ngửi thấy mùi cháy cách đó hơn năm mươi cây số, khi những chiếc xe ngựa chạy lên đến đỉnh đồi Dặm Trên của Derry.

Mùa xuân năm ấy, người ta có bàn đến việc tổ chức công đoàn. Có bốn người thợ đồn gỗ tham gia vào công cuộc tổ chức (cũng chẳng có gì nhiều để tổ chức; tầng lớp người lao động ở Maine ngày ấy phản đối công đoàn, hiện tại, đa phần vẫn thế), và một trong bốn người này chính là Claude Heroux, có lẽ trong mắt hắn, tham gia vào công đoàn chỉ là cơ hội để ăn to nói lớn, bù khú rượu chè trong những quán rượu trên đường Baker và đường Giao Thương. Heroux và ba thành viên còn lại tự nhận mình là “ban tổ chức”, trong khi những tay trùm buôn gỗ gọi bọn họ là “đám đầu sỏ”. Một bảng bố cáo găm ngay sạp nấu ăn của các trại đồn gỗ dọc theo dải từ Monroe đến Haven Village, đến đến Sumner, Millinocket thông báo bất

cứ thợ đốn gỗ nào bị phát hiện bàn tán về công đoàn sẽ mất việc ngay lập tức.

Tháng Năm năm đó, có một đợt đình công ngắn ở gần Trapham Notch, và dù đợt đình công này bị dập tắt ngay khi vừa manh nha bởi phe những người phản đối đình công cùng phe “cảnh vệ thị trấn” (và bạn biết đấy, đây là đi đâu khá kì khôi khi có gần ba mươi “cảnh vệ thị trấn” vùng vẫy cán rìu và tương móp sọ, nhưng theo như những gì người dân biết, trước ngày đình công tháng Năm đó, chẳng có lấy một tay cảnh vệ ở Trapham Notch – với dân số 79 người theo đi đâu tra năm 1900), Heroux cùng những người bằng hữu trong hội tổ chức vẫn xem đây là một chiến thắng vang dội nhân danh chính nghĩa. Vì thế, bọn chúng vào trung tâm thị trấn Derry để chén chú chén anh và bàn bạc thêm công cuộc “tổ chức”... hoặc “đầu sỏ”, cách gọi tùy theo phe được ủng hộ. Nhưng dù công việc là gì đi chăng nữa, ắt nó phải khô khan lắm nên họ mới đi hết quán rượu này đến quán rượu kia ở Nửa mẫu Địa ngục và làm tăng cuối ở Đồng bạc Buồn ngủ, quàng vai bá cổ nhau, xỉn đến độ tè bậy xuống chân, hết hát những bài ca công đoàn lại ông ổng những giai điệu chối tai như “Đôi mắt mẹ tôi vẫn dõi theo từ thiên đường”, dù cá nhân tôi cho rằng bà mẹ nào nhìn xuống hạ giới thấy con mình trong tình trạng xỉn quắc cần câu như thế hẳn chỉ biết buồn bã mà quay đầu đi.

Theo lời kể của ông Egbert Thoroughgood, lý do duy nhất ta có thể giải thích cho việc Heroux tham gia vào phong trào này chính là Davey Hartwell. Hartwell đóng vai trò “người tổ chức” hoặc “tên đầu sỏ” chính, và Heroux thì một lòng ngưỡng mộ người này. Nhưng hẳn ta không phải ngoại lệ, hầu hết những thành viên tham gia phong trào yêu quý và tôn sùng Hartwell, sự kính cẩn nghiêng mình mà đàn ông dành cho đấng quân

tử sở hữu sức hút gần như thần thánh ấy. “Đép vì Át queo lè mộc người bức đi như thể làm chủ mộc nữ thía gian nè, nữ còn lệ ổng khóe cứng,” Thoroughgood nhận xét.

(Dịch: Davey Hartwell là một người bước đi như thể làm chủ một nửa thế gian này, nửa còn lại ông ta khóa cứng.)

“Bên thân ổng là một người tuyệt vời, không có gì phải bèn kê. Ông rất có thềng thái, cách ổng đi đứng, nói neng đầu vực bậc. Biểu ông *giỏi* thôi chưa có đủ. Phê nói ông tuyệt vời mới chuẩn.”

(Dịch: Bản thân ông là một người tuyệt vời, không có gì phải bàn cãi. Ông rất có thần thái, cách ông đi đứng, nói năng đầu vượt bậc. Biểu ông giỏi thôi chưa có đủ. Phải nói ông tuyệt vời mới chuẩn.)

Heroux theo chân Hartwell vào công cuộc tổ chức này giống cách hắn sẽ theo chân Hartwell nếu ông ta quyết định chọn người đóng tàu tít trên Brewer hay dưới Bath, xây dựng bảy cầu cạn ở Vermont, hoặc cố gắng gây dựng lại [Pony Express](#) ở miền Tây. Heroux là người xảo quyết, bần tiện, và tôi đoán nếu một cuốn tiểu thuyết có nhân vật như ông ta thì nhân vật ấy chẳng có đức tính tốt đẹp nào. Nhưng đôi lúc, khi một người sống cuộc đời không được ai tin cần, ngờ vực tất cả, cô đơn (hoặc cùi bắp) vì bản thân anh ta chọn như thế và vì định kiến xã hội, anh ta có thể tìm một con chó sống vì chủ của nó. Nhìn từ bên ngoài, mối quan hệ giữa Heroux và Hartwell là như thế.

Pony Express là một dịch vụ gửi thư, báo bằng ngựa, dừng hoạt động vào năm 1861.

Tóm lại, tối đó, bốn người bọn họ ở lại khách sạn Brentwood Arms, ngày ấy những người thợ đốn gỗ hay gọi khách sạn này là Cầu nổi (lý do tại sao thì khá mù mờ - ngay cả Egbert Thoroughgood cũng chẳng nhớ).

Bốn người thuê phòng nhưng chẳng ai trong số họ trả phòng. Một trong bốn thành viên, Andy DeLesseps, không rõ tung tích; lịch sử cho biết có khả năng ông ta dành quãng đời còn lại sống an nhiên tự tại ở Portsmouth. Nhưng vì lẽ nào đó, tôi lại không cho là vậy. Thi thể hai người khác trong “đám đầu sỏ”, Amsel Bickford và Davey Hartwell, được phát hiện nổi lềnh phềnh tư thế nằm sấp trên sông Kenduskeag. Bickford mất đầu; kẻ thủ ác đã dùng rìu cỡ đại chặt đầu ông ta. Hartwell bị chặt cả hai chân, và những người tìm thấy xác của ông thề rằng họ chưa bao giờ thấy khuôn mặt người nào thể hiện nét biểu cảm đau đớn và kinh hoàng đến vậy. Thủ phạm nhét đầy thứ gì đó vào mồm khiến hai má ông căng cứng, và khi những người phát hiện thi thể lật nạn nhân lại và vạch mồm, bảy ngón chân của ông ta rơi xuống bùn. Vài người cho rằng ông mất ba ngón còn lại do tai nạn lao động trong những năm làm lụng trong rừng, những người khác lại thiên về ý kiến ông ta nuốt chúng trước khi chết.

Đằng sau áo của hai nạn nhân có gắn tờ giấy đề chữ CÔNG ĐOÀN.

Claude Heroux không phải hầu tòa sau vụ án thảm khốc xảy ra Đờng Bạc vào đêm ngày mừng 9 tháng 9 năm 1905, nên chẳng có cách nào để biết chính xác làm thế nào mà hắn không bỏ mạng như những nạn nhân xấu số còn lại vào đêm tháng Năm năm ấy. Ta chỉ có thể đoán mò, hắn đã sống một thân một mình bấy lâu nay, hắn biết cách cao chạy xa bay trong tích tắc, hoặc có khi hắn sở hữu cái tài mà những con cầu tạp chủng hay có: biết rút lui ngay khi đánh hơi thấy biến sắp ập xuống. Nhưng tại sao hắn không kéo Hardwell trốn cùng mình? Hay lẽ nào hắn cũng bị đưa vào rừng cùng những thành viên của “nhóm phiến động”? Biết đâu thủ phạm dự tính kết liễu hắn sau cùng, và hắn đã kịp thời thoát thân trong lúc tiếng thét gào của Hartwell (hắn đã bị nghẹt lại khi chúng nhét những ngón chân vào

miệng ông) đang vang vọng trong bóng đêm, khiến chim chóc sợ hãi bay khỏi tổ. Chẳng có cách nào để biết rõ ngọn ngành, nhưng chí ít đó là cảm nhận của cá nhân tôi.

Từ ngày ấy, Claude Heroux sống vật vờ như âm binh ma quỷ. Hắn lững thững vào khu trại ở thung lũng St John, xếp hàng ở sạp nấu ăn của thợ đốn gỗ, nhận một bát thịt hầm, trệu trạo ăn rồi biến mất trước khi có người nhận ra hắn không phải thành viên của đội xén tỉa. Nhiều tuần sau đó, hắn lang vãng ở một quán bia Winterport, ba hoa khoác lác về công đoàn và thề thốt rằng hắn sẽ trả thù những kẻ dám sát hại bằng hữu của gã – Hamilton Tracker, William Mueller và Richard Bowie là những cái tên được hắn nhắc đến nhiều nhất. Tất cả bọn chúng đều sống ở Derry, và những căn nhà tá lán lùm lùm mái đầu hồi, mái khuỷu kết hợp mái vòm họ ở ngày xưa vẫn còn trên phố Tây Broadway đến tận bây giờ. Nhiều năm sau, chính những kẻ này và con cháu của chúng là thủ phạm đốt cháy Đỉnh Đen.

Một điều rõ như ban ngày là khối kẻ xem Claude Heroux như cái gai trong mắt, nhất là sau những vụ cháy bắt đầu từ tháng Sáu. Nhưng dù đụng mặt nhiều người, Heroux được cái nhanh như cắt và nhạy như thú nhác thấy mùi hiểm nguy. Theo những thông tin tôi góp nhặt được, không có lệnh bắt chính thức nào được đưa ra để thọc cổ hắn, và cảnh sát cũng không có động thái gì. Có lẽ họ lo ngại những điều Heroux sẽ mở miệng khai nếu phải hầu tòa vì tội phóng hỏa.

Bất kể lý do là gì, những cánh rừng quanh Derry và Haven rừng rực cháy suốt mùa hè nóng như chảo lửa năm ấy. Trẻ em mất tích hàng loạt, số vụ ẩu đả và giết người tăng lên chóng mặt, sợ hãi bao trùm khắp thị trấn, rõ nét tựa hồ đám khói ta có thể ngửi thấy từ đỉnh đồi Dặm Trên.

Phải sang tháng Chín, cơn mưa đầu mùa mới xuất hiện, trời mưa rả rích

suốt cả tuần liền. Trung tâm thị trấn Derry bị ngập lụt, chuyện vốn chẳng ai lấy làm lạ, được cái những căn nhà khang trang ở Tây Broadway nằm trên khu đất cao hơn khu trung tâm, nên hẳn đã có nhiều tiếng thở phào nhẹ nhõm trong mấy căn nhà rộng mênh mông ấy. Có khi họ còn bảo nhau cứ mặc thẳng Canada điên khùng ấy trốn chui trốn nhủi trong rừng cả mùa đông đi, nếu đó là đi đâu hẳn ta thích ấy chứ. Hết hè, hẳn cũng hết tác oai tác quái, và chúng ta sẽ bắt được hẳn trước khi rễ cây kịp khô vào tháng Sáu năm sau.

Và rồi ngày mừng 9 tháng 9 định mệnh đã đến. Tôi chẳng tài nào lý giải được chuyện xảy ra; ông Thoroughgood cũng không hiểu đầu cua tai nheo ra sao; theo như tôi biết, chẳng ai giải thích được. Tôi chỉ có thể liên kết các sự kiện diễn ra mà thôi.

Khi ấy, Quán bia Đồng bạc Buồn ngủ đầy những anh thợ đốn gỗ đến để nốc bia. Bên ngoài, trời đang dầm tối, bảng lảng sương giăng. Nước sông Kenduskeng dâng cao, u uất bằng bạc, ùng ục chảy từ bờ bên này sang bờ bên kia, và theo những gì ông Egbert Thoroughgood nói, “gió thu đang ào ào thổi – kìa thế lẹ gió biết cách luồn vào ống quần và thông thốc thổi thẳng lên bên tọt của te”. Đường phố đầy sinh linh. Ở bàn phía cuối phòng, người ta đang bày trò đánh bài. Những người này là nhân viên của William Mueller. Mueller là đồng sở hữu của đường tàu hỏa GS&WM, đồng thời là kẻ thống trị ngành gỗ khi sở hữu hàng triệu mẫu gỗ thượng hạng, và những kẻ đánh bài quanh cái bàn trải lớp vải dàu ở Đồng bạc đêm ấy là thợ đốn gỗ hay bảo vệ đường tàu thời vụ, nhưng là phá làng phá xóm toàn thời gian. Hai trong số đó, Tinker McCutcheon và Floyd Calderwood, từng vào tù ra khám. Nhập hội cùng bọn chúng còn có Lathrop Rounds (biệt danh của gã này là El Katook, cái tên kỳ quặc chẳng kém gì Khách sạn

Cầu nổi), David “Stugley” Grenier và Eddie King - một gã râu ria xồm xoàm, mang cặp đít chai dày chẳng kém gì bụng bia của gã. Rất có thể, chúng nằm trong những kẻ cảnh giới đề phòng Claude Heroux suốt hai tháng rưỡi vừa qua. Và rất có thể – dù không có chút bằng chứng nào - bọn chúng đã tham gia vào cuộc vui tùng xẻo hồi tháng Năm, lúc Hartwell và Bickford bị đưa về chầu tiên tổ.

Ông Thoroughgood kể quán bia đông như mắc cửi, hàng chục khách khứa xỉn quắc cần câu, nốc bia như hũ chìm, ăn trưa tại quầy và tong tong nước xuống mặt sàn đất phủ mùn cưa.

Cửa mở, Claude Heroux bước vào. Hắn vác theo rìu hai lưỡi của thợ đốn gỗ trên tay. Bước đến quầy rượu, hắn chen chân kiếm chỗ ngồi. Khi đó, ông Egbert Thoroughgood đang đứng bên tay trái hắn; ông bảo Heroux ngồi như cú. Phục vụ mang cho Heroux một vai bia, hai quả trứng luộc chín để trong chén và lọ muối. Heroux trả tiền bằng tờ hai đô-la rồi cất tiền thừa – một đô tám mươi lăm xu – vào túi có nắp trên áo khoác thợ đốn gỗ mà hắn đang mặc. Hắn rắc muối lên trứng rồi chén gọn. Hắn rắc muối vào vai bia, uống ừng ực rồi ợ hơi rõ to..

“Bên ngoài nhiều chỗ hơn bên trong đây, anh Claude ạ,” ông Thoroughgood nói, như thể suốt mùa hè năm ấy, nửa đám người quyên thuế ở miền Bắc Maine không muốn bay vào kiếm chuyện với Heroux.

“Thì đúng là thế,” Heroux đáp, nhưng do là người Canada nên giọng hắn ta vang lên nghe như “Thì đúng là thế”.

Hắn gọi thêm một vai bia, uống sạch rồi ợ phát nữa. Người ta tiếp tục trò chuyện rôm rả ở quầy, chẳng hề có cảnh tượng im phăng phắc như trong phim châu Âu, khi vai chính diện hoặc phản diện gạt cửa bước vào và lừng lững đi đến quầy. Vài người gọi chào hắn. Claude gật đầu, vẫy tay

chào lại nhưng không cười. Ông Thoroughgood bảo trông hắn ta như người trong cơn mê. Ở chiếc bàn đằng sau phòng, người ta tiếp tục chơi đánh bài. El Katook đang chia bài. Chẳng ai buồn nói với những con bạc này rằng Claud Heroux có mặt trong quán bia... dù bàn của họ cách đó chưa tới sáu mét, và dù những người quen của Claude í ới gọi tên hắn không chỉ một lần, nên thật khó lòng hiểu nổi làm thế nào mà họ có thể ung dung ngồi đánh bài, không hề hay biết sát ý thâm tàng của hắn. Nhưng đó là những gì đã diễn ra.

Sau khi uống hết vai bia thứ hai, Heroux nói lời cáo từ với ông Thoroughgood, nhắc rìu lên rồi bước đến bàn nơi đám thợ làm công cho Mueller chơi bài. Đoạn hắn bắt đầu màn xả thịt.

Floyd Calderwood vừa rót một ly whiskey lúa mạch đen và chưa kịp đặt chai rượu xuống bàn thì Heroux bước đến, chặt bàn tay của Calderwood đứt lìa. Nhìn xuống bàn tay của mình, Calderwood hét lên thất thanh; bàn tay vẫn đang cầm chai rượu, nhưng trong chớp mắt, nó chẳng dính vào thứ gì ngoài xương sụn ướt ướt và mạch máu nhoe nhoét. Trong một khắc, cánh tay bị chặt siết vào chai rượu, đoạn nó rơi thịch xuống bàn như con nhện chết. Máu tóa ra từ cổ tay.

Ở quầy rượu có tiếng gọi bia và tiếng vị khách hỏi người phục vụ quầy mang tên Jonesy liệu ông ta có đang nhuộm tóc hay không. “Chưa nhuộm bao giờ nhé,” Jonesy cau có đáp; gì chứ mái tóc thì ông ta vô cùng tự đắc.

“Tôi gặp con gà móng đỏ ở Ma Courtneys, nó bảo thứ mọc quanh của quý nhà ông trắng như tuyết đấy,” người này kể.

“Nó nói dối chứ gì” Jonesy trả lời.

“Tuyệt quắc cho bọn tôi xem nào,” một tay thợ đốn gỗ tên Falkland lên tiếng, trước khi Heroux bước vào, ông Egbert Thoroughgood đã chén chú

chén anh cùng người này. Nghe thấy thế, cả đám cười rộ.

Đằng sau họ, Floyd Calderwood đang ré lên. Một vài vị khách tựa lưng ở quầy bình thản đưa mắt nhìn đúng lúc Claude Heroux bửa thẳng rìu đồn gõ vào đầu của Tinker McCutcheon. Tinker là gã đàn ông to lớn với bộ râu đen đang dãn ngả bạc. Ông ta toan đứng dậy, máu xối xả tuôn thành dòng từ khuôn mặt, đoạn ngã phịch xuống. Heroux kéo rìu ra khỏi thủ cấp. Tinker toan đứng dậy lần nữa, Heroux bèn lẳng rìu theo phương ngang, cắm phập lưỡi rìu vào lưng ông này. Ông Thoroughgood bảo âm thanh ấy như tiếng đồng quần áo rơi xuống thảm. Tinker loạng choạng ngã ập xuống bàn, bài cầm trong tay tung tóe.

Những kẻ khác trong bàn rít ré và gào lên. Vẫn chưa thôi thất thanh, Calderwood cuống cuống dùng tay trái của mình nhặt tay phải lên trong lúc máu cứ thế túa ra thành dòng từ cánh tay cụt lủn. Studley Grenier có khẩu “súng đeo” (nghĩa là khẩu súng đựng trong bao đeo vai) và ông ta cố chộp lấy nó mà bất thành. Lão đảo đứng lên, Eddie King ngã nhào khỏi ghế, đập lưng xuống đất. Trước khi ông ta kịp gượng dậy, Heroux đã sừng sững trước mặt, rìu giơ sau đầu. King thét lên, giơ hai tay ra đỡ.

“Tôi xin anh, Claude, tôi mới cưới vợ tháng trước!” King gào lên.

Rìu vung xuống, lưỡi rìu gằn như mất dạng trong cái bụng to tướng của King. Máu bắn lên tận dãn mái của quán rượu. Eddie mò mẫm thối lui trên sàn. Claude rút rìu ra như người thợ đồn gõ lành nghề rút rìu khỏi thân gỗ mềm, khía tới khía lui để nới lỏng sức kẹp của thứ gỗ nhờn nhớp nhựa. Khi rìu buông ra hoàn toàn, hắn đưa rìu lên trên đầu rồi bổ thẳng xuống. Eddie King ngừng la hét. Tuy thế, Claude Heroux chưa xong chuyện với ông ta, hắn bắt đầu chặt King thành từng khúc như bổ củi.

Ở quầy rượu, cuộc nói chuyện chuyển sang chủ đề mùa đông sắp tới sẽ

ra sao. Veraon Stanchfield, một nông dân ở Palmyra, đánh giá mùa đông năm nay sẽ tương đối dễ chịu – theo như lời vàng ý ngọc của ông, mùa thu mưa xối xả đã dùng cạn tuyết mùa đông. Alfie Naugler, chủ nông trại trên đường Naugler ở Derry (hiện nông trại đã biến mất; nơi Alfie Naugler từng trồng các loại đậu và củ cải giờ đã biến thành Xa lộ Liên tiểu bang với sáu làn đường, kéo dài mười bốn ki-lô-mét) lại bất đồng quan điểm. Alfie cho rằng mùa đông sắp tới khắc nghiệt lắm cho xem. Ông bảo mình đã trông thấy tận [tám dải sẫm trên mấy con sâu bướm lông lá, một số con vô tiên khoáng hậu](#). Lại có người bảo mùa đông này sẽ băng giá, người thì nói thế nào cũng nhẽo nhoẹt bùn. Nhiều người nhớ lại trận Đại bão tuyết năm 1901. Jonesy chuyển các vại bia và mấy bát trứng luộc xuống quây rượu. Đằng sau họ, tiếng la hét vẫn thống thiết vang lên, máu chảy lênh láng thành sông.

Theo quan niệm dân gian của Mỹ, số dải màu cam và màu đen trên sâu bướm giúp ta dự đoán mùa đông sắp tới có khắc nghiệt hay không. Nếu sâu bướm càng có nhiều dải màu đen thì mùa đông càng khủng khiếp, còn nếu sâu bướm có nhiều dải màu cam thì mùa đông sẽ dễ chịu hơn.

Đến lúc ấy, trong quá trình phỏng vấn ông Egbert Thoroughgood, tôi tắt máy thu âm cát-sét và hỏi: “Thế nào mà chuyện tày đình như vậy lại xảy ra kia chứ? Ý ông là ông không biết chuyện gì đang xảy ra, hay ông biết nhưng mắt nhắm mắt mở để mặc nó?”

Cầm cửa ông Thoroughgood cúi gằm chạm xuống tận cái nút đầu tiên trên chiếc áo khoác lấm tẩm vết thức ăn, Hai hàng lông mày của ông nhíu lại. Suốt quãng thời gian dài, ông lặng thinh chẳng nói gì. Ngoài trời đang căm căm mùa đông, và tôi có thể nghe vẳng lại nhạt nhòa tiếng la hét, cười đùa của con nít trượt xuống triền đồi lờ lững ở công viên McCarron.

Thình lạng trong căn phòng bệnh nhỏ bé, ngột ngạt, sắc mùi thuốc của ông Thoroughgood dâng tràn đến độ tôi toan lặp lại câu hỏi. Đúng lúc ấy, ông đáp: “Chúng tôi đều biết. Nhưng dường như đi đâu đó chẳng thành vấn đề. Xét theo một khía cạnh nào đó, nó cũng như chính trị vậy. Ừ chuẩn, như vậy đấy. Nó như công chuyện của thị trấn. Tốt nhất để người nào sành sỏi về chính trị lo liệu, để người nào tường tận công chuyện của thị trấn xử lý. Những đi đâu đó sẽ được giải quyết gọn ghẽ nếu dám lao động chân tay không chen vào.”

“Ông đang ám chỉ số trời đã định, chỉ là ông ngại không nói thẳng ra phải không?” Tôi chột hỏi. Câu hỏi bỗng dừng bật ra khỏi miệng tôi, và tôi hoàn toàn chẳng kỳ vọng một ông cụ già nua, chậm chạp, ít học như ông Thoroughgood trả lời... thế mà ông vẫn đáp, chẳng chút bất ngờ.

“Chuẩn rồi,” ông nói. “Có lẽ là thế.”

Trong lúc những người đàn ông mải bàn về thời tiết, Claude Heroux tiếp tục đồ sát. Sau một hồi lần mò, Stugley Grenier cuối cùng cũng nổ súng. Rìu giáng thêm một nhát vào Eddie King, lúc này đã nát như tương cà. Viên đạn Grenier bắn vào lưới rìu rồi bật ngược, lóe lên tia lửa đánh keng.

El Katook đứng dậy và lùi lại. Ông ta vẫn nắm bộ bài trên tay, bài rơi lả tả xuống sàn. Claude hăm hè tiến lại. El Katook giơ hai tay ra. Stugley Grenier bắn thêm phát nữa nhưng đạn rơi cách Heroux hơn ba mét.

“Dừng lại đi, Claude,” El Katook nói. Thoroughgood kể dường như Katook cố mỉm cười. “Tôi không tham gia với bọn họ. Tôi không dính líu gì đến vụ này.”

Heroux chỉ gằn gừ.

“Lúc đó, tôi đang ở Millinocket,” El Katook phân bua, giọng ông ta cao

dần, nghe chẳng khác nào tiếng thét. *“Tôi ở Millinocket, tôi xin thề độc như vậy! Nếu không tin thì anh cứ hỏi người khác mà xeeeeem...”*

Claude giờ cây rìu tong tổng máu lên, El Katook ném tung những lá bài còn lại vào mặt đối phương. Rìu vùn vụt chém xuống. El Katook né được. Lưỡi rìu chém vào ván tường sau của quán bia. El Katook cuống cuống chạy trốn. Claude lôi rìu ra khỏi tường và thọc giữa hai mắt cá. El Katook hốt hoảng quáng quàng. Stugley Grenier bắn Heroux thêm một phát, lần này vận may mỉm cười hơn một chút. Ông ta nhắm vào cái đầu của thằng thợ rừng điên loạn; viên đạn cắm phập vào đùi của Heroux.

Trong lúc đó, El Katook hoảng loạn bò về phía cửa ra vào, tóc lòa xòa xuống mặt. Heroux lại vung rìu lên, găm gờ, lăm bằm trong miệng, và giây sau, thủ cấp của Katook lăn lông lốc trên sàn nhà đầy mặt cưa, lưỡi thè ra giữa hai hàm răng trông đến là gớm guốc. Cái đầu lăn đến bột của một tay thợ đốn gỗ tên Varney, ông này đã nốc tù tì cả ngày ở quán rượu Đồng bạc nên đến lúc đó, đương sự túy lúy đến độ chẳng biết mình đang trên biển hay trên đất liền. Ông ta đá quả đầu đi mà chẳng buồn nhìn xuống xem nó là gì rồi gào lên bảo Jonesy mang cho mình thêm bia.

El Katook bò thêm một mét, máu phọt ra từ cổ như vòi áp suất cao, thì nhận ra bản thân đã chết rồi ngã đánh phịch. Thế là chỉ còn lại Stugley. Heroux quay sang con mồi cuối cùng, nhưng Studley đã kịp chạy vào nhà xí lộ thiên và khóa trái cửa.

Heroux dùng rìu bổ cửa xông vào, vừa gào thét vừa lải nhải vừa tru tréo, dãi chảy xuống cả cằm. Khi hắn ta xộc vào trong, Studley đã biến mất dù nhà xí nhỏ xíu, lạnh lẽo, dột nước không có cửa sổ. Heroux đứng đó một lúc, đầu cúi gằm, hai cánh tay lực lưỡng nhoe nhoét dính đầy máu, và rồi hắn găm lên, lật nắp hố xí ba lỗ. Hắn vừa kịp trông thấy đôi bột của

Stugley biến mất bên dưới tấm ván vừa cắm đầu phi xuống đường Giao Thương trong cơn mưa, phân dính từ đầu đến chân, la lên hô hoán mình đang bị truy sát. Ông này là người duy nhất sống sót trong bữa tiệc tùng xẻo ở Đổng bạc, nhưng sau ba tháng nghe người ta đùa nhạo về cách thức trốn thoát của mình, ông ta bỏ xứ ra đi mãi mãi.

Heroux bước ra khỏi nhà xí, đứng trước cửa như con bò sau cuộc tấn công, đầu cúi xuống, giơ rìu về phía trước. Hấn thở hòng hộc, cả người bê bết máu.

“Đóng cửa lại đi, anh Claude, hồ cát ấy thối chín tầng mây đấy.” ông Thoroughgood nói. Claude thả rìu xuống sàn rồi làm theo yêu cầu. Quay trở lại cái bàn vương vãi mấy lá bài, nơi ban nãy các nạn nhân của hắn ngã, hắn đá bay hai cẳng chân của Eddie King cho đỡ vướng. Đoạn hắn lững thững ngã xuống, hai tay ôm đầu. Trong quán rượu, người ta tiếp tục uống, râm ran trò chuyện. Chừng năm phút sau, quán bia tấp nập kẻ ra người vào, trong đó có ba hay bốn viên cảnh sát (viên cảnh sát chỉ huy là bố của Lal Machen, nhưng khi trông thấy mớ hồ lớn ấy, ông lên cơn đau tim và được đưa đến phòng khám của bác sĩ Shratt). Claude Heroux được đưa đi. Hắn ngoan ngoãn theo cảnh sát, nửa tỉnh nửa mơ.

Đêm đó, những quán rượu trên dưới đường Giao Thương và đường Baker bàn tán ồn ã về cuộc thảm sát. Những tên bợm rượu sục sôi cảm giác phần nộ đầy chính đáng, và khi quán rượu đóng cửa, hơn bảy mươi người đàn ông lũ lượt đi xuống phố về phía nhà tù và tòa án. Họ cần theo nào đuốc, nào lồng đèn. Có người còn mang theo súng, người thì mang rìu, người lại vác theo móc sắt.

Phải đến trưa hôm sau, cảnh sát trưởng hạt mới từ Bangor về đến nơi nên không có mặt, Goose Machen thì nằm bẹp trong phòng khám của bác sĩ

Shratt do đau tim. Hai viên cảnh sát ngồi trong văn phòng chơi đánh bài nghe thấy tiếng đám đông ồn ào bên bờ của chạy lấy người. Đám say xỉn xông vào và lôi Claude Heroux ra khỏi buồng giam. Hắn ta chẳng buồn chống cự; hắn cứ mơ mơ màng màng như thể trên mây.

Đám đông vác hắn trên vai như công kênh người hùng sân cỏ; họ công kênh hắn xuống đường Kênh Đào rồi treo cổ hắn trên cây đu già chìa ra con kênh. “Hắn ta mù mịt đến độ chỉ ngúc ngoắc chân hai lần rồi thôi,” ông Egbert Thoroughgood kể. Theo những gì lịch sử thị trấn ghi nhận, đây là hành vi tử hình duy nhất từng xảy ra ở vùng này của Maine. Và có lẽ chẳng cần nói, vụ việc này không được đăng lên tờ *Derry News*. Rất nhiều người đi yên nhiên nốc bia khi Heroux ra tay trong quán bia Đồng bạc đã tham gia vào công cuộc tròng cổ hắn ta vào thông lọng. Đến nửa đêm, họ lật mặt nhanh thế không biết.

Tôi hỏi ông Thoroughgood câu hỏi cuối cùng: Ông có thấy người lạ nào trong lúc xảy ra chuỗi sự kiện bạo lực ngày hôm ấy không? Có ai đó mà ông thấy kỳ cục, khác người, lạ lùng, thậm chí trông như hề không? Một người uống bia ở quán vào buổi chiều hôm ấy chẳng hạn, hoặc một kẻ kích động quần chúng đêm đó, khi chuỗi bù khú vẫn kéo dài và nội dung cuộc tán gẫu chuyển sang việc hành hình thủ phạm mà chẳng đợi xét xử?

“Hình như là có,” ông Thoroughgood đáp. Lúc ấy, ông đã mệt, đầu gục xuống, gật gà gật gù. “Chuyện đã xảy ra lâu lắm rồi. Rất lâu, rất lâu rồi.”

“Nhưng ông vẫn nhớ gì chứ ạ?” Tôi lên tiếng.

“Ta nhớ hình như lúc ấy có hội chợ của hạt ở trên Bangor thì phải,” ông đáp. “Đêm đó, ta đang uống bia ở quán Xô máu. Xô máu cách Đồng bạc chừng sau cánh cửa. Có một gã... trông đến là buồn cười... gã nhào lộn, lăn tròn... tung hứng ly rượu... đủ trò lừa phỉnh... để bốn đồng xu trên

trán và chúng dính ở đó... mấy trò hề ấy mà...”

Cái cảm xương xẩu của ông lại gục xuống ngực. Ông sắp chìm vào giấc ngủ ngay trước mắt tôi. Nước bọt bắt đầu sùi lên quanh mép, một cái miệng nhiều nếp nhăn chẳng kém gì bóp đưng tiều lè của đàn bà.

“Kể từ đó, thỉnh thoảng ta lại thấy gã,” ông Thoroughgood tiếp tục. “Ta đoán chắc đêm đó gã vui lắm... nên mới quyết định ở lại.”

“Phải. Hẳn ta ở đây lâu lắm rồi,” tôi nói.

Lời đáp duy nhất của ông là tiếng ngáy khe khẽ. Ông Thoroughgood đã chìm vào giấc ngủ trên chiếc ghế cạnh cửa sổ, với đủ thứ thuốc hãm bà lằng lổ nhố xếp dọc bậc cửa sổ, những người lính tập hợp chống lại tuổi già. Tôi tắt máy thu âm, thỉnh thoảng nhìn ông một lúc, nhìn người đàn ông du hành vượt thời gian từ năm 1890 này, nhìn ông cụ từng sống qua cái thời không có xe hơi, không có đèn điện, không có máy bay, không có [bang Arizona](#). Pennywise cũng có mặt ở đó, dẫn dắt họ đến cuộc hiến sinh từng bừng - một trong rất nhiều cuộc hiến sinh máu me suốt chiều dài lịch sử Derry. Sự kiện xảy ra vào tháng Chín năm 1905 ấy khai mở thời kỳ kinh hoàng tột đỉnh, trong đó có vụ nổ ở Xưởng đúc Kitchener vào mùa lễ Tạ ơn năm sau.

Arizona thành bang năm 1912.

Điều này dấy lên trong tôi vài câu hỏi thú vị (và theo tôi là tối quan trọng). Ví dụ như, thật ra Nó ăn gì? Tôi biết trong số các nạn nhân, vài đứa trẻ bị ăn thịt một phần – trên người chúng có vết cắn – nhưng có lẽ chính *chúng ta* là kẻ khiến Nó làm như thế. Ngay từ những ngày còn bé, chúng ta đã được dạy rằng khi quái vật bắt được ta trong rừng sâu, nó sẽ ăn thịt chúng ta. Có lẽ, đó là điều tồi tệ nhất ta có thể hình dung. Nhưng suy cho cùng, chẳng phải quái vật sống bằng niềm tin hay sao? Tôi không tài nào

cưỡng lại được kết luận: Thức ăn có thể nuôi sống Nó, nhưng ngọn ngu ần sức mạnh đến từ niềm tin chứ chẳng phải thức ăn. Và còn ai có thể tin răm rắp hơn một đứa trẻ kia chứ?

Nhưng vấn đề là: con nít r ồi cũng lớn. Nhà thờ duy trì và h ồi phục sức mạnh bằng các hành động mang tính nghi thức định kỳ. Ở Derry, sức mạnh cũng được duy trì và h ồi phục bằng các hành động mang tính nghi thức định kỳ như thế. Phải chăng Nó tự bảo vệ mình bằng sự thật vô cùng đơn giản rằng khi trẻ em lớn lên thành người lớn, chúng mất đi niềm tin, hoặc chúng đã bị bó buộc v ề trí tưởng tượng, tinh thần?

Phải. Tôi nghĩ bí mật nằm ở đây. Và nếu tôi gọi điện thoại, liệu họ còn nhớ bao nhiêu chuyện xưa? Liệu họ sẽ tin bao nhiêu phần? Liệu có đủ để chấm dứt nỗi kinh hoàng này một lần và mãi mãi, hay chỉ đủ để họ mất mạng mà thôi? Họ đang được Nó gọi về— tôi chỉ biết chừng ấy. Mỗi vụ án mạng trong chu kỳ mới này là một lời réo gọi. Chúng tôi đã suýt kết liễu Nó hai lần, và cuối cùng, chúng tôi đã đẩy Nó lùi sâu vào đám cồng ng ần chẳng chịt như mạng nhện và những căn h ầm hôi thối dưới lòng thị trấn. Nhưng tôi nghĩ Nó biết một bí mật khác: có thể Nó bất tử (hoặc gần như bất tử), nhưng chúng tôi thì không. Nó chỉ cần đợi cho đến lúc niềm tin của chúng tôi, thứ giúp cả bọn có đủ khả năng kết liễu quái vật, tìm được ngọn ngu ần sức mạnh, tiêu biến. Hai mươi bảy năm. Có lẽ đó là thời kỳ chộp mắt của Nó, ngắn ngủi và sáng khoái như con người đánh một giấc trưa. Và khi thức giấc, Nó vẫn như xưa, nhưng một phần ba cuộc đời chúng tôi đã trôi qua. Góc nhìn của chúng tôi đã thu hẹp; niềm tin vào đi ều kỳ diệu, thứ giúp bao đi ều thần kỳ xuất hiện, đã mai một như đôi giày bót bóng loáng sau cả ngày đi bộ miệt mài.

Tại sao Nó gọi chúng tôi quay về? Tại sao Nó không để chúng tôi chết

cho xong? Vì chúng tôi đã suýt kết liễu được Nó, vì chúng tôi khiến Nó sợ mất mật. Tôi đoán thế. Và vì Nó muốn trả thù.

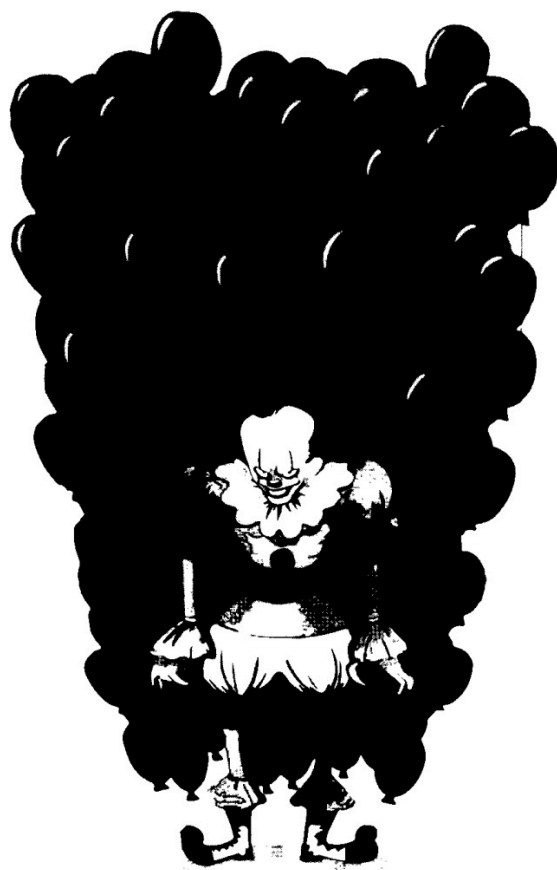
Và giờ đây, khi chúng tôi chẳng còn tin vào ông già Noel, vào Nàng tiên Răng, vào Hansel Gretel, vào con quỷ dưới cầi, Nó sẵn sàng tính sổ với chúng tôi. *Quay về đi, Nó nói. Quay về đi, giải quyết cho xong chuyện ở Derry. Mang bánh dừa, bi ve và yo-yo về đây đi! Chúng ta cùng chơi cho vui. Quay về đi, để xem các người có nhớ điều đơn giản nhất hay không: thế nào là làm trẻ con, với niềm tin thâm căn cố đế, và vì thế mà e sợ bóng tối.*

Riêng đi đâu này thì tôi ghi điểm cả nghìn phần trăm ấy chứ vì tôi sợ lắm. Sợ đến rụng rời.



V

NGHI THỨC CHÜD



Mọi đi ầu vẫn còn đang dang dở
Từng giọt nước cứ mãi rỉ ra
Chiếc rèm mục nát, lưới ở xa
Đầu đã rửa không còn gì cả.
Từ trong máy, thịt da tháo lỏng
Cầu đường không,
Người đi lại thế nào?
Băng qua lục địa dài rộng lớn
Người đập mây cưới gió ra sao?
Cứ mặc đi, những ngôn từ rơi rụng
Biết đâu rồi va phải chân tình
Sự viếng thăm hiểm đến khó tin
Và chúng đang mong mỗi cứu sinh
Cơn lũ đã làm trọn việc mình.

Ngắm nhìn và ghi nhớ, chiêm ngưỡng mảnh đất này,
Xa xa bao nhà máy, và muôn vàn Cỏ cây.
Tất nhiên chúng ở đây, để Người bước đi ngang.
Câu hỏi Người gửi gắm, đến rừng, đất, lá vàng;
Đôi tai Người nghe thấy, Đất mẹ bảo đi ầu gì,
Hành tinh đang bị chiếm: Chẳng là nhà, đi đi...

CHƯƠNG 19

ĐÊM KHUYA THANH VẮNG

1

Thư viện công cộng Derry/ 1 giờ 15 phút sáng

Khi Ben Hanscom kể xong câu chuyện về những viên đạn bạc, cả nhóm đều muốn trao đổi tiếp nhưng Mike đề nghị mọi người về ngủ cho lại sức. “Các cậu đón nhận thế này là đủ rồi,” anh nói, song trông Mike mới là người đã phải đón nhận nhiều thứ nhất, khuôn mặt anh mệt mỏi rã rời, đến độ Beverly còn nghĩ anh như đồ bệnh đến nơi.

“Nhưng chúng ta đã xong đâu,” Eddie lên tiếng. “Phần ký ức còn lại thì sao? Tớ vẫn chưa nhớ...”

“Mike nói đ-đ-đúng đấy,” Bill ngắt lời. “Chúng ta sẽ nhớ ra hoặc kh-không. Tớ nghĩ s-sớm muộn ta sẽ nhớ thôi. Ta đã nhớ ra những gì c-cần nhớ.”

“Có lẽ đó là những ký ức hữu dụng với chúng ta?” Richie nêu ý kiến.

Mike gật đầu. “Ngày mai mình gặp nhau nhé.” Đoạn anh liếc nhìn đồng hồ. “Ý tớ là lát nữa.”

“Ở đây à?” Beverly hỏi.

Mike chậm rãi lắc đầu. “Tớ nghĩ bọn mình nên hẹn nhau ở đường Kansas, nơi Bill hay giấu xe đạp ngày trước.”

“Chúng ta sẽ đi vào Vùng Đất Cằn sao?” Eddie nói và chột rùng mình.

Mike lại gật đầu.

Có một khoảng lặng trong lúc mọi người đưa mắt nhìn nhau. Đoạn Bill đứng dậy, cả nhóm lục tục đứng dậy theo.

“Tớ muốn tất cả các cậu hết sức cẩn trọng trong đêm nay,” Mike dặn dò. “Nó đã đến đây rồi! Nó có thể xuất hiện ở bất cứ nơi nào các cậu có mặt.

Nhưng cuộc gặp này khiến tớ thấy tươi sáng hơn.” Anh nhìn Bill. “Tớ xin khẳng định là ta vẫn có thể ra tay, cậu có cho là vậy không Bill?”

Bill chậm rãi gật đầu. “Ừ. Tớ cũng nghĩ rằng bọn mình vẫn có thể ra tay.”

“Nó cũng sẽ biết đi đâu đó,” Mike nói, “và Nó sẽ không từ thủ đoạn để chiếm thế thượng phong mà dễ bệch lòng hành.”

“Vậy nếu Nó xuất hiện thì chúng ta làm gì?” Richie hỏi. “Bịt mũi, nhắm mắt, quay tới quay lui ba lần và nghĩ đến những đi đâu tốt đẹp à? Hay thổi bụi ma thuật vào mặt Nó? Hát mấy bài hát xưa của Elvis Presley? Hay gì?”

Mike lắc đầu. “Nếu tớ có thể cho cậu câu trả lời thì đã chẳng có vấn đề gì, đúng không? Tất cả những gì tớ biết là có một thế lực khác - chỉ ít lúc chúng ta còn bé là thế – muốn chúng ta sống sót và thực hiện nhiệm vụ này. Có thể thế lực ấy vẫn còn tồn tại.” Anh nhún vai đầy bất lực. “Tớ đã nghĩ hai hay thậm chí ba người trong số các cậu sẽ biến mất lúc chúng ta bắt đầu buổi gặp tối nay. Mất tích hoặc có khi mất mạng. Nhưng nhìn thấy các cậu bình an vô sự xuất hiện như thế này, tớ có thêm lý do để nuôi hy vọng.”

Richie nhìn đồng hồ. “1 giờ 15 rồi. Thời gian trôi như con thoi khi ta vui chơi, Haystack nhỉ?”

“Bíp bíp, Richie,” Ben nói và khẽ mỉm cười.

“Cậu có muốn đi bộ về Nh-Nh-Nhà nghỉ với tớ không, Beverly?” Bill hỏi.

“Được thôi.” Cô khoác áo. Giờ đây, thư viện sao thật tĩnh lặng, tối tăm và đáng sợ. Bill cảm thấy hai ngày vừa rồi vồ vập ập đến cùng lúc, đè nặng lên lưng anh. Nếu chỉ là một mối thì chẳng nói làm gì, đằng này nó không dừng lại ở đó: anh cảm thấy mình như phát rồ, nằm mơ, gặp ảo giác hay hoang tưởng. Anh có cảm giác mình đang bị theo dõi. *Khéo thật ra mình chẳng có mặt ở đây, anh nghĩ. Có khi mình đang ở trong bệnh viện tâm thần của bác sĩ Seward, ngay sát căn nhà đồ nát của Bá tước Dracula, Renfield đứng bên kia phòng, hẳn bày đủ trò với đám ruồi, còn mình* chống chọi với quái vật, cả hai bọn

mình đều định ninh bữa tiệc sắp diễn ra, ăn diện hết sức bảnh bao, nhưng không phải diện áo đuôi tôm mà là áo của bệnh nhân tâm thần.

Bill đang nhắc tới các nhân vật trong tiểu thuyết Dracula của Bram Stoker. Bác sĩ Seward là một nhân vật chuyên thí nghiệm trên người, Renfield là một bệnh nhân tâm thần ăn ruồi và dùng ruồi để bắt các động vật khác để ăn thịt.

“Còn cậu thì sao, R-Richie?”

Richie lắc đầu. “Tớ sẽ nhờ Haystack và Kaspbrak đưa tớ về nhà,” anh nói. “Nhỉ, các bạn hiền?”

“Được thôi,” Ben đáp. Anh liếc nhìn Beverly, lúc ấy đang đứng gần Bill, và cảm thấy lòng mình khẽ nhói đau, một cảm giác anh đã quên băng từ lâu. Mảnh ký ức mới rung lên, suýt chút nữa trong tầm tay anh nhưng lại trôi dạt đi xa.

“Cậu thì sao, M-M-Mike?” Bill hỏi. “Cậu có muốn đi bộ cùng Bev và t-tớ không?”

Mike lắc đầu. “Tớ phải...”

Đúng lúc ấy, bỗng dưng Beverly thét lên, tiếng gào rít đầy tổn thương giữa màn đêm tịch mịch. Mái vòm trên đầu đưa tiếng thét lên cao, âm vang tựa tiếng cười của nữ thần báo tử, lượn vòng vòng, vỗ cánh quanh họ.

Bill quay sang nhìn cô; Richie đánh rơi áo khoác lúc nhấc áo khỏi lưng ghế; đoạn tiếng choang chất chứa vang lên khi tay của Eddie thả chai rượu gin trống không xuống sàn.

Beverly lùi khỏi nhóm bạn, hai tay chìa ra phía trước, mặt cắt không còn một giọt máu. Đôi mắt trũng sâu trong hai hốc mắt tím đen trợn trừng. “*Tay tớ!*” Cô gào lên. “*Tay tớ!*”

“Có chuyện...” Bill nói chưa hết câu thì nhìn thấy máu chảy ra từ những ngón tay run cấn cập của cô. Dặm tiến lại, chợt anh cảm nhận được những đường rạch ấm nóng và nhói đau trong tay mình. Cơn đau không nhức nhối mà âm ỉ như thỉnh thoảng ta cảm nhận từ vết thương cũ đã lành.

Những vết sẹo cũ trong lòng bàn tay anh, đột nhiên xuất hiện trở lại lúc anh còn ở Anh Quốc, đã toác máu. Anh đưa mắt nhìn sang bên thì thấy Eddie Kaspbrak ngẩn ngơ nhìn xuống hai tay mình. Tay của bạn anh đang chảy máu. Tay Mike, Richie và Ben cũng tương tự.

“Chúng ta sẽ chiến đấu đến tận cùng, phải không?” Beverly hỏi. Nước mắt tuôn rơi trên má cô. Tiếng khóc như khuyếch đại trong thư viện trống trải tĩnh lặng, cả tòa kiến trúc như đang khóc than cùng cô. Bill thần nhủ trong đầu, nếu phải nghe âm thanh này suốt khoảng thời gian dài, chắc anh sẽ phát điên mất. “Chúa giúp chúng ta, vì chúng ta sẽ chiến đấu đến cùng.” Cô nghẹn ngào rơi lệ, không chỉ nước mắt mà cả nước mũi cũng trào ra ở một bên. Cô đưa mu bàn tay đang run cấn cập của mình lên chùi khiến máu càng thêm lỏng tỏng xuống sàn.

“Nh-Nh-Nhanh lên!” Bill lên tiếng, đoạn chop lấy tay của Eddie.

“Sao kia...”

“Nhanh lên?”

Anh chìa tay còn lại ra, và giây sau, Beverly nắm lấy. Nước mắt cô vẫn không ngừng lăn chảy.

“Phải, Mike nói. Anh có vẻ mơ màng - tựa hồ người đang phê thuốc. “Phải, là vậy phải không? Mọi chuyện sắp tái diễn phải không Bill? Mọi chuyện lại sắp xảy ra rồi.”

“Ph-Ph-Phải, tớ ngh-nghĩ vậy...”

Mike nắm tay Eddie, Richie nắm tay còn lại của Beverly. Ben chỉ ngậy ra nhìn mọi người, đoạn anh bần thần như kẻ mộng du giơ hai bàn tay đầy máu của mình sang hai bên và bước vào giữa Mike và Richie. Anh nắm chặt lấy tay bạn. Vòng tròn khép kín.

(Ôi Chúa đây là nghi thức Chúa và con Rùa chẳng thể nào giúp chúng ta)

Bill toan hét lên nhưng cổ họng cứng đờ. Anh thấy đầu của Eddie ngửa ra

sau, gân cổ nổi lên bần bật. Bev đánh hông hai lần đầy mạnh bạo, như thể cô đang lên đỉnh thật nhanh và bén như khẩu súng 22 vừa phát nổ. Miệng của Mike méo xệch dị dạng, trông như nửa cười nửa nhăn mặt. Trong thư viện yên tĩnh, cửa bập bùng mở ra rồi đóng sập, tiếng động phát ra như quả bóng bowling lăn. Trong phòng Đọc, tạp chí ào ào bay dù tịnh không một cơn gió. Trong văn phòng của Carole Banner, máy đánh chữ IBM của thư viện rẹt rẹt khởi động và tự chạy chữ:

anhđấm

tayvào

cột nhàlaoaioáirằng mìnhgấp

maanhđấmtayvào

Viên bi đánh chữ bị kẹt. Máy đánh chữ xoèn xoẹt và phát ra tiếng điện tử thô kệch khi mọi thiết bị bên trong trở nên quá tải. Trong dãy số 2, kệ sách chứa đầy các đầu sách huyền bí chột đồ nhào, khiến sách của Edgar Cayce, Nostradamus, Charles Fort và kinh Ngụy tác vương vãi khắp nơi.

Bill cảm thấy quyền uy trào dâng trong người mình. Anh lơ mơ nhận ra mình đang cương lên, và tóc anh dường như dựng đứng. Cảm giác quyền uy trong vòng tròn khép kín này thật vô tiền khoáng hậu.

Bất thành linh, mọi cánh cửa trong thư viện đóng sầm cùng lúc.

Đồng hồ quả lắc rất to dựng đằng sau bàn mượn sách đánh chuông.

Và rồi cảm giác ấy biến mất, như thể vừa có người gạt công tắc.

Cả nhóm buông tay, đưa mắt nhìn nhau, choáng váng. Không ai nói gì. Khi cảm giác quyền uy rút đi như con sóng, Bill thấy lòng mình ứa màu sợ hãi. Anh nhìn những khuôn mặt trắng bệch, mệt mỏi của các bạn rồi cúi xuống nhìn hai bàn tay mình. Máu vẫn vương ở đó, nhưng vết thương mà Stan Uris từng rạch bằng mảnh chai Coca-Cola sắc nhọn vào tháng Tám năm 1958 đã khép miệng, chỉ để lại những đường màu trắng ngoằn ngoèo như sợi dây xoắn vào

nhau. Anh thầm nghĩ: *Hôm ấy là lần cuối cùng bảy người bọn mình có mặt cùng nhau... cái ngày Stan rạch tay cả bọn ở Vùng Đất Cằn. Stan không có mặt ở đây, cậu ấy mất rồi. Và đây là lần cuối cùng sáu người bọn mình được tụ hội bên nhau. Mình biết điều đó, hay nói đúng hơn, mình cảm nhận được điều đó.*

Beverly tiến sát đến bên anh, người run c ãn cập. Bill vòng một tay ôm lấy cô. Mọi người đều nhìn anh, đôi mắt mở to, sáng bừng trong ánh đèn dịu dịu, cái bàn dài nơi họ ng ẫ ban nãy lộn xộn chai rượu đã cạn, ly thủy tinh, gạt tàn đ ãy ếp, tựa h òm một hòn đảo ánh sáng tí hon.

“Thế là đủ r ẫ,” Bill khàn khàn lên tiếng. “Đủ vui thú cho cả đêm r ẫ. Bọn mình để dành buổi khiêu vũ cho dịp tới nhé.”

“Tớ nhớ ra r ẫ,” Beverly nói. Cô ngược nhìn Bill, hai mắt trừng trừng, gò má ươn ướt nhọt nhọt. “Tớ nhớ ra *tất cả* r ẫ. Bố tớ phát hiện các cậu. Chúng mình chạy trốn. Bowers, Criss và Huggins. Tớ thoát thân ra sao. Đường cống ng ầm... đám chim... Nó... *tớ nhớ ra tất cả rồi.*”

“Ừ” Richie lên tiếng. “Tớ cũng vậy.”

Eddie gật đầu. “Trạm bơm...”

“Và giờ Eddie...” Bill nói.

“Về thôi,” Mike chen ngang. “Các cậu nghỉ chút đi. Khuya lắm r ẫ.”

“Thôi. Tớ phải khóa cửa thư viện. Và tớ phải viết vài đi ều... Nếu muốn, các cậu có thể gọi đó là biên bản cuộc họp. Tớ viết nhanh r ẫ về ngay. Các cậu cứ đi trước đi.”

Cả nhóm tiến về phía cửa, chẳng ai nói lời nào. Bill và Beverly đi cùng nhau; Eddie, Richie và Ben ở phía sau. Bill giữ cửa và cô thì thầm cảm ơn. Khi cô bước xuống bậc tam cấp bằng đá granite rộng thênh thang, anh chợt nghĩ sao cô trông trẻ trung đến thế, mỏng manh đến thế... Anh ái ngại nhận ra lòng mình đang chênh choáng men tình trước cô. Anh cố nghĩ về Audra nhưng sao

bóng hình vợ anh lại xa xôi đến thế. Khéo lúc này, khi văng đông ửng hồng và người giao sữa bắt đầu công việc, cô đang khóc nỉ non trong căn nhà của họ ở Fleet.

Bầu trời Derry lại đầy mây, màn sương bảng lảng như những con suối trắng muốt trườn qua nẻo đường vắng ngắt. Xa xa là Nhà Cộng đồng Derry, tòa nhà xây theo lối Victoria vừa cao vừa hẹp, trần mặc trong đêm tối. Bill thẩn nhủ, Bất kể thứ gì bước đi trong Nhà Cộng đồng thì chỉ bước đi đơn côi. Anh phải ngăn mình không phá lên cười khúc khích. Tiếng chân của họ vang vọng quá. Tay của Beverly chạm vào tay anh, và Bill nắm lấy, lòng đầy biết ơn.

Ở đây Bill đang nhắc đến câu văn trong tác phẩm *The Haunting of Hill House* của Shirley Jackson.

“Mọi chuyện bắt đầu khi chúng ta còn chưa kịp sẵn sàng,” cô trầm ngâm.

“Liệu chúng ta có kh-khi nào s-sẵn sàng ư?”

“Cậu thì có, Bill ạ.”

Cái nắm tay của cô chợt trở nên tuyệt vời và cần thiết xiết bao. Anh tự hỏi cảm giác sẽ ra sao nếu anh được chạm vào ngực cô lần thứ hai trong đời, anh đồ rằng mình sẽ biết câu trả lời trước khi đêm nay kết thúc. Khuôn ngực cô sẽ đầy đặn hơn, trưởng thành hơn... tay anh sẽ chạm vào lớp lông khi anh ấp ủ gò vể nữ của cô. Anh thẩn nghĩ trong đầu mình: *Tớ yêu cậu, Beverly ạ... Tớ yêu cậu. Ben cũng yêu cậu... ngày trước hay bây giờ cũng vậy. Tất cả mọi người từ trước đến nay đều yêu cậu. Phải yêu thôi, vì mọi thứ đang bắt đầu. Chúng ta chẳng còn đường lui nữa rồi.*

Anh liếc ra sau và trông thấy mình đã cách thư viện nửa dãy nhà. Richie và Eddie đứng ở bậc tam cấp trên cùng; Ben đứng dưới, nhìn theo bọn họ. Anh đút hai tay vào túi quần, vai khuynh khuynh, qua những dải sương mờ là là trên mặt đất, trông anh như trở lại thành cậu bé mười một tuổi năm xưa. Nếu có thể thẩn giao cách cảm với Ben, Bill sẽ nói: *Nó chẳng quan trọng đâu, Ben*

ạ. Tình yêu mới là thứ quan trọng, nâng niu... khát khao mới là yếu tố tiên quyết chứ không phải thời điểm. Có lẽ chúng ta chỉ cần mang theo chừng đó thứ khi bước ra khỏi sắc xanh và tiến vào đêm tối. Cảm giác dễ chịu ấy lạnh lẽo quá, nhưng có còn hơn không.

“Ngày ấy, bố tớ phát hiện,” Beverly chột lên tiếng. “Tớ trở về từ Vùng Đất Cần được một ngày thì bố tớ phát giác. Tớ đã bao giờ kể với cậu lời ông ấy bảo với tớ khi ông ấy tức giận chưa nhỉ?”

“Ông ấy nói gì?”

“Bố lo cho con lắm, Bevvie.” Ngày xưa, ông ấy hay nói thế. “Bố lo cho con rất nhiều.” Cô vừa phá lên cười vừa run lẩy bẩy. “Tớ nghĩ ông ấy đã cố tình tấn công tớ, Bill ạ. Ý tớ là... trước đó, ông ấy từng đánh đập tớ rồi, nhưng lần ấy, lần cuối cùng ấy lại khác. Nói sao nhỉ... lúc đó, bố tớ lạ lắm. Tớ thương bố. Tớ thương ông ấy rất nhiều, nhưng...”

Cô nhìn anh, dường như muốn anh nói hộ tiếng lòng mình. Song anh không lên tiếng, bởi đó là đi đầu sớm muộn chính cô phải thốt lên, vì bản thân mình. Nói dối và tự lừa bản thân chẳng khác nào những hòn đá tảng sẽ trĩu bạn xuống.

“Tớ cũng căm ghét ông ấy,” cô tiếp tục, tay run rẩy ghì lấy tay Bill suốt một lúc lâu. “Chưa lần nào trong đời tớ nói với ai đi đầu đó. Tớ cứ nghĩ Chúa sẽ cho sét đánh chết tớ nếu tớ dám phát ngôn như vậy.”

“Vậy cậu hãy nói thêm một lần nữa đi.”

“Không, tớ...”

“Nào. Nói ra rất đau, nhưng có khi nó đã mưng mủ trong lòng cậu lâu lắm rồi. Cậu nói ra đi.”

“Tớ căm ghét bố tớ,” cô nói, không kìm nổi nước mắt. “Tớ căm ghét ông ta, tớ sợ ông ta, tớ căm ghét đến tận xương tủy, tớ chẳng bao giờ là đứa con ngoan vừa mắt bố tớ, tớ ghét ông ta lắm, ghét lắm, nhưng tớ cũng thương ông ấy.”

Anh dừng chân và ôm chặt cô vào lòng. Tay cô hoảng sợ bầu vú lấy anh. Nước mắt cô ướt đẫm cổ anh. Anh cảm nhận thật rõ cơ thể cô, căng tràn và săn chắc. Anh khẽ dịch người khỏi cô vì không muốn cô phát hiện anh đang dần cương lên... nhưng rồi cô tiến tới, áp sát vào anh.

“Ngày hôm ấy, bọn mình ở Vùng Đất Cằn suốt buổi sáng,” cô nói, “chơi đuổi bắt hay gì đó thì phải. Một trò chơi vô hại. Thậm chí bọn mình còn không nói gì về Nó, chỉ ít là lúc đó... mà có một khoảng thời gian, mở miệng ra là bọn mình lại bàn về Nó. Cậu có nhớ không?”

“Ừ,” anh đáp. “Có một kh-kh-khoảng như thế. Tớ nhớ.”

“Trời giăng đầy mây... nóng bức. Bọn mình chơi cả buổi sáng. Sau đó, chừng 11 giờ 30 phút, tớ về nhà. Tớ định ăn bánh bánh mì kẹp hoặc chén canh trước khi tắm táp rồi quay lại chơi với mọi người. Lúc ấy đang là giờ làm việc của bố mẹ tớ. Vậy mà bố tớ lại có mặt ở nhà. Ông ta

2

Đường Chính Phố Dưới/ 11 giờ 30 phút trưa

hất cô văng qua căn phòng lúc cô còn chưa kịp bước chân qua cửa. Cô giật mình thét lên thất thanh, nhưng tiếng hét nghẹn lại khi vai đập phải bức tường đau đến tê tái. Cô ngã vật ra chiếc ghế sofa lún lõm trong phòng, cuống cuồng đưa mắt nhìn quanh. Cánh cửa dẫn ra sảnh trước đóng sập lại. Bố cô đang đứng ngay cửa.

“Bố lo cho con lắm, Bevvie,” lão nói. “Thỉnh thoảng, bố lo cho con *rất nhiều*. Con biết vậy mà. Bố hay nói với con như vậy, có đúng không? Con biết rõ đi đâu đó.”

“Bố ơi, có chuyện...”

Lão từ từ bước qua phòng khách, tiến lại gần cô, nét mặt trầm tư, buồn rầu và đầy chết chóc. Cô không muốn thấy vẻ mặt ấy kéo dài, nhưng nó cứ ở đó,

như bụi bắn lóe lên trên mặt nước phẳng lặng. Lão gặm khớp ngón tay phải đầy tư lự. Lão mặc bộ đồ ka ki, và khi liếc xuống, cô trông thấy đôi giày cao cổ của lão dấy bắn lên tấm thảm của mẹ. *Mình phải hút bụi cho sạch*, cô mơ hồ ngẫm nghĩ. *Hút cho sạch đất cát. Nếu bố để mình hút bụi. Nếu bố...*

Đó là bùn. Bùn đen. Tâm trí cô cuống lên cảnh báo. Ban này, cô chơi ở Vùng Đất Cằn với Bill, Richie, Eddie và mọi người trong nhóm. Dưới Vùng Đất Cằn có loại bùn đen lầy nhầy giống y như bùn dính trên giày của bố cô, ở khu vực đầm lầy nơi những bụi cây mà Richie hay gọi là tre mọc ken dày, trắng hếu như xương. Khi gió thổi qua, thân cây cọ vào nhau lạch cạch vô hồn, tạo nên thứ âm thanh tựa như trống trong nghi lễ tà thuật, và lẽ nào bố cô đã xuống Vùng Đất Cằn? Lẽ nào bố cô...

CHÁT!

Tay lão vụt như tên bắn theo một quỹ đạo thật rộng và giáng xuống mặt cô. Đầu cô bật ngửa vào tường. Lão móc ngón trỏ vào thắt lưng rồi nhìn cô với vẻ mặt tò mò, xa rời thực tại và nguy hiểm chết người. Cô cảm nhận máu nóng hồi rỉ xuống khoe môi bên trái của mình.

“Bố đã nhìn con khôn lớn,” lão lên tiếng, và cô cứ tưởng lão sẽ nói thêm gì đó, nhưng không, câu nói chỉ bỏ lửng ở đó.

“Bố, bố đang nói gì vậy?” cô run run thều thào hỏi.

“Nếu con nói dối bố, bố sẽ đập con thừa sống thiếu chết, Bevvie,” lão nói, và cô hãi hùng nhận ra lão không nhìn thẳng vào mặt mình mà chĩa mắt qua đầu cô, lom lom vào bức tranh treo tường của nhà in Currier and Ives trên sofa. Tâm trí cô quay cuống trong điên loạn, rồi cô thấy cảnh tượng lúc mình bốn tuổi, ngồi trong bồn tắm với cái thuyền nhựa màu xanh và cục xà phòng Popeye; bố cô, to lớn, đong đầy tình thương, quỳ gối bên cạnh cô, mặc quần vải chéo xám và áo ba lỗ, một tay cầm khăn, tay kia cầm ly sô-đa cam, vừa cọ lưng cho cô vừa nói, *Để bố xem tai cho con nào, Bevvie; lấy ráy tai để mẹ còn*

đem nấu chín. Và cô có thể nghe thấy cô bé con ngày xưa cười khúc khích, ngược nhìn khuôn mặt dạn dày sương gió của bố; khuôn mặt mà lúc bé, cô cứ ngỡ sẽ mãi trường tồn.

“Con... con sẽ không nói dối,” cô nói. “Có chuyện gì vậy bố?” Hình ảnh bố trước mắt cô dần nhòe đi khi lệ trào khóe mi.

“Con xuống Vùng Đất Cằn với một đám con trai phải không?”

Cô đứng tim; mắt nhìn xuống đôi giày bám đầy bùn của bố mình. Thớ bùn đen thui, bết dính. Nếu bước sâu vào đó, bùn lầy sẽ kéo giày của ta tuột ra ngay... Richie với Bill đầu cho rằng nếu tiến sâu vào trong, đầm lầy sẽ biến thành bùn lún.

“Thỉnh thoảng con xuống chơi ở...”

Chát! Bàn tay chai sần của lão lại giáng xuống mặt cô. Cô thét lên đau đớn và đầy sợ hãi. Vết mặt của lão làm cô phát hoảng, và việc lão không buồn nhìn vào mặt cô lại càng khiến cô sợ hãi hơn. Lão ta có vấn đề rồi. Bố cô càng lúc càng kinh khủng... Nhớ đâu lão ta thật sự muốn giết cô thì sao? Nhớ đâu

(ôi dừng lại ngay Beverly ông ấy là BỐ mày và CÁC ÔNG BỐ không giết CON GÁI của mình)

lão ta mất kiểm soát thì sao? Nhớ đâu...

“Con để chúng nó làm gì rồi?”

“Làm gì là sao ạ...” Cô chẳng hiểu ý lão là gì. “Cởi quần ra.”

Cô càng lúc càng bối rối. Lời bố nói chẳng ăn nhập gì với nhau. Nội việc chạy theo những gì lão thốt ra đã đủ khiến cô... xây xẩm, phải, chính là cảm giác ấy.

“Gì kia ạ... tại sao...?”

Lão giơ tay lên; cô rút người lại. “Cởi ra ngay, Bevvie. Tao muốn xem mày còn nguyên vẹn hay không.”

Và rồi một hình ảnh mới, điên rồ hơn tất cả thấy hiện lên trong tâm trí cô: cô hình dung mình đang cởi quần jean thì một chân đứt ra. Bố cô chạy quanh phòng đánh đập cô trong lúc cô cố nhảy lò cò thoát thân bằng chân còn lại, lão la hét ồm ồm: *Tao biết mày không còn nguyên vẹn mà! Tao biết ngay! Tao biết ngay!*

“Bố ời, con không biết...”

Tay lão nhào xuống, nhưng lần này cô không ăn tát mà bị siết thật mạnh. Tay lão bấu vào vai cô cuồn cuộn. Cô hét lên. Lão kéo cô đứng dậy, và lần đầu tiên, lão nhìn thẳng vào mắt cô. Một lần nữa, cô bất giác thất thanh khi thấy cảnh tượng trong mắt bố. *Hoàn toàn trống rỗng*. Đây không còn là bố cô nữa rồi. Và Beverly chợt hiểu cô đang ở một mình trong căn nhà này với Nó, một mình với Nó trong buổi sáng tháng Tám biếng nhác ấy. Cô không cảm nhận được sức mạnh đặc quánh và độc ác thuần túy như trong căn nhà trên đường Neibolt một tuần trước đó – cái ác nghiệt của Nó đã bị căn tính của bố cô dung hòa ít nhiều – nhưng Nó vẫn hiện diện ở đây, phát lộ qua con người lão.

Lão hất cô sang một bên. Cô đập người vào bàn, vấp té và ngã nhào xuống sàn với tiếng la. *Mọi chuyện xảy ra như thế*, cô thần nghĩ. *Mình sẽ nói với Bill để cậu ấy hiểu. Nó hiện diện khắp nơi ở Derry. Nó... Nó tràn vào những nơi trống rỗng, chỉ có thế mà thôi*.

Cô lộn một vòng. Bố đang tiến lại về phía cô. Cô lê đống quần jean lùi khỏi lão, tóc vương cả vào mắt.

“Tao biết mày xuống đó,” lão lên tiếng. “Người ta mách tao. Nhưng tao không tin. Tao không tin cô con gái Bevvie của tao lại đàn đúm với một đám con trai. Và rồi sáng nay, tao tận mắt chứng kiến con gái tao chơi bời với cả nhóm toàn con trai. Còn chưa mười hai tuổi mà mày đã học đòi chơi với một đám con trai rồi cơ đấy!” Dường như suy nghĩ ấy khiến lão nổi cơn tam bành mới; phần nộ rần rất chạy khắp thân người gầy gò của lão như điện giật. “Mày

còn chưa mười hai tuổi!” Lão gầm lên rồi đá một cú vào đùi cô khiến cô la lớn. Hàm lão nghiêng ken két trước sự thật hoặc ý niệm hay bất kể suy nghĩ gì mà lão đang ngẫm trong đầu như hàm con chó đói chực chờ miếng thịt. “*Mày còn chưa mười hai tuổi! Chưa mười hai tuổi! Chưa MU’ỜI HAI tuổi!”*

Lão lại tung cú đá. Beverly loạng choạng chạy trốn. Hai bố con bước vào nhà bếp. Giày lao động của lão đập vào ngăn tủ dưới lò khiến xoong nồi chén bát bên trong lanh canh.

“Ai cho mày chạy trốn tao hả Bevvie,” lão nói. “Mày mà làm thế thì tao sẽ cho mày biết thế nào là lễ độ. Mày liệu mà tin đi. Mày liệu mà tin bố mày đi. Chuyện này rất nghiêm trọng. Mày đàn đúm với cả đám con trai và để cho chúng làm đủ trò với mày – trong khi mày còn chưa *mười hai* tuổi – tình hình rất nghiêm trọng, có Chúa chứng giám.” Lão chộp lấy cô và kéo vai bắt cô đứng dậy.

“Mày xinh xắn thế này kia mà,” lão thủ thỉ. “Có khối người sẽ sướng rơn khi chăn được một đứa con gái xinh. Và đây những đứa con gái xinh sẵn sàng để kẻ khác chăn mình. Mày có tỏ ra đàng điếm trước mặt chúng nó không đấy, Bevvie?”

Cuối cùng, cô đã hiểu Nó tiêm nhiễm vào đầu bố cô thứ gì... có đi đâu một phần trong cô biết suy nghĩ ấy đã bén rễ ở đó bấy lâu nay; Nó chỉ tận dụng những công cụ sẵn có, mong chờ được phát huy tác dụng mà thôi.

“Không có, bố ời. Con không có...”

“*Tao đã thấy mày hút thuốc!*” Lão gầm lên. Lần này, gã quất lòng bàn tay vào người cô, mạnh đến độ cô lão đảo lúi lại như kẻ say về phía bàn bếp rồi ngã sõng soài, thắt lưng nhói đau như lửa đốt. Lọ muối và tiêu rơi xuống sàn. Lọ tiêu vỡ tan tành. Những bông hoa màu đen nở bung rồi biến mất trước mắt cô. Âm thanh nghe thật sâu. Cô trông thấy bố. Trên mặt lão có nét gì đó, Lão đang nhìn vào ngực của cô. Cô chợt ý thức áo cánh mình mặc đã phanh ra, vài

cái nút bị bung mà cô lại không mặc áo ngực... hay nói đúng hơn là chưa mặc, cô chỉ có mỗi một chiếc áo lá. Tâm trí cô nhớ lại lúc cả bọn bước vào căn nhà trên đường Neibolt, khi Bill đưa áo của cậu cho cô. Cô biết ngực mình nhô lên qua lần áo bông mỏng, nhưng ánh nhìn thảnh thơi vượt qua của các bạn không khiến cô phật lòng: cô thấy chúng hoàn toàn bình thường. Còn ánh nhìn của Bill có gì đó đặc biệt hơn: ấm áp, khát khao, thậm chí âm ỉ mãnh liệt.

Và rồi trong lòng cô ngổn ngang cảm giác tội lỗi xen lẫn sợ hãi. Bố cô có sai không? Phải chăng cô đã

(mày có tỏ ra đàng điếm trước mặt chúng nó không)

có những suy nghĩ không hay? Những suy nghĩ bậy bạ? Những suy nghĩ về thứ mà bố cô đang nói tới?

Nó không hề giống nhau! Nó không giống cách

(mày có tỏ ra đàng điếm)

bố đang nhìn mình lúc này! Không giống!

Cô kéo áo lại.

“Bevvie?”

“Bố, bọn con chỉ chơi với nhau thôi. Bọn con chơi đùa thôi... Bọn con... bọn con không làm gì... không làm gì bậy bạ cả. Bọn con...”

“Tao thấy mày hút thuốc,” lão lặp lại và lừ lừ tiến lại gần cô. Đôi mắt lão di chuyển từ ngực xuống phần hông thon gầy của cô. Chợt lão ông ổng hát vang lên bằng cái giọng chẳng khác nào nam sinh, và điều này càng khiến cô sợ hãi: “Con gái nhai kẹo cao su thế nào cũng rút thuốc! Con gái rút thuốc thế nào cũng bia rượu! Con gái bia rượu thì ai cũng biết sẽ làm trò gì!”

“CON KHÔNG LÀM GÌ CẢ!” Cô hét lên cái lại khi hai tay của lão chụp lấy vai cô. Lão không siết cô, cũng không làm cô đau. Hai tay của lão rất nhẹ nhàng. Và chẳng hiểu sao đó là điều làm cô sợ nhất.

“Beverly,” lão cu ồng đại nói như kẻ bị ma nhập. “Tao đã thấy mày với một đám con trai. Giờ mày nói tao nghe xem một đứa con gái thậm thụt làm trò gì với cả đám con trai trong rừng ngoài nằm ra dăng cổ cho chúng nó?”

“*Để con yên!*” Cô thét lên. Phần nộ lóe lên từ cái giếng hun hút mà cô không hề hay biết. Phần nộ phùng lên ngọn lửa vàng xanh trong đầu cô. Nó đe dọa suy nghĩ của cô. Bao lần bố đã làm cô sợ; bao lần bố đã lăng mạ cô; bao lần bố đã làm cô bị thương. “*Bố hãy để con yên!*”

“Tao cấm mày nói chuyện với bố mày như thế,” lão đe nẹt, giọng thoáng giạt mình.

“Con không làm đi đâu bố nói! Con không bao giờ làm thế!”

“Có thể có. Có thể không. Tao sẽ kiểm tra cho chắc. Tao biết cách. Mày cởi quần ra mau.”

“*Không.*”

Lão trợn mắt, để lộ giác mạc vàng khè xung quanh mống mắt xanh thẳm. “Mày nói *cái gì?*”

“Con bảo *không.*” Mắt lão dán chặt vào cô, và có lẽ lão đã trông thấy cơn thịnh nộ phùng phùng ở đó, cơn nổi loạn đầy bộc phát. “Ai đã mách bố?”

“Bevvie...”

“Ai mách bố bọn con chơi ở đó? Một người lạ phải không? Có phải gã đàn ông mặc đồ màu cam và bạc không? Hắn mang găng tay phải không? Trông hắn như tên hề dù hắn không phải gã hề đúng không? Tên hắn ta là gì?”

“Bevvie, mày thôi ngay...”

“Không: *bố* mới là người phải dừng lại,” cô nói.

Lão vung tay, nhưng lần này lão không xòe tay mà siết lại thành nắm đấm như muốn đập bẽ thứ gì đó. Beverly rụt người né. Nắm đấm của lão vụt trên đầu cô, cắm thẳng vào tường. Lão găm lên, buông cô ra và đưa nắm tay lên

miệng. Cô nhanh chân lùi thật xa.

“Mày quay lại đây ngay!”

“Không,” cô đáp. “Bố muốn đánh con. Con rất thương bố, nhưng con ghét bố như vậy. Bố không thể thương cảng tay với con nữa đâu. Nó sai khiến bố làm vậy, nhưng chính *bố* là người cho Nó vào.”

“Tao chẳng hiểu mày lải nhải cái gì,” lão nói, nhưng mày quay lại đây ngay cho tao. Tao không nói nhiều lần đâu.”

“Không,” cô đáp, nước mắt lại tuôn rơi.

“Đừng để tao đến tận nơi xách cổ mày, Bevvie. Nếu tao làm vậy thì mày chỉ có nước hối hận thôi. Đến đây ngay.”

“Nói con nghe ai đã mách bố,” cô đáp, “thì con đến.”

Lão nhảy bổ về phía cô nhanh như cắt, đến độ dù lường được lão sẽ lao về phía mình nhưng cô suýt nữa vẫn bị bắt. Cô quơ quang chớp lấy tay nắm cửa nhà bếp, kéo cửa mở vừa đủ để mình lọt qua rồi cầm đầu chạy xuống hành lang về phía cửa chính, đầu óc hoảng loạn đến mù mẫm, chạy giống như cách cô trốn khỏi bà Kersh vào hai mươi bảy năm sau. Đằng sau cô, Al Marsh tông đánh rầm vào cánh cửa khiến nó đóng sập lại và nứt ở ngay giữa.

“TRỞ LẠI ĐÂY NGAY, BEVVIE!” Lão lồm lên, giật tung cánh cửa và rượt theo cô.

Cửa trước đang cài chốt, ban nãy cô về nhà bằng cửa sau. Một tay cô lúng túng mở khóa, tay kia giật nắm cửa trong vô vọng. Đằng sau, bố cô lại gằn lên, tiếng gằn của một

(cởi quần ra đồ đàng điếm)

con thú. Cô xoay tay nắm cửa, và cuối cùng, cửa chính cũng bật mở. Hơi thở nóng bừng rần rật trong cổ họng. Nhìn qua vai, cô thấy bố mình ngay phía sau, lão đang lao tới, vừa nhe nhớn cười vừa nhăn mặt, hàm răng vàng khè lởm

chớm như bầy gấu trong miệng.

Ba chân bốn cẳng chạy qua cửa ngoài hiên, Beverly cảm nhận được những ngón tay của lão sượt qua lưng áo cánh nhưng không chụp được mình. Vội vàng nhào xuống bậc tam cấp, cô mất thăng bằng và ngã xuống vỉa hè xi măng, trầy trụa hết cả hai đầu gối.

“*QUAY TRỞ LẠI ĐÂY NGAY BEVVIE KÈO TAO LỘT DA MÀY BÂY GIỜ!*”

Lúc lão chạy xuống bậc tam cấp, cô loạng choạng đứng dậy, quần jean thùng lố,

(cởi quần ra)

đầu gối chảy máu, đầu mút thần kinh lộ ra hát vang bài ca “Tinh binh Giê-su tiến lên”. Quay ra sau, cô thấy lão đang bám sát nút. Al Marsh, lao công và bảo vệ, gã đàn ông tóc lấm tẩm bạc mặc quần ka ki, áo ka ki với hai chiếc túi có nắp, chùm chìa khóa móc vào thắt lưng, tóc bay tứ tung. Nhưng trong mắt bố cô không còn hình bóng của lão nữa – căn tính của người bố từng chà lưng cho cô, từng đâm vào bụng cô, từng làm cả hai đi ầu như thế vì lo cho cô, lo cho cô *rất nhiều*, người bố từng cố gắng tết tóc cho cô năm cô lên bảy tuổi rồi cột thành mở bùng nhùng, khúc khích cười với cô vì mái tóc chĩa bốn phương tám hướng, người bố biết làm món cocktail trứng sữa vị quế vào Chủ nhật ngon hơn bất cứ món đồ uống nào bán ở Quầy kem Derry với giá hai mươi lăm xu, người bố của cô, người đàn ông nhất trong bao người đàn ông của đời cô, phô diễn những mặt tốt xấu lẫn lộn của khác giới. Tất cả đã không còn trong mắt lão. Cô chỉ thấy mắt lão đơn thuần sát khí. Cô thấy Nó ở đó.

Vậy nên cô chạy. Cô chạy trốn khỏi Nó.

Ông Pasquale giật mình nhìn lên khi đang đứng tưới nước trong khu vườn đầy cỏ dại và nghe tường thuật trận đấu của đội Red Sox trên đài cầm tay đặt ở thành hiên trước. Những đứa con nhà Zinnerman đứng sau chiếc xe Hudson Hornet cũ mua với giá hai mươi lăm đô-la và hôm nào cũng lôi ra chà rửa. Một

đưa cậ̀n vọ̀i nượ́c, đự́a còn lại cậ̀n xộ̀ xạ̀ phòng. Cả hai hạ́ hốc̣ mồm. Bà Denton nhìn từ chung cư tậ̀ng hai, đặt chiếc vợ́ của một trong sáu đự́a con gái trong lòng, còn nhự̃ng bộ độ̀ khác cất trong rộ̉ quậ̀n áo đệ̉ trên sàn, miệng ngậm đậ̀y kẹ̣p. Cậu bé Lars Theramenius nhọ̉ bé nhanh nhẹn lồị chiếc xe kéo Red Ball Flyer ra khỏi vị̉a hè lọ̉m chọ̉m và đự́ng trên bãi cọ̉ xợ xác của ông Bucky Pasquale. Mùa xuân năm ấy, cọ́ một hòm, Bevvie đạ̃ kiên nhẫn bọ̉ cả buổi sáng đệ̉ dạy cậu cách cộṭ dây giày sao cho không bị̣ tuột. Cậu ọ̀a lên khóc khi cộ vừa chạy vừa la hét thật to, hai mắt trợṇ trừng. Giây sau, bộ́ cộ chạy qua, gậ̀n lên chự̉i rửa, và Lars, cậu bẹ́ lúc ấy mới ba tuổi và mượ̀i hai năm sau sẽ mất mạng trong một vụ̣ tai nạn xe gặ́n mạ́y, nhìn thấy một thự́ tàn tệt, không chút tính người trên khuôn mặt của Marsh. Sau vụ̣ đó, cậu bẹ́ gặp ác mộng suốt ba tuậ̀n liệ̀n. Cậu nằm mợ́ thấy lão Marsh biến thành con nhện chui vào quậ̀n áo cậu.

Beverly cảṃ đầu cảṃ cộ̉ chạy. Thâm tâm cộ biết rõ tính mạng mình nhự chỉ mảnh treo chuông. Nếu bắt đượ̣c cộ, còn lâu lão mới mặ̀ng đến chuyện hai bộ́ con đang ợ̉ ngoài đượ̀ng. Thỉnh thoảng, người ta lại làm đụ̉ trò điên rộ̀ ợ̉ Derry; cộ chẳng cậ̀n phải đọc báo hay biết lịch sự̉ kì dị của thị trấn này mới hiểu đậ̀u đó. Nếu thộ̣p đượ̣c cộ, lão sẽ bóp cộ̉ cộ hoặc đánh đập cộ. Và sau khi tấn cộ, ai đọ́ sẽ đến gộ̀ cộ̉ lão lại, lão sẽ vào tụ̀ bóc lịch giống nhự bộ́ dượng của Eddie Corcoran, đậ̀u óc mợ́ mặ̀ng, xa rời thực tại.

Cộ chạy vệ̀ phía trung tâm thị trấn, ngang qua càng lúc càng nhiệ̀u người. Họ̣ trợ̉ mắt nhìn – đậ̀u tiên là nhìn cộ, sau đọ́ nhìn ông bộ́ đang rượ́t theo sau – ai nấy đậ̀u tọ̉ vẻ ngạc nhiên, thậm chí nhiệ̀u người còn bàng hoàng. Nhưng nét mặt họ̣ chỉ đến đậ̀y chự́ không hơn. Nhìn xong, họ̣ tiếp tục việc mình đang làm. Không khí lưu thông trong phổi cộ càng lúc càng nặng nệ̀.

Cộ băng qua Kênh Đào, chân đạp bồm bộp̣ trên mặt xi mặ́ng trong lúc xe cộ ụ̀ ụ̀ chạy qua cây cậ̀u gộ̃ phía bên tay phải. Phía bên trái, cộ cọ́ thể trông thấy

phần đá bán nguyệt ở đoạn Kênh Đào chui xuống trung tâm thị trấn. Bất thành linh, cô băng qua đường Chính, mặc kệ tiếng còi ầm ỹ và tiếng phanh kin kít vang lên. Cô rẽ phải vì Vùng Đất Cằn nằm ở hướng đó. Nó còn cách cô hơn một cây rưỡi, và nếu muốn chạy đến đó, cô phải làm mọi cách để bỏ xa bố cô trên triền dốc tức của đồi Dặm Trên (hoặc con phố nào đó thậm chí còn dốc hơn). Đó là cách duy nhất.

“QUAY LẠI ĐÂY CON KHỐN TAO CẢNH CÁO MÀY!”

Lúc bước qua vỉa hè phía bên kia đường, cô liếc thật nhanh về sau khiến sợi tóc đỏ hất lên vai. Bố cô đang băng qua đường, chẳng buồn để tâm đến xe cộ y như cô ban nãy, mặt lão đỏ bừng, mồ hôi mồm ê nhễ nhại.

Cô thụp người xuống ở con hẻm đằng sau dãy Nhà kho. Đây là mặt sau của các nhà máy với mặt tiền quay ra đồi Dặm Trên: Star Beef, Đóng gói thịt Armour, Kho và Nhà chứa Hemphill, Eagle Beef & Kosher Meats. Con hẻm chật hẹp trái sỏi, đã vậy còn lổn ngổn cả đống thùng rác bốc mùi nồng nặc nên lại càng trở nên nhỏ hơn. Sỏi nhơm nhớp thứ rác rưởi góm ghêếc chẳng rõ là gì. Đủ thứ mùi hỗn tạp, nhạt nhẽo có, thối um có, choáng váng có... nhưng mùi nào mùi nấy đầu tanh tươi mùi thịt tươi và máu me. Ruồi bay thành đàn. Từ bên trong một số nhà máy, cô có thể nghe thấy tiếng cưa xương rít lên rợn da gà. Chân cô loẹt quẹt chói với trên mặt sỏi nhớp nhúa. Hông cô húc vào thùng rác mạ kẽm, khiến đống lòng mề bọc trong giấy báo rơi ra như những khóm hoa rừng bằng thịt khổng lồ.

“MÀY QUAY LẠI ĐÂY NGAY CHO TAO BEVVIE! TAO KHÔNG ĐUA ĐÀU NHÉ! ĐỪNG ĐỔ THÊM DẦU VÀO LỬA NỮA!”

Hai người đàn ông ngỗ ngỗ nghỉ ở cửa khuôn vác hàng của nhà máy Đóng gói Kirshner, gặm lấy gặm để chiếc bánh mì kẹp to ụ, cặp lồng đựng bữa tối đang để mở bên cạnh. “Chết mày chưa nhóc ời,” một người băng quơ lên tiếng. “Xem ra mày sắp bị bố mày tấn cho một trận lên bờ xuống ruộng rồi.” Người

còn lại phá lên cười.

Bố cô đang tăng tốc. Cô có thể nghe thấy tiếng chân nên thành thịch và tiếng thở nặng nề ngay phía sau, nhìn sang phải, cô trông thấy bóng lão vùn vụt chạy dọc hàng rào bằng gỗ cao cao.

Đoạn lão tức tối thất thanh khi bị trượt và đo ván lên mặt đường trải sỏi. Nhưng lão ngay lập tức bật dậy, không la hét ồm ồm nữa mà chỉ gào rú những tiếng chẳng rõ nghĩa đây thịnh nộ trong lúc hai gã đàn ông đứng ở cửa ha hả cười và vỗ bồm bộp lên lưng nhau.

Con hẻm ngoặt sang trái... và Beverly phanh kít lại, miệng há to thảng thốt. Một xe rác đang đậu chắn ngay miệng con hẻm. Hai bên còn không hở đến hai mươi phân. Động cơ xe ầm ầm chạy. Lẫn trong tiếng xe, cô có thể nghe thấy tiếng trò chuyện rì rầm trong buồng lái. Bọn họ đang nghỉ trưa. Chưa đầy ba, bốn phút nữa là đến trưa, chẳng mấy chốc, chiếc đồng hồ của tòa án sẽ điểm.

Bev có thể nghe thấy tiếng bố mình đang chạy đến, càng lúc càng gần. Cô thụp người chui xuống dưới gầm xe, lồm cồm bò bằng khuỷu tay và đầu gối rách. Mùi khói xe, mùi xăng trộn với mùi thịt sống khiến cô xây xẩm mặt mày. Cô di chuyển tương đối dễ dàng, nhưng không vì thế mà bớt gớm ghiếc: cô trượt trên mặt đất nhớt nhúa, rác đóng thành lớp trơn tuột. Cô trườn tiếp, có lúc nhô lưng cách mặt sỏi quá xa và đập thẳng vào ống bô nóng rẫy của chiếc xe. Cô phải cắn răng để không thét lên.

“Beverly? Mày ở dưới đó đúng không?” Từng tiếng rời rạc vang lên vì bố cô hỗn hển hóp lấy hóp để không khí. Quay lại, cô trông thấy hai con người lúc lão cúi xuống nhìn bên dưới chiếc xe.

“Đề... con yên!” Cô chật vật nói.

“Con khốn kiếp,” lão gằn từng lời, sắc nước bọt. Lão nằm thụp xuống, chìa khóa leng keng đánh vào nhau rồi bắt đầu bò đuổi theo cô, trườn bằng động tác như bơi lội trông rõ là gớm ghiếc.

Beverly vươn tay từ dưới gầm xe và móc vào bánh xe to tướng rãnh xe ngấp lên tận đốt thứ hai của ngón tay cô – rồi lấy đà vươn người lên. Cô đập xương cụt vào thanh cản trước của xe rác rồi co giò chạy tiếp đến đồi Dặm Trên, áo quần nhầy nhụa và hôi đến điếc mũi. Quay ra sau, cô trông thấy bàn tay và cánh tay lốm đốm tàn nhang của bố vươn ra từ dưới gầm xe rác như móng vuốt của một con quái vật tưởng tượng thò ra từ gầm giường.

Không kịp nghĩ ngợi, cô vội vàng lao vào khoảng trống giữa Nhà kho Feldman và Xưởng phụ của anh em Tracker. Khoảng trống này quá nhỏ, chẳng bằng một con hẻm, đây thùng gỗ nham nhở, um tùm cỏ dại, rậm rì hoa hướng dương và tất nhiên, ngấp ngựa cơ man nào là rác. Beverly thụp xuống đằng sau đồng thùng gỗ và chồm hồm núp. Chốc sau, cô trông thấy bố cô chạy ngang qua khoảng trống giữa hai tòa nhà rồi tiếp tục chạy lên đồi.

Beverly đứng dậy và vội chạy đến cuối khe hẹp. Cuối đường có hàng rào mắt cáo. Cô lồm cồm trèo qua rào. Giờ cô đang ở trong khu đất của Chứng viện Thần học Derry. Cô chạy lên bãi cỏ được cắt tỉa gọn gàng bọc đằng sau và bên hông tòa nhà. Cô có thể nghe thấy tiếng ai đó chơi nhạc cổ điển bằng đàn organ ở bên trong. Những nốt nhạc trầm bổng như khắc vào không gian tĩnh mịch sự du dương và da diết.

Có một bờ giậu rất cao ngăn giữa Chứng viện và đường Kansas. Cô đưa mắt nhìn qua thì trông thấy bố mình ở phía bên kia con đường, thở phì phò, mồ hôi túa ra như tắm khiến hai nách áo lao động xám ngả tối. Lão dáo dác nhìn quanh, hai tay chống nạnh. Chùm chìa khóa của lão lấp lánh dưới ánh nắng.

Beverly quan sát, hơi thở cũng hỗn hển chẳng kém gì lão, tim như ngựa phi nước đại trong lồng ngực. Cô khát đến khô họng, và thứ mùi thối hoảng làm cô phát ốm. *Nếu mình được vẽ trong mẫu truyện tranh, cô băng quơ nghĩ, thế nào cũng có những đường gọn sóng mô tả mùi hôi tỏa ra từ người mình.*

Bố cô từ từ bước đến Chủng viện.

Beverly nín thở.

Chúa ơi, con xin Người, con hết chạy nổi rồi. Chúa ơi, cứu con với. Đừng để bố phát hiện ra con.

Al Marsh chậm rãi bước dọc vỉa hè, băng qua ngay chỗ cô con gái đang nấp phía bên kia bờ giậu.

Chúa ơi, đừng để bị đánh hơi thấy mùi của con!

May sao lão không phát hiện – có lẽ là sau cú vồ ếch ở hẻm và lăn lê bò toài dưới xe rác, Al cũng thối nòng nặc như cô con gái của mình. Lão bước tiếp. Cô nhìn theo bóng lão đi xuống đường Dặm Trên cho đến khi khuất mắt.

Beverly từ từ đứng dậy. Quần áo của cô dính đầy rác rến, mặt dơ như hủi, lưng nhói đau vì ban nãy bong ống bô của xe chở rác. Nhưng những đi đâu bên ngoài này chẳng là gì so với bao suy nghĩ rối như tơ vò đang cuộn trào trong đầu - cô cảm thấy mình đã rời xa thế giới và cách cư xử bình thường không còn ăn thua nữa. Cô không tài nào tưởng tượng được cảnh mình về nhà, nhưng không về nhà thì biết xoay xở thế nào đây. Cô đã chống đối bố mình, phải, cô đã *chống lại* lão ta...

Cô phải gạt suy nghĩ ấy đi vì nó khiến cô bủn rủn tay chân, ồm đến phát mửa. Cô thương bố lắm. Chẳng phải một trong Mười Điều Răn có nói “Người hãy thảo kính mẹ bố, để được sống lâu trên đất mà Đức Chúa ban cho người” đó sao? Phải. Nhưng bố cô bình thường không như thế. Đó không phải bố cô mà là một người hoàn toàn khác lạ. Một kẻ giả dạng bố cô. Là Nó...

Bỗng nhiên cô thấy lạnh người khi một câu hỏi khủng khiếp trờ đến. Liệu tai ương giống thế này có xảy ra với các bạn của cô hay không? Có phải cảnh báo họ. Họ đã làm Nó bị tổn hại, nên có lẽ Nó đang ra tay để bọn họ vĩnh viễn không còn cơ hội tấn công Nó nữa. Và thật ra mà nói, cô còn chỗ nào để bầu víu kia chứ? Họ là những người bạn duy nhất mà cô có. Bill. Bill sẽ biết phải

hành động ra sao. Bill sẽ biết cô nên làm gì, Bill sẽ cho cô hay *nước đi* kế tiếp.

Đứng ở chỗ giao giữa lối đi của Chung viện với vỉa hè đường Kansas, cô nhìn qua bờ giậu. Bối cô đã hoàn toàn mất dạng. Cô quay sang phải và đi dọc theo đường Kansas về phía Vùng Đất Cằn. Có lẽ giờ này chưa ai xuống đó; chắc mọi người đang ở nhà ăn trưa. Nhưng chẳng mấy chốc, họ sẽ đến. Trong lúc đó, cô sẽ chui xuống phòng sinh hoạt nhóm mát mẻ của cả bọn và tìm cách lấy lại bình tĩnh. Cô sẽ mở toang ô cửa sổ con con để ánh nắng tràn vào, và nếu được, có khi cô sẽ chợp mắt một lát. Cơ thể mệt bã và tâm trí căng như dây đàn của cô hào hứng trước suy nghĩ ấy. Phải, giờ mà được ngủ thì còn gì bằng.

Vừa rút cổ, cô vừa đi ngang qua những căn nhà cuối cùng trước khi mặt đất dốc hẳn, không thể xây nhà, và từ đó dẫn xuống Vùng Đất Cằn - Vùng Đất Cằn, nơi bố đã lén lút theo dõi cô, đi đâu mà đến lúc này, cô vẫn chưa tài nào tin nổi.

Cô không nghe thấy tiếng bước chân phía sau. Đám du côn bám theo cô đang vận lực để rón rén hết mức có thể. Chúng đã bị cho hít khói một lần và dừng hòng chúng để mình ăn quả đắng lần nữa. Chúng dằn dằn tiến lại, tịnh không tiếng động. Ợ Hơi và Victor toe toét cười, còn khuôn mặt Henry đờ đẫn và nghiêm túc đến sợ. Đầu tóc hắt bù xù như tổ quạ. Mắt hắt trống rỗng như mắt của Al Marsh lúc ở trong nhà. Hắt giờ ngón tay cẩu cần lên môi, ra hiệu *suýt* trong lúc ba kẻ du côn rút ngắn khoảng cách từ hai mươi mét xuống còn mười lăm mét, rồi mười mét.

Mùa hè năm ấy, Henry càng lúc càng chơi vơi bên bờ vực loạn trí, cây còi hắt chênh vênh bước đi ngày một hẹp. Vào cái ngày hắt cho phép Patrick Hockstetter ve vướn mình, cây còi ấy chỉ còn là sợi dây thừng. Sáng nay, sợi dây ấy đã đứt phụt. Sớm hôm ấy, hắt trườn truồng bước ra sân, mặc độc mỗi chiếc quần con rách nát, vàng ố rồi ngược đầu nhìn bầu trời. Bóng trắng mờ vẫn còn đó, và khi hắt ngẩng lên, bỗng dưng Mặt Trăng biến thành khuôn mặt

xương xẩu nham nhở cười. Henry khuyu gối trước khuôn mặt ấy, tôn kính trong sợ hãi và hân hoan. Những giọng nói ma vắng xuống từ Mặt Trăng. Giọng nói biến thiên không ngừng, có lúc hòa vào tiếng léo nhéo chẳng rõ thanh âm... nhưng hắn cảm nhận được chân lý, chân lý duy nhất: tất cả những giọng nói này là một, là giọng của đấng quy ền năng. Giọng nói ấy ra lệnh cho hắn huy động Ợ Hơi và Victor đến góc đường Kansas giao với Đại lộ Costello trưa nay. Giọng nói ấy bảo hắn phải làm gì sau đó. Và ô kìa, con khốn ấy đã căng căng xuất hiện. Hắn đợi xem giọng nói sẽ bảo mình làm gì tiếp theo. Câu trả lời đến khi bọn chúng rút ngắn khoảng cách với cô. Giọng nói không truy ền xuống từ Mặt Trăng mà từ lưới sắt che cổng mà bọn chúng đi ngang qua. Giọng nói trầm nhưng rất rõ ràng. Ợ Hơi và Victor liếc về phía lỗ cổng một cách thờ ơ, gần như bị thôi miên, đoạn lại quay sang nhìn Beverly.

Giết nó, giọng nói từ trong cổng gọn lỏn.

Henry Bowers thò tay vào túi quần jean, lấy ra một thứ thuôn dài chừng hơn hai mươi phân với những đường khảm giả ngà dọc hai bên thân. Có nút bằng crôm nhỏ loang loáng ở cuối món đồ trang trí kỳ cục này. Henry ấn vào nút thì lưỡi dao dài mười lăm phân bật ra khỏi khe ở cuối tay cầm. Hắn mân mê con dao bấm trong lòng bàn tay, đoạn sải chân nhanh hơn. Victor và Ợ Hơi cũng guồng chân để theo kịp, khuôn mặt vẫn còn vẻ ngu dại.

Nói chính xác thì Beverly không *nghe* thấy tiếng bọn chúng; đó không phải lý do cô quay đầu lại lúc Henry Bowers tiến sát đến đằng sau. Gập đầu gối, rón rén bước đi, nụ cười ghim cứng trên mặt, Henry không phát ra tiếng động. Không, đơn giản chỉ là cảm giác, quá rõ, quá thẳng thừng và quá mãnh liệt nên lồ lộ: cô đang

3

Thư viện công cộng/1 giờ 55 phút sáng

bị theo dõi.

Mike Hanlon đặt bút xuống rồi nhìn qua mái vòm tranh tối tranh sáng của gian chính thư viện. Anh thấy những quầng sáng chiếu từ đèn tròn thả từ trần nhà, anh thấy những cuốn sách như nhòa vào bóng tối, anh thấy cầu thang sắt duyên dáng uốn lượn theo đường xoắn ốc lên các kệ sách. Anh thấy chẳng có gì bất thường.

Nhưng đồng thời, anh cảm nhận anh không phải người duy nhất có mặt ở đây. Không còn như vậy nữa.

Sau khi nhóm bạn ra về, Mike dọn dẹp theo thói quen. Cơ thể anh cứ thế tự hoạt động, còn đầu óc anh đang cách xa cả triệu cây số – cách đây hai mươi bảy năm trước. Anh đổ gạt tàn, vứt vỏ chai rượu rỗng (anh còn xếp một lớp rác lên trên để Carole không thất kinh), chai nào trả lại được thì anh xếp trong cái hộp đằng sau bàn làm việc của mình. Đoạn anh lấy chổi quét dọn những miếng chai rượu gin mà Eddie làm vỡ.

Khi bàn đã ngăn nắp trở lại, anh vào phòng Đọc và nhặt những tờ tạp chí vương vãi. Trong lúc làm những công việc đơn giản này, đầu óc anh sàng lọc những câu chuyện mà mọi người kể - tập trung nhất vào những chi tiết mà họ đã bỏ qua. Mọi người cho rằng mình đã nhớ lại tất cả, anh thấy Bill và Beverly đã nhớ ra gần hết. Nhưng vẫn còn những mảng ký ức khác, rồi chúng sẽ trở về với họ... dần dà theo thời gian. Năm 1958, họ không có cơ hội chuẩn bị. Họ trao đổi liên tu bất tận – cuộc thảo luận chỉ bị gián đoạn bởi trận ném đá và lần cả nhóm cùng nhau xông pha ở căn nhà số 29 đường Neibolt – và có khi họ chỉ bàn bạc chứ chẳng làm được gì khác. Rồi ngày 14 tháng 8 trời đến, Henry cùng bè lũ ác ôn kia đuổi đánh họ vào cổng ngấm.

Có lẽ ban này, mình nên kể với mọi người, anh thầm nghĩ trong lúc đặt nốt mấy cuốn tạp chí còn sót lại về chỗ cũ. Nhưng thế lực nào đó đã phản đối ý tưởng ấy - anh ngỡ rằng đó là giọng nói của con Rùa. Có lẽ đó là một phần của nó, và có lẽ cái vòng luân hồi này cũng là một phần của nó. Phải chăng rồi đây,

hồi cuối cùng sẽ lặp lại theo một cách mới. Anh đã cẩn thận chuẩn bị sẵn đèn pin và mũ thợ mỏ cho ngày mai, anh đã cuộn sẵn bản đồ hệ thống cống thoát nước của Derry, cột bằng dây thun rồi cất trong tủ. Nhưng ngày họ còn bé, bao nhiêu trao đổi, bao nhiêu kế hoạch, dù nửa mùa hay không, cuối cùng đều như đã trảng xe cát; kết cục đơn giản là họ bị rượt đuổi vào đường cống ngầm, dấn vào cuộc đối đầu sau đó. Liệu điều này có xảy ra lần nữa hay không? Dần dà, anh đã ngộ ra niềm tin và sức mạnh tuy hai nhưng một. Phải chăng sự thật cuối cùng còn đơn giản hơn thế? Rằng ta chẳng thể nào giải phóng niềm tin cho đến khi bị quăng vào mớ bùng bùng những đảo điên, tựa như đứa trẻ mới sinh rơi ra khỏi bụng mẹ mà chẳng có dù để hạ cánh? Một khi đã rơi, ta buộc phải tin rằng cái dù có tồn tại để nó hiện diện trên đời, chẳng phải sao? Kéo mở dù trong lúc rơi chính là tuyên bố cuối cùng của ta về vấn đề này, theo cách này hay cách khác.

Chúa ơi, mình đang giở đạo như giám mục Fulton Sheen vậy, Mike nghĩ và khẽ phá lên cười.

Mike dọn dẹp gọn gàng, đắm chiêu suy nghĩ, đầu đó trong đầu, anh cứ định ninh khi xong xuôi, anh sẽ mệt bã, chỉ muốn về nhà và đánh một giấc vài tiếng. Nhưng sau khi xong việc, anh lại thấy mình tỉnh như sáo. Thế nên anh đi đến khu chứa sách đặc biệt phía sau phòng làm việc. Anh dùng chìa khóa mở cổng lưới rồi bước vào trong. Được thiết kế để chống lửa nếu đóng kín và khóa cánh cửa kiên cố chẳng khác nào cửa hầm, phòng chứa đặc biệt này lưu trữ ấn bản đầu các cuốn sách quý của thư viện, những cuốn sách có chữ ký của tác giả quá cố (trong ấn bản chữ ký phải kể đến *Moby Dick* và *Leaves of Grass* của Whitman), các tài liệu lịch sử liên quan đến thị trấn, các giấy tờ cá nhân của một số tác giả từng sống và làm việc ở Derry. Mike hy vọng nếu mọi chuyện kết thúc êm đẹp, anh có thể thuyết phục Bill gửi gắm bản thảo của cậu ấy ở Thư viện công cộng Derry. Bước xuống dãy thứ ba của kho chứa bên dưới bóng đèn với chụp bằng thiếc, ngửi thứ mùi quen thuộc của thư viện, trộn hòa của mùi bụi, thoảng mùi quế, mùi giấy cũ, anh thầm nhủ: *Nếu mình chết,*

mình đoán mình sẽ ra đi với một tay cầm thẻ thư viện, tay kia cầm dấu mộc QUÁ HẠN. Chắc, chỉ ít như thế còn tốt chán so với việc mình chết với khẩu súng trên tay, mọi đen ạ.

Anh dừng chân ở giữa dãy thứ ba. Cuốn sổ tốc ký quăn góc chứa những câu chuyện về Derry mà anh vội vàng ghi lại cùng những ưu tư phiến não chắt chứa trong anh, được nhét giữa cuốn *Thị trấn Derry xưa* của Fricke và *Lịch sử Derry* của Michaud. Trước đó, anh đẩy cuốn sổ sâu vào trong đến mức nó gần như khuất khỏi tầm mắt. Không ai có thể tình cờ tìm thấy cuốn sổ này trừ khi họ cố tình lục lọi.

Sau khi lấy cuốn sổ rồi tắt đèn trong phòng chứa sách và khóa lại cửa lưới, Mike trở lại chiếc bàn mà tối nay mọi người cùng quây quần. Anh ngồi xuống, lật qua những trang sách mà mình đã viết, thầm nhủ bản thân đã tạo nên một bản khai kỳ lạ và chấp vá đến nhường nào: phần ghi lịch sử, phần lưu lại những mảng tối, phần ghi nhật ký, phần bộc bạch cõi lòng. Từ ngày mùng 6 tháng 4 đến giờ, anh chưa viết dòng nào. *Chắc phải mua cuốn mới sớm thôi*, anh nghĩ trong lúc lướt qua vài trang giấy trắng còn sót lại. Trong một thoáng, anh thích thú nghĩ đến bản thảo đầu tiên của tác phẩm *Cuốn theo chiều gió* của Margaret Mitchell, viết bằng tay trong hàng chằng, hàng chằng vở học sinh. Đoạn anh mở nắp bút, chừa hai dòng từ đoạn cuối và viết *Ngày 31 tháng 5*. Anh dừng lại, băng quơ đưa mắt nhìn khắp thư viện không bóng người rồi viết lại những chuyện đã xảy ra trong ba ngày vừa qua, mở đầu bằng cuộc điện thoại anh gọi cho Stanley Uris.

Anh cẩn thận viết suốt mười lăm phút, sau đó, sức tập trung của anh bắt đầu bị lung lạc. Anh dừng bút hết lần này đến lần khác. Hình ảnh cái đầu lia khỏi cổ của Stan Uris trong tủ lạnh cứ len vào tâm trí anh, cái đầu máu me, miệng mở to, nhét đầy lông vũ, rời khỏi tủ lạnh, lăn đến chỗ anh. Anh cố gắng gạt hình ảnh ấy đi để tiếp tục viết. Năm phút sau, anh giật mình ngược lên và nhìn

quanh, đoán chắc mình sẽ thấy một cái đầu lặn qua những ô gạch đỏ đen đã cũ ở gian phòng chính, hai con người như thủy tinh, sáng quắc như mắt con nai trung trên tường. Nhưng chẳng có gì. Không có thủ cấp, cũng chẳng có tiếng động nào ngoài tiếng trống ngực thành thịch của anh.

Bình tĩnh lại đi nào, Mikey. Lại thần hồn nát thần tính rồi. Chẳng có gì mà cứ quỳnh cả lên.

Nhưng vô ích. Ngôn từ cứ thế rời bỏ anh, suy nghĩ như tuột khỏi tầm với. Áp lực chột đè lên gáy anh, càng lúc càng nặng nề

Bị theo dõi.

Anh đặt bút xuống rồi đứng dậy khỏi bàn. “Có ai ở đây không?” Anh cất tiếng, giọng nói của bản thân vang vọng trở lại từ mái vòm khiến anh giật nảy. Anh liếm môi và gọi lần nữa. “Bill? ... Ben?”

Bill-ill-ill... Ben-en-en...

Bỗng dưng Mike muốn về nhà ngay lập tức. Anh sẽ đem cuốn sổ theo. Đúng lúc vươn tay tới cuốn sổ, anh chợt nghe một tiếng bước chân rất nhẹ.

Anh lại ngẩng đầu lên. Biển ánh sáng đan xen bởi những đăm phá bóng tối thăm thẳm. Chẳng còn gì khác... chỉ ít là trong tầm mắt thì chưa. Anh chờ đợi, tim đập rộn.

Tiếng bước chân lại vang lên, và lần này anh xác định được vị trí. Trong hành lang bằng kính nối giữa thư viện người lớn và thư viện trẻ em. Có người. Hoặc thứ gì đó.

Mike nhẹ nhàng di chuyển về phía bàn mượn sách. Cửa đôi dẫn vào hành lang được chặn mở bằng nêm gỗ nên anh có thể nhìn thấy bên trong một chút. Anh nhìn thấy đôi chân, và trong cơn hoảng sợ thiếu đi đầu lặn dùng ra ngất, anh tự hỏi lẽ nào Stan đã tới, lẽ nào Stan sẽ bước ra khỏi bóng tối với cuốn từ điển toàn thư về các loài chim trong tay, mặt trắng bệch, môi tím tái, cổ tay và cánh tay bị cứa nát. *Tới đến rồi đây, Stan sẽ lên tiếng. Hơi mất thời gian vì tới*

phải đào mồ sống dậy, nhưng tớ đến rồi đây...

Tiếng bước chân lại vang lên và giờ Mike dám chắc mình nhìn thấy đôi giày - chân mang giày, ống quần rách rưới - vải denim, sợi vải loe ngoe trên mắt cá không mang tất. Và trong bóng đêm bên trên hai đầu gối ấy, cách chừng một mét tám, anh có thể trông thấy đôi mắt đang lóe lên.

Anh quơ quàng trên mặt bàn hình bán nguyệt và đưa tay mò mẫm mà không rời mắt khỏi hai con mắt bất động sáng quắc kia. Ngón tay của anh mò được góc chiếc hộp gỗ con con – hộp đựng thẻ quá hạn. Một hộp giấy đựng ghim và dây thun. Đoạn anh chạm vào một thứ kim loại nên vội chộp lấy. Là con dao chuyên dùng để mở phong thư với dòng chữ CHÚA CỨU RỒI được đóng trên tay cầm. Món đồ trang trí này được gửi từ Hội Thánh Baptist Ân điển trong chương trình gây quỹ. Mike không đi lễ suốt mười lăm năm nay, nhưng ngày xưa, Hội Thánh Baptist Ân điển là nhà thờ mẹ anh tham gia, và tuy giạt gấu vá vai, anh cũng cố gắng gửi cho họ năm đô-la. Anh đã tính vứt con dao trang trí ấy đi nhưng nó vẫn còn ở đó, giữa đồng hồ lớn ở bàn anh (còn bàn của Carole thì lúc nào cũng gọn gàng tinh tươm) cho đến lúc này.

Anh siết chặt con dao và nhìn chằm chằm vào hành lang mờ tối.

Nhân hình kia lại tiến thêm một bước... rồi một bước nữa. Chiếc quần denim rách rưới dần dần lộ ra, giờ đã lên tới đầu gối. Anh nhìn thấy vóc dáng của kẻ sở hữu hai cẳng chân: to lớn và cục mịch. Vai kẻ này khòm xuống. Tóc có vẻ bù xù. Trông hẳn ta chẳng khác nào đười ươi.

“Ai vậy?”

Không có câu trả lời. Bóng hình kia chỉ đứng đó, nhìn anh chăm chăm.

Dù vẫn sợ, nhưng Mike không còn tê liệt trước suy nghĩ đó có thể là Stan Uris đội mồ vì vết sẹo trong lòng bàn tay gọi hồn về, một lực hút ma quỷ nào đó đã khiến anh sống dậy như thầy ma trong bộ phim kinh dị của hãng Hammer. Bất kể kẻ đó là ai thì chí ít cũng không phải là Stan Uris, bởi lúc

trưởng thành, anh đã chứng lại khi đạt đến chiều cao một mét bảy.

Đối phương tiến thêm một bước và ánh sáng từ chiếc đèn cầy gần hành lang nhất tỏa đến cặp quần jean không mang thắt lưng của kẻ này.

Chợt Mike nhận ra hắn là ai. Anh biết trước cả khi đối phương cất tiếng.

“Tuờng ai, thẳng mọi đen đây mà,” nhân hình nói. “Dạo này có ném đá ai không, mọi đen? Muốn biết thủ phạm đầu độc con chó chết toi của mày không?”

Nhân hình tiến về phía trước. Ánh sáng hắt lên khuôn mặt của Henry Bowers. Mặt hắn mập ra, bệu nhão, tông da mang màu nhợt nhạt bủng beo, hai má chảy xệ, râu ria lởm chởm, lấm tấm màu muối tiêu. Những nếp nhăn gọn sóng - tổng cộng ba đường - in hằn trên trán, ngay phía trên đôi lông mày rậm rì. Hai bên bờ môi dày cui cũng chỉ chút những nếp nhăn cong cong. Mắt hắn ti hí, nanh nọc bên trong bóng mắt trắng nhợt – đỏ ngầu và vô tri. Đó là khuôn mặt của một kẻ già trước tuổi, một người đàn ông mới ba mươi chín tuổi nhưng đã bước sang tuổi bảy ba. Nhưng đồng thời, đây cũng là khuôn mặt của cậu bé mười hai tuổi. Quần áo của Henry vẫn dính màu xanh của bụi rậm mà hắn trốn chui trốn nhủi cả ngày hôm ấy.

“Mày không có miệng để chào à, thẳng mọi đen?” Henry hỏi.

“Chào, Henry.” Anh mơ hồ nhận ra hai hôm nay, anh không nghe đài, mà bình thường, vốn dĩ anh cũng chẳng đọc báo. Trong đời anh có quá nhiều thứ xảy ra. Quá bận rộn.

Quá đảo điên.

Henry xuất hiện từ hành lang nối giữa thư viện trẻ em và thư viện người lớn rồi đứng đó, nhìn Mike với đôi mắt ti hí như mắt heo. Môi hắn toác thành nụ cười gớm ghê, để lộ hàm răng sâu lởm chởm.

“Giọng nói,” hắn lên tiếng. “Mày có nghe thấy giọng nói không, thẳng mọi đen?”

“Giọng nói gì cơ, Henry?” Anh đưa cả hai tay ra sau lưng như cậu học sinh bị gọi trả bài, và chuyển con dao từ tay trái sang tay phải. Chiếc đồng hồ quả lắc được Horst Mueller tặng vào năm 1923 tích tắc điểm từng giây vào sự tĩnh lặng tựa hồ mặt nước của thư viện.

“Từ Mặt Trăng” Henry đáp. Hắn thọc một tay vào túi. “Chúng phát ra từ Mặt Trăng. Nhiều giọng nói lắm.” Hắn ngừng lại, thoáng chau mày rồi lắc đầu. “Rất nhiều tiếng nói nhưng thật ra chỉ có một. *Là giọng của Nó.*”

“Mày từng thấy Nó chưa, Henry?”

“Rồi.” Henry gọn lỏn. “Giật đứt đầu Victor. Lý ra mày nên nghe thấy. Nghe như cái phéc mơ tuya khổng lồ roẹt roẹt kéo xuống. Và rồi Nó quay sang tấn công O’Hoi. O’Hoi đã quỳ thảo với Nó.”

“VẬY Ờ?”

“Phải. Nhờ vậy mà tao trốn được.”

“Mày mặc hắn đến chết.”

“*Tao cấm mày nói như vậy!*” Má của Henry đỏ bừng lên. Hắn tiến thêm hai bước. Hắn càng bước ra từ dây rốn nối giữa thư viện trẻ em và thư viện người lớn, dường như vẻ ngoài của hắn càng trẻ trong mắt Mike. Anh trông thấy khuôn mặt Henry vẫn giữ nguyên cái vẻ học hần ngày xưa, nhưng anh còn thấy một thứ khác: qua bao năm, đứa trẻ được lão Butch Bowers điên khùng đầu độc trong nông trại kia đã càng lúc càng tha hóa. “*Tao cấm mày nói vậy! Suýt chút nữa Nó đã giết chết tao.*”

“Nó không giết được bọn tao.”

Mắt của Henry lóe lên vui tươi một cách thối nát. “Chưa thôi. Nhưng Nó sẽ giết hết. Trừ khi tao xử hết đám chúng mày mà không chừa cho Nó.” Hắn rút tay khỏi túi. Bên trong là con dao mảnh dài hơn hai mươi phân chạm khắc giả ngà dọc thân. Ở một đầu vật *trang trí* dị hợm này lấp lánh nút nhỏ bằng crôm. Henry ấn vào thì lưỡi dao dài mười lăm phân bật ra khỏi khe ở cuối tay cầm.

Hắn mân mê con dao bấm trong lòng bàn tay, đoạn sải chân về phía bàn mượn sách.

“Xem tao tìm được gì này,” hắn khoe. “Biết chỗ là tìm được ngay. Một bên mí mắt đỏ ngầu của hắn xệ xuống thành cái nháy mắt gớm guốc. “Kẻ trên cung trăng chỉ tao đấy.” Henry nhe nhớn hàm răng. “Nay tao trốn. Quá giang vào ban đêm. Thằng già. Tao đập hắn. Chết tươi luôn. Ném xe ở Newport. Ngay ngoài địa phận Derry, tao nghe thấy giọng nói. Tao nhìn vào cổng. Thấy đồng quần áo. Và con dao. Con dao ngày xưa.”

“Mày đang quên mất một thứ, Henry.”

Vẫn toe toét cười, Henry chỉ lắc đầu.

“Bọn tao trốn thoát và mày cũng trốn thoát. Nếu Nó muốn giết bọn tao thì Nó cũng muốn giết cả mày.”

“Không đâu.”

“Có đấy. Có thể bọn mày làm lâu la cho Nó, nhưng mày tưởng Nó nể tình bọn mày ư? Nó đã bắt hai đứa bạn của mày, và trong lúc Ợ Hơi chiến đấu với Nó, mày lại bỏ trốn. Nhưng giờ mày trở về đây rồi. Tao nghĩ mày cũng là một phần trong những thứ đang dở. Nó muốn tính sổ, Henry ạ. Tao thật sự nghĩ thế.”

“Không phải!”

“Có khi mày sẽ thấy Frankenstein đấy nhỉ. Hay Người sói? Hoặc Ma cà rồng. Hay Gã hề, hoặc Henry! Có khi mày sẽ được tận mục sở thị hình dáng của Nó đấy, Henry ạ. Bọn tao đã thấy rồi. Muốn tao kể với mày không? Muốn tao...”

“Câm mồm!” Henry thét lên và lao đến chỗ Mike.

Mike bước qua một bên và giữ chân ra. Henry vấp ngã, trượt một đoạn dài trên sàn nhà nhẵn thín dưới bao gót chân qua năm tháng. Đầu hắn đập vào chân bàn mà buổi tối hôm đó Hội Cùi Bắp đã ngẫm lại chuyện xưa. Trong một

khắc, hấn bị choáng, con dao buông lơi trong tay.

Mike chạy lại chỗ hấn, toan chop lấy con dao. Chỉ một chút nữa thôi, anh đã có thể kết liễu Henry, anh đã có thể cầm thẳng con dao rọc bì thư đề dòng chữ CHÚA CỨU RỒI do hội thánh của mẹ anh ngày xưa gửi tới vào gáy Henry rồi gọi cảnh sát. Chắc sẽ có dăm ba thứ rùm beng thủ tục phải lo, nhưng chẳng há gì – ở Derry, một nơi những vụ đâm chém bạo lực xảy ra như cơm bữa, thì không.

Tuy nhiên, điều khiến anh dừng lại là vì anh chợt nhận ra, tựa sấm động trời quang, rằng nếu giết Henry thì anh đang tiếp tay cho Nó, tương tự như việc Henry sẽ tiếp tay cho Nó bằng cách kết liễu Mike. Và còn một thứ khác: về mặt mà ban nãy anh nhìn thấy nơi Henry, về mặt mặt mũi, chơi vơi của một đứa trẻ bị lợi dụng như con tốt thí, bị đẩy vào con đường độc hại vì mục đích giấu kín. Henry lớn lên trong bán kính tiêm nhiễm của Butch Bowers; bảo sao hấn bán linh hồn cho Nó trước khi hấn kịp biết đến sự tồn tại của thế lực ấy.

Do vậy, thay vì cầm dao mở thư vào cái gáy không chút phòng bị của Henry, anh thụp xuống gối và lao đến giật con dao gập. Dao xoáy trong tay anh - tựa hồ bản thân nó có ý chí – ngón tay của anh cứa vào lưỡi dao. Cơn đau chưa lan ra ngay lập tức, chỉ có màu đỏ ri rỉ chảy từ ba ngón tay phải vào lòng bàn tay đầy sẹo của anh.

Anh rút người lại. Henry lẩn đi rồi kịp thời chop lấy dao. Mike quỳ trên gối, hai bên đưa mắt nhìn nhau, cả hai đều chảy máu: Mike tay, Henry ở mũi. Henry lắc đầu nguầy nguậy, những giọt máu bắn vào màn đêm.

“Tưởng mày thông minh lắm chứ!” Hấn ré lên khùng khục. “Mày rốt cuộc cũng chỉ là thằng đàn bà thôi! Đánh nhau công bằng thì tao đã thắng mày rồi!”

“Bỏ dao xuống, Henry,” Mike trầm tĩnh nói. “Tao sẽ gọi cảnh sát. Họ sẽ tới bắt mày về lại Đồi Juniper. Mày sẽ ra khỏi Derry và được an toàn.”

Henry toan đập chát lại nhưng không thể. Hấn không thể nói với thằng mọi

đen đáng ghét này rằng hắn *còn lâu mới* an toàn ở đồi Juniper, ở Los Angeles hay trong những cánh rừng mưa nhiệt đới ở Timbuktu. Chẳng chóng thì chày, Mặt Trăng sẽ mọc, trắng hếu như xương, lạnh căm như tuyết, những giọng nói ma ấy sẽ eo éo, Mặt Trăng sẽ biến dạng thành mặt Nó, í ới, nắc nẻ, nạt nộ. Hắn nuốt thứ máu sệt dính xuống họng.

“Mày chẳng bao giờ chiến đấu công bằng!”

“Mày thì có?” Mike hỏi.

“Thằng chó đẻ khốn kiếp, mọi rợ da đen, cà răng cằng tai!” Henry thét lên, lồm lộn lao đến Mike.

Ngã người ra sau để tránh cú lao tới vụng về và cuống cuồng của đối phương, Mike bị mất thăng bằng nên ngã đập lưng xuống sàn. Henry lại một lần nữa tông vào bàn, nhưng hắn bật dậy ngay, quay phắt rồi chộp lấy tay Mike. Mike xoay con dao rọc bì thư, đâm phập vào cẳng tay Henry. Henry thét lên nhưng thay vì buông tay, hắn càng siết chặt. Hắn kéo người mình về phía Mike, tóc tai lòa xòa che mắt, máu mũi chảy ròng ròng trên đôi môi dày cui.

Mike xoay xở đạp chân vào hông của Henry hòng đẩy hắn ra xa. Henry vung lưỡi dao thành vòng cung sáng lóa, và cả lưỡi dao dài mười lăm phân cắm thẳng vào đùi Mike. Con dao cắt vào mượt như thể cắt bơ. Henry rút dao ra, máu nhỏ lỏng tỏng từ lưỡi dao; và với tiếng thét đau đớn, Mike gồng mình đẩy hắn ra xa.

Anh chật vật đứng dậy nhưng Henry nhanh hơn một nhịp, và lần này, Mike chỉ suýt soát né được cú tấn công vụng về tiếp theo của đối phương. Anh có thể cảm thấy máu đang chảy ròng ròng xuống chân mình đầy báo động, khiến giày anh nặng dằn. *Hình như hắn đâm trúng động mạch đùi của mình. Chúa ơi, hắn làm mình bị thương nặng quá. Máu ở khắp nơi, chảy cả ra sàn. Giày không ăn thua nữa rồi, khốn kiếp, mới mua hai tháng trước xong...*

Henry lại lao tới, thở hừng hực, hỗn hển như con trâu trong cái nóng. Mike

loạng choạng đứng sang một bên và quơ lưỡi dao về phía hắn. Con dao rạch chiếc áo rách nát của Henry, cửa vết cắt sâu hoắm trên sườn hắn. Henry gào gừ lúc Mike đẩy hắn ra.

“Đồ mọi đen chơi bẩn!” Hắn la lên. “Mày xem mày vừa làm gì thế hả?”

“Bỏ dao xuống, Henry,” Mike nói.

Bỗng nhiên, có tiếng cười khúc khích ré lên đằng sau họ. Henry ngược nhìn... rồi thét lên sợ hãi đến cùng cực, đưa hai tay lên má thẳng thốt như bà già thất kinh. Ánh nhìn của Mike hướng thẳng đến quây mượn trả sách. Có một tiếng bùm rất to vang vọng, và rồi thủ cấp của Stan Uris bật lên từ sau bàn. Lò xo xoắn cắm thẳng vào cái cổ máu me bị chặt đứt. Khuôn mặt nhoe nhoét phấn. Hai má đánh phấn hồng. Những cục bông màu cam khổng lồ choán chỗ đôi mắt. Cái đầu góm ghieéc của Stan cứ thế gật tới gật lui ở một đầu lò xo, tựa khóm hướng dương to tướng bên ngoài căn nhà trên đường Neibolt. Miệng nó há ra và giọng nói rít ré, khanh khách bắt đầu hô to: “*Giết hắn, Henry! Giết thằng mọi đen, giết thằng hạ đẳng ấy, giết đi, giết đi, GIẾT HẮN ĐI!*”

Mike quay người lại phía Henry, u ám nhận ra mình đã lọt trùng, mơ hồ tự hỏi không biết Henry thấy khuôn mặt kẻ nào ở đầu lò xo. Stan? Victor Criss? Hay đầu của bố hắn?

Mike vội vàng lùi lại, cẳng chân bị Henry đâm bất thành linh khuyu xuống khiến anh ngã vật ra sàn. Chân anh không còn cảm giác gì nữa. Nó lạnh ngắt và xa xôi quá. Nhìn xuống, anh thấy quần tây màu kem của mình đã chuyển thành màu đỏ tươi.

Lưỡi dao của Henry vụt qua trước mũi anh.

Mike đâm con dao rọc bì thư với dòng chữ CHÚA CỨU RỒI khi Henry vòng lại tấn công lần nữa. Henry nhào thẳng vào dao như con bọ cắm vào ghim. Máu nóng ừng ộc chảy lên tay Mike. Có tiếng rắc vang lên, và khi rút tay

ra, anh chỉ thấy phần chuôi dao. Lưỡi dao đã nằm gọn trong bụng Henry.

“Aaaa! Thằng mọi đen!” Henry thét vang, khum tay lên mảnh dao thò ra. Máu chảy qua ngón tay hắn. Hắn cúi xuống nhìn, mắt tròn tròn như không tài nào tin nổi. Cái đầu cắm trên lò xo khổng lồ ken kết kia ré lên cười ha hả. Cảm thấy choáng váng và mệt mỏi, Mike quay lại nhìn thì trông thấy đầu của Huggins Ở Hoi, nút bần chai sâm panh bằng người đội ngược mũ bóng chày New York Yankees. Anh rên lên thật to, tiếng rên xa xăm, vang vọng trong chính tai anh. Anh ý thức mình đang ng ỗ trong vũng máu ấm... máu của chính anh. *Nếu không buộc ga-rô lên chân, chắc mình chết mất.*

“Aaaaaaaa! Thằng mọi đeeeeennnn!” Henry gào rống. Một tay ôm cái bụng máu me, một tay cầm con dao gấp, hắn loạng choạng lùi khỏi Mike, đi về phía cửa thư viện. Hắn ngả nghiêng hết bên này sang bên kia, băng qua gian phòng chính vang vọng như viên bi bắn ra trong trò chơi điện tử. Va phải ghế bành, hắn hất đổ nó. Tay hắn quơ quàng gạt đổ một giá đựng báo xuống sàn. Hắn với đến cửa, đưa tay mở toang một cánh r ỗ lao vào đêm đen.

Ý thức của Mike càng lúc càng mờ mịt. Anh mò mẫm thắt lưng bằng những ngón tay tê dại. Mãi anh mới tháo được móc khóa và kéo thắt lưng ra. Anh vòng nó quanh cẳng chân xoắn xả tuôn máu của mình ngay dưới háng và siết chặt lại. Một tay giữ chân, anh lết đến bàn mượn trả sách. Điện thoại ở đó. Anh không chắc mình sẽ làm thế nào để với lấy điện thoại, nhưng giờ đi đâu đó chưa phải vấn đề. Anh phải mò được đến nơi đã. Thế giới chao đảo, mờ mịt, càng lúc càng nhạt nhòa sau những cơn sóng xám xịt. Anh thè lưỡi ra cắn thật chặt. Cơn đau nhói lên ngay lập tức. Thế giới rõ nét trở lại. Nhận ra mình vẫn giữ chuôi dao rọc bì thư trong tay, anh ném đi. Cuối cùng anh cũng tới nơi, vậy mà qu ầy bàn mượn trả sách cao chẳng khác gì núi Everest.

Mike dùng chân còn lại của mình làm điểm tựa và rướn người dậy, một tay chộp lấy cạnh bàn, tay kia vẫn giữ thắt lưng. Miệng anh méo xệch, run rẩy

nhấn nhó, mắt nhắm tịt lại. Mãi anh mới vươn người lên được. Anh đứng đó, có chân như con cò, mò mẫm đến điện thoại. Dán cạnh điện thoại là số của cứu hỏa, cảnh sát và bệnh viện. Với ngón tay run lẩy bẩy tưởng chừng xa chục cây số, Mike bấm số bệnh viện: 555-3711. Anh nhắm mắt lại lúc điện thoại bắt đầu đổ chuông... và trợn trừng mắt khi giọng của gã hề Pennywise trả lời.

“Xin chào mọi đen!” Pennywise rít lên rồi cười ha hả, tiếng cười như thủy tinh bể cửa vào tai Mike. “Mày nói gì kia? Mày sao rồi? Tao nghĩ mày chết chắc rồi, mày có nghĩ thế không? Tao nghĩ Henry chơi mày cú đẹp đấy! Muốn bóng bay không, Mikey? Muốn bóng bay không? Mày thế nào rồi? A lô!”

Mắt của Mike hướng lên mặt đồng hồ quả lắc mang tên Đồng hồ Mueller, chẳng buồn kinh ngạc khi trông thấy mặt đồng hồ đã biến thành khuôn mặt của bố anh, xám xịt và rệu rã vì ung thư. Đôi mắt trợn ngược, trắng dã. Chợt bố anh thè lưỡi ra và đồng hồ bắt đầu điếm.

Mike trượt tay khỏi quầy mượn trả sách. Anh lao đảo đứng trên cái chân lành của mình rồi khụy xuống. Điện thoại đang đưa trước mặt anh như quả lắc của người thôi miên. Càng lúc càng khó giữ thất lưng.

“Xin chào quý bạn!” Pennywise vui tươi ré lên từ đầu dây bên kia. “Ta là cá vua đây! Ta là cá vua ở Derry, chuẩn không cần chỉnh. Quý bạn có thấy thế không?”

“Nếu có ai nghe máy,” Mike khàn giọng, “một giọng nói thật sự đằng sau giọng nói tôi đang nghe thấy, xin hãy giúp tôi. Tôi là Michael Hanlon, hiện đang ở Thư viện công cộng Derry. Tôi đang chảy rất nhiều máu. Có ai nghe thấy không, vì tôi không nghe được. Tôi bị cản trở nên không nghe thấy. Nên nếu có ai ở đó, xin hãy mau chóng tới cứu tôi.”

Anh nằm nghiêng, có chân lên thành tư thế bào thai. Anh quấn hai vòng thất lưng quanh tay phải rồi tập trung hết sức nắm lấy nó trong khi thế giới xung quanh anh nhạt nhòa vào những đám mây xám xịt tựa bong bóng.

“Xin chào, quý bạn sao rồi?” Pennywise thét lên từ chiếc điện thoại đang đưa. “Mày sao rồi, thằng mọi đen khốn kiếp? Xin chào

4

Đường Kansas/ 12 giờ 20 phút trưa

... đằng ấy,” Henry Bowers cất tiếng. “Mày khỏe không, con khốn?”

Beverly ngay lập tức quay người toàn chạy trốn. Phản ứng của cô nhanh nhạy đến độ bọn chúng đều bất ngờ, và bình thường, cô đã có thể cao chạy xa bay... nhưng mái tóc của cô đã không cho phép. Henry chớp lấy tóc cô, giật cô lại. Hắn dí sát mặt, nhe răng cười với cô. Hơi thở của hắn nồng nặc, ấm nóng và hôi hám.

“Mày thế nào rồi?” Henry Bowers hỏi. “Mày đi đâu đấy? Xuống chơi với đám bạn chết toi của mày hả? Để tao xẻo mũi mày rồi bắt mày ăn nhé. Mày thích vậy không?”

Cô quẫy đạp để thoát thân. Henry cười, nắm tóc giật đầu cô tới lui. Con dao loang loáng phản chiếu dưới ánh nắng tháng Tám đầy nguy hiểm.

Chợt tiếng còi xe vang lên inh ỏi.

“Này! Này! Các cậu làm gì vậy? Thả cô bé ra!”

Một bà cụ ngẩng sau tay lái chiếc xe Ford 1950 tươm tất. Bà đánh xe vào lề đường, nhào người qua ghế bọc vải nỉ rồi thò đầu ra từ cửa sổ hành khách. Trông thấy khuôn mặt tức giận và thành thật của bà cụ, lần đầu tiên vẻ đờ đẫn biến mất khỏi đôi mắt của Victor Criss, hắn lo lắng quay sang nhìn Henry. “Mình...”

“Cứu cháu với!” Bev thảng thốt hét lên. “Hắn có dao! Hắn có *dao*!”

Cơn giận của bà cụ chuyển sang lo lắng, ngạc nhiên và cả sợ hãi. “Các cậu đang làm gì vậy? Để cô bé yên!”

Bên kia đường - Bev trông thấy rất rõ – Herbert Ross đứng dậy khỏi ghế

xếp trên hiên nhà, tiến lại lan can rồi dáo dác nhìn. Mặt ông ta đỏ dần như mặt Huggins Ở Hời lúc này. Đoạn ông ta gấp báo, quay đầu im ỉm bước vào nhà.

“Để cô bé yên!” Bà cụ run run ré lên.

Henry nghe rằng rồi đột nhiên lao đến xe của bà cụ, giật tóc lôi theo cả Beverly. Cô vấp ngã, một bên gối khuỵu xuống và bị kéo x ềnh xệch. Chân tóc cô đau đến không tưởng. Cô cảm thấy mình phải đứt cả nắm tóc là ít.

Bà cụ hét toáng, hoảng loạn nâng cửa kính bên ghế hành khách lên. Vẫn gào rú, Henry chém xuống, lưỡi dao trượt trên mặt kính. Bà lão buông chân khỏi bàn đạp chiếc Ford cũ, khiến chiếc xe giật cục ba lần thật to, quanh xuống đường Kansas, bật lên ở lề đường rồi mắc kẹt. Henry chạy theo, vẫn nắm đầu Beverly. Victor liếm môi nhìn quanh. Ở Hời kéo chiếc mũ bóng chày New York Yankees xuống trán rồi đưa tay bứt tai đầy bối rối.

Bev thoáng thấy khuôn mặt trắng bệch vì sợ hãi của bà cụ, rồi thấy bà cuống quýt khóa cửa xe lại, đầu tiên là ở phía ghế hành khách, sau đó là ở phía mình. Động cơ chiếc xe Ford g ần lên nhưng tắc tị. Henry giơ chân và thúc bốt vào đèn hậu.

“Biến khỏi đây mau, bà già chết dịch!”

Bánh xe rít lên lúc bà lão lao xe xuống đường. Chiếc xe tải trời tới phải vòng ra để tránh xe bà, bấm còi inh ỏi. Quay người lại nhìn Bev, Henry vừa nghe nhớn nụ cười gớm ghiếc thì cô đưa chân đạp thẳng vào bộ hạ của hắn.

Nụ cười trên khuôn mặt của Henry biến thành cái nhăn nhó vì đau đớn. Con dao bấm rơi khỏi tay hắn, lan can rớt xuống vỉa hè. Tay kia buông mớ tóc bù xù của cô ra (nhưng còn kịp giật thêm một cú đau điếng), hắn sụm gối, mấp máy toan thét lên, bưng lấy bộ hạ. Cô có thể thấy những túm tóc màu đồng của cô trong tay hắn, và khoảnh khắc ấy, bao nhiêu sợ hãi trong cô biến thành nộ khí. Cô hít một hơi thật sâu rồi khạc bãi đờm to tướng lên đầu hắn.

Đoạn cô quay người, co giò chạy.

Ợ Hơi lạch bạch đuổi theo cô được ba bước thì dừng lại. Hấn và Victor quay lại chỗ Henry. Hấn ta gạt chúng qua một bên, loạng choạng đứng dậy, hai tay vẫn ôm háng, đây không phải lần đầu tiên hấn bị đạp vào hạ bộ trong mùa hè này.

Hấn cúi xuống nhặt dao. "... mau," hấn khò khè.

"Gì hả, Henry?" Ợ Hơi lo lắng hỏi.

Henry quay ngoắt sang nhìn hấn, khuôn mặt nhễ nhại mồ hôi vì đau và căm tức, đến độ Ợ Hơi phải lùi lại một bước. "Tao bảo... đuổi theo... mau!", hấn gằn từng chữ, lão đảo chạy theo hướng Beverly thoát thân, tay giữ rịt lấy háng mình.

"Giờ sao mà bắt được nó hả Henry," Victor e ngại nói. "Lạy hồn, mày còn chẳng đi nổi."

"Mình sẽ bắt được nó," Henry hỗn hển. Mũi trên của hấn nâng lên hạ xuống trong vô thức như con chó nhe nanh. Mồ hôi túa ra như tắm trên trán, chảy xuống hai má phùng phùng. "Bọn mình sẽ bắt được nó. Vì tao biết nó đi đâu. Nó sẽ xuống Vùng Đất Cằn để gặp đám chết toi kia, đám

5

Nhà nghỉ thị trấn Derry/ 2 giờ sáng

bạn tớ," Beverly nói.

"Hử?" Bill nhìn cô. Suy nghĩ của anh này giờ trôi dạt đâu đó thật xa. Hai người vừa đi vừa nắm tay nhau trong sự im lặng dễ chịu pha lẫn chút say đắm. Anh chỉ kịp nghe thấy từ cuối cùng cô nói. Cách đó một dãy nhà, ánh sáng từ Nhà nghỉ Thị trấn chiếu qua lớp sương là là trên mặt đất.

"Tớ bảo các cậu là những người bạn tốt nhất của tớ. Những người bạn duy nhất tớ có ngày đó." Cô mỉm cười. "Tớ thấy tớ không giỏi kết bạn cho lắm, dù tớ có một cô bạn rất tốt ở Chicago tên là Kay McCall. Tớ nghĩ cậu sẽ thích cô

ấy đấy, Bill.”

“Có lẽ thế. Tớ cũng không phải típ người dễ kết bạn mới.” Anh mỉm cười. “Ngày ấy, chúng ta chỉ c-c-cần có nhau.” Anh lặng nhìn những giọt sương lấp lánh trên mái tóc cô, trăn trờ quầng sáng do đèn hắt quanh đầu. Đôi mắt cô ngược nhìn anh nghiêm nghị.

“Giờ tớ cần một đi đâu,” cô nói.

“Gi-Gì thế?”

“Tớ cần cậu hôn tớ,” cô đáp.

Anh nghĩ về Audra, và lần đầu tiên anh nhận ra vợ anh trông giống Beverly. Anh tự hỏi phải chăng đó chính là ngu ần cơn mà Audra thu hút anh đến thế, phải chăng đó là lý do anh d ần hết can đảm ngỏ lời với cô vào cuối buổi tiệc Hollywood lúc hai người được giới thiệu với nhau. Anh chạnh lòng tội lỗi... và rồi anh ôm Beverly, cô bạn gái từ thuở nhỏ, vào lòng.

Nụ hôn của cô n ồng nàn, ấm áp và ngọt ngào. Ngực cô áp vào chiếc áo khoác không cài khóa của anh, hông cô áp vào người anh... rồi lại buông lời... rồi áp lại. Nhịp thứ hai khi hông cô buông lời, anh luồn cả hai tay vào mái tóc cô và áp vào người cô. Cảm nhận anh đang d ần cứng lên, cô khẽ rên rồi vùi mặt vào cổ anh. Những giọt nước mắt chảy lên da anh, nóng ấm và ý nhị.

“Nào,” cô thở thè. “Nhanh lên.”

Anh nắm tay cô, hai người rảo bước về phía Nhà nghỉ Thị trấn. Ti ền sảnh xưa cũ, trang trí bằng cây cối và vẫn còn đó nét duyên dáng đang d ần phai mờ. Nội thất mang phong cách Thợ đồn gỗ thế kỷ 19. Giờ này, sảnh vắng tanh vắng ngắt, ngoại trừ anh tiếp tân đang ng ồi trong văn phòng bên trong, hai chân gác lên bàn, mắt dán vào ti vi. Bill bấm nút thang máy lên tầng ba với ngón tay khẽ run lên – vì phấn khích? lo âu? tội lỗi? hay tất cả cộng lại?Ồ tất nhiên, có cả một cảm giác sung sướng và sợ hãi đến phát điên nữa. Mớ bong bong cảm xúc ấy chẳng dễ chịu gì cho cam, nhưng chúng cần thiết. Anh dắt cô

đi dọc hành lang về phòng anh, bối rối nghĩ trong đầu nếu anh có hành vi không đoan chính thì công cuộc ngoại tình ấy nên được thực hiện trong phòng anh chứ không phải phòng cô. Đầu óc anh băng quơ nghĩ về Susan Browne, người đại diện đầu tiên và cũng là người tình đầu tiên khi anh còn chưa chạm tuổi đôi mươi.

Lừa dối. Mình đang lừa dối vợ mình. Anh cố gắng chấp nhận điều này, nhưng nó vừa thực mà lại vừa vô thực. Chỉ biết cuộn dây lên trong lòng anh là cảm giác nhớ nhà da diết: cảm giác anh đang dấn vụn vỡ. Giờ này chắc Audra đã thức dậy, pha cà phê, choàng áo ngủ ngủ ở bàn bếp, có lẽ cô đang đọc một cuốn tiểu thuyết của Dick Francis.

Chìa khóa của anh lạch cạch tra vào ổ khóa phòng 311. Nếu họ lên phòng Beverly nằm trên tầng năm, họ sẽ thấy đèn báo tin nhắn thoại trên điện thoại nhấp nháy; người lễ tân trực bàn đang xem ti vi sẽ gửi cô lời nhắn từ cô bạn tên Kay ở Chicago (sau cuộc gọi hoảng loạn của Kay, anh nhân viên cuối cùng cũng nhớ mà gửi lời nhắn), mọi thứ có thể đi theo hướng khác: năm người bọn họ đã không phải trốn cảnh sát Derry khi ban mai xuất hiện. Nhưng hai người đã chọn đi vào phòng anh – tựa hồ vận mệnh được an bài từ trước.

Cửa mở. Họ bước vào bên trong. Cô ngược nhìn anh với đôi mắt long lanh, hai má ửng hồng, ngực nảy lên nảy xuống vội vã. Anh ôm cô vào lòng và choáng váng trước cảm giác *chuẩn xác* ấy - cảm giác vòng tròn giữa quá khứ và hiện tại đóng lại trơn tru hoàn mỹ. Thấy anh vụng về gạt chân đóng cửa phòng, cô phì cười, phả làn hơi nóng ấm vào miệng anh.

“Tim tó...” cô nói và đặt tay anh lên ngực trái của cô. Anh có thể cảm nhận trái tim cô dưới bầu ngực săn chắc, mền mại đến tê tái, đang đập rộn như động cơ.

“T-T-Tim cậu...”

“Tim tó.”

Hai người họ chuyển lên giường, vẫn mặc quần áo, mãi miết trao nhau những nụ hôn. Tay cô luồn vào trong áo anh rồi lại rút ra. Cô lén ngón tay dọc theo hàng nút, dừng bên hông anh... rồi ngón tay ấy trượt xuống sâu hơn, mân mê dương vật đang cứng như đá. Bản thân anh còn phải bất ngờ khi những phần cơ ở hạ bộ mình có giật mạnh mẽ. Anh rời nụ hôn rồi dịch người ra xa cô.

“Bill?”

“Mình d-d-dừng lại ch-ch-chút đã,” anh nói. “Kéo tở phóng tr-tr-trong quần như đũa c-con nít mất.”

Cô lại khẽ cười và đưa mắt nhìn anh. “Thế à? Hay cậu đang lưỡng lự đấy?”

“Lưỡng lự sao” Bill nói. “Khi nào tở ch-ch-chẳng lưỡng lự.”

“Tở thì không. Tở căm thù chồng tở,” cô nói.

Anh nhìn cô, nụ cười tắt ngúm.

“Thành thật mà nói, tở không hiểu nổi tại sao cuộc đời tở lại theo ngã rẽ ấy cho đến tối nay,” cô tâm sự. “À không, tở biết chứ – tở đoán tở biết tất cả. Chồng tở đánh đập tở. Tở cưới hắn ta vì... vì bố tở lúc nào cũng lo cho tở, chắc thế. Bất kể tở có đến đâu chẳng nữa, bố tở cũng lo. Và có lẽ tở biết rằng bố tở sẽ chấp thuận một kẻ như Tom. Vì Tom lúc nào cũng lo lắng. Hắn lo rất nhiều. Và miễn là có người lo cho tở, tở sẽ được an toàn. Hơn cả an toàn. Tở sẽ tồn tại *thật sự*.” Cô nhìn anh nghiêm trang. Áo của cô đã kéo ra khỏi cặp quần, để lộ mảng bụng trắng muốt. Anh những muốn hôn lên đó. “Nhưng không có gì là thật, tất cả chẳng khác nào một cơn ác mộng. Kết hôn với Tom giống như trở lại vào ác mộng. Tại sao một người bình thường lại làm vậy hả Bill? Tại sao một người lại tự nguyện trở về với ác mộng kia chứ?”

“Lý do d-d-duy nhất tở b-biết là người t-ta quay về để t-t-tìm chính b-b-bản thân mình,” Bill trả lời.

“Ác mộng nằm ở đây,” Bev nói. “Ác mộng ở chính Derry. Tom chỉ là thứ

còn con so với nơi này. Giờ tớ có thể thấy hấn ta rõ nét hơn rồi. Tớ cảm ghét bản thân mình vì đã ngậm đắng nuốt cay ở với hấn suốt bao năm... Cậu không biết đâu... những điếu hấn bắt tớ làm, và ừ, tớ còn vui vẻ làm mới ngu chứ, cậu tưởng tượng nổi không, vì hấn lo cho tớ. Tớ chỉ biết khóc... nhưng nhiều lúc, nó quá đổi bẽ bàng. Cậu hiểu không?”

“Đừng vậy,” anh khẽ nói và nắm lấy tay cô. Cô siết tay anh thật chặt. Đôi mắt cô rực sáng, nhưng không một giọt lệ nào lăn xuống. “Ai mà chẳng có s-s-sai lầm. Nhưng đời chẳng phải b-b-bài thi. Cậu chỉ cố hết s-s-sức đi qua cuộc đời mà thôi.”

“Ý tớ là,” cô nói tiếp, “tớ không lén lút sau lưng Tom, hoặc có lợi dụng cậu để ăn miếng trả miếng hấn ta hay bất cứ điếu gì như thế. Đối với tớ, hành động này là một điếu... bình thường, dung dị và ngọt ngào. Nhưng tớ không muốn khiến cậu tổn thương, Bill. Tớ cũng không muốn đưa cậu vào tròng để rồi khiến cậu dần vật.”

Anh nghĩ về điếu đó, nghĩ thật lung, từ điếu chí cuối. Nhưng cái câu luyến láy quái dị kia - *anh đâm tay vào cột nhà*, vân vân – bắt điếu lớn vờn trong điếu, phá bĩnh chuỗi suy tư của anh. Hôm nay quả là một ngày dài. Cuộc gọi của Mike và lời mời ăn trưa ở Jade Phương Đông như đã xảy ra từ cả trăm năm trước. Quá nhiều chuyện ập tới. Quá nhiều ký ức, đơn cử như những bức hình trong album của George.

“Bạn bè không đưa nh-nhau vào tr-tr-tròng,” anh nói, nằm trên giường rướn về phía cô. Đôi môi họ chạm vào nhau, và rồi anh cởi nút áo của cô. Một tay cô vòng ra sau gáy, kéo anh lại gần, tay kia kéo khóa quần rồi tụt quần xuống. Phút giây sau, tay anh đã áp lên bụng cô, ấm nóng, sau đó, quần con của cô cởi ra trong nháy mắt; rồi anh đẩy tới, cô mở đường.

Khi anh tiến vào trong, cô khẽ cong lưng về phía chuyển động của anh và rên rỉ, “Hãy là bạn của tớ... Tớ yêu cậu, Bill ạ.”

“Tớ cũng yêu cậu,” anh nói, nụ cười áp vào bả vai gầy của cô. Họ bắt đầu thật chậm rãi, và dần dà, anh cảm nhận mồ hôi túa ra trên da khi cô tăng nhanh nhịp độ bên dưới. Ý thức của anh dần xuống dưới, tập trung hơn vào sự kết nối giữa hai người. Lỗ chân lông của cô nở rộng, tỏa ra mùi xạ hương quyến rũ.

Beverly cảm thấy mình sắp lên đỉnh. Cô từng bước tiến về phía nó, chuyển động đến nó, chắc như đỉnh đóng cột nó sắp đến. Cơ thể cô chột co giật mạnh, như muốn thăng thiên, tuy chưa phải cực khoái nhưng chạm đến một bình nguyên cao hơn tất cả những nơi cô từng đạt tới với Tom hay với hai người yêu mà cô quen trước Tom. Cô ý thức được thứ cô sắp trải nghiệm không chỉ là khoảnh khắc cực khoái mà bạo liệt tựa hồ vũ khí hạt nhân chiến thuật. Cô chột e sợ... nhưng cơ thể cô lại một lần nữa đẩy nhanh nhịp điệu. Cô cảm nhận được dương vật dài của Bill cứng lên, cả người anh chột cứng như bộ phận bên trong cô lúc này, và phút giây ấy, cô lên đỉnh – *bắt đầu* lên đỉnh; khoái cảm lớn lao đến độ nó như đau đón vỡ bờ, buộc cô phải cắn lên vai anh để ngăn mình không thét lên.

“Ôi Chúa ơi,” Bill thở gấp gấp, và dù cô không dám chắc, nhưng hình như lúc ấy anh đã khóc. Anh rụt lại, cô cứ ngỡ anh sẽ rút ra - cô cố chuẩn bị tinh thần cho khoảnh khắc ấy, bởi nó lúc nào cũng để lại dấu chân khiến cô có cảm giác mất mát, trống rỗng khó tả, chóng vánh – và rồi anh thúc tới thật mạnh một lần nữa. Ngay lúc đó, cô đạt cực khoái lần hai, một điều cô không hay biết mình có thể trải nghiệm, cánh cửa ký ức lại mở ra, cô trông thấy cơ man nào là chim, hàng nghìn con chim sà xuống mái nhà, đường dây điện thoại, hộp thư Miễn bưu phí ở Derry, những con chim báo hiệu xuân về trên nền trời trắng đục của tháng Tư, cô cảm nhận đau đón hòa với khoái cảm – nhưng phần nhiều chỉ âm ỉ, tựa mây trắng trên bầu trời xuân sà xuống. Cơ thể xác âm ỉ kết hợp với khoái cảm thể xác âm ỉ cùng cảm giác đỉnh ninh. Ngày ấy, cô đã chảy máu... cô đã... đã...

“*Tất cả các cậu?*” cô bỗng dưng òa khóc, đôi mắt mở to, choáng váng.

Lần này, anh rút người lại và rút ra, nhưng bàng hoàng trước ký ức vừa hé mở, cô ghì chặt lấy anh.

“Sao kia? Beverly? Cậu c-có sao...”

“*Tất cả các cậu? Tớ đã trao thân cho tất cả các cậu?*”

Cô thấy khuôn mặt anh đờ ra vì ngạc nhiên, anh há hốc mồm... và anh chợt hiểu tất cả. Nhưng dù bản thân đang váng vất vì sốc, cô biết nó không đến từ những lời cô tiết lộ. Anh đã tự ngộ ra.

“Chúng ta...”

“Bill? Thế là sao?”

“Đó là cách c-c-cậu đưa cả bọn ra ngoài,” anh nói, và giờ đôi mắt anh lóe lên sáng bừng đến mức cô phát sợ. “Beverly, cậu khu kh-không *h-hiểu* sao? Đó là *cách c-c-cậu* đưa tất cả ra ngoài! Tất cả mọi người... nhưng chúng ta...” Bỗng dưng trông anh hoảng sợ và bối rối.

“Cậu nhớ hết những chuyện còn lại chưa?”

Anh chậm rãi lắc đầu. “C-C-Cụ thể thì chưa. Nhưng...” Anh nhìn cô, và rồi cô nhận ra anh đang sợ hãi vô cùng. “Đi đâu c-c-cốt lõi là chúng ta đã tìm đường ra bằng l-l-lòng tin. Và tớ không chắc... Beverly ạ, tớ không chắc người lớn có thể làm đi đâu đó.”

Cô im lặng nhìn anh suốt một lúc lâu, đoạn cô ngẩng lên mép giường, cởi bỏ quần áo trong vô thức. Cơ thể cô mịn màng và xinh đẹp, xương sống mờ mờ ảo ảo trong bóng tối khi cô cúi người để cởi đôi tất nylon cao đến đầu gối cô đang mang. Suối tóc được buộc gọn buông xuống một bên vai. Anh thẫn thờ băng quơ nghĩ mình sẽ muốn cô thêm lần nữa trước khi trời sáng, cảm giác tội lỗi lại xuất hiện và được xoa dịu bởi cảm giác an tâm rằng Audra đang cách anh muôn trùng khơi. *Bỏ thêm đồng xu vào máy chơi nhạc đi, anh tự nhủ. Bài hát lần này là “Mắt không thấy, tim không đau”. Nhưng đau đớn vẫn hiện diện. Ở*

khoảng trống giữa người với người chẳng hạn.

Beverly ngẩng dậy và kéo chăn lên. “Ngủ thôi. Bọn mình cần ngủ. Cả hai bọn mình.”

“Đ-Đ-Được thôi.” Vì cô nói hoàn toàn chuẩn, và anh đồng ý cả hai tay hai chân. Anh muốn ngả lưng hơn bất cứ điều gì trên đời... nhưng không phải ngủ một mình, riêng đêm nay thì không. Cú đá kích gôn nhất đã vọt – có lẽ là vì nó quá chóng vánh, nhưng giờ anh thấy mệt rũ rượi, cạn kiệt năng lượng. Thực tại từng phút từng giây tựa hồ chiêm bao, và dù lòng mặc cảm tội lỗi, anh thấy đây là một nơi an toàn. Anh có thể nằm ở đây thêm ít lâu, ngủ trong vòng tay cô. Anh muốn cảm nhận sự ấm áp, thân mật nơi cô. Cả hai đều mang sắc màu nhục dục, nhưng điều đó chẳng thành vấn đề lúc này.

Anh cởi tất và áo rồi vào nằm cạnh cô. Cô áp sát vào người anh, ngực cô nóng hổi, đôi chân dài mát rượi. Bill ôm cô vào lòng, ý thức những điểm khác biệt – cơ thể cô dài hơn so với Audra, ngực và hông cô đầy đặn hơn. Nhưng cơ thể ấy mời gọi anh.

Lý ra người bên cậu là Ben mới phải, bạn tôi ời, anh gà gât nghĩ. Tớ nghĩ thật ra mọi chuyện nên đi theo hướng đó. Tại sao không phải là Ben kia chứ?

Đơn giản vì ngày xưa là cậu, bây giờ cũng là cậu. Vì có câu gieo nhân nào gặt quả nấy. Hình như Bob Dylan có câu hát như vậy thì phải... hay Ronald Reagan nói nhĩ. Hoặc có lẽ lúc này là tớ vì Ben là người có nhiệm vụ đưa quý cô về nhà.

Beverly ngọ nguậy cựa vào người anh, không chút dục tính (dù lúc đó anh đang chìm vào giấc ngủ, cô vẫn cảm nhận được anh cọ vào chân cô và thấy vui trong bụng) mà chỉ muốn tìm chút hơi ấm. Cô cũng đang mơ màng ngủ. Sau hàng đặng bao nhiêu năm, niềm hân hoan khi được ở bên anh là thật. Cô biết điều đó vì nó để lại trong cô hậu vị nhâm nhâm đắng. Họ chỉ có với nhau đêm nay, và có lẽ chỉ còn một lần nữa trước khi trời sáng. Sau đó, hai người sẽ

xuống cống ngầm như xưa, tiến hành săn tìm Nó. Vòng tròn sẽ ngày một siết chặt, cuộc sống hiện tại của họ sẽ hòa trộn vào tháng năm thơ ấu, họ sẽ trở thành những sinh vật sống trên dải băng Mobius.

Hoặc là thế, hoặc họ sẽ bỏ mạng dưới lòng đất.

Cô trở mình. Anh luồn tay qua khoảng trống giữa hông và cánh tay cô rồi nhẹ nhàng ôm lấy bầu ngực cô. Cô không cần phải thức thao láo, ngay ngáy không biết khi nào bàn tay sẽ bất thành linh về ngực cô, nhéo thật mạnh.

Suy nghĩ của cô dần trở nên rời rạc khi giấc ngủ kéo đến. Như mọi khi, thiếp đi, cô lại thấy vô vàn bông hoa đại rực rỡ – hàng nghìn, hàng vạn bông hoa gập gù chói lọi dưới bầu trời xanh vắng. Những hình ảnh ấy phai đi, và rồi cô có cảm giác mình đang rơi – lúc cô còn bé, cảm giác ấy thỉnh thoảng khiến cô giật mình tỉnh giấc, mồ hôi túa ra đầm đìa, khuôn mặt dúm dỏ chực thét lên thất thanh. Theo như những gì cô đọc trong sách giáo khoa tâm lý thời đại học, việc trẻ em nằm mơ thấy mình rơi là điều khá phổ biến.

Nhưng lần này cô không giật mình thức giấc, cô có thể cảm nhận được sức nặng ấm áp và dễ chịu từ cánh tay Bill, với bàn tay áp ủ nơi bầu ngực cô. Cô thẫn thờ nếu có rơi, chí ít cô không rơi một mình.

Rồi khi đặt chân xuống, cô tất tả chạy: bất kể giấc mơ này là gì, chẳng hiểu sao nó cứ vùn vụt trôi qua. Cô chạy theo nó, rượt đuổi giấc ngủ, tỉnh lặng, hoặc có lẽ cô chỉ đang đuổi theo thời gian mà thôi. Năm tháng thấm thoát trôi đi, cứ đi, đi mãi. Nếu quay người đuổi theo thời thơ ấu của chính mình, ta sẽ phải phi nước đại và chạy trốn chết. Năm hai mươi chín tuổi, cô nhuộm tóc theo lộn (*nhanh lên*). Năm hai mươi hai tuổi, cô phải lòng một gã cầu thủ bóng bầu dục tên là Greg Mallony suýt chút nữa đã giở trò đĩ bại với cô sau bữa tiệc của câu lạc bộ đại học (*nhanh lên, nhanh nữa lên*). Năm mười sáu tuổi, cô xin quắc cần câu với hai cô bạn ở khu đậu xe Vọng cảnh đời Bluebird. Năm mười bốn tuổi... năm mười hai tuổi...

... nhanh lên, nhanh nữa, nhanh nữa lên...

Cô chạy vào giấc ngủ, đuổi theo tuổi mười hai, bắt kịp nó, chạy xuyên qua rào ký ức mà Nó dựng lên chắn lối bọn họ (trong giấc mơ, nó có vị như sương mù lạnh lẽo trong buồng phổi đang hừng hực làm việc của cô,) cô chạy ngược về tuổi mười một, hồi hã, vội vàng, chạy để đánh bại quỷ dữ, và cô nhìn lại, nhìn

6

Vùng Đất Cằn/ 12 giờ 40 phút trưa

ra sau vai xem còn bóng dáng bọn chúng không nữa trườn bò xuống triền dốc. Chỉ ít hiện giờ thì cô chưa thấy gì. Cô đã “cho nó biết thế nào là lễ độ” như lời bố cô thỉnh thoảng hay nói... và mới nghĩ đến bố thôi mà cơn sóng tội lỗi và thói chí lại ập vào cô.

Cô nhìn xuống gần cầu ọp ẹp, thầm mong trông thấy Ánh Bạc dựng ở đó, nhưng không thấy bóng dáng chiếc xe đạp đâu. Có bụi cây giấu những khẩu súng đồ chơi mà họ lười chẳng đem về nhà, nhưng chỉ có thế. Lần theo lối đi, cô quay lưng lại... thì thấy bọn chúng ở đó, Ợ Hơi và Victor đang dìu Henry, cả đám đứng trên triền dốc như đám lính gác người da đỏ trong phim của Randolph Scott. Mặt Henry trắng bệch, trông phát gớm. Hắn chỉ thẳng vào cô. Victor và Ợ Hơi bắt đầu đỡ hắn trượt xuống triền đồi. Đất cát và sỏi rơi dưới gót chân bọn chúng.

Beverly ngậy ra nhìn đám côn đồ một lúc lâu như bị thôi miên. Đoạn cô quay lưng, phi thật nhanh qua con suối róc rách dưới chân cầu, không kịp nhảy lên những tảng đá mà Ben xếp sẵn, đôi giày đạp nước tung tóe. Cô chạy dọc theo con đường, hơi thở phùng phùng trong cổ họng. Cô có thể cảm thấy cơ chân của mình run lên. Cô chẳng còn sức nữa nữa rồi. Phòng sinh hoạt nhóm. Nếu đến được đó, cô sẽ an toàn.

Cô thoăn thoắt chạy trên lối mòn, cành cây quất tới tấp khiến hai má cô càng đỏ, một cành đập trúng mắt khiến cô chảy cả nước mắt. Cô rẽ sang phải, cuống cuồng lao qua những bụi cây rậm rì rồi bước ra khu đất trống. Cửa sập nguy trang và cửa sổ được mở toang, giai điệu rock and roll rộn ràng văng lên. Nghe thấy tiếng chân cô tiến lại, Ben Hanscom lộ đầu ra. Một tay cậu cần hộp kẹo Junior Mints, tay kia cần cuốn truyện tranh Archie.

Cậu trở mắt nhìn Bev, há hốc mồm. Trong hoàn cảnh khác, có lẽ cảnh tượng ấy sẽ rất buồn cười. “Bev, cậu làm cái quái...”

Cô không buồn trả lời. Cô có thể nghe thấy tiếng cành cây răng rắc, vùn vụt đằng sau, hay đúng hơn là không xa đằng sau; có cả tiếng chửi rửa nghiền nghệt. Nghe như thể Henry đang dằn lấy lại sức. Vì thế, cô cứ thế chạy thẳng đến cửa sập hình chữ nhật đang mở toang, mái tóc rối tung, vương nào lá cây, nào cành cây cũng như cẩu bắn sau khi cô lăn lê bò toài dưới xe chở rác, tung tủy đằng sau.

Thấy cô lao đến như Sư đoàn Dù 101, Ben thụp xuống nhanh như cắt. Beverly nhảy vào và được cậu vụng về đón lấy.

“Đóng tất cả cửa lại,” cô hỗn hển. “Nhanh lên, Ben, kéo không kịp! Chúng sắp đến rồi!”

“Ai kia?”

“Henry và bè lũ của hắn! Henry phát điên rồi, hắn thủ cả dao...”

Chừng đó là đủ với Ben. Cậu quăng hộp kẹo Junior Mints và cuốn truyện tranh xuống, rên hừ hừ kéo cửa. Bên trên cửa phủ các mảnh cỏ; keo Tangle-Track vẫn giữ chúng dính cứng. Vài mảnh cỏ hơi lỏng nhưng không sao. Beverly nhón chân đóng cửa sổ lại. Bao trùm họ là bóng tối.

Cô quờ quàng tìm Ben rồi ôm cậu thật chặt vì hoảng sợ. Cậu khẽ ngẩn ngơ rồi đáp trả cái ôm của cô. Hai người bọn họ đang quỳ trên gối. Chợt Beverly kinh hãi nhận ra đài của Richie vẫn đang vang lên đâu đó giữa màn đêm:

Richard Nhỏ Bé rộn rã giai điệu “Cô gái mê đắm lòng người”.

“Ben ơi... cái đài... bọn chúng nghe thấy thì chết...”

“Ôi Chúa ơi!”

Phần hông mập mạp của cậu húc vào cô, suýt chút nữa khiến cô ngã lăn quay trong bóng tối. Cô nghe thấy tiếng đài rơi xuống đất. “Cô gái mê đắm lòng người, bao chàng ngẩn ngơ ngẩn nhìn.” Richard Nhỏ Bé háo hức thông báo với họ bằng giọng ca sang sảng khàn khàn rất riêng. “Mê đắm!” Nhóm hát bè cũng ông ổng hùa theo, “cô gái mê đắm lòng người!” Đến lúc này, Ben hoảng lên hơn hẳn. Tiếng họ thở chẳng khác nào hai đầu máy hơi nước. Bỗng tiếng rắc vang lên... cả không gian im bật.

“Thôi chết.” Ben nói. “Tớ nghĩ ền nát nó rồi. Richie nổi cơn tam bành mất.” Cậu mò mẫm tìm cô trong màn đêm. Cảm thấy tay cậu chạm vào ngực mình, cô vội rút lại như thể phải bỏng. Quờ quàng tìm cậu, chụp được áo cậu, cô kéo cậu lại gần.

“Beverly, cái...”

Cậu im lặng. Họ ng ồi bên nhau, tay ôm lấy đối phương và ngược nhìn. Xung quanh không hẳn đen như mực, vẫn có một tia sáng mạnh của khe cửa sập và ba tia sáng quanh cửa sổ. Một trong ba kẽ hở đủ rộng để ánh nắng mặt trời chiếu vào phòng sinh hoạt nhóm. Cô chỉ c ầu mong *chúng* không phát hiện ra đi ầu đó.

Cô nghe thấy tiếng chúng đến gần. Ban đầu, cô không nghe ra chúng nói gì... nhưng sau đó âm thanh rõ ràng hơn. Cô siết tay Ben.

“Nếu nó đi vào rừng tre, mình có thể truy vết nó ngay,” Victor nói.

“Chúng nó chơi quanh đây thôi,” Henry đáp. Giọng hắn nghệt lại, từng từ phát ra th ầu thào như phải vận sức mới nói nổi. “Taliendo Gỉ Mũi nói vậy. Hôm bọn mình ném đá với chúng cũng thế, chúng tụ tập quanh khu này.”

“Ừ, chúng nó chơi bắn súng này nọ,” Ợ Hơi bảo.

Đột nhiên có tiếng chân nện thình thịch ngay trên đầu bọn họ, nắp hãm phủ cỏ rung lắc lên xuống. Đất cát lại tả tơi xuống khuôn mặt đang ngẩng lên của Beverly. Một tên, rồi hai tên và có khi cả ba tên bọn chúng đang đứng ngay trên phòng sinh hoạt nhóm. Bụng cô quặn thắt; cô phải cắn răng để không ré lên. Vừa ngược nhìn, Ben đưa bàn tay to bè lên má cô, áp mặt cô vào cánh tay cậu, chờ đợi xem chúng có phát hiện ra không... hay chúng biết rồi mà chỉ giả vờ chơi trò mèo vờn chuột.

“Chúng có chỗ riêng” Henry nói. “Thằng Gỉ mũi nói tao vậy. Hình như nhà trên cây hay gì đó. Chúng gọi nó là phòng sinh hoạt.”

“Tao đập cho chúng nó lên mây luôn chứ lên cây bõ bèn gì, Victor nói. Ờ Hơi phá lên cười hô hố trước câu cợt nhả của bạn mình.

Thịch, thịch, thịch, tiếng chân vang lên trên đầu. Nắp phòng sinh hoạt nhóm chuyển động nhiều hơn. Chẳng chóng thì chầy, chúng sẽ phát hiện ra đi đầu này, bình thường mặt đất sẽ không đàn hồi như thế.

“Xuống chỗ con sông xem sao,” Henry nói. “Tao cá nó dưới đó.”

“Ờ được.” Victor đồng ý.

Thịch, thịch. Chúng đang bỏ đi. Bev khe khẽ thở phào nhẹ nhõm qua hàm răng nghiến chặt... Bỗng dưng Henry lên tiếng: “Mày ở đây canh gác con đường đi, Ờ Hơi.”

“Được,” Ờ Hơi nói rồi bắt đầu đi đi lại lại, thỉnh thoảng hất bước ra khỏi nắp hãm, thỉnh thoảng lại đi ngang qua nó. Đất cát lại tả tơi xuống. Ben và Beverly nhìn nhau, khuôn mặt đầy căng thẳng, nhem nhuốc. Bev nhanh chóng nhận ra trong phòng sinh hoạt nhóm không chỉ có mùi khói mà còn ngai ngái thứ mùi rác chua ngất. *Là mùi của mình*, cô u ám nghĩ. Nhưng mặc kệ hôi hám, cô ôm Ben chặt hơn. Chợt cơ thể to lớn của cậu sao mà dễ chịu và hiền hòa đến thế, cô thậm chí mừng rỡ khi cậu mập mạp đến vậy để cô có thể ôm. Vào ngày bế giảng, bước vào nghỉ hè, có thể cậu ấy chỉ là một cậu nhóc mập ú sợ sệt,

nhưng giờ cậu lớn lao hơn nhiều, giống như mọi thành viên trong nhóm, cậu đã thay đổi. Giả như Ợ Hơi phát hiện họ trốn dưới này, có khi Ben lại cho hắn biết thế nào là bất ngờ ấy chứ.

“Đập lên mây chứ lên cây bồ bèn gì” Ợ Hơi nói và khúc khích cười, nụ cười trềnh trềnh như yêu quái. “Đập lên mây chứ lên cây chẳng bồ. Nghe hay quá xá.”

Đúng lúc ấy, cô nhận ra thân trên của Ben hết rình rích nâng lên lại hạ xuống theo những nhịp ngắn; cậu hít những hơi thật sâu vào phổi rồi phả ra từ từ. Trong một thoáng hoảng hốt, cô cứ tưởng cậu sắp khóc tới nơi, nhưng khi nhìn sát hơn, cô phát hiện cậu đang cố nín cười. Cậu chảy cả nước mắt, và khi bốn mắt nhìn nhau, cậu cuống cuống đảo mắt rồi quay mặt đi. Trong ánh sáng mờ mịt lọt qua khe hở quanh cửa sập và cửa sổ đóng kín, cô có thể thấy mặt cậu chuyển sang màu tím ngắt vì nín cười quá lâu.

“Đập lên mây chứ chẳng thềm lên cây,” Ợ Hơi nói và ngã bệt xuống ngay giữa nắp hầm. Lần này, mái căn phòng rung lắc một cách đáng ngại, Bev nghe thấy âm thanh răng rắc rất khê báo hiệu điềm chẳng lành từ cột trụ. Nắp hầm có nhiệm vụ giữ những mảng cỏ nguy trang phủ bên trên... chứ không kham nổi bảy mươi kí-lô thịt của Huggins Ợ Hơi.

Nếu hắn không đứng dậy, hắn sẽ sà vào lòng bọn mình mất, Bev thầm nghĩ, cơn buồn cười của Ben đã bắt đầu lây sang cô. Nó sôi sục trong cô, thiếu đi đầu lục đục trào ra thành những tiếng ha hả và khi khi. Cô chợt mừng tượng cảnh mình đẩy cửa sổ lên bản lề rồi thò tay ra ngoài, chợt vào mộng Huggins Ợ Hơi cú giáng trời trong lúc hắn ngã dưới nắng chiều mờ mịt, lẩm bẩm khúc khích một mình. Cô vùi mặt vào ngực Ben để ngăn mình không phá lên cười nắc nẻ.

“Suyt,” Ben thì thầm. “Vì Chúa, Bev...”

Rắc. Tiếng động lần này to hơn.

“Nó có chịu được không?” cô khê hỏi lại.

“Có thể, nếu hắt không xì hơi,” Ben nói, và chốc sau, Ợ Hơi đánh rầm thật – cú đánh rầm to vang chẳng kém gì kèn trumpet, kéo dài hơn ba giây là ít. Hai người bọn họ càng ôm rịt lấy nhau, ngăn không cho bọn mình cười hô hố. Đầu của Beverly nhúc nhúc lên, đến độ cô nghĩ mình sắp lên cơn đột quỵ đến nơi.

Và rồi cô nghe văng vẳng tiếng Henry gào thét tên của Ợ Hơi.

“Gì đấy?” Ợ Hơi gằn lên, đứng bật dậy, chân nện thành thịch khiến đất cát một lần nữa rơi lả tả xuống Ben và Beverly. “Gì đấy, Henry?”

Henry đáp lại gì đó nhưng Beverly chỉ nghe được dăm ba từ như *bờ sông* và *bụi cây*.

“Được!” Ợ Hơi gào rú, hai chân lạch bạch đi khỏi nắp hầm. Tiếng rảng rác vang lên, to hơn hẳn so với trước, một mảnh gỗ rơi vào lòng của Bev. Cô trợn tròn mắt nó lên.

“Năm phút nữa,” Ben khẽ thều thào. “Năm phút nữa là đi tong.”

“Cậu có nghe tiếng hắt xì hơi không?” Beverly hỏi, khúc khích cười.

“Nghe như Thế chiến thứ ba ấy,” Ben nói, phá lên cười.

Thật nhẹ nhõm biết bao khi không cần nín nhịn nữa, họ cười lăn cười bò, cố giữ âm lượng ở mức rình rích khe khẽ.

Hồi sau, Beverly bất giác lên tiếng mà không mảy may nghĩ ngợi (và hẳn nhiên không phải vì lời nói sẽ có tác động gì đến tình hình này): “Cảm ơn cậu vì bài thơ, Ben.”

Ben ngay lập tức ngưng cười và nhìn cô với vẻ dè chừng, nghiêm trọng. Cậu lôi chiếc khăn tay bẩn từ túi quần sau và chậm rãi lau mặt. “Bài thơ?”

“Bài thơ haiku. Bài thơ viết trên tấm bưu thiếp. Không phải cậu là người gửi sao?”

“Không.” Ben chối bay.”Tớ không gửi cậu bài thơ haiku nào cả. Vì nếu một đứa như tớ – một đứa ứ na ứ nần như tớ – mà làm điếu đó, chắc sẽ bị đối

phương cười cho thối mũi mất.”

“Tớ không cười. Tớ nghĩ bài thơ ấy tuyệt vời lắm.”

“Đời nào tớ viết được thứ gì tuyệt vời kia chứ. Chắc là Bill đấy, không phải tớ đâu.”

“Bill giỏi viết lách,” cô đồng tình. “Nhưng cậu ấy không thể nào sáng tác được áng thơ đẹp như vậy đâu. Cậu cho tớ mượn khăn tay được không?”

Nhận lấy khăn cậu đưa cho, cô cố lau để mặt đỡ lem nhem nhất có thể.

“Sao cậu biết đó là tớ?” Mãi lúc sau, cậu lên tiếng.

“Tớ không biết,” cô nói. “Chỉ là tớ biết thế thôi.”

Họng của Ben co giật lên xuống. Cậu nhìn xuống hai bàn tay mình. “Tớ không có ý gì sâu xa đâu.”

Cô nghiêm mặt nhìn cậu. “Tớ mong cậu chỉ đang nói dối,” cô nói. “Chứ nếu cậu nói thật, nó sẽ làm ngày hôm nay của tớ tệ hại lắm, mà tớ nói cậu nghe, nó đã đủ tệ hại rồi.”

Tiếp tục nhìn chăm chăm xuống tay mình, mãi lúc sau, cậu mới lí nhí thốt lên, cô phải căng tai lên mới nghe ra được. “À, tớ thật sự rất thương cậu, Beverly ạ, nhưng tớ không muốn đi đâu đó khiến mọi thứ sút mẻ.”

“Không đâu,” cô nói và ôm lấy bạn. “Tớ cần tất cả mọi yêu thương tớ có thể có vào lúc này.”

“Nhưng cậu dành tình cảm đặc biệt cho Bill mà.”

“Có thể là vậy,” cô nói, “nhưng đi đâu đó không thành vấn đề. Nếu bọn mình là người lớn thì có lẽ mọi thứ sẽ hơi nhập nhằng một chút. Nhưng tớ dành cho tất cả các cậu tình cảm đặc biệt. Các cậu là những người bạn duy nhất mà tớ có. Tớ cũng thương cậu, Ben ạ.”

“Cảm ơn cậu.” Ben đáp. Đoạn cậu dè dặt rồi quyết định thú thật. Thậm chí cậu còn gom góp đủ can đảm nhìn thẳng vào mắt cô. “Tớ là người đã viết bài

thơ.”

Suốt h ấi lâu, hai người chỉ ng ấi đó, chẳng nói với nhau câu nào. Beverly thấy lòng mình bình an đến lạ. Được bảo vệ. Khi ng ấi cạnh cậu bạn thế này, hình ảnh khuôn mặt bố cô và con dao của Henry dường như phai mờ, bớt đe dọa. Khó mà định nghĩa cảm giác được bảo vệ ấy, và cô cũng chẳng cố gắng làm thế, dù sau này có nhận ra ngu ồi cơn của sức mạnh ấy: cô đang được bao bọc trong vòng tay của một người con trai sẵn sàng hy sinh thân mình vì cô mà không do dự. Đơn giản là cô biết như thế: nó ẩn trong mùi hương phát lộ từ lỗ chân lông của cậu, một thứ ban sơ mà tuyến cơ thể của cô đ ồng khí tương c ầu.

“Mọi người sắp đến đây r ấi,” Ben chột lên tiếng. “Lỡ họ bị bắt thì sao?”

Cô sống người, nhận ra suýt chút nữa cô đã thiếp đi. Theo cô nhớ, Bill đã mời Mike Hanlon đến nhà ăn trưa. Richie đến nhà Stan ăn bánh mì kẹp. Eddie hứa sẽ mang theo bảng Parcheesi. Chẳng mấy chốc, cả nhóm sẽ đến Vùng Đất Cằn mà không hay biết Henry cùng bè lũ đang rình rập ở đây.

“Mình phải báo cho mọi người,” Beverly nói. “Henry không chỉ nhắm vào tớ đâu.”

“Nếu bọn mình ra ngoài đúng lúc chúng quay lại thì...”

“Ừ, nhưng chí ít bọn mình *biết* chúng ở đây, còn Bill và mọi người thì không. Eddie không có sức chạy đâu, chúng đốn gục cậu ấy r ấi còn gì.”

“Ôi lạy Chúa” Ben nói. “Chắc bọn mình phải đánh li ầu thôi.”

“Ừ.” Cô nuốt nước bọt và nhìn đ ồng hồ Timex trên tay mình. Không gian tối thui nên khó mà xem được giờ, nhưng cô đoán đã qua một giờ chiều. “Ben...”

“Sao kia?”

“Henry *thật sự* phát điên r ấi. Hắn giống gã côn đồ trong [Khu rừng Bảg đen](#) ấy. Suýt chút nữa hắn đã cho tớ về ch ầu ông bà, còn hai tên kia cũng hùa theo giúp hắn.”

The Blackboard Jungle (1955) là bộ phim về một thầy giáo cố gắng điều dắt các học sinh ngỗ ngược và quậy phá. Trong phim có nhân vật cậu học sinh Artie West rất hung hăng và thủ đao bên mình. Beverly đang nhắc tới nhân vật này.

“Ôi trời, không đâu,” Ben gạt đi. “Henry điên thật, nhưng không điên *đến mức đó*. Hẳn chỉ...”

“Chỉ thế nào cơ?” Beverly nói. Cô nghĩ về cảnh Henry và Patrick trong bãi xác xe ô tô dưới ánh nắng chói chang. Cô nhớ lại đôi mắt trống rỗng của Henry.

Ben không trả lời. Cậu đắm chiêu suy nghĩ. Phải chăng mọi thứ đã đổi khác? Khi ta ở trong thay đổi, ta khó lòng nhận ra thay đổi ấy. Ta phải lùi lại một bước để nhìn ra chúng ta phải cố gắng tìm. Vào ngày bế giảng, cậu có cảm giác sợ Henry, song đơn giản là vì Henry bự con hơn, vì hắn ỉ lớn hiếp nhỏ – hẳn là kẻ sẽ không ngần ngại chộp đưa nhóc lớp Một, bẻ tay cho đến khi nó bù lu bù loa lên mới thôi. Chỉ có thế. Nhưng hắn đã dùng dao rạch lên bụng Ben. Rồi hai bên đối đầu trong trận ném đá nảy lửa, chưa kể, Henry còn ném quả pháo M-80 vào đầu người khác. Quả pháo ấy có thể trở thành hung khí giết người chứ chẳng chơi. Ta có thể kết liễu kẻ khác như bỡn. Kể từ lúc đó, hắn bắt đầu trở nên khác lạ... gần như bị ma ám. Có cảm giác ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác với hắn, giống như ta phải cẩn thận kéo gập hồ hay rấn độc nếu tiến vào rừng. Nhưng rồi ta sẽ quen với đi đầu đó, quen đến độ nó chẳng có gì bất thường nữa, đơn giản là sự đời như thế. Tuy nhiên, Henry đúng là điên thật, phải không nhỉ? Đúng thế. Ben biết đi đầu này vào ngày kết thúc năm học, song cậu cố tình gạt suy nghĩ đó đi. Đó không phải thứ mà ta muốn tin hay muốn ghi nhớ trong đầu. Và bỗng dưng một suy nghĩ – suy nghĩ mãnh liệt, chắc như đinh đóng cột – manh nha trong đầu cậu, lạnh ngắt như bùn thối Mười. Nó đang điều khiển Henry. Có lẽ Nó cũng đang chi phối cả những kẻ khác, nhưng Nó lợi dụng họ qua Henry. Và nếu đó là sự thật thì có lẽ cô nói đúng. Chuyện

này không đơn giản chỉ là mấy cú bẻ tay, thụi vào gáy trong tiết học cuối ngày khi cô Douglas ngồi ở bàn giáo viên mãi mê đọc sách, không đơn giản chỉ là cú hích trong sân chơi khiến ta ngã dúm dui, trầy cả đầu gối. Nếu bị Nó điều khiển, chắc chắn Henry sẽ dám dùng dao.

“Một bà cụ trông thấy bọn chúng hành hung tớ,” Beverly kể. “Henry bèn rượt theo bà ấy, đập gãy đèn hậu của bà.”

Chi tiết này khiến Ben hoảng hốt hơn cả. Bản năng cho cậu biết những đứa trẻ như cậu sống bên dưới tầm mắt của đa số người lớn, từ đó nằm ngoài vùng phủ sóng suy nghĩ của họ. Khi một người lớn khệnh khạng đi trên con đường, mãi ngẫm những chuyện người lớn về công ăn việc làm, về chuyện mua xe hay ti ti những đi đâu người trưởng thành phải lo lắng, họ sẽ chẳng bao giờ để ý đến đám nhóc chơi lò cò, bắn súng, đá lon, đuổi bắt hoặc trốn tìm. Đám bắt nạt như Henry thỏa sức lộng hành, ức hiếp kẻ khác nếu chúng khôn ranh lẫn lút bên dưới tầm mắt của người lớn. Cùng lắm, một người lớn tình cờ đi ngang qua chỉ lên tiếng nhắc nhở “Cháu có thôi ngay không thì bảo?” và rảo bước tiếp mà chẳng buồn quan sát xem kẻ bạo hành kia có dừng tay hay không. Vì thế, kẻ côn đồ chỉ cần đợi cho đến khi người lớn đi qua khúc cua... và rồi tiếp tục giờ trò hạnh học của mình. Dường như trong suy nghĩ của người lớn, cuộc đời chỉ thật sự bắt đầu khi ta cao trên một mét rưỡi.

Nếu Henry đuổi đánh bà cụ thì có nghĩa là hắn đã vượt lên trên tầm mắt ấy. Và hơn tất cả, đi đầu này cho Ben biết hắn quả thật đã phát điên rồi.

Thấy nét mặt Ben lộ vẻ tán đồng, Beverly cảm nhận cả người mình dâng trào nhẹ nhõm. Cô sẽ không cần kể với câu chuyện ông Ross lãnh cảm gấp báo rồi bước vào nhà. Cô không muốn nhắc lại chuyện đó với bạn bởi nó quá đáng sợ.

“Mình lên đường Kansas đi,” Ben lên tiếng và bất ngờ đẩy mở cửa sập. “Chuẩn bị tinh thần chạy nhé.”

Cậu đứng dậy khỏi cửa và nhìn quanh. Khoảng đất vắng lặng. Cậu có thể nghe thấy tiếng sông Kenduskeag róc rách, tiếng chim hót ríu rít, tiếng thùm thụp thùm thụp của động cơ diesel khục khặc trong sân ga. Ngoài ra, chẳng có tiếng động gì khác, đi đâu này làm cậu chộn rộn. Thà nghe thấy tiếng Henry, Victor và O'Hori vừa chửi rửa vừa lẩn mò trong bụi cây um tùm dưới sông, cậu còn an tâm phần nào. Nhưng cậu lại không nghe thấy tiếng đám côn đồ ấy.

“Lên nào,” cậu nói và kéo Beverly lên. Cô cũng ngay ngáy đưa mắt nhìn quanh, hai tay cào tóc ra sau, nhả mặt khi tócбет dính.

Cậu cầnlấy tay cô, hai người gạt bụi rậm tiến về phía đường Kansas. “Tốt nhất mình nên tránh đường mòn.”

“Không,” cô nói, “bọn mình phải nhanh lên.”

Cậu gạt đầu. “Được.”

Bọn họ đi thẳng ra lối mòn, hối hả tiến về phía đường Kansas. Trên đường, cô vấp phải tảng đá và

7

Sân Chứng viện/ 2 giờ 17 phút sáng

ngã lăn quay trên vỉa hè tắm đẫm ánh trăng. Henry rên lên ư ử, máu ồng ộc chảy theo tiếng rên, nhỏ xuống nền xi măng nứt nẻ. Dưới ánh trăng, máu trông đen thui như máu của sâu bọ. Hắn ngẩn ra nhìn hồi lâu, đoạn ngẩng đầu nhìn quanh.

Đường Kansas tĩnh mịch trong buổi sáng tinh mơ, dãy nhà cửa đóng then cài, tối thui, chỉ leo lét vài ngọn đèn ngủ.

A! Cổng nước thải đây rồi.

Một quả bóng bay vẽ hình mặt cười được cột vào thanh sắt của cổng, dập dềnh, nhấp nhô trong ngọn gió dịu nhẹ.

Henry lom khom đứng dậy, một bên tay nhóp nhúa áp vào bụng mình.

Thằng mọi đen đăm hấn một cú rất đau, nhưng Henry ăn miếng trả miếng đỉnh hơn. Vâng, thừa quý vị. Nếu xét về thằng mọi đen, Henry thấy mình cũng ăn thua đủ ra phết.

“Thằng đấy toi đời rồi,” Henry lăm bằm và lão đảo đi ngang qua quả bóng bay. Máu tươi cứ thế rỉ ra từ bụng hấn, loang loáng chảy trên tay. “Thằng đấy xem như vút. Xử xong một thằng. Sẽ thịt hết đám còn lại. Dạy chúng thế nào là ném đá.”

Không gian xung quanh hấn đập dềnh chao nghiêng như những con sóng khổng lồ mà họ hay chiếu ở đâu mỗi tập phim *Biệt đội Hawaii* mà hấn xem trên ti vi trong phòng,

(gô cổ chúng lại, Danno, ha ha, thằng Jack Lord khôn kiếp ỡn phết. Thằng Jack Lord khôn kiếp ấy ngầu ra phết).

Biệt đội Hawaii (Hawaii Five-O) là bộ phim chiếu năm 1968, trong đó Jack Lord (1920-1998) là diễn viên đóng vai thám tử Stephen McGarrett với câu cửa miệng cuối tập phim là “Gô cổ chúng lại, Danno!” (“Book’em, Danno!”).

và Henry như Henry như Henry như loáng thoáng

(nghe thấy tiếng những tay thanh niên vạm vỡ Oahu rộn ràng băng băng rung lắc)

Oahu là đảo lớn thứ ba trong quần đảo Hawaii, đông dân nhất tiểu bang Hawaii. Ở đây, Henry đang tưởng tượng cảnh những chàng trai ở đảo Oahu lướt sóng.

(lắc lắc lắc)

(thực tại thế giới. “Pipeline.” Chantays. Còn nhớ “Pipeline” không? "Pipeline" nghe ỡn phết đấy nhỉ? "Ngã sóng." Tiếng cười hô hô ngay đoạn đầu. Nghe như tiếng thằng Patrick Hockstetter. Thằng xăng pha nhót chó chết. Bảo sao về châu ông bà, và trong thâm tâm)

Pipeline là địa điểm lướt sóng nổi tiếng của Hawaii, đồng thời cũng là tên bản

thu nổi tiếng của nhóm nhạc surf rock (nhạc rock mang âm hưởng và cảm hứng từ văn hóa lướt sóng của Mỹ) The Chantays phát hành vào năm 1962. Đầu óc của Henry rõ ràng đã phát điên khi hấn nghĩ lung tung, không mạch lạc như vậy.

Ngã sóng (Wipe-Out) là một bản thu dòng nhạc surf rock của nhóm The Surfaris vào năm 1963. Mở đầu bài này là tiếng cười rất to và sảng khoái.

trong thâm tâm hẳn chỉ thấy

(đáng đời mày chưa, chuẩn quá đi, quá xá là ĐÁNG ĐỜI, chuẩn như CHƯA BAO GIỜ CHUẨN HƠN

(ờ rồi Pipeline nói một câu thôi đừng chùn bước các chàng trai bắt ngọn sóng đi và

(đón

(đónđónđón

(ngọn sóng và ra vĩa hè lướt với anh đi nói

(một câu thôi bắn chết toi thế giới nhưng cứ).

Một tràng lảm nhảm vô nghĩa của Henry, xuất phát từ lời của một số bài hát liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến lướt sóng: “Don’t Back Down” và “Catch a Wave” của The Beach Boys, “Sidewalk Surfin” của Jan & Dean (riêng bài này về lướt ván chứ không phải lướt sóng).

có cái tai trong đầu hẳn: không ngừng nghe thấy tiếng *đùng* ấy, có con mắt trong đầu hẳn: không ngừng nhìn thấy thủ cấp của Victor lù lù xuất hiện vào cuối mùa xuân năm đó, mí mắt, hai má và trán bê bết máu.

Henry lờ mờ nhìn sang trái và trông thấy dãy nhà đã bị thay thế bởi một bờ giậu cao, đen thui. Sừng sững phía trên là khối kiến trúc hẹp, âm u xây theo kiến trúc Victoria của Chứng viện Thần học. Không cửa sổ nào sáng đèn. Chứng viện cho tốt nghiệp khóa cuối vào tháng Sáu năm 1974. Kể từ mùa hè

năm đó, nó đóng cửa im lìm và bất kể thứ gì bước đi trong đó thì chỉ bước đi đơn côi... và phải có sự cho phép của hội phụ nữ lăm m òm lăm miệng tự xưng là Hội Lịch sử Derry.

Hắn bước đến bậc tam cấp dẫn lên cửa chính. Nó bị chặn bằng dây xích to nặng, treo tấm biển kim loại đề CẤM VÀO – LỆNH CỦA SỞ CẢNH SÁT DERRY.

Vấp chân trên đường, hắn ngã sõng soài lên vỉa hè đánh oạch. Ở phía trước, một chiếc xe ô tô vừa rẽ vào đường Kansas từ đường Hawthorne. Đèn pha loang loáng chiếu xuống đường. Henry chật vật nheo mắt nhìn mãi mới nhận thấy hóa ra đó là đèn xe cảnh sát.

Hắn l òm c òm bò qua dây xích và mò mẫm sang bên trái để nấp đằng sau bờ giậu. Sương đêm vương trên khuôn mặt nóng bừng khiến hắn sảng khoái vô cùng. Hắn cúi mặt xuống, quay đầu ngu ãy ngu ãy, làm ướt hai má và mót sương uống cho đỡ khát.

Xe cảnh sát phăm phăm chạy ngang qua.

Bất thành linh, ánh đèn xe lóe lên, ào ạt dội vào màn đêm sặc xanh v ò vập. Đường phố vắng vẻ thế này nên chẳng c ãn hứ c òi làm gì, nhưng Henry vẫn nghe thấy tiếng động cơ đẩy lên mức cao nhất. Cao su nghiêng xuống vỉa hè ken két.

Thôi xong, mình bị bắt mất, tâm trí hắn rối rít... và r ãi hắn nhận ra chiếc xe cảnh sát đang chạy khỏi chỗ hắn ngược lên đường Kansas. Lát sau, tiếng động đinh tai nhức óc khuấy động màn đêm, ào ào phóng từ phía Nam về phía hắn. Hắn hình dung một con báo đen khổng lồ lông mượt như nhung thoăn thoắt qua đêm tối, đôi mắt xanh lục và thân hình uyển chuyển, Nó đang đội lốt mới, sẵn lòng hắn, toan ăn tươi nuốt sống hắn.

Dần dà (khi âm thanh chói chúa kia bắt đầu đổi hướng), hắn nhận ra đó là tiếng còi xe cấp cứu, chạy theo hướng xe cảnh sát ban nãy. Hắn nằm run rẩy

trên mặt cỏ ẩm sương, người lạnh băng, cố gắng

(chơi tới đi anh em quên tháng ngày đi anh em chúng ta có gà trong nông trại, nông trại nhà ai, nông trại gì, nông trại nhà tôi)

Câu hát trong bài Whole lotta shakin' goin' on của Jerry Lee Lewis.

không ối mưa. Hấn sợ nếu nôn, ruột gan phèo phổi của hấn sẽ trào lên mất... mà hấn còn phải giải quyết năm kẻ còn lại nữa.

Xe cấp cứu và xe cảnh sát. Chúng đi đâu nhỉ? Tất nhiên là đến thư viện rồi. Thằng mọi đen. Nhưng chúng trễ rồi. Mình đã thịt hấn xong xuôi. Chúng mày tắt còi đi cho rồi. Hấn ta chẳng nghe được đâu. Hấn đã chết ngay đơ rồi. Hấn...

Hấn chết chưa nhỉ?

Henry liếm hàng môi bong tróc của mình bằng cái lưỡi khô khốc. Nếu hấn chết, sẽ chẳng có tiếng còi inh ỏi giữa đêm như tiếng con báo bị thương như vậy. Trừ khi thằng mọi đen đã gọi cấp cứu. Tức là có thể – có thể – thằng mọi đen chưa chết.

“Không,” Henry thở hắt ra. Lăn ra nằm ngửa, hấn ngẩng đầu nhìn trời, nhìn hằng hà sa số những vì sao trên kia. Hấn biết Nó đến từ đó. Đâu đó trên trời... Nó

(đến từ không gian ngoài vũ trụ thêm khát phụ nữ Trái Đất đến để cướp hết đám đàn bà hiếp hết đám đàn ông Frank bảo vậy ý mày là cướp hết đám đàn ông hãm hiếp hết đám đàn bà phải không đứa nào đang làm chủ màn diễn đây, mày hay Jesse vậy? Victor từng kể chuyện đó và có vẻ nó hơi)

đến từ không gian giữa những vì sao kia. Ngẩng mặt nhìn trời sao mà hấn rùng mình: bầu trời quá mênh mông, thăm thẳm. Thật dễ để mừng tượng khoảng trời biến thành màu đỏ quạch như máu, thật dễ để hình dung khuôn mặt xuất hiện giữa màn khói lửa ngàn ngụt...

Hấn nhắm mắt, run bần bật, ôm hai tay quanh bụng mình và thẩn nhẩn:

Thằng mọi đen chết rồi. Có kẻ nghe thấy mình và hấn xô sát nên mới gọi cảnh sát, thế thôi.

Vậy tại sao lại có xe cứu thương?

“Im đi, im đi.” Henry rên rỉ. Hấn cảm nhận cơn phần nộ rồi ren năm nào; hấn nhớ ngày xưa, chúng từng cho hấn ăn quả đắng hết lần này đến lần khác - những tháng ngày xưa mà sao thật gần, thật sống động - hấn nhớ lại cứ lần nào hấn tưởng mình đã bắt được chúng thì chúng lại tìm được cách thoát khỏi tay hấn. Ngày cuối cùng, cái ngày mà Ợ Hơi trông thấy con khốn ấy chạy từ đường Kansas vào Vùng Đất Cằn cũng vậy. Hấn nhớ chứ, ờ phải, hấn nhớ như in. Bị thúc vào chính giữa bộ hạ mà không nhớ mới lạ. Mùa hè năm ấy, hấn bị như thế vài lần là ít.

Henry gượng ngẩng dậy, nhăn mặt vì đau do con dao cắm vào bụng.

Hôm ấy, Victor và Ợ Hơi đã dìu hấn xuống Vùng Đất Cằn. Hấn vận hết sức bước thật nhanh dù cơn đau nhói lên ở vùng bộ hạ và ổ bụng. Đã đến lúc đặt dấu chấm hết cho tất cả mọi chuyện. Bọn chúng men theo con đường dẫn tới khoảng đất, từ đó rẽ nhanh ra năm, sáu lối đi chẳng chịt như mạng nhện. Phải, một đám con nít đã chơi ở đây, chẳng cần phải thông minh như [Tonto](#) mới có thể đoán được đi đâu đó. Trên mặt đất rải rác vỏ kẹo, đầu mẫu xoắn xít của vỏ đạn cho súng đồ chơi màu đen đỏ xen kẽ. Ngoài ra còn có vài tấm gỗ và một đồng mặt cưa, như thể chúng đã xây dựng thứ gì đó.

Nhân vật rất thông minh và nhanh trí trong The Lone Ranger.

Hấn nhớ mình đã đứng giữa khoảng đất, ngắm soi từng hàng cây, tìm kiếm ngôi nhà nhỏ trên cây của đám oắt con ấy. Nếu tìm ra, hấn sẽ trèo lên và thộp cổ đưa con gái run như cầy sấy, hấn sẽ thọc dao cắt họng nó, sờ nắn ngực nó thoải mái cho đến khi ngực cứng đờ mới thôi.

Tuy nhiên, hấn chẳng phát hiện được căn nhà trên cây nào, cả Ợ Hơi và Victor cũng vậy. Cảm giác tức tối quen thuộc trào lên trong họng hấn. Hấn và

Victor để Ớ Hơi lại canh chừng trong khi bọn chúng đi xuôi xuống con sông. Nhưng ở đó cũng chẳng có dấu vết của đứa con gái. Hắn nhớ mình đã cúi xuống, nhặt một hòn đá và

8

Vùng Đất Cằn/ 12 giờ 55 phút trưa

vận sức ném nó xuống suối, phần nộ và bối rối. “Con khốn ấy biến đi đâu được kia chứ?” Hắn oang oang rống lên, vòng lại chỗ Victor.

Victor khẽ lắc đầu. “Tao chịu,” hắn đáp. “Mày chảy máu kìa.”

Henry nhìn xuống và thấy một chấm đen to cỡ đòng hai mươi lăm xu ngay hàng quần jean của mình. Con đau giờ chỉ còn âm ỉ, nhoi nhoi, nhưng hắn có cảm giác quần lót nhỏ và chật quá. Hai hòn của hắn đang sưng lên. Hắn lại thấy lửa giận sục sôi, tựa hồ sợi dây thít quanh trái tim hắn. *Đứa con gái ấy* chính là thủ phạm.

“Nó đâu rồi?” Hắn rít lên với Victor.

“Tao không biết,” Victor lại chờ đẫn lên tiếng. Trông hắn như bị thôi miên, say nắng, hồn phách trên mây. “Chắc nó trốn rồi. Có khi giờ nó về lại Mũi Đất Cũ rồi ấy chứ.”

“Không đâu,” Henry gạt đi. “Nó đang trốn. Chúng nó có chỗ riêng và nó đang trốn ở đó. Có lẽ không phải nhà trên cây mà là thứ khác.”

“Thứ gì?”

“*Tao... không biết!*” Henry thét lên khiến Victor rụt người lại.

Henry đứng dưới con suối Kenduskeag, làn nước lạnh ùng ục chảy qua giày, nhìn quanh quất. Mắt hắn dừng lại ở cột trụ nhô lên khỏi bờ sông cách đó chừng sáu mét xuôi về phía hạ nguồn – đây là máy bơm nước. Hắn lép nhép bước ra khỏi con sông và tiến về phía trụ nước, cảm thấy khiếp đảm dâng lên trong người. Da hắn như căng ra, mắt hắn trợn lên để nhìn thấy nhiều hơn,

đường như hần có thể cảm nhận những lông tai li ti bên trong đang rung động như tảo đập dềnh theo dòng thủy triề.

Tiếng ần ì trầ thấp vang lên từ máy bơm, và phía sau, hần có thể trông thấy ống thò ra khỏi bờ sông chĩa xuống sông Kenduskeag. Nước cống đầu đầu chảy ra, hòa xuống dòng sông.

Hần chúì lên nắp sắt của cột trụ.

“Henry?” Victor lo lắng gọi. “Henry? Màì đang làm gì thế?”

Henry không bu ần đáp. Hần ghé mắt nhìn vào một cái lỗ tròn trên nắp sắt nhưng chẳng thấy gì ngoài màn đêm mịt mù. Hần bèn áp tai lên.

“Đợi...”

Giọng nói vang lên từ bóng tối hun hút bên trong, và Henry cảm thấy nhiệt độ cơ thể hần như tụt xuống không độ, mạch máu đông cứng lại thành đá. Nhưng cùng những cảm giác ấy còn thứ cảm xúc mà hần chưa từng biết tới: tình thương. Mắt hần mở to. Một nụ cười ngoác rộng như nụ cười của gã hề hiện lên trên môi gã đầy ngạo nghễ. Là giọng nói từ Mặt Trăng đây mà. Giờ đây, Nó đang ở dưới trạm bơm này... Nó đang ở dưới cống ngầm.

“Đợi... mà xem...”

Hần đợi thêm những lời nói dừng ở đó: chỉ còn tiếng máy bơm đầu đầu như ru ngủ. Hần quay lại bờ sông, chỗ Victor đang e dè nhìn hần. Henry mặc kệ và rống lên gọi Ợ Hơi. Chốc sau, Ợ Hơi xuất hiện.

“Đi nào,” hần ra lệnh.

“Bọn mình làm gì đây, Henry?” Ợ Hơi hỏi.

“Đợi và xem.”

Chúng rón rén quay lại khoảng đất và ng ầi thụp xuống. Henry chinh qu ần lót để nó không siết vào hai hòn bi của hần nhưng cơn đau vẫn khiến hần mù người.

“Henry, cái...” Ợ Hơi lại lên tiếng.

“Suýt.”

Ợ Hơi đành nhẫn nhịn im lặng. Henry thủ theo thuốc lá Camel nhưng không chia cho cả bọn. Hắn không muốn con khốn kia ngửi thấy mùi thuốc lá, trong trường hợp nó lảng vảng đâu đó quanh đây. Hắn có thể giải thích nhưng không cần thiết. Giọng nói chỉ gọn lỏn bảo hắn ba từ, song như thế là quá đủ. Chúng chơi ở đây. Chẳng chóng thì chầy, đám kia cũng sẽ quay lại. Tại sao chỉ bắt con khốn kia trong khi bọn hắn có thể hốt trọn ổ bầy đưa khốn kiếp ấy?

Chúng chờ đợi và quan sát. Victor và Ợ Hơi xem chừng đã gà gât dù mắt vẫn mở. Thời gian chờ đợi không quá lâu nhưng vẫn dư dả cho Henry suy nghĩ về đủ thứ trên trời dưới biển. Ví dụ, chuyện hắn tìm được con dao bấm sáng nay chẳng hạn. Đây không phải con dao hắn thủ trong người vào ngày bế giảng, hắn đã đánh mất con dao ấy ở đâu đó rồi. Con dao này nhìn ngầu hơn nhiều.

Nó được gửi đến trong hòm thư.

Đại loại thế.

Lúc đó, hắn đứng ở hiên nhìn hộp thư xiêu vẹo dãi dầu sương gió của nhà mình, cố gắng lý giải cảnh tượng mình đang thấy. Hòm thư được cột dây bóng bay. Hai quả bóng cột vào móc kim loại mà thỉnh thoảng nhân viên đưa thư lại cột tay nải vào; ngoài ra, còn có rất nhiều quả bóng bay khác cột vào trụ hộp thư. Đỏ, vàng, xanh dương, xanh lục. Tựa hồ một rạp xiếc quái đản đã lén lút đi qua đường Witcham trong đêm tối và để lại dấu vết này.

Tiến đến gần hộp thư, hắn trông thấy khuôn mặt trên những quả bóng bay – mặt của đám oắt con đã hành hắn lên bờ xuống ruộng suốt mùa hè năm ấy, những kẻ không từ cơ hội nào trêu ngươi hắn. Hắn há hốc mồm nhìn chằm chằm chúng thì bóng bay lần lượt nổ tung. Cảm giác thật sung sướng, tựa hồ hắn chỉ cần vận trí lực để làm bể nó, hắn có thể dùng tâm trí của mình để giết

chết chúng.

Bất thành linh, nắp hộp thư bật mở. Henry bước đến, nhìn vào trong. Dù phải đến xế chiều, người đưa thư mới đến khu vực này, nhưng hắn chẳng hề ngạc nhiên khi trông thấy một bưu phẩm hình chữ nhật dẹt bên trong. Hắn lôi nó ra. Địa chỉ để người nhận HENRY BOWERS, MIỀN BƯU PHÍ #2, DERRY, MAINE. Thậm chí còn có cả địa chỉ gửi trả: ROBERT GRAY, DERRY, MAINE.

Hắn xé bưu phẩm, thả bừa bọc giấy màu nâu xuống chân. Có một hộp màu trắng bên trong. Mở ra, hắn thấy con dao bấm nằm giữa lớp bông gòn trắng. Hắn bèn mang vào nhà.

Bố hắn đang nằm trên chiếc giường tạm bợ trong phòng ngủ của hai bố con, xung quanh vương vãi chai bia rỗng, bụng phòi ra khỏi cặp quần lót màu vàng. Henry quỳ bên cạnh, lắng nghe tiếng ngáy khò khò và tiếng thở phập phồng của bố mình, nhìn lớp môi dày cuì của lão ta hết bấu ra rồi thu lại theo từng nhịp thở.

Henry kê con dao bấm vào cái cổ xương xẩu của bố hắn. Lão ta khẽ cựa quậy rồi tiếp tục ngủ say. Henry cứ thế dí dao chừng năm phút, hai mắt đờ đẫn và tư lự, đầu ngón cái tay trái mân mê nút bấm bằng bạc giữa thân dao. Giọng nói từ Mặt Trăng vọng xuống thì thẩn như làn gió xuân ấm áp với lưỡi dao lạnh ngắt ẩn ở giữa, ù ù như tổ ong bắp cày, léo nhéo như tay chính trị gia khăn khăn.

Henry thấy mọi điếu giọng nói ấy phát ra đều khá chuẩn, vì thế hắn nhấn nút bạc. Có một tiếng cách vang lên bên trong con dao khi lò xo giết người bật tung, và lưỡi dao dài mười lăm phân thọc thẳng vào cổ của Butch Bowers. Nó đâm vào ngọt như nĩa xuyên vào miếng ức gà nướng chín tới. Mũi con dao thò ra phía bên kia cổ, tong tỏng máu.

Mắt của lão Butch mở to trừng trừng. Lão trợn lên nhìn trần nhà. Miệng lão

há hốc. Máu chảy từ khoe miệng xuống má rồi dọc theo dải tai. Lão sặc sụa. Một bong bóng máu phình to trong miệng lão rồi vỡ tung. Tay lão mò mẫm đến đầu gối của Henry rồi lấy bẫy siết chặt. Henry chẳng buồn quan tâm. Và rồi cánh tay buông thõng. Phút sau, tiếng sặc ằng ặc cũng ngưng bật. Butch Bowers đã chết.

Henry rút con dao ra, chùi lên tấm trải giường bẩn thỉu của bố hắn rồi đẩy lưỡi dao vào trong cho đến khi lò xo lách cách vang lên. Hắn vô cảm nhìn bố mình. Ban nãy, giọng nói căn dặn hắn công việc phải thực thi hôm ấy trong lúc hắn quỳ xuống kê dao vào cổ lão Butch. Giọng nói đã giải thích cặn kẽ. Vì thế, hắn bước sang phòng khác gọi Ợ Hơi và Victor.

Kết cục là hiện giờ, cả ba người bọn chúng đang ở đây, và dù bộ hạ của hắn vẫn đau điếng người, con dao cấn lên trong túi quần bên trái khiến hắn dễ chịu. Hắn dự cảm màn tung xẻo sắp đến rồi. Đám kia sẽ sớm trở lại để chơi tiếp dăm ba trò trẻ con, và đó là lúc hắn ra tay. Giọng nói từ Mặt Trăng đã giải thích cặn kẽ với hắn lúc hắn quỳ gối cạnh bố, và trên đường đi vào thị trấn, hắn không tài nào rời mắt khỏi cái đĩa tròn ma mị, bàng bạc trên bầu trời. Hắn thấy đúng là trên cung trăng có người – một gương mặt ma quái gớm ghiếc loang loáng với hai cái lỗ thay cho mắt cùng nụ cười man rợ ngoác đến giữa má. Nó nói

(bọn ta lơ lửng dưới này Henry bọn ta lơ lửng người cũng sẽ thế)

vọng xuống tận thị trấn. *Giết sạch chúng, Henry*, giọng nói ma mị từ Mặt Trăng réo rắt, và Henry đồng tình; Henry thấy trúng phóc tâm can mình. Hắn sẽ giết sạch chúng, cái đám hành hạ hắn, và rồi những cảm xúc ấy – rằng hắn đang dần mất đi vị thế, rằng hắn không tài nào cưỡng được mà phải bước vào thế giới rộng lớn hơn, nơi hắn không thể làm vua một cõi như sân chơi trường Tiểu học Derry nữa, trong thế giới ấy, thằng béo, thằng mọi đen, thằng quái dị cà lăm kia sẽ ngày một to lớn, trong khi hắn chỉ ngày một già đi – chúng sẽ

biến mất.

Hắn sẽ giết sạch bọn chúng, và những giọng nói ấy - bất kể giọng nói bên trong hay giọng nói từ Mặt Trăng - sẽ để hắn yên. Hắn sẽ giết chúng rồi quay trở về nhà, ngồi ở hiên sau, đặt trong lòng thanh kiếm Nhật kỷ niệm năm tháng chiến tranh của bố hắn. Hắn sẽ uống một chai Rheingold mà bố hắn để lại. Hắn sẽ nghe đài nữa, nhưng không nghe tường thuật bóng chày. Thứ đó rõ quê mùa. Thay vào đó, hắn sẽ nghe nhạc rock and roll. Dù Henry không biết (hoặc có biết cũng chẳng quan tâm), hắn và Hội Cùi Bắp có tiếng nói chung trong chủ đề này: rock and roll quá chuẩn. Chúng ta có gà trong nông trại, nông trại nhà ai, nông trại gì, nông trại nhà tôi. Rồi mọi chuyện sẽ đâu vào đấy, mọi chuyện sẽ ngon lành lành đạo; mọi chuyện ổn thỏa cả và tiếp đến có gì xảy ra cũng chẳng quan trọng. Giọng nói sẽ lo cho hắn – hắn cảm thấy thế. Nếu mày lo cho Nó, Nó sẽ lo cho mày. Xưa giờ, mọi thứ ở Derry đều đi theo lẽ ấy.

Nhưng phải chặn đám oắt ấy lại, càng sớm càng tốt, chặn ngay hôm nay. Giọng nói ấy bảo thế.

Henry rút con dao mới ra khỏi túi quần, chiêm ngưỡng nó, xoay tới xoay lui, trầm trồ trước tia nắng phản chiếu lấp lánh dọc theo mặt crôm. Bỗng Ông Hoi chớp lấy tay hắn và ré lên: “Nhìn kìa, Henry! Ôi trời đất ơi! Nhìn kìa!”

Henry nhìn theo và bao cảm giác thắc mắc như vỡ òa. Một hình vuông giữa khoảng đất bỗng trỗi lên như có ma thuật, để lộ không gian tối tăm bên dưới. Trong khoảnh khắc, hắn giật thót hoảng sợ vì cứ tưởng đó là chủ nhân của giọng nói... cũng chẳng trách, Nó trú ngụ dưới lòng thị trấn mà. Đoạn hắn nghe thấy tiếng đất cát lạo xạo trong bản lề và ngộ ra. Bọn hắn không tìm ra nhà trên cây vì không có căn nhà nào cả.

“Chúa ơi, ban này bọn mình đứng ngay trên chúng Victor cần nhần, và khi đầu với vai của Ben lộ ra khỏi ô cửa hình vuông ngay giữa khoảng đất, hắn toan bước ra. Henry vội chớp mắt lại.

“Mình không bắt bọn nó sao, Henry?” Victor hỏi trong lúc Ben nẩy người lên. Cả hai người bọn chúng thở hòng hộc.

“Mình sẽ tóm chúng” Henry nói, không rời mắt khỏi thằng béo mà hắn ghét cay ghét đắng. Cũng là thằng mức vào bi hắn. *Tao sẽ đá vào háng mày cho hai hòn bi của mày căng đủ cao làm bông tai luôn, thằng béo khôn kiếp. Mày cứ đợi mà xem.* “Đừng nóng.”

Thằng béo giúp con ranh kia ra khỏi hố. Con quỷ cái nhìn quanh, và trong thoáng chốc, Henry cứ tưởng con bé đã nhìn thẳng vào hắn. Nhưng rồi ánh mắt nó lướt qua. Hai bọn chúng thì thầm với nhau gì đó rồi chen chúc qua bụi cây um tùm đi mất.

“Đi thôi.” Henry lên tiếng khi âm thanh cành cây răng rắc và lá cây xào xạc đã xa dần, gần như tắt hẳn. “Bám theo chúng. Nhưng nhớ giữ khoảng cách và bé cái mồm thôi. Tao muốn hốt trọn ổ tụi nó.”

Ba người bọn chúng băng qua khoảng đất như quân lính đi tuần, khom người thật thấp, hai mắt cảnh giới. Ở Hơi dừng chân, nhìn xuống phòng sinh hoạt nhóm và lắc đầu trầm trồ. “Ban nãy tao nghĩ ngay trên đầu chúng nó,” hắn cảm thán.

Henry mất kiên nhẫn thúc hắn đi về phía trước.

Hai đứa đi thẳng trên đường vì như thế giảm tiếng động. Bọn chúng mò ra đến đường Kansas thì con ranh và thằng béo nắm tay nhau (*dễ thương chưa kìa*, Henry hí hửng nghĩ), suýt chút nữa đi ngang qua trước mặt cả ba.

May sao hai đứa quay lưng về phía bè lũ Henry và chúng không liếc ngang liếc dọc. Henry, Victor và Ở Hơi cứ ngườì, đoạn rút lẹ vào bóng râm bên vệ đường. Chốc sau, Ben và Beverly chỉ còn là hai chiếc áo thấp thoáng qua bụi cây. Cả ba người bọn chúng tiếp tục đuổi theo... thật cẩn trọng. Henry lôi con dao ra rồi

Henry xin quá giang/ 2 giờ 30 phút sáng

nhấn nút crôm trên cán dao khiến lưỡi dao bật ra. Hấn mở mắt nhìn nó dưới ánh trăng. Hấn thích mê cách ánh sao chạy dọc trên lưỡi kim loại. Hấn chẳng biết lúc này là mấy giờ. Hấn như mở mắt trôi dạt ra vào thực tại.

Một âm thanh vang lên trong ý thức của hấn rồi to dần. Là tiếng động cơ xe. Nó đang đến gần. Mắt của Henry mở to trong đêm tối. Hấn siết chặt con dao, đợi chiếc xe chạy ngang qua.

Nhưng không. Chiếc xe dừng ở khúc quanh bên kia bờ gậu rồi đỗ lại đó, động cơ ậm ỉ. Nhấn như khi ăn ớt (bụng hấn cứng lại chẳng khác nào tấm gỗ, máu rỉ qua kẽ ngón tay hấn đầu đặn không thua gì nhựa cây phong chảy ra trước khi rút vòi khỏi thân cây vào đoạn cuối tháng Ba đầu tháng Tư), hấn khụy gối và gạt hàng cây sang một bên. Hấn có thể thấy đèn pha và hình dáng chiếc xe. Lũ cớm ư? Tay hấn siết con dao rồi thả lỏng, siết rồi thả lỏng, hết lần này đến lần khác.

Ta gửi cho người cuộc xe đẩy, Henry, giọng nói thì thào. Thích thì người cứ gọi là tắc-xi. Nói chung, phải đưa người đến Nhà nghỉ Thị trấn càng sớm càng tốt. Gần hết đêm rồi.

Giọng nói khục khặc cười khô khốc, mỏng tang rồi im bật. Không gian chỉ còn tiếng dế kêu reng róc và tiếng động cơ xe ậm ỉ. *Nghe như bộ phận giảm thanh của bom anh đào*, Henry nghĩ vẫn vợ.

Hấn chớp chớp đứng dậy rồi lết đến lối đi của Chung viện. Hấn nhìn chiếc xe. Không phải xe của lũ cớm: nóc xe không gắn đèn và hình dạng trông quái gở quá. Về ngoài của nó rất... cũ.

Henry lại nghe thấy tiếng cười khúc khích... hoặc có lẽ chỉ là âm thanh gió rít.

Hấn bước ra khỏi bờ gậu, bò qua sợi dây xích, đứng dậy tiến đến chiếc xe đang nổ máy ậm ỉ, ậm ỉ trong thế giới chỉ có hai màu trắng đen của ánh trăng

và bóng đêm đặc quánh. Người Henry như hủi: áo thun đen thui vì máu, quần jean hần cũng sũng máu đến tận gối. Mặt hần trắng bệch với mái tóc hủi của xén ở viện.

Ra đến khúc giao giữa lối vào Chung viện và vỉa hè, Henry ngó nghiêng chiếc xe, thăm dò xem kẻ ngồi sau tay lái là ai. Nhưng thứ đầu tiên hần nhận ra chính là chiếc xe - đây là dòng xe bố hần luôn thèm thốt rồi một ngày sẽ sở hữu chiếc Plymouth Fury 1958. Chiếc xe sơn màu đỏ vạch trắng và Henry biết (bố hần lái nhai với hần tí tỉ lần rồi còn gì?) động cơ nằm dưới cốp xe kia là V-8 327. Mã lực sẵn có là 255, dư sức để xe đạt tốc độ 110 ki-lô-mét trong khoảng chín giây kể từ lúc khởi động, dư sức đạt những yêu cầu khắt khe bằng bộ chế hòa khí bốn thùng. *Tao sẽ có chiếc xe đó bằng được, khi tao chết, tao sẽ chôn chung với chiếc xe*, lão Butch suốt ngày ba hoa như thế...

và tất nhiên, đời chẳng như mơ, lão không bao giờ có được con xe và chính quyên đã chôn cất lão sau khi Henry bị tổng vào nhà thương điên, trong lúc la lối ồm tỏi về đủ thứ quái vật.

Nếu bố ngồi trong chắc mình không chịu nổi mất, Henry nghĩ, siết chặt con dao, quơ quàng loạn xạ, căng mắt nhìn bóng người ngồi sau tay lái.

Cửa bên ghế hành khách của chiếc Fury bật mở, đèn trần xe bật lên, và người tài xế quay lại nhìn hần. Là Huggins Ợ Hơi. Khuôn mặt hần nát bấy, nhoe nhoét. Một con mắt đã mất dạng, cái lỗ thối rữa trên má để lộ hàm răng đen thui. Trên đầu Ợ Hơi đội chiếc nón bóng chày New York Yankees mà hần đội vào ngày hần chết. Mũ kéo ngược ra sau. Rêu mốc xám xanh bám đầy vành mũ.

“Ợ Hơi!” Henry ré lên, và cơn đau thốn chạy dọc bụng khiến hần ứ ớ rên rỉ.

Bờ môi thối rữa của Ợ Hơi nhếch thành nụ cười, toang hoác thành những thớ thịt bọt bọt màu xám trắng. Hần chìa bàn tay cong vẹo về phía cánh cửa mời gọi.

Sau một hồi lừng khờ, Henry vòng qua lưới tản nhiệt của chiếc Fury, đưa tay sờ vào biểu tượng hình chữ V ở đó, giống như thuở bé, lần nào được bố dắt đến phòng trưng bày xe ô tô ở Bangor để ngắm chiếc xe này, hắn cũng chạm vào. Bước về phía ghế hành khách, trời đất xung quanh hắn bỗng xám xịt, hắn sây sầm chộp lấy cửa xe đang để ngỏ mới giữ được thăng bằng. Hắn đứng đó, đầu cúi gằm, thở hổn hển. Mãi lúc sau, thế giới mới đổi màu trở lại – chỉ ít là phần nào – hắn gom đủ sức vòng qua cửa xe, thả phịch người xuống ghế. Con đau lại thọc qua bụng gã, máu tươi phụt ra tay, sờ vào như thạch còn nóng. Hắn ngửa đầu ra sau, nghiêng răng, gân cổ nổi lên rần rật. Hồi sau, cơn đau mới dịu dần.

Cửa xe tự động đóng lại. Đèn trần xe tắt ngóm. Henry thấy bàn tay rữa nát của Ợ Hơi nắm lấy cần số và gạt cho xe chạy. Bó cơ trắng hếu trên khớp ngón tay của Ợ Hơi ánh lên qua lớp thịt đang phân hủy.

Chiếc Fury chạy xuống đường Kansas, tiến về phía đồi Dặm Trên.

“Mày khỏe không, Ợ Hơi?” Henry ngân ngơ lên tiếng. Câu hỏi rõ ràng đến, chứ còn gì nữa, Ợ Hơi sao ở đây được, người chết không thể lái xe nhưng hắn chẳng nghĩ được gì.

Ợ Hơi không trả lời. Con mắt trũng sâu còn lạnh của hắn chăm chú nhìn đường. Những cái răng nhe ra phát gợn qua cái lỗ trên má. Henry lơ mơ nhận ra cậu bạn Ợ Hơi của mình có mùi ừng. Hay nói cụ thể hơn, cậu bạn Ợ Hơi có mùi cà chua bị thối nhũn.

Ngăn đưng găng tay bật mở, đập vào đầu gối của Henry, và dưới ánh đèn leo lét bên trong, hắn trông thấy chai Texas Driver còn một nửa. Hắn lôi chai rượu ra rồi uống đánh ực. Chát lỏng chảy xuống họng mát rượi như lụa, chạm vào dạ dày hắn như dung nham bùng cháy. Cả người run cầm cập, hắn rên ư ư và thấy dễ chịu hơn một chút, gần với thực tại hơn một chút.

“Cảm ơn mày nhé,” hắn nói.

Đầu của Ợ Hơi quay sang hẳn. Henry có thể nghe thấy tiếng dây chẳng trong cổ Ợ Hơi kèn kẹt chẳng khác nào bản lề cửa gỗ sét nghiêng lên. Ợ Hơi nhìn hẳn chăm chăm bằng một con mắt, và phải đến lúc ấy, Henry mới nhận ra mũi của Ợ Hơi gần như đã không còn. Chắc có con gì đó đã gặm nát mũi của Ợ Hơi. Có thể là chó, hoặc chuột chẳng hạn. Khả năng cao là chuột. Cống ngằn nơi bọn chúng đuổi đánh đám oắt con kia nhưng nhúc chuột.

Đầu của Ợ Hơi chậm rãi quay ra nhìn đường. Henry thấy lòng mình nhẹ nhõm hẳn. Chà, hẳn chẳng khoái cách cậu bạn Ợ Hơi của mình nhìn trân trân như vậy chút nào. Con mắt trũng sâu kia như ẩn chứa điều gì đó. Quả trách? Phần nộ? Hay gì nhỉ?

Có một xác chết ngồi sau tay lái chiếc xe này.

Nhìn xuống cánh tay mình, Henry nhận ra hẳn nổi da gà. Hẳn vội vàng uống thêm một ngụm rượu. Hớp rượu trôi xuống dễ dàng hơn, cái thấm đượm lan tỏa xa hơn.

Chiếc Plymouth từ từ chạy xuống đồi Dặm Trên, vòng qua bùng binh ngược chiều kim đồng hồ... nhưng giữa đêm hôm khuya khoắt, chẳng có bóng dáng chiếc xe nào khác, đèn tín hiệu giao thông đã chuyển sang màu vàng, nhịp nhàng hắt lên con đường vắng xe cùng những tòa nhà im lìm theo từng hẻm. Bốn bề tĩnh lặng đến độ Henry có thể nghe thấy tiếng rờ rờ lách tách bên trong từng ngọn đèn... hay đấy là tưởng tượng của hẳn nhỉ?

“Tao không có ý định bỏ mặc mày ngày hôm ấy, Ợ Hơi ạ,” Henry lên tiếng. “Ý tao là, nếu mày đang nghĩ về chuyện đó.”

Tiếng dây chẳng khô khốc kin kít lại vang lên. Ợ Hơi quay sang nhìn hẳn với con mắt trũng sâu. Đôi môi toét ra thành nụ cười góm ghê, để lộ lớp nướu đen xám phủ đầy rêu mốc. *Nụ cười kiểu gì đây?* Henry tự hỏi trong lúc chiếc xe chậm rãi chạy lên đường Chính, băng qua Freese's ở một bên đường, Nhà hàng Nan và rạp chiếu phim Aladdin phía bên kia. *Nụ cười tha thứ à? Hay*

nụ cười khi hội ngộ bạn cũ? Hay đó là nụ cười mang hàm ý tao sẽ báo thù mày, Henry ạ, tao sẽ báo thù cái tội mày dám bỏ mặc tao và Vic? Nụ cười kiểu gì đây?

“Mày phải hiểu tình hình lúc đó,” Henry phân bua rồi im bặt. Tình hình lúc đó *thế nào* ấy nhỉ? Đầu óc của hắn ngổn ngang rối bời, các chi tiết lộn xộn tựa hồ những mảnh ghép hình vừa bị đổ ào ra bàn trong phòng giải trí ở đồi Juniper. Chính xác thì tình hình lúc đó *thế nào* nhỉ? Bọn chúng bám theo thằng béo với con ranh kia lên đường Kansas, nấp trong lùm cây, theo dõi chúng trèo lên triền dốc. Nếu hai đứa nó biến mất khỏi tầm mắt, hắn, Victor vàỢ Hơi sẽ dẹp cái trò theo đuổi này rồi rượt theo thòp cổ bọn chúng; tóm được hai đứa còn hơn không được đứa nào, sau đó chúng sẽ từ từ xử lý đám còn lại.

Những thằng béo và con ranh không biến mất. Chúng tựa người vào hàng rào, râm rì nói chuyện và quan sát đường phố. Thỉnh thoảng, chúng lại quay ra kiểm tra sườn dốc dẫn vào Vùng Đất Cằn, nhưng Henry cho hai tên lính của mình ẩn nấp rất kỹ.

Henry nhớ hôm ấy bầu trời sầm sì, mây ùn ùn kéo đến từ phía Đông, không khí ngọt ngào. Buổi chiều thế nào cũng mưa.

Sau đó đã xảy ra chuyện gì nhỉ? Sau đó...

Một bàn tay xù xì, xương xẩu chộp lấy cẳng tay hắn khiến Henry hét toáng lên. Hắn đang trôi dạt dấn vào tấm màn xám xịt ấy, nhưng bàn tay khủng khiếp củaỢ Hơi và cơn đau nhói lên trong bụng sau khi hét đưa hắn trở lại thực tại. Henry quay sang thì thấy khuôn mặt củaỢ Hơi chỉ cách mình chưa tới năm phân; hắn há hốc miệng kinh ngạc, ước gìỢ Hơi không làm thế. Cậu bạnỢ Hơi của hắn sắp rữa nát đến nơi rồi. Thứ mùi này khiến Henry mừng tượng đến đồng cà chua từ từ úng trong góc nhà kho tắm tối. Bụng hắn cuộn lên.

Chợt hắn nhớ lại cái kết – cái kết củaỢ Hơi và Vic. Hắn nhớ bỗng dưng có thứ gì đó nhào ra khỏi bóng tối lúc cả bọn đứng trong cống ngầm với nắp cống

trên đầu, tự hỏi nên đi đường nào. *Có thứ gì đó...* Henry chưa nhìn ra nó là gì. Cho đến khi Victor ré lên, “*Frankenstein! Là Frankenstein!*” Và rồi con quái vật Frankenstein, bu lông lửa chứa cấm trên cổ, một cái sẹo sâu hoắm khâu bằng chỉ chạy ngang trán, loạng choạng tiến đến chỗ bọn chúng trong đôi giày trông chẳng khác nào khối gỗ đồ chơi trẻ con.

“*Frankenstein!*” Vic gào thét, “*Fr...*” Chưa kịp dứt lời thì đầu của Vic đã bị cắt phẳng, bay vèo qua cổng, đập thẳng vào bức tường bằng đá đằng xa, phát ra tiếng thịch nhóp nháp, nặng nề. Đôi mắt vàng khè loang loáng nước của con quái vật quay sang Henry khiến hắn cứng đờ. Bàng quang đầu hàng, khiến hắn cảm thấy chất lỏng ấm nóng rỉ rả xuống hai chân mình.

Sinh vật kia lao đảo bước đến chỗ hắn, và Ợ Hơi... Ợ Hơi đã...

“Tao nói, tao biết tao đã bỏ chạy,” Henry nói. “Lý ra tao không nên làm thế. Nhưng... nhưng...”

Ợ Hơi tiếp tục trن trن nhìn.

“Tao bị lạc,” Henry thì thầm, như thể phân bua với cậu bạn Ợ Hơi rằng hắn cũng phải trả giá chứ chẳng được yên. Nghe thật yếu đuối, như thể hắn đang nói *Ờ, tao biết mày bị giết, Ợ Hơi ạ, còn tao cũng bị cái dằm to tướng đâm dưới móng tay cái đây này*. Nhưng đi đâu hắn gặp tệt thật mà... tệt khủng khiếp ấy chứ. Hắn đã phải lang thang trong thế giới hôi hám tối tăm ấy cả mấy tiếng liền, và hắn nhớ h ồi sau, hắn bắt đầu la hét. Đi mãi, hắn trượt chân ngã – cú ngã dài, choáng váng, trong đó hắn còn kịp có thời gian mà nghĩ *Ồi tốt quá, chút nữa là mình được chết và thoát khỏi đây* - rồi hắn bị cuốn vào dòng nước chảy xiết. Hắn đoán mình đang ở dưới Kênh Đào. Hắn bước vào ánh tà dương, lội lên bờ và bò ra khỏi con sông Kenduskeag ở địa điểm cách nơi Adrian Mellon chết chìm hai mươi sáu năm sau chưa tới năm mươi mét. Hắn trượt chân, ngã đập đầu và bất tỉnh. Khi hắn tỉnh dậy, trời đã tối thui. Hắn l ần mò ra đến Đường số 2 và xin quá giang về nhà. Cảnh sát đang chờ hắn ở đó.

Song ấy là chuyện xưa, và hiện tại khác. Ngày ấy, Ợ Hơi đã bước ra trước mặt con quái vật Frankenstein và bị nó cào rách má trái, sâu đến tận xương - trước khi co giò tẩu thoát, Henry đã thấy cảnh tượng ấy. Nhưng giờ Ợ Hơi đã trở lại và đang chỉ trở gì đó.

Henry thấy xe dừng ngay trước Nhà nghỉ Thị trấn Derry và hắn chợt ngộ ra lý do. Nhà nghỉ Thị trấn là khách sạn duy nhất còn tươm tất ở Derry. Năm 1958 vẫn còn khách sạn Ngôi sao Phương Đông ở cuối đường Giao Thương với Nhà trọ Lữ khách trên đường Torrault. Tuy nhiên, cả hai đã biến mất trong công cuộc cải tạo đô thị (Henry biết tất, hằng ngày, lúc còn ở ờ Juniper, hắn đầu say sưa đọc tờ *Derry News*). Chỉ còn Nhà nghỉ Thị trấn và khoảng chục nhà trọ nhỏ xập xệ ở gần Xa lộ Liên tiểu bang trụ lại.

Bọn chúng sẽ ở đó, hắn thầm nghĩ. Ngay tại đó. Tất cả đám bọn chúng. Chúng đang say sưa ngủ, với hình ảnh những viên kẹo bọc đường - hoặc hình ảnh cống rãnh – nhảy nhót trong đầu. Mình sẽ kết liễu chúng. Từng đứa, từng đứa một.

Hắn lại lôi chai rượu Texas Driver ra uống một hớp. Hắn có thể cảm thấy máu tươi ri rỉ chảy xuống bụng mình, và ghế ng ờ nhóp nháp hết cả, nhưng nhờ rượu mà hắn thấy khỏe khoắn hơn; dường như rượu khiến mọi vấn đề chỉ bé như mắt muối. Hắn ước giá mà mình có chai bourbon xịn, nhưng thôi, được voi thì không nên đòi tiên.

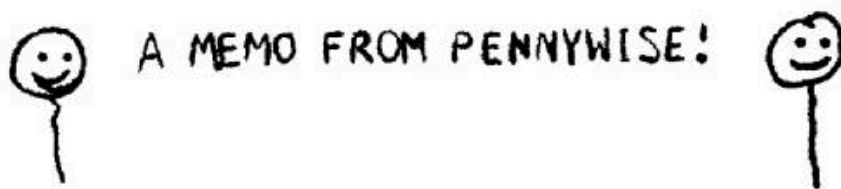
“Nghe này,” hắn nói với Ợ Hơi. “Tao xin lỗi vì đã bỏ chạy. Tao không biết tại sao tao lại thế nữa. Xin mày... đừng giận tao nhé.”

Đó là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất Ợ Hơi lên tiếng, nhưng đó không phải giọng nói của hắn. Giọng nói vang lên từ cái miệng thối rửa của Ợ Hơi, sâu xa, quỳ ền uy và đáng sợ. Henry rên ư ử trước âm thanh ấy. Đó là giọng nói từ Mặt Trăng, giọng nói của gã hề, giọng nói mà hắn nghe khi nằm mơ thấy cống rãnh, cống nước thải, nơi nước không ngừng chảy ào ạt.

“Im m ồm và giết chúng đi,” giọng nói ra lệnh.

“Được.” Henry r ần r ỉ. “Ừ thì được, tao cũng muốn vậy, không thành vấn đề..”

Hắn cất lại chai rượu vào ngăn đựng găng tay. Khớp kin kít như răng nghiêng vào nhau. Trông thấy mảnh giấy ở chỗ để chai rượu, hắn c ầm lên mở ra xem, để lại dấu tay dính máu trên mép. Chạm nổi đầu trang giấy trong màu mực đỏ tươi là dòng chữ:



Ghi chú từ Pennywise:

Bên dưới in những chữ viết hoa như sau:

BILL DENBROUGH	311
BEN HANSCOM	404
EDDIE KASPBRACK	609
BEVERLY MARSH	518
RICHEL TOZIER	217

Là số phòng của bọn chúng. Tốt quá. Đỡ tốn thời gian. “Cảm ơn nhé, Ợ...”

Nhưng Ợ Hơi đã biến mất. Ghế lái trống không. Chỉ còn chiếc mũ bóng chày New York Yankees chổng chơ, nắm móc phủ đầy vành mũ. Trên c ần số còn dính thứ gì đó nhớp nhúa.

Henry nhìn chằm chằm, tim đập đến nhói đau trong họng... và r ồi hắn nghe thấy thứ gì đó lạo xạo cục cựa ở băng ghế sau thì phải. Hối hả ra khỏi xe, hắn mở cửa và suýt ngã nhào xuống vỉa hè. Hắn né chiếc Fury lúc này vẫn đang

hắn ì chạy qua bộ giảm thanh bom anh đào (bom anh đào bị cấm ở bang Maine vào năm 1962) như tránh tà.

Đi bộ cứ như cực hình; mỗi bước chân như châm vào, xé toạc bụng hắn. Nhưng sau khi lết lên được vỉa hè, hắn đứng ngậy ra đó, nhìn tòa nhà bằng gạch tám tầng, ngoài thư viện, rạp chiếu phim Aladdin và chủng viện, đây là một trong những công trình kiến trúc mà hắn còn nhớ như in từ thuở bé. Đa số đèn trên các tầng cao đã tắt, nhưng những ngọn đèn hình cầu bằng thủy tinh mờ treo hai bên lối ra vào vẫn tỏa sáng dịu nhẹ trong đêm tối, bọc trong hơi ẩm từ màn sương mỏng lắng trên mặt đất.

Henry chật vật bước đến lối ra vào, dùng vai gạt mở một cánh cửa.

Nửa đêm, tiêng sảnh vắng lặng như tờ. Sàn nhà trải tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ đã bạc màu. Trầ nhà nghỉ là bức bích họa khổng lồ chia thành nhiều mảng hình chữ nhật, thể hiện cảnh tượng từ thời đốn gỗ của Derry. Trong gian phòng có ghế sofa, ghế bành bọc vải, cùng lò sưởi rất lớn hiện không được trưng dụng, khúc gỗ cằn lồ vút trên vỉ – một khúc gỗ hằn hoi chứ không đốt bằng xăng, lò sưởi ở Nhà nghỉ Thị trấn không phải chỉ để làm cảnh. Cây cảnh vươn mình từ những chậu cây thấp. Cửa kính đôi dẫn vào quán rượu và nhà hàng đóng kín. Từ văn phòng bên trong, Henry có thể nghe thấy tiếng ti vi văng vẳng.

Hắn lão đảo bằng qua tiêng sảnh, quần áo loang lổ vết máu. Máu dính vào các nếp gấp ở bàn tay, chảy dọc má và quệt trên trán hắn lem nhem như bộ tộc da đỏ. Mắt hắn lẫ trong hốc mắt. Ai có mặt trong sảnh mà thấy hắn hẫ sẽ vừa bỏ chạy vừa hét ìn lên vì sợ. Nhưng xung quanh hắn chẳng có ma nào.

Cánh cửa thang máy mở ra ngay lúc hắn bấm nút LÊN. Hắn nhìn mảnh giấy trong tay, rồi nhìn nút đánh các tầng. Sau một hồi cân nhắc, hắn ấn số 6 và cửa đóng lại. Có tiếng động cơ khe khẽ vang lên khi thang máy bắt đầu chạy.

Bắt đầu từ tầng trên rồi thong thả xuống dưới.

Hắn tựa người vào tường thang máy, mắt nhắm hờ. Tiếng thang máy nghe thật dễ chịu. Nghe như tiếng động cơ trong máy bơm của hệ thống cống thoát nước. Ngày hôm ấy cứ trở đi trở lại trong đầu hắn. Cách mọi thứ gần như được sắp sẵn, tựa hồ chúng chỉ diễn vai của mình mà thôi. Cách Vic và O' Hoi như thế... chà, như bị bỏ thuốc lá. Hắn nhớ...

Thang máy dừng lại, khiến cơ thể hắn bị xóc và một cơn đau điếng đến thấu xương chạy lên bụng. Cửa thang máy mở ra. Henry bước vào hành lang yên tĩnh (ở đây có nhiều cây hơn, nào cây treo, cây lục thảo trở, mà hắn chẳng muốn đụng vào những thứ màu xanh mọng nước thế này chút nào, chúng khiến hắn nhớ lại những thứ lòng thông dưới cống ngầm, trong bóng tối). Hắn kiểm tra tờ giấy. Kaspbrak ở phòng 609. Henry lần mò dọc theo lối đi, một tay tì vào tường để giữ thăng bằng, để lại vết máu mờ mờ trên giấy dán tường (à, cứ khi nào lại gần một trong những chậu lục thảo trở treo lưng lửng kia, hắn đầu né ra, hắn không muốn dính đến chúng). Hơi thở hắn khò khè và khô khốc.

Đây rồi, Henry rút con dao bấm ra khỏi túi, liếm đôi môi khô nẻ của mình và gõ cửa. Không có tiếng đáp lại. Hắn gõ lại lần nữa, to hơn.

“Ai đấy?” Giọng buồn ngủ. Tốt. Hắn Kaspbrak đang mặc đồ ngủ và còn mơ màng. Khi hắn mở cửa, Henry sẽ cắm thẳng con dao vào cái hõm trên cổ, cái hõm mỏng manh ngay bên dưới yết hầu của hắn.

“Nhân viên hành lý, thưa ngài.” Henry đáp. “Ngài có lời nhắn từ bà nhà.” Kaspbrak có vợ không nhỉ? Lời hắn nói có vẻ ngu ngốc thì phải. Hắn chờ đợi, thần kinh cũng như dây đàn. Hắn nghe thấy tiếng bước chân – dép tông loẹt quẹt.

“Từ Myra sao?” Giọng nói nghe có vẻ hoảng. Tốt. Vài giây sau sẽ còn hoảng hơn nữa kìa. Thái dương bên phải của Henry cứ giật không ngừng.

“Có lẽ là vậy, thưa quý khách. Không có tên, chỉ ghi là bà nhà.”

Có một khoảng lặng, và rồi tiếng lách cách vang lên khi Kaspbrak tháo khóa xích. Henry nhòe cười, bấm nút trên cán dao bấm. Cách. Hấn giờ lưỡi dao lên ngang má mình, sẵn sàng tư thế. Hấn nghe thấy tiếng khóa cửa xoay. Chốc nữa thôi, hấn sẽ thọc lưỡi dao vào họng thằng quái dị ốm o ấy. Hấn chờ. Khi cửa mở, Eddie

10

Hội Cù Bắp tụ họp/ 1 giờ 20 phút chiều

trông thấy Stan và Richie bước ra khỏi chợ Đại lộ Costello, mỗi người ăn một que kem Rocket. “Này!” Cậu hét lên. “Này, đợi đã!”

Hai cậu bạn quay lại, Stan vẫy tay. Eddie chạy nhanh hết mức đến chỗ bạn bè mình, nhưng thực tế, tốc độ này không được xem là nhanh cho lắm. Một tay cậu vẫn còn bó bột, tay kia ôm hộp trò chơi Parcheesi.

“Nói gì đó, Eddie? Nói gì đó, bạn hiên?” Richie hỏi bằng giọng nói Quý ông miên Nam hào sảng của mình (giọng nói nghe giống y nhân vật Foghorn Leghorn trong phim bộ phim hoạt hình của hãng Warner Brothers). “Ồi chà...Ồi chà... Cậu nhóc bị gãy tay rồi! Xem kìa, Stan, cậu nhóc bị gãy tay! Ôi chà... ta hãy hào hiệp và cầnn hộp Po-chí-sì cho cậu ấy nào!”

“Tớ cầnn được, Eddie nói, có phầnn hụt hơi. “Cho tớ ăn ké kem Rocket với.”

“Mẫu thân của cậu sẽ không ủng hộ đâu, Eddie,” Richie buồn bã nói rồi liếm láp que kem thật nhanh. Cậu đã ăn đến nhân sô-cô-la tuyệt cú mèo bên trong, phầnn khoáii khẩu nhất của cậu. “*Đây vi trùng đó!* Ôi chà... Ôi chà, ăn chung là dính vi trùng đấy nhé!”

“Chơi luôn,” Eddie nói.

Richie lừng khừng chìa que kem Rocket lên miệng của Eddie... rồi giật lại thật nhanh khi Eddie vừa liếm được vài lầnn.

“Cậu ăn nốt que kem của tớ đi.” Stan đềnnghị. “Tớ ăn trưa còn no.”

“Dân Do Thái ăn ít lắm,” Richie giảng giải. “Tôn giáo của họ như vậy.” Ba cậu bé rộn ràng bước đi, tiến về phía đường Kansas và Vùng Đất Cằn. Derry dường như đang say sưa thiếp đi trong buổi chiều mờ mịt. Đa số những căn nhà họ đi ngang đều kéo kín màn che. Đột ngột vút chổng chơ ngoài bãi cỏ như thể chủ nhân của chúng bị bắt phải ngừng chơi vào ngủ trưa. Sấm động đi đùng phía Tây.

“Thật thế sao?” Eddie hỏi Stan.

“Không, Richie trêu cậu đấy,” Stan đáp. “Dân Do Thái ăn như mọi người thôi.” Cậu chỉ vào Richie. “Như cậu ấy chẳng hạn.”

“Tớ nói này, cậu quá quắt với Stan lắm rồi đấy.” Eddie mắng Richie. “Cậu có thích người ta lôi cậu ra nói nhăng nói cuội chỉ vì cậu là dân Công giáo không?”

“Ôi trời, dân Công giáo gây nhiều chuyện lắm.” Richie nói. “Có lần, bố tớ nói với tớ Hitler theo đạo Công giáo và Hitler sát hại hàng tỷ người Do Thái. Phải không Stan?”

“Ừ, hình như vậy.” Stan đáp. Trông cậu có vẻ ngượng ngùng.

“Mẹ tớ nổi cơn tam bành khi bố tớ nói với tớ đi đâu này,” Richie tiếp tục kể. Cậu khẽ mỉm cười khi nhớ lại chuyện đó. “Nổi cơn tứ bành luôn ấy chứ. Đạo Công giáo có Tòa án Dị giáo, dính dáng tới mấy hình thức tra tấn, hành hạ này kia. Tớ nghĩ tôn giáo nào cũng khá kỳ cục.”

“Tớ cũng thế.” Stan khẽ nói. “Nhà tớ không phải chính thống giáo hay gì cả. Nhà tớ có ăn thịt xông khói và thịt muối[nha]. Thậm chí tớ chỉ biết sơ sơ về người Do Thái thôi. Tớ sinh ra ở Derry, và thỉnh thoảng gia đình tớ đến hội đường Do Thái ở Bangor để thực hiện lễ Đền tội, nhưng...” Cậu nhún vai.

Người Do Thái Chính thống không ăn thịt lợn. Các loại thực phẩm phù hợp với quy định về ăn uống của người Do Thái được gọi là thức ăn Kosher.

“Thịt muối? Cả thịt xông khói à?” Eddie hoang mang. Mẹ con cậu là tín hữu Giám Lý.

“Dân Do Thái Chính thống không ăn những thứ này,” Stan giải thích. “Trong kinh Torah có nói không được ăn những thứ bước qua bùn hoặc bò dưới đáy đại dương. Tớ cũng không rõ cụ thể ra sao. Nhưng thịt heo bị loại, cả tôm hùm nữa. Nhưng bố mẹ tớ vẫn ăn như thường. Tớ cũng vậy.”

“Nghe ngộ nhỉ,” Eddie nói rồi phá lên cười. “Tớ chưa nghe nói tôn giáo nào lại quy định mình được ăn gì. Chắc mai một họ sẽ quy định ta có thể mua loại xăng nào luôn quá.”

“Xăng Kosher nhé,” Stan đáp rồi cười khì. Richie và Eddie chẳng hiểu cậu bạn mình cười vì lẽ gì.

“Nhưng Stanny này, cậu có thấy nó kỳ cục không,” Richie lên tiếng. “Ở điếm không được ăn xúc xích chỉ vì mình tình cờ là người Do Thái ấy.”

“Thế hả?” Stan hỏi ngược lại. “Còn cậu vẫn ăn thịt vào thứ Sáu à?”

“Ồi, làm gì có!” Richie kinh ngạc thốt lên. “Không được ăn thịt vào thứ Sáu, vì...” Cậu khẽ nhoen cười. “À, rồi, tớ hiểu ý cậu rồi.”

“Có thật tín đồ Công giáo sẽ bị đày xuống địa ngục nếu ăn thịt vào thứ Sáu không?” Eddie ngạc nhiên hỏi mà không hề hay biết trước đó hai thế hệ, nhà cậu cũng từng là tín đồ Công giáo Ba Lan sùng đạo, xem chuyện ăn thịt vào thứ Sáu chẳng khác nào cời truồng chạy rong ngoài đường.

“Chà, tớ nói cậu nghe này, Eddie,” Richie đáp. “Tớ nghĩ Chúa sẽ không đày tớ xuống hỏa ngục chỉ vì tớ quên băng mà ăn bánh mì kẹp xúc xích vào trưa thứ Sáu đâu, nhưng tội gì liêu mạng kia chứ? Phải không?”

“Tớ cũng đoán vậy,” Eddie đồng tình. “Nhưng nghe thật là...” *Ngu ngốc*, suýt chút nữa cậu đã thốt lên như thế, nhưng rồi cậu nhớ đến câu chuyện mà cô Portleigh kể cho lớp Giáo lý ngày Chủ nhật khi cậu còn bé – lớp Một trong Chiên Con. Theo lời của cô, một cậu bé hư từng ăn cắp một miếng bánh thánh

trong lúc chuyển khay rĩa bỏ vào túi mình. Cậu đem về nhà, vớt vào bồn cầu xem có điều gì xảy ra không. Ngay lập tức - hoặc chí ít đó là những gì cô Portleigh nói với các cô cậu bé đang say sưa lắng nghe - nước trong bồn cầu chuyển sang màu đỏ tươi. Cô nói đó là Máu của Chúa, và cậu bé kia trông thấy cảnh tượng này vì cậu đã thực hiện hành động vô cùng báng bổ. Cảnh tượng này xuất hiện để cảnh báo cậu khi vớt Mình Thánh Chúa vào bồn cầu, cậu đang khiến linh hồn bất tử của mình có nguy cơ xuống địa ngục.

Đến tận lúc đó, Eddie vẫn thích tiệc thánh, sự kiện mà phải đến năm ngoái, cậu mới được phép tham dự. Tín hữu Giám Lý dùng nước ép nho nhãn hiệu Welch's thay cho rượu, và Mình Thánh Chúa được đại diện bằng những miếng bánh mì tươi, phồng xốp của hãng Wonder Bread. Cậu thích việc ăn hay uống thứ gì đó theo nghi lễ tôn giáo. Nhưng sau khi nghe cô Portleigh kể chuyện, niềm kính cẩn dần nhuộm màu thành cảm giác uy quyền, có phần đáng sợ. Cậu phải vận hết can đảm mới dám vươn tay lấy bánh, trong thâm tâm lúc nào cũng sợ chạm vào, cậu sẽ bị sốc điện... hoặc kinh khủng hơn, phần bánh sẽ đột ngột biến màu trong tay cậu thành cục máu, và rĩa một giọng nói sẽ rợn ngợp trong nhà thờ: *Không xúng! Không xúng! Đáng đây xuống địa ngục! Đáng đây xuống Địa ngục!* Lần nào cũng vậy, sau khi tham gia tiệc thánh, cổ họng cậu sẽ thít lại, hơi thở khô khè, và cậu sốt ruột, nôn nao chờ phần đọc kinh tạ ơn nhanh kết thúc để cậu có thể bước ra cửa dùng ống thở.

Đừng ngó ngẩn như thế, lớn hơn một chút, cậu tự trấn an bản thân mình. *Đó chỉ là một câu chuyện thôi, mà cô Portleigh cũng chẳng phải thánh thần gì cho cam – mẹ nói cô ấy ly hôn ở [Kittery](#) và chơi Bingo Saint Mary's trên Bangor, mà tín hữu Kitô Giáo thật sự không bài bạc, họ để việc đấy cho dân ngoại đạo và dân Công giáo.*

Một thị trấn ở Maine.

Nghe thì có lý đấy, nhưng nó không khiến tâm trí cậu yên lòng. Câu chuyện

bánh thánh biến nước trong bồn cầu thành máu khiến cậu lo lắng, gặm nhấm cậu, thậm chí làm cậu mất ngủ. Chợt đêm nọ, cậu nghĩ ra cách để dứt khoát vượt qua chuyện này, tự tay cậu phải lấy một miếng bánh, thả vào bồn cầu xem có chuyện gì xảy ra không.

Nhưng quả thật, cậu không có gan thực hiện thử nghiệm này; lý tính của cậu không tài nào chống lại hình ảnh đáng sợ khi máu loang ra đầy quy kết và nguy hiểm rửa trong nước, tâm trí cậu không thể chống lại những lời kinh nguyện kỳ diệu: *Này là thân thể ta, hãy lấy ăn đi; này là huyết ta, huyết đã đổ ra cho nhiều người.*

Không, cậu chưa bao giờ táy máy thử nghiệm.

“Chắc tôn giáo nào cũng kỳ cục” Eddie nói. Nhưng rất quyên uy, tâm trí cậu để vào, gần như kỳ diệu... đây có phải BẮNG BỔ không nhỉ? Cậu vẫn mơ nghĩ về thứ mà cả bọn trông thấy trên đường Neibolt, và lần đầu tiên, cậu thấy sự tương quan rõ là điên rồ— Người sói cũng xuất hiện từ trong bồn cầu.

“Chắc, mọi người ngủ hết rồi hay sao ấy nhỉ,” Richie nói và vô tư ném cây kem Rocket vào rãnh nước. “Các cậu có bao giờ thấy không gian im ắng thế này chưa? Hôm nay người ta kéo nhau lên Bar Harbor hết rồi chắc?”

“Ch-Ch-Ch-Chào c-các cậu!” Bill Denbrough hét lên từ đằng sau. “Đ-Đ-Đội tớ v-với!”

Eddie quay lại, tươi roi rói khi nghe thấy giọng của Bill To Bự như mọi lần. Cậu bạn đang đạp Ánh Bạc qua khúc quanh Đại lộ Costello, để Mike hít khói đằng sau dù chiếc Schwinn của Mike vẫn còn như mới tinh.

“*Hỡi Ánh Bạc, PHI NÀOOO!*” Bill hô vang. Cậu hì hục đạp xe về phía họ với tốc độ phải đến hơn 30 ki-lô-mét một giờ, những thẻ bài kẹp vào nan hoa phành phạch vui tai. Đoạn cậu đạp ngược bàn đạp, phanh lại, tạo ra một tiếng kin kít điệu nghệ khi bánh xe trượt trên đường.

“Bill Cà Lăm!” Richie lên tiếng. “Huynh sao rồi? À phải là... các hạ sao

r ấ?"

“Tớ ô-ô-ôn,” Bill đáp. “Các cậu có gặp Ben hay B-B-Beverly không?”

Mike đạp tới nơi và nhập hội. Mồ hôi mẹ mồ hôi con nhễ nhại trên mặt cậu.
“Chính xác thì xe câu phi nhanh cỡ nào vậy hả?”

Bill phá lên cười. “Tớ cũng kh-không rõ. Nhưng h-hơi bị nh-nh nhanh đấy nhé.”

“Tớ không thấy,” Richie đáp. “Chắc hai người bọn họ chơi dưới kia rồi chứ gì. Ông ổng song ca với nhau. Xá bùng, xá bùng... đà đa đa đá đa đa... [em như cơn mơ, người yêu hồi.](#)”

Richie đang hát bài Sh-boom của The Cords, ra mắt năm 1954.

Stan Uris ra về nôn oe.

“Cậu ấy ghen tị đó,” Richie giải thích với Mike. “Dân Do Thái không biết hát đâu.”

“B-B-Bíp...”

“Bíp bíp, Richie,” Richie tự nói và cả bọn phá lên cười.

Đoạn cả bọn cùng nhau đi về Vùng Đất Cằn, Mike và Bill dắt xe đạp. Ban đầu, họ còn rôm rả chuyện trò, nhưng rồi chẳng ai lên tiếng nữa. Nhìn Bill, Eddie trông thấy vẻ không yên trên khuôn mặt bạn, và cậu nghĩ bạn mình cũng bắt đầu thấy chộn rộn trước sự yên tĩnh này. Cậu biết Richie chỉ đùa, nhưng hôm nay, hình như người dân ở Derry khăn gói đi đến Bar Harbor hết rồi thì phải... *hoặc một nơi nào đó*. Trên đường chẳng có bóng dáng xe cộ, cũng chẳng có bà cụ nào đẩy xe chở đồ dùng, rau củ về nhà.

“Hôm nay yên tĩnh thật nhỉ?” Eddie khơi chuyện, nhưng Bill chỉ gật đầu.

Họ băng qua đường Kansas tiến về Vùng Đất Cằn thì trông thấy Ben cùng Beverly vừa la hét vừa chạy thục mạng về phía mình. Eddie choáng váng trước vẻ ngoài của Beverly, bình thường, lúc nào cô cũng tươi tắn, gọn gàng, tóc tai

sạch sẽ, cột thành đuôi gà ra sau. Vậy mà lúc này đây, người cô như nhóp đủ thứ cái bẩn trên trần đời. Hai mắt cô trợn tròn và hoảng loạn. Một bên má của cô bị xước. Quần jean dính đầy vết bẩn, áo thì rách bươm.

Ben tụt lại đằng sau, thở hổn hển, bụng hết nảy lên lại nảy xuống.

“Không đi xuống Vùng Đất Cằn được đâu.” Beverly hùng hộc nói. “Đám du côn... Henry... Victor... chúng nó trốn dưới đây... dao... hấn có dao...”

“Ch-Chậm lại,” Bill nói, ngay lập tức làm chủ tình hình một cách nhẹ nhàng, gần như vô thức. Cậu liếc nhìn Ben chạy tới, hai má đỏ bừng, bộ ngực đồ sộ phập phồng.

“Cậu ấy nói Henry phát điên rồi, Bill To Bự,” Ben nói.

“Khốn thật, hấn ta có bao giờ bình thường à?” Richie nói và khạc nhổ.

“I-Im n-nào, R-Richie,” Bill nói rồi quay sang Beverly. “K-Kê đi, cậu nói. Eddie thò tay vào túi, nắm lấy ống thở. Cậu không biết đầu của tai nheo ra sao, nhưng chưa gì cậu đã hiểu mọi thứ không tốt lành gì.

Cố gắng mình bình tĩnh, Beverly chắt vệt kể lại phiên bản đã chỉnh sửa của câu chuyện - phiên bản bắt đầu bằng cảnh Henry, Victor và SHoi bắt được cô trên đường. Cô không kể với họ chuyện bố mình vì cô cảm thấy vô cùng nhục nhã.

Sau khi cô kể xong, Bill lặng im đứng một lúc lâu, hai tay thọc vào túi, cúi gằm, ghi đông xe tì vào ngực. Mọi người chờ đợi, thỉnh thoảng liếc nhìn rào chắn chạy dọc theo rìa triền dốc. Bill trầm tư ngẫm nghĩ thật lung và không ai chen ngang. Eddie chột vớ ra, có lẽ đây sẽ là màn cuối. Vạn vật tĩnh lặng nhường này là vì lẽ đó, chẳng phải sao? Tựa hồ cả thị trấn đã khăn gói rời khỏi đây, để lại những tòa nhà trống rỗng đằng sau.

Richie nghĩ đến bức hình đột nhiên chuyển động trong cuốn album của George.

Beverly nghĩ về bố mình, về đôi mắt nhợt nhạt của lão.

Mike nghĩ về con chim khổng lồ.

Ben nghĩ về xác ướp và mùi quế khô.

Stan Uris nghĩ về ống quần jean đen đúa, nước nhỏ tong tong, bàn tay trắng bệch, nhăn nheo, lỏng lẻo.

“Đ-Đ-Đi th-th-thôi,” cuối cùng, Bill lên tiếng. “B-Bọn mình x-x-xuống đó.”

“Bill...” Ben lên tiếng, ái ngại ra mặt. “Beverly bảo Henry phát điên thật rồi. Hắn sẵn sàng giết...”

“Nơi n-n-này kh-không th-thuộc về chúng,” Bill nói và khoát tay chỉ về vạt đất xanh rì của Vùng Đất Cằn trải dài bên phải và phía dưới – những bụi cỏ, rừng cây, rừng tre, con suối. “Đ-Đ-Đó không phải đ-đ-đất của chúng.” Cậu nhìn các bạn với vẻ mặt hết sức nghiêm túc. “Tớ m-mệt mỏi vì b-bị chúng h-h-hù dọa rồi. Bọn mình đ-đ-đánh bại chúng lúc n-ném đá, và nếu c-cần đánh bại chúng l-l-lần nữa, bọn mình s-s-sẽ làm.”

“Nhưng Bill ơi.” Eddie lên tiếng, “nếu không chỉ có chúng thì sao?”

Bill quay sang Eddie, và Eddie choáng váng khi trông thấy khuôn mặt mệt mỏi, rã rời của bạn mình – vẻ mặt ấy có gì đó thật đáng sợ, nhưng phải đến sau này, khi trở thành người lớn, từ từ chìm vào giấc ngủ sau cuộc họp ở thư viện, anh mới hiểu lý do vì sao nó đáng sợ: bởi đó là khuôn mặt của một cậu bé bị bức đến bờ vực điên loạn, cậu bé suy cho cùng chẳng còn bình thường hay kiểm soát được quyết định của mình hơn Henry là bao. Nhưng cốt rể của Bill vẫn còn đó, vẫn quan sát xung quanh qua đôi mắt thống khổ, ma ám ấy... con người kiên quyết, bùng bùng nộ khí của Bill.

“Ờ” cậu đáp, “nếu v-v-vậy thì s-s-sao?”

Không ai trả lời. Sấm đi đùng, âm thanh gằn hơn. Eddie nhìn lên bầu trời và trông thấy mây giông đen sì ùn ùn kéo tới từ phía Tây. Thế nào cũng mưa thối đất thối cát, mẹ cậu thỉnh thoảng lại nói thế.

“T-tớ nói c-c-các cậu nghe,” Bill nói và nhìn mọi người. “Nếu kh-không

muốn, các cậu không cần phải đ-đ-đi v-với tớ. T-T-Tùy mọi người thôi.”

“Tớ sẽ đi với cậu, Bill To Bự,” Richie khẽ nói.

“Tớ cũng vậy,” Ben đồng tình.

“Hắn r ấ,” Mike nhún vai.

Beverly và Stan đồng ý, cuối cùng Eddie cũng thuận theo.

“Cậu nghĩ kỹ nhé, Eddie,” Richie nói. “Tay cậu, nói sao nhỉ, nhìn không ổn lắm.”

Eddie nhìn Bill.

“Tớ m-m-muốn c-cậu ấy đi.” Bill khẳng định. “Cậu đ-đ-đi với t-t-tớ nhé, E-E-Eddie. Tớ sẽ đề mắt đến c-cậu.”

“Cảm ơn Bill,” Eddie đáp. Bỗng dưng cậu thấy khuôn mặt mệt mỏi, thấp thoáng điên rồ của Bill trông thật đáng yêu - đáng yêu và đáng được yêu. Cậu cảm thấy choáng váng. *Có lẽ mình sẵn sàng xả thân vì cậu ấy nếu cậu ấy yêu cầu. Sức mạnh này là gì nhỉ? Nếu sức mạnh ấy khiến mình nhìn giống như Bill bây giờ, chắc nó không phải sức mạnh tốt lành cho lắm.*

“Ừ, Bill có vũ khí tối thượng mà,” Richie nói. “Bom hôi cánh.” Đoạn cậu giơ cánh tay trái lên, phẩy tới phẩy lui tay phải dưới nách trái. Ben và Mike cười ha hả, Eddie cũng mỉm cười.

Sấm chớp đi đùng, g ần và to đến độ cả bọn nhảy dựng, rúm người sát vào nhau. Gió càng lúc càng mạnh khiến rác rến xào xạc dưới rãnh. Những đám mây đen đầu tiên ùn ùn kéo qua mặt trời mờ ảo, làm bóng của họ biến mất. Gió lạnh ngắt phà qua m ồ hôi trên cánh tay trần của Eddie. Cậu run rẩy.

Bill nhìn Stan r ấ nói một điếu kỳ cục. “Cậu có mang cuốn sách về ch-ch-chim không, Stan?”

Stan gõ lên túi bên hông mình.

Bill nhìn cả nhóm. “Đ-Đ-Đi thôi,” cậu dứt khoát.

Mọi người lần lượt đi xuống triền dốc, trừ Bill ở lại đi chung với Eddie như đã hứa. Cậu để Richie dắt Ánh Bạc xuống dưới, và khi cả nhóm đã đến cuối dốc, Bill cất xe đạp tại vị trí quen thuộc của mình dưới cầu. Đoạn mọi người quay lại bên nhau, đưa mắt nhìn quanh.

Cơn bão sắp đến nhưng không gian chẳng hề tối đi, thậm chí không âm u chút nào. Song ánh sáng dường như đã thay đổi, và mọi thứ chột nổi lên bật bật như trong giấc mơ không đồ bóng, rõ ràng, sắc nét như được chạm khắc. Lòng nặng như chì, Eddie kinh hoàng ngộ ra tại sao cậu lại thấy ánh sáng lúc này quen thuộc đến thế – bản chất của nó giống với thứ ánh sáng mà cậu đã chứng kiến trong căn nhà số 29 đường Neibolt.

Một tia chớp lóe lên giữa làn mây, chói lóa đến mức cậu nhắm mắt. Cậu đưa tay lên mặt và bất giác đếm. *Một... hai... ba...* Và rồi sấm vang lên thành tiếng ùng chói tai, nghe như âm thanh quả pháo M-80 vừa nổ, cả nhóm càng xích lại gần nhau hơn.

“Sáng nay dự báo nói không có mưa,” Ben lo lắng. “Trên báo nói trời nóng và có mây thôi.”

Mike nhìn trời. Mây ùn ùn như những chiếc xuồng đáy đen thui, cao và trũng nước, hõm hỏm lấp ló thiên thanh che phủ bầu trời lúc cậu và Bill bước ra khỏi nhà Denbrough sau bữa trưa. “Nhanh quá,” cậu nhận xét. “Tớ chưa bao giờ thấy cơn bão nào kéo đến nhanh như thế.” Và như xác nhận lời cậu nói, sấm lại ùng ùng đánh xuống.

“Đ-Đ-Đi nào,” Bill giục. “Mình đ-đem cất bằng Parchee-hee-si của E-E-Eddie ở ph-ph-phòng sinh hoạt nhé.”

Cả nhóm men theo con đường mà họ đã đi qua đi lại không biết bao nhiêu tuần kể từ vụ con đập. Bill cùng Eddie dẫn đầu, vai loẹt quẹt vào những tán lá xanh rì, to rộng, mọi người lũ lượt theo sau. Gió lại vù vù thổi, khiến cành cây và bụi rậm xào xac thăm thẳm. Xa xa phía trước, rừng tre lạnh lạnh mà mị như

trống vỗ trong câu chuyện rừng thiêng.

“Bill?” Eddie hạ giọng.

“Sao thế?”

“Tớ biết đi đâu này chỉ có trong phim, nhưng...” Eddie khẽ cười. “Tớ có cảm giác mình bị theo dõi.”

“Ồ, vậy là chúng ở đ-đ-đây, đ-đ-được thôi,” Bill nói. Eddie lo lắng nhìn quanh, khẽ siết hộp trò chơi Parcheesi. Cậu

11

Phòng của Eddie/ 3 giờ 5 phút sáng

mở cửa và đối mặt con quái vật như bước ra từ truyện kinh dị.

Nhân hình bê bết máu đứng đó chẳng là ai khác ngoài Henry Bowers. Trông hằn như xác chết đội mồ sống dậy. Gương mặt hằn hằn lên căm thù và sát khí chẳng khác nào mặt nạ của thầy lang tà thuật. Tay phải hằn giơ ngang má, và khi Eddie trợn tròn mắt, bàng hoàng hít vào hơi đầu tiên thì cánh tay lao vụt tới, lưỡi dao bấm ánh lên như lụa.

Không kịp nghĩ gì - không có thời gian để nghĩ; dừng lại tư duy đồng nghĩa với mất mạng - Eddie đóng sầm cánh cửa lại. Cửa đập vào tay Henry, khiến con dao chệch hướng và vụt thành một đường cong thịnh nộ cách cổ của Eddie chưa tới ba phân.

Một tiếng răng rắc vang lên khi cửa nghiêng mạnh tay của Henry. Henry rên lên oai oái. Hắn buông tay, thả con dao rơi xuống sàn. Thấy vậy, Eddie vội đá con dao xuống gầm ti vi.

Henry tông cả người vào cánh cửa. Hắn nặng hơn Eddie đến nửa tạ, vì thế Eddie bị đẩy bật ra sau như thể búp bê, đầu gối đập vào giường khiến anh đổ ập lên giường. Henry bước vào phòng, đóng cửa lại. Hắn đã kịp chốt cửa lúc Eddie ngẩng dậy, hai mắt trợn tròn, họng bắt đầu thít lại khô khè.

“Được rồi, thẳng khốn,” Henry lên tiếng. Mắt hắn liếc xuống sàn tìm kiếm con dao nhưng không thấy đâu. Eddie đưa tay quờ quàng bàn cạnh giường thì vớ được một trong hai chai nước khoáng Perrier mà anh gọi trước đó. Chai này vẫn còn nguyên; anh đã uống chai còn lại trước khi đến bệnh viện vì thần kinh quá căng thẳng và bị trào ngược dạ dày. Nước khoáng Perrier rất tốt cho tiêu hóa.

Chẳng buồn tìm dao nữa, Henry lần lờ tiến lại, Eddie chộp lấy cổ chai nước hình quả lê màu xanh, đập vào thành bàn. Nước khoáng sủi bọt xì xì, tràn qua những lọ thuốc để trên đó.

Áo quần của Henry nhoe nhoét máu, cả máu tươi lẫn máu đã khô. Tay phải của hắn co lên theo một góc kỳ cục.

“Thằng khốn kia,” Henry lên tiếng, “để tao dạy mày ném đá.”

Hắn bước đến giường, nhào tới Eddie trong lúc anh vẫn còn bàng hoàng, chưa tin nổi vào mắt mình. Kể từ lúc anh mở cửa đến giờ chưa tới bốn mươi giây trôi qua. Thấy Henry lao đến, Eddie ném đít chai Perrier lồm chồm vào hắn. Miếng chai bay thẳng vào mặt Henry, cửa toạc má hắn và đâm vào mắt phải.

Henry thều thào hét lên rồi loạng choạng lùi lại. Con mắt bị rạch chảy dịch màu vàng trắng, trông như sắp rớt khỏi hốc mắt đến nơi. Má của hắn tứa máu chẳng khác nào vòi phun. Tiếng thét của Eddie to hơn hắn. Anh bước xuống giường, tiến về phía Henry – để giúp hắn chẳng, anh cũng không biết nữa – thì Henry lại lao vào tấn công anh lần nữa. Eddie chĩa cổ chai Perrier về phía hắn như thanh kiếm, và lần này, miếng chai sắc nhọn thọc sâu vào tay trái Henry, xẻ qua ngón tay của hắn. Máu tươi tứa ra. Henry găm lên ăng ặc, nghe như một người đang đằng hắng, đoạn dùng tay trái đẩy Eddie.

Eddie bật ngược ra sau, đập vào bàn viết. Tay trái ngoặt ra sau, thân người anh ngã đè lên tay. Cơn đau đột ngột buốt nhói. Anh cảm thấy xương mình bị

tác động ở ngay vết gãy cũ, và anh phải cắn chặt răng để không ré lên đau đớn.

Một bóng đen bỗng chắn ánh sáng.

Henry Bowers đứng trước mặt anh, người khẽ lắc lư. Đầu gối của hắn khuynh xuống. Tay trái hắn tong tỏng máu lên vạt áo ngủ của Eddie.

Eddie giữ rịt cổ chai nước Perrier và khi thấy đầu gối của Henry khuynh xuống, anh vội giơ nó ra trước mặt, phần lõm chồm chìa thẳng lên trên, nắp chai tì vào xương ức. Henry ngã ập xuống như cây đổ, xiên thẳng lên chai nước. Eddie cảm thấy cổ chai nước vỡ nát trong tay mình và một cơn đau như cửa vào xương chạy dọc tay trái lúc này vẫn đang kẹt dưới thân thể anh. Có thứ gì đó ấm nóng chảy lên người nhưng anh không chắc ấy là máu anh hay máu Henry.

Henry co giật như cá mắc cạn. Giày hắn cộp cộp thành giai điệu giật cục trên thảm. Eddie có thể ngửi thấy hơi thở hôi hám của hắn. Đoạn Henry cứng người rồi vật ra sàn. Đầu chai nước chìa ra từ trên bụng, phần nắp chai hướng lên trần như thể mọc ra từ người hắn.

“ẶC” Henry chỉ nói vậy rồi im bặt, mắt thao láo nhìn trần nhà. Eddie nghĩ có khi hắn đã chết cũng nên.

Eddie gắng gượng chống lại những đợt choáng váng chực bao trùm lấy anh và trì anh xuống. Anh gồng lên rồi đứng dậy. Cánh tay bị gãy vung ra trước, đau nhói, giúp đầu óc anh tỉnh táo được đôi phần. Khò khè hóp lấy hóp để không khí, anh mò đến bàn cạnh giường. Nhặt ống thở nằm giữa vũng nước có ga, anh đưa nó vào miệng và kéo co. Anh rùng mình trước vị thuốc rồi xịt thêm lần nữa. Anh nhìn gã đàn ông đang nằm trên thảm – đây có phải là Henry không? Có phải không nhỉ? Đúng. Dù tướng tá già nua, mái tóc húi cua chẳng còn đen nhánh mà đã ngả muối tiêu, cơ thể phệ, bệu rệu và trắng nhợt, đây vẫn là Henry. Và Henry đã chết. Cuối cùng, Henry đã...

“ọc,” Henry nói rồi ngẩng dậy. Tay hắn quắp trong không trung như thể tìm

chỗ bầu vú mà chỉ Henry mới trông thấy. Đôi mắt bị đâm thủng chảy dịch và máu; trong mắt thông xuống, chực rơi lên má. Nhìn quanh, trông thấy Eddie co rúm tựa vào tường, hấn bèn gượng đứng dậy.

Hắn vừa mở miệng thì máu ồng ộc chảy ra. Henry lại đổ ập xuống.

Trống ngực đập thành thịch, Eddie quỳnh quáng vớ lấy điện thoại nhưng lại hoảng loạn đánh rơi lên bàn và làm nó nảy lên giường. Anh vội chộp điện thoại rồi nhấn phím 0. Điện thoại reng mãi, reng mãi.

Nhanh lên, Eddie nghĩ, anh làm gì dưới đó vậy, xúc lộ chắc? Nhanh lên, xin anh, trả lời điện thoại mau!

Điện thoại tiếp tục đổ chuông. Eddie không rời mắt khỏi Henry, chuẩn bị tinh thần thấy hắn ta đứng dậy bất cứ lúc nào. Máu. Chúa ơi, nhiều máu quá.

“Lễ tân xin nghe,” một giọng nói câu bản lề nhè vang lên.

“Kết nối với phòng của Denbrough cho tôi,” Eddie nói. “Nhanh lên.” Tai kia của anh nghe ngóng các phòng xung quanh. Từ này đến giờ họ ần ỉ đến mức nào? Liệu lát nữa có ai gõ cửa phòng anh và hỏi tình hình ra sao không?

“Anh có chắc muốn tôi gọi không?” Tay lễ tân hỏi. “Đang là 3 giờ 10 phút sáng đấy.”

“Có, gọi mau đi!” Eddie thiếu đi ầu g ần lên. Bàn tay nắm điện thoại của anh run lên lẩy bẩy. Tay kia nhói lên từng h ỉ. Henry có cục cựa không nhỉ? Không, không có.

“R ấ, r ấ,” đầu dây bên kia đáp. “Bớt nóng nào, anh bạn.”

Có một tiếng cạch vang lên, tiếp theo là tiếng đổ chuông khô khốc. *Nào, Bill ơi, nhắc máy đi, nh...*

Bỗng một suy nghĩ hợp lý đến khủng khiếp lóe lên trong đầu anh. Giả sử Henry đến phòng của Bill trước thì sao? Hoặc phòng của Richie? Ben? Bev? Hoặc biết đâu trước đó, hắn đã đến thư viện thì sao? Chắc hắn đã qu ần

thảo ở đâu đó, bởi nếu không có người đả thương Henry thế này thì Eddie hẳn đã nằm chết thẳng cẳng trên sàn, con dao gấp chĩa ra từ ngực giống cái cách cô chai Perrier thò ra từ bụng Henry. Hoặc biết đâu hẳn đã ghé chỗ tất cả mọi người, tấn công lúc họ còn bải hoải và mơ ngủ như Henry tấn công anh? Lỡ đâu họ đã mất mạng cả rồi thì sao? Suy nghĩ ấy quá sức kinh khủng, đến độ Eddie trộm nghĩ anh sẽ điên dại gào thét nếu không ai trả lời điện thoại trong phòng Bill.

“Làm ơn, Bill To Bự” Eddie thàn thì. “Xin cậu, nhắc máy đi.”

Điện thoại được kết nối và giọng nói dè chừng lạ lùng của Bill vang lên: “A-A-A lô?”

“Bill,” Eddie lắp bắp. “Bill, tạ ơn Chúa.”

“Eddie?” Giọng của Bill nhỏ lại trong thoáng chốc, nói với ai đó người gọi điện thoại là ai. Đoạn anh rành rọt lên tiếng. “C-Có chuyện gì th-thế, Eddie?”

“Là Henry Bowers,” Eddie nói, đưa mắt nhìn thân hình trên sàn. Nó có cục cựa không nhỉ? Anh khó lòng trấn an bản thân rằng thân hình ấy vẫn đang nằm yên như phỗng. “Bill, hẳn đến phòng tớ... và tớ giết hẳn rồi. Hẳn mang theo dao. Tớ nghĩ...” Anh hạ giọng. “Tớ nghĩ đây chính là con dao mà hẳn cần theo ngày hôm đó. Lúc bọn mình vào đường cống ngầm. Cậu còn nhớ không?”

“Tớ nh-nh-nhớ,” Bill trầm tư đáp. “Eddie, nghe tớ bảo này. Tớ muốn cậu

12

Vùng Đất Cằn/ 1 giờ 55 phút chiều

qu-qu-quay lại và bảo B-B-Ben l-lại đây.”

“Được.” Eddie đáp và lùi ra sau ngay lập tức. Lúc này, cả nhóm đang tiến đến khoảng đất trống. Sấm sét ầm ầm trên bầu trời đầy mây, bụi cây xào xạc trong gió.

Ben bước lên trước cùng Bill khi mọi người bước vào khoảng đất. Cửa sập

của phòng sinh hoạt nhóm mở toang, một khoảng tối đen hình vuông ngay giữa sắc xanh lá. Tiếng nước chảy róc rách rõ mồn một và bất thành thành, Bill đoán chắc một điều điên rồ rằng đây sẽ là lần cuối cùng thuở thơ ấu cậu được lắng nghe âm thanh này, bước chân vào nơi này. Cậu hít một hơi thật sâu, ngửi mùi đất, không khí và mùi bãi rác bám muối đẳng xa, phả khói như ngọn núi lửa âm ỉ bắn khoản chưa biết có nên phun trào hay không. Cậu trông thấy đàn chim cất cánh bay từ cầu cạn đường sắt về phía Mũi Đất Cũ. Trên đầu cậu, mây đen vần vũ.

“Sao thế?” Ben hỏi.

“Tại sao bọn chúng ch-ch-chưa nhào ra b-b-b-bắt bọn m-mình nhỉ?” Bill thắc mắc. “Chúng đ-đang ở đây. E-E-Eddie n-nói đúng. Tớ có thể c-c-cảm thấy bọn chúng.”

“Ừ.” Ben đáp. “Tớ đoán chúng nó ngu si nên nghĩ rằng bọn mình sẽ xuống phòng sinh hoạt nhóm, sau đó bọn chúng sẽ nhốt nhóm mình lại.”

“C-C-Có thể,” Bill đáp, và bỗng dưng cậu cảm thấy bức bối một cách bất lực với tật nói lắp của mình, bởi nó khiến cậu không thể nói nhanh được. Nhưng có lẽ cậu cũng không biết mô tả thành lời như thế nào những điều này – rằng cậu cảm thấy mình như hiểu được tình cảnh của Henry Bowers, rằng cậu cảm thấy tuy ở hai chiến tuyến, nhưng cậu và Henry càng lúc càng tiến đến gần nhau, tựa như những con tốt bị xoay vần bởi những thế lực đối nghịch nhau.

Henry muốn họ đứng lên chiến đấu.

Nó muốn họ đứng lên chiến đấu.

Và mất mạng.

Một chuỗi những tia sáng trắng lóe lên trong đầu cậu. Họ sẽ trở thành nạn nhân của kẻ giết người lảng vảng ở Derry, khởi nguồn từ cái chết của George – cả bảy người bọn họ. Thi thể của họ sẽ được phát hiện, hoặc không, tùy thuộc

vào việc Nó có thể hoặc sẵn lòng bảo vệ Henry – và ở cấp độ ưu tiên thấp hơn, Ở Hoi và Victor hay không. *Phải, người ngoài nhìn vào, dân cư thị trấn này nhìn vào chỉ nghĩ bọn mình là nạn nhân của kẻ giết người kia. Và như thế cũng đúng, xét theo một cách nực cười nào đó thì như thế cũng đúng. Nó muốn bọn mình thiệt mạng. Henry là tay sai thực hiện điều đó, như vậy Nó không phải trực tiếp ra mặt. Có lẽ mình sẽ là người đầu tiên nộp mạng - Beverly và Richie có thể giữ tinh thần cho cả nhóm, hoặc Mike, nhưng Stan rất sợ, cả Ben cũng vậy, dù mình nghĩ cậu ấy cũng hơn Stan. Eddie còn bị gãy tay nữa chứ. Sao mình lại dẫn họ xuống đây nhỉ? Chúa ơi! Sao mình lại làm vậy?*

“Bill?” Ben lo lắng lên tiếng. Cả nhóm tập trung quanh phòng sinh hoạt nhóm. Sấm lại bùng nổ vang lên, bụi cây xào xạc gấp gáp hơn. Rặng tre càn cạch va vào nhau dưới ánh sáng nhạt dần khi bão tới.

“Bill...” Richie e dè.

“Suýt!” Cả nhóm ngột ngạt im bất trước đôi mắt tóe lửa, tựa như bị ám của cậu.

Cậu nhìn chằm chằm vào bụi cây, vào con đường ngoằn ngoèo băng qua đó, dẫn ngược trở lại đường Kansas, và cảm thấy tâm trí mình chột tăng lên một bậc, như thể tiến hóa cao hơn. Cậu không cà lăm chút nào trong tâm trí; cậu cảm thấy suy nghĩ ào ào xuất hiện từ ngu ần trực giác tuôn trào – cậu cảm thấy mọi thứ đang vùn vụt kéo đến.

George ở một đâu, mình và các bạn ở đâu còn lại. Và rồi mọi thứ sẽ kết thúc

(một lần nữa)

một lần nữa, phải, một lần nữa, vì ngày xưa từng như vậy, và cuối cùng lúc nào cũng phải có kẻ hy sinh, một sự kiện khủng khiếp để đặt dấu chấm hết cho chu kỳ, mình không biết làm thế nào mình biết nhưng mình hiểu như thế... và mọi người... mọi người...

“Mọi người đ-đ-để chuyện này xảy ra,” Bill lẩm bẩm, trừng mắt nhìn cuối con đường lỏm chổm. “Ch-Ch-Chắc hẳn là v-v-vậy.”

“Bill?” Bev hỏi, giọng van nài. Stan đứng bên cạnh cô, nhỏ bé, gọn gàng trong áo thun polo xanh dương và quần kaki. Mike đứng bên phía còn lại, nhìn Bill không rời mắt như muốn đọc thấu suy nghĩ bạn mình.

Mọi người để mặc chuyện này xảy ra, luôn như thế, và rồi biến cố lắng xuống, nhịp sống tiếp tục, Nó... Nó...

(ngủ yên)

ngủ yên... hoặc ngủ đông như loài gấu... sau đó, chu kỳ lại bắt đầu, người dân đầu biết... mọi người đầu biết... mọi người biết như thế, vì vậy Nó mới có thể tồn tại.

“Tớ d-d-d-dẫn...”

Ôi con xin Người Chúa ơi con xin Người anh nắm tay con xin Người vào cột nhà cho con nói điều này ra la oai oái rằng cầu xin Người Chúa ơi ÔI XIN NGƯỜI CHO CON NÓI MÀ KHÔNG CÀ LẮM!

“Tớ dẫn mọi người x-xuống đ-đây v-v-v-v-vì ch-ch-chẳng còn n-nơi nào a-a-an toàn nữa,” Bill nói, nước bọt phèo phèo bắn lên môi, cậu lấy mu bàn tay quệt đi. “D-D-Derry chính là Nó. Các c-c cậu c-c-có h-h-hiểu không?” Cậu gay gắt nhìn mọi người khiến cả nhóm rụt lại, mắt loang loáng, sợ hãi như tử thần vừa ghé qua. “D-D-Derry chính là N-N-Nó! Dù mình đ-đ-đi đ-đ-đâu chẳng nữa... khi N-N-Nó b-b-b-bắt được m-mình, s-s-sẽ chẳng ai th-th-thấy, ch-ch-chẳng ai ngh-ngh-nghe, ch-ch-chẳng ai bbb-biết.” Cậu nhìn mọi người, cầu xin. “C-C-Các cậu kh-không th-thấy v-v-vậy s-sao? Mình ch-chỉ c-c-có thể c-c-cố ch-chấm dứt th-thứ mà m-m-m-mình b-bắt đầu thôi.”

Beverly nhớ lại cảnh ông Ross đứng dậy, nhìn cô, gấp báo rồi bước thẳng vào nhà. *Sẽ chẳng ai thấy, chẳng ai nghe, chẳng ai hay biết. Và bố*

(cởi quần ra đồ đàng điếm)

thật sự đã muốn giết cô.

Mike nghĩ về bữa trưa ở nhà Bill. Mẹ của Bill như mơ màng chìm trong thế giới riêng, tựa hồ bà không thấy hai người bọn cậu, say sưa đọc tiểu thuyết của Henry James trong lúc hai cậu bé làm bánh mì kẹp và ngồi ăn ở bàn bếp. Richie nghĩ về căn nhà gọn gàng nhưng trống trơn của Stan. Stan không khỏi bất ngờ, thường vào giờ trưa, mẹ cậu lúc nào cũng ở nhà. Thỉnh thoảng, nếu ra ngoài, bà luôn để lại giấy nhắn mình đi đâu. Nhưng hôm nay chẳng có mẫu giấy nào. Không thấy chiếc xe đâu, và chỉ có thế. “Chắc mẹ tớ đi mua sắm với cô Debbie,” Stan nói, khẽ nhú mày rồi bắt tay vào làm bánh mì kẹp salad và trứng. Richie quên băng đi đâu này, phải đến giờ cậu mới để ý. Eddie nghĩ về mẹ mình. Lúc cậu ra khỏi nhà với bảng Parcheesi, mẹ cậu không nhắc những câu quen thuộc như: *Nhớ giữ mình, Eddie, nếu mưa thì phải tìm chỗ trú đấy. Eddie, không được chơi những trò bạo lực nhé con.* Mẹ cũng không hỏi liệu cậu có mang theo ống thở chưa, cũng không dặn cậu mấy giờ phải về nhà, không nhắc cậu hạn chế giao du với “mấy đứa ất ơ mà con chơi cùng”. Bà chỉ tiếp tục xem phim dài tập chiếu trên ti vi, như thể cậu không tồn tại.

Như thể cậu không tồn tại.

Suy nghĩ tương tự lướt qua đầu tất cả cậu bé: Sáng nay, ở một thời điểm nào đó từ lúc thức giấc đến giờ ăn trưa, họ đã biến thành hồn ma.

Hồn ma.

“Bill,” Stan gần giọng “hay mình băng thẳng qua, đến Mũi Đất Cũ?”

Bill lắc đầu. “Tớ không ngh-ngh-nghĩ v-v-vậy. Bọn mình s-s-sẽ mắc k-k-kẹt trong r-r-rừng tr-tr-tre... b-b-bùn l-l-lún... hoặc dưới s-s-sông K-K-Kenduskeng sẽ có c-c-cá p-p-p-pirahna th-th-thật sự... h-h-hoặc đ-đ-đi đâu gì đ-đ-đó t-t-tương tự.”

Mỗi người trong cả đám lại hình dung một viễn cảnh riêng với cùng một kết cục. Ben tưởng tượng bụi cây bỗng chốc biến thành cây ăn thịt người. Beverly

trông thấy đĩa biết bay như những con bay ra từ chiếc tủ lạnh cũ dạo nọ. Stan mừng rỡ tưởng cảnh bùn lầy trong rừng tre bỗng phọt ra xác sống của đám trẻ bị kẹt dưới vũng bùn, Mike Hanlon tưởng tượng những loài động vật bò sát kỷ Jura, răng góm guốc như lưỡi cưa bò ra từ khe nứt của cây bị thối, lao vào cắn xé họ thành từng mảnh. Richie nhìn thấy cảnh con mắt Biết bò trườn xuống người bọn họ lúc cả đám chạy bên dưới cầu cạn. Còn Eddie hình dung cảnh họ đang trèo lên triền dốc Mũi Đất Cũ thì trông thấy gã hủi đứng đợi ngay đầu dốc, da thịt chảy nhão, nhưng nhúc nhích giò bộ.

“Phải chỉ bọn mình tìm được cách thoát khỏi thị trấn này...” Richie lần bần rỗi nhíu mày khi sấm đùng đùng lóe sáng trên bầu trời. Mưa lác đác rơi – tuy mới chỉ có gió giạt thành từng hồi nhưng lát nữa thôi, mưa sẽ rơi xuống như trút nước, tối tăm mặt mũi. Ánh dương dịu nhẹ đã hoàn toàn biến mất như thể chưa từng có mặt trên đời. “Bọn mình sẽ an toàn nếu có thể cuốn xéo khỏi thị trấn khốn kiếp chết tiệt này.”

“Bíp b...” Beverly lên tiếng. Cô chưa nói hết câu thì một hòn đá bay ra từ bụi cây rậm rạp và đập thẳng vào đầu Mike. Cậu loạng choạng, máu chảy qua chiếc mũ lưỡi trai đội trên đầu, may có Bill chụp lại nên mới không ngã.

“Để tao dạy bọn mày ném đá!” Giọng Henry vang lên trên người.

Bill trông thấy mọi người tròn tròn mắt nhìn quanh, mỗi người sẵn sàng co giò bỏ chạy theo một hướng khác nhau. Và nếu họ làm vậy, mọi chuyện xem như chấm hết.

“B-B-Ben!” Cậu gọi vang.

Ben nhìn cậu. “Bill, chạy thôi. Chúng...”

Thêm hai hòn đá bay ra từ bụi cây. Một viên chọi vào đùi của Stan làm cậu hét lên, ngạc nhiên nhiều hơn đau đớn. Beverly kịp né hòn thứ hai. Nó văng xuống đất và lăn qua cửa sập của phòng sinh hoạt nhóm.

“Cậu c-c-có nh-nh-nh-nhớ ng-ngày đ-đ-đầu tiên cậu x-x-xuống đ-đây

không?” Bill hét lên, át tiếng sấm. “Ng-Ng-Ng-Ngày k-kết th-thức n-năm h-học ấy?”

“Bill...” Richie gào lên.

Bill vung tay ra hiệu cho bạn mình im lặng, mắt cậu vẫn dán chặt vào Ben, giữ cậu ở yên tại chỗ.

“Có,” Ben đáp, khỗ sở tìm cách nhìn bao quát xung quanh cùng một lúc. Bụi cây xao động, xào xạc điên cuồng, nhấp nhô chẳng khác nào sóng vỗ.

“C-C-Cống nước,” Bill nói. “Tr-Trạm b-b-bơm. B-Bọn mình ph ph-phải x-xuống đ-đó. Dẫn đường đi!”

“Nhưng...”

“D-D-Dẫn đường đi-đi!”

Đá vùn vụt phóng ra từ bụi cây như mưa và trong khoảnh khắc, Bill trông thấy khuôn mặt của Victor Criss, vừa có gì đó sợ sệt, vừa chờ đợi và háo hức. Bỗng một hòn đá đập thẳng vào xương gò má, lần này Mike nhanh tay đỡ Bill khỏi ngã. Trong thoáng chốc, mắt cậu tối sầm lại. Má cậu tê dại. Đoạn cảm giác trở lại theo những cơn đau nhói buốt, cậu cảm nhận máu chảy trên mặt. Đưa tay lên quẹt má, cậu nhăn mặt trước cơn đau bùng bùng, nhìn vết máu r rỉ chui lên quần jean. Tóc cậu tung bay trong cơn gió phàn phật.

“Để tao dạy mày ném đá, thằng khốn cà lăm!” Henry vừa cười vừa rống lên.

“D-D-Dẫn đường đi!” Bill hét lên. Giờ thì cậu hiểu tại sao cậu bảo Eddie gọi Ben lên phía trước, bọn họ phải đến trạm bơm, *trạm bơm đặc biệt*, và Ben là người duy nhất biết chính xác là trạm bơm nào – rải rác dọc hai bờ sông Kenduskeng có rất nhiều trạm bơm. “Ph-Ph-Phải đi-đ-đến đó! L-l-lối vào! N-N-N-Nơi dẫn đi-đ-đến Nó!”

“Bill, sao cậu biết chắc được!” Beverly gào thét.

Cậu tức giận hét lên với cô – với tất cả mọi người: “Tớ *biết!*”

Ben lừng khừng đứng đó, liếm môi nhìn Bill. Đoạn cậu băng qua khoảng đất, tiến về phía con sông. Tia chớp sáng choang xé toạc bầu trời với sắc trắng ngả tím, theo sau là chuỗi sấm long trời lở đất khiến Bill loạng choạng. Một hòn đá to bằng nắm tay sượt qua mũi cậu, đập vào hông Ben. Cậu ré lên vì đau, tay vội vàng xoa chỗ bị ném trúng.

“*Đáng đời, thằng béo!*” Henry ré lên, vẫn giọng nửa cười nửa la hét. Bụi cây xào xạc, răng rắc, và rồi Henry ló dạng khi mưa thôi trêu người mà sấm sập trút xuống. Nước xối xả lên quả đầu húi cua và hàng lông mày của hắn rồi tuôn chảy xuống má. Nụ cười của hắn khoe cả hàm răng. “Để tao chỉ mày ném đi...”

Nhặt được miếng gỗ còn dư sau khi xây mái phòng sinh hoạt nhóm, Mike ném về phía đối phương. Miếng gỗ xoay vèo vèo hai vòng rồi đập thẳng lên trán Henry. Hắn gãi lên, một tay đưa lên trán như kẻ vừa nảy ra ý tưởng tuyệt cú mèo rồi ngẩng sụp xuống đất.

“*Ch-Ch-Chạy!*” Bill hô to. “Th-Theo B-B-Ben!”

Bụi cây xáo động răng rắc, sột soạt, rồi khi Hội Cùi Bắp chạy theo Ben Hanscom, Victor và Ợ Hoi ló ra, Henry cũng đứng dậy, cả ba bọn chúng rượt đuổi họ.

Sau khi mọi chuyện ngã ngũ, khi những sự kiện hôm ấy trở lại trong đầu Ben, cậu cũng chỉ nhớ những hình ảnh lộn tung phèo khi cả đám chạy qua bụi cây. Cậu nhớ cành cây đầy lá sũng nước quất vào mặt cậu, lạnh buốt; cậu nhớ sấm chớp giạt liên hồi, cậu nhớ tiếng Henry gào lên bảo bọn họ quay lại đánh nhau như hòa lẫn vào tiếng con sông Kenduskeag bởi cả nhóm càng lúc càng tiến lại gần sông hơn. Lúc nào cậu đi chậm lại, Bill đầu vỗ vào lưng thúc cậu nhanh chân.

Lỡ mình không tìm được nó thì sao? Lỡ mình không tìm được trạm bơm ấy

thì sao?

Hơi thở phì phò ra vào buồng phổi, sâu trong cuống họng của cậu nóng hổi và tanh vị máu. Hông cậu nhói lên. Mông cậu đau rần rần ở chỗ bị hòn đá ném trúng. Beverly bảo Henry cùng bè lũ của hắn thật sự muốn giết họ, và giờ thì Ben tin rồi, phải, bọn chúng thật sự có sát ý.

Cậu chạy đến bờ sông Kenduskeag đột ngột đến độ suýt nữa thì lao thẳng xuống sông. Chới với, may sao giữ được thăng bằng, nào ngờ bờ sông bị dòng nước lũ mùa xuân xói mòn, sập xuống khiến cậu trượt ngã đến tận rìa dòng nước xiết, áo rút tận lưng, bùn đất nhoe nhoét dính đầy người.

Bill chạy đến, kéo cậu đứng dậy.

Các thành viên còn lại trong nhóm lao ra khỏi những bụi cây san sát chìa ra bờ sông. Richie và Eddie xuất hiện cuối cùng, một tay Richie vòng qua hông Eddie, cặp kính ướt sũng của cậu bầu vuu hờ hững trên chóp mũi.

“Ơ-Ơ-Ơ đâu?” Bill hét lên.

Ben nhìn trái rồi lại nhìn phải, ý thức từng khắc đều mang ý nghĩa sống còn. Nước sông có vẻ đã dâng cao hơn, ùng ục chảy, bầu trời tối sầm vì mưa khiến nước sông ngả màu xám đục của đá phiến, trông nguy hiểm vô cùng. Hai bên bờ um tùm những bụi cây, những lùm cỏ, xào xạc nhảy múa theo giai điệu của gió. Cậu nghe thấy Eddie hăng hộc hớp lấy không khí.

“Ơ-Ơ-Ơ đâu?”

“Tớ không b...”, đang nói dở câu, cậu trông thấy cái cây xiêu vẹo và hốc bị xói mòn bên dưới. Đó là nơi cậu đã trốn vào ngày đầu tiên. Cậu đã ngủ thiếp đi, và khi tỉnh lại, cậu nghe tiếng Bill đùa giỡn với Eddie. Rồi đám du côn ấy đến... phát hiện ra... và phá nát. *Bái biệt đám kia, con đập nhỏ tí ấy mà, tao nói thật.*

“Đằng kia!” Cậu hét lên. “Ở đó!”

Chớp lại lóe lên, lần này, Ben nghe thấy một âm thanh xì xì như máy biến

thể trong mô hình xe lửa Lionel bị quá tải. Chớp đánh vào thân cây, ngọn lửa điện màu trắng xanh khiến gốc cây xèo xèo nham nhở vỡ thành những mảnh vụn như tằm xỉa răng của ông tiên khổng lồ. Cây đổ sập xuống dòng sông đánh rần, bắn nước tung tóe lên không trung. Bàng hoàng hít vào một hơi, Ben ngửi thấy thứ mùi nóng rẫy, mục và ngai ngái. Cầu lửa phọt ra từ thân cây bị đổ, lóe sáng rồi tắt ngúm. Sấm nổ văng trời, nhưng không phải trên đầu mà là *xung quanh* họ, như thể họ đang đứng ngay trung tâm của sấm sét. Mưa vẫn hồi hả dồn dập.

Bill thúi vào lưng khiến cậu sực tỉnh khỏi dòng suy nghĩ mù mịt. “Đ-Đ-Đi!”

Ben đi tiếp, bì bõm, lạch bạch dọc theo rìa sông, tóc chọc cả vào mắt. Cậu đến chỗ thân cây - cái hốc nhỏ bên dưới đã tiêu tan - rồi trèo qua, bấu chân vào lớp vỏ cây ướt nước, cánh tay xây xát do bề mặt trơn trượt.

Bill cùng Richie công kênh Eddie qua cái cây, cậu loạng choạng trèo thì được Ben đỡ. Cả hai ngã nhào xuống đất. Eddie ré lên.

“Cậu ổn chứ?” Ben hét to.

“Chắc vậy,” Eddie thét lên đáp trả rồi đứng dậy. Cậu mò mẫm lấy ống thở, suýt nữa đã đánh rơi. Ben nhanh tay chụp lấy, Eddie nhìn bạn với vẻ biết ơn khi đưa ống vào miệng và kéo lên.

Richie trèo qua, theo sau là Stan và Mike. Bill đẩy Beverly lên thân cây, Ben và Richie đỡ cô ở phía bên kia, tóc cô bết vào đầu, quần jean xanh giờ đã hóa đen.

Bill đi sau cuối, đẩy người lên thân cây rồi lẳng chân qua. Cậu trông thấy Henry cùng bè lũ bì bõm lội qua sông đuổi theo họ, và khi trượt qua cái cây bị đổ, cậu hét lên: “Đ-Đ-Đá! Ném đá!”

Trên bờ sông có rất nhiều đá, thân cây bị đổ do sét đánh tạo thành rào chắn hoàn hảo. Trong chớp mắt, cả bảy người bọn họ ném đá vào đám Henry. Chúng tiến sát đến thân cây, ở vị trí ngay đúng tâm ngắm. Đá đập vào mặt, vào ngực,

tay chân, bọn còn đờ đẫn phải thối lui, ôm tởm la hét vì tức giận và đau đớn.

“Giỏi thì dạy bọn tao ném đá đi!” Richie hét lên rồi ném một hòn to cỡ quả trứng gà vào Victor. Đá đập vào vai hắn, bắn găng như thẳng lên không trung. Victor gào rống. “Ái chà... Ái chà... giỏi thì dạy xem! Bọn tao học nhanh lắm!”

“*Phảiiii!*” Mike la to. “Vừa lòng chưa? Vừa lòng bọn mày chưa?”

Họ không thu được câu trả lời bởi đối phương lùi lại cho đến khi ra khỏi phạm vi đá quăng tới rồi túm tụm lại. Phút sau, chúng trèo lên bờ sông, lép nhép trơn trượt do đất bùn lúc này loang lổ như tổ ong vì những dòng suối con con, tay bấu vào cành cây để không bị té.

Đoạn bọn chúng biến mất vào bụi cây.

“Chúng sẽ bao vây bọn mình, Bill To Bự,” Richie nói, đẩy kính lên mũi.

“Kh-Kh-Không sao, Bill nói. “Đ-Đi tiếp, B-B-Ben. Bọn tớ th-th theo s-sau.”

Ben lồm bồm men theo bờ sông, dừng lại (cảnh giác đám của Henry có thể nhào vào mặt cậu bất cứ lúc nào), và nhìn thấy trạm bơm dưới lòng sông cách đó chừng hai mươi mét. Mọi người đi theo cậu. Cả nhóm có thể trông thấy những cột trụ còn lại ở bờ đối diện, một trụ khá gần, một trụ cách gần bốn mươi mét. Hai cột trụ này đang ủng ục xả nước bùn xuống sông Kenduskeag, nhưng nước chỉ rỉ rỉ chảy ra từ ống trụ trên bờ sông ngay dưới trụ này. Ben để ý nó cũng không ầm ì kêu. Máy bơm bên trong đã ngừng hoạt động.

Cậu nhìn Bill tự lự... vương chút sợ hãi.

Bill nhìn Richie, Stan và Mike. “B-B-Bọn mình s-s-sẽ m-mở n-n nắp,” cậu nói. “Gi-Gi-Giúp t-t-tớ với.”

Có những tay nắm bằng sắt, nhưng mưa xối xả khiến chúng trơn tuột, chưa kể nắp trụ còn nặng trĩu. Ben tiến đến cạnh Bill, và Bill dịch tay ra một chút để Ben thọc tay vào. Ben có thể nghe thấy tiếng nước chảy bên trong - vang vọng, rợn ngợp, như nước nhỏ xuống cống.

“N-N-NÀO!” Bill hét và cả năm người nhất loạt nhấc lên. Nắp trụ chuyển động nghiêng kèn kẹt.

Beverly cầu lấy bên cạnh Richie, Eddie dùng cánh tay lạnh lặn của mình đẩy phụ.

“Một, hai, ba, *đẩy!*” Richie hô. Nắp trụ xô dịch thêm một chút, để lộ bóng tối như mảnh trăng khuyết.

“Một, hai, ba, *đẩy!*”

Mảnh trăng đầy dần.

“Một, hai, ba, *đẩy!*”

Ben vận sức đẩy đến nỗ dom đóm mắt.

“Lùi lại!” Mike hét lên. “Được rồi, được rồi!”

Cả nhóm lùi lại, chứng kiến nắp trụ hình tròn to tướng mất thăng bằng rồi rơi xuống. Nó rạch vết cắt trên mặt đất ướt rồi lật úp xuống như một quân cờ quá khổ. Đàn bọt nhờn nháo bò từ nắp cống xuống mặt cỏ.

“Eo ôi,” Eddie nói.

Bill nhìn vào trong. Những thanh sắt chạy dọc xuống một vũng nước đen đúa, bề mặt lỗ chỗ vì mưa rơi. Máy bơm im lìm nằm ngay giữa, xâm xấp chìm trong nước. Cậu có thể nhìn thấy nước chảy vào máy bơm từ miệng ống dẫn, lòng nặng như chì, cậu thầm nghĩ: *Ấy là chỗ bọn mình phải vào. Trong đó.*

“E-E-E-Eddie. B-Bám vào t-t-tớ.”

Eddie nhìn cậu bối rối.

“Như c-c-cống ấy. Dùng t-t-tay l-l-lạnh lặn của cậu bám vào tớ,” cậu giải thích.

Tuy hiểu nhưng Eddie vẫn còn lưỡng lự. “Mau!” Bill gắt. “Ch-Ch-Chúng đi-đến bây giờ!”

Eddie vòng tay quanh cổ Bill; Stan và Mike đỡ cậu móc hai chân quanh

bụng Bill. Lúc Bill vung về vòng người qua miệng trụ, Ben thấy Eddie nhắm nghiền mắt.

Lẫn trong tiếng mưa, cậu có thể nghe thấy âm thanh khác: cành cây lạo xạo, răng rắc, tiếng người í ới. Là Henry, Victor vàỢ Hoi – đội quân gồm ghiếc nhất trầ đời.

Bill nắm lấy miệng bê tông của trụ cổng rồi cẩn thận bước từng bước xuống dưới. Những thanh sắt trơn tuột. Eddie ôm cứng lấy người cậu, và Bill tự nhủ giờ thì cậu đã có dịp trải nghiệm hết sức sinh động cảm giác thế nào là lên cơn hen như Eddie.

“Ớ sợ lắm, Bill,” Eddie thì thầ.

“T-T-Ớ cũng thế.”

Cậu buông tay khỏi thành bê tông rồi chộp lấy thanh sắt trên cùng. Dù Eddie thiếu đi đầu bóp nghẹt cổ cậu và khiến cậu cảm thấy mình như nặng thêm hai mươi kí-lô, trong thoáng chốc, Bill dừng lại, nhìn Vùng Đất Cằn, nhìn con sông Kenduskeag và bầu trời vầ vũ. Giọng nói bên trong - không phải giọng nói sợ hãi mà đầy kiên định – bảo cậu nhìn thật lung, phòng trường hợp sẽ không bao giờ được thấy thế giới trên này nữa.

Vì thế, cậu thu trọn cảnh vào mắt rồi mới bắt đầu trèo xuống với Eddie trên lưng.

“Ớ không giữ lâu được nữa,” Eddie khó nhọc.

“Không c-c-cần đâu, Bill nói. “Ớ x-xuống đến nơi r-rồi.”

Một chân của cậu chạm xuống làn nước lạnh giá. Cậu quơ chân tìm thanh sắt tiếp theo. Thêm một thanh sắt nữa, đến đây thì hết. Cậu đứng cạnh máy bơm, nước ngập đến đầu gối.

Cậu ngầ xồm, nhắm mắt vì nước lạnh thấm vào quần rồi thả Eddie xuống. Cậu hít một hơi thật sâu. Mùi dưới này chẳng thơm tho gì, nhưng thật tuyệt khi tay Eddie không siết quanh họng.

Cậu ngược nhìn miệng trụ cổng. Nó cách đầu cậu khoảng ba mét. Cả nhóm đang túm tụm quanh miệng trụ và nhìn xuống. “X-X Xuống đi!”, cậu hét lên. “T-Từng người m-m-một! Nhanh lên!”

Beverly xuống đầu tiên, nhanh nhẹn vòng chân qua thành bê tông, chộp thang sắt, theo sau là Stan. Mọi người lần lượt trèo xuống. Richie đi sau chót, khựng lại thăm dò động thái của đám Henry. Xét từ tiếng lội bì bà bì bõm của chúng, cậu đoán chúng đang đi ngang về phía bên trái trạm bơm này, nhưng chưa quá gần để gây ra vấn đề.

Đúng lúc đó, Victor gào lên: “Henry! Ở đó! Tozier!”

Richie nhìn quanh và thấy chúng ba chân bốn cẳng chạy lại. Victor chạy đầu tiên... sau đó Henry huých thô bạo khiến Victor trượt khụy gối. Đúng thật, Henry cầm theo con dao, một con dao găm thường thấy. Nước nhỏ giọt từ lưỡi dao.

Liếc nhìn xuống cột trụ, thấy Ben và Stan đỡ Mike xuống thang sắt, Richie mau lẹ lảng chân qua thành. Henry hiểu cậu đang làm gì và gào lên chửi rủa. Cười như điên như dại, Richie đặt tay trái lên khuỷu tay phải, đưa thẳng tay lên trời, nắm lại thành động tác có lẽ là cổ xưa nhất thế giới. Để đảm bảo Henry hiểu ý mình, cậu chìa ngón giữa lên.

“Tao cho mày chết dưới đó!” Henry thét lên.

“Tao thách!” Richie hét lại, cười ha hả. Bước vào trụ cổng bê tông này khiến cậu sợ phát hoảng, nhưng cậu không tài nào nhịn cười nổi. Và cậu hú ầm lên bằng Giọng Tay cảnh sát Ireland: “Thề có Chúa, vận may dân Ireland không bao giờ hết, bạn hiên!”

Henry trượt chân trên cỏ ướt, ngã dập mông cách nơi Richie đứng chưa tới sáu mét, lúc này cậu đã trèo xuống thanh sắt trên cùng gắn vào thành trụ cong cong của cổng bơm, chỉ còn đầu và ngực lộ ra.

“Quái quỷ thật, đồ trượt vỏ chuối!” Richie hét vang, ngất ngây chiến thắng

rồi vội vàng trèo xuống. Thanh sắt trơn tuột, suýt chút nữa thì cậu ngã. Đoạn Bill và Mike giữ lấy cậu, rồi cậu đứng ngập nước đến đầu gối cùng cả nhóm, vây quanh máy bơm. Người run lẩy bẩy, cậu cảm thấy những đợt nóng lạnh chạy dọc lưng, đến tận lúc ấy, cậu vẫn chưa thôi cười.

“Tiếc là cậu không thấy, Bill To Bự ạ, hấn hậu đậu, chạy đến đâu vấp đến đấy...”

Đầu của Henry xuất hiện trên miệng cống. Mặt hấn xước xát vì bị cành cây, bụi gai quật vào. Miệng hấn co giật, mắt tóe lửa.

“Được lắm,” hấn hét xuống. Lời hấn nói phè phè vang trong cống bê tông chứ không dội lại. “Tao xuống bắt bọn mày đây.”

Hấn lẳng một chân qua miệng cống, lần mò thanh sắt trên cùng, đặt chân lên rồi lẳng chân còn lại.

“Kh-Khi h-h-hấn x-xuống g-gần đ-đ-đến n-n-nơi, b-bọn m-m mình ch-ch-chộp h-hấn. K-K-Kéo h-hấn. D-D-Dìm x-xuống. H-H Hiều kh-không?” Bill đồng dục.

“Rõ, thưa ngài,” Richie nói và run run giơ tay chào.

“Hiều rồi,” Ben đáp.

Stan nháy mắt với Eddie, lúc này vẫn chưa hiểu đầu cua tai nheo gì – trừ việc có vẻ Richie đã phát khùng. Cậu ấy cứ cười như điên như dại trong lúc Henry Bowers – kẻ mà ai nấy đều e ngại – sắp mò xuống đây và kết liễu bọn họ như chuột trong bể nước mưa.

“Đã sẵn sàng, Bill!” Stan hét lên.

Henry khựng lại khi còn ba thanh sắt. Hấn nhìn qua vai, quan sát Hội Cùi Bắp. Lần đầu tiên, vẻ mặt hấn có vẻ nghi ngờ.

Eddie chột hiều. Khi trèo xuống, họ phải bước từng bậc thang một. Độ cao không cho phép nhảy xuống, chưa kể ngay bên dưới là máy bơm, và họ đang

đứng đây, bảy người bọn họ, quay lại thành vòng tròn.

“X-X-Xuống đi, H-Henry” Bill ngọt nhạt. “Mày c-c-còn ch-ch-chờ gì nữa?”

“Phải,” Richie í ới. “Mày thích bắt nạt kẻ yếu quá còn gì? Xuống đi, Henry.”

“Bọn tao đang đợi đây,” Bev du dương. “Tao không nghĩ mày sẽ chịu nổi khi xuống đây đâu, nhưng giỏi thì xuống xem.”

“Hay mày là đồ con gà,” Ben nói rồi nhái tiếng gà cục ta cục tác. Richie nhái theo, và chốc sau, cả nhóm thi nhau gáy. Tiếng gà cục tác đầy chế giễu vang vọng thành ống ẩm ướt, tong tỏng nước. Henry nhìn xuống, con dao nắm chặt trong tay trái, khuôn mặt chuyển sang màu gạch cũ. Hắn chịu đựng khoảng ba mươi giây rồi trèo lên lại. Hội Cùi Bắp huýt sáo chê bai và rửa xả.

“Đ-Đ-Được rồi,” Bill nói, cậu hạ giọng thấp hơn. “B-Bọn mình ph-phải vào tr-tr-trong c-cống. Nh-Nh-Nhanh lên.”

“Tại sao?” Beverly thắc mắc, nhưng Bill chưa cần nặn ra từng chữ đáp lại thì Henry đã xuất hiện ở miệng trụ cống bơm và thả một hòn đá to CỖ quả bóng vào trong ống. Beverly hét lên, Stan khô khốc la lớn, vội kéo Eddie về phía thành trụ. Hòn đá đập lên lớp bọc gi sét của máy bơm, phát lên tiếng boong vui tai. Nó nảy sang trái rồi đập vào tường bê tông, vượt qua Eddie tằm chục phân. Một mảng bê tông mẻ ra, cửa vào má cậu đau điếng. Hòn đá rơi tồm, bắn nước tung tóe.

“Nh-Nh-Nhanh!” Bill lại hét lên, đoạn cả bọn lố nhố đứng quanh miệng ống dẫn của trạm bơm. Đường kính của ống khoảng một mét rưỡi. Bill lần lượt dẫn mọi người vào trong (một hình ảnh rạp xiếc mờ ảo – những gã hề to lớn bước ra từ chiếc xe nhỏ xíu – lóe như sao băng vụt qua tâm trí cậu, nhiều năm sau đó, Bill sẽ dùng hình ảnh này trong cuốn *Con nước đen* của mình), rồi chui vào sau khi né thêm một hòn đá khác. Họ quan sát và thấy đá cứ rơi

xuống như mưa, đa số đập vào vỏ máy bơm r ễ nảy bốn phương tám hướng.

Khi đá ngừng rơi, Bill nhìn ra và thấy Henry hối hả trèo xuống thang sắt. “*B-B-Bắt h-h-hắn!*” Cậu hét lên với mọi người. Richie, Ben và Mike vội vàng nhào ra từ sau Bill. Richie nhảy phốc lên, tóm lấy đầu gối Henry. Hắn rửa xả và lắc lắc chân như cố đá con chó nhỏ với hàm răng có võ – như chó sục hoặc chó Bắc Kinh chẳng hạn. Richie chộp lấy thanh sắt, rướn người cao hơn và thật sự cắn phập vào mắt cá của Henry. Henry rít ré r ễ hoảng hốt leo lên. Một chiếc giày của hắn rơi tòm xuống nước r ễ chìm ngấm.

“Nó cắn!” Henry gào lên. “Nó cắn! Thằng khốn cắn tao!”

“Ờ, may quá, tao mới chích uốn ván hội mùa xuân r ễ!” Richie vung vẩy.

“Ném chúng!” Henry g ằn rú. “Ném chúng về thời đồ đá, ném võ đầu chúng nó!”

Đá ào ào rơi xuống. Các cậu bé vội vàng rút vào đường ống. Mike bị một hòn đá nhỏ đập vào tay, cậu giữ tay thật chặt, nhăn nhó cho đến khi cơn đau lắng xuống.

“Thế giằng co r ễ,” Ben nói. “Chúng không xuống được, mình cũng không lên được.”

“Mình không đi lên,” Bill lên tiếng, “c-c-các cậu hiểu mà. M-Mình không th-thể l-lên lại n-nữa đâu.”

Mọi người nhìn cậu với ánh mắt tổn thương, sợ sệt. Không ai nói gì.

Giọng của Henry vọng xuống, tức tối nhưng cố ra vẻ trêu người: “Bọn mình đợi cả ngày trên này cũng được, chúng mày ạ!”

Beverly quay đầu nhìn vào miệng ống dẫn. Ánh sáng nhanh chóng khuếch tán khiến cô chẳng thấy gì nữa. Cô chỉ trông thấy đường hầm bê tông, ngập một phần ba trong nước chảy ầm ì. Cô nhận ra nước dâng cao hơn ban nãy, khi cả bọn mới chui vào đây: có thể nguyên nhân là vì máy bơm không hoạt động và chỉ có một phần nước thoát ra sông Kenduskeag. Họng cô như bị siết lại vì

không gian ngày càng chật hẹp, phần da vùng này như biến thành vải dạ. Nếu nước tiếp tục dâng, cả bọn sẽ chết chìm mất.

“Bill, bọn mình phải vào sao?”

Cậu nhún vai. Hành động ấy nói lên tất cả. Đúng, họ phải vào; họ còn lựa chọn nào khác kia chứ? Bị Henry, Victor và Ợ Hơi giết trong Vùng Đất Cằn? Hoặc bị thứ khác - một thứ khủng khiếp hơn – kết liễu trong thị trấn? Giờ thì cô hoàn toàn thấu hiểu suy nghĩ của cậu; cái nhún vai ấy chẳng hề nói lấp. Tốt nhất họ nên đi đến chỗ Nó. Giải quyết như trận chiến cao trào trong bộ phim phương Tây. Sạch sẽ hơn. Can đảm hơn.

“Lần trước cậu nói bọn tớ v ề nghi thức gì nhỉ, Bill To Bự? Nghi thức trong cuốn sách ấy?” Richie hỏi.

“*Ch-Ch-Chüd*,” Bill đáp, khẽ mỉm cười.

“*Chüd*.” Richie gật đầu. “Mình cần lười Nó và Nó cần lười mình, đúng không?”

“Ph-Ph-Phải.”

“Sau đó, mình kể chuyện cười.”

Bill gật đầu.

“Vui đấy,” Richie nói, đưa mắt nhìn ống cống tối tăm. “Tớ chẳng nghĩ ra được chuyện gì.”

“Tớ cũng vậy,” Ben nói. Nỗi sợ nặng như tảng đá đè nặng trong lồng ngực, thiếu đi đầu khiến cậu ngạt thở. Cậu cảm thấy lý do duy nhất mình không ng ẫ phịch xuống nước, khóc tu tu như trẻ con - hoặc phát điên – là vì sự cứng cỏi, bình tĩnh của Bill... và Beverly. Cậu tự nhủ thà chết còn hơn cho Beverly thấy cậu sợ hãi nhường nào.

“Cậu biết ống cống này dẫn đến đâu không?” Stan hỏi Bill.

Bill lắc đầu.

“Cậu biết làm thế nào để tìm Nó không?”

Bill lắc đầu lần nữa.

“Bọn mình sẽ tự biết khi đến gần,” Richie chột lên tiếng. Cậu hít một hơi thật sâu, run rẩy. “Nếu phải làm thì lên đường thôi.”

Bill gật đầu. “Tớ đi đ-đ-đầu. Sau đó là E-Eddie. B-B-Ben. Bev. St-Stan Qu-Qu-Quân Tử. M-M-Mike. Cậu c-cuối cùng, Ri-Richie. M-Mọi người đ-đ-đặt một t-t-tay lên v-vai ng-ng-người đ-đ-đằng tr-tr-trước mình. Sẽ t-tối lắm đó.”

“Bọn mày không ra à?” Henry Bowers thét lên.

“Bọn tao sẽ ra chỗ khác,” Richie thì thào. “Chắc thế.”

Cả nhóm rùng rợn như một đoàn người mù. Bill nhìn lại lần nữa để chắc chắn mọi người đều đặt tay lên vai người đằng trước. Khẽ cúi người tới trước, ngược hướng nước chảy, Bill Denbrough dẫn nhóm bạn vào màn đêm mịt mù, nơi chiếc thuyền giấy cậu gấp cho em trai từng trôi qua gần một năm về trước.

CHƯƠNG 20

VÒNG TRÒN KHÉP LẠI

1

Tom

Tom Rogan vừa mơ một giấc mơ điên rồ. Trong mơ, hắn giết chết bố mình.

Một phần tâm trí hắn hiểu đi đâu đó điên cỡ nào, bởi bố hắn đã chết năm Tom mới học lớp Ba. Chà... nói “chết” thì cũng không chuẩn lắm. Có lẽ “tự sát” mới là sự thật. Ralph Rogan tự chế một ly gin pha xút. Uống một ly xong lên đường, theo nghĩa đen. Kể từ đó, Tom phải chăm nom các em của mình, và cứ có vấn đề gì xảy ra, hắn lại “ăn đòn”.

Vậy nên chuyện hắn giết bố là đi đâu bất khả thi... nhưng trong giấc mơ đáng sợ ấy thì khác, hắn cần cán một thứ gì đó trông vô hại kè vào cổ bố hắn... có đi đâu sao nó không vô hại được kia chứ? Có nút ở cán, và nếu hắn ấn vào, lưỡi dao sẽ vụt ra, cắm thẳng vào cổ bố hắn. *Con sẽ không làm điều như vậy đâu, bố cứ yên tâm*, tâm trí hắn thấn nhủ ngay trước khoảnh khắc ngón tay hắn nhận cái nút khiến lưỡi dao phóng ra. Đang say sưa ngủ, bố hắn trợn trừng mắt, chằm chằm nhìn thẳng lên trần nhà, miệng há to, một tiếng ăng ặc tanh máu vang lên. *Bố ơi, không phải con!* Tâm trí hắn thét lên. *Có kẻ đã...*

Hắn vật vã tìm cách tỉnh dậy nhưng bất lực. Đi đâu tốt nhất hắn có thể làm (hóa ra chẳng tốt lành chút nào) là chìm vào giấc mơ mới. Trong giấc mơ này, hắn đang bì bõm lội xuống đường hầm vừa dài vừa tối tăm. Vùng bộ hạ của hắn nhói đau, mặt hắn sừng vù, chi chít vết xước. Có vài kẻ đi chung nhưng hắn chỉ nhìn ra những hình thù mờ mờ. Mà đi đâu đó cũng

chẳng quan trọng cho lắm. Quan trọng là những đứa trẻ đang chạy đằng trước. Chúng phải trả giá. Chúng phải

(nhận roi vọt)

bị trừng phạt.

Chẳng rõ chốn địa ngục này là gì, chỉ biết nó thối hoảng. Nước nhỏ tong tỏng, vang vọng. Giày và quần hần ướt sũng. Đám ranh con khốn kiếp kia ở đâu đó trong mê cung cống ngấm, và có lẽ bọn chúng nghĩ

(Henry)

Tom và đám bạn của hắn sẽ bị lạc, nhưng gậy ông đập lưng ông rồi,

(ha ha đáng đời chúng mày!)

vì hắn còn một người bạn khác, phải, một người bạn đặc biệt, và người này đã đánh dấu đường chúng phải đi bằng... bằng...

(bóng Mặt Trăng)

thứ gì đó vừa to vừa tròn, tỏa ra ánh sáng mờ ảo như ngọn đèn đường kiểu xưa. Bóng bay lơ lửng tại những chỗ giao nhau, và ở mỗi phía lại có mũi tên chỉ về ngã rẽ mà hắn và

(Ợ Hơi với Victor)

những người bạn không rõ hình tướng kia phải đi. Lối này *chuẩn xác*; phải, bởi hắn có thể nghe thấy bọn chúng ở phía trước, tiếng lội bì bõm vọng lại, giọng nói thì thào không tròn chữ. Hắn và đồng bạn đang rút ngắn khoảng cách, gần đuổi kịp rồi. Và khi bọn hắn bắt được chúng... Tom nhìn xuống thì thấy hắn vẫn cầm con dao bấm trong tay.

Trong một khắc, hắn sợ hết vía – điều này giống những trải nghiệm xuất hồn điên rồ mà thỉnh thoảng hắn lại đọc trên mấy tờ tuần báo, cụ thể là linh hồn sẽ rời khỏi cơ thể và nhập vào các người khác. Hắn cảm thấy

thân thể này rất xa lạ, như thể đây không phải là Tom mà là

(Henry)

ai đó, một người trẻ hơn. Hoảng sợ, hắn tìm cách thoát khỏi giấc mơ ấy thì bỗng nhiên, giọng nói êm ái vang lên, thì thầm vào tai hắn: *Thời gian chuyện này xảy ra hay người là ai không quan trọng. Quan trọng là Beverly đang ở phía trước, với bọn chúng, bạn hiền của ta, và người biết gì không? Cô ta đang làm đủ trò tồi tệ hơn việc lén lút hút thuốc gấp nhiều lần. Người biết gì không? Cô ta mây mưa với thằng bạn cũ Bill Denbrough đấy! Phải! Cô ta và thằng quái dị cà lăm ấy đang tung bừa thác loạn kia! Bọn chúng...*

Nói dối! Hắn cố hét lên. Nó mà dám!

Nhưng hắn biết đó không phải nói dối. Cô ta đã quất thắt lưng vào

(đá mình ở ngay)

bộ hạ của hắn rồi chạy biến và giờ còn cầm sừng hắn, con khốn

(oắt con)

lang chạ hư thân mất nết dám cầm sừng hắn, và ôi làng nước ơi, ôi chiềng làng chiềng chạ, cô ta sẽ nếm mùi thế nào là roi vọt - trước hết là cô ta, sau đó là Denbrough, thằng bạn viết tiểu thuyết của ả. Và kẻ nào dám ngáng đường hắn thì đừng có trách.

Hắn guồng chân nhanh hơn, dù hơi thở của hắn đã khò khè rít ra rít vào trong cổ họng. Đằng trước, hắn có thể trông thấy hình tròn phát sáng lơ lửng trong bóng tối – lại một quả bóng Mặt Trăng nữa. Hắn có thể nghe thấy tiếng lao xao của đám người đằng trước, và hắn chẳng còn quan tâm đó là giọng của đám con nít nữa. Hắn làm theo lời giọng nói kia: *đây là đâu, lúc nào, hắn là ai không quan trọng. Quan trọng là Beverly đang ở*

đăng trước, và ôi làng nước ơi, ôi chiềng làng chiềng chạ...

“Nào, bọn mày, lê mông nhanh lên,” hắn nói, và hắn chẳng buồn quan tâm đây không phải giọng hắn mà là giọng của một thằng nhóc.

Đoạn khi cả đám đến gần bóng Mặt Trăng, hắn quay sang và lần đầu tiên nhìn thấy những kẻ đi chung với mình. Cả hai bọn chúng đều là xác chết. Một kẻ cụt đầu. Mặt của kẻ còn lại nứt toác như bị móng vuốt khổng lồ bửa đôi.

“Bọn tao đi nhanh nhất có thể rồi, Henry,” thằng nhóc với khuôn mặt chẻ đôi lên tiếng, môi nó mấp máy theo hai mảnh riêng biệt, lệch nhau một cách gớm ghiếc, đó là lúc Tom thét lên, xé toạc giấc mơ và choàng tỉnh, mấp mé nơi bờ vực của một khoảng không trống rỗng khổng lồ.

Hắn chật vật giữ thăng bằng nhưng bất thành và ngã rầm xuống sàn. Sàn có trải thảm song cú ngã vẫn khiến đầu gối bị thương của hắn đau như hoạn. Hắn vùi miệng vào cánh tay, cố kìm tiếng hét.

Mình đang ở đâu? Mình đang ở chỗ chết tiệt nào đây?

Hắn lơ mơ nhắc thấy ánh sáng trắng mờ nhưng rõ nét, và trong khoảnh khắc sợ hãi người, hắn cứ tưởng mình trở lại giấc mơ một lần nữa, rằng đó là ánh sáng từ những quả bóng bay điên rồ kia. Nhưng rồi hắn nhớ ra mình để ngõ cửa phòng tắm và vẫn bật đèn bên trong. Ngủ ở nơi lạ, hắn đầu để đèn sáng, phòng ngủ trường hợp quệt cẳng chân vào đâu đó lúc phải dậy đi vệ sinh lúc nửa đêm.

Đi đâu này đưa hắn trở về thực tại. Hóa ra tất cả chỉ là mơ, một giấc mơ điên rồ. Hắn đang ở Nhà nghỉ Holiday, tại thị trấn Derry, Maine. Hắn đuổi theo vợ hắn đến đây, và trong lúc nằm mơ, hắn đã ngã oạch xuống giường. Tóm lại, đầu đuôi câu chuyện là thế.

Đó không đơn thuần là ác mộng đâu.

Hắn nhảy dựng lên khi những lời ấy vang lên bên tai, chứ không phải trong tâm trí hắn. Tiếng nói ấy chẳng giống tiếng nói trong đầu hắn chút nào – nó lạnh lẽo, xa lạ... nhưng sao thật du dương và đáng tin.

Hắn từ từ đứng dậy, mò mẫm ly nước để trên chiếc bàn cạnh giường rồi uống cạn. Hắn vọc đôi tay run rẩy vào tóc. Đồng hồ trên bàn chỉ 3 giờ 10 phút sáng.

Ngủ lại thôi. Sáng rồi tính.

Giọng nói xa lạ ấy trả lời: *Nhưng sáng ra sẽ đông người xung quanh – quá đông là đằng khác. Hơn nữa, giờ đập chúng dưới đó dễ dàng hơn. Lần này người có thể đến trước.*

Dưới đó? Hắn nghĩ về giấc mơ: nước chảy, bóng tối tong tỏng.

Bỗng dưng, ánh sáng chói lóa hắn. Hắn quay đầu lại, không muốn nhưng chẳng ngăn được bản thân. Tiếng rên phát ra từ miệng hắn. Trên tay nắm cửa phòng tắm cột quả bóng bay lơ lửng từ sợi dây dài gần một mét. Quả bóng phát ra thứ ánh sáng trắng ma mị; tựa hồ ma trời nhác thấy trong đêm lầy, lúc ẩn lúc hiện giữa những tán cây lòng thông dây rêu. Trên bề mặt căng phồng của quả bóng in mũi tên màu đỏ như máu.

Mũi tên chỉ về phía cánh cửa dẫn ra hành lang.

Ta là ai không quan trọng, giọng nói nhẹ nhàng thốt lên, và Tom nhận ra giọng nói không phát ra từ trong đầu hắn hay bên sát tại hắn mà vẳng ra từ quả bóng, từ chính giữa ngọn đèn ma trời lạ lùng mà đáng yêu ấy. *Quan trọng ở chỗ ta sẽ tạo điều kiện cho người được toại nguyện, Tom ạ. Ta muốn thấy cô ăn đòn, ta muốn thấy cả đám bọn chúng ăn đòn. Bọn chúng ngáng đường ta một lần mà chưa chừa... giờ chúng chỉ có nước chết. Nên nghe đây, Tom. Nghe thật kỹ. Giờ thì người hãy đi theo quả bóng này...*

Tom lắng nghe. Giọng nói từ quả bóng giải thích.

Nó giải thích cặn kẽ.

Trình bày xong, nó lóe tia sáng cuối cùng, còn Tom bắt đầu mặc quần áo.

2

AUDRA

Audra cũng nằm mơ thấy ác mộng.

Cô giật mình tỉnh giấc, ng ỡ thẳng trên giường, chấn rơi xuống ngang hông, bầu ngực nhỏ phập ph ồng theo hơi thở d ần dập, hỗn hển.

Giống như Tom, giấc mơ của cô khủng khiếp và rối tinh rối mù. Giống như Tom, cô có cảm giác mình hóa thân thành người khác – hay nói đúng hơn, ý thức của cô bị đưa vào (và phần nào nhấn chìm) trong cơ thể và tâm trí của người đó. Cô ở trong một nơi tối đen như mực với vài người xung quanh, cảm nhận nguy hiểm đang rình rập - họ đang dần bước vào chốn hiểm nguy và cô những muốn hét lên ngăn họ lại, yêu cầu họ giải thích với cô chuyện gì đang xảy ra... nhưng người cô nhập h ần vào dường như hiểu rõ tình hình, biết việc họ sắp làm là cần thiết.

Cô cũng ý thức được cả nhóm đang bị truy đuổi, còn những kẻ đuổi theo đang dần bắt kịp.

Bill cũng xuất hiện trong giấc mơ của cô, nhưng hẳn tâm trí cô vẫn nhớ chuyện anh quên mất ký ức thuở ấu thơ, vì trong giấc mơ, Bill mới chỉ là một cậu bé chừng mười hay mười hai tuổi – ngày ấy anh vẫn còn tóc. Cô đang nắm lấy tay anh, và cô lơ mơ ý thức mình yêu anh rất nhiều, cô sẵn sàng đi tiếp là vì niềm tin thâm căn cố đế rằng Bill sẽ bảo vệ cô cũng như bảo vệ cả nhóm, rằng Bill, cậu bé Bill To Bự ấy, sẽ có cách tìm đường đưa cả nhóm trở về với ánh sáng mặt trời.

Ôi, nhưng cô vẫn sợ hãi đến cùng cực.

Họ đi đến trước rất nhiều ngã rẽ, Bill đứng đó, nhìn từng đường hầm một thì một người trong nhóm – cậu bé tay bó bột, ánh lên trắng trắng ma mị trong bóng tối – lên tiếng: “Kia kìa, Bill. Đường hầm cuối cùng ấy.”

“C-C-Cậu ch-ch-chắc chứ?”

“Chắc.”

Rồi họ đi theo hướng đó và gặp một cánh cửa, cánh cửa gỗ con con cao chưa đến chín mươi phân, trông như bước ra từ truyện cổ tích, trên cửa có đánh dấu gì đó. Cô không nhớ đó là dấu gì, ký tự hay biểu tượng kỳ lạ nào đó. Nhưng nó tích tụ toàn bộ nỗi sợ hãi của cô vào một điểm, khiến cô giật mình bật ra khỏi cơ thể của cô bé kia, bất kể chủ nhân cái xác

(Beverly – Beverly)

cô nhập vào là ai. Cô bật dậy trên chiếc giường xa lạ, mồ hôi đầm đìa, mắt tròn tròn, hững hờ thở như thể vừa thi chạy. Tay cô lảo đảo xuống chân, nửa ngờ vực chân mình sẽ ướt và lạnh ngắt do làn nước cô ngâm từ này đến giờ trong đầu. Nhưng cả người cô khô ráo.

Cảm giác mất phương hướng làm cô choáng ngợp - đây không phải nhà họ ở Topanga Canyon hoặc căn nhà thuê ở Fleet. Chỗ này vô danh – nhạt nhòa, được trang bị một chiếc giường, một tủ quần áo, hai cái ghế và một chiếc tivi.

“Ôi Chúa ơi, thôi nào, Audra...”

Cô mạnh bạo chà xát tay lên mặt, cảm giác tâm trí quay cuồng đến choáng váng ấy vơi dần. Cô đang ở Derry. Derry, Maine, nơi chững cô trải qua thời ấu thơ mà anh nói mình chẳng còn vương lại chút ký ức. Nơi này chẳng thân thuộc gì với cô, cũng chẳng tạo cảm giác dễ chịu gì cho cam,

nhưng chỉ ít cô biết nó. Cô đến đây vì Bill ở đây, và ngày mai cô sẽ gặp anh ở Nhà nghỉ Thị trấn Derry. Bất kể nơi này có đi đâu gì tởn tẻ, bất kể những vết sẹo mới xuất hiện trên tay anh có nghĩa là gì, hai vợ chồng cô sẽ cùng nhau đương đầu. Cô sẽ gọi anh, nói cho anh biết cô đã đến đây và cùng đồng hành với anh. Sau đó... chà...

Thú thật, cô chẳng biết sau đó sẽ ra sao. Cái cảm giác quay cuồng ấy, cảm giác mình đang bơ vơ ở một nơi vô danh lại chực chờ đe dọa. Năm mười chín tuổi, cô từng vắt chân lên cổ chạy tour diễn cho một công ty sản xuất ít tiếng tăm, bốn mươi phần trăm diễn trong vở *Thạch tín và ren cũ* làng nhàng trong bốn mươi huyện thị xa tít mù khơi. Tất cả gói gọn trong 47 ngày không lấy làm vui gì cho cam. Họ bắt đầu ở Rạp hát kiêm Nhà hàng Peabody ở Massachusetts và kết thúc tại nhà hàng ở Sausalito nơi từng quay bộ phim [*Yêu thương lần nữa*](#). Và trong hành trình ấy, ở một thị trấn Trung Tây nào đó, hình như là Ames Iowa hoặc Grand Isle Nebraska hay Jubilee North Dakota, cô đã tỉnh dậy vào giữa đêm như thế này, hoảng loạn do mất phương hướng, chẳng biết mình đang ở thị trấn nào, đang là ngày bao nhiêu hoặc tại sao cô lại ở đây. Đến cả tên mình, cô còn thấy vô thực.

Yêu thương lần nữa là tên tiếng Việt của Play It Again, Sam (1972) của Woody Allen. Bộ phim này có một cảnh quay ở nhà hàng Trident tại Sausalito.

Cảm giác ấy một lần nữa quay lại. Giấc mơ khủng khiếp ập đến lúc cô tỉnh dậy, và cô cảm thấy một nỗi sợ hãi lơ lửng như ác mộng. Thị trấn giống một con trăn quấn quanh người cô. Cô có thể cảm nhận được nó, và cảm giác nó mang lại chẳng tốt lành gì. Bất giác, cô thầm ước giá mà mình nghe lời khuyên của Freddie và đứng ngoài.

Tâm trí của cô tập trung vào Bill, tìm mọi cách nghĩ về anh như người chết đuối vớ lấy cọc, phao hay bất cứ thứ gì

(dưới này bọn ta lơ lửng, Audra ạ)

nổi trên mặt nước.

Một cơn ớn lạnh chạy dọc thân thể khiến cô đưa hai tay ôm lấy bộ ngực trần của mình. Cô rung mình và trông thấy da gà nổi lên từng đợt. Trong khoảnh khắc, dường như có một giọng nói vang lên rất to, nhưng vấn đề là nó nằm trong đầu cô. Như thể ở đó có sự hiện diện của kẻ ngoại lai.

Mình đang phát điên rồi sao? Chúa ơi, có phải thế không?

Không, tâm trí cô trả lời. Chỉ là mất phương hướng thôi... mệt do đi đường... lo lắng cho chồng. Không có ai nói trong đầu mà hết. Không có ai...

“Dưới này bọn ta lơ lửng, Audra ạ” giọng nói vang lên từ phòng tắm. Giọng nói này là thật, thật như nhà cửa. Và quý quyết. Quý quyết, bản thủ và độc ác. “Rồi mà cũng sẽ lơ lửng thôi.” Giọng nói phát ra tiếng cười khẳng khắc, nhỏ dần, nhỏ dần, cho đến khi nghe như cồng nghet ùng ục trào. Audra ré lên... rồi đưa tay bịt miệng.

Mình không nghe thấy giọng nói đó.

Cô đồng dặc nói, thách thức giọng nói kia dám lên tiếng phủ nhận lời cô. Nhưng không, căn phòng yên tĩnh. Đầu đó đằng xa, tiếng còi tàu hú vẳng lại giữa khuya.

Chợt cô khao khát gặp Bill khủng khiếp, đến độ chờ trời sáng gần như là đi đâu không thể. Cô đang ở trong phòng tiêu chuẩn, giống hết ba mươi chín phòng khác của nhà nghỉ này, nhưng bỗng dưng nó trở nên quá sức chịu đựng. Tất cả mọi thứ. Nghe thấy tiếng nói là đã quá sức chịu đựng

rồi. Quá sức ghê rợn. Cô như đang một lần nữa chìm vào cơn ác mộng mà cô vừa thoát ra. Cô cảm thấy sợ và đơn côi đến se sắt. *Tệ hơn vậy nữa*, cô thẫn nghĩ. *Mình cảm thấy như đã chết*. Trái tim cô lỡ hai nhịp trong lồng ngực, khiến cô há hốc nín thở và khù khụ ho. Cô phát hoảng như kẻ bị cấn tù trong chính thân thể của mình, tự hỏi phải chăng nỗi sợ này xuất phát từ một nguyên nhân tầm thường đến ngớ ngẩn: Lẽ nào cô sắp bị truy tìm? Hoặc cô đang bị truy tìm rồi?

Tim cô dịu lại, nhưng vẫn khó chịu.

Audra bật đèn cạnh bàn đầu giường rồi nhìn đồng hồ 3 giờ 12 phút. Giờ này chắc anh đang ngủ, nhưng đi đâu đó chẳng có nghĩa lý gì với cô nữa - chẳng có gì quan trọng hơn được nghe giọng anh lúc này. Cô muốn ở bên anh đêm nay. Nếu có Bill bên cạnh, bộ máy đồng hồ của cô sẽ hoạt động nhịp nhàng với anh và trở lại bình thường. Ác mộng sẽ lùi xa. Anh bán cho kẻ khác ác mộng - đó là nghề của anh - nhưng với cô, anh đem lại sự bình yên. Bên ngoài bộ óc lạnh lùng, kỳ quặc ăn sâu trong trí tưởng tượng, dường như bình yên là bản chất của anh. Cô lật cuốn danh bạ tìm số của Nhà nghỉ Thị trấn Derry rồi bấm số.

“Nhà nghỉ Thị trấn Derry nghe.”

“Anh gọi đến phòng của anh Denbrough giùm tôi được không? Anh William Denbrough?”

“Cái anh này không bao giờ gọi điện ban ngày à?” Tay lễ tân hỏi, và trước khi cô kịp định thần để hỏi xem câu nói ấy rốt cuộc có nghĩa gì thì anh ta kết nối cuộc gọi của cô. Điện thoại reo một, hai rồi ba lần. Cô có thể tưởng tượng cảnh anh say sưa ngủ, chăn đắp kín người, chỉ hở đầu; cô có thể hình dung anh vươn một tay ra, mò mẫm lấy điện thoại. Cô từng thấy anh làm vậy, và một nụ cười khê hiện trên môi cô. Nhưng nụ cười ấy phai

đi khi điện thoại reo đến lần thứ tư... và lần thứ năm, thứ sáu. Chuông reng dở lần thứ bảy thì ngắt kết nối.

“Không có ai bắt máy.”

“Rõ như ban ngày còn gì,” Audra lên tiếng, sốt ruột và hoảng hơn bao giờ hết. “Anh có chắc anh gọi đúng phòng không?”

“Có chứ,” tay lễ tân đáp. “Cách đây chưa đầy năm phút, anh Denbrough nhận một cuộc gọi liên phòng khác. Tôi thấy anh ấy đã trả lời điện thoại, vì đèn trên bảng trung tâm bật sáng tầm một, hai phút. Chắc anh ấy sang phòng người gọi rồi.”

“Chà, phòng bao nhiêu vậy?”

“Tôi không nhớ. Tầng sáu thì phải. Nhưng...”

Cô gác máy. Trong tâm trí cô định ninh một điều đau lòng và kỳ cục. Chắc hẳn là phụ nữ. Người gọi là phụ nữ... và anh đã đi đến phòng cô ta. Chắc, giờ sao đây, Audra? Ta giải quyết chuyện này thế nào?

Cô cảm thấy lệ chực rơi. Mắt cô rung rung, mũi cay cay; cô có thể cảm thấy họng mình như nghẹn lại. Cô không giận, chỉ ít là chưa... chỉ có cảm giác mất mát và bơ vơ đến nhói lòng.

Audra, bình tĩnh lại đi, Mày vợ đưa cả năm rồi. Nửa đêm nửa hôm, mày gặp ác mộng nên mới quy chụp Bill ở với người phụ nữ khác. Nhưng chắc gì là thế. Giờ mày hãy ngồi thẳng lên – đừng nào mà cũng chẳng ngủ lại được. Bật đèn và đọc nốt cuốn tiểu thuyết mà mày mang theo để đọc trên máy bay đi. Nhớ lời Bill nói không? Đó là liều thuốc tốt nhất. [Valium-Sách](#). Đừng nhấp nhẩm nữa. Không lo như ngồi trên đồng lửa và nghe thấy tiếng nói nữa. [Dorothy Sagers và Lord Peter](#), tấm vé cho cô đây. Cuốn Chín thủy thủ. Nó sẽ đồng hành cùng cô đến sáng. Nó sẽ...

Thuốc trị lo âu.

Dorothy Sayers là nữ nhà văn, tác giả bộ tiểu thuyết về thám tử Lord Peter Wimsey. Chín thủy thủ (The Nine Tailors) là một trong những cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của bà về vị thám tử này.

Bỗng dưng đèn phòng tắt sáng lên, cô có thể thấy ánh đèn dưới cửa. Đoạn chốt đánh tách và cửa hé mở. Cô trợn mắt nhìn, hai tay lại đưa lên che ngực theo bản năng. Trống ngực cô đập thành thịch, miệng chua lè do adrenaline.

Giọng nói trầm thấp và ngân nga: “Dưới này bọn ta lơ lửng, Audra.” Từ cuối cùng như tiếng thét ngân dài, trầm đục và phai dần – *Audraaaaa* – rồi ngưng bật trong tiếng lục đục nghèn nghẹt ghê người, tựa hồ tiếng cười.

“Ai vậy?” cô thét lên rồi lùi lại. *Đó không phải là tưởng tượng của mình, không thể nào, đừng nói với mình rằng...*

Đột nhiên ti vi bật mở. Quay người lại, cô trông thấy gã hề mặc bộ đồ màu bạc gắn hàng nút màu cam rất to nhảy nhót xung quanh màn hình. Chỗ lý ra phải có hai con mắt thì chỉ là hai hốc đen đúa, và khi đôi môi nhoe nhoét đỏ của hắn ngoác thật to thành nụ cười, cô thấy hàm răng sắc như dao cạo. Trên tay gã hề là thủ cấp bị chặt, máu nhỏ từng giọt. Hai con mắt trợn ngược chỉ còn lòng trắng, miệng há hốc, nhưng cô có thể nhận ra ấy là đầu của Freddie Firestone. Gã hề vừa cười ha hả vừa nhảy nhót. Nó vung vẩy đầu làm máu bắn tung tóe lên mặt trong của màn hình ti vi. Thậm chí cô còn nghe thấy tiếng máu xèo xèo trong đó.

Audra toan thét lên nhưng chẳng thốt ra được gì ngoài tiếng rên rỉ. Cô vớ lấy chiếc váy vắt trên ghế và ví tiền. Đoạn cô lao ra sảnh, đóng sầm cánh cửa sau lưng, thở hỗn hển, khuôn mặt nhợt nhạt. Cô thả chiếc ví xuống giữa hai chân rồi mặc vội chiếc váy qua đầu.

“Lơ lửng,” tiếng cười khục khặc trề trề vang lên sau lưng, và cô cảm thấy ngón tay lạnh cóng mơn man gót chân mình.

Thét lên đầy hốt hoảng, cô rụt khỏi cửa. Những ngón tay trắng như xác chết đang mò mẫm bên dưới, móng tay bong tróc để lộ phần thịt không còn chút máu tím tái. Chúng sột soạt, rào rào cà vào mép thảm hành lang.

Audra xách dây đeo của chiếc ví rồi cứ thế chạy chân không về phía cánh cửa cuối hành lang. Đầu óc trống rỗng, cô chẳng nghĩ được gì ngoài chuyện tìm cho ra Nhà nghỉ Thị trấn Derry và Bill. Dù anh có mây mưa với cả một hậu cung đi chẳng nữa cũng chẳng quan trọng. Cô sẽ tìm ra anh và bắt anh đưa cô thoát khỏi thứ thế lực khiếp đảm khôn tả ở thị trấn này.

Chạy xuống lối đi bộ dẫn vào bãi đậu xe, cô hoảng loạn tìm xe của mình. Trong thoáng chốc, đầu óc cô như đông cứng, thậm chí cô còn chẳng nhớ nổi mình chạy xe gì. Đoạn cô nhớ ra: xe Datsun, màu nâu thuốc lá. Trông thấy nó đứng giữa làn sương mù dày đặc, che mờ cả bánh xe, cô hồi hải chạy lại. Tìm mãi song cô không thấy chìa khóa trong ví. Càng lúc càng hoảng, cô lục lại ví, bôi tung giấy Kleenex, mỹ phẩm, tiều lẻ, kính râm và mấy gói kẹo cao su thành mớ hỗn độn. Cô không hề để ý chiếc LTD cũ nát đầu ngay trước mũi xe mà cô thuê, hay người đàn ông ngồi sau tay lái. Cô không hề để ý khi cửa xe LTD mở và người đàn ông bước ra, cô đang choáng váng trước khả năng cao mình để chìa khóa chiếc Datsun trong phòng. Nhưng cô không thể quay lại đó; có cho vàng cũng không.

Ngón tay cô chạm vào miếng kim loại cứng có răng cưa bên dưới hộp kẹo bạc hà Altoid, cô chớp lấy và khẽ reo lên mừng rỡ. Trong một khoảnh khắc, cô còn tưởng đó là chìa khóa chiếc Rover của hai vợ chồng, lúc này đang nằm trong bãi đậu xe của nhà ga Fleet cách đây gần năm nghìn ki-lô-mét, và rồi cô sờ thấy tấm mica của chiếc xe thuê. Quýnh quáng tra chìa

vào ổ khóa, cô thở hắt ra từng nhịp ngắn và xoay chìa. Đúng lúc đó, một bàn tay chạm lên vai khiến cô thét lên thất thanh... Lần này cô la rất to. Đầu đó có tiếng chó sủa đáp lại, nhưng chỉ có thế.

Bàn tay rắn như sắt bấu chặt vào vai, ép cô quay người lại. Khuôn mặt lờ lờ trước mặt cô sưng vù và đầy khối u. Mắt hấn long lên. Khi đôi môi vùi nhếch thành nụ cười gớm ghiếc, cô thấy răng cửa của hắn đã gãy. Phần chân răng trong lởm chởm đến ghê người.

Cô cố cất tiếng nhưng không nói được gì. Bàn tay đó siết chặt hơn, bám vào vai cô.

“Tao thấy mày trên phim rồi thì phải?” Tom Rogan thì thào.

3 PHÒNG CỦA EDDIE

Beverly và Bill nhanh chóng mặc quần áo rồi lên phòng của Eddie. Trên đường ra thang máy, họ nghe thấy tiếng chuông điện thoại reo đằng sau. Tiếng chuông bị nghẹt như thể phát ra từ chốn nào đó.

“Bill, điện thoại phòng cậu à?”

“C-Có th-th-thể lắm,” anh đáp. “C-Có thể một ng-người trong nhóm gọi.” Anh ấn nút LÊN.

Eddie mở cửa cho họ, mặt nhợt nhạt và đầy mệt mỏi. Tay trái của anh bẻ quặt thành một góc kỳ dị, gợi nhớ đến ngày xưa.

“Tớ ổn,” anh nói. “Tớ uống hai viên Darvon rồi. Cơn đau không quá tệ.” Nhưng rõ ràng cơn đau cũng không hề nhẹ nhàng. Môi anh mím chặt thành đường chỉ, tím bợt vì quá đổi hoảng loạn.

Nhìn ra sau bạn mình, Bill trông thấy người đàn ông đang nằm trên sàn. Chỉ nhìn lướt qua cũng đủ để anh hiểu hai đi đâu – đây là Henry Bowers, và

hắn đã chết. Anh bước qua Eddie rồi quỳ gối cạnh cái xác. Cỗ chai Perrier cắm chặt vào bụng Henry, kéo theo cả chiếc áo tả tơi hắn mặc vào trong. Mắt của Henry khẽ mở và mờ đục. Miệng hắn nhe ra, đầy máu đang đông lại. Tay hắn quặp lại như móng vuốt.

Một bóng đen đổ xuống khiến Bill ngược lên. Là Beverly. Cô nhìn xuống Henry, mặt vô cảm.

“Bao lần hắn truy đ-đ-đuổi chúng ta,” Bill nói.

Cô gật đầu. “Trông hắn chẳng già đi chút nào. Cậu biết chứ, Bill? Trông hắn chẳng già đi chút nào.” Bỗng cô quay lại nhìn Eddie lúc này đang ng ồi trên giường. Sao mà *Eddie* trông già nua đến thế, già nua và phờ phạc. Tay anh đặt trong lòng đầy thừa thãi. “Mình phải gọi bác sĩ khám cho Eddie.”

“Không,” Bill và Eddie đồng thanh nói.

“Nhưng cậu ấy bị thương! Tay...”

“Giống y như l-l-lần tr-tr-trước,” Bill nói. Anh đứng dậy, hai tay nắm lấy cô rồi nhìn thẳng vào mắt cô. “Nếu mình r-ra ngoài... nếu m-m-mình k-k-kéo cả th-th-thị trấn v-vào...”

“Họ sẽ bắt tớ vì tội giết người,” Eddie ngây ra đáp.”Hoặc bắt tất cả bọn mình. Hoặc họ cản trở bọn mình. Hay gì đó. Rồi bỗng dưng có tai nạn xảy ra. Một thứ tai nạn khủng khiếp mà chỉ Derry mới có. Khéo họ sẽ tống mình vào tù, và rồi một tay cảnh sát phát r ồ, nã đạn giết sạch bọn mình. Có khi bọn mình sẽ chết vì ngộ độc, hoặc treo cổ tự vẫn trong tù.”

“Eddie, toàn những thứ điên r ồ! Như thế...”

“Thật sao?” Anh hỏi. “Cậu đừng quên đây là Derry.”

“Nhưng bọn mình lớn cả rồi! Hắn cậu không nghĩ... ý tớ là, nửa đêm nửa hôm, hắn xuất hiện... tấn công cậu...”

“B-Bằng cái gì?” Bill hỏi. “C-C-Con dao đâu?”

Nhìn quanh nhưng không thấy gì cả, cô bèn quỳ xuống tìm dưới giường.

“Kệ đi.” Eddie nói bằng cái giọng yếu ớt, khò khè. “Tớ tông cửa vào tay hấn lúc hấn cố đâm tớ. Con dao rơi, và tớ đá thẳng nó xuống dưới ti vi. Nó biến mất rồi. Ban nãy tớ có xem thử.”

“B-B-Beverly, g-gọi mọi người đi,” Bill nói. “Tớ ngh-nghĩ tớ có thể bỏ tay của E-E-Eddie lại.”

Cô nhìn anh suốt một lúc lâu, đoạn nhìn cái xác trên sàn. Cô nghĩ cảnh tượng trong căn phòng này thừa sức kể một câu chuyện rõ như ban ngày cho bất cứ viên cảnh sát nào dù chỉ có nửa bộ não. Cả căn phòng như một mớ hỗn độn. Eddie bị gãy tay. Gã đàn ông kia đã chết. Rõ ràng, đây là một vụ tự vệ chống lại kẻ trộm ban đêm. Chợt cô nhớ đến ông Ross. Nhớ ảnh ông ta đứng dậy, nhìn cô rồi gấp báo, bỏ vào nhà.

Nếu mình ra ngoài... nếu mình kéo cả thị trấn vào...

Câu nói ấy khiến cô nhớ lại hình ảnh Bill lúc nhỏ, mặt cắt không còn giọt máu, mặt mũi và nửa muốn phát điên, khi cậu nói *Derry chính là Nó*. *Các cậu có hiểu không? Dù mình đi đâu chẳng nữa... khi Nó bắt được mình, sẽ chẳng ai thấy, chẳng ai nghe, chẳng ai biết. Các cậu không thấy vậy sao? Mình chỉ có thể cố chấm dứt thứ mà mình bắt đầu thôi.*

Đứng đây lúc này, nhìn thi thể của Henry, Beverly thẫn thờ nghĩ trong đầu: *Cả hai cậu ấy đều đang nói tất cả bọn mình lại thành ma nữa rồi. Rằng mọi chuyện tái diễn. Tất cả mọi chuyện. Khi còn còn nít, mình có thể chấp nhận chuyện này, vì hầu hết trẻ con bị tảng lờ như ma. Nhưng...*

“Cậu chắc chứ?” Cô tuyệt vọng hỏi. “Bill, cậu chắc chứ?”

Anh đang ng ưỡn trên giường với Eddie, nhẹ nhàng chạm vào cánh tay bạn. “C-C-Cậu kh-không chắc sao?” Anh hỏi lại. “Sau b-b-bao nhiêu chuyện x-xảy ra ngày h-hôm nay?”

Phải. Sau bao nhiêu chuyện đã xảy ra. Mớ bong bóng vỡ ghìếc vào cuối bữa trưa hội ngộ của họ. Bà cụ đẹp lão biến thành cụ già nhăn nheo, quở quải trước mắt cô,

(bố ta cũng là mẹ ta)

những câu chuyện mọi người thay nhau kể lúc ng ưỡn ở thư viện đêm nay cùng các hiện tượng đi kèm. Tất cả những đi ầu đó. Tuy thế... tâm trí cô vẫn tuyệt vọng gào thét yêu cầu cô ngăn chuyện này lại, đưa lý trí vào suy xét, bởi nếu cô không làm thế, thế nào tối nay họ cũng sẽ xuống Vùng Đất Cằn, tìm trạm bơm năm xưa và...

“Tớ không biết,” cô đáp. “Tớ chỉ... tớ không biết. Dù sau chừng ấy chuyện xảy ra, Bill, tớ nghĩ có lẽ mình nên gọi cảnh sát. Có lẽ vậy.”

“G-G-Gọi cả nhóm đi,” anh lặp lại. “Mình sẽ h-h-hỏi xem mọi người ngh-nghĩ gì.”

“Được thôi.”

Cô gọi cho Richie trước rồi đến Ben. Cả hai nói sẽ đến ngay lập tức. Không ai thắc mắc đã có chuyện gì xảy ra. Tìm thấy số điện thoại của Mike trong danh bạ, cô bấm số nhưng không thấy ai nghe máy; sau hơn mười h ời chuông chờ đợi, cô gác máy.

“Th-Th-Thử gọi cho thư v-v-viện xem,” Bill nói. Sau khi kéo hai thanh treo rèm ngăn từ khung cửa sổ nhỏ trong phòng Eddie, anh cột thật chặt vào tay bạn mình bằng dây nịt của áo tẩm và dây rút từ bộ đồ ngủ của mình.

Trước khi cô tìm ra số điện thoại thì có tiếng gõ cửa. Ben và Richie đến

cùng nhau, Ben mặc quần jean, áo sơ-mi không đóng thùng, còn Richie mặc quần vải bông màu xám, bên trên mặc áo ngủ. Đằng sau cặp kính, đôi mắt mệt mỏi của anh đảo quanh phòng.

“Chúa ơi, Eddie, có chuyện gì...”

“Lạy Chúa tôi!” Ben ré lên. Anh trông thấy xác của Henry trên sàn.

“Nh-Nh-Nhỏ tiếng th-thôi!” Bill gắt. “Và đóng c-cửa l-lại!”

Richie đóng cửa, mắt dán chặt vào thi thể. “Henry?”

Ben tiến ba bước về phía cái xác rồi khựng lại, như thể sợ nó sẽ bật dậy cắn mình. Anh bất lực nhìn Bill.

“C-C-Cậu k-kể đi,” anh nói với Eddie. “T-T-Tất n-nói lấp ch-ch chết toi c-càng l-l-lúc càng t-t-tệ.” Eddie giải thích sơ những chuyện đã xảy ra trong lúc Beverly tìm số điện thoại của Thư viện công cộng Derry và bấm số. Cô đoán có lẽ Mike đã ngủ quên ở đó – có khi anh còn để sẵn giường xếp trong văn phòng ấy chứ. Nhưng đi đâu xảy ra lại nằm ngoài dự tưởng của cô: có người nhấc máy ngay hồi chuông thứ hai và một giọng nói lạ lẫm vang lên.

“A lô,” cô đáp lại, quay sang nhìn mọi người, đưa tay ra dấu im lặng. “Anh Hanlon có ở đó không?”

“Cho hỏi cô là ai?” Giọng nói hỏi.

Cô liếm môi. Bill nhìn cô với ánh mắt như thấu tận thâm can. Ben và Richie nhìn quanh. Trong lòng cô cuộn trào cảm giác báo động.

“Vậy ông là ai?” cô hỏi ngược lại. “Ông không phải Hanlon.”

“Tôi là Andrew Rademacher, cảnh sát trưởng Derry,” giọng nói đáp. “Anh Hanlon hiện đang ở Bệnh viện Derry. Ban này, anh ta bị tấn công và bị thương rất nặng. Giờ thì làm ơn cho hỏi cô là ai? Cho tôi xin tên của

cô.”

Nhưng cô chẳng còn tâm trí nghe hết câu. Choáng váng như từng đợt sóng đánh vào người, khiến cô chổng chếnh, trôi dạt ra khỏi cơ thể. Cơ bắp từ vùng bụng xuống hai chân của cô bủn rủn, tê dại, và cô ngây ngô nghĩ: *Chắc hẳn đây là cảm giác khi người ta sợ đến sốn ra quân. Chắc hẳn rồi. Họ không thể kiểm soát được các cơ trong bụng nữa...*

“Cậu ấy bị thương nặng không?” Cô nghe thấy mình cất tiếng hỏi, đầu óc trống rỗng, giọng mỏng tang, và rồi Bill đi đến bên cạnh, đặt một tay lên vai cô, theo sau là Ben cùng Richie, lòng cô tràn dâng niềm biết ơn vì có mọi người làm chỗ dựa. Cô chìa tay còn lại ra cho Bill nắm lấy. Richie đặt tay mình lên tay Bill, sau đó, Ben lại áp lên tay Richie. Eddie cũng bước đến, đặt bàn tay còn lành lặn của mình lên trên.

“Làm ơn cho tôi biết tên của cô,” Rademacher hỏi, ra chiều mất kiên nhẫn và trong phút chốc, đưa trẻ với lá gan thỏ đế chực bỏ của chạy lấy người, đưa trẻ được bố cô nuôi nấng, chững cô chăm sóc, suýt chút nữa đã lên tiếng: *Tôi là Beverly Marsh, hiện tôi đang có mặt ở Nhà nghỉ Thị trấn Derry. Làm ơn hãy cử ông Nell đến đây. Có người chết, vẫn còn là một đứa trẻ mà chúng tôi đang có cùng sợ hãi.*

Nhưng rồi cô đáp: “Tôi... Tôi e là mình không nói được. Hiện giờ thì chưa.”

“Cô biết gì về chuyện này?”

“Không biết gì cả,” cô đáp, bàng hoàng. “Sao ông lại nghĩ tôi biết? Lạy Chúa tôi!”

“Vậy cô có thói quen gọi điện thoại cho thư viện vào lúc ba rưỡi sáng à?” Rademacher hỏi. “Có phải như vậy không? Đừng vớ vẩn nữa, thưa cô. Đây là một vụ tấn công, và nhìn tình trạng của anh ta thì nếu mặt trời lên,

có khi vụ này sẽ trở thành án mạng đấy. Tôi xin hỏi lại: cô là ai và cô biết đến mức nào?”

Nhắm mắt, dồn hết sức nắm chặt tay Bill, cô hỏi lại: “Cậu ấy có thể mất mạng ư? Ông không nói vậy chỉ để hù dọa tôi chứ? Cậu ấy sẽ chết sao? Xin hãy cho tôi biết.”

“Anh ta bị thương rất nặng. Và nếu đi đầu đó không khiến cô sợ thì cũng lạ đấy. Giờ thì tôi muốn biết cô là ai và tại sao...”

Tựa hồ nằm mơ, cô nhìn tay mình tự động gác máy. Đưa mắt nhìn Henry, cô cảm thấy choáng như vừa bị bàn tay lạnh ngắt tát cú trời giáng. Một bên mắt của Henry nhắm nghiền. Con mắt còn lại, con mắt bị đâm thủng, trừng trừng ứa dịch.

Tưởng chừng Henry đang nháy mắt với cô.

4

Richie gọi điện đến bệnh viện. Bill dẫn Beverly qua giường, để cô ng ỡng với Eddie, thẫn thờ nhìn vào vô định. Cô nghĩ khéo mình sẽ khóc mất, nhưng nước mắt chẳng rơi. Cảm giác duy nhất mà cô ngay lập tức ý thức được rõ ràng là cô ước gì ai đó sẽ che xác Henry Bowers lại. Cái nhìn như nháy mắt ấy chẳng đẹp đẽ gì cho cam.

Loáng một cái, Richie trở thành phóng viên của tờ *Derry News*. Anh biết tin anh Michael Hanlon, thủ thư trưởng của thư viện thị trấn, đã bị tấn công khi ở lại tầng ca. Bệnh viện có thể phát biểu đôi lời về tình hình của anh Hanlon được không?

Richie vừa nghe vừa gật đầu.

“Tôi hiểu rồi, thưa ông Kerpaskian – tên của ông có hai chữ K phải không? Ra vậy. Được rồi. Và ông là...”

Anh lắng nghe, chú tâm vào hình tượng mình dựng trong đầu đến độ lấy tay hí hoáy như thể đang viết vào sổ.

”Ừm... ừm... vâng. Vâng, tôi hiểu rồi. Chà, thường thì trong các trường hợp như vậy, chúng tôi chỉ để một ngu ồn tin cho hay. Vâng, sau đó, ta có thể... ừm... phải! Chính xác!” Richie cười sang sảng và đưa tay lau mồ hôi trên trán. Anh tiếp tục lắng nghe. “Được, thưa ông Kerpaskian. Vâng, tôi... vâng, tôi biết rồi, K-E-R-P-A-S-K-I-A-N, phải! Người Do Thái gốc Séc phải không? Thật sao! Chà... Quả là khác thường. Vâng, tôi sẽ làm thế. Chúc ông ngủ ngon. Cảm ơn ông.”

Anh cúp máy rồi nhắm mắt lại. “Chúa ơi!” Anh thét lên, giọng trầm đục, khản đặc. “Chúa ơi! Chúa ơi! Chúa ơi!” Anh vung vẩy thiếu đi đầu hất tung điện thoại khỏi bàn nhưng chỉ buông thõng hai tay. Anh tháo kính và lấy áo ngủ lau trong.

“Cậu ấy còn sống, nhưng đang tình trạng nguy kịch,” anh nói với mọi người. “Henry xiên cậu ấy như xiên con gà tây Giáng sinh. Vết đâm cắt thẳng vào động mạch đùi, khiến cậu ấy mất một lượng máu mà một người có thể mất nhưng vẫn giữ được mạng. May sao Mike xoay sở cần được máu, nếu không lúc họ tìm ra, cậu ấy đã chết rồi.”

Beverly òa lên khóc như một đứa trẻ, hai tay bưng mặt. Suốt một lúc lâu, tiếng khóc nức nở của cô và tiếng thở khò khè hỗn hển của Eddie là hai âm thanh duy nhất trong phòng.

“Mike không phải là người duy nhất bị xiên như gà tây Giáng sinh đâu,” mãi lúc sau, Eddie mới lên tiếng. “Trông Henry như thể vừa trải qua mười hai vòng đấu với Rocky Balboa trong máy xay sinh tố ấy.”

“Cậu v-vẫn m-m-muốn đ-đ-đến c-c-cảnh sát sao, Bev?”

Trên chiếc bàn cạnh giường có giấy ăn Kleenex nhưng chúng đã cứng

lại và ướt sũng giữa vũng nước Perrier. Cô vòng thật rộng đi qua Henry vào nhà tắm, lấy khăn và xả nước lạnh. Áp khăn lên khuôn mặt nóng bừng, sừng húp của cô mới dễ chịu làm sao. Cô cảm thấy mình có thể suy nghĩ mạch lạc trở lại – không phải lý trí mà là mạch lạc. Chợt cô dám chắc nếu cố gắng lý trí lúc này thì họ chỉ tổ mất mạng. Tay cảnh sát ấy. Rademacher. Hẳn ông ta đã nghi ngờ. Không mới lạ, chẳng ai gọi đến thư viện lúc ba rưỡi sáng cả. Chắc ông ta sẽ suy luận cô có dính líu. Rồi ông ta sẽ suy luận gì nếu phát hiện cô gọi cho ông ta từ một căn phòng có xác người trên sàn với cổ chai lỏm chớm cắm ngay giữa bụng? Rằng cô cùng bốn kẻ lạ mặt tình cờ đến thị trấn này một ngày trước để hội ngộ sau bao năm và người này tình cờ xuất hiện? Nếu cô là người ngoài, liệu cô có tin không? Liệu có ai tin không? Phải rồi, họ có thể củng cố câu chuyện bằng cách thêm thắt rằng họ trở về để kết liễu con quái vật ẩn nấp trong cống ngầm dưới thị trấn này. Có lý quá, như thế càng khiến câu chuyện trở nên thực tế và đầy sức thuyết phục ấy chứ.

Bước ra khỏi phòng tắm, cô nhìn Bill. “Không” cô nói. “Tớ không muốn đến đồn cảnh sát. Tớ nghĩ Eddie nói đúng - bọn mình có thể gặp chuyện. Một hồi kết. Nhưng đó không phải lý do thật sự.” Cô nhìn cả bốn người bạn của mình. “Bọn mình đã thề với nhau,” cô tiếp tục. “Cả bọn đã lập lời thề Em trai của Bill... Stan... bao nạn nhân khác... và giờ là Mike. Tớ sẵn sàng rồi, Bill ạ.”

Bill nhìn mọi người.

Richie gật đầu. “Được, Bill To Bự. Mình thử đi.”

“Vận may không mỉm cười cho lắm. Mình thiếu mất hai người rồi,” Ben nói.

Bill không nói gì. “Được.” Ben gật đầu. “Cô ấy nói đúng. Bọn mình đã

thề với nhau.”

“E-E-Eddie?”

Eddie khẽ mỉm cười. “Tớ đoán chắc tớ lại được công xuống thang rồi nhỉ? Nếu cái thang còn ở đó.”

“Được cái lần này không có ai ném đá,” Beverly nói. “Ba người bọn chúng đều chết cả rồi.”

“Bọn mình làm bây giờ luôn à, Bill?” Richie hỏi.

“U-U-Ừ,” Bill đáp. “Tớ ngh-nghĩ đến l-l-lúc rồi.”

“Tớ nói một chút được không?” Ben đột ngột lên tiếng.

Bill nhìn anh và khẽ mỉm cười. “C-C-Cậu cứ nói.”

“Các cậu vẫn là những người bạn tốt nhất tớ từng có,” Ben nói. “Bất kể chuyện này kết thúc ra sao. Tớ chỉ... các cậu biết đấy, tớ chỉ muốn nói vậy thôi.”

Anh đưa mắt nhìn mọi người, và cả nhóm cũng nghiêm trang nhìn lại anh.

“Tớ mừng là tớ đã nhớ ra mọi người,” anh nói thêm. Richie phụt cười. Beverly khúc khích. Đoàn cả hội cùng phá lên cười, nhìn nhau như thuở xưa, bất chấp việc Mike còn nằm trong bệnh viện, có thể đang hấp hối hoặc đã lìa đời, bất chấp việc tay của Eddie bị gãy (thêm lần nữa), bất chấp việc họ đang ngụp lặn dưới đáy sâu.

“Haystack, phải công nhận cậu phát ngôn xuất thần quá,” Richie nói, vừa cười vừa lau mắt. “Cậu ấy nên làm tiểu thuyết gia mới đúng, Bill To Bự.”

Nụ cười vẫn vương trên môi, Bill nói: “Về việc đ-đ-đó...”

Cả nhóm dùng chiếc limo mà Eddie thuê. Richie ngồi sau bánh lái. Sương mù càng lúc càng dày, bảng lảng qua những con đường như khói thuốc, nhưng chỉ là dưới mặt đất chứ không cao đến chụp đèn đường. Sao trời như vô vàn mảnh băng lấp lánh, hăng hà sa những bông hoa li ti... nhưng khi nghiêng đầu về phía cửa sổ đang hé mở bên ghế hành khách, Bill có cảm tưởng mình như nghe thấy sấm hè đi dùng vọng lại từ đằng xa. Mưa đang tích tụ đâu đó ở đường chân trời.

Richie bật đài thì giọng hát của Gene Vincent ca bài *Be-Bop-A-Lula* cất lên. Anh ấn nút chuyển kênh thì nghe thấy giọng của Buddy Holly. Lần ấn nút thứ ba cho họ Eddie Cochran hát vang *Summertime Blues*.

“Ta rất muốn giúp cháu, nhưng cháu chưa tới tuổi để đi bỏ phiếu,” một giọng nói trầm khàn rền rĩ.

Lời bài hát *Summertime Blues* của Eddie Cochran.

“Tắt nó đi, Richie,” Beverly khẽ nói.

Anh vươn tay tới nhưng rồi khựng lại. “Đừng chuyển kênh, hãy tiếp tục nghe buổi biểu diễn nhạc rock ‘Chết sạch sành sanh’ của Richie Tozier!” Tiếng thét rít ré, ha hả của gã hề vang lên, lấn át tiếng vỗ tay và gảy đàn của Eddie Cochran. “Đừng xớ rớ chuyển kênh, hãy đợi để nghe nhạc của Rockpile, tuy đã biến mất khỏi các bảng xếp hạng nhưng họ vẫn còn mãi trong lòng chúng ta, và đến đây nào, đến đây đi, hỡi quý vị! Dưới này, bọn ta chơi *đủuuu* những bài hát nổi nhất! *Đủuuu* những bài hát nổi nhất! Và nếu không tin thì xin mời quý vị lắng nghe khách mời khung giờ thiêng sáng sớm hôm nay, Georgie Denbrough! Nói chúng đi, Georgie!”

Và đột nhiên trên đài vang lên tiếng gào thét của em trai Bill.

“Anh đã bảo em ra ngoài chơi cho Nó giết em! Em tưởng Nó ở dưới tầng hầm, anh Bill To Bự, em tưởng Nó ở dưới tầng hầm kìa, nhưng hóa

ra Nó ở dưới cống, Nó ở dưới cống và Nó giết em, anh đã để Nó giết em, Bill To Bự, anh đã để Nó...

Richie tắt đài mạnh đến độ nút bấm bật ra, rơi xuống tấm thảm lót sàn.

“Rock and roll nghe ở vùng quê dở quá,” anh nói, giọng run run. “Bev nói đúng, thôi mình tắt đài đi cho lành nhỉ?”

Không một ai đáp lại. Khuôn mặt Bill xanh như tàu lá, cứng đờ và trăn trăn dưới ánh đèn đường lướt qua, và từ phía tây, họ nghe thấy tiếng sấm chớp ầm ỉ.

6

TRONG VÙNG ĐẤT CẦN

Vẫn cây cầu đó.

Sau khi Richie đậu xe bên cạnh nó, cả nhóm xuống xe, đi đến rào chắn – rào chắn năm nào - rồi nhìn xuống.

Vùng Đất Cần vẫn như xưa.

Đường như hai mươi bảy năm vừa qua chẳng hề tác động đến nơi này, trong mắt Bill, cầu vượt cao tốc, chi tiết khác biệt duy nhất, trông thật vô thực, tưởng chừng chỉ là bức màn kỹ xảo hoặc hiệu ứng màn chiếu sau trong phim. Nhìn những hàng cây lít nhít, bụi rậm gói gọn ánh lên trong sương khói, Bill thầm nghĩ: *Có lẽ miền ký ức khắc khoải khôn nguôi là thế này đây, là những thứ khi ta nhìn đúng thời điểm, đúng góc độ, là hình ảnh khiến bao cảm xúc ồ ạt trào dâng như động cơ phản lực. Nó rõ ràng quá, sắc nét quá, đến độ bao thứ xảy ra giữa ngày ấy và bây giờ đều biến mất. Nếu khát khao là thứ đóng vòng tròn giữa thế gian mà vấy vùng, thì vòng tròn ấy đã khép rồi.*

“Đ-Đ-Đi thôi,” anh nói và trèo qua rào chắn. Mọi người theo anh trượt

xuống triền dốc, sỏi đá lạo xạo lăn dưới chân. Khi xuống đến chân dốc, trong vô thức, Bill quay sang tìm Ánh Bạc rồi tự phá lên cười. Ánh Bạc đang dựng vào tường trong ga-ra nhà Mike mà. Có lẽ Ánh Bạc không có vai trò nào trong toàn bộ tấn kịch này, dù nếu xét tới cách nó xuất hiện trở lại trong đời anh thì đi đâu đó quả lạ lùng.

“D-Dẫn đường đi Ben,” Bill nói với Ben.

Ben nhìn anh, và Bill đọc được suy nghĩ trong mắt bạn mình – *đã hai mươi bảy năm rồi, Bill, cậu cứ tiếp tục mơ đi* – đoạn anh gật đầu, tiến về bụi cây còi cọc.

Cỏ dại đã mọc kín con đường năm xưa – con đường *của bọn họ*, khiến cả nhóm phải gạt bao bụi gai tua tủa, tú cầu dại tỏa hương nồng phát ngấy. Dế hòa ca râm ran xung quanh, vài chú đom đóm chưa gì đã xuất hiện để góp mặt vào cuộc vui rạo rức của mùa hè, lập lòe trong màn đêm. Bill đoán có lẽ trẻ con vẫn chơi dưới này, nhưng chúng có đường ngang ngõ tắt riêng.

Bọn họ đến khoảng đất nơi cả đám dựng phòng sinh hoạt nhóm ngày xưa, có đi đâu, nơi đây không còn là khoảng đất trống nữa. Bụi rậm cùng những cây thông còi cọc đã chiếm cứ mảnh đất này.

“Nhìn kìa, Ben thì thầm rồi băng qua khoảng đất (trong ký ức của họ, nó vẫn còn đây, chỉ là bị khóa lấp bởi một lớp màn kỹ xảo mà thôi). Anh giật cái gì đó. Hóa ra đó là cánh cửa gỗ dái ngựa mà họ tìm thấy ở rìa bãi rác, sau được trưng dụng làm mái cho phòng sinh hoạt nhóm. Nó bị vứt ở đây, và xem ra không ai đụng vào hơn chục năm nay. Dây leo bám chặt trên mặt cửa dơ dáy.

“Tha cho nó đi, Haystack,” Richie lẩm bẩm. “Nó già rồi.”

“Đ-Đ-Đưa bọn tớ đ-đến đó đi, B-Ben” Bill lặp lại từ đằng sau.

Thế là cả nhóm lần lượt theo sau anh, rẽ trái, rời khỏi khoảng đất giờ không còn trống như năm nào. Tiếng nước chảy to dần, nhưng suýt chút nữa, họ đã ngã xuống sông Kenduskeng trước khi trông thấy nó: bụi cây um tùm như bức tường ngay mép sông. Bờ sông sụt lở dưới gót đôi giày boots cao b ỉ của Ben, may sao Bill kịp thời nắm cổ áo kéo ngược anh ra sau.

“Cảm ơn cậu,” Ben nói.

“*De nada*. Ng-Ngày x-xưa, cậu cũng s-sẽ k-kéo tớ v-vào s-s-sau cậu. Đi l-lối này hả?”

Không có gì (tiếng Tây Ban Nha).

Ben gật đầu và dẫn mọi người đi dọc theo bờ sông rậm rạp, gạt những bụi cây, bụi gai qua hai bên, lòng thầm nghĩ lúc còn bé dễ dàng biết bao, khi anh cao một mét ba và chỉ cần thụp người xuống là có thể luồn lách dưới bụi rậm (anh đoán cả bụi rậm trong tâm trí lẫn trên đường đi). Chà, nhưng mọi thứ đã đổi thay. *Bài học của chúng ta hôm nay, các cô các cậu ạ, là dòng đời xô bồ, nhân gian vật đổi sao dời. Kẻ nào bảo dù có nhiều thứ đổi thay, có những thứ vẫn không thay đổi thì đâu óc kẻ ấu rồ là tri độn. Bởi...*

Chân vấp phải thứ gì đó, anh ngã đánh thịch, suýt chút nữa đập đầu lên trụ bê tông của trạm bơm. Trụ hoàn toàn bị khóa lấp trong bụi mâm xôi. Lúc đứng dậy, anh nhận ra mặt mũi cùng hai cánh tay mình đã bị gai mâm xôi cào xây xước rất nhiều chỗ.

“Sao không đâm tao rách như tổ đĩa luôn đi,” anh nói, cảm nhận máu rỉ xuống má.

“Sao kia?” Eddie hỏi.

“Không có gì.” Nói đoạn, anh cúi xuống xem mình vấp phải thứ gì.

Chắc là rễ cây.

Nhưng hóa ra không phải. Thủ phạm làm anh ngã là nắp cống bằng sắt. Có ai đó đã đẩy nó mở ra.

Đúng rồi, Ben thầm nghĩ. Bọn mình mở chứ ai. Hai mươi bảy năm trước.

Nhưng rồi anh nhận ra điếu đó thật điên rồ, trước khi thấy ánh kim loại lạnh lẽo ánh lên dưới lớp gỉ sét bị cào ra. Hôm ấy, máy bơm không hoạt động. Chẳng sớm thì muộn sẽ có người đến sửa và đặt nắp cống trở về vị trí cũ mới phải.

Anh đứng dậy, năm người bọn họ vây quanh cột trụ, đưa mắt nhìn vào trong. Họ có thể nghe thấy tiếng nước tong tỏng khe khẽ. Chỉ có thế. Trước đó, Richie đã thả theo tất tần tật diêm trong phòng Eddie. Anh bèn lôi ra đốt một xấp và ném vào trong. Giây sau, họ nhìn thấy thành công ẩm ướt và máy bơm im lìm. Chỉ có thế.

“Chắc nó chết máy bấy lâu nay rồi,” Richie lo lắng nói. “Có lẽ không phải m...”

“Nó mới chết máy gần đây đây,” Ben nói. “Chỉ ít là kể từ cơn mưa lần trước.” Anh lấy xấp diêm từ tay Richie, châm một que rồi chỉ cho mọi người những vết xước mới.

“Có gi-gi-gi đó b-bên dưới,” Bill nói khi Ben dập que diêm.

“Gì thế?” Ben hỏi.

“Kh-Kh-Không b-b-biết. Nhìn như s-s-sợi dây. Cậu và R-Richie giúp tớ l-l-lật nó l-lên nhé.”

Họ chộp lấy nắp cống và lật nó như lật một đồng xu khổng lồ. Lần này, Beverly quẹt diêm, Ben cẩn thận nhặt chiếc túi nằm bên dưới nắp cống.

Anh nắm dây túi, giơ lên. Toan đập que diêm, Beverly quay sang nhìn Bill. Cô sững sờ cho đến khi lửa bén vào đầu ngón tay khiến cô khẽ há hốc đánh rơi diêm. “Bill? Sao vậy? Có chuyện gì thế?”

Đôi mắt Bill nặng như chì, chẳng tài nào dứt ra khỏi chiếc túi da tả tơi với sợi dây đeo bằng da dài. Anh chợt nhớ tên bài hát phát trên đài vắng từ gian phòng phía sau cửa hàng bán đồ da lúc anh mua nó tặng cô. *Đêm hè Sausalito*. Lạ lùng chưa kìa. Miệng anh chẳng còn chút nước bọt, lưỡi và bên trong má anh khô khốc, trơn như kim loại. Anh có thể nghe thấy tiếng dế râm ran, trông thấy đom đóm lập lờ, ngửi thấy mùi cây cỏ hoang tàn sinh sôi xung quanh, và anh nghĩ, *Lại một cú lừa một màn ảo giác cô ấy đang ở Anh mà đây chỉ là một màn cố đấm ăn xôi vì Nó sợ, ờ phải, có lẽ Nó không chắc chắn như ngày xưa khi Nó gọi bọn mình về lại, với cả, Bill, nghiêm túc đi – mày nghĩ trên đời này có bao nhiêu chiếc túi da tả tơi có dây đeo dài chứ? Một triệu? Hay mười triệu?*

Có thể còn nhiều hơn. Nhưng đây là chiếc túi độc nhất vô nhị mà anh đã mua cho Audra trong một cửa tiệm bán đồ da ở thành phố Burbank lúc trên đài đang phát bài *Đêm hè Sausalito* ở gian phòng phía sau.

“Bill?” Tay của Beverly đặt lên vai anh, lắc mạnh. Xa quá. Hai mươi bảy dặm dưới đáy biển. Tên của ban nhạc hát bài *Đêm hè Sausalito* là gì ấy nhỉ? Chắc Richie sẽ biết.

“Tớ biết rồi,” Bill bình thản quay sang nói với Richie, lúc này đang sợ hãi tròn mắt rồi mỉm cười. “Là Diesel. Thấy tớ nhớ ghê chưa?”

“Bill, có chuyện gì vậy?” Richie khẽ khọt.

Bill thét lên. Anh chớp lấy bao diêm từ tay Beverly, châm một que rồi giật túi khỏi Ben.

“Bill, Chúa ơi, cái...”

Anh mở túi rồi dốc ngược nó xuống. Những thứ rơi ra đập chất Audra đến nỗi trong thoáng chốc, anh bàng hoàng đến độ không thét lên nổi. Giữa khăn giấy Kleenex, thỏi kẹo cao su, đồ trang điểm, anh thấy hộp kẹo bạc hà Altoid... cùng hộp phấn khảm ngọc mà Freddie Firestone tặng lúc cô ký hợp đồng phim *Phòng áp mái*.

“V-V-V-Vợ tớ dưới đó,” anh nói rồi đổ sụp xuống gối, cuống cuồng vờ tư trang của vợ mình vào trong túi. Trong vô thức, anh cứ thế đưa tay dụi để những cọng tóc vô hình không đâm vào mắt nữa.

“Vợ cậu? *Audra* ư?” Beverly sốc ra mặt, tròn tròn mắt.

“T-T-Túi và đồ của cô ấy.”

“Chúa ơi, Bill,” Richie lần bần. “Không thể nào, cậu biết...”

Anh tìm thấy ví da cá sấu của cô. Anh mở nó và giờ lên. Richie quẹt thêm một que diêm và nhìn thấy khuôn mặt anh từng xem trong nhiều bộ phim. Bức ảnh trên bằng lái xe California của Audra tuy ít quyến rũ hơn nhưng hoàn toàn thuyết phục.

“Nhưng H-H-Henry chết rồi, Victor, Ợ-Ợ-Ợ Hời cũng... vậy ai là kẻ bắt cô ấy?” Anh đứng dậy, nhìn bọn họ với ánh mắt đau đáu. “*Ai bắt cô ấy kia chứ?*”

Ben đặt tay lên vai Bill. “Có lẽ bọn mình phải xuống mới biết được, nhỉ?”

Bill ngờ ngác nhìn như thể không biết Ben là ai, và rồi đôi mắt anh sắc sảo trở lại. “Ph-Phải,” anh nói. “E-E-Eddie?”

“Bill, tớ rất tiếc.”

“Cậu tr-trèo lên được không?”

“Tớ từng làm một lần rồi mà.”

Bill khom lưng, Eddie ben móc tay phải mình quanh cổ Bill. Ben cùng Richie đỡ cho đến khi anh có thể quắp chân quanh bụng Bill.

Khi Bill vụng về đưa chân qua miệng trụ cổng, Ben thấy Eddie nhắm nghiền mắt... và trong phút chốc, anh tưởng như mình có thể nghe thấy tiếng đội quân góm ghiếc nhất thế giới loạt soạt băng qua bụi cây. Anh quay lại, những tưởng mình sẽ bắt gặp ba kẻ bọn chúng bước ra từ màn sương và bụi rậm, nhưng không, anh chỉ nghe thấy tiếng gió xôn xao khiến rặng tre càn cạch rì rào cách đây khoảng bốn trăm mét. Kẻ thù năm xưa của họ nay đã không còn.

Bill nắm lấy bờ bê tông sần sùi của trụ cổng và lần mò bước từng bước, từng thanh sắt. Eddie ôm cứng ngắc làm anh không thở nổi. *Túi xách của cô ấy, Chúa ơi, làm thế nào mà túi xách của cô ấy lại ở đây? Chẳng còn quan trọng nữa. Nhưng Chúa ơi, nếu Người có thật trên đời, nếu Người lắng nghe lời nguyện cầu của con, xin Người hãy để cô ấy bình an, đừng để cô ấy liên lụy vì hành động của Bev và con tôi nay cũng như những gì con làm vào mùa hè năm ấy... Có phải gã hề không, thưa Chúa? Có phải Bob Gray đã bắt cóc cô ấy không? Nếu phải, thì chẳng biết Người có thể giúp vợ con hay không nữa.*

“Tớ sợ quá, Bill ơi,” Eddie khẽ nói.

Chân Bill chạm xuống làn nước lạnh ngắt. Anh từ từ hạ người, nhớ lại cảm giác và thứ mùi ẩm thấp, nhớ lại cảm giác bức bối mà nơi này đem lại... và, nhân tiện, bọn họ đã gặp chuyện gì? Bọn họ làm cách nào để xoay xở trong cồng ngằn như mê cung này? Chính xác thì bọn họ đã đi đâu, đã làm gì để thoát ra bên ngoài? Anh vẫn chưa nhớ ra những chi tiết ấy, trong đầu anh lúc này chỉ có hình ảnh của Audra mà thôi.

“Tớ c-c-cũng thế.” Anh khuyên chân, nhắm mắt khi nước lạnh ngắt

thấm vào quần, chạm vào bộ hạ, thả Eddie xuống. Họ đứng ngập đến ống quyển, nhìn các thành viên còn lại lần lượt leo xuống.

CHƯƠNG 21

DƯỚI LÒNG THỊ TRẤN

1

Nó/ Tháng Tám năm 1958

Có biến chuyển mới.

Lần đầu tiên trong thiên thu rục rịch biến chuyển.

Trước khi vũ trụ ra đời chỉ có hai thứ. Một là Nó, hai là con Rùa. Con Rùa là một thứ già nua ngu độn chẳng bao giờ mò ra khỏi vỏ. Nó còn nghĩ có khi con Rùa chết rồi, khéo đã chết ngổm cả tử năm rồi ấy chứ. Mà dù cái ngừ ấy còn sống đi chẳng nữa, ngu độn vẫn hoàn ngu độn, và dù con Rùa đã phọt ra toàn bộ vũ trụ, ngu độn vốn là bản chất nên chẳng thay đổi được đâu.

Rất lâu sau khi con Rùa rúc vào vỏ, Nó đến Trái Đất và phát hiện nguồn trí tưởng tượng phong phú nơi đây, mới mẻ làm sao, giá trị làm sao. Trí tưởng tượng chính là yếu tố khiến thức ăn muôn phần đậm đà. Hàm răng của Nó rên rặt nhựa sống, tê dại trước những kinh hoàng dị thường và những nỗi sợ đê mê: chúng mơ về quái vật ban đêm và bùn lầy biết đi, dù không muốn, chúng cũng chẳng thể ngăn tâm trí mình tưởng tượng đủ thứ.

Nhờ có nguồn thức ăn béo ngậy này mà Nó tồn tại theo chu kỳ đơn giản: dậy để ăn rồi ngủ để mơ. Nó tạo ra một nơi theo hình ảnh mà Nó hình dung, và Nó dũi theo vùng đất này nhờ tử quang vốn dĩ là mắt Nó. Derry là lò mổ của Nó, còn cư dân của Derry là đàn cừu Nó chăn. Bao đời nay là thế.

Nhưng rồi... đám trẻ ấy.

Biến chuyển mới.

Lần đầu tiên trong thiên thu.

Khi Nó xông vào căn nhà trên đường Neibolt với ý định giết tất cả lũ bọn

chúng, mơ hồ khó chịu bởi đến lúc ấy Nó vẫn chưa kết liễu được đám này (và tất nhiên, nỗi khó chịu ấy cũng là điều hết sức mới mẻ), một chuyện hoàn toàn ngoài dự thưởng đã xảy ra, một chuyện Nó chưa lần nào may mắn nghĩ tới, và Nó đau, đau, đau đến cùng cực, thống khổ suốt giai đoạn biến hình, và trong một khắc, Nó còn mạnh mẽ thấy sợ, vì đặc điểm tương đồng duy nhất giữa Nó và con Rùa già nua ngu độn kia cùng cự đại cũ trụ bên ngoài quả trứng tí teo của vũ trụ này chính là: mọi sinh vật phải tuân theo quy luật của hình dạng mà nó trú ngụ. Lần đầu tiên, Nó nhận ra có lẽ năng lực biến muôn hình vạn trạng của Nó vừa ưu vừa nhược. Trước nay, chưa bao giờ Nó biết đau, chưa lần nào Nó biết sợ, và trong khoảnh khắc, Nó còn tưởng khéo mình chết mất – ôi, đau của Nó ngập trong cơn đau khủng khiếp bạc trắng, Nó gào rống, thét gầm, rít ré, còn đám trẻ kia đã tìm được đường thoát.

Nhưng chúng đang đến. Ngày xưa, chúng từng xâm phạm lãnh địa dưới lòng thị trấn của Nó, bầy đứa trẻ ngu ngốc mò mẫm trong bóng đêm, không đèn, không vũ khí. Chắc chắn lần này, Nó sẽ kết liễu bọn chúng.

Nó tự ngộ ra điều tối thượng: Nó không muốn có thay đổi hay bất ngờ. Nó cũng chẳng ham điều mới mẻ. Nó chỉ muốn ăn rồi ngủ, nằm mơ, xong lại ăn.

Sau cơn đau và nỗi sợ hãi chói lòa thoáng qua ấy, thêm cảm giác mới trở dậy (thật ra với Nó, tất cả các cảm xúc đều mới mẻ, dù Nó rất giỏi nhai cảm xúc): phẫn nộ. Nó sẽ giết chết đám trẻ ấy vì chúng tình cờ thế nào đã làm phương hại Nó. Nhưng trước hết, Nó sẽ hành hạ chúng, vì trong khoảnh khắc dù ngắn ngủi, lũ oắt con đã khiến Nó sợ.

Đến với ta nào, Nó vừa nghĩ, vừa lắng nghe bước chân của họ. Đến với ta nào, đám trẻ kia, và xem chúng ta lơ lửng thế nào... tất cả chúng ta.

Tuy nhiên, chẳng hiểu sao có một suy nghĩ cứ bén rễ trong Nó dù Nó tìm mọi cách để gạt suy nghĩ ấy đi. Giả như mọi thứ bắt nguồn từ Nó (mà chắc chắn là vậy, vì con Rùa là thứ nôn ra vũ trụ này rồi bất tỉnh trong cái vỏ của

nó), làm thế nào mà thế giới này hoặc bất cứ thế giới nào lại có một sinh vật đủ sức lừa Nó, tổn hại Nó, bất kể thoáng qua hay vật vĩnh kia chứ? Sao lại có chuyện đó được?

Và rồi một điều mới mẻ lại đến với Nó, không phải cảm xúc mà là suy luận vô cảm: biết đâu Nó không chỉ có một mình như Nó hằng tưởng thì sao?

Biết đâu tồn tại một Thế Lực Khác?

Và giả sử đám trẻ con ấy là tay sai của Thứ Đó?

Giả như... giả như...

Nó rùng mình.

Căm ghét là cảm xúc mới. Đau đớn cũng mới. Khó chịu không yên cũng mới. Nhưng thứ mới mẻ nhất, tệ hại nhất chính là sợ hãi. Nó không sợ đám trẻ, nỗi sợ ấy đã qua rồi, mà Nó sợ có thể Nó không độc nhất vô nhị.

Không. Không còn kẻ nào khác. Chắc chắn là vậy. Có lẽ khi chúng còn là trẻ con, trí tưởng tượng của chúng mang một sức mạnh ban sơ nào đó mà Nó đã xem nhẹ. Nhưng giờ đây, chúng đã chọn đến, thì Nó để chúng vác xác đến. Khi chúng đến, Nó sẽ tiêu diệt từng đứa một vào cự đại vũ trụ... vào tử quang trong mắt Nó.

Phải.

Khi chúng đến đây, Nó sẽ khiến chúng gào thét, phát điên và mất mạng bằng tử quang ấy.

2

Trong cống ngầm/ 2 giờ 15 phút chiều

Bev và Richie còn khoảng chục que diêm, nhưng Bill không cho mọi người phung phí. Chí ít hiện tại vẫn còn leo lét ánh sáng trong đường cống. Tuy không nhiều nhưng cậu vẫn có thể nhìn thấy hơn một mét trước mặt, và họ sẽ cố gắng tiết kiệm diêm chừng nào còn gắng gượng được.

Cậu đoán thứ ánh sáng yếu ớt mà họ trông thấy là từ lỗ thông gió của vách đá trên đầu, hoặc thậm chí là từ lỗ thông hơi trên nắp cống. Thật khó lòng mà tưởng tượng nổi lúc này đây, họ đang đi dưới lòng thị trấn, song tất nhiên, sự thật là thế.

Nước càng lúc càng sâu. Xác động vật chết trôi qua ba lần: một con chuột, một con mèo, và xác một thứ trắng trắng trương phình mà cậu đoán là chuột chũi. Cậu nghe thấy tiếng ai đó trong nhóm kêu lên oai oái khi cái xác trôi ngang qua.

Họ đang lội trong dòng nước tương đối tĩnh lặng, nhưng chốc nữa thôi, đi đầu này sẽ kết thúc: phía trước, cách đó không xa, vang lên tiếng ào ào đầu đặn. Càng lúc, âm thanh ấy càng lớn. Cống ngấn uốn khúc sang phải. Họ rẽ theo và bắt gặp ba cái ống đang xả nước vào ống mà họ đang đi. Chúng xếp thành hàng dọc như đèn giao thông. Cống nước thải đậm ngổ cụt. Không gian sáng sủa hơn chút đỉnh. Ngược lên, Bill trông thấy họ đang đứng trong một ống thông bao quanh là tường đá vuông vức cao chừng năm mét. Trên cùng có một nắp cống và nước đang òng ọc chảy xuống người cả đám. Chẳng khác nào đứng dưới thác nước ban sơ.

Bill bối rối quan sát ba cái ống. Ống trên cùng đang xả thứ nước khá sạch, dù vẫn có lá, cành cây và chút ít rác rến bên trong - đầu mẫu thuốc lá, vỏ bọc kẹo cao su và những thứ tương tự. Ống ở giữa đang thải nước màu xám. Còn cái ống thấp nhất lại òng ọc chảy ra thứ nước thải màu nâu xám.

“E-E-Eddie!”

Eddie lội lên đứng cạnh cậu. Tóc bết vào đầu. Bó bột quanh tay cậu ướt sũng, tong tong nước.

“Đ-Đ-Đường n-n-nào?” Nếu muốn biết cách xây thứ gì đó, hãy hỏi Ben; nếu muốn biết đường đi lối lại, hãy hỏi Eddie. Họ không nói ra nhưng ai nấy đều biết đi đâu đó. Giả sử cả nhóm lạc bước đến một khu phố lạ lẫm và muốn

quay lại nơi mình quen thuộc, Eddie có thể đưa họ đi, rẽ phải rẽ trái vô cùng tự tin cho đến khi ta chỉ biết ngoan ngoãn đi theo cậu, lòng thầm mong mọi thứ sẽ ổn thỏa... mà kỳ lạ thay, khi nào chuyện cũng êm thấm. Một lần nọ, Bill kể với Richie chuyện khi cậu và Eddie mới bắt đầu lang thang chơi dưới Vùng Đất Cằn, Bill lúc nào cũng sợ bị lạc. Thế mà Eddie chẳng hề nao núng, và cậu luôn tìm được đường đưa hai người bạn họ đến chỗ cậu muốn. “Nếu tớ b-b-bị l-lạc trong rừng Hainesville mà có E-Eddie đi cùng, tớ cũng ch-ch-chẳng ph-phải lo,” Bill nói với Richie. “Cậu ấy c-có t-t-tài sẵn. B-B-Bố tớ bảo nh-nhiều người nh như có l-l-la bàn trong đầu ấy. Eddie c-cũng vậy.”

“Tớ nghe không rõ!” Eddie hét lên.

“Tớ hỏi đ-đường nào?”

“Đường nào gì? Eddie nắm chặt ống thở trong chiếc tay lạnh lặn của mình, và Bill thầm nghĩ cậu bạn mình trông giống con chuột xạ hương hơn là một cậu nhóc.

“Bọn mình đ-đ-đi đường nào đây?”

“Chà, tùy thuộc vào bọn mình muốn đi đâu,” nghe Eddie nói đến đấy, Bill thiếu đi đầu muốn bay vào bóp cổ cậu bạn, dù câu trả lời ấy hoàn toàn có lý.

Eddie nhìn ba cái ống với vẻ mặt hờnghi. Kích thước của cả ba đều đủ cho họ chui vào, nhưng ống dưới cùng có vẻ hơi chật.

Bill ra hiệu cho cả nhóm quay lại thành vòng tròn. “N-N-Nó ở chỗ chết toi nào?” Cậu hỏi mọi người.

“Ngay giữa thị trấn,” Richie gọn lỏn. “Ngay dưới lòng trung tâm thị trấn. Gần Kênh Đào.”

Beverly gật đầu, Ben và Stan cũng vậy.

“M-M-Mike?”

“Ừ.” cậu lên tiếng. “Đó là nơi Nó trú ngụ. Gần hoặc ngay dưới Kênh Đào.”

Bill quay sang Eddie. “Đ-Đ-Đường nào?”

Eddie lưỡng lự chỉ vào cái ống bên dưới... và dù lòng chùng xuống, Bill cũng không lấy làm ngạc nhiên. “Kia kìa.”

“Ôi, gớm quá,” Stan khó chịu ra mặt. “Đó là ống thải cứt.”

“Bọn mình không...” Mike nói dở câu rồi ngưng bật. Cậu nghiêng đầu lắng nghe. Đôi mắt ánh lên sắc bén.

“Có...” Bill toan nói thì Mike đặt ngón tay lên môi ra hiệu im lặng. Giờ thì Bill cũng có thể nghe thấy: tiếng nước bì bõm. Càng lúc càng gần. Tiếng cần nhả, cấm cẩu không rõ âm. Hóa ra Henry vẫn lì lợm chưa bỏ cuộc.

“Mau,” Ben giục. “Đi thôi.”

Stan quay lại nhìn đường cả đám đã đi, rồi nhìn xuống ống cống dưới cùng. Mím chặt môi, cậu gật đầu. “Đi thôi,” cậu nói. “Cứt rửa được.”

“Stan Quân Tử có được một tràng hay ho quá!” Richie ré lên. “Hô hô hô hô...”

“Richie, im ngay cho tởn nhò!” Beverly rít lên.

Bill dẫn mọi người đến đường ống, nhắm mắt vì mùi hôi thối xộc vào mũi mình rồi bò vào bên trong. Mùi nước thải và mùi phân nồng nặc, nhưng hình như ở đây còn có thứ mùi khác nữa thì phải? Một thứ mùi trầm hơn, gần gũi hơn. Nếu tiếng gầm của động vật có mùi (và Bill nghĩ nếu con vật ấy ăn đúng thứ thì chắc là có), thứ mùi ấy sẽ giống xú khí này. *Bọn mình đi đúng hướng rồi. Nó từng ở đây... và Nó đã trú ngụ ở đây rất nhiều lần.*

Họ lần mò đi được chừng sáu mét thì không khí thối hoảng và độc hại. Cậu chậm chậm lép nhép tiến về phía trước, bì bõm lội qua những thứ không phải bùn lầy. Nhìn sau lưng mình, cậu lên tiếng, “Cậu đ-đ-đi ngay sau t-tớ nhé, E-E-Eddie. Tớ sẽ c-cần c-cậu.”

Ánh sáng từ mù sang màu xám, được một lúc rồi tắt hẳn, cả bọn

(bước ra khỏi sắc xanh và)

tiến vào đêm tối. Bill cứ thế đi, cắn răng chịu đựng mùi hôi, cảm tưởng thứ xú uế ấy có hình dạng và cậu đang cắt ngang qua nó, một tay giơ về phía trước, trong lòng chuẩn bị tư tưởng bất cứ lúc nào tay cậu cũng có thể chạm vào lớp lông lá thô ráp, để rồi những con mắt như ngọn đèn xanh rực sẽ mở bừng giữa bóng tối. Tất cả sẽ kết thúc bằng cơn đau lóe lên như thiêu đốt khi Nó cắn đứt đầu cậu khỏi cổ.

Màn đêm dày đặc âm thanh, mọi thứ đều bị phóng đại và vang vọng dội lại. Cậu có thể nghe thấy tiếng các bạn lộn ngay phía sau mình, thỉnh thoảng lẩm bẩm gì đó. Có tiếng ùng ục và lanh canh lạ lùng. Đang đi thì bỗng dừng một dòng nước ấm ấm phát gợn ào ào chảy qua giữa hai chân, khiến cậu ướt đến tận đùi và được phen khiếp vía, Eddie hốt hoảng bầu chặt đằng sau áo cậu, và rồi dòng lũ nhỏ yếu đi. Từ cuối hàng, Richie rên rỉ pha trò: “Tớ nghĩ bọn mình vừa bị [Người khổng lồ xanh Jolly](#) tè trúng, Bill ạ.”

Jolly Green Giant, hình tượng đại diện của hãng rau củ đóng hộp Green Giant.

Bill có thể nghe thấy tiếng nước hoặc nước thải chảy theo lưu lượng được kiểm soát qua hệ thống các ống cống nhỏ hơn mà cậu đoán hẳn nằm trên đầu bọn họ. Nhớ lại nội dung lần trò chuyện với bố về hệ thống cống của Derry, cậu nghĩ mình biết chức năng của ống cống này là gì – nó được dùng để kiểm soát nước tràn ra vào những dịp mưa lớn hoặc trong mùa lũ. Nước thải bên trên sẽ rời khỏi Derry rồi được xả vào sông Torrault và sông Penobscot. Thị trấn không thích đổ thẳng phân vào sông Kenduskeag vì nó sẽ khiến Kênh Đào thối hoảng. Nhưng tất cả thứ nước màu xám chảy trực tiếp vào con sông này, và trong trường hợp ống nước thải thông thường không đủ sức giải quyết nước thải thì hệ thống sẽ phải xả cống... như đi đầu ban nãy vừa xảy ra. Đã xả cống một lần thì hoàn toàn có thể xả thêm lần nữa. Cậu lo ngại ngược lên nhưng chẳng thấy gì, dù cậu biết trên cùng hay thậm chí cả hai bên thành ống

sẽ có nắp cống, và bất cứ lúc nào cũng đều có thể xảy ra...

Cậu không hề hay biết mình đã đi hết ống cống cho đến khi rơi ra ngoài, loạng choạng ngã nhào về phía trước, tay quơ quàng trong không trung, bất lực tìm cách giữ thăng bằng. Bụng cậu đập lên một đồng mền mền nằm bên dưới miệng ống cậu vừa lao ra khoảng sáu mươi xen-ti. Có thứ gì đó rít lên, chạy qua tay cậu. Cậu hét toáng, vội ngẩng dậy, đưa bàn tay nhoi nhói của mình lên ngực, bàng hoàng nhận ra một con chuột vừa vượt qua tay mình; cậu còn cảm nhận được cái đuôi không lông thô ráp góm ghiếc của nó quét ngang.

Cậu gượng đứng dậy thì đập đầu vào trần ống đánh cộp. Cú va đập mạnh đến độ Bill choáng váng khuỷu gối, trước mắt tung bừng nổ những bông hoa đỏ to tướng trong màn đêm.

“C-C-Cẩn thận!” Cậu vội la lên. Lờn cậu nói văng lại trong ống cống. “Cổng kết thúc ở đây rồi! E-Eddie! C-Cậu đi đi đâu rồi?”

“Đây!” Bàn tay quơ quàng của Eddie quẹt vào mũi Bill. “Giúp tớ ra với Bill. Tớ không thấy đường! Tối...”

Bỗng tiếng xả nước ào ào vang lên. Beverly, Mike và Richie đồng thanh la lớn. Nếu là ban ngày, việc cả ba người cất tiếng hòa ca gần như cùng lúc thế này hẳn sẽ rất buồn cười, nhưng trong màn đêm dưới cống thế này, đi đâu đó thật đáng sợ. Cả bọn đột ngột lao ra khỏi ống. Bill ôm chầm lấy Eddie, cố giữ cho tay bạn mình bình yên.

“Ôi Chúa ơi, tớ tưởng mình chết đuối tới nơi,” Richie rên. “Nước đổ xuống như lũ – ôi lạy hèn, cả một thác đầy cút, tuyệt quá cơ, mai một người ta phải tổ chức cho lớp đi du lịch dưới này Bill ạ, bọn mình có thể nói thầy Carson làm trưởng đoàn...”

“Sau đó, cô Jimmison có thể ca một bài về sức khỏe,” Ben nói, giọng run run, và cả bọn run rẩy cười. Khi tiếng cười tắt dần, bỗng Stan òa lên khóc nức nở.

“Đừng vậy,” Richie nói, vụng v về vòng tay qua đôi vai dính dính của Stan. “Cậu làm cả bọn khóc theo bây giờ.”

“Tớ không sao!” Stan nói lớn, nước mắt rơi lã chã. “Tớ có thể chấp nhận sợ hãi, nhưng tớ *ghét* dơ dáy bẩn thỉu thế này lắm, tớ ghét khi không biết mình ở đâu lắm...”

“C-C-Cậu ngh-nghĩ mình c-còn que d-diêm nào d-d-dùng đ-được không?” Bill hỏi Richie.

“Tớ đưa hết cho Bev r ồi.”

Bill cảm nhận một bàn tay chạm vào tay mình trong bóng tối và đưa cho cậu bọc diêm còn khô.

“Tớ kẹp chúng dưới nách,” cô nói. “Chắc còn dùng được. Cậu thử xem sao.”

Bill xé một que r ồi quẹt diêm. Diêm lóe sáng, cậu khum tay giữ. Các bạn của cậu đang đứng nép vào nhau, nhắm mắt trước ánh sáng bùng lên. Ai nấy đều ướt sũng, nhoe nhoét phân, mặt mũi mọi người đều non nớt và đầy sợ hãi. Đằng sau, cậu có thể trông thấy ống nước thải mà họ vừa chui ra. Cái ống hiện tại thậm chí còn nhỏ hơn. Nó chạy thẳng theo cả hai phía, lòng ống đóng nhều lớp cặn bẩn thỉu. Và...

Cậu khẽ rít lên và lắc que diêm khi lửa bén đến ngón tay. Lắng tai, cậu nghe thấy tiếng nước chảy, ào ào có, tí tách có, thỉnh thoảng lại ầm ầm khi van chống tràn xả nước, bơm thêm nước thải xuống sông Kenduskeag, và có Chúa mới biết lúc này họ cách sông bao xa. Cậu không nghe thấy tiếng Henry và bè lũ... hay nói đúng hơn là chưa.

“Có một x-x-xác ch-ch-chết phía bên ph-ph-phải tớ,” cậu khẽ nói. “Cách b-bọn mình kh-kh-khoảng b-b-ba m-mét. Tớ đoán l-là P-P-P...”

“Patrick?” Beverly run rẩy hỏi, chực hoảng loạn. “Có phải Patrick Hockstetter không?”

“Ph-Ph-Phải. Cậu có muốn tớ th-thấp th-th-thêm qu-que diêm không?”

“Cậu làm đi, Bill,” Eddie nói. “Nếu không thấy đường ống, tớ sẽ không biết mình phải đi đường nào.”

Bill thấp diêm. Dưới ánh lửa, cả nhóm trông thấy thi thể trương phình, xanh nhợt vốn dĩ từng là Patrick Hockstetter. Xác chết nhe nhợt cười với họ trong bóng tối, thân thiện đến rợn người, nhưng khuôn mặt chỉ còn một nửa; đàn chuột dưới cống đã xử lý nửa còn lại. Sách phụ đạo hè của Patrick vương vãi xung quanh, trương to chẳng thua kém gì từ điển do ẩm thấp.

“Chúa ơi,” Mike khô khốc thốt lên, mắt mở to.

“Tớ lại nghe thấy tiếng bọn chúng r ồi,” Beverly nói. “Đám Henry.”

Xem chừng cấu trúc không gian đã đưa giọng nói của cô vang vọng đến chúng; bởi Henry hét xuống ống xả nước thải và trong thoáng chốc, cả bọn có cảm tưởng hẫng đang đứng ngay đó.

“Bọn tao sẽ tóm chúng màyyyyy...”

“Giỏi thì làm đi!” Richie hét lên. Mắt cậu sáng rực, loang loáng và thẳng thốt. “Giỏi thì đến đây xem, đồ trợt vỏ chuối! Dưới này cứ như bể bơi của Hiệp hội Thanh niên Cơ Đốc vậy đó! Giỏi...”

Đột nhiên, tiếng thét man rợ ngập ngựa sợ hãi và đau đớn văng lại từ ống cống, khiến que diêm lập lòe rời khỏi tay Bill và tắt ngóm. Tay của Eddie vòng qua cậu, Bill ôm chầm lấy Eddie, cảm nhận cả người cậu bạn run như cầy sấy, ở phía ngược lại, Stan Uris cũng tiến sát đến. Tiếng thét càng lúc càng rít ré..và r ồi sau tiếng nhập tr ần đục, gớm ghiếc, tiếng thét im bật.

“Có thứ gì đó bắt bọn chúng r ồi,” Mike ghen ngào, kinh hãi trong màn đêm. “Thứ gì đó... thứ quái vật gì đó... Bill ơi, bọn mình phải ra khỏi đây... tớ xin cậu...”

Bill có thể nghe thấy kẻ sống sót – một hoặc hai người, do không gian quá vang nên không thể chắc chắn – bì bõm, nháo nhào lội qua ống nước thải về

phía bọn họ. “Đ-Đường n-n-nào, E-Eddie?” Cậu hỏi. “C-Cậu b-biết không?”

“Về phía Kênh Đào à?” Eddie vừa lay cánh tay của Bill vừa hỏi.

“Phải!”

“Rẽ phải. Ngang qua Patrick... hoặc đập lên hắn.” Giọng của Eddie chột đánh lại. “Tớ chẳng quan tâm. Hắn là một trong những kẻ đã bẻ gãy tay tớ. Nhổ nước bọt vào mặt tớ nữa.”

“Đ-Đi thôi,” Bill nói, quay đầu nhìn ống nước thải mà cả bọn vừa chui ra. “Th-Thành m-một hàng! Chạm v-v-vào ng-người đầng tr-tr-trước, như b-b-ban này!”

Cậu mò mẫm tiến tới, quệt vai phải dọc theo mặt sứ nhóp nháp của ống cống, nghiêng răng, không muốn đập lên Patrick... hoặc đập lưng hắn.

Và rồi họ cứ thế bò vào màn đêm, mặc kệ bao nhiêu nước cứ ồm ồm chảy quanh, trong lúc ngoài kia giông tố dần dập kéo đến, khuấy đặc bóng đêm bao phủ Derry - thứ bóng đêm thét gào với gió, tanh tách lửa điện, răng rắc cây đổ, chẳng khác nào tiếng gầm rú của những loài động vật tiền sử lúc lìa đời.

3

Nó/ Tháng Năm năm 1985

Chúng đang đến, và dù mọi thứ đều xảy ra theo những gì Nó tiên liệu, một thứ Nó không ngờ tới đã trở lại: nỗi sợ hãi đáng ghét, điên người ấy... cảm giác ngay ngáy về Thế Lực Khác. Nó căm ghét nỗi sợ ấy, nếu có thể, Nó đã lao vào xâu xé và ăn tươi nuốt sống cảm giác sợ hãi này rồi... nhưng nỗi sợ cứ trôi người chồn vờn ngoài tầm với, và Nó chỉ có thể giết chết nỗi sợ bằng cách kết liễu bọn chúng.

Hắn nhiên chẳng cần gì phải sợ, giờ đây, bọn chúng đã già hơn, và quân số đã giảm từ bảy mống xuống còn năm. Năm là con số quyền năng, nhưng lại không mang tính linh thiêng thần kỳ như số bảy. Đúng là gã tay sai của Nó đã

không thể giết chết thằng thủ thư, nhưng đằng nào thằng thủ thư ấy cũng mất mạng trong bệnh viện. Chút nữa, khi bình minh chưa kịp ló rạng, Nó sẽ cử một gã y tá có cái tạt dùng thuốc vô độ vào tiến thằng thủ thư về chầu trời.

Lúc này, con đàn bà của thằng nhà văn đang ở chỗ Nó, còn sống nhưng chẳng khác nào đã chết – tâm trí của ả bị phá hủy hoàn toàn ngay khi ả nhìn thấy Nó trong hình hài thật sự, khi Nó không mang mặt nạ và gột bỏ những hình hài nguy trang - và tất nhiên những ảo ảnh ấy chỉ là tấm gương phản chiếu thứ mà kẻ đang kinh hãi nhìn kìa sợ nhất, những hình ảnh quang báo như khi tấm gương phản chiếu mặt trời vào con mắt đang ngậy ngô giương ra và khiến nó chói đến mù lòa.

Giờ thì tâm trí vợ của thằng nhà văn đang ở chỗ Nó, ở trong Nó, ngoài rìa cự đại vũ trụ; trong bóng đêm mịt mù mà con Rùa không thể quản; giữa nơi hẻo lánh, cách xa mọi vùng đất.

Ả đang nằm trong mắt Nó; ả đang ở trong tâm trí Nó.

Ả đang nằm trong tử quang.

Ôi, nói đi cũng phải nói lại, nguy trang cũng thú vị ra phết. Ví dụ như Hanlon chẳng hạn. Bản thân hẳn không còn nhớ, nhưng mẹ hẳn hẳn sẽ biết con chim mà hẳn trông thấy ở Xưởng đúc sinh ra từ đâu. Khi hẳn mới chỉ là một đứa bé sáu tháng tuổi, mẹ hẳn để hẳn ngủ trong nôi ở giữa sân trong lúc bà ta ra sau phơi chăn mền và tã lót lên dây. Nghe thấy tiếng con mình hét toáng lên, bà ta hốt hoảng chạy lại thì thấy một con quạ rất to đang đậu lên thành nôi mỗ lấy mỗ để Mikey bé bỏng như con quái vật trong truyện cổ tích. Đứa bé hét lên vì đau và sợ, nhưng chẳng tài nào đuổi được quạ khi nó nhận ra con mồi vô cùng yếu đuối. Sau khi vung tay đập nó bay đi, bà ta nhận ra nó đã mỗ tay Mikey chảy máu hai, ba chỗ nên vội đưa con đến bác sĩ Stillwagon để chích ngừa uốn ván. Một phần trong Mike vẫn nhớ hình ảnh ấy – đứa trẻ nhỏ bé, con chim to lớn – nên khi Nó tấn công Mike, cậu bé trông thấy một con chim

không lờ

Nhưng khi tên tay sai vốn là chồng của đứa con gái năm xưa bắt được con đàn bà của thằng nhà văn, Nó không mang bất cứ bộ mặt nào – khi ở nhà thì Nó không chùng diện. Thằng chồng tay sai nhìn đúng một lần và tức tử vì quá kinh hãi, mặt hấn xám xịt, mắt đầy máu, vốn phọt ra từ não ở cả chục chỗ là ít. Á đàn bà của thằng nhà văn kịp nghĩ trong đầu một suy nghĩ đầy sức mạnh, ngập trong sợ hãi - ÔI CHÚA ƠI NÓ LÀ CON CÁI – rồi mọi suy nghĩ tắt ngóm. Á chọi vơi trong tử quang. Nó đã cất công rời khỏi ổ của mình và chăm sóc thân xác của á ta; chuẩn bị để lát nữa xơi tái. Hiện tại, Audra Denbrough đang bị treo lơ lửng giữa mớ bông bong, chẳng chịt trong lụa là, đầu gục xuống hõm vai, hai mắt thao láo, mờ mịt, chân duỗi xuống đất.

Nhưng đám bọn chúng vẫn còn sức mạnh. Tuy đã thui chột nhưng vẫn còn. Ngày xưa, khi là trẻ con, chúng từng mò đến đây, và bằng cách nào đó, bất chấp bao khó khăn, bất chấp những đi đầu đáng lý phải xảy ra, có thể xảy ra, chúng đã phương hại Nó nặng nề, suýt chút nữa đã có thể giết chết Nó, buộc Nó phải tháo chạy thật sâu vào lòng đất, nơi Nó cuộn tròn, vừa đau, vừa căm hận, vừa tức tối, vừa run rẩy trong bể huyết kỳ dị của bản thân.

Thế là chẳng dặng dừng, lại một đi đầu mới: lần đầu tiên trong lịch sử vô biên của mình, Nó cần phải lên kế hoạch, lần đầu tiên, Nó nhận ra mình rón rén, không dám lấy thứ mà Nó muốn từ Derry, vườn thú của riêng Nó.

Trước nay, món khoái khẩu của Nó là trẻ con. Nhiều người lớn cũng cung cấp ngu ồn thức ăn cho Nó mà không hề hay biết, thậm chí suốt chiều dài lịch sử, thỉnh thoảng Nó cũng ngẫu nhiên một số ông già bà lão – người lớn cũng có nỗi sợ, và những đại huyết có thể được tác động, khai mở để hóa chất sợ hãi tràn ngập cơ thể, ướp mặn thịt. Nhưng đa phần, nỗi sợ của bọn chúng quá phức tạp. Nỗi sợ của trẻ con đơn giản hơn, và thường mạnh mẽ hơn. Nỗi sợ hãi của trẻ con có thể tụ thành một khuôn diện duy nhất... nếu cần mồi nhử thì

quá đơn giản, đưa con nít nào mà chẳng yêu thích chú hề kia chứ?

Nó mơ hồ nhận ra bằng cách nào đó, đám trẻ con này đã khiến công cụ của Nó phản chủ – tình cờ thế nào đấy (chắc chắn không thể nào có tính toán, không thể nào do bàn tay Thế Lực Khác dẫn dắt), bày trí óc với trí tưởng tượng vô cùng sáng tạo này đã đoàn kết lại, đẩy lùi Nó đến vùng nguy hiểm cực độ. Đứng riêng lẻ, bảy đứa bọn chúng sẽ làm mồi ngon để Nó ăn tươi nuốt sống, và nếu bọn chúng không tình cờ kết bè kết phái với nhau, chắc hẳn Nó đã làm thịt từng đứa một, bởi Nó bị trí óc của chúng hấp dẫn chẳng khác nào sư tử bị thu hút tới vũng nước vì đánh hơi thấy mùi của ngựa vằn. Nhưng khi đoàn kết lại, chúng khám phá ra bí mật động trời mà ngay cả Nó còn không hay biết: rằng niềm tin là con dao hai lưỡi. Nếu thời trung cổ, một vạn nông dân tạo ra ma cà rồng bằng niềm tin chúng tồn tại, thì chỉ cần một người – có thể là một đứa trẻ - tưởng tượng ra cọc gỗ là đủ để giết nó. Song cây cọc chỉ đơn giản là khúc gỗ vô tri, chính tâm trí mới là cái búa đóng cọc vào đúng chỗ.

Nhưng cuối cùng, Nó đã trốn thoát; Nó trốn thật sâu, và đám trẻ mệt mỏi, nỗi sợ hãi ấy quyết định không bám theo Nó khi Nó đang trong tình trạng yếu đuối nhất. Chúng đã chọn cách tin rằng Nó đã chết hoặc đã hấp hối rồi rút đi.

Nó biết lời thề của bọn chúng, và biết chúng sẽ quay lại, giống như con sư tử biết ngựa vằn rốt cuộc sẽ trở lại bờ nước. Nó lên kế hoạch ngay từ lúc ấy Nó bắt đầu gật gà gật gù. Khi tỉnh dậy, Nó sẽ được chữa lành, được tái tạo – nhưng thời thơ ấu của chúng sẽ lụi tàn như bảy ngọn nến. Sức mạnh từ trí tưởng tượng năm xưa sẽ tắt ngúm, hao mòn. Chúng sẽ chẳng còn tưởng tượng dưới sông Kenduskeag có cá piranha hay [nếu bước lên vết nứt trên vỉa hè thì coi chừng mẹ sẽ gãy lưng, hoặc nếu giết bọ rùa đậu trên cẳng chân thì tối đó nhà sẽ bị cháy](#). Thay vào đó, chúng tin vào bảo hiểm.

Đây là các quan niệm mê tín của phương Tây, tương tự như quan niệm ăn đậu đỏ, hay không ăn chuối trước kỳ thi trong văn hóa Việt Nam.

Thay vào đó, chúng tin vào thưởng rượu khi ăn tối – một loại rượu ngon nhưng đừng quá màu mè, như Pouilly-Fuissé ‘83, và này anh phục vụ, tôi nhờ anh để [rượu thở](#) được không? Thay vào đó, chúng tin vào việc thuốc Roloids có thể trung hòa lượng axit trong dạ dày gấp 47 lần khối lượng của viên thuốc. Thay vào đó, chúng tin vào truyền hình, [Gary Hart](#), tin vào việc chạy bộ để ngăn ngừa nhồi máu cơ tim, không ăn thịt đỏ để ngăn ngừa ung thư đại tràng. Chúng tin vào [bác sĩ Ruth](#) khi muốn tìm bí quyết phòng the và tin vào [Jerry Falwell](#) khi muốn được cứu rỗi. Mỗi năm trôi qua, ước mơ của chúng dần nhỏ lại. Và khi Nó tỉnh giấc, Nó sẽ gọi chúng lại, phải, gọi chúng trở về, vì sợ hãi sản sinh ra nô lệ, và nô lệ khát khao trả thù.

Để rượu thở là quá trình rót rượu vào một bình hứng (Decanter) trong khoảng 30 phút đến 6-7 tiếng, tùy loại, nhờ đó mà rượu tỏa hương thơm mạnh mẽ hơn, vị chất dịu đi.

Một chính trị gia người Mỹ.

Ruth Westheimer (sinh năm 1928), bà là bác sĩ trị liệu tình dục, người dẫn chương trình nổi tiếng và là tác giả của nhiều đầu sách về tình dục.

Mục sư Baptist Nam Phương, nhà thuyết pháp hay xuất hiện trên truyền hình.

Nó sẽ gọi chúng về để giết chúng.

Có đi đâu, giờ đây, khi chúng trở về sợ hãi lại giày vò Nó. Chúng đã lớn, và óc tưởng tượng của chúng đã thui chột – nhưng không thui chột đến mức Nó tưởng. Khi chúng hợp quần, Nó cảm nhận sức mạnh của bọn chúng tăng lên đến đáng gờm, khiến Nó bức mình, và lần đầu tiên, Nó tự hỏi liệu nước cờ này của Nó có sai hay không.

Nhưng buồn làm gì? Xúc xắc cũng đã gieo rắc, và không phải tất cả đều là điềm xấu. Thằng nhà văn đang nửa điên nửa dại vì vợ mình, quá tốt. Thằng nhà văn là kẻ mạnh nhất, nhìn theo cách nào đó, hẳn là kẻ đã trui rèn đầu óc bao năm qua cho màn đựng độ này, và khi thằng nhà văn chết ngổm, ruột gan

phèo phối phọt ra ngoài, khi thẳng “Bill To Bự” mà chúng nó tôn thờ đi đời nhà ma, cái đám kia sẽ như rấn mất đầu mà thôi.

Nó sẽ được bữa ngon lành... và Nó sẽ lại rúc vào thật sâu. Rồi say sưa ngủ. Một thời gian.

4

Trong cống ngầm/ 4 giờ 30 phút sáng

“Bill!” Richie hét vang vào ống cống. Anh đang di chuyển nhanh nhất có thể, nhưng tốc độ chẳng đáng là bao. Anh nhớ ngày còn bé, họ chỉ cần khom người đi trong cái ống thông từ trạm bơm trong Vùng Đất Cằn này. Nhưng giờ anh phải lồm cồm bò, và chẳng hiểu sao ống lại chật chội đến thế. Kính của anh cứ chực trượt khỏi đầu mũi, buộc anh phải đẩy tới đẩy lui. Anh có thể nghe thấy tiếng của Bev và Ben ở đằng sau.

“Bill!” Anh la lên lần nữa.

“Eddie!”

“Tớ đây!” Giọng của Eddie vang lại.

“Bill đâu?” Richie hét to.

“Đằng trước!” Eddie đáp. Cậu bạn đã gần anh hơn, tối tăm mịt mù nên Richie không nhìn thấy mà chỉ cảm nhận được bạn ở phía trước. “Cậu ấy đi nhanh quá!”

Đầu của Richie tông vào chân Eddie. Ngay sau đó, đầu của Bev đụng vào hông Richie.

“Bill!” Richie vận hết sức bình sinh gào lên. Ống cống âm vang tiếng thét của anh, bật nó trở lại làm anh muốn điếc cả tai. “Bill, đợi bọn tớ đã! Bọn mình phải đi với nhau, cậu biết rõ mà?”

Từ xa vang lại giọng của Bill: “Audra! Audra! Em ở đâu?”

“Mẹ kiếp, Bill To Bự!” Richie khẽ rít lên. Kính của anh rơi xuống. Vừa

chửi, anh vừa lần mò tìm kính, đeo cặp kính nhuộm nước lên mũi. Hít vào một hơi, anh hét to: “*Không có Eddie, cậu bị lạc bây giờ, đồ chết tiệt kia! Đợi đã! Đợi bọn tớ nữa! Cậu nghe thấy tớ không, Bill? ĐỢI BỌN TỚ ĐÃ, MẸ KIẾP!*”

Đáp lại lời anh chỉ có sự tĩnh lặng điếng người. Dường như chẳng ai dám thở. Richie nghe thấy tiếng nước tong tỏng đằng xa, lần này, ống cống khô ráo, thỉnh thoảng mới gặp nước đọng.

“*Bill!*” Anh run rẩy vò đầu bứt tóc, cố kìm nước mắt. “*THÔI NÀO... TỚ XIN CẬU! ĐỢI BỌN TỚ ĐÃ! TỚ XIN CẬU!*”

Và rồi giọng của Bill vẳng lại dù rất nhỏ: “Tớ đang đợi đây.”

“Chúa làm ơn làm phúc,” Richie lẩm bầm. Anh vỗ mông Eddie. “Đi nào.”

“Tớ không biết tớ có thể cầm cự bao xa với một tay nữa,” Eddie ái ngại nói.

“Cứ đi đi,” Richie nói và Eddie bắt đầu bò tiếp.

Với vẻ mặt hốc hác và chẳng còn chút sắc khí, Bill đợi nhóm bạn ở đoạn ống thông của cống, nơi ba ống cống xếp thành hàng dọc như cột đèn giao thông. Vẫn có đủ không gian để họ đứng thẳng.

“Đằng kia,” Bill nói. “C-Criss. Và O-O-O Hoi.”

Mọi người quay sang nhìn. Thấy Beverly thẳng thốt nên lên, Ben quàng tay qua người cô. Bộ xương của Huggins O Hoi bọc trong những miếng vải mục nát xem ra còn được toàn thây. Trong khi đó, xác của Victor đã mất đầu. Bill nhìn bên kia ống thông và trông thấy hộp sọ đang nhe nhớn cười.

Kia rồi, đầu của hắn nằm kia. *Cứ để nó yên, các cậu ạ*, Bill nghĩ mà rùng mình.

Phần này trong hệ thống nước thải đã không còn được sử dụng: Richie thấy lý do khá rõ ràng. Nhà máy xử lý nước thải đã đăng đàn tiếp quản. Đâu đó trong những năm tháng khi họ bận rộn học cách cạo râu, lái xe, hút thuốc, đàn đúm, ăn chơi hưởng thụ, Cục Bảo vệ Môi trường đã được thành lập, cơ quan

này tuyên bố rằng việc thải chất thải chưa qua xử lý – thậm chí là nước xám – xuống sông suối là hành động không thể chấp nhận được. Do đó, phần trạm bơm này bị bỏ xó, thi thể Victor Criss cùng Huggins Ở Hơi cũng vì vậy mà im lìm nằm lại. Như những cậu bé trong truyện cổ tích Peter Pan, Victor và Ở Hơi không bao giờ lớn lên. Hai cốt của hai cậu bé trong áo thun, quần jean đã rữa nát rách bươm chôn vùi tại đây. Rêu mọc đầy trên những chiếc xương sườn cong vẹo của Victor và trên khóa cài thắt lưng hình con đại bàng của hắn.

“Con quái vật đã tấn công chúng,” Ben khẽ nói. “Các cậu nhớ không? Bọn mình nghe thấy tiếng động.”

“Audra ch-chết rồi,” giọng Bill cứng đờ. “Tớ biết đi đâu đó.”

“Cậu làm sao mà biết được đi đâu đó!” Beverly rút lên đầy phần nộ, đến độ Bill run bắn quay sang nhìn cô. “Tất cả những gì cậu biết là rất nhiều người khác đã bỏ mạng, và đa phần là trẻ con.” Cô bước đến rồi hiên ngang đứng trước mặt anh, tay chống nạnh. Mặt và tay cô nhoe nhoét cấu bẩn, tóc bết đầy đất cát. Richie thẫn nghĩ trông cô chẳng khác nào nữ vương. “Và cậu biết kẻ nào là thủ phạm.”

“L-Lý r-r-ra tớ không được n-n-nói với cô ấy tớ đi đâu,” Bill bần thần. “Tớ nói làm gì kia chứ? Tớ nói...”

Hai tay cô đưa ra và nắm chặt lấy áo anh. Richie ngạc nhiên ngậy ra nhìn cô lắc lắc lắc để Bill.

“Thôi ngay! Cậu biết bọn mình đến đây làm gì mà! Bọn mình đã thề, và giờ thì bọn mình sẽ thực hiện lời thề! Cậu hiểu lời tớ nói không, Bill? Nếu cô ấy chết rồi thì đành chịu... nhưng Nó chưa chết! Giờ, cả bọn cần cậu. Cậu có hiểu không? Bọn tớ cần cậu!” Nước mắt cô nhạt nhòa. “Vậy nên hãy đứng lên vì bọn tớ! Cậu mà không đứng lên vì cả bọn như xưa thì còn lâu chúng mình mới toàn mạng ra khỏi đây!”

Anh lặng thinh nhìn cô một lúc lâu, và Richie bất giác nghĩ, *Nào, Bill To Bự.*

Thôi nào, thôi nào...

Bill nhìn tất cả mọi người rồi gật đầu. “E-Eddie.”

“Tớ đây, Bill.”

“C-Cậu c-còn nh-nhớ ô-ô-ống nào không?”

Eddie chỉ ra sau Victor rồi nói: “Ổng kia kìa. Trông hơi nhỏ nhỉ?”

Bill gật đầu lần nữa. “T-T-Tay bị gãy như vậy, cậu nhắm kham nổi không?”

“Tớ sẽ gắng vì cậu, Bill ạ.”

Bill mỉm cười: nụ cười mệt mỏi nhất, khủng khiếp nhất mà Richie từng thấy. “D-Dẫn đường đi, E-Eddie. Giải qu-quyết cho xong.”

5

Trong cống ngầm/ 4 giờ 15 phút sáng

Vừa bò, Bill vừa nhắc nhở bản thân chú ý đến chỗ hụt thảng đứng ở cuối ống cống nhưng vẫn không khỏi bất ngờ. Mới giây trước, tay anh đang mò mẫm dọc theo bề mặt thô ráp của cái ống cũ, thế mà giây sau, nó đã chới vói giữa không trung. Anh nhào tới trước và cuộn tròn người theo phản xạ, đập vai xuống mặt đất đau điếng.

“C-C-Cẩn thận!” Anh vội vàng la lên. “Đoạn cuối của ống rồi! E-E-Eddie?”

“Tớ đây!” Tay của Eddie quơ quàng sượt qua trán Bill. “Cậu đỡ tớ ra được không?”

Anh vòng tay quanh người Eddie rồi đỡ lấy bạn mình, cố gắng cẩn thận để cánh tay bị thương của cậu ấy không bị ảnh hưởng. Ben là người tiếp theo, rồi tới Bev và Richie.

“Cậu có qu-qu-que diêm nào không, R-Richie?”

“Tớ có đây,” Beverly nói. Bill cảm nhận một bàn tay chạm vào tay mình trong đêm tối rồi cúi cho anh bọc diêm. “Chỉ còn tám hay mười que gì đấy,

nhưng Ben cần nhiều lắm. Tớ lấy từ phòng.”

“Lần này cậu cũng nhét chúng dưới n-n-nách à, B-Bev?” Bill hỏi.

“Lần này thì không,” cô đáp và vòng tay ôm anh trong bóng tối. Anh cũng ôm cô thật chặt, hai mắt nhắm nghiền, cảm nhận chút xoa dịu mà cô đang cố hết sức truyền tải.

Anh nhẹ nhàng buông tay rồi quẹt diêm. Ký ức vẫn in hằn trong tâm trí – tất cả bọn họ ngay lập tức quay sang phải. Hải cốt của Patrick Hockstetter vẫn còn đó, nằm giữa đồng bầy hầy trương phồng, rêu mốc từng là sách vở. Thứ duy nhất nguyên hình nguyên dạng là hàm răng bành ra với hai, ba chiếc răng có vết trám.

Gần đó có một vòng tròn lấp lánh, phải căng mắt ra mới nhìn được dưới ánh lửa dập dờn của que diêm.

Bill phẩy tắt que diêm rồi quẹt thêm một que mới. Nhặt món đồ lên, anh nói: “Nhẫn cưới của Audra.” Giọng anh trống rỗng và vô cảm.

Que diêm tắt ngóm trên tay anh. Giữa màn đêm, anh đeo chiếc nhẫn lên tay mình.

“Bill?” Richie ngẩn ngờ. “Cậu có biết

6

Trong cống ngầm/ 2 giờ 20 phút chiều

cả nhóm đã lang thang trong cống ngầm bên dưới Derry bao lâu kể từ lúc họ rời khỏi nơi phát hiện thi thể của Patrick Hockstetter, nhưng Bill dám chắc cậu không thể nào tìm được đường quay lại. Cậu cứ miên man nghĩ về đi đâu mà bố cậu từng nói: *Người ta có thể lạc hàng tuần dưới đó*. Nếu cảm nhận về phương hướng của Eddie mà chệch thì cả nhóm chẳng cần Nó xuống tay làm gì, họ sẽ lang thang cho đến chết... hoặc nếu họ chui sai ống, họ sẽ chết chìm như đàn chuột trong bể nước mưa.

Nhưng Eddie dường như không hề nao núng. Thi thoảng, cậu lại nhờ Bill quẹt một trong số que diêm ít ỏi còn sót lại, đoạn nhìn quanh thật lung r ồi tiếp tục tiến bước. Tưởng chừng cậu rẽ phải r ồi quẹo trái một cách đ ầy ngẫu hứng. Có lúc ống cống rộng đến độ Bill còn không thể chạm đến trần ống dù vươn tay hết cỡ. Có lúc họ phải l ồm c ồm bò, và có một l ần, trong suốt năm phút kinh hoàng (mà cứ ngỡ năm tiếng đ ồng hồ), họ trườn như giun, bụng áp vào thành ống, Eddie dẫn đường, các thành viên khác theo sát phía sau, mũi sát vào gót chân người đằng trước.

Điều duy nhất Bill dám chắc là họ đã tiến vào khu vực không còn được sử dụng trong hệ thống nước thải của Derry. Họ đã đi một quãng dài, khiến những ống cống còn hoạt động đầu nằm ở đằng sau hoặc cách xa trên đầu họ. Tiếng nước chảy ầm ầm giờ đã phai nhạt thành tiếng ầm ì xa xăm. Những ống cống này cũ hơn, không phải loại gốm nung lò mà làm bằng một vật liệu giống đất sét dễ vụn, thỉnh thoảng lại ứa ra dịch hôi n ồng nặc. Thứ mùi xú uế của phân người – choáng ngợp và gay gắt, thiếu đi ều khiến cả bọn ngạt thở ban nãy - đã phai đi, nhưng lại được thay thế bởi thứ mùi vàng úa, xưa cũ, tẻ hại bội phần.

Ben nghĩ đó là mùi của xác ướp. Eddie lại thấy giống y như mùi của gã hủi. Richie thậm nh ỉ mùi này chẳng khác nào mùi áo khoác flannel từ đời tám hoành, giờ đã mốc meo và rách nát – chiếc áo khoác của dân đồn gỗ, chiếc áo cỡ khổng, đủ to để một người như Paul Bunyan mặc vừa. Với Beverly, nó lại thoảng mùi ngăn đưng tất của bố. Thứ mùi này lại đánh thức trong Stan Uris ký ức khổng khiếp từ thuở nhỏ – ký ức kỳ cục đặc sệt chất Do Thái trong một cậu bé chỉ mơ hồ hiểu thế nào là làm người Do Thái. Nó có mùi đất sét trộn dầu, khiến cậu nghĩ đến quái vật không mắt, không miệng có tên là Golem, vốn được người Do Thái phản đạo tạo ra vào thời Trung Cổ để cứu mình khỏi đám *ngoại đạo* cướp của, hiếp đáp phụ nữ và đánh đuổi họ bỏ xứ ra đi. Mike nghĩ đến thứ mùi khô khốc của lông vũ trong cái tổ trống rỗng.

Loay hoay mãi cũng đến được cuối ống cống chật như nêm, họ trườn như lươn xuống mặt cong của một chiếc ống khác chạy xiên với ống mà họ vừa chui, và lần này họ đã có thể đứng thẳng. Bill sờ vào đầu diêm còn lại. Bốn que. Cậu nghiêng rằng, quyết định không thông báo với nhóm bạn rằng cả đám sắp sửa hết ngu ồn cung ánh sáng... còn có được chùng nào hay chùng đó.

“C-C-Các cậu s-s-sao r-r-ồi?”

Nghe tiếng họ lần bần đáp lại, cậu gật đầu trong bóng tối. Không ai bắt chước Stan hoảng loạn và khóc lóc. Tín hiệu tốt. Cậu lần mò chạm vào tay các bạn, cả nhóm cứ thế túm tụm đứng bên nhau giữa màn đêm mịt mùng, cảm nhận nhau để vừa cho đi vừa nhận lại. Giây phút ấy, Bill cảm nhận niềm hoan rở nét, một cảm giác chắc chắn rằng ở bên nhau, họ tạo ra ngu ồn sức mạnh lớn lao hơn bảy người bọn họ đứng riêng lẻ; rằng họ bổ khuyết vào một thể thống nhất, quyề uy hơn bội phần.

Cậu quẹt thêm một que diêm, cả bọn trông thấy đường hầm nhỏ hẹp chạy là xuống dốc. Trần ống dính đầy mạng nhện, nhiều mạng nhện đã bị rách toạc và lòng thông thành những đám bùng bùng. Nhìn chúng mà Bill rợn đến tận xương tủy. Sàn ống khô nhưng phủ lớp mốc meo dày cui, cùng lớp mùn đoán chùng là lá cây hoặc nấm... hoặc phân của thứ gì đó không tưởng nổi. Cách đó một đoạn, cậu trông thấy đồng xương và lổn nhổn bụi nhùi màu xanh. Có thể trước đây chúng từng là vải cotton bóng được dùng để may quần áo lao động. Bill đoán có lẽ một nhân viên Cục Nước thải hoặc Cục Nước bị lạc nên mới lòng vòng xuống đây và bị phát hiện...

Que diêm bập bùng. Cậu nghiêng đầu diêm xuống dưới để ánh sáng duy trì thêm chút nữa.

“C-C-Cậu có b-biết m-m-mình đang ở đ-đâu kh-không?” Cậu hỏi Eddie.

Eddie chỉ xuống một lỗ cống hơi cong vẹo. “Kênh Đào ở hướng này,” cậu đáp. “Chưa tới tám trăm mét nữa, trừ khi cống rẽ theo hướng khác. Tớ nghĩ

bọn mình đang ở dưới đĩ Dặm Trên. Nhưng Bill này...”

Que diêm bẻ xuống ngón tay Bill, buộc cậu phải vút xuống. Bóng tối lại bao trùm cả nhóm. Ai đó – Bill đoán là Beverly – vừa thở dài. Trước khi que diêm tắt hẳn, cậu trông thấy vẻ mặt Eddie đờm âu lo.

“S-S-Sao thế? C-Có ch-chuyện gì à?”

“Tớ thật sự có ý nói bọn mình đang ở dưới đĩ Dặm Trên đấy. Bọn mình chui xuống khá sâu rồi. Chẳng có ai xây ống nước thải sâu đến vậy. Khi cậu đặt đường ống ngầm sâu đến mức này, ta gọi nó là giếng mỏ.”

“Cậu ước lượng mình đang ở sâu chừng nào, Eddie?” Richie hỏi.

“Bốn trăm mét,” Eddie đáp. “Hoặc hơn.”

“Ồi lạy Chúa tôi,” Beverly thảng thốt.

“Mà đây cũng chẳng phải cống nước thải,” Stan cất tiếng từ đằng sau. “Ngửi mùi là biết. Mùi rất hôi nhưng không phải mùi hôi của nước cống.”

“Thà bắt tớ hít mùi nước cống còn hơn,” Ben nói. “Thứ mùi này giống như...”

Một tiếng thét vẳng xuống chỗ bọn họ, từ miệng ống cống mà cả nhóm vừa chui ra, tóc gáy Bill dựng đứng. Cả bảy người rúm ró bầu chặt lấy nhau.

”... sẽ bắt lũ khốn kiếp chúng mày. Bọn tao sẽ bắt chúng màyyyyyy...”

“Henry, Eddie thở hắt ra. “Ồi Chúa ơi, hắn vẫn đuổi theo bọn mình.”

“Chẳng hề bất ngờ,” Richie nhận xét. “Nhiều người ngu quá nên có biết điềm dừng đâu.”

Họ có thể nghe tiếng thở vẳng lại, tiếng giày loẹt quẹt và tiếng quần áo loẹt soạt.

**”... chúng màyyyyyy...”*

“Đ-Đ-Đi thôi,” Bill nói.

Họ bắt đầu hồi hả men theo ống cống, đi thành hàng hai người, ngoại trừ

Mike ở cuối: Bill đi với Eddie, Richie với Bev, Ben với Stan.

“C-Cậu nghĩ H-H-Henry c-cách bọn m-m-mình x-x-xa kh-không?”

“Tớ chịu thôi, Bill To Bự,” Eddie đáp. “Âm thanh vang quá.” Cậu hạ giọng. “Cậu có thấy đồng xương kia không?”

“C-C-Có,” Bill khẽ khọt đáp.

“Có thất lưng đeo dụng cụ trong đồng quần áo. Tớ nghĩ đó là nhân viên Cục Nước.”

“Ch-Chắc v-v-vậy.”

“Cậu nghĩ đã lâu chưa...”

“Tớ kh-kh-không b-b-biết.”

Eddie áp bàn tay còn lạnh lặn của mình nắm lấy tay Bill trong đêm tối.

Chừng mười lăm phút sau, họ nghe thấy tiếng thứ gì đó tiến đến giữa màn đêm.

Richie đứng sững lại như tượng. Bỗng dưng, cậu như biến thành đứa trẻ ba tuổi. Cậu lắng nghe chuyển động lép nhép, sột soạt – càng lúc càng gần thêm – kèm theo âm thanh lạo xạo tua tủa, và trước khi Bill kịp đánh diêm, cậu đã biết nó là gì.

“*Con mắt!*” Cậu thét lên. “*Chúa ơi, Con mắt Biết bò!*”

Trong thoáng chốc, những thành viên còn lại chưa biết mình đang nhìn thấy gì (Beverly còn tưởng bố đã tìm ra cô dù ở tít dưới lòng đất này, Eddie thì loáng thoáng trông thấy Patrick Hockstetter sống dậy từ cõi chết, bằng cách nào đó hắn đã vượt qua và giờ đang đứng trước mặt bọn họ), nhưng tiếng thét của Richie, sự đỉnh ninh của Richie đã cô đọng dáng hình trước mắt cả nhóm. Mọi người thấy hình ảnh Richie trông thấy.

Một con mắt khổng lồ lấp đầy đường cống ngầm, đèn tử đen nháy loang loáng như kính rọng chừng sáu mươi xen-ti-mét, mống mắt có màu nâu đỏ như

đất. Trong trắng lờ mờ, nhầy nhầy lớp màng, vẩn vện mạch máu đập thành thịch. Không mí mắt, không lông mi, thứ gợn ghê sệt ấy di chuyển trên những xúc tu bầy nhầy. Chúng dò dẫm bề mặt đầy đất cát của cống ngầm và lổn ngổn như những ngón tay, dưới ánh lửa lập lòe của que diêm trên tay Bill, con mắt dường như mọc ra những ngón tay lúc nhúc kéo Nó di chuyển.

Nó nhìn bọn họ với ánh mắt trống rỗng và thèm thuồng. Que diêm lại tắt.

Trong bóng tối, Bill cảm nhận được những xúc tu tua tủa vờn qua mắt cá, cẳng chân mình... nhưng cậu không sao cử động được. Toàn thân cậu cứng đờ. Cậu cảm nhận được Nó đang đến gần, cảm nhận được sức nóng tỏa ra từ Nó, nghe được nhịp đập ươn ướt của những mạch máu trên màng mắt Nó. Cậu tưởng tượng mình sẽ thấy dinh dính khi Nó chạm vào người mình nhưng vẫn không tài nào thét lên được. Ngay cả khi những xúc tu rần rật ấy trườn qua eo, móc vào con đĩa quần jean rồi kéo cậu về phía trước, cậu vẫn không thể nào hét lên hay chống cự. Cả người cậu cứ mục đi, mơ màng như chìm vào giấc ngủ.

Beverly cảm nhận một xúc tu móc quanh tai mình rồi bất thành linh siết chặt thông lọng. Cơn đau lóe lên, cô bị kéo tới trước, vừa quằn quại vừa rên oai oái như thể bị bà giáo già mất kiên nhẫn nhéo tai lôi ra sau lớp và bắt ngồi trên ghế đầu, đội mũ dành cho học sinh hư. Stan với Richie toan lùi ra sau, nhưng chưa gì rừng xúc tu đã ùng ùng đưa và thì thầm xung quanh họ. Ben quàng một tay quanh vai Beverly, cố kéo cô lại. Cô hoảng sợ chộp thật chặt lấy tay cậu.

“Ben... Ben, Nó bắt được tớ rồi...”

“Không. Nó không bắt đâu... Đợi đó... Tớ sẽ kéo...”

Cậu vận hết sức bình sinh kéo cô lại, Beverly thét lên khi cơn đau như cửa vào tai cô, máu bắt đầu ứa ra. Một xúc tu khô và cứng sượt qua áo Ben, dừng lại rồi siết vào vai cậu chặt đến phát đau.

Bill vung tay, vô tình chọc thẳng vào một thứ ươn ướt, vừa nhầy vừa dính.

Con mắt! Tâm trí cậu gào lên. *Ôi Chúa ơi, tay mình đâm vào con mắt đó rồi! Ôi Chúa ơi! Lay Chúa lòng lành! Con mắt ấy! Tay mình xuyên vào trong mắt rồi!*

Cậu cố gắng vật lộn, nhưng những xúc tu vẫn tiếp tục kéo cậu tới trước. Bàn tay cậu bị cái nóng ẩm ướt ngấu ngiến. Rồi cả tay cậu. Giờ thì cánh tay cậu xuyên thẳng vào Con mắt, sâu đến khuỷu tay. Chẳng mấy chốc, cả cơ thể cậu sẽ áp sát vào bề mặt dính nhớp nháp ấy, và cậu cảm thấy giây phút ấy, mình sẽ phát điên mất thôi. Cậu hoảng loạn giãy giụa, dùng tay còn lại quật lấy quật để xúc tu.

Eddie đứng ngây ra như đang chìm trong giấc mơ, tai loáng thoáng nghe thấy tiếng thét, tiếng quấy đạp khi bạn bè cậu đang dần bị con mắt lôi vào. Cậu cảm giác các xúc tu đang ở quanh mình nhưng chưa chạm vào cậu.

Chạy về nhà đi! Tâm trí cậu lớn tiếng ra lệnh. Chạy về với mẹ đi, Eddie! Mà tìm được đường mà!

Bill đang gào thét trong bóng tối – tiếng thét rít ré, tuyệt vọng, theo sau là một tràng lép nhép, soàn soạt.

Bao nhiêu tê liệt của Eddie như vỡ òa – Nó đang tìm cách bắt lấy Bill To Bự!

“Không!” Eddie gào lên – tiếng gào đầy dũng mãnh. Có lẽ chẳng ai tưởng nổi tiếng thét uy hùng như chiến binh lại có thể cất lên từ bộ ngực gầy nhom ấy, bộ ngực của Eddie Kaspbrak, *buồng phổi* của Eddie Kaspbrak, phải, cái buồng phổi bị hen suyễn nặng nhất đất Derry này. Cậu nhào người tới trước, nhảy lên những cái xúc tu nhùng nhúc mà chẳng buồn nhìn, cánh tay bị gãy đập bồm bộp vào ngực khi nó vung tới vung lui trong bó bột sưng nước. Lục lọi trong túi mình, cậu lôi ống thở ra.

(axít nó có vị như axít như axít như axít trong pin)

Tông đánh rầm vào lưng Bill Denbrough, cậu gạt phăng bạn mình sang một

bên. Có một tiếng nước rúng động ì oạp, theo sau là tiếng rên rỉ khe khẽ, Eddie không nghe bằng tai mà cảm nhận bằng tâm trí. Cậu giơ ống thở lên.

(axít đây là axít nếu mình muốn nên ăn mòn đi ăn mòn đi ăn mòn đi)

“AXIT TRONG PIN ĐÂY, MẸ KIẾP NHÀ MÀY!” Eddie hét lên và bật ống thở. Cùng lúc, cậu giơ chân thúc vào con mắt. Chân cậu thọc sâu vào phần giác mạc như thạch của Nó. Một thứ dịch nóng rẫy ứa lên chân cậu. Cậu rút chân ra, chỉ lờ mờ nhận thấy mình đã mất một bên giày.

“CÚT NGAY! BIẾN ĐI, SAM! CUỐN XÉO ĐI, JOSÉ! MẸ KIẾP! BIẾN NGAY CHO TAO!”

Cậu cảm thấy những xúc tu chạm vào mình nhưng có phần e dè. Cậu lại xịt ống thở phủ hết con mắt, và lại một lần nữa nghe thấy, cảm thấy tiếng rên rỉ kia... nhưng giờ nó có vẻ đau đớn, ngạc nhiên.

“Đánh Nó!” Eddie xa xả với cả nhóm. “Nó chỉ là một con mắt thôi! Đánh Nó! Các cậu nghe thấy không? Đánh Nó đi, Bill! Đá cho nó ra bã luôn đi! Ôi Chúa ơi, cái đám bún thiêu chết toi kia! THẰNG BỊ GÃY TAY NHƯ TỚ còn đang làm gỏi Nó đây này!”

Bill cảm thấy sức mạnh của mình như trở lại. Cậu giật phăng cánh tay đang tong tỏng nước của mình ra khỏi con mắt... rồi dõn sức vung thẳng nắm đấm vào Nó. Ngoảnh sang, cậu thấy Ben đứng ngay bên cạnh. Ben xộc thẳng vào con mắt, gằn gừ vừa ngạc nhiên vừa ghê tởm rồi tung nắm đấm túi bụi vào bề mặt như thạch đang run rẩy ấy. “Thả cô ấy ra!” Cậu gằn lên. “Nghe không hả? Thả cô ấy ra! Biến đi! Biến khỏi đây mau!”

“Bỏ bèn gì con mắt! Nó chỉ là một con mắt thôi!” Eddie điên cuồng gào lên. Xịt ống thở thêm lần nữa, cậu cảm nhận Nó rút lại. Những xúc tu ban nãy quăn vào người cậu giờ cũng buông lơi. “Richie! Richie! Nhào lên! Sợ quái gì con mắt!”

Richie loạng choạng tiến tới, trong thâm tâm không tài nào tin nổi mình thật

sự đang lại gần thứ quái vật khủng khiếp nhất, đáng sợ nhất trên đời. Nhưng sự thật là thế.

Cậu chỉ dám tung một cú đấm yếu ớt, và khi cảm nhận nắm tay mình nhúng vào con mắt – vừa dày vừa ướt và giòn giòn như sụn – cậu thiếu đi điều muốn nôn toàn bộ lòng mềera ngoài. Cậu ọc lên một tiếng, và nghĩ đến việc mình vừa ói lên con mắt, cậu lại xây xẩm nôn thêm lần nữa. Chỉ một cú đấm, nhưng có lẽ thế này là đủ, bởi vốn dĩ cậu chính là người đã tạo ra con quái vật này. Bỗng những cái xúc tu biến mất. Họ có thể nghe thấy Nó rút lui... và rồi những âm thanh duy nhất còn lại là tiếng Eddie thở hừng hực và tiếng Beverly khóc rưng rức, một tay bưng bên tai chảy máu.

Bill quẹt một trong ba que diêm còn lại, cả bọn nhìn nhau với vẻ mặt bàng hoàng, thẳng thốt. Cánh tay trái của Bill vẫn nhoè nhoét thứ dịch đặc sệt, xám xịt trông như lòng trắng trứng đã đông trộn với gỉ mũi. Máu từ từ rỉ xuống cổ của Beverly, mặt Ben bị rách một đường. Richie chậm rãi đẩy kính lên mũi.

“C-C-Các cậu ô-ô-ồn chứ?” Bill khàn khàn hỏi.

“Cậu thì sao, Bill?” Richie hỏi.

“Tớ ô-ô-ồn.” Cậu quay sang Eddie và trao cho cậu bạn nhỏ con cái ôm thật chặt. “Cậu đã c-c-cứu m-mạng tớ, bạn hiền.”

“Nó ăn một bên giày của cậu rồi kìa,” Beverly nói và ha hả cười. “Thế có chết không cơ chứ.”

“Tớ sẽ mua cho cậu một đôi Keds mới khi bọn mình ra khỏi đây,” Richie tuyên bố. Cậu vỗ lên lưng Eddie trong bóng tối. “Cậu làm sao mà hay vậy, Eddie?”

“Tớ dùng ống thở bắn nó. Giả vờ đây là axit. Mà hôm nào tớ không vui, xịt một lúc thì nó có vị như thế thật. Hiệu quả ghê.”

“THÀNG BỊ GẤY TAY NHƯ TỚ” còn đang làm gỏi Nó đây này.” Richie nhại lại và khúc khích cười. “Buồn cười phết, Eds ạ. Cậu sắp thành cây hài rồi

đấy.”

“Tớ ghét cậu gọi tớ là Eds lắm đấy nhé.”

“Tớ biết mà,” Richie nói và ôm chặt bạn mình, nhưng phải có ai đó làm cậu sáng mắt ra, Eds ạ. Khi cậu không còn được bảo bọc trong nhung lụa mà lăn lộn bươn chải. Ôi chao, ôi chao, cậu sẽ nhận ra đời không như là mơ, nhóc ạ!”

Eddie phá lên cười ha hả. “Giọng gì dở như hạch thế, Richie.”

“Chắc, cậu cứ giữ ống thở nhé.” Beverly lên tiếng. “Có khi mình sẽ lại cần đấy.”

“Cậu không thấy Nó nữa à?” Mike hỏi. “Lúc cậu bật diêm ấy?”

“N-N-Nó đ-đ-đi r-ồi,” Bill nói nhưng cũng u ám thêm. “Nhưng bọn mình đang tiến đến gần Nó. Tới h-hang ổ mà N-Nó tr-tr-trú ngụ. Tớ ngh-nghĩ l-l-ần đó b-bọn mình đ-đ-đã đả th-thương N-Nó.”

“Henry vẫn đang đuổi theo đấy.” Stan nói. Giọng cậu trầm và khô khốc. “Tớ có thể nghe thấy tiếng hắt từ xa.”

“Vây mình đi thôi,” Ben đề nghị.

Cả bọn lại lục tục đi. Đường cống ngấm xuôi dần xuống dốc, và thứ mùi ấy – thứ xú khí hoang dại âm ỉ – càng lúc càng nồng nặc. Thỉnh thoảng, họ nghe thấy tiếng Henry ở phía sau, nhưng giờ đây, tiếng thét của hắn sao thật xa xôi và chẳng còn quan trọng. Một cảm giác nhen nhóm trong lòng họ – giống y như cảm giác lạc lối và mất phương hướng như cái lần bước vào căn nhà trên đường Neibolt – rằng họ đang bước qua rìa của thế giới, bước vào hư không lạ kỳ. Bill cảm thấy (dù không biết diễn tả bằng lời như thế nào) rằng cả nhóm đang tiến đến trái tim đen tối và hồng nát của Derry.

Mike Hanlon dường như cảm nhận được nhịp đập hỗn loạn, bệnh hoạn của trái tim ấy. Beverly cảm thấy nguồn năng lực ma quỷ càng lúc càng mạnh xung quanh cô, chực chờ bao bọc lấy cô, cố tách cô ra khỏi mọi người, khiến cô chỉ còn một mình. Lo lắng, cô vươn tay ra hai bên và chộp lấy tay của Bill

và Ben. Sao mà sai tay của cô phải vươn xa đến thế, nó khiến cô nóng ruột la lên: “Nắm tay nhau đi mọi người! Hình như bọn mình đang dạt khỏi nhau đấy!”

Stan là người đầu tiên nhận ra mình đã có thể nhìn thấy trở lại. Trong không gian có thứ ánh sáng trăn đực, lạ kỳ. Ban đầu, cậu chỉ nhìn thấy tay – tay cậu, một bên nắm lấy tay Ben, bên còn lại nắm lấy tay Mike. Rồi cậu nhận ra mình có thể thấy nút áo thun dính bùn đất của Richie và chiếc nhẫn Đội trưởng Nửa đêm – quả khuyển mãi rẻ tiều trong hộp ngũ cốc - Eddie thích đeo trên ngón tay út.

“Các cậu có thấy đường không?” Stan hỏi rồi khựng lại. Cả nhóm cũng khựng lại theo. Bill đưa mắt nhìn quanh, đến lúc ấy, cậu mới ý thức được mình nhìn thấy – dù chỉ chút ít – và rằng đường cống ngầm đã mở rộng thành thang. Lúc này, họ đang đứng trong một gian phòng có mái vòm không thua kém gì đường hầm Sumner Boston. Thậm chí còn rộng hơn, cậu chữa lại khi nhìn quanh với vẻ hết sức trăn trờ.

Cả bọn ngẩn cổ nhìn trần nhà, cách họ ít nhất mười lăm mét, được chống đỡ bằng những trụ tường bằng đá cong cong trông như mạng sườn. Mạng nhện bần thỉu chẳng giữa các cây trụ. Sàn nhà được lát đá, nhưng đóng bên trên là một lớp đất cát từ ngày xưa ngày xưa khiến tiếng bước chân của họ không thay đổi. Hai bức tường uốn vòng để phải cách họ đến mười lăm mét.

“Nước dưới này vô tư chảy,” Richie nói và cười bối rối.

“Trông như thánh đường vậy,” Beverly khẽ khọt.

“Ánh sáng chiếu từ đâu nhỉ?” Ben thắc mắc.

“Hình nh–như t–từ mấy b–b–bức t–tường thì phải.” Bill lên tiếng.

“Tớ thấy khó chịu thế nào ấy,” Stan nhận xét.

“Đ–Đi thôi. HH-Henry dí s–s–sát tận c–c–cỗ bọn mình...”

Tiếng thét inh tai nhức óc xé toạc không gian âm u, và rồi tiếng vỗ cánh

phành phạch, nặng nề vang lên. Bỗng một cái bóng lao ra từ bóng tối, một mắt lóe lên- mắt còn lại đen thui như ngọn đèn cháy.

“Con chim!” Stan hét lên. “Coi chừng, con chim bỏ ra đấy!”

Nó lượn về phía họ như chiếc máy bay chiến đấu góms ghiếc, cái mỏ màu cam thô ráp mấp máy đóng mở, để lộ phần màu hồng trong miệng, trông như lớp đệm sa tanh của quan tài.

Nó nhào thẳng đến Eddie.

Mỏ của Nó rĩa vào vai, cậu cảm thấy cơn đau thấm đẫm vào da thịt mình như bị tạt axit. Máu tuôn xuống ngực. Cậu ré lên khi luồng khí từ đôi cánh đập phành phạch của Nó thổi làn hơi độc hại trong cống tốc lên mặt cậu. Nó bay vòng lại, mắt lóe lên đầy ác ý, long sông sọc trong hốc mắt, chỉ mờ đi khi màng nháy xuống trong thoáng chốc để bọc con mắt bằng một lớp mỏng như giấy. Móng vuốt của Nó nhắm tới Eddie lúc này vừa cuống cuồng né vừa la hét ồm ồm. Chúng quệt ngang khiến lưng áo cậu rách toạc, xé những đường đồ tươi khá nông trên xương vai. Eddie gào thét và cố bỏ đi nhưng con chim vẫn bay vòng lại.

Mike nhảy tới trước, thọc tay vào túi lấy ra con dao gấp hiệu Buck. Khi con chim nhào xuống Eddie lần nữa, cậu vung dao vọt một đường sắc bén xoẹt vào vuốt của con chim. Vết cắt sâu hoắm làm máu ồ ạt ộc ra. Con chim vọt lên rồi chao lượn xuống, hai cánh gấp lại, lao vù vù như viên đạn. Trong tích tắc, Mike vừa kịp lăn sang một bên, con dao chém thẳng lên trời. Cậu vung hệt, không may móng vuốt của con chim phạt trúng cổ tay mạnh đến độ cả tay cậu rần rần tê liệt – về sau vết bầm lan đến tận khuỷu tay. Con dao gấp bay vèo vào bóng tối.

Con chim vòng lại, kêu lên đặc thắng, Mike chỉ còn biết lăn người lên chắn cho Eddie và chuẩn bị tinh thần cho tình huống tệ nhất.

Stan bước đến chỗ hai người bạn đang co rúm trên sàn lúc con chim bay

đến. Cậu hiên ngang đứng đó, nhỏ nhắn, tinh tươm, dù đất cát bám đầy ở tay và quần áo, bất thành linh, cậu giơ tay ra thành một cử chỉ lạ lùng - lòng bàn tay ngửa lên, ngón tay chĩa xuống. Con chim thét lên một tiếng nữa rồi chệch đi, vượt qua người Stan, chỉ cách cậu chưa tới chục phân, thối tóc tai cậu dựng ngược trong tích tắc lúc bay ngang. Cậu xoay người theo hình vòng tròn, đổi mặt về hướng Nó bay đến.

“Tao tin chim Tanager đỏ có tồn tại dù tao chưa nhìn thấy nó lần nào,” cậu nói vang, giọng cao và rõ. Con chim rít lên rồi lùi lại như thể vừa trúng đạn cậu bắn. “Tao cũng tin vào chim kền kền, chim ác là New Guinea, chim hồng hạc của Brazil.” Con chim vừa kêu rít vừa bay vòng vòng rồi bất thành linh, vút thẳng lên trần hầm, kêu quang quác. “*Tao tin vào chim đại bàng đầu trắng lông vàng!*” Stan thét vang với theo. “*Tao còn tin đầu đó trên đời có cả phượng hoàng nữa kìa! Nhưng tao không tin mà có thật, nên cuốn xéo ngay khỏi đây cho tao! Biến ngay! Lượn đi!*”

Cậu dừng lại, bốn bề tĩnh lặng như tờ.

Bill, Ben cùng Beverly cùng tiến đến chỗ Mike và Eddie, mọi người giúp Eddie đứng dậy, Bill xem xét vết thương. “Kh-Không s-s-sâu lắm,” cậu nhận xét. “Nhưng ch-chắc đ-đ-đau như h-h-hoạn.”

“Nó làm áo tở rách tơi tả rồi Bill To Bự ời,” nước mắt đã rơi trên má Eddie, cậu hít thở khó nhọc. Tiếng thét trầm hùng ban nãy đã biến mất, thật khó tưởng tượng tiếng nói âm vang ấy đã cất lên từ cậu bé này. “Tớ biết nói với mẹ thế nào đây?”

Bill khẽ mỉm cười. “S-S-Sao cậu không l-lo mình làm th-thế nào để r-r-r-ra khỏi đây? Hít một h-hơi đi, E-Eddie.”

Eddie làm theo, hít vào thật sâu rồi khò khè thở.

“Tuyệt cú mèo đó,” Richie nói với Stan. “Đỉnh của chóp ấy chứ!”

Stan run như cây sậy. “Không có con chim nào như vậy cả, đơn giản là thế.”

Trước đây hay mai này cũng thế.”

“Bọn tao đến đây!” Henry hét lên từ đằng sau như kẻ loạn trí. Hắn vừa cười ha hả vừa gào rống, chẳng khác nào con quái vật chui lên từ lỗ nứt dẫn xuống Địa ngục. “Tao và Ợ Hoi! Bọn tao đang đến làm thịt tụi mày đây! Đừng hòng trốn thoát!”

“B-B-Biến đi, H-H-Henry!” Bill gào lên. “Tr-Tr-Trong lúc còn th-th-thời gian!”

Henry chỉ đáp lại bằng tiếng gào chẳng rõ nghĩa. Họ nghe thấy tiếng bước chân rầm rập và Bill chột ngộ ra toàn bộ vai trò của Henry: hắn có thật, hắn bằng xương bằng thịt và đừng hòng ngăn chặn hắn bằng ống thở hay cuốn sách về các loài chim. Ma thuật không có tác dụng với Henry, vì đầu óc hắn quá thui chột.

“Đ-Đ-Đi th-thôi. Bọn mình ph-phải đi tr-tr-trước h-h-hắn.”

Cả nhóm tiếp tục đi, nắm tay nhau, chiếc áo rách như tổ đĩa của Eddie lật phật sau lưng. Không gian càng lúc càng sáng, đường hầm càng lúc càng rộng. Hầm nghiêng xuống dốc và đồng thời, trần cao vọt vọt đến khuất tầm mắt. Dường như họ không còn đi trong đường cống ngầm mà đang bước trong sân chơi khổng lồ dưới lòng đất dẫn tới một tòa lâu đài xếp bằng đá nào đó. Ánh sáng phát ra từ các bức tường đã biến thành ngọn lửa màu vàng xanh lập lòe. Xú khí càng lúc càng mạnh, và họ bắt đầu cảm nhận được rung động chẳng rõ thực sự tồn tại hay chỉ đang nện trong tâm trí. Rung động đầu đặng, theo nhịp điệu.

Là tiếng tim đập.

“Hết đường rồi!” Beverly la lên. “Nhìn kia! Bức tường phẳng lì đằng kia!”

Lít nha lít nhít như đàn kiến con trên sàn nhà lát đá bẩn thỉu rộng mênh mông với mỗi khối đá to hơn cả công viên Bassey, họ tiến lại thì trông thấy bức tường không hoàn toàn phẳng lì. Nó có một cánh cửa nhỏ. Và dù bức

tường cao gần trăm mét, cánh cửa này nhỏ xíu. Nó chỉ cao vón vẹn chín mười phân, trông chẳng khác nào cánh cửa trong truyện cổ tích, làm bằng những tấm gỗ sồi cứng cáp với thanh sắt bắt chéo thành hình chữ X. Ngay lập tức, cả bọn nhận ra cánh cửa này chỉ dành riêng cho trẻ em.

Ben ma mị nghe văng vẳng trong tai mình tiếng cô thủ thư đọc truyện cho đám trẻ: *Ai đang bước qua cầu của ta đây?* Các cô bé cậu bé rướn người tới trước, bao con mắt lấp lánh say sưa hòa vào câu chuyện: Liệu con quỷ có bị đánh bại... hay Nó sẽ ăn thịt đàn dê?

Trên cửa có dấu gì đó, và ngay phía trước xếp một ụ xương. Toàn là những mẫu xương nhỏ. Có Chúa mới biết đó là hài cốt của biết bao đứa trẻ.

Bọn họ đã đến sào huyệt của Nó. Vậy dấu vết trên cửa có nghĩa là gì?



Bill mừng rỡ thấy đó là hình chiếc thuyền giấy.

Stan nhìn thấy một con chim cất cánh bay lên trời cao – chim phượng hoàng chẳng hạn.

Michael liên tưởng đến khuôn mặt kéo mũ che sùm sụp – ví dụ như mặt của gã điên Butch Bowers, nếu các nét hiện lên chi tiết hơn.

Richie nhìn ra đôi mắt đằng sau cặp kính.

Beverly hình dung bàn tay đang vung nắm đấm.

Eddie chắc chắn đó là khuôn mặt của gã hủi, với đôi mắt trũng sâu, cái

miệng nhe nanh đầy nếp nhăn – bao bệnh tật, ốm đau đều in hằn dấu vết trên mặt.

Ben Hanscom trông thấy đồng vải quấn tả tori và dường như ngửi thấy mùi hương liệu chua ngòm, lâu năm.

Chốc sau, Henry cũng một mình đến trước cánh cửa này với tiếng gào thét của Ợ Hori vang vọng trong tai, và trước mắt hắn hiện ra Mặt Trăng tròn vành vạnh... đen đúa.

“Tớ sợ quá, Bill ơi,” Ben run rẩy lên tiếng. “Bọn mình phải vào ư?”

Bill rón rén đưa chân về phía đồng xương rồi bất thành linh hất chúng văng tung tóe. Cậu cũng sợ... nhưng nghĩ đến George là cậu không đành lòng. Nó đã giết đứt cánh tay của em trai cậu. Những mẫu xương nhỏ bé, mỏng manh ấy có nằm trong đây không nhỉ? Có chứ, tất nhiên là có rồi.

Bọn họ thân chinh đến đây vì chủ nhân những mẫu xương này, vì George và tất cả những nạn nhân khác - những đứa trẻ đã bị bắt xuống, những đứa trẻ có thể đã bị bắt xuống, và những đứa trẻ bị vứt bỏ đến thối rữa ở chỗ khác.

“Bọn mình phải làm,” Bill khẳng định.

“Nếu nó bị khóa thì sao?” Beverly khẽ khọt hỏi.

“Kh-Không bị kh-khóa đâu,” Bill đáp rồi nói với cô đi đầu mà cậu biết từ tận đáy lòng. “Nh-Những nơi thế này kh-không bao giờ bị kh-kh-khóa.”

Dè dặt áp những ngón tay phải lên cửa, cậu đẩy. Cửa mở toang, tràn trề thứ ánh sáng xanh xao vàng vọt. Thứ mùi xú khí nọ phả vào họ, nồng nặc và ngột thở đến không tưởng.

Lần lượt từng người trong nhóm bước qua cánh cửa cổ tích kia, dẫn thân vào hang ổ của Nó. Bill

khựng lại khiến cả nhóm đổ d ãn lên nhau như các toa tàu chở hàng khi động cơ dừng đột ngột. “Sao thế?” Ben hỏi.

“C-c-Con m-mắt x-x-xuất hiện ở đ-đây. Các c-cậu nh-nhớ kh-kh-không?”

“Tớ nhớ,” Richie đáp. “Eddie đã dùng ống thở để chặn đường Nó bằng cách giả vờ đẩy là axit. Cậu ấy còn nói cái gì mà làm gỏi làm bún thì phải. Bu ãn cười ra phết nhưng tớ không nhớ chính xác.”

“Kh-Kh-Không qu-qu-quan trọng. Bọn mình sẽ không th-thấy những gì đ-đ-đã t-từng thấy,” Bill nói. Anh quẹt một que diêm r ẫ nhìn mọi người. Mặt ai nấy đ ãu lung linh dưới ánh lửa, ma mị và có gì đó bí ẫn. Trông họ như trẻ lại. “C-C-Các cậu th-thấy thế nào?”

“Bọn tớ ẫn, Bill To Bự,” Eddie đáp nhưng mặt méo xệch vì đau. Nẹp mà Bill chế không ẫn thua nữa. “Cậu thì sao?”

“T-T-Tớ ẫn,” Bill nói r ẫ dập tắt que diêm trước khi khuôn mặt phản chủ của anh nói lên đ ãu khác.

“Sao lại có thế?” Beverly hỏi và chạm vào tay anh trong bóng tối. “Bill ơi, làm thế nào mà vợ cậu...”

“V-V-Vì tớ c-có nhắc đến t-tên thị trấn. C-Cô ấy đ-đ-đuổi th-theo t-t-tớ. Kh-Khi tớ d-d-dấn thân v-vào v-vụ này, l-l-linh tính m-ma-mách tớ ph-phải gi-gi-giữ b-bí mật. Nh-Nhưng tớ l-l-lại ch-ch-chủ qu-quan.” Anh lắc đ ãu bất lực giữa màn đêm. “Nhưng d-dù cho c-cô ấy c-có đến D-D-Derry đ-đi chẳng nữa, tớ cũng kh-kh-không h-hiểu t-t-tại sao cô ấy l-lại x-xuất hiện d-d-dưới n-na-này. Nếu kh kh-không ph-phải H-H-Henry thì là a-ai k-kia chứ?”

“Là Nó,” Ben đáp. “Nó chẳng c ãn phải dọa cô ấy nữa kìa. Nó chỉ c ãn xuất hiện và bảo cậu đang gặp rắc rối là đủ. Nó bắt cô ấy đến đây để... để cậu bị phân tâm, tớ đoán vậy. Để bọn mình nhứt chí. Vì cậu luôn là ngọn đèn hải đăng của bọn tớ, Bill To Bự ạ.”

“Hay là Tom?” Beverly thẳng thốt tr ẫn mặc.

“A-A-Ai kia?” Bill đốt thêm một que diêm.

Cô nhìn anh với vẻ mặt khốn khổ, không chút dối trá. “Tom. Chồng tớ. Anh ta cũng biết. Vì hình như tớ có nhắc đến tên thị trấn với anh ta thì phải, giống như cậu kể với Audra. Tớ... Tớ không biết có phải vậy không. Lúc đó, chồng tớ đang nổi điên với tớ.”

“Chúa ơi, cái gì đây, phim truyền hình dài tập mà chẳng sớm thì muộn ai này đâu đang đàn à?” Richie cảm thán.

“Không phải phim truyền hình,” Bill nói đầy xót xa, “mà là một màn trình diễn. Như buổi diễn xiếc. Bev thì kết hôn với một Henry Bowers. Khi cô ấy bỏ đi, hẳn không mò đến đây cũng lạ. Suy cho cùng, Henry thật đã đến đấy thôi.”

“Không,” Beverly nói. “Tớ không cưới Henry. Tớ cưới bố tớ.”

“Nếu hẳn đánh đập cậu thì có khác gì nhau đâu?” Edie hỏi. “Đ-Đ-Đứng quanh tớ nào,” Bill giục. “V-V-Vào thôi.”

Đoạn cả nhóm bước vào. Bill giang hai tay, một tay nắm lấy bàn tay lạnh lẽo của Eddie, tay kia nắm tay Richie. Và rồi họ quây thành vòng tròn như xưa, lúc quân số đông hơn bây giờ. Eddie cảm thấy có ai đó đặt tay lên vai mình. Cảm giác ấy ấm áp, dễ chịu và quen thuộc xiết bao.

Bill cảm thấy dâng trào trong mình sức mạnh như năm xưa, nhưng anh đau lòng hiểu bao đi đâu đã đổi thay. Sức mạnh bây giờ chỉ bằng một góc ngày ấy - nó lay lắt, lập lờ như ngọn nến trước gió. Bóng tối như dày hơn, gần hơn, thượng phong hơn. Anh có thể ngửi thấy mùi của Nó. Anh thầm nghĩ, *Đi xuống con đường này một đoạn không xa có cánh cửa đánh dấu đằng trước. Đằng sau cánh cửa ấy là gì ý nhỉ? Đó là điều mà đến giờ mình vẫn chưa nhớ ra. Mình nhớ mình đã phải gồng mười ngón tay lên vì chúng chực run bần bật, và mình nhớ mình đã đẩy cửa mở. Mình thậm chí còn nhớ ánh sáng như lũ ào ạt trào ra, sống động tựa sinh vật sống, tựa hồ chẳng phải ánh sáng đơn thuần mà là những con rắn huỳnh quang. Mình nhớ thứ xú khí tựa mùi chuồng khỉ*

trong vườn thú rộng lớn, có điều hơi thôi bại phen. Sau đó... chẳng còn ký ức nào...

“Các c-c-cậu c-c-c-có a-ai nh-nh-nhớ h-h-hình h-h-hài thực sự c-của Nó không?”

“Tớ không.” Eddie đáp.

“Tớ thì...” Richie lên tiếng, song Bill gần như cảm nhận được bạn mình vừa lắc đầu trong bóng đêm. “Không.”

“Tớ không,” Beverly nói.

“Chịu,” Ben gọn lỏn. “Đó là đi đâu tớ vẫn chưa tài nào nhớ ra. Hình hài thực sự của Nó là gì... hay bọn mình đã đánh bại Nó bằng cách nào.”

“Chüü,” Beverly nói. “Đó là cách bọn mình đã đánh bại Nó. Nhưng tớ không nhớ nó có nghĩa là gì.”

“Nương tựa vào t-tớ nhé,” Bill đề nghị, “và t-tớ cũng s-s-sẽ n-nương tựa vào c-c-các cậu.”

“Bill,” Ben chợt lên tiếng. Giọng anh vô cùng bình tĩnh. “Có thứ gì đó đang đến.”

Bill lắng nghe. Anh nghe thấy tiếng bước chân kéo lê, loạng choạng tiến lại trong bóng tối... và anh thấy sợ.

“A-A-Audra?” Anh cất tiếng... dù trong lòng biết chẳng phải là cô.

Thứ đó càng lúc càng đến gần bọn họ.

Bill quẹt diêm.

8

Derry/ 5 giờ sáng

Điều sai lệch đầu tiên xảy ra vào cái ngày cuối xuân định mệnh năm 1985 trước thời khắc bình minh chính thức đúng hai phút. Để hiểu nó sai lệch đến

nhường nào, ta phải biết hai đi đầu mà Mike Hanlon khắc cốt ghi tâm (lúc này, khi mặt trời lên, anh vẫn đang bất tỉnh nhân sự trong Bệnh viện Derry), cả hai đi đầu liên quan đến Nhà thờ Baptist Ấn điển, nằm ở góc đường Witcham và đường Jackson từ năm 1897. Chóp nhà thờ hình nón có màu trắng mỏng nhỏ nhắn, vốn là hình tượng đỉnh cao của tháp chuông trong tất cả các nhà thờ Tin Lành ở New England. Bốn mặt tháp chuông đều gắn đồng hồ, và bản thân chiếc đồng hồ này được chế tạo và vận chuyển từ Thụy Sĩ đến vào năm 1898. Chiếc đồng hồ duy nhất tương tự công trình này tọa lạc ở quảng trường thị trấn Làng Haven cách đó hơn sáu mươi ki-lô-mét.

Stephen Bowie, vốn là một ông trùm buôn gỗ sống trên phố Tây Broadway, đã tặng chiếc đồng hồ này cho thị trấn với chi phí bỏ ra đầu đấy t ầm 17.000 đô-la. Số tiền ấy chẳng là gì với Bowie. Ông mộ đạo, rất siêng đi nhà thờ và là chấp sự suốt bốn mươi năm (về cuối khoảng thời gian này, có vài năm ông còn đảm nhiệm vai trò chủ tịch Binh đoàn Lễ nghi Da trắng của Derry). Ngoài ra, ông còn được biết đến với những bài thuyết pháp sùng kính vào Ngày của Mẹ, mà ông luôn kính cẩn gọi là Chủ nhật của Hi ền mẫu.

Cho đến ngày 31 tháng 5 năm 1985, kể từ lúc lắp đặt, cứ cách một tiếng và nửa tiếng là đồng hồ luôn c ần mẫn ngân vang - với một ngoại lệ duy nhất. Vào ngày xảy ra vụ nổ ở Xưởng đúc Kitchener, đồng hồ không đánh vào giữa trưa. Người dân trong vùng cho rằng Đức Cha Jollyn đã không để đồng hồ ngân lên nhằm thể hiện sự thương tiếc những đứa trẻ xấu số, và Đức Cha Jollyn cũng chẳng lên tiếng phản đối đi đầu này, dù sự thật vốn không phải thế. Chỉ đơn giản là đồng hồ không ngân lên, vậy thôi.

Và đồng hồ cũng im bất vào lúc 5 giờ sáng ngày 31 tháng 5 năm 1985.

Thời khắc ấy, trên toàn Derry, các cụ ông cụ bà bỗng mở mắt, nhòe d ậy, lòng như lửa đốt dù chẳng biết lý do là gì. Thuốc uống đủ, răng giả đeo vào, tẩu thuốc và xì gà châm lên.

Những ông bà cụ ấy nâng cao cảnh giác.

Một trong số đó là ông cụ Norbert Keene lúc này đã hơn chín mươi tuổi. Ông tập tễnh bước đến cửa sổ, ngược nhìn bầu trời đang dần tối đen. Dự báo thời tiết đêm qua nói hôm nay trời trong, nhưng xương khớp của ông bảo trời sắp đổ mưa, mưa thối đất thối cát. Sâu trong lòng mình, ông thấy sợ, bằng cách kỳ dị nào đó, ông thấy bị đe dọa, tựa hồ một thứ chất độc đang không ngừng chảy về tim ông. Ông băng quờ nhớ lại cái ngày Băng đảng Bradley vô tư chạy xe vào Derry, vào thẳng tầm ngắm của 75 khẩu súng lục và súng trường. Sự vụ ấy khiến lòng người cảm thấy ấm áp và lười biếng, như thể mọi thứ đều... đều đã *được xác nhận*. Ông không biết mô tả thế nào cho phải, ngay cả với bản thân mình. Sự vụ như thế khiến người ta cảm thấy khéo có khi mình sẽ sống muôn đời, mà Norbert Keene cũng suýt soát làm được vậy còn gì. Đến 24 tháng 6 này, ông thọ chín mươi sáu tuổi, thế mà ông vẫn phăm phăm đi bộ gần năm ki-lô-mét mỗi ngày. Nhưng giờ, ông thấy sợ.

“Đám trẻ ấy,” vừa nhìn ra ngoài cửa sổ, ông vừa cất tiếng trong vô thức. “Đám trẻ chết tiệt ấy bị cái gì vậy? Lần này chúng lại làm trò gì đây?”

Egbert Thoroughgood, chín mươi chín tuổi, ngày xưa từng có mặt ở Đồng bạc vào lúc Claude Heroux xách rìu đến diễn tấu bài nhạc đưa đám cho bốn người đàn ông tại đó, cũng thức dậy vào khoảnh khắc ấy. Ông ngẩng dậy, ú ớ gào lên khản đặc mà chẳng ai nghe thấy. Ông cụ nằm mơ thấy Claude, có đi đâu trong mơ, hắt đuổi theo ông, và khi rìu chém xuống, giây sau, Thoroughgood nhìn thấy bàn tay bị chặt đứt giật giật và cong queo trên quây rượi.

Không lành rồi, ông nghĩ dù đầu óc phần nào lú lẫn, cả người run bần bật vì sợ trong chiếc quần ố vì nước tiểu. *Đại hung ập xuống rồi*.

Dave Gardener, người đã phát hiện thi thể nát như tượng của George Denbrough vào tháng 10 năm 1957, và con trai của ông là người đã phát hiện nạn nhân đầu tiên của chu kỳ mới vào đầu xuân năm nay, mở mắt vào đúng 5

giờ và thần nghĩ, thậm chí khi chưa nhìn đồng hồ trên tủ: *Đồng hồ Nhà thờ Ân Điển không giống chuông báo giờ... Có chuyện gì nhỉ?* Ông cảm thấy nỗi sợ hãi không rõ hình xăm lẫn mình. Bao năm qua, Dave phất lên như diều gặp gió, vào năm 1965, ông mua lại cửa tiệm Thuyền giày, giờ đã có cửa tiệm Thuyền giày thứ hai trong Trung tâm thương mại Derry và tiệm thứ ba ở Bangor. Chợt tất cả mọi thứ – những thứ ông đã lao tâm khổ tứ cả đời gây dựng - chực bên bờ sụp đổ. *Do thứ gì kia chứ?* Ông rít lên với bản thân trong lúc nhìn sang vợ vẫn đang say sưa ngủ. *Do thứ gì? Đồng hồ không đánh chuông thôi mà, việc gì mà mày phải như đĩa phải vôi thế?* Nhưng không có câu trả lời nào cả.

Ông đứng dậy, đi đến cửa sổ, kéo dài quần ngủ chặt hơn. Bầu trời vẫn vũ những đám mây đua nhau kéo đến từ hướng Tây, lòng ông càng thêm nhấp nhồm. Đã bao lâu rồi, ông mới bắt gặp lại những tiếng thét gào của hai mươi bảy năm về trước, tiếng thất thanh đã khiến ông chạy ra ngoài hiên và nhìn thấy hình hài quái quai trong chiếc áo mưa vàng. Nhìn những đám mây đen ùn ùn kéo đến, ông thẩn nhẩn: *Ta lâm nguy rồi. Tất cả mọi nơi trên Derry lâm nguy rồi.*

Cảnh sát trưởng Andrew Rademacher, một mực định ninh mình đã cố gắng hết sức để phá chuỗi án mạng liên quan đến trẻ em mới hoành hành Derry gần đây, đứng trên hiên nhà, tay móc vào thắt lưng Sam Browne, ngược mặt nhìn mây và cũng thấy lòng không yên. *Sắp sửa có biến cố xảy ra. Chắc lát nữa sẽ mưa lớn đất cho xem. Nhưng không chỉ có thế.* Ông rùng mình... và trong lúc ông cứ thế trầm ngâm đứng trên hiên, mùi thịt xông khói vợ ông nấu thoang thoảng bay ra từ cửa, những giọt mưa đầu tiên to bằng đồng xu rào rào rơi xuống khiến vỉa hè ngay trước căn nhà xinh xắn trên phố Reynolds của ông xỉn màu, và đầu đó xa xa đằng chân trời từ phía công viên Bassey, sấm động âm ỉ.

Rademacher chỉ biết rùng mình.

9

George/ 5 giờ 1 phút sáng

Bill giờ que diêm lên... để rồi thét lên một tiếng thất thanh, run rẩy thật dài.

George đang loạng choạng bước đi trong đường cống, tiến về phía anh, George vẫn khoác trên mình chiếc áo mưa vàng bê bết máu. Một bên ống tay áo phất phơ, vô dụng. Khuôn mặt của George trắng bệch, đôi mắt long lên màu bạc. Cặp mắt ấy dán chặt vào Bill.

“Thuyền của em!” Giọng nói xa xăm của Georgie cất lên, ngân vang trong đường hầm. *“Em tìm không ra, anh Bill, em đã tìm khắp nơi nhưng vẫn không thấy, giờ thì em chết rồi, anh vừa lòng chưa, là tại anh tại anh TẠI ANH...”*

“G-G-Georgie!” Bill ré lên. Anh cảm thấy tâm trí mình như chực sụp đổ, giật phăng khỏi mỏ neo.

George lão đảo, ngả nghiêng tiến lại, giờ cánh tay còn lạnh lặn về phía Bill, bàn tay trắng bợt khoằm lại thành móng vuốt. Móng tay cậu bé dơ dáy và nhọn hoắt.

“Tại anh,” George thẫn thờ và toét miệng cười. Hàm răng của cậu toàn là răng nanh; chúng mở ra đóng lại từ từ như răng cưa trên bẫy thú. *“Anh bảo em ra ngoài chơi... tất cả... là tại anh.”*

“Kh-Kh-Không, G-G-Georgie!” Bill thét lên. “Anh kh-kh-không b-b-b-biết...”

“Em giết anh!” George gào lên, chuỗi gào rống như tiếng tru phát ra từ cái miệng lởm chởm năng ranh: rít ré, tru tréo, hú hét. Hăng hắc tiếng cười. Bill có thể ngửi thấy mùi của em trai mình, ngửi thấy mùi George đang dần thối rữa. Đó là thứ mùi của tầng hầm, ẩm ướt, thứ mùi của con quái vật đang nấp với đôi mắt vàng quắc lên trong góc, chực chờ móc ruột gan của đứa trẻ xấu số.

Hàm răng của George nghiền vào nhau. Âm thanh vang lên như tiếng những quả bóng bi da va đập lạnh canh. Thứ dịch vàng khè chảy ra từ mắt cậu bé, nhều xuống mặt... đến lúc đó, que diêm phụt tắt.

Bill cảm thấy bạn bè mình đang biến mất – họ bỏ của chạy lấy người, đại gì mà không thoát thân kia chứ, họ để anh lại một mình. Họ bỏ rơi anh, như bố mẹ anh bỏ rơi anh, vì George nói đúng: tất cả là lỗi của anh. Chốc nữa thôi, anh sẽ cảm thấy bàn tay kia siết lấy họng mình, cảm thấy hàm răng nanh kia cắn nát người anh, và thế thì đáng lắm. Gieo gió ắt gặt bão. Anh đã gián tiếp đẩy em mình vào chỗ chết, và rồi anh dùng cả đời mình để viết về nỗi kinh hoàng của hành động phản bội ấy - ồ phải, anh đã khoác bao mặt nạ lên nó, chẳng thua kém gì vô vàn khuôn mặt mà Nó đã biến hình để dễ bề lộng hành, nhưng tận cùng tất cả, con quái vật chính là George, chính là cậu em trai đã ra ngoài chơi khi lũ rút với con thuyền giấy bọc sáp trên tay. Và giờ đã đến lúc anh chuộc tội.

“Anh là kẻ đáng chết, tại anh mà em mất mạng,” George thàn thì. Cậu bé đã tiến đến rất gần. Bill nhắm mắt.

Chợt ánh đèn màu vàng lóe lên trong cống ngầm khiến anh hé mắt. Richie đang cầm một que diêm. “Chiến đấu đi, Bill!” Richie hét lên. “Vì Chúa! Chống lại Nó đi!”

Các cậu đang làm gì ở đây vậy? Anh nhìn các bạn đầy ngạc nhiên. Hóa ra họ không chạy trốn. Sao có thể chứ? Tại sao họ vẫn ở đây sau khi chứng kiến anh đã giết hại em trai mình tàn độc như thế nào?

“Chiến đấu đi!” Beverly gào lên. “Ôi Bill ơi, chống lại Nó đi! Chỉ cậu mới hạ được thứ này mà thôi! Xin cậu...”

Lúc này, George cách anh chưa tới một mét rưỡi. Bất thành linh, cậu chìa thẳng một ngón tay về phía Bill. Ngón tay tua tủa nấm trắng. Bill thất thanh gào lên.

“Giết Nó, Bill!” Eddie hét vang. “Đó không phải em cậu! Giết Nó đi khi Nó còn nhỏ! *Giết Nó NGAY ĐI!*”

George liếc sang Eddie, cặp mắt sáng quắc màu bạc long lên trong một khắc, Eddie lùi lại, đập vào tường như thể bị đẩy. Bill đứng ngậy ra như phỗng, nhìn em trai mình tiến lại, nhìn George sau ng ần ấy năm, cuối cùng là George, khởi đầu cũng là George, ô kia, anh có thể nghe thấy tiếng áo mưa vàng của em trai anh cọ loạt soạt khi George càng lúc càng sát gần, anh còn nghe thấy tiếng lanh canh của khoá kéo trên đôi ủng, ngửi thấy mùi như mùi cỏ ướt, tựa hồ cơ thể bên dưới chiếc áo mưa kia làm bằng lá cây, tựa hồ đôi chân bên trong cặp ủng kia ng ần ngọn lá, phải, em trai anh là người đắp bằng lá, đúng rồi, đó là George đấy, mặt em trai anh thối rữa, trương ph ồng như quả bóng, thân thể thì làm bằng lá mục, thứ lá thỉnh thoảng gây ngứa cổng sau trận lũ lớn.

Anh mơ hồ nghe thấy tiếng Beverly ré lên.

(anh đấm tay)

“Bill, xin cậu, Bill ơi...”

(vào cột nhà, la oai oái)

“Mình cùng nhau đi tìm chiếc thuyền cho em nhé,” George lãnh lớt. Thứ dịch vàng khè, đặc sệt, những giọt nước mắt giả dối, chảy xuống má cậu. Cậu vươn tay về phía Bill, đầu nghiêng sang một bên, miệng nhe hàm răng bén ngót.

(rằng mình gặp ma rằng mình gặp ma RẰNG MÌNH)

“R ồi mình sẽ tìm ra,” George nói, và Bill có thể ngửi thấy mùi của Nó, thứ mùi chẳng khác nào xác thú bị cán nát bấy nằm trên đường cao tốc vào giữa đêm. Và khi miệng của George há ra, anh có thể trông thấy bên trong nhưng nhúc thứ gì đó. “Nó vẫn ở dưới đây, dưới đây thứ gì cũng lơ lửng, mình sẽ lơ lửng, Bill ơi, chúng ta sẽ lơ lửng...”

Bàn tay trương phình như bụng cá của George chạm vào cổ Bill.

(MÌNH GẶP MA BỌN MÌNH GẶP MA CHÚNG BỌN MÌNH GẶP MA...)

Khuôn mặt méo mó dị dạng của George tiến sát đến cổ anh.

”... *lơ lửng*...”

“*Anh đâm tay vào cột nhà!*” Bill gào lên. Giọng nói vang lên trầm trầm, chẳng còn là giọng của anh nữa, và khi ký ức vùn vụt lướt qua như điên dại, Richie nhớ ra Bill chỉ cà lăm khi nói giọng của bản thân: nếu Bill giả vờ là người khác, cậu *không bao giờ vấp*.

Con quái vật trong bộ dạng George kia rít lên, giờ tay ngang mặt như muốn chắn thứ gì đó.

“Đúng r ấ!” Richie hét như điên dại. “Cậu tấn công Nó r ấ kìa, Bill ơi! Tiến lên! Hạ Nó! Hạ Nó!”

“*Anh đâm tay vào cột nhà, la oai oái rằng mình gặp ma!*” Bill hô vang. Anh tiến lại con quái vật giả dạng George. “Mày không phải hồn ma em tao! *George* biết tao không cố tình khiến em ấy phải chết! Bố mẹ tao đã sai! Họ trút giận lên người tao, hành động đó là sai trái! Mày nghe chưa?”

Đột nhiên con quái vật quay phắt lại, ré lên như chuột. Cả người Nó dường như chảy và rung lên thành từng đợt bên dưới chiếc áo mưa màu vàng. Bản thân áo mưa cũng nhều xuống, chảy thành những vết màu vàng tươi rói. Nó đang mất đi hình dạng, không còn giữ được vẻ ngoài của mình nữa.

“*Anh đâm tay vào cột nhà, đồ khốn kiếp!*” Bill Denbrough gầm lên, “*la oai oái rằng mình gặp ma!*” Anh nhảy bổ vào Nó, tay vọc vào chiếc áo mưa vàng chẳng còn nguyên dạng. Song thứ anh chộp được lại âm ẩm, m ền m ền kỳ dị vô cùng, ngay khi anh nắm tay lại, chúng tan chảy dưới ngón tay anh. Anh ngã quỵ gối. Richie la lên khi lửa của que diêm bén vào tay, và họ lại bị tổng vào màn đêm mịt mù.

Bill cảm thấy thứ gì đó trào dâng trong ngực mình, nóng r ầy, nghẹn ngào, đau đón tựa gai t ần ma. Anh co ro kéo đầu gối lên sát cằm, hy vọng cơn đau

sẽ chấm dứt hoặc dịu đi, anh thậm cảm thấy biết ơn vì bốn bề tối tăm, anh mừng vì mọi người không thấy anh đang quần quai trong đau đớn.

Anh nghe thấy cất lên từ miệng mình tiếng rên run rẩy. Rồi thêm một tiếng, một tiếng nữa. “George!” Anh khóc. “George, anh xin lỗi! Anh không hề nghĩ sẽ có chuyện x-x-xấu x-x-xảy ra!”

Anh chỉ nói đến vậy, còn bao lời khác nghẹn lại bên trong. Nước mắt cứ thế tuôn rơi, anh áp lưng nằm trên đất, đưa một cánh tay che mắt, nhớ về con thuyền, nhớ về tiếng mưa rơi lộp độp, lộp độp đập vào cửa sổ phòng ngủ, nhớ về đồng thuốc cảm và giấy xì mũi trên chiếc bàn đầu giường, nhớ về cả người và đầu mình ong ong vì sốt, nhớ về George, phải, nhớ nhất là George, nhớ đến quay quắt, nhớ George trong chiếc áo mưa trùm đầu màu vàng.

“George ơi, anh xin lỗi!” Anh gào thét trong làn nước mắt. “Anh xin lỗi, anh xin lỗi, anh th-th-thành thật x-x-XIN LỖI...”

Và rồi mọi người đến bên cạnh anh, những người bạn chí cốt ấy, không ai thấp diêm, đoạn ai đó ôm anh, anh chẳng rõ là ai, có thể là Beverly, Ben hoặc Richie cũng nên. Mọi người đang ở bên anh, và những phút giây ngắn ngủi ấy, chẳng hiểu sao màn đêm lại dịu dàng đến thế.

10

Derry/ 5 giờ 30 phút sáng

Đến 5 giờ 30, mưa như trút nước. Phát thanh viên dự báo thời tiết của nhà đài Bangor tỏ ra khá ngạc nhiên và cũng gửi lời xin lỗi tới những ai đã lên lịch dã ngoại hoặc đi chơi sau khi tham khảo dự báo ngày hôm qua. *Vận đen, thừa quý vị thỉnh thoảng một số hình thái thời tiết kỳ cục lại xuất hiện ở thung lũng Penoscob mà không hề báo trước.*

Trên đài phát thanh WZON, nhà khí tượng học Jim Witt mô tả hiện tượng này là vùng áp thấp “vô cùng trật tự”. Nói thế chưa lột tả hết hiện trạng. Thời

tiết chuyển từ có mây ở Bangor sang lát phất Hampden, mưa bụi ở Haven, rồi mưa rào rích ở Newport. Tuy nhiên, ở Derry, chỉ cách trung tâm Bangor gần năm ki-lô-mét, mưa xối xả ráo riết. Các tài xế trên Làn số 7 di chuyển qua nước ngập, có vài chỗ sâu đến hai mươi phân, và phía bên kia Nông trại Rhulin, cống ở khu vực trũng không tháo nước kịp, khiến cả cao tốc bị ngập đến độ không thể lưu thông. Đến 6 giờ sáng, Đội Tuần tra Cao tốc Derry buộc phải trưng bảng màu cam để ĐI ĐƯỜNG VÒNG hai bên chỗ trũng.

Những người trú mưa bên dưới mái che trên đường Chính, đợi chuyển xe buýt đầu tiên trong ngày đưa họ đến sở nhìn qua rào chắn Kênh Đào, nơi nước đang ào ào dâng lên dưới con kênh bê tông. Song ai nấy đều đồng tình rằng sẽ không có lụt lội xảy ra. Nước vẫn cách vị trí đánh dấu mức nước đỉnh điểm của năm 1977 những một mét hai, và năm ấy cũng không xảy ra lụt lội. Nhưng mưa vẫn không ngừng trút xuống, sấm cứ thế đi đùng trong những đám mây đen kịt nặng trĩu giăng trên bầu trời. Nước ào ào chảy xuống đống Dăm Trên thành suối, ầm ầm trong cống xả lũ và cống thoát nước.

Mọi người cho rằng lũ lụt sẽ không xảy ra, song về mặt họ đều vẫn chút e dè.

5 giờ 45 phút, một máy biến áp trên cột điện ngay đằng sau Trạm Xe tải bỏ hoang của Anh em Tracker phát nổ, cháy lên thành chùm sáng tím, bắn những khối kim loại méo mó lên mái lợp. Một khối kim loại phá hỏng dây điện cao thế, khiến sợi dây rơi lên mái nhà, quần quai, lèo xèo như con rắn, tóe ra những tia sáng chẳng khác nào chất lỏng. Trời đang mưa ầm ầm nhưng mái nhà vẫn bắt lửa, và chốc sau, cả trạm xe tải cháy phừng phừng. Dây cáp điện rơi từ mái lợp xuống mép cỏ um tùm dẫn ra khu đất ngày xưa các cậu bé từng chơi bóng chày. Sở Cứu hỏa Derry cử chiếc xe đầu tiên vào lúc 6 giờ 2 phút, đến hiện trường Trạm Xe tải của Anh em Tracker lúc 6 giờ 9 phút. Một trong những người lính cứu hỏa đầu tiên bước xuống xe tải là Calvin Clark, một

trong hai anh em sinh đôi nhà Clark trước đây từng học chung trường với Ben, Beverly, Richie và Bill. Bước xuống xe, đi được ba bước thì gót chiếc boots da của anh đập lên đường dây có dòng điện chạy qua. Calvin chết vì điện giật gần như ngay lập tức. Lưỡi anh thè ra khỏi miệng, áo khoác cao su chuyên dụng của lính cứu hỏa bắt đầu khét cháy. Người anh tỏa ra mùi như lốp xe cháy ở bãi rác thị trấn.

Đến 6 giờ 5 phút, các cư dân sống trên đường Merit ở Mũi Đất Cũ cảm thấy hình như một vụ nổ vừa xảy ra dưới lòng đất. Đĩa loảng xoảng rời khỏi chạn, khung hình rời khỏi tường đánh choang. 6 giờ 6 phút, mọi bồn cầu trên đường Merit đột nhiên phọt lên đầy phân và nước thải chưa qua xử lý, tựa hồ đã có cú đảo chiều không tưởng trong hệ thống ống dẫn vào các bể chứa của nhà máy xử lý nước thải mới ở Vùng Đất Cằn. Ở một số nhà, lực của cú nổ mạnh đến nỗi đục thủng trần nhà vệ sinh. Một phụ nữ mang tên Anne Stuart đã thiệt mạng khi một bánh răng cũ bắn ra từ bồn cầu cùng nước cống. Bánh răng phóng qua lớp cửa kính mờ của nhà tắm và xuyên thẳng qua họng cô như viên đạn khi cô đang sấy tóc. Đầu nạn nhân thiếu đi đầu muốn đứt ra. Bánh răng này là tàn tích còn sót lại từ Xưởng đúc Kitchener, vô tình lọt xuống cống vào bảy mươi lăm năm về trước. Một phụ nữ khác cũng bị chết khi chất thải dữ dội trào theo đà bùng lên của khí metan, khiến bồn cầu phát nổ như bom. Đang ngồi trên bồn cầu đọc catalog mới nhất của hãng Banana Republic, người phụ nữ xấu số đã bị xé xác thành nghìn mảnh.

Vào 6 giờ 19 phút, tia sét đánh trúng cây cầu Hôn Nhau băng qua Kênh Đào, nối giữa công viên Bassey và trường Trung học Derry. Những mảnh gỗ tan nát bị hất văng lên không trung, rào rào rơi xuống con kênh cuộn chảy rồi bị cuốn phăng.

Gió ngày một mạnh. Đến 6 giờ 30 phút, máy đo sức gió trong hành lang tòa án ghi nhận vận tốc gió đạt hơn 24 ki-lô-mét trên giờ. 6 giờ 40 phút, tốc độ đã

lên đến 38.

6 giờ 46 phút, Mike Hanlon tỉnh giấc trong phòng bệnh ở Bệnh viện Derry. Anh lấy lại ý thức một cách từ từ, chậm rãi – suốt một lúc lâu, anh cứ tưởng mình đang nằm mơ. Nếu là mơ, hẳn đây là giấc mơ lạ lùng - giấc mơ đầy lo âu, giáo sư môn tâm lý học Doc Abelson sẽ gọi thế cho mà xem. Chẳng có lý do nào cụ thể để lo âu, nhưng cảm giác ấy vẫn dấy lên trong lòng anh; căn phòng trắng trơn dường như đang rít lên đe dọa.

Anh dần nhận ra mình đã tỉnh dậy. Hóa ra căn phòng trắng trơn này là phòng bệnh. Chai lọ treo trên đầu anh, một chai đựng dịch truyền trong suốt, chai kia màu đỏ đậm. Là máu. Anh nhìn thấy ti vi gắn tường và nghe tiếng mưa rả rích tạt vào cửa sổ.

Mike thử dịch chuyển chân. Một chân có thể cử động dễ dàng, nhưng chân còn lại của anh, chân phải, không nhúc nhích được. Chân như tê dại, và anh nhận ra nó được băng bó rất chặt.

Ký ức trở lại từng chút một. Hồi tối, khi anh đang ngủ thì Henry Bowers xuất hiện. Quá khứ như chấn động dội về Hai bên đã lao vào ẩu đả, sau đó...

Henry! Hắn đi đâu rồi? Hắn tìm mọi người sao?

Mike mò mẫm tìm chuông gọi y tá. Nó được gắn trên thành giường, và khi tay anh vừa trờ lấy nó thì cửa bật mở. Một nhân viên y tá bước vào. Áo trắng phục trang gọn hai nút, đầu bù như tổ quạ khiến anh ta trông như Ben Casey trong bộ dạng lười thôi. Anh ta đeo vòng Thánh Christopher ở cổ. Dù đầu óc còn mơ màng, mười phần thì mới chỉ tỉnh bảy phần, Mike vẫn nhận ra anh này ngay lập tức. Vào năm 1958, thiếu nữ mười sáu tuổi mang tên Cheryl Lamonica đã mất mạng vào tay Nó ở Derry. Cô gái này có một cậu em trai mười bốn tuổi tên là Mark, và người y tá này chính là anh ta.

“Mark?” Anh gắng gượng nói. “Tôi có chuyện muốn nói với anh.”

“Suýt,” Mark đáp. Tay thọc vào túi. “Đừng nói gì cả.”

Hắn bước vào phòng, và lúc đối phương đứng ở cuối giường, Mike rùng mình nhận ra đôi mắt của Mark Lamonica trống rỗng nhường nào. Đầu hắn khẽ nghiêng sang một bên như thể đang nghe nhạc đầu đó văng vẳng. Hắn rút tay khỏi túi.

Bên trong có kim tiêm. “Thứ này sẽ đưa anh vào giấc ngủ,” Mark nói rồi tiến lại giường.

11

Dưới lòng thị trấn/ 6 giờ 49 phút sáng

“Suýt!” Bill đột nhiên ré lên, dù xung quanh chẳng có tiếng động, ngoại trừ tiếng bước chân rất khẽ của họ.

Richie quẹt một que diêm. Tường của căn hầm xa tít tắp, và năm người bọn họ thật nhỏ bé trong không gian dưới lòng thị trấn. Cả nhóm túm tụm đi bên nhau, Beverly mơ hồ cảm thấy một cảm giác *déjà vu* kỳ quái khi quan sát những phiến đá khổng lồ lát sàn và mạng nhện lòng thông bên trên. Họ đã đến gần rồi. Rất gần.

“Cậu nghe thấy gì à?” cô hỏi Bill, cố gắng nhìn quanh khi que diêm trong tay Richie lập lòe, chuẩn bị tinh thần sẽ trông thấy thứ gì đó thập thò hoặc nhào ra từ màn đêm. Hay là con quái vật Rodan? Người ngoài hành tinh trong bộ phim gớm ghiếc có Sigourney Weaver xuất hiện? Con chuột khổng lồ chạy thoăn thoắt với đôi mắt màu cam và hàm răng bạc? Nhưng chẳng có gì - chỉ có thứ mùi ám bụi của bóng đêm, và tiếng nước chảy rì rầm từ xa vẳng lại khi cống càng lúc càng đầy.

“C-C-Có gì đó kh-kh-không ổn,” Bill nói. “Mike...”

“Mike?” Eddie hỏi. “Mike làm sao?”

“Tớ cũng cảm thấy đi đầu đó.” Ben đáp. “Lẽ nào... Bill ơi, hay cậu ấy chết

h ấ?”

“Không phải,” Bill nói. Mắt anh mờ đục, xa xăm, không lộ cảm xúc – bao căng thẳng nằm trong tông giọng và dáng người đầy phòng thủ của anh. “Cậu ấy... C-C-Cậu ấy...” Anh nuốt nước bọt. Trong họng anh đánh tách. Mắt anh mở to. “Ôi... ôi không...”

“Bill?” Beverly thét lên, thẳng thốt. “Bill, sao vậy? Có...”

“N-N-Nắm lấy t-t-tay tớ!” Bill la to. “Nh-Nh-Nhanh l-l-lên!”

Richie liền thả que diêm và chộp lấy tay Bill. Beverly nắm tay bên kia. Cô giờ tay còn lại ra, và Eddie yếu ớt đưa cánh tay bị gãy nắm lấy. Ben nắm tay còn lại của anh và quay thành vòng tròn bằng cách nắm tay của Richie.

“*Truyền sức mạnh cho cậu ấy!*” Bill hô vang bằng giọng nói trầm lạ lùng. “*Truyền sức mạnh cho cậu ấy, bất kể Người là ai, xin hãy truyền sức mạnh cho cậu ấy! Ngay! Ngay! Ngay!*”

Beverly cảm thấy có thứ gì đó thoát ra từ người bọn họ và bay đến Mike. Đầu cô ngã ra vai như ngập trong mê m, trong lúc hơi thở khò khè của Eddie hòa với tiếng nước chảy ầm ầm trong cống.

12

“Ngay bây giờ,” Mark Lamonica hăm hè. Hấn thở dài – tiếng thở dài của người đàn ông biết cực khoái đang gần đến.

Mike bấm nút gọi y tá trong tay mình liên h ấ. Anh có thể nghe thấy tiếng chuông vang lên trong phòng trực y tá dưới sảnh, nhưng không ai xuất hiện. Quang cảnh khủng khiếp chẳng khác nào địa ngục hiện lên trong đầu anh: phải, y tá đang ng ấ dưới phòng trực, bàn quan đọc báo buổi sáng, uống cà phê, nghe thấy tiếng chuông anh gọi nhưng không lọt vào tai, nghe nhưng không đáp lại, họ chỉ phản ứng sau khi mọi thứ đã kết thúc, bởi ở Derry, mọi sự là thế. Ở Derry, người ta giả mù giả điếc trước nh ầu thứ... cho đến khi sự đã

r ấ.

Mike thả nút bấm khỏi tay.

Mark cúi người về phía anh, mũi kim tiêm loang loáng. Vòng Thánh Christopher đung đưa như thôi miên khi anh ta kéo chần xuống.

“Ngay đó,” hần th ầm thì. “Xương ức.” Đoạn hần thở dài l ần nữa.

Đột nhiên Mike cảm thấy sức mạnh ùa vào người mình – thứ sức mạnh ban sơ v ồ vập như điện giật. Anh cứng người, ngón tay duỗi ra như lên cơn co giật. Mắt anh trợn trừng. Anh rên lên, và cảm giác tê liệt khổ sở kia như bị tát văng khỏi người anh.

Tay phải của anh vươn tới bàn đầu giường. Có một bình nước bằng nhựa ở đó và một ly thủy tinh chắc chắn bên cạnh. Anh chộp lấy cái ly. Lamonica cảm nhận được sự thay đổi, ánh nhìn mơ màng, hài lòng biến mất khỏi mắt hần ta, thay vào đó là sự bối rối đầy mệt mỏi. Hần khẽ rút lại, và r ấ Mike giờ ly thủy tinh lên phang thẳng vào mặt hần.

Lamonica hét lên, loạng choạng lùi ra sau, đánh rơi kim tiêm. Tay hần đưa lên bưng khuôn mặt bê bết máu, máu chảy ròng ròng xuống cổ tay và bắn lên chiếc áo y tá màu trắng.

Sức mạnh chột đến r ấ cũng chột đi. Mike ngậy ra nhìn những mảnh thủy tinh vỡ trên giường, bộ đồ bệnh nhân mặc trên người và bàn tay đang chảy máu của mình. Anh nghe thấy tiếng giày đế kép rảo bước lại gần ngoài hành lang.

Giờ thì họ đến cơ đấy, anh th ầm nghĩ, Ở phải, giờ mới đến. Để xem sau họ sẽ là ai xuất hiện đây? Là ai đây?

Lúc những y tá đã bàng quan ng ẩ trong phòng trực khi anh bấm chuông điện cu ồng đổ vào phòng bệnh, Mike nhắm mắt, c ầu cho mọi sự kết thúc. Anh c ầu mong bạn bè anh đang ở dưới lòng thị trấn, anh c ầu mong họ vẫn bình an vô sự, c ầu mong họ sẽ đặt dấu chấm hết cho tất cả.

Anh chẳng rõ rốt cuộc mình đang cần nguyên với Đấng nào... nhưng anh vẫn không ngừng cần xin.

13

Dưới lòng thị trấn/ 6 giờ 54 phút sáng

“Cậu ấy ô-ô-ồn r-r-r ấ,” Bill lên tiếng.

Ben không rõ họ đã đứng nắm tay nhau trong bóng tối bao lâu. Anh cơ hồ cảm nhận được một sức mạnh – một thứ gì đó từ cả nhóm, từ vòng tròn họ dựng nên – thoát ra r ấ quay trở lại. Song anh không rõ thứ đó nếu nó thật sự tồn tại – đã đi đâu, hay làm gì.

“Cậu chắc chứ, Bill To Bự?” Richie hỏi.

“C-C-Chắc,” Bill thả tay Richie và Beverly ra. “Nhưng bọn mình ph-phải kết thúc thứ này càng s-sớm càng t-tốt. Đ-Đi n-n-nào.”

Họ tiếp tục đi, Richie và Bill thay phiên nhau quẹt diêm. *Bọn mình còn chẳng có lấy khẩu súng đồ chơi trong người, Ben thầm nghĩ. Nhưng phải chăng đây cũng là một phần của nghi thức mang tên Chüd ấy? Mà nó có nghĩa là gì nhỉ? Ngày ấy, hình dạng thật của Nó là gì? Bộ mặt cuối cùng của Nó là gì? Ngày đó, bọn mình không giết được Nó nhưng đã đả thương Nó. Bọn mình đã làm thế nào nhỉ?*

Khán phòng mà họ bước qua – không thể nào gọi nơi này là đường hầm nữa r ấ – càng lúc càng rộng. Tiếng bước chân của họ vang vọng. Ben nhớ thứ mùi đặc quánh, man dại này. Anh nhận ra không cần đến diêm nữa – vì giờ đã có ánh sáng: một thứ ánh sáng rùng rợn càng lúc càng rõ. Trong thứ ánh sáng đục ngầu, bạn anh trông như xác chết biết đi.

“Đi thẳng về phía trước đi, Bill,” Eddie nói. “Tớ b-b-biết r ấ.”

Ben cảm thấy trống ngực mình đập càng lúc càng nhanh. Miệng anh chua lôm, còn đầu thì ong lên. Anh cảm thấy mình chậm chạp và sợ hãi. Anh cảm

thấy mình chẳng khác nào một gã béo phì.

“Cánh cửa,” Beverly thì thầm.

Phải, cánh cửa hiện ra rồi. Hai mươi bảy năm về trước, họ dư sức bước qua cánh cửa này bằng cách cúi đầu xuống thấp. Giờ họ phải lom khom chui, thậm chí lồm cồm bò qua. Họ đã lớn rồi, bằng chứng cuối cùng là đây, nếu cần cái thứ gọi là bằng chứng.

Mạch đập trên cổ và cổ tay Ben nóng ran, máu trườn rần rật; tim anh dồn dập thiếu điều muốn loạn nhịp. *Đúng là gan thỏ đấy*, anh băng quờ nghĩ và liếm môi.

Thứ ánh sáng vàng xanh rực rỡ tràn ra từ dưới cánh cửa, xuyên qua lỗ khóa chạm trở công phu thành một tia sáng to và dày đến độ thiếu điều có thể đưa dao lên cắt.

Một lần nữa, mỗi người trong bọn họ lại nhìn thấy hình ảnh khác nhau trên dấu vết ở cánh cửa. Beverly nhìn thấy khuôn mặt của Tom, Bill thấy đầu Audra bị chặt lìa với đôi mắt đờ đẫn nhìn anh đầy trách cứ. Trong mắt Eddie là hình ảnh đầu lâu nhè nhớn cười trên hai khúc xương bất chéo, biểu tượng của chất độc. Richie nhìn thấy gương mặt gớm ghiếc, râu ria xồm xoàm của Paul Bunyan, với hai con mắt nhắm lại như kẻ sát nhân. Còn Ben thấy Henry Bowers.

“Bill, bọn mình có đủ sức mạnh không?” Anh hỏi. “Chúng mình làm nổi không?”

“Tớ kh-không b-b-biết,” Bill đáp.

“Nếu cửa khóa thì sao?” Beverly khẽ khọt hỏi. Khuôn mặt của Tom như trên người cô.

“Kh-Không khóa đâu,” Bill đáp. “Nh-Những nơi thế này chỉ chẳng b-b-bao giờ kh-kh-khóa.” Anh áp tay phải lên cửa – anh phải khom người xuống mới làm vậy được – rồi đẩy vào. Cửa bật mở, ánh sáng xanh vàng vọt kia ào ra như

thác lũ. Thứ mùi man dại phả vào bọn họ, thứ xú khí của quá khứ nay đã trở thành hiện tại, sống động đến rùng rợn, cuộn trào đến đáng sợ.

Phải theo lao thôi, Bill bất thần nghĩ và đưa mắt nhìn các bạn. Đoạn anh khụy gối, lồm cồm bò trên hai tay. Beverly theo sau, kế đến là Richie, rồi Eddie. Ben đi cuối, nổi da gà khi chạm vào thứ đá mặt cổ xưa trên sàn. Anh đi qua cửa, và khi anh vươn người đứng dậy trong ánh lửa kỳ cục chập chờn lên xuống tường đá tong tồng nước thành những vệt sáng vắn vện, mảnh ký ức cuối cùng giáng xuống mạnh bạo chẳng thua gì cỗ máy công thành điên cuồng.

Anh vừa hét lên vừa loạng choạng lùi lại, một tay ôm đầu, suy nghĩ rành mạch đầu tiên vang lên trong đầu là *Hèn gì mà Stan tự sát! Ôi Chúa ơi, phải chỉ mình cũng tự sát cho rồi!* Anh thấy vẻ mặt của mọi người xung quanh cũng như anh, kinh hãi đến bàng hoàng, ngỡ ngàng đến choáng váng khi chiếc chìa khóa cuối cùng đã xoay mở ổ khóa cuối.

Và rồi Beverly thất thanh ré lên, bám lấy Bill khi Nó vùn vụt lao xuống cơ man nào là mạng nhện. Con Nhện gớm ghiếc tựa ác mộng, vượt ra khỏi không gian, thời gian, con Nhện mà ngay cả những kẻ dưới mười tám tầng địa ngục cũng không tài nào tưởng tượng nổi.

Không, Bill lý trí nghĩ, *Nó cũng chẳng phải một con Nhện, không hẳn vậy, đây không phải hình dạng Nó lựa ra từ tâm trí mình; đây chỉ là hình dạng gần nhất mà trí óc mình có thể lý giải*

(từ quang)

bản chất thật của Nó.

Nó cao đến bốn mét rưỡi, đen như trời đêm một ngày không trăng. Mỗi cái chân của Nó to như đùi lực sĩ. Mắt Nó rực sáng như hòng ngọc đầy ác ý, lồi ra từ trong mắt nhoe nhoét dịch màu crôm. Hàm lớn chồm mở ra đóng vào canh cách, canh cách, bọt mép sùi ra. Đông cứng người vì kinh hãi tột độ, đầu óc ngấp nghé bờ vực phát điên, Ben quan sát với vẻ bình lặng tựa mắt bão rằng

thứ bọt mép kia biết động đây; nó rơi xuống sàn nhà lát đá đầy xú khí r ồi ngoe nguẩy như trùng bò vào những vết nứt.

Nhưng Nó là thứ khác, có một hình dạng tận cùng mà mình lờ mờ trông thấy, như người ta có thể thấy dáng hình lấp ló của nhân viên đằng sau màn hình rạp chiếu phim khi đang chiếu, Nó có hình dạng khác, nhưng mình không muốn thấy, lạ Chúa, đừng để con phải trông thấy Nó...

Mà đi đâu đó quan trọng gì chứ? Thứ gì đang thấy thì họ cũng trông thấy cả r ồi, và Ben mơ hồ hiểu ra Nó bị c ần tù trong hình hài cuối cùng này, hình hài con Nhện, bắt ngu ần từ trí tưởng tượng không rõ ngu ần gốc, chẳng viện c ần mà bộc lộ ở tất cả bọn họ. Mạng sống của họ nằm trong tay phiên bản này của Nó.

Con quái vật g ần rít, và Ben dám chắc anh nghe thấy tiếng Nó phát ra hai lần – lần thứ nhất trong đầu và lần thứ hai sau đó một tích tắc, trong tai. *Thần giao cách cảm*, anh thần nghĩ, *mình đang đọc được tâm trí Nó*. Cái bóng tròn như quả trứng chạy dọc bức tường thành vốn là hang ổ của Nó. Cả người Nó bao phủ bởi lớp lông thô cứng, và Ben trông thấy Nó có cái ngòi đủ dài để đâm xuyên qua một người. Từ đầu ngòi nhỏ giọt thứ dịch trong suốt, Ben để ý đây cũng là sinh vật sống; tương tự như bọt mép của Nó, dịch uốn éo chui xuống khe nứt trên sàn. Phải, cái ngòi rõ gồm... nhưng bên dưới còn một thứ gồm ghiếc bội phần: bụng của Nó phình ra, thiếu đi đầu kéo lê trên sàn lúc Nó di chuyển, khẽ chệch hướng và tiến thẳng đến đầu não của bọn họ, tiến đến Bill To Bự.

Đó là túi trứng của Nó, Ben thần nghĩ, và tâm trí anh như chực thét gào trước ng ần ý của hình ảnh ấy. *Tuy hình ảnh thật sự của Nó nằm ngoài tri giác của họ, chỉ ít hình tượng này đúng về mặt biểu tượng: Nó là con cái, và Nó đang mang thai... Nó mang thai từ ngày ấy, và không ai nhận ra điều này ngoại trừ Stan, ôi Chúa ơi, thì ra là thế, Stan, là Stan, chứ không phải Mike,*

Stan là người phát hiện, Stan là người nói với cả nhóm... Đó là lý do bọn mình phải quay lại, bắt chấp tất cả, vì Nó là con cái, Nó đang mang trong mình dòng giống ngoài sức tưởng tượng... và sắp đến thời điểm Nó đẻ rồi.

Và kìa, Bill Denbrough đang tiến lại để đối mặt với Nó.

“Bill, dừng!” Beverly thét lên.

“L-L-Lùi l-l-lại!” Bill hét mà không nhìn quanh. Nhưng rồi Richie chạy lại chỗ anh, vừa chạy vừa gào to tên Bill, chân Ben cũng cứ thế tự động bước tới. Dường như anh cảm thấy cái bụng phệ vô hình đang đung đưa trước người mình, và anh đón chào cảm giác ấy. *Phải trở về làm một đứa trẻ như xưa*, anh quay cuồnghĩ. *Đó là cách duy nhất để mình có thể ngăn Nó không khiến mình phát điên. Phải trở thành đứa trẻ như xưa... phải xoay sở tìm cách chấp nhận điều này.*

Chạy. Gào thét tên Bill. Mơ hồ nhận ra Eddie đang chạy bên cạnh mình, cánh tay gãy thông thọt, thắt lưng áo tắm mà Bill dùng để cột quanh nẹp rơi trên sàn. Eddie đã rút ống thở ra. Trông anh chẳng khác nào gã xạ thủ còi cọc lên cơn điên với khẩu súng kỳ cục trên tay.

Ben nghe thấy Bill gầm lên: *“Mày gi-gi-giết em trai tao, đồ kh-kh khốn khiếp!”*

Đoạn Nó sừng sững đứng ngay trên Bill, khóa lấp anh dưới cái bóng khổng lồ, cẳng chân loe ngoe trong không trung. Ben nghe thấy tiếng Nó rít lên, nhìn thẳng vào những con mắt ma quỷ đỏ quạch, trường tồn với thời gian của Nó... và trong khoảnh khắc, anh đã nhìn thấy hình dạng thật sự đằng sau vẻ ngoài kia: anh trông thấy những tia sáng, một thứ lông lá nhưng nhúc nhô vô hạn làm bằng ánh sáng và chẳng còn thứ gì khác, ánh sáng màu cam, thứ ánh sáng chết chóc trên người sự sống.

Và rồi nghi thức một lần nữa được thực hiện.

CHƯƠNG 22 NGHI THỨC CHÙD

1

Trong hang ổ của Nó/ 1958

Bill là người giữ cho cả bọn không tan đàn xẻ nghé khi con Nhện khổng lồ thoăn thoắt bò xuống mạng nhện, khuấy động làn gió độc làm tóc tai ai nấy đều rối bù, Stan ré lên như trẻ nhỏ, đôi mắt nâu lồi ra khỏi hốc mắt, tay cào lên má. Ben từ từ lùi lại cho đến khi bộ móng vĩ đại đập vào bức tường phía bên trái cánh cửa. Cảm thấy lửa lạnh thiêu đốt qua lớp quần, cậu vội vàng lùi lại, nhưng đầu óc cứ mơ màng chới với. Cảnh tượng này không thể nào là thật: đây đích thị là cơn ác mộng khủng khiếp nhất thế giới. Cậu nhận ra cậu còn chẳng nhấc nổi tay. Tựa hồ có những quả tạ đang cột chặt quanh họ.

Đôi mắt của Richie như bị thôi miên nhìn về phía mạng nhện. Rải rác trên đó, quấn trong những dải tơ ngúc ngoắc như thể có tri giác là những thi thể thối rữa đã bị gặm nhấm nhở. Hình như cậu trông thấy xác của Eddie Corcoran gần trần nhà, dù cả hai chân và một cánh tay đã bị ăn mất.

Beverly và Mike bầu vào người nhau như Hansel và Gretel trong rừng sâu, tê liệt nhìn con Nhện xuống sàn và tiến về phía bọn họ, cái bóng méo mó nhịp chạy trên tường.

Bill đưa mắt nhìn các bạn, cậu bé dong dỏng cao, gầy gò trong chiếc áo thun từng là màu trắng giờ dính đầy bùn, chất thải, quần jean vén gấu với đôi giày Keds dính đầy bùn. Tóc cậu bết vào trán, mắt phùng phùng như lửa. Sau khi nhìn từng người, dường như chẳng màng đến họ, cậu quay

đầu lại nhìn con Nhện. Choáng váng làm sao, cậu cất bước băng qua gian phòng tiến lại chỗ Nó, không chạy mà đi thật nhanh, khuỷu tay khuỳnh lại, gồng lên thành nắm đấm.

“M-Mày dám gi-gi-giết e-em trai tao!”

“Đừng, Bill!” Beverly gào to, vùng khỏi vòng tay Mike và chạy thẳng về phía Bill, mái tóc đỏ của cô phất phơ bay ra sau. “Cút khỏi cậu ấy!” Cô hét lên với con Nhện. “Tao cấm mày chạm vào cậu ấy!”

Chết thật! Beverly! Ben nghĩ rồi bất giác vùng lên, bụng cậu đùng đưa sang hai bên, chân nện thành thịch. Cậu lơ mơ để ý thấy Eddie Kaspbrak cũng đang chạy bên trái mình, bàn tay còn lạnh lặn nắm lấy ống thở như khẩu súng.

Đoạn Nó sừng sững đứng ngay trên Bill; khóa lấp cậu bé không một tấc sắt trong tay dưới cái bóng khổng lồ, cẳng chân loe ngoe trong không trung. Ben toan chộp lấy vai của Beverly. Tay cậu đập vào vai cô rồi trượt qua. Cô quay sang nhìn cậu, đôi mắt hoảng loạn, môi bạnh ra để lộ hàm răng.

“Mình phải giúp cậu ấy!” Cô hét lên.

“Bằng cách nào?” Ben gào to. Cậu chạy đến chỗ con Nhện, nghe tiếng Nó rít lên hung hãn, nhìn thẳng vào những con mắt ma quỷ đỏ quạch, trường tồn với thời gian... Và rồi cậu nhìn thấy hình dáng thật sự đằng sau vẻ ngoài ấy; một thứ tệ hại hơn nhện gấp bội phần. Một thứ cấu thành hoàn toàn từ ánh sáng. Cậu nao núng... nhưng người yêu cầu cậu là Bev. Bev, cô gái cậu dành trọn tình cảm.

“Quân súc sinh, tao cấm mày làm hại Bill!” Cậu gằn vang.

Giây sau, một cánh tay đập vào lưng đau đến độ cậu suýt ngã vật ra. Là Richie, và dù nước mắt đã rơi trên má, Richie cười như điên như dại.

Khóe miệng cậu thiếu đi đầu chạm đến mái tóc. Nước bọt rỉ ra từ kẽ răng. “Triệt hạ ả thôi, Haystack!” Richie thét lên. “*Chüd! Chüd!*”

Ả? Ben ngu muội nghĩ. *Cậu ấy nói ả sao?*

Đoạn cậu cất lời: “Được, nhưng làm sao? Chüd là thế nào?”

“Tớ mà biết thì tớ đi đầu xuống đất!” Richie hét rồi chạy đến chỗ Bill, vào cái bóng của Nó đổ xuống.

Nó ngẩng xồm trên mấy cái chân sau. Chân trước lơ lửng trong không trung, ngay trên đầu Bill. Không muốn nhưng buộc phải tiến lại, chẳng còn đường thoái lui dù mọi bản năng trong đầu và cơ thể thét gào đi đầu ngược lại, Stan Uris nhìn cảnh Bill ngược lên, nhìn chăm chăm vào Nó, đôi mắt xanh dán chặt vào những con mắt màu cam vô nhân tính của kẻ thù, những con mắt tỏa ra thứ ánh sáng của xác chết. Stan khựng lại, chợt vỡ lẽ: bất kể là gì, Nghi thức Chüd đã bắt đầu.

2

Bill trong khoảng không/ Tiên

... người là ai và tại sao người lại đến với Ta?

Ta là Bill Denbrough. Nhà người biết ta là ai và tại sao ta đến đây. Người đã giết em trai ta, nợ máu phải trả bằng máu. Người chọn lâm nạn nhân rồi, quân súc sinh.

... Ta là vĩnh hằng. Ta là Kẻ Ngẫu nhiên Thế giới.

Ồ? Thế cơ à? Vậy thì nhà người vừa xực bữa cuối cùng rồi đấy, đại tỷ.

... người làm gì có sức mạnh, sức mạnh là thế này đây; cảm nhận đi, thằng oắt con, rồi tự vấn xem người ăn gan hùm hay sao mà giết được đáng Vĩnh hằng. Người nghĩ người nhìn thấy Ta ư? Người chỉ thấy hình ảnh tâm trí người cho phép mà thôi. Sức người mà thấy được Ta à? Giới

thì đến xem! Đến đây xem nào, thằng oắt con! Đến đây!

Bị quăng đi...

(cậu).

Không, không phải bị quăng đi mà là *bị phóng đi*, phóng đi như viên đạn sống, như màn trình diễn người phóng ra từ súng thần công trong rạp xiếc Đền thờ hay đến Derry vào tháng Năm. Cậu bị tóm cổ rồi ném vụt qua gian phòng của con Nhện. *Tất cả chỉ diễn ra trong đầu mình mà thôi!* Cậu thét lên với bản thân. *Cơ thể mình vẫn đang đứng ngay đó, mắt dán chặt vào Nó, can đảm lên, chỉ là một trò lừa tâm trí thôi, can đảm lên, vững vàng lên, đứng vững vào, hiên ngang đứng vững...*

(đấm)

Ào ào lao về phía trước, đập thẳng vào một đường hầm đen đúa, tong tỏng nước với gạch ngói rửa nát, vụn vỡ có khi đã năm mươi năm, một trăm năm, một nghìn hay thậm chí triệu tỉ năm, vùn vụt phóng đi trong tĩnh lặng chí tử, qua những nút giao, có chỗ thấp sáng bằng ánh lửa vàng xanh bập bùng, có chỗ thấp sáng bằng những quả bóng bay tỏa ra thứ ánh sáng trắng như đầu lâu, có chỗ lại tối đen như mực, cậu bị quăng đi với tốc độ hơn một nghìn ki-lô-mét một giờ, băng qua cơ man nào là xương, xương người có, xương thứ khác cũng có, vùn vút như ngọn lao gắn tên lửa trong đường hầm gió chếch lên trên, nhưng không hướng về phía ánh sáng mà hướng về bóng tối, thứ bóng tối khôn cùng

(tay)

nổ tung vào màn đêm tuyệt đối, thứ màn đêm là tất cả, là không gian này, là vũ trụ này, và cái nền của màn đêm ấy sao mà cứng đến thế, cứng chẳng khác nào đá ebonite được đánh bóng, cậu trượt sông soài trên ngực, bụng và đùi như quả bóng khúc côn cầu bị hất văng. Cậu đang nằm trên

sàn khiêu vũ của vĩnh hằng, và vĩnh hằng này tối đen như mực.

(vào cột nhà)

... dừng ngay, tại sao người cứ lái nhải đều đó vậy? Vô ích thôi, người ngu xuẩn mà cứ la oai oái rằng mình gặp ma!

... dừng ngay.

anh đâm tay vào cột nhà, la oai oái rằng mình gặp ma!

... dừng ngay! Dừng ngay! Ta yêu cầu, ta ra lệnh cho người dừng ngay! Nói nhẹ không nghe à?

Và nghĩ: *Nếu mình có thể nói câu này thành lời, nói mà không lấp bấp thì mình có thể phá vỡ ảo ảnh này...*

... đây chẳng phải ảo ảnh đâu, thằng oắt con ngu xuẩn kia ... đây là vĩnh hằng, là vĩnh hằng của Ta, và người lạc ở đâu, lạc mãi mãi, đừng hòng tìm được đường ra, người cũng biến thành vĩnh hằng rồi, và người muôn đời phải lạc lối trong bóng đêm... đó là kết cục người chuốc lấy sau khi đối mặt với Ta

Nhưng ở đây vẫn còn thứ gì đó khác. Bill cảm nhận được nó, và bằng cách điên rồ nào đó, cậu còn nghĩ được nó: có một thế lực to lớn tồn tại trong màn đêm. Một Dáng hình. Cậu không sợ nhưng kính cẩn nghiêng mình; sức mạnh này lớn lao đến độ sức mạnh của Nó chẳng khác nào châu chấu đá xe, Bill chỉ kịp bắn loạn nghĩ: *Làm ơn, làm ơn, dù Người là ai, xin hãy nhớ rằng tôi nhỏ nhoi vô cùng...*

Cậu chạy về phía dáng hình ấy và nhận ra nó là một con Rùa khổng lồ, lớp mai có muôn vàn màu sắc lấp lánh. Cái đầu cổ xưa của nó lộ ra khỏi mai, và Bill mơ hồ cảm thấy thứ vừa quăng cậu vào nơi này vừa thoáng tỏ vẻ ngạc nhiên xen lẫn khinh thường. Đôi mắt của con Rùa dịu hiền vô

cùng. Bill thậm nhủ con Rùa này hẳn là thứ già nua nhất mà ta có thể hình dung, già gấp vạn lần Nó, thứ vừa ngạo mạn tự xưng mình là vĩnh hằng.

Người là gì?...

Ta là con Rùa, cậu bé ạ. Ta tạo ra vũ trụ, nhưng đừng trách cứ ta vì làm thế; Ta bị đau bụng.

Cứu tôi! Xin hãy cứu tôi!

... Ta không can hệ vào những thứ này. Em trai ta...

... có chốn riêng trong cự đại vũ trụ; năng lượng là vĩnh hằng, và một đứa trẻ như cậu cũng phải hiểu...

Giờ thì cậu đang bay ngang qua con Rùa, và dù tốc độ trượt của cậu rất lớn, phần mai lấp lánh của con Rùa dường như kéo dài vô tận. Cậu loáng thoáng nghĩ về việc đi tàu hỏa ngang qua một con tàu chuyển động theo hướng ngược lại, con tàu ấy dài đến độ dường như nó đang đứng yên hoặc thậm chí chạy lùi. Cậu vẫn nghe thấy tiếng Nó lải nhải xì xào, giọng của Nó the thé, tức tối, chẳng chút tính người, tràn ngập căm ghét. Nhưng khi con Rùa cất tiếng, giọng của Nó hoàn toàn bị át đi. Con Rùa nói trong đầu Bill, và Bill lơ mơ hiểu vẫn còn một Thế Lực Khác, một Thế lực Tối hậu ngự trị khoảng không ngoài khoảng không này. Có lẽ Thế lực Tối hậu ấy đã tạo ra con Rùa, thứ chỉ bàng quan nhìn, và Nó, thứ chỉ ngẫu nhiên ăn. Thế Lực Khác ấy là thế lực vươn ngoài tầm vũ trụ, sức mạnh trên vạn sức mạnh, đáng tạo hóa của vạn vật.

Chợt cậu vỡ lẽ: Nó toan tống cậu qua bức tường nơi tận cùng của vũ trụ để đẩy cậu vào một không gian khác

(nơi con Rùa già kia gọi là cự đại vũ trụ)

nơi Nó thực sự sống, nơi Nó tồn tại trong hình dáng một thứ khổng lồ,

phát sáng nhưng chỉ là hạt bụi nhỏ nhoi trong tâm trí của Thế Lực Khác ấy, cậu có thể thấy bản thể của Nó, thứ ánh sáng tàn phá vô hình tưởng, và nếu Nó nương tay, cậu sẽ được giải thoát bằng cái chết, hoặc cậu sẽ sống đến vĩnh hằng, phát điên nhưng vẫn ý thức được trọn vẹn bên trong thân thể đối ngẫu, không hình thù, vô cùng tận, đầy sát ý của Nó.

Xin hãy cứu tôi! Vì những người khác nữa...

...cậu phải tự cứu lấy mình, cậu bé

Nhưng bằng cách nào? Xin hãy chỉ cho tôi! Bằng cách nào? Bằng cách nào? BẰNG CÁCH NÀO?

Giờ thì cậu đã băng băng phi đến đôi chân sau nặng trịch của con Rùa, cậu còn có thời gian để quan sát phần thịt khổng lồ cổ xưa của nó, có thời gian để choáng ngợp trước những cái móng vĩ đại của nó – chúng có màu vàng ngả xanh dương kỳ cục, và trong mỗi móng, cậu trông thấy ngân hà trôi bên trong.

Xin Người, tôi biết Người là thế lực tốt, tôi cảm nhận được điều đó và tôi tin Người rất nhân từ, tôi xin Người... xin Người hãy giúp tôi?

...cậu biết câu trả lời rồi mà, Chüd là chìa khóa duy nhất. Và các bạn của cậu.

Ôi, tôi xin Người...

cậu bé, cậu phải dấn tay vào cột nhà, la oai oái rằng mình gặp ma... ta chỉ có thể nói chừng đó mà thôi. Khi cậu bước chân vào không gian vũ trụ kì khôi thế này, cậu phải vứt bỏ sở hướng dẫn đi

Cậu nhận ra tiếng nói của con Rùa phai dần. Cậu đã để nó lại phía sau, tiếp tục lao như tên bắn vào màn đêm sâu hun hút. Giọng của con Rùa bị lấn át, bị gạt đi bởi giọng nói lạnh nhạt, vui tươi của Thứ đã quăng cậu vào

không gian trống rỗng tối đen này - giọng nói của con Nhện, của Nó.

... người thấy ở đây thế nào, Bạn Nhỏ? thích không? ưng không? có cho 98 điểm vì giai điệu nghe rất bắt tay và khiến mình nhún nhảy theo không? có đớp được nó vào trong miệng rồi hất từ trái sang phải không? có thích gặp lão bạn con Rùa của ta không? Ta cứ tưởng cái thứ khốn kiếp già đầu dốt nát ấy đã chết từ lâu rồi chứ, mà có lẽ hắn đã làm cho người tất cả những gì tốt đẹp nhất mà hắn có thể làm được, người nghĩ rằng hắn giúp được người chắc?

Nó đang nhái câu nói quen thuộc trong chương trình Bục trình diễn Mỹ. Trong chương trình này có phần các khán giả cho điểm bài hát, 98 là điểm cao nhất.

không không không không anh đấm tay không anh đ-đ-đ-đ-đấm tay không

... thôi lải nhải đi! thời gian vốn ít, chúng ta còn trao đổi được thì tranh thủ mà nói đi. kể chuyện của người cho ta nghe xem nào, Bạn Nhỏ... kể ta nghe xem, người có thích màn đêm lạnh lẽo ở đây không? người có thích chuyến du lịch hoành tráng trong hư không ở Ngoại Biên không? đợi đến lúc người vượt đến đây đi, Bạn Nhỏ! đợi tới lúc người đến chỗ Ta đây này! đợi mà xem! đợi mà xem tử quang! cứ việc nhìn đi rồi phát điên... nhưng người sẽ sống... sống mãi... sống muôn đời... bên trong chúng... bên trong Ta...

Nó ré lên những tiếng cười độc ác, và Bill nhận ra giọng của Nó bắt đầu nhạt nhòa dần nhưng oang oang hân lên, tựa hồ cậu vừa bị kéo ra khỏi phạm vi của Nó... vừa bị ném thẳng vào phạm vi ấy. Lẽ nào là thế? Đúng. Cậu nghĩ là đúng. Vì dù giọng nói hoàn toàn ăn khớp, tiếng nói cậu đang hướng đến hoàn toàn xa lạ, nó phát ra những âm tiết mà lưỡi và họng con

người không thể phát ra. Cậu thầm nhủ hẳn đó là giọng nói của tử quang.

... thời gian vốn ít, chúng ta còn trao đổi được thì tranh thủ mà nói đi.

Giọng nói mang hơi hướm con người nhạt nhòa dần, giống như tiếng đài phát thanh Bangor nhòe đi khi ta ngủ trong chiếc xe và bon bon chạy về phía Nam. Nỗi kinh hoàng sáng rực, chói lòa, tràn ngập tâm trí cậu. Chẳng mấy chốc, cậu sẽ không còn giao tiếp một cách bình thường với Nó nữa... và một phần trong cậu hiểu rằng ẩn sau nụ cười, thái độ vui tươi lạ lẫm kia, đó là điếu Nó muốn. Một khi cầu nối giao tiếp bị phá vỡ, cậu sẽ hoàn toàn bị hủy hoại. Vượt ra khỏi giao tiếp nghĩa là vượt ra khỏi mọi cứu cánh; cậu rút ra điếu đó từ cách bố mẹ cư xử với cậu sau khi George qua đời. Đó là bài học duy nhất mà thái độ lạnh như băng của họ đã dạy cậu.

Rời xa Nó... và đến gần Nó. Nhưng dường như hành động rời xa mang tầm quan trọng hơn. Nếu Nó muốn ăn thịt trẻ con ở đây hay hút chúng vào đây hoặc làm bất cứ trò gì khác, sao Nó không đưa tất cả mọi đứa trẻ đến chốn này? Tại sao chỉ có cậu?

Lý do là vì Nó phải vứt bỏ bản thể con Nhện của Nó. Bản thể con Nhện ấy và bản thể gốc mang tên tử quang của Nó kết nối với nhau. Khi Nó ở đây và không ở bất cứ nơi nào khác. Nó có thể bất khả chiến bại... nhưng Nó cũng ở trên Trái Đất, dưới lòng Derry, trong hình hài vật chất. Bất kể Nó kinh khủng đến nhường nào, ở Derry, nó *bằng xương bằng thịt*... và thứ nào bằng xương bằng thịt đều có thể bị kết liễu.

Bill cứ thế trượt trong màn đêm, càng lúc càng tăng tốc. *Tại sao mình cảm thấy những lời Nó nói toàn là cợt nhả, là trò đùa nhảm nhí? Tại sao lại thế? Sao lại như vậy nhỉ?*

Cậu chợt vỡ lẽ... Có khi nào... có khi nào...

Chiếc là chìa khóa duy nhất, con Rùa đã nói như thế. Nếu thật vậy thì

sao? Giả sử cậu và Nó cắn lưỡi vào nhau, không phải trong thế giới vật chất mà trong tâm trí, bằng tinh thần thì sao? Nếu như Nó có thể quăng cậu vào khoảng không trống rỗng, đủ xa vào bản thể vĩnh hằng, vô hình tướng của Nó, phải chăng nghi thức sẽ kết thúc? Nó sẽ xé toạc cậu, giết chết cậu, đoạt lấy mọi thứ

... giỏi lắm, cậu bé, nhưng chút nữa sẽ quá muộn. Nó rất sợ! Sợ ta! Sợ tất cả chúng ta!

... trượt, cậu vẫn đang trượt, và đằng trước có một bức tường, cậu cảm nhận được nó sừng sững trong bóng tối, bức tường ở rìa của chuỗi vô tận này, và đằng sau nó, chính là thể hình khác, là tử quang...

... đừng trò chuyện với ta, cậu bé ạ, và đừng trò chuyện với bản thân... nó đang khiến cậu buông lời đầy, cắn chặt vào, nếu quan tâm, nếu dám, nếu còn can đảm, nếu còn kiên cường... cắn chặt vào, cậu bé!

Bill cắn thật chặt – không phải cắn bằng hàm răng thật sự mà là răng trong tâm trí.

Hạ giọng trầm đi một tông, khiến tiếng nói không còn là của bản thân mình (hay nói đúng hơn là biến nó thành giọng của bố cậu, dù đến lúc nhắm mắt xuôi tay, Bill cũng chẳng biết đi đâu này, có những bí mật mãi bị chôn giấu, mà tốt hơn hết là thế), hít vào một hơi thật sâu, cậu thét lên: ANH ĐẤM TAY VÀO CỘT NHÀ LA OAI OÁI RẰNG MÌNH GẶP MA GIỜ THÌ THẢ TA RA!”

Cậu cảm nhận được Nó gào rống trong tâm trí mình, tiếng gào đầy cuồng nộ, cău tiết, bức bối... nhưng đồng thời, đó là tiếng gào của sợ hãi và đau đớn. Nó không quen với chuyện mọi thứ trật khỏi đường ray mà mong muốn của Nó; đi đâu đó chưa bao giờ xảy ra với Nó, và từ lúc tồn tại cho đến giờ, Nó cũng không mảy may nghĩ đến cho tới khoảnh khắc vừa

rồi.

Bill cảm thấy Nó đang rít lên với mình, không kéo mà đẩy cậu – cố đẩy cậu ra xa.

“TA BẢO ĐẤM TAY VÀO CỘT NHÀ!”

“THÔI NGAY!”

“ĐƯA TA TRỞ LẠI! MAU LÊN! TA RA LỆNH CHO NGƯỜI! TA YÊU CẦU NGƯỜI!”

Nó lại hết vang, càng lúc cơn đau càng khủng khiếp - có lẽ phần vì suốt quá trình tồn tại dài đằng đẵng, Nó chỉ giỏi gây đau đớn cho kẻ khác, ngẫu nhiên trên nỗi đau ấy, chứ chưa bao giờ cảm thấy đau đớn trong bản thể của mình.

Nó quẩn quại tìm cách đẩy cậu, loại bỏ cậu, cố đấm ăn xôi, nhất nhất phải thắng cho bằng được, như trước nay vẫn thế. Nó không ngừng đẩy... nhưng Bill cảm thấy tốc độ tiến tới của cậu đã giảm dần, và một hình ảnh gớm ghiếc hiện lên trong tâm trí cậu: cái lưỡi của Nó, nhoe nhoét thứ nước bọt ngoe nguẩy chẳng khác nào sinh vật kia, dài như một sợi dây thun dày cui, đang nứt toác, chảy máu. Cấu hình dung thấy mình cắn chặt vào đầu lưỡi ấy, phá hủy nó từng chút, từng chút một, khuôn mặt cậu đấm thứ dịch xối xả tóa ra – máu của Nó, sặc sụa trong hơi thở tanh hôi chết người, nhưng vẫn kiên quyết bám trụ, làm mọi cách để bám trụ, mặc kệ Nó quẩn quại trong cơn đau cuồn cuộn đại và phần nộ trào dâng, không để Nó cuốn lưỡi lại...

(Chüüd, Chüüd là thế này đây, vững vàng lên, can trường lên, chân phương lên, chiến đấu vì em trai mình, vì bạn bè mình, hãy giữ trọn niềm tin, tin vào tất cả những gì cậu từng tin, tin rằng nếu cậu nói với cảnh sát mình bị lạc, chú ấy sẽ đưa cậu về nhà an toàn, tin có một Nàng tiên Răng

sống trong tòa lâu đài tráng men nguy nga, Ông già Noel sống ở Bắc Cực, làm đồ chơi với những chú lùn, rằng Đội trưởng Nửa đêm có thật, dù Carlton – anh cả của hai anh em sinh đôi Calvin và Cissy Clark bảo đó chỉ là chuyện lòe con nít, tin rằng rồi đây, bố mẹ sẽ yêu thương mình như xưa, rằng cậu có sẵn can đảm, và khi nào cậu cất tiếng, ngôn từ sẽ phát ra tròn tru; cậu không còn là đồ cùi bắp nữa, không còn phải trốn chui trốn nhủi trong một cái lỗ dưới đất và gọi nó là phòng sinh hoạt nhóm nữa, không khóc trong phòng George vì ân hận mình đã không thể cứu em và không biết tai ương sẽ xảy ra nữa, hãy tin vào bản thân mình, tin vào khát khao cháy bỏng)

Bất thành lời, cậu phá lên cười nắc nẻ trong bóng tối, không phải cười một cách cu ờng đại mà là thích thú vô cùng.

“ÔI CHÀ, TA TIN VÀO TẤT CẢ NHỮNG THỨ ĐÓ!” Cậu thét vang, và thật là thế ngay cả ở độ tuổi mười một này, vô số lần cậu đã chứng kiến rất nhiều thứ hóa ra là đúng. Ánh sáng lóe lên xung quanh. Giơ tay lên trên đầu, cậu ngẩng mặt và cảm thấy ngu ời sức mạnh d ối dào trào dâng.

Cậu lại nghe thấy tiếng Nó gào rống... và bỗng dưng, cậu bị kéo ngược trở lại con đường cậu vừa đi, trong đầu vẫn còn hình ảnh hàm răng cậu cắm sâu vào thứ thịt kỳ lạ của lưỡi Nó, chắc chắn như gọng kìm của tử thần. Cậu bay qua bóng tối, chân vùn vụt đằng sau, đầu dây giày đóng đầy bùn phấp phới như cò đuôi nheo, gió của không gian trống rỗng này ph ần phật trong tai.

Cậu bị kéo ngang qua con Rùa, và thấy nó rúc đầu vào mai; giọng nói của Nó khô khốc, méo mó, tựa hồ bên trong cái mai là giếng sâu thăm thẳm ngút ngàn:

... không tệ, cậu bé ạ, nhưng liệu mà kết thúc luôn đi, đừng để Nó trốn

thoát, năng lượng là thứ tiêu tán; điều cậu có thể làm được năm mười một tuổi thường không bao giờ thực hiện được nữa đâu

Giọng nói của con Rùa phai dần, phai dần, phai dần. Chỉ có bóng tối ào ào trôi... và rồi cậu trông thấy miệng đường hầm không lồ... mùi của thời gian và thối rữa... mạng nhện quật thẳng vào mặt cậu như lụa hư thối trong nhà ma... gạch ngói vụn nát mờ mờ trôi qua... những nút giao giờ đã tối thui, bóng bay trên Mặt Trăng đầu đã biến mất, và Nó cứ gào thét, gào thét ồm ồm:

...thả ta ra thả ta ra ta sẽ đi và không bao giờ trở lại thả ta ra ĐAU QUÁ ĐAU QUÁ ĐAU QUÁÁÁÁÁÁÁÁ

“Đắm tay!” Bill gào lên, gần như mất trí. Cậu có thể trông thấy ánh sáng trước mắt nhưng nó đang mờ dần, lập lờ như đèn cầy khổng lồ đã cháy gần hết... và trong phút chốc, cậu trông thấy mình và các bạn nắm tay nhau thành hàng, Eddie ở một bên, Richie phía còn lại. Cậu trông thấy cơ thể của mình, rũ rượi, đầu ngoẹo trên cổ, ngược nhìn con Nhện lúc này quần quai, vật vã như lên đồng, những cái chân xương xẩu thô ráp đập xuống sàn, độc từ vòi chảy ra.

Nó thét gào đau đớn như cặn cáo chung.

Vậy nên Bill cứ tưởng là vậy thật.

Sau đó, cậu tông rần trở lại cơ thể mình, va chạm mạnh chẳng kém gì cú bóng thẳng đập vào găng bóng chày, chấn động đến độ tay cậu tuột khỏi tay Richie và Eddie, khiến cậu khuỵu gối, trượt dài trên sàn, đến tận mép mạng nhện. Trong vô thức, cậu đưa tay ra chạm lấy một sợi tơ, tay cậu ngay lập tức tê dại như thể vừa bị tiêm một liều thuốc novocaine. Sợi tơ dày y như dây cáp điện thoại.

“Đừng chạm vào, Bill!” Ben hét to và Bill vội vàng giật tay ra, để lại vết

cắt lộ thịt ngang lòng bàn tay, ngay dưới các ngón tay. Vết thương tứa máu, cậu loạng choạng đứng dậy, mắt chăm chăm chĩa vào con Nhện.

Nó đang bò khỏi bọn họ, chạy về phía không gian tranh tối tranh sáng ở cuối gian phòng khi ánh sáng mất đi. Nó để lại những vùng máu đen đúa trên đường đi, bằng cách nào đó, cuộc chạm trán đã khiến Nó bị thương ở chục chỗ, thậm chí cả trăm chỗ là ít.

“Bill, mạng nhện!” Mike hét vang. *“Cẩn thận!”*

Cậu lùi lại, nghe nhìn tơ nhện lao thẳng xuống mặt sàn lát đá xung quanh như những con rắn trắng cục mịch. Chúng liền mất đi hình thù rồi chảy xuống khe nứt giữa các tảng đá. Mạng nhện đang vỡ vụn, càng lúc càng lỏng lẻo khỏi đầu nối. Một trong những cái xác thối rữa, bị bọc kín mít như ruồi, rơi xuống đất, đập lên sàn đánh thịch nghe đến rợn người.

“Con Nhện!” Bill gào lên. *“Nó đâu rồi?”*

Trong đầu vẫn vang vọng giọng của Nó, rít ré, hét gào vì đau đớn, cậu mơ hồ cảm nhận Nó đã đi vào đường hầm mà ban nãy Nó ném cậu vào... nhưng Nó vào trong đó để trở lại nơi ban đầu mà Nó muốn tổng cổ Bill... hay Nó toan ẩn nấp cho đến khi họ đi khỏi? Hoặc chết? Hoặc thoát ra?

“Chúa ơi, ánh sáng!” Richie hét lên. *“Ánh sáng sắp tắt rồi! Chuyện gì vừa xảy ra vậy Bill? Cậu đi đâu thế? Bọn tớ cứ tưởng cậu mất mạng rồi!”*

Một phần tâm trí bồn loạn trong Bill biết đi đâu đó không đúng: nếu họ thật sự cho rằng cậu đã chết, họ sẽ bỏ chạy, tứ tán, và Nó sẽ tấn công từng người một dễ như trở bàn tay. Hoặc có thể họ tưởng cậu đã chết, nhưng vẫn tin cậu còn sống.

Phải đảm bảo chắc chắn! Nếu Nó hấp hối hoặc trở lại hang ổ ban đầu của Nó, nơi bản thể sót lại trú ngụ, thì cũng không sao. Nhưng nếu Nó chỉ bị thương thì sao? Nếu mình có thể làm nhiều hơn thế thì sao? Nếu...

Tiếng thét của Stan cắt đứt luồng suy nghĩ của cậu như thủy tinh bể. Trong ánh sáng mờ mờ đang nhạt dần, Bill trông thấy một sợi tơ đã rơi xuống vai Stan. Trước khi Bill kịp chạy lại, Mike đã lao vào cậu bé nhỏ con hơn. Cậu hất Stan ra xa, và sợi tơ nhện bật ngược trở lại, mang theo một mảnh áo thun của Stan.

“Lùi lại!” Ben cảnh báo các bạn. *“Lùi khỏi nó, nó đang rơi xuống đấy!”* Cậu nắm tay Beverly, kéo cô ngược trở lại cánh cửa trẻ em, còn Stan chật vật đứng dậy, choáng váng nhìn quanh rồi chớp lấy Eddie. Hai cậu bé vừa đỡ nhau vừa chạy về phía Ben và Beverly, trông chẳng khác nào bóng ma trong ánh sáng nhạt dần.

Trên đầu bọn họ, mạng nhện sa xuống, tan nát, vẽ đối xứng đáng sợ ban đầu vụn vỡ. Thi thể co quắp trong không trung như những hòn chì dây dọi góm ghiếc. Tơ chẳng chịt giao nhau rơi xuống như những bậc thang thối rữa của một kết cấu phức tạp lạ lùng. Sợi tơ nào đập xuống đá đầu rít lên như mèo kêu, mất đi hình dạng rồi toán loạn chạy trốn.

Mike Hanlon cúi đầu, tránh né một cách tài tình, điêu luyện như cách cậu sẽ thoăn thoắt lọt qua hàng phòng thủ của hơn chục đội bóng bầu dục trung học sau này. Richie chạy bên cạnh. Lạ lùng chưa, Richie đang cười ha hả, dù tóc tai dựng thẳng đứng trên đầu, lửa chĩa như lông nhím. Không gian càng lúc càng tối, ánh lân quang trên tường dần lụi tàn.

“Bill!” Mike hét lên. “Đi thôi! Đi khỏi đây mau!”

“Lỡ Nó chưa chết thì sao?” Bill hét đáp trả. *“Bọn mình phải đuổi theo Nó, Mike! Bọn mình phải xác định chắc chắn!”*

Một mảng mạng nhện sa xuống như dù lượn, rơi xuống đất với một âm thanh rách toạc như thể lột da. Mike chớp lấy cánh tay Bill và kéo để bạn mình không bị nó rơi trúng.

“Nó chết rồi!” Eddie ré lên. Mắt cậu sáng như ngọn đèn nóng rẫy, hơi thở khô khè lạnh như băng trong cổ họng. Những sợi tơ nhện để lại những đường rạch chi chít trên lớp thạch cao trên tay cậu. “Tớ nghe thấy Nó, Nó hấp hối rồi, không kẻ nào phát ra âm thanh như vậy lúc vui vẻ, khỏe mạnh đi nhảy đầm đâu. Nó hấp hối rồi, tớ đảm bảo đấy!”

Hai tay Richie mò mẫm trong bóng tối, nắm lấy tay Bill, kéo cậu thật mạnh vào lòng. Cậu vỗ lưng Bill thùm thụp. “Tớ cũng nghe thấy Nó – Nó hấp hối rồi, Bill To Bự! Nó hấp hối rồi... *mà này, cậu không nói lắp kìa! Không nói lắp chút nào!* Cậu làm thế nào mà hay thế? Sao có thể...”

Đầu óc Bill quay cuồng. Cảm giác mệt bã người giằng cậu qua lại bằng những bàn tay to bè và vụng về. Cậu chẳng nhớ nổi mình từng mệt như thế này hay chưa... nhưng trong tâm trí, cậu nghe thấy giọng nói lê thê, gần như một mối của con Rùa: *liệu mà kết thúc luôn đi, đừng để Nó trốn thoát... điều cậu có thể làm năm mười một tuổi thường không bao giờ thực hiện được nữa đâu.*

“Nhưng bọn mình phải đảm bảo...”

Những cái bóng nắm chặt tay nhau, và rồi bóng đêm hoàn toàn choáng ngợp. Nhưng trước khi ánh sáng tắt hẳn, dường như cậu đã thấy vẻ ngờ vực đáng sợ hiện lên trên khuôn mặt Beverly... và trong mắt Ben. Dầu vậy, khi tia sáng cuối cùng tắt hẳn, họ có thể nghe thấy tiếng thì thầm, rung lắc và thỉnh thoảng của mạng nhện cam lạng kia vỡ nát thành từng mảnh.

3

Bill trong khoảng không/ Hậu

... chà, người lại xuất hiện đấy à, Bạn Nhỏ! nhưng tóc tai người sao thế kia? sao mà hơi tro hơi trụi thế kia? buồn chưa! cuộc đời của con người

*mới buồn thảm và ngẩn ngui làm sao! đời như xấp giấy nhỏ xíu do thăng
ngốc viết nên! chắc chắn, chỉ có thế mà thôi*

*Ta vẫn là Bill Denbrough đây. Người đã giết em trai ta, giết Stan Quân
Tử và còn tìm cách hạ sát Mike. Để ta nói với người điều này: lần này ta
sẽ không dừng cho đến khi tất cả ngã ngũ*

*... Con Rùa ngu si, quá ngu si nên chẳng biết dối trá. hắn nói sự thật với
người, Bạn Nhỏ... đúng là vô tiền khoáng hậu, người mới đủ sức làm ta bị
thương... khiến ta bất ngờ ra phết, nhưng đừng hòng có lần hai. ta là kẻ
đã gọi người trở lại. chính là ta*

Đúng là người đã gọi ta trở lại, nhưng Người không phải kẻ duy nhất

*... lão con Rùa bạn người... hắn đã chết cách đây vài năm rồi. kẻ ngu
độn già khú đế ấy nôn mửa bên trong mai và chết ngạt vì một, hai thiên hà,
người có thấy quả là tấn bi kịch không? nhưng cũng khá kì khôi, xứng
đáng xuất hiện trong Chuyện khó tin của Ripley ấy chứ nhỉ, xảy ra vào
khoảng thời gian người bí ý tưởng khi viết lách đây, ắt hẳn người cũng
cảm nhận được hắn qua đời nhỉ, Bạn Nhỏ*

Đừng hòng ta tin vào điều đó

*... ồ rồi người sẽ tin thôi... người sẽ thấy. Bạn Nhỏ, lần này ta sẽ cho
người thấy tất cả, kể cả tử quang*

Anh cảm nhận giọng nói của Nó càng lúc càng rít ré, the thé và inh tai –
rồi anh cảm nhận trọn vẹn cơn cuồng nộ của kẻ thù. Anh sợ hãi tột bậc.
Anh vươn đến cái lưỡi trong tâm trí Nó, tập trung hết sức, chập vạt tái hiện
niềm tin ban sơ thuở bé, nhưng đồng thời anh hiểu sự thật chí tử trong lời
Nó nói: lần trước, Nó không hề phòng bị. Lần này... chà, ngay cả khi Nó
không phải kẻ duy nhất gọi họ trở về, chắc chắn Nó vẫn đợi sẵn.

Dẫu vậy...

Anh cảm thấy lửa giận bùng lên, thanh khiết, ngân nga, khi hai mắt anh dán chặt vào mắt Nó. Anh cảm nhận được những vết sẹo cũ của Nó, cảm nhận được ngày ấy Nó bị thương rất nặng, đến giờ vết thương vẫn hành hạ Nó.

Và khi Nó quăng anh đi, khi anh cảm nhận tâm trí bật ra khỏi cơ thể, anh tập trung hết sức để chộp lấy lưới của Nó... *nhưng bị trượt*.

4

RICHIE

Bốn người còn lại ngây ra như phỗng, trân trối đứng nhìn. Mọi thứ tái hiện chính xác những gì đã xảy ra – ban đầu là vậy. Tưởng chừng con Nhện sắp sửa chộp lấy Bill và ăn tươi nuốt sống anh thì bỗng nhiên, Nó lại đứng yên. Mắt của Bill và những con mắt hòng ngọc của Nó chăm chăm dán vào nhau. Dường như vừa khởi phát một tương tác... một tương tác nằm ngoài tầm thấu suốt của họ. Nhưng họ cảm thấy hai luồng ý chí đang giằng co, đối đầu với nhau.

Rồi Richie ngược lên nhìn mạng nhện mới, nhận thấy điểm khác biệt đầu tiên.

Trên đó cũng có thi thể, một số bị găm nham nhỡ và thối rữa, giống với trước kia... nhưng cao hơn, ở một góc là xác người mà Richie thấy còn rất mới, có khi nạn nhân vẫn còn sống. Beverly chưa nhìn lên nên không để ý – cô mãi quan sát Bill và con Nhện – nhưng dù kinh hãi, Richie vẫn nhận thấy xác người phụ nữ trên mạng nhện và Beverly giống nhau đến mức nào. Cô ấy cũng có mái tóc dài, đỏ rực. Mắt cô mở to nhưng mờ đục, không lấp lánh. Nước bọt chảy từ khóe miệng bên trái xuống cằm. Cô bị treo vào một trong những dây tơ chính bằng bộ giáp bọc quanh hông và dưới hai cánh tay, khiến cả người nghiêng về phía trước trước như đang

hững hờ cúi xuống, tay chân lủng lẳng trong không trung. Cô để chân trề.

Richie trông thấy một cái xác khác rúm ró ngay dưới chân cô, gã đàn ông anh chưa thấy bao giờ... nhưng trong vô thức, tâm trí anh nhận ra nó hao hao kẻ chết đi chẳng ai than khóc – Henry Bowers. Máu tứa ra từ hai con mắt gã đàn ông nọ, sùi thành lớp dày quanh miệng và cằm của hắn. Hắn...

Đúng lúc ấy, Beverly thét lên: *“Không ổn rồi! Có chuyện không ổn rồi, phải làm gì đó, vì Chúa, ai đó LÀM gì đi...”*

Ánh nhìn của Richie quay trở lại phía Bill và con Nhện... anh cảm thấy/ nghe thấy tiếng cười độc địa. Khuôn mặt của Bill như bị kéo căng một cách mơ hồ. Da mặt anh trắng bệch như miếng da khô khốc, bóng như da của cụ ông già khom. Mắt anh trợn trừng, trắng dã.

Ôi Bill ời, cậu đâu rồi?

Bỗng nhiên Richie trông thấy máu sùi ra từ mũi Bill. Miệng anh méo mó, toan thét gào... Con Nhện lấn tới chỗ anh. Nó xoay người, chuẩn bị ngòi châm.

Nó chuẩn bị giết chết cậu ấy... giết chết thân xác của Bill... trong khi tâm trí cậu ấy còn đang phiêu du chỗ khác. Nó muốn giam cầm cậu ấy ngoài kia mãi mãi. Nó đang chiếm thế thượng phong... Bill, cậu đâu rồi? Vì Chúa, cậu đâu rồi?

Và rồi đâu đó, rất khẽ, cách đó xa đến không tưởng, anh nghe thấy tiếng Bill hét lên... lời nói dù vô nghĩa nhưng rõ ràng và đầy

(Con Rùa chết rồi ôi Chúa ời con Rùa chết thật rồi)

tuyệt vọng.

Bev lại ré lên, đưa hai tay lên bịt tai như thể muốn chặn tiếng nói đang

nhặt phai dần ấy. Thấy ngời chằm của con Nhện giờ lên, Richie vội lao tới, nụ cười ngoác tận mang tai, anh hô vang phiên bản giọng Tay cảnh sát Ireland hay nhất của mình:

“Này, này, con ả kia! Người nghĩ mình đang làm gì đấy hả? Bỏ cái thứ ấy xuống ngay kẻo ta gõ cửa nhà người và giật váy người bây giờ!”

Con Nhện ngưng cười, và Richie cảm nhận được sự phẫn nộ, đau đớn đang dâng trào trong đầu Nó. *Làm Nó bị thương!* Anh đắc thắng nghĩ. *Sao hả, làm Nó bị thương, và đoán xem? MÌNH ĐÃ CHỘP ĐƯỢC LƯỖI CỦA NÓ RỒI! HÌNH NHƯ BILL BỊ TRƯỢT NHƯNG TRONG LÚC NÓ PHÂN TÂM MÌNH ĐÃ...*

Đoạn Nó gào thét với anh, tiếng thét như cả tổ ong đang nổi giận trong đầu, Richie bị hất văng ra khỏi cơ thể, xuyên vào màn đêm, lơ mơ ý thức Nó đang tìm cách để anh buông lời. Nó làm tốt ra phết. Nỗi sợ hãi ào ào qua anh, sau đó bị thay thế bởi một cảm giác kì khôi mênh mông vô tận. Anh nhớ lại hình ảnh Beverly cầu yo-yo Duncan của anh trên tay, chỉ cho anh cách thả sao cho nó quay vòng vòng ở cuối dây, làm động tác dắt chó đi dạo và đi vòng quanh thế giới. Giờ thì anh ở đây, Richie Yo-Yo Trong Hình Người, còn lưỡi của Nó là sợi dây. Anh đang ở đây, và động tác này không phải dắt chó đi dạo, phải đặt tên là dắt Nhện đi dạo mới đúng, đến đi đâu này mà còn không buồn cười thì chẳng biết có gì buồn cười đây?

Richie phá lên cười ha hả. Tất nhiên, cười khi miệng đang ngậm ngôn không phải là hành vi lịch thiệp gì cho lắm, nhưng anh dám cá chẳng ai trong số những người ở đây đọc sách dạy lễ nghĩa phép tắc đâu.

Nghĩ đến đấy, anh lại càng buồn cười và cắn chặt hơn.

Con Nhện gào thét, cuống cuồng rũ bỏ anh, lộn gập lên tức tối khi bị chơi thêm một màn bất ngờ – Nó cứ tưởng chỉ có thằng nhà văn mới

dám đối đầu với Nó, thế mà giờ đây, gã đàn ông cười như điên như đại này đã thừa nước đục thả câu.

Richie cảm thấy mình đang d ần tuột.

... giữ thêm tí đi, cô nương, nếu chúng ta không đi cùng nhau, đừng hòng tôi bán cho quý cô tấm vé xổ số nào, mà vé số này ai cũng thắng độc đắc, tôi lấy danh nghĩa mẹ tôi ra thề đấy

Anh cảm thấy rằng mình một lần nữa chộp lấy lưỡi Nó, lần này chắc chắn hơn. Bản thân anh cũng có một cảm giác nhoi nhói rất kh ẽ khi Nó cắn răng nanh vào lưỡi anh. Trời ạ, thế mà anh vẫn cảm thấy buồn cười quá sức. Ngay cả khi anh bị quăng vào trong bóng tối, tiếp bước Bill, với cái lưỡi của con quái vật không cất tiếng này là c ần nối duy nhất nối anh với thế giới thực, ngay cả khi cơn đau do nọc độc từ răng nanh của Nó lan khắp đầu anh như sương mù đỏ rực, anh vẫn thấy chuyện này khôi hài. *Chống mắt lên mà nhìn đi bà con cô bác. Phát thanh viên biết bay đấy nhé.*

Đúng thật, anh đang bay.

Richie chìm trong bóng tối đen đặc hơn tất cả những gì anh từng biết hay ngờ rằng có thể t ồn tại, lao vun vút ngang ngửa tốc độ âm thanh, bị lắc l ắc l ắc đ ể như con chó săn quăng quật con chuột. Anh cảm nhận có thứ gì đó ở đằng trước, một thi thể khổng lồ. Con Rùa mà anh nghe thấy Bill than van ban nãy sao? H ửn vậy. Nó chỉ còn là một cái mai, một cái vỏ chết. Đoạn anh chạy ngang qua nó, ào ào vào màn đêm.

Phóng gì mà b ạt mạng, anh nghĩ và cơn buồn cười lại dâng lên.

bill! bill, cậu có nghe thấy tớ không?

... h ửn biến mất rồi, h ửn đang chìm trong tử quang, thả ta ra ! THẢ TA RA!

(richie?)

Tiếng nói khê cất lên từ xa xăm, xa tít tắp trong tăm tối.

bill! bill! tở đây! chụp lấy tay tở! vì Chúa chụp lấy tở

... hấn chết rồi, các người chết cả rồi, các người quá già, người không hiểu sao? Giờ thì thả ta ra!

này con ả khốn khiếp, không bao giờ là quá già để rock and roll đâu

... THẢ TA RA!

đưa ta đến chỗ cậu ấy thì hên xui

richie

... gần hơn rồi, cậu ấy gần hơn rồi, tạ ơn Chúa...

tở đến đây, Bill To Bự! Richie giang tay nghĩa hiệp! Tở cứu nhân độ thế đây! Vẫn nợ cậu một mạng cái ngày trên đường Neibolt, nhớ không?

... THẢ TA RA!

Nó càng lúc càng quẩn quại, và Richie ngộ ra anh đã bắt thóp được Nó ngay lúc không ngờ nhất – Nó định ninh Bill là kẻ duy nhất đối địch với mình. Chà, tốt thôi. Cái tội chủ quan. Richie không màng đến việc kết liễu Nó; anh còn chẳng dám chắc liệu Nó có thể bị tiêu diệt hay không. Nhưng Bill có thể mất mạng, và Richie cảm thấy thời gian của Bill còn rất ít ỏi. Bill càng lúc càng tiến gần đến thứ bất ngờ to lớn, khủng khiếp ngoài kia, một thứ tốt nhất anh không nên nghĩ tới.

Richie, đừng! Quay lại đi! Nơi này là rìa của vạn vật! Là tử quang!

nghe như bật đèn pha khi lái xe vào nửa đêm nhỏ, thưa quý ông... mà cậu đang ở đâu đấy, bạn thân yêu? Cười lên để tở còn biết cậu ở chốn nào!

Bỗng dưng, Bill hiện ra, trượt băng băng bên

(trái? phải? ở đây chẳng có phương hướng gì cả)

cạnh anh. Đứng xa, vun vút càng lúc càng gần, Richie có thể trông thấy cảm nhận thứ khiến tròng cười của anh tắt ngóm. Đó là một ranh giới có hình thù kỳ lạ, phi hình học nên tâm trí anh không tài nào lý giải nổi. Thay vào đó, giống với việc biến thể dạng của Nó thành hình hài con Nhện, đầu óc anh chuyển hình ảnh của ranh giới ấy thành bức tượng xám xịt, sừng sững, làm bằng những cọc gỗ hóa thạch. Cọc gỗ chạy dài đến vô tận, như chấn song của buồng giam. Giữa những cọc gỗ lóe lên thứ ánh sáng rực rỡ. Nó chói chang, cử động, mỉm cười và gặm gù. Ánh sáng ấy là thể sống.

(tử quang)

Không chỉ sống, nó còn sở hữu vô vàn sức mạnh – lực hút, trọng lực, thậm chí một thứ lực gì đó khác. Richie cảm thấy mình bị nâng lên, quăng xuống, bị cuốn đi nhưng rồi bị kéo giật lại, tựa hồ anh đang bắn những dòng nước siết trong một đường ống hình tròn. Anh cảm thấy ánh sáng vội vã di chuyển trên mặt anh... và ánh sáng ấy có suy nghĩ.

Đây là Nó, đây là Nó, là phần còn lại của Nó

... thả ta ra, nếu người hứa thả ta ra

bạn thân yêu, ta biết thỉnh thoảng ta nói dối – mẹ ta cho ta trận nhớ đời nhưng bố ta thì từ bỏ luôn rồi

Anh cảm thấy Bill ngã nhào, lão đảo ngã vào một trong những khoảng trống trên bức tường, cảm nhận những ngón tay ma quỷ của tử quang đang vươn lấy anh, và còn bao sức tàn, anh vươn tay về phía bạn mình.

Bill! Tay! Đưa tay cho tớ! ĐƯA TAY CHO TỚ, MẸ KIẾP! TAY CỦA CẬU!

Bàn tay của Bill vươn ra, những ngón tay hết đóng lại mở, ngọn lửa

sống kia trườn bò, len lỏi qua nhấn cưỡi của Audra thành những họa tiết vằn vện – nào là bánh xe, lưới liềm, ngôi sao, hình chữ Vạn, những vòng tròn nối vào nhau thành xích con lăn. Khuôn mặt của Bill cũng hần lên thứ ánh sáng ấy, trông chẳng khác nào hình xăm. Vừa vươn tay ra hết cỡ, Richie vừa nghe thấy tiếng Nó thét gào và lảm nhảm.

(Mình bắt trượt rồi, ôi lạy Chúa, mình bắt trượt rồi cậu ấy sẽ phóng qua mất)

Đoạn ngón tay của Bill trượt qua tay Richie, và Richie nắm tay lại thành nắm đấm. Chân Bill lao qua khoảng hở trên bức tường gỗ hóa thạch, và trong một khoảnh khắc điên cuồng, Richie bàng hoàng nhận ra anh có thể thấy tất tần tật xương, mạch máu và mao mạch bên trong, như thể Bill đã lọt nửa người vào hàm của cỗ máy X-quang mạnh nhất thế giới. Richie cảm nhận bao cơ bắp trong cánh tay anh giãn ra như kẹo bơ, cảm thấy khớp nối trên vai kèn kẹt rên lên phản đối khi áp lực càng lúc càng tăng.

Anh vận hết sức bình sinh và hét vang: *“Kéo bọn ta lại! Kéo bọn ta lại nếu không ta sẽ giết chết người! Ta... Ta sẽ dùng Giọng nói cho người chết mới thôi!”*

Con Nhện lại rít lên, và đột nhiên Richie cảm thấy chấn động tanh tách như roi vút xuống qua cơ thể mình. Tay anh chẳng khác nào một thanh đao đón trắng bạch, nóng hổi. Tay anh bắt đầu tuột khỏi tay Bill.

“Giữ chắc vào, Bill To Bự!”

“Tớ giữ được cậu rồi! Richie, tớ giữ được rồi!”

Liệu mà giữ đi, Richie âu sầu nghĩ, vì tớ thấy cậu có cuộc bộ mười tỷ cây số ngoài kia thì cũng chẳng tìm được cái nhà xí trả phí nào đâu.

Họ vun vút bật ngược trở lại, ánh sáng điên rồ kia mờ dần, trở thành chuỗi những đầu ghim loang loáng và hổi sau thì tắt hẳn. Họ ào ào lao qua

bóng tối như quả ngư lôi. Richie cắn chặt răng vào lưới Nó, giữ rịt cổ tay của Bill bằng cánh tay đau như hoạn của mình. Con Rùa hiện ra; rồi mất dạng trong chớp mắt.

Richie cảm nhận được họ đã tiến gần đến nơi mà anh cho rằng đó là thế giới thật (dù anh nghĩ từ nay về sau, anh sẽ chẳng xem nó là “thật” nữa, anh sẽ xem nó như khung cảnh trên tấm vải canvas, được nâng đỡ bên dưới bằng mạng lưới cáp trợ lực chẳng chịt... những sợi cáp trông như tơ nhện). *Nhưng bọn mình sẽ ổn thôi, anh nghĩ. Bọn mình sẽ quay về. Bọn mình...*

Đúng lúc ấy, màn quăng quật lại bắt đầu – những cú giăng từ bên này sang bên kia, rung lắc, giật tới giật lui khi Nó cố gắng thêm cú chót để rũ bỏ hai người, để mặc bọn họ trong Ngoại Giới. Và Richie cảm thấy lực của mình dần lơi đi. Anh nghe thấy tiếng Nó cười hăng hắc đầy đắc thắng và chỉ tập trung giữ thật chặt... nhưng càng lúc càng tuột. Anh cuống cuống cắn răng, song chẳng hiểu sao lưới Nó không còn hình dạng, xa rời thực tế; tựa hồ dần biến thành tơ.

“*Cứu!*” Richie hét lên. “*Tớ sắp tuột rồi! Cứu! Ai đó cứu với!*”

5

EDDIE

Eddie lơ mơ ý thức được chuyện đang xảy ra; anh mơ hồ cảm nhận, mơ hồ trông thấy, như thể qua một tấm màn mờ đục. Bill và Richie đang khốn đốn tìm cách quay trở lại từ một nơi nào đó. Thân xác họ ở đây, nhưng phần còn lại – bản thể thực sự của họ - đang xa xôi vô cùng.

Ban nãy, anh đã nhìn thấy con Nhện quay sang toan chích vòi vào người Bill, sau đó Richie chạy đến, xa xả hét lên với Nó bằng giọng Tay cảnh sát

Ireland rõ nức cười mà ngày xưa cậu ấy hay dùng... chỉ khác là trình độ của Richie đã đạt đến mức thượng thừa qua bao năm, vì Giọng nói ấy nghe giống giọng của ông Nell khủng khiếp.

Con Nhện quay sang nhìn Richie, và Eddie trông thấy những con mắt đỏ lừ căm lạng của Nó lờ ra trong hốc mắt. Richie lại thét lên, lần này bằng giọng Pancho Vanilla, và Eddie *cảm thấy* con Nhện rít gào đau đớn. Ben khô khốc la lên khi vết nứt xuất hiện trên người Nó, dọc theo vết sẹo cũ từ cuộc chiến trước đây. Máu phọt ra, đen như dầu thô. Richie lại toan nói gì đó... bỗng giọng bạn anh *tiêu biến*, như hiệu ứng âm thanh tắt dần ở cuối bài hát. Anh ngẩng lên, mắt dán chặt vào mắt Nó. Con Nhện lại đứng im như tượng.

Thời gian trôi qua – Eddie không rõ bao lâu. Richie và con Nhện cứ thế nhìn nhau chăm chăm; Eddie cảm nhận được mối liên kết giữa bạn anh và Nó, cảm nhận cuộn cuộn những lời trao đổi, cảm xúc từ xa đạt đến. Anh không bắt được chi tiết nào rõ nghĩa, chỉ cảm nhận được sắc thái của chúng qua màu sắc và những khoảng sáng tối.

Bill nằm gục trên sàn, mũi và tai chảy máu, ngón tay khẽ co giật, mặt trắng nhợt, mắt nhắm nghiền.

Lúc này, con Nhện chảy máu bốn, năm chỗ, một lần nữa, Nó bị thương nặng, dấu vậy chưa đến mức chí tử, và Eddie thầm hỏi: *Tại sao bọn mình cứ đứng đực ra đây nhỉ? Mình có thể khiến Nó bị thương trong lúc Nó mới chiến đấu với Richie! Tại sao không ai cử động, vì Chúa?*

Anh cảm nhận chiến thắng dâng trào – và cảm giác ấy thân thương, sắc bén. Càng lúc càng gần. *Họ đang trở về!* Anh muốn hét lên nhưng miệng quá khô khốc, họng quá đỗi thít chặt. *Họ đang trở về!*

Rồi đầu của Richie chậm rãi lắc từ bên này sang bên kia. Cơ thể anh

đường như đang *gợn sóng* bên dưới lớp quần áo. Cặp kính chơi vơi trên đầu mũi... sau đó rơi xuống, vỡ vụn trên nền đá.

Con Nhện cử động, những cái chân khẳng khiu canh cách gõ lên sàn. Eddie nghe thấy Nó thét lên đầy khoái chí, và giây sau, giọng nói của Richie vỡ òa trong đầu anh:

“Cứu! Tớ sắp tuột rồi! Cứu! Ai đó cứu với!”

Eddie chạy về phía bọn họ, dùng cánh tay lành lặn của mình lôi ống thở ra khỏi túi, môi mím lại nhăn nhó, hơi thở khò khè phát đau ra vào cổ họng tưởng chừng chỉ bằng lỗ kim. Thật điên rồ làm sao khi khuôn mặt của mẹ anh nhảy múa trước mặt, khóc lóc: *Đừng đến gần Thứ Đó, Eddie! Đừng đến gần Nó kẻo bị ung thư bây giờ!*

“Mẹ im đi!” Eddie rít lên, giọng cao chót vót – chút giọng nói còn lại của anh. Con Nhện quay đầu sang âm thanh vừa phát ra, mắt Nó tạm rời khỏi Richie.

“Đây!” Eddie gào bằng giọng nói đang dần tắt. *“Lãnh thứ này đi!”*

Anh nhảy bổ vào Nó, kéo cò ống thở, và trong khoảnh khắc, niềm tin thuở bé vào thứ thuốc này trỗi dậy trong anh, thứ thuốc thần có thể trị bách bệnh, có thể xoa dịu lòng cậu bé Eddie khi bị đám du côn trong trường đánh đập, khi cậu bị xô ngã nhào trong dòng học sinh ồ ạt lao ra cửa hôm kết thúc năm học, khi phải ngẫ ngoài rìa khu đất trống sau Trạm Xe tải của Anh em Tracker, không tham gia chơi bóng chày vì mẹ không cho. Thứ thuốc ấy tốt lắm, công hiệu cực kỳ, và khi anh nhảy vào mặt con Nhện, ngửi thứ xú khí vàng vọt của Nó, cảm thấy mình bị áp đảo bởi phần nộ, bởi quyết tâm xóa sổ mọi người của Nó, anh xịt ống thở vào một con mắt hờn ngọc của con quái vật.

Anh cảm thấy – nghe thấy Nó hét lên – lần này, tiếng hét không âm

vang tức giận mà chỉ có đau đớn, đau thống thiết. Anh nhìn thấy hơi sương đáp lên cầu mắt lồi, đỏ như máu, và khi đáp lên mắt, những giọt nước li ti trở nên trắng xóa, anh thấy chúng xói vào như phenol ăn mòn; anh nhìn thấy con mắt khổng lồ của Nó bắt đầu xẹp xuống như lòng đỏ trứng, chảy bê bết thành một dòng máu tự chuyển động cùng dịch nhờn, mủ nhưng nhúc nhích.

“Về nhà đi, Bill!” Anh vắt chút hơi tàn hét lên rồi tông đánh sầm vào Nó, cảm nhận hơi nóng xú uế của Nó phủ vào người mình, anh cảm thấy sự ấm áp, ướt ướt góp ghê rợn phát hiện cánh tay lạnh lặn của mình đã thọc vào miệng con Nhện.

Kéo cò ống thở lần nữa, lần này, anh xẹt thẳng xuống họng Nó, ngay cái thực quản đang nấc, thối rửa, rồi đột nhiên, anh thấy con đau choáng ngợp cơ thể, bén ngọt như dao chém xuống khi hàm của Nó đóng phập xuống và cắn đứt lia cánh tay anh khỏi vai.

Eddie ngã vật xuống sàn, phần tay nham nhở phun đầy máu, lơ mơ nhận ra Bill đang run rẩy đứng dậy, còn Richie cuống cuống vung hai tay, loạng choạng lao tới chỗ anh như gã xỉn sau một đêm nốc như hũ chìm.

”...eds...”

Xa quá. Mà cũng chẳng quan trọng. Anh cảm thấy mọi thứ đang trôi khỏi người cùng máu của sinh mệnh anh... bao phần uất, bao đau đớn, bao sợ hãi, bao bối rối và tổn thương. Anh đoán chắc mình sắp chết nhưng anh lại cảm thấy... ôi, Chúa ơi, anh thấy *tĩnh táo, thanh khiết* làm sao, như khung cửa sổ vừa được lau sạch, cho phép thứ ánh sáng bình minh rọi ngợp, huy hoàng, lọt vào trọn vẹn; thứ ánh sáng ấy, ôi Chúa ơi, thứ ánh sáng vừa vắn, hoàn hảo, mỗi giây lại lóe lên nơi chân trời nào đó trên thế giới.

”...eds ôi chúa ơi bill ben ai cũng được cậu ấy đứt mất cánh tay rồi cậu ấy...”

Ngược nhìn Beverly, anh thấy cô đang khóc, nước mắt giàn giụa trên hai gò má bần thỉu khi cô lột một tay dưới người anh, anh sờ sờ nhận ra cô đã cởi áo ngoài của mình để cấn máu ồạt tuôn cho anh, và cô đang hét lên cầu cứu. Đoạn anh nhìn Richie, liếm môi. Sờ sờ, nhạt nhòa sờ sờ. Càng lúc càng tỉnh sạch, bao như bần trào ra khỏi anh, để anh có thể sạch hẳn, để thứ ánh sáng kia có thể tràn qua, và nếu có đủ thời gian, khéo có khi anh sẽ tuôn ra một tràng về điếu này ấy chứ, anh sẽ rao giảng: *Không tệ đâu. Chuyện này không tệ chút nào.* Nhưng có một điếu anh phải nói trước.

“Richie,” anh thì thào.

”Gì thế?” Richie quỳ gối, nhìn anh bất lực.

“Đừng gọi tớ là Eds,” anh nói rồi mỉm cười. Chậm rãi đưa tay lên, anh chạm vào má Richie. Cậu bạn của anh đang khóc. “Cậu biết tớ... tớ...” Rồi Eddie nhắm mắt, suy nghĩ làm sao để nói nốt, và trong lúc chưa nghĩ ra, anh đã lìa đời.

6

Derry/ 7 – 9 giờ sáng

Đến 7 giờ sáng, tốc độ gió ở Derry đã đạt 60 ki-lô-mét trên giờ, gió giật lên đến 70 ki-lô-mét một giờ. Harry Brooks, phát thanh viên dự báo thời tiết của Dịch vụ Thời tiết Quốc gia ở Sân bay Quốc tế Bangor, gọi điện cảnh báo cho trụ sở chính ở Augusta. Anh cho biết gió thổi từ phía Tây và di chuyển theo hình thái bán nguyệt kỳ lạ mà anh chưa từng chứng kiến trước đây... nhưng càng lúc, anh càng thấy nó giống một cơn bão nhỏ với tính chất khác thường, loại bão mà chỉ Derry mới có. 7 giờ 10 phút, các đài

phát thanh lớn của Bangor phát cảnh báo thời tiết nguy hiểm. Vụ nổ máy biến áp Trạm Xe tải Anh em Tracker đã khiến toàn bộ khu vực phía đường Kansas của Vùng Đất Cằn bị mất điện. 7 giờ 17 phút, một cây phong cổ thụ ở phía Mũi Đất Cũ của Vùng Đất Cằn bị đổ, phát ra tiếng đổ kinh thiên động địa, san phẳng cửa tiệm Cú Đêm ở góc đường Merit và Đại lộ Mũi Đất. Cụ già mang tên Raymond Fogarty đến mua hàng và không may thiệt mạng khi túm lạnh đựng bia đổ nhào. Ông cụ này ngày trước từng là mục sư của Giáo hội Giám lý đầu tiên của Derry và đã chủ trì lễ tang của George Denbrough vào tháng 10 năm 1957. Cây phong còn kéo đứt đường dây điện, gây mất điện ở Mũi Đất Cũ và khu dân cư Sherburn Woods hiện đại hơn ở đằng sau. Vào thời điểm 6 giờ và 7 giờ, chiếc đồng hồ trên tháp Nhà thờ Baptist Ân Điển cũng không ngân lên. 7 giờ 20 phút, ba phút sau khi cây phong bị đổ ở Mũi Đất Cũ và khoảng một tiếng mười lăm phút sau khi bên cầu và đường cống dân dụng khu này bất thành linh trào ngược, chiếc đồng hồ trên tòa tháp đột ngột giống lên mười ba hồi chuông. Một phút sau, tia chớp trắng xanh đánh thẳng xuống ngọn tháp. Lúc đó, Heather Libby, vợ của mục sư, tình cờ nhìn ra ngoài cửa sổ nhà bếp, bà kể lại tòa tháp “nổ tung như thể có người cài cả đồng thuốc nổ dưới đó”. Những tấm gỗ quét vôi trắng, những khối xà rần cùng chiếc đồng hồ từ Thụy Sĩ rơi như mưa xuống đường. Phần tháp nham nhở cháy một lúc rồi bị dập tắt trong cơn mưa đang âm ỉ trút xuống. Những con phố dẫn xuống đồi vào khu vực mua sắm trung tâm sỏi bột trắng xóa và chảy siết. Độ hung hãn của Kênh Đào bên dưới đường Chính âm ỉ như sấm sét, khiến cư dân ai nấy đầu sốt ruột nhìn nhau. Đến 7 giờ 25 phút, khi dư âm của tòa tháp Nhà thờ Baptist Ân Điển sụp đổ vẫn còn vang vọng khắp Derry, tay lao công sáng nào cũng đến lau dọn quán rượu Wally's Spa trừ Chủ nhật trong thấy cảnh tượng khiến anh ta co giò chạy ra đường, vừa chạy vừa gào thét. Nghiện

rượu ngay từ học kỳ đầu tiên khi mới vào đại học Maine cho đến tận mười một năm trước, tay này được trả đồng lương mặt rệp để dọn dẹp – song ai nấy đều hiểu thù lao thật sự nằm ở việc được tự do uống sạch sành sanh những gì còn sót lại trong bom bia để dưới quầy bar từ đêm trước. Có khi Richie Tozier sẽ nhận ra người này, anh ta chính là Vincent Caruso Taliendo, hay còn được các bạn học chung lớp Năm biết đến với cái tên Taliendo “Gỉ Mũi”. Buổi sáng khùng khiếp ấy, trong lúc lau dọn quán rượu, dần dần tiến đến quầy phục vụ, anh ta trông thấy cả bảy vòi bia - ba vòi Bud, hai vòi Narraganset, một vòi Schlitz (mà dân bợm liêu xiêu ở Wally’s hay gọi là [Slits](#)), và một vòi Miller Lite – bị gạt xuống như thể có bảy bàn tay vô hình. Bia òng ọc trào ra thành dòng tung bọt trắng vàng. Vince lao tới, không nghĩ có hồn ma bóng quế gì mà chỉ tiếc công sức dọn dẹp cả buổi sáng hôm nay để sông đổ biển. Nhưng rồi anh ta khựng lại, mắt trợn trừng, và tiếng hét kinh hoàng, gào khóc vang lên trong cái hang trống rỗng sắc mùi bia mang tên Wally’s Spa. Bia đã nhường chỗ cho máu trào như phun ra từ động mạch. Nó sùng sục cuộn trào trong ống crôm, tràn ra rồi òng ọc chảy xuống quầy rượu thành những dòng nhỏ. Giờ thì tóc tai và những mảng thịt bắt đầu phọt ra từ vòi bia. Taliendo “Gỉ Mũi” đứng ngây ra nhìn, chẳng bối đâu ra sức lực để cất thêm tiếng hét thất thanh nào nữa. Và rồi có một tiếng xoảng khô khốc vang lên khi một trong ba bom bia dưới quầy nổ tung. Tất cả cửa tủ dưới quầy bật tung. Thứ khói xanh như làn khói sau màn biểu diễn ảo thuật bắt đầu bay ra từ trong tủ. Đến đây thì “Gỉ Mũi” chịu hết nổi. Vừa hét, anh ta vừa nháo nhào lao ra con đường giờ chẳng khác nào dòng kênh hẹp. Anh ta ngã đập mông xuống đất, vội vàng đứng dậy và hoảng sợ liếc ra đằng sau. Khung cửa sổ của quán rượu vỡ tan với một tiếng nổ văng trời. Những mảnh kính vỡ bay vèo vèo qua đầu Vince. Ngay sau đó, lại có một cửa sổ nữa nổ tung. May sao lần này anh ta

cũng không xây xát gì... nhưng trong khoảnh khắc ấy, dòng đời đưa đẩy anh ta đi đến quyết định đã đến lúc anh phải lên thăm chị gái mình ở [Eastport](#). Anh ta liền lên đường, và hành trình đến ranh giới thị trấn Derry cũng như vượt khỏi đó đủ thác ghềnh để viết thành thiên tiểu thuyết... nhưng tóm gọn trong một câu thì cuối cùng, anh ta cũng ra được thị trấn. Những người khác không may mắn như vậy. Aloysius Nell, cụ ông vừa bước sang tuổi bảy mươi bảy mới đây, đang ng ồi với cụ bà trong phòng khách của căn nhà trên đường Strapham, nhìn cơn bão tấn công Derry. Đến 7 giờ 32 phút, cụ ông lên cơn đột quỵ và qua đời. Một tuần sau, cụ bà kể với người em rằng ông Aloysius đánh rơi cốc cà phê xuống tấm thảm, ng ồi bật dậy, mắt trợn trừng và hét lên: *“Này, này, con ả kia! Người nghĩ mình đang làm gì đấy hả? Bỏ cái thứ ấy xuống kéo ta gô cổ nhà người và giật váy người lại...”* Đoạn ông ngã khỏi ghế, đè vỡ cốc cà phê. Maureen Nell biết rõ ba năm nay, tim ông yếu lắm rồi, nên bà biết ông đã về với tổ tiên, và sau khi nói lỏng cổ áo cho ông, bà chạy đến bên điện thoại để gọi cho Cha McDowell. Nhưng điện thoại không liên lạc được. Đầu dây bên kia chỉ vang lên âm thanh lạ lùng nghe như tiếng còi xe cảnh sát. Bà thậm chí còn cố gắng thực hiện nghi lễ cầu nguyện cho ông, dù bà biết có lẽ đây là hành vi báng bổ mà bà sẽ phải chịu sự trừng phạt trước Thánh Peter. Nhưng bà kể với em trai bà rằng bà tự tin Chúa sẽ hiểu cho bà dù Thánh Peter có thể không. Ông Aloysius là một người ch ồng tốt, một công dân mẫu mực, và nếu ông uống rượu bia nhiều quá thì đó chỉ là cái chất Ireland trong con người ông mà thôi. Vào 7 giờ 49 phút, một loạt tiếng nổ rung chuyển Trung tâm thương mại Derry, được xây dựng ngay trên Xưởng đúc Kitchener ngày xưa. Không có thương vong; 10 giờ trung tâm thương mại mới mở cửa, và nhóm năm người lao công đến 8 giờ mới tới (mà chẳng nào vào buổi sáng thế này, chẳng mấy người đến làm việc). Về

sau, nhóm thanh tra đã gạt đi khả năng có kẻ phá hoại. Họ đưa ra giả thiết – khá mơ hồ – rằng các vụ nổ xảy ra là do nước ngấm vào hệ thống điện của trung tâm thương mại. Bất kể nguyên nhân là gì, suốt thời gian dài, không ai bén mảng đến Trung tâm thương mại Derry mua sắm. Một vụ nổ đã quét sạch tiệm trang sức Zales. Nhẫn kim cương, vòng khắc tên, chuỗi ngọc trai, khay đựng nhẫn cưới, đồng hồ điện tử Seiko bay tung tóe thành cơn mưa trang sức lấp lánh. Hộp nhạc bay vèo qua hành lang phía Đông, rơi xuống đài phun nước bên ngoài cửa tiệm J. C. Penney, chơi thêm một đoạn bản nhạc nền của bộ phim *Câu chuyện tình yêu* trước khi tắt ngúm. Vụ nổ còn làm thùng lỗ trên cửa chính của tiệm kem Baskin-Robbins ngay bên cạnh, biến ba mươi một vị kem thành mớ kem lỏng nhoe nhoét chảy rùng rùng trên sàn. Một vụ nổ phá thùng cửa hàng Sears, khiến một phần mái bay lên không trung, bị gió lốc cuốn bay chẳng khác nào con diều, để rồi đáp xuống cách đó cả gần một ki-lô-mét, xén ngang kho chứa ngũ cốc của một nông dân tên Brent Kilgallon ngọt như cắt bơ. Cậu con trai mười sáu tuổi của Kilgallon cầm máy chụp hình Kodak của mẹ, chạy vội ra ngoài chụp hình. Tờ báo lá cải *National Enquirer* đã mua lại với giá sáu mươi đô-la, số tiền này được cậu thiếu niên dùng để mua hai bánh xe mới cho chiếc xe máy Yamaha của mình. Vụ nổ thứ ba công phá cửa tiệm quần áo Hit or Miss, khiến váy, quần jean và đồ lót bốc cháy bay tung tóe ra bãi đậu xe ngập nước. Vụ nổ cuối cùng khiến chi nhánh Quỹ Nông dân Derry trong trung tâm thương mại toang hoác như hộp bánh quy hỏng. Một mảng trần cũng bị thổi bay. Chuông báo trộm réo inh ỏi, và phải bốn tiếng sau, âm thanh đinh tai nhức óc ấy mới tắt sau khi mạng lưới điện độc lập của hệ thống an ninh bị chập mạch. Hộp đồng vay, giấy tờ ngân hàng, biên lai tiền gửi, giấy rút tiền, mẫu đơn Quản lý tiền bạc bị hất tung lên trời và bị gió dữ thổi bay. Và rồi cơn man nào là tiền: hầu hết là tờ mười đô và hai

mười đô, một đồng những tờ năm đô, thêm một lượng tờ năm mươi và một trăm đô. Nhân viên ngân hàng cho hay khoảng 75.000 đô-la đã bay mất... Về sau, sau cuộc cải tổ tận gốc rễ trong cấu trúc ban quản trị ngân hàng (buộc Liên bang Tiết kiệm & Tổng công ty Bảo hiểm Khoản vay phải ra tay giải cứu), một số nhân viên tiết lộ - tất nhiên số liệu không được ghi chép công khai - rằng số tiền phải đến 200.000 đô-la là ít. Một phụ nữ ở Haven Village mang tên Rebecca Paulson tìm thấy một tờ năm mươi đô-la phát phơ trên tấm thảm chùi chân ở cửa sau, hai tờ hai mươi đô trong chuồng chim cùng một tờ một trăm đô vướng trên cây sồi ở sân sau. Vợ chồng cô đã dùng số tiền này để trả bớt hai khoản vay cho chiếc xe trượt tuyết hiệu Bombardier Skidoo. Bác sĩ Hale, một ông bác sĩ về hưu sống trên phố Tây Broadway gần năm mươi năm, thiệt mạng vào 8 giờ đúng. Ông rất thích khoe khoang chuyện ông luôn đi bộ ba ki-lô-mét từ căn nhà trên phố Tây Broadway, vòng qua công viên Derry và trường tiểu học đầu đặn suốt hai mươi lăm năm trong năm mươi năm ở đây. Đừng hòng có thứ gì cản được ông: dù mưa giông, mưa tuyết, mưa đá, bão tố hay trời lạnh âm độ. Sáng ngày 31 tháng 5, ông vẫn ra khỏi nhà dù bà giúp việc một mực khuyên ngăn. Lời ông tạ từ thế gian vang lên qua vai khi ông bước ra khỏi cửa chính, kéo sụp mũ xuống hai tai là: “Bà cứ lo bò trắng răng, Hilda. Mưa to thôi chứ có gì đâu. Bà phải thấy thời tiết năm 57 kìa! Bão thế mới là bão!” Và khi bác sĩ Hale quay ra đường Tây Broadway, một nắp cống ngay trước nhà Mueller bỗng bay lên như đầu tên lửa Redstone. Nó chặt đứt đầu của ông bác sĩ xâu số nhanh gọn đến độ ông bước tiếp thêm ba bước rồi mới đổ ập xuống tắc tử trên vỉa hè. Gió vẫn tiếp tục cuộn cuộn thổi.

Từ lóng mang nghĩa rất tục tĩu, chỉ âm hộ và còn mang nghĩa chỉ gái điếm.

Một thành phố nhỏ ở Maine.

7

Dưới lòng thị trấn/ 4 giờ 15 phút chiều

Eddie dẫn cả nhóm đi qua những đường ống tối tăm suốt một giờ đồng hồ, có lẽ một tiếng rưỡi cũng nên, trước khi thú nhận, sợ hãi thì ít mà bối rối thì nhiều, rằng đây là lần đầu tiên trong đời cậu bị lạc đường.

Họ vẫn có thể nghe thấy tiếng nước âm ỉ chảy trong cống, nhưng không gian trong này quá vang vọng nên không tài nào xác định được tiếng nước chảy vang lên từ trên đầu, đằng sau, trái phải hay trên dưới. Họ không còn que diêm nào và giờ thì cả đám đang lạc trong bóng tối.

Bill sợ... sợ vô cùng. Những lời bố nói trong xưởng cứ trở đi trở lại trong đầu cậu: *Khoảng bốn cân hồ sơ thiết kế hệ thống cống đã biến mất... Điều bố muốn nói là không ai biết mấy cái ống cống ấy dẫn đi đâu và cơ chế của nó ra sao. Khi chúng hoạt động thì không ai quan tâm. Khi chúng trục trặc thì lại có ba bốn tên từ Cục Nước Derry phải giờ đâu chịu báng mà đi kiểm tra xem máy bơm nào bị lỗi hoặc chỗ nào bị tắc nghẽn... Bên dưới vừa tối tăm vừa hôi thối, lại đầy chuột. Chừng đó là đủ lý do để không mò xuống, nhưng lý do lớn nhất là ta có thể bị lạc. Chuyện đó từng xảy ra rồi.*

Từng xảy ra rồi. Từng xảy ra rồi. Chuyện đó từng xảy ra...

Chứ còn gì nữa. Trên đường vào hang ổ của Nó, họ đã bước qua cả đồng xương và vải cotton bóng đấy thôi.

Cảm thấy hoảng loạn dâng lên, Bill gồng mình chống cự. Cơn hoảng chùn bước nhưng không dễ bỏ cuộc. Cậu có thể cảm nhận nó lấp ló đằng sau, lờ mờ, quấy đập để xô lờ mờ. Chưa kể, đầu óc cậu cứ day dứt câu hỏi

liệu họ đã kết liễu Nó hay chưa nhưng chẳng tìm được câu trả lời. Richie nói có, Mike nói có, Eddie cũng vậy. Nhưng cậu không an lòng cho lắm trước vẻ mặt nghi ngờ và sợ hãi của Beverly hoặc của Stan lúc ánh sáng tắt hẳn, cả nhóm phải bò qua cánh cửa nhỏ, rời khỏi mạng nhện đang sụp đổ âm ỉ sau lưng.

“Vậy bọn mình làm thế nào bây giờ?” Stan hỏi. Bill nghe thấy giọng cậu bạn mình run run như trẻ con và biết câu hỏi ấy đang nhắm trực tiếp đến mình.

“Ừ.” Ben lên tiếng. “Làm gì giờ? Khốn thật, phải chi có đèn pin... hoặc ngọn... ngọn nến cũng được.” Bill có cảm tưởng mình nghe thấy tiếng nấc nghẹn ngào lúc cậu bạn lắp bắp. Nó khiến cậu sợ hãi hơn bất cứ điều gì. Hẳn Ben sẽ rất ngạc nhiên khi biết điều đó, nhưng Bill nghĩ cậu bạn mập mạp của mình là một người cứng cỏi, tháo vát và vững vàng hơn Richie, không dễ bất thành linh co vùi rứt cổ như Stan. Đến Ben còn xuống tinh thần thì họ chẳng khác nào bên vực thẳm. Hình ảnh không ngừng hiện lên trong đầu Bill không phải bộ xương của nhân viên Cục Nước Derry mà là chi tiết Tom Sawyer cùng Becky Thatcher bị lạc trong hang McDougal. Cậu cố gạt suy nghĩ ấy khỏi đầu nhưng nó dai như dũa.

Còn một điều nữa khiến lòng cậu như lửa đốt, nhưng khái niệm ấy quá to lớn, quá mơ hồ nên tâm trí của cậu bé Bill một bữa không xác định nổi. Có lẽ điều đó quá đơn giản nên cậu không ngờ tới: cả bọn càng lúc càng rời rạc. Mỗi dây kết nối bọn họ suốt mùa hè dài đằng đẵng này đang dần tan biến. Họ đã đối diện và đánh bại Nó. Nó có thể đã chết, như Richie và Eddie nghĩ, hoặc Nó bị thương nặng đến độ phải ngủ cả trăm năm, cả nghìn năm, chục nghìn năm. Họ đã đối đầu với Nó, nhìn Nó khi Nó lộ bỏ mặt nạ cuối cùng, và hình dáng ấy mới khủng khiếp làm sao – ôi, chứ còn

gì nữa! – nhưng một khi đã tận mục sở thị, họ nhận ra hình dáng vật chất của Nó cũng chẳng quá đáng sợ, và vũ khí đáng gờm nhất của Nó đã bị tước mất. Đẳng nào tất cả bọn họ cũng từng trông thấy nhện r ồi. Chúng quả là xấu xí, gớm đến rợn người, và cậu đoán có lẽ mai này, chẳng ai trong số họ trông thấy nhện

(ấy là nếu bọn mình thoát được khỏi đây)

mà không rùng mình. Song suy cho cùng, nhện thì cũng chỉ là nhện mà thôi. Có lẽ khi mọi mặt nạ kinh hoàng được tháo bỏ, chẳng có thứ gì mà tâm trí con người không chống chọi nổi. Suy nghĩ ấy khiến ánh sáng le lói trong tim cậu. Ta có thể đối đầu với mọi thứ, trừ

(tử quang)

thứ ở ngoài kia, nhưng có lẽ ngay cả thứ ánh sáng khôn tả, chẳng khác nào sinh vật sống, lấp ló ở lối dẫn ra cự đại vũ trụ kia cũng đã chết hoặc đang hấp hối. Tử quang, và hành trình bước vào màn đêm tới nơi chúng hiện diện, chưa gì đã trở nên mịt mù, nhập nhằng khó nhớ trong tâm trí cậu. Và thật ra đó chưa phải vấn đề. Cậu không nắm bắt được mà cảm nhận vấn đề cốt yếu ở đây chỉ đơn giản là tình bằng hữu của bọn họ đang kết thúc... tình bạn đang chấm dứt trong khi họ vẫn kẹt trong bóng tối. Thế Lực Khác kia đã nương vào tình bạn ấy để biến họ trở thành thứ gì đó lớn lao hơn trẻ con. Nhưng giờ đây, họ đang trở về thành những đứa trẻ. Không chỉ Bill, mọi người trong nhóm đều cảm thấy đi ều đó.

“Giờ sao đây, Bill?” Richie hỏi thẳng.

“Tớ kh-kh-không b-b-biết,” Bill đáp. Tật nói lắp trở lại như chưa bao giờ mất đi. Cậu nghe thấy, các bạn cậu cũng nghe thấy, và cậu chỉ biết đứng đực trong màn đêm, ngửi thứ mùi ngai ngái của nỗi sợ hãi càng lúc càng dâng cao, tự hỏi bao lâu thì ai đó – Stan, khả năng cao nhất là Stan –

sẽ xé toang mọi thứ bằng câu nói: *Ừa, sao cậu lại không biết? Cậu kéo bọn tớ vào mà!*

“Henry thì sao?” Mike lo lắng. “Hắn còn rình rập ngoài kia không nhỉ?”

“Ôi trời,” Eddie nói... gần như rên rỉ. “Tớ quên bég mất tên ấy. Có chứ, chắc chắn là có r ấ, chắc hẳn cũng đang lạc như bọn mình và bọn mình có thể đụng mặt hắn bất cứ lúc nào... Chết thật, Bill ời, cậu không nghĩ ra gì hết hả? Bớ cậu làm việc dưới này kia mà! Cậu không nghĩ ra gì hết sao?”

Bill lắng nghe tiếng nước trên người từ đằng xa, cố nặn óc nghĩ ra ý tưởng gì đó mà Eddie, không, tất cả bọn họ, có quyền yêu cầu. Vì quả thật, cậu là kẻ đã kéo tất cả mọi người vào chuyện này, nên cậu có trách nhiệm đưa mọi người ra khỏi đây. Nhưng cậu chẳng nghĩ ra phương án nào. Một chút cũng không.

“Tớ có ý này,” Beverly khẽ lên tiếng.

Trong bóng tối, Bill nghe thấy một âm thanh mà cậu không định hình được ngay. Tiếng loạt soạt, rì r ầm, nhưng không đáng sợ. Đoạn có tiếng động dễ nhận ra hơn... tiếng kéo khóa. Cái gì...? Cậu bắn khoả r ấ ngộ ra. Bev đang cởi quần áo. Vì một lý do nào đó, Beverly đang trút bỏ đồ trên người mình.

“Cậu đang *làm* gì vậy?” Richie hỏi, giọng bàng hoàng, mất bình tĩnh ở từ cuối.

“Tớ biết một số thứ,” Beverly cất tiếng trong bóng tối, và Bill thấy giọng cô nói nghe già đời hẳn. “Tớ biết vì bớ tớ đã chỉ cho tớ. Tớ biết cách để đưa bọn mình đoàn kết thành một mối. Và nếu chúng ta không hiệp lực đ ồng lòng, bọn mình sẽ không bao giờ thoát khỏi đây đâu.”

“Là gì cơ?” Ben hỏi, bối rối và sợ hãi. “Cậu đang nói về việc gì vậy?”

“Về một thứ sẽ gắn kết bọn mình mãi mãi. Một thứ chứng tỏ...”

“Kh-Kh-Không, B-B-Beverly!” Bill nói, chột vớ lẽ, vớ lẽ hiểu ra tất cả.

“... chứng tỏ tớ yêu tất cả các cậu,” Beverly nói, “rằng tất cả các cậu là tri kỷ của tớ.”

“Cậu ấy đang...” Mike lên tiếng.

Beverly bình tĩnh cắt ngang lời cậu bạn. “Ai trước tiên nào?” Cô hỏi. “Tớ nghĩ...”

8

Trong hang ổ của Nó/ 1985

cậu ấy chết mất,” Beverly nước mắt giàn giụa. “Cánh tay cậu ấy, Nó cắn đứt cánh tay cậu ấy rồi...” Cô vươn tay đến Bill, bầu vú lấy anh nhưng anh gạt cô đi.

“*Nó lại đang chạy trốn!*” Anh thét lên. Máu đóng trên môi và cằm của anh. “*Đ-Đ-Đi thôi! Richie! B-B-Ben! Lần n-này chúng ta ph-ph-phải d-diệt tận gốc!*”

Richie quay Bill về phía mình, nhìn anh như thể đang nhìn một gã nói quàng nói xiên. “Bill, bọn mình phải chăm sóc Eddie. Bọn mình phải băng bó cầm máu cho cậu ấy rồi đưa cậu ấy ra khỏi đây.”

Beverly ngẩng xuống đất, đặt đầu của Eddie vào lòng và đỡ lấy anh. Cô đã khép mắt cho anh. “Đi với Bill đi,” cô dứt khoát. “Nếu các cậu để cậu ấy hy sinh vô nghĩa... Nếu hai mươi lăm năm sau, năm mươi năm sau hay thậm chí hai nghìn năm sau, Nó quay lại, tớ thề tớ sẽ... tớ sẽ ám các cậu cả đời, Đi đi!”

Richie nhìn cô trong chốc lát với vẻ lưỡng lự. Bỗng anh nhận ra đường nét khuôn mặt cô đang dần mờ đi, không còn tròn vẹn một gương mặt mà

chỉ là dáng hình nhạt nhòa trong bóng tối càng lúc càng bủa vây. Ánh sáng đang tắt dần. Nó thúc đẩy ý chí trong anh. “Được rồi,” anh nói với Bill. “Lần này mình đuổi cho bằng được.”

Ben đứng quay lưng về phía mạng nhện đang bắt đầu vỡ vụn. Anh cũng đã thấy bóng hình lủng lẳng tí trên mạng nhện, và anh thầm cầu mong Bill không ngừng đầu lên.

Tiết thay, mạng nhện bắt đầu lả tả rơi xuống thành những đồng vụn và mớ bông bong sợi tơ, vì thế Bill ngược nhìn.

Anh trông thấy Audra sà xuống như đang đi trong buồng thang máy hết sức cũ kỹ và cọt kẹt. Cô rơi chừng ba mét thì dừng lại, dùng đưa từ bên này sang bên kia, rồi đột ngột rơi thêm gần năm mét. Khuôn mặt cô không chút sắc khí. Đôi mắt xanh biếc như sứ trơn trũng. Đôi chân trần vung vẩy từ trước ra sau như con lắc. Tóc cô buông xõa trên vai. Miệng cô hé mở.

“AUDRA!” Anh thét lên.

“Bill, đi thôi!” Ben hét vang.

Mạng nhện đang rớt xuống quanh họ, rầm rập đập lên sàn, nhưng nhúc nháy đi. Bất thành linh, Richie chớp lấy Bill quanh hông rồi đẩy anh phóng tới trước, xuyên qua khoảng trống vồn vện ba mét giữa sàn nhà và mảng tơ đang sà xuống. “Đi, Bill! Đi thôi!”

“Là Audra!” Bill tuyệt vọng gào lên. “L-Là AUDRA!”

“Có là Giáo hoàng đi chẳng nữa tớ cũng chẳng quan tâm,” Richie sầm mặt nói. “Eddie mất rồi, và bọn mình phải giết Nó nếu Nó còn sống. Lần này chúng ta phải giải quyết tới nơi tới chốn, Bill To Bự. Cô ấy hoặc còn sống hoặc đã chết. Giờ thì đi thôi!”

Bill khựng lại trong chốc lát, và rồi hình ảnh những đứa trẻ đã thiệt

mạng vùn vụt lướt qua tâm trí anh như những bức ảnh bị mất trong album hình của George. BẠN HỌC.

“Đ-Được r-r ấ. Đ-Đi thôi. Ch-Ch-Chúa thứ lỗi cho c-con.”

Anh và Richie kịp thời băng qua vài giây trước khi mạng nhện đổ rạp xuống, đến chỗ Ben đứng ở đầu bên kia. Ba người đuổi theo Nó trong khi Audra đứng đưa và lơ lửng cách sàn đá mười lăm mét, bọc trong kén khiến cô tê dại, lũng lảng gắn vào mạng nhện đang rữa nát.

9

BEN

Họ lần theo dấu vết máu đen đúa của Nó – những vùng huyết nhớp nháp chẳng khác nào dầu nhở chạy dài và rỉ vào vết nứt giữa những phiến đá. Càng đi, sàn nhà càng lúc càng dốc lên, dẫn tới một lối ra tối đen hình bán nguyệt ở cuối gian phòng, Ben phát hiện thấy trứng rải rác trên đường. Quả nào quả nấy đều màu đen, vỏ cứng như đá, khéo phải to bằng trứng đà điểu. Thứ ánh sáng nhạt nhòa lóe lên từ bên trong. Ben nhận ra lớp vỏ của chúng đục đục và anh có thể thấy những thứ đen đúa đang chuyển động bên dưới.

Con của Nó, anh nghĩ, cảm giác buồn nôn trào lên. *Nó sắp thai rồi. Ôi Chúa ơi! Chúa ơi!*

Richie và Bill dừng lại, nhìn những quả trứng với vẻ mặt ngẩn ngơ, bàng hoàng.

“Đi tiếp đi! Đi tiếp đi!” Ben hét lên. “Đề tở lo những thứ này! Kết liễu Nó đi!”

“Đây!” Richie hét lên r ấ ném cho Ben xấp diêm của Nhà nghỉ Thị trấn Derry.

Ben chụp lấy. Bill cùng Richie tiếp tục chạy đi. Ben liếc nhìn hai người bạn trong ánh sáng nhấp nhòang. Họ chạy vào bóng tối, theo hướng Nó trốn thoát ban nãy và biến mất khỏi tầm mắt anh. Đoạn anh nhìn xuống quả trứng mỏng, nhìn cái bóng đen thui trông như con cá đuối bên trong, để rồi thấy mình nhụt chí. Thế này... mọi người ời, thế này vượt quá sức anh rồi. Chuyện này quá đổi kinh khủng. Và chắc chắn không cần anh đụng tay vào, chẳng nào chúng cũng chết mà thôi, chúng chưa được ấp bao nhiêu khi bị rơi ra ngoài.

Nhưng Nó sắp hạ sinh rồi... mà chỉ cần một trong số chúng sống sót... chỉ cần một...

Gom góp tất cả can đảm, hẫi tưởng lại khuôn mặt nhợt nhạt lúc gần đất xa trời của Eddie, Ben đạp thẳng chiếc bốt Desert Driver của mình lên quả trứng đầu tiên. Nó vỡ tan, phát lên tiếng bẹp nhẹp sùng nước, và rồi thứ nhau hôi thối chảy xung quanh đế giày anh. Con Nhện to cỡ con chuột yếu ớt bò trên sàn, cố tìm cách trốn thoát, và Ben có thể nghe thấy tiếng nó kêu lên trong đầu, rít ré chói tai giống tiếng cửa tay quất vun vút tạo thành thứ giai điệu ghê rợn.

Ben lão đảo chạy theo, chân cứng như cột nhà và giẫm thêm lần nữa. Anh cảm nhận thân thể con nhện bị nghiền nát bấy dưới gót giày. Con bu ần nôn quặn lên, song lần này anh không tài nào nhịn nổi. Anh nôn ọc rồi xoay ngót giày, nghiền thứ quái vật ấy vào sàn đá, nghe tiếng thét trong đầu mình thoi thóp dẫi rồi im bật.

Có bao nhiêu? Có bao nhiêu quả trứng? Hình như mình đọc ở đâu đó nói rằng nhện có thể đẻ hàng nghìn quả trứng... hay hàng triệu thì phải? Mình không thể làm đi làm lại được, mình sẽ phát điên mất...

Mày phải làm. Không được cũng phải được. Cố lên, Ben... cứng cáp

lên!

Anh đi đến quả trứng tiếp theo và tái diễn quá trình ấy trong ánh sáng đang dần tắt. Mọi thứ lặp lại: tiếng răng rắc, tiếng bẹp nhẹp dịch phọt ra, và cuối cùng là phát súng kết liễu. Quả tiếp theo. Tiếp. Tiếp. Tiếp. Anh từ từ đi đến mái vòm tối tăm nơi bạn anh vừa bước vào. Xung quanh anh lúc này tối đen như mực. Beverly và mạng nhện đồ nát đang ở đâu đó đằng sau anh. Anh vẫn còn nghe thấy tiếng nó rào rạo vụn vỡ. Những quả trứng trông như hòn đá xanh xao trong đêm tối. Cứ đến chỗ một quả, anh lại quẹt một que từ xấp diêm rồi đập vỡ nó. Lần nào anh cũng kịp bám theo con nhện con choáng váng bò ra và nghiền nát nó trước khi lửa tắt. Anh không biết mình sẽ xoay xở ra sao khi hết diêm mà anh chưa đập vỡ hết toàn bộ trứng và giết sạch thứ gớm đến khôn cùng bên trong.

10

Nó/ 1985

Vẫn bám theo sau.

Nó cảm nhận được chúng vẫn lì lợm đuổi theo, càng lúc càng gần, và nỗi sợ trong Nó phình lên. Có lẽ suy cho cùng, Nó không phải thứ vĩnh cửu – rốt cuộc, Nó đã phải nghĩ đến cái điều khôn tưởng ấy. Tệ hơn nữa là Nó cảm nhận được con của Nó đã chết. Một trong ba gã đàn ông – thằng oắt con đáng căm hờn này đang từ từ lặn theo những quả trứng của Nó, gần như phát điên vì khiếp đảm nhưng vẫn không ngừng dần bước, máy móc giậm chân trước đoạt sinh mệnh của đàn con mà Nó đẻ ra.

Không! Nó rên khóc, lão đảo từ bên này sang bên kia, cảm nhận sinh lực đang chảy khỏi thân thể qua hàng trăm vết thương, và dù không có vết thương nào chí tử, nhưng kết nào cũng đau vô cùng, vết nào cũng khiến Nó

chậm lại. Một cái chân của Nó loe ngoe trên miếng thịt cong vẹo. Một con mắt của Nó đã mù. Nó cảm nhận được nội tạng bên trong lợn tùng phèo, kết quả của thứ nọc độc mà một trong những gã đàn ông - thằng oắt con ấy đã bắn vào họng Nó.

Thế mà chúng vẫn đang truy đuổi Nó, khoảng cách càng lúc càng ngắn lại, sao chuyện này lại xảy ra kia chứ? Nó rên rỉ, rít ré, và khi Nó cảm nhận được bọn chúng ở ngay đằng sau, Nó làm điều duy nhất trong tâm khả năng lúc này: Nó quay lại chiến đấu.

11 BEVERLY

Trước khi tia sáng cuối cùng tắt hẳn và bóng tối mịt mù quẩn lấy không gian, cô trông thấy vợ của Bill rơi xuống thêm sáu mét rồi giật ngược lên. Thân thể cô ấy xoay vòng vòng, mái tóc dài đỏ rực xỏa xươi. *Vợ của Bill, cô thần nghi. Nhưng mình là tình đầu của Bill, và nếu cậu ấy tưởng nhầm lẫn đầu của cậu ấy là với người khác thì là vì cậu ấy đã quên... đã quên Derry.*

Và rồi bốn bề là bóng tối, cô lơ lửng với tiếng mạng nhện đang sụp đổ cùng sức nặng từ Cơ thể cứng đờ của Eddie. Cô không muốn buông anh ra, không muốn để khuôn mặt anh áp xuống mặt sàn nhor bẩn này. Vì thế cô cứ đỡ đầu anh trên cánh tay đã tê rần của mình, gạt những lọn tóc bết trên vầng trán lấm tấm mồ hôi của anh. Cô nghĩ về những con chim... cô đoán cô lây tính này từ Stan. Stan tội nghiệp, cậu ấy không đủ sức để đối diện với chuyện này.

Tất cả mọi người... Mình là tình đầu của cả nhóm.

Cô nặn óc nhớ lại- chỉ ít trong màn đêm tăm tối này, khi cô chẳng xác

định được các tiếng động, nghĩ về chuyện đó cũng tốt. Nó khiến cô thấy mình bớt cô đơn. Lúc mới đầu, ký ức chẳng trở về hình ảnh đàn chim cứ ngáng trở cô – nào là quạ, nào là chim sẻ, sáo đá, những con chim xuân từ đâu bay đến trong lúc đường phố vẫn ri rỉ nước từ tuyết tan và lớp băng tuyết bắn thủi lác đác bám ở những chỗ khuất.

Cô mơ màng tự nhủ cái ngày đầu tiên ta nghe thấy tiếng hót, trông thấy bóng dáng của những con chim xuân và băng quơ thắc mắc chúng từ đâu bay đến lúc nào cũng đầy mây. Chúng cứ thế bất ngờ quay về Derry, khóa lấp không gian trắng xóa bằng tiếng chiêm chiêm rộn ràng. Chúng đậu trên đường dây điện, nóc của những căn nhà Victoria trên phố Tây Broadway; chúng chí chóc giành chỗ trên những cột ăng ten nhôm của bộ ti vi phức tạp trên nóc Wally's Spa, chúng đậu đầy những cành cây du đen đúa ướt át trên đường Chính Phố Dưới. Chúng tụ tập thành đàn, tíu tít líu lo bằng cái giọng the thé chẳng khác nào các cụ bà nhà quê cứ hằng tuần lại chơi lô tô và khi thấy một dấu hiệu nào đó mà con người chẳng hay biết, chúng ù ùng loạt cất cánh, phủ sắc đen lên bầu trời... rồi lại đáp xuống đâu đó.

Phải, những con chim, mình nghĩ về chúng vì mình thấy xấu hổ. Có lẽ bố là người khiến mình thấy xấu hổ, và có lẽ đó cũng là chiêu trò của Nó. Có lẽ thế.

Ký ức quay về – ký ức đằng sau đàn chim kia – nhưng mơ hồ, ngắt đoạn. Chắc phần ký ức ấy sẽ luôn như thế. Cô đã...

Dòng suy nghĩ của cô xáo động khi cô nhận ra Eddie

12

*Tình yêu và Khát khao/ Ngày 10 tháng 8 năm 1958
là người đầu tiên tiến đến chỗ cô, vì cậu sợ hãi nhất trong cả bọn. Cậu*

đến chỗ cô không phải với tư cách là bạn của cô vào mùa hè năm ấy, hay là người tình ngăn ngủi của cô lúc này, mà giống với việc cậu chạy đến chỗ mẹ mình ba hay bốn năm trước để được mẹ vỗ về, cậu không rứt khỏi da thịt mịn màng đang phô bày của cô, và ban đầu, cô còn ngờ rằng có khi cậu chẳng nhận thấy điều đó. Cậu run bần bật, và dù cô đang ôm lấy bạn mình, bóng tối dày đặc đến mức dầu gần sát thế này, cô cũng chẳng thể thấy cậu; nếu không có bó bột xù xì thì khéo cậu là hồn ma cũng nên.

“Cậu muốn tớ làm gì?” Cậu cất tiếng.

“Đưa vật đó của cậu vào trong tớ đi,” cô đáp.

Cậu toan thôi lui nhưng bị cô giữ lại nên đành áp lên người cô. Cô nghe thấy ai đó – cô đoán là Ben – vừa hít vào một hơi.

“Bevvie, tớ không làm được đâu. Tớ không biết làm thế nào...”

“Tớ nghĩ cũng dễ thôi. Nhưng cậu cởi đồ ra đi đã.” Nghĩ đến những rườm rà khi phải loay hoay nào là bó bột, nào là áo quần, trước hết phải tách chúng ra rồi chấp lại, cô nói thêm, “Trước nhất là quần của cậu.”

“Không, tớ không thể!” Nhưng cô nghĩ một phần trong cậu có thể, thậm chí còn muốn làm điều đó, vì cơn run rẩy của cậu đã ngừng, chưa kể cô cảm thấy một thứ nhỏ, cứng đờ vào phía bụng phải của cô.

“Cậu làm được,” cô nói rồi kéo cậu xuống. Mặt đất dưới tấm lưng trần và chân cô chắc chắn, bằng phẳng và khô ráo. Tiếng nước âm ỉ đằng xa nghe buồn ngủ và dễ chịu. Cô vươn tay kéo cậu lại. Có một khoảnh khắc gương mặt bố cô chen ngang, khắc nghiệt, cấm đoán

(Tao muốn xem mày còn nguyên vẹn hay không)

đoạn cô vòng tay quanh cổ Eddie, má chạm má, mềm mại, mơn man, và khi cậu ngần ngừ chạm vào bờ ngực nhỏ của cô, cô thở hắt ra, lân đầu tiên

cô nghĩ Đây là Eddie, để rồi cô nhớ lại cái ngày tháng Bảy - thật khó tin, mới chỉ tháng trước thôi sao? – khi chỉ có mỗi Eddie xuống Vùng Đất Cằn, mang theo chồng truyện tranh Lulu Bé nhỏ, hai người bọn họ đã ngồi đọc với nhau suốt buổi chiều, đọc Lulu Bé nhỏ đi tìm dâu đại và vướng vào đủ chuyện điên rồ, đọc về Phù thủy Hazel và tất cả các nhân vật. Vui ời là vui.

Cô nghĩ về đàn chim; cụ thể là về những con chim sáo đá, chim sẻ và quạ cứ đến mùa xuân lại bay về, tay cô vươn đến thắt lưng của cậu, nói lỏng nó ra, cậu lại nói cậu không làm được; cô trấn an cậu, cô biết cậu làm được, và cảm giác trong lòng cô lúc này không còn là xấu hổ, không còn là sợ hãi mà là ngọt ngào chiến thắng.

“Chỗ nào cơ?” Cậu hỏi, và phần đang cứng lên ấy hồi hả áp vào đùi trong của cô.

“Đây,” cô đáp.

“Bevvie, tở đề lên người cậu mất!” Cậu hoảng hốt, cô nghe thấy tiếng thở của cậu khò khè đau đớn.

“Tở nghĩ như thế là đúng đấy,” cô nói rồi nhẹ nhàng ôm cậu, dẫn dắt cậu. Cậu đẩy tới nhanh quá khiến cơn đau nhói lên.

Sssss! – cô hút vào, răng cắn chặt vào môi dưới, phân tâm bằng cách nghĩ về đàn chim xuân đậu trên mái nhà, đông loạt cất cánh bay dưới bầu trời tháng Ba mây giăng kín.

“Beverly?” Cậu ngập ngừng. “Cậu ổn chứ?”

“Từ từ thôi,” cô nói. “Như thế cậu sẽ dễ thở hơn.” Thế là cậu chuyển động chậm hơn, sau một hồi, hơi thở của cậu nhanh dần, nhưng cô hiểu lý do không phải vì người cậu có chỗ nào không khỏe.

Cơn đau giảm dần. Bỗng cậu di chuyển nhanh hơn, sau đó ngừng lại,

cứng người và cất tiếng rên – âm thanh không lẫn vào đâu được. Cô cảm nhận được rằng với cậu, chuyện này có ý nghĩa đặc biệt, hết sức diệu vợi, giống như... giống như cất cánh bay. Cô thấy mình như được tiếp thêm sức mạnh: cô ngất ngây với cảm giác chiến thắng ô ạt trào dâng bên trong mình. Đây là điều mà bố cô sợ ư? Chà, có thể lắm! Đúng thật, hành động này hàm chứa vô vàn sức mạnh, thứ sức mạnh bứt mọi gông xiềng, sâu tận máu huyết. Cô không cảm thấy khoái lạc thể xác, nhưng có một cảm giác sung sướng về tinh thần khởi lên trong cô. Cô cảm nhận được sự gần gũi. Cậu vùi mặt vào cổ cô, cô ôm lấy cậu. Nước mắt cậu đang rơi. Cô cứ thế ôm cậu trong vòng tay của mình. Và cảm nhận phần con người của cậu đã tạo nên kết nối giữa hai người bọn họ phai dần. Nhưng nói chính xác thì nó không rời khỏi cô, nó chỉ đang phai nhạt bớt mà thôi.

Khi cậu dịch người, cô ngồi dậy, chạm vào khuôn mặt cậu trong bóng tối.

“Cậu có không?”

“Có gì kia?”

“Có điều gì đó. Tớ cũng không biết chính xác là gì.”

Cậu lắc đầu – cô cảm nhận được cái lắc đầu ấy khi áp tay lên má cậu.

“Tớ không nghĩ nó giống như... cậu biết đấy, như những gì mà mấy người lớp trên hay nói. Nhưng nó... nó thật sự rất ý nghĩa.” Cậu hạ giọng để mọi người không nghe thấy. “Tớ thương cậu lắm, Bevvie.”

Ý thức của cô trở nên mơ hồ từ đoạn này. Cô dám chắc hai bên đã trao đổi rất nhiều, lúc thì thầm, lúc to tiếng, nhưng cô chẳng nhớ rõ nội dung là gì. Mà cũng không quan trọng. Cô có phải thuyết phục từng người bọn họ thực hiện điều này không? Có thể có. Nhưng không sao. Cô phải thuyết phục họ toàn tâm toàn ý lấy bản thân mình gây dựng nên mối liên kết ban

sơ giữa thế giới và cái vô hạn, nơi duy nhất dòng máu nóng chạm vào vĩnh hằng. Không sao. Quan trọng là tình yêu và khát khao. Dù họ thực hiện giữa bóng tối đi chăng nữa. Có khi nơi này còn tốt hơn nhiều chỗ khác.

Mike đến với cô, sau đó là Richie, và hành động cứ thế lặp lại. Giờ thì cô cảm nhận được chút khoái cảm, nóng bừng, ẩn tàng trong quá trình vụng về nếm trái cấm ấy. Cô khép mắt lúc Stan bước đến, thả hồn nghĩ về những con chim, mùa xuân, chim bay về, cô thấy chúng hết lần này đến lần khác, lóe lên cùng lúc, chen chúc đậu trên những cành cây khẳng khiu sắc đông, những sinh vật cưỡi sóng xung kích trên rìa của mùa khắc nghiệt nhất trong tự nhiên, cô trông thấy chúng vỗ cánh bay hết lần này đến lần khác, tiếng đập cánh tựa hồ tiếng những tấm trải giường treo trên dây lật phật, và cô nghĩ: Một tháng nữa, mọi đứa trẻ đến công viên Derry đều sẽ mang theo diều, chúng sẽ hối hả chạy để dây không cuốn vào nhau. Cô lại nghĩ: Thế này giống như cất cánh bay.

Với Stan cũng như với những người khác, có một cảm giác tiếc nuối khi mọi thứ phai đi, rời xa, cùng thứ mà họ thực sự cần từ hành động này – một thứ tận cùng – tưởng trong tâm tay nhưng lại ẩn tàng tựa sương khói.

“Cậu có không?” Cô lại hỏi, và dù cô cũng chẳng biết chính xác “có” đây là thứ gì, cô biết câu trả lời từ cậu bạn là không.

Cô đợi một lúc lâu, và rồi Ben bước đến với cô.

Cả người cậu run lên bần bật, nhưng không phải run rẩy vì sợ như Stan.

“Beverly, tớ không làm được đâu,” cậu nói bằng tông giọng đầy vẻ lý trí, song chỉ là vỏ bọc mà thôi.

“Cậu cũng làm được. Tớ có thể cảm nhận điều đó.”

Cô thật sự thấy thế. Cậu cương hơn hẳn, và con người cậu bộc lộ hơn

hắn. Cô có thể cảm thấy điều đó dưới cái bụng mềm mại của cậu. Kích thích của nó khơi gợi trong cô chút tò mò, khiến cô khẽ đưa tay chạm vào. Cậu áp mặt vào cổ cô và rên lên, làn hơi ấy khiến cơ thể không một manh áo của cô nổi da gà. Cô cảm thấy lân đầu tiên, tim mình nóng ran, đập rộn trong lồng ngực – bỗng dưng cảm giác trong cô như khai phóng, cô nhận ra kích thích của nó rất lớn

(và nếu của cậu quá to, liệu cô có thể dung nạp vào mình không?)

và quá già đời so với cô, một thứ, một cảm giác thật hâm hốt. Nó như những viên pháo M-80 của Henry, thứ không dành cho trẻ con, có thể phát nổ và khiến ta tan xác. Nhưng giờ không phải lúc để lo lắng, ở nơi đây có tình yêu, có khát khao và có bóng tối. Nếu không cố gắng vì hai thứ đầu tiên, họ sẽ chỉ còn màn đêm mà thôi.

“Beverly, đừng...”

“Làm đi.”

“Chỉ tớ cách cất cánh bay,” cô nói đầu bình tĩnh dù trong lòng nổi sóng, cảm nhận cái ấm nóng, ướt át của da thịt trên má và cổ mình: cậu đang khóc. “Chỉ tớ đi, Ben.”

“Không.”

“Nếu cậu là người viết bài thơ thì hãy chỉ tớ. Cứ cảm nhận tóc tớ nếu cậu muốn, Ben ạ. Được mà.”

“Beverly... tớ... tớ...”

Cậu không chỉ khẽ run rẩy nữa mà run lên bần bật. Nhưng cô lại cảm nhận bản chất của nó không hoàn toàn xuất phát từ sợ hãi – một phần của nó dự báo cơn đau gắn liền với hành động này. Cô nghĩ về

(đàn chim)

khuôn mặt cậu, khuôn mặt thật thà, đáng yêu của cậu; và cô biết đó chẳng phải sợ hãi mà là ham muốn, cảm giác ham muốn cháy bỏng nồng nhiệt mà cậu đang gồng mình kìm chế, và cô lại cảm thấy cảm giác quyền năng ấy, như cất cánh bay, như phóng tâm mắt xuống và nhìn thấy những con chim trên nóc nhà, trên ăng ten ti vi của quán Wally's, nhìn đường phố đan xen như bàn cờ, ôi khát khao, phải rồi, chính là nó, tình yêu và khát khao dạy ta cách tung bay.

“Ben! Đúng rồi!” cô chợt ré lên, bao gông xiềng vỡ tung.

Cô lại thấy đau, trong phút chốc, cô thoáng thấy sợ rằng mình sẽ bị nghiền nát. Đoạn cậu tì lòng bàn tay xuống làm điểm tựa cho cơ thể và cảm giác ấy biến mất.

Ôi, cậu to lớn làm sao – cơn đau trở lại, nó sâu hơn rất nhiều so với lúc Eddie đưa vào bên trong cô. Cô lại phải cắn môi và nghĩ về đàn chim cho đến khi cảm giác thiêu đốt ấy biến mất. Rồi nó biến mất thật, cô gượng đủ sức vươn tay tới, chạm một ngón tay vào môi cậu, đến đây, cậu rên lên.

Cô lại cảm thấy nóng bừng, bao sức lực của cô bỗng dịch chuyển sang cậu; cô vui vẻ trao đi và thả mình vào dòng chảy ấy. Đầu tiên là cảm giác như được vỗ về, rồi cảm giác ngọt ngào đây kích thích trào dâng như trôn ốc, khiến cô không nhịn nổi mà quay đầu hết bên này đến bên kia, khe khẽ trong họng một giai điệu từ đôi môi đang khép, tung bay là thế này đây, nó chính là tình yêu, là khát khao, ôi, đây là điều không thể nào khước từ, là gắn kết, là cho đi, tạo nên vòng tròn chắc chắn: gắn kết, cho đi... cất cánh bay.

“Ôi Ben, ôi người thương, đúng rồi,” cô thì thầm, cảm thấy mồ hôi rịn ra trên mặt, cảm thấy môi dây kết nối giữa hai người, ăn sâu bén rễ, tựa hồ vĩnh cửu, con số tám nằm ngang. “Tớ thương cậu rất nhiều.”

Và rồi cô cảm nhận điều đó bắt đầu xảy ra – điều mà đám con gái hay khúc khích cười ba hoa về tình dục trong phòng thay đồ nữ chưa từng nếm trải, chí ít là theo cô biết, họ chỉ giỏi trâm trở tình dục có thể kinh khủng ra sao, cô nhận ra đôi với rất nhiều cô gái, tình dục là con quái vật mơ hồ, mô hình tưởng tượng: họ gọi hành động ấy là Nó. Cậu có làm Nó không, chị gái cậu mà người yêu có làm Nó không, bố mẹ cậu còn làm Nó không, mình sẽ không đời nào làm Nó; ô phải, như thế tất cả những đứa con gái học lớp Năm đều ở giá cả đời, và Beverly chột ngộ ra không ai trong số họ có thể ngờ tới điều này... ngờ tới chung cuộc này, và cô phải ngăn mình không hét lên vì cô biết mọi người sẽ nghe thấy, tưởng cô đang cô cùng đau đớn. Cô đưa bắp tay lên ngang miệng rồi cắn thật mạnh. Giờ thì cô đã hiểu hơn một chút tiếng cười ré lên của Greta Bowie và Sally Mueller hay những cô bạn khác: chẳng phải bảy người bọn họ cũng đã trải qua mùa hè đáng đắng nhất, đáng sợ nhất đời này với những tràng cười như kẻ điên đó sao? Ta cười vì thứ đáng sợ, nằm ngoài những gì ta biết cũng là thứ đem lại niềm vui, ta cười giống như cách một đứa bé thỉnh thoảng vừa khóc vừa cười khi chú hề trong rạp xiếc nhảy nhót tiến lại, biết rằng sẽ có chuyện rất vui xảy ra... nhưng đó là chuyện nó không biết, chứa đầy sức mạnh mà chỉ những thứ lạ lẫm mới có.

Cắn vào tay mãi cũng không thể ngăn tiếng hét chực trào, cô chỉ có thể trấn an mọi người – và Ben – bằng cách hét lên lời khẳng định của mình trong bóng tối.

“Đúng rồi! Đúng rồi! Đúng rồi!” Những hình ảnh mờ lẹ khi cất cánh tràn ngập đầu cô, hòa với tiếng chim sáo đá và chim sẻ; tạo thành bản nhạc du dương nhất trần đời.

Thế rồi cô bay lên, bay thật cao, sức mạnh không còn ở bên cô hay bên

cậu mà ở giữa hai người, cậu hét lên, cô cảm nhận được cánh tay cậu run bần bật, cô uốn người lên, thật sâu vào cậu, cảm nhận người cậu thất lại, da thịt chạm nhau, cảm nhận sự gần gũi toàn vẹn thoáng qua trong bóng tối. Họ đã cùng dẫn thân vào ánh sáng của mạch sống.

Và rồi mọi thứ kết thúc, họ ôm nhau trong vòng tay, cậu toan nói gì đó – có lẽ là lời xin lỗi ngớ ngẩn sẽ làm sứt mẻ ký ức trong cô, lời xin lỗi ngớ ngẩn như trói buộc, vì thế cô ngăn cậu lại bằng một nụ hôn rồi để cậu đi.

Bill bước đến với cô.

Cậu cố nói gì đó, nhưng cậu lắp bắp mãi chẳng nên lời.

“Cậu đừng nói gì cả,” cô lên tiếng, cảm thấy vững chãi trong những gì mình vừa ngộ ra, nhưng ý thức được mình đã mệt. Mệt và nhức nhối. Phần đùi trong và đằng sau đùi cô dính dính, cô đoán có lẽ lý do là vì Ben thật sự đã làm tới cùng, hoặc có khi là vì cô đang chảy máu. “Mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi.”

“C-C-Cậu ch-ch-ch-chắc chứ?”

“Chắc,” cô khẳng định và vòng tay ra sau cổ cậu, cảm nhận tóc cậu lướt mồ hôi. “Như đinh đóng cột.”

“N-N-Nó c-có... nó c-c-có...”

“Suyt...”

Cảm giác không được như mới Ben, vẫn có khát khao, nhưng hai khát khao khác nhau về bản chất. Ở bên cạnh Bill là chung cuộc tuyệt vời nhất mà cô có thể đạt đến. Cậu thật dịu dàng, nhẹ nhàng có phần thật bình tĩnh. Cô cảm nhận được nồn nóng trong cậu, nhưng nó được chế ngự và ngăn lại bởi sự lo toan cậu dành cho cô, có lẽ vì Bill và cô là hai người duy nhất nhận ra hành động này có ý nghĩa to lớn nhường nào, rằng không ai được

phép nhắc lại, bất kể với người khác hay thậm chí là giữa các thành viên trong nhóm với nhau.

Lúc cuối, cô ngạc nhiên trước sự bộc phát ấy và có thời gian để nghĩ: Ôi! Nó lại sắp xảy ra rồi, không biết mình có chịu nổi không đây...

Nhưng suy nghĩ của cô nhanh chóng bị quét đi bởi sự ngọt ngào vô cùng tận mà hành động ấy đem lại, cô lơ mơ nghe thấy cậu thì thầm, “Tớ thương cậu, Beo, tớ thương cậu, sẽ mãi thương cậu,” cậu cứ nhắc đi nhắc lại và không hề nói lấp chúi nào.

Cô ôm cậu thật chặt, trong khoảnh khắc, hai người cứ thế ôm nhau, má kề má mịn màng.

Cậu lặng lẽ rời khỏi cô mà không nói lời nào, sau đó, cô một mình mặc quần áo, từ từ, thật chậm rãi, thấm thía cơn đau buốt nhói mà những cậu con trai sẽ không bao giờ hay biết, thấm thía cảm giác khoái lạc dù một nhòai và nhẹ nhõm khi mọi thứ đã kết thúc. Bên dưới thật trống vắng, và dù cô cảm thấy vui khi tình dục trở thành thứ của riêng cô, sự trống vắng ấy phả ra một cảm giác u sầu lạ lùng mà cô không thể diễn tả thành lời... chỉ có thể hình dung những hàng cây trơ trọi dưới bầu trời đông trắng xóa, trơ trọi quá đỗi, đợi đàn chim đen trở lại như những vị đại sứ xuất hiện cuối tháng Ba để phụ trách sự kiện cáo chung của băng tuyết.

Cô dùng tay lăn mò tìm mọi người.

Trong khoảnh khắc, chẳng ai nói gì, đến khi im lặng bị phá vỡ, cô chẳng bất ngờ cho lắm khi đó là Eddie. “Tớ nghĩ ở hai ngã giao trước, bọn mình rẽ phải nhưng đáng ra rẽ trái mới đúng. Chắc, tớ biết như thế nhưng lúc ấy, tớ rờn rờn mồ hôi và xoắn quá...”

“Cậu xoắn xưa giờ rồi mà, Eds,” Richie nói. Giọng cậu dễ chịu. Sự hoảng loạn gai góc đã hoàn toàn biến mất.

“Bọn mình đi nhâm ở vài chỗ nữa,” Eddie mặc kệ cậu bạn mà nói tiếp, “nhưng chỗ đó là tai hại nhất. Nếu bọn mình tìm được đường trở lại đó, chắc sẽ ổn thôi.”

Cả bọn rồng rắn thành một hàng, Eddie đi đầu tiên, tiếp theo là Beverly, tay cô đặt trên vai Eddie, đằng sau, tay Mike đặt lên vai cô. Mọi người bắt đầu di chuyển, lần này nhanh hơn. Eddie không tỏ ra chút lo lắng nào như trước đó.

Chúng mình đang về nhà, cô nghĩ, rùng mình vì nhẹ nhõm và mừng vui. Về nhà, phải. Như thế thì tốt quá. Cả bọn đã hoàn thành nhiệm vụ, mục đích ban đầu, và giờ bọn mình có thể trở về làm những đứa trẻ. Như thế cũng tốt.

Họ mò mẫm đi trong bóng đêm, và rồi cô nhận ra tiếng nước chảy càng lúc càng gần.

CHƯƠNG 23

BƯỚC RA

1

Derry/ 9 – 10 giờ sáng

Đến 9 giờ 10 phút sáng, tốc độ gió ở Derry đo được trung bình là 88 ki-lô-mét trên giờ, gió giật lên đến 112. Phong tốc kế ở tòa án ghi nhận một cơn gió giật chạm mức 130 ki-lô-mét trên giờ, sau đó kim rơi thẳng về vạch không. Gió đã giật phẳng thiết bị trông như những chiếc cốc quay quay trên nóc tòa án khỏi dây neo, khiến nó bay vào đi trong không gian tối sầm vì mưa xối xả của ngày hôm ấy. Giống con thuyền của George Denbrough, nó biến mất không chút tăm tích. Đến 9 giờ 30 phút, đi đâu mà Cục Nước Derry thề thốt không thể nào có giờ sắp sửa xảy ra đến nơi: lần đầu tiên, trung tâm thị trấn Derry có thể bị ngập lụt kể từ tháng 8 năm 1958, khi đó những cống thoát nước cũ bị tắc hoặc sụp đổ trong cơn mưa giông dị thường này. Khoảng 10 giờ kém 15 phút, những người đàn ông với khuôn mặt hết sức nghiêm trọng lái xe ô tô và xe bán tải đến hai bên bờ Kênh Đào, bộ đồ chống thời tiết xấu phần phật điên đảo trong cơn gió rít gào chẳng khác nào tàu chở hàng. Lần đầu tiên kể từ tháng 10 năm 1957, các bao cát được chất dọc hai bờ xi măng của Kênh Đào. Vòng cung ở vị trí Kênh Đào xuyên ngầm dưới ngã ba ở chính giữa trung tâm thị trấn Derry được đắp cao hết cỡ, đường Chính, đường Kênh Đào và chân đê Dặm Trên không thể nào lưu thông, trừ khi đi bộ, những người đàn ông hồi hải xách bao cát đến gia cố bờ kênh cảm nhận được đường dưới chân rung lắc với dòng nước ào ào chảy xiết, giống cái cách cầu vượt sẽ rung lên khi những chiếc xe tải cỡ lớn chạy ngang qua. Nhưng khác ở chỗ, sự rung lắc

này đầu đầu, và họ lấy làm mừng vì mình đang ở mạn Bắc của trung tâm thị trấn, cách xa cái sự ồn ào đầu đầu, không nghe thấy mà cảm nhận được qua từng thớ thịt ấy. Harold Gardener hét lên hỏi Alfred Zitner, chủ văn phòng bất động sản Zitner trên mạn tây thị trấn, liệu đường có đổ sập hay không. Zitner đáp trước khi chuyện đó xảy ra thì địa ngục phủ băng khắp trần gian rồi. Thảm tượng tượng cảnh Adolf Hitler và Judas Iscariot đứng phát giày trượt băng, Harold tiếp tục khiêng bao cát. Giờ thì mực nước chỉ cách mép thành xi măng của Kênh Đào chưa tới tám phân. Dưới Vùng Đất Cằn, sông Kenduskeng đã tràn bờ, đến trưa, những bụi cây um tùm, rậm rạp sẽ thò lên từ cái hồ rất rộng, nông và hôi rình. Những người đàn ông cặm cuội làm việc, chỉ dừng lại khi bao cạn cạn đi... và rồi, đến 10 giờ kém 10 phút, tất cả đờ đẫn trước âm thanh đổ gãy vô cùng chói tai. Về sau, Harold Gardener kể với vợ rằng anh còn tưởng tận thế sắp xảy ra đến nơi. Thứ sập xuống không phải khu vực trung tâm thị trấn mà là Standpipe. Andre Keene, cháu trai của ông Norbert Keene, là nhân chứng duy nhất tận mắt chứng kiến cảnh này, sáng hôm ấy, anh ta hút quá nhiều cần sa Colombia Đỏ nên ban đầu còn tưởng mình thấy ảo giác. Anh này đi loay quanh những con đường bị mưa giông quăn thảo của Derry từ khoảng 8 giờ sáng, tầm thời điểm bác sĩ Hale trên đường lên trời để hành nghề thầy thuốc. Người ướt như chuột lột (chỉ có túi cần sa năm mươi gam kẹp dưới nách là khô ráo), song đương sự không hề ý thức được việc đó. Anh ta vào công viên Tưởng niệm nằm bên hông đồi Standpipe. Và anh ta có nhàn không nhỉ, Standpipe đang *xiêu vẹo* khủng khiếp, như hình tháp nghiêng Pisa chết tiệt in trên vỏ hộp nui. “Ồi chà!” Andrew Keene ré lên, mắt đã trợn nay còn trợn hơn, khi những tiếng rầm rắc bắt đầu vang lên. Càng lúc, Standpipe càng nghiêng trong lúc anh ta cứ đứng đực ra đấy nhìn, quần jean bết vào hai cẳng chân như cò hương cùng khăn chít đầu hoa hòe nhỏ

tong tổng nước vào mắt. Những mảnh ngói trắng bong tróc ở phần chân bể chứa nước đầ sộ... không, nói bong tróc thì không chuẩn lắm; trông chúng như đang *bắn ra*. Rồi một vết nứt rõ ràng đã xuất hiện cách nền móng bằng đá của Standpipe chừng sáu mét. Nước đột nhiên phun ra từ vết nứt này, và giờ thì ngói không bắn ra khỏi phần chân bể nữa mà ùn ùn xô vào cơn gió dữ. Âm thanh răng rắc vang lên từ Standpipe, và Andrew có thể *nhìn thấy* bể chứa chuyển động, tựa kim đồng hồ dịch từ 12 giờ sang 1, rồi 2 giờ. Bọc cần sa rời khỏi nách anh ta, mắc lại trong áo, chỗ gần thắt lưng. Nhưng anh ta chẳng hay biết. Anh ta như kẻ mất hồn. Tiếng lựt phựt vang lên từ bên trong Standpipe, tưởng chừng từng sợi dây của chiếc đàn ghi-ta lớn nhất thế giới đang đứt. Đây là tiếng của hệ thống cáp bên trong bể trụ, có nhiệm vụ duy trì sức ép cân bằng với áp lực nước. Standpipe nghiêng càng lúc càng nhanh, ván, rầm đua nhau gãy, những mảnh gỗ bắn vào không trung, xoay vòng vòng. “HOÀNH TRÁNG THẶC SỰ!” Andrew Keene re ré hét lên, song hoàn toàn bị khóa lấp trong màn đổ sập xuống của Standpipe cùng tiếng ì ì càng lúc càng to của 1,75 triệu gallon nước, tức 7000 tấn, ào ào trào ra từ phần nứt toác của tòa tháp. Nước vồ vập thành cơn sóng xám xịt, và tất nhiên nếu Andrew Keend đứng đối diện Standpipe ở phần giáp ngọn đầ, anh ta đã về chầu tiên tổ trong vòng một nốt nhạc. Nhưng Chúa ưu ái những gã say, trẻ nhỏ và những kẻ phê thuốc đến mù mị đầ óc; thành thử Andrew đứng ở vị trí có thể nhìn thấy toàn cảnh mà không bị văng miềng. “HIỆU ỨNG ĐẶC BIỆT GÌ ẤN TƯỢNG QUẾ!” Andrew hét lên trong lúc nước ào xuống công viên Tưởng niệm như một vật rắn, quét phẳng đầ hồ mặt trời ở cạnh chỗ cậu bé Stan Uris năm xưa hay đứng quan sát chim bằng ống nhòm của bố. “[STEVEN SPIELBERG](#) CÒN PHẢI GỌI BẰNG CỤ!” Đài nước cho chim bằng đá cũng trôi theo dòng nước. Andre ngẩn ra nhìn nó quay mòng mòng, bệ và

đài nước thay phiên nhau vòng lên vòng xuống rồi mất dạng. Hàng cây phong và bạch dương phân tách công viên Tưởng niệm với đường Kansas bị đổ rạp như con ki trong dây bowling. Chúng kéo theo những đường dây điện tua tủa đứt phụt. Nước chảy lên đường và bắt đầu tản mát, trông giống nước hơn chứ chẳng còn là bức tường rắn chắc khiến ta không khỏi bàng hoàng, nuốt chửng đồng hồ mặt trời, đài nước cho chim và hàng cây lâu năm, thế mà nó vẫn có đủ sức mạnh cuốn phăng gần chục căn nhà cuối đường Kansas khỏi móng và trôi xuống tận Vùng Đất Cằn. Những căn nhà trôi đi hết sức nhẹ nhàng, đa phần vẫn còn nguyên vẹn. Andrew Keene nhận ra một trong những căn nhà ấy là của gia đình Karl Massensik. Ông Massensik là thầy giáo lớp Sáu của anh ta, một lão gai mắt. Khi căn nhà trượt ra khỏi móng xuống con dốc, Andrew nhìn thấy ngọn đèn cầy vẫn cháy sáng bên trong một khung cửa sổ, thậm chí hỏi hay mình đã dùng tâm trí để hất phăng nó đi nhỉ, nghe có lý đấy chứ. Có tiếng nổ vang lên từ Vùng Đất Cằn, ngọn lửa vàng lóe lên khi chiếc đèn măng sông hiệu Coleman nhà ai đó bắt lửa vào dầu chảy từ thùng chứa nhiên liệu bị bể. Andrew trở mắt nhìn quang cảnh đường Kansas mới bốn mươi giây trước còn là dãy nhà trung lưu ngay ngắn xinh xẻo. Giờ thì dãy nhà ấy chỉ còn là dĩ vãng, và thật sự là thế, khiếp quá. Thế chỗ chúng là chục tầng hầm trông chẳng khác nào hồ bơi. Andrew muốn cảm thán rằng thế này thì quá lắm rồi, nhưng không còn sức mà la hét nữa. Họng anh ta tắc tị. Bụng anh ta yếu ớt, vô dụng. Anh nghe thấy một chuỗi tiếng răng rắc vang lên, giống tiếng một gã khổng lồ mang đôi giày nhét đầy bánh quy Ritz ầm ầm lao xuống cầu thang. Standpipe đang lăn xuống đồi, bể chứa hình trụ màu trắng khổng lồ, vẫn phun ra chút nước còn sót lại, những sợi dây cáp chắc chắn được dùng để cố định bể bắn lên không trung rồi lao xuống đất như roi sắt, đục những rãnh nước trên mặt đất mềm nhão và ngay lập tức ngập

nước mưa. Andrew ngần ngại nhìn, cảm rứt giữa xương quai xanh, cảnh tượng Standpipe lúc này đang nằm ngang, dài gần bốn mươi mét, bay vào không trung. Thời khắc ấy, bề nước như đông cứng, một hình ảnh vô thực như xuất hiện từ vùng đất của những bệnh nhân tâm thần, với nước mưa lấp lánh trên mặt bể vỡ nát, cửa sổ bể, khung cửa lung lảng, đèn pha trên đỉnh, vốn được dùng để cảnh báo những chiếc máy bay hạng nhẹ tầm thấp, vẫn loang loáng ánh đèn, rơi thẳng xuống đường với tiếng rầm ầm tai nhức óc. Đường Kansas ngập nước, và giờ thì nước bắt đầu rất ráo cháy theo hướng đống Dăm Trên. *Mới ban nãy còn bao nhiêu nhà ở đó*, Andrew Keene nghĩ rồi bủn rủn hết cả hai chân. Anh ta ngã thụp xuống nước đánh tồm. Anh ta trần trối nhìn phần nền bằng đá bể nát mà Standpipe luôn sừng sững uy nghiêm bên trên từ lúc anh ta sinh ra cho đến giờ. Anh tự hỏi liệu có ai tin những gì anh ta thấy không nhỉ. Nói đâu xa, liệu bản thân anh ta có dám tin vào mắt mình hay không.

Một trong những đạo diễn, nhà sản xuất thành công nhất trong lịch sử điện ảnh.

2

Kết liễu/ 10 giờ 2 phút sáng, ngày 31 tháng 5 năm 1985

Bill và Richie trông thấy Nó quay về phía mình, hàm hết đóng vào lại mở ra, con mắt lạnh lặn quắc lên nhìn họ, và Bill phát hiện người Nó phát ra ánh sáng riêng, tựa một con đom đóm gồm ghiếc. Nhưng ánh sáng leo lét và nhấp nháy; cho thấy Nó bị thương khá nặng. Những suy nghĩ của Nó rì rầm huyền ảo

(đỡ ta đi! đỡ ta đi, ta sẽ cho các người mọi thứ các người muốn – tiền tài, danh vọng, vận may, quyền lực – ta có thể cho các người tất cả những

thứ này)

trong đầu anh.

Bill tiến về phía trước, với tay không, mắt anh dán chặt vào độc nhãn đỏ ngầu của Nó. Anh cảm nhận sức mạnh đang lớn dần trong cơ thể mình, trợ lực cho anh, đan cánh tay chắc như dây thừng, khiến bàn tay đang siết chặt thành nắm đấm hội tụ năng lượng riêng. Richie bước đi bên cạnh anh, gần gũi như anh.

(ta có thể đưa vợ người trở về – ta là kẻ duy nhất làm được điều đó – cô ta sẽ không nhớ bất cứ điều gì giống như bảy người các người)

Lúc này, họ đã tiến đến gần, rất gần. Bill có thể ngửi thấy thứ mùi xú khí mà Nó tỏa ra, anh kinh hoàng nhận ra ấy là mùi của Vùng Đất Cằn, thứ mùi mà họ lầm tưởng là mùi của cống rãnh, của những dòng suối ô nhiễm, của bãi rác cháy... nhưng ngày ấy, có thật họ nghĩ trong thứ xú khí kia chỉ có chừng ấy mùi không? Hóa ra đó là mùi của Nó, và có lẽ, Vùng Đất Cằn là nơi mùi hôi nồng nặc nhất, những thứ mùi ấy phủ khắp Derry như đám mây, song người dân không ngửi thấy, cũng giống như nhân viên sở thú không ngửi thấy mùi của con vật tỏa ra sau một thời gian, hay thậm chí thức mắc tại sao khách quan lại nhăn mũi khi bước vào.

“Hai bọn mình,” anh lầm bầm với Richie, và Richie gật đầu mà không rời mắt khỏi con Nhện, kẻ thù đang rút lại, những cẳng chân xương xẩu góm guốc lấp lánh. Cuối cùng, Nó đã bị dấn vào đường cùng.

(ta không thể cho các người cuộc sống bất tử nhưng nếu ta chạm vào người người sẽ sống đời đời kiếp kiếp – hai trăm năm, ba trăm năm, thậm chí năm trăm năm – ta có thể biến các người thành chúa tể ở trên thế - chỉ cần các người để ta đi chỉ cần các người để ta đi chỉ cần các người...)

“Bill?” Richie khô khốc cất tiếng gọi.

Gầm lên một tiếng thét chất chứa bấy lâu, phun trào như vỡ đê, Bill lao tới. Richie chạy bên cạnh, cùng tốc độ. Hai người vung tay phải đấm Nó, nhưng Bill hiểu thứ họ đang dùng để tấn công Nó không phải nắm đấm của họ mà là sức mạnh họ đoàn kết lại, được thúc đẩy bởi sức mạnh của Thế Lực Khác; đó là sức mạnh của ký ức và khát khao; trên tất cả, đó là sức mạnh của tình yêu, của thuở ấu thơ không thể nào quên tựa bánh xe to lớn.

Tiếng rít gào của con Nhện choán lấy đầu Bill, như muốn đập nát não anh thành nghìn mảnh. Anh cảm nhận nắm tay mình sục sâu vào thứ ẩm ướt đang quần quại. Tay anh cũng thọc vào theo, sâu đến tận vai. Anh kéo tay ra, thứ máu đen đúa của con Nhện nhỏ tong tỏng. Huyết chảy ra từ cái lỗ mà anh vừa đâm vào.

Anh nhìn thấy Richie ngay dưới thân thể to tướng của Nó, nhoe nhoét từ đầu đến chân trong thứ máu lấp lánh đen đúa, đứng ở thế như võ sĩ quyên anh, nắm đấm tong tỏng máu vung tới.

Con Nhện dùng chân quất túi bụi vào họ. Bill cảm nhận được một chân của Nó rạch vào người anh xé toạc áo và da anh. Vòi chích của Nó đập xuống sàn vô dụng. Tiếng thét của Nó rít lên như kèn trong đầu anh. Nó loạng choạng nhào đến, cố cắn anh, nhưng thay vì rút lui, Bill lao tới, không chỉ dùng nắm đấm mà dùng toàn bộ cơ thể, biến cả người mình thành quả ngư lôi. Anh lao vào bụng Nó như hậu vệ phi hết tốc lực, hạ thấp hai vai và đơn giản là nhào thẳng về phía trước.

Trong thoáng chốc, anh cảm thấy thứ thịt hôi thối của Nó chùng xuống, như thể sẽ đàn hồi rồi đánh bật anh về sau. Gầm gừ thét lên, anh thúc mạnh hơn, đẩy người tới trước, dồn sức vào chân, dùng tay thọc vào người Nó. Và anh đã chọc thủng được Nó; cả người anh ngập trong thứ huyết nóng hổi. Chúng chảy xuống mặt anh, vào tai anh. Anh vô tình hít

chúng lên mũi thành những dòng nhỏ.

Và rồi bốn bề quanh anh lại tối đen, anh ngáp đến tận vai trong cơ thể đang co giật của Nó. Trong lỗ tai lòng bùng của mình, anh có thể nghe thấy tiếng động đầu đầu *Thình THỊCH thình THỊCH* như tiếng trống trầm cổ bụi, loại trống dẫn đầu đoàn diễu hành khi rạp xiếc đến thị trấn cùng bầy đoàn những kẻ quái dị và những chú hề mùa may quay cuồng.

Là tiếng của tim Nó.

Anh nghe thấy Richie thét lên vì đau đớn, tiếng thét cao dần rít thành tiếng rên hồi hả, gấp gáp rồi ngưng bật. Bất thành linh, Bill đẩy cả hai nắm tay của mình về phía trước. Anh nghệt thở, bị siết trong mớ ruột gan phèo phổi còn co bóp cùng máu me của Nó.

Thình THICH thình THICH...

Anh lại nhét tay vào Nó, xé toạc, rách thủng, phá nát, tìm kiếm ngu ồn phát ra âm thanh kia; nội tạng của Nó vỡ ra, những ngón tay nhóp nháp hết bóp vào lại nói ra, lồng ngực mắc kẹt dường như sưng phồng vì thiếu không khí.

Thình THICH thình THICH...

Bỗng dưng, thứ đó lọt vào tay anh, một thứ còn sống hôi hổi, bươm máu và đập thình thịch trong lòng bàn tay, đẩy tay anh tới lui

KHÔNGKHÔNGKHÔNGKHÔNGKHÔNGKHÔNGKHÔNG

Có! Bill hét lên, nghệt thở, đuối sức. Có! Thử màn này đi, đồ khốn!
THỬ MÀN NÀY XEM! THÍCH CHỨ? MÀY THÍCH CHỨ? THÍCH
CHƯA?

Anh bao các ngón tay mình quanh quả tim đang đập của Nó, lòng bàn tay xòe ra theo hình chữ V ngược - rồi dấn hết sức bình sinh bóp thật chặt.

Tiếng rít cuối cùng, đầy đau đớn và sợ hãi vang lên khi trái tim Nó nổ tung giữa hai bàn tay anh, chảy qua kẽ tay thành dòng run rẩy.

Thình THỊCH thình TH...

Tiếng thét phai dần, tiêu biến. Bill cảm nhận cơ thể Nó thít chặt xung quanh anh như nắm đấm trong găng tay trơn. Và rồi mọi thứ buông dần. Anh nhận thấy cơ thể Nó đang nghiêng, từ từ ngã sang một bên. Cùng lúc đó, anh vận sức kéo người, sự tỉnh táo đội nón ra đi.

Con Nhện ngã vật sang một bên, khối thịt khổng lồ, xa lạ, nghi ngút khói, những cẳng chân vẫn chưa thôi run rẩy và co giật, quơ quàng vào thành gian hầm, cào lung tung lên sàn.

Bill loạng choạng lùi lại, hòng học hít lấy hít để không khí, cố gắng khạc nhổ để làm sạch miệng khỏi cái vị gớm ghiếc mà Nó để lại. Chân nam đá chân chiêu, anh vấp phải chính chân của mình rồi khụy gối.

Đoạn anh nghe thấy Giọng nói của Thế Lực Khác rõ mồn một; con Rùa có thể đã chết, nhưng thế lực ban sức mạnh cho nó thì không.

“Con trai, con làm tốt lắm.”

Và rồi giọng nói biến mất. Sức mạnh của anh cũng mất theo. Anh thấy mình bủn rủn, hồn xiêu phách tán, bên bờ phát điên. Anh nhìn qua vai và trông thấy cái xác đen đúa kinh dị của con Nhện đang thoi thóp, vẫn còn giật giật và run bần bật.

“Richie!” Anh hét lên, giọng khàn đặc, vụn vỡ. *“Richie, cậu ở đâu?”*

Không có lời đáp.

Ánh sáng đã không còn mà tiêu biến theo con Nhện. Anh sục sạo trong túi áo bột máu của mình tìm xấp diêm cuối cùng. Diêm thì tìm ra đấy, nhưng không đánh lửa được vì đầu diêm đã thấm đẫm máu.

“*Richie!*” Anh lại gào lên, nước mắt theo đà ứa ra. Anh bò tới trước, đầu tiên là một tay, rồi dùng cả tay kia lần mò trong bóng tối. Cuối cùng, tay anh chạm vào thứ gì đó mềm mềm. Sau một hồi mò mẫm, anh dừng lại khi tay chạm vào mặt Richie.

“*Richie! Richie!*”

Vẫn không có câu trả lời. Vật lộn trong bóng tối, Bill luồn một tay dưới lưng Richie, tay kia đặt dưới đầu gối. Anh gắng gượng đứng dậy rồi loạng choạng đi ngược trở lại con đường mà ban nãy họ đi với Richie trong tay.

3

Derry/ 10 – 10 giờ 15 phút sáng

Đến 10 giờ, tình trạng rung lắc đầu đầu qua các con đường khu trung tâm thị trấn Derry càng lúc càng dữ dội. Về sau, tờ *Derry News* đưa tin hệ thống trụ hỗ trợ phần Kênh Đào chạy dưới lòng đất bị yếu đi do chịu sự tấn công của lượng nước mạnh ngang ngửa lũ quét nên đã sụp đổ. Tuy nhiên, có nhiều người bất đồng với quan điểm này. “Anh đã ở đó nên anh biết,” Harold Gardener nói với vợ. “Không phải trụ Kênh Đào bị sập mà là do động đất. Động đất xảy ra đấy em ạ.”

Nhưng dù nguyên nhân thật sự là gì thì kết quả vẫn không thay đổi. Rung chấn càng lúc càng mạnh, khiến các cửa sổ vỡ tan tành, trần thạch cao sập xuống, và tiếng răng rắc của xà ngang và móng nhà cong vẹo biến thành dàn đồng ca khủng khiếp. Những vết nứt chạy dọc mặt tiền bằng gạch lỗ chỗ vết đạn của tiệm Machen như những bàn tay đang vươn tới. Những sợi cáp cố định hiên của rạp phim Aladdin đối diện con đường đứt phụt, toàn bộ mái hiên đổ ập xuống. Con hẻm Richard chạy đằng sau Tiệm thuốc đường Trung Tâm ngập trong núi gạch vàng khi Tòa nhà chuyên môn

Brian X Dowd, xây dựng vào năm 1952, sụp đổ. Màn bụi khổng lồ vàng vọt bao phủ không gian rồi bị thổi bay như tấm màn.

Cùng lúc đó, bức tượng Paul Bunyan trước trung tâm thị trấn nổ tung. Tựa hồ lời đe dọa làm cho công trình này tan tành của tay giáo viên Mỹ thuật ngày xưa chẳng phải dọa chơi mà là nghiêm túc. Cái đầu râu ria nhe nhớn cười bắn thẳng lên trời. Một chân đá về phía trước, chân kia quặp ra sau, như thể Paul cố xoạc chân, hăng quá nên nào ngờ chân đứt lìa. Phần thân giữa của bức tượng nổ thành nghìn mảnh, lưới riu nhựa phi lên bầu trời mưa giăng, biến mất rồi cắm xuống, xoay vòng vòng. Nó chọt qua mái che của cầu Hôn Nhau và cắt vào sàn cầu.

10 giờ 2 phút sáng, khu vực trung tâm Derry trở thành đồng đồ nát.

Hầu hết phần nước trào ra từ bể chứa Standpipe bị phá hủy chảy qua đường Kansas xuống Vùng Đất Cằn, nhưng hàng tấn nước vẫn ào ào xối xả xuống quận kinh doanh theo đường đồi Dặm Trên. Có lẽ đó chính là giọt nước làm tràn ly, hoặc có lẽ như những gì Harold Gardener nói với vợ mình, quả thật động đất đã xảy ra. Mặt đường Chính nham nhở đầy vết nứt. Ban đầu, chúng chỉ là những khe hẹp... nhưng rồi chúng bắt đầu toác ra như những cái miệng hau háu, và tiếng Kênh Đào vẳng lên, không còn bị át đi mà ầm ỉ đến đáng sợ. Mọi thứ bắt đầu rung lắc. Tấm biển nên-ông quảng cáo đề GIÀY MỌI BÁN XẢ HÀNG trước cửa hàng lưu niệm Squires Lùn rơi xuống đường rồi chập mạch dưới chín mươi phân nước. Chốc sau, cửa hàng Squires Lùn bên cạnh tiệm sách Ông Bìa Mềm bắt đầu lún xuống. Buddy Angstrom là người đầu tiên trông thấy hiện tượng này. Anh huých Alfred Zinner, anh này nhìn xong, há hốc miệng rồi huých Harold Gardener. Trong vài giây, quá trình đắp bao cát dừng lại. Những người đàn ông dọc hai bên bờ Kênh Đào chỉ biết đứng ngẩn ra nhìn về khu

vực trung tâm thị trấn dưới cơn mưa xối xả, khuôn mặt ai nấy đều in hằn vẻ kinh ngạc. Tựa hồ tiệm lưu niệm và tạp hóa Squires được xây trên chiếc thang máy khổng lồ đang trên đường chạy xuống. Nó lún sâu xuống mặt bê tông vững chắc một cách bí hiểm, trắng lệt. Đến lúc cửa tiệm dừng lại, ta có thể quỳ mọp xuống vỉa hè ngập nước rồi chui vào bằng đường cửa sổ trên tầng ba. Nước bắn tung tóe xung quanh tòa nhà, và chốc sau, Ông Lùn trèo lên mái nhà, vẫy tay điên cuồng cầu cứu. Nhưng rồi ông bị xóa sổ khi tòa nhà vẫn phòng ngay bên cạnh, nơi tiệm sách Ông Bì Mềm tọa lạc ở tầng trệt, cũng chìm xuống đất. Thật không may, tòa nhà này không lún thẳng xuống dưới như tòa nhà Ông Lùn mà nghiêng hẳn sang một bên (trong thoáng chốc, trông nó giống y cái tháp nghiêng Pisa chết tiệt in trên vỏ hộp nui). Tòa nhà vừa xiêu vẹo thì gạch đá từ trên nóc và hai bên trút xuống như mưa. Ông Lùn bị gạch xối xả rơi trúng. Harold Gardener thấy ông loạng choạng lùi về sau, hai tay ôm đầu... và rồi ba tầng trên cùng của tòa nhà Ông Bì Mềm trượt xuống gọn đanh như bánh kẹp rơi từ chõng bánh. Ông Lùn không còn tăm tích. Một người xếp bao cát hét lên, mọi thứ biến mất trong tiếng rầm rầm sụp đổ. Những người đàn ông mất thăng bằng, ngã khụy xuống hoặc lão đảo, loạng choạng lùi khỏi Kênh Đào. Harold Gardener trông thấy những tòa nhà đối diện nhau trên đường Chính nghiêng về phía trước như những bà cô tím tím bàn tán khi đánh bài, thiếu đi đầu đụng đầu nhau. Bản thân con đường lún xuống, nứt toác ra và nát như tương. Nước bắn lên tung tóe. Và say đó, lần lượt từng tòa nhà hai bên đường đứng đưa chệch khỏi trọng tâm nên đổ sập xuống đường - Ngân hàng Đông Bắc, cửa tiệm Thuyền giầy, Alvey's Smokes 'n Jokes, Bailey's Lunch, Nông trại Âm nhạc và Băng đĩa Bandler. Có đi đâu, lúc ấy chẳng còn đường phố để chúng đâm sầm xuống nữa. Con đường đã rơi xuống Kênh Đào, ban đầu kéo giãn chẳng khác nào kẹo đường rồi bể vụn thành những

mảng nhựa đường. Harold trông thấy con lươn ở ngã giao của ba con đường bỗng biến mất khỏi tầm mắt. Khi nước phụt lên, anh chợt nhận ra chuyện gì sắp sửa xảy đến.

“Chạy khỏi đây mau!” Anh hét lên với Al Zitner. *“Nước sắp trào lên rồi! Al! Nước sắp trào lên rồi!”*

Tuy nhiên, Al Zitner không tỏ dấu hiệu nào cho thấy mình nghe thấy. Trông mặt anh đờ đẫn như người mộng du, hay bị thôi miên. Anh đứng ngây người trong chiếc áo khoác sọc ca rô xanh dương đồ sùng nước, áo thun Lacoste không gài nút với hình con cá sấu nhỏ nhỏ trên ngực trái, đôi tất xanh dương với hình hai chiếc gậy chơi golf trắng bắt chéo thêu bên hông, mang đôi giày thủyên màu nâu hiệu L. L. Bean đế cao su. Anh đang chứng kiến có lẽ là hàng triệu đô-la vốn đầu tư cá nhân của mình chìm xuống đường, ba hoặc bốn triệu đô-la đầu tư của bạn bè anh – những tay anh cùng chơi bài poker, chơi golf, đi trượt tuyết trong tổ hợp bất động sản mà họ mua chung ở Rangely. Bất thành linh, thị trấn nơi anh ở, Derry, *Maine* kia mà, lay Chúa lòng lành, trông chẳng khác nào thành phố đồ nát nơi dân da đen phải đi lại trên những chiếc ghe dài và hẹp. Nước cuồn cuộn, ào ào giữa những tòa nhà vẫn còn trụ vững. Đường Kênh Đào trông như cầu nhảy đen đúa lồm chồm trên mép của cái hồ đang ùng ục chảy xiết. Chẳng trách Zitner không nghe thấy Harold nói. Còn những người khác cũng đã rút ra được kết luận giống với Gardener – thả một đồng thứ như vậy vào con nước đang nổi cơn thịnh nộ thì thể nào cũng chuốc lấy rắc rối. Một số người thả túi cát mình đang cần rồi co giò bỏ của chạy lấy người. Trong số đó có Harold Gardener, vậy nên anh giữ được mạng. Những người khác không tốt số đến vậy, họ vẫn bị kẹt lại quanh khu này khi Kênh Đào, con kênh ngập trong hàng tấn nhựa đường, bê tông, gạch,

“*Beverly!*” Anh hét lên lần nữa. “*Ben! Có ai không?*”

Anh thầm nghĩ: *Nó ném mình – và Richie – ở đây, nhưng Nó quăng xa hơn – xa hơn rất nhiều. Là thế nào nhỉ? Sao chưa gì mình đã mù mờ, quên bằng rồi...*

“Bill? Là giọng của Ben, run rẩy và mệt lử, đầu đó khá gần anh. “Cậu ở đâu?”

“Tớ ở đằng này. Tớ đang bế Richie. Cậu ấy... cậu ấy bị thương.”

“Cứ nói đi.” Ben đã gần hơn. “Cứ nói tiếp đi, Bill.”

“Bọn tớ đã giết Nó,” Bill nói, tiến về phía giọng nói của Ben phát ra. “Bọn tớ đã giết thứ khốn kiếp ấy. Và nếu Richie chết...”

“*Chết?*” Ben thẳng thốt hỏi lại. Anh đã ở rất gần... và rồi cánh tay anh vươn ra từ bóng tối, chạm nhẹ vào mũi Bill. “Cậu bảo chết là sao?”

“Tớ... cậu ấy...” Cả hai cùng đỡ Richie. “Tớ không thấy tình trạng cậu ấy,” Bill nói. “Vấn đề nằm ở đó. Tớ kh-kh-không thể *th-th-thấy* cậu ấy!”

“*Richie!*” Ben hét lên và lắc lấy lắc để cậu bạn. “*Richie, tỉnh lại đi! Khốn kiếp, tỉnh lại đi!*” Giọng Ben càng lúc càng nghẹn ngào, run rẩy. “***RICHIE, CẬU TỈNH LẠI CHO TỚ NHỜ!***”

Và rồi trong màn đêm, Richie cất tiếng, giọng mơ màng, bực mình, như vừa bị đánh thức khi đang ngủ say. “*R ồ r ồ, bố ngài Haystack. R ồ r ồ. Cần quái gì dăm ba cái phù hiệu thôi...*”

“*Richie!*” Bill hét lên. “*Richie, cậu có sao không?*”

“Thứ khốn ấy đã quăng tớ đi,” Richie lẩm bầm với giọng nói mệt mỏi, ngái ngủ ấy. “Tớ đập người vào thứ rất cứng. Tớ chỉ nhớ có thể... Bevvie đâu rồi?”

”Quay lại lối này,” Ben nói. Anh tóm lược cho mọi người chuyện những

quả trứng. “Tớ đập phải đến cả trăm quả. Tớ nghĩ tớ đập hết sạch rồi.”

“Cậu Chúa cậu đã đập toàn bộ,” Richie đáp. Giọng anh nghe đã tươi tỉnh hơn. “Để tớ xuống đi, Bill To Bự. Tớ tự đi được... Mà hình như tiếng nước to hơn phải không?”

“Đúng thế,” Bill đáp. Cả ba người bọn họ nắm tay nhau trong bóng tối. “Đầu cậu sao rồi?”

“Đau như búa bổ. Chuyện gì đã xảy ra sau khi tớ bất tỉnh nhân sự thế?”

Bill kể cho các bạn nghe những gì mà anh nặn óc nhớ ra, nhiều nhất có thể.

“Vậy là Nó chết rồi,” Richie trầm trồ. “Cậu chắc chưa, Bill?”

“Chắc,” Bill nói. “Lần này tớ hoàn toàn ch-ch-chắc.”

“Cảm ơn Chúa,” Richie cảm thán. “Đỡ tớ với, Bill, tớ buồn nôn quá.”

Bill làm theo và sau khi Richie nôn xong, cả ba bước tiếp. Thỉnh thoảng, chân anh lại hất trúng thứ gì đó cứng cứng khiến chúng lặn vào màn đêm. Chắc đó là trứng của con Nhện mà Ben đã đập nát, anh rung mình đoán. Biết mình đang đi đúng đường nên anh nhẹ cả lòng, đồng thời anh cũng mừng khi mình không thể trông thấy những thứ còn sót lại.

“*Beverly!*” Ben hét lên. “*Beverly!*”

“*Tớ đây...*”

Tiếng cô khe khẽ vang lên, gần như bị khóa lấp trong tiếng nước ào ào. Họ bước trong màn đêm, vừa đi vừa tập trung gọi cô.

Cuối cùng, khi đến được chỗ cô, Bill hỏi cô còn que diêm nào không. Cô đưa cho anh nửa xấp. Anh đốt một que và nhìn thấy khuôn mặt của mọi người lập lòe trong ánh lửa – Ben vòng tay quanh Richie, lúc này đang khụy xuống, máu chảy từ thái dương bên phải, Beverly để Eddie gối đầu

trong lòng mình. Rồi anh quay lại. Audra đang nằm trên sàn đá, hai chân sòng soài, đầu ngoẹo sang một bên. Tư nhện đã tan gần hết khỏi người cô.

Diêm bèn xuống tay nên anh đành thả xuống. Trong bóng tối, anh ước lượng sai khoảng cách nên vấp phải cô và suýt chút nữa ngã dúi dụi.

“Audra! Audra, em ngh-ngh-nghe th-thấy không?”

Anh vòng một tay ra sau lưng cô rồi dựng cô dậy. Anh luôn một bàn tay vào tóc cô, ấn các ngón tay lên cổ cô. Mạch vẫn còn đập: chậm, nhưng đều đặn.

Anh quẹt thêm một que diêm, và khi lửa lóe lên, anh trông thấy đồng tử của cô co lại. Nhưng đó chỉ là một chức năng không tự chủ; ánh nhìn vô định của cô vẫn không thay đổi, ngay cả khi anh đưa que diêm lại gần mặt cô đến độ da cô ửng đỏ. Cô còn sống nhưng không có phản ứng. Chết tiệt, anh biết tình hình còn tồi tệ hơn thế. Cô mất tri giác rồi.

Que diêm thứ hai cũng bèn vào tay nên anh dập tắt nó.

“Bill, tiếng nước chảy nghe sôi ruột quá,” Ben nói. “Tớ nghĩ bọn mình phải rời khỏi đây thôi.”

“Không có Eddie, sao mà bọn mình làm được bây giờ?” Richie thì thào.

“Bọn mình làm được,” Bev nói. “Bill, Ben nói đúng. Bọn mình phải ra khỏi đây.”

“Tớ sẽ đem cô ấy theo.”

“Tất nhiên. Nhưng bọn mình phải đi thôi.”

“Hướng nào bây giờ?”

“Cậu sẽ biết,” Beverly nhẹ nhàng. “Cậu đã giết Nó. Nên cậu sẽ biết thôi, Bill ạ.”

Anh bế Audra lên như ban nãy làm với Richie rồi bước trở lại chỗ các bạn. Cảm giác bế cô trong tay khiến lòng anh như lửa đốt và sợ hãi, tưởng chừng cô là một tượng sáp đang thối.

“Hướng nào, Bill?” Ben hỏi.

“Tớ kh-kh-không...”

(cậu sẽ biết, cậu đã giết Nó nên cậu sẽ biết)

“Nào, đi thôi,” Bill cất tiếng. “Xem bọn mình tìm được đường ra không. Beverly, gi-gi-giữ hộ tớ.” Anh đưa cô xấp diêm.

“Eddie thì sao?” cô hỏi. “Bọn mình phải đưa cậu ấy ra.”

“S-Sao m-mà được?” Bill hỏi. “Chuyện đó... B-Beverly, n-nơi này s-sắp sập rồi.”

“Bọn mình phải đưa cậu ấy ra khỏi đây, trời ạ,” Richie nói. “Phụ tớ với, Ben.”

Bọn họ dựng thi thể của Eddie dậy. Beverly quẹt diêm, đưa mọi người quay trở lại cánh cửa cố tích. Bill bế Audra qua cửa, cố hết sức giữ cho người cô không chạm đất. Richie và Ben khiêng Eddie qua.

“Bỏ cậu ấy xuống đi,” Beverly đề nghị. “Cậu ấy ở lại đây được rồi.”

“Tối thui tối mờ,” Richie giàn giụa nước mắt. “Cậu thấy đấy... tối như hũ nút. Eds... cậu ấy...”

“Không sao đâu,” Ben nói. “Có lẽ đây là nơi cậu ấy phải nằm lại. Có lẽ là chốn này.”

Họ đặt Eddie xuống, sau đó Richie hôn lên má anh. Anh ngơ ngẩn ngược nhìn Ben. “Cậu chắc chứ?”

“Chắc. Đi thôi, Richie.”

Richie đứng dậy, quay người về phía cánh cửa. *“Tiên sư nhà mày, đồ*

khôn!” Anh chợt thét lên rồi đưa chân đạp cánh cửa đóng sầm. Nó phát ra tiếng *rầm* trầm đục khi sập vào chốt.

“Cậu làm thế chi vậy?” Beverly hỏi.

“Tớ cũng chẳng biết,” Richie đáp, nhưng trong thâm tâm mình, anh biết rõ. Anh quay lại nhìn qua vai đúng lúc que diêm trên tay Beverly tắt ngóm.

“Bill – vết trên cửa?”

“Nó làm sao à?” Bill thở gấp.

“Nó biến mất rồi,” Richie đáp.

5

Derry/ 10 giờ 30 phút sáng

Hành lang bằng kính nối giữa thư viện người lớn và thư viện trẻ em bất thành hình nổ tung trong luồng sáng lóe lên chói lóa. Kính bắn tung tóe thành hình tán dù, vun vút quất vào hàng cây đang oằn mình, điểm xuyết trên khu đất thư viện. Ai có mặt ở đây thế nào cũng bị thương nặng hoặc thậm chí mất mạng trong bão đạn bằng kính ấy, nhưng may thay không có bóng dáng người nào, cả ở bên trong lẫn bên ngoài. Số là hôm ấy, thư viện không mở cửa. Hành lang mà Ben mê tí hời còn nhỏ không bao giờ được xây dựng lại; Derry chịu quá nhiều tổn thất đắt đỏ nên thà cứ để hai thư viện thành những tòa nhà tách biệt nhau xem ra còn đơn giản hơn. Chẳng bao lâu sau, không một thành viên nào trong Hội đồng thị trấn nhớ ngày xưa, hành lang bằng kính ấy có công dụng gì. Có lẽ Ben là người duy nhất có thể mô tả cho họ cảm giác đứng bên ngoài thư viện, trong cái lạnh se sắt của một đêm tháng Giêng, mũi chảy thò lò, đầu ngón tay tê rần dưới lớp gang, nhìn người ta đi đi lại lại bên trong, bước qua mùa đông mà không mặc áo khoác, được ánh sáng vỗ về là như thế nào. Nói với họ như thế

cũng được thôi, nhưng có lẽ đó không phải đi đầu mà ta đứng lên trình bày trong cuộc họp của Hội đồng thị trấn – rằng anh đã ngẩn ngơ đứng trong màn đêm lạnh lẽo và mê mẩn ánh sáng tỏa ra từ hành lang. Ừ thì có thể là thế, nhưng sự thật chỉ đơn giản là: hành lang bằng kính nổi tung không rõ lý do, không ai bị thương (một đi đầu quá sức may mắn, vì con số tổn thất cuối cùng mà cơn bão buổi sáng hôm ấy để lại – chỉ tính theo số thương vong - là 67 người thiệt mạng và hơn 320 người khác bị thương), và nó chẳng bao giờ được xây lại. Sau ngày 31 tháng 5 năm 1985, nếu muốn đi từ thư viện trẻ em sang thư viện người lớn, ta phải đi bộ ra bên ngoài. Nếu trời lạnh, có mưa hay tuyết rơi thì ta buộc lòng phải mặc áo khoác.

6

Ra ngoài/ 10 giờ 54 phút sáng, ngày 31 tháng 5 năm 1985

“Đội đã,” Bill thở hỗn hển. “Cho tớ... nghỉ chút.”

“Đề tớ phụ cậu đỡ cô ấy,” Richie đề nghị. Cả nhóm đã để Eddie lại ở hang ổ của con Nhện, và đó là đi đầu không ai trong số họ muốn nhắc đến. Nhưng Eddie đã qua đời, trong khi Audra còn sống - chí ít nếu xét về mặt kỹ thuật thì là thế.

“Tớ lo được mà.” Bill phì phò nói giữa những hơi thở hỗn hển.

“Vớ vẩn. Cậu coi chừng lên cơn đau tim bây giờ. Đề tớ phụ, Bill To Bự.”

“Đ-Đ-Đầu cậu sao rồi?”

“Đau lắm.” Richie gọn lỏn. “Đừng đánh trống lảng.”

Bill lưỡng lự để Richie đỡ lấy người cô. Tình thế này còn đỡ chán; Audra vốn cao ráo, với cân nặng bình thường là sáu mươi ba kí-lô. Nhưng vai cô sắp diễn trong *Phòng áp mái* là một cô gái bị bắt cóc bởi tên thần

kinh ảo tưởng bản thân là khủng bố chính trị. Freddie Firestone muốn quay tất cả các cảnh trên tầng áp mái trước nên Audra phải kiêng khem hết sức gắt gao bằng thịt gia cầm - phô mai tươi với cá ngừ – và sút mất chín cân. Dầu vậy, sau khi lão đảo bẻ cô trong bóng tối suốt quãng đường sáu trăm mét (hoặc tám trăm, nghìn hai, hoặc chẳng rõ bao xa), anh thấy năm mươi cân chẳng khác nào một tạ.

“C-Cảm ơn c-c-cậu,” anh nói.

“Có gì mà khách khí. Tiếp theo đến lượt cậu nhé, Haystack.”

“Bíp bíp, Richie,” Ben nói và Bill không nhận được cười. Nụ cười ấy tuy hằn in sự mệt mỏi và cũng thoáng qua như mây bay, nhưng chí ít cười còn hơn không.

“Đi đường nào đây Bill?” Beverly hỏi. “Tiếng nước nghe to hơn hẳn r ồi. Tớ không thích bị chết chìm dưới này chút nào đâu.”

“Đi thẳng, r ồi rẽ trái,” Bill đáp. “Có lẽ bọn mình phải đi nhanh hơn.”

Cả nhóm đi tiếp suốt nửa tiếng đồng hồ theo sự dẫn dắt của Bill. Tiếng nước chảy càng lúc càng to, cho đến khi nó bao vây lấy họ chẳng khác nào hiệu ứng âm thanh trong rạp chiếu phim. Bill mò mẫm chỗ góc quanh, một tay l ần theo tường gạch ẩm thì bỗng dừng, nước chảy vào chân anh. Dòng nước nóng nhưng khá nhanh.

“Để tớ cống Audra cho,” anh nói với Ben lúc này đang phì phò như kéo bễ. “Giờ mình đi ngược dòng.” Ben cẩn thận chuyển cô về phía Bill để anh vắt người cô qua vai. Anh chỉ ước giá mà cô chống đối... chuyển động... hay làm gì đó. “Còn nhiều diêm không Bev?”

“Còn ít lắm. Chắc khoảng năm hay sáu que. Bill này... cậu có biết bọn mình đang đi đâu không?”

“Tớ nghĩ là c-c-có,” anh nói. “Đi nào.”

Mọi người theo anh vòng qua khúc cua. Nước tung bọt cao đến mắt cá của Bill rồi ngang ống quyển, sau đó dâng đến ngang đùi. Tiếng nước ban nãy còn ầm ì thì giờ rống lên trăn trọc đều đặn. Đường cống mà họ đi cứ rung lắc từng hồi. Có lúc Bill còn tưởng nước sẽ chảy siết đến độ họ không thể lội, nhưng sau đó, họ băng qua một ống phụ đang đổ nước ầm ầm vào trong cống ngầm mà họ đang đi – anh đến tròn mắt vì dòng nước trắng xóa khá mạnh – nó khiến dòng nước yếu đi phần nào, dù mực nước dầm sâu hơn. Trông...

Ô kìa, mình nhìn thấy nước đổ ra từ ống phụ! Mình nhìn thấy rồi!

“N-N-Này!” Anh hét lên. “*Mọi ng-ng-người có nhìn thấy gì không?*”

“Tầm mười lăm phút đổ lại, không gian có vẻ sáng hơn thì phải!” Beverly hét lên đáp lại. “*Bọn mình đang ở đâu vậy Bill? Cậu có biết không?*”

Tớ cứ tưởng là tớ biết, suýt chút nữa anh nói. “Chịu! Đi tiếp nào!”

Ban nãy, anh đã định ninh họ đang tiến đến phần sông Kenduskeag với lòng sông bằng bê tông, được gọi với cái tên Kênh Đào... phần sông chạy ngầm dưới trung tâm thị trấn và xuất hiện trở lại ở công viên Bassey. Nhưng ở đây có ánh sáng, ánh sáng, trong khi chắc chắn không thể nào có ánh sáng trong Kênh Đào dưới lòng thị trấn. Tuy nhiên, bốn bề cứ từ từ sáng dần lên.

Bill càng lúc càng khó lòng xoay sở với Audra. Vấn đề không nằm ở dòng nước - nó đã bớt siết hơn – mà nằm ở độ sâu. *Chút nữa thôi, mình sẽ phải cho cô ấy nổi trên mặt nước*, anh nghĩ. Anh có thể nhìn thấy Ben bên trái, Beverly bên phải, khẽ quay đầu lại, anh nhìn thấy Richie đằng sau Ben. Bước chân càng lúc càng kỳ cục. Đáy cống lổn nhổn, chất đông đất

đá, gạch vụn. Xa xa đằng trước, có một thứ thò lên khỏi mặt nước trông chẳng khác nào mũi thuyền đang chìm dần xuống nước.

Ben bì bõm tiến lại, lẩy bẩy trong dòng nước lạnh. Một hộp xì gà ướt sũng trôi thẳng vào mặt anh. Anh gạt nó sang bên rồi chớp lấy thứ nhô lên khỏi mặt nước. Mắt anh tròn tròn. Thứ anh nhặt được là một tấm biển lớn. Anh đọc chữ được chữ mất trên biển: AL, và bên dưới là TUỎ. Chợt anh vỡ lẽ.

“Bill! Richie! Bev!” Anh cười ha hả đầy ngạc nhiên.

“Gì thế Ben?” Beverly hét lên hỏi.

Chộp lấy nó bằng cả hai tay, Ben giật nó ra sau. Có tiếng nghiến kèn kẹt vang lên khi cạnh tấm biển cào dọc thành cống. Giờ thì họ đã có thể đọc được chữ ALADDI và bên dưới là dòng chữ TRỞ LẠI TUÔNG LAI.

“Là tấm biển ngoài hiên rạp Aladdin,” Richie ồ lên. “Làm thế nào mà...”

“Đường lún xuống rồi,” Bill thì thầm, mắt tròn lên vì kinh ngạc. Anh ngược nhìn cống ngầm. Trên đầu anh, bốn bên còn sáng hơn.

“Gì thế Bill?”

“Có chuyện quái gì xảy ra vậy?”

“Bill? Bill? Chuyện...”

“Hệ thống cống!” Bill tuôn ra một tràng. “Cống cũ quá rồi! Đã có một trận lụt xảy ra! Và tớ đoán lần này...”

Anh hối hả lội về phía trước, vừa đi vừa giữ Audra để cô không chìm. Ben, Bev và Richie lục tục kéo theo sau. Đi được năm phút, Bill ngừng lên thì nhìn thấy bầu trời xanh. Anh đang nhìn qua vết nứt trên trần cống, vết nứt toác rộng hơn hai mươi mét từ vị trí anh đang đứng. Rải rác giữa dòng

nước là lồm chồm những hòn đảo lớn có, nhỏ có - gạch chất đông, mũi sau của chiếc xe Plymouth, cốp xe mở toang, nước chảy ào ào, một cái máy thu ti ền đậu xe xiêu vẹo tựa vào thành h ầm như gã say rượu, dòng chữ VI PHẠM đỏ chói quay lên trên.

Đến lúc này, bước đi trở thành chuyện bất khả – những ngọn núi thu nhỏ lồm chồm chẳng theo nhịp điệu hay quy tắc nào, sơ suất chỉ tổ mê cả mắt cá chân. Nước chảy ngang đến nách họ.

Nước hiền hòa lúc này thôi, Bill th ầm nghĩ. Chứ nếu bọn mình đến đây tâm hai tiếng trước, chắc cả bọn sẽ được dịp nhớ đời.

“Chuyện này là thế nào vậy, Bill To Bự?” Richie hỏi. Anh đứng ngang khuỷu tay trái của Bill, mặt thộn ra vì bất ngờ khi giương mắt nhìn vết nứt trên nóc cống ng ầm – *có điều nó không còn là nóc cống*, Bill nhủ th ầm. *Mà là đường Chính. Chỉ ít nó từng là vậy.*

“Tớ nghĩ khu vực trung tâm thị trấn Derry đã sụp xuống Kênh Đào và bị sông Kenduskeag cuốn trôi r ồi. Chẳng chóng thì chày, mọi thứ sẽ trôi ra sông Penobscot và ra tận Đại Tây Dương, lúc đó thì một đi không trở lại. Cậu giúp tớ đỡ Audra được không, Richie? Tớ thấy đuối quá...”

“Được chứ,” Richie đáp. “Chuyện nhỏ, Bill. Đừng khách sáo.”

Anh đón lấy Audra từ tay Bill. Dưới ánh sáng, Bill có thể nhìn thấy cô rõ hơn anh th ầm mong – mặt cô tái nhợt, hoe nhoét nhưng không bị khóa lấp dưới đất cát, cấu bần dính đầy trên trán và đóng hai bên má. Mắt cô vẫn mở to... mở to và ngây thơ vô cùng. Tóc cô buông xõa và ướt nước. Cô trông chẳng khác nào một cô búp bê bằng phao có thể bơm ph ồng mà người ta bán tại Rừng Khoái Lạc New York hoặc dọc trên con phố đèn đỏ Reeperbahn ở Hamburg. Sự khác biệt duy nhất là hơi thở chậm rãi nhưng đều đặn của cô... nhưng khéo ấy là thủ thuật tạo ra từ đ ồng hồ cũng nên.

“Làm sao bọn mình lên được trên kia bây giờ?” Anh hỏi Richie.

“Nhờ Ben đan tay đỡ cậu lên đi,” Richie nói. “Sau đó, cậu kéo Bev lên, hai bọn tớ giữ vợ cậu. Ben đẩy tớ lên, rồi bọn mình kéo Ben. Sau đó, tớ sẽ chỉ cho cậu cách tổ chức cuộc thi bóng chày cho một ngàn em gái sinh viên.”

“Bíp bíp, Richie.”

“Bíp bíp cái đầu cậu, Bill To Bự.”

Cơn mệt mỏi như ngọn sóng đầu đặn cứ thế ập vào người anh. Tình cờ nhìn sang, thấy ánh nhìn của Beverly, anh neo mắt nơi cô suốt một lúc. Cô khẽ gật đầu với anh, và anh nở nụ cười.

“Nhờ cậu đan tay đỡ tớ nhé, B-B-Ben?”

Một bữa đến độ nói chẳng ra hơi, Ben gật đầu. Trên má anh có một vết rách rất sâu. “Tớ nghĩ chắc sức tớ làm được.”

Anh hơi khom người xuống rồi đan mười ngón tay vào nhau. Bill đặt chân vào lòng bàn tay của Ben rồi bật lên. Vừa suýt soát. Ben nâng hai tay tạo đà cho Bill chộp lấy mép của mái hiên bị thủng. Anh kéo người lên. Thứ đầu tiên anh trông thấy là rào chắn giao thông màu trắng cam xen kẽ. Tiếp theo là đám đông cả nam lẫn nữ đằng sau rào chắn ấy. Thứ ba là Trung tâm thương mại Freese’s – chỉ có đi ầu, trông nó phình ra và thấp bé một cách kỳ dị. Mất một lúc anh mới nhận ra hơn nửa tòa nhà trung tâm thương mại đã lún xuống đường và Kênh Đào bên dưới. Nửa trên cùng nghiêng méo xệch và chỉ trong gang tấc nữa thôi, nó có thể đổ nhào như chõng sách xếp bừa phứa.

“Nhìn kìa! Nhìn kìa! Có người dưới đường!”

Một người phụ nữ chỉ tay về phía đầu Bill thò ra khỏi vết nứt trên vỉa hè

vỡ nát.

“Lạy Chúa, còn người khác nữa kìa!”

Bà loạng choạng tiến lại, một phụ nữ luống tuổi chít khăn trên đầu. Cảnh sát giữ bà lại. “Ngoài đây nguy hiểm lắm, bà Nelson ơi. Bà biết phần còn lại của con đường có thể sập bất cứ lúc nào mà.”

Chị Nelson, Bill thề nhĩ. Tôi còn nhớ chị. Ngày xưa, thỉnh thoảng em gái chị lại trông George và tôi. Anh giơ tay lên cho bà biết anh vẫn ổn, và khi bà giơ tay đáp lại, anh chợt cảm thấy lòng mình như được tưới mát – và tràn đầy hy vọng.

Anh quay người, nằm thẳng ra vỉa hè nhấp nhô, cố phân bổ trọng lượng của mình đều nhất có thể như đang đứng trên lớp băng mỏng. Anh đưa tay xuống, chìa ra cho Bev. Cô chộp lấy cổ tay anh và vận chút sức tàn, anh kéo cô lên. Mặt trời ban nãy còn khuất thì giờ đã lộ dạng từ đằng sau những lớp mây ti gợn sóng tựa vây cá, đổ bóng họ xuống đường. Beverly ngược nhìn, bàng hoàng trước cảnh tượng ấy, rồi tình cờ bắt gặp ánh mắt Bill, cô khẽ mỉm cười.

“Tớ thương cậu lắm, Bill ạ,” cô nói. “Tớ cần mong cô ấy ổn.”

“C-Cảm ơn cậu, Bevvie,” anh đáp, nụ cười dịu dàng của anh khiến lệ hoen mi cô. Anh ôm chầm lấy cô, và đám đông nho nhỏ đằng sau rào chắn vỗ tay rầm rộ. Một nhiếp ảnh gia từ tờ *Derry News* kịp thời lưu giữ khoảnh khắc ấy. Bức hình xuất hiện trên ấn bản ngày mừng một tháng Sáu, vốn được in trên Bangor vì máy in của tòa báo đã bị hỏng do dính nước. Tựa đề bức ảnh hết sức dung dị, đồng thời chuẩn xác, nên Bill đã cắt bức ảnh ra, nhét trong bóp suốt những năm tiếp theo: NHỮNG NGƯỜI SỐNG SỐT. Chỉ vài tờ nhưng đắt vô cùng.

Lúc đó là 11 giờ kém 6 phút ở Derry, Maine.

Hành lang bằng kính nối giữa thư viện trẻ em và thư viện người lớn phát nổ vào lúc 10 giờ 30 phút sáng. Đến 10 giờ 33 phút, mưa tạnh. Mưa không ngớt dần mà đột ngột ngưng ngay lập tức, như thể Ai Đó Trên Kia đã gạt công tắc. Gió thổi gào thét, và sức gió giảm nhanh đến độ người ta đưa mắt nhìn nhau với vẻ bối rối, bán tín bán nghi. Tiếng gió nghe chẳng khác nào động cơ của chiếc máy bay 747 sau khi an toàn về bến. Đến 10 giờ 40 phút, mặt trời lần đầu tiên lộ diện. Đến giữa buổi chiều, mây đã biến mất hoàn toàn, thời tiết trở lại chói chang và nóng như thường nhật. 3 giờ 30 phút chiều, mực thủy ngân trên nhiệt kế Orange Crush ngoài cửa tiệm Hoa hồng Si, Quần áo Si ghi nhận 28 độ C – mức nhiệt cao nhất khi chớm vào hạ. Người ta đi lại trên phố như thây ma, chẳng trò chuyện gì nhiều. Nét biểu cảm trên mặt họ giống nhau đến lạ thường: ngần ngại đến ngu dại, trông hết sức tội nghiệp nhưng đồng thời cũng rõ là buồn cười. Đến tối, các phóng viên từ đài ABC, CBS, NBC và CNN đã có mặt ở Derry và mạng lưới phóng viên sẽ vẽ ra cho mọi người phần nào sự thật, họ sẽ bao bọc nó với vẻ thực tế... dù ngoài kia, vẫn có nhiều người cho rằng thực tế là một khái niệm không đáng tin cậy, thậm chí có khi còn chẳng cứng cáp hơn tấm vải bạt trải trên mạng lưới dây đan cài như tơ nhện. Sáng hôm sau, Bryant Gumbel và Willard Scott của chương trình Thời sự Hôm nay sẽ đến Derry. Trong chương trình, Gumbel phỏng vấn Andrew Keene. “Cả bể nước Standpipe đổ nhào rồi lăn xuống đấy,” Andrew cho hay. “Hoành tráng quá chừng. Ông hiểu ý tôi không? Đến Steven Spielberg còn phải gọi bằng cụ, ông hiểu không? Mà tôi nói ông nghe, lúc xem ti vi, tôi cứ có cảm giác ông to con hơn nhiều chứ.” Nhìn

thấy mình và hàng xóm láng giềng xuất hiện trên ti vi – điều đó cô động sự kiện thành thực tế. Nó cho họ một nơi để nghỉ ngơi ngâm biển cố khủng khiếp, không tài nào hiểu nổi này. Họ gọi đây là CON BẢO QUÁI DỊ. Vài ngày sau, CON SỐ THƯƠNG VONG tăng lên khi CON BẢO SÁT NHÂN CÀN QUÉT. Trên thực tế, đây là CON BẢO MÙA XUÂN TỐI TỆ NHẤT LỊCH SỬ MAINE. Tất cả những tiêu đề ấy như xát muối vào tim nhưng được cái hữu dụng - chúng giúp người dân nơi đây xoa dịu bản chất lạ thường của những gì vừa xảy ra... hoặc có lẽ từ *lạ thường* chưa lột tả được hết. *Cuồng loạn* xem ra phù hợp hơn. Thấy mình trên ti vi giúp sự kiện ấy thực tế hơn, bớt điên cuồng hơn. Nhưng vài tiếng đồng hồ trước khi nhà đài đến nơi, chỉ có cư dân Derry vò võ với nhau, lặng lẽ bước trên những con đường ngập trong đồng đồ nát, nhoe nhoét bùn đất với vẻ bàng hoàng, không tài nào tin vào thực tại trên khuôn mặt. Chỉ có dân Derry với nhau, chẳng nói chẳng rằng, ngơ ngẩn nhìn cảnh vật xung quanh, thỉnh thoảng nhặt đồ đạc lên rồi lại vứt xuống, cố lý giải biến cố vừa xảy ra trong bảy, tám tiếng đồng hồ vừa qua. Một nhóm đàn ông đứng trên đường Kansas, hút thuốc, nhìn những ngôi nhà bị lật ngửa dưới Vùng Đất Cằn. Đàn ông, đàn bà lơ đãng đứng đằng sau những rào chắn giao thông màu trắng cam, nhìn vào cái hố đen từng là khu vực trung tâm thị trấn cho đến mười giờ sáng hôm ấy. Tựa đề tờ báo Chủ nhật chạy tít: CHÚNG TÔI SẼ TÁI THIẾT, THỊ TRƯỜNG DERRY HỨA VỚI DÂN, và có lẽ là vậy. Nhưng mấy tuần sau, trong lúc Hội đồng thị trấn còn đang chín người mười ý xem nên bắt đầu công cuộc xây dựng ra sao thì cái hố khổng lồ ngày trước từng là trung tâm thị trấn dần dà rộng thêm. Bốn ngày sau cơn bão, tòa nhà công ty Thủy điện Bangor sập xuống hố. Sau đó ba ngày, Chuồng chó biết bay, tiệm bán món bánh mì kẹp xúc xích sốt cay kèm dưa cải ngon nhất miền Đông Maine, cũng chung số phận. Hết lần này đến lần khác, nước

cổng trào ngược vào nhà, vào chung cư và các cửa tiệm buôn bán. Ở Mũi Đất Cũ, tình hình tệ đến độ cư dân bắt đầu dứt áo ra đi. Ngày 10 tháng 6 là đêm đầu tiên tổ chức hội đua ngựa ở công viên Bassey; cuộc đua đầu tiên được diễn ra vào lúc 8 giờ tối, ai nấy đều nô nức chờ đợi sự kiện này. Tuy nhiên, một phần khán đài sụp đổ khi đàn ngựa trong vòng đua đầu đang phăm phăm phi về đích, khiến chừng năm, sáu người bị thương. Một trong số đó là Foxy Foxworth, ông đã quản lý rạp phim Aladdin cho đến năm 1973. Foxy phải nằm viện đến hai tuần, gãy một chân và thủng tinh hoàn. Khi được xuất viện, ông quyết định khăn gói đến nhà người chị ở Somersworth, New Hampshire.

Ông không phải là trường hợp duy nhất. Derry tan đàn xẻ nghé từ đây.

8

Họ quan sát hộ lý đóng sầm cửa sau xe cấp cứu rồi vòng qua ghế hành khách. Xe bắt đầu chạy lên đồi, về phía Bệnh viện Derry Home. Richie đã liều tâm thân cùng tư chi của mình chọn chiếc xe cho bằng được, sau đó cãi lý với viên tài xế đang nổi trận lôi đình khi anh này khẳng khẳng trong xe không còn chỗ trống. Sau một hồi đôi co, rốt cuộc anh đã giành được một chỗ trên sàn trải cho Audra nằm.

“Giờ thì sao?” Ben hỏi. Dưới mắt anh có hai quầng thâm to tướng, cổ đóng cả lớp ghét.

“Tớ sẽ v-về lại Nhà nghỉ Thị trấn,” Bill nói. “Ch-Chắc tớ ngủ liền từ tám-mười sáu tiếng mất.”

“Tớ chung hội,” Richie nói. Anh hướng mắt nhìn Bev đầy hy vọng. “Còn điều thuốc nào không, cô nương?”

“Hết rồi,” Beverly đáp. “Chắc tớ sẽ bỏ thuốc lần nữa.”

“Nghe có lý đấy.”

Họ chậm rãi cất bước lên đ̣ĩ, bốn người sánh bước cạnh nhau.

“K-K-Kết thúc ṛĩ,” Bill cất tiếng.

Ben gật đầu. “Bọn mình làm được ṛĩ. Cậu làm được ṛĩ, Bill To Bự.”

“Công sức của cả nhóm mà,” Beverly nói. “Ước gì bọn mình có thể mang thi thể của Eddie lên. Tớ chỉ ước có vậy thôi.”

Họ đến góc đường Chính Phố Trên giao với đường Point. Một cậu bé mặc áo mưa đỏ, mang ủng cao su màu xanh lá cây đang chạy theo con thuyền giấy dọc dòng nước ào ào chảy dưới cống. Ngẩng đầu lên, thấy bốn người lớn nhìn mình, cậu dè dặt vẫy tay. Nếu Bill không ḷần, đó là cậu bé trượt ván hôm nọ - cậu bé có người bạn trông thấy Hàm cá mập trong Kênh Đào. Anh mỉm cười ṛĩ bước đến chỗ cậu nhóc.

“Mọi chuyện ổn r-r-ṛĩ,” anh nói.

Cậu bé nhìn anh đ̣ầy nghiêm nghị ṛĩ ngoác miệng cười. Nụ cười tỏa nắng, lấp lánh niềm tin. “Vâng ạ,” cậu đáp. “Cháu cũng nghĩ vậy.”

“Chuẩn không c-c-ần ch-chỉnh,” anh đùa.

Cậu bé phá lên cười. “Cháu lướt v-ván cẩn thận đấy nhé?”

“Hên xui chú ời,” cậu bé đáp và ḷần này, đến lượt Bill cười ha hả. Anh chực muốn xoa đầu cho tóc cậu bé xù lên nhưng anh nén lại – anh mà làm vậy thế nào cậu bé cũng nổi đóa lên cho mà xem – ṛĩ quay trở lại chỗ các bạn.

“Cậu bé đó là ai thế?” Richie hỏi.

“Một người bạn ấy mà,” Bill đáp. Anh thọc tay vào túi. “Các cậu còn nhớ ḷần bọn mình thoát ra khỏi cống năm xưa không?”

Beverly gật đầu. “Eddie dẫn mình ra Vùng Đất Cằn. Rốt cuộc cả bọn lại

ra ở phần bên kia của sông Kenduskeag, ở phía Mũi Đất Cũ.”

“Cậu và Haystack đã đẩy nắp của trạm bơm,” Richie nói với Bill, “vì hai cậu khoẻ nhất.”

“Ừ.” Ben đáp. “Đúng là vậy. Khi đó, mặt trời sắp lặn.”

“Phải,” Bill nói. “Tất cả bọn mình đã có mặt ở đó.”

“Nhưng chẳng có gì là trường tồn mãi,” Richie nói. Anh quay đầu nhìn lại ngọn đồi mà họ vừa leo rồi thở dài. “Như thế này chẳng hạn.”

Anh chìa hai tay ra. Những vết sẹo li ti trên lòng bàn tay anh đã biến mất. Beverly đưa tay ra; Ben và Bill cũng làm thế. Tay người nào người nấy đều bấn thủ nhưng không sứt sẹo gì.

“Chẳng có gì là trường tồn mãi,” Richie bần thần. Anh ngược nhìn Bill, và Bill trông thấy hai hàng nước mắt chậm rãi chảy qua đất bùn bám trên má bạn mình.

“Ngoại trừ tình yêu mà thôi,” Ben nhẹ nhàng.

“Và khát khao,” Beverly bổ sung.

“Còn tri kỷ thì sao?” Bill hỏi với nụ cười trên môi. “Cậu nghĩ sao, Tía Lia?”

“Chà,” Richie nói, vừa cười vừa đưa tay dụi mắt. “Ôi, phải nói lời cảm tạ thôi, bạn hiền ơi! Ôi cất tiếng nào, ôi cất tiếng nào, phải nói lời cảm tạ đi thôi.”

Bill đưa tay ra, mọi người cùng nắm tay nhau và cứ thế đứng lặng một lúc lâu, nhóm bảy người năm xưa giờ chỉ còn bốn, nhưng họ vẫn có thể vây thành một vòng tròn. Cả nhóm đưa mắt nhìn nhau, Ben nghẹn ngào, nước mắt rơi lã chã. Song nụ cười của anh vẫn còn đó.

“Tớ thương các cậu rất nhiều,” anh nói. Anh nắm tay Bev và Richie,

siết thật chặt rồi mới thả ra. “Giờ chúng ta đi kiểm thứ gì lót dạ đi? Và phải gọi báo cho Mike rằng bọn mình vẫn ổn nữa.”

“Quả là cao kiến, thưa ngài,” Richie phụ họa. “Thỉnh thoảng tiểu nhân nghĩ đầu óc ngài quả thật sắc bén. Bill To Bự, ngài có góp lời vàng ý ngọc nào không?”

“Tôi nghĩ huynh nên lượn đi cho nước trong,” Bill đáp.

Họ trở về Nhà nghỉ Thị trấn trong tiếng cười, và khi Bill đẩy cửa kính, Beverly thoáng thấy một hình ảnh mà cô không nói với ai nhưng cất giữ mãi trong lòng. Trong khoảnh khắc, cô trông thấy hình bóng phản chiếu trong kính – nhưng không chỉ có bốn người mà là cả sáu người bọn họ, vì Eddie đứng sau Richie, còn Stan đứng sau Bill với nụ cười mỉm chỉ quen thuộc.

9

Thoát ra/ Hoàng hôn, ngày 10 tháng 8 năm 1958

Vầng dương lơ lửng nơi chân trời, quả cầu lửa đỏ rực hơi dẹt theo những tia nắng tàn ngày xuống Vùng Đất Cằn. Nắp sắt trên nóc một trạm bơm nước thải hết nâng lên lại hạ xuống, rồi lại nâng lên và bắt đầu dịch sang bên.

“Đ-Đ-Đẩy đi, B-Ben, tở g-gãy vai mất.”

Cái nắp dịch ra thêm một chút, nghiêng sang bên rồi rơi xuống bụi cây um tùm mọc quanh trụ bê tông. Bầy cô cậu bé lần lượt bước ra, đưa mắt nhìn quanh, hay háy chớp, xúc động chẳng nói nên lời. Tưởng chừng họ là những đứa trẻ chưa lần nào được trông thấy ánh sáng mặt trời.

“Yên tĩnh quá,” Beverly khẽ khọt.

Âm thanh duy nhất là tiếng nước chảy ào ào và tiếng côn trùng reng róc

đều đều. Con bão đã qua nhưng nước sông Kenduskeag, vẫn ở mực rất cao. Khu vực gần thị trấn, cách không xa chỗ hai bên bờ được xây bằng bê tông và gọi là Kênh Đào, nước sông đã tràn bờ, dù cơn lũ không quá trầm trọng – cùng lắm là dẫm ba tầng hầm nhà dân bị ướt mà thôi. Lần này chỉ dừng lại ở đó.

Stan tách khỏi nhóm, khuôn mặt cậu bần thần, đăm chiêu. Bill nhìn quanh, ban đầu cậu cứ tưởng Stan nhìn thấy đốm lửa trên bờ sông – ấn tượng đầu tiên của cậu là thế: ngọn lửa đỏ rực, chói đến lóa mắt. Nhưng rồi khi Stan nhặt đốm lửa lên tay phải, góc ánh sáng chiếu vào thay đổi, Bill nhận ra nó chỉ là chai nước ngọt Côca-Cola, khá mới nên còn sạch sẽ, bị ai đó vứt ngay gần sông. Cậu nhìn Stan xoay ngược chai, cầm cổ chai phang xuống tảng đá nhô lên ở bờ sông. Chai nước ngọt vỡ tan, và Bill nhận thấy cả nhóm đang chăm chú nhìn cảnh Stan sẫm soi những mảnh chai, khuôn mặt hết sức nghiêm trang, tập trung và chăm chú. Cuối cùng, cậu nhặt một mảnh hình tam giác dài và hẹp. Mặt trời lơ lửng đằng Tây phản chiếu lên mảnh chai những tia lấp lánh sắc đỏ, và Bill bất giác nghĩ: Tựa h òngọn lửa.

Stan ngược nhìn cậu và Bill chợt vỡ lẽ giờ thì tất cả đã rõ như ban ngày. Cậu tiến đến chỗ Stan, đưa hai tay ra, ngửa lên. Stan lùi lại, bước xuống nước. Những con bọ bé xíu màu đen là là bay trên mặt nước, Bill còn trông thấy con chuồn chuồn óng ánh sắc màu bay vù vào bụi lau sậy bờ bên kia như cầu vồng nhỏ. Một chú ếch cất tiếng kêu ồm ộp, và khi Stan đưa tay trái ra, rạch miếng thủy tinh dọc lòng bàn tay, cứa đứt da, máu rỉ rả chảy, Bill vỡ òa thâm nhủ: “Sự sống nơi này đông đầy xiết bao!”

“Bill?”

“Ừ. Cả hai nhé.”

Stan cắt lòng bàn tay kia. Chỉ nhói đau chứ không đáng kể. Đâu đó quanh quất, chim cú ruồi cất tiếng hót trong veo, an bình. Bill chợt nghĩ: Chú chim cú ruồi ấy đang buông lời gọi trăng.

Cậu nhìn hai bàn tay rớm máu của mình rồi nhìn xung quanh. Các bạn cậu đang ở đó – Eddie một tay nắm chặt ống thở; Ben với cái bụng bị nhọt nhọt phình ra dưới làn áo tả tơi; Richie, khuôn mặt trông đến là mộc mạc khi không đeo kính; Mike, im lặng và trầm mặc, bờ môi bình thường vốn đây đặn mím lại thành đường mỏng. Beverly, ngẩng cao đầu, hai mắt mở to, ráo hoảnh, mái tóc vẫn phủ nét đáng yêu dù bám đầy đất cát.

Đông đủ rồi. Bọn mình đã tề tựu đông đủ rồi.

Và cậu nhìn các bạn của mình, khắc sâu hình ảnh ấy vào tâm khảm lần cuối, vì lẽ nào đó, cậu hiểu họ sẽ không bao giờ hội ngộ đông đủ như thế này nữa, tất cả bảy người bọn họ – không còn như bây giờ. Không một nói gì. Beverly chìa tay ra, phút sau, Richie và Ben làm theo. Mike và Eddie cũng thế. Stan lần lượt cứa lòng bàn tay các bạn khi hòn lửa bắt đầu khuất bóng dưới đường chân trời, nhuộm ráng chiều đỏ rực thành tịch dương hồng tía. Chim cú ruồi lại kêu, và Bill có thể trông thấy khói sương như tờ bảng lảng trên mặt nước, cậu thấy tựa như mình đã hòa vào vạn vật – niềm hân hoan vụt qua ấy được cậu giữ kín trong lòng, giống như Beverly sẽ chẳng nhắc đến việc cô nhắc thấy bóng hình hai người đàn ông tuy đã từ giã cõi đời nhưng từng là bạn thân của cô lúc bé.

Gió mơn man vuốt ve cành cây bụi cỏ khiến chúng xào xạc nôn nao, cậu dạt dào: Nơi này đẹp biết bao, mình sẽ không bao giờ quên. Nơi này đẹp vô cùng, mọi người đáng yêu quá, ai cũng rực rỡ vô ngần. Chim cú ruồi lại ngân nga, ngọt ngào, mơn man nhựa sống, và trong khoảnh khắc, Bill như hòa làm một với chú chim ấy, tựa hồ cậu có thể hót vang rồi chao liệng vào

hoàng hôn – tựa hồ cậu có thể sải cánh bay thật xa, dững mãi giữa tầng không.

Quay sang nhìn Beverly, cậu thấy cô mỉm cười với mình. Cô nhắm mắt, chìa tay ra hai bên. Bill nắm bên trái, Ben nắm bên phải. Bill có thể cảm nhận dòng máu nóng ấm của cô hòa vào máu cậu. Mọi người quây thành vòng tròn, tay nắm chặt tay, phong ấn theo phương thức kỳ lạ nhưng sâu đậm nhất.

Stan nhìn Bill đây khấn thiết, có phần sợ hãi.

“Th-Thề với t-tớ rằng các cậu s-s-s-sẽ tr-trở về đi,” Bill nói. “Thề với tớ nếu N-N-Nó chưa ch-ch-chết, bọn mình s-sẽ trở về.”

“Tớ thề,” Ben nói.

“Tớ thề,” Richie lên tiếng.

“Ừ... tớ thề,” Bev khẳng định.

“Tớ thề,” Mike Hanlon thì thầm.

“Ừ. Tớ thề,” Eddie nói, giọng mỏng tang, thều thào.

“Tớ cũng thề,” Stan khẽ khọt, nhưng giọng cậu run rẩy, mặt thì cúi gằm.

“T-Tớ th-th-thề.”

Vãn cuộc. Tất cả kết thúc nơi đây. Nhưng cả nhóm đứng đó thêm một lúc, cảm nhận sức mạnh trong vòng tròn của họ, cảm thấy thể thống nhất mà họ hợp thành. Ánh chiều tà dẹt trên mặt họ màu úa phai, tịch dương đã khuất và hoàng hôn điêu tàn. Họ đứng thành vòng tròn khi màn đêm trờ xuống Vùng Đất Cằn, phủ bóng những con đường họ từng đi vào mùa hè năm ấy, khoảng đất họ từng chơi cút bắt, bắn súng, những nơi bí mật dọc bờ sông họ từng ngồi và chiêm nghiệm biết bao điều lý thú mà trẻ con thắc

mắc, hút thuốc lá của Beverly hoặc chỉ đơn giản là ngồi im, nhìn phù vân trôi dưới con nước. Ngày đang khép mi.

Mãi sau, Ben thả tay ra. Cậu toan nói gì đó, nhưng lắc đầu, quay đi. Richie bước theo cậu, sau đó Beverly và Mike cùng sánh bước. Chẳng ai nói năng gì họ trèo lên triền dốc dẫn tới đường Kansas và mỗi người mỗi ngả. Hai mươi bảy năm sau, khi ngẫm lại, Bill nhận ra kể từ lần đó, chẳng có lần nào họ tụu đông đủ như vậy nữa. Thỉnh thoảng, họ đi thành nhóm bốn người, có lúc là năm, họa hoằn lắm là sáu người. Nhưng không bao giờ có đầy đủ bảy thành viên.

Cậu là người cuối cùng rời đi. Cậu đứng đó thật lâu, tay tì vào hàng rào trắng lung lay, nhìn xuống Vùng Đất Cằn khi những ngôi sao đầu tiên điểm xuyên bầu trời mùa hạ. Cậu đứng dưới sắc xanh, phía trên màn đêm, nhìn Vùng Đất Cằn dần vùi trong bóng tối.

Mình chẳng muốn xuống đó chơi thêm một lần nào nữa, cậu chợt nghĩ và ngạc nhiên phát hiện suy nghĩ ấy chẳng hề tệ hại, âu sâu mà như trút được xiềng xích.

Cậu đứng đó thêm một lúc, rồi mới quay lưng lại với Vùng Đất Cằn mà cất bước về nhà, đi dọc theo vỉa hè tối, hai tay thọc túi quần, thỉnh thoảng liếc nhìn những ngôi nhà Derry bao bọc trong ánh sáng, mặc ngoài kia bóng tối bủa vây.

Đi được một, hai dãy nhà, cậu guồng chân nhanh hơn, nghĩ về bữa tối... và đi thêm một, hai dãy nhà nữa, cậu bắt đầu huyết sáo véo von.

DERRY

TAO ĐOẠN CUỐI

“Thời nay, đại dương chỉ là một đoàn tàu ấy mà, đi đông đi tây thế nào chẳng tao ngộ. Băng qua dăm bước là tới, ông Micawber vọc kính, “băng dăm bước há là bao. Khoảng cách chỉ là tưởng tượng thôi.”

Ngày 4 tháng 7 năm 1985

Chừng hai mươi phút trước, Bill bước vào mang cho tôi một cuốn sách – Carole tìm thấy nó trên một cái bàn trong thư viện và đưa cho cậu khi cậu hỏi mượn. Tôi cứ tưởng Cảnh sát trưởng Rademacher đã lấy đi, nhưng xem chừng ông ta không muốn dính líu gì đến nó.

Tật nói lấp của Bill lại biến mất, nhưng cậu bạn tội nghiệp của tôi đã già đi bốn tuổi trong vòn vẹn bốn ngày vừa rồi. Cậu ấy kể với tôi rằng mình mong Audra được chuyển viện vào ngày mai, từ Derry Home (nơi tôi vẫn chưa được cho về) rồi di chuyển bằng xe cấp cứu tư lên Viện Sức khỏe Tâm thần Bangor. Cơ thể cô không có vấn đề gì ngoài dăm ba vết cắt và bầm tím đang dần lành. Song về mặt tinh thần thì...

“Nếu cậu giơ tay cô ấy lên, nó vẫn giữ nguyên ở vị trí đó,” Bill kể. Cậu ngồi cạnh cửa sổ, hai tay mân mê lon sô-đa ăn kiêng. “Tay cô ấy cứ lơ lửng cho đến khi có người đặt nó xuống. Cô ấy có phản xạ nhưng chậm lắm. Điện não đồ cho thấy dao động thần kinh ở mức sóng alpha cực kỳ thấp. Cô ấy bị mất tri giác rồi, Mike ạ.”

“Tớ có ý này, có thể không hay lắm,” tôi lên tiếng. “Nếu cậu không thích thì cứ nói.”

“Gì thế?”

“Tớ sẽ ở trong viện chùng một tuần nữa,” tôi đáp. “Thay vì đưa Audra lên Bangor, cậu đưa cô ấy về nhà tớ đi, Bill? Ở bên cô ấy một tuần. Hàn huyền tâm sự dù cô ấy không đáp lại. Cô ấy có... cô ấy có kiểm soát tiểu tiện được không?”

“Không,” Bill chua chát.

“Cậu có thể... ý tớ là, cậu có...”

“Tớ có thay rửa cho cô ấy không à?” Bạn tôi cười, và nụ cười ấy đau đớn đến độ tôi phải quay mặt đi. Nó giống với nụ cười lần bố kể với tôi về Butch Bowers và sự việc đàn gà. “Có. Tớ nghĩ chùng đó thì tớ làm được.”

“Tớ sẽ không bảo cậu đừng dẫn vật vì rõ ràng còn khuya cậu mới chịu làm thế,” tôi nói, “nhưng hãy nhớ rằng bản thân cậu cũng đồng ý đa phần những điếu đã xảy ra đều là số mệnh rồi. Kể cả phần của Audra nữa.”

“Đ-Đáng lý tớ không nên nói ra nơi tớ đi.”

Có những lúc tốt hơn hết là không nói gì – vậy nên tôi lặng thinh. “Được rồi,” rốt cuộc, cậu lên tiếng. “Nếu cậu có lòng thì...”

“Tớ nói thật. Họ để chìa khóa nhà tớ ở Bàn Dịch vụ Bệnh nhân đấy. Trong tủ đá có vài khoanh bít tết dày. Có lẽ số trời đã định cho chúng ở đó cũng nên.”

“Cô ấy chủ yếu ăn thức ăn mềm và, ờ, đồ l-lỏng thôi.”

“Chà,” tôi nói tiếp, cố giữ nụ cười, “biết đâu sẽ có lý do để ăn mừng thì sao. Ngoài ra còn một chai rượu vang rất ngon trên cùng kệ bếp đấy. Mondavi. Hàng nội địa nhưng ngon khỏi chê.”

Cậu ấy bước đến và siết tay tôi. “Cảm ơn cậu, Mike.”

“Đừng khách sáo, Bill To Bự.” Cậu buông tay tôi ra. “Richie mới bay về California sáng nay.”

Tôi gật đầu. “Cậu nghĩ các cậu có giữ liên lạc không?”

“C-Có thể,” cậu đáp. “Chí ít là một thời gian. Nhưng...” Cậu bình thản nhìn tôi. “Tớ nghĩ thể nào hiện tượng ấy cũng sẽ xảy ra.”

“Việc lãng quên sao?”

“Phải. Thật ra tớ thấy chưa gì nó đã khởi phát rồi. Tớ bắt đầu quên những chi tiết nho nhỏ. Nhưng tớ đoán nó sẽ lan dần.”

“Có lẽ như thế sẽ tốt hơn cả.”

“Có lẽ thế.” Cậu nhìn ra ngoài cửa sổ, tay vẫn mân mê lon nước ngọt, hẳn tâm trí cậu đang rời bời chuyện của vợ mình, người phụ nữ lúc nào cũng mở to mắt, lặng thinh, xinh đẹp và trông chẳng khác nào búp bê. *Mất tri giác*. Có tiếng cửa đóng sầm và khóa lại. “Có lẽ là thế.”

“Ben và Beverly thế nào rồi?”

Cậu lại nhìn tôi rồi khẽ mỉm cười. “Ben mời Beverly về Nebraska cùng cậu ấy, và cô ấy đồng ý, chí ít thời gian sắp tới là thế. Cậu biết chuyện người bạn của cô ấy ở Chicago chứ?”

Tôi gật đầu. Beverly mới kể với Ben, và hôm qua Ben kể với tôi. Nếu cho phép tôi nói giảm nói tránh trong trường hợp này (hay nói đúng hơn là nói giảm tối đa), thì những lời về sau Beverly mô tả Tom – đáng phu quân hoàn hảo tuyệt vời – chuẩn xác hơn những gì cô kể ban đầu rất nhiều. Đáng phu quân vẹn toàn tên Tom ấy trói buộc Bev về mặt tinh thần, cảm xúc, thỉnh thoảng là cả một thể xác suốt bốn năm ròng rã. Anh chồng tuyệt nhất quả đất mò đến đây bằng cách tấn cô bạn thân duy nhất của Bev một trận thập tử nhất sinh để cô ấy khai ra.

“Cô ấy nói với tớ tuần sau nữa, cô ấy sẽ bay về Chicago để làm đơn báo hấn mất tích. Ý tớ là Tom.”

“Nước cờ chuẩn rồi,” tôi nhận xét. “Sẽ chẳng có ai tìm được hắc dưới đó.” *Cả Eddie nữa*, tôi thầm nhủ nhưng không nói thành lời.

“Tớ cũng nghĩ thế,” Bill nói. “Khi cô ấy lên đường, tớ cá là Ben sẽ đi cùng. Và cậu biết gì không? Một đi đầu cực kỳ điên rồ?”

“Gì thế?”

“Tớ thấy hình như cô ấy không nhớ chuyện gì đã xảy ra với Tom thì phải.”

Tôi chăm chăm nhìn cậu.

“Cô ấy chưa gì đã quên rồi,” Bill nói. “Đến tớ cũng vậy, tớ không nhớ nổi lối ra vào trông như thế nào. C-C-Chỗ hang ổ của Nó ấy. Tớ cố nặn óc nhớ lại thì một thứ rõ quái dị xảy ra – trong đầu tớ chỉ có hình ảnh của đàn d-d-dê bước qua cầu. Từ câu chuyện ‘Ba chú dê Gruff’ ấy. Nghe ngộ nhỉ?”

“Rồi họ sẽ truy vết Tom Rogan đến Derry,” tôi nói. “Giấy tờ hắc ta để lại nhiều lắm. Nào là thuê xe, nào là vé máy bay.”

“Tớ lại không nghĩ vậy,” Bill nói và châm thuốc. “Tớ đoán hắc trả tiền mặt khi mua vé máy bay và dùng tên giả. Có thể hắc ta đã mua đại một chiếc xe rẻ mạt ở đây hoặc ăn cắp một chiếc.”

“Tại sao?”

“Ôi trời,” Bill thốt lên. “Chứ cậu nghĩ hắc ta lặn lội đến tận đây chỉ để cho cô ấy ăn đòn à?”

Bốn mắt chúng tôi nhìn nhau suốt một lúc lâu, đoạn cậu đứng lên. “Nghe này, Mike...”

“Khiếp thật, chịu đấy,” tôi nói. “Tớ bó chiều.”

Cậu phá lên cười trước câu bông đùa của tôi, cười nắc nẻ, và khi cười

xong, cậu nói: “Cảm ơn vì đã cho tớ ở nhà của cậu, Mikey.”

“Tớ không dám thề hứa đảm bảo nó sẽ đem lại kết quả. Theo kinh nghiệm cá nhân, tớ thấy nhà tớ không tiềm ẩn năng lực chữa bách bệnh đâu nhé.”

“Thôi... Gặp lại cậu sau.” Đoạn cậu bạn tôi làm một hành động rất lạ, lạ nhưng khá đáng yêu. Cậu hôn lên má tôi. “Chúa phù hộ cậu, Mike ạ. Tớ sẽ vào thăm cậu sau.”

“Mọi thứ rã sẽ ổn thôi, Bill ơi,” tôi nói. “Đừng từ bỏ hy vọng. Khéo đâu lại vào đấy ấy chứ.”

Cậu mỉm cười gật đầu, nhưng tôi nghĩ trong đầu hai chúng tôi chỉ văng vẳng cùng một cụm từ: *Mất tri giác*.

Ngày 5 tháng 6 năm 1985

Hôm nay, Ben và Beverly đã cùng vào bệnh viện để chào tạm biệt. Hai người không đi máy bay. Ben thuê một chiếc Cadillac hoành tráng từ hãng Hertz, họ sẽ thông thả lái xe chứ không vội vàng. Ánh mắt họ nhìn nhau có gì đó thật khác, và tôi dám đem lương hưu của mình ra cá nếu hiện giờ giữa họ chưa nảy nở đi đâu gì thì chắc chắn khi đến Nebraska, tình cảm ấy sẽ đơm hoa kết trái.

Beverly ôm tôi, chúc tôi sớm bình phục rã bịn rịn khóc.

Ben cũng ôm tôi, nhắc tôi đến ba, bốn lần rằng phải viết thư cho cậu. Tôi hứa mình sẽ viết, và tôi sẽ thực hiện lời hứa ấy... chí ít là trong thời gian tới. Vì lần này, tôi cũng gặp tình trạng như họ.

Tôi đang dần quên.

Và như Bill nói, hiện giờ, chúng tôi chỉ quên những chi tiết nhỏ. Nhưng nó sẽ dần lan ra. Có thể trong một tháng hoặc một năm nữa, cuốn sổ này sẽ

là tất cả những gì tôi có để nhắc nhở bản thân về những điều từng xảy ra ở Derry. Tôi e có khi những con chữ r ồi đây cũng phai nhòa, cuối cùng, cuốn sổ sẽ trống trơn như cái lúc tôi mua nó ở qu ầy văn phòng phẩm trong trung tâm thương mại Freese's. Nghĩ đến đó mà lòng tôi đắng ngắt, suy nghĩ ấy dường như thật điên r ồ giữa ban ngày ban mặt thế này... nhưng bạn biết không, khi màn đêm buông xuống, bỗng dưng nó thật có lý.

Cứ nghĩ bản thân đang lãng quên... tôi lại hoảng sợ, nhưng đ ồng thời, nó cũng cho tôi chút nhẹ nhõm lẫn lút. Trên tất cả, nó th ăm cho tôi hay lần này, họ thực sự đã giết chết Nó; rằng không c ần phải có một người canh gác đợi cho chu kỳ ấy xoay v ề.

Hoảng sợ mạnh nha, nhẹ nhõm lẫn lút. Nhưng tôi nghĩ dù lẫn lút hay không, tôi vẫn sẽ trân quý sự nhẹ nhõm ấy.

Bill gọi tôi, báo cậu và Audra đã dọn vào. Tình trạng cô vẫn thế.

“Tớ sẽ luôn nhớ các cậu.” Đó là điều mà Beverly nói với tôi ngay trước khi cô và Ben lên đường.

Song tôi nghĩ tôi nhìn thấy sự thật khác trong mắt cô.

Ngày 6 tháng 6 năm 1985

Một bài báo thú vị đăng trên tờ Derry News số ra hôm nay, ngay trang nhất. Tựa đề là: CON BẢO BUỘC HENLEY BỎ KẾ HOẠCH MỞ RỘNG THÍNH PHÒNG. Henley được nhắc đến ở đây là Tim Henley - nhà phát triển bất động sản lắm tiền nhi ều của đến Derry như một cơn lốc vào thập niên 60 – chính Henley và Zitner đã đứng ra quy tụ các công ty phụ trách việc xây dựng Trung tâm thương mại Derry (theo như một mẫu tin khác cũng trên trang nhất, có khả năng dự án trên sẽ được tuyên bố tổn thất toàn bộ). Tim Henley rất tâm huyết với việc kiến thiết Derry. Tất nhiên động cơ lợi nhuận vẫn có, nhưng không chỉ dừng lại ở đó. Henley thực lòng muốn

nhìn Derry thay da đổi thịt. Việc ông ta đột nhiên từ bỏ kế hoạch mở rộng thánh phòng nói lên một vài điều. Điều hiển nhiên nhất là Henley đã ngán tận cổ Derry rồi. Tôi nghĩ cũng có thể ông ta tán gia bại sản và trung tâm thương mại bị phá hủy là đằng khác.

Những bài báo cũng úp mở rằng Henley không phải người duy nhất, những người đã đầu tư và dự tính đầu tư vào Derry trong tương lai sẽ cân nhắc lại sự lựa chọn của mình. Tất nhiên, Al Zitner không phải nhọc công suy tính, Chúa cho ông ta về hưu khi trung tâm thị trấn sụp đổ. Một số người cùng chung góc nhìn với Henley thì đang phải đối mặt với một vấn đề khó khăn – làm thế nào tái thiết được khu vực đô thị hiện đang chìm dưới nước ít nhất là năm mươi phần trăm?

Tôi nghĩ sau quãng thời gian tồn tại dài đằng đẵng, phần vinh nhờ máu xương của kẻ khác, Derry có lẽ đã tận số... như bông hoa bạch anh mãi khai rồi ủa tàn.

Chiều nay, tôi vừa gọi cho Bill Denbrough. Tình hình Audra vẫn thế.

Một tiếng trước, tôi còn gọi cho Richie Tozier ở California. Máy trả lời tự động nhận cuộc gọi với nhạc nền là bài hát của nhóm Creedence Clearwater Revival. Máy thứ máy móc này lúc nào cũng phá đám tôi. Tôi để lại tên, số điện thoại, lưỡng lự một chút, tôi nói thêm mình mong cậu đã có thể đeo kính áp tròng trở lại. Tôi toan gác máy thì Richie nhấc điện thoại và nói, “Mikey! Cậu sao rồi?” Giọng cậu dễ chịu và ấm áp... nhưng rõ ràng có chút hoang mang ẩn bên dưới. Dường như cậu vừa bị chơi một vở bất ngờ đến choáng váng.

“Xin chào, Richie,” tôi đáp lời. “Tớ vẫn ổn.”

“Thế thì tốt. Cậu còn đau nhiều không?”

“Chút thôi. Gần hết đau rồi. Nhưng ngứa ngáy mới gọi là kinh khủng.

Tớ chỉ mong bác sĩ sớm quyết định cho tớ tháo băng l ồng ngực thôi. Nhân tiện, tớ thích Creedence đấy.”

Richie phá lên cười. “Bây nào, đấy đâu phải Creedence mà là bài hát ‘Em gái Rock and Roll’ từ album mới của Fogerty mang tên *Giữa sân* đấy. Cậu chưa nghe bài nào hết à?”

“Chưa.”

“Nghe đi kéo phí, hay lắm. Nó hoài niệm như..” Cậu buông l ửng khúc cuối r ồi nói, “Nó hoài niệm như những ngày xưa.”

“Tớ sẽ đi mua,” tôi nói và có lẽ tôi sẽ làm thế thật. Xưa nay, tôi vẫn thích John Fogerty. Trong số các bài hát của Creedence thì tôi thích “Sông Xanh” nhất. Lời bài hát thủ thỉ về nhà đi. Về trước khi ngày tàn.

“Bill sao r ồi?”

“Cậu ấy và Audra đang giữ nhà giùm tớ trong lúc tớ nằm viện.”

“Tốt quá. Vậy thì tốt quá.” Cậu thoáng ngập ngừng. “Cậu muốn nghe một đi ều vô cùng kỳ quặc không, Mikey?”

“Nghe chứ,” tôi đáp, lờ mờ đoán được cậu ấy sẽ nói gì.

“Chà... S ố là ban nãy, tớ đang ng ồi trong phòng làm việc nghe vài tên tuổi mới nổi trội trong tạp chí *Cashbox*, xem qua một vài trang quảng cáo, đọc ghi chú... có cả hai núi giấy tờ t ồn độn, và trên tinh th ần là cả tháng tới, tớ sẽ phải nai lưng cày hai mươi lăm tiếng một ngày. Nên tớ bật máy trả lời tự động và mở loa to, nhờ thế tớ có thể nhận cuộc gọi nào tớ muốn, còn những cuộc gọi vớ vẩn thì cứ cho nói vào máy thu. Lý do tớ để cậu nói với máy tự động lâu đến thế là vì...”

”... vì ban đầu cậu không nhớ ra tớ là ai.”

“Chúa ơi, đúng r ồi! Sao cậu biết thế?”

“Vì ký ức của chúng ta lại bắt đầu phai nhạt rồi. Lần này là cả nhóm.”

“Mikey, cậu chắc chứ?”

“Thế họ của Stan là gì nào?” Tôi hỏi cậu.

Đầu dây bên kia im lặng - một khoảng lặng kéo dài. Loáng thoáng trong sự lặng thinh ấy, tôi nghe thấy lần tiếng một người phụ nữ nói chuyện ở Omaha... hoặc ở Ruthven, Arizona hoặc Flint, Michigan. Tôi nghe thấy cô cảm ơn ai đó vì món bánh quy, tiếng nói xa xăm như người du hành vũ trụ đang rời khỏi hệ mặt trời trong chớp hình nón của tên lửa đã phóng phụt lên.

Và rồi Richie dè dặt lên tiếng: “Nếu tớ không nhầm thì là Underwood, nhưng cái tên này lại không phải Do Thái nhỉ?”

“Là Uris.”

“Uris!” Richie la lên, giọng nói đầy nhẹ nhõm và run rẩy. “Chúa ơi, tớ ghét cay ghét đắng những lúc mang máng ngay đầu lưỡi mà không tài nào nhớ ra. Nếu có ai mang bảng trò chơi đồ vui Mưu cầu Kiến thức vào đây, chắc tớ sẽ đánh bài chuồn ‘Xin lỗi, tớ bị Tào Tháo rượt rồi nên hôm nay tớ xin kiếu về nhé?’. Nhưng dù gì cậu vẫn nhớ mà, phải không Mikey? Như ngày xưa.”

“Không đâu. Tớ phải tra trong sổ danh bạ đấy.”

Lại một khoảng lặng dài. Đoạn: “Cậu không nhớ à?”

“Không.”

“Thật sao?”

“Thật.”

“Vậy lần này hạ màn thật rồi,” cậu nói, và không nhăm lấn gì nữa, giọng nói của cậu đầy nhẹ nhõm.

“Ừ, tớ cũng nghĩ vậy.”

Im lặng lại bao trùm khoảng cách giữa hai chúng tôi – xa vời vợi từ Maine đến California. Tôi nghĩ cả hai đều đang nghĩ về một đi đâu: kết thúc rồi, vâng, sau sáu tuần hoặc sáu tháng nữa, chúng tôi sẽ quên sạch về nhau. Chấm dứt rồi, tất cả những gì chúng tôi mất đi là tình bạn này, là mạng sống của Stan và Eddie. Bạn có tưởng tượng được không, chưa gì mà tôi đã quên họ? Đau lòng làm sao, hình ảnh Stan và Eddie đã dần phai mờ trong ký ức tôi. Eddie bị hen suyễn hay bị đau nửa đầu mãn tính nhỉ? Tôi mà nhớ thì tôi xin đi đâu xuống đất, nhưng tôi đoán hình như là đau nửa đầu thì phải. Để tôi hỏi Bill xem. Cậu ấy sẽ biết.

“À, cậu gửi lời hỏi thăm của tớ đến Bill và cô vợ xinh đẹp của cậu ấy nhé,” Richie nói, giọng điệu vui tươi nhưng có gì đó không thật.

“Tớ sẽ nói, Richie,” tôi đáp, nhắm mắt, đưa tay bóp trán. Cậu ấy nhớ vợ của Bill ở Derry... nhưng không nhớ tên hay chuyện gì đã xảy ra với cô ấy.

“Nếu cậu đến LA thì có số của tớ rồi đó. Bọn mình tụ họp rồi hàn huyên tâm sự.”

“Hắn rồi.” Tôi cảm thấy lệ nóng hổi trong mắt. “Và nếu cậu có về đây thì cũng liên lạc với tớ nhé.”

“Mikey?”

“Tớ đây.”

“Tớ thương cậu lắm.”

“Tớ cũng vậy.”

“Được. Lăn tay đằng hoàng đấy.”

“Bíp bíp, Richie.”

Cậu cười. “Ừ, ừ, ừ. Rồi nhét nó vào tai nhé, Mike. Ồi chà, nhét vào tai mới được.”

Cậu ấy cúp máy, tôi cũng làm theo. Đoạn tôi ngả người lên gối, nhắm thật chặt mắt, mãi không mở ra.

Ngày 7 tháng 6 năm 1985

Cảnh sát trưởng Andrew Rademacher, người kế nhiệm Cảnh sát trưởng Borton vào cuối những năm 60, đã qua đời. Tai nạn ấy kỳ quặc vô cùng, nó khiến tôi liên tưởng tới những gì đã xảy ra ở Derry... hoặc những gì vừa mới chấm dứt nơi đây.

Tổ hợp đồn cảnh sát – tòa án tọa lạc trên rìa khu vực sập xuống Kênh Đào, và dù không bị hủy hoại, cơn chấn động - hoặc cơn lũ – hẳn đã phá vỡ cấu trúc của công trình nhưng không ai hay biết.

Theo như báo chí đưa tin, đêm hôm qua, Rademacher ở lại làm việc khuya trong văn phòng, từ lúc cơn bão và trận lũ xảy ra thì hôm nào ông ấy cũng mẫn cán như thế. Văn phòng làm việc của cảnh sát trưởng đã được dời từ tầng ba lên tầng năm từ ngày xưa, ngay dưới tầng áp mái, nơi chứa đủ thể loại giấy tờ, đồ đạc vớ vẩn của thị trấn. Một trong những món đồ ấy là ghế lang thang mà tôi từng mô tả ở những trang trước. Nó được làm bằng sắt và nặng gần hai tạ là ít. Tòa nhà đã hứng chịu một lượng mưa rất lớn trong ngày 31 tháng 5, khiến kết cấu tầng áp mái yếu đi (theo đánh giá của báo chí). Bất kể nguyên nhân là gì, chiếc ghế lang thang rơi từ tầng áp mái thẳng xuống đầu Cảnh sát trưởng Rademacher lúc ấy đang ngồi ở bàn làm việc đọc các báo cáo tai nạn. Ông chết ngay tức khắc. Sĩ quan Bruce Andeen chạy vào thì thấy ông tắc tử trên cái bàn nát vụn, cây bút vẫn cầm trên tay.

Nói chuyện điện thoại với Bill. Cậu bảo Audra đã ăn được chút đồ ăn

cứng, ngoài ra chưa có gì biến chuyển. Tôi bèn hỏi cậu ấy ngày xưa Eddie mắc hen suyễn hay đau nửa đầu.

“Hen suyễn,” cậu liền đáp. “Cậu không nhớ ống thở của cậu ấy à?”

“Có chứ,” tôi nói và nhớ ra. Nhưng tôi chỉ nhớ khi Bill nhắc lại mà thôi.

“Mike?”

“Sao thế?”

“Họ của cậu ấy là gì?”

Tôi dò trong cuốn danh bạ nằm trên chiếc bàn đầu giường nhưng tìm không ra. “Tớ chịu, không nhớ ra.”

“Là Kerkorian thì phải.” Bill nói với vẻ xót xa, “nhưng cứ có gì đó sai sai. Cậu viết mọi thứ vào sổ rỗi, phải không?”

“Phải,” tôi đáp.

Cảm ơn Chúa.”

“Cậu có nghĩ ra phương án gì với Audra không?”

“Có,” cậu chia sẻ, “nhưng nó điên rồ lắm, nên tớ không muốn nhắc tới.”

“Cậu chắc chứ?”

“Chắc.”

“Vậy thôi.”

“Mike, cậu có thấy đáng sợ không? Khi bọn mình cứ dần quên thế này?”

“Có,” tôi chưa xót. Và thật sự là thế.

Ngày 8 tháng 6 năm 1985

Vào tháng Bảy, tập đoàn Raytheon lên kế hoạch động thổ xây dựng nhà máy ở Derry, nhưng rỗi phút chót, họ quyết định chuyển dịch địa điểm đến

Waterville. Bài viết trên trang nhất tờ *News* bày tỏ sự tiếc nuối... và nếu tôi bắt đúng hàm ý của họ thì có cả chút sợ hãi.

Tôi nghĩ tôi biết ý tưởng của Bill là gì. Cậu ấy sẽ phải mau chóng bắt tay vào thực hiện trước khi chút ma thuật cuối cùng biến mất khỏi chốn này. Ấy là trong trường hợp nó còn sót lại.

Có lẽ suy cho cùng, đi đâu mà ngày trước tôi nghĩ không phải hoang tưởng. Tên họ, địa chỉ của những người tôi ghi trong cuốn sổ nhỏ đang phai dần. Màu mực, chất mực kết hợp lại khiến những gì tôi viết trông như đã được ghi năm mươi, bảy mươi lăm năm trước những đoạn mà tôi mới ghi. Hiện tượng này mới xảy ra cách đây năm, sáu ngày thôi. Tôi dám chắc đến tháng Chín, tên của bọn họ sẽ biến mất hoàn toàn.

Tôi còn nghĩ đến chuyện lưu giữ chúng bằng cách sao lưu liên tục. Nhưng chắc hẳn chúng sẽ dần phai đi, và chẳng mấy chốc, công cuộc ấy sẽ như đã tròng xe cát – giống như việc ta phải chép câu *Em hứa không ném giấy trong lớp* năm trăm lần, tôi sẽ viết những cái tên vô nghĩa vì một lý do tôi còn chẳng nhớ.

Thôi thì tùy duyên, tùy duyên.

Bill, mau lên... nhưng hết sức cẩn thận!

Ngày 9 tháng 6 năm 1985

Tỉnh giấc giữa đêm từ cơn ác mộng khủng khiếp mà tôi còn không nhớ nổi, hoảng đến độ thở không ra hơi. Với tay đến nút gọi y tá nhưng chẳng dám ấn. Nhớ lại khung cảnh Mark Lamonica nghe thấy tiếng chuông và đến với kim tiêm trong tay... hoặc Henry Bowers với con dao bấm.

Tôi chộp lấy cuốn sổ danh bạ, gọi cho Ben Hanscom ở Nebraska... địa chỉ và số điện thoại đã mờ hơn, nhưng vẫn đọc được. Vô ích. Tiếng tổng đài nói rằng số điện thoại quý khách vừa gọi không còn được sử dụng.

Ngày xưa Ben mập hay bị vẹo chân nhỉ?

Cứ thế nằm thao thức đến sáng.

Ngày 10 tháng 6 năm 1985

Họ thông báo tôi có thể xuất viện vào ngày mai.

Tôi gọi điện cho Bill để báo tin – có lẽ tôi muốn nhắc nhở cậu ấy rằng thời gian đang gần cận. Bill là người duy nhất tôi còn nhớ rõ và tôi dám chắc tôi là người duy nhất cậu còn nhớ rõ. Tôi đoán lý do là vì cả hai chúng tôi vẫn ở Derry.

“Được rồi,” cậu đáp. “Ngày mai, bọn tớ sẽ thôi quấy quả cậu.”

“Cậu vẫn ấp ủ ý tưởng kia à?”

“Ừ. Chắc đến lúc phải thử rồi.”

Cẩn thận nhé.”

Cậu cười và nói gì đấy mà tôi vừa hiểu lại vừa không hiểu. “Trượt v-ván sao mà c-c-cẩn thận được chứ, bạn hi-ên.”

“Làm thế nào tớ biết kết quả đây, Bill?”

“Rồi cậu sẽ biết thôi,” bạn tôi đáp rồi dập máy.

Bất luận kết quả ra sao, lòng tớ luôn hướng về cậu, Bill ạ. Lòng tôi hướng về tất cả mọi người, và tôi nghĩ ngay cả khi chúng tôi lãng quên nhau, chúng tôi sẽ nhớ trong những giấc mơ.

Tôi đã viết gần xong cuốn nhật ký này rồi – và tôi đoán cuốn sổ là nơi duy nhất lưu giữ mọi thứ, thiên truyện về những đảo điên và báo biến của Derry chẳng tồn tại ở đâu ngoại trừ những trang giấy này. Với tôi thế cũng không sao, tôi nghĩ ngày mai, khi người ta cho tôi xuất viện, có lẽ đã đến lúc tôi cân nhắc bước sang trang mới của cuộc đời... dù tôi vẫn chưa rõ thứ gì sẽ đợi tôi phía trước.

Tớ đã thương các cậu lắm, các cậu biết không.

Thương nhiều, rất nhiều.





THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

